

LÝ KIẾN (Biên soạn)

TRUNG XÔ MỸ ★ CUỘC ĐỐI ĐẦU LỊCH SỬ



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



Khi Liên Xô bị giải thể, có người nói: "Ngọn lửa chiến tranh lạnh đã tắt". Khi mâu thuẫn Mỹ - Nga trở nên căng thẳng, có người bảo: "Đồng tro tàn của cuộc chiến tranh lạnh đang được khơi lại". Khi quan hệ Trung - Mỹ khủng hoảng càng có nhiều người nói: "Thế giới đang đứng trước một cuộc chiến tranh lạnh mới...".





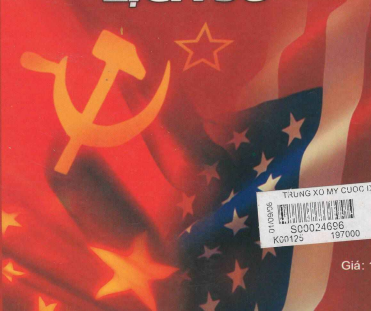
Tương lai chợt bừng
sáng. Bóng tối bỗng xua tan.
Rùng rục một không khí
cuồng hoan. Người ta đang
hoan hô! Người ta đang
nhảy múa ! Họ tưởng chiến
tranh đã chấm dứt ! Mà chiến
tranh lại chỉ mới bắt đầu !





TRUNG XO MỸ

CUỘC ĐỐI ĐẦU LỊCH SỬ



Giá: 197.000 Đ

LÝ KIỆN
(*Biên soạn*)

TRUNG - XÔ - MỸ
CUỘC ĐỐI ĐẦU LỊCH SỬ
(*Tài liệu tham khảo*)

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI DẪN

Ngày 9 tháng 5 năm 1945. Matxcova rợp trời cờ đỏ, đua nở trăm hoa và những hàng cây nghiêng bóng.

Màn đêm buông xuống. Mátxcova hoa đăng rực rỡ. Những ngọn đèn huỳnh quang, đèn màu, đủ loại lớn nhỏ, chiếu sáng trưng mọi phố xá, mọi ngõ ngách.

Trên những thảm cỏ xanh bên đường, trên tầng thượng các nhà gác, chỗ nào cũng có người nâng cốc, chạm ly.

Trong công viên, ngoài quảng trường, người chen chúc, đầu nhấp nhô, chẳng cần quen biết cũng ôm lấy nhau, những tiếng cười sung sướng, những tiếng khóc tức tưởi...

0 giờ 43 ngày hôm đó, tại Cachônxtê Béclin, nước Đức phát-xít đặt bút ký vào giấy xin đầu hàng vô điều kiện.

Cũng chiều hôm đó, Đài phát thanh Liên Xô thông báo với cả nước tin vui lớn lao này.

Chính phủ Liên Xô quyết định: Ngày 9 tháng 5 được lấy làm Ngày chiến thắng của toàn dân.

Tương lai chợt bừng sáng. Bóng tối bỗng xua tan. Rừng rực một không khí cuồng hoan. Ở Hồng trường, ở quảng trường Môngnegiut, ở phố Người đi săn... ở tất cả những nơi có thể tụ tập được, người ta mặc sức ca hát, quay cuồng trong những điệu múa...

Cũng lúc đó, trong Sứ quán Mỹ nằm ở gần quảng trường Môngnegiut, viên Tham tán Gióócgiơ Kâynan nấp sau tấm rèm cửa sổ chăm chú quan sát cảnh tượng tương bừng chung quanh. Đột nhiên, ông ta buông ra một câu nói rộn người:

Người ta đang hoan hô! Người ta đang nhảy múa ! Họ tưởng chiến tranh đã chấm dứt! Mà chiến tranh lại chỉ mới bắt đầu!

...

Một âm hồn đang lượn lơ ngoài ngưỡng cửa của hoà bình...

Cuối cùng, nó đường hoàng bước vào nhà, rồi gây ra đầy trời bão táp, từng toà nhà đổ sập bị sập đổ...

Khi Liên Xô bị giải thể, có người nói: “Ngọn lửa chiến tranh lạnh đã tắt”. Khi mâu thuẫn Mỹ - Nga trở nên căng thẳng, lại có người bảo: “Đống tro tàn của cuộc chiến tranh lạnh đang được khơi lại”. Khi quan hệ Trung-Mỹ khủng hoảng càng có nhiều người nói: “Thế giới đang đứng trước một cuộc chiến tranh lạnh mới”.

“Ôn cố tri tân”, ôn những cái cũ để biết thêm điều mới, chúng ta hãy dạo bước dọc theo hành lang của năm tháng, đi tìm kiếm câu trả lời khó khăn trong thời đại ngày nay.

LÝ KIẾN

Chương một

Viên tham tán ở Liên Xô tung tin thất thiệt: Rudoven khước từ đến IANTA. Ba nước gặp lại ở Pôtxdam, các sử gia nói: Đó là điểm kết thúc cuộc chiến tranh nóng, điểm khởi đầu cuộc chiến tranh lạnh

LÂM HỒN SỐ LÔNG

Lời “cảnh báo” của Gióocgiơ Kâynan tuyên bố trong “Ngày chiến thắng” của Liên Xô không phải chuyện giạt gân. Là kẻ cổ xúy mới cho đường lối chống Liên Xô của Oasinhton, ông ta biết rõ kế hoạch chống Liên Xô của hai nước Mỹ - Anh.

Gióocgiơ Kâynan sinh năm 1904 ở bang Uyxcoxin (Mỹ), là bà con xa với Gióocgiơ Kâynan già - người đã từng viết sách về các triều đại Nga hoàng.

Sinh ra không được bao lâu, mẹ của Kâynan qua đời. Cha Kâynan học luật, nói thạo tiếng Đức, tiếng Pháp, tiếng Hà Lan. Có lẽ vì chịu ảnh hưởng của cha nên thời học trò, thành tích học tập của Kâynan về khoa học tự nhiên rất xoàng, nhưng học ngoại ngữ lại rất khá. Người vốn đã yếu ớt lắm bệnh, lại mồ côi mẹ từ nhỏ, nên tính tình Kâynan trở nên âu sầu, cô độc, thường chỉ thích một mình chui trong căn gác xép, đọc các cuốn sách cũ trên giá sách, hết quyển này đến quyển khác.

Sau hai lần học bỏ tức, cuối cùng thì Kâynan cũng thi đỗ vào trường đại học Bliston. Cách cho điểm của trường này lúc bấy giờ cao nhất là điểm 1, thấp nhất là điểm 5. Suốt một năm học, trong 5 môn thì 2 môn Kâynan bị điểm 5, 1 môn bị điểm 4, môn tiếng La-tinh và môn tiếng Pháp thành tích khá nhất, đều được điểm 3. Trong 4 năm học, Kâynan chỉ có hai lần được điểm 1, nhưng có điều, bản khóa luận về Luật quốc tế của Kâynan lại được thầy giáo phụ trách bộ môn đánh giá cao.

Năm 1925, Kâynan tốt nghiệp trường đại học Bliston, đúng vào lúc Quốc hội Mỹ bắt đầu cho thi hành chế độ mới về tuyển chọn viên chức, thế là anh đến Oasinhton. Kâynan đã bỏ ra hai năm, vừa đi làm thuê vừa học bổ túc thêm. Công phu chẳng phụ lòng người, khi công bố kết quả, Kâynan có tên

trong danh sách trúng tuyển. Trong hơn 100 thí sinh, chỉ có 16 người đủ tiêu chuẩn và Káynan là một trong 16 người đó. Sau khi bước chân vào giới ngoại giao, Káynan đã làm qua mọi công việc của một viên chức ngoại giao quen ở Đức, ở Phần Lan và ở Latvia. Khi Bộ ngoại giao Mỹ tuyển chọn một số viên chức trẻ đi học tiếng của một số nước, Káynan cùng với năm đồng nghiệp khác được cử đi học ngôn ngữ, lịch sử và văn học Nga.

Thời gian học tập ở Béclin, Káynan chọn cho mình một nơi giáp giới với Liên Xô làm chỗ nghỉ ngơi, cũng là để tiện cho việc luyện tiếng Nga và tìm hiểu phong tục tập quán của dân địa phương. Lúc đầu, Káynan cảm thấy hứng thú đối với văn học Nga hơn là với những tư tưởng cộng sản, đã nghiên cứu về Sêkhốp. Ngoài ra, Káynan cũng rất thích trò chuyện với những dân lưu vong vì phản bội lại Liên Xô.

Năm 1933, trong một lần về Oasinhton, Káynan gặp Uyliam Brit, nhân vật được Tổng thống Rudoven đề cử làm Đại sứ Mỹ đầu tiên ở Nga sau khi ông vừa mới quyết định công nhận Liên Xô. Brit đề nghị Káynan đi cùng với mình sang Mátxcova để tìm hiểu tình hình. ở Mátxcova, Káynan giúp Brit chọn địa điểm đặt Đại sứ quán và tuyển những nhân viên công tác đầu tiên.

Sau khi hoàn tất công việc trừ bị cho Đại sứ quán mới, Káynan nhanh chóng mất đi tâm trạng hào hứng phấn khởi trước đây. Ông ta cho rằng rất khó hợp tác với dân Liên Xô. Cuộc điều tra thanh trừng những phần tử phản động bắt đầu từ năm 1935 ở Liên Xô đã khiến tâm lý chống Liên Xô trong các nhân viên Đại sứ quán Mỹ lên mạnh và cũng khiến họ cảm thấy lo sợ.

Làm việc một thời gian ngắn ở Mátxcova, áo và Tiệp Khắc, tâm lý chống Bôn-sê-vích ở Káynan ngày một tăng. Ông ta cảm thấy tức giận trước việc Đức và Liên Xô ký kết điều ước. Hè năm 1941, Hít-le tấn công Liên Xô, Káynan cho rằng Nga không xứng đáng làm bạn đồng minh của Mỹ và Anh.

Trước khi xảy ra vụ Trần Châu Cánh, Káynan được cử sang làm việc ở Béclin. Sau khi Đức tuyên chiến, ông ta bị bắt giam một thời gian ngắn, sau đó được phái sang Lixbon và Luân Đôn, đầu năm 1945 lại quay về Liên Xô, được cử làm tham tán.

Đúng vào lúc này, cuộc hội ngộ Ianta sắp sửa bắt đầu. Không để lỡ thời cơ, Káynan gửi một bản bị vong lục tới Tổng thống Rudoven đề nghị phải có “lập trường cứng rắn” đối với Liên Xô. Mặc dù phương án chia thế giới thành hai phe đối địch này chưa được chấp nhận, nhưng Káynan được công nhận là “người khởi xướng cuộc chiến tranh lạnh”.

“Ba ông trùm” chuẩn bị cho cuộc hội ngộ lần thứ hai

Cuộc hội ngộ ở Ianta đã được chuẩn bị ngay từ mùa thu năm 1944. Từ sau hội nghị Têhêran, cục diện thế giới đã có những thay đổi quan trọng.

Trước tiên, các nước Đồng minh trong cuộc chiến tranh với phe trục là Đức- Ý - Nhật đã giành được những thắng lợi có tính chất quyết định. Hồng quân Liên Xô đã giải phóng toàn bộ lãnh thổ Liên Xô trừ Látvia, đã phối hợp với lực lượng vũ trang chống phát xít các nước giải phóng Rumani, Bungari, Hungari và Nam Tư. Ngày 1 tháng 5 năm 1944, Xtalin ban bố lệnh Liên Xô sẽ “giải phóng người anh em Ba Lan và người anh em Tiệp Khắc của chúng ta, cùng nhân dân các nước Tây Âu khác liên minh với chúng ta và đang rên xiết dưới gót giày của nước Đức Hítle, ra khỏi ách nô dịch của người Đức” và tỏ rõ quyết tâm sẽ “đập chết con dã thú Đức tận hang ổ của nó”. Ngày 6 tháng 6 cùng năm, quân đội đồng minh Anh-Mỹ theo kế hoạch đã thống nhất, đổ bộ lên Noóc măngđi, mở mặt trận thứ hai. Tháng 9, quân đồng minh đã chiếm toàn bộ nước Pháp, tiến sát biên giới nước Đức. Mặc dù còn phải gian khổ tác chiến với nước Đức Hítle và nước Nhật phát-xít, song các vấn đề về việc sắp xếp lại thế giới sau chiến tranh dần dần đã được đặt lên vị trí hàng đầu.

Cùng lúc, mâu thuẫn trong nội bộ liên minh chống Hítle cũng ngày một gay gắt. Nhằm mục đích duy trì quyền thống trị thế giới, các thế lực đế quốc ra sức làm suy yếu ảnh hưởng của Liên Xô trên vũ đài thế giới, âm mưu trấn áp các phong trào tiến bộ ở những nước đang muốn thoát khỏi ách nô dịch phát-xít, áp đặt cho các nước đó một chính quyền phản động chỉ biết cúi đầu vâng lệnh các cường quốc phương Tây.

Cuối cùng trong nội bộ tập đoàn thống trị của các nước lớn phương Tây cũng có nhiều khuynh hướng. Sự chia rẽ này biểu hiện rõ rệt nhất trong bộ phận lãnh đạo của nước Mỹ. Chính quyền Mỹ chia thành hai phái, một phái ủng hộ việc hợp tác với Liên Xô sau chiến tranh và một phái chủ trương áp dụng “phương châm cứng rắn”, đối đầu với Liên Xô, kể cả việc phải chiến tranh với nước xã hội chủ nghĩa này.

Trong tình hình đó, cuộc gặp gỡ của “ba ông trùm” có ý nghĩa đặc biệt. Tháng 7 năm 1944, Rudoven gửi công hàm cho Xtalin: “Căn cứ vào tình hình tiến triển nhanh chóng và thuận lợi như hiện nay, tôi cho rằng nên nhanh chóng có một cuộc gặp gỡ giữa Ngài, Thủ tướng và tôi”.

Rudoven và Sôcsin đề nghị, thời gian cuộc gặp gỡ lần này định vào tuần thứ hai đầu năm 1945, địa điểm tại miền Bắc Xcốtlen. Xtalin không phát biểu ý kiến gì về vấn đề địa điểm, chỉ tỏ ý thời gian do phía Mỹ-Anh đưa ra không

phù hợp với phía Liên Xô. Trong thư trả lời, Xtalin nói: “Đáng tiếc là... những tình hình có liên quan tới chiến sự ngoài mặt trận của chúng tôi khiến tôi không hy vọng có khả năng tiến hành cuộc gặp gỡ đó trong thời gian gần nhất”. Đã phủ nhận thời gian cũng tức là phủ nhận cả địa điểm. Chẳng trách Sôcsin gọi Xtalin là một “cao thủ” trong đàm phán.

Từ ngày 11 đến ngày 19 tháng 9 năm 1944, tại Quêbêch (Canada), Rudoven và Sôcsin tiến hành một cuộc hội nghị có tên là “Hội nghị hình tám cạnh”, chủ yếu để trao đổi và thống nhất quan điểm giữa hai nước Mỹ-Anh về vấn đề giải quyết nước Đức, kế hoạch tác chiến với Nhật. Sau hội nghị trên, Rudoven và Sôcsin một lần nữa đề nghị tiến hành cuộc gặp tay ba. Xtalin cũng một lần nữa khéo léo từ chối. Xtalin viết trong thư trả lời: “Xuất phát từ lợi ích của sự nghiệp chung của chúng ta, tôi hết sức coi trọng việc đó. Song, đối với riêng cá nhân tôi, tôi không thể không giữ gìn một chút. Các bác sĩ khuyên tôi không nên đi quá xa. Trong một thời gian nhất định, tôi không thể không cân nhắc đến điểm này”.

Nguyên nhân của sự từ chối khéo đó vẫn chỉ là chuyện liên quan đến vấn đề địa điểm. Trong quá trình thư từ trao đổi lại như vậy, thì ngày 23 tháng 9 năm 1944, Đại sứ Mỹ ở Liên Xô là Hariman xin gặp Xtalin. Khi bàn đến cuộc gặp gỡ giữa “ba ông trùm”, Hariman nói, Rudoven đã cân nhắc và muốn tiến hành trong tháng 11, tức là trước khi tổng tuyển cử ở Mỹ, nhưng lúc đó đã gần cuối năm, ở Alaxca thời tiết lạnh nên không thích hợp lắm, đề nghị tiến hành gặp gỡ tại một địa điểm nào đó ở Địa Trung Hải. “Địa điểm nào đó” có thể là đảo Xixin, Manta hoặc Síp.

Xtalin trả lời, ông rất mong có một cuộc gặp gỡ như vậy. Nhưng ông vẫn từ chối với lý do bác sĩ không cho phép. Xtalin nói: “Tuổi tác không chiều theo con người, những năm trước đây, tôi có bị cảm cúm chỉ hai ba ngày là khỏi, bây giờ kéo đến một hai tuần”.

Hariman khuyên giải, ánh nắng Địa Trung Hải có lợi cho sức khỏe. Xtalin bảo, bác sĩ cho rằng bất cứ một sự thay đổi nào về thời tiết, dù là nhỏ, cũng đều có ảnh hưởng không tốt. Xtalin đề nghị cử Mólótốp đi và hoàn toàn tin tưởng ở ông ấy. Còn ông Uỷ viên nhân dân phụ trách công tác ngoại giao Mólótốp có mặt trong buổi hội đàm đó thì cứ một mực từ chối rằng chẳng bao giờ có thể thay thế nổi Nguyên soái Xtalin.

Thực ra, ý của Xtalin là muốn hội nghị lần thứ hai của nguyên thủ ba nước phải được triệu tập trên lãnh thổ Liên Xô. Theo Xtalin, điều này chẳng những có liên quan đến uy tín của Nhà nước Xô Viết và cá nhân, mà còn can

hệ đến việc Liên Xô có thể tăng cường lợi thế trong cuộc trao đổi tay ba. Bởi lẽ, cuộc hội nghị Rừng Braiton bàn việc sắp xếp lại trật tự kinh tế thế giới sau chiến tranh và cuộc hội nghị Vườn cao su Đônbaton bàn việc tổ chức Liên Hợp Quốc đều đã được triệu tập trên đất Mỹ.

Đúng vào lúc này, Sôcsin vội vã sang thăm Liên Xô

Sôcsin vội vã sang thăm Liên Xô

Rất nhạy cảm, Sôcsin ý thức được rằng sau chiến tranh sẽ xuất hiện hai nhân vật khổng lồ, một là nước Nga ở Châu Âu và một là nước Mỹ ở châu Mỹ.

Về cơ cấu thế giới sau chiến tranh, ý tưởng của Sôcsin là: Một, ở Châu Âu thậm chí cả thế giới sẽ thiết lập một số quốc gia liên bang; Hai, xây dựng một liên minh chặt chẽ Anh-Mỹ để bảo đảm thực hiện ý đồ bá chủ thế giới của Anh và Mỹ sau chiến tranh.

Sôcsin khăng khăng phản đối tư tưởng chiến lược tấn công nước Đức ở Tây Âu, trước sau kiên trì kế hoạch qua Bancăng tấn công kẻ địch từ phía nam. Mục đích của Sôcsin là muốn nhân việc quân đội Anh-Mỹ tiến vào Bancăng mà lập lại trật tự cũ ở các nước trong khu vực này, đồng thời cũng tăng cường ảnh hưởng của Anh.

Từ cuối tháng 8 đến đầu tháng 10 năm 1944, quân đội Liên Xô tiến quân thắng lợi ở tuyến phía nam đã làm phá sản “chiến lược Bancăng” của Sôcsin, trong khi đó, tốc độ tiến công của liên quân Anh-Mỹ ở Italia ngày càng chậm chạp.

Trước tình thế đó, chiều ngày 9 tháng 10 năm 1944, Sôcsin cùng với quan chức ngoại giao của ông ta là Êđen bay đến Mátxcova, trực tiếp thương lượng với Xtalin. Mười giờ đêm, đã tiến hành ngay cuộc hội đàm quan trọng đầu tiên.

Số người dự hội đàm được khống chế nghiêm ngặt. Phía Liên Xô chỉ có Xtalin và Môlô tôp, phía Anh chỉ có Sôcsin và Êđen, ngoài ra có thêm hai phiên dịch là những người không thể thiếu được.

Sôcsin tranh thủ lúc chưa vào việc, nhìn quanh một lượt thấy trong phòng họp ở điện Kremli, ngoài hai bức ảnh của Mác và Lênin, còn treo chân dung hai vị anh hùng dân tộc Nga Xuvô rôp và Cutudốp là những vị tướng tài giỏi thời cận đại đã lập chiến công hiển hách cho Sa hoàng trong các cuộc chiến tranh với nước ngoài.

Sôcsin lên tiếng trước:

Chúng ta hãy giải quyết những chuyện ở khu vực Bancăng. Quân đội

các ngài có mặt ở Rumani và Bungari. Ở những nơi đó, chúng tôi cũng có lợi ích của mình, có các tổ chức được cử đến và các cơ quan đại diện. Không nên vì những vấn đề chi tiết mà làm cho ý kiến của chúng ta trái ngược nhau. Xin hỏi, với nước Anh cũng như với nước Nga, nên làm như thế nào để các ngài có thể chiếm 90% ưu thế ở Rumani, chúng tôi ở Hy Lạp cũng có 90% quyền phát ngôn, còn ở Nam Tư mỗi bên một nửa?

Trong lúc phiên dịch viên phía Anh dịch những câu đó sang tiếng Nga thì Sôcsin tranh thủ khoảng thời gian trống viết trên tờ giấy mấy con số tỷ lệ phần trăm dưới đây:

Rumani - Nga : 90%; Các nước khác: 10%

Hy Lạp - Anh (và Mỹ): 90%; Nga: 10 %

Nam Tư, Hunggari, Bungari - Nga: 75%; các nước khác: 25%.

Những nội dung được viết trên tờ giấy chính là cái gọi là “Phương án Bancăng”. Sôcsin đẩy tờ giấy cho Xtalin.

Xtalin liếc nhìn qua rồi đẩy tờ giấy trở lại. Sôcsin ngồi im không thu hồi mảnh giấy.

Sau một lúc im lặng, Thủ tướng Anh nhìn tờ giấy đặt trên bàn rồi lên tiếng:

Trước những vấn đề có liên quan tới cái sống cái chết của hàng triệu con người, chúng ta đã giải quyết với thái độ quấy quạ như thế này, liệu có bị người ta nói là khinh đời không? Chi bằng chúng ta đốt quách mảnh giấy này đi...

Không! Xin ngài cứ giữ lấy - Xtalin nói.

Sôcsin gấp mảnh giấy lại rồi nhét vào túi.

Hai hôm sau, ngày 11 tháng 10, từ Mátxcova Sôcsin gửi thư cho Tổng thống Rudoven thông báo về chuyện này như sau:

“Điều tuyệt đối cần thiết là: Trong vấn đề về các nước trên bán đảo Bancăng, chúng ta phải cố gắng có được một tiếng nói chung, như vậy chúng ta mới có thể ngăn chặn một số nước xảy ra nội chiến; khi tránh được xảy ra nội chiến, có thể ngài và tôi đồng tình với phía này, còn Xtalin đồng tình với phía khác. Tôi sẽ thường xuyên thông báo cho ngài biết mọi chuyện ở đây. Tất cả những thoả thuận bước đầu đạt được giữa Anh và Nga ở đây, nếu chưa có sự trao đổi thêm với ngài và thống nhất với ngài thì bất cứ việc gì cũng sẽ không được khẳng định. Trên cơ sở đó, tôi tin tưởng rằng ngài sẽ không băn khoăn gì về cuộc hội đàm mà chúng tôi muốn cởi mở chân thành với người Nga”.

Ngày 12 tháng 10, Đại sứ Hariman đến chào Sôcsin tại toà biệt thự dành làm nơi nghỉ của ông ta ở Mátxcova. Trời đã gần trưa, theo thói quen từ nhiều năm nay, Sôcsin vẫn nằm trên giường chưa dậy, đang đọc một tài liệu gì đó. Hariman nhớ lại: “Ông ta đọc cho tôi nghe bức thư vừa mới viết xong định gửi cho Xtalin, giải thích cho tôi về tỷ lệ phần trăm mà họ đã bàn bạc trong cuộc gặp lần đầu tiên hai ba ngày trước đây”

Nghe xong, Hariman nói với Sôcsin, bức thư này nếu gửi đi, tôi dám chắc Rudoven và Hun đều không chấp nhận. Vừa lúc đó Êđen bước vào, Sôcsin nói với ông ta: “Antôni⁽¹⁾! Ông Hariman cho rằng chúng ta không nên gửi bức thư này tới Xtalin”. Bởi vậy mà bức thư không được gửi đi.

Sau này, người đời đã bàn tán rất nhiều chung quanh mảnh giấy nhơ nhuốc mà Sôcsin viết khi hội đàm ở điện Kremli ngày 9 tháng 10 năm, 1944, mỗi người một phách. Có người tuyên bố, hình như giữa Luân Đôn và Mátxcova đã ký kết một “hiệp định” về “phân chia phạm vi thế lực” ở khu vực Bancăng; lại còn nói rằng bản “hiệp định” này qui định hành động của các bên ký kết trong các sự kiện sau này. Có người thậm chí còn khẳng định, nếu không có sự “thỏa thuận” đó, cục diện của Đông Nam Âu sau chiến tranh sẽ khác hoàn toàn. Trong thực tế, giải thích như vậy về sự kiện trên cũng chỉ là bắt bóng bắt gió. Kỳ thực, chỉ qua việc bản thân Sôcsin miêu tả về sự kiện này cũng có thể thấy rõ, chẳng những không có bất cứ “thỏa thuận” nào, mà ngay cả “hiệp thương” dưới bất cứ hình thức nào cũng không có.

Thực tế chuyện này ra sao? Trên mảnh giấy đó, Sôcsin đã viết tỷ lệ phần trăm do ông ta đưa ra. Xtalin có đưa mắt lướt qua mảnh giấy, không nói một lời, rồi trả lại cho Thủ tướng Anh. Sôcsin khi đề nghị đốt mảnh giấy, hiển nhiên là đã có suy nghĩ: nếu đối phương đồng ý hành động, có nghĩa là “đồng mưu” tiêu huỷ “tang vật”. Nhưng Xtalin không cho Thủ tướng Anh kiểm có để có thể rút ra kết luận đó. Ông nói một cách thoải mái, “xin ngài cứ giữ lấy”.

Điều đó rõ ràng chứng tỏ Xtalin không coi trọng nó. Đó là toàn bộ diễn biến của câu chuyện.

Việc này dẫn tới hậu quả gì? Rõ ràng, Sôcsin muốn gây cho người ta một ấn tượng là hình như đã ký kết với Liên Xô một hiệp nghị gì đó để có thể biện hộ cho mưu đồ của Chính phủ Anh xác lập thế lực của mình ở nhiều khu vực châu Âu. Chiến tranh đã nhiều năm, nhưng cảnh tượng kinh

⁽¹⁾ Cách gọi thân mật Êđen.

hoàng dưới ách chiếm đóng phát xít... đã làm cho phong trào giải phóng bùng lên mạnh mẽ với khí thế xưa nay chưa từng có. Lực lượng để kháng ở các nơi dưới sự lãnh đạo của những người cộng sản, hiển nhiên trở thành các chiến sĩ kiên cường nhất chống lại hành vi bạo tàn của Hitle, tranh thủ được tình cảm của đông đảo nhân dân. Do đó dẫn tới tình hình: sau khi đánh đuổi được bọn chiếm đóng, chính quyền của một số nước có thể rơi vào tay Đảng cộng sản rất được quần chúng nhân dân tín nhiệm. Điều này khiến Sôcsin rất hoảng. Thời kỳ này, trong những bức thư trao đổi giữa ông với Êden và các thành viên khác của nội các Anh có rất nhiều chỗ nhắc đến việc Italia, Pháp, Hy Lạp và một số nước khác có khả năng đi theo hướng “cộng sản hóa”. Sôcsin kiên trì thực hiện những biện pháp ngăn chặn sự phát triển đó. Do đó, ông ta hoàn toàn có khả năng rắp tâm bày đặt ra vụ việc xấu xa kể trên để sau đó kiểm soát can thiệp công việc nội bộ của hàng loạt nước, đàn áp các phong trào tiến bộ. Tình hình đó đã xảy ra trong thực tế, chẳng hạn như ở Hy Lạp.

Tất nhiên, Liên Xô chắc không thể dính dáng vào những “hiệp nghị” ám muội kiểu đó, vì Xtalin không có ý định cùng với Luân Đôn “phân chia phạm vi thế lực”. Trước khi Sôcsin lên đường, ngày 4 tháng 10, mặc dù bận rộn với công việc bầu cử, Rudôven đã gửi cho Xtalin một bức điện. Thông qua những ngôn từ ngoại giao khách sáo, ông ta tỏ ý không thừa nhận bất cứ hiệp định nào được thỏa thuận giữa Xô-Anh.

Bức điện viết:

“Tôi khẳng định rằng, Ngài hiểu được là trong cuộc chiến tranh có tính chất toàn cầu này, quả thật không có vấn đề quân sự hoặc chính trị nào mà không quan hệ lợi hại với nước Mỹ. Tôi tin chắc, ba chúng ta và cũng chỉ có ba người chúng ta, mới có thể tìm ra biện pháp giải quyết những vấn đề chưa giải quyết được. Trên ý nghĩa đó, tôi tuy bày tỏ sự tán thưởng đối với việc ngài Sôcsin mong muốn có cuộc gặp gỡ, song điều tôi càng mong muốn hơn là cuộc hội đàm sắp được tiến hành giữa Ngài và Thủ tướng chỉ được coi như là một cuộc hội đàm có tính chất chuẩn bị cho một hội nghị giữa ba chúng ta. Đối với tôi, cuộc gặp gỡ giữa ba chúng ta có thể tiến hành vào bất cứ thời gian nào sau khi cuộc bầu cử của chúng tôi hoàn tất.

Trong trường hợp đó, tôi kiến nghị - nếu được Ngài và Thủ tướng chấp thuận - để Đại sứ của tôi ở Mátxcova, với tư cách là quan sát viên của tôi, được tham dự cuộc hội đàm mà các ngài sắp tiến hành. Những vấn đề quan trọng mà Ngài và ngài Sôcsin tất nhiên sẽ phải bàn bạc tới,

ông Hariman đương nhiên không có tư cách đại biểu cho nước Mỹ để nhận lãnh trách nhiệm”.

Cùng lúc, Rudoven gửi cho Đại sứ Hariman một bức điện báo đặt trong hai lần phong bì (chứng tỏ nội dung điện báo khá bí mật) trong đó Rudoven nói rõ hơn sự lo ngại của ông đối với cuộc hội đàm Anh - Xô.

Bức điện viết:

“Tôi có thể nói cho ông biết một cách hết sức thẳng thắn - có điều chỉ nói cho ông biết thôi. Trong bất cứ trường nào cũng không được nói lại cho người Anh và người Nga những lý do đó - những lý do mà tôi vốn rất muốn nói rõ với Nguyên soái Xtalin, giữa ba người chúng tôi sẽ tiến hành một lần hội đàm nữa. Mong muốn của tôi là, cuộc hội đàm tay đôi lần này chỉ là một cuộc trao đổi thăm dò có tính chất chuẩn bị giữa Anh - Nga, cuối cùng phải đi tới một cuộc gặp chính thức giữa ba chúng tôi. Vì thế, ông cần phải nhớ, những vấn đề mà theo tôi dự đoán sẽ được mang ra trao đổi, thương lượng giữa Xtalin và Sôcsin, không có vấn đề nào mà tôi không thấy hết sức hào hứng. Vì thế, điều hết sức quan trọng là sau khi cuộc hội đàm này kết thúc, ngài Quốc vụ khanh và tôi vẫn được hoàn toàn tự do trong hành động. Tôi muốn sau cuộc hội đàm này, ông sẽ về nước ngay. Trong thời gian diễn ra hội đàm, tất nhiên là ông phải đề xuất kiến nghị một cách đầy đủ và kịp thời với tôi và ngài Hun”.

Điều đáng suy nghĩ là trước khi diễn ra cuộc hội đàm Anh-Xô trong đêm ngày 9 tháng 10, Sôcsin có nói với Hariman, rằng ông ta cảm thấy tiếc vì Rudoven không thể sang dự hội đàm, rằng ông ta nhất định sẽ thông báo một cách đầy đủ cho Hariman biết về tình hình và tìm cách mời Hariman tham dự một buổi hội đàm quan trọng. Vậy mà, cuối hội đàm bàn về “Phương án Bancăng” tổ chức ngay sau đó đã không mời Hariman dự, trong khi đó Sôcsin lại viết trong nhật ký của mình dòng chữ “Hariman đã tham gia”. Hôm sau, Xtalin và Sôcsin cùng đứng tên gửi cho Rudoven một bức điện. (Đây là bức điện duy nhất do hai “ông trùm” liên danh gửi cho Oasinhton trong suốt thời gian gặp gỡ ở Mátxcova). Bức điện chỉ vắn vắn mấy dòng:

“Chúng tôi cần nghiên cứu làm thế nào để có thể đạt được một cách tốt nhất ý kiến nhất trí về chính sách đối với các nước Bancăng, trong đó bao gồm cả Hunggari và Thổ Nhĩ Kỳ”.

Trong hồi ký của mình, Hariman kể rằng, trong bản thảo đầu tiên của bức điện do hai ông trùm liên danh gửi Rudoven, giữa câu đã trích dẫn trên đây còn thêm dòng chữ “chú ý đến những nghĩa vụ khác nhau mà chúng ta

phải gánh vác đối với các nước đó”. Câu này do Sôcsin đề nghị thêm vào, nhưng vì Xtalin dứt khoát không nghe, nên trong điện văn chính thức đã bỏ câu đó đi. Hariman còn kể, trong một bữa tiệc tối chính thức, Hariman nói với người đứng đầu Chính phủ Liên Xô rằng ông có biết bản sơ thảo bức điện đó, rằng Rudoven sẽ rất vui nếu biết chính Xtalin đề nghị bỏ câu đó đi, vì Tổng thống rất coi trọng cách xử lý mọi vấn đề quan trọng phải do “ba ông trùm” cùng giải quyết. Hariman viết tiếp: “Xtalin nghe câu nói đó, ông cảm thấy vui và bước lại phía sau lưng Thủ tướng bắt tay tôi”.

Trong thư của người đứng đầu Chính phủ Liên Xô gửi Rudoven ngày 19 tháng 10 (tức là ngày Sôcsin rời Mátxcova) chỉ nói là đã “trình bày rõ quan điểm”. Bức thư đặc biệt nhắc đến:

“Đại sứ Hariman chắc chắn đã thông báo cho Ngài biết về các cuộc hội đàm quan trọng đó. Tôi còn được biết, ngài Thủ tướng sẽ viết thư nói cho Ngài biết quan điểm của tôi về cuộc hội đàm lần này. Về phía tôi, tôi có thể nói rằng cuộc hội đàm rất bổ ích đối với việc chúng ta hiểu biết quan điểm của nhau về những vấn đề quan trọng như triển vọng của nước Đức, vấn đề Ba Lan, chính sách đối với các nước Bancăng, chính sách quân sự trong tương lai v.v... Hội đàm chứng tỏ, chúng ta có thể không khó khăn gì lắm trong việc phối hợp các chính sách của chúng ta về mọi vấn đề quan trọng, cho dù chúng ta vẫn chưa thể ngay lập tức giải quyết vấn đề này hoặc vấn đề kia, chẳng hạn như vấn đề Ba Lan, song dù sao trên phương diện này chúng ta cũng đã mở ra được một triển vọng khá tốt đẹp. Tôi hy vọng cuộc hội đàm Mátxcova lần này cũng giúp ích cho việc ba chúng ta khi gặp nhau có thể đưa ra những quyết định cụ thể về mọi vấn đề bức thiết mà chúng ta cùng quan tâm.”

Thế nhưng, ngay cả khi hội nghị Ianta giữa “ba ông trùm” diễn ra, hay trong thư từ trao đổi qua lại sau này giữa những người lãnh đạo ba nước, đều không thấy nhắc đến vấn đề “tỷ lệ phần trăm”. Về điểm này, Hariman cũng xác nhận một cách hết sức khẳng định:

“Khi đó tôi không hiểu, đến bây giờ tôi vẫn không hiểu, Sôcsin đưa ra những tỷ lệ phần trăm đó rút cục là có ý gì. Tôi biết ông ta muốn được Mỹ ủng hộ để được tự do hành động ở Hy Lạp; ông ta cũng muốn nhúng tay vào quá trình kiến tạo Chính phủ mới ở Nam tư, hợp nhất chính phủ lưu vong của Luân Đôn với Titô và phe cánh của ông ta. Sôcsin biết chắc rằng, Tổng thống Rudoven luôn luôn vẫn chủ trương tự do hành động và muốn kéo dài thời gian đưa ra bất cứ một quyết định gì, cho tới khi “ba ông trùm” có thể

ngồi lại với nhau. Điều thú vị là, khi họ chính thức gặp nhau ở Ianta, vấn đề "tỷ lệ phần trăm" vẫn không thấy được nêu ra".

Vấn đề Ba Lan vẫn chưa thỏa thuận được

Mục đích chính trong chuyến đi Liên Xô của Sôcsin lần này là giải quyết vấn đề Chính phủ Ba Lan.

Kể sát biển Ban tích, Ba Lan nằm kẹp giữa Liên Xô và Đức. Vị trí địa lý đặc biệt của Ba Lan có sức hấp dẫn mãnh liệt đối với Rudoven, Sôcsin và Xtalin.

Từ nửa sau thế kỷ 18, Ba Lan đã ba lần bị chia cắt. Mãi đến năm 1918, sau khi đại chiến thế giới lần thứ nhất kết thúc, Ba Lan mới lại được độc lập. Sau đó, Chính phủ Ba Lan chủ yếu dựa vào Pháp và Anh để Đức và Liên Xô đối chọi với nhau.

Ngày 30 tháng 9 năm 1938, tại Muynich, Thủ tướng Anh Săm-béc-lanh, Thủ tướng Pháp Đalat-diê cùng với Hít-le, Mutxôlini đã ký kết với nhau một hiệp định bán đứng Tiệp Khắc và Ba Lan, âm mưu hướng mũi nhọn chiến tranh sang phía Liên Xô.

Ngày 1 tháng 9 năm 1939, xe tăng Đức xâm nhập Ba Lan, chỉ sau nửa tháng đã tiêu diệt Ba Lan. Ngày 17 tháng 9, Chính phủ Ba Lan chính thức chạy ra nước ngoài. Cũng chính ngày đó, hồng quân Liên Xô vượt qua biên giới Liên Xô - Ba Lan, tiến quân vào tây Ucraina và tây Bê-larút.

Khi giải thích về nguyên nhân Liên Xô xuất binh, Ủy viên nhân dân ngoại giao Mô-lô-tốp phát biểu trên đài phát thanh:

"Tình hình đang diễn ra ở Ba Lan, đòi hỏi Chính phủ Liên Xô phải đặc biệt chú ý đến sự an ninh của đất nước. Ba Lan đã trở thành một nơi có thể để xảy ra những chuyện ngẫu nhiên và bất ngờ uy hiếp Liên Xô. Chính phủ Liên Xô, cho tới thời gian gần đây nhất vẫn vẫn giữ thái độ trung lập, song do tình hình trên, Chính phủ Liên Xô không thể tiếp tục giữ mãi thái độ đó. Đồng thời, quyết không thể yêu cầu Chính phủ Liên Xô có thái độ thờ ơ đối với số phận của đồng bào mình - những người Ucraina và Bê-larút - đang cư trú trên đất Ba Lan, họ trước đây đã không được hưởng quyền lợi gì và hiện nay lại bị quăng sang một bên mặc cho người khác tùy tiện sắp đặt. Nhân dân Liên Xô cho rằng, đưa tay giúp đỡ những người anh em Ucraina và Bê-larút đang sinh sống trên đất Ba Lan là một nghĩa vụ thiêng liêng của mình".

Sau khi rời bỏ đất nước, Chính phủ Ba Lan đầu tiên lưu vong sang Rumani, cuối tháng 9 lại rời sang Pari (Pháp). Xuân năm 1940, Pháp thất bại

đầu hàng Đức, Chính phủ Ba Lan lưu vong sang Luân Đôn (Anh). Tháng 6 năm 1941, chiến tranh Xô-Đức bùng nổ, Liên Xô và Chính phủ lưu vong Ba Lan có chung một kẻ thù. Ngày 30 tháng 7, hai bên lập quan hệ ngoại giao và ký hiệp định tương trợ lẫn nhau. Nhưng tháng 4 năm 1943 lại xảy ra “Sự kiện Katyn”, khiến hai bên cắt đứt quan hệ ngoại giao.

Ngày 25 tháng 4 năm 1943, Môlôtop gặp Đại sứ Ba Lan ở Liên Xô, đưa cho ông ta một bức công hàm. Công hàm nêu rõ, Chính phủ lưu vong Ba Lan “âm mưu lợi dụng những tin tức thất thiệt có tính chất vu cáo của Hítler để gây áp lực với Chính phủ Liên Xô, nhằm mục đích buộc Chính phủ Liên Xô phải cắt nhường một bộ phận lãnh thổ và hy sinh lợi ích của Ucraina xô-viết, Bêlarút xô-viết và Látvia xô-viết”. Phần cuối cùng, công hàm tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao với Ba Lan “đã có thái độ thù địch với Liên Xô”.

Ba Lan là nước láng giềng của Liên Xô, Chính phủ lưu vong Ba Lan nếu không thay đổi quan hệ với Liên Xô sẽ rất khó lên nắm được chính quyền. Sôcsin thấy rất rõ điều này, ông ta quyết định thay đổi tình hình bằng một kiểu giao dịch nào đấy. Trong hội nghị Têhêran, Sôcsin đã chủ động nhượng bộ Liên Xô về vấn đề biên giới để đổi lại việc Liên Xô ủng hộ Chính phủ lưu vong Ba Lan.

Ngày 28 tháng 11 năm 1943, sau bữa tiệc tối có cả ba bên tham dự, nguyên thủ hai nước Anh-Xô tiến hành hội đàm. Trong cuộc hội đàm, sau khi bàn xong vấn đề Đức, Sôcsin lái câu chuyện sang vấn đề Ba Lan.

Tôi nay liệu có thể thảo luận vấn đề Ba Lan ? - Ông ta hỏi với giọng thăm dò, sau đó bắt đầu chính thức nhập đề - Nước Anh giao chiến với nước Đức, vì năm 1939 Đức đưa quân xâm lược Ba Lan, do đó, Ba Lan đối với chúng tôi rất quan trọng. Chính phủ Anh đã hứa là sẽ xây dựng lại một nước Ba Lan lớn mạnh và độc lập, nhưng chưa thừa nhận một biên giới cụ thể nào của Ba Lan. Nếu Nguyên soái Xtalin có ý thảo luận vấn đề Ba Lan, tôi dự định như thế này, và tôi tin chắc Tổng thống Rudoven cũng có nguyện vọng như vậy... Cá nhân tôi không có sự thiên lệch gì về biên giới cụ thể giữa Ba Lan và Liên Xô. Theo tôi, việc cân nhắc sự an toàn trên biên giới phía Tây của Liên Xô là một nhân tố có tính chất quyết định, có điều như tôi đã nói, Chính phủ Anh cho rằng mình đã hứa góp phần xây dựng lại một Ba Lan độc lập và lớn mạnh, Ba Lan là một nhạc cụ không thể thiếu được trong dàn nhạc châu Âu.

Lúc này, Êđen nói xen vào, hỏi thêm về sự việc Xtalin có nhắc đến trong bữa tiệc. Chả là trong bữa tiệc, Xtalin tỏ ý Liên Xô sẽ giúp người Ba Lan giành lại lãnh thổ có biên giới là sông Ôđơ. Sông Ôđơ bấy giờ vẫn là con sông nằm trong lãnh thổ Đức, chẳng có quan hệ gì với Ba Lan.

Êden hỏi:

Trong bữa tiệc tối, Nguyên soái có nói, Liên Xô tán thành lấy sông Ôđơ làm đường biên giới phía tây của Ba Lan, không biết tôi hiểu lời của Nguyên soái có chính xác không?

Câu trả lời của Xtalin rất dứt khoát:

Tôi thực sự tán thành Ba Lan nên có một biên giới như vậy, người Liên Xô sẵn sàng giúp người Ba Lan đạt được mục đích đó.

Sôcsin tiếp lời:

Nếu đại diện của Chính phủ ba nước đạt được một sự hiểu biết nhất trí nào đó về vấn đề biên giới của Ba Lan tại hội nghị Têhêran, sau đó lại có thể chấp nhận Chính phủ Ba Lan đang hoạt động ở Luân Đôn, thì điều đó sẽ vô cùng có giá trị. Riêng đối với tôi, tôi muốn nhìn thấy Ba Lan dịch sang hướng tây, giống như làm động tác “Bên trái, quay!” của binh sĩ khi ra bãi tập - Ông ta vừa nói vừa lấy ra ba que diêm - Tôi muốn lấy ba que diêm làm ví dụ. Que diêm thứ nhất là nước Đức, que diêm thứ hai là Ba Lan, que diêm thứ ba là Liên Xô. Cả ba que diêm đều cần đẩy sang hướng tây để giải quyết một nhiệm vụ chủ yếu đặt ra trước các nước Đồng minh - bảo đảm sự an toàn biên giới phía tây của Liên Xô.

Xtalin không tỏ thái độ rõ rệt, chỉ nói:

Cần phải nghiên cứu thêm vấn đề này.

Ngày 1 tháng 12 là ngày họp cuối cùng của hội nghị Têhêran. Trong hội nghị bàn tròn hôm nay, các vị đứng đầu ba nước sẽ chính thức thảo luận vấn đề Ba Lan. Trước khi hội nghị bắt đầu, Rudoven hẹn gặp trước Xtalin.

Tôi mời Nguyên soái đến thăm tôi, là vì tôi muốn thảo luận một cách ngắn gọn và thẳng thắn về một vấn đề có liên quan đến chính trị của nước Mỹ - Rudoven lên tiếng trước, rồi nói tiếp - ở Mỹ có từ sáu triệu đến bảy triệu người Ba Lan quốc tịch Mỹ. Là một người có đầu óc thực tế, tôi không muốn để mất số phiếu bầu của họ. Cá nhân tôi đồng ý với ý kiến của Nguyên soái. Tôi cho rằng, cần thiết phải khôi phục lại một quốc gia Ba Lan, và hy vọng nhìn thấy đường biên giới phía đông của nó dịch sang phía tây, và đường biên giới phía tây của nó thậm chí có thể dịch tới sông Ôđơ. Có điều, tôi mong Nguyên soái hiểu cho, vì lý do chính trị nêu trên, ở hội nghị Têhêran này, thậm chí đến mùa đông sang năm, tôi không thể tham dự vào bất cứ quyết định nào về vấn đề này, và trước mắt, tôi không thể tham gia vào bất cứ một sự sắp đặt nào có liên quan.

Nỗi băn khoăn của Rudoven là có căn cứ. Ngày 10 tháng 6 năm 1930, nhân

lúc Pháp sắp thua trận phải đầu hàng, Italia tính bài đục nước béo cò bên tuyên chiến với Pháp rồi cho quân tiến vào miền nam nước Pháp. Cùng ngày, trong bài diễn văn đọc ở Saclotexvin Rudoven chỉ trích Italia xấu chơi, dùng dao găm đâm lên từ sau lưng. Ngờ đâu sau bài diễn văn này, nhiều nhân sĩ người Italia quốc tịch Mỹ tỏ ra rất bất mãn, rất nhiều cử tri người Italia vốn có truyền thống ủng hộ đảng Dân chủ bắt đầu tẩy chay đảng này.

Xtalin tỏ thái độ ngay, lập tức tuyên bố hoàn toàn có thể hiểu được chỗ khó xử của Rudoven.

Sau đó, hội nghị bàn tròn ba bên bắt đầu. Trong cuộc họp, người lãnh đạo hai nước Anh Mỹ tập trung vào việc thuyết phục Liên Xô thừa nhận Chính phủ lưu vong Ba Lan.

Rudoven mở đầu trước:

Tôi hy vọng giữa Ba Lan và Chính phủ Liên Xô có thể bắt đầu tiến hành đàm phán về việc lập lại quan hệ giữa hai nước. Việc làm này sẽ có lợi cho việc đưa ra quyết định về những vấn đề còn đang tranh luận. Đương nhiên, con đường phía trước có không ít khó khăn.

Đáp lại lời Rudoven, Xtalin trước tiên nhắc ông ta lưu ý rằng những người đại diện của Chính phủ lưu vong Ba Lan ở Ba Lan đã có sự cầu kết với người Đức.

Họ tàn sát dã man những người du kích - Xtalin nói - hành động của họ ở đây, các ngài quả thật không thể tưởng tượng nổi.

Sócsin nói chen ngang:

Vấn đề Ba Lan là một vấn đề lớn. Chúng tôi tuyên chiến với Đức chính là vì Đức tấn công Ba Lan. Năm đó, tại Muyních, Sămbéclanh chưa đấu tranh để ủng hộ người Tiệp, vậy mà tháng 4 năm 1939 ông ta lại đột nhiên đưa ra cam kết với Ba Lan. Tôi thấy sững sốt trước hành động của ông đối với Tiệp Khắc, nhưng lại thấy vui mừng trước hành động của ông đối với Ba Lan. Đúng là vì Ba Lan, vì thực hiện những lời hứa của chúng tôi nên mặc dầu chúng tôi chưa chuẩn bị được chu đáo trừ hải quân, chúng tôi vẫn tuyên chiến với Đức, và chúng tôi cũng đóng vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy nước Pháp tham chiến. Nước Pháp đã tan tác, còn chúng tôi nhờ vào vị trí địa lý của mình là một đảo quốc, nên đã trở thành một chiến binh tích cực. Chúng tôi hết sức coi trọng những lý do đã khiến chúng tôi tham chiến. Tôi biết rõ, trong lịch sử, quan điểm của chúng tôi và nước Nga về Ba Lan có sự khác nhau. Nhưng ở nước tôi, người ta rất quan tâm theo dõi vấn đề Ba Lan, chính vì nước Đức tiến công Ba Lan đã buộc chúng tôi phải có những cố gắng của

ngày hôm nay. Tôi cũng rất thông cảm với những khó khăn của nước Nga trong thời kỳ đấu tranh và cũng cân nhắc đến một số thực tế, đó là lực lượng của nước tôi rất mỏng khi chiến tranh bắt đầu, nước Pháp đã từ bỏ lời cam kết của mình tại Muynich, tôi hiểu Chính phủ Liên Xô khi đó không thể mang sự sống còn của mình ra mạo hiểm trong cuộc đấu tranh này. Hiện nay tình thế đã khác rồi. Cho nên tôi tin rằng, nếu có ai đó hỏi chúng tôi vì sao các ngài tham chiến, chúng tôi sẽ trả lời rằng, chúng tôi sẵn sàng tham chiến chính là vì những cam kết của chúng tôi với Ba Lan.

Tôi cần phải nói rõ - Xtalin đáp lời - Sự quan tâm của Liên Xô đối với việc thiết lập quan hệ tốt đẹp với Ba Lan không kém gì so với các nước lớn khác, trái lại có thể còn nhiều hơn. Vì Ba Lan là nước láng giềng của Liên Xô. Chúng tôi tán thành khôi phục lại Ba Lan, làm cho Ba Lan mạnh lên. Có điều, chúng tôi có sự phân biệt giữa Ba Lan và Chính phủ lưu vong Ba Lan của Luân Đôn. Chúng tôi đoạn tuyệt quan hệ với Chính phủ này không phải vì chúng tôi bức tức gì cả, mà vì Chính phủ Ba Lan đã cùng với Hítler phỉ báng Liên Xô. Sự phỉ báng này có thể thấy trên các báo chí.

Trong khi người phiên dịch dịch mấy câu cuối cùng, Xtalin mở chiếc cặp đựng tài liệu làm bằng da cừu màu đỏ tím đặt trước mặt, rút ra một tờ truyền đơn. Đó là một tờ giấy vàng, rất dày, nhàu nát đến thảm hại, chứng tỏ rất nhiều người đã truyền tay nhau xem. Trên tờ truyền đơn vẽ một đầu người có hai mặt, giống như thần Mặt trời hai mặt thời La Mã cổ đại, một bên là mặt Hítler nhìn nghiêng, một bên là mặt Xtalin cũng nhìn nghiêng. Rõ ràng, người ta đang công kích Liên Xô và Đức phát-xít là hai anh em sinh đôi, cả hai đều tàn bạo như nhau.

Để mọi người nhìn được rõ, Xtalin giơ cao tờ truyền đơn lên nói:

Đây là cái thứ mà những người đại diện của Chính phủ lưu vong tán phát ở Ba Lan, các ngài có muốn cầm gần lại xem không?

Xtalin nói xong bèn đưa tờ truyền đơn cho Sốcsin. Sốcsin làm ra bộ sợ hãi, dùng hai ngón tay kẹp lấy tờ truyền đơn, chau mày lại, chẳng nói chẳng rằng bèn chuyển cho Rudoven. Rudoven nhún nhún vai, lắc lắc đầu, trả lại Xtalin tờ truyền đơn.

Ngừng lại giây lát, Xtalin nói tiếp:

Chúng tôi liệu có được cái gì bảo đảm để buộc Chính phủ lưu vong Ba Lan không làm cái trò bỉ ổi đó nữa? Chúng tôi rất hy vọng được bảo đảm rằng, những người đại diện của Chính phủ lưu vong Ba Lan không tàn sát các đội du kích nữa, Chính phủ lưu vong Ba Lan sẽ thực sự kêu gọi chống lại nước Đức

chứ không bày đặt ra những âm mưu quỷ kế. Chúng tôi sẽ giữ mối quan hệ tốt đẹp với một Chính phủ kêu gọi nhân dân tích cực đấu tranh với người Đức. Song, tôi không tin rằng Chính phủ lưu vong Ba Lan là một Chính phủ như vậy. Nếu Chính phủ đó có thể hợp tác với các đội du kích, nếu có thể bảo đảm với chúng tôi rằng những người đại diện của họ sẽ không câu kết với người Đức, chúng tôi sẵn sàng cùng với họ bắt đầu tiến hành đàm phán ngay.

Sócsin thấy Xtalin rất xúc động khi nói về vấn đề Chính phủ của Ba Lan, bèn vội lái sang vấn đề biên giới.

Tôi rất muốn biết quan điểm của Chính phủ Liên Xô về vấn đề biên giới - Sócsin nói - Nếu có thể đưa ra một vài phương án hợp lý, tôi sẵn sàng đi đàm phán với Chính phủ lưu vong Ba Lan, và giao cho họ phương án đó coi như là biện pháp giải quyết tốt nhất mà họ có thể có được, nhưng sẽ không nói cho họ biết Chính phủ Liên Xô đồng ý tiếp nhận biện pháp giải quyết này. Nếu Chính phủ Ba Lan cự tuyệt phương án đó, nước Anh sẽ cố gắng thuyết phục họ, và tôi có thể khẳng định, trong bất kể tình huống nào, nước Anh sẽ không phản đối Chính phủ Liên Xô tại Hội nghị hòa bình.

Sócsin một lần nữa nhắc lại ý kiến Chính phủ Anh mong muốn nhìn thấy một nước Ba Lan lớn mạnh, độc lập, hữu nghị với nước Nga.

Đến lượt Xtalin phát biểu. Đầu tiên, ông tập trung vào vấn đề tây Ucraina và tây Bêlarút.

Mong muốn của Chính phủ Anh như ngài Thủ tướng Sócsin vừa phát biểu, cũng là mong muốn của chúng tôi - Xtalin nói - Nhưng, vấn đề là ở chỗ lãnh thổ của Ucraina phải trả về cho Ucraina, lãnh thổ của Bêlarút phải trả về Bêlarút. Người Ba Lan âm mưu lấy lại những vùng lãnh thổ đó là không hợp lý. Đường biên giới năm 1939 đã trả vùng đất của Ucraina về cho Ucraina, vùng đất của Bêlarút về cho Bêlarút. Chính phủ Liên Xô kiên quyết giữ vững đường biên giới năm 1939, cho rằng đường biên giới đó là hợp lý và chính xác.

Êden nói chen vào với đầy dụng ý:

Mọi người vẫn gọi nó là đường Ribentrop-Môlôtop. (Ribentrop là Bộ trưởng ngoại giao Đức. Êden muốn nhắc mọi người nhớ đến "Nghị định thư bí mật" của Hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau Xô-Đức")

Giọng Xtalin vẫn kiên quyết:

- Tuy ông gọi nó là gì, chúng tôi vẫn cho rằng nó hợp lý và chính xác.

Với tư cách là người quan sát, Môlôtop càng thấy rõ hơn dụng ý của Êden, bèn lập tức tiếp lời:

Đường biên giới năm 1939 là đường Cócđon⁽¹⁾

Vẫn có sự khác nhau - Êđen trả miếng.

Không lớn lắm! - Mólôtốp không chịu lùi.

Lúc đó, Sốcsin lấy ra một tấm bản đồ. Đáng tiếc đó lại là tấm bản đồ Ba Lan xé ra từ tờ "Thời báo Luân Đôn".

Xtalin tỏ ra nghi ngờ về tính chính xác của tấm bản đồ:

Đường Cócđon vẽ ở đây không đúng, thành phố Lovốp phải ở trên lãnh thổ Liên Xô, còn đường biên giới phải ở phía tây thành phố đó.

Phiên dịch viên của phía Mỹ lấy ra một cuốn sách có in kèm bản đồ Ba Lan. Cuốn sách in đẹp đẽ, trang trọng đã làm lu mờ mảnh báo cũ rách. Xtalin chăm chú nhìn tấm bản đồ in trong sách, trên có đánh dấu đường phân giới khu vực cư trú của các dân tộc ở phía đông Ba Lan.

Tôi có thể biết đường phân giới được vẽ ra căn cứ vào tài liệu nào không? - Xtalin hỏi.

Người phiên dịch trả lời:

Theo chỗ tôi biết, tài liệu duy nhất có thể có là do phía Ba Lan cung cấp.

Xtalin hăng giọng một tiếng, rút chiếc bút chì xanh đỏ ông vẫn thường đem theo, rồi với thái độ tỏ ra đôi chút khinh miệt, ông khoanh trên tấm bản đồ những vùng nào nên trả về cho Ba Lan, những khu vực nào nên do Liên Xô giữ lại. Tiếp đó, ông nói:

Mólôtốp có một tấm bản đồ chi tiết vẽ rõ đường Cócđon kèm theo những lời thuyết minh tường tận, có thể mang ra sử dụng.

Năm phút sau, nhân viên tùy tùng của phía Liên Xô mang tới một chiếc cặp to màu đen. Mólôtốp mở cặp lôi tấm bản đồ ra trải trên bàn và chỉ vào đường Cócđon. Mólôtốp còn mang bức điện báo có chữ ký của huân tước Cócđon ra đọc nguyên văn một lượt. Bức điện báo nói rõ những địa điểm mà đường Cócđon đi qua.

Rudoven hỏi sang một vấn đề khác có liên quan:

Theo Nguyên soái, diện tích khu vực từ Đông Phổ và biên giới Đức-Ba Lan cũ đến sông Ôđơ liệu có tương đương với lãnh thổ Ba Lan trước đây mà Liên Xô đã được không?

Rudoven quan tâm đến việc nếu lãnh thổ Balan dịch sang phía tây thì diện tích tăng hay giảm.

Tôi không biết - Xtalin trả lời gọn lỏn.

⁽¹⁾ Một trong những lãnh tụ của đảng Bảo thủ Anh (ND).

Vấn đề này vì lúc bấy giờ chưa định đưa ra thảo luận nên cũng chẳng có ai đo đạc hoặc tính toán chi ly. Qua lần đo đạc, tính toán thực tế để xác định biên giới sau chiến tranh thì vùng đất phía đông Ba Lan nhượng cho Liên Xô là 179.461 cây số vuông, phần phía tây lấy được của nước Đức là 102.556 cây số vuông, so sánh hai con số, Ba Lan thiệt mất 76.905 cây số vuông.

Sócsin vội vàng cam đoan thay cho người Ba Lan:

Nếu có thể đưa ra một biện pháp giải quyết hợp lý, người Ba Lan chắc sẽ tiếp nhận.

Xtalin thái độ dứt khoát:

Liên Xô không muốn giữ bất cứ vùng nào vốn trước đây là của người Ba Lan, cho dù những vùng đó nằm ở trong đường biên giới năm 1939.

Rudoven vội hỏi ngay:

Vậy liệu có khả năng để nhân dân các vùng tị nạn của đôi bên tự nguyện di chuyển nơi ở.

Hoàn toàn có thể.

Coi đây là bước thứ nhất. Trong bước này, tại hội nghị chính thức ba bên, Xtalin đã bảo vệ được Ucraina và Bêlarút không bị chia cắt.

Khi hội nghị thảo luận đến vấn đề lãnh thổ của nước Đức, Xtalin nêu ra yêu cầu cao hơn. Ông nói:

Nếu cắt cho Liên Xô miền bắc Đông Phổ, tôi sẵn sàng chấp nhận coi đường Cócdon là đường biên giới giữa Liên Xô và Ba Lan - và giải thích thêm. Một mặt, vì Liên Xô cần có cảng không đóng băng là Kônichxbec (sau này đổi tên thành Kalinigrát) và Mêmén (sau này đổi thành Claipêda); mặt khác, Liên Xô với tư cách một nước chiến thắng đã đánh bại nước Đức, về lý cũng cần phải được một phần nhỏ lãnh thổ Đức, hơn nữa, về mặt lịch sử, đó vốn là những vùng đất của người Xlavo.

Một đề nghị rất hay, tôi nhất định sẽ nghiên cứu thêm - Sócsin đáp lời.

Sách lược của hai nước Anh Mỹ là nhượng bộ Liên Xô trên vấn đề lãnh thổ để đổi lấy việc Liên Xô thừa nhận Chính phủ lưu vong Ba Lan. Song Chính phủ lưu vong Ba Lan lại không nhìn thấy tình cảnh hiểm nghèo của mình, do đó đã không chấp nhận cách giải quyết của Anh Mỹ, kiên quyết không chịu nhượng bộ như vậy trên vấn đề lãnh thổ. Một thời gian, Chính phủ lưu vong Ba Lan trong khi tiếp tục đối đầu với Chính phủ Liên Xô, quan hệ với hai nước Anh Mỹ cũng rất căng thẳng.

Ngày 4 tháng 1 năm 1944, quân đội Liên Xô trong quá trình phản công quân Đức đã tiến vào tây Ucraina. Ngay hôm sau, qua đài phát thanh, Chính

phủ lưu vong Ba Lan ra tuyên bố, lưu ý Chính phủ Liên Xô rằng họ đang triển khai các hoạt động bí mật trên lãnh thổ của mình, đồng thời lại có quân đội đang tham gia chiến đấu trên mặt trận của các nước đồng minh ở nước ngoài, họ sẽ xây dựng một quốc gia có chủ quyền trên đất nước Ba Lan được giải phóng. Trong tuyên bố của mình, Chính phủ lưu vong tự nhận là “người đầy tớ và người phát ngôn hợp pháp duy nhất của dân tộc Ba Lan được sự công nhận của người Ba Lan ở trong và ngoài nước, của các nước Đồng minh và Chính phủ các quốc gia tự do”, và còn đặc biệt nhấn mạnh rằng nó có quyền giành độc lập và các quyền bất khả xâm phạm đã được Hiến chương Đại Tây Dương xác nhận.

Ngày 11 tháng 1 năm 1944, Chính phủ Liên Xô ra tuyên bố về quan hệ Liên Xô-Ba Lan, trong đó nêu rõ: “Trong tuyên bố về quan hệ Liên Xô- Ba Lan của Chính phủ lưu vong Ba Lan hôm mùng 5 tháng 1 ở Luân Đôn có rất nhiều điểm không xác đáng. Những lập luận về biên giới Liên Xô-Ba Lan là một ví dụ. Như mọi người đều biết, căn cứ trên ý nguyện của dân chúng Tây Ucraina và Tây Bêlarút được phản ánh qua cuộc trưng cầu dân ý tiến hành trên cơ sở dân chủ rộng rãi năm 1939, Hiến pháp Liên Xô đã xác định đường biên giới Liên Xô - Ba Lan. Do vậy, lãnh thổ Tây Ucraina mà tuyệt đại đa số cư dân là người Ucraina thuộc về Ucraina Xô-viết, lãnh thổ Tây Bêlarút mà tuyệt đại đa số cư dân là người Bêlarút thuộc về Bêlarút - Xô viết. Sự không công bằng đối với người Ucraina cư trú ở Tây Ucraina và người Bêlarút cư trú ở Tây Bêlarút do điều ước Riga áp đặt cho Liên Xô năm 1921 gây ra, phải được chấn chỉnh lại. Trả Tây Ucraina và Tây Bêlarút về với bản đồ Liên Xô, chẳng những không làm tổn hại lợi ích của Ba Lan, mà ngược lại, đã đặt cơ sở đáng tin cậy cho quan hệ hữu nghị vững chắc và lâu dài giữa nhân dân Ba Lan với nhân dân Ucraina, nhân dân Bêlarút và nhân dân Nga”.

Để bổ xung cho tuyên bố này, Chính phủ Liên Xô còn cho công bố một văn kiện chính thức về đường Cócdon, nội dung như sau:

Trong “Tuyên bố của Chính phủ Liên Xô về quan hệ Liên Xô- Ba Lan” ngày 11 tháng 1 năm nay có đề cập đến vấn đề biên giới phía đông của Ba Lan và nêu rõ những biên giới đó có thể được xác định bằng con đường hiệp thương với Liên Xô, hơn nữa, Chính phủ Liên Xô không cho rằng biên giới năm 1939 là không thể thay đổi. Đối với những biên giới mà sự sửa đổi có thể có lợi cho Ba Lan sẽ thực hiện theo phương châm những vùng cư dân Ba Lan chiếm đa số trả về cho Ba Lan. Trong tình hình đó, biên giới Liên Xô- Ba Lan trên đại thể có thể hoạch định theo đường Cócdon. Đường Cócdon đã được

Hội nghị tối cao khối các nước Hiệp ước thông qua năm 1919, nó qui định trả về cho bản đồ Liên Xô miền Tây Ucraina và miền Tây Bêlarút.

Tuyên bố của Chính phủ Liên Xô đã khiến Chính phủ lưu vong Ba Lan ý thức được tính chất nghiêm trọng của tình thế.

Ngày 20 tháng 11, Thủ tướng Chính phủ lưu vong Ba Lan Micôraêvích đi cùng với Bộ trưởng ngoại giao của mình đến gặp Sôcsin và Êđen. Hai bên đã bàn bạc về vấn đề này.

Sôcsin yêu cầu Chính phủ Ba Lan chấp nhận lấy “đường Cócđon” làm biên giới phía đông của Ba Lan, còn biên giới phía tây sẽ dịch đến tuyến sông Ôđơ, coi như bồi thường.

Micôraêvích tỏ ý phản đối.

Sôcsin bắt đầu nổi nóng, nói nước Anh chỉ có thể bảo đảm biên giới phía tây của Ba Lan, dù Anh hay Mỹ đều không thể mang quân đi đánh nhau để bảo vệ biên giới phía đông của Ba Lan được.

Sôcsin giọng giận dữ:

Tôi muốn Chính phủ Ba Lan chấp nhận đường Cócđon trong đó không có Lovốp, để làm cơ sở đàm phán với người Nga. Không phải chỉ có lợi ích của Ba Lan mà lợi ích của tất cả các nước trong Liên Hiệp Quốc đòi hỏi phải làm như thế.

Micôraêvích vẫn đòi lấy đường biên giới do điều ước Riga qui định làm khởi điểm cho cuộc đàm phán.

Sôcsin vừa gây sức ép vừa khuyên nhủ Micôraêvích, cuối cùng đành phải thốt ra một câu rất thật:

Không có người Nga, cuộc chiến này không thắng được đâu, chỉ dựa vào máy bay oanh tạc của chúng ta, thắng làm sao nổi.

Micôraêvích quay sang cầu cứu Mỹ. Ông ta viết thư cho Rudoven, yêu cầu Rudoven có thái độ trong việc này.

Một lần nữa Micôraêvích lại thất vọng. Câu trả lời của Rudoven là, Chính phủ Mỹ không thể bảo đảm biên giới của Ba Lan được, nhưng sẵn sàng ủng hộ những nỗ lực của Sôcsin nhằm lập lại quan hệ Ba Lan - Liên Xô.

Không còn cách nào, Chính phủ lưu vong Ba Lan đành phải một lần nữa thương lượng với Sôcsin.

Ngày 15 tháng 2, Chính phủ lưu vong Ba Lan trả lời Sôcsin, tỏ ý sẵn sàng bắt đầu cuộc đối thoại với Chính phủ Liên Xô, trong đó bao gồm cả việc thảo luận vấn đề biên giới, nhưng dứt khoát không đồng ý tiếp nhận những “yêu sách áp đặt” của Liên Xô. Trong thư trả lời, Chính phủ lưu vong Ba Lan

cũng nêu ra đường biên giới tạm thời ở phía đông, hướng đi của con đường này cách đường Cócđon về phía đông khoảng 100 km. Họ đòi “phần lãnh thổ phía tây con đường này, sau khi giải phóng sẽ do Chính phủ Ba Lan tiếp quản; phần lãnh thổ phía đông con đường này, sau khi giải phóng sẽ do nhà cầm quyền quân sự Liên Xô quản lý, và có sự tham gia đầy đủ của đại diện các nước lớn trong Liên Hợp Quốc”. Chính phủ lưu vong Ba Lan còn phản đối việc cắt cho Liên Xô một bộ phận của Đông Phổ, cho rằng như vậy sẽ ảnh hưởng đến đường thông ra biển của Ba Lan.

Xem thư trả lời của Chính phủ lưu vong Ba Lan, Sôcsin vô cùng tức giận, tuyên bố trừ phi Chính phủ lưu vong thỏa mãn những yêu cầu về lãnh thổ của Liên Xô, nếu không nó không được Chính phủ Liên Xô thừa nhận. Ngày 22 tháng 2, trong bài phát biểu tại Hạ viện Anh, Sôcsin tuyên bố Chính phủ Anh vẫn giữ quan điểm cho rằng tuyến đường Cócđon” đưa ra năm 1919 là hợp lý.

Chính phủ lưu vong Ba Lan rất bối rối kinh hoàng sau khi nhận được tin. Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Ba Lan vội vã kháng nghị với Bộ Ngoại giao Anh, lại còn mỉa mai nói rằng Cócđon chính là nhân vật chính năm đó đã tham dự và chế định “Điều ước Riga”.

Chính phủ lưu vong Ba Lan quả là đã không biết mức độ nghiêm trọng của tình thế, không biết ngày tận số của mình đang tới.

Trong thời gian Sôcsin lưu lại Mátxcova, đại diện của Hội đồng giải phóng dân tộc Ba Lan và đại diện của Chính phủ lưu vong Ba Lan Micôraêvích đã tiến hành nhiều cuộc gặp gỡ ở Liên Xô. Đoàn đại biểu Hội đồng giải phóng dân tộc Ba Lan do Biêrút dẫn đầu đồng ý tiến hành đàm phán với đại diện của Chính phủ lưu vong Ba Lan với điều kiện là phế bỏ Hiến pháp phát xít năm 1939, khôi phục lại Hiến pháp ít nhất có tính chất dân chủ tự do năm 1921. Biêrút nêu rõ, đoàn đại biểu Hội đồng giải phóng dân tộc Ba Lan “luôn luôn cho rằng việc thực hiện sự đoàn kết nhân dân Ba Lan là nhiệm vụ cơ bản của mình, và sẵn sàng dựa trên nguyên tắc đó ủng hộ mọi cố gắng chân thành nhằm thực hiện lý tưởng đó”.

Đoàn đại biểu Hội đồng giải phóng dân tộc tuyên bố mong muốn sẽ được bảo vệ một nước Ba Lan lớn mạnh có quan hệ thân thiện với Liên Xô, phía đông có đường biên giới Cócđon, đường biên giới Cócđon, đường biên giới phía đông có đường biên giới phía tây gìn giữ được những vùng đất đai từ xưa đã thuộc Ba Lan. Đoàn đại biểu cũng đồng ý thành lập một Chính phủ thống nhất do Micôraêvích đứng đầu với điều kiện đa số ghế trong chính phủ

đó giao cho Hội đồng giải phóng dân tộc Ba Lan. Chính phủ Liên Xô tuyên bố ủng hộ lập trường của Hội đồng giải phóng dân tộc Ba Lan.

Nhưng lần này Micôraêvích vẫn giữ lập trường bất hợp tác. Để những kiến nghị của họ, về nhân sự trong Chính phủ tương lai được chấp nhận, họ lờ đi vấn đề biên giới Liên Xô - Ba Lan ra làm tấm séc để giao dịch. Micôraêvích không chấp nhận lấy đường Cócđon làm đường biên giới Liên Xô - Ba Lan, thoái thác rằng còn phải thương lượng với các đồng sự ở Luân Đôn. Ngoài ra, ông ta không những đòi làm Thủ tướng, mà còn đòi chiếm trên 50% số ghế trong nội các. Về phương diện này, Sôcsin ủng hộ ông ta, nhưng Hội đồng giải phóng dân tộc Ba Lan kiên quyết bác bỏ những yêu sách vô lý đó. Cuối cùng, Micôraêvích quay về Luân Đôn mà không đạt được một sự thỏa thuận nào.

Trong thời gian những người Ba Lan đàm phán với nhau, Sôcsin giữ lập trường lập lờ hai mặt. Một mặt, ông ta nhấn mạnh, Chính phủ của ông chủ trương bảo lưu kiến nghị về biên giới Liên Xô - Ba Lan tính theo đường Cócđon, thậm chí còn tuyên bố, vấn đề biên giới Liên Xô - Ba Lan đã được giải quyết. Ông ta huyênh hoang, rồi đây khi các nước Đồng minh gặp nhau tại Hội nghị hoà bình, ông ta sẽ ủng hộ yêu cầu của người Nga về đường biên giới sớm đã được bàn bạc xong xuôi tại Têhêran, và nói thêm rằng, nội các Anh đã phê chuẩn lập trường này. Mặt khác, ngày 16 tháng 9, Sôcsin gửi Chính phủ Liên Xô một dự thảo hiệp nghị để họ nghiên cứu. Bản dự thảo này chỉ phản ánh những quan điểm đã bàn định trước đây về biên giới phía tây Ba Lan; về biên giới phía đông, dự thảo chỉ nêu "Chính phủ Ba Lan coi đường Cócđon là tuyến phân giới giữa Liên Xô và Ba Lan".

Chính phủ Liên Xô không thể đồng ý với luận điệu này. Cách đề xuất chỉ coi đường Cócđon là "phân giới tuyến" không thể chấp nhận được. Kết quả là, vấn đề Ba Lan chưa đạt được một sự thỏa thuận nào.

Mặc dầu vậy, trong quá trình đàm phán, lập trường của hai bên trong vấn đề Ba Lan đã được làm sáng tỏ, có thể hy vọng vấn đề đó sẽ được giải quyết một cách công bằng.

Trong thời gian Sôcsin ở thăm Liên Xô, người lãnh đạo Liên Xô cùng với Sôcsin đã trao đổi ý kiến về việc hợp đồng tác chiến. Đối với việc mở rộng hơn nữa sự hợp tác giữa các nước Đồng minh, điều này nói chung đã có tác dụng thúc đẩy nhất định.

Có một lần, Xtalin nhận lời mời đến dự bữa tiệc trưa tại Đại sứ quán Anh ở Mátxcova. Cũng như hiện nay, Đại sứ quán Anh khi đó nằm trên đại lộ

chạy dọc sông Xôphia. Việc Xtalin phá lệ đến một sứ quán nước ngoài, đã thể hiện cảm tình đặc biệt của ông đối với Sôcsin.

Đại sứ Mỹ Hariman cũng tới dự. Bữa tiệc diễn ra trong không khí thoải mái, mọi người đều vui vẻ. Xtalin nâng cốc chúc rượu Tổng thống Mỹ - người không có mặt trong buổi tiệc. Ông đánh giá cao những cống hiến của nước Mỹ đã đóng góp vào thắng lợi của các nước Đồng minh. Xtalin nói, từng có một thời kỳ, hai nước Anh Nga đã kết hợp được với nhau trong việc giải quyết công việc của châu Âu. Hai nước từng cùng nhau đánh bại Napolêông, trong đại chiến thế giới lần thứ nhất đã cùng chiến đấu chống Đức. Nhưng trong đại chiến thế giới lần thứ hai, cống hiến của nước Mỹ là hết sức quan trọng. Lời tuyên bố dường như hàm chứa một ý nghĩa khác không tiện nói ra: Người đứng đầu Chính phủ Liên Xô một lần nữa muốn ngầm bảo với Sôcsin rằng, ông ta không có ý định bàn bạc riêng với Sôcsin về vấn đề tương lai châu Âu.

Tháng 10 năm 1944, kết quả quan trọng nhất về chính trị và quân sự trong cuộc đàm phán Mátxcova giữa Liên Xô và Anh là : hai bên đã đạt được thỏa thuận trong vấn đề cần thiết phải dốc toàn lực tiêu diệt quân Đức rút từ Bancăng. Sôcsin có thể yên tâm tin tưởng được rằng, Chính phủ Liên Xô không có ý định điều quân đội đến Hy Lạp và bờ biển Adriatic, và sẽ rút quân khỏi Nam Tư sau khi hoàn thành nhiệm vụ đã dự định.

ở Mátxcova, người đứng đầu Chính phủ hai nước Liên Xô và Anh còn thảo luận và đã thỏa thuận được với nhau nhiều vấn đề chưa được giải quyết của các nước Bancăng, trao đổi ý kiến về điều kiện đình chiến ở Bungari. Khi thảo luận việc thành lập Ủy ban quản chế của các nước Đồng minh ở Bungari, Sôcsin và Êden kiên trì chủ trương đại diện của Anh Mỹ và đại diện của Liên Xô có vị trí ngang nhau. Chính phủ Liên Xô không đồng ý với lý do là: Trong Ủy ban quản chế của các nước Đồng minh ở Italia, đại diện của bộ chỉ huy Anh Mỹ nắm cương vị lãnh đạo; trong Ủy ban quản chế của các nước Đồng minh ở Rumani, đại diện Liên Xô là chủ tịch Ủy ban. Theo nguyên tắc đó, Ủy ban quản chế của các nước Đồng minh ở Bungari đương nhiên do đại diện của Bộ chỉ huy tối cao Liên Xô làm Chủ tịch. Cuối cùng, hai bên đã đi tới một thỏa thuận mà cả hai phía đều có thể chấp nhận về điều kiện đình chiến ở Bungari.

Trong đàm phán, hai bên cũng thảo luận về tình hình Nam Tư. Người Anh tuyên bố, cần phải thi hành chính sách hiệp thương thống nhất đối với nước này. Êden đưa ra việc gửi công hàm cho Titô và Subaxiki, đề nghị gặp

nhau ở Nam Tư để bàn việc thành lập một Chính phủ thống nhất Nam Tư. Chính phủ Liên Xô không phản đối đề nghị này.

Đại diện Anh đề nghị thảo luận vấn đề tương lai của nước Đức, vì theo họ vấn đề này ở Têhêran nghiên cứu còn “rất hời hợt”. Sôcsin và Êđen đưa ra kế hoạch chia nước Đức thành ba nước: Phổ; khu quân chế quốc tế bao gồm các bang Rua, Vétxphalen và Xarơ; nước áo - Baviê bao gồm các tỉnh phía Nam. Sôcsin khi luận chứng cho phương án chia cắt nước Đức này đã nêu rõ, theo quan điểm của ông ta, “Phổ là nguồn gốc của mọi tai họa. Do đó, cần cắt Phổ ra khỏi nước Đức”.

Theo đại diện Anh, lý do của đề nghị thành lập khu quân chế quốc tế là, cần phải phá huỷ tiềm lực công nghiệp của nước Đức đã được phục hồi sau đại chiến thế giới lần thứ nhất. Sôcsin cho rằng, dùng phương thức tịch thu các thiết bị của xí nghiệp Đức để khôi phục lại nền kinh tế khu vực phía tây Liên Xô là điều hợp tình hợp lý.

Dễ dàng nhận thấy, mục đích thực sự của phương án chia cắt nước Đức là ở chỗ nước Anh đang muốn cố gắng loại trừ nước Đức - một đối thủ cạnh tranh nguy hiểm. Đồng thời, Sôcsin còn đưa ra ý tưởng sáp nhập Ba Lan, Tiệp Khắc, áo và Hung thành một khối dưới hình thức liên bang hoặc liên minh.

Chính phủ Liên Xô đồng ý rằng, muốn bảo đảm nền an ninh châu Âu, cần phải thủ tiêu tiềm lực quân sự và công nghiệp của Đức, nhưng từ chối gánh vác bất cứ nghĩa vụ nào trong việc chia cắt nước Đức. Sau khi trao đổi, đôi bên thỏa thuận vấn đề nước Đức sẽ được mang ra thảo luận thêm tại cuộc họp giữa những người lãnh đạo ba nước lớn.

Chuyện Sôcsin muốn gộp một số nước thành liên minh hoặc liên bang, không thể không khiến người ta nghĩ rằng đó là âm mưu thiết lập một “tuyến phòng dịch” chống Liên Xô sau chiến tranh. Trong thảo luận, khi đề cập đến vấn đề này, Xtalin tuyên bố với Sôcsin và Êđen, “lúc này chưa thể nghĩ đến chuyện liên bang, điều quan trọng hơn là, nhân dân các nước được giải phóng ra khỏi ách nô dịch phát xít đang mong muốn được hưởng chủ quyền dân tộc trọn vẹn, không có sự quấy rầy”.

Các buổi hội đàm còn thảo luận vấn đề hành động quân sự trong tương lai. Đại diện của Anh, Liên Xô và Mỹ đã phân tích cục diện trên các chiến trường, thông báo mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao theo kế hoạch quân sự đã hiệp thương tại Têhêran lần trước. Các bên đều tin tưởng hoạt động phối hợp trên các chiến trường sẽ phát triển thuận lợi. Họ còn trao đổi vấn đề đóng góp của Liên Xô trong việc đánh thắng Nhật Bản. Nhìn chung, tình hình

chiến trường Thái Bình Dương vẫn tốt. Các nước Đồng minh phương Tây đã giành được những thắng lợi quan trọng trên biển, khiến Nhật bị suy yếu nhiều. Đường tiếp tế quá dài của Nhật thường xuyên bị tập kích, trên một nửa tàu thuyền của Nhật đã bị đánh chìm. Tuy vậy, các tham mưu trưởng của Anh Mỹ đều hiểu, chỉ khi nào quân đội Nhật với thực lực hùng hậu hiện đang có mặt ở Trung Quốc, Mãn Châu và trên các đảo Nhật bị đánh tan, mới có thể nói đến chuyện giành thắng lợi triệt để đối với Nhật. Trong trận giao tranh cuối cùng này, lực lượng vũ trang của Liên Xô sẽ đóng vai trò quyết định.

Hariman có mặt trong buổi bước đầu trao đổi về vấn đề này giữa phía Liên Xô với Sôcsin. Hariman kiên quyết giữ ý kiến phải có người Mỹ tham gia bàn bạc, và tuyên bố rằng, Mỹ là nước gánh vác trách nhiệm chủ yếu trong chiến tranh Thái Bình Dương, nên đương nhiên người Mỹ sẽ tham gia cuộc hội đàm về vấn đề này với thái độ tích cực nhất. Cuối cùng, Sôcsin phải đồng ý. Và thế là, trong cuộc gặp giữa Sôcsin và người đứng đầu Chính phủ Liên Xô ngày 14 tháng 10, tướng Mỹ Đin được cử tới giới thiệu về tình hình chiến sự. Tướng Đin sau khi trình bày xong, được sự uỷ quyền của Bộ chỉ huy tối cao Mỹ, đã nêu ba câu hỏi với Xtalin:

Sau khi đánh tan quân Đức, cần chờ bao lâu Liên Xô mới tham gia tác chiến với Nhật?

Để mở cuộc tấn công, Liên Xô cần bao nhiêu thời gian tập kết binh lực ở Viễn Đông?

Để tập kết và chi viện cho không quân chiến lược Mỹ, lượng chuyên chở của con đường sắt xuyên Xibêri có thể cung cấp được bao nhiêu?

Khi người Anh và người Mỹ rời khỏi điện Kremli, Sôcsin nói với tướng Đin bằng cái giọng bề trên:

Ôi chàng trẻ tuổi! Ông dám hỏi Xtalin ba câu hỏi đó, tôi xin bái phục. Tôi nghĩ, ông sẽ không nhận được câu trả lời đâu, đương nhiên có hỏi cũng chẳng sao...

Sôcsin đã lầm. Ngay hôm sau, Xtalin trả lời. Xtalin cho biết, sau khi đánh tan quân Đức, Hồng quân cần phải mất ba tháng mới có thể mở cuộc tấn công quân Nhật. Phải ba tháng dự trữ vật tư ở Xibêri mới có thể tác chiến. Do đó, thiết nghĩ năng lực của tuyến đường sắt xuyên Xibêri là rất hạn chế, những vật tư cần thiết cung cấp cho không quân Mỹ sử dụng đành phải do người Mỹ tự cung ứng bằng vận chuyển đường biển. Ông nói rõ thêm, trong việc này, Mỹ có thể sử dụng cảng Pétơrôpavlovsk ở Camsatka của Liên Xô. Xtalin một lần nữa nhấn mạnh, ba tháng sau khi đánh bại Hitle, hồng quân

bắt đầu tác chiến với Nhật. Tiếp đó, ông bổ sung thêm, về việc này cần thỏa thuận hai điều kiện: Mỹ giúp Liên Xô tích trữ một khối lượng lớn vật tư để cung cấp cho Xibêri; cần làm rõ một số vấn đề về chính trị khi Liên Xô tham gia cuộc chiến tranh này. Xtalin nói:

Người Nga cần phải biết, họ đang chiến đấu vì cái gì. Chúng tôi có những lý do xác đáng yêu cầu Nhật Bản...

Lại phải nhắc lại chuyện cũ. Trong hội nghị Têhêran, khi thảo luận về triển vọng cuộc chiến tranh với Nhật, Xtalin hỏi Rudoven và Sôcsin, các nước đồng minh liệu sẽ làm gì cho Liên Xô khi mà ở Viễn Đông Liên Xô không có hải cảng ra vào tự do. Hồi đó, Rudoven nhắc đến Đại Liên có thể trở thành "Cảng tự do", còn Sôcsin thì nói chung chung hơn, "những yêu cầu hợp lý của Nga cần được thỏa mãn".

Tháng 10 năm 1944, không chỉ thuần túy về mặt quân sự mà cả về mặt chính trị, Xtalin đề xuất một cách rõ ràng là Liên Xô cần một hải cảng hoàn toàn không đóng băng. Điều này, với Luân Đôn hay với Oasinhton, đều không phải là chuyện bất ngờ. Hơn nữa, các nhà chính trị Anh Mỹ không phải không nhận thấy dư luận Liên Xô đang tỏ ra ngày càng hào hứng đối với Viễn Đông và một số vấn đề lịch sử của khu vực này. Chẳng thế mà cuốn "Cửa Lữ Thuận" của Xtêphanốp trở thành cuốn sách bán rất chạy ở Liên Xô. Thực chất, đó là tập hồi ký của một người đã tham gia cuộc chiến tranh Nga-Nhật(1904-1905) được viết dưới dạng tiểu thuyết. Cuốn sách giúp dân Liên Xô hiểu thêm ý nghĩa của việc Hồng quân tham gia tác chiến chống lại đế quốc Nhật.

Tháng 10 năm 1944, cuộc trao đổi giữa Sôcsin và Hariman về vấn đề trên, giúp làm sáng tỏ lập trường của các bên. Điều này rõ ràng có ý nghĩa quan trọng đối với những quyết định chung được ba nước Đồng minh lớn thông qua sau này.

Màn giáo đầu

Cuộc gặp gỡ giữa hai người đứng đầu hai nước Xô-Anh đã khiến Rudoven hết sức lo lắng. Ông ta một mặt tuyên bố Mỹ sẽ không chịu sự ràng buộc bởi những thỏa thuận có thể đạt được giữa Anh-Xô, một mặt ráo riết tiếp xúc với phía Liên Xô, yêu cầu sớm xác định địa điểm cho cuộc gặp gỡ giữa những người đứng đầu ba nước. Trong bối cảnh như vậy, ông ta cũng không còn hơi sức đâu gây quá nhiều rắc rối về chuyện địa điểm nữa, nên đồng ý tổ chức ở bán đảo Crum của Liên Xô.

Chuyện trục trục về địa điểm hội nghị đã làm hỏng kế hoạch của Rudoven định tổ chức cuộc gặp gỡ vào tháng 11. Cuộc bầu cử Tổng thống 4 năm một lần đang đến gần, Rudoven quyết tâm giành ghế Tổng thống lần thứ ba, ông lo ngại chuyến đi Liên Xô dự hội nghị lần này có thể sẽ giảm bớt số phiếu bầu cho ông ta, nên ông đề nghị bố trí hội nghị sau khi bầu Tổng thống xong. Qua mấy lần trao đổi, thời gian hội nghị cuối cùng đã xác định vào thượng tuần tháng 2 năm 1945.

Theo cách làm truyền thống, Rudoven vẫn triển khai các hoạt động tranh cử: tổ chức những chuyến đi xa để tuyên truyền, xuống các địa phương để cổ động. Lần này, đối thủ cạnh tranh với ông là Giôn Điuây, một con người xông xáo, trẻ trung. Điuây, năm 1942 đã được bầu làm Thống đốc bang Niu Oóc nhờ nội bộ Đảng Dân chủ bang Niu Oóc khi lục đục. Mục tiêu công kích của Điuây tập trung vào tình hình sức khỏe của Rudoven, tung tin rằng Rudoven sức khỏe đã suy giảm, mắc bệnh tim, sỉ vả Rudoven là “một ông già quá dỗi mỗi mết”, lại còn phản phát những tấm ảnh bóp méo gương mặt thật của Rudoven. Thế nhưng, Rudoven vẫn một lần nữa giành được sự tín nhiệm của dân chúng Mỹ, trở thành vị Tổng thống đầu tiên giữ ghế ba khóa liên trong lịch sử nước Mỹ.

Ngày 20 tháng 1 năm 1945, trong giá rét thấu xương, Rudoven tuyên thệ nhậm chức. Hai hôm sau, ông dẫn ban tham mưu của mình lên đường đi Ianta.

Ianta, viên minh châu lung linh rực rỡ nằm ở đầu phía nam bán đảo Crum, ngoảnh mặt nhìn ra Hắc Hải mênh mông, dịu dàng một màu xanh biếc, lưng tựa vào ngọn núi Crum dữ dằn hoang dã, bờ biển quần quít núi non tạo nên những mảng màu rực rỡ.

Dưới thời Sa hoàng, dòng họ Rômanốp đã xây dựng ở đây một số lâu đài tráng lệ. Sau Cách mạng Tháng Mười, những lâu đài đó bị chính quyền Xô-viết trưng dụng, dùng làm các cơ sở phúc lợi.

Lúc bấy giờ, Crum vừa mới được giải phóng khỏi ách chiếm đóng Hitle chưa được bao lâu, đây mình thương tích, đây đó giặc giã vẫn còn. Để thu xếp nơi ăn chốn ở cho các đoàn đại biểu tới dự Hội nghị, chỉ trong một thời gian hết sức ngắn ngủi, phía Liên Xô đã hoàn thành chu đáo, tốt đẹp mọi việc, lại còn áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo đảm sự an toàn cho những người đứng đầu Chính phủ các nước và những đại biểu tới dự hội nghị. Sau này, rất nhiều vị đại biểu dự hội nghị Ianta, trong hồi ký của mình, đã có sự đánh giá xứng đáng về những cố gắng của Liên Xô nhằm bảo đảm cho các đoàn đại biểu làm việc được một cách bình thường.

Phòng họp chính của Hội nghị Ianta đặt trong cung điện Rivakia. Đây là cung Mùa Hạ do Sa hoàng Nicôlai xây dựng năm 1911, sau Cách mạng Tháng Mười dùng làm Viện điều dưỡng cho những người mắc bệnh lao. Chiếu cố Rudoven, phía Liên Xô bố trí đoàn đại biểu Mỹ ở ngay cung điện Rivakia. Rudoven sử dụng riêng ba phòng, dùng làm phòng khách, phòng ăn và phòng ngủ, ngoài ra còn có một phòng tắm cá nhân duy nhất trong cung.

Đoàn đại biểu Anh ở tại biệt thự Vôhồdốp cách 7 cây số. Toà biệt thự được xây dựng hồi đầu thế kỷ 19 theo kiểu nửa gô-tích nửa mới mới này nằm ẩn mình dưới những rừng cây.

Đoàn đại biểu Liên Xô ở tại biệt thự Cólét cách 9 cây số, trước đây đó là cơ nghiệp của thân vương Gixôpôp. Thời gian hội nghị, nơi đây trở thành trung tâm chỉ huy quân sự và chính trị lâm thời của Liên Xô.

Khi bàn đến vấn đề an ninh, Xtalin hài hước nói rằng: "Dù sao chẳng nữa, chúng ta cũng không phải lo ngay ngáy như ở Têhêran". Thì ra, ở Hội nghị Têhêran đã xảy ra một "chuyện giạt gân" nho nhỏ đã được nhà văn quân đội Trung Quốc Lưu Tiểu Nghệ mô tả lại như sau:

Năm 1943, đại chiến thế giới lần thứ hai bước vào giai đoạn cầm cự, cuộc chiến tranh chống phát xít của nhân dân tiến bộ các nước trên thế giới ở vào những giờ phút cực kỳ quan trọng.

Liên minh phát xít gồm Đức, ý... bị nhân dân chống phát xít trên thế giới giáng cho những đòn nặng nề. Trong khi cuộc chiến đấu chống phát xít liên tiếp giành được thắng lợi thì cuối tháng 11 năm 1943, "ba ông trùm" Xtalin, Rudoven, Sôcsin gặp nhau ở Têhêran để tiến hành một cuộc hội nghị được cả thế giới chăm chú theo dõi.

Tin tức truyền đến tai Hitle. Tên bạo chúa phát xít này đứng ngồi không yên. Y hiểu rằng, cuộc hội nghị này nếu thành công có nghĩa là đối phương thắng lợi. Hitle lập tức hạ lệnh cho tên cầm đầu cơ quan tình báo Nadi phải tìm mọi cách phá hoại kỳ được hội nghị Têhêran.

Theo mật lệnh của Hitle, cơ quan tình báo Đức lập tức hành động, ngoài việc cử một lũ gián điệp ác ôn đến Têhêran gây rối, còn bí mật vạch ra một âm mưu tội ác là bắt cóc Rudoven và mưu sát "ba ông trùm".

Một tốp điệp viên cao cấp đến Têhêran, sau mấy ngày trinh sát, mục tiêu của chúng nhằm vào người thư ký riêng của một vị nguyên thủ tham dự hội nghị. Chúng tìm cách tiếp cận và đã mua được anh ta với giá 25 vạn đô-la Mỹ.

Lúc đầu, gián điệp của cơ quan tình báo Đức và anh chàng thư ký này định đặt bom hẹn giờ trong phòng họp, nhưng mấy lần đã đem bom hẹn giờ tới gần phòng họp rồi vẫn không có cơ hội ra tay. Nhân viên an ninh của Anh kiểm soát rất nghiêm ngặt.

Ngày 30 tháng 11 năm 1943 là sinh nhật lần thứ 69 của Thủ tướng Anh Sôcsin. Nhân dịp Xtalin, Rudoven đều có mặt, Sôcsin dự định tổ chức một buổi lễ mừng cho ra trò, và ông ta đã quyết định.

Chiều ngày 30, tiệc mừng sinh nhật bắt đầu. Tới dự có Tổng thống Mỹ Rudoven, Thống soái Liên Xô Xtalin... tất cả là 34 vị khách quý do Sôcsin mời. Người thư ký riêng của nước Đồng minh cũng trong số khách được mời đó.

Cơ quan Nadi quyết định hành động ngay trong bữa tiệc mừng sinh nhật Sôcsin. Tiệc bắt đầu. Trong tiếng nói cười vui vẻ, ồn ào như sóng cồn, Sôcsin cùng với các quý khách cốc chạm cốc, ly chạm ly, trò chuyện thoải mái.

Người thư ký riêng đã nhận 25 vạn đôla Mỹ, sau khi cạn một ly rượu đã lén lút lủi ra khỏi phòng tiệc, một mình đến ngồi trên chiếc sô-pha đặt ở trước của một phòng ăn nhỏ. Anh ta móc ra một chiếc thuốc lá, rút liền hai hơi, rồi đứng bật dậy xăm xăm đi vào phòng tiệc theo cửa ngách phía nam.

Lúc này, cửa phía nam đang mở. Một anh bồi bàn bưng một khay bày sẵn đầy ắp các món ăn đưa cho anh ta. Người thư ký đón lấy, bước vào phòng tiệc, rồi thản nhiên mang đặt ở một góc phòng.

Phòng tiệc vẫn ồn ào tiếng chạm cốc, tiếng huyền nào, không khí thật tưng bừng.

Nhân viên an ninh của Anh sớm đã để ý tới vị thư ký riêng của nước Đồng minh này, nhưng khổ nỗi là không có chứng cứ, đành cứ phải để ý theo dõi.

Thấy hành động của người kia như vậy, nhân viên an ninh lập tức bước tới góc phòng ăn, bưng lấy khay thức ăn. Qua kiểm tra, phát hiện thấy chiếc công-tắc đặt dưới khay đã mở, trong khay có một trái mìn định giờ nhỏ, mà thời gian phát nổ chỉ còn ba phút nữa.

Nhân viên an ninh Anh lập tức tháo bộ phận hẹn giờ ra, quả mìn mất tác dụng, âm mưu của Hitle đã thất bại.

Nếu trái mìn đó nổ đúng giờ, những người có mặt trong phòng tiệc e khó bảo toàn được tính mạng.

Xtalin nói đùa với Sôcsin, "ba ông trùm" đều biết chuyện này là thế nào rồi, vụ ám sát bất thành của Hitle chắc sẽ làm trò cười cho thiên hạ!

Trong thời gian hội nghị, Tổng thống Mỹ Rudoven hai lần hội đàm thân mật với Xtalin và Ủy viên ngoại giao Liên Xô Molôtop. Cuộc đấu tranh chung

chống phát-xít khiến họ trở thành bạn đồng minh của nhau. Xuất phát từ chỗ lo lắng cho sự an toàn của Rudoven và chiếu cố đến sự bất tiện trong việc đi lại của ông, Xtalin thành thật mời Rudoven đến ở trong Đại sứ quán của Liên Xô tại Têhêran, sắp xếp ông ở căn phòng thông thẳng tới phòng họp chính, cử cảnh vệ và nhân viên mặc thường phục canh gác ngày đêm, khiến Rudoven trong lòng rất cảm kích. Xtalin khâm phục Rudoven cơ thể tàn tật mà ý chí vững vàng, bình dị thân mật, khéo hòa giải trên trường ngoại giao. Rudoven biết cách làm cho Sôcsin và Xtalin đang đổ mắt tía tai tranh luận gay gắt với nhau bình tĩnh trở lại. Còn Rudoven và Hốpkin-trợ thủ đắc lực của ông ta lại rất khen ngợi Đại nguyên soái Liên Xô oai vệ, cương nghị, thẳng thắn chân thành. Xtalin một lúc nào cũng nghiêm nghị, nhưng ông ta cũng có lúc rất hài hước, và khi đó giọng cười cời mở của ông có sức lôi cuốn mạnh mẽ, thường khiến người chung quanh phải ôm bụng cười theo.

Trước khi hội nghị chính thức khai mạc, giữa “ba ông trùm” đã có những cuộc thăm viếng mang tính chất thăm dò.

Ba giờ chiều ngày 4 tháng 2, Xtalin tới lâu đài Vôlôđốp hội kiến với Sôcsin. Xtalin nói: Đức đang thiếu lương thực và than, hệ thống giao thông bị đánh phá nặng nề, toàn bộ cơ cấu quân sự của Đức cũng bị phá hoại nghiêm trọng. Có nhiều tướng giỏi đã bị hạ bệ. Tuy Hítle vẫn còn lực lượng thiết giáp hùng hậu, nhưng nước Đức không còn là một nước hùng mạnh trên thế giới như trước đây, muốn gì được nấy, rải quân khắp nơi. Sôcsin nghe xong, lái câu chuyện sang tình hình quân sự ở Tây Âu. Ông ta bước tới trước tấm bản đồ, chỉ giới thiệu tình hình các chiến trường, tập trung nói về chiến cuộc ở Italia.

Bốn giờ chiều, Xtalin đến chào Rudoven tại cung điện Rivakia. Tổng thống Mỹ sau khi kể lại những cảnh tàn phá mà ông được chứng kiến trên đường tới Itanta, ông nói rằng giờ đây ông cảm giận bọn Hítle hơn hồi ở Têhêran năm 1943. Xtalin cho biết, sự tàn phá ở Crum hoàn toàn không thể so sánh với những gì mà bọn Nadi đã làm ở Ucraina, ở đó bọn chúng đã tiến hành phá hoại một cách có kế hoạch, có từng bước hẳn hoi. Rudoven khi nói sang chuyện lữ hành ngang qua Đại Tây Dương trên chiếc tuần dương hạm hạng nặng, có kể rằng, ông ta đã đánh cược liệu người Nga có vào được Béclin trước khi người Mỹ giải phóng Manila. Xtalin nói, người Mỹ có thể sẽ đánh chiếm được thủ đô Philippin trước khi Hồng quân vào được Béclin, vì cuộc chiến ở sông Ôđơ vô cùng gian khổ. Mặc dù quân đội Liên Xô xây dựng được một số công sự tiền duyên, nhưng họ đã vấp phải sự kháng cự quyết liệt của kẻ địch.

Khi bàn đến tình hình mặt trận phía Tây, Rudoven cho Xtalín biết, theo tướng Aixenhao, không có khả năng vượt sông gianh trước tháng ba, vì hiện nay nước ở đó chảy rất xiết, băng trôi gây khó khăn rất lớn cho việc làm cầu. Vì thế, theo Rudoven, cuộc tiến công có tính chất quyết định đối với nước Đức xem ra không thể không kéo dài đến mùa xuân...

“Ba ông trùm” hoạch định cơ cấu sau chiến tranh

Cuộc họp toàn thể lần thứ nhất dự định sẽ bắt đầu vào lúc năm giờ chiều tại cung Rivakia. Từ phòng bên, một sĩ quan lính thủy đánh bộ Mỹ bước ra, anh ta đi tới sau chiếc xe đẩy. Rudoven đã ngồi sẵn trên xe. Người sĩ quan đẩy chiếc xe ra cửa. Xtalín đi bên cạnh, hỏi Rudoven:

Ngài Tổng thống có cho rằng người Pháp cũng nên có một khu vực chiếm đóng ở Đức?

Đó là một ý kiến hay - Rudoven đáp, rồi nói tiếp sau giây lát suy nghĩ - Nhưng nếu làm có như vậy, thì đó cũng chỉ là do sự thành thật.

Rudoven không khoái Đờ Gôn lắm, điều này cũng thể hiện trong thái độ của ông đối với công việc của Pháp.

Xem ra, sự thành thật là lý do duy nhất có khả năng để người Pháp được một khu vực chiếm đóng - Xtalín giọng có vẻ đồng ý.

Theo đề nghị của Xtalín, phiên họp toàn thể lần thứ nhất của Hội nghị Ianta do Rudoven chủ trì.

Rudoven bắt đầu nói:

Xét về mặt luật pháp hay xét về mặt lịch sử, đều không nhất thiết do tôi tuyên bố khai mạc. ở Têheran, tôi chủ trì buổi khai mạc hội nghị, nhưng đó cũng hoàn toàn là chuyện ngẫu nhiên. Song tôi cho rằng, được chủ trì buổi khai mạc hội nghị lần này là một vinh hạnh rất lớn đối với tôi. Trước hết, tôi muốn bày tỏ lời cảm ơn trước sự tiếp đãi ân cần chu đáo đối với tôi.

Tổng thống ngừng lại giây lát, đưa mắt nhìn một lượt tất cả những người ngồi sau chiếc bàn tròn chính giữa có cắm quốc kỳ của ba cường quốc đồng minh chống phát xít, rồi nói tiếp:

Các nguyên thủ ba nước chúng ta đã có sự hiểu biết lẫn nhau và sự hiểu biết này đang ngày một tăng tiến. Chúng ta đều mong muốn nhanh chóng kết thúc chiến tranh, xây dựng một nền hoà bình lâu dài. Cho nên giữa các vị tham dự hội nghị có thể bắt đầu những cuộc trao đổi không chính thức. Theo tôi, các cuộc trao đổi nên chân thành, cởi mở. Kinh nghiệm đã chứng tỏ, thái độ thẳng thắn trong đàm phán rất có lợi cho việc nhanh chóng đạt được những

quyết nghị viên mãn. Trước mặt những người dự họp chúng ta sẽ có bản đồ ba châu Âu, Á, Phi. Cuộc họp hôm nay thảo luận về tình hình mặt trận phía đông, trên mặt trận này Hồng quân đang tiến quân một cách thuận lợi. Tôi muốn có người báo cáo về tình hình chiến trường Xô-Đức.

Theo đề nghị của Xtalin, Phó tổng tham mưu trưởng Hồng quân Liên Xô Đại tướng Antônốp đã báo cáo. Antônốp trình bày tường tận tình hình cuộc tiến công của Hồng quân Liên Xô bắt đầu từ ngày 12 đến ngày 15 tháng 1 trên một chiến tuyến dài 700 km từ sông Nieman đến dãy Cacpát, và nêu rõ hướng chủ công của một số tập đoàn quân.

Antônốp giải thích:

Do thời tiết quá xấu nên chiến dịch dự định mở màn vào cuối tháng 1 là lúc thời tiết tốt hơn. Cũng vì ý nghĩa có tính chất quyết định của chiến dịch, nên lúc đầu muốn được chuẩn bị triển khai trong những điều kiện thật có lợi, nhưng vì quân Đức tổ chức phản công, mặt trận phía Tây xuất hiện những tình hình đáng lo ngại, cho nên Bộ chỉ huy tối cao quân đội Liên Xô ra lệnh, không chờ thời tiết chuyển biến tốt, chậm nhất là đến trung tuần tháng 1, chiến dịch phải bắt đầu.

Tiếp đó, Antônốp báo cáo về lực lượng so sánh giữa quân Đức Hồng quân trên hướng chủ công của Hồng quân Liên Xô, những mục tiêu do Tổng hành dinh Bộ chỉ huy Liên Xô đề ra và những kết quả đạt được. Cuối cùng, ông đưa ra ba yêu cầu của phía Liên Xô đối với các nước Đồng minh phương Tây:

"1- Trên mặt trận phía tây, quân Đồng minh nhanh chóng chuyển sang tấn công... Hy vọng cuộc tấn công tốt nhất bắt đầu vào nửa đầu tháng 2.

2- Oanh tạc đường giao thông để dễ phòng quân địch điều quân từ mặt trận phía Tây, Naui và Italia sang mặt trận phía đông, đặc biệt phải làm tê liệt hai yết hầu Béclin và Laixích. trên tuyến đường

Không cho quân địch rút binh lực ra khỏi Italia.

Đại tướng Antônốp chuyển văn bản báo cáo cho Rudoven và Sôcsin.

Khi báo cáo về tình hình chiến trường Xô-Đức kết thúc, Xtalin hỏi:

Còn vấn đề gì nữa không?

Rudoven tranh phát biểu trước, ông ta "bày tỏ sự khâm phục trước uy lực to lớn của Hồng quân Liên Xô thể hiện trong cuộc tiến công", cảm ơn về chiến dịch tiến công mùa Đông của Hồng quân.

Đáp lời, Xtalin nói đại ý: Mở cuộc tiến công lần này là trách nhiệm mà Liên Xô phải thực hiện với tư cách một người bạn chiến đấu. Theo nghị quyết được hội nghị Têhêran thông qua, Chính phủ Liên Xô không có nghĩa vụ phát

động chiến dịch phản công mùa Đông... “Bộ Tư lệnh Hồng quân Liên Xô thậm chí đã mở cuộc tấn công trước thời hạn dự định. Chính phủ Liên Xô cho rằng đó là nghĩa vụ của mình, nghĩa vụ của một người bạn đồng minh, mặc dầu về hình thức chưa hề có một cam kết như thế”. Xtalin như muốn những người lãnh đạo các nước Đồng minh lưu ý “người lãnh đạo Liên Xô chẳng những thực hiện những cam kết do mình đưa ra, mà còn sẵn sàng đem hết khả năng thực hiện những trách nhiệm về mặt đạo lý của mình”.

Lúc này, các nhà chính trị phương Tây tự nhiên liên tưởng ngay đến một số sự kiện xảy ra cách đây không lâu. Trong những năm đầu chiến tranh, khi Hồng quân phải chiến đấu cực kỳ gian khổ với quân Đức chiếm ưu thế, Luân Đôn và Oasinhton chẳng những không nghĩ gì đến trách nhiệm đạo lý đối với nước Đồng minh của mình, mà còn nhiều lần vi phạm lời cam kết của họ là sẽ mở mặt trận thứ hai. Hai “ông trùm” phương Tây cố tình làm ngơ trước câu nói của Xtalin. Sôcsin chỉ “hy vọng cuộc tiến công của Hồng quân Liên Xô có thể trước sau như một, tiến hành thuận lợi”.

Rudoven tỏ ý muốn biết phía Liên Xô dự định xử lý như thế nào về đường sắt ở Đức.

Antônốp trả lời, vì đầu máy và toa xe của quân Đức để lại không dùng được, nên đành phải mở rộng đường ray trên một vài tuyến đường chính ở Đức.

Rudoven đề nghị các Ban tham mưu của các nước Đồng minh sẽ thảo luận chung vấn đề này, vì hiện nay quân đội các nước Đồng minh cần nhanh chóng sát cánh với nhau. Xtalin tỏ thái độ không phản đối.

Tiếp đó, Sôcsin nói, ông ta có mấy vấn đề mà tốt nhất là do Ban tham mưu của ba nước cùng thảo luận, chẳng hạn như vấn đề thời gian. Cần phải làm rõ, giả dụ quân Đức muốn điều động 8 sư đoàn từ Italia sang mặt trận Liên Xô cần phải mất bao nhiêu thời gian? Cần áp dụng biện pháp gì để ngăn chặn việc điều quân này. Liệu có cần điều một bộ phận quân Đồng minh sang kết hợp với Hồng quân?

Đây tất nhiên không phải là câu nói buột miệng. Ông Thủ tướng nước Anh từ lâu đã có ý định dùng quân đội các nước Đồng minh phương Tây để ngáng đường quân đội Liên Xô. Nhưng khi đó không được Rudoven ủng hộ. Bây giờ đã đến phút chốt, ông ta lại một lần nữa muốn thử rao bán cái “Phương án Bancăng” của ông ta. Song ngay lập tức, ông ta đã tỏ ý nghi ngờ về sự thành công của đề nghị đó, bèn nói: “áp dụng biện pháp đó liệu đã quá muộn rồi chăng?”.

Cuối cùng Sôcsin hy vọng, vấn đề đó và những vấn đề khác sẽ do Ban tham mưu ba nước thảo luận. Mọi người đều đồng ý.

Tướng Mỹ Mácsan, sau khi trình bày tính chất phức tạp của tình hình vùng núi Aden- nơi người Đức đã tập kết “binh lực hết sức hùng hậu”, đã thông báo những hoạt động quân sự trên mặt trận phía Tây. Tiếp đó, Mácsan nói về khả năng quân Đức có thể nhanh chóng lập lại các trận công kích dưới nước, do họ đã chế độ được loại tàu ngầm cải tiến. Vì những thiết bị của quân Đồng minh hiện có không thể phát hiện được những tàu ngầm đó, cho nên gần đây máy bay ném bom hạng nặng của Anh Mỹ đã tăng cường oanh tạc những cơ sở chế tạo tàu ngầm của Đức. Tuy nhiên, - Mácsan giải thích thêm - việc đó không làm giảm bớt cường độ oanh tạc của không quân các nước Đồng minh vào các công trình công nghiệp của đức.

Khi tướng Mácsan kết thúc báo cáo, Sôcsin nói, trước khi mọi người chuyển sang các vấn đề phi quân sự khác, ông ta muốn nói một vấn đề có liên quan đến “cường độ”. Ông giải thích, một sĩ quan của các nước Đồng minh phương Tây phụ trách vấn đề này hiện đang có mặt ở Ianta. Nếu người ấy có thể tiếp xúc với sĩ quan Liên Xô, biết được những tin tức tình báo có liên quan đến vấn đề cường độ, chắc họ sẽ rất cảm ơn. Sôcsin nói thêm, mọi người đều biết, kinh nghiệm của người Nga về phương diện cường độ trên băng đặc biệt phong phú.

Xtalin đồng ý sẽ giúp đỡ trong chuyện này, và đưa ra mấy câu hỏi liên quan tới những hoạt động quân sự của quân đội các nước Đồng minh sắp được triển khai. Ông muốn biết, chiến tuyến chuẩn bị đột phá đó dài bao nhiêu, quân Đức có xây dựng công sự trong khu vực đó không, quân Đồng minh đã có đủ quân dự bị cần thiết chưa, nhất là đã có đủ số lượng đơn vị xe tăng chưa, vì điều này hết sức quan trọng. Tướng Mácsan cho biết, trong 35 sư đoàn bộ binh của quân Đồng minh có khoảng 10-12 sư đoàn xe tăng, và ông ta đã trả lời tường tận các câu hỏi của Xtalin.

Tiếp đó là cuộc trao đổi ý kiến về vấn đề phối hợp hành động quân sự. Xtalin nêu rõ, hành động của quân đội Đồng minh có hiện tượng “mạnh ai nấy làm”. Mùa thu năm ngoái, khi quân đội Liên Xô ngừng công kích thì quân đội Đồng minh phương Tây lại bắt đầu tấn công. Tình hình hiện nay lại ngược lại. Sau khi nhấn mạnh từ nay về sau cần tránh để xảy ra tình trạng trên, Xtalin đề nghị một kế hoạch phối hợp hành động quân sự ở bước sau. Sôcsin tỏ ý tán thành và đề nghị, nhân lúc các vị đứng đầu Chính phủ đang nghiên cứu vấn đề chính trị, hay để cho các chuyên viên quân sự nghiên cứu tất cả những vấn đề này. Kiến nghị của Sôcsin được chấp nhận.

Ngày 5 tháng 2, nguyên thủ ba nước thảo luận vấn đề chính trị sẽ nảy

sinh sau khi Đức bị đánh bại, bàn kế hoạch buộc nước Đức phải thi hành các điều khoản đầu hàng vô điều kiện, và những nguyên tắc chung về xử lý nước Đức.

Để ngăn chặn khả năng nước Đức lại có thể gây ra một cuộc chiến tranh mới, Sôcsin đề nghị cắt Phổ ra khỏi lãnh thổ Đức.

Xtalin nêu vấn đề bồi thường của Đức sau chiến tranh, với lý do nước Đức phát-xít hầu như đã huỷ diệt toàn bộ Châu Âu và đã đẩy hàng triệu dân chúng sống ở những vùng bị bọn Nadi chiếm đóng vào cảnh cực khổ, đói rét, bần cùng và chết chóc chưa từng có.

Về vấn đề bồi thường của nước Đức, Sôcsin có ý kiến khác, cho nên Xtalin chưa dứt lời thì ông ta đột nhiên đã kêu lên:

Âm hồn của một nước Đức đói rét với 80 triệu dân đang hiện ra trước mắt tôi. Ai nuôi sống họ đây? Ai nộp khoản tiền đó đây? Rút cục lại, chỉ ít một phần khoản tiền bồi thường đó vẫn phải móc từ túi các nước Đồng minh ra, có phải thế không?

Rudoven cũng cảm nhận được điều đó, ông nói:

Tôi đồng ý với ý kiến của ngài Sôcsin, ít nhiều cũng phải nghĩ đến tiền đồ của nước Đức. Cho dù Hoa Kỳ có khẳng khái trong việc cung cấp viện trợ cho các nước, cũng không thể bảo đảm cho tương lai của nước Đức. Hoa Kỳ không muốn mức sống của dân chúng Đức cao hơn Liên Xô. Hoa Kỳ vui lòng giúp Liên Xô có được mọi thứ cần thiết từ phía nước Đức.

Sau khi đã trao đổi, thảo luận các ý kiến một cách đầy đủ, “ba ông trùm” đi tới một thỏa thuận như sau: Sau khi nước Đức đầu hàng vô điều kiện, quân đội ba nước sẽ chia nhau chiếm đóng mỗi nước một khu vực của Đức. Tư lệnh tối cao ba nước sẽ hợp thành một Hội đồng quản chế trung ương, thực hiện công việc phối hợp quản lý không chế. Sau chiến tranh, nước Đức phải giải giáp các lực lượng vũ trang, giải tán Bộ tổng tham mưu Đức, huỷ bỏ các công trình quân sự và công nghiệp quân sự của nước Đức, trừng trị tội phạm chiến tranh. Phải thủ tiêu hoàn toàn đảng Nadi, luật pháp của Nadi cùng hệ thống tổ chức và chế độ của nó, loại trừ mọi ảnh hưởng của Nadi và chủ nghĩa quân phiệt ra khỏi các cơ quan công cộng của dân chúng Đức, ra khỏi đời sống văn hóa và đời sống kinh tế của nước Đức.

Về vấn đề bồi thường của nước Đức, hội nghị đồng ý với đề nghị do Liên Xô đưa ra, “tổng mức bồi thường là 20 tỷ đôla Mỹ, trong đó 50% thuộc sở hữu của Liên bang các nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô-viết”. Quyết định thành lập ở Mátxcova một Ủy ban bồi thường để nghiên cứu thêm vấn

đề này. Đại diện ba nước đồng ý để cho quân đội Pháp chiếm đóng một khu vực của nước Đức. Khu vực này nằm trong khu vực chiếm đóng của Anh và Mỹ, phạm vi của nó do Anh, Mỹ bàn bạc với Chính phủ Pháp quyết định. Đồng thời, sẽ mời Chính phủ Pháp tham gia vào Hội đồng quản chế Đức của các nước Đồng minh

Việc trao cho Pháp những quyền lợi đó khiến Sôcsin rất hài lòng, vì ông ta muốn có một nước Pháp hùng mạnh làm bạn Đồng minh sau chiến tranh để cân bằng thế lực với Liên Xô.

Trong hội nghị Ianta, đại diện ba nước còn tranh cãi kịch liệt về vấn đề Ba Lan. Suốt tám ngày hội nghị, hầu như không ngày nào không đề cập đến vấn đề Ba Lan, song cuối cùng vẫn không đạt được một hiệp nghị hoàn chỉnh. Một trong những tiêu điểm của cuộc tranh luận là vấn đề di chuyển đường biên giới của Ba Lan sang phía Tây. Phía Liên Xô đề xuất, biên giới quốc gia của Ba Lan sau chiến tranh, phía đông về cơ bản vạch theo “đường Cócđon”, phía tây nên lấy sông Ôđơ và sông Xênit làm ranh giới. Rudoven và Sôcsin trước sau đều không đồng ý cách hoạch định biên giới phía tây của Ba Lan như vậy. Cuối cùng đi tới thỏa thuận sau đây:

Những người đứng đầu Chính phủ ba nước cho rằng, biên giới phía đông của Ba Lan nên theo đường Cócđon, và tại một số khu vực nên có sự linh động từ 5 km đến 8 km có lợi cho phía Ba Lan. Họ thừa nhận: Ba Lan phải được nhượng lại phần lãnh thổ ở phía Bắc và phía Tây. Họ thấy rằng, về phạm vi nhân nhượng những phần lãnh thổ đó nên trung cầu ý kiến của Chính phủ lâm thời thống nhất toàn quốc của nước Ba Lan mới vào một thời cơ thích hợp; và cũng thấy rằng, định giới cuối cùng của biên giới phía tây Ba Lan nên chờ Hội nghị hoà bình giải quyết.

Như vậy là, đường biên giới phía đông của Ba Lan về cơ bản đã hoạch định xong, còn đường biên giới phía tây và phía bắc của Ba Lan vẫn gác lại. Về thành phần của Chính phủ Ba Lan, giữa Liên Xô và Anh, Mỹ vẫn có những ý kiến bất đồng.

Vấn đề những điều kiện chính trị để Liên Xô tuyên chiến với Nhật, ngay từ trung tuần tháng 12 năm 1944, Xtalin cơ bản đã nói rõ với Harinan - Đại sứ Mỹ ở Liên Xô. Trong thời gian hội nghị, ngày 8 tháng 2, Xtalin cùng Môlôtop đến gặp Rudoven và Hariman bàn bạc trước và đã đi tới thỏa thuận. Ngày 11 tháng 2, Xtalin và Rudoven mời Sôcsin cùng ký tên vào bản hiệp định. Điều kiện bí mật để Liên Xô tuyên chiến với Nhật là: giữ nguyên hiện trạng Ngoại Mông Cổ (nước Cộng hoà nhân dân Mông Cổ); khôi phục lại

những quyền lợi của nước Nga trước khi bị Nhật Bản phá hoại bởi cuộc tiến công thất tín bội nghĩa năm 1904 có nghĩa là trả về cho Liên Xô miền nam Sakhalin và các đảo chung quanh; quốc tế hóa thương cảng Đại Liên, bảo đảm quyền ưu tiên của Liên Xô ở cảng này; việc Liên Xô thuê cảng Lữ Thuận làm căn cứ hải quân phải được khôi phục; đối với tuyến đường sắt đi qua Đại Liên và tuyến đường sắt Nam Mãn, sẽ thành lập một Công ty hỗn hợp Xô-Trung để cùng kinh doanh; quần đảo Thiên Đảo giao cho Liên Xô. Bản hiệp định ghi nhận, lãnh tụ ba nước đồng ý, những yêu cầu trên đây của Liên Xô phải được “thực hiện vô điều kiện” sau khi Nhật Bản bị đánh bại.

Mục đích của hội nghị Ianta là xử lý phát xít Đức, đánh bại đế quốc Nhật bằng lực lượng liên hợp của các nước Đồng minh. Thế nhưng, hiệp định Ianta là một hiệp định trực tiếp can thiệp vào chủ quyền và lợi ích của Trung Quốc - một trong bốn nước Đồng minh lớn, song lại không có đại biểu Trung Quốc tham dự! Một nhà ngoại giao chuyên nghiệp Mỹ được dự hội nghị đó đã nói rất đúng trong hồi ký của mình rằng: “Điều đáng phê phán đối với Hiệp định Ianta là nó đã quay lưng lại với người bạn Đồng minh Trung Quốc của chúng ta.” Đó là một biểu hiện xấu xa của thứ chính trị cường quyền nước lớn.

Trong cuộc hội ngộ ở Ianta còn có một câu chuyện ngoài lề nho nhỏ. Ấy là những phút giải lao sau khi hợp hành căng thẳng, người ta thường nhìn thấy ba cô gái trẻ với những bộ váy áo khác nhau, quần quít bên cạnh “ba ông trùm”. Lúc dự tiệc hoặc đi xem phim, họ cứ như hình với bóng. Có lúc các cô cũng trò chuyện với nhau, cùng nhau đi dạo.

Cô gái có cặp mắt to, đôi lông mày rậm là tiểu nữ của Xtalin, cô con gái của Sôcsin có mái tóc vàng dễ thương, còn cô gái có dáng người dài các là tiểu nữ của Rudoven. Thoạt đầu, chỉ có Xtalin cho con gái đến, “hai ông trùm” kia biết tin, cũng đưa con gái đến nốt.

Thế là có người tả lại rằng: Trong phòng họp, “ba ông trùm” tranh nhau đấu khẩu, ngoài phòng họp là cuộc ngoại giao son phấn của “ba tiểu thư”

Rudoven bác bỏ đề nghị của Káynan

Trước hội nghị Ianta, các thế lực muốn ngăn cản ba nước chủ yếu trong liên minh chống Hitle đạt được những thỏa thuận, đã ráo riết hoạt động ở Mỹ và Anh. Việc Hồng quân Liên Xô đã giáng những đòn chí mạng vào quân đội Hitle, việc quân đội Liên Xô tiến quân thần tốc sang miền tây, việc Hồng quân giải phóng hàng loạt các nước Đông Âu, tất cả đã củng cố địa vị của Nhà nước Xô-Việt. Những kẻ coi chuyện đó là một sự uy hiếp đối với đặc

quyền của chúng cũng như đối với sự “kiêu hãnh” của chủ nghĩa đế quốc, đều bàng hoàng kinh sợ. Họ cho rằng, thời khắc cần phải có “lập trường cứng rắn” đối với Mátxcova đã tới.

Bị vong lức của Gióocgiơ Káynan - Tham tán sứ quán Mỹ ở Mátxcova lúc bấy giờ - được viết theo tinh thần đó. Ông ta nói:

Tôi hoàn toàn nắm được các tình hình thực tế của cuộc chiến tranh này, và cũng hiểu rằng lực lượng của chúng ta rất yếu, nếu không có sự hợp tác của Nga, chúng ta không thể giành được thắng lợi. Tôi nhận thức được rằng, những cố gắng quân sự của nước Nga là rất xuất sắc và có hiệu quả, nó xứng đáng được khen thưởng ở một mức độ nào đó... Song mặc dầu có tình hình như vậy, tôi không thấy có lý do nào buộc chúng ta phải ủng hộ cương lĩnh chính trị đó, vì cương lĩnh đó đi ngược lại lợi ích chung của cả khối cộng đồng Đại Tây Dương, hơn nữa sẽ gây nguy hại cho mọi thứ mà chúng ta cần thiết để bảo vệ châu Âu.

Tiếp đó, Káynan đưa ra phương án dưới đây:

Cần phải “bằng mọi khả năng nhanh chóng chôn vùi ngay” kế hoạch thành lập Liên Hợp Quốc, vì kết quả thực tế duy nhất của việc thành lập tổ chức quốc tế này là buộc nước Mỹ phải gánh vác những nghĩa vụ bảo vệ “phạm vi thế lực của một nước Nga bành trướng và có hại”;

Cần phải làm cho dân chúng Mỹ hiểu rõ quan điểm sau đây là sai lầm: hình như nền an ninh của thế giới tùy thuộc vào việc chúng ta sử dụng lực lượng vũ trang của Mỹ trong những trường hợp cụ thể được văn bản luật pháp qui định. Không. Nước Mỹ phải giữ quyền quyết định sử dụng lực lượng vũ trang của mình ở bất cứ đâu và bất cứ lúc nào;

Nếu nước Mỹ không quyết tâm “phấn đấu đến cùng”, không dùng toàn bộ sức mạnh vật chất và sức mạnh ngoại giao của nước Mỹ để chống lại quyền chi phối của người Nga đối với Đông Âu và Đông Nam Âu, vậy thì nước Mỹ nên “sổ toẹt” các khu vực nói trên;

Nước Mỹ nên công nhận việc nước Đức bị chia cắt hoàn toàn là chuyện đã rồi, và bắt đầu hiệp thương với người Anh và người Pháp, để nên lập một liên minh Tây Âu bao gồm cả các khu vực miền tây nước Đức.

Phương án của Káynan, trên thực tế là chia thế giới thành hai trận tuyến đối địch nhau. Tổng thống Rudoven và tay chân thân cận của ông ta không nghe theo đề nghị của Káynan, tiếp tục giữ phương châm phát triển hợp tác quân sự và cùng nhau xây dựng thế giới sau chiến tranh.

Trong thời gian hội nghị Ianta họp, tình hình chiến trường diễn biến tới

mức các nhà chính trị phương Tây không thể không thừa nhận: không có sự tác chiến tích cực của Liên Xô, hai nước Mỹ Anh không thể đối phó được nước Đức Hitle.

Còn một vấn đề quân sự khá quan trọng nữa luôn khuấy động bầu không khí của hội nghị Ianta, đó là các nước Đồng minh phương Tây, trước hết là Mỹ, muốn được sự bảo đảm cụ thể của Mátxcova về việc Liên Xô tham chiến với Nhật. Mỹ khi đó coi việc đạt được hiệp nghị với Liên Xô về vấn đề này là một nhiệm vụ quan trọng nhất.

Do Tổng thống Rudoven có thái độ hợp tác, nên hội nghị lần này giống như hội nghị Têhêran, các bên tham gia khi bàn các vấn đề quan trọng đều diễn ra trong bầu không khí có chiều hướng muốn đi tới những thoả thuận nhất trí. Đây là cuộc hội ngộ lần thứ hai giữa các nguyên thủ ba nước lớn Liên Xô, Mỹ, Anh - những nước đã kết thành Đồng minh chống Hitle, và hội nghị này giữ một vị trí quan trọng trong lịch sử ngoại giao thế chiến lần thứ hai.

Sau này, trong những năm tháng chiến tranh lạnh, những người phản đối hợp tác với Liên Xô ở hai bờ Đại Tây Dương ra sức bôi nhọ Hiệp nghị Ianta. Họ mô tả sự việc hình như các cường quốc phương Tây khi ở Crum, đã vứt bỏ lập trường của mình, “đã làm tổn hại phương Tây”, trong khi đó lại để cho phía Liên Xô vơ được về cho mình những kết quả thiết thực. Họ lại còn tung ra câu chuyện “Người bệnh Ianta”, nói rằng Tổng thống Rudoven vì bệnh nặng, hoàn toàn không biết mình đã làm những gì, càng không thể nhận rõ hậu quả những nghị quyết của hội nghị!

Mặc dầu chuyện nhảm nhí đó ngay lúc bấy giờ đã bị lên án dữ dội, nhưng cho đến nay vẫn có người còn tin. Khi “ba ông trùm” họp với nhau ở Crum tới khi Rudoven qua đời, quả thật chỉ cách nhau không đầy hai tháng. Nhưng tình hình sức khỏe của ông xấu đi nghiêm trọng chỉ trong vài tuần cuối cùng của cuộc đời. Ở hội nghị Ianta, người bác sĩ riêng của Tổng thống ở cùng với Tổng thống trong cung điện Rivakia đã xác nhận tình trạng sức khỏe của Rudoven bình thường, “phổi của ông sạch, mạch và huyết áp không có gì khác thường”. Phu nhân Tổng thống bà Êlêno Rudoven, cũng chứng thực điểm này: “Phrăngklin⁽¹⁾ thiết tha mong muốn trong lần hội nghị này, ông có thể có được sự tiến triển thực sự trên phương diện tăng cường quan hệ cá nhân với Nguyên soái Xtalin... Ông ấy biết, trong đàm phán bao giờ chẳng có hơn có thiệt, lại thích những trò “ú tim” trong đàm phán. Tôi tin chắc, ngay cả ở hội nghị Ianta,

⁽¹⁾ Vợ Rudoven thường gọi ông như vậy.

sự cần thiết phải đấu trí với người khác vẫn kích thích ông, khiến ông phải nhảy bèn và tập trung, cho dù có lúc ông thấy mệt mỏi”.

Những người bên vực cho chiến tranh lạnh còn tung ra một luận điệu nhằm nhĩ khác, nói rằng Liên Xô sau này tưởng như đã làm trái với thoả thuận Ianta, vì thế đã dẫn tới sự rạn nứt giữa các nước Đồng minh. Luận điệu này rõ ràng không thể đứng vững. Những thoả thuận ở Crum nếu đã có lợi cho Liên Xô, hà tất Liên Xô phải làm trái với những hiệp nghị đó. Điều này há chẳng khiến người ta khó hiểu? Thật ra, bỏ công đi tìm cái quan hệ lô-gích ở đây quả là vô nghĩa. Không từ một thủ đoạn nào để phá hoại tín nghĩa và danh dự của các hiệp nghị đã được các nước Đồng minh nhất trí thông qua tại Crum, đó là một yêu cầu của các nước phương Tây. Thực chất của vấn đề là ở chỗ: Oasinhton và Luân Đôn có một số người quyết tâm muốn nhanh chóng chuyển phương châm hợp tác với Liên Xô sang phương châm đối đầu với nó, và những hiệp nghị đó là cái gai trong mắt họ.

II. NHÀ TRẮNG MUỐI BIỂN

Rudoven đột ngột qua đời

Sau chuyến hành trình từ Ianta về nước Watson trợ lý quân sự của Tổng thống Rudoven chẳng may qua đời. Tiếp đó, Hốpkin, người trợ thủ và là người bạn chiến đấu thân thiết của Tổng thống ốm nằm trên giường. Nỗi mệt nhọc trong chuyến đi và những vết thương tinh thần đã khiến sức khỏe của Rudoven ngày càng suy giảm, đầu óc cũng chậm chạp đi. Cùng khi đó, Quốc vụ khanh Coócđen Hun, người đã nhiều năm cộng sự với ông lại xin từ chức vì bệnh tật. Thế là toàn bộ gánh nặng ngoại giao đều trút cả lên ông. Ông cảm thấy lực bất tòng tâm, dường như toàn bộ sức lực trong con người ông đã tiêu tan hết cả.

Trước tình hình sức khỏe của Rudoven ngày một tồi tệ, bác sĩ lo lắng, phu nhân âu sầu. Họ khuyên ông giảm bớt công việc, nhưng Rudoven bỏ mặc ngoài tai.

Những người thân cận đành phải cầu đến lời khuyên giải của các bạn hữu Rudoven. Đại sứ Canada MắcCácty là bạn thân của Tổng thống, trước đây ông thường đưa Rudoven đi suối nước nóng nghỉ. Ông khuyên Tổng thống: “Chịu khó đến Suối nước nóng nghỉ ngơi một tháng, sức khỏe của anh có thể hồi phục, làm việc sẽ tốt hơn, anh nên nghỉ xa một chút mới phải!”

Cuối cùng, Rudoven đồng ý đi nghỉ ở Suối nước nóng, nhưng dặn trước: thời gian không được quá lâu.

Ngày 30 tháng 3 năm 1945, Rudoven đến Suối nước nóng. Lúc này ông đã quá mệt, ngay cả những lời thăm hỏi của các bạn cũ, ông cũng không buồn trả lời. Khi hành lễ trong phục sinh, ông để rơi kính xuống đất, rồi để rơi luôn cả quyển kinh thánh. Suốt ngày hôm đó, ông không cười một lần nào cả.

Sau gần chục ngày nghỉ ngơi, lại được các nhân viên y tế tận tình chăm sóc, tinh thần của ông có vẻ khá hơn, ăn uống cũng được nhiều hơn trước một chút. Thấy sức khỏe của mình có phần chuyển biến tốt, ông lại bắt đầu làm việc - viết thư từ, phê duyệt văn kiện, khởi thảo bài diễn văn mà ông dự định đọc trước dân chúng cả nước qua vô tuyến nhân ngày 13 tháng 4 là ngày kỷ niệm Jépphócxon⁽¹⁾ Sáng sớm ngày 12 tháng 4, khi tỉnh giấc, Rudoven cảm thấy hơi đau đầu, cổ cứng ngắc, song điều bất ngờ là sắc mặt của ông vẫn rất tốt. Ông dự định sau ngày làm việc hôm nay, chiều tối đi dự bữa tiệc ngoài trời do thị trưởng Suối nước nóng Phrencô tổ chức để mời ông. Phrencô sẽ quay một con lợn sữa và một chú dê con, lại có cả rượu Uýtcki hảo hạng. Ông còn nhận lời buổi tối sẽ đi xem buổi biểu diễn thử vở hài kịch do một số bệnh nhân trẻ ở Suối nước nóng thủ vai. Mấy hôm trước, một người bạn cũ của Tổng thống là Ruxi lặn lội từ quê hương phía nam bang Carôlina đến Suối nước nóng. Bà ta đi cùng với một nhà nghệ thuật là nữ họa sĩ Êlidadét và có nhờ Êlidadét vẽ một bức chân dung Tổng thống bằng thuốc nước. Theo yêu cầu của bà, Rudoven choàng tấm áo khoác hải quân của ông. Ông vẫn làm việc bình thường. Trong căn phòng bài trí rất đơn sơ, ông ngồi sau chiếc bàn nhỏ dùng chơi bài, đang xử lý tập văn kiện của Chính phủ do người thư ký riêng mang từ Oasinhton tới. Rudoven cầm bút ký vào sắc lệnh kéo dài thời hạn Công ty tín dụng hàng hóa. Người thư ký riêng đi khỏi, ông tiếp tục xem xét một số văn kiện khác, trong đó có cả bản thảo bài nói trên truyền thanh mà ông chuẩn bị sẽ đọc vào tối hôm sau nhân ngày kỷ niệm Jépphócxon. Bàn tay run rẩy của ông còn cố viết thêm một câu: Chúng ta hãy tiến lên với niềm tin kiên định và tích cực." Nhìn đồng hồ đã 12 giờ 45 phút, sắp đến giờ ăn cơm trưa, ông tuyên bố: Chúng ta vẫn có thể còn làm việc được 15 phút nữa.

Nữ họa sĩ Êlidadét đang chăm chú ghi ký họa, Ruxi ngồi lặng lẽ bên cạnh cửa sổ, có thể hoàn toàn nhìn thấy Tổng thống, gương mặt bà rạng rỡ một nụ cười dịu dàng, cô y tá ngồi bên cạnh chăm sóc. Khi kim đồng hồ sắp

⁽¹⁾ Thomas Jefferson (1743-1826) - Tổng thống Mỹ 1801-1809 (ND).

chỉ 1 giờ, cô y tá phát hiện thấy đầu Tổng thống gục về phía trước, hai tay quờ quạng trên chiếc ghế mây. Cô y tá và bà Ruxi vội chạy tới, quỳ xuống sàn nhà, ngược nhìn lên mặt Rudoven hỏi:

Tổng thống muốn hút thuốc?

Ông khẽ trả lời:

Đầu tôi đau quá!

Hai người chạy vội ra ngoài gọi điện thoại báo bác sĩ. Nữ họa sĩ Êlidabét thất thanh hét lên, từ trong phòng chạy lao ra kêu cứu. Người hầu cận của Tổng thống cùng với một nhân viên phục vụ vội vã chạy tới. Họ đưa Rudoven đang bất tỉnh nhân sự trên ghế mây, đi ngang qua người phụ nữ đang ngồi cầm lặng trên sàn nhà bóng lộn trong tâm trạng kinh hoàng, đưa ông vào gian phòng ngủ bên cạnh. Toàn thân Rudoven lạnh toát, mồ hôi vã ra. Khoảng 15 phút sau, bác sĩ tới chẩn đoán ngay ông bị xuất huyết não nặng và thực hiện các biện pháp cấp cứu, Rudoven vẫn hôn mê, nhưng cả căn biệt thự đều có thể nghe thấy tiếng thở gấp gáp của ông. Nhân viên công tác và bè bạn của ông túc trực trong nỗi lo âu. Mọi người đều im tiếng, lặng lẽ thầm cầu nguyện cho ông. Buổi chiều, đúng 3 giờ 35 phút, Rudoven ngừng thở.

Toruman vào Nhà Trắng

Chiều ngày 12 tháng 4 năm 1945, Phó Tổng thống Hari Toruman đang chủ trì buổi thảo luận về một bản điều ước tại Hạ nghị viện. 5 giờ chiều họp xong, ông tới văn phòng của Chủ tịch Thượng viện để dự buổi liên hoan rượu Uytxki Buốcbông do bè bạn của ông Chủ tịch tổ chức. Rượu vừa rót ra, Nhà Trắng gọi điện thoại khẩn cấp tới. Xtêphan - Trợ lý phụ trách tin tức của Tổng thống - yêu cầu ông lập tức đi một mình tới ngay Nhà Trắng ⁽¹⁾

Toruman vội vã đi theo đường ngầm tới Nhà Quốc hội, lấy một chiếc xe con phóng đến Nhà Trắng theo đại lộ Penxinvania. Tới toà hành chính, trời đã nhá nhem tối. Ông đi thang máy lên tầng hai, xuyên qua hành lang, tới phòng làm việc của Tổng thống. Rudoven phụ nhân bước tới, đặt tay lên vai ông, khẽ nói: "Hari! Tổng thống mất rồi!"

Sau một lúc bàng hoàng, Toruman nhanh chóng tự kiểm chế được mình, hỏi Rudoven phụ nhân:

Tôi có thể giúp bà được gì?

⁽¹⁾ Phủ Tổng thống Mỹ.

Chúng tôi có thể giúp gì được ông?- Bà trả lời - Vì người gặp phiền phức bây giờ là ông.

Đối với một người sắp bước lên cương vị tối cao của Nhà nước mà nói, đây quả là một ý kiến rất không bình thường, nhưng Toruman lập tức hiểu ra rằng ông ta quả thật là “đã gặp phiền phức”. Vì Rudoven, trong quan niệm của mọi người, vẫn là “Tổng thống”, hầu như khó tin rằng có ai khác có thể trở thành Tổng thống của Hợp chúng quốc. Một quan chức làm việc ở Nhà Trắng sau này đã kể lại tình hình ngày 12 tháng 4: “Chuyện xảy ra quá đột ngột, tôi cũng sợ cả người, hoàn toàn quên mất ngài Toruman. Trong tiềm thức của tôi, tôi quả thật không cất nghĩa nổi chức vụ Tổng thống lại có thể tách rời với Rudoven. Tổng thống, Nhà Trắng, chiến tranh và sinh mệnh của chúng tôi - tất cả những cái đó đều thuộc về Rudoven”. Một ký giả khi viết về Toruman đã nói: “Có một thời gian, điệu bộ đi đứng của ông ta giống hệt như một viên chức xoàng nhất trong “hàng quân của Rudoven” đi dưới cái bóng đồ sộ của Người”.

Rất nhiều người Mỹ đã không nhớ nổi ngoài Rudoven, còn có người nào khác từng bước vào Nhà Trắng, họ luôn luôn nghĩ rằng Rudoven mãi mãi sống và làm việc ở đó. Trong cuộc tranh cử Tổng thống năm 1944, tờ “Tin hàng ngày Chicago” đã viết khi nhắc đến Rudoven: “Nếu ông (chỉ Rudoven - ND) là người đã hợp với bố tôi và ông tôi, thì cũng là người hợp với tôi. Nghe nói năm đó có câu chuyện: Có người hỏi một đảng viên Dân chủ mới được thăng chức rằng: “Có lẽ thằng cu của ông lớn lên sau này có thể sẽ làm Tổng thống!” Người kia ngượng ngùng đáp: “Có thể thế nào được? Còn Rudoven giải quyết ra sao?”

Thật khó mà tưởng tượng nổi Toruman lại ngồi vào chỗ của Rudoven. Một số người khi nói chuyện với Toruman thậm chí không kêu chức vụ của ông. Một ký giả Oasinhton nhớ lại: “Quả thật là rất khó, và cũng rất không tự nhiên khi xưng hô với người đó là “Ngài Tổng thống”, cho nên chúng tôi thường tránh từ đó, và khi nêu câu hỏi thường dùng từ “Ngài” hoặc hỏi trống không”. Tối ngày 12 tháng 4, ông Bộ trưởng Nông nghiệp ghi vào nhật ký của mình:

“Tôi đã quyết định phải hết sức cẩn thận khi xưng hô với Tổng thống mới, phải kêu ông ấy là “Ngài Tổng thống”... Nhưng điều khiến tôi tự mình cũng thấy ngạc nhiên, hơn nữa có chút đáng ghét là, tôi bắt tay ông ta và nói: “Hari, bọn mình sẽ cố gắng hết sức giúp cậu”.

Các Bộ trưởng phục vụ dưới thời Phrăngklin Rudoven đặc biệt cảm thấy khó chấp nhận sự thay đổi này. Người thì cảm thấy sững sốt trước việc Tổng

thống mới tuyên thệ nhậm chức một cách vội vã không cần thiết; người thì không cất nghĩa nổi vì sao Hari Toruman sẽ ngồi vào chiếc xe ô tô làm riêng cho Rudoven. Lora Xten viết:

Rudoven được hàng triệu con người coi là nhân vật không thể thiếu được để giành thắng lợi trong chiến tranh. Bây giờ ông đã ra đi, và bạn có thể nghe thấy ở đâu đó người ta đang lầm nhảm "Tổng thống Toruman, Tổng thống Toruman". Họ đang cố làm cho mình quen với cách xưng hô đó.

Buổi sáng đầu tiên Toruman nhậm chức, khi nhân viên lễ tân hô: "Tổng thống đã tới!", một cô thư ký lặng đi một lúc, rồi ôm mặt khóc chạy vào phòng làm việc của mình. Cô vừa nức nở vừa nói: "Tôi cứ tưởng người mà ông ấy nói là Tổng thống.... Tổng thống Rudoven!"

- Trong lễ tang Rudoven, một số quan chức Chính phủ có vai vế cũng cho rằng Toruman là người thay thế không xứng đáng. Một nhân vật là thành viên Ban cố vấn của Tổng thống, từ năm 1932, ông ta rất thông cảm với tân Tổng thống, nhưng khi nghe Toruman nói một cách khẳng định rằng ông ta sẽ mang hết tâm huyết ra thực hiện đường lối của Rudoven, thì ông này đã phải thốt ra lời: "Nói ra thật đáng buồn, cái giọng Misuri⁽¹⁾ khô khốc vô vị ấy quả thực là một bước thụt lùi thảm hại so với tài diễn thuyết kiểu Rudoven. Người Mỹ đã quen thuộc với cái giọng trầm hùng ấm áp đó, đến nỗi tưởng nó là cái gì rất tự nhiên, đến bây giờ mới nhận ra đó là của Thượng đế ban cho, tuyệt vời đến mức họ chưa lường hết được một cách đầy đủ". Nhiều năm sau, nhớ lại cảnh chiếc xe tang trên đường tới làng công viên Haidor, Toruman kể: "Ở mỗi nơi chúng tôi dừng lại, đều có những đám người tụ tập, cứ như là... ngày tận số của thế giới đã đến, và tôi cũng nghĩ như vậy". - Ông kể tiếp - "Trên đường về, tôi nghe thấy Haron cứ lầm bầm rằng sau khi Rudoven chết đi, cái nhà nước hiện nay sẽ hồng bát, rằng cái nhà nước hiện nay cũng chẳng có lãnh đạo gì nữa. Đại loại những câu như vậy. Ông ta nói đi nói lại mãi, đúng là một người lầm diều". Có người hỏi Toruman: "Haron liệu có biết ông nghe thấy không?" "Tôi nghĩ ông ta muốn để cho tôi nghe thấy".

Khi xe tang chở di thể của Rudoven về tới Oasinhton, xe của Toruman xếp ở hàng thứ hai. Dòng xe từ từ diễu qua các dãy phố ngang nhịt của Oasinhton trên đường tới Nhà Trắng, hàng nghìn hàng vạn dân chúng chen chúc nhau trên hè phố để nhìn không phải vào vị Tổng thống mới mà là linh cữu Rudoven. Sau này, Toruman viết:

⁽¹⁾ Tên một bang của nước Mỹ (ND).

Tôi không bao giờ có thể quên được ánh mắt đau thương của chàng ấy con người. Có những người không cảm nổi tiếng khóc, có những người khóc thầm lặng lẽ, có những người cố nén chặt đau thương, song tất cả mọi người đều đau đớn tưởng niệm một cách chân thành. Lúc này không thể nói ai là người ủng hộ ông và ai là người từng không ủng hộ ông. Cả khối dân chúng khổng lồ ấy đều tỏ ra đau đớn và bi thương trước sự ra đi của một nhân vật phi thường... Khi đoàn xe tang lễ đi qua đại lộ Hiến pháp, phần lớn những người xếp hàng chen chúc trên đường phố đều nức nở khóc.

Tại Nhà Trắng, hơn 200 con người trung thành với Rudoven tề tựu đông đủ để vĩnh biệt ông lần cuối. Hary Hốpkin mặt "trắng bệch đến phát sợ", hình như ông ta không còn lý do gì để tiếp tục sống nữa. Khi Tổng thống Toruman bước vào phòng, cũng chẳng ai buồn đứng dậy.

Là một người được ngồi vào ghế Tổng thống, một chức vụ được Rudoven củng cố thêm tầm quan trọng, vậy mà Toruman thường không nhận được sự tôn trọng cần thiết tối thiểu. Sáng ngày thứ hai bước vào Nhà Trắng, Toruman gọi điện thoại báo cho Jôn, Tổng giám đốc Công ty tài chính Phục Hưng - biết Tổng thống đã bổ nhiệm một người của Xanh Lui làm Giám đốc Tín dụng liên bang.

Trong những năm Toruman cầm quyền, ảnh hưởng của Rudoven vẫn lớn đến nỗi một trong những cố vấn trước đây của ông đã đưa ra một nhận xét nghe rất kỳ cục. Ông ta cho rằng, tuy nằm trong mộ, Rudoven vẫn đang tiếp tục làm Tổng thống của Hoa Kỳ. Tròn một năm sau ngày Rudoven qua đời, Rôxenman viết:

Một năm sau, người ta rất dễ dàng nghĩ đến một sự thật cũng rất dễ dàng không được chú ý. Sự thật đó là, mặc dù Phrăngklin Đêlanô Rudoven tạ thế trước khi cuộc chiến đấu trong đại chiến thế giới lần thứ hai kết thúc, song dấu ấn mà ông để lại trên thế giới sau chiến tranh vẫn chưa và vĩnh viễn không bao giờ bị phai mờ. Ông không chỉ là vị Tổng thống của thời kỳ trước chiến tranh, sau này là vị Tổng thống của thời kỳ chiến tranh, và trên một ý nghĩa hết sức chân thực và thực tế, ông còn là vị Tổng thống của thời kỳ sau chiến tranh.

Đại sứ Mỹ đang đêm xin gặp Mólôtốp

Đã 1 giờ sáng, trong căn phòng của Sứ quán Mỹ nằm trên phố Ácbát Mátxcova vẫn đông khách khứa, và tiếng nhạc nhẹ nhàng vẫn đều đặn vọng ra bên ngoài. Đại sứ Hariman và các nhân viên công tác ở Sứ quán hôm nay tổ chức

buổi liên hoan tiễn đưa một quan chức sắp được điều động về Oasinhton. Đột nhiên, thư ký trực ban xăm xăm bước vào, ghé vào tai Đại sứ thì thào chuyện gì đó, Hariman lảng lạng rời khỏi hội trường. Điện thoại của Nhà Trắng khiến Hariman bàng hoàng khi biết Tổng thống đã qua đời. Đại sứ cố nén nỗi đau trong lòng quay trở lại hội trường, với vẻ mặt vẫn tươi tỉnh ông tuyên bố buổi dạ hội kết thúc và mời các vị khách ra về.

Khi tất cả mọi người đã rời Sứ quán, Hariman điện thoại ngay cho Ủy viên nhân dân Ngoại giao của Kremli là Mólôtốp, báo ông biết tin dữ này và yêu cầu bố trí cho gặp.

Mặc dù đêm đã khuya, Mólôtốp vẫn thân chinh đến dinh Sứ quán Mỹ. Khi những bước chân nặng nề của ông vào tới phòng đón tiếp, trên chiếc bệ cao bằng đá cẩm thạch kê giữa sảnh đã đặt một tấm ảnh lớn Tổng thống Rudoven phủ lụa đen, cạnh đó dựng một quốc kỳ Mỹ dính băng tang.

Sau lễ viếng tiễn hành hết sức ngắn gọn, Mólôtốp lưu lại ở Sứ quán một lúc. Giọng đầy thương cảm xen nỗi lo âu, Mólôtốp nói đến vai trò của Tổng thống Rudoven trong chiến tranh và trong qui hoạch hoà bình sau chiến tranh, bày tỏ sự kính trọng của Nguyên soái Xtalin cùng toàn thể nhân dân nước Nga đối với Tổng thống. Mólôtốp còn nhấn mạnh rằng Nguyên soái Xtalin đánh giá cao sự cố gắng của Tổng thống ở Ianta.

Hariman lái câu chuyện sang vị tân Tổng thống Hari Toruman và cam đoan với Mólôtốp rằng Chính phủ mới của Mỹ sẽ tiếp tục đường lối của Tổng thống Rudoven.

Tiến Mólôtốp về, Hariman yêu cầu muốn được hội kiến với Nguyên soái Xtalin ngay trong ngày hôm nay. Trong bức điện gửi Tổng thống mới, Hariman nói rõ ý đồ của ông ta là muốn bảo đảm với Xtalin tính liên tục trong chính sách của Mỹ, và “phía Mỹ sẽ phát triển quan hệ với Liên Xô theo tinh thần của hội nghị Crum, và sẽ cố gắng làm tất cả cho công việc đó”.

Xtalin gặp Hariman

Lời cam kết của Hariman rõ ràng chỉ mang tính chất ngoại giao, vì thực ra, vị Đại sứ Mỹ ở Liên Xô này làm sao mà không thừa biết rằng Toruman là người căm ghét nhà nước Xô-viết; ông ta xuất hiện ở Nhà Trắng với tư cách ông chủ mới, chắc chắn sẽ có nhiều sự thay đổi trong chính sách của nước Mỹ, và những chính sách đó sẽ trở nên cứng rắn hơn.

Để làm rõ chính sách mới của Nhà Trắng đối với Liên Xô, và cũng để xây dựng mối liên hệ chặt chẽ hơn với Toruman, Hariman yêu cầu ông được

trở về Oasinhton. Chỉ vài giờ sau, Oasinhton gửi một bức điện trả lời khiến vị Đại sứ phải rầu rĩ: Tổng thống Toruman và ngài Quốc vụ khanh sau khi trao đổi cho rằng, “trước mắt, hơn lúc nào hết” cần ông có mặt ở Mátxcova.

Chuyện về nước không thành, Hariman bèn quyết tâm được yết kiến người đứng đầu Chính phủ Liên Xô, một lần nữa sẽ nêu lại vấn đề mà trong mấy ngày gần đây được mọi người quan tâm theo dõi, cố gắng hối thúc Xtalin cử Mólôtốp đi Xan Phranxixcô tham gia hội nghị Liên Hợp Quốc. Lý do mới của Đại sứ là, Mólôtốp có thể tiện đường ghé qua Oasinhton gặp tân Tổng thống Mỹ.

Vấn đề đại biểu Liên Xô tham dự Hội nghị lần thứ nhất của Liên Hợp Quốc là chủ đề trao đổi giữa người lãnh đạo hai nước Xô-Mỹ trong thời gian gần đây. Xtalin từ chối với lý do hội nghị xô-viết tối cao Liên Xô sắp sửa họp, công việc của Mólôtốp rất bận, thêm vào đó đang phải cân nhắc đến những chức vụ khác của ông ta, nên Mólôtốp không thể đi Xan Phranxixcô vào tháng 4 năm 1945.

Về việc này, khi Rudoven còn sống cũng đã gửi công hàm cho Xtalin, nêu rõ:

Việc ngài Mólôtốp không đến được hội nghị, e toàn thế giới sẽ cho rằng điều đó chứng tỏ phía Liên Xô thiếu sự quan tâm như các quốc gia khác trước mục đích lớn lao của hội nghị.

Ngày 27 tháng 3, Xtalin trả lời công hàm của Tổng thống Mỹ:

Chúng tôi đánh giá rất cao và vô cùng coi trọng Hội nghị Xan Phranxixcô với sứ mệnh đặt cơ sở cho một tổ chức quốc tế vì nền hoà bình và an ninh của nhân dân thế giới. Song, giữa ý nguyện và công việc lại không cho phép, Mólôtốp quả thật chưa thể tham gia hội nghị. Tôi và Mólôtốp đều cảm thấy rất đáng tiếc về việc này, vì Xô-viết tối cao Liên Xô căn cứ theo yêu cầu của các đại biểu Xô-viết tối cao sẽ triệu tập hội nghị vào tháng 4, mà sự có mặt của Mólôtốp là hết sức cần thiết, do vậy, Mólôtốp thậm chí chưa thể tham gia một số phiên họp đầu tiên của Hội nghị Xan Phranxixcô.

Như Ngài biết, Đại sứ A.A. Grômucô đã hoàn thành rất có kết quả nhiệm vụ của Đại sứ trong hội nghị ở vườn cao su Đonbaton, và chúng tôi tin chắc rằng ông cũng sẽ rất thành công trong việc lãnh đạo đoàn đại biểu Liên Xô tham dự Hội nghị Xan Phranxixcô.

Còn về những sự giải thích khác nhau, đúng như Ngài đã hiểu, cái đó không thể đóng vai trò quyết định trong những nghị quyết sẽ được đưa ra.

Câu trả lời dứt khoát và rõ ràng của Xtalin vốn đã có thể kết thúc vấn đề

chọn người tham dự Hội nghị Xan Phranxixcô của phía Liên Xô. Nhưng, cái chết của Rudoven, rồi Nhà Trắng thay chủ mới, khiến Hariman nghĩ rằng cần thiết phải làm cho Xtalin thay đổi ý kiến, vì theo ông ta, Môlô tôp đi Mỹ tham gia hội nghị sẽ được coi là một biểu hiện của việc hai nước lớn Xô-Mỹ quyết tâm tiếp tục duy trì chính sách hợp tác.

Trước khi gặp Xtalin, Hariman đã dự kiến và chuẩn bị trước mọi khả năng Xtalin có thể phản ứng sau khi ông đưa ra ý kiến của mình.

8 giờ tối ngày 13 tháng 4, Xtalin gặp Hariman. Phía Liên Xô còn có Môlô tôp. Theo hồi ký của Hariman sau này, cảnh tượng lúc đó hết sức cảm động:

Xtalin lặng lẽ đón Hariman... nắm chặt tay ông đến nửa phút rồi mới mời ông ngồi.

Xtalin tỏ ra rất đau buồn, hỏi cận kề Đại sứ về tình hình Rudoven khi mất.

Khi bàn đến chuyện tình hình thế giới, Xtalin nói:

Tôi không tin rằng chính sách của nước Hoa Kỳ sẽ thay đổi dưới sự lãnh đạo của ngài Toruman.

Hariman tỏ ý tán thành ngay:

Điểm này, Tổng thống trước đây đã có kế hoạch rõ ràng trên nhiều lĩnh vực, chẳng hạn về chiến tranh hay về chính sách ngoại giao. Thời kỳ còn ở Hạ viện, Toruman là người của Rudoven, chắc ông ta sẽ thực hiện một cách trung thực những chỉ dẫn của Rudoven, và có thể cũng là kiểu người mà Ngài thích.

Tiếp đó, Hariman lái câu chuyện sang mục đích chính của ông ta trong cuộc gặp lần này. Theo Hariman, Tổng thống Toruman tất nhiên không thể có những ý tưởng cao cả như Rudoven lúc sinh thời. Cho đến khi trở thành Phó Tổng thống, ông ta vẫn không phải một con người có tiếng tâm lòng lấy ở nước Mỹ, cũng như ở nước ngoài, điều này không có lợi cho sự nghiệp, mà phần lớn sẽ dẫn đến một thời kỳ bất ổn định không chỉ trong vấn đề chiến tranh, mà cả những vấn đề ngoại giao và nội chính. Ví dụ như Hội nghị Xan Phranxixcô, rất có thể sẽ nảy sinh không ít khó khăn.

Hariman vẫn tiếp tục nói - Dân chúng Mỹ hiểu rằng: Tổng thống Rudoven và Nguyên soái Xtalin có mối quan hệ cá nhân thân thiết, điều này có ảnh hưởng rất lớn đối với quan hệ Xô-Mỹ.

Xtalin cắt ngang lời Hariman. Ông nói, Tổng thống Rudoven tuy đã vĩnh biệt cõi đời, song sự nghiệp của ông sẽ còn mãi cùng năm tháng và tuyên bố:

Chúng tôi sẽ đem hết sức mình và nhiệt tình hăng hái ủng hộ Tổng thống Toruman.

Xtalin nhờ Đại sứ chuyển lời cam kết đó tới Tổng thống mới của nước Mỹ.

Hariman hứa sẽ làm ngay và nói thêm rằng, ông tin tưởng biện pháp hữu hiệu nhất để dư luận xã hội Mỹ và toàn thế giới tin chắc Chính phủ Liên Xô muốn tiếp tục hợp tác với Mỹ và các nước trong Liên Hợp Quốc, vẫn là việc ngài Mólôtốp đi Mỹ vào lúc này. Hariman đề nghị, Mólôtốp có thể ghé qua Oasinhton để hội kiến với Tổng thống mới, sau đó đi Xan Phranxixcô,

Sau khi trao đổi chớp nhoáng với Mólôtốp về hội nghị Xan Phranxixcô và ngày triệu tập hội nghị Xô-viết tối cao Liên Xô, Xtalin hỏi Hariman:

Liệu đó có phải là ý kiến cá nhân Đại sứ?

Hariman công nhận, nhưng nói thêm rằng, ông ta cũng đã biểu đạt quan điểm của Tổng thống và Quốc vụ khanh:

Tôi tin chắc, hai người chắc sẽ tán thành ý kiến tôi vừa nói.

Xtalin hứa:

Chuyến đi Mỹ của Mólôtốp tuy lúc này có thể còn nhiều trục trặc, nhưng hy vọng sẽ thu xếp được.

Cùng ngày, người đứng đầu Chính phủ Liên Xô gửi Tổng thống Toruman một bức điện chia buồn:

Tôi xin thay mặt Chính phủ Liên Xô và cá nhân tôi bày tỏ lời chia buồn sâu sắc tới Chính phủ Hợp chủng Quốc Hoa Kỳ.

Chính phủ Liên Xô bày tỏ sự thông cảm chân thành trước tổn thất to lớn của nhân dân Mỹ, và tin tưởng chắc chắn rằng, chính sách hợp tác giữa các nước lớn gánh vác trọng trách chính trong cuộc chiến tranh chống kẻ thù chung từ này về sau cũng sẽ được tăng cường.

Để biểu thị sự tôn kính của nhân dân Liên Xô đối với nhà hoạt động chính trị Mỹ lỗi lạc, Chính phủ Liên Xô quyết định đặt tên một con đường ở Ianta là Đại lộ Phrăngklin Rudoven.

Tin Rudoven qua đời truyền khắp thế giới. Nhân dân các nước chống phát xít đều làm lễ truy điệu ông. Sôcsin và các nhà lãnh đạo các nước liên tiếp gửi điện chia buồn, ca ngợi những cống hiến xuất sắc trong cuộc chiến tranh chống phát xít của nhà chính trị vĩ đại này.

Làn sóng chống Liên Xô ở Oasinhton

Muốn thông qua việc tiếp xúc cá nhân với tân Tổng thống Mỹ để trực tiếp trao đổi ý kiến với Nhà Trắng về triển vọng quan hệ Xô-Mỹ, cuối cùng

Xtalin đã có một động tác đầy thiện ý với Chính phủ mới của Toruman: đón ý cử Ủy viên nhân dân Ngoại giao Mólôtốp đi Mỹ.

Trong tình hình lúc đó, chuyển sang thăm Mỹ của một nhà chính trị cấp cao Liên Xô như Mólôtốp, đương nhiên có mục đích rất rõ ràng. Thông qua cuộc hội đàm ở cấp cao, chắc chắn sẽ có các buổi trao đổi bổ ích về những vấn đề cụ thể, chẳng hạn như giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến tranh chống nước Đức phát xít, việc Liên Xô tham gia chiến tranh Viễn Đông, việc sắp xếp sau chiến tranh v.v... Đồng thời còn có thể trao đổi ý kiến về vấn đề nước Ba Lan mới, đặc biệt là vấn đề tổ chức Chính phủ có người Ba Lan ở Luân Đôn tham gia.

Tổng thống Rudoven, trong mấy tuần cuối cùng khi còn sống, luôn luôn nêu vấn đề Ba Lan trong các thư trao đổi với Mátxcova.

Ngày 1 tháng 4 năm 1945, trong bức thư gửi người đứng đầu Chính phủ Liên Xô, Rudoven tỏ ý không hài lòng về hoạt động của Ủy ban gồm Ủy viên nhân dân Ngoại giao Liên Xô và Đại sứ Mỹ, Anh ở Liên Xô, được thành lập theo hiệp định của Hội nghị Ianta, vẫn dậm chân tại chỗ trong vấn đề tổ chức Chính phủ Ba Lan. Đồng thời, Tổng thống ủng hộ yêu cầu của Đại sứ Mỹ và Anh về việc “thành lập một Chính phủ mới trong thực tế”, mặc dầu ở Ianta đã thống nhất ý kiến coi Chính phủ Lâm thời hiện diện ở Vácsava là cơ sở cải tổ chính phủ. Rudoven còn ủng hộ đề nghị của các thành viên phương Tây trong Ủy ban, theo đó mỗi thành viên trong Ủy ban có thể mời bất cứ ai, dù là người Ba Lan ở trong nước hay người Ba Lan ở Luân Đôn, tới tham gia hội nghị. Theo ông, những người được mời này có thể kiến nghị Ủy ban nghiên cứu những người sẽ đưa vào Chính phủ mới của Ba Lan.

Tổng thống Rudoven sau khi đã trình bày những yêu cầu đó, cho rằng có thể đưa ra một lời tuyên bố mạnh mẽ. Ông nói: “Hy vọng tôi có thể làm Ngài hiểu rằng, việc giải quyết công bằng hợp lý và nhanh chóng vấn đề Ba Lan quan trọng biết chừng nào đối với sự phát triển có kết quả kế hoạch hợp tác quốc tế của chúng ta. Nếu vấn đề này không được giải quyết, thì tất cả những khó khăn và nguy hiểm của sự đoàn kết giữa các nước Đồng minh mà chúng ta rất quan tâm khi thỏa thuận với nhau ở Crum, sẽ lại xuất hiện trước mắt chúng ta dưới những hình thức gay gắt hơn.”

Ngày 7 tháng 4, Xtalin trả lời thư của Rudoven.

Ông đồng ý với ý kiến cho rằng vấn đề Ba Lan đang bế tắc. Theo Xtalin, nguyên nhân là do Đại sứ hai nước Mỹ-Anh ở Mátxcova đã đi chệch quỹ đạo phương châm của hội nghị Crum, và trong việc làm đã thêm vào một

số yếu tố mới mà hội nghị Crum chưa qui định. Xtalin giải thích: “Trong hội nghị Crum, ba chúng ta đều coi Chính phủ lâm thời Ba Lan là Chính phủ hiện đang thực thi quyền lực và chờ cải tổ, nó phải trở thành nòng cốt của Chính phủ thống nhất dân tộc mới. Nhưng các vị Đại sứ của Mỹ và Anh ở Mátxcova lại đi chệch phương châm đó, coi như không có sự tồn tại của Chính phủ lâm thời Ba Lan, không đếm xỉa gì đến nó, nhiều nhất thì cũng chỉ đánh một “dấu bằng” giữa Chính phủ Ba Lan với một vài nhân vật đến từ Ba Lan và từ Luân Đôn. Đồng thời, họ cho rằng việc cải tổ Chính phủ lâm thời Ba Lan đồng nghĩa với việc thủ tiêu Chính phủ này và thành lập một Chính phủ mới hoàn toàn... Hiển nhiên, lập trường đó của Đại sứ Anh và Mỹ không thể không dẫn tới sự phẫn nộ của Chính phủ lâm thời Ba Lan. Về phía Liên Xô, Liên Xô đương nhiên không thể tán thành lập trường đó, vì lập trường đó có nghĩa là trực tiếp phá hoại quyết định của Hội nghị Crum”.

Tiếp đó, Xtalin đã phân tích cụ thể những yêu cầu của Đại sứ Mỹ và Anh, và chỉ rõ chính lập trường của họ đang cản trở việc giải quyết vấn đề Ba Lan. Phía Liên Xô đưa ra những bước đi thực tế. Trước hết, phải xác định việc cải tổ Chính phủ lâm thời Ba Lan, không có nghĩa là thủ tiêu nó, mà tiến hành cải tổ bằng cách mở rộng nó và Chính phủ lâm thời Ba Lan phải là nòng cốt của Chính phủ thống nhất dân tộc Ba Lan tương lai; đề nghị khôi phục lại quyết nghị trước đây của Hội nghị Crum, chỉ mời trong giới hạn 8 nhà hoạt động Ba Lan đến Mátxcova, trong đó 5 người từ Ba Lan, 3 người từ Luân Đôn. Ngoài ra, những người đó phải là những người công nhận quyết định của Hội nghị Crum về Ba Lan dốc lòng vào việc kiến tạo quan hệ hữu nghị Ba Lan - Liên Xô. Xtalin còn đề nghị biện pháp cải tổ Chính phủ lâm thời Ba Lan: Trong số những nhà hoạt động Ba Lan chưa tham gia Chính phủ lâm thời, chọn một số người giữ các chức Bộ trưởng mới thay thế cho một số Bộ trưởng đương nhiệm của Chính phủ lâm thời. Cuối thư, Xtalin viết: “Theo tôi nghĩ, chỉ cần cân nhắc những ý kiến nêu trên, một quyết định thống nhất về vấn đề Ba Lan sẽ có thể được thỏa thuận trong thời gian rất ngắn”.

Ngày 18 tháng 4 năm 1945, cũng là ngày thứ sáu sau cái chết của Rudoven, một bức thư của Sốcsin và Toruman đã đưa ra câu trả lời cho phía Liên Xô về những đề nghị đó. Cả hai người khẳng khái giữ những điều kiện mà Liên Xô và Chính phủ lâm thời Ba Lan không thể chấp nhận được. Những điều kiện đó là một bước thụt lùi rõ rệt so với phương châm đã được nhất trí thỏa thuận ở Italia. Và hơn nữa, vì chính quyền Oasinhton dưới quyền điều hành của Toruman nên lập trường phủ định đó tỏ ra cứng rắn hơn.

Ngày đầu tiên nhậm chức Tổng thống, tức là ngày 14 tháng 4, Toruman đã gửi ngay cho Sôcsin một bức điện nêu rõ, theo ông ta, vấn đề Ba Lan là một vấn đề “cấp bách và nguy hiểm” và sẵn sàng “tiến hành cuộc đối đầu mới với Xtalin”. Đủ thấy, ngay từ ngày đầu tiên ngồi vào ghế Tổng thống, Toruman đã quyết định “không hoà thuận” với Liên Xô, trong đó cốt lõi là vấn đề Ba Lan.

Trong cuộc hội kiến với Xtalin ngày 13 tháng 4, Hariman đã nhận được chỉ thị nói rõ Oasinhton cho rằng vấn đề Ba Lan có ý nghĩa quan trọng nhất. Ngay lúc đó, Xtalin đã chỉ trích người Mỹ thường xuyên giúp đỡ các tổ chức bí mật của bọn phản động Ba Lan, thông đồng với nhau chống lại Hồng quân. Chẳng là khi đó đã xảy ra một sự kiện tác động xấu đến quan hệ Mỹ-Xô: Một chiếc máy bay của Mỹ sau khi ném bom xuống nước Đức, đã hạ cánh xuống sân bay gần Pôntava của Liên Xô, các nhân viên của tổ lái chiếc máy bay này định cho một thanh niên Ba Lan đóng giả lính Mỹ lên ra đi. Âm mưu này kịp thời bị ngăn chặn. Tất nhiên, phía Liên Xô đã có phản ứng quyết liệt về chuyện này: cấm tất cả các máy bay Mỹ còn ở Pôntava không rời khỏi lãnh thổ Liên Xô. Đại sứ quán Mỹ ở Liên Xô cũng nhận được thông báo về lệnh trên.

Hariman nhận cơ hội này nêu rõ: Ba Lan đã trở thành vấn đề chính phủ bóng đen lên quan hệ Xô-Mỹ. Ông ta nói:

Tổng thống Rudoven có ý định thử giải quyết vấn đề này, trước lúc lâm chung vẫn còn bận tâm nghiên cứu. Còn Toruman hiện nay quyết tâm đạt được sự thỏa thuận. Giá như Môlôtop được trao quyền trong thời gian ở Mỹ có thể hiệp thương với các Ngoại trưởng Anh- Mỹ về vấn đề Ba Lan, cố gắng đi tới một hiệp định nào đó, thế thì tốt quá.

Xtalin trả lời:

Môlôtop sẽ nhận được những chỉ thị cần thiết.

Sau cuộc hội kiến, Hariman nhanh chóng thu xếp công việc rồi vội vã rời Mátxcova. Ông ta rất muốn gặp tân Tổng thống trước khi Ủy viên nhân dân Ngoại giao Liên Xô đến Oasinhton. Ngày 17 tháng 4, Hariman lên máy bay. Sau 48 giờ bay trên bầu trời các nước Bancăng, Italia, Đại Tây Dương... ông đã về tới Oasinhton. Đây là một chuyến bay nhanh chiếm kỷ lục thời bấy giờ! Môlôtop chọn tuyến hành trình dài hơn, ông đi xuyên Xibêri và Alátxca, sẽ đến Oasinhton muộn hơn nhiều so với Hariman. Hariman lợi dụng thời gian này làm các công việc chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ giữa Toruman với Ủy ban nhân dân Ngoại giao Liên Xô Môlôtop.

Ngày 20 tháng 4, Hariman lần đầu tiên gặp Tổng thống mới. Là người đại diện cho những quyền lợi của tư bản tài chính công nghiệp khổng lồ của nước Mỹ, Hariman ra sức thuyết phục Toruman cần thực hiện phương châm “cứng rắn” với Liên Xô.

Vị Đại sứ này cũng thừa nhận: Liên Xô chưa hề phá hoại những hiệp định đã có; đối với Mỹ-Anh, Liên Xô thực hiện chính sách hợp tác. Nhưng Liên Xô tỏ ra quan tâm theo dõi về chế độ chính trị của các nước ở khu vực Đông Âu, đặc biệt là với các nước trực tiếp giáp giới Liên Xô. Điều này đã dẫn tới sự phản đối của tập đoàn tư bản phương Tây. Theo họ, đây là một sự đe dọa đối với địa vị chính trị xã hội của họ. Hariman khi báo cáo tình hình với Tổng thống mới đã tập trung vào điểm này. Ông ta đưa ra quan điểm: Nhân lúc “Người Nga đang rất cần Mỹ viện trợ để phục hưng lại sau chiến tranh”, chắc chắn họ không muốn gây chuyện với Mỹ, do đó Oasinhton có thể giữ lập trường “cứng rắn” trong những vấn đề chính yếu, mà không sợ sẽ dẫn đến những căng thẳng nghiêm trọng.

Toruman hết sức tán đồng. Ông ta nói với giọng dương dương tự đắc: “Tôi không sợ người Nga. Tôi dự định sẽ có thái độ kiên quyết và công bằng đối với họ. Dù thế nào thì người Nga cũng cần chúng ta hơn là chúng ta cần họ”.

Trong câu chuyện, Hariman còn nêu, mặc dầu tình hình rất phức tạp, song việc “giữ quan hệ công việc với người Nga” là hoàn toàn có thể, “đôi bên trong quá trình thảo luận, mặc cả, đều nên có sự nhân nhượng lẫn nhau”. Toruman cũng cho rằng, hy vọng Liên Xô một trăm phần trăm đồng ý với những đề nghị của người Mỹ là chuyện không tưởng, nhưng đồng ý 85% là có khả năng. Vị tân Tổng thống của Hoa Kỳ còn ngầm tỏ ý, ông ta chuẩn bị buộc Mátxcova phải có những nhượng bộ quan trọng.

Thái độ cứng rắn của Toruman khiến Hariman “tự thấy kính nể” ông ta. Tiếp đó, hai người thảo luận về vấn đề Ba Lan. Sau khi nêu lại những yêu cầu của các nước lớn phương Tây, Hariman nói như để cảnh cáo, việc tăng cường gây sức ép đối với Mátxcova có thể dẫn tới những phiền phức, Liên Xô có thể không đồng ý tham gia tổ chức quốc tế mới. Hariman hỏi:

Nếu người Nga rút khỏi Liên Hợp Quốc, Tổng thống cũng vẫn xúc tiến kế hoạch Liên Hợp Quốc chứ?

Toruman biết rõ dụng ý trong câu hỏi của Đại sứ, bèn uyển chuyển trả lời:

Thực ra, không có người Nga tham gia thì cũng đừng nói tới chuyện “Tổ chức thế giới” nữa!

Trong cuốn “Sóng gió ngoại giao”, ông V.M.Brêgiocóp - nguyên Tham tán Bộ Ngoại giao Liên Xô - viết:

Nước Mỹ khi đó có người cho rằng, tổ chức quốc tế tương lai “không có người Nga tham gia” (thực tế là đối chọi với người Nga) vẫn có thể hoạt động như thường. Tất nhiên, trong tổ chức đó nước Mỹ càng có thể xưng hùng xưng bá. Nếu như vậy, có thể gọi tổ chức đó là “Tổ chức quốc tế”, chứ không phải là “Tổ chức thế giới”.

Ở Oasinhton, Hariman còn đi gặp những người lãnh đạo Nghị viện. Ông ta tỏ ý với họ rằng, đã đến lúc rồi, không cần thiết phải “rút đầu rút cổ” trong việc kết bạn với Liên Xô nữa. Cần phải chứng tỏ rằng người Mỹ “kiên quyết giữ lập trường của mình”. Khi có người hỏi Hariman về lập trường của người Anh, ông ta trả lời, người Anh “trong bụng muốn kiên quyết hơn, nhưng họ không thể làm một mình”, nước Mỹ nên ủng hộ họ.

Trò giạt dây của Hariman rõ ràng như tưới dầu vào ngọn lửa chống Liên Xô vốn từ lâu đã âm ỉ. Cho nên, trước khi Ủy viên nhân dân Ngoại giao Liên Xô Mólótốp đến thủ đô nước Mỹ, ở Oasinhton đã sặc mùi thuốc súng.

Toruman chơi bài ngửa với Mólótốp

Ngày 22 tháng 4, Mólótốp có cuộc gặp đầu tiên với Toruman. Cuộc gặp lần này hoàn toàn mang tính chất nghi thức, Toruman bày tỏ sự khâm phục đối với nhân dân Liên Xô và cam đoan rằng ông sẵn sàng làm theo các hiệp định đã ký giữa Mỹ và Liên Xô, để hai nước tiếp tục tiến lên theo con đường Tổng thống Rudoven đã chọn. Ngoài ra, vị tân Tổng thống còn nói một cách vắn tắt mấy vấn đề về xây dựng một tổ chức an ninh thế giới mới và sơ bộ trao đổi ý kiến với Mólótốp về tình hình Ba Lan.

Hôm sau, ngày 23 tháng 4, Toruman sẽ có cuộc hội đàm lần thứ hai với Mólótốp. Tổng thống Mỹ hạ quyết tâm sẽ gạt Liên Xô sang một bên trong tổ chức quốc tế mới. Thậm chí ông cho rằng, không có Liên Xô, ông ta sẽ trở thành ông chủ có quyền lực vô hạn trong Liên Hợp Quốc, càng dễ dàng lợi dụng Liên Hợp Quốc để chống Liên Xô. Để sắp xếp bài bản cho cuộc hội đàm khi gặp Mólótốp, Toruman triệu tập một cuộc họp cố vấn tại Nhà Trắng. Những người được mời dự họp gồm một số nhà lãnh đạo Chính phủ Mỹ: Quốc vụ khanh, Bộ trưởng Lục quân, Bộ trưởng Hải quân, tướng Mácsan Hariman và tướng Đin - trưởng đoàn đại biểu quân sự của Mỹ ở Liên Xô.

Quốc vụ khanh lên tiếng trước. Ông ta nói: Liên Xô định buộc Mỹ và Anh công nhận Chính phủ lâm thời Ba Lan, vấn đề Ba Lan “đã hoàn toàn bế tắc”.

Toruman giọng cứng cỏi tiếp lời: “Hiện nay sự việc đã rất rõ ràng. Những hiệp định giữa chúng ta với Liên Xô, cho đến nay, chỉ là một thứ “đường một chiều”, hiện tượng này không thể tiếp tục kéo dài được nữa”. Ông tỏ ý, “Nếu một phương diện nào đấy của Hiệp định Ianta không được tuân thủ” thì theo ông, “toàn bộ hiệp định Ianta sẽ không được tuân thủ”. Về cuộc hội đàm với Môlôtop sắp diễn ra buổi tối, ông nói sẽ “chơi bài ngửa” với người Nga, hôm nay không chơi thì còn chờ đến bao giờ? Ông sẵn sàng bắt chấp tất cả để xúc tiến kế hoạch về “Tổ chức quốc tế” mới, “nếu người Nga không muốn tham gia, cứ để họ xéo đi”.

Sau khi trình bày xong phương án đã dự định, Toruman trưng cầu ý kiến mọi người.

Bộ trưởng Lục quân phát biểu trước. Ông này chủ trương phải có thái độ thận trọng. Theo ông, trên một số vấn đề quân sự quan trọng, Nga không những luôn giữ lời hứa mà thường làm nhiều hơn cả lời hứa. Ông nói: “ở những khu vực mà người Nga cho rằng có quan hệ sống còn đối với an ninh của họ, họ quan niệm về độc lập và dân chủ tất nhiên khác với chúng ta. Nhưng nếu nước Mỹ trước hết không thấy rõ Nga đã nghiêm túc như thế nào trong việc giải quyết vấn đề Ba Lan thì rất có thể nước Mỹ sẽ lao vào một trận cuồng phong hết sức nguy hiểm”. Ông cũng rất không tán thành thái độ “thẳng thắn đến mức thô bạo” mà Toruman nói là sẽ dùng tới trong cuộc hội đàm với Môlôtop. Ông sợ rằng, “Những câu nói gay gắt của Tổng thống về những vấn đề rất hệ trọng” có thể khiến quan hệ Mỹ-Xô càng trở nên phức tạp, nghiêm trọng. Ông lưu ý Tổng thống một điều: Liên Xô có thể chi viện cho Oasinhton ở Viễn Đông.

Tướng Mácsan cũng ngã theo hướng nên có thái độ thận trọng. “Tôi không nắm vững tình hình chính trị của Ba Lan, nhưng xét theo góc độ quân sự, cãi lộn với người Nga là việc làm không khôn ngoan. Vì Xtalin có thể chậm trễ trong việc tham chiến với Nhật, trong khi chúng ta còn bao nhiêu công việc phải lo giải quyết”.

Bộ trưởng Hải quân thì tán thành quan điểm của Tổng thống. Ông ta nói, người Nga không quan tâm gì đến quyền lợi của các nước Đồng minh, Ba Lan không phải là một trường hợp duy nhất. Theo ông ta, “Liên Xô tự cho rằng, dù họ có lôi kéo Đông Âu vào quỹ đạo của họ, chúng ta cũng sẽ không phản đối. Do đó, lật ngửa bài bây giờ còn hơn là sau này mới lật. Khác với bên Lục quân, Hải quân và không quân chúng tôi quả quyết rằng, không cần sự giúp đỡ của Nga cũng có thể buộc Nhật Bản phải đầu hàng”.

Ý kiến của Thượng tướng Hải quân Lây trung dung giữa lập trường của Bộ trưởng Lục quân và Bộ trưởng Hải quân. Hồi ở Ianta, ông này đã nhận xét, trong vấn đề Ba Lan, Liên Xô sẽ giữ vững lập trường của mình. Theo ông ta, hiệp định Ianta về Ba Lan “có thể có hai cách hiểu”, nhưng bây giờ mà quyết liệt với Nga là việc làm nguy hiểm.

Tổng kết những ý kiến của các cố vấn, Toruman tuyên bố ông không có ý định gửi “thông điệp cuối cùng” cho Mólôtốp, mà chỉ sẽ có “thái độ cứng rắn, nhưng không khiêu khích”.

Tối ngày 23, Mólôtốp được Hariman đưa tới phòng làm việc của Tổng thống ở Nhà Trắng. Chủ khách vừa yên vị thì Toruman chẳng cần quanh co úp mở nêu ngay vấn đề Ba Lan.

Toruman nói, ông lấy làm tiếc vì vấn đề Ba Lan không có bước tiến triển nào. Theo ông ta, Mỹ đã cố gắng hết sức, đáp ứng những yêu cầu của người Nga, nhưng “không thể thừa nhận một Chính phủ Ba Lan không đại diện cho tất cả các nhân sĩ dân chủ”. Ông nhắc Mólôtốp:

Trong thư gửi Xtalin ngày 1 tháng 4, Rudoven đã nêu rõ, bất cứ chính sách nào của Mỹ, về ngoại giao hay về nội chính, đều phải được “dân chúng Mỹ tin tưởng và ủng hộ”, nếu không sẽ không thể thành công. Mọi kế hoạch viện trợ kinh tế của Mỹ sau chiến tranh, nếu không được dân chúng ủng hộ, cũng sẽ rất khó được Quốc hội thông qua. Hy vọng Chính phủ Liên Xô lưu ý cho điểm này.

Trước sự dọa dẫm không một chút che giấu, Mólôtốp trả lời:

Cơ sở duy nhất có thể chấp nhận trong sự hợp tác là, Chính phủ ba nước lớn phải bình đẳng như nhau chứ không thể cho phép có một hai nước mưu toan áp đặt ý muốn của mình lên nước thứ ba.

Toruman không kìm nổi nữa, giọng ông ta như rít lên:

Chính phủ Mỹ sẵn sàng thành thật thi hành các hiệp định đã được thỏa thuận ở Ianta, chỉ yêu cầu Liên Xô cũng thực hiện như vậy. Tôi muốn thân thiện với Liên Xô, nhưng hy vọng phía Mátxcova phải hiểu rõ rằng, sự thân thiện đó chỉ có thể có được trên cơ sở cùng tuân thủ hiệp định, chứ không phải trên cơ sở kiểu “đường một chiều”.

Mólôtốp giật mình sững sốt, vì trên trường ngoại giao người ta rất hiếm thấy thứ khẩu khí đó. Ông giận dữ phản đối:

Xưa nay chưa có ai nói như vậy với tôi.

Việc thi hành quyết nghị của Ianta về Ba Lan - Toruman vẫn giọng kiên quyết - chưa có ai nói với ông như vậy sao?

Môlôtốp giọng như tuyên bố

Chính phủ Liên Xô trước đây luôn luôn thực hiện đầy đủ mọi nghĩa vụ của mình, bây giờ cũng vậy. Không thể vì người khác thay đổi lập trường mà cho rằng Chính phủ Liên Xô vi phạm hiệp định.

Về cuộc hội đàm này, Hariman sau này đã tổng kết:

Việc Tổng thống tấn công dồn dập vào Môlôtốp vậy, thẳng thắn mà nói, tôi cũng hơi sững sốt. Nhưng tôi nghĩ đó lại là sự thật, vì từ trước đến giờ chưa có ai, ít nhất là một người nước ngoài, dám trực diện nói thẳng với Môlôtốp như vậy... Tôi cảm thấy tiếc cho Toruman đã hành động một cách cứng nhắc. Cách làm của ông ta đã tạo cho Môlôtốp cái cớ để nói với Xtalin rằng, chính sách của Rudoven đang bị quăng đi. Tôi buồn cho Toruman đã để lỡ một cơ hội tốt. Tôi thấy đó là một sai lầm, cho dù đó là một sai lầm không có tính chất quyết định.

Sau trận giao phong ở Nhà Trắng, Môlôtốp lên đường đi Xan Phranxixcô nằm trên bờ biển phía tây nước Mỹ để tham dự Hội nghị Liên Hợp Quốc. Nhưng ông chỉ lưu lại đó vài ngày, rồi nhanh chóng trở về Mátxcova.

Nước Đức phát xít bị tiêu diệt

Ngày tận số đang đến gần, Béclin vẫn trông chờ một sự kỳ diệu sẽ xảy ra. Đột ngột sinh chứng bệnh tâm thần, Hítle càng ngày càng thiếu kiên nhẫn. Để làm cho tên trùm phát xít này bình tĩnh lại, suốt tháng Tư, tối nào cũng vậy, Goben lại đọc cho Hítle nghe chương "Lịch sử Đại đế Phrêđêrich". Chương này kể về cuộc chiến tranh Bảy năm và bước đường cùng của vua Phrêđêrich. Nhà vua thậm chí đã tuyên bố, nếu trước ngày 15 mà số phận của ông không có gì sáng sủa hơn, ông sẽ uống thuốc độc tử tử. Ngày 12 tháng 2, Nữ hoàng Nga Êcatêrina II qua đời. Paven I lên kế ngôi vốn là bạn và cũng là kẻ thù bái Phrêđêrich. "Đối với hoàng cung Brandenbuốc, sự kỳ diệu đã xuất hiện". Goben cố tình đọc thật rành rọt câu này. Chẳng hiểu sao khi đó Hítle nằm mộng thấy sao chiếu mệnh báo trung tuần tháng 4 nước Đức gặp vận may.

Ngày 13 tháng 4, Goben nhận được tin Rudoven qua đời, bèn điện ngay cho Hítle đang nấp dưới hầm ngầm biết.

Thủ lĩnh của tôi - Goben hét toáng lên - Tôi xin chúc mừng Ngài! Rudoven chết rồi! Sao chiếu mệnh đã báo rõ, nửa cuối tháng 4 là bước ngoặt của chúng ta! Hôm nay là thứ sáu, ngày 13 tháng 4, đó là một ngày kỳ diệu!

Nhưng điều kỳ diệu mà họ trông ngóng lại không xảy ra. Luôn luôn bám theo họ là tiếng súng đại bác công phá Béclin rung trời chuyển đất.

Ngay hôm sau ngày Mólôtốp và Toruman hội đàm, ngày 24 tháng 4 năm 1945, tập đoàn quân số 8 của Đệ nhất phương diện quân Bêlarút và Tập đoàn quân số 3 của Đệ nhất phương diện quân Ucraina đã hội quân ở đông nam Béclin, hoàn thành nhiệm vụ hợp vây một tập đoàn quân Đức, chia cắt tập đoàn quân này với tập đoàn quân Béclin. Ngày 25 tháng 4, Tập đoàn quân xe tăng số 4 của Đệ nhất phương diện quân Ucraina và tập đoàn quân số 47 của Đệ nhất phương diện quân Bêlarút cũng hội quân ở tây Pốttxdam, hoàn thành nhiệm vụ hợp vây Tập đoàn quân Béclin. Cùng ngày, Tập đoàn quân cận vệ số 5 trực thuộc Đệ nhất phương diện quân Ucraina tiến được vào khu vực cao điểm, hội sư với cánh quân trực thuộc Tập đoàn quân số 1 của Mỹ ở mặt trận phía Tây.

Khi Hồng quân Liên Xô tiến gần đến Béclin, Hítle cuống cuống cả lên. Ngày 19 tháng 4, Hítle lệnh cho Tập đoàn quân "VESVA" phụ trách bảo vệ Béclin. Ba hôm sau, Hítle tiếp quản quyền chỉ huy phòng vệ Béclin. Được hai hôm, Hítle lại muốn giao cho người khác. 20 tháng 4 là sinh nhật của Hítle. Hôm đó Hítle đã có ý định rời khỏi Béclin, vì trước đó mười hôm, người của Bộ chỉ huy đã đi Baviê lập Tổng hành dinh. Nhưng việc này Hítle vẫn do dự chưa quyết. Trong tình thế nước ngập đến cổ, Hítle vẫn ảo tưởng có thể tiếp tục kéo dài chiến tranh, do đó cuối cùng quyết định ở lại Béclin và ra lệnh đưa tin này trên đài để động viên sĩ khí. Song, mọi hành động của Hítle đều không thể cứu vãn nước Đức thoát khỏi số phận diệt vong.

Béclin đã trở thành một thành phố bị cô lập, ngút trời khói lửa, rền vang tiếng đại bác. Quyết định ở lại Béclin chiến đấu đến cùng, Hítle trong tay không có quân dự bị, cũng không có quân tiếp viện. Các chiến sĩ Hồng quân được uy lực của pháo bầy và xe tăng yểm trợ, được chiến thắng cổ vũ, được khích lệ bởi nhiệt huyết phục thù cho Tổ quốc, vẫn tiếp tục anh dũng tiến lên. Suốt gần bốn năm nay, họ chỉ chờ mong giờ phút lịch sử này. Giờ đây, cái giờ phút tiêu diệt hoàn toàn chủ nghĩa phát xít đã tới. Tâm trạng xúc động của người lính Xô-viết thật khó diễn đạt nổi bằng lời. Dưới đây là một đoạn hồi ức của Nicolai Vaxiliép, thượng sĩ đoàn 832 pháo binh:

Chiều tối, xe pháo binh của chúng tôi lên tới cao điểm, dưới mắt chúng tôi là một thành phố khổng lồ. Cảm giác hân hoan vui mừng tràn ngập trong mỗi người chúng tôi: Đây là phòng tuyến cuối cùng của quân thù, giờ phút tính nợ với chúng đã tới!... Một chiếc xe ô tô chạy đến trước mặt chúng tôi

mà chúng tôi cũng không biết. Tướng Bécgiolin, tư lệnh của chúng tôi từ trên xe bước xuống. Ông thăm hỏi chúng tôi rồi ra lệnh cho sĩ quan chỉ huy: “Hãy nổ súng vào những tên phát xít trong thành phố Béclin!” Sĩ quan chỉ huy Usencốp viết lên những quả đạn và nòng pháo của đại đội chúng tôi dòng chữ: Vì Xtalingrát, vì Cápcát, vì Ucraina, vì những trẻ mồ côi và những người quả phụ, vì nước mắt của những người mẹ, hãy trả thù!

...

Trong trận công phá Béclin, Hồng quân Liên Xô đã bắn khoảng 180 vạn quả đạn đại bác. Riêng hệ thống phòng thủ của quân địch đã phải dùng tới hơn 3,6 vạn tấn đạn. Để phá huỷ các công sự và các công trình kiến trúc bằng đá kiên cố, quân đội Liên Xô đã phải sử dụng những khẩu đại bác có đường kính lớn mà mỗi quả đạn nặng tới nửa tấn. Mặc dù có đầy đủ những vũ khí hạng nặng như vậy, các chiến sỹ Hồng quân nhiều khi vẫn phải dùng thuốc nổ để phá các bức tường ngăn, mở hướng tiến công. Ngày 29 tháng 4, quân Đức trong thành phố bị chia cắt thành ba bộ phận cô lập nhau. Theo lệnh của Hítler, quân Đức đã tháo nước vào đường xe điện ngầm Béclin, chìm chết hàng ngàn hàng vạn phụ nữ, trẻ em và binh lính Đức bị thương nấp dưới đường hầm. Cùng ngày hôm đó, đơn vị bộ binh số 79 thuộc Tập đoàn quân đột kích số 3 Đệ nhất phương diện quân Bêlarút mở màn cuộc chiến đấu đánh chiếm toà nhà Quốc hội. Cuộc chiến diễn ra quyết liệt, giành giật nhau từng căn nhà, từng góc phố. Đúng 21 giờ 50 phút ngày 30 tháng 4, lá cờ chiến thắng đã được kéo lên trên nóc nhà chính của tòa nhà Quốc hội. Tư lệnh Tập đoàn quân đột kích số 3, tướng Kudonhetsốp, đích thân theo dõi trận chiến đấu lịch sử này. Qua điện thoại, ông báo cáo với Nguyên soái Giucốp, tư lệnh phương diện quân:

Đồng chí Nguyên soái! Cờ đỏ đã được kéo lên trên nóc đại sảnh Quốc hội! Hura!

Kudonhetsốp thân yêu! Chân thành chúc mừng thắng lợi vẻ vang của đồng chí và các binh sĩ của đồng chí. Nhân dân Liên Xô sẽ mãi mãi không bao giờ quên chiến công lịch sử này!

Trong mệnh lệnh số 6 phát đi ngày 30 tháng 4 năm 1945, Hội đồng quân sự Đệ nhất phương diện quân Bêlarút nói: “Giờ phút chiến thắng hoàn toàn kẻ thù đang tới gần. Ngọn cờ của Liên Xô chúng ta đã tung bay trên nóc nhà Quốc hội giữa trung tâm thành phố Beclin. Hỡi toàn thể cán bộ và chiến sỹ Đệ nhất phương diện quân Bêlarút! Hãy tiến lên! Chúng ta, bằng trận đánh thần tốc và mãnh liệt này, sẽ tiêu diệt con dã thú phát xít tận sào huyệt của

chúng, để giờ phút chiến thắng hoàn toàn, triệt để nước Đức phát-xít càng mau đến”.

Cuộc chiến tranh Châu Âu sắp sửa kết thúc. Đến ngày 2 tháng 5, quân Đức đã đình chỉ hoàn toàn mọi sự kháng cự, viên tư lệnh bảo vệ Béclin- tướng Wáytsôlinh- dẫn tàn quân ra đầu hàng. Trong diễn văn kỷ niệm ngày 1 tháng 5, Xtalin tuyên bố: Trong trận chiến đấu cuối cùng này, Liên Xô đã tiêu diệt hơn một triệu quân Đức, bắt sống 80 vạn tên. Hồng quân đã thu được và tiêu huỷ tổng cộng 6000 máy bay địch, 12.000 xe tăng và pháo tự hành, 23.000 đại bác đã chiến và rất nhiều trang bị vũ khí. Trong chiến dịch công phá Béclin, Hồng quân Liên Xô cũng phải trả giá bằng sự hy sinh lớn lao, các chiến sĩ đã anh dũng ngoan cường, xem thường cái chết, và đã giành được thắng lợi cuối cùng trong cuộc chiến tranh chống phát-xít ở châu Âu.

Khi Hồng quân Liên Xô bao vây tấn công Beclin, Hítlê sống những ngày cuối đời của hắn giữa thành phố cô độc này. Hắn như con thú dữ bị thương, lồng lộn và rên rỉ trong cơn hoảng loạn của chứng bệnh tâm thần, lúc thì hoang tưởng đã xoay chuyển được chiến cuộc, lúc thì cảm thấy tiền đồ tuyệt vọng. Trong nỗi dằn vặt, Hítlê viết di chúc lại, chỉ định người kế tục, đã làm lễ cưới, cuối cùng đã dùng súng tự sát, kết liễu nhanh cuộc đời tội ác của hắn.

Cuộc tranh cãi về việc ký “Đầu hàng thư”

Sau khi Hítlê chết, người kế tục của ông ta là Nguyên soái Đônít một lần nữa lại giở trò ly gián.

Ông ta nhiều lần cử người liên hệ với Aixenhao, Tư lệnh quân đội Mỹ: dùng để cho binh sĩ Đức rơi vào tay Bôn-sévích. Ngày 6 tháng 6, ông ta yêu cầu tướng Anphrết Jốt gặp bộ chỉ huy quân đội Mỹ ở Rem truyền đạt một đề nghị mới và gửi cho Jốt một chỉ thị bằng văn bản:

“Một lần nữa giải thích với người Mỹ những lý do khiến chúng ta muốn có sự đầu hàng riêng. Nếu ở chỗ Aixenhao ông không thu được kết quả nhiều hơn so với Phrâyđôbuca, thì sẽ đồng ý đầu hàng đồng thời trên toàn tuyến, việc đầu hàng sẽ tiến hành qua hai giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất, đình chỉ mọi hành động đối địch, nhưng phải cho quân đội Đức được quyền tự do di chuyển. Giai đoạn thứ hai không kèm theo lý do gì nữa. Phải cố gắng làm cho khoảng cách thời gian giữa hai giai đoạn dài một chút. Nếu xét có thể làm được, đề nghị thuyết phục Aixenhao chấp nhận trong những tình hình nào đó, đồng ý cho binh sĩ Đức đầu hàng riêng với người Mỹ. Nếu kết quả của ông trên phương diện này càng lớn thì số binh sĩ và nạn nhân Đức được cứu ở

mặt trận phía Tây càng nhiều”.

17 giờ 30 ngày 6 tháng 5, Jốt và phó quan của ông ta, có hai sĩ quan cao cấp Anh đi kèm, đã tới Bộ tư lệnh quân Đồng minh Jốt cố sức thuyết phục quân Đồng minh rằng, họ muốn đầu hàng phương Tây chứ không muốn đầu hàng Liên Xô, và còn nói khích: “Các ngài chẳng bao lâu nữa sẽ giao chiến với người Nga. Cần cân nhắc cẩn thận, không nên để rơi vào tay họ bất cứ thứ gì!”

Ngày 7 tháng 5, từ Kremli, Xtalin điện cho Giucốp: “Hôm nay người Đức đã ký đầu hàng vô điều kiện ở Rem. Chính nhân dân Liên Xô, chứ không phải các nước Đồng minh, đã đảm nhận gánh nặng chủ yếu của chiến tranh, do đó, đầu hàng thư phải được ký trước mặt Bộ chỉ huy tối cao của tất cả các nước trong liên minh chống phát xít, chứ không phải chỉ ký trước mặt Bộ chỉ huy tối cao quân Đồng minh”.

“Tôi không thể đồng ý với cách làm, không ký đầu hàng thư ở Béclin, chính hang ổ của quân xâm lược phát xít” - Xtalin tiếp tục nói - “Chúng tôi đã bàn với các nước Đồng minh, chỉ coi việc ký đầu hàng thư ở Rem là cuộc diễn tập nghi thức đầu hàng. Ngày mai, đại diện Bộ chỉ huy tối cao Đức và đại diện Bộ chỉ huy tối cao quân Đồng minh sẽ đến Béclin. Đại diện của Bộ chỉ huy tối cao quân đội Liên Xô do đồng chí đảm nhiệm. Đồng chí Vixinxki ngày mai sẽ đến chỗ đồng chí, ký đầu hàng thư xong, đồng chí ấy ở lại Béclin làm trợ lý chính trị cho đồng chí”.

Sáng sớm ngày 8 tháng 5, Vixinxky bay từ Mátxcova sang Béclin. Ông mang theo toàn bộ văn kiện cần thiết để xử lý việc nước Đức đầu hàng, cả bản danh sách các đại diện của Bộ chỉ huy tối cao quân Đồng minh. Từ sáng, các ký giả, những người đưa tin và các phóng viên nhiếp ảnh của những tờ báo lớn trên thế giới bắt đầu tới Béclin để ghi lại giờ phút lịch sử, mà sự diệt vong của nước Đức phát xít được khẳng định về mặt luật pháp, ghi lại giờ phút lịch sử mà nước Đức Hítle phải thừa nhận mọi kế hoạch phát xít của chúng, mọi mục tiêu hận thù nhân loại của chúng đã bị thất bại nhục nhã.

Trưa hôm đó, đại diện của Bộ chỉ huy tối cao quân Đồng minh tới Béclin, gồm Thượng tướng không quân Anh Tocđơ và Tư lệnh không quân Pháp Tatxinhi. Đại diện cho nước Đức đầu hàng, ngoài Thống chế Kâyten còn có một Thượng tướng hải quân và một Thượng tướng không quân. Họ bay tới Béclin dưới sự giám sát và hộ vệ của sĩ quan Anh. Đônít uỷ quyền cho họ đến ký vào thư đầu hàng vô điều kiện.

Cáchônxtơ nằm về phía đông Béclin. Ở đây, trong một tòa nhà hai tầng vốn là nhà ăn nhưng được dùng làm Trường Công trình quân sự Đức, người ta

đã chuẩn bị một gian phòng lớn, lễ ký đầu hàng thư sẽ diễn ra ở đây.

Sau khi nghỉ ngơi, các đại diện của Bộ chỉ huy quân Đồng minh tới Bộ tư lệnh của Giucốp để thảo luận một số vấn đề có liên quan đến việc đầu hàng của Hítle. Trong khi đó, Kâyten cùng đồng bọn ở lại trong một căn phòng. Theo lời kể của các sĩ quan Liên Xô, Kâyten và các thành viên trong đoàn đại biểu Đức tỏ ra hết sức sợ sệt. Kâyten nói với người ngồi bên:

Khi đi dọc theo những đường phố Béclin, tôi hết sức kinh hoàng trước cảnh Béclin bị tàn phá.

Một quan chức Liên Xô trả lời hắn:

Ông Thống chế, khi theo lệnh của ông người ta đã tiêu diệt hàng ngàn hàng vạn những thành phố và xóm làng của Liên Xô, khi hàng triệu người dân Liên Xô, trong đó có biết bao nhiêu trẻ em, bị vùi chết trong đống đổ nát của những thành phố và làng mạc đó, ông đã bao giờ cảm thấy kinh hoàng chưa?

Kâyten mặt trắng bệch, hần nhún vai, ngồi câm như hến. Đúng 24 giờ, các đại diện của quân Đồng minh bước vào phòng lớn. Vào những giây phút đầu tiên ngày 9 tháng 5 năm 1945, Nguyên soái Giucốp đứng lên thay mặt cho Bộ chỉ huy tối cao quân Đức tuyên bố lễ thụ hàng. Ông nói:

Chúng tôi, đại diện của Bộ chỉ huy tối cao quân đội Liên Xô và Bộ chỉ huy tối cao quân đội Đồng minh, được sự uỷ nhiệm của Chính phủ các nước Đồng minh chống Hítle, đến tiếp nhận sự đầu hàng vô điều kiện của nước Đức. Mời đại diện của Bộ chỉ huy tối cao quân đội Đức vào.

Tất cả những người có mặt đều ngoảnh đầu chăm chú nhìn ra phía cửa chính, nơi giờ đây sắp sửa lộ diện những kẻ từng huênh hoang với thế giới rằng, chúng có thể nghiền nát nước Pháp, nước Anh với tốc độ chớp nhoáng, có thể tiêu diệt Liên Xô trong vòng sáu tuần đến một tháng rưỡi, rồi tiến đến chinh phục toàn thế giới. Người đầu tiên bước vào cửa là Thống chế Kâyten, trợ thủ chính của Hítle. Ông ta ước chừng chậm, cố gắng giữ bình tĩnh. Ông ta gơ tay phải đang cầm chiếc gậy Thống chế lên chào các đại biểu của Bộ chỉ huy tối cao quân đội Liên Xô và quân đội Đồng minh. Theo sau ông ta là viên Thượng tướng không quân người thấp lùn, cặp mắt đầy vẻ hung hãn nhưng lại bất lực. Cùng vào với ông ta còn có Thượng tướng hải quân Phrâyđơbua, vẻ như già trước tuổi. Mấy người Đức được bố trí ngồi gần phía cửa, quanh một chiếc bàn đơn độc kê sẵn cho họ. Kâyten thông thả ngồi xuống ghế, rồi ngẩng đầu chăm chú nhìn các đại biểu của Bộ chỉ huy quân đội Đồng minh đang ngồi sau bàn Chủ tịch đoàn. Ngồi sát Kâyten là hai vị Thượng tướng hải quân và không quân Đức. Các sĩ quan tùy tùng đứng phía sau ghế của họ.

Giucốp hỏi đoàn đại biểu Đức:

Các anh trong tay đã có đơn xin đầu hàng vô điều kiện chưa? Các anh đã nghiên cứu nó chưa, và có được toàn quyền ký vào không?

Dạ, chúng tôi đã nghiên cứu và sẵn sàng ký- Thống chế Kâyten trả lời với giọng khàn khàn, tay đưa nộp tờ Giấy chứng nhận của Thống chế hải quân Đônít uỷ quyền cho họ ký vào văn kiện đầu hàng vô điều kiện. Lúc này, Kâyten hoàn toàn không giống Thống chế Kâyten kiêu căng hách dịch, vênh váo không coi ai ra gì khi ông ta tiếp nhận sự đầu hàng của nước Pháp bại trận. Trông ông ta hết sức thảm hại, mặc dầu ông ta vẫn cố gắng giữ “tư thế tướng quân”

Giucốp nói như ra lệnh:

Đề nghị đoàn đại biểu Đức bước tới bàn ký văn kiện xin đầu hàng vô điều kiện.

Kâyten nhìn quanh gian phòng một lượt với ánh mắt không chút thiện cảm, rồi đứng dậy, mắt sụp xuống, từ từ cầm chiếc “gậy Thống chế” để trên bàn, chậm chậm bước tới phía trước bàn. Cặp kính của ông ta rớt xuống, lủng lẳng treo ở dây kính. Bộ mặt sần sùi đầy vết tàn nhang. Hai vị Thượng tướng cùng những người tùy tùng cũng theo ông ta đi tới trước bàn. Kâyten đeo kính lên, ngồi xuống ghế, đưa bàn tay run rẩy ký vào năm bản “Đầu hàng thư”. Cả hai vị Thượng tướng cũng ký tên mình vào. “Đầu hàng thư” viết:

Chúng tôi, những người ký tên, thay mặt Bộ chỉ huy tối cao nước Đức, đồng ý cho toàn bộ lực, hải, không quân của nước Đức và tất cả binh lính sĩ quan hiện vẫn còn dưới sự khống chế của nước Đức, đầu hàng vô điều kiện Bộ chỉ huy tối cao Hồng quân và Bộ chỉ huy tối cao quân viễn chinh các nước Đồng minh.

Ký xong, Kâyten đứng dậy, đeo chiếc găng tay phải vào, lúc này ông ta lại muốn tỏ rõ tư thế quân nhân của ông ta, cầm ngẩng cao, giơ chiếc “gậy Thống chế” lên làm động tác chào, rồi rào bước ra khỏi phòng.

Cũng vào lúc này, ở Phlenxbua Thống chế Đônít- người kế nhiệm Hitle- đang ngồi sau bàn làm việc. Ông ta đã viết xong bức thư cáo biệt gửi toàn thể sĩ quan binh lính Đức:

Các bạn sĩ quan, binh lính. Trong lịch sử của chúng ta, chúng ta đã lùi lại cả 1000 năm. Mảnh đất từ 1000 năm nay thuộc về nước Đức, nay rơi vào tay người Nga. Đường lối chính trị mà chúng ta sẽ theo đuổi hết sức đơn giản. Chúng ta phải cùng tiến với các cường quốc phương Tây, cùng cộng sự với họ trên những vùng đất bị chiếm đóng, vì chỉ có như vậy,

chúng ta mới có thể trong tương lai giành lại Tổ quốc của chúng ta từ tay người Nga...

Dù hiện nay, về quân sự chúng ta đã hoàn toàn bị tan rã, nhưng nhân dân của chúng ta giờ đây không phải là nhân dân của nước Đức năm 1918. Nó không bị huỷ diệt. Hoặc là chúng ta gây dựng một chủ nghĩa Quốc xã dưới một hình thức mới, hoặc là chúng ta phải phục tùng một phương thức sống do kẻ thù áp đặt cho chúng ta. Chúng ta có thể tin tưởng chắc chắn rằng, kế thừa được sự đoàn kết nhất trí của chủ nghĩa Quốc xã sẽ quyết định sự tiếp tục tồn tại lâu dài của truyền thống.

Tiền đồ của mỗi người chúng ta đều chưa thể dự liệu trước được. Song điều này không quan trọng. Điều quan trọng là phải giữ cho được tình đoàn kết giữa chúng ta. Tình đoàn kết đó đã được chúng ta xây đắp khi đất nước của chúng ta sống trong bom rơi đạn nổ. Chỉ có bằng sự đoàn kết đó, chúng ta mới có thể vượt qua được những năm tháng khó khăn trong tương lai, và cũng chỉ bằng cách đó, chúng ta mới có thể vững tin rằng nhân dân Đức vĩnh viễn không thể mất...

Qua những dòng chữ đó có thể thấy, bọn phát xít không cam chịu thua cuộc, vẫn đang âm mưu trở dậy. Có điều, đứng trước nhân dân toàn thế giới đã tỉnh ngộ, âm mưu của chúng không dễ dàng thực hiện được, và vĩnh viễn không thể thực hiện được.

Giờ 50 phút ngày 9 tháng 5 năm 1945, lễ thụ hàng tuyên bố kết thúc. Giucốp nhân danh Bộ chỉ huy tối cao Liên Xô bày tỏ lời chúc mừng chân thành tới những người có mặt trước một thắng lợi mong đợi từ lâu nay. Cả phòng họp lớn dậy lên tiếng hoan hô, mọi người chúc tụng nhau, bắt tay nhau, những giọt nước mắt sung sướng tràn ra trong khoé mắt của nhiều người.

Các bạn thân mến - Giucốp nói với các chiến hữu của ông- Vinh dự lớn lao này lại rơi vào tôi và các bạn. Nhân dân, Đảng và Chính phủ tín nhiệm chúng ta, muốn chúng ta chỉ huy quân đội Liên Xô anh dũng công phá Béclin trong trận giao chiến cuối cùng này. Quân đội Liên Xô, trong đó bao gồm cả các đồng chí - những người đã chỉ huy bộ đội trong trận chiến đấu giành giật Béclin đã thực hiện vẻ vang sự tín nhiệm đó. Điều đáng tiếc là có rất nhiều người đã không còn ở lại với chúng ta. Nếu còn, chắc các đồng chí đó sẽ sung sướng biết bao nhiêu trước thắng lợi mà từ lâu chúng ta hằng mong đợi! Chính vì thắng lợi này, các đồng chí đó đã hiến dâng sinh mệnh của mình không một chút băn khoăn do dự.

Nghĩ đến người thân và các bạn chiến đấu không sống được cho đến

ngày vui này, những con người quen nhìn thẳng vào cái chết chẳng chút hãi hùng đó, dù đã cố gắng tự kiềm chế vẫn không ngăn nổi những giọt nước mắt nóng hổi cứ chảy hoài.

Sáng sớm ngày 9 tháng 5 năm 1945, đó là những giờ phút thật thiêng liêng. Sau bao nhiêu phấn đấu gian khổ, sau bao nhiêu hy sinh lớn lao, cuộc chiến tranh Châu Âu cuối cùng đã kết thúc. Kể từ ngày 1 tháng 9 năm 1939, lần đầu tiên trên toàn đại lục Châu Âu xuất hiện một sự yên bình khiến người ta cảm thấy hơi khác thường, nhưng lại được hoan nghênh. Suốt 5 năm 8 tháng 7 ngày, trên 100 chiến trường, trong 1000 thành phố bị bom đạn, có hàng triệu đàn ông đàn bà bị tàn sát; số người còn nhiều hơn con số đó đã bị bọn sát nhân Giétxtapô giết hại trong những phòng hơi ngạt của bọn phát xít hay bị chúng chôn sống trong những hầm ở Liên Xô và Ba Lan - Tất cả đều là hậu quả gây ra bởi dã tâm chinh phục của Hítler. Tuyệt đại đa số những thành phố cổ kính của Châu Âu bị phá hoại. Sau những ngày trời nóng, từ trong những đồng gạch đổ nát, xác người chết không được chôn cất bốc lên mùi hôi thối nồng nặc.

Trên đường phố nước Đức, không còn nghe thấy tiếng chân bước rầm rập của những tên đội viên xung kích SS, không còn nghe thấy tiếng huyền não của lũ người mặc áo sơ-mi nâu tụ tập thành từng đám, không còn nghe thấy tiếng the the của “Quốc trường” qua loa phóng thanh. Sau 12 năm 4 tháng lẻ 8 ngày, cái “đế quốc ngàn thu” này đã kết liễu cuộc đời. Trừ một nhóm người Đức ra, đối với tất cả mọi người, đó là một thời kỳ đen tối, và thời kỳ đen tối đó cũng đã kết thúc trong cảnh chiều tà thê lương ảm đạm. Cái “đế quốc ngàn thu” đó, như những gì chúng ta thấy, đã đưa dân tộc này - một dân tộc vĩ đại, một dân tộc đầy tài năng trí tuệ nhưng lại rất dễ bị chia rẽ - lên đến tột đỉnh của quyền lực và của tài năng chinh phục, vậy mà giờ đây nó đã đổ vỡ tan tành, nó đã thất bại một cách đột ngột, một cách triệt để, và đó cũng là điều hiếm thấy trong lịch sử.

Theo sự thỏa thuận trước, tin tức về việc nước Đức đầu hàng, ba nước Mỹ-Anh -Liên Xô sẽ đồng thời công bố cho dân chúng biết vào lúc 9 giờ sáng hôm đó. Ở Oasinhton, mới 8 giờ 35 phút, các phóng viên đã lặng lẽ tụ tập ở Nhà Trắng. Tổng thống Toruman, phu nhân cùng cô con gái, và cả một lũ các quan chức cao cấp phụ trách quân sự, hành chính cũng đang chờ đợi.

Thôi được - Tổng thống nói - Điều kiện của cuộc họp báo do tôi tổ chức này là, những tin tức tôi công bố chỉ được công bố cho dân chúng biết vào 9 giờ sáng hôm nay.

Tiếp đó, ông tuyên đọc bản tuyên bố ngắn gọn như sau: “Đây là giờ phút trang nghiêm và vinh quang. Tướng Aixenhao báo cho tôi biết, quân đội Đức đã đầu hàng Liên Hợp Quốc. Lá cờ tự do đang tung bay trên toàn châu Âu”. Ngừng một lát, ông ta nói tiếp, Đức đầu hàng mới chỉ là thắng lợi một nửa, nước Mỹ còn phải tiếp tục tác chiến với Nhật cho tới khi Nhật Bản cũng phải đầu hàng vô điều kiện và để kết thúc chiến tranh, ông kêu gọi dân chúng Mỹ “làm việc, làm việc nữa, làm việc mãi!”. Kế đó, Tổng thống Mỹ dùng những lời lẽ giản dị giải thích cho dân chúng Nhật Bản ý nghĩa của việc đầu hàng vô điều kiện:

Điều đó có nghĩa là chiến tranh kết thúc.

Điều đó có nghĩa là sự chấm dứt quyền lực của những thủ lĩnh quân sự đã đẩy Nhật Bản đến bên bờ của sự diệt vong.

Đối với những binh sĩ lực quân, hải quân muốn trở về với gia đình, ruộng vườn và công tác việc của mình, điều đó có nghĩa là cơm ăn áo mặc.

Điều đó cũng có nghĩa là tránh được những nỗi thống khổ và tan tác hiện nay mà nhân dân Nhật Bản đang phải chịu đựng vì mục đích chiến đấu cho một thắng lợi không thể nào giành được.

Đầu hàng vô điều kiện không có nghĩa là tiêu diệt hay nô dịch nhân dân Nhật Bản.

Toruman gạt bài diễn văn viết sẵn sang một bên, nói vo:

Các bạn đã biết, chính tại đây, các bậc tiền nhiệm của chúng ta luôn luôn nhấn mạnh rằng, điều chúng ta mong muốn là một nền hòa bình chính nghĩa và công bằng. ở Xan Phranxixcô, điều chúng ta cố gắng đạt được, và chúng ta sẽ đạt được, đó cũng chính là một nền hòa bình chính nghĩa và công bằng. Và chúng ta hiện nay không thể không nhìn thẳng vào một số vấn đề đang khiến mọi người phải lo ngại...

Giọng ông ta như tuyên bố - Ngày 13 tháng 5 sẽ là ngày lễ cầu xin, điều đó cũng rất phù hợp, vì ngày đó cũng là ngày lễ Mẹ,

Đúng 9 giờ, từ phòng phát thanh ở Nhà Trắng, Toruman nói chuyện với cả nước Mỹ: “Đây là giờ phút trang nghiêm và vẻ vang... Nếu Phrăngklin. D.Rudoven sống lâu thêm nữa để được nhìn thấy ngày hôm nay thì thật tốt biết bao!”.

Cùng vào giờ này, ở nhà số 10 phố Đaoning, Sôcsin cũng đang nói chuyện với nhân dân Anh. Ông hồi tưởng lại tình hình năm năm qua, rồi với giọng rầu rĩ, ông nói rằng tuy đã đến tận cùng của đau thương và thống khổ, nhưng trước mắt còn bao nhiêu công việc đang chờ đợi:

Trên đại lục châu Âu, chúng ta vẫn phải bảo đảm sao cho những mục đích đơn giản mà cao thượng đã khiến chúng ta lao vào chiến tranh sẽ không bị lãng quên hay bị quăng đi trong những năm tháng sau chiến tranh. “Tự do”, “Dân chủ” và “Giải phóng”, những từ đó không thể mất đi ý nghĩa đích thực của chúng. - Sôcsin tiếp tục nói - Nếu luật pháp và chính nghĩa không được thực thi, nếu một Chính phủ cường quyền hoặc phát xít lại thay thế bọn xâm lược Đức, thì việc trừng trị những tội ác của bọn Hítler hoàn toàn chẳng có ý nghĩa gì. Đối với bản thân chúng ta mà nói, chúng ta không tìm kiếm bất cứ thứ gì. Nhưng chúng ta cần được bảo đảm rằng, sự nghiệp mà vì nó chúng ta chiến đấu phải được mãi mãi tồn tại trong hiện thực và trong các văn kiện, để cho nền hoà bình có ý nghĩa. Đặc biệt, chúng ta phải cố gắng làm cho Liên Hợp Quốc, một tổ chức quốc tế đang được thành lập ở Xan Phranxixcô, không được đi chệch tên gọi của nó, không được trở thành tổ chức chỉ bênh vực các nước mạnh, giều cột các nước yếu. Trước thắng lợi huy hoàng này, người chiến thắng cần thể hiện sự thành thật của họ, cần có những hành động cao thượng để khỏi hổ thẹn với những lực lượng to lớn mà họ đã động viên.

Sau bữa tiệc trưa ở cung điện Bôckingham, khi Thủ tướng Anh xuất hiện trên bao lơn, những tràng vỗ tay nồng nhiệt vang lên làm át cả tiếng nói của ông. Sôcsin phải la to: “Đây là thắng lợi của các bạn, đây là thắng lợi của tự do cho mỗi quốc gia, trong suốt chiều dài lịch sử của chúng ta, chúng ta chưa bao giờ có một ngày tươi đẹp nhường này!”

Một sự thật không ai có thể chối cãi, đó là Liên Xô đã gánh vác trọng trách chính trong cuộc chiến đấu chống các lực lượng vũ trang phát xít. Đó là một cuộc chiến tranh khốc liệt nhất, máu đổ nhiều nhất và gian khổ nhất trong mọi cuộc chiến tranh đã diễn ra trong lịch sử Liên Xô. Suốt thời kỳ chiến tranh, hơn 20 triệu người Liên Xô đã chết. Trong các nước Đồng minh chống phát xít, không có dân chúng của một nước nào, lại phải chịu hy sinh nặng nề như vậy, cũng như đã cống hiến một lực lượng lớn như vậy, để đánh bại một kẻ thù đang đe dọa toàn nhân loại.

Bởi vậy, khi lễ tiếp nhận đầu hàng vừa kết thúc, ngay hôm đó Xtalin đã công bố “Thư gửi nhân dân”. Ông nói:

Ngày vĩ đại chiến thắng nước Đức đã đến. Nước Đức phát xít phải quì gối trước Hồng quân và quân đội các nước Đồng minh của chúng ta, thừa nhận mình đã chiến bại và tuyên bố đầu hàng vô điều kiện...

Sự hy sinh lớn lao mà chúng ta đã chấp nhận vì tự do và độc lập của Tổ quốc, muôn vàn nỗi gian khổ mà nhân dân ta phải chịu đựng trong chiến

tranh, sự lao động khổ trương và căng thẳng ở hậu phương và tiền tuyến vì Tổ quốc, tất cả đều không uống công vô ích, mà đã đem lại kết quả là chiến thắng hoàn toàn kẻ thù. Cuộc đấu tranh trường kỳ của các dân tộc Xlavơ vì sự sinh tồn và nền độc lập của mình, cuối cùng đã kết thúc bằng chiến thắng bọn xâm lược Đức và chính sách tàn bạo của nước Đức.

Vì thế mà lá cờ vĩ đại của tự do cho nhân dân các nước, của hoà bình giữa nhân dân các nước được tung bay trên bầu trời châu Âu.

Ba năm trước, Hítle công khai tuyên bố chia cắt Liên Xô, coi việc chia cắt Capcadơ, Ucraina, Bêlarút, vùng bờ biển Ban Tích và nhiều vùng khác ra khỏi Liên Xô là nhiệm vụ của y. Y còn nói thẳng ra rằng: “Chúng ta nhất định sẽ tiêu diệt nước Nga, để nó vĩnh viễn không ngóc đầu lên được”. Đó là chuyện của ba năm về trước. Song, cuống vọng của Hítle quyết không thể thực hiện được, diễn biến của cuộc chiến tranh đã đập nát tan tành cuống vọng đó của y. Trên thực tế, kết quả lại hoàn toàn trái ngược với những lời huênh hoang khoác lác của bọn Hítle. Nước Đức đã bị đánh bại hoàn toàn.

Đêm buông xuống, cả Mátxcova say sưa chìm trong niềm hân hoan của ngày chiến thắng. Trong Sứ quán Mỹ ở Liên Xô lúc bấy giờ đặt tại một tòa nhà sát khách sạn “Dân tộc” gần quảng trường Môngegiu, viên Tham tán Sứ quán Mỹ Gioócgiơ Kâynan nấp sau tấm rèm cửa sổ, quan sát dòng người tự phát diễu hành trong không khí tung bùng. Những người đứng xem cùng với Kâynan sau này nhớ lại, lúc đó Kâynan nói với họ: “Người ta đang hoan hô. Người ta đang nhảy múa... Họ tưởng chiến tranh đã chấm dứt. Mà chiến tranh lại chỉ mới bắt đầu”.

Kâynan muốn ám chỉ về một kế hoạch chống Liên Xô của Mỹ và Anh đã được thảo luận chi tiết ở Oasinhton mà chính ông ta là người góp phần tích cực trong việc đưa ra những căn cứ lý luận cho đường lối đó. Mặc dầu ngay khi hội nghị Ianta họp, ông ta đã đưa ra một kiến nghị giống như vậy, song không được Tổng thống Rudoven chấp nhận, nhưng bây giờ người chấp chính là Tổng thống Toruman, tình thế đã thay đổi rồi. Hồi tháng 4 khi Môlôtốp ghé lại Oasinhton, cuộc bàn bạc giữa Toruman với những cố vấn thân cận nhất của ông ta chứng tỏ vị Tổng thống mới sắp tâm thay đổi chính sách sang phía đối kháng.

Hốpkín sáu lần gặp Xtalin

Tiếp sau thái độ thô bạo không thể tha thứ được trong cuộc hội đàm với Môlôtốp, vị tân Tổng thống Hoa Kỳ lại thêm một hành động đối địch nữa với

người bạn Đồng minh Liên Xô, ấy là vào ngày 8 tháng 5 năm 1945, Toruman ký lệnh cắt giảm việc cung cấp vật tư cho Liên Xô đã được thỏa thuận trước đây. Toruman không trao đổi trước với Liên Xô, mà còn dùng kiểu khiêu khích vô lối. Ngay hôm sau khi ký lệnh trên, ông ta lại ký tiếp lệnh đình chỉ việc xếp lên tàu các vật tư cung cấp cho Liên Xô tại cảng biển của Mỹ, chỉ thị cho các tàu thuyền đang trên đường đi sang Liên Xô quay trở về. Rất nhiều nhà hoạt động Mỹ, trong đó có cả Hariman, đều không tán thành hành động thô bạo đó của Toruman. Đây rõ ràng là một âm mưu dùng áp lực kinh tế để đòi những nhượng bộ về chính trị. Họ cố gắng khuyến cáo Tổng thống thu hồi lại lệnh, mấy hôm sau Toruman mới chịu làm theo.

Đường lối “cứng rắn” của Toruman, Mátxcova đương nhiên sẽ ghi vào hồ sơ của mình. Quan hệ Xô-Mỹ bị tổn thất lớn, điều này chẳng những khiến các tầng lớp dân chúng Mỹ quan ngại, mà còn dẫn đến sự chia rẽ ý kiến trong các thành viên Chính phủ Mỹ.

Toruman mới lên kế nhiệm, phần lớn các thành viên trong Chính phủ đều là những người từng cộng sự với Rudoven, nên trong các cuộc tranh luận chung quanh vấn đề đường lối đối với Liên Xô sắp tới, những ý kiến tấn thành tiếp tục thi hành chính sách hợp tác với Liên Xô luôn chiếm đa số.

Sau phiên họp đầu tiên của Liên Hợp Quốc, Hariman họp báo ở Xan Phranxixcô giới thiệu tình hình với các phóng viên. Khi ông ta nói đến chủ trương thi hành đường lối “cứng rắn” với Liên Xô, các phóng viên tỏ ra bức tức, nhiều người bỏ ra về để phản đối.

Trước tình thế đó, Toruman và những người ủng hộ ông ta không thể không thực hiện sách lược “vu hồi”. Một mặt Nhà Trắng cố gắng tự kiểm chế, quyết định công khai tỏ quyết tâm tiếp tục phương châm hợp tác với Liên Xô, nhưng đồng thời dự định sẽ đưa ra một số điều kiện mà chắc chắn Mátxcova khó bề tiếp thụ. Một mặt, đổ lỗi cho Liên Xô về những sai lầm khiến họ không thể tiếp tục thực hiện đường lối của Rudoven, đồng thời lợi dụng báo chí liên tục kích động dư luận xã hội, gây tâm lý thù ghét Liên Xô.

Ít lâu, sau hội nghị Liên Hợp Quốc Xan Phranxixcô, Hariman tìm đến một biệt thự xinh xắn ở Gioócgiơtơn, để nghị chủ nhân ngôi biệt thự là Hary Hốpkin đi Mátxcova. Hốpkin nhận lời ngay, không một chút do dự.

Hốpkin là bạn thân và là người tâm phúc của Rudoven, nhưng đã nhiều năm nay ông mang bệnh. Sau khi Tổng thống Rudoven qua đời, tình trạng sức khỏe của ông ngày càng tồi tệ, ông chỉ loanh quanh ở nhà, rất ít khi ra ngoài, hầu như không tiếp xúc với ai, phần lớn thời gian nằm trên giường dưỡng

bệnh. Song, là một người chân thành ủng hộ việc hợp tác Mỹ-Xô, ông không nỡ nhìn thấy quan hệ hai nước ngày càng rạn nứt, ông thực sự mong muốn tình hình có sự thay đổi.

Đương nhiên, Nhà Trắng cũng đã cân nhắc kỹ trong việc chọn người thực hiện sứ mệnh quan trọng này và nhận thấy ngay những ưu thế của Hópkin: Ông từng là trợ thủ thân cận nhất của Rudoven, từng đại diện cho Rudoven và là người tham gia vạch kế hoạch hợp tác với Liên Xô sau chiến tranh; ông có thể thành thật trao đổi về tầm quan trọng và tính tất yếu của việc cần tiếp tục theo đuổi đường lối của Tổng thống Rudoven. Ông được Chính phủ Liên Xô và cá nhân Xtalin tín nhiệm. Mátxcova đặc biệt nhớ rõ, vào những ngày gian nan trong tháng 7 năm 1941, chính Hópkin được Rudoven giao nhiệm vụ sang thủ đô Liên Xô điều tra khả năng tác chiến của Liên Xô và sau khi tìm hiểu tình hình, Hópkin khẳng định: Hítle không thể thực hiện được âm mưu. Hópkin còn là người nhiệt liệt ủng hộ phương châm phát triển quan hệ hợp tác bình đẳng giữa các nước, trước hết là giữa Mỹ và Liên Xô sau khi chiến tranh kết thúc. Ngoài ra, vì phải nằm một chỗ để dưỡng bệnh, Hópkin có lý do để được coi là người không biết gì về những chuyện đã diễn ra sau bức màn Oasinhton.

Gắng gượng với tám thân bệnh tật, Hópkin vui vẻ bước vào cuộc hành trình. Trước khi Hópkin lên đường, Toruman có gặp và trực tiếp trao cho ông quyền tùy cơ hành động.

Tối ngày 25 tháng 5 năm 1945, vị đặc sứ của Hoa Kỳ tới Liên Xô. 8 giờ tối hôm sau, tại điện Kremli, Hópkin và Hariman được người đứng đầu Nhà nước Liên Xô tiếp kiến lần đầu. Xtalin tiếp đãi Hópkin như đón mừng một người bạn cũ, ông chăm chú lắng nghe Hópkin kể chuyện Rudoven những ngày trước lúc lâm chung.

Sau đó, Hópkin bắt đầu nói đến niềm tin tưởng của vị cố Tổng thống: Theo kinh nghiệm đoàn kết giữa Mỹ và Nga trong những năm chiến tranh, sự hợp tác của họ trong thời kỳ hoà bình là rất có khả năng. Hópkin còn kể rằng, Rudoven rất kính trọng Nguyên soái Xtalin. Ông hồi tưởng lại chuyến công tác của mình sang Mátxcova mùa hè năm 1941 và chuyện Tổng thống Rudoven đã nhanh chóng quyết định giúp đỡ Liên Xô và được biết có một số người nhận định rằng Hítle chỉ trong vài tuần lễ có thể đánh bại được Liên Xô. Hópkin tiếp tục nói: bây giờ thì người Nga đã cùng với người Mỹ đập tan phát xít đế quốc Hítle rồi!

Xtalin ngồi nghe những lời kể của Hópkin với vẻ tán thưởng.

Hốpkín như cảm thấy mình đã nói không ít những lời khách sáo cũng như đã nói rất nhiều những lời tốt đẹp rồi, bèn lái câu chuyện sang tình hình trước mắt. Ông nói, trong vòng tháng rưỡi đến hai tháng gần đây đã xuất hiện một số chiều hướng mới, khiến tất cả những người Mỹ tin tưởng vào chính sách của Rudoven cảm thấy rất lo ngại. Vì thế ông ta - Hốpkín, một con bệnh - nhận sự uỷ thác của Toruman đã bay từ giường bệnh sang Mátxcova.

Lý do Toruman cử tôi tới Mátxcova là vì có nhiều người Mỹ thấy rất lo lắng trước chiều hướng phát triển không tốt đẹp trong quan hệ với Liên Xô. Tôi cảm thấy rất khó nói cụ thể nguyên nhân đích thực của sự thay đổi này, nhưng tai hại là ở chỗ Toruman thấy khó tiếp tục chính sách hợp tác với Liên Xô của Rudoven - Hốpkín giải thích - Đây không phải là quan điểm của cá nhân Tổng thống, mà theo lời ông ta, dư luận xã hội cũng tán thành quan điểm này, nguyên nhân là "Do chưa giải quyết được vấn đề Ba Lan". Vấn đề Ba Lan nếu không nhanh chóng giải quyết, tình hình có thể còn xấu hơn nữa.

Xtalin nói ngay:

Trách nhiệm trong việc gây khó dễ này là do người của Đảng Bảo thủ Anh. Liên Xô chỉ cần một nước Ba Lan thân thiện, nhưng người Anh lại muốn khôi phục "tuyến phòng dịch" trước chiến tranh.

Chính phủ Mỹ cũng như nhân dân Mỹ hoàn toàn không có ý đồ đó - Hốpkín đáp.

Xtalin nhắc lại:

Tôi chỉ nói nước Anh. Các lãnh tụ Đảng Bảo thủ của họ không muốn nhìn thấy một Ba Lan thân thiện với Liên Xô.

Hốpkín cam đoan với Xtalin rằng, nước Anh chẳng những không phản đối, mà còn mong muốn nhìn thấy chung quanh nước Nga đều là những nước láng giềng thân thiện.

Nếu quả như vậy, chúng ta sẽ dễ dàng thỏa thuận với nhau- Xtalin nói.

Từ ngày 26 tháng 5 đến ngày 6 tháng 6, Xtalin và Hốpkín đã có sáu lần hội đàm với nhau ở điện Kremli, trong đó phần lớn thời gian dùng thảo luận vấn đề Ba Lan. Nói chung, các buổi hội đàm diễn ra tốt đẹp, cả hai bên đều công khai nói rõ quan điểm của mình.

Đối với các nước phương Tây, phía Liên Xô cũng đã đưa ra những yêu cầu nghiêm chỉnh.

Trong cuộc hội đàm lần thứ hai, ngày 27 tháng 5, Xtalin nêu vấn đề quyền đại biểu của áchentina tại Hội nghị Xan Phranxixcô:

Ở Ianta, nguyên thủ ba nước đã thỏa thuận: chỉ những nước nào tuyên chiến với Đức trước ngày 1 tháng 3 mới có tư cách được mời đi Xan Phranxixcô. Nhưng Achentina mãi đến 27 tháng 3 mới tuyên chiến với Đức mà vẫn trở thành nước có đại biểu dự hội nghị. Thử hỏi, một quyết định của nước lớn mà có thể dễ dàng vứt bỏ đi như thế, vậy những hiệp định giữa các nước lớn còn có giá trị gì?

Căn cứ hiệp định thỏa thuận ở Ianta-Hốpkin giải thích - ở Xan Phranxixcô, ngài Quốc vụ khanh của chúng tôi đã đề nghị các đoàn đại biểu châu Mỹ la tinh ủng hộ việc chấp nhận Ucraina và Bêlarút gia nhập Liên Hợp Quốc. Họ đồng ý và đã giữ lời hứa của mình. Song các Đại sứ của Mỹ latinh muốn lấy việc Mỹ ủng hộ áchentina làm điều kiện cho việc họ bỏ phiếu tán thành kết nạp hai nước Cộng hòa Xô-viết đó. Quốc vụ khanh chúng tôi đã thuyết phục họ, vấn đề áchentina nên để chậm lại một chút, nhưng không được chấp thuận. Kết quả là không còn đường nào khác ngoài con đường đứng về phía người Mỹ la-tinh và cùng bỏ phiếu với họ.

Có nói thế nào thì vấn cũng đã đóng thuyền, Achentina, đó là câu chuyện của quá khứ!- Xtalin nói.

Sau đó, Xtalin đề cập đến vấn đề thành phần của Ủy ban bồi thường. Ở Ianta đã thỏa thuận thành lập một Ủy ban ba nước. Nhưng đến giờ, Mỹ lại kiên quyết chủ trương Pháp phải trở thành nước thành viên thứ tư.

Pháp liên tiếp thất bại về quân sự - Xtalin nói - Nếu Pháp được trở thành nước thành viên thứ tư của Ủy ban này, vậy thì các nước Ba Lan, Nam Tư chiến đấu kiên cường hơn, chịu nhiều đau khổ hơn dưới nanh vuốt của Đức, vì sao lại không thể?

Hốpkin trả lời:

Việc đồng ý để nước Pháp tham gia là một bước đi hợp với lô-gích, vì Pháp sẽ là một trong "tứ cường" chiếm đóng nước Đức. Nhưng theo tôi, nếu Nga phản đối thì Mỹ chắc sẽ không một mực đòi cho Pháp tham gia.

Xtalin còn tỏ ý lo ngại về hành động của Mỹ tạm thời đình chỉ cung cấp vật tư cho Liên Xô theo thỏa thuận trước đây. Ông nói:

Cách làm kiểu đó rất không thỏa đáng và dã man. Đưa ra quyết định này, nếu vì muốn gây sức ép với nước Nga thì đó là một sai lầm cơ bản. Mặc dầu Toruman đã thu hồi lệnh đó, nhưng nó buộc Chính phủ Liên Xô phải hết sức quan tâm. Tôi cân nhắc thần nói với ngài Hốpkin rằng: nếu đối xử thực lòng với người Nga trên cơ sở thân thiện, nhiều công việc chúng ta có thể dễ dàng giải quyết, nhưng mọi hành động trả đũa dưới bất cứ hình thức nào đều

chỉ có thể mang lại những kết quả hoàn toàn trái ngược.

Hốpkín vin có “một sự hiểu lầm có tính chất kỹ thuật” để biện hộ cho Chính phủ Mỹ. Theo ông ta, “sự hiểu lầm có tính chất kỹ thuật” này là do một bộ ngành của Chính phủ quyết định.

Xtalin nói với giọng hòa giải:

Chiến sự ở Châu Âu kết thúc, rõ ràng đòi hỏi nước Mỹ phải cân nhắc lại phương án cho vay trước đây. Nếu xét toàn bộ quá trình thì nước Mỹ đã thực hiện lời hứa của mình. Tôi hoàn toàn có thể hiểu được tình hình hiện nay, nước Mỹ có quyền giảm bớt khoản vật tư cho vay sang Liên Xô, vì sự hứa hẹn của Mỹ trên phương diện này hoàn toàn là tự nguyện. Nhưng vấn đề là ở chỗ phương thức, phương pháp làm chuyện đó. Có người lại muốn đình chỉ một cách bất ngờ, ngạo mạn và vô lễ một hiệp định đã được Chính phủ hai nước ký kết. Giả như trước đó báo cho Chính phủ Liên Xô biết, hẳn chúng tôi sẽ không có cảm giác như vừa nói.

Đáp lại, Hốpkín tỏ ý rất lo lắng, vì qua những tuyên bố của Xtalin, có thể Nga đang nghĩ rằng Mỹ định lợi dụng việc cho vay để làm thủ đoạn bày tỏ sự bất mãn đối với Liên Xô. Ông ta đề nghị với Xtalin hãy tin tưởng, dù chuyện đó có để lại ấn tượng xấu như thế nào dưới con mắt của Chính phủ Liên Xô thì Chính phủ Liên Xô cũng không nên coi nó như một âm mưu hoặc ý định của Chính phủ Mỹ dùng để gây áp lực.

Tiếp đó, Xtalin nêu vấn đề chiến hạm và tàu buôn của Đức, nói rõ các nước Đồng minh phương Tây phải giao cho Liên Xô một phần ba số lượng (tính theo tấn) mà họ đã thu được. Ông cảnh cáo:

Nếu Hợp chủng Quốc Hoa Kỳ và Vương quốc Anh cự tuyệt nguyện vọng đó của Liên Xô, đó sẽ là một chuyện đáng buồn!

Hốpkín trả lời, Mỹ không phản đối việc giao nộp những tàu bè bắt được của Đức, nhưng theo ông ta, vấn đề này có thể sẽ được giải quyết dứt khoát trong một hội nghị sắp diễn ra giữa Toruman, Xtalin và Sốcsin.

Giống như trước đây, vấn đề Ba Lan vẫn là vấn đề gay gắt nhất. Trong một lần hội đàm sau này, Xtalin chủ động nêu vấn đề. Xtalin tỏ ý, ông không thể hiểu nổi lập trường của Mỹ. Ở hội nghị Ianta, Rudoven và Sốcsin đều đồng ý Chính phủ Ba Lan phải được thành lập trên cơ sở chính quyền hiện nay.

Khi Hốpkín vin vào có dư luận xã hội Mỹ, Xtalin đột nhiên xẵng giọng:

Tôi đề nghị không nên dùng “dư luận xã hội” làm chiêu bài. Điều tôi đang nói là cảm giác của Chính phủ Liên Xô. Cảm giác đó mách bảo chúng

tôi: Chiến tranh vừa kết thúc, người Mỹ đã hành động như không cần Liên Xô nữa.

Cho tới cuộc hội đàm cuối cùng ngày 6 tháng 6, cuộc tranh luận các vấn đề liên quan tới Ba Lan mới chấm dứt. Hốkin luôn luôn nhấn mạnh, vấn đề Ba Lan sở dĩ quan trọng, trước hết vì nó là “một tín hiệu chứng tỏ Mỹ và Liên Xô có thể bắt tay được với nhau”. Ông ta phủ nhận giả thiết cho rằng Mỹ đang tìm kiếm “lợi ích đặc biệt” ở nước này, rằng Mỹ đang tiếp tục gây áp lực với Chính phủ Liên Xô.

Tối ngày 1 tháng 6, tại điện Kremli, Xtalin mở tiệc chiêu đãi những người khách Mỹ. Trong buổi tiệc, Hốkin phát biểu: “Ngài nên tin tôi nếu tôi nói rằng mọi quan hệ của chúng ta đều đang bị đe dọa bởi sự bế tắc trong vấn đề Ba Lan...”

Song dù thế nào phía Liên Xô cũng không thể nhượng bộ trước những yêu cầu của Oasinhton, nếu không, điều đó trên thực tế có nghĩa là làm sống lại chính thể phản động Ba Lan thù địch với Liên Xô. Người ta rất dễ dàng nhận ra hậu quả nghiêm trọng của sự nhượng bộ đối với nền hoà bình của Châu Âu, đối với sự an toàn của Liên Xô và đối với lợi ích dân tộc của chính nhân dân Ba Lan. Đồng thời với việc kiên trì lập trường đó, phía Liên Xô luôn luôn nhấn mạnh nguyện vọng muốn tăng cường hơn nữa việc hợp tác với Mỹ. Điều này thậm chí còn thể hiện trong quan hệ cá nhân.

Cũng vào tối ngày 1 tháng 6 đó, sau khi chiêu đãi khách, Xtalin mời mọi người cùng xem một bộ phim thời sự ngắn. Hariman hết lời khen con tuấn mã của tướng Antônốp cuối khi đi chào bộ đội trong buổi lễ duyệt binh ngày 1-5. Phát hiện ra Hariman cũng là một tay chơi ngựa lão luyện, Xtalin nói sẽ tặng ông Đại sứ một cặp ngựa Nga. Lúc đầu Hariman tưởng đó là câu nói đùa, nhưng hai ngày sau, một sĩ quan kỵ binh tới tòa Đại sứ và gửi Đại sứ một cuốn sách thuyết minh, bìa màu đỏ làm bằng loại da dê được chế tác rất công phu, bên trong có ảnh và bằng giới thiệu dòng máu của hai con ngựa quý. Đến lượt Hariman và cô con gái Catêrin sống cùng với ông ở Matxcova hai tháng: nuôi ngựa ở đâu bây giờ? Song, như Catêrin nhớ lại, mọi việc được thu xếp rất ổn thoả: Hai con ngựa tặng được gửi nuôi trong chuồng ngựa của Trường huấn luyện kỵ binh Mátxcova; Hariman và cô con gái của ông bất cứ lúc nào cũng có thể đến lấy ngựa đi dạo chơi hóng mát. Khi Hariman hết nhiệm kỳ rời Mátxcova, hai con ngựa được đưa xuống tàu chở sang Mỹ nuôi trong trang trại của Hariman ở ngoại ô Niu Ốc.

Đêm 6 tháng 6, Hópkin đến chào từ biệt Xtalin và các nhà lãnh đạo Liên Xô, sáng sớm ngày 7 rời Mátxcova bay sang Béclin. ở Béclin, Hópkin là khách của Nguyên soái Giucốp. Giucốp đã bố trí để Hópkin đi xem cảnh thành phố bị tàn phá, sau đó mời ông cùng ăn cơm trưa. Trong bữa cơm, họ trao đổi với nhau về cuộc họp của “ba ông trùm” sắp sửa diễn ra.

Nhìn chung, chuyến sang thăm Mátxcova của Hópkin hoàn toàn có thể trở thành điểm khởi đầu cho việc khôi phục lại quan hệ thân thiện giữa hai nước Xô-Mỹ. Phía Liên Xô nhiều lần nhấn mạnh điểm này. Bản thân Hópkin qua những lần hội đàm ở điện Kremli đã rút ra kết luận: Việc phát triển hơn nữa mối quan hệ Xô-Mỹ là điều hoàn toàn có khả năng, mặc dầu có thể còn gặp nhiều phiền phức. Hópkin nghĩ rằng, mặc dầu có nhiều khó khăn, Mỹ và Liên Xô vẫn cần thiết tìm ra một lối thoát cho cả hai bên, song dẫu sao ông ta cũng không thể dự đoán nổi một cuộc “chiến tranh lạnh” sắp xảy ra trong một kỷ nguyên mới cho sự hợp tác và hiểu biết lẫn nhau giữa hai nước Mỹ - Liên Xô.

Ngay hôm sau khi về đến Mỹ, Hópkin đã dùng cơm sáng với Tổng thống Toruman. Ông trình bày tường tận về các cuộc hội đàm của mình ở Mátxcova, cố gắng nói hết với Tổng thống những hiểu biết của mình về cá nhân Xtalin và cách thức đàm thoại của Xtalin. Theo Hópkin, những điều đó có thể giúp ích Toruman trong Hội nghị Pôtxdam sắp được triệu tập và trong việc tiếp xúc với lãnh tụ Liên Xô sau này.

Giới báo chí dự đoán, sau thành công này Hópkin chắc sẽ giành được ngôi vị cao trong bộ máy hành chính mới, thậm chí có thể trở thành cố vấn riêng của Toruman như thời Rudoven còn sống. Nhưng tình thế biến chuyển quá nhanh. Chỉ hai tháng sau cái chết của Rudoven, trong bộ máy hành chính mới xuất hiện những nhân vật mới hoàn toàn khác. Họ không cần tới công sức của Hópkin. Hópkin đã hoàn thành nhiệm vụ của mình: đi sứ sang Mátxcova, cố gắng tạo ra được ấn tượng, hình như Oasinhton sẵn sàng thực hiện đường lối của Rudoven như trước đây. Điều này giúp cho ông chủ mới của Nhà Trắng tránh được sức ép quá đáng của dư luận Mỹ và thế giới tán thành tiếp tục hợp tác với Liên Xô, để ông có thể rảnh rang thực hiện đường lối “cứng rắn” với Liên Xô. Toruman có mời Hópkin tham dự Hội nghị Pôtxdam, nhưng ông từ chối. Sau khi Toruman đưa Jêrn Bécna lên thế chân ông Quốc vụ khanh cũ, Hópkin hiểu ra rằng, tốt nhất là ông nên hoàn toàn rút khỏi chính trường.

Hơn nửa năm sau, ngày 29 tháng 1 năm 1946, Hary Hópkin mất tại bệnh viện. Ông đã sống tại đây trong những tháng cuối cùng của cuộc đời.

III. KHỞI ĐẦU CUỘC CHIẾN TRANH LẠNH

“Ba ông trùm” chọn địa điểm Pốttxđam

Phía tây Béclin có thành phố Pốttxđam, ngoại ô Pốttxđam có thị trấn Babécxbua, một nơi nghỉ mát tuyệt vời, cũng là vùng có phong cảnh đẹp nổi tiếng của nước Đức.

Ngày 17 tháng 7 năm 1945, Hội nghị Pốttxđam nổi tiếng trong lịch sử thế giới đã được tổ chức tại đây.

Cuộc hội nghị này do Sốcsin đề xuất đầu tiên.

Ngày 11 tháng 5 năm 1945, Sốcsin gửi công hàm cho Toruman, nêu ý kiến cần thiết phải triệu tập một hội nghị: “Tôi nghĩ chúng ta nên liên danh hoặc đồng thời mời nước cùng mời Xtalin gặp chúng ta vào tháng 7 này, tại một thành phố của Đức chưa bị phá hoại và được các bên đồng ý, để họp hội nghị ba nước”.

Toruman chấp nhận ngay. Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Anh đều đề nghị với Xtalin nên triệu tập một cuộc họp như vậy. Nguyên thủ Liên Xô cũng tỏ ý tán thành.

Lần này, về vấn đề thời gian và địa điểm họp, ý kiến của ba nhà lãnh đạo không gay gắt mấy.

Đối với Toruman, việc lựa chọn địa điểm họp, theo quy định của Hiến pháp Mỹ, không có trở ngại gì. Song cân nhắc về khía cạnh chính trị, ông ta không muốn để mọi người có ấn tượng rằng, hình như Tổng thống Mỹ và Thủ tướng Anh bao giờ cũng phải đi cùng một đoạn đường quá dài để gặp nhà lãnh đạo Liên Xô, vì như vậy sẽ tổn hại đến “uy danh” của nước Mỹ. Và thế là, Tổng thống nói với Sốcsin rằng, lần này xét ra “Xtalin không thể đưa ra lý do gì để cự tuyệt việc sang phương Tây gặp gỡ chúng ta”, nên ông ta muốn tổ chức hội nghị ở Alatxca hoặc ở Viên, bởi lẽ “hai hội nghị lần trước chọn địa điểm như vậy là để lấy lòng Xtalin, còn hội nghị lần này phải làm cho nhà độc tài Liên Xô này “tự động cấp cấp đến””. Nhưng rồi, nghe theo lời khuyên cáo của thuộc hạ, Toruman không giữ ý kiến đó nữa.

Khi gặp đại diện của phía Mỹ, Sốcsin nói: Thành phố lớn nhất của thế giới, trong chiến tranh lại bị phá hoại nghiêm trọng, dùng làm địa điểm tụ hội của ba nước thắng trận là lẽ tự nhiên và rất thích hợp”. Song hình như ông ta cũng không tin vào điều đó, nên nói tiếp luôn, “nhưng nếu không thể đồng ý về điểm này, Chính phủ hoàng gia vẫn vui lòng thảo luận với Mỹ và Liên Xô, chỉ định một địa điểm thỏa đáng nhất”.

Xtalin đề nghị tổ chức ở Béclin - thủ đô của tên đầu sỏ gây tội ác phát xít. Đề nghị này nhanh chóng được phía Mỹ, Anh tán thành. Các nước Đồng minh chống phát-xít sau một cuộc thử thách gian nan nhất, cuối cùng đã chiến thắng được kẻ thù chung, họ quyết định gặp nhau tại thủ đô của đế quốc bị đánh bại, điều này ngoài rất nhiều những nguyên nhân khác ra, nó còn có ý nghĩa tượng trưng quan trọng.

Hội nghị sẽ họp ở Béclin, nhưng tổ chức ở địa điểm nào cũng thành vấn đề. Xtalin giữ ý kiến, hội nghị sẽ tiến hành trong khu vực do quân đội Liên Xô chiếm đóng.

Ngày 21 tháng 6, Phó Ủy viên nhân dân Ngoại giao, thành viên đoàn đại biểu Liên Xô Vyxinki báo cho Đại sứ Mỹ ở Liên Xô Hariman biết, vì Béclin đã bị phá huỷ hoàn toàn, nên không thể không tổ chức hội nghị ở Pốttxdam nằm ở ngoại ô phía tây Béclin. Vì thế, “Hội nghị Béclin” thường được gọi là “Hội nghị Pốttxdam”.

Pốttxdam cách Beclin 27 km về phía tây-nam, được coi là khu ngoại ô sang trọng của thủ đô nước Đức, nơi đây từng là thánh địa của chủ nghĩa Phổ, có hoàng cung và lăng tẩm của vua Phrêđêrích, các bậc tiên vương của vương triều Hôhendôléc từng đến đây hành lễ, nơi có những tòa cung điện nguy nga. Xét về góc độ an ninh, nơi đây cũng hoàn toàn thích hợp cho cuộc hội ngộ giữa ba nhà lãnh đạo.

Ở Babécxhua nằm ngoài ngoại ô Pốttxdam có rất nhiều biệt thự sang trọng, trước đây phục vụ cho tầng lớp thượng lưu Đức, may mắn chưa bị phá huỷ trong chiến tranh. Nay có thể dùng làm nơi ở cho trưởng đoàn và nhân viên tùy tùng các nước. Bộ chỉ huy Liên Xô không bỏ lỡ cơ hội, nhận việc chuẩn bị và tu sửa các công trình phục vụ hội nghị và nơi ăn chốn ở của các đoàn, đã chỉnh trang lại các khu vực chung quanh.

Trong suốt tháng 5 và tháng 6, Sôcsin thường xuyên hối thúc Toruman cần họp sớm. Ngài Thủ tướng Anh với Tổng thống Mỹ rằng, thời gian đang ủng hộ Xtalin, vì lực quân Mỹ để chuẩn bị cho đợt tấn công lên các đảo Nhật, đã phải rút lực lượng đóng ở Châu Âu tăng cường cho mặt trận Thái Bình Dương. Ngoài ra, Sôcsin rất muốn hội nghị tiến hành trước trung tuần tháng 6, cũng là vì còn kịp trước cuộc bầu cử ở Anh tổ chức vào đầu tháng 7.

Nhưng Tổng thống Toruman vẫn muốn họp vào trung tuần tháng 7. Như ông đã nói trong bức thư gửi cho Thủ tướng: Đó là vì “muốn tôi rời khỏi Oasinhton trước khi kết thúc năm tài chính (30-6) thì quả là điều rất khó khăn”. Khi nói chuyện với cố vấn riêng của mình, Toruman thường nhấn

mạnh, trách nhiệm của ông là chuẩn bị tốt báo cáo dự toán ngân sách trước khi bắt đầu năm tài chính mới. Bởi thế, nói theo cách của Toruman, những ngày cuối tháng 6, ông không thể “ngồi lì” ở nước ngoài, cũng không thể “lên đèn” ngoài hải phận quốc tế trên đường sang châu Âu.

Vấn đề sắp xếp chỗ ở cũng lắm chuyện phiền toái. Sôcsin viết thư cho Toruman, nêu ý kiến mỗi Chính phủ nên có riêng một trụ sở cho đoàn đại biểu của mình, chuyện canh gác và hậu cần do quân đội của nước đó lo; và hội nghị nên tổ chức tại một địa điểm “trung lập”. Ông phản đối việc đến tham gia hội nghị mà “chỉ như khách của Chính phủ Liên Xô và quân đội Liên Xô” như ở Ianta, và kiên quyết chủ trương “Chúng ta phải tiến hành hội nghị với điều kiện bình đẳng”. Toruman cũng đồng ý giải quyết mọi việc theo nguyên tắc bình đẳng. Khi Thủ tướng Anh nêu vấn đề này với Xtalin, Xtalin nói: Bố trí “như ở Crum”, thái độ vừa như ngầm thừa nhận, lại vừa như ba phải.

Cũng vì sự thỏa thuận trên, vấn đề này không rõ ràng dứt khoát, cho nên khi các nhân viên tiền trạm của Anh, Mỹ đến Béclin lo việc bố trí trước đã xung đột với bộ máy của phía Liên Xô ở Béclin. Theo Tổng thống Toruman, các quan chức của Liên Xô ở Đức không có quyền quyết định việc này, phải “giao cho Mátxcova giải quyết vấn đề thời gian và các vấn đề chi tiết khác”. Vì thế, từ ngày 26 tháng 5 đến ngày 14 tháng 7, giữa Luân Đôn, Mátxcova, Oasinhton và trụ sở của tướng Aixenhao đã trao qua đổi lại tới hơn 100 bức công hàm liên quan đến việc bố trí cụ thể hội nghị.

Tổng thống Toruman đã viết trong hồi ký của mình:

“Khi một Tổng thống Hoa Kỳ rời khỏi Oasinhton, dù chỉ là một chuyến đi ngắn ngày, cả một guồng máy đã phải bắt đầu hoạt động. Nếu ông ta đi ra nước ngoài vào thời chiến, qui mô của guồng máy đó lại càng lớn. Nếu ông ta đi đàm phán với người lãnh đạo nước ngoài, công tác chuẩn bị đòi hỏi một kế hoạch khác thường về đi lại, nhà ở, bảo vệ, thư ký, soạn thảo hiệp định và nhân viên công tác”. Ông viết thêm: “Nói về hội nghị Béclin, các Bộ trưởng trong Chính phủ, Đại sứ, Tổng tham mưu trưởng, các quan chức của Nhà Trắng, Quốc hội, bộ Lục quân, bộ Hải quân, bộ Không quân, bộ Tài chính và Cục tình báo Liên bang đều có nhiệm vụ trong việc vạch kế hoạch”. Trên ý nghĩa đó mà nói, “trong thời gian hội nghị, Nhà Trắng đã phải dọn đến Pốttxdam”.

Sôcsin dùng “màn thép” để vu cáo

Nói về quan hệ giữa ba nước thì hội nghị Pốttxdam lần này là quan hệ giữa “ba ông trùm” trước kia. Ở Hội nghị Têhêran và Hội nghị Ianta, cả ba

Chính phủ đều cần đến nhau để cùng đánh lại nước Đức phát xít, giành thắng lợi. Giờ đây, khi triệu tập Hội nghị Potsdam, nước Đức đã thua trận, Hồng quân đã chiếm được tuyệt đại bộ phận Đông Âu và những khu vực then chốt ở Trung Âu; lực lượng của Chính phủ Liên Xô và sự khống chế về chính trị đã nhanh chóng nhất thể hóa. Trong khi đó, ở châu Âu, nước Anh đã bị chiến tranh làm cho suy yếu nghiêm trọng; sức mạnh và sự tôn nghiêm của nước Pháp trên thực tế không còn nữa; nước Mỹ vẫn phải đánh nhau với Nhật, đang rất muốn điều lực lượng quân sự của nó ở Châu Âu sang Thái Bình Dương, xem chừng cũng phải rút lực lượng của mình ra khỏi châu lục này.

Sócsin biết rất rõ tình hình ấy, thêm vào đó là những hoạt động của Liên Xô ở những vùng lãnh thổ nằm dưới quyền khống chế của Hồng quân, đặc biệt ở Ba Lan, càng khiến cho ông ta lo lắng. Sócsin cho rằng, “ba ông trùm” cần gặp nhau ngay để xác định mối quan hệ giữa ba nước sau khi chiến tranh Châu Âu kết thúc và để ổn định cục diện chính trị ở châu lục này. Ngay từ 28 tháng 4, Sócsin đã viết Xtalin một bức thư dài, thẳng thắn nêu lên những ý kiến của ông ta trước việc Liên Xô ngày càng tăng cường hoạt động và đưa ra kết luận: “Trong tương lai, nếu như Ngài và những nước do Ngài thống trị... tập hợp thành một bên, các nước sử dụng tiếng Anh cùng với các nước Đồng minh hoặc các nước phụ thuộc nó tập hợp thành một bên, thì triển vọng chắc sẽ không khiến mọi người hài lòng”. Ông ta còn cảnh cáo: “Cuộc đấu tranh giữa hai bên chỉ có thể xé nát thế giới; còn chúng ta, những người lãnh đạo các nước tham dự vào những chuyện đó hẳn sẽ xấu hổ nhục nhã trước lịch sử”.

Đã không nhận được ở Xtalin câu trả lời vừa ý, lại do việc quân đội Liên Xô tăng cường khống chế Trung Âu, ông Thủ tướng càng cảm thấy bất ổn. Ngày 11 tháng 5, Sócsin viết thư cho Tổng thống Truman: “Ba Lan cùng với nhiều nước khác sẽ rơi vào khu vực khống chế của Nga”, nếu Mỹ rút lực lượng của mình đi “sẽ gây ra một trong những sự kiện đáng buồn nhất trong lịch sử”. Thủ tướng định thuyết phục Tổng thống không nên trả về cho Liên Xô những vùng lãnh thổ khi đó do người Mỹ chiếm đóng và sau này dự định biến thành biên giới vùng chiếm đóng của Liên Xô. Theo Sócsin, Mỹ rút quân khỏi những khu vực đó có nghĩa là phạm vi thống trị của Nga trên một chiến tuyến ba bốn trăm dặm Anh kéo dài thêm được 120 dặm Anh, Sócsin cho rằng, quân đội Đồng minh không nên rút “trước khi chúng ta cảm thấy hài lòng về vấn đề Ba Lan như chúng ta đã hài lòng về việc Nga chỉ tạm thời chiếm đóng Đức”. Ông ta cảnh cáo, nếu “trước khi quân Mỹ rút khỏi Châu

Âu và thế giới phương Tây hăm giương máy chiến tranh của mình”, mà không giải quyết được “sự việc đáng sợ đó”, “thì không thể có triển vọng giải quyết trọn vẹn vấn đề, và rất khó ngăn chặn một cuộc đại chiến thế giới lần thứ ba bùng nổ”.

Ở Oasinhton, cuộc đấu tranh chung quanh di sản chính trị của Rudoven vẫn tiếp diễn. Một số nhà hoạt động có uy tín khuyến cáo tân Tổng thống phải giữ “lập trường trung lập” giữa Anh và Nga, nên Toruman lúc này vẫn chưa thể ngã theo Sôcsin. Trả lời Sôcsin, ông nói rằng, ông muốn tránh tình trạng phía Liên Xô có thể chỉ trích Luân Đôn và Oasinhton câu kết với nhau chống họ. Cuối cùng, Sôcsin đành miễn cưỡng chấp nhận quan điểm này, mặc dầu ông ta vẫn tỏ ý lo lắng trước việc quân Mỹ sẽ rút khỏi châu Âu.

Hôm sau, ngày 12 tháng 5, Sôcsin lại viết thư cho Tổng thống, phản đối việc Liên Xô “xuyên tạc Hiệp định Ianta... hợp nhất lãnh thổ các nước hữu quan do họ khống chế vào nước Nga... đưa quân đội đến đóng lâu dài ở những vùng lãnh thổ đó”. Trong thư, Sôcsin lần đầu tiên dùng luận điệu vu cáo của Goben đã được tuyên truyền âm ỹ trong những ngày tàn của đế quốc Hitle giữa Châu Âu có một bức “màn thép” - để làm vũ khí. Ông ta viết:

Một hai năm sau, quân đội Anh, Mỹ rút hết, quân đội Pháp khi đó hầu như vẫn không thể, hoặc chỉ ít là vẫn chưa thể, xây dựng được một cách đại qui mô, chúng ta có thể chỉ có lác đác vài sư đoàn ở châu Âu, mà phần lớn là của Pháp, trong khi người Nga có thể sẽ giữ lại ở đây hai ba trăm sư đoàn quân, thử hỏi cục diện khi đó sẽ ra sao? Ở khu vực tiền duyên của họ, bức “màn thép” đã kéo xuống. Chúng ta chẳng biết họ đang làm gì sau bức “màn thép”. Toàn bộ khu vực phía đông tuyến Luybéc-Toriat - Đảo Coóc không lâu nữa sẽ hoàn toàn rơi vào tay họ, điều này xem ra không còn gì phải nghi ngờ. Ngoài ra, còn phải tính thêm cả một vùng rộng lớn giữa Aidonac và sông Enbơ do quân Mỹ đánh chiếm. Theo tôi dự đoán, khi quân Mỹ rút đi thì cả vùng này chỉ trong vài tuần sẽ rơi vào tay quân Nga. Nếu họ muốn tiến ra Bắc Hải và Đại Tây Dương, họ sẽ được toại nguyện chỉ trong một thời gian rất ngắn.

Còn ở Oasinhton, Quốc hội cũng như Bộ Lục quân đều phản đối việc lợi dụng những khu vực quân đội Mỹ lưu trú nhưng chắc chắn sẽ phải trả về cho Liên Xô làm tấm séc để đổi chác. Hôpkin thành thực khuyên Tổng thống phải tỏ ra biết kiểm chế và ông cảnh cáo rằng, nếu Mỹ không rút khỏi trận địa tiền duyên thì sẽ bị coi là vi phạm hiệp định mà các bên đã thỏa thuận trước đây nửa năm. Theo Hôpkin, việc vi phạm hiệp định này tất nhiên sẽ dẫn đến sự

hiều lắm không chỉ ở Nga mà cả ở Mỹ. Dựa vào những ý kiến đó, ngày 11 tháng 6, Toruman viết thư cho Sôcsin: “Để gây áp lực giải quyết các vấn đề khác, tôi không thể kéo dài việc rút quân Mỹ ra khỏi những vùng do Liên Xô chiếm đóng”. Toruman tán thành ba bên cần thiết “phải nhanh chóng tổ chức hội nghị để dàn xếp với người Nga”, và cho rằng, “Ba người cầm đầu nếu không tiếp tục gặp nhau tương lai sẽ đoàn kết với nhau được thì triển vọng của hoà bình sẽ mất mờ mịt”.

Ngoài chuyện đó ra, phía Liên Xô đã tỏ rõ thái độ: Trước khi quân đội Mỹ-Anh rút khỏi khu vực do Liên Xô chiếm đóng, họ không cho phép Ủy ban quản chế của các nước Đồng minh hoạt động ở Béclin. Toruman viết:

Có người khuyên tôi, nếu việc này chúng ta kéo dài đến khi họp hội nghị Béclin mới hành động, thì đó là một điều rất không khôn ngoan và hết sức bất lợi cho quan hệ của chúng ta với Liên Xô.

Sôcsin không giấu nổi thất vọng, viết trả lời Toruman:

Xem ra, chúng tôi không thể đồng ý với quyết định của Ngài. Tôi thành thực hy vọng, hành động của Ngài cuối cùng sẽ xúc tiến được nền hòa bình của châu Âu.

Điều chứng minh của Hariman hết sức thú vị. Trong hồi ký của mình, Hariman đã bình luận về sự kiện trên:

Biên giới các khu vực chiếm đóng sớm đã được hoạch định, vì tất cả chúng tôi đều cho rằng, điều quan trọng là đừng làm âm ỉ với người Nga trong vấn đề lãnh thổ. Hội nghị liên tịch các Tham mưu trưởng chúng tôi nhận định, việc bố trí khu vực chiếm đóng như đã bàn định ở Luân Đôn là hoàn toàn khiến mọi người hài lòng. Tuy nhiên, chúng ta đã phán đoán sai lầm tình hình thực tế trên chiến trường: đánh giá quá cao tốc độ tiến quân của Liên Xô trên mặt trận phía Đông; đánh giá quá thấp mức độ thâm nhập của các nước Đồng minh trên mặt trận phía Tây (thực ra, vấn đề là ở chỗ: Sau khi Hítler tập trung tất cả lực lượng quân Đức đối phó với Hồng quân, trên thực tế mặt trận phía Tây đã bị bỏ ngỏ). Không ai có thể dự kiến được một cách chính xác diễn biến cụ thể trận quyết chiến với Đức rút cục sẽ như thế nào. Điều quan trọng là chúng ta đã đạt được một số thỏa thuận với người Nga, đã qui định cụ thể quân đội mỗi nước nên chiếm đóng ở khu vực nào; và chúng ta nên tuân thủ những thỏa thuận đó. Nếu chúng ta từ chối việc rút quân ra khỏi những vùng qui định do Liên Xô chiếm đóng ở Đức, vậy thì chẳng còn nghi ngờ gì nữa, người Nga cũng sẽ cự tuyệt việc triệt thoái ra khỏi những khu vực qui định cho chúng ta ở Áo.

Hariman còn viết tiếp: Ngoài ra, điều quan trọng là cần cân nhắc đến việc người Mỹ ở Thái Bình Dương còn có một chiến trường buộc phải đánh thắng. Kế hoạch quân sự của Mỹ đòi hỏi phải đưa quân đội Mỹ từ Châu Âu sang Viễn Đông để bố trí lại trên một qui mô lớn.

Như vậy, cho đến khi Hội nghị Póttxdam khai mạc, ba nước lớn ở trong tình trạng phân liệt thành hai phe. Và thế là, cuộc đàm phán giữa ba nước lần này mang đậm hơn màu sắc đàm phán giữa các đối thủ so với ở Têhêran và Ianta. Nguyên nhân một phần là do quan hệ hợp tác xấu đi và vai trò quốc tế của mỗi nước thay đổi; mặt khác, do những vấn đề mà hội nghị Póttxdam đề cập tới là những vấn đề sau khi hành động đối địch đã chấm dứt, bao gồm cả vấn đề giải quyết chiến lợi phẩm, điều này có ảnh hưởng đến thế quân bằng, do đó, quan điểm của ba nước Đồng minh chắc sẽ không dễ dàng nhất trí như thời đánh Hítle

Cuộc thay máu ở Nhà Trắng

6 giờ sáng ngày 7 tháng 7 năm 1946, Toruman lên đường đi dự hội nghị. Cùng đi với Tổng thống đến Póttxdam có tân Quốc vụ khanh Jê-m Bécna, Thượng tướng hải quân Rêxi, Đại sứ ở Liên Xô Hariman, hai trợ lý Quốc vụ khanh Đunen và Clê-ton, Bairon đi với tư cách chuyên gia về Liên Xô kiêm phiên dịch viên. Bộ trưởng Tài chính Venxan lúc đầu cũng có trong danh sách, sau bị gạt ra.

Bécna thấy không thể tha thứ việc Toruman đã “chơi sỏ” ông ta. Bécna tự cho mình rất tài ba, người khác cũng nhận xét ông là một chính trị gia có kinh nghiệm. Ngay từ năm 1930, Bécna đã được bầu vào Thượng nghị viện, trong Thượng nghị viện ông có ảnh hưởng không nhỏ. Người ta bảo rằng, khi nào Bécna ủng hộ Rudoven, Rudoven chắc chắn giành được thắng lợi trong các cuộc tranh luận ở Quốc hội; còn khi nào ông nghị sĩ này không đứng về phía Rudoven, nhất định Rudoven sẽ bị thất bại trước Quốc hội. Nhưng trên phương diện công việc quốc tế thì Bécna lại chẳng hiểu tí gì, ông nhận thức rất mơ hồ về những chuyện xảy ra ở thế giới bên ngoài.

Toruman chọn phương tiện đi đường thủy. Ngoài lý do an toàn, ông muốn dùng thời gian lênh đênh trên biển để có thể ung dung đọc các tài liệu, cùng với các cộng sự bàn bạc đối sách.

Từ Nhà Trắng, họ đi xe ô tô đến cảng Niupo-Niu, rồi lên chiếc tuần dương hạm hạng nặng mang tên “Ôgutxtơ” đậu sẵn đó từ lâu. Sau lễ chào tổ chức đơn giản của các sĩ quan binh lính trên tàu, quân hạm từ từ rời bến. Đi

theo còn có tuần dương hạm hạng nặng “Philadenphi” làm nhiệm vụ hộ tống Tổng thống.

Lên kế nhiệm, Toruman linh cảm thấy dưới con mắt mọi người, ông ta chỉ là người thế chân Rudoven, và ông quyết tâm nhanh chóng thoát khỏi ấn tượng đó. Hai tháng nay, các thành viên trong Chính phủ, người thì buộc phải từ chức, người thì chủ động xin từ chức. Rất nhiều nhà hoạt động Mỹ trước đây không lâu còn ở những cương vị cao, giờ đây cũng bị đối xử lạnh nhạt, chẳng có việc gì để làm. Vai trò của Hariman cũng trở nên rất hạn chế. Mặc dầu ông ta vẫn có mặt trong các phiên họp toàn thể của Hội nghị Pốtxdam, nhưng không được tham gia vào những quyết định quan trọng của Mỹ. Tân Quốc vụ khanh Bécna không chỉ lạnh nhạt với riêng Hariman, mà cả Bộ trưởng lục quân Xtímxơn cũng chịu chung số phận, có lẽ vì liên quan đến chuyện ông không tán thành Mỹ thay đổi phương châm hợp tác với Liên Xô. Hariman cho rằng mình là người bị tẩy chay. Trong một lần hội kiến với Toruman, vì ông đã có ý định muốn về hưu nên nói với Toruman:

Nếu Ngài muốn tôi lưu lại Mátxcova, tôi có thể ở lại cho đến khi chiến tranh với Nhật kết thúc. Khi đó tôi muốn từ chức về nước...

Trước đề nghị của Hariman, Toruman không tỏ ý phản đối, chứng tỏ bộ sậu mới của Nhà Trắng đã không cần tới sự đóng góp của Hariman.

Trong chuyến hành trình xuyên Đại Tây Dương, ngày nào tại phòng họp trên quân hạm Toruman cũng triệu tập một cuộc họp với phạm vi hẹp. Thượng tướng hải quân Rêxi, trợ thủ thân cận nhất của Tổng thống Rudoven trong suốt bao nhiêu năm nay, trên danh nghĩa là cố vấn quân sự của Toruman trong Hội nghị Pốt xdam. Nhưng ngay cả với ông này, Toruman cũng rất ít khi mời tham gia thảo luận các vấn đề thiết thực. Trong cuốn hồi ký “Những điều mục kích ở hiện trường”, Rêxi ghi lại chủ yếu cũng chỉ là những sự kiện có tính chất nghi thức. Ông hầu như không được hỏi ý kiến về thực chất những sự kiện xảy ra chung quanh. Rêxi rất mực trung thành với vị tân Tổng thống, nhưng Toruman cũng chẳng đem lại cho ông ta nhiều điều tốt lành, mặc dầu ông là cố vấn của Tổng thống.

Trước Hội nghị Pốtxdam, trong những vấn đề đoàn đại biểu Mỹ đã thảo luận, thì vấn đề Liên Xô tham chiến với Nhật có vị trí đặc biệt. Hội đồng tham mưu trưởng đã gửi Toruman và Sốcsin một bản báo cáo, trong đó đề ra các bước đi cần thiết buộc Nhật phải chấp nhận thất bại sớm nhất. Báo cáo chỉ rõ:

Cần phải động viên Nga tham chiến với Nhật. Cần phải cung cấp cho Nga mọi sự viện trợ cần thiết để có thể nâng cao khả năng tác chiến của họ.

Toruman không hoài nghi ý kiến của Hội đồng tham mưu trưởng là sáng suốt, khôn ngoan. Sau này, ông viết trong hồi ký.

Tất nhiên, mục tiêu trước mắt của tôi là làm cho Nga nhanh chóng tham chiến với Nhật.

Bộ trưởng Lục quân Xtimxon ủng hộ quan điểm này.

Ngày 14 tháng 7, hạm đội của Tổng thống tới eo biển Anh. Một tuần dương hạm và sáu khu trục hạm của hạm đội Hoàng gia Anh ra khơi nghênh đón và hộ tống đến Bắc Hải. Ngày 15 tháng 7, sau chín ngày hành trình trên biển, khi hạm đội cập bến, Tổng thống và nhân viên tùy tùng được đưa về Béclin bằng máy bay.

Toruman và Sôcsin ở Béclin

Đoàn của Toruman ở trong một trang viên bên hồ Gripuni, bao quanh là cây xanh nước biếc, khung cảnh tuyệt vời êm ả. Giữa trang viên là một ngôi nhà ba tầng xinh xắn màu xám, vốn là nhà riêng của tay trùm điện ảnh Đức. Đại biểu Mỹ gọi nó là “Tiểu Bạch cung”.

Sáng ngày 16 tháng 7, “Tiểu Bạch Cung” đón tiếp vị khách đầu tiên. Thủ tướng Anh Sôcsin tới chào tân Tổng thống. Chuyến sang thăm Mỹ lần trước, khi hội đàm với Tổng thống Rudoven, Sôcsin cũng làm quen qua loa với Toruman. Do đó, lần này Thủ tướng Anh không rõ nên cộng tác với vị tân Tổng thống này như thế nào.

Toruman cũng có cảm giác như vậy. Trong quá trình chuẩn bị cho Hội nghị Pốttxdam, Toruman đã cử Đại sứ Đêvít đi Luân Đôn tiến hành thăm dò bước đầu. Trong lần đầu tiên gặp Sôcsin, Đêvít có nhắc đến “sự quan tâm” của Tổng thống trước tình hình quan hệ hai nước Mỹ - Anh với Liên Xô xấu đi nghiêm trọng. Cũng phải nhận rằng, vốn là người nhiệt thành ủng hộ đường lối thân thiện với Liên Xô của Rudoven nên Đêvít cứ tin là thật cái gọi là “sự quan tâm” của Toruman. Vì thế Đêvít nói với Sôcsin rằng, theo ông ta, không có sự tiếp tục đoàn kết của “ba ông trùm”, tương lai của thế giới sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Đêvít trình bày về tình hình đã nảy sinh giữa các nước Đồng minh sau khi chiến tranh Châu Âu kết thúc thắng lợi, nhấn mạnh vào những biểu hiện nghi ngờ và không tin nhau giữa hai bên. Đêvít nói, theo cách nhìn của Liên Xô thì hiện nay, hai nước Anh-Mỹ đang âm mưu câu kết với nhau để đối phó lại nước Nga, do đó làm cho vấn đề càng thêm phức tạp. Tân Tổng thống cân nhắc đến tất cả những tình hình trên, thêm vào đó là việc ông ta chưa gặp người đứng đầu Chính phủ Liên Xô lần nào, nên Toruman muốn

trước khi có cuộc họp giữa “ba ông trùm” dự định sắp triệu tập, tìm một cơ hội gặp gỡ Xtalin.

Vốn từ lâu theo đuổi đường lối chống Liên Xô, Sôcsin hiểu “sự quan tâm” của Tổng thống theo ý riêng của mình, coi đó như là một tín hiệu ngầm báo hiệu có thể tiếp tục đẩy mạnh chính sách đối kháng trong điều kiện quan hệ với Liên Xô ngày càng xấu đi. Nhưng ông cũng cảm thấy một sự đe dọa trong ý định của Toruman muốn gặp riêng Xtalin, vì điều đó hình như có nghĩa là gạt Luân Đôn ra ngoài “những quyết sách của các nước lớn”, hoặc chí ít cũng là đẩy nước Anh xuống hàng thứ yếu. Sôcsin làm ra vẻ bức tức:

Tôi cảm thấy “kinh ngạc và đau lòng” thấy có người muốn gạt tôi ra ngoài cuộc hội kiến lần đầu tiên sau chiến tranh với Xtalin - Rồi ông cao giọng - Chẳng lẽ suốt trong thời gian chiến tranh, từ đầu đến cuối, tôi không ủng hộ nước Mỹ? Chẳng lẽ đó là sự đền đáp đối với sự ủng hộ của tôi? Khi tôi có thể đơn phương giảng hoà với Hítler, chẳng lẽ tôi không ủng hộ phương án đầu hàng vô điều kiện do Mỹ đưa ra? Tất cả những việc làm đó có ý nghĩa gì? Một cuộc gặp gỡ như vậy, người ta cảm thấy có cái gì lén lút, bí mật. Tôi quyết không, quyết không, quyết không đồng ý với cách làm làm như vậy!...

Sôcsin cảm thấy người Mỹ không có ý tôn trọng ông ta. Đầu tiên là việc Oasinhton cự tuyệt đề nghị của ông về việc Mỹ tiếp tục đóng quân ở những vùng chiếm đóng, Đức cắt cho Liên Xô, sau đến việc Toruman bất chấp lời khuyên cáo thành thật của ông, quyết định rút phần lớn lực lượng quân Mỹ ra khỏi châu Âu. Bây giờ Toruman lại định gặp riêng Xtalin. Chẳng lẽ Oasinhton muốn cộng tác riêng rẽ với Mátxcova? Nhưng, Sôcsin vẫn sẽ bằng mọi cố gắng làm cho người Mỹ tin rằng, đối với nước Mỹ, Liên Xô là một mối đe dọa đáng sợ.

Bằng một giọng diễn kịch, Thủ tướng Anh nhìn thẳng vào Đại sứ Đêvít hỏi:

Ngài có thể đại diện cho Tổng thống mà nói rằng, nước Mỹ quyết định không tham dự vào công việc của Châu Âu nữa không?

Đêvít tránh trả lời chính diện. Lúc này Sôcsin không kìm nổi mình nữa. Ông ta huênh hoang tuyên bố, nếu Mỹ không hiểu được mối đe dọa của Nga đối với bộ mặt châu Âu, Anh sẽ làm một mình. Trong mọi công việc của thế giới, Anh không phải là một nhân tố có thể coi thường. Nó vẫn có thể bảo vệ được mình.

Nước Anh sẽ làm một mình, trước sau như một.

Đại sứ Đêvít vẫn không bị nao núng trước thái độ hùng hổ đó. Ông lưu

ý Sôcsin, trong sự nghiệp chiến thắng kẻ thù chung, Liên Xô đã có những cống hiến lớn lao, và không nên làm sống lại những nghi ngờ trước đây. Ông còn nói rõ, rất nhiều người cho rằng, nhân lúc trên thế giới hiện nay chưa có một cường quốc thứ ba tương đương với nước Nga có thực lực đang không ngừng tăng trưởng, nước Anh đang âm mưu lợi dụng nhân lực, và tiềm lực kinh tế của nước Mỹ để duy trì chính sách truyền thống “chia để trị” của họ.

Đêvít đã vạch trần chính xác động cơ đích thực của Sôcsin, đến nỗi ngài Thủ tướng rất tài ứng biến lần này cũng không biết đối đáp lại thế nào cho phải. Ông ta chỉ tỏ ý muốn được sớm trình bày quan điểm của mình với Tổng thống.

Cứ theo tình hình trên mà phán đoán, tính kiên quyết của Sôcsin hẳn sẽ được Toruman rất thích. Thế là Toruman cũng chẳng phản đối việc gặp gỡ Thủ tướng Anh trước khi đoàn đại biểu Liên Xô tới Pôtxdam.

Hai vị thủ lĩnh phương Tây đã tiến hành hội đàm tại phòng khách của “Tiểu Bạch cung”. Cuộc trao đổi bắt đầu từ vấn đề Nhật. Sôcsin tuyên bố, ông ta có thể cung cấp những đạo quân Anh giàu sức chiến đấu tham gia vào cuộc chiến tranh Thái Bình Dương. Nhưng Toruman ngầm tỏ ý Mỹ không cần sự chi viện của Anh. Và hơn thế nữa, mặc dầu ở Ianta đã có một hiệp định chính thức về việc Liên Xô sẽ tham chiến với Nhật sau khi nước Đức Hítle đầu hàng, Mỹ cũng không có ý định “câu xin” người Nga tham gia vào cuộc chiến tranh này. Điều đó khiến Sôcsin cảm thấy được an ủi phần nào. Ông ta hăng lên, lại huyền thuyên nhắc lại chủ đề mà ông ta rất khoái bàn: Liên Xô là “mối đe dọa” đối với Châu Âu và cả đối với nước Mỹ. Tóm lại, Sôcsin cảm thấy hài lòng về cuộc gặp gỡ này. Ông ta viết trong nhật ký: Thái độ cứng rắn và tài năng quyết đoán của Toruman đã để lại cho ông những ấn tượng sâu sắc.

Chiều ngày 16 tháng 7, Bộ trưởng lục quân Mỹ Xtimxon đến nơi ở của Sôcsin, thông báo cho ông ta biết những kết quả bước đầu của việc thử bom nguyên tử ở bang Niu Mêhicô. Sôcsin không nén nổi mừng rỡ, la to:

Đây là biện pháp nhanh nhất để kết thúc đại chiến thế giới lần thứ hai!- Ông ta ngừng lại giây lát rồi nói tiếp - Có lẽ, đây còn có thể đối phó với...

Sau này, Sôcsin ghi trong nhật ký:

Cho đến lúc này, điểm xuất phát của kế hoạch quân sự của chúng tôi vẫn là: phải dùng biện pháp ném bom quyết liệt bằng đường không và đổ bộ với qui mô lớn để tấn công lên đất Nhật. Chúng tôi đã dự tính đến khả năng người Nhật sẽ liều chết để kháng, họ sẽ chiến đấu đến cùng với tinh thần võ sĩ

đạo trong từng hang động, từng công sự. Muốn chinh phục Nhật Bản bằng cách này, có lẽ phải hy sinh tới một triệu sinh mạng người Mỹ và nửa triệu sinh mạng người Anh. Giờ đây, con ác mộng đó đã tiêu tan. Một viễn cảnh tươi đẹp và sáng sủa xem chừng đã xuất hiện: có thể kết thúc cuộc chiến tranh này chỉ với một hai lần tấn công mãnh liệt... Bây giờ, chúng tôi chẳng cần đến người Nga nữa. Bây giờ, chúng tôi đã có khả năng nhanh chóng chấm dứt cuộc chiến tranh đẫm máu ở Viễn Đông. ở Châu Âu cũng mở ra một triển vọng đẹp đẽ hơn. Tôi không nghi ngờ trong đầu óc của người bạn Mỹ cũng đang có những ý nghĩ như vậy.

Xtimxon đã uống công khi cố gắng thuyết phục Sôcsin nên thông báo cho phía Liên Xô biết về tình hình của loại vũ khí mới. Ông ta hoàn toàn không để lọt tai những lời khuyên đó. Trong việc này, phản ứng của Sôcsin và Bécna giống nhau. Mới rồi, Xtimxon bàn với Bécna về chuyện này, Bécna cũng không buồn nghe.

Xtalin hội kiến Toruman

Đúng 12 giờ ngày 17 tháng 7 năm 1945, chiếc xe con của người đứng đầu Chính phủ Liên Xô dừng trước cửa “Tiểu Bạch Cung”. Trợ lý thân cận của Tổng thống Mỹ Hari Ôoen và Jem Oatama bước xuống bậc thềm đón khách. Xtalin mặc quân phục Nguyên soái màu trắng, vai đeo quân hàm màu vàng đỏ. Để biểu dương chiến tích và thắng lợi lịch sử của Hồng quân trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, ông vừa được phong quân hàm tối cao này. Đi cùng với Xtalin có Molôtốp và tham tán Ngoại giao kiêm phiên dịch viên Grônxxki. Các đại biểu Liên Xô theo cầu thang trải thảm lên phòng làm việc của Tổng thống Mỹ ở tầng hai. Tổng thống Toruman, Quốc vụ khanh Bécna và phiên dịch viên Bairon đang chờ họ ở đó.

Có lẽ vì là lần đầu tiên gặp người lãnh đạo Liên Xô, một nhân vật đang làm kinh động thế giới, nên Toruman nhất cử nhất động đều phải hết sức chú ý. Đúng như phiên dịch viên của Tổng thống đã mô tả, Xtalin cử chỉ điềm tĩnh, thành thật, ôn hòa, thân thiện. Tổng thống cũng quan sát thấy tấm vóc, chân tay và cặp mắt của Xtalin đều không to cao như ông ta tưởng tượng. Sau này, mỗi khi chụp ảnh chung, Sôcsin và Xtalin đều phải đứng trên ông một bậc, điều này khiến Toruman thấy vui vui trong lòng.

Trong quá trình trò chuyện, Toruman và Xtalin đã thảo luận về chương trình hội nghị. Xtalin bổ sung thêm vài điểm, trong đó có vấn đề chính quyền Phrăngcô của Tây Ban Nha. Toruman vờ như không nghe thấy, hỏi lảng sang

chuyện phiên họp toàn thể lần thứ nhất họp khi nào thì tiện. Xtalin trả lời: Môlô tôp và Êđen đã bàn thống nhất họp vào 5 giờ chiều hôm nay - ngày 17 tháng 7. Bằng một giọng pha trò, Bécna nhắc đến thói quen của Xtalin mà ai cũng biết, đó là thích ngủ muộn dậy muộn. Với giọng hóm hỉnh, Xtalin trả lời, thói quen đó của ông sau khi chiến tranh kết thúc đã thay đổi rồi.

Về chính quyền Phrăngcô- Lúc này giọng Xtalin trở nên nghiêm túc - Tôi muốn nói rõ một chút quan điểm của tôi. Chính quyền Phrăngcô không phải là con đẻ của tình hình nội bộ Tây Ban Nha, mà là do Đức và Italia áp đặt cho Tây Ban Nha. Do đó, nó là một mối nguy hiểm cho các nước liên hiệp. Chính quyền Phrăngcô là một chính quyền có tính chất nguy hại, là nơi ẩn náu của những phần tử tàn dư phát xít đủ các kiểu. Do đó, chúng tôi cho rằng nên đoạn tuyệt quan hệ với chính quyền này.

Toruman trả lời rằng, ông ta hiện nay chưa có đủ tài liệu về Phrăngcô, nhưng ông nhất định nghiên cứu vấn đề này. Toruman cố tình lái câu chuyện theo hướng tùy tiện trao đổi. Ông nói:

Tôi không phải là một nhà ngoại giao. Tôi đến đây là vì muốn kết bạn với Ngài, trực tiếp cộng tác với Ngài để chúng ta có thể có ngay những quyết định “được” hay là “không được” về vấn đề này hoặc vấn đề kia.

Cởi mở chân thành là điều tốt, vì nó giúp ích cho sự hợp tác giữa Liên Xô và Mỹ - Xtalin đáp lời.

Toruman nói:

Nếu như Mỹ và Liên Xô xây dựng được mối quan hệ thân thiện, thì mọi sự chia rẽ xảy ra đều có thể được giải quyết nhanh chóng trong không khí chân thành, cởi mở.

Tất nhiên - Xtalin giọng tán thành - Có thể sẽ có bất đồng, nhưng cần giải quyết sự bất đồng đó.

Toruman làm ra vẻ như rất vô tình, nói rằng ông ta đã gặp Sôcsin. Phản ứng của Xtalin về chuyện này rất bình thản. Ông chỉ nhắc đến chuyện thái độ của người Anh trong vấn đề chiến tranh với Nhật không thật rõ ràng. Còn với người Nga và người Mỹ, họ sẵn sàng thực hiện phần trách nhiệm của họ. Nếu suy đoán dựa trên các biểu hiện, có lẽ người Anh cho rằng, trên đại thể chiến tranh đã kết thúc.

Toruman tiết lộ, Thủ tướng Anh tỏ ý sẵn sàng chi viện cho ông ta trong cuộc chiến ở Viễn Đông.

Ý kiến đó, kể cũng hơi lạ. - Người đứng đầu Chính phủ Liên Xô nói - Chính người Đức chứ không phải người Nhật đã ném bom nước Anh. Có thể

nói, đối với họ chiến tranh đã kết thúc. Tâm trạng này của nhân dân Anh có thể có ảnh hưởng bất lợi cho Thủ tướng. Nhân dân Mỹ trong giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh đã giúp đỡ nước Anh. Có thể, Sôcsin bây giờ nghĩ rằng phải giúp đỡ lại người Mỹ trong cuộc chiến tranh với Nhật?

Hoàn cảnh của chúng tôi không khó khăn như nước Anh khi đứng trước cuộc tấn công của Đức - Toruman nói.

Xtalin giọng kiên quyết:

Chúng tôi chuẩn bị vào trung tuần tháng sẽ 8 tham chiến với Nhật.

Câu nói đó rõ ràng khiến Toruman rơi vào thế khó xử. Ông ta vốn hoàn toàn phản đối việc Liên Xô tham gia vào chiến sự Viễn Đông và cho rằng không cần tới sự giúp đỡ đó. Giờ đây, Xtalin nhắc lại rành rọt lời thỉnh cầu của Mỹ và lời hứa của ông ta đồng ý tham chiến với Nhật sau khi chiến thắng nước Đức, chuyện đó khiến Toruman rất không vui.

Toruman cũng biết rõ rằng, dù bây giờ ông có làm gì hoặc tỏ thái độ gì, Liên Xô vẫn sẽ tham chiến và ông vẫn phải bó tay trước việc này. Do đó, Tổng thống cho rằng thái độ tốt nhất là im lặng.

Xtalin nhân cơ hội đó lái sang chuyện khác. Ông thông báo cho Toruman tình hình Chính phủ Liên Xô và Chính phủ Quốc dân Đảng Trung Quốc đã tiến hành đàm phán về những vấn đề được nhất trí, thoả thuận tại hội nghị Ianta. Xtalin cho biết, đàm phán với người Trung Quốc không phải mọi mặt đều thuận lợi, hiện nay họ đã về nước để bàn bạc thêm.

Sau buổi trò chuyện, Toruman mời Xtalin ở lại cùng ăn cơm trưa. Trong bữa cơm, họ trao đổi với nhau những câu chuyện chung chung. Thời gian gặp nhau cũng đủ để họ đánh giá về nhau. Toruman viết trong nhật ký về lần gặp mặt đầu tiên với Xtalin:

Những biểu hiện tình cảm qua đôi mắt của ông ta, trên gương mặt của ông ta, để lại cho tôi những ấn tượng đặc biệt... Khi nói, ông ta chăm chú nhìn vào mắt tôi. Tính tình của ông ta rất hay, rất lịch sự. Ông ta đã để lại cho tôi ấn tượng sâu sắc, tôi quyết tâm sẽ nói chuyện với ông ta một cách thẳng thắn.

Trận độ sức đầu tiên trên bàn đàm phán

Ngày 17 tháng 7 năm 1945. Trong vườn hoa trước cung điện Xixilinhốp ẩn mình dưới bóng cây, những bông hoa dương tú cầu đỏ rực kết thành ngôi sao năm cánh khổng lồ. Quốc kỳ ba nước Mỹ, Liên Xô, Anh phấp phới tung bay trước cửa cung điện. Khoảng 5 giờ chiều, khuôn viên yên tĩnh bỗng ồn ào

tiếng ô tô và inh ỏi tiếng còi: Những người tham gia hội nghị Pốtxdam đến dự phiên họp toàn thể đầu tiên.

Người Anh đến sớm nhất. Sốcsin được mấy mật thám mặc thường phục đi theo sát, từ trong xe bước ra, rồi đi thẳng vào gian phòng lớn dành làm nơi làm việc của đoàn đại biểu Anh. Mấy phút sau, đoàn Mỹ đến trong sự huyền não của những tiếng còi báo rúc liên hồi. Xuất hiện đầu tiên là đoàn xe mô-tô hộ tống, tiếp đến là một chiếc xe Jeep bọc thép, sau đó là xe của Tổng thống với những nhân viên đặc công bám đầy trên bậc lên xuống, cuối cùng là chiếc xe vận tải bọc thép chở đầy nhân viên vũ trang. Những người này nhảy từ trên xe xuống, chạy tới khoảng sân trước cửa cung điện, tay lăm lăm súng, đứng xếp thành một hàng lang người. Toruman và Bécna mặt mày rạng rỡ, mỉm cười tươi tỉnh, đi dọc hàng lang người, bước vào đại sảnh. Kế đó, đoàn xe của đoàn đại biểu Liên Xô tới. Xtalin vẫn mặc bộ quân phục màu trắng, đính quân hàm Đại Nguyên soái trên vai.

Cung điện dùng làm hội trường được phía Liên Xô trang hoàng lại như mới, mọi thứ đồ dùng trong nhà cũng chở từ Mátxcova tới. Giữa gian phòng lớn kê một chiếc bàn tròn to phủ khăn màu vàng chanh, giữa bàn cắm ba lá quốc kỳ nhỏ của ba nước.

Ba trưởng đoàn ngồi trên ba chiếc ghế bành kê sát bàn, các cố vấn thân cận của họ ngồi trên các ghế mềm loại thường, chuyên gia và các thành viên khác của đoàn ngồi phía sau. Ngồi hai bên Xtalin có Mólótốp, Vyxinxki, Grômucô và phiên dịch viên Páplop; hai bên Toruman là Bécna, Rêxi, Đêvít và phiên dịch viên Bairon; hai bên Sốcsin là Êđen, Jăđocan Átli và phiên dịch viên Pécxì. Átli nhận lời mời của Sốcsin đến tham gia hội nghị với tư cách quan sát viên. Lý do là vì, nếu đảng Bảo thủ thất bại trong cuộc bầu cử Quốc hội Anh thì lãnh tụ Công đảng Anh Átli sẽ chủ trì Chính phủ và lãnh đạo đoàn đại biểu. Sau này sự việc quả nhiên đã diễn ra đúng như vậy.

Để ghi lại sự kiện lịch sử này, ký giả và phóng viên nhiếp ảnh được phép làm việc trong mười phút.

Sau khi cánh phóng viên rời khỏi phòng họp, Sốcsin hỏi:

Ai làm chủ tịch phiên họp này của chúng ta?

Tôi đề nghị Tổng thống Toruman - Xtalin nói.

Đoàn đại biểu Anh ủng hộ đề nghị đó. - Thủ tướng Anh cũng đồng ý!

Toruman cảm thấy ngạc nhiên vì sự ưu ái này, nhưng bề ngoài vẫn tỏ ra vẻ điềm tĩnh, thậm chí lạnh lùng. Ông ta chỉ nói: - Tôi xin nhận điều khiển phiên họp này.

Phiên họp thứ nhất bắt đầu từ việc bàn chương trình hội nghị. Toruman trình bày trước hội nghị phương án đã được chuẩn bị sẵn. Trước hội nghị, Toruman có hỏi Sôcsin đã chuẩn bị đề án chưa, Sôcsin nói “chưa”, ông ta cho rằng không cần thiết phải chuẩn bị. Thế là trong phiên họp, Toruman thao bất tuyệt trình bày về bốn kiến nghị chính của đoàn đại biểu Mỹ:

Thành lập một Hội đồng Ngoại trưởng gồm 5 nước tham gia là Anh, Mỹ, Liên Xô, Pháp và Trung Quốc. Hội đồng này có nhiệm vụ soạn thảo điều ước hoà bình để cung cấp cho Chính phủ các nước thành viên xem xét;

Chế định chính sách đối với nước Đức;

Kiến nghị thi hành ngay những quy định liên quan đến những khu vực đã được giải phóng nêu trong Tuyên ngôn Ianta.

Chế định chính sách đối với Italia, trong đó bao gồm cả việc cho phép nước này gia nhập tổ chức Liên Hợp Quốc, vì Italia đã công khai tuyên chiến với Nhật.

Có thể là vì đã được chuẩn bị quá chu đáo, cũng có thể là vì phải giành thế tiến công ngay, nên Tổng thống Mỹ với sự hăng hái không gì cưỡng nổi đã đọc một mạch những đề nghị được chuẩn bị sẵn của ông. Thuốc lá xì-gà của Sôcsin và thuốc lá tẩu của Xtalin tỏa khói mờ mịt cả gian đại sảnh. Tiếng sột soạt của những tài liệu trong tay các đại biểu, tiếng lào xào của các phiên dịch viên, thỉnh thoảng lại có tiếng đập muỗi vang lên nghe rõ mồn một.

Trước khi bước vào trao đổi ý kiến, Toruman phát hiện thấy mình quá chú ý vào việc đọc văn bản, bèn vội tìm mấy lời khách sáo. Ông nói:

Tôi không nghĩ rằng mình được chọn làm chủ tịch phiên họp này, cho nên tôi đã không thể biểu đạt ngay tình cảm của tôi. Tôi rất vui mừng được làm quen với Ngài, vị Đại Nguyên soái, và với Ngài, ngài Thủ tướng. Tôi hiểu rằng, ở đây tôi thay mặt cho một con người không có gì thay thế được, đó là cố Tổng thống Rudoven. Tôi sẽ cảm thấy rất sung sướng nếu như tôi có thể, dù chỉ là một phần, không phụ lòng mong muốn của các ngài đối với Tổng thống Rudoven. Tôi nguyện sẽ tiếp tục củng cố mối quan hệ hữu nghị giữa cố Tổng thống và các ngài....

Nhân danh đoàn đại biểu Anh, Sôcsin cảm ơn Toruman đã nhận chủ trì phiên họp và bày tỏ lòng thương tiếc cố Tổng thống Rudoven. Xtalin bổ sung thêm một cách ngắn gọn, rằng những lời Sôcsin nói đã diễn đạt rất đầy đủ tình cảm của đoàn đại biểu Liên Xô.

Kết thúc lời phát biểu về chương trình hội nghị, Toruman nói:

Những vấn đề tôi nêu ra với các ngài đương nhiên là rất quan trọng,

nhưng điều đó không có nghĩa là chúng ta không bỏ sung vào chương trình những vấn đề khác.

Là tay lão luyện trên bàn đàm phán, Sôcsin không có sự chuẩn bị cẩn thận như Tôruman, tay chân của ông ta cũng đã có ý kiến về thái độ tùy tiện đó. Bá tước Alêchxandơ Jăđocan mô tả Thủ tướng như thế này: “Từ lúc rời Luân Đôn, Thủ tướng không làm bất cứ việc gì, cũng không đọc bất cứ thứ gì. Điều này tất nhiên cũng có thể, nhưng như vậy ông sẽ không có cái để mà xoay xở. Nếu như chẳng biết gì về vấn đề đang được thảo luận thì ông đừng nên phát biểu, hoặc để cho Bộ trưởng Ngoại giao của ông phát biểu. Ông đã không làm như vậy, mà cứ mỗi lần tranh luận, ông lại phát biểu những lời chẳng đầu vào đầu. Ngược lại, Tôruman là con người linh hoạt nhất, cẩn thận nhất”.

Nghe xong những kiến nghị của Tôruman, Sôcsin khiến ông thấy giạt mình, ông đứng lên phát biểu một thời một hồi, rồi nhấn mạnh:

Tôi cho rằng, chúng ta bây giờ nên định ra một số kế hoạch làm việc, để xem liệu chúng ta có thể tự hoàn thành chương trình đó không, hay sẽ giao một số vấn đề cho các Ngoại trưởng thảo luận. Tôi thấy, chúng ta không cần thiết ngay một lúc định ra toàn bộ chương trình hội nghị. Chúng ta có thể chỉ giới hạn trong việc xác định chương trình làm việc từng ngày. Ví dụ, tôi muốn bổ sung thêm vấn đề Ba Lan.

Xtalin tỏ ý hoài nghi về trình tự do Sôcsin đưa ra. Ông nói:

Tốt nhất vẫn là để cho các đoàn đại biểu của ba nước đưa ra tất cả các vấn đề mà theo họ cần đưa vào chương trình. Nga muốn đưa ra vấn đề về phân chia chiến tậm Đức, hai là vấn đề bồi thường, sau đó, nên thảo luận vấn đề về những vùng lãnh thổ được uỷ trị.

Sôcsin cảnh giác hỏi lại ngay:

Vùng lãnh thổ được uỷ trị mà Ngài nói là ở Châu Âu hay trên toàn thế giới?

Trưởng đoàn đại biểu Liên Xô tránh trả lời chính diện. Ông nói, ông vẫn chưa hiểu đích xác đó là chỉ những vùng lãnh thổ nào, nhưng “người Nga muốn tham gia vào việc quản lý những vùng lãnh thổ đó”. Tiếp đó, Xtalin nói rõ ý kiến của mình về chương trình của hội nghị. Theo ông, nên thảo luận vấn đề khôi phục quan hệ ngoại giao với các nước phụ thuộc Đức trước đây, cả vấn đề chính quyền Tây Ban Nha; những vấn đề về Xyri và Libăng cũng có thể đem ra thảo luận. Theo quan điểm của Xtalin, thảo luận vấn đề Ba Lan cần phải giải quyết một số vấn đề nảy sinh do việc Ba Lan thành lập Chính

phủ Thống nhất dân tộc và vì thế phải giải tán Chính phủ lưu vong Ba Lan ở Luân Đôn.

Những đề nghị đó đã được chấp nhận. Những người tham dự phiên họp thỏa thuận, để Ngoại trưởng ba nước định kỳ khai hội và lựa chọn một chương trình với những vấn đề cụ thể mà những người lãnh đạo ba nước cần nghiên cứu trong các phiên họp toàn thể.

Khi thảo luận vấn đề chức năng của Hội nghị Ngoại trưởng, Xtalin hỏi:

Hội nghị Ngoại trưởng này phải lo chuẩn bị cho cả Hội nghị hoà bình thế giới nữa chứ?

Đúng thế - Toruman trả lời.

Chính là Hội nghị hoà bình sẽ chấm dứt tình trạng chiến tranh - Giọng Sốcsin tỏ ra sôi nổi, hào hứng,

Ở châu Âu, chiến tranh đã kết thúc, - Xtalin nói một cách rõ ràng hơn - Hội nghị Ngoại trưởng cần xác định và đưa ra thời hạn triệu tập Hội nghị hoà bình.

Mọi người đều biết, Toruman không muốn triệu tập Hội nghị hoà bình chút nào. Nhưng về chuyện đó ông ta chưa có ý định lật ngửa con bài của mình, cho nên đã trả lời “Đúng thế” trước câu hỏi của Xtalin, rồi lại nhấn mạnh thêm “Hội nghị hoà bình không nên triệu tập trước khi chúng ta thực sự chuẩn bị xong”. Thế là ông ta bị lộ tẩy.

Khi thảo luận việc thành lập Hội đồng Ngoại trưởng theo đề nghị của Toruman, Xtalin hỏi, có phải Hội đồng này sẽ thay thế cho Hội đồng Ngoại trưởng thành lập ở Ianta? Vì sao để Trung Quốc tham gia thảo luận việc giải quyết vấn đề hoà bình ở châu Âu? Theo ý Sốcsin, Hội đồng này đặt ra chỉ để xem xét, cân nhắc về điều ước hoà bình, nó không thể thay thế Hội đồng Ngoại trưởng hiện có, cũng không thể thay thế Ủy ban tư vấn châu Âu. Nhà lãnh đạo của nước Anh này cũng không đồng ý lắm với việc mời Trung Quốc tham gia Hội đồng Ngoại trưởng.

Theo đề nghị của Toruman, những người dự họp đồng ý: phiên họp thứ hai không phải bắt đầu từ 5 giờ chiều, mà là từ 4 giờ chiều ngày 18.

Nếu điểm này đã không thông qua- Toruman nói- chúng ta dành vấn đề đến 4 giờ chiều mai thảo luận tiếp.

Nhưng trước khi phiên họp kết thúc đã diễn ra một cuộc đối thoại rất thú vị. Thư ký hội nghị ghi lại như sau:

Xtalin: Chỉ có một vấn đề: Vì sao ngài Sốcsin không để cho người Nga được cái phần chiến hạm Đức đã chia cho họ?

Sócsin: Tôi không phản đối. Nhưng ngài đã hỏi tôi vấn đề đó, thì câu trả lời của tôi là: số chiến hạm đó hoặc là đánh đắm hoặc là chia hết.

Xtalin: Ngài chủ trương đánh đắm hay chủ trương chia hết?

Sócsin: Mọi công cụ chiến tranh đều là thứ đáng sợ.

Chiến hạm nên chia hết. Nếu ngài Sócsin xin cho rằng nên đánh đắm, thì ông có thể đánh đắm phần của ông. Còn tôi, tôi không định đánh đắm phần của tôi.

Sócsin: Trước mắt, hầu như toàn bộ chiến hạm của Đức đều nằm trong tay chúng tôi.

Xtalin: Vấn đề là ở chỗ ấy, vấn đề là ở chỗ ấy. Cho nên chúng ta mới phải giải quyết vấn đề này.

Nhớ lại lần trước, chung quanh vụ các nước lớn phương Tây giao nộp các chiến hạm của Italia, Chính phủ Liên Xô đã được một bài học đáng buồn. Tất nhiên, bây giờ họ cho rằng phải có thái độ kiên quyết đối với vấn đề chiến hạm của Đức.

Bom nguyên tử khiến Toruman trở nên “cứng rắn”

Ngày 15 tháng 7 năm 1945, cũng là ngày thứ hai sau khi Toruman đến Pótxdam, trên bãi sa mạc gần Alamôgôđô ở bang Niu Mêhicô, một đám các nhà khoa học đang bận rộn tíu tít. Ở đây sắp sửa tiến hành một cuộc thí nghiệm quan trọng, tâm trạng của những người có mặt trên hiện trường vừa phấn khởi vừa căng thẳng.

5 giờ 10 phút, kim chỉ giờ nổ bắt đầu hoạt động, những người quan sát và các nhà khoa học núp dưới các đường hào, mắt đeo kính phòng hộ. Chiếc kim nhích dần, nhích dần tới gần số 0, mọi người hồi hộp đến nghẹt thở. Người phụ trách là Thiếu tướng Glóp căng thẳng tới mức như sắp sửa phát điên lên. Đêm hôm trước ông vẫn nghĩ, bom nguyên tử sẽ làm khí quyển bốc cháy, nếu bốc cháy thật thì chỉ thiếu cháy một bang Niu Mêhicô này hay thiếu cháy cả toàn thế giới. Nhà vật lý học nổi tiếng Rôbe Ôppenhaimơ cũng chịu không nổi sự căng thẳng, ông nói với một quan chức: “Trời ơi, chuyện này làm người ta khó chịu quá”. Một nhà báo được mời đến chứng kiến, ông ta cầm sẵn giấy bút, khổ nỗi tay cầm bút cứ run lên bần bật.

Giờ G tới. Trên giá đỡ thép đặt rất xa bùng lên một luồng ánh sáng cực mạnh làm chói mắt mọi người, cứ như trên bầu trời cùng một lúc mọc ra tới mấy ông mặt trời lúc giữa trưa; tiếp theo là một quả cầu lửa khổng lồ vút lên không trung, như một vầng thái dương từ phía chân trời mọc lên. Đất cát từ

mặt đất bị cuốn theo, tạo nên một chiếc cột dựng đứng rồi dần dần lan ra thành hình một chiếc nấm khổng lồ, cứ thế lên cao tới một vạn thước Anh mới tắt. Trong vòng bán kính hơn 180 km đều có thể nhìn rõ luồng ánh sáng sau tiếng nổ, những cánh cửa sổ cách xa ngoài 230 dặm Anh cũng bị rung chuyển, rồi đổ vỡ nát.

Kết quả cuộc thí nghiệm tốt hơn dự đoán. Những người có mặt ở hiện trường vui mừng khôn xiết. Người thì nhảy cẫng lên, la hét, hoan hô; có người hình như chưa hết cơn căng thẳng, tay đặt lên ngực, miệng lẩm bẩm: “Chúa ơi, thành công rồi, thế là thành công rồi!” Những khu vực gần nơi thí nghiệm, xác súc vật nằm ngổn ngang, cây cỏ không còn thấy đâu cả.

Sóng vô tuyến tức tốc truyền tin này tới Nhà Trắng. Lúc đó, Toruman vừa mới từ Béclin về tới nơi ở, Ximxon đang chờ ông ở đó. Qua gương mặt rạng rỡ của Bộ trưởng lục quân, Tổng thống biết nhất định có tin vui. Quả nhiên không ngoài dự đoán, Ximxon đưa cho Toruman bức điện báo. Bức điện viết:

Ca mổ sáng nay đã tiến hành. Biên bản chẩn đoán chưa nhận được, nhưng kết quả hình như rất tốt, và hơn cả sự mong muốn. Vì đã khiến phương xa chú ý theo dõi, cần thiết phải ra thông cáo báo chí tại chỗ. Bác sĩ Glốp rất vui, ngày mai ông ấy về, tôi sẽ liên lạc với anh.

Bức điện giả danh người bệnh được phẫu thuật thành công để ngấm báo tin vụ nổ bom nguyên tử đã thắng lợi. Cái gọi là “thông cáo báo chí” cốt để che mắt mọi người, phía quân đội sẽ tung tin một kho vũ khí bị nổ. Thông cáo báo chí của Glốp nói rằng: “Sáng hôm nay, tại khu vực cấm của căn cứ không quân Alamôgodô đã xảy ra vụ nổ lớn. Một kho chứa khối lượng lớn các chất nổ cực mạnh và các chất dùng cho đạn pháo hiệu đã bén lửa gây ra vụ nổ...”. Một số nhà khoa học trong ngành đoán ngay đó là vụ thí nghiệm nổ bom nguyên tử, vì họ biết rằng mấy chất kể trên không bao giờ được để chung trong một kho.

Sáng hôm sau, nhân viên trực ban của trung tâm thông tấn Mỹ ở Pốttxdam nhận được một bức điện từ Oasinhton gửi tới với nội dung: “Harixon gửi Bộ trưởng Lục quân. Bác sĩ mới trở về, rất vui, tin chắc rằng thành bé sẽ mạnh khỏe như cậu anh trai béo phì của nó. Đôi mắt cu cậu sáng đến nỗi từ đây đến trang viên cũng có thể nhìn thấy; tiếng khóc hét của cu cậu, tôi ở cách nông trường cũng nghe rõ”. Nhân viên trực ban chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra sao, chẳng lẽ Bộ trưởng Ximxon, một ông già ngoài 70 tuổi, bây giờ mới được làm bố? Ximxon chuyển ngay bức điện cho Tổng thống. Nội dung

muốn nói gì, hai người tất nhiên quá rõ. Bức điện báo rằng, ở ngoài 250 dặm Anh cũng có thể nhìn thấy vụ nổ, ngoài 50 dặm Anh cũng có thể nghe thấy tiếng nổ rất to.

Nhận được tin cuộc thí nghiệm bom nguyên tử thành công, Toruman tinh thần hết sức phấn chấn, ngực ưỡn, mặt vênh mỗi khi đi lại, vẻ đắc ý như khi đánh bài vớ được bài tốt. Mặc Roi, trợ lý Bộ trưởng lục quân, sau này hình dung lại cảnh lúc bấy giờ kể rằng, sau khi Toruman và Sốcsin biết được tin, thái độ họ dự các phiên họp sau “cứ như một thằng bé vớ được của giấu trong người”.

Có bom nguyên tử, Toruman đã cứng cỏi hơn nhiều trên bàn đàm phán Pốttxdam, việc Liên Xô tham chiến với Nhật cũng trở nên không có gì quan trọng cả. 1 giờ 15 phút chiều ngày 18 tháng 7, Tổng thống Toruman ngồi xe đến biệt thự của Sốcsin, Thủ tướng Anh mời ông cùng dự cơm trưa. Toruman mang theo cả bức điện của Oasinhton vừa gửi tới báo cáo kết quả vụ thử bom nguyên tử ở Niu Mêhicô. Tổng thống Toruman để Sốcsin xem xong bức điện rồi mới đưa ra câu hỏi: nên nói gì và nói như thế nào với Xtalin. Tất nhiên ông ta không giống Xtimxon muốn tỏ ra có thiện ý với người Nga. Điều ông ta cân nhắc là làm thế nào tránh được việc người Nga chỉ trích ông ta rắp tâm chơi xấu.

Theo Toruman, nếu báo cho đại diện Liên Xô biết chi tiết về vụ nổ bom nguyên tử thì chỉ làm cho họ càng nhanh chóng tham chiến với Nhật, mà hiện nay điều ông ta cố sức tránh chính là chuyện này. Cả hai thủ lĩnh đều cho rằng, ở Viễn Đông nếu đã không cần tới sự giúp đỡ của Liên Xô nữa thì tốt nhất là im lặng, không nói gì về chuyện này với người Nga. Nhưng làm như thế sau này có thể xảy ra hậu quả xấu. Tất nhiên hai người đã bàn đến chuyện kéo dài thời gian cũng không sao, dứt khoát chờ đến khi Oasinhton gửi sang tương đối đầy đủ những tài liệu về vụ thử bom nguyên tử, khi đó tính sau. Nhưng báo cho Xtalin biết như thế nào và báo cho ông ta cái gì, vẫn là vấn đề khó khăn làm thế nào để không chính yếu nhất. Nếu thông báo bằng văn bản, e có vẻ chính thức hoá và có thể dẫn tới sự chú ý quá mức về tin này. Nếu triệu tập một phiên họp đặc biệt để báo cho Xtalin biết, ông có thể càng thận trọng hơn trong việc đối phó lại uy lực của vũ khí mới và càng mau chóng hơn trong việc điều quân đội Liên Xô sang Viễn Đông. Trong khi đó, cả Toruman và Sốcsin đều mong muốn dựa vào uy lực của bom nguyên tử để kết thúc chiến tranh trước khi Liên Xô tham chiến.

Cân nhắc mọi khả năng, hai người rút ra kết luận: Tốt nhất là thừa lúc Xtalin đang bận suy nghĩ những việc khác, cứ làm ra vẻ ngẫu nhiên, nhân

chuyện gì đó nói qua để Xtalin biết chuyện này.

Toruman nói:

Tôi cho rằng, tốt nhất là sau khi chúng ta họp phiên toàn thể, nói cho ông ta biết rằng chúng ta có một loại bom đặc biệt, hoàn toàn mới (không nhắc đến từ “nguyên tử”) mà theo chúng ta, nó có thể có ảnh hưởng quyết định đối với ý đồ tiếp tục chiến tranh của Nhật.

Suy nghĩ giây lát, Sôcsin trả lời:

Tôi đồng ý.

Điều các thủ lĩnh phương Tây đặc biệt lo lắng là: Trước khi người Mỹ “giành được” thắng lợi, Nhật Bản dùng thông qua kênh ngoại giao của Liên Xô mà tuyên bố đầu hàng. Hôm trước, Xtalin có nói với Thủ tướng Anh về động tác thăm dò của người Nhật và Sôcsin đã nói lại chuyện này với Toruman. Sôcsin giải thích:

Điểm quan trọng của các bước thăm dò này có thể tóm tắt như sau: Nhật không thể chấp nhận “đầu hàng vô điều kiện”, nhưng sẵn sàng thỏa hiệp với những điều kiện khác.

Toruman hỏi lại:

Vì sao Xtalin chưa nói cho người Mỹ biết tin này?

Sôcsin đưa ra ý nhận xét của mình:

Có thể là người đứng đầu Chính phủ Liên Xô không muốn tham chiến với Nhật - Thủ tướng Anh giọng nhấn mạnh - Nhưng, nếu Mỹ và Anh muốn buộc Nhật Bản phải đầu hàng vô điều kiện thì phải cân nhắc một điều, đó là người Mỹ phải chịu những hy sinh to lớn về người và của, và người Anh cũng phải trả giá bằng nhiều sinh mạng tuy có kém Mỹ chút ít. Do đó, có lẽ nên suy nghĩ thêm, điều kiện đó có thể diễn đạt bằng một phương thức khác, các nước Đồng minh vẫn có thể giành được cái chủ yếu mà họ đang cố giành, đồng thời cũng tạo cơ hội cho người Nhật giữ được “danh dự quân nhân”.

Toruman chẳng cần suy nghĩ, từ chối thẳng thừng đề nghị đó. Ông ta lo ngại, nếu chẳng may trong quá trình đòi đầu hàng vô điều kiện có chuyện gì trục trặc, người Nhật xin đầu hàng thông qua việc điều đình với Mátxcova, chẳng hoá ra khi đó thắng lợi đã tuột khỏi tay người Mỹ? Toruman muốn người Nhật lúc này tiếp tục kháng cự một cách quyết liệt. Như vậy, một mặt, có thể kiếm cơ để sử dụng bom nguyên tử với Nhật và qua đó khoe khoang “uy lực của Hoa Kỳ” với toàn thế giới (và cũng là với Liên Xô); mặt khác, đó là phương thức tốt nhất để Oasinhton vợ về được nhiều hơn thành quả thắng lợi. Giờ phút những trái bom nguyên tử sẽ được ném xuống các thành phố

Nhật Bản càng nhích lại gần, thì chiến lược của Nhà Trắng cũng ngày càng thể hiện rõ rệt: giành thắng lợi chiến tranh trước khi Liên Xô tham chiến với Nhật. Nghe Sôcsin nói đến “danh dự quân nhân” Nhật Bản, Toruman chẳng chút động lòng. Ông ta bảo, sau vụ đánh trộm Trân Châu Cảng, người Nhật chẳng làm gì còn có “danh dự quân nhân” nữa.

Qua hồi ký của Sôcsin, có thể thấy cuộc nói chuyện đó đã để lại cho Sôcsin một ấn tượng không vui. Ông ta cảm thấy, trong tình hình sức mạnh của Mỹ tăng trưởng, qua tác phong “dứt khoát quyết đoán và hùng hùng hổ hổ” của tân Tổng thống Hoa Kỳ và cung cách xử lý công việc của Toruman, thì hình như thế giới đã bước vào “kỷ nguyên của nước Mỹ”.

Sôcsin vẫn muốn vót vát cho nước Anh. Ông ta than vãn về địa vị thua kém của Anh là do trong thời kỳ chiến tranh phải một mình tác chiến, Anh đã vì sự nghiệp chung mà tiêu tốn mất quá nửa ngân sách đầu tư ra nước ngoài. Nghe nói vậy, Toruman bảo, quả là nước Mỹ còn nợ nước Anh một khoản lớn, nhưng lại nói thêm, nếu nước Anh thua trận như nước Pháp thì có thể hiện giờ nước Mỹ cũng đang phải một mình tác chiến với Đức trên lãnh thổ của mình, cho nên, không nên chỉ nhìn nhận quan hệ Mỹ-Anh trên phương diện tiền nong.

Sau những lời động viên an ủi như vậy, Toruman lái câu chuyện sang vấn đề một số sân bay ở Anh “mà Mỹ đã bỏ ra rất nhiều tiền để xây dựng”. Ông ta nói, người Mỹ không thể dễ dàng bỏ rơi chúng, cần định ra một kế hoạch công bằng để sử dụng chung những sân bay đó. Sôcsin trả lời, ông ta muốn có một kế hoạch về việc Anh và Mỹ sử dụng sân bay của nhau và “các căn cứ khác trên thế giới” rồi nói tiếp: Hiện nay lực lượng của Anh tuy ít hơn Mỹ, nhưng nó vẫn có thể “cung cấp rất nhiều thứ” trong di sản của “đế quốc thời cực thịnh.

Vì sao chúng ta lại không chia nhau sử dụng các thiết bị phòng ngự ở các nơi trên thế giới nhỉ? Chúng tôi có thể tăng thêm 50% tính cơ động cho hạm đội Mỹ.

Sôcsin còn công khai tỏ ý Luân Đôn cũng yêu cầu được quyền sử dụng lãnh thổ của Mỹ.

Toruman bắt đầu cảnh giác: Sôcsin quá nóng vội trong việc muốn có những thỏa thuận.

Mọi kế hoạch - Toruman giọng lạnh nhạt- đều nên phù hợp với chính sách của Liên Hợp Quốc.

Toruman tính toán, Mỹ sẽ phải giữ vai trò chính ở Liên Hợp Quốc và

trên toàn thế giới. Việc Mỹ độc quyền về bom nguyên tử sẽ giúp ông ta đạt được mục tiêu đó. Do đó, tâm tư của Tổng thống lúc này đang mãi bay về bang Niu Mêhicô, nơi đã thử thành công trái bom nguyên tử đầu tiên.

Rời biệt thự của Thủ tướng Anh, Tổng thống Mỹ đi thẳng đến nơi ở của người đứng đầu Chính phủ Liên Xô.

Toruman quyết định đến đáp lễ chuyến thăm “Tiểu Bạch cung” của Xtalin bữa trước. Cùng đi với Tổng thống có Quốc vụ khanh Bécna. Cùng tiếp Toruman với Xtalin có Mólôtốp. Đôi bên thăm hỏi nhau xong, Xtalin nói muốn thông báo với Tổng thống một tin mới. Ông đưa cho Toruman bản sao bức điện của Thiên hoàng Nhật Bản gửi Đại sứ Nhật ở Mátxcova mà Chính phủ Liên Xô nhận được. Toruman vội làm ra vẻ đọc bức điện, kỳ thực nội dung bức điện ông đã biết qua cuộc nói chuyện với Sôcsin vừa rồi. Trong lần hội kiến trước không thấy Xtalin nhắc đến chuyện này, nên Toruman sinh nghi hoặc: Vì sao lại báo cho ông biết vào lúc này? Có thể Xtalin muốn thăm dò xem Sôcsin đã nói với Toruman những gì và muốn tìm hiểu liệu ông Thủ tướng Anh có khuyên Toruman nên sửa đổi phương án đầu hàng vô điều kiện của Nhật? Theo nhận định của một số nhà sử học Mỹ, phía Liên Xô đã nắm được một số tình hình về vụ thử bom nguyên tử, việc Xtalin quyết định lúc này mới nói cho Toruman biết lời thỉnh cầu của Nhật, dụng ý là ở chỗ muốn moi từ Toruman một bí mật khác. Nhưng, như chúng ta đã thấy, Toruman vẫn cho rằng, tiết lộ bí mật của ông ta vào lúc này là không thích hợp.

Xtalin hỏi Toruman:

Có cần trả lời bức điện của người Nhật?

Tổng thống không trả lời trực tiếp:

Tôi không tin vào sự thành thật của người Nhật.

Có thể làm như thế này chẳng - Xtalin nói - Cứ trả lời cho người Nhật bằng một thông điệp, nội dung rất chung chung và không cụ thể, đồng thời vạch rõ tính chất của những đề nghị do phía Nhật đưa ra chỉ nhằm xoa dịu tâm trạng bất mãn của người Nhật.

Toruman im lặng, tưởng như đang suy nghĩ điều gì.

Xtalin nói tiếp:

Có hai cách để lựa chọn: hoặc là lờ đi, không trả lời; hoặc là dứt khoát cự tuyệt.

Toruman đáp:

Tôi thấy cách thứ nhất là thích hợp nhất.

Đúng! - Mólôtốp tiếp lời - Đó là thái độ đúng đắn và thực tế, vì chúng ta không rõ bụng dạ người Nhật hiện đang nghĩ gì.

Vấn đề được quyết định như vậy. Toruman đứng dậy cáo từ. Chỉ lát nữa, phiên họp toàn thể của hôm nay sẽ bắt đầu.

Sự bất đồng về khái niệm “Nước Đức”

Cuộc họp vừa bắt đầu, ngài Thủ tướng thích chơi trội đã đưa ra một vấn đề không ai ngờ tới.

Sócsin nói:

Hiện có khoảng 180 phóng viên nước ngoài tụ tập ở Béclin, họ cứ đòi lấy tin tức của hội nghị. Lấy không được, họ nổi khùng. Việc đưa tin của các nhà báo có thể ảnh hưởng đến dư luận, chúng ta chớ nên coi thường.

Thế là tới cả một đại đội. Ai cho họ đến đây? - Xtalin hỏi.

Tất nhiên họ không ở đây, không phải trong khu vực này, mà là ở Béclin - Sócsin giải thích - Đương nhiên, chúng ta chỉ có thể yên tĩnh làm việc trong trường hợp được bảo mật, điều này chúng ta phải bảo đảm. Nếu được hai vị đồng ý, với tư cách một nhà báo lâu năm, tôi có thể đi nói chuyện với họ, giải thích cho họ hiểu sự cần thiết giữ bí mật hội nghị của chúng ta. Tôi có thể nói cho họ rõ, chúng ta rất thông cảm với họ, nhưng không thể tiết lộ tình hình ở đây. Theo tôi, nên có lời động viên an ủi để họ bình tĩnh lại.

Là người rất có kinh nghiệm trong việc đối phó với giới báo chí, Toruman tất nhiên không muốn Sócsin được hưởng vinh dự đó để rồi hoa chân múa tay, huênh hoang trước mặt các nhà báo, nên ông ta lạnh nhạt nói:

Mỗi đoàn đại biểu chúng ta đều có người chuyên trách về tin tức. Nhiệm vụ của họ là bảo vệ chúng ta tránh khỏi sự quấy rầy của các nhà báo. Cứ để cho họ thực hiện trách nhiệm của họ. Có thể uỷ nhiệm cho họ đi gặp các nhà báo.

Sócsin cụt hứng sau khi biết rõ đề nghị của mình bị từ chối.

Cuộc họp nhất trí thông qua đề nghị thành lập Hội đồng Ngoại trưởng do Mỹ đưa ra. Do ba bên đã đồng ý, đề nghị này không mang ra thảo luận nữa.

Khi thảo luận vấn đề quyền hạn của Uỷ ban quản chế nước Đức, Sócsin lại nêu ra vấn đề: nên lý giải như thế nào về danh từ “nước Đức”. Ông nói:

Tôi chú ý đến từ “nước Đức” dùng ở đây. “Nước Đức” bây giờ nên hiểu như thế nào? Có thể hiểu nó là nước Đức trước chiến tranh không?

Toruman tiếp lời, hỏi luôn:

Đoàn đại biểu Liên Xô lý giải thế nào vấn đề này?

Trưởng đoàn đại biểu Liên Xô cảm thấy các thủ lĩnh phương Tây đang chờ đợi, bèn trả lời với giọng kiên quyết:

Nước Đức là nước Đức sau chiến tranh. Giờ đây không tồn tại một nước Đức nào khác. Tôi hiểu vấn đề này như vậy.

Rõ ràng các đại diện phương Tây không thỏa mãn với ý kiến đó, tiếp tục đưa ra một số câu hỏi mới để gây rối rắm.

Tổng thống Mỹ hỏi:

Nói đến nước Đức, liệu có thể hiểu là nước Đức năm 1937 khi chiến tranh chưa xảy ra?

Là nước Đức năm 1945 hiện nay - Giọng Xtalin vẫn dứt khoát.

Nước Đức năm 1945 đã mất tất cả. Trên thực tế, nước Đức hiện nay đã không tồn tại nữa - Toruman bác lại.

Như chúng ta thường nói, nước Đức hiện nay là một khái niệm địa lý, - Đại biểu Liên Xô giải thích - Trước hết chúng ta hãy tạm thời hiểu như vậy. Không thể thoát ly những hậu quả của chiến tranh để bàn một cách trừu tượng.

Cứ thế đã, song dẫu sao cũng phải có một định nghĩa cho khái niệm “nước Đức” - Toruman nhấn mạnh - Theo tôi, nước Đức năm 1886 hoặc năm 1937 đều không phải là nước Đức năm 1945 hiện nay.

Xtalin nói với giọng như kết luận:

Nước Đức đã thay đổi do những hậu quả của chiến tranh. Chúng ta phải chấp nhận một nước Đức như vậy.

Toruman vẫn tiếp tục giữ ý kiến của ông ta, vẫn chủ trương phải có một định nghĩa cho khái niệm “nước Đức”.

Đại biểu Liên Xô muốn thăm dò cho rõ dụng ý của đối phương, bèn hỏi:

Có phải các ngài muốn xây dựng bộ máy hành chính của Đức ở cả khu vực Xutendáp của Tiệp Khắc? Ở khu vực mà người Đức đã đuổi hết người Tiệp đi?

Trước câu hỏi vặn lại này, Toruman lờ đi như không biết:

Hay là những người dự họp chúng ta, khi nói nước Đức, chúng ta vẫn lấy nước Đức, trước chiến tranh, nước Đức năm 1937 làm chuẩn vậy?

Về hình thức có thể hiểu như vậy, về thực chất thì không như thế - Xtalin nói - Nếu ở Cônixbuốc xuất hiện bộ máy hành chính của Đức, chúng tôi sẽ đuổi cổ nó đi, nhất định sẽ đuổi đi.

Toruman vẫn không chịu lùi. Ông ta nhắc lại rằng, ở hội nghị Crum đã thỏa thuận vấn đề lãnh thổ sẽ giải quyết trong Hội nghị hòa bình, nhưng vẫn cố nói:

Rút cục chúng ta xác định thế nào về khái niệm “nước Đức” đây?

Tổng thống Mỹ nhắc đến Hội nghị hòa bình rõ ràng là muốn chuyển

hướng vấn đề. Mặc dù từ lâu ông ta đã chủ trương không nên triệu tập Hội nghị đó, nhưng với lý do này, đoàn đại biểu Mỹ có thể trì hoãn một số vấn đề mà Oasinhton không muốn đàm phán với Liên Xô.

Cuộc tranh cãi về khái niệm “nước Đức” còn tiếp tục thêm một thời gian khá dài nữa. Người đứng đầu Chính phủ Liên Xô đề nghị:

Chúng ta bàn sang vấn đề xác định biên giới phía tây của Ba Lan. Vấn đề Đức đã khá rõ rồi. Tôi thật khó nói nước Đức hiện nay là gì. Đó là một quốc gia không có Chính phủ, không có biên giới ổn định, vì đường biên giới không thể do quân đội của chúng ta hoạch định. Nước Đức hiện nay không có một quân đội nào, ngay cả quân biên phòng cũng không có. Nó bị chia cắt thành mấy khu vực chiếm đóng. Các ngài thử định nghĩa xem, “nước Đức” là cái gì? Đó là một quốc gia tan nát tã tơi.

Hình ảnh nước Đức thời bấy giờ qua sự mô tả của Xtalin quả thật khiến người ta khó quên. Nó một lần nữa chứng tỏ, giấc mộng bá chủ thế giới mà Hítle điên cuồng theo đuổi đã khiến nhân dân Đức rơi xuống vực thẳm đau khổ. Và những kẻ sau khi đập tan chủ nghĩa phát xít vẫn ôm mộng “lãnh đạo thế giới” rõ ràng cũng nên ngẫm nghĩ về điều đó.

Vấn đề khái niệm “nước Đức” còn được trao đổi kỹ hơn.

Biên bản Hội nghị có ghi như sau:

Toruman: Hay chúng ta lấy đường biên giới của nước Đức năm 1937 làm điểm xuất phát?

Xtalin: Lấy cái gì làm điểm xuất phát cũng được. Dù thế nào thì cũng phải có điểm xuất phát. Về điểm này, cũng có thể lấy năm 1937.

Toruman: Đó là nước Đức sau khi ký kết Hoà ước Vecxay.

Xtalin: Đúng, có thể lấy nước Đức năm 1937 làm chuẩn, nhưng đó hoàn toàn chỉ là điểm xuất phát, chỉ là một giả thiết chúng ta đặt ra để tiện cho công việc của chúng ta.

Sócxin: Đó chỉ được coi là điểm xuất phát. Điều đó không có nghĩa là chúng ta sẽ bị nó ràng buộc.

Toruman: Chúng ta đồng ý lấy nước Đức năm 1937 làm điểm xuất phát.

Quả đúng như những điều sau này đã chứng tỏ, lập trường ngoan cố của các nước phương Tây trong vấn đề này hoàn toàn không chỉ liên quan đến vấn đề Đức, mà còn phản ánh mục tiêu lâu dài của Mỹ và cả của Anh trên mức độ nhất định, đối với toàn bộ việc sắp xếp thế giới sau chiến tranh, mà trước tiên là vấn đề biên giới phía tây của Ba Lan. Các chính khách Oasinhton và Luân Đôn biết rằng, âm mưu của họ muốn sử dụng nước này làm một

trong những khâu chính của “tuyến phòng dịch” chống Liên Xô rất khó có triển vọng, bèn tìm mọi cách làm suy yếu chính quyền Ba Lan thân Liên Xô, đồng thời mưu toan gây sức ép với Liên Xô. Trên thực tế, nút của vấn đề là ở chỗ tìm một chỗ đứng để mặc cả với Liên Xô về vấn đề Ba Lan. Dĩ nhiên, việc này phải tiến hành tương đối thận trọng, vì các ông trùm nước lớn phương Tây ấy cũng tự thấy rằng lực lượng hiện có của mình chưa đủ để công khai đối đầu với Mátxcơva.

Sau khi cuộc thảo luận về vấn đề Đức cơ bản đã nhất trí, Xtalin bèn chuyển sang phát biểu về vấn đề Ba Lan. Ông yêu cầu, tất cả tài sản, lực hải quân, tàu thuyền do Chính phủ lưu vong trước đây khổng chế, phải lập tức chuyển giao cho Chính phủ Ba Lan hiện nay.

Sócsin trả lời, Chính phủ lưu vong Luân Đôn chẳng có cái gì đáng gọi là tài sản ở Anh cả. Sau đó, ông Thủ tướng phát biểu một thời một hồi rằng trong suốt cuộc chiến tranh, quân đội Ba Lan đã sát cánh chiến đấu với quân đội Anh, rằng họ đã cùng chiến đấu chống phát xít đức..., rằng ông hy vọng những binh sỹ Ba Lan đó được trở về với gia đình của họ, còn những ai không muốn trở về có thể ở lại Anh và trở thành công dân của nước Anh...

Xtalin nói, ông không muốn gây khó dễ cho Chính phủ Anh. Ông đề nghị giao vấn đề này cho Ngoại trưởng ba nước giải quyết rồi báo cáo lại. Rõ ràng là hai nước Anh-Liên Xô luôn luôn đối chọi nhau trong phần lớn các vấn đề về Ba Lan. Nhưng với Toruman, vấn đề ông ta quan tâm là bảo đảm cho Ba Lan có thể thành lập một Chính phủ thân Mỹ, bởi lẽ rất nhiều người Ba Lan mang quốc tịch Mỹ có vai trò vô cùng quan trọng về mặt chính trị. Sau này, ba ông trùm đều áp dụng một kiểu giống nhau: Mỗi khi thấy không thể thỏa thuận được với nhau, họ bèn đá quả bóng đó sang cho các Ngoại trưởng.

Sau đó, Sócsin trình bày vấn đề về chủ trương thành lập một Chính phủ thống nhất cho cả ba khu vực chiếm đóng ở Đức. Xtalin tỏ ý tán thành. Phiên họp toàn thể lần thứ hai kết thúc ở đây. So với phiên họp lần trước, phiên họp này tiến triển nhanh hơn, nhưng các vấn đề nhạy cảm đối với cả ba ông trùm, như vấn đề bồi thường, vấn đề biên giới Ba Lan, phiên họp vẫn chưa đụng chạm tới.

Nhận lời mời của Xtalin, 8 giờ tối hôm đó, Sócsin đến chỗ ở của người đứng đầu Chính phủ Liên Xô để cùng dự bữa cơm tối. Sócsin ở lại đó đến mãi một giờ rưỡi sáng hôm sau. Đi cùng với Thủ tướng chỉ có phiên dịch viên Bécsơ.

Sau này, Sôcsin đã kể lại tường tận cuộc gặp hôm đó. Ông viết trong nhật ký, tâm trạng Xtalin khi đó rất tốt. Sôcsin có đem theo một hộp xì-gà Miến Điện mà ông rất thích hút tặng cho Stalin. Lúc nhận quà, Xtalin nói rằng hiện nay ông hút ít hơn nhiều so với trước, đôi khi chỉ hút tẩu không theo thói quen.

Chiếc tẩu thuốc cong cong, to vừa phải này cũng giống như thuốc lá xì-gà Miến Điện của Sôcsin, đã nổi danh bốn biển, thậm chí còn mang một ý nghĩa tượng trưng nào đó.

Chuyện kể rằng, nhiều năm sau, tại một làng vùng núi xa xôi thuộc miền Bắc Miến Điện, giữa một cái chợ đẹp như tranh và lúc nào cũng tấp nập, hàng hóa la liệt cần thứ gì có thứ nấy, người ta phát hiện thấy những điều xì-gà bày trên chiếu cói, bên cạnh là chín chiếc đặt trong hộp giấy mở sẵn, đã thu hút sự chú ý của khách hàng. Nhân hàng hóa được viết bằng chữ địa phương và chữ Anh: “Xì gà Sôcsin”, còn chiếc tẩu cong người bán hàng gọi là “Tẩu thuốc Xtalin”. Ở các thị trấn nhỏ hẻo lánh này, người ta đã dùng một phương thức rất độc đáo để nhớ về hai con người nổi tiếng của thời đại chống phát xít, quả là chuyện đáng kinh ngạc.

Trong bữa cơm, Xtalin có vẻ như muốn tìm cách làm cho vị khách quý được vui. Biết vị Thủ tướng Anh khi đó đang bận tâm lo lắng về kết quả cuộc bầu cử Quốc hội sắp tiến hành, Xtalin bèn nói, hy vọng Sôcsin sẽ giành được thắng lợi. Hẳn Xtalin nghĩ rằng, vào giờ phút chiến thắng này, cử tri Anh chắc không chối bỏ một thủ lĩnh quân sự đã lãnh đạo đất nước đi đến thắng lợi.

Nhớ lại ở Ianta, trong một cuộc họp đã có lần Sôcsin nói với giọng nửa đùa rằng, nếu ông ta làm chuyện gì đó khiến nước Anh không thích, người Anh có thể “hạ bệ” ông ngay. Xtalin cũng đáp lại với giọng nửa đùa nửa thật: “...Người chiến thắng sẽ không bị hạ bệ đâu”.

Biết rất rõ ý muốn của dân chúng Anh, Sôcsin hoàn toàn không tin vào thắng lợi của mình, nhưng dù chỉ còn một tia hy vọng, Sôcsin vẫn cố tỏ ý để Xtalin tin rằng, chính sách của ông là sẽ cố gắng để “nước Nga trở thành một cường quốc trên biển”:

Tôi mong muốn được nhìn thấy tàu thuyền của nước Nga vùng vẫy trên các đại dương. Nước Nga bây giờ giống như một người khổng lồ, nhưng lỗ mũi của nó bị nút chặt bởi cái eo giữa biển Ban tích và Hắc Hải.

Xtalin không cắt ngang lời Sôcsin, bình thản nghe.

Được Xtalin thịnh tình cổ vũ, Sôcsin nói rõ quan điểm của mình:

Cá nhân tôi sẽ ủng hộ ý kiến sửa đổi Công ước Môngtorơ, tổng cổ Nhật

đi và cho người Nga con đường vào Địa Trung Hải. Tôi hoan nghênh người Nga xuất hiện trên đại dương, và điều tôi nói không chỉ có eo biển Đắcđanen, mà bao gồm cả kênh đào Kien đang cần phải có một cách quản lý giống như kênh đào Xuyê, và thủy vực dòng hải lưu Gontorin ở Thái Bình Dương...

Nếu Xtalin không dội một gáo nước lạnh vào nhiệt tình của Sốcsin bằng một câu hỏi rất tinh táo, không biết Sốcsin còn mơ màng đến tận đâu. Nhưng lời hứa hẹn của Thủ tướng Anh cách xa tình hình thực tế tới cả ngàn cây số. Liên Xô đã bị tổn thất nặng trên biển, và muốn xây dựng hạm đội mới đòi hỏi rất nhiều tiền và thời gian. Từng là Bộ trưởng hải quân Anh, Sốcsin hiểu rất rõ điều này, cho nên mới “khảng khái” đưa ra những lời hứa hẹn trên, mặc dầu ông ta biết những điều hứa hẹn đó vào lúc này chẳng có mấy ý nghĩa thực tế. Huống hồ, các nước lớn phương Tây chẳng những không chủ trương thúc đẩy Liên Xô trở thành một cường quốc trên biển, mà còn tìm mọi cách ngăn trở, kéo dài việc giao lại cho Liên Xô một phần hạm đội thu được mà lẽ ra đã phải trao cho họ. Xtalin cho rằng thời cơ này thích hợp, bèn hỏi:

Thế hạm đội của Đức sẽ giải quyết thế nào? Liên Xô muốn được hưởng phần của mình...

Sốcsin cứng họng không trả lời được. Ông chợt hiểu ra mình đã đi quá xa. Phải nghĩ cách thoát thân, chẳng hạn như tránh không trực tiếp trả lời, bèn nói:

- Một số người thấy lo lắng trước ý đồ sâu xa của người Nga. Hiện nay, thủ đô các nước Đông Âu đều trong tay người Nga, và người ta đang có ấn tượng là Liên Xô chuẩn bị tiếp tục vươn sang phía tây.

Xtalin rất ngạc nhiên trước kiểu suy diễn đó:

- Sao lại thế ! Liên Xô đang chủ trương rút quân ở phía tây về. Hai triệu người sẽ phục viên trong vòng bốn tháng tới. Nhà nước Xô viết đã phải chịu những tổn thất to lớn, với khả năng tối đa phải trả lại cho quê hương các binh sĩ, để họ lo xây dựng lại ruộng vườn nhà cửa.

Thừa dịp, Sốcsin bèn lái sang chuyện khác.

Cuộc tranh chấp về vấn đề biên giới phía tây của Ba Lan

Ngày 21 tháng 7, tức là ngày thứ năm của Hội nghị, “Tiểu Bạch Cung” mới nhận được bản báo cáo chi tiết liên quan tới vụ thử bom nguyên tử ở bang Niu Mêhicô do tướng Glốp từ Oasinhton gửi sang. 3 giờ chiều, Bộ trưởng lục quân Xtimxon hội báo với Toruman về việc này. Tổng thống cho mời cả Quốc vụ khanh Bécna đến cùng nghe. Xtimxon hào hứng đọc từng

rành rọt câu từng chữ. Toruman lần đầu tiên ý thức được rằng Hợp Chúng Quốc Hoa Kỳ giờ đây đã có trong tay thứ vũ khí mà uy lực của nó to lớn biết chừng nào. Xtimxon ghi trong Nhật ký:

Toruman và Bécna hết sức sung sướng. Tổng thống tỏ ra rất hài lòng. Ông nói, điều này đem đến cho ông một cảm giác mới lạ và lòng tràn đầy niềm tin. Ông cảm ơn tôi đã có mặt ở hội nghị và đã đem đến cho ông một tin hữu ích như vậy.

Thành công của vụ thử bom nguyên tử và sức phá hoại ghê gớm của thứ vũ khí này đã cổ vũ mạnh mẽ Toruman-Rôbe Môphây cũng xác nhận điều này trong hồi ký của ông ta:

Khi Toruman chủ trì phiên họp toàn thể lần thứ năm, chúng tôi phát hiện thấy cử chỉ của ông ta có sự thay đổi. Ông trở nên tự tin hơn, hăng hái hơn, tích cực hơn trong khi tranh luận, dám có những ý kiến khác về một số lời tuyên bố của Xtalin. Rõ ràng là đã xảy ra chuyện gì.

Chính ngày hôm đó, Toruman đưa ra ý kiến phản đối việc cắt cho Ba Lan phần lãnh thổ phía đông của nước Đức. Dưới đây là một đoạn ghi trong biên bản:

Toruman: Cho phép tôi có một tuyên bố về vấn đề biên giới phía tây Ba Lan. Hiệp định Ianta qui định: Lãnh thổ nước Đức do quân đội bốn nước Anh, Liên Xô - Mỹ và Pháp chiếm đóng, trong đó mỗi nước đều có vùng chiếm đóng riêng. Hội nghị đó có bàn đến vấn đề biên giới Ba Lan, nhưng nghị quyết nêu rõ, vấn đề này cuối cùng sẽ được giải quyết tại Hội nghị hòa bình. Trong phiên họp lần trước, chúng ta quyết định lấy biên giới nước Đức tháng 12 năm 1937 làm điểm xuất phát cho việc thảo luận biên giới của nước Đức tương lai.

Chúng ta đã hoạch định các khu vực chiếm đóng và giới tuyến của những khu vực đó. Chúng ta đã rút quân đội của mình về khu vực chiếm đóng của từng nước theo như qui định. Nhưng xem chừng, hiện nay còn một Chính phủ nữa được hưởng phần lãnh thổ chiếm đóng, và họ đã làm như vậy khi chưa bàn bạc với chúng ta. Giả dụ trước đây cho rằng, Ba Lan là một trong những nước được quyền có khu vực chiếm đóng, thì cũng phải có sự thỏa thuận trước. Chúng tôi rất khó đồng ý với cách giải quyết vấn đề như vậy, vì chưa có sự bàn bạc gì với chúng ta về vấn đề này. Tôi rất có cảm tình với Ba Lan, và có lẽ tôi cũng sẽ hoàn toàn đồng ý với phương án của Chính phủ Liên Xô về biên giới phía tây của Ba Lan, nhưng hiện tại tôi không muốn làm như vậy, vì còn một chỗ khác sẽ làm chuyện này, đó là Hội nghị hoà bình.

Nhưng như trên đã nói, Toruman hoàn toàn không có ý định triệu tập Hội nghị hoà bình. Ông ta đề nghị kéo dài vấn đề Ba Lan tới hội nghị đó, có nghĩa là gác vấn đề này lại. Đồng thời, trên thực tế ông ta đang chỉ trích Liên Xô, hình như Liên Xô đã phá hoại thỏa thuận giữa ba nước, đã đơn phương đưa ra quyết định về một vấn đề mà lý ra phải giao cho Hội nghị hoà bình giải quyết. Điều này sẽ làm giảm bớt trách nhiệm của Toruman trong việc tự ý xé bỏ hiệp định về việc triệu tập Hội nghị hoà bình. Toruman những tưởng dựa vào bom nguyên tử, vào thực lực của Mỹ, cho rằng chỉ cần một thời gian nữa, Mỹ có thể tùy ý sửa lại bản đồ thế giới, tự ý giải quyết các vấn đề quốc tế mà không chịu bất cứ sự ràng buộc nào về nghĩa vụ do Hội nghị hoà bình đặt ra.

Phía Liên Xô lập tức có câu trả lời về tuyên bố của Toruman.

Xtalin: Trong nghị quyết của Hội nghị Crum nói rõ, nguyên thủ Chính phủ ba nước đồng ý biên giới phía đông của Ba Lan lấy đường Cócdon làm chuẩn, điều đó chứng tỏ tại Hội nghị này, đường biên giới phía đông của Ba Lan đã được xác định. Về biên giới phía tây, trong nghị quyết của Hội nghị nói: Phần lãnh thổ phía bắc và phía tây của Ba Lan cần có sự mở rộng- tương đương; và còn nêu rõ rằng, Chính phủ ba nước vào thời gian thích hợp sẽ trung cầu ý kiến của Chính phủ thống nhất dân tộc Ba Lan mới về vấn đề phạm vi mở rộng của phần lãnh thổ này, sau đó, việc hoạch định cuối cùng về biên giới phía tây của Ba Lan chờ đến Hội nghị hoà bình giải quyết.

Toruman: Tôi cũng hiểu như vậy. Song, chúng ta trước kia cũng như bây giờ đều không có quyền gì cho Ba Lan một khu vực chiếm đóng.

Xtalin: Chính phủ thống nhất dân tộc Ba Lan đã phát biểu ý kiến của mình về biên giới phía tây. Mọi người chúng ta đều biết ý kiến của họ.

Toruman: Đường biên giới phía tây đó chưa thấy tuyên bố chính thức bao giờ.

Xtalin: Tôi nói đây là nói ý kiến của Chính phủ Ba Lan, ý kiến này giờ đây mọi người chúng ta đều biết. ở đây chúng ta có thể đi tới một ý kiến thống nhất về vấn đề biên giới phía tây Ba Lan, còn việc hoạch định cuối cùng sẽ hoàn tất tại Hội nghị hoà bình.

Toruman: Ngài Bécna hôm nay mới nhận được Tuyên bố của Chính phủ Ba Lan. Chúng tôi chưa kịp tìm hiểu kỹ nội dung.

Song, cái chính không phải ở chỗ đoàn đại biểu Mỹ chưa kịp nghiên cứu những kiến nghị đó. Toruman hoàn toàn không hứng thú gì về những kiến nghị đó. Ông có dự định khác. Ông định nhân chuyện này tỏ rõ cho Liên Xô biết thái độ “cứng rắn” của ông. Giờ đây, Toruman đã sẵn sàng công khai

xé bỏ những hiệp định ký kết trước đây và muốn tỏ ra rằng: Bất kể là ý kiến của ai, nếu không hợp với “khẩu vị” của Mỹ, ông ta chẳng cần phải suy nghĩ tới. Tuy nhiên, ông vẫn chưa công khai điều bí mật mà bỗng dưng ông thấy cần phải giữ kín. Người ông ta lảng lảng một cảm giác khoái trá khi nghĩ đến sau lưng mình là sức mạnh ghê gớm khó lường hết của thứ vũ khí mới và sự kinh hoàng của đại biểu Liên Xô vào giờ phút biết được tin này.

Phía Liên Xô rõ ràng cũng cảm thấy “sự cứng rắn” của Tổng thống Mỹ. Song người đứng đầu Chính phủ Liên Xô vẫn trấn tĩnh, vẫn bình thản trình bày quan điểm của mình.

Xtalin: ý tứ trong những đề nghị của chúng tôi nêu ra là, chúng tôi muốn nói lên ý kiến của mình rằng Chính phủ Ba Lan mong muốn có một đường biên giới phía tây như vậy. Hôm nay hay là ngày mai chúng tôi phát biểu ý kiến đó, điều này chẳng quan hệ gì.

Về việc nói rằng chúng tôi chưa được sự đồng ý của Chính phủ các nước Đồng minh, đã cho người Ba Lan một khu vực chiếm đóng, cách đặt vấn đề như vậy là không đúng. Chính phủ Mỹ và Chính phủ Anh trong công hàm đã mấy lần đề nghị với chúng tôi rằng, trước khi vấn đề biên giới phía tây của Ba Lan được giải quyết dứt khoát, không nên để cơ quan hành chính Ba Lan được vào khu vực miền Tây. Chúng tôi không làm được điều này, vì dân chúng Đức đã chạy về phía tây theo những đơn vị quân Đức thua trận. Dân chúng Ba Lan cũng cứ theo hướng tây mà tiến, còn quân đội của tôi phải ở lại hậu phương của mình. Trên vùng lãnh thổ do quân đội tôi chiếm đóng có một bộ máy hành chính địa phương. Quân đội tôi không thể đồng thời vừa xây dựng cơ cấu hành chính ở hậu phương, lại vừa tác chiến, thanh toán những kẻ thù còn lại. Quân đội chúng tôi không quen làm như vậy.

Khi đó, chúng tôi đã trả lời các bạn Anh, Mỹ của chúng tôi theo tinh thần đó. Vì chúng tôi biết phần lãnh thổ phía tây của Ba Lan sẽ được mở rộng, nên chúng tôi lại càng có thể làm như vậy. Tôi không hiểu, giả dụ người Ba Lan có thiết lập bộ máy hành chính của mình trên phần lãnh thổ tương lai sẽ thuộc về họ, điều này có làm tổn hại gì đến sự nghiệp chung của chúng ta...

Nghe Xtalin trình bày xong, Toruman hình như cảm thấy mình đi đã quá xa, bèn vội vàng bằng một giọng ôn hòa hơn, đưa ra một đề mục thảo luận mới - vấn đề bồi thường. Theo cách trình bày của ông ta, hình như việc xây dựng bộ máy hành chính của Ba Lan ở những vùng nói trên có thể gây thêm khó khăn cho việc Đức bồi thường.

Toruman: Những ý kiến tôi phát biểu về vấn đề biên giới tương lai của

Ba Lan hoàn toàn không có ý gì khác. Song, như chúng ta đã bàn, toàn bộ lãnh thổ nước Đức phải do bốn nước lớn quản lý. Nay, nếu một bộ phận quan trọng lãnh thổ của nước Đức đặt dưới sự chiếm đóng của một nước không nằm trong số bốn nước lớn, chắc sẽ rất khó đạt được ý kiến thống nhất trong việc giải quyết hợp lý vấn đề bồi thường.

Xtalin: Ngài hà tất phải lo lắng như vậy về chuyện bồi thường? Chúng ta có thể không cần tới sự bồi thường của những vùng đó, có thể lắm chứ!

Toruman: Chúng tôi không hề muốn được những khoản bồi thường đó.

Xtalin: Trước đây chưa có nghị quyết nào về những vùng lãnh thổ miền Tây. Vấn đề hiện nay là giải thích như thế nào quyết nghị của Hội nghị Crum. Đúng là chưa có nghị quyết nào về biên giới phía tây, nhưng đó chỉ là vấn đề tạm thời gác lại chưa giải quyết. Chúng ta đã cam kết sẽ mở rộng biên giới phía tây và phía bắc của Ba Lan.

Sócsin: Về biên giới phía tây của Ba Lan, tôi cũng có nhiều điều muốn nói. Song tôi nghĩ, chưa đến lúc nói ra những điều đó.

Toruman một lần nữa lại muốn đưa Hội nghị hòa bình ra làm tấm bình phong, nhân câu của Sócsin, bèn nói:

- Đường biên giới tương lai của Ba Lan nên để Hội nghị hòa bình xác định.

Xtalin nhắc lại:

- Rất khó khôi phục lại bộ máy hành chính của Đức ở khu vực miền Tây, vì dân chúng chạy hết cả rồi.

Toruman nói luôn:

- Nếu Chính phủ Liên Xô muốn nhận được sự giúp đỡ để khôi phục lại bộ máy hành chính của Đức ở những vùng đó, vấn đề này có thể đem ra thảo luận.

Xem chừng Toruman định đưa ra vấn đề: để những người Đức đã chạy trốn quay trở lại vùng lãnh thổ mà theo hiệp nghị thoả thuận trước đây phải giao lại cho Nhà nước Ba Lan. Nhưng ý kiến của ông ta đã bị treo lại.

Xtalin:

- Quan điểm của chúng tôi, quan điểm của những người Nga chúng tôi trong thời chiến khi đánh chiếm được đất đai của kẻ thù là như thế này: quân đội đang phải tác chiến, đang phải tìm cách tiến lên, ngoài việc làm thế nào để chiến thắng, không có việc gì khác phải suy nghĩ. Nhưng để quân đội tiến lên được, nó cần phải có một hậu phương yên ổn. Nó không thể đồng thời vừa tác chiến ở tiền tuyến vừa tác chiến ở hậu phương. Nếu hậu phương ổn định, nếu

hậu phương đồng tình và giúp đỡ quân đội, quân đội có thể đánh giỏi. Thử hình dung tình hình khi đó: dân chúng Đức nếu không rút chạy cùng với những người lính thua trận của họ, họ sẽ đánh vào sau lưng quân lính chúng tôi; trong lúc đó, dân chúng Ba Lan cùng tiến theo quân đội của chúng tôi. Trong tình hình đó, quân đội mong muốn hậu phương có một bộ máy hành chính đồng tình và giúp đỡ nó là điều rất tự nhiên. Toàn bộ vấn đề là ở chỗ đó.

Toruman:

- Điều này tôi hiểu, và cũng đồng tình.

Xtalin:

- Không có cách nào khác. Nhưng điều đó đương nhiên không có nghĩa là tôi tự ý xác định biên giới. Nếu các ngài không đồng ý với đường biên giới do Chính phủ Ba Lan đề nghị, vấn đề sẽ tiếp tục gác lại. Chỉ có vậy thôi.

Sócsin:

- Nhưng, vấn đề này liệu có thể gác lại mà không giải quyết không?

Xtalin:

- Thế nào rồi cũng có ngày phải giải quyết.

Cuộc tấn công của các thủ lĩnh phương Tây bị đánh lui. Sócsin quyết định dùng chiến thuật "vu hồi". Ông ta nêu ra vấn đề cung cấp lương thực cho dân Đức thất trận, và định gắn vấn đề này với vấn đề biên giới phía tây của Ba Lan. Biên bản cuộc họp ghi lại như sau:

Sócsin: Còn có vấn đề cung ứng. Việc cung cấp lương thực là vấn đề hết sức quan trọng, vì những khu vực đó là những vùng chủ yếu cung cấp lương thực cho dân chúng Đức.

Xtalin: Nhưng ai sẽ làm việc và sản xuất lương thực ở đó? Ngoài người Ba Lan ra, không có người làm việc ở đó.

Toruman: Chúng ta có thể thoả thuận. Tôi cho rằng, thực chất của vấn đề đang đặt ra trước chúng ta và đang làm cho chúng ta phải lo lắng là, ở những khu vực đó sẽ có một cơ cấu hành chính như thế nào. Chúng ta còn quan tâm, những vùng đó trong thời kỳ chiếm đóng sẽ là một bộ phận của nước Đức hay là một bộ phận của Ba Lan. Vấn đề là thế này: Chúng tôi có khu vực chiếm đóng, Pháp có khu vực chiếm đóng, Anh và Liên Xô cũng có khu vực chiếm đóng. Tôi muốn biết, những vùng mà chúng ta đang bàn liệu có phải thuộc khu vực chiếm đóng của Liên Xô. Theo tôi, về vấn đề biên giới tương lai của Ba Lan, chúng ta có thể thoả thuận vào một lúc thích hợp, nhưng điều tôi quan tâm hiện nay là vấn đề quy thuộc của những vùng đất đó trong thời kỳ chiếm đóng.

Xtalin: Trên giấy tờ, nó tạm thời vẫn là lãnh thổ của Đức; còn trên thực tế, đó là lãnh thổ của Ba Lan. Sự thực là như vậy.

Toruman: Cư dân nơi đó thế nào? Ở đó có lẽ từng có tới ba triệu dân Đức.

Xtalin: Đi hết cả rồi.

Sócsin: Nếu vậy, tình hình có thể sẽ như thế này: Những khu vực người Đức rời đi không giao cho nước Đức, cũng không do nước Đức quản lý, vậy thì số cư dân này sẽ ăn vào lương thực của những vùng đó. Theo chỗ tôi biết, nếu theo phương án của Chính phủ Ba Lan (phương án này chắc được Chính phủ Liên Xô ủng hộ) thì 1/4 tổng diện tích trồng cây lương thực của nước Đức năm 1937 sẽ bị cắt nhượng.

Về cư dân, sẽ có ba bốn triệu người Ba Lan từ miền Đông di sang khu vực miền Tây. Theo tài liệu của Nga, trước chiến tranh cư dân Đức ở những vùng này có 825 vạn người. Thế có nghĩa là, ngoài những khó khăn nghiêm trọng nảy sinh ra do cuộc di dân đại quy mô như vậy, các khu vực khác của nước Đức sẽ phải chịu một gánh nặng quá tải trong khi vấn đề lương thực vẫn chưa giải quyết được.

Loanh quanh một hồi, Toruman lại quay trở về vấn đề biên giới Ba Lan. Ông lẩm bẩm:

- Pháp sẽ đòi được vùng Andát và Loren, nếu chúng ta cho Pháp Andát và Loren thì còn cái gì để mà cho Đức.

Xtalin: Chưa có quyết nghị về điểm này, còn về biên giới phía tây của Ba Lan thì đã có quyết nghị, tức là nghị quyết về lãnh thổ Ba Lan cần được mở rộng về phía tây và phía bắc...

Sócsin :... Chúng ta định bàn là vấn đề biên giới, còn bây giờ đã chuyển sang thảo luận vấn đề cung cấp lương thực cho nước Đức. Có điều, sở dĩ tôi đề cập điểm này là vì vấn đề biên giới đã gây khó khăn rất lớn cho việc chúng ta giải quyết các vấn đề khác.

Xtalin: Nước Đức trước đây vẫn phải nhập khẩu lương thực, sau này cũng phải làm vậy thôi.

Sócsin: Đúng, đương nhiên là như vậy. Nhưng nếu lấy đi phần lãnh thổ phía đông của nó, nó càng không thể tự nuôi sống mình.

Xtalin: Bảo họ mua lương thực của Ba Lan!

Sócsin: Chúng tôi không cho rằng vùng đất này là lãnh thổ của Ba Lan.

Xtalin: Người Ba Lan sống ở đó, cày cấy ruộng đất ở đó. Các ngài không thể bắt người Ba Lan cày cấy rồi lấy lương thực của họ mang cho người Đức...

Toruman: Xem ra, việc giao cho người Ba Lan chiếm đóng một bộ phận rất lớn lãnh thổ nước Đức đã thành chuyện đã rồi. Như vậy, còn lại cái gì có thể dùng để bồi thường? Nước Mỹ chúng tôi thậm chí cũng thiếu than. Mặc dù vậy, năm nay chúng tôi vẫn chở vào Châu Âu sáu triệu rưỡi tấn than. Theo tôi, phần lãnh thổ đó của Đức cũng là vùng mỏ than, dù xét ở khía cạnh bồi thường hay ở khía cạnh cung cấp lương thực, đều phải nhận rằng nó thuộc lãnh thổ của Đức. Tôi cho rằng người Ba Lan không có quyền chiếm phần lãnh thổ đó của Đức. Vấn đề chúng ta hiện đang thảo luận là vấn đề biên giới tương lai của Ba Lan. Nhưng theo tôi, ở đây chúng ta không thể giải quyết được vấn đề này, mà nên để Hội nghị hòa bình giải quyết.

Thế là, những người dự họp lại quay trở lại điểm xuất phát ban đầu. Cuộc tấn công của Toruman đã thất bại. Đoàn đại biểu Liên Xô kiên trì chủ trương của mình, kiên quyết bảo vệ lập trường nguyên tắc của mình. Lúc kết thúc phiên họp, Toruman một lần nữa định gấn vấn đề giao cho Ba Lan vùng phía đông nước Đức với vấn đề bồi thường. Ông nói:

- Tôi muốn nói một cách chân thành và vô tư quan điểm của tôi về vấn đề này. Tôi thấy không thể tách khu vực miền đông của nước Đức năm 1937 khi giải quyết vấn đề bồi thường và vấn đề cung cấp lương thực, than cho người Đức.

Ở đây, rõ ràng ông ta muốn ngấm bảo rằng: Nước Mỹ có thể chấp nhận lấy việc không bắt nước Đức phải bồi thường để đổi lấy việc chuyển nhượng cho Ba Lan những vùng đất trên. Dưới con mắt của Oasinhton, trong trường hợp đó có thể bảo toàn nguyên vẹn được tiềm lực công nghiệp của vùng Rúa. Sau đó sẽ lợi dụng nó phục vụ cho quyền lợi của nước Mỹ. Sự dọa dẫm đó cũng chẳng ảnh hưởng gì đến đoàn đại biểu Liên Xô.

Vấn đề “ủy trị”, mỗi người một ý

Thái độ kiên định của đoàn đại biểu Liên Xô và những chứng cứ đầy sức thuyết phục, cuối cùng đã buộc các nước lớn phương Tây phải đồng ý mời đại diện của Chính phủ Ba Lan ở Vácsava đến Pốttxdam.

Đoàn đại biểu của Chính phủ Ba Lan do Bôlexláp Biêrút dẫn đầu. Đại diện Mỹ và Anh đã có cuộc nói chuyện nghiêm túc với Biêrút. Đại biểu của Ba Lan nói rõ quan điểm của mình về đường biên giới phía tây. Phía Mỹ và Anh vẫn cự tuyệt không thừa nhận đường biên giới đó, lại còn định sửa đổi các hiệp định đã được thỏa thuận ở Têhêran và Ianta. Chúng ta hãy dẫn chứng vài đoạn trong biên bản phiên họp toàn thể lần thứ sáu:

Toruman: Hôm qua chúng ta đề nghị hôm nay tiếp tục thảo luận vấn đề biên giới phía tây của Ba Lan.

Xtalin: Đồng ý.

Toruman: Tôi nhớ rằng ngài Sôcsin có một đề án bổ sung.

Sôcsin: Tôi không có gì bổ sung cả. Tôi và đoàn đại biểu Ba Lan đã có cuộc nói chuyện. Sáng hôm nay, tôi hân hạnh được gặp ngài Biêrút một lần nữa. Hôm qua, ngài Êđen đã hội đàm với đoàn đại biểu Ba Lan... Theo tôi, vấn đề này có liên quan tới vấn đề bồi thường, cũng liên quan tới cả vấn đề bốn nước lớn chia khu vực chiếm đóng nước Đức.

Toruman: Tôi cho rằng ý kiến của ngài Sôcsin là chính xác. Ngài Bécna cũng đã hội đàm với đoàn đại biểu Ba Lan, và dự định sẽ gặp họ một lần nữa. Cho phép tôi có một đề nghị về vấn đề trình tự. Được biết ngài Bécna và ngài Êđen đều sẽ tiếp tục tiến hành hội đàm với người Ba Lan, nên theo tôi, cuộc thảo luận về vấn đề này để đến thứ sáu sẽ có lợi hơn.

Xtalin: Đồng ý.

Thế là, đại biểu hai nước Anh, Mỹ vội vã nhập cục chuyện biên giới phía tây Ba Lan với hai vấn đề khác chẳng liên can gì tới chuyện đó - vấn đề bồi thường và vấn đề khu vực chiếm đóng ở Đức.

Khi Hội nghị thông qua quyết định Chính phủ Ba Lan ở Luân Đôn giao tài sản cho Chính phủ lâm thời mới, Xtalin tuyên bố, Chính phủ mới không thể gánh nổi trách nhiệm chi trả những khoản nợ Chính phủ lưu vong ở Luân Đôn. Toruman bác lại, nói việc chuyển giao tài sản ở Mỹ chỉ được giải quyết sau khi xem xét ai là người chịu trách nhiệm trả nợ và đã đúng về mặt luật pháp chưa, "Chính phủ Mỹ thấy không có nghĩa vụ phải gánh vác cho Chính phủ lưu vong ở Luân Đôn". Sôcsin tỏ thái độ tán thành.

Tại phiên họp này, cuộc tranh luận xung quanh vấn đề "ủy trị" cũng rất gay gắt. Đoàn đại biểu Liên Xô đề nghị thảo luận về tương lai các thuộc địa của Italia ở châu Phi và Địa Trung Hải, đã châm ngòi cho cuộc tranh luận. Trong biên bản chính thức của phiên họp có ghi lại như sau:

Sôcsin: Đương nhiên, có thể trao đổi ý kiến về bất cứ vấn đề nào. Tôi thấy, vấn đề ủy trị đã được giải quyết tại Hội nghị Xan Phranxixcô. Vấn đề này do tổ chức quốc tế nắm, tôi ngờ rằng trao đổi ý kiến về vấn đề này ở đây liệu có thích hợp không?

Xtalin: Ví dụ, báo chí đưa tin, ngài Êđen khi phát biểu trước Quốc hội Anh nói rằng: "Italia đã vĩnh viễn mất các thuộc địa của nó". Đây là quyết định của ai? Nếu Italia mất thật, vậy thì ai sẽ nhận? (có tiếng cười).

Sócsin: Tôi có thể trả lời vấn đề này. Quân đội Anh bằng cuộc chiến đấu lâu dài với những hy sinh to lớn và với những chiến thắng huy hoàng, xứng đáng một mình được hưởng những thuộc địa đó.

Xtalin: Còn Béclin là do Hồng quân đánh chiếm? (Có tiếng cười)

Sócsin: Tôi muốn nói hết ý của tôi... Điều tôi muốn nói là những thuộc địa của Italia sau đây: Xô-mali thuộc Ý, Ôntoria, Xirênaica và Toripôli. Trong những điều kiện cực kỳ gian nan, một mình chúng tôi đã đánh chiếm những nơi đó.

Bây giờ tôi xin nói về ý kiến của Êden trước Quốc hội. Ông ấy nói rằng: "Italia đã mất các thuộc địa của nó... Điều này không loại trừ việc khi ký kết hòa ước với Italia, sẽ thảo luận vấn đề có nên trả lại cho Italia những thuộc địa vốn có của nó". Tôi không ủng hộ đề nghị này, nhưng chúng tôi không phản đối thảo luận vấn đề thuộc địa... Trước mắt, những thuộc địa đó đều trong tay chúng tôi. Ai muốn lấy những thuộc địa đó? Trong những người có mặt ở đây, ai muốn được những thuộc địa đó, tốt nhất xin mời người đó nói ra.

Toruman: Chúng tôi không cần những thuộc địa đó. Ở nước chúng tôi, những người Italia nghèo khổ cần chúng tôi nuôi sống đã quá nhiều rồi.

Sócsin: Chúng tôi đã nghiên cứu, trong những thuộc địa đó, một số có thể sắp xếp cho người Do Thái, nhưng theo chúng tôi, người Do Thái không thích hợp định cư ở đó.

Đương nhiên, chúng ta có những lợi ích to lớn ở Địa Trung Hải. Bất cứ một sự thay đổi về hiện trạng khu vực nào, đều đòi hỏi chúng ta phải có sự nghiên cứu lâu dài và thận trọng.

Chúng tôi không rõ lắm bạn Đồng minh Nga của chúng tôi muốn lấy cái gì?

Cùng với việc áp đặt quan điểm của họ cho các nước mới được Hồng quân giải phóng, đại diện các nước phương Tây còn tìm trăm phương nghìn kế gạt Liên Xô không cho tham gia giải quyết các vấn đề liên quan đến các nước và các khu vực do quân đội Anh, Mỹ đánh chiếm. Cuộc thảo luận về vấn đề Italia là một ví dụ điển hình. Trong chiến tranh, đại bộ phận quân đội Italia tác chiến trên mặt trận Xô-Đức. Họ đã đến sông Vonga, giày xéo lên lãnh thổ Liên Xô. Do đó, tất nhiên Liên Xô không thể làm ngơ trước việc giải quyết các vấn đề về Italia. Vấn đề bồi thường của Italia và vấn đề tương lai các "thuộc địa vốn có" của Italia càng khiến phía Liên Xô phải đặc biệt quan tâm. Những người lãnh đạo quân đội hai nước Mỹ-Anh, trong giai đoạn đầu sau khi Italia đầu hàng, đã tìm cách qua mặt đại diện Liên Xô trong Ủy ban quân chế của các nước Đồng minh để giải quyết toàn bộ vấn đề. Giờ đây, các nhân

vật đứng đầu hai nước cũng định thi hành chiến lược đó.

Cuối cùng, vấn đề lại giao cho Ngoại trưởng ba nước nghiên cứu. Tạm thời không nói đến triển vọng của những vùng lãnh thổ đó sẽ hoàn toàn không giống như Sôcsin đã nghĩ, điều đáng suy nghĩ ở đây là ý đồ của Sôcsin muốn né tránh thảo luận với nước Đồng minh vấn đề uỷ trị “các thuộc địa vốn có” của một trong những nước thuộc khối Trục với thái độ kẻ cả - dùng quyền lực của người chiến thắng phân chia những của lấy được - và thái độ miệt thị khinh bạc của ông ta đối với những cư dân vốn sinh sống trên những lãnh thổ đó mà ông ta muốn tượng như những mảnh đất không người.

Tại phiên họp này, Toruman còn nói, phía Mỹ cho rằng các Chính phủ hiện tại ở Rumani, Hunggari và Bungari hoàn toàn nằm dưới sự khống chế của thiểu số người cộng sản. Sôcsin lập tức tỏ thái độ tán thành. Về ý kiến này, Xtalin nói với giọng mỉa mai, nếu giải quyết công việc cứ theo những nguyên tắc trên, Hội nghị e khó có thể đạt được một hiệp định nào.

Đe dọa hạt nhân cũng chẳng ăn thua

Trước một đối thủ cứng rắn, Toruman sốt ruột muốn cho phía Liên Xô biết rằng trong tay ông ta có một con chủ bài vô cùng lợi hại. Ngày 24 tháng 7 sau khi phiên họp toà thể kết thúc, Toruman vội làm ra vẻ vô tình bước về phía Xtalin. Phiên dịch viên ở lại phía sau, để mọi người cảm thấy Tổng thống như không có việc gì quan trọng nói với Xtalin. Tổng thống Mỹ bước tới trước mặt nguyên thủ Liên Xô nói:

- Mỹ đã chế tạo được một loại vũ khí mới “có sức phá hoại ghê gớm”.

Nghe nói vậy, Xtalin điềm tĩnh đáp:

- Rất vui mừng được nghe tin này, hy vọng chúng ta dùng nó để đối phó tốt hơn với người Nhật.

Phản ứng thản nhiên, nhẹ nhàng của Xtalin khiến Toruman và Thủ tướng Sôcsin cùng Quốc vụ khanh Bécna đứng sát cạnh đó phải ngạc nhiên. Thậm chí họ đoán rằng, Xtalin không hiểu vừa rồi Toruman nói gì.

Thực ra, Xtalin chẳng qua chỉ không muốn để người khác nhận ra rằng ông ta đã hiểu câu nói của Toruman mà thôi. Nguyên soái Liên Xô Giucốp khi đó cũng có mặt ở Pốttxdam đã nhớ lại:

Khi Xtalin về đến nhà đã kể ngay cho tôi và Mólôtốp nghe nội dung câu chuyện với Toruman. Nghe xong, Mólôtốp nói:

- Họ muốn đề cao mình.

Xtalin phì cười, nói:

- Cứ để cho họ đề cao mình đi. Phải nói với Cuốcxê tốp đẩy nhanh tốc độ công việc của chúng ta.

Tôi biết, ông muốn ám chỉ bom nguyên tử

Ý định dùng bom nguyên tử để đe dọa lần thứ nhất đã không đạt được mục đích, Toruman rõ ràng có hơi chút bối rối. Bước thứ hai làm thế nào đây? Toruman không muốn để lỡ cơ hội lợi dụng vũ khí nguyên tử có sẵn như trong tưởng tượng của ông để giành lại ưu thế cho Mỹ. Vì loại vũ khí mới này chưa được sử dụng trên chiến trường nên ông quyết định chơi bài ngửa một lần nữa. Ông yêu cầu sĩ quan chỉ huy quân sự hiện có mặt, đại diện ông truyền đạt chỉ thị ném bom nguyên tử xuống Nhật Bản vào thời gian sớm nhất, nhưng phải sau khi ông rời Pốttxdam. Toruman muốn “trước khi trái bom nguyên tử đầu tiên ném xuống Nhật, tôi đã ở một nơi cách xa người Nga cùng những vấn đề của họ, và đang trên đường về”.

Ngày 15 tháng 8, quả bom nguyên tử đầu tiên đã được ném xuống Hirôsimas. Ngay hôm đó, Toruman ra tuyên bố về bom nguyên tử, đánh giá cao ý nghĩa của nó. Người Mỹ muốn khống chế loại vũ khí mới này trong tay mình, nhưng chỉ bốn năm sau, Liên Xô đã đi tiên phong trong việc đập tan quyền lũng đoạn vũ khí hạt nhân của Mỹ.

“Điểm khởi đầu” của “Điểm cuối cùng”

Hội nghị Pốttxdam diễn ra đến ngày thứ chín, ngày 25 tháng 7, thì Sôcsin và átli cùng về Luân Đôn để theo dõi kết quả bầu cử. Cuộc Tổng tuyển cử ở Anh kết thúc vào ngày 5 tháng 7, do phải chờ phiếu bầu của cử tri Anh ở các nơi trên thế giới gửi về, kết quả bầu cử đến ngày 26 tháng 7 mới công bố. Sau khi thương lượng với Xtalin, Toruman quyết định Hội nghị tạm dừng hai ngày.

Kết quả cuộc tổng tuyển cử lần này hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của Sôcsin. Công đảng chiếm 393 ghế ở Hạ nghị viện, trong khi đảng Bảo thủ và phe cánh tổng cộng chỉ được 213 ghế. Điều này quả là một đòn nặng giáng vào Sôcsin. Ông ta không bao giờ có thể tha thứ cho đám dân chúng dám “hạ bệ” một người “anh hùng” đã lãnh đạo cuộc chiến tranh chống Đức.

Tin Sôcsin thất cử truyền đến khiến Toruman giật thót mình. Phải nói rằng, Toruman muốn thấy Sôcsin phải là người chiến thắng, vì ông đã nhận ra rằng Sôcsin và ông là những người “tâm đầu ý hợp”. Magrít Toruman ⁽¹⁾ xác

⁽¹⁾ Con gái Toruman.

nhận rằng, cha của bà và Sôcsin “rất nhanh chóng trở nên thân thiết”. Bà dẫn chứng câu nói của người bác sĩ riêng của Sôcsin: “Uynxtôn⁽¹⁾ bị Tổng thống làm cho mê mẩn”.

Kinh nghiệm đấu tranh chính trị nhiều năm mách bảo Toruman không được để lỡ thời cơ. Ông ta lập tức xúc tiến việc công bố “Thông cáo chung Pôtxdam” mới được thông qua vào cái ngày Sôcsin mất ghế.

Đây là một bản nghị quyết về những điều kiện kết thúc chiến tranh với Nhật và những phương châm xử trí đối với Nhật sau chiến tranh. Liên Xô khi đó chưa tham chiến với Nhật nên không ký tên. Sau khi được sự đồng ý của Chính phủ Quốc Dân Đảng Trung Quốc (không được phép tham gia thảo luận), bản Thông cáo chung được công bố dưới hình thức “Tuyên bố chung của ba nước Mỹ-Anh -Trung”. Khi Liên Xô cử binh tham chiến với Nhật, cũng chính thức ký tên vào Tuyên ngôn này, do đó đã trở thành bản tuyên bố chung của bốn nước.

“Tuyên bố chung Pôtxdam” thực chất là một lá thư thúc giục đầu hàng của liên minh chống phát xít gửi cho phát xít Nhật. Đối với phát xít Nhật đang trên bước đường cùng, đây quả là một đòn giáng nặng nề.

Átli đã giành được thắng lợi trong cuộc bầu cử Quốc hội, còn phải lo tổ chức nội các mới, nên Hội nghị Pôtxdam phải chậm thêm một ngày so với kế hoạch ban đầu.

Ngày 28 tháng 7, Átli cùng với mấy chính khách mới lên ngôi đến Pôtxdam. Écnét Bêvin trở thành Bộ trưởng Ngoại giao của Anh. Nhưng chính sách đối ngoại mới của Thủ tướng Công đảng và Bộ Ngoại giao Anh về thực chất chẳng khác gì của Sôcsin.

Hội nghị tái họp. Vấn đề biên giới phía tây của Ba Lan lại được đem ra bàn.

Lần này, vấn đề Ba Lan bị các đoàn đại biểu phương Tây gắn với vấn đề “văn kiện”, không chỉ gắn với vấn đề bồi thường mà cả với vấn đề kết nạp các nước thành viên mới của Liên Hợp Quốc. Các nước phương Tây kiên quyết giữ ý kiến kết nạp Italia vào Liên Hợp Quốc, nhưng lại không đồng ý cho Bungari, Hungari và Rumani tham gia tổ chức này. Tuy ba vấn đề chẳng liên quan gì đến nhau (đoàn đại biểu Liên Xô cũng đã nhấn mạnh điểm này), nhưng Quốc vụ khanh Mỹ Bécna và Bộ trưởng Ngoại giao Anh Bêvin đều tuyên bố: Nếu cả hai vấn đề cùng đồng thời được thỏa thuận, họ mới chịu “nhượng bộ” về vấn đề biên giới phía tây Ba Lan. Cuối cùng, Hội nghị đã đi

⁽¹⁾ Cách gọi thân mật Sôcsin.

tối nhất trí thỏa thuận về cả ba vấn đề, trong đó bao gồm cả vấn đề biên giới phía tây Ba Lan theo như sự trình bày của đoàn đại biểu Ba Lan. Mỹ và Anh đã thất bại trong âm mưu sửa lại những quyết nghị có tính chất nguyên tắc đã được thông qua trước đây.

Hội nghị Pốttxdam đã diễn ra nhiều cuộc tranh luận rất gay gắt trên rất nhiều vấn đề, nhưng tóm lại, kết quả các cuộc tranh luận và trao đổi ý kiến là đã thông qua được một số nghị quyết quan trọng, các hiệp nghị được thỏa thuận và các văn kiện được phê chuẩn tại Hội nghị Pốttxdam đều chứng tỏ Hội nghị đã xem xét và giải quyết những vấn đề hết sức rộng lớn. Những nghị quyết được Hội nghị thông qua có ý nghĩa quan trọng đối với toàn bộ sự phát triển của tình hình thế giới: Hội nghị Ngoại trưởng năm nước đã được thành lập; những người tham dự Hội nghị nhất trí đồng ý những nguyên tắc xử trí về chính trị và kinh tế đối với nước Đức trong thời kỳ đầu quân chế; về các vấn đề như việc bồi thường của nước Đức, việc phân chia chiến hạm và thương thuyền của nước Đức, việc nhường cho Liên Xô thành phố Cônixbua và các vùng phụ cận, việc xét xử tội phạm chiến tranh, đều đạt được sự thỏa thuận. Hội nghị còn ký kết được những hiệp định về vấn đề áo và Ba Lan, việc ký kết hoà ước và kết nạp các nước thành viên mới vào tổ chức Liên Hợp Quốc, tuyên bố về lãnh thổ uỷ trị v.v... Hội nghị “đã tăng cường mối quan hệ giữa Chính phủ ba nước, đã mở rộng phạm vi hợp tác và sự hiểu biết lẫn nhau giữa Chính phủ ba nước”, và trịnh trọng tuyên bố, “Chính phủ và nhân dân ba nước tham dự Hội nghị cùng với các nước liên hiệp khác, sẽ bảo đảm xây dựng một nền hòa bình công bằng và lâu dài”.

Ý nghĩa của những nghị quyết được Hội nghị Pốttxdam thông qua vô cùng trọng đại. Nhưng giờ đây, khi đọc lại những ý kiến của các đại biểu phương Tây phát biểu trong Hội nghị, không thể không khiến cho người ta có cảm giác rằng, hình như họ đang phải hoàn thành một sứ mệnh phải gánh vác do hợp tác quân sự với Liên Xô, một sứ mệnh mà họ không thích, không phù hợp với ý đồ của họ, một sứ mệnh mà nay đã lùi vào quá khứ, và do đó, hình như họ đang muốn nhanh chóng thoát khỏi cái di sản đó và muốn kết liễu nó.

Tối ngày 1 tháng 8, Pốttxdam diễn ra phiên họp cuối cùng. 3 giờ sáng hôm sau, khi Tổng thống Toruman tuyên bố bế mạc Hội nghị, có nói:

- Lần sau gặp nhau, tôi nghĩ sẽ rất nhanh.

Xtalin tiếp lời:

- Nếu Thượng đế cho phép!

Theo giờ quốc tế, đúng 9 giờ 30 phút sáng ngày 2 tháng 8, Thông cáo chung sẽ đồng thời công bố ở cả ba nước, và “ba ông trùm” đã lên đường trở về.

Khi Toruman đang lênh đênh vượt Đại Tây Dương trên tuần dương hạm thì Mỹ đã thành công trong việc ném quả bom nguyên tử xuống Hirôshima. Thực lực của Mỹ nhờ loại vũ khí này đã hơn hẳn, và lúc này Toruman đang nghĩ cách sẽ chống lại Liên Xô như thế nào. Ông ta nói: “Cuộc thử nghiệm Pôtxdam giờ đây giúp tôi đưa ra quyết định: Tôi không cho phép người Nga tham gia vào bất cứ sự quản chế nào đối với Nhật... Thực lực - đó là điều duy nhất mà người Nga có thể cất nghĩa”.

Một số nhà khoa học Mỹ tham gia vào việc chế tạo bom nguyên tử cho rằng, mặc dù “người Nga trong hai ba năm tới cũng có thể tìm ra bí mật nguyên tử”, nhưng họ muốn chế tạo ra được bom nguyên tử còn phải cần tới sáu bảy năm nữa. Quan điểm này đã khuyến khích bệnh ngông cuồng của các nhà chính trị. Bécna viết:

Chẳng ai thấy quá lo lắng về điều đó, vì trong 7 năm, rõ ràng là chúng ta sẽ tiến xa hơn Liên Xô trên phương diện này.

Và do đó, ngài Quốc vụ khanh Mỹ đưa ra kết luận:

Lúc đầu, trong tay chúng ta chỉ là một cành cây, chứ không phải một chiếc gậy..., cùng với sự tăng trưởng về thực lực quân sự, chúng ta có thể tỏ rõ sự cứng rắn của mình trước Chính phủ Liên Xô.

Trong cuộc hành trình xuyên đại Tây Dương, các quan chức Ngoại giao Mỹ cùng đi trên tuần dương hạm với Tổng thống đã có cuộc tranh luận kịch liệt về phương châm chính sách đối ngoại tương lai. Bairon nhớ lại:

Chúng tôi cảm thấy không phải quá lo lắng về những xung đột có thể xảy ra giữa Mỹ và Liên Xô. Chúng tôi đã thảo luận về bom nguyên tử và chúng tôi có thể lợi dụng như thế nào cái cảm giác yên ổn mà uy lực của bom nguyên tử mang lại cho chúng tôi để đi kiến lập quan hệ với Liên Xô. Chúng tôi nghĩ rằng, trừ phi có người nào đẩy thực hiện những biện pháp gây nguy cấp đến Nhà nước Liên Xô và chế độ Xô-viết, nếu không Liên Xô sẽ không có phản ứng gì. Chúng tôi tưởng tượng ra mọi biện pháp mà chúng tôi có thể sử dụng, từ việc gửi thông điệp cuối cùng cho Liên Xô yêu cầu họ phải rút quân đội về nước cho đến việc gây ra đủ các sức ép lớn nhỏ đối với họ.

Xem ra, quan điểm của những người vạch chính sách đối ngoại của Mỹ lúc bấy giờ có nói ra cũng không thể trắng trợn hơn. Đó chính là quan điểm của đoàn đại biểu Mỹ, những người vừa mới tham gia một cuộc Hội nghị mà trước đây có vài ngày họ vẫn còn là Đồng minh của nhau. Quan điểm này rất nhanh chóng được thể hiện trong phương châm hiếu chiến chống Liên Xô. Tháng 9 năm 1945, tại Hội nghị Ngoại trưởng triệu tập ở Luân Đôn theo

ng nghị quyết Pốtxdam, các nước lớn phương Tây đã quay ngoắt 180^o. Người hùng của “cuộc chiến tranh lạnh” là Jôn Phốtxtơ Đalét cũng tham gia vào việc vạch ra chính sách đối ngoại của Mỹ. Tại Hội nghị Luân Đôn, ông ta miêu tả tình hình lúc bấy giờ như thế này:

Từ lúc đó đã hình thành chính sách hậu chiến “không cần thỏa hiệp” (tức là tuyệt đối không hợp tác với Liên Xô) của chúng tôi. Xét trên phương diện chung, nó vẫn luôn được duy trì cho tới nay... Hành động của chúng tôi ở Hội nghị Luân Đôn dẫn tới một hậu quả quan trọng: nó chấm dứt một thời đại, thời đại Têhêran - Ianta - Pốtxdam... Tôi, với tư cách một đảng viên Cộng hòa, lại có đảng Cộng hòa vững mạnh làm hậu thuẫn, cùng với Quốc vụ khanh Bécna tham gia Hội nghị Luân Đôn, sự thật này đã giúp tôi có được vai trò nhất định trong một quyết định quan trọng, tức là không cần tranh thủ sự thỏa hiệp với người Nga.

Không thể nói rằng, ở đây ngài Đalét đã tỏ ra ngông cuồng và tự cao tự đại. Đối với tình hình quốc tế ngày càng căng thẳng gay gắt tới cực độ, quả thật ông ta đã có những đóng góp không nhỏ.

Tập đoàn phương Tây cho rằng, với bom nguyên tử, họ có thể tạo ra một con đường thênh thang, rộng mở để xác lập quyền thống trị thế giới của nước Mỹ. Kỳ thực, họ hết sức sai lầm. Liên Xô đã nhanh chóng đập tan độc quyền nguyên tử của Mỹ, sự tăng trưởng về sức mạnh đoàn kết giữa các nước xã hội chủ nghĩa, cùng nhiều nhân tố khác, đã làm thay đổi tình hình thế giới. Từ nhiều năm nay, tập đoàn thống trị Mỹ hao tâm tổn sức hòng áp đặt ý muốn của mình cho thế giới, nhưng kết quả họ vẫn chưa toại nguyện.

Hiệp nghị Pốtxdam hoàn toàn có thể đặt cơ sở cho sự hợp tác sau chiến tranh giữa các nước lớn trong liên minh chống phát xít. Song số phận của nó lại không được như người ta mong muốn. Chỉ có một số hiệp định và cũng chỉ ở giai đoạn đầu, được thi hành triệt để. Tuy thế, cũng giống như mấy cuộc Hội nghị quan trọng khác giữa ba nước Đồng minh lớn, cuộc Hội nghị lần này chúng ta, các nước có chế độ xã hội khác nhau vẫn có thể tiến hành việc hợp tác chính trị và quân sự trong thời kỳ hoà bình. Điều này vẫn cứ là một sự thật.

Biệt hiệu của Hội nghị Pốtxdam là “Điểm cuối cùng”. Những lời lẽ đanh thép trong các trận giao phong mặt đối mặt quả thật cũng chấm dứt ở đây. Sự hợp tác giữa ba nước sau chiến tranh biến thành “cuộc chiến tranh lạnh”. Trên một ý nghĩa nào đó, có thể nói như thế này về Hội nghị Pốtxdam: Nó không phải là “Điểm cuối cùng” trong cuộc tranh giành của các nước lớn, mà là “Điểm khởi đầu” của cuộc chiến tranh lạnh.

Chương hai

Bức "Trường thiên điện báo" làm kinh động Nhà Trắng. Bài diễn văn về "Bức màn thép" của Sôcsin chọc tức Liên Xô. Báo cáo đọc trước Quốc hội, Toruman châm ngọn "lửa lạnh". Xtalin nói: Để Xô viết làm thêm một thời gian nữa!

L BÓNG ĐEN TÁI HIỆN

Kâynan lại tung chuyện giết gán

Không được Rudoven chấp nhận đề nghị của mình, Gioócgiơ Kâynan vô cùng thất vọng. Sau khi Toruman lên nắm quyền, Kâynan lại tìm thấy cơ hội. Sau Hội nghị Pốtxdam, Kâynan cảm thấy đường lối của Mỹ đối với Liên Xô cứ nghiêng nghiêng ngả ngả, nhất là khi được biết về những kiến nghị của Walaxơ liên quan đến chính sách Ngoại giao của Mỹ. Theo Kâynan, hành động đó của người Mỹ bắt nguồn từ sự thiếu hiểu biết và ông thấy trách nhiệm của mình là phải phân tích để cho mọi người nhận rõ động cơ của Liên Xô mà vứt bỏ mọi thứ ảo tưởng. Nhưng phần lớn những báo cáo của Kâynan bị Hariman nhét vào tủ hồ sơ, chẳng ai hỏi han gì đến. Kâynan cũng đã viết một bản bị vong lục gửi cho Bécna khi ông này đến Mátxcova hội đàm, khuyên Quốc vụ khanh tuyệt đối chớ tiết lộ bí mật nguyên tử với người Nga, coi đó là một việc làm hết sức ngu ngốc. Ngài Quốc vụ khanh cũng chẳng thèm đếm xỉa. Kâynan cảm thấy như mình bị gạt bỏ và coi thường, đã giận dữ viết trong nhật ký: "Mục đích chính của ông Bécna là ký kết được một hiệp định hình thức nào đấy, còn hiệp định gì ông ta cũng chẳng cần quan tâm".

Thấy Xtalin trong suốt hơn một tháng không công khai xuất hiện ở Mátxcova, Kâynan đã kết luận một cách võ đoán rằng "uy tín của Xtalin đang bị thách thức nghiêm trọng, thậm chí có thể đã bị "hạ bệ". Vì chuyện này, Kâynan đã bị Bécna xạc cho một trận kịch liệt.

Bị dả tởm tấp, Kâynan rầu rĩ không vui, chán nản nói: "Đằng đẳng trong suốt mười tám tháng trời ngoài cái việc kéo tay áo mọi người để làm cho Oasinhton hiểu ra, tôi chẳng làm công việc gì khác. Tôi cảm thấy, đề nghị với

chính quyền Oasinhton chẳng khác gì nói chuyện với đá”. Trong nỗi thất vọng, ông ta không chỉ một lần muốn xin từ chức, nhưng đều bị Bairon can ngăn.

Cuối cùng, cơ hội đã đến. Đại sứ Mỹ ở Liên Xô Hariman phải về nước báo cáo tình hình công việc. Trước khi lên đường, ông gọi con người làm việc miễn cán Káynan tới và bảo: “Tôi sắp đi rồi, anh sẽ làm đại biện ở đây”.

Đúng vào dịp đó, Xtalin đã có buổi nói chuyện mang tính lịch sử với các cử tri. Ngày 9 tháng 2 năm 1946, với chất giọng nói đầy quyền uy và rất độc đáo, Xtalin khẳng định: “Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lênin không bao giờ lỗi thời”, “sự phát triển không đều của các nước tư bản chủ nghĩa sẽ dẫn đến tình trạng vô cùng hỗn loạn, và điều này sẽ làm cho thế giới tư bản chia rẽ thành hai phe đối địch nhau, thậm chí có thể mâu thuẫn tới mức nổ ra chiến tranh. Chủ nghĩa tư bản còn tồn tại, chiến tranh sẽ không tránh khỏi”, “nhân dân Liên Xô không bao giờ quên được bài học về cuộc chiến tranh do chủ nghĩa đế quốc gây ra những năm 30, phải luôn luôn sẵn sàng chuẩn bị, phải phát triển các ngành công nghiệp cơ sở, giảm bớt sản xuất hàng tiêu dùng, Liên Xô sẵn sàng chấp nhận hy sinh trong thời kỳ thực hiện ba kế hoạch năm năm”...

Xtalin dứt khoát tuyên bố, chủ nghĩa đế quốc còn tồn tại thì sẽ không có hòa bình, dù là hòa bình ở Liên Xô hay là hoà bình ở nước ngoài!

Ngày 13 tháng 12 năm 1946, Quốc hội Mỹ gửi sang một bức điện, yêu cầu một bản báo cáo phân tích về quan điểm của Liên Xô. Káynan lao tâm khổ tứ dò đoán tâm lý Toruman: Trong bị vong lục gửi Bécna, chẳng phải Tổng thống cũng nói rằng ông ghét sự lôi kéo người Liên Xô đó sao? Hơn nữa, còn nói rằng đó là bước ngoặt của ông về chính sách đối ngoại. Lần này, chắc ông ta muốn nói ra những điều ông muốn nói, ông đã nhậm quá lâu rồi.

Káynan cho rằng, bài nói của Xtalin hết sức quan trọng, nó tập trung phản ánh chính sách của Liên Xô đối với Mỹ. Káynan lập tức cho mời Bí thư và hai tùy viên quân sự tới, soạn thảo một “trường thiên điện báo” 8000 chữ, do ông ta ký, rồi chuyển về Oasinhton. Mở đầu, bức điện viết:

Vấn đề được nêu ra trong điện báo số 284 ngày 13 tháng 2 của Quốc hội rất phức tạp, rất tế nhị. Theo cách suy nghĩ của chúng tôi cũng rất dễ hiểu, song lại cực kỳ quan trọng đối với chúng ta khi phân tích tình hình quốc tế. Nếu tôi thu gọn câu trả lời trong một bức điện văn ngắn ngủi, thì vấn đề trở nên quá sơ lược. Vì vậy, xin Quốc hội cho phép tôi được chia vấn đề đó thành năm phần để trả lời. Đề mục của các phần đó như sau:

1- Đặc điểm cơ bản trong quan điểm của Liên Xô về các vấn đề sau

chiến tranh;

- 2- Bối cảnh hình thành những quan điểm đó;
- 3- Sự đánh giá về chính sách thực tế của phía Chính phủ;
- 4- Sự đánh giá của phía phi Chính phủ;
- 5- Suy luận thực tế từ góc độ chính sách của Mỹ.

Trước hết, tôi phải xin lỗi vì bức điện quá dài này, nhưng những vấn đề nó đề cập tới rất quan trọng và cấp bách, qua những sự việc gần đây mà xét, lại càng thấy như thế. Nếu những vấn đề này được coi trọng, theo tôi, câu trả lời của chúng tôi rất đáng được mọi người quan tâm.

Quan điểm cơ bản của bức điện văn này là, những người lãnh đạo Liên Xô cho rằng luôn luôn phải sống trong “vòng vây của chủ nghĩa tư bản, thì không thể có chung sống hoà bình. Cái cảm giác không an toàn cổ lỗ truyền lại từ thời Sa hoàng này, khiến họ cho rằng Liên Xô cần phải không ngừng tăng cường an ninh quốc gia, xây dựng lực lượng vũ trang ngày càng hùng mạnh.

Liên Xô một mặt quyết không từ bỏ sự “bất tín nhiệm” của họ đối với chủ nghĩa tư bản, mặt khác cũng tiến hành hợp tác với các tổ chức có tính chất quốc tế, nhưng chỉ nhằm mục đích vụ lợi hoặc làm cho các tổ chức này không triển khai được công việc. Liên Xô liên hệ chặt chẽ với các nước chống lại các cường quốc phương Tây, họ không khuyến khích việc hợp tác kinh tế. Káynan huênh hoang:

Tóm lại, chúng ta đang giáp mặt với một lực lượng chính trị như vậy. Lực lượng chính trị này đang cuồng nhiệt tuân theo một tín điều cho rằng không thể có một sự thỏa hiệp lâu dài với nước Mỹ; rằng muốn làm cho nhà nước Xô-viết được an toàn thì nên, và phải làm rối loạn sự hài hoà của xã hội Mỹ, thủ tiêu lối sống truyền thống của nước Mỹ, phá hoại uy tín quốc tế của nước Mỹ. Lực lượng chính trị này có quyền lực vô hạn, có thể chi phối toàn bộ nhân lực của một trong những dân tộc vĩ đại nhất trên thế giới, chi phối toàn bộ tài nguyên của một đất nước giàu có nhất trên thế giới...

Song song tồn tại với lực lượng chính trị này là tư tưởng dân tộc chủ nghĩa Nga thâm căn cố đế. Ngoài ra, nó còn có một bộ máy được thiết kế rất tinh vi, phạm vi bao trùm rất rộng, đang áp đặt ảnh hưởng lên nhiều quốc gia khác. Bộ máy này rất linh hoạt và đa dạng, do những viên chức tài ba, giàu kinh nghiệm hoạt động bí mật nắm giữ. Cuối cùng, không giống nước Mỹ, lực lượng chính trị này mỗi khi phản ứng đều bỏ qua hiện thực...

Kết luận cuối cùng của Káynan là: Mỹ phải dùng thực lực để ngăn chặn Liên Xô.

Dấu ấn

Những chuyện nêu trong bức điện báo của Kâynan, thực ra không có việc nào mà Nhà Trắng không biết. Nhưng đối với những người chủ trương phải có thái độ cứng rắn với Liên Xô ở Oasinhton, đang đau đầu vì không biết phân tích như thế nào về căn nguyên những hành vi của Liên Xô, thì những quan điểm trong bức “trường thiên điện báo” đó rất dễ được họ dùng bổ sung vào “Những điều cần ghi nhớ” của mình.

Bécna đánh giá: “Đây là một bản phân tích xuất sắc”.

Hariman tỏ ý chúc mừng về bức điện báo của nhân viên cấp dưới cũ gửi cho ông và tặng lại cho Bộ trưởng hải quân Phrétxtten với lời dặn “Rất đáng đọc”.

Chẳng quen biết gì Kâynan, Phrétxtten như vớ được vàng, ghi nội dung bức điện vào nhật ký, rồi cho in thành mấy chục bản phát cho các viên chức dưới trưởng. Trong Chính phủ, ông ta là người đầu tiên tuyên truyền cho bức điện của Kâynan, chỗ nào cũng nói tới mối nguy hiểm “Liên Xô bành trướng toàn cầu”.

Bairon viết trong nhật ký: “Liên Xô là một nước theo chủ nghĩa cực đoan, bành trướng”, “thế giới đang chia thành hai phe đối địch không thể điều hòa được”.

Bức điện báo đánh trúng tim đen của Toruman, gãi đúng “nỗi lo lắng đang ngấm ngấm ngày một tăng” và gợi mở cho ông những hành động quan trọng cần phải làm.

Việc loan truyền bức điện báo của Kâynan làm cho tâm lý chống Liên Xô trong Chính phủ Mỹ chiếm ưu thế. Vai trò của những người chống Liên Xô kiên quyết nhất cũng được tăng cường. Những lời lẽ khiến người ta phải kinh ngạc trong bức điện vẫn đều để lại dấu ấn trong các ý kiến phát biểu tại Quốc hội, Nhà Trắng, Lầu Năm Góc và Chính phủ.

Sau khi bức “trường thiên điện báo” gây được tiếng vang to lớn như vậy, Kâynan thăng quan tiến chức vùn vụt. Phrétxtten chẳng những mời Kâynan về nhậm chức ở Học viện quân sự, còn giúp Kâynan phổ biến nội dung bức điện cùng các bài giảng, lại sắp xếp để Kâynan được đến Lầu Năm Góc dùng cơm trưa với các quan chức cao cấp. Ngoài ra, người ta còn thấy Kâynan thường xuất hiện tại phòng làm việc của Bộ trưởng hải quân, cùng ngổi du thuyền với Phrétxtten trên biển, tham dự các bữa tiệc đêm của các Bộ trưởng. Mặc dầu quan điểm của Kâynan có đôi chút khác với quan điểm của Phrétxtten, hình thù con người ông ta cũng không hợp với những buổi tiệc đêm náo nhiệt, nhưng ông ta cần có người ủng hộ giúp đỡ, cần có người tuyên truyền và tiếp nhận chủ

trương của mình, do vậy mà Káynan gắng sức thỏa mãn mọi yêu cầu của vị Bộ trưởng hải quân này. Káynan ghi trong nhật ký:

Nếu những cố gắng trước đây của tôi dành cho những trang báo cáo không nhận được phản ứng mạnh mẽ của Tổng thống Toruman và Chính phủ, không gây được một tiếng vang nào dù rất nhỏ, thì giờ đây, điều khiến tôi kinh ngạc là bức điện báo đó đã làm chấn động họ. Tôi đã có tên tuổi và những lời tôi nói ra bây giờ đã có sức nặng.

Sócsin diễn thuyết về “Tấm màn thép”

Toruman lúc này vẫn chưa dám ngang nhiên công khai chống Liên Xô. Ông ta đang chờ một người đứng ra thả quả “quan khí cầu” thám thính, để xem phản ứng trong ngoài nước sẽ mạnh mẽ tới mức nào về chuyện đó. Người mà ông ta chờ đợi chính là Sócsin.

Chuyện là thế này. Sau khi Hội nghị Potsdam kết thúc được ít lâu, ông Viện trưởng Học viện Oétminxtơ thành phố Phunton bang Misuri nhờ được một người bạn học cùng lớp là tướng Vôn dẫn đến gặp Tổng thống. Ông này nhờ Tổng thống giúp cho một việc là mời nguyên Thủ tướng Anh Sócsin, người hùng trong đại chiến thế giới lần thứ hai, đến Học viện của ông nói chuyện. Là khách từ quê hương tới, lại do tướng Vôn dẫn đến, Toruman vui vẻ nhận lời.

Sau khi mất ghế Thủ tướng, Sócsin ngồi rồi ở nhà, nhận được công hàm mời từ chỗ Toruman chuyển tới bèn đồng ý ngay, đầu năm 1946 sang đến nước Mỹ. Ở Oasinhton, Sócsin đã hội đàm với Tổng thống Mỹ Toruman, gặp gỡ những người lãnh đạo trong Chính phủ và nhiều nhà hoạt động khác. Qua những lần trao đổi, Sócsin dự định thuyết trình về chính sách thế giới và ông ta đã xác định phương châm chung của bài diễn văn.

Ngày 10 tháng 2 năm 1946, Sócsin sau khi đã trao đổi với Tổng thống Toruman về nội dung cơ bản của bài nói, đã tới nơi điều dưỡng ở bang Phlôrida. Tại đây, ông vừa an dưỡng vừa sửa bản thảo.

Chiều ngày 3 tháng 3, Toruman, Sócsin và tướng Vôn lên tàu đi Phunton bang Misuri. Dọc đường, họ mua vui bằng đánh bài, chuyện nỏ như ngô rang, không khí thật thoải mái.

Ở Phunton, tất nhiên lại có dịp khoản đãi thịnh tình. Tổng thống biết Sócsin rất khoái uống rượu, bèn lệnh cho tướng Vôn phải cung cấp đầy đủ. Thật khó khăn cho vị tướng này, vì Phunton là thành phố cấm rượu, có rượu đâu mà mua. Toruman vội ra lệnh cho máy bay của không quân Mỹ chở rượu

từ các thành phố lân cận tới, cuối cùng cũng thỏa mãn được yêu cầu của “ông thần rượu” này.

Ngày 5-3, Toruman đích thân đưa Sôcsin đến giảng đường Học viện Oétminxtôn. Giảng đường rộng mênh mông, cử tọa chen chúc nhau không còn lấy một chỗ trống. Bắt đầu, Toruman giới thiệu Sôcsin với mọi người:

- Trước khi chúng tôi cùng họp với Xtalin, cá nhân tôi chưa một lần được gặp ngài Sôcsin, sau này tôi rất thích cả hai người. Họ là những bậc đại trượng phu. Khi chúng ta cần có sự lãnh đạo, họ lại là những lãnh tụ của thế giới ngày nay...

Tâm trạng của Toruman lúc này rất mâu thuẫn. Ông quyết lợi dụng Sôcsin để thực thi biện pháp cứng rắn đối với Liên Xô, nhưng lại không muốn để người khác có ấn tượng rằng Mỹ, Anh liên kết với nhau chống Liên Xô, và lại hai nước Mỹ-Anh thực sự cũng không phải đã thân mật tới mức ấy, cho nên Toruman cảm thấy tốt nhất là ngoài mặt vẫn cứ giữ một khoảng cách cần thiết.

Sôcsin bắt đầu diễn thuyết. Ông ta hình như chẳng cần phải giữ một khoảng cách nào cả. Chỉ thấy ông ta bỏ mũ phớt ra, rồi nói với giọng lên bổng xuống trầm:

- Từ Sdêxin bên bờ biển Ban Tích đến Ricaxơ lên bờ biển Adriatic, có một bức màn thép, đó là thủ đô các quốc gia cổ kính Trung Âu, Đông Âu - Vácsava, Béclin, Praha, Viên, Budapét, Bêôgrát, Bucarét và Xôphia. Toàn bộ dân chúng của những thành phố nổi tiếng đó và các vùng chung quanh đều nằm trong phạm vi thế lực của Liên Xô. Tất cả, hoặc bằng cách này hoặc bằng cách khác, không chỉ rơi vào vòng ảnh hưởng của Liên Xô mà ngày càng bị Mátxcova khống chế chặt chẽ.

Thấy các cử tọa không ngớt vỗ tay tán thưởng, Sôcsin càng hăng lên, đưa mắt nhìn Toruman rồi nói tiếp:

- Điều làm cho họ (Liên Xô) phải kiêng nể nhất chẳng qua là ở sức mạnh, điều khiến bị họ coi thường nhất chẳng qua là sự yếu kém về quân sự.

Sôcsin đã vu cáo Liên Xô là mối đe dọa chủ yếu đối với nền an ninh và tự do của nhân dân các nước trên thế giới, do đó các nước phải đoàn kết lại, dưới sự lãnh đạo của Anh. Mỹ, dùng vũ lực loại trừ mối đe dọa từ phía Liên Xô.

Sôcsin trắng trợn đưa ra chủ trương thiết lập quyền bá chủ thế giới của Anh, Mỹ. Ý vào những công lao trong đại chiến thế giới lần thứ hai, dùng những lời lẽ đầy tính chất kích động, Sôcsin khua môi múa mép:

- Nếu như khối liên hiệp các nước nói tiếng Anh và nước Mỹ kết hợp với nhau, lại có sự hợp tác chặt chẽ trên qui mô thế giới trong các lĩnh vực trên biển, trên không trong khoa học và công nghiệp, thì sẽ tạo ra được một ưu thế vững chắc trong so sánh lực lượng.

Bài diễn văn của Sôcsin có thể coi là một sự chỉ trích công khai nhất, táo tợn nhất của một nhân vật có tiếng tăm nhất đối với Liên Xô kể từ khi chiến tranh kết thúc, nên tiếng vang cũng rất mạnh mẽ. Báo chí Mỹ và các nơi trên thế giới đều đưa tin dưới những tiêu đề rất giật gân. Người ta bảo bài diễn văn nhan đề “Trụ cột của hoà bình” của Sôcsin trong thực tế là một “Bản Tuyên ngôn về cuộc chiến tranh lạnh”

Xtalin nổi giận. Ông lên án lập trường chống Liên Xô của hai nước Mỹ, Anh:

- Đúng là một tay hề cỡ bự trong thiên hạ! Sôcsin và ông bạn Mỹ của ông ta rút cục lại mê cái chủ nghĩa chủng tộc của Hítle. Ngài Sôcsin về thực chất đã đứng trên lập trường của bọn lái buôn chiến tranh, đẩy lên đợt sóng dữ chống Liên Xô, nhưng ngài Sôcsin đâu có cô độc, chẳng những ở Anh mà cả ở Mỹ, ông ta đều có những chiến hữu của mình.

Xtalin đi sâu phân tích nguyên nhân vì sao Sôcsin xúi giục cuộc chiến tranh lạnh, và chỉ rõ ông ta chỉ là một anh học trò tồi của Hítle.

- Hítle khiêu khích chiến tranh bắt đầu từ việc tán dương thuyết chủng tộc, hấn quả quyết rằng chỉ có dân tộc nói tiếng Đức mới là giống người ưu việt nhất. Ngài Sôcsin cũng khiêu khích chiến tranh bắt đầu từ thuyết chủng tộc, định chứng minh chỉ có dân tộc nói tiếng Anh mới là dân tộc ưu việt nhất, mới có thể gánh vác sứ mệnh làm chúa tể thế giới... Trên thực tế, ngài Sôcsin và những người bạn Anh Mỹ của ông ta đã đưa ra một thông điệp cuối cùng cho các dân tộc không nói tiếng Anh: Ngoan ngoãn chấp nhận quyền bá chủ của chúng tôi thì mọi chuyện đều tốt, nếu không sẽ có chiến tranh... Rõ ràng, phương châm của Sôcsin là phương châm chiến tranh, là kêu gọi phát động chiến tranh với Liên Xô.

Nghị sĩ Claodơ Pêbe, Bộ trưởng Walaxơ cũng nổi cáu. Họ phê phán kịch liệt bài diễn văn của Sôcsin, cảnh cáo nhân dân Mỹ chớ có mắc lừa đế Quốc Anh. Một số người xuống đường biểu tình, kêu gọi đừng làm tay sai cho Sôcsin. Trong con mắt của rất nhiều rất nhiều người Mỹ, Liên Xô và Mỹ vẫn là những người bạn chiến đấu chung một chiến hào, họ vẫn kính trọng và thân thiện đối với người bạn Đồng minh Liên Xô đã chiến đấu anh dũng trong cuộc chiến tranh chống phát xít. Những người phê phán còn chĩa mũi nhọn

vào Toruman. Báo chí viết: “Quan điểm của ông Toruman và quan điểm của ông Socsin, nếu không phải là hoàn toàn nhất trí thì cũng là cơ bản nhất trí”.

Toruman cảm thấy, thời cơ để có thể chính diện ngang vai ngang vế với Liên Xô chưa chín muồi, bèn rút cổ lại. Để mọi người khỏi có ấn tượng Mỹ Anh liên kết với nhau chống Liên Xô, Toruman nhiều lần giải thích rằng ông ta trước đó không được biết nội dung bài nói của Socsin, rằng Socsin không còn là “nguyên thủ quốc gia” nữa, đây chỉ là quan điểm của cá nhân ông ta. Công nương Magrit, cô con gái cưng của Toruman cũng đưa ra bằng chứng để biện hộ cho cha, đó là bức thư Toruman viết gửi cho mẹ và em gái, trong đó ông ta nói rằng ông ta chưa thể ủng hộ bài diễn văn của Socsin. Mặt khác, Toruman vẫy cánh ô-liu về phía Liên Xô, mời Xtalín sang thăm Mỹ, trao đổi kế hoạch cải thiện quan hệ Mỹ-Xô Xtalín cười nhạt, viện cớ sức khỏe không tốt để từ chối.

Không dám hoàn toàn tán toàn bài diễn văn của Socsin còn có Phó Quốc vụ khanh Êkixon. Êkixon rất khoái Socsin, từng điên đảo trước phong độ và sức lôi cuốn của Socsin, nhưng Êkixon vẫn chưa dứt khoát trong ý định: nước Mỹ có nên lờ Liên Xô và trối mình vào nước Anh hay không. Còn Hariman thì lại đồng ý với quan điểm của Socsin. Sau cuộc diễn thuyết ở Phinton, Hariman và Socsin có một buổi gặp nhau khá lâu ở Oasinhton. Vị cựu Thủ tướng Anh nhắc nhở ông ta rằng, Liên Xô lúc nào cũng sẵn sàng xông vào nhà nào cửa không khóa. Hình ảnh này để lại ấn tượng rất sâu sắc cho Hariman.

Bản báo cáo chống Liên Xô của Clipphốt

Cùng lúc với việc bức “trường thiên điện báo” của Kâynam gây náo động Oasinhton và việc Socsin chuẩn bị diễn thuyết về “bức màn thép”, Tổng thống Toruman chỉ thị cho cố vấn chính trị ClacClipphốt yêu cầu chuẩn bị tài liệu cho đường lối cứng rắn mới của Mỹ, thu thập và ghi nhận Liên Xô đã vi phạm bao nhiêu hiệp định ký kết với Mỹ.

Clipphốt là hậu duệ của người Xcốtlen đến từ bang Viécginia, từng làm luật sư ở thành phố Xanh Lui. Khi Kâynam ghi tên dự tuyển vào ngạch Ngoại giao, ông có giúp đỡ phần nào. Vì lúc đó hai người cùng trong cảnh thất thế chán chường, nên đã kết thành đôi bạn tri kỷ. Trợ lý hải quân của Toruman là Jôn Wadaman do sự giới thiệu của Clipphốt đã nhận vào Nhà Trắng làm người giúp việc cho ông ta. Cùng năm, Wadaman được thăng chức và chuyển đi nơi khác, Clipphốt trở thành trợ lý hải quân, ít lâu sau Kâynam được giao

nhệm vụ chấp bút soạn thảo diễn văn cho Tổng thống.

Nhận chỉ thị của Toruman, Clipphốt cùng trợ thủ của ông ta là Gióocgiơ Enxi lập tức hành động. Dựa trên cơ sở bức điện văn của Káynan, tham khảo thêm những tài liệu cảnh báo liên quan đến tình hình hoạt động của Liên Xô do Bairon, Hariman, Chính phủ, Bộ Lục quân, Bộ Hải quân cung cấp, họ đã hoàn thành rất nhanh bản báo cáo.

Clipphốt cho Enxi mang bản báo cáo đến hỏi ý kiến Káynan. Thấy những chủ trương của mình được coi trọng, Káynan vô cùng sung sướng. Ông ta nhận xét: “Theo tôi, quan điểm cơ bản của bản báo cáo rất xuất sắc, không thể bắt bẻ được điều gì”. Tất nhiên ông ta cũng nêu vài điểm bổ sung, chẳng hạn, dùng biện pháp ngăn chặn có thể làm chuyển biến thái độ của Liên Xô, nên cần nhắc thận trọng khi quyết định sử dụng bom nguyên tử.v.v...

Thế là, một bản báo cáo đầy cộc về quan hệ Mỹ – Liên Xô đã được đưa vào Nhà Trắng.

Toruman hào hứng đọc kỹ bản báo cáo dài 100 trang này, đặc biệt thấy thú vị với những câu:

Chúng ta cần chuẩn bị cùng với Anh và các nước phương Tây khác tạo dựng một thế giới của chúng ta, và coi phạm vi thế lực của Liên Xô như một thực thể riêng biệt. Tuy không nhất thiết sẽ xảy ra xung đột, nhưng giữa chúng ta với cái thực thể đó hoàn toàn không có mục tiêu chung.

Toruman bắt giắc đọc to thành tiếng: “Tiếng nói của sức mạnh quân sự là thứ ngôn ngữ duy nhất mà những tín đồ của nền chính trị cường quyền hiểu được. Nước Mỹ phải sẵn sàng phát động chiến tranh nguyên tử và chiến tranh vi trùng, sáng lập một chủ nghĩa toàn cầu, với mục đích ủng hộ và giúp đỡ tất cả các nước dân chủ khi bị Liên Xô uy hiếp hoặc gây nguy hại, dù trong bất cứ tình huống nào”

Đọc xong bản báo cáo, Toruman càng cảm thấy tài liệu về chính sách chống cộng mang tính chất toàn cầu này quả là phi thường, cốt lõi của nó là Mỹ phải dùng lực lượng quân sự hùng mạnh để ngăn chặn Liên Xô, ủng hộ toàn diện cuộc đấu tranh chống Liên Xô của các nước trên phạm vi toàn thế giới. Nhưng nếu bản báo cáo này lọt ra ngoài hãn nước Mỹ sẽ rơi vào tình thế rất khó xử. Mặc cho bao nhiêu ý nghĩ đến đồn dập trong đầu, Toruman nhắc điện thoại lên hỏi Clipphốt.

- Clipphốt, báo cáo này có tất cả bao nhiêu bản?
- Mười bản.
- Tôi cần tất cả, mang ngay đến cho tôi.

Clipphót không dám chậm trễ, lập tức mang chín bản còn lại vào Nhà Trắng. Toruman dặn phải cất vào tủ bảo hiểm. Với giọng rất thận trọng, ông giải thích rằng phải hết sức giữ bí mật, nếu không, từ nay về sau sẽ không thể có bất cứ sự hợp tác nào với Liên Xô. Toruman mân mê cầm rồi nhấn mạnh:

- Nếu tài liệu này lọt ra ngoài, có thể nó sẽ cuốn tung nóc Nhà Trắng, cũng cuốn bay mất luôn cả nóc điện Kremli!

Toruman cất giữ cẩn thận các bản báo cáo chống Liên Xô của Clipphót, chờ đợi thời cơ để đưa ra “Chủ nghĩa Toruman” bá chủ thế giới của ông ta.

II. CUỘC CHIẾN TRANH LẠNH MỸ - LIÊN XÔ CHÍNH THỨC BẮT ĐẦU

Bản bị vong lục của Smít

Ngoài quan điểm của Káynan ra, thượng tuần tháng 1 năm 1947, Đại sứ Mỹ ở Liên Xô Pítơ Smít từ Matxcova lại gửi về Nhà Trắng một bản bị vong lục.

Smít vốn là trợ thủ của Mácsan thời kỳ Mácsan ở Penninbua làm Tham mưu trưởng. Bản bị vong lục gửi đến đúng vào ngày Mácsan được tuyên bố kế nhiệm Bécna.

Theo bị vong lục của Smít, Xtalin tiếp thu quan điểm của Lê nin coi nước Đức là nơi thích hợp nhất cho việc xây dựng một nhà nước cộng sản ở Châu Âu đã cho rằng “giai cấp vô sản Đức vẫn là then chốt của cách mạng vô sản toàn Châu Âu”. Ngoài việc tranh thủ giành thắng lợi trên phương diện ý thức tư tưởng, Liên Xô quyết tâm không để cho nước Đức trở nên quá mạnh. Họ đang từng bước khống chế Đông Đức, muốn mở rộng thế lực sang các khu vực chiếm đóng của Phương Tây. Mà tình hình chính trị và kinh tế của Đức lúc này càng có lợi cho chủ nghĩa cộng sản bành trướng.

Cũng theo Smít, Liên Xô muốn xây dựng một Chính phủ trung ương ở Đức và không muốn có một Chính phủ Liên bang mà họ không khống chế nổi. Họ muốn đẩy mạnh thanh trừng chủ nghĩa tư bản ở Tây Đức, và còn muốn thủ tiêu các đảng phái dân chủ chống cộng ở các vùng chiếm đóng của họ. Họ sẽ đòi bồi thường, việc này không chỉ vì nhu cầu kinh tế của nước Nga, mà còn nhằm mục đích làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế của Tây Đức. Họ sẽ phản đối việc thống nhất kinh tế của Đức, trong khi đó lại chỉ trích phương Tây chia rẽ nước Đức. Do đó, các nước phương Tây cần tiếp tục duy trì nước Đức trong tình trạng chia cắt, không nên tiếp nhận sự thống nhất “giả tạo”. Các nước phương Tây phải giúp đỡ “các lực lượng dân chủ tiến bộ” trong khu vực chiếm đóng của mình, đồng thời phải ngăn chặn sự thẩm thấu

của cộng sản và những hoạt động lật đổ.

Smít dự đoán, Hội nghị Ngoại trưởng sắp diễn ra sẽ là một cuộc hội nghị kéo dài, đoàn đại biểu Mỹ cần chuẩn bị tinh thần dẻo dai hơn cả người Nga. Giọng điệu của Smít vừa bị quan vừa trầm tĩnh. Bản vong lục của Smít là để chuẩn bị cho Bécna, nhưng lại có ảnh hưởng mạnh mẽ đối với Mácsan.

Ngoài bị vong lục của Smít, còn có một số văn kiện kiến nghị với Quốc vụ khanh nên có lập trường như thế nào trên nhiều vấn đề. Giem Ridenbéc, người phụ trách khu vực Trung Âu, thì trình bày kỹ càng lập trường của tướng Cle về vấn đề thống nhất kinh tế và vấn đề bồi thường, Bengiamin Kôen (có văn pháp luật của Chính phủ, lưu nhiệm, từng cộng tác chặt chẽ với Bécna) thì nhấn mạnh phương châm chỉ đạo mà đoàn đại biểu Mỹ cần thoả thuận.

Êkixon hành động vượt nguyên tắc

Khoảng trưa thứ sáu, ngày 21 tháng 2 năm 1947, Phó Quốc vụ khanh Mỹ Êkixon nhận được một cú điện thoại khẩn cấp của thư ký riêng Đại sứ Anh ở Mỹ, nói Huân tước Đại sứ Anh khẩn thiết yêu cầu được gặp Quốc vụ khanh Mácsan.

Đúng sáng hôm đó, Mácsan cùng với tướng Aixenhao đáp tàu hỏa đi Niu Oóc để nhận học vị danh dự của Trường đại học Côlômbia, sau đó sẽ cùng phu nhân tới Trường đại học Bliston tham gia các hoạt động chào mừng kỷ niệm 200 năm ngày thành lập trường Tổ chức vào 22 tháng 2 và tại đây ông sẽ có bài diễn văn đầu tiên kể từ ngày nhận chức Quốc vụ khanh, thứ hai tuần tới mới có thể về được. Ông thư ký nghe tin đó rất lo lắng, thổ lộ với Êkixon rằng, ngài Đại sứ muốn gửi Quốc vụ khanh “cuốn sách xanh” của Chính phủ Anh, đây là một bản thông báo về vấn đề Hy Lạp.

Êkixon biết, đây là một văn kiện chính thức, quan trọng của Chính phủ Anh, cũng là những tin tức tình báo mà Oasinhton chờ đợi lâu này. Theo nguyên tắc Ngoại giao, chỉ Quốc vụ khanh mới có thể tiếp Đại sứ, song tình hình khẩn cấp, Êkixon quyết định bỏ qua những quy định đó, nói với ông bí thư: “Trừ phi Đại sứ đi Bliston, chứ trước ngày thứ hai thì không thể gặp được tướng Mácsan. Cho dù các vị có tìm được tướng quân, ông ấy vẫn giao giấy tờ cho tôi xử lý”. Êkixon đề nghị Đại sứ cử bí thư mang bản phụ tới trước, như vậy ông có thể chuẩn bị ý kiến trước, chờ đến thứ hai giao bản chính cho Quốc vụ khanh.

Đại sứ Anh đồng ý. Một giờ sau, Bí thư thứ nhất Đại sứ quán Anh ở Mỹ Xikin mang tới hai văn kiện. Êkixon xem xong rất kinh ngạc.

Sự việc là thế này: Sau khi đại chiến thế giới lần thứ hai kết thúc, nền kinh tế của phần lớn các nước hâu Âu đều đứng bên bờ vực phá sản, rất nhiều thành phố biến thành đồng tro tàn trong ngọn lửa chiến tranh, từng đám trẻ con gầy gò ốm yếu lang thang ngoài đầu phố, dịch bệnh hoành hành, khắp nơi dân chúng kêu ca than vãn. Nhớ lại khi đó, Sôcsin đã mô tả hiện trạng Châu Âu bằng ngôn ngữ hình ảnh: “Châu Âu giờ đây đã trở thành một đồng hoang tàn đổ nát, một nhà xác khổng lồ, một môi trường thích hợp cho dịch bệnh và thù hận”. Trải qua 6 năm chiến tranh, tiền đầu tư ra nước ngoài của Anh phần lớn đã mất, mối liên hệ nội bộ của đế quốc đại Anh lỏng lẻo, thị trường thuộc địa cũng như các thị trường khác trước đây đều đi tong, vốn liếng còn lại phải thường xuyên chi dùng cho lương thực và nguyên liệu, nước Anh khó bề trụ nổi trước sức ép tài chính. Sau khi chiến tranh Châu Âu kết thúc, Tổng thống Toruman đột nhiên ngừng cung cấp vật tư cho vay, khiến tình hình nước Anh càng thêm tối tệ. Năm 1946, tình hình có sáng sủa đôi chút nhờ khoản Mỹ cho Anh vay. Trong tình hình đó, nước Anh vẫn muốn thực thi các nghĩa vụ “quốc tế” của mình, nên năm 1947 kinh tế trong nước đã căng thẳng tới mức không thể không áp dụng những phương sách quyết liệt. -

Cả hai tài liệu trên cho biết, tình hình kinh tế của Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ hết sức tối tệ, hoạt động của các nhóm du kích ngày càng tăng. Trước mắt, Hy Lạp cần được viện trợ gấp 250 triệu đô la Mỹ, sau này con số có thể còn lớn hơn, Thổ Nhĩ Kỳ cần ít hơn, song con số cũng không phải nhỏ. Kinh tế Anh đang hết sức khó khăn mà việc viện trợ của Anh cho Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ phải hoàn tất trong sáu tuần, nên rất mong Mỹ có thể đỡ cho gánh nặng này, nếu không hai nước đó sẽ rơi vào tay Liên Xô.

Êkixon lập tức cho mời Vụ Trưởng vụ Cận Đông -châu Phi Lôi Hendécxen và các nhân viên công tác đến thảo luận và viết bản tóm tắt tin tức trong ngày gửi Mácsan. Mácsan chỉ thị cho Êkixon bắt tay nghiên cứu ngay tình hình này.

Đin Êkixon sinh tại bang Connétícôt, cha làm việc trong giáo hội ở đó, từ nhỏ, Êkixon đã sống trong bầu không khí sắc mùi thân Anh. Trong gia đình họ, chỉ có Êkixon và cậu em trai, cô em gái là công dân Mỹ. Bố mẹ họ là những thần dân trung thành của Nữ hoàng Víchtoría, người hầu trong nhà là người Airolan, nữ gia sư người Canada. Ngày sinh nhật Nữ hoàng hay ngày tết truyền thống của Airolan, nhà họ kéo quốc kỳ Anh, sau bữa cơm tối, con cái mang rượu nho đỏ ra cùng cạn chén với cha mẹ để chúc sức khỏe Nữ hoàng.

Sau khi tốt nghiệp Trường đại học Luật Havót, Êkixon trở thành luật sư

nổi tiếng ở Oasinhton, được một công ty lớn nhận làm việc, đời sống rất dễ chịu và sung túc. Êkixon tác phong nhanh nhẹn, đầu óc nhạy bén, giỏi trong giao tiếp, có sức hấp dẫn đến kỳ lạ, được rất nhiều người hâm mộ. Năm thứ tư đại học, Êkixon được bầu là “Người có tài năng nhất” và “Người biết ăn diện nhất” của lớp. Tài hoa và sức hấp dẫn của Êkixon khiến anh trở thành nhân vật trung tâm của lớp, có lẽ vì thế gương mặt anh lúc nào cũng phảng phất vẻ cao ngạo.

Êkixon rất hứng thú với công việc của người luật sư và những vấn đề xã hội. Ông sùng bái Uynxon, đồng tình với công đoàn. Trong cuộc bầu cử Tổng thống năm 1928, Êkixon ghi tên gia nhập đảng Dân chủ. Rudoven đắc cử, Êkixon được mời vào Nhà Trắng giúp việc soạn thảo các văn kiện lập pháp, kể từ đó ông bước vào con đường hoạn lộ. Êkixon đề nghị Rudoven tiến cử ông làm Thứ trưởng Bộ Tư pháp, nhưng bị Bộ trưởng Bộ Tư pháp kịch liệt phản đối, việc không thành. Sau này, Êkixon có làm quyền Bộ trưởng Bộ Tài chính một thời gian. Và chính trong thời gian này, giữa ông và Rudoven xảy ra xung đột. Lúc bấy giờ, Rudoven muốn soạn thảo một văn kiện cho phép giá thu mua vàng có thể cao hơn mức của Ủy ban lập pháp quốc hội quy định. Còn Êkixon thì cho rằng đồng đô la Mỹ phải gắn với vàng, nên đã nói với Tổng thống làm như vậy là vi phạm luật pháp. Rudoven nghe nói xong tỏ ý rất không vui, nói với vị luật sư nổi tiếng này:

- Nhiệm vụ của luật sư là phải nghĩ cách lách qua được những quy định luật pháp đó. Tôi đã nói là không có vấn đề, chẳng lẽ ông không tin?

Êkixon cũng nổi nóng, nói với Tổng thống.

- Vậy là ông bắt tôi ký vào một văn bản phi pháp.

- Thôi đủ rồi – Rudoven quát lên.

Sau khi to tiếng với Tổng thống, Êkixon viết đơn xin từ chức. Một lá đơn hết sức ngắn gọn, tuyệt nhiên không hề dả động đến chuyện va chạm vừa qua, toàn những lời cảm ơn về sự quan tâm của Tổng thống dành cho ông trước đây. Êkixon mất chức Bộ trưởng. Trong lễ nhận chức của tân Bộ trưởng, Êkixon không được mời tới dự, nhưng ông vẫn đến, Tổng thống không hỏi han gì đến ông, ông chủ động đến chào Tổng thống. Tổng thống kéo ông sang một bên, rồi nói nhỏ: “Chắc ông giận tôi lắm, nhưng ông lại có phong độ đại tướng”. Nhiều năm sau, một quan chức cao cấp nộp một lá đơn xin từ chức với đầy giọng trách móc, Rudoven nói với người phụ tá: “Mang trả lại ông ta, bảo ông ta đến hỏi Êkixon, người có chức vụ cao nên xin từ chức như thế nào”.

Êkixon nói rằng, ông khâm phục tài trị quốc của Rudoven, nhưng ông không thích Rudoven: thái độ của Rudoven đối với cấp dưới khá độc đoán, tùy tiện, nhiều khi xung hô với cấp dưới bằng biệt hiệu, nhiều khi triệu họ đến họp ngay trong phòng ngủ. Êkixon cử chỉ lịch sự, phong độ rất “trí thức”, không ung với cách làm của Rudoven. Trong một cuốn sách, khi nói đến Rudoven, Êkixon viết: “Ông ta làm ra vẻ ta đây. Với bất cứ một công dân nào cũng vậy được bày tỏ sự kính trọng của mình với Tổng thống là điều sung sướng, nhưng lại nhận được cái vẫy tay ra hiệu kiểu như ông chủ với đứa bé chăn ngựa thông minh, tiếp đó là xoa xoa đầu chú bé, thì không phải là chuyện vui vẻ nữa rồi”.

Tuy không thích Rudoven, nhưng với Tổng thống Toruman và tướng Mácsan, Êkixon lại tỏ ra rất tôn trọng và tin tưởng. Sau khi thay Bécna làm Quốc vụ khanh Mácsan hỏi Êkixon còn muốn tiếp tục lưu nhiệm nữa không, ông ta vui vẻ nhận lời ngay và cảm thấy rất vinh hạnh được phục vụ dưới trướng của vị tướng này. Tướng Mácsan là kiểu “người hùng” mà Êkixon sùng bái.

Êkixon cũng kính trọng Toruman. Ông biết Toruman là con người có lòng tự ái rất cao, rất nhạy cảm đối với hành vi của cấp dưới, cho nên mỗi lần nghe thấy Bécna gọi Toruman là “Hary”, ông lại nhắc nhở “Hary” là tên gọi dành riêng cho phu nhân Toruman, không phải ai cũng có thể tùy tiện xưng hô. Bản thân Êkixon mỗi khi nói đều một điều “Ngài Tổng thống”, hai điều “Ngài Tổng thống”. Toruman rất hài lòng về cử chỉ đó.

Êkixon đọc rất nhiều sách liên quan đến lịch sử nước Anh. Ông sùng bái thời đại Nữ hoàng Vích-tô-ri-a, cho rằng nước Anh đã duy trì được nền hoà bình thế giới, sau này nền trật tự cũ mà nước Anh giữ vai trò chủ đạo bị đảo lộn, những kẻ độc tài nổi lên, mới nổ ra chiến tranh thế giới. Nếu nước Mỹ không nhảy vào lấp chỗ trống của nước Anh, thế giới lại sẽ lâm vào tình trạng hỗn loạn. Êkixon cảm thấy không thể chờ đợi thêm được nữa, đây là lúc phải hành động, bèn lập tức triệu tập các viên chức dưới quyền, lệnh cho họ bỏ ngày nghỉ cuối tuần, làm thêm giờ để chuẩn bị viết một bản báo cáo về vấn đề Mỹ cung cấp viện trợ cho Hy Lạp. Êkixon đã sắp xếp nội dung báo cáo: 1- Những sự thật mà đại biểu Mỹ tai nghe mắt thấy, 2- Kinh phí và nhân viên trước mắt có thể huy động, 3- Kinh phí và nhân viên cần thiết, 4- ý nghĩa của một Hy Lạp độc lập và một Thổ Nhĩ Kỳ độc lập đối với tây Âu.

Êkixon chỉ thị cho mọi người phải cật lực làm việc, phải chuẩn bị xong trước 9 giờ sáng ngày thứ hai. Suốt ngày nghỉ cuối tuần, các quan chức trong Chính phủ bận tít tít nghiên cứu và thảo luận vấn đề Hy Lạp. Khi mọi việc

sắp xếp đầu vào đấy, Êkixon nhắc máy điện thoại, báo cáo với Tổng thống và Quốc vụ khanh tình hình trong ngày và công việc của ông. Cả hai vị thượng cấp đều hài lòng, không bổ sung thêm điều gì.

Sáng thứ hai, Mácsan yêu cầu các viên chức trong Chính phủ triển khai ngay công việc nghiên cứu cụ thể, vì trong trích yếu báo cáo của đại diện Ngoại giao Mỹ ở Hy Lạp đã tường trình những hậu quả nếu không ủng hộ Hy Lạp- Thổ Nhĩ Kỳ và đề nghị: “(1) Liên kết tất cả các đảng phái, các phần tử cực hữu ở Hy Lạp, trừ Đảng Cộng sản, (2) Cải cách chính trị và đổi mới chế độ thu thuế, (3) Viện trợ kinh tế và tài chính, (4) Viện trợ quân sự”.

Những người nắm quyền trong Chính phủ Mỹ không một ai phản đối việc nước Mỹ nên gánh lấy trọng trách mà nước Anh đã không kham nổi đối với Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. Công hàm ngày 21 tháng 2 của Bộ trưởng Ngoại giao Anh Bêvin sau khi được giao cho Êkixon, thì tất cả các kết luận nghiên cứu đều cho rằng phải có hành động của Quốc hội. Mácsan, Bộ trưởng các quân chủng và cả Toruman cũng nhận định như vậy.

Chiều hôm đó, với tư cách người phụ trách giải quyết công việc Cận Đông, Hendécxen chủ trì một cuộc họp bao gồm các quan chức Chính phủ có liên quan, trong đó có cả Bairon và Kaynan. Đại đa số đều cho rằng Mỹ phải gánh thay trách nhiệm của nước Anh, cứ nhận trước đã rồi sẽ quyết định làm như thế nào. Người phản đối chủ yếu là Phó Chủ tịch Ủy ban vũ khí và chính sách quân bị - tướng Jem Clêen. Ông này tuyên bố, Mỹ không nên lặp lại cách làm sai lầm của Anh, mà nên đình chỉ viện trợ, dành vũ khí lại để làm con bài chiến lược với Liên Xô, phải làm cho người Nga biết rằng, khi cần Mỹ có thể sử dụng vũ lực ngăn chặn việc người Nga chiếm Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ.

Hendécxen tóm tắt những ý kiến phát biểu viết thành văn bản, ngày 25 tháng 2 gửi cho Êkixon. Êkixon đồng ý với đề nghị của Hendécxen, hôm sau sẽ chuyển cho Mácsan. Sáng hôm sau, hai người cùng với Bộ trưởng Lục quân và Bộ trưởng Hải quân thảo luận về tình hình và biện pháp cần áp dụng. Buổi chiều, Mácsan và Êkixon mang tất cả các kiến nghị đi gặp Tổng thống Toruman. Êkixon báo cáo xong, nêu ra một đề nghị chung là yêu cầu “Hoa Kỳ, với mọi khả năng cho phép, cần khẩn cấp hành động để viện trợ cho Hy Lạp, và với quy mô nhỏ hơn cho Thổ Nhĩ Kỳ”. Tổng thống Toruman trên nguyên tắc tiếp nhận đề nghị đó.

Nhiệm vụ bây giờ là thuyết phục Quốc hội thông qua. Sau chiến tranh, dư luận ở Mỹ đòi phục viên với quy mô lớn và giảm bớt quân sự lên rất mạnh. Điều

tra dư luận cho thấy, đa số người Mỹ phản đối việc Mỹ gánh trách nhiệm đối đầu với Liên Xô. Quốc hội cũng vừa mới phủ quyết yêu sách tăng thêm khoản chi quốc tế do Mácsan đưa ra. Ở Quốc hội, đảng Cộng hoà chiếm đa số, khẩu hiệu của họ là “không làm thay đế quốc Anh”. Trong tình hình đó, liệu Quốc hội có đồng ý viện trợ một khoản lớn như vậy cho hai nước Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ? Về điều này, Êkixon sớm đã nghĩ tới và trong dự thảo báo cáo, ông ta đã chuẩn bị. Êkixon biết rằng, điều mà mọi người e ngại nhất là chủ nghĩa cộng sản, nếu muốn thuyết phục Quốc hội, phải nắm chắc điểm này.

Sáng hôm sau, một cuộc họp với đông đủ thành phần những người lãnh đạo của hai đảng đa số và thiểu số trong Thượng và Hạ nghị viện được triệu tập tại phòng làm việc của Tổng thống. Trước đó, những tin tức có liên quan về việc Anh sẽ rút quân khỏi Hy Lạp vẫn được giữ kín. Mở đầu, Toruman nói:

- Tôi đã sẵn sàng cung cấp viện trợ cho Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, hy vọng Quốc hội có thể thông qua khoản viện trợ để chúng ta thực thi một cách hợp thời và có hiệu quả.

Tiếp đó, Mácsan phát biểu ý kiến và tuyên đọc đề nghị của Chính phủ. Ông nói:

- Một cuộc khủng hoảng khẩn cấp và cực kỳ quan trọng đã xảy ra ở Hy Lạp, và trên một mức độ nào đó, cũng đã xảy ra ở Thổ Nhĩ Kỳ. Cuộc khủng hoảng này liên quan trực tiếp, chặt chẽ đến an ninh của nước Mỹ. Chúng ta quan tâm đến Hy Lạp, quyết không chỉ vì chủ nghĩa nhân đạo hoặc bị chi phối bởi tình bè bạn – Mácsan chuyển sang giọng cảnh cáo – Nếu quả thật Hy Lạp rơi vào nội chiến thì rất có khả năng trở thành một nước cộng sản bị Liên Xô khống chế. Thổ Nhĩ Kỳ sẽ bị bao vây, tình hình Thổ Nhĩ Kỳ... sẽ trở nên nghiêm trọng hơn. Thế lực thống trị của Liên Xô có thể nhân đây vượt qua Trung Đông vươn thẳng tới tận biên giới Ấn Độ. Thật khó lường hết ảnh hưởng to lớn của nó đối với Hunggari, áo, Italia và Pháp. Chúng ta đang đứng trước cuộc khủng hoảng đầu tiên trong hàng loạt các cuộc khủng hoảng sẽ diễn ra. Cuộc khủng hoảng này có thể làm cho nền thống trị của Liên Xô mở rộng sang Châu Âu, Trung Đông và Châu á. Đó hoàn toàn không phải là chuyện tưởng tượng.

Theo Mácsan, chỉ có Mỹ mới có thể ngăn chặn được cuộc khủng hoảng này. Cho dù cấp viện trợ rồi cũng không chắc đảm bảo có thể cứu vãn được tình thế, nước Mỹ vẫn “phải hoặc là hành động hết sức mình, hoặc là ngồi nhìn mà không cứu”.

Cuộc chiến tranh cân não, Nga làm cho Thổ Nhĩ Kỳ rơi vào tình trạng

khủng hoảng, làm cho nền kinh tế của nó tổn thất rất lớn. Làm thế nào để Duy trì và bảo vệ được sự toàn vẹn lãnh thổ của Thổ Nhĩ Kỳ “là điều vô cùng cần thiết đối với tất cả các thể chế chính trị độc lập ở đông Địa Trung Hải và Trung Đông?”

Mác-san vẫn tiếp tục nói:

- Chúng ta đang đứng trước thời cơ của một quyết sách. Chính sách của chúng ta không thể mới đi được bước thứ nhất đã không còn lòng tin và quyết tâm đi đến cùng. Muốn làm được điều đó, phải được Quốc hội ủng hộ về mặt lập pháp. Tôi hy vọng nhận được sự ủng hộ của cả hai đảng về điểm này. Không cần thiết phải tranh luận dài dòng. Sự chia rẽ và kéo dài trong nội bộ, có thể nguy hại nghiêm trọng đến kế hoạch do chúng tôi nêu ra.

Quốc vụ khanh Mác-san nhường lời cho Phó Quốc vụ khanh Êkixon. Trái ngược với cái giọng đều đều, bình thản của Mác-san, Êkixon phát biểu hùng hồn, dứt khoát, mạch lạc của một luật sư đang cố gắng thuyết phục bồi thẩm đoàn:

- Trong 18 tháng qua, sức ép từ phía Liên Xô đối với vùng eo biển, đối với Iran và miền bắc Hy Lạp, đã khiến nhiều nước Bancăng rơi vào một tình trạng vô cùng nguy hiểm. Hành động của Liên Xô nếu thành công thì sự thâm thấu của nó đối với ba châu lục lớn sẽ rất dễ dàng. Giống như một quả táo thối có thể làm hỏng cả sọt táo, sự biến chất của Hy Lạp có thể lây lan sang Iran và tất cả các nước nằm ở phía đông. Thông qua Tiểu á Tể á và Ai Cập, nó có thể mang căn bệnh truyền nhiễm này sang châu Phi, thông qua các thế lực cộng sản ở ý, ở Pháp mà lây truyền vào Châu Âu. Với một giá quá rẻ, Liên Xô đang chơi canh bạc lớn nhất trong lịch sử, nó không cần thiết ván nào cũng phải thắng, mà chỉ cần thắng một hai ván cũng đã thu lợi lớn vào tay mình.

Những thực tế do Mác-san và Êkixon đưa ra chẳng có gì khác nhau, nhưng với lối diễn đạt hùng hồn của mình, luật sư Êkixon đã truyền cho các cử tọa một liều “thuốc hưng phấn”.

Cố vấn Nhà Trắng lo tạo dựng hình ảnh một “Tổng thống cứng rắn”

Gánh vác trách nhiệm của Anh ở một khu vực không nằm trong phạm vi thế lực của Mỹ, đó là bước ngoặt rõ rệt về chính sách. Các cố vấn Nhà Trắng bỏ ra bao nhiêu công sức để nghiên cứu về vai trò cần phải có của Tổng thống Mỹ và phương thức để Tổng thống tuyên bố “chủ nghĩa” mới.

Dự thảo tuyên bố của Tổng thống Nhà Trắng do Lôi Hendécxen chuẩn bị, dưới con mắt của Clác Clipphốt - cố vấn đặc biệt của Tổng thống, có vẻ ôn hoà quá.

Năm 1947, khi trở thành cố vấn đặc biệt của Tổng thống, Clipphốt đã sớm nhận ra sự cần thiết phải thay đổi ấn tượng về Toruman, để ông có được hình ảnh một lãnh tụ quyết đoán. Nhất là khi tâm lý “bất tín nhiệm” đối với Liên Xô ngày càng tăng ở Mỹ, Toruman càng cần phải “ra tay giúp đỡ các nước bị Liên Xô uy hiếp với lập trường cứng rắn”. Trong vấn đề viện trợ cho Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, Clipphốt cho rằng đây là một cơ hội để Toruman trở thành người phát ngôn của thế giới tự do.

Cũng như Clipphốt, người mong muốn tạo dựng hình ảnh một Tổng thống cứng rắn là Enxi cũng cảm thấy sự cần thiết phải có một thái độ rõ ràng với Mátxcova khi bàn bạc các vấn đề quốc tế, chỉ có điều ông ta hoài nghi đã đưa toàn lực khiêu chiến với Liên Xô trong vấn đề này chưa. Clipphốt trả lời Enxi, đây là trận mở màn của một chiến dịch, cốt để cho dân chúng biết rằng chiến tranh chưa kết thúc.

Thời gian này, các Bộ trong Chính phủ đều coi vấn đề Hy Lạp là trọng tâm công tác. Nhiệm vụ khởi thảo báo cáo cho Tổng thống do Êkixon phụ trách. Chỉ thị cho các quan chức dưới quyền, Êkixon yêu cầu họ phải chú ý nhấn mạnh rằng nước Mỹ bảo vệ không chỉ có hai nước Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, mà là đang bảo vệ nền dân chủ của thế giới, và căn dặn: “Chúng ta đang phải hoàn thành một nhiệm vụ vĩ đại, và phải hoàn thành nó với tốc độ nhanh nhất”

Bản dự thảo tuyên bố trước đây của Hendécxen sau khi đã được Êkixon và một vài người sửa chữa, khi đọc lại Clipphốt vẫn thay đổi một số câu cho thêm phần mạnh mẽ, một đôi chỗ ông gạch bỏ đi.

Mácsan vì bận chuẩn bị cho việc tham dự Hội nghị ngoại trưởng, không tham gia công việc khởi thảo. Ngày 5 tháng 3, trước khi lên đường đi Mátxcova, ông chỉ thị cho Phó Quốc vụ khanh phải dốc toàn lực vào công việc, không cần quan tâm đến cuộc hội đàm của ông ở Mátxcova có thành công hay không. Êkixon coi đó là một hành động đúng cảm, chẳng khác gì một sĩ quan chỉ huy hạ lệnh nổ súng tấn công kẻ thù.

Toruman lúc đầu định tìm một nơi yên tĩnh để nghỉ ngơi vài hôm, nhưng cuối cùng đã quyết định ở lại Oasinhton chờ Quốc hội khai mạc.

Káynan nói: “đi quá nhanh rồi”

Lần này, công việc khởi thảo báo cáo cho Tổng thống đọc trước Quốc hội không mời Káynan tham gia, có thể là vì Káynan đương là Phó viện trưởng Học viện chiến sự toàn quốc. Một ngày trước khi dự thảo trình lên Tổng thống, người khởi xướng “chiến tranh lạnh” này mới được đọc. Nội

dung bài nói khiến Káynan kinh ngạc, ông nói ngay với Êkixon: “Đi quá nhanh mất rồi, thậm chí người Nga có thể tuyên chiến vì chuyện này”. Êkixon nghe xong, không có phản ứng gì.

Về đến phòng làm việc, Káynan ngồi vào bàn viết ngay một bản góp ý kiến về vấn đề Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. Song, những ý kiến của Káynan bị Êkixon cự tuyệt.

Cuối tuần, trong bữa tiệc tối tại nhà Êkixon, mang nỗi lo canh cánh trong lòng, Káynan một lần nữa nêu lại quan điểm của mình. Ông ta nói với Phó Quốc vụ khanh rằng, không nên quá nghiêm trọng hóa vấn đề, rằng nước Mỹ không thể hứa hẹn một cách bừa bãi sẽ viện trợ cho tất cả các nước trên thế giới, rằng thực tế nước Mỹ cũng không thể nào gánh vác nổi. Êkixon trả lời, để thuyết phục được Quốc hội, phải làm như vậy.

Bị cô lập, Káynan chỉ còn cách viết thư cho Bairon đang đi theo Mácsan dự Hội nghị Ngoại trưởng, hy vọng ông bạn thân này có thể giúp một tay trong vấn đề Hy Lạp. ở Pari, đoàn đại biểu Mỹ cũng nhận được bản dự thảo báo cáo, sau khi đọc xong, cả Mácsan và Bairon đều cảm thấy nội dung chống cộng viết quá huênh hoang. Họ điện về nước, đề nghị “xuống giọng đi một chút”. Và câu trả lời của Tổng thống là: “Không dùng những lời lẽ quyết liệt, Quốc hội có thể sẽ không thông qua nghị án”. Mácsan cũng thôi luôn ý kiến đề nghị của mình.

Toruman quyết tâm đương đầu với tình thế. Xem bản dự thảo báo cáo đầu tiên do Êkixon chấp bút gửi tới, Toruman toàn thấy tư liệu và con số thống kê, đọc lên nghe như một báo cáo điều tra, bèn gửi trả lại cho Êkixon, yêu cầu phải nhấn mạnh về chính sách chung. Bản dự thảo lần thứ hai được gửi tới, Toruman vẫn không vừa ý, cảm thấy nó nhạt nhẽo quá, chẳng khác gì một tài liệu tuyên truyền viết để cổ động việc đầu tư. Và thế là, Tổng thống cầm bút lên, chữa chữ “nên” trong câu “Tôi cho rằng chính sách của nước Mỹ nên...” thành chữ “phải”. Tất cả chỗ nào có chữ “nên”, Toruman đều sửa thành chữ “phải”. Ông nói:

- Trong báo cáo này, tôi không muốn dùng những từ có thể hiểu lầm. Đây là câu trả lời đối với cộng sản, nó phải rành rọt rõ ràng, không cho phép do dự hoặc tự mâu thuẫn.

Dù tên đã lấp vào cung, song số người hoài nghi lo lắng vẫn còn nhiều. Một trợ lý của Tổng thống trong bức thư gửi cố vấn Tổng thống Clipphốt đã bày tỏ sự lo ngại của mình, ông ta nhắc cố vấn Tổng thống chú ý, “Thời gian gần đây, những lời nói và hành động công khai của Liên Xô không có chỗ

nào vượt quá quỹ đạo để chúng ta có thể kiểm soát phát biểu một bài diễn văn căng thẳng như vậy”.

Hơn ba mươi năm sau, tại một hội thảo về chính sách Ngoại giao của Toruman tổ chức tại thư viện Toruman, Clippfot đã thừa nhận với các đồng sự trước đây và một số chuyên gia lịch sử Ngoại giao rằng, cách dùng từ ngữ khi đó có lẽ gay gắt quá, và ông biết chính ông cũng từng bị chỉ trích là kẻ đã làm cho cuộc chiến tranh lạnh thêm nguy kịch.

“Chủ nghĩa Toruman” thượng đài

Đúng 13 giờ ngày 12 tháng 3 năm 1947, Toruman bước lên bục nói chuyện của đại sảnh Hạ nghị viện, phát biểu bài nói trước Hội nghị liên tịch Thượng, Hạ nghị viện. Mở đầu, ông ta công kích ngay các nước xã hội chủ nghĩa.

“Ở bước ngoặt quan trọng của lịch sử thế giới hiện nay, hầu như tất cả mọi quốc gia đều đứng trước sự lựa chọn giữa hai phương thức sống... Một phương thức sống xây dựng trên cơ sở ý chí của đa số, mà đặc điểm của nó là thể chế tự do, Chính phủ đại nghị, bầu cử tự do, bảo đảm quyền tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do tôn giáo và quyền tự do không chịu sự áp bức về chính trị. Phương thức sống thứ hai dựa trên cơ sở áp đặt ý chí của một thiểu số người cho một đa số người, dựa vào khủng bố và áp bức, vào những tin tức, tuyên truyền bị khống chế, vào những cuộc bầu cử được chỉ định và thủ tiêu tự do cá nhân”

Tiếp đó, bằng một giọng hào hiệp “sục sôi nghĩa khí” ông ta nhấn mạnh tính chất nguy hiểm nếu không viện trợ cho Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ và tầm quan trọng phải giúp đỡ các dân tộc tự do tự quyết định số phận của mình theo cách của mình.

“Tôi cho rằng, điều đó phải trở thành chính sách của nước Mỹ. Hoa Kỳ cần phải giúp đỡ các dân tộc tự do đang tiến hành cuộc đấu tranh chống lại âm mưu chính phục của một thiểu số những phần tử vũ trang hoặc của những thế lực bên ngoài.

“Tôi cho rằng, chúng ta phải phối hợp giúp đỡ nhân dân các quốc gia tự do đang cố gắng cứu vãn vận mệnh của mình theo cách của họ.

“Tôi cho rằng, sự giúp đỡ của chúng ta chủ yếu phải viện trợ về kinh tế và tài chính, vì đó là điều không thể thiếu được đối với tiến trình ổn định kinh tế và ổn định chính trị.

“Trong giờ phút vô cùng hệ trọng hiện nay, nếu không viện trợ cho Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ, thì bất luận là đối với phương Tây hay với phương Đông, ảnh hưởng đều rất sâu xa.

Chúng ta phải hành động kiên quyết”

Tiếp đó, Tổng thống yêu cầu Quốc hội trao cho quyền viện trợ Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ 400 triệu đô la Mỹ, cử quan chức dân sự và quân sự sang hai nước này, giúp họ xây dựng và đào tạo viên chức.

Để làm khiếp đảm dân chúng Mỹ, Toruman giở trò mê hoặc lòng người bằng cái giọng khiến người ta phải ngạc nhiên:

“Con đường chúng ta đi tới là một con đường nghiêm trọng. Nếu không phải vì không làm như thế hậu quả sẽ càng nghiêm trọng hơn, chắc chắn tôi không đề nghị làm như vậy... Nhân dân tự do trên toàn thế giới đang mong chờ chúng ta giúp đỡ họ bảo vệ nền tự do của họ. Nếu chúng ta, chúng ta có thể làm nguy hại cho nền hoà bình thế giới và chắc chắn là sẽ làm nguy hại đến lợi ích của bản thân nhà nước chúng ta”.

Cuối cùng, Toruman làm như chuyện đó có thật, công nhiên tuyên bố: “Đó là câu trả lời của nước Mỹ đối với làn sóng bành trướng của tên bạo chúa cộng sản!”

Nội dung bài nói của Toruman được gọi là “Chủ nghĩa Toruman”, nó đánh dấu bước chuyển biến quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ, nó đánh dấu cuộc chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Liên Xô chính thức bắt đầu. Đúng như Toruman đã viết trong hồi ký của mình: “Tôi tin chắc, đó là bước ngoặt trong chính sách Ngoại giao của Mỹ. Nó tuyên bố giờ đây, bất cứ một nơi nào, bất cứ một sự xâm lược nào đe dọa hoà bình dù trực tiếp hay gián tiếp, đều liên quan đến nền an ninh của nước Mỹ”.

Đối với bản báo cáo của Tổng thống, phản ứng của những người dự họp không nồng nhiệt lắm. Phần lớn trong số họ vẫn chống lại Tổng thống, họ vừa thông qua biểu quyết cắt giảm 6 tỷ đô la trong dự toán năm tài chính tới của Tổng thống. Vậy mà, khi Toruman dứt lời, các nghị sĩ vẫn đứng lên vỗ tay. Đương nhiên, điều đó không chứng tỏ họ đồng ý với những ý kiến của Tổng thống, có chăng chỉ biểu thị sự tôn trọng của họ đối với Tổng thống.

Sau khi đề nghị được đưa ra, Quốc hội Mỹ bắt đầu tranh luận. Trong quá trình thảo luận, nghị sĩ Vandembua nói nghị án có một thiếu sót quan trọng, đó là không nói đến Liên Hợp Quốc, dư luận cũng phê phán Mỹ định qua mặt Liên Hợp Quốc để hành động một mình. Thực ra, điều này không phải do Toruman và Êkixơn sơ ý. Êkixơn cho rằng, Liên Hợp Quốc chẳng có vai trò gì, mang ra thông qua ở Liên Hợp Quốc, có thể lại bị Liên Xô phủ quyết. Song để lấy lòng Vandembua, Êkixơn vẫn đồng ý sửa lại phương án, phần trước của nghị án thêm vào mấy câu đề nghị của Vandéc-bua: “Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ theo khuyến cáo của tổ chức Lương thực – Nông nghiệp Liên

Hợp Quốc, đã yêu cầu Mỹ và Liên Hợp Quốc viện trợ". Theo Êkixơn, đây là sự sửa đổi "có tính chất trang trí ngoài cửa" là "cái giá quá rẻ để được sự ủng hộ của Vandembua". Mỗi lần họp nghe giải trình theo yêu cầu của Quốc hội, dù công khai hay bí mật, đều không thiếu mặt Êkixơn, và ông ta luôn luôn là người khai hòa. Trong cuộc họp, ông ta tranh luận gay gắt với các nghị sĩ Quốc hội và lần lượt trả lời các câu hỏi của các nghị sĩ. Ngoài cuộc họp, lê lét với tấm thân mệt mỏi, ông ta vẫn gân cổ biện hộ cho chủ nghĩa Toruman.

Diễn văn của Toruman và sự cố gắng của Êkixơn cuối cùng đã có kết quả. Ngày 12 tháng 4, với 67 phiếu thuận và 23 phiếu chống, Thượng nghị viện đã thông qua phương án viện trợ cho Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ. Ngày 8 tháng 5, Hạ nghị viện cũng thông qua với 287 phiếu trên 107 phiếu.

Ngày 22 tháng 5, Toruman đặt bút ký vào phương án này. "Chủ nghĩa Toruman" đã dấy lên cuộc tranh luận sôi nổi trong cả nước về chính sách Ngoại giao của Mỹ. Káynan đổi tên là "X Tiên sinh", đăng một bài viết có tiêu đề "Nguồn gốc những hành vi của Liên Xô" trên Tạp chí Ngoại giao (Mỹ) số ra quý 2, trong đó đã phân tích về mặt lý luận "chủ nghĩa Toruman" và đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của chủ nghĩa này. Không ít người gọi "Chủ nghĩa Toruman" là "Chủ nghĩa Môn-rô toàn cầu", nó đánh dấu nền ngoại giao Mỹ đã bước vào một thời kỳ mới. Một loạt văn kiện mang số hiệu NSC68 của Nhà Trắng do Toruman chủ trì vạch ra, đã phác họa toàn bộ kế hoạch chiến lược toàn cầu của Mỹ trong thời kỳ chiến tranh lạnh và đã công nhiên tuyên bố một cách ngông cuồng rằng:

"Sự thành công của bản cương lĩnh này hoàn toàn dựa vào việc Chính phủ và nhân dân Mỹ cùng toàn thể nhân dân các quốc gia tự do nhận thức được rằng, chiến tranh lạnh trên thực tế là một cuộc chiến tranh thực sự có quan hệ đến sự sống còn của thế giới tự do".

Năm đó, Lipman xuất bản một cuốn sách nhỏ có tên "Cuộc chiến tranh lạnh", bán rất chạy. Danh từ "chiến tranh lạnh" từ đó được sử dụng rộng rãi.

Ngày 5 tháng 4 năm 1947, Xtalin mời tướng Smít - Đại sứ Mỹ ở Liên Xô - đến để chỉ trích việc Mỹ và Anh đã liên kết với nhau chống Liên Xô và cảnh cáo Mỹ chớ nên hành động thiếu suy nghĩ.

Việc thổi bùng ngọn lửa "chiến tranh lạnh" khiến Xtalin - người từng có dự định về nghỉ hưu - từ bỏ nguyện ước ban đầu. Những cộng sự gần gũi khuyên: "Iôxíp⁽¹⁾ hãy làm thêm một thời gian nữa!".

⁽¹⁾ Cách gọi thân mật Xtalin.

Chương ba

Điện Kremli, Trung - Xô bắt tay nhau. Thế giới chia thành hai phe lớn. Chiến tranh lạnh hóa nóng. “Nước ản sĩ” mịt mù khói súng.

I “GÂY DỰNG CƠ ĐỒ MỚP”

Chính sách áp đặt của Chính phủ Mỹ

Mao Trạch Đông từng dự đoán lạc quan rằng, trong vòng 5 năm (tính từ tháng 7 năm 1946) có thể “đánh đổ Quốc dân Đảng về cơ bản”. Xtalin không tin, nhà cầm quyền Mỹ lại càng cười khẩy. Nhưng cuộc chiến tranh giải phóng phát triển còn nhanh hơn cả sự tưởng tượng ban đầu của Mao Trạch Đông, điều đó đi ngược lại mưu toan của Mỹ đối với Trung Hoa.

Mỹ là một nước tư bản mới nổi lên sau này. Ngay từ cuối thế kỷ 19, Mỹ ra sức khuếch trương thế lực ở khu vực Châu á - Thái Bình Dương, nhưng mưu toan đó một mặt bị Anh, một nước tư bản kỳ cựu ngăn trở, mặt khác bị Nhật Bản giáng cho những đòn chí tử. Bởi vậy, trong 40 năm đầu của thế kỷ 20, chính sách của nước Mỹ không phải là chi phối, thống trị Châu á. Hoa Kỳ nhiều lần đưa ra chính sách mở cửa Trung Hoa cốt nhằm phá bỏ sự lũng đoạn của các nước lớn khác đối với thị trường Trung Quốc, giành vị trí hàng đầu trong việc đầu tư và mậu dịch của Mỹ ở nước này.

Đại chiến thế giới thứ hai kết thúc, tình hình hoàn toàn khác hẳn. Nhật Bản - đối thủ chính của Mỹ trong việc bành trướng thế lực ở Viễn Đông đã bị đánh gục, Anh và Pháp tự lo thân chẳng xong, hơn nữa thế lực của họ ở Trung Quốc và Châu á bị suy yếu đi nhiều, trong khi đó thực lực kinh tế và quân sự của Mỹ đứng hàng đầu thế giới không nước nào sánh được. Trong diễn văn đọc tại ngày lễ của Hải quân 27 tháng 10 năm 1945, Toruman vênh vang khoe khoang nước Mỹ “có một lực lượng trên biển hùng mạnh nhất thế giới từ khi có lịch sử đến nay” và “một lực lượng không quân hạng nhất thế giới” “hầu như có thể nã pháo vào chiến hạm địch và dội bom xuống các công trình phòng vệ bờ biển của nước thù địch theo ý muốn của mình”

Có thực lực như vậy, tham vọng bành trướng của nhà cầm quyền Mỹ ngày càng lớn theo. Trong con mắt của họ, nền “an ninh của Hoa Kỳ không còn đóng khung trong lãnh thổ vùng biển và vùng trời của nước Mỹ, cũng không còn đóng khung ở đại lục châu Mỹ, mà bất cứ nơi nào trên thế giới hễ có chút gió lay cỏ động, chỉ cần họ cho là có liên quan tới nền “an ninh” của nước Mỹ là họ sẵn sàng can thiệp. Do vậy, nhà cầm quyền Mỹ cũng muốn xây dựng ở Châu á một nền “hoà bình do Mỹ cai quản”, muốn xác lập địa vị chi phối của họ ở đây.

Trong thời kỳ đại chiến, Rudoven đã từng có ý tưởng: Dùng Trung Quốc dân Đảng làm nhân tố quan trọng chế ngự thế lực của Liên Xô, dùng nước Trung Quốc thống nhất, thân Mỹ làm nền tảng cho hoà bình và ổn định ở Viễn Đông dưới quyền cai quản của nước Mỹ. Đại chiến thế giới thứ hai kết thúc, sự bất đồng giữa Mỹ và Liên Xô về một loạt vấn đề đã diễn biến thành “chiến tranh lạnh”. Tiếp theo sự ra đời của “chủ nghĩa Toruman”, những kẻ giữ vai trò quyết định trong các chính sách của nước Mỹ đã dùng chiêu bài “ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản” làm nguyên tắc chỉ đạo cao nhất cho chính sách Ngoại giao. Họ muốn đặt Trung Quốc vào vòng khống chế của họ, giữ Trung Quốc trong phạm vi thế lực của họ, coi Trung Quốc là “người bạn” của nước Mỹ trong “chiến tranh lạnh”. Đương nhiên, đó chỉ là mong muốn chủ quan của Chính phủ Mỹ.

Một thế kỷ nay, xã hội Trung Quốc biến động triền miên, sự thức tỉnh của dân tộc Trung Hoa đã phải trải qua một chặng đường dài và rất quanh co. Cuộc chiến tranh xâm lược Trung Quốc của chủ nghĩa quân phiệt Nhật Bản đẩy dân tộc Trung Hoa đứng trước nguy cơ sinh tồn hoặc diệt vong cũng làm cho sự thức tỉnh của dân tộc Trung Hoa đạt tới một đỉnh cao mới trước đây chưa từng có. Sự lớn mạnh nhanh chóng của lực lượng cách mạng do Đảng Cộng sản Trung Quốc lãnh đạo trong cuộc chiến tranh chống Nhật chính là biểu hiện tập trung của sự thức tỉnh đó. Mục đích đánh bại Nhật Bản của nhân dân Trung Quốc không phải là để đất nước mình lại bị một nước lớn khác sai khiến, làm nước chư hầu của họ, mà là để giành lấy độc lập và giải phóng cho dân tộc mình. Thế là mâu thuẫn nảy sinh: nước Mỹ muốn điều khiển Trung Quốc, còn nhân dân Trung Quốc ngược lại không thêm đếm xỉa đến cái trò đó, mà muốn đi con đường của mình. Hai lực lượng này xung đột với nhau là điều không tránh khỏi. Xem vậy, quan hệ Trung – Mỹ trong thời kỳ chiến tranh giải phóng quy đến cùng là mâu thuẫn giữa sự bành trướng và can thiệp của Mỹ với sự nghiệp giải phóng dân tộc của Trung Quốc. Trải qua 8 năm

chiến tranh chống Nhật, trong lòng xã hội Trung Quốc đã xuất hiện lực lượng to lớn, đòi hỏi phải có sự thay đổi, một lực lượng mà những kẻ cầm quyền nước Mỹ không thể thao túng được. Người quyết định vận mệnh của Trung Quốc chỉ có thể là bản thân nhân dân Trung Quốc.

Nguyên nhân đưa đến chính sách “ngả hẳn một bên”

“Ngả hẳn một bên” là lối nói hình ảnh của Mao Trạch Đông trước ngày thành lập nước về lập trường: Nước Trung Hoa mới về mặt Ngoại giao kiên quyết đứng về phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, chống lại phe tư bản chủ nghĩa do Mỹ đứng đầu. “Ngả hẳn một bên” cùng với “gây dựng cơ đồ mới” “dọn sạch nhà cửa rồi mới mời khách” đã tạo nên ba chính sách ngoại giao lớn của nước Trung Quốc mới trong thời kỳ đầu dựng nước. Phương châm “ngả hẳn một bên” từ lúc ra đời đến khi thực thi cho đến lúc có sự chuyển biến đều dựa trên bối cảnh thời đại sâu sắc.

Trong cuộc trò chuyện với các thành viên Tổ quan sát của quân đội Mỹ năm 1944, Mao Trạch Đông và các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc đều tỏ ý mong muốn Mỹ dùng ảnh hưởng của mình ngăn chặn Tưởng Giới Thạch phát động nội chiến chống lại nhân dân, mong muốn Mỹ giúp đỡ công cuộc tái thiết Trung Quốc sau chiến tranh. Từ Thụ Đông năm 1944 đến Xuân năm 1945, từ cuối năm 1945 đến năm 1946, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã vui vẻ tiếp nhận sự hòa giải của Hóclì, Mácsan. Nhưng vì Chính phủ Mỹ cho rằng phải ủng hộ Tưởng Giới Thạch, nên bao nhiêu sự cố gắng của Đảng Cộng sản Trung Quốc nhằm giành hoà bình trong nước, tránh nội chiến đều đổ xuống sông xuống biển.

Điều có liên quan đến quá trình Đảng Cộng sản Trung Quốc từ hy vọng đến thất vọng đối với Mỹ là việc Mỹ và Liên Xô từ chỗ hợp tác thời chiến tranh đi tới chỗ đối kháng sau chiến tranh. Có thể lấy bài diễn văn về “bức màn thép” nổi tiếng của Sôcsin phát biểu tháng 3 năm 1946 làm mốc mở màn cho cuộc chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Liên Xô. Với bản báo cáo trước Quốc hội của Tổng thống Mỹ Toruman tháng 3 năm 1947, cuộc chiến tranh lạnh đã bắt đầu. Trong tình hình đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc cuối cùng mất khả năng trung lập.

Cuộc chiến tranh lạnh đặt ra những vấn đề mới cho chính sách đối ngoại của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trước đó, Đảng Cộng sản Trung Quốc có ý muốn tốt đẹp đối với Mỹ, tiếp nhận sự hòa giải của Hóclì và Mácsan, là nằm trong bối cảnh quốc tế của mối quan hệ hợp tác giữa Trung Quốc, Liên Xô và

Mỹ được xây dựng từ thời chiến tranh. Trong bối cảnh đó, việc hoà giải của Hốclì và Mácsan chẳng những làm cho Trung Quốc trực tiếp được Liên Xô phối hợp và ủng hộ, mà việc thân thiện với Liên Xô cũng là phương châm cơ bản được đại hội bảy Đảng Cộng sản Trung Quốc xác định. Khi đó chưa cần tới sự lựa chọn dứt khoát không thế này thì phải thế kia, thân thiện với Liên Xô thì phải thù địch với Mỹ hoặc thân thiện với Mỹ thì phải thù địch Liên Xô. Nhưng về sau, quan hệ Mỹ – Liên Xô chuyển sang đối kháng, trở thành đối thủ của nhau, Đảng Cộng sản Trung Quốc liệu còn có thể hoạt động một cách bình thường giữa Liên Xô và Mỹ, rõ ràng là chính sách Ngoại giao trước hết cần phải phục vụ cho yêu cầu chính trị trong nước.

Khoảng tháng hai, tháng ba năm 1946, khi đám mây đen chiến tranh lạnh đang lan tỏa khắp thế giới, vào lúc Mácsan đang theo đuổi việc hoà giải Quốc – Cộng, Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn cố gắng tranh thủ làm cho Mỹ đứng trung lập giữa Quốc dân Đảng và Đảng Cộng sản nhằm hạn chế chính sách nội chiến của Quốc dân Đảng. Thực hiện được mục tiêu đó sẽ có lợi rất lớn cho cách mạng Trung Quốc và nhân dân Trung Quốc. Bởi vậy, trước tình hình Mỹ và Liên Xô chuyển sang đối kháng, Đảng Cộng sản Trung Quốc lúc đầu không định ngả hẳn về bên nào, mà thực hiện chính sách thân thiện với cả hai bên. Một phần do xuất phát từ ý muốn giữ quan hệ thân thiện với Mỹ, một phần cũng muốn loại trừ mối ngờ vực của Mácsan là phải chăng Đảng Cộng sản Trung Quốc có quan hệ đặc biệt với Liên Xô, để ông ta làm công việc hoà giải được công bằng. Khi đó, Chu Ân Lai đã nói rõ với Mácsan, chỉ cần Mỹ thực hiện lời hứa của Tơuman trong bản tuyên bố về chính sách đối với Trung Quốc tháng 12 năm 1945, rằng Trung Quốc cần phải ngừng xung đột vũ trang, chấm dứt tình trạng chuyên quyền của một đảng, rằng Mỹ tuyệt đối không dùng can thiệp quân sự để tác động đến quá trình đấu tranh nội bộ của Trung Quốc, thì Đảng Cộng sản Trung Quốc cho rằng một nước Trung Quốc hoà bình và dân chủ chẳng những có thể xây dựng quan hệ láng giềng thân thiện với Mỹ, mà còn có thể trở thành cầu nối giữa Mỹ và Liên Xô, giúp giảm bớt sự xung đột giữa họ ở Châu á, từ đó góp phần bảo vệ hoà bình và hợp tác trên thế giới. Mặc dù vào hạ tuần tháng 6 năm 1946 khi thái độ của Trung Quốc đối với Mỹ đã chuyển sang cứng rắn, bài xã luận yêu cầu Mỹ thay đổi thái độ của Giải phóng nhật báo ngày 25 tháng 6 cũng vẫn nhắc lại lập trường “nhân dân Trung Quốc yêu chuộng hoà bình... không chống Liên Xô, cũng không chống Mỹ”.

Nhưng, Trung Quốc liệu có thể tiếp tục thái độ trung lập trong cuộc đối

đấu giữa Mỹ và Liên Xô hay không, điều đó chủ yếu không thể do ý nguyện của bản thân Trung Quốc quyết định được, mà mấu chốt là ở thái độ của Mỹ và Liên Xô. Trên thực tế, sau chiến tranh Mỹ đã công nhiên áp dụng chính sách giúp Tưởng chống Cộng, Đảng Cộng sản Trung Quốc buộc không thể không có sự lựa chọn thực tế, từ bỏ ý định trung lập, tìm kiếm sự ủng hộ của Liên Xô.

Đảng Cộng sản Trung Quốc từ bỏ lập trường trung lập là một quá trình dần dần từng bước một. Từ cuối tháng 6 năm 1946, vì Chính phủ Mỹ trình trước Quốc hội dự luật viện trợ quân sự 10 năm cho Tưởng, Đảng Cộng sản Trung Quốc mới có thái độ cứng rắn với Mỹ. Đến tháng 9 năm 1947, trong hơn một năm đó, khi các đảng Cộng sản và Công nhân 9 nước Châu Âu đã thành lập Cục thông tin, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn chủ trương cùng với nhân dân Mỹ và nhân dân các nước bị Mỹ đe dọa xâm lược liên kết thành mặt trận thống nhất quy mô thế giới, chống lại chủ nghĩa đế quốc và bè lũ phản động các nước. Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn không cho rằng cơ cấu thực tế của lực lượng chính trị là một thế giới được chia đôi. Ngược lại, tháng 8 năm 1946, khi tiếp Anna Lui Xtorông, Mao Trạch Đông nêu ra lý thuyết “vùng trung gian”, vận dụng phương pháp chia ba thế giới. Mao Trạch Đông đã chỉ ra rằng: “giữa Mỹ và Liên Xô là một vùng rất rộng lớn, ở đó có rất nhiều nước tư bản, nước thuộc địa và nửa thuộc địa của ba châu Âu, Á, và Phi. Trước khi chưa chinh phục được các nước này, bọn phản động Mỹ không thể nói tới chuyện tấn công Liên Xô”.

Tháng 1 năm 1947, Bộ trưởng Bộ tuyên truyền Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Lục Định Nhất một lần nữa trình bày rõ lý thuyết “vùng trung gian” khi ông giải thích về tình hình thế giới sau chiến tranh. Theo lý thuyết này, Liên Xô xã hội chủ nghĩa và các nước “vùng trung gian” phi xã hội chủ nghĩa này tuy đều thuộc lực lượng dân chủ, nhưng do Liên Xô từ lâu đã không có thế lực phản dân chủ, do đó trong nội bộ không có đấu tranh giữa dân chủ và phản dân chủ. Trong khi đó, cuộc đấu tranh trực tiếp giữa dân chủ và phản dân chủ lại diễn ra trong thế giới tư bản. Hiển nhiên, các nước “vùng trung gian” là một lực lượng dân chủ độc lập, trực tiếp đứng ở tuyến đầu của cuộc đấu tranh chống đế quốc, quan hệ giữa họ và Liên Xô xã hội chủ nghĩa là đồng tình và ủng hộ lẫn nhau, mà không phải là quan hệ giữa lãnh đạo và bị lãnh đạo.

Mãi tới cuối tháng 9 năm 1947, sau khi Giordanốp nêu ra ở đại hội thành lập Cục Thông tin của các đảng Cộng sản và Công nhân Châu Âu lý thuyết

thế giới đã chia thành 2 phe: phe đế quốc do Mỹ đứng đầu và phe xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, Đảng Cộng sản Trung Quốc mới hoàn toàn từ bỏ lý thuyết “vùng trung gian”, tiếp thu lý thuyết “hai phe lớn”. Tháng 12, Mao Trạch Đông trong báo cáo Tình hình trước mắt và nhiệm vụ của chúng ta đọc ở Hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, lần đầu tiên đã dùng “phe đế quốc” và “phe chống đế quốc toàn thế giới” để phân chia các lực lượng trên thế giới, và cũng lần đầu tiên sử dụng khái niệm “phe chống đế quốc do Liên Xô đứng đầu”. Không còn nghi ngờ gì, nhân dân Trung Quốc đang đấu tranh chống đế quốc Mỹ cũng thuộc phe Liên Xô.

Như vậy, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã từ phương pháp chia ba thế giới dựa trên nền tảng của lý thuyết “vùng trung gian”, quá độ sang phương pháp chia hai thế giới dựa trên nền tảng của lý thuyết “hai phe lớn”, do đó, về mặt lý luận đã phủ định khả năng trung lập. Sau đó, nhằm thắt chặt thêm quan hệ với Liên Xô, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nhiều lần đã nhấn mạnh tầm quan trọng của chủ nghĩa quốc tế vô sản, phê phán quan điểm trung lập giữa Mỹ và Liên Xô.

Ngày 28 tháng 6 năm 1948, Đảng Cộng sản Nam Tư do Titô lãnh đạo vì kiên trì đường lối độc lập tự chủ, dám va chạm với Xtalin, nên bị khai trừ ra khỏi Cục thông tin các đảng Cộng sản. Về việc này, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã ra Nghị quyết về vấn đề Nam phi, hoàn toàn đồng ý với biện pháp xử lý của Cục thông tin đối với đảng Cộng sản Nam phi.

Mao Trạch Đông chỉ ra rằng: “Lịch sử chẳng lẽ chưa chứng minh sự giả dối hoàn toàn và sự phá sản hoàn toàn của cái gọi là con đường trung gian, con đường thứ ba của những người vừa không hài lòng với đế quốc, vừa không hài lòng với Liên Xô, mưu toan đứng giữa hai chiến tuyến: Chiến tuyến chống cách mạng của chủ nghĩa đế quốc và chiến tuyến cách mạng của những người chống đế quốc cùng tay sai chúng ở các nước hay sao? Trong bài Lực lượng cách mạng toàn thế giới đoàn kết lại chống sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc do Mao Trạch Đông viết để kỷ niệm 31 năm Cách mạng Tháng Mười, còn đặc biệt nhấn mạnh ảnh hưởng tích cực của Đảng Cộng sản Liên Xô đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc: “Muốn cách mạng thì phải có một đảng cách mạng... Đảng Cộng sản Trung Quốc là Đảng được xây dựng và phát triển dựa theo khuôn mẫu của Đảng Cộng sản Liên Xô. Từ khi có Đảng Cộng sản Trung Quốc, bộ mặt của cách mạng Trung Quốc hoàn toàn thay đổi”.

Cùng năm đó, Lưu Thiệu Kỳ cũng phát biểu bài Bàn về chủ nghĩa quốc tế và chủ nghĩa dân tộc, cho rằng trong tình trạng hai phe lớn đối lập sâu sắc,

“người ta không đứng ở bên này thì phải đứng ở bên kia,... không đứng bên này, cũng không đứng bên kia mà là đứng giữa, đó là điều không thể có được”.

Cuối năm 1948, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chuẩn bị đầy đủ cơ sở tư tưởng để đưa ra quan điểm “ngả hẳn một bên” còn việc chính thức tuyên bố lấy “ngả hẳn một bên” làm phương châm ngoại giao chỉ còn là vấn đề thời cơ.

Năm 1948, trong khẩu hiệu kỷ niệm ngày 1-5, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc kêu gọi triệu tập Hội nghị chính trị hiệp thương mới, thảo luận thành lập Chính phủ liên hiệp dân chủ. Lời kêu gọi đã nhanh chóng được nhân dân cả nước, các đảng phái dân chủ, các nhân sĩ dân chủ không đảng phái, các đoàn thể nhân dân và Hoa kiều yêu nước nhiệt liệt hưởng ứng, bắt đầu cho việc chuẩn bị xây dựng đất nước Trung Quốc mới. Xoay quanh công việc chuẩn bị cho công cuộc xây dựng đất nước, điều mà Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc quan tâm chính khi đó là vấn đề được quốc tế công nhận.

Như đã trình bày ở trên, sau chiến tranh, Chính phủ Mỹ thực hiện chính sách giúp Tưởng chống Cộng, giúp Tưởng gây nội chiến, đã khiến họ đối lập với nhân dân Trung Quốc. Khi cuộc nội chiến toàn diện nổ ra, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc trong kế hoạch tác chiến luôn tính tới khả năng hai đế quốc Anh – Mỹ trực tiếp can thiệp vào cách mạng Trung Quốc. Trước khi bắt đầu chiến dịch vượt Trường Giang, Trung ương Đảng và Quân uỷ Trung ương đã bố trí kế hoạch đối phó với tình hình đó. Bởi vậy, tuy ngay từ đầu Đảng Cộng sản Trung Quốc đã quan tâm theo dõi thái độ nghiêng ngả và một số thay đổi trong chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc từ cuối năm 1948 đến lúc đó, nhưng cho đến trước khi giải phóng Nam Kinh, phản ứng của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với Anh – Mỹ vẫn khá thận trọng.

Ngày 19 và ngày 25 tháng 1 năm 1949, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lần lượt ra Chỉ thị về công tác ngoại giao và Chỉ thị bổ sung công tác ngoại giao, ngày 13 tháng 3 lại thông qua Nghị quyết của Hội nghị toàn thể lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương khóa VII. Trong ba văn kiện này, Đảng Cộng sản Trung Quốc thực tế đã nêu ra hai chính sách ngoại giao lớn: “Gây dựng cơ đồ mới” và “Quét sạch nhà cửa rồi mới mời khách”. Cụ thể là:

1. Tất cả các cơ quan ngoại giao và nhân viên ngoại giao của các nước được Chính phủ Quốc dân Đảng công nhận đều không được công nhận trước khi nước Trung Quốc mới và các nước đó thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức,

họ chỉ được nhìn nhận và đối xử như ngoại kiều, nhưng được sự giúp đỡ thỏa đáng.

2. Thủ tiêu mọi đặc quyền của đế quốc trên đất nước Trung Quốc nhưng có sự phân biệt trước sau, nhanh chậm, cần phải giải quyết sao cho thỏa đáng.

Trong Hội nghị toàn thể lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương khóa Bảy, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra những nhận định cơ bản về việc đế quốc có công nhận Trung Quốc mới hay không: “Chủ nghĩa đế quốc từ trước đến nay vẫn thù địch nhân dân Trung Quốc, quyết không thể nhanh chóng đối xử với chúng ta với thái độ bình đẳng”. Bởi vậy, “vấn đề các nước đế quốc công nhận nước ta, chẳng những hiện nay không cần giải quyết gấp, mà trong một thời kỳ tương đối dài sau khi cả nước thắng lợi cũng không cần giải quyết gấp”. Đương nhiên phải thấy rằng, dự đoán và đối sách của Đảng Cộng sản Trung Quốc về vấn đề đế quốc công nhận, cũng là dựa trên sự tính toán sách lược để phòng trước đế quốc mang họa về sau. Vội vã yêu cầu đế quốc công nhận, hoặc để được công nhận mà tiếp tục duy trì mối quan hệ Ngoại giao cũ giữa Chính phủ Quốc dân Đảng với các nước đó, đều có thể khiến nước Trung Quốc mới mất chủ động về ngoại giao, rơi vào địa vị bị người chèn ép.

Nhưng, người cộng sản Trung Quốc rút cục vẫn là người có đầu óc thực tế. Họ thấy rõ ảnh hưởng to lớn của Mỹ còn tồn tại ở Trung Quốc và tác dụng tích cực mà Mỹ có thể có đối với công cuộc xây dựng hòa bình của Trung Quốc. Nếu có thể qua con đường ngoại giao mà ngăn chặn được khả năng đế quốc Mỹ can thiệp vũ trang vào cách mạng Trung Quốc, thúc đẩy Chính phủ Mỹ chấp nhận hiện thực, từ bỏ Chính phủ Quốc dân Đảng thì Trung Quốc sẵn sàng chấp nhận. Bởi vậy, ngoài việc xuất phát từ góc độ xấu nhất để dự tính đối sách đối phó với sự can thiệp quân sự và không công nhận về Ngoại giao của Mỹ có thể xảy ra, Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng đã có thái độ tích cực, linh hoạt tiếp xúc với tính chất thăm dò các cựu quan chức Ngoại giao Mỹ trước đây ở Trung Quốc. Cũng cần nói thêm, khi đó thái độ của Liên Xô đối với việc xây dựng nước Trung Quốc mới rất không rõ ràng, có nhiều chỗ mập mờ:

1. Ngày 8 tháng 1 năm 1949, Chính phủ Quốc dân Đảng đề nghị Liên Xô, Mỹ, Anh đứng ra hòa giải cuộc nội chiến Quốc-Cộng, hồng nhân cơ hội đó lấy lại hơi sức. Về việc này, Chính phủ Liên Xô vốn định dùng chính sách co giãn, đến khi Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lên tiếng phản đối, mãi tới ngày 17 tháng 1 mới từ chối. Mấy ngày sau, Lý Tồn Nhân lên làm

Quyền Tổng thống, Rôsen- Đại sứ Liên Xô ở Trung Quốc, đã cùng với Lý Tôn Nhân thống nhất với nhau 3 điều kiện để Liên Xô tham gia hòa giải cuộc nội chiến Quốc-Cộng, thực tế là ủng hộ kế hoạch “hoạch giang nhi trị” của Lý Tôn Nhân, dùng sông Trường Giang chia đôi đất nước để mỗi bên cai quản một nửa.

2. Đầu tháng 2, Xtalin cử Micôian đến Trung Quốc hội đàm với những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhưng cùng lúc đó Đại sứ Rôsen lại theo nội các Tôn Khoa của Quốc dân Đảng dời xuống phương Nam đến Quảng Châu (người duy nhất trong số Đại sứ các nước ở Trung Quốc lúc bấy giờ làm như vậy). Sau khi Quân giải phóng nhân dân đánh chiếm Nam Kinh, các tờ báo chính của Liên Xô tuy đã tăng cường đưa tin về những thắng lợi của cách mạng Trung Quốc, nhưng ngay sau đó Liên Xô lại bắt đầu đàm phán với chính quyền Quốc dân Đảng về việc “kéo dài hiệp định hợp tác xây dựng Công ty hàng không Trung-Xô”, Rôsen vẫn tiếp tục ở lại Quảng Châu cho mãi tới cuối tháng 5. Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc không hài lòng về việc này. Cho tới giữa những năm 60, khi tiếp Bộ trưởng Văn hóa Pháp Andôru Manrô, Mao Trạch Đông còn nhắc tới sự việc đó.

3. Trước ngày quân giải phóng vượt Trường Giang, Xtalin còn khuyên Đảng Cộng sản Trung Quốc dừng lại đó để tránh việc Mỹ đưa quân can thiệp, chính sách co giãn nói trên của Chính phủ Liên Xô chắc chắn đã có tác dụng thúc đẩy Đảng Cộng sản Trung Quốc tìm kiếm khả năng xây dựng quan hệ ngoại giao với Mỹ từ cuối tháng 4 đến tháng 6 năm 1949.

Nhưng, đối với ý định tìm kiếm khả năng xây dựng quan hệ ngoại giao đó của Trung Ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, ngoài việc rút quân khỏi Thanh Đảo vào cuối tháng 5 đầu tháng 6 ra, Mỹ không có bất kỳ một phản ứng tích cực nào. Mấu chốt của vấn đề là ở chỗ, Chính phủ Mỹ tuy để Đại sứ Xturêdon tiếp tục lưu lại Nam Kinh, nhưng cái mà họ theo đuổi là phương châm “đợi cho bụi trần lắng xuống”. Khi đó, nhà cầm quyền cao nhất của Mỹ không có ý định thực hiện bước đi chủ động trong vấn đề công nhận, trái lại từ đầu tháng 5, Chính phủ Mỹ dồn sức vào việc lập một mặt trận chung giữa các nước phương Tây về vấn đề này, yêu cầu các nước thống nhất hành động, không được đơn phương công nhận nước Trung Quốc mới khi chưa bàn bạc với nước khác. Đại sứ Mỹ còn nói với Hoàng Hoa ở Nam Kinh rằng, chỉ khi nào nước Trung Quốc mới không liên minh với Liên Xô, Mỹ mới có thể công nhận một nước Trung Quốc của Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản Trung Quốc đương nhiên không thể nhẫn nhịn mà chấp nhận điều đó.

Từ cuối tháng 4, trong khi tìm kiếm khả năng xây dựng quan hệ ngoại giao với Mỹ, Anh, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc không phủ định dự đoán và đối sách về vấn đề đế quốc công nhận do Hội nghị Trung ương hai khóa Bảy đã nêu ra. Bản thân hành động khi đó chỉ có tính chất thăm dò, có điều kiện, do đó, không thể kéo dài vô thời hạn. Trong tình hình thăm dò mãi mà chẳng thu được phản ứng tích cực nào từ phía Mỹ, Đảng Cộng sản Trung Quốc đương nhiên không thể cầu xin Mỹ công nhận, càng không thể dùng cái giá hi sinh quan hệ Trung-Xô và mạo hiểm bằng cách không nhận sự ủng hộ của Liên Xô để “đội cho bụi trần lắng xuống” theo chủ trương của Mỹ.

Cần phải thấy rằng, dù trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật hay là sau chiến tranh, Đảng Cộng sản Trung Quốc khi cố gắng xây dựng mối quan hệ thân thiện với Mỹ, trên thực tế đều lấy tiền đề là thừa nhận giữa Trung Quốc và Liên Xô có quan hệ gần gũi tự nhiên, đó là nguồn gốc sâu xa về nhận thức tư tưởng và mối liên hệ lâu dài về tổ chức. Sự đối kháng với Mỹ ngày càng tăng, công tác chuẩn bị xây dựng nước Trung Quốc mới ngày càng khẩn trương, do đó Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày càng kiên định lập trường, coi mối quan hệ gần gũi tự nhiên đó là chỗ dựa tin cậy duy nhất trên vũ đài quốc tế. Từ tháng 1 đến tháng 5 năm 1949, tuy chính sách của Liên Xô đối với Trung Quốc mang nặng tính chất co giãn, nhưng trong tình hình thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đã thành sự thật, Liên Xô cuối cùng đã có lập trường thừa nhận hiện thực. Ngày 30 tháng 5, Rôsen rời Quảng Châu về nước, chứng tỏ Liên Xô hoàn toàn từ bỏ việc ủng hộ và lợi dụng chính quyền Quốc dân Đảng đang thoi thóp, chính sách co giãn cũng cáo chung theo.

Thái độ của Liên Xô chuyển biến đã cổ vũ những người cộng sản Trung Quốc. Ngay từ đầu tháng 5, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã quyết định cử Lưu Thiệu Kỳ đi Liên Xô hội đàm với Xtalin về công cuộc xây dựng đất nước, viện trợ kỹ thuật và tình hình quốc tế. Hành trình của Lưu Thiệu Kỳ định vào ngày 2 tháng 7, trước đó, Trung Ương Đảng Cộng sản Trung Quốc công khai nói rõ thái độ của nước Trung Quốc mới đối với Liên Xô, điều đó chắc chắn có lợi cho chuyến đi thăm Liên Xô của Lưu Thiệu Kỳ. Hơn nữa, ngày 28 tháng 6, ngày tròn một năm xảy ra sự kiện Nam Tư, việc Đảng Cộng sản Trung Quốc tỏ rõ thái độ trước dư luận đồn đại của các nước phương Tây rằng, liệu Mao Trạch Đông có trở thành Titô thứ hai không cũng góp phần xua tan mối ngờ vực của Xtalin. Ngoài ra, trước chủ trương của Trương Trị Trung và các nhân sĩ thuộc lực lượng thứ 3 khi tới Bắc Bình (tức Bắc Kinh ngày nay- ND) là “dựa vào cả Mỹ và Liên Xô”, Đảng Cộng sản Trung Quốc

đã công khai tỏ thái độ của mình về vấn đề Ngoại giao, nên đã thống nhất được nhận thức của các nhân sĩ trong và ngoài Đảng.

Chính trong bối cảnh đó, Mao Trạch Đông mới công khai tuyên bố phương châm “ngả hẳn một bên”. Trong bài Bàn về chuyên chính dân chủ nhân dân công bố ngày 30 tháng 6, ông trình bày toàn diện về thái độ của nước Trung Quốc mới đối với đế quốc và với Liên Xô, và chân thành nhắc nhở các nhân sĩ trong ngoài Đảng: “Trên trường quốc tế, chúng ta thuộc trận tuyến chống đế quốc do Liên Xô đứng đầu, sự viện trợ hữu nghị chân chính chỉ có thể tìm được ở đây, không thể tìm được ở bên trận tuyến đế quốc”. Mao Trạch Đông tuyên bố lập trường “ngả hẳn một bên” là kịp thời, là chính xác, làm cho nước Trung Quốc nối lại quan hệ ngoại giao với Mỹ.

Sau ngày dựng nước, khi bàn với Chu Ân Lai ý nghĩa của hành động đó, Mao Trạch Đông nói: Chúng ta chủ trương “ngả hẳn một bên” có nghĩa là về chính trị cần phải đoàn kết với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, đứng về phía các nước xã hội chủ nghĩa, không thể một chân bước về phía xã hội chủ nghĩa chân kia lại bước về phía tư bản phương Tây. Cho nên “ngả hẳn một bên” chứng tỏ chúng ta về chính trị đã công khai đoạn tuyệt với các nước tư bản, đã đập tan mọi ảo tưởng của các nước phương Tây.

Ngày 7 tháng 7 năm 1949, các đảng phái các đoàn thể tham gia Hội nghị trừ bị Chính trị hiệp thương mới đã ra tuyên ngôn chung, ủng hộ phương châm “ngả hẳn một bên”. Ngày 29 tháng 9 năm 1949, Hội nghị toàn thể khóa một của Hội nghị Chính trị hiệp thương nhân dân Trung Quốc thông qua Cương lĩnh chung, xác nhận phương châm đó, đặt cơ sở pháp lý cho việc dùng “ngả hẳn một bên” làm phương châm ngoại giao của Trung Quốc.

Từ khi thành lập cho tới giữa những năm 50, nước Trung Quốc mới kiên quyết thi hành đường lối “ngả hẳn một bên”, đã xây dựng thành công và củng cố được mối quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa do Liên Xô làm trung tâm, do đó trong điều kiện gian nan khó khăn đã dành cho sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc mới một hoàn cảnh quốc tế tương đối có lợi.

Nhưng, đưa ra quan điểm “ngả hẳn một bên” chỉ nói lên khuynh hướng lựa chọn của nước Trung Quốc mới trước hai phe lớn về mặt Ngoại giao, còn Trung Quốc chưa trực tiếp trả lời câu hỏi: sau khi nước Trung Quốc mới ngả hẳn về phe xã hội chủ nghĩa, sẽ xử lý ra sao mối quan hệ với các nước trong phe tư bản chủ nghĩa và các nước trong phe xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là với Liên Xô. Trên thực tế, trong phe xã hội chủ nghĩa, lúc bấy giờ Liên Xô tự cho

mình là nhất, các nước đều sùng bái Liên Xô, thói quen đó đang ngày càng lan rộng, do đó vấn đề xử lý ra sao mối quan hệ với Liên Xô không nói ai cũng tự rõ.

Đặt mình trong những mối quan hệ quốc tế không bình thường, không có nghĩa là Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ khuất phục trước bất kỳ áp lực bên ngoài nào. Trái lại, Đảng Cộng sản Trung Quốc xưa nay luôn có truyền thống độc lập tự chủ. Đảng Cộng sản Trung Quốc tuy tuyên bố “ngả hẳn một bên” nhưng tuyệt nhiên không có nghĩa là theo đuổi Liên Xô.

II. MÁTXCOVA LÚC NÓNG LÚC LẠNH

Chính quyền đỏ đứng vững

Ngày 2 tháng 10 năm 1949, tức ngày hôm sau ngày Mao Trạch Đông đọc bài diễn văn trên Thiên An Môn tuyên bố nước Trung Quốc mới thành lập, Matxcova đã gửi đến bức điện mừng đầu tiên trên thế giới:

Liên bang các nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết nhiệt liệt chúc mừng Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập, và chính thức công nhận Chính phủ Nhân dân Trung ương nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa...

Phản ứng của Chính phủ Liên Xô rất nhanh, được cả thế giới rất chú ý. Sau đó, một loạt nước công nhận Trung Quốc.

Ngày 4 tháng 10, Bungari lập quan hệ Ngoại giao với Trung Quốc.

Ngày 5 tháng 10, Rumani công nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc.

Tiếp sau, chỉ trong một thời gian ngắn, các nước dân chủ nhân dân như: Cộng hòa dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Hungari, Tiệp Khắc, Ba Lan, Mông Cổ, Anbani, Việt Nam lần lượt lập quan hệ Ngoại giao chính thức với Trung Quốc.

Chính quyền đỏ của một quốc gia chiếm 1/4 dân số loài người nhanh chóng đứng vững chân trên trường quốc tế, điều đó khiến các lãnh tụ của Trung Quốc thở phào nhẹ nhõm. Sự ủng hộ về vật chất và tinh thần của Liên Xô và các nước dành cho Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã dập tan mưu đồ của một số thế lực thù địch trong phe tư bản phương Tây và âm mưu của Tưởng Giới Thạch muốn dựa vào Mỹ để cô lập nước Trung Quốc mới.

Trước sự việc đó, Mao Trạch Đông đã cười, và cười rất thoải mái.

Đĩ nhiên, trong tiếng cười của Mao Trạch Đông cũng hàm ý cảm ơn phe xã hội chủ nghĩa phương Đông do Xtalín đứng đầu. Mao cho rằng thời cơ

thân chinh sang thăm Liên Xô đã chín muồi. Một buổi tối, ông gọi điện mời Chu Ân Lai đến nhà, chính thức bắt đầu bàn việc bắt tay chuẩn bị chuyến đi thăm Liên Xô vào cuối năm để đích thân ông được gặp Xtalin.

- Đồng chí Ân Lai này, tôi thấy bây giờ tôi đi Liên Xô là tương đối thích hợp rồi đấy!

- Năm nay mừng thọ Xtalin 70 tuổi, lần chúc thọ đồng chí ấy 60 tuổi, Chủ tịch ở Diên An chẳng đã viết bài mừng sinh nhật đó sao?

- Đúng thế, mới đấy mà đã mười năm, thời gian qua nhanh như tên bay!

- Ngày 21 tháng 12 năm nay, rất nhiều nhà lãnh đạo đảng và Chính phủ các nước xã hội chủ nghĩa đến Mátxcova mừng thọ Xtalin, Chủ tịch chọn dịp này đi Liên Xô rất thích hợp.

- Tôi chỉ lo việc mừng thọ, còn các việc như hai bên bàn bạc, ký kết hiệp định, hiệp ước.v.v.. nhờ đồng chí Thủ tướng lo cho.

- Chủ tịch trước tiên hãy nghỉ ngơi ở Liên Xô một thời gian cho lại sức, các công việc cụ thể liên quan đến việc đàm phán giữa hai bên Trung - Xô, sau khi sang Liên Xô tôi sẽ tiến hành theo ý kiến của Chủ tịch và quyết định của Bộ chính trị.

- Tốt lắm! - Mao Trạch Đông gật gù đứng lên rồi khỏi xa lông, đắm đắm nhìn vầng trăng đầu tháng treo lừng lờ trên bầu trời Trung Nam Hải...

Chủ nhân mới của Trung Nam Hải lần đầu xuất dương

Ngày 6 tháng 12 năm 1949, Mao Trạch Đông dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Trung Quốc đi thăm Liên Xô. Lần đi thăm này, một là mừng thọ Xtalin 70 tuổi, hai là ký kết hiệp ước Trung-Xô mới - đây là hai mục đích chính, ba là tìm hiểu tình hình xây dựng chủ nghĩa xã hội của Liên Xô.

Trăng lặn lẽ nhô lên khỏi bức tường đỏ, hồ Thái Dịch từ lâu đã phủ một lớp băng mỏng giờ ánh lên một vùng sáng xanh. Trong làn gió hiu hiu lạnh, những cây bách cổ thụ, mình mang những giọt sương trong vắt thỉnh thoảng lại nhô ra mấy nhánh lá xanh.

Mấy chiếc xe con từ cổng Phong Trạch Viên chạy từ từ ra Tân Hoa Môn, sau đó phóng nhanh về phía Vĩnh Định Môn...

Vừa bước ra khỏi xe, Mao Trạch Đông đã nhìn thấy mấy bóng người quen thuộc đang đứng trên sân ga vắng lặng.

- Đã nói là không tiễn cơ mà?

Ông kéo dài giọng Hồ Nam nặng trĩu âm mũi, nắm chặt bàn tay to lớn của Chu Đức vừa hạ xuống từ vành mũ.

Trong buổi hội ý của Bộ Chính trị hồi chiều, ông đã dặn tối nay mọi người không cần ra tiễn. Lúc đó chẳng ai nói gì, ông cho là tất cả đồng ý. Chẳng dè khi sắp khởi hành thấy hết người nọ tiếp người kia tới. Thấy ý kiến của mình không được mọi người chú ý, ông thực sự muốn nói mấy câu gì đó, nhưng vừa định nói lại thôi ngay. Dẫu sao, đây cũng là lần đầu tiên ông với tư cách nguyên thủ của nước Trung Quốc mới đi Liên Xô gặp Xtalin, bạn bè quan tâm và đặt nhiều hy vọng vào chuyến đi này của ông cũng là điều tất nhiên!

- Chủ tịch lần đầu đi nước ngoài, lý nào lại không đưa tiễn được! - Chu Đức nở nụ cười thật thà hiền hậu.

- Các vị, các vị... thật là!

Mao Trạch Đông chậm rãi đưa tay cho Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai đang đứng cạnh Chu Đức.

- Bất Thời này, người không được khoẻ mà cũng đến à - Mao Trạch Đông nhìn khuôn mặt xạm xạm do mất ngủ lâu ngày và chiếc cánh tay phải run lẩy bẩy của Nhiệm Bất Thời, giọng như có ý trách - Cần chú ý sức khoẻ, tuyệt đối không được liều lĩnh với tám thân già như vậy!

Nhiệm Bất Thời mỉm mỉm cười:

- Vàng.

Mao Trạch Đông gật đầu hài lòng, sau đó vốc người cao lớn của ông cúi xuống nói với những người đi tiễn đứng xung quanh:

- Các vị đều đã đến cả, tôi muốn ký với các vị một "hiệp định quân tử"!

- Được - Mọi người đồng thanh phụ họa theo.

- Thế này nhá - Mao Trạch Đông chậm rãi nhướn đôi lông mày, giơ một ngón tay - Tôi cảm tình con khỉ, trời sinh hiếu động không thích tĩnh, ưa tung tấy khắp nơi. Sau này tôi có đi ra ngoài, các vị không cần tiễn đưa đón rước. Các vị đưa đón tôi, phiền phức cho các vị đã đành, Mao Trạch Đông tôi đây cũng không thoải mái. Các vị cũng đừng lo có kẻ bắn lén tôi. Tay nào muốn động đến cái đầu của Mao Trạch Đông tôi cũng không dễ đâu. "Lai vô ảnh, khứ vô hình", đi không biết, về không hay, dẫu có là quỷ thần cũng chẳng biết đâu mà mò, có phải thế không vị đại thần công an?

Nói đến đây, Mao Trạch Đông đột nhiên quay về phía Dương Kỳ Thanh, Thứ trưởng Bộ Công an, đang đứng đằng sau. Dương Kỳ Thanh thật thà cười đáp:

- Đúng ạ.

- Các vị xem, đồng chí ấy đã cam đoan rồi đấy, các vị còn chưa yên tâm sao?

- Yên tâm rồi ạ, xin Chủ tịch giữ gìn – Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức tươi cười trả lời.

- Thôi cứ thế nhá!

Mao Trạch Đông đưa ánh mắt tinh anh nhìn mọi người một lượt, thấy không ai có ý kiến gì, ông lặng thinh với vẻ hài lòng, sau đó từ tốn vẫy tay rồi rảo bước đi về phía đoàn tàu đặc biệt mang số hiệu 9002 đậu trước sân ga.

Dương Kỳ Thanh vừa định đi theo Mao Trạch Đông tới đoàn tàu thì Chu Ân Lai khẽ kéo áo ông. Ông hiểu ý, dừng ngay lại.

- Thừa Thủ tướng, Thủ tướng còn dặn dò gì nữa không ạ?

- Vừa rồi đồng chí Thụy Khanh báo cho biết, trước đây một tiếng, điện đài bí mật của địch phát tín hiệu báo tin đoàn tàu đặc biệt của Chủ tịch sắp sửa khởi hành.

Chu Ân Lai chau mày, trên khuôn mặt đôi chút võ vàng lộ rõ vẻ lo âu.

- Đồng chí Kỳ Thanh, chuyến đi này liên quan đến những việc vô cùng hệ trọng, đồng chí phải cẩn thận từng ly từng tí, phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho Chủ tịch, không được để xảy ra một chút sai sót nào đấy!

- Xin Thủ tướng yên tâm, tôi nhất định bảo đảm Chủ tịch tới Mãn Châu Lý an toàn! – Dương Kỳ Thanh ưỡn ngực đứng nghiêm...

Chu Ân Lai yên lặng không nói gì. Ông không mấy may nghi ngờ sự trung thành và lão luyện của người chiến sĩ Hồng quân già, người phụ trách công tác bảo vệ kỳ cựu này.

Tháng 5 năm 1942, bọn xâm lược Nhật Bản dùng chiến thuật “bao vây bằng bức tường thép”, một lần nữa tiến hành cuộc “vây quét” lớn khu căn cứ Thái Hàng Sơn. Các cơ quan quân, chính, đảng bị tổn thất nặng. Người nhà và nhân viên công vụ của Dương Kỳ Thanh cũng bị quân địch bắt. Ít lâu sau ông được tin các đồng chí bị bắt trong cuộc chống càn hồi tháng 5 đã thành lập chi bộ Đảng trong “Trại tập trung” Thái Nguyên, nhân viên công vụ của ông cũng tham gia hoạt động và bí mật liên hệ được với Tổng bộ tiền phương của Bát lộ quân đóng ở Thái Hàng Sơn, Dương Kỳ Thanh tranh thủ thời cơ, thông qua nhân viên công vụ đó nắm tình hình nội bộ quân địch, tích cực tìm cách cứu các đồng chí bị bắt. Sau khi cuộc chống càn kết thúc, La Thụy Khanh – Chủ nhiệm chính trị Bộ tổng chỉ huy tiền phương Bát lộ quân, tại một đại hội đã biểu dương: Trong cuộc chống “vây quét”, rất nhiều cán bộ do Dương Kỳ Thanh lãnh đạo đã hy sinh, người nhà của đồng chí Thanh cũng bị bắt, nhưng đồng chí vẫn rất hăng hái, rất tin tưởng, đứng vững trên cương vị của mình, kiên quyết đấu tranh với quân địch. La Thụy Khanh kêu gọi các cán bộ chiến

sĩ học tập tinh thần cách mạng cao cả, không tính toán riêng tư, không nao núng trước kẻ thù của Dương Kỳ Thanh.

Nhớ lại, hồi cuối năm 1942, quân địch rầm rộ phát động cái gọi là “phong trào tăng cường trị an”, xiết chặt ách thống trị phát xít ở vùng địch chiếm, tìm trăm phương nghìn kế đưa đặc vụ vào khu căn cứ để chui sâu vào phá hoại. Tổ chức bí mật “Duy trì hội” của Nhật-Ngụy len lút thâm nhập khu căn cứ. Bọn Quốc dân Đảng giả hiệu của tên Hán gian Uông Tinh Vệ và bọn đặc vụ Tưởng đầu hàng Nhật đã lọt vào nơi đóng quân của Tổng bộ tiền phương Bát lộ quân. Một phần bộ Quốc dân Đảng phái một nữ điệp viên nằm vùng ở khu căn cứ, dụ dỗ mua chuộc cán bộ âm mưu ám sát thủ trưởng Tổng bộ tiền phương Bát lộ quân. Dương Kỳ Thanh trực tiếp chỉ đạo phá được vụ án lớn này, giáng cho kẻ thù một đòn nặng nề, bảo vệ được cơ quan đầu não và sự an toàn của cán bộ lãnh đạo.

Giữa và cuối thời kỳ chiến tranh chống Nhật, trong công tác thẩm tra cán bộ của Đảng ở Diên An, đường lối “làm trong sạch nội bộ” của Mao Trạch Đông do bị ảnh hưởng “tả khuynh” nặng nề nên có thời kỳ mắc sai lầm nghiêm trọng. Sai lầm này lan cả đến khu căn cứ Thái Hàng Sơn. Năm 1944, Dương Kỳ Thanh từ Diên An trở về Thái Hàng Sơn. Theo chỉ thị của Mao Trạch Đông và Trung ương Đảng, dưới sự chỉ đạo của Đặng Tiểu Bình, Đặng Đại Viễn, ông tiến hành thẩm tra lại các “vụ án” của cán bộ khu Thái Hàng. Ông nghe báo cáo từng vụ án, xem tài liệu, tiến hành điều tra, cùng nghiên cứu với các đồng chí có liên quan, rút ra những kết luận thực sự chính xác, nhanh chóng sửa được hàng loạt các vụ án sai, án giả.

Vụ nã pháo vào Thiên An Môn để phá hoại việc thành lập nước, vụ gián điệp trong Tổ đặc biệt Thiên Tân thuộc Cục bảo mật... đều do Dương Kỳ Thanh chủ trì, và tham dự phá án. Nhưng quá khứ vinh quang không đồng nghĩa với hiện tại, hướng hổ, bức điện mật đặc biệt của địch vừa mới thu được chứng tỏ kẻ địch đã bắt đầu những hành động tội ác! Ai dám bảo đảm rằng trên tuyến đường sắt dài hơn vạn dặm không có điều “bất trắc” ngẫu nhiên nào đó? Nếu điều “bất trắc” đó xảy ra sẽ mang lại cho Đảng, cho nhân dân những tổn thất nặng nề biết chừng nào!

Chu Ân Lai nắm chặt hai tay Dương Kỳ Thanh thiết tha căn dặn:

- Tất cả đều trông cậy vào đồng chí, có tình hình gì báo cáo kịp thời, tôi và Bộ trưởng Công an La Thụy Khanh trực ban 24/24 giờ.

- Rõ! – Dương Kỳ Thanh rập chân chào Chu Ân Lai theo lễ tiết quân nhân, rồi cùng với Bộ trưởng công an La Thụy Khanh rảo bước đuổi theo Mao

Trạch Đông đang đi phía trước.

Hai vĩ nhân lần đầu tiên bắt tay nhau

Ngày 9 tháng 12, đoàn tàu đặc biệt của Mao Trạch Đông đến thành phố Mãn Châu Lý. Đoàn tàu phải dừng lại trên thảo nguyên mênh mông bao la để chờ đổi tàu vì đường sắt Trung Quốc đường ray hẹp, đường sắt Liên Xô đường ray rộng.

Đoàn tàu cao cấp đón đoàn Mao Trạch Đông đã đỗ trên ga biên giới của Liên Xô từ rất sớm. Đây là đoàn tàu thiết bị rất đầy đủ, có phòng họp, phòng ngủ, phòng nghỉ ngơi, và phòng tắm, nói chung rất đàng hoàng. Đến đường biên đón Mao Trạch Đông có các cán bộ lãnh đạo đảng, Chính quyền, quân đội địa phương và Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô. Mao Trạch Đông bước tới thân mật bắt tay họ. Đôi bên thăm hỏi nhau xong, ông và đoàn bước lên tàu của phía Liên Xô, trong tiếng còi tàu vang vang, đoàn tàu rời đường biên, lao vun vút trên đất nước Liên Xô. Ngồi trên tàu, thần thái của Mao Trạch Đông rất bình thản, phần lớn thời gian ông cầm cúi đọc sách và tra cứu tư liệu, đôi khi nhân viên tới mời ông dùng bữa, ông cũng không nghe thấy. Đoàn tàu tới ga đầu tiên trong nội địa từ lúc nào không hay, thấy tàu dừng lại, Mao Trạch Đông ngược đầu lên hỏi: đây là đâu? Nhân viên báo cáo địa danh và mời ông xuống tàu, nói là có đội danh dự đón chào ông. Mao Trạch Đông sửa sang lại y phục, sải bước xuống tàu.

Mao Trạch Đông dừng lại ở sân ga gạch lát, ngược nhìn bầu trời, trời ở đây vắng lặng, cảnh tượng của mùa đông giá lạnh. Trên bãi đất trống trước ga, cây cối mùa đông xơ xác, sương sớm còn đọng trên cành, gió bắc thổi qua kẽ lá kêu xào xạc. Ngắm nhìn quang cảnh xong, Mao Trạch Đông lại sải bước nhanh nhẹn đi về phía trước.

Tiếng quân nhạc bốn phía nổi lên, tiếng trống tiếng kèn rền vang, các hàng quân danh dự oai nghiêm chỉnh tề đứng nghiêm trước ga, quân phục mới đồng màu, súng bộ binh trên tay, họ "roạt" một tiếng đều tấp tắp chào vị lãnh tụ của Trung Quốc đang đi lại phía họ. Mao Trạch Đông không quản gió rét, rảo bước đi duyệt đội danh dự, bắt tay chào những người ra đón, sau đó dừng một lát rồi lại lên tàu.

Đoàn tàu tiếp tục lao đi trong gió rét gào thét.

Xibêri nổi tiếng với những luồng không khí lạnh. Nó hoàn toàn vô tình với cả những vị khách Trung Quốc lần đầu tiên tới Liên Xô. Trên nóc tàu, bên ngoài các cửa sổ đã bắt đầu treo lơ lửng những chuỗi hạt sương li ti đọng

thành băng sáng long lanh, đọng đưa run rẩy. Khi đoàn tàu đến Nôvôximbiéc, Mátxcova gọi điện tới nhà ga hỏi thăm tình hình sức khoẻ của Mao Trạch Đông, trên đường đi có thuận lợi không, còn cần giúp đỡ gì nữa Mao Trạch Đông nghe xong xua tay bảo nhân viên:

- Nói với các đồng chí Liên Xô là chúng tôi đều rất khoẻ mạnh, cảm ơn sự quan tâm của các đồng chí đó.

Khi đoàn tàu đến ga Xvétlôpxcơ, Mao Trạch Đông thấy người hơi khó chịu, sắc mặt có phần không bình thường, có lẽ là mệt do khí hậu thay đổi.

- Thưa Chủ tịch, có cần báo cho phía Liên Xô không ạ? Nhân viên công tác lo lắng hỏi.

- Không cần, không cần - Mao Trạch Đông xua tay, rồi đứng dậy nói - đợi khi tàu dừng, xuống thở hít một chút không khí trong lành là khỏi thôi.

Khi tàu dừng hẳn, Mao Trạch Đông cùng với các nhân viên tùy tùng xuống tàu, đi đi lại lại một lúc trên sân ga. Lúc đó thời tiết rất lạnh, nhiều người rét quá hai tay xoa vào nhau liên tục, họ sợ Mao Trạch Đông bị lạnh khuyên ông lên tàu nghỉ ngơi.

Mao Trạch Đông cười cười bảo.

- Không sao đâu.

Nói đoạn, ông vận động thân thể mấy cái rồi mới bước lên tàu, các nhân viên tùy tùng thấy thần thái của Mao Trạch Đông trở lại bình thường mới thở phào nhẹ nhõm.

Tàu đến ga Ialôpxki. Đại sứ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ở Liên Xô Vương Gia Tường từ Mátxcova tới đón Mao Trạch Đông:

Vị Đại sứ lão luyện Vương Gia Tường vừa bước lên tàu đã phấn khởi chạy tới nắm chặt tay Mao Trạch Đông.

- Chủ tịch đã tới, chúng tôi mong Chủ tịch mãi.

Mao Trạch Đông cũng vui vẻ nói.

- Đồng chí Gia Tường này, đồng chí vất vả quá. Lần này tôi không thể thiếu được đồng chí, một chuyên gia về Liên Xô đấy!

Hai người tay nắm tay ngồi xuống ghế trước cửa sổ tàu, trò chuyện rất say sưa. Quan hệ giữa Vương Gia Tường và Mao Trạch Đông không phải quan hệ bình thường Mao Trạch Đông có thể xác lập được như ngày nay là kết quả của Hội nghị Tuân Nghĩa, và để giành được lá phiếu có tính chất quyết định ở Tuân Nghĩa là nhờ có cuộc trò chuyện chân thành cởi mở giữa Mao Trạch Đông với Vương Gia Tường trên dọc đường trường chinh, khi đó vị chủ nhiệm Tổng cục chính trị Hồng quân này đang phải nằm trên cáng cứu

thương. Sau này, khi Vương Gia Tường là uỷ viên Trung ương cục khu căn cứ Trung ương, người có vai trò rất quan trọng.

Bên ngoài, vắng thái dương đỏ rực như quãng lửa, chân trời rực rỡ. Cả một vùng tuyết trắng mênh mông dưới ánh nắng chiếu hắt lên những tia sáng chói mắt. Con tàu vẫn lao băng băng vào nơi sâu thẳm của thảo nguyên bao la tuyết trắng.

Sáng sớm ngày 16 tháng 12 năm 1949, Mátxcova như khoác trên mình một bộ đồ trắng bạc. Cây cối, nhà cửa, đường lớn phố nhỏ băng tuyết phủ đầy, trắng xóa một màu, khung cảnh vừa trang nghiêm vừa tĩnh lặng. Gần trưa, khi trời có phần ấm áp hơn, người Mátxcova bắt đầu ra phố, họ bàn tán về tin tức nóng hổi của ngày hôm nay: Mao Trạch Đông Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc sắp tới đây.

"Boong, boong, boong..." đúng giờ Ngọ, chiếc đồng hồ khổng lồ cổ kính trên tháp chuông Ivan Đại đế gióng lên 12 tiếng trầm hùng, âm thanh ngân vang mãi trong thành Mátxcova.

"Tu...tu...tu" Còi tàu hú dài như hòa theo. Trong tiếng chuông, tiếng còi tàu, tiếng bánh xe lăn, đoàn tàu của Mao Trạch Đông từ từ tiến vào ga Mátxcova. Tức thì, tiếng trống, tiếng nhạc, tiếng hoan hô vang dậy xua tan cả màn hơi nước trắng xóa đang phủ kín đầu tàu. Đông đảo thanh niên nam nữ tay vẫy những bó hoa tươi, miệng hoan hô, quảng trường nhà ga vô cùng tung bừng phấn khởi.

Một đoàn cán bộ lãnh đạo cao cấp gồm Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Mólô tôp, Nguyên soái Bunganin, Bộ trưởng Ngoại thương Mensicôp, Thứ trưởng Grômucô, Tư lệnh bảo vệ Mátxcova Trung tướng Xinilôp... đã tề tựu trên sân ga đón Mao Trạch Đông. Những người ra đón đã đứng trong gió rét khá lâu. Tuy họ mặc trang phục mùa đông khá dày nhưng mặt người nào cũng đỏ ửng vì lạnh, song ai nấy đều rất nhiệt tình và tinh thần đều tỏ ra rất phấn chấn hào hứng.

Tàu dừng bánh, Mao Trạch Đông với vóc người vạm vỡ cao lớn xuất hiện đầu tiên ở cửa lên xuống. Ông tươi cười vừa vẫy chào mọi người vừa bước xuống tàu. Mólô tôp và những người ra đón nồng nhiệt bước tới bắt tay, ôm hôn Mao Trạch Đông giới thiệu với ông từng người. Mao Trạch Đông cũng bắt tay và thăm hỏi đáp lễ. Thời tiết quá lạnh, các đồng chí Liên Xô sợ Mao Trạch Đông chịu không nổi bèn tiến hành nhanh gọn nghi thức đón tiếp. Mao Trạch Đông sau khi duyệt đội danh dự bèn cùng Mólô tôp về nơi nghỉ ngơi, Đại sứ Liên Xô ở Trung Quốc cũng đi theo đoàn tùy tùng. Mao Trạch

Đông được bố trí ở một biệt thự nằm ngoại ô Mátxcova, rất trang nhã, thoải mái, từng là nơi ở của Xtalin trước kia.

Sắp xếp chỗ nghỉ xong xuôi, Mòlôtop đề nghị Mao Trạch Đông nghỉ ngơi cho lại sức và thông báo với ông: “Đúng 6 giờ chiều, Xtalin hẹn gặp Mao Chủ tịch ở điện Kremli”.

Nghỉ ngơi một lúc ở phòng ngủ, Mao Trạch Đông gọi nhân viên công tác dọn chuẩn bị những việc cần thiết trước lúc đi gặp, còn mình thì châm một điếu thuốc, trầm ngâm đi đi lại lại trong phòng. Theo thói quen, Mao Trạch Đông một tay cầm điếu thuốc, một tay đặt sau lưng, mắt đăm đăm ngắm nhìn cánh đồng ngoại ô phủ đầy tuyết trắng, dường như đang hình dung cái bắt tay của Xtalin sẽ ra sao đây.

Mao Trạch Đông biết rõ, cho mãi tới trước khi ông đi Liên Xô, Xtalin vẫn còn nghi hoặc liệu Đảng Cộng sản Trung Quốc có đi theo con đường “kiểu Nam Tư”. Lại còn việc ông đã để một số nhân sĩ không đảng phái và một số nhân sĩ thuộc đảng phái dân chủ của Trung Quốc tham gia Chính phủ mới, Xtalin cũng tỏ ý băn khoăn, lo rằng như vậy có thể làm cho Chính phủ mới chọn con đường phương Tây thân Anh-Mỹ.

Tuy nhiên, những nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc đứng đầu là Mao Trạch Đông xuất phát từ đại cục của cách mạng thế giới và thời cuộc khi đó đã quả quyết thực hiện đường lối ngoại giao “ngả hẳn một bên”. Mao Trạch Đông đã nói rồi “Trên trường quốc tế, chúng ta thuộc về mặt trận chống đế quốc do Liên Xô đứng đầu, sự viện trợ hữu nghị, chân chính chỉ có thể tìm được ở phía đó...”.

Mao Trạch Đông lúc này lòng đầy tự tin sẽ gạt bỏ hết được sự băn khoăn nghi ngại của Xtalin. Ông đã chuẩn bị đầy đủ mọi mặt cho cuộc gặp gỡ sắp sửa diễn ra.

Một lát sau, nhân viên cảnh vệ tới mời Mao Trạch Đông đến điện Kremli. Mao Trạch Đông chỉ mang theo Sư Triết – cố vấn kiêm phiên dịch, rồi theo nhân viên cảnh vệ lên xe con.

Đường trong điện Kremli rải toàn sỏi, quảng trường đối diện với điện đều lát toàn những mảnh gỗ hình vuông. Đoàn xe chạy men theo phía bên phải tháp chuông Ivan Đại đế qua một cổng lớn, rồi vòng quanh một vườn hoa rất đẹp, từ trong xe, Mao Trạch Đông chăm chú ngắm nhìn dãy hànghlang dài làm bằng đá cẩm thạch phía trước mặt. Nóc hành lang dựng tượng các đời vua của vương triều Rômanôp. Mao Trạch Đông như hiểu ra rằng mình đang đi trên mảnh đất đã từng có một lịch sử lâu đời, ông tỏ ra

bình thần, ung dung, ánh mắt toát ra một thần thái thâm trầm, vững vàng.

Điện Kremli trang nghiêm và thần bí bởi những tòa giáo đường và cung điện, lại được bảo vệ bởi một dòng sông và bức tường đỏ bao quanh. Nó vốn trước kia là hoàng cung của Công quốc Mátxcova và của đế quốc Nga trước thế kỷ 18, nay trở thành trái tim của các cơ quan Đảng và Chính phủ Liên Xô.

Đúng giờ hẹn, Mao Trạch Đông được đưa tới phòng khách của Xtalin. Căn phòng rất bề thế, lộng lẫy, tường đá cẩm thạch bóng láng, sàn trải thảm đỏ tươi rất sang, tường phía trên lò sưởi treo một chiếc đồng hồ quả lắc Nga kiểu cổ. Mao Trạch Đông ngược nhìn lên, lúc đó là 5 giờ 57 phút, ông tới sớm hơn giờ hẹn 3 phút.

Thư ký của Xtalin đi ra mời Mao Trạch Đông vào phòng mình tạm nghỉ, rồi ông quay vào báo cáo với Xtalin.

Phía đầu cùng của phòng khách có một ngách thông sang phòng làm việc của Xtalin. Theo quy định, xưa nay các thành viên do Xtalin triệu tập họp đều đi lối này vào và phải đến đúng giờ không được trễ, đó là tác phong làm việc của Xtalin. Nhưng hôm nay, thời gian hội kiến sắp đến rồi mà vẫn chưa thấy động tĩnh gì.

"Boong... boong... boong... boong... boong... boong". Chiếc đồng hồ quả lắc rành rọt điểm hết 6 tiếng, cửa lớn phía trong mở, viên thư ký đi ra, giơ tay lễ phép mời:

- Đồng chí Xtalin mời Mao Chủ tịch vào.

Mao Trạch Đông đứng dậy, khoan thai bước vào. Cán bộ phiên dịch Sử Triết đi sau ông.

Trong phòng làm việc rộng rãi của Xtalin, toàn thể các Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô đứng thành một hàng dài đón Mao Trạch Đông. Đứng đầu hàng là Xtalin. Ông trầm tĩnh, kiên nghị, ánh mắt sâu thẳm, nhiệt tình dễ chan hoà. Đứng theo thứ tự, sau ông là Mólôtốp, Malencốp, Bêria, Bunganin, Kaganôvich. Vixinxki...

Các nhà lãnh đạo Liên Xô đều bận trang phục mới tinh, dáng vẻ đường bệ, thần thái nghiêm trang, tỏ ra rất nhã nhặn nhưng vẫn giữ phép lịch sự.

Khi Mao Trạch Đông vừa bước vào cửa, Xtalin tươi cười giơ hai tay ra đón trước; hai tay của Mao Trạch Đông cũng đưa tới, 4 bàn tay của hai vị lãnh tụ hai Đảng Cộng sản lớn nhất thế giới cuối cùng đã siết chặt lấy nhau...

- Chào đồng chí!

- Chào đồng chí!

- Chúng tôi hoan nghênh đồng chí đến!

- Cảm ơn đồng chí Xtalin.

Bốn bàn tay siết chặt hết lần này đến lần khác...

Xtalin ngắm nghía vóc người cao to, khuôn mặt hồng hào của Mao Trạch Đông, tấm tắc khen:

- Khá lắm, không ngờ đồng chí lại trẻ và khỏe như thế này.

- Đồng chí Xtalin cũng rất khỏe mạnh – Mao Trạch Đông đáp lời.

Xtalin quay lại giới thiệu với Mao Trạch Đông từng Ủy viên Bộ Chính trị, Mao Trạch Đông thân mật bắt tay và chào hỏi từng người: sau đó Mao Trạch Đông cũng thông báo với Xtalin tình hình cán bộ trong đoàn của phía Trung Quốc.

Xtalin và Mao Trạch Đông ngồi xuống hai bên bàn hội đàm. Mao Trạch Đông và Su Triết ngồi một bên, phía bên kia là Xtalin và các đồng chí Liên Xô. Xtalin nhìn Mao Trạch Đông giọng thán phục:

- Vĩ đại, thật vĩ đại! Các đồng chí đã giành được thắng lợi rất vĩ đại. Cống hiến của đồng chí cho nhân dân Trung Quốc rất lớn, đồng chí là người con tài giỏi của nhân dân Trung Quốc! Chúng tôi chân thành chúc đồng chí sức khỏe!

- Nhưng tôi lâu nay chỉ là kẻ bị đả kích, bài xích, có khổ mà khó nói... – Mao Trạch Đông trả lời một cách đầy ý nghĩa.

- Không, không, không – Xtalin không đợi phiên dịch dịch hết câu, theo thói quen lắc lắc bàn tay cầm tẩu thuốc nói – Người chiến thắng không bị khiển trách. Ai cũng không được khiển trách một người chiến thắng.

Nghe câu nói đó, Mao Trạch Đông cười lặng lẽ. Các nhà lãnh đạo Liên Xô có mặt cũng cười, có người còn khẽ vỗ tay.

Vào câu chuyện chính, giọng Xtalin trở nên nghiêm túc, ông trịnh trọng nói:

- Thắng lợi của nhân dân Trung Quốc làm tăng thêm trọng lượng cho lực lượng cách mạng trên cán cân thế giới, chúng tôi thực lòng chúc mừng thắng lợi của các đồng chí và mong các đồng chí tiếp tục giành được những thắng lợi to lớn hơn.

- Tôi thay mặt nhân dân Trung Quốc hết lòng cảm ơn nhân dân Liên Xô lâu nay đã ủng hộ và giúp đỡ chúng tôi, nhân dân Trung Quốc không bao giờ quên bạn bè – Lời lẽ của Mao Trạch Đông rất chân thành. Ông tỏ ra rất nho nhã, ôn hòa, đúng mực, lời lẽ cử chỉ mang đậm khí chất của một nhà thơ.

Phong độ của Mao Trạch Đông đã lôi cuốn các nhà lãnh đạo Liên Xô, họ ngắm nhìn Mao Trạch Đông với ánh mắt cực kỳ thích thú, cảm thấy người

ngồi trước mặt không chỉ là một vĩ nhân, một lãnh tụ mà còn là một học giả uyên bác. Họ say sưa nghe những lời viện dẫn phong phú trong cách nói của Mao Trạch Đông, nhiều người vừa nghe vừa gật gù.

Xtalin lấy tẩu thuốc trên miệng xuống, suy nghĩ một lát rồi hỏi:

- Hai bên chúng ta lần này có thể làm được những gì đây? Các đồng chí có ý kiến và nguyện vọng gì.

Mao Trạch Đông suy nghĩ giây lát rồi khéo léo trả lời:

- Chúng tôi lần này đến là muốn hoàn thành một công việc, đó là muốn làm được một thứ trông vừa đẹp lại vừa ngon...- Ông vừa nói vừa lấy tay làm hiệu một cách rất hình ảnh.

Cán bộ phiên dịch của phía Liên Xô bí không biết làm thế nào để diễn tả ý tứ trong lời nói của Mao Trạch Đông, mặt ông đỏ dừ. Sư Triết, cán bộ phiên dịch của Mao Trạch Đông, thấy thế vội giải thích câu nói của Mao Trạch Đông:

- Ý của Mao Chủ tịch: đẹp tức là đẹp về mặt hình thức, phải có áo mũ đàng hoàng nghiêm chỉnh; ngon tức là nói thứ đó phải có nội dung tốt, thiết thực.

Sau khi Sư Triết giải thích, các đồng chí Liên Xô vẫn chưa rõ ý, họ nhìn nhau, ra hiệu cho nhau. Có người lúc đầu cảm thấy buồn cười, sau bật cười thành tiếng. Về mặt của Xtalin rất thận trọng, ông tiếp tục nêu câu hỏi để thăm dò ý kiến của Mao Trạch Đông.

Mao Trạch Đông không trực tiếp trả lời câu hỏi của Xtalin, chỉ nói:

- Tôi dự định cử Chu Ân Lai, Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao, đến Mátxcova một chuyến - ý của ông là sẽ để hai Chính phủ bàn việc ký kết một hiệp ước mới.

Thực ra, hồi tháng 7 năm 1949 khi Lưu Thiếu Kỳ sang thăm Liên Xô đã đề nghị với Xtalin: chọn một trong ba hình thức xóa bỏ, sửa chữa, hoặc thay thế để xử lý Hiệp ước Đồng minh thân thiện Trung - Xô ký năm 1945 giữa Chính phủ Tưởng Giới Thạch với Liên Xô. Khi đó, Xtalin tỏ ý vấn đề này đợi Mao Trạch Đông sang thăm sẽ quyết định. Xtalin hỏi lại ý kiến của Mao Trạch Đông, Mao Trạch Đông nêu rõ ý kiến đề nghị xóa bỏ hiệp ước cũ, ký kết hiệp ước mới Trung - Xô. Theo Xtalin, vì có Hiệp định Ianta, trước mắt không nên thay đổi tính hợp pháp của hiệp ước đã có. Mao Trạch Đông thì lại cho rằng, hiệp ước cũ là ký với Quốc dân Đảng, nay chính quyền đó đã bị lật đổ, hiệp ước đó đã mất hết ý nghĩa, cho nên không cần phải xem xét đến tính hợp pháp của Hiệp định Ianta. Sau đó Xtalin tỏ ý Hiệp ước cũ cần phải

sửa chữa nhưng còn phải đợi thời gian.

Mặc dù vậy, cuộc gặp gỡ đầu tiên vẫn làm cho hai bên hài lòng và vui vẻ. Buổi hội đàm diễn ra trong không khí bình đẳng, thoải mái, thân thiện. Khi nói đến chỗ nào lý thú, Xtalin theo thói quen thỉnh thoảng lại lắc lắc chiếc tẩu thuốc nhỏ của ông, còn Mao Trạch Đông cũng rất nhiều lúc mỉm cười.

Mao Trạch Đông trải qua ngày đầu tiên ở thủ đô Liên Xô như vậy đó.

“Thời đại trắng mặt”

Ngày 17 tháng 12, Mátxcova vẫn chìm trong lớp sương mù dày đặc. Sương mù như những lớp lụa trắng mềm mại nhẹ nhàng phủ lên mọi đường lớn phố nhỏ, mãi tới hơn 9 giờ mới tan dần. Lúc đó dân phố mới tới các quầy bán báo, đến các điểm bán lẻ của bưu điện để mua báo ngày hôm đó. Các báo lớn của Liên Xô đứng đầu là tờ “Prada” đều đăng ở vị trí nổi bật tin về cuộc gặp gỡ giữa Xtalin và Mao Trạch Đông, khiến mọi người rất chú ý...

Với Mátxcova, mùa đông năm cuối cùng của thập kỷ 40 là một mùa đông nhiều tuyết. Từ lúc Mao Trạch Đông và Đoàn đại biểu Trung Quốc tới đây, hầu như ngày nào tuyết cũng rơi. Những bông hoa tuyết bay bay, phủ kín đất trời, một cảnh sắc đặc biệt hiếm thấy. Còn trong con mắt của hai phe phương Đông và phương Tây thời đó, cuộc gặp gỡ Mátxcova của lãnh tụ hai nước lớn Trung-Xô tượng trưng cho “Thời đại trắng mặt” đã tới. Nhưng “Thời đại trắng mặt” lại bắt đầu trong những ngày nhiều tuyết!

Các cuộc hội đàm giữa Xtalin và Mao Trạch Đông có phần thần bí và li kỳ... Chủ nhân hay bố trí thời gian gặp gỡ vào lúc đêm khuya, và thường diễn ra ở biệt thự Kôsevô ven đô Mátxcova. Thói quen sinh hoạt lâu nay của Mao Trạch Đông cũng thích làm việc vào ban đêm. Đêm khuya yên tĩnh, đầu óc ông tỉnh táo, trí nhớ tốt, do đó những cuộc hội đàm như thế này rất thích hợp cho cả chủ và khách.

Trong phòng hội đàm, Xtalin ngồi ở đầu cùng chiếc bàn dài, các uỷ viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô ngồi ở một bên. Mao Trạch Đông ngồi gần kề Xtalin, cán bộ phiên dịch ngồi giữa hai người, các đồng chí Trung Quốc đương nhiên ngồi về phía lãnh tụ của mình. Trước chỗ ngồi mỗi người bày đủ loại dụng cụ ăn uống, mấy chai vang Grudia, rượu vôtka, và nước khoáng đặt giữa bàn, tất nhiên trên bàn còn bày các món thịt cừu và rau quả tươi đủ loại.

Trước khi hội đàm bắt đầu, theo lệ thường Bêria thay mặt Xtalin chúc

rượu mọi người. Ông ta thường thích vỗ vỗ tay, dùng cốc rượu gỗ xuống bàn để tỏ vẻ long trọng, sau đó nhìn một lượt như để kiểm tra xem rượu cô - nhấc trong cốc mọi người đã đầy chưa rồi mới chúc rượu và đề nghị mọi người cạn chén. Rượu dành riêng cho Xtalin là loại rượu pha lẫn vang trắng với vang đỏ.

Đối thoại hầu như chỉ diễn ra giữa Xtalin và Mao Trạch Đông, còn những người khác chủ yếu là tiếp khách, không có dịp phát biểu. Mao Trạch Đông tri thức uyên bác, chính trị, kinh tế, quân sự đều có thể bàn được cả. Xtalin diễn đạt ngôn ngữ rất nhanh chuẩn xác, tỏ ra rất quyết đoán và có sức mạnh. Các cuộc hội đàm giữa hai người thường không phiên dịch, nhưng Mao Trạch Đông thường thích đề cập đến lịch sử và quá trình đấu tranh của những người cộng sản Trung Quốc, đây cũng là những đề tài mà Xtalin thấy hào hứng.

Mao Trạch Đông và Xtalin đã tiến hành mấy lần hội đàm ban đêm thân bí như vậy ở ngoại ô Mátxcova, hai người đã hiểu nhau hơn và tất nhiên cũng hiểu thêm cả cách thức trò chuyện với đối phương như thế nào. Một lần, Mao Trạch Đông tỏ ra thích thú chuyện Xtalin thường uống vang đỏ pha vang trắng, nhưng ông không cho phiên dịch hỏi Xtalin chuyện đó. Xtalin rất nhạy cảm, cần vận phiên dịch:

- Các vị to nhỏ bí mật bàn chuyện gì thế, muốn nói vụng ai đấy?

- Thế này ạ... Đồng chí Mao Trạch Đông hỏi tại sao đồng chí lại chỉ thích uống loại rượu pha, còn các đồng chí khác tại sao không làm như vậy? – Người phiên dịch vội vàng giải thích.

Mao Trạch Đông cũng bình thản nhìn Xtalin, dường như chẳng có việc gì xảy ra.

Ánh mắt nghi ngờ của Xtalin lộ qua tròng kính kẹp mũi, ông hỏi phiên dịch:

- Thế tại sao đồng chí không hỏi tôi?

Phêđôlin khi đó thấy ánh mắt của Bêria như dán vào mình, cũng vội giải thích.

- Xin thứ lỗi, đồng chí Mao Trạch Đông nhất định không cho tôi dịch vì cho rằng hỏi đồng chí như vậy e có phần không được lịch sự lắm.

- Ờ... - Xtalin gật gật đầu, rồi hỏi thêm Phêđôlin với giọng hóm hỉnh – Thế đồng chí phiên dịch thấy ở đây nên nghe ai nào?

Nói xong, Xtalin tủm tủm cười rồi bắt đầu giải thích với Mao Trạch Đông:

- Đồng chí biết không, đây là một thói quen của tôi đã nhiều năm nay. Tôi thường uống rượu vang trắng, nhưng hồi đi đây tôi bị thương hàn, một

thấy thuốc tốt bụng trong nhà tù bí mật cho tôi uống một chút vang đỏ, nhờ đó tôi được cứu sống. Từ đó tôi tin chắc rằng rượu vang đỏ có thể dùng làm thuốc.

- Đó là nguyên nhân khiến đồng chí thích uống vang đỏ pha vang trắng!

Mao Trạch Đông nghe xong cười phá lên, giọng cười có sức lôi cuốn mạnh mẽ, mọi người khiến tất cả mọi người không nhịn được đều cười theo....

Trong các cuộc gặp gỡ riêng giữa Mao Trạch Đông và Xtalin tất nhiên cũng đề cập đến vấn đề “Hiệp ước Đồng minh thân thiện Trung - Xô ” và khoản cho vay, nhưng Mao Trạch Đông muốn đợi sau khi Chu Ân Lai tới mới bàn nội dung cụ thể, nên các cuộc trao đổi tay đôi vẫn chỉ là sự nhất trí có tính chất phương hướng chung.

Nói chung, trong nhiều cuộc hội đàm ở cấp cao như vậy, vị Thống soái tối cao Liên Xô mà trong tính cách thường có chút gì đó khiến người ta khó hiểu, lại rất hoà nhã điềm tĩnh mỗi khi trò chuyện với Mao Trạch Đông, vị lãnh tụ đến từ nước Trung Quốc cổ kính. Khi Mao Trạch Đông trình bày, Xtalin tập trung lắng nghe những nội dung được đề cập tới, không để sót mảy may.

Mao Trạch Đông cũng rất thích thái độ trân trọng đó của Xtalin. Ông thỉnh thoảng nêu ra một số chủ đề có thể làm cho Xtalin hứng thú để cùng bàn bạc thảo luận.

Xtalin rất chú ý đến tính chính xác trong cách diễn đạt của mình, câu chữ dùng rất chuẩn đúng là không hổ danh một chuyên gia ngôn ngữ học tài ba. Ông chú ý đến sự biểu đạt đầy đủ trọn vẹn trong việc phiên dịch những quan điểm tư tưởng của ông.

Yêu cầu đó của Xtalin đã gây cho Phêđôlin, cán bộ phiên dịch Liên Xô tâm trạng lo lắng. Sau hai lần bị bí trước các câu thành ngữ Trung Quốc mà Mao Trạch Đông hay dùng trong khi hội đàm chính thức, Phêđôlin càng lo công việc sau này gặp nhiều phiền phức hơn. Mỗi lần hội đàm, từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc, Phêđôlin luôn luôn trong tâm trạng phấp phỏng lo âu, nhất là khi gặp ánh mắt tỏ vẻ không hiểu của Xtalin thì mồ hôi trán lại vã ra.

Hôm đó, vì không dịch thoát được từ “trở về” trong câu thành ngữ “Nhìn cái chết trở về”⁽¹⁾ mà Mao Trạch Đông dùng, thấy ánh mắt sắc như mắt chim ưng của Xtalin lọi qua đôi mắt kính kẹp mũi chiếu thẳng vào mình,

⁽¹⁾ Nguyên văn “Thị tử như quy” - Câu nói của Quản Trọng, nhà tư tưởng nước Tề thời Xuân Thu.

phiên dịch viên cao cấp Phêđôlin trong khoảnh khắc đó, cảm thấy hoảng thực sự. May được sự giúp đỡ của Mao Trạch Đông, Phêđôlin mới qua được bước “hiểm nghèo” đó.

Đối với Phêđôlin, những đêm trong chuỗi ngày này sao dài đằng đặc. Buổi hội đàm hôm đó mãi tới khoảng 5 giờ sáng mới kết thúc. Rời khỏi địa điểm với tâm trạng lo âu, Phêđôlin lái thẳng xe về nhà. Vừa bước vào cửa, ông vứt phịch chiếc cặp xuống, việc đầu tiên là tìm cuốn Từ điển giải thích thành ngữ Trung Quốc dày cộp trên giá sách, lật tìm mục từ “Nhìn cái chết như trở về”, đọc đi đọc lại nhiều lần, đến khi thấy rằng mình đã có thể giải thích được rõ ràng câu thành ngữ mà Mao Trạch Đông dùng, Phêđôlin mới thở phào, toàn thân mệt rã rời nằm lăn ra xa lông...

Không thể phủ nhận rằng, trong những năm đó ở Xtalin quả là có cái vẻ oai nghiêm gần như lạnh lùng khiến cấp dưới phải e ngại sợ sệt. Từ tướng mạo, cử chỉ đến cách nói năng, phong độ của ông luôn luôn như nói với mọi người xung quanh rằng, đối với ông quyền lực là cái tối thượng.

Sự sùng bái đối với cá nhân Xtalin, là điều mà nhiều người khó tin được đó, Mao Trạch Đông cũng đã nhận ra qua các buổi hội đàm, nhưng Mao Trạch Đông dường như tỏ ra chẳng quan tâm. Mỗi khi Xtalin sai bước chân mạnh mẽ bước vào phòng họp, mọi người xung quanh như nín thở, đứng ngay đơ. Mao Trạch Đông và các đồng chí Trung Quốc ít nhiều không quen với chuyện đó. Nhưng xuất phát từ sự tôn trọng chủ nhà, Mao Trạch Đông không khuyên can, không phản đối, và chính ông cũng bắt chước làm theo.

Trong hội đàm, đôi khi Mao Trạch Đông cũng không hề che giấu là mình có quan điểm trái ngược với Xtalin về một số vấn đề nào đó.

Có một lần, hai người đang chuyện trò cao hứng thì Xtalin đột nhiên hỏi Mao Trạch Đông, tại sao Tưởng Giới Thạch đã mất khả năng phòng thủ Thượng Hải lại không nhanh chóng chiếm lấy thành phố lớn trung tâm đó:

- Đồng chí Mao Trạch Đông, tôi thật không hiểu thời cơ khi đó thuận lợi như vậy mà tại sao các đồng chí lại không chiếm lấy Thượng Hải.

Mao Trạch Đông cười, khẽ gật đầu.

- Vâng, quả đúng như vậy. Nhưng tại sao chúng tôi lại cứ phải chiếm ngay? Lực lượng của chúng tôi có hạn, nếu chiếm thành phố này, chúng tôi phải gánh trách nhiệm lo cái ăn cho hơn 6 triệu dân thành phố, gánh nặng ấy lớn lắm. Cứ để cho Tưởng Giới Thạch tiếp tục gánh chằng tốt hơn sao?

Xtalin vẫn chưa thật rõ, ông lắc đầu, tỏ vẻ không sao hiểu nổi. Mao Trạch Đông cười không để tâm tới...

Trong thâm tâm, Xtalin trước sau vẫn cho rằng Mao Trạch Đông là người mang đầu óc nông dân hẹp hòi, và chính ở điểm này Mao Trạch Đông và ông có lập trường hoàn toàn trái ngược nhau. Theo Mao Trạch Đông, Trung Quốc muốn cách mạng thắng lợi thì vấn đề quan trọng hàng đầu là phải phát động nông dân, di con đường nông thôn bao vây thành thị. ở Trung Quốc, ai coi nhẹ vấn đề nông dân, người đó sẽ nhất định thất bại.

Nhưng Xtalin, một con người cố chấp, không cho là như vậy. Sau này, ông đem câu trả lời của Mao Trạch Đông nói lại với Khorutsop và một số người khác:

- Thật không hiểu nổi Mao Trạch Đông là người thế nào. Ông ta nói ông ta là một người mác xít vững vàng, nhưng tại sao lại không làm theo lý luận dựa vào giai cấp công nhân tiến hành đấu tranh như trong nguyên lý của chủ nghĩa Mác? Những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác lẽ nào Mao Trạch Đông thực sự không hiểu?

Song Mao Trạch Đông lại có cách hiểu của riêng mình, ông không làm theo một cách mù quáng những lời của Mác – Lênin, mà là căn cứ vào tình hình thực tế của cách mạng Trung Quốc để quán triệt chúng. Quả đúng như vậy, về điểm này Mao Trạch Đông rất tự tin, và sự thực chứng minh ông đúng đắn.

Mỗi lần Xtalin và Mao Trạch Đông hội đàm đều thường nảy sinh một số vấn đề chưa lường trước được. Nội dung các buổi hội đàm hầu như đều do chủ nhân xác định, nhưng chủ nhân lại không hề tiết lộ.

Một lần, hai người bỗng dung lại rất hứng thú thảo luận đến vấn đề ngôn ngữ và tư duy.

Xtalin vừa uống rượu vừa giải thích tỉ mỉ với Mao Trạch Đông những tinh hoa trong cuốn “Bàn về Ngôn ngữ học” nổi tiếng. Ông nhiều lần khươ tay nói đi nói lại với Mao Trạch Đông:

- Tôi cho rằng ngôn ngữ với tư cách là một công cụ tư duy không mang tính giai cấp. Đồng chí Mao Trạch Đông, đồng chí có cho là đúng như vậy không?

Mao Trạch Đông rút một hơi dài thuốc trên tay, chậm rãi búng tàn thuốc, thong thả nói:

- Văn hóa của các dân tộc và ngôn ngữ của các dân tộc có điểm chung, cũng có những chỗ khác nhau. Chữ Hán và tiếng Hán dù không dễ dàng nắm được, nhưng trên thực tế mọi người đều học được, và bất kỳ ai cũng có thể học được. Chỉ cần tự nguyện học và không ngừng trau dồi là có thể nắm

được, điều này không phân biệt địa vị xã hội và giai cấp.

Những câu nói của Mao Trạch Đông làm cho phiên dịch viên Phêđôlin thấy rất hứng thú. Ông ta chăm chú nhìn Mao Trạch Đông đang khoan thai trình bày ý kiến của mình, chiếc bút trong tay bất giác dừng lại.

- Đồng chí Phêđôlin! - Xtalin đột ngột gọi làm cho người phiên dịch giật bắn người.

Không để cho Phêđôlin kịp phản ứng, Xtalin nói với giọng mệnh lệnh lạnh như băng.

- Đồng chí mang đĩa của đồng chí lại đây!

Phêđôlin chẳng hiểu đầu của tai nheo ra sao, nhưng ông không thể làm trái ý Xtalin, đành phải cầm lấy chiếc đĩa đặt trước mặt, chậm chậm đi tới trước Xtalin.

Xtalin làm như chẳng có việc gì vừa xảy ra, và cũng chẳng cần nhìn lên, chỉ nói:

- Đồng chí lấy món thức ăn này đi! Đây là món rất khó kiếm, có thể đồng chí lần đầu tiên được thưởng thức đấy.

Phêđôlin chân tay luống cuống.

- Mang đi đi! Giọng Xtalin vẫn bình thản - Ngạn ngữ có câu "lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng".

Nghे câu nói đó, Phêđôlin cảm thấy có phần do dự trước thịnh tình của vị thống soái tối cao. Vừa nãy ông tận mắt nhìn thấy khi đưa thức ăn lên, cô nhân viên ghé tai Xtalin khẽ nói câu gì đó, sau đấy cô không đặt đĩa thức ăn trước mặt Xtalin mà đặt cạnh ông.

Nhưng đã có lệnh của chủ nhân, lại trước mặt các vị khách Trung Quốc, Phêđôlin không dám không làm theo lời Xtalin, đành ăn vậy.

- Thế nào đồng chí Phêđôlin, có thích món đó không? - Một lát sau Xtalin quay lại hỏi.

- Thưa đồng chí Xtalin, ngon... vị của món này... ngon lắm ạ! - Phêđôlin khó khăn lắm mới thốt ra được câu trả lời.

- Thế tại sao đồng chí không nói từ trước hả? Xtalin vui vẻ cười.

Mao Trạch Đông và các đồng chí Trung Quốc cũng cười theo.

Mao Trạch Đông du ngoạn Leningrat

Trong thời gian ở Mátxcova, Mao Trạch Đông đã tham quan nhà máy ô tô Xtalin và một số nơi. Chỗ nào ông cũng được hoan nghênh nhiệt liệt. Ngoài ra, ông bảo Sư Triết mượn cho ông rất nhiều phim truyện nhân vật lịch

sử của Nga và Châu Âu về chiếu ngay tại nhà cho ông xem. Mao Trạch Đông không hổ danh một nhà sử học, ông có những đánh giá độc đáo đối với các nhân vật quan trọng trong lịch sử như Pie Đại Đế, Napôlêông, Kutudốp.v.v... Ngay cả Xtalin sau khi nghe tin cũng khâm phục.

- Mao Trạch Đông thật phi thường, rất thông minh, xem các phim truyện về nhân vật lịch sử, đó là cách tìm hiểu lịch sử nhanh nhất.

Mấy hôm sau, Trung - Xô ra một Thông cáo chung, tuyên bố:

Hiệp ước hữu nghị giữa nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và Liên minh xã hội chủ nghĩa Xô viết đang trong quá trình bàn bạc...

Thông cáo đã làm chấn động và lôi cuốn sự chú ý của dư luận quốc tế. Việc công bố bản Thông cáo chung là làm theo ý của Xtalin và Mao Trạch Đông. Ngày hôm sau, Mao Trạch Đông lên đường đi thăm Leningrat.

Tháng Giêng, ở Leningrat rất lạnh, tuyết lớn rơi mấy ngày liền, đồng ruộng bao la quanh thành phố cổ biến thành cánh đồng tuyết mênh mông không bến bờ, trên thân cây cảnh cây hình như mọc tua tủa những đám lông vũ màu trắng xóa, những cây trồng vụ đông bị tuyết phủ trở thành những đồng tuyết nằm rải khắp cánh đồng. Máy chiếc xe con của cán bộ cao cấp màu đen từ cánh đồng tuyết phóng tới, để lại những vệt bánh xe dài dằng dặc phía sau...

Sau khi tới Leningrat, Mao Trạch Đông đề nghị cho đi thăm vịnh Phần Lan trên biển Bantích, đây là nơi mở đầu cuộc Cách mạng Tháng Mười.

Khi xe tới biển Bantích, Mao Trạch Đông chân bước trên giải bờ biển dài hun hút, mắt dõi nhìn về phía cứ điểm Crôngxtát nơi công nhân làm bạo động thời Cách mạng Tháng Mười, dường như ông đang tìm lại dấu vết của lịch sử...

Tiếng súng của Cách mạng Tháng Mười đã mang đến cho chúng ta chủ nghĩa Mác-Lênin. Trong phong trào Ngũ Tứ, Mao Trạch Đông tiếp thu được tư tưởng cách mạng của chủ nghĩa Mác, song để tìm ra con đường kết hợp lý luận Mác-Lênin với tình hình thực tiễn của Trung Quốc, Mao Trạch Đông và các chiến hữu của ông đã dốc hết tâm huyết, chịu đựng biết bao khổ cực và phải trả giá bằng những hy sinh lớn lao. Mao Trạch Đông nhớ rất rõ, tháng 8 năm 1931, trong Đại hội đảng tổ chức tại khu căn cứ miền nam tỉnh Giang Tây, ông bị tước bỏ chức quyền bí thư Trung ương cục khu Xô-Viết, bị gạt ra khỏi lãnh đạo Trung ương vì tội đã chống lại việc "phải quán triệt hoàn toàn và đầy đủ nghị quyết của Quốc tế cộng sản vào công tác thực tế với tinh thần kiên định Bôn-sê-vích". Đối với ông, đó chẳng những là sự đả kích và bài

xích của đường lối Vương Minh, mà cũng là sự đả kích và bài xích của những người vạch ra đường lối sai lầm của Quốc tế cộng sản được một số ít kẻ ủng hộ tăng bốc là chủ nghĩa Mác-Lênin chân chính. Chính những người “mác-xít-lênin-mít chân chính” đó đã làm cho cách mạng Trung Quốc phải qua biết bao đoạn đường vòng, đã phải trả giá bằng những hy sinh nặng nề. Từ trong những mất mát đó, Mao Trạch Đông đã tìm ra được con đường Cách mạng đúng đắn, lý luận Mác-Lê phải kết hợp với thực tiễn Cách mạng Trung Quốc, mới làm cho Trung Quốc có được ngày hôm nay. Và hôm nay, Mao Trạch Đông lại được đứng trên mảnh đất nở ra tiếng súng của Cách mạng Tháng Mười, tránh sao khỏi chẳng vô cùng xúc động?

Biển Bantích: Cứ tới mùa đông là cả vùng ven biển đều đóng băng kết thành một dải. Mao Trạch Đông dừng lại trên một khoảng mặt băng rất rộng, dưới chân như một tấm thủy tinh băng trong suốt. Đắm mình trong cảnh băng tuyết kỳ thú, Mao Trạch Đông rất thích thú. Ông bất chấp sự can ngăn của nhân viên công vụ, vẫn nhanh nhẹn, mạnh dạn tiếp tục bước đi trên mặt băng. Khi vóc người cao lớn của ông dừng lại trước một dốc băng, nhân viên tùy tùng vội đi tới đề nghị ông nghỉ một lát.

Mao Trạch Đông xua xua tay: Tôi muốn được đi từ Hải Xâm Uy đến biển tây Thái Bình Dương, tới biển Bantích, rồi lại đến bờ đông Đại Tây Dương sau đó từ Biển Đen đến vòng Bắc cực, đi cho khắp đông, tây, nam, bắc Liên Xô.

- Thật là khí phách! – Trong số tùy tùng có người cảm khái khẽ nói. Mọi người đều như bị cuốn theo tâm hồn khoáng đạt của Mao Trạch Đông.

Trong thời gian ở Leningrat, Mao Trạch Đông còn được mời đi tham quan một số nhà máy và di tích lịch sử nổi tiếng. Mặc dầu ngày nào ông cũng đi thăm viếng, tham quan nhiều nơi theo kế hoạch, nhưng trong lòng luôn tính đến thời gian Chu Ân Lai tới Mátxcova.

Tối ngày 15 tháng 1 năm 1950, nhân viên công vụ tới báo với Mao Trạch Đông

- Thủ tướng Chu Ân Lai đang trên đường sang Liên Xô.

Nghe tin, Mao Trạch Đông rất mừng, chẳng quản mệt nhọc lập tức quyết định:

- Đề nghị báo với các đồng chí Liên Xô, chúng ta trở về Mátxcova ngay.

Nhân viên công vụ đề nghị ông nghỉ thêm hai ngày cho lại sức rồi hãy đi. Mao Trạch Đông dứt khoát xua tay:

- Không cần, tôi và Ân Lai đã hẹn trước rồi – Sau đó ông lại hài hước –

Quân tử đã nói là phải làm, đã làm là phải quả quyết chứ!

Ngày 17 tháng 1, đoàn của Mao Trạch Đông từ Leningrat trở về Mátxcova. Sáng hôm sau nhận được điện thoại của Chu Ân Lai trên đường đi gọi đến thăm hỏi và xin chỉ thị. Điện thoại trực tiếp nối với nơi ở của Mao Trạch Đông, vì đường dây có chuyện nên tiếng nói trong điện thoại không rõ, Mao Trạch Đông nghe mãi mà vẫn không được. Ông bèn quyết định nói với Chu Ân Lai đến ga sau gọi lại cho ông.

Mao Trạch Đông gác máy, chấp hai tay sau lưng đi đi lại lại trong phòng, có vẻ sốt ruột. Sau đó ông đến ngồi ngay cạnh điện thoại đợi tin của Chu Ân Lai.

Từ Xveclốpxcơ Chu Ân Lai gọi điện tới. Mao Trạch Đông nhắc ống nghe trực tiếp nói chuyện với Chu Ân Lai, hiệu quả lần đàm thoại này rất tốt. Ngồi trên xa lông, Mao Trạch Đông nói chuyện điện thoại khá lâu với Chu Ân Lai. Ông kể với Chu Ân Lai một vài nhận xét của mình sau khi tới Liên Xô và hỏi ý kiến Chu Ân Lai. Ông còn trao đổi bàn bạc thêm với Chu Ân Lai một số vấn đề quan trọng về đàm phán và ký hiệp định song phương Trung - Xô. Qua điện thoại, hai người nói chuyện với nhau rất thân mật, đôi khi còn cười phá lên.

Xem chừng Mao Trạch Đông tỏ vẻ hoàn toàn tin tưởng vào tài ngoại giao của Chu Ân Lai, hầu như giao phó toàn bộ công việc đó cho người trợ thủ lỗi lạc này.

Cuộc đàm thoại kéo dài đến hơn một tiếng đồng hồ! Đặt máy xuống, Mao Trạch Đông tỏ ra rất thoải mái, vui vẻ. Ông uống một ngụm trà, thanh thần tựa vào xa lông hút thuốc, thường thức bản nhạc trong máy thu thanh.

Tiếng hát trầm hùng vang lên trong phòng, đều đặn, lắng xuống rồi lại vang lên to hơn như có một dòng sông đang chảy trước mắt mọi người, đây là bài hát "Người kéo thuyền trên sông Vonga". Giọng hát trầm bổng xúc động, như những đợt sóng cuộn cuộn trào dâng dội vào tâm hồn mọi người. Mao Trạch Đông yên lặng lắng nghe, rồi từ từ ngồi thẳng dậy, mắt dăm dăm nhìn ra ngoài cửa sổ, chăm chú, trầm ngâm...

Cuộc đàm phán về "Hiệp ước hỗ trợ Đồng minh hữu hảo Trung - Xô"

Ngày 20 tháng 1 năm 1950, Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Ngoại giao nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa Chu Ân Lai tới Mátxcova. Trên quảng trường nhà ga Mátxcova, phía Liên Xô đã tổ chức lễ đón tiếp rất long trọng. Đây là chuyến thăm Liên Xô lần thứ hai của Chu Ân Lai sau 10

năm, lần này ông xuất hiện ở nhà ga Mátxcơva với tư cách là người đứng đầu Chính phủ của nước Trung Quốc mới.

Chu Ân Lai bận y phục mùa đông, tinh thần phấn chấn, nét mặt tươi cười. Với phong cách một nhà Ngoại giao lỗi lạc, vừa bước xuống xe ông đã thu hút ngay được sự chú ý của các nhà lãnh đạo Liên Xô ra đón. Họ tận mắt thấy một Chu Ân Lai cử chỉ đường hoàng, đĩnh đạc, tự nhiên, nói năng lịch thiệp, nhã nhặn, tế nhị, bất giác đều gật gù thăm khen ngợi trong lòng. Còn nhớ, khi Xtalin hội đàm với Lưu Thiệu Kỳ cũng đã từng nói:

- Tôi cho rằng các nhà lãnh đạo của Chính phủ Trung Quốc mới đều rất thành thạo, nhất là chọn Chu Ân Lai vào chức Thủ tướng và Bộ trưởng Ngoại giao quả là rất xứng đáng.

So với đoàn của Mao Trạch Đông, đoàn của Chu Ân Lai lớn hơn rất nhiều, có Phó Chủ tịch Chính quyền nhân dân Lý Phú Xuân, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp Đông Bắc Lữ Đông, Thứ trưởng Bộ Mậu dịch Đông Bắc Trương Hóa Đông, Vụ trưởng vụ Liên Xô Đông Âu Bộ Ngoại giao Ngũ Tu Quyền và các ông Lại á Lực, Hà Khiêm, Thẩm Hồng, Tô Nông Cung, Sài Thụ Phiền, Trình Minh Thăng, Vương Huân, Nhiếp Xuân Vinh, La Duy, Thường Ngạn Khanh... đều là những quan chức cao cấp của Trung Quốc.

Đại sứ Vương Gia Tường đi hơn 200 km để đón Thủ tướng Chu Ân Lai.

Tháng 6 năm 1939, Chu Ân Lai từ Diên An đến Liên Xô điều trị vết thương do bị ngã, ông đã ở Liên Xô hơn 8 tháng. Đúng dịp này từ tháng 1 đến tháng 3, Ban chấp hành Quốc tế cộng sản họp một Hội nghị đặc biệt chuyên thảo luận về công tác của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Đây cũng là cuộc thảo luận cuối cùng của Quốc tế Cộng sản về công tác của Đảng Cộng sản Trung Quốc trước khi nó giải tán.

Hội nghị đã khẳng định vai trò to lớn của Đảng Cộng sản Trung Quốc trong chiến tranh chống Nhật, và kiến nghị Đảng Cộng sản Trung Quốc tổ chức sớm đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII. Chu Ân Lai đã rất kịp thời mang những tinh thần đó của Quốc tế Cộng sản về nước và đã có tác dụng quan trọng đối với sự phát triển của cách mạng Trung Quốc. Sau đó, chiến tranh Xô-Đức bùng nổ và Thịnh Thế Tài ở Tân Cương chuyển hướng sang chống Cộng chống Liên Xô, đã cản trở mối liên hệ giữa Quốc tế Cộng sản và Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc. Quốc tế Cộng sản giải tán, Đảng Cộng sản Liên Xô (B) do Xtalin đứng đầu tiếp tục giữ quan hệ với cách mạng Trung Quốc, còn ở Trung Quốc, Đảng Cộng sản cũng bắt đầu cuộc vận động chỉnh phong, nhằm thống nhất tư tưởng toàn Đảng trên cơ sở tư tưởng Mao

Trạch Đông, Trung Ương Đảng Cộng sản Trung Quốc từ chối nghĩa vụ phải gánh vác do điều lệ của Quốc tế Cộng sản quyết nghị. Về giai đoạn lịch sử khó quên này, Chu Ân Lai còn nhớ như in. Ông hiểu sâu sắc rằng, trách nhiệm của chuyến đi này rất lớn lao, có một ý nghĩa vô cùng sâu xa và ông sẵn sàng đem hết sức mình hoàn thành sứ mệnh lịch sử đó.

Chu Ân Lai chỉ nghỉ lại một đêm ở nơi dành riêng cho ông, hôm sau ông chuyển đến ở chung với Mao Trạch Đông. Cũng như hồi đi đàm phán ở Trùng Khánh, hai lão chiến hữu một ở lầu trên, một ở lầu dưới, thường xuyên gặp nhau bàn bạc những vấn đề trọng đại cho đến tận đêm khuya.

Nếu so sánh thì thời gian làm việc của Chu Ân Lai căng thẳng hơn Mao Trạch Đông rất nhiều: Ban ngày ông phải đến điện Kremli tham gia đàm phán, ban đêm phải báo cáo và bàn bạc với Mao Trạch Đông, thường một ngày ông chỉ có vài tiếng nghỉ ngơi. Nhưng tinh thần ông vẫn hăng hái, không có vẻ gì mệt mỏi, dù xuất hiện ở đâu ông cũng tỏ ra sức lực dồi dào, khiến cho một số nhà lãnh đạo Liên Xô tham gia hội đàm cũng phải tự thấy mình không sánh được với Chu Ân Lai.

Cuộc đàm phán đang ở vào giai đoạn then chốt, trong một đêm đã rất khuya, Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông vẫn ngồi bàn bạc với nhau ở phòng khách.

Chiếc gạt tàn trên bàn trà của Mao Trạch Đông đã đầy ắp đầu mẩu thuốc, diếu thuốc trên tay ông vẫn tỏa khói. Mao Trạch Đông dường như đang suy nghĩ về một chuyện quá khứ nào đó, tinh thần có phần không thanh thản.

- Thưa Chủ tịch; khuya rồi, Chủ tịch nên đi nghỉ đi – Chu Ân Lai nhìn đồng hồ rồi nói.

- Đồng chí Ân Lai này, đồng chí có nhớ Đảng chúng ta có chung lịch sử với Quốc tế Cộng sản bao nhiêu lâu không? – Mao Trạch Đông hỏi.

- Bắt đầu từ tháng 3 năm 1920 đến tháng 6 năm 1943 thì chấm dứt, hơn 23 năm – Chu Ân Lai trả lời rất chính xác.

- Quốc tế Cộng sản do Lênin sáng lập, hơn 20 năm nay đã có nhiều công lao giúp đỡ cho cuộc chiến tranh Bắc Phạt, cho cách mạng ruộng đất và chiến tranh chống Nhật của cách mạng Trung Quốc. Trong toàn bộ công tác của Quốc tế Cộng sản, vai trò của Liên Xô là lớn nhất – Giọng Mao Trạch Đông rất xúc động.

- Đúng vậy, quan hệ của chúng ta với Quốc tế cộng sản trên một ý nghĩa nào đó cũng là quan hệ với các đồng chí Liên Xô – Chu Ân Lai gạt đầu tán thành.

- Đúng! - Mao Trạch Đông dụi tắt điếu thuốc cầm ở tay, xoay người lại
- Đó chính là tiền đề lịch sử của Hiệp ước Trung-Xô mà chúng ta đang suy nghĩ! Lịch sử đã cho ta kinh nghiệm, lịch sử cũng cho ta cả những bài học.

Chu Ân Lai gật đầu, ông hiểu rõ hàm ý sâu sắc trong lời nói của Mao Trạch Đông. Ông biết rằng, trong thời kỳ nội chiến cách mạng lần thứ hai, Đảng Cộng sản Trung Quốc 3 lần mắc sai lầm “tả khuynh” đều có liên hệ trực tiếp với sai lầm của Quốc tế cộng sản. Sau khi kháng chiến thắng lợi, Xtalin vừa ủng hộ cách mạng Trung Quốc, vừa thiếu lòng tin vào thực lực của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trong khi tìm cách phát triển quan hệ với chính quyền Tưởng Giới Thạch, Xtalin cũng gần lợi ích dân tộc của nước mình vào việc phát triển của cách mạng Trung Quốc, điều đó Mao Trạch Đông đã thấy từ trước.

Trong thời gian từ năm 1943 đến năm 1945, nguyên thủ 3 nước Mỹ, Anh, Xô đã tổ chức các Hội nghị Têhêran, Ianta, Pốttxdam có ảnh hưởng quyết định đến tình hình thế giới sau chiến tranh. Ở những Hội nghị này, đặc biệt là ở Hội nghị Ianta, Liên Xô đã giao dịch với Mỹ nhằm mưu cầu lợi ích cho mình trên lãnh thổ Trung Quốc. Trong bức điện gửi Tổng thống Mỹ Rudoven, Đại sứ Mỹ ở Liên Xô hồi đó là Hariman đã nói như sau:

Tối hôm qua tôi nói chuyện với Xtalin... Ông ta bảo: quần đảo Thiên đảo và miền nam đảo Sakhalin (tức đảo Curin) phải trả về cho nước Nga. Ông ta dùng tay vẽ một vòng tròn trên miền nam bán đảo Liêu Đông gồm cảng Lữ Thuận và Đại Liên rồi nói: Người Nga hy vọng lại được thuê những cảng này và các khu vực xung quanh... Xtalin còn nói thêm là hy vọng sẽ thuê được cả đường sắt Trung Đông. Tôi đề nghị ông nói rõ con đường sắt mà ông quan tâm là con đường sắt nào? Xtalin nói, đó là con đường sắt từ Đại Liên đi Cáp Nhĩ Tân, hướng tây bắc đến Mãn Châu Lý, hướng đông đến Vladivostok, câu trả lời của Xtalin là khẳng định. Nhưng ông đặc biệt nhắc lại rằng: Liên Xô không có ý can thiệp vào chủ quyền của Mãn Châu. Đương nhiên, cùng với việc quản lý đường sắt, quân đội Liên Xô phải lo bảo vệ đường và do đó ảnh hưởng của Liên Xô chắc chắn sẽ rất lớn.

3 giờ 30 phút chiều ngày 8 tháng 2 năm 1945, trong cuộc hội đàm chính thức với Rudoven, Xtalin cho rằng đòi hỏi của ông là “chính đáng”, vì nếu không, ông và Molotop sẽ rất khó giải thích với nhân dân tại sao Liên Xô phải xuất quân tuyên chiến với Nhật.

... Đêm đã về khuya, trăng sao nhấp nháy trên bầu trời, băng tuyết trên đồng ruộng hoà quyện với ánh trăng sao khoác lên thành phố Mátxcova một

bộ trang phục màu xám bạc. Trong phòng, Mao Trạch Đông cầm chén trà trên bàn lên rót nước nóng vào rồi đưa cho Chu Ân Lai, thân mật hỏi:

- Ngày 14 tháng 2 chính thức ký Hiệp ước có chắc không?

Chu Ân Lai nhấp một ngụm trà nóng, nhướn đôi lông mày lưỡi mác lên trả lời:

- Nếu phía Liên Xô không nêu vấn đề gì mới nữa, tôi nghĩ, ngày 14 tháng 2 chính thức ký Hiệp ước là điều chắc chắn.

- Tốt! – Mao Trạch Đông gật đầu, hai tay chống nạnh, vui vẻ bảo Chu Ân Lai - Đồng chí đàm phán giỏi lắm, cần phải ghi công đầu.

- Đó là do Chủ tịch chỉ huy chính xác, suy tính chu đáo kín kẽ – Chu Ân Lai vội đáp.

- Không, trong trường hợp này không có Chu Ân Lai thì không xong đâu! – Nói xong Mao Trạch Đông cười hà hà, Chu Ân Lai cũng cười theo, hai người hiểu lòng nhau, ngưỡng mộ lẫn nhau..

- Suyt... - Chu Ân Lai bỗng dưng lấy tay ra hiệu, tiếng cười ngừng bật, Mao Trạch Đông hiểu ra ngay khi đó đã khuya lắm rồi.

Ngoài cửa sổ, đêm tối đen; ánh trăng sao lấp lánh hứa hẹn một ngày đẹp trời.

Khi cuộc đàm phán chính thức Trung-Xô bắt đầu, trong điện Kremli, Xtalin cũng rất bận rộn. Sáng nào cũng vậy, việc đầu tiên là xem xét, phân tích phản ứng của các tờ báo chính và của các nguyên thủ các nước trên thế giới đối với cuộc hội đàm Trung- Xô. Ông lệnh cho thư ký sau khi thu thập và trích dẫn những tài liệu này xong, đúng giờ phải mang đến bàn làm việc của ông, thiếu một tài liệu cũng không được. Sau đó, ông trực tiếp nghe Micôian và Vixinxki báo cáo. Mỗi khi nghe thấy người báo cáo nêu đại loại “ý của Chu Ân Lai thế này” “kiến nghị của Chu Ân Lai thế kia”... Xtalin lại cau mày, đôi khi dứt khoát bắt dừng lại:

- Tôi muốn biết rõ ý kiến của Mao Trạch Đông ra sao, kiến nghị của Mao Trạch Đông thế nào...

Cuối cùng, Xtalin cũng không chờ đợi được nữa. Để làm rõ ý đồ cụ thể đích thực của cá nhân Mao Trạch Đông đối với việc liên minh, Xtalin đã mấy lần gọi điện thẳng đến chỗ Mao Trạch Đông. Thời gian này Mao Trạch Đông đã vào trong điện Kremli, Xtalin mời Mao Trạch Đông vào ở gần chỗ ông cũng nhằm mục đích liên hệ được thuận tiện hơn.

Không ai nghi ngờ Xtalin là một con người lỗi lạc, ý chí kiên cường, nắm rất chắc tình hình. Song những năm cuối đời, ông lại tỏ ra hay đa nghi,

cảm thấy mọi người xung quanh đều không đáng tin cậy, hoạt động theo dõi bí mật có ở khắp nơi, mức độ tín nhiệm của ông đối với người Trung Quốc cũng không làm cho người ta hài lòng. Còn nhớ tháng 2 năm 1948, khi nghe Dimitơrốp báo cáo Đảng Cộng sản Trung Quốc, khẳng khái không chịu thỏa hiệp với chính quyền Tưởng Giới Thạch, ông đã nói: “Khi ở Mátxcova các đồng chí Trung Quốc đồng ý với quan điểm của chúng tôi, nhưng về đến Trung Quốc lại có quan điểm khác”.

Dương nhiên, lịch sử cũng làm cho quan hệ giữa các lãnh tụ có những thay đổi rất tế nhị.

Hiệp ước Trung-Xô là vấn đề chủ yếu nhất để hai nhà lãnh đạo hai nước gặp gỡ nhau ở Mátxcova. Cuộc gặp gỡ lịch sử này khi đó không chỉ có hai nước Trung Quốc và Liên Xô quan tâm theo dõi sát sao mà cả những nơi xa xôi nhất của Phương Đông và phương Tây người ta cũng không bỏ qua một chi tiết nào.

Nội dung cụ thể của hiệp ước được thảo luận và đàm phán giữa Chu Ân Lai và Micôian. Từ đầu đến cuối, Chu Ân Lai đều giữ vai trò chủ động trong các buổi hội đàm. Tài Ngoại giao lỗi lạc của ông đã được mang ra thi thố đầy đủ trong sứ mệnh Ngoại giao đầu tiên của nước Trung Quốc mới, những kiến nghị và ý kiến của Chu Ân Lai nêu ra trong hội đàm khiến Micôian cảm thấy hầu như không thể bắt bẻ được. Khi vòng đàm phán cuối cùng kết thúc, Micôian nắm lấy tay Chu Ân Lai nói:

- Rút cuộc tôi bây giờ đã hiểu rõ nguyên nhân vì sao Đảng Cộng sản Trung Quốc giành được chính quyền.

- Trong một tương lai không xa, đồng chí sẽ thấy Đảng Cộng sản Trung Quốc có khả năng xây dựng một nước Trung Quốc mới phồn vinh thịnh vượng – Chu Ân Lai hóm hỉnh đáp lời.

Buổi hội đàm cuối cùng thông qua hiệp ước, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai cùng tới dự; phía Liên Xô ngoài Xtalin, toàn bộ các vị lãnh đạo cao cấp đều có mặt.

Trong đại sảnh, năm chùm đèn treo pha lê tỏa sáng dịu dàng làm cho bầu không khí ở đây thêm thân mật, hai bên bàn bạc bình đẳng về các nguyên tắc của hiệp định và hiệp ước.

Mao Trạch Đông ý thức được ý nghĩa lớn lao của những nguyên tắc này đối với việc thực hiện toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ của Trung Quốc, nhanh chóng phát triển kinh tế và công cuộc xây dựng nước Trung Quốc mới, ông cảm thấy hài lòng về điều đó. Trong suốt cuộc hội đàm, tuy mấy hôm liền

không được nghỉ ngơi tốt, nhưng Chu Ân Lai vẫn tỏ ra sung sức, nhạy bén; sắc sảo, nắm quyền chủ động trong phát ngôn, Mao Trạch Đông chỉ chen vào mấy câu vừa phải ở những chỗ then chốt, chứng tỏ đầy đủ tài năng điều khiển toàn cục của ông.

Sau buổi hội đàm, một quan chức Liên Xô tỏ vẻ thán phục:

- Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai phối hợp rất ăn ý, người nọ tôn người kia lên, quả là những nhân vật lãnh tụ hiếm có!

Ký kết hiệp ước. Xtalin chiêu đãi

Ngày 8 tháng 2, ngày mà tất cả các hiệp định hiệp ước đã hoàn tất, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đến điện Kremli thăm Xtalin. Do hiệp ước đạt được sự nhất trí, hai bên trong lần hội đàm này rất hợp ý nhau nên Xtalin chiêu đãi Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai với các món ăn ngon nhất. Ông có thói quen cố mời mọi người ăn món thịt cừu hầm, canh rau đỏ và súp thịt cừu nướng theo kiểu Gorudia.

Thức ăn không nhiều nhưng hợp khẩu vị. Cô phục vụ mỗi khi bưng món ăn mới còn nóng hơi hồi lên bao giờ cũng đưa Xtalin nhìn qua. Xtalin vừa ăn vừa trò chuyện. Khi biết trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, trước tác của Mao Trạch Đông rất phong phú, ông suy nghĩ một lát rồi trịnh trọng nói với Mao Trạch Đông.

- Đồng chí Mao Trạch Đông này, để tổng kết kinh nghiệm của cách mạng Trung Quốc, tôi đề nghị đồng chí nên mau chóng chỉnh lý tất cả các bài viết, các văn kiện của mình, biên tập lại rồi cho xuất bản, đó là một công việc đầy.

- Tôi cũng đang tính làm việc đó. Nếu được đồng chí giúp đỡ, tôi rất biết ơn - Mao Trạch Đông gật đầu đáp.

- Đồng chí muốn giúp về mặt nào? - Chiếc tẩu trên tay của Xtalin xoay đi xoay lại, vẻ mặt ông rất nghiêm túc.

- Nếu đồng chí cử cho một đồng chí mạnh về lý luận, tinh thông triết học Mác-Lê giúp chúng tôi thì tốt quá - Mao Trạch Đông thẳng thắn bày tỏ nguyện vọng.

- Được - Mắt Xtalin nhìn chăm chăm vào chỗ rượu vang đỏ còn trong cốc, trầm ngâm một lát rồi quả quyết - Tôi sẽ cử ngay Iukin giúp đồng chí, đồng chí ấy là chuyên gia lý luận triết học - Bàn tay cầm tẩu thuốc của Xtalin vung lên.

- Thế thì rất cảm ơn đồng chí Xtalin.

Xtalin cười cười, tỏ vẻ đắc ý.

Mao Trạch Đông nhìn Xtalin rồi nêu một vấn đề mới.

- Thưa đồng chí Xtalin, sau khi hiệp ước ký xong, chúng tôi muốn tổ chức một buổi chiêu đãi.

- đương nhiên – Xtalin gật đầu.

- Nhưng không phải ở điện Kremli nơi tôi đang ở bây giờ, mà ở một nơi khác, chẳng hạn như ở khách sạn Bansôigôret – Mao Trạch Đông nói rõ ý của mình.

- Sao không làm ở điện Kremli? – Xtalin tỏ ra không hiểu.

- Thưa đồng chí Xtalin, đồng chí đã rõ điện Kremli là nơi Chính phủ Liên Xô tổ chức quốc yến. Đối với chúng tôi, một quốc gia có chủ quyền, thì hoàn toàn không thích hợp... – Giọng nói của Mao Trạch Đông rất bình thản, nhưng thái độ thì tỏ ra có vẻ “ngang ngạnh”.

Xtalin có phần không vui, thoáng chút trầm ngâm rồi nghiêng đầu nói:

- Đúng thế thật, nhưng tôi xưa nay chưa từng dự tiệc ở khách sạn bên ngoài hoặc do sứ quán nước ngoài tổ chức, chưa bao giờ thế cả - Ông nhấn mạnh câu đó rõ ràng là muốn gây sức ép với Mao Trạch Đông.

Mao Trạch Đông không quan tâm đến thái độ của Xtalin, vẫn kiên trì:

- Thưa đồng chí Xtalin, thật khó mà tưởng tượng nổi nếu bữa tiệc của chúng tôi không có đồng chí tham dự, chúng tôi mời đồng chí, thiết tha mời đồng chí.

Câu trả lời của Mao Trạch Đông dồn Xtalin vào thế bí. Đối thoại dừng lại, Xtalin dường như suy nghĩ gì đó, còn Mao Trạch Đông vẫn lặng lẽ nhìn Xtalin chờ ông trả lời.

- Thôi được, đồng chí Mao Trạch Đông này, nếu đồng chí muốn như vậy thì để tôi suy nghĩ xem sao... – Cuối cùng Xtalin tỏ ra nhượng bộ. Xem chừng ông đã sẵn sàng phá bỏ quy định mà lâu nay ông tự đặt ra cho mình.

Cuộc gặp gỡ kết thúc, Xtalin một lần nữa phá lệ tiễn Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai ra tận cửa, mắt dõi theo bóng họ xa dần, tẩu thuốc trong tay ông nhẹ nhàng xoay đến hai lần, dường như ông đang nghĩ ngợi điều gì.

Sáng ngày 14 tháng 2 năm 1950, hai phía Trung Quốc và Liên Xô chính thức tổ chức lễ ký hiệp ước rất trang nghiêm trọng thể, cũng có ý nghĩa là từ đây “thời đại trắng mặt” của hai nước Đồng minh đã bắt đầu. Bất kỳ ai cũng không thể dự đoán nổi quan hệ của hai nước láng giềng xã hội chủ nghĩa sau này sẽ vấp phải những trục trặc và thay đổi gì, việc ký kết hiệp ước đã gây một chấn động mạnh mẽ cho toàn thế giới thời đó.

Hiệp ước lúc đầu có tên là Hiệp ước Đồng minh hữu nghị Trung-Xô, sau theo đề nghị của Chu Ân Lai được đổi thành Hiệp ước hỗ trợ Đồng minh hữu nghị Trung-Xô. Mao Trạch Đông rất hài lòng về hai chữ hỗ trợ do Chu Ân Lai đề nghị thêm vào, ông cho rằng hai chữ này “thêm vào rất thích hợp”.

Phòng đại sảnh, nơi diễn ra lễ ký kết, chói lòa trong ánh sáng. To nhỏ tất cả hơn 10 chùm đèn đủ loại, đèn treo, đèn tường... đều bật sáng trưng, càng làm cho không khí thêm phần long trọng.

Giữa chiếc bàn dài để ngồi ký kết quốc kỳ hai nước Trung- Xô ở hai bên, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Chu Ân Lai và Ngoại trưởng Liên Xô Vixinxki thay mặt Chính phủ hai nước lần lượt ký vào bản Hiệp ước hỗ trợ Đồng minh hữu nghị Trung-Xô. Sau khi trao đổi văn bản, hai người phát biểu ý kiến với những lời lẽ rất nồng nhiệt.

Mao Trạch Đông và Xtalin đều tham dự lễ ký. Đồng thời với việc ký Hiệp ước hỗ trợ Đồng minh hữu nghị Trung-Xô, Hiệp định về đường sắt Trường Xuân, cảng Lữ Thuận và Đại Liên của Trung Quốc cũng được ký kết. Theo quyết định này, chậm nhất không quá cuối năm 1952, Liên Xô mở cửa khẩu Lữ Thuận và Đại Liên cho phía Trung Quốc. Tiếp đó, hai bên ký Hiệp định về khoản Liên Xô cho nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa vay, theo đó Liên Xô sẽ cho vay 300 triệu USD giúp công cuộc xây dựng nước Trung Quốc mới.

Mọi việc từ lúc bắt đầu cho tới lúc này đều diễn ra rất suôn sẻ, nhưng đến khi sắp ký Hiệp định về mậu dịch thì văn bản vẫn chưa đưa đến. Lãnh đạo của cả hai phía đều tỏ ý lo lắng. Xtalin không vui, ông hỏi cấp dưới thì được trả lời là “bản Trung vẫn chưa chuẩn bị xong”. Xtalin giữ nguyên sắc mặt, quay người lại nói với Sư Triết, phiên dịch của phía Trung Quốc:

- Đề nghị đồng chí báo cáo tình hình này với đồng chí Mao Trạch Đông.

Sư Triết ghé tai nói nhỏ với Mao Trạch Đông mấy câu, Mao Trạch Đông phẩy tay, tỏ vẻ không hài lòng:

- Thôi cho qua, tóm lại, mọi sai lầm đều do người Trung Quốc gây ra là xong chứ gì! – Nói đoạn, ông chẳng nói năng gì nữa.

Thực ra văn bản bị chậm trễ là do thiếu sót của cán bộ phía Liên Xô gây ra, khi họ sửa xong thì chậm mất thời gian. Việc này Chu Ân Lai biết rất rõ, nhưng ông vẫn im lặng, ra hiệu cho Vixinxki cố đợi, đợi mãi cho đến khi văn bản được mang đến, không khí căng thẳng trong hội trường mới chùng xuống.

Cuối cùng, Lễ ký hiệp ước cũng hoàn tất. Trước khi mọi người chụp ảnh chung, Mao Trạch Đông và Xtalin còn trao đổi với nhau mấy câu, chúc mừng

lẫn nhau. Lúc chụp ảnh, Xtalin đứng ở giữa hơi thấp hơn Mao Trạch Đông, ông nhanh trí bước lên trước nửa bước. Thế là trong bức ảnh in trên các báo ngày hôm sau, người ta thấy Xtalin và Mao Trạch Đông cao gần như nhau vai sánh vai xuất hiện trước toàn thế giới.

Khi tờ báo có in ảnh được đưa đến Xtalin, ông nhìn kỹ bức ảnh, mỉm cười ranh mãnh, tựa hồ bảo: - Iôxíp, người thật thông minh!

Trong khi đó, điều mà Mao Trạch Đông chú ý là nội dung tin tức đăng trên tờ báo, dường như hoàn toàn chẳng quan tâm gì đến bức ảnh chụp chung.

Xtalin phá lệ, dự tiệc chiêu đãi

Nằm ở trung tâm Mátxcova, khách sạn Bansôigôrôt là một tòa kiến trúc mang phong cách Nga điển hình. Ngày 14 tháng 2, Sứ quán nước Cộng hoà Nhân dân Trung hoa ở Liên Xô thuê toàn bộ phòng tiệc và tất cả tầng một của khách sạn. Đương nhiên khoản tiền thuê bao khá lớn. Buổi tiệc từ biệt chủ nhà của đoàn đại biểu Đảng, Chính phủ Trung Quốc sau khi kết thúc chuyến thăm Liên Xô sẽ tổ chức tại đây.

Khoảng 6 giờ chiều, chủ nhà Trung Quốc và các khách mời đều đứng giờ tới đại sảnh nơi mở tiệc. Những gương mặt tươi cười, tiếng chuyện trò sôi nổi nhiệt tình, tràn đầy một không khí ấm áp và long trọng.

Sắp tới giờ khai mạc rồi mà vẫn chưa thấy Xtalin và các nhà lãnh đạo tối cao của đảng Chính phủ, Quân đội Liên Xô tới. Trên nét mặt nhiều người thoáng vẻ băn khoăn. Mọi người lo không biết Xtalin liệu có phá lệ rời điện Kremli đến đây dự tiệc chiêu đãi không? Mấy cán bộ Liên Xô ghé tai nhau xì xào, một số thì cho rằng tình hình không ổn, số khác thì lại rất tin tưởng chờ đợi, họ đều là những người bình thường, rất khó có dịp nhìn thấy Xtalin ở khoảng cách gần, dẫu rằng chức vụ của họ cũng không vào loại thấp.

Mọi người đang xì xào bàn tán thì một quan chức ngoại giao bạn thường phục lặng lẽ đi tới cạnh phiên dịch viên Phêđôlin thăm thò.

- Đồng chí ra tiền sảnh đón Xtalin, đưa đồng chí đó vào.

Phêđôlin suy nghĩ giây lát rồi nói:

- Các đồng chí làm việc đó có lẽ tốt hơn, chẳng lẽ việc này đã thành đặc quyền của tôi?

Quan chức ngoại giao nọ giọng như áp đặt:

- Đồng chí Phêđôlin này, chuyện đặc quyền bây giờ ta không bàn đến, chúng tôi yêu cầu đồng chí với tư cách một chuyên gia tiếng Trung Quốc, chẳng lẽ đồng chí không hiểu? - Nói xong, ông cầm tay Phêđôlin lôi ra tiền

sảnh, bảo đứng vào vị trí được chỉ định.

6 giờ 30, một đoàn xe con loại cao cấp dài dằng dặc dừng lại trước khách sạn, Xtalin dẫn đầu toàn thể các Ủy viên Bộ Chính trị xuống xe đi vào. Cửa lớn tiền sảnh mở rộng, bóng Xtalin uy nghiêm, đầy oai phong xuất hiện. Rất nhiều người trong hội trường đều đứng ngậy ra, vì phần lớn những người có mặt ở đây chưa bao giờ được nhìn thấy Xtalin gần như vậy!

Xtalin bước tới chỗ để mũ áo cởi áo khoác, người phục vụ niềm nở ra định giúp ông. Ông hóm hỉnh bảo:

- Cảm ơn, xem ra việc nhỏ này tôi còn làm được.

Nói xong, ông cùng Phêdolin sải bước đi vào phòng tiệc. Cả hội trường đột nhiên dồn dập tiếng vỗ tay và tiếng hoan hô.

Xtalin dừng lại giơ tay vẫy đám người cuồng nhiệt, rồi bước đến chỗ Mao Trạch Đông đang đứng sau chiếc bàn dài dành cho “chủ, khách”. Mao Trạch Đông mỉm cười dơ cả hai tay ra thân mật nắm lấy tay Xtalin, mời ông ngồi xuống cạnh mình.

- Chào đồng chí Xtalin, chúc đồng chí sức khỏe!

- Cảm ơn đồng chí Mao Trạch Đông, xem ra sức khỏe của đồng chí cũng khá, vẫn chịu được với thời tiết Mátxcova.

- Cũng được! Cảm ơn sự quan tâm và chăm sóc của các đồng chí Liên Xô - Nói xong, Mao Trạch Đông giới thiệu với Xtalin những người mà ông chưa quen. Xtalin mỉm cười bắt tay thăm hỏi, tỏ ý cảm ơn họ.

Cuộc chúc rượu bắt đầu. Đèn trong đại sảnh sáng trưng rực rỡ, tiếng nhạc vui vang vang bốn phía. Cán bộ hai nước người nọ chúc rượu người kia, nhưng tất cả mọi người đều chăm chăm nhìn vào Xtalin và Mao Trạch Đông đang ngồi trong căn phòng riêng được ngăn bằng những tấm kính. Hai vị lãnh tụ đang chuyện trò trao đổi đủ loại vấn đề, và cũng như các lần gặp gỡ trước, câu chuyện giữa họ không theo một chủ đề nào, thích cái gì bàn cái đó, rất thoải mái.

Tiệc rượu bắt đầu được một lúc, dòng người trong đại sảnh dồn cả về phía căn phòng nhỏ, Chu Ân Lai thấy các tấm kính sắp bị xô đổ, vội bảo người bảo vệ dỡ ra, đại sảnh và căn phòng nhỏ không còn vách ngăn nữa, khi đó đám người Liên Xô cuồng nhiệt mới trật tự được một chút. Xtalin tỏ ra không còn hứng thú lắm trước sự hưng phấn quá mức và tiếng hoan hô không dứt, đã mấy lần ông đưa mắt để kêu gọi mọi người, nhưng rút cục vẫn chẳng ăn thua gì.

Người đầu tiên đọc diễn văn chào mừng là Thủ tướng Chu Ân Lai.

Giọng ông sang sảng, tuy không dùng đến bài nói được chuẩn bị sẵn, nhưng nội dung hầu như không sai một chữ với bản thảo. Chu Ân Lai chủ yếu nói về tình đoàn kết như anh em giữa hai Đảng, hai nước Trung-Xô, là cống hiến lớn nhất cho cách mạng thế giới, rằng nhân dân TrungQuốc biết ơn sự giúp đỡ của người anh cả Liên Xô, rằng phải học tập người anh cả Liên Xô.v.v... Bài phát biểu của Chu Ân Lai làm cho các bạn Liên Xô có mặt đều rất xúc động, luôn luôn đáp lại bằng những tràng vỗ tay nồng nhiệt. Phêđôlin đôi khi cũng cảm thấy mình không tìm ra được những từ ngữ tốt đẹp hơn để phiên dịch. Sau bài phát biểu của Chu Ân Lai, mọi người đều quan tâm đến phần tiếp theo của chương trình, vì họ biết Xtalin cũng sẽ có lời chúc mừng.

Trong tiếng vỗ tay như vũ bão, Xtalin đứng lên, rất đường hoàng, chạm nhẹ một cái vào cốc rượu đầy tràn, đưa tay ra hiệu:

- Đề nghị trật tự, tôi xin phát biểu...

Trước tiên ông nâng cốc chúc Chủ tịch Mao Trạch Đông, chúc các thành tựu của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Giọng ông nhẹ nhàng:

- Tình hữu nghị anh em giữa Trung Quốc và Liên Xô phải được gìn giữ mãi, Thủ tướng Chu Ân trong lời phát biểu cũng đã nói thay cảm nghĩ của tôi rồi...- Tiếp đó, ông chuyển hẳn sang ý khác - Phe xã hội chủ nghĩa cần phải đoàn kết lại, tiếc rằng trong những người dự buổi họp mặt hôm nay thiếu mất các đồng chí NamTư, tôi cảm thấy vô cùng đáng tiếc... - Cuối cùng, ông đặt cốc rượu xuống, giơ hai tay lên hô to: - Đoàn kết là sức mạnh!

Không khí buổi tiệc từ đầu đến cuối rất sôi nổi. Mao Trạch Đông nâng cốc chúc Xtalin sức khỏe, chúc tình hữu nghị nhân dân hai nước Trung Quốc-Liên Xô vững bền mãi mãi. Xtalin cũng nhiều lần nâng cốc chúc sức khỏe Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai. Tâm trạng Xtalin lúc này rất phấn chấn, luôn luôn tươi cười chuyện trò với các bạn Trung Quốc...

Trong bữa tiệc này, Xtalin và Mao Trạch Đông đã nâng cốc chúc cho tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước Trung -Xô. Cho dù không phải thật dễ dàng mỗi khi nâng cốc, nhưng dấu sao đỏ cũng là cái mốc đánh dấu "thời đại trắng mặt" giữa hai nước Trung-Xô đầu thập niên 50 đã bắt đầu.

Buổi tiệc từ biệt kéo dài cho tới nửa đêm mọi người mới hoan hỉ ra về.

III. NỖI BI AI CỦA "QUỐC GIA ẤN SĨ"

Người Mỹ để lại cho Lý Thừa Vãn một kho thuốc nổ.

Nằm ở phía đông Châu á, trong lịch sử, Triều Tiên là một quốc gia ném

trải nhiều khổ đau của chiến tranh, luôn luôn bị kẹp giữa các thế lực chính trị cường quyền, liên tục bị nước lớn chi phối, giày xéo và chiếm đóng. Sống trên một đất nước chan hoà ánh nắng, có hoa kim đọt lại nở khắp bốn mùa, nhân dân nơi đây từ đời này qua đời khác luôn khát vọng được sống một mình nơi khuất nẻo để xây đắp và hưởng thụ nền văn hóa có lịch sử lâu đời vốn có của riêng mình. Lịch sử Triều Tiên đã từng có một ông vua cấm dân khai thác vàng bạc, những mong tránh được sự nhòm ngó của người nước ngoài. Nhưng sự ngây thơ bảo thủ của đất nước “như ẩn sĩ” đó rút cục đã tan thành mây khói.

Năm 1896, Nga và Nhật kí hiệp định chính thức chia nhau phạm vi thế lực.

Bán đảo Triều Tiên chia cắt thành hai phần lấy vĩ tuyến 38 làm ranh giới, Nga được nửa phía bắc, Nhật chiếm nửa phía Nam, hai bên nắm quyền chính trị và kinh tế trong khu vực mình chiếm đóng.

Tại Hội nghị Têhêran năm 1943 giữa nguyên thủ các nước Đồng minh, Tổng thống Mỹ Rudoven nói với nhà lãnh đạo Liên Xô Xtalin rằng, người Triều Tiên “chưa đủ năng lực điều hành và duy trì một Chính phủ độc lập, hơn nữa... họ còn phải chịu đựng 40 năm bảo hộ”. Trong một Hội nghị muộn hơn một chút cùng năm, Rudoven, Thủ tướng Anh Sôcxin và Tướng Giôix Thạch của Trung Quốc ký một thông báo có tính chính thức “Tiếc thương cho nhân dân Triều Tiên Bị nô dịch, ba nước lớn kể trên (Mỹ, Anh và Trung Quốc) quyết định sẽ cho Triều Tiên tự do và độc lập vào lúc thích hợp”.

Tháng 8 năm 1945, hai quả cầu lửa của bom nguyên tử đã đánh một dấu chấm hết khó quên cho cuộc Đại chiến thế giới thứ hai. Quân đội Liên Xô và quân đội Mỹ nhanh chóng tiến vào Triều Tiên.

Cố vấn quân sự Mỹ đề xuất với tướng Mácsan lấy vĩ tuyến 38 làm giới tuyến, quân đội Liên Xô và quân đội Mỹ chia đôi Triều Tiên mỗi bên một nửa. Ngày 2 tháng 9, được sự đồng ý của quân đội Liên Xô, Viên tướng chỉ huy cao nhất của quân Đồng minh ở vùng Thái Bình Dương, Mácsatơ chính thức ra lệnh: Binh sĩ Nhật ở phía bắc giới tuyến 38 đầu hàng người Nga, ở phía nam giới tuyến 38 do người Mỹ tiếp nhận đầu hàng.

Giới tuyến chia cắt này dài tới 190 dặm Anh⁽¹⁾, được đánh dấu rõ ràng trên bản đồ, song chẳng có ý nghĩa gì về kinh tế. Diện tích khu vực miền Nam

⁽¹⁾ Một dặm Anh = 1,609 km.

rộng 37.000 dặm vuông Anh với 21 triệu dân, nhân khẩu nông nghiệp chiếm hai phần ba. Trong 21 thành phố lớn của Triều Tiên, tuy miền Nam chiếm 12, trong đó có thủ đô Xơ Un với 2 triệu dân, nhưng cơ bản vẫn là nền kinh tế nông nghiệp, từ xưa tới nay chuyên cung cấp lương thực cho cả nước. Diện tích miền Bắc tuy rộng tới 48.000 dặm vuông Anh, nhưng dân số chỉ có 9 triệu; do miền Bắc có nguồn thủy điện dồi dào nên phần lớn nhà máy đều đặt ở đây, trong đó bao gồm công nghiệp hóa học, gang thép, xi măng, phân bón..., sản phẩm của chúng chỉ viện cho kinh tế nông nghiệp miền Nam. Xét về kinh tế, hai miền đều không thể tự cung tự cấp được.

Giới tuyến 38 một lần nữa chia cắt Triều Tiên làm hai miền, nó cũng được cả thế giới biết đến vì cuộc chiến tranh trong những năm tháng sau này.

Bán đảo Triều Tiên đã im tiếng súng, nhưng nhân dân lại bắt đầu bị hành hạ đủ điều vì tình hình chính trị luôn biến động khi đó.

Người Mỹ vào Xoun làm hồi lòng, hồi dạ Lý Thừa Vãn, kẻ từ lâu đã phiêu bạt nơi đất khách quê người. Ông ta khát khao được người Mỹ giúp đỡ, trở về Triều Tiên làm “Tổng thống” như hằng mơ ước. Mácácơ đã giúp ông ta thực hiện được lý tưởng của mình. Nghe nói, trong vô số những kẻ tự phong làm lãnh tụ, Mácácơ sở dĩ ung nhất Lý Thừa Vãn cũng là nhờ kết quả ông ta đã hỏi ý kiến Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch chưa từng gặp Lý Thừa Vãn, nhưng thấy Lý Thừa Vãn là tín đồ Cơ đốc rất ngoan đạo, là phần tử chống Cộng kiên quyết, vững vàng, nên có ý ủng hộ, “anh hùng tương đắc” mà!

Thế rồi Lý Thừa Vãn trở về Xoun. Sau 30 năm xa đất nước nay bỗng chốc trở thành “lãnh tụ của toàn dân Triều Tiên” y như trong tưởng chèo. Ngày 20 tháng 7 năm 1948, được người Mỹ ủng hộ, Lý Thừa Vãn “đắc cử” Tổng thống Hàn Quốc, chính thức bước ra sân khấu múa may.

Sau đó 26 hôm, ở miền Bắc, nhân dân Triều Tiên thành lập Chính phủ Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Triều Tiên do Kim Nhật Thành làm Thủ tướng.

Đó là nguồn gốc tên gọi hai miền Nam, Bắc Triều Tiên.

Cuối năm 1948, quân đội Liên Xô rút khỏi Bắc Triều Tiên, và đề nghị quân Mỹ cũng đồng thời rút quân. Nhưng người Mỹ nghi ngờ việc rút quân của Liên Xô, nên vẫn để lại một đội quân chiến đấu 7.500 người, mãi đến ngày 30 tháng 6 năm 1950 mới rút hết. Tuy thế, một đoàn cố vấn quân sự Mỹ vẫn ở lại, với nhiệm vụ giúp Lý Thừa Vãn huấn luyện quân đội.

Khi quân Mỹ rút khỏi Triều Tiên, đã chuyển giao cho quân đội Hàn Quốc cả một kho vũ khí lớn trị giá tới 110 triệu USD, đủ trang bị cho một đội

quân mặt đất 50.000 người. Với 100.000 khẩu súng, 50 triệu viên đạn dùng cho vũ khí nhẹ, 2000 ống phóng tên lửa, hơn 40.000 xe cộ cùng rất nhiều đại bác và súng cối.

Người Mỹ đi rồi, nhưng đã để lại cho Lý Thừa Vãn một kho thuốc nổ, đó chính là tai họa tiềm ẩn của một cuộc chiến tranh. Kho thuốc nổ này sớm muộn cũng bùng nổ và đám khói khổng lồ của vụ nổ này sẽ phủ bóng đen lên tâm hồn của người Triều Tiên.

Giang sơn ba ngàn dặm của xứ sở này vẫn bị chia cắt như cũ, nỗi bất hạnh và những tai họa vẫn tiếp tục xảy ra trên đất nước Triều tiên.

Quân đội “Hàn Quốc” bị đánh tan tác

Không khí chiến tranh ngày càng dâng cao, và cuối cùng vào sáng sớm ngày 26 tháng 6 năm 1950, cuộc nội chiến giữa Nam Bắc Triều Tiên đã bùng nổ. “Quân đội Hàn Quốc” tuy do người Mỹ vũ trang, huấn luyện, nhưng về tinh thần, tổ chức thì thua xa quân đội nhân dân Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên. Cuộc chiến nổ ra chẳng bao lâu, quân Bắc Triều Tiên nắm quyền chủ động trên chiến trường, tấn công mãnh liệt quân Lý Thừa Vãn.

Vào một ngày chủ nhật, bộ binh quân đội nhân dân được xe tăng yểm hộ theo hai đường quốc lộ chính tiến xuống miền Nam đánh thẳng vào Xoun.

Hướng tấn công chính là tuyến Thiết Nguyên – Nghị Chính– Xoun. Mũi này gồm 2 sư đoàn và một trung đoàn, tổng cộng 18.000 quân, do tăng T34 của Liên Xô dẫn đường, và được hỏa lực đại bác, súng cối và trọng liên Liên Xô yểm hộ.

Mũi thứ hai tiến theo đường quốc lộ chạy dọc bờ biển phía tây. Đây là trục đường chính nối giữa Xoun và Bình Nhưỡng. Ở hướng này, binh lực của quân đội nhân dân cũng chiếm ưu thế. Đó là hai lực lượng chính tấn công Xoun. Vì mạng lưới giao thông của Nam Triều Tiên đều tập trung xung quanh Xơ Un, cho nên việc tấn công thành phố này có ý nghĩa rất quan trọng.

Sĩ khí của quân Lý Thừa Vãn rất kém, mất hết tinh thần chiến đấu, trong khi quân Bắc Triều Tiên thế như chẻ tre, hăng hái truy kích.

Một phóng viên của tờ “Tin nhanh hàng ngày” (Luân Đôn) có mặt sớm nhất ở mặt trận đã miêu tả khá điển hình cảnh quân Lý Thừa Vãn rút chạy như sau:

Tôi nhìn thấy những chiếc xe ô tô vận tải, sĩ quan chỉ huy cao cấp ngồi giữa binh lính, di tất tay trắng muốt một tay cầm kiếm, một tay cầm cành cây

làm ô che.

Hiện tượng kỳ kỳ thấy ở nhiều nơi là một số binh sĩ Hàn Quốc phi ngựa chạy trốn, có những tên dùng súng bắt dân thường cởi quần áo ra cho chúng mặc để dễ bề lẫn vào dòng người chạy loạn, sĩ quan chỉ huy đứng ngay cạnh đó cũng mặc kệ.

Xế chiều ngày hôm đó, máy bay chiến đấu của quân Bắc Triều Tiên oanh tạc khu vực xung quanh Nhà Xanh của Tổng thống Lý Thừa Vãn (sở dĩ gọi là nhà xanh, vì ngôi lợp toà nhà đó màu xanh). Cuộc tấn công thần tốc đã làm cho “Tổng thống” cuống cuống. Nhận được báo cáo Xoun có thể thất thủ, ông ta định chuẩn ngay để khỏi bị bắt. Tối hôm đó, Lý Thừa Vãn cứ suy đi nghĩ lại nên chuẩn hay nên ở. Khoảng 9 giờ, Quyền Bộ trưởng Quốc phòng Thân Thiệt Mô mời Đại sứ Mỹ Mugi đến cùng nhau bàn bạc, Theo Mugi nói lại sau này:

Tôi vừa tới, Tổng thống Lý đã nói với tôi là nội các vừa mới họp, cho rằng nếu Tổng thống rơi vào tay Cộng sản sẽ là một tai họa cho sự nghiệp của Triều Tiên. Hơn nữa khả năng phòng thủ tương đối kém, rút khỏi Xoun là hay nhất.

Nghe nói vậy, tôi cảm thấy ngạc nhiên quá. Tôi thận trọng nhắc Lý Thừa Vãn, quân đội của ông trước cuộc tấn công chớp nhoáng này đánh đấm cũng không đến nổi tới, chưa có cánh quân nào buông súng. (Thực ra, một số đơn vị đã bị xóa sổ hoặc rã rời tan tác). Tôi đồng ý với ý kiến của ông rằng, trên đời này không có gì tệ hại hơn là rơi vào tay cộng sản. Chúng ta đứng trước vấn đề gay cấn là vấn đề thời gian, cũng tức là vấn đề tận dụng mọi khả năng ở lại Xoun để khích lệ quân đội, đồng thời lại không được để cho địch bắt.

Mugi bảo với Lý Thừa Vãn rằng nếu ông ta chạy trốn, tin ấy lan ra “sẽ không có một binh sĩ Nam Triều Tiên nào chống lại cuộc tấn công của Bắc Triều Tiên”. Nhưng do quá hoảng sợ, Lý Thừa Vãn vẫn khẳng khái muốn ra đi. Vì thế, viên Đại sứ Mỹ đành nói:

- Thôi được, ngài Tổng thống cứ tự quyết định, còn tôi tôi sẽ ở lại.

Thái độ của Mugi cuối cùng đã làm cho Lý Thừa Vãn thấy vững tâm hơn. Ông ta đồng ý ở lại Xơ Un, ít nhất cũng là tới hôm đó.

Trước sự tấn công mãnh liệt của quân Bắc Triều Tiên quân Lý Thừa Vãn được Mỹ mệnh danh “người hùng” của Châu á đã bị đánh tan tác tới bởi.

Đalet hò hét dùng vũ lực

Khi cuộc nội chiến ở Triều Tiên bùng nổ, người phát ngôn của Bộ

Ngoại giao Mỹ, một nhân vật nổi tiếng của Đảng Cộng hoà Giôn Phớtơ Đalét đang ở Tôkyô (Nhật Bản). Trước đó mấy hôm, Đalét có tới thăm Nam Triều Tiên, chụp ảnh kỷ niệm với các binh sĩ Hàn Quốc ở vĩ tuyến 38 trong tư thế rất “oách”, Đalét nói chuyện với Quốc hội Nam Triều Tiên để hà hơi tiếp sức cho các ông nghị:

Về mặt tinh thần, Liên Hợp Quốc coi các ngài là một trong những thành viên của họ... Nhân dân Mỹ hoan nghênh các ngài trở thành một thành viên bình đẳng trong đại gia đình thế giới tự do... Do đó, tôi cần nói với các ngài rằng: Chỉ cần các ngài tiếp tục phát huy có hiệu quả vai trò của mình trong sự nghiệp vĩ đại sáng tạo tự do cho loài người, các ngài vĩnh viễn không bị cô lập.

Lúc này, tại văn phòng Bộ Tư lệnh quân Đồng minh ở Tôkyô, Đalét và Tư lệnh quân chiếm đóng Nhật Bản Mácácơ đang trao đổi ý kiến về vấn đề Triều Tiên. Mácácơ là người có uy tín rất lớn trong giới quân sự Mỹ, được mệnh danh là “người hùng” trong Đại chiến thế giới lần thứ hai. Mácácơ là một kẻ điên cuồng chống cộng. Ngay từ đầu thế kỷ 20, ông ta đã theo cha viễn du Châu Á, sau này lại đến Philippin đảm nhiệm chức Tư lệnh tối cao quân đội Mỹ. Mácácơ ý thức đầy đủ tầm quan trọng của Châu Á đối với lợi ích của nước Mỹ, “gần một nửa dân số thế giới sống ở đây, trên một nửa nguyên liệu sinh hoạt duy trì các thể hệ tương lai được sản xuất ở đây”. Theo Mácácơ, tương lai của nước Mỹ và sự sống còn của nó gắn bó chặt chẽ với Châu Á, và các đảo tiền tiêu của nó”. Cuộc đời thăng trầm của cá nhân Mácácơ, cũng liên quan chặt chẽ với Châu Á.

Khi trao đổi với Mácácơ, Đalét thấy ông ta tỏ ra bình tĩnh đối với cuộc chiến vừa xảy ra, miệng ngậm chiếc tẩu cọng ngô rất quen thuộc với mọi người, cổ áo sơ mi kaki phanh ra, thái độ tỏ ra rất khinh thường. Mácácơ nói với Đalét: Phải chặn cuộc tấn công của quân cộng sản lại, nhưng tất cả không được hoảng loạn. “Giả dụ Oasinhton dùng làm vương chân vương tay tôi, tôi có thể buộc một tay sau lưng, chỉ dùng một tay thôi cũng đủ đối phó”. Thái độ ngông cuồng muốn nhảy vào cuộc chiến của Mácácơ bộc lộ rất rõ ràng.

Từ biệt Mácácơ, Đalét trở về khách sạn thảo ngay một bức điện gửi cho Quốc vụ khanh Êkixon.

Người Nam Triều Tiên có khả năng dùng lực lượng của mình đánh lui cuộc tấn công, nếu được như vậy thì không còn gì tốt hơn. Nhưng nếu họ không đủ sức làm được việc đó, chúng tôi tin chắc phải dùng tới quân đội Mỹ... Ngồi nhìn Nam Triều Tiên vô cơ bị tấn công vũ trang, e sẽ sinh ra những tai họa khác, rất có thể

cuối cùng đưa tới cuộc Đại chiến thế giới lần thứ ba.

Ngày chủ nhật, thời gian ở Mỹ là vào trước lúc trời rạng sáng, điện của Đalét tới Oasinhton. Êkixon đọc rất kỹ bức điện. Êkixon biết rõ Đalét là người phát ngôn chính về chính sách Ngoại giao của Đảng đối lập. Theo Quốc vụ khanh Êkixon, Đalét không phải loại người tầm thường, ý kiến của ông ta cần phải được tôn trọng. Đalét thảo bức điện này tại khách sạn ở Tôkyô, với việc làm này, ông ta trở thành người đầu tiên bằng văn bản nêu ra việc Mỹ cần sử dụng lực lượng quân sự can thiệp vào cuộc nội chiến của Triều Tiên.

Nhận được điện của Đalét, đúng 11 giờ 30 sáng, Êkixon triệu tập một cuộc họp của Quốc vụ viện⁽¹⁾

Thành phần các quan chức tới dự họp chứng tỏ Lầu Năm Góc chỉ giữ vai trò thứ yếu trong cuộc họp này. Dự cuộc họp, ngoài Quốc vụ khanh Êkixon còn có Phó Quốc vụ Khanh Giêm và Trợ lý Quốc vụ khanh Ratxơ, các nhân vật số 1, số 2 và số 3 của Quốc vụ viện đều đến cả. Quan chức của Lầu Năm Góc tới họp chỉ có tham mưu trưởng Lục quân Laoton Côlin và Phó Tham mưu trưởng phụ trách hành động chuẩn tướng Tômát, đều là những nhân vật cấp thấp trong Bộ Quốc Phòng.

Hội nghị đã đưa ra những kiến nghị sau:

- Lực lượng không quân và hải quân Mỹ bố trí một vành đai bảo vệ xung quanh Xơ Un, sân bay Kim Phố và cảng Nhân Xuyên để bảo đảm cho việc di tản an toàn các gia đình Mỹ.

- Giao quyền cho tướng Mácácơ, căn cứ vào đề nghị của đoàn cố vấn Mỹ đóng ở địa phương, cung cấp cho Nam Triều Tiên mọi trang bị cần thiết, không giới hạn trong kế hoạch hiện hành.

- Chỉ cần quân đội Hàn Quốc còn sức chiến đấu, cố vấn quân sự Mỹ sẽ phải ở lại cùng với họ.

- Quyền hạn của Mácácơ phải được bao gồm cả quyền chỉ huy các hành động quân sự của Mỹ ở Nam Triều Tiên.

- Chờ Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc bỏ phiếu thông qua "hành động chung" ở Nam Triều Tiên, "sẽ giao quyền và chỉ thị" cho Mácácơ sử dụng mọi lực lượng kể cả Hạm đội 7, để "ổn định tình hình", bao gồm cả việc khôi phục lại nguyên trạng giới tuyến 38 trong trường hợp có thể".

Tất cả những "kiến nghị" đó đều chưa trình Tổng thống phê duyệt, chỉ

⁽¹⁾ Bộ phận quản về ngoại giao và một phần nội chính trong Chính phủ Mỹ (ND).

thông qua tại Hội nghị và phát thẳng cho Mácácơ bằng máy têlêch (còn gọi là điện đàm).

Cuối cuộc điện đàm, Êkixon nhắc lại cho Mácácơ biết những kiến nghị này chưa qua Tổng thống phê duyệt, chỉ cung cấp để ông ta “tham khảo khi vạch kế hoạch”. Ngoài ra, Quốc vụ viện còn kiến nghị Mácácơ cử một “tổ quan sát” đi Nam Triều Tiên để xác định xem cần đưa quân đội vào với quy mô như thế nào để xoay chuyển được tình thế mà vẫn giữ được chính quyền Lý Thừa Vãn.

Mácácơ rất hài lòng về những kiến nghị của Oasinhton. Từ lâu ông ta đã muốn dùng phương thức chiến tranh để giải quyết vấn đề Triều Tiên, ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản. “Hãy cùng hành động với chúng tôi. Chúng tôi rất tán thành phương châm biến bại thành thắng. Cảm ơn”. Với giọng huênh hoang tự cho mình là ghê gớm, Mácácơ kết thúc cuộc điện đàm với Oasinhton.

Sau cuộc trao đổi với Oasinhton Mácácơ hạ lệnh tăng cường vận chuyển đạn dược đến Nam Triều Tiên, và kiến nghị đưa chủ lực Hạm đội 7 đang tập kết ở Philippin sang đó. Ngài Mácácơ hiểu chiến cảm thấy rạo rục trong người.

IV. KHÁCH SẠN BULO RA QUYẾT ĐỊNH

Tổng thống Lý Thừa Vãn bỏ chạy

Trong khi Nhà Trắng và Lầu Năm Góc vạch kế hoạch vũ trang can thiệp vào cuộc nội chiến ở Triều Tiên thì Tổng thống Toruman cũng đang ấp ủ trong đầu những ý nghĩ về cuộc chiến này. Lúc này Toruman đang nghỉ tại nhà riêng.

12 giờ 30 trưa chủ nhật, Tổng thống nhận được điện thoại khẩn của Êkixon, “đề nghị” ông trở về Oasinhton ngay.

Sau một hồi bận rộn chuẩn bị, Toruman tập hợp nhân viên tùy tùng cấp tốc ra sân bay Kanzát. 1 giờ 57, phút chiếc máy bay riêng của Tổng thống cất cánh. Các phóng viên chẳng thu thập được tin tức gì mới, phân tán đi các nơi tìm thú vui trong lúc rỗi rãi, vì chiếc máy bay thuê bao trước của Công ty Hàng không Mỹ mãi đến 5 giờ chiều mới cất cánh. Mấy trợ thủ của Toruman cũng bối rối leo lên chiếc máy bay thuê cho các phóng viên, giấc ngủ trưa của họ bị gián đoạn bởi sự ra đi đột ngột của Tổng thống.

Trên đường bay về Oasinhton, Toruman ngồi một mình suy nghĩ, ông đoán chắc cuộc tấn công này là do người Nga xúi giục. Ông nói: “Tôi dám

khẳng định... phải ăn miếng trả miếng. Kết luận mà tôi rút ra là chỉ có thực lực mới là thứ ngôn ngữ mà bọn thống trị độc tài nước Nga hiểu được. Chúng ta cần phải dùng thực lực làm cơ sở giáng đòn chí tử vào đầu chúng và đánh bại chúng”.

Từ trên máy bay, Toruman đánh một bức điện yêu cầu Êkixơn, các tướng lĩnh cao cấp và cố vấn Ngoại giao ngay tối hôm đó tổ chức cuộc Hội nghị chiến lược tại khách sạn Buler (Trong thời gian tu sửa Nhà trắng, gia đình Toruman chuyển đến ở khách sạn Buler, một khách sạn lộng lẫy sang trọng thường dùng làm nơi ăn nghỉ cho các khách quý, nằm ở phía tây Nhà Trắng chỉ cách một khu phố)

Sau đó, Toruman gọi Bộ trưởng Tài chính Giôn Xnâyđơ tới gặp tại khoang riêng của ông. Tổng thống nói:

- Tôi chưa rõ tình hình nghiêm trọng đến mức nào. Các vị ở Oasinhton hầu như đều cho là tình thế khá nghiêm trọng - Ông như lắm bầm - Tôi chưa rõ, quả thật là chưa rõ người Nga đã nhúng vào vụ này tới mức độ nào.

Toruman chuyển sang hỏi công việc thuộc chức trách của Xnâyđơ:

- Giả dụ tình thế nghiêm trọng, ông thấy Bộ Tài chính có thể tiến hành ngay được những biện pháp gì?

Hai người trao đổi cách thức ngăn cản những cố gắng của Quốc hội đang thực hiện nhằm giảm bớt thuế hàng hóa (đánh nhau thì phải cần tới tiền của người nộp thuế). Họ đồng ý thu hồi dự toán ngân sách năm tài chính tới vừa mới được hoàn thành trước đây mấy ngày. Xnâyđơ kiến nghị:

- Nếu tình hình nghiêm trọng, chúng ta phải bắt tay vào nghiên cứu mức thuế hiện nay cần tăng bao nhiêu và nên định ra những khoản thuế mới nào.

Toruman đồng ý, sau đó kết luận, giả dụ cuộc chiến nổ ra, “chúng ta phải hết sức thận trọng, tránh thâm hụt quá lớn”

Sự phán đoán vội vã của Toruman cho rằng Kremli đã nhúng tay gây ra cuộc chiến tranh mới này đã được Oasinhton tán đồng rộng rãi. Ngày chủ nhật, các bản báo cáo đều mở đầu bằng những lời lẽ đổ trách nhiệm cho Liên Xô.

Theo nhà cầm quyền Oasinhton, những hiện tượng gây rối và những biểu hiện điều động quân đội của phía Liên Xô đang diễn ra ở rất nhiều nơi chuyên gia hàng đầu về các vấn đề Liên Xô trong Quốc vụ viện Gióocgiơ Káynan (từng làm Đại sứ ở Mátxcova) nhận được thông báo miệng rằng Toruman muốn nghe ý kiến của ông ta về vấn đề “Nga đang tăng cường hoạt

động ở những nơi khác... đó phải chăng là bước mở đầu cho một loạt hành động của người Nga". Káynan triệu tập mấy "chuyên gia về Kremli" cùng nghiên cứu các báo cáo tình báo và các bức điện qua lại trong thời gian gần đây, điều khiến mọi người lo ngại. Trong 6 tháng trước đây, bằng đường biển và đường sắt, Liên Xô liên tục vận chuyển một khối lượng lớn trang bị vũ khí và đồ quân dụng vào Anbani, Rumani, Bungari. Nguyên nhân vì sao thì các nhà phân tích mỗi người nói một phách: Số vật tư này dùng thay thế vũ khí cũ, hay là dùng để diễn tập vào mùa hè? Dùng giúp cho du kích hoạt động, hay là chuẩn bị sẵn cho bộ đội địa phương hoặc cho quân đội Liên Xô sử dụng trong tác chiến sau này? Liên Xô đã tuyên bố hạm đội Hắc Hải cuối thu năm nay sẽ diễn tập với quy mô lớn ở vùng ven biển Thổ Nhĩ Kỳ...

Sức mạnh của Tổng thống Toruman là ở trí lực trực giác và quyết tâm độc lập phấn đấu, chưa đạt mục đích quyết không chịu lùi bước; niềm tin của Tổng thống Toruman là niềm tin của một người đã khắc phục được mặc cảm tự ti trong nhiều năm. Ông khát khao trở thành nhân vật lịch sử thanh thế lẫy lừng được mọi người ghi nhớ. Điều đó không có gì lạ thời đại chiến tranh lạnh này, hai phe Đông-Tây đều đã phát huy tối đa sức tưởng tượng của mình trong việc đánh giá thực lực của đối phương. Toruman ủng hộ chính quyền Lý Thừa Vãn, cũng chính là muốn dùng ông ta làm vị trí tiền tiêu chống Cộng quan trọng. Ý tưởng của Toruman và các đồng sự của ông này chính là sản phẩm của thời đại "kiếm đã rút, cung đã giương"

Trong khi Tổng thống Toruman đang trên máy bay thì tại phòng làm việc, Êkixon vẫn đang cân nhắc các ý kiến khác nhau. Ông muốn trước khi Tổng thống về đến nơi đã chuẩn bị xong nội dung báo cáo. Theo quan điểm của Êkixon, Liên Xô đã gây ra cuộc tấn công này và thời điểm cần phải hành động cũng gần đã đến. Ông hy vọng Liên Hợp Quốc có thể cùng hành động, nhưng nếu phải hành động một cách đơn thương độc mã cũng không phải là không được. Ý tưởng của Êkixon ngả về phía chiến tranh. Các lực lượng đều đang từng bước từng bước đẩy nước Mỹ vào vị thế của kẻ xâm lược.

Xưa nay, những kẻ xâm lược đều phải núp dưới danh nghĩa người bảo vệ công lý, chính nghĩa. Niềm thất vọng của Mỹ đối với tập đoàn Lý Thừa Vãn, sự sợ hãi của Mỹ trước trào lưu cộng sản, đã tâm bá quyền bành trướng ra bên ngoài của Mỹ, tất cả cuối cùng đã dẫn Mỹ tới con đường chiến tranh; nhưng người Mỹ lại qui tội gây ra chiến tranh cho kẻ khác. "Muốn gán tội lỗi, lo chi ngôn từ?" Khoảng 6 giờ chiều ngày chủ nhật, tức 1 tiếng đồng hồ trước khi Toruman từ nhà riêng về đến Oasinhton, với 9 phiếu thuận, 0 phiếu

chống, Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc do Mỹ thao túng đã thông qua Dự thảo nghị quyết do Quốc vụ viện Mỹ đưa ra, lên án Bắc Triều Tiên, kêu gọi quân đội Bắc Triều Tiên rút về giới tuyến 38.

Điều đó làm cho Quốc vụ viện Mỹ cảm thấy hài lòng.

Đoàn đại biểu Liên Xô không quay lại Hội đồng Bảo an tham gia bỏ phiếu, do đó mất cơ hội sử dụng quyền phủ quyết, nên Dự thảo nghị quyết trên đã thành Nghị quyết có đầy đủ hiệu lực về mặt pháp lý. Bản Nghị quyết qui tội gây chiến tranh cho người Bắc Triều Tiên. Được thế êkixon đã thoả mãn lắm rồi, vì người Mỹ thừa biết muốn Liên Hợp Quốc ra một mệnh lệnh mạnh mẽ hơn là một công việc phức tạp, không thể nóng vội được.

Khoảng 7 giờ tối, Tổng thống Toruman về tới Oasinton. Trên quãng đường ngắn từ sân bay về đến khách sạn, êkixon, Bộ trưởng Quốc phòng Lui Giônson và Phó Quốc vụ khanh Giêm báo cáo vắn tắt tình hình với Tổng thống. Toruman gật đầu liên tục, tỏ ý hài lòng về kết quả biểu quyết của Hội đồng Bảo an. Về tới khách sạn, Toruman tranh thủ gọi điện cho vợ báo tin đã về tới nơi an toàn. Sau đó ông xuống lầu đến phòng khách. Tại phòng khách, mười ba quan chức cao cấp phụ trách quân sự và Ngoại giao, đã tề tựu đông đủ. Bộ Quốc phòng có tám người, ngoài Bộ trưởng Quốc phòng Giônxon, có các Bộ trưởng các bộ Lục quân, Hải quân, Không quân, các Tham mưu trưởng ba quân chủng Hải, Lục, Không quân và Chủ tịch Hội đồng tham mưu trưởng. Về phía Quốc vụ viện, ngoài Quốc vụ khanh Êkixon, có thêm bốn người nữa cùng tham dự.

Cuộc họp vừa bắt đầu đã đi chệch chủ đề chính, Bộ trưởng Quốc phòng Giônson và Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng hôm trước vừa từ Viễn Đông về đã phát biểu. Trong thời gian thăm Viễn Đông, Mácácơ ép họ phải nhận một bản bị vong lục dài dằng dặc về vấn đề Đài Loan. Vào cuộc họp, ông Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng đọc bản bị vong lục cho mọi người nghe (theo yêu cầu của Giônson). Mácácơ khẩn cấp kêu gọi Tổng thống Toruman thay đổi chính sách “nước Mỹ không có ý định bảo vệ Đài Loan” mà Tổng thống tuyên bố hồi tháng 1. Mácácơ ví hòn đảo này như “chiếc hàng không mẫu hạm và tàu ngầm không bao giờ chìm”, và cho rằng đem dâng nó cho một chính quyền không thân thiện “sẽ là một tai hoạ lớn đối với nước Mỹ”. Mácácơ tỏ ý muốn, thậm chí tha thiết muốn được đi thăm Đài Loan, và làm cuộc điều tra xác định “nhu cầu và mức độ viện trợ quân sự” để bảo vệ hòn đảo đó khỏi bị xâm lược. Những người dự họp từ lâu đã quá quen thuộc với những luận điểm đó, do đó chẳng ai chen lời và cũng chẳng ai bày

tỏ ý kiến của mình. Êkixon nghĩ thầm, Giônson tại sao lại phải đưa vấn đề này ra ở cuộc họp không bình thường này. ông Chủ tịch hội đồng Tham mưu trưởng vừa đọc xong bản bí vong lục thì vị Giám đốc khách sạn kiêm quản gia phục vụ Tổng thống từ thời Chính phủ Huvơ đến giờ bước vào cất ngang cuộc họp, mời mọi người đi dùng cơm.

Sau bữa cơm, chén bát được dọn đi, chiếc bàn ăn gỗ gụ hình bầu dục trở thành bàn Hội nghị. Tổng thống phát biểu đầu tiên, ông nói bản thân “không có sẵn một khung tư tưởng” mà muốn lắng nghe mọi ý kiến phân tích. Tạm thời, ông chưa đưa ra bất kỳ một quyết định quan trọng nào. Tiếp theo, ông mời Êkixon trình bày về tình hình Triều Tiên. Êkixon nhắc qua lại những sự kiện xảy ra từ khi nhận được bản báo cáo đầu tiên đến giờ, nhận định chiến tranh đã “gây ra sự hỗn loạn to lớn, và tình hình đang khiến người ta phải lo ngại”. Sau đó, ông nêu ra ba kiến nghị rút ra từ cuộc thảo luận hồi trưa với các quan chức của Quốc vụ viện và Bộ Quốc phòng:

- Giao quyền cho Mácácơ chuyển cho Nam Triều Tiên vũ khí và trang bị ngoài kế hoạch chi viện quân sự.

- Dừng không quân yểm trợ cho phụ nữ và trẻ em Mỹ sơ tán, bắn trả tất cả những máy bay và xe tăng của Bắc Triều Tiên mưu toan ngăn chặn cuộc rút lui.

- Ra lệnh cho Hạm đội 7 từ Philippin chuyển lên phía bắc để ngăn chặn Trung Cộng tấn công Đài Loan.

Cuối cùng, Êkixon đề nghị viện trợ gấp cho Đông Dương thuộc Pháp, giúp Chính phủ địa phương đánh trả “những phần tử phiến loạn dân tộc chủ nghĩa chống Pháp”.

Đến lượt Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng phát biểu. Ông ta nói: “Chúng ta cần phải vạch giới tuyến ở một nơi nào đó” và theo ông ta, vạch giới tuyến ở Triều Tiên là tốt hơn cả. Ông ta đồng ý thực thi kế hoạch hành động theo đề nghị của Êkixon. Máy bay chiến đấu phản lực bay trên bầu trời Triều Tiên có thể “mang lại hiệu quả lớn trong việc cổ vũ sĩ khí... cho dù chúng có thể không bắn trúng xe tăng của Bắc Triều Tiên”.

Tổng thống Toruman nêu ý kiến, liệu Mỹ có thể phá huỷ được căn cứ không quân của Liên Xô ở Viễn Đông không?

Tham mưu trưởng không quân, tướng Vandenbua trả lời. Nhưng nếu chúng ta dùng bom nguyên tử sẽ giải quyết được ngay.

Khi phát biểu tổng kết, Toruman phê chuẩn một loạt mệnh lệnh: Tướng Mácácơ cung cấp cho Nam Triều Tiên khoản viện trợ như dự định và cử sang

đó một tổ quan sát. Hạm đội 7 di chuyển về hướng Nhật Bản. Không quân “cần bắt tay ngay vào việc vạch kế hoạch phá hủy toàn bộ căn cứ không quân của Liên Xô ở Viễn Đông”. Toruman nhấn mạnh, đây “không phải là cuộc họp bàn để tấn công mà là một cuộc họp xác định các kế hoạch” và Quốc vụ viện cũng như Bộ Quốc phòng phải dự đoán thận trọng xem Liên Xô tiếp theo sẽ hành động ở đâu.

Toruman nói thêm, tất cả những hành động này phải được thực hiện trong khuôn khổ nghị quyết của Liên Hợp Quốc vừa được thông qua. Ông vẫn “chưa quyết định” bổ nhiệm Mácácơ làm Tổng Tư lệnh ở Triều Tiên. Ông chỉ thị, tất cả những việc này không được tiết lộ với giới báo chí, dù chỉ giới thiệu bối cảnh cũng không được phép. Trong phiên họp Quốc hội nghe giải trình về những khoản chi dự định tổ chức vào hôm sau, Êkixon và Giônson phải giữ thái độ im lặng, không được nói đến vấn đề Triều Tiên.

11 giờ đêm, những người dự họp theo của bên lặng lẽ rời khách sạn để tránh gặp mặt với các phóng viên đang tụ tập ở phố Penxinvania

Các quan chức quân sự dự họp đi thẳng tới Lầu Năm góc, tổ chức cuộc điện đàm qua máy telex với Mácácơ. Mácácơ nhận được câu trả lời khẳng định rằng Tổng thống đồng ý phê chuẩn 4 “kiến nghị” đã thông báo và được cảnh báo rằng: “Cơ quan cấp trên sẽ căn cứ vào diễn biến tình hình quân sự, chính trị để có quyết sách tiếp theo”.

Trong khi đó, tại khách sạn Buler, Toruman yêu cầu Êkixon và Phó Quốc vụ khanh Giêm cùng thảo luận với ông về một số vấn đề không liên quan đến Triều Tiên. Trao đổi xong, Toruman nói: “Chúng ta uống một chút gì chứ, hôm nay quá bận”. Sau khi rót một cốc rượu BuốcBông, Toruman bỗng cảm thấy người nhẹ nhõm: “Tôi mong và cầu nguyện rằng sau này không phải đưa ra những quyết định như hôm nay. Nhưng xét cho cùng, ngoài những biện pháp đó, tôi không tìm ra được những biện pháp khả thi khác”.

Toruman lắc lắc chiếc cốc đầy rượu Buốc bông, quay sang Giôn:

- Bây giờ có rượu, tôi quăng mọi thứ lên chín tầng mây rồi. Mạ nói tóm lại, tôi cũng vì Liên Hợp Quốc mới làm như vậy.

Suy nghĩ giây lát, ông nói tiếp:

- Tôi đã tin vào Hội Quốc liên, nhưng nó đổ rồi. Nhiều người cho rằng nó đổ là vì chúng ta chưa gia nhập và ủng hộ nó, đành vậy. Bây giờ chúng ta đã thành lập tổ chức Liên Hợp Quốc. Đây là chủ ý của chúng ta. Liên Hợp Quốc lần đầu tiên đang đứng trước một thử thách to lớn, chúng ta không được để cho nó sụp đổ. Nếu cơ chế hợp tác của Liên Hợp Quốc khả thi, thì phải thúc đẩy

cho nó vận hành. Bây giờ là lúc Liên Hợp Quốc ra bài rồi.

Tổng thống Toruman chỉ thành thoi được có một ngày. Tối hôm sau, tức tối thứ hai, ông lại phải quay lại chiếc bàn tròn gỗ gụ của khách sạn Buler. Những bức điện của Đại sứ Mỹ ở Nam Triều Tiên đánh về giọng càng ngày càng bi quan. Lý Thừa Vãn và các quan chức cao cấp của ông ta đã trốn chạy khỏi Xơ Un, chuẩn bị thành lập “Chính phủ lưu vong” ở Nhật Bản. Cuộc họp bắt đầu thì Toruman nhận được tin không quân Mỹ bắn rơi chiếc máy bay đầu tiên của quân đội Bắc Triều Tiên. Ông không kìm được nổi vui mừng hiện trên nét mặt:

- Tôi hy vọng đây không phải là chiếc cuối cùng.

Cuộc họp tối nay sẽ đưa ra quyết định hải quân và không quân Mỹ dốc toàn lực, “tận dụng khả năng tối đa chi viện cho quân đội Nam Triều Tiên, tấn công xe tăng, pháo binh và bộ binh... của Bắc Triều Tiên”

Mácácơ uất quá hóa khủng

Tin Lý Thừa Vãn bỏ chạy làm cho Macacơ ở Tôkyô vô cùng kinh ngạc. Ông ta không ngờ rằng quân đội “Hàn Quốc” lại không chịu nổi một đòn như vậy, chính quyền do người Mỹ nâng đỡ lại bạc nhược như vậy. Câu chuyện thần thoại “dùng một tay có thể đối phó với Bắc Triều Tiên” mà ông ta khoác lác trước kia đã phá sản. Tinh thần ông ta rã rời buồn bực.

Đúng lúc đó, quyết định mới nhất của khách sạn Buler như một liều thuốc trợ tim làm cho Macacơ phấn chấn hẳn lên. Ông ngồi cùng với Tư lệnh không quân Viễn Đông Enpatorích để đọc các mệnh lệnh do máy telex đánh ra. Máy vừa ngừng, Macacơ quay sang Enpatorích vội vã đưa ra “một loạt mệnh lệnh miệng”: Macacơ yêu cầu không quân Viễn Đông trong vòng 36 tiếng đồng hồ “dùng mọi biện pháp có thể” tấn công Bắc Triều Tiên. Ông ta chỉ thị phải lập tức kích dũ dội, để cho “kẻ địch” ngay đêm hôm đó được ném mùi lợi hại của không lực Hoa Kỳ. Macacơ tin chắc, những hành động quyết liệt trên không sẽ “làm cho bọn Bắc Triều Tiên phải rút chạy thảm hại về lãnh thổ của mình”. Macacơ phê chuẩn đề nghị của Patorích, rút từ đảo Guam một đại đội máy bay ném bom tăng cường cho lực lượng không quân Mỹ ở Nhật Bản, nhưng ông ta vẫn nhắc nhở phải thận trọng: không quân Viễn Đông phải luôn luôn sẵn sàng để phòng Liên Xô tấn công Nhật Bản.

Patorích đứng nghiêm chào rồi bước ra khỏi phòng họp. Ông ta cảm thấy, khi Macacơ hành động xem ra có vẻ “gần như vênh vang đắc ý”.

Không quân Viễn Đông bỗng chốc trở nên bận rộn. Các sĩ quan chỉ huy

phái máy bay bay sang Triều Tiên để trực tiếp quan sát và chụp ảnh để phát hiện mục tiêu. Lính hậu cần mặt đất lắp bom cho máy bay ném bom B26, để chúng đi tấn công xe tăng, trận địa pháo, các nơi tập kết hàng quân nhu, cầu đường và mọi công vụ vận tải từ giới tuyến 38 đến mặt trận Bắc Triều Tiên. Máy bay oanh tạc B29 được lệnh bay tuần tra trên bầu trời Nam Triều Tiên tìm mục tiêu có thể công kích lúc chạng vạng tối, không quân đã sẵn sàng, chỉ còn chờ lệnh cất cánh. Một cuộc không chiến đại quy mô trên chiến trường Triều Tiên sắp nổ ra.

Nhưng hành động trong đêm đầu tiên đã gặp trục trặc. Trong 10 chiếc máy bay ném bom B26 có thể xuất kích thì 6 chiếc bị điều đi yểm trợ cho chiếc tàu chở phân bón dùng chuyên chở người tị nạn đang lách chạy trên biển Nhật Bản đến nơi tập kết. Bốn chiếc còn lại lúc nhá nhem tối cất cánh từ sân bay Lốc đi sục sạo tìm kiếm chi đội xe tăng Bắc Triều Tiên nhưng do thời tiết quá xấu và trời tối đen như mực khiến chúng không sao phát hiện được mục tiêu, đành phải quay trở về căn cứ với đầy bụng bom đạn. Tiếp sau đó, bầu trời trên sân bay Lốc mây đen ùn ùn kéo đến, sà xuống thấp, mấy tiếng sau mới tan hết. Cuối cùng, 5 máy bay cũng cất cánh được. Một chiếc do máy móc trục trặc phải quay trở lại, 4 chiếc bay đi Triều Tiên, nhưng thấy bầu trời trên chiến trường mây dày đặc đành phải chờ hết bom đạn về.

Phản ứng của Mácáctơ thế nào trước những khó khăn bất khả kháng đó, không nói cũng biết thái độ lỏng lẻo của Tham mưu trưởng Êtva Amon liên tục gọi điện cho Patorích, bảo phải có một cách nào đó tỏ rõ uy lực của không quân Viễn Đông mới cứu vãn nỗi quân đội Hàn Quốc. Giọng Amon gay gắt, ông ta “yêu cầu ném bom từ giới tuyến 38 đến Xơ Un, không cần quan tâm đến chuyện có trúng mục tiêu hay không”. Nói cách khác, nếu cần thiết, không quân Viễn Đông cứ việc từ trên trời ném bừa bom xuống, chỉ mong sao bom rơi xuống người Bắc Triều Tiên mà đừng rơi xuống đâu “chiến hữu”. Patorích quay sang gây sức ép với cấp dưới của mình, thúc họ phải “nghĩ hết mọi cách”.

Theo lời thượng úy Bran Poti, sáng sớm hôm sau, tức 28 tháng 6, thời tiết trên quần đảo Nhật Bản “cực kỳ xấu”. Anh ta một mình lái chiếc máy bay trinh sát RF-80A xuyên qua mây mù sục sạo tìm dấu vết quân Bắc Triều Tiên. Anh ta gặp may, khi bay lên trên tầng mây sáng, anh ta tìm mọi cách hoàn thành nhiệm vụ trinh sát chiến trường mà không quân lần đầu tiên thực hiện bằng máy bay phản lực. Anh ta báo cáo về sân bay, “chỉ cần phi công bay xuyên qua được các tầng mây trên bầu trời Nhật Bản sẽ có thể bắt được

mục tiêu ở Triều Tiên”.

Không quân Viễn Đông cuối cùng đã hành động. Một lực lượng tiêm kích gồm 12 chiếc máy bay ném bom B26 bay men theo tuyến đường sắt Văn Sơn gần giới tuyến 38. Chúng dùng bom hạng nặng phá huỷ nhiều đoàn tàu, sau đó chúng hạ độ cao gầm rú lao về phía nam, bắn và phóng rốc két vào những mục tiêu xuất hiện trên đường sắt và quốc lộ gần đó. Đối mặt với máy bay Mỹ, quân đội Bắc Triều Tiên không mấy may sợ hãi, bắn trả rất mãnh liệt. Máy bay Mỹ hầu như chiếc nào cũng bị dính đạn pháo. Một chiếc động cơ bị hỏng lao đảo rơi xuống căn cứ không quân Thuỷ Nguyên gần Xơ Un. Một chiếc khác cố tìm cách về được, song bị thương nặng nên cuối cùng không sử dụng được. Còn một chiếc bị bắn tung ổ trục, buộc phải hạ cánh xuống sân bay đầy sương mù và sau đó đã nổ tung, toàn bộ nhân viên trên máy bay đều bỏ mạng.

Máy bay B29 hay còn gọi là “pháo đài bay” của quân Mỹ, là loại máy bay ném bom chiến lược. Vì Mácácơ khăng khăng giữ ý kiến của mình nên không quân Viễn Đông đã dùng chúng làm máy bay chỉ viện chiến thuật. Gần chập tối, 4 chiếc pháo đài bay bay dọc theo quốc lộ ở phía bắc Xơ Un và con đường sắt chạy song song. Phi công trên máy bay chỉ cần nhìn thấy một chiếc xe tải, một cỗ xe tăng, thậm chí một tốp người, bất kể họ có phải là binh sĩ Bắc Triều Tiên hay không, thấy “ngứa mắt” “khả nghi” là chúng dội bom ngay. “Thật là chuyện sử dụng kỳ cục máy bay ném bom chiến lược!” – Các nhân viên không quân Mỹ than vãn như vậy – “Nhưng tướng Mácácơ bắt phải tỏ rõ sức mạnh tối đa cơ mà!”

Uất quá hóa khùng, Mácácơ như phát điên lên, nhưng tất cả mới chỉ là bước mở đầu.

V. TỔNG THỐNG TORUMAN DÙNG CON BÀI LIÊN HỢP QUỐC

“Hành động cảnh sát” của Liên Hợp Quốc

Rất rõ ràng, xuất phát từ những tính toán về quyền lợi chính trị và Ngoại giao nên Tổng thống Toruman đã hoãn lại 12 tiếng đồng hồ sau mới công bố với dân chúng Mỹ việc ông ta quyết định đưa hải quân và không quân Mỹ vào Triều Tiên. Quyết định trên Tổng thống đưa ra vào lúc 11 giờ đêm ngày thứ hai, lúc đó khó mà bố trí một cuộc họp điều trần thật cận kề trước Quốc hội. Toruman hiểu rất rõ, muốn lao vào một cuộc chiến tranh cần phải giành được sự ủng hộ về chính trị. Ông ta không muốn những người bạn

Đồng minh quan trọng của mình trong Quốc hội chỉ biết tin qua việc đọc trên tờ “Bưu điện Oasinhton” ra vào sáng sớm thứ ba, vì như thế sẽ mất đi sự ủng hộ của họ. Do đó sáng ngày thứ ba, trước khi thông báo với lãnh tụ Quốc hội, Tổng thống cũng không ra thông cáo báo chí.

Từ Tôkyô, Mácácơ vội vã đánh điện về trách cứ gay gắt là hành động quá chậm chạp. Ông ta cho rằng, cần phải nhanh chóng thông báo cho Nam Triều Tiên biết viện trợ của Mỹ sẽ tới đúng hẹn, tránh để họ tan rã hoàn toàn. Trong cuộc điện đàm qua têlêch vào lúc sau nửa đêm với Phó Quốc vụ khanh Giêm, và Bộ trưởng Lục quân Phrancô Pét, Mácácơ cố cãi lý với họ. Theo ông ta, phải tiêm cho quân đội Nam Triều Tiên một liều thuốc kích thích để nó trụ lại được, nếu không chỉ mấy tiếng nữa chiến tranh sẽ kết thúc. Giêm nhanh trí nghĩ ra một biện pháp được đồng sự Kâynan cho là rất tuyệt nhưng liều lĩnh. Đó là cho phép Mácácơ qua đài phát thanh Nam Triều Tiên phát đi quyết định của Tổng thống Mỹ, nhưng chỉ được phép phát thanh bằng tiếng Triều Tiên, và không được làm kinh động các phóng viên phương Tây ở Tôkyô. Đồng thời, cử một sứ giả tin cậy cấp tốc tới Đài Loan thông báo tình hình cho Tưởng Giới Thạch.

Làm như vậy, chỉ ít những người Triều Tiên nghe đài cũng biết được tin Mỹ sẽ can thiệp, trong khi nhân dân Mỹ vẫn đang chìm đắm trong giấc mộng ngọt ngào vô tư lự.

Sáng thứ ba, trong cuộc họp thông báo tình hình ở Nhà Trắng, các lãnh tụ Quốc hội chỉ hỏi Toruman vài ba câu, điều này quả thực vượt ngoài dự đoán của mọi người. Tổng thống đề nghị Êkixon điểm lại những sự kiện xảy ra mấy ngày vừa qua. Toruman “hy vọng Liên Xô không bị lôi cuốn vào cuộc xâm nhập này, nhưng trước mắt đang nghiên cứu xem Liên Xô có thể hành động gì tiếp theo”. Dù thế nào, nước Mỹ “không thể để cho sự việc tự do phát triển ngoài sự kiểm chế”. Cuối cùng, Toruman nhấn mạnh, nước Mỹ nhận sự uỷ thác của Liên Hợp Quốc, yêu cầu “Các nước thành viên viện trợ cho Hàn Quốc đánh lui cuộc xâm nhập vũ trang, lập lại hòa bình quốc tế và nền an ninh của khu vực này”. Thực ra, sau đó mấy tiếng Hội đồng Bảo an mới bắt đầu xem xét dự thảo nghị quyết này của Mỹ. Toruman đã nói dối.

Thậm chí các nhà phê bình của Đảng Cộng hòa khi rời cuộc họp cũng hết lời ca ngợi Toruman. Một thượng nghị sĩ phải thốt lên “chơi rất đẹp”. Tin tức lan đến Quốc hội, một kẻ bàng quan nhận xét rằng, không khí phấn khích đó sánh ngang với tinh thần sục sôi sau khi sự kiện Trân Châu Cảng xảy ra.

Gần đến cuối tuần, Toruman mới tổ chức buổi họp báo đầu tiên kể từ

khi chiến tranh Triều Tiên nổ ra. Ông ta nhiều lần bị chất vấn về tính chất những phản ứng của Mỹ.

Hỏi: Thưa ngài Tổng thống, theo sự giải thích của Ngài, đó là hành động cảnh sát của Liên Hợp Quốc, có đúng thế không?

Đáp: Đúng vậy, hoàn toàn đúng như vậy.

Như vậy đó, cuộc chiến tranh không được lòng người nhất của Mỹ đã được gán biệt danh “hành động cảnh sát”. Đó không phải là từ ngữ mập mờ do Toruman tự bịa ra. Trong mấy tháng sau này khi dư luận phê phán lan rộng, với tính cố chấp đặc biệt (và không có một chút đạo lý gì) của mình, ông ta vẫn khư khư giữ cách nói đó. Hơn 100.000 binh sĩ Mỹ chết và bị thương, sự việc đó hoàn toàn không phải là “hành động cảnh sát”. Ở đây, rõ ràng là Toruman muốn lợi dụng mọi khả năng để hạn chế ảnh hưởng của tình hình, làm cho công chúng đừng lo lắng khi quân đội Mỹ bị lôi cuốn vào cuộc chiến. Nhưng Tổng thống Toruman đang tự dối mình lừa người. Nhân dân Mỹ, nhân dân yêu chuộng chính nghĩa, hoà bình trên thế giới đều hiểu rõ, cách nói giấu đầu hở đuôi của Tổng thống Toruman chỉ chứng tỏ sự giả dối của ông ta về vấn đề chiến tranh Triều Tiên mà thôi.

Tổng thư ký T.Lye làm cho người Mỹ tái mặt

Thứ tư, Toruman ra tuyên bố công khai về việc can thiệp của Mỹ, và đề cập đến vai trò của Liên Hợp Quốc. Trái ngược với tuyên bố của Toruman, Hội đồng Bảo an khi đó chưa kêu gọi các thành viên “cung cấp viện trợ cần thiết”. Trưa thứ ba, Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Lye phạm phải một sai lầm vô ý thức, suýt nữa tạo cơ cho Liên Xô trở lại Hội đồng Bảo an (họ đã tẩy chay 6 tháng nay) và sử dụng quyền phủ quyết của họ.

Sự việc diễn ra như sau: Sáng thứ hai (ngày 27 tháng 6) đại diện Ngoại giao Mỹ thường trú tại Liên Hợp Quốc qua thăm dò các nước thành viên Hội đồng Bảo an, thấy dự án nghị quyết của họ được ủng hộ rộng rãi. Chỉ có đại biểu Ấn Độ nói cần có thời gian xin chỉ thị chính thức của Chính phủ. Bởi vậy, Hội đồng Bảo an lui lại đến chiều mới họp. Nhưng Toruman lại định sau buổi sáng một chút thông báo tình hình với Quốc hội và ra tuyên bố công khai, bởi vậy quan chức Chính phủ Mỹ quyết định mạo hiểm một phen, vì dù sao Hội đồng Bảo an vẫn biểu quyết. Vì thế, Toruman đã tuyên bố sự ủng hộ của Liên Hợp Quốc trước khi việc đó xảy ra.

Mấy hôm trước, một quan chức ngoại giao Liên Xô thường trú tại Liên Hợp Quốc với tư cách cá nhân mời một bữa ăn trưa tại một khách sạn ở Long

Itsland. Đây là một trong những hoạt động xã giao định kỳ của Liên Xô trong thời gian nước này tẩy chay, nhằm duy trì mối quan hệ với các thành viên khác của Hội đồng Bảo an. Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Lye ngồi giữa đại biểu Mỹ Ônat Grôt và đại biểu Liên Xô Iacóp Malích... Câu chuyện trong bữa ăn, vấn đề Triều Tiên là chủ đề chính, Malích cho rằng, hành động của Bắc Triều Tiên lần này là phản ứng trước “cuộc tấn công biên giới” của lực lượng vũ trang Hàn Quốc, và tỏ ý chê trách về những vụ ném bom của Mỹ. Grôt và Lye phản bác lại, cho rằng việc ném bom là do cuộc “xâm nhập của Bắc Triều Tiên” gây ra, và Mỹ đã được Liên Hợp Quốc trao cho quyền đó.

Sau khi ăn uống xong, Lye nói với Malích rằng ông ta cùng các quan chức Ngoại giao khác sẽ đi dự cuộc họp của Hội đồng Bảo an. Ông ta hỏi:

- Ngài có đi không? Tôi cho rằng, lợi ích của quý quốc đòi hỏi Ngài nên đi dự.

Grôt cố ý ngời dịch lại sau, mặt ông ta tái đi. Nếu Malích đến dự họp, chắc chắn ông ta sẽ dùng quyền phủ quyết và như vậy sẽ làm tiêu tan ngay cái kế hoạch của Mỹ đã dày công xây dựng. Grôt định lấy chân hích vào chân Lye dưới gầm bàn để ra hiệu đừng nhắc đến chuyện đó, nhưng rất may, Malích lắc đầu:

- Không, tôi không đi.

Grôt cố che giấu nỗi hãi hùng của mình, bèn rủ Lye rời khách sạn ngay, ông ta cúi kính nói với Lye:

- Ngài nghĩ xem, nếu ông ta nhận lời mời của Ngài, hậu quả sẽ ra sao?

Lye lúc đó mới chợt hiểu. Ông ta định biến việc lớn thành chuyện nhỏ, nói rằng vấn đề này còn phải đưa ra Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thảo luận, nếu đa số tán thành mới được thông qua. Grôt nói toạc ý nghĩ của mình, mong ông Tổng thư ký không cần phải có những cố gắng Ngoại giao đặc biệt làm gì.

Đúng 3 giờ chiều hôm đó (thứ ba) Hội đồng Bảo an họp. Cuộc tranh cãi kéo dài suốt mấy tiếng đồng hồ, sau đó nghỉ thêm mấy tiếng nữa để đại biểu Ấn Độ và Ai Cập chờ chỉ thị của Chính phủ họ. Cuối cùng, đến gần nửa đêm dự thảo nghị quyết của Mỹ được thông qua. Hành động mà Toruman tuyên bố trước đó 12 tiếng bảy giờ mới chính thức có hiệu lực.

Giờ đây quyền lực trong tay Mỹ rộng lớn hơn nhiều, Mỹ đã dẫn đến một bước trong bước trong hành động ở Triều Tiên: “Cung cấp những viện trợ cần thiết để đánh lui cuộc tấn công vũ trang, lập lại hòa bình quốc tế và an ninh khu vực”.

VI. CUỘC CHIẾN TRANH TRIỀU TIÊN NỔ RA TOÀN DIỆN

Mácác-tô đêm khuya kinh động Lầu Năm Góc

Thứ ba ngày 27 tháng 6, sau khi nghiên cứu thấu đêm suốt sáng tình hình mặt trận, các Tham mưu trưởng của ba quân chủng mới thừa nhận nếu chỉ dựa vào hải quân, không quân thì không thể cứu vãn được tình hình Hàn Quốc. Ban ngày dùng máy bay ném bom có thể tiêu diệt được các đơn vị xe tăng của quân Bắc Triều Tiên, nhưng không thể ngăn chặn được các cuộc tấn công của bộ binh. Trong một cuộc họp vào buổi sáng, Hội đồng Tham mưu trưởng chỉ thị cho Ủy ban nghiên cứu chiến lược liên hợp nghiên cứu xem, nếu những hành động đang thực thi ở Triều Tiên đạt hiệu quả quá thấp, xuất phát từ góc độ quân sự nên dùng đối sách gì, hạn trong 48 tiếng phải có câu trả lời. Ủy ban nghiên cứu chiến lược đã cân nhắc tới khả năng cho không quân hoạt động ở phía bắc giới tuyến 38 và cả việc “đưa bộ binh vào”. Trong văn bản giao nhiệm vụ cho Ủy ban này, Chủ nhiệm Bộ Tham mưu liên hợp Thiếu tướng Hải quân Đê-vít nhấn mạnh quan điểm “không chủ trương dùng bộ binh”. Nhưng sau đó không đến 24 tiếng, các Tham mưu trưởng hiểu rằng không còn cách lựa chọn nào khác. Đoàn điều tra của tướng Sốcki từ Triều Tiên gửi một loạt báo cáo về cho biết, quân đội Hàn Quốc từ 100.000 người nhanh chóng giảm xuống còn 25.000 người, xe tăng của quân đội Bắc Triều Tiên vẫn đang hành tiến. Trong một báo cáo khẩn cấp, Đại sứ Mugi nói, Macáctô đã nêu ra “những kiến nghị vô cùng quan trọng” về phương thức chiến tranh. Hai ngày trước, Mỹ chất vấn Liên Xô có định thúc ép người Triều Tiên tuân thủ nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc hay không, nhưng đến nay vẫn chưa được trả lời. Mấy hôm sau, Liên Xô trả lời, Bắc Triều Tiên vượt biên giới là để giáng trả cuộc xâm nhập của Nam Triều Tiên. Tuy Cục tình báo Trung ương Mỹ chưa phát hiện quân đội Liên Xô và quân đội các nước vệ tinh Đông Âu có hoạt động gì khác thường ở châu Âu, nhưng các nhân vật tại mất Oasinhton đang trong tâm trạng phấp phỏng, trước sau vẫn cho rằng, nội chiến Triều Tiên là một cuộc thăm dò quyết tâm chống Cộng của Mỹ, cũng có thể là khúc dạo đầu của một cuộc chiến tranh toàn diện. Người Mỹ bắt đầu hoài nghi vị trí trọng điểm chiến lược mà họ dành cho Châu á, phải chăng đã không được nhận thức đầy đủ, Viễn Đông phải chăng đã bị coi nhẹ.

Tháng 6 năm 1950, lục quân Mỹ có khoảng 591.000 người, gồm 10 sư đoàn tác chiến chừng 360.000 quân phân bố ở đại lục nước Mỹ, tức khu vực

phòng thủ chính quốc (gọi tắt là ZI). Số quân còn lại đóng: ở nước ngoài làm nhiệm vụ chiếm đóng ở Viễn Đông nhiều nhất, tới hơn 108.000 quân; ở châu Âu, 80.000 quân ở Đức, 9500 quân ở Áo, ở Riyextơ khoảng 4800 quân; hơn 7000 quân đóng ở phân tán trong khu vực Thái Bình Dương; 7.500 quân đóng ở Alaxca; 12.200 quân đóng ở khu vực Caribe, ngoài ra, vài ngàn quân nhân tham gia trong các sư đoàn, làm tùy viên quân sự, lính cảnh vệ và nhân viên viện trợ.

Lực lượng bộ binh mỏng như vậy, liệu Mỹ giúp đỡ Triều Tiên được bao nhiêu? Trong 10 sư đoàn bộ binh có 4 sư đoàn làm nhiệm vụ cảnh bị ở Nhật Bản, đó là sư đoàn 7, sư đoàn 24, sư đoàn 15 và sư đoàn kỵ binh số 1 (cũng thuộc bộ binh, gọi theo tên truyền thống của nó, Trung đoàn chiến đấu số 5 đóng ở Haoai, trung đoàn số 29 ở Okinaoa. Các đơn vị đều không đủ quân số: 3 sư đoàn đóng ở Nhật Bản, chỉ có một sư đoàn chỉ có từ 12.000 – 13.000 người, mỗi sư đoàn có 15.000 người, các trang bị của họ như xe tăng, súng cối, đại bác không giật, súng cỡ nhỏ, xe cộ... phần lớn là của thời kỳ Đại chiến thế giới thứ hai còn lại, và không được bảo dưỡng tốt. 4 sư đoàn đóng ở Nhật Bản chủ yếu là để đề phòng chủ nghĩa quân phiệt Nhật ngóc đầu dậy, gọi chúng là những đơn vị chiến đấu cũng chỉ là thổi phồng cho oai.

Đó là toàn bộ lực lượng đánh bộ mà Mỹ có thể sử dụng được. Những văn kiện của Lầu Năm Góc được viện dẫn trên đây đã lưu ý một điều, nếu đưa những đơn vị này vào tác chiến ở Triều Tiên có thể sẽ gây ra hậu quả chiến lược trực tiếp. Các lực lượng đóng ở Nhật Bản và Tây Âu nếu bị điều sang Triều Tiên thì chỗ trống đó “sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc chuẩn bị chiến tranh của chúng ta”. Nếu xem xét đến số lượng bộ binh của Liên Xô ở Đông Âu chiếm ưu thế tuyệt đối, thì binh lực của Mỹ bố trí ở Tây Âu quả là quá mỏng (40.000 quân chơi với hơn 100.000 quân). Kế hoạch “offtackle” – kế hoạch phòng thủ Châu Âu đã “dựa trên giả thiết thời kỳ đầu chiến tranh tây Âu có thể rơi vào tay địch”. Nay lại điều quân đội sang Triều Tiên “có thể sẽ làm cho binh lực vốn đã rất căng thẳng càng thêm cạn kiệt, một khi nổ ra chiến tranh, sẽ khó cứu được các nước Đồng minh Châu Âu của chúng ta”.

Vì thế, vấn đề đặt ra với Tổng thống và những người cộng sự của ông là phải tiến hành phân tích quy nạp một cách tổng hợp các loại nhân tố để đưa ra quyết định. Quy mô của quân đội đáng thương như vậy là do Quốc hội Mỹ hạn chế chi phí quân sự nhằm phù hợp với lợi ích của dân chúng. Lực lượng quân sự có hạn như vậy quay trở lại hạn chế hoạt động Ngoại giao. Các nhân vật đóng vai trò quyết định trong chính sách của Chính phủ Mỹ – trước tiên

là Tổng thống - đã xác định ưu tiên châu Âu. Triều Tiên như vũng nước ao tù, đã bị gạt sang một bên. Nhưng bắt đầu từ chủ nhật đến giờ, Mỹ từ do dự ngập ngừng chuyển dần sang trực tiếp bị lôi cuốn vào hoạt động quân sự ở Triều Tiên. Bây giờ đây có nên dẫn tiếp mấy bước cuối cùng không? Mỹ có nên thay đổi chính sách trước đây, đem quân vào Triều Tiên làm một cuộc chiến tranh trên mặt đất không?

Tổng thống Truman cần có sự lựa chọn, các quan chức của Lầu Năm Góc cũng cần có sự lựa chọn.

Sáng thứ năm, ngày 28 tháng 6, một Ủy ban Tham mưu đã trình lên một bản kiến nghị leo thang thận trọng, đây là một chuyển biến căn bản đối với các Tham mưu trưởng của ba quân chủng. Hai hôm nay, Ủy ban nghiên cứu chiến lược liên hợp cố gắng cân đối mối quan hệ giữa các mục tiêu chiến lược lâu dài với cuộc chiến tranh cận kề trước mắt. Tuy kiến nghị của Ủy ban Tham mưu đó lập lờ nước đôi, nhưng đã mạnh dạn hơn những hành động đã được Hội đồng Tham mưu trưởng phê chuẩn. Cần phải giao quyền cho Mácácơ được dùng lực lượng hải quân, không quân “tận dụng mọi khả năng có thể để chi viện toàn diện” cho Lục quân Hàn Quốc. Nếu Mỹ đuổi được người Bắc Triều Tiên đi mà không cần đưa ngọn lửa chiến tranh lên phía bắc giới tuyến 38 thì Mỹ “sẽ có địa vị chính trị mạnh mẽ”. Giả dụ, theo nhận định của Mácácơ, việc ném bom các căn cứ của Bắc Triều Tiên “có thể loại bỏ được nguy cơ sa lầy nghiêm trọng của Nam Triều Tiên” thì nên phê chuẩn cho ông ta thực hiện. Cho dù vậy, ông ta vẫn cần phải được Hội đồng Tham mưu trưởng phê chuẩn. (Thực ra Mácácơ đã vượt quyền hạn tự tiện hạ lệnh ném bom miền bắc giới tuyến 38, còn Oasinhton vẫn u u minh minh chẳng biết tí gì).

Kiến nghị trên đây đã gây ra cuộc tranh cãi kịch liệt giữa các Tham mưu trưởng ba quân chủng với Bộ trưởng Quốc phòng Lui Giônson. Cuộc tranh luận đã đi đến nhất trí, một sự nhất trí “rất không tự nguyện” theo cách nói trong một văn kiện của Hội đồng Tham mưu trưởng – cho rằng kiến nghị của Ủy ban đó không đầy đủ, hơn nữa thời cơ đưa quân đánh bộ vào đã chín muồi. Giônson đề nghị chuyển cuộc họp vào Nhà Trắng và mời Quốc vụ khanh Êkixơn cùng các quan chức Ngoại giao khác tham dự. Giônson phát biểu đầu tiên. Ông đề nghị, để xây dựng một căn cứ an toàn cho không quân hành động phải dùng bộ binh. Máy bay từ căn cứ Nhật Bản ở Viễn Đông bay tới, thời gian hoạt động trên vùng trời, mục tiêu rất có hạn, và không có cách gì liên hệ được với quân đội Hàn Quốc để chúng chi viện. Giônson còn phàn

này rằng, quan điểm chỉ giới hạn hành động của hải quân và không quân ở phía nam giới tuyến 38 đã tạo điều kiện cho Bắc Triều Tiên di chuyển an toàn các đồ quân nhu và bộ đội tăng viện, lại, theo Giônson: “Người Mỹ chúng ta ít nhất cần phải có một chỗ đứng chân ở Nam Triều Tiên”.

Bộ trưởng lục quân Phrết thì cho rằng phải hết sức thận trọng khi hành động ở phía bắc giới tuyến 38. Tổng thống nên cho phép máy bay hoạt động ở nửa phần phía bắc, nhưng chỉ được “phá huỷ đồ quân dụng”. Êkixon dường như to gan hơn, theo ông ta, không quân Mỹ “khi chấp hành nhiệm vụ không nên máy móc giới hạn ở giới tuyến 38”

Êkixon báo cáo tóm tắt nhận định của Quốc vụ viện về hành động của Liên Xô. Trước đây 2 ngày, Mỹ đã gửi một công hàm nhắc Liên Xô lưu ý nghị quyết của Hội đồng Bảo an, thúc giục họ dùng ảnh hưởng của mình buộc Bắc Triều Tiên ngừng xâm nhập. Trong lời phúc đáp, Liên Xô gán tội xâm nhập cho phía Nam Triều Tiên, nhưng nói rằng họ sẽ tôn trọng “nguyên tắc lực lượng nước ngoài không được can thiệp vào công việc của Triều Tiên”. Theo giải thích của Quốc vụ viện, câu nói trên chứng tỏ người Nga sẽ đứng ngoài cuộc.

Cuối cùng, Hội nghị quyết định phê chuẩn cho không quân và hải quân được quyền đánh vào các mục tiêu quân sự ở Bắc Triều Tiên, và nhanh chóng đưa bộ binh vào Triều Tiên để bảo vệ cảng, sân bay và thiết bị thông tin ở xung quanh Phusan. Êkixon nhấn mạnh, việc này diễn ra “tận phía nam khu vực tác chiến”. Mácácơ sẽ nhận được thông báo: Nếu Liên Xô can thiệp thì ông ta có trách nhiệm phải bảo vệ quân đội của mình, đồng thời báo cáo với Oasinhton để xin chỉ thị. Nếu Mỹ muốn khai chiến với Liên Xô, việc quyết định phải do Oasinhton chứ không phải Tôkyô. Chỉ thị gửi cho Mácácơ chưa xác định ông ta có thể đưa quân đội vào Triều Tiên với quy mô nào. Điều này sẽ được Oasinhton quyết định căn cứ vào đề nghị của Mácácơ sau khi đi thị sát Triều Tiên về.

Khi Hội nghị ở Nhà Trắng kết thúc, ở Oasinhton đã sắp chạng vạng tối, ở Tôkyô đang là 10 giờ sáng. 12 tiếng sau, Mácácơ về đến Tôkyô, ông ta lẽ ra đã phải báo cáo với Oasinhton về tình trạng tan rã của quân Nam Triều Tiên mà ông ta thấy tận mắt và những suy nghĩ của ông rồi.

Điều làm cho người ta ngạc nhiên là, trong khi các Tham mưu trưởng của ba quân chủng truyền đạt kết quả của Hội nghị buổi chiều cho các tư lệnh chiến trường và đang ngồi đợi hồi âm của họ, thì Mácácơ lại lợi dụng điều kiện khách quan là sự cách trở về thời gian và không gian, chơi trò chiến tranh cân

nào với Oasinton. Bức điện báo dài tới 2000 chữ của Mácácơ gửi đi khoảng nửa đêm ngày 29 tháng 6, đến 1 giờ sáng ngày 30 tháng 6 thì Lầu Năm Góc nhận được. Trong đó Mácácơ tả lại cảnh tan rã của quân đội Hàn Quốc, và cho rằng nó “hoàn toàn mất năng lực phản kích”. Hy vọng duy nhất giữ vững được mặt trận hiện nay (lúc đó chỉ ở phía nam thành phố Xơ Un) “là đưa bộ binh Mỹ vào khu vực tác chiến ở Triều Tiên”. Không có bộ binh, chỉ dựa vào hải quân và không quân e khó có kết quả. Mácácơ kiến nghị cử ngay một lực lượng chiến đấu mạnh khoảng 2000 người, và ông ta muốn “rút từ Nhật Bản 2 sư đoàn để tổ chức phản công trong giai đoạn đầu”.

Nhận được điện của Mácácơ, viên sĩ quan trực ban của Lầu Năm Góc đánh thức tướng Còlin từ trên giường dậy. Vị Tham mưu trưởng này vội vã tới văn phòng đọc một mạch hết bức điện báo của Mácácơ. Tình hình nghiêm trọng miêu tả trong bức điện cùng với tâm trạng bức xúc của Mácácơ khiến ông ta lo lắng. Còlin quyết định trực tiếp nói chuyện với tướng Mácácơ, ông ta ra lệnh tổ chức cuộc họp qua tẻlếch vào 3 giờ sáng giờ Oasinhton (5 giờ chiều giờ Tôkyô)

Còlin cho triệu tập nhân viên của mình đến phòng họp nằm sâu dưới mấy tầng hầm của Lầu Năm Góc. Đây là phòng tác chiến giữ mối liên hệ giữa bộ máy quân sự trung ương với tư lệnh các khu vực tác chiến, ở đây khắp nơi là bản đồ và những thiết bị thông tin tiên tiến (ở thời điểm năm 1950). Còlin ngồi sau chiếc bàn dài hơi thấp, hai bên là tướng Anphrết trợ thủ của ông và mấy vị tướng Tham mưu của lục quân. Tuy mọi quyết định đều có tính chất quân sự, nhưng các quan chức của Quốc vụ viện như Đin. Ratxcơ và New Bando phụ trách “Phòng Triều Tiên” cũng có mặt. Ở tổng hành dinh Tôkyô xa xôi ngàn dặm, tướng Mácácơ cũng triệu tập 5 sĩ quan Tham mưu cao cấp của ông tới một căn phòng cùng loại nhưng nhỏ hơn nhiều.

3 giờ 40 sáng, cuộc họp qua tẻlếch bắt đầu (trễ hơn kế hoạch 40 phút). Ánh sáng trong phòng ảm đạm, Còlin dùng bút viết câu chất vấn đầu tiên rồi đưa cho người sĩ quan phụ trách liên hệ. Ngón tay của người sĩ quan lướt rất nhanh trên bàn phím một chiếc máy chữ đặc biệt không giống máy chữ thường dùng ở văn phòng. Hàng chữ lập tức xuất hiện trên màn hình trước mặt các quan chức, cùng lúc lên trên màn hình cũng là lúc xuất hiện trên màn hình ở Tôkyô. Không cần nói mọi người đều hiểu tình hình rất nghiêm trọng – trong đêm nay, việc có đưa binh sĩ Mỹ đi đánh trận và chết ở Triều Tiên hay không sẽ được quyết định. Sau này, Còlin kể lại rằng, lúc đó “Không khí khá căng thẳng... Tự nhiên giọng nói của chúng tôi cứ run lên... Trong đầu chúng tôi hiện

ra quang cảnh phòng họp ở Tôkyô mà từ nơi đó, những câu trả lời sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc chúng tôi có quyết định tham gia cuộc chiến tranh mới lạ này hay không?. Đầu tiên, Oasinhton phát đi bức điện:

Bộ Lục quân. Số 1

Việc giao quyền theo như ngài đề nghị trong bức điện C56942 sẽ do Tổng thống quyết định, việc này cần dành mấy giờ đồng hồ cho Tổng thống cân nhắc. Đồng thời, căn cứ vào” Chỉ thị của Hội đồng Tham mưu trường” gửi cho Ngài lúc chập tối, giao quyền cho Ngài cử một lực lượng chiến đấu tới Phusan. Điều này sẽ được trình bày kỹ ở cuộc họp qua tẻlếch tổ chức vào lúc 8 giờ sáng trong ngày.

Mácácơ khi trả lời tỏ ra rất bức bối. Ông ta đã đưa ra những yêu cầu cụ thể, và hy vọng có được quyết định tại chỗ. Đang đêm khuya mà làm kinh động Lầu Năm Góc hoàn toàn không phải là việc mà ông ta nghĩ tới.

Bộ tư lệnh Viễn Đông. Số 1

Việc giao quyền của các ngài đã khẳng định nguyên tắc cơ bản là có thể sử dụng bộ binh ở Triều Tiên, nhưng các ngài chưa cho quyền tự do đầy đủ để hành động có hiệu quả trong tình hình trước mắt. Yêu cầu tối thiểu tôi nêu trong bức điện vẫn chưa được thoả mãn... Thời gian rất khẩn cấp, đòi hỏi nhanh chóng có một quyết định rõ ràng.

Côlin khuyến cáo nếu Mácácơ dùng quá thúc ép Tổng thống thì khả năng đạt được nguyện vọng sẽ lớn hơn. Ông ta tìm cách giải thích chiều hướng hành động của nhà cầm quyền Oasinton và thái độ thận trọng của Toruman khi phải đưa ra một quyết định quan trọng.

Bộ Lục quân. Số 2

Tôi đã dự cuộc họp chiều ngày 29 tháng 6 ở Nhà Trắng, Tổng thống khi đó đã đưa ra quyết định, giao quyền hành động trong phạm vi quyền hạn đã được văn kiện số 84681 của Hội đồng Tham mưu trường xác định. Tôi cho rằng, tinh thần của quyết định chứng tỏ, Tổng thống hy vọng sau khi cùng các cố vấn cao cấp của ông cân nhắc thận trọng rồi mới cho quân tác chiến Mỹ tiến vào vùng chiến sự.

Côlin hỏi liệu có thể đưa ngay một lực lượng chiến đấu vào được không. Theo ông ta, hoàn thành xong việc này, Tổng thống có thể có “quyết định cuối cùng” về đề nghị đưa 2 sư đoàn quân Mỹ sang Triều Tiên. Côlin hỏi thêm: “Như vậy đã thỏa mãn yêu cầu trước mắt của Ngài chưa?”

Rất rõ ràng, kết thúc bằng một dấu hỏi như vậy chứng tỏ Côlin muốn chờ câu trả lời. Nhưng không có hồi âm. Mấy phút trôi qua, máy tẻlếch vẫn

không có động tĩnh gì, làm cho người ta khó chịu. Mácácơ đã trả lời bằng sự im lặng ngạo mạn, coi thường, khiến Oasinton hiển nhiên lâm vào tình trạng phải thủ thế. Mácácơ đã đòi phải đưa quân Mỹ vào, mà theo ông ta là để tránh các tai họa quân sự trước mắt, nếu ông ta bị từ chối, thì chính các vị ở Lầu Năm Góc (chứ không phải là Tổng tư lệnh Viễn Đông) phải chịu trách nhiệm về chuyện đổ máu và những lời buộc tội.

Côlin kể: “Chúng tôi coi sự im lặng đó như một đòi hỏi quyết liệt của tướng Mácácơ muốn chúng tôi phải có quyết định ngay “không được chậm trễ”. Sau khi thảo luận ngắn gọn với trợ thủ của mình và các quan chức Quốc vụ viện, Côlin cuối cùng đã nhượng bộ. Ông ta sẽ “lập tức thông qua” Bộ trưởng Lục quân và xin Tổng thống phê chuẩn cho phép trực tiếp đưa một lực lượng chiến đấu vào vùng chiến sự và hứa sẽ trả lời “rất nhanh”, “có thể chỉ sau nửa tiếng đồng hồ”

Mácácơ vẫn không trả lời, Côlin ra khỏi phòng họp gọi điện cho Phrét. Phrét biết đang có cuộc họp qua tẻlẻch, đồng ý chuyển ngay đề nghị đó tới Tổng thống.

Toruman cũng biết, muốn giải quyết cuộc “khủng hoảng” đêm hôm qua, có thể ông phải đưa ra quyết định. Do đó, sáng sớm dậy, cạo mặt xong, ông ngồi đợi ở phòng ngủ trong khách sạn Buler. 4 giờ 45 phút, trời còn chưa rạng sáng, chuông điện thoại đã réo.

Bộ trưởng lục quân thuật lại nội dung bức điện của Mácácơ, nhưng luôn bị tiếng “hử, hử” của Toruman cắt ngang.

- Hội đồng Tham mưu trưởng thấy thế nào?

- Vẫn chưa trung cầu được hết ý kiến tất cả các thành viên. Thời gian quá gấp gáp, Côlin muốn có được quyết định ngay. Theo Côlin và mấy quan chức của Bộ Lục quân, cần phê chuẩn đề nghị đó.

Toruman lập tức ra lệnh điều một trung đoàn chiến đấu vào cuộc chiến, và nói chỉ trong vòng vài tiếng đồng hồ nữa, ông sẽ ra quyết định cử thêm 2 sư đoàn.

Trong lúc chờ đợi, qua tẻlẻch, các quan chức của Lầu Năm Góc hỏi Mácácơ nhiều chuyện khác và được những câu trả lời: “Việc không kích sân bay Bắc Triều Tiên hiệu quả không rõ ràng, do mục tiêu đánh phá tương đối ít”. “Hải quân tác chiến ở lãnh hải Triều Tiên cho đến giờ cũng chưa thu được kết quả tích cực”; “Hiện nay không còn trở ngại gì ngăn cản nổi người Bắc Triều Tiên vượt sông Hán”, “Tôi không muốn dự tính phải mất bao nhiêu thời gian mới có thể đưa được lực lượng chiến đấu ra mặt trận, vì sân bay Thủy

Nguyên không bảo đảm được an toàn, lực lượng vận tải hàng không cũng không đáng tin cậy”...

Cuộc trao đổi cho đến khi Phrết truyền đạt quyết định của Tổng thống cho tướng Côlin mới kết thúc. Một bức điện được gửi đi:

Bộ Lục quân. Số 10.

Đề nghị của Ngài đưa một trung đoàn chiến đấu đến vùng chiến sự đã được phê chuẩn. Chờ sự tập kết xong, gửi điện báo báo.

Bộ tư lệnh Viễn Đông số 8

Cám ơn. Còn chỉ thị gì mới nữa không?

Bộ Lục quân số 11

Ở đây, mọi người đều khâm phục những tài liệu gốc có liên quan đến tình hình mà Ngài nhanh chóng nắm được. Chúc mừng Ngài và gửi tới Ngài những lời cầu chúc chân thành nhất. Chúng tôi hoàn toàn tin cậy Ngài và quân đội của Ngài.

Không có chỉ thị nào thêm nữa. Hết.

Cuộc họp vừa kết thúc, tướng Côlin lập tức dùng điện thoại thông báo cho mấy vị Tham mưu trưởng khác. Tham mưu trưởng hải quân Thượng tướng Phrết Sêman tỏ ý tán đồng.

Kiểu chơi của Mácácơ đã buộc cấp trên ở Oasinhton trong đêm khuya đã phải đưa ra một quyết định hệ trọng. Chẳng khác gì một anh chàng cảnh sát đang đem xông vào nhà dựng chủ nhân dậy rồi vặn hỏi tới tấp tới mũi. Người bị hỏi vặn vẹo nếu muốn trở về giường thường cố gắng thỏa mãn mọi yêu cầu của người kia. Mácácơ quả là một nhà chiến lược quân sự, cũng là một chính khách lão luyện. Từ một bức điện của Hội đồng Tham mưu trưởng chỉ cho phép làm nhiệm vụ phòng ngự ở vành đai phòng ngự Phu san, ông ta nảy ra ý cần phải dùng một hành động đầy kịch tính để có được số quân mà ông ta đang cần. Còn gì kịch tính hơn là chuyện 4 giờ sáng đánh thức Tổng thống từ giường ngủ dậy!

Mưu kế của Mácácơ thành công, nhưng đã phải trả giá quá đắt. Trong cơn mất của Côlin và cấp trên của ông ta, kiểu đấu cơ trực lợi đó quá trắng trợn, dẫn đến chỗ phương hại nghiêm trọng tới thanh danh của ông ta.

Dẫu sao, Tổng thống Toruman cũng đã sẵn sàng cho thêm Mácácơ hơn 2 sư đoàn. Vừa lúc 7 giờ, ông gọi điện thoại cho Bộ trưởng Quốc phòng Giônxon và Bộ trưởng Lục quân Phrết yêu cầu họ “xem xét việc điều 2 sư đoàn cho Mácácơ, và cần nhắc khả năng Chính phủ Quốc dân Đảng Trung Quốc cung cấp cho 2 sư đoàn”. Toruman cho rằng, Chính phủ Tưởng Giới

Thạch vẫn là nước thường trực của Hội đồng Bảo an, sử dụng quân đội của ông ta là danh chính ngôn thuận. Lý do của Toruman là: “Anh, ôxtrâylia, Canada và Hà Lan đều cử chiến hạm, máy bay tham chiến, chúng ta có lẽ cũng phải sử dụng bộ binh của Trung Quốc”

Ông đã thấy trước, làm như vậy có thể gây ra phản ứng mạnh mẽ, “Chúng ta không biết làm như vậy đối với Mao Trạch Đông sẽ có ý nghĩa như thế nào. Chúng ta cần phải hết sức thận trọng, không được gây ra một cuộc chiến tranh Châu á toàn diện”. Toruman vẫn tin rằng, Triều Tiên chẳng qua chỉ là cú đòn gió, mũi nhọn chính của Liên Xô có thể là nhằm vào vùng Biển Đen hoặc vịnh Ba Tư, cũng chính là vùng Bancăng và Iran- hai khu vực mà ngay từ thời Piốt Đại đế xa xưa đã bị nước Nga nhòm ngó.

9 giờ 30 sáng, Hội đồng chiến tranh của Toruman họp ở Nhà Trắng, Toruman trung cầu ý kiến về việc Mácácơ xin thêm 2 sư đoàn. Ông cũng chưa dứt khoát trong ý định “có đáng” tiếp nhận 32.000 quân do Tướng Giới Thạch cung cấp hay không, số quân này nội trong 5 hôm đã có thể lên tàu rồi. Tổng thống cho rằng “thời gian lúc này là vô cùng quan trọng”.

VII. QUÂN CHÍNH NGUYỆN VƯỢT SÔNG ÁP LỰC

Chu Ân Lai vội vã tới phòng khách Cúc Hương

Sáng sớm ngày 25 tháng 6 năm 1950, một bóng người thâm thấp khỏe khoắn, dáng vội vã đi tới phòng đọc sách

- Kính chào Thủ tướng - Chiến sĩ cảnh vệ đứng nghiêm khẽ chào.
- Chủ tịch đã ngủ chưa? - Chu Ân Lai gật đầu, hỏi chiến sĩ cảnh vệ
- Vừa mới ngủ ạ.
- Chủ tịch nghỉ lúc mấy giờ? - Chu Ân Lai hỏi tiếp.
- Lúc gần 4 giờ. - Giọng anh chiến sĩ cảnh vệ vẫn khẽ khàng.
- Đồng chí vào đánh thức Chủ tịch, nói là tôi có tình hình quan trọng cần báo cáo - Chu Ân Lai nói.

Trong ký ức của người chiến sĩ cảnh vệ, Chu Ân Lai chưa bao giờ bảo anh vào đánh thức Chủ tịch, chắc xảy ra việc lớn đây, nghĩ vậy bèn vội quay người đi vào trong nhà.

Phòng đọc sách trong Phong Trạch Viên vốn là nơi ở tạm của Chu Ân Lai khi vào Bắc Kinh. Sau khi Mao Trạch Đông đồng ý dọn vào ở trong Trung Nam Hải, so sánh với các nhà khác ở đây, Chu Ân Lai thấy điều kiện của Cúc Hương nói chung tốt hơn cả, bèn mời Mao Trạch Đông đến đó ở, còn

mình chuyển đến Tây Hoa.

Gian phòng treo tấm biển “Phòng đọc” thực ra chỉ là gian để trống, đi qua đó đến một cái sân hình chữ nhật bốn bề là bốn dãy nhà, đúng hình thức kiến trúc “tứ hợp viện” kiểu cổ.

Gian chính giữa dãy nhà năm gian phía bắc treo tấm biển “Tứ Văn Hiên”. Gian này bỏ trống, đi qua được. Hai gian đằng đông thông nhau là phòng ở của Mao Trạch Đông.

- Thừa Thủ tướng, Chủ tịch mời Thủ tướng đến phòng làm việc.

Người chiến sĩ cảnh vệ lúc này lại xuất hiện trước mặt Chu Ân Lai.

- Đồng chí Ân Lai! Việt Nam có chuyện hay Triều Tiên có chuyện?

Chu Ân Lai vừa bước chân qua ngưỡng cửa phòng làm việc đã nghe thấy tiếng Mao Trạch Đông hỏi.

- Triều Tiên ạ. Phòng cơ yếu vừa mới thu được tin Bình Nhưỡng ra tuyên bố – Chu Ân Lai vừa nói vừa đưa bức điện cầm trong tay cho Mao Trạch Đông.

Mao Trạch Đông mở ra xem, bức điện như sau:

Cái gọi là Quân quốc phòng của Chính phủ ngụy quyền Nam Triều Tiên sáng sớm ngày 25 tháng 6 từ khu vực giới tuyến 38 đã bất ngờ tấn công lên phía bắc giới tuyến 38.

Quân địch mở cuộc tấn công từ phía tây Hải Xuyên và từ hai phía Kim Xuyên, Thiết Nguyên, và đã tiến sâu từ 1 đến 2 km.

Bộ Nội vụ nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên đã ra lệnh cho quân cảnh bị đánh lui toàn bộ quân địch xâm nhập khu vực phía bắc giới tuyến 38.

Hiện nay quân cảnh bị đang chiến đấu phòng ngự quyết liệt chống lại quân địch. Quân đội đã đánh lui được quân địch từ phía Tương Dương xâm nhập vào khu vực phía bắc giới tuyến 38.

- Xảy ra nhanh thật! – Mao Trạch Đông xem xong bức điện nói – Chiến tranh Triều Tiên cuối cùng đã bùng nổ.

- Hoạ thì tránh không được, chẳng chống thì chắc cũng sẽ xảy ra – Chu Ân Lai đáp lời.

- Đồng chí Ân Lai này! Chiến sự đối với chúng ta sẽ ra sao? – Mao Trạch Đông đột nhiên ngắt đầu, nhìn thẳng vào Chu Ân Lai.

- Rất nguy hiểm đối với chính quyền dân chủ mới ra đời của chúng ta.

- Trước mắt chúng ta làm thế nào? – Mao Trạch Đông hỏi.

- Dĩ bất biến ứng vạn biến! – Như đã dự tính sẵn trong đầu, Chu Ân Lai

nói luôn.

Mao Trạch Đông ngập một cái khá dài, nói:

- Chúng ta đến ngay Di Niên Đường họp cán bộ thông báo tin này và trung cầu ý kiến của mọi người.

- Chủ tịch có cần nghỉ thêm một lát nữa không? – Chu Ân Lai hỏi

- Thôi không cần! – Mao Trạch Đông dụi đôi mắt đỏ ngầu – Giấc này để lại sớm mai ngủ bù vậy!

Chiến tranh Triều Tiên khiến Tướng Giới Thạch mừng ra mặt

Toruman đã đưa ra vấn đề liệu có thể dùng quân đội Tướng Giới Thạch tham gia chiến tranh Triều Tiên hay không. Người Mỹ biết, Tướng Giới Thạch sẵn sàng vét hết mọi lực lượng còn sót lại để ủng hộ cuộc chiến tranh, vì có thể cuộc chiến tranh này sẽ mang lại cơ hội sống còn cho Quốc dân Đảng Đài Loan đang thoi thóp.

Quả như vậy, Tướng Giới Thạch ở Đài Loan biết tin cuộc nội chiến Triều Tiên bùng nổ, rất phấn khởi, gửi gắm nhiều hy vọng vào đó.

Ngày 25 tháng 6 năm 1950, Tướng Giới Thạch đang ăn sáng thì người phụ trách việc đưa tin tình báo cho Tướng Giới Thạch là Tướng Kinh Quốc mang đến một bản tin vắn. Tin tức tình báo thu lượm được khá linh tinh, nhưng chỉ biết rằng Nam Bắc Triều Tiên đã xảy ra chiến tranh. Mãi đến 10 giờ đêm, nhận được báo cáo đầu tiên của - Đại sứ của Chính phủ Quốc dân Đảng Đài Loan ở Nam Triều Tiên mới biết được đại thể tình hình chiến sự.

Cuộc Đại chiến thế giới thứ ba mà Tướng Giới Thạch mất mắt trông chờ dường như đã hé mở. Phản ứng của Tướng về cuộc chiến tranh Triều Tiên đại thể phù hợp với sự phân tích của trong báo cáo. Thiệu Dục Lân viết: “Đối với đài Loan” cuộc chiến ở Hàn Quốc hoàn toàn chỉ có lợi mà không có hại gì cả. Chúng ta đứng trước những nguy cơ: Trung Cộng đe dọa quân sự, nước bạn Mỹ bỏ rơi chúng ta và công nhận bọn “đỏ” về ngoại giao. Nay nhân cuộc chiến tranh ở Hàn Quốc mà tình thế chuyển biến mạnh, triển vọng sẽ tốt lên, Trung-Hàn vui buồn có nhau, sau này nếu cuộc chiến tranh phát triển có lợi cho Nam Hàn tất cũng có lợi cho ta, nếu chiến tranh Hàn Quốc diễn biến thành Đại chiến thế giới Nga-Mỹ, thì chẳng những Nam Bắc Hàn thống nhất mà chúng ta còn có thể từ sông Áp Lục, từ Đông Bắc trở về đại lục Trung Hoa. Nếu chiến tranh Hàn Quốc tiến triển không thuận, bất lợi cho Nam Hàn, thế tất cũng nâng cao được tinh thần cảnh giác cho nước Mỹ và các nước tự do, việc tăng cường viện trợ cho Hàn Quốc quyết không dẫn tới tình trạng

cộng sản quốc tế vượt biển tấn công Đài Loan”.

Tối hôm đó, Tưởng Giới Thạch lại nhận được điện cầu viện khẩn cấp của Lý Thừa Vãn do Đại sứ của ông ta ở Đài Loan trực tiếp chuyển giao. Tưởng Giới Thạch lập tức gửi điện khẩn cho Lý Thừa Vãn bày tỏ sự ủng hộ và động viên tinh thần ông ta, tỏ ý sẽ thực hiện những biện pháp hữu hiệu giúp đỡ Nam Triều Tiên. Đồng thời, Tưởng Giới Thạch triệu tập cuộc họp cán bộ quân sự và chính trị tại “Đình Tổng thống” ở Dương Minh Sơn, Đài Bắc, quyết định đặt các vùng Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn, Mã Tổ trong tình trạng khẩn cấp sẵn sàng chiến đấu kể từ 0 giờ ngày 26 tháng 6, thực hiện giới nghiêm, đình chỉ việc nghỉ phép và của binh lính sĩ quan trong toàn quân, tăng cường tuần tra eo biển Đài Loan, theo dõi các hoạt động vùng duyên hải đại lục, tăng cường chuẩn bị chiến đấu ở các đảo và phòng thủ bờ biển Đài Loan, tăng cường các biện pháp phòng, không và dân phòng kiểm soát chặt chẽ giao thông vận tải và hoạt động kinh tế, đẩy mạnh hoạt động gián điệp... Đài Loan như sắp có chiến tranh xảy ra, tưởng đâu cung đã giương, đao đã tuốt ra khỏi vỏ.

Theo tiết lộ của Thượng tá Phécđê và Thượng tá Hânxơ (hai người được Mácácơ cử đến Đài Loan làm nhiệm vụ liên lạc, thì ngay sáng 25 tháng 6 năm 1950, ngày chiến tranh Triều Tiên bùng nổ, Mácácơ đã nhận được báo cáo về tình hình chiến sự của Trường đoàn cố vấn quân sự Mỹ và Đại sứ Mỹ ở Nam Triều Tiên. Ông ta lập tức cùng với Giônxon, Brétlay, Noxtat đang có mặt ở Tôkyô họp bàn khẩn cấp. Trưa và chiều, các báo cáo về tình hình chiến sự ở Triều Tiên liên tục gửi về cho biết: Sư đoàn 1 của Nam Triều Tiên bị tiêu diệt ở Ông Tân, Khai Thành; sư đoàn 7 bị đánh tan tã; Xuân Xuyên bị bao vây; Giang Lăng thất thủ; chủ lực “Cộng quân” đang tiến về Xơ Un. Mácácơ, Giônxon, Brétlay, và Noxtát lại họp đến tận nửa đêm. Trong cuộc họp, Mácácơ đưa ra một “kế hoạch chiến lược ngăn chặn cộng sản ở Châu á” được Giônxon và nhiều người tán thành, ông ta nhờ Giônxon chuyển lên Tổng thống.

Nội dung chủ yếu của kế hoạch gồm: 1, Lập tức viện trợ cho Nam Triều Tiên, kiến nghị Đài Loan điều 1 quân đoàn chi viện cấp tốc. 2, Nhận thấy Đài Loan có một vị trí chiến lược cực kỳ quan trọng, cần phải dùng hải quân, không quân bảo vệ hòn đảo này, và viện trợ quân sự rộng rãi cho Tưởng Giới Thạch. 3, Tăng cường lực lượng quân sự của Philippin và Đông Dương. 4, Bảo vệ an toàn Nhật Bản.

Được sự đồng ý của Giônxon và Brétlay, ngay đêm đó Mácácơ cử một

Tổ liên lạc quân sự thường trú ở Đài Loan” do Phécđê làm tổ trưởng sang Đài Loan ngay, đồng thời gửi điện hỏi Tưởng Giới Thạch liệu có thể đưa một quân đoàn cấp tốc chi viện cho Nam Triều Tiên với điều kiện an ninh của Đài Loan được bảo đảm, và Đài Loan cấp thiết cần viện trợ những gì. Mácácơ yêu cầu Tưởng Giới Thạch theo dõi chặt chẽ động thái của “Trung Cộng đại lục”, có những hành động tích cực ở ven biển đại lục để thăm dò cuộc tấn công Đài Loan của Trung cộng.

Sáng sớm ngày 26 tháng 6, Lý Thừa Vãn lại gửi điện khẩn cầu cứu Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch lập tức triệu tập các quan chức hữu quan họp ở “Dinh Tổng thống”. Cuộc họp kéo dài mãi đến đêm khuya. Trưa ngày 26, “Tổ liên lạc quân sự thường trú ở Đài Loan” của Mỹ từ Tôkyô bay đến Đài Bắc. Vụ trưởng “Bộ Quốc phòng” Lại Danh Thang, Lưu Liêm Nhất ra sân bay đón và đưa Phécđê đến Dương Minh Sơn hội kiến Tưởng Giới Thạch, Phécđê đưa tận tay Tưởng Giới Thạch thư của Mácácơ.

Ngay sau khi biết tin Bắc Triều Tiên mở cuộc “tấn công vũ trang toàn diện”, Tưởng Giới Thạch đã nhận định Nam Triều Tiên sẽ gặp rất nhiều khó khăn, nên điều ông ta suy nghĩ trước tiên là dùng biện pháp gì kịp thời giúp đỡ Nam Triều Tiên “đánh tan cuộc tấn công của cộng quân Bắc Triều Tiên”. Tưởng Giới Thạch cùng với bọn Phécđê đã “đi sâu nghiên cứu” các mặt, từ Ngoại giao đến quân sự, từ việc bảo vệ Đài Loan đến việc viện trợ cho Nam Triều Tiên, sau đó quyết định phái quân đoàn 52 (thêm 3 sư đoàn) lập tức chuẩn bị sang chiến trường Triều Tiên, đồng thời giải quyết một loạt vấn đề như bố trí cán bộ cho quân đoàn 52, bổ sung và thay thế trang bị của binh lính, vấn đề vận tải.v.v... Chiều hôm đó, Tưởng Giới Thạch điện trả lời, Lý Thừa Vãn và Mácácơ, tỏ ý nếu được sự đồng ý thì quân đoàn 52 sẽ được chuyển bằng đường không và đường biển sang chiến trường Triều Tiên tham gia chiến đấu ngay. Đồng thời, qua con đường Ngoại giao, chuyển kiến nghị đó lên Toruman.

Quốc vụ khanh Êkixon kiên quyết phản đối việc Đài Loan đưa quân vào Nam Triều Tiên. Theo ông ta: “Hiện nay, Đài Loan là khu vực dễ bị công kích nhất, Mácácơ đã chỉ rõ mối nguy đó nên chúng ta mới phái Hạm đội 7 và phi hành đoàn 13 đến bảo vệ Đài Loan, có sao lại để Đài Loan chạy đi bảo vệ người khác? Hướng hỗ quân đội Tưởng Giới Thạch chưa chắc đã khá hơn quân đội Nam Triều Tiên. Như vậy, thà đem những trang thiết bị cần cấp cho Tưởng Giới Thạch trực tiếp đưa cho Nam Triều Tiên, hiệu quả có khi còn hơn” Giônson vội giải thích, Đài Loan chỉ thiếu hải quân, không quân, còn bộ binh

của nó vào loại mạnh nhất trong các nước và khu vực chống cộng ở Châu á. Quân đoàn 52 mà Tướng Giớí Thạch, đề nghị phái đi chi viện Nam Triều Tiên là quân đoàn duy nhất không bị Trung cộng tiêu diệt trong 600.000 quân Đông Bắc của Tướng Giớí Thạch. Theo Giônson, khi Hạm đội 7 vào eo biển Đài Loan thì có thể điều quân đoàn 52 của Đài Loan đi tăng viện cho Nam Triều Tiên. Toruman thấy hai bên găng nhau, tranh luận mãi vẫn không ai chịu ai, bèn tuyên bố gác chuyện này lại đợi cuộc họp tới sẽ bàn thêm.

Ngày 27 tháng 6, Mácáctơ lại cấp báo với Toruman, một lần nữa xin phê chuẩn kiến nghị của Tướng Giớí Thạch. Còn Êkixon thì đã tự tiện im đi bức điện đề nghị Tướng Giớí Thạch ra quân mà ông ta nhận được, và tiếp tục phản đối thảo luận kiến nghị Tướng Giớí Thạch chi viện cho Nam Triều Tiên.

Ngày 28 tháng 6, khi Hồ Thích và Đại sứ của Tướng Giớí Thạch ở Mỹ là Cố Duy Quân hội kiến với Toruman ở Nhà Trắng, họ đã giao cho Toruman bản sao bức điện Tướng Giớí Thạch kiến nghị đưa quân cấp tốc chi viện cho Nam Triều Tiên. Toruman tỏ ý rất muốn tiếp nhận ý kiến của Tướng Giớí Thạch, đồng thời đồng ý sẽ tăng cường viện trợ quân sự cho Đài Loan.

Ngày 29 tháng 6, sau khi đi thị sát mặt trận Triều Tiên về đến Tôkyô, Mácáctơ lần thứ 3 gửi điện khẩn cho Toruman, xin Tổng thống nhanh chóng chấp nhận kiến nghị của Tướng Giớí Thạch. Tham mưu trưởng Không quân Thượng tướng Vandenbua cũng nói với Toruman nên tiếp nhận thỉnh cầu của Mácáctơ, phê chuẩn kiến nghị của Tướng Giớí Thạch. Toruman, Giônson, Brétlay, Còlin, đều chủ trương sử dụng quân đoàn 52 của Tướng Giớí Thạch mà không vội sử dụng 2 sư đoàn quân Mỹ ở Nhật Bản. Theo họ, làm như vậy chẳng những có thể tranh thủ thời gian, kịp thời ổn định chiến cuộc, hơn nữa có thể giảm bớt thương vong tổn thất cho quân Mỹ và khi tình hình khẩn cấp có thể dùng bộ binh Mỹ vào những nơi khác quan trọng hơn.

Vì lợi ích của mình, Tướng Giớí Thạch muốn tham chiến ngay vì thiếu quân phía Mỹ cũng muốn tăng thêm quân ngay, hai bên như không hẹn mà gặp. Song những toan tính vụ lợi của Tướng Giớí Thạch cuối cùng tan thành mây khói. Quốc vụ khanh Êkixon từ đầu chí cuối ra sức phản đối Tướng Giớí Thạch xuất binh.

Theo ông ta, chấp nhận quân đội của Tướng Giớí Thạch sẽ có nguy cơ lôi kéo Trung cộng vào cuộc. Ngoài ra, Tướng Giớí Thạch nếu đưa quân sang Triều Tiên thế tất sẽ suy yếu khả năng bảo vệ Đài Loan. Cộng sản sẽ lợi dụng sơ hở đó, buộc Mỹ trong lúc đang can dự vào Triều Tiên phải quyết định có can dự vào Đài Loan hay không. Như vậy, chiến tranh Triều Tiên lập tức lan

rộng, tình hình phát triển ra sao tất nhiên cũng rất khó lường trước, kết quả là chẳng những Mỹ sẽ bị sa lầy ngày càng sâu hơn mà còn có thể làm cho các ông bạn Đồng minh phải xa chạy cao bay.

Thế là, kiến nghị của Tướng Giới Thạch và 3 lần thỉnh cầu của Mácácơ, rút cuộc do sự ngáng trở của Êkixon mà ngày 30 tháng 6 đã bị Toruman cuối cùng phũ quyết.

Mỹ bước vào cuộc chiến tranh toàn diện

Đã phủ định Tướng Giới Thạch tham chiến thì Mỹ phải tự mình làm. Chuyện đề nghị đưa 2 sư đoàn quân Mỹ sang Triều Tiên không gây ra tranh cãi gì. Khác với vấn đề Đài Loan, vấn đề này không có những ý kiến trái ngược nhau. Toruman tuyên bố sẽ giao quyền cho Mácácơ, Mácácơ có quyền bố trí lực lượng bộ binh trong tay ông ta và số lượng quân Mỹ đưa vào Triều Tiên không bị hạn chế. Toruman cũng không đồng ý kiến nghị của Thượng tướng Hải quân dùng hải quân phong tỏa bờ biển Bắc Triều Tiên.

Không đến nửa tiếng, mọi rắc rối đã được giải quyết. Nước Mỹ bước vào cuộc chiến tranh toàn diện.

Nhưng bước đi quan trọng này cũng làm cho Toruman ngày càng mất đi sự ủng hộ tuyệt đối của Quốc hội.

Sáng thứ sáu, Toruman mời các lãnh tụ Quốc hội đến phòng họp nội các để thông báo vắn tắt những quyết định gần đây, chủ yếu là vấn đề ném bom những mục tiêu ở phía bắc giới tuyến 38.

Kennít Uytlí, thượng nghị sĩ Đảng Cộng hoà bang Nêbraxca tỏ ý không hài lòng. Ông đứng dậy ra khỏi ghế, đi đi lại lại trong phòng họp, như đang phát biểu một vấn đề gì đó ở Thượng viện. Ông muốn biết, trước khi đưa quân vào Triều Tiên có phải trưng cầu ý kiến Quốc hội không. Toruman trả lời, ở đó vốn đã có một số đơn vị. Nếu thực sự xảy ra “tình hình khẩn cấp”, ông sẽ hỏi ý kiến Quốc hội. Uytlí giọng rất khó chịu, ông “cho rằng” trước khi hành động như vậy, Tổng thống “cần phải bàn bạc kỹ với Quốc hội”. Toruman tự bào chữa cho mình, rằng cuộc khủng hoảng xảy ra vào cuối tuần buộc ông phải hành động vì “khi đó không có thời gian để bàn bạc đầy đủ”, rằng ông phải thực thi chức trách của vị thống soái toàn quân, và ông đã làm như vậy. “Tôi chỉ thị cho Mácácơ đi cứu người Triều Tiên, và chấp hành chỉ thị của Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc”. Phó Tổng thống đề nghị với Tổng thống ra một tuyên bố, với tư cách Tư lệnh tối cao các lực lượng vũ trang, ông có quyền ra lệnh cho họ.

“Đây là một việc hết sức tế nhị” – Tổng thống đáp – “Tôi không muốn rêu rao khắp nơi là tôi đã yêu cầu Mácácơ phải hành động thế nào. Ông ấy hiện nay không phải là tướng của Mỹ, mà là người đang thi hành phận sự cho Liên Hợp Quốc. Nếu chúng ta nói ông ấy chỉ chấp hành chỉ thị của chúng ta, thì mọi việc sẽ hỏng hết”, Toruman thừa nhận đây chỉ là bịt tai che mắt mọi người: “Tất nhiên, Mácácơ đang phục tùng mệnh lệnh (của chúng ta), nhưng chúng ta phải thận trọng không được để lại ấn tượng đó cho bên ngoài”. Trước một mâu thuẫn tiền hậu bất nhất lộ liễu như vậy, chẳng có ai trong số nghị sĩ nêu ra câu hỏi: Tại sao trong trường hợp chưa được Quốc hội phê chuẩn, quân Mỹ đã có mặt ở Triều Tiên để chấp hành mệnh lệnh của Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc? Tổng thống Hoa Kỳ biết mình đang đối trá.

Cuộc họp sắp kết thúc, Toruman đọc một bản tuyên bố sẽ được công bố. Cuối bản tuyên bố có một câu như sau: “Tướng Mácácơ đã được giao quyền sử dụng một số đơn vị bộ binh mang tính chất chi viện”. Những từ ngữ được sử dụng có chọn lọc này không chứng tỏ đầy đủ quyền lực thực tế đã giao cho Mácácơ khi trong tuyên bố có câu “Sử dụng quân mà Ngài có thể sử dụng”. Số “quân có thể sử dụng” này thực ra gồm 4 sư đoàn, nghĩa là chiếm 40% lực lượng lục quân Mỹ.

Nếu nói toạc sự thật này với các nghị sĩ Quốc hội, thì người chất vấn Toruman không chỉ có một mình Uytlí.

Alécxanđơ Smit, một thượng nghị sĩ khác của Đảng Cộng hoà bang Niu Giecsi hỏi: Hành động của Chính phủ nếu được Quốc hội phê chuẩn có phải là một chủ trương đúng không? Êkixơn khôn khéo né tránh không trả lời. Ông ta nói, vấn đề này “cần được xem xét thận trọng”.

Những câu hỏi của các nghị sĩ nêu ra tuy đều được ứng phó trót lọt, nhưng cũng buộc các cố vấn cao cấp của Toruman phải thảo luận vấn đề có nên yêu cầu Quốc hội chính thức phê chuẩn việc tuyên chiến hay không.

Avêren Hariman, một nhân vật có khứu giác chính trị nhạy bén, có thể đã cảm thấy tâm lý ủng hộ Chính phủ của công chúng. Theo ông ta, nếu “Tổng thống Toruman được công chúng ngả hẳn về phía mình, ông có thể sẽ làm cho những nhân vật hay bối móc đó sau này phải ngậm miệng”.

Nhưng Toruman cho rằng không cần Quốc hội phải hành động. Việc ông làm là quyền hợp pháp đã được Hiến pháp cho phép, ông muốn bảo vệ quyền lực của Tổng thống, và như Hariman nói, “để phòng người ngoài gồm cả Quốc hội nhúng tay vào”, Hariman dẫn lời của Toruman: “Chúng ta quyết không làm như vậy, nếu không các đời Tổng thống sau này sẽ bị trói chân trói

tay”.

Quốc vụ viện cũng đứng về phía Toruman. Luxio Bađon, trợ thủ chính của Êkixon nói: “Tổng thống thực thi chức trách của mình thì tại sao lại nghi ngờ những việc làm của ông? Tổng thống được phép hành động, mọi người đều tuyệt đối ủng hộ ông, do đó không còn bất cứ vấn đề gì phải bàn...” Thực ra, cả Bađon và Êkixon đều lo ngại, nếu Quốc hội được tranh cãi về một quyết nghị chung của cả hai viện, “như vậy sẽ động chạm đến vấn đề Tổng thống không tuân thủ nghị quyết chung mà tự đưa ra chủ trương”.

Gióocgiơ Enxi, cố vấn của Toruman, thì mấy ngày đầu nổ ra chiến tranh, tình hình rối như mớ bòng bong, Tổng thống và các cố vấn chính của ông “mãi cân nhắc đến hành động quân sự và những hành động ở Liên Hợp Quốc, chưa suy nghĩ chu đáo vấn đề Quốc hội”. Mặc dù vậy Êkixon vẫn phản đối dự họp Quốc hội. Ông ta coi trường hợp này giống như cảnh một luật sư vận vẹo nhân chứng của đối phương: đưa một câu hỏi để phủ định mọi chuyện trước đó.

Êkixon nói rõ thêm:

Chính sách của Tổng thống được tất cả mọi người trong hai viện nhất trí tán thành. Chúng ta cần phải làm như vậy (chỉ việc can thiệp vào Triều Tiên), chúng ta đã làm, và tất cả đều được tiến hành theo đúng trình tự.

Vấn đề hiện nay là: Chúng ta phải chẳng cần đưa ra một nghị quyết chung... để phê chuẩn chủ trương này. Tôi cảm thấy lợi bất cập hại... Nếu đưa ra nghị quyết chung, hội đồng quân sự của hai viện sẽ phải tổ chức rất nhiều cuộc họp để nghe điều trần và mỗi người dự họp đều có thể nêu ra rất nhiều câu hỏi. Đợi đến khi chúng ta vượt được cửa ải đó, e rằng tình thế vốn rất sáng sủa bị đảo lộn lung tung.

Do đó, tôi đề nghị, loại bỏ ý nghĩ đó, vì áp lực trước mắt cùng lắm cũng chỉ lớn như vậy, hãy cứ làm theo ý chí của chúng ta.

Êkixon còn đưa ra những lý do khác: Bên quân sự không thể dự đoán nổi cuộc chiến tranh này sẽ kéo dài bao lâu và cuối cùng phải ném vào đó bao nhiêu binh lực. “Vấn đề cần hiện nay là phải hành động ngay, và phải hành động bằng phương thức nhanh nhất có hiệu quả nhất. Nếu dừng lại để phân tích nghiên cứu hành động của mình tức là tự trói mình lại.... Tất cả những cái đó sẽ chỉ làm suy giảm ý chí của mình, khiến mình làm gì cũng lúng túng”.

Êkixon đã hành động theo cảm giác đó, và cũng chính vì hành động theo cảm giác đó mà sau này nước Mỹ đã phải trả giá nặng nề.

Nhìn lại quá trình từ khi được tin Triều Tiên nội chiến đến khi nước Mỹ bị lôi cuốn vào chiến tranh, mọi người đều nhận thấy tất cả đều diễn ra quá nhanh. Từ chủ nhật 25 tháng 6 đến thứ sáu 30 tháng 6, toàn bộ quá trình nước Mỹ trả giá để bảo vệ tập đoàn Lý Thừa Vãn, có thể chia làm 4 giai đoạn.

- Bảo vệ dân thường Mỹ di tản bằng đường biển và đường không.

- Dùng hải quân, không quân tấn công quân Bắc Triều Tiên ở phía nam giới tuyến 38 để chi viện cho lực lượng Hàn Quốc.

- Mở rộng hoạt động của hải quân, không quân lên phía bắc giới tuyến 38, một bộ phận xuất kích từ căn cứ ở Nam Triều Tiên.

- Đưa lực lượng Mỹ vào tác chiến.

“Nói thực lòng, đây là một tai họa lớn về quân sự” - Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng tướng Ôma Brét sau này tổng kết: “Đây là cuộc chiến tranh sai lầm, sai lầm về địa điểm, sai lầm về thời gian, sai lầm về đối thủ”

Đây là kết luận của chính người Mỹ, đây cũng là kết luận của lịch sử.

Toruman coi thường lời cảnh cáo của Chính phủ Trung Quốc

Ngày 7 và 10 tháng 7, Chu Ân Lai hai lần họp Hội nghị quốc phòng nghiên cứu tăng cường lực lượng bảo vệ Đông Bắc, và quyết định điều 13 binh đoàn tập kết ở các vùng An Đông, Khoan Điện, Thông Hóa bên bờ sông áp Lục để chờ lệnh.

Khi đó, vì mong muốn giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên, ngày 13 tháng 7 Thủ tướng Ấn Độ Nêru gửi điện cho Xtalin và Êkixon, đưa ra chủ trương cục bộ hóa cuộc xung đột, dùng phương thức hòa bình kết thúc chiến tranh và khôi phục địa vị hợp pháp của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ở Hội đồng Bảo an.

Ngày 15 tháng 7, Xtalin gửi điện phúc đáp Nêru:

Tôi hoan nghênh đề nghị hoà bình của Ngài. Ngài chủ trương nên thông qua Hội đồng Bảo an gồm đại biểu 5 nước lớn trong đó có cả Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tham gia để giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên, tôi hoàn toàn tán thành quan điểm đó. Tôi tin tưởng rằng, để giải quyết nhanh chóng vấn đề Triều Tiên, việc lắng nghe đại biểu nhân dân Triều Tiên trình bày ý kiến của họ tại Hội đồng Bảo an là điều thích hợp.

Trái lại, chính quyền Toruman từ chối kiến nghị của Nêru. Êkixon ngày 18 tháng 7 gửi điện phúc đáp Nêru, không tán thành kiến nghị của ông, vẫn chủ trương ủng hộ “quân Liên Hợp Quốc” tấn công quân sự Bắc Triều Tiên để lập lại hòa bình và an ninh khu vực.

Êkixon vẫn dùng luận điệu cũ rích “phải dùng hành động quân sự khẩn cấp để lập lại hòa bình và an ninh” nêu trong nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc về vấn đề Triều Tiên.

Đề nghị thiện chí của Nêru không được Toruman tiếp nhận, Nêru rất lấy làm tiếc.

Ngày 20 tháng 7, Nêru công bố với toàn thế giới các bức điện ngày 13 tháng 7 ông gửi cho Xtalin và Êkixon, đồng thời cũng công bố cả những bức điện trao đổi với Xtalin trong 2 ngày 15 và 16 tháng 7 để qua đó chứng tỏ ông đã có những cố gắng nhằm giải quyết vấn đề Triều Tiên.

Malích, đại biểu Liên Xô thường trú ở Liên Hợp Quốc nhân đến phiên đàm nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc, ngày 1 tháng 8 trở lại Hội đồng Bảo an.

Ngày 4 tháng 8, Malích đưa ra trước Hội đồng một dự án nghị quyết giải quyết hoà bình vấn đề Triều Tiên, đòi chấm dứt những hành vi đối địch trong biên giới Triều Tiên, khi thảo luận vấn đề Triều Tiên phải mời đại biểu Trung Quốc dự, và nghe ý kiến của đại biểu nhân dân Triều Tiên.

Chính phủ Trung Quốc ngày 20 tháng 8 gửi điện ủng hộ đề nghị của Chính phủ Liên Xô.

Nhưng do nhiều nguyên nhân, đề nghị của Malích đã bị phủ quyết ở Hội đồng Bảo an ngày 1 tháng 9.

Toruman rút cục muốn làm gì? Lúc này, quân Mỹ xâm lược và quân Lý Thừa Vãn đã thua chạy về Phu San – một dải đất hẹp chỉ có 10.000 km², trên 90% lãnh thổ và trên 92% dân số Nam Triều Tiên đã được Quân đội nhân dân Bắc Triều Tiên giải phóng, Toruman còn định giữ quai chiêu gì đây?

Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, các cán bộ Tham mưu Bộ Tổng Tham mưu Quân giải phóng cũng đang suy nghĩ về câu hỏi đó.

Sáng ngày 11 tháng 8, Chu Ân Lai đột nhiên đến Bộ Tổng Tham mưu hỏi cán bộ Tham mưu:

- Về mặt quân sự, các đồng chí suy nghĩ thế nào, ý kiến các đồng chí ra sao?

Cán bộ Tham mưu nói, phải nâng cao cảnh giác, đề phòng quân Mỹ tập kích. Quân hai bên giằng co nhau ở sông Lạc Đông không bên nào tiến lên được. Quân đội Bắc Triều Tiên tác chiến trên bán đảo dài và hẹp, sợ nhất là bị quân Mỹ cắt ngang lưng. Quân Mỹ nếu đổ bộ ở phía sau, quân đội Bắc Triều Tiên sẽ bị kẹt ở sông Lạc Đông, không quay về được.

- Quân Mỹ có thể đổ bộ ở đâu? – Chu Ân Lai hỏi, sau khi nghe các

Tham mưu phát biểu:

- Có thể là Trần Nam Phổ.
- Nguyễn Sơn.
- Nhân Xuyên.
- Cũng có thể ở Quân Sơn.

Chu Ân Lai rất coi trọng những ý kiến đó. Xưa nay vẫn thế, trước những ý kiến then chốt có liên quan đến đại cục, ông không bao giờ tùy tiện tỏ thái độ, chỉ khẽ gật đầu.

Sau đó, Chu Ân Lai đến báo cáo tình hình với Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông cũng cho rằng khả năng đó rất lớn.

- Vạn nhất gặp tình huống đó, tình thế Triều Tiên sẽ khó giải quyết, không có đất xoay trở nữa.

- Trước tình hình đó, trước mắt, chúng ta chỉ có thể làm một số công việc chuẩn bị – Chu Ân Lai nói.

- Đúng vậy, chỉ có thể chuẩn bị sẵn sàng.- Mao Trạch Đông gật đầu.

Quân uỷ Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đi kiểm tra tình hình chuẩn bị của bộ đội biên phòng Đông Bắc, một lần nữa chỉ thị cho họ “gấp rút chuẩn bị, phải hoàn thành mọi công việc trước ngày 30 tháng 9”

Việc gì cũng vậy, tính trước thì được, không tính trước thì hỏng, điều mà Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai lo ngại rồi cuộc đã xảy ra.

Ngày 15 tháng 9, quân Mỹ đổ bộ thành công lên Nhân Xuyên. Kim Nhật Thành cử Phó soái của ông – Bộ trưởng Bộ Nội vụ Phác Nhất Vũ đến An Đông, trình bày với Chính phủ Trung Quốc tình hình chiến sự xấu đi nhanh chóng sau khi quân Mỹ đổ bộ, khẩn thiết đề nghị Trung Quốc xuất quân chi viện. Ngày 17 tháng 9, Chu Ân Lai đồng ý cử một nhóm tiền trạm 5 người lấy danh nghĩa các tùy viên quân sự sứ quán Trung Quốc ở Triều Tiên, sang Triều Tiên thăm dò tình hình, khảo sát địa hình, chuẩn bị chiến trường.

Ngày 20, Chu Ân Lai vạch ra nguyên tắc tác chiến cơ bản: “Chiến tranh chống Mỹ viện Triều phải là cuộc chiến đấu lâu dài tự lực cánh sinh; trong chiến dịch phải tập trung ưu thế tuyệt đối về binh lực và hỏa lực, bao vây tiêu diệt một thiểu số quân địch đã bị chia cắt, từng bước làm suy yếu quân địch để có lợi cho tác chiến lâu dài”

Phương châm này được Mao Trạch Đông tán thành.

Ngày 1 tháng 10, quân Mỹ vượt qua giới tuyến 38, tiếp tục tiến lên phía bắc. Chu Ân Lai nhờ Đại sứ ấn Độ ở Trung Quốc qua Nêru chuyển lời tới Ngoại trưởng Anh Bêvin:

‘Trung Quốc không thể bỏ qua vấn đề Triều Tiên’

“...Quyết không tha thứ cho nước ngoài xâm lược, cũng quyết không để mặc cho bọn đế quốc xâm lược người láng giềng của mình. Ai mưu toan gạt gần 500 triệu người Trung Quốc ra ngoài Liên Hợp Quốc, ai muốn gạt bỏ và phá hoại lợi ích của một phần tư loài người, hòng giải quyết độc đoán bất kỳ vấn đề nào của phương Đông có quan hệ trực tiếp với Trung Quốc, kẻ đó nhất định sẽ sút đầu mẻ trán.”

Chính quyền Toruman đã coi thường lời cảnh cáo của Chính phủ Trung Quốc. Rạng sáng ngày 2, Mácácơ căn cứ vào quyết định của Hội đồng Tham mưu trưởng ra mệnh lệnh tác chiến số 2 của “quân Liên Hợp Quốc, lệnh cho các “quân Liên Hợp Quốc” lập tức từ đất liền và từ biển cùng một lúc vượt giới tuyến 38 tấn công lên phía bắc.

Thế là, hai bên “giới tuyến 38” nổ ra một cuộc chiến đấu tấn công và phòng thủ vô cùng ác liệt.

Quân đội Nhân dân Triều Tiên vì hoà lực, nhân lực đều kém xa “quân Liên Hợp Quốc” nên lâm vào thế yếu, buộc rút lui về phía bắc. Chỉ trong một thời gian rất ngắn “quân Liên Hợp Quốc” được trang bị một số lượng lớn máy bay, đại bác và xe tăng điên cuồng xâm phạm Bắc Triều Tiên, thổi ngọn lửa chiến tranh xâm lược nhanh chóng lan tới biên giới Trung - Triều.

Bành Đức Hoài nhận lệnh trong lúc lâm nguy

Trước tình hình nghiêm trọng như vậy, Mao Trạch Đông vội triệu Chu Ân Lai đến bàn bạc đối sách, sau đó điện khẩn cho Cao Cương, Đặng Hoa:

“Mời đồng chí Cao Cương, sau khi nhận được điện về ngay Bắc Kinh họp. Đề nghị đồng chí Đặng Hoa lệnh cho bộ đội biên phòng kết thúc công tác chuẩn bị sớm hơn thời hạn, sẵn sàng chờ lệnh lên đường. Đề nghị đồng chí Đặng Hoa gửi điện về báo cáo tình hình chuẩn bị và cho biết rõ liệu có thể cho quân lên đường chiến đấu ngay được không”.

Quá trưa ngày 2 tháng 10, Cao Cương vội vã bay về Bắc Kinh. Ông sớm đã dự đoán, Mao Trạch Đông lần này triệu gấp ông về Bắc Kinh chắc chắn là vấn đề xuất quân viện Triều, bởi vậy ông đã định bụng: Lần này bất kể ra sao cũng không được nhấn mạnh việc bộ đội biên phòng chuẩn bị chưa được đầy đủ nữa.

Khoảng 3 giờ chiều, Mao Trạch Đông, Chu Đức, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Cao Cương, Lâm Bưu và Nhiếp Vĩnh Trân họp ở Di Niên Đường.

Vừa mới bắt đầu, Mao Trạch Đông đưa ngay ra một bức điện nói với

Cao Cương:

- Đây là điện khẩn của Kim Nhật Thành, chúng tôi xem rồi, đồng chí xem đi.

Lát sau, Mao Trạch Đông nói.

- Tình hình Triều Tiên nghiêm trọng như vậy, bây giờ không phải là vấn đề xuất quân hay không xuất quân, mà là phải xuất quân ngay, xuất quân sớm một ngày hay muộn một ngày là cực kỳ quan trọng đối với chiến cuộc. Hôm nay, trước tiên thảo luận hai vấn đề bức thiết: Một là thời gian xuất quân, hai là cử ai làm thống soái cầm quân.

Thấy mọi người im lặng, Mao Trạch Đông nói tiếp:

- Mọi người nghĩ xem, mỗi hờ thì răng lạnh, người ta sắp mất nước rồi, chúng ta thấy mà không buồn sao, chẳng ra tay giúp họ sao. Đồng chí Cao Cương, đồng chí đứng trên gò cao⁽¹⁾ nhìn được xa, đồng chí nói xem, dù thế nào trận này cũng phải đánh chứ. Cao Cương nghe Mao Trạch Đông nói vậy, vội đáp.

- Nếu sớm muộn nhất định phải đánh, thế thì đánh muộn hay hơn. Hiện giờ không cách gì đánh được, đánh tối, mất cả giang sơn, chúng ta nói sao với nhân dân? Hơn nữa, trong chúng ta cũng chưa có ai đi Triều Tiên đánh nhau với Mỹ, ai cầm quân đi?

Mao Trạch Đông nhìn Lâm Bưu:

- Đồng chí Lâm Bưu là cựu Tư lệnh của Dã chiến quân 4, đánh trận có kinh nghiệm. Binh đoàn 13 bộ đội biên phòng Đông Bắc là đơn vị chủ chốt của Dã chiến quân 4, đồng chí Lâm Bưu đi được không?

Lâm Bưu nghe Mao Trạch Đông nói, về bối rối:

- Thưa Chủ tịch, tôi gần đây bị đổ mồ hôi ghê gớm. Phó Liên Chương đã làm giấy yêu cầu tôi đi Liên Xô chữa bệnh.

Mao Trạch Đông hoàn toàn không ngờ tới viên Thống soái quân sự mà mình tin nhiệm nhất cũng cáo ốm thoái thác, rất thất vọng, giọng buồn bực:

- Thôi được, người này nói khó, người kia nói ốm, đợi cho bọn quý Mỹ cười lên đầu chúng ta bình ra đó vậy.

Nói xong ông hăm hăm đi ra khỏi phòng họp.

Họp Bộ Chính trị xong, Mao Trạch Đông trở về phòng ngủ kiêm phòng

⁽¹⁾ Cao là cao; cương là gò, triền núi; cao cương là cái gò cao. Đây là cách chơi chữ của Mao Trạch Đông (ND).

làm việc, tinh thần thể xác đều rã rời.

Chiến sĩ cảnh vệ Tiểu Lý Tử đỡ ông nằm xuống, rồi nhẹ nhàng xoa bóp. Mao Trạch Đông suốt đời cứ phải phấn đấu mới ngủ được một giấc. Các chiến sĩ cảnh vệ thường mua kẹo cho ông ăn để ông ngủ được ngon giấc. Hôm nay chắc chắn ngủ không được, Mao Trạch Đông dụi hai mắt đỏ ngầu, miệng ngáp dài, ngồi chịu trận trên xa lông.

Tiểu Lý Tử định đi ra, bỗng nhìn thấy cửa sổ chưa hạ, bèn nhẹ chân bước tới khẽ kéo cửa sổ xuống, lỡ tay cửa sổ tuột xuống kêu đánh “rầm” một tiếng.

Tiểu Lý Tử biết là có lỗi to, cứ đứng ngây ra đó.

- Tiểu Lý Tử, đọc cho tôi nghe một đoạn sách nào! – Mao Trạch Đông khẽ nói.

Tiểu Lý Tử rất ít đọc sách, anh chỉ thuộc được một số bài thơ và từ của Mao Trạch Đông mà anh đã đọc đã nghe.

“Ai dám cầm ngang thanh đao, dựng đứng vó ngựa; Chỉ có ta, Đại tướng quân họ Bành”

Vừa đọc đến đó, Lý Tử đã nghe thấy Mao Trạch Đông rất thích thú hỏi;

- Đồng chí đọc gì đấy?

Tiểu Lý Tử vội đáp:

- Dạ... “Ai dám cầm ngang thanh đao, dựng đứng vó ngựa, chỉ có ta Đại tướng quân họ Bành ạ”

Mao Trạch Đông vỗ đùi, từ xa lông đứng phắt dậy:

- Hay, hay cho Đại tướng quân họ Bành! Tiểu Lý Tử, cậu học có tiến bộ, mau đi gọi Lý Ngân Kiều đến đây! Tiểu Lý Tử vội quay người chạy đi gọi Lý Ngân Kiều. Lý Ngân Kiều đến. Mao Trạch Đông bảo:

- Đồng chí mau đi tìm Ưông Đông Hưng, bảo cho một chiếc chuyên cơ đi đón Bành Đức Hoài ở Tây An về, phải đón ngay về đây.

- Rõ thưa Chủ tịch tôi đi làm ngay – Lý Ngân Kiều vội đáp.

- Ngoài ra, các đồng chí phải ghi công cho Tiểu Lý Tử, - Mao Trạch Đông đột nhiên chuyển đề tài.

- Ghi công gì ạ!

Câu nói của Mao Trạch Đông làm cho Lý Ngân Kiều chẳng hiểu mô tê ra sao.

Mao Trạch Đông cười tít:

- Đồng chí ấy học rất thuộc, cứ ghi công về thành tích học tập.

Tất nhiên đó chỉ là một câu chuyện vui. Nhưng Tiểu Lý Tử nằm mơ cũng không thể nghĩ rằng ngẫu nhiên mấy câu thuộc lòng của mình lại trùng

hợp với dòng suy nghĩ của Mao Trạch Đông, từ đó dẫn đến việc Bành Đức Hoài – danh tướng một thời của Đảng Cộng sản Trung Quốc và quân đội Trung Quốc – lại bắt đầu đạo diễn một màn kịch chiến tranh uy vũ hùng tráng nhất kể từ sau Đại chiến thế giới lần thứ hai.

Quân Chí nguyện vượt sông Áp Lục

Chạng vạng tối ngày 19 tháng 10 năm 1950, trong cơn mưa thu mát mẻ, giá lạnh, các quân đoàn 40, 39, 42, 38 và ba sư đoàn pháo binh Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc cùng một lúc lần lượt vượt sông áp Lục ở ba bến An Lạc, Trường Miến, và Tập An rầm rộ tiến vào Triều Tiên.

Ngày 25 tháng 10, quân đoàn 40 đơn vị tiên phong của Quân Chí nguyện đánh trận đầu tiên với quân Nam Triều Tiên. Cuộc chiến tranh chống Mỹ viện Triều chính thức bắt đầu. Tính đến tháng 6 năm 1951, quân Chí nguyện liên tục mở 5 chiến dịch, cơ bản hoàn thành mục tiêu chiến lược đề ra lúc đầu, giành được thắng lợi có tính quyết định trong cuộc chiến tranh chống Mỹ viện Triều. Từ ngày 25 tháng 10 đến ngày 5 tháng 11 (1950) là chiến dịch đầu tiên, quân Chí nguyện dùng 2 sư đoàn của quân đoàn 42 tổ chức phòng ngự ở khu vực Hoàng Thảo Lĩnh, Pháo Chiến Lĩnh thuộc mặt trận miền đông, kiểm chế quân địch ở tuyến phía đông, lại dùng 3 quân đoàn 38, 39, 40 và một sư đoàn của quân đoàn 42 (sau tăng thêm quân đoàn 50, quân đoàn 66) phản kích ở mặt trận miền Tây. Chiến dịch này tiêu diệt đại bộ phận sư đoàn 6 quân Nam Triều Tiên, gây thiệt hại nặng cho sư đoàn 1 kỵ binh Mỹ, tổng cộng tiêu diệt hơn 15.000 địch, đánh lui quân địch đến phía nam sông Thanh Xuyên.

Ngày 7 tháng 11, các quân đoàn 20, 26, 27 thuộc binh đoàn 9 quân Chí nguyện dưới quyền chỉ huy của Tư lệnh kiêm Chính uỷ Tổng Thời Luân tiến vào Triều Tiên. Tối lúc này, binh lực tác chiến ngoài mặt trận của quân Chí nguyện tới 9 quân đoàn, 30 sư đoàn, tổng cộng hơn 380.000 người, chiếm ưu thế hơn hẳn so với lực lượng bộ binh của “quân Liên Hợp Quốc” gồm 5 quân đoàn 13 sư đoàn, 3 lữ đoàn, tổng cộng 220.000 người. Ngày 27 tháng 11, quân Chí nguyện mở cuộc phản kích mạnh mẽ trên cả hai mặt trận đông và tây, bắt đầu chiến dịch thứ hai. Ở mặt trận phía tây, quân Chí nguyện tiêu diệt sư đoàn 7 quân Nam Triều Tiên, đánh quỵ sư đoàn 2 quân Mỹ. ở mặt trận phía đông, đánh quỵ sư đoàn lục chiến 1, sư đoàn bộ binh 2 quân Mỹ. Tình hình đó buộc Mácactơ phải ra lệnh cho “quân Liên Hợp Quốc” và quân Nam Triều Tiên rút lui toàn bộ. Tư lệnh tập đoàn quân số 8 quân Mỹ trong khi bại

trận rút lui đã chết vì tai nạn xe. Rútway lên thay. Đến 24 tháng 12, chiến dịch kết thúc, quân Chí nguyên tiêu diệt tất cả hơn 360.000 địch, giành lại được khu vực phía bắc giới tuyến 38, xoay chuyển chiến cuộc Triều Tiên.

Dư luận Mỹ gọi thất bại này là “ác mộng”, “bi kịch” kinh hoàng kêu lên đây là “cuộc chiến bại lớn nhất trong lịch sử lục quân Mỹ”. Tập đoàn thống trị Mỹ cũng lâm vào tình trạng hỗn loạn.

Để đập tan âm mưu của “quân Liên Hợp Quốc” dùng đàm phán để tranh thủ thời gian chỉnh đốn quân đội tiếp tục chiến tranh, Mao Trạch Đông gửi điện cho Bành Đức Hoài chỉ thị cho quân Chí nguyên vượt giới tuyến 38 tác chiến. Ngày 31 tháng 12 (1950), quân Chí nguyên tập trung các quân đoàn 38, 39, 40, 42, 50, 66 phối hợp với các quân đoàn 1, 2, 5, của Quân đội nhân dân Triều Tiên mở chiến dịch thứ 3. Đến ngày 8 tháng 1 năm 1951, chiến dịch kết thúc, tổng cộng diệt hơn 190.000 địch, chiếm được Xoun, đánh lui quân địch đến tận tuyến Bình Trách, An Thành, Đề Xuyên, Tam Trắc.

Ngày 25 tháng 1 (1951), địch tập trung 5 quân đoàn, 16 sư đoàn, 3 lữ đoàn, tổng cộng 230.000 quân tổ chức tấn công. Quân Chí nguyên vận dụng phương châm dương đông kích tây, lệnh cho các quân đoàn 38, 50, phối hợp với quân đoàn 1 Quân đội Nhân dân Triều Tiên, dùng quân đoàn 26 làm lực lượng dự bị, tổ chức phòng ngự ở bờ nam sông Hán, mặt trận phía tây, kiểm chế hoạt động của mũi tấn công chủ yếu của quân địch. Trong khi đó ở mặt trận phía đông, dùng các quân đoàn 39, 40, 42, 66 phối hợp với các quân đoàn 2, 3 của Quân đội Nhân dân Triều Tiên mở cuộc phản kích vào hướng Hoành Thành, tiêu diệt một bộ phận của sư đoàn 8 quân Nam Triều Tiên và sư đoàn 2 quân Mỹ. Đây là chiến dịch thứ tư. Chiến dịch kết thúc ngày 21 tháng 4. Tổng cộng diệt hơn 780.000 quân, chặn địch ở phía nam giới tuyến 38.

Ngày 15 tháng 4, các quân đoàn 63, 64, 65 của binh đoàn 19 do Tư lệnh Dương Đắc Chí, Chính uỷ Lý Chí Dân chỉ huy cùng với các quân đoàn 12, 15, 60 của binh đoàn 3 do Tư lệnh kiêm Chính uỷ Trần Canh chỉ huy tiến vào Triều Tiên tham chiến. Trong tình hình binh lực tấn công chiếm ưu thế, quân Chí nguyên quyết định mở chiến dịch phản kích, giành quyền chủ động trong chiến tranh. Ngày 22 tháng 4, chiến dịch thứ năm mở màn ở mặt trận phía tây, quân Chí nguyên tiêu diệt sư đoàn 24, lữ đoàn 29 quân Mỹ, một bộ phận sư đoàn 1 sư đoàn 6 quân Nam Triều Tiên, tiến đến gần Xơ Un. ở mặt trận phía đông, tiêu diệt đại bộ phận sư đoàn 9, sư đoàn 3 quân Nam Triều Tiên và một bộ phận quân Mỹ. Từ đó, toàn tuyến chuyển sang thế phòng ngự vận động, di chuyển về giới tuyến 38. Ngày 10 tháng 6 chiến dịch kết thúc. Tổng

cộng tiêu diệt hơn 820.000 quân, chiến tuyến ổn định ở vùng phụ cận giới tuyến 38. Mácactơ bị cách chức Tổng tư lệnh, Rítwây lên thay.

Từ trung tuần tháng 6 năm 1951 đến khi chiến tranh kết thúc (ngày 27 tháng 7 năm 1953) là giai đoạn thứ hai của cuộc chiến tranh chống Mỹ viện Triều. Hai bên ở vào giai đoạn cầm cự chiến lược, hình thức tác chiến chính là trận địa chiến, đồng thời tiến hành đàm phán đình chiến.

VIII. KHẨU CHIẾN Ở BẢN MÔN ĐIỂM

Mỹ tung tin hòa đàm

Chiến dịch thứ 5 vừa kết thúc ít lâu, Mỹ chính thức tung ra tin hòa đàm. Ngày 30 tháng 6 năm 1951, Tổng tư lệnh “quân Liên Hợp Quốc” Rítwây theo lệnh của Ủy ban An ninh quốc gia Mỹ tuyên bố với phía Trung Quốc tỏ ý muốn đàm phán đình chiến, và đề nghị tổ chức đàm phán trên chiếc tàu của Đan Mạch neo ở cảng Nguyên Sơn.

Ngày hôm sau, tức ngày 1 tháng 7, Tư lệnh tối cao Quân đội nhân dân Triều Tiên Kim Nhật Thành và Tư lệnh quân Chí nguyện Trung Quốc Bành Đức Hoài dùng hình thức ra tuyên bố để trả lời Rítwây, đồng ý cử đại biểu gặp đại biểu Mỹ, và đề nghị cuộc gặp sẽ tổ chức ở Khai Thành-khu vực do phía Bắc Triều Tiên kiểm soát.

Tuyên bố của Rítwây đưa ra dường như rất đột ngột, và lời phúc đáp của phía Bắc Triều Tiên dường như cũng nhanh chóng khác thường. Kỳ thực, vấn đề đàm phán đình chiến chẳng những được nêu ra khá sớm, hơn nữa đã được chuẩn bị từ lâu rồi.

Ngày 2 tháng 10 năm 1950, khi quân Mỹ ngang nhiên vượt giới tuyến 38 tấn công miền Bắc Triều Tiên, Liên Xô và nhiều nước khác đã từng đưa ra Đại hội đồng Liên Hợp Quốc dự thảo nghị quyết giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên. Chính phủ Trung Quốc cũng ra tuyên bố ủng hộ. Nhưng ngược lại, Mỹ thao túng Liên Hợp Quốc phủ quyết dự thảo đó.

Ngày 11 tháng 1 năm 1951, Mỹ đột ngột đưa ra đề nghị đàm phán đình chiến với Bắc Triều Tiên và gạt dây Liên Hợp Quốc thông qua 5 ý kiến có tính nguyên tắc giải quyết vấn đề Triều Tiên và Viễn Đông do “Ủy ban 3 bên của Liên Hợp Quốc về ngừng bắn ở Triều Tiên” đưa ra, đòi ngừng bắn lập tức ở Triều Tiên, dùng mọi biện pháp thực hiện nghị quyết của “Liên Hợp Quốc” về việc thành lập “Chính phủ” thống nhất ở Triều Tiên, đại biểu 4 nước Anh, Mỹ, Liên Xô, Trung Quốc thảo luận giải quyết vấn đề Viễn Đông...

Khi đó, quân Chí nguyện đã liên tục tiến hành 3 chiến dịch phản công, đuổi quân Mỹ đến vĩ tuyến 37, giải phóng Xơun. Trọng điểm chiến lược của Mỹ là ở châu Âu, Mỹ không muốn ném vào Triều Tiên nhiều binh lực hơn nữa, lo rằng đánh tiếp chẳng những có thể thất bại mà còn có thể bị đuổi ra khỏi bán đảo Triều Tiên. Để tránh bị tiêu diệt hoàn toàn, Mỹ vội vàng đưa ra đề nghị đàm phán ngừng bắn:

Lập trường này của Mỹ được thể hiện rất rõ trong quyết định của Ủy ban An ninh quốc gia Mỹ. Phân tích quyết định này, ta thấy khi đó lợi ích cơ bản nhất và mối đe dọa lớn nhất của Mỹ vẫn là ở châu Âu. Mỹ cần phải bố trí lực lượng quân sự lớn ở châu Âu, và khuyến khích các nước Đồng minh NATO cũng làm như vậy. Lợi ích cơ bản của Mỹ quyết định Mỹ tuyệt đối không thể sa lầy trong cuộc chiến lâu dài ở Châu á, tiêu hao lực lượng quân sự vốn cần bố trí ở châu Âu- điều mà rất có thể là Kremli đang mong muốn. Trên cơ sở phân tích đó, Chính phủ Mỹ quyết định phương châm tác chiến ở Triều Tiên: Chỉ giới hạn chiến tranh ở Triều Tiên; hạn chế lực lượng hải quân không quân, không tăng viện nữa; tận dụng mọi khả năng giữ cho mặt trận chỉ xảy ra ở vùng phụ cận giới tuyến 38, sau đó tìm kiếm ngừng bắn; kí kết hiệp nghị ngừng bắn, khôi phục lại tình trạng như trước ngày 25 tháng 6 năm 1950 ở Triều Tiên.

Chính phủ Mỹ nhấn mạnh, trừ phi “quân Liên Hợp Quốc” vì lý do quân sự bị đánh bật ra khỏi bán đảo Triều Tiên, còn quyết không tự động rút quân; trong trường hợp trụ không nổi thì rút tập đoàn quân số 8 đi bảo vệ Nhật Bản.

Bành Đức Hoài với tư cách Tổng tư lệnh quân Chí nguyện nắm rất vững tình hình của địch, cũng hiểu rõ tình hình của bên mình. Sau khi Mỹ đưa ra tin hòa đàm, ông cho rằng hoà đàm lúc này là có lợi vì liên quân Trung-Triều chiếm được nhiều đất hơn, đồng thời còn có thể bớt sự hi sinh. Với tư cách là Tư lệnh chiến trường, Bành Đức Hoài đã phản ánh lên Trung ương tình hình đó và nêu cả ý kiến của mình.

Khi đó, Mao Trạch Đông có tính toán riêng của ông. Ông không muốn đàm phán vì cho rằng địch chỉ giả vờ hoà đàm, đây chỉ là kế hoãn binh. Ông muốn giành thắng lợi lớn hơn nữa. Các binh đoàn 19, Binh đoàn 3, binh đoàn 20, quân đoàn 47, quân đoàn 16... tiếp tục được huy động để mở cuộc phản kích lớn. Trải qua những trận giành đi giặt lại với địch ở giới tuyến 38, cuối cùng ổn định được mặt trận ở vùng phụ cận giới tuyến 38.

Trong một năm diễn ra cuộc chiến tranh xâm lược Triều Tiên, Mỹ đã bị giáng những đòn nặng nề. Mức tiêu hao vật tư và binh lính của họ gấp hơn hai

lần năm đầu của Đại chiến thế giới thứ hai. Vật tư bình quân mỗi tháng 850.000 tấn, gần tương đương với số lượng Mỹ viện trợ một năm rưỡi cho khối NATO. Trọng điểm chiến lược toàn cầu của Mỹ vốn ở châu Âu, nhưng trong chiến tranh xâm lược Triều Tiên, Mỹ đã huy động tới 1/3 lực lượng lục quân, 1/5 lực lượng không quân, 1/2 hải quân, ấy là chưa kể số quân đội các nước Anh, Pháp, tham gia từ mức 420.000 người (khi quân Chí nguyện Trung Quốc vào Triều Tiên) tăng lên tới 690.000. Đó là sự đảo ngược về mặt chiến lược. Ấy vậy mà Mỹ vẫn cảm thấy binh lực không đủ! Lực lượng dự bị chiến lược của Mỹ chỉ còn lại 2 sư đoàn quân Mỹ ở Nhật Bản, 3 sư đoàn quân nguy và 6 sư đoàn rưỡi ở trong nước, đưa thêm quân sang Triều Tiên là chuyện rất khó khăn. Anh và Pháp lại càng không muốn đưa thêm quân sang thêm nữa. Cái giá Mỹ đã phải trả lớn như vậy, mà thắng lợi thì lại rất mờ mịt. Điều đó chẳng những làm cho dân chúng Mỹ rất bất mãn, tâm lý phản chiến, chán ghét chiến tranh ngày càng dâng cao, mà còn làm cho mâu thuẫn trong nội bộ tập đoàn thống trị Mỹ ngày càng gay gắt.

Đứng trước cục diện bất lợi về quân sự và chính trị đó, Phó Tham mưu trưởng lục quân Mỹ Weydman than thở: “Chiến tranh Triều Tiên là cái hang không đáy, nhìn không thấy hi vọng thắng lợi của quân Liên Hợp Quốc”. Tập đoàn thống trị Mỹ cảm thấy đơn thuần chỉ dựa vào thủ đoạn quân sự không thể đánh bại được liên quân Trung Triều, không thể giải quyết được vấn đề Triều Tiên. Ngày 15 tháng 5, Ủy ban An ninh quốc gia Mỹ bèn đưa ra quyết định “Thông qua đàm phán đình chiến để kết thúc hành động đối địch”. Đầu tháng 6, Mỹ thông qua Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Lye nhiều lần tỏ ý muốn thông qua đàm phán kết thúc chiến tranh. Phía Mỹ sở dĩ trước cứng sau mềm hoàn toàn là do bị liên quân Trung-Triều đánh và cục diện hoà đàm cũng do đó mà có. Trong khi tỏ ý muốn hoà đàm, về mặt quân sự, Mỹ cũng tạm thời thôi không tấn công toàn diện mà triển khai xây dựng trận địa phòng ngự ở vùng phụ cận giới tuyến 38, chuyển sang thế phòng ngự chiến lược.

Qua 5 chiến dịch, liên quân Trung-Triều tuy đuổi quân địch về đến giới tuyến 38, đã xoay chuyển chiến cuộc Triều Tiên, bộ binh chiếm ưu thế rất lớn, pháo binh, xe tăng và lực lượng bảo đảm hậu cần cũng mạnh thêm, nhưng về trang bị kỹ thuật còn kém rất xa so với quân địch khi đó, quân Chí nguyện đã từ 300.000 quân khi vào Triều Tiên tăng lên đến 770.000 quân, Quân đội nhân dân Triều Tiên từ 110.000 quân tăng lên 340.000 quân, tổng binh lực liên quân lên tới 1.200.000 quân. Tỷ lệ binh lực giữa địch, ta là 1/1,6, rõ ràng liên quân chiếm ưu thế. Nhưng còn trang bị kỹ thuật? Quân địch có

hơn 3.560 khẩu pháo, trên 1.130 xe tăng, hơn 1.670 máy bay, hơn 20 tàu chiến; liên quân có rất ít xe tăng và máy bay, mà số lượng và chất lượng pháo cũng kém xa quân địch. Quyền không chế trên không, trên biển hoàn toàn nằm trong tay đối phương. Liên quân tuy số lượng bộ binh nhiều, sức chiến đấu mạnh, chiếm ưu thế nhưng do không được tự do hoạt động ban ngày, nên tính cơ động của quân lính và việc cung ứng vật tư bị hạn chế rất lớn, ưu thế trên rất khó phát huy đầy đủ. Trong tình hình đó, liên quân nếu muốn tiêu diệt sinh lực địch cần có thời gian, đòi hỏi, một quá trình địch suy yếu đi ta lớn mạnh lên, đòi hỏi một quá trình cải thiện trang bị kỹ thuật để nâng cao năng lực tác chiến hiện đại cho liên quân. Và như vậy, chiến tranh tất phải kéo dài. Thắng nhanh không được thì khi khách quan đã xuất hiện khả năng giải quyết hòa bình, chúng ta đương nhiên phải nắm lấy thời cơ, một mặt chuẩn bị đánh lâu dài, một mặt đàm phán đình chiến để tranh thủ giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên.

Do đó, sau khi Mỹ tung ra dự luận hòa bình vào cuối tháng 5, thì đầu tháng 6 Kim Nhật Thành tới Bắc Kinh để cùng Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai bàn bạc các phương châm, phương án liên quan đến đàm phán đình chiến.

Ngày 23 tháng 6, Đại sứ Liên Xô ở Liên Hợp Quốc Malích có buổi nói chuyện qua chương trình phát thanh Cái giá phải trả cho hòa bình do Ban tin tức của Liên Hợp Quốc thực hiện. Malích nói: “Sự nghiệp bảo vệ duy trì hòa bình là có thể thực hiện được. Những vấn đề gay gắt nhất trước mắt trong cuộc xung đột ở Triều Tiên cũng có thể giải quyết được. Để làm được điều đó, các bên đều phải có thiện ý mong muốn giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên. Nhân dân Liên Xô cho rằng, bước thứ nhất là hai bên tham chiến cần phải đàm phán ngừng bắn, đình chiến, rút quân đội ra khỏi giới tuyến 38”.

Cuộc nói chuyện đó của Malích đại biểu cho quan điểm của phía Triều Trung. Ngày 25 tháng 6, xã luận của Nhân dân nhật báo Trung Quốc viết: “Nhân dân Trung Quốc hoàn toàn ủng hộ kiến nghị của Malích và cố gắng thực hiện theo tinh thần đó. Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc tham gia chiến tranh Triều Tiên chống xâm lược với mục đích mong muốn giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên”

Cùng lúc đó, Toruman cũng có buổi diễn thuyết về chính sách ở bang Tennesxi. Ông ta một mặt hô hét phải tiếp tục tiến hành chiến tranh xâm lược, mặt khác lại tỏ ý muốn tham gia giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên.

Tiếp sau là tuyên bố của Rítwây và tuyên bố đáp lại của Thủ tướng Kim Nhật Thành và Tư lệnh Bành Đức hoài mà chúng ta nói ở trên.

Từ đó, chiến tranh Triều Tiên bắt đầu cục diện giằng co, vừa đánh vừa đàm, đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị đan xen nhau.

Mỹ không mấy may thật lòng

Cuộc đàm phán đình chiến bắt đầu. Rítway đưa ra đề nghị: Xe các sĩ quan liên lạc của họ đều cấm một lá cờ trắng to để tránh bị bắn nhầm. Sau mấy phiên họp, một phóng viên hãng U.P.I Mỹ viết một bài nói rằng, đường đường là đại biểu của nước Mỹ, đại diện cho Tổng tư lệnh quân Liên Hợp Quốc đi đàm phán mà trên xe lại cấm cờ trắng, thật chẳng ra sao cả, chẳng khác gì đầu hàng! Bài báo đã gây tranh cãi âm ỉ. Họ đã nói, cấm cờ trắng là vì an toàn, là dấu hiệu để bảo vệ họ, nay phóng viên hãng U.P.I lại nói vậy, thì họ không làm nữa, không cấm cờ trắng nữa. Về sau họ lại bảo đàm phán ở Khai Thành cũng không được, lí do vì Khai Thành không có “Không khí trung lập”. Thế là họ ngừng đàm phán, đòi chuyển địa điểm từ Khai Thành đến Bản Môn Điểm nằm trên tuyến tiếp xúc quân sự giữa hai bên, nếu không họ sẽ không tiếp tục đàm phán. Phía liên quân vì mục đích gạt bỏ cái cớ đối phương nêu ra nhằm ngăn cản việc họp lại, đã chấp nhận yêu cầu của họ, các cuộc hội đàm sau này đều diễn ra ở Bản Môn Điểm.

Đối với việc đàm phán đình chiến, Mỹ tỏ ra không mấy may thật lòng.

Một mặt, họ ráo riết chuẩn bị chiến tranh, đưa từ Mỹ sang hơn 100.000 lính bổ sung cho số thiếu hụt, tăng thêm pháo binh, bộ đội xe tăng; hai liên đội máy bay ném bom chiến đấu thuộc hai sư đoàn 136 và 116 không quân Mỹ được điều sang Nhật Bản; điều sư đoàn 40, sư đoàn 45 quân Mỹ từ Nhật Bản sang Triều Tiên, tăng cường lực lượng tác chiến cho lục quân, không quân; biên chế lữ đoàn 28, lữ đoàn 29 Anh và lữ đoàn 25 Canada, trung đoàn 16 NiuDilân thành sư đoàn 1 Liên hiệp Anh; mở rộng sân bay Đại Khâu; làm mới mười mấy căn cứ tiếp tế vận tải cho hải quân không quân; sửa chữa cả chục sân bay tiền duyên như Đông Đậu Xuyên Lí, Vĩnh Bình, Lân đề v.v... Họ còn cấp tốc làm đường, vận chuyển vật tư tác chiến, cho một số lượng lớn máy bay đi ném bom các tuyến giao thông vận tải và căn cứ hậu phương của quân Chí nguyện. Mặt khác, trên bàn đàm phán họ cố tình chuyện nọ xọ chuyện kia, chỉ riêng vấn đề thảo luận chương trình cũng đã kéo dài hơn nửa tháng. Khi thảo luận việc phân chia giới tuyến quân sự, Mỹ vin cớ họ có “ưu thế hơn về hải quân, không quân” nên phải được “đền bù” ở đất liền, phải phân chia giới tuyến theo tuyến Khai Thành- Y Xuyên- Thông Xuyên nằm sâu trong trận địa của quân Chí nguyện từ 38-68 km, mưu toan không đánh

mà cướp được một vùng rộng 120.000 km², của phía liên quân.

Trò loè bịp chính trị đó lẽ đương nhiên bị phía Trung -Triều kiên quyết cự tuyệt, phía Mỹ lại giở giọng hù dọa- công nhiên nói, thế thì “để bom đạn, đại bác và súng máy tranh luận vậy!”.

Rít dây cũng không cưỡng tuyên bố: “Với uy lực của quân Liên Hợp Quốc, chúng ta có thể giành được đường phân chia ranh giới mà đoàn đại biểu quân Liên Hợp Quốc đòi hỏi”.

Thắng lợi lịch sử

Sau khi bắt đầu cuộc đàm phán đình chiến ở Triều Tiên, quân Chí nguyện theo phương châm của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Mao Trạch Đông đề ra là “Tác chiến lâu dài, tích cực phòng ngự” đã thay đổi chiến lược. Bộ đội được chia ra luân phiên nhau tác chiến, quán triệt phương châm đánh những trận tiêu diệt nhỏ. Trong thời gian này, hai quân đoàn 67,68 của binh đoàn 20 do Tư lệnh Dương Thành Vũ, Chính uỷ Trương Nam Sinh chỉ huy tháng 6 vào Triều Tiên; 2 quân đoàn 36 và 37 do Tư lệnh Đồng Kì Vũ, Chính uỷ Cao Khắc Lâm chỉ huy vào Triều Tiên tháng 9. Trên bàn đàm phán, khi thảo luận việc phân chia giới tuyến, phía Mỹ lấy cớ “đền bù” ưu thế hải quân, không quân của họ, đòi vạch giới tuyến quân sự ở hậu phương trận địa quân đội Trung-Triều, cướp không 120.000 km² đất đai. Đòi hỏi vô lí này bị phía Trung- Triều kiên quyết cự tuyệt. Phía Mỹ lại hò hét chiến tranh: “Để cho bom đạn, đại bác và súng máy tranh luận vậy!”. Tiếp đó quân “Liên Hợp Quốc” và quân Nam Triều Tiên từ ngày 18 tháng 8 đến ngày 18 tháng 9 mở cuộc tấn công mùa hè, huy động 7 sư đoàn tấn công trận địa Quân đội nhân dân Triều Tiên ở tuyến phía đông. Quân Chí nguyện phối hợp với Quân đội nhân dân Triều Tiên ngoan cường đánh trả, đập tan cuộc tấn công, tiêu diệt hơn 78.000 địch, còn địch chỉ chiếm được 179 km² đất. Từ 29 tháng 9 đến 22 tháng 10, “quân Liên Hợp Quốc” lại mở cuộc tấn công mùa thu nhằm mục tiêu chính là trận địa của quân Chí nguyện, thực hiện “chiến thuật dùng xe tăng thọc sâu”. quân Chí nguyện giằng co với địch hơn một tháng, tiêu diệt hơn 79.000 tên, chặn đứng cuộc tấn công của chúng, ổn định mặt trận ở giới tuyến 38.

Trước và trong thời gian mở cuộc tấn công mùa thu, bắt đầu từ trung tuần tháng 8 “quân Liên Hợp Quốc” thực thi “chiến dịch phong toả các tuyến giao thông từ trên không”, hay còn gọi là “chiến dịch thất cổ”, âm mưu ném bom 3 tháng liên tục để cắt đứt đường tiếp tế, tiêu diệt khả năng tác chiến của

quân đội Trung-Triều. Với sự giúp đỡ toàn lực của quân dân Triều Tiên, quân Chí nguyện tổ chức không quân, bộ đội pháo cao xạ, bộ đội đường sắt, bộ đội công trình, bộ đội vận tải, kể cả cơ quan và bộ đội ở hậu phương triển khai cuộc chiến đấu qui mô lớn chống “chiến dịch thất cổ”, xây dựng và kiện toàn mạng lưới giao thông vận tải chằng chịt thông suốt từ hậu phương ra tiền tuyến, lấy binh trạm làm trung tâm, đường sắt và đường quốc lộ kết hợp với nhau, hình thành “tuyến đường vận tải huyền thoại”, cơ bản bảo đảm vận chuyển vật tư ra tiền phương, giành được thắng lợi có tính chiến lược. Tướng Mỹ Vanphrết không thể không thừa nhận: “Tuy không quân và hải quân đã dốc hết sức nhằm cắt đứt việc tiếp tế của cộng sản, song cộng sản vẫn vận chuyển được vật tư ra tiền tuyến với một nghị lực ngoan cường đến khó tin và đã sáng tạo nên những kì tích phi thường”.

Xuân hè năm 1952, để giữ vững lâu dài trận địa, quân Chí nguyện và Quân đội nhân dân Triều Tiên đã tiến hành cuộc chiến đấu củng cố trận địa, lấy việc xây dựng địa đạo làm trung tâm. đến cuối tháng 8, toàn bộ chiến tuyến dài 250 km với độ sâu từ 20-30 m nằm vắt ngang bán đảo Triều Tiên đã hình thành, tạo nên một hệ thống phòng ngự kiên cố, nòng cốt là công sự địa đạo kết hợp với công sự dã chiến. Công sự địa đạo là một sáng tạo lớn trong lịch sử chiến tranh. Nó đã giải quyết được vấn đề: Khi bị địch quân dùng hỏa lực mạnh tấn công, một quân đội trang bị vũ khí yếu kém hơn vẫn bảo tồn có hiệu quả sinh lực và vẫn có thể sát thương được địch, tăng cường đến mức cao nhất tính ổn định của phòng ngự, tạo cơ sở vững chắc cho việc quán triệt phương châm chiến lược “tác chiến lâu dài, tích cực phòng ngự”. Từ ngày 18 tháng 9 đến 31 tháng 10 năm 1952, quân Chí nguyện chủ động mở các cuộc phản kích chiến thuật trên toàn tuyến, tấn công 77 lần vào 60 mục tiêu địch tiêu diệt hơn 27.000 tên, chiếm 17 trận địa địch. Từ ngày 14 tháng 10 đến ngày 25 tháng 11, dưới quyền chỉ huy của tướng Vanphrết, “quân Liên Hợp Quốc” lần lượt huy động 60.000 quân, hơn 300 khẩu pháo, hơn 170 xe tăng, hơn 3.000 lượt máy bay, mở “cuộc tấn công sắt thép” vào mục tiêu chính là Thượng Cam Lĩnh, mưu toan xoay chuyển chiến cuộc. quân Chí nguyện lần lượt đưa vào 40.000 quân, hơn 180 khẩu pháo, phòng ngự kiên cường, tiêu diệt 25.000 tên, giữ vững được trận địa. Chiến dịch Thượng Cam Lĩnh đã nổi tiếng trong lịch sử chiến tranh thế giới vì mức độ dày đặc của binh lực hỏa lực, vì những trận chiến đấu tàn khốc quyết liệt, vì những cuộc giành đi giặt lại nhiều lần.

Tháng 11 năm 1952, Đêvít Aixenhao được bầu làm Tổng thống thứ 34

của Hoa Kỳ. Vị danh tướng trong chiến tranh châu Âu, Thống soái quân Đồng minh trọng Đại chiến thế giới thứ hai này sau khi lên nhậm chức, đã lập tức ra sức cổ súy cho chính sách bành trướng, cùng với đại diện 15 nước tham gia “quân Liên Hợp Quốc” vạch kế hoạch gấp rút phong toả Trung Quốc. Quân Chí nguyện làm theo chỉ thị của Mao Trạch Đông “chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết, kiên quyết đập tan âm mưu đổ bộ của quân địch, tranh thủ giành thắng lợi chiến tranh lớn hơn”, đã đào hơn 720 km đường hào, làm hơn 600 lô-cốt bê-tông; điều thêm 4 quân đoàn, 1 sư đoàn xe tăng, 7 binh đoàn pháo cao xạ vào Triều Tiên; 14 sư đoàn không quân sẵn sàng tham chiến; tích trữ 123.000 tấn đạn dược và một số lương thực đủ cho toàn quân ăn trong 8 tháng rưỡi. Quân Chí nguyện công sự kiên cố, phòng thủ chặt chẽ đã khiến “quân Liên Hợp Quốc” không dám liều lĩnh tấn công, chúng đành phải đồng ý nối lại cuộc đàm phán đã đứt đoạn nửa năm trời. Để thúc đẩy cuộc đàm phán đình chiến, Mao Trạch Đông chỉ thị quân Chí nguyện chỉ có đánh, không có đàm, không được lơ lửng, tất cả phải làm theo kế hoạch đã định. Bắt đầu từ ngày 13 tháng 5 năm 1953, quân Chí nguyện mở cuộc phản công mùa hè. Đến ngày 15 tháng 6, cuộc đàm phán đình chiến đã đạt được một hiệp nghị toàn bộ, sắp sửa đi đến ký kết hiệp định đình chiến. Bành Đức hoài từ tháng 4 năm 1952 đã về nước an dưỡng và sắp nhận công tác Thường trực Quân uỷ Trung ương nay cũng trở lại Triều Tiên chuẩn bị tham dự việc ký hiệp định. Nhưng tập đoàn Lý Thừa Vãn rắp tâm phá hoại đình chiến, dùng chiêu bài “thả tại chỗ” giam giữ một cách vô lí 27.000 tù binh quân đội nhân dân Triều Tiên, và hò hét phải “đánh thẳng tới bờ sông Áp Lục. Để thực sự đạt được hiệp định đình chiến, quân Chí nguyện tập trung 5 quân đoàn và hơn 1000 khẩu pháo, ngày 13 tháng 7 mở chiến dịch Kim Thành, đột phá chính diện tuyến phòng ngự dài 25 km của 4 sư đoàn quân Nam Triều Tiên, tiêu diệt hơn 78.000 tên. Chiến dịch chưa kết thúc, thì tướng Clac người kế nhiệm chức Tổng tư lệnh “quân Liên Hợp Quốc” và Lý Thừa Vãn - tên đầu sỏ tập đoàn thống trị Nam Triều Tiên lập tức xin ký kết ngay hiệp định đình chiến. Ngày 27 tháng 7, hai bên ký kết chính thức. Đến đây, cuộc chiến tranh chống Mỹ viện Triều kết thúc. Tướng Clac rầu rĩ nói: “Tôi là viên Tư lệnh lục quân Mỹ đầu tiên ký vào bản hiệp ước đình chiến khi chưa giành được thắng lợi”.

Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ viện Triều kéo dài suốt 33 tháng, các đơn vị Quân Chí nguyện lần lượt thay nhau sang Triều Tiên tham chiến gồm: 25 quân đoàn bộ binh, 10 sư đoàn binh mặt đất; 5 sư đoàn, 21 trung đoàn, 62 tiểu đoàn pháo cao xạ; 3 sư đoàn, 6 trung đoàn lính thiết giáp; 14

trung đoàn, 2 tiểu đoàn công binh; 10 sư đoàn, 1 trung đoàn lính đường sắt; 10 sư đoàn, 3 đại đội không quân; 2 sư đoàn công an. Số lượt người tham gia chiến tranh chống Mỹ viện Triều lên tới hơn 3 triệu. Trong chiến đấu, hơn 360.000 người hi sinh, bị thương và mất tích, hơn 6.000 đơn vị lập công tập thể hơn 300.000 người vinh dự nhận danh hiệu anh hùng chiến sĩ thi đua.

Trên chiến trường Triều Tiên, Mỹ đã sử dụng tất cả các loại vũ khí sát thương quy mô lớn trừ bom nguyên tử, ép buộc 15 nước đưa quân tham chiến, chuyển đến chiến trường hơn 73 triệu tấn vật tư chiến tranh, chi phí chiến tranh 83 tỉ USD (chỉ sau chiến phí của Mỹ trong Đại chiến thế giới thứ hai), đã huy động 1/3 lực lượng Mỹ, 1/5 không quân và đại bộ phận hải quân. Nhưng, với trang bị vũ khí yếu kém hơn, quân Chí nguyện và Quân đội nhân dân Triều Tiên lại giành được những chiến quả rực rỡ: giết, làm bị thương, bắt làm tù binh tất cả hơn 1.090.000 tên (trong đó có hơn 390.000 quân Mỹ), bắn rơi bắn bị thương 12.200 máy bay, bắn chìm bắn bị thương, 257 tàu chiến, bảo vệ được toàn vẹn lãnh thổ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và an ninh của Trung Quốc, duy trì được hòa bình Viễn Đông và hòa bình thế giới.

Thắng lợi này là thắng lợi vĩ đại của nhân dân Trung-Triều chống xâm lược Mỹ, là thắng lợi của lực lượng yêu chuộng hòa bình toàn thế giới, là thắng lợi có tính lịch sử. Đúng như Tổng tư lệnh Bành Đức Hoài tháng 9 năm 1953, nói trong Báo cáo về công tác chống Mỹ viện Triều của quân Chí nguyện Nhân dân Trung Quốc: “Thắng lợi đó chứng minh hùng hồn rằng: Thời đại mà từ mấy trăm năm nay bọn xâm lược phương Tây chỉ cần đặt vài khẩu đại bác trên bờ biển phương Đông đã có thể chiếm được cả một quốc gia, đã vĩnh viễn qua rồi”.

IX. CHIẾM ĐOẠT TÙ BINH QUÂN CHÍ NGUYỄN

“Phân loại”

Trong chiến tranh, dù bên bại hay bên thắng, đều không tránh khỏi một số người bị đối phương bắt làm tù binh.

Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc trong những cuộc chiến đấu quyết tử với quân địch, do nhiều nguyên nhân bất khả kháng, chẳng hạn, như bị ngập bởi vũ khí hóa học và bom cháy, cửa đường hầm bị địch chiếm, hoặc bị ngắt di vì đại bác, vì máy bay địch bỏ bom, nên một số binh lính và sĩ quan Quân Chí nguyện đã bị bắt.

Sau khi chiến tranh kết thúc, căn cứ theo hiệp định đình chiến, hai bên tiến hành trao trả tù binh. Phía Mỹ và Nam Triều Tiên trao trả cho phía Triều-Trung 75.799 tù binh, trong đó có hơn 6000 không phải quốc tịch Triều Tiên, cơ bản là người của quân Chí nguyện. Phía Triều- Trung trao trả cho phía Mỹ và Nam Triều Tiên 12.760 tù binh, trong đó gần 5.000 người không phải quốc tịch Triều Tiên, phần lớn là tù binh Mỹ. Những con số trên đủ nói lên trong cuộc chiến tranh Triều Tiên địch mạnh ta yếu, và cuộc chiến tranh đó thật tàn khốc đối với phía Triều-Trung.

Trong suốt cuộc chiến tranh Triều Tiên, phía Trung-Triều luôn luôn đối xử nhân đạo với tù binh đối phương và đã trao trả toàn bộ, còn phía Mỹ và Nam Triều Tiên ngoài mặt họ nói “tôn trọng nguyện vọng cá nhân của tù binh”, nhưng sau lưng lại dùng đủ mọi thủ đoạn dã man vô nhân đạo hãm hại tù binh đối phương.

Theo thống kê không đầy đủ, riêng năm 1951, tù binh bị quân Mỹ bắn giết tàn bạo đã hơn 17.000 người. Quân Mỹ không chỉ tùy tiện bắn giết tù binh mà còn ngang nhiên vi phạm công ước quốc tế, đã mất hết tính người trong việc dùng tù binh làm vật thí nghiệm vi trùng trên tàu đổ bộ số 1091 của họ. Theo U.P.I tiết lộ: Kết quả thí nghiệm là trong hơn 125.000 tù binh Bắc Triều Tiên, 1400 người mắc bệnh trầm trọng, khoảng 80% số còn lại đều mắc những chứng bệnh khác”.

Quân Mỹ còn yêu cầu Tướng Giới Thạch phái đến một số lượng lớn đặc vụ Quốc dân Đảng, giả làm tù binh trà trộn trong các trại tù binh, cưỡng ép những Chí nguyện quân bị bắt thích chữ vào người, bắt họ viết “huyết thư” và thành lập những tổ chức đại loại như “Cứu quốc đoàn chống cộng” v.v.. Theo lời cung khai của bọn đặc vụ Vương Thuận Thanh, Lưu Bính Chương, Vương Phúc Điền bị quân Chí nguyện bắt ở Triều Tiên, chúng thường dùng cực hình bức cung các tù binh quân Chí nguyện, cưỡng ép họ “kí tên điểm chỉ”. Các chiến sĩ bị bắt đã đấu tranh chống lại nên phần lớn bị đánh đập dã man, thậm chí bị tra tấn bằng nước, bằng điện, đến cả mổ bụng moi gan, chôn sống.

Chiều tối ngày 8 tháng 4 năm 1952, ở trại tù binh đảo Cự Tế, đặc vụ Đài Loan câu kết với quân Mỹ, quân Nam Triều Tiên tiến hành “phân loại” các tù binh quân Chí nguyện. Chúng cho mấy tên phản bội như tên Lý Đại An, liên đội phó trại tù, tập trung tù binh của trại 72 ở sân rồi tuyên bố: “Tất cả những ai muốn về Đại lục, bây giờ ra cổng lên xe”. Để tỏ lòng trung thành với Tổ quốc, Lâm Học Phổ đứng ra trước tiên và hô to: “Ai muốn về Tổ quốc đi theo tôi!” Nhiều bạn tù nhao nhao hưởng ứng. Nhưng anh lập tức bị bọn

chúng đánh ngã lăn ra đất, rồi trối lại lời đến hội trường một trường học gần đó để tra hỏi. Lúc đó hơn 120 người ở các trại tù binh khác cũng bị bắt đưa đến đây. Lâm Học Phổ bị lôi lên bục giảng, bắt đứng dưới cây thánh giá. Tên phản bội Lý Đại An tay cầm con dao găm của tên thầy tu Mỹ thưởng cho chỉ vào Lâm Học Phổ hỏi:

- Về Đại lục hay đi Đài Loan?

Lâm Học Phổ giọng kiên quyết:

- Về Đại lục.

Lý Đại An nói:

- Được, thế thì mày phải để những chữ xăm trên người mày lại.

Nói xong y dùng dao găm lóc một mảng thịt bên tay trái trên có mấy chữ “sát Chu Bạt Mao”⁽¹⁾ bị bọn chúng xăm trên người trước đây. Lý Đại An cười độc ác hỏi:

- Rút cuộc đi đâu?

Lâm Học Phổ cố nhịn đau hét to:

- Về Đại lục Tổ quốc!

Lý Đại An lại lóc một mảng thịt bên tay phải trên có xăm bốn chữ “phản cộng kháng Nga”⁽²⁾. Lâm Học Phổ ngất xỉu. Lý Đại An sai người đem nước lạnh đổ lên người cho tỉnh lại, rồi giở dao găm vào ngực nghiêng răng hỏi:

- Rút cuộc mày đi đâu?

Lâm Học Phổ trừng mắt nhìn tên phản bội, dồn hết hơi sức cuối cùng hét to:

- Tao sinh ra là người Trung Quốc, chết đi là ma Trung Quốc! Đảng Cộng sản muôn năm! Mao Trạch Đông muôn...

Không đợi anh hô hết câu, tên Lý Đại An dùng dao găm đâm chết. Hắn mổ phanh ngực người liệt sĩ, moi ra quả tim đỏ tươi còn đang đập, xiên trên mũi dao rồi gào lên:

- Nhìn thấy không? Đứa nào muốn về đại lục sẽ bị như thế này mà đi tìm Mao Trạch Đông!

Song những người con ưu tú đó của Tổ quốc vẫn không chịu khuất

⁽¹⁾ Giết Chu Đức, diệt Mao Trạch Đông (ND).

⁽²⁾ Chống cộng chống Nga (ND).

phục, vẫn trả lời:

- Về Đại lục Tổ quốc!

Có nhiều người cũng đã hi sinh oanh liệt như vậy.

Đại biểu đàm phán nghĩ cách cứu tù binh

Khi quân Mỹ tiến hành báo thù, đàn áp tàn khốc tù binh Triều-Trung thì ở Bản Môn Điểm, đoàn đại biểu Triều-Trung liên tục đấu tranh trực diện với phía Mỹ để cứu tù binh.

Ngày 19 tháng 5 năm 1952, sau khi tố cáo hàng loạt các vụ đối phương tàn sát tù binh, đặc biệt là vụ đàn áp tàn bạo tù binh ở đảo Cự Tế gần đây nhất, đại diện của phía Triều-Trung tướng Nam Nhật vạch rõ: Một sự thật hiển nhiên trước nhân dân toàn thế giới, đó là dù phía các ông đã dùng các biện pháp dã man đối với những người bị bắt phía chúng tôi, đàn áp ý chí của họ, nhưng họ vẫn không chịu khuất phục trước bạo lực của các ông.

Tướng Nam Nhật nghiêm khắc chất vấn:

- Các chiến sĩ Triều-Trung bị bắt, vì không thể nhẫn nhịn được sự ngược đãi có nguy cơ dẫn đến việc tàn sát tập thể, đã đưa ra những yêu cầu chính đáng với các ông, há chẳng phải là sự thật? Phía các ông không đếm xỉa gì đến công ước Giơnevơ, vi phạm tiêu chuẩn tối thiểu về hành vi con người, thực hiện các hành động bạo lực đối với các tù binh Triều-Trung, thậm chí tàn sát họ, há chẳng phải sự thật? Lẽ nào chuyện sĩ quan chỉ huy trại của các ông bảo đảm với các tù binh Triều-Trung sẽ không tái diễn chuyện phân loại đối xử lại không phải là sự thật?

Trước một loạt câu chất vấn như vậy, đại biểu phía Mỹ đành cúi đầu, không trả lời được.

Trong cuộc họp ngày 28 tháng 5 giữa đại biểu hai bên, tướng Nam Nhật đại diện cấp cao nhất phía Triều-Trung và tướng Harison đại diện cấp cao nhất phía Mỹ lại tái đấu:

Nam Nhật: Tại sao bao nhiêu vụ tàn sát xảy ra trong trại tù binh phía các ông mà các ông không thông báo một lần nào cả?

Harison: (Từ chối trả lời câu hỏi) Tôi đề nghị nghỉ họp.

Nam Nhật: Xem ra ông không trả lời được. Tôi lại hỏi ông, ông cho rằng, phía ông ngang nhiên tàn sát những người bị bắt của chúng tôi mà chẳng phải chịu trách nhiệm gì cả, bây giờ các ông có thể ngang nhiên huy động quân đội thậm chí cả xe tăng phun lửa để sẵn sàng tiếp tục tàn sát với qui mô lớn được chăng?

Harison: (Im lặng đến 5-phút) Hiện giờ và sau này tôi không muốn thảo luận những vấn đề đó nữa. Những sự việc có liên quan ở ngoài ngôi lều này đã nói rồi. Tôi đề nghị tạm nghỉ họp.

Nam Nhật: Tất cả mọi vấn đề có liên quan tới sự sống chết và an toàn của những người bị bắt của chúng tôi đều quan hệ trực tiếp với Hội nghị này. Chúng ta họp ở trong lều chứ không phải họp ở ngoài lều. Do đó ông phải trả lời câu hỏi của tôi ở trong lều chứ không phải ở ngoài lều.

Harison: (Không lên tiếng)

Nam Nhật: Các ông có lí do gì cắt không cho tù binh ăn uống để cưỡng ép họ chấp nhận cái gọi là “phân loại”?

Harison: (Cúi đầu không nói gì)

Nam Nhật: Để ông có thời gian suy nghĩ những câu hỏi của tôi, tôi đồng ý tạm nghỉ họp đến phiên ngày mai.

Harison: Tôi đồng ý. (Đứng dậy đi ngay).

Đại biểu phía Mỹ đuối lí, nhưng quân đội của họ không may may buông lời việc đàn áp và hãm hại tù binh Triều-Trung.

Trong một phiên họp thảo luận vấn đề tù binh, do phía Mỹ nêu ra những đòi hỏi vô lí và dùng biện pháp dây dưa kéo dài, nên trên bàn đàm phán đã diễn ra cảnh hai bên giằng co nhau. Một cuộc giằng co trong im lặng.

Phiên họp bắt đầu từ 2 giờ rưỡi chiều và do phía Mỹ chủ trì.

Hai bên nhìn nhau chằm chằm. Đúng là một cuộc chiến tranh cân não cực kỳ căng thẳng, một trận đối kháng về ý chí, nghị lực, sức chịu đựng và khả năng kiểm chế.

Ánh mắt của các đại biểu phía Hàn-Mỹ đã bắt đầu đảo đi đảo lại.

Trong ánh mắt của các đại biểu Triều-Trung cũng đã lộ rõ vẻ sốt ruột.

Đại diện đàm phán Trung Quốc Sài Thành Văn lặng lẽ rời hội trường, đến xin chỉ thị của Lý Khắc Nông, người trực tiếp chỉ đạo đàm phán của phía Trung Quốc đang trấn ở Khai Thành, xem phải làm thế nào?

Lý Khắc Nông lúc đó cũng đang ngồi trầm ngâm suy nghĩ. Ông nhìn trân trân vào mẫu giấy rồi viết 3 chữ: “Tiếp tục ngồi”.

Mẫu giấy được lặng lẽ chuyển qua tay các đại biểu Trung - Triều.

Hết như một liễu linh được, các đại biểu người nào người nấy dướn thẳng lưng, ngồi yên bất động, những cặp mắt sắc lạnh chằm chằm nhìn vào đối thủ.

Họ ngồi như những pho tượng đá, chỉ khác ở chỗ những pho tượng đá đó toát ra cái nhìn khiến người khác phải hãi hùng.

Im lặng kéo dài 132 phút.

Người Mỹ chịu không nổi, tuyên bố nghỉ họp.

132 phút chỉ nhìn nhau mà không nói một lời, e có lẽ là một kỉ lục im lặng dài nhất trong lịch sử đàm phán.

Người Trung Quốc vốn có lòng kiên nhẫn. Và người Trung Quốc cũng có tuyệt chiêu lấy nhanh giành thắng lợi.

Đến phiên đại biểu Trung-Triều chủ trì cuộc họp.

Đại diện cấp cao nhất của Triều Tiên tuyên bố Hội nghị bắt đầu, hai bên vừa ngồi vào chỗ, ông lập tức tuyên bố nghỉ họp, tất cả chỉ mất 25 giây, làm cho người Mỹ nhún vai lắc đầu lia lịa, luôn miệng “No, No” với bộ dạng kinh ngạc chẳng hiểu đầu cua tai nheo ra sao.

Mao Trạch Đông chọn Lý Khắc Nông

Người Mỹ bị buộc phải ngồi lại đàm phán, nhưng vẫn không cam chịu. Vừa đàm vừa đánh, đàm giả đánh thật. Bắt đầu từ sáng 10 tháng 7 năm 1951, cuộc đàm phán kéo dài suốt hai năm trời.

Họ muốn trên bàn đàm phán giành được cái mà họ không giành được trên chiến trường, lại y vào ưu thế không quân tiến hành chiến thuật “thắt cổ”, cắt đứt đường vận tải của phía Triều -Trung, âm mưu làm cho bộ đội liên quân ngoài tiền tuyến sa vào cảnh hết đạn cạn lương, buộc các đại biểu đàm phán phải thỏa hiệp, chấp nhận điều kiện của họ. Họ coi khinh nước Trung Quốc mới. Đưa quân vào Triều Tiên, họ không tính tới chuyện sẽ bị quân đội Trung-Triều giáng cho những đòn chí tử, hao binh tổn tướng, phải thay ngựa giữa dòng, mất hết cả thể diện. Trong tình thế vô kế khả thi, họ buộc phải đàm phán đình chiến, nhưng lại vẫn muốn làm ra bộ oai phong như trước kia.

Mao Trạch Đông khi cân nhắc, lựa chọn kíp tham gia đàm phán của phía Trung Quốc, người đầu tiên ông nghĩ đến là Lý Khắc Nông và muốn Lý Khắc Nông trấn giữ Khai Thành. Ông nói với Lý Khắc Nông:

- Tôi chọn đồng chí đi làm nhiệm vụ.

Lịch sử không quay ngược, không lặp lại theo nguyện vọng của người đời sau, cũng không tái diễn theo giả thiết. Nhưng ở đây, để nói rõ về Lý Khắc Nông và chiến hữu của ông, ta hãy cứ tạm đặt giả thiết. Trong những năm 30, giả dụ không có Lý Khắc Nông và các chiến hữu của ông, chắc cơ quan Trung ương và nhiều người lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Thượng Hải như Vương Minh, Bác Cổ, Chu Ân Lai, Đặng Dĩnh Siêu, Cù Thu Bạch, Trần Văn, Khang Sinh, Nhiếp Vĩnh Trân, Lý Duy Hán, Trần Tông Anh

v.v.. sẽ khó thoát khỏi móng vuốt quỷ dữ Quốc dân Đảng. Trùm đặc vụ CC Trần Lập Phu đã từng ôm hận, rầu rĩ than thở: “Chỉ chậm mất 5 phút, nếu không, bọn đầu sỏ cộng sản Chu Ân Lai đã bị hốt gọn”.

Giả dụ không có Lý Khắc Nông và các chiến hữu của ông, Mao Trạch Đông khi lãnh đạo khu Xô viết Trung ương chống “vây quét” chắc sẽ khó có thể nắm kịp thời chuẩn xác việc bày binh bố trận của Tưởng Giới Thạch để mà giành thắng lợi.

Lịch sử đã tạo ra những người như Lý Khắc Nông. Mùa xuân 1928, Lý Khắc Nông trốn khỏi quê hương đến Thượng Hải bắt được liên lạc với tổ chức Đảng. Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc từ bài học thất bại đau đớn của cuộc đại cách mạng đã hiểu ra rằng, muốn tồn tại, muốn chiến đấu, muốn giành thắng lợi phải xây dựng một bộ máy đặc biệt, bảo đảm chắc chắn “biết mình biết người” để “trăm trận, trăm thắng”. Thế là, Chu Ân Lai cùng với một số người khác vạch kế hoạch lập ra “Đặc khoa” Trung ương, tìm cách thu lượm tin tức quân sự, chính trị của địch, quét sạch bọn gian tế, trừng trị kẻ phản bội, gây quỹ hoạt động, bảo đảm giao thông bí mật, bảo vệ an toàn cho các nhân vật quan trọng...

Chu Ân Lai chỉ thị cho Lý Khắc Nông, nhân cơ hội bọn đặc vụ Quốc dân Đảng lấy danh nghĩa “Cục quản lý vô tuyến điện Thượng Hải” tuyển biên tập viên tin tức phát thanh (thực ra là mở rộng tổ chức đặc vụ), dùng phương thức công khai dự thi để chui vào tổ chức đó. Trong một thời gian ngắn ngủi Lý Khắc Nông đã nắm được những tri thức cần thiết cho thi cử, dẫn đầu kì thi tuyển với thành tích ưu tú.

“Cục quản lý vô tuyến điện là tổ chức đặc vụ của trùm CC Quốc dân Đảng Trần Lập Phu, do Từ Ân Tăng họ hàng của Trần Lập Phu điều hành để che mắt mọi người.

Sau một thời gian quan sát Lý Khắc Nông, Từ Ân Tăng mừng cho mình đã kiếm được một nhân viên giỏi. Ít lâu sau, Lý Khắc Nông được lên làm cụm trưởng cụm đặc vụ. Chức quan tuy không to, nhưng quản các báo vụ viên vô tuyến của toàn quốc. Đây đúng là vị trí nắm tình hình tốt nhất. Từ lâu Chu Ân Lai đã có ý định lợi dụng bộ máy này để phục vụ cho công tác cách mạng. Thời cơ đó bây giờ đã chín muồi.

Từ Ân Tăng đặc ý khoe mình có 3 tướng giỏi: Thư kí cơ yếu Tiền Tráng Phi, người luôn ở sát bên y, cai quản cơ quan đặc vụ đầu não đặt ở Nam Kinh - Chính Nguyên thực nghiệp xã, kiêm quản Trường giang thông tấn xã Dân trí thông tấn xã; Lý Khắc Nông, cụm trưởng đặc vụ Cục quản lý vô tuyến điện

Thượng Hải; Hồ Đễ, giám đốc Thông tấn xã Trường Thành Thiên Tân. Có ba người này họ sẽ có những tai mắt tinh tường nhanh nhạy nhất. Những tin tức tình báo trong cả nước, về Đảng Cộng sản, hay về các phe phái trong Quốc dân Đảng, cũng như các đảng phái khác đều rất nhanh chóng được đặt trên bàn làm việc của họ.

Lý Khắc Nông, Tiền Tráng Phi, Hồ Đễ ba người nhận lệnh của Chu Ân Lai tổ chức thành tổ đặc biệt do Lý Khắc Nông làm tổ trưởng. Lý Khắc Nông liên hệ đơn tuyến với Trần Canh-Trưởng ban tình báo “Đặc Khoa”

Từ Ân Tăng rất coi trọng ba người, đặc biệt là Tiền Tráng Phi, vì là đồng hương, lại có tài, ngay cả điện báo mật cũng đưa cho ông dịch, phân loại, chỉnh lí.

Từ Ân Tăng nằm mơ cũng không thể nghĩ rằng “ba tướng giỏi” của y lại là những chiến sĩ trung thành của Đảng Cộng sản; mạng lưới đặc vụ mà y tự hào lại do đảng viên cộng sản thay y bày mưu tính kế lập ra; các bản tin tình báo tuyệt mật đưa đến Trần Lập Phu và Tưởng Giới Thạch lại có một bản sao cùng một lúc đặt trước mặt người lãnh đạo Trung ương Đảng Cộng sản.

Sau khi nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thành lập, trong một lần tiếp khách nước ngoài, Mao Trạch Đông nói: “Lý Khắc Nông là “đại đặc vụ” của Trung Quốc, có điều là đặc vụ của Đảng Cộng sản”.

Tháng 12 năm 1949, Mao Trạch Đông lần đầu tiên đi thăm Liên Xô. Lý Khắc Nông hộ tống cho đến tận Mãn Châu Lý biên giới Trung-Xô.

Ngoài những lúc bàn công việc, Lý Khắc Nông còn chuyện gẫu, kể chuyện dân gian, kể chuyện cười với Mao Trạch Đông. Lý Khắc Nông thực sự là nhà cách mạng kiểu chuyên nghiệp, đương nhiên đôi lúc trong không khí vui vẻ thoải mái cũng kể đôi chút về công tác tình báo.

Một hôm sau bữa ăn sáng, Lý Khắc Nông hỏi Mao Trạch Đông:

- Thưa Chủ tịch, Chủ tịch có biết hàng ngày việc đầu tiên của Tổng thống Mỹ khi bắt tay vào làm việc là gì không?

Mao Trạch Đông “ờ” lên một tiếng, cảm thấy thích thú. Ông nhìn Lý Khắc Nông chờ nghe nói tiếp.

Lý Khắc Nông nói:

- Việc đầu tiên của ông ta là xem những tin tức tình báo chính, nếu không, hôm đó ông ta không biết nên nói gì, làm gì.

Mao Trạch Đông thừa hiểu ý Lý Khắc Nông định nói gì, vẫn cố ý vòng vo:

- Tôi khác Tổng thống Mỹ, gặp gì xem nấy, không ngại nhiều chỉ sợ ít. Khắc Nông, cậu còn muốn lên lớp cho tôi sao? Được, lần này đi Mátxcova,

liệu có cần phải khoe với Xtalin về cái “sạp hàng” của các vị không nhỉ?

Mao Trạch Đông và Xtalin đã bàn bạc với nhau công việc hợp tác tình báo.

Lý Khắc Nông được lệnh sang Liên Xô làm việc cụ thể. Ông đã được gặp các chuyên gia tình báo Liên Xô. Quan điểm và cách làm của họ rất khác Trung Quốc, nhất là việc thu thập tin tình báo công khai. Phương pháp cơ bản mà Lý Khắc Nông tán thưởng và thực hành là 95% tin thu thập được qua phân tích một khối lượng lớn tư liệu báo chí xuất bản công khai và những báo cáo có liên quan, chỉ có 5% có được bằng biện pháp tình báo bí mật.

Chuyên gia tình báo Liên Xô trái lại coi thường những tin tức tình báo công khai, còn nói giễu rằng những tin đó không có giá trị bằng những cái thu thập được bằng biện pháp của KGB, hơn nữa giá trị của nó quá thấp. Họ yêu cầu Lý Khắc Nông làm theo cách của Liên Xô

Lý Khắc Nông không đồng ý, mâu thuẫn do đó nảy sinh.

Trong một cuộc họp, chuyên gia Liên Xô nhạo báng những tin tức tình báo công khai chỉ là “vải thưa che mắt thánh” cốt để ứng phó với Trung ương, không có thật. Họ dương dương tự đắc nói:

“Dùng tiền bạc, gái đẹp cộng thêm thuốc độc, mới thu được những tin tình báo đích thực....

Lý Khắc Nông đập bàn đứng dậy, ngắt lời chuyên gia Liên Xô:

“Ông đừng nói nữa, chúng tôi trước kia không làm như vậy, sau này cũng không làm như vậy! Chúng tôi chủ yếu kết giao bạn bè, làm công tác chính trị tư tưởng, có khi cũng phải dùng một số tiền bạc, nhưng chỉ là biện pháp hỗ trợ.

Trong những năm “ngả hẳn về một bên”, nguyên tắc chính trị là phải bảo vệ quan hệ hữu nghị Trung-Xô, mọi cái phải tôn trọng “anh cả”, “học tập anh cả”... mà Lý Khắc Nông lại dám đốp chất trực diện như vậy quả thật là phải gan và có khí phách

Những năm tháng Trung-Xô hợp tác về tình báo, Mao Trạch Đông yêu cầu Lý Khắc Nông không được giữ kín điều gì với chuyên gia Liên Xô, dù là những tin tức cơ mật nhất.

Đối với chỉ thị của Mao Trạch Đông, dù có ý kiến khác cũng cứ phải chấp hành.

Chuyên gia Liên Xô dường như rất quan tâm đến công tác tình báo của Trung Quốc. Họ nghe báo cáo từng ngành và đều ghi lại tỉ mỉ. Khi quan hệ Trung-Xô sắp sửa tan vỡ, họ càng tỏ ra sốt sắng, ghi chép kỹ lưỡng, và lập tức gửi về Mátxcova.

Quan hệ Trung-Xô tan vỡ, chuyên gia Liên Xô cho rằng đã vớ được một món bả mang về. Thực ra, công tác tình báo của Trung Quốc không bị tổn thất bao nhiêu.

Lý Khắc Nông có giữ lại điều gì không?

Sau khi cuộc chiến tranh Mỹ xâm lược Triều Tiên nổ ra, Lý Khắc Nông đã cung cấp cho Triều Tiên không ít tin tình báo, được Mao Trạch Đông khen: Lý Khắc Nông làm khá lắm.

Khi Mao Trạch Đông chỉ định Lý Khắc Nông, ông đang mắc bệnh hen, khi khỏi khi phát, thường ngày phải uống thuốc dự phòng, muốn ngủ không dùng moócphin không xong. Mao Trạch Đông không biết tình hình đó. Lý Khắc Nông suy nghĩ rất lung, sợ lỡ việc lớn bèn báo cáo hết với Mao Trạch Đông.

Mao Trạch Đông sau khi cân nhắc nhiều lần, cuối cùng vẫn chỉ định Lý Khắc Nông đi làm nhiệm vụ.

Lý Khắc Nông trung thành rất mực, mang bệnh xuất chinh. Ông cứ nghĩ chuyến đi cũng ngắn ngày nên ngay cả áo khoác cũng không chuẩn bị mang theo. Ai ngờ kéo một lều hai năm, ông đã trụ lại được chỉ với niềm tin sắt đá và nghị lực mạnh mẽ.

Ngày 4 tháng 7 năm 1951, Mao Trạch Đông gửi điện cho Kim Nhật Thành, câu đầu tiên của bức điện đã nói rõ điều chủ yếu: Bên ta là chủ nhân cuộc đàm phán này.

Hai nước Trung-Triều thoả thuận với nhau Quân đội nhân dân Triều Tiên làm chủ về đối ngoại. Trên thực tế, tuyến một trong đàm phán do Lý Khắc Nông chủ trì.

Mao Trạch Đông lại cử Sài Thành Văn làm sĩ quan liên lạc của quân Chí nguyện.

Trên bàn đàm phán không được phép nói rõn, từng câu từng chữ phải cân di nhắc lại. Đối với tên đế quốc số 1 thế giới, muốn giành thắng lợi trong đàm phán thật không dễ dàng. Trong cuộc đàm phán này, Trung-Triều vừa phải phối hợp với nhau, vừa phải giữ đúng mối quan hệ quốc tế giữa hai nước. Đại diện cao cấp nhất là Nam Nhật, Đại tướng Quân đội nhân dân Triều Tiên. Hai bên Trung-Triều phải thông suốt với nhau, tôn trọng nhau.

Đoàn đàm phán chia thành tuyến một, tuyến hai và tuyến ba.

Tuyến một trực tiếp xuất đầu lộ diện dự đàm phán. Kiều Quán Hoa, Sài Thành Văn là tuyến hai. Sài Thành Văn là sĩ quan liên lạc, giữ liên hệ giữa các tuyến. Lý Khắc Nông ẩn cư ở tuyến ba, nắm toàn bộ công việc, trực tiếp gửi điện đi và nhận điện về với Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai và Kim Nhật

Thành, có khi một ngày tới mười mấy bức điện báo, công việc rất nặng nề, Lý Khắc Nông thường vừa dự họp vừa vốc thuốc uống.

Lý Khắc Nông và Bành Đức hoài, một người thì đánh rất kiên quyết không hề chùn tay, một người thì nhẫn nại đàm, mặt đối mặt không mấy may nhân nhượng.

Vấn đề tù binh, cuộc tranh chấp kéo dài

Về vấn đề tù binh, hai bên Trung-Mỹ tranh chấp nhau trong một thời gian rất dài.

Một tối đầu đông năm 1951, Lý Khắc Nông triệu tập một cuộc họp hẹp, truyền đạt phương án đàm phán của Trung ương. Khi nói đến vấn đề trao đổi tù binh, Lý Khắc Nông nhấp một ngụm trà rồi nói:

- Chúng ta chủ trương bắt được bao nhiêu trao trả bấy nhiêu, tù binh mới là người bất hạnh thực sự. Trao đổi tù binh đã có những nguyên tắc được quốc tế công nhận, lại là một vấn đề nhân đạo, chắc rằng cũng dễ đi đến thoả thuận.

Lý Khắc Nông nói đến đó, Kiều Quán Hoa chen vào:

- Trung ương dự kiến vấn đề tù binh chắc có thể dễ dàng thoả thuận, riêng tôi thấy có phần lo ngại. Tuyên bố gần đây của Hanlây, Trưởng ban quân pháp thuộc Tổng bộ của Vanphrết là một tín hiệu, y vu cáo bên ta giết hại tù binh. Đương nhiên, giấu đầu thì hở đuôi, quân ta làm gì có cái sự đoàn 81, trung đoàn 23 mà y nói tới, hơn nữa Bộ Quốc phòng Mỹ cũng nói tuyên bố của Hanlây là không có căn cứ. Rítway tuy ủng hộ tuyên bố của y, nhưng cũng không dám cho y gặp các phóng viên. Điều kì quặc là ngày thứ hai sau khi Hanlây ra tuyên bố, Toruman lại tuyên bố: Quân đội Trung Quốc giết hại tù binh Mỹ ở Triều Tiên là hành vi dã man nhất từ hơn 100 năm nay. Tổng thống của một nước lớn lại đi ủng hộ lời tuyên bố của một trưởng ban quân pháp tập đoàn quân, đã bị Bộ Quốc phòng phủ nhận đó không phải là tình hình bình thường. Hình như nhà cầm quyền Mỹ đang mưu tính chuyện gì đây trong vấn đề này. Tôi không chắc chắn lắm, nhưng tôi xin nhắc các đồng chí cần nghiên cứu vấn đề này.

Dự cảm của Kiều Quán Hoa tỏ rõ sự già dặn của một nhà ngoại giao. Chẳng bao lâu vấn đề này đã trở thành trở ngại chính để đi đến hiệp định đình chiến.

Thả tù binh là một vấn đề nhân đạo mà nhân dân các nước tham chiến rất quan tâm. Bất kể cha mẹ của binh sĩ nào nếu biết con họ bị bắt làm tù

binh, họ đều mong người thân của mình sớm được trở về đoàn tụ với gia đình. Phản ứng của các tù binh trong các trại của hai bên lại càng mạnh mẽ. Ban Chấp hành Trung ương Ủy ban ủng hộ hòa bình của tù binh Mỹ, Anh và Ủy ban hòa bình trại tù binh 12 do Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc quản lý đã công bố Thư gửi nhân dân yêu chuộng hòa bình toàn thế giới, trong đó nói; “Chúng tôi mong muốn được trở về nhà. Đối với rất nhiều người chúng tôi, đó là ngày Chúa giáng sinh thứ hai sau khi chúng tôi bị bắt làm tù binh ở Triều Tiên. Tuy Quân Chí nguyện Trung Quốc đối xử rất tốt với chúng tôi, cho chúng tôi ăn uống tử tế, hòa nhã với chúng tôi, nhưng chúng tôi rất nhớ quê hương”, “Lý do chúng tôi mong được về nhà rất đơn giản, chúng tôi muốn được nhìn thấy vợ, con và cha mẹ mình”. Còn các tù binh Triều - Trung của phía Mỹ thì nguyện vọng được trở về gia đình quyết liệt hơn nhiều, họ chẳng những dùng chữ viết, lời nói biểu đạt ý nguyện bức xúc đó, mà còn dùng cả tính mạng và máu đào để nói lên những đòi hỏi khẩn thiết của mình.

Ngày 11 tháng 12 năm 1951, cuộc họp thảo luận vấn đề tù binh bắt đầu. Vào cuộc họp, phía Triều-Trung lập tức nêu ra nguyên tắc: Sau khi đình chiến mau chóng trao trả ngay tù binh; và bằng văn bản đưa ra kiến nghị 5 điểm:

Một, xác định nguyên tắc hai bên thả toàn bộ tù binh mà mình bắt giữ.

Hai, xác định thời gian ngắn nhất cho phép sau khi hiệp định đình chiến được ký kết, hai bên thả từng đợt và thả cho kịp hết toàn bộ tù binh mà mình bắt giữ; các tù binh bị thương nặng, bị ốm phải trao trả vào đợt đầu.

Ba, kiến nghị địa điểm hai bên trao đổi tù binh là Bản Môn Điếm, Khai Thành.

Bốn, kiến nghị dưới sự điều hành của Ủy ban đình chiến, hai bên cử một số lượng nhân viên ngang nhau lập ra Ủy ban trao đổi tù binh phụ trách công việc giao nhận tù binh như hiệp nghị qui định.

Năm, sau khi các điều khoản trên được hai bên xác định, lập tức trao đổi danh sách toàn bộ tù binh hai bên hiện có.

Song đại biểu phía Mỹ lại khẳng khái đòi trao đổi danh sách tù binh trước, và đòi mời Ủy ban quốc tế Chữ thập đỏ đến thăm trại tù binh, nếu không sẽ từ chối thảo luận điểm thứ tư, tức vấn đề trao trả tù binh. Theo tướng Đỗ Bình - người phụ trách công tác tù binh - phân tích, phía Mỹ có sự tính toán xấu xa trong việc này. Họ muốn giữ người của phía Triều-Trung, nhưng không biết bên đó đã bắt giữ bao nhiêu người của họ, nên trong ý kiến phát biểu ngày đầu tiên, họ đã dùng một khái niệm rất mơ hồ là tù binh hai bên phải được trao đổi trên cơ sở “công bằng và bình đẳng”. Nếu nói, lời phát

biểu trên của phía Mỹ mới chỉ là phát tín hiệu cho phía Trung-Triều, thì lời người phát ngôn của Bộ tư lệnh “Quân Liên Hợp Quốc” trung tá Lévít phát biểu cùng ngày với các nhà báo đã bộc lộ toàn bộ mưu mô hiểm độc của phía Mỹ về vấn đề này. Ông ta công khai thừa nhận: “Quân Liên Hợp Quốc” không có ý định cung cấp nhân lực cho Cộng quân, không muốn thả tù binh về”. Thế là hai bên lại găng nhau.

Đại biểu phía Mỹ là tướng Líp khi công kích kiến nghị của Trung-Triều là “chưa chuẩn bị xong thuyền đã muốn qua sông”, thì đại biểu Lý Tương Triều lập tức đáp lại: “Chúng tôi đã chuẩn bị thuyền xong xuôi rồi, chỉ có các ông không muốn qua sông mà thôi”.

Nhìn bề ngoài, điều mà hai bên tranh luận chỉ là vấn đề trình tự trước sau, thực ra ở đây có sự khác nhau về bản chất. Nếu theo đề nghị của phía Triều-Trung, xác định trước những nguyên tắc trao trả tù binh, thì cuộc thảo luận về vấn đề tù binh sẽ đơn giản, rõ ràng. Nhưng nếu theo đề nghị của phía Mỹ, trao đổi tài liệu trước, thì không biết kẻ địch xảo trá còn giở trò gì mới, còn kéo dài cuộc đàm phán đến khi nào. Cuộc họp găng nhau suốt một tuần, không tiến triển được bước nào. Để không cho địch vin vào cớ đó, buộc chúng phải đi bước tiếp theo, trong buổi họp sáng ngày 18 tháng 12, phía Triều-Trung đột ngột tuyên bố: Buổi chiều hai bên trao đổi toàn bộ tài liệu về tù binh. Điều này hoàn toàn bất ngờ đối với phía Mỹ. Nghe xong Líp ngớ ra một lúc lâu. Có lẽ ông ta cho rằng phía Triều-Trung sẽ còn tiếp tục giằng co với họ về vấn đề này. Sự nhượng bộ của phía Triều-Trung một lần nữa tỏ rõ thiện ý đàm phán của họ.

Chiều hôm đó, đối phương đưa ra một danh sách 132.474 tù binh, trong đó có 111.754 chiến sĩ Quân đội nhân dân Triều Tiên, 20.720 chiến sĩ Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc. Qua đối chiếu, bản danh sách tù binh này thiếu mất 1.456 người so với tổng số tù binh mà đối phương nói; lại nữa, theo bản danh sách tù binh mà đối phương giao phía Triều-Trung qua Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế còn 44.205 người nữa chưa đưa vào bản danh sách tù binh này. Khi đại diện phía Triều-Trung chất vấn “Những người này đi đâu? Tại sao không đưa vào danh sách?” thì đại diện Mỹ áp ứng, tỏ ra rất lúng túng.

Ngược lại với đồng tài liệu như mớ giấy lộn của phía Mỹ giao cho phía Triều-Trung, bản danh sách tù binh phía Triều-Trung giao cho đối phương rất rõ ràng minh bạch, chỉ liếc qua đã rõ. Số tù binh này gồm: 7.142 binh sĩ Nam Triều Tiên, 3.193 binh sĩ Mỹ, 1.216 binh sĩ quân đội các nước khác, tổng cộng 11.551 người. Đây là toàn bộ số tù binh phía Triều-Trung bắt giữ

được, trong đó có sư trưởng sư đoàn 24 của Mỹ - tướng Điện. Tướng Điện bị Quân đội nhân dân Triều Tiên bắt trong trận Đại Điện trung tuần tháng 7 năm 1950.

Phía Mỹ rất kinh ngạc vì bản danh sách của phía Triều-Trung làm rất chính xác. Họ sợ rằng điều này sẽ mang lại “gánh nặng”, “tạo nên áp lực mới” cho đại biểu của phía họ, thế là họ có ý bôi lông tìm vết. Họ dựa vào số người Mỹ “mất tích” ở chiến trường để chất vấn rằng danh sách do phía Trung-Triều cung cấp chỉ chiếm 27% con số đó, quân Nam Triều Tiên mất tích 88.000 người mà danh sách chỉ đưa ra hơn 7.000 người, vậy hơn 80.000 người nữa đi đâu? Điều rất lý thú là trước đó, Bộ quốc phòng Mỹ chỉ thừa nhận có 169 lính Mỹ bị bắt làm tù binh để chứng tỏ “quân đội Mỹ dũng cảm không chịu đầu hàng”! Phía Mỹ nói rằng, họ “mất tích” hơn 12.000 người mà danh sách tù binh Mỹ đưa ra chỉ có hơn 3.000 người!

Ngày 21 tháng 12, Rítway lại gửi thư cho Kim Nhật Thành và Bành Đức hoài một lần nữa nêu vấn đề “Hội Chữ thập đỏ thăm trại tù binh”. Bức thư như sau:

Từ khi cuộc xung đột ở Triều Tiên xảy ra đến nay, Ủy ban quốc tế Chữ thập đỏ đã mấy lần đề nghị các ông và nhà cầm quyền Chính phủ các ông cho phép đại diện của họ vào Bắc Triều Tiên để viện trợ về vật chất và tinh thần cho tù binh quân Liên Hợp Quốc và Đại Hàn dân quốc mà các ông đang bắt giữ. Ngoài ra, đoàn đại biểu đình chiến của Quân Liên Hợp Quốc cũng nhiều lần có đề nghị như vậy đối với đoàn đại biểu các ông, và cũng đã nói rõ ngay từ khi cuộc chiến tranh bắt đầu, Bộ tư lệnh Quân Liên Hợp Quốc đã cho phép Ủy ban quốc tế Chữ thập đỏ có đặc quyền đó đối với tù binh của họ. Cho đến nay, tất cả các kiến nghị và lời thỉnh cầu đó đều bị phía các ông từ chối.

Giờ đây, nhân danh hàng ngàn hàng vạn binh sĩ, liên quan, nhân danh gia đình của những người bị các ông bắt làm tù binh, tôi một lần nữa yêu cầu các ông suy nghĩ về hành động đó. Tôi hoàn toàn không thấy có lí do gì chính đáng để các ông không cho phép Ủy ban quốc tế Chữ thập đỏ thực hiện việc làm nhân đạo cao cả đó - một công việc mà các nước trong chiến tranh trước kia đều cho phép Ủy ban đó làm.

Tôi một lòng chỉ nghĩ tới quyền lợi của những người đó và nỗi đau buồn của gia đình họ. Tôi tha thiết yêu cầu các ông lập tức cho phép đại diện của Ủy ban quốc tế Chữ thập đỏ có giấy tờ hợp lệ được nhập cảnh. Họ hiện nay đã sẵn sàng viện trợ cho các ông bất cứ lúc nào.

Tư lệnh tối cao Quân đội nhân dân Triều Tiên Nguyên soái Kim Nhật

Thành và Tư lệnh quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc ngày 24 tháng 12 đã gửi thư trả lời Rítwây. Toàn văn bức thư như sau:

Vì quyền lợi của tù binh hai bên và gia đình họ, chúng tôi cho rằng: Công việc quan trọng nhất hiện nay là nhanh chóng giải quyết các vấn đề trong đàm phán, sớm đi tới hiệp định đình chiến, để sau khi hiệp định được ký kết và có hiệu lực, tất cả những người bị bắt hiện đang ở trong các trại tù binh của hai bên được nhanh chóng trở về quê hương đoàn tụ với người thân đã bấy lâu xa cách và thương nhớ, khôi phục lại cuộc sống hòa bình của họ. Hiện nay, mấy vấn đề quan trọng trong đàm phán sắp được giải quyết ổn thoả, chỉ vì phía các ông gây khó dễ, kháng kháng đưa ra những đòi hỏi vô lí nhằm kéo dài đàm phán, dẫn tới chỗ hiệp định đình chiến chưa thành, tù binh hai bên chưa được thả, nỗi đau khổ ngóng trông dang dẵng của gia đình hàng ngàn hàng vạn tù binh hai bên cũng vì thế mà tiếp tục kéo dài thêm.

Đối với tù binh, về mọi phương diện như ăn uống, quần áo chăn màn, nơi ở, vui chơi giải trí, chúng tôi đều đối xử nhân đạo theo đúng tinh thần và chính sách khoan hồng với tù binh. Các tù binh bị thương, bị ốm đều được chữa trị có hiệu quả bằng những thiết bị trị liệu và những nhân viên y tế dành cho họ. Danh sách chính xác về tù binh phía chúng tôi đưa ra phản ánh đầy đủ sự chú ý và quan tâm nhân đạo của chúng tôi đối với tù binh đối phương. Bởi vậy, chúng tôi cho rằng, việc Uỷ ban quốc tế Chữ thập đỏ thăm trại tù binh là không cần thiết.

Nhưng, để công việc trao trả tù binh tiến hành thuận lợi, chúng tôi kiến nghị: sau khi hiệp nghị đình chiến được ký kết và có hiệu lực, đại diện Hội Chữ thập đỏ của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa sẽ cùng với đại diện Uỷ ban quốc tế Chữ thập đỏ thành lập ngay Đoàn uỷ lạo hỗn hợp, đến thăm các trại tù binh của hai bên và giúp đỡ công việc trao trả tù binh. Nếu ông đồng ý, đề nghị chuyển kiến nghị này của chúng tôi tới Uỷ ban quốc tế Chữ thập đỏ.

Vấn đề “đại diện Hội Chữ thập đỏ thăm trại tù binh” tạm gác lại thì cuộc đấu tranh gay gắt về danh sách tù binh lại bắt đầu. Những tài liệu về tù binh do phía Triều-Trung đưa ra, dựa theo quốc tịch và ngôn ngữ họ thường dùng đã liệt kê tỉ mỉ quân hiệu, cấp bậc, phiên hiệu đơn vị và nơi ở hiện tại của họ. Nhưng trong danh sách phía Mỹ giao cho phía Triều-Trung, ngoài họ tên phiên âm bằng tiếng Anh ra, không đưa ra một cứ liệu nào cần cho sự phân biệt. Đại diện Trung-Triều yêu cầu đối phương sớm giao những tài liệu hoàn chỉnh về tù binh, và phải giải thích rõ ràng những chỗ không khớp nhau

giữa danh sách và tổng số.

Phía Triều-Trung càng hối thúc, phía Mỹ càng tỏ ra lúng túng. Họ lại giở trò dùng con số mất tích ở chiến trường để đòi tù binh, và dựa vào đó chỉ trích tố cáo phía Triều-Trung đã có hành động bạo lực với tù binh. Song âm mưu đó nhanh chóng bị phá sản.

Ngày 26 tháng 12, tuần báo Tiền vệ quốc dân của Mỹ vạch ra rằng, con số “mất tích” Chính phủ Mỹ đưa ra là vô căn cứ. Báo đó viết:

Muốn biết đa số binh sĩ Mỹ mất tích rốt cuộc đang ở đâu, không nên đi tìm ở phía “hành động bạo lực” mà nên đi tìm trong quá trình bi thảm của cuộc chiến tranh Triều Tiên xảy ra một năm trước đây.

Báo Mỹ Thiên chúa giáo ngày 12 tháng 12 cũng nghi ngờ con số “mất tích” do Chính phủ Mỹ công bố. Tờ báo đưa ra những sự thật dưới đây:

Cuối tháng 11 năm 1950, một tiểu đoàn của sư đoàn 2 quân Mỹ bị bao vây tiêu diệt, ước tính tổn thất trên 800 người. Tuyệt đại bộ phận số người này được liệt vào danh sách “mất tích trong chiến đấu”. Nhưng thực ra, quân Trung Cộng đã năm lần liên tục tấn công tiểu đoàn bị vây này, nhiều quan chức tin rằng có lẽ một nửa quân số của tiểu đoàn đã tử trận.

Tờ báo này nói thêm:

Bộ tư lệnh Liên quân rơi vào cảnh khó ăn khó nói. Theo qui định, Liên quân buộc phải liệt những người này vào loại “mất tích trong chiến đấu”, nhưng họ ngấm biết rằng phần lớn trong số họ đã chết.

Âm mưu của phía Mỹ đã bị vạch trần trước dư luận thế giới, nhất là trước báo chí Mỹ. Nhưng họ không cam chịu, thua keo này họ lại bày keo khác.

Ngày 2 tháng 1 năm 1952, đối phương lại đưa ra cái gọi là “Phương án trao đổi tù binh”. Họ công nhiên vi phạm Công ước Ginevơ, đưa ra nguyên tắc “một đổi một”. Nếu một bên giao hết tù binh rồi mà con số vẫn không tương đương với danh sách của phía bên kia thì thay “dân thường” vào, nếu vẫn không đủ thì bắt số tù binh còn lại phải thế “Tôi sau này không tham gia chiến tranh nữa”, sau đó mới được phóng thích để cho họ “muốn” đi đâu thì đi dưới một cái tên mỉa mai là “hồi hương tự nguyện”.

Kiến nghị này đương nhiên bị phía Trung-Triều kịch liệt phản đối, bởi vậy một trận khẩu chiến lại bắt đầu. Đại biểu Lý Tương Triều căm phẫn vạch rõ: “Các ông cần biết, việc phóng thích tù binh và trả về nguyên quán không phải là chuyện mua bán người. Hôm nay của thế kỉ 20 càng không phải là thời đại nô lệ dã man... Nhân dân toàn thế giới sẽ nguyên rửa “phương án” của các ông, những người bị các ông bắt và gia đình họ cũng sẽ nguyên rửa “phương

án” của các ông, vì nó ngăn cản khả năng thả toàn bộ tù binh và trả họ về nguyên quán, ngăn cản con đường đi tới hiệp nghị đình chiến”.

Tháng 4 năm 1952, tướng Clac kế nhiệm chức Tổng tư lệnh “quân Liên Hợp Quốc”. Rútway đã trao lại cho ông ta một công việc chẳng thích thú gì. Để ép phía Trung-Triều chấp nhận phương án của họ, Mỹ lại giở trò uy hiếp về quân sự, đề ra “Kế hoạch hành động 8 điểm của Clac” với nội dung: Ném bom nhà máy điện Thủy Phong; ném bom tuyến đường tiếp tế từ Bình Nhưỡng đến Khai Thành; ném bom tất cả các mục tiêu lớn nhỏ của Bắc Triều Tiên; “phóng thích những tù binh chống Cộng”; ngừng đàm phán; tăng cường quân Lý Thừa Vãn; tung dư luận về kế hoạch dùng quân Tưởng.

Ngày 23 tháng 6 năm 1952, không quân Mỹ với hơn 590 lượt chiếc máy bay ném bom nhà máy điện Thủy Phong cùng các cơ sở phát điện ở Trường Tân, Phó Chiến, Hư Xuyên thuộc vùng thượng du sông áp Lục biên giới Trung-Triều. Ngày 11 tháng 7 năm 1952, 746 lượt chiếc máy bay Mỹ lại ném bom vùng Bình Nhưỡng và Hoà Châu. Không chỉ có dân thường Triều Tiên bị tàn sát dã man trong các trận ném bom kể trên, mà một số đông tù binh cũng bị thiệt mạng vì các trại của họ cũng bị oanh tạc nhiều lần do “không có dấu hiệu rõ ràng”.

Hành động của Mỹ chẳng những bị nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới kịch liệt phản đối mà ngay cả các nước Đồng minh của Mỹ cũng vậy. Trong những tháng 5, 6, 7, tiếng hô đòi đình chiến vang lên mạnh mẽ ở Anh, ở Mỹ. ở Anh, Đại hội phụ nữ toàn quốc trực tiếp gửi yêu sách cho Sôcsin đòi lập tức chấm dứt chiến tranh Triều Tiên, đưa quân đội Anh về nước. Ngày 25 tháng 5, vợ của 25 tù binh biểu tình trước nhà Quốc hội Anh đòi trả chồng cho họ.

Các tù binh quốc tịch Anh trong trại tù binh của quân Chí nguyện Trung Quốc đã gửi cho tướng Anh Alêchxandơ một lá thư khi ông ta đến Nam Triều Tiên thị sát. Một lá thư được hầu hết các tù binh Anh ký tên, yêu cầu ông ta góp phần chấm dứt chiến tranh, chấm dứt việc giết hại tù binh Trung-Triều. Bức thư nhấn mạnh “Mặc dù vậy, quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc và Quân đội nhân dân Triều Tiên vẫn không hề có hành động trả thù chúng tôi”: - Có lẽ vì thế mà Chính phủ Anh đòi được cử đại diện của mình trực tiếp tham gia đàm phán ở Bàn Môn Điếm.

Ở Mỹ, ông Coócdeco- cha của một tù binh quốc tịch Mỹ và bà Xidân - mẹ của một tù binh khác đã phát động phong trào lấy chữ ký vì hòa bình, đòi chấm dứt chiến tranh, đòi trao trả tù binh. Bức thư của toàn thể công dân thành phố Lítton Rôc bang Akansat gửi Toruman và Êkixơn viết: “Các ngài

thân mến! Chúng tôi yêu cầu các ngài hành động ngay tức khắc để con em nước Mỹ chúng ta đang làm tù binh ở Triều Tiên được phóng thích. Chúng tôi cho rằng, chức trách của các ngài đối với các công dân Mỹ phải vượt lên trên quan niệm nghĩa vụ của cá nhân các ngài đối với tù binh Bắc Triều Tiên và Trung Quốc đang bị Bộ tư lệnh Quân Liên Hợp Quốc giam giữ. Chúng tôi tán thành và đòi phải trả về nguyên quán tất cả tù binh?

Trong lúc đó, nguyên tắc “hồi hương tự nguyện” do Mỹ nêu ra cũng bị dư luận quốc tế nghiêm khắc lên án. Ngoại trưởng Liên Xô Vixinxki tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc khoá thứ 6 lên án, “nguyên tắc” đó căn bản vi phạm tất cả các công ước quốc tế, vi phạm các tiêu chuẩn cơ bản nhất của luật pháp quốc tế có liên quan và toàn bộ thông lệ quốc tế. Cả những bạn Đồng minh của Mỹ như Anh, Pháp, Canada cũng lo ngại “nguyên tắc” đó có thể phá hoại Công ước Gionevơ. Hãng UPI Mỹ đưa tin, Canada nhắc nhở Mỹ chú ý: “Chính sách tù binh của Mỹ trong đàm phán đình chiến ở Triều Tiên không phù hợp với Công ước Gionevơ”.

Một số báo chí Mỹ cũng tới tập viết bình luận phân tích nguyên nhân phía Mỹ kéo dài đàm phán. Trong xã luận ngày 8 tháng 5, Thời báo Niu Oóc nói: “Chúng ta có lẽ buộc phải sống vài ba tháng nữa trong thời kỳ tranh tối tranh sáng, không phải chiến tranh toàn diện, cũng không phải hòa bình toàn diện”. Nhật báo Phố Uôn ngày 10 tháng 5 đưa tin, phóng viên báo này “sau khi làm một cuộc điều tra công phu thận trọng các phía ở Oasinhton” có thể cho thấy “kế hoạch hiện nay của Mỹ là ngồi im để giữ vững trận địa, đồng thời tiếp tục không kích dữ dội Bắc Triều Tiên”. Tờ Tin tức nước Mỹ và thế giới ngày 30 tháng 5 thừa nhận phía Mỹ hiện nay không muốn đàm phán, mục Nói nhỏ của tạp chí này tiết lộ: Harison - đại diện đàm phán mới của phía Mỹ “nhận lệnh đảm nhiệm một chức vụ chỉ ngồi nghe mà không đàm phán”.

Cuộc trao đổi tù binh: (Lần thứ nhất)

Qua rất nhiều lần giằng co tranh chấp, cuối cùng hai bên đã đạt được hiệp nghị về trao đổi tù binh.

Tháng 4 năm 1953, đoàn đại biểu trao đổi tù binh của phía Trung Quốc được thành lập, gồm tất cả hơn 100 người được lựa chọn cẩn thận, phụ trách chung là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Lý Khắc Nông và Kiều Quán Hoa, Tổng thư ký là Sài Thành Văn, Chủ nhiệm Ban chính trị quân Chí nguyện Đỗ Bình cũng gánh vác một phần công tác chỉ đạo.

Đoàn chia thành 12 tổ, mỗi tổ từ 5 đến 6 người, trong đó có một phiên

dịch tiếng Anh, một phiên dịch tiếng Triều Tiên, một nhân viên y tế, một sĩ quan trao trả tù binh và một trợ lý.

Lần trao đổi tù binh này diễn ra trong tình hình vừa đánh vừa đàm nên rất ít người biết, số tù binh trao đổi lần đầu này không đến 4.000 người.

Trong ngày đầu trao đổi tù binh, sau khi Tổng thư ký Sài Thành Văn phát biểu ý kiến động viên đoàn ở cơ sở tập huấn Khai Thành, các tổ dẫn tù binh lên 25 xe tải có mui chạy đến Bản Môn Điểm cách đó 10 km. Cái tên Bản Môn Điểm hồi đó chẳng giống với tên gọi chút nào, không làng xóm không nhà cửa, không hàng quán, chỉ là một khoảnh đất bé tẹo rộng chừng một km², xung quanh là hàng rào dây thép gai treo lủng lẳng những ống bơ và vỏ đồ hộp hoen rỉ, gió thổi va vào nhau kêu xùng xoảng. Cửa chính là chiếc cổng chào vừa dựng, chính giữa cổng chào dán bốn chữ lớn Trong lòng Tổ quốc. Bên trong hàng rào dây thép gai là những ngôi lều bạt, cái to cái nhỏ, nóc treo những quả bóng to 4 màu đỏ, vàng, lam, lục làm dấu hiệu để phòng bị bắn phá. Thấy dấu hiệu đó hai bên không được phép xâm phạm tới.

Bên ngoài Bản Môn Điểm, tiếng đại bác vẫn ừng oang, đầu đó tiếng súng cỡ nhỏ vẫn liên hồi nổ; bên trong Bản Môn Điểm, một phía hai bên dịch ta tiếp tục đàm phán, một phía Hàn Minh Luân và các chiến hữu đang chuẩn bị công việc trao đổi tù binh, hai nơi cách nhau không đến 15m. Tiếng nói chuyện, tiếng quát tháo của đối phương trong mùi thuốc súng từ xa bay lại, bao phủ không gian nơi đây.

Đúng 10 giờ sáng, tiếng còi ô tô “pin...pin...” từ xa vọng lại. Từ phía chính diện cổng chào nhìn ra đã thấy thấp thoáng hơn chục chiếc xe ô tô cứu thương đang chyi tới.

- Đến rồi! Đến rồi! Người thân về rồi!

Không hẹn mà ánh mắt mọi người đều đổ dồn về phía xa xa. Khi đoàn xe sắp tới gần cổng chào, trên xe bỗng nhiên như sóng cồn nổi dậy, thì ra khi các tù binh nhìn thấy bốn chữ Trong lòng tổ quốc đều không nén được xúc động, người thì khóc rống lên, có người thì la hét, tù binh Triều Tiên vừa khóc vừa hát Bài ca Kim Nhật Thành, tù binh quân Chí nguyện hát bài Đông phương hồng. Những tù binh bị thương nặng nằm bất động cũng kháng kháng, đòi mọi người đỡ dậy để được nhìn thấy cổng chào.

Xe từ từ tiến vào khu vực trao đổi tù binh. Đại diện hai phía theo chức trách của mình đứng ra hai bên. Chào hỏi nhau xong, viên sĩ quan Mỹ phụ trách việc trao trả tù binh cầm bản danh sách điểm danh từng xe một, sau đó bắt đầu từ xe thứ nhất, tiến hành duyệt và trao đổi tù binh chiếu theo họ tên,

chức vụ, quân hàm, quê quán, ngày tháng nhập ngũ. Gọi đến tên ai, người đó lên xe. Phía Mỹ giao một, phía Triều-Trung giao một. Câu đầu tiên các tù binh Triều-Trung được nghe là câu “Các đồng chí vất vả quá!” Sau đấy, mỗi người được phát một gói kẹo và một bao thuốc lá thơm Đại Trung Hoa. Khi nhận quà ai cũng nước mắt lưng tròng, đứng tần ngần như không muốn rời đi.

Toàn bộ công việc trao đổi tù binh diễn ra trong hơn 10 ngày. Đại diện hai bên từ đầu đến cuối đều tuân thủ các thỏa thuận và quy chế đã định, không để xảy ra điều gì đáng tiếc, nhất là bên phía Triều Tiên duy trì được kỉ luật tự giác nghiêm ngặt và khả năng tự kiểm chế cao, được quan chức các nước trung lập ấn Độ, Ba Lan, Thụy Sĩ... ca ngợi.

Cuộc trao đổi tù binh lần thứ hai.

Lần trao đổi tù binh này có qui mô lớn hơn nhiều, diễn ra vào ngày 27 tháng 7 năm 1953 sau khi đình chiến. Từ hạ tuần tháng 7 đến đầu tháng 9, trong thời gian hơn 40 ngày đã trao đổi được hơn 200.000 tù binh. Thời tiết khi đó nóng đến hơn 30°C, oi bức khó chịu, nhiều người mắc phải bệnh truyền nhiễm, có người nôn mửa liên tục, nhưng không ai chịu nghỉ việc mà ngay cả khẩu trang phòng bệnh phòng độc cũng không đeo. Theo họ nói, đeo khẩu trang nói năng bất tiện. khó biểu đạt tình cảm, không lịch sự, nên bỏ không dùng.

Có một câu chuyện nhỏ cảm động. Ai cũng biết Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Mao Trạch Đông rất coi trọng công tác trao đổi tù binh. Mao Trạch Đông cảm thấy không thỏa đáng khi các đại diện nói với tù binh câu “Các đồng chí vất vả quá!”. Ông bảo, các chiến sĩ đó bị địch bắt chứ có phải đi lao động đâu mà bảo “vất vả quá”. Từ đó câu “vất vả quá” đổi thành “cực khổ quá”. Các tù binh cảm nhận điều đó rất sâu sắc: “Nỗi khổ của chúng tôi không sao kể xiết!”. Rất nhiều người tố cáo, ở trại tù binh họ phải ăn gạo mốc trộn lẫn cát, do thiếu dinh dưỡng và sống trong môi trường tồi tệ nên không ít người lao phổi, có người bị đói gầy như que củi; có thương binh vết thương vốn không nặng, nhưng quân Mỹ lấy cớ chữa trị đã dùng họ làm vật thí nghiệm, vừa tiêm xong khắp người lở loét; có người bàn tay và cánh tay chỉ bị một vết thương nhẹ nhưng cũng bị cắt bỏ rất tàn nhẫn. Một phó chính uỷ sư đoàn bị bắt, địch đem nhốt vào một cái lồng làm bằng dây thép gai, nằm dưới không được nằm co cũng chẳng xong, thảm cảnh đó khó mà diễn tả được bằng lời. Một lần phía Triều -Trung tiếp nhận 400 tù binh nữ là chiến sĩ Quân đội nhân dân Triều Tiên và 3 là tù binh Quân Chí nguyện. Khi gặp người thân, họ chỉ còn biết gạt nước mắt, thật khó nói ra được những chuyện quân Mỹ làm ô nhục họ. Khi trao đổi tù binh, nhiều người

cầm giận quá xông vào, tụt giày đập vào đầu vệ binh Mỹ, có người quăng hết quần phục của Mỹ phát cho.

Ngược lại, tâm trạng của tù binh Mỹ khác hẳn. Nhiều tù binh dùng tiếng Trung Quốc trò chuyện với phóng viên: “Người Trung Quốc tốt, rất nhân đạo”, “Người Trung Quốc tốt, ưu đãi tù binh”. Họ không ngờ rằng họ lại được ăn gạo ngon bột trắng, được ở nhà ấm, người nào cũng béo tốt. Một tù binh Canada nhìn thấy Hàn Minh Luân thân mật chào. “Chào anh! Chào anh Hàn!”

Mỹ - Tưởng câu kết cướp tù binh

Sau cuộc trao đổi tù binh lần thứ hai, được Mỹ “bật đèn xanh” Tưởng Giới Thạch ráo riết chuẩn bị, quyết tâm cướp những tù binh Quân Chí nguyện còn lại.

Ngày 8 tháng 10 năm 1953, chính quyền Đài Loan cướp đưa về Đài Loan hơn 60 chiến sĩ Quân Chí nguyện, số chiến sĩ này đã bị Tưởng Giới Thạch và Lý Thừa Vãn đồng mưu bắt ra khỏi trại tù binh từ giữa tháng 6 năm đó.

Trung ương xã Đài Loan tiết lộ: Những người này bị bọn đặc vụ Đài Loan trà trộn trong tù binh áp giải đến sân bay Phusan do quân Mỹ kiểm soát, dùng máy bay chở họ sang Đài Loan.

Hãng tin đó còn tiết lộ: Một trong những tên đặc vụ Đài Loan áp giải số tù binh đó là tên Phí Ngọc Lâm đặc vụ Tưởng kẻ đã tham dự vào vụ cướp tù binh Quân Chí nguyện quân.

Các tù binh Quân Chí nguyện sau khi được phóng thích đã tố cáo:

4 giờ chiều ngày 21 tháng 6 năm 1953, để giúp đặc vụ Đài Loan cướp tù binh Quân Chí nguyện bị giam trong trại Đông Lai (Phu San), lính đặc nhiệm Mỹ ném rất nhiều bom hơi độc vào trại, nhân lúc tù binh tản ra tránh hơi độc, Phí Ngọc Lâm và đồng bọn bắt đi một số đồng tù binh, giải họ về Cục cảnh sát Nam Triều Tiên ở Đông Lai. Hôm sau, “Đại sứ quán” Đài Loan ở Nam Triều Tiên đem quần áo đến bắt tù binh cải trang thành dân thường rồi phân tán họ ra giam giữ trong thành phố Phu San.

Tân hoa xã ngày 10 tháng 10 đã tố cáo hành vi tội ác đó của Mỹ- Tưởng và cảnh cáo phía Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hậu quả nghiêm trọng do việc đó gây ra.

Nhưng Mỹ-Tưởng đã coi thường kháng nghị của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc, tiếp tục kế hoạch chiếm đoạt tù binh.

Ngày 24 tháng 11 năm 1953, Cố Duy Quân “- Đại sứ” Đài Loan ở Mỹ sau 40 phút hội đàm với Quốc vụ khanh Đalét đã có cuộc trao đổi ý kiến với

Lôxan - Trợ lý Quốc vụ khanh quản lý công việc Viễn Đông. Sau đó, Cố Duy Quân nói với phóng viên của Trung ương xã Đài Loan rằng ông ta “đã trao đổi ý kiến với Đalét và Lôpxan những vấn đề về Hàn Quốc trong đó có cả việc trao trả tù binh về nguyên quán”.

Mặc dù Cố Duy Quân không tiết lộ nội dung trao đổi ý kiến với Quốc vụ viện Mỹ, nhưng qua những tin tức sau này, người ta cũng biết được đôi phần.

Ngày 2 tháng 12, Quốc tế tân văn xã đưa tin: “Một “Đoàn cố vấn” Quốc dân Đảng gồm 8 người, trước đây mười hôm đã rời Đài Bắc đi Triều Tiên uỷ lạo những tù binh chống Trung Cộng do quân Ấn Độ quản lý tại khu phi quân sự. Nhóm này đến Triều Tiên để thăm hỏi tù binh Trung Quốc. Đoàn trưởng là Lưu Thụy Hằng, Hội trưởng Hiệp hội Chữ thập đỏ Đài Loan”.

Cùng ngày U.P.I đưa tin: “Theo tin tức được tiết lộ ngày hôm nay, Trung Quốc Quốc dân Đảng chuẩn bị “phát động mạnh mẽ” một cuộc chiến Ngoại giao trừ phi 14.000 tù binh Trung Quốc chống Cộng được đưa đến Đài Loan trước ngày 21 tháng 2 sang năm.”

Trung Quốc tân văn, tờ báo tiếng Anh có quan hệ với nhà cầm quyền Quốc dân Đảng nói: “Nhà cầm quyền Ngoại giao ở đây (Đài Loan) chuẩn bị mở một cuộc chiến Ngoại giao cứng rắn để những tù binh chống Cộng được đưa đến đây trước ngày đó”. Báo đó còn cho biết: “Trung Quốc Quốc dân Đảng kiên quyết phản đối việc đưa những tù binh đó đến bất cứ nơi nào ngoài hòn đảo này. Chính phủ Quốc dân Đảng hiện nay vẫn cho rằng số tù binh này là “những người theo chủ nghĩa dân tộc”, và phản đối việc biến họ thành “kẻ phiêu bạt không nơi nương tựa”. Quân đoàn trưởng quân đoàn 8 Mỹ Taylo bị khiển trách vì đã coi số tù binh đó là kẻ phiêu bạt không nơi nương tựa, và được cảnh cáo rằng không được biến vấn đề tù binh thành “vấn đề tị nạn quốc tế”.

U.P.I ngày 23 tháng 12 đưa tin: “Tướng Hun, hôm nay báo cho Trung Quốc Quốc dân Đảng và Nam Triều Tiên biết, Bộ tư lệnh Viễn Đông đã quyết định dùng mọi phương tiện đưa 22.000 tù binh đến hai nước này. Viên tư lệnh liên quân 4 sau này nói, đến ngày 22 tháng 1 năm 1954, số tù binh Triều Tiên và Trung Quốc này sẽ trở thành dân thường, không thuộc quyền quản lý của quân đội Ấn Độ trong lực lượng giám sát đình chiến nữa”.

Mỹ - Tưởng cưỡng ép tù binh đi Đài Loan

U.P.I ngày 21 tháng 1 năm 1954 điện từ Xơ Un:

10 tàu chở binh sĩ Trung Quốc do thủy thủ Nhật điều khiển, được máy bay chiến đấu và tàu chiến Mỹ hộ tống hôm nay rời cảng Nhân Xuyên đi Đài Loan.

Chín chiếc xuất phát lúc 7 giờ 10 phút chiếc thứ 10 nhổ neo sau đó hai tiếng.

Một khu trục hạm Mỹ cùng rời cảng Nhân Xuyên để hộ tống “Đoàn tàu hướng về tự do”. Nó sẽ gặp các tàu chiến Mỹ khác ở ngoài khơi cùng làm nhiệm vụ hộ tống trong cuộc hành trình tới Đài Loan. Đoàn tàu còn được máy bay Mỹ hộ tống tới tận hoàng Hải để đề phòng mọi mưu toan ngăn cản từ trên không, trên biển.

Hôm qua đã “thu gom” được tất cả 14.209 tù binh Trung Quốc và 7.582 tù binh Bắc Triều Tiên. Tù binh Trung Quốc dứt khoát phải đi Đài Loan và trở thành dân thường, có quyền tham gia quân đội Tưởng Giới Thạch.

Khoảng 10.000 binh sĩ cộng sản được chở trên 10 tàu đổ bộ, mỗi tàu từ 950 đến 1.000 người, boong tàu chật ních.

4.000 tù binh còn lại đang làm thủ tục ở Nhân Xuyên, họ sẽ lên 5 tàu đổ bộ khác. Những tàu này đi lẻ tẻ, hạn trong 3 ngày tới Đài Loan, vì bốn tàu Cơ Long thiết bị rất hạn chế.

Mỗi tàu bố trí 45 thủy thủ Nhật Bản, một bác sĩ lính thủy đánh bộ Mỹ, một cán bộ quân y, khoảng 50 lính bảo an. Mỗi tàu đều có hai “sĩ quan giám quản” của Trung Quốc Quốc dân Đảng mang theo phim và đồ chơi giải trí, dạy cho tù binh phải có “thái độ” thế nào khi tới Đài Loan.

Sau khi tù binh quân Chí nguyện bị cướp đưa tới Đài Loan, nhà cầm quyền Đài Loan đánh trống khua chiêng tuyên truyền âm ỉ. Tháng 1 năm 1954, Tưởng Giới Thạch ra thông báo về chuyện tù binh Quân Chí nguyện đã tới Đài Loan. Ngày 3 tháng 2, Tưởng gặp mặt 120 “đại biểu tù binh”. Ngày 5 tháng 4, nhà cầm quyền Đài Loan cưỡng ép toàn thể tù binh tuyên thệ gia nhập quân đội Quốc dân Đảng. Họ tuyên bố: “Cuộc phản công quân sự chưa bắt đầu, cuộc phản công chính trị đã có kết quả, tù binh đến Đài Loan đã chứng minh điều đó”. Đương nhiên, những lời nói đó hoàn toàn là lừa dối. Trong những tù binh bị bắt đưa đến Đài Loan chỉ có một số ít tên phản bội bị đài Loan mua chuộc, còn tuyệt đại đa số bị bắt buộc phải làm như vậy.

Số phận của những tù binh bị đưa đến Đài Loan sau đó khá bi thảm, La Trị Phương là một trường hợp tiêu biểu.

La Trị Phương là hộ lí của quân Chí nguyện, gia đình ở huyện Tư Phố tỉnh Hồ Nam. Tháng 7 năm 1950, mới 17 tuổi anh đã theo bộ đội đi chiến

đầu. Trong chiến đấu anh dũng cảm cấp cứu thương binh nên vinh dự gia nhập Đảng ngay ở mặt trận, và được huân chương chiến công hạng nhì.

Một ngày tháng 10 năm 1951, đại đội anh giữ cao điểm 803 sông Lâm Tân ở tuyến giữa, máy bay trực thăng Mỹ dùng súng phun lửa công kích, trận địa phút chốc thành biển lửa. Anh và mấy đồng đội ngồi ở hầm phòng không bị ngạt ngất đi. Sau khi tỉnh lại, khó khăn lắm La Trị Phương mới bò ra được ngoài hầm, đang khi gương súng ngắm bắn mấy tên địch thì bị một thằng Mỹ ở phía sau bất thành linh nhảy bổ tới ôm chặt, thế là anh sa vào tay địch.

Anh bị hành hạ 3 năm ở trại tù binh, hai cánh tay bị buộc phải xăm những chữ phản động. Năm 1954 anh bị ép đi Đài Loan. Do anh vẫn chống lại nên bị giam 2 năm, ném đủ mọi nỗi đắng cay trong “trại tị nạn” ở Đào Viên.

Năm 1956, anh và một số bạn tù bị biên chế vào lính công binh Quốc dân Đảng, sau đó bị đưa đến đảo Tiểu Kim Môn, suốt ngày xây bến tàu, công sự, chẳng những phải dầm mưa giã nắng, cơm ăn không đủ no, mà còn bị canh giữ nghiêm ngặt y như ở trại tù binh, thật khổ cực trăm chiều không lời nào nói hết.

Sau đó, đơn vị anh chuyển về Cao Hùng. ở đây anh học được nghề lái ô tô nên được điều về tiểu đoàn vận tải Đào Viên chuyên lái xe ben. Văn cảnh suốt ngày chở đá chở vật liệu, đói khát khổ cực, nên trong lòng lúc nào cũng buồn bực. Một hôm, anh vô ý để đuôi xe quẹt ngã một tên sĩ quan mãn hạn quân dịch làm hắn bị thương nặng rồi chết, anh bị ngồi tù 2 năm. Sau khi mãn hạn ra tù, một lần anh đến bệnh viện khám bệnh, chỉ vì dùng giấy lộn gói phân để đưa xét nghiệm mà bị cưỡng ép đưa vào bệnh viện tâm thần chịu khổ đủ điều. Cuối cùng anh được lệnh phải xuất ngũ, chúng phát cho anh một khoản trợ cấp chỉ đủ mua 5 liều thuốc lá. Sau khi xuất ngũ, anh không một đồng dính túi, không một ai thân thích, ngay chuyện ăn ở cũng rất gay go.

“Ủy ban giúp đỡ quân nhân mãn hạn quân dịch Đài Loan” (cơ quan bố trí việc làm cho quân nhân mãn hạn quân dịch) đưa anh đi làm phụ ở nông trường của bệnh viện “Vinh Dân”. Dòng dã 7, 8 năm làm việc ở đó, chúng chỉ cho anh ít tiền tiêu vặt, không phát lương, bệnh viện giữ giấy chứng minh nên muốn trốn cũng không được. (Ở đài Loan mà không có giấy chứng minh thì không làm ăn gì được). Về sau, khó khăn lắm anh mới tìm được người bảo lãnh, lấy lại được giấy chứng minh, thoát ra khỏi nông trường của bệnh viện “Vinh Dân” mà anh đã làm trâu ngựa không công gần ấy năm trời.

Rời khỏi nông trường, tuy có tích góp được một ít tiền, nhưng việc làm và cuộc sống không có gì bảo đảm, anh lần lượt đi làm công nhân xây dựng,

công nhân đóng gói, công nhân vệ sinh cho mãi tới năm 1986. Trong suốt thời gian này anh nhịn ăn nhịn tiêu, làm lụng cật lực, những mong dành dụm được một ít tiền làm lộ phí khi trở về quê nhà ở đại lục. Hơn 30 năm ở Đài Loan, gió mưa vùi dập, cay đắng đủ mùi, ngoài 50 tuổi mà vẫn một thân một mình, đau ốm không người trông nom, lấy ai hỏi han lúc tuổi già. Mỗi lần Tết đến lại càng cô đơn hiu quạnh. Xuân về lại nhớ đến chén rượu nồng, chiếc bánh Tết quê hương. Đoàn Ngọ (mồng 5 tháng 5) lại nhớ đến cuộc đua thuyền rồng rộn rã tung bừng trên dòng Tự Thủy. Trung thu trăng tròn vành vạnh, thấy cảnh vợ con người đoàn tụ đông vui mà càng nhớ thương quê hương non xanh nước biếc và cha mẹ 80 tuổi già mồn mỗi chốn quê nhà. Hơn 30 năm chua chát đắng cay tưởng đã khiến anh không còn chịu nổi sự giày vò đau đớn, một sự giày vò biến con người không thành con người, anh vẫn nuôi ý định trở về Tổ quốc đại lục. Bất chấp chính quyền Đài Loan thi hành chính sách “ba không”, anh vẫn nghe đài đại lục, tìm hiểu tình hình đại lục, dành dụm tiền lộ phí suy nghĩ tìm đường về quê hương. Gia sản của anh khi đó chẳng có gì ngoài chiếc xe máy cũ, chiếc máy ảnh và vài bộ quần áo.

Tháng 2 năm 1986, La Trị Phương đến Cục Du lịch Đài Loan làm hộ chiếu đi du lịch, nộp mất 5.000 tệ lệ phí, mua vé máy bay đi Thái Lan mất 8.700 tệ. Ngày 5 tháng 3, La Trị Phương cuối cùng đã thực hiện cuộc hành trình trở về mà ngày đêm hằng mong mỏi. Anh định qua Thái Lan sang Mianma để trở về Đại lục, nhưng đến Thái thì số tiền ít ỏi mang theo đã tiêu hết sạch, vào Mianma không có giấy tờ nhập cảnh nên bị tù nửa năm. Sau khi được thả, anh nhằm thẳng hướng Vân Nam trèo đèo lội suối, trải qua bao gian nan vất vả mới về đến Tổ quốc. Anh được quân Giải phóng vùng biên Vân Nam nhiệt tình đón tiếp, đưa về huyện Tư Phố tỉnh Hồ Nam quê hương. Ngày 10 tháng 9, năm 1986, anh được Ủy ban huyện cho xe đưa về gia đình.

Chương bốn

Các nhà Ngoại giao “đỏ” liên kết với nhau ở Gionevơ, phe phương Tây lại một phen thất trận. Mao Trạch Đông quyết định ngừng tấn công Kim Môn, Mã Tổ để làm dịu tình hình căng thẳng ở eo biển Đài Loan

L MỸ - TUỞNG BÀN TÍNH KÝ KẾT HIỆP ƯỚC PHÒNG THỦ CHUNG

Đài Loan đề nghị Mỹ ký kết hiệp ước

Ngày 27 tháng 7 năm 1953, Hiệp định đình chiến ở Triều Tiên chính thức ký kết, chấm dứt cuộc chiến tranh Triều Tiên kéo dài hơn 3 năm.

Song Hiệp định đình chiến ký chưa ráo mực thì ngày 8 tháng 8 năm 1953 Mỹ ký với Nam Triều Tiên “Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ-Hàn” (dự thảo). Trước đó một ngày, Đalét tuyên bố ông ta và Lý Thừa Vãn đã đạt được thoả thuận không loại trừ khả năng dùng quân sự thống nhất Triều Tiên. Cùng lúc đó, chính quyền Đài Loan cảm thấy mối nguy cơ đang đến gần, cũng tích cực thông qua con đường Ngoại giao đề nghị Mỹ ký kết Hiệp ước phòng thủ để dựa vào sức mạnh Mỹ đối chọi với cộng sản.

Xuất phát từ quyền lợi bản thân, Mỹ cũng đang cần có chiếc “hàng không mẫu hạm không thể đánh chìm” Đài Loan, và lại cũng đang lo Đài Loan lợi dụng các đảo ven biển quấy rối đại lục bằng quân sự, sẽ lôi kéo Mỹ vào cuộc xung đột trực tiếp với Trung Quốc, nên Mỹ cảm thấy cần ký một hiệp ước để ràng buộc Quốc dân Đảng. Thế là hai bên đã nhiều lần gặp gỡ nhau.

Diễn biến của một loạt sự việc đó nói với mọi người rằng, mục tiêu của Chính phủ Mỹ không chỉ dừng lại ở chỗ ngừng tiếng súng trên bán đảo Triều Tiên, mà là nhằm xoay chuyển tình thế bị động có ảnh hưởng đến toàn bộ chiến lược của Mỹ do Toruman gây ra, để cuối cùng thực hiện cho được “chiến lược ngăn chặn” chủ nghĩa cộng sản.

Mao Trạch Đông lại nêu vấn đề giải phóng Đài Loan

Tháng 10 năm 1953, Quân uỷ Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc họp ở Hàng Châu.

Hội nghị trước tiên nghe Dương Dũng, Quyền Tư lệnh Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc, báo cáo về tình hình Triều Tiên.

Mao Trạch Đông vừa say sưa hút thuốc vừa chăm chú lắng nghe, thỉnh thoảng khẽ gật đầu, đôi khi lại cười nhạt.

Dương Dũng báo cáo xong, Mao Trạch Đông vừa hút thuốc vừa nói:

- Triều Tiên đình chiến, gánh nặng trên vai chúng ta nhẹ đi rất nhiều, nhưng e rằng chưa thể lơ là, phải chuẩn bị sẵn sàng, để phòng ngọn lửa chiến tranh lại bùng lên, phòng trước thì sau không mắc họa. Hai năm nay, Ngài Tưởng của chúng ta ở Đài Loan nhân lúc chúng ta bận chống Mỹ viện Triều không quan tâm đến Ngài, lại ý thế có “chú Sam” nằng đỡ đã gây ra sóng to gió lớn với giấc mơ chống Cộng đẹp đẽ của Ngài! Chúng ta hiện nay đã có thể rảnh tay, tôi thấy cần tập trung lực lượng giải quyết vấn đề Đài Loan. Ngay từ bây giờ phải bắt tay vào chuẩn bị, muốn được yên ổn lâu dài, không giải phóng Đài Loan không xong. Xin các vị phát biểu ý kiến về việc này.

Mao Trạch Đông nêu ra vấn đề giải phóng Đài Loan vào lúc này, trong số Ủy viên Quân ủy có mặt cũng có người không lí giải được. Vì sao vậy?

Thứ nhất, 3 năm chiến tranh Triều Tiên đã tiêu hao của nước Trung Quốc mới một khối lượng vật tư khổng lồ ảnh hưởng nghiêm trọng việc thực hiện kế hoạch kiến thiết 5 năm lần thứ nhất, nguyên khí chưa kịp phục hồi. Nếu muốn vượt biển giải phóng Đài Loan tất phải ném vào đó một khối lượng lớn tài lực, vật lực và nhân lực, rất bất lợi cho công cuộc xây dựng kinh tế trong nước.

Thứ hai, trên chiến trường Triều Tiên, Quân Giải phóng nhân dân đã độ sức với quân Mỹ lớn mạnh nhất thế giới, sức chiến đấu trên bộ, trên không được nâng lên rất nhiều. Nhưng đối diện với Đài Loan và Kim Môn, tình Phúc Kiến không có một tắc đường sắt, không có một sân bay, không quân và pháo binh đưa vào Phúc Kiến cực kỳ khó khăn, công tác hậu cần khó bảo đảm, hơn nữa hải quân vừa mới bước đầu phát triển, còn rất kém, bất lợi cho vượt biển tác chiến với qui mô lớn, nhất là Đài Loan được Mỹ viện trợ nhiều về quân sự, thực lực của nó được tăng cường nên lực lượng phòng ngự của Đài Loan, Kim Môn khác xa năm 1949.

Thứ ba, tình hình thế giới có xu thế hòa hoãn, nếu hành động quân sự qui mô lớn ở eo biển Đài Loan sẽ không có lợi cho việc làm dịu tình hình quốc tế, cũng không có lợi cho việc kiến thiết trong nước. Cái chính là Mỹ sẽ nhúng tay vào công việc Đài Loan, Hạm đội 7 đang lớn vồn ở eo biển Đài Loan, làm cho vấn đề Đài Loan - vấn đề nội bộ của Trung Quốc càng trở nên

phức tạp. Hành động đó có thể gây ra phản ứng mạnh mẽ của Mỹ, đó là tấn bi kịch mà người lãnh đạo Trung Quốc, thậm chí cả Tổng thống Mỹ cũng không muốn thấy và hết sức tránh.

Mao Trạch Đông rất hiểu những khó khăn khi giải phóng Đài Loan, song ông đã cân nhắc rất kĩ khi nêu ra nhiệm vụ này.

Theo Mao Trạch Đông : “Để quốc Mỹ rất kiêu căng ngạo mạn. Chỗ nào không cần nói lẽ phải thì nhất quyết đừng nói lẽ phải với nó, nếu có tỏ ra biết lẽ phải một chút thì cũng chỉ là chuyện bất đắc dĩ mà thôi”. Trước mắt, Trung Quốc nếu không tỏ thái độ gì về vấn đề Đài Loan, mặc cho Mỹ tự do hành động, thực hiện âm mưu “một Trung Quốc, một Đài Loan”, “hai nước Trung Quốc”, hoặc “quốc tế hóa” vấn đề Đài Loan, thời gian cứ thế trôi đi sẽ tạo cho thế giới ấn tượng Đài Loan tách khỏi đại lục, đó là điều Mao Trạch Đông - một con người suốt đời đấu tranh cho việc thống nhất Tổ quốc - tuyệt đối không thể chịu đựng nổi. Đài Loan là lãnh thổ của Trung Quốc, hoàn toàn thuộc về công việc nội bộ của Trung Quốc, nước khác không có quyền can thiệp. Mao Trạch Đông thậm chí nghĩ đến cả khả năng buộc phải tái chiến để bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Chu Đức kiến nghị “dọn sạch cửa ngõ”

- Tôi hoàn toàn tán thành ý kiến của Chủ tịch - Vẫn như trước đây, Bộ trưởng Quốc phòng Bành Đức hoài bao giờ cũng đi đầu ủng hộ ý kiến của Mao Trạch Đông. Hiện giờ tình hình Triều Tiên đã ổn định, tôi thấy nên chuyển không quân về Phúc Kiến và Chiết Giang, trước hết giành lấy quyền khống chế không phận vùng ven biển, như vậy mới bảo đảm chắc chắn an toàn cho bộ đội vượt biển.

Mao Trạch Đông gật đầu và nói thêm:

- Cả quyền khống chế vùng biển nữa chứ. Không có hai quyền này khó bảo đảm an toàn cho chiến sĩ ta vượt biển tác chiến. Phải nhanh chóng giành lấy hai quyền đó.

Chu Đức phát biểu:

- Ý kiến của Chủ tịch và Tổng tư lệnh Bành, tôi đều tán thành. Tôi cho rằng có thể chia làm hai bước, bước thứ nhất “dọn sạch cửa ngõ”, tức là giải phóng những đảo ven biển còn bị Quốc dân Đảng chiếm, quét dọn cửa ngõ ta cho sạch sẽ. Như vậy, vừa loại bỏ được mối đe dọa đối với vùng duyên hải đông nam của ta, đánh thông được đường hàng hải Nam-Bắc, mà cũng chặt đứt được tay chân của Đài Loan, không còn mối lo sau lưng khi chúng ta đi

bước thứ hai giải phóng Đài Loan.

- “Dọn sạch cửa ngõ”, nói rất hay - Mao Trạch Đông giọng thích thú-Tôi tấn thành cả hai tay.

Tư lệnh quân khu Hoa Đông Trần Nghị đề nghị:

- Tôi cho rằng “dọn sạch cửa ngõ” có thể bắt đầu từ đảo Đại Trần, nó là trung tâm chỉ huy và trọng tâm phòng ngự của quân Quốc dân Đảng đóng ở các đảo ven biển đông nam tỉnh Chiết Giang. Chiếm được Đại Trần tức đánh trúng chỗ hiểm của địch, tất cả những đảo khác ở ven biển đông nam tỉnh Chiết Giang có thể không đánh mà tan. Như vậy quân ta có thể bằng một giá tương đối rẻ đổi được một thắng lợi tương đối lớn.

Nhóm đảo Đại Trần ở ngoài vịnh Đài Châu tỉnh Chiết Giang gồm hơn 20 đảo, trong đó ba đảo Thượng Đại Trần, Đài Châu và Hạ Đại Trần nằm gần nhau tạo thành một hình tam giác đều, với tổng diện tích 100km², khoảng cách xa nhất giữa chúng chỉ có 2,2 km, cho nên người ta thường coi 3 đảo này là một và gọi là đảo Đại Trần.

Tàu bè từ Thượng Hải xuôi xuống phía nam đến Trần Hải, Hạ Môn đều phải đi ngang qua đảo Đại Trần. Vì đảo Đại Trần còn bị quân Quốc dân Đảng chiếm nên đường hàng hải Nam-Bắc của Trung Quốc đại lục bị gián đoạn, hạm đội hải quân Quốc dân Đảng đóng ở căn cứ Đại Trần uy hiếp nghiêm trọng cửa sông Trường Giang, vịnh Hàng Châu, khống chế ngư trường Chu Sơn và hơn nữa, máy bay cất cánh từ sân bay quân sự ở đảo Đại Trần chỉ cần chưa đến nửa tiếng đã tới được Thượng Hải.

Đảo Đại Trần thực sự là nỗi lo lớn trong lòng của nước Trung Quốc mới.

- Đảo Đại Trần giao cho đồng chí Trần Nghị - Mao Trạch Đông nói - Quân khu Hoa Đông các vị trước hết vạch kế hoạch tác chiến, sau khi được Quân ủy phê chuẩn, sẽ thực hiện. Nhất định phải nhỏ cho được cái đinh đó.

Tháng 1 năm 1954, Quân khu Hoa Đông sau nhiều lần nghiên cứu đã đề ra kế hoạch chiến dịch hải, lục, không quân phối hợp đánh đảo Đại Trần, sau khi trình Quân ủy duyệt lập tức bắt tay chuẩn bị tác chiến.

IL SMÍT MÁT MẶT Ở GIONEVO

Nguyên nhân dẫn đến Hội nghị Gionevo

Cùng với việc Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc tích cực chuẩn bị giải phóng Đài Loan, trên trường quốc tế, để ngăn ngừa việc Mỹ lợi dụng vấn đề Triều Tiên lừa bịp dư luận thế giới, thực hiện chiến lược ngăn chặn cộng

sản của chúng, Chính phủ Trung Quốc bàn bạc với Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên và trung cầu ý kiến của Chính phủ Liên Xô, nhất trí cho rằng chỉ có triệu tập một Hội nghị chính trị bàn tròn giữa các nước không tham chiến, có liên quan với vấn đề Triều Tiên mới giải quyết hòa bình được vấn đề Triều Tiên và nhiều vấn đề khác. Điều đó chẳng những có ý nghĩa to lớn đối với hòa bình ở Triều Tiên, mà còn có ý nghĩa hiện thực rất quan trọng xúc tiến hòa bình ở Viễn Đông và thế giới.

Lúc đầu Mỹ chống lại đề nghị của Trung-Triều. Sau đó, trong cuộc tranh cãi về vấn đề Triều Tiên tại kì họp thứ ba Đại hội đồng Liên Hợp Quốc khoá 7 ngày 17 tháng 8 cùng năm, Mỹ lợi dụng địa vị bá chủ của mình ở Liên Hợp Quốc, gây sức ép thông qua nghị quyết chỉ có hai bên đánh nhau tham gia đàm phán, nhưng cho phép Liên Xô tham gia.

Để Hội nghị chính trị về vấn đề Triều Tiên không chết yểu giữa chừng, Chính phủ Trung Quốc ngày 9 tháng 1 năm 1954 ra tuyên bố ủng hộ đề nghị của Liên Xô về việc triệu tập Hội nghị 5 nước lớn để nghiên cứu những biện pháp làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng, và cho rằng từ Hội nghị Ngoại trưởng 4 nước sẽ họp ở Beclin dẫn tới Hội nghị 5 nước lớn có Trung Quốc tham gia nhằm xúc tiến giải quyết những vấn đề quốc tế bức xúc sẽ có ích cho việc làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng, bảo đảm hòa bình và an ninh quốc tế.

Tại Hội nghị Ngoại trưởng 4 nước họp ở Beclin từ ngày 25 tháng 1 đến ngày 18 tháng 2 năm 1954, Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp đã nhất trí thỏa thuận đại biểu các nước Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Đại Hàn dân quốc, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, các nước có quân tham chiến muốn tham gia Hội nghị sẽ họp ở Gionevơ vào ngày 26 tháng 4 năm 1954, để giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên và thảo luận vấn đề hòa bình ở Đông Dương. Chính phủ Trung Quốc nhận lời mời tham dự Hội nghị.

Chu Ân Lai hai lần đi Mátxcova

Hội nghị Gionevơ là Hội nghị quốc tế quan trọng đầu tiên có đại diện của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tham gia. Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc rất coi trọng việc này, nhiều lần họp nghiên cứu những nguyên tắc, phương châm có liên quan. Là Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng, Chu Ân Lai tuy công việc rất bận rộn, nhưng từ khi có quyết định mời Trung Quốc tham gia Hội nghị Gionevơ ông đã bắt tay vào các công việc chuẩn bị.

Trong cuốn Sống bên những nhân vật lịch sử vĩ đại, Sư Triết hồi tưởng lại:

Trong thời gian này, Trần Hạo - thư ký Ngoại giao của Thủ tướng ban đêm thường gọi điện báo tôi đến. Tôi tới phòng Tây Hoa theo cửa lớn, bàn xong công việc thường đã quá nửa đêm, Trần Hạo tiễn tôi về theo đường hẻm sau nhà phía tây, vừa đi vừa giải thích: Mọi người ngủ cả rồi, cửa lớn đóng thành phải đi đường hẻm vậy. Năm đó Trần Hạo còn rất trẻ, một đồng chí nữ làm việc tích cực có trách nhiệm, tỉ mỉ chu đáo, để lại trong tôi một ấn tượng rất sâu sắc.

Sau khi mọi việc sắp xếp xong xuôi, Chu Ân Lai cùng một số đồng chí đi Mátxcova trước để bàn bạc với phía Liên Xô những công việc có liên quan.

Trước khi lên đường Lý Khắc Nông và Sư Triết hẹn nhau đến Tây Hoa thăm Đặng Dĩnh Siêu. Bà chúc Đoàn đại biểu đi đường bình an, thuận buồm xuôi gió tới Gionevơ và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Sau đó, với sự quan tâm rất mực của mình, bà kể với hai ông thói quen sinh hoạt, công tác và tình hình sức khỏe gần đây của Chu Ân Lai. Bà nói, Chu Ân Lai thường bị đổ máu cam, dặn hai ông chăm lo và quan tâm Chu Ân Lai nhiều hơn.

Mục đích chính của Chu Ân Lai trong chuyến đi thăm Liên Xô này là bàn bạc và phối hợp phương châm, chính sách của hai bên Trung-Xô trong Hội nghị quốc tế Gionevơ; phân tích, đánh giá tình hình tiến triển của Hội nghị và kết quả có thể đạt được.

Qua hội đàm, hai bên đã thống nhất với nhau về quan điểm, giao cho các đồng chí Liên Xô dự thảo phương án cụ thể. Công việc xong xuôi, Chu Ân Lai quyết định về nước báo cáo với Trung ương, sau đó sẽ quay trở lại Mátxcova.

Vào một buổi tối trước khi lên đường, Khorútxốp thiết tiệc các vị khách Trung Quốc. Hôm sau Chu Ân Lai về nước.

Chu Ân Lai về nước mục đích chính là báo cáo với Trung ương tình hình hội đàm; xác định những vấn đề về lập trường, thái độ, yêu cầu của Trung Quốc trong Hội nghị quốc tế Gionevơ sắp tới; phương châm, đường lối, sách lược, các phương án đàm phán trong hội đàm; sự hợp tác, phối hợp giữa các đại biểu 4 bên Trung, Xô, Triều, Việt, nhằm đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ, phối hợp hành động đưa Hội nghị đi đến thành công.

Sau khi báo cáo xong, Chu Ân Lai còn gặp riêng Mao Trạch Đông.

- Đồng chí Ân Lai này, nhiệm vụ dẫn đoàn xuất chinh lần này không nhẹ nhàng đâu! - Mao Trạch Đông chuyển đề tài câu chuyện.

- Thưa Chủ tịch! Chủ tịch còn có chỉ thị gì nữa không? - Chu Ân Lai nhìn Mao Trạch Đông.

- Tôi vẫn giữ thái độ như ở cuộc họp Bộ Chính trị là tranh thủ giành được cả hai kết quả, chỉ ít cũng phải được một, song dè chừng đalét chẳng nề mặt Chu Ân Lai đâu, để đồng chí về tay không đấy.

Nghे mấy câu hài hước của Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai cười hiểu ý. Ông cảm nhận được trách nhiệm nặng nề của chuyến đi Gionevơ này.

Ngày 21 tháng 4, Chu Ân Lai dẫn đầu đoàn đại biểu tới Mátxcova. Khi đó ông tinh thần phấn chấn hăng hái, cười nói vui vẻ dí dỏm. Ông nói với Sư Triết và các đồng chí trong đoàn vẫn ở lại Mátxcova rằng ông đã báo cáo với Chủ tịch rồi.

Đoàn đại biểu Trung Quốc dành hai ngày để điều chỉnh phương châm, sách lược, thái độ tham dự Hội nghị, ngoài ra còn nghiên cứu bàn bạc về các văn bản cần chỉnh lí.

Lúc này, Hồ Chí Minh và Phạm Văn Đồng cũng đã có mặt ở Mátxcova. Chu Ân Lai và Khorútốp, Mòlôtốp, Hồ Chí Minh (bí danh là đồng chí Đình) cùng nghiên cứu trao đổi về vấn đề Đông Dương.

Lợi dụng hai ngày lưu lại Mátxcova, hai bên Trung-Xô tổ chức nhiều hình thức tọa đàm, mời một số quan chức của Bộ Ngoại giao Liên Xô trong đó có cả Grômucô đến chung cư số 8 để giải đáp những vấn đề do đoàn đại biểu Trung Quốc nêu ra, giới thiệu kinh nghiệm đấu tranh và những việc cần chú ý trong các Hội nghị quốc tế v.v...

Trong tọa đàm, đoàn đại biểu Trung Quốc đưa ra rất nhiều câu hỏi, cán bộ ngoại giao Liên Xô giải đáp cũng rất cặn kẽ tỉ mỉ. Để lại cho các đại biểu Trung Quốc ấn tượng sâu sắc là những kinh nghiệm bảo mật ra sao, làm thế nào để phòng bị nghe trộm, lấy trộm, mua chuộc, móc bẫy, để lộ tin tức, bị lừa v.v...

Grômucô nói, đối thủ của chúng ta rất xảo quyệt, chúng dùng đủ mọi mảnh khoé dò xét ý đồ và chiều hướng hành động của chúng ta. Chúng hiểu hơn cả chúng ta cái lí "biết mình biết người trăm trận trăm thắng", hơn nữa còn dùng mọi thủ đoạn đặt chúng ta vào vòng tay điều khiển của chúng. Kỹ thuật hiện đại đã phát triển đến giai đoạn mà các kiểu nghe trộm, lấy trộm đã trở thành những công việc nhẹ nhàng, dễ dàng như không. Đó đó, chúng ta phải hành động thận trọng, chú ý bảo mật, đặc biệt luôn luôn phải chú ý những nơi như khách sạn, chung cư, salông, biệt thự rất khó để phòng hoặc phát hiện máy nghe trộm hoặc những thiết bị ăn cắp bí mật mà chúng đã cài đặt từ trước.

Vị khách không mời mà đến trong khoang máy bay

Hội nghị Gionevơ là Hội nghị quốc tế lớn mà Trung Quốc lần đầu tiên tham gia. Để “luyện quân”, Trung Quốc có ý cử thêm một số người, tổng cộng cả đoàn tới hơn 200 cán bộ nhân viên, là đoàn lớn thứ hai sau đoàn Liên Xô (gần 300 người). Chu Ân Lai là đại diện cao nhất của đoàn đại biểu nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa; Trương Văn Thiên, Vương Gia Tường, Lý Khắc Nông là uỷ viên; Vương Bính Nam là Trưởng ban thư kí; Lôi Nhiệm Dân, Sư Triết, Kiều Quán Hoa, Trần Gia Khang, Kha Bách Niên, Hoạn Hương, hoàng Hoa, Cung Bành, Ngô Lãnh Tây, Vương Trác Như, Lôi Anh Phu là cố vấn. Trương Văn Thiên, Vương Gia Tường không dự hết cả Hội nghị. Lý Khắc Nông chủ yếu phụ trách công việc nội bộ của đoàn như thư kí, cơ yếu, cảnh vệ, phiên dịch, hậu cần. Mọi công việc chủ yếu do Chu Ân Lai phụ trách, chủ trì.

Sáng ngày 24 tháng 4, Đoàn đại biểu Trung Quốc rời Mátxcova đi Gionevơ. Máy bay dừng lại Đông Beclin một thời gian ngắn. Thủ tướng Cộng hòa Dân chủ Đức Gröttovon ra sân bay đón tiếp đoàn. Khi đoàn đại biểu ăn cơm ở tòa đại lầu trung tâm sân bay, có người báo chuyên cơ của Môlôtop sắp tới, đề nghị mọi người khẩn trương. khoảng hơn 10 phút trước khi Môlôtop tới Đông Béclin các đại biểu Trung Quốc đã lên máy bay tiếp tục cuộc hành trình.

Sau khi lên máy bay, đoàn đại biểu Trung Quốc mới phát hiện một người trẻ tuổi mặc quân phục- vị khách không mời mà đến. Qua tìm hiểu được biết anh ta là lính Mỹ đến làm nhiệm vụ. Nguyên là hai bên Đông-Tây có một hiệp định quy định máy bay Liên Xô cất cánh từ Đông Béclin khi bay qua vùng trời Tây Béclin và Tây Đức đều phải gửi công hàm cho quân Mỹ đóng ở Tây Đức, họ sẽ cử một quan sát viên đi theo máy bay. Vị khách không mời mà đến này đang làm nhiệm vụ đó. Anh ta ngó bộ chỉ hơn 20 tuổi, mặt đỏ hồng, mặt non choẹt, lúc nào cũng cười cười, nhìn một cách lạ lẫm các vị khách trong khoang máy bay. Đoàn đại biểu Trung Quốc cười nói vui vẻ, thân mật. Không khí đó khiến anh ta vui lây, bất giác cười một mình. Rất có thể đây là lần đầu tiên anh ta gặp người phương Đông, nên mỗi lời nói cử chỉ của bất cứ ai trong khoang máy bay cũng làm cho anh ta cảm thấy kì lạ, ngạc nhiên.

Chiều ngày 24, đoàn đại biểu Trung Quốc tới sân bay Gionevơ. Vừa xuống máy bay, phóng viên nhiếp ảnh các nước đã xô tới chụp lia lịa như điên như dại. Tại sân bay, Chu Ân Lai đưa ra một tuyên bố ngắn gọn. Tuyên

bố nói, Hội nghị Gionevơ “sẽ thảo luận việc giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên và vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương. Hai vấn đề bức xúc này của Châu á nếu được giải quyết sẽ có lợi cho việc bảo đảm hòa bình ở Châu á, tiến thêm một bước làm dịu tình hình quốc tế căng thẳng”; Đoàn đại biểu nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa với tất cả sự chân thành đến tham gia Hội nghị. Chúng tôi tin tưởng rằng, sự cố gắng chung và nguyện vọng chung củng cố hòa bình của các đại biểu tham dự Hội nghị sẽ tạo khả năng giải quyết hai vấn đề bức xúc nổi trên của Châu á”.

Sau đó, đoàn đại biểu lên xe về nơi ăn nghỉ tại một biệt thự ở ngoại ô thành phố.

Tối nơi ở được một lát, Chu Ân Lai cùng với một số cán bộ ra sân bay đón Môlôtop. Không khí ở sân bay lúc này càng nhộn nhịp hơn vì nhiều đoàn đại biểu cũng đến đón tiếp. Môlôtop vừa xuống máy bay đã bắt tay ôm hôn Chu Ân Lai.

Nói chuyện với các phóng viên tại sân bay, Môlôtop nói: “Không thể không chỉ ra một sự thực quan trọng, đó là: Mấy năm gần đây, đây là lần đầu tiên tất cả các nước lớn Pháp, Anh, Mỹ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Liên Xô cùng tham gia một Hội nghị quốc tế. Tại Hội nghị này, đoàn đại biểu Liên Xô sẽ làm hết sức mình thúc đẩy thành công việc dùng phương thức hòa bình để xây dựng một nước Triều Tiên thống nhất, độc lập, dân chủ, phù hợp với lợi ích củng cố hòa bình ở Viễn Đông và thế giới. Đồng thời, đoàn đại biểu Liên Xô cho rằng, mau chóng lập lại hòa bình ở Đông Dương, bảo đảm tự do và quyền lợi dân tộc của nhân dân Đông Dương là nhiệm vụ quan trọng nhất của Hội nghị Gionevơ”

Nói chuyện xong, Môlôtop và Chu Ân Lai sánh vai nhau vừa đi vừa chuyện trò rất thân mật. Lúc đó, phóng viên, các nhà nhiếp ảnh nước ngoài phục khắp mọi chỗ: xung quanh lan can đường vào sân bay, góc tường, bên cửa sổ... la hét âm ỉ đề nghị mọi người dừng chân mất ống kính của họ. Môlôtop nói với Chu Ân Lai:

- Chúng ta đi chậm chậm một chút, đứng lại chuyện trò dăm ba câu cho họ chụp vài kiểu ảnh.

Thế là Chu Ân Lai và Môlôtop lúc đi lúc dừng, vừa nói vừa cười sánh vai nhau bước vào phòng đợi. Sau sự việc này, phóng viên nước ngoài đưa tin, đại biểu Ngoại giao hai nước Trung-Xô ở sân bay Gionevơ đã có một cử chỉ chưa từng thấy trong lịch sử Ngoại giao đương đại, một mẫu mực về tình hữu nghị anh em chân chính.

Chính sách đe dọa của Mỹ thất bại

Ngày 26 tháng 4, Hội nghị Giơnevơ khai mạc ở khách sạn lớn Liên minh quốc tế. Ngoại trưởng Liên Xô Molôtốp và Ngoại trưởng Anh Eden luân phiên làm Chủ tịch Hội nghị. Chủ tịch của mỗi phiên họp được chọn hai trợ thủ cùng ngồi ở bàn chủ tịch. Khi Molôtốp làm Chủ tịch, ông tuyên bố Grômucô và Sư Triết làm trợ thủ của ông. Đại biểu Mỹ vừa thấy người Trung Quốc bước tới bàn Chủ tịch đã hoảng hốt tái mặt.

Có 19 nước tham gia Hội nghị: Trung Quốc, Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Đại Hàn Dân quốc, Ôxtrâylia, Bỉ, Canada, Côlômbia, Êtiôpi, Hi Lạp, Lucxămbua, Hà Lan, Niu Dilon, Philippin, Thái Lan, Thổ Nhĩ Kỳ; trong đó có 14 nước tham gia “Quân Liên Hợp Quốc” xâm lược Triều Tiên do Mỹ cầm đầu, cộng thêm Đại Hàn Dân quốc, đều là bại tướng trong cuộc chiến tranh của Quân đội Nhân dân Triều-Trung. Thái độ của họ đối với Trung Quốc, Liên Xô, Triều Tiên ra sao không cần nói cũng biết. Trong các nước thành viên Hội nghị chỉ có vài nước công nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Đoàn đại biểu Trung Quốc tất nhiên bị hạn chế và gặp một số khó khăn trong hoạt động. Nhưng Chu Ân Lai, một nhà hoạt động Ngoại giao lỗi lạc, trong hoàn cảnh như vậy vẫn không hề cảm thấy cần cái, cũng không bị ràng buộc bởi những lễ thói của giới Ngoại giao thời xưa. Với trí tuệ cực kỳ nhanh nhạy, con mắt sắc sảo, tấm lòng cởi mở, biện pháp linh hoạt và khí phách của nhà Ngoại giao, nhà chính trị vô sản, ông đã khéo léo xoay chuyển tình thế không những làm cho đại biểu Trung Quốc không bị cô lập, mà còn giúp đoàn đại biểu của một số nước gỡ được thế khó xử, thêm được không ít bạn bè mới, khôi thông mối quan hệ giữa Trung Quốc với nhiều nước.

Về Hội nghị Giơnevơ, Sư Triết (khi đó là “cố vấn chính trị” nhưng thực tế làm nhiệm vụ phiên dịch tiếng Nga; trước khi về hưu là Cục trưởng Cục dịch thuật các trước tác của Mác, Ăng ghen, Lênin, Xtalin, kiêm Giám đốc Nhà xuất bản Ngoại văn, sau này đã nhớ lại mấy sự việc mà ông suốt đời không quên.

Hội nghị trước tiên thảo luận vấn đề Triều Tiên. Để xúc tiến hòa bình thống nhất Triều Tiên, rút tất cả quân đội nước ngoài ra khỏi Triều Tiên, tổ chức bầu cử tự do ở Triều Tiên, ba đoàn đại biểu Triều-Trung-Xô trong Hội nghị đã đấu tranh kiên cường, gian khổ với đối phương do Mỹ cầm đầu, và đã đưa ra một loạt phương án hòa giải.

Nhưng Mỹ căn bản không đếm xỉa đến lợi ích của nhân dân Triều Tiên,

từ chối không rút quân ra khỏi Triều Tiên, đòi tổ chức tổng tuyển cử dựa theo hiến pháp của Lý Thừa Vãn và do Liên Hợp Quốc giám sát. Họ quên mất rằng Mỹ đã lấy danh nghĩa Liên Hợp Quốc tham gia cuộc chiến tranh xâm lược Triều Tiên. Liên Hợp Quốc đã để mất vị trí giải quyết công bằng vấn đề Triều Tiên. Mỹ, Hàn ngaoan cố giữ lập trường không giải quyết các vấn đề đó.

Người Mỹ ý thế là “để quốc đồ-la” hoành hành ngang ngược trên hội trường. Khi họp họ chẳng thèm chú ý gì đến phép lịch sự, gác cả hai chân lên bàn. Có lần, Biện Vinh Thái, đại biểu của Lý Thừa Vãn, vì muốn ít nhiều giải quyết một số vấn đề nên đã phát biểu câu gì đó không hợp với ý của Mỹ. Đại biểu Mỹ lập tức nhảy dựng lên mắng nhiếc ông ta ngay trước mặt mọi người, y như mắng nhiếc con mình ở nhà vậy. Biện Vinh Thái rất bẽ mặt, lúng túng, không còn biết xử sự ra sao. Quả là dùng cường quyền thì không còn công lí.

Quốc vụ khanh Mỹ Đalét là phần tử chống cộng ngaoan cổ. Các nước tư bản cơ bản đều làm theo ánh mắt của người Mỹ.

Phòng nghị trong hội trường bày cả phê, bánh ngọt, hoa quả. Lúc giải lao, mọi người vừa ăn vừa chuyện trò, đi lại tùy thích. Đây cũng là dịp tốt để đại biểu các nước trao đổi tiếp xúc với nhau. Một lần đại biểu Canada nói nhỏ với đại biểu Trung Quốc, nghe Chu Ân Lai phát biểu ông ta thấy rất hợp tình hợp lí. Đại biểu Trung Quốc tin ông ta nói thực, liền nói lại với Chu Ân Lai. Chu Ân Lai nghe xong rất vui, cho rằng ông ta cũng nói được mấy câu có vẻ công bằng. Ai ngờ sau đó khi đại biểu Canada lên phát biểu, lại hết lời tán tụng đề án của Đalét, lập lại y hệt luận điệu của Mỹ, công kích vu cáo Trung Quốc, lên án Trung Quốc đã gây ra chiến tranh Triều Tiên, là kẻ xâm lược v.v... Tan họp, gặp đại biểu Trung Quốc ông ta lại chủ động bắt tay và xin lượng thứ cho. Ông ta nói rằng ông ta phải nghe lời Mỹ, nói theo ý đồ của Mỹ, không thể vượt quá giới hạn đó được.

Qua đó, đại biểu Trung Quốc mới biết họ chẳng qua là những hình nộm không có linh hồn, và cũng qua đó phát hiện nội bộ họ cũng chẳng phải là một khối thép. Đoàn đại biểu Trung Quốc sau đó đã điều chỉnh thái độ đối với họ, áp dụng sách lược lợi dụng mâu thuẫn để phân hóa làm tan rã họ, tranh thủ số đông trong họ.

Ba nước Trung-Triều-Xô hợp sức đấu tranh đã làm cho chính sách đe dọa của Mỹ thất bại. Ngày 30 tháng 5, Đalét rời Giơnevơ về nước, để lại Phó quốc vụ khanh Smít tham dự Hội nghị.

Smít kéo tay áo Chu Ân Lai

Smít ít nhiều có chút tác phong dân chủ hơn, nhưng ông ta cũng không dám phá bỏ qui định của Đalét không cho phép bắt tay Chu Ân Lai. Lúc giải lao, Chu Ân Lai chuyện trò với Mólôtốp, Sư Triết phiên dịch cho họ. Smít một tay bưng cốc cà phê, tay kia để không, lượn đi lượn lại bên cạnh ba người. Chưa được một lát, Smít chen vào bắt tay Mólôtốp sau đó lấy tay kéo tay áo Chu Ân Lai. Ông ta làm như vậy vừa không phá bỏ qui định của Đalét, vừa chào hỏi được Chu Ân Lai.

Chu Ân Lai không bao giờ chủ động bắt tay Smít. Đại biểu Trung Quốc từ lâu đã biết phép tắc và qui định của họ, nên ung dung ứng phó với mọi trường hợp xảy ra.

Tại phiên họp toàn thể ngày 15 tháng 6 cuộc đấu tranh diễn ra rất quyết liệt, một trường hợp đầy kịch tính đã xảy ra. Hội nghị thảo luận về vấn đề Triều Tiên đã đến ngày thứ 51. Hôm nay Êđơn điều khiển phiên họp.

Trước tiên, Ngoại trưởng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên Nam Nhật đưa ra kiến nghị mới gồm 6 điểm.

Chu Ân Lai phát biểu ý kiến tán thành. Ông nói: “Cuộc thảo luận của chúng ta về việc giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên đã có khá nhiều ý kiến nhất trí và gần nhất trí. Chúng ta cần khẳng định những ý kiến đã nhất trí và có thể nhất trí, sau đó tiếp tục thảo luận những ý kiến còn bất đồng, để có thể đi đến hiệp nghị toàn bộ về các vấn đề”. “Nhìn vào tình hình Hội nghị hiện nay, dẫu rằng chúng ta chưa thể đạt được một hiệp nghị về vấn đề hòa bình thống nhất Triều Tiên, song chúng ta cũng cần cố gắng đi tới những thỏa thuận về vấn đề củng cố hòa bình ở Triều Tiên. Điều vô cùng quan trọng là phải vì lợi ích của nhân dân Triều Tiên, vì củng cố hòa bình ở Viễn Đông và thế giới”.

Trong khi phát biểu, Chu Ân Lai vạch trần âm mưu của Mỹ tìm cách phá hoại thành công của Hội nghị Giơnevơ, kêu gọi “chúng ta không có lí do gì để không thể đạt được một hiệp nghị thỏa đáng trên cơ sở kiến nghị 6 điểm của Ngoại trưởng Nam Nhật. Vì thế, đoàn đại biểu Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đề nghị tại Hội nghị này sẽ triệu tập một Hội nghị hẹp gồm 7 nước Trung Quốc, Liên Xô, Anh, Mỹ, Pháp, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, Đại Hàn Dân quốc tham gia để thảo luận các biện pháp có liên quan nhằm củng cố hòa bình ở Triều Tiên”.

Tiếp đó, Mólôtốp phát biểu, đề nghị 19 nước dự Hội nghị ra một tuyên bố chung về việc không đe dọa hòa bình ở Triều Tiên.

Ba ý kiến trên chỉ chốc lát đã đảo lộn cả thế trận của Mỹ. Đến tuyên bố nghị hợp 15 nước trong đó có Mỹ và Nam Triều Tiên cùng nhau hợp bàn khẩn cấp. Hội nghị họp lại, Smít phát biểu trước tiên, ông ta phủ quyết đề nghị của Liên Xô. Thái Lan lên tuyên đọc “Tuyên bố chung của 16 nước” định ép Hội nghị kết thúc cuộc thảo luận vấn đề Triều Tiên.

Chu Ân Lai lại phát biểu. Ông tỏ ý lấy làm tiếc: Ngay cả một đề nghị bày tỏ nguyện vọng chung như vậy cũng bị đại biểu Mỹ kiên quyết cự tuyệt một cách vô lí. Hội nghị họp đã khá lâu, chúng ta không thể chỉ vì thiếu một chút cố gắng mà thành công đã trắng. Ông đề nghị “Các nước dự Hội nghị Gionevơ tiếp tục những nỗ lực để có thể đi đến một hiệp nghị giải quyết hòa bình vấn đề Triều Tiên trên cơ sở thành lập một nước Triều Tiên thống nhất, độc lập và dân chủ”. Theo Chu Ân Lai, “Nếu một đề nghị như vậy cũng bị Liên Hợp Quốc và các nước hữu quan cự tuyệt, thì tinh thần không chấp nhận hiệp thương hòa giải này sẽ để lại một ảnh hưởng cực kì xấu cho các Hội nghị quốc tế”.

Ngoại trưởng Bỉ Spác, một nhà Ngoại giao kì cựu xúc động trước thiện chí của Chu Ân Lai đứng dậy hưởng ứng:

- ý kiến của Thủ tướng Chu Ân Lai có phần hợp lí, có thể nghiên cứu. Kiến nghị của Ngoại trưởng Chu Ân Lai và tinh thần của Tuyên ngôn 16 nước không mâu thuẫn nhau. Tôi mong rằng sau đây sẽ khôi phục lại cuộc thảo luận vấn đề Triều Tiên.

Nắm thời cơ đó, Chu Ân Lai phát biểu lần thứ ba:

- Nếu Tuyên ngôn 16 nước và kiến nghị cuối cùng của đoàn đại biểu Trung Quốc có chung một nguyện vọng, vậy thì, Tuyên ngôn 16 nước chỉ là tuyên ngôn của một phía mà Hội nghị Gionevơ lại có 19 nước tham gia. Chúng ta vì sao không dùng hình thức một hiệp nghị chung để bày tỏ nguyện vọng chung đó? Lẽ nào chúng ta đến dự Hội nghị này mà ngay một chút tinh thần hòa giải đó cũng không có? Nếu đúng như vậy, tôi không thể không nói rằng đó là điều rất đáng tiếc!

Spác tiếp lời :

-Bản thân tôi tán thành mọi người chấp nhận đề nghị đó của Đoàn đại biểu Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Smít vừa tức vừa cuồng, trừng mắt nhìn Spác. Nhưng Bỉ không phải là Nam Triều Tiên, Smít không dám nổi cáu, chỉ vội sai người đưa cho Spác một mẫu giấy.

Lúc đó, Chủ tịch Êđên nói:

- Đại biểu Bỉ cho rằng đề nghị của Trung Quốc nói lên được tinh thần công việc của Hội nghị chúng ta. Nếu mọi người đồng ý, liệu có thể coi đề nghị đó đã được Hội nghị chấp nhận?

Hội trường im lặng một lát, không có ai tỏ ý phản đối.

Mỹ - Tưởng gặp rút chuẩn bị kí kết hiệp ước

Trong lúc Quân Giải phóng Trung Quốc gấp rút chuẩn bị chiến đấu, thì Hiệp ước phòng thủ chung giữa Mỹ và Đài Loan cũng được ráo riết tiến hành.

Tháng 5 năm 1954, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Uynson cùng với Thứ trưởng Bộ Hải quân Mỹ tới thăm Đài Loan. Họ thay mặt Chính phủ Mỹ sang trao đổi ý kiến với Tưởng Giới Thạch về việc hai bên ký kết hiệp định phòng thủ chung

Uynson nói:

- Về đề nghị ký kết hiệp ước do quý ngài nêu ra, Chính phủ Mỹ cho rằng rất cần thiết. Chúng tôi đi lần này mục đích chính là muốn trao đổi với quý ngài việc đó.

- Tốt! Tốt! - Tưởng Giới Thạch mỉm cười gật đầu- Chúng tôi muốn lập lại quan hệ Đồng minh cũ trong thời kháng chiến, muốn rằng việc đối phó với sự xâm lược của quốc tế cộng sản ở Tây Thái Bình Dương trở thành trách nhiệm phòng thủ chung giữa hai nước Trung-Mỹ. Sau khi Trung Hoa Dân quốc chúng tôi tham gia hệ thống an ninh này chẳng những có thể lấp chỗ trống trong tuyến phòng thủ Thái Bình Dương, mà còn củng cố vững chắc căn cứ hậu phương, hơn nữa khiến cho sự nghiệp phục quốc chống Cộng sau này của chúng tôi đứng vững ở đây, thật là một công đôi việc, bỏ ít công sức mà thu lợi lớn.

- Chính phủ nước tôi cũng cho rằng, việc ký Hiệp ước phòng thủ chung có lợi cho cả hai bên - Uynson tỏ vẻ tán thành.

Tưởng Giới Thạch gật gù:

- Nước Mỹ nên thi hành ở Đông á một chính sách thoát li hẳn ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dân cũ, nếu không sẽ không tránh khỏi thất bại.

Diệp Công Siêu nói:

- Trung - Mỹ kí hiệp ước là điều kiện tiên quyết đảm bảo an ninh tập thể cho 4 nước Châu á có quan hệ trực tiếp với nhau là Nhật Bản, Hàn Quốc, Philíppin và Trung Hoa Dân quốc.

Uuynson gật đầu:

- Căn cứ vào hiện trạng trước mắt của Đài Loan, chúng tôi kiến nghị với ngài Tổng thống liệu có thể rút khỏi các đảo Đại Trấn, Mã Tổ, Kim Môn để tập trung binh lực phòng thủ Đài Loan, Bành Hồ được không. Chính phủ chúng tôi cho rằng, nếu hai bên kí hiệp ước thì hiệp ước đó cũng chỉ áp dụng được cho khu vực Đài Loan, Bành Hồ, không thể bao gồm tất cả các khu vực khác.

Nụ cười trên mặt Tưởng Giới Thạch vụt tắt. Đoàn cố vấn Mỹ ở Đài Loan cũng đã đưa ra kiến nghị đó và bị ông ta cự tuyệt thẳng thừng, nay họ lại nêu ra khiến ông ta trong lòng rất không vui.

- Những đảo này là trận địa tiền tiêu chống Cộng phục quốc của chúng tôi, không tuý tiện bỏ đi được. Đặc biệt là Kim Môn, Mã Tổ chẳng những là cứ điểm tiền tiêu mà còn là bức bình phong bảo vệ Đài Loan Bành Hồ. Đối với những đảo này, không có chuyện rút lui mà là vấn đề phòng thủ thế nào thôi. - Tưởng Giới Thạch ngừng lại một chút rồi nói tiếp - Tôi vừa ra lệnh phái quân tăng viện cho Đại Trấn, Kim Môn.

- Chúng tôi hiểu - Thứ trưởng hải quân Mỹ nói chen vào - Nhưng tôi thấy cần lưu ý ngài Tổng thống, hiện nay khu vực mà lực lượng hải quân không quân Hoa Kỳ ở Viễn Đông phải tuần tra bảo vệ rất rộng, chỉ có thể kham nổi vùng Đài Loan, Bành Hồ, nếu mở rộng phạm vi ra tất cả các đảo của quý quốc, trừ phi Hoa Kỳ phái thêm lực lượng hải quân không quân sang Viễn Đông mà đó là điều không hiện thực.

Diệp Công Siêu nói:

- Đã là hiệp ước giữa hai nước thì không nên loại một bộ phận lãnh thổ của một bên ra ngoài hiệp ước.

Tưởng Giới Thạch cũng tỏ ra cứng rắn, không chịu chấp nhận.

UynSơn đành chỉ biết nhún vai, nhưng sau đó đã cảnh cáo phía Đài Loan, nếu chưa được Mỹ đồng ý thì không được có bất kỳ hành động quân sự lớn nào chống đại lục.

- Chống Cộng phục quốc là mục tiêu của chúng tôi - Tưởng Giới Thạch giọng dứt khoát Hành động quân sự như thế nào với đại lục là vấn đề nội bộ của Trung Quốc chúng tôi, không nên đưa vào trong điều khoản của hiệp ước phòng thủ.

Uynson và Tưởng Giới Thạch đã hội đàm với nhau 3 lần, thời gian cũng khá lâu, nhưng vẫn không nhất trí được trong vấn đề này.

Mỹ khẳng khái giữ ý kiến "Nếu chưa được Mỹ đồng ý, phía đài Loan không được có bất kỳ hành động quân sự lớn nào", nên cuối cùng Tưởng Giới Thạch quyết định nhân nhượng để mau chóng kí được hiệp ước.

Ngày 28 tháng 6, Diệp Công Siêu báo cho Đại sứ Mỹ ở Đài Loan: “Nếu kí được Hiệp ước phòng thủ chung, Tổng thống Tưởng Giới Thạch đồng ý hỏi ý kiến Mỹ trước nếu được Mỹ đồng ý mới tiến hành những hoạt động quân sự lớn”.

Ngày 24 tháng 8, Quốc vụ khanh Mỹ Dalét tuyên bố trong buổi họp báo Mỹ đã quyết định giúp Đài Loan phòng thủ Đài Loan và các đảo ngoại vi, Mỹ đang xem xét để kí kết hiệp ước phòng thủ hai bên với Đài Loan, xây dựng hệ thống an ninh Đông Bắc á.

Kháng nghị của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa

để chống lại chính sách xâm lược của Chính phủ Mỹ và ngăn chặn các cuộc xâm phạm ven biển đông nam của quần Quốc dân Đảng, Quân ủy Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc lệnh cho bộ đội mặt trận Phúc Kiến: Trong thời gian Mỹ-Tưởng âm mưu kí kết hiệp ước, giáng cho quân Quốc dân Đảng ở Kim Môn những đòn trừng phạt, hãy dùng bom đạn tỏ rõ thái độ và lập trường của chúng ta.

1 giờ 50 chiều ngày 3 tháng 9, quân đội Trung Quốc ở mặt trận Phúc Kiến pháo kích dữ dội vào Kim Môn, Mã Tổ, trong phút chốc, Kim Môn, Mã Tổ chìm trong khói lửa mù mịt.

Đại bác của quân đội Trung Quốc đã phá hủy 7 trận địa pháo của Quốc dân Đảng, bắn chìm 1 pháo hạm, 1 tàu kéo, bắn bị thương 3 tàu săn tàu ngầm, phá hủy một cảng nổi. Trận pháo kích làm bất ngờ Tưởng Giới Thạch, ông ta không mò ra ý đồ thực sự của đại lục, đó là khúc dạo đầu chuẩn bị giải phóng Đài Loan hay chỉ nhằm ngăn chặn Mỹ - Tưởng kí kết hiệp ước.

7 giờ tối cùng ngày, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ Andécson đặt bản báo cáo quân cộng sản pháo kích Kim Môn lên bàn làm việc của Aixenhao. Aixenhao giật mình, vấn đề Đài Loan rốt cuộc đã xảy ra.

Đảo Kim Môn bé nhỏ bỗng chốc trở thành điểm nóng được quốc tế chú ý theo dõi. Giới chính trị bàn tán xôn xao. Các quan chức như Đại sứ Mỹ ở Đài Loan ngã về phía giúp Tưởng Giới Thạch bảo vệ các đảo này nhưng chủ trương tốt nhất là giữ thái độ im lặng để cộng sản không mò ra được ý đồ của Mỹ.

Đại đa số người ở phía quân đội tiêu biểu là chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Rítven thì chủ trương, phải có lập trường cứng rắn, cho hải quân đến bảo vệ những đảo này và đưa không quân đi ném bom đại lục.

Tham mưu trưởng lục quân Rítway phản đối Mỹ dính dáng vào chuyện đó. Theo ông ta “xét về mặt phòng thủ Đài Loan, những đảo đó không quan trọng về

mặt quân sự. Nhưng nếu không có Mỹ chi viện, quân Quốc dân Đảng không giữ nổi những đảo đó, có nghĩa là Mỹ lại phải nhúng tay!”

Bộ trưởng Quốc phòng Uynson cũng cho rằng, muốn giữ được những đảo đó phải đánh những mục tiêu quân sự ở đại lục, như vậy Mỹ sẽ bị cuốn vào cuộc nội chiến của Trung Quốc, Mỹ sẽ không giải thích nổi với các Đồng minh phương Tây tại sao chỉ vì vài hòn đảo nhỏ mà đánh nhau với Trung Quốc.

“Đề án Niu Dilon” đẻ non

Chủ nhật ngày 12 tháng 9, trận pháo kích Kim Môn vẫn tiếp tục. Aixenhao cho triệu tập một cuộc họp đặc biệt ở Nhà Trắng. Dự họp có các quan chức cao cấp như Đalét, Rítwây Uynson, Rítven.

Cuộc họp vừa bắt đầu, giữa những người dự họp đã nổ ra cuộc tranh luận gay gắt về vài hòn đảo nhỏ Kim Môn đó. Trận khẩu chiến diễn ra, ai cũng mặt đỏ tía tai mà vẫn chưa ngã ngũ.

Aixenhao chặn đứng cuộc tranh cãi bằng câu nói:

- Thưa các ngài ! Tôi xin nhắc để các ngài chú ý, nếu chúng ta buộc phải tiến hành một cuộc chiến tranh toàn diện thì kẻ thù hợp với logic sẽ là nước Nga, chúng ta phải tấn công vào Nga chứ không phải Trung Quốc. Với tư cách Tổng thống nước Mỹ và Tổng tư lệnh các lực lượng vũ trang, tôi cho rằng ưu tiên cần xem xét là việc bố trí chiến lược toàn cầu và lợi ích cơ bản của nước Mỹ, không thể chỉ vì vài hòn đảo nhỏ mà sa lầy vào cuộc chiến tranh với Trung Quốc, làm suy yếu sức mạnh của chúng ta trong cuộc đối đầu với Liên Xô ở Châu Âu và các nơi khác trên thế giới.

Không khí cuộc họp trầm hẳn xuống. Đalét cảm thấy vấn đề này làm cho Mỹ sa vào cảnh “tiến thoái lưỡng nan đáng sợ”. Sau khi suy đi nghĩ lại, Đalét nói:

- Trung Cộng đang thăm dò, chúng ta phải ngăn chặn họ, bất kỳ một biểu hiện mềm yếu nào cũng sẽ đưa đến những tai họa ở Nhật Bản, Nam Triều Tiên, Đài Loan, Philíppin và toàn bộ Viễn đông. Nhưng mặt khác, nếu chúng ta quyết định phương châm trực tiếp tham gia phòng thủ Kim Môn, Mã Tổ, chúng ta sẽ phải một mình giao chiến với Trung Cộng mà không được các nước Đồng minh ủng hộ ngoại trừ sự hoan nghênh của Lý Thừa Vãn và Tưởng Giới Thạch - Đalét cố ý dừng lại một chút rồi nói tiếp - Do đó, tôi kiến nghị dùng cách biến báo giao vấn đề các đảo ven biển cho Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc đưa ra quyết nghị giữ nguyên hiện trạng và thực hiện

ngừng bán ở eo biển Đài Loan. Dù Liên Xô phủ quyết hay đồng ý kế hoạch này vẫn có lợi cho Mỹ.

Kiến nghị của Đalét là phương án Chiết Trung, đồng thời cũng là một phương án rất xảo quyết thâm hiểm. Giả thử Liên Xô phủ quyết phương án này ở Hội đồng Bảo an, dư luận trong nước Mỹ, các nước Đồng minh và thế giới sẽ có lợi cho Mỹ; nếu Liên Xô đồng ý, Mỹ sẽ không phải đối mặt với những hòn đảo “nhỏ bé chết tiệt” này nữa, Trung Quốc “đỏ” rơi vào thế đuối lí trước dư luận thế giới.

Đalét định lợi dụng Liên Hợp Quốc để vừa có ngừng bán vừa không làm cho Mỹ bị cuốn vào cuộc chiến tranh với Trung Quốc, điều quan trọng hơn là lấy việc “địa vị quốc tế của Đài Loan chưa được xác định” làm tiền đề để chuẩn bị điều kiện sau này chia cắt Trung Quốc, vậy là bán một mũi tên trúng hai đích!

Aixenhao lập tức phê chuẩn phương án của Đalét và chỉ thị cho ông ta mau chóng thực thi.

Đầu tháng 10 năm đó, Đalét thay mặt Chính phủ Mỹ bay ngay sang Anh, Niu Dilon bàn bạc gấp với Chính phủ hai nước này, đã đi đến thỏa thuận: Với sự ủng hộ của Mỹ và Anh là hai nước thường trực Hội đồng bảo an, nước không thường trực Hội đồng bảo an Niu Dilon trình Hội đồng bảo an đề án của Đalét dưới cái tên “Đề án Niu Dilon”

Dương nhiên, trước khi trình Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc thông qua bản đề án được “bào chế công phu” này phải được sự đồng ý của Tưởng Giới Thạch.

“Đề án Niu Dilon” đã gặp trở ngại ở khâu Tưởng Giới Thạch. Ngày 9 tháng 10, Rôbócson - Trợ lí Quốc vụ khanh, phụ trách công việc Viễn Đông của Mỹ, mang đề án đó sang Đài Loan. Trong cuộc hội đàm maratông dài tới 7 tiếng, mặc dù Rôbócson đã gở hết các miếng võ của mình, hứa hẹn đủ điều, vẫn không lay chuyển được cái đầu gàn dở của ngài Ủy viên trưởng. Tưởng Giới Thạch kiên quyết bằng mọi giá cố thủ Kim Môn - chiếc cầu nối về mặt địa lí với đại lục, biểu tượng duy nhất chứng tỏ ông ta vẫn là kẻ trị vì tối cao toàn Trung Quốc. Tưởng Giới Thạch không mảy may khách khí đã bác bỏ đề án của Đalét, phản đối gay gắt việc giao vấn đề các đảo ven biển cho Liên Hợp Quốc. Ông ta cho rằng, đề án này chỉ có lợi cho cộng sản, các đảo đó ngừng bán và trung lập là bước thứ nhất, tiếp đó là Đài Loan trung lập hóa, tiếp theo nữa Trung Cộng vào Liên Hợp Quốc, cuối cùng Đài Loan sẽ do Đảng Cộng sản tiếp quản. Tưởng Giới Thạch giận dữ nói:

- Nếu Đài Loan tán thành đề nghị này, sẽ có ảnh hưởng mang tính chất huỷ diệt đối với dân chúng sống trên đảo này, đối với kiều bào ở hải ngoại và người Trung Quốc ở đại lục. Đó là điều tuyệt đối không chấp nhận được.

Tin Tưởng Giới Thạch cự tuyệt “Đề án Niu Dilon”, truyền về đến Nhà Trắng, Aixenhao nhìn Đalét giọng bức bối:

- Giôn này! Tôi thật không hiểu cái ông Uỷ viên trưởng này nghĩ thế nào? Ông ta đã hiểu lầm đề nghị chân thành và tích cực của chúng ta - Quay sang nhìn quả địa cầu để trên bàn, Aixenhao nói tiếp như nguyên rủa - Những hòn đảo ven biển nhỏ xíu chết tiệt này, có lúc tôi giận không thể làm chúng chìm xuống mất hút trên trái đất này.

Do Tưởng Giới Thạch kiên quyết phản đối, “Đề án Niu Dilon” cuối cùng đã để non.

Aixenhao có suy nghĩ riêng của mình. Ông ta lo lắng, nếu gây áp lực quá mạnh đối với Tưởng Giới Thạch có thể sẽ khiến Tưởng tuyệt vọng buông xuôi đấu tranh, “trước mắt, tinh thần của Quốc dân Đảng rất quan trọng đối với chúng ta”, “vứt bỏ Tưởng Giới Thạch, chúng ta khó bề trụ nổi”..., và như vậy sẽ làm tổn hại nghiêm trọng đến uy tín, danh dự của Mỹ với các nước chống cộng ở Châu á. Do đó, ông ta buộc phải có một số thỏa hiệp trước thái độ cứng rắn của Tưởng Giới Thạch, vỗ về nhà cầm quyền Đài Loan, đẩy nhanh tiến trình đàm phán hiệp ước phòng thủ chung Mỹ- Tưởng.

Trong hiệp ước, vấn đề Mỹ-Tưởng tranh cãi nhiều nhất là phạm vi vận dụng tối đa của nó. Giờ đây, hai bên đã thoả thuận mở rộng phạm vi phòng thủ chung ra ngoài khu vực Đài Loan, Bành Hồ. Nhưng chưa giải thích rõ trách nhiệm gánh vác đó được áp dụng trong những trường hợp nào. Mỹ đã nhượng bộ, Mỹ cũng đòi Đài Loan phải nhượng bộ. Điều lo ngại chủ yếu của Mỹ là nhà cầm quyền Đài Loan tự ý dùng hành động quân sự chống đại lục để lôi kéo Mỹ- một bên ký hiệp ước - vào cuộc. Vì vậy, Mỹ đòi Đài Loan khi chưa được Mỹ đồng ý không được tiến hành bất kỳ hành động quân sự lớn nào. Tưởng Giới Thạch tuy không hài lòng, nhưng để kí kết được hiệp ước cũng đành phải nhân nhượng, song yêu cầu Mỹ không ghi điều đó vào văn bản chính của hiệp ước.

Từ ngày 3 tháng 9, đến ngày 3 tháng 11, quân Giải phóng Trung Quốc pháo kích 47 lần vào các đảo Kim Môn lớn, Kim Môn nhỏ và Đại Trăn. Nhưng tiếng đại bác không ngăn được tiến trình xây dựng Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ-Đài Loan. Bộ chỉ huy mặt trận miền đông Chiết Giang quyết định thực thi phương án tác chiến đã định.

Ngày 1 tháng 11, được máy bay chiến đấu MIC 15 yểm hộ, máy bay ném bom hạng nhẹ của không quân Trung Quốc bay đến đảo Đại Trần ném bom xuống các công trình quân sự trên đảo và các chiến hạm đậu ở cảng. Pháo binh Quân Giải phóng trên đảo Đầu Môn dùng pháo bờ biển bắn ra đảo Nhất Giang Sơn.

Ngày 2 tháng 11, quân Quốc dân Đảng cho máy bay chiến đấu F-84 bắn phá đảo Đầu Môn trong khi không quân Quân Giải phóng cho máy bay đi ném bom đảo Nhất Giang Sơn.

Ngày 3 tháng 11, quân Quốc dân Đảng cho máy bay ném bom dữ dội đảo Đầu Môn thì Quân Giải phóng cho máy bay ném bom đảo Đại Trần lần thứ hai.

Trận chiến giằng co ngày nọ tiếp ngày kia tạo nên khúc nhạc dạo đầu của chiến dịch Nhất Giang Sơn. Ngày 14 tháng 11, hải quân Quân Giải phóng bắn chìm quân hạm Thái Bình của hải quân Quốc dân Đảng là nốt nhạc cao nhất trong khúc nhạc dạo đầu này.

IV. TRẬN ĐÁNH LỚN TRÊN BIỂN ĐẦU TIÊN GIỮA HAI BỜ EO BIỂN

Tàu phóng ngư lôi mai phục

Hạ tuần tháng 10 năm 1954, trạm quan sát của Quân Giải phóng đặt trên đảo Cao báo về sở chỉ huy tiền phương một tin rất quan trọng: Tàu hộ tống Thái Bình Quốc dân Đảng thường quấy rối ở các vịnh Ôn Châu, Tam Môn và Đài Châu. Thực ra từ tháng 5 đến tháng 8, giữa hai bờ eo biển hạm tàu hai bên đã xảy ra hai trận đánh nhỏ:

Tháng 5 năm 1954, pháo hạm Sở Giang, của hải quân Quốc dân Đảng (vốn là tàu săn tàu ngầm 49 của Nhật giao nộp khi Nhật đầu hàng) lén lút chạy đến đảo Cảnh Môn đón người của họ, bị pháo hạm tuần tra Trung Quốc phát hiện bao vây đánh lui.

Đầu tháng 8, hai chiến hạm Liên Nhân và Liên Trí của hải quân Quốc dân Đảng đến quấy rối vùng biển lục địa, dùng tên lửa tập kích hạm tàu của hải quân Trung Quốc đậu ở cảng Đông Sơn (Phúc Kiến), bị đánh trả phải tháo chạy.

Sau khi trạm quan sát hải quân ở đảo Cao nắm được quy luật hoạt động của tàu Thái Bình báo cáo về Bộ chỉ huy tiền phương, Tư lệnh Bộ chỉ huy tiền phương Trương á Bình, ngày 25 tháng 10 đích thân đến đảo Cao, quan sát thẩm tra lại tin tình báo trên, rồi cùng các cán bộ phụ trách nghiên cứu tình

hình, cuối cùng hạ quyết tâm đánh tàu Thái Bình và vạch phương án tác chiến.

Quân hạm Thái Bình Mỹ cho tập đoàn Tuồng Giới Thạch năm 1946, tàu dài 298,5 thước, rộng 35 thước, 6.000 mã lực, trên bố trí 3 khẩu pháo lưỡng dụng 100 li, 4 khẩu pháo liên thanh cao xạ 40 li, 11 khẩu pháo liên thanh cao xạ 20 li và 9 ống phóng ngư lôi.

Ngày 1 tháng 11 năm 1954, 6 tàu cao tốc phóng ngư lôi của đại đội 31 hải quân Trung Quốc xuất phát từ cảng Định Hải (Phúc Kiến) chạy đến vùng biển đảo Cao. Để tạo thời cơ chiến đấu thuận lợi, biên đội mai phục sau những ghềnh đảo và lẩn trong các thuyền đánh cá, lặng lẽ chờ đợi....

Mũi tên rời dây cung bay thẳng đến mục tiêu

Ngày 13 tháng 1, mưa giăng giăng trên mặt biển Chiết Giang. Hạm tàu của đơn vị X hải quân Trung Quốc đi tuần tra trên những lớp sóng lưng cuộn cuộn. áo quần các chiến sĩ ướt đầm, những cơn gió biển lạnh ngắt ào ạt tạt vào người họ. Nhưng các chàng hải quân trẻ tuổi chẳng quản giá rét vẫn đứng vững trên con tàu vượt sóng tiến lên. Họ luôn luôn cảnh giác, quan sát kỹ mặt biển của Tổ quốc. Tối đến, sóng và gió đã dịu hơn, nhưng các chiến sĩ vẫn không rời mắt khỏi biển cả. Khoảng 1 giờ sáng ngày 14, mệnh lệnh tác chiến của chỉ huy bỗng truyền đi các tàu:

- Trên mặt biển giữa đảo Đại Trần và các đảo Ngư Sơn phát hiện có một quân hạm Quốc dân Đảng vào quấy rối, chuẩn bị xuất kích!

Trận chiến đấu mà họ ngày đêm mong đợi sắp diễn ra. Không khí trên tàu lập tức sôi sục. Tiếng máy nổ, tiếng máy chạy, tiếng báo cáo nhận nhiệm vụ hòa vào nhau ồn ã. Những tội ác quân hạm Tuồng cướp tàu đánh cá, tàu buôn, giết hại ngư dân, pháo kích các đảo ven biển và đại lục... một lần nữa lại hiện ra trong đầu các chiến sĩ. Họ quyết tâm anh dũng chiến đấu tiêu diệt chiến hạm của quân thù.

Theo nghi lễ, các tàu làm lễ kéo cờ. Lá quốc kỳ 5 sao trang nghiêm bay phấp phật trên đỉnh cột cờ. Các tàu chạy theo đội hình chiến đấu, hùng dũng tiến lên trên biển cả. Gió biển vừa lặng lại ào ào thổi, những đợt sóng lớn nối tiếp nhau dồn tới, tung bọt trắng xóa trào lên boong, tạt vào người các chiến sĩ. Mặc cho nước biển chảy xối xả từ cổ đến chân, chiến sĩ Tôn Tích Điền phụ trách nhiệm vụ theo dõi phía xa luôn phải vượt nước trên mặt để quan sát mặt biển. Đột nhiên, anh báo cáo với chỉ huy:

- Mạn phải phát hiện có ánh lửa!

- Tăng cường quan sát - Chỉ huy ra lệnh.

Lát sau Tôn Tích Diên nhìn thấy trên mặt biển phía xa xuất hiện một vết đen khá dài, hình dáng đúng con tàu, chiến hạm Thái Bình quân Tưởng đầy rồi!

Các tàu tiếp tục nhanh chóng tiếp cận, chiếc mỏ neo trên mũi chiến hạm Tưởng đã nhìn thấy rõ, các chiến sĩ hải quân Trung Quốc lòng vui như mở cờ.

1 giờ 30, chỉ huy ra lệnh công kích. Các tàu cao tốc dàn thành đội hình tấn công, tăng tốc lao lên phía trước. Khoảng cách mỗi lúc một gần. Chỉ huy phát khẩu lệnh.

- Chuẩn bị... Bắn !

Các tàu lập tức bắn dữ dội vào chiếc quân hạm địch. Bị tấn công đột ngột và quyết liệt, pháo trên quân hạm Tưởng bắn trả vung vãi chẳng nhằm vào mục tiêu nào.

Quân hạm Thái Bình bị trúng đạn, một cột khói đen bốc lên ở phía mũi tàu trùm kín khoang lái, nước phun mạnh từ hai bên tàu rồi phút chốc lan ra phân giữa thân tàu, các khẩu pháo còn sót lại càng hoảng loạn bắn bừa bãi.

hòa thành nhiệm vụ chiến đấu, trên đường an toàn trở về căn cứ, các chiến sĩ hải quân Trung Quốc ngoái đầu lại nhìn chiếc quân hạm Tưởng vẫn đang vãi đạn lung tung, khoái chí nói:

- Cứ bắn nữa đi ! Lát nữa mày sẽ chìm xuống đáy biển làm mồi cho cá thối, con ạ!

Báo chí xôn xao. Mỹ - Tưởng kinh hoàng

Tin “Thái Bình” bị bắn chìm truyền đến Đài Loan làm xôn xao dư luận. Báo chí Đài Loan đua nhau đăng tải các bài viết mô tả cụ thể diễn biến trận đánh được họ gọi là “Trận hải chiến đầu tiên trên biển Đông”. Theo họ, “Thái Bình” là tàu chiến tầm cỡ khu trục hạm bị bắn chìm trong một trận hải chiến kể từ sau Đại chiến thế giới lần thứ hai, và cũng là chiếc chiến hạm chủ lực đầu tiên trong lịch sử hải chiến thế giới bị tàu cao tốc phóng ngư lôi bắn chìm...”

Cùng lúc đó, các hãng thông tấn phương Tây đưa tin, trong 24 tiếng đồng hồ sau khi quân hạm “Thái Bình” bị bắn chìm, nhà cầm quyền Đài Loan liên tiếp hai lần họp khẩn cấp thảo luận biện pháp đối phó với tình hình. Tưởng Giới Thạch phát lệnh khẩn cho lực lượng hải quân phải đề phòng các cuộc công kích của hải quân Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc, đồng thời ban bố “Lệnh ủy lạo các thương binh, tử sĩ”, “Lệnh khen thưởng” cho các sĩ quan binh lính còn sống sót, hòng lấy lại tinh thần cho “quân dân Đài Loan”.

Trong “Lệnh khen thưởng”, Tưởng kêu gọi “xây dựng hạm tàu phục thù”, phát động phong trào “xây dựng hạm tàu phục thù” trong các nhà trường.

Diệp Công Siêu, “Đại sứ” Đài Loan ở Mỹ, cũng đăng đàn diễn thuyết, Theo ông ta, “sự kiện quân Hạm “Thái Bình” không phương hại gì tới sự lãnh đạo của Chính phủ, hai phần ba nhân dân Trung Quốc vẫn ủng hộ mạnh mẽ Chính phủ...” Ông ta kêu gọi Mỹ viện trợ quân sự cho Đài Loan nhiều hơn nữa.

Bên kia bờ đại dương, những con diều hâu cũng phải nén tình cảm mình lại để thừa nhận sự thật: “Bắn chìm quân hạm “Thái bình” là một hành động táo bạo. Quân hạm này là một trong những trụ cột của hải quân Tưởng”. “Sức mạnh công kích của hải quân Trung Cộng làm cho nhà cầm quyền quân sự Đài Loan kinh hoàng và ngày càng hoảng sợ”. “Quân hạm “Thái Bình” bị bắn chìm là thắng lợi to lớn của hải quân Trung Cộng, nó đã khiến Quốc dân Đảng phải hết hoảng”....

Oasinhton thực sự cảm thấy không yên lòng trước việc hải quân Tưởng bị giáng một đòn nặng nề như vậy.

Theo hãng Roitor, các nhân vật tai to mặt lớn của Oasinhton đều phải công nhận “quân hạm “Thái Bình” bị bắn chìm chứng tỏ Trung Cộng hiện nay có một lực lượng hải quân rất hùng hậu.

V. GIẢI PHÓNG ĐẢO NHẤT GIANG SƠN

Mỹ - Tưởng ký kết “Hiệp ước phòng thủ chung”

Sau một thời gian khá dài bàn bạc, thương lượng và trao đổi ý kiến, ngày 1 tháng 12 năm 1954, cuộc đàm phán Mỹ-Tưởng đã đi đến một hiệp định.

Ngày 2 tháng 12, tại Oasinhton, “Bộ trưởng Ngoại giao “Đài Loan Quốc dân Đảng phía Diệp Công Siêu và Mỹ có Đalét thay mặt cho hai Chính phủ ký kết “Hiệp ước phòng thủ chung Đài Loan - Mỹ” gồm 10 điều khoản và lời nói đầu.

Ngày 4 tháng 12, Tân Hoa xã (Trung Quốc) đã có bài bình luận dài vạch trần những luận điệu dối trá xằng bậy và bản chất phản động của bản hiệp ước nói trên.

Tố cáo âm mưu xảo quyệt của Mỹ-Tưởng trong việc ký kết “Hiệp ước phòng thủ chung”, bài bình luận vạch rõ: “Toàn bộ mười điều khoản và Lời nói đầu của hiệp ước này từ đầu chí cuối đã phơi bày rõ nó là một hiệp ước ăn cướp, xâm lược lãnh thổ Trung Quốc, phá hoại chủ quyền của Trung Quốc,

can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc; là một hiệp ước chiến tranh vi phạm tôn chỉ của Liên Hợp Quốc, vi phạm Hiến chương Liên Hợp Quốc, phá hoại hòa bình và an ninh Châu á và thế giới”.

Ngày 8 tháng 12, Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Chu Ân Lai tố cáo Chính phủ Mỹ bất chấp sự phản đối và cảnh cáo nhiều lần của nhân dân Trung Quốc, ngày 2 tháng 12 năm 1954 đã ký kết với Tưởng Giới Thạch cái gọi là “Hiệp ước phòng thủ chung” mưu toan lợi dụng hiệp ước này để hợp pháp hóa hành vi vũ trang xâm chiếm Đài Loan lãnh thổ của Trung Quốc, và dùng Đài Loan làm căn cứ mở rộng chiến tranh xâm lược và chuẩn bị cuộc chiến tranh mới. “Đây là một sự khiêu khích chiến tranh nghiêm trọng chống nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và nhân dân Trung Quốc”.

Thay mặt Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Chu Ân Lai tuyên bố:

Đài Loan là lãnh thổ của Trung Quốc, Tưởng Giới Thạch là kẻ thù chung của nhân dân Trung Quốc. Giải phóng Đài Loan, tiêu diệt bè lũ bán nước Tưởng Giới Thạch hoàn toàn là chủ quyền và công việc nội bộ của Trung Quốc, quyết không cho phép nước khác can thiệp. Bất kỳ sự đe dọa chiến tranh nào đều không lay chuyển được quyết tâm giải phóng Đài Loan của nhân dân Trung Quốc, mà chỉ làm tăng thêm sự phẫn nộ của nhân dân Trung Quốc. Bè lũ bán nước Tưởng Giới Thạch không có quyền kí bất kỳ hiệp ước gì với bất cứ nước nào. “Hiệp ước phòng thủ chung” Mỹ-Tưởng hoàn toàn phi pháp, hoàn toàn vô hiệu. Nó là một hiệp ước bán rẻ chủ quyền và lãnh thổ của Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc kiên quyết phản đối. Nếu Chính phủ Mỹ không chịu rút tất cả các lực lượng vũ trang của mình ra khỏi Đài Loan, Bành Hồ và eo biển Đài Loan, vẫn can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc, Chính phủ Mỹ phải gánh chịu mọi hậu quả nghiêm trọng do những hành động đó gây ra.

....

Trong lời tuyên bố, Chu Ân Lai đã lên án “Hiệp ước phòng thủ chung” Mỹ-Tưởng là “một hiệp ước chiến tranh mang tính chất xâm lược” “thù địch với nhân dân Trung Quốc”, “một hành vi bội tín quốc tế trắng trợn”; “một hiệp ước mưu toan mở rộng xâm lược, chuẩn bị cho một cuộc chiến tranh thế giới mới”, “đi ngược lại tôn chỉ và nguyên tắc của Hiến chương Liên Hợp Quốc, “phá hoại 5 nguyên tắc chung sống hòa bình”, “gây tình hình căng thẳng ở Viễn Đông, uy hiếp hòa bình thế giới”

Chu Ân Lai một lần nữa khẳng định:

Đài Loan là lãnh thổ của Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc nhất định giải phóng Đài Loan. Chỉ có giải phóng Đài Loan thoát khỏi ách thống trị tàn bạo của bè lũ bán nước Tưởng Giới Thạch, nhân dân Trung Quốc mới hoàn thành được sự nghiệp thống nhất hoàn toàn Tổ quốc, góp phần vào việc bảo vệ hòa bình ở Châu á và thế giới. Mọi chủ trương về cái gọi là “nước Đài Loan độc lập”, “Trung lập hóa” Đài Loan, Đài Loan “uỷ trị”... trên thực tế đều là những âm mưu chia cắt lãnh thổ của Trung Quốc, xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc, can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc. Nhân dân Trung Quốc quyết không thể đồng ý.

...

Nhân dân Trung Quốc kiên quyết phản đối chiến tranh, nhưng quyết không sợ chiến tranh đe dọa. Nếu có kẻ muốn áp đặt chiến tranh lên đầu nhân dân Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc nhất định sẽ kiên quyết giáng trả kẻ can thiệp và khiêu chiến đó.

Nhân dân Trung Quốc thiết tha mong muốn hòa bình, nhưng quyết không dâng lãnh thổ và chủ quyền của mình để van xin hòa bình. Hy sinh chủ quyền lãnh thổ chỉ dẫn đến tình trạng càng bị xâm lược trắng trợn hơn. Nhân dân Trung Quốc hiểu rằng, chỉ có chống xâm lược mới bảo vệ được hòa bình.

Chính phủ Liên Xô cũng phản ứng mạnh mẽ. Ngày 16 tháng 8, Bộ Ngoại giao Liên Xô đã ra tuyên bố về “Hiệp ước phòng thủ chung” Mỹ- Tưởng.

Sau khi lên án hành động của Mỹ “là muốn cướp Đài Loan và Bành Hồ của Trung Quốc, muốn áp đặt ách thống trị của Mỹ trên những lãnh thổ đó của Trung Quốc”, “là hoàn toàn sai trái với nghĩa vụ mà Mỹ phải gánh vác trong các hiệp định quốc tế đã xác nhận quyền hạn hợp pháp của Trung Quốc đối với những vùng lãnh thổ đó”, “là hành vi ngang nhiên vi phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, do đó cũng là hành vi phá hoại Hiến chương Liên Hợp Quốc”... Bản tuyên bố viết:

Chính phủ Liên Xô tuyên bố: Liên Xô tán thành thái độ của Bộ trưởng Ngoại giao nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa trong tuyên bố ngày 8 tháng 12. Hiệp ước Mỹ - Tưởng là sự can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc, là xâm phạm sự toàn vẹn lãnh thổ của Trung Quốc, đe dọa an ninh của Trung Quốc và hòa bình ở Châu á. Chính phủ Liên Xô hoàn toàn ủng hộ yêu cầu của Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa: Quân đội Mỹ phải rút khỏi các đảo Đài Loan, Bành Hồ và eo biển Đài Loan, chấm dứt các hành động xâm lược nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đòi hỏi giải phóng các đảo Đài

Loan và Bành Hồ - một bộ phận không thể chia cắt của lãnh thổ Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc quyết tâm giải phóng những khu vực đó là những việc làm mà nhân dân Liên Xô hoàn toàn có thể hiểu được.

Chính phủ Liên Xô tuyên bố: Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những hậu quả do “Hiệp ước phòng thủ chung” mang tính chất xâm lược kí kết giữa Mỹ và bè lũ Tưởng Giới Thạch gây ra.

Xã luận của Nhân dân nhật báo Trung Quốc ngày 6 tháng 12 dưới nhan đề Nhân dân Trung Quốc chưa giải phóng được Đài Loan quyết không dừng tay! càng thể hiện rõ quyết tâm của Trung Quốc “không dung tha hành vi trắng trợn cướp đoạt lãnh thổ và xâm phạm chủ quyền Trung Quốc của Mỹ”. Xã luận có đoạn:

Đài Loan là lãnh thổ của Trung Quốc. Giải phóng Đài Loan, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn Tổ quốc là chính sách bất di bất dịch của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc, là nghĩa vụ thiêng liêng của chúng ta.

Mọi sự can thiệp của nước ngoài đều không thể ngăn cản nổi quyết tâm của nhân dân Trung Quốc giải phóng các đảo Đài Loan và Bành Hồ. Mọi sự đe dọa và uy hiếp đều không thể mảy may lay chuyển được ý chí và hành động kiên cường của nhân dân Trung Quốc bảo vệ chủ quyền và lãnh thổ của mình, bảo vệ hòa bình. Nhân dân Trung Quốc với ý chí sắt đá sẽ đoàn kết nhất trí chặt chẽ hơn nữa, cố gắng gấp bội, kiên quyết đấu tranh đến cùng để giải phóng Đài Loan, tiêu diệt bè lũ bán nước Tưởng Giới Thạch. Nhân dân Trung Quốc chưa giải phóng được Đài Loan quyết không dừng tay. Nếu bè lũ xâm lược Mỹ dẫn thêm một bước, cả gan vũ trang can thiệp, Chính phủ Mỹ sẽ phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả nghiêm trọng.

Mao Trạch Đông chỉ thị giải phóng đảo Nhất Giang Sơn

Chính phủ và nhân dân nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa không chỉ kháng nghị bằng lời nói. Trung tuần tháng 12 năm đó, (1954) Mao Trạch Đông chỉ thị cho tướng Trương Ái Bình Bộ chỉ huy mặt trận miền đông Chiết Giang căn cứ vào diễn biến của tình hình mới (Mỹ - Tưởng ký kết hiệp ước), quyết định giải phóng đảo Nhất Giang Sơn trong thời gian sắp tới, và nhiều lần nhấn mạnh nhất định phải thiết thực chuẩn bị đánh thắng trận này.

Bộ chỉ huy mặt trận sau khi nghiêm túc nghiên cứu chỉ thị của Quân ủy Trung ương, đã xác định từ ngày 13 đến ngày 19 tháng 12 phải hoàn thành công tác chuẩn bị cho cuộc tấn công hiệp đồng ba binh chủng.

Ngày 9 tháng 1 năm 1955, Bộ chỉ huy mặt trận huy động 3 đại đội máy

bay ném bom luân phiên ném bom dữ dội các đảo Thượng Đại Trần và Hạ Đại Trần, làm thiệt hại nặng các công trình quân sự của Tướng.

Ngày hôm sau, hải quân Đài Loan nhận lệnh gấp tiếp tế cho đảo Đại Trần. Đêm đó, tàu phóng ngư lôi của hải quân Giải phóng ra quân tấn công chiến hạm hộ tống của quân địch. Tàu tuần tiểu Lâm Giang và Doanh Giang của hải quân Quốc dân Đảng lần lượt bị trúng ngư lôi, Lâm Giang chìm ngay, Doanh Giang bị thương phải kéo về, hải quân Quốc dân Đảng lại bị thiệt hại nặng nề sau vụ quân hạm Thái Bình gặp nạn..

Vương Sinh Minh, “anh hùng quân đội” của Quốc dân Đảng, Tư lệnh phòng vệ đảo Nhất Giang Sơn đang dự “Đại hội mừng công” ở Đài Bắc vội vã quay về Nhất Giang Sơn ngay trong đêm, cho sơ tán gia quyến binh sĩ và phụ nữ trẻ em về Đài Loan và đảo Đại Trần, chuẩn bị sống mái đến cùng với Quân Giải phóng.

Suốt một tuần sau đó, hải quân và không quân Quân Giải phóng liên tục xuất kích bắn phá tàu thuyền ở đảo Đại Trần. Để tránh tổn thất, các chiến hạm Quốc dân Đảng, buộc phải rút ra phía ngoài đảo Nam Lộc, bỏ ngỏ cửa biển Chiết Giang.

Đảo Nhất Giang Sơn toàn đồi núi trọc, đất rắn danh, 4 cao điểm 203, 190, 160 và 180 có thể khống chế được toàn đảo. Xung quanh đảo vách đá dựng đứng, bờ đảo từ 10 đến 40m, sóng biển xô vào các mỏm đá tung bọt trắng xóa và tạo thành những vũng nước xoáy tròn. Quân phòng thủ đảo đã xây dựng được hệ thống phòng thủ tương đối hoàn chỉnh với những công sự vĩnh cửu và bán vĩnh cửu. Trận địa chia làm 3 tuyến:

Tuyến một là tuyến tiền duyên lợi dụng những khu vực nhô ra như Tây Sơn Chung, Hải Môn Tiêu, Nhạc Thanh Tiêu, Tam Tam Tiêu, Hướng Dương Tiêu, Thủ Cổ Thôn... Tuyến hai chạy dọc theo các sườn núi, có chiến hào và lô cốt, có giao thông hào nối tiền duyên với tung thâm, tạo thành những công sự khép kín. Tuyến ba là cứ điểm trung tâm với các cao điểm 203, 190, 160, 180, có hào lũy vây quanh với chi chít các lỗ châu mai, hình thành thế phòng ngự liên hoàn.

Ngoài ra, giữa các trận địa còn có giao thông hào nối ngang nhện với nhau. Đây đó là những bãi mìn, những bãi dây thép gai. Toàn đảo hình thành một hệ thống bốn tầng hoả lực phối hợp với nhau.

Trước trận đánh, Quân Giải phóng đã tổ chức nhiều lần trinh sát đảo. Sau khi điều tra nắm vững địa hình và tình hình bố phòng của địch, các đơn vị đổ bộ được huấn luyện dựa theo tình hình thực địa, chú ý các mặt đánh trên biển, bắn di

động, vượt vật cản công sự địch, tác chiến hiệp đồng binh chủng.

Ngày 18 tháng 1 năm 1955, đại lục mở màn chiến dịch giải phóng đảo Nhất Giang Sơn.

Quân Tưởng rút khỏi đảo Đại Trấn

Quân Giải phóng Trung Quốc lần đầu tiên đánh hiệp đồng giữa ba binh chủng hải lục không quân trong chiến dịch giải phóng đảo Nhất Giang Sơn. Trận đánh diễn ra rất nhanh gọn. Bọn sĩ quan binh lính Quốc dân Đảng bị bắt làm tù binh mỗi khi nói đến uy lực mạnh mẽ của trận đánh hiệp đồng binh chủng đó tim vẫn còn đập thành thình.

Tương Liêm Viên, nguyên cán bộ Tham mưu đại đội nói: “Sáng ngày 18, máy bay Quân Giải phóng vừa bay đến vùng trời đảo Nhất Giang Sơn đã ném bom dữ dội xuống đảo làm đứt phần lớn đường dây thông với trận địa tiền duyên của Bộ tư lệnh”.

Nguyên cán bộ Tham mưu tình báo Bộ Tư lệnh đảo Nhất Giang Sơn Cát Giả Cốc nói: “Pháo binh Quân Giải phóng bắn sập hầm của Bộ Tư lệnh, cả Bộ Tư lệnh rơi tung cả lên”.

Binh nhì Quốc dân Đảng Thẩm Nam Sinh nói: “Trong tiếng pháo gầm thét, tôi thấy rất nhiều xuống đổ bộ Quân Giải phóng lao về phía chúng tôi, pháo lớn trên quân hạm nã lên các trận địa trên đảo. Máy bay Quân Giải phóng bổ nhào xuống đầu chúng tôi thả bom. Tôi vừa bò ở lỗ cốt ra, Quân Giải phóng trên xuống đổ bộ đã xông lên bờ, chỉ một lát sau tôi bị bắt làm tù binh”.

Trận đánh hiệp đồng binh chủng thành công đánh dấu trình độ hiện đại hóa của Quân Giải phóng Trung Quốc đã được nâng lên rõ rệt. Tướng Trương ái Bình sau này tổng kết có nói: “Trong chiến dịch giải phóng các đảo ven biển miền đông Chiết Giang, đặc biệt là giải phóng đảo Nhất Giang Sơn, quân ta lần đầu tiên đánh hiệp đồng binh chủng giữa ba binh chủng lục quân, hải quân và không quân. Khi đó, chúng ta chưa có kinh nghiệm về mặt này. Đánh thế nào đây? Chúng ta không rập khuôn theo Liên Xô, cũng không rập khuôn theo Âu-Mỹ, mà xuất phát từ tình hình của mình, kết quả đã đánh thắng”.

Quân Giải phóng chỉ một trận chiếm được đảo Nhất Giang Sơn đã giáng một đòn mạnh mẽ vào “Hiệp ước phòng thủ chung Đài Loan - Mỹ”

Sau khi giải phóng đảo Nhất Giang Sơn, xu thế tấn công của Quân Giải phóng chứng tỏ bước tiếp theo họ sẽ tấn công đảo Đại Trấn.

Chiều ngày 19 tháng 1, không quân Quân Giải phóng ném bom đảo Đại Trấn, phá hủy sở chỉ huy và đài khí tượng của quân địch ở đây.

Đảo Đại Trần bị ném bom, nhà cầm quyền Đài Loan hoang mang lo sợ, cho rằng Quân Giải phóng đã bắt đầu tấn công đảo Đại Trần. Họ hoảng hốt kêu lên, “Cộng sản huy động trên 200 máy bay công kích đảo Đại Trần, đây là trận không kích lớn nhất sau Đại chiến thế giới thứ hai”.

Chính quyền Đài Loan lo rằng quân phòng thủ Quốc dân Đảng ở các đảo khác chưa đánh đã tan nên luôn mồm hò hét: “Bất kì đảo nào cũng quyết giữ bằng mọi giá”, “đảo Đại Trần sẵn sàng chiến đấu đến cùng”. Họ còn ra lệnh ném bom trả đũa các khu vực ven biển Phúc Kiến, Quảng Đông.

Trong suốt quá trình diễn ra trận đánh giải phóng đảo Nhất Giang Sơn, Thượng tá, Oácđơn- cố vấn quân sự Mỹ thường trú ở đảo Đại Trần và Thượng tá Macrâydon- người kế nhiệm ông ta đều đến hiện trường quan sát. Mỹ làm ra bộ không “can thiệp” quân sự. Việc giải phóng đảo Nhất Giang Sơn khiến nhà cầm quyền Mỹ hoảng hốt. Mặc dầu lúc đó Mỹ không muốn trực tiếp đối đầu với Trung Cộng, nhưng không thể không làm ra bộ thực thi hiệp ước, nên viên Tư lệnh Bộ Tư lệnh hiệp đồng phòng thủ Mỹ trú tại Đài Loan - Trung tướng Polít- ngày 21 tháng 1 phái mấy chục tàu xuống đến gần trận ứng chiến trên biển đảo Đại Trần, đồng thời huy động máy bay chiến đấu Mỹ bay thị uy trên bầu trời đảo Đại Trần.

Ngày 23 tháng 1, Mỹ cấp tốc điều 4 tàu sân bay từ Philíppin, Nhật Bản, Hồng Công tới tuần tra mặt biển đông nam đảo Đại Trần. Theo báo chí Mỹ đưa tin, khi đó ở hải vực Trung Quốc có 5 tàu sân bay, 3 tàu tuần dương, 40 tàu khu trục, 50 tàu đổ bộ. Mỹ trước sau đã huy động hơn 2.000 lượt chiếc máy bay hoạt động gần không phận Đại Trần, hùng ngăn chặn Quân Giải phóng giải phóng đảo này, bơm thêm sinh khí cho lũ quân Quốc dân Đảng đã mất hết lòng tin vào chuyển cố thủ.

Cùng lúc đó, Chính phủ Mỹ giờ âm mưu “ngừng bắn”, vận động khắp nơi. Mỹ xúi giục Liên Hợp Quốc đứng ra hòa giải, cho Ngoại trưởng Anh Êđen viết thư cho Thủ tướng Chu Ân Lai yêu cầu “ngừng bắn”, lại nhờ viên Đại sứ Anh ở Liên Xô đến khuyến cáo Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô Mólôtop.

Nhân dân Trung Quốc không sợ thế lực bạo tàn. Ngày 24 tháng 1, Thủ tướng nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Chu Ân Lai ra Tuyên bố về việc Mỹ can thiệp vào việc nhân dân Trung Quốc giải phóng đài Loan để nói về việc nhân dân Trung Quốc giải phóng đảo Nhất Giang Sơn, và việc Mỹ nêu ra việc ngừng bắn ở Liên Hợp Quốc. Bản Tuyên bố vạch rõ, Chính phủ Mỹ đã can thiệp vào công việc nội bộ Trung Quốc, Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân

Trung Hoa dứt khoát không ngừng bắn với bè lũ Tưởng Giới Thạch. Nhân dân Trung Quốc giải phóng các đảo ven biển của mình không hề gây ra tình hình quốc tế căng thẳng, chỉ do Mỹ xâm lược Đài Loan, nâng đỡ bè lũ Tưởng Giới Thạch, mưu toan lật đổ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới gây ra tình hình quốc tế căng thẳng. Nhân dân Trung Quốc nhất quyết giải phóng Đài Loan, lực lượng vũ trang Mỹ phải rút khỏi khu vực này. Lời tuyên bố trịnh trọng “Chủ quyền và nội chính của nhân dân Trung Quốc quyết không cho phép người khác can thiệp”, đã giáng trả mạnh mẽ vào trò bịp của nhà cầm quyền Mỹ.

Theo ý đồ của Quân ủy Trung ương, Bộ chỉ huy mặt trận miền đông Chiết Giang ngày 30 tháng 1 ra lệnh chuẩn bị đánh chiếm đảo Đại Trần.

Tối hôm đó, đại đội tàu cao tốc phóng ngư lôi 159 Quân Giải phóng bị thương do pháo hạm Bảo ứng của quân Quốc dân Đảng ở hải vực phụ cận đảo Đại Trần bắn vào.

Nhà cầm quyền Mỹ vẫn làm ngơ trước những lời kháng nghị mạnh mẽ của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Ngay ngày hôm đó, Tổng thống Mỹ Aixenhao trình Quốc hội bản báo cáo đặc biệt Tình hình diễn biến ở eo biển Đài Loan. Ngoài việc nêu ra cái gọi là “ngừng bắn” do Liên Hợp Quốc chủ trương, bản báo cáo còn yêu cầu Quốc hội giao quyền cho Tổng thống Mỹ khi cần thiết được sử dụng quân đội Mỹ để bảo đảm an ninh cho các đảo Đài Loan và Bành Hồ. Đối với các đảo ven biển của Trung Quốc, Tổng thống yêu cầu Quốc hội cho phép ông ta được sử dụng quân đội nếu ông ta làm sáng tỏ hành động Trung Cộng tấn công các đảo ven biển là “một bộ phận hoặc khẳng định là bước chuẩn bị cho cuộc tấn công các trận địa chính ở Đài Loan và Bành Hồ.”

Ngày 26 tháng 1 và ngày 28 tháng 1, Hạ viện và Thượng viện Mỹ lần lượt thông qua “Nghị quyết về Đài Loan” Nghị quyết nêu rõ: “Nay giao quyền cho Tổng thống Mỹ được sử dụng quân đội Mỹ khi Tổng thống xét thấy cần thiết để bảo vệ chắc chắn những mục tiêu cụ thể ở các đảo Đài Loan và Bành Hồ khỏi bị tấn công vũ trang”.

Ngày 30 tháng 1, để thực hiện phương án tác chiến giải phóng các đảo ven biển miền đông nam Chiết Giang đã được Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, Quân ủy Trung ương thông qua, Bộ chỉ huy mặt trận miền đông Chiết Giang chính thức ra lệnh cho các đơn vị ba quân chủng dưới quyền chuẩn bị đánh chiếm đảo Đại Trần.

Về kiến nghị của Chính phủ Niu Dilan đưa ra ngày 28 tháng 1 tại Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc, đề nghị thảo luận vấn đề ngừng bắn ở eo biển Đài Loan.

Chu Ân Lai ngày 3 tháng 2 gửi điện cho Tổng thư kí Liên Hợp Quốc Hammácgiôn vạch rõ, Mỹ xâm lược Đài Loan đã gây ra tình hình căng thẳng ở Thái Bình Dương, Liên Hợp Quốc phải lên án hành vi xâm lược đó. Ông tuyên bố, trong trường hợp không có đại biểu Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa tham gia, bất kì nghị quyết nào về Trung Quốc của Liên Hợp Quốc đều vô hiệu.

Thực ra, trong những ngày này, Mỹ đã nhiều lần yêu cầu Đài Loan rút quân khỏi đảo Đại Trần và chính thức cam kết nếu Đài Loan đồng ý làm như vậy, Mỹ sẽ hợp tác phòng thủ Kim Môn và Mã Tổ, lại còn ngấm tở ý khi cần thiết có thể sẽ dùng vũ khí nguyên tử đối phó với Trung Cộng, vì Quốc hội sẽ thông qua “Nghị quyết về Đài Loan” giao quyền cho Tổng thống được phép sử dụng quân đội Mỹ bảo vệ Đài Loan và Bành Hồ.

Nếu trước đây, hải quân và không quân Quân Giải phóng mới ra đời còn trứng nước, Tưởng Giới Thạch dựa vào máy bay, tàu chiến có trong tay tha hồ xung hùnh xung bá trên không trên biển, thì nay, trận chiến ở đảo Nhất Giang Sơn đã chứng tỏ một điều thời đại đó đã vấy tay “bai... bai” chúng, đã một đi không trở lại. Tưởng Giới Thạch không thể không đối mặt với sự thật đó, nếu vẫn cứ khăng khăng một mực như cũ thì đảo Đại Trần sẽ chịu chung số phận với đảo Nhất Giang Sơn.

Ngày 5 tháng 2, Tưởng Giới Thạch đưa ra quyết định cuối cùng; Rút hết khỏi đảo Đại Trần. Hành động này được mệnh danh là “Kế hoạch Kim cương”.

Cùng ngày, Quốc vụ viện Mỹ tuyên bố, Chính phủ Mỹ ra lệnh cho Hạm đội 7 và các đơn vị lính Mỹ khác “giúp đỡ” quân đội Tưởng Giới Thạch rút khỏi đảo Đại Trần

Cuộc rút lui bắt đầu từ ngày 6 tháng 2. Mỹ thông qua Đại sứ Mỹ ở Vácsava báo cho Trung Cộng biết mục đích của hành động đó, cam kết không gây rắc rối cho các thuyền đánh cá của Trung Cộng và hi vọng phía Trung Cộng cũng không gây phiền hà cho cuộc rút lui đó.

Ngày 7 tháng 2, hạm đội hỗn hợp Mỹ-Tưởng do Polít chỉ huy như đàn cá mập kéo vào hải vực Đại Trần. Hạm đội 7 của Mỹ huy động tới 132 tàu chiến, hơn 5.000 máy bay, hơn 48.000 nhân viên hải quân, không quân tới hải phận Đại Trần giúp quân Tưởng rút lui.

VL LÀM DIU TÌNH HÌNH CĂNG THẲNG Ở EO BIỂN ĐÀI LOAN

Tưởng Giới Thạch cự tuyệt bỏ Kim Môn, Mã Tổ

Sau khi kết thúc chiến dịch ở miền đông Chiết Giang, Quân Giải phóng

Trung Quốc bắt đầu thực thi kế hoạch tác chiến ở ven biển Phúc Kiến.

Trận chiến ở eo biển Đài Loan hể dụng tới là làm cho chính trường Mỹ lại một phen hỗn loạn. Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Thượng viện Mỹ Grin viết thư cho Tổng thống Aixenhao bày tỏ: Giúp Tướng phòng thủ Kim Môn có thể làm cho Mỹ “bị cuốn vào vòng xoáy của chiến tranh ở một nơi sai lầm, vào một thời điểm sai lầm, vì một vấn đề không hề ảnh hưởng đến lợi ích to lớn của nước ta”.

Nhiều quan chức Mỹ đồng ý với quan điểm trên. Theo họ, Mỹ cần giữ lời hứa bảo đảm an ninh cho Đài Loan, nhưng cực lực phản đối Mỹ dùng vũ lực bảo vệ Kim Môn. Mã Tổ.

Quốc vụ viện Mỹ cho rằng, “bảo vệ Kim Môn” rất có thể dẫn tới xung đột trực tiếp giữa Mỹ và Trung Cộng, thậm chí cả với Liên Xô, do đó nhiều lần kiến nghị nhà cầm quyền Đài Loan rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ. Họ thậm chí kiến nghị sẽ đưa quân đội và máy bay chiến đấu của Mỹ vào thường trú ở Đài Loan, đổi lại nhà cầm quyền Đài Loan rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ.

Tướng Giới Thạch dứt khoát cự tuyệt kiến nghị đó. Sau khi phải chạy ra Đài Loan, ông ta luôn luôn hô hét “chống Cộng phục quốc” để khích lệ bọn tàn quân bại tướng, thường xuyên kêu gọi “Một năm chuẩn bị, hai năm tấn công, ba năm cần quét, năm năm thành công”, nay nếu hai hòn đảo cuối cùng ở ven biển có thể dùng làm bàn đạp lại bị mất nốt thì còn ai tin ông ta có thể “chống Cộng phục quốc” nữa.

Mỹ định sử dụng vũ khí hạt nhân

Tổng thống Mỹ Aixenhao cuối cùng ủng hộ quan điểm của Tướng Giới Thạch. Ông ta cho rằng, quân đội Quốc dân Đảng sau khi mất Đại lục mà sĩ khí vẫn còn giữ được chính bởi vì họ tin rằng sẽ có ngày đánh về Đại lục, nay bỏ Kim Môn, Mã Tổ có khác gì làm tan vỡ giấc mộng đó của họ. Nếu sĩ khí không còn nữa, Đài Loan sẽ “sa vào tình trạng vô cùng nguy hiểm, Trung Cộng có thể đánh chiếm bất kì lúc nào”.

Ngày 3 tháng 3, Quốc vụ khanh Mỹ Đalét đi Đài Loan mật đàm với Tướng Giới Thạch. Trở về nước, ông ta cùng Aixenhao bàn việc bảo vệ Kim Môn, Mã Tổ, đề phòng Trung Cộng đánh Đài Loan. Theo những hồ sơ đã hết thời hạn bảo mật của Mỹ, nhà cầm quyền Mỹ khi đó sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn quân sự kể cả dùng vũ khí hạt nhân để bảo vệ Kim Môn, Mã Tổ, đề phòng Trung Cộng đánh Đài Loan. Ngày 10 tháng 3. Đalét báo cáo với Ủy ban an ninh quốc gia Mỹ ý kiến của ông ta và Tổng thống, có nêu cả vấn đề

sử dụng bom nguyên tử. Trong một buổi họp báo, Tổng thống Mỹ Aixenhao và Phó Tổng thống Níchson cũng ngầm tỏ ý Mỹ có thể sử dụng cả vũ khí hạt nhân. Điều này đã làm cho dư luận trong nước Mỹ và thế giới cảm thấy rất căng thẳng trước khả năng có thể xảy ra một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Được Mỹ mớm cho, khẩu khí của Đài Loan cũng ngang ngạnh hơn. Ngày 22 tháng 3, nói chuyện với một nhà báo Mỹ, Tưởng Giới Thạch tuyên bố Đài Loan sẽ chiến đấu đến người cuối cùng để bảo vệ Kim Môn, Mã Tổ. Sau đó trong nhiều cuộc tiếp xúc cá nhân, ông ta đều thể chết để bảo vệ Kim Môn, Mã Tổ.

Ngày 5 tháng 5 “Viện trưởng Viện hành chính” Đài Loan Du Hồng quân khi báo cáo trước Viện lập pháp về công tác hành chính cũng nói, quyết tâm bảo vệ Kim Môn, Mã Tổ không hề thay đổi, Đài Loan phản đối mọi kiến nghị hòa đàm và ngừng bắn. Ngày 9 tháng 5, ông ta nhắc lại với phóng viên Mỹ: “Kế hoạch bảo vệ Kim Môn, Mã Tổ không thể thay đổi, không thể vì ý kiến của nước ngoài mà bỏ rơi những hòn đảo đó”.

Trần Thành trong nhiều lần tiếp chuyện các nhà báo nước ngoài cũng tỏ ý “dù cho Kim Môn, Mã Tổ bị cô lập, không nhận được sự giúp đỡ cũng vẫn phải giữ đến cùng”.

Mao Trạch Đông quyết định ngừng đánh Kim Môn, Mã Tổ

Xét về địa thế, Kim Môn, Mã Tổ như hai cái vôi chọc sâu vào trái tim đại lục; Bành Hồ là nơi khống chế eo biển Đài Loan, là trạm trung chuyển giữa Đài Loan và Kim Môn. Đài Loan là căn cứ chính để “chống Cộng phục quốc”, còn Kim Môn, Mã Tổ là bàn đạp để đổ bộ, hai nơi hỗ trợ lẫn nhau, dựa vào nhau tồn tại, không thể khuyết mất một được.

Muốn bảo vệ Đài Loan - Bành Hồ phải giữ Kim Môn, Mã Tổ, bảo vệ Kim Môn, Mã Tổ là để giữ Đài Loan - Bành Hồ. Đó là nhận xét của một chuyên gia quân sự Mỹ về mối quan hệ giữa Đài Loan - Bành Hồ với Kim Môn - Mã Tổ và ý nghĩa chiến lược của nó. Nhận xét này cũng được Tưởng Giới Thạch dùng làm “căn cứ lý luận” cốt nghĩa vì sao ông ta lại thể quyết giữ Kim Môn - Mã Tổ. Thực ra, Tưởng Giới Thạch hiểu rõ hơn ai hết, lực lượng của Quốc dân Đảng đã yếu hơn rất nhiều lực lượng quân sự của Trung Cộng, chỉ phòng thủ các đảo ven biển đã “lực bất tòng tâm”, đâu còn có lực lượng “phản công”? Đã không còn sức phản công thì vai trò bàn đạp của Kim Môn, Mã Tổ đâu còn nữa. Hướng hồ, cùng với đà phát triển nhanh chóng của khoa học kĩ thuật quân sự, Kim Môn, Mã Tổ cũng mất giá trị đối với việc phòng

vệ Đài Loan; Quân Giải phóng nếu tấn công Đài Loan, hoàn toàn có thể vòng qua Kim Môn, Mã Tổ để tới mục tiêu, nên trên thực tế Kim Môn, Mã Tổ đã không còn ý nghĩa chiến lược nữa.

Bỏ Kim Môn hoặc giữ Kim Môn chẳng còn quan trọng gì đối với Đài Loan. Mỹ sở dĩ khuyến khích Tưởng Giới Thạch bỏ Kim Môn, Mã Tổ là có mục đích không tiện nói ra của họ, vì như vậy khoảng cách giữa hai bờ gần xa ra, việc chia cắt sẽ dễ dàng hơn. Còn Tưởng Giới Thạch sở dĩ quyết giữ Kim Môn, Mã Tổ cũng nhằm mục đích cuối cùng là lôi kéo người Mỹ vào cuộc nội chiến ở Trung Quốc. Một ngọn lửa chiến tranh bùng lên ở Kim Môn, Mã Tổ, quân đội Quốc dân Đảng tất nhiên không địch nổi đối phương, Mỹ nhìn thấy mà không cứu tất sẽ mất uy tín mất danh dự trước thế giới, nếu nhúng tay vào thì phải trực tiếp đối đầu với quân đội Trung Cộng, và như vậy chiến tranh Trung-Mỹ sẽ có thể nổ ra.

Nhà chiến lược quân sự Mao Trạch Đông đương nhiên nhìn thấu âm mưu đó của Mỹ- Tưởng. Lúc đầu ông quyết định dùng hành động quân sự có mức độ ở vùng ven biển với mục đích chính là trừng phạt hoạt động quấy rối xâm lược của Quốc dân Đảng, và tỏ rõ quyết tâm chống Mỹ xâm lược Đài Loan, chia cắt Trung Quốc; không hề có ý định gây ra cuộc chiến tranh toàn diện giữa Trung Quốc và Mỹ. Chiến dịch ở ven biển miền đông Chiết Giang thắng lợi, mục tiêu trên đã cơ bản đạt được. Hơn nữa, nhiệm vụ chính của nước Trung Quốc mới lúc này là xây dựng kinh tế. Trung Quốc mà lớn mạnh thì Mỹ sẽ không can thiệp được vào công việc nội bộ của Trung Quốc và khi đó có lẽ chỉ cần “hừ” một tiếng là người nước ngoài sẽ lảng ra xa.

Do đó, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc quyết định ngừng đánh Kim Môn, Mã Tổ, áp dụng đúng lúc những biện pháp làm dịu tình hình căng thẳng.

Được Mỹ bao che, tình hình Đài Loan dần dần ổn định, an phận với một hải đảo giữa biển khơi.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, đại lục cũng lao vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội hùng hực khí thế.

VII. TRUNG-MỸ HỘI ĐÀM Ở GIONEVO

Vương Bính Nam được cử làm Trưởng đoàn đại biểu Trung Quốc

Một ngày cuối tháng 7 năm 1955, thành phố Vácsava mĩ lệ ngập trong nắng vàng rực rỡ. Vị Đại sứ Trung Quốc mới nhận nhiệm vụ được ba tháng

Vương Bính Nam đang cùng các nhân viên sứ quán ăn bữa cơm dã ngoại tại ngoại ô thành phố, nơi họ đến chơi và nghỉ ngơi. Cảnh sắc nơi đây thật tuyệt vời, những vạt rừng cây và những cánh đồng xanh biếc nhìn không chán mắt khiến tâm hồn thêm thư thái. Mọi người ngồi quây quần vui vẻ chuyện trò, ăn uống...

Lúc đó khoảng 1 giờ trưa giờ địa phương, viên thư kí cơ yếu mang đến một bức điện của Bộ Ngoại giao.

Đó là bức điện gửi cho Biện sự sứ Trung Quốc ở Anh. Nội dung nói thông qua sự dàn xếp của Anh, Mỹ kiến nghị với Trung Quốc hai bên sẽ tiến hành hội đàm ở cấp Đại sứ. Bức điện được sao thêm gửi cho Sứ quán Trung Quốc ở Vácsava. Đọc xong bức điện, Vương Bính Nam trong người bốn chồn, tại sao điện gửi cho Đại biện ở Anh lại đưa cả cho Sứ quán ở Vácsava? Các nhân viên sứ quán ngồi bên bàn tán sôi nổi, họ phỏng đoán hay là cấp trên cử Đại sứ đi dự hội đàm? Vương Bính Nam không nghĩ tới chuyện đó, vì sau Hội nghị Gionevơ, ông không quản về vấn đề quan hệ Trung-Mỹ nữa.

Vương Bính Nam sinh ngày 1 tháng 1 năm 1908 ở huyện Cần tỉnh Thiểm Tây. Khi còn học ở trường trung học Tam Nguyên, ông gia nhập Đoàn Thanh niên cộng sản, năm sau trở thành đảng viên Đảng Cộng sản và giữ chức Bí thư chi bộ đầu tiên ở huyện Cần. Ông tổ chức lãnh đạo quần chúng nông dân đấu tranh chống sưu chống thuế. Vì tham gia hoạt động cách mạng, bị Chính phủ địa phương lùng bắt ông phải rời quê hương. Năm 1929, ông được vị tướng yêu nước Dương Hổ Thành - người bạn cất máu ăn thề của cha, giúp chạy sang Đức vào học ngành chính trị ở Đại học Béclin. Tại Đức, ông tập hợp lưu học sinh Trung Quốc ở các nước Pháp, Đức v.v... lập ra Nhóm chống Nhật.

Vương Bính Nam học tập và công tác 5 năm ở Béclin. Ông kết giao rộng, bạn của ông ở khắp các thành phố Đức, công nhân có, học sinh có, có cả những nhà khoa học và những nhà cách mạng, kể cả người lãnh đạo Quốc tế cộng sản là Dimitorốp. Năm 1936, Vương Bính Nam kết hôn với Tiến sĩ triết học Anna Lidơ, người bạn gái thời cùng học với nhau ở đại học Béclin. Sau đó Anna lấy họ chồng nên gọi là Vương Anna. Tình yêu ban đầu đang nồng cháy, nhưng vì cách mạng họ chấp nhận tạm xa nhau. Mùa xuân năm 1936, Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Trung Quốc ở quốc tế Cộng sản cử Vương Bính Nam về nước làm công tác Mặt trận thống nhất, vận động tướng Dương Hổ Thành và Lộ quân 17 chống Nhật. May sao, họ được cấp trên bố trí cho phép đi cùng.

Tháng 3 năm 1936, ngay trong đêm, vợ chồng Vương Bính Nam vừa về tới Tây An, thậm chí còn chưa kịp đặt chân đến căn phòng mới mà người nhà dành cho hai vợ chồng, họ đã được tướng Dương Hổ Thành mời đến gặp ngay, ông lại còn khăng khăng buộc hai vợ chồng Vương Bính Nam dọn vào ở trong “tư dinh”. Qua nhiều lần bí mật bàn bạc, Dương Hổ Thành giao cho Vương Bính Nam tuyển chọn nông cốt giúp ông cải tạo bộ đội. Vương Bính Nam trở thành “bạn vong niên” của Dương Hổ Thành. Thời gian Dương Hổ Thành đi Thượng Hải “chữa bệnh” để tránh Tưởng Giới Thạch bắt ông đi “tiểu Cộng”, ông đã mấy lần gửi điện báo vợ chồng Vương Bính Nam về Thượng Hải gấp. ở Thượng Hải, qua Đỗ Trọng Viễn giới thiệu, Vương Bính Nam xây dựng được mối liên hệ thường xuyên với tướng Trương Học Lương, trở thành cầu nối thắt chặt sự hiểu biết và khơi thông ý kiến giữa Trương Học Lương và Dương Hổ Thành.

Tháng 11 năm 1936, Dương Hổ Thành quay về Tây An được ít lâu, ông gửi điện khẩn báo Vương Bính Nam về ngay Tây An bàn việc. Trước ngày xảy ra “Sự biến Tây An”, Trương Học Lương đến Chỉ Viên tìm Dương Hổ Thành mặt bàn biện pháp đối phó với thời cuộc. Ông nói với Dương Hổ Thành:

- Vương Bính Nam đang ở chỗ ông phải không? Tìm cậu ấy đến chúng ta bàn thêm!

- Cậu ta tư tưởng cấp tiến, chủ trương bắt Tưởng. Trương Học Lương mừng rỡ nói:

- Đó cũng là một cách giải quyết, xem ra đành phải vậy thôi.

Hai người đã nói hết với nhau ý nghĩ của mình, bàn bạc cụ thể việc bắt Tưởng. Ngày 12 tháng 12, “Sự biến Tây An” đã nổ ra, làm chấn động cả Trung Quốc và nước ngoài. Sáng hôm đó, Dương Hổ Thành sai vệ binh đi báo Vương Bính Nam đến bàn đối sách của bước tiếp theo.

Trong thời gian xảy ra “Sự biến Tây An”, Vương Bính Nam giúp Đoàn đại biểu Đảng Cộng Trung Quốc do Chu Ân Lai dẫn đầu làm được rất nhiều việc. Mao Trạch Đông và Chu Đức tự tay viết thư khen ông...

Mấy hôm sau Bộ Ngoại giao gửi điện sang chính thức báo ông được cử làm trưởng đoàn Trung Quốc tham gia cuộc hội đàm Trung-Mỹ cấp Đại sứ. Phía Mỹ do Giônson, Đại sứ Mỹ ở Tiệp Khắc, làm đại diện đàm phán. Thật là vừa khéo, hai đối thủ tham gia hội đàm ở Hội nghị Giơnevơ nay lại giao đấu với nhau.

Nhận được thông tri của Bộ Ngoại giao Vương Bính Nam thấy trong lòng không được thanh thản, thậm chí có phần lo lắng. Tuy đã tham gia cuộc hội đàm

Trung-Mỹ ở Hội nghị Gionevơ, nhưng khi đó bên ông có cả một đoàn đại biểu hùng hậu với nhiều “lão tướng” dày dặn kinh nghiệm bày mưu tính kế; đặc biệt là khi đó ông ở bên Thủ tướng Chu Ân Lai, được nghe những lời chỉ bảo, nhất cử nhất động được Thủ tướng trực tiếp chỉ đạo, mọi việc đều có thể dựa vào Thủ tướng. Nay ông một mình đảm đương công việc, tuy bất cứ lúc nào cũng có thể liên hệ với trong nước và Thủ tướng, nhưng dấu sao cũng rất xa Tổ quốc, nhiều trường hợp phải tự mình quyết định, tự mình phân tích, phán đoán, chủ động đề xuất ý kiến với trong nước, phải tùy cơ ứng biến, nhưng không được có một chút sai sót. Công việc quả không đơn giản chút nào, chẳng những rất hệ trọng, tình hình lại phức tạp mà cả thế giới cũng đang chăm chú theo dõi. Nhiệm vụ như gánh nặng ngàn cân đè lên vai ông.

Dương nhiên ông cũng nghĩ đến mặt thuận lợi. Để chuẩn bị cho các đại biểu tham gia cuộc hội đàm Trung-Mỹ này, Bộ Ngoại giao đã thành lập một tổ chuyên trách chỉ đạo công việc hội đàm, có trách nhiệm nghiên cứu các đối sách. Tổ trưởng là Chương Hán Phu, tổ phó là Kiều Quán Hoa, trưởng ban thư kí là Đồng Việt Thiên, ngoài ra còn có Cung Bành, Phổ Sơn, Vương Bảo Lưu. v.v... toàn những nhân tài đa mưu túc kế đứng đằng sau làm hậu thuẫn cho ông. Hơn nữa, điều khiến ông yên tâm là tổ này làm việc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chu Ân Lai, và người đảm nhiệm công tác cụ thể là Kiều Quán Hoa mà đương thời được mọi người gọi là “tú tài”. Còn về cá nhân ông, ngay từ những năm 30 ông đã giao thiệp với người Mỹ, biết rõ tư tưởng, tác phong và phương pháp xử sự của họ. Sau này, ông nghe Hạ Long kể lại, khi Trung ương chọn người đàm phán không chỉ đưa ra có một mình ông, nhưng rồi cuối cùng đã chọn ông làm đại diện đàm phán, vì xét thấy trong Đảng, ông là người có 10 năm kinh nghiệm làm công tác đối ngoại, thời gian giao thiệp với người Mỹ khá lâu, tương đối am hiểu họ.

Nhắc đến chuyện giao thiệp với người Mỹ khiến Vương Bính Nam hồi tưởng lại công tác ngoại giao thời kháng chiến. Thực ra, Đảng Cộng sản Trung Quốc tiếp xúc với người Mỹ không phải bắt đầu từ khi Đảng trở thành Đảng cầm quyền ở nước Trung Quốc mới, mà có từ thời kì chiến tranh chống Nhật. Hồi đó, Chu Ân Lai một thời gian rất dài sống trong vùng Quốc dân Đảng làm công tác lãnh đạo Đảng. Năm 1938, để đáp ứng yêu cầu tuyên truyền đường lối chống Nhật của Đảng, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thành lập tổ tuyên truyền đối ngoại trực thuộc Cục phương Nam. Tổ này do Chu Ân Lai lãnh đạo, Vương Bính Nam phụ trách công việc cụ thể. Tổ viên gồm có Anna Lidơ (Vợ của Vương Bính Nam) Tất Sóc Vọng, Hứa Mạnh

Hùng, đều là những người thạo tiếng Anh. Nhiệm vụ của tổ là dịch các trước tác của Mao Trạch Đông, các bài viết về chống Nhật và báo Chiến đấu của Bát lộ quân. Tác phẩm Bàn về đánh lâu dài của Mao Trạch Đông viết trong thời kì kháng chiến lần đầu tiên được tổ này dịch ra tiếng Anh. Tổ tích cực tuyên truyền chủ trương của Đảng về Mặt trận thống nhất và những thành tựu của vùng giải phóng.

Đầu thời kỳ Quốc-Cộng hợp tác lần thứ hai, sự hợp tác Quốc Cộng tương đối thuận lợi, cộng tác của tổ tuyên truyền đối ngoại được triển khai mạnh mẽ. Chính vào thời kỳ này, tổ của họ bắt đầu tiếp xúc với người Mỹ. Khi đó, tùy viên quân sự Sứ quán ở Trung Quốc, tướng Sdiway, Thượng tá hải quân lục chiến Các, Tổng lãnh sự Mỹ đều có quan hệ giao tiếp chặt chẽ với họ. Những công việc này lúc bấy giờ chưa bị Quốc dân Đảng can thiệp và hạn chế.

Người Trung Quốc lại giành được “chủ động”

Tin tức về cuộc hội đàm Trung-Mỹ cấp Đại sứ vừa được công bố đã làm cả thế giới phải ngạc nhiên. Các báo chí quan trọng các nước hầu như đều đưa tin này trên trang nhất, đăng nhiều bài bình luận và dự đoán về sự kiện này, trong đó không ít bài viết về tiểu sử Vương Bính Nam, mối quan hệ của ông với Chu Ân Lai, thậm chí moi cả chuyện đời tư của ông. Ông bỗng chốc trở thành một nhân vật thời sự được người ta bàn đến trên mọi phương diện.

Hôm ông đến Gionevơ, các phóng viên săn tin đã chen chúc trên sân ga. Vừa bước xuống xe lửa, ông đã bị họ vòng trong vòng ngoài vây kín.

Vương Bính Nam nói với giới báo chí một vài câu ngắn gọn: “Nhân dân Trung Quốc luôn luôn thân thiện với nhân dân Mỹ, nhân dân Trung Quốc không muốn chiến tranh với nước Mỹ. Trong Hội nghị Á-Phi, Thủ tướng Chu Ân Lai đã nói hai nước Trung - Mỹ nên dùng phương thức đàm phán để làm dịu tình hình căng thẳng hiện nay. Nếu hai bên đều có thiện chí như nhau, tôi tin chắc Hội nghị lần này chẳng những vấn đề hồi hương kiều dân được giải quyết hợp lý, mà còn tiến thêm một bước góp phần làm dịu quan hệ căng thẳng giữa Trung Quốc và Mỹ”.

Hai bên Trung-Mỹ vừa mới bắt đầu đã có sự cách biệt và bất đồng rất lớn về chương trình nghị sự và mục đích cần đạt được của cuộc hội đàm. Phía Trung Quốc cho rằng, hội đàm phải chú trọng thảo luận những vấn đề thực chất như vấn đề Đài Loan, sắp xếp cuộc hội đàm trực tiếp giữa Quốc vụ khanh Đalét và Thủ tướng Chu Ân Lai, xây dựng quan hệ văn hóa giữa hai nước v.v... Phía Mỹ lại chỉ muốn trước tiên đòi trao trả những người Mỹ bị giam giữ ở

Trung Quốc, đòi Trung Quốc cam kết không sử dụng vũ lực chống Đài Loan. Cuối cùng, để cuộc hội đàm có thể bắt đầu, phía Trung Quốc đồng ý bàn trước về vấn đề hồi hương kiều dân, sau đó thảo luận những vấn đề khác. Phiên hội đàm thứ nhất xác định sẽ tiến hành vào chiều ngày 1 tháng 8 tại phòng họp nhỏ trong trụ sở Quốc Liên. Phòng họp này trước kia là văn phòng của chủ tịch Hội đồng Quốc Liên. Giữa phòng đặt một chiếc bàn Hội nghị bình bầu dục, trong phòng bài trí đơn giản, không khí trang nghiêm.

Vương Bính Nam và mấy vị tham dự hội đàm như Lý Hội Xuyên, Lâm Bình... đến hội trường trước giờ họp. Theo Phóng viên Tân Hoa xã kể lại, khi đó ở quán rượu - “nhà của phóng viên” đã rất ầm ỹ!

Thì ra, một số phóng viên đã nhận được tin trong phiên hội đàm thứ nhất, Chính phủ Trung Quốc sẽ tuyên bố thả 11 gián điệp Mỹ. Tin này khiến cho giới báo chí vốn đã bị cuộc hội đàm Trung-Mỹ kích động nay lại càng thêm hăng hái. Một phóng viên Mỹ nghe được tin đó, buột miệng: “Chà, Trung Quốc lại giành mất “chủ động” rồi!” Một số phóng viên nước ngoài đang đứng cạnh nói giễu vị phóng viên nọ: “Mỹ đâu có mất quyền “chủ động”! Chẳng hạn, Quốc vụ viện Mỹ ra ngay một tuyên bố rút Hạm đội 7 đang bảo vệ Tưởng Giới Thạch về nước, giữ thái độ thân thiện với các nước Viễn Đông. Như vậy chẳng phải lại giành được quyền chủ động đàm phán đó sao!”

Bước vào hội đàm, phía Trung Quốc trước tiên sẽ tuyên bố thả 11 gián điệp Mỹ. Đây thực sự là chiêu tuyệt vời do Chu Ân Lai nghĩ ra, nhằm tạo bước đầu tốt đẹp cho cuộc hội đàm. Khi đó ý kiến của Vương Bính Nam là đàm phán trước thả người sau, nhưng nhìn vào hiệu quả thực tế của bước thứ nhất rõ ràng là rất thành công, dư luận quốc tế hiểu ngay rằng Trung Quốc rất có thiện chí, rất tích cực, cảm tình của mọi người nhanh chóng ngả về phía Trung Quốc.

Khi đoàn Vương Bính Nam đi vào phòng họp, rất nhiều nhà báo thân mật vẫy tay chào hỏi. Đại sứ Giônson đến trễ mấy phút. Cùng đi với ông ta có chuyên gia sự vụ Quốc vụ viện Mỹ Colao. Hai bên yên vị, ánh đèn máy ảnh loé sáng liên tục, tất cả các phóng viên đều chụp, dường như muốn lưu lại vết tích cuộc gặp gỡ Trung- Mỹ vào sử sách. Sau khi các phóng viên rời hội trường, cuộc hội đàm chính thức bắt đầu.

Trước tiên Vương Bính Nam đọc tuyên bố của Chính phủ Trung Quốc thả 11 tên gián điệp Mỹ. Giônson bày tỏ lời cảm ơn. Tiếp đó hai bên thương lượng về Chương trình nghị sự của cuộc hội đàm.

Không biết vì phía Trung Quốc tuyên bố thả gián điệp Mỹ hay là vì

Vương Bính Nam và Giônson đã quen biết nhau mà không khí phiên họp này nhẹ nhõm vui vẻ. Sau này, Vương Bính Nam được biết Đalét có dặn Giônson trong hội đàm phải kiên nhẫn, tránh kiểu lấy cứng chọi cứng như khi đàm phán ở Bản Môn Điểm, phải tìm cách giữ cho được quan hệ với Bắc Kinh, không được để hội đàm tan vỡ. Trước cuộc hội đàm này, Đalét từng nói, nếu đại biểu hai bên Trung- Mỹ có thể ngồi với nhau tới cả 3 tháng, ông ta cũng rất vui.

Phiên hội đàm đầu tiên diễn ra khá thuận lợi. Hai bên đã thoả thuận được với nhau về chương trình hội đàm: Một, vấn đề hồi hương kiều dân; Hai, các vấn đề khác mà hai bên còn tranh chấp. Hội đàm sẽ tiếp tục vào sáng ngày hôm sau.

Cuộc đàm phán lễ thể về vấn đề hồi hương kiều dân

Lần hội đàm thứ hai chỉ diễn ra trong vòng một giờ đồng hồ đã kết thúc. Hai bên đưa ra danh sách kiều dân hồi hương. Trong danh sách của phía Trung Quốc có tên ông Tiền Học Sâm. Giữa tháng sáu, trong thư gửi về cho gia đình ở trong nước, Tiền Học Sâm có kèm theo lá thư gửi Phó Uỷ viên trưởng Trần Thúc Thông, yêu cầu Chính phủ giúp ông sớm được về nước. Sau khi xem thư, Chu Ân Lai lập tức chuyển cho Vương Bính Nam. Vương Bính Nam nói với Giônson chuyện về nước của Tiền Học Sâm. Giônson ngay biện rằng không có chứng cứ chứng tỏ người Trung Quốc sống ở Mỹ muốn hồi hương, Vương Bính Nam lập tức đưa trường hợp Tiền Học Sâm ra phản bác lại. Ông còn nêu vấn đề trao quyền cho ấn Độ với tư cách là nước thứ ba quan tâm đến lợi ích của công dân Trung Quốc đang sống ở Mỹ.

Giônson đề nghị nghỉ một ngày để ông ta thỉnh thị Quốc vụ viện. Phiên hội đàm thứ ba định vào ngày 4 tháng 8.

Phiên hội đàm lần thứ ba vừa bắt đầu, Giônson đã đòi phía Trung Quốc phải lập tức cho tất cả những người Mỹ ở Trung Quốc được xuất cảnh vô điều kiện, xem đó như một điều kiện để chuyển sang nội dung thứ hai của chương trình nghị sự- thảo luận các vấn đề khác mà hai bên đã tranh chấp. Vương Bính Nam cho rằng, giải quyết ra sao vấn đề các nhân viên Mỹ bị giữ ở Trung Quốc là nội dung hội đàm, không phải là điều kiện để tiếp tục hội đàm. Do đó, ông trình trọng nhắc lại lập trường của Trung Quốc về vấn đề hồi hương của kiều dân và lưu học sinh Trung Quốc, đồng thời đòi Mỹ phải lập tức thả tất cả những người Trung Quốc bị giam cầm vô cớ, để họ được trở về Tổ Quốc. Lúc này Giônson thôi không lý sự việc giữ người Trung Quốc có kĩ

thuật lại là một luật pháp của Mỹ nữa. Thế mới biết luật pháp Mỹ cũng không phải là không thể máy may thay đổi, nó cũng phải phục vụ cho yêu cầu chính trị.

Sau đó, hai bên đã dành rất nhiều phiên họp để bàn vấn đề hồi hương kiều dân. Thay mặt Chính phủ Mỹ, Giônson ngoan cố bám lấy nguyên tắc cơ bản nhất trong chính sách của họ về Trung Quốc là không thừa nhận Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là nước hoàn toàn độc lập có chủ quyền. Do đó, trong một số vấn đề cụ thể, Chính phủ Mỹ rất nhạy cảm trong việc không để gây ra ấn tượng hoặc dẫn đến kết quả là công nhận Trung Quốc. Phàm những vấn đề có dính dáng đến chủ quyền của Trung Quốc, Giônson đều giữ ngôn vòng vo với Vương Bính Nam. Chẳng hạn, Vương Bính Nam nêu ra việc trao quyền cho Đại sứ quán ấn Độ ở Mỹ chăm lo cho kiều dân Trung Quốc, Giônson một mực không đồng ý. Vì theo ông ta, làm như vậy là thừa nhận nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa có quyền lãnh sự hợp pháp đối với kiều dân cư trú ở Mỹ, là công nhận Trung Quốc là quốc gia có chủ quyền, là loại bỏ nhà cầm quyền Đài Loan. Đó là điều Mỹ không thể đồng ý.

Chỉ riêng vấn đề này hai bên đã đấu nhau đến mấy hiệp. Phía Trung Quốc đưa ra đầy đủ lí do, đầy đủ lý lẽ, cuối cùng Giônson đuối lí, sau khi thỉnh thị Đalét buộc phải chấp nhận ý kiến của Trung Quốc trao quyền cho ấn Độ, nhưng lại bắt bẻ hai chữ “trao quyền”. Giônson bảo không thể dùng hai chữ “trao quyền”, chỉ có thể dùng từ “mời”. Theo ông ta như vậy sẽ giảm bớt tính hợp pháp và trách nhiệm pháp luật của Trung Quốc. Hơn nữa, Giônson còn nêu ra một cách vô lý rằng, việc trao quyền cho Đại sứ quán ấn Độ phải giới hạn chặt chẽ trong phạm vi chỉ điều tra những công dân Trung Quốc thực sự muốn rời khỏi nước Mỹ. Rõ ràng với điều kiện hạn chế như vậy, Mỹ có nhiều lỗ hổng để luồn lách và có thể tùy tiện giải thích về qui định đó. Đương nhiên phía Trung Quốc không thể chấp nhận nên đã kiên quyết bác bỏ. Vậy là cuộc hội đàm đã tiến hành gần 10 phiên mà vẫn không có một kết quả tích cực nào.

Hội đàm bắt đầu được ít lâu, Vương Bính Nam ý thức được rằng cách nghĩ trước đây của mình cho rằng chỉ qua vài phiên vấn đề sẽ được giải quyết là sai lầm. Xem ra, cuộc hội đàm này sẽ rất gian nan và mất nhiều thời gian. Những phóng viên lạc quan và hi vọng có những bước đột phá mới thường nóng lòng chờ tin tức ở ngoài hội trường. Lúc đầu, mỗi khi đại biểu Trung Quốc bước ra, họ đã xô đẩy nhau bám chung quanh tranh nhau nêu câu hỏi, song các câu trả lời ngắn gọn và thường không có tin gì mới khiến họ cụt

hứng dân. Về sau, dường như nhìn thấy vẻ mặt của Vương Bính Nam và Giônson là họ đã tiu nghỉu. Họ bắt đầu hoài nghi, liệu hội đàm có thành công không, liệu có tan vỡ giữa chừng không, những luận điệu thất vọng và bi quan về tương lai cuộc hội đàm Trung- Mỹ xuất hiện ngày càng nhiều trên các trang báo, nhiệt tình của các phóng viên cũng nhạt dần. Sau 11 phiên hội đàm như vậy, đến khoảng cuối tháng 8, hội đàm từ chỗ mỗi tuần 3 lần giảm xuống mỗi tuần một lần, “nhiệt độ” cũng hạ xuống rõ rệt.

Cho tới lúc này, các buổi hội đàm trên thực tế đều diễn ra theo một công thức cứng nhắc. Vương Bính Nam và Giônson thay nhau đọc bài đã chuẩn bị sẵn. Đương nhiên đôi khi cũng có lời qua tiếng lại, trường hợp này đòi hỏi phản ứng phải nhanh nhạy, phải giỏi nắm bắt được chỗ sơ hở của đối phương khi nói năng. Giônson là nhà Ngoại giao chuyên nghiệp lão luyện, kiến thức rộng. Có lẽ ông ta vì nghiêm chỉnh tuân theo lời dặn dò của Đalét nên trong khi tranh cãi không bao giờ tỏ ra thất lễ, không bao giờ có những lời lẽ gay gắt. Những lúc khó chịu hoặc lúng túng, ông ta chỉ hơi đỏ mặt, hút thêm vài điếu thuốc.

Phía bên Trung Quốc cũng rất lễ độ. Lập trường của họ vững vàng, thái độ nghiêm túc, nói năng có lí lẽ, cử chỉ bình tĩnh đúng mực, giữ đúng phong cách Ngoại giao văn minh lịch sự.

Các trợ lý của hai bên không bao giờ phát ngôn trong hội đàm, có ý kiến gì họ viết ra giấy rồi trao cho đại biểu mình hoặc ghé tai nói nhỏ vài câu. Lý Hội Xuyên và Lâm Bình trong quá trình hội đàm đã góp rất nhiều kiến nghị bổ ích cho Vương Bính Nam.

Điều khá lí thú là trên bàn hội đàm hai bên đều rất nghiêm túc thận trọng, giữ vững phòng tuyến của mình, nhưng sau buổi hội đàm ra ngoài lại thường có những chuyện thú vị, thậm chí có cả chuyện đi lại thăm hỏi rất thân thiện giữa hai bên. Chu Ân Lai chỉ thị cho Vương Bính Nam mạnh dạn tiếp xúc riêng với Giônson. Giônson cũng được sự đồng ý của Đalét có thể gặp gỡ riêng với ông.

Các cuộc tiếp xúc riêng giữa hai đối thủ đàm phán

Khi hai bên gắng nhau không bên nào chịu bên nào, để làm dịu bầu không khí hội đàm, hai bên có khi mời nhau ăn cơm. Những điều không tiện nói ra trong trường hợp chính thức, gặp riêng nhau có thể bàn bạc, trao đổi, thăm dò, thậm chí còn có thể mở ra bước đột phá, Giônson đã làm việc này đầu tiên. Để giải quyết một vấn đề, vì muốn tìm hiểu thái độ của đối phương nhưng

lại muốn tránh con mắt của các nhà báo, Giônson bèn tìm một biệt thự yên tĩnh trên núi rồi bí mật mời đại biểu Trung Quốc tới đó ăn cơm. Chính tại bàn ăn mà đã giải quyết được một vài vấn đề có tính chất kỹ thuật. Sau đó, cũng do nhu cầu như vậy, được Chu Ân Lai đồng ý, Vương Bính Nam đã mời Giônson tới địa điểm trước ăn cơm. Vài năm sau, Chu Ân Lai có lẽ quên chuyện đó nên đã mấy lần hỏi Vương Bính Nam: “Người ta mời đồng chí ăn, đồng chí có mời lại không?”. Chu Ân Lai là như vậy, mọi việc đều rất tỉ mỉ, trong Ngoại giao rất coi trọng lễ phép. Một lần có Đoàn kinh kịch Trung Quốc sang biểu diễn ở Gionevơ, Vương Bính Nam mời Giônson và các trợ lý của ông đến xem. Họ vui vẻ nhận lời nhưng dần đi dần lại phải giữ kín đừng lộ tin ra, nhất thiết không để cho các nhà báo biết. Xem xong, Giônson khen: “Đây là biểu hiện của một nền nghệ thuật, văn minh cổ xưa của Trung Quốc, nước Mỹ không có cái đó”. Hồi đó giữa Vácsava và Gionevơ không có tuyến bay thẳng. Vương Bính Nam mỗi lần đi Gionevơ hội đàm phải đi trước một ngày, trước tiên bay sang Praha, sau đó từ Praha đi máy bay Tiệp Khắc qua Zurich rồi chuyển sang máy bay Thụy Sĩ đi Gionevơ. Khi đến Praha, Vương Bính Nam thường gặp Giônson ở đó, hai người cùng lên một máy bay, khi trở về cũng vậy. Gặp thời tiết xấu, máy bay không cất cánh được, họ qua đêm ở Zurich, Vương Bính Nam và Giônson được sắp xếp nghỉ cùng một khách sạn. Suốt cuộc hành trình, vì không có phiên dịch nên hai người không nói đến việc công. Tiếng Anh của Vương Bính Nam chỉ tầm tầm, Giônson cũng chỉ vớ vẩn được dăm ba câu tiếng Trung Quốc. Họ chuyện gẫu với nhau bằng tiếng Trung Quốc xen lẫn tiếng Anh, vậy mà họ cảm thấy thư thái, vui vẻ. Hồi đó, Chính phủ Thụy Sĩ rất coi trọng cuộc hội đàm Trung-Mỹ ở Gionevơ nên đã chỉ thị cho giám đốc sân bay phải đặc biệt quan tâm đến các đại biểu Trung Quốc, do đó khi xuống máy bay ở sân bay Zurich, Giám đốc sân bay lần nào cũng ra đón và đưa tới nghỉ ở phòng khách quý, lại còn chiêu đãi cà phê.

Sau đó, do một máy bay bị nạn nên Giônson không dám đi tuyến đó nữa, chuyển sang đi đường Pari. Chiếc máy bay bị nạn là máy bay Tiệp Khắc loại lớn cất cánh từ Zurich chở diễn viên Trung Quốc đi biểu diễn ở châu Mỹ la tình về nước, chẳng ngờ vừa bay được 5 phút thì nổ tung. Vương Bính Nam cũng đã đặt chỗ ở máy bay này, nhưng vì bận việc đi muộn mất một ngày nên thoát nạn. Lại có lần máy bay sau khi cất cánh thì trục trặc phải hạ cánh xuống Muních. Hồi đó, Cộng hòa Liên bang Đức và Trung Quốc không có quan hệ Ngoại giao, Vương Bính Nam đành phải cùng tất cả hành khách ngồi chờ ở phòng đợi của sân bay. Tin đó làm cho Sứ quán Trung Quốc ở Bécơơ cuống quýt cả lên. Đại sứ

Phùng Huyền rất lo, sợ xảy ra chuyện gì. Để Chính phủ Liên bang Đức biết Vương Bính Nam vì sự cố máy bay phải xuống sân bay Munich, Đại sứ Phùng Huyền cố ý gọi điện trực tiếp đến sân bay tìm “Đại sứ Vương” thế là hành khách trong phòng đợi đều ngạc nhiên nhìn Vương Bính Nam, ồn ào cả lên. Nghe tin các phóng viên nhao đến, loan tin, cho nhau: “Đại sứ Trung Quốc tham gia hội đàm Trung-Mỹ đang ở Munich!”, Dù thấy ảnh hưởng của cuộc tiếp xúc Trung-Mỹ lớn biết chừng nào.

Hiệp nghị duy nhất trong 15 năm hội đàm

Để làm cho cuộc hội đàm Trung-Mỹ không bị quẩn quanh mãi trong một vấn đề và có thể nhanh chóng đi vào bàn những vấn đề khác, Trung Quốc cho tiến hành thẩm tra kĩ hơn những người Mỹ đang bị giữ. Nhận được chỉ thị trong nước, ngày 10 tháng 9 Vương Bính Nam tuyên bố với Giônson: Việc thẩm tra 12 người Mỹ ở Trung Quốc của các cơ quan hữu quan đã kết thúc, họ có thể được phép rời Trung Quốc. Thêm vào đó, trong một số vấn đề cụ thể khác, phía Trung Quốc có sự nhượng bộ thỏa đáng nên đã khiến giai đoạn hội đàm lâu nay vẫn dậm chân tại chỗ này có bước tiến triển.

Cuối cùng trong phiên hội đàm ngày 10 tháng 9 hai bên Trung-Mỹ đã đi đến được một hiệp nghị. Đây cũng là hiệp nghị duy nhất đạt được trong 15 năm hội đàm:

“Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thừa nhận những người Mỹ đang ở nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ai muốn hồi hương về Hợp chủng quốc Hoa Kỳ (người Trung Quốc ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ ai muốn về nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa) được hưởng quyền lợi hồi hương, và tuyên bố đã áp dụng và sẽ tiếp tục áp dụng những biện pháp thỏa đáng để họ nhanh chóng sử dụng quyền lợi hồi hương của họ”.

Dễ dàng nhận thấy, đây là một bản thông cáo chung kì quặc đã được lao tâm khổ tứ nặn ra trong tình trạng hai bên không công nhận lẫn nhau. Nội dung thông cáo vừa phải thể hiện được thái độ của hai bên, lại phải thể hiện được mối liên giữa hai bên, thế là “kiệt tác trên dây ra đời. (Năm 1972 Thông cáo Thượng Hải giữa Níchson và Chu Ân Lai cũng phỏng theo hình thức đó). Hiệp nghị này cũng là hiệp nghị chính thức duy nhất giữa Mỹ và Trung Quốc trước khi có Thông cáo Thượng Hải Vương Bính Nam đến nay đọc lại bản hiệp nghị vẫn còn cảm nhận được giá trị của từng con chữ viết trong đó.

Đến đây, vấn đề hồi hương kiều dân tạm chấm dứt một giai đoạn.

Cuối thập kỉ 50, trong một cuộc Hội nghị, Chu Ân Lai nhận xét: Cuộc

hội đàm Trung-Mỹ cấp Đại sứ đến nay tuy không thu được kết quả thiết thực; nhưng chúng ta đã tiến hành được một cuộc tiếp xúc cụ thể mang tính chất xây dựng về vấn đề kiều dân hai nước, bên ta đòi về được ông Tiền Học Sâm. Chỉ riêng điều đó thôi, hội đàm cũng đáng và cũng có giá trị.

Phía Mỹ đối phó cho qua chuyện

Ngày 20 tháng 9, hai bên lại tiếp tục hội đàm. Vương Bính Nam cho rằng vấn đề kiều dân đã đạt được hiệp nghị, phần một của chương trình nghị sự coi như kết thúc, cần chuyển sang phần hai, tức là thảo luận những vấn đề thực chất. Nhưng ông không ngờ trong giai đoạn hai này, Mỹ lại giở thái độ đối phó cho qua chuyện, hơn nữa lại cứ lằng nhằng mãi về vấn đề thứ nhất đã được giải quyết, khiến cuộc hội đàm cứ nhùng nhằng dậm chân tại chỗ.

Vương Bính Nam nêu ra giai đoạn hai là vấn đề Đài Loan, vấn đề hội đàm trực tiếp giữa Chu Ân Lai và Đalét. Ông đã nhiều lần nêu rõ, chỉ có thông qua con đường hội đàm ở cấp Ngoại trưởng mới có thể giải quyết được những vấn đề quan trọng như việc rút quân Mỹ ra khỏi Đài Loan, làm dịu tình hình căng thẳng ở khu vực Đài Loan, và mới đủ thẩm quyền thảo luận về việc giao lưu văn hóa, về quan hệ mậu dịch giữa hai nước v.v..

Do trực tiếp liên quan tới vấn đề Đài Loan nên việc đàm phán ở giai đoạn hai so với giai đoạn một phức tạp hơn rất nhiều, khó khăn hơn rất nhiều, đấu tranh cũng gay gắt hơn rất nhiều.

Ngày 27 tháng 10, phía Trung Quốc lại chủ động đưa ra dự thảo hiệp nghị về vấn đề hai bên cam kết không dùng vũ lực do phía Mỹ nêu ra. Dự thảo của phía Trung Quốc viện dẫn điều khoản do Liên Hợp Quốc nêu ra là các nước thành viên phải dùng phương thức hòa bình để giải quyết tranh chấp, đã kiến nghị:

Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ thỏa thuận không dùng vũ lực mà chỉ dùng phương pháp hòa bình để giải quyết những tranh chấp giữa hai nước. Để thực hiện nguyện vọng chung của hai bên, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ quyết định tổ chức Hội nghị Ngoại trưởng để bàn bạc thương lượng vấn đề làm dịu và loại trừ tình hình căng thẳng ở khu vực Đài Loan.

Giônson bác bỏ dự thảo hiệp nghị này. Vậy là trên thực tế Giônson luôn ở vào thế bị động. Điều này khiến ông ta thất vọng. Ông ta hút thuốc liên tục, phiên họp kết thúc cũng là lúc chiếc gạt tàn của ông ta đầy ắp đầu mẩu thuốc lá. Mãi đến ngày 10 tháng 11, Mỹ mới đưa ra dự thảo nghị quyết

của mình, trong đó có những đoạn:

... Nói chung, đặc biệt nói về khu vực Đài Loan, ngoài việc phòng thủ riêng và chung ra, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ từ bỏ việc dùng vũ lực.

... Nói chung, đặc biệt nói về khu vực Đài Loan, ngoài việc phòng thủ riêng và chung ra, nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa từ bỏ việc dùng vũ lực.

Điều một của dự thảo này rất xằng bậy. Mỹ đòi có quyền “phòng thủ riêng và chung” ở khu vực Đài Loan, điều này há chẳng phải là đòi Chính phủ Trung Quốc thừa nhận vai trò hợp pháp của Mỹ trong việc xâm chiếm Đài Loan ? Điều hai của dự thảo cũng hoàn toàn vô lí, nó có nghĩa là buộc Trung Quốc từ bỏ chủ quyền giải phóng Đài Loan của mình.

Mặc dầu vậy, sau khi bác bỏ dự thảo hiệp nghị của Mỹ, Vương Bính Nam vẫn hết sức cố gắng. Ngày 1 tháng 12, ông lại đưa ra một dự thảo mới. Chiều cố việc Mỹ không muốn nêu rõ điều khoản của Hiến chương Liên Hợp Quốc và cuộc hội đàm của Ngoại trưởng hai nước, dự thảo này chỉ nêu “Không dùng đe dọa hoặc vũ lực mà chỉ thông qua đàm phán hòa bình để giải quyết những tranh chấp giữa hai nước”.

Mỹ không có thiện chí, họ không muốn thực sự thảo luận dự thảo của phía Trung Quốc, Giônson cố tình chỉ muốn kéo dài thời gian. Trong hai ba phiên hội đàm sau đó, ông ta từ chối không đưa ra bất kì bình luận nào về dự thảo mới của phía Trung Quốc, mà chỉ dùng thái độ lập lờ, không khẳng định cũng chẳng phủ định. Chỉ mãi tới ngày 12 tháng 1 năm 1956, Giônson mới đưa ra một dự thảo khác. Song bản dự thảo này chẳng khác gì bản dự thảo trước, nghĩa là vẫn tiếp tục đòi Trung Quốc thừa nhận Mỹ có “quyền tự vệ riêng và tập thể” ở khu vực Đài Loan. Đây là một vấn đề nguyên tắc phía Trung Quốc quyết không thể chấp nhận cái “quyền” mà Mỹ đòi hỏi.

Những sự thật trên chứng tỏ trong giai đoạn hai phía Trung Quốc luôn luôn tích cực tìm kiếm cơ hội để đi tới một hiệp định chung, mở ra con đường loại bỏ tình hình căng thẳng ở khu vực Đài Loan. Phía Trung Quốc đã đưa ra những kiến nghị tích cực hợp lí, nhưng vì Mỹ không có thiện chí nên hội đàm chỉ dậm chân tại chỗ. Giai đoạn hội đàm này không đi đến một hiệp nghị nào.

Từ tháng 4 đến tháng 5 năm 1956, Mỹ đưa ra một dự thảo hiệp nghị, Trung Quốc cũng đưa một dự thảo, song cả hai đều không được thông qua. Hội đàm vẫn không tiến triển được chút nào.

Điều đặc biệt đáng nói là trong các cuộc thảo luận ở giai đoạn hai, Mỹ

đã vi phạm hiệp nghị đã đạt được ở giai đoạn một, trì hoãn không cung cấp danh sách và tình hình của kiều dân và lưu học sinh Trung Quốc ở Mỹ, tiếp tục gây khó dễ trong chuyện hồi hương của họ, làm cho ấn Độ với tư cách nước thứ ba rất khó triển khai công việc. Mỹ gây ra không biết bao trở ngại, thậm chí phớt lờ cả hiệp nghị đã đạt được, tìm mọi cách ngăn trở hội đàm. Vương Bính Nam thấy rất rõ điều đó, trong lòng rất phẫn nộ. Những thủ đoạn của Mỹ trong giai đoạn hội đàm này làm cho ông nhận thức rõ thêm bản chất ngoan cố chống Cộng, chống Trung Quốc của Chính phủ này.

Đơn phương hủy bỏ lệnh cấm viếng thăm Trung Quốc

Năm 1956, tình hình eo biển Đài Loan tiếp tục căng thẳng. Một mặt Mỹ cố tình kéo dài vô thời hạn cuộc hội đàm, một mặt Đalét ngông cuồng tuyên bố Mỹ sẽ không ngăn ngại tiến hành chiến tranh nguyên tử ở khu vực Đài Loan, đe dọa buộc nhân dân Trung Quốc phải từ bỏ chủ quyền đối với Đài Loan. Cả hai việc làm đều có chung một mục đích. Song như trên đã nói, Đalét quá ngạo mạn, ông ta đánh giá quá thấp tình cảm dân tộc và quyết tâm của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc. Trên thực tế, bất kể Mỹ dùng thủ đoạn gì cũng không thể làm cho Chính phủ Trung Quốc từ bỏ lập trường cơ bản bảo vệ lợi ích của nhân dân Trung Quốc.

Hội đàm vẫn tiếp tục. Vương Bính Nam dường như đã mất hết hy vọng. Ông và Giônson vẫn chỉ đọc cho nhau nghe một bài viết sẵn, ông đưa ra một số kháng nghị về việc Mỹ xâm phạm vùng biển, vùng trời của Trung Quốc, sau đó đối chọi nhau vài câu, cuối cùng hai bên quyết định ngày giờ phiên họp sau, rồi tan họp.

Nhưng, Chu Ân Lai - người chịu trách nhiệm hoạch định chiến lược, sách lược vẫn tích cực suy nghĩ tiến hành cuộc đấu tranh mới ra sao. Ông chỉ đạo các vị trong tổ cố vấn góp ý kiến, nghĩ biện pháp, nắm thời cơ, làm những việc cần thiết, thúc đẩy hội đàm tiến triển.

Tháng 8 năm 1956, như một tiếng sét giữa mùa hè làm chấn động cả thế giới: Chính phủ Trung Quốc đơn phương hủy bỏ lệnh cấm các nhà báo Mỹ vào Trung Quốc, và gửi điện cho 15 cơ quan báo chí quan trọng của Mỹ mời họ cử phóng viên đến thăm Trung Quốc trong thời gian một tháng.

Giới báo chí Mỹ cũng như Quốc vụ viện Mỹ bàng hoàng, nhốn nháo cả lên. Nên biết rằng, hồi đó Chính phủ Mỹ bao vây rất chặt tín tức về Trung Quốc, không cho phép bất cứ ai được đưa tin đúng với sự thật về nước Trung Quốc mới, do đó, số đông người Mỹ không hiểu biết gì về nước Trung Quốc

mới, trong khi họ khát khao được biết rõ sự thật. Quyết định này của Chính phủ Trung Quốc đặt trước Chính phủ Mỹ một câu hỏi hóc búa, còn giới báo chí Mỹ thì lại rất hoan hỉ. Những nhà báo Mỹ nhận được lời mời của Chính phủ Trung Quốc càng phấn khởi gấp bội, đua nhau xin phép Quốc vụ viện Mỹ cho đi thăm Trung Quốc.

Đalét xảo quyết thì án binh bất động. Ông ta tuyệt nhiên không muốn tùy tiện huỷ bỏ lệnh cấm của Quốc vụ viện Mỹ không cho người Mỹ bất kể là dân thường nói chung hay nhà báo đi du lịch Trung Quốc. Thế là một thời gian, hầu như tất cả các báo chí Mỹ đều công kích lập trường ngoan cố đó của Quốc vụ viện. Họ phần nộ nói, Mỹ vẫn nhân danh một nước dân chủ tôn trọng tự do cá nhân, mà lại ngang ngược hạn chế quyền tự do du lịch của dân chúng nước mình, đây quả là một việc làm không thể tha thứ được xét về mặt hiến pháp cũng như về đạo lý.

Trong suốt hơn một năm trời, giới báo chí thường xuyên gây áp lực với Quốc vụ viện Mỹ. Một vài nhà báo bất chấp cả lệnh cấm, dũng cảm vượt vòng phong tỏa sang thăm Trung Quốc. Đoàn đại biểu thanh niên Mỹ tham gia Đại hội liên hoan thanh niên thế giới ở Liên Xô cũng phớt lờ lệnh cấm của Quốc vụ viện, sau khi Đại hội kết thúc đã tới thăm Trung Quốc và được nhân dân Trung Quốc tiếp đón nồng nhiệt. Họ thả khi về nước bị trừng phạt cũng phải đến Trung Quốc xem thế nào. Cuối những năm 70, những chàng thanh niên hồi đó nay phần đông đã ở tuổi 50 lại liên kết nhau sang thăm Trung Quốc lần thứ hai. Sự ngưỡng vọng và tình cảm hữu nghị mà nhân dân Mỹ dành cho nhân dân Trung Quốc làm cho mọi người vô cùng cảm động.

Trước tình thế đó, Đalét rốt cuộc không im lặng được nữa. Sau khi cân nhắc lợi hại, Quốc vụ viện Mỹ cuối cùng phải nhượng bộ chút đỉnh để tránh dư luận Mỹ phản đối chính sách cô lập Trung Quốc của Chính phủ. Dẫu sao, Đalét cũng đã kéo dài việc này được vừa đúng một năm! Đến tháng 8 năm 1957, Đalét lặng lẽ thương lượng với một số đại biểu của giới báo chí và đã buộc phải thỏa hiệp đồng ý cho phép 24 cơ quan báo chí cử phóng viên đi thăm Trung Quốc.

Qua sự việc này, rất nhiều nhà báo Mỹ khen Chu Ân Lai đã đi một nước cờ tuyệt diệu, rằng ông đã thành công trong việc làm cho giới báo chí Mỹ chống lại Quốc vụ viện Mỹ.

Chu Ân Lai đi nước cờ này với ý định mong muốn khơi thông quan hệ qua lại giữa nhân dân Mỹ và nước Trung Quốc mới, cũng là để cho các nhà báo Mỹ thấy dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhân dân

Trung Quốc đang làm gì, mục tiêu họ theo đuổi là gì, và hy vọng họ có thể giới thiệu với nhân dân Mỹ diện mạo chân thực của nước Trung Quốc mới.

Đồng thời, nước cờ đó của Chu Ân Lai cũng nhằm thúc đẩy cuộc hội đàm Trung-Mỹ. Nhớ lại hồi tháng 9 năm đó, Vương Bính Nam trong khi hội đàm đã đưa ra dự thảo hiệp nghị hai nước cho phép các nhà báo được thăm viếng lẫn nhau với điều kiện bình đẳng hai bên đều có lợi, nhưng dự thảo này bị Mỹ khước từ. Đalét kiên quyết không đồng ý Trung Quốc cử một số lượng phóng viên tương đương sang thăm Mỹ. Ông ta nói, những phóng viên Trung Quốc này phải có tư cách hợp pháp chiếu theo luật di dân hiện hành của Mỹ mới được vào Mỹ. Chu Ân Lai chủ động mời các nhà báo Mỹ, còn Đalét thì từ chối sống sượng dự thảo hiệp nghị các nhà báo hai bên thăm viếng lẫn nhau do phía Trung Quốc đưa ra, vô hình trung đã tạo nên hai hình ảnh tương phản nhau rõ rệt. Sách lược thông minh, tấm lòng rộng mở của Chu Ân Lai đã được dư luận quốc tế, nhất là nhân dân Mỹ, đánh giá rất cao.

Quý khách của Đalét

Cuối tháng 9 năm 1957, Vương Bính Nam đưa ra dự thảo Hiệp nghị về việc cấm vận; trung tuần tháng 10 đưa ra dự thảo Hiệp nghị về giao lưu văn hóa và việc qua lại của nhân dân; đầu tháng 12 lại đưa ra dự thảo Hiệp nghị về tư pháp; nhưng tất cả đều bị Mỹ khước từ.

Do thái độ ngoan cố của Mỹ, một loạt dự thảo Hiệp nghị của phía Trung Quốc đưa ra đều không được chấp nhận. Những kiến nghị này nay đã thành những văn kiện lịch sử. Giờ đây đọc lại những văn bản chất cao hàng đồng, mọi người có thể thấy rõ trong suốt thời gian đó, Mỹ hết lần này đến lần khác toàn chơi trò chữ nghĩa, mưu toan kéo dài hội đàm vô thời hạn. Phương châm chung của họ đối với cuộc hội đàm Trung-Mỹ là kéo dài nhưng không làm cho tan vỡ.

Thời gian cứ thế trôi đi, hết phiên họp lại đến phiên kia. Đến ngày 12 tháng 12 năm 1957, hội đàm đã được 73 phiên. Trong phiên hội đàm này, Giônson tuyên bố một cách hết sức lịch sự, rằng ông ta sẽ rút khỏi Hội nghị để đi nhận chức Đại sứ ở Thái Lan, và chỉ định phó của mình là Mactin thay thế.

Rất dễ thấy đây là ngón võ mới của Đalét. Ông ta đổi Đại sứ tham gia đàm phán thành tham tán, muốn hạ cấp hội đàm xuống. Vương Bính Nam lập tức có ý kiến ngay, tuyên bố không thể đồng ý với sự thay đổi đó. Vương Bính Nam cũng rất lịch sự chỉ cho Giônson thấy: Cuộc hội đàm Trung-Mỹ là ở cấp Đại sứ, còn ông Mactin chỉ là Tham tán, không thể đại diện cho Đại sứ. Ông

nói: “Thưa ông Đại sứ Giônson, ngài làm như vậy rất không nghiêm túc”.

Đúng như Chu Ân Lai đã nói: “Chúng ta muốn đàm phán, và cố gắng đàm phán kết quả. Nhưng nếu Mỹ không muốn đàm phán, chúng ta cũng có thể ngừng đàm phán. Chúng ta không muốn tan vỡ, nhưng chúng ta cũng không sợ tan vỡ. Nếu Mỹ muốn đánh nhau, chúng ta cũng sẵn sàng”.

Chính vì phía Trung Quốc luôn đứng ở tư thế cao hơn Mỹ, nên trong cuộc đấu tranh đàm phán họ luôn luôn giữ được thế chủ động.

Và thế là sau 73 phiên hội đàm, cuộc hội đàm Trung-Mỹ ở cấp Đại sứ đã bị gián đoạn.

Hội đàm chuyển đến Vácava

Ngày 15 tháng 9 năm 1958, cuộc Hội đàm Trung-Mỹ cấp Đại sứ lại được nối lại tại Vácava trong tình hình eo biển Đài Loan rất căng thẳng. Trợ lý của Vương Bính Nam được thay bằng hoàng Hoa, Lại á Lực, có khi Diêu Quảng cũng tham gia, phiên dịch ngoài Khuu ứng Giác có thêm Gia Đình, đều là những người cừ khôi cả.

Hội trường bố trí đơn giản nhưng trang nhã. Bốn chiếc bàn to xếp thành hình chữ nhật, đại biểu hai bên ngồi đối diện nhau, đoàn trưởng ngồi giữa, bên cạnh là cố vấn và phiên dịch. Sau khi mọi việc đầu vào đấy, cuộc họp chính thức bắt đầu lúc 3 giờ chiều.

Vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ Ngoại giao Ba Lan mời hai Đoàn đại biểu Trung Quốc và Mỹ vào họp, Vương Bính Nam và Đại sứ Mỹ ở Vácava Gia cốp Bim gật đầu chào nhau.

Bim là nhà Ngoại giao chuyên nghiệp Mỹ giàu kinh nghiệm, trầm tĩnh, lạnh lùng, tỉnh táo. So với Giônson, ông ta thiếu chút hài hước, mặt luôn luôn nghiêm nghị. Nhưng lại có phong độ của một học giả, giống như một giáo sư. Khi đó Bim còn độc thân, ngoài 50 tuổi ông ta mới kết hôn, bà vợ rất đảm đang, nhanh nhẹn, giỏi xã giao. Sau này, một người bạn thân của Bim kể lại rằng, ăn tiệc mà ngồi cạnh Bim thì chán ngắt, nhưng nếu có mặt bà vợ, bà ta sẽ bù lại được chỗ hăng hụt đó. Trước khi hội đàm với Vương Bính Nam, Bim đã từng đàm phán với các nước Liên Xô, Tiệp Khắc, và được gọi là người “có kinh nghiệm tiếp cận với cộng sản”. Tuy ông ta dường như không giỏi lời lẽ Ngoại giao, không phải nhà Ngoại giao dẻo mết, nhưng chắc chắn không phải là đối thủ mà đại biểu Trung Quốc có thể coi thường.

Vương Bính Nam mời Bim phát biểu trước. Ông ta vừa mở đầu đã đòi phía Trung Quốc ngừng pháo kích các đảo Kim Môn, Mã Tổ. Ông ta nói, Mỹ

thừa nhận rằng Mỹ và Trung Quốc lâu nay vẫn đang tranh cãi gay gắt vấn đề Đài Loan và các đảo lân cận, Mỹ không hề có ý định đòi bất kì bên nào trong giai đoạn này từ bỏ quan điểm của mình, mục đích của Mỹ là loại trừ những hành động có thể bị đối phương coi là gây chiến, vì nếu không, hành động quân sự có thể sẽ lan rộng ra. Với chất giọng khô cứng, ông ta nói, nhiệm vụ chung của Trung Quốc và Mỹ là làm dịu tình hình căng thẳng ở eo biển Đài Loan.

Trong lời phát biểu, ông ta có ý đẩy trách nhiệm làm căng thẳng tình hình eo biển Đài Loan cho phía Trung Quốc, và đặt Mỹ vào địa vị kẻ chiếm đóng đương nhiên, hợp pháp đối với Đài Loan.

Vương Bính Nam đã lường trước tới điều đó, nên ông rất bình tĩnh phản bác lại. Vương Bính Nam vạch rõ, ông ta không có quyền nói thay nhà cầm quyền Đài Loan không có quyền đưa ra kiến nghị ngừng bắn. Ông trình trọng nhắc lại với vị đối thủ mới này: Các đảo Đài Loan và Bành Hồ là lãnh thổ của Trung Quốc, giải phóng Đài Loan và Bành Hồ, kể cả Kim Môn, Mã Tổ, là công việc nội bộ của Trung Quốc. Vương Bính Nam còn nói, Trung Quốc sau khi thu hồi Kim Môn, Mã Tổ, sẽ dùng phương thức hòa bình giải phóng Đài Loan và Bành Hồ.

Hội nghị Vác sava đã diễn ra được một thời gian, nhưng thái độ của Mỹ về vấn đề Đài Loan vẫn y như cũ, không có bất kì dấu hiệu gì biến chuyển, do đó hội đàm lại sa vào công thức cứng nhắc. Mỗi khi phát biểu, Vương Bính Nam bao giờ cũng mở đầu bằng việc nhắc lại lập trường của Chính phủ Trung Quốc về vấn đề Đài Loan, nếu Mỹ không từ bỏ hành động can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc trong vấn đề Đài Loan, thì không thể giải quyết được những vấn đề khác giữa Trung Quốc và Mỹ.

Ngày 30 tháng 9, tại phiên họp thứ 78, Bim đưa ra “Dự thảo Tuyên bố” (Sau này Vương Bính Nam được nghe nói chính Đalét đã bỏ ra nhiều công phu để soạn thảo bản dự thảo đó, và đó cũng là “tác phẩm” cuối cùng của ông ta trong cuộc hội đàm Trung-Mỹ). Bản “Dự thảo Tuyên bố” dùng kiểu nói đánh đồng như nhau để nói về quan điểm của Trung Quốc và Mỹ trong vấn đề Đài Loan, đề cập đến việc Liên Xô đã ủng hộ Trung Quốc, còn tiến thêm một bước đòi Chính phủ Trung Quốc phải chấm dứt hành động quân sự đối với Kim Môn, Mã Tổ, v.v... và v.v... Khi đó, Vương Bính Nam không trả lời ngay. Đoàn đại biểu Trung Quốc sau khi nghiên cứu đều nhất trí cho rằng bản “Dự thảo Tuyên bố” không có nội dung gì mới, trên thực tế nó chỉ là một bức màn khói che đậy hành vi xâm phạm chủ quyền Trung Quốc và những hoạt

động quân sự của Mỹ ở eo biển Đài Loan.

Vương Bính Nam kiên quyết bác bỏ bản “Dự thảo Tuyên bố” đó. Những cuộc hội đàm sau này lại rập khuôn như cũ. Trong không khí giữ miếng và khống chế nhau, Vương Bính Nam cũng như Bim, ông nói đằng ông, tôi nói đằng tôi.

Trong thời gian này, Liên Xô giúp Đoàn đại biểu Trung Quốc đặt đường dây điện thoại trực tiếp giữa Bắc Kinh và Vácsava. Sự liên hệ giữa Vương Bính Nam và Chu Ân Lai càng chặt chẽ và thường xuyên hơn. Chu Ân Lai thường trực tiếp gọi điện cho Vương Bính Nam, chỉ thị kịp thời và luôn nhắc nhở Vương Bính Nam những vấn đề cần chú ý.

Có một việc mà Vương Bính Nam vẫn nhớ mãi là vào giai đoạn hội đàm này, Quân Giải phóng Trung Quốc thường ngừng pháo kích Kim Môn, Mã Tổ vào các ngày chẵn. Hôm đó, phiên hội đàm lại rơi đúng vào ngày chẵn, Bim tỏ ra rất vui và nói hi vọng sẽ chấm dứt pháo kích mãi mãi. Vương Bính Nam thấy buồn cười, ông nói với Bim: “Pháo kích hay không là hành động đơn phương của chúng tôi, không liên quan gì đến hội đàm Trung-Mỹ, hội đàm cần thảo luận là Mỹ rút quân toàn diện ra khỏi Đài Loan”.

Cũng giống như Giônson, Bim không bao giờ công kích bằng những lời lẽ gay gắt. Nhưng ông ta hơi khô khan, không cười nói tùy tiện, nói đến những chỗ xúc động giọng ông ta hơi lắp bắp. Ưu điểm của Bim là không cùn nhắc, dễ làm quen.

Trong thời kỳ không khí ở eo biển Đài Loan căng thẳng hai bên khá lạnh nhạt với nhau, rất ít có những cuộc tiếp xúc riêng.

Cuối năm 1959, Đalét một con người ngoan cố đối đầu với nước Trung Quốc mới, không bao giờ muốn có sự thay đổi chính sách đối với Trung Quốc, cuối cùng đã thôi chức. Nhưng Quốc vụ khanh Hécto mới lên thay cũng chẳng làm gì cho hội đàm khởi sắc.

Tháng 3 năm 1960, một người Mỹ đội lốt Giáo chủ thành Roma do hoạt động gián điệp ở Trung Quốc, âm mưu lật đổ Chính phủ, bị cơ quan tư pháp bắt giam và kết án tử hình. Ngày 22, Vương Bính Nam trong khi hội đàm đã báo tin đó cho Đại sứ Bim biết. Bim lúc đầu tỏ vẻ ngạc nhiên, sau đó lại đưa ra kháng nghị về việc này. Vương Bính Nam kiên quyết bác bỏ, kể rõ tội trạng rất nặng với những chứng cứ rành rành không thể chối cãi của vị giáo chủ kia. Theo ông, người có quyền kháng nghị là Trung Quốc chứ không phải là Mỹ.

Suốt thời gian hội đàm ở Vácsava, vấn đề mà Mỹ khư khư bám lấy là

vấn đề tội phạm của Mỹ ở Trung Quốc. Hầu như phiên họp nào họ cũng đòi hỏi một cách vô lí, Chính phủ Trung Quốc phải trả những tội phạm đó. Tất nhiên những yêu sách đó đều bị phía Trung Quốc bác bỏ.

Phiên hội đàm lần thứ 100

Ngày 6 tháng 9 năm 1960, là ngày họp phiên hội đàm Trung-Mỹ lần thứ 100. Vương Bính Nam thấy cần thiết phải có một bài phát biểu mang tính chất tổng kết, vừa để thúc đẩy hội đàm tiến triển và cũng để mọi người hiểu được chân tướng của tình trạng hội đàm tại sao lại dậm chân tại chỗ. Trong lời phát biểu, trước hết Vương Bính Nam vạch rõ, trong 100 phiên hội đàm suốt 5 năm nay, phía Trung Quốc trước sau vẫn giữ thái độ muốn thông qua đàm phán giải quyết mọi tranh chấp, còn phía Mỹ tỏ ra không hề có thiện chí, hơn nữa còn tiếp tục làm cho tình hình Đài Loan thêm căng thẳng.

Tiếp đó, Vương Bính Nam nhắc lại, cuộc hội đàm Trung-Mỹ từ khi bước sang giai đoạn hai, giai đoạn giải quyết những vấn đề thực tế khác có sự tranh chấp, tình hình cũng không làm cho người ta hài lòng. Phía Trung Quốc luôn giữ thái độ tích cực, không ngừng cố gắng lần lượt đưa ra 10 phương án hợp tình hợp lí để tìm con đường làm dịu tình hình căng thẳng ở Đài Loan và cải thiện quan hệ Trung-Mỹ, nhưng phía Mỹ đã có thái độ hoàn toàn trái ngược. Mỹ một mặt giải thích sai lệch Hiệp nghị về vấn đề hồi hương thường dân của hai nước, khẳng khái đòi vận dụng cả vào những trường hợp phạm nhân Mỹ phạm tội nặng ở Trung Quốc, đòi trả họ vô điều kiện, điều đó là vô lí, là can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc. Mặt khác, Chính phủ Mỹ lại vi phạm Hiệp nghị nói trên, ngăn cản người Trung Quốc ở Mỹ về nước.

Mỹ từ chối không từ bỏ việc dùng vũ lực chống Trung Quốc, không chịu rút mọi lực lượng vũ trang ra khỏi Đài Loan và khu vực eo biển Đài Loan.

Vương Bính Nam nhấn mạnh, làm dịu và loại bỏ tình hình căng thẳng ở khu vực Đài Loan là điểm then chốt của cuộc hội đàm Trung-Mỹ, là hòn đá thử vàng để xét xem có thiện chí đàm phán hay không. Chính phủ Mỹ chỉ muốn chiếm đóng vĩnh viễn Đài Loan, rằng chính quyền Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan là “Chính phủ hợp pháp” của Trung Quốc, thậm chí còn ngoan cố nói rằng Mỹ xâm chiếm Đài Loan là dựa vào cái gọi là “nghĩa vụ thực thi hiệp ước kí với bè lũ Tưởng Giới Thạch. Đó chẳng qua chỉ là âm mưu tạo ra “hai nước Trung Quốc”, biến Đài Loan thành thuộc địa của Mỹ mà mọi người đều đã biết.

Vương Bính Nam đưa ra một số việc cụ thể: Mùa thu năm 1958, nhằm

khieu khích nhân dân Trung Quốc, Mỹ đã tập kết ở eo biển Đài Loan một lực lượng vũ trang mà Mỹ rêu rao là lớn nhất; mùa hè năm 1960, Tổng thống Mỹ Aixenhao thân chinh đến Đài Loan tiến hành những hoạt động thù địch nhân dân Trung Quốc, máy bay quân sự và chiến hạm Mỹ liên tục xâm phạm vùng trời và vùng biển của Trung Quốc. Gần đây nhất là Mỹ lại cho tuần dương hạm, tàu ngầm, máy bay có vũ trang hoặc có thể mang vũ khí hạt nhân tới Viễn Đông, công khai dùng hạt nhân đe dọa Trung Quốc.

Sự thật đều rành rành còn đó. Bim ngồi nghe, có phần lúng túng, không sao đối đáp lại được.

Vương Bính Nam buông một câu: “Thưa ngài Đại sứ, Ngài nên biết, kẻ nào chơi với lửa tất sẽ bị lửa thiêu!”

Lúc này, Vương Bính Nam như cảm thấy mình đang đứng trước nhân dân toàn thế giới, đang vạch trần bộ mặt xâm lược của Chính phủ Mỹ cho thiên hạ thấy rõ, không làm như vậy sẽ không nói lên được những cố gắng phấn đấu và nỗi chờ mong trong suốt 5 năm của 600 triệu nhân dân Trung Quốc.

Vương Bính Nam nối tiếp, những tranh chấp giữa Mỹ và Trung Quốc có giải quyết được hay không, nếu chỉ dựa vào sự cố gắng của riêng phía Trung Quốc không đủ, bây giờ là lúc người Mỹ cần xem xét lại thái độ của họ đối với cuộc hội đàm Trung-Mỹ, là lúc phải nghiêm túc xem xét việc rút tất cả lực lượng vũ trang ra khỏi Đài Loan và eo biển Đài Loan, xem xét muộn không bằng xem xét sớm, đi trễ không bằng đi sớm. Xem xét sớm, đi sớm, người Mỹ có thể sớm được giải thoát.

Nghe những lời phê phán hùng hồn đó của Vương Bính Nam, Bim không hề răng nửa lời. Vương Bính Nam nói xong, thái độ của Bim vẫn có vẻ lúng túng, ngoài chuyện bày tỏ sự thất vọng trước lời phát biểu của Vương Bính Nam, ông ta không bắt bẻ được điều gì.

Tiếp đó, Vương Bính Nam lại đưa ra một phương án mới về việc trao đổi nhà báo giữa hai nước Trung-Mỹ. Ông nhấn mạnh: Tôn chỉ của Trung Quốc là, Trung-Mỹ trao đổi nhà báo với nhau là để xóa đi sự cách bức giữa nhân dân hai nước Trung-Mỹ, bước đầu cải thiện mối quan hệ vừa bằng giá vừa bằng thẳng giữa hai nước hiện nay, nhằm mục đích thúc đẩy thêm một bước hai nước dựa vào 5 nguyên tắc chung sống hòa bình để giải quyết hòa bình vấn đề rút các lực lượng vũ trang Mỹ ra khỏi Đài Loan và eo biển Đài Loan.

Phương án mới này của Vương Bính Nam cũng lại là phương án mà

thần kinh nhạy cảm của Chính phủ Mỹ không thể chấp nhận được, nên rút cục cũng không được thông qua.

Phối hợp với bài phát biểu của Vương Bính Nam tại phiên hội đàm lần thứ 100, Nhân dân nhật báo Trung Quốc ngày 8 tháng 9 năm 1960 đăng bài xã luận với nhan đề Một trăm phiên hội đàm Trung-Mỹ. Nhân dân trong nước Trung Hoa đua nhau đọc, những người yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới cũng đều ca ngợi lập trường đúng đắn của Chính phủ Trung Quốc.

Ngón võ mới của Kennodi

Cuối năm 1960, Mỹ tiến hành bầu cử Tổng thống. Trong cuộc tranh luận trên truyền hình, Kennodi và Níchson dường như đều tập trung nói về vấn đề Kim Môn, Mã Tổ, coi đó là một vấn đề lớn. Họ đều cùng tỏ thái độ kiên quyết ủng hộ chính quyền Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan.

Sau khi Kennodi lên nắm quyền, Mỹ hùng hổ đẩy mạnh thế tấn công trên toàn cầu. Đại hội 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô năm 1956 đã phủ định hoàn toàn Xtalin, dẫn tới sự bất đồng nghiêm trọng với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Sự bất đồng đó dần dần được công khai hóa, hoàn cảnh quốc tế Trung Quốc ngày càng xấu đi.

Do sai lầm của “đại nhảy vọt”, thêm vào đó là thiên tai nặng nề, việc Liên Xô xé bỏ hợp đồng, rút chuyên gia về nước, ngừng viện trợ kinh tế, khiến Trung Quốc phải trải qua những khó khăn kinh tế nghiêm trọng.

Cuộc hội đàm khi đó vẫn không mấy may tiến triển, như đang có một tảng đá khổng lồ chặn ngang không sao lay chuyển được.

Kennodi nhậm chức được 3 tháng, Vương Bính Nam và Bim lại gặp nhau ở Vácsava.

Vương Bính Nam đương nhiên không có bất kỳ sự kì vọng... nào đối với Chính phủ Kennodi, nhưng xuất phát từ những suy nghĩ tích cực, ông bày tỏ với Bim mong muốn Kennodi không giống người tiền nhiệm, khư khư ôm lấy chính sách cũ rích không có lối thoát, trái lại có những đóng góp làm cho quan hệ Trung-Mỹ tiến triển.

Qua mấy phiên họp, Kennodi hoàn toàn lộ rõ ông ta chỉ thay thang chứ không đổi thuốc. Phía Mỹ vẫn chỉ quẩn quanh với vấn đề hồi hương dân thường như trước, vẫn chỉ lặp lại vấn đề hai bên không dùng vũ lực trong vấn đề Đài Loan.

Kennodi cũng gở vài miếng võ mới như đưa ra kiến nghị tổng hợp về việc hai bên trao đổi nhà báo, nhưng trong cách làm cụ thể lại tìm cách ngăn

cần những người Mỹ được phía Trung Quốc mời sang thăm; đưa ra vấn đề bán lương thực cho Trung Quốc với giá ưu đãi, cứu tế cho người nghèo ở Trung Quốc v.v... Vương Bính Nam cảm thấy Kennodi có phần ngây thơ, thậm chí ấu trĩ, ông ta tưởng rằng với chút ơn huệ còn con có thể buộc Trung Quốc nhượng bộ trong vấn đề Đài Loan to lớn. Vương Bính Nam nghiêm khắc từ chối những đề nghị đó. Ông nói: “Nước Trung Quốc mới đang trải qua một thời kì khó khăn nghiêm trọng, nhưng Trung Quốc đất rộng giàu tiềm năng, nhân dân cần cù dũng cảm, chúng tôi tin rằng dựa vào sức mình nhất định sẽ giải quyết được những khó khăn đó. nhân dân Trung Quốc quyết không sống nhờ vào cửa bố thí của người khác, càng không thể đem vấn đề nguyên tắc ra để mua bán”.

Dù rằng trên bàn hội đàm vẫn bế tắc, Vương Bính Nam vẫn cố gắng có một số lần gặp gỡ riêng với Bim. Có khi Vương Bính Nam mời Bim uống trà, trao đổi vấn đề Lào; khi xảy ra cuộc khủng hoảng Béclin, Vương Bính Nam mời Bim đến sứ quán Trung Quốc, nêu ra một loạt vấn đề với ông ta. Trong những lần gặp riêng này, hai bên không tránh khỏi nhắc lại vấn đề Đài Loan, nhưng không khí mang tính chất thảo luận, ngôn từ cũng nhẹ nhàng hơn, tất nhiên không có ai từ bỏ lập trường nguyên tắc của Chính phủ mình.

Thượng tuần tháng 9 năm 1961, Bim được lệnh về nước nhận chức vụ mới - Vụ phó Vụ tài giảm binh bị Mỹ. Sau khi Bim đi, đối thủ của Vương Bính Nam lại được thay thế bằng người khác.

Nghe nói, hồi đó khi lựa chọn người làm Đại sứ ở Vácava, Mỹ không cân nhắc đến chuyện người được chọn có nắm được vấn đề Ba Lan hay không, mà trước hết xem người đó có nắm được vấn đề Trung Quốc hay không, vì người này sẽ hội đàm với Đại sứ Trung Quốc. Đại sứ mới kế nhiệm Bim làm Đại sứ Mỹ ở Vácava là Cabot. Lý do ông này được chọn là vì có thời kỳ ông ta đã làm Tổng lãnh sự ở Thượng Hải.

Thăm dò hư thực chuyện Tưởng phản công

Tháng 3 năm 1962, Vương Bính Nam và Đại sứ Cabot tiếp tục hội đàm.

Cabot rất khác với hai người tiền nhiệm của mình. Mặc dù ông ta đã có 36 năm làm công tác Ngoại giao, từng làm Tổng lãnh sự ở Thượng Hải, trước khi đến Vácava là Đại sứ ở Braxin, nhưng bề ngoài tỏ ra là một người hiền hành và không để lộ ra tài năng Ngoại giao của mình. Năm 1979, khi Vương Bính Nam đến Bốtston gặp Cabot mới biết ông ta là một trong hai tỉ phú của Bốtston, người kia là tướng Lót đã từng làm Đại sứ ở Việt Nam. Người

Bốtston có câu tục ngữ “Nhân sĩ địa phương nói với Lốt, Lốt nói với Cabốt, Cabốt nói với Thượng đế”. Câu nói có nghĩa là, Cabốt có nhiều tiền hơn Lốt, ông ta có thể mua được cả Thượng đế. Cabốt đón tiếp Vương Bính Nam ở Bốtston rất long trọng. Ông ta cảm thấy băn khoăn vì trước kia đã có những lời lẽ không thân thiện với Trung Quốc, nay muốn thăm lại Trung Quốc lại sợ không được hoan nghênh. Bà vợ ngồi bên cạnh căn dặn: “Cứ như ông thì Trung Quốc người ta không cho sang nữa đâu!”.- Nghe nói vậy, Vương Bính Nam cười xòa, bảo rằng đó là những chuyện trước kia không nhắc tới nữa, và ngay lúc đó ông mời vợ chồng Cabốt sang thăm Trung Quốc. Hai người rất vui, và sau đó đã tích cực chuẩn bị cho chuyến đi thăm Trung Quốc. Năm 1982, Cabốt gửi thư cho Vương Bính Nam báo ngày giờ ông tới Trung Quốc và cảm ơn lời mời của Vương Bính Nam. Rủi thay, trước hôm khởi hành Cacốt đột nhiên phát bệnh tim từ trần. Trở lại chuyện hội đàm. Năm 1962, khi tham gia hội đàm Trung-Mỹ, Cabốt đã ngoài 50 tuổi, cử chỉ nói năng rất tự nhiên, không để ý lắm đến lễ tiết Ngoại giao. Trên bàn đàm phán, đại biểu hai bên thậm chí còn nói đùa với nhau. Nhớ có lần ông cười hà hà bảo: “Trung Cộng các ông phải cảm ơn nước Mỹ chúng tôi. Đấy ông xem, sau khi thắng lợi các ông duyệt binh chẳng phải là có rất nhiều trang bị kiểu Mỹ đó sao? Những trang bị đó là của Tưởng Giới Thạch cung cấp cho các ông đấy. Sở dĩ các ông gọi Tưởng Giới Thạch là đại đội trưởng vận tải vì ông ta đưa vũ khí cho các ông mà chẳng cần lấy biên lai!”

Thời kỳ này, bè lũ Tưởng Giới Thạch ở Đài Loan nhân lúc đại lục gặp thiên tai nghiêm trọng, lại bắt đầu dấy lên làn sóng phản công đại lục, mây đen chiến tranh giăng khắp bầu trời mặt trận Phúc Kiến, tình hình căng thẳng chưa từng có. Đoàn đại biểu Trung Quốc nhận được tin tình báo là Tưởng Giới Thạch mua một số lượng lớn vũ khí mới, cải tiến máy bay để tăng thêm lượng nạp dầu đủ bay đến đại lục rồi quay về Đài Loan. Tưởng Giới Thạch tuyên bố kéo dài thời gian quân dịch, binh sĩ nhất loạt không được rời khỏi doanh trại, sẵn sàng đợi lệnh. Trên giấy và thắt lưng da của họ khắc 4 chữ “Thu phục đại lục”. Nghe nói Tưởng còn cho mua của Nhật một khối lượng lớn máu. Xem ra Tưởng Giới Thạch bí quá hóa liều, quyết một phen tử chiến với đại lục.

Cuối tháng 5 năm 1962, Vương Bính Nam đang nghỉ phép ở trong nước. Một hôm Chu Ân Lai đích thân hẹn gặp ông bàn về tình hình eo biển Đài Loan. Thủ tướng nói, Tưởng Giới Thạch cho rằng nay là thời cơ tốt để tiến đánh đại lục, bên ngoài thì Trung Cộng bất hòa với Liên Xô, bên trong

thì thiên tai nghiêm trọng, thật là cơ hội ngàn năm có một, Tướng Giới Thạch đã hạ quyết tâm chơi một canh bạc lớn. Về tình hình quân sự có liên quan đến mặt này Thủ tướng bảo Vương Bính Nam đi gặp Tổng Tham mưu trưởng La Thụy Khanh. Vương Bính Nam lập tức gọi điện cho La Thụy Khanh hẹn gặp ông. La Thụy Khanh mời Vương Bính Nam đến Bộ Tổng Tham mưu bàn chuyện. La Thụy Khanh nói cho Vương Bính Nam nghe rất nhiều tình hình. Ông kéo tấm rèm che tấm bản đồ lớn trên tường, giới thiệu với Vương Bính Nam tình hình quân sự của tập đoàn Tướng Giới Thạch. Theo ông, vấn đề hiện nay không phải là đánh hay không đánh mà là đánh như thế nào, đánh ở ngoài đại lục hay nhử chúng vào sâu rồi đánh, hai ý kiến này đang được thảo luận. Nghe xong, Vương Bính Nam cảm thấy tình hình hết sức nghiêm trọng.

Lại một hôm khác, Chu Ân Lai tìm Vương Bính Nam đến bàn chuyện gấp. Ông bảo Vương Bính Nam ngừng nghỉ phép, quay lại Vácsava ngay. Ông nói, Trung ương đã nghiên cứu kĩ, cho rằng quyết tâm phản công đại lục của Tướng Giới Thạch rất lớn, nhưng y vẫn còn một số khó khăn; vấn đề then chốt hiện nay là cần biết thái độ của Mỹ ra sao, Mỹ có ủng hộ hay không, phải tranh thủ làm cho Mỹ ngăn chặn hành động quân sự phản công đại lục của Tướng Giới Thạch. Chu Ân Lai chỉ thị cần nhanh chóng nối lại hội đàm, tìm cơ hội tìm hiểu thái độ của Mỹ. Vương Bính Nam ý thức được nhiệm vụ đó vô cùng quan trọng, không thể chần chừ đã lên đường quay lại Vácsava ngay. Theo thời gian trong nước qui định, ông báo cho Cabốt và hẹn gặp ông ta. Trước ngày gặp một hôm trong nước lại đánh điện sang bảo Vương Bính Nam cáo ốm lùi thời gian hội đàm chính thức lại, khiến ông mấy hôm liền không dám lộ ra cửa sổ quán. Sau này mới biết nguyên nhân phải lùi thời gian lại là vì trong nước đang khẩn trương tập kết binh lực về mặt trận Phúc Kiến, nhưng miền Nam mưa lớn, một số cầu bị nước cuốn trôi, bộ đội tập kết khó khăn.

Sau đó, theo chỉ thị trong nước, Vương Bính Nam lại thỏa thuận với Cabốt thời gian gặp nhau. Để cuộc trao đổi không bị gò bó, Vương Bính Nam dùng phương thức hội đàm phi chính thức. Ngày 23 tháng 6, ông mời Cabốt đến nhà riêng của Đại sứ uống trà trò chuyện. Cabốt nhận lời và đến.

Cabốt vẫn không câu nệ lễ tiết, vẫn vẻ mặt phớt đời, nói nói cười cười, vừa uống trà vừa trò chuyện. Vương Bính Nam bắt đầu bằng câu chuyện, về tình hình Đông Nam á. Ông nói:

- Chính phủ Trung Quốc cảm thấy lo ngại về tình hình Đông Nam Á. Năm nay, Mỹ tăng quân ở miền Nam Việt Nam đưa quân vào Thái Lan, tăng

cường can thiệp ở Lào, Đông Nam Á đang đứng trước một tình thế mà bất kì lúc nào cũng có thể dẫn đến xung đột quốc tế qui mô lớn. Chính phủ Trung Quốc vẫn luôn giữ thái độ tự kiềm chế. Mặc dù một bộ phận tàn quân Tưởng Giới Thạch đang tham gia vào nội chiến ở Lào, nền an ninh của Trung Quốc đang bị đe dọa ngày càng nghiêm trọng, Trung Quốc vẫn không từ bỏ đường lối tranh thủ giải quyết hòa bình vấn đề Lào, vẫn không từ bỏ chủ trương dựa trên cơ sở không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước hữu quan, làm dịu tình hình Đông Dương và toàn bộ Đông Nam Á. Song tình hình có dịu xuống hay không, then chốt không nằm trong tay Trung Quốc.

Tiếp đó, giọng Vương Bính Nam trở nên nghiêm nghị:

- Chính phủ Trung Quốc vẫn cần phải lưu ý Chính phủ Mỹ chú ý đến tình hình căng thẳng ở eo biển Đài Loan...

Nghe đến đây, vẻ mặt Cabốt đột nhiên nghiêm lại, chăm chú nghe. Vương Bính Nam nói tiếp:

- Chính phủ Mỹ hoàn toàn biết rõ tình hình bè lũ Tưởng Giới Thạch chuẩn bị xâm phạm vùng ven biển đại lục và công việc chuẩn bị này được Mỹ ủng hộ, khuyến khích và phối hợp. Từ tháng 2 năm nay đến giờ, bè lũ Tưởng Giới Thạch bố trí lực lượng quân sự, tuyên truyền chiến tranh gọi lính nhập ngũ trước thời hạn, kéo dài thời hạn quân dịch của lính đang tại ngũ. v.v... để chuẩn bị vượt biển đổ bộ vào đại lục. Được Mỹ tham gia hoặc phối hợp, bè lũ Tưởng Giới Thạch tiến hành nhiều cuộc tập trận và hoạt động trinh sát vùng ven biển đại lục. Để hà hơi tiếp sức cho Tưởng Giới Thạch chuẩn bị xâm phạm đại lục, Chính phủ Mỹ tăng “viện trợ quân sự” và “viện trợ kinh tế” cho Tưởng. Mỹ tính toán rằng, ủng hộ và khuyến khích Tưởng Giới Thạch làm một cuộc phiêu lưu quân sự, đầu kết quả ra sao, Mỹ đều có lợi là đá kích được lục địa và khống chế Đài Loan thêm một bước. Được Mỹ ủng hộ và khuyến khích, bè lũ Tưởng đang hăm hở muốn thử vận may.

Thấy Vương Bính Nam cố ý nhắc đi nhắc lại vai trò hậu thuẫn của Chính phủ Mỹ trong chuyện Tưởng Giới Thạch chuẩn bị phản công Đại lục, Cabốt tỏ ra hơi bối rối. Vương Bính Nam dần thêm:

- Nhân dân Trung Quốc “chơi với” Tưởng Giới Thạch đã mấy chục năm, hoàn toàn biết cách đối phó ông ta ra sao. Chính phủ Trung Quốc phải nói rõ rằng, Chính phủ Mỹ đang chơi với lửa, Tưởng Giới Thạch một khi gây chiến tranh với Đại lục, kết quả ắt sẽ không mang lại được điều gì tốt lành cho Mỹ và Chính phủ Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành động phiêu lưu của Tưởng và mọi hậu quả nghiêm trọng do nó gây ra.

Cuối cùng Vương Bính Nam giọng như cảnh cáo:

- Tôi có thể đảm chắc rằng, ngày mà Tưởng Giới Thạch xâm phạm Đại lục cũng chính là ngày mà nhân dân Trung Quốc giải phóng Đài Loan.

Xét thấy tình hình rất nghiêm trọng, Vương Bính Nam đề nghị Cabốt báo cáo ngay với Chính phủ Mỹ tình hình trên.

Nghe Vương Bính Nam nói xong, Cabốt ngồi yên lặng một lát, tỏ ý tán thưởng tinh thần thẳng thắn của Vương Bính Nam, hứa sẽ điện báo cáo ngay cho Chính phủ Mỹ rồi nói:

- Trong tình hình hiện nay, Mỹ không thể ủng hộ Tưởng Giới Thạch tấn công đại lục. Tưởng đã cam kết với Mỹ, nếu chưa được Mỹ đồng ý Tưởng không được tấn công Trung Quốc. Tôi bảo đảm với quý Đại sứ rằng, chúng tôi tuyệt nhiên không muốn một cuộc đại chiến thế giới, chúng tôi sẽ cố gắng hết sức ngăn ngừa sự việc đó.

Tiếp tục câu chuyện, ông ta còn mấy lần nhắc lại lời cam kết trên. Khi chia tay, Cabốt thậm chí còn nói vui nếu Tưởng Giới Thạch muốn hành động, "hai nhà chúng ta" sẽ liên kết ngăn ông ta lại.

Biết rõ thái độ của Cabốt, Vương Bính Nam cảm thấy mục đích của mình đã đạt được. Ông thở phào nhẹ nhõm. Thái độ của Mỹ đã rất rõ ràng, đây là điều quan trọng mà Trung ương Đảng cần biết gấp, nó trực tiếp liên quan đến việc Trung ương Đảng quyết định chiến lược ở mặt trận Phúc Kiến. Không để chậm trễ, Vương Bính Nam báo cáo ngay về nước toàn bộ nội dung buổi nói chuyện với Cabốt.

Một số vị lãnh đạo trong Trung ương rất hài lòng về việc này. Vương Bính Nam đã khai thác được tin tình báo rất kịp thời, tìm hiểu được thái độ của Mỹ, điều này có tác dụng rất lớn đối với quyết sách của đảng lúc bấy giờ.

Sau này, Vương Bính Nam và Đại sứ Cabốt còn tiếp tục hội đàm với nhau mười mấy phiên nữa về những vấn đề thực chất trong quan hệ giữa hai nước Trung-Mỹ, song vẫn không có kết quả.

Nhận lệnh về nước

Năm 1964, Vương Bính Nam được điều về nước đảm nhận chức Thứ trưởng Bộ Ngoại giao. Cuộc hội đàm Trung-Mỹ cấp Đại sứ vẫn tiếp tục diễn ra ở Vácava giữa Đại sứ Mỹ và Đại sứ Vương Quốc Quyền - người kế nhiệm Vương Bính Nam, song không liên tục, khi có khi không.

Mãi tới tháng 2 năm 1972, nhân chuyến Níchson sang thăm Trung Quốc, tình hình có sự biến chuyển to lớn, cuộc hội đàm Trung-Mỹ cấp Đại sứ

mới chấm dứt. Một giai đoạn quan trọng trong lịch sử quan hệ Trung-Mỹ cũng theo đó kết thúc.

Trong cuộc đàm phán dai dẳng này, ngoài vấn đề hồi hương dân thường, hai bên đã đạt được sự thỏa thuận, tất cả các vấn đề thực chất khác liên quan tới quan hệ Trung-Mỹ đều không có kết quả.

Về điểm này, người phát ngôn Vụ báo chí Bộ Ngoại giao Trung Quốc ngày 26 tháng 11 năm 1968 khi nói về 135 phiên hội đàm đó, đã trình bày rất rõ ràng như sau:

Trong cuộc hội đàm Trung-Mỹ cấp Đại sứ, Chính phủ Trung Quốc trước sau như một giữ vững hai nguyên tắc: Một, Chính phủ Mỹ cam kết rút ngay tất cả lực lượng vũ trang của Mỹ ra khỏi tỉnh Đài Loan và khu vực eo biển Đài Loan lãnh thổ của Trung Quốc, tháo gỡ mọi thiết bị quân sự của Mỹ ở tỉnh Đài Loan. Hai, Chính phủ Mỹ đồng ý hai nước Trung-Mỹ kí kết hiệp định về 5 nguyên tắc chung sống hòa bình. Nhưng 13 năm nay, Chính phủ Mỹ một mực từ chối cùng Chính phủ Trung Quốc thỏa thuận về hai nguyên tắc đó, ngược lại, Chính phủ Mỹ cố bám lấy một số vấn đề chi tiết để cản trở. Chính phủ Trung Quốc đã nhiều lần nói rõ với phía Mỹ, Chính phủ Trung Quốc không đem nguyên tắc ra để mua bán. Nếu Mỹ tiếp tục làm như vậy, thì bất kể Chính phủ nào lên cầm quyền ở Mỹ, cuộc hội đàm Trung-Mỹ cấp Đại sứ cũng không thể mang lại kết quả.

Đến thập niên 70, Mỹ và Liên Xô tranh giành quyền bá chủ càng kịch liệt. Do nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ngày càng lớn mạnh, Mỹ bắt đầu điều chỉnh chiến lược toàn cầu của mình, đồng thời từng bước cải thiện chính sách đối với Trung Quốc.

Năm 1979, sau 30 năm thành lập nước Trung Quốc mới, hai nước Trung-Mỹ tuyên bố lập quan hệ Ngoại giao. Năm đó, Vương Bính Nam bay qua Thái Bình Dương, lần đầu tiên đến thăm Mỹ, Vương Bính Nam nói:

“Điều này có ý nghĩa đặc biệt đối với tôi, nhất là tôi đã gặp lại 3 vị đối thủ đàm phán của tôi trong cuộc hội đàm Trung-Mỹ cấp Đại sứ làm chấn động thế giới hơn 20 năm về trước: Giônson, Bim và Cabốt. Khi nắm chặt tay nhau mỉm cười, ngầm nghĩa sự thay đổi ở nhau, chúng tôi không nên được niềm xúc động và nỗi vui mừng”.

Chương năm

Cộng đồng xã hội chủ nghĩa phân hóa công khai. Mao Trạch Đông khổ tâm mưu cầu hòa hợp trong “Quần anh hội”. Từ “trăng mặt” đến tranh chấp “Hạm đội liên hợp” Làm cho Trung Quốc bắt đầu thức tỉnh

L HAILẦN GẶP GỠ GIỮA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU HAI NƯỚC TRUNG-XÔ

Khorútsốp thăm Trung Quốc lần thứ nhất

Giữa những năm 50, tình hình quốc tế có biến động khiến cho Đảng Cộng sản Trung Quốc phải thay đổi phương châm “ngả hẳn một bên”.

Tháng 3 năm 1953, Xtalin qua đời. Mấy năm đầu sau khi Xtalin qua đời, Khorútsốp cho rằng Mao Trạch Đông vẫn tôn trọng và hữu hảo với Đảng Cộng sản Liên Xô. Khorútsốp đã thành lập ban lãnh đạo mới do ông đứng đầu.

Năm 1954, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô và Hội đồng Bộ trưởng quyết định để Khorútsốp dẫn đoàn đại biểu Chính phủ đi thăm Bắc Kinh.

Ngoài Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Buganin ra, đoàn đại biểu còn có các thành viên như Micôian, Sêvecních, Phuốcxêva, Sêripin v.v...

Ngày 29 tháng 9, đoàn đại biểu Chính phủ Liên Xô đến Bắc Kinh. Khorútsốp đến thăm Trung Quốc lần này chủ yếu là để tham gia những hoạt động chào mừng kỷ niệm năm năm ngày thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và dự lễ khai mạc Triển lãm thành tựu xây dựng kinh tế và văn hóa Liên Xô. Nhưng hoạt động quan trọng nhất là ông sẽ hội đàm với các nhà lãnh đạo cao nhất của Trung Quốc.

Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nhiệt tình tiếp đón đoàn. Các vị trong đoàn đại biểu Liên Xô cũng cảm thấy vui vẻ vì lần đầu đặt chân lên đất Trung Quốc, có dịp cùng thảo luận với các đồng chí Trung Quốc.

Nhiều người trong đoàn đại biểu phải tập làm quen với những tập tục mới. Chẳng hạn như mỗi lần đến một địa phương nào đấy, người Trung Quốc đều muốn dâng trà, mời uống trà, uống trà... Chỉ cần khách vừa ngồi xuống

nói chuyện, là chủ nhân đã đặt trước mặt khách một chén trà có đậy nắp. Theo tập quán Trung Quốc, nếu khách không uống hết ngay chén trà thì họ liền mang chén đó đi, thay bằng một chén trà khác, rồi lại thay một chén khác... Sau đó họ đưa cho khách một chiếc khăn bông hấp nóng để lau mặt, chùi tay. Khorútsóp công nhận rằng dùng loại khăn đó lau mặt quả có làm cho người ta cảm thấy sáng khoái.

Các đại biểu đều chưa quen với những nghi lễ ấy, nhưng vì tôn trọng chủ nhân, mọi người đều gắng thích ứng. Nhưng qua một thời gian thì cuối cùng không chịu nổi, Khorútsóp liền từ chối uống trà vì một là không quen uống trà xanh, hai là uống không nổi trước quá nhiều lần mời trà.

Bulganin thì làm theo ý nguyện của chủ nhân, kết quả là bị mắc chứng mất ngủ. Bác sĩ kiểm tra sức khỏe hỏi ông:

- Ngài liên tục uống trà xanh chứ?

- Đúng vậy.

- Uống nhiều hay ít?

- Rất nhiều.

- Nếu ngài cứ tiếp tục uống nhiều như vậy, sẽ càng mất ngủ. Ngài cần ít uống trà đi, hoặc tốt nhất là không uống. Trong trà có chứa một ít độc tố làm cho ngài ngủ không tốt.

Bulganin nghe lời thầy thuốc, sau này ông nói với Khorútsóp là giấc ngủ trở lại bình thường.

Trong cuộc hội đàm với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, đoàn đại biểu Liên Xô chủ yếu quan tâm tới vấn đề bảo vệ Liên Xô. Để giữ được thế phòng vệ của Liên Xô, họ cần phải giúp vào sự nghiệp phát triển công nghiệp của Trung Quốc, vì thế đã có một sự sắp xếp để tăng thêm viện trợ kinh tế cho Trung Quốc. Phía Liên Xô đồng ý cử chuyên gia quân sự tới Trung Quốc, gửi đại bác, súng máy và các thứ vũ khí khác để tăng cường thực lực cho quân đội Trung Quốc, cũng có nghĩa là tăng cường cho toàn bộ khối xã hội chủ nghĩa. Tóm lại, Khorútsóp cho rằng, chỉ cần điều kiện vật chất của Liên Xô cho phép, họ sẽ làm hết khả năng để thoả mãn yêu cầu của Trung Quốc. Vì vậy, Trung Quốc - Liên Xô phải nhất trí nỗ lực đối phó với kẻ thù chung. Nhật Bản tuy đã bị đánh bại, nhưng vẫn là mối đe dọa tiềm tàng. Còn hiện nay mối đe dọa lớn hơn Nhật Bản lại đến từ nước Mỹ, họ đã gây ra cuộc chiến tranh Triều Tiên liên kề với Trung Quốc.

Quân đội Liên Xô rút khỏi cảng Lữ Thuận

Để nỗ lực xây dựng quan hệ Trung - Xô trên cơ sở hữu nghị, bình

đảng, hai bên Trung Quốc- Liên Xô đã tiến hành hội đàm chính thức để ký kết Hiệp nghị về cảng Lữ Thuận.

Về sự kiện này, ý kiến hai bên hoàn toàn nhất trí: Cảng Lữ Thuận là lãnh thổ Trung Quốc, chỉ trong tình hình Liên Xô và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa cùng có lợi thì Liên Xô mới có thể đóng quân ở đây, đó là điều hoàn toàn chính xác. Liên Xô đã tốn rất nhiều công sức để xây dựng lại những công sự phòng ngự ở cảng Lữ Thuận, dùng những vũ khí tối tân nhất để trang bị cho quân cảng này và duy trì ở đây một lực lượng khá quy mô, đồng thời họ cũng đóng quân cả ở cảng Đại Liên. (Năm 1945, Liên Xô cùng Chính phủ Quốc dân Đảng đã ký một hiệp định, quy định Liên Xô được hưởng quyền “cảng tự do”. Xtalin cũng đồng ý muộn nhất là vào năm 1952, quân đội Liên Xô sẽ rút khỏi cảng Lữ Thuận và Đại Liên; nhưng sau này do phía Trung Quốc “yêu cầu” đã kéo dài thời hạn rút quân vì trong thời kỳ chiến tranh Triều Tiên, phía Trung Quốc cảm thấy miền Đông Bắc bị Mỹ uy hiếp).

Đoàn đại biểu Liên Xô nói, họ rút quân đội khỏi cảng Lữ Thuận và Đại Liên, ngoài dàn pháo bờ biển rất đắt giá vừa mới trang bị ra, toàn bộ các trang thiết bị ở đây đều giao lại cho Trung Quốc. Mao Trạch Đông trả lời rằng, vào lúc này Liên Xô rút quân khỏi cảng Lữ Thuận và Đại Liên là không thích hợp. Ông lo ngại Mỹ có thể lợi dụng tình hình này mà tấn công Trung Quốc.

Khorútsốp nói:

- Đồng chí Mao Trạch Đông, chúng ta e ngại Mỹ sẽ làm việc đó. Đương nhiên, chúng tôi cũng không thể đảm bảo với các đồng chí về điều đó, vì Mỹ vừa mới kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược Triều Tiên và hiện nay vẫn theo đuổi chính sách xâm lược. Nhưng, nếu quân đội của chúng tôi có rút khỏi cảng Lữ Thuận thì những đơn vị ấy vẫn đóng ở Vladivostok cách đây không xa. Cho nên, giả như các đồng chí bị tấn công, chúng tôi có thể đến cứu viện ngay.

Qua trao đổi ý kiến thêm, Mao Trạch Đông đã đồng ý. Ông nói:

- Nếu như các đồng chí cho rằng bây giờ rút quân là thích hợp thì chúng tôi cũng không ngăn cản.

Thế là dự thảo Hiệp định về việc rút quân đội Liên Xô đã được sự thỏa thuận của cả hai bên. (Cảng Lữ Thuận và Đại Liên năm 1955 đã được chuyển giao cho Trung Quốc quản lý, tức là 7 tháng sau chuyển Khorútsốp đến thăm Trung Quốc).

Liên Xô kiến nghị Trung Quốc gửi sang một triệu người lao động

Phía Liên Xô cũng đề xuất với Trung Quốc một kiến nghị. Họ nói

muốn giúp Trung Quốc giải quyết một vấn đề nghiêm trọng là nạn thất nghiệp. Khi đó, các Bộ trưởng Liên Xô cho rằng vùng Xibêri của Liên Xô thiếu nhiều sức lao động (khi đó họ chưa nhận thức được rằng lực lượng lao động của họ chưa được sử dụng có hiệu quả, đáng lẽ họ cần thu hút một bộ phận nhân công ở phần Châu Âu của nước Nga để đi khai thác nguồn của cải quý báu ở Xibêri). Phía Liên Xô kiến nghị Trung Quốc cử cho hơn 1 triệu nhân công đến Xibêri giúp Liên Xô khai phá tài nguyên rừng giàu có ở đây.

Câu trả lời của Mao Trạch Đông về kiến nghị này rất đặc sắc và đường như cũng đã thấy trước chuyện gì sẽ xảy ra.

Mao Trạch Đông từ từ đứng dậy, đi đi lại lại vài bước, nhìn thẳng vào Khorútsốp một lúc, rồi lim dim mắt, nói bằng giọng trầm tĩnh:

- Đồng chí Khorútsốp, đồng chí biết đấy, bao nhiêu năm nay rất nhiều người cho rằng Trung Quốc là một nước không phát triển, nhân khẩu quá thừa, thất nghiệp phổ biến, vì thế có một nguồn lao động rẻ mạt. Người Trung Quốc chúng tôi nghĩ rằng cách nhìn nhận như vậy là một sự sỉ nhục người ta. Nay, đồng chí cũng nhìn nhận như thế khiến chúng tôi rất buồn. Nếu chúng tôi tiếp nhận kiến nghị của các đồng chí, người khác sẽ có cách nhìn sai lầm về quan hệ hai nước Xô-Trung. Họ sẽ cho rằng cách nhìn nhận Trung Quốc của Liên Xô cũng giống như tự bản phương Tây mà thôi.

Khorútsốp cho rằng Mao Trạch Đông có thể thật tình biết điều gì làm sỉ nhục họ.

Rõ ràng, Mao Trạch Đông muốn làm cho Khorútsốp ân hận vì đã nêu vấn đề này ra. Khorútsốp nghe Mao nói như vậy, trong lòng rất không vui, nhất là lại xếp ông như nhà tư bản! Ông cảm thấy chẳng cần phải nói vòng vo nên đã thẳng thắn nêu ra kiến nghị này mà ông thành tâm cho rằng phù hợp với lợi ích của người Trung Quốc, vì như vậy, có thể giúp Trung Quốc giải quyết về vấn đề của một bộ phận dân chúng.

Trong lần hội đàm sau đó, Khorútsốp nói:

- Đồng chí Mao Trạch Đông, đương nhiên chúng tôi không muốn gây khó khăn cho đồng chí, vì vậy chúng tôi cũng không cố giữ đề nghị của mình. Nếu như các đồng chí cảm thấy đề nghị này có thể làm tổn hại đến lòng tự tôn dân tộc của Trung Quốc, thì cứ coi như chúng tôi chưa có nói tới bao giờ, xin không cần phải bận tâm. Chúng tôi dùng công nhân của mình cũng được.

Đoàn đại biểu đi thăm vùng duyên hải Trung Quốc

Để làm hòa dịu không khí, nhân một bữa tiệc chiều tối, Mao Trạch

Đông nói với Khorútsóp:

- Lần đầu tiên đến Trung Quốc đồng chí có thể đến thăm bất cứ nơi nào, nhất là đến miền Nam chúng tôi, ở đó khung cảnh rất khác.

Khorútsóp rất vui, nói:

- Đối với tôi, mọi thứ ở đây đều mới lạ, nơi nào tôi cũng muốn đi, nhưng lần này chỉ có thể đi tới vùng ven biển phía nam phía bắc thôi.

Mao Trạch Đông nhìn thấy Khorútsóp vừa đưa một miếng thịt rán lên miệng, liền nói:

- Đồng chí Khorútsóp, đồng chí đến nơi nào cũng được, cứ coi như ở nhà mình vậy. Con người tôi thích hoạt động tự do tự tại theo ý của mình, chứ không thích bị người khác dắt đi, cho nên với đồng chí chúng tôi cũng không có sự sắp xếp đặc biệt nào, xin tùy ý đồng chí.

Khorútsóp đang khoái khẩu với những món thịt rán và chả nướng Trung Quốc, nên rất vui vẻ lựa chọn

Khorútsóp đến thăm Trung Quốc lần này, trước hết ở Bắc Kinh đi ngắm cảnh thành cổ, rồi xuống Thượng Hải thành phố công nghiệp lớn nhất, dạo bước bên sông hoàng Phố, sau đến Hàng Châu thưởng thức món ăn hoài Dương, một trong tám món ăn quý của Trung Quốc ở Tây Hồ; rồi xuống Quảng Châu nếm món ăn Việt, một đặc sản của Trung Quốc.

Khi qua sông Trường Giang, Khorútsóp cảm nhận thấy cảnh thế nào là “con sóng vỗ bờ” trên dòng sông lớn nhất Trung Quốc; tới cảng Lữ Thuận, ông cũng thấy biển Trung Hoa có khác với Biển Đen nơi xứ sở ông.

Bàn chuyện vũ khí hạt nhân

Trong hội đàm song phương Xô-Trung, Mao Trạch Đông và Khorútsóp nhiều lần trực tiếp đối thoại với nhau. Theo hồi ức của một số đương sự thì những cuộc đối thoại đó rất có nhiều ý nghĩa.

Mao Trạch Đông nói:

- Tình hình quốc tế nói chung có lợi cho chúng ta, trước hết là với nhân dân các nước đã tích cực hành động, ngăn cao đầu đứng lên. Uy thế của chủ nghĩa đế quốc bị xuống thấp, nhiều kẻ đã không còn hò hét, hống hách đe dọa, hành động khinh xuất như trước đây nữa. Trên thực tế, chúng đã thấy khó làm ăn trong những tháng ngày này.

Khorútsóp tiếp lời:

- Nhưng bọn đế quốc chẳng hề ngủ say mà ngày ngày vẫn cựa quậy, ôm ấp mưu đồ đạt được mục đích tội ác của chúng. Tất nhiên, khí thế của chúng chẳng

thể hống hách như xưa, nhưng quả thật chúng vẫn đang hoạt động.

Mao Trạch Đông nói:

- Mười ngón tay bị chặt đi một hai ngón, mà ngón bị chặt lại là ngón tay cái, sức mạnh của bàn tay rõ ràng chẳng thể được như trước mà đã yếu đi nhiều, thậm chí đã giảm đi một nửa. Tóm lại tình thế là rất tốt, có lợi cho chúng ta.

Nói tới đây, Mao Trạch Đông dừng lại một lát, rồi nói tiếp:

- Tất nhiên chúng ta bất cứ lúc nào cũng không được lơ là cảnh giác. Hiện nay chúng ta đang có một thời kỳ xây dựng hòa bình, cần phải tận dụng để xây dựng kinh tế, ra sức phát triển sản xuất. Nhưng thời kỳ này rút cục kéo dài được bao lâu thì thật khó nói, vì đây không phải do nguyện vọng chủ quan của chúng ta quyết định. Nếu chúng ta có 20 năm hòa bình để phát triển kinh tế thì nguy cơ chiến tranh sẽ giảm đi rất nhiều, thậm chí có thể không xảy ra. Qua hai ba mươi năm sau đó, nếu các nước đế quốc muốn gây chiến thì đó chính là lúc kết thúc sự tồn tại của chủ nghĩa đế quốc vậy. Nhưng rút cục, chấm dứt chiến tranh bằng một cuộc đại chiến hay là do lực lượng nhân dân, lực lượng hòa bình lớn mạnh để chiến tranh không thể xảy ra, cái đó còn phải chờ xem .

Rõ ràng, cách nhìn nhận của họ có phần khác nhau...

....

Khorútsốp chủ động hỏi Mao Trạch Đông:

- Các đồng chí còn có yêu cầu gì với chúng tôi không?

Mao Trạch Đông trả lời rất khéo:

- Về việc này, chuyên gia hai bên đang tiếp xúc và bàn bạc. Họ cùng nhau hợp tác, trao đổi ý kiến, hiệp thương giải quyết các vấn đề, mọi việc có thể sẽ thông thuận.

Nói tới đây Mao Trạch Đông lại ngừng một lát rồi tiếp:

- Chúng tôi cảm thấy hứng thú đối với năng lượng mặt trời và vũ khí hạt nhân. Hôm nay muốn thương lượng với các đồng chí, mong các đồng chí giúp đỡ chúng tôi về mặt này để chúng tôi có được những cư xử cần thiết. Tóm lại là chúng tôi muốn có công nghệ này.

Điều này quả nằm ngoài dự liệu của Khorútsốp, ông ta không kịp phản ứng. Khi người phiên dịch dịch hết câu nói của Mao Trạch Đông, Khorútsốp ngẩn ra một lát rồi mới nói:

- Làm việc này quá tốn kém.

Thấy vẻ mặt của Mao Trạch Đông có ý không bằng lòng, Khorútsốp

giải thích:

- Đại gia đình xã hội chủ nghĩa chúng ta có một chiếc ô hạt nhân bảo hộ là đủ, không cần thiết tất cả đều phải có nó. Đồng chí Mao Trạch Đông, đồng chí không biết đây chứ, cái thứ này tốn tiền lại tốn sức lắm, mà lại không thể để ăn, để dùng được. Sản xuất ra được phải lo cất giữ, chẳng bao lâu lại lỗi thời, thế là lại phải chế tạo cái mới, lãng phí vô cùng.

Mao Trạch Đông im lặng, các đại biểu Trung Quốc khác cũng im lặng. Khorútsốp nói tiếp:

- Trước mắt, các đồng chí không cần thiết phải làm những thứ này, hãy tập trung lực lượng để xây dựng kinh tế, phát triển những ngành sản xuất liên quan đến quốc kế dân sinh, cải thiện phúc lợi cho nhân dân. Nâng cao mức sống nhân dân tốt hơn là làm bom nguyên tử. Giả sử, trước mắt muốn chế tạo vũ khí hạt nhân, các đồng chí phải tập trung toàn bộ điện lực của Trung Quốc cho việc này, không biết có đủ hay không cũng khó nói. Như thế, các mặt sản xuất khác làm thế nào? Quốc kế dân sinh giải quyết ra sao? Nhưng nếu các đồng chí rất muốn làm việc này, kết hợp để nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng cán bộ, xây dựng cơ sở để chấn hưng công nghiệp mới thì chúng tôi có thể giúp các đồng chí trước hết xây dựng một lò phản ứng nguyên tử cỡ nhỏ, như vậy dễ làm hơn, chi phí cũng không nhiều. Đây là biện pháp thiết thực, khả thi, tạo điều kiện để bồi dưỡng cán bộ. Cũng có thể cử một số chuyên viên sang Liên Xô học tập, thực tập và đào tạo chuyên sâu. Các đồng chí thấy thế nào?

Mao Trạch Đông trả lời:

- Cũng hay, để chúng tôi suy nghĩ thêm rồi bàn sau.

Khorútsốp lại nói:

- Chúng tôi nghe nói, nhân dân Trung Quốc sau ngày giải phóng đời sống đã được bảo đảm, đó là một điều đáng mừng. Nhưng mong muốn của người dân thì vô cùng, đòi hỏi thì mỗi ngày một tăng. Tôi thường nghĩ, các đồng chí đông dân như vậy, nếu mọi người về các mặt ăn ở đi lại đều ngửa tay đòi hỏi nhà nước thì tôi thấy khó mà đáp ứng được. Nhưng bất luận thế nào, đây quả thật là vấn đề trọng yếu đầu tiên mà nhà nước cần phải giải quyết tốt. ở phương Tây, vấn đề này nếu không đặt lên vị trí hàng đầu để lo giải quyết thỏa đáng thì cũng khó mà sống yên, thậm chí sống không nổi.

Mao Trạch Đông gật gù đầu:

- Về mặt đối ngoại và hoạt động quốc tế chúng ta đã tiến hành thương lượng, bàn bạc từng bước, đạt được nhất trí; về mặt đối nội, trong sản xuất,

xây dựng lại càng giúp đỡ lẫn nhau, hợp tác với nhau, thông tin cho nhau, như vậy chẳng rất tốt hay sao!

Nghe Mao Trạch Đông nói vậy, Khorútsóp rất vui, cầm cốc rượu trên bàn giờ thật cao, nói:

- Tốt lắm! Tốt lắm!

Tóm lại, cuộc hội đàm cao cấp Trung-Xô lần này đã thu được những kết quả to lớn.

Cũng cần nói thêm, đoàn đại biểu Chính phủ Liên Xô sang thăm Trung Quốc lần này đã mang lại những lợi ích thực tế cho nhân dân Trung Quốc.

II. MAO TRẠCH ĐÔNG THĂM LIÊN XÔ LẦN THỨ HAI

Mao Trạch Đông và “hai tướng lật đật”

Bắc Kinh, tháng 10, trời thu cao xanh, ánh mặt trời sáng dịu, chính là mùa hoa cúc nở rộ. Nhưng tại phòng đọc sách “Cúc Hương” trong Trung Nam Hải lại chẳng thấy mùi hương hoa cúc, chỉ có mấy cây bách cây tùng già ở hai bên lối đi, trông như những vệ sĩ trung thành đứng thẳng tắp nghiêm trên vị trí, làm nổi rõ sự trang trọng, thâm nghiêm.

“Cúc Hương” vì sao lại không có hoa cúc? Điều này có liên quan đến chủ nhân của ngôi nhà.

Từ khi Mao Trạch Đông dọn đến ở ngôi nhà này, ông rất thích cảnh trí thiên nhiên ở đây, cỏ cây khắp vườn đã mang lại cho ông không khí u tĩnh, thanh tao.

Một hôm, Chu Tử Kiến đang phân công cho các nhân viên dọn sạch các cây cỏ trong vườn, bỗng nhiên một giọng nói Hồ Nam nặng nề kêu họ dừng lại:

- Đừng nhổ bỏ, đừng nhổ bỏ, đừng làm tổn thương đến chúng.

Thế là những cây cỏ được Mao Trạch Đông bảo vệ đã ngày đêm ôm ấp lấy “Cúc Hương”, tạo ra bầu không khí tươi mát trong lành cho vị lãnh tụ ngày đêm lao tâm khổ tứ.

Vào dịp đầu hè, cổng của toà tứ hợp viện cổ xưa đặt rất nhiều bốn hoa đủ màu sắc. Mao Trạch Đông bàn với các nhân viên công tác:

- Trước kia nơi đây là vườn hoa, mọi người tha hồ làm đẹp tôi không can thiệp, nhưng nay tôi đến ở đây không muốn bày ra như thế nữa, bố trí mấy cây tùng bách vào có được không?

Các nhân viên công tác có ý không hiểu, Mao Trạch Đông nói tiếp:

- Các chú biết đấy, người đến chỗ tôi rất nhiều, sau này còn có cả công nhân, nông dân đến nữa. Họ đến đây để thăm tôi, thăm chỗ ở của tôi. Thấy chỗ tôi bày nhiều hoa như thế này, trên dưới họ sẽ bắt chước làm theo, tạo thành một kiểu cách xa hoa, như vậy có phải là không hay không.

Nghe Mao Trạch Đông giải thích, các nhân viên công tác gật gật đầu, bèn bàn với những người trồng hoa chuyển các chậu hoa đi, chỉ để lại nơi ngã tư đường hai cây cọ và hai cây si, dọc đường đi là hai thảm cỏ xanh tươi tốt.

Đó là mùa thu vàng thứ tám đón chào ngày quốc khánh. Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã quyết định, đoàn đại biểu Trung Quốc do Mao Trạch Đông dẫn đầu sẽ đi thăm Liên Xô, tham gia hoạt động chào mừng 40 năm Cách mạng Tháng Mười và Hội nghị Mátxcova của các Đảng Cộng sản trên thế giới. Tổ chức đã quyết định để Lý Việt Nhiên đi theo Mao Trạch Đông sang Liên Xô, làm nhiệm vụ phiên dịch.

Sau khi Xtalin qua đời, cục diện quốc tế đã nảy sinh nhiều biến đổi. Thời đại mà Liên Xô dựa vào uy tín và danh vọng cá nhân của Xtalin để nắm địa vị chi phối tuyệt đối trong phong trào Cộng sản quốc tế đã một đi không trở lại, đây cũng là lúc tạo khả năng để Liên Xô điều chỉnh mối quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa. Sau đó, quan hệ Liên Xô - Nam Tư nhanh chóng được cải thiện, năm 1955 Trung Quốc lần đầu kiến lập quan hệ Ngoại giao chính thức với Nam Tư. Tháng 4 năm 1956, Cục Thông tin các Đảng Cộng sản và Công nhân tuyên bố giải tán, kết thúc thời kỳ Liên Xô dựa vào tổ chức này, chi phối phong trào Cộng sản quốc tế.

Tháng 10 năm 1954, Trung-Xô ra tuyên bố chung về Nhật Bản, từ đó bắt đầu tiến trình bình thường hóa quan hệ giữa Nhật-Liên Xô. Tháng 2 năm 1956, trong Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô, Khorútsốp đã nêu rõ đường lối chung trong chính sách đối ngoại của Liên Xô là chúng sống hòa bình giữa các nước có chế độ xã hội khác nhau.

Khi Liên Xô thực hiện chính sách hòa hoãn với phương Tây thì Trung Quốc cũng bắt đầu điều chỉnh chính sách đối ngoại, đã đề xuất năm nguyên tắc chung sống hòa bình nổi tiếng. Trung Quốc đã thực sự kiểm chế trước những biểu hiện sô-vanh nước lớn của Liên Xô trong quan hệ Trung-Xô. Chính sách đối với Trung Quốc của Liên Xô đã có những thay đổi rõ rệt. Tháng 1 năm 1956 Đại hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô triệu tập khiến cho mâu thuẫn Trung - Xô lần đầu tiên mở rộng. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã tổng kết bài học kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô; năm 1956 đã lần lượt đề ra phương châm "trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng"

trong khoa học, văn hóa; phương châm “cùng tồn tại lâu dài, giám sát lẫn nhau” với các đảng phái dân chủ và “mười quan hệ lớn” trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm phương châm mới cho cải cách đời sống văn hóa, đời sống kinh tế và đời sống chính trị của Trung Quốc. Giữa những năm 50 đã bắt đầu tiến trình tìm kiếm đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Trung Quốc. Như vậy đòi hỏi Trung Quốc trong chính sách đối ngoại phải càng linh hoạt, giảm bớt sự dựa dẫm vào Liên Xô.

Ngày 1 tháng 11 năm 1956, Trung Quốc phát biểu “Tuyên bố của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa về Tuyên ngôn ngày 30 tháng 10 năm 1956 của Chính phủ Liên Xô” trong đó nêu rõ: “Năm nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, chung sống hòa bình, cần trở thành chuẩn mực cho việc xây dựng và phát triển quan hệ qua lại giữa các nước trên thế giới”. “Các nước xã hội chủ nghĩa đều là những quốc gia có chủ quyền, độc lập, đồng thời lại đoàn kết với nhau trong tinh thần quốc tế vô sản và lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa càng cần phải được xây dựng trên cơ sở năm nguyên tắc đó”. Đây là lần đầu tiên Trung Quốc đề xuất một cách rõ ràng quan điểm cần phải quán triệt năm nguyên tắc chung sống hòa bình vào trong quan hệ giữa các nước trong phe xã hội chủ nghĩa.

Năm 1957, Hội nghị Mátxcova với sự tham gia của đại biểu các Đảng Cộng sản các nước trên thế giới cũng là một vũ đài chính trị Ngoại giao quan trọng. Để cho Lý Việt Nhiên hoàn thành tốt nhiệm vụ phiên dịch trong Hội nghị, Chủ nhiệm văn phòng Trung ương Dương Thượng Côn bố trí xếp cho Lý Việt Nhiên có điều kiện được tiếp xúc trực tiếp với Mao Trạch Đông tại Trung Nam Hải để làm quen với giọng nói đặc biệt cũng như thói quen sinh hoạt của ông.

Được sĩ quan cận vệ Lý Ngân Kiều dẫn đường, Lý Việt Nhiên đi đến phòng đọc Cúc Hương, qua hành lang, theo một đường nhỏ đi về hướng Bắc, khoảng hơn hai mươi bước tới trước bậc thềm dãy nhà phía Bắc. Bậc thềm khá cao, rõ ràng cao hơn các gian nhà phía Đông, Tây, Nam. Dưới cửa sổ hai bên bậc thềm, mỗi bên trồng một cây hòe móng rồng thân to bằng bắp tay. Thân cây thẳng đứng nhưng không cao, có rất nhiều cành nhưng đều uốn cong xuống dưới, lá cây rậm rạp, trông giống như một chiếc dù xanh. Bước lên mấy bậc, ngẩng đầu nhìn chỉ thấy phía trên hai cánh cổng treo ngang một biển gỗ trên chạm khắc ba chữ to tồ màu: “Tử Văn Hiên”.

Lý Việt Nhiên ngẫm nghĩ trong lòng : Thật là một “Tử Văn Hiên” hàm xúc, nho nhã biết chừng nào! Trong đầu tự nhiên xuất hiện bài thơ của thi nhân họ Lý nổi tiếng đời Đường. Hai câu đầu của bài thơ là: “Đoan Châu thạch công xảo như thần. đập thiên ma dao cát tử vân”. (Thợ đá đoan Châu giỏi như thần. Đập trời mài dao cát mây tía.) Đây là nhà của ai mà như đã sớm chuẩn bị thư phòng và nơi nghỉ cho Mao Trạch Đông vậy? Chẳng lẽ ông chủ ngôi nhà này lại có năng lực đặc biệt, biết trước được Mao Trạch Đông sẽ là chủ nhân thích hợp nhất ở Tử Văn Hiên?

Như mọi người đều biết, Mao Trạch Đông là con người của thời đại. Chẳng những về mặt chính trị, quân sự (lý luận cũng như thực tiễn) ông đã được lịch sử chứng minh là vĩ nhân thời đại, mà ngay về mặt văn học nghệ thuật, sự hiểu biết sâu sắc của Mao Trạch Đông cũng đáng bậc văn hào trong lịch sử văn học nghệ thuật Trung Quốc. Khí phách hào hùng trong thơ và từ của Mao có thể nói người xưa chưa có, thật là bậc đại sư “hạ bút khắp quỷ thần” (đặt bút xuống, quỷ thần cũng phải than khóc). Nhà thơ lớn đời Đường từng được tôn xưng là Thi tiên Lý Bạch từng có câu: “Bạch phát tam thiên tượng...” (Tóc trắng ba nghìn tượng) và “Philuu trục hạ tam thiên xích, Nghi thị Ngân Hà lạc cửu thiên” (Trôi bay xuống dưới ba ngàn thước, như sông Ngân rơi chín tầng trời). Nhà thơ miêu tả cảnh vật với sức tưởng tượng phải nói là phong phú, khí thế cũng hào hùng. Lại đọc câu thơ của Mao Trạch Đông: “An đắc ý thiên trù bảo kiếm...” (Dựa vào trời vung gươm báu), “Khả thượng cửu thiên lãm nguyệt...” (lên chín tầng trời nắm bắt được trăng...) thật là khí phách biết bao. Câu thơ đưa đến cho chúng ta hình tượng một người khổng lồ đang dựa vào bầu trời mệnh mông, vươn tay ra vung thanh bảo kiếm, hoặc trong tư thế giơ tay nắm bắt mặt trăng. Sức mạnh vô hạn của con người cải tạo tự nhiên được cô đọng trong một bức tranh mà sức tưởng tượng và sức khái quát lớn lao biết bao. Nếu so với những con số hữu hạn “Ba nghìn thước” “ba nghìn tượng” trong thơ văn cổ thì còn cao hơn nhiều. Ta thử nghĩ xem, nếu Mao Trạch Đông miêu tả mái tóc dài của người khổng lồ thì dài đến bao nhiêu đây?

Nghệ thuật thư pháp của Mao Trạch Đông, sự hiểu biết sâu sắc về thư pháp của ông cũng xứng đáng là bậc đại sư hiếm thấy trong lịch sử thư pháp Trung Quốc. Ông nghiên cứu kỹ lưỡng các thể loại chữ, hiểu xưa biết nay, vận dụng các nét chữ đậm mảnh, dài ngắn, thẳng nghiêng, vuông tròn, bằng trắc rất tự nhiên, vung bút viết liền một mạch, sáng tạo ra phong cách của riêng mình, thật là một bậc đại gia. Năm 1957, lần đầu tiên cho in thủ bút của

bài từ “Thanh bình lạc - Lục Bần Sơn”, thư pháp Mao Trạch Đông đã đạt đến giai đoạn thành tục hoàn mỹ. Cùng với kiểu chữ hành thư của Vương Hy Chi, chữ cuồng thảo của Trương Húc, có thể xếp thành ba tuyệt tác trong lịch sử thư pháp Trung Quốc.

Chữ hành thư của Mao Trạch Đông có cái phóng khoáng cứng cáp trong lối chữ cuồng thảo của Trương Trường Sử, có cái mạnh mẽ tươi sáng trong lối chữ hành thư của Vương Hữu Quân.

Trong lịch sử Trung Quốc, một người vừa là nhà chính trị, nhà quân sự, nhà triết học, nhà thơ, nhà thư pháp, thì chỉ thấy có một Mao Trạch Đông. Do những thành tựu lớn lao của ông về chính trị, quân sự, triết học mà mọi người thường không chú ý đặc biệt đến thi văn và thư pháp của ông.

“Tử Văn Hiên” này cũng có thể chứa đựng điềm tốt lành của bậc Đế vương, Thánh hiền. Lý Bạch từng có câu thơ:

“Đông Hải phiếm bích thủy, Tây Quan thừa tử vân”

(Biển Đông đập nước biếc, ải Tây cưỡi mây tía)

Hoặc giả bao hàm cả hai nghĩa trên chăng.

Từ cửa lớn Tử Văn Hiên bước vào, qua một hành lang, trên hai bức tường đông và tây hành lang mỗi bên đều có mở một cửa. Lý Ngân Kiều đưa Lý Việt Nhiên vào cửa phía đông xong liền lui ra. Đây là nơi ở của Mao Trạch Đông.

Mao Trạch Đông mặc bộ quần áo bằng sợi bông, nằm nghiêng trên giường, tay cầm sách đang đọc. Thấy Lý Việt Nhiên bước vào, ông đặt ngay sách xuống cạnh giường, giở mình ngồi dậy, nhìn Lý Việt Nhiên đứng ở đầu giường, ông mỉm cười đưa tay ra hiệu cho anh ngồi xuống chiếc ghế dựa ở cạnh giường, rồi với tay cầm hộp thuốc đặt trên bàn ở đầu giường, rút ra một điếu.

Mao Trạch Đông nói với Lý Việt Nhiên:

- Khi ông già Vô đến, tôi thấy anh phiên dịch phần lớn. Anh đã giúp tôi rất nhiều.

Mao Trạch Đông đang nói thì Lý Ngân Kiều từ ngoài đã bước vào giúp ông châm lửa. Mao Trạch Đông cười:

- Hai anh họ Lý ạ, một người quản việc nói, một người quản việc an toàn, có thể gọi là hai tướng “lật đặt” vất vả đấy.

Nói rồi, ông hút một hơi dài, nhả khói ra một cách tự nhiên. Lý Việt Nhiên liền vào đề:

- Thưa Chủ tịch, người hút thuốc nhiều quá.

- Ấy à, ông già Vô cũng khuyên tôi bỏ thuốc, bỏ không được, biết làm thế

nào. Đành châm một điếu, nhìn khói thuốc chứ không nuốt vào trong bụng.

“Ông già Vô” Mao Trạch Đông nhắc tới là Vôrôsilốp, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô mới đến thăm Trung Quốc cách đây không lâu.

- Ông cụ Vô là người tốt - Lý Ngân Kiều đứng bên cạnh nói - Ông cụ còn bế con của tôi để chụp ảnh, lại cả cô con gái nữa cũng cùng chụp ảnh chung.

Thấy Mao Trạch Đông vui vẻ chuyện trò, Lý Việt Nhiên nhân đó kể:

- Khi ông già Vô đến thăm đội Cảnh vệ, vừa bước vào doanh trại đại đội ông liền đứng nghiêm giờ tay chào, nói: “Chiến sĩ Hồng quân Vôrôsilốp có mặt!”

- Thật thế à? Ờ, ông già chính là một lão Hồng quân, bạn cũ của Xtalin, đã trải qua nhiều trận mạc - Mao Trạch Đông nhắc đến tên Vôrôsilốp bằng một giọng thân thiết bạn bè - Ông già Vô khuyên tôi nên đi ngủ sớm, dậy sớm, ý kiến ấy thật hay, nhưng tôi đã nhiều năm không làm như thế rồi. Kể ra, nếu thật sự có thể làm việc và nghỉ ngơi theo quy luật của mặt trời thì vẫn tốt hơn

Lý Ngân Kiều nói:

- Chủ tịch có quy luật sinh hoạt của Chủ tịch

Mao Trạch Đông bỗng nhiên hỏi Lý Việt Nhiên:

- Anh có hiểu về Khorútsốp không?

- Thừa không nhiều lắm, chỉ có dịp đi theo Thủ tướng và đồng chí Bành Chân thăm Liên Xô, được tiếp xúc với ông ấy mấy lần. Tôi có ấn tượng đó là một người tư duy khẩn tiếp, sáng suốt nhanh nhẹn, khá cởi mở, có lúc dễ dàng bộc lộ thái độ. Nghe nói con người nay cũng khá sỗ sàng.

- Khorútsốp có gan đấy - Mao Trạch Đông giọng tán thưởng - Tuy vậy ông ấy cũng đã để lộ ra, có thể những ngày tới không dễ chịu, nhiều tai hoạ nhiều khó khăn.

Mao Trạch Đông như phải trấn tĩnh cao độ, bước đi chậm rãi chắc chắn. Có lúc ông dừng lại suy ngẫm điều gì.

Lý Việt Nhiên lắng nghe Mao Trạch Đông nói, luôn luôn nghĩ tới mình sẽ dịch như thế nào để có sự chuẩn bị trước.

Một lần, Mao Trạch Đông bỗng nhiên hỏi Lý Việt Nhiên:

- Con hổ giấy, tiếng Nga gọi là gì?

- “Bumagionúi tigơ”.

- “Pápơ... taigơ” (Paper tiger) Mao Trạch Đông tiếp lời. Lý Việt Nhiên ngó ra, chợt hiểu ra ông đang nói tiếng Anh, chỉ “con hổ giấy”. Mao đã mời Lâm Khắc dạy tiếng Anh cho ông, ông học rất nghiêm túc. Mục đích không

phải để nói tiếng Anh mà muốn đọc được báo chí phương Tây. Sau này, quả nhiên ông đã đọc được báo, nhưng không thực hành nói bao giờ. Nghe ông nói “papơ taigo” bằng chất giọng địa phương Hồ Nam nặng trĩu, Lý Việt Nhiên không nén được, phì cười thành tiếng.

Thế là Mao Trạch Đông cũng cười. Tiếng cười ngượng nghịu như của cậu học trò tiểu học. Lý Việt Nhiên cảm thấy khoảng cách giữa hai người chợt gần lại rất nhiều.

Trong thời gian này, Đại sứ Liên Xô ở Trung Quốc Iukin rất quan tâm đến chuyến hành trình thăm Liên Xô của Mao Trạch Đông, hầu như hàng ngày cũng gọi điện thoại đến hỏi về ngày lên đường của đoàn.

Sắp đến ngày lên đường. Chủ nhiệm văn phòng Trung ương Đảng Dương Thượng Côn gọi Lý Việt Nhiên đến dặn dò:

- Tiểu Lý à, cậu phải hẹn gặp ngay Iukin, nói với ông ta một đề nghị cá nhân của Mao Trạch Đông.

- Đề nghị gì ạ.

- Cậu sang gặp và phải cố làm cho tốt, để ông ấy báo cáo với các nhà lãnh đạo Liên Xô, mong họ thông cảm và thực hiện - Dương Thượng Côn nêu ra yêu cầu trước, rồi mới nói đến đề nghị cụ thể. - ý của Chủ tịch là muốn đề nghị phía Liên Xô bỏ hết những nghi thức tiếp đón tại sân bay. Người ra đón cũng không nên nhiều, không cần có đội nghi thức, tốt nhất là xuống máy bay rồi đi luôn.

- Điều này sợ rằng không được.

- Cậu cứ đi bàn xem sao - ánh mắt Dương Thượng Côn sáng lên hiền hòa, giọng vẫn từ tốn - Kết quả thế nào tôi sẽ báo cáo với Chủ tịch

Lý Việt Nhiên hỏi:

- Ngoài ra còn có yêu cầu gì nữa không?

Dương Thượng Côn nói thêm mấy điểm về sinh hoạt, làm việc, nghỉ ngơi của Chủ tịch rồi thêm:

- Vương Kính Tiên, Cục trưởng Cảnh vệ đã đi Mátxcova trước, cứ theo ý kiến của đồng chí ấy mà chuẩn bị cho tốt.

- Chủ nhiệm còn chỉ thị gì nữa không?

- Thôi cậu đi hẹn gặp Iukin đi!

Sau khi liên hệ qua điện thoại, Lý Việt Nhiên phóng xe đến Đại sứ quán Liên Xô. Iukin ra đón, hỏi luôn:

- Thế nào? Lại có thay đổi à?

Thấy Đại sứ có vẻ lo lắng, Lý Việt Nhiên vội cười nói:

- Không, đâu có.

Iukin thở phào, toàn thân như chùng xuống. Có thể thấy Liên Xô coi trọng việc Mao Trạch Đông đích thân tham gia hội nghị và trách nhiệm đặt trên vai Iukin như thế nào.

- Đồng chí Iukin, tôi đến tìm đồng chí để truyền đạt một đề nghị cá nhân của Mao Chủ tịch.

Lý Việt Nhiên dùng tiếng Nga trình bày ý kiến đề nghị của Mao Trạch Đông.

- Chà chà, điều này khó thực hiện đây. - Iukin nhún vai, lắc đầu, nghiêng nghiêng khuôn mặt hồng hào, làm rung rung mái tóc uốn lượn sóng - Tôi không thể quyết định được. Tôi sẽ lập tức báo cáo với các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước thảo luận quyết định. Điều tôi có thể làm được là truyền đạt thật đúng lời đề nghị của Mao Chủ tịch.

- Xin cảm ơn- Lý Việt Nhiên gật đầu tỏ ý thông cảm - Ngoài ra, thói quen sinh hoạt của Mao...

- Việc bố trí, Mátxcova đã chuẩn bị chu đáo, tuyệt đối không có vấn đề gì cả.

Iukin giới thiệu với Lý Việt Nhiên tình hình chuẩn bị. Xem ra, Iukin đã có những tìm hiểu nhất định về tập quán sinh hoạt của Mao Trạch Đông

Mao Trạch Đông yêu cầu được chuyển khỏi phòng ngủ của Sa hoàng

Thấm thoát đã là ngày 2 tháng 11 năm 1957. 8 giờ sáng, Mao Trạch Đông bước lên máy bay chở khách "TU104".

Một phóng viên của hãng TASS tuy đã nhanh chân, nhưng lúc này cũng chỉ có thể nhìn theo máy bay mà thở dài. Ông ta đã bám theo Mao Trạch Đông xin phỏng vấn, muốn mời Mao Trạch Đông nói mấy lời, tiếc thay đã không làm được. Các phóng viên nước ngoài ngoài Snau và Strong ra, rất ít có ai may mắn được đàm thoại với Mao Trạch Đông.

Chiếc "TU104" rồ máy lăn bánh trên đường băng. Những người tiễn đưa vẫy vẫy tay hướng theo chiếc máy bay sáng bóng trong ánh nắng ban mai, tiễn biệt vị lãnh tụ của mình.

Đây là chiếc chuyên cơ do Liên Xô đưa đến, khoang máy bay sạch sẽ thoáng đãng dễ chịu, có bàn ghế trong phòng làm việc, có giường nằm nghỉ. Nhân viên tổ lái đều là những phi công hạng nhất, máy bay bay rất êm. Các nữ tiếp viên được tuyển lựa kỹ càng đều rất trang trọng nhiệt tình. Các cô vẫy lấy Mao Trạch Đông, tranh nhau bắt tay, cứ nắm chặt không chịu buông ra,

nồng nhiệt thăm hỏi, biểu đạt tấm lòng mến yêu tôn kính của mình.

- Tốt lắm, tốt lắm, các cô gái đáng yêu ạ. - Iukin bước đến giải vây cho Mao Trạch Đông.

Các nữ tiếp viên lần lượt rút lui. Mao Trạch Đông không nghỉ ngơi, việc đầu tiên ông tới thăm bà Tống Khánh Linh. Mao Trạch Đông đi thăm Liên Xô lần này, cùng đi còn có các vị lãnh đạo Đảng và Nhà nước: Đặng Tiểu Bình, Bành Đức hoài, Dương Thượng Côn, Quách Mạt Nhược... Mao Trạch Đông rất kính trọng và quan tâm tới bà Tống Khánh Linh, vừa bước vào khoang hành khách Mao Trạch Đông đã hỏi ngay:

- Bà thấy thế nào, có dễ chịu không?

Tống Khánh Linh gật đầu mỉm cười:

- Cảm thấy khá tốt.

- Đường đi còn dài, tới Mátxcova chắc là chưa nghỉ ngơi ngay được đâu. Ngồi trên máy bay lúc rồi rã, bà nên tranh thủ nghỉ ngơi cho tốt.

- Thừa Chủ tịch, Chủ tịch nhiều công việc, càng phải nhân lúc này mà nghỉ ngơi đi.

Quay trở lại khoang trên, Mao Trạch Đông nói với cán bộ phiên dịch Lý Việt Nhiên:

- Đồng chí đi mời Iukin đến, tôi muốn nói chuyện với ông ta.

Iukin bước vào, Mao Trạch Đông mời ngồi xuống chiếc ghế đối diện:

- Anh là nhà triết học, lại là bạn cũ - Mao Trạch Đông nheo mắt như đùa vui - Có đúng không nào?

Iukin tỏ ý nhận là nhà triết học, cúi đầu rất thấp:

- Vâng, tôi có nghiên cứu triết học, đối với đồng chí cũng có thể coi là quen biết cũ.

- Thế thì tôi sẽ nêu ra cho anh một câu hỏi, được không?

Iukin đưa tay lên vuốt lại tóc:

- Thế thì hay lắm, xin cố gắng đặt yêu cầu.

Mao Trạch Đông mỉm cười:

- Anh nói xem, vừa rồi chúng ta ở sân bay, bây giờ đang ở trên trời, lát nữa lại xuống đất, như vậy về mặt triết học cần giải thích như thế nào?

Iukin cứ chớp chớp mắt, cuối cùng đành thú nhận:

- Chà, điều này tôi chưa nghiên cứu đến.

- Câu hỏi khó hả? - Mao Trạch Đông bậm bậm môi, cười nói - Tôi thử trả lời, xin anh giám định cho. Máy bay dừng ở sân bay là khẳng định, bay lên trời là phủ định, rồi hạ cánh là phủ định của phủ định...

Iukin vỗ tay, khen.

- Tuyệt! Tuyệt! hoàn toàn có thể thuyết minh như vậy.

Sắp đến Iéc-cút, máy bay sẽ tạm dừng ở đây. Iukin cáo từ để đi lo công việc khác. Nhân lúc đó, Lý Việt Nhiên đưa cho Mao Trạch Đông bản thảo bài nói chuyện. Theo thông lệ, bản thảo bài nói chuyện trong trường hợp công khai của Thủ trưởng bao giờ cũng đưa cho phiên dịch một bản để chuẩn bị trước.

Lý Việt Nhiên nói:

- Thưa Chủ tịch, đây là bản thảo bài nói chuyện ở sân bay chuẩn bị cho Chủ tịch. Chủ tịch đã xem qua chưa?

Mao Trạch Đông cầm bài viết, thuận tay rút chiếc bút chì, đưa mắt nhìn từng hàng chữ. Nhà nhiếp ảnh Hầu Ba cùng đi theo đoàn, thấy Mao Trạch Đông tập trung tinh thần xem bài viết trên máy bay, liền nhẹ nhàng tiến lại gần, chọn vị trí, đưa ống ngắm, "tách" một tiếng đã chụp được một tấm ảnh có ý nghĩa lịch sử.

Mao Trạch Đông xem xong bài nói, đầu vẫn không ngẩng, bảo Lý Việt Nhiên:

- Hãy mời đồng chí Dương Thượng Côn đến đây.

Một lúc sau Dương Thượng ôn đến

Mao Trạch Đông nheo mắt hỏi với giọng thương lượng:

- ở sân bay, có cần phải nói chuyện không?

Dương Thượng Côn giải thích:

- Đây là đi thăm chính thức, theo thông lệ cũng cần phải nói mấy lời.

Mao Trạch Đông trầm ngâm một lát rồi hỏi:

- Nói chuyện không cần đọc bài viết sẵn có được không ? Trước mắt nói mấy câu thôi.

- Đây là chuẩn bị sẵn, không nhất thiết phải đọc.

- Thế thì tốt. Giữ lại để dùng sau. - Nói đoạn, Mao Trạch Đông cất bài viết vào túi áo trên.

Chiếc "TU.104" hạ cánh xuống sân bay Iéc-cút. Phía Liên Xô cử Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị Pécsép-ốp và Thứ trưởng Ngoại giao Fê-đê-rin đặc trách đến thành phố biên giới này để đón đoàn đại biểu Trung Quốc.

Fê-đê-rin thông thạo tiếng Trung Quốc nên không cần phiên dịch, vừa lên máy bay đã cất tiếng chào hỏi mọi người. Ông nhìn thấy nữ tiếp viên đã pha trà cho Mao Trạch Đông liền vội vàng cúi nhìn. Những cánh trà Long Tĩnh cao cấp vẫn nổi trên mặt nước. Ông bước vội đến chỗ các nữ tiếp viên:

- Các cô không biết cách pha trà rồi - Fêđêrin nói - Pha trà phải bỏ trà vào trước, sau đó mới rót nước. Nước phải thật sôi mới được.

Pécspêrốp là một nhà lý luận rất có danh tiếng, từng phụ tá cho Suxlốp quản lý công tác tư tưởng trong nhiều năm. Mái tóc bông mầu bạc kim, cặp kính mầu lúc đặt trên sống mũi lúc lại bỏ ra đặt ở bên cạnh, nói năng chậm rãi từ tốn, ông giới thiệu với Đặng Tiểu Bình quá trình dự thảo “Tuyên ngôn Mátxcova” và chương trình hoạt động, lại giới thiệu với Dương Thượng Côn tình hình chuẩn bị cho Hội nghị.

Khoảng 3 giờ chiều theo giờ Mátxcova, sau 8 giờ bay, chiếc “TU.104” đã tới không phận Mátxcova. Hôm đó bầu trời Mátxcova trong sáng, từ khoang cửa sổ nhìn xuống: những cánh đồng vàng sẫm, dòng sông Mátxcova xanh thẳm, những cánh rừng nhiều sắc mầu, những con đường lớn và rừng cây chia cắt thành phố thành những hình hình học, giống như một bức tranh sơn dầu trải ra dưới mắt.

Chiếc “TU.104” từ từ hạ cánh xuống sân bay Vônucôvô, lướt trên đường băng, dừng lại trước nhà chờ. Khi chiếc thang được nối tiếp vào cửa khoang máy bay, Cảnh vệ trưởng giúp Mao Trạch Đông sửa sang lại mũ áo, Mao Trạch Đông đi ra phía cửa máy bay, phiên dịch Lý Việt Nhiên và Cảnh vệ trưởng Lý Ngân Kiều - “hai tướng lật đật” theo như cách nói của Mao Trạch Đông - theo sát phía sau.

Dưới chân thang máy bay là một con đường trải thảm đỏ. Mao Trạch Đông vừa xuất hiện ở khoang cửa, trên sân bay lập tức vang lên những tràng vỗ tay. Khorútsốp cùng các nhà lãnh đạo chủ yếu của Đảng, Chính phủ và quân đội Liên Xô nét mặt tươi cười, vừa vỗ tay vừa đi ra phía cầu thang máy bay.

Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam Hồ Chí Minh cũng đến, đứng bên cạnh Khorútsốp. Mao Trạch Đông thông thả bước xuống thang, khi tới bậc thang cuối cùng, ông ngẩng đầu nhìn gương mặt tròn rần chắc của Khorútsốp, đưa một bàn tay về phía ông ta.

Họ ôm nhau dưới chân cầu thang, thân thiết thăm hỏi lẫn nhau.

Khorútsốp bày tỏ sự hoan nghênh nhiệt liệt đối với Mao Trạch Đông và đoàn đại biểu Trung Quốc.

Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh ôm nhau, vô cùng thân thiết.

Hồ Chí Minh nói bằng tiếng Trung Quốc:

- Đồng chí khỏe mạnh chứ?

- Rất khỏe. Đồng chí thế nào?

- Khá hơn lần gặp trước.

- Lần trước là ở nhà, lần này là ở Mátxcova.

Mao Trạch Đông nói “ở nhà” là chỉ điện Cần Chánh trong Trung Nam Hải. Dịp hè vừa qua, Hồ Chí Minh đã có buổi nói chuyện rất lâu với Mao Trạch Đông ở điện Cần Chánh. Hôm đó trời nóng bức, Mao Trạch Đông đề nghị Hồ Chí Minh cởi trần ra cho mát và nói:

- Đây là ở nhà, đồng chí cứ tự nhiên như đến bạn bè thân thích.

Mao Trạch Đông lần lượt bắt tay các nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng, Chính phủ, quân đội Liên Xô đến đón tiếp ở sân bay. Khorútsốp đi bên cạnh giới thiệu. Sau đó Vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ Ngoại giao đến hướng dẫn, mời Mao Trạch Đông đi duyệt đội danh dự.

Mao Trạch Đông đi đến trước hàng quân, đứng nghiêm, đưa mũ cho Lý Việt Nhiên cầm, nhìn thẳng vào đội danh dự hải lục không quân, hô to bằng giọng Hồ Nam:

- Các đồng chí khỏe!

- U-ra! U-ra! U-ra! - Đội danh dự tràn đầy khí thế, hô vang trời ba lần.

Kết thúc phần nghi thức, Khorútsốp mời Mao Trạch Đông lên ngồi ở chiếc xe đầu tiên. Loại xe này rất rộng rãi, Mao Trạch Đông và Khorútsốp ngồi ở hàng ghế sau. Giữa hàng ghế trước và hàng ghế sau có đặt những chiếc ghế thấp có thể di chuyển được, Lý Việt Nhiên và Lý Ngân Kiều “hai tướng lật đật” ngồi ở đây. Hàng ghế trước là lái xe, ngồi cạnh lái xe là Phó cục trưởng Cục cảnh vệ điện Kremli, thiếu tướng Sakharốp. Ông được cử làm vệ sĩ trưởng cho Mao Trạch Đông trong thời gian thăm Liên Xô.

Lý Việt Nhiên ngồi nghiêng, tay nắm thành ghế, phiên dịch cho cuộc nói chuyện của lãnh tụ hai Đảng Cộng sản lớn nhất thế giới.

Mao Trạch Đông hỏi:

- Những người tham gia Hội nghị đều đến đủ rồi chứ?

Khorútsốp bấm đốt ngón tay, giới thiệu những lãnh tụ Đảng Cộng sản đã đến. Khi giới thiệu đến Tôgôliati và Tôrê, Mao Trạch Đông cảm thấy rất vui mừng trước việc hai lãnh tụ của Đảng Cộng sản Italia và Pháp từ Châu Âu đến, liền hỏi:

- Hai vị đó ở đâu?

- Đã sắp xếp ở biệt thự ngoại ô.

Nói đến đây, Khorútsốp có ý giới thiệu bổ sung:

- Chúng tôi chỉ bố trí để đồng chí đến ở trong điện Kremli, nơi ở cách nơi họp rất gần, có hành lang nối thông với tòa đại sảnh hội trường Gióocgiơ,

rất thuận tiện.

Mao Trạch Đông hầu như không chú ý đến biểu hiện hữu nghị đặc biệt này, ngồi tựa ghế nghiêng đầu nói với Khorútsốp:

- Chúng tôi đến lần này còn có Tổng Khánh Linh và Quách Mạt Nhược, Tổng Khánh Linh còn là Phó trưởng đoàn. Tuy hợp Đảng Cộng sản, họ không phải Cộng sản nhưng việc họ tham gia rất có lợi cho chúng tôi, mong các đồng chí đối đãi với họ như đối với tôi...

- Tổng Khánh Linh cũng sắp xếp ở trong điện Kremli, các thành viên chủ yếu của đoàn đại biểu Trung Quốc đều bố trí ở trong điện Kremli cả. Chúng tôi đã chọn người bảo vệ riêng cho Tổng Khánh Linh, cả đầu bếp riêng nữa.

Mao Trạch Đông gật đầu:

- Cảm ơn, cảm ơn lòng nhiệt tình và chu đáo của các đồng chí.

Mao Trạch Đông nói tiếp:

- Chẳng phải tôi đã đề nghị với các đồng chí đừng bày vẽ nghi thức và số người đi đón ít thôi sao? Làm gì mà long trọng thế?

Khorútsốp giọng nghiêm túc:

- Chúng tôi có nhận được báo cáo của Iukin, nói rằng đồng chí đề nghị như vậy. Chúng tôi đã thảo luận, mọi người cho rằng không như thế được. Các nhà lãnh đạo các nước khác đến, đều theo thông lệ mà tiếp đón. Đồng chí là khách quý, nghi lễ không thể đơn giản hóa như thế được.

- Cảm ơn thịnh tình của các đồng chí, tôi nghĩ chừng nào thực hiện được chủ nghĩa cộng sản chắc những thứ nghi lễ ấy chẳng còn dùng đến nữa.

Mao Trạch Đông mỉm cười, môi dưới giật giật. Lúc ông vui vẻ hoặc tức giận đều thường như vậy.

Những toà nhà cao tầng ở hai bên đường đã tăng lên nhiều. Mao Trạch Đông ngẩng nhìn qua cửa sổ nghe Khorútsốp giới thiệu tình hình xây dựng các khu nhà ở.

Mao Trạch Đông vẫn chăm chú quan sát, lát sau gật gù đầu, nói:

- So với lần trước tôi đến, mọi việc ở đây có thay đổi nhiều. Nhìn nét mặt mọi người cũng đủ thấy cuộc sống của họ khá thoải mái. Ai ăn mặc cũng rất đẹp.

Ngày hôm Mao Trạch Đông đến Mátxcova, Thiếu tướng Sakharốp và Vụ trưởng vụ Trung Quốc Ban đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô Sébacốp cùng với Dương Thượng Côn và Diệp Tử Long đi xem khắp lượt nơi ở của các thành viên chủ yếu trong đoàn, đã đặc biệt lưu ý đến chiếc giường

gỗ trong phòng ngủ của Mao Trạch Đông và những chiếc đôn đã được tu sửa lại.

- Này Clêmen, chúng ta cáo từ thôi chứ?- Khorútsốp kéo áo Clêmen Vôrôsilốp đang nói cười vui vẻ với Mao Trạch Đông - Để mời Chủ tịch và các đồng chí Trung Quốc thân mến nghỉ ngơi.

Các nhà lãnh đạo Liên Xô đứng dậy, bắt tay tạm biệt. Khorútsốp ân cần giới thiệu thêm với Mao Trạch Đông:

- Đồng chí Mao Trạch Đông thân mến, nhân tiện báo thêm với đồng chí, đồng chí sẽ nghỉ trong tấm cung của Sa hoàng, chúng tôi đã chọn gian phòng tốt nhất cho đồng chí để bày tỏ tấm lòng của chúng tôi.

Mao Trạch Đông đứng ngẩn ra một hồi lâu trong căn phòng dành riêng cho ông, lát sau ông lững thững đi qua hành lang, xuống tầng dưới, tới phòng của Lý Việt Nhiên.

Lý Việt Nhiên và bác sĩ chăm sóc sức khỏe Lý Chí Tuy ở trong căn phòng tầng dưới, thấy Mao Trạch Đông bước vào liền vội vàng đứng dậy.

Mao Trạch Đông phẩy tay, không nói, nhìn một lượt gian phòng: Phòng không rộng lắm nhưng có đầy đủ các tiện nghi sinh hoạt, tất cả đều tiện lợi. Mao Trạch Đông gật gù đầu, vẫn không nói một lời, quay trở ra, bước chậm chậm lên lầu.

Lý Việt Nhiên và Lý Chí Tuy đang lo không biết có chuyện gì thì thấy Lý Ngân Kiều đến nói với Lý Việt Nhiên:

- Anh lên đi, Chủ tịch tìm anh đấy.

Lý Việt Nhiên vội vàng theo Lý Ngân Kiều lên lầu, đến phòng nghỉ của Mao Trạch Đông. Chỉ thấy ông một mình tĩnh tọa trên giường, hai tay đặt trên đầu gối, như có điều gì suy nghĩ. Lý Việt Nhiên dừng lại cách chỗ ông khoảng ba mét, chờ chỉ thị.

Mao Trạch Đông vẫy tay gọi lại, Lý Việt Nhiên bước đến bên ông. Ông cất tiếng nói rất khẽ:

- Các chú giúp tôi việc này. Được càng tốt, không được cũng không sao. Chú đến báo với các đồng chí Liên Xô, nói rằng căn phòng này quá rộng, đề nghị bố trí lại. Các chú chuyển lên ở trên này, tôi xuống ở chỗ các chú, được không?

Lý Việt Nhiên chột hiểu, liền lắc đầu:

- Dạ, việc này không thể làm được, không thể làm được.

- Kia chú, chú chưa đi hỏi, chưa biết người ta nghĩ thế nào mà đã nói không được, thế là chủ quan chủ nghĩa.

- Đây là phòng chuẩn bị riêng cho Chủ tịch.

Mao Trạch Đông phẩy tay ra hiệu:

- Chú cứ đi đi, trước hết hãy đi hỏi xem sao đã.

Lý Việt Nhiên ra khỏi nhà, chưa đi tìm các đồng chí Liên Xô ngay mà việc đầu tiên là đến báo cáo với Chủ nhiệm Dương Thượng Côn. Dương Thượng Côn vội mời mấy đồng chí lãnh đạo cùng đến phòng nghỉ của Mao Trạch Đông...

Mao Trạch Đông cuối cùng chịu nhượng bộ, không đòi chuyển phòng nữa.

Nhiều lần nói chuyện cùng Khorútsốp

"Hội nghị Mátxcova" là tên gọi tắt Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và Đảng công nhân 12 nước xã hội chủ nghĩa và đại biểu 64 Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân khác. Công tác chuẩn bị quan trọng nhất trước Hội nghị là soạn dự thảo Tuyên ngôn. "Tuyên ngôn" do hai bên Liên Xô Trung Quốc bàn luận soạn thảo. Phía Trung Quốc đứng đầu là Đặng Tiểu Bình; phía Liên Xô đứng đầu là Suxlốp.

Những trường hợp có ý kiến bất đồng, Mao Trạch Đông và Khorútsốp đã có nhiều cuộc trao đổi (kể cả trong phòng nghỉ ở Hội nghị, trong các bữa tiệc chiêu đãi cho đến cả lúc ngồi trên xe), nội dung đề cập đến cũng rất sâu rộng.

Bản thân Khorútsốp cũng nhiều lần nói chuyện với Mao Trạch Đông. Nội dung chủ yếu có những vấn đề sau:

Một là đối xử với Titô như thế nào. Sau khi đến Mátxcova không lâu, Khorútsốp tới điện Kremli thăm Mao Trạch Đông.

Khorútsốp :

- Lần này chúng tôi cũng đã gửi giấy mời Titô, ông ấy có thể không đến- Nhưng một lát , nói tiếp- Ông ấy không đến là tự mình thất lễ, nếu đến, chính là lúc có thể phê ông ấy...

Mao Trạch Đông không tán thành làm như vậy. Ông nói:

- Titô không đến, cũng phải hiểu cho họ. Xtalin đã chinh người ta, Cục thông tin đuổi người ta, thử hỏi trong lòng không bức tức được chăng?

Mao Trạch Đông mỉm cười, lại hỏi:

- Titô không đến, có người khác đến không?

- Có, có Kader- Khorútsốp giới thiệu tiếp- Ông ta là một cây bút đáng nể, những văn kiện quan trọng của Đảng Cộng sản Nam Tư phần lớn đều do

người này soạn thảo.

- Thế thì hay quá- Mao Trạch Đông tỏ vẻ phấn khởi - Tôi rất muốn được gặp để nghe xem ông ấy có kiến giải gì khác.

Khorútsốp tỏ ý tán thành.

Hai là vấn đề văn kiện Hội nghị (tức dự thảo Tuyên ngôn).

Khorútsốp nói:

- Xô-Trung là hai Đảng lớn, mọi người đều đang trông chờ chúng ta, văn kiện cần phải làm sớm cho tốt, các Đảng anh em đang mong đợi.

Mao Trạch Đông nhiều lần nhấn mạnh quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với vấn đề quá độ hòa bình.

Ngay đêm hôm đó, Mao Trạch Đông gọi Lý Việt Nhiên đến phòng mình. Ông nằm nghiêng trên giường, đưa ra một tờ giấy viết thư Liên Xô, ông đọc để Lý Việt Nhiên viết. Viết xong, ông vừa cầm xem đã nói:

- Không cần chú viết bằng Trung văn, mà viết bằng Nga văn...

Mao Trạch Đông lại đưa cho Lý một tờ khác. Lần này Lý Việt Nhiên viết bằng tiếng Nga:

Đồng chí Khorútsốp:

Tôi đi ngủ đây. Về vấn đề quá độ hòa bình, đồng chí Đặng Tiểu Bình sẽ bàn với các đồng chí, hai chúng ta không bàn nữa, được không?

Lý Việt Nhiên viết xong, ông liền đóng dấu ba chữ "Mao Trạch Đông" lên bức thư.

Ngày hôm sau, Đặng Tiểu Bình hội đàm với Suxlốp và chính thức gửi văn bản đề cương về vấn đề quá độ hòa bình.

Vấn đề thứ ba là về chiến tranh hiện đại và đời sống vật chất. Khi đến thăm Khorútsốp và Bulganin, Mao Trạch Đông đã nêu quan điểm:

- Đối với chiến tranh hiện đại, chúng tôi, một là phản đối, hai là không sợ... Thời xưa, đánh nhau không có bom nguyên tử và tên lửa, chỉ có dao kiếm giáo mác, xem ra người chết cũng không ít so với hiện nay.

Khorútsốp không tỏ thái độ. Bulganin rất tán thưởng, nói:

- Một sự phân tích rất có ý nghĩa.

Khi bàn tới đời sống vật chất, Mao Trạch Đông nói:

- Nhu cầu năng lượng cho cơ thể con người cũng có mức độ, không thể suốt ngày đêm chỉ có ăn, cũng không thể cùng một lúc mặc cả mười chiếc áo khoác da, mức độ hưởng thụ cũng vậy.

Hai bên đều cho rằng, tới chủ nghĩa cộng sản, hưởng thụ cũng không phải là không có giới hạn.

Bốn là vấn đề chuyên gia Liên Xô. Lúc Hội nghị giải lao, Khorútsốp hỏi Mao Trạch Đông:

- Chuyên gia của chúng tôi không có việc gì làm ở Trung Quốc, có thể trở về được chứ?

Mao Trạch Đông đáp:

- Có nhiều công việc phải làm, nhưng không nhất thiết phải cần nhiều đến thế. Các đồng chí chúng tôi cần phải học cách tự mình đi...

Khorútsốp nói với Micôian:

- Anh nghe thấy không, đồng chí Mao Trạch Đông đồng ý cho chuyên gia trở về.

Micôian trả lời:

- Để suy nghĩ đã rồi bàn sau.

Vấn đề thứ năm là về vũ khí hạt nhân. Mao Trạch Đông xuất phát từ quan điểm “hậu phát chế nhân” (đánh sau để chế ngự người), trong một lần hội kiến đã hỏi Khorútsốp:

- Kẻ thù sử dụng vũ khí hạt nhân, liệu chúng ta có thể chờ mà không phản kích ngay?

Khorútsốp nói:

- Một giây cũng không thể chờ, phải lập tức phản kích.

Mao Trạch Đông lại hỏi:

- Đồng chí làm sao có thể tính toán chuẩn xác, biết lúc nào thì chúng bắn?

- Có thể biết được- Khorútsốp nói tiếp- Bất cứ một nước xã hội chủ nghĩa nào bị đế quốc tiến công, chúng tôi đều nhanh chóng đánh trả.

- Quan điểm đó không đúng - Mao Trạch Đông không đồng ý- Mỗi quốc gia đều độc lập, phải xem người ta có yêu cầu không đã.

Vấn đề thứ sáu là việc phê bình Khorútsốp. Trong một bữa tiệc chiêu đãi, Mao Trạch Đông chân thành nói với Khorútsốp:

- Tính nết đồng chí không hay lắm, rất dễ làm tổn thương người khác. Giữa các nước anh em, có ý kiến gì bất đồng, cứ để mọi người nói ra, sau đó từ từ bàn bạc, nóng vội là không ổn...

Khorútsốp nghe không lọt tai lắm, bèn nói:

- Đồng chí không rõ, một số người nhận đồ của chúng tôi lại còn chửi chúng tôi, ại mà không bực.

Vấn đề thứ bảy là về việc Liên Xô “đứng đầu”. Mao Trạch Đông nhấn mạnh khối xã hội chủ nghĩa phải do Liên Xô đứng đầu.

Khorútsốp nói:

- Nên đứng đầu là hai nước Xô-Trung.

Mao Trạch Đông nói:

- Chúng tôi chưa có tư cách...

Tiếp xúc với lãnh tụ các đảng Cộng sản

Trong thời gian ở Mátxcova, Mao Trạch Đông đã tiếp xúc với nhiều lãnh tụ Đảng Cộng sản, nghe được ý kiến về nhiều mặt và cũng trình bày rõ quan điểm của mình.

Mao Trạch Đông đến biệt thự ngoại ô thăm lãnh tụ Đảng Cộng sản Pháp Tôrê.

Tôrê thân hình cân đối, tóc không vàng mà đen như tóc người Châu á, sống mũi cao, mặt hồng hào, nhưng ông nói, sức khỏe không được tốt. Nghe đâu, nội dung chính của cuộc đàm thoại là vấn đề đấu tranh hợp pháp ở Nghị viện.

Mao Trạch Đông nói:

- Trước khi Đảng Cộng sản Trung Quốc giành được chính quyền, cũng phải trải qua đấu tranh hợp pháp. Nhưng khi tiến hành đấu tranh hợp pháp thì cũng không bao giờ buông lời đấu tranh bất hợp pháp, chí ít là trong tư tưởng không được phứt giây nào sao lãng, một khi có điều kiện thì phải làm một trận thật oanh liệt. Các đồng chí chỉ đấu tranh trong phạm vi luật pháp tư sản cho phép thì sao có thể giành được chính quyền?

Tôrê có quan điểm riêng của mình, ông lắc đầu nói:

- Không thể mạo hiểm, đổ máu chẳng phải là việc hay...

- Còn phải xem vì sao mà đổ máu, Công xã Pari chẳng phải là sự hy sinh rất lớn lao hay sao?

Về điều này, Tôrê không nói gì thêm.

Mao Trạch Đông mời Tôgoliati đến chỗ ông ở điện Kremli. Qua buổi trò chuyện, ông đã hiểu kỹ tình hình xã hội Italia và cuộc đấu tranh của Đảng Cộng sản Italia. Vị lãnh tụ Đảng Cộng sản Italia này, trên trán đã nhìn rõ những vết nhăn, đôi mắt rất sáng sau cặp kính, luôn có dáng suy tư của một nhà triết học.

Tôgoliati cử chỉ cẩn trọng, tỏ ra hết sức tôn trọng Mao Trạch Đông. Đi đường, vào nhà, nói chuyện đều luôn luôn giữ lễ, luôn nhường trước Mao Trạch Đông. Tôgoliati giới thiệu khá tỉ mỉ tình hình Tây Âu và Italia, nhấn mạnh đến sự khác nhau về tình hình xã hội giữa phương Tây và phương Đông.

Mao Trạch Đông tán thưởng thái độ thực tế đó và cũng thừa nhận:

- Tôi không hiểu rõ lắm tình hình các Đảng ở Tây Âu.

Tôgoliati gật đầu nói:

- Đảng Trung Quốc cần tăng cường cùng các đảng Tây Âu thông báo tình hình cho nhau. Đảng Trung Quốc là đảng lớn, nên tìm hiểu thêm tình hình cụ thể của các đảng Tây Âu.

Tiếp đó ông giới thiệu tóm tắt đặc điểm kinh tế chính trị ở Tây Âu và tình hình các đảng ở Tây Âu

Tôgoliati nói:

- Nước Italia do giai cấp tư sản thống trị vẫn tương đối ổn định, các mâu thuẫn xã hội chưa sâu sắc, quần chúng nhân dân cũng chưa có nhu cầu bức thiết phải thay đổi chế độ xã hội, trong tình hình như vậy, đảng Cộng sản chúng tôi phải khéo léo hợp tác với đảng cầm quyền. Điều kiện chưa đủ mà nhấn mạnh chuyên chính vô sản là thoát ly thực tế.

Mao Trạch Đông ngẫm nghĩ một lát rồi nói:

- Kiên trì thực sự cấu thị là đúng. Trước đây chúng tôi cũng đã hợp tác với Quốc dân Đảng lập Mặt trận thống nhất.

- Đảng Cộng sản tất nhiên không thể quên mục tiêu của mình, nhưng phương pháp đấu tranh thì muôn hình muôn vẻ- Tôgoliati chậm rãi nói - Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của chúng tôi là đoàn kết đông đảo giai cấp công nhân, để các tầng lớp xã hội hiểu rằng Đảng chúng tôi mưu lợi ích cho các tầng lớp nhân dân. Nền chính trị Italia là nền chính trị đa nguyên, các chính đảng có rất nhiều, chúng tôi là một Đảng lớn, cũng có quyền phát ngôn nhất định trong Chính phủ. Chúng tôi phải phát động nhân dân lao động đứng lên, đấu tranh giành lợi ích chung.

Mao Trạch Đông chỉ lắng nghe, không bình luận gì về những quan điểm này, nhưng có đánh giá về Tôgoliati, cho rằng ông là một người có chính kiến riêng.

Theo Mao Trạch Đông, diễn biến thực tế sau này đã chứng tỏ tư tưởng của Tôgoliati chính là tư tưởng xét lại điển hình. Mao Trạch Đông cũng đã chỉ ra, đường lối “Đại hội XX” của Đảng Cộng sản Liên Xô đã có đất hoạt động trong phong trào cộng sản quốc tế. Trong “Đại hội XX”, Khorutsốp đưa ra hai vấn đề lý luận mới: Thông qua việc giành được đa số trong Quốc hội để “quá độ hòa bình lên chủ nghĩa xã hội” và chẳng những có thể chung sống hòa bình với chủ nghĩa đế quốc mà còn có thể cùng hợp tác với nó. Mao Trạch Đông phản đối lý luận này. Tôgoliati rõ ràng là ủng hộ hai luận điểm

này. Thế thì Đảng Cộng sản các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu có thái độ ra sao?

Ngày hôm đó. Mao Trạch Đông lại ngồi xe đến một biệt thự ở ngoại ô Mátxcova thăm lãnh tụ Đảng Cộng sản Ba Lan Gômunka. Gômunka ra tận ngoài sân đón tiếp. Ông người cao gầy, lưng hơi gù, đầu hói, sống mũi cao nhưng đầu mũi hơi hếch, nét mặt tươi cười, vẻ thâm trầm. Chào hỏi xong, Gômunka dẫn Mao Trạch Đông vào phòng khách như người bạn quen cũ, vừa ngồi xuống đã nói với Mao Trạch Đông bằng giọng có vẻ trách móc.

- Tôi không tán thành cách nói “do Liên Xô đứng đầu”, các nước không phân biệt lớn nhỏ đều bình đẳng cơ mà.

Mao Trạch Đông đương nhiên hiểu nỗi khổ khó nói ra của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, trên đất nước họ vẫn còn quân đội Liên Xô. Nhưng phải nhìn đại cục, phải nói tới đoàn kết. Nói đoàn kết thì không thể có những cử chỉ gây ra thắc mắc.

- Cần hay không cần người đứng đầu, đây không phải là việc riêng của chúng ta- Mao Trạch Đông khoát tay thành một đường dài, trong những năm chiến tranh, ông thường dùng động tác này để biểu thị tình thế- Để quốc có người đứng đầu, chúng ta cũng cần phải có người đứng đầu, bất chợt xảy ra chuyện gì, tất phải có một người đứng ra triệu tập chứ. Nói ngay lẫn họp Hội nghị này, Liên Xô không đứng ra, chúng ta biết làm thế nào?

Gômunka bậm môi, nhún vai, tỏ ý không còn cách nào khác.

- Liên Xô lực lượng có bao nhiêu, tôi và các đồng chí lực lượng có bao? Ai trong chúng ta có thể thay thế vai trò của Liên Xô?

Gômunka “hừ” một tiếng, giọng miễn cưỡng:

- Lý lẽ này có thể thông được.

- Đương nhiên, đứng đầu không có nghĩa là bề trên, không thể chỉ một mình nói là đủ, thảo luận vấn đề cần phải bình đẳng. Ví như quan điểm quá độ hòa bình lên chủ nghĩa xã hội, chúng tôi không tán thành. Chưa có tiền lệ mà.

Đề cập đến vấn đề đường lối trong “Đại hội XX” của Đảng Cộng sản Liên Xô, Gômunka hình như không muốn nói nhiều. Ngay một lát, ông nói một cách hết sức thẳng thắn:

- Thừa đồng chí Mao Trạch Đông, đồng chí là lãnh tụ vô sản rất có uy tín và danh vọng, nhưng quan điểm về “con hổ giấy” của đồng chí tôi không tán thành. Tôi cho rằng như vậy là đánh giá không đúng về sức mạnh của chủ nghĩa đế quốc.

Mao Trạch Đông cũng thẳng thắn:

- Cảm ơn đồng chí đã phê bình. Có điều, ý kiến phê bình của đồng chí chưa đầy đủ. Đối với chủ nghĩa đế quốc, tôi không có chuyện đánh giá không đúng mà cơ bản là phải đập nó dưới chân.

Nghe lời phiên dịch xong, Gômunka có phần sững sốt.

Mao Trạch Đông đính đạc luận giải:

- Chúng tôi muốn nói đến khía cạnh tinh thần của nhân dân đế quốc ngày ngày nhe nanh múa vuốt làm anh sợ nó, nhưng nó có thực như thế không? Quan niệm của chúng tôi là, về mặt chiến lược phải coi thường chúng, nó chẳng có gì ghê gớm đâu, chỉ là con hổ giấy, nhưng trên những vấn đề cụ thể, cần phải đối phó nghiêm túc cẩn thận, không dễ dàng khinh xuất, như vậy là về mặt chiến thuật phải trọng thị chúng. Đâu có nói nó chỉ là một thứ đồ chơi bằng giấy phết hồ, đập một cái là bẹp dúm, như thế còn gọi là chủ nghĩa Mác sao được?

- Vừa là con hổ giấy lại vừa không là con hổ giấy, câu này hiểu như thế nào?...

- Đó là phép biện chứng, một là nói trên mặt chiến lược, một là nói trên mặt chiến thuật.

Mao Trạch Đông trình bày lại. Gômunka không nói gì, tuy vậy những người có mặt có thể nhận thấy sự lý giải của ông đối với sự việc hình như có khác trước.

Cuộc thảo luận về phép biện chứng lần này khiến cho Mao Trạch Đông suy nghĩ rất nhiều. Ông nói:

- Xem ra không nói về phép biện chứng không xong.

Ông bèn mời Hồ Kiều Mộc, Quách Mạt Nhược cùng vài đồng chí nữa đến cùng ăn cơm.

Mao Trạch Đông cùng Quách Mạt Nhược và mọi người hào hứng đàm luận về lịch sử Tam Quốc. Trận Quan độ, trận Xích Bích, trận Di Lăng, bao nhiêu trận đánh được kể ra. Ông một đoạn, tôi một khúc, vừa kể vừa bàn luận. Vào lúc sôi nổi nhất, Mao Trạch Đông quay sang hỏi Lý Việt Nhiên:

- Đồng chí Lý Việt Nhiên, hãy nói xem, Tào Tháo và Gia Cát Lượng, hai người này ai lợi hại hơn?

Lý Việt Nhiên nghe câu hỏi đó, nhất thời không biết trả lời như thế nào.

- Gia Cát Lượng dụng binh cố nhiên là túc trí đa mưu, nhưng Tào Tháo, con người này cũng chẳng giản đơn. Ca kịch cứ biến nhân vật này thành một anh

mặt trắng⁽¹⁾, thật oan uổng cho ông ta. Con người này rất giỏi giang.

Mao Trạch Đông đặt dưa xuống, giọng sôi nổi nói tiếp:

- Thời xưa đánh nhau không có tên lửa và bom nguyên tử. Chỉ đánh nhau bằng gươm đao giáo mác nhưng người chết cũng không ít. Thời Hán Tuyên Đế có bao nhiêu nhân khẩu nhỉ?

Quách Mật Nhược nói:

- Tấn thư, Địa lý chí ghi 56 triệu.

- Ngay hiện nay thống kê cũng còn chưa hoàn toàn đầy đủ, vẫn có một số người không có hộ tịch, hưởng hồ là lúc đó. Thôi cứ coi là có 56 triệu người đi, đến thời Tam Quốc hỗn chiến còn lại bao nhiêu? “Ra cửa nhìn trống vắng. Xương trắng phơi đầy đồng”- Mao Trạch Đông dẫn câu thơ trong bài “Thất ai thi” của Vương Sán, một trong “Kiến An thất tử”, nói tiếp- Tào Tháo trở về quê quán “dân chúng quê xưa, chết chóc gần hết. Đi suốt ngày đường, chẳng gặp ai quen”. Đại chiến thế giới lần thứ nhất đã chết bao nhiêu người. Đại chiến thế giới thứ hai lại chết bao nhiêu người? So sánh xem, thời Tam Quốc hỗn chiến đã chết bao nhiêu người? Bom nguyên tử và đại đao của Quan Vân Trường rút cục cái nào giết người nhiều hơn?

Mao Trạch Đông thở một hơi dài:

- Hiện nay có người rất sợ chiến tranh, điều này cũng không có gì lạ, Chuyện đánh nhau quả có làm cho con người khốn khổ. Chiến tranh còn mang lại đói rách, dịch bệnh, cướp bóc... Vì sao lại phải chiến tranh kia chứ! Cần phải ngăn chặn nó, đừng để cho nó xảy ra. Nhưng chỉ một mực sợ hãi thì cũng không được, anh càng sợ thì nó sẽ rơi xuống đầu anh. Chúng ta phải ra sức chống lại chiến tranh nhưng không được sợ chiến tranh. đó chính là phép biện chứng vậy.

Sau này, Mao Trạch Đông đã trình bày quan điểm trên với các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô và các lãnh tụ Đảng anh em khác.

Hồ Kiều Mộc dựa vào lời trình bày miệng của Mao Trạch Đông đã chỉnh lý một đoạn dài bài viết về duy vật biện chứng, kiến nghị đưa vào văn kiện Hội nghị.

Vì chuyện đó, Suxlốp đến gặp Mao Trạch Đông, nói với giọng thương lượng:

- Thưa Mao Chủ tịch, đây là nguyên lý mà mọi người đều đã biết,

⁽¹⁾ Cách hoá trang những vai gian hùng (ND)

không đưa vào có lẽ cũng có thể...

Mao Trạch Đông khoát tay:

- Nói rằng mọi người đều đã biết thì chưa chắc. Nên nói rằng có người đã biết, như thế tất nhiên cũng còn người chưa biết. Về quan điểm này, đồng chí tin hay không ?

"Tuyên ngôn" vốn do Trung - Xô hiệp thương soạn thảo, mỗi bên viết một phần. Suxlốp đồng ý đưa luận thuyết về phép biện chứng này vào văn kiện Hội nghị.

Thoả hiệp không thể chỉ có một phía, Mao Trạch Đông cũng quyết định phải có thoả hiệp.

Mao Trạch Đông điểm "của gia bảo"

Một lần Khorutsốp dẫn Mao Trạch Đông cùng đi ăn trưa, Mao Trạch Đông đưa ra ý kiến:

- Văn kiện có thể dựa vào quan điểm "Đại hội XX" của các đồng chí, chúng tôi chỉ làm phần Bị vong lục, coi như bảo lưu ý kiến vậy thôi, đồng chí thấy thế nào?

- Được, được! - Khorutsốp trong phút chốc phấn chấn hẳn lên. Những lúc hào hứng, ông ta thường thao thao bất tuyệt - Đồng chí có lẽ đã xem phim Chiến tranh Xô Đức rồi. Tôi nói để đồng chí rõ, cái đó đều là giả cả đấy. Xtalin cơ bản không biết chỉ huy trận mạc. Thắng lợi của chiến tranh vệ quốc chẳng có quan hệ gì với ông ta, những lần can thiệp của ông ta chỉ làm cho quân đội chúng tôi vấp phải nhiều tổn thất nặng nề.

Mao Trạch Đông không thích nghe nên cố ý nói lảng sang chuyện khác:

- Tôi muốn được giao lưu bàn bạc với những người có học vấn thực sự trong giới triết học của các đồng chí.

- Cũng dễ thôi, chúng tôi sẽ lo việc tổ chức.

Khorutsốp vẫn muốn tiếp tục câu chuyện bỏ dở:

- Xtalin chỉ huy mặt trận Tây Nam là một thí dụ điển hình nhất. Lúc đó tôi đã có một quyết định đúng đắn là ngừng các hoạt động tác chiến bao vây khu vực Kháckốp, nhưng Xtalin đã cự tuyệt thẳng thừng ý kiến của tôi, hạ lệnh tiếp tục cuộc chiến bao vây Kháckốp. Tôi gọi điện cho Thượng tướng Vasiliépiski, yêu cầu ông mang bản đồ đến chỗ Xtalin trình bày rõ hình thế chiến trường. Đồng chí biết không, Xtalin không dùng bản đồ mà lại dùng quả địa cầu để vạch kế tác chiến, trong khi khu vực Kháckốp trên quả địa cầu thì chỉ lớn bằng mũi kim mà thôi. Nhưng Vasiliépiski nói: "Xtalin đã nghiên

cứu vấn đề này rồi, đối với việc này tôi không thể nói thêm gì hơn với đồng chí Xtalin". Ông ta sợ tính thô bạo của Xtalin nên muốn cho qua. Lại có vị Nguyên soái đáng thương ở Bộ Tổng Tham mưu nhát gan như thỏ đế, cứ gặp Xtalin là hai chân tê cứng chỉ còn biết run lẩy bẩy. Bị thua trận chính là do ông này chỉ biết báo cáo và cúi đầu vâng lệnh, nhưng tôi vẫn dũng cảm gọi điện cho Xtalin ở một nơi khác...

Khorútsốp mặt mày rạng rỡ kể về ông ta đã "dũng cảm", "đúng đắn" như thế nào để đưa ra một kiến nghị chính xác với Xtalin. Nhưng Xtalin không trực tiếp nghe điện thoại, mặc dầu ông đứng bên cạnh Malenkóp, Malenkóp nhận điện thoại chứ ông ta không nhận. Ý kiến đúng đắn của ông đã bị cự tuyệt một cách vô lý như vậy.

Lúc này Mao Trạch Đông không tỏ thái độ, không phải vì đang ăn mà muốn lái câu chuyện sang đề tài khác. Năm đó, Khorutsốp chỉ là một viên Trung tướng, trong lịch sử Đại chiến thế giới lần thứ hai tên tuổi không được nhắc đến, thế mà bây giờ lại tự đề cao mình còn sáng suốt hơn cả Xtalin- vị Thống soái tối cao của quân đội Liên Xô, không những thế, còn khoe khoang tài năng quân sự cá nhân trước mặt Mao Trạch Đông - người đã từng chỉ huy hàng nghìn chiến dịch lớn nhỏ thì quả thật cũng khó coi.

Mao Trạch Đông dùng khăn ăn lau miệng, nói với giọng hài hước:

- Đồng chí Khorútsốp, cơm tôi đã ăn xong rồi mà chiến dịch Tây Nam của đồng chí vẫn chưa đánh xong.

Trong một lần dự tiệc chiêu đãi, Mao Trạch Đông đã trịnh trọng nói với Khorutsốp :

- Tôi chuẩn bị từ chức Chủ tịch nước.

Khorútsốp không cảm thấy bất ngờ vì nửa năm trước Vôrôsilốp đã mang về tin này. Ông hỏi:

- Có người thay thế chưa?

- Có rồi. Đảng chúng tôi có mấy đồng chí, họ đều không thua kém tôi, hoàn toàn có đủ điều kiện - Mao Trạch Đông giơ một ngón tay như đếm của gia bảo - Thứ nhất là Lưu Thiếu Kỳ. Người này đã tham gia phong trào Ngũ Tứ ở Bắc Kinh và Bảo Định, sau lại đến học tập ở chỗ các đồng chí đây, năm 1921 vào Đảng Cộng sản, năng lực và kinh nghiệm đều đáng nể, hoàn toàn đầy đủ điều kiện. Chỗ mạnh của đồng chí đó là tính nguyên tắc rất cao, chỗ yếu là tính linh hoạt chưa đủ. Thứ hai là Đặng Tiểu Bình - Mao Trạch Đông giơ tiếp một ngón tay - Con người này vừa có tính nguyên tắc vừa có tính linh hoạt, là nhân tài hiếm có.

Khorútsóp gật đầu:

- Đúng vậy, tôi cũng thấy ông này rất lợi hại (Năm 1956, trong sự kiện Hunggari, Khorútsóp đã gặp gỡ Đảng Tiểu Bình).

Mao Trạch Đông tiếp tục giơ ngón tay thứ ba:

- Thứ ba là Chu Ân Lai, đồng chí này mạnh hơn tôi về mặt hoạt động quốc tế, giỏi xử lý các loại mâu thuẫn phức tạp. Là người rất sáng suốt hằng hái, khi nhận ra điểm yếu biết tự phê bình, là một người tốt.

Khorútsóp gật gù:

- Chúng ta đều là những người ngoài 60 tuổi cả rồi, chúng tôi ở đây sẽ để Còxughin giữ chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Micôian không đủ mạnh về tính nguyên tắc, nhưng cũng là người tốt.

Nói đến đây, Khorútsóp liếm môi rồi như không kìm được nói thêm:

- Tuy nhiên, mọi người vẫn muốn để tôi nắm toàn cục.

Mao Trạch Đông chìa ngón tay thứ tư:

- Đồng chí Chu Đức tuổi đã nhiều, là người đức cao vọng trọng nhưng không thể bắt ông ấy chủ trì công tác được. Tuổi tác không chiều người. Tóm lại, những người này bất kể là ai đến đây, mong các đồng chí đối xử với họ cũng như đối với tôi, đều coi họ là bạn bè của các đồng chí.

Khorútsóp vung vẩy cánh tay phải nói:

- Được, được, chúng tôi nhất định làm như thế.

Trong bữa tiệc hai người còn nhắc tới Mòlôtóp. Mao Trạch Đông nghĩ tới việc “Đại hội VIII” của Đảng Cộng sản Trung Quốc vẫn bảo lưu Vương Minh bên hỏi Khorútsóp :

- Các đồng chí có thể bầu Mòlôtóp vào Ban Chấp hành Trung ương để biểu thị sự đoàn kết với những người đã phản đối mình không?

Khorút sóp nói:

- Không thể, con người này vô dụng, chỉ làm cản trở sự nghiệp của chúng tôi.

Nhân vật “làm mưa làm gió” ở Mátxcova

Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân 12 nước xã hội chủ nghĩa cuối cùng đã khai mạc tại hội trường Thánh Gioocgiơ trong điện Kremli.

Mỗi lần tham dự vào những công việc đại sự, Mao Trạch Đông thường tập trung cao độ. Lúc sắp đi, khuy áo trên bộ trang phục Tôn Trung Sơn của ông vẫn chưa cài, khi Lý Việt Nhiên giúp ông cài khuy áo, ông hầu như bất

động. Ra thang máy để xuống lầu, mời ông bước vào khoang, ông chờ đến bước vào rồi đứng ở một góc không nói. Thang máy dừng, khi nào mời ông ra lúc đó ông mới cất bước như một cái máy.

Ông đang suy nghĩ về những lời phát biểu ở Hội nghị, mà lời phát biểu của ông đối với Hội nghị này là rất quan trọng.

Khi Khorútsóp đưa Mao Trạch Đông vào toà đại sảnh Thánh Gióocgiơ, không khí chào đón thật là nồng nhiệt. Vì trong hoạt động kỷ niệm 40 năm Cách mạng tháng Mười thắng lợi, Mao Trạch Đông đã có bài nói chuyện đầy nhiệt tình trong cuộc mít tinh quần chúng đông đảo ở đồi Lê nin, ca ngợi ý nghĩa phổ biến của Cách mạng Tháng Mười, ca ngợi Đảng Cộng sản Liên Xô và nhân dân Liên Xô đã có những cống hiến lịch sử lớn lao đối với cách mạng thế giới. Ông đã dùng những lời hay ý đẹp chúc nhân dân Liên Xô dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, thu được thành tựu to lớn trong sự nghiệp cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Mao Trạch Đông bước lên diễn đàn phát biểu trực tiếp, không đọc bài viết sẵn, ca ngợi Liên Xô đã phóng thành công vệ tinh nhân tạo thứ hai xoay quanh trái đất. Ông nói:

- Nước Mỹ khoe khoang tài giỏi, vì sao vẫn chưa ném được một hòn đá lên trời?

Đại biểu các nước nghe những lời phát biểu sinh động của Mao Trạch Đông đều vỗ tay sôi nổi.

Trong Hội nghị, Mao Trạch Đông còn mấy lần lên diễn đàn nói chuyện để lại ấn tượng sâu sắc cho mọi người.

- Đóa hoa Khorútsóp quả thật đẹp hơn Mao Trạch Đông tôi nhiều. - Mao Trạch Đông đưa tay về phía Khorút sóp rồi nhìn xuống hội trường nói tiếp- Trung Quốc có câu cổ ngữ, hoa sen tuy đẹp vẫn nhờ lá xanh che đỡ.

Hội trường vang lên những tràng vỗ tay nhiệt liệt. Khorút sóp cũng lộ rõ vẻ cảm kích vui sướng.

Mao Trạch Đông đưa mắt nhìn khắp hội trường, dừng lại ở chỗ Kader, đại biểu của Liên đoàn những người cộng sản Nam Tư, mỉm cười nói:

- “Một hòa thượng hai người đỡ, một bờ giàu ba cột chống”- Ông hát hàm về phía Kader- ý kiến bất đồng có thể bảo lưu. Có chuyện gì vẫn có thể dựa vào bạn bè. Chúng tôi tin rằng sớm muộn các đồng chí sẽ quay trở lại.

Kader tỏ ra rất cảm động.

- Ngày nay thế giới chia thành hai khối lớn, hai khối lớn đối kháng nhau. Lực lượng ai mạnh hơn? Thử tính xem. Đại chiến thế giới lần thứ hai,

nước Mỹ có bao nhiêu gang thép? Liên Xô có bao nhiêu gang thép?

Mao Trạch Đông nêu ra hai con số, rồi nói tiếp:

- Nhưng Liên Xô đã đánh bại phát xít, là chủ lực quân chống phát xít. Ngày nay Liên Xô lại phóng hai vệ tinh lên trời. ý nghĩa này rất lớn. Chúng tỏ rõ tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội.

Mao Trạch Đông quay sang giọng như hỏi Khorutsốp:

- Các đồng chí gắng sức, liệu có thể trong thời gian 10 năm vượt được Mĩ trên các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu.

Khorutsốp nói:

- Chúng tôi cố gắng, điều đó có thể.

Mao Trạch Đông tiếp lời:

- Các đồng chí cần thời gian 10 năm để vượt nước Mĩ, chúng tôi cần 15 năm để vượt nước Anh.

Hội trường vang lên tiếng vỗ tay và tiếng hoan hô. Sau khi phân tích lực lượng so sánh, Mao Trạch Đông cất cao giọng nói hình thế thế giới hiện nay là “ Gió đông thổi bạt gió Tây”. Đây là một luận điểm nổi tiếng.

- Cần phải cảnh giác với những kẻ điên cuồng gây chiến tranh, chúng có thể ném bom nguyên tử, bom khinh khí xuống bất cứ nơi nào...

Mao Trạch Đông trình trọng tuyên bố các nước xã hội chủ nghĩa sẽ mãi mãi không bao giờ là kẻ xâm lược. Trong tình thế xấu nhất, ông đã suy nghĩ đến cục diện có thể xuất hiện một khi bùng nổ chiến tranh. Ông nói:

-Tôi đã bàn luận vấn đề này với một vị chính khách nước ngoài (Nêru), ông ta tin rằng nếu xảy ra chiến tranh nguyên tử, toàn bộ nhân loại sẽ bị tiêu diệt. Tôi nói, nếu như tan nát đến mức không thể tan nát hơn, một nửa loài người chết thì vẫn còn một nửa người sống, các nước đế quốc sẽ bị san thành bình địa, toàn thế giới sẽ thành xã hội chủ nghĩa, chỉ trong ít nhiều năm lại có 1,7 tỷ người, và chắc chắn còn có thể nhiều hơn nữa. Nhân dân Trung Quốc chúng tôi chưa hoàn thành công cuộc xây dựng, chúng tôi mong muốn hòa bình. Nhưng nếu các nước đế quốc cứ nhất định gây chiến thì chúng tôi không có sự lựa chọn nào khác, chỉ còn cách trên dưới một lòng “tiếp” chúng đến cùng, đánh rồi xây dựng sau. Nếu như anh lúc nào cũng sợ chiến tranh mà rút cục chiến tranh vẫn đến thế thì anh làm thế nào?....

Cả hội trường chăm chú lắng nghe bài nói chuyện của Mao Trạch Đông.

Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân 12 nước xã hội chủ nghĩa tiến hành từ ngày 14 đến ngày 16 tháng 11 năm 1957; tiếp đó, Hội nghị đại biểu 64 Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân được triệu tập từ

ngày 16 đến ngày 19, cuối cùng Hội nghị đã thông qua “Tuyên ngôn Mátxcova” và “Tuyên ngôn hòa bình”.

Ngày 20 tháng 11, tại đại sảnh Êcatêrina trong điện Kremli, Đoàn Chủ tịch Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đã tổ chức long trọng đại tiệc tiễn biệt các đoàn đại biểu Đảng các nước, không khí vô cùng náo nhiệt. Mao Trạch Đông và Khorút sốp ở ghế giữa hàng chủ khách.

Mao Trạch Đông đứng lên nâng cốc:

- Cảm ơn lời mời của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô và Chính phủ Liên Xô, cảm ơn các vị đã tổ chức bữa tiệc chiêu đãi chúng tôi phong phú như thế này. Chúng ta đã tiến hành tốt hai Hội nghị, mọi người hãy đoàn kết lại, đó là đòi hỏi của lịch sử, là đòi hỏi của nhân dân các nước...

Mao Trạch Đông ngừng lại giây lát, rồi dùng thơ phú để nói về sự đoàn kết giữa những người Cộng sản:

- Trung Quốc có bài thơ cổ: “Hai bồ tát bằng đất- Một lần bị vỡ tan. Lấy nước hòa trộn lẫn. Lại làm hai bồ tát. Trong người tôi có anh. Trong người anh có tôi”.

Cả phòng tiệc vang lên tiếng vỗ tay. Khorút sốp nâng cốc rượu, vừa khen hay vừa chạm cốc với Mao Trạch Đông.

III. KHORÚTSỐP THĂM TRUNG QUỐC LẦN THỨ HAI

Tranh luận về “Hạm đội liên hợp”

Ngày 29 tháng 7 năm 1958, tổ trưởng tổ phiên dịch Diêm Minh Phục từ Cư Nhân Đường gọi điện thoại cho Lý Việt Nhiên:

- Anh Lý, có việc gấp, anh đến ngay chỗ tôi nhé.

- Lý Việt Nhiên hỏi:

- Việc gì thế?

- Có công tác quan trọng, anh đến ngay. Chủ nhiệm Dương tìm anh đấy.

Lý Việt Nhiên vội đi đến Cư Nhân Đường. Diêm Minh Phục giới thiệu sơ qua tình hình: Phía Liên Xô thông qua Đại sứ Iukin xin gặp Mao Trạch Đông để trình bày một đề nghị của nhà lãnh đạo Liên Xô muốn có một căn cứ tàu ngầm ở Trung Quốc và xây dựng một điện đài sóng dài để bảo đảm việc liên lạc với hạm đội của họ. Họ còn đề xuất lập một hạm đội liên hợp với chúng ta. Iukin đến gặp lần thứ nhất, Mao Trạch Đông nghiêm túc hỏi: “Các anh có ý gì? Vì sao lại phải làm như vậy?” Iukin giải thích không được rõ ràng, Mao Trạch Đông có chút bực tức nói: “Anh nói không được rõ ràng,

xin mời Khorútsóp sang nói cho rõ!”

Iukin quay về liền đánh điện gấp báo cáo với Mátxcova, rồi trở lại xin gặp Mao Trạch Đông lần nữa, vẫn nói cần xây dựng một hạm đội liên hợp để đối phó với Hạm đội Bảy của Mỹ. Mao Trạch Đông nghe xong rất bức, gắng hỏi phía Liên Xô xem thực chất vấn đề là gì? Iukin trả lời vẫn không rõ ràng. Mao Trạch Đông nói: “Không được, việc này cần phải làm cho rành mạch, để nghị báo cáo lại với đồng chí Khorútsóp, mời đồng chí ấy sang đây trao đổi!”

Thế là Iukin gửi điện báo cho Khorútsóp. Khorútsóp quyết định sẽ sang Trung Quốc ngay.

Diêm Minh Phục nói với Lý Việt Nhiên:

- Iukin hai lần đến đều không nói được rõ ràng. Chủ tịch rất bức. Khorútsóp sắp sang, Chủ nhiệm Dương đề anh làm công tác phiên dịch, cho nên tìm anh đến.

Hai người đến phòng làm việc của Dương Thượng Côn, Chủ nhiệm Văn phòng Trung ương Đảng Dương Thượng Côn giới thiệu lại quá trình trao đổi giữa Mao Trạch Đông với Iukin

Nghe giới thiệu tình hình, Lý Việt Nhiên chuẩn bị về mặt tư tưởng: Xem ra sẽ có một cuộc tranh luận lớn đây.

Cách một ngày, ngày 31 tháng 7 Khorútsóp đã tới, Lý Việt Nhiên theo Mao Trạch Đông lên xe đến sân bay Nam Uyển. Cùng đi đón còn có Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình. Tại phòng chờ, không khí có vẻ trang nghiêm nhưng không vui vẻ thoải mái như lần trước. Mọi người đều rất ít nói, Mao Trạch Đông cũng không hào hứng bàn luận về triết học với Iukin như trước kia, lần này không nói chuyện gì nhiều.

Chiếc máy bay TU.104 chở Khorútsóp từ từ hạ cánh. Những người lãnh đạo Đảng, Chính phủ Trung Quốc bước tới đón tiếp. Không có đội nghi lễ, cũng không có ôm hôn, Mao Trạch Đông chỉ bắt tay chào hỏi Khorútsóp, vừa trò chuyện vừa bước vào phòng khách.

Ngồi nghỉ ở phòng khách, không bàn luận vấn đề chính, Mao Trạch Đông chỉ nói chung chung về tình hình trong nước. Ông nói:

- Hiện nay, ở chúng tôi quả thực đã xuất hiện đại nhảy vọt, tình hình nông thôn khá tốt.

Lưu Thiếu Kỳ tiếp lời:

- Hiện nay, điều chúng tôi lo không phải vì lương thực không đủ ăn mà là lương thực đã nhiều, chưa biết làm thế nào.

Khorútsóp mỉm cười khó hiểu, nói:

- Dễ thôi. Lương thực nhiều, các đồng chí chưa biết làm thế nào thì có thể cho chúng tôi.

Trò chuyện không lâu, chủ khách lên xe từ sân bay Nam Uyển về thẳng Trung Nam Hải.

Mao Trạch Đông dẫn Khorútsốp tới Di Niên Đường. Đặng Tiểu Bình và Dương Thượng Côn cùng đi theo. Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai đón tiếp Khorútsốp xong liền quay về, không tham gia hội đàm.

Vào tới Di Niên Đường, Mao Trạch Đông liền thăm hỏi:

- Trên đường đi đồng chí vẫn khỏe chứ?

Khorútsốp gật đầu:

- Vẫn khỏe, còn sức khỏe của đồng chí thế nào?

- Tôi tự cảm thấy khá tốt.

Mao Trạch Đông mời Khorútsốp ngồi rồi cũng ngồi xuống theo, nói:

- Iukin đã nói với tôi, các đồng chí có ý định gì đó, nhưng nói không rõ các đồng chí xuất phát từ suy nghĩ như thế nào. Cho nên tôi muốn được trực tiếp nghe ý kiến của các đồng chí. Đồng chí thân hành đến như vậy là rất tốt, chúng tôi hoan nghênh. Chúng ta cùng bàn chắc tốt hơn.

Khorútsốp trước hết trách cứ Iukin, nói ông ta có lẽ không nghe rõ ràng ý kiến của lãnh đạo, sau đó nói về suy nghĩ của mình. Đại để là, căn cứ vào hiệp định, máy bay Liên Xô có thể đỗ xuống sân bay Trung Quốc để tiếp dầu. Bây giờ, tàu ngầm tầm xa của Liên Xô bắt đầu hoạt động, và hạm đội của Liên Xô hiện cũng đang có mặt ở Thái Bình Dương, căn cứ chủ yếu đặt ở Vladivostok. Trước đây Trung Quốc có đưa ra yêu cầu đề nghị Liên Xô giao cho Trung Quốc sơ đồ thiết kế tàu ngầm và huấn luyện cho Trung Quốc kỹ thuật chế tạo tàu ngầm. Hiện nay, tình hình ở eo biển Đài Loan căng thẳng, Hạm đội Bảy của Mỹ diễn cường hoạt động. Hạm đội Liên Xô tiến vào Thái Bình Dương là để đối phó với Hạm đội Bảy của Mỹ. Hoạt động tầm xa của tàu ngầm cần phải có một điện đài sóng dài xây dựng ở Trung Quốc v.v...

Khorútsốp vừa khoa tay vừa nói tới mười mấy phút, thêm phiên dịch thành ra mất hơn nửa giờ. Mao Trạch Đông dáng vẻ nghiêm trang, liên tục hút thuốc lá, nhìn Khorútsốp, lặng lẽ nghe. Khorútsốp rõ ràng không hiểu Mao Trạch Đông đang nghĩ gì và không lường được sự phản ứng sẽ xuất hiện ở Mao Trạch Đông. Ông vẫn giải thích lan man, càng nói càng hăng, có vẻ đắc ý.

Bỗng nhiên, Mao Trạch Đông giơ tay ra hiệu dừng lại, động tác nhẹ nhàng mà dứt khoát, chỉ nói gọn lỏn một câu:

- Đồng chí nói rất dài mà vẫn chưa nói vào vấn đề chính.

Khorútsóp sững lại, lộ rõ vẻ lúng túng:

- Phải, phải, xin đồng chí đừng vội, tôi còn tiếp tục nói nốt. - Khorútsóp gượng cười, có phần không tự nhiên Iukin nói với tôi đồng chí rất bức. Iukin làm không được việc, ông ta không nói được rõ ràng. Chúng tôi chỉ nghĩ là muốn cùng các đồng chí thương lượng.

Mao Trạch Đông ngán ngẩm với cách nói úp úp mở mở, vòng vo của Khorútsóp liền xẵng giọng hỏi thẳng:

- Xin đồng chí nói cho tôi biết, Hạm đội liên hợp là cái gì?

- Ờ, ờ,...-Khorútsóp ngập ngừng, rõ ràng là không thể giải thích trọn vẹn trong một câu – Cái gọi là liên hợp, chính là việc cùng thương lượng, thương lượng...

Mao Trạch Đông nắm lấy điểm mấu chốt không chịu buông tha:

- Xin đồng chí nói rõ, Hạm đội liên hợp là cái gì?

- Đồng chí Mao Trạch Đông, chúng tôi xuất tiền xây dựng điện đài này cho các đồng chí. Điện đài này thuộc về ai, đối với chúng tôi không quan trọng, chẳng qua chúng tôi muốn dùng nó để duy trì liên lạc vô tuyến với tàu ngầm, mong rằng điện đài này có thể nhanh chóng xây dựng. Hạm đội của chúng tôi hiện đang hoạt động ở Thái Bình Dương, căn cứ chính của chúng tôi...

Mao Trạch Đông càng nghe càng tức giận, vỗ bàn đứng phắt dậy, chỉ vào Khorútsóp nói:

- Đồng chí nói dài dòng như vậy mà chẳng mấy may đề cập đến vấn đề cốt yếu nhất. Tôi hỏi lại đồng chí, hạm đội liên hợp là cái gì.

Thấy tình hình như vậy, Lý Việt Nhiên đã cố gắng sử dụng từ ngữ lúc phiên dịch để biểu đạt một cách chuẩn xác tình cảm của Mao Trạch Đông để cho Khorútsóp cảm thấy đầy đủ tính nghiêm túc của vấn đề.

Khorútsóp mặt đỏ lên, xem ra trong lòng không dễ chịu mà lại không thể nói cho đầy đủ, trước sau vẫn ở trong thế bị chất vấn. Ông vẫn cố giữ giọng thản nhiên:

- Chúng tôi đến đây là để cùng các đồng chí thương lượng, thương lượng...

- Thế nào là cùng thương lượng, chúng tôi có hay không có chủ quyền? Có phải các đồng chí muốn lấy vùng đất duyên hải của chúng tôi chăng?- Mao Trạch Đông trong lúc phẫn nộ, giọng châm biếm - thì các đồng chí cứ lấy hết đi là xong!

Phó Ngoại trưởng Liên Xô Phêđêrin cùng ngồi tham gia hội đàm là một nhà Hán học có tiếng, tinh thông tiếng Trung Quốc. Ông dùng tiếng Nga nói

với Khorútsóp :

- Mao Trạch Đông đang nóng giận!

Khorútsóp tất nhiên biết rõ Mao Trạch Đông đang “ nóng như lửa” nhưng ông vẫn cố giữ bình tĩnh, nhún nhún đôi vai, đôi mắt nhỏ mà sắc chớp chớp, khí thế như tiêu tan, hai cánh tay nhỏ nhưng mập mạp, cất giọng mũi ô ô:

- Chúng tôi không có ý đó, xin đừng hiểu lầm. ở nhà chúng tôi đã bàn, nay sang thương lượng với các đồng chí chính là muốn cùng nhau tăng cường sức mạnh phòng thủ...

- ý này không đúng.

Mao Trạch Đông lại ngồi xuống. Cho tới lúc này, ông vẫn không phụ hoạ theo một câu nào của Khorútsóp. Trong Hội nghị Mátxcova năm 1957, Mao Trạch Đông còn chú ý lựa chọn một số vấn đề có điểm chung để bàn luận. Lần này thì không, ông cứ xoáy mãi vào điểm cốt yếu:

- Rõ ràng là đồng chí muốn lập Hạm đội liên hợp.

Khorútsóp nhíu mày, hơi cao giọng:

- Chúng tôi đến đây cốt để cùng thương lượng với các đồng chí, chẳng ngờ lại khiến cho các đồng chí hiểu lầm lớn đến như vậy!

Khorútsóp vẻ giận dữ liên tục lắc đầu:

- Không thuận bàn thì cũng khó làm rồi.

Mao Trạch Đông trong lòng đã có cân nhắc. Nhớ lại trong Hội nghị Mátxcova tám tháng trước đây, lãnh tụ Đảng Cộng sản Ba Lan Gômunka không đồng ý với cách đặt vấn đề “đứng đầu là Liên Xô”, Mao Trạch Đông đã nói với Gômunka: “Cần hay không cần người đứng đầu, đây không phải là việc riêng của chúng ta. để quốc có người đứng đầu, chúng ta cũng cần phải có người đứng đầu, bất chợt xảy ra chuyện gì, tất phải có một người đứng ra triệu tập chứ. Nói ngay lần họp Hội nghị này, Liên Xô không đứng ra, chúng ta biết làm thế nào?... Liên Xô lực lượng có bao nhiêu, tôi và đồng chí lực lượng có bao nhiêu?”

Thật vậy, “ Liên Xô có bao nhiêu lực lượng, tôi và đồng chí lực lượng có bao nhiêu?” Lúc này, hải quân Trung Quốc mới xây dựng chưa được mười năm, mới ở giai đoạn phòng thủ bờ biển, làm sao có thể bình đẳng với Liên Xô trong việc lập “Hạm đội liên hợp” gì đó được? Hướng hồ, nếu như Liên Xô xây dựng căn cứ hải quân ở Trung Quốc thì đây lại là vấn đề lớn liên quan đến chủ quyền quốc gia.

Chẳng trách được Mao Trạch Đông miễn cảm, chẳng trách được Mao Trạch Đông tức giận. Liên Xô cho quân đội đến đóng ở các nước xã hội chủ

nghĩa Đông Âu, xây dựng căn cứ, đó là chuyện khác, vì Trung Quốc không quản nổi Đông Âu; nhưng việc quan trọng của chính Trung Quốc thì mình phải làm chủ. Binh lính của bất cứ nước ngoài nào cũng không được phép đứng chân trên đất Trung Quốc, đó là lập trường rõ ràng nhất quán của Đảng Trung Quốc.

Khorútsóp đã nhiều lần trách cứ Iukin không biết làm việc, nhưng lần này đến lượt ông, có lẽ cũng cảm thấy chẳng dễ chút nào. Nghĩ một lát, Khorútsóp kiến nghị:

- Đồng chí Mao Trạch Đông, chúng ta có thể thỏa thuận một Hiệp nghị nào đó, để tàu ngầm của chúng tôi có một căn cứ trên đất nước các đồng chí, tiện lợi cho việc tiếp dầu, sửa chữa, nghỉ ngơi ngắn hạn, được chăng?

- Không được !- Mao Trạch Đông phẩy tay từ chối dứt khoát. - Tôi không muốn nghe lại việc này nữa.

- Đồng chí Mao Trạch Đông, các nước trong tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương về mặt hợp tác và cung ứng lẫn cho nhau chẳng có gì phiền toái cả, thế mà ở đây chúng ta chỉ có một việc thế này mà cũng không thỏa thuận được với nhau!

Khorútsóp có chút bực tức. Khi vui vẻ hoặc tức giận, cặp mắt của Khorútsóp thường khép lại thành một đường thẳng, ánh mắt như ngưng đọng lại thành một tia sáng sắc bén.

Mao Trạch Đông vẫn điềm nhiên, thậm chí còn ung dung hút thuốc lá. Có lẽ vì mục đích của ông đã đạt được: Làm rõ ý nghĩ thật sự của phía Liên Xô, lại nắm đúng thời cơ tỏ rõ thái độ của mình cho họ biết, để cho họ mãi không quên được. Ông nói mạnh mẽ, dứt khoát:

- Không thể!

Khorútsóp không còn khép mắt nữa, thái độ trở lại bình thường, đúng là người lãnh đạo của một nước lớn, ý chí vẫn kiên cường. Ông bỗng nhiên mỉm cười nói:

- Để hợp lý hợp tình, nếu như đồng chí muốn, thưa đồng chí Mao Trạch Đông, tàu ngầm của các đồng chí có thể sử dụng cảng Muócmanskơ của chúng tôi làm căn cứ.

- Không cần! - Mao Trạch Đông cười nhạt, môi dưới giật giật, đổi giọng chậm rãi nói - Chúng tôi không nghĩ đến Muócmanskour của các đồng chí, không nghĩ đến việc làm nhà cửa ở đấy, và cũng không mong muốn các đồng chí làm nhà cửa ở đấy.

Khorútsóp im lặng nhìn Mao Trạch Đông hồi lâu như muốn nói: Không làm

sao hiểu được ông, cũng không có cách nào nói chuyện được với ông.

Mao Trạch Đông nói với Khorútsóp giọng như đang lên lớp giảng bài:

- Người Anh, người Nhật, và nhiều người nước ngoài nữa từng dùng chân rất lâu trên đất nước chúng tôi, đã bị chúng tôi đánh đuổi đi. Đồng chí Khorútsóp, xin nói lại một lần nữa: Chúng tôi không muốn để bất cứ người nào dùng đất đai của chúng tôi cho mục đích riêng của họ.

Nghe tới đây, Khorútsóp thấy không còn hy vọng gì, cặp mắt tí hí mở to, giọng như muốn làm dịu đi bầu không khí căng thẳng:

- Các đồng chí không đồng ý thì thôi, chúng tôi không đưa ra đề nghị này nữa.

Hình như vẫn chưa muốn kết thúc ở đây, Khorútsóp nói tiếp với giọng nuối tiếc:

- Tại sao lại hiểu nhầm chúng tôi như vậy? Đồng chí Mao Trạch Đông, đồng chí biết đấy, Liên Xô chúng tôi đã viện trợ rất nhiều cho Trung Quốc. Năm 1954, tôi tới đây, chúng tôi đã trao trả cảng Lữ Thuận về cho Trung Quốc, bỏ các cổ phần trong công ty cổ phần hỗn hợp thành lập ở Tân Cương, những việc này đã làm sớm trước 25 năm so với Hiệp định ký kết giữa đồng chí với Xtalin, hơn nữa chúng tôi còn tăng thêm viện trợ kinh tế cho các đồng chí...

- Đây là vấn đề khác.- Mao Trạch Đông dùng giọng nói mềm mỏng tách bạch hai vấn đề viện trợ và chủ quyền, lịch nhưng kiên định nhắc lại. - Đây là vấn đề khác.

Cuộc hội đàm ở Di Niên đường bắt đầu ngay từ lúc vừa xuống xe, dù thấy sự trọng thị của Mao Trạch Đông đối với chủ quyền của Trung Quốc, một vấn đề mà suốt đời ông vô cùng trân trọng.

Sau cuộc hội đàm này, một vị lãnh đạo hỏi Lý Việt Nhiên:

- Nay Tiểu Lý, Chủ tịch còn nói với tôi, hỏi chú xem có sợ Khorútsóp không?

Lý Việt Nhiên không rõ có chuyện gì.

Vị lãnh đạo này nói:

- Chủ tịch hỏi, “Khi tôi chỉ vào Khorútsóp, vì sao chú ấy không chỉ?”

Lý Việt Nhiên giải thích:

- Tôi không sợ ông ta. Tôi đã theo các thủ trưởng Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Bành Chân nhiều lần ra nước ngoài, cũng hiểu biết ít nhiều về Khorútsóp. Tính khí ông ta có phần thô bạo, nếu tất cả đều giơ tay chỉ vào ông ta, xem ra cũng không hay lắm.

IV. MỘT HOẠT ĐỘNG QUÂN SỰ ĐẶC BIỆT

Trung ương quyết định pháo kích Kim Môn

Ngày 25 tháng 11 năm 1957, sau bữa ăn trưa, Tổng thống Mỹ Aixenhao đến văn phòng Tổng thống. Ngồi vào bàn làm việc, ông bắt đầu ký một số giấy tờ, văn kiện. Đột nhiên ông thấy đau đầu choáng váng. Ông muốn thoát khỏi cảm giác này bèn vươn tay lấy một bì thư khác. Khi cầm lên ông thấy những con chữ trong thư hình như chạy đi hết. Người ông mềm nhũn, buông rơi cây bút, mê man ngã gục trên ghế...

Từ đó Aixenhao mang theo căn bệnh nặng nề mệt mỏi, tiếp tục làm nhiệm vụ của trùm “sen dấm quốc tế”. Điều làm ông đau đầu là thời gian này, cục diện quốc tế biến động khôn cùng, tiếng hô chống Mỹ trên toàn thế giới ngày một vang dội, phong trào đấu tranh đòi giải phóng dân tộc của nhân dân châu Phi sục sôi cuộn cuộn; vùng Trung Đông cũng đã xuất hiện hình thế mới. Chính phủ Gamil Samun ở Libăng bị lật đổ, Irắc bùng nổ cách mạng lật đổ vương triều phong kiến. Để dập tắt ngọn lửa chống Mỹ ở Trung Đông, ngày 15 tháng 7 năm 1958, Aixenhao đã hạ lệnh cho đơn vị lính thủy đánh bộ xâm nhập Libăng và các nước Trung Đông, lại tuyên bố đặt các đơn vị hải lục không quân ở vùng Viễn Đông vào tình trạng báo động. Theo đó Anh, Pháp rồi Liên Xô cũng có những hoạt động. Thế là cục diện Trung Đông tự nhiên căng thẳng, thành tiêu điểm của mâu thuẫn thế giới.

Ngày 16 tháng 7, Chính phủ Trung Quốc ra thông cáo, kịch liệt chỉ trích và phản đối hành vi xâm lược của Mỹ, đòi Mỹ lập tức rút quân khỏi Libăng. Sau đó, Bắc Kinh, Thượng Hải, Thiên Tân, các thành phố lớn, vừa và nhỏ khác đã tổ chức biểu tình thị uy phản đối Mỹ xâm lược Trung Đông. Dư luận tiến bộ trên thế giới đều sôi nổi ủng hộ cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Trung Đông.

Trong khi đó, tập đoàn Quốc dân Đảng Đài Loan lại biểu thị “hoàn toàn ủng hộ” hành động xâm lược Libăng của Mỹ, lại còn kêu gào phải “đẩy mạnh việc chuẩn bị phản công đại lục”. Nhân cơ hội này, để mở rộng hoạt động quân sự, ngày 17 tháng 7, nhà cầm quyền Quốc dân Đảng tuyên bố các đơn vị quân đội trực thuộc đặt trong “tình trạng báo động đặc biệt”. Quân đội Quốc dân Đảng ở Kim Môn, Mã Tổ và Đài Loan lần lượt tiến hành diễn tập quân sự, đồng thời tăng cường hoạt động do thám bằng không quân và chuẩn bị tập kích đại lục. Chỉ một thời gian, eo biển Đài Loan tràn lan khói súng, tình thế rất nguy hiểm.

Để dập tan sự khiêu khích của nhà đương cục Đài Loan, đánh mạnh vào uy thế của bọn xâm lược Mỹ, ủng hộ cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Trung Đông, chiều tối ngày 18 tháng 7, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã triệu tập Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng tại Bắc Đới Hà, thảo luận việc pháo kích quy mô lớn vào đảo Kim Môn.

Mao Trạch Đông nói:

- Ủng hộ cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Arập, không thể chỉ giới hạn trong việc ủng hộ trên danh nghĩa, mà còn cần phải ủng hộ bằng hành động thực tế. Đánh Kim Môn, tức là ủng hộ cuộc đấu tranh chống xâm lược của nhân dân Libăng. Kim Môn, Mã Tổ là lãnh thổ của Trung Quốc; đánh Kim Môn, Mã Tổ, trừng phạt quân đội Quốc dân Đảng là công việc nội bộ của Trung Quốc, kẻ thù không thể kiếm có, còn đối với đế quốc Mỹ thì có tác dụng kiềm chế. Dùng pháo binh mặt đất thực hiện việc pháo kích là chính và phải chuẩn bị đánh hai, ba tháng; đồng thời hoặc sau đó đưa hai sư đoàn không quân xuống phía nam bố trí ở Sán Đầu, Liên Thành.

Khoảng cách giữa Hạ Môn và Tiểu Kim Môn chỉ có hơn 2000 mét, trận địa tiền duyên của Quân Giải phóng trên các đảo lớn, nhỏ cách Đại Kim Môn càng gần hơn, không đến 1000 mét. Từ năm 1949, sau khi ngừng cuộc chiến thu phục Kim Môn, mặt trận giữa Hạ Môn lục địa với các đảo Đại, Tiểu Kim Môn đã ở trong tình trạng đối địch. Tướng Giới Thạch dùng một binh đoàn trang bị hạng nặng phòng thủ Kim Môn. ở Hạ Môn trước khi tu sửa lại đề biển, Quân Giải phóng cũng luôn có một lực lượng lớn phòng thủ Hạ Môn. Trước khi chiến tranh Triều Tiên đình chiến, tức từ năm 1950 đến năm 1953, quân Tưởng ở Kim Môn đã không ngừng dùng hải quân tập kích các vùng duyên hải mặt trận Phúc Kiến và phong tỏa cảng Hạ Môn, cảng Mã Vĩ Phúc Châu; không quân của họ luôn luôn không kích Hạ Môn, Phúc Châu; đặc biệt những trận không kích Hạ Môn càng thường xuyên hơn. Quân Tưởng ở Kim Môn chiếm ưu thế về pháo binh nên luôn luôn pháo kích Hạ Môn. Để bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân trên các đảo ven biển và nghề đánh bắt cá, thay đổi cục diện quân sự giữa hai bên, Quân Giải phóng sớm đã hoạch định phương án pháo kích Kim Môn. Tình hình quốc tế ở vùng Trung Đông biến động đột ngột đã có tác dụng thúc đẩy mạnh việc thực thi phương án này.

Đề nghị của Mao Trạch Đông nhanh chóng được Bộ Chính trị thông qua.

Sau khi có nghị quyết, Chu Ân Lai hỏi:

- Thừa Chủ tịch, ta sẽ giao cho ai đảm nhiệm chỉ huy cuộc chiến đấu này.

Mao Trạch Đông nói:

- ý kiến của tôi là vấn đề Diệp Phi chỉ huy, chúng ta cần phải tạo cơ hội cho đồng chí ấy.

Không chiến - Màn giáo đầu trận pháo kích Kim Môn

Màn giáo đầu trận pháo kích Kim Môn do không quân nhân dân thực hiện. Sau khi khảo sát thực địa, Diệp Phi nhận ra rằng, chỉ có tiến hành một trận không chiến, đánh vào ưu thế của địch, nắm chắc quyền khống chế không phận mặt trận Phúc Kiến thì cuộc pháo kích Kim Môn mới có thể tiến hành thuận lợi!

Lúc đó, những máy bay cất cánh từ sân bay ven biển không thể bay thẳng theo hướng ra biển, mà phải bay về phía sau, khi lên cao mới vòng lại. Nếu như cất cánh theo hướng phía trước thì bay tới không phận eo biển Đài Loan. Không quân Trung Quốc muốn đứng vững chân ở mặt trận Phúc Kiến, trước hết cần phải chiến thắng không quân địch, nếu không thì không thể nắm được quyền khống chế vùng trời.

Căn cứ vào chỉ thị của Quân uỷ Trung ương, Tư lệnh không quân Lưu Á Lâu điều động Đoàn 1, Đoàn 2, Đoàn 3, thuộc Sư 1, Đoàn 54 Sư 18, Đoàn 27 Sư 9, Đoàn 46 Sư 16 không quân tiêm kích và đoàn 10 Sư 4 không quân thuộc hải quân, từ căn cứ cũ chuyển tới sân bay tuyến một và hai ở Phúc Châu, Chương Thụ Giang Tây.

Để tăng cường chỉ huy không chiến ở mặt trận Phúc Kiến, Quân uỷ Trung ương đã điều động Nhiếp Phục Trọng Trí, nguyên là Tư lệnh không quân của Chỉ huy quân đến Quân khu Phúc Châu nhận nhiệm vụ làm Tư lệnh không quân. O giờ ngày 25 tháng 7, Nhiếp Phục Trọng Trí “đến vị trí”, bước vào Chỉ huy sở đặt ở Tấn Giang. Đây là một hoạt động trên không quy mô lớn, Nhiếp Phục Trọng Trí yêu cầu bộ đội chuẩn bị vừa đánh vừa tiến, bí mật tiếp cận địch, dùng cách đánh “xuất kỳ bất ý” đã đánh là chắc thắng. Thực hiện chỉ thị của Tư lệnh, bộ đội không quân đã thực hiện biện pháp bay thấp, phân thành từng tốp, tiến lên từng lớp, trước sau yểm hộ lẫn nhau, di chuyển đến trận địa trung tâm, quỷ thần cũng không hay biết.

Tối ngày 29, đơn vị không quân thứ nhất đã đến vị trí tuyến một ở Long Điền, Phúc Châu, Sán Đầu. Lúc này Tưởng Giới Thạch vẫn không biết tí gì. Vào 11 giờ trưa hôm đó, Thiếu tá phó đội trưởng Đại đội 1 không quân Quốc dân Đảng Lưu Cảnh Tuyên dẫn đầu 4 chiếc máy bay chiến đấu F.84G bay xuyên qua lớp mây lượn vòng trên vùng trời Hạ Môn để “tuần tra” như

thường lệ. Nhiếp Phụng Trí hạ lệnh xuất kích, Đại đội trưởng Triệu Đức An, Đoàn 54 Sư 18 lập tức dẫn 4 máy bay tiêm kích MIG-17 từ sân bay Sân Đầu bay lên nghênh chiến.

Lên tới độ cao 150 mét, biên đội tập hợp đội hình rồi nhanh chóng xuyên mây bay vọt lên, khéo léo tiếp cận mục tiêu. Phi công Cao Trường Cát trên máy bay số 3 báo cáo phát hiện thấy hai chiếc F-84G. Sư trưởng Lâm Hồ chỉ huy ở mặt đất theo dõi số lượng máy bay địch trên màn hình radar liên thông báo ngay cho các phi công biết mục tiêu là 4 máy bay chứ không phải 2, nhắc nhở họ cẩn thận để phòng chiến thuật “đánh lừa” của đối phương, rồi ra lệnh cho họ dừng cảm lao xuống công kích. Cao Trường Cát lao vào công kích trước, nổ súng vào máy bay địch do Lưu Cảnh Truyền cầm lái. Lưu Cảnh Truyền thấy vậy liền vội vàng lật cánh lao xuống thấp muốn trốn chạy. Đúng lúc đó máy bay của Trương Dĩ Lâm lao xuống bám sát phía sau, khi tới cự ly 150 m liền nổ súng bắn luôn 3 phát, máy bay địch rơi xuống, Lưu Cảnh Truyền bị thương, nhảy dù xuống biển. Những máy bay Quốc dân Đảng còn lại, một chiếc bị Triệu Đức An bắn rơi, một chiếc bị thương liền cùng với một chiếc khác quay đầu bay ra biển. Trong 3 phút kịch chiến, không quân Trung Quốc đã bắn rơi 2 máy bay địch, bắn bị thương 1 chiếc, các phi công Trung Quốc không ai bị thương, thu được thắng lợi trong trận không chiến đầu tiên sau khi kéo quân và đất Mãn-Việt(1).

(1) Tên riêng của hai tỉnh Phúc Kiến - Quảng Đông (NDP).

Sau khi không quân Quốc dân Đảng bị thất trận, để xác minh tình hình các sân bay ở vùng ven biển Đông Nam mà không quân Hoa lục đã đến đóng giữ, họ liền sử dụng các máy bay chiến đấu F-86 có tính năng cao hơn và máy bay yểm hộ RF-84 thực hiện cuộc “trình sát bằng sức mạnh”. Không quân Trung Quốc bay lên chặn đánh, nhanh chóng bắn rơi 2 máy bay địch, bắn bị thương 3 chiếc, 3 chiếc còn lại hoảng hốt bỏ chạy. Chỉ trong hai ngày, máy bay Trung Quốc đã hoàn toàn làm chủ sân bay tuyến một và tuyến hai.

Trong các ngày 7, ngày 13 ngày 14 tháng 8, không quân Trung Quốc và không quân Quốc dân Đảng liên tiếp tiến hành 3 trận không chiến quy mô lớn, không quân Quốc dân Đảng bị bắn rơi 6 máy bay. Trong trận không chiến ngày 14 tháng 8, phi công Trung Quốc Chu Xuân Phú thuộc Sư 16 không quân đã một mình chiến đấu với 11 máy bay Quốc dân Đảng. Sau khi bắn rơi 2 máy bay F-86, bắn bị thương 1 chiếc, máy bay của anh không may bị trúng đạn anh buộc phải nhảy dù xuống biển. Lãnh đạo Quân khu Phúc Châu biết tin liền tổ chức ngay các tầng lớp quân dân tiến hành cứu hộ trên

biển. Ngày 15, Mao Trạch Đông giao cho thư ký gọi điện thoại chỉ thị cho Quân khu Phúc Châu nhất định phải cứu bằng được phi công Chu Xuân Phú. Các pháo hạm của hải quân Trung Quốc và hơn 1800 thuyền đánh cá của huyện Bình Đàm, Phúc Kiến liên tục tìm kiếm mấy ngày liền trên biển nhưng không thấy. Ngày 28 tháng 11, Cục Chính trị không quân quyết định truy tặng liệt sĩ Chu Xuân Phú Huân chương Chiến công hạng nhất và thể theo nguyện vọng lúc còn sống truy nhận anh là đảng viên chính thức Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Toàn bộ cuộc không chiến, không quân Quốc dân Đảng bị tổn thất hơn 50 máy bay, chiếm khoảng một phần ba tổng số máy bay vốn có. Không quân Trung Quốc cũng bị tổn thương hơn 20 máy bay.

Không quân Trung Quốc sau khi vào Mãn, liên tục chiến đấu và đều chiến thắng, cơ bản đã giành được quyền khống chế vùng trời khu vực Phúc Kiến, bảo vệ có hiệu lực cho bộ đội lục quân, hải quân tham chiến triển khai các đơn vị và chuẩn bị chiến trường. Quân dân ở tiền tuyến hết sức cổ vũ không quân Trung Quốc đã giành được thắng lợi trong các trận không chiến, phấn khởi nói:

- Vùng trời Phúc Kiến bây giờ đã được giải phóng thật sự rồi.

Cùng với việc bộ đội pháo binh và bộ đội không quân Trung Quốc khẩn trương tiến hành công tác chuẩn bị pháo kích Kim Môn, các đơn vị tàu hải quân áp dụng phương pháp thủy bộ cùng tiến, nhanh chóng bí mật tiến vào Mãn, chuẩn bị tham chiến. Ngày 19 tháng 7, bộ đội hải quân được phân công vào Mãn tham chiến, sau khi nhận lệnh của Bộ tư lệnh Hải quân đã khẩn trương tiến hành công tác chuẩn bị tiến vào đất liền. Cuối tháng 7, hạm đội Đông Hải thực hiện quyết định của Quân ủy Trung ương, lệnh cho một đại đội gồm 6 chi đội tàu phóng ngư lôi đóng ở Thượng Hải bí mật tiến xuống phía Nam. Toàn thể sĩ quan binh lính của đơn vị này đều cải trang mặc quân phục bộ binh thực hiện “tàu đi trên bộ”. Sáng ngày 2 tháng 8, xe chuyên dụng đã đến Hạ Môn an toàn. Trong đêm hôm đó, dùng xe chở côngtenơ chuyển tất cả tàu phóng lôi ra bến hải quân thả xuống biển, rồi dùng tàu hộ vệ kéo các tàu phóng lôi đến địa điểm tập kết.

Ngày 5 tháng 8, 3 trung đội trực thuộc đại đội pháo hạm cao tốc đóng ở vịnh Tam Đô di chuyển xuống phía nam, lần lượt đến đóng giữ ở Bình Đàm Nương Cung, Tuyền Châu Hậu Chử và các vịnh cảng Hạ Môn chờ lệnh. Vào cuối tháng lại có 3 đại đội tàu phóng ngư lôi, hai đại đội sân tầu ngầm và một Trung đội pháo hạm cao tốc của Hạm đội Đông Hải và Hạm đội Nam Hải từ

ngoài khơi lần lượt tiến vào vịnh Tam Đô Phúc Kiến, Hậu Chử và đảo Đông Sơn. Tối lúc này ba quân chủng hải, lục không quân ở mặt trận Phúc Kiến đã nhanh chóng và bí mật hoàn thành công tác chuẩn bị cho việc pháo kích Kim Môn.

Lâm Bưu kiến nghị tiết lộ một ít tin tức cho Mỹ

Ngày 20 tháng 8, Mao Trạch Đông ở Bắc Đới Hà, sau mấy lần cân nhắc đã hạ quyết tâm cuối cùng: “Lập tức pháo kích Kim Môn”. Khi bàn về phương châm tác chiến trong cuộc pháo kích Kim Môn, ông nói với Lâm Bưu, Bành Đức Hoài:

- Ta tập trung lực lượng ngay, đánh thật mạnh thật bất ngờ vào quân Quốc dân Đảng ở Kim Môn, phong tỏa nó. Sau một thời gian, đối phương có thể rút khỏi Kim Môn, Mã Tổ, hoặc ngược lại càng giằng giụa điên cuồng, khi đó phải nghĩ tới việc tác chiến ở trên bộ, tùy theo tình hình mà định đoạt, tiến tới đâu, xem xét tới đó.

Ngày hôm đó, ông đề Cục trưởng Cục tác chiến Bộ tổng Tham mưu Vương Thượng Vinh thông tin cho Diệp Phi đến Bắc Đới Hà hội báo.

Nhận được lệnh, Diệp Phi điều ngay một máy bay chiến đấu đưa ông đi và 3 giờ chiều ngày hôm sau đã tới Bắc Đới Hà.

Chẳng để Diệp Phi kịp nghỉ ngơi, chiếc xe hơi chờ từ sớm ở sân bay đã đưa ông chạy thẳng tới nơi ở của Mao Trạch Đông.

Vừa gặp Mao Trạch Đông, Diệp Phi đã báo cáo tường tận tình hình chuẩn bị cho trận pháo kích Kim Môn, số lượng và các loại pháo cùng phương án tấn công.

Tham dự cuộc họp này ngoài Mao Trạch Đông, Diệp Phi ra còn có Bành Đức Hoài, Lâm Bưu cũng có mặt. Mao Trạch Đông vừa nghe Diệp Phi báo cáo tình hình vừa nhìn vào bản đồ.

Nghe báo cáo xong, Mao Trạch Đông đột nhiên nêu lên một câu hỏi kỳ lạ:

- Anh dùng nhiều pháo như thế để đánh, liệu có đánh chết cả người Mỹ không?

Diệp Phi nghe xong liền nói:

- Ấy à, điều đó chắc là có, thưa Chủ tịch.

Bành Đức Hoài ngồi bên cạnh, nói:

- Trong quân đội Tưởng cố vấn Mỹ được điều động đến tận cấp tiểu đoàn.

Tiếp theo là sự im lặng kéo dài, mọi người không nói, nhìn về Mao Trạch

Đông, Mao Trạch Đông cũng nhìn mọi người. Ông đang suy nghĩ rất lung,

Cuối cùng Mao Trạch Đông nói:

- Có thể không đánh vào người Mỹ được không? .

Diệp Phi lắc đầu:

- Thưa Chủ tịch, cái đó không có cách nào tránh được!

Mao Trạch Đông nghe xong, không hỏi thêm vấn đề gì nữa, cũng không có chỉ thị gì, chỉ nói với Diệp Phi:

- Anh cũng vất vả lắm rồi, hãy về nhà nghỉ, nghỉ ngơi một chút để thư giãn tinh thần.

Cơm tối xong, Diệp Phi đang suy nghĩ xem báo cáo thêm với Chủ tịch như thế nào thì Cục trưởng Cục tác chiến Bộ Tổng Tham mưu Vương Thượng Vinh mang một mảnh giấy đến gặp Diệp Phi ở nhà nghỉ.

Mảnh giấy là của Lâm Bưu viết cho Mao Trạch Đông.

Lâm Bưu rất hiểu Mao Trạch Đông, ông biết Mao Trạch Đông rất chú ý đến vấn đề có thể tránh được việc đánh vào người Mỹ không, cho nên viết giấy này đề nghị: có thể thông qua Vương Bính Nam (lúc này đang tiến hành đàm phán ở cấp Đại sứ với Mỹ ở Vácsava) để tiết lộ một ít tin tức cho Mỹ được không.

Lâm Bưu chỉ muốn làm cho Mao Trạch Đông vui lòng, nhưng đã phạm một sai lầm chết người: Nói cho người Mỹ biết thì cũng như nói cho phía Đài Loan rõ, như vậy phương án tập kích bất ngờ khó mà đạt được kết quả mong muốn.

Diệp Phi xem xong, ngạc nhiên hỏi Vương Thượng Vinh:

- Chủ tịch đưa tôi xem thư này, có nhắc nhở gì không? Có phải muốn tôi bày tỏ thái độ?

Vương Thượng Vinh nói:

- Chủ tịch không nói gì, chỉ bảo tôi đưa cho anh xem

Ngày hôm sau, cuộc họp tiếp tục.

Qua một đêm suy nghĩ, Mao Trạch Đông cuối cùng đã hạ quyết tâm, câu nói đầu tiên là:

- Được, cứ theo kế hoạch dự định của các anh mà đánh!

- Vâng, thưa Chủ tịch, tôi lập tức đánh điện trả lời Phúc Châu - Diệp Phi nói, đưa mắt nhìn Lâm Bưu

Lại qua một hồi thảo luận, Mao Trạch Đông nói với Diệp Phi:

- Anh không cần phải trở về Phúc Châu nữa, cứ ở lại Bắc Đới Hà chỉ huy pháo kích, có việc gì chúng ta cùng kịp thời nghiên cứu.

- Vâng, thưa Chủ tịch. - Diệp Phi nói.

Mao Trạch Đông nghĩ một chút rồi nói:

- Anh dứt khoát phải cùng ở một chỗ với đồng chí Bành.

Diệp Phi không trả lời thành tiếng, chỉ ngược nhìn Mao Trạch Đông, gật gật đầu.

Tướng Giới Thạch đích thân đi thị sát Kim Môn

Nhà cầm quyền Đài Loan chưa hề biết tí gì về ý đồ thực sự của quân đội Trung Quốc nên được sự chi viện của Mỹ, vẫn đang kêu gào “phản công đại lục”. Để động viên khí thế quân đội, trước khi quân Trung Quốc nã pháo đánh Kim Môn hai ngày, Tướng Giới Thạch còn đích thân đi thị sát Đại, Tiểu Kim Môn.

Ngày 21 tháng 8, sau bữa ăn sáng, Sư trưởng Sư 9 quân Quốc dân Đảng ở Tiểu Kim Môn là Hác Bá Thôn đang sửa soạn ra trận địa, bỗng có tin đưa tới: “Tổng Tư lệnh Lục quân” Bành Mãnh Tập đã tới bến tàu, Sư trưởng Hác ra đó ngay”. Hác Bá Thôn phán đoán có thể là Tướng Giới Thạch đến.

Quả không ngoài dự đoán, 10 giờ sáng Tướng Giới Thạch tới. Trước đó ông ta đã thị sát Đại Kim Môn rồi.

Cùng với các tùy tùng, Tướng Giới Thạch đến thăm trận địa pháo 57 của Đại đội 4 Đoàn 27 trên cao điểm 23, rồi đến thăm Đại đội cứu thương, tiếp đó truyền lệnh cho các sĩ quan chủ chốt từ cấp tiểu đoàn trưởng trở lên đến tập trung ở chiều dài sở. Điểm danh những người có mặt xong, Tướng Giới Thạch bắt đầu huấn thị:

Một là, hiện nay cơ sở cho mọi thắng lợi đã tạo dựng xong, từ nay về sau tinh thần của tất cả chúng ta phải như thế nào? Phải có ý chí quyết tâm, quyết tâm cùng sống chết với trận địa, tức là cùng sống chết với quốc gia. Trận chiến lần này ở Kim Môn, Mã Tổ cần phải tạo ra cơ sở cho công cuộc phản công phục quốc thắng lợi.

Hai là, kẻ địch trong vòng hai tháng nữa nhất định sẽ tấn công chúng ta, cho nên từng giờ từng phút đều phải chuẩn bị đề phòng, phải tăng cường kỹ thuật, chiến thuật, và lòng can đảm. Trong hai tháng nữa, nếu kẻ địch không tới thì chúng ta cũng phải tiến đánh kẻ địch.

Bà là, các cấp phải phục tùng mệnh lệnh, giữ nghiêm kỷ luật, quán triệt đến cùng, không được lơ là.

Tướng Giới Thạch huấn thị xong lại lên tàu về Đại Kim Môn ngay. Theo lệnh của Bành Mãnh Tập, Hác Bá Thôn dẫn một đại biểu cấp trung đoàn

trường, chủ nhiệm chính trị cùng một đại biểu của binh sĩ, 4 giờ chiều ngày hôm đó đến “Bộ tư lệnh phòng vệ” ở Kim Môn.

5 giờ rưỡi chiều, Tưởng Giới Thạch lại triệu tập các sĩ quan chủ chốt từ Đoàn trưởng trở lên đến “Bộ tư lệnh phòng vệ”, điểm danh xong rồi huấn thị. Ông ta lại nhắc lại những lời lẽ như rao bán hàng:

Ta rút khỏi đại lục đã chín năm, nếu kể từ lúc bắt đầu thất bại thì đã là mười năm. Mười năm nay nhẩn nhục hổ thẹn, nếm đủ đắng cay, trông đợi ngày phản công phục quốc để có thể hả dạ, thời cơ này đã trông chờ mười năm rồi. Việt Vương Câu Tiễn xưa mười năm sinh tỵ, mười năm giáo huấn. Thời đại bây giờ có khác, khoảng thời gian mười năm không phải là ngắn, nhưng nếu thời cơ không đến, chỉ có tám lòng như thế cũng khó mà đạt tới mục đích.

... Chúng ta không đánh thắng thì còn mặt mũi nào mà nhìn người đời, nên quyết tâm hy sinh chính là điều kiện cho thành công.

Kim Môn, Mã Tổ bốn bề là biển, kẻ địch có thể từ bốn mặt kéo đến, lại thêm uy hiếp từ trên không, việc quan trọng hàng đầu trong chỉ huy là kỷ luật tác chiến, chỉ được nhìn mặt biển không được nhìn trên không, chúng ta phải rèn luyện tinh thần, tranh thủ thời cơ thuận lợi để giành thắng lợi.

7 giờ 30 phút, trong bữa ăn tối, Tưởng Giới Thạch lại xuất hiện, đưa ra những chỉ thị quan trọng về phương diện chiến thuật:

Một là, chú ý trên không, dưới đất, đáy biển. Trên không, đáy biển, khả năng chúng ta không làm tới được, lúc này cần phải chú ý dưới đất, hiện nay phòng thủ vững chắc không thể không đưa xuống dưới mặt đất, cho nên công sự ngầm là việc quan trọng thứ nhất, nhưng công sự ngầm để bảo tồn sức chiến đấu chỉ là tạm thời mà càng quan trọng hơn là phát huy sức mạnh trên mặt đất, không thể bị hạn chế vì công sự ngầm.

Hai là, ở Kim Môn, Mã Tổ mỗi một sĩ quan chủ chốt cần phải giữ cho được một cứ điểm trung tâm, cùng sống chết với công sự trung tâm. Công sự trung tâm tức là nơi sống chết. Cần nhớ rằng chúng ta đánh Đông Sơn sở dĩ không thành công chính là do quân địch cố thủ trận địa trung tâm. Chỉ cần giữ vững trận địa trung tâm, nhất định các anh sẽ được cứu viện, mà trận địa trung tâm ở bờ nước càng quan trọng.

Ba là, tăng cường lực lượng dự bị, sử dụng đội dự bị cần có kế hoạch, có chuẩn bị, sĩ quan huấn luyện cần chú trọng nghiên cứu, đánh cường tập cần phải huấn luyện, vị trí đội dự bị cần sắp xếp phân tán, tập kết phải nhanh, đánh cường tập là đánh giáp lá cà, về mặt chiến thuật cần đánh vào sườn đối

phương. Đối với việc sử dụng hỏa lực tuy có trung tâm hiệp điều hỏa lực nhưng tính hiệu quả ra sao còn phải chờ thực tế chứng minh, mà điều quan trọng nhất vẫn là phải đề phòng hỏa lực bên sườn.

Bốn là, nguy trạng không đủ, công sự giả không đủ. Hãy nhớ bài học quân dịch vượt sông hoàng Hà năm 36, không thể vì chưa thấy điểm tập kết của chúng mà cho rằng chúng không đến; cần đặc biệt chú ý đến kỹ thuật đánh trên biển của chúng, chờ khi đạn dược của ta tiêu hao nhiều rồi, chúng mới tấn công, vì thế đạn dược cần phải sử dụng thận trọng nhất là khi giao chiến, không thể lãng phí đạn dược, nhất định phải bảo toàn lực lượng.

Năm là, đối phó với địch trên không. Địch không nhất thiết phải dùng đơn vị lớn mà dùng số lượng nhỏ, cốt làm rối loạn hoặc làm tiêu hao đạn dược của ta...

Sáu là, phòng hỏa cứu hỏa và trữ nước đều quan trọng như nhau.

Bảy là xử trí tù binh. Địch có kế hoạch giả đầu hàng, xử trí cần hoàn toàn cách biệt với quân ta.

Tám là, hiện nay tác chiến cần phải dùng đầu óc tìm ra khuyết điểm nhược điểm của mình để sửa chữa.

Cuối cùng Tưởng Giới Thạch chỉ thị, phải nghiên cứu “việc giáo dục truyền thống cho cán bộ” và kiểm điểm về chiến thuật “tảo Cộng”.

Hàng ngàn khẩu pháo cùng bắn

5 giờ chiều ngày 23 tháng 8, mặt trời sắp lặn xuống biển, ráng chiều chiếu trên mặt nước tỏa ánh sáng đỏ hồng. Trên trận địa pháo binh đầu cũng treo, dán các biểu ngữ, các tranh châm biếm đả kích quân Tưởng, những bức quyết tâm thư của sĩ quan, chiến sĩ. Các pháo thủ đều đã vào vị trí, lính tiếp đạn nâng những viên đạn pháo lau chùi bóng loáng, trên có viết những lời thề của pháo thủ. Điện thoại viên áp chặt ống nghe vào tai, các sĩ quan chỉ huy cầm máy điện thoại không dám rời tay. Họ đang chờ, chờ đợi giây phút cuối cùng.

5 giờ 30 phút chiều, máy điện thoại truyền đến mệnh lệnh của cấp trên:

- Bắt đầu pháo kích!

Tiếng người chỉ huy vừa dứt, một chuỗi pháo hiệu màu đỏ bay vút lên, lập tức trận địa pháo ở Hạ Môn phía tây, trận địa pháo ở Liên Hà phía bắc, trận địa pháo ở phía đông bắc đều gầm lên dữ dội như núi lở đất nhào.

Pháo bắn cấp tập liên mười phút không dừng, ầm ầm như sấm sét ập tai nhức óc.

Hàng ngàn phát đạn pháo gầm rú như trận cuồng phong từ nhiều hướng

khác nhau, bay qua mặt biển lao xuống trận địa địch trên đảo Kim Môn. Trong bóng chiều tím chạng vạng, khói súng lan tỏa khắp đảo Kim Môn, nhất là ở trên núi Thái Vũ, ngọn núi chúa ở đảo Kim Môn, hàng dãy những cột khói cùng bốc lên.

Lúc này, ở bộ phận theo dõi điện đài của phía Trung Quốc không ngừng nghe được những tiếng kêu gào cấp cứu của quân Quốc dân Đảng ở Kim Môn gọi Đài Loan:

- Đạn pháo của cộng quân rơi xuống như mưa rào, chúng tôi bị đánh không còn cách nào chống đỡ, hãy mau tăng viện...

Hai mươi phút trôi qua, pháo binh của quân Quốc dân Đảng phòng thủ Kim Môn chợt như vừa tỉnh mộng trước sự tấn công dữ dội của pháo binh Hoa lục, bắt đầu phản kích, vào trận địa pháo binh Trung Quốc ở khu vực Hạ Môn, Liên Hà nhưng rất nhanh chóng bị hỏa pháo hùng mạnh của phía Trung Quốc đè bẹp làm cho câm họng như quạ đen im tiếng.

Một giờ trôi qua, các sĩ quan Trung Quốc vẫn đứng thẳng trên trận địa pháo mặt mù khói bụi, tay không ngừng phất cờ chỉ huy, ánh chớp loé sáng khi đạn ra khỏi nòng, soi hồng bộ mặt kiên nghị của họ. Các pháo thủ chuyển đạn mặc quân phục mỏng, áo sắn tay, dùng hết sức vận chuyển đạn pháo, mệt vã mồ hôi, nhưng chỉ cần miệng nòng súng loé sáng, vỏ đạn bật ra ngoài là có ngay một viên đạn khác đã được đẩy vào ổ đạn, âm một tiếng lại một viên đạn nữa bay đi.

Lúc này trong ống nghe điện thoại lại truyền đến mệnh lệnh từ Chỉ huy sở:

- Các trận địa pháo chú ý, cho pháo chuyển làn, tập trung đánh vào tàu cứu viện của quân Tưởng ở vịnh Liêu La Loan đảo Kim Môn và sân bay...

Các trận địa pháo của quân Trung Quốc điều chỉnh hướng bắn theo lệnh của Chỉ huy sở, nhằm vào sân bay và vịnh Liêu La Loan đảo Kim Môn. Lại một trận bắn cấp tập nữa. Loạt đạn đầu tiên đã bắn trúng tàu vận tải cỡ lớn "Đài Sinh" khiến nó không chạy được nữa, hoàn toàn bị tê liệt. Hai sân bay trên đảo Kim Môn cũng bị đạn pháo cực mạnh cày lên lỗ chỗ, máy bay không sao cất cánh được.

Theo báo cáo của Sở quan sát tiền duyên, toàn bộ đầu mối thông tin trên đảo bị đánh trúng, trận địa pháo binh trên đảo cũng bị tiêu diệt một bộ phận, các trận địa pháo ngày thường hay khiêu khích đại lục, lúc này cũng bị đánh tan tác, trở thành kẻ câm.

Bộ trưởng Quốc phòng Đài Loan suýt mất mạng

Ngày 23 tháng 8 vừa đúng là ngày thứ Bảy, cũng là ngày thứ hai Bộ trưởng Quốc phòng Đài Loan Du Đại Duy theo lệnh Tưởng Giới Thạch đến Kim Môn thị sát công việc phòng thủ ở đây.

Sáng sớm, Hác Bá Thôn chuẩn bị đi kiểm tra Đại Đầm và bãi biển Hồ Tử, đột nhiên nhận được thông báo “Bộ trưởng Quốc phòng Du Đại Duy đến thị sát Tiểu Kim Môn”.

8 giờ, Du Đại Duy do Phó Tư lệnh Kim Môn là Triệu Gia Tường hướng dẫn đến Cửu Cung, sau đó Hác Bá Thôn hướng dẫn trước hết đến thị sát trận địa Hồng Thổ Cầu rồi đi thị sát trận địa tuyến một Hồ Tĩnh đầu, Song Khẩu cùng Sa Khê, quay trở xuống khu nam, kiểm tra bếp núc nhà ăn, khu vệ sinh, trở về chiêu đãi cơm trưa xong thì quay trở lại Đại Kim Môn.

Hôm đó Du Đại Duy rất cao hứng. Lúc thị sát, khi bàn tới các công sự kiên cố ngoài đảo, ông ta khoái chí nói:

- Một lần cùng với Tư lệnh Ân Cách Tổ đi thị sát Cao Đăng, tôi cười hỏi tướng Ân Cách Tổ rằng: “Nếu như ông là cộng sản, ông sẽ vạch kế hoạch tấn công đảo này như thế nào?”. Tướng Ân Cách Tổ hóm hỉnh trả lời: “Suy nghĩ cuối cùng của tôi là không tấn công”.

Tối hôm đó, chẳng quản mệt mỏi sau khi đã suốt cả ngày đi kiểm tra thị sát các trận địa tiền duyên và liên tiếp triệu tập Hội nghị quân sự ở Kim Môn, Du Đại Duy đặc cách giao cho bộ hạ phải tổ chức “bữa liên hoan đồng tâm” để bày tỏ sự quan tâm của ông đối với cấp dưới.

Sau bữa liên hoan, ông được Tư lệnh Phòng vệ Kim Môn Hồ Liễn, Phó tư lệnh, Triệu Gia Tường, Cát Tinh Văn và Chương Kiệt hướng dẫn đi du ngoạn tham quan hồ Thủy Cốc dưới chân núi Thái Vũ, Kim Môn.

Đang lúc hào hứng ngắm cảnh non xanh nước biếc, bỗng nhiên nghe thấy một tràng tiếng rít, vượt qua đầu núi Thái Vũ rơi xuống hồ Thủy Cốc, tiếp theo là những tiếng nổ âm âm không dứt làm núi rung đất chuyển, trong chớp mắt khói đạn mờ mịt lan toả khắp hồ Thủy Cốc, mảnh đạn bay vèo vèo. Ba vị Phó tư lệnh còn chưa rõ xảy ra chuyện gì thì đều đã bỏ mạng.

Mặc dù chín năm nay, Kim Môn thường hứng những trận pháo kích nhưng hỏa lực của Quân Giải phóng trước đây đều không mạnh mẽ, hơn nữa người ta đều dự đoán trước được. Nhưng lần này không ai phát hiện được một dấu hiệu nhỏ nào. Toàn bộ quân phòng thủ Kim Môn hoàn toàn rơi vào trạng thái không phòng bị. Du Đại Duy cũng bị trận pháo kích như ở trên trời đột nhiên ụp xuống làm cho đờ đẫn, không biết loay hoay ra sao, may có một

trường ban là Liêu Quang Hoa cùng đi theo nhanh tay kéo ông ta xuống nắp dưới một tảng đá ven đường nên may mắn thoát chết.

Chỉ có Hồ Liễu sau khi tránh được đợt pháo kích đầu tiên, nhân lúc pháo dừng, chạy được về hầm Bộ Tư lệnh phòng vệ. Bộ Tư lệnh phòng vệ Kim Môn đặt trong một căn hầm bê tông cốt sắt xây dựng trong vùng đá hoa cương núi Thái Vũ vẫn chưa bị phá hủy trước trận tập kích mạnh mẽ của pháo bắn cấp tập đầu tiên, nhưng hệ thống thông tin liên lạc hữu tuyến trên toàn đảo Kim Môn bị tê liệt hoàn toàn:

Lúc này, Hồ Liễu mới ý thức được rằng, trong không biết bao nhiêu lần pháo kích suốt chín năm qua mà ông đã từng trải chưa lần nào lớn như lần này.

Trận pháo kích ngày hôm đó kéo dài liên hơn hai tiếng đồng hồ. Quân Trung Quốc thu được thắng lợi lớn, làm chết và bị thương hàng mấy trăm sĩ quan và binh lính Quốc dân Đảng, bắn bị thương tàu đổ bộ hạng nặng cải trang thành tàu vận tải “Đài Sinh”, sáu trận địa pháo binh và mạng lưới thông tin hữu tuyến của đối phương bị hủy diệt.

Chiều ngày 24 tháng 8, 17 chiếc quân hạm Quốc dân Đảng neo đậu trong vịnh Liêu La Loan, được sự yểm hộ của hỏa lực pháo binh Quốc dân Đảng ở Kim Môn, hùng hổ tiến về Kim Môn. Có tàu chở quân tăng viện, có tàu vận chuyển vật tư, có tàu đến để sửa chữa tàu vận tải “Đài Sinh”. Tiếp tục phát huy chiến tích, Bộ chỉ huy mặt trận quân khu Phúc Châu tổ chức 36 tiểu đoàn pháo binh, 6 đại đội pháo binh bờ biển, 1 đại đội tàu cao tốc, 2 trung đội tàu hộ tống, phối hợp công kích quy mô lớn lần thứ hai vào quân Quốc dân Đảng ở Kim Môn.

17 giờ 40 phút, các tàu chiến trong Liêu La Loan buộc phải tháo chạy. 6 tàu phóng lôi thuộc thê đội 1 quân Trung Quốc đã phục kích sẵn, dưới sự chỉ huy của Tham mưu trưởng Trương Dật Dân lập tức xuất kích. Khi đội tàu hành tiến trên mặt biển gần đảo Động Đỉnh ở phía nam Kim Môn thì bị pháo hỏa Quốc dân Đảng trên đảo bắn chặn. Pháo binh bờ biển của quân Trung Quốc đóng ở Trấn Hải lập tức phản kích, loạt đạn đầu tiên đã bắn trúng mục tiêu, ba loạt đạn tiếp sau đã buộc các pháo lớn của Quốc dân Đảng phải câm miệng. Đội tàu Trung Quốc nhanh chóng tiến vào vùng biển Kim Môn, phát hiện thấy tàu vận tải hạng nặng “Trung Hải” và “Đài Sinh”, tàu vận tải hạng trung “Mỹ Lạc” và mấy chiếc tàu cảnh giới loại nhỏ của quân Quốc dân Đảng. Khi hai bên cách nhau còn 30 liên⁽¹⁾, Trương Dật Dân lệnh cho toàn đội

⁽¹⁾ Đơn vị đo độ dài trên biển, 1 liên bằng 1/10 hải lý (ND).

triển khai thành hai tổ đột kích, nhằm thẳng vào hai tàu vận tải hạng nặng. Cụ ly rút ngắn chỉ còn 4 liên, quân Quốc dân Đảng đánh tín hiệu đèn liên lạc thì phát hiện ra tàu phóng lôi của quân Trung Quốc lập tức nổ súng bắn loạn xạ, không còn kịp thời gian lệnh cho hai chiếc tàu trên chuyển hướng. Theo lệnh của Trương Dật Dân: “Bình tĩnh! Tiếp cận nổ súng!”, hai mũi đột kích băng qua lưới lửa đạn pháo dày đặc lao thẳng đến tàu “Trung Hải” và “Đài Sinh”.

Còn mục tiêu 3 liên, 2 liên...

Trương Dật Dân hạ lệnh “phóng”, các tàu nhất loạt cùng phóng ngư lôi về hướng mục tiêu.

Tàu “Trung Hải” trúng một trái ngư lôi, bị trọng thương. Tiếp đó, tàu “Đài Sinh” bị bắn trúng hai khoang lớn, từ từ chìm xuống, binh lính sĩ quan trên tàu ào ào nhảy xuống biển hồng thoát chết. Đơn vị tàu phóng lôi của Hải quân Trung Quốc, trong cuộc chiến pháo kích Kim Môn, đã thu được thắng lợi qua trận hải chiến đầu tiên

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, khi tàu 175 bắn đạn khói để yểm hộ hạm đội rút lui thì máy chính bên trái bị trúng đạn, khoang máy bốc cháy. Vì lợi ích chung, để các tàu khác rút về an toàn, tàu 175 vẫn cố tìm cách tự mình xoay sở, nhưng vì nước tràn vào nhiều quá nên đã đắm. 12 thủy thủ nhảy xuống biển được thuyền trưởng và chính trị viên hướng dẫn quyết tâm bơi về đất liền Tổ quốc. Họ nhện đói, nhện khát, vật lộn với sóng biển hơn 30 tiếng đồng hồ, 5 người được sự giúp đỡ của thuyền chài đã trở về được với đồng đội.

Chiều ngày 25, quân Quốc dân Đảng tập trung hai đại đội gồm 48 máy bay F86, bay vào vùng trời đại lục định trả thù. Tám chiếc trong đó bay vào vùng Chương Châu, ý đồ là nhử không quân Trung Quốc đến tác chiến trên vùng trời hải phận quốc tế. Một đại đội của đoàn 27 Sư 9 không quân tiếm kích Trung Quốc đóng ở Chương Châu lập tức xuất kích, không tìm thấy mục tiêu đã tuân lệnh bay về. Hai máy bay của nhóm Lưu Duy Mẫn do trực trực kỹ thuật tụt lại sau đại đội, phát hiện thấy 4 máy bay Quốc dân Đảng trên vùng trời phía đông nam sân bay Chương Châu. Lưu Duy Mẫn lập tức hạ lệnh công kích. Anh bám theo chiếc máy bay phía sau, khi đối phương phát hiện đã lập tức bỏ chạy thực mạng, Lưu Duy Mẫn kiên quyết truy kích đến cùng. Khi ấy, máy bay số hai của Lưu Duy Mẫn bị một chiếc F-86 bám riết, vội

vàng bay vọt lên để thoát hiểm. Lưu Duy Mẫn trong tình thế không có máy bay số hai yểm trợ, đã một mình chiến đấu quyết liệt với 4 máy bay Quốc dân Đảng. Trận chiến đấu kéo dài 8 phút, anh đã bắn rơi 2 máy bay Quốc dân Đảng. Trong khi anh truy kích một chiếc khác thì không may đã trúng đạn hy sinh.

Mao Trạch Đông vì sao không chiếm Kim Môn

Tin Quân Giải phóng nhân dân pháo kích Kim Môn truyền tới bờ bên kia đại dương. Aixenhao đang ở trong hầm tránh đạn nằm sâu dưới núi Bắc Carôlaina, chung quanh là máy móc thiết bị điện tử tiên tiến nhất. Ông ta đang tham dự cuộc diễn tập “Hành động” một năm một lần.

Cục trưởng tình báo Trung ương Ailen Đalét đã báo cáo cho Aixenhao biết về tình hình Quân Giải phóng Trung Quốc đã pháo kích hai đảo của Quốc dân Đảng theo báo cáo của nhà cầm quyền Đài Loan, tổn thất thực tế do pháo kích tuy nhẹ nhưng thương vong khá nhiều. Theo Tưởng Giới Thạch dự đoán: “Trung Cộng sẽ phong tỏa hai đảo này, có ý đồ làm cho quân phòng thủ bị đói”, ông ta yêu cầu Mỹ nhanh chóng giúp đỡ phòng thủ Kim Môn.

Aixenhao nghe Đalét báo cáo, suy nghĩ ba ngày ba đêm liền, vẫn không lần ra ý đồ việc làm này của Mao Trạch Đông. Tiếp đó lại nhận được tin Quân Giải phóng đã điều chỉnh bố phòng, tăng cường phong tỏa Kim Môn cả ba mặt, trên mặt đất, trên biển và trên không, tình cảnh quân phòng thủ Quốc dân Đảng đang gặp nhiều khó khăn.

Aixenhao biết, không quân Quân Giải phóng trong không chiến đã đánh bại quân Tưởng, giành được hoàn toàn quyền kiểm soát trên không phận Phúc Kiến; hải quân Quân Giải phóng đã cơ bản khống chế được quyền kiểm soát mặt biển duyên hải Phúc Kiến; rất nhiều pháo binh và xe tăng được điều tới Phúc Kiến, đường đất Ứng Hạ đã khai thông, mặt trận Phúc Kiến kể cả vùng Sán Đầu đã xây dựng nhiều căn cứ tác chiến không quân. Tất cả những dấu hiệu ấy cho biết, hành động pháo kích Kim Môn quy mô lớn lần này của Trung Quốc, quyết không phải chỉ là muốn giải phóng Kim Môn, Mã Tổ, mà là khúc dạo đầu” cuộc vượt biển giải phóng Đài Loan”. Aixenhao vận dụng sức tưởng tượng của lý luận Đôminô, dự đoán nếu để mất Kim Môn, Mã Tổ, sẽ có thể “dẫn đến mất Đài Loan”, và sẽ đe dọa Nhật Bản, Philíppin, Thái Lan, Việt Nam (chỉ miền Nam Việt Nam khi ấy), thậm chí cả an ninh sau này của Ôkinaoa... do đó sẽ khiến lợi ích căn bản của Mỹ bị thiệt hại nặng nề”. Ngày 29 tháng 8, Aixenhao tức tốc quay về Oasinhton, ra lệnh điều động hai tàu sân bay của

Hạm đội 6 vượt kênh đào Suy-ê, tăng cường cho Hạm đội 7 ở eo biển Đài Loan. Aixenhao tuyên bố, nếu Trung Quốc thật sự có ý đồ “xâm chiếm” Kim Môn, Mã Tổ, ông ta sẽ tính tới chuyện phê chuẩn “sử dụng vũ khí nguyên tử chiến thuật đối với các sân bay của Trung Cộng”.

Cho tới ngày 2 tháng 9, Quân Giải phóng đã bắn chìm bắn bị thương hai quân hạm, bắn bị thương bốn máy bay vận tải, tiêu diệt 2 đại đội pháo binh, phá hủy hơn 10 khẩu pháo các loại, bắn chết và làm bị thương hàng trăm lính Quốc dân Đảng. Việc vận chuyển tiếp tế bằng đường biển cho hai đảo Kim Môn, Mã Tổ về cơ bản đã bị Quân Giải phóng phong tỏa chặt.

Ngày 4 tháng 9, Aixenhao cùng Gudoát và Fôstơ, Đalét họp, bàn bạc bước tiếp làm như thế nào. Đalét ra sức ủng hộ việc sử dụng bom nguyên tử chiến thuật. Aixenhao do dự. Theo bị vong lục về cuộc họp bàn này của Đalét, khi đó ông ta nói với Tổng thống: “Tôi cho rằng, khi chúng ta quyết định để những vũ khí này vào trong kho vũ khí của chúng ta, có nghĩa là chúng ta đã thừa nhận việc sử dụng những vũ khí này là một cuộc phiêu lưu về chính trị và tâm lý”.

Theo ghi chép của Gudoát, - Ông Đalét đã chú ý nhiều tới vấn đề vũ khí nguyên tử, nhắc nhở rằng, chúng ta đã để nền Quốc phòng chúng ta phù hợp với việc sử dụng những vũ khí này trong bất cứ quy mô xung đột nào. Ông ta nói, khi tình hình nguy cấp, nếu chúng ta không sử dụng chúng vì sự phản đối của dư luận quốc tế, thì chúng ta phải sửa đổi việc bố trí Quốc phòng.

Aixenhao thì nói rằng, nếu Mỹ dùng vũ khí nguyên tử tấn công sân bay của Trung Cộng, “Trung Cộng rất có thể sẽ sử dụng vũ khí nguyên tử tấn công Đài Loan để trả đũa”. Trong tình hình này, ông ta không sẵn sàng phê chuẩn việc sử dụng bom nguyên tử.

Kỳ thực, Mao Trạch Đông chọn dịp này pháo kích quy mô lớn vào Kim Môn, bày ra thế trận muốn giải phóng Đài Loan, trước hết nhằm cảnh cáo Tưởng Giới Thạch, thứ hai là dọa sức với Mỹ, thu hút sự chú ý của Mỹ tới Viễn Đông, buộc Mỹ phải điều động Hạm đội 6, đang xâm lược Trung Đông, tức là ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Đông.

Quả nhiên, Aixenhao đã làm theo sự điều khiển của Mao Trạch Đông, tình hình Trung Đông đã dịu hẳn.

Chỉ đánh tàu Tưởng không đánh tàu Mỹ

Sau khi pháo kích Kim Môn, Mao Trạch Đông đích thân triệu tập nhân sĩ các giới tại Bắc Đới Hà nghiên cứu vấn đề chủ quyền vùng biển, và trung

cầu ý kiến một số chuyên gia, học giả am hiểu luật quốc tế. Các nước phương Tây theo Hiệp định La Hay, xác định đường lãnh hải 3 hải lý, và yêu cầu các nước tuân thủ thi hành. Thực tế thì đường lãnh hải 3 hải lý này chỉ có lợi cho các nước có lực lượng trên biển hùng mạnh, để tàu thuyền của họ thuận lợi tiến vào vùng biển gần nước khác để hoạt động quân sự kinh tế ! Mao Trạch Đông xuất phát từ lợi ích kinh tế, Quốc phòng Trung Quốc, với thái độ độc lập tự chủ và không sợ sự đe dọa chiến tranh của chủ nghĩa đế quốc, tổng hợp tình hình quốc tế và tình hình Trung Quốc, cuối cùng đã xác định đường lãnh hải rộng 12 hải lý.

Ngày 4 tháng 9, Bộ Ngoại giao Trung Quốc ra tuyên bố về đường lãnh hải, tuyên bố đường lãnh hải Trung Quốc là 12 hải lý, đồng thời tuyên bố với toàn thế giới quyết tâm bảo vệ lãnh hải nước mình không để bị xâm phạm. Tầm bắn có hiệu quả của pháo bờ biển hải quân Trung Quốc khi ấy là trên 12 hải lý. Hòa lực pháo bờ biển bảo đảm giáng những đòn chí tử từ tàu thuyền nước ngoài xâm nhập vào trong vùng biển này.

Cùng lúc với tuyên bố về đường lãnh hải, Mao Trạch Đông ra lệnh cho mặt trận Phúc Kiến ngừng pháo kích 3 ngày, để xem thái độ các phía.

Ngày 7 tháng 9, hết thời hạn ngừng pháo kích. Mặt biển Kim Môn yên tĩnh khác thường. Lúc gần trưa, trạm quan sát mặt biển báo cáo: Trên biển xuất hiện một hạm đội khổng lồ gồm 14 hạm tàu, đang tiến về vùng biển Kim Môn. Báo cáo tiếp càng rõ ràng hơn: Đây là một hạm đội biên chế hỗn hợp Mỹ-Đài Loan, trong đó gồm 2 tuần dương hạm, 5 khu trục hạm của Mỹ, còn lại 2 tàu vận tải, 5 tàu tác chiến hải quân Quốc dân Đảng.

Chính phủ Mỹ bất chấp lời tuyên bố và nhiều lần cảnh cáo nghiêm khắc của Chính phủ Trung Quốc, ngang nhiên cho chiến hạm đi hộ tống tàu chiến Quốc dân Đảng, xâm nhập lãnh hải Trung Quốc. Diệp Phi từ Bộ chỉ huy trên núi Vân Đỉnh trực tiếp báo cáo tình hình này với Bắc Kinh và xin phương châm xử lý.

Mao Trạch Đông ra lệnh bắn, nhưng vẫn giữ vững chủ trương chỉ đánh Tưởng không đánh Mỹ.

Ngày 8 tháng 9, quân Mỹ lại điều động 1 tuần dương hạm và 4 khu trục hạm hộ tống cho tàu đổ bộ của quân Quốc dân Đảng, tiến về phía Kim Môn. Tàu Mỹ vẫn dừng lại ở ngoài khơi Kim Môn, để tàu đổ bộ Quốc dân Đảng dỡ hàng lên bờ. 12 giờ 43 phút, trận địa pháo Quân Giải phóng gồm 43 tiểu đoàn pháo mặt đất và 6 đại đội pháo binh tiến hành pháo kích quy mô lớn lần thứ ba, bắn liên tục dồn dập 21700 phát đạn pháo vào các mục tiêu quân sự trên

đảo Kim Môn và tàu đổ bộ đang tiến vào vịnh Liêu La Loan. Tàu đổ bộ “Mỹ Lạc” của Quốc dân Đảng bị bắn trúng ngay và bốc cháy, đạn được chôn trên tàu phát nổ và tàu đắm. Tàu “Mỹ Trân” cũng trúng đạn tháo chạy ra ngoài khơi, hai tàu đổ bộ khác cũng trúng đạn bỏ chạy.

Thật không ai ngờ, Quân Giải phóng vừa pháo kích, tàu Mỹ đã bỏ mặc tàu Tường và tàu vận tải, quay mũi chạy thẳng về phía Đài Loan, tới tận vùng biển 13 hải lý mới dừng lại quan sát.

Quân Tường ở Kim Môn và tàu Tường ở vịnh Liêu La Loan, dồn dập cấp báo với Đài Loan.

Đài Loan hỏi:

- Bạn Mỹ đâu? Tàu của Mỹ đi đâu rồi?

Tàu Tường trả lời:

- Bạn cái con khỉ gì? Tàu chiến Mỹ đã quay đầu cút rồi!

Rồi họ chửi toáng lên “Bọn Mỹ đều cáng”. Vì tình hình rất khẩn trương, quân Tường trực tiếp thông báo bằng máy bộ đàm, chẳng dùng mật mã nữa.

Phóng viên mặt trận trên kỳ hạm Quốc dân Đảng, là Lưu Nghị Phu đã thuật lại thái độ của tàu Mỹ lúc đó:

.... Đây phải là lúc tàu chiến Mỹ nổ súng áp đảo quân Cộng sản, tôi thiếu thì họ cũng phải nổ súng tỏ thái độ chứ! Tôi đứng bên cạnh Điều Đạo Nghĩa Chi đội trưởng kỳ hạm, đau xót nhìn 4 tàu vận tải của ta không được giúp đỡ gì đang bị ăn đòn, rồi nhìn tàu chiến Mỹ với ánh mắt không thể tưởng tượng nổi nữa, dường như họ hoàn toàn không có phản ứng gì cả, họ dường như được lệnh đến để tham quan Kim Môn mà nói cho ra vẻ là “hộ tống”! Trời ơi! Cái kiểu hộ tống thối hơn cút chó!

Ngày 11 tháng 9, 4 tàu chiến Mỹ lại hộ tống 4 tàu vận tải, 7 tàu tác chiến tiến về phía Kim Môn. Khi ấy, Mao Trạch Đông đã rời Bắc Kinh đi thị sát các tỉnh miền Nam, Chu Ân Lai ở Bắc Kinh chỉ huy trận tấn công lần hộ tống này. Pháo binh Quân Giải phóng lại pháo kích tàu vận tải Quốc dân Đảng đang tiến vào vịnh Liêu La Loan và đảo Kim Môn. Những tàu vận tải bị tấn công lập tức chạy ra ngoài khơi, chỉ có một tàu bị thương. Thái độ của chiến hạm Mỹ vẫn như cũ, Quân Giải phóng pháo kích thì lập tức lùi ra biển ngay, và chẳng bắn phát nào. Mao Trạch Đông ra lệnh chỉ đánh tàu Tường, không đánh tàu Mỹ, lại còn quy định nếu tàu Mỹ bắn vào Quân Giải phóng cũng không được trả đũa. Tất cả đều để thăm dò hiệu lực của cái gọi là “Hiệp ước phòng thủ chung Mỹ-Tường” rút cục lớn đến mức nào, sự can thiệp của quân Mỹ vào eo biển Đài Loan đã tới mức nào.

Qua trận độ sức này, Trung Quốc bắt được thóp đế quốc Mỹ.

Đế quốc Mỹ tuy bề ngoài dường như hung dữ lớn mạnh, xung hùng xung bá khắp thế giới, không ai sánh được, kỳ thực cũng chỉ là một con hổ giấy; cái gọi là “phòng thủ chung Mỹ- Tưởng” cũng chỉ có mức độ nhất định, chỉ cần dính dáng tới lợi ích thiết thân của Mỹ, phải mạo hiểm xung đột trực tiếp với quân Trung Quốc thì họ không chơi, họ chỉ chú ý tới mình, mặc kệ người khác.

Vì thế, mặt trận Phúc Kiến đối mặt với eo biển Đài Loan không chỉ là cuộc đấu tranh giữa hai bên đại lục và Đài Loan, mà là cuộc đấu tranh gay gắt phức tạp của ba bên Trung Quốc, Tưởng và Mỹ. Đây là cuộc đấu tranh quân sự, chính trị và Ngoại giao.

Có điều, tình hình đã hết sức rõ ràng, chỉ cần để tâm suy nghĩ một chút, sẽ thấy rất rõ: Tưởng Giới Thạch tìm mọi cách lôi Mỹ vào cuộc, phía Trung Quốc gắng hết sức tránh để xảy ra xung đột trực tiếp với Mỹ, Mỹ cũng ra sức tránh để xảy ra xung đột trực tiếp với Trung Quốc.

Đánh rồi ngừng, ngừng rồi đánh - Một cuộc chiến đầy kịch tính

Cuộc pháo kích quy mô lớn vào đảo Kim Môn kéo dài hơn một tháng. Mục đích của phía Trung Quốc đã đạt. Vấn đề tiếp theo là: cuộc chiến đấu pháo kích quy mô lớn Kim Môn liệu còn phải tiếp tục nữa không? Tiếp sau phải làm gì đây?

Người bình thường có thể nghĩ: Bước tiếp theo là chỉ còn đổ bộ giải phóng Kim Môn, Kim Môn đã giải phóng rồi thì Mã Tổ chẳng gặp khó khăn gì nữa.

Khi ấy, nếu Mao Trạch Đông ra lệnh, việc chiếm Kim Môn dễ như trở bàn tay, nhưng ông đã không làm như vậy.

Ngày 1 tháng 10 năm 1958, cũng là ngày quốc khánh của toàn thể nhân dân Trung Quốc. Trong khi cùng toàn dân chung vui ngày lễ lớn, Mao Trạch Đông vẫn suy nghĩ về vấn đề Kim Môn.

Ngày 6 tháng 10, Mao Trạch Đông chỉ thị cho Bộ Quốc phòng phát đi một bản thông cáo:

Thưa đồng bào quân dân Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn, Mã Tổ!

Chúng ta đều là người Trung Quốc. Ba mươi sáu chước thì hòa là thượng sách. Trận chiến Kim Môn mang tính chất trừng phạt. Những người lãnh đạo các bạn trước đây trong thời gian dài đã ngông cuồng quá đáng, ra lệnh cho máy bay quấy nhiễu đại lục, sâu vào tận các tỉnh Vân Nam, Quý

Châu, Tứ Xuyên, Tây Khang, Thanh Hải, rải truyền đơn, thả đặc vụ, ném bom Phúc Châu, quấy rối Giang Triết. Nín nhịn su, ai có thể nín nhịn mãi được ? Vì thế đã phải pháo kích để các bạn chú ý. Đài, Bành, Kim, Mã là lãnh thổ Trung Quốc, điều này chắc các bạn đã thừa nhận, và cũng để thông báo cho những người lãnh đạo các bạn biết nó thật sự không phải là lãnh thổ nước Mỹ. Đài, Bành, Kim, Mã là một phần của Trung Quốc, không phải là một nước. Trên thế giới chỉ có một nước Trung Quốc, không có hai nước Trung Quốc. Điều này chắc các bạn cũng đã đồng ý, và cũng để thông báo cho những người lãnh đạo các bạn biết. Người lãnh đạo các bạn ký kết Hiệp định quân sự với người Mỹ, là phiến diện, chúng tôi không thừa nhận, phải xóa bỏ. Người Mỹ dứt khoát tới lúc nào đó sẽ bỏ rơi các bạn. Các bạn không tin sao? Lịch sử sẽ chứng minh. Bài nói chuyện ngày 30 tháng 9 của Đalét đã lộ rõ ý đồ. ở vào địa vị các bạn, làm sao lại không đau lòng? Nói cho cùng, đế quốc Mỹ là kẻ thù chung của chúng ta.

Mười ba vạn quân dân Kim Môn không được cung cấp đầy đủ, đói khát khốn khổ, đâu phải là kẻ sách lâu dài. Vì nhân đạo, tôi đã ra lệnh cho mặt trận Phúc Kiến, từ ngày 6 tháng 10, tạm thời ngừng pháo kích trong bảy ngày, các bạn có thể vận chuyển đầy đủ, tự do tiếp tế hàng hóa nhưng với điều kiện không có người Mỹ hộ tống. Nếu như có hộ tống thì không nằm trong trường hợp này. Chiến tranh giữa các bạn và chúng tôi, ba mươi năm rồi vẫn chưa chấm dứt, việc đó thật không hay. Đề nghị tiến hành đàm phán, tìm cách giải quyết hòa bình. Điều này, Thủ tướng Chu Ân Lai đã nói với các bạn từ mấy năm trước. Đây là vấn đề nội bộ của Trung Quốc chỉ liên quan với hai phía các bạn và chúng tôi. Không phải vấn đề liên quan tới hai nước Trung Quốc và Mỹ. Nước Mỹ xâm chiếm Đài Loan và eo biển Đài Loan, đây là vấn đề liên quan tới hai phía Trung Quốc và Mỹ, phải do hai nước đàm phán giải quyết và hiện đang được tiến hành ở Vácava. Người Mỹ cuối cùng vẫn cứ phải ra đi, không đi không được. Ra đi sớm thì có lợi cho Mỹ, vì Mỹ giành được chủ động. Ra đi muộn thì sẽ bất lợi, vì Mỹ luôn phải bị động. Một nước ở Tây Thái Bình Dương, vì sao chạy tới Đông Thái Bình Dương? Tây Thái Bình Dương là của người Tây Thái Bình Dương. Cũng như Đông Thái Bình Dương là của người Đông Thái Bình Dương vậy. Đây là lẽ thông thường mà người Mỹ phải hiểu. Giữa nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và nước Mỹ đâu có chiến tranh, không có cái gọi là ngừng bắn. Không có chiến tranh mà nói ngừng bắn, há chẳng phải nực cười sao? Hỡi các bạn Đài Loan, giữa chúng ta có chiến tranh, phải dừng lại và đập tắt. Chuyện này cần phải đàm

phán. Dĩ nhiên, đánh tiếp ba mươi năm cũng chẳng phải chuyện to tát ghê gớm gì, nhưng xét cho cùng, sớm hòa bình giải quyết là thỏa đáng hơn cả. Nên như thế nào, để nghị các bạn xem xét quyết định.

Việc công bố thông cáo này của Bộ Quốc phòng, đánh dấu việc pháo kích Kim Môn bước vào giai đoạn đấu tranh mới, tức là giai đoạn lấy đấu tranh chính trị, đấu tranh Ngoại giao làm chính, đánh rồi đàm, đàm rồi ngừng, nửa đánh, nửa ngừng.

Sau khi công bố thông cáo, mặt trận Kim Môn tiếng súng lắng đi, nhưng sóng gió eo biển Đài Loan vẫn như cũ, chỉ có điều làm nhà cầm quyền Đài Loan và Nhà Trắng bối rối lúng túng.

Nhà cầm quyền Đài Loan dĩ nhiên không chịu im lặng, lớn tiếng rêu rao: Nào đây là “trò bịp”, nào đây là “xả hơi trước khi phát động cuộc tấn công mới”, nào đây là “sự đấu hàng vô điều kiện”, nào đây là “ly gián quan hệ hợp tác Trung Mỹ”, tất cả những luận điệu này cứ âm ỉ cả lên.

Phải chăng đây là “trò bịp”? Không phải. Vì pháo kích đã thật sự ngừng hẳn rồi.

Phải chăng đây là “xả hơi”? Không phải. Vì Quân Giải phóng nhân dân đầu có ý định đánh chiếm Kim Môn.

Đây cũng không phải là đòi Tưởng “đấu hàng vô điều kiện”, vì thông cáo nói rất rõ ràng “để nghị tiến hành đàm phán, tìm cách giải quyết hòa bình”... sao lại có thể nói là “đấu hàng vô điều kiện”?

Còn như nói rằng “ly gián”, thì trên thực tế quan hệ giữa nhà cầm quyền Đài Loan và người Mỹ vốn chẳng tốt đẹp gì. Tưởng Giới Thạch nương nhờ người ta, nghe theo răm rắp, có đẹp tốt gì đâu. Phản ứng của người Mỹ đối với thông cáo thế nào? đầu tiên họ nêu ra “ngừng bắn”, sau đó nêu ra “ngừng bắn vĩnh viễn”.

Tự mình đi xâm lược lãnh thổ nước khác, lại nói ngừng bắn, thật là nực cười biết bao!?

Để cho quân dân Kim Môn được tiếp tế đầy đủ, và để nhà cầm quyền Đài Loan có đủ thời gian suy nghĩ, ngày 13 tháng 10, Mao Trạch Đông lại ra lệnh tiếp tục ngừng pháo kích Kim Môn thêm hai tuần:

... Bắt đầu từ hôm nay, việc ngừng pháo kích Kim Môn kéo dài thêm hai tuần nữa để xem thái độ của đối phương, cũng là để đồng bào Kim Môn được tiếp tế đầy đủ, kể cả lương thực và trang thiết bị quân sự giúp họ cố thủ. Quân sự không loại trừ việc đánh lừa, nhưng đây không phải là đánh lừa. Việc này là để đối phó với người Mỹ. Đây là đại nghĩa dân tộc, phải phân biệt rõ ràng ranh

giới Trung-Mỹ. Chúng tôi làm như thế, nhìn vào toàn cục, không hại gì cho mình, mà có lợi cho người... có lợi cho mười triệu người Trung Quốc ở Đài, Bành, Kim, Mã, có lợi cho một dân tộc với sáu trăm năm mươi triệu người, chỉ bất lợi cho Mỹ. Một số người Cộng sản có thể tạm thời chưa hiểu được điều này. Làm sao lại có chủ ý như thế?... Người Mỹ đang còn ở Đài Loan và eo biển Đài Loan, phải cuốn xéo ngay. Họ không có lý do gì ở đây cả, không ra đi là không được đâu. Trong những người Trung Quốc ở Đài, Bành, Kim, Mã, người yêu nước nhiều, kẻ bán nước ít. Vì vậy phải làm công tác chính trị, phải làm cho đại đa số những người Trung Quốc ấy dần dần giác ngộ, cô lập thiểu số bọn bán nước, lâu dần sẽ có hiệu quả. Trước khi Quốc dân Đảng Đài Loan tiến hành đàm phán hòa bình với chúng tôi và được giải quyết hợp lý, thì nội chiến vẫn còn. Người phát ngôn Đài Loan nói: Ngừng rồi lại đánh, đánh rồi lại ngừng, chẳng qua chỉ là một quỷ kế của Cộng sản. Ngừng rồi lại đánh, đúng là như vậy, nhưng không phải quỷ kế. Các bạn không muốn hòa đàm, thì dứt khoát phải đánh. Trong thời gian các bạn vẫn giữ thái độ ngoan cố như hiện nay, chúng tôi có quyền tự do, muốn đánh thì đánh, muốn ngừng thì ngừng. Người Mỹ muốn nhúng tay vào vấn đề nội chiến của nước ta, họ bảo phải ngừng bắn, khiến người ta không khỏi tức cười. Người Mỹ... chẳng đại diện cho cái gì cả. Họ đại diện cho người Đài Loan ư? Nhà cầm quyền Đài Loan có cấp giấy uỷ nhiệm cho họ đâu, lãnh tụ Quốc dân Đảng căn bản chống hội đàm Trung Mỹ. Dân tộc Mỹ là một dân tộc vĩ đại, nhân dân Mỹ lương thiện hiền lành. Họ không muốn chiến tranh, họ hoan nghênh hòa bình. Nhưng trong Chính phủ Mỹ có một số người chẳng sáng suốt chút nào, ví dụ như Đalét. Ngay cái việc gọi là ngừng bắn, há không phải là thiếu hiểu biết thông thường sao? Việc thu phục toàn bộ Đài, Bành, Kim, Mã, hoàn thành thống nhất Tổ quốc, đấy là nhiệm vụ thiêng liêng của sáu trăm năm mươi triệu nhân dân chúng ta. Đây là công việc nội bộ của Trung Quốc, người ngoài không có quyền can thiệp, Liên Hợp Quốc cũng không có quyền can thiệp. Tất cả bọn xâm lược và tay sai của chúng trên thế giới đều sẽ bị chôn vùi, thời gian chẳng còn lâu nữa đâu. Chúng nhất định không chạy đâu cho thoát. Chúng muốn trốn lên cung trăng cũng chẳng được. Giặc tới được, ta cũng tới được, dứt khoát là bắt được chúng về. Chỉ có một điều duy nhất là thắng lợi sẽ thuộc về nhân dân toàn thế giới. Vùng biển Kim Môn, người Mỹ không được hộ tống. Nếu có hộ tống, lập tức pháo kích ngay.

Nhưng, nhà cầm quyền Đài Loan vẫn giữ thái độ ngoan cố, từ chối không chịu hòa đàm, đồng thời Đalét đến Đài Loan lập kế hoạch thực hiện

tiếp “Điều ước phòng thủ chung Mỹ-Tường” Tàu chiến Mỹ sau khi Quân Giải phóng ngừng pháo kích lại tiến vào vùng biển Kim Môn, ngang nhiên vi phạm điều kiện tạm ngừng pháo kích của Trung Quốc.

Ngày 20 tháng 10, Mao Trạch Đông ra lệnh tiếp tục pháo kích. Cuộc chiến lại diễn ra như lúc đầu.

Pháo kích Kim Môn dần dần phát triển thành đấu tranh chính trị và đấu tranh Ngoại giao, đồng thời trở thành một cuộc đấu tranh lâu dài. Hình thức đấu tranh về quân sự cũng khác lạ, ngày lẻ thì pháo kích, ngày chẵn thì ngừng. Phương thức chiến tranh kỳ lạ này kéo dài mãi tới cuối những năm 70.

Ngày 25 tháng 10, Mao Trạch Đông trong “thư thông báo một lần nữa với đồng bào Đài Loan, của Bộ Quốc phòng nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa” đã nêu rõ phương thức chiến tranh kỳ lạ này:

...

Chúng tôi hoàn toàn hiểu rõ, tuyệt đại đa số đồng bào là những người yêu nước, số cam tâm làm nô lệ cho người Mỹ chỉ là rất ít. Thua đồng bào, công việc của người Trung Quốc chỉ có thể do người Trung Quốc chúng ta tự giải quyết. Một khi chưa giải quyết được thì có thể bàn bạc lâu dài. Gã thuyết khách chính trị Đa lết thích gây rắc rối, muốn nhúng tay vào chuyện xung đột lịch sử giữa hai đảng, Quốc dân Đảng và đảng Cộng sản, ra lệnh cho người Trung Quốc phải làm thế này, thế nọ, làm tổn hại lợi ích của người Trung Quốc, chỉ phù hợp với lợi ích của người Mỹ... Nếu không toại nguyện thì họ sẽ không từ bất cứ thủ đoạn nào, cho dù là thâm độc nhất. Các bạn biết tướng Trương Tác Lâm đã phải chết như thế nào rồi. Ông hoàng Cô Đồn ở Đông Bắc cũng đã bị người ta đánh bom chết. Bọn đế quốc trên thế giới này chẳng hề có chút lương tâm.... Hồi đồng bào, tôi khuyên đồng bào hãy cẩn thận. Tôi khuyên đồng bào không nên quá trông cậy vào người khác, để mặc cho người ta tước đoạt hết mọi quyền hành. Chuyện của hai đảng chúng ta rất dễ giải quyết. Tôi đã ra lệnh cho mặt trận Phúc Kiến, vào ngày chẵn không pháo kích sân bay Kim Môn, bến tàu, bãi biển và thuyền bè trong vịnh Liêu La Loan để cho quân dân ở Đại Kim Môn, Tiểu Kim Môn, và các đảo lớn nhỏ ở Đại Đâm, Nhị Đâm đều được cung cấp đầy đủ, lương thực, rau xanh, dầu ăn, nhiên liệu và trang thiết bị quân sự, để đồng bào cố thủ lâu dài. Nếu như không đủ, chỉ cần đồng bào yêu cầu, chúng tôi sẽ cung cấp. Biến thù thành bạn, như thế là thức thời. Vào ngày lẻ, tàu thuyền, máy bay không nên đến. Ngày lẻ chúng tôi cũng không dứt khoát pháo kích, nhưng đồng bào đừng nên tới, để tránh tổn thất có thể xảy ra. Vậy là, trong một tháng thì nửa

tháng có thể chuyên chở được, việc cung cấp có thể không thiếu. Đồng bào hẳn có người còn nghi ngờ chúng tôi muốn phá hoại tình đoàn kết giữa quân và dân, giữa sĩ quan và binh lính. Thưa đồng bào, không đâu, chúng tôi mong muốn đồng bào tăng cường đoàn kết để cùng nhau nhất trí đối phó với bên ngoài; pháo kích rồi lại thôi, nửa đánh nửa ngừng, không phải âm mưu quỷ kế gì đâu, mà chỉ là cách giải quyết trong tình hình cụ thể hiện tại mà thôi. Không đánh sân bay, bến cảng, bãi biển, thuyền bè vẫn chỉ với điều kiện là không để người Mỹ vào làm các việc hộ tống chuyên chở. Nếu có người Mỹ dính dáng vào thì không được xếp vào trường hợp này.

Trong cuộc hội đàm Tường Giới Thạch - Đa lét, các bạn đã chịu thua thiệt. Các bạn chỉ có quyền đại diện cho “Trung Quốc tự do” để phát ngôn, có chăng thêm được một số ít Hoa kiều cho phép các bạn thay mặt cho họ. Người Mỹ phong cho các bạn là nước “Trung Quốc nhỏ”. Ngày 23 tháng 10, Chính phủ Mỹ cho công bố nội dung buổi nói chuyện giữa Đa lét với phóng viên của một hãng phát thanh Anh ngày 16 tháng 10. Như vậy là Đa lét vừa rời khỏi Đài Loan, thì tin tức trên được tung ra. Ông ta nói, ông ta đã nhìn thấy một nước Trung Quốc của những người Cộng sản, rằng quốc gia này tồn tại đích thực và muốn thiết lập quan hệ với họ, vân vân... Thật là ơn trời ơn đất, đất nước này của chúng tôi coi như đã được một quan lớn của nước Mỹ nhìn thấy rồi! Đó là nước “Trung Quốc lớn”. Người Mỹ bức bách trước tình thế, buộc phải thay đổi chính sách, coi các bạn như là một “đơn vị chính trị tồn tại trên thực tế”, kỳ thực đâu có coi là một quốc gia...Hỡi các bạn Quốc dân Đảng, lẽ nào các bạn không cảm nhận được mối nguy hiểm ấy sao? Lối thoát như thế nào đây? Mong các bạn hãy suy nghĩ... Trên thế giới chỉ có một nước Trung Quốc, không thể có hai nước Trung Quốc. Điểm này chúng ta nhất trí với nhau rồi. Người Mỹ mưu toan tạo ra hai nước Trung Quốc, toàn thể nhân dân Trung Quốc trong đó, các bạn và kiều bào ở nước ngoài, quyết không cho phép họ thực hiện. Thời đại ngày nay, một thời đại chứa chan hy vọng, tất cả mọi người yêu nước đều có tương lai cả, đừng sợ bất cứ tên đế quốc nào cả. Dĩ nhiên, chúng tôi không khuyến các bạn dứt khoát chia tay ngay với người Mỹ, nghĩ như vậy là không thực tế. Chúng tôi chỉ mong muốn các bạn đừng khuất phục trước sức ép của người Mỹ, đừng ngoan ngoãn nghe theo họ, để đánh mất chủ quyền rồi cuối cùng đi tới chỗ không còn đất nương thân, bị người ta dồn xuống biển. Những lời khuyên này của chúng tôi là thật lòng, không chút ác ý, sau này chắc các bạn sẽ dần dần hiểu.

...

Mấy bài nhấn gửi này đều là do Mao Trạch Đông đích thân viết ra, rất

để dàng cảm nhận thấy tầm nhìn chiến lược nhìn xa trông rộng và tư tưởng vĩ đại của Mao Trạch Đông.

Lịch sử vẫn đi tới. Ngày nay, khi một lần nữa suy ngẫm về những vấn đề này với những nội dung được trình bày trong đó, vẫn thấy có bao nhiêu điều đang để tất cả con cháu dân tộc Trung Hoa suy nghĩ.

Sau khi vấn kiện trên đây của Mao Trạch Đông được công bố, việc pháo kích Kim Môn vẫn diễn ra theo quy luật bắn ngày lẻ, ngừng ngày chẵn, nhưng trên thực tế chỉ còn mang tính tượng trưng. Tuy hai bên không có Hiệp nghị chính thức nào, nhưng dường như đã hình thành một sự “cam kết ngầm” với nhau.

Quân Giải phóng pháo kích Kim Môn, không bắn vào trận địa và điểm dân cư, chỉ bắn vào các bãi biển. Quân phòng thủ Kim Môn khi phản pháo, cũng làm như vậy.

Về sau, vào những ngày lễ tết, Quân Giải phóng ngừng pháo kích ba ngày để nhân dân Kim Môn yên ổn vui chơi. Phía Kim Môn cũng làm y hệt như vậy.

Thế là Mỹ và Tưởng đã bị sách lược sáng suốt của Mao Trạch Đông xỏ mũi dắt đi, và pháo kích cũng trở thành một kiểu đối thoại đặc biệt giữa Trung Quốc và Mỹ, Đài Loan, một thứ đàm phán không diễn ra trên bàn đàm phán.

Nguyên nhân khiến Mao Trạch Đông không chiếm Kim Môn ngay từ đầu, đến đây dường như chúng ta đã có thể thấy được chút ít:

Giữ lại một con đường để “đối thoại”.

Pháo kích tiếp. Tổng thống Mỹ thăm Đài Loan

Năm 1960, phong trào đấu tranh giành hòa bình của nhân dân thế giới nổi lên dồn dập khắp nơi, ngọn lửa chống xâm lược và nền thống trị thực dân, ngày càng lan rộng. Nhân dân một số nước Châu á liên tiếp giành được thắng lợi, Chính phủ Mỹ đã cảm thấy tình hình bất lợi cho mình. Vì thế, Tổng thống Mỹ Aixenhao đã thân chinh đến thăm Viễn Đông để tiến hành can thiệp. Ngày 16 tháng 6, ông ta rời Manila đến “thăm” Đài Loan.

Đài Loan là lãnh thổ thiêng liêng của Trung Quốc. Ngày thứ ba sau khi nổ ra chiến tranh Triều Tiên (năm 1950), Truman trong khi ra lệnh cho quân Mỹ ở Viễn Đông xâm nhập Triều Tiên, đã đồng thời cử hạm đội 7 tiến vào eo biển Đài Loan. Trong thời gian này, hội đàm cấp Đại sứ giữa Trung Quốc và Mỹ, tới tháng 6 năm 1960, đã họp được 97 phiên. Mỹ trước sau vẫn từ chối thỏa thuận không dùng vũ lực hoặc đe dọa vũ lực để giải quyết tranh chấp

giữa hai nước theo nguyên tắc không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp công việc nội bộ của nhau. Từ tháng 9 năm 1958, khi Mỹ xâm nhập ven biển Phúc Kiến, người phát ngôn Bộ Ngoại giao nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã nghiêm khắc cảnh cáo lần thứ nhất, tính tới lúc này đã lên tới 108 lần, nhưng Chính phủ Mỹ vẫn làm ngơ. Bây giờ, Aixenhao lại đến “thăm” Đài Loan, nhân dân Trung Quốc làm sao có thể tha thứ được? Để phản đối việc Aixenhao “thăm” Đài Loan, Quân ủy Trung ương quyết định: Theo thông lệ, pháo kích vào ngày lễ tức ngày 17 tháng 6, trước ngày Aixenhao đến Đài Loan, và ngày 19 tháng 6 khi Aixenhao rời Đài Loan. Mục tiêu pháo kích là bãi biển đối diện với đại lục - Khu vực vắng vẻ không người ở và vùng núi không có công sự của hai đảo Đại Kim Môn và Tiểu Kim Môn. Đảng uỷ Sư đoàn 6 pháo binh Trung Quốc theo lệnh của Quân uỷ Trung ương và sự phân công của Bộ chỉ huy mặt trận Phúc Kiến, lập tức triệu tập họp Đảng uỷ và họp cán bộ lãnh đạo trận địa nghiên cứu kế hoạch thực hiện cụ thể việc pháo kích thị uy. Do chuẩn bị chu đáo, hành động bí mật, quân Quốc dân Đảng ở Kim Môn không hề biết gì.

5 giờ chiều ngày 17 tháng 6, Bộ tư lệnh mặt trận Phúc Kiến phát đi “Thư gửi đồng bào, quân dân các đảo Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn, Mã Tổ”. Sau khi phát thanh tuyên bố tin tiến hành pháo kích thị uy, quân Quốc dân Đảng ở Kim Môn vô cùng kinh ngạc, Ban phòng vệ và nhóm cố vấn Mỹ lập tức sao lục nội dung lá thư gửi về Đài Loan, xin ý kiến đối phó. Theo ý kiến của Tưởng Giới Thạch, quân Quốc dân Đảng ở Kim Môn về cơ bản hành động theo yêu cầu của lá thư; hai chiến hạm neo đậu trong vịnh Liêu La Loan lập tức ra khơi; các trạm radar ở Kim Môn lập tức ngừng hoạt động; các nhân viên công tác trên mặt đất rút xuống đường hầm.

Ngày 17, lúc sắp tới 20 giờ, hệ thống cán bộ chỉ huy các cấp chăm chú theo dõi đồng hồ từng phút một. Khi chiếc kim giây tích tắc tích tắc nhích tới đúng 20 giờ, một loạt đạn tín hiệu màu đỏ bay vút lên trời, trong phút chốc hơn 420 khẩu đại bác cùng một lúc gầm lên. Đợt pháo kích thị uy phản đối Tổng thống Mỹ Aixenhao “thăm” Đài Loan bắt đầu. Tại chỉ huy sở Hạc Ô Tích, Chính uỷ tổng chỉ huy các trận địa pháo Phương Quan Phú trực tiếp chỉ huy pháo kích thị uy vùng Liên Hà; Tổng chỉ huy trưởng Thẩm Trọng Văn theo dõi chặt chẽ những diễn biến về phía địch.

Lúc đó, chiến hạm chở Aixenhao đang tiến gần đảo Hoà Thiêu, Đài Loan, nghe nói có pháo kích, lập tức tăng tốc tiến về phía cảng Cơ Long, đồng thời lên án “Trung Cộng đã pháo kích bữa bãi”. Khi quân Trung Quốc

pháo kích thị uy, quân Quốc dân Đảng ở Kim Môn vội vã báo cáo: Đợt pháo kích này dữ dội hơn trận pháo kích “23-8”, đạn bắn vào bãi biển, vụng nước và khoảng giữa các trận địa, không có thương vong gì. Nhân viên thông tin các trận địa khi liên lạc với nhau, đều báo tin bình yên, có người còn nói đùa: “Ông anh ạ, Quân Giải phóng phóng không bắn chúng mình đâu!” Khi quân Trung Quốc pháo kích thị uy, pháo binh quân Quốc dân Đảng ở Kim Môn chỉ bắn có 28 phát vào khu vực Liên Hà, để tỏ ra có phản kích trả đũa. Phía Mỹ rất không hài lòng về việc này. Lúc 23 giờ, pháo binh Trung Quốc lại pháo kích về phía Kim Môn 40 phút, ngày hôm ấy tổng cộng bắn tất cả hơn 3 vạn phát đạn pháo.

Sáng sớm ngày 19, Aixenhao vội vã rời khỏi Đài Loan, quân đội Trung Quốc lại pháo kích thị uy hai lần nữa vào lúc 6 giờ và 8 giờ 30 phút. Mỗi đợt pháo kích 50 phút, cộng tất cả 38.000 phát đạn. Pháo kích vừa bắt đầu, “Bộ Quốc phòng” Đài Loan lập tức cho kiểm tra tình hình nơi bị pháo kích. Sau 40 phút, quân Quốc dân Đảng Kim Môn mới phản kích, đạn pháo cũng chỉ rớt xuống bãi biển và đồng ruộng. “Bộ Quốc phòng” Đài Loan liên tiếp yêu cầu báo cáo tình hình cụ thể của việc bắn trả đũa. Quân Quốc dân Đảng trên hai đảo Đại Tiểu Kim Môn đành phải bắn chiếu lệ vào đại lục hơn một nghìn phát đạn. Quân Trung Quốc ngừng pháo kích, phía quân Quốc dân Đảng tình hình lại trở lại bình thường, chỉ còn lớp khói đạn loăng dăn trên đảo Tiểu Kim Môn vào lúc hoàng hôn.

Cuộc pháo kích Kim Môn kết thúc

Trung tuần tháng 12 năm 1961, thực hiện chỉ thị của Quân ủy Trung ương về việc giữ gìn tình hình eo biển Đài Loan ổn định và không chủ động tấn công quân Quốc dân Đảng ở Kim Môn, bộ đội pháo binh mặt trận Phúc Kiến chuyển việc bắn đạn thật vào ngày lễ thành bắn đạn truyền đơn tuyên truyền. Quân Quốc dân Đảng Kim Môn ngoài việc thỉnh thoảng bắn lẻ tẻ vài phát ra, chủ yếu cũng chỉ bắn đạn truyền đơn tuyên truyền.

Căn cứ vào sự thay đổi của tình hình mặt trận Phúc Kiến, mùa xuân năm 1962, bộ đội pháo binh tham chiến được lệnh bàn giao vũ khí trang bị và nhiệm vụ tác chiến cho bộ đội pháo binh đơn vị anh em, vào cuối tháng 3 an toàn trở về đơn vị cũ.

Ngày 1 tháng 1 năm 1979, hai nước Trung Quốc và Mỹ thiết lập quan hệ Ngoại giao. Chính phủ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ công nhận Chính phủ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa là chính quyền hợp pháp duy nhất của

Trung Quốc, cắt đứt quan hệ “Chính phủ” với nhà cầm quyền Đài Loan. Cùng ngày, Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc công bố “Thư gửi đồng bào Đài Loan” tuyên bố phương châm chính sách lớn tranh thủ hòa bình thống nhất Tổ quốc. Bộ trưởng Quốc phòng Từ Hướng Tiền ngay hôm đó cũng ra “Tuyên bố về việc thôi pháo kích các đảo Đại Tiểu Kim Môn”. Bản tuyên bố nói: “Đài Loan là một phần lãnh thổ Trung Quốc, đồng bào Đài Loan là anh em ruột thịt của chúng ta. Để tạo thuận lợi cho quân dân, đồng bào Đài Loan, Bành Hồ, Kim Môn, Mã Tổ ra vào đại lục thăm người thân gặp bạn bè tham quan du lịch và đi lại sản xuất ở eo biển Đài Loan, tôi ra lệnh cho bộ đội mặt trận Phúc Kiến từ hôm nay thôi pháo kích vào các đảo Đại Kim Môn, Tiểu Kim Môn, Đại Đắm, Nhị Đắm”. Sau khi nhận được lệnh này, quân Trung Quốc ngừng luôn cả hoạt động bắn đạn truyền đơn tuyên truyền vào Kim Môn,.

Tới lúc này, cuộc chiến pháo kích Kim Môn đặc biệt này tuyên bố kết thúc.

Chương sáu

Chiến tranh lạnh giữa hai cường quốc hé mở chiều hướng tốt. Aixenhao đã khách ở trại Đavít. Khorútsóp thái độ mập mờ. Bất đồng Trung - Xô lại một lần nữa thể hiện rõ

L HỘI ĐÀM Ở TRẠI ĐA VÍT.

Chuyến thăm Mỹ đầu tiên của Khorútsóp bị “đổi xử lạnh nhạt”

Ngày 15 tháng 9 năm 1959, vào lúc 16 giờ 21 phút giờ quốc tế, một chiếc máy bay có động cơ cỡ lớn kiểu TU-114 màu trắng bạc từ từ hạ cánh xuống sân bay không quân Andrews gần Oasinhton, thủ đô nước Mỹ. 16 giờ 32 phút, Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Khorútsóp với khuôn mặt rạng rỡ xuất hiện tại cửa máy bay. Ông nhanh nhẹn bước xuống thang máy bay, bắt tay Tổng thống Mỹ Aixenhao đang chờ ở bên dưới. Chuyến thăm nước Mỹ 13 ngày của Khorútsóp bắt đầu.

Đây là chuyến thăm Mỹ chính thức đầu tiên của người lãnh đạo cao nhất Liên Xô. Cuộc hội đàm Mỹ - Xô ở cấp cao nhất lần đầu tiên đã được thực hiện sau khi Khorútsóp lên cầm quyền. Đối với chuyến thăm này của Khorútsóp, Chính phủ Mỹ tiến hành rất long trọng nhưng cũng rất có mức độ. Trong lễ đón ở sân bay, tuy có trải thảm đỏ, và cũng bắn 21 phát đại bác đón chào, nhưng trong đám người ra đón ngoài tiếng vỗ tay của đoàn đại biểu Liên Xô, khoảng 4000 người khác không ai vỗ tay, không ai vẫy tay, không ai chào hỏi và trên gương mặt cũng không thể hiện tình cảm nào cả. Ngày hôm sau, báo chí Mỹ và các nước phương Tây đưa tin, Oasinhton đón tiếp Khorútsóp “vô cùng lạnh nhạt”.

Dù rằng như vậy, chuyến đi thăm Mỹ của Khorútsóp vẫn khiến cho quốc tế quan tâm rộng rãi, vì chuyến viếng thăm này diễn ra vào lúc quan hệ Mỹ-Xô kể từ sau chiến tranh thế giới luôn ở trong trạng thái chiến tranh lạnh, bắt đầu xuất hiện chiều hướng tốt lên. Gần 2000 phóng viên của hơn 30 quốc gia đã đến nước Mỹ để phỏng vấn. Con số này đông đảo chưa từng có trong

lịch sử báo chí Mỹ, vượt cả kỷ lục 1400 phóng viên đi theo phái đoàn khi Nữ hoàng Êlidadét đến thăm Mỹ hai năm trước.

Từ ngày 15 đến ngày 25, Khorútsóp lần lượt đi thăm các nơi như Niu Yóoc, Lốt Angiolét, San Francisco, Pitsbua. Tại Lốt Angiolét, phía Mỹ đã hủy bỏ chương trình định trước là thăm công viên Đítsny, khiến Khorútsóp rất không hài lòng:

- Tại sao lại không đến đấy? Các ông đã đặt dàn phóng tên lửa hay cái gì khác ở đấy? Hay là ở đấy có dịch tả? Hay bọn thổ phỉ đã chiếm mất nơi ấy rồi?

Khi phía Mỹ giải thích với Khorútsóp rằng, họ không thể bảo đảm an toàn cho ông ở công viên Đítsny, Khorútsóp nói:

- Đối với tôi, đây là một trường hợp không thể tưởng tượng được. Tôi sẽ không thể giải thích được cho nhân dân nước tôi.

Trong chuyến viếng thăm này, Mỹ đã huy động tới 15.000 quân nhân, cảnh sát, mật thám, cảnh vệ quốc dân và nhân viên an ninh Liên bang, áp dụng các biện pháp an ninh nghiêm ngặt nhất.

Tối ngày 25, Khorútsóp và Aixenhao bắt đầu tiến hành hội đàm 3 ngày tại trại Đavít, bang Marilen. Hai bên đã thảo luận về các vấn đề nước Đức, Béclin, tài giảm binh bị, thử vũ khí hạt nhân, quan hệ hai nước và vấn đề tổ chức Hội nghị nguyên thủ quốc gia.

Ngày 27, thông cáo chung sau hội đàm được công bố. Theo thông báo, hai bên “nhất trí cho rằng, vấn đề tài giảm binh bị là vấn đề quan trọng nhất hiện nay của thế giới. Chính phủ hai nước sẽ cố gắng hết sức mình để làm cho vấn đề này được giải quyết không phải bằng biện pháp sử dụng vũ lực, mà bằng đàm phán hòa bình”. Thông báo còn tuyên bố, Tổng thống Aixenhao sẽ sang thăm Liên Xô vào mùa xuân năm sau.

Một số phóng viên phương Tây đưa tin, cuộc hội đàm nguyên thủ Mỹ - Xô lần này, ngoại trừ việc không thỏa thuận được về vấn đề nước Đức và Béclin ra, đã giành được thành công tương đối lớn, đồng thời đã mở đầu cho việc làm hòa dịu tình hình căng thẳng. Đài phát thanh Liên Xô bình luận, chuyến thăm Mỹ của Khorútsóp là một chuyến viếng thăm “thành công”, một chuyến viếng thăm khiến quan hệ Mỹ - Xô tiến tới một bước ngoặt. Hội các nhà sử học cho rằng chuyến viếng thăm này là “sự kiện trọng đại nhất” trong những năm tháng sau chiến tranh.

Con đường đi tới Hội nghị nguyên thủ Mỹ - Xô gian nan trắc trở

Tuy nhiên, con đường đi tới cuộc gặp gỡ cấp cao nhất Mỹ - Xô này lại

rất gian nan trắc trở.

Khorútsóp đầy tham vọng sau khi ngồi vững trên “ngai vàng” Bí thư thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, luôn mong muốn làm những việc nổi tiếng thế giới. Ông ta lên mặt chỉ huy đối với Trung Quốc, Mao Trạch Đông mặc kệ không thèm để ý. Ông liền quay sang hòa hoãn với Mỹ, để thực hiện chiến lược toàn cầu Mỹ-Xô hợp tác làm chúa tể thế giới, nhưng Tổng thống Mỹ Aixenhao cũng chẳng coi trọng Khorútsóp, Khorútsóp đành phải chủ động ve vãn Aixenhao, tìm mọi cách lôi kéo ông này.

Ông công khai đưa ra yêu cầu: “Tôi rất tôn trọng Tổng thống Aixenhao và mong muốn được đến thăm nước Mỹ”.

Aixenhao đã nghe Catoléch nói lại lời nhắn này, và bí mật bàn bạc với Quốc vụ khanh Đalét. Đalét cho rằng, Khorútsóp đích thân yêu cầu được sang thăm nước Mỹ là một điều đáng mừng, nhưng phải làm nhụt nhuệ khí của Khorútsóp trước đã, cho nên cứ tạm thời phớt lờ yêu cầu của ông ta.

Khorútsóp lại liên tiếp thông qua các kênh khác nói cho Aixenhao và Đalét biết ý định muốn sang thăm Mỹ và đề nghị tiến hành hội đàm nguyên thủ Mỹ - Xô, nhưng Tổng thống và Quốc vụ khanh Mỹ vẫn cứ làm ngơ, khiến ông ta nổi giận gây ra sự kiện về vũ khí hạt nhân và vấn đề Béclin, làm áp lực với nhà cầm quyền Mỹ.

Khorútsóp dốc hết vốn liếng phát triển vũ khí mũi nhọn và nhanh chóng giành được thắng lợi: Tháng 8 năm 1957, Liên Xô phóng thành công tên lửa đạn đạo vượt đại châu đầu tiên trên thế giới; tháng 10 cũng lần đầu tiên trên thế giới, Liên Xô phóng vệ tinh nhân tạo.

Chuyện này khiến cho Khorútsóp huênh hoang tự đắc. Ông ta cố ý để phóng viên Mỹ nói lại với Aixenhao: Đây mới chỉ là sự mở đầu nhỏ nhoi cho kỳ tích vũ khí mũi nhọn của Liên Xô mà thôi, những tên lửa, vệ tinh khác sẽ được liên tiếp phóng lên bầu trời. Ông cười nhạo Aixenhao. Tên lửa đẩy của Mỹ chắc còn rất kém. Nếu không, sao lại chưa phóng được vệ tinh của Mỹ lên trời? Máy bay ném bom hạng nặng B-52 của các ông nên đưa vào lò luyện thép đi thôi kẻo gặp tên lửa đạn đạo nhiều tầng của Liên Xô lại hóa thành đồng sắt vụn!

Khorútsóp còn dương dương tự đắc nói kháy nước Anh: Các ông còn coi máy bay ném bom là bảo bối nữa không, so với vũ khí mũi nhọn của Liên Xô, những thứ ấy có ra cái gì, thôi về mà đập thành sắt phế thải bán quách đi!

Vệ tinh Liên Xô bay lên bầu trời khiến Aixenhao và Đa lét rất bối rối,

nhưng hai người vẫn không hoang mang, vẫn chẳng quan tâm gì đến yêu cầu của Khorútsốp muốn tiến hành hội đàm nguyên thủ Mỹ-Xô.

Khorútsốp thấy kế này không thành, liền bày ra kế khác. Trong diễn văn ở Mátxcova ngày 10 tháng 11 năm 1958, ông tuyên bố dự định chuyển giao quyền kiểm soát Đông Béclin cho chính quyền Dân chủ Đức, do đó đã gây ra cuộc khủng hoảng Béclin lần thứ hai.

Thấy Aixenhao vẫn không tỏ ra nao núng, ngày 14 tháng 11, Khorútsốp lại một lần nữa ra tuyên bố rằng ông đang chuẩn bị một văn kiện thỏa đáng với vai trò của Béclin và sẽ đưa ra quyết định quan trọng nhất.

Khorútsốp thấy Aixenhao vẫn chẳng có phản ứng gì, liền chủ trương đưa ra một văn kiện kiểu “Thông điệp cuối cùng”. Ngày 27 tháng 11, Bộ trưởng Ngoại giao Gorômícô chính thức trao cho các Đại sứ Mỹ, Anh, Pháp và Cộng hoà Liên bang Đức ở Liên Xô bản công hàm tuyên bố biến Tây Béclin thành một thành phố tự do phi vũ trang do Liên Xô, Mỹ, Anh, Pháp, Liên Hợp Quốc đứng ra bảo đảm. Công hàm còn nêu ra việc sẽ ký một hiệp định khác, để Cộng hòa Dân chủ Đức bảo đảm việc giao thông đi lại giữa Tây Béclin với thế giới bên ngoài. Điều kiện trao đổi là, phương Tây phải bảo đảm không sử dụng Tây Béclin tiến hành hoạt động lật đổ đối với Cộng hòa Dân chủ Đức. Nếu sáu sáu tháng vẫn không có tiến triển, Liên Xô sẽ đơn phương ký kết hòa ước với Cộng hòa Dân chủ Đức.

Khorútsốp dọa rằng, cho dù Mỹ và các nước Phương Tây không đồng ý với ý kiến của Liên Xô cũng “không ngăn cản được chúng tôi thực hiện kế hoạch của Liên Xô vì “không còn biện pháp khác nào nữa”.

Đã 71 tuổi, lại đang bị bệnh ung thư, toàn thân đau đớn, mệt mỏi bải hoải, Đalét vẫn gắng gượng nằm trên chiếc ghế sofa dài bọc da trong văn phòng Quốc vụ viện, hai chân gác lên chiếc bàn nhỏ, vất vả đọc văn kiện kiểu thông điệp cuối cùng của Khorútsốp. Rút cục thì ông ta cũng nắm được thực chất trong “văn kiện Ngoại giao” này: Rút hết tất cả quân đội nước ngoài ra khỏi Tây Béclin, trong 6 tháng biến Béclin thành một thành phố tự do.

Đalét đặt “Thông điệp cuối cùng” của Khorútsốp xuống, đón lấy cuốn sổ giấy trắng cỡ lớn từ tay Livinston, trợ lí Quốc vụ khanh phụ trách công việc châu Âu, lơ đãng viết viết xóa xóa lung tung vào cuốn sổ.

Đalét không báo cáo bệnh tình của mình với Aixenhao. Trong tình trạng bệnh tình hành hạ, dưới bóng đen tử thần bao phủ, ông đi công cán chuyến cuối cùng sang Châu Âu xa xôi vất vả.

Ông ta đã bàn bạc đối với Tổng thống Pháp Đờ Gôn, Thủ tướng Anh

Mácmlan, Thủ tướng Cộng hòa Liên bang Đức Adênaux. Ông ta ráng chịu đau để nghe ý kiến các nguyên thủ Đồng minh phương Tây, khi ăn cơm không tài nào nuốt được nhưng lại làm ra vẻ để mọi người cảm thấy ông ta đang ăn. Ông ta chỉ nói riêng với Adênaux là mình đang bị ung thư và cố gắng lấy sức nêu rõ thái độ đối với Liên Xô:

- Nếu Khorútsốp hành động ngang ngược, khủng hoảng Béclin sẽ có thể sẽ dẫn đến bùng nổ chiến tranh. Mỹ sẵn sàng đương đầu với chuyện mạo hiểm này, vì bảo vệ Béclin có ý nghĩa cực kỳ trọng đại, nhưng phương Tây phải tìm cách tránh tai họa này, tìm cách đàm phán với Khorútsốp.

Đalét đã nghiên cứu kỹ đặc trưng tính cách của Khorútsốp, cho rằng con người này tuy hùng hùng hổ hổ, nhưng thực chất muốn hòa hoãn với Mỹ. Đalét cùng Adênaux sau khi bàn bạc riêng với nhau đã công khai tuyên bố: “Nếu Khorútsốp dùng vũ lực đóng cửa con đường cao tốc Béclin, thì Mỹ quyết tâm dùng vũ lực giữ cho con đường này giao thông thông suốt!”

Đalét trở về Oasinhton, báo cáo kết quả chuyến đi Châu Âu của ông với Aixenhao, hai người quyết định sử dụng biện pháp cứng rắn, “từ chối không đầu hàng, nhưng sẵn sàng đàm phán”. Khorútsốp quả nhiên mềm nắn rắn buông, tỏ ý sẵn sàng hòa giải, không nhắc lại thông điệp cuối cùng nữa.

Đalét ốm nặng phải vào nằm viện và phát hiện ung thư đã tới giai đoạn cuối. Ngày 24 tháng 5 năm 1959, ông ta đã qua đời tại một bệnh viện quân đội ở Oasinhton. Trong hồi ký, Khorútsốp đã khen Đalét là một đối thủ “đáng gờm” rất “xứng đáng”.

Aixenhao chịu ảnh hưởng rất lớn của Đalét. Đalét là một nhân vật quen thói xâm lược, ông ta có ác cảm mãnh liệt và tự nhiên đối với Liên Xô, mang lòng thù hận về ý thức tư tưởng đối với mỗi sự vật mới, mỗi sự vật của chủ nghĩa cộng sản, mỗi sự vật của chủ nghĩa xã hội. Lòng thù hận này xuyên suốt cuộc đời ông ta, cho tới tận ngày cuối cùng. Ông ta sẽ chịu tiếng xấu mãi mãi vì đã nêu ra một hệ thống lí luận chống Liên Xô. Chính sách Ngoại giao của ông ta có một công thức mà ai cũng biết, đó là tạo ra miệng hố chiến tranh, nhưng không vượt quá cái miệng hố ấy... Tôi phải nói rằng, chúng tôi có hai cách nhìn đối với Đalét: Một mặt, chúng tôi cho rằng ông ta là kẻ thù số một về hình thái ý thức của chúng tôi, mặt khác, ông ta không phải chỉ một lần chứng minh rằng ông ta không thật sự mong có chiến tranh.

Sau khi Đalét chết, Khorútsốp đành phải tìm con đường khác để móc nối quan hệ với người lãnh đạo nước Mỹ. Đúng vào lúc đó, tháng 7 năm 1959, Mỹ tổ chức một triển lãm tại Mátxcova, Phó Tổng thống Mỹ Níchson

đến Liên Xô để chủ trì. Đi cùng với Níchson tham gia dự lễ khai mạc, Khorútsốp quyết định nhân dịp này cho Níchson “biết tay” để gây một ấn tượng sâu sắc cho nước Mỹ.

Trong lúc tham quan, một nhân viên kỹ thuật trẻ xin được quay cảnh chuyện trò giữa Khorútsốp và Níchson để phát lại nhiều lần trong thời gian triển lãm, Khorútsốp vui vẻ nhận lời ngay. Khán giả Liên Xô có mặt tại đó kéo nhau xúm xít lại, Khorútsốp phần khởi nói với Níchson:

- Nước Mỹ tồn tại bao nhiêu năm rồi nhỉ?

170 năm. Vậy thì, xin mọi người chú ý, đây là trình độ họ đã đạt được. Chúng ta chỉ mới có 42 năm thôi, sau 7 năm nữa, chúng ta cũng sẽ đạt tới trình độ phát triển như nước Mỹ!

Những khán giả Liên Xô lúc ấy vỗ tay nhiệt liệt khi nghe được những câu nói làm phấn chấn lòng người. Khorútsốp càng nói càng hăng:

- Khi chúng tôi đuổi kịp và vượt các ông, chúng tôi sẽ vẫy chào các ông!

Khorútsốp vừa nói vừa quay lại phía sau vẫy vẫy bàn tay béo múp, dường như nước Mỹ thật sự đang bỏ đi chậm chạp phía sau Liên Xô. Ông ta đắc ý với màn trình diễn của mình, cảm thấy mình đã nắm được cơ hội để vừa chê bai nước Mỹ làm Níchson phải bẽ mặt, lại khích lệ được tinh thần nhân dân Liên Xô, nâng cao được uy tín bản thân, có thể coi là “hành động sáng suốt”.

Tiếp đó, Níchson dẫn Khorútsốp tham quan gian triển lãm các đồ dùng nhà bếp của Mỹ. Khorútsốp cầm xem dụng cụ vắt chanh tự động rồi huênh hoang:

- Thưa ngài Níchson, làm sao các ngài lại triển lãm các thứ thô kệch này ở Liên Xô thế! Các ngài uống trà chỉ cần vài giọt nước chanh thôi. Theo tôi, các bà nội trợ ở nước ngài dùng thứ máy này còn tốn thời gian hơn các bà nội trợ của chúng tôi, chỉ cần cắt một lát chanh bỏ vào chén trà, rồi dùng thìa ép nước ra là xong. Hồi tôi còn nhỏ, tôi vẫn thường dùng cách ấy để vắt chanh. Công cụ này của các ngài, tôi thấy, dù sao đi nữa cũng không phải là một thứ cải tiến, nó đâu có tiết kiệm được thời gian và sức lực. Thực tế, ngài có thể vắt chanh bằng tay còn nhanh hơn nhiều, triển lãm cái thứ thô thiển này quả là điều xấu hổ cho chúng tôi!

Níchson bực mình bác lại ngay, hai người tranh luận rất gay gắt. Khorútsốp lại đưa ra một câu hỏi mới:

- Thưa ngài Níchson, ngài đem cái dụng cụ đẹp đẽ này đến Mátxcova triển lãm, nhưng các ngài đã thật sự sử dụng rộng rãi thứ đó chưa? Trong bếp

của các bà nội trợ nước Mỹ đã có thứ này chưa?

Khi Níchson nói rằng những hàng triển lãm này trên thị trường chưa có, Khorútsóp bắt lấy thóp ấy chế giễu ngay:

- à, hóa ra ngài đang khoe với chúng tôi những thứ mà trong nước ngài vẫn còn chưa sử dụng! Ngài cho rằng chúng tôi không nhận ra hay sao? Ngài nghĩ rằng chúng tôi sẽ khen ngợi những thứ hàng lừa dối mà các ngài đem đến đây triển lãm hay sao?

Theo Khorútsóp, những chuyện họ “tranh luận với nhau không phải là vấn đề đồ dùng bếp núc, mà là vấn đề hai chế độ đối lập, tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa”.

Khorútsóp bóp chát với Níchson như vậy là có lý do, vì Quốc hội Mỹ vừa mới thông qua “Nghị quyết về các quốc gia bị nô dịch”. Tổng thống Mỹ Aixenhao căn cứ vào nghị quyết này ra tuyên bố, kêu gọi người Mỹ “xem xét hoàn cảnh đau khổ của các quốc gia bị Liên Xô kiểm soát, ủng hộ nguyện vọng chính đáng của những quốc gia bị nô dịch đó”. Khorútsóp rất phẫn nộ về việc này, đã từng đọc diễn văn lên án mạnh mẽ.

Ngày hôm sau, Khorútsóp và Níchson hội đàm chính thức. Lúc bắt đầu, Khorútsóp mặt mày rạng rỡ vui vẻ, ca ngợi bài diễn văn về hòa bình của Níchson tám tháng trước đây tại tòa Thị chính thành phố Luân Đôn, cho rằng bài diễn văn này có cùng nhận thức với tư tưởng “ba hòa” của Liên Xô. Khorútsóp chủ trương hai chế độ, xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa phải chung sống hòa bình, hai bên thi đua hòa bình với nhau, cuối cùng chủ nghĩa xã hội sẽ đánh bại chủ nghĩa tư bản, khiến chủ nghĩa tư bản quá độ hòa bình sang chủ nghĩa xã hội.

Chỉ một lát sau, Khorútsóp đuổi hết các phóng viên ra ngoài, khuôn mặt tròn trĩnh dài thượt ra cau có, hai nắm tay đập bàn thình thình, ông ta lên án “Nghị quyết về các quốc gia bị nô dịch” là sự khiêu khích nghiêm trọng đối với Liên Xô, là một quyết định ngu xuẩn đến mức khiến người ta phải kinh ngạc. Ông ta chất vấn Níchson, có phải Mỹ chuẩn bị đánh nhau với Liên Xô không? rồi dần giọng tuyên bố:

- Trước đây, Chính phủ Liên Xô luôn cho rằng Quốc hội Mỹ không thể thông qua một nghị quyết gây chiến, nhưng bây giờ xem ra, tuy Rhurong nghị sĩ Máccácty đã chết nhưng hồn ma của ông ta vẫn còn đó, vì thế buộc Liên Xô phải luôn sẵn sàng chuẩn bị.

Níchson thấy sự thể ngày càng nghiêm trọng, vội ngụy biện giải thích rằng đây chỉ là sự thể hiện cách nhìn của nước Mỹ, chứ không phải là kêu gọi

hành động. Thấy Khorútsóp vẫn không chịu dừng, Níchson gãi đầu, cười để nghị:

- Ở Nhà Trắng, mỗi khi có vấn đề nào thảo luận quá lâu mà không có kết quả thì có một câu nói có thể chấm dứt thảo luận, đấy là câu nói của Tổng thống Aixenhao: "Con ngựa này chúng ta đã đánh chết mất rồi, thay con khác thôi", bây giờ chúng ta có nên làm như vậy không?

- Tôi đồng ý với câu nói của Tổng thống, đừng có quá tàn nhẫn với một con ngựa - Khorútsóp rõ ràng không muốn làm méch lòng Aixenhao, nhưng ông ta càng nói càng hăng, khuôn mặt tròn đỏ lựng lên, lại vẫn quay về chuyện cũ.

- Nhưng tôi vẫn không hiểu, Quốc hội các ông làm sao lại thông qua một nghị quyết như thế trước khi diễn ra chuyến thăm nước ngoài quan trọng như vậy.

Khorútsóp giận dữ để mất cả khả năng tự kiểm chế, có lúc vắng tục. Níchson đã nhìn thấy phần nào trên nét mặt ông ta, người phiên dịch đành phải dịch nguyên văn:

- Nghị quyết này thối không người được, thối như phân ngựa vừa ỉa xong, không còn thứ gì thối hơn được nữa!

Níchson đầu phải tay vừa. Ông ta sinh ra ở một thị trấn nhỏ gần Lốt Angiolét, biết phân lợn thối hơn phân ngựa, và còn biết Khorútsóp khi nhỏ đã từng đi chăn lợn, nên chẳng khách khí gì đáp lại:

- E rằng Chủ tịch lầm rồi, còn có thứ thối hơn phân ngựa, đấy là phân lợn!

Khorútsóp nghe xong càng tức giận, gân xanh hai bên huyết thái dương nổi vằn lên. Nhưng chắc ông ta đã nghĩ lại, muốn có hợp tác Mỹ - Xô để làm bá chủ thế giới thì không thể để mất lòng Phó Tổng thống Mỹ Níchson được, liền nhanh chóng đổi giận thành vui nói rằng:

- Điều này ông nói đúng, cho nên có lẽ nên theo ý ông, chúng ta chuyển sang thảo luận vấn đề khác. Nhưng tôi cũng cần phải nhắc ông, trong thời gian ở thăm Liên Xô, ông vẫn sẽ nghe thấy người ta nói về nghị quyết này đấy.

Khorútsóp chưa chịu bỏ qua vấn đề này, ông luôn tìm cơ hội để nhân dân Liên Xô cho Níchson một bài học

Cơ hội ấy cuối cùng đã đến. Một lần Khorútsóp cùng Níchson ngồi du thuyền đi chơi trên sông Mátxcova, ông hồ hởi vẫy tay chào các du khách. Các du khách trông thấy Khorútsóp, liền ào ào vây quanh thuyền ông ta. Ông

cho dừng thuyền lại, cố tình hỏi các du khách:

- Trong đám các bạn, ai là kẻ bị khống chế, bị áp bức?

Du khách Liên Xô bị hỏi ngớ cả ra, quay nhìn Níchson ngồi cạnh Khorútsốp, chợt hiểu ra ý đồ của người lãnh đạo họ, liền đồng thanh lớn tiếng trả lời:

- Không có !

Khorútsốp cố ý hỏi:

- Phải chăng các bạn đều là nô lệ?

Các du khách trên sông lại đồng thanh trả lời: “Nhét” (Không phải)

Khorútsốp đắc ý huých khuỷu tay vào ngực Níchson, có ý khoe khoang bảo:

- Thưa ngài Phó Tổng thống, ngài hãy nhìn nô lệ của chúng tôi sống như thế nào!

Khorútsốp tiếp tục tạo ra tình tiết đầy kịch tính:

- Này, có người cứ khẳng khẳng nói rằng các bạn là những người bị nô dịch, không có tự do, thế có nực cười không nhỉ?

Nghe thấy câu này, các du khách Liên Xô phá lên cười chế nhạo, khiến Níchson lúng túng bối rối. Các phóng viên Liên Xô chớp thời cơ chụp ngay cảnh “vô cùng hả dạ” này.

Níchson vốn là người lão luyện trong chính trường Ngoại giao, ông ta liền gỡ thế bí bằng cách khen ngợi đối phương:

- Ông biết đấy, tôi thật sự bái phục ông, ông quyết không bỏ lỡ bất cứ một cơ hội nào để tuyên truyền cả.

- Không, không phải, tôi không tuyên truyền, tôi nói sự thật, một sự thật trăm phần trăm!

Khorútsốp hỏi lòng hả dạ.

Trong một lần cùng Níchson đi thăm nông trường Sao Đỏ gần Mátxcova, Khorútsốp bố trí một công nhân đi đến trước mặt Níchson và tự giới thiệu:

- Tôi là một công dân Liên Xô bình thường, tôi có thắc mắc muốn được thỉnh giáo ngài Phó Tổng thống: Nước Mỹ tại sao cản trở những nỗ lực trong việc ngừng thử bom nguyên tử? Tại sao nước Mỹ muốn chiến tranh?

Níchson biết rõ đây là cái bẫy, cái thòng lọng Khorútsốp gài sẵn, song cũng đành phải mạnh dạn xông tới. Ông ta đồng dạng giải thích cho vị “công dân” Liên Xô:

- Đây hoàn toàn là sự hiểu lầm, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô chẳng phải là muốn sang thăm nước Mỹ đó sao? Chúng tôi đều đang cố gắng giành lấy hòa bình!

“Công dân” Liên Xô lại nêu ra câu hỏi khác:

- Tại sao nước Mỹ xây dựng căn cứ quân sự ở nước ngoài để đe dọa Liên Xô chúng tôi?

Níchson cảm thấy câu hỏi này thật là hóc búa, nhưng không thể không trả lời. Đột nhiên, ông ta tìm ra được một “tuyệt chiêu”:

- Liên Xô phải chăng cũng đang có rất nhiều quân đội ở Cộng hòa Dân chủ đức và các nước Đông Âu? Chúng tôi có thể coi đó là sự đe dọa nước Mỹ và các nước phương Tây được không?

Đến thăm một nhà máy khác, Níchson cũng gặp những người tự xưng là “công dân” Liên Xô bình thường nêu ra hàng loạt câu chất vấn, ông ta trong lòng rất tức nhưng cũng cứ phải cố mà trả lời. Thêm nữa, người hỏi toàn lấy danh nghĩa “quần chúng”, Níchson cũng không tiện đề nghị Chính phủ Liên Xô đứng ra giải quyết, sợ mang tiếng là “lãnh đạo nước Mỹ ngại gặp quần chúng Liên Xô” và nếu hôm sau, báo chí Mátxcova đưa tin “một công dân Liên Xô đã chất vấn Níchson, Níchson đã không trả lời được trước chính nghĩa” thì lại càng khiến ông ta thêm phiền toái.

Níchson phải vất óc tìm phương sách đối phó. Được biết dân Liên Xô rất thích đôla Mỹ, ông ta liền chuẩn bị sẵn một ít, khi cần thì tặng cho “những công dân bình thường Liên Xô” muốn nêu câu hỏi, nhưng lại bị Khorútsốp bắt được thóp, nói rằng Níchson muốn dùng những đồng liên bản thiêu của chủ nghĩa tư bản mua chuộc công dân Liên Xô, khiến Níchson vô cùng lúng túng.

Tổng thống Mỹ Aixenhao, Phó Tổng thống Mỹ Níchson và tân Quốc vụ khanh Hécto sau một quá trình tìm hiểu về Khorútsốp đều cho rằng con người này tuy hùng hùng hổ hổ, nhưng thực chất bên trong là muốn hòa hoãn với Mỹ, lại đã nhiều lần yêu cầu tới thăm nước Mỹ nên có thể mời ông ta sang một chuyến. Và thế là Phó Quốc vụ khanh Mỹ Rôbóc Môphai nhận lệnh gặp Còdolốp, Phó Thủ tướng thứ nhất Liên Xô, người tham gia lễ khai mạc cuộc triển lãm văn hoá và khoa học Liên Xô tổ chức tại Niu Yoóc mùa hè năm 1959, để trao cho ông ta lá thư của Aixenhao gửi Khorútsốp.

Còdolốp vội vã trở về Mátxcova, tức tốc đánh xe tới biệt thự của Khorútsốp ở ngoại ô thành phố, trao tận tay ông ta bức thư riêng của Tổng thống Aixenhao.

Khorútsốp đọc thư, thấy Tổng thống Mỹ mời sang thăm hữu nghị nước Mỹ một chuyến, ông tỏ ra vui mừng. Trong hồi ký, ông viết:

Tôi phải nói rằng tôi thật sự không tin vào mắt mình nữa. Chúng tôi không

có lý do gì chờ đợi một lời mời như vậy, dù là vào lúc đó hoặc lúc nào khác. Quan hệ giữa chúng tôi xưa nay, cực kỳ căng thẳng, tuy nhiên đây là Tổng thống Hoa Kỳ Aixenhao mời Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô, Bí thư Ban chấp hành Trung ương Khorútsốp dẫn đầu phái đoàn Chính phủ Liên Xô đi thăm hữu nghị (Aixenhao chỉ gọi tôi theo chức vụ Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng mặc dù đương nhiên ông ta biết tôi còn là người đứng đầu của Đảng).

Khorútsốp lập tức cho mời các nhà lãnh đạo của Liên Xô tới, vai lắc lư theo kiểu Stakhanốp, tay vỗ vỗ vào bụng, giọng tự hào nói:

- Thật không ngờ Hoa Kỳ bỗng dưng gửi lá thư mời này. Nó chứng tỏ điều gì nhỉ? Một sự chuyển biến chăng? Thật sự khiến người ta khó tin. Chúng ta cảm thấy một phần nguyên nhân có thể do dư luận công chúng Mỹ ngày càng nghiêng về phía cải thiện quan hệ với Liên Xô. Aixenhao đang bị buộc phải lắng nghe tiếng kêu gọi của các nhân sĩ phe Dân chủ và giới thương mại chủ trương có những biện pháp cụ thể để làm dịu tình hình căng thẳng. Tôi thừa nhận, tôi có tính hiếu kỳ muốn đi xem nước Mỹ... Nước Mỹ có một vị trí đặc biệt trong suy nghĩ của chúng ta và trong cách nhìn của thế giới. Trong các nước tư bản, nước Mỹ là kẻ thù mạnh nhất của chúng ta là kẻ cầm đầu đưa ra những luận điệu chống Liên Xô ...Chẳng trách chúng ta, cứ thích tận mắt nhìn thấy trùm kẻ thù của chúng ta ra sao.

Khorútsốp lo ngại nước Mỹ không tiếp đón ông ta với những nghi thức cao nhất, vì người đứng đầu nhà nước Liên Xô là Chủ tịch Xô viết tối cao Vôrôsilốp còn ông chỉ là người đứng đầu Chính phủ thôi. Khorútsốp, bèn thông qua Đại sứ Liên Xô ở Mỹ liên hệ đề nghị với phía Mỹ. Aixenhao đã xem xét tới vị trí cao nhất trong thực tế của Khorútsốp, quyết định tiếp đón ông ta với nghi thức cao nhất, và cuộc hội đàm nguyên thủ Mỹ - Xô sẽ tiến hành tại trại Đavít.

Khorútsốp thiếu tri thức quốc tế, không biết trại Đavít là nơi nào, sợ rằng bị coi thường nên đã chỉ thị cho quan chức Ngoại giao Liên Xô ở Mỹ điều tra, mới biết trại Đavít là biệt thự của Tổng thống do Rudoven xây dựng trong thời gian thế chiến thứ hai. Khorútsốp rất vui nhưng cũng xấu hổ: Rất vui vì Aixenhao sẽ hội đàm với mình ở một nơi quan trọng như vậy, thể hiện rõ thái độ tôn trọng của ông ta đối với ông, đồng thời cũng xấu hổ cho sự thiếu hiểu biết của mình và các quan chức Ngoại giao Liên Xô.

Ngày 3 tháng 8 năm 1959, Mỹ và Liên Xô cùng một lúc đưa tin:

“Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Khorútsốp dự định sang thăm nước Mỹ vào tháng 9, Tổng thống Mỹ Aixenhao sẽ thăm đáp lễ Liên Xô vào

mùa thu”.

Tin này lập tức làm chấn động thế giới. Nguyên thủ của hai cường quốc đối lập gay gắt với nhau sẽ thăm viếng lẫn nhau, tất sẽ có ảnh hưởng lớn tới tình hình quốc tế. Đờgôn, Mácmilan, Adênaux cùng lên tiếng phản đối. Aixenhao đành phải đích thân bay sang Châu Âu để thuyết phục Đồng minh, bảo đảm không hề có sự nhân nhượng nào trên những vấn đề quốc tế trọng đại như vấn đề Béclin:

- Xin cứ yên tâm, tôi sẽ cố gắng hết sức để trước khi mãn nhiệm có thể “mềm hóa” nhà lãnh đạo Liên Xô, cho dù chỉ là một chút ít.

Sau khi chuẩn bị đầy đủ, ngày 15 tháng 9 năm 1959, Khorútsốp dẫn đầu phái đoàn Chính phủ Liên Xô đi chiếc máy bay cỡ lớn kiểu TU-114 màu trắng bạc bay sang nước Mỹ. Trên đường đi, ông nghĩ tới sẽ hội đàm với Tổng thống cường quốc số một thế giới, lừng danh toàn cầu, trong lòng rất hồi hộp.

Khorútsốp đã gặp Aixenhao hai lần: Lần thứ nhất vào ngày 9 tháng 5 năm 1945, trong buổi lễ chào mừng chiến thắng phát xít Hitle qua sự giới thiệu của Xtalin; lần thứ hai, trong Hội nghị cấp cao Giơnevơ năm 1955. Nhưng lần này khác hẳn, Khorútsốp đến nước Mỹ là để đối mặt độ sức với Aixenhao, ông lo rằng nếu đấu không lại thì bẽ mặt quá, và do quá hồi hộp nên cảm thấy thần kinh có phần căng thẳng.

Phái đoàn Khorútsốp đã tới căn cứ không quân Andrus gần Oasinhton. Tò mò nhìn ra ngoài máy bay, Khorútsốp thấy đoàn người ra đón tiếp mặc trang phục mùa hè lộng lẫy giống như một đài hoa sắc màu rực rỡ, cảm thấy Oasinhton như đang đem cả một bầu trời đầy gió và nắng đẹp đến đón tiếp ông. Ông muốn thật nhanh chóng tiếp xúc với người Mỹ, nhưng lại chưa xuống được máy bay. Khorútsốp cuống lên, trán lấm tấm mồ hôi.

Thì ra là, máy bay Liên Xô cao hơn máy bay Mỹ nhiều, thang máy bay có sẵn ở sân bay Mỹ, cao không tới cửa khoang máy bay Liên Xô, đành phải chờ đem thang máy bay Liên Xô ra. Khorútsốp cảm thấy hãnh diện về điều đó vui vẻ nói:

- Người Mỹ họ đâu có biết chúng ta đi chiếc máy bay khổng lồ như thế này. Khi họ nhìn thấy chiếc máy bay này, tôi có thể cảm nhận được vẻ ngạc nhiên trong mắt họ. Họ chưa bao giờ được nhìn thấy chiếc máy bay như thế này. Bản thân họ cũng không có máy bay như thế, một thời gian dài nữa cũng chưa có đâu.

Khorútsốp đầu đội mũ bảo vệ, mặc áo phục màu đen, trước ngực đeo ba chiếc huân chương lấp lánh ánh vàng, phấn khởi từ trên máy bay bước xuống,

Tổng thống Aixenhao đã chờ sẵn bên thang máy bay liền vội vã tiến đến niềm nở bắt tay. Chuyến thăm nước Mỹ 13 ngày của ông bắt đầu.

Aixenhao triển khai kế liên hoàn

Aixenhao tốn rất nhiều tâm trí cho việc đón tiếp Khorútsốp. Ông cùng Phó Tổng thống Níchson, Quốc vụ khanh Hécto xây dựng một phương án tác chiến ba bước, bước đầu tiên là làm nhụt nhuệ khí, sau đó cám dỗ bằng vật chất và văn hóa, rồi sau ép phải nhượng bộ, vì thế việc đón tiếp Khorútsốp tuy long trọng lại rất có mức độ.

Trong cuộc hội đàm Nguyên thủ Mỹ - Xô diễn ra ngay hôm đó, Aixenhao thể hiện rõ tư thế Tổng thống cường quốc kinh tế số một thế giới và người chủ nợ, đòi nợ Khorútsốp, đòi Liên Xô phải trả món nợ đã vay của Mỹ để tiếp nhận trang bị quân sự theo luật vay mượn trong thời gian Thế chiến thứ hai. Phó Quốc vụ khanh Tirôn còn thô bạo gây áp lực, ép phía Liên Xô chấp nhận những điều kiện do Mỹ áp đặt. Về không khí căng thẳng khi đó, Khorútsốp đã viết trong hồi ký:

Bạn thậm chí không thể nào dung được vào ông ta (Tirôn) chỉ cần ngồi sát ông ta một chút là ông ta đã bốc khói như lửa cháy, nổ lép bép ngay, nước bọt bắn tung tóe, dường như trong người ông ta có thứ gì đó bị chập mạch sắp nổ tung ra.

Khorútsốp cảm thấy bức tức, ông cho rằng trong thời gian chiến tranh với nước Đức Hitle, Liên Xô đã đổ xương máu ra để trả món nợ vay của Mỹ, nhưng vì lúc này đang cần tới nước Mỹ nên ông ta vẫn rất lịch sự trả lời Aixenhao:

- Thưa Tổng thống, theo ý chúng tôi, chúng tôi không vay mượn các ông cái gì cả, nhưng chúng tôi vẫn đồng ý trả nợ, nhưng với một điều kiện, các ông phải cho chúng tôi vay 3 tỷ đôla Mỹ.

Khi bàn đến vấn đề chung sống hòa bình, Tirôn cố tình khiêu khích hỏi:

- Chung sống hòa bình ông nói đây là chỉ cái gì vậy?

Khorútsốp bị chọc tức, dằn giọng bác lại ngay:

- Thưa ông Tirôn, nếu ông không hiểu chung sống hòa bình giữa hai chế độ là gì thì thật là đáng tiếc. Ông buộc phải hiểu rõ vấn đề này đã rồi hãy đến đây, bây giờ mà tôi phải giải thích cho ông thì còn ra làm sao nữa.

Aixenhao vốn cố ý dùng Tirôn để làm nhụt uy phong của Khorútsốp, nhưng ông ta sợ sự việc trở nên gay go nên vội đứng ra dàn hòa, dành sức chuẩn bị cho cuộc độ sức tiếp vào buổi họp báo ngày hôm sau.

Hôm sau, trong buổi họp báo tổ chức tại Câu lạc bộ báo chí toàn quốc Mỹ, một phóng viên Mỹ nêu ra một câu hỏi làm Khorútsóp đau đầu:

- Khi Xtalin phạm rất nhiều tội, thì ngài ở đâu và đang làm gì?

Khorútsóp đương nhiên biết đây là hành động bới móc, lên án ông vì ông là người đã từng lớn tiếng hô “Xtalin người cha nhân từ”. Điều này khiến ông cảm thấy bối rối, ông đỏ mặt, nói:

Một phóng viên khác lại nêu một câu hỏi có vẻ hóc búa hơn:

- Thưa ngài Khorútsóp, ngài đã từng nói như thế này: “Chúng tôi sẽ chôn vùi các ông”, điều này có ý nghĩa thế nào?

Khorútsóp mắt lim dim suy nghĩ rồi nhanh chóng giải thích.

- Ý tôi muốn nói là chủ nghĩa cộng sản ưu việt hơn chủ nghĩa tư bản, cần phải triển khai cạnh tranh tự do, chứ không phải là nói sẽ giết chết các ông.

Khorútsóp không muốn để các phóng viên Mỹ tiếp tục “chiếu tướng” mình, vội vã kiểm soát tháo lui. Aixenhao thấy yêu cầu của bước một - làm nhụt nhẹ khí của Khorútsóp đã thành công, con gấu Bắc cực không dễ gì thuần phục đã bị chế ngự, bèn thực thi bước hai, mời vị khách Liên Xô đi thăm các nơi trong nước Mỹ 10 ngày, biến Khorútsóp thành tù binh về mặt tinh thần bằng nền văn minh vật chất của Mỹ.

Vì thế, Aixenhao để cho Khorútsóp sử dụng chiếc chuyên cơ Boeing 707 của riêng ông và cử Đại sứ Mỹ ở Liên Hợp Quốc giới thiệu tiếp là Henry Lót chuyên dẫn Khorútsóp đi tham quan.

Khorútsóp ưỡn bụng “lên mặt” với Lót:

- Ông Lót này, ông là một cựu quân nhân, vì thế ông phải hiểu quy tắc trong quân đội. Ông là Thiếu tướng, còn tôi là Trung tướng, vậy ông là cấp dưới của tôi, tôi mong rằng mọi cử chỉ của ông phải phù hợp với tư cách sĩ quan cấp dưới.

- Vâng, thưa ngài, thưa Tướng quân, tôi hiểu ạ - Lót cười và đứng nghiêm gờ tay chào - Thưa Tướng quân! Thiếu tướng Lót có mặt!

Trong thời gian đi thăm các nơi trên đất Mỹ, Khorútsóp chẳng khác gì “bà già Lưu vào Đại Quan Viên”⁽¹⁾.

Tại Niu Yóc, ông gặp gỡ chuyện trò sôi nổi với các nhà tư bản kếp xù Mỹ do Hariman mời đến; ông đi thăm “Toà nhà đế quốc”, leo lên nóc tòa lầu

⁽¹⁾ Chỉ bà già quê mùa đến dinh thự nhà quý tộc, trong truyện “*Hồng Lâu Mộng*” (ND)

cao chọc trời nổi tiếng thế giới để thỏa mãn tính hiếu kỳ. Khorútsóp vừa khao khát, vừa ngưỡng mộ than vãn rằng:

- Điều kiện để thiết lập quan hệ kinh tế Xô-Mỹ còn chưa chín nôi, mong muốn của mình bây giờ còn quá sớm.

NiuYóoc đã để lại cho ông một ấn tượng mạnh mẽ, “đó là một thành phố khổng lồ, náo nhiệt, khắp nơi đều là những biển quảng cáo....

Tại Lốt Angiolét Khorútsóp đi thăm khu vực thành phố, cảm thấy thành phố ấm áp dễ chịu, hoa nở khắp nơi, khác hẳn với Mátxcova phủ đầy băng tuyết. Ông đến thăm “thành phố điện ảnh” Hô-li-út lớn mẽnh mẽ, chụp ảnh lưu niệm với các cô gái Mỹ. Hôliút mở tiệc chiêu đãi ông khiến ông không bao giờ quên được:

Trong nhà ăn chen chúc bốn năm trăm người, ngồi vây quanh những chiếc bàn trang trí vô cùng sang trọng, ánh đèn trên bàn dịu êm, chẳng khác gì ánh sáng nến. Bữa ăn thật ngon miệng, các món ăn phong phú. Những người này không quen ăn món súp chua.

Tại San Francisco, OWA Pitsbua, Khorútsóp thăm nhà máy cơ khí, trại chăn nuôi bò sữa, trại hân nuôi bê, kho lương thực... đến đâu cũng đặt quan hệ với các nhà tư bản Mỹ, đến đâu cũng được chiêu đãi trọng thể, ông ta ca ngợi nước Mỹ hết lời:

Món ăn bữa nay thật đa dạng, rất hợp khẩu vị lại dồi dào dinh dưỡng. Người Mỹ thật sành ăn! thực phẩm đồ hộp của họ rất ngon, có cả các loại rau đóng hộp nữa. Tôi nhớ, gia đình Gaster còn cho chúng tôi ăn món gà gô. Món gà gô ở Mỹ rất được chú ý, thậm chí người Mỹ còn có “ngày tết gà gô” rất đặc biệt, đến ngày đó người nào cũng phải ăn gà gô quay!

Khorútsóp trở lại Oasinhton với tâm trạng hết sức thần phục, kinh ngạc. Aixenhao sau khi nghe Lốt báo cáo, biết Khorútsóp đã “phục sát đất” nền văn minh vật chất của Mỹ, liền quyết định tiếp tục cám dỗ con mồi bằng văn hóa Mỹ.

Aixenhao đích thân cùng Khorútsóp đi máy bay trực thăng để ngắm toàn cảnh Oasinhton. Khorútsóp không ngớt lời khen máy bay trực thăng của Aixenhao.

Aixenhao cười thầm, “con gấu Bắc cực này đã thành tù binh của văn minh vật chất Hoa Kỳ rồi, ta còn phải làm cho ông ta bái phục nền văn hóa Mỹ”. Thế là Aixenhao lại tấn công theo một hướng khác:

- Thưa ngài, ngài có thích xem phim không?

Khorútsóp từ lâu đã nghe tiếng tăm của nền điện ảnh Mỹ, chuyển thăm

Mỹ này đã thường thức “sướng miệng” rồi sao lại không thường thức cho “sướng mắt”. Thế là ông ta té nước theo mưa nói ngay:

- Miễn là phim hay, thì dĩ nhiên tôi thích xem rồi!

Tổng thống Mỹ lại thả mối :

- Ngài thích xem những phim gì? - Không để vị khách Liên Xô trả lời, Aixenhao đã vui vẻ nói tiếp với giọng vô cùng hấp dẫn - Cá nhân tôi thích xem phim miền Tây. Tôi biết những phim này chẳng có nội dung gì, cũng chẳng cần phải động não khi xem, song những phim ấy cảnh hài hước lại rất nhiều, đồng thời tôi lại thích ngựa.

Khorútsóp xưa nay quen đả kích người khác, thích tự đề cao mình, nhân câu nói đó đã bới móc Xtalin để lấy lòng Aixenhao:

- Ngài biết không, Xtalin khi còn sống, chúng tôi thường xem phim miền Tây của Mỹ. Hết buổi chiếu, Xtalin bao giờ cũng chỉ trích nội dung tư tưởng của bộ phim ấy. Có điều là hôm sau, chúng tôi lại vẫn cứ xem bộ phim miền Tây khác, tôi cũng rất thích loại phim này.

Aixenhao thấy Khorútsóp như thế thì mừng thầm, bèn tiếp tục dụ địch vào sâu thêm:

Vậy thì được, chúng ta sẽ xem một số phim miền Tây và những phim khác. Tôi còn mời cả đoàn quân nhạc hải quân đến trình diễn nữa, ngài không phản đối chứ?

Khorútsóp vỗ vỗ vào cái đầu hói của mình, nói ngay:

- Ôi thế thì vui vẻ quá rồi còn gì. Tôi thích nghe âm nhạc, thích ngắm cả những chàng trai trẻ ấy nữa.

Thế là Tổng thống Mỹ Aixenhao đã chiếu cho vị khách Liên Xô xem những bộ phim về miền Tây nước Mỹ. Thấy Khorútsóp xem rất say sưa, Aixenhao lại kể cho ông ta nghe một câu chuyện mà Rudoven đã từng kể để mua vui cho “con gấu Bắc cực”:

- Có một ông chủ đưa cho người làm thuê chiếc xẻng, bảo anh ta đi đào một con mương, lát sau, người làm thuê quay về bảo đã đào xong rồi, ông chủ lại đưa cho anh ta ba chiếc rìu, bảo anh ta đi chặt củi. Người làm thuê đi chặt về một bó củi. Sau đó, chủ lại bảo anh ta lấy về một đồng khoai tây, chia thành hai đồng củ nhỏ một bên, củ lớn một bên. Mấy tiếng đồng hồ rồi, mà chẳng thấy bóng dáng anh làm thuê đâu cả. Cuối cùng thì ông chủ đã tìm thấy anh ta ngất lịm trong kho. Ông chủ dội một thùng nước lạnh vào người làm thuê, anh ta tỉnh lại, giải thích rằng “Tôi không ngại đào mương, cũng không sợ chặt củi, nhưng tôi không thể làm cái việc chia khoai tây to và nhỏ ra được.

Tôi không thể làm nổi cái việc bắt tôi phải đưa ra những quyết định, quyết định, quyết định! Hãy cho tôi những công việc không cần phải động não.

Khorútsóp nghe biết Aixenhao có ý mỉa mai mình, nét mặt không vui, nhưng vì chủ nhân đang kể chuyện nên ông ta không dám bốp chát lại ngay.

Aixenhao thấy rất rõ về bối rối mắc cỡ của Khorútsóp. Rất vui mừng cho mưu kế của mình đang từng bước giành thắng lợi, Aixenhao lại mời Khorútsóp đến thăm trang trại của ông ta. Khorútsóp thấy bò của trang trại được chăm sóc rất cẩn thận, liền khen nào là lòng những con bò thịt màu đen xẫm này sao mượt thế nào là giống bò tốt chân ngắn thân chắc. Aixenhao hứa sẽ tặng khách một con để làm quà, Khorútsóp phấn khởi mặt mày rạng rỡ, tặng lại một cây bạch dương Liên Xô.

Aixenhao lại dẫn Khorútsóp ra thăm đồng ruộng, chỉ cho khách xem phạm vi bất động sản của ông ta. Khorútsóp kinh ngạc trước diện tích rộng lớn của khu trang trại. Chủ lại chỉ vào loại cây giống như tiểu mạch nhưng nhỏ hơn một chút trồng bạt ngàn trên cánh đồng, nói:

- Loại cây này chúng tôi không thu hoạch, tôi chỉ cho người ta cắt trước khi mùa đông đến, do vậy mà thu hút được nhiều loài chim. Sau khi các cánh đồng khác gặt hái hết, chim đa đa, chim cú, đủ các loài chim đều kéo đến cánh đồng này, tha hồ cho chúng tôi săn bắn.

Đối với người ham thích săn bắn như Khorútsóp, điều này thật sự không thể tưởng tượng nổi. Ông ta biết, chuyện này với những đại địa chủ thời Sa hoàng cũng có đấy, nhưng so với đây chẳng thấm vào đâu, còn hấp dẫn hơn nhiều so với những chuyến đi săn được mô tả dưới ngòi bút của Tônstôi. Khorútsóp đứng ngây ra ngắm nhìn, Aixenhao mỉm cười nắm tay cùng lên máy bay về trại Đavít để tiến hành hội đàm, thực hiện bước thứ ba của phương án chế ngự Khorútsóp.

Trong hội đàm, ai thắng ai

Aixenhao đã liên tiếp thực thi hai kế sách làm nhụt nhuệ khí và cảm dỗ bằng vật chất và văn hóa đối với Khorútsóp. Ngày 25 tháng 9 năm 1959, sau khi từ trang trại ở bang Marilen trở về trại Đavít, cuộc hội đàm giữa hai nguyên thủ Mỹ-Xô chính thức bắt đầu, đẩy chuyển thăm Mỹ của Khorútsóp lên tới cao trào.

Trại Đavít nổi tiếng thế giới, cách thủ đô Oasinhton hơn 100 cây số nằm trên một ngọn núi xinh đẹp cao hơn 400 mét so với mặt biển, thuộc bang Marilen. Năm 1939 là sơn trang nghỉ mát của Tổng thống Rudoven với ý

nghĩa “chốn đào viên dưới trần thế”, nên gọi là Sangrila. Aixenhao sau khi vào làm chủ Nhà Trắng đã lấy tên cháu nội của mình đặt tên cho biệt thự là Trại davít.

Aixenhao cố làm cho không khí hội đàm nhẹ nhàng thoải mái, cho nên làm ra vẻ yếu mệt nói rằng mình đã gần 70 , tuổi già sức yếu và chỉ còn 16 tháng nữa sẽ rời khỏi chức vị. Ông ta thở dài và nói với giọng luyến tiếc:

- Tôi có thể nói rằng cơ hội của tôi chẳng còn mấy, còn cơ hội của ngài thì nhiều, nếu như ngài sử dụng quyền lực mang tính xây dựng, thì ngài có thể trở thành một nhà hoạt động quốc tế vĩ đại, lưu mãi tiếng thơm trong sử sách.

Câu nói của Aixenhao khiến Khorútsốp cảm thấy rất hạnh diện. Ông cố để lại ấn tượng sâu sắc cho Tổng thống Mỹ nên đã thao thao bất tuyệt về vị thế quân sự và nền an ninh của Liên Xô. Giọng lúc lên bổng, lúc xuống trầm. Ông say sưa kể rằng Liên Xô đang chế tạo tàu ngầm nguyên tử mạnh hơn tàu ngầm của Mỹ, rằng Liên Xô có tất cả những loại bom cần thiết, và sẽ nhanh chóng có toàn bộ những tên lửa cần thiết.

Nhớ lại trước đây không lâu, vì đã từng “tranh luận chuyện bếp núc” với Níchson trong thời gian Mỹ tổ chức triển lãm ở Liên Xô, vì cho người đóng giả “công dân” Liên Xô bình thường nêu ra những câu hỏi hóc búa với Níchson, Khorútsốp cho rằng Níchson là người phản đối ông sang thăm nước Mỹ. Nay thấy Níchson cũng có mặt trong cuộc hội đàm với Aixenhao nên ông ta muốn chia mũi nhọn vào Níchson.

Phải cho ông ta một “bài học” thế nào đây? Vì phép lịch sự Ngoại giao, Khorútsốp không tiện công kích trực tiếp, liền nghĩ ra cách nói bóng nói gió, chỉ mềo quẹo chớ, nói với Aixenhao với giọng tỉnh bơ:

- Trong Chính phủ Mỹ, có rất nhiều người mong muốn cải thiện quan hệ với Liên Xô, nhưng cũng còn một số người vẫn cứ bám lấy lập trường đối kháng. Theo tôi những người này cực kỳ kém cỏi và ngu xuẩn.

Khorútsốp nói năng tỏ ra thẳng thắn xởi lởi, nhưng cặp mắt ti hí của ông ta cứ nhìn chằm chằm vào Níchson ngồi phía đối diện. Các quan chức tham dự đều biết rõ Khorútsốp muốn nói ai. Níchson cũng hiểu rõ mười mươi, nhưng vì Khorútsốp không chỉ thẳng ra là ai nên ông ta cũng thẳng tị gi chụp “cái mũi thối” ấy vào đầu mình, mặc dù trong lòng hận lắm, nhưng cũng đành chịu.

Aixenhao là người khôn khéo lọc lõi. ông không dễ để lộ ý đồ ra như Khorútsốp, tuy rất nóng lòng thỏa thuận với Liên Xô về tài giảm binh bị,

nhưng ngoài mặt lại tỏ ra không có gì vội vã, ông ta nói:

- Thưa ngài Khorútsóp, tôi là một quân nhân và tôi suốt đời cũng chỉ là một người lính. Tôi đã từng đánh rất nhiều trận, nhưng tôi cũng không sợ xấu hổ nói với ngài rằng, bây giờ tôi rất sợ chiến tranh. Tôi muốn làm hết sức mình để chúng ta tránh được chiến tranh. Điều quan trọng đầu tiên là tôi hy vọng đạt được một thỏa thuận với Ngài.

Khorútsóp đưa bàn tay béo múp lên vuốt chiếc mũi to bẹt:

- Thưa Tổng thống, nếu như chúng ta có thể đạt được thỏa thuận, thì chắc không ai cảm thấy vui mừng hơn tôi, nhưng vấn đề là thỏa thuận như thế nào?

Khorútsóp đưa ra điều kiện trước: Rút hết quân đội ra khỏi nước khác, triệt phá căn cứ quân sự trên lãnh thổ nước ngoài.

Aixenhao cười thầm, Khorútsóp đã chẳng biết nông sâu lại nêu ra vấn đề đòi nước Mỹ từ bỏ những lợi ích đã giành được ở Châu Âu bèn từ chối với lý do, các nước Đồng minh sẽ phản đối. Ông ta nêu thẳng vấn đề là Mỹ - Xô không nên tiếp tục thử vũ khí hạt nhân nữa, và thiết lập sự giám sát quốc tế về vấn đề này.

Khorútsóp toát mồ hôi trán, vội lấy mùi xoa trắng ra lau, thầm nghĩ “người Mỹ các ông tính toán ghê thật”. Chẳng là vì nước Mỹ khi ấy về các mặt số lượng vũ khí hạt nhân, phương tiện chuyên chở, máy bay ném bom tầm xa, máy móc đo đạc cự ly xa đều hơn Liên Xô, Aixenhao muốn giữ thế chênh lệch về vũ khí hạt nhân giữa hai bên để Liên Xô mãi mãi không thể nào trở thành đối thủ ngang hàng với Mỹ. Phía Liên Xô đương nhiên không thể chấp nhận được.

Điều khiến Khorútsóp lúng túng chính là vì không thể nói thẳng những lý do đó ra được, cặp mắt ranh mãnh của ông chớp liền mấy cái, và ông đã tìm ra được lời từ chối hết sức nhẹ nhàng:

- Thưa Ngài Tổng thống, theo nguyên tắc ngoại giao bình đẳng, Tổng thống đã từ chối một đề nghị của tôi, tôi cũng phải từ chối một đề nghị của ngài, như thế chúng ta mới bình đẳng có phải không ạ.

Aixenhao với “tác phong thận trọng, lý trí” xưa nay, chuyển ngay chủ đề:

- Thưa ngài Khorútsóp, xin cho biết các ngài đã quyết định kinh phí chi tiêu quân sự như thế nào?

Khorútsóp bỗng chốc trở nên căng thẳng, nghĩ bụng đây là bí mật quân sự, nói với ông, hoá ra tôi trở thành một tên phản bội?

Aixenhao thấy vậy, hiểu rõ lý do căng thẳng của đại diện Liên Xô, liền làm ra vẻ thoải mái nói:

- Hay là để tôi nói tình hình của nước Mỹ với ngài vậy.

Khorútsốp dĩ nhiên mong được như vậy, liền nhún vai kiểu Stakhanốp nói

- Tốt quá, xin cho biết tình hình của các ngài trước đi.

Aixenhao cố làm ra vẻ thần bí nói:

- Sự việc là như thế này: Các tướng lĩnh quân sự của tôi đến gặp tôi bao giờ cũng nói: "Thưa Tổng thống, chương trình X của chúng tôi cần ngân này ngân này tiền, nếu chúng tôi không nhận được kinh phí cần thiết, chúng tôi sẽ lạc hậu so với Liên Xô", thế là tôi đành phải chấp thuận. Họ đã thúc tiền tôi như vậy đấy, họ liên tục đòi hỏi càng ngày càng nhiều, còn tôi thì cứ phải cấp cho họ đủ số tiền. Bây giờ ngài có thể cho tôi biết tình hình của các ngài thế nào rồi chứ?

Khorútsốp chửi thầm Aixenhao đúng là một tên cáo già xảo quyệt, cái trò này thì mình cũng có, liền bịa ngay một câu chuyện mùi mẫn, và say sưa kể:

- Tình hình chúng tôi y hệt thế. Một số người trong ngành quân sự chúng tôi thường nói: "Đồng chí Khorútsốp đồng chí nhìn thấy đấy, người Mỹ họ đang phát triển hệ thống quân sự gì gì đấy, chúng tôi cũng có thể làm như vậy, nhưng phải có bằng này bằng này tiền". Tôi nói với họ rằng bây giờ không có tiền, tiền đã phân bổ hết rồi, họ bảo: "Nếu chúng tôi không có được số tiền cần thiết, một khi xảy ra chiến tranh, thì quân địch sẽ chiếm lợi thế". Thế là chúng tôi phải thảo luận với nhau. Tôi cân nhắc những yêu cầu họ đề ra, cuối cùng, tôi kết luận là quân đội nói cần bao nhiêu kinh phí chúng tôi đều phải ủng hộ. Và tôi trình vấn đề này lên Chính phủ, kết quả là chúng tôi đã chấp nhận ý kiến của bên quân sự.

Aixenhao cười thầm Khorútsốp bắt chước nói như vẹt, nhưng lại để thêm vào:

- Đúng, tôi nghĩ phải như vậy. Cho nên chúng ta thật sự cần phải đạt được một thỏa thuận, để chấm dứt cuộc chạy đua không mang lại kết quả và thực sự rất lãng phí này đi.

Khorútsốp cũng lấy giả dối đáp lại giả dối:

- Đó là điều chúng tôi rất mong muốn. Để đạt được một sự thỏa thuận hạn chế cuộc chạy đua vũ trang với các ông, chúng tôi đã cố gắng hết sức mình. Một phần nguyên nhân tôi đến nước Mỹ chính là muốn tìm hiểu tình

hình, cuộc gặp gỡ và hội đàm của chúng ta chắc có thể đạt được một sự hiểu biết nào đó, nhưng vấn đề là đạt được như thế nào, đạt được trên cơ sở nào?

Tới đây thì hai người lại đối đầu nhau, bên chuyển sang vấn đề nghiêm trọng nhất là về cuộc khủng hoảng Béclin. Aixenhao tuyên bố, nước Mỹ không phản đối đề nghị của Liên Xô trong điều kiện thích hợp triệu tập Hội nghị Nguyên thủ bốn nước lớn Mỹ, Anh, Pháp, Liên Xô, nhưng nếu Liên Xô không thu hồi “thông điệp cuối cùng” về vấn đề Béclin, ông sẽ không bao giờ tham dự Hội nghị này.

Khorútsốp mềm nắn rần buông, giải thích rằng vấn đề Tây Béclin đã trở thành một vật kích thích không được hoan nghênh, không giải quyết sớm không được. Về việc này, Aixenhao kiên quyết không lùi bước.

Cuộc hội đàm giữa Nguyên thủ hai nước Mỹ và Liên Xô sắp kết thúc mà hai bên vẫn ở vào thế giằng co, ngay cả Thông cáo chung sẽ viết gì đây cũng không thể nào hạ bút được. Hai ông Ai và Khor đều lòng dạ rối bời. Aixenhao tuổi già sức yếu đã chán nản, trông giống như được người ta vừa vớt từ dưới sông lên, toàn thân ướt đầm đìa, Khorútsốp thân thể cường tráng cũng cảm thấy bữa ăn trưa không còn giống như cỗ cưới nữa mà như ở đám tang, hoặc như một người ốm nặng ăn cơm ở bên giường.

Lúc này Khorútsốp một lòng muốn hòa hoãn với Mỹ nên thái độ đã mềm mỏng hẳn. Ông ta để các thành viên khác ở nhà, chỉ đưa theo phiên dịch đi gặp Aixenhao và nói:

- Tôi quyết định áp dụng bước đi công khai, xóa bỏ đề nghị, tôi sẽ ký hòa ước với Cộng hòa Dân chủ Đức trong thời hạn nhất định.

Aixenhao đắc ý cười, vui mừng thấy, nhờ thái độ cứng rắn mà ông đã buộc Khorútsốp một lần nữa phải có sự nhượng bộ quan trọng về vấn đề Béclin.

Chuyến du lịch đầy kịch tính của Khorútsốp ở nước Mỹ sắp kết thúc, Ông ta tổ chức một cuộc họp báo để khoe khoang thành quả chuyến thăm nước Mỹ của mình:

- Tôi đã tăng thêm được hy vọng cho hòa bình thế giới. Tôi đã cùng Tổng thống Mỹ Aixenhao tìm được nhiều điểm chung trong ý kiến về vấn đề Béclin, thời cơ triệu tập một cuộc đàm phán cấp cao nhất nữa đã sắp tới.

Cũng trong buổi họp báo, Aixenhao tuyên bố trước thế giới với tư thế người chiến thắng:

- Về một phương diện nào đó, quan hệ Mỹ - Xô đang được giải tỏa. Cuộc gặp gỡ Đavít đã loại trừ được rất nhiều trở ngại của tôi trước đó về việc

triệu tập một cuộc hội đàm cấp cao nhất giữa các nước lớn.

Ngày 27 tháng 9 năm 1959, Mỹ và Liên Xô cùng đồng thời ra Thông cáo chung về chuyến đi thăm Mỹ của Khorútsốp, cả thế giới chú ý đến lời tuyên bố:

Hai bên nhất trí cho rằng, vấn đề tài giảm binh bị toàn diện là vấn đề quan trọng nhất của thế giới hiện nay. Chính phủ hai nước sẽ cố gắng hết sức để vấn đề này được giải quyết trong tinh thần xây dựng. Nguyên thủ hai nước cho rằng, mọi vấn đề quốc tế chưa giải quyết được đều không nên giải quyết bằng biện pháp sử dụng vũ lực, mà cần giải quyết thông qua đàm phán hòa bình... Tổng thống Aixenhao sẽ thăm Liên Xô vào mùa xuân năm sau.

Khorútsốp tự coi mình là “chiến sỹ hòa bình khải hoàn trở về từ nước Mỹ”. Tại sân bay Mátxcova, vừa mới xuống máy bay ông ta đã vội vã, hồ hởi hô to bằng tiếng Anh: OK! với những người ra đón.

Có sự bố trí từ trước, khoảng 10 vạn dân Liên Xô đứng hai bên đường đón tiếp vị công thần. Khorútsốp ngồi xe thẳng tới Cung thể thao Lênin, dốc hết niềm hân hoan vô hạn trong lòng với nhân dân thủ đô Mátxcova đang tập trung tại đây:

- Thừa các đồng chí thân mến, chúng tôi vừa từ máy bay từ Oasinhton về Mátxcova và tới đây. Từ diễn đàn này tôi báo cáo với nhân dân Mátxcova, toàn thể nhân dân Liên Xô, Chính phủ và Đảng ta rằng, Tổng thống Đăvit Aixenhao trong việc đánh giá tình hình thế giới hiện nay đã thể hiện rõ tài năng của một chính trị gia thông minh, ông đã thể hiện rõ dũng khí và tinh thần ngoan cường!...

Mấy câu này của Khorútsốp làm mọi người ngỡ cả ra. Tổng thống Mỹ Aixenhao, kẻ thù số một của Liên Xô làm sao phút chốc đã trở thành nhân vật vĩ đại như vậy. Ngẩng đầu lên nhìn bộ mặt của Khorútsốp, người vừa lập “chiến công hiển hách”, mọi người mới đột nhiên bình tĩnh, vỗ tay ran lên như sấm dậy.

Lúc này Khorútsốp tỏ ra rất phấn chấn, thao thao kể những điều ông ta mắt thấy tai nghe ở các nơi trên đất Mỹ, cuối cùng đặc biệt ra sức đề cao Aixenhao :

- Dĩ nhiên, chúng tôi và Tổng thống Mỹ không thể ngay một lúc thanh toán được hết mọi thứ đổ nát ngổn ngang của toàn bộ cuộc chiến tranh lạnh tích tụ đã nhiều năm... Nhưng tôi có thể nói một cách thẳng thắn với các bạn, các đồng chí thân mến rằng, tôi có ấn tượng như thế này: Tổng thống Mỹ chân thành mong muốn xóa bỏ chiến tranh lạnh và cải thiện mối quan hệ giữa

hai nước chúng ta. Tổng thống Mỹ rất lịch sự đã mời tôi tới thăm trang trại của ông, dẫn tôi thăm cánh đồng ngô của ông. Dĩ nhiên, tôi không để lỡ cơ hội đi xem ngô của Tổng thống Mỹ!

Người dân Mátxcova cười ô trước những lời nói dí dỏm của Khorútsốp, Khorútsốp tiếp tục hớn hờ khoe khoang:

- Tôi đã kết bạn với các cháu của Tổng thống Mỹ, tôi hỏi các cháu có muốn đến Liên Xô không, chúng đồng thanh trả lời, rất muốn đến thăm Liên Xô. Tôi cho rằng, tốt nhất là ông ta tới đây vào khoảng cuối tháng 5 đầu tháng 6. Tôi không nghĩ ngờ việc Tổng thống Mỹ sẽ làm hết sức mình để đi tới một Hiệp nghị giữa hai nước chúng ta...

Khorútsốp càng nói càng hăng, và bỗng đi tới trước mặt Êđua Phrít quan chức Đại sứ quán Mỹ ở Liên Xô đến tham dự buổi đón tiếp, cầm lấy tay ông ta giơ cao lên hô lớn:

- Tình hữu nghị Mỹ - Xô muôn năm! Tình hữu nghị giữa nhân dân toàn thế giới muôn năm". Tinh thần trại Đavít muôn năm!

Khorútsốp giống như một nhà ảo thuật siêu hạng, trong phút chốc đã khiến gần hai vạn người cùng hô vang "Tinh thần trại Đavít muôn năm"

Tiếng hô qua sóng phát thanh truyền đi khắp Liên Xô, truyền tới Oasinhton và Bắc Kinh. Aixenhao và Mao Trạch Đông nghe thấy đều dở cười dở khóc. Chuyện này sau đó đã ảnh hưởng phức tạp đến quan hệ Trung-Mỹ-Xô. Có người làm thơ châm biếm thế này:

Ngu ngốc sao cái ông Khorútsốp

"Tinh thần Đavít" chỉ biết cúi đầu thôi.

Hòa hoãn bất thành, thế giới cười nhạo,

Nơi nơi lên án, chịu tiếng xấu muôn đời.

Aixenhao thấy Khorútsốp ra sức cổ vũ "Tinh thần Đavít" như vậy, dường như không dám tin đây là sự thật. ông ta liền mời Phó Tổng thống Níchson, Quốc vụ khanh Hécto đến, bàn bạc phương án đối phó tiếp với Khorútsốp. Níchson xoa chiếc cằm nhọn lắc đầu nói:

- Qua cuộc tranh luận chuyện nhà bếp với Khorútsốp, tôi thấy ông này đã tỏ ra choáng ngợp, bái phục nền văn minh vật chất của Mỹ rồi. Ông ta là con một người thợ mỏ ở Ucraina, thật sự muốn hòa hoãn với Mỹ! Điều này đối với nước Mỹ, thật là một dịp tốt hiếm có, không nên phụ tấm lòng của Khorútsốp, bằng không ông ta sẽ buồn biết chừng nào!

Hécto, Níchson, Aixenhao cùng cười ngất, cảm thấy Khorútsốp ngốc hết chỗ nói, nhưng đối với Mỹ thì lại "ngây thơ đáng yêu". Aixenhao chợt vỗ

vỗ chiếc trán hói như có điều gì còn lo lắng, nói:

- Tôi nhớ ra rồi, khi Khorútsóp một mình nói chuyện với tôi, ông ta tỏ ra rất vui vẻ, hết sức thân thiện và cởi mở, nhưng khi đi cùng với Ngoại trưởng Gôrômukô và Mensikóp (Đại sứ Liên Xô ở Mỹ) thì Khorútsóp lại như một người khác hẳn, ít nói và giữ gìn ý tứ, tôi đã nghĩ mãi mà không hiểu, theo các ông nguyên nhân vì sao?

Quốc vụ khanh Hécto phân tích:

- Điều đó cũng phải thôi. Đối lập Mỹ - Xô đã từng ấy năm, bây giờ Khorútsóp muốn hòa hoãn với Mỹ, và muốn lưu danh sử sách, bước ngoặt này đương nhiên có phần quá vội vàng, ông ta không thể không ngại rằng những người dưới quyền liệu có theo không...

Aixenhao gật gù rồi chỉ thị cho Quốc vụ khanh Hécto:

- Ông nhắc Đại sứ Tômsơn nên thường xuyên đến thăm Khorútsóp. Một người nói nhiều như ông ta, thì dứt khoát trong những cuộc trao đổi như vậy sẽ tiết lộ những tin tức tình báo có ích đấy.

Để thực thi đường lối Mỹ - Xô hợp tác bá chủ thế giới, để làm vui lòng Aixenhao, Khorútsóp không tiếc sức liên tục làm xấu đi quan hệ Trung-Xô, như xé bỏ Hiệp định về kỹ thuật Quốc phòng Trung-Xô, từ chối cung cấp mẫu bom nguyên tử và tài liệu kỹ thuật cho Trung Quốc... Sau Hội đàm Đavít với Aixenhao lần này, Liên Xô đã thu hồi "Thông điệp cuối cùng" qui định hạn trong vòng 6 tháng các nước phương Tây phải thoả thuận về vấn đề Béclin, đổi lấy việc Mỹ đồng ý triệu tập Hội nghị Nguyên thủ bốn nước lớn và Aixenhao thăm Liên Xô. Tinh thần Đavít càng được tuyên truyền rùm beng. Trong tình hình này, Mao Trạch Đông rất lo lắng cho quan hệ Trung-Xô, quyết tâm tìm cơ hội để trao đổi với Khorútsóp, khuyên ông ta đừng làm những chuyện đại dột nữa.

Đúng vào lúc ấy, Khorútsóp đã không mời mà đến.

Liên Xô vốn đã quyết định cử một phái đoàn Chính phủ Liên Xô do Suxlốp dẫn đầu sang Trung Quốc tham dự các hoạt động chào mừng lần thứ mười Quốc khánh Trung Quốc. Nhưng Khorútsóp sau khi đi Mỹ về hô vang "tinh thần trại đavít muôn năm", ông ta muốn lập tức chạy tới Trung Quốc để bán rao món hàng mới, với ý đồ làm cho Mao Trạch Đông cũng theo ông ta tiến hành hòa hoãn với Mỹ.

Có người đã khuyên Khorútsóp lúc này không nên thăm Trung Quốc, nhưng ông ta vỗ vỗ vào cái bụng phệ nói:

- Theo lẽ tiết, lẽ ra đến lượt Mao Trạch Đông sang Mátxcova thăm

chính thức Liên Xô, sau đó chúng ta mới đi Bắc Kinh, nhưng căn' cứ vào tình hình hiện nay, tốt nhất là chúng ta đến Bắc Kinh bàn bạc. Lần này coi như một chuyến đi gặp gỡ cá nhân, để có thể tìm hiểu mối bất đồng giữa chúng ta với các đồng chí Trung Quốc rút cục lớn tới mức nào.

II. MAO TRẠCH ĐÔNG GẶP KHORÚTSÓP LẦN THỨ TƯ

Hai bên đổi đầu tại Di Niên Đường

Mọi người đều nói, năm 1959 là bước ngoặt quan trọng trong quan hệ Trung Quốc và Liên Xô, điều đó không phải là không có lí.

Trước năm 1959, bản thân Khorútsóp cũng cho rằng địa vị của ông ta chưa vững, hơn nữa lại bị sức ép của Mỹ và các nước phương Tây, cho nên cần tranh thủ sự ủng hộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản các nước khác, bản thân ông cũng mong muốn được sự ủng hộ của Mao Trạch Đông.

Sau năm 1959, địa vị chính trị của ông ở trong nước đã khá vững vàng, Liên Xô lại chế tạo được tên lửa vượt đại châu, quân cờ Trung Quốc nay không còn quan trọng như trước trên bàn cờ quốc tế nữa, vì thế, ông chủ trương "cọ sát" mạnh hơn với Đảng Cộng sản Trung Quốc và Mao Trạch Đông.

Chuyện này có liên quan tới chuyến thăm Trung Quốc lần thứ ba của Khorútsóp.

Vào mùa thu vàng ấy, trên đất nước Trung Quốc đang rầm rộ diễn ra "Đại nhảy vọt". Khorútsóp muốn sang tham dự hoạt động chào mừng 10 năm thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa.

Hai ngày trước khi Khorútsóp đến Bắc Kinh, thì Suxlóp đã đến đây rồi. Trần Văn ra sân bay đón. Trên ô tô Suxlóp nói:

- Đại nhảy vọt, Công xã nhân dân ở Trung Quốc đã vượt qua giai đoạn phát triển xã hội chủ nghĩa.

Ngày 29 tháng 9, đoàn của Khorútsóp đến Bắc Kinh. Tối hôm đó, Khorútsóp đọc diễn văn trong bữa tiệc ở Đại lễ đường nói rằng: "Không nên dùng vũ lực để thử tính vững bền của chủ nghĩa tư bản..."

Sau bữa tiệc, hai bên hội đàm ở Di Niên Đường.

Số người tham dự hội đàm lần này khá đông. Phía Trung Quốc có các Ủy viên thường vụ Bộ Chính trị và Bộ trưởng Ngoại giao Nguyên soái Trần Nghị. Phía Liên Xô có Khorútsóp, Suxlóp, Pônômariep và Gôrômukô.

Khorútsóp giới thiệu tình hình chuyến ông ta sang thăm Mỹ, rồi nói với

giọng như vừa phát hiện ra một đại lục mới:

- Lần này tôi đến Mỹ tận mắt nhìn thấy họ giàu thật, quả thật là họ giàu!

Mao Trạch Đông tỏ ra lạnh nhạt trước câu nói, điềm nhiên trả lời:

- Việc ông đi, chúng tôi tán thành chứ không phản đối. Khorútsóp hứng chí lên, giới thiệu về tình hình cuộc hội đàm ở trại Đavít. Ông ta khẳng định:

- Giờ đây, người lãnh đạo nhà nước tư bản đó đã thể hiện một thái độ thực tế khi nhìn nhận chiều hướng phát triển của tình hình thế giới. Nói chuyện với Aixenhao, tôi có ấn tượng rằng, ông Tổng thống Mỹ được nhiều người ủng hộ này hiểu rất rõ là cần phải làm dịu tình hình căng thẳng trên thế giới.

Mao Trạch Đông đã nói với Khorútsóp một cách rất rõ ràng, các ông nói chuyện với người Mỹ, chúng tôi không phản đối, vấn đề là một số quan điểm của các ông, “thế giới ba không” là cái gì? Thế nào là “tinh thần Đavít”? Liệu có thể có được những cái đó không? Sự thật không phải là như vậy.

Khorútsóp không thể đồng ý với quan điểm của Mao Trạch Đông, ông ta vẫn nói theo mạch suy nghĩ của mình:

- Người lãnh đạo rất nhiều nước tư bản buộc phải xem xét hiện thực, lập lại mối quan hệ quốc tế, vì trong thế kỷ của chúng ta, ngoài nguyên tắc chung sống hòa bình ra, không có cách nào khác giải quyết thành công vấn đề quan hệ giữa hai chế độ.

Khorútsóp cải bùa

Trong thời gian thăm Trung Quốc lần này, khẩu khí của Khorútsóp đã khác hẳn. Với giọng trịch thượng, ông ta chỉ trích Mao Trạch Đông và một số chính sách của Đảng Cộng sản Trung Quốc, lại còn đưa ra một số yêu cầu.

Vấn đề đầu tiên ông ta đưa ra là đòi thả hai phi công Mỹ.

Hai người Mỹ này đã lái máy bay trinh sát xâm nhập vùng trời Trung Quốc bị bắn rơi và bị bắt.

Điều đó khiến người ta nghĩ rằng Khorútsóp phải chăng đã thỏa thuận bí mật gì với Mỹ, đứng ra thuyết phục giúp người Mỹ.

Mao Trạch Đông dĩ nhiên không thể chấp nhận yêu cầu như vậy. Ông nói thẳng toẹt:

- Chuyện này không thể thương lượng được.

Câu nói đã chặn đứng Khorútsóp ngay từ ngoài cửa.

- Hai người này thực hiện nhiệm vụ bay trinh sát gián điệp xâm nhập vùng trời nước tôi - Trần Nghị bổ sung thêm.

Khorútsóp quay sang nhìn Trần Nghị. Trần Nghị tiếp tục nói:

- Còn 5 phi công khác bị bắt làm tù binh, chúng tôi đã thả ra họ cho lâu rồi.

Khorútsóp lại nói rất nhiều về vấn đề biên giới trung ấn. ông ta cho rằng Nêru là người trung lập, là chống đế quốc, rằng Trung Quốc phải đoàn kết với họ, không được đánh nhau với họ.

- Liên Xô không đồng ý áp dụng bất cứ chính sách nào xa lánh hoặc làm yếu địa vị của Nêru ở trong nước.

Trần Nghị lập tức phản đối ngay:

- Chính sách của chúng tôi đối với người theo chủ nghĩa dân tộc là vừa đoàn kết vừa đấu tranh, chứ không phải thái độ nhân nhượng chủ nghĩa?

Khorútsóp rất tức giận với cách nói “nhân nhượng chủ nghĩa”, đỏ mặt tía tai, cao giọng:

- Hoàn toàn vô căn cứ khi chỉ trích chúng tôi là nhân nhượng chủ nghĩa.

- Tuyên bố ngày 9 tháng 5 của hãng TASS các ông, đã chứng minh điều đó - Trần Nghị chẳng cần lên cao giọng, vì tiếng nói của ông vốn đã sang sảng rồi. - Về vấn đề biên giới Trung ấn, các ông đã có lập trường bênh vực ấn Độ.

- Chúng tôi nhắc nhở các ông chú ý đoàn kết với Nê-ru - Khorútsóp đã tỏ một thái độ không nên có - Các ông xung đột với Nêru chỉ vì miếng đất cần cỗi ấy, ở đấy thì có gì nào? Một việc chẳng đáng làm chút nào!

Khorútsóp nói một thời một hội về việc ông ta đã nhượng bộ như thế nào trong chuyện tranh chấp biên giới giữa Liên Xô và Apganixtan.

Khi ấy Lâm Bưu chêm vào một câu:

- Nước xã hội chủ nghĩa làm gì cũng phải có nguyên tắc, không có nguyên tắc thì còn biết bàn bạc gì nữa.

- Sự kiện Liang Chiu xảy ra hồi tháng 8, ấn Độ đã đơn phương vượt qua tuyến kiểm soát thực tế của đường Mác Mahông rồi lại tiến sâu vào đất Tây Tạng của Trung Quốc nên đã xảy ra xung đột với bộ đội biên phòng chúng tôi.- Trần Nghị giọng phẫn nộ - Nhưng đài TASS của các ông công khai tuyên bố bênh vực ấn Độ, chỉ trích Trung Quốc.

Khorútsóp cãi:

- Tây Tạng giáp với ấn Độ. Bản thân Tây Tạng không thể đe dọa đối với ấn Độ, còn Trung Quốc thì lại xung đột với ấn Độ vì Tây Tạng. Lẽ nào đấy là một việc làm sáng suốt?

- Ông nói như thế là có ý gì? - Trần Nghị chất vấn luôn - Có phải ông bảo Trung Quốc từ bỏ chủ quyền lãnh thổ ở Tây Tạng?

Khorútsóp biết mình đã lỡ lời, vội vàng lấp liếm:

- Vấn đề Tây Tạng các ông phải thận trọng, đừng để Đạt Lai Lạt Ma chạy mất mới phải... Các ông không nên để ông ta chạy mất...

Mao Trạch Đông tiếp lời:

- Đường biên giới dài như vậy, chúng tôi làm thế nào giữ được ông ta?

Khorútsóp giọng trách móc:

- Các ông để ông ta chạy mất, kết quả là gây ra xung đột biên giới, đánh nhau với Ấn Độ trung lập.

Chu Ân Lai nghiêm khắc và bình tĩnh nói:

- Thừa đồng chí Khorútsóp, đồng chí hoàn toàn nói chẳng đúng vấn đề. Đạt Lai chống đối rồi bỏ chạy, Ấn Độ xâm lược, điều đó rõ ràng là xâm phạm đến Trung Quốc, làm sao lại có thể nói là thả cho ông ta chạy được?

Khorútsóp quay sang phía Chu Ân Lai:

- Ông là nhà Ngoại giao lớn nổi tiếng thế giới, làm sao lại không hiểu ý nghĩa của việc đoàn kết với Nê ru?

Chu Ân Lai nói:

- Chúng tôi đã làm rất nhiều việc để đoàn kết với Nê ru, cùng ông ta để xướng năm nguyên tắc chung sống hòa bình. Nhưng ông ta lợi dụng Đạt Lai để chống Trung Quốc, gây ra sự kiện biên giới. Đứng trước sự xâm phạm của bên ngoài, liệu có đoàn kết được không?

Khorútsóp biết mình đuối lý, liền nói lảng sang chuyện khác, kể rằng hồi tháng 1 năm 1957 Chu Ân Lai đã đến Mátxcova “lên lớp” cho ông ta...

Chu Ân Lai bác lại, nói rằng Khorútsóp khi đó đã nặng lời với những người lãnh đạo các đảng anh em, đã vi phạm nguyên tắc bình đẳng giữa các nước anh em.

- Đâu có!- Khorútsóp muốn xí xóa.

Lý Việt Nhiên làm phiên dịch hồi đó hôm nay cũng có mặt. Anh ngồi cạnh Mao Trạch Đông, khẽ báo cáo:

- Thừa Chủ tịch, lời nói của ông ta khi ấy do tôi phiên dịch, tôi có thể làm chứng được không ạ?

- Được - Mao Trạch Đông gật đầu.

Lý Việt Nhiên đứng lên nói bằng tiếng Nga:

- Thừa đồng chí Khorútsóp, đồng chí nói sai rồi, lúc đó chính tôi làm phiên dịch...

Ông kể lại cảnh tượng lúc bấy giờ, người tham dự và nội dung ý kiến của những người đã phát biểu.

Khorútsốp lăm bắm:

- Quên mất rồi, không còn nhớ rõ nữa...

Rồi bỗng nhiên ông ta chuyển sang chuyện khác:

- Các ông pháo kích Kim Môn chẳng thông báo gì cho chúng tôi cả, điều đó có phù hợp với nguyên tắc chung sống giữa các nước anh em hay không?

- Tôi đã thông báo cho các ông rồi - Trần Nghị lập tức bác lại ngay - Ông hỏi ông Gorômikô xem, có phải tôi đã thông báo cho các ông rồi không? Gorômukô ấp a ấp úng như đã ngầm thừa nhận.

Khorútsốp gắng hết sức vẫn không thoát ra được thế bí.

Trần Nghị nói với Khorútsốp:

- Pháo kích Kim Môn là công việc nội bộ của chúng tôi, đây là lãnh thổ của Trung Quốc, chuyện biên giới Trung-Ấn, rõ ràng họ là xâm lược, ông lại bênh vực họ. Việc pháo kích Kim Môn chẳng lẽ ông còn muốn thay Tưởng Giới Thạch và đế quốc Mỹ chỉ trích chúng tôi nữa hay sao?

Khorútsốp như gào lên, quát Trần Nghị:

- So sánh về quân hàm, ông là Nguyên soái, tôi chỉ là Trung tướng, nhưng tôi là Bí thư thứ nhất Đảng Cộng sản Liên Xô! Ông không được vô lễ với tôi...

- Đúng ông là Bí thư thứ nhất, nhưng ông nói đúng thì tôi nghe, ông nói sai thì tôi đương nhiên phải phản đối.- Giọng Trần Nghị vẫn bình tĩnh.

Khorútsốp nhìn sang Mao Trạch Đông, hai tay buông thõng:

- Ông xem, ông xem đây, toàn bộ Thường vụ Bộ Chính trị của các ông đều có mặt, các ông có mấy người, còn chúng tôi có mấy người? Đàm phán thế này không bình đẳng, không công bằng!

Mao Trạch Đông trước tới giờ im lặng, bây giờ mới mỉm cười, cất giọng trầm trầm chậm rãi:

- Tôi đã nghe từ nãy đến giờ. Ông đã chụp cho chúng tôi khá nhiều mũ, nào không giữ được Đạt Lai này, nào không đoàn kết với Nêru này, nào không nên pháo kích này, đại nhảy vọt là không đúng, lại còn nói tôi đề cao phái chính thống Mácxít Lêninnít vân vân... Vậy thì tôi cũng tặng ông một chiếc mũ, đây là chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

Hội đàm đã kết thúc trong không khí chẳng vui vẻ gì. Song những cuộc hội đàm như thế này thật sự là hiếm thấy.

Liên Xô quyết định rút hết chuyên gia

Đêm Thiên An Môn diễn ra nhiều hoạt động chào mừng. Khorútsốp

không tham dự.

Ngày hôm sau duyệt binh Quốc khánh, trên lầu Thiên An Môn, Khorútsốp nói với Mao Trạch Đông:

- Về việc chế tạo bom nguyên tử, chúng tôi quyết định rút các chuyên gia về.

Mao Trạch Đông ung dung nói:

- Cần thì cần đấy, nhưng cũng chẳng có vấn đề gì lớn. Về kỹ thuật, giúp chúng tôi một chút thì tốt, không giúp được cũng tùy các ông xem xét quyết định.

Khi Khorútsốp rời Bắc Kinh, Mao Trạch Đông ra sân bay tiễn. Trong phòng khách quý, Mao Trạch Đông nói với Khorútsốp:

- Tôi cần giải thích với ông, Công xã nhân dân của chúng tôi không phải áp đặt từ trên xuống, mà do quần chúng tự phát làm, cần phải ủng hộ. Chúng tôi đã nghiêm chỉnh nghiên cứu điều lệ và chế độ nông trường tập thể của các ông, tình hình của chúng tôi ở đây khác, phải rút kinh nghiệm qua thực tiễn, tổng kết kinh nghiệm...

Khorútsốp lại một lần nữa nói:

- Tất cả đều là kiểu Trung Quốc, chúng tôi không rõ, đây là việc của bản thân các ông.

Cũng chính sau cuộc hội đàm ấy, Khorútsốp quyết định rút hết các chuyên gia Liên Xô, xé bỏ tất cả mọi hợp đồng...

Tiếp sau đó là Hội nghị Bucarét năm 1960

Tại Hội nghị này, Khorútsốp dùng thủ đoạn tấn công bất ngờ, đã phân phát thông báo của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô ngày 21 tháng 6 gửi Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, công khai công kích Đảng Cộng sản Trung Quốc trước các Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân các nước trên thế giới.

Điều này không thể không khiến Đảng Cộng sản Trung Quốc nổi giận.

Phái đoàn Đảng Cộng sản Trung Quốc do Đặng Tiểu Bình dẫn đầu đến Mátxcova tham gia công việc khởi thảo văn kiện Hội nghị 26 Đảng Cộng sản, đảng Công nhân các nước, lại nhiều lần phải đấu tranh với Khorútsốp.

Chương bảy

Kennedy vào làm ông chủ Nhà Trắng, Khorútsóp vội vã gửi cảnh nguyệt quế. Tại Viên, các đối thủ chiến tranh lạnh lại gặp nhau. Đại luận chiến Trung - Xô bùng nổ

I SỰ MẤT TÍCH BÍ ẨN TÊN GIÁN DIỆP TRÊN KHÔNG CỦA MỸ

Tội ác của “Thiên sứ”

Chỉ bảy tháng sau khi kết thúc Hội đàm Trại Đavít đã xảy ra vụ máy bay U.2 của Mỹ xâm phạm vùng trời Liên Xô. Kremli lập tức hủy bỏ lời mời Aixenhao sang thăm Liên Xô. Quan hệ Xô- Mỹ lại có chiều hướng căng thẳng.

Từ sau khi loài người “phát minh” ra con quái vật chiến tranh thì hoạt động gián điệp cũng diễn ra ngày càng dồn dập. Các kiểu chiến tranh luôn được đổi mới thì thủ đoạn hoạt động gián điệp cũng không ngừng cải tiến.

Sử dụng máy bay để trinh thám và chụp ảnh gián điệp bắt đầu có từ thế chiến thứ hai. Có điều, lúc ấy chưa có máy bay gián điệp chuyên dùng. Nhiệm vụ này do máy bay chiến đấu và máy bay ném bom thông thường làm, hệ thống tác chiến trên máy bay buộc phải thay thế bằng hệ thống chụp ảnh. Đã không có vũ trang, lại phải bay ở tầm thấp để chụp ảnh nên rất dễ bị đối phương tấn công. Tất cả phi công đều sợ đảm nhận nhiệm vụ này.

Bắt đầu từ năm 1950, nước Mỹ sống trong tâm trạng sợ hãi, người ta sợ “ưu thế” vũ khí hạt nhân của Liên Xô. Năm 1953, Liên Xô cho nổ “quả bom khinh khí” đầu tiên càng làm cho tâm lý sợ hãi nhanh chóng tăng lên. Ít lâu sau, nước Mỹ lại được tin Liên Xô đang tập trung nghiên cứu đẩy mạnh tầm bắn của tên lửa để có thể trực tiếp tấn công vào lãnh thổ nước Mỹ. Để tăng thêm tâm lý “sợ Liên Xô” của dân chúng Mỹ, Liên Xô còn cố tình sử dụng một số biện pháp đánh lừa. Chẳng hạn, trong lễ duyệt binh lớn tổ chức ở Hồng Trường, họ cố ý ghi trên vỏ tên lửa số 19 và số 21, quan chức phương Tây thấy thế liền cho rằng tại một nơi nào đó chắc còn đang cất giấu tên lửa số 20. Kỳ thực hoàn toàn không có chuyện đó. Chính phủ Mỹ khổ vì nổi không có biện pháp nào tốt hơn để kiểm tra tình hình thực tế. Tổng thống

Aixenhao cũng rất đau đầu về việc này. Năm 1954, trước mắt ông chợt loé ra một tia sáng - Bộ không quân đã trình lên ông dự án chế tạo máy bay trinh sát tầng cao, nhưng đồng thời họ cũng cho rằng loại máy bay này vĩnh viễn không thể chế tạo được". Với tầm mắt sắc sảo của một quân nhân chính hiệu, Aixenhao nhận ra ngay giá trị của loại máy bay này, đã chỉ thị ngay cho Alen Đalét - Cục trưởng cục Tình báo Trung ương khi đó, lập tức bắt tay bí mật nghiên cứu chế tạo.

Dưới sự bảo vệ của hệ thống an ninh nghiêm mật, một chiếc máy bay với những đường nét sắc sảo và gọn ghẽ, cuối cùng đã được chế tạo. Sải cánh của nó dài, kết cấu thanh mảnh, nhìn nghiêng thân của nó thon dài, rất giống như cánh sau của chiếc tàu lượn. Để giảm trọng lượng của máy bay, cán bộ thiết kế tìm mọi cách cắt bỏ hết những gì có thể bỏ đi được. Vì sử dụng nhiên liệu đặc biệt nên nó có thể bay ở tầm cao 70 ngàn thước Anh, tốc độ bay mỗi giờ là 800 kilômét, đồng thời có thể bay liên tục mấy giờ liền. Chiếc máy bay thần kỳ này, chính là chiếc U-2 nổi tiếng thế giới sau này. Dùng mã số "U" cho loại máy bay đặc biệt này cũng lắm chuyện rắc rối, vì theo thông lệ của nước Mỹ, "U" chỉ đại diện cho máy bay nói chung. Có điều, nhân viên công tác nội bộ lại đặt cho nó một cái tên ngộ nghĩnh "Thiên sứ" để tỏ sự quý mến.

Quanh "Thiên sứ" là cả một lớp màn bí ẩn. Chuyện kể rằng, ngày 24 tháng 9 năm 1959, một "Thiên sứ" do trực trực máy móc phải hạ cánh xuống một đường băng làm vội gần Tôkyô. Khi một tốp nhân viên cứu hộ đến, phi công vẫn ngồi lì trong buồng lái, mãi sau khi một trực thăng hải quân đưa mấy nhân viên thường phục đến, anh ta mới mở chập buồng lái, hét lên với họ: "Tôi rất khỏe". Một đám người Nhật Bản tò mò phát hiện ra, trên thân máy bay màu lam thẫm không có ghi dấu hiệu gì cả, phi công cũng không mặc quần áo bay truyền thống. Nhưng nơi thắt lưng anh ta lại đeo một khẩu súng ngắn.

"Thiên sứ" bắt đầu cuộc đời gián điệp. Ngày 4 tháng 7 năm 1956, lần đầu tiên nó bay vào vùng trời Liên Xô. Sau đó, cứ thế liên tục làm chuyện đó. Vì Liên Xô khi đó chưa chế tạo được thứ vũ khí nào bắn rơi được máy bay gián điệp "tít trên chín tầng mây": đành "nhìn lên trời than thở", mặc cho "Thiên sứ" tự do bay ngao du trên bầu trời của mình suốt 4 năm. Trong 4 năm đó, "Thiên sứ" thu thập được vô cùng nhiều những tin tức tình báo quý giá. Nhờ sự phát hiện của "Thiên sứ" mà Aixenhao mới có chứng cứ để tuyên bố đồng ý rằng, về mặt vũ khí tên lửa hạt nhân, Liên Xô hoàn toàn không có cái gọi là "ưu thế". Người Mỹ cũng vì thế mà dần dần trút được nỗi lo âu.

Sứ mệnh bí mật

Để tránh lỡ không may xảy ra sóng gió ngoại giao, Mỹ thuê một số phi công đã được thẩm tra và huấn luyện chu đáo để lái U-2, thực hiện nhiệm vụ gián điệp. Một khi U-2 bị bắn rơi, Chính phủ Mỹ có thể phủ nhận thẳng thừng. Nhưng về sau Quốc hội lại e ngại mức độ trung thực của những người này, sợ rằng họ tiết lộ những điều cơ mật của nước Mỹ, nên lại giao cho phi công Mỹ đảm nhiệm nhiệm vụ trinh sát.

Sáng sớm tinh mơ ngày 1 tháng 5 năm 1960, phi công Mỹ Francis Pao nhận được một mệnh lệnh - bề ngoài chỉ là một lệnh rất bình thường - bảo anh ta như thường lệ từ sân bay Baisawa, Pakixtan bay về Enselic Thổ Nhĩ Kỳ. Ngay nhà đương cục Pakixtan cũng chỉ biết Pao bay về Thổ Nhĩ Kỳ. Nhưng trên máy bay của Pao lại để sẵn một lệnh bay hoàn toàn ngược lại - bay trinh sát tầm cao nội địa Liên Xô. Trước đó, U-2 đã từng bay đến khu vực chỉ cách Mátxcova mấy dặm Anh, nhưng lần này Pao phải vào sâu hơn nữa, tới vùng trời eo biển Baren để chụp ảnh. Cấp trên quy định cho anh ta ba mục tiêu trinh sát: Thứ nhất là Tairatham ở vùng sa mạc, ở đây có xây dựng căn cứ tên lửa khổng lồ của Liên Xô, thứ hai là trạm phóng tên lửa Sphiêdrôpsco; thứ ba là căn cứ không quân, hải quân Liên Xô Áckhanghem và Muốcmansco. Địa điểm chỉ định bay về là sân bay Pêtô Na Uy. Nhưng Pao đâu có ngờ anh đã bị bắt làm tù binh trong sứ mệnh bí mật này, và “Thiên sứ” cùng đi với anh cũng không bao giờ trở về nữa.

Trên bộ phóng tên lửa Tairatham cũng sẵn một tên lửa đạn đạo kiểu mới do Liên Xô chế tạo to gấp đôi tên lửa đạn đạo Apôlô I của Mỹ. Cục Tình báo Trung ương Mỹ nóng lòng muốn có được tấm ảnh tên lửa đạn đạo này. Ngày 1 tháng 5 ấy, thời tiết rất phù hợp cho việc chấp hành nhiệm vụ của “Thiên sứ”, trời quang không mây, không khí tầng cao khô ráo rất có lợi cho việc chụp ảnh trinh sát. Nếu thời tiết hôm ấy xấu thì Pao đã gặp được phức tạp. Vì Tổng thống Aixenhao dự định thăm Liên Xô vào trung tuần tháng 6, Cục tình báo Trung ương quyết định bắt đầu từ ngày 2 tháng 5, nghĩa là trước khi Tổng thống đi thăm Liên Xô, “Thiên sứ” sẽ không tiến hành những hoạt động “có hại cho quan hệ hai nước nữa”.

Để phối hợp với hành động của Pao, một chiếc U-2 khác cất cánh từ Enselic Thổ Nhĩ Kỳ, bay dọc theo biên giới Liên Xô. Mục đích là thu hút sự chú ý của trạm theo dõi radar Liên Xô. Phi công trên chiếc U-2 này còn được lệnh dùng vô tuyến điện phát đi tín hiệu liên lạc vu vơ để làm nhiều việc theo dõi của quân đội Liên Xô nhằm yểm trợ cho chiếc U-2 của Pao bay sâu vào

nội địa Liên Xô.

Pao lái chiếc “Thiên sứ”, đang hoành bay trong vùng trời Liên Xô. Từ khoang máy bay, anh ta nhìn xuống Sphêđrôpsơ, cảm giác hơi căng thẳng lúc lên máy bay đã tiêu tan hết. Thậm chí anh ta còn thấy khoái chí, vì phía dưới kia từng tốp máy bay đánh chặn và tên lửa phòng không mặt đất đều chỉ có thể giương mắt mà nhìn. Tất cả những phi công đã từng lái U-2 đều cảm thấy rất quen với việc bay đến trung tâm tên lửa này của Liên Xô, họ đều gọi mạng tên lửa đầu tròn ở phía dưới kia là “Nhà Đavít”. Pao lơ đãng kiểm tra hệ thống dẫn bay tự động rồi chuyển hướng bay về phía Muốcmansơ.

SAM-2 xuất kích

Mạng lưới radar phòng không Liên Xô sớm đã theo dõi chặt máy bay của Pao, “nhìn rất rõ” tất cả, các pháo thủ thao tác vừa căng thẳng vừa sung sướng, liên tục hô “nó bay sang bên trái” “nó đang xuống thấp!” Theo lệnh của cơ quan chỉ huy, tên lửa “SAM-2” liên tiếp gào rít bay lên. Cùng với tiếng nổ của quả tên lửa thứ 14, máy bay của Pao tan xác, bản thân anh ta nhảy dù thoát chết.

Cuối cùng, người Liên Xô đã hả được nỗi uất giận từ lâu.

Thực ra, ngay từ tháng 7 năm 1956, khi lần đầu tiên Mỹ cho U-2 bay vào lãnh thổ Liên Xô trinh sát, quân đội Liên Xô đã phát hiện ra vị khách không mời mà đến này. Nhưng do không có hỏa lực đạt tới tầng cao như vậy, họ đành chỉ “nhìn trời than thở”. Sau đó, để hạ được một chiếc U-2, hạ gục uy thế của đối phương, quân đội Liên Xô đã bỏ ra không biết bao công sức.

Trước khi xảy ra vụ Pao không lâu, Mỹ đã ba lần cho máy bay U-2 bay tới trạm phóng tên lửa Sphêđrôpsơ. Lần thứ nhất vì thời tiết xấu không thể nào chụp ảnh được, bay đến nửa đường đành quay về; lần thứ hai cũng vì “không nhìn thấy gì” mà toi công; lần thứ ba vào ngày 9 tháng 4, U-2 đã chụp được những tấm ảnh quan trọng về trung tâm tên lửa Tairatham, khi quay về bị quân đội Liên Xô phát hiện. Cho nên ngày 1 tháng 5 khi Pao hành động, quân đội Liên Xô đã sẵn sàng đón đánh, họ bố trí chu đáo mạng lưới hỏa lực, chỉ còn chờ U-2 dẫn xác đến.

Vũ khí chính của lưới hỏa lực quân đội Liên Xô là tên lửa đất đối không “SAM-2”. Tên lửa này được bắt đầu nghiên cứu chế tạo vào cuối những năm 40, quân đội được trang bị vào giữa những năm 50, năm 1957 lần đầu tiên triển lãm ở Mátxcơva. Cánh trước, cánh chính, khoang và cánh đuôi của tên lửa phối trí theo hình chữ thập dùng động cơ tên lửa cố định. Khi tác chiến,

mục tiêu bị phá huỷ nhờ vào 3.600 mảnh vỡ với tốc độ ban đầu 3.000 m/giây do sức nổ tạo ra. “SAM-2” là vũ khí phòng không mũi nhọn tiên tiến nhất khi ấy của Liên Xô.

Nhưng, tầm bắn xa nhất của “SAM-2” vẫn không đạt tới độ cao của máy bay U-2 Mỹ. Cho nên, dù đã đem nó trang bị cho bộ đội phòng không khi U-2 bay vào Liên Xô, lần đầu vẫn không uy hiếp gì cho U-2 cả.

Trong một thời gian dài, người ta vẫn thắc mắc không hiểu nổi: Máy bay của Pao bị tan xác là do trục trặc kỹ thuật hay là người Liên Xô đã sử dụng mảnh khóc gì trong việc này? Điều bí ẩn này mãi tới năm 1965 mới được phơi bày sau khi một điệp viên cao cấp Liên Xô là Patólesky phản bội chạy trốn.

Chuyện rằng, sau khi quân đội Liên Xô qua mạng rada phát hiện máy bay U-2 liên tục trình sát căn cứ tên lửa của mình, dự đoán U-2 còn xâm nhập nữa, các nhà chỉ huy quân sự tối cao quyết tâm trừng phạt người Mỹ, liền vạch ra một kế hoạch hành động chu đáo chặt chẽ.

Vào một đêm khuya tháng 4 năm 1960, Goranminitóp, phó quan riêng của Khorútsóp tìm gặp Malinski là người phụ trách khu vực Trung Đông của K.G.B, truyền đạt mệnh lệnh bắn hạ U-2, đồng thời cung cấp cho mấy chiếc đinh ốc từ tính mạnh do các nhà khoa học nghiên cứu chế tạo đặc biệt. Trời vừa sáng, Malinski đã bay đến Kabun thủ đô Apganixtan, gặp Môhamét, phi công xuất sắc nhất của không quân nước này. Môhamét đã được đào tạo ở Liên Xô.

Môhamét chẳng gặp mấy khó khăn đã lủi qua được biên giới Pakixtan, đến gần sân bay Baisawa. Khi ấy Pao và trung đội 20 của anh ta đang đỗ ở sân bay này. Môhamét dùng kính viễn vọng tia hồng ngoại, lợi dụng đêm tối tiến hành quan sát. Anh ta thấy U-2 đỗ trong sân bay dưới ánh đèn sáng trưng, một hiến binh đang tuần tra sân bay, cứ hai tiếng đổi ca một lần. Anh ta còn phát hiện ra một sơ hở trong việc canh gác: mỗi lần đổi gác đều ở phía bên phải máy bay, cách cửa lên máy bay U-2 khá xa và tầm nhìn lại bị thân máy bay che khuất.

Hai giờ sáng, nhân lúc canh vệ đổi gác, Môhamét giống như con mèo chui vào buồng lái, anh ta thu người lại nép xuống sàn khoang lái rồi nhích người từ từ từng tý một, với tay lên bộ hiển thị tầm cao. Chiếc chụp ngoài của bộ hiển thị làm bằng chất dẻo được siết chặt bằng nhiều đinh vít. Anh lấy tay nhẹ nhàng sờ vào, tìm được một đinh vít ở góc bên phải, tháo nó ra và thay vào chiếc đinh vít đặc biệt của K.G.B đã đưa cho. Làm xong việc đơn giản

này rồi, anh ta lặng lẽ nhưng rất sốt ruột nằm chờ gần hai tiếng đồng hồ cho tới lúc đổi ca lần sau lui ra khỏi máy bay, mất hút trong đêm tối.

Pao đâu có biết những chuyện gì đã xảy ra trong đêm, cho tới khi bị “SAM-2” bắn rơi và bị bắt, anh ta vẫn mù tịt chẳng hay biết gì.

Nước Mỹ xấu hổ

Thái độ hợp tác bất ngờ của Pao khi bị thẩm vấn, khiến ngay cả người Liên Xô cũng vô cùng kinh ngạc. Xác chiếc U-2 và lời cung khai của Pao khiến Chính phủ Mỹ rơi vào tình cảnh vô cùng bối rối. Các nước nhao nhao chỉ trích hành động khiêu khích bằng máy bay gián điệp này. Các Đồng minh phương Tây tuy giữ thái độ im lặng nhưng trong lòng cũng thấy không vui, lo rằng những chiếc máy bay trinh sát tầm cao này có khi cũng đã từng tới thăm vùng trời của nước mình mà không bị phát hiện.

Pao bị xử 10 năm tù, giam ở nhà lao Rubianca của K.G.B. Nhưng, chỉ một năm sau anh ta đã được tha cho về nước. Cục tình báo Trung ương Mỹ đã bỏ ra 52.000 đô la Mỹ tống anh ta ra khỏi quân đội. Dù rằng trong mệnh lệnh cho Pao không quy định khi bị bắt phải tự sát, nhưng theo thông lệ, nhân viên điệp báo không bao giờ chịu để cho đối phương bắt sống, và trong trường hợp bị bắt cũng phải tìm cách phá huỷ tang vật.

Cục tình báo Trung ương Mỹ muốn Pao phải làm được một trong ba điều dưới đây: Một, ấn chiếc nút điện tự nổ trên bảng chỉ dẫn, để bom định giờ sẽ phá huỷ hoàn toàn máy bay; Hai, cố gắng chịu đựng mọi sự tra tấn, tự sát bằng kim tiêm thuốc độc đã dự phòng (Liên Xô đã dùng kim tiêm này tiêm thử cho một con chó, chỉ trong 30 giây con chó đã toi đời); Ba, tuân thủ điều răn tối thiểu của một nhân viên điệp báo - yên lặng. Nhưng Pao chẳng làm được một điều nào, cho nên Cục tình báo Trung ương vô cùng căm giận anh ta.

Trong lịch sử nước Mỹ, việc công khai thừa nhận đã sử dụng gián điệp chỉ có hai lần. Một lần vào năm 1776, trong thời kỳ chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ, một thanh niên tên là Khonasan đóng giả làm giáo viên, luồn sâu vào hậu phương quân Anh hoạt động gián điệp, không may bị bắt đã kiên cường bất khuất, khi bị hành hình anh đã để lại một câu nói bất hủ.

“Tôi tiếc mình chỉ có một cuộc đời để hiến dâng cho Tổ quốc”. Cho tới ngày nay, trong mỗi cuốn sách giáo khoa lịch sử của nước Mỹ đều có thể tìm thấy câu nói này.

Lần thứ hai là vụ U-2, Pao đã chọn con đường hoàn toàn ngược lại với

Khônasan.

Từ sau vụ U-2, tên lửa "SAM-2" nổi tiếng khắp nơi; cho tới những năm 90, tên lửa này vẫn đóng vai trò chính trong nhiệm vụ phòng không trên lãnh thổ của nhiều nước.

II. CUỘC GẶP GỠ Ở VIÊN

Khorútsóp trao cảnh nguyệt quế cho Kennodi

Tháng 1 năm 1961, Kennodi vào làm ông chủ Nhà Trắng, tạo khả năng cho cuộc gặp gỡ Nguyên thủ Mỹ - Xô mới. Ngày 1 tháng 1, trong điện mừng năm mới gửi Kennodi, Khorútsóp bày tỏ "muốn quên đi sự kiện (máy bay) U-2 tháng 5 năm qua". Kennodi lập tức tiếp nhận cảnh nguyệt quế của Khorútsóp. Chính ông ta đã chỉ thị cho Đại sứ Mỹ tại Liên Xô hồi tháng 3 gặp Khorútsóp tại Sibêri chủ động đưa ra khả năng tổ chức cuộc gặp gỡ nguyên thủ Mỹ - Xô tại Viên vào ngày 3 tháng 6. Tháng 5, Khorútsóp chấp nhận đề nghị của phía Mỹ.

Chiều tối ngày 2 tháng 6 năm 1961, khi đoàn tàu quốc tế đặc biệt chở Khorútsóp tới ga Viên đã được người thành Viên nhiệt tình đón tiếp. Nhưng trong tiếng hoan hô cũng chen cả tiếng suy t và tiếng huyết sáo. Khorútsóp bản khoăn nói với các phóng viên, ông mong rằng trong cuộc hội đàm ngày hôm sau với Tổng thống Mỹ Kennodi có thể làm cho quan hệ Xô-Mỹ được xây dựng trên cơ sở: Thật sự hòa bình và hợp tác".

Tổng thống Kennodi đến Viên, khi qua Pari đã nói với các phóng viên:

- Chúng ta đang ở vào một thời kỳ nguy hiểm khi giữa phương Tây và tập đoàn Trung-Xô có nhiều vấn đề nghiêm trọng như thế này. Việc chúng tôi cùng ngài Khorútsóp có một quan hệ nào đó là rất quan trọng.

Điều đó thể hiện tâm trạng khác nhau của những người đứng đầu hai nước Mỹ và Liên Xô.

Khorútsóp - Kennodi hội đàm ở Viên

12 giờ 40 phút trưa ngày 3 tháng 6, khi Khorútsóp đến sứ quán Mỹ ở Áo, Kennodi từ trên thềm bước nhanh xuống, bắt tay vị khách Liên Xô một cảnh hồ hởi:

- Được gặp Ngài tôi rất sung sướng.

Khorútsóp bản tính bố bã đã thoải mái cười giễu nước da bị xạ nắng của Kennodi.

Hội đàm Kennodi - Khorútsốp kéo dài mãi tới 2 giờ chiều, sau đến nhà ăn Đại sứ quán cùng ăn trưa. Cơm trưa xong nghỉ ngơi chốc lát, Kennodi và Khorútsốp chỉ mang theo phiên dịch tiến hành hội đàm tay đôi. Tối hôm đó, Tổng thống nước chủ nhà á tổ chức tiệc chiêu đãi Nguyên thủ Mỹ - Xô. Bữa tiệc vui vẻ đã tạo cơ hội chuyện trò trực tiếp cho Nguyên thủ hai nước.

Sáng ngày 4 tháng 6, Khorútsốp tới đặt vòng hoa tại Đài tưởng niệm chiến sĩ Liên Xô. Khi trả lời phỏng vấn của một nữ phóng viên Mỹ xinh đẹp, ông ta đã mời cô đến thăm Mátxcova và hài hước dí dỏm bảo:

- Nhớ đem theo cả ông Tổng thống trẻ trung của cô đến nhé.

Lại một lần nữa Khorútsốp trao cảnh nguyệt quế cho Kennodi.

Khoảng 10 giờ sáng, khi chiếc xe con của Kennodi đến Đại sứ quán Liên Xô ở Áo được canh gác nghiêm ngặt, Khorútsốp nồng nhiệt ra đón Tổng thống Mỹ. Cuộc hội đàm lần này kéo dài 6 tiếng đồng hồ, nên đã đẩy lùi cả bữa ăn trưa lại.

Ngay tối hôm đó, người phát ngôn hai nước Mỹ - Xô đã đọc thông cáo chung Mỹ-Xô trước 1500 phóng viên. Thông cáo chung tuyên bố cuộc hội đàm này “bổ ích và rất cởi mở”; Nhà lãnh đạo hai nước đã thảo luận những vấn đề về Lào, về tài giảm quân bị, về nước Đức và việc ngừng thử vũ khí hạt nhân. Tuy nhiên, một nhà bình luận Pháp đã khái quát:

- Trên phần lớn các vấn đề, hai nhà lãnh đạo dường như giữ nguyên thái độ của các bên, và quan điểm chẳng có gì gần nhau cả.

Hai tháng sau, bức tường Béclin tượng trưng cho chiến tranh lạnh được xây dựng lên, năm sau lại xảy ra cuộc khủng hoảng tên lửa Cuba, gặp gỡ Mỹ - Xô ở vào thời kỳ đỉnh trệ

III. KHỦNG HOẢNG TÊN LỬA CUBA

Bí mật quyết định phong tỏa trên biển

Ngày 14 tháng 10 năm 1962, hai chiếc máy bay U-2 của Mỹ bay tới bầu trời Cuba chụp ảnh, một chiếc do thiếu tá Rudônpho Andécson con lái. Một ngày sau, các chuyên gia phân tích ảnh của Oasinhton xác nhận: Liên Xô đã lắp đặt tại Cuba tên lửa mang đầu đạn hạt nhân bắn được vào nước Mỹ. Sau 5 ngày phân tích và biện luận của một ban công tác do Tổng thống Kennodi đích thân tuyển chọn, Chính phủ Mỹ quyết định vào ngày 20 tháng 10, thực hiện phong tỏa trên biển đối với Cuba, để ngăn chặn việc tiếp tục chuyên chở loại vũ khí tấn công này vào Cuba, và kiên quyết đòi nhanh

chống triệt thoái số tên lửa Liên Xô đã chuyển giao. Tối thứ hai ngày 22 tháng 10, Kennodi tuyên bố quyết định của ông trước nước Mỹ và toàn thế giới. Sau đó là 6 ngày khủng hoảng quốc tế nghiêm trọng chưa từng có. Hầu như toàn thế giới đều cho rằng nguy cơ chiến tranh hạt nhân lớn hơn bất cứ lúc nào trước đây cũng như sau này.

Qua các cuộc đàm phán phức tạp, nghiêm túc và ngắn gọn cùng những hành động quân sự và hành động chống lại, điều khiến người ta ngạc nhiên là trong những hoạt động đối địch ấy chỉ có một người thiệt mạng, đó là cái chết của thiếu tá Andécson vào ngày 27 tháng 10. Giai đoạn gay gắt của khủng hoảng nghiêm trọng này đã kết thúc vào ngày 28 tháng 10 bằng tuyên bố công khai đồng ý triệt thoái tên lửa của Khorútsốp.

Từ đó về sau, cuộc khủng hoảng này luôn luôn là đề tài được nhiều người nghiên cứu. Người tham dự, nhà quan sát và các học giả đã viết rất nhiều tác phẩm đưa ra những nhận định và kết luận về vấn đề này,

Tuy cuộc khủng hoảng này do Khorútsốp gây ra, nhưng tường thuật bắt đầu từ nước Mỹ vẫn dễ dàng hơn. Đối với Tổng thống Kennodi, khủng hoảng bắt đầu từ việc Chính phủ Liên Xô, bất chấp việc cảnh cáo và mong muốn của ông, đã làm cái việc không được hoan nghênh là lắp đặt vũ khí hạt nhân có thể bắn tới nước Mỹ tại Cuba. Kennodi cho rằng, Khorútsốp đang có ý đồ lén lút hoàn thành việc bài binh bố trận của ông ta, mà không biết rằng nước Mỹ đã biết rõ hành động đó và cũng biết cả việc chính ông ta đang phải suy nghĩ không biết nên phản ứng lại như thế nào.

Vì thế, Kennodi quyết định phải giữ bí mật trước khi hành động. Chỉ trong vòng 48 giờ, Mỹ nhất trí xác định mục tiêu của họ: đòi triệt thoái tên lửa. Ngoài ra, Mỹ chỉ chọn trong hai hành động: một là, tiến hành tập kích đường không căn cứ tên lửa đó, hai là thực thi phong tỏa trên biển việc chuyên chở vũ khí có tính chất tấn công.

Trong một lần thảo luận về hành động tập kích đường không, có người nêu ý kiến: Phong tỏa không phải bắt đầu bằng việc tàn sát bất ngờ, nó chỉ là bước thứ nhất, chứ không phải bước cuối cùng. Nếu Khorútsốp không triệt thoái tên lửa để đổi lấy việc bãi bỏ phong tỏa - chẳng có mấy ai cho rằng ông ta sẽ làm như vậy - thì có thể áp dụng bước tiếp theo. Luận điểm này đã thuyết phục được rất nhiều người mà lúc mới đầu đã ủng hộ việc tập kích đường không, khiến họ đứng cả về phía nhất trí tán thành phong tỏa.

Đêm hôm ấy, các cố vấn có trách nhiệm xây dựng dự thảo, không thể viết được gì về vấn đề tập kích đường không. Vì diễn văn của Kennodi phải

đọc vào tối thứ hai nên họ phải thảo luận thêm về bài diễn văn. Những sự kiện diễn ra trong hai ngày thứ bảy và chủ nhật trước đó đã giúp họ hiểu thêm được nhiều điều.

Sáng thứ Bảy, Kennodi rút ngắn chuyến đi vận động tranh cử của ông ta (nói dối giới báo chí là bị cảm), để trở về Nhà Trắng nghe biện luận và đưa ra kết luận.

Ngày chủ Nhật là một ngày khẩn trương chuẩn bị thực thi quyết định. Kennodi đích thân cùng các người đứng đầu Lầu Năm Góc tiến hành nghiên cứu lần cuối cùng sự cần thiết của việc tập kích đường không và triển vọng của nó. Qui mô tập kích đường không rất lớn, nhưng Thiếu tướng không quân Vôn Svini - người sẽ thực thi phương án tập kích đường không - không dám bảo đảm trong đợt tấn công đầu tiên phá hủy được trên 90% tên lửa Liên Xô. Điều quan trọng hơn, dù ông hay là người khác cũng không ai dám quả quyết rằng Tư lệnh bộ đội mặt đất Cuba sẽ không hạ lệnh bắn tên lửa Liên Xô để đánh trả cuộc tập kích đường không. Cuộc thảo luận kết thúc nhanh chóng, Kennodi đã có thể đưa ra kết luận cuối cùng. Tiếp đó là thẩm tra lại bài diễn văn, đưa ra kế hoạch chi tiết về hoạt động Ngoại giao cùng hành động quân sự để bắt đầu thực thi và điều bí mật này cũng bắt đầu được tiết lộ một cách ý thức cho giới báo chí.

Trước đó, Kennodi đã kêu gọi thành công tờ “Thời báo Niu Yoóc” và “Báo Bưu điện Oasinhton” không để lộ con bài tẩy của ông cho người Nga, đồng thời bảo đảm với Giêm Laston của “Thời báo Niu Yoóc” rằng, trước khi ông công khai tuyên bố về cuộc khủng hoảng này, sẽ không áp dụng bất cứ hành động quân sự nào.

Hai tờ báo này thường xuyên đưa tin chính xác những hoạt động của Chính phủ Oasinhton. Kennodi đã bàn chuyện này với Philip Grâyim chủ xuất bản “Báo Bưu điện Oasinhton”, bạn thân và là cố vấn riêng của Tổng thống, người vẫn thường ra vào Nhà Trắng. Grâyim đồng ý giữ bí mật thêm một ngày nữa. Grâyim nói với phóng viên Môri Mát việc đưa tin về quyết định khẩn cấp và sự im lặng của Chính phủ không được chỉ nhằm vào Cuba. Thế là Mát đã đưa bản tin về Cuba từ vị trí quan trọng chuyển sang trang sau, vẫn có tin tức dính dáng đến Cuba, nhưng lại không đặc biệt chỉ nhấn mạnh đến Cuba.

Cuộc nói chuyện của Kennodi với tờ “Thời báo Niuoóc” phức tạp hơn. Hai phóng viên có tiếng của tờ báo này Giêm Laston và Mác Franke vẫn nhớ rất rõ cuộc nói chuyện với Kennodi. Đến ngày Chủ nhật 21 tháng 10, tờ thời

báo đã nắm được tin tên lửa Liên Xô ở Cuba bị phát hiện và Mỹ sẽ có phản ứng quyết liệt. Đầu tuần, trước khi tờ Thời báo đưa tin này, Kennodi được biết Laston đã từng truy vấn quan chức Chính phủ và cũng đồng ý, khi đưa bất cứ tin lúc nào về cuộc khủng hoảng đều phải gọi điện thoại cho ông ta. Vì thế bây giờ Laston báo cáo tình hình ông đã biết cho Tổng thống. Tổng thống hỏi ông có biết gì về hành động Mỹ sẽ áp dụng? Sau khi Laston trả lời rằng ông ta chưa biết, Kennodi đề nghị Laston không nên công bố tin tức trên vào buổi sáng thứ hai với lý do ông chuẩn bị tuyên bố và giải thích quyết định của ông vào tối thứ hai, nếu trước lúc đọc tuyên bố mà những dự định của ông bị người Nga biết thì có thể nguy hiểm (Laston nhớ là Tổng thống đã nói Khorútsốp có thể sẽ dùng “Tối hậu thư” để chống lại ông. Buổi nói chuyện này chứng tỏ Kennodi cho rằng thuyết phục quan trọng hơn là đưa ra yêu cầu một cách cứng nhắc máy móc. Mỹ lo ngại nếu bí mật bị tiết lộ, Liên Xô có thể sẽ đưa ra một tuyên bố nào đó áp đảo trước. Laston nói với Kennodi, việc đưa tin phải do ông chủ báo quyết định. Sau đó, Laston cùng Franke và một người trong toà báo bàn bạc về việc này. Họ cảm thấy không yên tâm đối với yêu cầu của Tổng thống. Họ lo rằng nếu bỏ tin này đi, thứ hai lại xảy ra xung đột công khai thì sao. Còn nhớ, họ đã phải hối hận việc bỏ đi bản tin về sự kiện đổ bộ ở vịnh Con Lợn (Cuba). Laston lại gọi điện thoại cho Kennodi lần nữa, nói rằng mọi người đang lo có thể xảy ra đổ máu trước khi Tổng thống công bố với toàn quốc tin tức này. Tổng thống bảo đảm với ông ta rằng, trước khi đọc tuyên bố sẽ không xảy ra bất cứ hành động nào nhằm vào Cuba cả. Laston sau đó lại phải thuyết phục ông chủ báo và cuối cùng sự việc đã được giải quyết êm thấm.

Từ tuyên bố đến giải quyết

Chiều tối thứ hai ngày 22 tháng 10, cả nước Mỹ và toàn thế giới mới biết tin này. Chỉ có mấy vị lãnh đạo nước Đồng minh được thông báo trước. Mácmilan được biết vào ngày Chủ Nhật vì hôm ấy Kennodi có nói chuyện với Đại sứ anh tại Mỹ; Đagôn được biết qua Êkixon vào buổi sáng thứ hai theo giờ Oasinhton. (Êkixon đã phản đối quyết định lúc đó, nhưng là người thuyết minh cho quyết định của Tổng thống nên ông ta phải làm). Còn Adénaux và một số người khác biết tin này qua những nhân vật tin cậy. 5 giờ chiều, nghĩa là trước khi Kennodi tuyên bố hai tiếng đồng hồ, lãnh đạo Quốc hội Mỹ được nghe giới thiệu tóm tắt tình hình, 6 giờ, Quốc vụ khanh Rascoe gặp Đại sứ Liên Xô tại Mỹ. 7 giờ, Tổng thống bắt đầu đọc tuyên bố.

Mở đầu, Kennodi không hề úp mở gì, tuyên bố các căn cứ tên lửa của Liên Xô đặt tại Cuba đã bị phát hiện, tiếp đó ông mô tả “việc bố trí tên lửa bí mật, nhanh chóng và không bình thường này” như là một việc làm “cố tình khiêu khích và hòng thay đổi tình hình hiện nay một cách vô lý. Nước Mỹ không thể chấp nhận được”. Sau khi nhấn mạnh rằng Liên Xô lừa dối một cách công khai và bí mật, Kennodi lên án hành động của Liên Xô là sự công nhiên coi thường Hiến chương và Hiệp nghị quốc tế, là sự công nhiên coi thường việc ông đã nhiều lần công khai cảnh cáo. Sau khi đặc biệt nêu ra những tên lửa này có thể tấn công vào phần lớn thành phố ở Tây bán cầu, Tổng thống với một giọng nhấn mạnh, đưa ra những điều mà ông gọi là “biện pháp ban đầu”:

1. Phong tỏa chặt chẽ trên biển đối với các vũ khí có tính chất tấn công.

2. Tăng cường theo dõi giám sát; nếu Liên Xô tiếp tục có sự chuẩn bị mang tính chất tấn công, phía Mỹ có lý do chính đáng sẵn sàng thực thi những hành động tiếp theo.

3. Tuyên bố rằng bất cứ tên lửa mang đầu đạn hạt nhân nào phóng đi từ Cuba tới bất cứ nơi nào trên bán cầu này đều được coi là “Liên Xô tấn công Mỹ”, vì thế cần thiết phải có phản ứng mang tính trả đũa toàn diện đối với Liên Xô.

4. Tăng cường lực lượng quân sự ở căn cứ Goantanamô, sơ tán người nhà, gia đình của các nhân viên quân sự.

5. Kêu gọi Tổ chức các nước châu Mỹ ủng hộ.

6. Kêu gọi triệu tập Hội nghị khẩn cấp của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc.

Ngoài ra, tuyên bố còn có lời kêu gọi đối với “Cuba bị khống chế”, cảnh cáo mọi hành động thù địch nhằm vào các “bạn bè” của Mỹ ở các nơi trên thế giới “nhất là với nhân dân Tây Béc-lin đông cầm”; bày tỏ một cách chung chung nhưng lời lẽ rất mạnh mẽ về việc sẵn sàng có những cố gắng mới để loại bỏ tình hình căng thẳng Mỹ - Xô. Nhưng cốt lõi của 2 bản tuyên bố là: Không chấp nhận tên lửa, lên án hành động bí mật của Liên Xô, tuyên bố biện pháp phong tỏa của nước Mỹ, đòi triệt thoái ngay tên lửa và đe dọa tiếp tục hành động. Tổng thống còn nhắc nhở dân chúng Mỹ rằng “những cố gắng mà chúng ta đã bắt đầu là khó khăn và nguy hiểm”, giống như ông đã kiên trì chỉ ra trong suốt một tuần tranh luận rằng “nguy hiểm lớn nhất là chúng ta không có bất cứ hành động nào”.

Sáng thứ tư, Oasinhton nhận được tin, cuộc phong tỏa chính thức có hiệu lực; cuối buổi chiều hôm đó, có mấy chiếc tàu chở hàng Liên Xô đã phải thay

đổi hướng đi hoặc dừng lại để tránh khiêu khích lệnh phong tỏa.

Thứ năm, lệnh phong tỏa chỉ bị một tàu chở dầu khiêu khích, phía Mỹ không dùng sức mạnh để lên tàu. Bị bất ngờ và đang do dự trước lệnh phong tỏa, Chính phủ Liên Xô vẫn từ chối không thừa nhận sự tồn tại của căn cứ tên lửa.

Thứ sáu, phía Liên Xô đưa ra cách giải quyết theo hai bước: Bước thứ nhất do một quan chức cao cấp KGB Liên Xô ở Oasinhton là Alếchxandr Formin nêu ra thông qua Giôn Skali, một phóng viên có uy tín của Công ty Phát thanh Mỹ; đề nghị của ông này rất ngắn gọn. Bước thứ hai là một bức thư riêng khá dài của Khorútsốp gửi cho Kennodi. Giải pháp khả thi của cả hai đều giống nhau, tức là Liên Xô đồng ý triệt thoái tên lửa của họ, đồng thời Mỹ phải đưa ra cam kết không xâm nhập Cuba. Formin được thông báo cho biết, đề nghị của ông có triển vọng nhưng thời gian quá gấp gáp. Về bức thư của Khorútsốp, câu trả lời cũng tương tự. Chuyện về căn cứ tên lửa còn tiếp tục, dấu sao sự kiện ngày thứ sáu cũng khiến người Mỹ phấn khởi.

Sự kiện ngày Thứ bảy lại làm u ám nước Mỹ, đòi hỏi Giôn Kennodi phải đưa ra một quyết định khó khăn nhất từ khi ông sử dụng biện pháp phong tỏa. Một tin tức mới công khai đưa ra từ phía Liên Xô, yêu cầu Mỹ triệt thoái tên lửa của họ ở Thổ Nhĩ Kỳ để đổi lấy việc Liên Xô triệt thoái tên lửa ở Cuba. Đúng vào lúc Mỹ định tìm hiểu sự thay đổi này, thì họ nhận được tin một máy bay U-2 mất tích trên bầu trời Cuba (sau này chứng minh rằng máy bay do Rudônphơ Andécstôn lái), dự đoán rằng bị bắn rơi. Mỹ bị buộc phải đối mặt với một khả năng, tức là Kremli hay một số người nào đó sẵn sàng bắt Mỹ phải trả với một cái giá mà họ không thể nào chịu được. Hoặc sẵn sàng buộc độ sức quân sự, hoặc thậm chí cả hai. Lại có một tin nữa nói rằng, một chiếc máy bay U-2 bay trình sát thường lệ trên bầu trời Thái Bình Dương lạc vào không phận Liên Xô, buộc máy bay chiến đấu Liên Xô tiến hành báo động phòng bị.

Để thông qua con đường ngoại giao giải quyết vấn đề, Kennodi không áp dụng hành động trước đây ông đã đồng ý, tức là nếu máy bay trinh sát Mỹ bay qua vùng trời Cuba mà bị tấn công, thì sẽ ném bom trả đũa thích đáng đối với căn cứ tên lửa phòng không Cuba. Qua thảo luận căng thẳng, ông quyết định sẽ gửi điện cho Khorútsốp công khai chấp nhận đề nghị ngày thứ sáu của Khorútsốp. Trong chuyện này, ông được nhiều người ủng hộ, đặc biệt là người em trai của ông và cố vấn về hành động của Liên Xô Rôalin Thonson. Đêm hôm đó, mặc dầu đã khuya, theo đề nghị của Đin Rascô, Kennodi vẫn chỉ thị cho em trai ông ta nói với Đại sứ Liên Xô Alếchxandr Đôbrunin, tuy

vấn đề cung cấp tên lửa cho Thổ Nhĩ Kỳ không thể mặc cả được nữa, nhưng bản thân Tổng thống sẽ quyết tâm triệt thoái chúng, và sẽ quan tâm đến vấn đề đó khi khủng hoảng lần này chấm dứt miễn là Mátxcova không coi đó là điều kiện trao đổi. Tổng thống còn chỉ thị cho em trai nhấn mạnh với Đôbrumin rằng, thời gian còn lại không nhiều trước khi nước Mỹ áp dụng hành động cần thiết tiếp theo, hoặc là Nga đồng ý triệt thoái tên lửa của họ, hoặc là Mỹ hành động tiếp, Mỹ cần được biết sự chọn lựa của người Nga vào ngày chủ nhật hôm sau. Cùng lúc đó, trận tập kích đường không quy mô lớn và công việc chuẩn bị cho cuộc xâm nhập Cuba đã sắp sửa hoàn tất.

Vào chín giờ sáng ngày chủ nhật, từ Mátxcova đài phát thanh Liên Xô trả lời. Khi câu thứ năm của họ được truyền đi thì cuộc khủng hoảng nghiêm trọng này coi như đã chấm dứt. Đài phát thanh nói rằng: “Chính phủ Liên Xô... đã hạ lệnh mới gỡ bỏ những vũ khí mà các ông gọi là mang tính chất tấn công và đóng thùng chở về Liên Xô”. Họ còn “tôn trọng và tin tưởng” vào lời cam kết không xâm nhập Cu ba, của Kennodi, không nhắc gì tới tên lửa ở Thổ Nhĩ Kỳ. Kennodi nhận được tin này qua điện thoại, ông thở phào nhẹ nhõm.

Tên lửa đã được triệt thoái. Với sự hợp tác của Liên Xô, Mỹ chỉ tiến hành giám sát trên không những tàu thuyền ra đi.

Việc giám sát trên không tiếp tục diễn ra trên vùng trời Cuba, chẳng có ai can thiệp. Sau ba tuần liền mặc cả ở Niu Yoóc, Liên Xô còn đồng ý rút cả máy bay ném bom IL-28. Những máy bay ném bom hạng nhẹ lỗi thời này không phải là nguyên nhân gây ra khủng hoảng. Trước ngày 16 tháng 10, Mỹ sẵn sàng công nhận như vậy. Nhưng việc triệt thoái chúng sở dĩ trở nên quan trọng về chính trị một phần là do chúng “có khả năng mang theo vũ khí hạt nhân” như lời Tổng thống Kennodi đã nói trong diễn văn ngày 22 tháng 10. Lại thêm một bước nhượng bộ, và để đáp lại, Kennodi đã chấm dứt việc phong tỏa bằng hải quân vào ngày 20 tháng 11. Cuộc họp đầu tiên của quan chức Mỹ được cử đến Thổ Nhĩ Kỳ thảo luận việc triệt thoái tên lửa diễn ra vào ngày 29 tháng 10. Những tên lửa này của Mỹ cũng sẽ được rút đi vào tháng 4 năm sau.

IV. ĐẶNG TIỂU BÌNH KHẨU CHIẾN VỚI KHORÚTSÓP

“Người này lợi hại lắm, khó giao du”

- Ông có trông thấy cái người nhỏ con ở kia không? Ông ta cực kỳ thông minh, tương lai vô cùng rạng rỡ.

Tháng 11 năm 1957, trong bữa tiệc Đảng Cộng sản Liên Xô tổ chức đón tiếp Mao Trạch Đông sang thăm Liên Xô lần thứ hai, Mao Trạch Đông đã giới thiệu Đặng Tiểu Bình với Khorútsốp như vậy.

Khorútsốp thấp béo đã hai lần bắt tay Đặng Tiểu Bình còn lùn hơn ông ta... Lần đầu là tháng 9 năm 1954, khi Khorútsốp cùng Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Bunganin, Phó Chủ tịch Micôian thăm Trung Quốc. Khi ấy ông không chú ý lắm đến con người Tứ Xuyên thấp nhỏ này, vì ông ta chỉ là một trong nhiều Phó Thủ tướng, một Ủy viên danh dự hội Hữu nghị Trung-Xô, mọi công việc về đối ngoại, ông ta đều tỏ ra giữ ý để Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Lưu Thiếu Kỳ đứng ra đảm đương. Lần gặp mặt thứ hai lại quá vội vàng, đây là vào đầu năm 1956, khi Mátxcova tổ chức Đại hội Đảng lần thứ XX. Tất nhiên, Khorútsốp muốn hiểu về con người Tứ Xuyên nóng như lửa này cần phải có thời gian.

Năm 1958 và 1959 Khorútsốp đã hai lần thăm Trung Quốc, Đảng Cộng sản Trung Quốc đứng đầu là Mao Trạch Đông kiên trì nguyên tắc, không chịu theo gậy chỉ huy của Liên Xô. Mùa hè năm 1960, lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô đã mở rộng sự bất đồng về hình thái ý thức giữa hai đảng sang quan hệ Nhà nước, đơn phương xé bỏ hợp đồng, rút hết toàn bộ chuyên gia Liên Xô đang làm việc tại Trung Quốc, đình chỉ “Báo Hữu nghị” in bằng tiếng Nga do Trung-Xô hợp tác phát hành...

Tiếp đó, Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đưa ra việc nhân dịp Đại hội đại biểu lần thứ ba Đảng Công nhân Rumani họp vào tháng 6, sẽ tổ chức luôn Hội nghị đại biểu Đảng Cộng sản, Đảng Công nhân các nước xã hội chủ nghĩa tại Bucarét. Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc không tán thành, cho rằng vì đề cập tới toàn bộ phong trào cộng sản nên đề nghị triệu tập Hội nghị đại biểu Đảng Cộng sản, Đảng Công nhân các nước trên thế giới. Đề nghị này đã được Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô tán thành, và quyết định trong Hội nghị Bucarét sẽ trao đổi ý kiến về các vấn đề thời gian, địa điểm triệu tập Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản, Đảng Công nhân quốc tế lần này.

Đảng Cộng sản Trung Quốc cử Bành Chân dẫn đầu phái đoàn đến Bucarét. Thành viên phái đoàn gồm Khang Sinh, Ngũ Tu Quyền, Hứa Kiến Quốc, nhân viên công tác có Trương Hương Sơn và Hùng Phục.

Trước khi bắt đầu Đại hội, phái đoàn Đảng Cộng sản Liên Xô do Khorútsốp dẫn đầu đã phân phát cho phái đoàn các Đảng anh em Thông báo của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô gửi Trung ương Đảng Cộng sản

Trung Quốc ngày 21 tháng 6, trong đó tuyên bố rằng một số nguyên lý của chủ nghĩa Lênin đã lỗi thời, chỉ trích Đảng Cộng sản Trung Quốc là giáo điều chủ nghĩa, mở màn cho việc tấn công Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Bành Chân với lập trường bảo vệ đoàn kết, kiên trì nguyên tắc, có tình có lý nhường trước tiến sau, đã dập lại mọi sự công kích của Khorútsốp và thẳng thắn tuyên bố: Ông ta chỉ trích tới đâu, chúng tôi sẵn sàng theo tới đó và sẽ không bao giờ ngừng phản kích.

Hội nghị Bucarét mở đầu đã chẳng ra gì, gây thiệt hại nặng nề cho quan hệ Trung-Xô. Khi hai bên bàn bạc triệu tập Hội nghị các Đảng Cộng sản thế giới, Bành Chân đã nghiêm túc nói với Khorútsốp:

- Trong Hội nghị lần này, các ông giấu giếm chúng tôi phân phát Thông báo, bất ngờ công kích vào Đảng Cộng sản Trung Quốc, hoàn toàn đi ngược lại nguyên tắc quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa, trách nhiệm lịch sử này các ông không chối bỏ được đâu. Việc triệu tập Hội nghị các Đảng Cộng sản trên thế giới, một sự kiện lớn như vậy không quyết định ngay được. Tôi còn phải xin ý kiến Trung ương. Nhưng một điều có thể khẳng định là muốn triệu tập phải chuẩn bị đầy đủ để có được một đại hội đoàn kết.

Bành Chân về nước, báo cáo tình hình Hội nghị Bucarét với Trung ương. Sau đó, hai Đảng Trung-Xô nhiều lần trao đổi thư từ, trung cầu ý kiến các Đảng anh em, cuối cùng đồng ý trước tiên để Ủy ban chuẩn bị văn kiện của 26 Đảng các nước bàn bạc việc khởi thảo văn kiện Hội nghị rồi mới triệu tập đại hội đại biểu các Đảng Cộng sản, Đảng Công nhân thế giới.

Đảng Cộng sản Trung Quốc quyết định cử phái đoàn do Đặng Tiểu Bình dẫn đầu đi Mátxcova tham gia Ủy ban chuẩn bị văn kiện.

Trước khi lên đường, toàn thể thành viên phái đoàn tập trung tại Điều Ngự Đài để chuẩn bị. Đặng Tiểu Bình nêu rõ:

- Tham gia vào Ủy ban chuẩn bị văn kiện của 26 đảng các nước lần này, chúng ta phải xuất phát từ tình hình chung thế giới, phải bảo vệ sự đoàn kết của phong trào Cộng sản quốc tế, phải bảo vệ tình hữu nghị Trung-Xô. Nhưng vấn đề về nguyên tắc thì không được nhượng bộ, dứt khoát phải làm rõ thực chất của sự bất đồng trên các vấn đề chủ yếu, tỏ rõ quan điểm của chúng ta, phải chống lại cách làm sai lầm của Khorútsốp áp đặt quan điểm của riêng Đảng Cộng sản Liên Xô cho người khác.

Đặng Tiểu Bình dẫn phái đoàn Trung Quốc đi chuyên cơ TU.104 của Liên Xô, đầu tiên bay đến Iécút, được Pôspêrốp (Bí thư Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô), Andrôpốp (Bộ trưởng Bộ Liên lạc Đảng Cộng

sản Liên Xô, sau thời Brègionhép là Tổng Bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô) Sécbacóp (Vụ trưởng vụ Trung Quốc Ban quốc tế Đảng Cộng sản Liên Xô) đón tiếp rồi cùng họ bay về Mátxcova.

Phái đoàn Đảng Cộng sản Trung Quốc được bố trí ở biệt thự của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô trên đồi Lênin. Nơi đây cây cối xanh tươi, môi trường sạch đẹp. Về mặt tiếp đãi, phía Liên Xô tỏ ra rất nhiệt tình, hữu nghị. Công việc của đoàn chủ yếu diễn ra ở Đại sứ quán. Việc đi lại giữa biệt thự trên đồi Lênin và Đại sứ quán đều có cảnh sát Liên Xô dẫn đường, công tác bảo vệ làm khá chặt chẽ. Có một lần cán bộ phiên dịch Lý Việt Nhiên và mấy người nữa không thông báo đã tự mình đánh xe đến Đại sứ quán, nhân viên cảnh vệ Liên Xô cuống quýt cả lên, lập tức đến gặp họ, mặt tái đi nói:

- Trưởng phái đoàn Trung Quốc là khách chính của chúng tôi, Trung ương đã chỉ thị cho chúng tôi phải lấy đầu mình để bảo đảm an toàn cho ông. Cảnh vệ lơ lửng, chúng tôi phải chịu trách nhiệm. Sau này các ông ra ngoài làm việc dứt khoát phải cho chúng tôi biết.

Thấy đáng về căng thẳng của nhân viên cảnh vệ Liên Xô, Lý Việt Nhiên nghĩ tới năm 1957 khi Mao Trạch Đông nói về Đặng Tiểu Bình với Khorútsóp:

- Mong rằng các ông đối xử với ông ta giống như đối với tôi.

Lần này ở Mátxcova, tuy sự tiếp đãi rất nhiệt tình nhưng đấu tranh lại căng thẳng quyết liệt. Sự căng thẳng quyết liệt dường như thể hiện ngay khi phái đoàn mới đến. Nghi lễ đón tiếp rất khách sáo, không giống như trước kia. Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô tổ chức tiệc đón tiếp rất long trọng, địa điểm là tòa đại sảnh Êcatêrina, Khorútsóp và toàn thể thành viên đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đều tham dự.

Khorútsóp ngồi cùng với Đặng Tiểu Bình. Khorútsóp vẫn mỉm cười như thường lệ, nhưng trong ánh mắt vẫn khiến người ta có cảm giác có điều gì không hay.

Quả nhiên ngay trong bữa tiệc, ông ta đã bắt đầu từ chuyện Anbani, ám chỉ công kích Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Đặng Tiểu Bình là người thẳng thắn, ông ung dung và thành thật nhìn Khorútsóp nói:

- Đảng Lao động Anbani là một đảng nhỏ, kiên trì được nền độc lập tự chủ, đồng chí càng phải tôn trọng, không nên gây áp lực với người ta.

- Đây không phải chỉ là vấn đề bất đồng giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Anbani - Khorútsóp mặt đỏ tía tai, lớn tiếng nói - Họ dùng

iền và lương thực của chúng tôi, nhưng lại trở mặt chửi bới chúng tôi...

Đặng Tiểu Bình giọng nghiêm túc:

- Viện trợ là để thực hiện nghĩa vụ quốc tế vô sản, chứ không phải là để khống chế và can thiệp. Đồng chí giúp người ta, người ta cũng giúp đồng chí đấy chứ!

Khorútsốp nhất thời chẳng nói được gì, ông biết rõ trọng lượng của câu nói này. Chính vào ngày 16 tháng 7 trước đây hơn hai tháng, Chính phủ Liên Xô đã xé bỏ mấy trăm hợp đồng ký kết với Chính phủ Trung Quốc, và đã thông báo cho Chính phủ Trung Quốc, từ 28 tháng 7 đến 1 tháng 9 năm 1960 sẽ rút hết toàn bộ chuyên gia Liên Xô ở Trung Quốc, và chấm dứt việc cử chuyên gia. Ông ta còn ra lệnh cho chuyên gia Liên Xô khi rút phải mang hết bản vẽ, kế hoạch và tư liệu về, thời không cung cấp cho Trung Quốc những thiết bị quan trọng cần thiết trong xây dựng, giảm rất nhiều thiết bị đồng bộ và các phụ tùng quan trọng, khiến cho việc xây dựng hơn 250 xí nghiệp lớn và vừa cùng các đơn vị sự nghiệp rơi vào cảnh khốn đốn, phải bỏ dở. Cách làm này, không chỉ riêng về trách nhiệm đạo lý và chính trị mà về luật quốc tế cũng không bao giờ cho phép.

Khorútsốp đã mở rộng sự bất đồng về hình thái ý thức sang quan hệ Nhà nước, làm tổn thương nghiêm trọng tình cảm của nhân dân Trung Quốc.

Bữa tiệc vẫn tiếp tục, Khorútsốp không nói tới viện trợ, cũng chẳng nói đến Anbani nữa, mà chia thẳng mũi nhọn vào vị khách mà ông đang tiếp đãi trọng thể.

- Đồng chí Đặng Tiểu Bình ạ, thái độ các đồng chí Trung Quốc về vấn đề Xtalin trước sau không nhất trí - Khorútsốp ra bộ quan trọng nhún nhún mày lại.

- Thái độ của chúng tôi là nhất quán - Đặng Tiểu Bình trả lời rất dứt khoát:

- Mới đầu các đồng chí ủng hộ chúng tôi, sau lại phản đối chúng tôi - Khorútsốp đầu có chịu lép.

- Ủng hộ cái gì? Phản đối cái gì? Vấn đề này phải nói cho rõ. Phản đối tệ sùng bái cá nhân, trước kia chúng tôi ủng hộ, bây giờ chúng tôi vẫn ủng hộ. Đại hội Đảng lần thứ VIII của chúng tôi đã biểu thị rõ ràng thái độ về vấn đề này, đồng chí Lưu Thiệu Kỳ đã tỏ rõ thái độ với Đại sứ Iukin rồi. Đồng chí cứ hỏi Micôian, khi đồng chí ấy đến Bắc Kinh chúng tôi đã nói hay chưa?

Đặng Tiểu Bình nhìn khắp chung quanh một lượt rồi nói tiếp:

- Chúng tôi tán thành việc phản đối tệ sùng bái cá nhân. Thành tích và sai lầm của Xtalin không chỉ quan hệ đến Liên Xô mà cũng quan hệ đến toàn

bộ phong trào Cộng sản quốc tế. Sai lầm dĩ nhiên phải phê phán, thành tích dứt khoát phải khẳng định. Điều chúng tôi phản đối là việc phủ định sạch trơn, nhất là không thể áp dụng biện pháp báo cáo bí mật, để công kích một cách hiểm độc. Hậu quả của cách làm này, đồng chí vẫn lường chưa hết.

- Vì chúng tôi hơn bất cứ ai, thể nghiệm sâu sắc về tệ sùng bái cá nhân, chịu thiệt hại cũng nặng nề nhất - Khorútsốp chỉ còn biết chống đỡ, không phản kích lại được nữa.

- Phải phê phán, nhưng không được phủ định sạch trơn, nhất là không cho phép lấy việc chống tệ sùng bái cá nhân để ám chỉ công kích đảng anh em khác - Đặng Tiểu Bình tiếp tục tấn công.

- Cao Cương là bạn của chúng tôi, các đồng chí đã thanh trừ ông ta, thế là không hữu nghị đối với chúng tôi, nhưng ông ta vẫn là bạn của chúng tôi - Khorútsốp cãi lý.

Đặng Tiểu Bình tỏ ra nghiêm khắc hiếm thấy, có thể nói là một sự trang nghiêm lịch sử:

- Đây là chính đồng chí nói đấy nhé. Câu nói này phải ghi vào biên bản.

Trong một số tình huống quan trọng, Khorútsốp nói năng thường thiếu suy nghĩ chín chắn, thậm chí có khi không lường được hậu quả. Nhược điểm này có lẽ cũng là một nguyên nhân khiến ông ta cuối cùng đã mất chức. Chính trong bữa tiệc này, trước đông đảo bao nhiêu người, Khorútsốp trút hết bức dọc nói:

- Các đồng chí đã chẳng rất thích Mólótốp đấy sao? Các đồng chí nhận ông ấy đi, cho các đồng chí ông ấy đấy. Nhưng Cao Cương vẫn là bạn của chúng tôi.

- Thật là vớ vẩn, hoang đường quá đỗi - Đặng Tiểu Bình cảm thấy vừa bức mình vừa tức cười. Gặp loại đối thủ thế này, dĩ nhiên chẳng cần nhiều lời với ông ta làm gì.

Các thành viên Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô biết Khorútsốp không còn tự kiểm chế được mình nữa, để ông ta phát biểu lúc này dễ rơi vào thế bị động, nhiều người nhao nhao đứng dậy dàn hòa, chúc rượu nhau, để ngăn chặn Khorútsốp nói lung tung.

Khorútsốp cũng nhân lúc chạm cốc, lái sang chuyện khác.

Dựa vào bản "Thông báo" mà Liên Xô phân phát công kích đích danh Đảng Cộng sản Trung Quốc trong Hội nghị Bucarét lần này, phái đoàn Đảng Cộng sản Trung Quốc đã trả lời những điểm chi tiết trong "Thông báo" đó. Rất nhiều Đảng anh em nghe "trả lời" của đoàn mới than thở rằng:

- Chúng tôi không ngờ tới mâu thuẫn giữa hai Đảng Trung-Xô lớn đến như vậy!

Thực tế, khi Trung ương đảng Cộng sản Liên Xô mở tiệc chiêu đãi phái đoàn 26 Đảng các nước long trọng như thế này, thì mâu thuẫn này đã công khai trước các Đảng Cộng sản các nước trên thế giới.

- Hiện nay, quan điểm của chúng ta về phong trào Cộng sản quốc tế có bất đồng với các đồng chí Trung Quốc. Căn cứ vào bài “Chủ nghĩa Lenin muôn năm” của Trung Quốc, theo chúng tôi các đồng chí ấy có quan điểm cực tả.

Khi Khorútsốp chúc rượu với tư cách chủ nhà, ông ta lại tiếp tục công kích Đảng Cộng sản Trung Quốc. Vừa dứt câu nói, ánh mắt sắc lẹm của ông ta nhìn thẳng vào Khang Sinh:

- Những thứ đó đều do đồng chí chấp bút.

Đặng Tiểu Bình cất ngang lời Khorútsốp, vẫn với vẻ ung dung bình thản:

- Ý kiến về phong trào Cộng sản quốc tế là vấn đề quan trọng hiện nay đối với các Đảng. Các Đảng đều có ý kiến của riêng mình, không thể để đồng chí áp đặt được.

- Các đồng chí nói phe xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô, nhưng ý kiến chúng tôi nêu ra, các đồng chí đâu có chấp nhận - Khorútsốp lại bắt đầu gay gắt - Các đồng chí đã nói ngược lại với tinh thần Hội đàm Trại Davít.

- Chúng tôi nói ngược lại - Khang Sinh giọng lạnh lùng - Không có chữ ký tham dự của Trung Quốc, tất cả các điều ước các đồng chí ký kết không có sức ràng buộc chúng tôi.

- “Đứng đầu” không phải chỉ là đứng ra triệu tập Hội nghị, “đầu” như vậy chúng tôi không làm! - Khorútsốp tức giận nói.

- Đứng đầu không phải là Đảng bố, được quyền ra mệnh lệnh, tùy ý quy định cho các Đảng khác phải làm như thế nào - Đặng Tiểu Bình bình tĩnh nhắc nhở.

Trong suốt thời gian Hội nghị, mỗi lần tiệc tùng đều do Đặng Tiểu Bình và Khorútsốp chủ động, đại biểu của 26 Đảng khác hầu như không nói gì, ngồi bàng quan với những vẻ mặt khác nhau.

- Hừm, có Đảng ngoài miệng tuyên truyền phe Xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, nhưng thực tế thì đang hạ bệ Liên Xô, họ đã nói khác chúng ta về các vấn đề quá độ hòa bình, hòa hoãn Đông - Tây, về vấn đề tài giảm binh bị và cuộc gặp gỡ Nguyên thủ Xô - Mỹ.

Khorútsốp dường như luôn muốn tránh đối đầu với Đặng Tiểu Bình

(Ông từng nói riêng: “con người này lợi hại lắm, khó giao du”), nhìn vào Khang Sinh, ông nói:

- Điều mà các đồng chí làm chính là chủ nghĩa giáo điều tả khuynh.

Khang Sinh trước sau vẫn giữ vẻ mặt lạnh lùng, tiếng nói cũng lạnh lùng:

- Lại thế nữa, đồng chí chụp cho tôi chiếc mũ: Chủ nghĩa giáo điều tả khuynh, thì tôi cũng biểu đồng chí một chiếc: Chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh.

Những câu này, các đại biểu có mặt đều trực tiếp nghe thấy cả.

Khorútsốp đành nén giận, chấm dứt cuộc tranh luận chẳng vui vẻ gì, tiếp tục nâng cốc chúc rượu.

- Thôi, hãy để chúng ta chúc sức khỏe lẫn nhau, xin mời cạn chén.

Tranh luận trong bữa tiệc gay gắt như vậy, thì không khí trong Hội nghị cũng vậy thôi, khá căng thẳng. Dự thảo tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Liên Xô cũng được nghiên cứu tranh luận từng câu từng đoạn, và thường kèm theo những lời phát biểu chỉ trích.

Trưởng đoàn Trung Quốc Đặng Tiểu Bình đã phát biểu một bài dài. Đó chính là toàn văn bài trả lời của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày 10 tháng 9 năm 1960 đáp lại Thông báo của Liên Xô gửi phía Trung Quốc ngày 21 tháng 6. Nội dung gồm có:

1. Trong Hội nghị Bucarét, phía Liên Xô đã bắt ngờ công kích, sau đó xé bỏ các hiệp định viện trợ cho Trung Quốc mà hai nước đã ký kết, rút hết chuyên gia về nước.

2. Khorútsốp trong Hội nghị Bucarét đã mở rộng sự bất đồng về hình thái ý thức giữa hai Đảng sang lĩnh vực quan hệ giữa hai nước.

3: Về vấn đề xung đột biên giới Trung - Ấn, phía Liên Xô đã bênh vực Ấn Độ, chỉ trích Trung Quốc, thi hành phương châm chiến lược “chính trị địa lý” ở Châu á.

4. Phía Liên Xô tô hồng cho đế quốc Mỹ, tuyên truyền “tinh thần Trại Đa-vít” gây áp lực chính trị với Trung Quốc.

5. Tháng 9 năm 1955, Khorútsốp đã yêu cầu Thủ tướng Liên Bang Đức Adênaux, nói rằng Trung Quốc đã trở thành vấn đề lớn nhất đối với Liên Xô, đề nghị Adênaux giúp đỡ đối phó với Trung Quốc.

Bấy điểm khác của bài phát biểu là nói về sự kiện quan hệ Liên Xô-Ba Lan, sự kiện Hungari, vấn đề tranh luận về Ủy ban thường trực công đoàn Châu á họp ở Bắc Kinh...

Trong các cuộc tranh luận, quan điểm của hai phía đối chọi nhau, biên bản Hội nghị đều ghi chép tường tận. Phiên dịch Lý Việt Nhiên đã kể ra hai

ví dụ nho nhỏ gây ấn tượng khá sâu sắc, qua đó có thể thấy Hội nghị đã diễn ra trong không khí căng thẳng gay gắt như thế nào.

Hội nghị lần này, phía Liên Xô do Suxlốp, người đã phụ trách công tác tư tưởng nhiều năm đứng đầu. Ông là thành viên Đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, người cao gầy, thích đội chiếc mũ Lenin kiểu đỉnh tròn, nói năng chắc chắn hơn Khorútsốp nhiều, rất chú trọng tính lôgích. Giọng ông khàn khàn, ngay cả khi chỉ trích đối phương cũng vẫn tỏ ra điềm tĩnh.

- Chuyên gia Liên Xô đã rất khó triển khai công việc ở Trung Quốc. Bầu không khí chỗ các đồng chí không thể nào làm việc được - Suxlốp đưa ngón tay cái bên tay trái nâng gọng kính lên liếc nhìn Đặng Tiểu Bình, rồi tiếp tục nhìn vào đôi bàn tay mình, thông thả nói. Thí dụ như đại nhảy vọt của các đồng chí. Làm cái gì mà gọi là “nhỏ cờ trắng”. Chuyên gia Liên Xô ở nhà máy điện Trùng Khánh cũng được các đồng chí đưa tới một lá cờ trắng. Có thể thấy thái độ của các đồng chí đối với chuyên gia Liên Xô đã khiến chúng tôi không thể tiếp tục làm việc được nữa. Trách nhiệm rút chuyên gia Liên Xô không phải do chúng tôi, hoàn toàn do cách làm của các đồng chí gây ra...

Phát ngôn trong Hội nghị theo thứ tự, bên này một lượt, bên kia một lượt. Đoàn Trung Quốc nói chung đều phát biểu sau. Sau khi Suxlốp nêu ra thí dụ này, Đặng Tiểu Bình chỉ thị cho Lý Việt Nhiên và vài người nữa đi thẩm tra ngay.

Lý Việt Nhiên rời cuộc họp, gọi ngay điện thoại đường dài về nước, kiểm tra tình hình thực tế, sau đó lắng lắng vào báo cáo tường tận với Đặng Tiểu Bình.

Đến lượt Đặng Tiểu Bình phát biểu, ông đặt hai tay lên bàn, điều thuốc lá trên tay trái vắn từ từ toả khói, ông chăm chăm nhìn khắp lượt đại biểu các nước.

- Đồng chí Suxlốp nói rằng chúng tôi đưa cho chuyên gia Liên Xô cờ trắng, cho nên Liên Xô mới rút chuyên gia. Chúng tôi đã kiểm tra. Đúng là đã đưa một lá “cờ trắng”, nên là gấm trắng, có viền vàng, trên thêu tám chữ đỏ rất đẹp “Chân thành hữu nghị, Viện trợ vô tư” - Đặng Tiểu Bình ngừng một lát nhếch miệng cười, đồng thời chăm chăm nhìn lướt qua đại biểu các Đảng đang giữ vẻ mặt khác nhau, cuối cùng ánh mắt dừng lại nơi Suxlốp, không cười nữa.

Suxlốp không ngẩng đầu lên, chỉ nhú nhú lông mày tỏ vẻ đáng tiếc, hai tay xoa vào nhau có vẻ hơi ngượng.

- Đồng chí Suxlốp, có thể thấy - Giọng Đặng Tiểu Bình trầm và chậm

rãi, vì thế càng trở nên có sức nặng - tình hình đồng chí nắm được đã khác với thực tế lớn như thế nào?

Suxlốp bối rối lắm lắm:

- Vấn đề chi tiết này có gì đáng đời co.

- Vậy thì, rút cục vì sao lại rút chuyên gia? Các đồng chí rút chuyên gia, chúng tôi thiết tha giữ lại, vì liên quan đến các ngành kinh tế quan trọng của nước tôi. Các đồng chí đơn phương xé bỏ hợp đồng rút cục nhằm đạt mục đích gì - Mất Đặng Tiểu Bình long lên như ánh chớp sáng quắc - Việc làm của các đồng chí không những gây tổn thất to lớn cho nền kinh tế của chúng tôi, mà còn làm tổn hại nặng nề đến tình cảm của nhân dân Trung Quốc. Trong vấn đề này, các đồng chí không nên thiếu cận, phải có tầm nhìn lịch sử.

Những lời Đặng Tiểu Bình nói thật sâu sắc. Khorútsốp đã làm tổn thương tình cảm của nhân dân Trung Quốc. Sự tổn hại này để lại những vết thương trong tâm hồn mấy thế hệ người Trung Quốc. Còn nhớ tháng 8 năm 1960, trong một bữa tiệc tiễn biệt các chuyên gia Liên Xô sắp về nước, Chu Ân Lai sau khi điểm lại lịch sử phát triển tình hữu nghị Trung-Xô đã xúc động nói: "Toàn thể chuyên gia Liên Xô ngày đêm chung lưng đấu cật với đồng nghiệp Trung Quốc đã xây đắp nên tình hữu nghị sâu nặng. Bây giờ Chính phủ Liên Xô đột nhiên rút tất cả các bạn về nước chúng tôi đã cố giữ lại, nhưng không có kết quả. Hôm nay tại đây xin bày tỏ sự lưu luyến sâu sắc, tình cảm của tôi đã không cho phép tôi nói tiếp được nữa"... Khi ấy rất nhiều chuyên gia Liên Xô đã không cầm được nước mắt.

Lý Việt Nhiên lại kể thí dụ thứ hai để chứng minh việc chuẩn bị văn kiện cho Hội nghị lần này thật sự rất căng thẳng, đã thảo luận từng đoạn từng câu, thậm chí đến cả từng từ từng chữ.

Khi bàn tới vấn đề chiến tranh và hòa bình, bản thảo văn kiện cũ đã dùng một từ, từ này trong tiếng Nga có nghĩa "nắm chắc dây cương". Hồ Kiều Mộc nói: "Từ này phải cân nhắc lại, không phải là để ngựa sợ hãi lông lên rồi mới nắm chắc dây cương, mà phải ngăn chặn trước khi nó sợ hãi lông lên".

Cũng vì từ này mà phía Trung Quốc và Liên Xô tranh luận mãi, nhấn mạnh việc đề phòng chiến tranh, chứ không đề chiến tranh nổ ra rồi mới tìm cách "nắm chắc dây cương con ngựa đã sợ hãi lông lên".

Bộ trưởng Bộ tuyên truyền Đảng Cộng sản Liên Xô Pônômariép chủ trì Hội nghị tranh cãi đến toát mồ hôi. Ông phanh vạt áo, kéo một gấu áo lên vừa pha phẩy vừa nói:

- Phiên dịch Trung Quốc đã nghiên cứu tiếng Nga đến mức này thì

chịu, soi móc chữ nghĩa thế này, chúng ta đành phải mở từ điển ra thôi.

Trong cuộc độ sức căng thẳng kịch liệt như vậy, Đặng Tiểu Bình trước sau vẫn bình thản như thường. Ra khỏi Hội nghị lại cười cười, nói nói. Phái đoàn ăn cơm ở Đại sứ quán, thường không ngớt tiếng cười nói thoải mái vui vẻ.

Một hôm, sau khi tranh luận kịch liệt, về đến Sứ quán ăn cơm, mọi người rất ít nói. Khi ấy, Đặng Tiểu Bình lên tiếng gọi phu nhân của Đại sứ Lưu Hiểu rồi hất hàm cười hỏi:

- Trương Nghị này, chị là người Giang Tây, chị có biết điển tích “Thỏ ăn gà” không?

- Cái gì, thỏ ăn gà? Con... thỏ ấy à? - Trương Nghị tưởng mình nghe lầm.

- Đúng, thỏ ăn gà!

- Ấy à, đồng chí Tiểu Bình, tôi chỉ nghe nói cáo ăn gà, chứ chưa bao giờ nghe nói thỏ ăn gà cả - Trương Nghị nhin không nổi cười, bụm miệng lắc đầu - “Mà lại còn là điển tích nữa chứ?”

- Dĩ nhiên là có điển tích, việc này xảy ra vào những năm 30 - Đặng Tiểu Bình cười nhìn mọi người, còn mọi người thì trở mắt chờ câu chuyện - Có ai biết không nhỉ? Không biết thì tôi kể cho nghe. Chuyện này xảy ra với Lục Định Nhất....

- Ở Diên An phải không ạ? - Có người hỏi.

- Không phải là nuôi thỏ ở Diên An, mà là báo cáo ở Diên An. Khi phiên âm tên Trótkit gì gì đó, giọng Vô Tích của ông ta thật là nặng, nói đi nói lại vẫn cứ là “Thỏ ăn gà”⁽¹⁾. Một số đồng chí chúng tôi nghe xong báo cáo, vẫn không tin là thỏ ăn gà, cũng giống như Trương Nghị bây giờ, vừa ra khỏi hội trường vừa nhao nhao hỏi nhau. “Thỏ ăn gà là thế nào nhỉ? Chưa nghe nói thỏ lại có thể ăn gà bao giờ...”

Mọi người vỡ lẽ cười vui vẻ, cảm giác căng thẳng còn lại khi tranh luận trong Hội nghị đã tan biến.

Trong Hội nghị, đại biểu Đảng Cộng sản nhiều nước đều phát biểu bằng tiếng Nga, khi phát biểu đã lên án đảng Lao động Anbani, chỉ trích Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Khi ăn cơm, Đặng Tiểu Bình biết Lý Việt Nhiên khéo bắt chước cách

⁽¹⁾ *Tiếng Trung Quốc, phiên âm tên Trótki (Thác-lạc-thứ-cơ) đọc gần giống với các từ “Thỏ ăn gà” (Thố tử thực kê) - ND.*

nói của người khác, trước kia đã từng bảo anh bắt chước Bạc Nhất Ba, thế là ông lại đề nghị:

- Cậu Lý, cậu hãy làm trò cho mọi người xem đi, bắt chước Batđax xem nào.

Và thế là, Lý Việt Nhiên liền bắt chước giọng nói và vẻ mặt của Batđax luôn, khiến mọi người cười phá lên.

Bàn về “ót” trước bàn Hội nghị

Phái đoàn của Đặng Tiểu Bình về nước được một tuần, thì ngày 5 tháng 11 năm 1960 phái đoàn Đảng và Chính phủ Trung Quốc do Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình dẫn đầu lại bay đi Mátxcova, tham dự lễ chào mừng 43 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười Nga và tham dự Hội nghị đại biểu 81 Đảng Cộng sản Đảng Công nhân.

Liên Xô phái hai chuyên cơ TU - 104 sang đón phái đoàn Trung Quốc. Chu Ân Lai và Chu Đức ra sân bay tiễn. Lý Việt Nhiên đi máy bay cùng các đồng chí Lưu Thiếu Kỳ, Đặng Tiểu Bình, Dương Thượng Côn, các thành viên khác của đoàn cùng Bành Chân đi chiếc máy bay kia.

Chuyên cơ cất cánh từ sân bay Tây Giao Bắc Kinh, theo thông lệ trước tiên qua Iécxcút. Trong lúc tạm nghỉ ở sân bay Iécxcút, Bí thư khu uỷ địa phương đón tiếp phái đoàn Trung Quốc. Đó là một người trẻ tuổi. Trước đây phái đoàn Trung Quốc mỗi khi qua đây hầu như đều do người đồng chí trẻ tuổi này đứng ra chăm lo. Ông rất thích chuyện trò, có khi còn quá lăm lơi, mọi người chẳng chú ý nghe nữa.

Chuyên cơ từ Iécxcút bay đến sân bay Vônucôvơ Mátxcova, các nhà lãnh đạo Liên Xô, Khorútốp, Vơrôxilốp, Suxlốp, Kôgiulốp, Gờrômukô ra sân bay đón tiếp.

Lưu Thiếu Kỳ bước ra cửa máy bay đầu tiên, sau đó là Đặng Tiểu Bình. Điều khác với trước là không có đội danh dự, cũng không trải thảm. Hai bên không còn niềm nở như năm 1957 nữa. Lưu Thiếu Kỳ chỉ bắt tay theo nghi lễ với Khorútốp chứ không ôm hôn.

- Hoan nghênh đồng chí đến Mátxcova - Khorútốp nói với giọng xã giao - Trước khi đồng chí tới, Ủy ban chuẩn bị văn kiện của 26 Đảng các nước đã làm việc rất có kết quả. Bây giờ đồng chí Lưu Thiếu Kỳ đã đến, tôi tin rằng sẽ đạt được thành quả lớn hơn, hài lòng hơn.

Lưu Thiếu Kỳ mỉm cười gật đầu:

- Chúng tôi đến đây với nguyện vọng đoàn kết hữu nghị, tôi tin rằng với

sự cố gắng chung của lãnh đạo hai phía chúng ta và các Đảng anh em, Hội nghị này sẽ tốt đẹp.

Lãnh đạo Trung-Xô sau khi bắt tay gặp mặt, bèn lên xe tới biệt thự của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô trên đồi Lenin, Khorútsốp cùng ngồi với Lưu Thiếu Kỳ trên một chiếc xe “QUIS”

Trên xe, Khorútsốp trò chuyện với Lưu Thiếu Kỳ dăm ba câu mang tính chất Ngoại giao. Sau một lúc im lặng, ông nói:

- Cuộc họp này mọi quyết định là do chúng ta, phần chúng tôi đã chuẩn bị xong xuôi, bây giờ trông chờ vào các đồng chí Trung Quốc.

Lưu Thiếu Kỳ trả lời rất đúng mực:

- Không phải là trông chờ ở chúng tôi. Chúng tôi tới đây với nguyện vọng đoàn kết, chân thành. Mong rằng Đảng Cộng sản Liên Xô là đầu tàu đoàn kết.

Sau đó Lưu Thiếu Kỳ lặng lẽ nhìn ra ngoài cửa kính xe.

Khorútsốp cũng chăm chú dõi theo ánh mắt Lưu Thiếu Kỳ nhìn ra ngoài, dường như bị cái gì đó làm cho xúc động, có lẽ là những toà nhà ở mới được xây dựng chẳng? Cuối cùng ông đã lên tiếng:

- Lần trước đồng chí Mao Trạch Đông đến đây, tôi đã có giới thiệu. Mấy năm nay chúng tôi xây nhiều nhà ở mới, những nhà cao tầng, đồng chí nhìn thấy đều là nhà ở mới của công nhân viên chức. Thành phố chúng tôi phát triển khu trung tâm, lấy điện Kremli và Hồng trường làm chính, đồng thời phát triển nhiều khu trung tâm khác, nhất là ở vùng ngoại ô đã xây dựng nhiều nhà ở dân dụng để thoả mãn nhu cầu của nhân dân. Tóm lại, tình hình rất tốt, chỉ có nông nghiệp không khả quan lắm, chủ yếu do nguyên nhân thời tiết.

Liên Xô là nước xuất khẩu lương thực. Khorútsốp khi lên cầm quyền, đã nóng vội vì những lợi ích trước mắt, làm mất cân đối trong chính sách nông nghiệp, buộc phải bỏ vàng dự trữ vàng ra mua lương thực, khiến Liên Xô từ một nước xuất khẩu lương thực trở thành một nước phải nhập khẩu lương thực, điều này phái đoàn Trung Quốc đã cảm nhận thấy ngay khi đến Liên Xô. Lúc đoàn tạm nghỉ ở Iécút đã luôn được nghe giới thiệu về tình hình thất thu lương thực.

Nhưng, khó khăn khi ấy của Trung Quốc còn lớn hơn nhiều, điều đó có quan hệ trực tiếp với đại nhảy vọt. Sau khi đổ hết khó khăn về nông nghiệp là do thời tiết xấu, Khorútsốp nhìn Lưu Thiếu Kỳ với ánh mắt đầy ngụ ý.

Lưu Thiếu Kỳ không đổ trách nhiệm cho “thiên tai” như Khorútsốp, ông chỉ nói một câu ngắn gọn:

- Chúng tôi cũng mất mùa nghiêm trọng, khó khăn rất nhiều, chúng tôi đang điều chỉnh chính sách để giải quyết những khó khăn này.

Nói xong, câu chuyện lại quay về chủ đề chính.

Khorútsóp nói:

- Về Hội nghị Đảng Cộng sản các nước lần này, tuy đã được Ủy ban chuẩn bị văn kiện bàn bạc thảo luận, nhưng vẫn còn một số vấn đề. Chúng tôi kiên trì quan điểm của mình, chúng tôi tin rằng các đồng chí Trung Quốc hiểu được lập trường của chúng tôi.

Lưu Thiệu Kỳ ở trên xe, vẫn mặc áo khoác cổ lông đội mũ sắc phục bằng da, ngồi rất ngay ngắn, nói không hề đổi sắc mặt:

- Đồng chí Tiểu Bình đã phát biểu ý kiến của chúng tôi - Ông liếc nhìn Khorútsóp, giọng thành khẩn - Mong rằng trong Hội nghị này, các đồng chí Liên Xô xuất phát từ tình hình chung cố gắng bàn bạc, tranh thủ được sự nhất trí, đừng để xảy ra tranh luận lớn, làm cho Hội nghị không được tốt đẹp.

Khorútsóp mặc áo khoác, đội chiếc mũ Thổ Nhĩ Kỳ da cừu xám trắng, quen tay xoay xoay chiếc đồng hồ đeo tay, lại nhắc lại:

- Mọi quyết định là do chúng ta, chúng tôi đã làm rồi, bây giờ chỉ còn trông chờ ở các đồng chí Trung Quốc.

Lưu Thiệu Kỳ nói năng vẫn rất ôn hòa, nhưng lập trường rất kiên định:

- Chúng tôi kiên trì đoàn kết, lập trường là như thế và cũng sẽ làm như thế. Về mấy vấn đề nguyên tắc còn lại, lập trường chúng tôi đã rõ ràng, chúng tôi kiên trì.

Khorútsóp nhún mào nhún vai, không nói gì nữa.

Hai bên đã sơ bộ thăm dò được lập trường và thái độ của nhau.

Ngày thứ hai sau khi đến Mátxcova, Đại sứ Trung Quốc ở Liên Xô Lưu Hiểu báo cáo tình hình với Lưu Thiệu Kỳ.

Lưu Hiểu nói:

- Thời gian sau Hội nghị Ủy ban chuẩn bị văn kiện 26 nước, Khorútsóp đã xóa bỏ hết một số nội dung vốn đã thoả thuận.

- Tình hình này chúng tôi đã biết. Cũng có thể nhân dịp này đưa công khai chủ trương của chúng ta - Lưu Thiệu Kỳ mỉm cười bảo - Khorútsóp nếu muốn Hội nghị tiến hành thuận lợi thì phải có thiện chí. Họ có như vậy không, chúng ta còn phải xem thực tế. Nếu như trong Hội nghị có người muốn chia rẽ thì quyết không thể chấp nhận. Chúng ta đến là để Hội nghị thành công - Lưu Thiệu Kỳ tỏ ra tự tin và kiên định.

Phái đoàn Trung Quốc đến Mátxcova, Ủy viên Đoàn chủ tịch Trung ương

Đảng Cộng sản Liên Xô, Bí thư ban bí thư Suxlốp tổ chức gặp mặt với Đặng Tiểu Bình tại phòng khách của Trụ sở Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô.

Sau một hồi hàn huyên, hai bên ngồi đối diện nhau hai bên bàn Hội nghị. Sau khi hai bên thông báo tình hình và nêu một số ý kiến về Hội nghị, Suxlốp nói:

- Chúng tôi đã chuẩn bị một bản báo cáo, trình bày toàn diện lập trường và quan điểm của chúng tôi, không phải để tranh luận mà là để hội đàm và trao đổi - Ông bổ sung thêm một câu - Có điều trong đó cũng có ít "ót" đấy.

- Thế à? Tôi đang muốn ném thử xem mùi vị thế nào.

Hai bên đều cười, không nói thêm gì nữa. Thời gian lần gặp mặt này diễn ra rất ngắn.

Suxlốp không trao ngay văn kiện cho Đặng Tiểu Bình, sau đó mới cử người đưa tới, mở ra xem mới thấy quả là ghê gớm thật, một tập dầy cộp dài tới 120 trang lê thê hơn 6 vạn chữ. Nội dung văn kiện đã công kích toàn diện Đảng Cộng sản Trung Quốc. Hơn nữa, họ còn mang phân phát cho Đảng Cộng sản các nước (Văn kiện này là câu trả lời bản phúc đáp của Đảng Cộng sản Trung Quốc về Thông báo của Đảng Cộng sản Liên Xô vừa qua)

Hội nghị căng thẳng ngay từ khi bắt đầu, tranh luận diễn ra kịch liệt. Người phát biểu chính của phái đoàn Trung Quốc là Đặng Tiểu Bình, Lưu Thiếu Kỳ chỉ thỉnh thoảng thêm vào mấy câu ở điểm mấu chốt. Nhưng sau Hội nghị Lưu Thiếu Kỳ làm việc rất khẩn trương.

Lưu Thiếu Kỳ luôn tỏ thái độ thiện chí. Ông nói với Đại sứ Lưu Hiểu:

- Đồng chí tìm Khorútsốp, nói với ông ta, Hội nghị 81 Đảng họp thành công cũng chính là bước ngoặt cải thiện quan hệ Trung-Xô vì đã có cơ sở chung.

- Việc này còn phải đợi cơ hội, phải cho họ biết một cách rất tự nhiên mới được - Lưu Hiểu đề nghị.

Lưu Thiếu Kỳ gật đầu:

- Phải làm đúng thời cơ. Nếu như có cơ hội, tôi muốn bàn vấn đề quan hệ Trung-Xô với Khorútsốp.

Thế là, Lưu Hiểu đẩy mạnh hoạt động, nhanh chóng tìm được cơ hội nêu ý này với Micôian, Kôgiulốp, họ báo cáo ngay với Khorútsốp.

Song sự phản hồi rất cứng rắn. Trong tình hình đó, do bất đồng hai bên gay gắt nên khi Lưu Thiếu Kỳ gặp Khorútsốp đã nói với giọng khuyên can:

- Trong Hội nghị này các đồng chí không nên lên án Đảng Cộng sản Trung Quốc, không nên lên án Đảng Lao động Anbani, hậu quả sẽ không hay.

Khorútsốp khẳng khái:

- Chúng tôi chỉ nói rõ tình hình, nói rõ quan điểm của mình.

- Chúng tôi đã nói nhiều lần, phương châm của phái đoàn chúng tôi đối với Hội nghị 81 nước là thỏa thuận với tinh thần hiệp thương, nhân nhượng thông cảm lẫn nhau, để Hội nghị thành công tốt đẹp, trên cơ sở đó cải thiện quan hệ Trung-Xô. Xướng máy bay tôi đã nói với đồng chí, chúng tôi tới đây với nguyện vọng đoàn kết.

Khorútsốp vẫn nhìn Lưu Thiếu Kỳ với ánh mắt nghi ngờ, dường như muốn nói “Chẳng phải có người đã công kích đảng Cộng sản Liên Xô đấy thôi”. Quả thực, trong Hội nghị có một số ý kiến của đại biểu Cộng sản cánh tả khá gay gắt, chĩa mũi nhọn trực tiếp vào Đảng Cộng sản Liên Xô. Khorútsốp có lẽ hiểu lầm là do “bị Đảng Cộng sản Trung Quốc xúi giục”, là “sách lược của Đảng Cộng sản Trung Quốc”

Lưu Thiếu Kỳ vẫn rất chân thành:

- Trong Hội nghị có những tư tưởng quá tả, cũng có những tư tưởng quá hữu. Chúng tôi ủng hộ những ý kiến hợp lý của phái tả, đối với những tư tưởng quá tả chúng tôi có kiến giải của chúng tôi, chúng tôi phải làm công tác đối với họ. Nhưng họ ở vào một hoàn cảnh đấu tranh đặc biệt, cho nên hai phía Trung - Xô đều phải thông cảm với ý kiến của họ. Tư tưởng quá hữu xuất hiện trong Hội nghị, cũng chẳng lợi gì cho đoàn kết, cái đó cũng là do điều kiện đấu tranh và tư tưởng truyền thống của họ hình thành nên, cũng phải thông cảm với họ, phải làm công tác với họ nhiều hơn, nhất là phía Liên Xô, vì họ có quan hệ lịch sử với Đảng Cộng sản Liên Xô.

Đối với những lời khuyên thành khẩn của Lưu Thiếu Kỳ, Khorútsốp lúc đầu nghe không lọt vào tai. Ngoài sự nghi ngờ ra, ông còn kiên trì một “sách lược”: Bạn muốn được một trăm, thì phải báo giá hai trăm, và phải kiên trì đến giờ phút cuối cùng.

Khorútsốp trước sau không hài lòng với “Tuyên ngôn Mátxcova” năm 1957, cho rằng nó khẳng định chưa đầy đủ ý nghĩa của Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô.

Ông ta một mực đòi phải viết vào văn kiện Hội nghị 81 nước: Đảng Cộng sản các nước trên thế giới nhất trí tán thành sự phân tích chính xác của Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô về tình hình quốc tế hiện nay và phong trào Cộng sản quốc tế, những lý luận mới do Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô nêu ra đều là sự phát triển quan trọng chủ nghĩa Mác Lênin.

Trên những vấn đề nguyên tắc, phái đoàn Đảng Cộng sản Trung Quốc

giữ thái độ không nhân nhượng, Lưu Thiếu Kỳ nói:

- Tuyên ngôn Mátxcova năm 1957, chúng tôi đã chiếu cố quan điểm của các đồng chí. Về vấn đề này, chúng tôi không thể nhân nhượng được nữa, chỉ có thể làm theo “Tuyên ngôn Mátxcova”. Các đồng chí không thể buộc các Đảng anh em chấp nhận quan điểm riêng của đồng chí được. Tình hình các nước khác nhau, vậy nghị quyết của Hội nghị các Đảng khác thông qua phải chăng cũng có thể làm giống như yêu cầu của các đồng chí đề ra, bắt phong trào Cộng sản quốc tế thừa nhận là đường lối chung được không?

Khorútsốp thậm chí còn nói:

-Chúng tôi không có các đồng chí cũng được, không có Trung Quốc vẫn sống được. Năm ấy chúng tôi không muốn “đứng đầu”, các đồng chí cứ bắt chúng tôi “đứng đầu”. Chúng tôi đứng đầu rồi, các đồng chí lại nhổ bọt vào ống nhô của chúng tôi.

Số là ngoài việc hai bên gặp gỡ chính thức ra, phái đoàn Trung Quốc còn bày tỏ lập trường và thái độ của mình với lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô thông qua Đại sứ Lưu Hiểu. Những vấn đề nào nhân nhượng được, những vấn đề nào không thể. Vì sự đoàn kết, chiếu cố toàn cục, có thể thông cảm, nhân nhượng lẫn nhau. Phải nói rằng, nguyện vọng chân thành kiên trì đoàn kết của phái đoàn Trung Quốc, phía Liên Xô đã biết rõ. Nhưng họ lại muốn áp dụng chính sách gây sức ép mạnh, trong Hội nghị công kích Đảng Cộng sản Trung Quốc, công kích Anbani. Song phái đoàn Trung Quốc không có lập, trong và ngoài Hội nghị khá nhiều phái đoàn đảng anh em tỏ sự bất mãn với cách làm này của Đảng Cộng sản Liên Xô. Hội nghị ngày càng căng thẳng. Phía Liên Xô đã chỉ trích và công kích toàn diện Đảng Cộng sản Trung Quốc, Đảng Cộng sản Anbani và các Đảng Cộng sản khác tán thành quan điểm của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Trong tình hình đó, Lưu Thiếu Kỳ mời đại biểu Đảng Cộng sản các nước Triều Tiên, Việt Nam, Nhật Bản, Ấn Độ, Indônêxia, đến Đại sứ quán Trung Quốc, trình bày với họ về quan điểm và thái độ của Đảng Cộng sản Trung Quốc.

Lưu Thiếu Kỳ trình trọng tuyên bố:

- Liên Xô khăng khăng áp đặt quan điểm của họ cho chúng tôi, chúng tôi không thể đồng ý được. Nhất là trước khi họp, Liên Xô đã phân phát văn kiện công kích toàn diện chúng tôi, trong tình hình như vậy chúng tôi không thể nào ký được.

Đại biểu Đảng Cộng sản Nhật Bản lo lắng nói:

- Không ký là không đoàn kết, tức là chia rẽ rồi.

Lưu Thiếu Kỳ khẳng định:

- Đảng Cộng sản Liên Xô không từ bỏ yêu cầu của họ, chúng tôi không thể ký. Ký là để biểu thị sự đoàn kết, nhưng không ký chúng tôi cũng vẫn phải đoàn kết.

Đại biểu Đảng Cộng sản Ấn Độ có quan điểm gần gũi với Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng rất lo lắng nói:

- Thái độ của đảng Cộng sản Trung Quốc, chúng tôi hiểu, nhưng chúng tôi vẫn hy vọng không để tan vỡ, không ký sẽ tan vỡ.

Đảng Lao động Việt Nam xưa nay vẫn tích cực hòa giải sự căng thẳng Trung-Xô. Sau khi biết lập trường nghiêm chỉnh và thái độ kiên định của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Hồ Chí Minh đã gặp và nói chuyện với Khorútsốp. Theo hồi ức của chính Khorútsốp, Hồ Chí Minh đã nói như thế này:

- Đồng chí Khorútsốp ạ. Trung Quốc là một nước lớn, Đảng Cộng sản Trung Quốc là một Đảng lớn. Đồng chí không thể để phong trào của chúng ta chia rẽ được, đồng chí phải để Trung Quốc cùng chúng ta ký vào Tuyên ngôn. Chỉ có nhất trí ký vào, văn kiện này mới có ảnh hưởng quốc tế rộng rãi.

Khorútsốp tuy không chấp nhận ý kiến của Hồ Chí Minh, nhưng chí ít ông ta đã thấy không thể ép được và ép không nổi Đảng Cộng sản Trung Quốc. Vào thời điểm then chốt, Lưu Thiếu Kỳ đã tiếp các nhà lãnh đạo Liên Xô Micôian, Suxlốp và Kôgiulốp tại biệt thự trên đồi Lênin.

Lưu Thiếu Kỳ vẫn giữ thái độ thành khẩn nhất quán, lần này còn nghiêm túc hơn, chậm rãi nói:

- Trong Tuyên ngôn không cho phép lên án hoặc ám chỉ bất cứ Đảng anh em nào, ví như các đồng chí đã chỉ trích hoạt động bè phái gì gì đó, các đồng chí đừng đầu têu như vậy- Ngừng lại giây lát, giọng ông nhấn mạnh hơn. - Vừa mới xuống máy bay, tôi đã bày tỏ rõ ràng ý kiến của chúng tôi, chân thành nói rõ nguyện vọng của chúng tôi là kiên trì hữu nghị và đoàn kết. Tôi khuyên các đồng chí đừng làm cho sự việc thêm bế tắc. Các đồng chí không nghe lời khuyên của tôi, vẫn cứ một mực làm như vậy, phá hoại Hội nghị này, thì phải gánh lấy trách nhiệm lịch sử, chịu sự lên án của lịch sử. Xin nhắc lại lần nữa, đừng làm cho sự việc thêm bế tắc.

Micôian nhìn Lưu Thiếu Kỳ, rồi lại nhìn Suxlốp và Kôgiulốp, hắng giọng nói:

- Chúng tôi coi trọng những ý kiến này của đồng chí Lưu Thiếu Kỳ, nhưng không phải chúng tôi lên án ai cả, chỉ nói lên một số sự thật.

- Không phải các đồng chí nói sự thật mà là đả kích, chưa hợp các đồng chí đã cố tình phát tài liệu dấy như thế này, hơn 6 vạn chữ, công kích chúng tôi.

Micôian gượng cười:

- Chúng tôi vẫn mong muốn giữ gìn tình hữu nghị đoàn kết giữa hai Đảng Trung-Xô.

Lưu Thiếu Kỳ giọng bình tĩnh:

- Giữa các đảng anh em phải đối xử với nhau chân thành.

Thái độ quang minh chính đại, giữ vững nguyên tắc này của Lưu Thiếu Kỳ có ý nghĩa quan trọng cho việc thoả thuận cuối cùng.

Hội nghị 81 nước không phải Hội nghị Gionevơ.

Tại Hội nghị Gionevơ⁽¹⁾, Trung Quốc làm việc với các nước đế quốc. Phía Trung Quốc mong giới tuyến ngừng bắn ở Việt Nam là vĩ tuyến 17.

Khorútsốp nhớ lại: Vĩ tuyến 17 là yêu cầu cao nhất của chúng tôi. Thậm chí “chúng tôi cũng không hy vọng đạt được như vậy”. Sau khi đạt được hiệp định lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới, ông ta “thở phào nhẹ nhõm, vừa ngạc nhiên vừa vui mừng”. Người Anh và người Pháp cũng “rất hài lòng” với vĩ tuyến 17. Chỉ có ngài Đalét của nước Mỹ là không vui thôi.

Hội nghị 81 nước là Hội nghị các Đảng anh em trên thế giới, không thể đối phó với đồng chí mình như đối phó với đế quốc Mỹ được. Giữa các Đảng anh em, nhất là hai Đảng lớn Trung-Xô, trong Hội nghị này phải có sự thoả hiệp cần thiết với nhau.

Đảng Cộng sản Liên Xô cuối cùng đã có thái độ hiệp thương và thoả hiệp. Với sự nỗ lực chung của 81 đoàn đại biểu Đảng Cộng sản và Đảng Công nhân, lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô cuối cùng đã xóa bỏ việc lên án cái gọi là hoạt động bè phái, chấp nhận những quan điểm đúng về bản chất đế quốc không thay đổi, về quan hệ giữa các đảng anh em phải nhất loạt bình đẳng. Hai phía Trung-Xô thoả hiệp với nhau về vấn đề “Đại hội XX Đảng Cộng sản Liên Xô và quá độ hòa bình, đồng ý chép theo văn bản “Tuyên ngôn Mátxcova” năm 1957. Thế là, Hội nghị đại biểu đảng Cộng sản và Đảng Công nhân 81 nước đã thông qua cùng ký văn kiện “Tuyên bố Mátxcova”

Hội nghị thành công. Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô mời Lưu

⁽¹⁾ Hội nghị Gionevơ bàn về đình chiến ở Việt Nam và các nước Đông Dương năm 1954 (ND).

Thiếu Kỳ thăm Liên Xô với tư cách Chủ tịch nước. Được Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đồng ý, Lưu Thiếu Kỳ ở lại Mátxcova, Đặng Tiểu Bình dẫn phái đoàn trở về Bắc Kinh.

Được đón tiếp khác thường

Đầu năm 1963, Đại sứ Liên Xô tại Trung Quốc Sécvônênkô chuyển tới Chủ tịch Mao Trạch Đông một bức thư của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, đề nghị hai Đảng không tranh luận công khai nữa, và tiến hành hội đàm.

Đảng Cộng sản Trung Quốc quyết định cử một phái đoàn do Đặng Tiểu Bình làm trưởng đoàn, Bành Chân là phó đoàn. Thành viên có Dương Thượng Côn, Ngũ Tu Quyền, Liêu Thừa Chỉ, Lưu Ninh Nhất, Khang Sinh và Đại sứ mới ở Liên Xô Phan Tự Lực.

Đảng Cộng sản Liên Xô cũng cử một phái đoàn do Suxlốp dẫn đầu, gồm Pônômariép, Andrôpốp, Grisen, Irisép, Sasukốp, Sécvônênkô.

Trong thời gian đoàn Trung Quốc chuẩn bị đi Liên Xô, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã công bố bài “Kiến nghị về đường lối chung của phong trào Cộng sản quốc tế” coi như để trả lời bức thư của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô.

Khorútsốp vô cùng tức giận đối với bài viết này, bác bỏ toàn bộ 25 kiến nghị, chỉ trích những kiến nghị của Đảng Cộng sản Trung Quốc là phỉ báng và công kích Đảng Cộng sản Liên Xô.

Ngày 5 tháng 7, ngày phái đoàn Đảng Cộng sản Trung Quốc lên đường và tới Mátxcova, không biết do ngẫu nhiên hay cố tình làm như vậy, máy bay của không quân Trung Quốc đã buộc phải chờ mấy tiếng đồng hồ ở sân bay, vì cùng lúc đó một đoàn đại biểu cao cấp của Anh Mỹ cũng đến.

Một ngày trước khi phái đoàn Đảng Cộng sản Trung Quốc lên đường, Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô ra tuyên bố, chỉ trích Đảng Cộng sản Trung Quốc tiếp tục đẩy mạnh luận chiến công khai. Thế là ngay trên sân bay, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc ra tuyên bố bác bỏ sự chỉ trích của Đảng Cộng sản Liên Xô ngày hôm trước.

Hội đàm hai Đảng Trung-Xô bắt đầu trong những lời phê bình chỉ trích lẫn nhau gay gắt và không bình tĩnh như vậy.

Nghĩ lễ cần thiết vẫn không thể thiếu được. Phái đoàn Cộng sản Trung Quốc ở biệt thự trên đồi Lênin, Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô tổ chức tiệc đón tiếp ở điện Kremli.

Sự long trọng thịnh soạn của bữa tiệc tương phản ghê gớm với không

khí căng thẳng gay gắt, làm cho những người trong cuộc tới nay vẫn còn nhớ như in. Phiên dịch **Lý Việt Nhiên** sau này nhớ lại:

Khi chúc rượu, **Khorútsóp** nói: “Chúng tôi vẫn hy vọng hai Đảng xóa bỏ được bất đồng. Bản thân Đảng Cộng sản Liên Xô đã có những cố gắng, chúng tôi có tình cảm hữu nghị với Đảng Cộng sản Trung Quốc”.

Đặng Tiểu Bình rất trịnh trọng nói: “Chúng tôi tới đây với nguyện vọng đoàn kết, với mong muốn hữu nghị. Chúng tôi chân thành hy vọng xóa bỏ bất đồng”

Khorútsóp lập tức tuyên bố: “Đường lối của Đại hội XX là đúng, chúng tôi sẽ tiếp tục kiên trì”. Ý rất rõ ràng: Xóa bỏ bất đồng, thực hiện đoàn kết chỉ có thể là các đồng chí phải chấp nhận quan điểm của chúng tôi.

Đặng Tiểu Bình lắc đầu nói: “Cho dù bất đồng nhất thời chưa xóa bỏ được, các bạn vẫn có thể bảo lưu quan điểm của mình, không nên tiếp tục mở rộng sự bất đồng về hình thái ý thức sang quan hệ giữa hai nước”.

Khorútsóp có phần nôn nóng, nói rất nhanh: “Tối thiểu phải thôi công kích lẫn nhau trên báo chí”.

Đặng Tiểu Bình phát biểu rất rõ ràng: “Các đồng chí công bố Thư gửi toàn thể đảng viên, các đồng chí đơn phương công kích chúng tôi, nói đã đủ rồi. Chúng tôi không công kích. Không dùng lời lẽ mang tính công kích. Nhưng chúng tôi vẫn chưa tỏ thái độ. Chúng tôi phải tỏ rõ thái độ. Tỏ rõ thái độ vào dịp thích hợp”. Ông mỉm cười, nhắc lại lần nữa “Chúng tôi sẽ tỏ rõ thái độ của mình, để toàn thể đảng viên hai Đảng hiểu quan điểm hai bên”.

Khorútsóp gõ dao ăn vào đĩa: “Muốn đoàn kết thì đôi bên phải ngừng luận chiến”. Đặng Tiểu Bình nói tiếp: “Ngừng luận chiến là đề nghị mà Đảng Cộng sản Trung Quốc sớm đã nêu, các đồng chí không coi trọng, không chấp nhận ý kiến đúng của chúng tôi, trên thực tế vẫn công kích chúng tôi, tới bây giờ vẫn không thôi sự công kích ấy. Chúng tôi phải trả lời vẫn cứ phải trả lời”.

Hội đàm hai Đảng Trung-Xô ngay trong bữa tiệc đã đối đầu chính diện như vậy. Trong tiệc đón chào đã như vậy rồi, thì hội đàm chính thức ra sao, ai cũng đoán được cả. Hội đàm diễn ra với việc hai bên tranh luận về những tuyên bố, công hàm Chính phủ và các bài viết trên báo. Tuy không lớn tiếng cãi nhau nhưng thái độ đều cứng rắn, lấy việc đọc các bài phát biểu làm chính, các bên đều đọc bài của mình, bày tỏ quan điểm của mình. Trường hợp này có thể gọi là “Tranh luận văn minh”.

Trong một lần tranh luận, hai bên cuối cùng đã không dùng tới bài viết sẵn. Đó là cuộc hội đàm lần thứ hai tổ chức trong phòng họp nhỏ của Trung

ương Đảng Cộng sản Liên Xô.

Người phát ngôn phía Liên Xô chủ yếu là Suxlốp đôi khi Kôgiulốp cũng phát biểu.

Người phát ngôn phía Trung Quốc chủ yếu là Đặng Tiểu Bình, có khi là Bành Chân hoặc Khang Sinh.

Lần này Suxlốp phát biểu trước, cốt lõi là nói chủ nghĩa đế quốc đã trở nên tương đối “hiện thực”, tương đối “biết điều”. Đảng Cộng sản thông qua việc giành đa số trong Quốc hội có khả năng “quá độ hòa bình” sang chủ nghĩa xã hội. Đặng Tiểu Bình phát biểu chỉ rõ rằng, Liên Xô đã tô hồng chủ nghĩa đế quốc, bỏ mất những nguyên lý của chủ nghĩa Mác Lênin.

Khi ấy, Kôgiulốp bắt đầu phát biểu, ông ta chống hai khuỷu tay lên bàn, xoa hai tay nói:

- Trong Hội nghị quốc tế, phái đoàn Trung Quốc các đồng chí bao giờ cũng có lập trường đặc biệt. Ví dụ các đồng chí Liêu Thừa Chí, Lưu Ninh Nhất, trong Hội nghị Hòa bình thế giới bao giờ cũng đưa ra giọng điệu khác, có đường lối đặc biệt của riêng mình.

Đặng Tiểu Bình vẫn rất chậm rãi nói:

- Áp đặt việc làm của mình cho nước khác, cho phong trào cộng sản quốc tế, bắt người khác làm theo gậy chỉ huy của đồng chí, điều đó không thể được.

Kôgiulốp “hừm” một tiếng rồi nói:

- Đảng Cộng sản Liên Xô chúng tôi lúc nào cũng phải nắm chuyện lớn quốc tế, Đảng Cộng sản Trung Quốc các đồng chí luôn chỉ bắt ruồi ở đó thôi!

Đặng Tiểu Bình không để ý tới từ ngữ đối phương, mà nhấn mạnh nguyên tắc:

- Bản chất của chủ nghĩa đế quốc có phải đã thay đổi? Đối với phong trào giải phóng dân tộc có phải ủng hộ hay không? Giữa các đảng anh em có cần phải giữ vững nguyên tắc tôn trọng độc lập của nhau? Vấn đề quá độ hòa bình, vấn đề Xtalin chẳng lẽ không phải là những vấn đề nguyên tắc?

- Về các tội của Xtalin, chúng tôi phải lên án! - Suxlốp cao giọng nói, đây rõ ràng là vấn đề nhạy cảm nhất của các nhà lãnh đạo mới Đảng Cộng sản Liên Xô trong đấu tranh chính trị.

- Xtalin có sai lầm, thậm chí có những sai lầm nghiêm trọng, cần phê phán, nhưng vì sao phải giáng một đòn chết ngay? - ánh mắt sắc sảo của Đặng Tiểu Bình lướt qua gương mặt Suxlốp - Vì sao sợ Xtalin đến như thế? Vì sao không có can đảm đánh giá một cách công bằng, toàn diện với đồng

chí ấy?

- Ông ta lộng quyền hống hách, là một bạo chúa, phạm những tội ác đã man đối với nhân dân Liên Xô.

- Khi nhân dân Liên Xô hô to tên ông, nối tiếp nhau xông lên quyết sống mái với phát xít Hítler, khi nhân dân Liên Xô đoàn kết chặt chẽ chung quanh Đảng Cộng sản Liên Xô đứng đầu là ông để bảo vệ và xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Họ đã hô lớn tên ông lẽ nào vì ông là một bạo chúa? - Đặng Tiểu Bình thoáng nhếch mép cười mỉa, rồi nghiêm khắc nhìn thẳng vào Suxlốp - Vì sao một người đã chết rồi, còn bôi nhọ ông như thế được? Mất Đặng Tiểu Bình long lên. - Các đồng chí vì sao nghe thấy tên ông ta đã sợ hãi, lẽ nào linh hồn ông ta làm các đồng chí mê muội đi rồi?

Suxlốp lướt nhanh trên gương mặt Đặng Tiểu Bình, vẫn không dám nhìn thẳng vào ông, rồi lái sang chuyện khác.

Ngay trong thời gian hội đàm, Liên Xô đã cùng hai nước Anh, Mỹ ký tắt hiệp định cấm thử vũ khí hạt nhân từng phần cũng là nhằm vào Trung Quốc.

Một nội dung quan trọng trong hiệp định là hạn chế việc Trung Quốc có vũ khí hạt nhân, để ba nước Xô, Mỹ, Anh có thể lũng đoạn. Chính phủ Trung Quốc đã lên án nghiêm khắc việc làm này. Hiệp định nói trên làm cho quan hệ hai Đảng, hai nước Trung-Xô phủ thêm bóng đen nữa, bất đồng và tranh luận giữa hai bên càng thêm gay gắt.

Lần hội đàm này diễn ra khoảng hai tuần. Suốt thời gian đó phía Liên Xô không bố trí cho phái đoàn Trung Quốc đi tham quan hoặc vui chơi giải trí.

Những lúc rảnh rỗi, Đặng Tiểu Bình và Bành Chân thường đi dạo với nhau. Có một lần hai người bàn đến chuyện Khorútsốp cố tình làm ra vẻ đề nghị thôi luận chiến.

Bành Chân bảo:

- Họ chủ mắng chúng ta chán chê rồi. Bây giờ phải dùng đến chiêu này, yêu cầu thôi luận chiến để bịt miệng chúng ta lại, không để nhân dân biết sự thật và quan điểm của chúng ta thế nào.

Đặng Tiểu Bình cười:

- Có thể như thế, chắc họ đã thừa nhận việc chủ rủa của họ là sai nên sau đó mới thôi chứ.

Trong thời gian Hội nghị, phía Liên Xô tổ chức hai bữa tiệc nhỏ chiêu

dãi phái đoàn Đảng Cộng sản Trung Quốc tại phòng tiệc nhỏ Xô Viết tối cao. Mục đích của bữa tiệc là cốt để làm dịu bầu không khí, nhưng vẫn chẳng đạt được mong muốn.

- Chúng ta nên ngừng luận chiến. - Suxlốp rõ ràng như linh cảm thấy Trung Quốc sẽ cho công bố những bài viết quan trọng, giọng ông ta có vẻ lo lắng.

- Có thể ngừng - Đặng Tiểu Bình tươi tỉnh cười thoải mái, nói rất kiên quyết - Chúng tôi có thể ngừng luận chiến. Nhưng các đồng chí phải thừa nhận việc các đồng chí công kích chúng tôi là sai, bằng không thì đề nghị ngừng luận chiến là không chân thành.

- Nếu các đồng chí có thiện chí, thì phải ngừng luận chiến vô điều kiện!
- Khorútsốp chối bỏ trách nhiệm.

- Đồng chí không được đổ trách nhiệm cho chúng tôi - Đặng Tiểu Bình vẫn giữ nguyên giọng nói chắc nịch xưa nay. - Chúng tôi một mực yêu cầu ngừng, một mực chủ trương không nên luận chiến công khai, ngay trước Hội nghị Bucarét, đã khuyên các đồng chí, mấy năm nay các đồng chí đâu có nghe. Bây giờ các đồng chí chửi mắng chán rồi lại không cho phép chúng tôi trả lời, chúng tôi không chấp nhận được.

Khorútsốp dễ thay đổi thất thường. Khi ông và Mỹ hòa hoãn, thấy có lợi như trong hội đàm Trại Đavít, liền công kích Trung Quốc, có khi rất ngông cuồng ngang ngược. Khi quan hệ giữa ông và Mỹ căng thẳng, như độ sức với Mỹ trong vụ khủng hoảng Cuba bị thất bại phải rút lui, lại tỏ ra hữu hảo Trung-Xô, mong muốn quên đi quá khứ, mặc dù đó là chuyện bất đắc dĩ. Đặng Tiểu Bình là nhà chính trị nổi tiếng trong ngoài nước, ông có tính nguyên tắc kiên định và tính linh hoạt cao, “trong nhu có cương, trong bông giấu sắt kim nhọn”, ông có tầm nhìn lịch sử sâu rộng và khả năng hiểu biết chiến lược cao độ của một lãnh tụ.

Khi Khorútsốp không kiềm chế được tình cảm, đầu óc thiếu bình tĩnh tỉnh táo, thiếu sự suy nghĩ chín chắn cần phải có của một lãnh tụ nước lớn, nói ra những điều sơ suất, làm những việc bất cần, Đặng Tiểu Bình không chỉ một lần nhắc nhở ông ta: “Đây chính là lời nói của đồng chí đấy nhé, ý kiến này của đồng chí phải ghi vào biên bản”. Và cũng đã nhiều lần nói “Cuối cùng đồng chí phải gánh chịu trách nhiệm lịch sử”.

Ngày 20 tháng 7, phái đoàn Đảng Cộng sản Trung Quốc do Đặng Tiểu Bình dẫn đầu kết thúc cuộc hội đàm hai Đảng Trung-Xô được thế giới quan tâm, đã trở về Bắc Kinh.

Vì lý do an toàn, phái đoàn chia ra đi hai máy bay. Khi máy bay vừa hạ cánh xuống sân bay Tây Giao, Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức, Đổng Tất Vũ đến tận cầu thang máy bay, đón tiếp “người chống xét lại” vĩ đại trở về. Nghe nói Đặng Tiểu Bình chưa bao giờ được đón tiếp trọng thể khác thường như vậy.

Lần hội đàm này chẳng có tiến triển gì, nói chi đến sự thống nhất ý kiến. Thoả thuận duy nhất đạt được là: đàm phán tạm ngừng một thời gian, lần sau hội đàm tiếp, thời gian và địa điểm do hai Đảng Trung - Xô bàn định sau.

Nửa tháng sau, Trung Quốc công bố “Bình luận lá thư ngỏ của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô”. Đó là “Bình luận thứ nhất” tiếp đó lần lượt đến “Bình luận thứ chín”.

Nghe nói, Khorútsốp mới đầu còn yêu cầu triệu tập Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương, những mong lại có sự thay đổi như Hội nghị tháng 6 Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô năm 1957, nhưng mọi người đều phản đối. Vào giờ nghỉ giải lao của cuộc họp đêm ngày 13 tháng 10, Khorútsốp cuối cùng đã phải nghe theo Micôian, “Tự nguyện đệ trình bản tuyên bố về hưu”, tức là “đơn xin từ chức” công bố trên báo chí thế giới sau này. Giới báo chí Liên Xô nói, Khorútsốp vì lý do tuổi tác và sức khoẻ, đã được rời chức vụ theo đề nghị của bản thân ông ta.

Sau khi Khorútsốp từ chức, Brêgionhép làm Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô. Với mong muốn cải thiện quan hệ”, Đảng Cộng sản Trung Quốc cử Chu Ân Lai dẫn đầu phái đoàn sang Liên Xô tham dự các hoạt động chào mừng Cách mạng Tháng Mười. Nhưng lãnh đạo mới của Đảng Cộng sản Liên Xô lại tuyên bố chính sách đối với Trung Quốc của họ không khác biệt chút nào với Khorútsốp. Tháng 3 năm 1965, Brêgionhép triệu tập cuộc họp trù bị cho Hội nghị các Đảng Cộng hòa và Công nhân các nước với mục đích tập trung lên án Đảng Cộng sản Trung Quốc. Trung Quốc và 6 Đảng khác từ chối tham dự. Sau đó, Liên Xô liên tục tăng thêm quân đội tại biên giới Trung-Xô và đưa quân vào đóng ở Mông Cổ. Tháng 3 năm 1966 Đảng Cộng sản Liên Xô họp đại hội XXIII, Đảng Cộng sản Trung Quốc quyết định không cử đại biểu đến tham dự. Từ đó hai Đảng cắt đứt quan hệ.

Nhìn lại lịch sử cuộc luận chiến này, đúng như Đặng Tiểu Bình đã nói sau này:

Một Đảng bình luận sự đúng sai của Đảng nước ngoài, thường căn cứ vào công thức có sẵn hoặc một số phương án đã định hình nào đó, thực tế

chứng minh làm như vậy là không được. Phương châm đường lối trong nước của Đảng các nước đúng hay sai, không phải để người khác viết bài khẳng định hoặc phủ định, mà chỉ có thể do Đảng ở đấy, nhân dân ở đấy, nói cho cùng là do thực tiễn của họ đưa ra câu trả lời. Bất cứ Đảng lớn, đảng vừa, đảng nhỏ đều phải cùng nhau tôn trọng sự lựa chọn và kinh nghiệm của đối phương. Người ta căn cứ vào tình hình của chính mình để tiến hành tìm tòi, chuyện đó không thể chỉ trích được. Dù là sai, cũng phải do chính họ tổng kết kinh nghiệm, tìm tòi lại. Họ cũng phải làm như vậy đối với chúng ta, cho phép chúng ta phạm sai lầm, đã có sai lầm, phải do chính chúng ta sửa chữa. Chúng ta phản đối việc người ta ra lệnh cho chúng ta, chúng ta cũng quyết không thể ra lệnh cho họ.

Khi nói tới việc đối xử và tranh luận với một số đồng chí Đảng nước ngoài đến thăm, Đặng Tiểu Bình nói:

Nhìn lại, trước kia chúng tôi đâu có đúng cả, cũng đã có một số ý kiến phát biểu không đúng về đảng nước khác, những đồng chí nước ngoài ấy cũng nói: Họ không phải cái gì cũng đúng. Đây là một mặt của cuộc tranh luận trước kia, mặt bất đồng về hình thái ý thức. Mấu chốt vấn đề của mặt này là sự kết hợp nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác với thực tiễn cụ thể của cách mạng và xây dựng ở các nước, ở chỗ đứng trước sự phát triển nhanh chóng từng ngày của tình hình thế giới phải nhận thức “kế thừa” phát triển chủ nghĩa Mác Lênin bằng tư tưởng quan điểm mới.

Còn mặt khác thứ hai của tranh luận trước đây, Đặng Tiểu Bình nói:

Chính sách đối ngoại của một Đảng và Nhà nước do Đảng ấy lãnh đạo, nếu can thiệp vào công việc nội bộ nước khác, xâm lược lật đổ nước khác, thì bất cứ Đảng nào cũng có thể phát biểu ý kiến, tiến hành chỉ trích. Chúng tôi xưa nay vẫn chống lại cách làm kiểu “đảng bố” và chủ nghĩa sô-vanh nước lớn của Đảng Cộng sản Liên Xô. Trong quan hệ đối ngoại, họ thi hành đường lối và chính sách theo chủ nghĩa bá quyền.

V. ĐẠI LUẬN CHIẾN TRUNG - XÔ

Phê phán “Chủ nghĩa xét lại hiện đại”

Cuối những năm 50, đầu những năm 60, giữa Trung Quốc và Liên Xô đã nổ ra cuộc đại luận chiến về phong trào Cộng sản. Tối nay, cuộc đại luận chiến ấy đã đi vào lịch sử, nhưng nếu chúng ta xem xét lại bằng con mắt bình tĩnh những bài luận chiến giữa hai Đảng Trung - Xô khi đó, có thể cảm thấy

khí thế “Đảng bố” sô vanh nước lớn của Đảng Cộng sản Liên Xô khi ấy thực sự là quá đáng, còn tư trào cực tả của Đảng Cộng sản Trung Quốc thì cũng khá ghê gớm.

Việc phê phán “Chủ nghĩa xét lại hiện đại”, dù rằng mũi nhọn của Đảng Trung Quốc chĩa thẳng vào Khorútsốp và Đảng Cộng sản Liên Xô nhưng lúc đầu là chỉ Titô Nam Tư. Trong tạp chí “Hong kỳ” số ra mắt, Trần Bá Đạt đã viết bài “Chủ nghĩa xét lại Nam Tư là sản phẩm của chính sách đế quốc chủ nghĩa”, đã nã phát súng đầu tiên vào Titô.

Trong hồi ký “Tám năm ở Bộ Ngoại giao” Ngũ Tu Quyền đã viết về ảnh hưởng sai lầm do bài của Trần Bá Đạt gây ra.

Tháng 5 năm 1958, tôi được lệnh triệu hồi về nước (chú thích của người trích dẫn: Khi ấy Ngũ Tu Quyền là Đại sứ Trung Quốc ở Nam Tư), vừa về nước tôi đã bị phê phán một trận ở Bộ Ngoại giao. Vì tôi là Ủy viên Trung ương khóa VIII nên buộc phải đến làm kiểm thảo trong Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương khóa VIII. Tôi nghe những điều phê phán tôi, đối chiếu với mấy bức điện báo tôi phát từ Nam Tư về, bản thân tôi cảm thấy ý kiến ở trong nước khác tôi rất xa. Báo cáo của tôi khẳng định Nam Tư vẫn là một nước xã hội chủ nghĩa, cho rằng trong Cương lĩnh của Đảng Cộng sản Nam Tư có mặt đúng, phù hợp với chủ nghĩa Mác Lênin. Trong khi đó, quan điểm trong nước lại nói cương lĩnh của Đảng Cộng sản Nam Tư là “chống chủ nghĩa Mác Lênin, là chủ nghĩa xét lại từ đầu chí cuối” rằng Nam Tư đã phục hồi chủ nghĩa tư bản....

Đối với những ý kiến này, lúc đầu tôi không thể chấp nhận được, vì thế khi phát biểu tại tổ trong Hội nghị Trung ương II khóa VIII tôi vẫn nói lại một số tình hình chân thực của Nam Tư. Nhưng ý kiến cá nhân tôi không làm thay đổi được những định kiến trên. Khi đó Khang Sinh và Trần Bá Đạt cực kỳ hăng hái về chuyện này, họ viết bài và làm báo cáo, xỉ vả thậm tệ “Những kẻ theo chủ nghĩa xét lại hiện đại mà đại biểu là Đảng Cộng sản Nam tư”, làm rùm beng lên ở mọi nơi, chỉ lo thiên hạ không loạn lên được...

Khang Sinh, Trần Bá Đạt hăng hái phê phán “Chủ nghĩa xét lại hiện đại” như vậy, nhằm chứng tỏ mình “theo sát” Mao Trạch Đông. Vì Mao Trạch Đông ngay từ tháng 3 năm 1957 đã chỉ ra rõ ràng: “Một nhiệm vụ quan trọng của chúng ta trên mặt trận tư tưởng hiện nay, chính là phải triển khai phê phán chủ nghĩa xét lại hiện đại”.

Số thứ hai của tạp chí “Hong Kỳ”, Trần Bá Đạt tiếp tục phê phán “chủ nghĩa xét lại hiện đại” Nam Tư, đã viết bài “Canh bạc của đế quốc Mỹ ở Nam

Tư”.

Sau đó, diễn ra luận chiến công khai giữa hai đảng Trung-Xô. Ngày 20 tháng 4 năm 1960, để kỷ niệm 90 năm ngày sinh Lenin, tạp chí “*Hồng Kỳ*” do Trần Bá Đạt chủ biên lại phát biểu bài “*Chủ nghĩa Lenin muôn năm*” của Ban biên tập. Bài này dựa vào sự kiện kỷ niệm 90 năm ngày sinh Lenin để lên án toàn diện “*Chủ nghĩa xét lại hiện đại*”, Liên Xô đã phản bội chủ nghĩa Lenin như thế nào. Bài “*Chủ nghĩa Lenin muôn năm*” đã thu hút được sự quan tâm rộng rãi trong và ngoài nước.

Từ ngày 15 tháng 12 năm 1962 đến ngày 8 tháng 3 năm 1963, Đảng Trung Quốc liên tục phát biểu 7 bài văn luận chiến. Đó là những bài:

“*Vô sản toàn thế giới liên hiệp lại, chống kẻ thù chung của chúng ta*”

“*Bất đồng giữa đồng chí Tôgôli với chúng tôi*”

“*Chủ nghĩa Lê nin và Chủ nghĩa xét lại hiện đại*”

“*Đoàn kết lại trên cơ sở Tuyên ngôn Mátxcova và tuyên bố Mátxcova*”.

“*Bất đồng từ đâu mà ra? - Trả lời đồng chí Tôrê*”

“*Lại bàn về bất đồng giữa đồng chí Tôgôliatơ với chúng tôi về một số vấn đề quan trọng của chủ nghĩa Lenin trong thời đại ngày nay*”.

“*Bình luận về tuyên bố của Đảng Cộng sản Mỹ*”

Những bài viết này đã công khai sự bất đồng nghiêm trọng về hình thái ý thức giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc với Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản Ý, Đảng Cộng sản Mỹ.

Những bài này phần lớn do “*nhóm Tú tài*” ở Điều Ngự Đài chấp bút

Đèn sáng thâu đêm tại Nhà khách Chính phủ

Điều Ngự Đài, toà Nhà khách Chính phủ gần sông Tam Lý tây thành Bắc Kinh, trong “*Cách mạng văn hóa*” nơi đây là trụ sở của “*Tổ Cách mạng văn hóa Trung ương*” mà trở thành nổi tiếng toàn quốc.

Từ đầu năm 1960, “*Nhóm Tú tài*” triển khai luận chiến với Đảng Cộng sản Liên Xô làm việc tại Nhà khách Chính phủ ở Điều Ngự Đài. Khang Sinh - Bí thư Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, là người phụ trách “*Nhóm Tú tài*”. Đối với “*Nhóm Tú tài*” quan trọng như vậy, Trần Bá Đạt đương nhiên phải có mặt trong đó. Nhưng nơi đây đã bị Khang Sinh khống chế kiểm soát, Trần Bá Đạt chỉ tham gia một số công việc, còn quyền lãnh đạo đã nằm trong tay Khang Sinh.

Nghe nói, bài “*Lại bàn về sự bất đồng giữa đồng chí Tôgôliati với chúng tôi*” chủ yếu do Trần Bá Đạt chấp bút.

Việc công bố bảy bài này, làm cho cuộc luận chiến ngày càng đi tới chỗ căng thẳng nhất. Ngày 30 tháng 3 năm 1963, Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô gửi thư cho Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, nêu ra một cách có hệ thống ý kiến của họ về phong trào Cộng sản quốc tế.

Thư trả lời của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, phải trả lời công khai. Trong các “Tú tài” ở Điều Ngự đài, có người chủ trương viết một bài dài, bác lại có hệ thống quan điểm của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô. Bản thảo viết xong, Mao Trạch Đông không duyệt.

Khi ấy Mao Trạch Đông nói một câu rất hay:

- Tôi cần kiểu Trương Tiếp Lâm, không cần kiểu Trang Tác Đống!

Nhiệm vụ khởi thảo rơi vào tay Trần Bá Đạt. Trần suy nghĩ mãi về câu nói này của Mao Trạch Đông. Cũng may ông đã ở bên Mao Trạch Đông nhiều năm, hiểu ra được ý chính câu nói bóng bẩy của Mao Trạch Đông: Trang Tác Đống và Trương Tiếp Lâm đều là danh thủ bóng bàn Trung Quốc, phong cách đánh lại khác hẳn nhau. Trang Tác Đống đánh ôm bàn tấn công nhanh, là lối chơi tấn công, còn Trương Tiếp Lâm thì chuyên đỡ cắt bóng, được mệnh danh là “bức tường thành không công phá được”, giỏi phòng thủ, cứu được các kiểu bóng xoáy hiểm hóc của đối thủ.

Trần Bá Đạt đọc hết các biên bản ghi chép lời nói của Mao Trạch Đông về phong trào Cộng sản quốc tế, rồi viết bài “Kiểu Trương Tiếp Lâm”. Bài này được Mao phê duyệt vì hợp ý ông. Thế là Mao Trạch Đông triệu tập một cuộc họp ở Vũ Hán để thảo luận, bài viết được thông qua.

Bài này công bố ngày 14 tháng 6 năm 1963, là “Thư của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc trả lời bức thư ngày 30 tháng 3 năm 1963 của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô”. Dưới nhan đề “Kiến nghị về đường lối chung của phong trào Cộng sản quốc tế”, bài viết trình bày 25 ý kiến của Đảng Cộng sản Trung Quốc về chủ nghĩa Cộng sản Quốc tế, thường được người ta gọi là “Hai mươi lăm điều”.

“Hai mươi lăm điều” ngoài việc trình bày chính diện quan điểm luận chiến của Đảng Cộng sản Trung Quốc ra, còn phê phán toàn diện quan điểm của Đảng Cộng sản Liên Xô, khái quát quan điểm của Liên Xô thành “ba hòa, hai toàn”, tức là chung sống hòa bình, thi đua hòa bình, quá độ hòa bình, và nhà nước toàn dân, đảng toàn dân.

Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô ngày 14 tháng 7 năm 1963 công bố “Thư ngỏ gửi tổ chức Đảng các cấp và toàn thể đảng viên Đảng Cộng sản Liên Xô” nhằm thẳng vào “Hai mươi lăm điều” của Trung ương Đảng Cộng

sản Trung Quốc, bác bỏ từng điều một. Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô khi đăng “Lá thư ngỏ”, đăng luôn cả “Hai mươi lăm điều” làm phụ lục.

Ngày 20 tháng 7 năm 1963, báo chí Trung Quốc đã có phản hồi, đăng lại “Hai mươi lăm điều”, đồng thời cũng đăng “Lá thư ngỏ” của Liên Xô.

Sau đó, báo chí Liên Xô liên tục đăng xã luận “Đảng Cộng sản Liên Xô gương cao ngọn cờ vĩ đại của chủ nghĩa Lênin”, “Sự nhất trí không gì phá vỡ nổi giữa Đảng và nhân dân”, “Chúng tôi trung thành với chủ nghĩa Lênin” nhằm thẳng vào “Hai mươi lăm điều” của Trung Quốc.

Sau đó, Trung Quốc với danh nghĩa Ban biên tập “Nhân dân nhật báo”, liên tục đăng chín bài bình luận “Lá thư ngỏ” của Liên Xô.

“Chín bình luận” do “Nhóm Tú tài” Điều Ngự Đài viết. Trần Bá Đạt cũng có lúc tham gia duyệt bài nhưng không đích thân chấp bút như khi viết “Hai mươi lăm điều” vì Khang Sinh chủ trì việc viết “Chín bình luận”, ông không tiện nhúng tay vào.

Mục lục “Chín bình luận” như sau:

- Nguồn gốc và quá trình phát triển sự bất đồng giữa lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô với chúng ta - Bình luận thứ nhất “Lá thư ngỏ của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô” (6-9-1963)

- Về vấn đề Xtalin - Bình luận thứ hai “Lá thư ngỏ của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô” (13-9-1963)

- Nam Tư có phải là nước xã hội chủ nghĩa không? - Bình luận thứ ba “Lá thư ngỏ của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô” (26-9-1963)

- Người bào chữa cho chủ nghĩa thực dân mới - Bình luận thứ tư “Lá thư ngỏ của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô” (22-10-1963)

- Hai đường lối về vấn đề chiến tranh và hòa bình - Bình luận thứ năm “Lá thư ngỏ của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô” (19-11-1963)

- Hai chính sách chung sống hòa bình đối lập về căn bản. Bình luận thứ sáu “Lá thư ngỏ của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô” (12-12-1963)

- Lãnh đạo Liên Xô là người chia rẽ lớn nhất ngày nay. - Bình luận thứ bảy “Lá thư ngỏ của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô” (4-2-1964)

- Cách mạng vô sản và Chủ nghĩa xét lại Khorútsốp - Bình luận thứ tám “Lá thư ngỏ của Đảng Cộng sản Liên Xô” - 31-3-1964)

- Chủ nghĩa Cộng sản giả hiệu của Khorútsốp và bài học lịch sử - Bình luận thứ chín “Lá thư ngỏ của Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô” (14-7-1964)

Ngoài ra, bài bình luận thứ mười vốn đã viết xong, vì Khorútsốp bị hạ bệ ngày 14 tháng 10 năm 1964, nên chưa kịp công bố, đổi thành bài phát

biểu công khai của Bành Chân.

Ngày 21 tháng 11 năm 1964, tạp chí “Hong Kỳ” công bố xã luận “Khorútsốp bị hạ bệ như thế nào”.

Dưới sự chỉ đạo của Mao Trạch Đông, phong trào “phê phán”, Chủ nghĩa xét lại hiện đại” và việc phản đối thái độ Đảng bố” và chủ nghĩa sô vanh nước lớn Liên Xô là đúng, nhưng cuộc luận chiến này cũng bộc lộ ra nhiều vấn đề đáng để người sau nghiêm túc tổng kết.

Khang Sinh, Trần Bá Đạt hai nhà lý luận trong phê phán “Chủ nghĩa xét lại hiện đại” đã “theo sát” Mao Trạch Đông. Họ được rất nhiều lợi lộc trong cuộc luận chiến này, từ đó về sau họ rất được Mao Trạch Đông tín nhiệm.

Đầu năm 1960, Trần Bá Đạt đã “chỉ ra rất rõ ràng”: “Mao Trạch Đông kế thừa, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin”. Về sau, câu nói đó có thêm ba phó từ được viết trong “Lời nói đầu sách tái bản” “Mao Chủ tịch ngữ lục” theo ý kiến của Lâm Bưu:

“Đồng chí Mao Trạch Đông đã kế thừa, bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin một cách thiên tài, một cách sáng tạo, một cách toàn diện, nâng chủ nghĩa Mác Lênin lên một giai đoạn mới”.

VI- MỸ CÓ Ý ĐỒ PHÁ HỦY KHO VŨ KHÍ HẠT NHÂN CỦA TRUNG QUỐC

Mỹ muốn Liên Xô đối phó với Bắc Kinh

Tháng 1 năm 1961, Tổng hành dinh quân Mỹ ở Thái Bình Dương trình báo Chính phủ Mỹ rằng, Trung Quốc có thể thử bom nguyên tử vào cuối năm 1962, và sẽ có vũ khí hạt nhân cỡ nhỏ vào năm 1965.

Rostau đã từng làm cố vấn Tổng thống Kennơđi và Giônson sau này nhớ lại, tin Trung Quốc sẽ có vũ khí hạt nhân, khiến mọi người sợ hãi. Ông nói:

- Sự kiện lớn nhất những năm 60, có lẽ là việc Trung Quốc thử vũ khí hạt nhân.

“Liên bang Nga kiểm chế Hoa” hoặc là chơi “con bài chia rẽ Trung-Xô” xưa nay là trọng tâm “chiến lược lớn” của Chính phủ Kennơđi và Giônson.

Kennơđi và bộ Tham mưu của ông ta có thành kiến với người Trung Quốc về chính trị, văn hóa và chủng tộc. Theo họ, Liên Xô “còn có thể nói chuyện được” chứ Trung Quốc thì “không thể nói gì với họ được”. Tương Thiệu Thư cho biết, Kăynan chính là một người kịch liệt chống Trung Quốc, ông này chủ trương phát triển quan hệ Mỹ-Xô và chỉ có cải thiện, tăng cường

quan hệ Mỹ-Xô mới có thể đối phó có hiệu quả với Trung Quốc.

Tháng 6 năm 1961, Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ-Xô ở Viên bắt đầu bế tắc, Nhà Trắng và quan chức Chính phủ đề nghị Kennodi hội đàm với Khorútsốp, lợi dụng bất đồng Trung-Xô để tranh thủ Liên Xô, mong tìm được tiếng nói chung về Trung Quốc với Mátxcova. Nhưng biểu hiện của Khorútsốp tại Hội nghị thượng đỉnh Viên đã khiến Kennodi thất vọng, nhà lãnh đạo Liên Xô không mặn mà với những đề nghị của Kennodi. Kennodi nghĩ có thể lợi dụng sự đấu khẩu Trung-Xô để tranh thủ hữu hảo với Liên Xô, tiến tới thành lập liên minh Mỹ-Xô đánh đổ Trung Quốc, nhưng Khorútsốp vẫn tỏ ra ủng hộ Trung Quốc, chủ trương để nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thay thế ghế Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc của Đài Loan.

Khi nói chuyện, Kennodi đã dẫn ra một câu nói cổ của Trung Quốc “đi xa phải từ gần” để khuyến khích Liên Xô ký với Mỹ Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân. Dụng ý của Kennodi là hòa bình thế giới phải đi dần từng bước một, bước thứ nhất là cấm vũ khí hạt nhân và cắt giảm quân bị. Nhưng Khorútsốp lại không hề động tâm. Khi nói tới vấn đề Trung Quốc, Kennodi khoe khoang với Khorútsốp rằng mình khá “hiểu biết” về Trung Quốc, nào ngờ Khorútsốp xuất thân từ nông dân Ucraina lại sỗ sàng nói với Kennodi:

- Về vấn đề Trung Quốc, tôi biết hơn ông nhiều!.

Kennodi xấu hổ đỏ cả mặt.

Phát hiện duy nhất của Kennodi tại Hội nghị Thượng đỉnh là: Cho dù tranh chấp Trung-Xô rất ghê gớm và nghiêm trọng đến thế nào, Liên Xô tuyệt nhiên không thể bắt tay với Mỹ chống Trung Quốc, càng không thể hợp tác đánh Trung Quốc. “Giới am hiểu Liên Xô” ở Mỹ thì nói, Khorútsốp thể hiện tâm trạng mâu thuẫn: Một mặt rất muốn cải thiện quan hệ với Mỹ, mặt khác lại không dám quá tham với Mỹ để chống Trung Quốc, nếu không như thế Liên Xô sẽ mất vị trí lãnh đạo trong thế giới Cộng sản.

Bí thư kiêm cố vấn của Kennodi, Sôrenson (Những danh ngôn tuyệt cú của Kennodi đều từ ông này mà ra) nói, sau khi Kennodi lên cầm quyền, ông ta tuy không thích cấm vũ khí hạt nhân, nhưng lại rất lo Trung Quốc sẽ trở thành nước có vũ khí hạt nhân, vì vậy ông ta mong muốn Hiệp định cấm vũ khí hạt nhân có thể phát huy hiệu quả ngăn chặn Trung Quốc phát triển vũ khí hạt nhân.

Dùng Điều ước cấm thử vũ khí hạt nhân kiềm chế Trung Quốc

Tháng 10 năm 1961, Kennodi khi trả lời phỏng vấn của nhà báo Kolôk

phụ trách chuyên mục của tờ “Thời báo Niu Yóoc” nói, Trung Quốc nhất định sẽ chế tạo thành công bom nguyên tử, Trung Quốc có bom nguyên tử thì “Toàn bộ Đông Nam Á sẽ bị Trung Quốc nuốt tươi”.

Tháng 1 năm 1962, Kennodi không thể chịu được nữa, chỉ thị cho Hội đồng An ninh quốc gia đánh giá “vấn đề giải quyết bằng thủ pháp đặc biệt” của Trung Quốc (tức là vấn đề phát triển bom nguyên tử), và nghiên cứu ảnh hưởng của việc Trung Quốc có bom nguyên tử đối với vị trí của Mỹ ở Đông Nam Á. Cựu Cục trưởng cục tài giám quân bị Mỹ, Uyliam Fôstơ nói, Kennodi xác định phải ngăn chặn hoặc loại bỏ mối đe dọa hạt nhân của Trung Quốc.

Ngày 22 tháng 1 năm 1963, tại Hội đồng An ninh quốc gia, Kennodi nhấn mạnh một trong những trọng điểm của Điều ước cấm thử vũ khí hạt nhân là đối phó với Trung Quốc. Hisman (khi đó là Cục trưởng Cục tình báo và quân sự Chính phủ, sau làm Trợ lý Quốc vụ khanh Sự vụ Đông Á) cũng tham dự cuộc họp hôm ấy, ghi lại nội dung lời phát biểu của Kennodi: “Nếu Liên Xô muốn có điều ước cấm thử vũ khí hạt nhân, thì điều ước này phải ngăn chặn được khả năng phát triển vũ khí hạt nhân hoàn chỉnh của Trung Quốc mới có giá trị. Chúng ta hoàn toàn không thể tưởng tượng nổi thế giới sẽ ra sao sau khi Trung Quốc có lực lượng hạt nhân. Trung Quốc quả thật là nguy hiểm. Điều ước cấm thử vũ khí hạt nhân nếu thật sự ngăn chặn được Trung Quốc có vũ khí hạt nhân thì tốt quá. Chúng ta thật sự không thể để Trung Quốc có vũ khí hạt nhân. Điều ước cấm thử vũ khí hạt nhân phải gây được ảnh hưởng nghiêm trọng đối với Trung Quốc, điều đó rất là quan trọng”.

Đúng lúc Kennodi lo ngại Trung Quốc phát triển bom nguyên tử, thì Pháp gia nhập Câu lạc bộ hạt nhân. Tới lúc này, Mỹ, Liên Xô, Anh, Pháp đều có trong tay vũ khí hạt nhân. Người Pháp là một dân tộc kiêu hãnh, họ không muốn gia nhập hàng ngũ cấm thử vũ khí hạt nhân do Mỹ chủ đạo. Kennodi viết một lá thư khuyên Đờ Gôn tham gia ký kết điều ước cấm thử vũ khí hạt nhân, bị Đờ Gôn từ chối.

Tháng 1 năm 1963, khi Kennodi mời Bộ trưởng Văn hóa Pháp Manrô ăn cơm ở Nhà Trắng, ông ta một lần nữa nhấn mạnh tác hại của việc Trung Quốc có vũ khí hạt nhân:

- Một nước Trung Quốc hạt nhân sẽ là mối đe dọa lớn cho tương lai loài người, thế giới tự do và tự do trên trái đất.

Kennodi đã để lộ rõ thành kiến chủng tộc đối với người Trung Quốc qua câu nói đó.

Một kế hoạch chưa làm đã run

Kennodi hy vọng đạt được một Hiệp định về cấm thử vũ khí hạt nhân với Liên Xô. Khorútsốp cuối cùng đã đồng ý. Pháp và Trung Quốc thì từ chối. Tháng 7 năm 1963, “Người am hiểu Liên Xô” Hariman đến họp ở Mátxcova, Kennodi đích thân điều khiển từ xa, lệnh cho Hariman trưng cầu ý kiến của Khorútsốp về việc ngăn chặn Trung Quốc phát triển vũ khí hạt nhân và đồng thời hỏi ông ta xem muốn áp dụng hành động Liên Xô” hay “hành động Mỹ”? Kennodi không nói rõ thế nào là “hành động Liên Xô” và “hành động Mỹ”, nhưng rõ ràng những hành động này tuyệt nhiên không phải “hành động chính trị” mà là “hành động quân sự”, chỉ có dùng vũ lực mới ngăn chặn được Trung Quốc phát triển vũ khí hạt nhân.

Trước khi Hariman sang Liên Xô hội đàm, Chính phủ Kennodi đã thảo luận phương án sử dụng vũ lực ngăn chặn Trung Quốc phát triển vũ khí hạt nhân. Bộ trưởng Quốc phòng Mácnamara thảo một bị vong lục về việc mở rộng hạt nhân trình lên Kennodi. Mácnamara đề nghị áp dụng phương thức “trừng phạt kinh tế hoặc quân sự” để đối phó với các nước không hợp tác về mặt vũ khí hạt nhân. Trong một báo cáo ngắn gọn “cực kỳ cơ mật”, Mácnamara đã trắng trợn đề nghị dùng vũ lực đối phó với Trung Quốc. Văn kiện này có một mục mang tiêu đề: “Dùng vũ lực hoặc phương thức khác đối phó với Trung Cộng”

Sử dụng loại “vũ lực” nào để ngăn chặn Trung Quốc phát triển vũ khí hạt nhân? Văn kiện không nói rõ hoặc chỉ ít là trong các văn kiện đã được giải mã hiện nay vẫn chưa tìm thấy manh mối. Nhưng một phương thức khả thi-nhất là tập kích đường không vào cơ sở vũ khí hạt nhân ở vùng biên giới phía tây Trung Quốc. Một cựu quan chức Chính phủ Mỹ cho biết, khả năng Mỹ-Xô liên kết tiến hành “tấn công bằng vũ khí hạt nhân để áp đảo Trung Quốc đại lục trước” cũng đã từng được thảo luận.

Cũng có người đề nghị: Một máy bay ném bom Liên Xô và một máy bay ném bom Mỹ cùng bay đến vùng trời Rôpubô, mỗi chiếc ném một quả bom, trong đó một quả là bom hạt nhân, một là bom thường. Thông qua một quan chức tham dự vụ việc cho biết, Nhà Trắng tuy đã bàn thảo xong kế hoạch này, nhưng chưa đi vào giai đoạn bố trí thực hiện.

Vì Liên Xô “nhát gan”, Mỹ cũng không dám hành động liều lĩnh, Trung Quốc vẫn phát triển thuận lợi vũ khí hạt nhân, và vào ngày 16 tháng 10 năm 1964 đã thử thành công quả bom nguyên tử đầu tiên. Ngoại trưởng Trung Quốc Trần Nghị nói:

- Thà rằng không có quần mặc, cũng phải có bom nguyên tử.

Trung Quốc hiểu rất rõ, chỉ khi nào có đủ khả năng chế tạo được bom nguyên tử và vũ khí hạt nhân, mới sẽ không bị hai siêu cường bá quyền Mỹ-Xô bắt chẹt.

Tướng Giới Thạch, Tổng Mỹ Linh và Nghiêm Gia Cam trong Chính phủ Quốc dân Đảng cũng từng kêu gọi Mỹ phá hủy cơ sở thiết bị vũ khí hạt nhân của Trung Quốc. Nhà cầm quyền Mỹ tuy có ý định đó nhưng trước sau vẫn không dám manh động vì hành vi trắng trợn thô bạo này tất phải trả giá nặng nề và hậu quả không thể lường hết được.

Thuộc phái bảo thủ Mỹ, đại tướng Uyliam Páclây trên tờ "Bình luận quốc gia" do ông chủ biên, ngày 12 tháng 1 năm 1965, cũng lớn tiếng kêu gọi Chính phủ Mỹ phá hủy kho vũ khí hạt nhân của Trung Quốc, yêu cầu Tổng thống Giônson triệt phá toàn diện khả năng chế tạo vũ khí hạt nhân của Trung Quốc. Ngày 1 tháng 6 cùng năm, Páclây trong một bài xã luận, một lần nữa lại nêu ý kiến đó. Páclây khi ấy tự cho mình là nhà chính luận đầu tiên đưa ra lời kêu gọi này, ông ta đâu có biết, Kennodi hai ba năm trước đã có ý đồ phá hủy năng lực vũ khí hạt nhân của Trung Quốc rồi!

VIL CẦU MONG HÒA BÌNH CỦA "CHÚ EM" THẤT BẠI

Khorútsốp bị hạ bệ, tạo cơ hội cho chuyên thám này

Sau khi long trọng tổ chức lễ mừng thọ 70 tuổi được ít lâu, Khorútsốp đi nghỉ ở một nơi phong cảnh tuyệt vời, khí hậu trong lành, đó là Sôchi ở Crum. Nhưng sự đời thay đổi, đồng sự của ông ở điện Kremli đột nhiên cho chuyên cơ đến đón ông về Mátxcova và tước bỏ hết mọi chức vụ Đảng, chính quyền, chuyện này nhanh chóng trở thành sự kiện quốc tế chú ý.

Sáng sớm ngày 16 tháng 10 năm 1964, để kịp thông báo với Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc trước khi công bố tin này, Đại sứ Liên Xô tại Trung Quốc, Sécvônenkô khẩn cấp xin gặp Thứ trưởng Bộ liên lạc Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Ngũ Tu Quyển. Ông nói, ngày 14 tháng 10 năm 1964, Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô căn cứ vào tuổi tác và tình hình sức khỏe của Khorútsốp và theo đề nghị của ông ta, đã quyết định miễn nhiệm chức vụ Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô, bầu Borêgionép làm Bí thư thứ nhất; ngày 15 tháng 10, Đoàn Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô họp, quyết định miễn nhiệm chức Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng của Khorútsốp, bổ nhiệm Côsughin giữ cương vị này.

Cũng rất thú vị là đúng vào ngày 16 tháng 10 khi hãng TASS công bố Khorútsốp bị hạ bệ thì Tân Hoa Xã cũng đưa tin Trung Quốc cho nổ thành công quả bom nguyên tử đầu tiên. Đây hoàn toàn là một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Vậy mà có người lại nói, Trung Quốc cố tình chọn ngày hôm đó để thử bom hạt nhân, điều này dĩ nhiên là đoán mò.

Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô rút cục vì sao tước bỏ chức vụ của Khorútsốp?. Chính sách của những người lãnh đạo mới Borègionép, Còsughin liệu có khác gì ông ta? Mọi người cứ phải suy đoán. Về việc Khorútsốp bị hạ bệ có ba ý kiến: Một là, do chính sách đối nội và đối ngoại của ông ta thất bại, khiến cho trong Đảng bất mãn; hai là, vì ông ta chủ quan phiến diện, giản đơn thô bạo; ba là, do cả hai điểm trên. Về ban lãnh đạo mới của Liên Xô cũng có ba dự đoán: một là, thay “thang” mà không thay “thuốc”; hai là “thang” thay rồi “thuốc” cũng sẽ có thể khác đi; ba là có thể còn khó “chơi” hơn so với Khorútsốp. Theo bạn bè cho biết, căn cứ vào cuộc tiếp xúc của họ mấy tháng trước với Khorútsốp, Suxlốp, Borègionép, Còsughin, Micóian thì Khorútsốp tỏ ra “không kiên định”, “muốn tìm lối thoát” cho chính sách của mình, còn Suxlốp và những người khác tỏ ra kiên định với đường lối hiện hành, có thể vì sợ Khorútsốp dao động nên đã cách chức ông ta. Muốn hiểu rõ được sự thật, cách duy nhất là phải tiếp xúc trực tiếp với các nhà lãnh đạo mới của Liên Xô.

Thái độ của Khorútsốp đối với Trung Quốc vì sao trước tốt sau xấu

Khorútsốp khi mới lên cầm quyền, đứng trước rất nhiều khó khăn, vị trí chưa vững chắc, cần sự ủng hộ của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Khi ấy, ông khá tôn trọng Mao Trạch Đông và Đảng Cộng sản Trung Quốc, cũng khá coi trọng quan hệ Trung-Xô. Mao Trạch Đông lần đầu thăm Liên Xô, Xtalin không ra ga đưa đón. Khorútsốp lên cầm quyền thì năm sau sang thăm Trung Quốc ngay, đã hội đàm với những nhà lãnh đạo chủ chốt như Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức, đánh giá rất cao cách mạng Trung Quốc, phê bình Xtalin mắc sai lầm sô-vanh chủ nghĩa đối với Trung Quốc; nói rằng Năm nguyên tắc chung sống hòa bình do Đảng Cộng sản Trung Quốc đề xướng có thể coi là cơ sở giải quyết mọi quan hệ giữa các nước. Khi ý kiến bất đồng, cũng có thể bàn bạc hữu nghị. Theo quyết định trước đây, ông ta đã triệt thoái quân đội Liên Xô đóng ở Lữ Thuận, trả lại căn cứ hải quân này cho Trung Quốc và xóa bỏ những hiệp định không phù hợp nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi trước đây còn để lại, cho vay các khoản tiền

mới, tăng thêm dự án viện trợ xây dựng, mở rộng quy mô hạng mục viện trợ xây dựng cũ và hợp tác khoa học kỹ thuật song phương, v.v... Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc vốn đã rất coi trọng phát triển quan hệ hữu nghị với Liên Xô, nay Khorútsốp đối xử với thái độ bình đẳng hữu nghị thì dĩ nhiên Trung Quốc càng muốn đối xử hữu nghị với Liên Xô.

Sau Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô, Mao Trạch Đông và Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc tuy cảm thấy rất đau lòng và lo lắng trước sai lầm của Khorútsốp, trong nội bộ đã phê bình thiện chí với ông, nhưng cũng đánh giá đầy đủ mặt tích cực của ông, mong ông sửa chữa sai lầm, đẩy mạnh xây dựng chủ nghĩa Cộng sản Liên Xô, tăng cường đoàn kết Trung-Xô, chống kẻ thù chung, thúc đẩy sự nghiệp tiến bộ của loài người. Những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Trung Quốc đứng đầu là Mao Trạch Đông đã hết lòng hết sức ủng hộ ông và Liên Xô.

Năm 1957, Mao Trạch Đông lại thăm Liên Xô, chúc mừng kỷ niệm 40 năm Cách mạng Xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, tham dự Hội nghị quốc tế các Đảng Cộng sản Đảng Công nhân. Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình đã kiên trì hiệp thương với lãnh đạo Liên Xô, trao đổi ý kiến hữu nghị với Đảng các nước, cuối cùng đã hợp được một Hội nghị đoàn kết, công bố Tuyên ngôn Mátxcova và Tuyên ngôn hòa bình. Mao Trạch Đông ở Hội nghị này, bằng phương pháp bình đẳng hiệp thương, đã khắc phục được sự bất đồng, tăng cường được đoàn kết, những sự bất đồng về nguyên tắc thì hai bên qua hiệp thương nội bộ để đạt tới nhất trí, những điều tạm thời chưa nhất trí được thì biết chờ đợi hoặc có sự nhân nhượng cần thiết, rất hài lòng và rất lạc quan trước việc Liên Xô phóng thành công vệ tinh vũ trụ và xem thành quả của Hội nghị này như là một mốc son, dùng hình tượng “Gió Đông thổi bạt Gió Tây” để hình dung lực lượng của phe Xã hội chủ nghĩa lớn mạnh hơn hẳn lực lượng phe đế quốc chủ nghĩa.

Điều không may là chuyện vui chẳng kéo dài. Khorútsốp sau khi đã đứng vững, lập tức quay ngoắt lại rắp tâm tìm cách khống chế Trung Quốc. Tháng 4 năm 1958, Khorútsốp đòi xây dựng đài phát sóng dài trên đất Trung Quốc, mặc dầu theo ông ta nói quyền sở hữu và quyền sử dụng thuộc chung hai nước; tháng 7 cùng năm, tiếp tục đưa ra yêu cầu quân đội hai nước Trung-Xô trực tiếp bàn bạc xây dựng kế hoạch chuyên môn phù hợp với yêu cầu của Bộ Quốc phòng Liên Xô, cùng tháng đó lại đưa ra yêu cầu cùng Trung Quốc thành lập hạm đội chung, sử dụng cảng của Trung Quốc, với lý do “Liên Xô không có cảng không đóng băng”. Mao Trạch Đông cho rằng Xtalin là người

Mácxít vĩ đại, công lớn hơn tội, nhưng rất không hài lòng cách làm sô-vanh nước lớn của ông. Chỉ vì chú ý đến đại cục, Mao Trạch Đông nhiều năm nín nhịn không nói. Những tướng Khorútsốp sẽ sửa chữa sai lầm trước đây của Xtalin, nhưng Khorútsốp lại liên tiếp đưa ra những “đề nghị” trên, mưu toan khống chế Trung Quốc, điều đó khiến ông hết sức phẫn nộ. Mao Trạch Đông từng nghiêm khắc vạch rõ, tại sao cái thứ chủ nghĩa sô-vanh nước lớn của Xtalin lại xuất hiện trở lại, vì sao giúp đỡ Trung Quốc lại chỉ có thể là xây dựng hợp tác xã, xây dựng hạm đội chung, đây rõ ràng là muốn khống chế, muốn thuê mượn. đưa ra vấn đề mỗi bên sở hữu một nửa, là một vấn đề chính trị. Đã nói tới điều kiện chính trị, thì chỉ một nửa ngón tay cũng không thể được. Mao Trạch Đông muốn Iukin, Đại sứ Liên Xô tại Trung Quốc cứ báo cáo trung thực ý kiến của mình cho Khorútsốp, không cần phải màu mè gì cả, nghe rồi mà Khorútsốp càng không thích thì ông càng thích. Trước một lập trường nghiêm chỉnh được thể hiện mạnh mẽ như vậy, Khorútsốp bề ngoài không nói gì, nhưng thực tâm thì đã quyết cứ làm theo cách của mình.

Khorútsốp còn hằng hái thực hiện đường lối Xô-Mỹ hợp tác làm chúa tể thế giới, và âm mưu lôi kéo Trung Quốc vào quỹ đạo đó. Ngày 23 tháng 8 năm 1958, Trung Quốc pháo kích Kim Môn để trừng phạt quân Tưởng quấy rối đại lục, ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ của nhân dân A Rập. Liên Xô rất không bằng lòng với việc làm này, của Trung Quốc, lo sẽ gây ra xung đột Trung-Mỹ, làm trở ngại cho tiến trình hợp tác Xô-Mỹ của họ. Thế là Gờrômucô lập tức được phái sang thăm Trung Quốc, còn mang theo cả bức ảnh chụp cuộc thử nghiệm vũ khí hạt nhân mời Mao Trạch Đông và toàn thể Ủy viên Bộ Chính trị cùng xem, như có ý dọa Trung Quốc. Quan tâm tới vấn đề đoàn kết, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã cử Trần Nghị thông báo với Gờrômucô là hai cả hai phía Trung-Mỹ không có ý định đánh nhau mà nếu vạn nhất chiến tranh có nổ ra thì Trung Quốc cũng không lôi kéo Liên Xô vào cuộc. Khi đó, họ mới yên tâm, biểu thị thái độ ủng hộ Trung Quốc.

Ngày 20 tháng 6 năm 1959, Liên Xô đơn phương xé bỏ Hiệp định Trung-Xô về kỹ thuật Quốc phòng mới, từ chối không giúp Trung Quốc chế tạo vũ khí hạt nhân.

Hạ tuần tháng 9 cùng năm, Khorútsốp sau khi đi thăm Mỹ đã sang Trung Quốc tham dự lễ Quốc khánh. - Ngày 2 tháng 10, Trung-Xô tổ chức hội đàm cấp cao, Khorútsốp đứng ra nói giúp Aixenhao, muốn Trung Quốc thả tên đặc vụ Mỹ đang bị giam giữ, còn kể rằng Lênin trước đây đã từng cho thành lập nước Cộng hòa Viễn Đông ở Xibêri, ám chỉ Trung Quốc cũng có

thể để Tưởng Giới Thạch, con người “không tiêu diệt được Đảng Cộng sản thì chết không nhắm mắt” ấy, tạm thời thành lập “nước Cộng hòa Đài Loan”. Điều đó lẽ đương nhiên Trung Quốc từ chối. Sau sự việc này, Mao Trạch Đông nói, họ không chống Mỹ thì chúng ta chống Mỹ; tình thế lúc này, Mỹ buộc chúng ta phải chống, không thể không chống được. Các bạn bè bị Mỹ áp bức đòi hỏi chúng ta ủng hộ, chúng ta không thể không ủng hộ.

Khorútsóp không dừng lại ở đó. Ngày 23 tháng 8 năm 1962, Liên Xô thông báo cho Trung Quốc biết Mỹ đề nghị Liên Xô ký kết “Hiệp định ngăn chặn phổ biến hạt nhân” và Liên Xô đã trả lời đồng ý. Đây là một sự thỏa thuận giữa hai nước nhằm chống lại Trung Quốc, đồng mưu trời chân trời tay Trung Quốc, để họ lũng đoạn vũ khí hạt nhân, hợp tác với nhau làm chúa tể thế giới. Trung Quốc dĩ nhiên không thể đồng ý được. Liên Xô nói, họ có thể bảo vệ Trung Quốc bằng vũ khí hạt nhân của họ. Nếu Trung Quốc chấp nhận thì có nghĩa là phải nghe theo sự điều khiển của họ, bằng không họ sẽ múa may vũ khí hạt nhân trên đầu Trung Quốc. Ngày 25 tháng 7 năm 1963, đúng vào lúc hai Đảng Trung-Xô đang hội đàm ở Mátxcôva, Liên Xô lại một lần nữa chống Trung Quốc, đã ký kết “Điều ước cấm thử vũ khí hạt nhân” âm mưu ngăn chặn Trung Quốc tiến hành thử vũ khí hạt nhân.

Khorútsóp vô cùng tức giận vì Trung Quốc dám không nghe theo gây chỉ huy của ông ta, liền dùng hết cách này đến cách khác gây áp lực với Trung Quốc, hồng buộc Trung Quốc phải khuất phục. áp lực chính trị không kết quả, liền chuyển sang dùng áp lực kinh tế và áp lực quân sự. Một Đảng Liên Xô không được, thì triệu tập Hội nghị quốc tế để vây đánh Trung Quốc; một lần không xong, lại làm tiếp lần thứ hai, quyết tâm phải đạt kỳ được mục đích mới thôi. Chính là do Khorútsóp liên tục có những hành động thô bạo đã đẩy quan hệ Trung-Xô tới bên bờ vực thẳm của sự tan vỡ, làm cho “Hiệp định hỗ trợ đồng minh hữu nghị Trung-Xô” đi tới chỗ hữu danh vô thực. Giờ đây, Khorútsóp đã bị hạ bệ, lý ra phải là thời cơ chuyển biến để cải thiện mối quan hệ Trung-Xô.

Năm chấc thời cơ, Thủ tướng Chu Ân Lai thăm Liên Xô

Mao Trạch Đông xưa nay coi trọng việc đoàn kết với Liên Xô. Sau khi được tin Khorútsóp bị hạ bệ, liền lập tức họp Bộ Chính trị, thảo luận xu thế chính trị ở Liên Xô và đối sách của Trung Quốc. Dù chưa hiểu rõ tình hình, nhưng căn cứ vào tình hình quốc tế lúc đó và phương châm nhất quán kiên trì đoàn kết, chống chia rẽ của đảng Trung Quốc, Mao Trạch Đông và Trung

ương Đảng nhanh chóng đưa ra quyết sách phải nắm chắc thời cơ Khorútsốp bị hạ bệ, áp dụng bước đi mạnh mẽ tranh thủ xu thế xoay chuyển quan hệ Trung-Xô.

Ngày 16 tháng 10, Thủ tướng Chu Ân Lai gọi điện thoại cho Dư Trạc Vụ trưởng vụ Liên Xô- Đông Âu Bộ Ngoại giao nói rằng, Chủ tịch Mao Trạch Đông chỉ thị, gửi điện mừng cho ban lãnh đạo mới Liên Xô với liên danh Mao Trạch Đông, Lưu Thiệu Kỳ, Chu Đức, Chu Ân Lai, bày tỏ gửi gắm rất nhiều hy vọng vào họ. Dặn dò Dư Trạc Vụ lập tức viết bản thảo trình duyệt. Mao Trạch Đông còn nói, điện mừng phải gửi tới ba người Borêgionép, Cosughin, Micóian. Đây không phải là điện mừng mang tính nghi lễ chung chung, mà là văn kiện quan trọng gửi vào thời điểm quan trọng. Bức điện ngay hôm đó được phó Vụ trưởng vụ Liên Xô Đông Âu Bộ Ngoại giao Từ Minh trao cho Đại sứ Liên Xô ở Trung Quốc Sécvonenkô, tới hôm đó được phát thanh, ngày hôm sau đăng trên báo. Điện mừng có đoạn: “Chúng tôi chân thành hy vọng nhân dân Liên Xô anh em, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô và Chính phủ Liên Xô, từ nay về sau giành được nhiều thành tựu mới trong công cuộc xây dựng và đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới. Chúc hai đảng, hai nước Trung-Xô đoàn kết lại trên cơ sở chủ nghĩa Mác Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản”.

Sau đó, Mao Trạch Đông đề nghị và được Trung ương thảo luận quyết định cử phái đoàn Đảng, Chính phủ do Chu Ân Lai dẫn đầu tới Mátxcova chúc mừng 47 năm kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười. Chu Ân Lai nói với Dư Trạc Vụ, năm nay không phải là năm làm lễ kỷ niệm lớn, Liên Xô không mời và thực ra Trung Quốc cũng không cần cử đoàn đại biểu đi; nhưng để tìm hiểu chiều hướng thực sự của ban lãnh đạo mới Liên Xô, tìm con đường mới đoàn kết chống kẻ thù, Trung Quốc vẫn quyết định chủ động cử đoàn đại biểu sang Mátxcova chào mừng, và đề nghị các nước xã hội chủ nghĩa cũng cử phái đoàn Đảng, Chính phủ đi chúc mừng để nhân dịp này tiếp xúc trực tiếp với ban lãnh đạo mới Liên Xô, trao đổi ý kiến. Cho dù chuyến đi này không thu được kết quả như mong muốn, cũng chứng tỏ được thiện chí mưu cầu đoàn kết Trung-Xô, chống kẻ thù. Đây là nước cờ chính trị quan trọng cả thế giới quan tâm.

Chu Ân Lai tranh thủ gặp Đại sứ Liên Xô và các nước Xã hội chủ nghĩa ở Bắc Kinh, thông báo cho họ về chủ trương Trung ương Đảng và Chính phủ Trung Quốc, nhấn mạnh mục đích của Trung Quốc là tìm kiếm đoàn kết và đề nghị họ báo cáo với Trung ương Đảng và Chính phủ nước mình. Cần nhắc việc

Liên Xô đã chủ động cắt đứt quan hệ Đảng và quan hệ Ngoại giao với Anbani, Chu Ân Lai đặc biệt lưu ý giải thích cho họ ý định chủ động sử dụng hành động này của Trung Quốc, phân tích dù cho kết quả của việc làm này thế nào đi nữa đều chỉ có lợi và vô hại cho sự nghiệp chung. Ngoài Anbani, Đại sứ các nước Xã hội chủ nghĩa khác đều tỏ ra vui mừng đối với lời nói và sự giải thích của Thủ tướng Chu. Đảng và Chính phủ các nước cũng nhanh chóng trả lời khẳng định về chủ trương của Trung Quốc. Liên Xô cũng nhanh chóng gửi lời mời tới Trung Quốc và các nước anh em khác. Điều đó chứng tỏ đề xướng của Trung Quốc rất phù hợp với lòng người.

Trung ương quyết định, cử phái đoàn Đảng và Chính phủ Trung Quốc do Phó chủ tịch Đảng, Thủ tướng Quốc vụ viện Chu Ân Lai làm trưởng đoàn, Ủy viên thường vụ Bộ chính trị, Phó thủ tướng Quốc vụ viện Hạ Long làm Phó trưởng đoàn, phái đoàn gồm những người phụ trách các mặt có liên quan như Lưu Hiểu, Ngũ Tu Quyền, Phan Tự Lực, Kiều Quán Hoa, Diêu Tấn, Dư Trám.

Trung ương còn quyết định, tại Bắc Kinh mở rộng quy mô các hoạt động chào mừng kỷ niệm 47 năm Cách mạng Tháng Mười. Ngày 5 tháng 11, Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Đức, Chu Ân Lai liên danh gửi điện mừng tới Ban lãnh đạo mới Liên Xô. Ngày 6 tháng 10, các giới ở thủ đô tổ chức mít tinh chào mừng kỷ niệm 47 năm Cách mạng Tháng Mười. Tại cuộc mít tinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ tịch hội Hữu nghị Trung-Xô Lưu Ninh Nhất đọc diễn văn. Ngày 7 tháng 11, Phó Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Lưu Thiếu Kỳ, Tổng Bí thư Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Đặng Tiểu Bình tham dự buổi chiêu đãi quốc khách của Sứ quán Liên Xô tại Trung Quốc. Tại buổi chiêu đãi, Phó Ủy viên trưởng ủy ban thường trực Quốc hội Bành Chân đọc bài diễn văn chan chứa nhiệt tình. Cùng ngày, “Nhân dân nhật báo” đăng xã luận nhan đề “Đoàn kết dưới ngọn cờ Cách mạng Tháng mười vĩ đại”. Ngày 8 tháng 11, “Nhân dân nhật báo” đăng toàn văn báo cáo của Borègionép trong mít tinh chào mừng 47 năm Cách mạng Xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại ở Mátxcova. Không phải vào những năm chẵn (5 năm hoặc 10 năm) mà lễ chào mừng Cách mạng Tháng Mười được tổ chức long trọng như vậy quả là khác thường.

Con đường mới mưu cầu đoàn kết Trung-Xô

Ngày 5 tháng 11 năm 1964, phái đoàn Đảng và Chính phủ Trung Quốc đi chuyên cơ đến Mátxcova, được các nhà chức trách Liên Xô do Ủy viên

đoàn Chủ tịch Trung ương Đảng Liên Xô, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Còsughin dẫn đầu ra sân bay đón tiếp. Tối hôm đó, đoàn nghỉ tại biệt thự của Chính phủ Liên Xô trên đồi Lênin. Đây là một toà kiến trúc không lớn với một vườn hoa nho nhỏ, nơi mà phái đoàn cấp cao Trung Quốc đã ở thời kỳ Khorútsốp còn cầm quyền. Cơm chiều xong, mọi người đi dạo trong vườn hoa, thấy khuôn viên vẫn như cũ, chỉ có đổi chủ mà thôi, bất giác thấy hơi buồn. Có người nhớ tới bài thơ thất ngôn tuyệt cú “Tái du Huyền Đô quán” (Thăm lại quán Huyền Đô) của nhà thơ đời Đường Lưu Vũ Tích: “Bách mẫu viên trung bán thị đài. Đào hoa tịnh tận thái hoa khai. Chùng đào đạo sĩ qui hà xứ? Tiển độ Lưu lang kim hựu lai”. (Tạm dịch: Vườn trăm mẫu rêu phong một nửa. Hoa đào tàn hết, nở hoa lau. Đạo sĩ trông đào về đâu tá? Chàng Lưu thuở trước lại về đây), liền đổi từ “Lưu lang” trong bài thơ thành “Chu lang” rồi đọc tặng Thủ tướng Chu Ân Lai. Sau khi về nước, kể lại chuyện này với Mao Trạch Đông, có người bảo gọi Thủ tướng Chu là “Chàng Chu” có phần nào bất kính. Mao Trạch Đông không nghĩ như vậy, ông bảo, vẫn phải là “Chàng Chu” mới hay.

Từ lúc đến biệt thự, Chu Ân Lai không có thời gian dạo chơi với mọi người. Nghỉ ngơi chốc lát, ông bắt đầu tất bật với công việc, ngày đêm liên tục hoạt động. Đến thăm hỏi xã giao các vị lãnh đạo mới Liên Xô và phái đoàn các nước, rồi lại đón tiếp họ tới thăm đáp lễ, tham dự các hoạt động chào mừng, tranh thủ mọi dịp để tiếp xúc với các nhà lãnh đạo Liên Xô và phái đoàn các nước, tiến hành hội đàm không chính thức và chính thức, tìm hiểu quan điểm của họ, trình bày nguyện vọng đoàn kết chống kẻ thù của Trung Quốc. Cứ khoảng 10 giờ đêm, Chu Ân Lai cùng các đồng chí trong đoàn tập hợp ở Đại sứ quán Trung Quốc, trao đổi tình hình, nghiên cứu các hoạt động cho ngày hôm sau, rồi báo cáo xin ý kiến Trung ương. Hàng ngày, cứ 12 giờ đêm ông mời Phó Thủ tướng Hạ Long nghỉ trước vì lý do sức khoẻ không được tốt, còn ông cùng với mọi người tiếp tục làm việc tới 3, 4 giờ sáng hôm sau. Khoảng 7 giờ, ông đã dậy và lại bắt đầu những hoạt động căng thẳng..

Đông đảo cán bộ và nhân dân Liên Xô hoan nghênh phái đoàn Đảng, Chính phủ Trung Quốc sang thăm vào thời điểm không bình thường này, nhưng cũng dễ thấy họ đều tỏ ra rất thận trọng khi biểu lộ tình cảm. Ngoài những trường hợp vì nhiệm vụ cần có sự tiếp xúc chuyện trò với các đại biểu, nhiều bạn cũ Liên Xô thấy phái đoàn Trung Quốc, thường chỉ chăm chú nhìn và lặng lẽ bày tỏ sự hoan nghênh bằng các kiểu khác nhau. Cũng có người xúc động rơi nước mắt. Có những bạn mới khi tới bắt chuyện với phái đoàn,

bày tỏ luyện tiếc tình hữu nghị Trung-Xô trước kia, nhưng nhân viên an ninh Liên Xô công nhiên cản trở những cuộc tiếp xúc ấy, buộc họ phải lặng lặng bỏ đi. Phái đoàn Trung Quốc cảm thấy đây là dấu hiệu không lành. Lãnh đạo mới Liên Xô nếu có ý cải thiện quan hệ Trung-Xô, thì làm sao lại thiếu lịch sự như vậy? Sự việc phát triển sau đó, thật không may đã chứng minh sự suy đoán ấy.

Phái đoàn Trung Quốc sau khi đến Liên Xô đã gặp một sự kiện chính trị cực kỳ nghiêm trọng, xảy ra trong tiệc chiêu đãi Quốc khánh Liên Xô tổ chức long trọng ở điện Kremli. Sau khi chào hỏi chuyện trò với lãnh đạo Liên Xô, Thủ tướng Chu Ân Lai đi tới chỗ các nguyên soái Liên Xô tụ tập để chuyện trò với họ. Khi ấy, Malinópski đi tới, nhìn Thủ tướng Chu rồi nói bầy:

- Đứng để cho Khorútsóp và Mao Trạch Đông cản trở chúng ta.

Chu Ân Lai lập tức nghiêm sắc mặt quát lại luôn:

- Ông nói láo cái gì thế? Rồi phẩy tay bỏ đi luôn. Nhưng Malinópski cứ như phát rồ phát dại, nói lung tung sau khi Thủ tướng Chu đã bỏ đi:

- Chúng tôi đã hạ bệ Khorútsóp rồi, bây giờ đến lượt các ông hạ bệ Mao Trạch Đông.

Khi ấy Thủ tướng Chu và người phiên dịch đã đi xa rồi, không nghe thấy nữa. Một phiên dịch khác nghe thấy nhưng cũng không kịp tìm Thủ tướng Chu để báo cáo chuyện ấy. Malinópski thấy Chu Ân Lai đi rồi, liền tới chỗ Phó Thủ tướng Hạ Long tiếp tục khiêu khích, dùng những lời lẽ thô lỗ khó lọt tai lảng mạ Xtalin và Mao Trạch Đông, rồi nhanh chóng rời phòng tiệc.

Chu Ân Lai sau khi về Sở quán Trung Quốc, chăm chú nghe báo cáo của mấy người phiên dịch, đối chiếu từng chi tiết và phân tích toàn bộ vụ khiêu khích của Malinópski, liên hệ tới những hoạt động lật đổ các Đảng anh em của Liên Xô, cho rằng đây quyết không phải là sự kiện ngẫu nhiên, mà là sự hạ nhục không thể dung thứ đối với Đảng, Nhà nước, nhân dân Trung Quốc và lãnh tụ Mao Trạch Đông, là ngang nhiên kích động lật đổ lãnh tụ của Đảng và Nhà nước Trung Quốc, phải nghiêm túc đối phó.

Sáng hôm sau, lãnh đạo mới Liên Xô đến thăm đáp lễ Thủ tướng Chu tại nơi phái đoàn ở. Sau một lúc hàn huyên, Thủ tướng Chu kháng nghị mạnh mẽ về vụ khiêu khích của Malinópski. Đối phương trả lời:

- Malinópski uống rượu đã nói bừa, không đại diện cho Đảng Cộng sản Liên Xô. Ông ta đã bị Trung ương khiển trách. Chúng tôi xin lỗi các đồng chí Trung Quốc.

Chu Ân Lai nghiêm khắc bác lại:

- Không phải Malinópski uống rượu rồi nói bừa, mà là mượn rượu để nói ra sự thật. Đây không phải đơn thuần là hành động ngẫu nhiên của một cá nhân, nó phản ánh trong Ban lãnh đạo Liên Xô vẫn có người tiếp tục cách làm của Khorútsốp, tức là tiến hành lật đổ lãnh đạo Trung Quốc, khuynh hướng tự cho mình là “đảng bố” vẫn còn tồn tại. Việc hạ nhục đồng chí Mao Trạch Đông, lãnh tụ của nhân dân Trung Quốc và Đảng Trung Quốc trước công chúng và trước phái đoàn Trung Quốc là một thủ đoạn xấu xa mà ngay cả thời Khorútsốp đương quyền cũng chưa từng sử dụng.

Brêgionép:

- Chúng tôi xin lỗi các đồng chí với danh nghĩa Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đó là sự xin lỗi cao cấp hơn sự xin lỗi của Malinópski

Pốtgoócnuir chêm vào:

- Chúng tôi có ranh giới rõ rệt với Malinópski.

Chu Ân Lai vạch tiếp:

- Ngày mồng 8, các hãng thông tấn của Mỹ, Pháp, Anh đều đưa tin từ Mátxcova rằng, các nhân vật quyền uy ở đây nói, Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thoả thuận đòi Mao Trạch Đông rút lui để Chu Ân Lai làm Chủ tịch Đảng. Phải chăng đây là một sự trùng hợp ngẫu nhiên! Nếu như trong các nhà lãnh đạo Liên Xô không có tư tưởng ấy, liệu Malinópski có dám nói năng bậy bạ như vậy không?

Trả lời:

- Malinópski nói bừa và chúng tôi đã xin lỗi rồi, vấn đề này đề nghị chấm dứt ở đây.

- Chưa chấm dứt được, chúng tôi còn phải nghiên cứu, phải báo cáo với Trung ương - Thủ tướng Chu Ân Lai trả lời.

Brêgionép nói:

- Đương nhiên rồi! Đương nhiên rồi!

Malinópski trong tiệc chiêu đãi quốc khánh Liên Xô ngang nhiên hô hào lật đổ sự lãnh đạo của Mao Trạch Đông, điều đó không những gây trở ngại nghiêm trọng cho cuộc hội đàm Trung-Xô vẫn chưa chính thức bắt đầu, mà còn gây ra vết thương lâu dài khó bề chữa khỏi trong quan hệ Trung-Xô.

Thủ tướng Chu Ân Lai sớm đã thông báo cho Ban lãnh đạo mới của Liên Xô rằng phía Trung Quốc muốn cùng với họ tiến hành tiếp xúc, trao đổi tình hình, tìm kiếm con đường mới, mưu cầu Trung-Xô đoàn kết chống đế quốc. Nếu Liên Xô thật sự có nguyện vọng cải thiện quan hệ Trung-Xô, thì nhân cơ hội tốt đẹp này, chân thành gặp phía Trung Quốc bày tỏ ý muốn đoàn

kết chống kẻ thù của mình, chủ động nói rõ nguyên nhân giải nhiệm chức vụ của Khorútsóp là vấn đề mà Trung Quốc quan tâm nhất. Nhưng sự thực lại không như thế. Từ ngày 5 tháng 11 phái đoàn Trung Quốc đến Mátxcova, tới ngày 9 tháng 11 trước khi hai bên chính thức hội đàm lần thứ nhất, dù Thủ tướng Chu từ nhiều phía, thăm dò các nhà lãnh đạo mới Liên Xô, họ vẫn kín như bưng, không hề hở ra một chút nào. Hội đàm lần thứ nhất bắt đầu, Chu Ân Lai chính thức nêu ra vấn đề này, Brêgionép vẫn không dả động gì, nói có thể lần sau sẽ bàn: “điều này không trở ngại gì cho việc chúng ta nghiên cứu những biện pháp có tính xây dựng để cải thiện quan hệ Trung-Xô”. Ông nói tiếp ngay, “Vấn đề tồn tại giữa chúng ta rất nhiều, hôm nay chỉ nêu một số vấn đề, đề nghị bắt đầu thảo luận việc ngừng luận chiến công khai và tìm các giải pháp xoay quanh vấn đề này”. Kỳ thực Liên Xô hiểu rất rõ, gây ra cuộc tranh luận công khai trước tiên không phải ai khác mà chính là Khorútsóp. Từ năm 1963, tài liệu Liên Xô công khai công kích Trung Quốc tới mấy nghìn bài, tư liệu về việc Liên Xô xúi giục và ép buộc các Đảng anh em khác công kích Trung Quốc càng nhiều vô kể. Cho tới cuộc gặp gỡ cấp cao này, tài liệu của Trung Quốc trả lời việc Liên Xô công kích chưa nhiều. Giờ đây Brêgionép lại nêu ra thảo luận về đề nghị ngừng luận chiến công khai, trong khi đối với việc Khorútsóp đầu tiên gây ra luận chiến công khai, việc Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô công kích Trung Quốc nhiều như vậy, với đề nghị trước đây của Trung Quốc về thôi luận chiến công khai, thì chính ông Brêgionép lại né tránh không trả lời gì cả, vậy thì biết thảo luận như thế nào về lời đề nghị mà ông đưa ra nhỉ?

Vì Brêgionép dứt khoát không nói nguyên nhân chính trị việc giải nhiệm Khorútsóp, nghĩ lại, Chu Ân Lai thấy có nêu lại vấn đề này cũng chẳng ích gì, đành tạm gác sang một bên. Nhưng Thủ tướng cũng không chấp nhận đề nghị của Brêgionép thảo luận ngừng luận chiến công khai, mà nêu ra vấn đề triệu tập Hội nghị phong trào cộng sản quốc tế”, để tìm hiểu xem giữa lãnh đạo mới Liên Xô và Khorútsóp rút cuộc có gì khác nhau và hy vọng trong vấn đề mấu chốt đã gây ra sự bất đồng nghiêm trọng giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc với Khorútsóp, liệu có chỗ nào còn lại để có thể thương lượng với ban lãnh mới Liên Xô.

Thủ tướng nói:

- Đồng chí Brêgionép trong diễn văn chào mừng Cách mạng tháng Mười có nói, việc triệu tập Hội nghị các Đảng anh em đã chín mùi. Theo chúng tôi, điều kiện đâu đã chín mùi, còn phải sáng tạo thêm nữa.

Brêgionép:

- Chỉ có họp mới xóa bỏ được bất đồng, không còn cách nào khác.

Chu Ân Lai hỏi:

- Liệu các đồng chí có lại đưa ra cái Ủy ban khởi thảo sẽ được triệu tập vào ngày 15 tháng 12 năm nay theo quyết định trước đây của các đồng chí?

Brêgionép giọng khẳng định:

- Vâng Ủy ban ấy.

Thủ tướng Chu nói:

- Dùng biện pháp hiệp thương các Đảng anh em để tìm kiếm một giải pháp đạt tới mục đích cuối cùng, tức là triệu tập Hội nghị các Đảng anh em, đây là một chuyện. Còn cứ giữ cái Ủy ban khởi thảo sẽ triệu tập vào 15 tháng 12 như thông báo trong thư ngày 30 tháng 7 năm 1964 của Trung ương Đảng Liên Xô để chuẩn bị cho Hội nghị các Đảng anh em, trên thực tế đó là mệnh lệnh của Khorútsốp, đây là một chuyện khác. Nếu như gần Hội nghị các Đảng anh em với việc triệu tập ủy ban khởi thảo theo mệnh lệnh của Khorútsốp lại với nhau, thì chẳng còn gì để đàm phán nữa. Cho nên vấn đề này vẫn phải trở lại vấn đề Khorútsốp.

Brêgionép nói:

- Hợp là nghị quyết của Đảng anh em, là đề nghị, không phải mệnh lệnh.

Thủ tướng Chu Ân Lai bác lại:

- Trong thư Đảng Trung Quốc gửi các đồng chí ngày 30 tháng 8 đã trả lời rồi, Hội nghị các đồng chí triệu tập đó là Hội nghị chia rẽ, chúng tôi chủ trương họp Hội nghị đoàn kết, phản đối họp Hội nghị chia rẽ. Nếu các đồng chí nhất định cứ họp, chúng tôi kiên quyết phản đối, quyết không tham dự. Đó là nghị quyết của Đảng chúng tôi.

Brêgionép có ý nói thư trả lời của đảng Trung Quốc gửi cho họ là mệnh lệnh. Thủ tướng Chu lập tức dùng lý lẽ tiếp tục phản bác:

- Thư của chúng tôi là thư trao đổi giữa hai Đảng chúng ta, là đề nghị. Các đồng chí thì do một Đảng quyết định thông báo cho 25 Đảng khác đến dự họp, không đến không được! Cho dù một số Đảng không tham dự cũng cứ họp!. Điều đó không phù hợp nguyện vọng hiệp thương giữa các Đảng anh em, cũng không phù hợp nguyên tắc quan hệ giữa các Đảng anh em trong tuyên bố năm 1960 - Chu Ân Lai nêu tiếp - Chúng tôi biết tin từ nhiều phía, vào ngày 12 tháng 2 năm 1964, Trung ương Đảng Liên Xô đã dấu chúng tôi gửi tới các Đảng anh em một bức thư phản đối Đảng Trung Quốc, kêu gọi "phản kích" Đảng chúng tôi, muốn áp dụng "biện pháp tập thể" đối với chúng

tôi. Tối 30 tháng 7, Khorútsóp ra thông báo họp. Rõ ràng, đây là Hội nghị chia rẽ nhằm chống lại Đảng Trung Quốc, vậy làm sao lại có thể hy vọng Đảng chúng tôi tham dự được? Tôi được biết cho tới nay, đã có 7 Đảng quyết định không tham dự Hội nghị 15 tháng 12 ấy. Nếu các đồng chí cứ họp, thì đấy là chia rẽ.

Mặc dù Chu Ân Lai đã khuyên họ không nên gán Hội nghị các Đảng anh em với mệnh lệnh của Khorútsóp ngày 30 tháng 7 với nhau, nhưng họ dứt khoát không thay đổi. Phía Trung Quốc lại đề nghị một phương thức mới, thông qua hiệp thương hai bên và nhiều bên rồi hãy tiến hành Hội nghị nhưng họ vẫn không nghe theo. Thái độ của họ là kiên quyết không thỏa hiệp, bất chấp cả lẽ phải. Micôian vẫn là người “thẳng thắn”, ông ta nói toạc ra:

- Về vấn đề bất đồng với Đảng Trung Quốc, chúng tôi hoàn toàn nhất trí với Khorútsóp, chẳng có gì khác cả.

Phát biểu của Micôian cuối cùng đã chứng thực Ban lãnh đạo mới Liên Xô vẫn kiên trì làm theo kiểu Khorútsóp. Đoàn kết của họ là bất Trung Quốc hy sinh chủ quyền, thứ đoàn kết phải tuân theo gậy chỉ huy của Ban lãnh đạo Liên Xô. Điều đó không thể nào chấp nhận được.

Chu Ân Lai nói:

- Các đồng chí đã chẳng có gì khác với Khorútsóp về sự bất đồng Trung-Xô thì chúng ta chẳng còn gì để bàn nữa cả?

Micôian muốn phân trần, rằng điều ông ta muốn nói là sự bất đồng về tư tưởng. Nhưng họ lại cứ nhấn mạnh “lãnh đạo tập thể”, nghị quyết và cương lĩnh của Đảng đều là “tập thể quyết định”, không theo cái kiểu của Khorútsóp, còn giữa họ và Khorútsóp có cái gì khác biệt thì lại không nói ra được.

Nước cờ của Chu Ân Lai rất tuyệt. Từ một vấn đề cụ thể là triệu tập Hội nghị các Đảng anh em, cuối cùng cái nút chai mà Ban lãnh đạo mới Liên Xô cố tình ấn chặt đã bị bật tung, phơi bày sự hoàn toàn nhất trí về chính sách chống Trung Quốc của họ và Khorútsóp. Phát biểu của Brêgionép và Micôian cuối cùng đã bịt chặt cửa để tìm con đường mới đoàn kết Trung-Xô chống đế quốc lần này.

Sau cuộc hội đàm này, Thủ tướng Chu Ân Lai và các đồng chí trong phái đoàn tổng hợp nghiên cứu tình hình tiếp xúc và các cuộc trao đổi với lãnh đạo Liên Xô và các Đảng anh em khác mấy hôm trước, đã đưa ra một kết luận đúng: “Tình hình bây giờ đã được làm sáng tỏ, tuy Ban lãnh đạo mới đã giải nhiệm chức vụ của Khorútsóp, nhưng họ vẫn kiên trì đường lối của

Khorútsóp, tức là họ vẫn làm “bố”, người khác phải làm “con”. Vấn đề giải nhiệm Khorútsóp cũng chẳng nói với chúng ta điều gì cả, chúng ta tiếp tục ở lại đây cũng vô ích, nhưng đối với ý kiến của họ vẫn phải có sự trả lời chính thức. Trong trả lời vẫn phải chứa ra một con đường thông thoát, việc đó là cần thiết đối với hai nước lớn Trung-Xô”.

Phái đoàn còn thảo luận xem có thể cùng với Liên Xô ra thông báo Trung-Xô liên hợp chống đế quốc hay không, kết luận là không thể làm như vậy được. Vì các nhà lãnh đạo mới Liên Xô, về vấn đề cùng chống đế quốc họ không có hành động thực tế nào, đối với Trung Quốc cũng không chút thỏa hiệp nào, ra một tuyên bố như vậy chỉ giúp cho họ có vốn liếng để tiếp tục đi lừa dối, chứ không thể đạt được mục đích cùng nhau chống đế quốc thật sự. Làm không khéo, có thể còn bị họ đưa vào quỹ đạo Xô - Mỹ hợp tác làm chúa tể thế giới, biến thành quân cờ trên bàn cờ của họ.

Trong hội đàm ngày 11 tháng 11, Chu Ân Lai đã trả lời ý kiến của họ như sau:

- Trong bầu không khí mới, Khorútsóp bị giải nhiệm, phái đoàn các Đảng anh em, các nước anh em đến Liên Xô chúc mừng ngày lễ, tiến hành tiếp xúc, tìm hiểu tình hình, trao đổi ý kiến, xem xét có thể tìm được con đường mới đoàn kết chống đế quốc hay không, đây là toàn bộ kế hoạch của phía Trung Quốc. Giờ đây tình hình đã rõ ràng, các đồng chí không có gì khác biệt với Khorútsóp, do đó rất khó tìm ra tiếng nói chung. Sự khiêu khích của Malinôpski làm cho bầu không khí mới cũng không còn nữa. Bây giờ tôi chính thức có mấy ý kiến:

Thứ nhất, những mong muốn đã bày tỏ trong điện chúc mừng của các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước chúng tôi cũng như trong bài phát biểu chúc mừng của tôi, chúng tôi kiên trì không thay đổi.

Thứ hai, Hội nghị quốc tế các Đảng anh em mà Đảng các đồng chí định tổ chức, tức là Hội nghị bất hợp pháp triệu tập ngày 15 tháng 12, chúng tôi từ chối không tham dự. Nếu các đồng chí cứ hợp, đây là quyền tự do của các đồng chí. Nhưng, chúng tôi khuyên các đồng chí, không nên đi vào ngõ cụt, nên kịp thời dừng lại.

Thứ ba, nếu các đồng chí tiếp tục thi hành đường lối trước đây thì trước khi giải quyết được về cơ bản sự bất đồng về nguyên tắc giữa hai Đảng Trung-Xô, giữa các Đảng anh em, sẽ không bàn gì về việc ngừng luận chiến công khai.

Thủ tướng Chu tiếp tục nói, mặc dù vậy, chúng tôi vẫn mở rộng cửa đối

với các Đảng anh em nêu trong Tuyên bố năm 1960, việc tạo ra bầu không khí mới, biện pháp mới, tìm kiếm con đường mới để xác định tiếng nói chung của chúng ta vẫn có, điều này đòi hỏi hai bên cố gắng nỗ lực. Nếu vẫn kiên trì không đổi cách làm của Khorútsóp thì khả năng này không còn nữa.

Các nhà lãnh đạo Liên Xô cố biện bạch cho việc mình phá hoại hội đàm cấp cao này, có ý đẩy trách nhiệm cho phía Trung Quốc, đã bị Chu Ân Lai kiên quyết bác bỏ:

- Thứ nhất, Micóian nói, các đồng chí hoàn toàn nhất trí với Khorútsóp về sự bất đồng Trung-Xô thì chẳng còn gì để bàn bạc nữa; thứ hai, các đồng chí vẫn chủ trương triệu tập Hội nghị theo thông báo ngày 30 tháng 7, tức là kiên trì thái độ của “đảng bố”; thứ ba, sự khiêu khích của Malinópski đã làm hỏng không khí đàm phán.

Ngày 12 tháng 11, hai bên Trung-Xô tổ chức hội đàm lần cuối cùng. Theo chương trình, Brêgionép trình bày nguyên nhân Khorútsóp bị hạ bệ. Quả đúng như dự đoán của Chu Ân Lai, nội dung chẳng có gì mới. Để đá quả bóng về phía Trung Quốc, Brêgionép đưa ra đề nghị của Trung ương Đảng Liên Xô: chỉ cần phía Trung Quốc chuẩn bị tốt, sẽ tổ chức hội đàm cấp cao hai nước để trao đổi ý kiến về hàng loạt vấn đề, tức là tiến tới từng bước một, khôi phục sự tin cậy giữa Đảng Cộng sản Liên Xô và Đảng Cộng sản Trung Quốc, giữa Liên Xô và Trung Quốc, tăng cường đoàn kết giữa hai bên. Chu Ân Lai nói sẽ báo cáo Trung ương và để trả lời thẳng vào đề nghị của Liên Xô, ông nhắc lại câu nói hôm trước “cánh cửa của chúng tôi vẫn rộng mở”.

Ngày 13 tháng 11, phái đoàn Trung Quốc đi chuyên cơ rời Mátxcova về nước. Còsughin trong ô tô trên đường ra sân bay đi tiễn, nói với Chu Ân Lai:

- Chúng tôi và Khorútsóp vẫn có chỗ khác nhau, nếu không vì sao lại phải miễn nhiệm chức vụ của đồng chí ấy?

Chu Ân Lai hỏi lại:

- Khác nhau ở chỗ nào

Còsughin vẫn lấp lửng tránh không nói ra.

Chương VIII

Bố trí “vành đai trắng lưỡi liềm”. Mỹ dẫn sâu vào cuộc chiến tranh lạnh” ở Châu Á. Hồ Chí Minh đi thăm Trung Quốc. Mao Trạch Đông nói: Cần người có người, cần vật có vật.

I TỪ HẬU TRƯỜNG BƯỚC RA SÂN KHẤU

Ngày độc lập bi thảm

Ngày 4 tháng 7 năm 1776, “Hội nghị đại lục lần thứ hai của nhân dân Bắc Mỹ tổ chức tại thành phố Philadenphia, đã bầu Gioócgior Oasinhton làm Tổng tư lệnh quân đội, thông qua “Tuyên ngôn Độc lập” của Hoa Kỳ, bởi vậy ngày đó được coi là ngày Độc Lập của nước Mỹ.

Ngày độc lập năm 1969, thành phố Bas bang Kentúcky nằm giữa trung tâm nước Mỹ chìm trong không khí bi thảm nặng nề, không cờ hoa, không mít tinh, không có những bữa tiệc ngoài trời, lễ vật người ta mang tặng cho ngày vui năm nay là thi hài của bốn thanh niên vừa được đưa về từ chiến trường Việt Nam ở tận Châu á xa xôi.

Một ngày Tết được chúc mừng, được nhân dân Mỹ coi là niềm tự hào, đã trở thành ngày tang lễ.

Thị trường thành phố cho khắc thêm bốn cái tên mới trên tấm bia kỷ niệm, hạ lệnh để tang bốn ngày.

Tai hoạ như từ trên trời giáng xuống. Cả thành phố Bas, không chỉ những gia đình có người thân tham gia chiến trận, mà tất cả những người đang sống đều cảm thấy trong lòng vô cùng xúc động. Bóng đen của cuộc chiến tranh Việt Nam một lần nữa lại phủ lên tâm hồn mỗi con người ở đây.

Mười lăm người con của thành phố nhỏ bé này đã chết, trong đó bốn người đã thiệt mạng vào ngày 19 tháng 6 năm 1969 trên một cao điểm phía bắc Đà Nẵng vốn được mệnh danh là “lá chắn thép”.

Một người may mắn sống sót nói: “Chúng tôi là quân dự bị, chúng tôi thường xuyên lĩnh tiền do Chính phủ cấp, đã đến lượt chúng tôi phải đi làm

nghĩa vụ. Bảo chúng tôi đi thì chúng tôi đi”.

Thêm một người sống sót nữa nói: “Tôi cảm thấy mình đúng. Tôi ở trong đội dự bị, tôi muốn đóng góp một phần sức lực của mình”.

Một bà mẹ tiễn con đi chiến trường nhớ lại: “Nó cứ nói với tôi mãi, mẹ đừng khóc, con sẽ trở về. Nhưng khi tôi nhìn nó lần cuối cùng, tôi thấy mắt nó nhoà nước”.

Những con người lương thiện không hề biết đến sự tàn khốc của chiến tranh. Về lợi ích của cái gọi là “thế giới tự do”, thực hiện cái gọi là “nghĩa vụ công dân”, chính giây phút họ bước vào cuộc hành trình phiêu lưu đó cũng là lúc cái kết cục bất hạnh không thể tránh khỏi đã được quyết định. Đúng như lời tiên đoán trong mấy vần thơ của một nhà thơ Anh được tướng Hakin, tư lệnh quân Mỹ xâm lược Việt Nam trước đây, vẫn thường tòm tìm gặt gù đọc:

Tận cùng của cuộc chiến

Là hàng bia trắng tinh.

Tên những người, mới ngã .

Được khắc thêm cho đầy.

Dòng chữ âm thầm nói:

“Một thằng ngốc nằm đây!

Phương Đông xa xôi quá,

Muốn nuốt trời, được?”

“Tuý ngọa sa trường xuân mạc tiến. Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hoàn?”⁽¹⁾ Đó là khí phách hào hùng và bi tráng của một trận xuất quân chính nghĩa, một cuộc chiến tranh chính nghĩa. Thế nhưng, cuộc chiến tranh Việt Nam không phải như vậy, đó là một cuộc chiến tranh phi nghĩa không được nhân dân Mỹ ủng hộ và giúp đỡ, cuộc chiến tranh này không mang lại vinh dự và tự hào cho nước Mỹ mà chỉ toàn những nỗi ê chề và thương tích.

Một quả phụ của thành phố nhỏ bé này, khi nhận được giấy báo tử và điện chia buồn của Chính phủ, đứa con gái của chị vừa ra đời được năm ngày. Chị nói “Tôi cảm thấy cha của con nhỏ đã bị lừa gạt. Tôi cảm thấy sợ hãi.” Một bà mẹ khác nói: “Tất cả bọn trẻ chúng nó đều bị lừa !”

Thị trường thành phố nói: “Những người ở đây sẽ không bao giờ quên, nhất định sẽ không bao giờ quên. Những người dân ở thành phố này đều

(1) Hai câu thơ trong bài “Lương Châu tử” của Vương Hàn- một nhà thơ thời Đường (TQ) “Say khướt sa trường anh chờ mả. Xưa nay chinh chiến mấy ai về?” - ND

không thể nào quên được cuộc chiến tranh đó. Một quân nhân giải ngũ nói: “Anh biết đấy, tôi đã ở đấy một năm, song chưa bao giờ tôi vun đắp được tình yêu đối với những con người ở đó. Có lẽ tôi nên yêu mến họ, điều mà tôi cần tìm kiếm. Song, tôi yêu cái đất nước này, đất nước này của tôi cần tôi đi, đó là lý do tôi ra đi, hơn thế nữa, là lý do để tôi tình nguyện đi. Có thể tôi sẽ còn đi tới những nơi khác nữa, ai mà biết được?”

Từ Aixenhao, Kennodi bị lôi cuốn, Giônxon bị sa lầy cho đến Nichxon phải rút quân, vấn đề Việt Nam đã làm khốn đốn bốn đời Tổng thống Mỹ.

Cho đến hôm nay, khói súng sớm đã tiêu tan trên đất nước Việt Nam, những cánh rừng nhiệt đới trơ trụi bởi bom đạn cày sỏi nay lại hồi sinh tươi tốt, những tốp người Mỹ đi tìm hài cốt các chiến binh trong cuộc chiến tranh xâm lăng vừa qua được Chính phủ Việt Nam cho phép đã trở lại chiến trường xưa, tất cả hầu như đều đã đổi thay, song chỉ có điều, tất cả những người Mỹ đã lớn lên cùng với thời đại vẫn hiểu sâu sắc rằng: một sớm mai tình lại sau cơn ác mộng, đối với họ, một cuộc chiến tranh Việt Nam vẫn là nỗi ám ảnh không chịu buông tha họ.

Vĩ tuyến 17: Điểm gãy trên chiếc đòn gánh.

Người Việt Nam thường ví: Hình dáng nước Việt Nam giống như chiếc đòn gánh tre của người nông dân phương Đông đang để gánh hai chiếc thúng ở hai đầu. Hai chiếc thúng đó là hai trong số những khu vực đông dân cư nhất, giàu lúa gạo nhất trên thế giới: một là châu thổ sông Hồng ở miền Bắc, là châu thổ sông Mê Kông ở miền Nam. Thân đòn gánh là dải đất miền Trung dài hẹp và quanh co với trập trùng đồi núi, bạt ngàn những cánh rừng và những rẻo đất phì nhiêu vùng duyên hải.

Đó là một đất nước kỳ diệu với hàng ngàn năm lịch sử, với những sản vật vô cùng phong phú quý hiếm trong đó phải kể tới những cánh rừng nhiệt đới mệnh mông và bạt ngàn những vườn cao su, với những con người giàu tinh thần yêu nước và lòng tự tôn dân tộc.

Vậy mà, đã mấy trăm năm, xứ sở đó vẫn chưa lúc nào tàn ngọn lửa và khói đạn chiến tranh, nhân dân xứ sở đó vẫn phải đổ máu và nước mắt, đau đã được sống những ngày hạnh phúc, hòa bình.

Từ cuối thế kỷ 19, quân đội thực dân Pháp từ phía trời Âu tới đã đặt chân lên mảnh đất nước này, biến nơi đây trở thành nơi cung cấp nguyên liệu và lao động rẻ mạt cho nước Pháp, thành nơi tiêu thụ hàng hóa ế thừa và nơi để cho bọn thực dân đến tìm kiếm những thú vui. Nền cai trị mang đầy tính

chất xâm lược và ăn cướp của người Pháp kéo dài trong suốt một thế kỷ.

17 giờ ngày 13 tháng 3 năm 1954, đại bác Điện Biên Phủ của Việt Nam bắt đầu gầm thét, kéo dài liên tục, đình tai nhức óc, long trời lở đất với khí thế dờn non lấp biển, đã tuyên cáo sự kết thúc hoàn toàn và triệt để sự xâm lược của thực dân Pháp trên sứ sở diệu kỳ này.

Tháng 5 năm 1954, Hội nghị Giơnevơ lại được triệu tập nhằm chấm dứt cuộc chiến tranh giữa thế lực thực dân Pháp với nhân dân Việt Nam do Đảng cộng sản của Hồ Chí Minh lãnh đạo. Mỹ, Pháp, Anh, Liên Xô và Trung Quốc đã cử đại diện tham dự hội nghị. Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng cũng có mặt.

Lúc này, người Việt Nam đã đại thắng ở Điện Biên Phủ, tân Chính phủ Pháp do Măngđét Phrăng lãnh đạo cũng chuẩn bị thỏa hiệp. Chính sách hoà giải của nước Pháp là chính sách hiện thực và thực dụng. ở miền Bắc Việt Nam, Pháp đã đầu tư lớn vào các khu mỏ than, ngành xi măng và công nghiệp nặng; ở miền Nam, Pháp có đồn điền cao su và các loại đồn điền khác. Những sự đầu tư này xét về mặt kinh tế hiện chưa thu được nhiều lợi nhuận lắm, song sau này có thể kiếm được lời nhiều hơn ở một nước Việt Nam thống nhất và hoà bình. Nếu sự hợp tác về chính trị thất bại, nhưng chỉ cần Pháp vẫn giữ được các ngành công nghiệp và nhân viên kỹ thuật ở Việt Nam, tình hình sẽ không đến nỗi quá tồi tệ, vì miền Bắc cần công nghệ và kỹ thuật của Pháp để xây dựng lại sau chiến tranh. Do đó, sau chiến dịch Điện Biên Phủ, Thủ tướng Măngđét Phrăng đã lập tức bắt tay vào việc tìm kiếm con đường hoà giải với Việt Minh, cử Xanhtoni đi Hà Nội tìm cách thiết lập quan hệ mới về văn hóa và kinh tế. Đối với người Pháp đã bị lao đao trong một cuộc chiến tranh kéo dài, nước Pháp bị tổn thương tranh thủ được sự hiểu biết của Việt Nam là một trong những con đường chữa chạy vết thương tốt nhất. Nước Pháp không muốn sau thất bại Điện Biên Phủ lại bị nhục nhã ở Giơnevơ. Là người đứng ra bảo đảm hòa bình, nước Pháp cần thiết phải tỏ ra là có thiện chí.

Mỹ cảm thấy không thể hiểu nổi ý nghĩ của người Pháp sau thất bại thảm hại tại Điện Biên Phủ. Mỹ biết Chủ tịch Hồ Chí Minh sẽ là người chiến thắng trong cuộc bầu cử, nhưng đồng thời cũng quyết tâm ngăn chặn tình hình đó xảy ra. Người Mỹ lo sợ thắng lợi của Hồ Chí Minh sẽ khiến một loạt nước ở Đông Nam á theo nhau sụp đổ giống như chơi bài đô-mi-nô. Dưới con mắt của Quốc vụ khanh Đalét, biểu hiện của người Pháp ở Giơnevơ chẳng khác gì là "dấu hàng", và điều tồi tệ hơn, hành động tích cực bắt tay thân thiện với Hà Nội của họ đồng nghĩa với việc đẩy nhanh cái ngày Hồ Chí Minh "nhất thống thiên hạ" càng mau tới.

Việc Mỹ nấp sau sân khấu để giật dây xem chừng không còn mang lại kết quả. Làn sóng mạnh mẽ của độc lập dân tộc đã khiến nước Pháp thực dân già nua phải cúi đầu chịu thua, và thế là "chú Sam" quyết định thân chinh xuất ngựa, từ hậu trường bước ra sân khấu, tìm kiếm người đại diện của mình ở Việt Nam để có thể trực tiếp thực hiện lệnh của họ.

Ngày 7 tháng 7 năm 1954, "Nguyên thủ quốc gia Việt Nam" Bảo Đại - kẻ lâu nay ngụ cư ở Pari, kẻ đã mất hết lòng tin của dân chúng do lối sống trụy lạc, uơ hèn và bất lực - đột nhiên chỉ định Ngô Đình Diệm làm "Thủ tướng" của ông ta. Ngô Đình Diệm là ai vậy?

Ngô Đình Diệm xuất thân trong một gia đình Việt Nam quyền quý, thuộc tín đồ Thiên chúa giáo ngoan đạo. Ông ta nổi tiếng là một người theo "chủ nghĩa dân tộc", vừa chống Pháp vừa chống Cộng sản, từng là công chức cao cấp hơn 20 năm. Sau khi Nhật đầu hàng, Pháp một lần nữa chiếm đóng Việt Nam, Ngô Đình Diệm tự nguyện chọn kiếp sống lưu vong ở nước ngoài. Lúc đầu ông ta sống ở Bỉ, sau sang định cư ở Mỹ. Ngô Đình Diệm và nhiều nhân vật thuộc tầng lớp trên của Mỹ sớm đã có mối liên hệ chặt chẽ với nhau. Trong số những người đỡ đầu ông ta ở Mỹ có Pin Đuglát ở Toà án tối cao và Manphít ở Thượng nghị viện. Kennodi, người mà sau này trở thành Tổng thống nước Mỹ, rất thân với Ngô Đình Diệm và là một trong những người ủng hộ lớn nhất của ông ta.

Sau những cố gắng chung của các nước tham gia hội nghị, ngày 21 tháng 7, hội nghị Giơnevơ cuối cùng đã đi tới được một hiệp nghị về vấn đề Việt Nam, theo đó kể từ ngày 11 tháng 10, vĩ tuyến 17 chính thức chia Việt Nam thành hai miền và kêu gọi sau hai năm sẽ tổ chức một cuộc tổng tuyển cử để tái thống nhất đất nước.

Vĩ tuyến 17 vô tình đã chia cắt một Việt Nam thành hai. Đất nước kỳ diệu mà lăm lăm gian nan này bỗng rụng rơi vào tình trạng phân liệt. Vĩ tuyến 17 nằm ở giữa chiếc đòn gánh gánh hai đầu Nam Bắc, cách không xa dấu vết xưa của một toà thành cổ hồi thế kỷ 17 là ranh giới phân chia hai vương triều từng nhiều năm tranh giành quyền lực. Một khu vực cách đường giới tuyến mỗi bên 5 km là khu phi quân sự.

Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm ở Sài Gòn không ký vào bản hiệp định đó. Mỹ không hài lòng với bản hiệp định này, nhưng làm ra vẻ tôn trọng chính nghĩa và công bằng lại vờ vịt tuyên bố ở hội nghị rằng: "Lập trường nhất quán của Mỹ là, nhân dân có quyền tự quyết định tương lai của họ, nước Mỹ sẽ không tham gia vào bất cứ một hiệp định nào gây trở ngại tới quyền tự

quyết của nhân dân".

Vĩ tuyến 17 đã được hoạch định, người đại diện của nước Mỹ là Ngô Đình Diệm cũng đã được lựa chọn xong, theo tiết lộ của "Văn kiện Lầu Năm Góc", trong tháng 6 Mỹ đã thông qua phương án huấn luyện và tài trợ cho một đội quân 234.000 người của chính quyền Sài Gòn "để thế chân cho người Pháp khi cần thiết".

Độc tài Ngô Đình Diệm.

Pháp và Việt Minh đã thỏa thuận, trước khi vĩ tuyến 17 chính thức trở thành giới tuyến chia cắt Việt Nam kể từ ngày 11 tháng 10, cho phép hai miền Nam Bắc có ba tháng để dân chúng được tự do di cư hợp pháp. Người Pháp đồng ý trong vòng một năm sẽ rút hết quân đội của họ ra khỏi Việt Nam.

Chỉ trong mấy tuần lễ đã có 85 vạn người di cư vào Nam, trong đó đại đa số là những tín đồ Thiên chúa giáo và những người sở hữu ruộng đất nhỏ. Có khoảng 8 vạn dân tập kết ra Bắc, trong đó hầu hết đều là những cán bộ du kích đã từng chống Pháp. Cùng lúc đó, Cục tình báo Trung ương Mỹ tung tin đồn nhảm khắp nơi, tuyên truyền rằng các nhà máy của các nhà tư sản ở lại miền Bắc để tiếp tục hoạt động kinh doanh đều sẽ bị liệt vào "sổ đen". Kết quả là quan hệ giữa Pari và Hà Nội có bước thụt lùi lớn: tính đến ngày 11 tháng 10, khi Việt Nam hình thành hai miền, Hà Nội chỉ còn lại 114 thương nhân Pháp.

Nước Pháp cho rằng, khi Pháp tiếp tục thực hiện Hiệp định Giơnevơ, rút hết vô điều kiện những người lính cuối cùng ra khỏi miền Bắc, chính sách hòa giải sau chiến tranh của Pháp sẽ vấp phải sự phá hoại nghiêm trọng. Tuy nhiên, nghị thức rút quân diễn ra rất thân thiện. Một phóng viên nước ngoài nhớ lại: "Người Pháp rút quân từng chặng từng chặng một, họ rút đi tới đâu, Việt Minh tiếp quản tới đó. Đôi khi bạn có thể nhìn thấy quân đội hai bên - người Pháp vẫy tay và người Việt cũng vẫy tay, sau đó đường phố phút chốc trở nên sôi động và đầy màu sắc".

Như trước đây đã thỏa thuận, sau khi người Pháp rút đi, Hồ Chí Minh và Xanhtoni tháng 11 đã ký kết hiệp định kinh tế và văn hóa. Mặc dù giá trị thực tế của bản hiệp định này đã bị cắt xén đi rất nhiều, song Hồ Chí Minh vẫn cho rằng mối liên hệ với nước Pháp là bảo đảm tốt nhất để thực thi Hiệp định Giơnevơ; nước Pháp cũng vẫn cố khuyến cáo nước Mỹ đừng bị lôi cuốn vào công việc của Việt Nam, rằng Ngô Đình Diệm không thể đại diện cho miền Nam, rằng nếu Hồ Chí Minh thấy không thể trông mong vào nước

Pháp và phương Tây, ông ta buộc sẽ phải chuyển hướng sang phe cộng sản... Một thời gian Pháp đã chủ trương ủng hộ một số tổ chức chống Ngô Đình Diệm ở miền Nam với hy vọng một cuộc đảo chính sẽ có thể dập tắt những âm mưu của Ngô Đình Diệm và Mỹ. Một bản bị vong lục của Quốc vụ viện Mỹ cất giữ trong "Văn kiện của Lầu Năm Góc" đã tổng kết lập trường chống đối của Pháp: "Nước Pháp phản đối mọi hành động nhằm kéo dài hoặc làm thất bại cuộc tuyển cử năm 1956", do đó Đalét quyết định trực tiếp ra tay. Mỹ tuyên bố, từ nay về sau, viện trợ của Mỹ sẽ không qua tay người Pháp mà sẽ trực tiếp giao cho Chính phủ Sài Gòn của Ngô Đình Diệm.

Lúc này, Pháp lại gặp phải một sự phiền toái mới ở Angiêri và cũng phải dựa vào túi tiền của Mỹ. Trước sức ép về kinh tế, Pháp đồng ý từ bỏ mọi quyền uy chính trị ở miền Nam Việt Nam. Ngày 1 tháng 1 năm 1955, Pháp tuyên bố Đông Dương rút khỏi khối Liên hiệp Pháp, giao quyền cai trị Nam Việt cho Ngô Đình Diệm. Mặt khác, Pháp tiếp tục phát triển quan hệ ngoại giao với miền Bắc với hy vọng có thể tránh được một cuộc chiến tranh mới ở Việt Nam. Trong khi đó, cố vấn quân sự Mỹ đã tiếp nhận nhiệm vụ huấn luyện quân đội của Ngô Đình Diệm.

Tháng 2 năm 1955, dưới sự điều khiển của Mỹ, tổ chức Hiệp ước Đông Nam á có tám nước tham gia đã thoả thuận bảo hộ Campuchia, Lào và Việt Nam "tự do". Bản thoả ước này trở thành cơ sở để Mỹ chi viện quân sự cho Sài Gòn. Đến đây, Mỹ và Ngô Đình Diệm đều cảm thấy an toàn hơn nhiều.

Tháng 10 năm 1955, được Cục tình báo Trung ương Mỹ gợi ý, Ngô Đình Diệm tổ chức cái gọi là cuộc bầu cử Tổng thống. Kết quả là ông ta đã giành thắng lợi với 98%. "Trong cuộc bầu cử này, bản thân ông Ngô Đình Diệm hoàn toàn không cần thiết phải gian lận - Thượng tá Laustơ, người của Cục tình báo Trung ương nói - Tôi nghĩ rằng em trai của ông ta chỉ cần huy động các tổ chức của họ nhét đầy vào một số hòm phiếu rồi đập phá một số hòm phiếu khác, thế là đủ".

Ngô Đình Diệm suốt đời sống độc thân. Trong những năm tháng lưu vong ở nước ngoài, ông ta cũng mãi mê suy nghĩ vấn đề phương thức của quyền lực. Thời gian sống trong tu viện ở Brugio, trong cảnh cô độc chốn tu viện, Ngô Đình Diệm có thời gian ngẫm nghĩ về thứ triết học được mệnh danh "nhân vị". Gia đình Ngô Đình Diệm từ thế kỷ 17 đã chuyển sang theo đạo Thiên chúa, nhưng ở kinh đô Thuận Hóa vẫn thuộc giai cấp quý tộc. Lúc này Ngô Đình Diệm đã 54 tuổi, ông ta bắt đầu thực hành một nền thống trị "cá nhân chủ nghĩa". Theo ông ta, "công năng xã hội là thông qua mối quan

hệ cá nhân giữa các nhân vật chớp bu mà phát huy tác dụng".

Ngô Đình Diệm bổ nhiệm em trai của mình là Ngô Đình Nhu làm cố vấn cao cấp, cha của Trần Lệ Xuân Vợ Ngô Đình Nhu làm Đại sứ ở Mỹ, mẹ của Lệ Xuân làm quan sát viên tại Liên Hợp Quốc, anh của Ngô Đình Diệm làm Đại giáo chủ Thuận Hóa, hai người anh em khác giữ chức quan đầu tỉnh địa phương... Tóm lại, họ hàng thân thích nhà Ngô Đình Diệm chiếm hết ghế trong nội các và các chức vụ cao cấp. Ngoài ra, Ngô Đình Diệm với sự cố vấn của Ngô Đình Nhu còn thiết lập một hệ thống cảnh sát bí mật dưới cái tên Mỹ miều "Tổ chức cần lao".

Mặc dầu trong tay có một đạo quân đông tới 13 vạn rưỡi người do 300 viên cố vấn Mỹ huấn luyện, Ngô Đình Diệm vẫn cấp thiết yêu cầu Oasinhton tỏ rõ sự ủng hộ của Mỹ. Tháng 5 năm 1956, Ngô Đình Diệm nhận lời mời sang Mỹ dự một cuộc họp liên tịch của Quốc hội Mỹ. Tại hội nghị này, Tổng thống Aixenhao tuyên bố: "Để bảo vệ tự do, bảo vệ Hoa Kỳ, chúng ta phải trả giá. Cái giá đó được thể hiện bằng nhiều hình thức và sẽ có mặt ở nhiều nơi. Trước mắt, Việt Nam vẫn chưa đủ lực lượng quân sự cần thiết để tự bảo vệ. Trước mắt, Việt Nam đang cần sự giúp đỡ về quân sự và kinh tế".

Sự giúp đỡ của Mỹ khiến nền thống trị độc tài của Ngô Đình Diệm nhanh chóng được thực hiện. Ông ta tin chắc thượng đế đã chọn ông ta ở Nam Việt Nam để gánh vác sứ mệnh thiêng liêng. Ông ta mơ tưởng trở thành quốc vương của Việt Nam.

II. TỔNG THỐNG KENNODI LÚNG TÚNG

Tổng thống rút cục nên nghe ai?

Ngày 20 tháng 1, năm 1961, tại Nhà Trắng, Giôn Kennodi tuyên thế nhậm chức Tổng thống Hoa Kỳ.

Chính vào ngày làm lễ đăng quang đó, Tổng thống mãn nhiệm Aixenhao gặp riêng Kennodi, khẩn cấp đưa ra một đề nghị. Aixenhao, vị Tổng thống luôn luôn né tránh không muốn nước Mỹ bị lôi cuốn vào chiến sự Đông Nam á, lúc này lại cho rằng cần thiết phải có đường lối cứng rắn hơn đối với cộng sản. Hinsman tiết lộ: "Aixenhao đã nói với Kennodi hai việc: Trước tiên, "Lào là vấn đề lớn của ông. Thứ đến, "đây là việc làm vô cùng quan trọng, tôi cho rằng ông phải phái quân đội sang. Nếu ông làm như vậy, tôi sẽ luôn đứng bên cạnh để ủng hộ ông".

Chả là vì trước đó mấy hôm, quân đội Hoàng gia Lào và Pathét Lào đột

nhiên rơi vào tình thế chiến tranh.

Tổng thống Kennodi là người chịu ảnh hưởng rất lớn của Aixenhao. Ngay từ ngày đầu lên nhậm chức, ông ta đã đóng vai trò một tên trùm sen đầm quốc tế, cố sức muốn ngăn chặn mối đe dọa của cái gọi là "cực quyền" tưởng đâu như đã cận kề trước mắt.

Bốn tháng sau, ngày 5 tháng 5, Kennodi tuyên bố trong một cuộc họp báo rằng nếu cần thiết, ông ta sẽ can thiệp việc đưa quân đội Mỹ sang "giúp đỡ Nam Việt Nam chống lại áp lực của cộng sản". Phó Tổng thống Mỹ Lindon Giônson sau đó đã lập tức sang Việt Nam gặp Ngô Đình Diệm.

Mặc dầu Tổng thống Kennodi hết sức ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm, nhưng ông ta tỏ ra hết sức băn khoăn về những hậu quả có thể xảy ra do ách thống trị độc tài của Ngô Đình Diệm. Thời Aixenhao cầm quyền, Mỹ coi việc ủng hộ Ngô Đình Diệm là cái giá phải trả để "bảo vệ tự do, bảo vệ nước Mỹ", song những người Mỹ ở Việt Nam - nhất là giới báo chí - thì lại nói rằng dưới chế độ Ngô Đình Diệm "hoàn toàn không có tự do".

Vấn đề Việt Nam lúc nào cũng ám ảnh vị Tổng thống trẻ mới lên chấp chính.

Trong một lần Ngô Đình Diệm hội đàm với Tổng thống Pháp Đờ Gôn, Đờ Gôn đã nói với ông ta:

"Thứ hình thái ý thức mà ngài đang cứu giúp đó sẽ không thể làm thay đổi bất cứ sự giặc giã... Ngày hôm qua, các vị muốn thay thế vị trí của chúng tôi ở Đông Dương, và ngày hôm nay các vị lại muốn nhóm lên cuộc chiến tranh mà chúng tôi đã chấm dứt. Tôi dám cam đoan rằng, các vị sẽ từng bước từng bước sa lầy vào vũng bùn không đáy cả về quân sự lẫn chính trị".

Thất bại đau đớn trong cuộc xâm nhập Cuba năm 1961 khiến Kennodi lần đầu tiên giật mình hiểu ra rằng nước Mỹ hình như nên làm hoà dịu chính sách của nó.

Kennodi nhiều lần nói với Hisman, trợ lý của ông ta rằng: "Vịnh Cồn Lợn dạy cho tôi rất nhiều điều. Một là không thể tin tưởng vào các tướng lĩnh hay Cục tình báo Trung ương. Hai là, nhân dân Mỹ đã không muốn huy động con em họ đi diệt một nước cộng sản cách chúng ta hơn nửa vòng trái đất?" Mặt khác, Kennodi hiển nhiên cũng hiểu rõ cái giá phải trả đối với nền chính trị trong nước do chính sách đối ngoại cứng rắn của ông ta.

Phản ứng của Kennodi trước cuộc khủng hoảng Cuba và cuộc khủng hoảng Lào bị một số người Mỹ coi là "sự đầu hàng xét trên một ý nghĩa nào đó". Bắt đầu từ năm 1961, Kennodi bị ngập trong những đề nghị về tình hình quân sự và chính trị trái ngược nhau trong vấn đề Việt Nam. Giải quyết vấn đề

Việt Nam như thế nào, Kennodi và Chính phủ của ông ta rơi vào tình cảnh tự mâu thuẫn. Đến đầu năm 1962, cố vấn quân sự Mỹ sang Việt Nam đã tới 4000 người, trong đó bao gồm cả "lính mũ nổi xanh" hay còn gọi là "lực lượng đặc chủng" - một lưỡi kiếm của Ủy ban chống bạo động mới được thành lập. Ngoài ra, một lực lượng máy bay trực thăng "Chim ưng nhà trời" với 300 phi công Mỹ được đưa sang Việt Nam có nhiệm vụ chỉ đạo chiến đấu.

Nhưng Mỹ hiểu rõ ràng, nếu muốn Việt Nam không trở thành gánh nặng, nếu muốn thoát ra khỏi được tình cảnh rắc rối, thì cuối cùng vị "Tổng thống" ở cách xa Mỹ hơn 9000 dặm, nắm trong tay 17 triệu dân này phải hứa hẹn sẽ có những cải cách triệt để. Về mục tiêu của Ngô Đình Diệm và chiến lược nông thôn của ông ta, Kennodi nhận được những báo cáo trái ngược nhau. Năm 1962, Chính phủ Sài Gòn báo cáo, trong số 11.000 "ấp chiến lược" dự kiến xây dựng đã hoàn thành được 4000 ấp, 30% số dân miền Nam Việt Nam được tái định cư trong 4000 ấp chiến lược này.

Nautinh, Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, sau khi đi "thị sát" 3/4 trong số 44 tỉnh thành của miền Nam Việt Nam đã tin tưởng Ngô Đình Diệm là một "lãnh tụ rất được tôn kính". Theo ông ta, Ngô Đình Diệm là một "quí tộc hết sức thành thực". Nautinh phản đối mọi sự phê phán về gia đình Ngô Đình Diệm và cho rằng "dưới con mắt của tôi, ảnh hưởng của anh em ông ta nói chung không tồi, trong nhiều trường hợp có thể nói là khá tốt. Chẳng hạn, Ngô Đình Nhu chính là một lực lượng thúc đẩy kế hoạch chiến lược nông thôn. Theo tôi, chiến lược này là một biện pháp thành công giúp nông dân tránh được sự gây rối của Việt cộng".

Kennodi không thể không có sự phân xét, rút ra kết luận giữa nhận xét của Thủ tướng Bắc Việt và trợ lý Quốc vụ khanh Mỹ Hinsman.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: "Họ đã tổ chức ra những trại tập trung nguy trang dưới những cái tên Mỹ miều "Khu trừ mạt", "ấp chiến lược"...

Hinsman nói: "Ngô Đình Diệm và em trai của ông ta là Ngô Đình Nhu ráo riết ngăn chặn những hành động chống lại bạo lực. Họ biến những ấp chiến lược vốn dùng bảo vệ dân chúng thành trại tập trung. Ở đó họ đã thực hiện một chính sách hoàn toàn đi ngược lại những điều mong muốn của chúng ta?

Giữa cố vấn riêng với các cố vấn chính trị, quân sự của Tổng thống, giữa đại sứ của ông ta với tổng tư lệnh mặt trận, các quan chức Quốc vụ viện, Lầu Năm Góc và Cục tình báo Trung ương... không ngớt tranh cãi về vấn đề ai phải chịu trách nhiệm về chuyện đó. Đến cuối năm 1962, 12.000 cố vấn quân sự Mỹ đã có mặt ở Việt Nam và họ đã thi hành một loạt biện pháp mà ai

cũng không thể tán thành nhưng ai cũng không thể phản đối.

Đầu năm 1963, Kennodi vẫn bị "nhiều" giữa hai loại ý kiến đề nghị trái ngược nhau. Ông ta thấy không thể chờ đợi được nữa, bèn cử một nhóm điều tra gồm hai người sang Việt Nam, một là tướng Víchto Kenlác- chuyên gia chống bạo loạn và một người nữa là Giôdép A.Mondenhop - quan chức Quốc vụ viện am hiểu về Việt Nam. Ít lâu sau, Ủy ban an ninh quốc gia họp để nghe ý kiến của nhóm điều tra. Krenlác nói, mọi chuyện ở Việt Nam tiến triển thuận lợi, Ngô Đình Diệm là một nhân vật lãnh tụ được dân chúng yêu mến, tinh thần quân đội nói chung rất cao, tất cả những gì mà chúng ta cần làm là ủng hộ ông ta đến cùng, Ngô Đình Diệm sẽ thắng trong cuộc chiến tranh này. Báo cáo của Mondenhop thì ngược hẳn lại. Theo ông ta, Ngô Đình Diệm hoàn toàn không được lòng dân, chính thể của ông ta đang rơi vào tình trạng hết sức không ổn định, tín đồ Phật giáo và các nhân sĩ thuộc phái dân chủ tự do không thích ông ta, ông ta không có khả năng tạo dựng được một cơ sở nào để có thể thực hiện thành công chính sách của Mỹ... Kennodi chăm chú nghe những quan điểm đó rồi kinh ngạc thốt lên: "Có phải hai vị đến cùng một nước không đấy?"

Được coi là tiền tiêu chống Cộng của Mỹ, Nam Việt Nam trở thành vấn đề gây rắc rối nghiêm trọng cho Chính phủ Mỹ. Vị "Tổng thống" của vọng gác tiền tiêu đó cũng trở thành một khâu làm Chính phủ Mỹ đau đầu nhất trong vấn đề nghiêm trọng đó.

Chính phủ Kennodi tất nhiên phải có sự lựa chọn cuối cùng.

Pháp sư Quảng Đức tự thiêu.

Tháng 5 năm 1963, chính quyền Ngô Đình Diệm nhân danh Chính phủ ra lệnh cấm thành phố Huế không được treo cờ Phật giáo. Việc làm này đã gây ra làn sóng phản nộ ở Việt Nam, một nước mà đại đa số dân theo đạo Phật.

Ngày 8 tháng 5 là ngày Phật đản. Hôm đó, hai vạn tín đồ Phật giáo và hàng vạn quần chúng của thành phố Huế sau khi mít tinh phản đối đã tổ chức một cuộc diễu hành khổng lồ. Nhận chỉ thị của Ngô Đình Nhu, tên phó tỉnh trưởng cũng là một tín đồ Thiên chúa giáo đã hạ lệnh nổ súng vào đoàn người biểu tình, bắn chết tại chỗ 9 người, làm bị thương 14 người.

Sáng sớm ngày 10 tháng 5, 3 nhà sư và 16 ni cô bị lột trần như nhộng, hai tay bị dây thừng trói chặt và bị cảnh sát giải đi trên đường phố.

Ngày 11 tháng 6, pháp sư Quảng Đức- một vị cao tăng đã ngoài 70 tuổi ở Sài Gòn đã tước xăng lên người rồi châm lửa tự thiêu giữa trung tâm thành

phổ để phản đối hành động dã man tàn bạo của Chính phủ.

Tờ Nữ ước thời báo (Mỹ) cho đăng hai bức ảnh các nhà sư và ni cô bị cảnh sát áp giải trong cảnh trần truồng và cảnh pháp sư Quảng Đức tự thiêu.

Chính quyền độc tài Ngô Đình Diệm ra lệnh bố trí cảnh sát đặc biệt, và tuyên bố sẽ dùng "những biện pháp kiên quyết để dập tắt những vụ bạo lực đang ngày một dâng cao. Đến lúc này, chính quyền Ngô Đình Diệm không còn một chút lý trí nào nữa, họ kiên quyết dùng lưu đạn cay, dùi cui và bắt bớ để trả lời những con người đang trong cơn phẫn nộ. Trong lễ tang pháp sư Quảng Đức, cảnh sát một lần nữa lại xung đột dữ dội với hơn 70 vạn dân chúng Sài Gòn-Chợ Lớn. Cả thành phố Sài Gòn tê liệt.

Ngày 19 tháng 8, ba ni cô Tịnh Duyên, Liễu Tịnh và Tịnh Chân bị bí mật bắt giam đã tìm cách trốn thoát về đến Sài Gòn tới trước "Dinh Độc Lập" đổ xăng lên người rồi tự thiêu, trước đó họ đã rải truyền đơn tố cáo hành động dã man của bọn cảnh sát đặc biệt của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với họ và những người bị bắt khác.

Vợ chồng Ngô Đình Nhu vẫn làm ngơ. Được mệnh danh là "người đẹp lạnh lùng", vợ Ngô Đình Nhu thậm chí còn bảo vệ các nhà sư tự thiêu là "món thịt rừng nướng". Hai ngày sau, trong một đêm, cảnh sát và binh lính của Ngô Đình Diệm đột nhiên mở cuộc tập kích "nhổ cỏ" vào các chùa chiền khắp nơi, hơn 1400 người - chủ yếu là các nhà sư - đã bị bắt, rất nhiều người đã bị đánh đập dã man và bị giết hại.

III. CHỦ NHÂN THỰC SỰ CỦA VUA QUỐC ĐẠO CHÍNH

Bức điện báo "Đèn xanh"

Chính quyền Mỹ vô cùng kinh hoàng trước hành động của Ngô Đình Diệm, Tổng thống Kennodi thất vọng về Ngô Đình Diệm. Qua đại phát thanh, Đại sứ Nautinh nhanh chóng biết được quyết định cách chức Đại sứ của ông ta vì bị coi là "có quan hệ quá thân mật với Ngô Đình Diệm".

Kennodi bổ nhiệm Henri Cabot Lott, "một kẻ sĩ nho nhã đất Boston", làm Đại sứ ở miền Nam Việt Nam. Trước lúc lên đường, Kennodi nói với Lott, "Tôi tin tưởng ở ông, tôi muốn ông đi xem xem liệu chúng ta có thể làm cho hành động của Chính phủ đó tốt hơn không".

Lott được trao cho những quyền hành đặc biệt, kể cả quyền khống chế hoạt động viện trợ. Điều này có nghĩa Lott nắm trong tay quyền sinh tử đối với

miền Nam Việt Nam, ông ta có thể dùng nó để chống lại Diệm hoặc ủng hộ Diệm. Quyền thống trị phải nằm trong tay kẻ nhận viện trợ của Mỹ.

ở Sài Gòn, Lốt bắt đầu cắt giảm viện trợ một cách tượng trưng. Ông ta thực hiện điều này, thông qua việc kéo dài các cuộc thăm viếng có tính chất ngoại giao bình thường. Lốt tới Sài Gòn vào buổi tối, sáng hôm sau ông ta đã xuất hiện trên đường phố, dùng tiếng Pháp dò hỏi ý kiến mọi người về cuộc khủng hoảng Phật giáo, về cung cách cai trị của Ngô Đình Diệm. Ông ta đến thăm thánh địa Phật giáo là chùa Sá Lợi. Giờ đây, thái độ không vui vẻ của người Mỹ đã biểu lộ rất rõ rệt.

Hai hôm sau, Lốt gửi cho Hinsman bức điện khẩn đầu tiên theo kênh riêng của ông ta. Bức điện cho biết, một số tướng lĩnh Việt Nam tăng cường liên hệ với đại sứ quán, họ nhận được tin bọn cảnh sát đặc biệt do Ngô Đình Nhu khống chế đang có kế hoạch tiến hành thanh trừng trong quân đội. Số tướng lĩnh này "có thể sẽ khống chế tình hình, tiến hành đảo chính".

Hinsman coi bức điện báo này là tài liệu cần được đặc biệt ưu tiên xử lý. Oasinhton lúc này là sáng sớm ngày thứ bảy, Tổng thống Kennodi, Quốc vụ khanh Đin Raxơ và Bộ trưởng Quốc phòng Mắcnamara đều đi nghỉ cuối tuần, nhưng các trợ lý của họ là Hariman và Giem vẫn có mặt. Được những người này giúp đỡ Hinsman bắt tay khởi thảo điện trả lời để tỏ phản ứng tức thì, trong đó nêu rõ Oasinhton không thể tiếp tục chấp nhận ảnh hưởng của Ngô Đình Nhu đối với Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Diệm phải loại bỏ quyền lực của em ông ta. Nếu không làm được điều này và còn để các tướng lĩnh tố cáo thì sẽ đình chỉ mọi sự viện trợ về kinh tế và quân sự của Mỹ.

Công việc soạn thảo xong, Hinsman gọi điện thoại tới Tổng thống Kennodi và Quốc vụ khanh Đin Raxơ báo cáo tình hình. Cả hai người đều tán thành phản ứng của Hinsman. Và thế là bức điện "Đền sanh" nổi tiếng được gửi tới Sài Gòn.

Theo Hinsman: "tinh thần chung của bức điện muốn nói, chúng tôi (Mỹ) thý vọng Chính phủ vẫn tiếp tục nằm trong tay Ngô Đình Diệm. nhưng nếu như họ - các tướng lĩnh - cảm thấy không có sự lựa chọn nào khác, thì chúng tôi sẽ lấy công và tội để xem xét cái Chính phủ mà họ sẽ lập nên. Đương nhiên, câu nói mà hàm ý của nó rất mơ hồ không rõ ràng này cũng nhằm khuyến khích họ".

Đại sứ Lốt đã mời tướng Hakin, tư lệnh quân đội Mỹ, và các quan chức cao cấp khác đến cùng nghiên cứu kỹ lưỡng bức điện của Oasinhton. Hôm sau, ngày 25 tháng 8, đại sứ quán điện trả lời tỏ ý tiếp thu "Quyết sách cơ bản

của Oasinhton".

Ngô Đình Diệm bị bán chết

Các tướng lĩnh Nam Việt Nam hiểu rõ, nếu để Ngô Đình Diệm tiếp tục nền thống trị độc tài, không được lòng dân, chắc chắn Chính phủ Mỹ sẽ cắt viện trợ. Chính sách mơ hồ không rõ ràng cũng như thái độ nghiêng ngả của Tổng thống Kennodi đối với chính quyền Ngô Đình Diệm đã chứng tỏ điều đó. Không có viện trợ Mỹ, Ngô Đình Diệm không thể tồn tại, Nam Việt Nam cũng sẽ đi tong. Các tướng lĩnh quyết định hành động, tuy nhiên, họ vẫn phải được biết, người Mỹ cho phép và ủng hộ họ tới mức độ nào.

Giữa Cục tình báo Trung ương Mỹ và các tướng lĩnh đã có nhiều cuộc tiếp xúc, tất cả đều diễn ra trong im lặng nhưng rất khẩn trương. Các tướng lĩnh đã cung cấp cho người Mỹ danh sách những người tham gia cuộc đảo chính lần này. Toàn bộ danh sách viết như sau:

1- Người tham gia kế hoạch:

Cố vấn quân sự Phủ Tổng thống: Trung tướng Dương Văn Minh

Bộ trưởng Quốc phòng: Nguyễn Đình Thuần

Quyền Tham mưu trưởng lực lượng vũ trang: Thiếu tướng Trần Văn Đôn

Phó Tham mưu trưởng lực lượng vũ trang: Thiếu tướng Lê Văn Kim

Tổng trưởng Bộ tổng Tham mưu liên hợp: Chuẩn tướng Trần Thiện

Khiêm

2- Người ủng hộ kế hoạch

Tư lệnh quân khu 1: Thiếu tướng Nguyễn Chánh Thi.

Tư lệnh Quân khu 2: Thiếu tướng Nguyễn Khánh

2- Người đồng tình kế hoạch:"

Tư lệnh Quân khu 3 kiêm Tư lệnh biệt khu Sài Gòn: Thiếu tướng Tôn

Thất Đỉnh

Bản danh sách bao gồm hầu hết các tướng lĩnh cao cấp trong quân đội Nam Việt Nam đã khiến người Mỹ phải giật mình.

Lốt và tướng Hankin bàn bạc với nhau một lần nữa, sau đó Lốt kiên quyết đề nghị Oasinhton phải hành động. Điện văn của Lốt gồm một số điểm:

1- Chúng ta đã bước vào con đường không được chùn bước xét về mặt đạo lý: lật đổ Chính phủ Ngô Đình Diệm.

2- Khả năng thúc đẩy các tướng lĩnh làm đảo chính, trên một mức độ nhất định do họ quyết định, nhưng cũng do chúng ta quyết định.

3- Chúng ta nên hành động toàn diện, thúc đẩy các tướng lĩnh mau

chóng tiến hành.

...

Trong điểm thứ 8, Lốt nói, "Tướng Hakin cho rằng trước khi thúc giục các tướng lĩnh hành động, ta nên yêu cầu Ngô Đình Diệm từ bỏ Ngô Đình Nhu. Nhưng tôi tin chắc điều này sẽ không mang lại kết quả như mong muốn, mà còn có thể gây ra tác dụng phụ cực kỳ nghiêm trọng, làm cho các tướng lĩnh cảm thấy đây là biểu hiện phía Mỹ muốn dây dưa và chưa có quyết định dứt khoát..." Cuối cùng, Lốt nói: "ngoài điểm thứ 8 ra, tướng Hakin đồng ý với bức điện báo này".

Ủy ban an ninh quốc gia lập tức họp ở Oasinhton, cuộc tranh luận gay gắt kéo dài suốt một ngày, cuối cùng quyết định giao cho đại sứ Lốt quyền tối hậu.

Cùng lúc đó, trong những trường hợp công khai, Tổng thống Kennơđi đã giải thích lý do vì sao mà theo ông Việt Nam có tầm quan trọng. Ông nói: "Chúng ta tuyệt nhiên không mong muốn tình hình Trung Quốc lại tái diễn một lần nữa, vì đó có lẽ là một sự kiện mang tính chất hủy diệt mà chúng ta đã chịu đựng trong thế kỷ này". Ba tháng trước, Việt Nam vì tương ra ngọn cờ cấm Phật giáo đã dẫn tới một tình hình hết sức đáng buồn. Tình trạng này nếu cứ tiếp tục kéo dài, sẽ không thể có một ngọn cờ nào khác khả dĩ có thể tập hợp được dân chúng. Kennơđi đã tính tới việc tìm cách rút khỏi Việt Nam, nhưng đồng thời lại muốn mạo hiểm một phen lớn hơn nữa. Ông ta đã gửi cho Lốt một bức điện:

Tôi tán thành với tất cả những tin tức tôi nhận được ngày hôm nay qua nhiều người khác. Tôi muốn nhấn mạnh, trong những nguồn tin đó đều có sự ủng hộ hết sức của tôi. Chúng tôi sẽ tận dụng mọi khả năng giúp ông hoàn thành một cách thắng lợi nhiệm vụ trong hành động này. Hành động của các tướng lĩnh lần này, trước khi nhận được những tín hiệu bắt đầu, tôi phải bảo lưu quyền đưa ra những chỉ thị trước khi có sự thay đổi hoặc chấn chỉnh. Tôi hoàn toàn hiểu rõ nhận định của ông đưa ra về hậu quả của việc chấn chỉnh này, nhưng kinh nghiệm cho tôi hay rằng, thất bại càng mang tính chất hủy diệt hơn là thái độ do dự bề ngoài. Đương nhiên là tôi phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về sự thay đổi đó, cũng như tôi phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về hành động này và hậu quả của nó.

Tổng thống Kennơđi lần đầu tiên bộc lộ rõ thái độ qua hãng truyền thanh Côlômbia, Kennơđi tuyên bố Mỹ sẽ tiếp tục ủng hộ Nam Việt Nam, nhưng nói thêm: "Tôi cho rằng, trừ phi được dân chúng ủng hộ, nếu không

cuộc chiến tranh này sẽ không thắng được. Theo tôi, trong hai tháng vừa qua, Chính phủ đã để mất mối liên lạc với dân chúng".

Chính phủ Mỹ rõ ràng tỏ ra đã không còn đủ kiên nhẫn và mất hết tin tưởng vào Ngô Đình Diệm. Điều này khiến các tướng lĩnh Nam Việt Nam cảm thấy được cổ vũ mạnh mẽ.

Ngày 2 tháng 10, Tổng thống Kennơđi đã đồng ý với chính sách phải có một sự chấn chỉnh quan trọng. Chính sách này là kết quả của cuộc tranh luận kịch liệt suốt một tháng nay. Viện trợ cho Ngô Đình Diệm chỉ kéo dài đến cuối năm. Khi đó, Mỹ sẽ tuyên bố rút 1.000 cố vấn Mỹ, viện trợ quân sự chỉ giao cho các tướng lĩnh chống lại Ngô Đình Diệm. Đồng thời, Kennơđi chỉ thị cho Lốt không cần phải hành động thêm nữa để ủng hộ đảo chính, nhưng phải tiếp tục tìm kiếm người lãnh đạo thay thế.

Thời gian cứ nhích dần nhích dần từng ngày trong khi Oasinhton lại rơi vào thế hỗn loạn căng thẳng. Ngày 30 tháng 10, Tư lệnh quân Mỹ tướng Hakin gửi về Oasinhton một bức điện với những lời lẽ khá quyết liệt, chứng tỏ ông không tin vào các tướng lĩnh, cũng không tin vào Lốt. Bức điện viết:

...

Tướng Trần Văn Đổng nếu không phải là đang nói dối thì cũng là gác chân trên cả hai thuyền với hy vọng đứng giữa kiếm lời. Ông ta nói với Cộnen, đảo chính sẽ làm vào trước ngày 2 tháng 11, nhưng ông ta lại nói với tôi rằng ông ta hoàn toàn chưa vạch ra kế hoạch đảo chính gì cả...

Hakin nói, nếu quả thật có một cuộc đảo chính đang được xúc tiến, đại sứ cũng chẳng hề nói cho ông ta biết đã nhận được những tin tức tình báo gì về kế hoạch này. Đại sứ Lốt thì cãi: "Chúng tôi hoàn toàn không biết, họ giữ hết sức bí mật và tôi thực sự khâm phục họ về chuyện này. Mãi tới tối hôm trước đó, tôi mới được cho biết toàn bộ kế hoạch".

Nhà Trắng hết sức lo lắng giữa Bộ quốc tế với Quốc vụ viện có sự chia rẽ. Cùng ngày Hakin gửi điện về Oasinhton, Lốt cũng nhận được một bức điện, yêu cầu ông can ngăn các tướng lĩnh, trừ phi ông tuyệt đối nắm chắc đảo chính sẽ thành công. Bức điện khẩn thứ hai viết:

Chúng ta không thể chấp nhận một kết quả là: chúng ta không có sức mạnh để đẩy lùi hoặc thủ tiêu cuộc đảo chính.

Nhưng Lốt trả lời rằng đã muộn, chuyện này do người Việt Nam quyết định. Lốt nói: "Họ không muốn chúng ta nhúng tay, cũng không cần chúng ta giúp vạch kế hoạch, càng không cần cung cấp vũ khí và trang bị. Họ muốn họ tự làm, muốn người Việt Nam tự lo chuyện đó. Oasinhton nói rằng họ sẽ

không nhúng tay vào, vậy thì cứ đứng ngoài"

Tên đã lấp vào cung, không thể không bắn. 1 giờ 30 chiều ngày 1 tháng 11, theo kế hoạch đã định, các tướng lĩnh Nam Việt Nam đã làm đảo chính quân sự lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm.

Trong vòng 3 tiếng đồng hồ, trừ Phủ Tổng thống, mọi sự kháng cự đều bị đập tan. 4 giờ chiều, sau hai lần Ngô Đình Diệm cự tuyệt đầu hàng, quân đội làm binh biến bắt đầu nã pháo vào Phủ Tổng thống. Lúc này, Ngô Đình Diệm gọi điện thoại cho Lott, ông ta muốn biết người Mỹ có thái độ như thế nào trước những sự việc đang xảy ra ở bên ngoài. Câu trả lời của Lott khiến ông ta thất vọng:

- Tôi không nhận được chỉ thị, lúc này ở Oasinhton là 4 giờ sáng, tôi không có cách nào liên hệ được với Oasinhton.

Ngô Đình Diệm hỏi:

- Ngài phải biết chính sách của các ngài thế nào chứ?

Lott trả lời:

- Tôi không nắm được chính sách của chúng tôi trong những trường hợp cụ thể, thêm nữa, tôi rất lo lắng cho sự an toàn của ông. Tôi đã thu xếp đưa ông đi khỏi cái quốc gia này để ông được an toàn. Nếu ông không muốn như vậy, tôi sẽ có một cách dàn xếp khác để ông có thể trở thành người đứng đầu Nhà nước về mặt danh nghĩa, ông vẫn có thể ở đó giữ một vị cương vị danh dự, như vậy tương đối mà nói cũng rất an toàn.

Ngô Đình Diệm:

- Tôi không muốn làm như vậy, tôi muốn lập lại trật tự, và bây giờ tôi đi lập lại trật tự.

Đó là câu nói cuối cùng mà Ngô Đình Diệm muốn nói với một người Mỹ vốn là bạn của ông ta.

Ngay trong đêm hôm đó, Ngô Đình Diệm cùng với em trai là Ngô Đình Nhu theo đường hầm trốn ra khỏi Phủ Tổng thống đang bị bao vây. Chiều hôm sau, hai người bị quân đảo chính bắt được ở Chợ Lớn. Khu vực có nhiều người Hoa kiều cư trú, và sau đó đã bị bắn chết.

Ở Oasinhton, Tổng thống Kennơđi đang sự họp với Ủy ban an ninh quốc gia, một trợ lý của Tổng thống bước vào đem theo bức điện mới phát đi từ Sài Gòn, Kennơđi nhận được tin về cái chết của Ngô Đình Diệm. Không khí vắng lặng bao trùm phòng họp. Kennơđi rõ ràng là bị xúc động mạnh, ông ta đứng lên, không nói với ai một câu nào, lảng lảng bước ra khỏi phòng họp, đứng ngây người ra ở ngoài đó một lúc lâu.

- Ngô Đình Diệm đã đấu tranh với cộng sản suốt 9 năm, lẽ ra ông phải được hưởng một kết cục tốt hơn là bị ám sát.- Kennodi đã nói như vậy với các trợ lý đang ngồi im phăng phắc khi ông ta quay trở vào phòng họp.

Không có người Mỹ nâng đỡ chắc Ngô Đình Diệm không thể nào ngồi vào được ngai vàng. Tổng thống không được người Mỹ ngầm cho phép, chắc Ngô Đình Diệm cũng không thể mất quyền toại mạng nhanh đến thế. "Thành đã tức hà, bại đã tức hà", thành công cũng ở đó mà thất bại cũng ở đó, số phận đáng thương của những tên bù nhìn thực ra đã được định sẵn ngay từ đầu.

Nhưng bóng đen của sự kiện này cũng khó tiêu tan. Trong tâm trí mọi người. Níchson khi gặp Tổng thống Ayyubi Khan ở Pakixtan, cũng lại nhắc đến chuyện Ngô Đình Diệm bị sát hại:

- Tôi không thể nói rằng, ngay từ đầu có lẽ các ngài đã không nên ủng hộ Ngô Đình Diệm. Nhưng lâu nay, rõ ràng các ngài đã ủng hộ ông ta, chuyện này ở Châu Á ai ai cũng biết. Cho dù thái độ của họ có tán thành hay không, chắc chắn họ đều có suy nghĩ về chuyện này. Tiếp đó, đột nhiên các ngài không ủng hộ ông ta nữa, và Ngô Đình Diệm đã chết. - Ayyubi Khan lắc đầu, tiếp tục nói với Níchson - Đối với nhiều nhà lãnh đạo Châu Á mà nói, việc mưu sát Ngô Đình Diệm nói lên ba điều: chơi với nước Mỹ rất nguy hiểm; giữ trung lập vẫn hay hơn; có khi làm một đối thủ lại có lợi! Sự tín nhiệm giống như một sợi chỉ mỏng manh, đứt một cái rất khó nối lại.

Người Mỹ chọn Ngô Đình Diệm rồi sau lại quăng ông ta đi, một kết cục như vậy đối với Ngô Đình Diệm. Nhưng người Mỹ chọn Ngô Đình Diệm nhằm mục đích thông qua ông ta khống chế miền Nam Việt Nam, dùng miền Nam Việt Nam làm bàn đạp, chống lại phong trào độc lập dân tộc, đã tâm của độc tài Ngô Đình Diệm và đã tâm làm sen đầm quốc tế của người Mỹ phù hợp nhau, lợi dụng lẫn nhau, và tất nhiên chỉ có thể dẫn tới một kết cục như vậy.

Cuộc đảo chính đẫm máu do Nhà Trắng đạo diễn đã kết thúc, nhưng vấn đề Việt Nam vẫn ám ảnh tâm hồn người Mỹ như một con quỷ dữ.

IV. MỸ BƯỚC VÀO TRẠNG THÁI CHIẾN TRANH BÍ MẬT

Tổng thống Giônson muốn làm "cứu tinh"

Ngày 22 tháng 11 năm 1963, Tổng thống Mỹ Jon.F.Kennodi bị ám sát chết. Phó Tổng thống Lindon B. Giônson vội vã tuyên thệ nhậm chức Tổng thống thứ 36 của Hoa Kỳ.

Lindon Giônson ra đời tại một trang trại nhỏ đất đai cằn cỗi ở bang Téchdát. Thời niên thiếu ông đã sống và lớn lên ở đây, cho nên về thể xác cũng như tinh thần, ông đúng là một người Téchdát- cao to, mạnh mẽ, hào phóng. Giônson dồi dào sức lực, nhưng nóng nảy ngạo mạn. Ông ta tin chắc mình có thể làm thay đổi số phận nước Mỹ và chính bởi niềm tin đó chi phối, nên từ một học viên quân sự ông đã vươn lên tới vị trí một Tổng thống. Giônson và Kennodi chỉ giống nhau ở chỗ họ đều có những kế hoạch vĩ đại của mình, nhưng ý tưởng cũng như tính cách của mỗi người lại khác nhau rất xa. Nếu như nói mục tiêu theo đuổi của Kennodi là trở thành một thánh Moïse⁽¹⁾ của thế giới này, một người hùng có thể đập lên những con sóng dữ của Hồng Hải, thì Giônson lại mong muốn làm một cứu tinh ở trong nước, trở thành một cứu tinh có thể san bằng hố sâu ngăn cách giữa người da trắng với người da đen. Việt Nam không phải là một bộ phận trong kế hoạch cải cách của Giônson, nhưng cuối cùng lại trở thành vấn đề hàng đầu của ông ta: cơn ác mộng mà ông phải loại trừ trước khi ông thực hiện mộng tưởng của mình. Và thế là, bắt đầu từ giờ phút Giônson tuyên thệ nhậm chức, vấn đề Việt Nam luôn luôn ám ảnh ông ta như một thứ ôn dịch. Ông nhận ra rằng vấn đề Việt Nam không còn là vấn đề trừu tượng như trong tưởng tượng trước đây, bản thân ông không thể không cân nhắc lợi hại khi bị lôi cuốn về mặt quân sự. Cũng như Kennodi, Giônson thường xuyên hình dung ra tình hình phe cộng sản đang lấn tới một cách đáng sợ, và ông xem Việt Nam như là một bằng chứng chứng tỏ quyết tâm đối kháng của ông, trước thế giới tự do. Mấy năm trước đây, Giônson kịch liệt phản đối việc Mỹ trực tiếp bị lôi cuốn vào chiến tranh, chủ trương đứng ra ngăn chặn với tư cách một nước thứ ba. Nhưng vị trí của ông giờ đây khác rồi.

Trước yêu cầu kiên quyết của Bộ trưởng Quốc phòng Mack Namara và Quốc vụ khanh Din Raxơ, chỉ 48 giờ sau khi nhậm chức. Tổng thống Giônson đã tuyên bố, Mỹ tiếp tục viện trợ quân sự cho Chính phủ quân sự Sài Gòn - tập đoàn thống trị mới được thành lập sau khi lật đổ Ngô Đình Diệm. Thời đại quyết sách và phương thức quyết sách của Giônson bắt đầu từ đây.

Bản liệt kê những mục tiêu công kích

(1) Một nhân vật trong truyền thuyết của người Israen, trở thành một nhân vật trong kinh thánh, một nhà đại tiên tri và nắm luật pháp (ND)

Khi lật đổ Ngô Đình Diệm, Nguyễn Khánh chẳng qua chỉ là một nhân vật thứ yếu, trong cơn hỗn loạn tranh giành nhau sau này giữa các tướng lĩnh mới nổi lên, tự phong là Thủ tướng, thu tóm mọi quyền hành trong tay.

Tháng 2 năm 1964, khi tiếp các nhà báo, Nguyễn Khánh ngông cuồng tuyên bố, nếu được Mỹ toàn lực ủng hộ, miền Nam sẽ tấn công miền Bắc. Oasinhton im lặng trước tuyên bố của ông ta. Một vài tuần sau đó, du kích Việt Cộng ở miền Nam mở rộng thế tiến công, áp sát Sài Gòn và bắt đầu tập kích vào các cơ sở thiết bị và quân đội Mỹ.

Vấn đề Việt Nam gây sự chú ý trên toàn cầu. Tổng thống Pháp Đờ Gôn kêu gọi tìm kiếm phương án giải quyết trung lập như ở Lào. Thân vương Campuchia Xiha-nu-ốt cũng tuyên bố, nếu thái độ trung lập của Campuchia được tôn trọng, ông sẽ tiếp tục nhận viện trợ quân sự và viện trợ kinh tế của Mỹ để bảo đảm sự ổn định trong khu vực. Khi đó, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mắc Namara công khai phản ứng, nói rằng Việt Nam khác, tình thế của nó nghiêm trọng hơn vì liên quan đến sự cân bằng của thế giới tự do. Nam Việt Nam "quan trọng như vậy đối với nền an ninh của Đông Nam á cũng như đối với nền an ninh của thế giới tự do, ngoài áp dụng mọi biện pháp cần thiết mà chúng tôi có thể có để ngăn chặn thắng lợi của cộng sản, tôi cho rằng không có sự lựa chọn nào khác". Khi Mắc Namara tung ra những lời lẽ như vậy, Pháp tuyên bố họ đang thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Đến tháng 3, Mắc Namara lần thứ năm sang Nam Việt Nam điều tra. Ông ta phát hiện thấy chính luận điệu trung lập đã khiến tình thế càng trở nên nghiêm trọng. Từ Sài Gòn, Mắc Namara gửi điện cho Tổng thống Giônson nói: "Tâm lý trung lập nguy hiểm đang thịnh hành". Điện trả lời của Giônson nhấn mạnh: "Chúng ta cần phải ngăn chặn luận điệu trung lập bằng mọi cách có thể ở tất cả những nơi mà chúng ta vươn tới được". Phương thức được áp dụng ngay là tăng lực lượng cố vấn Mỹ từ 16.000 người lên 23.000 người.

Trợ lý Quốc vụ khanh Uy-li-am Bân-đi phụ trách Đông Nam á chịu trách nhiệm xử lý các tin tức tình báo cung cấp tại chỗ. Theo các nguồn tin này, "Bắc Việt đang bắt đầu tập trung nỗ lực cho việc khống chế đối với Nam Việt, cuối cùng tiến tới chỗ thiết lập sự khống chế đối với toàn bộ Đông Dương. Chính sách trung lập có thể ngăn chặn rõ rệt được Bắc Việt một lần nữa trừ phi có những hành động quân sự, nếu không nó chỉ trở thành một thứ ảo tưởng". Tin tình báo của Bân-đi còn cho biết, từ đầu năm 1964, Bắc Việt bắt đầu vận chuyển vũ khí và đưa cán bộ vào miền Nam Việt Nam. Rõ ràng là

khi đó họ đang thắng trong cuộc chiến tranh này.

Trung tuần tháng ba, từ Việt Nam trở về, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mắc Namara tuyên bố, Nam Việt Nam đang đứng bên bờ vực của sự tan rã. Ngày 17 tháng 3, tại Ủy ban an ninh quốc gia, Mắc Namara ra đề nghị từ bỏ hoàn toàn kế hoạch rút quân từng phần của Kennodi; Nam Việt Nam phải bắt đầu tiến hành tổng động viên, quân đội mới đó được tiếp nhận những trang thiết bị hiện đại nhất của Mỹ phải tăng cường các hoạt động bí mật đối với miền Bắc. Cuối cùng, Mắc Namara đề nghị vạch một kế hoạch cụ thể đưa chiến tranh ra miền Bắc. Tất cả những đề nghị đó của Mắc Namara đều nhận được sự ủng hộ.

Lầu Năm Góc đã vạch ra một kế hoạch oanh tạc hai giai đoạn. Giai đoạn một, không quân Mỹ sẽ được đặt trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu suốt 72 tiếng đồng hồ để bất cứ lúc nào cũng có thể cất cánh đi công kích "trả đũa" các căn cứ quân sự Bắc Việt và các căn cứ du kích ở Lào và Campuchia. Giai đoạn hai, tình trạng sẵn sàng chiến đấu kéo dài suốt 30 ngày, Mỹ bắt đầu tiến hành "công khai hóa từng bước kế hoạch gây áp lực quân sự" - nói một cách khác, tiến hành ném bom miền Bắc. Tổng thống Giônson không hề do dự cho phép chiến lược ném bom bước vào giai đoạn tính toán cụ thể. Những nhân vật đứng đầu Lầu Năm Góc nhận được sự động viên cổ vũ mạnh mẽ, họ chẳng những tin tưởng việc ném bom miền Bắc là cần thiết, hơn thế nữa còn cho rằng việc làm đó nên tiến hành sớm hơn nữa.

Trong 60 ngày sau khi có lệnh của Giônson, Hội đồng Tham mưu trưởng đã đưa ra một bản danh sách khổng lồ những "mục tiêu cần công kích" công việc này có sự hợp tác của Bộ tư lệnh Thái Bình Dương Mỹ ở Hônululu. Chỉ trong 30 ngày, Bộ tư lệnh Thái Bình Dương đã lần lượt đưa ra kế hoạch hậu cần và chiến lược. Kế hoạch hành động 32-64 đã tính toán cụ thể số lượng máy bay cần thiết cho từng giai đoạn của kế hoạch oanh tạc, đã phân tích những phản ứng có thể xảy ra từ phía phe cộng sản, đặc biệt là từ phía Trung Quốc, nhưng nó không bình luận gì về việc những phản ứng đó liệu có trở thành nhân tố có ảnh hưởng mà chỉ quan tâm đến số lượng quân nhu Mỹ có thể cần tới. Điều hết sức có ý nghĩa là, trong những yêu cầu đó của Mỹ bao gồm cả việc sử dụng bộ binh. Hônululu đã đi trước Oasinhton một bước. ở Hônululu, Hội đồng Tham mưu trưởng cuối cùng đã thay đổi trật tự các mục tiêu cần công kích, bước thứ nhất tập trung vào những căn cứ quân sự mà Bắc Việt dùng để thẩm thấu vào miền Nam. Theo tính toán, cùng với việc gia tăng cường độ ném bom và oanh kích của hạm đội Bẩy phía tây Thái Bình Dương, tất cả những công trình do

Bắc Việt xây dựng để tiến hành chiến tranh ở miền Nam sẽ bị tiêu diệt nội trong 12 ngày.

Trung tuần tháng 5, kế hoạch đã xong xuôi, được trình lên Tổng thống. Giônson phải có sự cân nhắc về kế hoạch này. Những vấn đề ông cần cân nhắc bao gồm cả những chuyện làm thế nào đối phó lại với phản ứng của Quốc hội, của dư luận Mỹ, của dư luận các nước đồng minh và của cả Hà Nội khi bắt đầu thực thi kế hoạch.

Trên chiến trường, hành động hai bước sắp được tiến hành đã chứng tỏ quyết tâm của Mỹ trước Hà Nội và công chúng Mỹ. Trong quân đội Nam Việt Nam, Mỹ đã có một viên tư lệnh mới rất lợi hại, đó là tướng Uyliaam Oétmolen. Đại sứ Cabot Lốt lỗi thời đã được thay thế bằng Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng tướng Taylo. Trên biển, hành động 34-A được tăng cường. 34-A là mật hiệu tấn thủy lôi tuần tra của Nam Việt Nam tiến hành tập kích bí mật vào bờ biển Bắc Việt, hành động, này đã bắt đầu từ 5 tháng trước. Những vụ tập kích qui mô đó - pháo kích, bắt cóc, ám sát - là một sự khiêu khích trắng trợn, là nguyên nhân dẫn tới cuộc chiến tranh toàn diện.

V. TỔNG THỐNG GIÔNSON ĐI TỚI CHIẾN TRANH

"Chưa thấy ánh sáng ở cuối đường hầm"

Đầu năm 1964, lực quân Nam Việt Nam có 19,2 vạn người, phiên chế thành 9 sư đoàn, 1 lữ đoàn nhảy dù và 4 tiểu đoàn biệt động. Ngoài ra còn một lữ đoàn độc lập lính thủy đánh bộ, lữ đoàn này cùng với lữ đoàn nhảy dù là lực lượng tổng dự bị do Bộ Tổng Tham mưu trực tiếp nắm. Không quân Nam Việt Nam có 190 máy bay, chủ yếu là máy bay huấn luyện T-28 được trang bị lại, Mỹ điều thêm sang 140 máy bay (chủ yếu là máy bay chiến đấu) và 248 máy bay trực thăng. Hải quân Nam Việt Nam có một số tàu đổ bộ, tàu tuần tra và tàu quét mìn. Ngoài ra còn có một lực lượng vũ trang địa phương đông tới 181 nghìn người. Bộ tư lệnh Mỹ ở Việt Nam lúc đầu chỉ cung cấp cố vấn cho cấp tỉnh và các đơn vị từ Trung đoàn trở lên, nhiệm vụ của họ không chỉ lo việc chỉ huy chiến đấu mà còn bao gồm những công việc khác của quân đội như biên chế dự toán, huấn luyện, tổ chức trường học, hậu cần v.v... Tới lúc này, tức là bắt đầu từ năm 1964, cố vấn Mỹ đã được đưa xuống tới cấp huyện và đơn vị tiểu đoàn, ngoài công việc tư vấn, huấn luyện, trang bị và phát triển quân đội địa phương, còn chịu trách nhiệm chỉ viện chiến đấu chủ yếu bằng máy bay trực thăng.

Đồng thời với việc ráo riết chuẩn bị chiến tranh, Lầu Năm Góc, Quốc vụ viện Mỹ sau một hồi tranh cãi âm ỹ, đã kiến nghị với Tổng thống Giônson, cùng lúc với việc thực thi kế hoạch chiến tranh bằng không quân nên tiến hành đối thoại với Hà Nội. Theo họ, việc làm này chỉ có lợi mà chẳng thiệt gì cả. Một, nếu thông qua việc đối thoại mà không phải sử dụng đến thực lực vẫn đạt được mục tiêu ngăn chặn cộng sản thì đó quả là một điều tuyệt vời; Hai, thông qua đối thoại, đánh giá về khả năng chiến tranh của Bắc Việt. Ngày 28 tháng 5, trong cuộc gặp Thủ tướng Canada Piason, Tổng thống Giônson hy vọng Canada có thể đóng vai trò sứ giả giữa Oasinhton và Hà Nội. Ngài Thủ tướng Canada theo kế hành sự. Và thế là, J.B.Xibótơ vị đại diện cao cấp trong Ủy ban giám sát quốc tế vừa mới được Canada bổ nhiệm, người có trách nhiệm qua lại giữa Hà Nội và Sài Gòn theo định kỳ - vội vã bay ra Hà Nội thực hiện ý định của người Mỹ, để Hà Nội lựa chọn giữa "củ cà rốt" và "chiếc gậy" của "chú Sam" đưa ra.

Ngày 18 tháng 6 năm 1964, Thủ tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng đã tiếp kiến Xibótơ tại phòng khách lớn trong dinh Toàn quyền Pháp trước đây. Sau khi truyền đạt đầy đủ thái độ của Chính phủ Mỹ, Xibótơ nói: "Tham vọng của Hoa Kỳ là có giới hạn nhưng sự kiên nhẫn của Hoa Kỳ đã trở nên hết sức mỏng manh".

Ông ta tỏ ra lo lắng sẽ có sự leo thang chiến tranh, và theo ông ta, sự leo thang này chẳng có lợi cho ai, nhưng nếu tình hình đó xảy ra thật, miền Bắc sẽ phải gánh chịu "sự tàn phá lớn nhất".

Xibótơ nêu câu hỏi:

- Hà Nội có thông điệp gì muốn chuyển cho người Mỹ?
- Không! Không! - Phạm Văn Đồng trả lời - Lúc này thì không!

Hai người tiếp tục nói chuyện với nhau cả tiếng đồng hồ.

Xibótơ đã từng gặp gỡ nhiều nhân vật cao cấp của Đảng Cộng sản Việt Nam ở Mátxcova, nhưng theo ông ta, xét trên bất cứ tiêu chuẩn nào, Phạm Văn Đồng đều tỏ ra là một nhà lãnh đạo xuất sắc. Phạm Văn Đồng lúc này 58 tuổi, tóc đã ngả màu, những năm tháng sống trong nhà tù của thực dân Pháp trước đây đã khiến đôi mắt của ông bị kém đi nhiều, nhưng ánh mắt hiền hòa tao nhã cũng như giọng cười sáng khoái đầy ý nghĩa đã khiến ông trẻ lại tới 10 tuổi. Trong những người Việt Nam, ông được coi là "người cháu mà Cụ Hồ yêu quý nhất". Từ 40 năm trước đây, ông luôn được gán gởi Hồ Chí Minh; ông đã có tới 20 năm làm công tác ngoại giao và là người phát ngôn của Chính phủ. Ông nói với Xibótơ, ông sẽ "giải thích về vấn đề được nêu ra", và

bây giờ, đến lượt Xibótnơ, sắm vai người nghe.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói rõ quan điểm chung của Hà Nội:

- Chúng ta phải học tập để cùng tồn tại trong hoà bình, phải tìm ra một giải pháp cho vấn đề đã làm tổn hại chúng ta, nhưng đó phải là một giải pháp đúng đắn đó là: Mỹ phải rút đi; phải để công việc của miền Nam Việt Nam cho người Nam Việt Nam giải quyết. Việc này cần có sự tham gia của Mặt trận Dân tộc Giải phóng, không có nhóm nào có thể đại diện cho quyền lợi của quảng đại quần chúng miền Nam Việt Nam như Mặt trận Dân tộc Giải phóng!

Cần có một giải pháp đúng đắn cho vấn đề thống nhất nước Việt Nam. Chúng tôi muốn thống nhất đất nước một cách hoà bình, không có áp lực bên ngoài. Chúng tôi muốn có thương lượng quanh bàn hội nghị một cách thành thật, thoả mãn yêu cầu của nhau với các sự thu xếp thuận lợi cho cả hai bên. Chúng tôi không vội vã. Chúng tôi muốn nói chuyện, nhưng chúng tôi sẽ chờ đợi cho đến khi miền Nam Việt Nam sẵn sàng. Tôi biết đó là điều khó chấp nhận đối với Hoa Kỳ...

Phạm Văn Đồng tiếp tục nói với vị sứ giả Canada:

- Tôi thấy rằng Hoa Kỳ sẽ tiếp tục viện trợ cho chính quyền Nam Việt Nam. Họ có thể đưa thêm nhiều nhân viên quân sự vào nữa. Tôi rất đau lòng khi thấy chiến tranh sẽ tiếp diễn, mở rộng và tăng cường. Dù sao, nhân dân Việt Nam vẫn sẽ tiếp tục chiến đấu và nhất định sẽ thắng!- Thủ tướng nhòai người ra phía trước. - Xin thứ lỗi cho tôi nói điều này, các ông ở phương Tây, các ông không thể hiểu, hoàn toàn không thể hiểu, sức mạnh của một dân tộc khi họ đã quyết tâm đứng lên vì độc lập và tự do của Tổ quốc. Cuộc chiến đấu của nhân dân miền Nam Việt Nam chúng tôi vượt xa mọi sự tưởng tượng. Họ làm cho cả chính chúng tôi phải ngạc nhiên.

Phạm Văn Đồng muốn Xibótnơ hình dung về tình hình gần đây ở miền Nam Việt Nam:

- Ông hãy nhìn lại tình hình miền Nam từ sau khi Diệm bị ám sát. Phong trào đấu tranh của nhân dân đã phát triển mạnh như một dòng thác lũ. Triển vọng cho Hoa Kỳ là không có lối ra. Tăng cường quân sự cho Nguyễn Khánh sẽ chẳng giúp được gì. Nhân dân miền Nam Việt Nam đã quá rõ bộ mặt của chúng. Cần có một Chính phủ liên hợp dân tộc. Chính phủ liên hợp dân tộc ở Lào là một ví dụ. Chúng tôi không có quân ở Lào, nhưng Hoa Kỳ đã can thiệp vào Lào. Hàng ngày máy bay Mỹ từ hướng Lào sang xâm phạm vùng trời chúng tôi. Những đơn vị biệt kích đã thâm nhập lãnh thổ chúng tôi

để tiến hành phá hoại. Nếu Hoa Kỳ tăng cường chiến tranh ở miền Nam Việt Nam thì sẽ là một cuộc chiến đấu quyết liệt đến cùng. Hoa Kỳ không bao giờ có thể giành được thắng lợi trong bất cứ tình huống nào.

Phạm Văn Đồng giọng tỏ ra thú vị, nói tiếp:

- Cho tôi dẫn câu nói của nhà báo Mỹ Oantơ Lípman: "Mỹ chưa thấy ánh sáng ở cuối đường hầm". Chính phủ của tôi chưa thể đưa ra một đề nghị cụ thể, nhưng đó là quan điểm của chúng tôi.

- Cảm ơn Ngài, thưa ngài Thủ tướng. Ngài đã nói quan điểm của Chính phủ Ngài, tôi sẽ truyền đạt trung thành những ý kiến đó.

Phạm Văn Đồng:

- Ông có thể không tin những điều tôi nói, nhưng tôi bảo đảm với ông những gì tôi nói đều xuất phát từ lòng chân thành và thẳng thắn.

Xibớtơ hỏi Phạm Văn Đồng rằng hiện ông ta có thể nêu "mấy câu hỏi cá nhân" và nói luôn:

- Như Ngài vừa nói, có phải một điều kiện để lập lại hoà bình là trước hết miền Nam Việt Nam phải trung lập không?

- Không! - Phạm Văn Đồng ngắt lời sứ giả - Tôi không nói đến vấn đề trung lập như là bước đầu tiên. Miền Nam Việt Nam trung lập bao nhiêu là do nhân dân miền Nam quyết định. Tôi không dự đoán!

Xibớtơ:

- Mặt trận Dân tộc Giải phóng là đại diện cho một lực lượng ở miền Nam Việt Nam nhưng không phải là tất cả và cũng không phải là đa số. Tôi hoan nghênh Mặt trận sẽ được tham gia vào một Chính phủ liên hiệp sẽ xuất hiện, nhưng tôi sợ rằng việc liên hiệp sẽ sớm mở đường cho Mặt trận tiếp quản Nam Việt Nam, điều này đã xảy ra ở một vài nước khác.

Phạm Văn Đồng:

- Sự lo lắng này hoàn toàn không có căn cứ nào cả.

- Thưa Thủ tướng, liệu Ngài có hiểu trách nhiệm của Hoa Kỳ ở miền Nam Việt Nam không chỉ có quan hệ đến Đông Nam á mà còn quan hệ đến các hoạt động lật đổ của du kích ở toàn bộ Châu á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh?

- Có chứ! Chúng tôi hiểu điều này. - Phạm Văn Đồng trả lời - Chúng tôi hiểu rằng, đối với người Mỹ, mất miền Nam Việt Nam có thể sẽ dẫn tới phản ứng dây chuyền với Mặt trận Dân tộc Giải phóng ở miền Nam Việt Nam và những người ủng hộ Mặt trận mà nói, tình hình có thể cũng sẽ như thế.

Phạm Văn Đồng có ý định chuyển câu chuyện sang hướng khác:

- Tôi vui mừng qua thông điệp của Hoa Kỳ thấy Hoa Kỳ không có ý

định đánh chúng tôi.

Xibótơ nói ngay:

- Hoa Kỳ không muốn đưa chiến tranh ra Bắc Việt nhưng sẽ buộc làm việc đó nếu bị đẩy đi quá xa. Sự kiên nhẫn của Hoa Kỳ không phải là không có giới hạn.

Giọng chậm rãi, Phạm Văn Đồng nói:

- Nếu chiến tranh bị đẩy ra miền Bắc Việt Nam, miền Bắc sẽ chiến đấu. Chúng tôi có các bạn bè của chúng tôi. Ông biết đấy, chúng tôi là một nước xã hội chủ nghĩa, là một thành viên trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa. Nhân dân chúng tôi sẽ đứng lên tự vệ. Chúng tôi không có hành động gì đẩy Hoa Kỳ đi vào con đường đó, chúng tôi không khiêu khích Hoa Kỳ.

Sứ giả Xibótơ xin cáo từ, Phạm Văn Đồng nói thêm:

- Tôi chờ đợi có cuộc nói chuyện thêm nữa với ông. Lần sau ông sẽ gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Lần này Người đi nghỉ. Người có gửi lời chào ông

Hai hôm sau, ngày 20 tháng 6, Xibótơ về tới Sài Gòn. Ông ta đã gửi hai bức điện dài về ốtaoa, thông qua ốtaoa truyền đạt lại cho Chính phủ Mỹ. Bức điện thứ nhất trình bày khái quát cuộc hội đàm suốt 70 phút giữa ông ta với Phạm Văn Đồng; bức điện thứ hai, ông dẫn nguyên văn hầu như không sót một chữ những câu nói của Phạm Văn Đồng mà ông đã ghi được. Ngày 22 tháng 6, ông gửi về một bản báo cáo trong đó ông phân tích trạng thái tinh thần của Bắc Việt và nêu những nhận xét cá nhân. Theo Xibótơ, việc mở rộng chiến tranh sẽ là nguy hiểm và không thể thành công. Trong bức điện đầu tiên, ông đã báo cáo nội dung và tinh thần cơ bản của cuộc hội đàm, nêu rõ Phạm Văn Đồng “trước sau đều tỏ ra bình tĩnh và thành thực, tỏ ra hiểu rõ tính chất nghiêm trọng của những vấn đề được đem ra thảo luận và không có gì gì tỏ ra hung hăng và hiếu chiến”. Cuối bức điện, Xibótơ nói: “Tôi hoan nghênh các vị (Bộ Ngoại giao) và Chính phủ Mỹ có thể đưa ra kiến nghị về những điểm cần thảo luận kỹ hơn lần sau khi tôi ra Hà Nội”. Những bức điện của Xibótơ đều được Quốc vụ viện Mỹ kịp thời chuyển cho Đại sứ quán Mỹ ở Sài Gòn. Chính phủ Mỹ hầu như đã có ba tuần lễ cân nhắc về bức điện báo của Xibótơ để quyết định xem liệu có thể đưa ra kiến nghị hòa bình cụ thể cho cuộc gặp gỡ tới. Nhưng ba tuần lễ trôi qua Oasinhton vẫn chẳng công khai đưa ra được một đề nghị gì.

Sự việc tiếp tục diễn biến theo hướng tiến tới một cuộc chiến tranh không tránh khỏi.

Sự kiện “Vịnh Bắc Bộ”

Khoảng nửa đêm ngày 31 tháng 7 năm 1964, một tốp pháo hạm của quân nguy ở Nam Việt Nam rời cảng Đà Nẵng phóng nhanh ra khơi nhằm hướng hai đảo Bắc Việt cách vĩ tuyến 19 sáu mươi hải lý đánh phá. Trong lúc đó, về phía đông nam 100 hải lý là khu trục hạm Mỹ "Madốc" đang tiến vào vịnh Bắc Bộ. Nó nhận được lệnh sẽ dừng lại tại một địa điểm cách bờ biển chỉ ít là 8 hải lý. "Madốc" được trang bị ra-da và các thiết bị quan sát hiện đại, nó là con mắt của hải quân Thái Bình Dương Hônululu. Pháo hạm của Nam Việt Nam đã tấn công hai hòn đảo, hành động này được giải thích là "nhiệm vụ thường xuyên". Chỉ trong mấy phút, hỏa lực mãnh liệt chiếu sáng rực bầu trời đêm lúc 3 giờ sáng. Những con tàu cao tốc phóng ngư lôi bắn một hồi vào lính đóng, sau đó rút lui.

Ngày 2 tháng 8, tức là sau 36 tiếng đồng hồ, chiến hạm "Madốc" tiến vào gần bờ biển, nó điện gấp về Hônululu và sau đó Hônululu phát điện khẩn về Oasinhton báo cáo: Tàu "Madốc" đang giao chiến với 3 tàu cao tốc phóng ngư lôi, phương vị trong hải phận "quốc tế" cách bờ biển 30 hải lý. ở Oasinhton lúc này đã gần nửa đêm, nhưng Tổng thống Giônson vẫn đang chủ trì cuộc họp của Hội đồng Tham mưu trưởng. Lầu Năm Góc và Quốc vụ viện tất bật với việc vạch ra một kế hoạch ứng cứu quan trọng nhưng ngắn gọn. Uyliam Bândi trực tiếp dịch mật mã các tài liệu cho Giônson, nếu ý kiến rằng ông ta không chút hoài nghi về cuộc giao chiến đầu tiên này giữa Mỹ và Bắc Việt ở vịnh Bắc Bộ. Bândi nói: "ngày 2 tháng 8, một khu trục hạm của Mỹ chắc chắn đã bị công kích, không còn tồn tại bất cứ sự hoài nghi nào về trận công kích, vết đạn và mọi thứ còn đó".

"Madốc" báo cáo về, nó đánh lui và làm trọng thương cả 3 chiếc tàu của đối phương. Giônson hạ lệnh cho khu trục hạm Tơơ Giôi tới chi viện cho "Madốc". Sáng sớm ngày 4 tháng 8, hai chiến hạm này của Mỹ bắt đầu thực hiện kế hoạch DESOTO thu thập tin tức tình báo.

Khi hai chiến hạm gặp nhau, vị trí của chúng cách bờ biển 50 đến 76 hải lý. Khi các khu trục hạm của Mỹ được lệnh quay trở lại vịnh Bắc Bộ, nhiều tàu chiến của Nam Việt Nam cũng đang xúc tiến các cuộc tiến công biệt kích theo kế hoạch 34-A.

Khi Bộ tư lệnh hải quân Bắc Việt Nam một lần nữa phát tín hiệu đỏ DEOTO cảnh báo "quân Bắc Việt đang tiến công" thì đã là nửa đêm theo giờ Thái Bình Dương, sớm hơn 12 tiếng theo giờ Oasinhton. Bândi kể: "trong đêm tối, một khu trục hạm báo cáo rằng nó đã bị tập kích. Nó nhìn thấy vết sóng của tàu cao tốc phóng ngư lôi". Chỉ trong ít phút, Hội đồng Tham mưu

trường đã được triệu tập. Sau khi được Tổng thống Giônson phê chuẩn, Hội đồng lập tức quyết định thực thi giai đoạn một của phương án ném bom - đánh “trả đũa” một đối một. Các máy bay ném bom chiến đấu của Hạm đội Bảy xuất kích đánh vào những mục tiêu đầu tiên đã được xác định từ trước.

Oasinhton gửi cho Hônululu một bức điện chuẩn bị sẵn: sẵn sàng phóng “mũi tên đột kích”. Tây Bắc Thái Bình Dương lúc này là 3 giờ sáng. Tàu sân bay bắt đầu tắt bật nạp đạn được cho cuộc tấn công trả đũa.

4 giờ sáng theo giờ Thái Bình Dương, Hônululu phát đi một bức điện khẩn báo cáo với Hội đồng Tham mưu trưởng: có mưa to, gió lớn, sóng dữ dội, “DESOTO” không thể xác định khu trục hạm liệu có bị công kích hay bị phá hoại. Trong “Phòng tác chiến” của Lầu Năm Góc, Bộ trưởng Quốc phòng Mắc Namara nổi đường dây nóng với Tổng thống. Họ quyết định, phải bảo đảm cho khu trục hạm không bị tấn công; ném bom vẫn tiếp tục tiến hành theo kế hoạch.

Rạng sáng trên Thái Bình Dương, Hônululu gửi tiếp bức điện: mặt biển sóng vẫn dữ dội, rất trở ngại cho việc xác minh chính xác khu trục hạm có bị tập kích nữa hay không. Trong tất cả các bức điện đến không nói rõ khu trục hạm có đúng là đã nhìn thấy tàu của Bắc Việt, còn Oasinhton lại cứ tin vào tin tức tình báo vô tuyến của “Madốc” nhận được trước đó. Sau khi những tin tình báo đó được dịch ra, Giônson triệu tập các nhân vật lãnh đạo cho họ biết về kế hoạch công kích. Lịch ném bom vẫn cứ diễn ra.

Nhà Trắng thông báo cho hệ thống truyền hình quốc gia chuẩn bị để Tổng thống nói chuyện với cả nước. Tại Lầu Năm Góc, “Nhóm nghiên cứu” như cách gọi nôm na của Mắc Namara đang căn cứ vào danh sách các mục tiêu tấn công để định vị tọa độ. Uyliam Bândi phụ trách liên lạc với Quốc vụ viện, xử lý các tin tức tình báo truyền về qua vô tuyến điện. Thời gian cứ nhích dần nhích dần từng giây. Không có tin tức gì thêm từ khu trục hạm đang vật lộn với sóng gió. Chỉ còn 30 giây nữa, Giônson được mời đi chuẩn bị nói chuyện trên truyền hình. Đèn đỏ bật sáng liên tục, một dòng tin điện phóng lên bầu trời Thái Bình Dương: “Phóng mũi tên đột kích”. Trong lúc những máy bay ném bom cất cánh lao vút lên không trung thì Giônson tuyên bố với cả nước Mỹ: “Những hành động thù địch một lần nữa lại bắt đầu diễn ra đối với quân hạm Mỹ trên vùng biển quốc tế ở vịnh Tonkin (Vịnh Bắc Bộ) đã buộc tôi ngay hôm nay ra lệnh cho lực lượng vũ trang Mỹ phải có hành động trả đũa”. Giônson thông báo cho dân chúng Mỹ biết, rằng ông ta đã ra lệnh cho không quân ném bom miền Bắc Việt Nam, rằng những hành động thù địch đối với quân Mỹ, “chẳng những phải đối phó lại bằng

sự răn đe, đề phòng, mà còn phải bằng sự trả lời tích cực “rằng” trong khi tôi đang nói chuyện với các bạn, chúng ta đã có câu trả lời. Những chiến hạm và một số thiết bị hỗ trợ đang trả đũa đối với miền Bắc Việt Nam, không quân của chúng ta cũng đang hành động”.

Giônson như đang nhìn vào các thánh giả ngồi trước màn hình, nói: “Sự kiện này khiến toàn thể nhân dân Mỹ nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của cuộc đấu tranh chúng ta đang tiến hành ở Đông Nam á vì tự do và an ninh”, “sẽ khiến toàn thể những người Mỹ chúng ta phải gia tăng nỗ lực thực hiện những nghĩa vụ phải gánh vác của chúng ta đối với nhân dân Việt Nam và Chính phủ Việt Nam”.

Ngày 5 tháng 8, Mỹ huy động rất nhiều máy bay ném bom, bắn phá miền Bắc Việt Nam. Quân dân Việt Nam đánh trả quyết liệt, bộ đội không quân đã bắn rơi 8 chiếc, bắn bị thương 3 chiếc máy bay Mỹ, bắt sống một tên giặc lái. Ngay tối hôm đó, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Mắc Namara họp báo tuyên bố: chiều hôm nay, Mỹ đã huy động 64 lần chiếc máy bay đánh vào 4 “căn cứ tàu phóng lôi” và “kho xăng dầu” của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở Hòn Gai, Lộc Chiêu, Phúc Lợi, Quảng Khê.

Mắc Namara nhận định thời cơ tăng thêm quân để tấn công Việt Nam đã tới, nên tại cuộc họp báo đó ông ta tuyên bố Mỹ sẽ có những bước đi nhằm tăng cường binh lực của Mỹ ở khu vực Thái Bình Dương: Một, điều một hàng không mẫu hạm tấn công của hạm đội I đến Thái Bình Dương; hai, điều máy bay đánh chặn và máy bay ném bom chiến đấu sang Nam Việt Nam; ba, điều máy ném bom chiến đấu sang Thái Lan; bốn, điều trung đội máy bay đánh chặn và máy bay ném bom chiến đấu từ Mỹ sang căn cứ tấn công ở Thái Bình Dương; năm, điều bộ đội đặc chủng chống tàu ngầm tới biển Đông; sáu, đặt các đơn vị lục quân, hải quân được chỉ định trong tình trạng báo động, sẵn sàng chiến đấu”.

Đó là “sự kiện Vịnh Bắc Bộ” làm chấn động thế giới.

“Bồng lai tiên cảnh”

Ngày 10 tháng 8 năm 1964, Tổng thống Giônson nhận được điện của Taylo, Đại sứ Mỹ ở Nam Việt Nam, đề nghị tiếp tục tiến hành giai đoạn 2: ném bom liên tục. Đại sứ đề nghị với Tổng thống, đến ngày 1 tháng 1 năm 1965, Tổng thống “sẽ hoàn tất công việc chuẩn bị thực thi kế hoạch ứng cứu đối với Bắc Việt”.

Giờ đây, Tổng thống Giônson không thể không tự mình quyết định vấn

để leo thang thêm một nấc. Trong thượng viện, không một ai phản đối việc leo thang. Trên bàn làm việc trong văn phòng hình bầu dục, bên cạnh bức điện của Đại sứ Taylo có một quan điểm khác chưa đầy kịch tính, đó là quan điểm của công chúng Mỹ. Giônson cầm lên đọc đi đọc lại mãi. Kết quả cuộc thăm dò ý kiến dân chúng của Harít chứng tỏ, cả nước tán thành việc ông đã xử lý một cách kiên quyết vụ “khủng hoảng” Vịnh Bắc Bộ; sự tín nhiệm đối với ông chỉ trong một đêm tăng từ 42% lên 72%.

Chính phủ của Giônson bây giờ đã trở nên cứng rắn hơn, đang bí mật tính toán leo thang nhanh hơn. Các cố vấn của Tổng thống không cần úp úp mở mở nữa. Các thủ lĩnh quân sự như Mắc Namara, Taylo, Oétmolen đều nói với ông: Hành động (leo thang từng bước) là tuyệt đối cần thiết. Điện báo ngày 10 tháng 8 của Taylo cực lực chủ trương về một thời hạn cuối cùng cho hành động đối phó lại Bắc Việt.

Mỹ ráo riết chuẩn bị chiến tranh, tùy tiện mở rộng ngọn lửa chiến tranh. Hành động đó đã khiến nhân dân và các nước yêu chuộng chính nghĩa trên toàn thế giới phản nộ.

Ngày thứ hai sau khi xảy ra “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, tức ngày 6 tháng 8 năm 1964, Chính phủ Trung Quốc ra tuyên bố cực lực lên án hành động xâm lược của Mỹ.

Quân dân Hà Nội bình tĩnh khẩn trương chuẩn bị sẵn sàng đánh trả những cuộc tấn công ăn cướp của Mỹ.

Trung tuần tháng 8, đại diện cao cấp của Canada ông Xibótơ lần thứ hai ra Hà Nội. Xibótơ cảm thấy những biến đổi rất đáng chú ý: mọi người đang tập cách bắn máy bay, trên đường phố chỗ nào cũng có hầm hố ẩn nấp, phụ nữ và trẻ em chuẩn bị được đưa đi sơ tán. Ngày thứ ba, ông ta được Thủ tướng Phạm Văn Đồng tiếp. Trong buổi tiếp, Phạm Văn Đồng đã lên án mạnh mẽ hành động khiêu khích của Mỹ đối với Việt Nam, cho rằng Mỹ đưa chiến tranh ra miền Bắc lòng tìm lối thoát cho tình trạng tuyệt vọng của miền Nam.

Bằng một giọng quyết liệt. Phạm Văn Đồng nói với Xibótơ:

- Đưa chiến tranh ra miền Bắc, Mỹ đã gây ra một tình hình hết sức nguy hiểm, tôi nhắc lại, hết sức nguy hiểm. Đó thực sự là một tính toán sai lầm. Cho đến hôm nay, chúng tôi vẫn đang cố tránh những phiền phức nghiêm trọng, tất nhiên những nỗ lực của chúng tôi hiện nay càng trở nên khó khăn hơn vì chiến tranh đã diễn ra trên lãnh thổ của chúng tôi.

Phạm Văn Đồng đưa ra lời cảnh cáo:

- Nếu chiến tranh đánh đến miền Bắc Việt Nam, thì cuối cùng nó sẽ lan

ra toàn bộ Đông Nam á, hậu quả sẽ không thể lường nổi. Chúng tôi không giấu giếm một sự thật, đó là nhân dân chúng tôi sẽ phải hy sinh nhiều hơn, song cuộc chiến đấu tự vệ của chúng tôi là hợp pháp vì người ta đã áp đặt chiến tranh cho chúng tôi.

Mỹ ném bom Bắc Việt, tăng cường viện trợ cho Nam Việt Nam, song tất cả đều không làm thay đổi được tình trạng suy yếu và thối nát của chính quyền Nam Việt Nam.

Từ tháng 8, tình hình Nam Việt Nam đảo lộn nhanh chóng như cảnh trong một bộ phim thời sự. Các đại diện của Oasinhton đi lại như con thoi, giữa đại sứ và các sĩ quan chỉ huy mặt trận rất khó có sự thống nhất ý kiến, quân đội Việt Nam Cộng hoà được gọi là “những con thỏ để hữu danh vô thực” các tín đồ Phật giáo lại một phen gây náo loạn. Người ta quen với những chuyện tập kích và đảo chính. Trong những cuộc thay đổi Chính phủ nhanh như đèn cù, các tướng lĩnh bỏ mặc việc cải cách chính trị. Ngày 16 tháng 8, tướng Nguyễn Khánh trở thành Tổng thống, gạt tướng Dương Văn Minh ra rìa hứa hẹn chế định Hiến pháp mới. 11 ngày sau, hiến pháp bị loại bỏ, Dương Văn Minh một lần nữa trở thành “nguyên thủ quốc gia”, Nguyễn Khánh quay về giữ ghế “Thủ tướng”. Hai ngày sau, Nguyễn Khánh về nước với lý do “tinh thần bạc nhược” và 5 hôm sau ông ta lại lên ngôi Thủ tướng, 10 hôm sau lại bị hạ bệ trong một cuộc đảo chính không đổ máu và chỉ một ngày sau đó lại thấy ông ta thượng đài trong một cuộc chính biến. Tình hình cứ tiếp tục diễn ra như thế trong khi đại sứ Taylo vẫn cố ra sức khổng chế lực lượng của mình và níu kéo Chính phủ đương thời.

Taylo nói: “Trong một năm tôi làm đại sứ, tôi đã phải đối phó với 5 chính quyền, 5 tốp tướng lĩnh cao cấp. 5 tốp thủ lĩnh cấp tỉnh cai trị 44 tỉnh. Nói một cách khách, trong sự hỗn loạn mà người ta có thể hình dung được, guồng máy Chính phủ đã theo nhau bị loại trừ, bị lật đổ vào 5 thời điểm khác nhau, và ngay từ khi bắt đầu đã không một lúc nào xây dựng được một Chính phủ ổn định”.

Ngày 18 tháng 8, khi báo cáo của Xibótơ về chuyến công cán Hà Nội từ Ôtaoa chuyển tới Oasinhton rồi từ Oasinhton chuyển tới Sài Gòn, đại sứ Taylo khuyến cáo Nhà Trắng, cho rằng việc ném bom miền Bắc vẫn chưa đủ: Tướng Oétmôlen dự tính đến việc Nam Việt Nam cần tới lính thủy đánh bộ Mỹ.

Trước áp lực của phía quân đội và những người ủng hộ hành động quân sự, Tổng thống Giônson từng bước từng bước đẩy nước Mỹ lún sâu vào tai hoạ chiến tranh.

Ngày 1 tháng 11, du kích miền Nam tập kích căn cứ không quân Biên Hòa gần Sài Gòn, 4 lính Mỹ bị chết, 6 máy bay ném bom B-57 bị phá huỷ. Hai ngày sau, Giônson với tư cách ứng cử viên của phái ôn hòa đã giành thắng lợi với ưu thế áp đảo trong cuộc bầu cử Tổng thống.

Vào lúc mà người Mỹ đang bỏ phiếu bầu thì Giônson đã gặp Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng để bàn vấn đề phản ứng của Mỹ trước việc tập kích Biên Hoà. Ông Chủ tịch nói với Tổng thống: “Quyền thống trị ở mặt đất đã có những thay đổi có lợi cho cộng sản” - ý ông ta muốn nói, do quân Mỹ cứ ngồi đợi ở Việt Nam, cho nên không có lý do công kích lại họ. Ông ta yêu cầu phải lập tức tập kích các căn cứ không quân ở gần Hà Nội, và Giônson cũng đưa ra những phương án ném bom hiện đại hoá. Trợ lý Quốc vụ khanh Bancro được cử đi liên hệ với Lầu Năm Góc. Ngày 5 tháng 11, Bancro đệ trình bị vong lục của nhóm kế hoạch. Ông ghi trong nhật ký: “Sự kiện Biên Hoà có thể tái diễn bất cứ lúc nào, điều này buộc chúng tôi phải hành động, đồng thời cũng sẽ cung cấp cho chúng tôi cơ hội tuyệt vời để chúng tôi hành động mạnh mẽ hơn. Rõ ràng là Tổng thống đang cân nhắc những điều cơ bản có thể vận dụng được ở mức độ tối đa qua sự kiện Vịnh Bắc Bộ”.

Tuần lễ cuối cùng của tháng 11. Uylimam Bancro đã trình Tổng thống phương án đã được sửa chữa, đó là ném bom theo kiểu “phẫu thuật ngoại khoa” - một kiểu ném bom mà Mỹ đã dùng cả nghìn lần ở Châu á: xóa sổ mục tiêu A, nếu mục tiêu đó không còn phát huy tác dụng được nữa sẽ đến mục tiêu B, sau đó lần lượt đến các mục tiêu khác, đồng thời đẩy nhanh tốc độ phá hoại.

Bắt đầu từ năm 1965, “thế giới tự do” đã tham gia đạo quân xâm lược núp dưới chiếc ô bảo hộ của Mỹ. Nam Triều Tiên cử 2000 viên cố vấn quân sự, Thái Lan và Philippin cũng sẵn sàng một lực lượng tương tự, Ôxtrâyliã đã trở thành căn cứ ứng cứu.

Ngày 1 tháng 1 năm 1965, Mỹ tiến hành một bước chuẩn bị quan trọng cho cuộc chiến tranh trên đất liền. Kế hoạch đưa quân lính chiến đấu của Mỹ vào ứng cứu đã bước vào “trạng thái tác chiến” của giai đoạn một mang mật hiệu “32-64”. Ngày hôm đó cũng là kỳ hạn cuối cùng ném bom Bắc Việt theo đề nghị của đại sứ Taylo. Oétmolen thì kiên trì chủ trương đưa bộ binh vào, còn Taylo thì kiên trì chủ trương tiến hành ném bom “từng bước” và đề nghị Hội đồng Tham mưu trưởng cố gắng cho ném bom những căn cứ không quân gần Hà Nội. Lúc Giônson phải cân nhắc những đề nghị khác nhau đó cũng là lúc hội nghị kiểu maratông của Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc đang diễn

ra. Ông ta phải lựa chọn giữa tiến hành chiến tranh trên không hay chiến tranh mặt đất, hoặc giả cả hai cùng đồng thời tiến hành. Giờ đây không còn là chuyện ứng cứu nữa mà phải đưa ra sự lựa chọn dứt khoát: sự quá yếu ớt của người bạn đồng minh của Mỹ, (chính quyền Sài Gòn) buộc Mỹ phải mở rộng chiến tranh. Đến cuối tháng 1, kết quả của sự lựa chọn là: chiến tranh trên không có thể sẽ giành được hiệu quả tối đa, có khả năng dẫn đến tranh cãi nhất.

Ngày 7 tháng 2, một đơn vị du kích tập kích căn cứ Mỹ ở Plâycu, 9 lính Mỹ chết, 76 người bị thương. Mấy giờ sau, Giônson phê chuẩn kế hoạch, “mũi tên rực cháy” - mặt hiệu của một giai đoạn trong kế hoạch trả đũa ăn miếng trả miếng của Lầu Năm Góc.

29 máy bay “Chìm ung nhà trời” và “Kẻ đột nhập” cất cánh từ Hạm đội 7 đánh vào Đồng Hới - căn cứ tập kết quân đội Bắc Việt nằm ở phía bắc giới tuyến. Trận tập kích không vấp phải sự đề kháng. Cùng lúc, ở miền Nam kế hoạch sơ tán người Mỹ vạch ra trước đây cũng được thực hiện ngay. Trong một ngày, máy bay chở hàng trăm phụ nữ và trẻ em đi sơ tán. Giônson hạ lệnh tiếp tục chiến dịch ném bom giai đoạn hai với biệt danh “sấm rền”.

Sáng ngày 2 tháng 3.100 máy bay chiến đấu vượt qua vĩ tuyến 17 và chỉ trong phút chốc nhiều cầu cống, đường sắt, cửa cảng... của miền Bắc bị phá hoại. Đó là những mục tiêu nằm trong “Kế hoạch ném bom một năm” của Mỹ. Trong khi đó, qua vô tuyến truyền hình, Giônson nói với dân chúng Mỹ: “Tôi cho rằng, tính tất yếu của cuộc chiến tranh đã buộc chúng ta phải ném bom miền Bắc. Chúng ta thực sự đã hạn chế các cuộc không tập, chỉ nhằm vào các mục tiêu bê-tông và gang thép chứ không nhằm sát hại thường dân”.

Toàn thế giới bắt đầu quan tâm theo dõi và lên án gay gắt chiến dịch “Sấm rền”. Nhiều thượng nghị sĩ Mỹ cũng phải kinh ngạc, Giônson thì luôn mồm bảo đảm rằng “mục đích của ông ta không phải là mở rộng chiến tranh mà là sáng tạo hòa bình, nhưng theo họ, “ông ta (chỉ Giônson), đã thay đổi quan điểm từ khi xảy ra sự kiện Plâycu đầu năm 1965, ông ta bắt đầu muốn mở rộng chiến tranh”.

Trong khi “sấm” vẫn “rền” thì kế hoạch ứng cứu bằng bộ binh ráo riết chuẩn bị triển khai. Vậy mà Tổng thống Giônson không hề dả động đến chuyện này trong bài nói trên truyền hình ngày 2 tháng 3.

Kế hoạch đưa lính chiến đấu Mỹ vào Việt Nam của Tư lệnh quân sự tối cao ở Nam Việt Nam Oétmôlen cũng đã được Bộ trưởng quốc phòng Mắc Namara ủng hộ.

Theo Oétmôlen, ném bom vẫn chưa đủ, Mỹ phải tiến hành chiến tranh trên bộ.

Oétmôlen cho rằng, phân giai đoạn để ném bom “không thể mang lại kết quả” vì như ông ta giải thích: “Một khi Bắc Việt nhận thức được chuyện gì đang xảy ra, họ có thể phân tán mục tiêu. Chẳng hạn, trước kia họ tập trung xăng dầu ở một chỗ, nay họ có thể phân tán xăng dầu ra khắp cả nước bằng những bồn xăng nhỏ... trước sau tôi vẫn nghĩ rằng, đối thủ của chúng ta khá ngoan cường, họ có thể thích ứng với các kiểu ném bom đặc biệt. Ném bom ngắt quãng như Oasinhton hiện nay không thể giải quyết được vấn đề”.

Oétmôlen lý sự việc ném bom miền Bắc chắc chắn sẽ dẫn đến hành động trả đũa vào các căn cứ không quân Mỹ ở miền Bắc Việt Nam. Sau trận tập kích của du kích ở Biên Hoà và Plâycu, rõ ràng Mỹ không còn có thể dựa vào lực lượng vũ trang Nam Việt Nam để bảo vệ những căn cứ của Mỹ được nữa. Theo ông ta, căn cứ chủ yếu của Mỹ ở Đà Nẵng, nằm ở ven biển, cách giới tuyến quân sự tạm thời chỉ có 100 km, rất dễ bị tấn công. Để ủng hộ quan điểm của Oétmôlen, Hội đồng Tham mưu trưởng đề nghị trước tiên đưa lính thủy đánh bộ đến Đà Nẵng, coi như phản ứng đầu tiên về vấn đề bảo đảm an toàn. Lầu Năm Góc cũng tỏ thái độ: cần phải có quân đội “để ngăn chặn sự trả đũa công khai đối với việc không kích của Mỹ”.

Đại sứ Taylor lúc đầu tỏ ra kinh ngạc trước việc này. Ông ta gọi điện cảnh cáo Giônson rằng, nếu lính thủy đánh bộ Mỹ tiếp quản nhiệm vụ bảo vệ an ninh vốn là của quân đội Việt Nam Cộng hòa thì sẽ càng làm cho Sài Gòn “rũ bỏ trách nhiệm nhiều hơn”. Taylor chủ trương dựa vào chiến tranh trên không để cho quân đội Việt Nam Cộng hòa được “rèn luyện”.

Taylor phê phán “sự rụt rè không cần thiết” trong những hành động không kích và kiến nghị vạch một “phương án không kích táo bạo hơn”, Taylor còn cho rằng “những nỗ lực hoà bình của phương Tây” phải dựa vào cuộc chiến tranh trên không này.

Nhưng Bândi nói: “Trên cái sân khấu đó, chỉ có đưa lính chiến đấu Mỹ vào mới có thể dứt khoát ngăn chặn được tình trạng thối nát và chưa năm xẻ bầy đang tiếp diễn, làm cho nó tiến bộ lên được”. Lực lượng chính trị mới của Sài Gòn là tướng Nguyễn Văn Thiệu cũng ủng hộ Oétmôlen. Nguyễn Văn Thiệu nói: “Cộng sản khống chế 75% nông thôn, chúng tôi chỉ khống chế được những thành phố chính. Chúng tôi thấy khó mở rộng được lực lượng, rất cần đến quân đội Hoa Kỳ”.

Cuối cùng, đại sứ Taylor “đồng ý” với kế hoạch cho lính thủy đánh bộ đổ

bộ. Taylor gọi Oétmôlen là ông “Bạn thân” và nói: “Oétmôlen và tôi đều thường xuyên kiểm tra cách nghĩ của nhau”. Cả hai ông tướng này đều là những người lính cũ trên chiến trường Triều Tiên, đều từng là người phụ trách trường võ bị Oét Poăng. Taylor nói: “Oétmôlen đã nắm được những bằng chứng về tình trạng thối nát của quân đội Nam Việt Nam ở khu vực Đà Nẵng và mối đe dọa thâm nhập ngày càng gia tăng của Bắc Việt, cuối cùng tôi cũng khẳng định Đà Nẵng đang trong tình thế nguy hiểm”. Taylor đề xuất phái một tiểu đoàn, Oétmôlen đề xuất phái hai tiểu đoàn, Hội đồng Tham mưu trưởng cũng đề xuất phái hai tiểu đoàn, Giônson đã phê chuẩn đề nghị này.

Ngày 1 tháng 3 năm 1965, tại Sài Gòn, đại sứ Taylor đến chào Thủ tướng lâm thời Phan Huy Quát đã tiết lộ một tin khiến ông ta hoàn sững sốt: lính thủy đánh bộ Mỹ sắp sang. Mới lên nhậm chức được 10 ngày, Phan Huy Quát không biết tý gì về chuyện này, hoàn toàn chưa có sự chuẩn bị về mặt tâm lý. 3 ngày sau, đại sứ Taylor chính thức đại diện cho Oasinhton hỏi Phan Huy Quát: Chính phủ Việt Nam Cộng hoà có thể “mời” lính thủy đánh bộ Mỹ tới không?

Ở miền Nam Việt Nam lúc này, số nhân viên quân sự Mỹ sầm vai cổ vắn đã vượt qua 2000 người.

Phan Huy Quát tất nhiên không dám quyết định có “mời” hay không. Sau khi tỏ lời cảm ơn Taylor, Phan Huy Quát nói sẽ bàn bạc với tướng Thiệu, người lãnh đạo Ủy ban lực lượng vũ trang.

Taylor đi khỏi, Phan Huy Quát gọi Tham mưu trưởng Bùi Diệm tới, nói cho ông ta biết tin này. Cả hai đều cho rằng vấn đề hóc búa nhất là ai sẽ cai trị cái “quốc gia” này. Bùi Diệm cảm thấy đây là điểm cốt tử trong mục tiêu của họ: Người Mỹ quyết tâm muốn khống chế đối với Sài Gòn, Mỹ đã cảm thấy ngao ngán mệt mỏi về gánh nặng mà chắc chắn nó không có cơ hội nào chia sẻ được. Bùi Diệm giọng ngán ngẫm:

- Thế đấy; đại đa số trường hợp người Mỹ sau khi đã có quyết định rồi, Chính phủ Nam Việt Nam mới được thông báo!

Thảo luận xong thông báo ngắn gọn của đại sứ Taylor về việc 3500 quân lính thủy đánh bộ sắp sửa tới, Bùi Diệm và Thủ tướng Phan Huy Quát vẫn không biết gì hơn ngoài việc lực lượng này ngày 6 lên đường, ngày 8 sẽ đổ bộ ở Đà Nẵng.

Bùi Diệm buồn thiu:

- Việc duy nhất mà chúng ta có thể làm được lúc này là ngồi vào bàn, soạn thảo công báo.

Bọn tướng lĩnh đã chú ý đến việc miền Nam sẽ bị “xâm phạm, quấy nhiễu”, nên đã không do dự đưa ra “lời mời” (lúc này quân đội Cộng hòa có khoảng 50 vạn còn theo tính toán của Mỹ, lực lượng du kích có 37.000 quân chính qui, 10 vạn dân quân, tăng 33% so với năm 1964). Khi phê chuẩn cho lính thủy đánh bộ Mỹ đổ bộ, tướng Nguyễn Văn Thiệu lo ngại giới Phật giáo và học sinh sinh viên Đà Nẵng, thành phố lớn thứ hai của Nam Việt Nam, sẽ có phản ứng. Ông yêu cầu lính thủy đánh bộ Mỹ sẽ đổ bộ bằng một phương thức không dễ phát hiện.

9 giờ sáng ngày 8 tháng 3 năm 1965, một chi đội tàu đổ bộ của hạm đội hải quân Mỹ cập bờ biển Đà Nẵng. Hai mươi năm trước, người Pháp cũng đổ quân lên nơi đây để một lần nữa tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và bây giờ, đạo quân đầu tiên của Mỹ với 3500 tên cũng đặt chân lên chốn này.

Trong quá trình đổ bộ, những người lính Mỹ lầm lũi trong tay khẩu M-14 đã gặp một cảnh tượng có thể nói là kỳ lạ nhất trong mọi cuộc chiến tranh. Trên bãi cát phẳng lì có cả một uỷ ban đón tiếp chính thức, một biểu ngữ chằng ngang giữa các cây phi lao với dòng chữ: “các bạn nên ở lại đây! và khắp nơi là những cô gái rất xinh đẹp. Các cô gái đều có nước da màu hổ phách, những cặp mắt hạnh nhân tinh nghịch, mái tóc đen chấm ngang lưng, mặc những chiếc quần lụa mới kêu sột soạt. Các cô gái chạy qua chạy lại giữa đám lính trẻ, quàng lên người họ những vòng hoa màu trắng và màu hồng. Các cô mặc những chiếc áo dài sặc sỡ đủ màu bó sát vào thân hình thon thả, dập dờn như trong mộng, vẻ e thẹn mỉm cười với các chàng lính đang mở to mắt há hốc mồm. Trên bãi cát giống như thiên đường bao trùm một không khí nửa thực nửa mơ.

Tướng Oétmôlen mô tả cuộc đổ bộ này như một buổi dạo “bồng lai tiên cảnh”. Quả thực ông ta có lý do để liên tưởng một cách lãng mạn như vậy. Là một sĩ quan chỉ huy quân sự, đề nghị đưa bộ binh vào Việt Nam của ông ta giờ phút này đã trở thành hiện thực, lòng ông ta rạt rào sung sướng, mong ước lấy lại niềm tin cho dân chúng trong cuộc chiến tranh này đang được thực hiện.

Và cũng từ đây, cuộc chiến tranh Việt Nam kéo dài suốt mười năm bất đầu mở màn.

VI. NGĂN CHẶN MÓNG VUỐT CỦA ĐẾ QUỐC MỸ

Mao Trạch Đông quan tâm theo dõi tình hình chiến sự Việt Nam

Trong cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, hai nước Trung Việt đã kết nên

mối tình hữu nghị nông hậu,

Ngày hôm sau xảy ra “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, ngày 6 tháng 8 năm 1964, Chính phủ nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa đã ra tuyên bố:

Mỹ đã châm ngọn lửa chiến tranh xâm lược, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có quyền hành động chống xâm lược, tất cả các nước bảo vệ Hiệp định Giơnevơ cũng có quyền chống lại sự xâm lược. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là một thành viên của phe xã hội chủ nghĩa, không một nước xã hội chủ nghĩa nào có thể ngồi nhìn Việt Nam bị xâm lược. Mỹ xâm phạm nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tức là xâm phạm Trung Quốc, nhân dân Trung Quốc quyết không thể khoanh tay ngồi nhìn.

Ngày thứ ba sau “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, ngày 8 tháng 8, gần một triệu công nhân, nông dân, cán bộ, dân quân và đông đảo dân chúng xuống đường, rầm rộ biểu tình thị uy.

Ngày thứ năm sau “Sự kiện Vịnh Bắc Bộ”, ngày 10 tháng 8, Bắc Kinh tổ chức một cuộc mít tinh khổng lồ với 10 vạn người tham gia, ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mỹ vũ trang xâm lược. Tham dự có Phó Chủ tịch Đảng kiêm Thủ tướng Quốc vụ viện Chu Ân Lai, Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị kiêm Phó Thủ tướng Lục Định Nhất, Bí thư Ban bí thư Trung ương, Phó Thủ tướng kiêm Tổng Tham mưu trưởng Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc La Thụy Khanh, Chủ tịch Ủy ban bảo vệ hòa bình thế giới của Trung Quốc Quách Mạt Nhược.

Ngày 10 tháng 2 năm 1965, lại một cuộc mít tinh thị uy khổng lồ với 150 vạn người đã được tổ chức tại thủ đô Bắc Kinh. Đứng trên Thiên An Môn, các nhà lãnh đạo Đảng và Nhà nước Trung Quốc Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Đặng Tiểu Bình ... đã cùng với quân dân Bắc Kinh thét vang khẩu hiệu lên án tội ác xâm lược của đế quốc Mỹ, kiên quyết ủng hộ cuộc đấu tranh chống Mỹ của Việt Nam. Trên quảng trường Thiên An Môn, cả dãy phố Đông Trường An và Tây Trường An, những tiếng hô vang dậy rung trời chuyển đất, rợp trời cờ đỏ tung bay, biểu ngữ san sát như rừng cây, hơn chục quả khí cầu lớn từ hai bên quảng trường từ từ bay lên không trung mang theo những tấm biểu ngữ to nhìn rõ mồn một. Trước lầu thành Thiên An Môn sừng sững một tấm biểu ngữ dài mấy chục mét với những dòng khẩu hiệu. “Phản đối đế quốc Mỹ xâm lược nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà!” “Đế quốc Mỹ cút khỏi miền Nam Việt Nam!” “Đế quốc Mỹ cút khỏi Đông Dương! Cút khỏi Châu Á! Cút khỏi châu Phi! Cút khỏi châu Mỹ la tinh! Cút khỏi mọi nơi chúng chiếm đóng!”

Hành động cướp biển của Chính phủ Giônson

Cuộc đấu tranh ở miền Nam Việt Nam nhanh chóng được sự ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân các nước trên thế giới, kế hoạch chiến lược của Mỹ liên tiếp bị thất bại. Giônson mất ăn mất ngủ, hôm đó, ông ta lại bay sang Hônululu, triệu tập các đầu mục quân sự chính trị bàn khẩn cấp về tình hình Việt Nam. Giônson nói:

- Thế lực của Việt Cộng ở miền Nam phát triển nhanh tới mức khó tin, nhưng đó là sự thật. Nếu không nhanh chóng chặt đứt hậu phương của nó, chính quyền Sài Gòn sẽ lâm nguy trong một sớm một chiều, viện trợ quân sự của Mỹ lâu nay sẽ tan thành mây khói.

Thấy các cộng sự nhìn nhau, Giônson dần giọng:

- Nếu không tăng cường ngăn chặn, cứ để tiếp tục phát triển như thế này mãi, thế lực của Trung Quốc, thế lực của Liên Xô tất sẽ dồn xuống phía nam, lực lượng của các nước cộng sản có thể sẽ khống chế được eo biển Malacca, yết hầu giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, lợi ích của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á sẽ bị tổn thất nặng nề. Tới lúc đó mới lại hạ quyết tâm giành giật với cộng sản, điều chỉnh lại kế hoạch quân sự để đối phó với sự bành trướng của thế lực cộng sản, đối phó với sách lược tấn công của Liên Xô ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương thì e đã muộn...

Bộ trưởng quốc phòng miền Nam và Quốc vụ khanh Đin Raxơ nghe tới đây bất giác rung mình. Một năm trước đây, tại Trân Châu Cảng đã quyết định một kế hoạch hành động quân sự quan trọng. Kế hoạch này sau khi thực thi được gọi là "Sự kiện vịnh Bắc Bộ". Quốc vụ khanh Đin Raxơ đã tham gia việc hoạch định kế hoạch, cả hai vị đại sứ ở Sài Gòn là Cabot Lốt và Taylơ cũng có mặt, Tư lệnh quân Mỹ miền Nam Việt Nam Oétmolen tràn trề tin tưởng. Tháng 8 bắt đầu tập kích căn cứ hải quân Bắc Việt. Sau đó, quân Mỹ lại ném bom các trục đường giao thông và các thành phố lớn, ném bom đường mòn Hồ Chí Minh.

Chiến sự ở Việt Nam làm đau đầu Mác Namara.

Ông Bộ trưởng Quốc phòng này cảm thấy việc ném bom chỉ có thể làm chậm lại tốc độ chi viện của Bắc Việt chứ không thể ngăn chặn được sự chi viện đó. Theo ông ta, biện pháp tốt nhất là cho quân đổ bộ ra miền Bắc, chiếm Hà Nội, tàn phá triệt để căn cứ Bắc Việt. Trong đầu Mác Namara đã nhiều lần hiện ra những giây phút nguy cấp của Mác Namara trên chiến trường Triều Tiên năm ấy, Mác áctơ đã quả quyết cho quân đổ bộ lên Nhân Xuyên, chặt

dứt đường tiếp tế của quân Kim Nhật Thành, nam bắc giáp công mười mấy vạn quân Bắc Triều Tiên, nhanh chóng đẩy mặt trận lên vĩ tuyến 38. Mác Namara đã nhiều lần đề nghị với Tổng thống thực thi theo kế hoạch đó. Nhưng Giônson cho rằng, việc đó rất quan trọng, quan hệ rất lớn, trù trừ mãi vẫn chưa thể đưa ra quyết định.

Về chủ trương của ông Bộ trưởng Quốc phòng, nội bộ Lầu Năm Góc quan điểm cũng không hoàn toàn thống nhất. Vấn đề mọi người lo lắng nhất là làm như vậy liệu Trung Quốc có xuất binh không, liệu có lại giống như chiến trường Triều Tiên không. Bài học thất bại trên chiến trường Triều Tiên vẫn còn in đậm trong ký ức họ. Một số tướng lĩnh cao cấp cho rằng, quân đội Mỹ chỉ cần tiếp cận biên giới Việt-Trung, chắc chắn sẽ dẫn tới sự can thiệp của Trung Quốc!

Mác Namara có phần không vui trước những ý kiến đó:

- Nếu các ông đằng trước sợ sói, đằng sau sợ hổ, liệu còn làm nên được chuyện gì, đành khoanh tay mà chờ chết!

Ông ta chợt nhớ đến ngày 23 tháng 9 năm 1945, 9 chiến hạm Pháp chở hai vạn quân đổ bộ lên Hải Phòng, ít lâu sau tiến về Hà Nội, “tống cổ” các quan chức của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vừa mới tuyên bố thành lập lên hết cả vùng núi rừng Việt Bắc. Ông ta đột nhiên phấn chấn hẳn lên, nói với các Tham mưu trưởng ba quân chủng, với các yếu nhân quân sự khác của Lầu Năm Góc:

- Tổng thống Giônson ngày 30 tháng 5 nói với các họa sĩ vẽ tranh châm biếm rằng, có người đang phải cầm súng, có người đang phải chịu khổ, có người đã chết, chiến tranh là như vậy! Ngày 8 tháng 6, Tổng thống tuyên bố trên truyền hình về việc quân Mỹ trực tiếp tham chiến ở Việt Nam, có nói không bao gồm việc đổ bộ vào Bắc Việt. Để dập tắt cuộc tấn công của Việt Cộng, chúng ta phải quyết đoán kịp thời!

Chẳng ai học được chữ ngờ. Kế hoạch này còn đang thai nghén thì đã bị một nhà báo tố giác. Ngày 17 tháng 6, phóng viên tờ báo Anh “Tin nhanh hàng ngày” ở Oasinhton tiết lộ quyết định quan trọng đó: “Kế hoạch này sẽ lập lại cách làm của tướng Mác áctor hồi chiến tranh Triều Tiên. Lúc bấy giờ, Mác áctor quyết định đổ bộ lên Nhân Xuyên, cắt đứt đường liên lạc với Bắc Triều Tiên... Về kế hoạch này, Bộ trưởng Quốc phòng Mác Namara nhận được sự ủng hộ của Hội đồng Tham mưu trưởng, và đã trình lên Tổng thống Giônson”. Chẳng mấy chốc, dư luận Đông, Tây âm ỹ cả lên.

Điều làm cho Mác Namara càng đau đầu hơn là trước khi ông ta vạch ra

kế hoạch quan trọng này, ý đồ của ông đã bị Hồ Chí Minh, một con người sáng suốt, trí tuệ đa mưu đoán ra. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bắt đầu có sự chuẩn bị nhằm vào kế hoạch xâm lược của Mỹ đánh chiếm thủ đô Hà Nội, đồng thời, Hồ Chí Minh bí mật sang Trung Quốc, yêu cầu Trung Quốc giúp đỡ nhiều hơn.

Đây là lần thứ hai Hồ Chí Minh bí mật sang thăm Trung Quốc. Lần thứ nhất là vào cuối tháng 1 năm 1950, khi đó nhân dân Việt Nam đang kháng chiến chống Pháp, và nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa đã thành lập.

Ngày 3 tháng 2 năm đó, từ Đông Bắc Trung Quốc, Hồ Chí Minh đáp máy bay đi thẳng sang Mátxcova. Một trong những mục đích của chuyến đi này là ra mắt Xtalin, đồng thời nhân dịp Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai cũng có mặt ở đó, tranh thủ thêm sự viện trợ của Chính phủ Liên Xô.

Xtalin sau khi hỏi ý kiến Mao Trạch Đông đã hội kiến với Hồ Chí Minh để nghe ông giới thiệu về cuộc chiến tranh Pháp-Việt.

Hồ Chí Minh trực tiếp đề xuất với Xtalin yêu cầu Liên Xô cử cố vấn quân sự giúp Việt Nam và viện trợ cho Việt Nam súng ống đạn dược.

Trước những yêu cầu của Hồ Chí Minh, Xtalin dùng dằng chưa quyết định ngay. Ông ta muốn sau khi thương lượng với Trung Quốc rồi sẽ quyết định.

Khi hội đàm với Mao Trạch Đông, Xtalin một lần nữa nhắc lại nhận thức của ông về “hình thế thế giới”.

Xtalin nói với Mao Trạch Đông, ông hy vọng trách nhiệm giúp Việt Nam chống Pháp chủ yếu vẫn do Trung Quốc đảm nhận, vì Trung Quốc và Việt Nam có nhiều mối liên hệ trong quá khứ cũng như hiện tại, hai bên khá hiểu biết nhau, vị trí địa lý cũng gần gũi nhau.

Xtalin tuyên bố, viện trợ Trung Quốc xây dựng kinh tế là nhiệm vụ quan trọng của Liên Xô.

Cuối cùng, Xtalin nói với Mao Trạch Đông:

- Chúng tôi đã đánh xong đại chiến thế giới, còn rất nhiều vũ khí dùng chưa hết, chúng tôi có thể chở sang Trung Quốc, các đồng chí giữ lấy, trong đó có những thứ phù hợp với chiến tranh Việt Nam, các đồng chí cũng có thể chở một số sang Việt Nam.

ở Mátxcova, về vấn đề viện trợ cho Việt Nam chống Pháp, Chính phủ hai nước Trung Quốc, Liên Xô nhanh chóng đi tới thoả thuận:

Về đến Bắc Kinh, Mao Trạch Đông triệu tập ngay Quân ủy Trung ương họp tại điện Càn Chánh trong Trung Nam Hải, bàn vấn đề viện trợ cho Việt Nam.

Mọi người đều thống nhất ý kiến: cách mạng Việt Nam là một bộ phận

của Cách mạng thế giới, nếu cuộc chiến tranh chống Pháp của Việt Nam thắng lợi sẽ làm cho an ninh ở phía nam Trung Quốc được bảo đảm thêm một bước, về cơ bản mà nói, đây cũng là nghĩa vụ quốc tế vô sản.

Hồ Chí Minh hoàn toàn ý thức được sự hứa hẹn của Chính phủ Trung Quốc có ý nghĩa như thế nào. Ông phấn khởi nói với một cán bộ Việt Nam phụ trách công tác đối ngoại lúc bấy giờ:

- Trung Quốc hiện nay đã được giải phóng, so sánh lực lượng có lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân thế giới, đặc biệt có lợi cho cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân Việt Nam. Mấy năm kháng chiến, dựa vào những cố gắng của bản thân, chúng ta đã giành được thắng lợi to lớn, nay Trung Quốc quyết định giúp đỡ chúng ta trên mọi phương diện, do đó trọng điểm công tác đối ngoại của chúng ta hiện nay không ở Thái Lan, phải chuyển về Trung Quốc. Đồng chí có thể phải ở lại Bắc Kinh nhận nhiệm vụ mới. Trong quá trình công tác, có rất nhiều điều mới mẻ cần phải học tập. Song điều thuận lợi nhất là các đồng chí Mao Trạch Đông, Lưu Thiệu Kỳ, Chu Ân Lai v.v.. đều tỏ ra muốn tận lực giúp đỡ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, mặc dù Trung Quốc cũng vừa mới được giải phóng, họ còn bao nhiêu khó khăn cần phải giải quyết.

Chu Ân Lai, La Thụy Khanh điều binh khiển tướng

Tại Hồ Nam, Mao Trạch Đông đang thị sát ở đây đã có dịp bắt tay ôm hôn người bạn cũ Việt Nam.

Hồ Chí Minh vẫn mặc bộ quần áo Tôn Trung Sơn may bằng vải ka-ki vàng, chòm râu dài đã bạc đi nhiều.

Chủ khách yên vị, Mao Trạch Đông lên tiếng trước:

- Hồ Chủ tịch, đồng chí đến từ Việt Nam, tôi ở Hồ Nam, chúng ta người một nhà cả! Có khó khăn gì? Cần người có người, cần vật có vật, đồng chí đừng khách sáo.

Mao Trạch Đông nói giọng địa phương rất nặng, nhưng Hồ Chí Minh nghe hiểu. Trình độ Hán ngữ của Hồ Chí Minh rất giỏi, chẳng những nói thạo tiếng phổ thông, còn nói được cả tiếng Quảng Đông, biết chút ít tiếng Thượng Hải; về chữ Trung Quốc, ông không những đọc được mà còn viết được. Ông làm thơ và từ bằng chữ Hán rất hay.

Hồ Chí Minh trình bày với Mao Trạch Đông một số tình hình Việt Nam rồi móc trong túi áo ra một tờ giấy. Đây là bản sơ đồ 12 con đường nằm ở phía bắc Hà Nội cần được tu sửa và xây.

Một tháng trước khi Hồ Chí Minh sang thăm Trung Quốc, tức là tháng 4 năm 1965, Bí thư thứ nhất Đảng Lao động Việt Nam Lê Duẩn, Phó Thủ tướng Chính phủ kiêm Bộ trưởng Quốc phòng Võ Nguyên Giáp được Hồ Chí Minh uỷ thác, dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ đến Bắc Kinh, yêu cầu Trung Quốc mở rộng qui mô viện trợ, cử sang Việt Nam lính công binh, lính đường sắt, bộ đội cao xạ pháo.

Đối với Việt Nam, thái độ những người lãnh đạo Trung Quốc có thể nói là “cần gì có nấy”. Ngày 8 tháng 4, Phó Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa Lưu Thiệu Kỳ thay mặt cho phía Trung Quốc tuyên bố rõ, giúp Việt Nam chống Mỹ là nghĩa vụ quốc tế, là trách nhiệm không thể chối từ của Trung Quốc. Phương châm của Trung Quốc là: phàm các đồng chí yêu cầu, chúng tôi có chúng tôi tận lực giúp đỡ; các đồng chí không mời, chúng tôi không đi; các đồng chí mời bộ phận nào của chúng tôi, bộ phận đó đi. Quyền chủ động hoàn toàn nằm trong tay các đồng chí”.

Ngày 12 và ngày 21 tháng 4, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc và Ủy ban thường vụ Quốc hội lần lượt có chỉ thị và ra nghị quyết, kêu gọi toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ra sức chi viện cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam.

Ngày 17 tháng 4, Quân uỷ Trung ương chỉ thị thành lập Chi đội một, hai, ba quân đội Trung Quốc giúp Việt Nam.

Ngày 21 tháng 4, Tổng Tham mưu trưởng La Thụy Khanh hội đàm với Võ Nguyên Giáp.

Ngày 22 tháng 4, Phó Tổng Tham mưu trưởng Dương Thành Vũ hội đàm lần thứ hai với Võ Nguyên Giáp, bàn một số vấn đề cụ thể về việc đưa bộ đội Trung Quốc tới Việt Nam.

Sáng ngày 25 tháng 5, sau khi nhận được thông báo điện thoại của Mao Trạch Đông về cuộc hội đàm với Hồ Chí Minh, Chu Ân Lai lập tức triệu tập những người phụ trách có liên quan bên Bộ tổng Tham mưu, Bộ Giao thông, Bộ Ngoại giao đến họp bàn những vấn đề thiết thực.

Chu Ân Lai phân tích về tình hình thế giới xong, chuyển sang bàn giao những vấn đề cụ thể.

Về giao thông, phía Việt Nam đã nói rõ với chúng tôi, do Mỹ phong toả và ném bom phá hoại, hiện nay việc chi viện cho miền Nam bằng đường biển cũng như bằng đường bộ đều giảm sút. Một mặt vẫn phải tìm mọi cách tiếp tục vận chuyển đường biển, đồng thời phải mở rộng các tuyến đường hành lang, làm thêm đường mới để tăng cường chi viện cho miền Nam. Bộ đội của

bạn phải chuyển xuống phía Nam làm đường, cho nên yêu cầu Trung Quốc giúp sửa chữa các con đường phía Bắc. Lần này Chủ tịch Hồ Chí Minh có mang sang một bản sơ đồ, muốn chúng ta giúp đồng chí đó sửa 12 con đường. Chu Ân Lai vừa nói vừa rút trong cặp tài liệu ra bản sơ đồ, trải lên trên bàn. Ông ngừng lại giây lát, giọng cân nhắc - những con đường này, công trình rất lớn, chắc chắn không thể cùng làm một lúc, cần có sự phân biệt về mức độ quan trọng cũng như sự cần thiết trước sau. Phải suy nghĩ một cách tổng hợp cả nhu cầu xây dựng kinh tế và tác chiến, nhưng phải lấy nhu cầu tác chiến làm chính, đó là vấn đề nặng nhẹ; còn nữa, do địa hình địa chất khác nhau nên có vấn đề khó dễ, khó làm và dễ làm. Để kịp thời ứng cứu, có con đường có thể làm tạm, thông xe là được, nhưng không được quá đại khái, mưa xuống là trôi hết. Tóm lại, phải theo phương châm tám chữ “nặng nhẹ, khó dễ, nhanh chậm, thô bền” để cân nhắc bố trí kế hoạch.

Cẩn thận, tỷ mỷ, nắm chắc vấn đề, đó là tác phong công tác của Chu Ân Lai. Ông góp ý kiến thêm về kế hoạch thực hiện:

- Lực lượng thi công làm đường, lấy bộ đội công binh làm chính. Bộ đội làm đường luôn luôn phải tính đến khả năng địch ném bom phá hoại, địch ném đầu sủa đấy. Về việc đối phó với máy bay Mỹ ném bom, Bộ Giao thông, Bộ Đường sắt có thể giới thiệu cho bạn kinh nghiệm thời chúng ta chống Mỹ viện Triều. Có điều, phải căn cứ vào tình hình mới trên chiến trường Việt Nam, chú ý tổng kết những kinh nghiệm mới. Cũng cần phải cử một số chuyên gia cầu đường sang giúp Việt Nam nghiên cứu kỹ thuật tu bổ. Các đồng chí, đây là một nhiệm vụ nặng nề, cũng là một nhiệm vụ quốc tế về vang. Chúng ta nhất định phải làm tốt công việc này, nhất định phải nêu được một tấm gương sáng. Để tăng cường lãnh đạo công tác này, tôi đề nghị đồng chí Tổng Tham mưu trưởng La Thụy Khanh phụ trách chung, các đồng chí Phó tổng Tham mưu trưởng Dương Thành Vũ, Lý Thiên Hựu chủ trì công việc cụ thể, các ngành hữu quan như Ủy ban kế hoạch, Ủy ban kinh tế phải tuân theo sự điều khiển.

Nói đến đây, Chu Ân Lai nhấp một ngụm trà rồi đưa mắt nhìn mọi người nói tiếp:

- Thừa các đồng chí, chúng ta là một nước lớn, chúng ta lại giành được thắng lợi cách mạng trước bạn, cho nên chúng ta phải có trách nhiệm, phải có nghĩa vụ giúp đỡ nhân dân Việt Nam đang chiến đấu. Trước đây chúng ta thường nói :Kháng Mỹ viện Triều, bảo gia vệ quốc”, ngày nay giúp đỡ Việt Nam chống Mỹ cũng là cũng là gìn giữ bảo vệ quê hương đất nước. Trên một

mức độ nào đó mà nói, giúp đỡ Việt Nam cũng tức là gia cố cửa lớn phía Nam của chúng ta.

Thưa các đồng chí, chúng ta giúp người phải giúp đến cùng- Chu Ân Lai nói tiếp - chúng ta giúp Việt Nam làm đường bộ, đường sắt, còn phải giúp khai thác đường thủy. Đối với những yêu cầu của Việt Nam, chúng ta phải đáp ứng đầy đủ. Hiện nay, Việt Nam chiến đấu rất gian khổ, kẻ thù ném bom rất khốc liệt. Dù đường bộ hay đường thủy, chúng ta nhất định phải tìm mọi cách đưa được các thứ đi. Các đơn vị của chúng ta phải chấp hành nhiệm vụ này với tinh thần chi viện cho tiền tuyến, với tác phong chiến đấu. Chúng ta đem tinh thần dũng cảm và mưu trí chống lại cuộc ném bom của kẻ thù, chiến thắng cuộc ném bom của kẻ thù... Hôm nay tôi đã nói nhiều, các đồng chí xem còn ý kiến gì nữa?

Ngồi bên cạnh Chu Ân Lai, Phó tổng Tham mưu trưởng Dương Thành Vũ cũng bàn sơ đồ các tuyến đường cần tu bổ, xây dựng ở miền Bắc Việt Nam, nêu ra hai phương án bố trí binh lực:

- Khảo sát hiện trường chưa làm được, nhưng phân tích trước mắt, một phương án là đồng thời triển khai tác nghiệp 12 con đường, binh lực phải cử 10 vạn; một phương án khác là tu bổ xây dựng từ 5 đến 7 tuyến đường chính, sẽ xuất binh 8 vạn, xem tình hình tiến triển sau này thế nào sẽ quyết định tăng hay giảm.

Kế đó, Chu Ân Lai, La Thụy Khanh, Dương Thành Vũ cùng với mọi người vay quanh tẩm sơ đồ tiếp tục bàn bạc nghiên cứu. Khuynh hướng chung ngã theo phương án hai, nhưng còn chờ sau khi thảo luận với đoàn đại biểu Việt Nam xong rồi mới quyết định.

- Thưa thủ tướng- Dương Thành Vũ đề nghị- có nên chăng, Trung ương và Quốc vụ viện đứng ra thành lập một Ban chỉ viện Việt Nam hoặc một bộ máy nào đó để tiện cho việc thống nhất điều hành? Một mình Bộ tổng Tham mưu nắm, cảm thấy sức ép quá lớn, rất nhiều công việc phải có đông người bàn bạc mới ổn, diện đề cập rộng, các đầu mối liên hệ nhiều, không thể không có một tổ chức điều hành chung.

La Thụy Khanh bổ xung :

- Thưa Thủ tướng, Bộ tổng Tham mưu chúng tôi sớm đã có ý kiến này và đã bàn. Vấn đề này gấp lắm rồi, mong Thủ tướng sớm có quyết định.

- Thế nào? - Chu Ân Lai đưa mắt nhìn các vị lãnh đạo trong Quốc vụ viện đang có mặt, hỏi- Tôi thấy có thể được.

Sau một hồi thảo luận, quyết định đã được đưa ra ngay: Để thống nhất tổ chức chỉ viện Việt Nam và thống nhất giải quyết các công việc liên quan

bên, thành lập một ban điều hành gồm các đồng chí phụ trách của 21 đơn vị hữu quan Bộ Ngoại giao, Bộ Đường sắt, Bộ Giao thông, Tổng cục chính trị, Tổng cục hậu cần, Hải quân, Công binh, Ban tác chiến Bộ Tổng Tham mưu..., do Dương Thành Vũ, Lý Thiên Hựu làm Chánh Phó trưởng ban. Ngoài ra, thành lập một ban lãnh đạo gồm 7 người Lý Tiên Niệm, Bạc Nhất Ba, La Thụy Khanh, Lưu Hiếu, Dương Thành Vũ, Lý Cường, Lý Thiên Hựu, chịu trách nhiệm trước Trung ương, nắm chắc phương châm đường lối viện trợ Việt Nam và phê duyệt các yêu cầu mới.

Thế là, chỉ một “bản sơ đồ” của Hồ Chí Minh mà đã huy động các phương tiện của Trung Quốc từ trên xuống dưới. Sau này, Đồng Tất Vũ⁽¹⁾ đưa Hồ Chí Minh đi nghỉ ở Hoàng Sơn. Hồ Chí Minh đã quá vất vả, trong hoàn cảnh chiến tranh rối ren bất định, ông làm việc ngày đêm trù liệu việc quân. Mỗi một quá độ đã khiến ông gầy xẹp đi. Lần này sang Trung Quốc, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai đều khuyên ông đến Hoàng Sơn nghỉ ngơi vài ngày.

Những đỉnh núi nguy nga kỳ vĩ của Hoàng Sơn, những cây tùng với thế đứng khoẻ khoắn hiên ngang, những suối nước trong veo không bao giờ cạn, biển mây bồng bềnh cuộn cuộn như lớp lớp sóng xô, đã thụ hút hàng ngàn hàng vạn du khách trong ngoài nước.

Hai ông già Hồ Chí Minh và Đồng Tất Vũ vai song vai đi giữa cảnh non xanh nước biếc. Họ vừa ngắm phong cảnh vừa trò chuyện. Gió núi dịu dịu. Ngan ngát một màu xanh. Tâm hồn bỗng cảm thấy nhẹ nhõm, thanh thản.

Trong thời gian Hồ Chí Minh nghỉ lại ở Hoàng Sơn, theo yêu cầu của phía Việt Nam, các chi đội một, hai, ba và hai sư đoàn cao xạ pháo cùng một trung đoàn cao xạ pháo tăng cường đang tập kết trên biên giới Trung - Việt. Quân uỷ Trung ương còn quyết định thành lập một ban chỉ huy lãnh đạo công tác làm đường ở Việt Nam, đội tiền trạm khảo sát thiết kế phải có mặt ở Việt Nam vào cuối tháng 6.

Phong cảnh Hoàng Sơn tuy đẹp nhưng Hồ Chí Minh không còn bụng dạ nào ở nán lại thêm, cũng cần phải trở về nước, trở về tuyến đầu của cuộc đấu tranh chống Mỹ. Trước lúc rời Hoàng Sơn, Đồng Tất Vũ viết bốn khổ thơ tứ tuyệt tặng Hồ Chí Minh, dưới tiêu đề “Biệt Hoàng Sơn tứ tuyệt”.

Hồ Chí Minh cũng viết “Nhật ký Hoàng Sơn” tặng lại Đồng Tất Vũ,

(1) Lúc này là Phó chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (N.D)

trong đó có một bài:

*Đồng công tặng ngã dĩ trường thi
Ngã dục tác thi phụng hoạ chi
Khả thị kháng Mỹ cứu quốc sự
Hoàn toàn chiếm lĩnh ngã tâm tư⁽¹⁾*

(Cụ Đồng tặng tôi bài thơ dài. Tôi muốn làm thơ kính hoạ lại cụ. Nhưng công việc chống Mỹ cứu nước. Đã hoàn toàn chiếm hết tâm tư của tôi.)

Chính vào cái ngày Hồ Chí Minh rời Trung Quốc về nước, mồng 9 tháng 6 năm 1965, đơn vị quân Trung Quốc đầu tiên sang giúp Việt Nam đã vượt Hữu Nghị Quan, rầm rộ tiến vào nơi đang mịt mù khói lửa chiến tranh.

Trọng điểm chiến lược của Mỹ chuyển sang Trung Quốc.

Bài “Chiến lược Thái Bình Dương” đăng trên tạp chí Mỹ “Hạnh phúc” số tháng 1 năm 1966 tiết lộ, Mỹ đang ráo riết điều lực lượng quân sự chủ yếu từ Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương, thay đổi trọng điểm chiến lược trong hệ thống xâm lược của Mỹ, mũi nhọn chủ yếu nhằm vào Trung Quốc.

Bài báo viết: “Mấy tháng nay, với một quy mô đáng kinh ngạc, Mỹ đang di chuyển lực lượng quân sự chủ yếu của mình từ khu vực Đại Tây Dương sang Thái Bình Dương. Bộ máy quân sự của Mỹ từ chiến lược đối chọi với Nga, lấy khối Bắc Đại Tây Dương làm trung-tâm, lấy Haoai làm trung tâm.” Bài viết còn tiết lộ, từ tháng hai năm 1965 khi Mỹ mở rộng chiến tranh xâm lược Việt Nam, “lực lượng quân đội Mỹ điều động khẩn cấp sang Thái Bình Dương, xét trên nhiều phương diện, mạnh hơn nhiều so với lực lượng quân đội Mỹ giữ lại ở Châu Âu để ủng hộ khối Bắc Đại Tây Dương trong hơn mười năm qua.” Theo tác giả bài báo, cuộc điều động này của Mỹ liên quan chặt chẽ với một “hệ thống xâm lược mới”; mục đích của nó, không chỉ nhằm mở rộng chiến tranh xâm lược Việt Nam, bám giữ lâu dài miền Nam Việt Nam, mà còn âm mưu “ngăn chặn” Trung Quốc. “Lý do trước mắt của việc Mỹ khẩn trương điều động lực lượng là cần thiết phải cứu vãn ngay chính sách ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản mà chúng ta áp dụng lâu nay khỏi

(1) Bản dịch thơ của Phan Văn Các:

*Cụ Đồng tặng tôi bài thơ dài,
Tôi muốn làm thơ hoạ lại Người.
Nhưng việc nước nhà đang chống Mỹ,
Hoàn toàn chiếm trọn trái tim tôi.*

bị thất bại ở Việt Nam”, còn “mục đích lâu dài” của nó là “bảo tồn tất cả những địa bàn chiếm được ở miền Nam Việt Nam, và để phòng bức tường bao vây Trung Quốc lại xuất hiện những vết rạn nứt khiến người ta phải lo sợ.

Bài viết tiết lộ, Mỹ đang tích cực lôi kéo Anh tiếp tay cho “chiến lược ngăn chặn” này của Mỹ, và lợi dụng Nhật Bản và tập đoàn Tường Giới Thạch Đài Loan làm trụ cột cho chiến lược này. Tác giả viết, “Chính phủ Anh dần dần đồng ý với chủ trương như vậy của Mỹ”, “và chúng ta cùng áp dụng một chiến lược nghiêm túc như ở Đông Xuyên”. Ở Bắc Thái Bình Dương, “Mỹ phải dùng một mô hình Châu Á có sức thuyết phục để vạch ra một chiến lược ngăn chặn” “chiến lược này phải thu hút và kết hợp” với tập đoàn Tường Giới Thạch Đài Loan “ngoài chức năng là chất liệu xây dựng tất yếu trong hệ thống ngăn chặn ra, còn đóng vai trò cầu nối tiến vào các khu vực khác của Châu Á, bao gồm cả Trung Quốc đại lục.”

Cũng theo tác giả, Mỹ đã biến Nhật Bản thành căn cứ quân sự xâm lược Châu á của chúng. Mỹ đã lợi dụng “Hiệp ước an ninh Nhật Mỹ”, “giúp chúng ta (Mỹ) thực hiện một cách dễ dàng nghĩa vụ phòng thủ của chúng ta ở Nam Triều Tiên, Đài Loan và hiện nay ở Việt Nam”. Hơn nữa, nước Mỹ mong muốn Nhật Bản mở rộng quân bị, chuẩn bị chiến tranh vì “lợi ích chung”.

Bài viết ra sức cổ vũ, lý tưởng nhất là trong một vài năm tới, Nhật Bản cùng với Nam Triều Tiên, Đài Loan, Thái Lan và các nước trong liên hiệp Anh ở khu vực biển phía Nam kết thành một vòng cung quan trọng ở Đông Bắc Á, hình thành một vành đai hình trăng lưỡi liềm bao vây quốc Trung Quốc đỏ.

Cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân Đông Dương kết thúc thắng lợi.

Trong khi nhân dân Việt Nam quyết chiến với đế quốc Mỹ và giành được những thắng lợi to lớn thì quân dân Campuchia cũng mở cuộc phản công chiến lược. Bắt đầu từ đầu năm 1975, quân đội Campuchia đã hiệp đồng tấn công trên cả 3 chiến trường trong cả nước, vùng hạ du sông Mê Công, khu vực chung quanh Phnôm Pênh và chung quanh một số thành phố tạm thời bị quân địch khống chế. Từ tháng 1 đến tháng 2, lực lượng vũ trang nhân dân lần lượt đánh chiếm các cứ điểm quan trọng chung quanh Phnôm Pênh, chặt đứt các đường giao thông quan trọng, tiêu diệt nhiều cứ điểm của địch trên hai bờ sông Mê Công, khống chế quân địch bị bao vây chặt trong các thành phố, binh lực của địch bị phân tán và giam chân tại chỗ. Trong hai tháng, hơn 4 vạn tên địch bị tiêu diệt, hơn 700 cứ điểm bị nhổ bỏ. Tới thời điểm này, quân dân Campuchia đã trải qua 4 năm đấu tranh anh dũng, tiêu diệt cả thảy hơn 50 vạn quân địch. Tập đoàn Lonon bị vây khốn ở

Phnôm Pênh, sống thoi thóp nhờ vào sự tiếp tế bằng đường không của Mỹ. Cuối tháng 3 năm 1975, lực lượng vũ trang nhân dân Campuchia mở đợt tấn công cuối cùng vào tập đoàn Lonnon, đã đột phá tuyến phòng thủ phía Phnôm Pênh. Ngày 1 tháng 4, giải phóng Naileng. Ngày 15 tháng 4 đánh chiếm sân bay Pôchentông. Ngày 17 tháng 7, giải phóng Phnôm Pênh, đánh bại hoàn toàn đế quốc Mỹ và bọn tay sai, giành thắng lợi vĩ đại cho cuộc chiến tranh cách mạng giải phóng dân tộc.

Trong khi đó, tình hình Lào cũng có những chuyển biến lịch sử. Quân dân yêu nước Lào một mặt kiên trì đấu tranh vũ trang, một mặt không ngừng nỗ lực tìm kiếm hoà bình giải quyết vấn đề Lào. Ngày 21 tháng 2 năm 1973, tại Viên Chăn, đại diện toàn quyền các lực lượng yêu nước Lào và đại diện toàn quyền của Chính phủ Viên Chăn đã chính thức ký kết "Hiệp định về việc khôi phục hoà bình và thực hiện hoà hợp dân tộc ở Lào". Vấn đề Lào sẽ do hai bên ký kết giải quyết bằng hiệp thương theo tinh thần hòa hợp dân tộc. Hiệp định còn qui định rõ ràng, Mỹ phải tuân thủ và nghiêm túc thực hiện Hiệp định Giơnevơ năm 1962, phải rút hết các nhân viên quân sự ra khỏi Lào, đình chỉ mọi hành động quân sự đối với Lào. Như vậy, nhân dân Lào trong tình hình không có sự can thiệp từ ngoài vào, đã có thể giải quyết công việc nội bộ của mình, thực hiện nguyện vọng dân tộc và những quyền lợi dân tộc cơ bản của mình. Theo hiệp định, ngày 5 tháng 4 năm 1974, Chính phủ liên hiệp dân tộc lâm thời và Ủy ban liên hiệp chính trị dân tộc với tư cách là hai cơ quan quyền lực Trung ương sẽ đồng thời tuyên bố thành lập.

Sau khi Hiệp định Viên Chăn được ký kết, phái cực hữu ở Lào phá hoại hiệp định, liên tiếp tổ chức các cuộc tấn công lấn chiếm vùng giải phóng. Bọn Xananicon còn âm mưu làm đảo chính lật đổ, cách mạng Lào đã lãnh đạo nhân dân Lào, một mặt củng cố và phát triển vùng giải phóng, một mặt vạch trần tội ác của thế lực cực hữu phá hoại hiệp định Viên Chăn, đồng thời kiên quyết đánh trả cuộc phiêu lưu quân sự của phái cực hữu, đã đập tan cuộc tấn công lấn chiếm của chúng.

Tháng 4 năm 1975, tình hình Đông Dương chuyển biến hết sức mau lẹ, cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam và Campuchia đã giành được thắng lợi hoàn toàn, tạo điều kiện vô cùng thuận lợi cho cách mạng Lào. Trong tình thế đó, ngày 5 tháng 5 năm 1975, Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào ra lời kêu gọi quân dân cả nước tiến hành ba cuộc tiến công chiến lược; cuộc tiến công giành chính quyền của quần chúng nhân dân, cuộc tiến công phối hợp giữa quân đội phái hữu nổi dậy với các lực lượng yêu nước và cuộc tiến công quân sự của quân giải phóng nhân dân Lào.

Nhân dân Lào hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng Nhân dân Cách mạng, vùng lên giành chính quyền, và ngày 23 tháng 8 cùng năm đã thành lập chính quyền cách mạng tại thủ đô Viên Chăn, đánh dấu cuộc đấu tranh giành chính quyền của nhân dân Lào đã thu được thắng lợi quan trọng.

Ngày 1 tháng 12 năm 1975, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Lào đã được triệu tập tại Viên Chăn, tuyên bố xóa bỏ chế độ quân chủ, thành lập Nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

Đến đây, cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân Đông Dương do nhân dân ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia tiến hành đã kết thúc thắng lợi. Tiếp sau cuộc chiến tranh Triều Tiên, đây lại là một thắng lợi vĩ đại nữa của nhân dân thế giới giành được trên con đường giải phóng dân tộc chống lại sự xâm lược của nước ngoài.

Chương IX

Giônson mời Brêgionhép, Còsughin bí mật sang NiuOóc. Mỹ - Xô tranh nhau chơi con bài Trung Quốc, Mao Trạch Đông chia ba thế giới.

L HỘINGÔ Ở GLASBÂU

Mỹ Xô vẫn không đạt được thỏa thuận.

Năm 1963, Kennơđi bị ám sát, Giônson kế nhiệm Tổng thống. Năm 1964, Khorútsốp bị hạ bệ, lãnh đạo Kremlin thay người.

Sáng ngày 23 tháng 6 năm 1967, bầu không khí trong sân trường Đại học Flasbaau bang Niu Zécxi (Mỹ) vừa trang nghiêm vừa căng thẳng. Cả khu trường được canh gác nghiêm ngặt, cảnh sát vũ trang thường xuyên đi tuần tra chung quanh. Sau 6 năm, cuộc hội đàm thượng đỉnh Xô-Mỹ lần đầu tiên giữa Tổng thống Mỹ Giônson và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Còsughin sẽ diễn ra tại nhà ông hiệu trưởng của trường đại học này để bàn về quan hệ Xô-Mỹ và những vấn đề quốc tế hai bên cùng quan tâm.

Tổng thống Giônson có mặt từ sớm, thái độ tỏ ra rất nghiêm trang. Nhưng khi Còsughin tới, cái bắt tay giữa ông ta và Còsughin kéo dài tới 30 giây. Còsughin ngấm nhìn thăm cỏ xanh mượt với hàng cây du, cây cao su cây bồ đề nói với Giônson:

- Ngài đã chọn một nơi tuyệt vời.

Cuộc hội đàm lần này do phía Mỹ đơn phương nêu ra. Trước lời mời của Giônson, phía Liên Xô phản ứng của: Tổng bí thư Brêgionhép không xuất hiện, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Còsughin nhân chuyến sang Mỹ họp hội nghị đặc biệt của Liên Hợp Quốc về vấn đề Trung Đông tranh thủ gặp mặt, cho nên không phải là một cuộc thăm chính thức nước Mỹ.

Các nhà quan sát cho rằng, cuộc hội đàm giữa Giônson và Còsughin diễn ra do tình hình Mỹ ráo riết mở rộng chiến tranh xâm lược Việt Nam, khủng hoảng Trung Đông có chiều hướng ngày càng gia tăng, thế giới đang đứng trước mối đe dọa phổ biến vũ khí hạt nhân.

Cuộc hội đàm bí mật ngày 23 kéo dài suốt hơn 5 tiếng đồng hồ, chỉ có hai phiên dịch có mặt. Hai nhà lãnh đạo thảo luận chủ yếu về tình hình Trung Đông và Việt Nam, sau hội đàm đều tỏ ra thoải mái vui vẻ, mặt mũi tươi tỉnh. Ngày 25 diễn ra cuộc mật đàm lần thứ hai, đã thảo luận về điều ước ngăn ngừa việc phổ biến vũ khí hạt nhân, xem xét lại hiện trạng quan hệ Mỹ-Xô, trao đổi lập trường của đôi bên về những vấn đề chưa được giải quyết.

Kết thúc các cuộc hội đàm, hai bên không ra thông báo hoặc tuyên bố chung. Nhưng tại cuộc họp báo cuối cùng, cả hai nhà lãnh đạo đều đánh giá cuộc hội đàm lần này "rất tốt, rất bổ ích"; có bước tiến triển trên phương diện làm giảm bớt sự hiểu lầm nhau cũng như trong vấn đề tái giảm quân bị; cả hai bên đều mong muốn cố gắng tìm kiếm những tiếng nói chung...

Tuy nhiên, hai nhà lãnh đạo chưa thoả thuận được với nhau về vấn đề chấm dứt cuộc chiến tranh Trung Đông, sự chia rẽ sâu sắc giữa Mỹ Xô trong vấn đề chiến tranh Việt Nam vẫn tồn tại.

Theo nhận xét của một số nhà quan sát, kết quả lần hội đàm này cũng chẳng khác gì kết quả cuộc hội đàm ở trại Đavít giữa Aixenhao và Khorútsốp và cuộc hội đàm ở Viên giữa Kennơđi và Khorútsốp.

Phương án Giônson

Vài tuần sau khi Liên Xô đưa quân vào Tiệp Khắc, vấn đề hội nghị thượng đỉnh Mỹ-Xô lại được nêu ra. Tổng thống Giônson nói rõ, để hội nghị này được coi là sự kế tiếp hội nghị Glasbaau, Hoa Kỳ yêu cầu quân đội Liên Xô không được tiếp tục xâm nhập Đông Âu, việc chiếm đóng của Liên Xô đối với Tiệp Khắc phải có sự hạn chế. Đầu tháng 12, Tổng thống Giônson cho rằng những điều kiện cần thiết để tiếp tục tiến hành hội nghị thượng đỉnh Mỹ-Xô đã được thoả mãn đầy đủ, hai bên có thể bắt đầu trao đổi ý kiến về việc triệu tập hội nghị nguyên thủ hai nước. Phía Mỹ đưa ra phương án 3 giai đoạn: Trước hết, hai bên trao đổi văn kiện nói rõ lập trường về vấn đề hạn chế vũ khí chiến lược; tiếp đó, do Hội nghị thượng đỉnh thoả thuận về những nguyên tắc cơ bản chỉ đạo đàm phán; cuối cùng là một loạt những cuộc đàm phán kỹ thuật thực thi những nguyên tắc nói trên.

Nhưng lúc này người kế nhiệm của Tổng thống Giônson đã đắc cử. Nếu muốn tiến hành hội nghị thì phải triệu tập ngay vào thời điểm trước hoặc sau lễ chúa giáng sinh một tuần. Có nghĩa là, thời gian hoàn thành công tác chuẩn bị cho hội nghị chỉ có hai tuần. Tổng thống Giônson thông báo kế hoạch của ông ta cho Tổng thống mới đắc cử Nichson và đề nghị Níchson tham dự hội

ng nghị với tư cách bồi đồng hoặc quan sát viên. Thực ra, chỉ trong trường hợp Tổng thống đắc cử không phản đối, hội nghị mới có thể tiến hành được. Nếu Níchson đồng ý với kế hoạch đàm phán của Tổng thống Giônson, tự nhiên sẽ tăng cường vai trò đàm phán của Giônson. Lúc đầu, Níchson định cử đại sứ về hưu Rôbôt Moócphây thay mặt mình tham dự hội nghị, sau ông quyết định không tham dự vào chuyện này. Còn Tổng thống Giônson thì vẫn thiết tha mong muốn cải thiện hình ảnh của mình, muốn dùng hội nghị thượng đỉnh Mỹ-Xô làm đỉnh cao cho cuộc đời hoạt động chính trị của ông ta. Ông dự tính khả năng đạt được thoả thuận với Còsughin để có thể bắt tay vào cuộc đàm phán đình chỉ cuộc chạy đua vũ trang mà lâu nay vẫn gác lại đó, đồng thời bắt đầu đàm phán vấn đề chống tên lửa đạn đạo. Xem ra Chính phủ hai nước đã sẵn sàng cho các cuộc đàm phán nói trên. Tổng thống Giônson lo ngại, nếu bây giờ không làm những chuyện đó, Chính phủ mới sau khi lên nắm quyền lại phải mất vài ba tháng để xem xét lại chính sách của nhà nước, như vậy sẽ mất quyền chủ động, và biết đâu cũng có thể có chuyện gì đó chen vào làm lỡ mất lợi thế ngoại giao.

Tổng thống đắc cử Níchson tỏ ra không mặn mà với hội nghị Thượng đỉnh, điều này cũng có thể hiểu được. Hội nghị này rất có thể sẽ nguy hại đến tính linh hoạt của những chính sách sau khi ông nhậm chức. Níchson viết trong hồi ký, ông ta không muốn trước khi lên nắm quyền lực đã bị trói chân trói tay bởi bất kỳ một quyết định nào. Ông ta đoán rằng, hội nghị lần này nhiều lắm bất quá cũng lại để ra một thứ "tinh thần" vô bổ giống như các cuộc hội nghị thượng đỉnh trước đây. Lúc này, Níchson đang trù tính đưa nguyên tắc "liên hệ" vào trong quan hệ Mỹ-Xô, tức là để những cuộc đàm phán sau này giành được nhiều lợi ích hơn, khi giải quyết vấn đề không chế quân bị, phải liên hệ nó với các vấn đề kinh tế và chính trị khác. Ông ta còn muốn trước khi "kết bạn" với Chính phủ Liên Xô, trước hết phải tiến hành một cuộc họp thượng đỉnh với những người lãnh đạo các nước đồng minh Châu Âu đã có thể suy ra những lý do mà Níchson không muốn đích thân tham gia đoàn đại biểu của ông Tổng thống sắp mãn nhiệm. Và lại Níchson cũng không muốn dính thêm một viên minh châu trên vòng nguyệt của Giônson. Mátxcova nhận được tin, Tổng thống đắc cử Níchson không mặn mà lắm với kế hoạch của Tổng thống Giônson và điều ông ta phản đối là họp hội nghị ngay vào lúc này..

Kremli lúc đầu cũng thấy khó chịu trước việc Mỹ cứ lần lần không họp hội nghị, sau nghĩ lại hiểu ra rằng chỉ sau vài tuần lễ nữa sẽ lại làm bạn

với Rísác Níchson, và lại cũng cân nhắc thấy tính hợp pháp của những thỏa thuận trong những ngày cuối cùng với ông Tổng thống sắp mãn nhiệm không chắc chắn lắm, Mátxcova bắt đầu tỏ ra lạnh nhạt với cuộc họp thượng đỉnh Giônson - Còsughin.

II "MẬT SỨ" TỪ LIÊN XÔ TỚI

"Sứ quán" Tôkyô điện gấp cho Đài Bắc.

Ngày 11 tháng 10 năm 1968, bầu trời đêm ở Tôkyô âm u nặng nề.

Càng về khuya, Câu lạc bộ các phóng viên nước ngoài Tôkyô nằm trong nội đô càng trở nên náo nhiệt.

Các vị "hoàng đế không vương miện" đến từ các nơi trên thế giới tụ tập nhau lại khoảng trời riêng của họ, tha hồ mà xả láng, tha hồ mà nốc rượu.

Khoảng 10 giờ đêm, Lô Vi - tham sứ tân văn của "đại sứ quán" Đài Loan ở Nhật Bản đang tán gẫu với Caphu- phóng viên thường trú của hãng Roito ở Tôkyô, phát hiện thấy một phóng viên phương Tây cao lớn, đẹp trai khoác tay một cô gái có mái tóc vàng đi thẳng về phía mình.

Qua tự giới thiệu, Lô Vi biết anh ta là phóng viên báo "Tin tức buổi chiều" của Luân Đôn, tên là Lui, cô gái đi bên cạnh là vợ. Loanh quanh đôi ba câu chuyện, Lui nói thẳng ý định của mình là muốn sang thăm Đài Loan.

Đi sâu hơn, Lô Vi biết thêm người phóng viên ấy mang hộ chiếu Liên Xô nên đã nói với ông ta, vì vấn đề rất nhạy cảm, cần phải báo cáo với Đài Bắc.

Lô Vi vẫn thường đến Câu lạc bộ phóng viên nước ngoài này, và mỗi lần đến đều có rất nhiều phóng viên nước ngoài tìm đến ông ta chuyện gẫu, trong đó có cả các ký giả hãng TASS và báo "Sự thật" Liên Xô. Lui tìm đến ông ta với tư cách là một phóng viên, Lô Vi không cảm thấy bất ngờ, đây rất có thể là do các phóng viên Liên Xô ở Tôkyô cung cấp.

Sau khi rời Câu lạc bộ Lô Vi lập tức thông qua các kênh hữu quan tìm hiểu về lai lịch của Lui. Những tin tức nhận được, cho hay người này có quan hệ KGB của Liên Xô, hơn thế nữa còn có quan hệ trực tiếp với tầng lớp cao cấp Liên Xô.

Lúc này, ngoại giao của Đài Loan đang trong tình trạng khó khăn. "Hội liên hiệp hữu nghị Trung-Nhật" do Liên Thừa Chí làm hội trưởng tuy chưa đặt cơ quan đại diện ở Tôkyô, song nhiều tờ báo lớn ở Nhật vẫn thường xuyên đưa tin về hoạt động của Liêu Thừa Chí và kêu gọi bình thường hoá quan hệ

Nhật-Trung. Lô Vi cho rằng, sự xuất hiện của Lui có thể mang lại cơ hội tốt cho ngoại giao Đài Loan nên đã cố sức thuyết phục đại sứ Trần Chi Mai với hy vọng nhà cầm quyền Đài Loan đồng ý với yêu cầu của Lui.

Ngày 12, Trần Chi Mai thông qua Bộ Ngoại giao Đài Loan gửi điện cho Cục trưởng thông tin Đài Loan Ngụy Cảnh Mông nói rằng, phóng viên báo "Tin tức buổi chiều" của Luân Đôn là Víchto Lui (người mang tên Vương Bình trong nhật ký của Ngụy Cảnh Mông được công bố sau này) hiện đang có mặt ở Tôkyô muốn được sang thăm Đài Loan để trao đổi ý kiến về một số vấn đề. Bức điện còn nói rằng, Bộ trưởng ngoại giao ngụy Đạo Minh đã đồng ý và còn gửi giấy cho Hoàng Thiệu Cốc, thân tín của Tưởng Kinh Quốc, đề cập đến chuyện này. Riêng với Cục trưởng an ninh quốc gia Chu Trung Phong thì chưa liên lạc được.

Hồi đó, các quan chức cao cấp Đài Loan hiểu về Lui đại để như sau:

Víchto Lui, phóng viên tờ "Tin tức buổi chiều Luân Đôn" của Anh, quốc tịch Liên Xô. Có vợ quốc tịch Anh.

Sinh viên khoa Luật học viện Ngữ văn Mátxcova, từng làm việc cho Đại sứ quán Braxin, Niu Dilân ở Mátxcova, vì lý do chính trị bị lao động cải tạo 9 năm, năm 1956, được tha. Làm phóng viên cho hãng NBC và "Thời báo Niu Oóc", sau làm phóng viên báo "Tin tức buổi chiều Luân Đôn".

Quen biết Jắc Andécxơn, do ông này giới thiệu vào HHH.

Bất hòa với Khorútsốp, moi được tin Khorútsốp bị hạ bệ.

Sau khi thăm Đài Loan, Lui sẽ đi Campuchia, rồi đi Miến Điện, Tandia, Kênia và một số nước khác, sau đó trở về Mátxcova.

Nói giỏi nhảy bèn, kiến thức phong phú.

Ông ta cho biết, cán bộ cộng sản Mátxcova nghe ông ta nói chuyện, tỏ ra đồng cảm với quan điểm của mình, cho rằng Đài Loan nên tiếp xúc với Mátxcova.

Ông ta muốn biết Đài Loan có quan hệ như thế nào về tình hình của phía bên kia (Đại lục), nhất là quan điểm về việc đánh đổ Mao Trạch Đông; đồng thời hy vọng được biết Đài Loan có kiến nghị gì về quan hệ với Mátxcova.

Bắc Kinh đã hai lần từ chối cấp thị thực cho ông ta. Hiện nay Đại lục hoan nghênh người Mỹ hơn là hoan nghênh người Liên Xô. Ông ta mong được gặp ngài Tưởng Kinh Quốc hoặc Tổng thống để trao đổi về những chính sách đó.

Trong chuyên mục "Kính tiêm vọng" của tuần báo "Tin tức" số tháng 9, có nhắc đến tên của Lui, nói rằng ông ta đã biết trước không dưới một ngày

tin tức về việc Liên Xô đưa quân vào Tiệp Khắc. Có thể suy đoán, Lui muốn chứng minh các quan chức Liên Xô tin cậy ông ta.

Lui còn khẳng định Quốc tế thứ ba không thể hoạt động được nữa, chủ nghĩa cộng sản giống như đạo Cơ đốc, sẽ phân biệt thành rất nhiều dòng tư tưởng. Hiện nay, mỗi nước cộng sản hoặc Đảng Cộng sản ở mỗi nước đều có một quan niệm. Chẳng hạn ở Anh, Đảng Cộng sản cho rằng không cần thiết phải lật đổ Nữ hoàng.

Mục đích chuyến đi thăm lần này của Lui, bề ngoài là muốn nhân chuyến này viết bài cho báo "Tin tức buổi chiều Luân Đôn" và đưa ra một số ý kiến nhận xét với các quan chức của Đảng và Chính phủ Liên Xô bằng những phương thức cơ mật. Nhưng ý định thực sự của ông ta muốn "Thăm dò quan điểm của Đài Loan về tình hình Trung Quốc sau Mao Trạch Đông là thế nào, và thăm dò xem liệu có thể lập lại quan hệ cũ với Liên Xô, nếu có thể, lập lại như thế nào.

Sau khi nhận được điện, Ngụy Cảnh Mông thấy có mấy vấn đề khó cần giải quyết. Một là, nói với người Mỹ như thế nào về chuyện này. Căn cứ vào tình hình lúc này, nên nói thế nào cho rõ đây? Liệu có dẫn đến sự nghi ngờ không? Hai là, vợ của Tưởng Kinh Quốc là người Nga, liệu có vì chuyến đi lại này mà ảnh hưởng đến Tưởng Kinh Quốc và chính sách của Chính phủ? Chuyện chung chuyện riêng đều nan giải.

Lần đầu gặp Lui

3 giờ chiều ngày 22, Ngụy Cảnh Mông và Lui lần đầu tiên gặp nhau.

Lui tính có vẻ nôn nóng, vừa yên vị đã tỏ ra sốt ruột muốn được gặp ai đó. Hai người trò chuyện chưa được vài phút, Lui như không nhịn nổi, nói thẳng là muốn gặp Tưởng Kinh Quốc và tuyên bố vấn đề cần bàn rất nghiêm túc. Ngụy Cảnh Mông không khẳng định ngay, chỉ nói sẽ liên hệ giúp để chuyển lời đề nghị.

Trong khi trò chuyện, Ngụy Cảnh Mông nói:

- Việc hợp tác giữa chúng tôi với Liên Xô trước đây đã có những kinh nghiệm. Chúng tôi không muốn áp đặt hình thái ý thức của chúng tôi cho nước khác, và cũng không muốn nước khác áp đặt cho chúng tôi.

Lui:

- Đó là chính quyền cũ trước kia. Liên Xô ngay này là một quốc gia mới và trẻ trung, Đài Loan nên quên những chuyện không hay trước đây. ở

Mátxcova vẫn có người cho rằng, Mao Trạch Đông có thể vùng lên, nhưng nhiều người không nghĩ như vậy.

Lui còn nói rằng, tuy ông ta không phải người của Liên Xô phái tới, nhưng chỉ ít ông ta có thể chuyển lời rằng Đài Loan nên nâng hội đàm lên cấp đại sứ, hoặc giả có thể bắt đầu cử đại diện mậu dịch hoặc phóng viên thường trú ở Mátxcova, thậm chí có thể tổ chức triển lãm ở bên đó.

Tiếp theo, Lui một lần nữa nhấn mạnh muốn được gặp Tưởng Kinh Quốc để nói chuyện ít phút, và hy vọng được chụp ảnh chung với ông ta để khi trở về Mátxcova chứng minh được uy tín của mình.

Lui hỏi thêm:

- Chính sách hai nước Trung Quốc liệu có làm cho Đài Loan vui mừng?

Ngụy đáp:

- Không. Vì người Trung Quốc không mong muốn đất nước Trung Quốc bị chia cắt lâu dài.

Cảm giác của Ngụy Cảnh Mông là, Liên Xô đang có kế hoạch, "muốn sau khi Mao Trạch Đông bị lật đổ sẽ có một nước Trung Quốc do họ thao túng và một nước Trung Quốc do Chính phủ Quốc dân đảng cai trị".

Theo Lui, Mỹ và Liên Xô có lẽ cả Nhật Bản nữa đủ năng lực chiếm Trung Quốc đại lục. Nhưng hợp lý nhất là "Trung Hoa Dân quốc", nước đã từng có quan hệ với Liên Xô trước đây. Lui cho rằng lúc này Liên Xô rõ ràng đã có sự thay đổi chính sách với Bắc Kinh, Liên Xô và "Trung Hoa Dân quốc" gần gũi với nhau là hợp lý. Ông ta lấy vụ Tiệp Khắc ra làm ví dụ, chuyện này bộc lộ rõ bản chất đích thực của Liên Xô. Lui nói, vụ này là một sai lầm của đại sứ Liên Xô, vì ông ta đã báo cáo không đầy đủ về tình hình Tiệp Khắc. Lui muốn để Ngụy Cảnh Mông tin rằng, "Liên Xô rất rộng rãi với các nước đồng minh, chuyện này xảy ra có thể là do nguyên nhân Mao Trạch Đông và Tiệp Khắc không nghe theo mệnh lệnh của Mátxcova".

Lui còn tiết lộ, ông ta quen biết rất rộng với các quan chức cao cấp Liên Xô và khi ông ta không ở trong nước thì những lời ông ta nói lại càng dễ tin.

Ngụy Cảnh Mông cũng cho Lui biết "cảm giác" của "Trung Quốc tự do" đối với Liên Xô, và nói, hai bên cần thiết tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau. Ngụy bày tỏ quyết tâm của Đài Loan "giải cứu đồng bào", và cho Lui biết, "Quốc dân đảng có người của mình ở đại lục". Hình như ông ta tỏ ý Đài Loan không phải không tin nhiệm Lui và Liên Xô, nhưng nếu hai bên có được một quan hệ tương đối tốt đẹp, điều đó sẽ có lợi cho thế giới trên nhiều phương diện. Khi nghe Lui bàn đến chuyện hai nước Trung Quốc, Ngụy Cảnh

Mông liên tưởng đến trường hợp Otto Neuden, cho rằng Liên Xô sẽ dựng lên một Trung Quốc bù nhìn ở gần Xibêri, còn "Trung Quốc tự do" sẽ từ phía nam trở về Đại lục.

Cuộc trao đổi đến 5 giờ 30 mới kết thúc. Qua câu chuyện, Ngụy Cảnh Mông cảm thấy Lui hẳn phải có một kênh trực tiếp với các quan chức cấp cao Liên Xô và đang có ý định lôi kéo Đài Loan tiếp xúc với Mátxcova.

Buổi tối, La Khải vẫn ăn cơm cùng với Lui. Lui hỏi, những chuyện hết sức vớ vẩn, nào La Khải có phải đảng viên Quốc dân đảng? Ăn cơm ai thanh toán? Có phải Tưởng Giới Thạch không? Rồi đột nhiên ông ta đưa ra hai câu hỏi khiến La Khải rất khó trả lời: một, Quốc dân đảng lúc đầu vì sao lại bỏ nam Trường Giang; hai, vì sao lại bỏ rơi đảo Hải Nam? Đó là những thất sách lớn về mặt chiến lược.

La Khải đã rập tâm không trả lời những chuyện chính trị. Ông chỉ phát biểu với tư cách một sĩ quan hải quân rằng lúc bấy giờ bỏ đảo Hải Nam chủ yếu là do tính toán việc tiếp tế trên biển rất khó khăn. Lui hỏi tiếp:

- Có phải các ông rất tin tưởng vào Mỹ, tin rằng Mỹ sẽ không bao giờ thay đổi?

- Ở Đài Loan hiện nay, số người tin vào Mỹ nhiều hơn số người tin vào Liên Xô - La Khải đáp - Người Mỹ có thay đổi hay không là chuyện khác, nhưng từ khi có Hiệp ước Necsinsơ Trung-Xô⁽¹⁾, người Trung Quốc phần lớn không tin vào người Nga, đó là một sự thật.

Nghe những câu nói đó, Lui chỉ nói, đó là những chuyện quá khứ.

Tưởng Giới Thạch nói, cứ để ông ta bận rộn vài ngày đã.

Sáng ngày 23 tháng 10, Cục Thông tin Đài Loan bố trí cho Lui đi tham quan Viện bảo tàng Cố Cung.

Nhân cơ hội đó, Ngụy Cảnh Mông qua điện thoại báo cáo với Tưởng Kinh Quốc về tình hình cuộc gặp hôm trước với Lui, và nói cho biết những mong muốn của ông ta:

1- Tiếp xúc ở cấp đại sứ tại một nước khác.

2- Cử đại diện của thông tấn, thương vụ hoặc một tổ chức quần chúng sang Mátxcova.

(1) Hiệp ước về biên giới đầu tiên ký kết giữa chính quyền nhà Thanh với Chính phủ Sa hoàng tháng 9 năm 1989. (N.D)

3- Đưa ra quan điểm hai nước Trung Quốc

4- Cho ông ta chụp ảnh ở sân bay.

Cùng ngày, La Khải cũng phải ánh lên cấp trên yêu cầu của Lui:

1- Yêu cầu gặp Tưởng Kinh Quốc.

2- Muốn xin cấp thị thực ở lãnh sự quán Nam Phi, Anh, Philippin, vì thị thực của ông ta xin ở Tokyo.

3- Muốn tham quan khu chế xuất Cao Hùng v.v...

Ít giờ sau khi nhận được báo cáo của Ngụy Cảnh Mông, Tưởng Kinh Quốc điện trả lời, nội dung như sau:

1- Xin thị thực đã được phê chuẩn.

2- Chúng ta sẽ tiếp ông ta, đồng ý để ông ta đi thăm một số nơi. Nếu có người hỏi, chúng ta chỉ nói Lui là phóng viên đại diện cho báo chí Anh.

3- Đã báo cáo với Tổng thống, Tổng thống cho ý kiến, trước khi quyết định có gặp ông ta hay không, chúng ta cứ để ông ta đi chơi vài ngày đã.

Hôm đó, ngoài việc đi tham quan Viện bảo tàng Cố Cung, 6 giờ chiều Lui còn tới chào Bộ trưởng Kinh tế Đài Loan Đào Thanh Tường tại Văn phòng của ông ta. Trước đó, Bộ trưởng không biết tình hình cụ thể về Lui. Theo yêu cầu của ông, Ngụy Cảnh Mông từ Cục Thông tin đã báo cáo vắn tắt.

Trong cuộc trao đổi, Lui đề nghị nên triển khai mậu dịch với Mátxcova ngay. Đào Thanh Tường nói:

- Kinh tế của Đài Loan khác với chế độ của Liên Xô, có thỏa thuận ngay được không, phải do cấp trên quyết định.

Lui trả lời.

- Tôi sẽ lập tức điện về cho Mátxcova.

Buổi tối, ăn cơm với Ngụy Cảnh Mông xong, Lui lại bàn với những sự kiện biên giới Trung-Xô. Ông ta công kích thêm một bước:

- Có thể không phải là sự thật, nhưng Mao Trạch Đông đã xua đàn bà và con nít sang vùng lãnh thổ Liên Xô tiếp giáp với Tân Cương và Đông Bắc, như hồ Baican, Vladivôstốc, gián điệp cũng trà trộn vào trong số đó. Họ lợi dụng phụ nữ và trẻ em để thu thập tin tức tình báo. Những sự kiện này phần lớn do sự "thăm thấu" đó gây ra.

Mátxcova có hoạt động du lịch, cảnh sát Mátxcova bắt giữ được vài người nhưng cũng vô nghĩa, song nếu là sang Bắc Kinh chắc họ sẽ bị trói gô cổ lại.

Lợi dụng báo chí nước ngoài để chỉ trích tố cáo Liên Xô đã có những

hành vi tàn bạo và làm cho Chính phủ Liên Xô phải bẽ mặt. Theo tôi, họ là những tên "Lưu manh". Xét về hình thái ý thức, chúng tôi không đồng tình với "chủ nghĩa hận thù" của Mao Trạch Đông, Xtalin và Lênin.

Những con người này bẩm sinh đã mang tính cách tàn nhẫn thích gây tội ác, một khi đã nắm được quyền lực, họ sẽ lạm dụng nó theo sở thích, và chắc chắn sẽ khư khư bám lấy nó.

Lui ví Tưởng Giới Thạch như Sa hoàng, nhưng Ngụy

Cảnh Mông tỏ ý phản đối.

Sau khi chia tay với Ngụy Cảnh Mông, Lui và La Khải đưa nhau đi dạo phố. Lui nói, Đài Loan có vẻ say mê với thành công của Israen. Ông ta sở dĩ có ấn tượng đó là do kết quả cuộc nói chuyện với Ngụy Cảnh Mông, mặc dầu Ngụy có nói với ông ta "xét về mặt lịch sử, người Do Thái trên thế giới không thật tốt với chúng ta". Lui còn kể rằng: Xta lin đã xử ông 25 năm tù vì "tội làm gián điệp cho Mỹ", sau 9 năm ngồi tù thì được tha. Ông ta "tốt nghiệp học viện ngữ văn Mátxcova, đầu tiên làm việc cho tạp chí "Look" (triển vọng), sau làm cho đài BBC, tuần báo "Tin tức", báo "Bưu điện Ni-u-oóc", hiện nay là tác giả tự do và đại diện của "Báo tuần tin tức buổi chiều Luân Đôn", vợ làm việc cho đài BBC, "Tạp chí thời đại..."

Thị thực của Lui chỉ có 10 ngày, phía Đài Loan căn cứ vào chỉ thị của Tưởng Giới Thạch "để ông ta bận rộn vài ngày đã", bố trí cho Lui xuống miền Trung Nam tham quan khu chế xuất và cải cách ruộng đất.

Tướng Kinh Quốc được phép tiếp Lui

Ngày 25 tháng 10, qua điện thoại đường dài, Ngụy Cảnh Mông được biết Tướng Kinh Quốc từ miền Nam sẽ ra sớm hơn để gặp Lui.

Tướng Kinh Quốc nói với Ngụy, để Lui có cảm giác đang ở "một đất nước tự do, mở cửa", các buổi sáng La Khải không cần thiết phải "cập kè" với Lui.

Khi Ngụy Cảnh Mông một lần nữa báo cáo đầy đủ với Tướng Kinh Quốc về con người Lui và những nội dung đã trao đổi, Tướng Kinh Quốc bảo Ngụy nói cho Lui biết cấp trên chỉ định Ngụy Cảnh Mông đại diện trực tiếp giao thiệp với ông ta.

Về việc mình có gặp Lui hay không, Tướng Kinh Quốc nói, đồng ý sẽ gặp nhưng cần phải báo cáo qua với Phó tổng thống kiêm viện trưởng Viện hành chính Nghiêm Gia Kiêm. Về địa điểm gặp, Tướng Kinh Quốc nói, có thể sẽ gặp ở miền Nam và theo phương thức không chính thức (không nói chuyện

tại văn phòng). Và như vậy, Ngụy Cảnh Mông sẽ đưa Lui xuống miền Nam.

Cùng ngày, khi Ngụy Cảnh Mông đang họp ở “Viện hành chính” thì nhận được điện của Tưởng Kinh Quốc nói rằng đã báo cáo với Tưởng Giới Thạch, và quyết định:

1- 5 giờ chiều ngày 29 tháng 10 sẽ tiếp Lui với danh nghĩa gặp phóng viên báo “Tin tức buổi chiều Luân Đôn”.

2- Tổng thống cảnh cáo rằng, cần phải cân nhắc quan hệ giữa chúng ta và Mỹ. Tổng thống nói, Mỹ vẫn luôn tiếp xúc bình thường với Đài Loan, cho dù ai lên làm Tổng thống Hoa Kỳ nhiệm kỳ sau cũng vẫn giữ quan hệ qua lại với Trung Cộng, vì Mỹ không muốn đánh nhau, muốn duy trì hoà bình ở khu vực này, và biện pháp là đàm phán với Đại lục.

Để giảm bớt sự chú ý, Tưởng Kinh Quốc cố tình trong mấy ngày này gặp gỡ nhiều nhân vật của giới báo chí. Chiều hôm đó, gặp mặt hai phóng viên của hãng AP, 10 rưỡi sáng hôm sau gặp các nhà báo khác.

Diệp Tường Chi gặp Lui

10 giờ sáng ngày 25 tháng 10, Cục trưởng Cục tình báo Diệp Tường Chi tới Cục Thông tin cùng với Ngụy Cảnh Mông gặp Lui.

Trước khi hội đàm, Ngụy Cảnh Mông tuyên bố rõ: Nội dung cuộc gặp gỡ lần này không được ghi chép gì cả.

Sau khi hai bên yên vị, Diệp Tường Chi hỏi Lui:

- Quan điểm của ông như thế nào đối với Trung Quốc đại lục?

Đáp:

- Thời đại độc tài qua rồi, Xtalin đã chết, Mao Trạch Đông có thể sẽ là người thay thế, có thể ông ta cũng sẽ điên cuồng.

Hỏi:

- Có cảm tưởng như thế nào về Đài Loan?

Đáp:

- Vẫn đang phát triển, nhưng hơn Nhật. Tôi ở đây thấy thoải mái hơn so với ở Nhật. Người Trung Quốc các ông ở đây khá tốt, các ông thông minh, lịch sự, linh hoạt.

Tại cuộc gặp lần này, Lui đưa ra các vấn đề sau:

1- Chúng ta có thể tiến hành các cuộc tiếp xúc ở cấp đại sứ?

2- Các ông sau khi phản công đại lục, liệu có cho phép những đảng viên cộng sản thân Mátxcova tồn tại với tư cách một chính đảng?

3- Nếu các ông phản công đại lục, Liên Xô giữ thái độ trung lập có giúp

gì được không?

4- Liên Xô không thích một Quốc dân đảng có ý thù địch làm người láng giềng.

5- Muốn biết Đài Loan ưng lấy đại sứ quán nào làm nơi tiếp xúc với Mátxcova.

6- Sau khi rời Đài Loan, nên nói chuyện với ai?

7- Mátxcova muốn cùng với Đài Loan trao đổi những tin tức tình báo thuần túy thuộc vấn đề Trung-Xô, chẳng hạn như việc phụ nữ và trẻ em thâm nhập vùng biên giới Xi-bêri giáp Trung Quốc v.v...

Ý chính trong những câu trả lời của Diệp Tường Chi như sau:

1- Nếu Liên Xô giữ thái độ trung lập, chúng tôi sẽ rất mừng; nhưng không bao giờ có sự trung lập thật sự, đó chẳng qua chỉ là những lời sẽ tuyên truyền mà thôi.

2- Có thể hợp tác với Liên Xô như trước đây.

3- Chúng tôi có thể cho phép Đảng cộng sản hoạt động (Điều kiện là họ không được có quân đội).

4- Chúng tôi hy vọng Liên Xô thực tâm triển khai công việc.

5- Trong quân đội Trung Cộng, trong Đảng Cộng sản và ở các địa phương, chúng tôi đều có người của mình.

6- Chúng tôi cũng giữ sự trung lập của Đảng.

7- Nếu Liên Xô giữ thái độ trung lập, không có Mỹ giúp đỡ chúng tôi cũng có thể trở về đại lục.

8- Sau khi có sự tiếp xúc ở cấp đại sứ, chúng tôi có thể suy nghĩ tới việc đưa các văn vật sang Mátxcova (triển lãm).

9- Giả dụ Liên Xô thừa nhận Chính phủ Quốc dân, chúng tôi có tiếp nhận hay không, điều này có thể cân nhắc thêm song hai bên chúng ta cần phải có sự hiểu biết đầy đủ hơn về những công việc mang mục đích trên.

Sau khi Diệp Tường Chi ra về, Ngụy Cảnh Mông nói với Lui:

- Trung Cộng khiến chúng tôi cảm thấy nhục nhã vì là người Trung Quốc!

Còn Lui thì tỏ ý, khi người Liên Xô bị chỉ trích là dã man, lạc hậu, ông ta cũng có cảm giác như vậy.

Theo báo cáo của La Khải, sáng hôm đó Lui đã gửi thư về Mátxcova. Khi ông ta tới lãnh sự quán Anh, quan chức lãnh sự quán đều khuyên nên sớm rời khỏi Đài Loan. Lãnh sự Philippin cũng hết sức ngạc nhiên.

Tướng Kinh Quốc họp bàn về cuộc gặp gỡ

Ngày 26 tháng 10, Tướng Kinh Quốc triệu Diệp Tường Chi, Ngụy Cảnh Mông đến họp bàn về chuyện gặp Lui.

Tướng Kinh Quốc nói:

- Quan hệ Trung - Xô đã có lịch sử lâu đời, tôi tặc đi là do Xtalin. Hai lần đại chiến, hai lần chúng ta bắt tay hợp tác. Nhưng sau đó Liên Xô ủng hộ Mao, chúng ta rơi vào hoàn cảnh bất lợi. “Điều ước Trung-Xô” là một minh chứng việc chúng ta muốn duy trì hoà bình lâu dài với Nga Xô. Quan hệ hai bên xấu đi là do chúng ta quá tin vào “Điều ước Trung-Xô”, thêm vào đó là việc Liên Xô giúp Mao Trạch Đông ở Đông Bắc, đã vi phạm điều ước.

Diệp Tường Chi nhận xét:

- Cứ theo khẩu khí của Lui, khi giải trừ được mối đe dọa của Mao Trạch Đông thì sự uy hiếp của Mỹ đối với Liên Xô cũng không còn nữa, vì đại lục do Mao Trạch Đông thống trị quá gần Liên Xô, mà trong lịch sử chỉ có người Châu á (người Mông Cổ) mới từng chinh phục được Liên Xô, cho nên mối đe dọa đối với Liên Xô là Mao Trạch Đông chứ không phải Châu Âu và Hoa Kỳ. Do những nhân tố bên trong và bên ngoài, làm một bước ngoặt 360 độ là rất khó khăn đối với chúng ta, cho nên phải tiến hành một cách lặng lẽ.

Tướng Kinh Quốc nói tiếp:

- Chúng ta hiện nay rút ra giữ hải đảo, mối đe dọa từ phái Trung Cộng là hết sức nghiêm trọng, có liên quan đến sự sống còn của chúng ta. Vì chúng ta đều muốn nhìn thấy Mao Trạch Đông bị diệt vong, cho nên chúng ta có thể đàm phán.

Diệp Tường Chi nói:

- Dù nói thế nào thì những năm gần đây Hoa Kỳ thường xuyên tiếp xúc với Trung Cộng. Hoà Kỳ không muốn chúng ta phản công đại lục mà muốn chúng ta đàm phán với Trung Cộng.

Tướng Kinh Quốc :

- Cần phải cho họ biết lập trường của chúng ta. Nếu chúng ta trở về đại lục, vấn đề biên giới sẽ không trở thành vấn đề của Nga Xô. Trước đây chúng ta đã tỏ rõ thiện chí trên các vấn đề: 1. Mông Cổ tự trị; 2. Hội đàm Ianta; 3. Quyền lợi ở Đông Bắc (Lữ Thuận, Đại Liên). Nhưng vì Liên Xô vi phạm “Điều ước Trung - Xô”, đến nỗi gây ra vấn đề của hôm nay. Chúng ta chủ trương “Chủ nghĩa tam dân”, không xâm lược nước khác. Chiến tranh Việt Nam, Mỹ muốn chúng ta tham chiến, nhưng chúng ta đã cự tuyệt, chúng ta không muốn tham gia vào một cuộc chiến tranh quốc tế. Trung Cộng là vấn đề nội bộ của chúng ta cho nên chúng ta rất quan tâm. Chủ nghĩa tam dân của

Tổng thống là chủ nghĩa tam dân của Tổng lý (Tôn Trung Sơn), chính sách của Tổng lý Tôn Trung Sơn vạch ra là quan hệ Trung-Xô phải như quan hệ Mỹ-Canada.

Tướng Kinh Quốc bảo Ngụy Cảnh Mông giao hẹn với Lui, trong cuộc gặp gỡ, hai người không được dùng tiếng Nga, phải trao đổi thông qua phiên dịch để tránh ấn tượng bàn bạc bí mật. Thứ nữa, Lui không được chụp ảnh. Tất cả những chuyện này cũng nhằm đối phó với Mỹ, để phòng sự hiểu lầm về sau. Tối lúc đó, Tướng Kinh Quốc sẽ đặt vấn đề với Lui:

1- Trước khi được Liên Xô đồng ý, Đài Loan sẽ không phản công đại lục.

2- Đài Loan sẽ hợp tác với Liên Xô như trước đây.

3- Sẵn sàng tiếp xúc trực tiếp, nhưng tiếp xúc ở đâu?

Tướng Kinh Quốc dặn dò, sau khi gặp gỡ Lui, sẽ tìm cách khéo léo thông báo cho người Mỹ.

Ngụy Cảnh Mông nói:

- Cuộc giao dịch này chúng ta phải thận trọng, nếu không Đài Loan sẽ rơi vào tình thế như ấn Độ và Pakitxtan năm nào.

Tối hôm đó, Lui gọi điện thoại tìm La Khải và nói với ông ta:

1- Sẽ quay trở về trước 11 giờ sáng thứ hai.

2- Mong được dùng cơm trưa với Diệp Tường Chi và Ngụy Cảnh Mông.

Khi La Khải báo cáo lại ý kiến của Lui còn nói thêm, Lui đã kiếm được một cô ở Cao Hùng.

Diệp Tường Chi lần thứ hai gặp Lui

Ngày 28 tháng 10, Lui cùng La Khải trở về Đài Bắc. Dọc đường, Lui cho La Khải biết: Liên Xô và Trung Quốc đại lục không có hy vọng khôi phục lại được sự hoà hợp, về mặt Đảng hay về phía dân chúng cũng vậy. Thay đổi tình trạng hiện nay ở Trung Quốc đại lục có mấy khả năng sau đây:

1- Nhật Bản có khả năng hành động, nhưng Nhật Bản không làm...

2- Mỹ lại không dám hành động.

3- Nội bộ Trung Cộng có một thế lực mới, nhưng cơ hội của họ không lớn!

Do đó, xét tình hình trên và cân nhắc mọi khả năng, nước duy nhất có thể hành động là “Trung Hoa Dân Quốc”.

Khi gặp Ngụy Cảnh Mông lần trước, Lui đã nói rằng quan hệ giữa ấn Độ và Liên Xô rất lý tưởng, nói một cách khác là Liên Xô hy vọng “Trung Hoa Dân Quốc” nên làm theo con đường của ấn Độ. Lui tin chắc rằng, nội trong 3 năm tới

là cơ hội tốt nhất để “Trung Hoa Dân Quốc” quay trở lại đại lục so với 20 năm qua. Có điều, nhân tố có tác dụng tích cực nhất là Liên Xô phải trung lập. Nhưng Đài Loan phải làm cho Kremli tin rằng, sau khi thu phục được đại lục, Trung Quốc sẽ không trở thành căn cứ quân sự của Mỹ. Cho nên Ngụy Cảnh Mông đã phản ánh lên cấp trên, Đài Loan cần phải chứng minh với Liên Xô rằng trong tương lai họ sẽ giữ quan hệ tốt đẹp với Liên Xô.

Lui còn cho rằng, Liên Xô phải lựa chọn giữa hai chính đảng lớn của Trung Quốc - Đảng Cộng sản và Quốc Dân đảng và theo cá nhân ông ta thì Quốc Dân đảng tốt hơn nhiều.

12 giờ trưa, Lui và Diệp Tường Chi gặp nhau tại nơi làm việc của Diệp. Lui nói:

- Tại sao lại không thành lập một Đảng Cộng sản chống Mao trong khu vực người Hoa ở nước ngoài, có thể nói chuyện với đại sứ Liên Xô ở Nhật Bản (theo ông ta, đó là một quan chức ngoại giao Liên Xô vừa tốt vừa có uy tín), yêu cầu Mátxcova giúp đỡ và hợp tác, và để cho Đảng Cộng sản chống Mao này công khai tuyên bố họ ủng hộ Quốc Dân đảng về mặt chính trị.

Diệp Tường Chi hỏi:

- Sao không hợp tác với chúng tôi mà phải đi thành lập một Đảng Cộng sản thân Mátxcova?

Lui trả lời:

- Điều này rất khó thay đổi, vì chúng tôi đã từng hợp tác....

Diệp vặn:

- Khi Trung Quốc chúng tôi nắm trong tay 2/3 lãnh thổ, Mátxcova đã vui vẻ hợp tác và thừa nhận chúng tôi, nhưng sau đó chúng tôi thất bại, Mátxcova lại đổi đầu với chúng tôi, chạy đi giúp Mao Trạch Đông, chắc là vì sợ Mỹ sẽ xây dựng căn cứ ở Trung Quốc?

Lui tỏ ý tin rằng trong lịch sử hợp tác Trung-Xô trước đây, Quốc dân đảng không "ghi sổ đen" chuyện đó và nhấn mạnh thời cơ tốt nhất cho việc Đài Loan thu phục đại lục là trong 3 năm tới.

Ngụy Cảnh Mông nói:

- Điều này chủ yếu phải xem thái độ của Liên Xô. Ông ta đưa ra mấy điểm đề nghị Lui báo cáo với Mátxcova:

1- Chúng tôi hứa trước khi hành động (thu phục Đại lục), sẽ bàn trước với Mátxcova.

2- Đề nghị giữ thái độ trung lập, hoặc phải dứt khoát giúp đỡ chúng tôi.

3- Kênh liên lạc (tốt nhất là Đại sứ quán Tokyo).

4- Xóa bỏ "Hiệp ước Trung-Xô" (có lợi cho việc động viên lòng dân nước tôi)

5- Không cần thiết phải thành lập Đảng Cộng sản Trung Quốc thân Mátxcova.

6. Tuyệt đối không thể có hai nước Trung Quốc, điều này không ổn.

7. Mỹ, Liên Xô, Nhật Bản đều không thể giải quyết có hiệu quả vấn đề đại lục Trung Quốc, chính quyền hợp lý duy nhất là Đài Loan.

Lui tỏ ý tin tưởng Đài Loan có năng lực và có thể hành động một cách hiệu quả. Niềm tin này ông ta đã có khi ở Liên Xô chứ không phải mới có sau khi tới ta cách nào phù hợp với lợi ích an ninh của Liên Xô. Lui đã trả lời cách thứ nhất. Ông ta cho rằng: Dưới trướng Mao Trạch Đông, Trung Cộng không có người nào đủ tin tưởng giao trách nhiệm lãnh đạo Đảng Cộng sản thân Liên Xô, cho nên Quốc dân đảng can dự vào là hợp lý, nhưng cũng không thể tin tưởng Quốc dân đảng vì nó có quan hệ mật thiết với Mỹ.

Trong cuộc bàn luận, Lui còn nói, nếu Đài Loan đồng ý, ông ta sẵn sàng viết bài cho báo chí Anh. Lãnh sự quán Anh cũng đã biết về chuyến đi này của ông ta.

Mãi tới 4 giờ chiều cuộc gặp mới kết thúc. Ngụy Cảnh Mông báo cáo ngay cho Tưởng Kinh Quốc nội dung cuộc nói chuyện giữa Lui với Diệp Tường Chi. Và cho rằng:

1- Mao Trạch Đông là kẻ thù chung, cho nên (Trung-Xô) nên hợp tác.

2- Hoãn việc đưa tin sang ngày kia (30 tháng 10), để cho ông ta biết chuyện này đã được nhà cầm quyền tối cao phê chuẩn.

3- Có thể cho chụp ảnh, nhưng tìm người của Cục thông tin đến chụp.

4- Yêu cầu Lui không được đưa tin.

5- Ông ta chỉ là "người chuyển lời";, do đó cần chụp ảnh để chứng minh.

6- Tại tiệc rượu ở Đại sứ quán Thổ Nhĩ Kỳ, chúng ta chỉ nói với Mỹ rằng chúng ta đã có cuộc nói chuyện thú vị với Lui, người Liên Xô, phóng viên của "Báo tin tức buổi chiều Luân Đôn" (chủ đề là nội dung cuộc nói chuyện giữa Khorútsốp và Mao Trạch Đông trên bãi biển).

7. Ngụy Cảnh Mông sẽ nói với bên ngoài rằng, Lui đến để viết một vấn đề lý thú, đã được gặp Tưởng Kinh Quốc.

8. Anh Nam phi và Philippin đều chưa cấp thị thực cho Lui. Điều này có thể có nghĩa họ đang chờ xem kết quả chuyến đi này của ông ta. Ở nam Đài Loan Lui đã có khối đàn bà, kiếm được chỉ trong một thời gian rất ngắn.

Tướng Kinh Quốc gặp Lui

Ngày 29 tháng 10, Tướng Kinh Quốc đã gặp Lui. Để thu xếp mọi việc êm thấm, sáng và chiều Tướng Kinh Quốc đều hẹn gặp các phóng viên nước ngoài tới thăm Đài Loan, Lui chỉ là một trong số những người đó. Người khác sẽ hiểu đây chẳng qua cũng chỉ là một cuộc tiếp ký giả mà thôi.

Lúc đầu hai bên nói chuyện với nhau bằng tiếng Anh, nhưng vẫn cho người dịch lại.

Thoạt tiên, Lui trình bày lý do ông ta muốn được gặp Tướng Kinh Quốc: mong muốn thiết lập mối liên hệ trực tiếp với Đài Loan và nâng cấp liên hệ lên hàng "đại sứ"; Đề nghị Đài Bắc và Mátxcova đều có phòng thông tin của nhau; Hy vọng nhìn thấy Đài Loan trong một thời gian ngắn có hành động đối với đại lục, trong việc này Liên Xô giữ thái độ trung lập, sẽ không giúp đỡ Trung Cộng.

Ngoài ra, Lui còn nói nhiều chuyện khác, rằng Quốc dân đảng phải nói rõ họ sẽ đối xử như thế nào đối với Liên Xô và một bộ phận Đảng Cộng sản Trung Quốc, vì người Liên Xô về mặt đạo lý, khá đồng tình với họ, hơn nữa, rất quan tâm đến hạnh phúc của họ; rằng việc trao đổi tin tức tình báo sẽ giúp ích cho cả đôi bên (ví dụ như những hoạt động của thường dân và chiến thuật biển người dọc biên giới Trung-Xô, nhất là ở những vùng mà Trung Cộng tuyên bố thuộc lãnh thổ Trung Quốc như Vladivostok và hồ Baican; rằng Mátxcova hiện nay có lẽ cho phép Đảng Cộng sản Trung Quốc thân Mátxcova hợp tác với Quốc dân đảng, sẽ cung cấp viện trợ thông qua họ, và chắc chắn sẽ không lặp lại chuyện giúp Mao Trạch Đông; rằng có thể ở Singapo hoặc một nơi nào khác thành lập "Đảng Cộng sản" để tiếp xúc với Liên Xô, vv....

Như để kết thúc phần mở đầu, Lui nói:

- Tôi nói với tư cách người từ Mátxcova tới, chứ không phải với tư cách cố vấn Liên Xô của Quốc dân đảng. Tôi muốn Đài Loan trích dẫn những câu nói của tôi. Tôi nhắc lại những điều tôi muốn nhấn mạnh với Đài Loan ở đây đều là những điều "không đưa vào biên bản".

Tướng Kinh Quốc:

- Trung Quốc đại lục hiện nay không có người có thể kế thừa Mao, những người thay thế Mao không có ai dám không chống Liên Xô. Sau khi Mao Trạch Đông sụp đổ, người duy nhất có thể quản lý Trung Quốc chính là Quốc dân đảng.

Hiện nay, trọng điểm là nhà cầm quyền Liên Xô muốn chúng tôi chấp

nhận một Đảng Cộng sản thân Mátxcova ở Trung Quốc. Nếu quả như thế khi khủng tới hành động quân sự ở đại lục, liệu Mátxcova có giữ được trung lập.

Ý kiến của chúng tôi, Quốc dân đảng là một Đảng xã hội chủ nghĩa, Liên Xô tại sao không hợp tác với chúng tôi sau khi hạ bệ được Mao Trạch Đông.

Lui:

- Mátxcova muốn trực tiếp giao thiệp với Quốc dân đảng, không muốn thông qua nước thứ ba. Quốc dân đảng là những người hiểu biết lẽ phải, những người mà Liên Xô có thể cộng sự, chuyển sang thăm lẫn này đã chứng thực điều đó.

Tướng Kinh Quốc:

- Cần nhắc về mặt ngoại giao là một vấn đề lớn. Cuối cùng, Lui nêu vấn đề liên lạc từ nay về sau. Tướng Kinh Quốc nói:

- Vấn đề này ngày mai trả lời.

Sau khi kết thúc cuộc gặp gỡ, Lui nhờ La Khải nói lại với Ngụy Cảnh Mông rằng sau chuyến đi của ông ta, có thể sẽ có những phóng viên Liên Xô khác xin sang thăm. Và ông ta đã gợi ý một cách trắng trợn:

- Nếu tôi là Ngụy Cảnh Mông, tôi sẽ không cấp thị thực cho họ, vì họ "không có thiện chí đâu".

Hôm đó, Lui đã gọi điện cho mẹ vợ của ông ta, nói là ông ta ở Đài Loan bình yên. Ông ta cũng nhận được điện trả lời báo tin nhà không có chuyện gì xảy ra.

Sáng ngày 30 tháng 10. Tướng Kinh Quốc báo cho Lui biết ông đã báo cáo "Tổng thống", về vấn đề liên lạc như sau:

1- Ngụy Cảnh Mông sẽ bố trí kế hoạch xây dựng một đường dây liên lạc.

2- Lô Vi sẽ làm "liên lạc viên" muốn Mátxcova cũng cử một người liên lạc ở Tôkyô để gặp gỡ Lô Vi, khi cần Lô Vi có thể về Đài Loan báo cáo.

3. Muốn Mátxcova sắp tới cử một người tới Đài Loan.

4- Chỉ có Tướng Giới Thạch, Tướng Kinh Quốc và Ngụy Cảnh Mông biết chuyện này, người khác không ai biết. (Diệp Tường Chi hiện giờ đã ở ngoài cuộc). Hai bên qui định, mặt khẩu để nhận ra nhau là câu "nhận được lời thăm hỏi của Víchto".

Hôm đó, Tướng Kinh Quốc tới dự một tiệc rượu. Trước mặt mọi người, ông ta làm ra vẻ tự nhiên nói một cách rất vui vẻ với đại diện Cục tình báo Trung Quốc của Mỹ ở Đài Loan:

- Hôm qua tôi đã tiếp một phóng viên mang quốc tịch Nga.

(Người Mỹ sau khi biết chuyện Tướng Kinh Quốc đã gặp Lui, phản ứng

rất mạnh. Đại sứ Mỹ, cả cơ quan tình báo Mỹ ở Đài Loan NACC ngày đêm săn lùng tin tức, truy tìm tông tích. Quốc Vụ viện Mỹ còn thăm dò cả đại sứ Đài Loan ở Mỹ Chu Thư Khải. Phải một thời gian sau, Mỹ mới thôi không vận vẹo về chuyện này).

Cũng ngày hôm đó, Tưởng Kinh Quốc cho gọi Ngụy Cảnh Mông tới và hỏi:

- Nếu Liên Xô muốn người của chúng ta hội đàm ở một nơi khác có đại sứ quán Liên Xô, liệu có đồng ý không?

Ngụy nói:

- Chuyện này có thể cân nhắc.

Tưởng Kinh Quốc bảo:

- Có thể sẽ cử ông đi.

Tiếp đó, Tưởng Kinh Quốc nhắc Ngụy Cảnh Mông hỏi Lui về nước vấn đề tiền hoa hồng của việc Liên Xô bán vũ khí cho Đài Loan. Ngụy Cảnh Mông không biết Tưởng Kinh Quốc vì sao muốn biết chuyện này. Ngày 31 tháng 10, Lui rời Đài Loan bay thẳng sang Phnôm Pênh vì Hồng Công, Philippin, Nam Phi vẫn chưa cấp thị thực. Trước khi lên đường Lui còn muốn gặp Tưởng Kinh Quốc một lần nữa, Tưởng Kinh Quốc nghĩ thế nào đó đã không nhận lời.

Tưởng Giới Thạch "quan tâm đặc sứ"

Ngày 1 tháng 11, Ngụy Cảnh Mông đến báo cáo với Tưởng Kinh Quốc nội dung cuộc nói chuyện cuối cùng giữa ông ta với Lui và cho biết "đã có người có thể liên lạc với chúng ta ở Tokyo". Tưởng Kinh Quốc cho gọi Diệp Tường Chi tới, nhấn mạnh tầm quan trọng việc giữ bí mật chuyện này.

Ngụy Cảnh Mông nêu ý kiến.

- Sau chuyến sang thăm của Lui, dù có xảy ra chuyện gì cũng không đến nỗi quá tệ. Quan hệ giữa Đài Loan và Mỹ không xấu đi, nhưng mấy năm nay Mỹ đã có nhưng cuộc hội đàm với Mao Trạch Đông ở Vácava. Dù Níchson thắng, ông ta cũng sẽ cố gắng nhiều hơn nữa trong việc nói chuyện với Bắc Kinh chứ không giúp chúng ta quay trở về đại lục, nếu có đánh nhau cũng sẽ không viện trợ cho chúng ta. Cho nên, chúng ta vì sao không bàn với Liên Xô việc đánh đổ kẻ thù chung!

Tưởng Kinh Quốc:

- Việc làm này có thể dẫn tới hậu quả rất nguy hiểm.

Ngày tối hôm đó, Tưởng Kinh Quốc gọi điện cho Ngụy Cảnh Mông bảo Lô Vi về nước một chuyến.

Trong thời gian Lui ở thăm Đài Loan, Tưởng Giới Thạch trước sau đều không có ý định gặp ông ta. Nhưng sự quan tâm của "Tổng thống" đối với từng lời nói từng việc làm của Lui ở Đài Loan có thể nói là không để sót một chi tiết nào. Ngoài việc đọc kỹ lưỡng các báo cáo, Tưởng Giới Thạch còn hai lần cho gọi La Khải tới gặp, không bỏ qua bất cứ chuyện gì dù rất nhỏ.

Lui được gặp Tưởng Kinh Quốc, không phải là do Tưởng Kinh Quốc quyết định mà là do Tưởng Giới Thạch sau hai ba ngày suy nghĩ mới gật đầu. Đó cũng là lý do vì sao lại để Lui đi tham quan miền trung nam bộ trước.

III. TƯỚNG KINH QUỐC THỐNG NHẤT CÁCH GIẢI THÍCH

Lui chủ động "tiết lộ bí mật"

Ngày 2 tháng 11, Ngụy Cảnh Mông điện thoại chỉ thị cho Lô Vi về nước báo cáo, sau đó thông qua chánh văn phòng của Tưởng Kinh Quốc là Vu Trấn Vũ báo cáo với Tưởng Kinh Quốc chuyện này. Ngày 4 tháng 11, Chu Trung Phong nói cho Ngụy Cảnh Mông biết, nhà đương cục Mỹ cho người gặp ông ta, hỏi những chuyện có liên quan về chuyến đi của Lui, họ muốn biết thêm chút ít.

Ngụy nói với Chu, ông sẽ giải quyết chuyện giữa La Khải và trợ lý của ông ta.

Cùng ngày, báo "Bưu điện Oasinhton" trong mục "Tin tức đó đây" đưa tin!

Ký giả Nga xuất hiện ở Đài Bắc

Cuối tháng 10, ký giả Liên Xô Lui đã sang thăm Đài Loan 4 ngày.

Lui là người mọc nổi để cô con gái của Xialin viết hồi ký. Tại Tokyo, ông ta đã được Trung Hoa Dân Quốc cấp thị thực. Ngoài Đài Bắc ra, Lui còn sang thăm Phnôm Pênh. Khi Lui rời Đài Loan muốn tiện đường ghé qua Hồng Công, nhưng bị nhà cầm quyền Hồng Công từ chối, lý do là vì Hồng Công không hoan nghênh bất kỳ ký giả Liên Xô nào.

Tin không ghi xuất xứ. Người ta đoán, hoặc là từ Tokyo, hoặc là của Quốc Vụ viện Mỹ. Nhưng Quốc Vụ viện từ chối bình luận về ý kiến này.

Ngày 5 tháng 11, cơ quan hữu quan của Mỹ hỏi Phó Cục trưởng Cục Thông tin Đài Loan Diệp Mai Sinh về một số chuyện liên quan đến Lui, lại còn cho biết họ tên thật của nhân vật này là VITALI YENGENYEVICH LOUI, rằng ông này đã từng dần xếp để Khorútsóp sang thăm Mỹ.

Ngụy Cảnh Mông đã trả lời rằng, nhân vật này từ Nhật Bản đến, Đài

Loan cấp thị thực cho ông ta với tư cách là phóng viên báo "Tin tức buổi chiều Luân Đôn", đến phút cuối cùng mới phát hiện ông ta là người Liên Xô. Ông ta đã trao đổi với Ngụy Cảnh Mông về quan hệ Mátxcova - Bắc Kinh, cho rằng nguồn gốc chia rẽ giữa hai bên là do xung đột hạt nhân và dùng chiến thuật biến người để "cướp" Xibêri, về cuộc đàm thoại giữa Khorútsốp và Mao Trạch Đông trên bãi biển v.v...

Ngày 6 tháng 11, Tưởng Kinh Quốc muốn biết báo "Bưu điện Oasinhton" đã đưa những tin tức gì về chuyến đi thăm Đài Loan của Lui.

Bàn đến chuyện có người muốn tìm hiểu chuyến đi của Lui, Tưởng Kinh Quốc bảo cứ trả lời như sau; Lui từ Tôkyô sang thăm với tư cách đại diện của báo "Tin tức buổi chiều Luân Đôn, muốn tìm hiểu về tình hình xây dựng kinh tế và hoạt động văn hóa của chúng tôi. Sau khi chúng tôi để ông ta tham quan chương trình cải cách ruộng đất, các khu chế xuất và Viện bảo tàng, ông ấy đã đi rồi.

Tưởng Giới Thạch nghe báo cáo.

Ngày 7 tháng 11, Tưởng Kinh Quốc nói cho Ngụy Cảnh Mông biết, Tổng thống có thể triệu đến báo cáo về chuyến đi của Lui.

Quả nhiên, Ngụy Cảnh Mông đã được mời tới để báo cáo cho Tưởng Giới Thạch về diễn biến chuyến đi của Lui, nội dung các buổi trao đổi, ngoài ra còn phải báo cáo cả về bản thân, gia đình, sinh hoạt... của Lui.

Về quá trình liên hệ của Lui trước khi sang Đài Loan, Ngụy Cảnh Mông cho biết, ông ta điện trả lời cho đại sứ Chu Thư Khải ở Mỹ chứ không điện cho sứ quán ở Nhật, vì những bức điện liên quan đến chuyện này chuyển đi càng ít càng tốt. Ngụy còn cho biết, Lô Vi cũng sắp sửa về nước.

Ngụy Cảnh Mông báo cáo chừng hơn một tiếng đồng hồ. Nghe xong, Tưởng Giới Thạch tỏ ý tán thành những ý kiến phát biểu của Tưởng Kinh Quốc và Ngụy Cảnh Mông trong những lần gặp Lui.

Trong báo cáo, Ngụy Cảnh Mông đặc biệt lưu ý đến việc trước đây hai bên đã có sự hợp tác, "ở Hoa Nam chúng ta giúp đỡ cho nhân viên của họ, ở Hoa Bắc họ giúp đỡ cho người của chúng ta".

Rời khỏi Phủ Tổng thống, Ngụy Cảnh Mông liên lạc với Tưởng Kinh Quốc. Tưởng Kinh Quốc thừa nhận mình đã quên báo cáo điểm này với Tưởng Giới Thạch.

Ngụy còn báo cáo:

1- Cản cử người sang Israen, một nước không phải cộng sản.

2. Năm tới cử đại diện thông tấn đến Israen.

3- Theo đề nghị của Từ Khai Viễn, đồng ý năm tới cho một đoàn đại biểu 15 người của Tiệp, Nam Tư và Mỹ cùng sang thăm Đài Loan.

Về điều thứ hai, Tưởng Kinh Quốc yêu cầu Ngụy Cảnh Mông "án binh bất động", cũng không cần trả lời.

Ngày 18 tháng 11, Ngụy Cảnh Mông dịch cho Tưởng Giới Thạch và Tưởng Kinh Quốc bài viết của Géippfri Bôca đăng trên tạp chí "Thời đại" số tháng 9 có nhan đề "Anh có mua một thanh kiếm cũ mà người khác đã dùng?" Theo bài báo thì Lui là điệp viên của cơ quan tình báo KGB Liên Xô, sống rất giàu sang ở ngoại ô Mátxcova.

Ngày 20 tháng 11, đại sứ Đài Loan ở Mỹ Chu Thư Khải gửi điện về báo cáo một tin có liên quan đến chuyến đi của Lui. Trước đó lại có một tin khác nói rằng, Mỹ và Liên Xô sẽ hợp tác ở Đông Nam á để đối chọi với Mao Trạch Đông. Sau hội nghị Trung ương của Trung Cộng, lực lượng của Mao Trạch Đông có thể càng lớn mạnh hơn, do đó Mỹ và Liên Xô càng sợ "tính xâm lược" của Trung Cộng hơn.

Tưởng Kinh Quốc muốn Ngụy Cảnh Mông trong một vài ngày viết xong báo cáo về tình hình các cuộc tiếp xúc giữa Ngụy Cảnh Mông, Diệp Tường Chi và bản thân ông ta với Lui để cung cấp cho giới báo chí. Ba báo cáo do Ngụy Cảnh Mông sẽ viết gồm:

1- Tiếp xúc giữa Ngụy Cảnh Mông với Lui.

2- Tiếp xúc giữa Diệp Tường Chi và Ngụy Cảnh Mông với Lui.

3- Tiếp xúc giữa Tưởng Kinh Quốc với Lui.

"Đài Loan - Liên Xô sẽ có tiếp xúc"

Ngày 29 tháng 11, Bộ Ngoại giao Đài Loan báo cáo : Sđanri Cácno ngày 28 tháng 11 đã công bố một bản tin liên quan đến chuyến đi của Lui, trong đó dùng rất nhiều từ suy diễn, muốn ám chỉ Đài Loan và Liên Xô trong mấy tháng gần đây sẽ có những cuộc tiếp xúc về ngoại giao và chính trị.

Ngụy Cảnh Mông đã phải viết một báo cáo tóm tắt:

10 giờ sáng ngày 30 tháng 11 đã tiếp Sđanri Cácno, phóng viên báo "Bưu điện Oasinhton". Khi được hỏi về chuyện Lui, đã trả lời như sau:

Tại Tokyo, Lui tới "sứ quán" Đài Loan. Với chứng minh thư phóng viên báo "tin tức buổi chiều Luân Đôn", ông ta xin được sang Đài Loan thu thập tin tức về kinh tế, ruộng đất, Cố Cung v.v... Sứ quán chuyển cho Cục Thông tin, và Cục đồng ý. Tới khi làm thị thực

mới biết ông ta quốc tịch Liên Xô, nói rằng mình không phải đảng viên cộng sản và dưới thời Xtalin đã bị đày đi Xibêri mười năm. Sau khi sử quán báo cáo với bản Cục như vậy, Ngụy Cảnh Mông quyết định cho phép ông ta tới Đài Loan với lý do có thể người này sang Đài Loan xin tị nạn chính trị, và đã thông báo cho bên trị an theo dõi hành động của người này để tránh những chuyện rắc rối.

Ngày 22 tháng 10, Lui tới Đài Loan, rời Đài Loan ngày 31 tại Đài Loan, ông ta ở khách sạn số 1, đã gặp Ngụy Cảnh Mông; ngày 23 gặp Đào Thanh Dương, tham quan Viện bảo tàng; ngày 24 đi Ô Lai, tối xem phim.

Ngày 25: Thăm Khổng miếu.

Ngày 26: Gặp Hội nông dân Trung Phi, thăm khu chế xuất Cao Hùng, hồ Trường Thanh.

Ngày 27: Thăm đầm Nhật Nguyệt

Tối 28: Về Đài Bắc

Ngày 29: Tưởng Kinh Quốc gặp, có mặt Ngụy Cảnh Mông; đi chơi ở Dương Minh Sơn và các vùng chung quanh.

Ngày 30: Ngụy Cảnh Mông gặp Lui.

Địa phương không có phóng viên nào biết chuyện này nên không đưa tin.

Về nội dung cuộc nói chuyện ngày 22, Ngụy Cảnh Mông tiết lộ cho Bộ Ngoại giao:

Cục Thông tin đã cho viết, ông ta được phép sang thăm với tư cách là phóng viên của Anh, nếu muốn xin tị nạn, Đài Loan hoan nghênh. Tổng thống Tưởng Giới Thạch rất khoan dung, cho nên có rất nhiều bọn phản động đã qui hàng. Tưởng Tổng thống dạy rằng "Không phải kẻ thù thì là bạn", và nơi này là đất nước của tự do, có tự do ngôn luận, có tự do thăm viếng. Khi chúng tôi nhắc đến những người "Trung Quốc tự do" không tín nhiệm Liên Xô, ông ta trả lời: Xtalin đã bị đổ, thế hệ mới đang cầm quyền ở Liên Xô. Vì Đảng Cộng sản không giữ được chữ tín trong các điều ước. Về những hoạt động của ông ta ở Đài Loan, tôi nói với ông ta rằng: "Ông muốn tìm hiểu kinh tế, nông nghiệp, cổ vật, Cục chúng tôi đã bàn bạc chuẩn bị. Ông là công dân Liên Xô, tôi xin được hỏi hai câu, nếu thấy bất tiện có thể không nhất thiết phải trả lời. Chỗ chúng tôi có quyền tự do nói, cũng có quyền lợi không nói:

Câu hỏi 1: Hai chính quyền Mátxcova và Bắc Kinh đều cùng một loại, sao lại sống mái với nhau đến mức này?

Câu hỏi 2: Tin tức về xung đột vũ trang trên biên giới Trung - Xô rút cục là thế nào?

Đã thỏa thuận với Lui rằng, những cuộc nói chuyện của chúng tôi "Không ghi biên bản", nên chúng tôi cũng không tiện nhiều lời.

Trả lời 1: Mao Trạch Đông muốn bá quyền các nước cộng sản.

Trả lời 2: Một bộ phận đất đai của Xibêri, Trung Cộng muốn "thu hồi" để "di dân", có xung đột nhưng không lớn.

Ngụy Cảnh Mông trả lời phóng viên Mỹ

Ngày 30 tháng 11, Ngụy Cảnh Mông nói cho Sđanricác nô biết

Lui sang thăm Đài Loan với mục đích muốn tham quan cải cách ruộng đất, tìm hiểu kinh tế và xem Viện Bảo tàng.

Đã gặp Tưởng Kinh Quốc với tư cách nhà báo. Ngụy Cảnh Mông giúp việc phiên dịch.

Tưởng Kinh Quốc muốn biết thái độ của Anh đối với Mao Trạch Đông, nhưng Lui biết không nhiều.

Lui muốn biết tình hình gần đây của đại lục và Mao Trạch Đông; quan điểm của Đài Loan đối với Trung Quốc đại lục và Mao Trạch Đông.

Lui có ấn tượng sâu sắc về Đài Loan.

Ngụy nói, theo ông ta, "Lui không có gì nguy hiểm".

Các nô: "Đó chỉ là bề ngoài".

Ngụy Cảnh Mông cho Các nô biết, nhân dân "Trung Quốc tự do" không tín nhiệm Liên Xô và ông ta cũng đã nói với Lui về điểm này.

Các nô cho rằng, Lui là một nhân vật rất nguy hiểm. ở Phnôm Pênh (thủ đô Campuchia), Các nô đã gặp Lui tại một khách sạn cho nên mới biết ông ông ta vừa đi Đài Bắc. Ông ta rất tự hào là người Liên Xô đầu tiên sang thăm Đài Loan kể từ 19 năm nay. Lui hy vọng Các nô không lợi dụng những điều ông ta tiết lộ để đưa tin.

Các nô nói, Lui sang Đài Loan là để dò đường cho Liên Xô, vì Liên Xô hiện nay đang muốn tăng cường ảnh hưởng ở Châu á. Có bằng chứng: Liên Xô đang tỏ ra tốt với Malaixia, Singgapo, Campuchia, Pakixtan, Thái Lan v.v... để đối kháng với Trung Cộng. Họ thậm chí còn giúp Ấnô-nê-xia huấn luyện quân đội để đối phó lại thế lực cộng sản thân Trung Cộng ở trong nước. Liên Xô cũng đang tranh thủ Mỹ, vì Liên Xô cho rằng Trung Cộng đang lấy lòng Mỹ.

Các nô đề nghị Cục thông tin Đài Loan có thể tìm đọc các tài liệu công

khai của Raxít Cômăđan - nhân viên đại sứ quán Liên Xô ở Phnôm Pênh - để ở Đài Loan, và xem xem sẽ có phản ứng như thế nào. Những tài liệu của Cômăđan có khả năng gửi đi từ Hồng Công.

Ngoài ra, Các nô vẫn mong được gặp Tưởng Kinh Quốc, nếu có thể bố trí được, ông ta sẽ ở lại tới thứ hai.

Ngày 1 tháng 12, Ngụy Cảnh Mông báo cáo với Tưởng Kinh Quốc về cuộc gặp với Các nô

Tân hoa xã tố cáo Xô-Tưởng câu kết

Tội câu kết giữa Liên Xô và Tưởng Giới Thạch, Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa không phải không biết. Ngày 5 tháng 3 năm 1969, Tân Hoa Xã đã phát đi bức điện tố cáo việc này. Bức điện như sau:

Tập đoàn xét lại cùng với bè lũ Tưởng Giới Thạch, kẻ thù chung của 700 triệu nhân dân Trung Quốc, đang ráo riết tiến hành câu kết phản cách mạng. Trước đây không lâu, tập đoàn xét lại Liên Xô đã cử một "kỳ giả" thăm tỉnh Đài Loan lãnh thổ của Trung Quốc tạm thời đang bị bè lũ Tưởng Giới Thạch chiếm cứ, âm mưu câu kết chống lại nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa vĩ đại. Đây là một sự khiêu khích vô liêm sỉ của chủ nghĩa đế quốc xã hội xét lại Liên Xô đối với nhân dân Trung Quốc.

Theo các báo chí và các hãng thông tấn phương Tây tiết lộ, một người Liên Xô có tên là Víchto Lui được tập đoàn xét lại Liên Xô giao nhiệm vụ, cuối tháng 10 năm ngoái đã tới tỉnh Đài Loan với tư cách phóng viên để tiến hành các hoạt động bí mật. Trong thời gian ở Đài Bắc, anh ta đã "hội kiến" với "Bộ trưởng Quốc phòng" Tưởng Kinh Quốc và đã "trao đổi ý kiến" về âm mưu câu kết chống lại nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa vĩ đại. Lui còn đại diện cho tập đoàn xét lại Liên Xô "mời một cách không chính thức" bè lũ Tưởng cử "kỳ giả sang thăm Liên Xô. Một nguồn tin của hãng AP phát đi từ Mátxcova tiết lộ. Lui sau khi về đến Mátxcova đã có bài phát biểu, hết lời ca tụng một cách vô liêm sỉ "mặt tích cực" của bè lũ Tưởng, ra sức tô son trát phấn cho nền thống trị tội ác của Tưởng Giới Thạch tại tỉnh Đài Loan. Đồng thời các hãng thông tấn của phương Tây và Nhật Bản còn liên tục đưa tin, ở Oasinhton, Tôkyô, ốtnoa và nhiều nơi khác, "Những cuộc tiếp xúc không chính thức" giữa các quan chức ngoại giao và phóng viên Liên Xô với các quan chức ngoại giao và phóng viên Đài Loan "đã tăng lên rõ rệt". Bè lũ Tưởng cũng đang "khuyến khích nhân viên ngoại giao" và các phóng viên của họ "tăng cường quan hệ mật thiết" với các quan chức ngoại giao và phóng viên Liên Xô. Những sự thật đó chứng tỏ, tập đoàn xét lại Liên Xô cùng với đế

quốc Mỹ câu kết với bè lũ Tưởng Giới Thạch chống lại một cách ác độc nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đã tới mức dễ tiệp như thế nào.

Sự câu kết phản cách mạng mới, đang tiến hành giữa tập đoàn xét lại Liên Xô với bè lũ Tưởng Giới Thạch tuyệt nhiên không phải là một sự kiện riêng lẻ. Từ lâu nay, họ đã phối hợp với bè lũ Tưởng Giới Thạch, tích cực phục vụ cho âm mưu của đế quốc Mỹ tạo ra “hai nước Trung Quốc. Năm 1963, chúng công nhiên để cho bè lũ Tưởng Giới Thạch với tư cách “một nước có chủ quyền” ký vào cái gọi là “Hiệp ước cấm thử hạt nhân từng phần”. Trên báo chí, chúng đã không biết bao nhiêu lần gọi tỉnh Đài Loan - một bộ phận lãnh thổ của Trung Quốc là “quốc gia”, kêu Tưởng Giới Thạch - kẻ thù chung của nhân dân Trung Quốc - là “Tổng thống”. Trên các sách báo, chúng đã nhiều lần in cờ của bọn Tưởng. Chúng còn nhiều lần cùng ngồi trên ghế “đại biểu” của bè lũ Tưởng Giới Thạch trong các cuộc hội nghị quốc tế. Giờ đây, tập đoàn xét lại Liên Xô lại ngang nhiên cử người tới tỉnh Đài Loan câu kết với bè lũ Tưởng Giới Thạch. Đây là một bằng chứng tội ác mới của chúng về những âm mưu chống lại Trung Quốc.

Việc tập đoàn xét lại Liên Xô ráo riết câu kết với bè lũ Tưởng điên cuồng chống lại Trung Quốc, đã bộc lộ đầy đủ bản chất yếu ớt của họ. Nước Trung Quốc xã hội chủ nghĩa càng trở nên kiên cường hơn qua cuộc tôi luyện trong đại cách mạng văn hóa vô sản là trở ngại lớn nhất trong việc tập đoàn xét lại Liên Xô câu kết với đế quốc Mỹ nhằm phân chia lại thế giới. Hành vi ăn cướp bành trướng thế lực ra bên ngoài của chủ nghĩa đế quốc xã hội Liên Xô, đã bị nhân dân toàn thế giới lên án mạnh mẽ và phản đối kịch liệt. Cuộc đấu tranh của nhân dân Liên Xô chống lại bọn xét lại Liên Xô cũng ngày một tăng cường. Tập đoàn xét lại Liên Xô càng ngày càng gặp khó khăn. Trong tình hình đó, việc đế quốc Mỹ và bọn phản động các nước chống lại Trung Quốc, thậm chí cả cái thầy ma chính trị thối rữa từ lâu là bè lũ Tưởng Giới Thạch cũng được lợi dụng như là một của quý, chỉ biểu hiện chúng đang vấp phải những khó khăn chống chọi trong nước cũng như ngoài nước, đang đi vào ngõ cụt, đang tìm cách dây dưa trong cơn tuyệt vọng.

Song, cho dù bọn xét lại Liên Xô, bọn đế quốc Mỹ đang nhặt nhạnh những rác rưởi để tổ chức “liên minh thần thánh” chống lại Trung Quốc, chống lại cách mạng, cũng chỉ có thể “tự lấy đá ghè vào chân mình”, càng đẩy nhanh ngày diệt vong của chúng.

IV. ĐẶC SỨ TUỞNG-XÔ TÁI HỢP Ở VIÊN

Sự kiện đảo Trần Bảo

Ngày 2 tháng 3 năm 1969, đã xảy ra sự kiện Đảo Trần Bảo gây chấn động thế giới.

Đảo Trần Bảo nằm ở gần bờ tây sông Usuri phía đông huyện Hồ Lâm tỉnh Hắc Long Giang Trung Quốc. Nó vốn không phải một hòn đảo mà là một bộ phận của bờ phía tây, sau do dòng chảy của sông mà hình thành, nhưng đến mùa nước cạn, nó vẫn nối liền với bờ phía tây. Theo luật quốc tế, trong những trường hợp này bao giờ người ta cũng lấy tuyến trung tâm của dòng chảy chính để phân chia quyền sở hữu. Theo đó, thì đảo Trần Bảo phải nằm về phía Trung Quốc. Xưa nay Trung Quốc vẫn quản lý đảo này, và nó thuộc lãnh thổ Trung quốc là điều không cần bàn cãi. Song từ những năm 60, Liên Xô bắt đầu cho lính biên phòng, máy bay trực thăng, xe lội nước xâm nhập đảo này. Trong hai tháng 1 và 2 năm 1969, lính biên phòng Liên Xô 8 lần xâm nhập đảo Trần Bảo. Giữa tháng 2, Liên Xô hạ lệnh đặt quân đội biên phòng Viễn Đông trong tình trạng báo động cấp một. Ngày 2 tháng 3, lính biên phòng Liên Xô lại xâm nhập đảo Trần Bảo, bất ngờ tập kích lính biên phòng Trung Quốc đang làm nhiệm vụ tuần tra. Hai bên đã xảy ra xung đột vũ trang xung đột liên tiếp xảy ra trong các ngày 15 tháng 3 và 17 tháng 3. Phía Liên Xô vu cho phía Trung Quốc đã cho quân xâm phạm lãnh thổ của họ. Những người cầm đầu Bộ Quốc phòng Liên Xô thậm chí còn mang vũ khí hạt nhân ra dọa rằng sẽ cho “nhà phiêu lưu hiện đại” những đòn đánh hủy diệt.

Vụ đảo Trần Bảo không phải là sự kiện cục bộ xảy ra một cách ngẫu nhiên, mà do phía Liên Xô cố tình gây ra.

Một, mục đích trực tiếp của nó là uy hiếp Trung Quốc. Năm 1968, Liên Xô đưa quân vào Tiệp Khắc, đã thành công về mặt quân sự. Tung ra “chủ nghĩa Brêgionép”, Liên Xô làm ra vẻ ta đây có thể tùy tiện can thiệp vào các nước xã hội chủ nghĩa. Giờ đây, Liên Xô đã có cả trăm vạn quân trên biên giới Xô-Trung, đánh một trận tuy không đủ để Trung Quốc phải quy thuận ngay song cũng có thể tỏ rõ sức mạnh rắn đe bằng vũ lực. Sau sự kiện đảo Trần Bảo, ngày 5 tháng 6, tại “Hội nghị quốc tế các Đảng Cộng sản và công nhân” triệu tập tại Mátxcova, Brêgionép một lần nữa công kích Trung Quốc và đưa ra đề nghị xây dựng “hệ thống an ninh tập thể Châu á”. Sau đó lại lần lượt cử hơn 30 đoàn đại biểu đến các nước chung quanh

Trung Quốc để du thuyết cho việc thành lập tổ chức này. Mục đích của việc làm đó là muốn kết hợp với hệ thống bố trí quân sự của Liên Xô ở phía bắc Trung Quốc, hình thành một vành đai mới bao vây chống Trung Quốc. Hai, Liên Xô đánh để cho Mỹ biết tay. Ngay từ năm 1963, Liên Xô và Mỹ cùng đưa ra “Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân từng phần”, năm 1968 lại đưa ra “Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân”. Tuy Trung Quốc đã chế tạo được bom nguyên tử và không thể hạn chế được Trung Quốc, song lợi ích chung của Liên Xô và Mỹ trên phương diện này coi như được thừa nhận. Giờ đây, Liên Xô đang khua chiêng gõ mõ muốn tổ chức thành công Hội đồng an ninh châu Âu, muốn cùng với Mỹ đàm phán về việc hạn chế vũ khí hạt nhân chiến lược, lại còn câu kết với Mỹ trong vấn đề Đông Dương, đánh Trung Quốc vào lúc này há chẳng có lợi cho việc giao dịch giữa Liên Xô và Mỹ?

Thế nhưng, sự kiện đảo Trần Bảo không doạ nổi Trung Quốc, “Hệ thống an ninh tập thể Châu á” trừ vài nước còn không được sự hưởng ứng, trong khi đó tân Tổng thống Mỹ Níchson trước sau và sau khi lên nhậm chức đều tỏ ý muốn cải thiện quan hệ Mỹ-Trung. Dư luận quốc tế đã xôn xao bàn tán, giữa Trung-Xô liệu có xảy ra đại chiến? Cánh Brêgionép không muốn nhìn thấy trong quan hệ tay ba Xô-Mỹ-Trung, Trung-Mỹ thì nhích lại gần nhau, còn quan hệ Xô-Trung xấu thêm nữa, ảnh hưởng đến địa vị của Liên Xô trong cuộc tranh giành với Mỹ. Và thế là họ chuyển sang kiếm cách hoà hoãn bầu không khí căng thẳng giữa Liên Xô và Trung Quốc. Sự hoà hoãn này chỉ là hăm phanh chứ không phải là quay đầu lại. Do chuyện này mà đã dẫn tới cuộc hội kiến đầy kịch tính tại sân bay Bắc Kinh giữa Thủ tướng hai nước Trung-Xô.

Lui xin gặp lại

5 giờ sáng ngày 1 tháng 5 năm 1969, Lui từ Rôma đánh điện tới yêu cầu “đại sứ quán” Đài Loan ở Rôma cấp thị thực cho đi Đài Loan, và nói do thời hạn thị thực nên ông ta không thể ở quá lâu tại Rôma.

Ngụy Cảnh Mông trả lời, Đài Bắc cũng gay go như Tôkyô, chỗ nào cũng nhan nhản phóng viên. Ngụy muốn Lui đi Băng Cốc hoặc Sinhgapo

Lui nói, ông ta không có cách nào đi Sinhgapo, đi Băng Cốc thì cũng chỉ dừng lại được 24 tiếng đồng hồ. ở Rôma không có ai chú ý đến ông ta, do đó tốt nhất là từ Rôma đi thẳng về Đài Bắc.

Ngụy yêu cầu Lui chờ ở Rôma, năm tiếng sau sẽ trả lời.

Lui để lại địa chỉ và số máy điện thoại cho Ngụy Cảnh Mông: Khách sạn

den, phòng 215; tổng đài khách sạn: 480551.

8 giờ 5 phút sáng, Ngụy từ Bộ Quốc phòng gọi điện cho Lui:

- Tôi chuẩn bị một tuần hoặc 10 ngày nữa sẽ lên đường qua Hồng Công đi Băng Cốc, dọc đường sẽ dừng lại ở Malaixia, Singgapo dự tính ngày 18 hoặc 19 tháng 5 tới nơi. Nếu không có gì thay đổi, hy vọng được gặp ông vào ngày 20 tháng 5 tại Băng Cốc. Chuyện vì sao phải kéo dài đến thế, gặp ông tôi sẽ nói rõ. Trong thời gian này, đề nghị ông liên hệ với ông Đỗ Ích Châm, tham sự tân văn của Đài Loan ở Băng Cốc, số điện thoại của văn phòng ông ấy là 58053, điện thoại ở nhà 91449. Tôi sẽ thường xuyên cho Đỗ Ích Châm biết hành trình của tôi.

Lui:

- Thị thực có vấn đề. Tôi chỉ có thể mang thị thực quá cảnh tới Băng Cốc. Đề nghị chọn bất cứ thời gian nào trong vòng một tuần để gặp nhau.

Ngụy Cảnh Mông:

- Nhưng tôi không thể tới Băng Cốc trước ngày 20 tháng 5. Đề nghị ông sẽ sắp xếp lại kế hoạch và cho tôi biết.

Lui:

- Quả thật có khó khăn, mong ông xem lại, liệu có thể lên đường sớm trong vòng một tuần và gọi điện cho tôi.

Ngụy Cảnh Mông:

- Chờ xin chỉ thị, sẽ trả lời sau.

Khi Ngụy Cảnh Mông báo cáo với Tưởng Kinh Quốc chuyện này, Tưởng nói:

- Không được. Nếu tối nay Lui không gọi lại thì gọi điện báo cho ông ta biết, không thể gặp mặt trước 20 tháng 5.

Sau đó, Tưởng Kinh Quốc lại gọi điện bảo Ngụy:

- Không cần thiết gọi điện cho ông ta nữa, đến chỗ tôi ngay.

Khi Ngụy Cảnh Mông tới dinh của Tưởng Kinh Quốc ở Đông lộ Trường An, Tưởng bảo Ngụy:

- Tốt nhất là không đi Băng Cốc ngày 20 để gặp ông ta. Nếu ông ta gọi điện và vẫn giữ ý kiến muốn gặp trong vòng một tuần hoặc mười ngày tới thì bảo sẽ gặp nhau ở Rôma hoặc Viên. Nếu không gọi lại thì vẫn đi Băng Cốc trước ngày 20, chờ ở đó vài ngày.

10 giờ ngày 4 tháng 5, Lui gọi điện thoại về nhà riêng của Ngụy, Ngụy không có nhà. 2 giờ 5 phút chiều, Ngụy gọi điện cho Lui, 4 giờ mới nổi được mạng (phải qua Mỹ). Lúc này, Lui đã chuyển sang ở khách sạn Laodon ở

Viên, điện thoại số 852430. Ông ta hy vọng tháng 6 được gặp Ngụy Cảnh Mông, hoặc giả được gặp ngay ở Viên.

Ngụy trả lời: “Có thể gặp ở Viên từ 12 đến 14 tháng 5”.

Sau cuộc nói chuyện qua điện thoại, Ngụy Cảnh Mông lập tức liên hệ với Tưởng Kinh Quốc. Vì Tưởng đi Khánh Sinh du lịch nên mãi đến 6 giờ chiều mới gọi được điện. Ngụy Cảnh Mông báo cáo nội dung điện thoại với Lui, Tưởng Kinh Quốc nói:

- Cần nhắc thêm rồi hãy trả lời.

Ngụy thưa:

- Tôi phải gọi điện cho Lui báo cho biết quyết định.

Ngày 5 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc lại gọi điện. Việc đầu tiên ông ta thông báo cho Ngụy biết người Tây Đức tên là Klasópxki kiếm được báo cáo ngày 26 tháng 3 của một phóng viên Mátxcova:

Sêlêpin, Bêlisa, v.v... chủ trương tiếp cận với Đài Loan. Trong cuộc họp gần đây, có 5 kiến nghị về những vấn đề cơ bản và đã được cấp trên ủng hộ có điều kiện:

A. Chế độ Mao có khả năng tan vỡ và nội chiến, (Liên Xô) có thể hợp tác với Đài Loan và rất có triển vọng.

B. Cơ sở hợp tác Trung - Xô, có thể dùng điều kiện hoặc mật ước để qui định. Hai bên thỏa thuận sau khi phe cánh Mao tan rã, sẽ thành lập một Chính phủ liên hiệp giữa Quốc Dân đảng và Đảng Cộng sản mới.

C. Chế độ của Nhà nước Trung Quốc mới, không nhất định phải sử dụng tên gọi Đảng Cộng sản, nhưng cần phù hợp với điều kiện tiến bộ của kinh tế xã hội. Cho nên trong một thời kỳ tương đối, có thể là một “chế độ nhà nước dân chủ nhân dân” của hai đảng.

D. Chính phủ Liên Hợp Quốc - Cộng mang tính chất quá độ, viện trợ của Liên Xô đến với Chính phủ liên hiệp không chỉ có đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc mới; có điều, vì Đảng Cộng sản Trung Quốc mới cần một thời gian tương đối lâu mới có thể phát triển thành một đảng thân Liên Xô có đủ sức mạnh về xã hội và chính trị, cho nên Liên Xô trước tiên phải hợp tác với Quốc Dân đảng Trung Quốc.

E. Chính sách Viễn Đông của Mỹ là trở ngại lớn nhất trong việc Mátxcova tiếp cận với Đài Bắc.

Tưởng Kinh Quốc nói:

- Sau khi nghiên cứu, tôi cho rằng Bêlisa không cùng một duộc với Sêlêpin; Bêlisa thuộc phái già còn Sêlêpin thuộc phái trẻ.

10 giờ 30 sáng ngày 6 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc hẹn gặp Ngụy Cảnh Mông. Tuyến hành trình của Ngụy được thay đổi như sau: Hồng Công - Singapo - Cualalampơ-Băng Cốc - Viên - Rôma - Băng Cốc - Hồng Công.

Tưởng muốn Ngụy có một chuyến công cán hết sức thoải mái. Chừng nào lên đường sẽ đưa tin, nhưng Ngụy từ nước ngoài liên lạc với Đài Loan tuyệt đối không được nhắc đến tên “Lui”

3 giờ 15 chiều, Ngụy lại gặp Tưởng Kinh Quốc để bàn việc sau này liên tục bằng cách nào. Tưởng cho thêm ý kiến:

- Tốt nhất là đưa cả Bỉ vào trong hành trình, càng nhiều nước càng tốt. Tôi đã báo cáo với Tổng thống, ông có thể dừng lại ở Hồng Công tới 2 ngày.

Tưởng Giới Thạch thẩm định nguyên tắc hội đàm

4 giờ chiều, Ngụy Cảnh Mông theo Tưởng Kinh Quốc tới dinh Dĩ Lâm gặp Tưởng Giới Thạch. Tưởng Giới Thạch góp ý kiến chi tiết về chuyến đi của Ngụy Cảnh Mông. Ngụy Cảnh Mông ghi lại như sau:

1- Trong chuyến hành trình, bổ sung thêm các nước Tây Ban Nha, Bỉ, Hà Lan, Đan Mạch.

2- Sẽ đọc cho Lui nghe những điểm quan trọng trong văn bản Tưởng Kinh Quốc và Ngụy Cảnh Mông soạn thảo đã được Tưởng Giới Thạch đích thân sửa chữa và phê chuẩn. Đọc xong, văn bản sẽ hủy ngay. Ngụy không mang theo bản gốc bằng tiếng Trung Quốc.

3- Nếu Lui hỏi các vấn đề dưới đây, Ngụy chỉ nên trả lời miệng.

a- Hỏi Ngụy có mang văn bản hoặc điều kiện gì từ Đài loan tới?

Đáp: Vì ông yêu cầu tôi sang gấp, nên cũng không chuẩn bị gì.

b - Đài Loan cần vũ khí và trang bị gì?

Đáp: Ông biết rất rõ tình hình trang thiết bị của Đài Loan chúng tôi, nên có thể nêu ra trước một danh sách.

4. Cuộc gặp lần sau nên tiến hành ở Đài Loan, vì mọi việc phải do Tưởng Giới Thạch hoặc Tưởng Kinh Quốc quyết định, mà hai người lại không thể lặng lẽ rời Đài Loan không ai biết.

5. Nếu cuộc gặp lần sau chỉ bàn bạc ở Viên hoặc một nơi nào khác đều được cả.

(Nhiệm vụ quan trọng nhất của Ngụy lần này là bàn miệng với nhau sẽ hợp tác ra sao, và nên tiến hành theo các bước thế nào để lật đổ chính quyền ra của Mao).

Về 5 nguyên tắc được Toà án nhân dân tối cao phê chuẩn, Ngụy Cảnh Mông ghi:

1- Chính quyền của Mao ở Trung Quốc đại lục tồn tại, đã nguy hại tới lợi ích cơ bản của cả hai bên AB (A: Trung Quốc B: Liên Xô), nếu cứ để nó tiếp tục phát triển tất sẽ gây ra những hậu quả xấu, điều này là cơ sở cho sự hợp tác hai bên AB.

2- Biện pháp liên quan đến sự hợp tác, trước hết phải lấy việc hai bên cùng phối hợp như thế nào để lật đổ chính quyền Mao và những chính sách hai bên cần áp dụng sau khi đã lật đổ được chính quyền đó làm điều kiện tiên quyết, cho nên trước khi bàn các biện pháp phải quyết định chính sách.

3- Việc hai bên cùng hợp tác lật đổ chính quyền của Mao, có thể sẽ nhận được sự tán đồng trong Chính phủ và nhân dân đại lục song quyết không thể lại áp dụng cái chính sách mà trong lịch sử đã thất bại và do đó đã gây ra tai họa to lớn cho cả hai bên, đó là cái gọi là “chính sách Quốc Cộng hợp tác”.

Mọi hành động lấy danh nghĩa Đảng Cộng sản để kêu gọi, chẳng những khiến nhân dân Trung Quốc hãi hùng, căm giận mà cả những phần tử chống Mao trong tổ chức cộng sản của Mao cũng sẽ đứng lên chống lại; việc này cũng chỉ có hại và hoàn toàn bất lợi đối với bên B.

Năm đó, bên B nếu tuân thủ “Hiệp ước hữu hảo Trung-Xô” ủng hộ Chính phủ quốc dân do Tưởng uỷ viên trưởng lãnh đạo hoàn thành được công cuộc thống nhất, thì chắc chắn không dẫn đến tai họa chung cho cả hai phía như hiện nay.

4. Để thu hút các phần tử chống Mao trong bộ máy chính quyền của Mao, bên A dưới sự lãnh đạo của Chính phủ Trung Hoa Dân quốc sẽ thành lập Mặt trận liên hiệp cứu quốc chống Mao, nó là một thành viên trong các đảng phái trong cả nước tham gia vào cuộc chiến tranh chung diệt Mao phục quốc.

5. Về các vấn đề cơ bản của hai phía A và B, như biên giới, kinh tế, ngoại giao v.v... sẽ được coi là những đề tài chính bàn bạc từ nay về sau.

Ngày 7 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc lại chỉ thị cho Ngụy Cảnh Mông:

1- Không đưa tin về chuyến đi công cán nước ngoài.

2- Có thể không bàn tới 5 nguyên tắc.

3- Trong thời gian ở nước ngoài, tuyệt đối không liên hệ trực tiếp với ông ta.

Mátxcova cam kết với Đài Loan.

Chiều ngày 7 tháng 5 năm 1969, Ngụy Cảnh Mông đến Hồng Công. Mọi chuyện đều diễn ra thuận lợi đúng theo kế hoạch; tối ngày 9 đến

Singapo, ngày 10 đến Cuala Lămpơ, đêm 12 bay sang Rôma, ngày 13 đến Tây Đức, tối 14 tới Viên.

Khi tới ăn cơm tối tại địa điểm đã hẹn, Ngụy Cảnh Mông đã nhìn thấy Lui, nhưng có một người ngồi cùng bàn với ông ta, phía sau còn có một người nữa. Ngụy không chào hỏi Lui. 11 giờ rưỡi Lui điện thoại hẹn gặp Ngụy ở ngoài khách sạn. Đúng giờ, Ngụy tới địa điểm hẹn. Hai người sánh vai dạo bước, Lui nói:

- Sau khi về nước, trong lãnh đạo vẫn có người nhân nhượng vô nguyên tắc đối với bọn họ, sau khi xảy ra vụ đảo Trân Bảo mới có thái độ, chuyện này vì thế đã bị gác lại mãi. Hồi tháng 4, khi tôi gọi điện đi thì có người cấp đại sứ Mátxcova chờ ở Tôkyô đã về Mátxcova. Ý muốn tức tốc sang Đài Loan lúc ban đầu cũng là vì để cho người ở Tôkyô nhanh chóng được tiếp xúc với Đài Loan.

Ngụy cho biết:

- Những cuộc bàn bạc quan trọng sau này phải ở Đài Loan Lui trả lời:
- Người chủ trì chính sách không được thay tên đổi họ, lại tuyệt đối không muốn bên ngoài biết về chuyện đi Đài Loan, cho nên vấn đề liên lạc từ nay về sau ta phải nghĩ cách xem nên thế nào. - Tiếp đó, ông ta lái sang chuyện khác - Khi ở Rôma, tôi có đến đại sứ quán của Trung Hoa Dân quốc ở Tòa thánh xin nhập cảnh không được, lại đến đại sứ quán ở Italia xin cũng không được nốt. Tôi có gọi điện tới nhà riêng của tiên sinh ở Đài Bắc và cho ông La Khải, mới biết tiên sinh đã rời Đài Loan. Từ Châu Âu đi Đài Loan qua Manila, tôi nghĩ vẫn có thể giữ được bí mật! (Lui hành động không thể đổi họ tên)

Về một trong những điểm quan trọng trong cuộc tiếp xúc ở Đài Bắc lần trước, Lui nói lần này đã có câu trả lời chính thức. Mátxcova cho rằng Trung Quốc đại lục đã có hành động bội tín đối với điều ước, cho nên bảo đảm với Đài Loan rằng:

Dù do Đài Loan hoặc bất cứ một bộ phận nào của một bộ phận nào của Trung Quốc xảy ra tranh chấp dưới bất chấp dưới bất cứ hình thức nào, Liên Xô cho rằng đó hoàn toàn là công việc nội bộ của Trung Quốc, không liên quan gì với Liên Xô. Nếu dẫn tới nội chiến, Liên Xô quyết không ủng hộ Mao Trạch Đông. Những điều trên đây để nghị không để cho người ngoài biết. Nếu có ý định báo cho người Mỹ, cần có sự bàn bạc trước với Liên Xô.

Lui hỏi phía Đài Loan có ý kiến gì để còn báo cáo lên cấp trên. Ngụy nói: Có vài điểm muốn phía Liên Xô cân nhắc thêm và hẹn 9 giờ sáng hôm sau tới phòng để cùng bàn bạc. Đồng thời, Ngụy cũng nói sơ qua những điểm

quan trọng trong 5 nguyên tắc đã được Tưởng Giới Thạch phê chuẩn, chẳng hạn, không thể lấy danh nghĩa Đảng Cộng sản để kêu gọi nhân dân đại lục; các đảng phái có thể gia nhập tổ chức Liên minh chống Mao dưới sự lãnh đạo của Quốc dân đảng v.v.. Lui nói sẽ mật báo cho Mátxcova.

Về vấn đề vũ khí bàn tới trong lần trước, Lui vẫn chủ trương do phía Đài Loan chủ động nếu yêu cầu và cho biết địa điểm giao hàng.

Về việc trao đổi tin tức tình báo, Lui nói:

- Hy vọng có thể bắt đầu ngay, lúc đầu nên coi trọng về số lượng, chưa cần coi trọng chất lượng, chẳng hạn việc bố trí của quân đội đại lục (những tái hiện liên quan đối với Liên Xô). "Hội nghị Trung ương lần thứ IX của Trung Cộng" v.v. Nhưng mỗi tài liệu đều gửi cho bản sao để rút kinh nghiệm xem việc hợp tác trao đổi nên như thế nào để nâng cao chất lượng. - Lui nhấn mạnh đây là ý kiến cá nhân tôi, coi như người trung gian gợi ý cho phía Đài Loan. Nếu từ nay về sau, việc qua lại thuận tiện, những vấn đề quan trọng có thể sang Mátxcova trao đổi ý kiến.

Trong cuộc tiếp xúc này. Lui tỏ ra nôn nóng muốn có cuộc gặp gỡ tiếp theo, khiến Ngụy cảm thấy sự việc nghiêm trọng có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

Ngụy nói:

- Nếu cần thiết, cuộc gặp lần sau vẫn có thể ở Viên, và khách sạn này quả thật yên tĩnh. Còn ở Rôma thì không được.

Lui tỏ ý vẫn muốn đi Đài Loan, Ngụy chỉ hứa sau khi về Đài Loan sẽ nghiên cứu vấn đề này.

Lui nói:

- Tốt nhất là nhân viên thương vụ Đài Loan có hộ chiếu của Singapo hoặc một nước trung lập khác, thường xuyên có thể sang Mátxcova buôn bán. Bảo đảm việc này có lợi cho việc kinh doanh cũng như tiện cho sự liên hệ. (Vợ Lui là đại diện của một nhà máy của Mỹ ở Liên Xô)

Ngụy hỏi:

- Nếu sự hợp tác thành công, những người Hoa thân Mátxcova (ở Liên Xô và ở nước ngoài) liệu có thể đi về bình thường?

Đối phương trả lời:

- Chuyện đó đương nhiên không thành vấn đề.

Toàn bộ chi tiết của lần gặp gỡ này đều được Ngụy Cảnh Mông ghi đầy đủ trong nhật ký của mình.

Ngụy Cảnh Mông truyền đạt "Năm điểm của Tưởng Giới Thạch"

9 giờ rưỡi sáng ngày 15, Lui đến phòng của Ngụy. Ngụy đoán chất Lui tới sau khi ông ta đã bàn bạc với đồng bọn về các điểm đã đưa ra bàn trong lần gặp hôm qua.

Ngụy Cảnh Mông cứ theo văn bản chậm rãi đọc, còn Lui thì lia lịa chép. Sau khi đọc và ghi xong 5 điểm, hai người đọc lại và đối chiếu.

Xác nhận không có sai sót, Lui thu giấy tờ ghi chép rồi nói:

- Cả 5 điểm đều có vẻ chung chung quá, việc đầu tiên tốt nhất là Đài Loan đưa ra ý kiến trước nên giải quyết Mao như thế nào.

Ngụy không chịu:

- Không bàn đường lối chính sách, đi tới đâu hay tới đó, không ổn. Nếu một khi đại lục xảy ra đại biến, hoặc giả Đài Loan đổ bộ vào đại lục v.v... Liên Xô giúp đỡ chúng tôi như thế nào tất phải có sự tính toán trước. Về các điểm như sử dụng căn cứ của Liên Xô, phía chúng tôi cần cung cấp những vũ khí gì, việc trao đổi tin tức tình báo v.v... chờ khi có hồi âm về 5 điểm trên sẽ đưa vào chương trình trong các cuộc hội đàm tiếp theo.

Tiếp đó, hai bên bàn về địa điểm của "hội nghị cao cấp". Lui nói:

- Mátxcova muốn ở hải phận quốc tế.

Ngụy nói:

- Hội nghị cao cấp phải tiến hành ở Đài Loan - và nhấn mạnh những lý do của phía Đài Loan.

Lui vẫn tỏ ý muốn được đến Đài Loan nếu xét thấy cần thiết, và hy vọng sau khi về Đài Loan, Ngụy sẽ cân nhắc thêm việc này; kể đó, ông ta lại đưa ra các vấn đề sau:

1. Ở châu Âu, không kể Đài Loan, còn có người nào có thể thay mặt chuyển thư từ, điện báo có thể cho phép người đó tiếp xúc (không bàn công việc).

2. Tài liệu về đại lục của phía Đài Loan chuyển giao cho phía Liên Xô nếu qua con đường khác, có thể bị giảm thiểu hoặc đình chỉ, chờ nên chuyển dùng con đường này để trao đổi.

3. Tương lai nếu Đài Loan ra tay, Liên Xô sẽ không ngăn ngại gây ra những sự kiện biên giới để phối hợp.

4. Nhân viên thương vụ trước khi đi Mátxcova, cần phải có danh mục hàng hóa có thể buôn bán trao đổi để bắt đầu thông thương ngay, hy vọng nội trong hai tháng có thể thực hiện được.

4 giờ rưỡi chiều ngày 15. Lui lại đến phòng Ngụy Cảnh Mông, nói rằng trong 5 điểm của Đài Loan có những câu chữ dịch sang tiếng Nga nghe dửng dưng quá, cho nên phải chuyển dịch sang cho nhẹ nhàng một chút. Ví dụ:

Câu mở đầu sửa thành "Nếu các lãnh tụ Liên Xô trước đây có cách xử lý mềm dẻo trong quan hệ đối với Chính phủ Quốc dân, như điều ước hữu hảo Trung - Xô năm 1945, và phối hợp giúp đỡ các chính sách do Tưởng ủy viên trưởng lãnh đạo...

(Điểm thứ ba) "quyết không thể áp dụng các chính sách mà trong lịch sử đã thất bại như Quốc Cộng hợp tác", sửa thành "bất luận chính sách nào, kiểu như chính sách Quốc Cộng hợp tác trước kia, đều không hy vọng thành công"

...

Hai bên còn trao đổi và thoả thuận, nếu lần sau vẫn hội đàm ở Viên, Lui sẽ từ một nước Châu Âu ngoài Liên Xô gửi điện cho Ngụy Cảnh Mông như sau:

Chinanews Tai'pei (Nhật báo Trung Quốc bản tiếng Anh Đài Bắc)

INFORM TANALIN (Thông tri Ngụy Cảnh Mông)

MALL DICK ARTICLE (Toà báo Viên) (Thời gian)

CONFIRM DEADLINE (Xác định kỳ hạn)

Nếu điện về nhà cho Ngụy Cảnh Mông, giọng có vẻ "thương nghiệp" hơn:

Giôdép - Đài Bắc

Poti - Kinsasa

Giôn - Băng Cốc

Năngxi- Cuala Lămpua

Clít - Tôkyô

Bét- Sinhgapo

Giên - Rôma

Pitor - Manila

An- Síp

Địch - WIEN. S.L

Mari - Copenhaghen

Cảnh Mông - CMV

WL - Vương Bình

JOE Smith

(Bí danh của Lui)

Bàn chuyện cử "đại diện thương vụ"

10 giờ rưỡi đêm ngày 15, Lui hẹn Ngụy đi dạo. Gặp nhau, Ngụy hỏi Lui có tăng giảm hay sửa đổi các chủ đề cuộc tiếp xúc lần sau.

Đáp:

- Không. Nếu có, sẽ liên lạc sau. Song việc trao đổi rộng rãi tin tức tình báo có thể bắt đầu ngay để đáp ứng nhu cầu đối phó lại Mao Trạch Đông cũng như sự cần thiết cho quân sự đôi bên. Tốt nhất có người chuyên lo công việc này, lúc đầu coi trọng số lượng hơn chất lượng, tài liệu về nhân sự có thể dài hoặc ngắn. Hy vọng sẽ cử một nhân vật có tài "buôn bán" mang theo khi sang Mátxcova. Nhân vật này không cần thiết phải thường trú ở Mátxcova, nhưng có điều kiện đi lại thường xuyên. Có nhiều việc phải qua trung gian truyền đạt tới các ông. Mong

muốn có một số địa điểm như lãnh sự v.v... có thể chuyển thư từ hoặc ý kiến.

Hỏi:

- Nên đi mấy người? Thuộc loại người nào?

Đáp:

- Hai người, một là đồng liêu không công khai, một là vệ sĩ. Đồng liêu sẽ là người có thể bàn bạc công việc.

Hỏi:

- Lúc nào có câu trả lời về 5 điểm của chúng tôi.

Đáp:

- Chắc không lâu, xem ra có thể đồng ý.

Hỏi:

- Vụ lộn xộn Tân Cương, chuyện như thế nào?

Đáp:

- Hai tuần trước, Cộng phi ở biên giới lừa một đàn bò vào Tátgích trên lãnh thổ Liên Xô. Không ngờ quân đội cũng trà trộn trong đó, hiện họ đã đào xong chiến hào. Liên Xô quyết tâm đuổi bọn này đi, có thể có đánh nhau. Xua bò qua biên giới vẫn là chuyện thường xảy ra.

Hỏi:

- Chương trình cuộc hội đàm lần sau?

Đáp:

- Lần sau có thể trao đổi một cách rộng rãi những tin tức tình báo để đáp ứng nhu cầu của đôi bên.

Hỏi:

- Sau đây làm gì?

Đáp:

- Định sau hai hôm nữa sẽ đi áo, về Mátxcova rồi đi Canada.

Sáng 16, Ngụy Cảnh Mông qua Tổng Phong Tư - người liên lạc của Đài Loan ở Béclin- báo cáo với Tướng Kinh Quốc về tình hình cuộc gặp Lui. Ngoài ra còn báo cáo thêm:

Mátxcova sẽ triệu tập hội nghị của các nước cộng sản quốc tế. Những nước không tham dự hiện giờ có Trung Quốc, Anabani, Bắc Triều Tiên, Bắc Việt Nam, Nam Tư, Cuba. Gần đây, một số quan chức ngoại giao Liên Xô ở Viên đã bị Chính phủ Áo trục xuất vì tội gián điệp, nhưng không nghiêm trọng. Cho nên sau này có đến Viên hội đàm cũng không gặp trở ngại gì. Canada dựa vào Mỹ, không thể hội đàm ở Canada được. Bỉ dựa vào Mỹ, không thể hội đàm ở Bỉ được. Bỉ nhất thời chưa thể công nhận Cộng phi (chỉ

Trung Quốc đại lục vì còn lệ thuộc vào đại bản doanh của NATO.

Liên Xô đã điều lực lượng quân đội chính qui tới biên giới Trung-Xô, nếu Vladivostok bị uy hiếp, Nga có thể tác chiến toàn diện.

Có ai ở Châu Âu như ở Béclin để họ có thể tiếp xúc? Hoặc có thể chuyển điện hoặc trao đổi ý kiến?

9 giờ sáng, Lui lại đến. Ông ta cho biết: 11 giờ sẽ rời khách sạn Lauton. 1 giờ 15 phút chiều bay sang Rôma. Hai ngày sau về Mátxcova, sau đó đi Canada kiện về vụ nói xấu của một tờ báo họ (hoặc có thể nhận được 5 vạn đô-la Mỹ). Lui còn nói: "Nhân viên thương vụ tốt nhất từ Béclin sang".

Buổi tối, Nguy Cảnh Mông ghi lại diễn biến cuộc tiếp xúc lần này như sau:

1 - Phía Liên Xô sẽ có câu trả lời chính thức do Lui mang đến;

2- Đối phương sao chép 5 điểm nhưng không chuẩn xác lắm;

3- Về địa điểm lần sau;

4- Trình tự cuộc gặp lần sau;

5- Việc chuẩn bị họp hội nghị cấp cao tổ chức ở Đài Loan;

6- Cơ sở của việc hợp tác quân sự;

7- Vấn đề trao đổi tin tức tình báo;

8- Địa điểm của cuộc gặp gỡ cấp cao: chỗ cũ hoặc đảo Síp (ta có đại sứ quán);

9- Có thể trao đổi tin tức tình báo. Đại diện thương vụ nên cử sang nội trong hai tháng, qua Đông Béclin đi Mátxcova (hoặc từ Rumani, Tiệp Khắc... cũng được;

10. Việc trao đổi tin tức tình báo, lúc đầu nên coi trọng số lượng, dần dần mới coi trọng chất lượng. Bằng tiếng Trung Quốc cũng được. Nhưng tin tức mới nhất sao chép lại rồi chuyển cho phía Liên Xô. Cũng có thể thường xuyên do đại diện thương vụ chuyển. (Vợ của Lui là đại diện của một nhà máy lớn của Mỹ).

11. Một lần nữa yêu cầu có một nhân vật đáng tin cậy của ta ở Châu Âu để liên hệ.

12. Bàn thêm về việc hợp tác quân sự, các căn cứ, hưởng ứng các sự kiện biên giới, việc qui thuận của phái thân Nga trong Đảng Cộng sản Trung Quốc.

13. Tổng thống kêu gọi, trong vòng mấy giờ đồng hồ sẽ có quân đội cứu viện.

14. Nếu có thể bàn trước ở Mátxcova thì khả năng bàn tiếp ở Đài Loan có thể lớn hơn. Tổ ý không thể không sang Đài Loan;

14. Người Trung Quốc ở Mátxcova nhiều, người chống Liên Xô không phải không có, cho nên cử sang một đại diện thương vụ cũng không trở ngại gì.

Giới ngoại giao thăm dò tin tức

3 giờ 30 chiều ngày 24 tháng 5, nước Ngụy Cảnh Mông rời Hồng Công. Về đến Đài Bắc sau một giờ bay, ông ta tới ngay văn phòng của Tưởng Kinh Quốc báo cáo về chuyến đi Viên.

8 giờ 30 sáng ngày 25 tháng 4 (chủ nhật), Ngụy Cảnh Mông lại tới tư dinh của Tưởng Kinh Quốc ở Đông Lộ Trường An báo cáo tiếp.

Tưởng hỏi:

- Ấn tượng của ông về chuyến đi này thế nào?

Ngụy đáp:

- Đối phương hình như có vẻ sốt ruột hơn chúng ta.

Tưởng Kinh Quốc tỏ ra rất hào hứng về vấn đề hợp tác quân sự. Về người sắm vai “đại diện thương vụ”, Tưởng hỏi:

- Chu Tân Dân đảm nhiệm có được không?

Ngụy tán thành. Tưởng Kinh Quốc hết lời khen ngợi chuyến đi của Ngụy Cảnh Mông, cho rằng Tưởng Giới Thạch có gặp Lui chưa hẳn đã tường tận bằng bản báo cáo “diễn biến cuộc tiếp xúc” này. Nhật ký của Ngụy ghi lại như sau:

Lui khi ở Cabri có gọi điện tỏ ý muốn gặp tôi ở Châu Âu hoặc Tôkyô vào cuối tháng 4. Khi đó ông ta chỉ dừng lại ở Cabri có một ngày, sau đó phải đi Rôma. Ông ta muốn chúng tôi trả lời, nhưng chúng tôi đã không trả lời.

5 giờ sáng ngày 1 tháng 5, Lui lại từ Rôma gọi điện tới, yêu cầu chúng tôi cho phép ông ta sang Đài Loan, bị từ chối. Sau đó, Lui đề nghị có thể gặp ở Băng Cốc hoặc Singgap, tôi đồng ý gặp ở Băng Cốc, nhưng phải sau 20 tháng 5. Bàn đi tính lại, Tưởng Kinh Quốc quyết định đổi sang gặp ở Viên.

Ngày 4 tháng 5, Lui gọi điện tới, tôi gọi điện về khách sạn Lauton ở Viên để trả lời. Chúng tôi hẹn gặp nhau ở khách sạn Lauton từ ngày 12 đến ngày 14 tháng 5.

Theo Tưởng Kinh Quốc, địa điểm cuộc gặp lần sau ở Síp tốt hơn, đến khi đó có lẽ vẫn cử tôi đi và bảo tôi viết thư cho Lui về cuộc gặp sắp tới, nhưng phải chờ Tưởng Kinh Quốc xin ý kiến trước đã.

Cứ nói với Bộ trưởng Ngụy Đạo Minh rằng Lui chưa tới Viên (đủ thấy Bộ trưởng ngoại giao Ngụy Đạo Minh lúc này đã bị bịt tai che mắt thế nào).

10 giờ sáng ngày 27 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc gặp Ngụy Cảnh

Mông báo tin “5 giờ chiều gặp Tổng thống ở lầu Trung Sơn”. Theo chỉ thị của Tưởng Kinh Quốc, Ngụy Cảnh Mông đã nói với Tưởng Giới Thạch về mấy điểm:

- 1- Họ đang rất muốn có một cuộc tiếp xúc ở cấp cao.
- 2- Cho rằng nội dung 5 điểm của chúng ta chung chung quá.
- 3- Trọng tâm cuộc gặp lần sau sẽ bàn vấn đề trao đổi tin tức tình báo, phương thức hội đàm cấp cao, hồi âm về 5 điểm. Về địa điểm gặp, chờ khi nào họ điện sang sẽ hẹn dứt khoát.
- 4- Vấn đề vũ khí; phương thức, địa điểm, chủng loại do phía họ đưa ra.
- 5- Đại diện thương vụ, trong hai tháng cử người liên lạc.
- 6- Hồi âm của phía Liên Xô.

Tưởng Giới Thạch quyết định chờ sau khi Lui điện sang sẽ dứt khoát về thời gian, địa điểm cho cuộc gặp sắp tới, và sẽ cân nhắc việc cử người đi Mátxcova.

Ngụy báo cáo thêm với Tưởng:

- Hôm trước có gặp Yamamôtô, chuyên gia tin tức của Nhật Bản. Khi anh ta nói với tin đồn tôi đã gặp Lui, tôi chỉ cười mặc anh ta tự hiểu.

Tưởng nói:

- Tôi cũng định báo cho Ngụy Đạo Minh biết chuyện anh gặp Lui, nhưng sợ ông ta suy nghĩ nên lại thôi. Lần sau gặp sẽ nói cho ông ta biết, coi như “bồi thường”

Ngụy lại kể:

- Trong bữa tiệc hôm 26, đại sứ Ôxtrâyliia hỏi tôi, “chuyến đi Mátxcova của ngài hài lòng chứ? “Người của CIA muốn bắt chuyện với tôi, rồi cả cái ông Sơn Bản cũng bảo tôi rằng rất nhiều người nói tôi đã gặp Lui.

Tưởng Giới Thạch nghe xong, cả cười:

- Mọi người đoán mò đoán mẫm về chuyến đi của anh là chuyện đương nhiên rồi.

Tưởng Giới Thạch tỏ ra rất hài lòng về Ngụy Cảnh Mông trong việc chấp hành nhiệm vụ lần này.

Ngày 29 tháng 5, có tin Lui đã được Hàn Quốc cấp thị thực, Lui lần này không xuất hiện ở Tôkyô, cho nên có người hoài nghi có thể Lui đi Hàn Quốc và cho rằng Hàn Quốc cũng đang rất muốn biết Lui đã bàn những chuyện gì trong chuyến đi Đài Loan vừa qua.

Liên Xô muốn giáng đòn hạt nhân.

Nước Mỹ. Trụ sở Liên Hợp Quốc.

Một thông báo ngắn gọn: “Xô Trung lại xảy ra vụ xung đột đổ máu. Quân đội Liên Xô tiêu diệt hơn 30 tên địch” đặt trên bàn làm việc của Malích, đại diện thường trực của Liên Xô tại Liên Hợp Quốc.

Malích như bất được của quý, phấn khởi ra mặt, đi đi lại lại trong phòng làm việc, giơ giơ hai nắm tay, đoạn nhắc máy điện thoại gọi tới đại sứ quán Liên Xô tại Mỹ hỏi xem ban lãnh đạo Liên Xô có phản ứng gì.

...

Trong phòng hội nghị, toàn thể các uỷ viên Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Liên Xô đang họp bàn xem có nên có hành động vũ trang qui mô lớn hơn với Trung Quốc hay không.

Grômicô lên tiếng đầu tiên, giọng bức tức:

Tôi mới nghe nói, hôm qua đồng chí Gretscô lệnh cho bên quân đội tự ý hành động, đã tiêu diệt một đội tuần tra biên phòng hơn 30 người của Trung Quốc ở Tân Cương. Tôi không rõ, việc làm này rút cục là có ý gì? Chẳng lẽ vì chúng ta thất bại ở đảo Tamanski⁽¹⁾ nên chơi lại một cú ở Tân Cương? Làm kiểu này, e thiếu cần quá, nhỏ nhen quá! Liệu có xứng với hình tượng vĩ đại của đất nước chúng ta?

Côsughin phụ hoạ luôn:

- Nếu là để cho Trung Quốc một bài học, cái kiểu “gãi ngứa ngoài giấy” này phỏng có ích gì? Việc quân đội chúng ta tiến vào Tiệp Khắc hồi năm ngoái đã làm cho hình ảnh về đất nước chúng ta bị tổn thương nặng nề. E rằng, hệ thống an ninh Châu á chúng ta đang triển khai rất có thể bị phá sản bởi trận tấn công này của đồng chí Gretscô! Điều này có tính tới không?

Brêgionép nhẹ nhàng nói:

- Không đến nỗi nghiêm trọng thế đâu!

Grômicô rút trong cặp ra mấy tờ giấy, quăng trước mặt Brêgionép:

- Đề nghị đồng chí xem đi! Đây là điện báo của hơn 20 sứ quán gửi đến. Nếu khi xảy ra xung đột ở đảo Tamanski, thế giới chưa hiểu rõ bên nào châm ngọn lửa chiến tranh trước thì lần này đã rành rành ra đấy. Không một nước nào không cho rằng chúng ta là người gây ra chiến tranh.

Brêgionép trầm ngâm một lát rồi nói:

- Theo tôi, bây giờ chúng ta vẫn cần thảo luận xem chúng ta nên làm gì.

(1) Đảo Trân Bảo, gọi theo tên Nga

Gretscô ngồi bên cạnh rít hoài thuốc lá, cuối cùng đã không nhịn được nữa:

- Tôi vẫn giữ ý kiến của tôi. Đứng trước những người khủng Trung Quốc, chúng ta phải có thái độ cứng rắn! Nếu muốn trừng trị họ mà lại tránh cho chúng ta những tổn thất quá nặng thì hãy nên để cho bom nguyên tử của chúng ta tỏ rõ uy lực. Muốn loại trừ tận gốc mối đe dọa từ phía Trung Quốc thì phải dùng vũ khí hạt nhân giáng một đòn tiêu diệt vào các cơ sở hạt nhân của Trung Quốc. Chỉ có dùng “phẫu thuật ngoại khoa” như vậy mới có thể cắt bỏ được cái u ác tính của Châu Á.

Tổng Tham mưu trưởng quân đội Liên Xô Ôgancốp nói lảm bảm:

- Chuyện đó mà không dẫn đến đại chiến thế giới mới lạ chứ!

Côsughin đứng bật dậy:

- Đồng chí Gretscô, đồng chí đã nghĩ chưa? Đối phó với Trung Quốc, một đất nước rộng mênh mông như vậy, đông dân như vậy, một vài quả bom nguyên tử không thể giải quyết được vấn đề! Hướng hồ, trong tay người Trung Quốc cũng có nút bấm hạt nhân, một khi đã đến bước đường cùng không cá chết thì lưới phải thủng, chắc chắn họ sẽ đánh trả mà không cần tính tới hậu quả, tới lúc đó, e không chỉ là vấn đề bùng nổ đại chiến thế giới lần thứ ba mà theo tôi, ngày tận số của thế giới cũng đã đến!

Tiếp theo lời Côsughin, Grômicô nói:

- Nguồn tài nguyên nào của Trung Quốc phong phú nhất? Cờn người! Đề nghị đồng chí thử nghĩ xem, quân đội Trung Quốc vượt qua biên giới tràn vào Liên Xô hoàn toàn có thể tính tới con số vài triệu người, thậm chí tới cả trên chục triệu người, vũ khí của chúng ta cho dù có tới tận đến mấy e cũng khó có thể đánh thắng được họ!

Ôgancốp bổ sung thêm:

- Ai cũng biết, người Trung Quốc rất giỏi đánh du kích. Họ có thể đánh kéo dài mãi, và nếu như vậy, chắc chắn chúng ta sẽ bị sa lầy như cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Phái chống lại Gretscô dường như đã chiếm ưu thế.

Brêgionép kết luận:

- Vừa rồi mọi người đã phát biểu ý kiến của mình. Tôi tin chắc chúng ta đều nghiêm túc xem xét chuyện xung đột giữa chúng ta với Trung Quốc. Tất nhiên sự việc này rất nghiêm trọng, tôi đề nghị mọi người về tiếp tục cân nhắc mọi khía cạnh, sau đó chúng ta sẽ đưa ra quyết định.

Thực ra, Brêgionép vẫn ngả theo ý kiến của Gretscô. Sau cuộc họp, ông ta triệu tập cánh Gretscô tại Bộ Quốc phòng và đã có một cuộc mật đàm khá lâu.

Tiếp đó, đại bản doanh quân đội Liên Xô đã có một loạt hành động chuẩn bị: bổ nhiệm Thượng tướng Torubencoo, phó Tư lệnh quân chủng hoá tiễn chiến lược, làm Tư lệnh Quân khu Viễn Đông để tăng cường lực lượng chỉ huy ra lệnh đặt bộ đội tên lửa chiến lược ở Viễn Đông trong trạng thái thường trực chiến đấu, sẵn sàng chờ lệnh phóng.

Đêm 28 tháng 8, đại sứ Liên Xô tại Mỹ Đôbrumin nhận được mật lệnh của Brêgionép: “Vì lợi ích chiến lược chung của ta và Mỹ, đại bản doanh quân ta chuẩn bị đánh vào những mục tiêu quân sự quan trọng của Trung Quốc theo kiểu “phẫu thuật ngoại khoa”, nhằm loại bỏ vũ khí hạt nhân của Trung Quốc. Đề nghị đồng chí bí mật hỏi ý kiến của nhà cầm quyền Mỹ, tốt nhất là có thể gặp riêng Tổng thống Níchson hoặc Tiến sĩ Kítsinhgơ. Chúng ta chỉ công kích những mục tiêu quân sự, chắc chắn sẽ không làm hại tới dân thường; năng lượng mà chúng ta giải phóng sẽ không chế ở một giới hạn nhất định, không gây ô nhiễm cho bầu khí quyển và cũng không ảnh hưởng nhiều đến sự cân bằng sinh thái của trái đất”.

Đặt ống nghe theo đường dây nóng xuống, Đôbrumin lập tức dùng máy điện thoại khác bấm số máy của Kítsinhgơ. Câu trả lời cuối cùng của Kítsinhgơ là: “Xin cố gắng chờ đợi, chúng tôi còn phải nghiên cứu thận trọng”.

Kỹ xảo “tiết lộ bí mật” của Níchson.

Níchson khi nghe được tin Liên Xô muốn sử dụng vũ khí hạt nhân đối với Trung Quốc, đã ý thức được ngay mối uy hiếp lớn nhất của các nước phương Tây là từ phía Liên Xô, còn Trung Quốc trong thực tế chưa thể có ý đồ và hành động bành trướng. Sự tồn tại của một nước Trung Quốc lớn mạnh là phù hợp với lợi ích chiến lược của phương Tây.

Níchson sau cuộc họp khẩn cấp với các thành viên nội các cao cấp của ông ta, đã rút ra mấy kết luận:

Trước tiên, nếu Mỹ kiên quyết phản đối, nói chung Liên Xô sẽ không dám tùy tiện sử dụng vũ khí hạt nhân, vì điều đó vừa không phù hợp với hiến chương quốc tế mà còn vi phạm thỏa thuận giữa Mỹ và Liên Xô.

Thứ nữa, lý do Mỹ phản đối, tốt nhất chỉ nhấn mạnh đến lợi ích của Mỹ, không đề cập đến Trung Quốc. Vì đề cập quá nhiều, một mặt sẽ gây căng thẳng trong quan hệ Xô-Mỹ, làm tan vỡ cục diện hoà hoãn; mặt khác sẽ làm tổn thương đến sự tôn nghiêm của Trung Quốc.

Ba, nên tìm cách nhanh nhất thông báo cho Trung Quốc biết ý đồ của Liên Xô, để họ chuẩn bị những biện pháp đối phó cần thiết.

Hai điểm đầu còn dễ thực hiện, điểm cuối cùng thật khó cho Kítsinhgơ . Mỹ và Trung Quốc không có quan hệ ngoại giao, hai bên hận nhau rất sâu; nếu trực tiếp nói cho Trung Quốc biết, một là không có kênh thích hợp, hai là cũng có thể dẫn đến sự hiểu lầm của những người lãnh đạo Trung Quốc, cho rằng Mỹ lại đang giở trò gì đây.

Níchson đưa ra mẹo: Tiết lộ tin tức cho phóng viên của một báo nào đó để họ tung tin. Như vậy, dù Brêgionép có thấy cũng chỉ đành giương mắt lên mà thôi. Nước Mỹ không có bí mật mà!

Ngày 28 tháng 8, tờ “Bưu điện Oasinhton” của Mỹ đưa một bản tin làm chấn động thế giới, đầu đề là “Liên Xô muốn đánh đòn hạt nhân kiểu “Phẫu thuật ngoại khoa” đối với Trung Quốc”:

“Theo nguồn tin đáng tin cậy, Liên Xô muốn sử dụng tên lửa tầm trung mang đầu đạn hạt nhân đánh theo kiểu “phẫu thuật ngoại khoa” vào các căn cứ tên lửa Tầu Tuyền, Tây Xương - cơ sở quân sự quan trọng của Trung Quốc- và các thành phố công nghiệp trọng yếu Bắc Kinh, Trường Xuân, An Sơn v.v...”

Lập tức, cả thế giới, như đông cứng lại, nghẹt thở, ánh mắt kinh hoàng của mọi người đổ dồn về những giàn phóng tên lửa ở hai đầu biên giới Trung-Xô.

Ở điện Kremli, Brêgionép đang sốt ruột chờ đợi hồi âm và ông ta đã nhận được phiên bản công khai của một âm mưu.

Brêgionép đã bị người Mỹ bốn cột bán đứng .

Ngoài sự lúng lộn và chửi bới an toàn, Brêgionép còn có cách nào khác để trút cơn giận?

Ngày 15 tháng 10, Kítsinhgơ chính thức nói rõ lập trường của Chính phủ Mỹ về việc này với đại sứ Liên Xô ở Mỹ Đôbrumin:

Lợi ích của Trung Quốc liên quan mật thiết với lợi ích của Hoa Kỳ. Hoa Kỳ không thể thờ ơ ngồi nhìn trước hành động của Liên Xô. Một khi chiến tranh bùng nổ, Hoa Kỳ có thể cho rằng cuộc chiến tranh thế giới lần thứ ba bắt đầu và Hoa Kỳ sẽ áp dụng hành động như vậy đối với Liên Xô.

Đòn hạt nhân của Liên Xô đối với Trung Quốc tất sẽ dẫn đến hành động trả đũa của phía Trung Quốc, sự ô nhiễm do chiến tranh hạt nhân gây ra sẽ trực tiếp đe dọa tới sự an nguy của hàng chục vạn quân nhân Mỹ đóng ở Châu á và sẽ làm cho sự cân bằng sinh thái trên toàn cầu bị phá hoại, đó là điều Hoa Kỳ không thể tha thứ.

Tin tức truyền đến Bắc Kinh, Chu Ân Lai lập tức cùng với các cố vấn hàng đầu họp phân tích độ tin cậy của nguồn tin đó và bàn đối sách.

Các cố vấn đều cho rằng, việc Liên Xô muốn đánh bằng chiến tranh hạt nhân chẳng những có khả năng mà còn là hiện thực, vì dùng những vũ khí thông thường của họ để tấn công Trung Quốc, lực lượng không thể nào đủ được.

Nhiếp Vĩnh Trần phân tích, cái gọi là “giáng đòn hạt nhân theo kiểu phẫu thuật ngoại khoa” chẳng qua là chỉ một cuộc tấn công mang tính chất hủy diệt hoặc loại trừ một số mục tiêu quan trọng của Trung Quốc, và những mục tiêu đó rất có thể là những căn cứ tên lửa hạt nhân ở Bắc Kinh và Đông Bắc.

Do đó, Nhiếp Vĩnh Trần đề nghị, các thành phố phải lấy việc sơ tán, ẩn nấp và phòng hộ làm chính. Cần phải hành động ngay từ bây giờ, các thành phố đó phải khẩn trương cho đào các hầm trú ẩn, đồng thời tổ chức toàn dân tập luyện cấp cứu phòng chống bức xạ ánh sáng, nhiễm phóng xạ nguyên tử.

Còsughin mất hết hy vọng

Ngày 2 tháng 9 năm 1969, Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam tạ thế. Ngày 4 tháng 9, Chu Ân Lai cùng với Diệp Kiếm Anh, Vi Quốc Thanh đi chuyên cơ sang Hà Nội viếng Hồ Chí Minh. Trước khi lên đường, Chu Ân Lai gửi điện cho Hà Nội: Yêu cầu phía Việt Nam không tổ chức đón tiếp, sau lễ viếng sẽ về nước ngay.

Sở dĩ Chu Ân Lai có đề nghị đó là vì ông muốn tránh giáp mặt với nhà lãnh đạo Liên Xô. Tham gia dự lễ truy điệu chính thức, một cuộc gặp mặt như vậy là không thể tránh khỏi. Trước tình hình nghiêm trọng một cuộc chiến tranh lớn giữa Liên Xô - Trung Quốc có thể nổ ra bất cứ lúc nào, cuộc gặp mặt giữa những người lãnh đạo hai nước Trung- Xô lúc này đều bất lợi cho việc chuẩn bị chiến tranh trong nước cũng như đối với ảnh hưởng của dư luận quốc tế.

Tối ngày 4 tháng 9, sau khi hoàn tất lễ viếng Hồ Chí Minh, Chu Ân Lai vội vã lên máy bay về nước.

Sáng ngày 9 tháng 9, Việt Nam long trọng tổ chức quốc tang Hồ Chí Minh tại quảng trường Ba Đình Hà Nội. Trong số đại biểu các nước sang tham dự lễ truy điệu, có Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Còsughin.

Không thấy có Chu Ân Lai, Còsughin tỏ ra hơi thất vọng. Ông ta tìm gặp Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Lý Tiên Niệm sang dự lễ, tỏ ý hy vọng sau lễ truy điệu Hồ Chí Minh, trên đường về nước sẽ dừng lại ở Bắc Kinh để gặp gỡ các nhà lãnh đạo Trung Quốc.

Trung Quốc dùng đằng chưa trả lời.

Còsughin hầu như đã thất vọng. Trước khi chuyên cơ cất cánh,

Côsuğhin đích thân gọi điện thoại tới đại sứ Trung Quốc ở Việt Nam, thông báo chi tiết về tuyến hành trình về nước cho đại sứ biết.

Côsuğhin trước sau vẫn cho rằng, chủ trương của Gretscô muốn giáng đòn hạt nhân theo kiểu “phẫu thuật ngoại khoa” đối với Trung Quốc là một ý tưởng điên rồ mất hết lý trí. Một khối lượng lớn bụi phóng xạ theo khí lưu trên không bay đi khắp nơi, chẳng những có thể giết chết hàng triệu người Trung Quốc, mà còn có thể đe dọa tính mạng những công dân Liên Xô ở Viễn Đông và nhân dân của các nước giáp giới Trung Quốc. Hướng hồ, muốn tiêu diệt một nước lớn đất rộng dân đông như Trung Quốc, vài ba quả bom nguyên tử chắc chắn làm không nổi. Giả như Trung Quốc trả đũa, đem tất cả số bom hạt nhân có trong tay quẳng hết xuống đầu Liên Xô, chắc chắn Liên Xô cũng khó bề chịu nổi tai họa này.

Tất cả những đề nghị hoà bình của Côsuğhin mặc dù đều không được coi trọng trong nhiều cuộc họp của Bộ Chính trị, song ông ta vẫn muốn mạo hiểm một phen nữa, vẫn muốn vẫy cành ô-liu với nhà lãnh đạo Trung Quốc, sẵn sàng sắm vai sứ giả của hoà bình. Có lẽ ý nguyện hoà bình của Côsuğhin đã khiến Thượng đế động lòng, “Núi chắn sông ngăn, ngõ nghẽn lối. Cô thôn bổng hiện giữa rừng sâu”, cơ may xuất hiện: Ngày 10 tháng 9, khi ông ta bay đến Duysanbe- thủ phủ nước Cộng hoà Tatzikistan thì bổng nhận được hồi âm: Thủ tướng Trung Quốc hoan nghênh việc gặp ông ta. Và thế là ông ta bay vòng qua Iéc rút, đến Bắc Kinh vào sáng ngày 11 tháng 9.

Một cuộc khẩu chiến tại phòng khách trên sân bay.

10 giờ 30 phút sáng, chiếc chuyên cơ IL-62 chở Côsuğhin hạ cánh xuống sân bay Bắc Kinh. Ra đón có Chu Ân Lai, Lý Tiên Niệm, Tạ Phú Tự, Kiều Quán Hoa. Sau những chiếc bắt tay và những lời chào hỏi xã giao, khách được đưa tới phòng VIP nằm ở phía tây phòng đợi máy bay và tại đây đã diễn ra một cuộc hội đàm thẳng thắn và thành thực kéo dài tới 190 phút trong một nỗ lực xoay chuyển quan hệ Trung - Xô.

Hai bên vừa ngồi xuống, Côsuğhin đã lên tiếng:

- Thủ tướng Chu Ân Lai, chúng ta có lẽ đã gần 5 năm chưa gặp nhau rồi nhỉ? Nhớ lần hội đàm trước, Chủ tịch Mao Trạch Đông tỏ ý sẽ tranh luận với chúng tôi một vạn năm, lần đó tôi bị các ông mắng nhiếc đủ điều!- Nói đoạn, ông ta cố làm ra vẻ cười thoả mái.

Chu Ân Lai sắc mặt nghiêm nghị, nói:

- Năm năm trước, Mao Trạch Đông đã nói với ông rồi, tranh luận về

những vấn đề lý luận và nguyên tắc có thể cãi nhau cả vạn năm. Với những cuộc tranh luận đó, các ông có thể có kiến giải của các ông, chúng tôi cũng vậy. Không phải bây giờ mà cả đến trăm vạn năm sau, đến xã hội cộng sản chủ nghĩa, tranh luận cũng vẫn có thể có. Có mâu thuẫn thì có đấu tranh, dù có tranh cãi to tiếng thì cũng chỉ nên là tranh cãi, “người quân tử chỉ dùng mồm chứ không dùng tay”!

- Nhưng các ông cho đóng hơn 200 vạn quân trên biên giới, lại cho 4 triệu thanh niên đến định cư ở khu vực áp sát biên giới, đồng thời liên tục tiến hành thực nghiệm hạt nhân, thế là ý gì? Chẳng lẽ muốn chiến tranh hạt nhân với Liên Xô? Các ông nên biết: Chúng tôi chỉ khế dụng đầu ngón tay là có thể đưa các ông trở về thời kỳ đồ đá! - Giọng Còsughin đổi giọng hăm dọa.

Thái độ Chu Ân Lai càng tỏ ra bình tĩnh, lạnh lùng:

- Thưa ngài Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đây đúng là một sự đe dọa trắng trợn! Tình hình căng thẳng ở biên giới do ai gây ra? Lãnh thổ nước tôi rộng lớn, đủ cho chúng tôi khai phá. Chúng tôi không đóng quân ở châu Âu, chúng tôi không đưa ra hàng sư đoàn xe tăng xâm nhập Tiệp Khắc. Các ông nói chúng tôi muốn gây chiến tranh hạt nhân, vũ khí hạt nhân của chúng tôi tới trình độ nào, các ông rõ cả! Mặc dù vậy, nếu các ông dám dùng thủ đoạn “tiên phát chế nhân” để tiêu diệt các căn cứ hạt nhân của chúng tôi, chúng tôi tuyên bố, đó là chiến tranh, đó là xâm lược, chúng tôi sẽ kiên quyết chống lại, chống lại đến cùng!

Còsughin đã nhiều lần ném mùi lợi hại của “ba tác lược” Chu Ân Lai, biết mình không phải là đối thủ của Chu Ân Lai, bèn dụ sắc mặt và khẩu khí”:

- Tôi đến lần này, biết rằng không thể thông qua một lần hội đàm mà có thể làm thay đổi được sự chia rẽ giữa chúng ta, nhưng tránh để xảy ra chiến tranh đó là mục đích của tôi, và tôi nghĩ Thủ tướng chắc cũng sẽ hoan nghênh.

Giọng Chu Ân Lai vẫn rất bình tĩnh:

- Chúng tôi đã nói rõ lập trường của mình từ lâu, tôi muốn nhắc lại một lần nữa: Biên giới giữa hai nước Trung- Xô có một số đoạn chưa được hoạch định, những nơi có sự tranh cãi cần phải thông qua con đường ngoại giao đàm phán giải quyết. Trước khi thỏa thuận được với nhau, hai bên cần cố gắng duy trì hiện trạng biên giới, ngăn chặn xung đột vũ trang. Trong bất cứ tình hình nào cũng không được dùng vũ khí bắn vào đối phương. Trung Quốc quyết không bao giờ gây ra chiến tranh trước, song chúng tôi không sợ chiến tranh, dù là đánh nhỏ hay đánh lớn, thậm chí đánh cả bằng vũ khí hạt nhân. Nếu có ai đó dám ăn hiếp chúng tôi, chúng tôi sẽ tiếp đến cùng.

Cô Sughin nghĩ một lát rồi nói:

- Không được dùng vũ khí bắn vào đối phương, không gây ra chiến tranh trước, tôi nghĩ chúng ta có thể làm được.

Cuối cùng, theo đề nghị của Chu Ân Lai, hai bên đồng ý: Trước hết, ký kết một hiệp định tạm thời về việc duy trì hiện trạng biên giới, ngăn chặn xung đột vũ trang, lực lượng vũ trang hai bên tránh tiếp xúc ở những khu vực biên giới đang tranh chấp, trên cơ sở đó thông qua đàm phán giải quyết vấn đề biên giới Trung - Xô.

Song tất cả cũng chỉ là những điều bàn miệng, còn phải đợi thông qua đàm phán để có một hiệp định chính thức và xem kết quả thực hiện ra sao.

Hai bên còn trao đổi ý kiến về địa điểm đàm phán, thành phần đoàn đại biểu, việc mậu dịch giữa hai nước và thoả thuận sau khi báo cáo với Trung ương của mỗi bên về những hiệp nghị trên đây, sẽ trao đổi thư từ để xác nhận.

Dự tính của Mao Trạch Đông về cuộc chiến

Bể bơi Trung Nam Hải, một thân hình vạm vỡ nằm ngửa như bất động giữa làn nước trong suốt. Lâu lâu mới lại thấy cánh tay lực lượng giơ lên cao rồi từ từ hạ xuống nhẹ nhàng nước...

Bơi ngửa trên mặt nước là kiểu bơi mà Mao Trạch Đông thích nhất, cũng là phương thức tốt nhất để ông suy nghĩ vấn đề.

Lúc này, ông đang nằm ngửa trên mặt nước, cặp mắt nhắm nghiền, không nói không rằng, dường như đang ngửa một cách êm đềm.

Kỳ thực, trong đầu óc của người sáng lập nước Cộng hoà này đang dồn dập những đợt sóng dữ dội. Ông đang suy nghĩ: Làm thế nào điều khiển tay lái trong tay mới có thể đưa con thuyền chở 800 triệu con người tránh được ghềnh thác ạn toàn ra tới biển.

"... Trên biên giới Trung - Xô, Liên Xô có 55 sư đoàn bộ binh, 12 sư đoàn tên lửa chiến dịch, 10 sư đoàn xe tăng, 4 quân đoàn không quân, tổng binh lực có tới 100 vạn quân đang trùng mắt muốn quét ngựa vùng gươm, ào tới chém giết.

Trăm vạn đại quân đã là cái thá gì? Đối chọi lại chúng, ta có 500 vạn đại quân. Cứ cho là một vạn chiếc xe tăng của họ đã đột phá được phòng tuyến thứ nhất, phòng tuyến thứ hai của ta... Nhưng trên chiến trường tung thâm bày sẵn, họ sẽ hiểu rằng họ đã sa vào vòng vây điệp điệp trùng trùng. Tới lúc đó, họ ăn không có gạo, ở không có nhà, xe không có xăng, súng không có đạn...

800 triệu nhân dân là 800 triệu người lính, vạn dặm giang sơn là vạn

dậm đồn lữ. Đường tiếp tế tiên phong của chúng sẽ bị sút đầu mẻ trán trước tường đồng vách sắt của ta. Những máy bay chiến đấu của ta sẽ đánh cho tan xương nát thịt những máy bay vận tải kênh càng to bụng của địch. Tới lúc đó, chẳng những trăm vạn đại quân này cùng đường mà quân ta còn sẽ đánh qua biên giới, đưa ngọn lửa chiến tranh vào lãnh thổ Liên Xô. Bắc Kinh không giữ được, Mátxcova cũng sẽ chẳng còn...

Hừ! Không có 400 vạn quân thì đừng nghĩ đến chuyện đánh Trung Quốc. Mà tổng binh lực của Liên Xô chỉ có 320 vạn quân!..."

Mao Trạch Đông lại khua cánh tay, bởi người sang chỗ khác và dòng suy tư của ông cũng chuyển sang ý nghĩ mới.

Chiến tranh hạt nhân, Brêgionép quả thực có dám làm điều đại ngu đối với thiên hạ là đi ấn nút khởi động chiến tranh hạt nhân?

Mao Trạch Đông suy nghĩ miên man.

Mao Trạch Đông đương nhiên biết bom nguyên tử lợi hại như thế nào rồi.

Còn nhớ 10 năm về trước, trong lần thứ hai sang thăm Mátxcova, giữa Mao Trạch Đông và Khorútsốp khi đó còn là lãnh tụ của Liên Xô nổ ra một cuộc tranh luận về chiến tranh hạt nhân. Đánh vào tâm lý sợ nổ ra chiến tranh hạt nhân sợ Mỹ của Khorútsốp, Mao Trạch Đông đã có bài phát biểu làm chấn động thế giới. "Bom nguyên tử cũng không có gì là ghê gớm. Theo tôi, nó cũng chỉ là con hổ giấy..."

"Nhân tố cơ bản quyết định thắng lợi của chiến tranh là con người, chứ không phải là một vài thứ vũ khí kiểu mới. Bom nguyên tử cũng do con người nắm..."

"Dùng chiến tranh nguyên tử, chắc chắn là sẽ chết rất nhiều người, cho dù như vậy, chúng ta cuối cùng vẫn giành được thắng lợi..."

Khorútsốp kinh hãi há hốc mồm, cặp mắt lồi như muốn bật ra khỏi gọng kính.

Khorútsốp không hiểu những câu nói của Mao Trạch Đông. Thậm chí nhiều năm sau, trong hồi ký của mình, ông ta vẫn trích dẫn những câu nói đó, và nhận định Mao Trạch Đông là "thằng điên", "thằng khùng chiến tranh"...

Gômunka của Ba Lan khi đó cũng nói với giọng trách móc: "Trung Quốc các đồng chí người đồng, còn Ba Lan chúng tôi thì sao? Chúng tôi chỉ có 50 triệu người, bảo chúng tôi làm thế nào?" Ông ta cũng không hiểu câu nói của Mao Trạch Đông.

Nhưng Tổng thống Hoa Kỳ hồi bấy giờ là Aixenhao thì lại hiểu. Có lần Aixenhao nói với vị tướng làm Chánh văn phòng Nhà Trắng rằng: "Uy lực

mạnh nhất của bom nguyên tử là khi còn nằm trên bệ phóng, chứ không phải sau khi nó bay đi. Mao Trạch Đông là một con người đối phó cực khó, dọa dẫm, uy hiếp đều vô ích đối với ông ta”.

Mao Trạch Đông không chỉ có nói. Sau đó ông đã đích thân lo liệu, huy động tinh binh cường tướng khám phá bí mật của vũ khí hiện đại.

Năm 1964, Trung Quốc đã có bom nguyên tử, đã có tên lửa đẩy. Ít lâu sau lại có bom khinh khí. Tính đến lúc này, Trung Quốc tiến hành thành công 7 lần thử nghiệm nguyên tử và mỗi thành công đều ghi nhận bước nhảy vọt vượt bậc của Trung Quốc trong lĩnh vực kỹ thuật này.

Lúc này đây, Mao Trạch Đông đương nhiên không còn bàn vấn đề chuẩn bị chết bao nhiêu người, mà là vấn đề giảm thiểu đến mức tối đa những hy sinh không cần thiết.

Mấy ngày gần đây, Mao Trạch Đông có đọc “Nhị thập tứ sử”⁽¹⁾, trong “Minh sử- Chu Thăng truyện” có một đoạn cứ lớn vồn trong đầu ông:

‘Năm thứ 12 Nguyên Chí Chính (1352), bốn phương hạn hán, châu chấu hoành hành, đói kém nghiêm trọng, lại thêm ôn dịch lan tràn. Lúc này, triều đình nhà Thanh kỷ cương lỏng lẻo, chính trị thối nát, nội bộ phân tranh, thiên hạ nổi dậy tứ tung, dẫn đến đại loạn. Đền Hoàng Giác ở Định Viễn (nay thuộc tỉnh An Huy) bị loạn binh đốt phá. Chu Nguyên Chương không biết tính sao, xin làm thuộc hạ nghĩa quân Quách Tử Hưng, được giao làm Cửu phu trưởng thân binh. Sau bao phen chinh chiến đánh đông dẹp bắc, Chu Nguyên Chương bình nhiều tướng giỏi, vây cánh lớn mạnh. Lúc này Chu Nguyên Chương nóng lòng muốn xưng vương. Nhưng ẩn sĩ Chu Thăng phân tích cục diện trông thiên hạ, chỉ rõ kẻ thù, đồng có Trương Sĩ Thành, tây có Từ Thọ Huy, Trần Hữu Lương, nam có Trần Hữu Định, đông nam có Phương Quốc Trân, nay sớm xưng vương, ắt trở thành cái đích cho ngàn vạn mũi tên. Hiện tại thời cuộc chưa ổn định, các anh hùng tranh giành thiên hạ, chỉ bằng tạm thời giúp cho Hàn Lâm Nhi đã xưng Tống đế, chăm lo mọi mặt, tập trung đánh Trần Hữu Lương. Đó là kế sách “xây thành cao, tích lương thảo, hoãn xưng vương”. Chu Nguyên Chương nghe theo. Sau đó, diệt được Trần Hữu Lương, đánh bại Tiểu Minh Vương ở Qua Hiệu Giang, dẹp yên mọi chướng ngại rồi mới lên ngôi hoàng đế vào tháng giêng năm 1368.

Đứng trước cuộc chiến tranh hạt nhân dưng vào là nổ, lịch sử nhà Minh

(1) Hai mươi bốn bộ sử của Trung Quốc.

đã gợi ý cho Mao Trạch Đông được nhiều điều.

Để giảm bớt thương vong, những thành phố lớn và vừa dân cư đông đúc phải khẩn trương đào đắp xây dựng công sự phòng không. Khi bom hạt nhân ném xuống, mọi người có thể ẩn náu dưới lòng đất.

Đánh nhau tới kỳ là phải đối phó với cả hai mặt đều có địch. Mỹ đang nóng lòng muốn rút khỏi Việt Nam, ta nên cho hấn ăn một viên “định tâm hoàn”, nói rõ cho họ biết Trung Quốc không có ý định theo đuổi bá quyền ở Châu á, cũng không có ý định lấp khoảng trống sau khi quân Mỹ rút đi.

Trước sự hò hét chiến tranh của Liên Xô, ta không thể đơn thuần chỉ tổ chức phòng ngự, cần bàn thêm với Trương Ái Bình xem liệu có thể thực hiện sớm trước thời gian dự định vụ thí nghiệm cho nổ hạt nhân dưới đất và trên không. Nấn gân Brêgionép xem sao. Xem ông ta có gan ấn nút hạt nhân hay không?...

Mao Trạch Đông tuy nằm bất động trên mặt nước, nhưng vẫn miên man suy nghĩ, lục tìm từ cổ chí kim, đầu óc như đi vào cõi thần tiên, cuối cùng đã định hình bức tranh toàn cục cho một cuộc chiến tranh.

Nghệ thuật đấu tranh của Mao Trạch Đông

Vĩ nhân sở dĩ trở thành vĩ nhân là do người đó có khả năng dự đoán những điều không thấy được. Một học giả nổi tiếng đã nói: “Nếu lịch sử có thể lặp lại thì 80% số người sẽ trở thành vĩ nhân”.

- Thừa Chủ tịch, có Thủ tướng đến, đang chờ Chủ tịch ở phòng khách.

Giọng nói của một nhân viên công tác cắt ngang dòng suy tư của Mao Trạch Đông. Ông nắm lấy tay vịn, khoác vội chiếc áo choàng tắm rồi đi tới phòng khách.

- Ân Lai, ngồi xuống ta nói chuyện. - Mao Trạch Đông giọng hồ hởi.

- Thừa Chủ tịch, báo cáo khẩn cấp của “Thầy tư”, Chủ tịch xem chưa? - Do làm việc căng thẳng và lo nghĩ quá nhiều, giọng Chu Ân Lai khàn khàn, hỗn hển.

- Ờ, xem rồi, cũng vẫn chuyện có thể có chiến tranh hạt nhân thôi mà! Bom nguyên tử lợi hại thật, nhưng kẻ hèn này không sợ. - Mao Trạch Đông cười dửng dưng - Brêgionép có sợ không? Níchson có sợ không? Tôi không rõ, nhưng tôi muốn biết thái độ của họ.

Mao Trạch Đông hôm nay nói cười tự nhiên, giọng oang oang, trong khi Chu Ân Lai lòng nặng như đá đeo, thần sắc rất sầu muộn. Ông đang lo lắng cho sự an toàn của Mao Trạch Đông.

- Ân Lai, đồng chí đọc “Minh sử” chưa? Theo tôi, Chu Thắng là người có cống hiến. Ông ta đã lập công đầu giúp Minh Thái Tổ dựng nên nghiệp đế. Đúng thế, chín chữ “xây thành cao, tích lương thảo, hoãn xưng vương” của ông ta đã trở thành quốc sách định giang sơn. Tôi cũng có 9 chữ không biết có thể đối phó với chiến tranh hạt nhân được hay không? Đồng chí nghe nhé, đó là chín chữ “Đào hang sâu, tích lương thảo, không xưng bá”.

Chu Ân Lai ngẫm nghĩ giây lát, đột nhiên mắt sáng lên.

Mao Trạch Đông cười một cách ranh mãnh:

- Không biết có bị chê bai là học mót không đây!

Chu Ân Lai giọng phấn khởi:

- Không xưng bá! Hay! Phên này chắc Mỹ yên tâm rồi!

Mao Trạch Đông lắc đầu:

- Chỉ yên tâm thôi không đủ, người ta là “dại ca”, đâu có thể khinh tay đứng nhìn, tôi muốn kéo họ xuống sông lội nước đục luôn một thể!

Chu Ân Lai:

- Kéo được Mỹ vào, tấn trò này xem ra hấp dẫn đấy.

- Cho nên, ra quân trước tiên đánh bằng mưu, sau đó đánh bằng ngoại giao, sau nữa đánh bằng quân đội, cuối cùng mới đánh thành. - Mao Trạch Đông châm một điếu thuốc, trầm ngâm nói - Brègionép là một tay dễ bùi tai, tôi sợ ông ta quân không nổi cái ông Bộ trưởng Quốc phòng ấy.

Chu Ân Lai vẫn đinh ninh về sứ mệnh của mình, nhân câu nói của Mao Trạch Đông bèn lật ngửa con chủ bài:

- Thừa Chủ tịch, “Thầy Tư” cũng cho rằng khả năng Liên Xô đánh lên nhân ngày Quốc khánh của ta rất lớn. Ý của tôi, ta có nên nghiên cứu lại cách tổ chức mít tinh quần chúng năm nay?

Chắc Chu Ân Lai muốn nói: Tổ chức mít tinh thì Chủ tịch phải có mặt để duyệt, muốn duyệt thì phải lên lầu Thiên An Môn, ở trên đó thì tất cả các vị lãnh đạo Nhà nước đều đứng phoi ra đấy. Mỗi nguy hiểm này quả thực quá lớn.

- Ồ! Không tổ chức mít tinh, tôi thấy không hay lắm! Làm như vậy chẳng phải là bảo với người ta rằng, chúng tôi cũng “hốt”? Mít tinh vẫn phải làm, tôi vẫn phải có mặt ở Thiên An Môn. Với lại tôi cũng muốn mở to mắt, xem xem uy lực của bom nguyên tử rút cục lớn đến chừng nào?

Chu Ân Lai còn lạ gì tính cách của Mao Trạch Đông, nói không vượt Hoàng Hà là không vượt Hoàng Hà, có đến ông trời cũng khuyên không nổi.

Cặp lông mày rậm của Chu Ân Lai nh皺 chặt lại.

Mấy chục vạn con người tập trung ở quảng trường, có chuyện gì xảy ra,

sơ tán thế nào? ẩn nấp ra sao? Mao Trạch Đông và các vị lãnh sự khác trên lầu Thiên An Môn làm thế nào kịp an toàn rút xuống đường hầm? Năm phút? Bốn phút hay ba phút sau khi có báo động? Kế sách nào vẹn toàn nhất đây? Bao nhiêu câu hỏi dồn dập đến trong đầu Chu Ân Lai.

Mao Trạch Đông cười cười, bàn thêm:

- Nếu thực sự không yên tâm, xem có thể cho nổ thử hai quả bom nguyên tử để dọa họ? Để họ cũng rớt rít lên vài ba ngày, chờ mọi việc sáng tỏ thì Quốc khánh của ta cũng xong rồi.

Chu Ân Lai tâm trạng bớt căng thẳng:

- Sau vụ nổ, chúng ta tiết lộ một bí mật mà không cần tuyên bố.
- Đúng vậy! Thế mới bảo là “bình bất yếm trá” mà!
- Chủ tịch xem bố trí vào thời gian nào là tương đối tốt?
- Theo tôi, không được sớm cũng không được muộn, hai ngày 28, 29 đều được cả. Việc này ta phải bàn thêm với các đồng chí Vinh Trần và Ái Bình.

VI. ĐÀM PHÁN BIÊN GIỚI KIỂU MÀ-RA-TÔNG

Phía Liên Xô phủ nhận sự thông cảm của Thủ tướng hai nước.

Ngày 20 tháng 10 năm 1969, phái đoàn Liên Xô do Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Cudonhexốp dẫn đầu đã cùng phái đoàn Trung Quốc do Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Kiều Quán Hoa dẫn đầu, tổ chức đàm phán tại Bắc Kinh.

Cudonhexốp đã từng là đại sứ Liên Xô ở Trung Quốc từ năm 1953 đến 1955, khá am hiểu tình hình Trung Quốc, rất nhiều người ở Bộ Ngoại giao Trung Quốc đều biết ông, có thể nói là một người bạn cũ.

Trong buổi tiệc chiêu đãi trước lúc đàm phán, Sài Thành Văn nói với tướng Matorôsốp ngồi bên phải mình:

- Hai nước láng giềng lớn chúng ta có cần thiết phải căng thẳng với nhau như thế này không? Bây giờ mọi người ngồi lại bàn bạc, ông thấy không khí hôm nay vui vẻ đấy chứ?

Matorôsốp tính tình bộc trực, lạnh lùng trả lời:

- Đừng tưởng không khí lúc này thoải mái, e rằng tới lúc đàm phán sẽ không như thế này đâu?

Quả nhiên, vừa bắt đầu đàm phán, khi phái đoàn Trung Quốc căn cứ vào chỉ thị của Chu Ân Lai, giao cho đối phương bản dự thảo hiệp nghị những biện pháp tạm thời viết dựa trên lá thư gửi Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô hôm 18 tháng 9. thì giọng điệu của phía Liên Xô đã thay đổi hẳn. Họ từ chối không thảo

luận, thậm chí còn căn bản phủ nhận sự thông cảm giữa Thủ tướng hai nước, một mục yêu cầu bắt đầu ngay việc đàm phán về biên giới.

Từ lúc bắt đầu đàm phán, Chu Ân Lai ngày nào cũng nghe phái đoàn Trung Quốc báo cáo. Nghe nói phía Liên Xô đã thay đổi thái độ, Chu Ân Lai vô cùng tức giận: “Ngay cả sự thông cảm đã giành được của Thủ tướng hai nước cũng không chấp nhận, thì đàm phán còn có ích gì nữa? Không được, không thể mở đầu như thế này được!” Ông nhắc điện thoại xin ý kiến Mao Trạch Đông.

Mao Trạch Đông trả lời: Kiên trì tấn công tiếp!

Phủ nhận những gì đã thoả thuận là ý của “cấp trên”. Ngày hôm sau, tiếp tục đàm phán.

Phái đoàn Trung Quốc chất vấn đối phương về biên bản khi gặp mặt ở sân bay, đối phương không trả lời được, nhưng họ vẫn không chịu nhận đã thoả thuận về việc này.

Bị Sài Thành Văn dồn đến chân tường, Matorôscốp buộc phải nói toạc ra tình hình nội bộ: Đây là ý “cấp trên” của họ.

Ngày 25 tháng 10, Xô - Mỹ cùng một lúc tuyên bố, cuộc họp trù bị đàm phán về hạn chế vũ khí hạt nhân chiến lược Xô - Mỹ sẽ tiến hành vào ngày 17 tháng 11 tại Hensinky thủ đô Phần Lan.

Người lãnh đạo Liên Xô cho rằng, cuộc họp này sẽ khiến cho quan hệ của họ với phương Tây tiến một bước dài, cho nên họ quyết định tiếp tục giữ thái độ cứng rắn với Trung Quốc.

Đàm phán biên giới lâm vào bế tắc.

Đại biểu Trung Quốc đã nhấn mạnh trong đàm phán:

1. Phân định rõ đúng sai lịch sử, khẳng định hiệp ước về biên giới Trung - Xô là hiệp ước bất bình đẳng mà đế quốc Nga Sa hoàng cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 đã áp đặt cho Trung Quốc.

2. Chiều cố tình hình hiện thực, lấy những hiệp ước này làm cơ sở, thông qua đàm phán hoà bình, giải quyết toàn bộ vấn đề biên giới, hoạch định đường biên giới. Trung Quốc không yêu cầu thu hồi phần lãnh thổ Trung Quốc đã bị nước Nga Sa hoàng cắt mất theo những hiệp ước này.

3. Bất kỳ bên nào đã vi phạm những hiệp ước này, xâm chiếm lãnh thổ của bên kia, về nguyên tắc phải trả lại cho bên kia vô điều kiện. Nhưng hai bên có thể căn cứ vào nguyên tắc hiệp thương bình đẳng, thông cảm nhân nhượng lẫn nhau, xem xét tới lợi ích của cư dân nơi đó, có sự điều chỉnh cần thiết đối với những địa phương này ở biên giới.

4. Ký kết hiệp ước mới bình đẳng Trung - Xô thay thế hiệp ước cũ bất

bình đẳng Trung Nga, khảo sát biên giới lập cột mốc.

5. Trước khi vấn đề biên giới Trung - Xô được giải quyết toàn diện thông qua đàm phán hoà bình, thì giữ nguyên hiện trạng biên giới, tránh xung đột vũ trang. Lực lượng vũ trang hai phía Trung - Xô rút ra hoặc không tiến vào những khu vực đang tranh chấp, tức là những khu vực không nhất trí với cách vẽ đường biên giới giữa hai bên theo bản đồ trao đổi trong đàm phán biên giới Trung-Xô năm 1964;

Phía Liên Xô đã không thừa nhận tính chất bất bình đẳng của hiệp ước cũ, cũng không đồng ý lấy những hiệp ước này làm cơ sở giải quyết vấn đề biên giới, khẳng khái nói rằng biên giới Trung - Xô không có khu vực tranh chấp.

Điều đặc biệt khiến người ta không thể chịu nổi là trong thời gian đàm phán, Chính phủ Liên Xô tuyên truyền vu khống Trung Quốc đưa ra yêu cầu lãnh thổ đối với Liên Xô.

Chiều ngày 31 tháng 12, sứ quán Trung Quốc ở Liên Xô nhận được một bức công hàm khẩn của Chính phủ Liên Xô gửi Chính phủ Trung Quốc, nói rằng "Trung Quốc xâm chiếm đảo Xirisin và đảo Tamasky (đảo Trân Bào)", phá hoại biên giới hiện tại của họ.

Chín năm không đạt được một hiệp nghị nào.

Đêm khuya hôm ấy, Chu Ân Lai triệu tập cuộc họp phái đoàn đàm phán Trung Quốc. Ông đến phòng họp Quốc vụ viện Trung Nam Hải đầu tiên, một mình ngồi vào vị trí đầu phía bắc chiếc bàn họp dài chỗ ông thường ngồi. Điều khác với bình thường là hôm nay ông không mang theo cặp tài liệu.

Khi những cán bộ dự họp lần lượt vào phòng họp, Chu Ân Lai tươi cười đứng dậy bắt tay chào từng người một. Mọi người đang lúng túng vì đến họp muộn hơn Thủ tướng, thấy Thủ tướng thân mật gần gũi như vậy, ai cũng bước rảo tới bắt tay Thủ tướng.

- Hôm nay là ngày cuối cùng của những năm 60 - Chu Ân Lai giơ tay lên nhìn đồng hồ "và bây giờ là những giây phút cuối cùng những năm 60. Nhân dịp này, tôi xin chúc mừng năm mới các đồng chí!

Trong tiếng vỗ tay, Chu Ân Lai tuyên bố:

- Chúng ta hãy tổ chức cuộc họp công tác ngoại giao đầu tiên những năm 70 của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa!

Cuộc họp tập trung phân tích tình hình quốc tế và tình hình biên phòng. Có người cho rằng, công hàm của Liên Xô chẳng qua chỉ là hư trương thanh thế, gây không khí căng thẳng mà thôi. Chu Ân Lai không kết luận, chỉ nói:

- Tạm thời cứ để đấy, song chúng ta phải cảnh giác hơn nữa về biên phòng.

Trong thời gian qua phái đoàn đàm phán Trung Quốc đã hết sức kiên nhẫn trong việc bàn bạc với phía Liên Xô, luôn luôn nhấn mạnh tầm quan trọng của quan hệ láng giềng hữu nghị và tình hình cấp bách trước mắt, những được thảo luận với đối phương về dự thảo hiệp nghị.

Mặc dù vậy, đàm phán vẫn dậm chân tại chỗ. Sau đó, phái đoàn Liên Xô đề nghị công bố một tuyên bố chung kêu gọi hai bên cùng không sử dụng vũ lực, ý đồ là muốn thoát ra khỏi tình trạng bế tắc rồi không muốn đi tới thỏa thuận về những biện pháp tạm thời.

Chu Ân Lai sau khi biết tin, rất không hài lòng với đề nghị của phía Liên Xô: - Một bản tuyên bố hô hào xuống như vậy làm sao giải quyết được tình trạng căng thẳng quân đội đang áp sát biên giới?

Về sau, đối phương lại đổi thành đề nghị ký một hiệp ước hai bên không sử dụng vũ lực không xâm lược lẫn nhau.

Chu Ân Lai sau khi nghe báo cáo của phái đoàn Trung Quốc về việc này, lập tức phản đối ngay:

- Bàn về làm dịu tình hình biên giới mà ngay cả việc duy trì hiện trạng biên giới, tránh xung đột vũ trang, rút lực lượng vũ trang ra khỏi những khu vực tranh chấp cũng không muốn thỏa thuận; bàn về biên giới mà ngay cả việc có tồn tại những vùng còn tranh chấp cũng không dám thừa nhận; thái độ như vậy thì còn mong gì đạt được hiệp ước? Có lẽ họ đã quên mất rồi chăng? Trung - Xô ngay từ năm 1950 đã ký kết "Hiệp ước hỗ trợ đồng minh hữu nghị Trung - Xô"! Quả là một sự mỉa mai!"

Cuộc đàm phán biên giới này bắt đầu từ ngày 20 tháng 10 năm 1969, tính tới tháng 6 năm 1978, tất cả đã tiến hành 15 vòng hội đàm, kéo dài tới 9 năm; phía Trung Quốc đã thay đổi ba trưởng đoàn từ Kiều Quán Hoa đến Hàn Niệm Long rồi Dư Trạmy mà phía Liên Xô vẫn không chịu đề cập tới vấn đề thực chất.

Trong suốt 9 năm đàm phán về biên giới, hai bên chẳng thỏa thuận được vấn đề nào cả.

VII. MỘT CUỘC GẶP MẶT QUAN TRỌNG ĐÃ CHẾT YẾU

Tướng Giới Thạch đích thân viết nội dung gặp mặt

Ngày 20 tháng 9 năm 1959, Tướng Kinh Quốc điện báo cho Ngụy Cảnh Mông:

“2 giờ 30 chiều mai đến Trung Sơn lâu nghe Phó Tổng thống nói chuyện. Sau đó cùng đến gặp Tổng thống. Gần đây, C. Iuto J.S.D đang thúc đẩy việc cấm thử vũ khí hạt nhân trên phạm vi toàn cầu. Ông ta đã bàn bạc với các quan chức Nga, nhất là Kidrốp người ủng hộ ý tưởng này. Ông ta cũng nói với cả đại sứ Mỹ Riônát. Bức thư ngày 20 tháng 8 vừa qua có nói tới việc Mỹ và Liên Xô bắt tay nhau phá huỷ lực lượng vũ khí hạt nhân của Trung Cộng, để trừng phạt những nước không chịu sự kiểm soát. Trong thư, ông ta cũng ám chỉ chúng ta sẵn sàng thực hiện sự trừng phạt ấy. Nhưng tại Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, ông ta vẫn chủ trương ủng hộ tư cách hội viên Liên Hợp Quốc của Trung Cộng. Đề nghị khi báo cáo với Tổng thống cuộc hội đàm lần trước, cần nêu những trọng điểm dưới đây:

1. Thời cơ chúng ta cải thiện quan hệ thêm một bước nữa đã chín mùi. (Kể cả với những phần tử cộng sản thân Liên Xô ở trong và ngoài đại lục), (cử đại diện sang thường trú ở Mátxcova). Việc cải thiện tất cả những quan hệ ấy phải được thoả thuận với các quan chức cao cấp khi họ đến Đài Loan.

2. Phải cung cấp trang thiết bị tấn công cho hải quân, không quân ta, để phối hợp đồng bộ hành động với lật đổ Mao của Liên Xô:

3- Luôbapô (Căn cứ hạt nhân của Trung Cộng ở Tân Cương), đe dọa cả hai phía chúng ta. (Đề nghị sử dụng máy bay Liên Xô và phi công của chúng ta)

4. Thông qua dàn xếp, chúng ta muốn xem xét việc chính thức công nhận Ngoại Mông Cổ, và thiết lập quan hệ ngoại giao (Sau này quan hệ với Tây Tạng)

3 giờ 30 phút chiều, Tưởng Kinh Quốc và Ngụy Cảnh Mông đến “Bệnh viện Vinh Dân” thăm Tưởng Giới Thạch. Ba người nói chuyện khá nhiều và khá lâu. Tưởng Giới Thạch chỉ thị cho Ngụy Cảnh Mông không đi bờ biển Ngà nữa, sau khi đi Roma phải lập tức về Đài Loan. Dưới đây là bút tích của Tưởng Giới Thạch có thể coi là kết luận cuối cùng:

Khi gặp Lui, trước tiên hãy nghe ý kiến ông ta thế nào, nếu thái độ vẫn thân thiện, hoặc có đề nghị tích cực, phía ta có thể bấy tỏ như sau (Ta: bên A, họ; bên B)

1. Trong tình hình trước mắt, hai nước Trung - Xô ⁽¹⁾ đã tới lúc cần tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị giữa hai bên - Bên B nếu cử người đến Đài Loan bàn bạc các bước đi và đưa ra những kiến nghị cụ thể, hai bên có thể hợp tác thiết thực, tích cực tiến hành.

(1). Nên hiểu là Đài Loan và Liên Xô (ND)

2. Mao Trạch Đông đã có vũ khí nguyên tử, hai bên A và B đều bị đe dọa nghiêm trọng, bên A có thể bàn bạc với bên B những biện pháp tiêu diệt triệt để vũ khí ấy.

3. Nếu không dùng vũ lực, chính quyền Mao không thể tự sụp đổ được. Bên A có đủ nhân lực đã được huấn luyện tử tế nhận đảm nhiệm việc này, duy chỉ chưa có đủ lực lượng hải quân và không quân, cho nên cần bên B cung cấp thích đáng vũ khí tấn công cho hải quân và không quân. (như MIC-23, máy bay ném bom tầm xa, tàu ngầm trang bị tên lửa), (điểm thứ ba tốt nhất chờ khi đối phương nêu ra bên ta mới nêu, bằng không thì thôi) (Khi đó có thể xem phản ứng của họ ra sao, mới nhắc họ nên sử dụng những phi công giỏi của bên A để lái máy bay ném bom MIC kiểu mới tấn công các căn cứ nguyên tử của Trung Cộng).

4. Để tạo ra tình hình hết sức bất lợi cho Mao Trạch Đông, làm thay đổi cục diện thế giới từ nay về sau, bên A và bên B nên cùng nhau bàn bạc, trong điều kiện thích hợp, bên A có thể xem xét việc chính thức công nhận Ngoại Mông Cổ và thiết lập quan hệ ngoại giao.

Ngày 20 tháng 9

Trung Chính viết tại bệnh viện Vinh Dân

Sau đó, Tưởng Giới Thạch lại chỉ thị 9 điểm cho gặp mặt lần sau:

1. Hỏi ông ta về 5 điểm phía ta đã nêu ra, các ông có ý kiến (trả lời) gì không.

2. Chúng tôi trước sau vẫn tuân theo di chúc của Tôn Tổng lý⁽¹⁾ sẵn sàng cùng phấn đấu với các dân tộc đối xử bình đẳng với chúng tôi. Tổng lý chúng tôi, chủ nghĩa tam dân tức là chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa dân sinh tức là chủ nghĩa cộng sản, ông chủ trương chính sách thân Liên Xô (chấp nhận cộng sản) để thực hiện lý tưởng xây dựng một quốc gia tam dân chủ nghĩa. Nhưng không thể chấp nhận cộng sản Mao hại nước hại dân.

3. Đảng viên cộng sản Trung Quốc chống Mao nếu muốn đều có thể thu nhận vào Quốc Dân đảng, nhưng họ không được tổ chức Đảng Cộng sản riêng, cũng không thể ở cả hai đảng.

4. Cộng sản Trung Quốc nếu có tổ chức khác nữa trong nước, thì cũng phải đặt dưới sự lãnh đạo của Quốc Dân đảng như các tổ chức chính đảng khác.

5. Nếu hỏi cần vũ khí gì, thì có thể trả lời việc này còn chờ họ trả

⁽¹⁾ Chỉ Tôn Trung Sơn (ND)

lời rõ ràng đối với 5 điểm phía ta đã nêu mới bàn bạc kỹ càng được, nếu chưa có câu trả lời rõ ràng. thì chờ tới khi đại diện hai bên chính thức hội đàm sẽ bàn kỹ, những thứ chúng ta thiếu chỉ là vũ khí kiểu mới cho hải quân không quân, còn vũ khí lục quân hiện có thể tự cung cấp được, (trả lời ngắn gọn).

Hỏi họ xem đã chuẩn bị cử đại diện chính thức đến Đài Loan chưa, hay là muốn để đại sứ nước ta ở quốc gia thân thiện với cả hai bên bàn bạc trước, nhưng cuối cùng vẫn phải tổ chức cuộc hội đàm chốt tại Đài Bắc.

6. Vấn đề Ngoại Mông, có thể sơ lược đề cập tới khả năng là ta công nhận độc lập của họ, nhưng chủ quyền và lãnh thổ của Tân Cương và bà tỉnh phía đông phải nguyên vẹn.

7. Kế hoạch cụ thể đối phó với Mao phải do hai bên tổ chức đoàn Tham mưu để cùng nhau thực hiện.

8. Hành động tiêu diệt Mao phải do Chính phủ Trung Hoa Dân quốc đơn phương nhận trách nhiệm thực hiện, không cần nước ngoài tham gia.

9. Đối với vũ khí nguyên tử của Cộng sản Mao, do họ cung cấp vũ khí, do phía ta chịu trách nhiệm phá hủy.

Ngụy đã dịch 9 điểm chỉ thị của Tưởng Giới Thạch ra tiếng Anh, Tưởng Kinh Quốc bảo ông ta thêm vào 3 điểm nữa:

1. Bên A không muốn gây ra tranh chấp trên thế giới vì cuộc chiến tranh tiêu diệt Mao của Trung Quốc, cho nên không cần nước ngoài tham gia vào chuyện này. Chỉ cần bên B tuyên bố chuyện này là vấn đề nội bộ của Trung Quốc, không can thiệp vào.

2. Bên B phải ý thức được rằng chính sách trước kia ủng hộ Mao Cộng sản là sai lầm tuyệt đối của Stalin. Qua 20 năm thống trị tàn bạo của Mao Cộng sản, nhân dân Trung Quốc đại lục đã căm giận bọn họ tới tận xương tủy. Từ nay về sau, bên B chỉ có ủng hộ Quốc Dân đảng lật đổ chính quyền Mao Cộng sản, mới có thể làm cho nhân dân Trung Quốc có cảm tình với họ. Đảng viên cộng sản Trung Quốc và quân đội cũng vì thế mà thân Liên Hợp Quốc, tức là sẽ trở lại thân thiện với bên B. Nếu bên B vẫn muốn ủng hộ một số người trong Đảng Cộng sản Trung Quốc đứng lên tiêu diệt Mao, thì chẳng khác gì lấy bạo ngược thay bạo ngược, lẽ đương nhiên nhân dân đại lục không thể chấp nhận được.

3. Dưới sự hợp tác của hai bên A và B, Quốc Dân đảng lãnh đạo cả nước tiến hành cuộc chiến tranh tiêu diệt Mao, về chính trị có thể thu nạp tất cả những tổ chức chính trị chống Mao (kể cả những người cộng sản chống Mao).

Ngụy Cảnh Mông tới Rôma

Sau khi hội đàm với cha con họ Tưởng, Ngụy Cảnh Mông rất xúc động. Tối hôm ấy, ông ta ghi trong nhật ký:

1. Mỹ bắt tay với Trung Cộng không phải chuyện gì mới mẻ. 20 năm nay, họ vẫn tuyên bố từ bỏ chúng ta, vấn đề gai góc giữa Mỹ và Trung Cộng là vấn đề Đài Loan, Mỹ muốn coi Đài Loan là một căn cứ.

2. Chính phủ và nhân dân Đài Loan lúc này cảm thấy rất không vui, nhưng Mỹ không thể chiếm Đài Loan được, Đài Loan cũng không thể tự mình trở thành một quốc gia độc lập được.

3. Nếu xóa bỏ điều ước hữu nghị giữa Liên Xô và Trung Cộng sẽ có tác động cực lớn đối với nhân dân Trung Quốc đại lục, có lợi cho chúng ta.

4. Không trao đổi tin tức tình báo và đại diện, linh tinh như thế này sẽ gây ra nghi ngờ, bất lợi cho Liên Xô.

5. Từ sau năm 1949, Stalin lại ủng hộ Mao Trạch Đông, “là điều mà nhân dân đại lục không thể chấp nhận được”.

6. Phải làm cho quan hệ Mỹ và Cộng sản Trung Cộng không suôn sẻ. Ngoài Đài Loan ra, còn vấn đề Kim Môn Mã Tổ, chúng ta bị yêu cầu rút khỏi hai đảo này, nhưng chúng ta sẽ kiên quyết từ chối.

7. Hội đàm (cấp đại sứ), chúng ta đồng ý hội đàm cấp đại sứ ở một nước khác, ngoài Nhật Bản.

8. Mình phải hỏi Liên Xô xem ý đồ về Liên minh an ninh chung Châu á của họ là gì. Tình hình Đông Nam Á vô cùng phức tạp, chịu ảnh hưởng rất lớn của Mỹ. Nhật Bản, Nam Hàn không thể chấp nhận ý tưởng này. Vì thế, vấn đề then chốt là Mao Trạch Đông vẫn tồn tại. Ông ta nghĩ gì về hành động công nhận Ngoại Mông Cổ.

Ngày 22 tháng 9, Ngụy Cảnh Mông đến Âm Dương Sơn chào Tưởng Kinh Quốc để lên đường. Ngụy hỏi:

- Nếu phản công lục địa, thì thái độ của Mỹ thế nào?”

Tưởng đáp:

- Thứ nhất, Mỹ không quan tâm tới việc của ta; thứ hai, việc phản công đại lục không bị bất cứ hiệp nghị nào ràng buộc cả; thứ ba, Mỹ nói với chúng ta, nếu chúng ta nắm chắc phản công thắng lợi, Mỹ không phản đối, có nghĩa là Liên Xô viện trợ vũ khí, Mỹ không phản đối.

Ngày 22 tháng 9, Ngụy Cảnh Mông gửi thư cho Lui từ Bom Bay, hẹn gặp ở Rôma vào tháng 9. Nội dung như sau:

Lui thân mến:

Tôi chắc chắn sẽ có mặt ở Roma từ ngày 2 đến ngày 6 tháng 10, tôi không đặt được phòng ở khách sạn Ê-đen nên đổi sang ở khách sạn Parco Dir Principi Roma, số điện thoại của tôi hình như là 861089, 841071, tôi chờ điện thoại của ông tại đó.

Xin chào

Tanalin (Cảnh Mông)

Ngày 2 tháng 10, Ngụy Cảnh Mông tới Roma.

Gọi điện thoại đến khách sạn Ê-đen, Lui không có ở đấy và cũng không đặt trước phòng các ngày 2 và 4. Trong lúc gọi điện thoại, Ngụy Cảnh Mông như gặp phải cơn ác mộng, mơ thấy gián điệp đang theo dõi mình, còn mình thì không gặp được Lui.

Cơm tối xong, khoảng 10 giờ Ngụy đến khách sạn Ê-đen, nhân viên phục vụ cho biết Lui điện thoại tới bảo rằng, ông ta có thể tới vào ngày 4, ở lại một tuần, nhân người đến thăm cố gắng không gửi điện báo hoặc gọi điện thoại đường dài. Theo lời nhân viên khách sạn, Lui nói rằng ông ta là người Mỹ. Ngụy Cảnh Mông đành phải nhờ nhân lại cho Lui. “Đề nghị trả lời điện thoại tới phòng số 277 khách sạn Principi”.

12 giờ 30 trưa hôm đó, đang trên máy bay Ngụy Cảnh Mông nghe được đài phát thanh Mátxcova lại một lần nữa chỉ trích Đảng Cộng sản Trung Quốc đi theo chủ nghĩa bài ngoại và chủ nghĩa quốc gia mù quáng.

Buổi phát thanh ngày hôm ấy, vấn đề về quan hệ Trung - Xô có những tin sau:

1. Rút quân khỏi biên giới 36 cây số;
2. Khôi phục đàm phán và mậu dịch;
3. Liên Xô sẽ viện trợ Hà Nội;

Ngày 4 tháng 10, giữa trưa Ngụy Cảnh Mông gọi tới khách sạn Ê-đen, Lui chưa đến. Chiều 3 giờ, 6 giờ và tối 9 giờ, 11 giờ đêm, Ngụy liên tiếp gọi điện cho Lui, vẫn chưa thấy đến.

Lui thất hứa

8 giờ 30 ngày 5 tháng 10, Ngụy Cảnh Mông lại một lần nữa gọi tới khách sạn Ê-đen. Nhân viên ở đây trả lời rằng Lui báo thôi không đặt phòng nữa. Ngụy vội vàng ra bưu điện gọi điện thoại cho ông ta, sợ Lui nhận điện thoại. Ngụy cho biết địa chỉ khách sạn của mình, và nói sẽ chờ ở Roma tới ngày 7 tháng 10.

Ngụy lại gọi đến khách sạn Ê-đen, thì được biết “Tối hôm qua ông ta gọi điện thoại cho giám đốc huỷ việc đặt phòng”.

10 giờ 45 phút, Ngụy gọi điện thoại đi Mátxcova, nhắn ông ta chờ Lui tại khách sạn Principi đến tối ngày 6 tháng 10, trước ngày đó sẽ gọi điện thoại địa chỉ mới nếu có sự thay đổi và dự định về Đài Loan ngày 7 tháng 10, không chờ Roma nữa.

Ngụy Cảnh Mông chờ xem Lui có gọi điện thoại cho mình không. Nhưng ông biết sự việc đã quá rõ ràng khỏi cần phải chờ đợi thêm nữa. Để giữ phép lịch sự, Ngụy điện thoại cho vợ Lui nói rằng, mình nhớ ông ta, nhưng phải về để giải quyết công việc, nếu Lui muốn tìm có thể gọi điện thoại thẳng đến nhà.

10 giờ ngày 6 tháng 10. Ngụy Cảnh Mông lại gọi điện thoại cho vợ Lui. Bà ta nói: “Chưa nhận được thư gửi từ Bombay, rất nhiều thứ gửi cho ông ta đều không nhận được”.

Ngụy bảo: “Đề nghị ông ấy gọi điện thoại đến nhà tôi, liên lạc

4 giờ 30 chiều ngày 9 tháng 10, Ngụy Cảnh Mông về đến Đài Loan.

6 giờ 30 chiều báo cáo với Tưởng Kinh Quốc công việc thất bại. Tưởng Kinh Quốc khen việc làm của Ngụy và cho biết: Trung Cộng và Liên Xô không thể hợp tác với nhau, may mà ông đã không gặp ông ta để nói thái độ của chúng ta, không cần gặp Tổng thống nữa, trò vui sắp diễn rồi, chờ xem sao!”

Ngày 10 tháng 10, Tưởng Giới Thạch muốn sau lễ “Quốc khánh” gặp Ngụy Cảnh Mông, nhưng Ngụy đã rời văn phòng (của Trương Quân) đi phố Thái Thuận rồi.

Sau khi nhận được liên lạc điện thoại, Ngụy nhận được chỉ thị 3 giờ chiều cùng Tưởng Kinh Quốc đến dinh Sĩ Lâm gặp Tưởng Giới Thạch.

Ngụy Cảnh Mông báo cáo tới Tưởng quá trình liên lạc với Lui.

Tưởng Giới Thạch cũng đồng ý với nhận định cho rằng nhiệm vụ gặp mặt lần này thất bại là do chính sách của Liên Xô. Ông ta nêu ý kiến:

1. *Bây giờ chúng ta án binh bất động (không nên có bất cứ hành động gì).*
2. *Họ sẽ không có tiến triển gì.*
3. *Nên đọc những bài phát thanh số 7 và số 8 của Trung Cộng để thấy chưa có tiến triển gì về mặt giải quyết xung đột biên giới.*

Đại lục Trung Quốc chuẩn bị chiến tranh

Mùa thu năm 1969. Tại núi Ngọc Tuyền ngoại ô phía tây Bắc Kinh.

Trên bàn của Mao Trạch Đông có để một tài liệu: “Nhà báo” Víchto Lui, người từng đến Đài Loan gặp Tưởng Kinh Quốc, người thường xuyên đại diện nhà nước Liên Xô thông báo những quyết sách quan trọng, đã trắng trợn

viết trên báo “Tin tức buổi chiều Luân Đôn rằng Liên Xô có thể tiến hành không tập vào căn cứ thử hạt nhân của Trung Quốc ở Luôpubô Tân Cương. Đọc xong tập tài liệu, Mao Trạch Đông ngồi lặng yên suy nghĩ rất lâu.

Nếu nói người Mỹ chủ động “tiết lộ bí mật” mang một ý đồ khác, thì sự rêu rao công khai của ông “mật sử” Liên Xô này nói lên điều gì. Đã dám ném bom Tân Cương, thì Bắc Kinh cũng rất có thể làm chứ.

Mao Trạch Đông lập tức cảnh báo Trung ương: “Các đồng chí lãnh đạo Trung ương đều tập trung ở Bắc Kinh là không tốt, một quả bom nguyên tử có thể giết chết rất nhiều người, phải phân tán bớt đi, một số đồng chí có tuổi có thể sơ tán đi nơi khác”.

Mao Trạch Đông quyết định thời gian sơ tán cụ thể cho họ là ngày 20 tháng 10, tức là trước ngày hai nước Trung - Xô tổ chức đàm phán biên giới tại Bắc Kinh, và chỉ định địa điểm cho một số đồng chí có tuổi, đại thể đều là nơi gần tuyến đường sắt Bắc Kinh - Quảng Châu. Đoạn ông dẫn đầu việc rời khỏi Bắc Kinh, tới Vũ Hán.

Theo chỉ thị của Mao Trạch Đông, Bộ Chính trị triệu tập cuộc họp khẩn cấp, quyết định toàn bộ đi sơ tán, chỉ để lại Chu Ân Lai và một phó tổng Tham mưu trưởng lại chỉ huy ở núi Ngọc Tuyền ngoại ô phía tây.

Lâm Bưu sau khi đến Tô Châu, ngày hôm sau công bố ngay “Lệnh số một” chuẩn bị chiến tranh, và đã gây ra cảnh nhốn nháo chao đảo trong cả nước: Các đoàn tàu chở đầy quân đội suốt ngày đêm chạy sinh sịch trên đường sắt, binh lính phòng thủ ngày đêm trực chiến trong các lều bạt dã ngoại... Đây là một chuyển động quân đội lớn nhất từ sau chiến tranh Triều Tiên đến nay

Nội dung “Lệnh số một” bao gồm:

Nhanh chóng bố trí ngay việc sản xuất vũ khí chống tăng; Lập tức tổ chức ban chỉ huy giới, vào vị trí chỉ huy thời chiến;

Các cấp tăng cường thủ trưởng trực ban, kịp thời nắm chắc tình hình, và báo cáo nhanh chóng.

Vì “Lệnh số một” là do nhóm Hoàng Vĩnh Thắng lấy danh nghĩa “Lệnh số một của phó chủ tịch Lâm nhanh chóng truyền đạt tới toàn quân, cho nên còn gọi là “Lệnh số một Lâm Bưu”.

Tiếp đó người ta thấy Chu Đức, Lý Phú Xuân đến huyện Tùng Hóa, Quảng Đông; Trần Nghị đi Thanh Gia Trang; Diệp Kiếm Anh đi Trường Sa; Nhiếp Vinh Trăn đến Hàm Đan; Lưu Thiếu Kỳ thì mũi cắm ống xông nằm trên băng-ca áp giải đến Khai Phong; Đặng Tiểu Bình, Trần Văn, Vương

Chấn được “sơ tán” đến Giang Tây; Đào Chú bị áp giải đi Hợp Phì. Những đối tượng bị đánh đổ, bị tước quyền, trở thành trọng điểm “bảo vệ”. Đường như họ vô cùng chu đáo đối với sự an toàn tính mạng của “nhóm đen” này.

Ngày 19 tháng 10, Lâm Bưu điện thoại báo cáo với Mao Trạch Đông, âm mưu tiền trạm hậu tẩu, buộc Mao phải đồng ý với những chuyện đã rồi. Mao Trạch Đông vì cảnh giác cao độ trước sự tấn công hạt nhân của Liên Xô, chủ trương các đồng chí lãnh đạo Trung ương không nên tập trung ở Bắc Kinh, nhưng cũng đã rất tức giận trước việc Lâm Bưu lấy danh nghĩa chuẩn bị chiến đấu để ra lệnh với tư cách cá nhân. Cho nên, Mao Trạch Đông nghe báo cáo xong, lập tức chỉ thị; đốt ngay. Ý muốn nói căn bản không có việc đó, phải huỷ ngay “lệnh” này.

Lâm Bưu và Hoàng Vĩnh Thắng hoảng sợ tìm cách lấp liếm tội. Họ còn cắt xén và sửa chữa báo cáo của một số quân khu về việc thực thi “lệnh” này, bưng bít che dấu Trung ương Đảng và Mao Trạch Đông.

“Lệnh số một” thực chất là một cuộc diễn tập âm mưu làm đảo chính của Lâm Bưu. Mục đích là xem xem “lệnh” của “Phó thống soái” này có thiêng không. Đồng thời, vì các đồng chí cũ của quân đội vẫn còn đó, uy tín của họ được tạo nên bởi quá trình đấu tranh cách mạng trường kỳ, họ là những “cây đa cây đề” của lịch sử như mọi người thường nói, rất nhiều cán bộ cấp dưới vẫn ủng hộ bảo vệ họ, cho nên, Lâm Bưu muốn thông qua “Lệnh số một” mượn cơ sơ tán chuẩn bị chiến tranh, đuổi các đồng chí cũ của quân đội ra khỏi Bắc Kinh, quét sạch mọi trở ngại trong việc thực hiện âm mưu cướp đảng cướp chính quyền của mình.

VIII. TÁI NGỘ Ở VIÊN

Lui xin lỗi đã thất hứa

Ngày 22 tháng 8 năm 1970, từ Copenhaghen Lui gọi điện cho Ngụy Cảnh Mông nói rằng cuộc gặp đã hẹn lùi xuống trong tuần sau; từ 15 tháng 9 đến cuối tháng 9, ông ta có mặt ở Ôsaka, rất mong được gặp Ngụy ở hội chợ hoặc tại sân bay lúc quá cảnh vào Đài Bắc, hoặc Malaixia. Ông ta còn nói, có thể lấy nhà ông ta làm địa điểm liên lạc vào bất cứ lúc nào. Giọng Lui tỏ ra rất thành thật.

Ngày 27 tháng 8, sau khi từ hồ Nhật Nguyệt trở về Đài Bắc, Ngụy Cảnh Mông điện ngay cho Lui.

Ngày hôm sau, Ngụy mới nhận được thư của Lui gửi hôm 6 tháng 8 từ

Miến Điện. Nội dung bức thư nói Lui mong được gặp mặt, đại thể vào ngày 20 tháng 8 tại Copenhaghen, sau khi đến nơi sẽ điện ngay cho Ngụy và đề nghị Ngụy cho biết rõ hành trình. Tới lúc này ông mới được nội dung bức điện của Lui hôm 22-8. đêm hôm đó, Ngụy Cảnh Mông gọi điện thoại đi Copenhaghen thì Lui đã rời khỏi Đan Mạch rồi.

Ngày 3 tháng 9, Phó Viện trưởng Viện hành Chính Tưởng Kinh Quốc cho gọi Ngụy Cảnh Mông tới bảo viết thư trả lời Lui, đại ý như sau:

Đã nhận được thư gửi ngày 6 tháng 8, hôm qua gọi điện thoại mới biết “ông đã đi rồi”. Nếu cần, có thể gặp nhau ở Rôma vào cuối tháng 10 đầu tháng 11.

Ngày 12 tháng 9, La Khải cầm thư bay sang Rôma, Ngụy dặn dò thêm: 17 tháng 9 gửi bức thư thứ nhất, ngày 18 gửi thư thứ hai.

Ngày 15 tháng 9, Đại sứ quán điện về: “Lui đi Síp, muốn tới Đài Loan, bị từ chối”.

Ngày 25 tháng 9, 5 giờ 30 chiều, Lui từ Síp gọi điện thoại tới: “Ngày 29 tháng 9 sẽ quá cảnh tại Băng Cốc, muốn sang Đài Loan”.

Ngụy trả lời:

- Không cần đến Đài Loan, điện ngay về gia đình đọc thư Rôma của tôi.

Lui;

- Có thể gặp mặt vào lúc nào?

Trả lời:

- Nếu cần thiết, thì vào cuối tháng 10 đầu tháng 11.

Ngày 1 tháng 10, 9 giờ 45 phút sáng, Lui từ Zurich (Thụy Sĩ) gọi điện tới báo:

- Thư đã nhận được, cuối tháng 10 có thể ở Têhêran.

Ngụy:

- Không thể gặp mặt ở Têhêran được.

Lui:

- Có thể gặp sớm hơn được không?

Đáp:

- Không được.

Lui:

- Sớm nhất là khi nào, ở đâu.?

Đáp- Ngày 1 tháng 11 tại khách sạn Ê-đen, Roma, đã đặt phòng rồi.

Ngày 17 tháng 10, Tưởng Kinh Quốc bảo Ngụy Cảnh Mông:

- Nếu nói tới công việc nhà ông ta, thì phải dứt khoát từ chối. Ngoại

Mông Cổ và biên giới là hai vấn đề khác nhau, ông có thể hỏi các ông khi nào và làm thế nào giúp đỡ chúng tôi? Nói với La Khải chuyển địa điểm gặp mặt đến Viên, vẫn vào cùng một ngày, cùng một khách sạn.

Ngụy Cảnh Mông thông báo cho La Khải lúc này đang ở châu Âu, nhanh chóng gọi điện thoại cho vợ Lui thông báo việc đổi địa điểm. Nếu ngày 31 tháng 10 Lui không ở Viên, thì từ Viên gọi điện thoại đến Rôma, đồng thời đánh điện tín.

12 giờ 30 ngày 28 tháng 10, Lui từ Nam Tư điện tới, nói rằng ông ta đồng ý thay đổi địa điểm, và có thể vào ngày 30 tháng 10 đến ở Landon Hotel (Khách sạn Landon) và chờ đến ngày 1 tháng 11. Đồng thời nói có phần do dự, vì ông ta phải làm thị thực tới Viên, nên đề nghị gặp nhau ở Nam Tư. Ngụy đã từ chối với cùng lý do ấy.

9 giờ 5 phút sáng ngày 29 tháng 10, La Khải điện về. Ngụy bảo ông ta: “đã liên lạc với Lui, gặp mặt tại khách sạn Làng Quê ở Viên, thời gian từ 30 tháng 10 đến ngày 1 tháng 11”.

Ngày 30 tháng 10 năm 1970, Lui đến ở phòng 309 khách sạn Ashido.

2 giờ chiều, Lui đến Landon, gặp Ngụy trên đường ở cách khách sạn 5 cây số. Trước tiên ông ta xin lỗi vì đã thất hứa tháng 10 năm ngoái không gặp được ở Rôma, vì phải bỏ câu Mátxcova cảm thấy, nếu gặp có thể làm hỏng cuộc hội đàm Bắc Kinh và sẽ là một việc rất khó khăn. Đại diện phải bỏ câu là Côsughin.

Phái điều hậu cần “đạn dược”

Trong lần trao đổi này, Lui lại phàn nàn điện thoại khó gọi quá, khiến nhiều lần không liên lạc được với Ngụy- Lui hỏi:

- Có người trung gian tin cậy nào ở Viên, Singgapo hoặc Cuala Lămpơ không? Liệu có thể cấp cho tôi thị thực quá cảnh Đài Bắc, để dùng khi cần thiết.

Ngụy suy nghĩ một lát rồi hỏi lại:

- Cho biết lý do cần gặp mặt lần này.

Lui đáp:

- “Tháng 3 sang năm, sẽ triệu tập Đại hội đại biểu Đảng Cộng sản Liên Xô (đã lùi hai lần) thảo luận đầy đủ vấn đề quyền lực, đây là thời điểm quan trọng để “phái điều hậu” tỏ rõ quan điểm của họ. Khi ở Đài Bắc, Tưởng Kinh Quốc có nói với tôi, sau khi Mao chết, quan hệ giữa Mátxcova và Bắc Kinh có thể càng xấu đi. Trong rất nhiều trường hợp tôi đã thông báo quan điểm

này, hiệu quả rất tốt. Nhưng bây giờ, “phái bỏ cầu” cho rằng Còsughin đã gặp Chu Ân Lai, hội đàm được nối lại, hai bên không xảy ra chiến sự, tình hình như vậy là tốt rồi”. Còn “phái điều hâu” thì nói, ông ta không thể bảo đảm rằng tương lai không có chiến tranh, mà chỉ tạo điều kiện cho Mao Trạch Đông có nhiều thời gian hơn chuẩn bị chiến tranh. Nếu Đài Loan cung cấp được tin tức tình báo, chứng minh Mao Trạch Đông đang tích cực chuẩn bị gây chiến tranh lớn hơn (Chống Mátxcova), tôi sẽ lợi dụng được đầy đủ hơn. Ngoài việc đó ra, Đài Loan nên có một tuyên bố với Mátxcova rằng Đài Loan hy vọng họ làm một cái gì đó để tiêu diệt Mao Trạch Đông.

Ngụy hỏi:

- Liên Xô muốn làm tới mức độ nào và Mátxcova có thể làm được những gì?”

Lui nói:

- Lần trước ở Viên, Liên Xô đã hứa rất rõ ràng, nếu Quốc Cộng đánh nhau, Liên Xô sẽ không giúp đỡ Trung Cộng. Lần này, có thể nói rõ hơn, Liên Xô sẵn sàng hợp tác với Trung Hoa Dân quốc để tiêu diệt Mao.

Họ trao đổi khoảng 30 phút, vì người qua lại trên đường mỗi lúc một đông, bèn quyết định đi chỗ khác tiếp tục “hội đàm”.

Tại Hungari, Lui có thuê một chiếc ô tô để cùng vợ đến Viên. Hai người lên xe, Lui hỏi Ngụy:

- Các ông có “đạn dược” gì cung cấp cho phái điều hâu để họ đưa ra được chứng cứ chắc chắn trong đại hội không.

Ngụy bảo:

- Việc này chắc phải thảo luận trong hội đàm cấp cao.

Lui không đồng ý:

- Giữa cấp cao thì trước tiên cũng phải có cầu, chúng ta chính là cầu. Đức đàm phán với Liên Xô, giống như chúng ta đang bàn bạc như thế này.

Ngụy nói:

- Có nhiều việc cực kỳ quan trọng, chỉ nói được ở cấp cao. Chẳng hạn việc Chính phủ công nhận hoặc cùng nhau phối hợp phát triển Tây Bắc hoặc Đông Bắc”.

Lui:

- Những việc ấy không nên đưa ra đàm phán trong giai đoạn này, vì chúng vẫn còn xa vời. Hiện nay phía chúng tôi muốn nhất là hai bên phải hợp tác về chính trị và quân sự như thế nào, để tiêu diệt Mao Trạch Đông. Vì Liên Xô đã bắt đầu ý thức được rằng không còn hy vọng gì hợp tác trở lại với Mao

Trạch Đông , và sau Mao vẫn không thể có phái thân Liên Xô, vì thế buộc phải tiêu diệt bè cánh Mao.

Nguy:

- Nếu hai bên hợp tác, liệu Mátxcova làm được những gì?"

Trả lời:

- Mátxcova dĩ nhiên không thể đưa quân đội đến tác chiến ở đại lục được. Có điều, Liên Xô có thể phối hợp hành động với Đài Loan, chẳng hạn khi các ông phản công thì trước tiên dùng tên lửa tiêu diệt các căn cứ phòng ngự ven biển của Trung Cộng. Rõ ràng là Mỹ không thể giúp các ông phản công được vì Mỹ đã hội đàm với Bắc Kinh, Đài Loan ngay càng không được công nhận về ngoại giao, Canada và một số nước Châu Âu cũng không thể đứng về phía các ông. Nếu các ông không thể phản công trong vòng hai, ba năm tới, thì sẽ không còn cơ hội tiêu diệt Mao nữa.

Để thuyết phục “phái bổ cầu”

Nguy trả lời:

- Nước không cứ lớn hay nhỏ, quân đội không phải ở chỗ ít hay nhiều, chúng tôi có lãnh tụ, có chủ nghĩa, chúng tôi có lòng tin, chúng tôi không sợ, chúng tôi sẽ thắng lợi. Qua tiếp xúc với người Mỹ, tôi biết nếu Trung Cộng xảy ra chiến tranh với Liên Xô, Mỹ nhất định sẽ giúp Trung Cộng.

Lui:

- Cremlin đang tích cực chuẩn bị đại hội vào tháng 3, tôi muốn có tài liệu (không cần văn bản viết) nói miệng cũng được, càng nhanh càng tốt, tốt nhất là từ 15 tới 20 tháng 11. Ngoài ra, thế tấn công hoà bình của Trung Cộng ngày một tăng cường, Liên Xô rất không hài lòng, nhưng không tiện công khai nói ra.

Nguy:

- Chúng tôi muốn tiêu diệt Mao Trạch Đông, mục đích là giải thoát nỗi khổ đau cho nhân dân, ngăn chặn chiến tranh hạt nhân, để tránh cho hàng trăm triệu người Trung Quốc khỏi bị chết, chúng tôi phản đối tiến hành chiến tranh hạt nhân ở Trung Quốc cũng như ở mọi nơi khác, vì thế, phải ngăn chặn Mao sử dụng vũ khí hạt nhân. Mao chẳng đã từng nói, nếu chiến tranh hạt nhân làm cho 300 triệu người Trung Quốc chết, Trung Quốc vẫn còn 400 triệu người sống, ông ta không sợ gì hết. Chúng tôi cũng biết, Liên Xô sở dĩ muốn chúng tôi phản công, cũng có lý do riêng của mình. Nhưng nếu chúng tôi không có chính sách và nguyên tắc, thì cho dù giành được thắng lợi ban

dầu đầy, nhưng sau này sẽ vô cùng phiền phức. Nếu một khi Quốc Dân đảng có xung đột với Đảng Cộng sản Trung Quốc, thì Liên Xô sẽ có phản ứng như thế nào? Vấn đề này nhìn vào “phái bồ câu”, “phái điều hâu”, thì đáp án là thống nhất - đứng ngoài cuộc.

Lui:

- Lãnh tụ Cremli biết, Quốc Dân đảng và Tưởng Giới Thạch tốt hơn Đảng Cộng sản Trung Quốc của Mao Trạch Đông, vì thế, nếu chúng tôi thuyết phục được họ rằng người kế thừa Mao không thể hữu nghị với Liên Xô thì phái bồ câu sẽ không hi vọng gì ở họ nữa... Về việc hợp tác quân sự hoặc chính trị giữa Trung Hoa Dân quốc và Liên Xô, không nhất thiết phải đi vào chi tiết, nó có thể rất đơn giản - về lý luận, hoặc chỉ là giả thiết thôi.

Do Đài Loan không thể cung cấp cho Lui một địa điểm liên lạc trong phạm vi hoạt động của ông ta, Lui đành phải đưa cho Ngụy địa chỉ và số điện thoại của nhà mẹ vợ mình, bảo Ngụy nói với bà địa điểm họ gặp mặt lần sau.

Lui nói:

- Tôi sẽ đi du lịch ở Châu Âu một thời gian, có thể tới hạ tuần tháng 11, tôi đợi điện thoại của ông. Hội đàm Trung - Xô sắp tổ chức tại Mátxcova, vì sao? Vì thể diện thôi. Đại sứ mới của Mátxcova ở Bắc Kinh là một tên súc sinh, cho nên Mátxcova mới cử hẳn ta”

Lui cho Ngụy xem một bài báo cắt ra từ một tờ báo ở Copenhaghen. Sự kiện thủy thủ tàu “Tuapus” (vụ các thủy thủ tàu chở dầu Liên Xô, bị bắt ở vùng biển Đài Loan), và nói, có lẽ đây là một cơ hội để ông ta đến Đài Bắc, ông ta muốn Ngụy tìm cách giúp mình. Lui đưa cho Ngụy mấy lá thư và ảnh để Ngụy đưa cho thủy thủ “Tàu Tuapus”.

Họ trao đổi xong, Ngụy nhìn đồng hồ, đúng 6 giờ chiều.

Khi chia tay, Lui hẹn gặp Ngụy tại phòng 309 khách sạn Ashido vào sáng hôm sau để cùng ăn cơm trưa với vợ chồng ông ta.

Về đến khách sạn, Ngụy Cảnh Mông viết trong nhật ký nhận xét của mình về “phái bồ câu” và “phái điều hâu”: “Còsughin đại diện phái bồ câu, Brêgionép đại diện phái điều hâu, phái sau sẽ thắng. Bọn Còsughin đã có kinh nghiệm lâu năm làm việc với Mao, nhưng Brêgionép chưa giao thiệp với Quốc Dân đảng”.

Ngày 31 tháng 10, tại phòng 309 khách sạn Ashido.

Đây là một khách sạn Anh quốc cũ kỹ. Ngụy tới đây gặp Lui. Vợ Lui là một phụ nữ sắc sảo mang nhiều vẻ Anh quốc, có 3 đứa con, đều là trai cả, bà ta còn muốn đẻ thêm đứa con gái nữa.

Trong lúc dùng cơm trưa họ quyết định cơm xong lái xe ra vùng quê hóng mát và trao đổi.

Lần trao đổi cuối cùng

Ăn xong vào khoảng lúc hai rưỡi, sau đó họ lái xe theo đường cái số 17 đến rừng Viên.

6 giờ chiều thì quay về Viên, hôm sau Lui rời khỏi đây đi Zurich và Roma.

Chuyến đi hóng mát này là lần trao đổi cuối cùng, xem xem còn trở ngại gì nữa không.

Ngụy lên tiếng trước. Đây là điều mà ông ta đã suy nghĩ kỹ ở khách sạn tối hôm qua. Ngụy nói:

- Hai điểm chúng ta bàn hôm qua, vì thời gian không đủ, có thể rất khó làm được. Có điều điểm thứ nhất chúng tôi dễ dàng làm hơn, vì sách lược của Bắc Kinh muốn lợi dụng hoà đàm ngấm ngấm ráo riết chuẩn bị kế hoạch tấn công Liên Xô, là việc ai ai cũng biết. Kế hoạch “xích hóa Châu á” của họ đã được ấn định, đang tích cực thực hiện. Liên Xô muốn chúng tôi cung cấp cho một số tin tức tình báo dù đã công bố hay chưa công bố, đều hoan nghênh cả. Mao dự định dùng vũ khí hạt nhân, điều đó mọi người đều đã biết rồi, nếu như chúng tôi tuyên truyền rộng ra, sẽ chỉ có lợi cho ông ta.

Điểm thứ hai, về kế hoạch Mátxcova hợp tác ủng hộ chúng tôi phản công đại lục. Điểm này Đài Bắc chưa sẵn sàng, cần phải triệu tập một cuộc họp quan chức cấp cao. Làm kế hoạch này, thì tôi không đủ trình độ.

Lui đề nghị

- Đài Loan có thể nêu ra cần những vũ khí nào, cần bao nhiêu, về chính trị cần chi viện kiểu nào. Nếu cần thiết có thể chia thành từng giai đoạn.

Ông ta phác ra một dự thảo:

- Thí dụ Đài Loan có thể nêu ra, muốn trước khi triển khai đổ bộ lên đại lục, thì Liên Xô dùng tên lửa phá hủy hệ thống vũ khí phòng ngừa bờ biển tại bờ đối diện với Đài Loan. Hay là, Đài Loan có thể yêu cầu Liên Xô cung cấp máy bay ném bom để xóa sổ Luôbupô, phi công Đài Loan sử dụng căn cứ không quân Sibêri hoặc ở nơi khác v.v...

Ông ta giải thích:

- Mỹ sẽ không giúp các ông phản công đại lục, chỉ muốn Đài Loan và Mao duy trì hoà bình; còn Liên Xô lại có thể giúp các ông giành lại đại lục. Hai việc này không xung đột nhau, các ông có thể nói thể phương thức khái quát.

Ngụy:

- Về nguyên tắc tôi đồng ý với hành động quân sự của các ông.

Lui: “Các ông làm được, các ông muốn Liên Xô làm những gì, khi nào thì muốn Liên Xô hiệp đồng với hành động của các ông. Chừng nào những ý tưởng này được coi là khả thi, chúng tôi sẽ “lập tức” triển khai nhiều cuộc hội đàm với tướng lĩnh quân sự của bên quý ngài. Làm như vậy chẳng có hại gì cho Đài Loan cả, vì Đài Loan sớm đã thể rằng phải phản công đại lục, mà Liên Xô lại có thể giúp đỡ. Nói ngắn gọn là chúng tôi phải lợi dụng điểm thứ nhất để thuyết phục các lãnh tụ Cremlin rằng với Mao Trạch Đông không thể hoà bình được, Trung Quốc đại lục không thể có người nào thân thiện với Liên Xô. Nếu điểm này được chấp nhận, thì bước tiếp theo là phải tiêu diệt Mao Trạch Đông.

Đây là dự thảo chúng tôi nêu ra, để muốn nói rằng Liên Xô có thể hợp tác như thế nào để cùng làm việc lớn. Một khi đã đồng ý, lãnh tụ quân sự và chính trị sẽ cùng nhau bàn bạc biện pháp hành động.

Ngụy:

- Cho tôi được nói thẳng, giả sử chúng tôi đổ bộ lên đại lục thành công rồi, mà “phái bỏ câu” lại ngáng chân chúng tôi, nguy hiểm cho kế hoạch của chúng tôi, thì làm thế nào?

Lui:

- Bước thứ nhất chỉ là động tác thăm dò, vấn đề này về có thể sẽ bàn tiếp. Trong thế giới xã hội chủ nghĩa, không có chỗ cho hai người cùng lãnh đạo, một khi đã xảy ra xung đột, thì một trong hai người sẽ bằng mọi thủ đoạn thanh toán người kia. Lúc đó, thù hợp tác với nước phi xã hội chủ nghĩa, chứ không thể cho phép trong nội bộ tồn tại một người lãnh đạo phản bội lại chủ nghĩa xã hội. Giữa Đài Bắc và Mátxcova rất khó liên lạc mà lúc nào cũng có thể xảy ra tình trạng khẩn cấp, cứ như bây giờ mất hàng tuần hoặc 10 ngày mới liên lạc được, thật là nhiều khê quá. Một số nước thì hoàn toàn không liên hệ điện thoại với Đài Bắc, một số nước điện thoại bị nghe trộm, Đài Loan phải cho phía Liên Xô mấy địa chỉ để phía chúng tôi thông báo tin tức được an toàn. Hy vọng ở Viên, Rôma, Cula Lămpơ, Singgapo hoặc Figi, Burundi mỗi nơi có một người.

Ngụy:

- Béclin thế nào?

Lui lắc đầu:

- Không chơi được với cái ổ gián điệp ấy”.

Ngụy đưa số điện thoại của Chu Tân Dân cho Lui và bảo ông ta:

- Đây chỉ là kênh dùng liên lạc khi khẩn cấp, tôi sẽ nói cho ông Chu biết vào tối hôm nay, 31 tháng 10.

“Thương nhân” ở Liên Xô gọi điện tới

Ngày 6 tháng 11 năm 1970, Ngụy Cảnh Mông vừa về đến Đài Bắc, đã nhận được điện báo của “thương nhân” Chu Tân Dân do Đài Loan cử sang Liên Xô:

Party Concerned asks your cable, stating remittance date incense cesary. Jonrney for establishments registration before Nov 12

(Bên liên quan yêu cầu nêu rõ ngày tháng chuyển của ông tính từ ngày cần thiết. Chuyển đi đã đăng ký cơ sở thiết lập trước ngày 12 tháng 11)

11 giờ 30 tối, Ngụy tới báo cáo quá trình gặp gỡ Lui với Tưởng Kinh Quốc. Khi nói tới chuyện thủy thủ tàu “Tuapus”, Tưởng nói:

- Đây có lẽ cũng là một chủ ý hay... Đám thủy này bị hải quân ta bắt giữ ngày 23 tháng 7 năm 1954, tất cả 42 người. Phần lớn đã chia thành ba đợt thả ra vào năm 1955, 1957 và 1958 rồi. Lần sau, trước khi thả thủy thủ tàu “Tuapus”, sẽ thông báo trước cho Lui thời gian và địa điểm thả, đồng thời thông báo cho các phóng viên Mỹ. Trung Cộng thả tội phạm Mỹ, thì tại sao chúng ta lại không thả.

Cùng lúc, từ sân bay La Khải cũng chuyển điện báo của Chu Tân Dân tới với nội dung như trên.

8 giờ sáng ngày 7 tháng 11. Ngụy Cảnh Mông đi cùng Tưởng Kinh Quốc tới dinh Sĩ Lâm để báo cáo với Tưởng Giới Thạch.

Nội dung báo cáo:

Lần gặp Lui tại Viên, cộng cả hai lần là tám tiếng đồng hồ. Thái độ Lui rất tích cực duy chỉ có lúc đã thể hiện khẩu khí, người môi giới giữa hai bên. Trọng điểm bàn bạc lần này là đại hội Đại biểu Liên Xô sẽ họp vào tháng 3 năm sau, để quyết định chính sách sau này với Đại lục, cho nên yêu cầu phía ta sớm (không quá ngày 20 tháng 11) cung cấp mệnh cho Lui hai tư liệu thông tin, để kịp vận dụng.

1. Giặc Mao lúc sống và sau khi chết, tình hình Đại lục không có hy vọng gì thân thiện với Liên Xô. Ngược lại, giặc Mao đang lợi dụng hoà đàm Bắc Bình⁽¹⁾ ngấm ngấm ráo riết chuẩn bị tấn công lớn vào Liên Xô. (Đàm

(1) Tên cũ của Bắc Kinh (ND)

phán Mao Mỹ là một ví dụ)

2. *Phán đoán theo thực tế nói trên, Liên Xô chỉ có một con đường là lật đổ Mao, vì vậy, hợp tác với ta, mới hy vọng thành công. Thái độ của Mỹ là không ủng hộ Đài Loan phản công, nhưng giữa Chính phủ ta và giặc Mao, Mỹ lại muốn Chính phủ ta trở lại làm chủ Trung Quốc. Thái độ của Liên Xô là nếu quyết định lật đổ Mao, thì cách làm hợp lý nhất là hợp tác với Đài Loan. Quốc Dân đảng quay về đại lục dứt khoát là tốt hơn giặc Mao. Vì thế phải tìm hiểu xem Đài Loan liệu có thật sự muốn hợp tác hay không. Nếu thật tâm muốn, thì cần Liên Xô viện trợ loại quân sự nào và phối hợp hành động quân sự như thế nào để giành thắng lợi.*

Lui cho rằng, tiếp xúc lần trước đã có được một kết luận, đó là: nếu khi ta với giặc Cộng có hành động quân sự, Liên Xô sẽ coi đó là vấn đề nội bộ của Trung Quốc, không can thiệp vào.

Hội đàm lần này bàn sâu hơn về vấn đề Liên Xô tham gia hợp tác lật đổ Mao. Xin ghi lại nội dung hai lần hội đàm kính trình lên để xem xét.

Ghi chép của Ngụy Cảnh Mông như sau:

24 tháng 10 bay đến thủ đô nước Đức (chưa được Anh cấp thị thực). Ngày 26 và 27, tại Bon mời người đứng đầu ba văn phòng đại diện Anh, Bỉ, Đức tới nói chuyện, để ra công tác trung tâm trong tình hình quốc tế diễn biến phức tạp hiện nay.

Ngày 27 tháng 10 tới ngày 2 tháng 11 ở Viên.

Ngày 28 tháng 10, điện sang Mátxcova, đề nghị Lui chuyển cuộc tiếp xúc sang Viên và vẫn tại khách sạn cũ. Không khí Rôma không tốt. Lui điện thoại trả lời, gặp nhau vào ngày 30 tháng 10.

Ngày 30 tháng 10, sáng sớm Lui gọi điện thoại đến hẹn 2 giờ chiều gặp tại con đường phía ngoài công ty du lịch. Lui lái xe, vừa ăn vừa nói chuyện tại một quán ăn nhỏ, sau đó phóng xe ra ngoài ô bàn bạc, tất cả 4 tiếng đồng hồ.

Ngày 31 tháng 10, tại khách sạn của Lui cùng với bà vợ người Anh của ông ta, ba người ăn cơm trưa, sau đó lại đi xe ra ngoài ô, lại bàn bạc tới 4 tiếng, trước sau hai lần tất cả 8 tiếng.

Nội dung đã bàn tóm lược như sau:

1. Xin lỗi việc thất hứa năm ngoái, thực chất vấn đề đàm phán Bắc Kinh.

2. Cuộc tiếp xúc lần trước đã có được một kết quả cụ thể: Liên Xô không can thiệp vào nội loạn Quốc-Cộng. Bây giờ đã tiến tới hợp tác lật đổ Mao.

3. Tháng 3 năm sau Mátxcova tiến hành Đại hội Đại biểu toàn quốc,

quyết định những chính sách quan trọng, mọi vấn đề chính sách đang được tích cực chuẩn bị. Yêu cầu chúng ta cho họ hai tư liệu tham khảo: a. Cộng sản Mao và Liên Xô không đội trời chung, không đánh thì không lật đổ được Mao. Không có phái thân Liên Xô... Trung Cộng chuẩn bị tấn công lớn vào Liên Xô. b. Vì vậy, Đài Loan và Liên Xô nên hợp tác lật đổ Mao. Trong điểm này, ta nhấn mạnh muốn hợp tác lật đổ Mao. Muốn phía Liên Xô hợp tác như sau:

Thí dụ, ngày D bổ bộ đại lục, phía Liên Xô trước tiên dùng tên lửa phá huỷ vũ khí phòng ngự bờ biển, sử dụng căn cứ Liên Xô tiêu diệt Luôpubô và các căn cứ quan trọng khác v.v... đồng thời nói rõ nếu làm tốt việc hợp tác và phối hợp, đại thể bao nhiêu lâu thì tiêu diệt được. Không cần bàn chi tiết, có thể chia ra làm mấy thời kỳ.

Tướng Giới Thạch quan tâm tới thiện chí của Liên Xô

Tướng Giới Thạch đọc xong bản ghi chép thì hỏi:

- Thái độ của đối phương có thành thật không?

Ngụy đáp:

- Có, nhưng đôi lúc lộ ra vẻ làm người mới giới.

Tướng Giới Thạch quay sang hỏi Tướng Giới Thạch về chuyện thủy thủ tàu "Tuapus".

Tướng Kinh Quốc trả lời:

- Mỹ có nhắc tới chuyện này, và nói rằng làm theo đề nghị của Hội chữ thập đỏ. Họ không muốn dúng vào chuyện này, hy vọng chúng ta trực tiếp làm việc với Hội chữ thập đỏ.

Tướng Giới Thạch lại hỏi:

- Chúng ta có mật mã liên hệ với Chu Tân Dân không?

Ngụy thưa:

Phải qua Bộ ngoại giao.

Tướng Giới Thạch:

- Phải sớm có quyết định. Tối nay phải làm xong báo cáo bằng văn bản.

Ngày tối hôm ấy Ngụy làm xong báo cáo 9 giờ sáng ngày 8 mang tới dinh Thất Hải nộp cho Tướng Kinh Quốc

Ngày 9 tháng 11, Tướng Kinh Quốc chỉ thị:

1. Nếu "bạn" cần tiền, bảo với ông ta không có vấn đề gì cả. Ngày 10 điện cho Chu Tân Dân, đề nghị ông ta nói lại với Lui, tiền sẽ sớm được chuyển đến.

2. Ngày 13, La Khải từ Băng Cốc gửi điện báo cho mẹ vợ của Lui ở Luân Đôn, đề nghị bà chuyển cho Lui, điện văn như sau:

Ngày 13 tháng 11 năm 1970

Bà Stêđon thân mến:

Mong bà vào lúc thuận tiện, chuyển tin dưới đây cho ông Lui, tôi sẽ vô cùng cảm ơn:

“Chúng tôi đã đồng ý về nguyên tắc.

Chờ phía tôi nghiên cứu chi tiết xong, lập tức có quyết định ngay”.

TANALIN kính gửi

Vì Lui phải lưu lại Châu Âu tới trung tuần tháng 11 để chờ hồi âm của phía Đài Loan, nên đã cho Ngụy Cảnh Mông địa chỉ và số điện thoại của một đầu mối liên lạc khẩn cấp khác tại Brucxen ngoài nhà mẹ vợ ông ta:

MR. EUGENE STANOGLIOV

20, SUAUE DES SOLBOSCH BRUSSELLES.

TEL. 493473

Qua đầu mối này, Ngụy và Lui đã liên lạc với nhau.

Lui nói với Ngụy:

- Vợ tôi sẽ về Mátxcova ngay. Chuyện thủy thủ tàu “Tuapus”, để Mỹ can thiệp cho họ được thả là rất ngu xuẩn, sao không để tôi làm công tác vận động trong chuyện này. Còn việc tôi nên làm thế nào, tất nhiên phải theo chỉ thị của Đài Loan, làm như thế tôi vừa giữ được thể diện trong con mắt người Liên Xô, tôi vừa có cơ để có thể “công khai” đến Đài Bắc, Tôi đã lãnh đủ các kiểu khó chịu của đại sứ quan Đài Loan rồi, mỗi khi có việc gấp muốn liên lạc với họ bao giờ cũng bị gây khó khăn. Về cấp thị thực quá cảnh, hy vọng ông có thể giao cho tôi trong khoảng ngày 10 tới ngày 20 tháng 11 gửi lời thăm Tường Kinh Quốc và những người khác.

Ngày 16 tháng 11, Tường Kinh Quốc bảo Ngụy: “Ngày mai Tổng thống muốn gặp ông”. Ngày 17, Tường Giới Thạch cho mời Ngụy Cảnh Mông tới. Ông ta cũng đang lúng túng trước quyết định Đài Loan gọi thẳng điện thoại tới chỗ mẹ vợ của Lui trả lời ông ta “Chúng tôi đồng ý cả hai điểm”, hay là phải giao cho Ngụy Cảnh Mông đi một chuyến nữa trực tiếp nói với Lui về câu trả lời của Đài Loan.

Tin giật gân của “Báo buổi sớm Nam Hoa”

Ngày 17 tháng 2 năm 1973, hãng A.F.P phát lại một tin trong ngày của “Báo buổi sớm Nam Hoa” Hồng Công:

Một khi Mỹ công nhận Bắc Kinh, Quốc Dân đảng sẽ cho Liên Xô thuê một hoặc vài hòn đảo ven biển của họ, như đảo Bành Hồ để Liên Xô làm căn cứ hải quân, coi như điều kiện trao đổi ký kết hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau với Mátxcova.

Báo này đưa tin, một quan chức cao cấp của Bộ Quốc phòng Đài Loan cho hay, một số sứ giả Nga đã liên tục đến thăm Đài Loan. Vị quan chức này sang khi đến thăm Hồng Công đã rời khỏi đây vào ngày hôm qua.

Theo tin tức, vị nhân sĩ này nói, biện pháp này sẽ là một biện pháp bảo vệ Đài Loan trong tình hình khẩn cấp mà không làm hại tới sự ổn định của Đài Loan.

Báo này còn đăng bài của một ký giả đặc phái viên nói rằng, việc này sẽ làm cho Nga từ mọi góc độ cho phép ngăn chặn việc thực thi chiến lược của Bắc Kinh.

Bản tin này nói, đây là một bộ phận của "chính sách ngoại giao linh hoạt" phát triển quan hệ với các quốc gia cộng sản chống Bắc Kinh của cựu ngoại trưởng Chu Thụ Khải, bắt đầu từ năm ngoài đã được vận dụng sau khi được sự đồng ý của "các nhà quyết sách" tối cao Quốc Dân đảng.

Vị quan chức Quốc phòng cấp cao Quốc Dân đảng này trong thời gian lưu lại ít ngày ở Hồng Công đã nói, nếu về ngoại giao Mỹ công nhận Bắc Kinh, thì đương nhiên Hiệp ước phong thủ chung Mỹ - Đài Loan năm 1955 mất hiệu lực, vì Thông cáo Thượng Hải tháng 2 năm 1972 đã nói rõ rằng "Chính sách một nước Trung Quốc" của Mỹ.

Cũng theo ông ta, việc cố vấn Tổng thống Kítsinhghơ hội đàm với nhà lãnh đạo Bắc Kinh có thể dẫn đến việc thiết lập một cơ cấu mậu dịch phi Chính phủ tại Bắc Kinh và Oasinhton.

Bộ Quốc phòng Đài Loan nói: "Thật" nhằm nhĩ nhục cười"

Bản tin của "Báo buổi sớm Nam Hoa" đã gây sóng gió ở trong và ngoài đảo. Để dẹp yên dư luận, người phát ngôn Bộ Quốc phòng Đài Loan ngay tối hôm ấy đã ra tuyên bố, cho rằng tin tức về việc Đài Loan ký kết hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau với Liên Xô do báo chí Hồng Công tung ra "thật nhằm nhĩ nhục cười".

Người phát ngôn Bộ Quốc phòng nói: "Báo buổi sớm Nam Hoa" của Hồng Công hôm nay nói: "Một quan chức cao cấp của Bộ Quốc phòng Đài Loan - gần đây đổi tên tới Hồng Công - nói trước khoảng 30 uỷ viên lập pháp rằng, Quốc Dân đảng đã tuyên bố, một khi Mỹ xóa bỏ

hiệp ước an ninh, thì căn cứ vào chính sách ngoại giao linh hoạt, Đài Loan sẽ cho Liên Xô thuê một hòn đảo hoặc nhiều hơn, chẳng hạn như đảo Bành Hồ để làm căn cứ hải quân của họ đối lấy hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau với Mátxcova”. Theo điều tra, Đài Loan không có bất cứ quan chức cao cấp nào nói bất cứ lời nào cả”.

“Gấu Bắc cực đến eo biển Đài Loan làm gì?”

Sóng gió “Báo buổi sớm Nam Hoa” vừa yên, giới truyền thông lại đưa tin Đài Loan Liên Xô “tư thông” với nhau. Hãng UPI ngày 14 tháng 5 năm 1973 đưa tin từ Đài Bắc: “Một hạm đội Liên Xô từ ba tới năm chiến hạm, thứ bảy tuần trước chạy qua eo biển Đài Loan, rõ ràng là họ muốn trinh sát việc phòng thủ bờ biển của Trung Cộng”.

Khác với lần trước là lần này phía Đài Loan xác nhận ngay. Ngày 15 tháng 5, người phát ngôn Bộ Quốc phòng Đài Loan Lý Trường Hạo thừa nhận “chiến hạm Liên Xô vào thứ bảy tuần trước đã đi qua eo biển Đài Loan, nhưng họ đi trên vùng biển Quốc tế”.

Khi các nhà báo yêu cầu bình luận tin này, Lý Trường Hạo nói: “Về việc chiến hạm Liên Xô đi qua eo biển Đài Loan ngày 12 tháng vừa qua, phía quân đội chúng tôi đã có tin tình báo trước khi xảy ra sự việc. Trong thời gian họ tiến vào eo biển, đơn vị hữu quan của chúng tôi đã tăng cường cảnh giới, theo dõi chặt chẽ và nắm chắc toàn bộ tình hình cho tới khi những chiến hạm này rời khỏi eo biển Đài Loan vào chiều hôm đó, tiếp tục tiến về hướng tây nam mới thôi”.

Lý Trường Hạo từ chối phát biểu mọi bình luận về ý đồ của hạm đội này.

Ngày 21, “Nhật báo Tinh Đảo” đã đăng bài chuyên mục của Vương Đình Chi với nhan đề “Gấu bắc cực đến eo biển Đài Loan để làm gì?” Xin trích như sau:

Theo tin nhanh, chiến hạm Liên Xô tiến vào eo biển Đài Loan đã thông báo trước cho nhà cầm quyền Đài Loan. Đây là một điểm rất quan trọng. Tuy chúng ta không biết tường tận, song sự việc đó chỉ ít cũng nói lên mấy điều:

1- Mátxcova và Đài Bắc có kênh thông tin cho nhau;

2- Mátxcova tôn trọng quyền hạn thực tế của nhà cầm quyền Đài Bắc đối với eo biển Đài Loan.

3. Chiến hạm Liên Xô hoạt động ở eo biển Đài Loan không có hành vi thù địch đối với nhà cầm quyền Đông Bắc. Sự thật là tàu chiến Liên Xô áp sát về phía bờ biển đại lục, chứ không áp sát phía bờ biển Đài Loan.

Điều thú vị là người ta sẽ tự hỏi: Thông báo của Mátxcova cho Đài Bắc được truyền đi như thế nào? Nhà cầm quyền Đài Bắc có trả lời không? Nếu có, thì trả lời như thế nào? Liên Xô phải chăng cũng thông báo cho nhà cầm quyền Bắc Kinh giống như vậy? Nếu có thông báo, thì nhà cầm quyền Bắc Kinh trả lời như thế nào?

Mấy năm Liên Xô chú trọng phát triển hải quân. Các nhà quan sát Hoa Kỳ nói đây là “Gấu bắc cực xuống biển”. Hiện nay chú gấu bắc cực này đã bơi vào eo biển Đài Loan. Chuyện kể rằng, ngày xưa có người hỏi một vị cao tăng Thiền Tông: “Đặt ma sang phía đông vì việc gì. Vị cao tăng trả lời: “Củ cải Tịnh Châu nặng tám cân. Giờ đây muốn hỏi: “Gấu bắc vào eo biển Đài Loan làm gì?” Câu trả lời phải chăng là: “Dưa hấu Đài Loan nặng tám cân?” Hành động này của Cremlin, động cơ rõ ràng rất phức tạp. Nói một cách khái quát, đây là biểu hiện sự diều võ dương oai, khuyếch trương quyền trên biển. Hải quân Liên Xô tại Địa Trung Hải đã giành được thế ngang ngửa với hạm đội 5 của Mỹ, tại Ấn Độ Dương cũng tung hoành khắp nơi, không thua kém ai. Giờ đây đến eo biển Đài Loan huyênh hoang một chuyến, hẳn cũng có ý muốn khoa trương thực lực.

Nói về mặt quân sự, hạm tàu Liên Xô ra vào eo biển Đài Loan, đương nhiên có nhiệm vụ trinh sát khu vực ven biển của Trung Cộng. Tuy vệ tinh nhân tạo hiện đại có thể thu thập tình báo từ trên trời cao, nhưng trinh sát ven biển vẫn có giá trị riêng của nó, nếu không người ta chế tạo ra loại tàu đặc chủng làm gì?

Nhưng cho dù thế nào, hành động của hải quân Liên Xô lần này nhằm mục tiêu chính trị là muốn vây chặt Trung Cộng, đó là điều bí mật đã công khai hóa. Chuyện ve vãn lẫn nhau giữa Mátxcova và Đài Bắc cũng đã thấy dấu hiệu, có lý do để tin. Khi giữa Mỹ và Trung Cộng ngày càng đi tới “bình thường hóa quan hệ”, khi quan hệ đối ngoại của Đài Bắc ngày càng đi tới chỗ bị cô lập, gấu bắc cực làm ra vẻ “trời giá lạnh ta cho than sưởi mong kiếm được quả dưa hấu lớn nặng tám cân, chuyện đó cũng có thể lắm chứ.

Nhưng, từ bắc cực bơi đến eo biển Đài Loan, bao than ướt ấy liệu còn đốt cháy được không đó hình như lại là vấn đề khác.

X - MAO TRẠCH ĐÔNG CHIA BA THẾ GIỚI

Mao Trạch Đông nhận thức lại thế giới

Tiếng súng ở đảo Trần Bảo như một lời tuyên bố quan điểm “thế giới

chia thành hai phe xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa” đã hoàn toàn không còn phù hợp với yêu cầu của thời đại. Mao Trạch Đông buộc phải nhận thức lại sự phân định của cục diện thế giới.

Mao Trạch Đông vận dụng luận điểm “khu vực trung gian” của ông làm tư tưởng chỉ đạo cho việc phân chia lực lượng quốc tế, theo đó các nước xã hội chủ nghĩa ở một đầu, đế quốc Mỹ ở đầu, đế quốc Mỹ ở đầu bên kia (hai bên ở vào thế đối địch), ở giữa là “rất nhiều nước tư bản và nước thuộc địa, nước nửa thuộc địa của ba châu Âu, á, Phi”.

Năm 1956, sau khi xảy ra sự kiện kênh đào Suez, Mao Trạch Đông phân định “khu vực trung gian” thành “đế quốc loại hai Anh, Pháp” và “các dân tộc áp bức”. “Nhân dân nhật báo” năm 1964 khi trình bày tư tưởng này của Mao Trạch Đông đã gọi một cách rõ ràng hai bộ phận này là “khu vực trung gian thứ nhất” và “khu vực trung gian thứ hai”.

Từ 1969 đến 1971, Mao Trạch Đông đã bỏ ra 5 năm ấp ủ, suy nghĩ, cuối cùng vào tháng 2 năm 1974, khi trao đổi với Tổng thống Dambia Caunda sang thăm Trung Quốc, ông chính thức nêu ra tư tưởng chia “ba thế giới”:

“Tôi thấy Mỹ, Liên Xô là thế giới thứ nhất. Phái trung gian Nhật Bản, Châu Âu, Canada là thế giới thứ hai. Chúng ta Á, Phi, Mỹ la tinh là thế giới thứ ba”.

“Thế giới thứ ba dân số rất đông. Châu á trừ Nhật Bản ra thì đều là thế giới thứ ba, toàn bộ châu Phi là thế giới thứ ba, châu Mỹ la tinh là thế giới thứ ba”.

Quan điểm “ba thế giới” có phải do Mao Trạch Đông đầu tiên sáng tạo ra không? Không phải như vậy. Nhà kinh tế học Pháp Anphrét Sôvi năm 1956 lần đầu tiên đã dùng từ “thế giới thứ ba” để chỉ các quốc gia không chiếm vị thống trị trên thế giới. Trong cuốn thứ chín “Bách khoa toàn thư nước Anh” giải thích: “Thế giới thứ ba” có nguồn gốc từ danh từ “tập đoàn thứ ba” dùng để phân biệt với các nước Cộng sản và các nước công nghiệp phương Tây; vào những năm 50 - 60 dùng chỉ chung các nước thuộc địa ở Châu á và châu Phi hoặc các nước phi công nghiệp hóa. Năm 1966 một giáo sư xã hội học đại học Oasinhton trong cuốn “Ba thế giới trong giai đoạn phát triển” cho rằng: thế giới do Hoa Kỳ thống trị là “thế giới thứ nhất”, bao gồm các nước đồng minh Châu Âu và các nước vệ tinh ở các vùng trên thế giới; thế giới do Liên Xô thống trị là “thế giới thứ hai”, chủ yếu ở Đông Âu và Châu á; “thế giới thứ ba” là các nước không liên kết ở khu vực á, Phi, Mỹ la tinh, thông thường bao gồm các nước có các thể chế kinh tế khác nhau từ Angiêri đến Nam Tư và các thể chế chính trị khác nhau từ Ấn Độ đến Trung Quốc. Theo cách phân định

này, Trung Quốc với thuộc thế giới thứ hai, sau khi Trung - Xô chia rẽ, mới trở thành nước thế giới thứ ba.

So sánh hai cách phân chia, thì cách phân chia của Mao Trạch Đông rõ ràng là khoa học hơn.

Đặng Tiểu Bình giới thiệu quan điểm mới của Mao Trạch Đông.

Tháng 4 năm 1974, Đặng Tiểu Bình với tư cách trưởng phái đoàn Trung Quốc tham dự phiên họp đặc biệt khóa sáu Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, đã lần đầu tiên giới thiệu tư tưởng chiến lược mới này của Mao Trạch Đông. Ông nói: “Nhìn vào sự thay đổi trong quan hệ Quốc tế, thế giới hiện nay trên thực tế đang tồn tại ba phương diện, ba thế giới gắn bó với nhau đồng thời lại mâu thuẫn với nhau. Mỹ, Liên Xô là thế giới thứ nhất. Các nước đang phát triển ở á, Phi, Mỹ la tinh và các nước phát triển ở vào giữa hai khối kia là thế giới thứ hai”.

Đặng Tiểu Bình nói: “Trước tiên, Xô - Mỹ đều là nước siêu lớn bá quyền, là nơi khởi nguồn của chiến tranh thế giới mới, hai nước đều có rất nhiều vũ khí hạt nhân, họ tiến hành chạy đua vũ trang gay gắt, đưa quân đi đóng ở nước ngoài, xây dựng căn cứ quân sự ở nhiều nơi, đe dọa độc lập và an ninh của tất cả các nước. Họ liên tục tiến hành khống chế, lật đổ, can thiệp và xâm lược đối với các nước khác. Họ đều bóc lột kinh tế các nước khác, cướp đoạt của cải tài nguyên nước khác. Vì thế, họ là “thế giới thứ nhất”.

Đặng Tiểu Bình nói tiếp: “Đồng đảo các nước đang phát triển, tuyệt đại đa số các nước này trước kia là thuộc địa và nước phụ thuộc của chủ nghĩa đế quốc bị chủ nghĩa Hộ bị chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc áp bức và bóc lột lâu dài. Tuy họ đã giành được độc lập về chính trị, nhưng đều đang đứng trước nhiệm vụ lịch sử là quét sạch thế lực tàn dư của chủ nghĩa thực dân, phát triển kinh tế dân tộc, củng cố độc lập dân tộc. Những nước này bị áp bức nặng nề nhất, yêu cầu chống áp bức, mưu cầu giải phóng và phát triển cũng mãnh liệt nhất. Họ là lực lượng chính chống chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa đế quốc, nhất là những nước tiêu hóa lớn. Chúng tôi gọi là “thế giới thứ ba”.

Các nước phát triển ở giữa các nước siêu lớn và các nước đang phát triển, Trung Quốc gọi họ là “thế giới thứ hai”. Trong đó một nước vốn là đế quốc thực dân cũ nhưng hiện giờ lực lượng đã suy yếu nhiều, song “tới nay họ vẫn duy trì quan hệ thực dân dưới các hình thức khác nhau đối với các nước thế giới thứ ba”. Đặc điểm chung của tất cả các nước trong thế giới thứ hai, về mặt kinh tế tuy không giống hai nước siêu lớn, nhưng đều tương đối phát triển, về mặt chính trị, “trên mức độ nhất định, họ đều chịu sự kiểm soát, đe

doạ hoặc ức hiếp của nước siêu lớn này hoặc siêu lớn kia... những nước này trên những mức độ khác nhau đều có yêu cầu thoát khỏi sự nô dịch hoặc ức hiếp của những nước siêu lớn, bảo vệ độc lập quốc gia và lãnh thổ hoàn chỉnh”.

Đồng thời Đặng Tiểu Bình cũng tuyên bố với thế giới: “Trung Quốc hiện nay không phải và tương lai cũng sẽ không làm nước siêu lớn”, Trung Quốc thuộc thế giới thứ ba, trong 5 nước thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc, Trung Quốc là nước thứ ba duy nhất, là người bạn và người phát ngôn kiên định của tất cả những nước trong thế giới thứ ba.

Chia ba thế giới là kim chỉ nam cho sách lược ngoại giao của Trung Quốc. Bắt đầu từ năm 1974, ngoại giao của Trung Quốc bước vào quỹ đạo liên hệ chặt chẽ và đoàn kết với thế giới thứ ba, tranh thủ thế giới thứ hai, đấu tranh với thế giới thứ nhất.

Chương X

Quan hệ Trung - Xô đóng băng quan hệ Trung - Mỹ khởi sắc. Níchson thăm Trung Quốc làm chấn động thế giới, Mátxcova nén giận đón vị tổng thống Mỹ đầu tiên.

I. VỊ KHÁCH BÍ ẨN CỦA ĐIỀU NGƯ ĐÀI

Níchson phái Kítsinhơ bí mật đi thăm Trung Quốc.

Khoảng 1 giờ chiều mồng 9 tháng 7 năm 1971, một đoàn xe con từ Mộc Tê chạy lên phía bắc rẽ theo đường Tam Lý Hà rồi ngoặt sang phía tây, từ từ tiến vào chiếc cổng chẳng lấy gì làm đẹp mắt lắm. Đoàn xe lần lượt dừng lại trước một tòa lầu. Một nhân viên phục vụ trẻ tươi cười don đả ra đón một vị khách vào. Mấy ngày sau, khi vị khách bí ẩn kia rời Bắc Kinh, qua dư luận thế giới xôn xao, người ta mới biết vị khách đó là Kítsinhơ.

Kítsinhơ từng là giáo sư trường Đại học Havót, giờ là cố vấn đặc biệt về an ninh quốc gia của Tổng thống Mỹ. Trước khi Níchson bổ nhiệm vào chức vụ này, ông ta và Níchson chẳng có quan hệ gì, thậm chí ông ta có khi còn chống lại Níchson. Sau khi được tiến sĩ vào Nhà Trắng, với tinh lực dồi dào và tài năng xuất chúng, ông tung hoành dọc ngang, tham gia luận bàn quốc sự, nhanh chóng trở thành nhân vật quyền thế số 2 của nước Mỹ. Lần này ông bí mật sang Trung Quốc là để chuẩn bị cho chuyến đi thăm chính thức Trung Quốc của Tổng thống Mỹ Níchson.

Chu Ân Lai phái người đi đón tiếp.

Theo kế hoạch, chuyến thăm mang tính chất thăm dò này của Kítsinhơ đi vòng theo đường Pakixtan, đáp máy bay của Hãng hàng không Pakixtan lặng lẽ tới Bắc Kinh.

Tối mồng 7 tháng 7 năm 1971, Tổng thống Pakixtan Dia Un Hác thiết tiệc các vị khách Trung Quốc tại phòng tiệc lộng lẫy mang đậm phong cách Ixlam trong Phủ Tổng thống.

Khách Trung Quốc được mời dự gồm có, Chương Văn Tấn, Vương Hải

Dung, Đường Văn Sinh, Đường Long Bàn là các đại diện của Bộ Ngoại giao Trung Quốc có nhiệm vụ bí mật đón tiếp Kítsinhgơ; Trương Đồng đại sứ Trung Quốc ở Pakixtan; Từ Bá Linh, Lưu Chí Nghĩa, Vương Kim Lượng - ba nhân viên làm nhiệm vụ hoa tiêu, báo vụ trên máy bay. Về phía chủ gồm Tham mưu trưởng lục quân tướng Halét, Bí thư ngoại giao Sunthan và một số cán bộ quân sự, chính quyền như Bí thư quốc vụ, Chủ tịch Ủy ban an ninh v.v...

Trong bữa tiệc, Tổng thống Dia Un Hác hết lời ca ngợi khí phách lớn lao của chủ tịch Mao Trạch Đông và Thủ tướng Chu Ân Lai, hai nhà chính trị và ngoại giao trong việc phát triển quan hệ Trung-Mỹ. Tổng thống Dia Un Hác là bạn của người Trung Quốc, cũng là bạn của người Mỹ. Ông ta lấy làm vinh dự khi được người lãnh đạo hai nước Trung-Mỹ tín nhiệm nhờ truyền đạt tin tức, sắp xếp cuộc gặp gỡ Trung-Mỹ nhằm phát triển quan hệ hữu nghị giữa hai nước.

Trong thời gian này, Dia Un Hác còn đích thân thu xếp để đại sứ Trung Quốc ở Pakixtan Trương Đồng được tự do ra vào Phủ Tổng thống. Trương Đồng trực tiếp đưa thư từ của người lãnh đạo Trung Quốc cho Dia Un Hác, ông ghi tóm tắt rồi bỏ vào phong bì riêng, dán kín đưa cho người liên lạc mang sang Mỹ giao cho đại sứ Pakixtan ở Mỹ. Đại sứ Pakixtan không được phép bóc thư mà phải đích thân trao tận tay Níchson hoặc Kítsinhgơ.

Trước đây ít lâu, biết tin đích xác Kítsinhgơ sẽ từ Ixlamabát bí mật tới Bắc Kinh, Dia Un Hác đích thân sắp đặt kế hoạch cho chuyến đi, giao nhiệm vụ cho Sunthan, Bí thư quốc vụ ngoại giao (tương đương với Bộ trưởng Ngoại giao phụ trách công việc cụ thể. Từng chi tiết trong kế hoạch đều được Dia Un Hác xem xét cân nhắc cẩn thận Dia Un Hác không những dành cho Kítsinhgơ chiếc chuyên cơ Bôinh 707 của hãng hàng không Pakixtan dùng cho chuyến bay bí mật mà còn giao cho viên phi công tin cậy chuyên lái cho mình lái chiếc chuyên cơ đó.

Ngày 3 tháng 7, Chu Ân Lai cho một chuyên cơ IL-18 của Trung Quốc bí mật đưa Từ Bá Linh, Lưu Chí Nghĩa và Vương Kim Lượng đến thủ đô Pakixtan. Để tránh con mắt nghi ngờ của bên ngoài, chiếc chuyên cơ sau đó quay lại Bắc Kinh ngay. Ba nhân viên xuống máy bay ở bãi đỗ máy bay quân sự được canh phòng nghiêm ngặt. Phía Pakixtan đã chuẩn bị từ trước, họ không phải làm thủ tục gì vừa xuống đến nơi họ được một sĩ quan cao cấp hướng dẫn lên luôn ô tô về thẳng sứ quán Trung Quốc. Ngày 4 tháng 7, ba nhân viên này gặp gỡ các phi công Pakixtan ở sứ quán Trung Quốc để cùng nghiên cứu kỹ lưỡng kế hoạch cho chuyến bay thử. Ba người giới thiệu tỉ mỉ

với phi công Pakixtan đường bay, thiết bị dẫn đường và tình hình sân bay ở Bắc Kinh. Ngày 6 thứ 7, chiếc chuyên cơ Bôinh 707 của hãng hàng không Pakixtan do phi công Pakixtan lái và nhân viên hàng không Trung Quốc dẫn đường đã hạ cánh an toàn xuống sân bay quân sự Nam Uyển, Bắc kinh.

Theo sự sắp đặt của Thủ tướng Chu Ân Lai, 4 đại biểu của Bộ Ngoại giao là Chương Văn Tấn, Vương Hải Dung, Đường Văn Sinh và Đường Long Bân đã đợi sẵn ở sân bay Nam Uyển. Tiếp đầu xong chiếc chuyên cơ Bôinh 707 lập tức bay về Ravanpindi, hoàn thành thuận lợi nhiệm vụ chuyển bay thử.

Trong bữa tiệc, khi biết Từ Bá Linh đã nhiều lần lái chuyên cơ cho Thủ tướng Chu Ân Lai, Tổng thống Dia.Un.Hác nói vui: “Giả sử Thủ tướng Chu Ân Lai đi thăm Châu Âu qua đường Pakixtan, chúng tôi nhất định mời ông đến thăm Pakixtan. Nếu Thủ tướng không nhận lời, tôi sẽ lệnh cho tất cả máy bay tiêm kích bay lên chặn máy bay ông lại buộc phải hạ cánh xuống Ixlamabat. Ông báo cáo với Thủ tướng, tôi sẽ xử lý như vậy là vì người Pakixtan rất nhớ ông”.

Vị Tổng thống xuất thân từ quân nhân này đã dùng cách riêng của mình biểu đạt lòng mến mộ đối với Thủ tướng Chu Ân Lai.

Sau khi tin Kítsinhơ bí mật tới thăm Trung Quốc được chính thức công bố, không ít tờ báo phương Tây cho rằng qua vụ này Tổng thống Dia.Un.Hác vớ được nhiều lợi lộc, điều đó chỉ là phỏng đoán và bịa đặt. Tổng thống Dia.Un.Hác, người đã vắt óc vạch ra kế hoạch phức tạp, mạo hiểm cho chuyến đi bí mật nổi tiếng trong lịch sử ngoại giao hiện đại này, không hề đòi Trung Quốc hay Mỹ bất kể sự báo đáp nào.

Bỏ lỡ mất tin giết gán hàng đầu thế giới

Ba rưỡi sáng ngày 9 tháng 7, Sântan và Phran đã tới Nhà khách Chính phủ nơi Kítsinhơ ở đúng như kế hoạch. Suốt đêm ngủ chập chờn, nhưng Kítsinhơ cũng đã dậy. Ăn điểm tâm xong đúng 4 giờ, đoàn của Kítsinhơ được Sunthan tháp tùng lên một chiếc xe quân sự của Pakixtan chạy đi sân bay quân sự Sacara. Trước khi ra khỏi nhà, để đề phòng người đi đường ngẫu nhiên nhận ra Kítsinhơ, đại sứ Phran nói với Kítsinhơ:

- Không được. Bộ dạng ngài mọi người quen quá rồi, phải thay đổi đi một chút!

Kítsinhơ đành phải đội một chiếc mũ lưỡi trai to và đeo một cặp kính đen. Sântan ngắm nghía Kítsinhơ rồi cười bảo:

- Quả thực bây giờ khó mà nhận ra ngài là Kítsinhơ rồi.

Kítsinhơ ra đi quá gấp gáp quên cả mang theo quần áo lót để thay, nhưng ông không quên gửi điện cho Tổng thống.

Chiếc xe chở đoàn của Kítsinhơ lặng lẽ chạy ra khỏi thành phố Ixllamabat đúng vào lúc mọi người đang ngủ say, người đi đường cũng rất ít.

Kítsinhơ và Sunthan ngồi cùng một xe. Sunthan muốn nói mấy lời chúc mừng, song thấy Kítsinhơ đang trầm đi không nói năng gì nên lại thôi.

Tối sân bay, xe của họ được đặc cách chạy thẳng đến chỗ đỗ máy bay. Chiếc máy bay chở Kítsinhơ khi đến đỗ ở khu hàng không dân dụng của sân bay. Phía sau nó, tại khu hàng không quân sự chiếc máy bay đã bay thử của Công ty hàng không quốc tế Pakixtan đang đỗ chờ ở đó.

Béchơ phóng viên của tờ Tin điện hàng ngày Luân Đôn thường trú ở Pakixtan lúc này cũng đã có mặt ở sân bay. Béchơ từng làm việc ở Bộ Ngoại giao Pakixtan, nhưng đã rời khỏi ngành ngoại giao nhiều năm nay. Khi đoàn người từ xe con bước ra đi tới thang máy bay, Béchơ thoát trông đã nhận ra ngay Kítsinhơ.

Máy bay khởi động, tiếng động cơ nổ giòn.

Béchơ vô cùng ngạc nhiên. Đúng là dáng người to béo của Kítsinhơ. Béchơ ghé sang người phụ trách sân bay hỏi:

- Người kia không phải là Kítsinhơ sao?

- Đúng rồi!- Người phụ trách sân bay buột miệng đáp, vô tình đã làm lộ điều cơ mật.

- Ông ấy đi đâu thế nhỉ?

- Trung Quốc.

Béchơ vô cùng sững sốt:

- Ông ấy đi Trung Quốc làm gì?

- Tôi không rõ. - Nói xong người phụ trách sân bay bỏ đi.

Vô tình vỡ được một tin vô cùng quan trọng, Béchơ mừng quýnh quay đầu đông thẳng. Nghe nói, Béchơ vội phát ngay về tòa soạn ở Luân Đôn một bức điện khẩn:

Từ sân bay Ravanpindi, tôi được tin Tiến sĩ Kítsinhơ, cố vấn đặc biệt về an ninh quốc gia của Tổng thống Mỹ và một số người Mỹ khác 4 giờ sáng ngày 9 tháng 7 đã đi Bôinh-707 của Công ty hàng không quốc tế Pakixtan bay đi Trung Quốc.

Nghe đâu, sự việc này về sau trở thành câu chuyện đùa tếu trong giới báo chí trên phố Hạm đội ở Luân Đôn. Biên tập viên trực ban của báo "Tin điện hàng ngày" cầm bức điện lên đọc rồi lại đặt xuống. Cái tin lạ lùng này

làm ông ta vô cùng ngạc nhiên đến nỗi không dám tin nữa. Đọc xong bức điện, ông ta lại đọc lại, cuối cùng lắc đầu, chửi: “Cái con lợn ngu xuẩn Béchơ này đúng là uống say rồi. Kítsinhơ sao lại đi Trung Quốc được, ông ta không muốn sống à? Hoang đường!”

Anh chàng biên tập viên hồ đồ này xếp bức điện có thể làm chấn động thế giới vào đồng bản thảo loại.

Kítsinhơ nghỉ ở toà lâu số 6

Thứ sáu ngày 9 tháng 7, 12 giờ 15 trưa theo giờ Bắc Kinh, chiếc Bôinh-707 của hãng Hàng không Pakixtan hạ cánh xuống sân bay quân sự Nam Uyển, ngoại thành Bắc Kinh. Ra sân bay đón Kítsinhơ có Phó chủ tịch Quân ủy Trung ương Diệp Kiếm Anh, đại sứ tương lai của Trung Quốc ở Canada Hoàng Hoa, Vụ trưởng Vụ Lễ tân Hàn Tự, cán bộ phiên dịch từng học ngành hóa học ở đại học Havót Ký Triều Chú.

Diệp Kiếm Anh cùng Kítsinhơ lên chiếc “Đại Hồng Kỳ” đi vào thành phố. Kítsinhơ được bố trí ăn nghỉ ở tòa lâu số 6 Nhà khách Chính phủ Điều Ngự Đài.

Trong lâu có những tấm bình phong, những chiếc bình sứ mang đậm phong cách cổ, tao nhã. Ngoài lâu là một vườn hoa to đẹp, với những hòn giả sơn xinh xinh, những con đường nhỏ uốn lượn quanh co, bên cạnh nước chảy róc rách, khung cảnh vườn hoa cơ bản vẫn giữ nguyên diện mạo từ thời Hoàng đế Càn Long.

Sắp xếp chỗ nghỉ xong xuôi, Kítsinhơ và các cộng sự bắt đầu tắm rửa thay quần áo. Khi phát hiện bỏ quên sơ mi ở Islamabad, Kítsinhơ cuống cả lên. Lốt người nhỏ bé, sơ mi của anh ta Kítsinhơ mặc không vừa. Kítsinhơ đành phải mượn Giôn vốc người cao to mấy chiếc sơ mi. Có điều những chiếc áo này vừa dài vừa rộng, lại còn mang nhãn hiệu “Làm tại Đài Loan”.

- Chà ! Hàng Đài Loan!- Kítsinhơ đành cười pha trò- xúi quẩy rồi! Tôi lo nhất là vấn đề Đài Loan sẽ làm cho cuộc hội đàm bế tắc.

Lốt đứng bên nói:

- “Sếp” quá căng thẳng rồi!

Kítsinhơ mặc chiếc áo rộng thùng thình của Giôn, soi gương thấy như người không có cổ, tay lại quá dài. Ông đành phải gấp ống tay lên, thắt cà vạt vào.

Sau khi đến Bắc Kinh, Diệp Kiếm Anh mời đoàn dự bữa tiệc đầu tiên rất thịnh soạn. Món ăn rất nhiều, chế biến rất công phu, rất ngon, Kítsinhơ rất ngạc nhiên. Vị hậu duệ của di dân Do Thái Đức này sang sống ở Mỹ, khi

tốt nghiệp trung học chỉ có nguyện vọng lớn nhất là làm chân kế toán đã trở thành giáo sư trường Đại học Havót, đến khi vào Nhà Trắng trở thành nhân vật quyền thế số 2 của nước Mỹ, cũng chưa từng thấy bữa yến tiệc nào lại thịnh soạn sang trọng như vậy. Bữa “quốc yến” của Nhà Trắng do bếp trưởng Hăngri- Halơ bỏ ra mấy ngày chuẩn bị cũng còn thua bữa tiệc này.

Trong phòng trưng bày các dụng cụ đồ ăn nổi tiếng của Nhà Trắng lưu giữ tất cả các đồ sứ quý các đời tổng thống trước đây đã dùng, có một chiếc đĩa lớn lòng đĩa có hình một chú gà con đang rình mổ một con sâu trên quả cà chua. Đây là chiếc đĩa của phu nhân Tổng thống Hây giành riêng cho khách, vì nhìn thấy hình vẽ này khách sẽ nuốt không trôi thức ăn. Nghe đồn, phu nhân của Tổng thống Hây không muốn khách ăn nhiều. Ngược lại, người Trung Quốc thì lại liên tục gấp thức ăn cho khách Mỹ, khách ăn càng nhiều, chủ càng vui, càng hài lòng. Xem ra, ở đất nước cổ kính này, lịch sử ẩm thực đã có rất lâu đời, mà triết lý ẩm thực cũng đã thâm căn cố đế. Chủ nhân muốn thể hiện mình giàu có và hào phóng, muốn làm cho khách cũng tỏ ra mình quyền thế và cao quý.

Khi đã ăn uống thỏa thích, Kítsinhơ cao hứng pha trò: “Nghe nói, khoảng chừng vài ngàn năm trước, có một quý khách vì không được ăn no, bị đói bụng, làm cho chủ nhân bị chê trách; từ đó về sau, quý quốc quyết tâm đãi khách thật hậu hĩ để tránh đi theo vết xe đổ trước kia!”

Tiệc xong, đoàn của Kítsinhơ nhân lúc từ hững muốn ra ngoài lâu để ngắm toà thành cung của hoàng gia ngày trước. Qua lời giới thiệu của nhân viên phục vụ, các vị khách được biết Điều Ngự Đài là một trong những di tích nổi tiếng của Bắc Kinh, tính đến nay đã có hơn 800 năm lịch sử.

Đi theo con đường nhỏ uốn lượn quanh co, các vị khách Mỹ tới góc tây nam của vườn hoa, đây là khu di chỉ của hành cung đời Thanh. Hành cung bao gồm 4 khu phong cảnh, trung tâm của mỗi khu là một công trình kiến trúc chính của hành cung. Trên cửa chính của mỗi công trình kiến trúc đều có biển đề tên Trùng Y Đình, Tiêu Bích Hiên, Dưỡng Nguyên Trai và Điều Ngự Đài, kèm theo bút tích đề thơ của vua Càn Long. Toàn bộ khu di tích này vẫn giữ nguyên diện mạo của thời xa xưa đó.

Đi theo dòng nước quanh co trong xanh chảy từ đầm Ngọc Uyển ra, đoàn khách định quay về nơi ở, nhưng vừa đến một cây cầu nhỏ thì bị lính gác lễ phép ngăn lại. Kítsinhơ đâu có biết họ đã xộc vào “cấm địa” của Giang Thanh. Trong thời kỳ cách mạng văn hóa”, cánh cửa của Nhà khách Chính phủ hầu như lúc nào cũng đóng chặt, nơi đây rất vắng vẻ. Một số toà

lầu kiểu biệt thự trở thành nơi ở của “lũ bốn tên”. Giang Thanh chiếm toà lầu số 10. Trong những năm đó, Giang Thanh phá hoại đi để trồng lúa mì, trồng hoa hướng dương, các thảm cỏ biến thành nơi Giang Thanh trồng rau hoặc cho ngựa đi dạo.

Cái bắt tay sau 29 năm

Được tin Thủ tướng Chu Ân Lai 4 giờ rưỡi chiều đến, đoàn khách gọi nhau đến chờ ở cửa phòng khách. Họ đứng thành một hàng ngang trước bức bình phong, người thẳng đơ, hai tay buông thõng, vể gò bó căng thẳng. Ý nghĩ cho rằng Trung Quốc là một đất nước thần bí đã làm cho họ thấy lúng túng khi sắp phải gặp nhân vật lãnh tụ của Trung Quốc.

Chiếc xe con chạy đến cửa lầu. Chu Ân Lai xuống xe ung dung bước tới chỗ mọi người đang đứng đón. Sau này, Kítsinhgơ đã viết trong hồi kí của mình: “Gương mặt ông hơi gầy, hơi xanh, nhưng tinh thần phấn chấn, đôi mắt sáng vừa kiên nghị vừa trầm tĩnh, vừa thận trọng lại vừa đầy tự tin. Ông bận bộ lễ phục kiểu Mao màu xám may rất khéo, vừa giản dị lại vừa đẹp. Cử chỉ của ông đĩnh đạc lịch sự. Điều khiến mọi người có mặt chú ý không phải là vóc người cao lớn của ông (như Mao Trạch Đông hay Đờ Gôn) mà ở vẻ mặt bề ngoài thì mềm mỏng bên trong thì cứng rắn, ở khả năng rất biết tự kiểm chế, linh hoạt như một chiếc lò xo. Ông hình như làm cho người ta cảm thấy thoải mái tự nhiên, nhưng quan sát kĩ thì không hoàn toàn như vậy”.

Kítsinhgơ đứng đón Chu Ân Lai ở cửa lầu, không đợi Chu Ân Lai bước đến trước mặt, ông đã chìa tay ra tuy động tác có phần cứng nhắc. Chu Ân Lai mỉm cười hiểu ý, dơ bàn tay phải hơi không không ra bắt tay Kítsinhgơ, nói một cách thân thiện:

- Đây là chỗ bắt tay đầu tiên sau hai mươi mấy năm giữa hai quan chức cao cấp của hai nước Trung Quốc và Hoa Kỳ.

Kítsinhgơ cũng nói:

- Đáng tiếc đây vẫn còn là cái bắt tay chưa thể công khai được ngay, nếu không, cả thế giới sẽ phải kinh ngạc.

Quả vậy, đây là cái bắt tay không bình thường sau 29 năm xa cách! Đây là cái bắt tay phân ranh giới! Có cái bắt tay này, quan hệ Trung-Mỹ từ chỗ bị gián đoạn được nối lại, từ chỗ đối địch trở thành hòa hoãn, tiến tới bình thường hóa.

IL BẢN THÔNG CÁO LÀM THẾ GIỚI KINH NGẠC

Cuộc tranh cãi về dự thảo bản thông cáo

Sau khi hoàn thành cái bắt tay lịch sử, Kítsinhơ giới thiệu các cộng sự của mình với Chu Ân Lai.

- Đây là Giôn - Kítsinhơ chỉ vào người cao lớn.

Chu Ân Lai bắt tay Giôn:

- Tôi biết, ông biết nói tiếng Bắc Kinh, còn nói được cả tiếng Quảng Đông nữa. Tiếng Quảng Đông, tôi nói cũng không thạo. Ông học ở Hồng Công phải không?

- Đây là Risót- Kítsinhơ giới thiệu tiếp.

Chu Ân Lai bắt tay Risót:

- Tôi đã đọc bài luận văn về Nhật Bản của ông đăng trong "Tập san Ngoại giao", hi vọng ông cũng viết một bài về Trung Quốc.

Uynston không đợi Chu Ân Lai hỏi đã tự giới thiệu họ tên của mình luôn:

- Tôi là Uynston Lốt.

Chu Ân Lai bắt tay Lốt lắc lắc:

- Chàng trai này trẻ quá. Chúng ta có 50% là họ hàng với nhau đấy. Tôi biết vợ anh là người Trung Quốc, đang viết tiểu thuyết. Tôi muốn đọc sách của cô ấy, rất hoan nghênh cô ấy về thăm quê hương.

Chu Ân Lai cũng pha trò với hai nhân viên bảo vệ:

- Các anh phải cẩn thận, rượu Mao Đài của chúng tôi có thể làm cho người ta say đấy. Các anh uống say về có bị kỉ luật không?

Về mặt căng thẳng, cử chỉ gò bó của những vị khách nhanh chóng tiêu tan. Họ đã bị sức hấp dẫn của Chu Ân Lai chinh phục.

Chu Ân Lai tới, cuộc hội đàm Trung-Mỹ được bắt đầu ở phòng họp trong lầu. Chu Ân Lai và Kítsinhơ ngồi đối diện nhau trên hai chiếc ghế giữa là chiếc bàn dài trải khăn màu xanh lá cây. Ngồi hai bên Chu Ân Lai là Diệp Kiếm Anh và Hoàng Hoa, tiếp theo Chương Văn Tấn, Hùng Hướng Huy, Vương Hải Dung, Đường Văn Sinh và Ký Triều Chú. Ngồi hai bên Kítsinhơ là Giôn, Risót và Uynston. Hai nhân viên bảo vệ mắt dờ dẩn đứng bên cửa sổ, lúc nào cũng kè kè bên người hai vali văn kiện cơ mật nặng trĩu. Họ tận tụy với chức trách, không muốn bỏ mặc vị đặc sứ của Tổng thống cho những người Trung Quốc chưa rõ nếp tẻ ra sao, và cũng không muốn rời mắt khỏi hai chiếc vali đựng đầy những điều cơ mật của nước Mỹ. Các nhân viên hữu quan phía Trung Quốc thấy họ đứng canh như thế quá mệt và cũng không đáng phải làm như vậy bên bảo họ nên về phòng nghỉ. Hai chàng vệ sĩ cũng cảm thấy Kítsinhơ hình như được bảo vệ rất an toàn, đành xách hai vali nặng

trịch rời phòng họp quay về phòng. Uynston mang tập tài liệu mà ông ta mất khá nhiều công sức mới soạn thảo được đặt trước mặt Kítsinhơ. Chu Ân Lai chỉ rút ra một tờ giấy đặt bên cốc nước trà. Trên tờ giấy chỉ viết mấy dòng chữ, có lẽ là đề cương của cuộc hội đàm.

Kítsinhơ trước tiên tỏ lời cảm ơn sự tiếp đón nhiệt tình của chủ nhà và nói:

- Nếu như có dịp, tôi mong được đón tiếp Thủ tướng Chu tại Mỹ cũng nồng nhiệt như thế này.

Chu Ân Lai ung dung đáp:

- Tôi chưa đi Mỹ bao giờ, và cũng chưa đến Tây bán cầu, chúng ta làm việc cùng một lúc, nhưng các ông vào ban ngày, còn tôi thì ban đêm.

Quả là danh bất hư truyền! câu trả lời rất khéo, không nói là đi, cũng không nói là không đi. Kítsinhơ lại một phen căng thẳng thần kinh. Chu Ân Lai nói tiếp:

- Theo tập quán của Trung Quốc, mời khách nói trước.

Kítsinhơ cầm bản thảo lên đọc một cách máy móc. Đọc hết đoạn mở đầu, ông ta bỏ bản thảo ra nói:

- Xu thế toàn cầu đã khiến cho chúng ta gặp nhau tại đây hôm nay. Hiện thực đưa chúng ta đến với nhau, hiện thực cũng sẽ quyết định tương lai của chúng ta. Với tinh thần đó, chúng tôi tới đất nước tươi đẹp và thần bí của các ngài.

Chu Ân Lai ngắt lời Kítsinhơ:

- Không đâu! Không có gì là thần bí cả! Quen rồi thì chẳng có gì là thần bí!

Tiếp đó Kítsinhơ nói, Tổng thống Níchson giao cho ông hai nhiệm vụ: một là, thương thảo về thời gian Níchson thăm Trung Quốc và công việc chuẩn bị cho chuyến thăm đó; hai là, thay mặt Níchson tiến hành hội đàm mang tính chất trừ bị. Sau đó ông ta nêu 7 vấn đề. Khi nói đến vấn đề Đài Loan, Kítsinhơ đưa ra 5 điểm:

1. Chính phủ Hoa Kỳ dự định sau khi chiến tranh Đông Dương kết thúc sẽ rút 2/3 quân Mỹ ra khỏi Đài Loan, và sẵn sàng giảm bớt lực lượng quân sự còn lại ở Đài Loan theo đà cải thiện quan hệ Mỹ-Trung.

2. Không ủng hộ chủ trương “hai nước Trung Quốc” hoặc “một Trung Quốc, một Đài Loan”, nhưng mong muốn giải quyết hoà bình vấn đề Đài Loan.

3. Thừa nhận Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc, không ủng hộ Đài Loan độc lập.

4. Hiệp ước Mỹ-Tường dành lại cho lịch sử giải quyết

5. Mỹ thôi không chỉ trích và cô lập Trung Quốc, Mỹ sẽ ủng hộ việc khôi phục địa vị của Trung Quốc ở Liên Hợp Quốc, nhưng không tán thành việc trục xuất đại biểu Đài Loan.

Khi nói đến vấn đề Đông Dương, Kítsinhơ cam đoan sẽ thông qua đàm phán kết thúc chiến tranh Việt Nam. Ông nói, chúng tôi sẵn sàng định ra một thời gian biểu cho việc rút các lực lượng vũ trang ra khỏi Việt Nam và Đông Dương, nhưng muốn có được một biện pháp giải quyết trong danh dự. Tiếp đó, ông còn nói đến các vấn đề: Nhật Bản, quan hệ Xô-Mỹ, Nam Á, v.v...

Kítsinhơ mới đọc xong một phần thì đã đến giờ ăn cơm tối. Bầu không khí lúc này đã hoà dịu hơn. Chu Ân Lai nói:

- Ta trao đổi ý kiến với nhau, hà tất phải như đọc sách vậy?

Kítsinhơ đáp:

- Tôi dạy ở Havót đã nhiều năm như vậy mà chưa hề dùng tới giáo án, nhiều lần cũng chỉ vạch ra đề cương cho bài giảng. Nhưng lần này thì khác, với Thủ tướng Chu, tôi đọc bài chuẩn bị sẵn còn không theo kịp hướng hồ không đọc thì càng không theo kịp ngài.

Sau bữa cơm tối, hai bên tiếp tục hội đàm. Về những vấn đề Kítsinhơ nêu ra, Chu Ân Lai thẳng thắn nói:

- Hai bên chúng ta có cách nhìn khác nhau, nói theo cách nói của chúng tôi, đó là khác nhau về thể giới quan và lập trường. Nhưng sự bất đồng đó không hề ngăn cản hai nước ở hai bên bờ Thái Bình Dương chúng ta tìm kiếm con đường chung sống thân thiện bình đẳng như ngài nói. Vấn đề trước tiên là bình đẳng, nói cách khác là sự ngang bằng nhau, mọi vấn đề cần xuất phát từ chỗ phải ngang bằng như nhau. Tôi tán thành cách nói: nhân dân hai nước Trung-Mỹ muốn thân thiện với nhau, trước đây đã thân thiện với nhau, tương lai cũng có thể thân thiện với nhau. Chúng tôi mời đội bóng bàn của các ngài sang thăm Trung Quốc là một minh chứng.

Tiếp đó, Chu Ân Lai nói đến lập trường của Trung Quốc về vấn đề Đài Loan. Ông vạch rõ, Đài Loan xưa nay là lãnh thổ của Trung Quốc, giải phóng Đài Loan là công việc nội bộ của Trung Quốc, quân Mỹ phải định kì hạn rút khỏi Đài Loan, hiệp ước Mỹ-Tường không có hiệu lực.

Nói đến vấn đề Đông Dương, Chu Ân Lai nói:

- Các bạn Mỹ cứ thích nhấn mạnh đến thể diện và sự tôn nghiêm của nước Mỹ. Các ngài chỉ có rút hết lực lượng quân sự của mình không sót một người, đó mới chính là danh dự và niềm tự hào lớn nhất của các ngài.

Cuộc hội đàm tối hôm đó, kéo dài 11 giờ 20 mới kết thúc. Sau đó, Chu

Ân Lai đi báo cáo với Mao Trạch Đông. Trong quá trình nghe báo cáo, Mao Trạch Đông nêu ý kiến của mình về những vấn đề mà Chu Ân Lai đề cập đến.

Thứ nhất, Khi Chu Ân Lai nói Mỹ còn muốn giữ lại một ít quân ở Đài Loan, Mao Trạch Đông bảo: “Khỉ muốn biến thành người song không biến được, vẫn còn sót lại cái đuôi. Vấn đề Đài Loan cũng để lại cái đuôi. Đài Loan không phải là khỉ mà là vượn, đuôi không dài.

Thứ hai, Khi nghe báo cáo Mỹ sẽ rút quân khỏi Đông Dương, Mao Trạch Đông nói: Mỹ nên quay trở lại làm người. Quân bài domino có nghĩa là gì? Kítsinhơ giỏi tiếng Anh hơn chúng ta. Để cho những quân bài đó đổ là xong. Đó là tiến hóa mà! Dương nhiên không đánh chúng không đổ, không phải chúng ta đánh mà là họ đánh. Mỹ sẽ rút quân khỏi Việt Nam, Đài Loan dừng hoảng, Đài Loan không đánh nhau, Việt Nam đang đánh nhau, người đang chết đó! Chúng ta để Níchson đến đây không thể chỉ vì mình.

Thứ ba, Khi báo cáo đến vấn đề Nhật Bản, Mao Trạch Đông nói: cứ để Kítsinhơ thổi phồng, chuyện thiên hạ đại loạn, tình thế rất tốt đẹp, không nên chỉ bàn đến những vấn đề cụ thể. Chúng ta để phòng Mỹ, Liên Xô, Nhật Bản cũng đến xâu xé Trung Quốc. Trên cơ sở đó chúng ta mời ông ta đến.

Sáng hôm sau, đoàn của Kítsinhơ do Hoàng Hoa, Hùng Hướng Huy tháp tùng đi tham quan Cố Cung và những di sản văn hóa cổ khai quật được. Sau đó họ tới “Nhân dân đại lễ đường” để tiếp tục hội đàm với Chu Ân Lai. Kítsinhơ tỏ ra rất hài lòng nghĩ rằng việc thay đổi địa điểm hội đàm chứng tỏ Chu Ân Lai đối xử rất lịch sự với ông. Khi vào hội đàm, sau vài lời hàn huyên, Chu Ân Lai nói:

- Các ngài muốn tạo dựng nền hoà bình giữa hai nước Trung-Mỹ, tạo dựng hoà bình ở Viễn Đông và hòa bình trên thế giới. Hiện giờ không thể nói đến hoà bình được vì chiến tranh vẫn đang tiếp diễn. Chẳng nói đâu xa, Phương Đông hiện nay ở Trung Quốc, Triều Tiên, Đông Dương đều đang có đánh nhau... chứ chưa nói đến Trung Đông. Thế giới hiện đang đại loạn. Chúng tôi luôn luôn phải ráo riết lo việc đề phòng, phòng đại loạn, phòng Mỹ, Liên Xô xâu xé Trung Quốc. Phòng Liên Xô chiếm phía bắc Hoàng Hà, Mỹ chiếm phía nam Hoàng Hà, cùng một lúc tấn công chúng tôi. Mà làm như vậy chúng tôi sẽ dễ dàng động viên, giáo dục thế hệ sau hơn. Chúng tôi tiến hành chiến tranh nhân dân, kháng chiến lâu dài, sau khi thắng lợi có thể tiến hành tốt đẹp hơn công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Kítsinhơ:

- Xin các ngài yên tâm, nước Mỹ muốn qua lại với Trung Quốc, quyết

không thể tấn công Trung Quốc. Mỹ và các nước đồng minh của mình quyết không thể bắt tay với đối thủ chia mũi nhọn vào Trung Quốc. Quân đội Trung Quốc dùng để đối phó với Mỹ có thể chuyển lên phía bắc, dàn thế trận ở một nơi nào đó.

Hai bên còn trao đổi ý kiến về những vấn đề khác. Cuối cùng Chu Ân Lai kiến nghị Níchson có thể thăm Trung Quốc vào mùa hè năm 1972, và cho rằng muốn cẩn thận hơn thì Níchson nên gặp gỡ lãnh đạo Liên Xô trước khi đi thăm Trung Quốc.

Kítsinhgơ nói, vẫn cứ theo trình tự đã sắp xếp là Bắc Kinh trước Mátxcova sau. Nếu Tổng thống mùa hè mới đi cách ngày bầu cử ở Mỹ quá gần, e bị nghi ngờ là nhằm tranh thủ phiếu bầu.

Chu Ân Lai nói, Níchson có thể đến thăm vào mùa xuân năm 1972 cũng được. Kítsinhgơ đồng ý. Sau đó hai bên thoả thuận buổi tối sẽ bàn về bản Thông cáo Níchson đi thăm Trung Quốc.

Kítsinhgơ hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ bí mật

Tối hôm đó, Chu Ân Lai bận thiết tiệc Đoàn đại biểu Đảng, Chính phủ Triều Tiên do Kim Chung Lân dẫn đầu nên giao cho Diệp Kiếm Anh, Hoàng Hoa, Hùng Hương Huy đi báo cáo với Mao Trạch Đông. Khi nghe báo cáo, Mao Trạch Đông nêu ra hai ý kiến:

Thứ nhất, Khi nghe báo cáo là Kítsinhgơ nói Mỹ không thể tấn công Trung Quốc, quân đội mà Trung Quốc dùng để đối phó với Mỹ có thể triển khai lên phía bắc, Mao Trạch Đông nói: Họ muốn chúng ta đưa quân đội lên phía bắc à! Trước kia chúng ta đã đánh lên phía bắc sau đó đánh xuống phía nam, bây giờ thì bắc xuống ta đánh phía bắc, nam lên ta đánh phía nam.

Thứ hai, Khi báo cáo tới việc hai bên thoả thuận dùng Pari làm kênh liên lạc, Mao Trạch Đông nói: Bản thân Kítsinhgơ nói là không thông qua bộ máy quan liêu, Vacsava là bộ máy quan liêu; vậy sứ quán của Trung Quốc ở Pari có phải là bộ máy quan liêu không? Các vị không muốn cử người thường trú, cũng không muốn cử đại biện lâm thời, chỉ dựa vào ngài Kítsinhgơ. Bây giờ đành phải nghe theo ông ta thôi, chúng ta ép người ta sao được? Thôi qua đường Pari vậy?

Khi đang báo cáo vấn đề cuối cùng là bản thông cáo thì Chu Ân Lai đến. Kítsinhgơ trên đường tới Bắc Kinh, sau đó trong hội đàm, đều nói rằng lần đi thăm này của ông ta khó giữ bí mật được lâu, cần phải ra thông cáo cho kịp thời. Vì thế cần phải bàn bạc về một bản thông cáo dùng những lời lẽ

chung của cả hai bên, và thỏa thuận công bố cùng một lúc việc Níchson đi thăm Trung Quốc. Chu Ân Lai đồng ý và chỉ định Hoàng Hoa, Chương Văn Tấn tham gia thảo luận và dự thảo bản thông cáo. Về nội dung thông cáo, Mao Trạch Đông góp ý, chẳng ai đơn phương chủ động nêu ra chuyện Níchson đến thăm Trung Quốc, mà việc đó do cả hai bên đều chủ động, đừng để cho người ta hiểu là ta muốn gặp ông ấy.

Sau khi báo cáo xong, Chu Ân Lai còn muốn ở lại một lát nữa. Mao Trạch Đông bảo: “Đồng chí chẳng đã hẹn 10 giờ thì đi sao? Thời đồng chí đi đi, kéo Kítsinhơ lại cảm thấy kì quặc. Chu Ân Lai cùng Diệp Kiếm Anh, Hùng Hưởng Huy đi gặp Kítsinhơ. Hoàng Hoa, Chương Văn Tấn giao dự thảo thông cáo cho Vương Hải Dung và Đường Văn Sinh đưa trình Mao Trạch Đông duyệt.

Khoảng 10 giờ 15, Chu Ân Lai gặp Kítsinhơ. Ông nói, thời gian quá muộn, vốn đã định không đến sau nghe nói các Ngài còn đang đợi nên lại đến. Lần này chỉ nói 3 việc: Một là, Hoàng Hoa và Chương Văn Tấn cùng phía Mỹ bàn về bản dự thảo thông cáo; hai là xác định thời gian đoàn Kítsinhơ đi ngày mai; ba là, báo cho phía Mỹ biết không được ghi âm.

Chu Ân Lai nói chừng nửa tiếng đồng hồ rồi trở về lầu số 4. Vương Hải Dung bảo Mao Trạch Đông đã đi ngủ nên bản dự thảo thông cáo chưa được duyệt. Hoàng Hoa đành phải cầm bản dự thảo đó đi bàn với Kítsinhơ, nhưng không kết quả.

Về bản dự thảo, hai bên còn tranh cãi 3 điểm: Một là, ai chủ động nêu ra việc Níchson đến thăm Trung Quốc; hai là, hội đàm sẽ thảo luận những vấn đề gì; ba là, thời gian thích hợp cho chuyến thăm.

Về điểm thứ nhất, dự thảo nói Níchson đề nghị sang thăm phía Trung Quốc mới mời. Kítsinhơ không đồng ý, với lý do viết như vậy khiến người ta coi như một khách du lịch. Chu Ân Lai cân nhắc, nếu nói Níchson đề nghị sang thăm phía Trung Quốc mới mời thì bề mặt Mỹ quá, bèn đổi thành “được biết” ông ta muốn sang thăm, chúng tôi mời, sẽ tránh được vấn đề ai là người chủ động.

Về những vấn đề sẽ thảo luận trong cuộc hội đàm, sau, câu “nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước” thêm “trao đổi ý kiến về những vấn đề mà hai bên cùng quan tâm”, như vậy là không chỉ thảo luận vấn đề Đài Loan.

Về thời gian sang thăm, sửa lại là “trước tháng 5”, không nói cụ thể ngày tháng để dễ sắp xếp.

Sáng hôm sau, Mao Trạch Đông dậy rất sớm. Xem xong bản dự thảo thông cáo, ông tỏ ra rất hài lòng nói, “trao đổi ý kiến về những vấn đề hai bên

cùng quan tâm” viết rất hay, nếu không hình như chúng ta chỉ quan tâm những vấn đề của chúng ta. Về thời gian sang thăm, theo Mao Trạch Đông, “thông cáo này công bố ra sẽ gây chấn động thế giới, Níchson có thể không đợi đến tháng 5 mới đi, đến sớm một chút cũng tốt thôi”.

Dự thảo đã được Mao Trạch Đông duyệt, Chu Ân Lai 9 giờ 40 để Hoàng Hoa đến gặp Kítsinhơ bàn thêm. Xem dự thảo xong, Kítsinhơ cho rằng phía Trung Quốc đã đặt mình vào vị trí của đối phương để xem xét ý kiến của Mỹ, rất sát với những yêu cầu của Mỹ đưa ra nên đồng ý ngay, chỉ thêm từ “vui vẻ” vào trước nhận lời mời”.

Nguyên văn bản thông cáo như sau:

Thủ tướng Chu Ân Lai và Tiến sĩ Kítsinhơ cố vấn an ninh của Tổng thống Níchson đã tiến hành hội đàm ở Bắc Kinh từ ngày 9 đến 11 tháng 7 năm 1971. Được biết, Tổng thống Níchson từng tỏ ý muốn thăm nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Thủ tướng Chu Ân Lai thay mặt Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa mời Tổng thống Níchson sang thăm Trung Quốc vào thời gian thích hợp trước tháng 5 năm 1972. Tổng thống Níchson đã vui vẻ nhận lời mời.

Cuộc gặp gỡ giữa người lãnh đạo hai nước Trung-Mỹ là nhằm bình thường hóa quan hệ giữa hai nước, và trao đổi ý kiến về những vấn đề hai bên cùng quan tâm.

Bản thông cáo tuy không quá 200 chữ, nhưng từ lúc khởi thảo đến lúc thỏa thuận được với nhau quả là không dễ dàng, đã mất rất nhiều công sức. Hai bên thống nhất sẽ cùng công bố vào ngày 15 tháng 7 năm 1971. Ngày 11 tháng 7, sau khi ăn cơm trưa xong, đoàn của Kítsinhơ vui vẻ lên chiếc máy bay đi lần trước trở về Pakixtan. Pakixtan. Kítsinhơ rất hài lòng về chuyến thăm bí mật này. Ông nói, ông mang theo niềm hi vọng tới thăm Trung Quốc, và mang theo tình hữu nghị từ Trung Quốc trở về”. Kết quả của chuyến thăm “đã vượt quá sự mong đợi của ông”, “họ đã hoàn thành mỹ mãn sứ mệnh bí mật của mình”.

Ngày 15 tháng 7, khi Thông cáo được công bố quả đã làm kinh động cả thế giới.

III. PARI BÍ MẬT CHỈ BA NGƯỜI BIẾT

Vị “khách” của sứ quán

8 giờ 20 sáng ngày 19 tháng 7 năm 1971, một chiếc ô tô con mang biển số CD6 lặng lẽ đỗ lại tại khúc ngoặt gần đường số 5 Gioócgior. Cửa xe mở

một sĩ quan Mỹ cao lớn từ trong xe chui ra.

Ông ta giả bộ như không có việc gì, thông thả đi về phía sứ quán Trung Quốc.

Khi sắp tới nơi, ông ta tự nhiên bước chậm lại ngắm nghía toà dinh thự xa lạ. Toà dinh thự nằm giữa một vườn hoa cách mặt đường một đoạn. Toà nhà có tường cao vây quanh, hàng lan can sắt gần đường cũng rất cao. Cổng ra vào còn gắn thêm tấm kim loại, chắc là để phòng người đi đường tò mò nhòm vào chẳng!

Thấy xung quanh không có ai qua lại, ông ta bước nhanh về phía cổng. Cửa lớn khép bờ. Một chàng thanh niên Trung Quốc bận áo Tôn Trung Sơn, đeo kính khá nặng xuất hiện trước mặt khách.

Vị khách dùng tiếng Pháp chậm rãi nói:

- Tôi là Vôn, võ quan Mỹ, tôi mang thư của Tổng thống nước tôi gửi cho Chính phủ quý quốc.

Chàng thanh niên Trung Quốc chìa tay về phía khách và cũng nói bằng tiếng Pháp;

- Tôi là Vi Đông, trợ lý của Đại sứ, mời ngài đi theo tôi.

Vi Đông dẫn khách đi qua vườn hoa tới cửa chính toà dinh thự. Bí thư thứ nhất Tào Quế Sinh đã chờ sẵn ở đấy, đưa khách vào phòng khách.

Đây là một phòng lớn mang đậm phong vị Trung Quốc, trên tường trang trí toàn bằng lụa đỏ. Vi Đông và Tào Quế Sinh bày thức ăn và đồ uống trước mặt khách.

Lát sau, Đại sứ Hoàng Trấn từ trên lầu xuống đi vào phòng khách bắt tay khách.

Đại sứ người cũng cao lớn, sắc mặt hơi đỏ, vài sợi tóc bạc dựng đứng. Điều tương phản thú vị giữa khách và chủ là trên gương mặt của khách chỗ nào lõm vào như hốc mắt, miệng thì ở chủ lại lõm ra.

Vị khách tóc xoăn tự nhiên chỉ kém Hoàng Trấn 8, 9 tuổi, nhưng thua xa về mặt từng trải, nên trước Hoàng Trấn ông ta tỏ ra không được tự nhiên.

Hoàng Trấn kéo khách ngồi xuống sòng đôi với mình trên chiếc sofa thấp, bên phải là Vi Đông, bên trái là Tào Quế Sinh. Hoàng Trấn mời khách uống trà, ông nói:

- Ông là quân nhân, tôi cũng từng là quân nhân, quân nhân với quân nhân chúng ta nhất định nói chuyện hợp nhau. Khách nhún vai dang rộng hai tay:

- Ngài là vị lão tướng từ cuộc trường chinh mà ra, trước mặt ngài tôi chỉ là chú lính nhỏ.

Hoàng Trấn lắc lắc đầu cười:

- Tôi cũng chỉ là chú lính nhỏ của Mao Chủ tịch thôi.

Họ bắt đầu chuyện chọt nghĩ ra nhân lúc cao hứng. Thái độ chân thành, nhiệt tình của Hoàng Trấn làm cho Vôn cũng tự nhiên hơn. Ông ta nói với các chủ nhân là ông ta thông thạo 8 thứ tiếng.

Hoàng Trấn tiếp lời khách:

- Hi vọng ông ít lâu nữa tinh thông cả tiếng Trung Quốc

Hai người cười vang.

Vôn ngoảnh mặt sang một bên, vẻ mặt hơi nghiêm lại:

Việc làm của tôi cần hết sức giữ bí mật, ngay cả Đại sứ Mỹ ở Pháp cũng không biết, chỉ có cô thư ký của tôi biết việc này. Bộ máy tình báo Pháp và các nhà báo không đâu là không cui vào, quen bắt bóng đèn chùm, nên tôi luôn luôn phải đề phòng.

Hoàng Trấn hiểu ý, gật đầu:

- Chúng tôi cũng thực hiện những biện pháp bảo mật nghiêm ngặt. Trong sứ quán, ngoài ba chúng tôi và cá biệt một vài người không thể thiếu được, không một ai biết việc này.

Vôn cũng gật đầu hiểu ý, đưa một phong thư cho Hoàng Trấn và nói:

- Tôi rất tin tưởng hoàn toàn không nghi ngờ gì về tài năng bảo mật của người Trung Quốc.

Hoàng Trấn nhận lời chuyển văn kiện về Bắc Kinh

Vôn nói:

- Tôi đến để chấp hành lệnh của Nhà Trắng, phục vụ cho lợi ích của nước Mỹ.

Hoàng Trấn:

- Tôi hoan nghênh sự thẳng thắn của ông. Chúng ta mỗi người đều phục vụ cho đất nước của mình, nhưng điều đó không hề cản trở chúng ta tìm được những điểm chung.

- Có việc gì, gọi bất cứ lúc nào tôi sẽ đến ngay. Vôn nói khi cáo từ Hoàng Trấn - Nếu tôi đi vắng, xin các ông tìm mọi cách qua cô thư ký để tìm tôi.

Ông ta viết số điện thoại của cô thư ký cho chủ nhân. Hai bên thoả thuận, sau này mỗi khi cần gặp nhau thì liên lạc điện thoại trước, mặt danh của Vôn là "Giôn", và ông ta sẽ tới nơi ở của Hoàng Trấn.

- Việc này vô cùng hệ trọng, chúc chúng ta hợp tác thành công. Hoàng Trấn nói với câu đó. Ông hiểu rằng cuộc gặp nên kết thúc ở đây.

Bức thư được chuyển ngay về Bắc Kinh vào lúc rạng sáng. Trước khi trở về phòng riêng, Hoàng Trấn dặn nhân viên trực ban, nếu trong nước có chỉ thị tới vào bất cứ lúc nào phải báo cho ông ngay. Về đến nửa đường ông lại quay

lại nói với Vi Đông và Tào Quế Sinh:

- Bất kể tình hình gì, không được để chậm trễ việc liên lạc với Vôn.

Kítsinhơ sắm vai đại thám tử

Đang nửa đêm Đại sứ Hoàng Trấn được báo Tiến sĩ Kítsinhơ sẽ đến chào ông.

Đại sứ cho gọi hai viên trợ lý đang mắt nhắm mắt mở đến phòng ông bàn công việc đón tiếp cụ thể. Ý kiến của ông là không thấp không cao, nhiệt tình không cầu nệ, qui cách lễ tân cao hơn đối với Vôn.

Mấy hôm bận túi bụi, Đại sứ thấy mắt hai trợ thủ của mình thâm quầng, ngay tiếng nói của họ ông cảm thấy cũng nhỏ hơn trước đây. Ông bảo họ:

- Trời chưa sáng, các cậu tranh thủ ngủ đi một lúc.

- Còn đại sứ?

- Người có tuổi ngủ ít. Các cậu phải chuẩn bị tinh thần cho tốt, đến lúc đó đừng có ngủ gật, phiên dịch nhất định phải chính xác, chỗ nào chưa rõ phải hỏi, không được ngại.

Hai trợ thủ lẳng lặng trở về phòng mình. Đại sứ rón rén đi đến phòng của họ dán lên cánh cửa một mảnh giấy trên viết mấy chữ “Tối qua làm thêm giờ, xin đường quấy rầy”, sau đó trở về phòng mình pha ấm trà uống cho tỉnh người, bật đèn bàn, cân nhắc từng câu từng chữ trong bức điện trong nước gửi sang, chuẩn bị những điểm quan trọng để trao đổi với Kítsinhơ.

Cũng lúc đó, Vôn - tùy viên quân sự sứ quán Mỹ cũng đang tập trung tư tưởng suy nghĩ một vấn đề khá hóc búa là làm sao êm thấm đưa được Kítsinhơ vào Pari. Cơ quan tình báo cáo già của Pháp khổng chế từng trạm kiểm soát, chỉ cần phát hiện Kítsinhơ đến Pari là giới báo chí làm rùm beng lên, con đường liên lạc bí mật sẽ thất bại. Vôn đành phải cầu cứu Tổng thống Pháp Pompidu. Pompidu đã nhận giúp, chỉ cho lãnh đạo chớp bu của cơ quan tình báo Pháp biết việc này.

Ngày 25 tháng 7, Vôn bố trí để Kítsinhơ xuất đầu lộ diện ở Oasinhton, sau đó lên chiếc máy bay, “Không quân số 1” của Tổng thống với danh nghĩa huấn luyện bay, rồi từ nước láng giềng của Pháp bay vào Pari. Tối hôm đó Kítsinhơ đến nghỉ tại khu chung cư nơi Vôn ở. Vôn đã dấu nhân viên quản lý để Kítsinhơ ngủ ở phòng mình, còn mình ngủ ở chỗ khác.

Sáng sớm hôm sau, Kítsinhơ và hai trợ lý ăn sáng ở chung cư, rồi vội vã đi gặp đại sứ Trung Quốc. Vì sợ người ta phát hiện, Vôn thuê một chiếc xe cà tàng của hãng xe cho thuê, tự lái lấy, Kítsinhơ đeo cặp kính đen, đội

một chiếc mũ Pháp thông thường, kéo vành mũ sụp xuống thật thấp che kín nửa mặt, trông như một đại thám tử.

Hoàng Trấn đón Kítsinhơ ở cửa phòng khách, rồi mời vào căn phòng đầy ắp tiếng nhạc Trung Quốc và mùi hương thơm dịu. Vòn kể lại chuyện họ đã tới đây ra sao, nghe xong Hoàng Trấn cười phá lên, gật đầu lia lịa:

- Ông tính toán thật chu đáo, công việc bảo mật làm rất tốt.

Vòn vui mừng ra mặt.

Hoàng Trấn mời hai người uống trà nhài Trung Quốc, ăn vài khô và mứt hạnh.

Ánh mắt Hoàng Trấn lướt qua chiếc mũ cao và đôi mắt kính to của Kítsinhơ, dừng lại một chút rồi nói:

- Chúng ta hình như đã gặp nhau ở lễ tang tướng Đờ Gôn thì phải? Kítsinhơ bóc một quả vải, vừa nhai vừa nói:

- Đúng, khi đó tôi định nói vài câu với Đại sứ, nhưng như vậy e sinh chuyện rắc rối.

- Quả có thế, khi đó thời cơ chưa chín muồi.

- Nhưng nay đã khác, Mỹ quyết định xây dựng quan hệ Trung-Mỹ trên một cơ sở mới.

Qua biểu hiện của Kítsinhơ, Hoàng Trấn cảm thấy hài lòng. Trước khi có cuộc trò chuyện tế nhị này với Kítsinhơ, Đại sứ Trung Quốc thấy tin chắc có thể nói những vấn đề mình đã suy nghĩ và lái cuộc nói chuyện đến mục tiêu đã định. Ông tiếp lời Kítsinhơ:

- Cũng như vậy, Chính phủ Trung Quốc có nguyện vọng phát triển quan hệ Trung-Mỹ trên một cơ sở mới, vì sự phát triển này chẳng những phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước mà cũng phù hợp với lợi ích của hoà bình thế giới.

Chủ khách nói chuyện về Chu Ân Lai

Đại sứ Hoàng Trấn rót rượu Mao Đài rồi đề nghị mọi người cạn chén vì sự phát triển của quan hệ Trung-Mỹ. Kítsinhơ cầm một cốc rượu đưa lên mũi ngửi, môi kề vào miệng cốc, ngửa cổ ra và cốc rượu đã hết nhẩn. Sau cặp kính, đôi mắt Kítsinhơ mơ mơ màng màng, ông chép chép miệng:

- Lại được uống Mao Đài rồi, tôi khoái nhất rượu Mao Đài và cách nấu nướng của Trung Quốc.

- Ông tỏ ra rất xúc động khi kể trong chuyến thăm bí mật Trung Quốc được cùng ăn cơm tối với Chu Ân Lai. Theo ông, Chu Ân Lai là một trong vài ba người ông gặp trong cuộc đời mình đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong

ông. Trong mắt ông, Chu Ân Lai là một con người sắc sảo, thông tuệ và kín đáo, là nhà chính trị có tầm nhìn xa, không so đo tính toán ở những chi tiết vụn vặt. Ông thích phong độ của Chu Ân Lai, đặc biệt ghi nhớ một câu nói của ông: “Hiện nay thiên hạ đại loạn, chúng ta có cơ hội kết thúc cục diện này”. Thật là kì lạ, Kítsinhơ nói những điều trên cốt để trao đổi tình cảm với Đại sứ Hoàng Trấn, nhưng sau đó bỗng nhiên hình như ông ta quên mất chuyện đó, trở nên đắm chiêu. Ông ta nhìn chiếc cốc thủy tinh trong suốt lăm lăm một mình.

- Nhưng tôi không biết trong chiếc cốc mà Thủ tướng cạn chén với tôi đựng rượu Mao Đài hay là nước trắng.

Vốn cười toét miệng còn Hoàng Trấn thì cười tủm.

Bàn vào vấn đề chính, Hoàng Trấn nói:

- Thủ tướng Chu Ân Lai đã đồng ý làm như sau: Trước khi Tổng thống Níchson sang thăm Trung Quốc, Tiến sĩ Kítsinhơ sẽ tới thăm Trung Quốc trước vào hạ tuần tháng 10. Nếu Tiến sĩ đi, chúng tôi kiến nghị ngài trước tiên đến Alaxca, rồi từ đó bay đến Thượng Hải.

Kítsinhơ vui vẻ gật đầu, cả đôi giấy da mềm mại, cứng của ông cũng kêu cọt kẹt vui tai.

- Tôi sẵn sàng đi thăm Trung Quốc trước, và sẽ đề nghị đại sứ Brúc đang chủ trì cuộc đàm phán hoà bình ở Việt Nam tại Pari cùng đi với tôi.

Hoàng Trấn vừa chăm chú lắng nghe vừa phán đoán ý tứ trong câu nói của Kítsinhơ, thấy có cái gì đó không ổn. Dẫu rằng ông rất tôn trọng người đối thoại với mình, nhưng ông vẫn cần nói rõ ý kiến của mình:

- Xin ngài thứ lỗi, do rất nhiều nguyên nhân, ý kiến đó tôi thấy khó có thể chấp nhận được.- Nói xong, ông thu người ngồi lui sâu vào phía trong salông, dáng vẻ rất kiên quyết.

Kítsinhơ không đáp lời ngay, nhưng mắt thì long lên nhìn chòng chọc vào Hoàng Trấn y như mắt cáo trong rừng đêm vậy. Ông ta vẫn cố tranh thủ:

- Đại sứ Bruc rất được Tổng thống tín nhiệm.

Hoàng Trấn gật gật đầu coi như trả lời.

Kítsinhơ nói tiếp:

- Nếu vạn nhất chúng tôi có hội đàm với nước xã hội chủ nghĩa khác, chúng sẽ báo cho các ngài ngay, đề nghị các ngài báo cho Thủ tướng Chu Ân Lai biết điều đó.

Hoàng Trấn vẫn chăm chú lắng nghe Kítsinhơ nói. Không biết do những lời nói đó hay do tác dụng của rượu Mao Đài mà mặt ông ửng đỏ. Ông

tự cảm thấy hài lòng.

Khi chia tay, ánh mắt họ tràn đầy niềm vui. Tuy họ tình cờ gặp gỡ ở nước thứ ba nhưng chỉ trong phút chốc họ cảm thấy đã chọn trúng nhau. Đúng như một nhà báo phương Tây nói, khi đó Mỹ và Trung Quốc dường như một đôi tình nhân đang say đắm nhau, đang tận hưởng sự ngọt ngào và âu lo trong khi cuốn hút nhau, theo đuổi nhau, đối với tương lai họ vừa hi vọng lại vừa lo sợ...

IV. MAO TRẠCH ĐÔNG CỬ “ÔNG LỚN KIỀU” ĐI LÀM ĐẠI SỨ Ở LIÊN HỢP QUỐC

Giây phút làm xúc động lòng người.

Ở Ottawa thủ đô Canada đêm 25 tháng 10 năm 1971. Sứ quán Rumania ở Canada đèn sáng trưng, tiệc tùng linh đình. Đại sứ Trung Quốc ở Canada Hoàng Hoa đang là khách ở đây.

Sau bữa tiệc, chủ nhà hiếu khách giữ khách Trung Quốc lại vừa uống cà phê vừa chuyện gẫu. Lúc này cuộc họp của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đang diễn ra nên tự nhiên trở thành đầu đề câu chuyện giữa chủ và khách. Họ nói ý kiến của mình về chuyện Đại hội đồng liệu có thông qua dự thảo nghị quyết về việc khôi phục địa vị và mọi quyền lợi hợp pháp của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tại Liên Hợp Quốc hay không.

Đột nhiên, cô con gái 16 tuổi của chủ nhân chạy từ gác hai xuống la to:

- Thông qua rồi! Trung Quốc đã được hơn hai phần ba số phiếu bầu!

Chủ nhân vội mời đoàn của Hoàng Hoa lên gác hai xem ti vi. Mọi người đến trước chiếc ti vi, thì thấy trên màn hình đang chiếu quang cảnh hội trường Đại hội đồng Liên Hợp Quốc: Trong đại sảnh đèn sáng trưng, hội trường sôi nổi nhộn nhịp, đại đa số đại biểu xúc động đứng cả lên, vỗ tay nhiệt liệt hoan nghênh Nghị quyết 2758 (26) của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã được thông qua. Rất nhiều đại biểu của các nước thuộc thế giới thứ ba không kìm được nổi vui mừng hô vang: “Chúng ta thắng lợi rồi!” “Trung Quốc muôn năm!”. Họ chúc mừng nhau, bắt tay nhau, ôm hôn nhau. Một số đại biểu của châu Phi và các nước árap thậm chí còn nhảy múa...

Các cảnh trên màn hình cứ thế tiếp diễn, bỗng xuất hiện một cảnh hoàn toàn khác: Đại biểu Đài Loan của Tưởng Giới Thạch mặt mày ủ rũ, lắp bắp biện bạch vài câu tiếng Anh rồi tiu ng扭头 lủi mất...

Xem đến đây, Đại sứ Hoàng Hoa vô cùng xúc động. Mục tiêu ngoại

giao mà Trung Quốc phấn đấu bao năm nay lại có bước đột phá quan trọng. Sau khi đón nhận lời chúc mừng của chủ nhân, các vị khách Trung Quốc vội trở về sứ quán. Mọi người quây quần bên nhau cùng xem tivi đang phát lại bản tin đã làm chấn động cả thế giới. ở sứ quán cách Tổ quốc vĩ đại hàng vạn dặm, đêm đó đã trở thành thời điểm khó quên của mọi người.

Tổng thống Mỹ Níchson hôm nay tinh thần có vẻ sa sút, hay bực bội. Khi Đại hội đồng Liên Hợp Quốc biểu quyết, Níchson ngồi trên sa lông ở phòng đọc sách của Nhà Trắng xem ti vi. Ông để hết tâm trí dán mắt vào chiếc titi. Một nhân viên vô tình bước vào xin chỉ thị bị ông xua tay đuổi ra. Tivi đang truyền đi cảnh đại biểu và khán giả đứng chật ních trong đại sảnh rộng thênh thang của Liên Hợp Quốc. Không khí căng thẳng, im lặng như tờ. Khi số liệu trên bảng điện tử báo dự thảo nghị quyết của Mỹ bị đánh bại, dự thảo nghị quyết của Anbani được thông qua, Níchson tức giận đến nổi gân xanh trên đầu vằn lên, cằm méo sệch. Ông ta đập mạnh xuống tay ghế, nhảy dựng lên, chạy đi tắt ti vi. Thấy anh nhân viên vừa bị đuổi ra ban nãy lại bước vào, Níchson tức giận quát anh ta:

- Thật chẳng ra làm sao! Vô lễ quá! Tôi thật sự ngạc nhiên! Diễn đàn quốc tế mà tôi tẹ như vậy, có thể sẽ làm tổn hại nghiêm trọng đến sự ủng hộ của Hoa Kỳ đối với Liên Hợp Quốc....

Cùng lúc đó, ở đầu bên kia trái đất, giữa lòng Bắc Kinh thủ đô Trung Quốc, các biên tập viên của Tân Hoa Xã vừa hối hả thu nhận hàng loạt bức điện từ ngoài gửi tới, vừa chăm chú theo dõi tình hình phiên họp Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Mọi người sống trong những giây phút căng thẳng, chờ mong. Kì tích đã xuất hiện, vào buổi sáng giờ Bắc Kinh, các hãng thông tấn lớn trên thế giới hầu như cùng một lúc phát bản tin nhanh: Đêm 25 tháng 10 năm 1971, với đa số phiếu áp đảo, Liên Hợp Quốc đã thông qua dự thảo nghị quyết của 23 nước về việc khôi phục quyền lợi hợp pháp của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Chiếm một phần tư dân số thế giới, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa lực lượng mới trỗi dậy thực sự đại diện cho nhân dân đã chính thức trở thành thành viên của tổ chức quốc tế...

Ban biên tập sôi lên sùng sục. Mọi người quên cả một đêm vất vả, khẩn trương dịch tin vui mừng đó ra Trung văn để qua làn sóng điện truyền đi khắp mọi miền của Tổ quốc.

Sự việc cách đây đã nhiều năm. Khi tác giả cuốn sách này nhắc lại chuyện cũ với người biên tập viên trực ban ngày đó, ông ta vẫn lấy làm hạnh phúc nói rằng: “đọc những dòng tin đó, tôi xiết bao xúc động, xiết bao sung

sướng”. Chứ sao, là một người Trung Quốc, là một trí thức, là người đầu tiên biết được tin khiến con cháu Viêm Hoàng⁽¹⁾ thấy tự hào, sao ông lại không vui mừng phấn khởi vì tin đó được!

Mọi người đều biết rằng, Trung Quốc là nước thành viên sáng lập ra Liên Hợp Quốc và là một trong những nước thường trực Hội đồng Bảo an. Sau khi Đảng Cộng sản lãnh đạo nhân dân lật đổ ách thống trị của Tưởng Giới Thạch, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa mới ra đời, thực sự đại diện cho lợi ích cơ bản của hàng trăm triệu nhân dân, lẽ đương nhiên phải thay thế chiếc ghế ở Liên Hợp Quốc mà bè lũ Tưởng Giới Thạch chiếm đoạt. Nhưng do Mỹ và một số nước ngăn cản nên đại diện của chính quyền Đài Loan Tưởng Giới Thạch vẫn chiếm giữ chiếc ghế đó. Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đã có rất nhiều cố gắng về ngoại giao để giành lấy sự ủng hộ của quốc tế, để đại diện cho ý chí của nhân dân Trung Quốc phát huy vai trò xứng đáng của mình trên vũ đài quốc tế.

Từ tháng 10 năm 1949 nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời đến năm 1971 giành được địa vị hợp pháp ở Liên Hợp Quốc, vừa tròn 22 năm, nước Trung Quốc mới đã trải qua một lịch trình ngoại giao gian nan, gặp ghênh, một chặng đường mà khi nghĩ lại càng thêm thấm thía.

Lập đoàn đại biểu đi Niu Ốc

Kết quả biểu quyết của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc lần này cũng vượt ra ngoài dự kiến của những người lãnh đạo Trung Quốc. Họ dự tính cũng phải một hai năm nữa mới khôi phục được chiếc ghế ở Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, nên chưa có sự chuẩn bị gì về tư tưởng và tổ chức. Ngày 24 tháng 10, trong hội đàm khi Kítsinhơ hỏi quan điểm của Chu Ân Lai về đề án Trung Quốc của Mỹ tại Liên Hợp Quốc Chu Ân Lai nói:

- Đối với Trung Quốc, vị trí của Đài Loan quan trọng hơn nhiều tư cách ở Liên Hợp Quốc. Trung Quốc không vào Liên Xô theo phương án của Mỹ “cả hai đều có đại diện”. Người Trung Quốc kiên nhẫn có thừa, có thể tiếp tục chờ đợi.

Tiến sĩ Kítsinhơ đi rồi, Chu Ân Lai được nghỉ ngơi chút ít. Buổi chiều, ông triệu tập đảng đoàn Bộ Ngoại giao và các cán bộ có liên quan tới “Nhân dân đại đường” trao đổi về vấn đề Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Chủ yếu thảo

⁽¹⁾ Tên các vị vua trong tuyển thuyết dựng nước của Trung Quốc (ND)

luận xem có cử người đi dự Đại hội đồng Liên Hợp Quốc khóa 26 đang họp ở Niu Oóc hay không? Tổng thư kí Liên Hợp Quốc Uthan đã gửi điện đề nghị Trung Quốc cử đại biểu đến dự họp, vậy Trung Quốc có đi hay không?

Trong bối cảnh đặc biệt lúc bấy giờ, bóng đen “tả” còn bao phủ khắp đất nước Trung Quốc, cho nên nhận thức về tổ chức Liên Hợp Quốc cũng không thể không mang màu sắc “tả”. Hồi đó, những người bình thường đều cho rằng Đại hội đồng Liên Hợp Quốc là diễn đàn của giai cấp tư sản, bị hai nước lớn Mỹ-Xô thao túng, người ta cho rằng, đây không phải là diễn đàn dân chủ, không phải là nơi để cho các dân tộc và nhân dân bị áp bức nói lên tiếng nói của mình. Đảng đoàn Bộ Ngoại giao Trung Quốc qua bàn bạc đi đến quyết định không đi dự, chỉ nên gửi điện cho Tổng thư kí Uthan với nội dung: cảm ơn lời mời của ông, bày tỏ sự vui mừng của phái Trung Quốc về Nghị quyết của Liên Hợp Quốc và nói rõ rằng lẽ ra phải khôi phục địa vị hợp pháp đó của Trung Quốc từ lâu; phía Trung Quốc quyết định trước mắt không cử đoàn đại biểu đi dự.

Chiều hôm đó đúng vào lúc mọi người đang thảo luận đi hay không thì Mao Trạch Đông gọi điện cho Chu Ân Lai hỏi về việc này. Chu Ân Lai báo cáo tình hình thảo luận và cho ý kiến của Đảng đoàn Bộ Ngoại giao. Mao Trạch Đông chỉ thị rất rõ phải đi. Tại sao không đi? Cần thành lập đoàn ngay. Đây là anh em da đen Châu Phi kiểu chúng ta vào, không đi tức là xa rời quần chúng - Nước ta năm nay có hai thắng lợi lớn, một là Lâm Bưu đổ, hai là khôi phục được địa vị ở Đại hội đồng Liên Hợp Quốc.

Chu Ân Lai :

- Chúng tôi ban nãy định để Hùng Hương Huy đi thăm dò tình hình xem sao. Mao Trạch Đông :

- Cử một đoàn đại biểu đi Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, để “ông lớn Kiều” làm trưởng đoàn, Hùng Hương Huy làm đại biểu, hoặc phó trưởng đoàn, họp xong hội nghị còn có thể về.

Vụ Quốc tế Bộ Ngoại giao từ một vụ buồn tẻ nhất khi đó qua một đêm đã trở nên đặc biệt quan trọng.

“Ông lớn Kiều” chính là Kiều Quán Hoa. Được Mao Trạch Đông chỉ thị và chọn tướng, công việc thành lập đoàn được tiến hành rất khẩn trương. Đây là lần đầu tiên nước Cộng Hoà Nhân dân Trung Hoa ra mắt toàn thế giới tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Công việc thành lập đoàn do Chu Ân Lai đích thân chủ trì, đoàn viên của đoàn đều báo cáo lên Mao Trạch Đông để ông đích thân xét duyệt. Được Mao Chủ tịch đồng ý, cử Cao Lương dẫn một tổ tiên trạm 5 người đi Niu oóc làm công tác tiên trạm. Khi tổ tiên trạm Cao

Lương tới Mỹ, dư luận xôn xao cứ như khách ngoài hành tinh đến, các tờ báo lớn của phương Tây đưa tin ở vị trí nổi bật trên trang nhất.

Kiều Quán Hoa viết mấy đêm liền bài phát biểu đầu tiên ở Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Ông vừa uống cà phê, vừa suy nghĩ vừa viết trong một tâm trạng phấn chấn, viết xong đưa Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai duyệt. Năm 1951 ông từng cùng với Ngũ Tứ Quyền đại diện Trung Quốc đi Niu oóc tham dự Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. do Mỹ thao túng, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc khi đó đã chỉ trích Trung Quốc xâm lược, Ngũ Tứ Quyền và Kiêu Quán Hoa đại diện cho Trung Quốc tới để tố cáo Liên Hợp Quốc. Lần này sau 20 năm, Kiêu Quán Hoa lại tới Đại hội đồng Liên Hợp Quốc với tư cách là Trưởng đoàn đại biểu của nước thường trực Hội đồng Bảo an để phát biểu với toàn thế giới. Tiếng nói của ông sẽ là tiếng nói của nước Trung Quốc mới xã hội chủ nghĩa.

Hôm sau rời Bắc Kinh thì tối hôm trước Kiêu Quán Hoa được Trần Nghị tuy đang ốm vẫn làm bữa cơm gia đình để tiễn ông, Đại sứ Trung Quốc ở Pháp Hoàn Trấn cũng đến dự để chúc mừng ông. Lão tướng Trần Nghị mở “tiệc” tiễn Kiêu Quán Hoa để bày tỏ niềm vui tự đáy lòng mình và chúc mừng ông đã mở ra một cục diện mới về ngoại giao của Trung Quốc. Lão tướng Trần Nghị và Kiêu Quán Hoa đã cộng tác với nhau nhiều năm ở Bộ Ngoại giao, đặc biệt là cùng chung hoạn nạn trong mấy năm “cách mạng văn hoá”, nên tình cảm giữa hai người rất sâu nặng.

Khi bắt đầu cuộc bạo loạn “cách mạng văn hoá”, phái tạo phản hò hét “Đả đảo Trần, Cơ, Kiêu”⁽¹⁾. Đến năm 1971, Cơ Bằng Phi, Kiêu Quán Hoa được khôi phục công tác thì lão tướng Trần Nghị bị Lâm Bưu bức hại, cảnh ngộ còn lắm gian truân tuy vậy ông vẫn quan tâm theo dõi những biến chuyển mới của tình hình quốc tế và công tác ngoại giao của Trung Quốc. Lâm Bưu từng có thời gian tước bỏ quyền ông được xem văn kiện của Bộ Ngoại giao và “tài liệu tham khảo” của Tân Hoa Xã, nhưng cũng không thể ngăn cản được tấm lòng trung thành son sắt của ông đối với Đảng, đất nước và nhân dân. Trong cuộc toạ đàm trao đổi về tình hình quốc tế giữa các vị nguyên soái cự trảo, lão tướng Trần Nghị bất chấp sự an nguy của cá nhân, đã chống lại sức ép của cánh “tả”, kiến nghị với Trung ương khai thông quan hệ Trung-Mỹ. Tháng 4 năm 1971, trong thời gian đội bóng bàn Mỹ thăm Trung Quốc,

⁽¹⁾ *Tức Trần Nghị, Cơ Bằng Phi, Kiêu Quán Hoa (ND)*

Mao Trạch Đông nghe nói có người không cho Trần Nghị xem các văn kiện của Bộ Ngoại giao, đã chỉ thị phải để ông xem. Hồi đó, ở Bộ Ngoại giao xì xào tin lão tướng Trần Nghị sắp được phục hồi, lại làm Bộ trưởng Ngoại giao. Điều đó phản ánh tâm trạng của mọi người: Mong chờ ông trở lại chủ trì công việc khi nền ngoại giao của Trung Quốc có những bước mở đầu mới mẻ.

Tháng 7 năm 1971, khi Kìt sinh gơ thăm Trung Quốc lần thứ nhất, Trần Nghị đang ung thư ruột, Kiều Quán Hoa thì lao phổi, hai người cùng nằm điều trị ở bệnh viện 301, sống với nhau cỗi mõi, chân tình, thẳng thắn trao đổi chẳng những về những biến đổi mới của tình hình thế giới mà cả về con người Lâm Bưu, khi đó Lâm Bưu còn đang ở cương vị lãnh đạo. Đầu tháng 9, Kiều Quán Hoa khỏi bệnh xuất viện. Ngày 13 tháng 9, Chu Ân Lai tìm Kiều Quán Hoa và Thôi Kỳ công tác ở Toà soạn “Nhân dân nhật báo” bảo chuẩn bị viết bản Tuyên bố về sự kiện “13 tháng 9”⁽¹⁾. Kiều Quán Hoa nghĩ ngay đến Trần Nghị, người bị Lâm Bưu hãm hại khổ nhất. Ông đến Bệnh viện 301, nét mặt tươi cười nói nhỏ với Trần Nghị:

- Lão tướng chẳng phải đã nói: “Thiện thì thiện báo, ác thì ác báo, không phải không có quả báo, chỉ chưa tới lúc mà thôi” như vậy sao? Tôi hôm nay đến chỉ để báo cho lão tướng biết quả báo tới rồi! Vì kỉ luật tôi không thể nói rõ được. Báo trước vậy để lão tướng mừng.

Trần Nghị chăm chăm nhìn Kiều Quán Hoa.

Qua vẻ mừng rỡ chưa từng thấy trên gương mặt Kiều Quán Hoa, Trần Nghị đoán được năm, sáu phần. Ông vừa mừng vừa ngạc nhiên hỏi:

- Thật vậy sao?

Kiều Quán Hoa chỉ cười:

- Tôi chỉ có thể làm cho lão tướng vui, chưa thể trả lời được.

Tinh thần phấn khởi của Kiều Quán Hoa làm cho Trần Nghị vui lây, ông cũng cười rất thoải mái.

Mấy ngày sau Trung ương chính thức thông báo cho Trần Nghị biết sự kiện “13 tháng 9”. Kiều Quán Hoa lại đến bệnh viện, ngấm cho Trần Nghị nghe bài thơ “Tái thượng khúc” mới, nhái lại bài thơ Đường “Tái thượng khúc”, trong đó có câu “Trăng mờ nhận bay cao, Lâm Bưu đêm trốn chạy...”

Nghe xong Trần Nghị tấm tắc khen hay, rồi hai người nhìn nhau cười phá lên, làm cho cô y tá trực ban ngỡ ngàng chẳng hiểu mô tê ra sao.

⁽¹⁾ Vụ Lâm Bưu dùng máy bay trốn (ND)

Lại nói, trong bữa tiệc gia đình của Trần Nghị, Trương Tây mở rượu Mao Đài để chúc mừng Kiều Quán Hoa sắp bay sang Niu Ốc. Trần Nghị lúc này các tế bào ung thư đã di căn khắp cơ thể, theo lời dặn của bác sĩ không được uống rượu, nhưng để chúc mừng hai thắng lợi của Trung Quốc vào Liên Hợp Quốc và Lâm Bưu đổ, Trần Nghị đã nhiều lần cạn chén với Kiều Quán Hoa.

Đoàn đại biểu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa bước vào hội trường Liên Hợp Quốc.

Trưa ngày 11 tháng 11, Đoàn đại biểu Trung Quốc hơn 50 người do Trưởng đoàn Kiều Quán Hoa và Phó đoàn Hoàng Hoa dẫn đầu đi máy bay tới Niu Ốc. Đây là ngày mà đại biểu của rất nhiều quốc gia bầu bạn, các bạn Mỹ, Hoa kiều yêu nước chờ mong từ lâu. Từ sớm, rất đông người đã có mặt ở sân bay, trong đó có đại biểu của 23 nước đồng tác giả bản dự thảo, các nước bè bạn, quan chức của Văn phòng Liên Hợp Quốc, đại biểu của Thị trường thành phố Niu Ốc, đại biểu của Hoa kiều cùng hơn 400 phóng viên các nước thường trú ở Niu Ốc... Họ tụ tập trên những hàng bậc cao mới đặt. Máy quay phim liên tục ghi hình, máy chụp ảnh bấm lia lịa.

Sau khi xuống máy bay, Trưởng phó Đoàn đại biểu lần lượt bắt tay mọi người ra đón tỏ lòng cảm ơn. Trưởng đoàn Kiều Quán Hoa phát biểu tại sân bay. Ông nói đại ý: Đoàn đại biểu của Trung Quốc sẽ cùng với đại biểu của các quốc gia chủ trương chính nghĩa “cùng nhau cố gắng để bảo vệ nền hoà bình thế giới và thúc đẩy sự nghiệp tiến bộ của loài người”. Ông cũng gửi đến nhân dân Mỹ những lời chúc mừng tốt đẹp, “Nhân dân Mỹ là nhân dân vĩ đại, nhân dân hai nước Trung-Mỹ vốn có quan hệ hữu nghị từ lâu. Nhân dịp này chúng tôi xin gửi đến nhân dân thành phố Niu Ốc và nhân dân cả nước Mỹ những lời chúc mừng tốt đẹp”.

Bài phát biểu của trưởng đoàn Kiều Quán Hoa tuy ngắn gọn nhưng gây được những phản ứng tích cực. Đáp lại là những tràng vỗ tay nồng nhiệt. Mọi người cho rằng, bài phát biểu đã phản ánh “thái độ tích cực” “giọng điệu ôn hoà” của Đoàn đại biểu Trung Quốc, và rằng chợ người Trung Quốc “hoà nhã dễ gần”.

Trên đường từ sân bay về khách sạn, một tốp rất đông các nhà báo và dân chúng đi theo sau Đoàn, có người cho xe chạy vượt lên trước vẫy tay chào đoàn. Ở khách sạn, rất nhiều lẵng hoa của các giới Hoa kiều mang đến bày đầy hành lang. Đoàn đại biểu đưa một lá quốc kỳ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa cho Giám đốc khách sạn đề nghị cho treo ở cửa lớn khách sạn. Bên kia đường lập tức tụ tập rất đông người chen chúc nhau đứng ngắm nhìn lá cờ đỏ 5 sao bay phấp phới.

Nghe nói, ngay từ sáng sớm hôm đó, hàng trăm Hoa kiều yêu nước

ảnh Chủ tịch Mao Trạch Đông và cờ đỏ năm sao, giương cao biểu ngữ “Nhiệt liệt hoan nghênh đại biểu của Tổ quốc chúng ta” đã tập trung ở sân bay để đón Đoàn. Họ không phải đều là người ở Niu Oóc, một số người từ các thành phố khác tới, trong đó có người già, có trẻ em, có cả một số đại diện những người Mỹ thiện chí. Chính quyền Mỹ huy động hơn 100 cảnh sát, vin có “an ninh” không cho họ đến gần Đoàn đại biểu. Tổ tiên trạm biết được tình hình đó lập tức tới phòng chỉ huy cảnh sát sân bay phản đối. Đoàn đại biểu Trung Quốc rời sân bay sẽ đi qua trước mặt đội ngũ Hoa Kiều. Như vậy, vừa thoả mãn được tấm lòng của Hoa kiều mong muốn thiết tha nhìn thấy người thân của Tổ quốc, vừa để cho Đoàn đại biểu có cơ hội vẫy chào cảm ơn bà con kiều bào.

Sau khi tới nơi, Đoàn đại biểu bắt đầu làm việc rất khẩn trương. Trưởng, phó Đoàn đến chào Tổng thư ký Uthan đang dưỡng bệnh ở bệnh viện, trình với ông giấy chứng nhận tư cách đại biểu tham dự Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Hai ông còn đến chào Malích đại biểu Indônêxia, là Chủ tịch Đại hội đồng Liên Hợp Quốc khóa đó, và rất nhiều đại biểu của 23 nước đồng tác giả của dự thảo. Kiều Quán Hoa nói thẳng với Malích: Đoàn đại biểu Trung Quốc còn chưa thông thạo lắm tình hình hiện nay của Liên Hợp Quốc, do đó chưa thể hoạt động tích cực ngay được như mọi người mong đợi. Thái độ thận trọng và tác phong khiêm tốn của Đoàn đã để lại ấn tượng sâu sắc cho mọi người.

Ngày 15 tháng 11 năm 1971 cũng là một ngày có ý nghĩa to lớn trong lịch sử Liên Hợp Quốc.

10 giờ sáng, Đoàn đại biểu Trung Quốc lần đầu tiên xuất hiện tại phòng họp của Đại hội đồng. Sự chào đón nồng nhiệt trong chốc lát đã tạo nên một không khí mới của phiên họp. Rất nhiều đại biểu tới bắt tay những người đại diện đầu tiên của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và ghi tên đăng ký lên đọc lời chào mừng. Người phát biểu rất đông, vượt xa dự kiến, nên hội nghị vốn chỉ định họp nửa ngày phải kéo dài thêm, sau nghỉ trưa, chiều tiếp tục họp cho mãi tới 6 giờ 40 phút mới kết thúc về thời gian các phiên họp của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc năm đó.

Trưởng đoàn Kiều Quán Hoa bước lên diễn đàn, trong tiếng vỗ tay nồng nhiệt. Bài phát biểu của ông trình bày toàn diện lập trường nguyên tắc của Chính phủ Trung Quốc về một loạt vấn đề quốc tế quan trọng. Ông mong muốn tinh thần của Hiến chương Liên Hợp Quốc được quán triệt thực sự. Ông một lần nữa tuyên bố Trung Quốc sẽ đứng về phía các quốc gia và nhân dân yêu chuộng hoà bình, chủ trương chính nghĩa, cùng nhau phấn đấu để bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia của các nước, bảo vệ hòa bình thế giới,

thúc đẩy sự nghiệp tiến bộ của loài người.

Đại biểu của rất nhiều nước tới chỗ ngồi của Đoàn đại biểu Trung Quốc thân thiết bắt tay chúc mừng sau bài phát biểu của Kiều Quán Hoa. Phóng viên một hãng thông tấn phương Tây nhận xét, đây là “một trong những bài nói thực sự quan trọng nhất trong lịch sử Liên Hợp Quốc ảnh hưởng của nó lan ra cả thế giới”.

Busơ đại diện cho Hoa Kỳ hoan nghênh Trung Quốc.

Chính phủ Mỹ nhiều năm nay một mực ngăn cản việc khôi phục địa vị hợp pháp của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ở Liên Hợp Quốc, nhưng nay nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đã vào Liên Hợp Quốc, đó là xu thế của tình hình chung, thêm vào đó quan hệ Trung-Mỹ lúc này bắt đầu ấm lên, Níchson cũng sắp đi thăm Trung Quốc, thế là người Mỹ cần thay đổi thái độ cho phù hợp với thực tế cần tiếp xúc với đại biểu Trung Quốc.

Cuộc tiếp xúc lần đầu tiên này đã bắt đầu như thế nào?

Tối hôm trước ngày Đoàn đại biểu Trung Quốc tham dự Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Vụ trưởng Vụ Lễ tân Liên Hợp Quốc Cônrai tiết lộ với Đoàn đại biểu Trung Quốc rằng Gioócgiơ Busơ, đại diện thường trú của Mỹ ở Liên Hợp Quốc (sau này là Tổng thống Mỹ) rất muốn gặp Trưởng đoàn Kiều Quán Hoa trước khi vào hội nghị. Cônrai đồng thời hướng dẫn cụ thể lối đi vào phòng họp lớn cho Đoàn đại biểu Trung Quốc vào sáng hôm sau. Sáng 15 tháng 11, khi Đoàn đại biểu Trung Quốc được Cônrai tháp tùng theo đường đã định đi vào phòng họp lớn, quả nhiên Busơ đang ở hành lang bên ngoài “tán gẫu” với mọi người. Cônrai nhân đó giới thiệu Busơ với Kiều Quán Hoa. Hai đại biểu của hai nước bắt tay nhau. Cuộc gặp gỡ được bố trí rất khéo léo này lập tức trở thành một tin thú vị truyền đi khắp trong ngoài hội trường. Tại phiên họp này, Busơ với tư cách chủ nhà đọc một bài diễn văn ngắn gọn hoan nghênh Đoàn đại biểu Trung Quốc. Ông ta nói, sự có mặt của đại biểu Trung Quốc “càng khiến cho Liên Hợp Quốc có thể phản ánh được hiện thực của thế giới”, mọi người trong đó bao gồm cả Hoa Kỳ, đều cho rằng “giờ phút lịch sử nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tham gia Liên Hợp Quốc đã tới”.

Một tuần sau, ngày 23 tháng 11, khi Hoàng Hoa đại diện Trung Quốc ở Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc lần đầu tiên dự Hội đồng Bảo an cũng lại diễn ra cảnh chào đón nồng nhiệt y như ở Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Đại biểu của các nước thành viên trong Hội đồng Bảo an người nọ tiếp người kia đọc lời chào mừng, thiết tha mong đợi Trung Quốc với tư cách nước

thường trực Hội đồng Bảo an phát huy hơn nữa vai trò của mình trong sự nghiệp bảo vệ hòa bình an ninh thế giới.

Trải qua một lịch trình ngoại giao 22 năm trắc trở, quyền lợi hợp pháp của nhân dân Trung Quốc cuối cùng đã được khôi phục và thừa nhận, nước Trung Quốc mới từ Bắc Kinh đi sang Niu Oóc, đi ra thế giới, xuất hiện trên vũ đài quốc tế với phong thái vốn có của mình.

V. VỊNGUYÊN THỦ PHƯƠNG TÂY ĐẦU TIÊN TRONG LÃNG NGUYÊN THỦ

Níchson bắt tay Chu Ân Lai trước.

Mùa xuân năm 1972 đang tới dần cuộc đi thăm Trung Quốc lần đầu tiên của một vị Tổng thống Hoa Kỳ đã làm ấm lên quan hệ Trung-Mỹ băng giá suốt 22 năm trời.

Ngày 21 tháng 2, thời tiết ở Bắc Kinh âm u se lạnh như ở Mỹ. Khi chiếc chuyên cơ "Tinh thần 76" chở Níchson bay qua Thái Bình Dương xuất hiện trên bầu trời thủ đô nước Cộng hoà Nhân dân thì vừa hay mặt trời ló ra khỏi những lớp mây dày đặc chiếu sáng khắp nơi. Níchson nhìn qua ô cửa máy bay thấy đồng ruộng một màu vàng xám, làng xóm thị trấn nhỏ xíu giống như trong bức tranh quê, thời trung thế kỉ ông đã được xem. Người Mỹ làm việc rất cẩn thận. Ngày 3 tháng 1 Hâyơơ phó trợ lý an ninh quốc gia của Tổng thống đã tới Bắc Kinh mang theo một đoàn cán bộ kỹ thuật rất đông để làm công tác tiền trạm.

Đoàn tiền trạm xây dựng một đài tiếp sóng truyền hình ở sân bay Thủ đô và chuẩn bị những công việc khác. Họ phải xác định đoạn đường máy bay Tổng thống sẽ lần bánh và vị trí đỗ, cửa máy bay mở ra hướng nào; Tổng thống xuống máy bay ở điểm nào; thang máy bay đặt ở góc độ nào! Tất cả những cái đó đều được đo đạc cẩn thận bằng thước dây rồi đánh dấu cố định lại. Ngay cả chi tiết bánh trước của máy bay dừng lại ở tấm bê tông nào, bánh chính đè ở điểm nào, sau khi đo đạc xong nhất nhất phải được đánh dấu cẩn thận.

11 giờ 10 sáng, một chiếc máy bay của đoàn hạ cánh trước.

20 phút sau, chuyên cơ của Tổng thống bình yên đỗ lại trước nhà chờ máy bay theo đúng chỗ đã định. Cửa máy bay mở, Tổng thống Níchson mặc măng tô cùng phu nhân Tổng thống khoác áo choàng đỏ từ trong cửa máy bay bước ra. Thật bất ngờ cho vị Tổng thống Hoa Kỳ này, cuộc đón tiếp ở sân bay diễn ra rất lạnh nhạt, không có quần chúng nhảy múa vỗ tay hoan hô, không có thảm đỏ đón nguyên thủ quốc gia, không có đại bác bắn chào, chỉ

có một lá cờ Mỹ và một lá cờ đỏ năm sao sóng đôi phấp phới bay trên bầu trời sân bay.

Khi đó Trung-Mỹ chưa thiết lập quan hệ ngoại giao cho nên Trung Quốc chỉ có thể đón tiếp vị Tổng thống Mỹ lần đầu tiên đến thăm Trung Quốc với nghi lễ phù hợp với tình hình lúc đó. Chu Ân Lai đứng ở chân cầu thang máy bay trong gió lạnh đầu không đội mũ. Chiếc áo măng tô dày cộp cũng không đủ nổi ấm thân gầy yếu của ông. Đứng sát sau ông là các vị lãnh đạo Lý Tiên Niệm, Diệp Kiếm Anh và hơn 100 đại biểu các giới, không có đại biểu ngoại giao các nước ở Trung Quốc.

Khi Níchson xuống được gần nửa cầu thang máy bay, Chu Ân Lai dẫn đầu mọi người bắt đầu vỗ tay. Níchson dừng lại giây lát rồi cũng theo tập quán của Trung Quốc vỗ tay đáp lại:

Khi xuống cách mặt đất còn ba bốn bậc, Níchson mỉm cười chìa tay ra trước Chu Ân Lai cũng chìa tay ra. Hai người nắm chặt tay nhau lắc nhẹ đến hơn một phút. Chu Ân Lai nói:

- Thưa ngài Tổng thống, Ngài đã vươn tay qua đại dương rộng lớn nhất thế giới để bắt tay tôi. Thế mà đã 25 năm không qua lại!

Sau này Níchson nhớ lại: “Khi chúng tôi nắm tay nhau, tôi hiểu một thời đại kết thúc, một thời đại khác đã bắt đầu”.

Đội cho cái bắt tay lịch sử giữa Níchson và Chu Ân Lai kết thúc, vệ tinh thông tin trực tiếp truyền đi khắp thế giới, khi đó các thành viên trong đoàn đại biểu Mỹ Rôgiơ, Kítsinhgơ, Giôn mới được phép ra khỏi khoang máy bay để bước xuống thang.

Níchson đặc biệt coi trọng tác dụng thần kì của vô tuyến truyền hình, ông đã ra lệnh sắp xếp kế hoạch truyền hình trực tiếp rất tỉ mỉ công phu. Hai nước Trung-Mỹ ở hai bên bờ Thái Bình Dương cách xa nhau hàng vạn dặm. Thời gian chênh lệch nhau, giờ Bắc Kinh sớm hơn giờ Oasinhton 13 tiếng. Hàng ngày những hoạt động vào buổi sáng ở Trung Quốc có thể truyền về Mỹ đúng vào thời gian vàng ngọc của buổi truyền hình tối; những hoạt động buổi tối có thể truyền trực tiếp vào buổi truyền hình sáng sớm. Do đó Níchson chủ tâm sắp xếp thời gian ông tới Bắc Kinh là 11 giờ 30 sáng ngày 21 giờ Bắc Kinh, tức là 10 giờ 30 tối chủ nhật giờ tiêu chuẩn ở miền đông nước Mỹ, lúc đó là thời gian khán giả truyền hình đông nhất.

Để làm nổi bật pha mang tính chất lịch sử - Tổng thống Hoa Kỳ tới Bắc Kinh, Níchson và Chủ nhiệm văn phòng Giôn quyết định từ trước: khi ca-mê-ra ghi cảnh Níchson xuống thang máy bay và chiếc bắt tay đầu tiên với Chu

Ân Lai trong ống kính của phía Mỹ chỉ có một mình Tổng thống. Ông muốn sửa chữa hành vi thất lễ của Đalét năm 1954 từ chối bắt tay Chu Ân Lai thường nghe mọi người đồn đại. Không được có một người Mỹ nào khác xuất hiện trong ống kính truyền hình lúc đó, vì sẽ sợ sẽ làm phân tán sự chú ý của khán giả. Ngay cả những nhân vật như Rôgiơ và Kítsinhơ cũng đã được báo phải ngồi lại trong máy bay cho đến khi Tổng thống và Chu Ân Lai bắt tay xong. Vậy mà Giôn vẫn chưa yên tâm, còn cử một phóng viên phó quan cao to lực lưỡng đợi khi Tổng thống ra khỏi máy bay rồi thì đứng chặn ngang lối đi. Thế là khi Níchson bước xuống thang máy bay, sau ông chẳng có ai đi theo, khác với cảnh thường thấy mỗi khi nguyên thủ các nước đi thăm: các thành viên trong đoàn đều bám theo nguyên thủ và cùng với ông ta bước xuống thang máy bay. Thành thử, trên thang máy bay dài chỉ có độc Tổng thống Níchson và phu nhân, tường đầu chiếc thuyền cơ “Tinh thần 76” chỉ chờ có hai người họ vậy.

Níchson được giới thiệu với tất cả các quan chức Trung Quốc, sau đó ông đứng bên trái Chu Ân Lai, khi đó đội quân nhạc cử quốc thiếu hai nước.

Chu Ân Lai cùng Níchson đi duyệt đội danh dự. Các chiến sĩ trong Đội danh dự ai nấy đều cao to lực lưỡng, trang phục thẳng tưng, oai phong hùng dũng. Chu Ân Lai và Níchson khoan thai đỉnh đạc đi trước hàng quân, các chiến sĩ làm động tác ngoảnh mặt chào đều tằm tắp, làm cho bầu không khí thêm trang nghiêm, phấn chấn.

Chu Ân Lai và Níchson cùng ngồi trên một chiếc “Hồng kỳ” cao cấp chống được đạn, đi vào thành phố. Khi đoàn xe chạy vào đại lộ Trường An, Níchson trong bụng vẫn đinh ninh rằng nghi thức đón tiếp thực sự có thể sẽ được tổ chức ở quảng trường Thiên An Môn. Khi ở Nhà Trắng chuẩn bị cho chuyến thăm Trung Quốc, Níchson có xem cuốn phim tài liệu ghi lại cảnh một biển người ở trước Thiên An Môn hoan hô Mao Trạch Đông, đã để lại cho ông ấn tượng rất sâu sắc. Ngồi trên máy bay ông đã nghĩ, nếu ông được một biển người trên quảng trường Thiên An Môn chào đón, chắc sẽ chẳng kém gì cuộc tiếp đón ông ở Bêôgorats và Bucarét. Nhưng khi đoàn xe chạy qua quảng trường Thiên An Môn, chỉ thấy quảng trường rộng mênh mông không một bóng người, nghe nói rất nhiều người đi đường bị ngăn lại, ở các ngõ phố bên ngoài. Hi vọng của Níchson tan thành mây khói. Tâm trạng của Níchson có phần ngán ngẩm. Ông để ý thấy cả đường phố lớn cũng vắng vẻ.

Chu Ân Lai chỉ cho Níchson các kiến trúc chính trên quảng trường Thiên An Môn: “Đây là lầu Thiên An Môn nơi Mao Chủ tịch gặp quần

chúng. Kia là “Nhân dân đại lễ đường”, nơi đại biểu nhân dân hội họp...”

Níchson chỉ “Ồ! ờ!” đáp lại, mắt nhìn qua cửa ô tô. Tuy cảm thấy có phần nhạt nhẽo, nhưng bề ngoài ông ta vẫn không để lộ ra những suy nghĩ nội tâm của mình.

Mao Trạch Đông gặp Níchson.

Quyết sách mở ra quan hệ Trung-Mỹ là do Mao Trạch Đông đưa ra nên ông rất coi trọng chuyến thăm của Níchson. Níchson vừa ăn cơm xong, Mao Trạch Đông đã quyết định hội kiến ngay với ông.

Chiếc ô tô con “Hong Kỳ” sang trọng chạy qua đường Tây Trường An vào Tân Hoa Môn vòng qua dãy tường đỏ, theo con đường nhỏ yên tĩnh không một bóng người chạy tới “bể bơi”.

14 giờ 40 Níchson và Kítsinhơ được Chu Ân Lai tháp tùng đi vào ngôi nhà “tứ hợp viện”, qua một đoạn hành lang rộng, vòng qua chiếc bàn bóng bàn đi vào phòng sách của Mao Trạch Đông? Sau này Kítsinhơ đã tả lại phòng sách của Mao Trạch Đông như sau:

.... Đó là một gian phòng cỡ trung bình. Các giá sách xung quanh tường xếp đầy bản thảo, trên bàn, dưới đất, chỗ nào cũng đầy sách. Căn phòng trông giống như nơi ẩn cư của một học giả, hơn là phòng tiếp khách của nhà lãnh đạo toàn năng của một quốc gia đông dân nhất thế giới. Ở góc phòng kê một chiếc giường gỗ giản dị. Cái đập vào mắt chúng tôi trước tiên là dãy salông kê liền với nhau thành hình bán nguyệt, có vỏ phủ ngoài bằng vải nâu, hết như một gia đình trung lưu tần tiện thấy đồ gia dụng quá đắt không thể thay đổi luôn nên làm vậy thì giữ cho bền. Giữa hai salông có chiếc kị trên phủ vải trắng. Trên chiếc kị bên cạnh Mao Trạch Đông cũng chất đầy sách, chỉ chừa lại một chỗ đủ đặt chiếc cốc trà hoa nhài. Sau dãy salông có hai cây đèn, chụp đèn tròn to đến kì cục. Phía trước bên phải chỗ Mao Trạch Đông ngồi là một chiếc ống nhỏ.

Khi khách vào phòng, Mao Trạch Đông từ salông đứng dậy. Hai lần cuối cùng tôi được gặp ông, ông phải có hai hộ lí đỡ hai bên, nhưng bao giờ ông cũng đứng lên đón khách.

Mao Trạch Đông đứng dậy mỉm cười nhìn Níchson.

Ông ốm nặng vừa mới khỏi, nhưng ánh mắt vẫn sắc sảo, thần thái có chút hài hước châm biếm. Ông nói rằng đã hơi khó khăn, nhưng ông không hề giấu giếm:

- Tôi bây giờ nói năng không được rành rọt lắm.

Ông bị viêm khí quản và sung phổi, thở hổn hển, hay ho, nhỏ đờm vật, nên dưới chân lúc nào cũng có chiếc ống nhổ. Cũng do lâu nay ông hút thuốc què nhiều. Nghe lời dặn của thầy thuốc, ông cũng đã cố gắng cai thuốc nhưng cai không được.

Ông chìa tay về phía Níchson, Níchson cũng chìa tay ra về phía ông. Hai nhân vật lớn của hai thế giới nắm chặt tay nhau. Níchson đưa thêm tay trái ra nắm lấy tay Mao Trạch Đông, Mao Trạch Đông cũng đưa tay trái ra nắm lấy tay Níchson. Cả hai cùng cười. Bớt bàn tay nắm lấy nhau một lúc lâu, lâu hơn nhiều thời gian của những cái bắt tay bình thường. Phải chăng hai người họ đều muốn bù lại cho những chiếc bắt tay đã bị mất đi trong hơn 20 năm đối địch nhau?

Mao Trạch Đông bắt tay Kítsinhgơ, ngắm nhìn ông ta khẽ gật đầu nói:

- Ô, ngài chính là cái ông Tiến sĩ Kítsinhgơ nổi tiếng.

Kítsinhgơ cười:

- Tôi rất vui mừng được gặp Chủ tịch.

Kítsinhgơ cảm thấy, ngoài Đờ Gôn ra, ông chưa từng gặp ai như Mao Trạch Đông có một ý chí tập trung cao độ và không một chút màu mè. Ông trở thành trung tâm, át tất cả mọi người trong căn phòng. Điều này không phải nhờ vào biện pháp nhiều nước thường làm là hình thức để làm tăng thêm đôi chút oai nghiêm cho người lãnh đạo, mà vì ở con người ông toát ra một khí phách có thể áp đảo tất cả dường như ai cũng cảm nhận được. Con người cao lớn lực lưỡng mà bên cạnh phải có một nữ y tá giúp ông đứng vững này bản thân sự tồn tại của ông là minh chứng cho vai trò to lớn của ý chí, sức mạnh và quyền lực.

Mao Trạch Đông chuyện trò rất tự nhiên. Ông nói với Níchson:

- Ngài có cho rằng tôi là người có thể bàn về triết học với Ngài không? Triết học thuộc loại đề tài khó - Ông xua tay nói vui, rồi quay sang Kítsinhgơ - Về vấn đề học bữa này, tôi chẳng có gì hay ho để nói, có lẽ nên mời Tiến sĩ Kítsinhgơ nói vậy.

Khi Níchson đề cập tới những chi tiết cụ thể về vấn đề quốc tế ở một số quốc gia và khu vực cần có sự quan tâm chung. Mao Trạch Đông xua tay, chỉ Chu Ân Lai:

- Những vấn đề này không phải là những vấn đề bàn ở chỗ tôi, nên bàn với Thủ tướng Chu Ân Lai. Tôi bàn vấn đề triết học.- Ông nói tiếp- Sự xâm lược từ phía Mỹ hay hoặc sự xâm lược từ phía Trung Quốc, vấn đề này tương đối nhỏ, cũng có thể nói không phải là vấn đề lớn, vì hiện tại hai nước chúng

ta không có chuyện đánh nhau. Các ngài muốn rút một bộ phận quân lính về nước, quân chúng tôi không ra nước ngoài. Cho nên kể ra hai nước chúng ta cũng kỳ cục quá, 22 năm qua không nói chuyện được với nhau, bây giờ từ khi đánh bóng bàn đến giờ chưa đến 10 tháng, nếu tính từ khi các ngài đề nghị ở Vácsava đã hơn 2 năm. Chúng tôi làm việc cũng quan liêu, các ngài muốn cử người trao đổi về những việc đó, buồn bán chút gì đó, chúng tôi trong đó có cả tôi khăng khăng không chịu. Về sau phát hiện các ngài đúng, nên đã có chuyện đánh bóng bàn. Thôi nhá, Các ngài buổi chiều còn có việc, tôi đông dài đến đây cũng tạm đủ rồi.

Níchson tỏ ý chuyển đi thăm này ông rất mạo hiểm, đưa ra được quyết định này không phải dễ dàng...

Mao Trạch Đông giọng như thông cảm:

- Tôi đã nói với nhà báo Xnau mới mất trước đây mấy hôm rằng, chúng ta bàn bạc có kết quả hay không đều được, hà tất phải căng như vậy nhưng nhất định phải bàn bạc để đi đến kết quả.

Sau đó hai người bắt tay tạm biệt.*

Hơn nửa tháng sau, khi ngồi trong gian phòng riêng yên tĩnh tại Nhà Trắng, nghiền ngẫm lại những lời Mao Trạch Đông nói với Níchson mà ông ghi chép được, Kítsinhơ phát hiện những ý kiến của Mao Trạch Đông nói trong buổi gặp gỡ trên thực tế đã phác ra nội dung của Thông cáo Thượng Hải. Ông nhận thấy, mỗi một đoạn trong Thông cáo đều có một câu tương ứng trong những lời nói của Mao Trạch Đông với Níchson. Trách nào trong suốt tuần đàm phán sau đó, tất cả các quan chức Trung Quốc, đặc biệt là Thủ tướng Chu Ân Lai, nhiều lần nhắc lại nội dung chính trong những câu của Mao Trạch Đông.

Chỉ mấy tiếng đồng hồ sau khi Mao Trạch Đông tiếp Níchson, Trung Quốc đã cung cấp cho giới báo chí nước ngoài cuốn phim và những tấm ảnh thời sự chụp ảnh Mao Trạch Đông và Níchson tươi cười nói chuyện với nhau. Kiểu làm này chứng tỏ, bản thân Mao Trạch Đông rất tán thành chuyến đi của Níchson.

VI. TOÀN THẾ GIỚI ĐỔ ĐÓN CON MẮT VÀO ĐIỀU NGƯ ĐÀI

“Hội đàm Kít-Kiêu” chặt vật

Lần này theo Níchson đi thăm Trung Quốc, Kítsinhơ không tham dự bất cứ một hoạt động tham quan du lịch nào. Hai lần đi Trung Quốc trước,

ông đã thăm những danh lam thắng cảnh đó rồi. Có lần Kítsinhơ nói vui rằng, ông bị người Trung Quốc kĩ tính dùng làm chuột bạch để thí nghiệm việc sắp xếp thời gian và biện pháp bảo vệ, và để xem những người Mỹ ngoại đạo này phản ứng như thế nào trước những di tích lịch sử của Trung Quốc. Trong thời gian đó, Kítsinhơ chủ yếu cùng với Kiều Quán Hoa chú trọng Nhà khách Chính phủ Điều Ngự Đài để nghiên cứu từng chữ từng câu của bản Thông cáo.

Cuộc hội đàm của Níchson trong chuyến thăm Trung Quốc được tiến hành theo ba bước. Bước thứ nhất là Quốc vụ khanh Rôgiơ và Ngoại trưởng Cơ Bằng Phi bàn thảo cụ thể việc xúc tiến mậu dịch hai bên và vấn đề quan chức thăm viếng lẫn nhau, tức là những vấn đề đã hội đàm nhiều năm nay ở Vacsava. Bước thứ hai là hội đàm giữa Níchson và Chu Ân Lai, đây là cuộc hội đàm chung giữa những người đứng đầu hai nước. Bước thứ ba là cuộc hội đàm để dự thảo Thông cáo giữa Kítsinhơ và Thứ trưởng ngoại giao Kiều Quán Hoa. Cuộc hội đàm ở bước ba này là gian nan nhất, và được mệnh danh là “cuộc hội đàm Kít-Kiều”. Vấn đề Đài Loan là vấn đề hắc búa nhất trong bước hội đàm thứ ba này. Mặc dù phần lớn câu chữ về những vấn đề còn có nhiều tranh cãi đã cơ bản giải quyết trong cuộc hội đàm hồi tháng 10, và cấu tứ của bản Thông cáo cũng đã được khẳng định; song câu chữ của hai bên nói về vấn đề Đài Loan còn có sự bất đồng khá lớn, thậm chí đối nghịch nhau.

Ngày 22 tháng 2, ngày thứ nhất của cuộc hội đàm. Hai người rà soát lại từng dòng toàn bộ dự thảo, khẳng định những phần đã thỏa thuận, sau đó hai bên trình bày lập trường của mình về vấn đề Đài Loan.

Ngày thứ hai, chủ yếu do Kítsinhơ giới thiệu những thỏa thuận mà Mỹ đã sẵn sàng tại hội nghị thượng đỉnh Mátxcova.

Ngày thứ ba, ngày 24 tháng 2, Kítsinhơ và Kiều Quán Hoa bắt đầu cuộc đàm phán mang tính thực chất về vấn đề Đài Loan. Hai người đối chọi nhau, tranh cãi kịch liệt. Cả hai người đều có phong độ học giả, phong cách đàm phán mỗi người một khác. Cách biện giải của Kítsinhơ chặt chẽ về lô gích, giấu tính triết lý, (tiếng Anh pha giọng Đức của ông ta rất khó dịch). Kiều Quán Hoa khi hùng biện, tư duy rất rành mạch, giấu tình tứ biện, cởi mở khoáng đạt trong nguyên tắc.

Theo phương án của Kiều Quán Hoa đưa ra thì quan điểm của Mỹ phải là “Hoa Kỳ mong muốn giải quyết hoà bình vấn đề Đài Loan, sẽ giảm từng bước và cuối cùng rút toàn bộ lực lượng vũ trang và các thiết bị quân sự của Mỹ ra khỏi Đài Loan”.

Kítsinhơ cự tuyệt phương án này, ông nói:

- Tôi mong các ngài hiểu lập trường của chúng tôi, chúng tôi cho việc rút quân là một mục tiêu. Cho dù như vậy, chúng tôi vẫn chủ trương gắn việc rút quân với việc giải quyết hoà bình vấn đề Đài Loan và làm dịu tình hình căng thẳng ở toàn bộ Châu á.

- Nhưng, tiền đề của nó phải là Mỹ rút quân vô điều kiện. - Kiều Quán Hoa vẫn kiên trì.

- Làm như vậy có thể phá vỡ toàn bộ mối quan hệ, dư luận công chúng Mỹ chắc không tán thành - Kítsinhơ đương nhiên không nhân nhượng.

Cứ mỗi khi hai người gắng nhau không ai chịu ai, họ lại tìm cách nói chùng dây đàn, nói vui một hai câu để giảm bớt không khí căng thẳng, dùng thái độ thân thiện để che giấu quyết tâm lớn của mình, tránh không để quan hệ cá nhân quá căng thẳng. Nghệ thuật đàm phán của hai người gần tới nước điều luyện.

Lúc này, Kiều Quán Hoa quả nhiên giọng đã bớt căng:

- Ngài Tiến sĩ, ngài sinh ra ở Đức, tôi giành được học vị cũng ở Đức. Về điểm đó, chúng ta giống nhau. Nhưng về triết học, tôi thích Hêghen, còn Ngài thích căng, có lẽ đó là nguyên nhân làm chúng ta không nhất trí được với nhau chăng.

Kiều Quán Hoa làm việc cạnh Chu Ân Lai khá lâu, thập niên 40 đã giao thiệp với người Mỹ, thời kì chiến tranh Triều Tiên cũng từng giao đấu với người Mỹ trong cuộc đàm phán đình chiến ở Bản Môn Điếm. Ông am hiểu nghệ thuật đàm phán, giỏi nắm nhịp độ của sự việc, khi cần căng thì căng hết mức, không nhường nửa bước, khi cần dịu thì mưa phùn gió nhẹ, phóng khoáng cởi mở. Mấy tháng trước, khi dẫn đầu Đoàn đại biểu Trung Quốc dự Đại hội đồng Liên Hợp Quốc khoá 26, ngồi chễm chệ trên chiếc ghế của Trung Quốc vừa được khôi phục, ông cất tiếng cười sảng khoái trong ánh mắt chăm chú của đại biểu các nước trên thế giới, đã thể hiện khí phách hào hùng của nước Trung Quốc mới bước vào diễn đàn quốc tế. Một tờ báo lớn ở Niu Oóc đã viết một bài bình luận nói về chuyện đó dưới nhan đề "Tiếng cười của Kiều Quán Hoa" Kítsinhơ và Kiều Quán Hoa tranh luận gay gắt với nhau trên bài đàm phán, nhưng cũng quan sát tìm hiểu nhau, nên hai người đã thành bạn tốt, thường xuyên đi lại với nhau.

Hội đàm có bước đột phá.

Ngày thứ tư, ngày 25 tháng 2, buổi sáng Níchson tham quan Cố Cung.

Khi xem chiếc áo ngọc Kim Lũ của một vị vương chết hai ngàn năm trước , ông nói: “Mặc cái của này chắc là khó đi đây đi đó”. Nhìn thấy bộ đồ nút tai của một vị hoàng đế dùng mỗi khi không muốn nghe bất tời can gián, ông nói vui: “Tìm cho tôi một bộ nhé”.

Cùng lúc đó, tại Điều Ngự Đài.

Kítsinhơ và Kiều Quán Hoa chẳng ai tỏ ra vẻ sốt ruột, vẫn thừng thẳng mạn đàm trao đổi ý kiến, vẫn ai giữ ý kiến của người ấy. Dường như cuộc đàm phán không có thời hạn cuối cùng, dường như hôm sau không phải bay đi Hàng Châu, ngày kia cũng không phải công bố thông cáo ở Thượng Hải. Thật ra, đó là chỉ là cách hai người cùng dùng để gây áp lực với đối phương. Đến chiều, sau khi Kiều Quán Hoa báo cáo với Chu Ân Lai, Kítsinhơ báo cáo với Níchson, hai người lại gặp nhau. Hai bên đều đưa ra phương án mới và đều có sự nhượng bộ. Theo ý kiến của Kiều Quán Hoa, chỉ cần nêu ra việc rút toàn bộ quân Mỹ ra khỏi Đài Loan, Trung Quốc sẽ không phản đối phía Mỹ tỏ ra quan tâm đến việc giải quyết hoà bình vấn đề Đài Loan. Kítsinhơ thì nêu hai vấn đề mục tiêu cuối cùng là rút toàn bộ quân Mỹ và trong thời gian đó Mỹ rút quân từng phần nên tách riêng hai điểm này trước đây gói gọn trong một câu.

Kiều Quán Hoa có vẻ tán thành, lại nêu ý kiến nên sửa đổi một số từ. Theo ông, tốt nhất là nói “viễn cảnh” giải quyết hoà bình, không nên dùng từ “tiền đề”, vì từ “viễn cảnh” mang ý nghĩa tích cực hơn, thể hiện được ý kiến của cả hai bên, dùng từ “tiền đề” nghe như là do Oasinhton áp đặt vậy.

Kítsinhơ đồng ý, còn nói đùa:

- Tôi thấy số phận của Đài Loan không quyết định bởi sự khác biệt tế nhị trong ý nghĩa của từ ngữ như vậy đâu.

Cuộc hội đàm giữa Kítsinhơ và Kiều Quán Hoa lúc này đã có bước đột phá, Chu Ân Lai đã tới tham gia hội đàm nửa tiếng. Níchson biết người Trung Quốc không thích làm động tác giả, thích thẳng thắn chân thành, nên trong khi hội đàm với Chu Ân Lai ông nói thẳng cái khó của mình: “Nếu lời lẽ của Thông cáo nói về vấn đề Đài Loan quá cứng rắn, tất sẽ gây khó khăn trong nội bộ Hoa Kỳ. Tôi sẽ bị công kích từ nhiều phía, từ các tập đoàn đứng ngoài Quốc vụ viện thân Đài Loan, chống Níchson, chống Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và từ cả cái tập đoàn kiếm được lợi lộc trong chuyện này. Hành động chủ động đối với Trung Quốc sẽ có thể trở thành vấn đề tranh cãi giữa hai đảng. Đến lúc đó, nếu tôi vì vấn đề cụ thể này mà không trúng cử, thì người kế nhiệm tôi cũng sẽ khó tiếp tục phát triển quan hệ giữa Oasinhton và

Bắc Kinh”.

Sau khi biết cuộc hội đàm giữa Kítsinhgơ và Kiều Quán Hoa đã có bước đột phá, Chu Ân Lai tỏ ý có thể xem xét luận điểm đã được điều chỉnh của phía Mỹ. Chu Ân Lai xin ý kiến Mao Trạch Đông và được ông phê chuẩn. Níchson cũng đồng ý tiếp nhận luận điểm đã được điều chỉnh của phía Trung Quốc.

Văn bản thông cáo đã được xác định

Sau bữa tiệc Níchson đáp lễ chủ nhân vào tối hôm đó (25-2) hồi 22 giờ 30 Kítsinhgơ và Kiều Quán Hoa lại gặp nhau. Lần đàm phán này rất thuận lợi, chỉ mất 15 phút đã giải quyết xong vấn đề lời lẽ chữ nghĩa về vấn đề Đài Loan, thống nhất hành văn như sau:

Hai bên đã xem xét lại những tranh chấp nghiêm trọng tồn tại từ lâu giữa hai nước Trung-Mỹ, phía Trung Quốc nhắc lại lập trường của mình: Vấn đề Đài Loan là vấn đề then chốt cản trở việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước Trung-Mỹ; Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ phù hợp pháp duy nhất của Trung Quốc; Đài Loan là một tỉnh của Trung Quốc, từ lâu đã thuộc về Trung Quốc; giải quyết vấn đề Đài Loan là công việc nội bộ của Trung Quốc, nước khác không có quyền can thiệp; toàn bộ lực lượng vũ trang và thiết bị quân sự của Hoa Kỳ phải rút ra khỏi Đài Loan một Trung Quốc kiên quyết phản đối bất kì mọi hành động nhằm tạo ra “một Đài Loan. Chính phủ Trung Quốc”, “một Trung Quốc, hai Chính phủ”, “hai nước Trung Quốc”, và tuyên truyền cho luận điệu “địa vị của Đài Loan chưa xác định”.

Phía Hoa Kỳ tuyên bố: Hoa Kỳ nhận thức rằng, tất cả những người Trung Quốc ở hai bên bờ eo biển Đài Loan đều cho rằng chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc. Chính phủ Hoa Kỳ không có ý kiến gì khác với lập trường đó. Hoa Kỳ nhắc lại mối quan tâm của mình đối với việc người Trung Quốc tự giải quyết hòa bình vấn đề Đài Loan. Nghĩ tới viễn cảnh đó, Chính phủ Hoa Kỳ xác nhận mục tiêu cuối cùng là rút toàn bộ lực lượng vũ trang và thiết bị quân sự của Hoa Kỳ ra khỏi Đài Loan. Trong thời gian này, cùng với sự làm dịu tình hình căng thẳng ở khu vực này, chính phủ Hoa Kỳ sẽ từng bước giảm thiểu lực lượng vũ trang và thiết bị quân sự của mình ở Đài Loan.

12 giờ đêm, Mao Trạch Đông phê chuẩn đoạn nói về vấn đề Đài Loan kể trên, Níchson cũng vậy.

Tiếp đó, Kítsinhơ và Kiều Quán Hoa lại gặp nhau, mở rộng thêm phần về mậu dịch và giao lưu, rà soát lại từng dòng bản Thông cáo lần nữa cho mãi đến 2 giờ sáng hôm sau, bản Thông cáo coi như hoàn tất. Suốt trong mấy ngày qua, Kítsinhơ và Kiều Quán Hoa hầu như không ngủ. Tới lúc này như cảm thấy trút được gánh nặng, mọi sức ép đã tiêu tan, hai người mới cảm thấy mệt mỏi rã rời, thêm ngủ, nhưng trong lòng rất nhẹ nhõm sung sướng.

Ngày thứ năm, ngày 26 tháng 2, trước khi bay đi. Hàng Châu, Níchson và Chu Ân Lai duyệt lại bản Thông cáo ở sân bay. Níchson ngồi máy bay IL-18 của Trung Quốc bay đi Hàng Châu. Chuyên cơ Bôinh 707 của Tổng thống cũng bay theo. Trước khi máy bay cất cánh công việc in ấn bản Thông cáo cũng vừa xong.

Không ngờ vì chuyện Thông cáo, phía Mỹ lại xảy ra chuyện làm cho Níchson tức điên lên.

Phía Mỹ bất ngờ sinh chuyện.

Trên máy bay đi Hàng Châu, các chuyên gia của Quốc vụ viện nhận được bản thông cáo. Sau khi xem xong, họ xầm xì bàn tán với nhau là bản Thông cáo không được “lí tưởng”. Họ bất mãn là có nguyên nhân của nó. Các chuyên gia đi theo Quốc vụ khanh Rôgiơ sang Trung Quốc đều là các nhà ngoại giao chuyên nghiệp, nhưng trong quá trình soạn thảo Thông cáo họ không hề được tham gia, nên sinh chuyện là điều khó tránh. Ngoài ra, những người không tham gia đàm phán này không thấy hết được những khó khăn phức tạp diễn ra trong đàm phán, đã hình dung trong đầu óc mình một bản Thông cáo “lí tưởng” rồi đem so sánh với bản Thông cáo trong tay, nên có khá nhiều ý kiến. Tới Hàng Châu, Rôgiơ nói với Níchson là bản Thông cáo không được hoàn hảo và đưa cho ông ta một bản liệt kê những ý kiến của các chuyên gia Quốc vụ viện về bản Thông cáo, yêu cầu phải sửa lại. Ví dụ, câu “Tất cả những người Trung Quốc ở hai bên bờ eo biển Đài Loan đều cho rằng chỉ có một nước Trung Quốc”, theo họ nói vậy quá tuyệt đối, vẫn có thể có một số người Trung Quốc không cho là như vậy. Họ đề nghị sửa “tất cả người Trung Quốc” thành “người Trung Quốc”. Một đề nghị khác là bỏ hai chữ “lập trường” trong câu “không có ý kiến gì khác đối với lập trường đó”. Tất cả những chỗ cần sửa quan trọng như vậy tới hơn 15 chỗ.

Trong phòng khách Khách sạn Lưu Trang, Níchson trong quần áo ngủ đi đi lại lại, mặt hầm hầm tức giận. Ông ý thức được rằng, về mặt chính trị

ông bị kẹt dôi đường. Ông muốn làm được một chút gì nên có những hành động chủ động với Trung Quốc, nhưng phản ứng của những kẻ ủng hộ phái bảo thủ về chuyển thăm Trung Quốc đã làm ông đủ căng thẳng rồi. Ông sợ phái hữu sẽ công kích bản Thông cáo. Ông dự kiến, sự bất mãn của Quốc vụ viện trước sự nhân nhượng của Mỹ được tung ra rất có thể trở thành ngòi nổ chậm. Ông cũng biết, đã báo với phía Trung Quốc là ông đồng ý với bản Thông cáo nay lại dôi thảo luận lại, nói không giữ lời, người Trung Quốc sẽ đối xử ra sao với ông đường đường là một vị Tổng thống. Ngoài sự tức giận, điều làm ông cảm thấy đặc biệt đau khổ là muốn giải thích tầm quan trọng của những đề nghị sửa đổi đó mà không làm được.

Trước bữa tiệc tối, Níchson gọi Kítsinhgơ tới để bàn.

Kítsinhgơ tâm trạng cũng nặng nề, ngồi trên salông sẫm mặt lại nói:

- Bọn Rôgiơ nêu ra những chỗ phải sửa nhiều như vậy có khác gì bảo phải bỏ đi viết lại. Bọn họ nói là nài nhượng bộ Trung Quốc...

- Tôi đã phê chuẩn, Bộ Chính trị của Mao Trạch Đông cũng đã phê chuẩn, chúng ta đơn phương đề nghị sửa lại thì còn mặt mũi nào nữa?! Níchson gần như gào lên.

- Tôi cũng biết, cả thế giới đều đang đợi ngày mai công bố Thông cáo ở Thượng Hải - Kítsinhgơ bất bình nói.

- Để xem, khi về tôi không dọn sạch cái lũ đó đi chớ kè! Níchson bùng bùng nổi giận- làm sao tôi có thể dẫn một đoàn đại biểu nội bộ lục đục trở về nước được đây? Trời ơi!

- Thừa Tổng thống, điều quan trọng là ngày mai công bố Thông cáo - Kítsinhgơ nói..

Níchson im lặng, mặt tái mét đi đi lại lại. Đột nhiên ông quay lại bảo Kítsinhgơ:

- Henri này, sau bữa tiệc ông tìm Kiều Quán Hoa bàn xem sao.

- Rất khó hé răng đấy! - Kítsinhgơ mặt cau có song vẫn nhận lời.

Tối hôm đó, những món đặc sản miền nam trong bữa tiệc Hàng Châu đặc biệt ngon, vốn là người sành ăn vậy mà Kítsinhgơ không sao nuốt nổi, đầu óc ông ta đang mãi suy tính sau bữa tiệc sẽ nói thế nào với Kiều Quán Hoa. 10 giờ 20 tối, Kiều Quán Hoa và Kítsinhgơ gặp nhau sau mấy ngày vất vả vì bản Thông cáo, nay đã xong, Kiều Quán Hoa tâm trạng rất vui, trong bữa tiệc uống thoải mái, sắc mặt ửng đỏ, tươi cười ngồi xuống tiếp chuyện Kítsinhgơ.

Kítsinhgơ khó khăn lắm mới nói ra được những điều ông ta đã cân đi

nhắc lại:

Thưa ngài Kiều Quán Hoa, trong trường hợp bình thường, Tổng thống một khi đã quyết định thì Thông cáo coi như đã xong. Nhưng lần này, nếu chúng tôi chỉ tuyên bố một số chủ trương chính thức, thì chưa đạt được toàn bộ mục đích của chúng tôi. Chúng tôi cần phải huy động dư luận công chúng ủng hộ phương châm của chúng tôi... Kiều Quán Hoa với giọng châm biếm nói vui:

- “Dư luận công chúng” của Tiến sĩ đã thành bảo bối của các ngài, động một tí là lại lòi ra.

Kítsinhơ nói khéo:

- Nếu Ngài có thể hợp tác với chúng tôi, làm cho Quốc vụ viện của chúng tôi cảm thấy họ cũng có phần cống hiến, điều đó có lợi cho cả hai bên.

- Ngài cứ vòng vo mãi. Ngài muốn nói là Quốc vụ viện của quý quốc có ý kiến về bản Thông cáo đã được thông qua, muốn sửa lại, có phải vậy không? - Kiều Quán Hoa nói toẹt ra.

- Đúng thế. Đúng là ý như vậy - Kítsinhơ thừa nhận.

Về mặt tươi cười của Kiều Quán Hoa biến mất, giọng gay gắt:

- Hai bên đi đã khá xa, và lại Trung Quốc chiều cố nguyện vọng của Hoa Kỳ đã nhân nhượng khá nhiều. Nghe nói Tổng thống Níchson đã chấp nhận Thông cáo, tối hôm qua Bộ Chính trị của chúng tôi cũng đã phê chuẩn. Bây giờ cách thời gian công bố Thông cáo chưa đầy 24 tiếng, làm thế nào để kịp thảo luận lại?

- Thưa Ngài, Tổng thống chúng tôi quả thực có chỗ khó xử.

Kítsinhơ biết người Trung Quốc chú trọng thực tế, hi vọng duy nhất của ông ta là phải nói thẳng, thế là ông trình bày hết những chỗ lúng túng của Níchson rồi thành khẩn nói:

- Mong các ngài suy nghĩ kĩ cho.

Kiều Quán Hoa tạm dừng cuộc trao đổi với Kítsinhơ đi tìm Thủ tướng Chu Ân Lai xin ý kiến.

Chu Ân Lai đang gọi điện đi Thượng Hải hỏi về công việc đón tiếp sắp tới ở đó. Ông vừa bỏ điện thoại xuống thì Kiều Quán Hoa tới báo cáo ngay việc trên.

Chu Ân Lai đã quá mệt mỏi. Trong thời gian Níchson ở thăm Trung Quốc, người bận rộn nhất là Thủ tướng Chu Ân Lai. Ông đích thân sắp xếp mọi hoạt động của Níchson, trực tiếp hỏi han tình hình tất cả các cuộc thảo luận hội đàm, hàng ngày báo cáo và xin ý kiến Mao Trạch Đông. Ông hầu

như không ngủ, nhiều nhất là chợp mắt được độ tiếng đồng hồ.

Nghe Kiều Quán Hoa báo cáo, dưới ánh đèn êm dịu khuôn mặt gầy vồ của ông càng nổi rõ góc cạnh, chỉ có đôi mắt vẫn rất sáng, rất tinh nhanh. Ông lóng ngóng châm một điếu thuốc, hít một hơi rồi đặt xuống mép chiếc gạt tàn.

Báo cáo xong, Kiều Quán Hoa chân tình nói:

- Thưa Thủ tướng, Thủ tướng quá mệt rồi.

- Đồng chí nói xem ý kiến của đồng chí ra sao. - Chu Ân Lai thở nhẹ khỏi thuốc ra.

- Nội bộ của họ không thống nhất, lại muốn chúng ta nhượng bộ, chúng ta đã nhượng bộ nhiều rồi. Họ mâu thuẫn với nhau thì cứ để họ tự giải quyết. Kiều Quán Hoa nói.

Chu Ân Lai nhìn ra bên ngoài cửa sổ, ánh đèn bên bờ Tây hồ lấp la lấp lánh. Trước bữa tiệc tối hôm nay, Chương Hàm Chi phiên dịch cho nhóm Rôgiơ đến báo cáo với ông là Quốc vụ khanh Rôgiơ và các chuyên gia trợ lý của ông ta ca thán rất dữ về bản Thông cáo đã được thoả thuận, cô còn nghe nói họ sẽ làm âm lên khi tới Thượng Hải. Chu Ân Lai suy nghĩ rất lung về chuyện đó. Ông đã nghiên cứu tình hình nước Mỹ, đã biết mâu thuẫn giữa Nhà Trắng và Quốc vụ viện từ khi Níchson lên cầm quyền. Ông liên tưởng đến chuyện theo chức vụ thì Rôgiơ phải trên Kítsinhgơ, khi Chủ tịch Mao hội kiến với Níchson, Rôgiơ lại không được đi, thảo nào người ta có ý kiến. Ông đang nghĩ, ngày mai đến Thượng Hải ông phải đến thăm riêng Rôgiơ để bù lại chuyện đó.

Chu Ân Lai nhìn Kiều Quán Hoa nói:

- Quán Hoa này, ý nghĩa của Thông cáo không chỉ ở câu chữ, mà ở hàm nghĩa sâu xa chưa thể lường hết phía sau nó. Đồng chí nghĩ xem, Thông cáo do hai quốc gia đã từng đối đầu nhau kịch liệt đến với nhau. Giữa hai nước còn tồn tại một số vấn đề, để lại một thời gian nữa giải quyết cũng không sao. Thông cáo sẽ dẫn đến những thay đổi to lớn cho ta và cho cả thế giới điều này hôm nay tôi và đồng chí chưa thể lường hết được.

Kiều Quán Hoa lĩnh hội được ngay hàm ý trong câu nói của Chu Ân Lai, mỉm cười nói:

- Thưa Thủ tướng, tôi hiểu ạ.

Chu Ân Lai nói tiếp:

- Chúng ta cũng không thể vứt bỏ những nguyên tắc cần phải giữ vững, việc này phải xin ý kiến Chủ tịch.

Chu Ân Lai nhắc ngay điện thoại màu đỏ lên. Nghe báo cáo xong, suy nghĩ trong giây lát, Mao Trạch Đông trả lời với giọng rất kiên quyết:

- Đồng chí có thể nói với Níchson, trừ phần về Đài Loan chúng ta không đồng ý sửa, các phần khác có thể bàn bạc thêm. - Nhưng một lát, Mao Trạch Đông thêm một câu khá nghiêm khắc - Mọi mưu toan muốn sửa phần nói về Đài Loan đều có thể ảnh hưởng đến chuyện công bố Thông cáo vào ngày mai.

Thế là, Kítsinhơ và Kiều Quán Hoa lại phải làm việc thâu đêm ở Nhà khách Lưu Trang. Họ dựa vào nguyên tắc do Mao Trạch Đông qui định, cân nhắc đi cân nhắc lại những ý kiến của các chuyên gia Quốc vụ viện Mỹ nêu ra. Hai người làm việc cho đến tận 2 giờ sáng mới hoàn tất bản dự thảo “cuối cùng”, đương nhiên, trong đó có tiếp thu một phần ý kiến các chuyên gia trợ lý của Rôgiơ. Bản dự thảo một lần nữa được trình lên các vị đứng đầu của hai bên chính thức phê chuẩn. Đó chính là Thông cáo Thượng Hải sau này.

Tuy nhiên, sau khi trời sáng, số phận của bản Thông cáo sẽ ra sao, hai ông Kítsinhơ và Kiều Quán Hoa vẫn còn thấp thỏm.

VII CÔNG BỐ “THÔNG CÁO CHUNG”

Níchson đi chuyên cơ của Trung Quốc.

Níchson ở thăm Bắc Kinh 5 ngày, tham gia cuộc đàm phán bí mật khá căng thẳng, đi thăm một số danh lam thắng cảnh và dự một số hoạt động quần chúng. Ngày thứ năm, ngày 26 tháng 2, theo lịch trình đã định ông đến tham quan Hàng Châu bên bờ Tây Hồ.

Lần này Níchson đi máy bay IL-18 của Trung Quốc. Đây là sự sắp đặt đặc biệt của Thủ tướng Chu Ân Lai trong chuyến đi thăm Trung Quốc của Tổng thống Níchson. Khi Níchson bận túi bụi bên chiếc bàn bầu dục ở Nhà Trắng chuẩn bị cho chuyến đi lịch sử thì ở Bắc Kinh, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai cũng bận rộn không kém. Ngay từ mùng 8 tháng 2 năm 1972, tại gian đại sảnh phía đông của Nhân dân đại lễ đường, sau khi nghe các tổ công tác báo cáo công tác chuẩn bị, Chu Ân Lai nói riêng về chuyện khi Níchson đi thăm Hàng Châu, Thượng Hải sẽ để ông ta đi máy bay của Hãng hàng không dân dụng Trung Quốc. Trước kia Níchson đi thăm nước ngoài chưa bao giờ đi máy bay của nước chủ nhà.

- Níchson đến đất Trung Quốc thì phải nghe theo sự sắp đặt của chúng ta. - Về mặt và giọng nói của Chu Ân Lai chứa chan lòng tự tin và sự tôn

nghiêm dân tộc.

Ông ra lệnh cho Hãng hàng không dân dụng : “Các đồng chí Mã Nhân Huy, Trương Thụy ái chú ý nhiệm vụ của chuyến chuyên cơ này không giống mọi khi, các đồng chí phải làm thật tốt!”. Chu Ân Lai hiểu rất rõ, sự tôn nghiêm của dân tộc Trung Hoa phải được bảo đảm bằng tác phong công tác tỉ mỉ chu đáo. “Các đồng chí bắt đầu từ bây giờ phải tổ chức cho tổ lái chuyên cơ đó bay thử. Ngoài ra, chiều hôm trước và hôm Níchson đi Hàng Châu, Thượng Hải phải bay thử lại trước khi khách lên máy bay để đảm bảo chắc chắn không xảy ra chuyện gì bất trắc!”

Chu Ân Lai còn chỉ thị cụ thể về công tác bảo vệ và công việc của thợ máy: “Nói rõ với thợ máy là phải kiểm tra máy bay thật kĩ, sau khi bay thử xong phải kẹp chì niêm phong. Phải giáo dục cho đơn vị cảnh vệ để họ cảnh giữ máy bay thật nghiêm ngặt, ai không có phận sự không được đến gần máy bay...” Mấy buổi họp sau đó, Chu Ân Lai chỉ thị rất cặn kẽ những vấn đề chi tiết trong công việc đón tiếp. Trong buổi họp có người hỏi:

- Phương châm đón tiếp không lạnh nhạt cũng không nóng, không cao không thấp, như vậy khó quá.

Chu Ân Lai phì cười:

- Cái đó có gì khó nhỉ? Người ta đưa tay ra, thì đồng chí cũng đưa tay ra, đừng có khệnh khạng, cũng chớ có toe toét, thế là được rồi.

Chiếc chuyên cơ của Trung Quốc chở Tổng thống Mỹ sắp sửa cất cánh. Trên sân bay khá nhộn nhịp: Hãng hàng không dân dụng và bên không quân huy động 12 chiếc máy bay gồm cả ba loại IL-18, trực thăng Tử tước và trực thăng Vân tước. Đây là lần đầu tiên ở Trung Quốc tổ chức một đoàn đi tham quan gồm nhiều loại máy bay với số lượng lớn như vậy.

Chiếc chuyên cơ IL-18 của Thủ tướng được dùng làm chuyên cơ cho Tổng thống và để giữ bí mật số hiệu máy bay 216 được đổi thành 218, Chu Ân Lai tháp tùng Níchson ngồi ở khoang giữa.

Chiếc chuyên cơ “Tinh thần 76” của Tổng thống cũng cất cánh bay theo sau.

Chu Ân Lai giải quyết khéo chuyện con số “13”

Chiếc thuyền IL-18 của Chu Ân Lai do cơ trưởng Trương Đoan ái lái ngày 26 bay từ Bắc Kinh đến Hàng Châu, ngày 27 thì Hàng Châu đến Thượng Hải.

Khi máy bay hạ cánh xuống sân bay Hồng Kiều, Níchson dơ ngón tay cái nói với Chu Ân Lai:

- Bay giỏi lắm.

Chu Ân Lai mỉm cười đầy tự tin, trả lời khiêm tốn:

- Đó là những phi công chúng tôi đào tạo lấy, tôi rất tín nhiệm họ.

Kítsinhơ tiếp lời:

- Tổng thống lần đầu tiên đi máy bay nước ngoài, vì biết Trung Quốc an toàn nhất. - Kítsinhơ nói với vẻ rất tự hào vì trong việc này có một phần công lao của ông phía Trung Quốc lúc đầu đã định bố trí như vậy nhưng phía Mỹ không đồng ý. Kítsinhơ hiểu rất rõ lòng tự tôn dân tộc của người Trung Quốc, nên đã tích cực dàn xếp, thuyết phục phía Mỹ tiếp nhận ý kiến của Chu Ân Lai.

Thượng Hải là trạm cuối cùng trong chuyến Níchson đi thăm Trung Quốc.

Tổng thống Níchson và đoàn tùy tùng ăn nghỉ ở khách sạn Cẩm Giang nổi tiếng. Trong tòa lầu biệt đại nhất này của Thượng Hải, vợ chồng Níchson được bố trí ở tầng 15, Kítsinhơ ở tầng 15, Rôgiơ, Grin và các quan chức Quốc vụ viện khác ở tầng 13.

Ngày 27 tháng 2, vừa tới Thượng Hải được một lúc, Chu Ân Lai tới thăm Quốc vụ khanh Rôgiơ và các trợ lý của ông ta. Ông vào đại sảnh, bước vào thang máy. Chiếc thang máy chạy ngược lên rồi dừng lại, đèn đỏ bật sáng ở nút số "13".

Nhìn con số "13", Chu Ân Lai giọng bằng hoàng:

- Sao lại xếp họ ở tầng 13 thế nhỉ? số 12! Người phương Tây tối kị con số 13....

Đèn đỏ, cửa thang máy mở ra.

Chu Ân Lai dẫn theo phiên dịch đi vào phòng Rôgiơ, tiếng bàn tán về con số "13" bỗng nhiên im bật. Các quan chức dưới trướng của Rôgiơ đang nói chuyện ở trong phòng, chắc là đang câu kinh tức giận nên người nào người nấy vẻ mặt hầm hầm. Thấy Chu Ân Lai đến, Rôgiơ đưa mắt nhìn họ, họ đành phải gượng cười khách sáo chẳng tự nhiên chút nào.

Chu Ân Lai chìa tay nói:

- Chào ngài Rôgiơ!

- Chào Ngài Thủ tướng. - Rôgiơ bắt tay Chu Ân Lai.

Sau khi đi bắt tay từng quan chức Quốc vụ viện, Chu Ân Lai thân nhiên ngồi xuống chiếc ghế sa lông cạnh Rôgiơ, nói:

- Thưa ngài Quốc vụ khanh, tôi được Chủ tịch Mao Trạch Đông ủy thác đến thăm Ngài Quốc vụ khanh, và các ngài. Lần này hai nước Trung-Mỹ mở được cửa là vì được Quốc vụ viện do Ngài Rôgiơ chủ trì ra sức ủng hộ. Mấy năm nay, Quốc vụ viện đã làm một khối lượng lớn công việc. Tôi đặc

biệt còn nhớ, khi chúng tôi mời đội bóng bàn của quý quốc sang thăm Trung Quốc, đại sứ quán của quý quốc ở Nhật đã sáng suốt bật đèn xanh, chúng tôi quan chức ngoại giao của các Ngài rất hiểu biết...

Lời nói của Chu Ân Lai đã làm không khí căng thẳng ở trong phòng dịu đi.

- Ngài Thủ tướng cũng rất sáng suốt. Tôi rất khâm phục ngài đã nghĩ ra việc mời đội bóng bàn nước tôi, thật tuyệt! Chỉ trong phút chốc đã kéo được hai nước vốn xa lánh nhau xích lại gần nhau. - Rôgiơ vừa cười vừa nói.

- Có một việc làm chúng tôi rất áy náy, chúng tôi đã sơ suất không nghĩ đến phong tục của phương Tây là kiêng con số "13". - Chu Ân Lai chuyển sang nói vui - Trung Quốc có câu chuyện ngụ ngôn: Có một người sợ ma, càng nghĩ anh ta càng thấy sợ, đến một lúc anh ta không thấy sợ ma nữa, anh ta đi tìm ma khắp nơi thì chẳng thấy ma đâu cả... Con số "13" của phương Tây cũng như "ma" của Trung Quốc vậy.

Mọi người cười phá lên, Chu Ân Lai cũng cười theo.

Chu Ân Lai đi rồi, con tức giận của các quan chức dưới trướng Rôgiơ cũng vơi đi quá nửa. Trung Quốc có câu tục ngữ "Không nể sư cũng phải nể mặt Phật". Họ chủ yếu có ý kiến về Kítsinhgơ, về một vài cách làm của Níchson. Nay Chu Ân Lai thay mặt Mao Trạch Đông đến thăm họ, họ chẳng những không tiện sinh chuyện, mà còn rất khâm phục Chu Ân Lai. Sau này Rôgiơ trở thành người bạn tốt của nhân dân Trung Quốc, nhiều lần đến thăm Trung Quốc. Đến nay ông vẫn tình cảm thân thiện với nhân dân Trung Quốc, tất cả đều bắt đầu từ lòng khâm phục Chu Ân Lai mà ra.

Chiều hôm đó, nhân lúc Kítsinhgơ chuẩn bị cho buổi họp báo đặc biệt, Níchson đi tham quan triển lãm công nghiệp Thượng Hải. Bước vào gian đại sảnh của triển lãm, Níchson chăm chú nhìn mấy bức ảnh lớn các lãnh tụ cộng sản, miệng lầm bầm:

- Đây là Mác, đây là Ăngghen, đây là Lênin, đây là Xtalin.

- Đúng đấy, ngài đều biết cả. - Chu Ân Lai nói.

- Tất cả 4 người.

- Vâng.

- Ông Ăngghen, ở Mỹ chúng tôi ít thấy ảnh của ông.

Khi xem các thiết bị công nghiệp, Níchson còn thò tay ấn nút điện làm cho cỗ máy kiểu mới chạy rùng rùng. Ông nói với Chu Ân Lai:

- Chúng ta ấn nút điện, phải nhằm mục đích xây dựng chứ không phải để huỷ diệt.

Chu Ân Lai cười ngất. Không khí xung quanh nhộn nhạo cả lên.

Níchson hứng lên nói với Chu Ân Lai:

- Hè năm 1959, tôi làm Phó Tổng thống tháp tùng Khorútsốp thăm triển lãm của Mỹ ở Mátxcova. Đứng trước chiếc máy giặt, ông ta tranh cãi với tôi xem tên lửa của ai lợi hại hơn, tôi bảo so sánh tên lửa chẳng có ý nghĩa gì, chiến tranh nổ ra chẳng ai là kẻ chiến thắng.

Chu Ân Lai càng cười to, cười xong nói:

- Tôi biết, đó là cuộc “tranh luận trong nhà bếp” nổi tiếng đã làm cho ngài nổi danh.

Níchson cười:

- Tôi nghĩ đó không phải nhằm bôi xấu. - Ngắm nghĩ một lát, ông ta nói tiếp với giọng nửa đùa nửa thật - Ngài Thủ tướng, Ngài không nên tin hết vào những lời nói xấu tôi trên báo chí, tôi cũng không hoàn toàn tin vào những lời nói xấu Ngài trên báo chí.

Chu Ân Lai thôi không cười nữa, nói với Níchson:

- Tôi tin theo câu nói nổi tiếng của Mao Chủ tịch, một người duy vật triệt để thì chẳng sợ cái gì cả.

5 giờ chiều, “Thông cáo chung” của hai nước Trung-Mỹ được công bố với giới báo chí. Vì công bố ở Thượng Hải, khi đó hai nước chưa có quan hệ ngoại giao, nên mọi người gọi bản thông cáo đó là “Thông cáo Thượng Hải”.

Sau đó, lúc 5 giờ 50, Kítsinhơ và Grin trợ lý Quốc vụ khanh tổ chức họp báo tại phòng tiệc của triển lãm Thượng Hải. Để “an ủi” phía Đài Loan và phái phản đối trong nước Mỹ, Kítsinhơ trong buổi họp báo giải thích y như thật rằng Hiệp ước phòng thủ giữa Mỹ và Đài Loan vẫn không hề thay đổi để tỏ ý “Hoa Kỳ không bỏ rơi bè bạn cũ”. Song kiểu giải thích hình thức đó không còn gây được hứng thú cho các nhà báo. Thông cáo Thượng Hải gây chấn động thế giới, ảnh hưởng đến thế giới đã làm cho lời giải thích của Kítsinhơ trở nên quá mờ nhạt.

Liên Xô lo ngại Trung-Mỹ xích lại gần nhau

Sau chuyến đi Trung Quốc gây chấn động thế giới, tháng 5 năm 1972, Tổng thống Mỹ Níchson lại có một hoạt động ngoại giao quan trọng gây xôn xao dư luận thế giới thêm một lần nữa, đó là chuyến đi thăm Mátxcova.

Đây là lần đầu tiên một đương kim Tổng thống của Hoa Kỳ sang thăm Liên Xô, và cũng là chuyến đi thăm đáp lễ chuyến thăm Mỹ tháng 9 năm 1959 của cố Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Khorútsốp.

Vốn dĩ hai vị cựu Tổng thống Mỹ Aixenhao và Giônson cũng đã có kế

hoạch đi thăm Liên Xô, nhưng vì vụ máy bay U-2 xâm phạm Liên Xô và vụ khủng hoảng tên lửa ở Cu Ba nên Kế hoạch bị phá sản.

Chuẩn bị đón tiếp Tổng thống Hoa Kỳ, Mátxcova được khẩn trương chỉnh trang lại; những tuyến đường lớn được mở rộng và rải lại nhựa, rỡ bỏ một số nhà cửa cũ nát, toàn thành phố được quét vôi lại như mới.

4 giờ chiều ngày 22 tháng 5, máy bay của Tổng thống Níchson từ từ hạ cánh xuống sân bay Vonucôvô. Vợ chồng Tổng thống Níchson vui vẻ bước xuống máy bay, bắt tay hai vị chủ nhà ra đón là Chủ tịch Xô viết tối cao Pốtgócnui và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Côsughin. Qui mô đón tiếp ở sân bay lớn hơn mọi khi, dọc đường có hàng nghìn quần chúng đứng đón, nhưng không khí chẳng lấy gì làm nóng nhiệt. Để tránh gây cho bên ngoài ấn tượng quá mạnh, Tổng Bí thư Brêgionép không ra sân bay đón, nhưng ông gặp Tổng thống Níchson ngay trong ngày để làm ấm lên bầu không khí dường như có vẻ lạnh nhạt đó. Các nhà quan sát nước ngoài nhận xét, quang cảnh đón tiếp nhạt nhẽo nhưng hợp nghi lễ.

Tuy thế, trong tiệc chiêu đãi Níchson hôm đó Pốtgócnui phát biểu văn tỏ ý mong muốn “cùng Hoa Kỳ xây dựng mối quan hệ không chỉ tốt đẹp mà là hữu nghị”. Và trong lời đáp Níchson cũng tiên đoán “một thời đại mới trong quan hệ của hai quốc gia lớn mạnh chúng ta sắp sửa bắt đầu”.

Các nhà lãnh đạo Liên Xô rất coi trọng các cuộc hội đàm thượng đỉnh với Níchson và thường là cả “bộ ba” cùng xuất hiện. Đương nhiên Brêgionép giữ vai trò chính, ông không chỉ tham dự các buổi hội đàm công khai mà còn nhiều lần gặp riêng Níchson. Theo dự luận nước ngoài, việc các nhà lãnh đạo Liên Xô bỏ nhiều công sức cho cuộc hội đàm cấp cao này phản ánh tâm trạng Liên Xô mong muốn cải thiện quan hệ với Mỹ. Một mặt, Liên Xô rất muốn tranh thủ kĩ thuật và viện trợ của phương Tây để nhanh chóng phát triển nền kinh tế trong nước; mặt khác, do Níchson vừa đi thăm Trung Quốc nên lo ngại Trung-Mỹ xích lại gần nhau đe dọa nền an ninh của họ.

Trong 8 ngày Níchson ở thăm Liên Xô, lãnh đạo hai nước ngoài việc thảo luận những vấn đề song phương về kinh tế, mậu dịch, còn thảo luận những vấn đề quốc tế quan trọng như cuộc chiến tranh Việt Nam, vấn đề Trung Đông và vấn đề giải trừ quân bị; đã kí kết được 6 hiệp định, trong đó có hiệp định hạn chế vũ khí chiến lược nổi tiếng. Ngày 29 tháng 5, khi kết thúc chuyến thăm của Níchson, hai bên đã ra Thông cáo chung, xác lập những nguyên tắc trong quan hệ giữa hai nước.

Chương XI

Giêrôn Pho tiếp khách ở Vladivôxtốc, Hoa Quốc Phong từ chối nhận điện mừng của Brêgionép. Đàm phán thiết lập quan hệ Ngoại giao, quan chức hoa kỳ lui tới Điều Ngự Đài

I. THUẬN GIÓ GIƯỜNG BUỒM

Giêrôn Pho ở Vladivôxtốc.

Tuyên thệ nhậm chức chưa đầy 16 tháng. Tổng thống Hoa Kỳ Giêrôn Pho đã tiến hành ba cuộc hội nghị thượng đỉnh.

Tháng 10 năm 1974, Quốc vụ khanh Kítsinhơ đi Mátxcova để đưa ra một phương án mới cho cuộc hội đàm về hạn chế vũ khí chiến lược đã có bước đột phá hồi tháng 7, và nêu ra một qui hoạch 10 năm khống chế cuộc chạy đua vũ khí hạt nhân. Xét tình hình lúc đó, thời cơ kí kết hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai chưa chín muồi, nhưng Tổng thống Pho kiên trì cho rằng Kremli mong muốn kí một hiệp nghị mới. Pho lạc quan cho rằng có thể soạn một văn bản hiệp nghị để Brêgionép kí vào dịp ông đến thăm Mỹ lần thứ 2 trong năm 1975.

Năm 1974, Níchson do “vụ Oatơghết” buộc phải từ chức, Phó Tổng thống Pho ngày mồng 9 tháng 8 năm đó vào làm chủ Nhà Trắng. Chuyện này đến với ông thật đột ngột. Điều đáng vui mừng là khi hoạch định chính sách quân bị hạt nhân và tiến hành hội đàm thượng đỉnh với Mátxcova và Bắc Kinh, ông có thể dựa vào vị Quốc vụ khanh giàu kinh nghiệm đã phục vụ Níchson hơn năm năm. Điều kiện thuận lợi đó đã giảm đi do hậu quả của vụ Oatơghết và do Quốc hội bỏ phiếu hạn chế quyền hạn của Tổng thống. Trong cuộc bầu cử giữa nhiệm kì năm 1974, Đảng Dân chủ giành được đa số phiếu ổn định ở cả hai viện; 299 ghế ở Hạ nghị viện, 61 ghế ở Thượng nghị viện.

Khi đó, Kremli và Nhà Trắng đều muốn tiếp tục giữ vững tình thế hiệp thương ở cấp cao nhất để cuối cùng kí kết được hiệp ước vũ khí chiến lược. Thế là, Brêgionép lập tức nắm lấy thời cơ Nhà Trắng thay chủ, ngày mồng 10

tháng 8 nêu ra với Mỹ phương án tổ chức cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Mỹ-Xô, nhằm thăm dò sâu hơn quan điểm của Pho về những vấn đề còn đang treo đó chưa quyết, chẳng hạn như vấn đề hạn chế vũ khí hạt nhân. Tháng 9, khi gặp Tổng thống Mỹ, Ngoại trưởng Liên Xô Grômico đã nói rất rõ: những bất đồng còn lại mong rằng sẽ được giải quyết qua hội nghị thượng đỉnh sớm được tổ chức. Cuối cùng, hai bên đồng ý từ 23-24 tháng 11 sẽ tổ chức cuộc gặp giữa hai vị đứng đầu hai nước Mỹ-Xô ở Vladivôxtốc (Liên Xô).

Trước đó, Tổng thống Pho đã nhận lời mời đi thăm Nhật và Hàn Quốc. Sau khi Kítsinhơ từ Mátxcova về nước, Chính phủ hai nước Xô- Mỹ ngày 26 tháng 10 tuyên bố người lãnh đạo hai nước sẽ tổ chức “Hội nghị thượng đỉnh qui mô nhỏ” vào tháng 11. Ngày 19 tháng 11, Tổng thống Pho bay đi Tôkyô thăm chính thức và làm việc với Nhật trong ba ngày; Ngày 22-23, quay về gặp Tổng thống Hàn Quốc Pắc Chung Hy sau đó bay đến Vladivôxtốc.

Ngày 23 tháng 11, trên tòa đại lầu phủ đầy tuyết trắng ở sân bay quân sự Vladivôxtốc treo một tấm biểu ngữ lớn với dòng chữ tiếng Anh “Hoan nghênh Tổng thống Pho”. Brêgionép và Grômico từ Mátxcova đáp xe lửa vượt qua 7 múi giờ 4.000 dặm Anh để tới đây. Từ năm 1938 đến nay, các nhà báo phương Tây lần đầu tiên đến thành phố này, ngay từ sáng sớm đã có mặt ở sân bay chờ đón Tổng thống Pho.

Buổi sáng, chiếc “Không quân số 1” từ từ đáp xuống đường băng sân bay vừa được dọn sạch tuyết, Tổng thống Pho đầu đội mũ da Nga, mình bận măng tô dày màu xanh sẫm nhanh nhẹn bước ra cửa máy bay, bước xuống thang máy bay. Ông được Brêgionép và Grômico chào đón rất nồng nhiệt ở sân bay.

Hai vị đứng đầu hai nước Mỹ-Xô do Ngoại trưởng Liên Xô Grômico và Quốc vụ khanh Mỹ Kítsinhơ tháp tùng lên xe con đi về ga xe lửa. Tranh thủ thời gian, nguyên thủ hai nước bắt đầu buổi hội đàm đầu tiên ngay trên đoàn tàu hiện đại đầy đủ tiện nghi. Sau 90 phút, đoàn tàu đưa họ về địa điểm hội đàm - khu điều dưỡng của thành phố Đại dương.

Vừa tới nơi được ít phút, Pho và Brêgionép đã bắt đầu cuộc gặp gỡ chính thức. Từ 23 -24 tháng 11 cuộc hội đàm được tiến hành ở thành phố Đại dương, một thành phố gợi cho Pho nhớ lại “trại Caxukin” (ở Niu Oóc Mỹ) của Hội thanh niên đạo Kitô đã bị lãng quên”.

Trong thời gian trừ bị cho hội nghị thượng đỉnh, Chính phủ hai nước nhất trí sẽ thay thế hiệp định về vũ khí hạt nhân bằng những thoả thuận chung. Qua thảo luận, lãnh đạo hai nước đã gạt bỏ được những bất đồng còn

tồn tại mà xem ra chỉ có ở tầm quyết sách cao nhất này mới giải quyết được. Sau cuộc hội đàm sáng 24 tháng 11, tại phòng tắm nắng trên tầng hai, Brègionép và Pho ký Thông cáo chung Xô-Mỹ, ra Tuyên bố chung về việc hạn chế vũ khí tấn công chiến lược.

Sau khi Tuyên bố chung được ký kết, Kítsinhgơ nói với các nhà báo: “Bản Tuyên bố chung này đánh dấu bước đột phá trong cuộc đàm phán về hạn chế vũ khí hạt nhân chiến lược mà chúng tôi đã mất công tìm kiếm trong suốt gần một năm nay”. Theo Kítsinhgơ, trong hội nghị này, Liên Xô đã buộc phải có một nhượng bộ quan trọng đối với Mỹ là thôi không đòi đưa hệ thống máy bay chiến đấu ở các căn cứ quân sự của Mỹ bố trí ở Châu Âu vào hạn ngạch số bệ phóng. Bí thư báo chí của Nhà Trắng thì nói: “Việc mà Níchson làm ba năm làm không xong Pho thì làm xong trong ba tháng”.

Tổng thống Pho không dấu nổi vui mừng trước sự tiến triển của hội nghị Vladivôxtốc. Theo ông, Brègionép cho dù không được “cực độ hưng phấn” nhưng cũng “đủ nhiệt tình”. Pho viết trong hồi kí của mình, khi các chuyên gia “giải quyết xong những vấn đề còn lại, chúng tôi sẽ kí hiệp nghị hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai”. Ông còn kể khi người lãnh đạo Liên Xô tuyên bố “chúng tôi đã hoàn thành một công việc rất có ý nghĩa, trách nhiệm của chúng tôi chỉ là... hoàn tất văn kiện này (chỉ hiệp ước lâu dài)”, thì ông đã rất lạc quan đáp lại rằng: “Đây là một bước dài hướng tới chỗ ngăn ngừa thảm hoạ hạt nhân”!

Dư luận quốc tế hồi đó tuy đều “cảm thấy phấn khởi” về kết quả cuộc gặp gỡ này, nhưng cũng tỏ ý phải “đợi xem sao”. Hăng thời sự Nhật Bản bình luận “Hai bên chỉ qui định số lượng vũ khí hạt nhân, còn về mặt chất lượng thì để lại thảo luận sau. Điều đó có nghĩa là hai bên vẫn dành sẵn con đường cho việc tăng cường quân sự chuẩn bị chiến tranh sau này”.

Sau khi về Oasinhton, Tổng thống Pho trình bày vắn tắt tình hình chuyến thăm Liên Xô của mình trước 26 vị lãnh đạo của Quốc hội. Về chuyện vũ khí hạt nhân, ông nói trước khi nhận được thư tiếp theo của Kremli phải giữ bí mật con số chính xác về tên lửa và những tên lửa mang theo nhiều hạt nhân. Nhưng giới báo chí Mỹ dường như đã biết con số gần giống với con số theo hiệp định qui định. Trong cuộc họp báo ở Nhà Trắng, Pho cảnh báo rằng, những thỏa thuận chung ở Vladivôxtốc chỉ là một phương án hành động” chỉ là một bước đột phá để cuộc đàm phán khởi bể tắc, chứ không thể được nhìn nhận như là “một chế độ cắt giảm vũ khí”. Theo Pho, mức qui định được cả hai bên chấp nhận hiện nay thấp hơn con số kế hoạch về vũ khí tấn

công chiến lược của Liên Xô, cao hơn con số kế hoạch của Mỹ.

Trước khi họp hội nghị Vladivôxtốc, giới báo chí phỏng đoán mục đích chính của hội nghị này là xúc tiến sự hiểu biết giữa Tổng thống Pho với Tổng bí thư Brêgionép và nhắc lại nghĩa vụ của hai bên đối với việc làm dịu tình hình căng thẳng. Bởi vậy, việc hội nghị kí kết hiệp định vũ khí hạt nhân đã làm cho mọi người rất bất ngờ.

Trong tuyên bố chung ngày 24 tháng 11, người lãnh đạo hai nước Xô-Mỹ nhắc lại quyết tâm không để lỡ thời cơ tiếp tục cố gắng mở rộng và tăng cường hợp tác trên các lĩnh vực". Tuy ở Vladivôxtốc Chính phủ hai nước chưa kí hiệp định về kĩ thuật kèm theo, nhưng trong hai năm Pho cầm quyền sau đó, hai nước đã kí 10 hiệp định mới hoặc điều chỉnh một số điều khoản hiện hành, có liên quan đến các lĩnh vực vận tải hàng không dân dụng hợp tác khai thác biển, đường dây nóng Oasinhton - Mátxcova, mua bán lương thực v.v...

Tuyên bố chung một lần nữa cam kết tiếp tục xúc tiến "xác lập lại quan hệ Xô-Mỹ trên nguyên tắc chung sống hoà bình và bảo đảm an ninh của nhau" phát triển sự hợp tác kinh tế lâu dài giữa hai nước, đồng thời tỏ ra lạc quan đối với cuộc hội đàm về hiệp ước an ninh nhiều bên ở châu Âu. Từ giữa thập niên 50, Chính phủ Liên Xô luôn mong muốn có một hiệp nghị giữa Đông Âu và Tây Âu để ổn định về lãnh thổ và an ninh. Sau hai năm đàm phán bần bạc, rút cuộc Mỹ, Canada và 33 nước Châu Âu đã đồng ý sẽ kí kết văn kiện cuối cùng của Hội nghị an ninh và hợp tác Châu Âu tại Hội nghị an ninh và hợp tác Châu Âu tại Hội nghị thượng đỉnh Henxinki. Tổng thống Pho tới Phần Lan tham gia lễ kí vào ngày mồng 1 tháng 8 năm 1975.

Pho ở Henxinki

Ngày 15 tháng 7 năm 1975. Bầu trời trên sân bay vũ trụ Baiconua (Trung á Liên Xô) trong veo. Đúng 12 giờ 20 phút theo giờ G, một quả tên lửa được phóng lên không trung đưa con tàu vũ trụ "Liên hợp" chở hai nhà du hành vũ trụ lên bầu trời. 7 tiếng rưỡi sau, tàu "Apôlô" của Mỹ chở 3 nhà du hành vũ trụ từ mũi Canavêrôn (bang Pholorida Mỹ) cũng bay lên bầu trời đuổi theo tàu vũ trụ "Liên hợp" của Liên Xô. Vào hồi 16 giờ 12 phút theo giờ G, ngày 17 tháng 7, tàu "Liên hợp" và tàu "Apôlô" ghép nối với nhau thành công, trở thành một sáng tạo lớn trong lịch sử hàng không vũ trụ của loài người. Việc ghép nối hai con tàu vũ trụ của Mỹ và Liên Xô với nhau, những cái bắt tay trong không trung của các nhà du hành vũ trụ đã được sắp đặt rất tinh tế để phục vụ cho cuộc họp thượng đỉnh giữa hai nước sau đó hai tuần. Như tờ tuần báo "Thời

dại” của Mỹ đã viết, đó là chuyến bay mang mục đích chính trị, nhiều hơn là thực chất, nhằm tăng thêm không khí thân thiện trước cuộc gặp gỡ thượng đỉnh giữa hai nước. Người ta đã gọi đó là “ngoại giao vũ trụ”.

Ngày 30 tháng 7, sau lễ khai mạc Hội nghị Thượng đỉnh về an ninh và hợp tác Châu Âu họp ở Henxinki, Pho và Brêgionép tiễn thể tiến hành ngay ở thủ đô Phần Lan “Hội nghị thượng đỉnh qui mô nhỏ” lần thứ hai. Hai vị đứng đầu hai nước Mỹ-Xô gặp nhau lần thứ nhất ở đại sứ quán Mỹ suốt 2 tiếng 15 phút. Lần hội đàm này đề cập đến vấn đề hạn chế vũ khí chiến lược, vấn đề Trung Đông và một số vấn đề về quan hệ song phương. Sau Hội đàm, hai bên đều tỏ vẻ hài lòng.

Ngày 1 tháng 8, các vị đứng đầu Nhà nước hoặc Chính phủ của 35 nước kí vào văn kiện cuối cùng dày 400 trang viết bằng 6 thứ tiếng. Sau lễ kí khi trò chuyện với Tổng thống Pho, Brêgionép xúc động gần như chảy nước mắt..

Sáng sớm ngày mồng 2 tháng 8, Pho cùng các cộng sự từ khách sạn đi xe đến đại sứ quán Liên Xô hội đàm lần thứ hai với Brêgionép. Cuộc hội đàm kéo dài 3 tiếng 10 phút, quá thời gian dự định 1 tiếng 10 phút.

Hai buổi hội đàm diễn ra rất nhùng nhằng. Theo phương án Vladivôxtốc, cuộc đàm phán Xô-Mỹ ở Gionevơ được nối lại vào đầu năm 1975 nhưng đã gặp những khó khăn mới, nên trong hai cuộc gặp này ngoài việc thảo luận những bất đồng về việc thanh tra các vụ thử hạt nhân và các chủng loại tên lửa mang nhiều đầu đạn (những vấn đề này chưa giải quyết được ở hội nghị Vladivôxtốc) lãnh đạo hai nước chủ yếu tập trung thảo luận hai vấn đề mới: vấn đề tên lửa tuần tra của Mỹ và vấn đề máy bay ném bom kiểu mới của Liên Xô. Tên lửa tuần tra là một loại tên lửa mới không cần người điều khiển, tốc độ chỉ sau tốc độ âm thanh, tính cơ động cao, độ chuẩn xác cao. Loại đạn đạo này có thể phóng đi từ trên không, trên biển và trên đất liền, lại có thể bay ở tầm siêu thấp tránh được sự theo dõi của rada, do đó rất đáng tin cậy. Chính phủ Liên Xô khẳng khái đòi hạn chế cự li bay của tên lửa tuần tra, đồng thời một mực cho rằng máy bay ném bom kiểu mới của mình không phải máy bay chiến lược, không nằm trong phạm vi hội đàm. Phía Mỹ phản bác rằng, máy bay ném bom kiểu mới đó sau khi được tiếp dầu trên không có thể bay từ Liên Xô đến đất Mỹ, do đó phải đưa vào hiệp ước vũ khí chiến lược. Các nhà lãnh đạo hai nước thấy không thể đi đến hiệp nghị bên giao các vấn đề đó cho ngoại trưởng hoặc các chuyên gia ở Gionevơ tiếp tục thảo luận.

Khi các phóng viên đang đứng đợi trước đại sứ quán Liên Xô hỏi cuộc

hội đàm về hạn chế vũ khí hạt nhân chiến lược có tiến triển hay không, Tổng thống Pho nói:

- Chúng tôi đã có được những bước tiến triển.

Sau khi hỏi phiên dịch xem Pho đã nói gì, Brêgionép nói to với các phóng viên:

- Đúng! Đúng! Đúng như vậy! Các ông không thấy chúng tôi đang rất vui sao? Khó khăn duy nhất của chúng tôi là không đủ thời gian để giải quyết mọi vấn đề.

Khi chia tay với Tổng thống Pho, Brêgionép vui vẻ vỗ vai Pho:

- Chúc ngài bình an, lên đường thuận lợi.

Tổng thống Pho tổ chức họp báo ngay trên chuyên cơ “Không quân số 1”. Ông cho biết ông và Brêgionép dùng 4/5 thời gian để thảo luận vấn đề hạn chế vũ khí chiến lược, đã đạt được thỏa thuận “trên một số vấn đề thực chất”, nhưng còn một số mặt “rất quan trọng” và “có tính chất quyết định” vẫn chưa nhất trí được.

Tổng thống Pho hi vọng trước khi hiệp định tạm thời năm 1972 hết kì hạn, sẽ kí kết được hiệp định về vũ khí hạt nhân tấn công vào năm 1976. Bằng những con đường khác, ông tiếp tục đàm phán với Liên Xô. Ông uỷ quyền cho Kitsinhơ tháng 9 thương thuyết với Grômico ở Niu Oóc, đồng thời yêu cầu các chuyên gia đẩy mạnh cuộc hội đàm ở Gionevơ. Song những nỗ lực kể trên rốt cuộc vẫn chưa dàn xếp được những bất đồng còn tồn tại.

Tháng 1 năm 1976, Kitsinhơ đi Mátxcova trong một nỗ lực cuối cùng nhằm phá vỡ tình trạng bế tắc khi đó. Ông có vẻ thích phương án hai. Phương án hai chủ trương hạn chế ở mức nào đó máy bay ném bom kiểu mới của Liên Xô và tên lửa tuần tra của Mỹ, đồng thời cắt giảm 10% vũ khí hạt nhân. Xem chừng sắp sửa đạt được một hiệp nghị, như vậy thì Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ lại vin cớ an ninh quốc gia từ chối hiệp định đó. Do không có con đường nào khác để lựa chọn, Tổng thống Pho nêu ra một phương án thỏa hiệp mang tính chất quá độ. - Chính thức thông qua hiệp định Vladivôxtốc năm 1974, vấn đề máy bay ném bom kiểu mới và tên lửa tuần tra gác lại sau này giải quyết tiếp. Đề nghị này của Mỹ bị Liên Xô từ chối.

Mặc dù các cuộc hội đàm Oasinhton, Mátxcova, Vladivôxtốc và Henxinki đều có tiến triển, nhưng việc đạt được một hiệp nghị cuối cùng về vũ khí hạt nhân tấn công trong nhiệm kì của Chính phủ Pho rõ ràng là không thể. Tình hình đó chứng tỏ, đàm phán để đạt được hiệp nghị dù là có giới hạn về những chính sách cơ bản gặp rất nhiều khó khăn, nhất là khi đòi hỏi hai

bên phải có sự thoả thuận lớn trên những vấn đề trọng đại.

Thái độ lạc quan của Tổng thống Pho khi từ Vladivôxtốc trở về sau này được chứng minh là quá sớm. Khi xuống sân bay quân sự Andorut, ông nói với mọi người rằng, Mỹ và Liên Xô đã đặt “nền móng vững chắc” cho hiệp ước hạt nhân mới. Báo chí cũng âm ỹ lên, đây là một thắng lợi chính trị to lớn. Song, biến ý nguyện thậm chí cả những nguyên tắc đã được thoả thuận thành nghĩa vụ thiết thực và cụ thể là điều khó khăn, sự phát triển trang bị tác chiến và kĩ thuật mới sẽ làm thay đổi thế cân bằng hạt nhân; vẫn còn đó những thế lực chính trị phản đối hạn chế vũ khí hạt nhân; trong giới chính trị, giới quân sự ở nước Mỹ nhiều người phản đối Mỹ-Xô hoà hoãn. Tất cả những cái đó hợp sức lại ngăn cản việc kí kết trước cuối năm 1976 một hiệp ước khả thi, lâu dài về vũ khí hạt nhân tấn công. Bởi vậy, kế hoạch Brègionép đi thăm Mỹ để kí kết một hiệp nghị như vậy đã phải hoãn lại nhiều lần và cuối cùng không thực hiện được. Tổng thống Pho đã nhiều lần nêu câu hỏi “nếu... thì sẽ ra sao?” để bàn về sự thất bại của mình trong cuộc tranh cử Tổng thống năm 1976. Trong hồi kí của mình, ông tự hỏi:

Nếu chúng ta và Liên Xô kí được một hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai thì kết quả sẽ ra sao?

Brègionép có thể đến Mỹ năm 1976. Nghĩa vụ của hai bên chúng ta đối với hòa bình lâu dài có thể trở thành nhân tố quyết định cục diện tháng 11 chăng?

Quả là Tổng thống Pho và người lãnh đạo Liên Xô đã xích lại gần nhau, nhưng mức độ xích lại gần nhau đó chưa đủ để ảnh hưởng mạnh đến cuộc bầu cử Tổng thống ở Mỹ; và lại, Thượng viện Mỹ có thông qua hiệp ước đó hay không cũng chưa thể biết được.

Tổng thống Pho ở Châu Á

Tháng 12 năm 1975, Tổng thống Mỹ Pho đi thăm Châu Á.

Sau chuyến đi quan trọng của Tổng thống Níchson năm 1972, Pho cũng từng với tư cách là nghị sĩ đến thăm Trung Quốc, nên đối với Trung Quốc ông không phải là khách lạ. Trong lần đi thăm đó, ông và Hen.Bơgơ lãnh tụ phe đa số trong Hạ viện Mỹ đã hội đàm suốt 3 tiếng đồng hồ với Thủ tướng Chu Ân Lai về các vấn đề chủ nghĩa phiêu lưu ngoại giao của Liên Xô tương lai của Đài Loan, vai trò của Mỹ ở Viễn Đông sau chiến tranh Việt Nam. Nhưng ông chưa được gặp Mao Trạch Đông.

Tháp tùng Tổng thống Pho trong chuyến đi thăm Trung Quốc lần này gồm có đệ nhất phu nhân, Quốc vụ khanh Kítsinhgơ, cố vấn an ninh quốc gia

Scotllop, chủ nhiệm phòng liên lạc của Mỹ ở Bắc Kinh Gioócgiơ Busơ. Trong chuyến thăm 5 ngày này, Tổng thống Pho đã có cuộc gặp không chính thức trong hai tiếng đồng hồ với Chủ tịch Mao Trạch Đông trên 80 tuổi, hai người đã trao đổi những vấn đề song phương và đa phương. Lần này, người lãnh đạo Trung Quốc tỏ thái độ rõ ràng là Trung Quốc rất quan tâm đến việc Liên Xô thi hành chính sách chi phối thế giới.

Do Chu Ân Lai ốm nặng nằm viện, trong 3 ngày sau đó Tổng thống Pho hội đàm với Phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình, suốt 8 tiếng đồng hồ. Ngoài việc giải tỏa được bất đồng về vấn đề Mỹ hoà hoãn với Liên Xô, hai ông còn thảo luận những biện pháp quán triệt Thông cáo Thượng Hải năm 1972, vạch ra một phương án bình thường hóa hoàn toàn quan hệ ngoại giao. Về việc giải quyết vấn đề Đài Loan, hai bên không nêu ra sáng kiến gì mới. Trong việc yêu cầu Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức, đầy đủ với Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình vẫn giữ thái độ tự kiểm chế. Khi thăm dò vấn đề vận dụng chính sách bình đẳng trong các lĩnh vực có lợi ích của cả hai nước, hai nhà lãnh đạo còn nghiên cứu những cơ hội tạo nên mối quan hệ chặt chẽ Âu-Mỹ, sự cần thiết duy trì địa vị mạnh mẽ của Mỹ ở Nhật Bản, và bày tỏ sự lo ngại về chủ nghĩa bá quyền (chủ nghĩa bành trướng) của Liên Xô ở nhiều nơi như Ănggôla, v.v... Hai bên còn thảo luận vấn đề bình thường hóa quan hệ giữa Oasinhton và Bắc Kinh. Đặng Tiểu Bình đưa ra phương án: Mỹ công nhận hoàn toàn và lập quan hệ ngoại giao chính thức với nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa; đồng thời Mỹ có thể thông qua các cơ cấu phi Chính phủ duy trì quan hệ kinh tế và văn hóa với Đài Loan.

Theo Tổng thống Pho, đặc điểm của những cuộc hội đàm này là thẳng thắn, toàn diện và có tính chất xây dựng. Lần gặp gỡ này không đưa ra được sáng kiến gì có ý nghĩa, không kí kết hiệp định, không ra Tuyên bố chung. Thông cáo Thượng Hải vẫn là cơ sở của quan hệ Trung-Mỹ. Mục đích chính của chuyến thăm này là tạo cơ hội cho Pho gặp và đánh giá người lãnh đạo Trung Quốc, một lần nữa xác nhận sự phát triển hài hòa về quan hệ và chính sách giữa hai nước, giữ mối liên hệ ở cấp cao nhất như đề nghị của Tổng thống Níchson.

Pho và các cộng sự ngày mồng 5 tháng 12 rời Bắc Kinh đi thăm chính thức Indônêxia và Philippin (từ 5-7 tháng 12), sau đó qua Haoai về nước.

Ngày mồng 7 tháng 12, Pho tham gia hoạt động kỉ niệm. Ngày Trân Châu cảng của hải quân. ở đó, ông tuyên bố "Học thuyết Thái Bình Dương chung sống hoà bình với tất cả các quốc gia, không đối kháng với bất kì quốc

gia nào". Ông đưa ra những mục tiêu cơ bản cho chính sách của Hoa Kỳ ở Viễn Đông: bình thường hóa quan hệ với nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa; thắt chặt quan hệ bạn bè với Nhật Bản; ổn định thế cân bằng dựa trên cơ sở duy trì sức mạnh và vai trò lãnh đạo của Mỹ; giải quyết vấn đề Triều Tiên và những vấn đề nổi cộm nhất ở Đông Nam á; đẩy mạnh tiến trình hợp tác kinh tế.

Chuyến đi thăm Trung Quốc của Tổng thống Pho chưa giành được những bước tiến triển đáng kể về thực chất của những điều nói trên. Trên đường bay về nước, Pho rỉ tai với các phóng viên rằng chuyến đi Trung Quốc "không mất cái gì mà cũng chẳng được cái gì".

Pho đã kế thừa kiểu ngoại giao qua hội nghị thượng đỉnh do Nicholson khởi xướng, duy trì được các cuộc hội đàm và các mối liên hệ với các vị đứng đầu của Mátxcova và Bắc Kinh. Thời kỳ Pho đương quyền, tiến trình hoà hoãn được duy trì, thậm chí được thúc đẩy, song những vấn đề mà ông quan tâm nhất như ký kết những hiệp định mậu dịch toàn diện với điều kiện ưu đãi đặc biệt (tối huệ quốc) và hiệp nghị hạn chế lâu dài vũ khí hạt nhân tấn công thì vẫn chưa có được sự tiến triển nào có tính chất đột phá.

Thế lực chống lại chủ trương hoà hoãn ở trong nước Mỹ (phái tự do và phái bảo thủ) liên tục tiến hành công kích. Tổng thống Pho và Quốc vụ khanh Kitxinhơ tuy dốc hết sức làm cho cuộc hội đàm về hạt nhân thu được kết quả, song nhiều vấn đề chính sách chưa giải quyết được, rồi sự bất đồng về việc kiểm soát hạt nhân, việc nghiên cứu chế tạo vũ khí mới, những vấn đề chi tiết khó giải quyết mới nảy sinh, v.v. đã vít chặt con đường tiến tới hợp tác về hạt nhân.

Cuối năm 1976 hàng loạt câu hỏi về tiến trình ngoại giao ở cấp thượng đỉnh đặt ra cho nước Mỹ. Phải chăng do địa vị yếu kém của Tổng thống Liên Xô muốn chờ đến cuộc bầu cử tháng 11 với hy vọng Tổng thống có thể không chế nổi phái chống đối trong nước. Hay là Liên Xô muốn chờ đợi người kế nhiệm ông Pho dành cho Liên Xô những nhượng bộ khảng khái hơn? Tinh thần hoà hoãn phải chăng đã vượt qua đỉnh cao phát triển và bắt đầu đi xuống? Việc gắn với chính trị đã ngăn cản đi đến hiệp nghị về vũ khí hạt nhân? Chưa đạt được thoả thuận là do Chính phủ hai nước bất đồng đến mức không thể giải quyết được, hay là do thế lực phản đối của giới quân sự quá mạnh? Giai đoạn cuối cùng của cuộc đàm phán về không chế vũ khí hạt nhân không thực hiện được phải chăng do tác động tổng hợp của các nhân tố: hoà hoãn lúc thịnh-lúc suy, sự tranh chấp chính trị trong nội bộ nước Mỹ, lo sợ

trong sự cân bằng tiềm ẩn sự mất cân bằng? Vào thời gian cuối nhiệm kỳ của Chính phủ Pho, người ta dự đoán rằng cuộc hội đàm về hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn 2 đã hoàn thành được 90%. Vậy mà sau đó phải 2 năm rưỡi mới giải quyết được 10% vấn đề còn lại và hiệp ước mới được ký kết!

II. CUỘC “TIẾP XÚC” MỚI GIỮA ĐÀI LOAN VÀ LIÊN XÔ

Lui lại đến Đài Loan

Sau lần đến Đài Loan vào tháng 10 năm 1968, Víchto Lui lại đến Đài Loan hai lần nữa, một lần vào tháng 12 năm 1974 và lần sau vào nửa đầu năm 1975.

Cuốn “Châu á hiện đại” của Nhật Bản xuất bản ngày 15 tháng 7 năm 1975 cho rằng chuyến đi lần sau của Vichito Lui thể hiện “sự câu kết mới” giữa Liên Xô và Đài Loan, “là một phần trong âm mưu của Liên Xô muốn tách Đài Loan ra khỏi Trung Quốc”. Trước đó, tờ “Tinh đảo văn báo” của Hồng Công tiết lộ, “nhà thơ” Liên Xô Eptusencô tháng 6 năm 1973 cùng với “đại diện Đài Loan” gặp nhau ở Hồng Công, hai người đã có một cuộc “hội đàm bí mật không để lại tài liệu ghi chép”. Liên Xô còn qua các nhân viên sứ quán của mình ở Thái Lan tiếp xúc với tàn quân sư đoàn 93 Tưởng lẩn quất ở miền bắc Thái Lan.

Theo báo chí Nhật Bản tiết lộ, Liên Xô từ năm 1973 tăng cường tiếp xúc với “bang Đài Loan” ở Nhật Bản, qua họ Liên Xô và Tưởng Giới Thạch liên lạc và câu kết với nhau. Tuần báo “Người sử giả tin cậy” của Nhật tháng 3 năm 1975 đưa tin, Liên Xô đang lợi dụng Thủ tướng Nhật Bản Satô ăysaku và các nghị sĩ “phái thân Đài Loan” trong Đảng dân chủ Tự do để thuyết phục Tưởng Giới Thạch. Theo báo đó, chuyến đi Đài Loan đầu năm của Thủ tướng Nhật có liên quan với cuộc hội đàm giữa ông với Côxuxghin hồi tháng 12 năm 1973. Liên Xô còn lợi dụng các dịp hội thảo về “Bảo đảm an ninh và hoà bình Châu á” tổ chức trong các năm 1973 và 1974 ở Tôkyô và Mátxcova để tiếp xúc với những người đứng đầu “Hiệp hội văn hóa dân tộc Nhật Hoa”.

Ngoài ra Liên Xô trực tiếp hoặc nhờ các nước vệ tinh Đông Âu mời các quan chức Đài Loan đến Mátxcova và Đông Âu. Trong số những người được mời sang Mátxcova có Mã Bản, tác giả “Tiểu thuyết lịch sử” phiêu kỳ của “Trung Quốc thời báo” Đài Loan (bút danh của Mã Bản là Nam Cung Bắc); Lương X. Thư ký “Tổng công đoàn” Hồng Công; Phan Trọng Quy “nhà Hồng học” sống ở Hồng Công và một số phần tử thân Tưởng đã từng sống ở Mỹ.

Những người được mời đến Đông Âu có Phí Hoa phó chủ nhiệm “Hội hợp tác kinh tế quốc tế” Đài Loan; Dương Bá Tiên nhà vật lý đã từng ở Mỹ; Bốc Thiếu Phu, nhà báo ở Hồng Công. Liên Xô còn thông qua Từ Hanh “ủy viên lập pháp của Hồng Công, Ma Cao” lôi kéo một số người ở Hồng Công “đi du lịch” Liên Xô.

Tờ Tinh đảo văn báo Hồng Công ngày 29 tháng 6 năm 1975 dẫn lời của “nhân sĩ thạo tin” nói “nguyên nhân chính khiến Liên Xô liếc mắt đưa tình với Chính phủ Quốc dân đảng là muốn mượn căn cứ hải quân của Đài Loan.”

Đài Loan và những lời lẽ lấy lòng Liên Xô

Sau khi Mỹ công bố thông cáo Tổng thống Pho sẽ thăm Trung Quốc vào năm 1975, từ cuối tháng 11 năm 1974, phía Đài Loan lại bắt đầu tung ra những lời lẽ lấy lòng Liên Xô. Ngày 13 tháng 12 năm 1974, “Trung ương nhật báo” của Quốc dân đảng đăng bài của Quách Định Ngũ, giáo sư kiêm chủ nhiệm khoa chính trị trường đại học Niuoóc của Mỹ, kêu gào “Trung Hoa Dân Quốc tiếp xúc đàm phán với Liên Xô - kẻ thù của Trung Cộng, để phá vỡ thế bị cô lập, mở ra một cục diện mới”, “thời cơ này rất lớn” “cần phải lợi dụng triệt để”. Tháng 1 năm 1975, tờ báo này còn đăng quảng cáo tuyên truyền cho cuốn sách “Mười ngày ở Leningrát” của Phan Trọng Qui viết sau chuyến đi Liên Xô. Ngày 28 tháng 7, tờ “Tự lập văn báo” nhân danh người phát ngôn những quan điểm của “Hoa kiều và lưu học sinh ở châu Âu” đã chủ trương “vận dụng mạnh hơn đường lối ngoại giao mềm dẻo, biến kẻ thù của kẻ thù thành bạn của chúng ta”. Tạp chí “Đông Triều” xuất bản ở Mỹ trong bài “Sau khi Trung - Mỹ đoạn tuyệt quan hệ ngoại giao” tháng 1 năm 1975, tuyên truyền cho “một nguyên tắc mới của nền ngoại giao mới trong tương lai của Đài Loan là đột phá vào nền ngoại giao của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Nga Xô”.

Năm 1975, nguyệt san “Thời đại mới” số tháng 5 xuất bản ở Đài Bắc ra chuyên san “Vô cùng thương tiếc Tưởng công” trong đó tập hợp rất nhiều bài biết hô hào “kính cẩn tuân theo di huấn của Tưởng công”. Toàn bộ cuốn tạp chí từ bìa đến các trang bên trong đều in băng tang đen, nhưng trong đó lại có một bài bàn về “nền ngoại giao” của Đài Loan đi ngược lại “di huấn của Tưởng công”. Bài đó có đoạn viết:

“Chúng ta nên thực hiện một nền ngoại giao đa phương hoá, một nền ngoại giao mềm dẻo, không thể chỉ tập trung trong quan hệ giữa ta và Hoa Kỳ. Hoa Kỳ tuy vẫn tỏ ra duy trì quan hệ với chúng ta, tôn trọng hiệp ước

giữa họ với chúng ta, nhưng đồng thời lại dồn sức vào việc bình thường hoá quan hệ Mỹ - Phỉ (chỉ Trung Quốc)... Đối phó lại dòng nước ngầm đó của Hoa Kỳ chúng ta phải đợi lại nhà trước lúc trời mưa. Quốc sách của chúng ta là thu phục đại lục, tiêu diệt cộng sản. Với điều kiện không vi phạm quốc sách đó và để tăng cường thực lực chống cộng phục quốc, việc điều chỉnh ở mức độ thích hợp đường lối ngoại giao, vận dụng linh hoạt về sách lược nhằm thích ứng với tình hình chính trị quốc tế đang biến động là điều có thể được.”

Tác giả bài viết có nhan đề “Mối quan hệ tam giác Mỹ - Xô - Mao và các nước đồng minh Châu á của Mỹ” này là Chu Húc, phó giáo sư khoa ngoại giao Đại học chính trị Đài Loan. Đoạn văn trên tuy không nhắc đến “Liên Xô” hoặc “Nga Xô”, “nước Nga” “Đế quốc Nga”, nhưng rõ ràng kêu gọi bắt tay với Liên Xô. Trong tự điển của báo chí Đài Bắc, “Ngoại giao đa phương”, “ngoại giao mềm dẻo” đồng nghĩa với phá bỏ nguyên tắc cứng nhắc, kết bạn với Liên Xô.

Ngày 1 tháng 7, tờ “Liên hợp báo” Đài Loan đăng bài nói của Tưởng Kinh Quốc tại Hội nghị tổng kết của quân đội tổ chức vào hạ tuần tháng 6, trong đó Tưởng Kinh Quốc khẳng định: chính sách chống Cộng của Quốc dân đảng không bao giờ thay đổi hai cánh cửa sẽ đóng chặt vĩnh viễn, đó là “tuyệt đối không hòa đàm với Phỉ (tức Trung cộng), tuyệt đối không giao thiệp với đế quốc Nga. Nhưng đến hạ tuần tháng 7, tờ “Tự lực văn báo” Đài Loan cho đăng liền hai bài, nội dung chủ trương thực hiện nền “ngoại giao mềm dẻo”. Hai bài đó đều của Lâm Hạnh Nhất, phóng viên của tờ bào đó. Điều đáng chú ý là lần này tác giả nêu đích danh đối tượng của nền “ngoại giao mềm dẻo” đó là Liên Xô. Bài của Lâm Hạnh Nhất đăng ngày 24 tháng 7 có những đoạn:

“Tình hình quốc tế trước mắt chúng ta vô cùng nguy kịch, Mao Cộng (tức Trung Cộng) đang rắp tâm lợi dụng chỗ yếu trong nền ngoại giao chúng ta để tấn công chúng ta. Trong tình hình biến động như vậy, không có việc gì gấ bằng ngoại giao, ngoại giao hiện nay phải mềm dẻo hơn nữa, không nên cứ một mực nhấn mạnh “không thay đổi”, nếu không chúng ta ngày càng lúng túng và bị cô lập trên trường quốc tế”

“Xét trên phương diện thù và bạn, đường lối ngoại giao của ta rất khó thích ứng. Chúng ta xem các nước bè bạn của Trung Cộng phần lớn là kẻ thù của ta, còn các nước bè bạn của ta lại không coi Trung Cộng là kẻ thù. Kẻ thù lớn nhất của Mao Cộng là tập đoàn Liên Xô, chúng ta cũng coi tập đoàn Liên Xô là kẻ thù, tình hình đó rất bất lợi cho ta.”

“Chúng ta không nên nhập cục làm một chủ nghĩa cộng sản và nhân

dân của nước cộng sản. Chúng ta chống Mao Cộng và chủ nghĩa cộng sản phải chăng là một việc khác với việc coi là thù tất cả các quốc gia cộng sản và nhân dân của họ”

“Hiện nay, những nước thân với Liên Xô đều coi Mao Cộng là kẻ thù, những nước thân Mao Cộng thì chống Liên Xô, trong tình hình đó, đường lối ngoại giao và tuyên truyền đối với ngoại giao hiện nay của chúng ta không nên gộp Mao Cộng và Liên Xô vào làm một, đều coi là kẻ thù. Tuyên truyền như vậy chẳng gây thiệt hại gì cho kẻ thù, mà cũng chẳng có lợi gì cho chúng ta.”

“Viết đến đây, tôi nhớ đến một câu nói của Ủy viên lập pháp Trương Cửu Như. Năm trước, Trương Cửu Như đã kiến nghị với Chính phủ rằng ngoại giao hiện nay của chúng ta cần nhạy bén linh hoạt, mềm dẻo. Ông nói, trong quá trình phấn đấu thu hồi đại lục, giữ vững hoà bình thế giới, chúng ta “không nên căn cứ vào sự khác nhau về thể chế chính trị và quan hệ lịch sử giữa các nước để hoan nghênh hay phản đối.” Ông còn nói, “hiện nay không có gì khẩn cấp bằng việc lợi dụng thời cơ, biến kẻ thù của kẻ thù thành bạn của ta.”

Sau khi đăng bài đó vào ngày 24 tháng 7, tờ “Tự lập văn báo” hình như sợ nói chưa hết ý, ngày 28 tháng 7 đăng tiếp một bài khác của Lâm Hạnh Nhất, cũng lại tấn lại điệu nhạc “ngoại giao mềm dẻo”: “Chúng ta phải hết sức tranh thủ bạn bè quốc tế, áp dụng một đường lối ngoại giao mềm dẻo hơn, biến kẻ thù của kẻ thù thành bạn của chúng ta, để phá âm mưu của Trung Cộng, mở ra một tình thế mới trong quan hệ ngoại giao.”

Đồng thời, chính quyền Đài Loan dùng lại Chu Thư Khải trước đây hạ bệ vì tuyên truyền cho việc “ôm hôn bọn ma quỷ”. Bài “Chu Thư Khải rất có cá tính” đăng ở tạp chí “Bản tin Trung Quốc” Đài Loan số ra trung tuần tháng 6 viết: “Cụ Bộ trưởng ngoại giao Chu Thư Khải hiện giữ chức Ủy viên chính vụ của viện hành chính là một nhân vật rất có cá tính... Gần một năm nay, ông được viện trưởng Tưởng Kinh Quốc trọng dụng, được tham dự những việc cơ mật.” Xem ra, trên thực tế Chu Thư Khải đã trở thành cố vấn hàng đầu của Tưởng Kinh Quốc. Rất khó tưởng tượng rằng trong “cắm nang” của vị cố vấn này lại không có “điệu kẻ” dựa vào Liên Xô.

Ngoài ra, Đài Loan đã phóng thích viên Cẩm Đào quốc tịch Hoa phóng viên hãng AFP bị tố cáo là gián điệp của Liên Xô, đồng thời tung tin sẽ triển khai mậu dịch với Liên Xô. Tờ “Nam Hoa tảo báo” ngày 21 tháng 7 dựa vào “nguồn tin đáng tin cậy” cho biết, Đài Loan trên cơ sở một “chính sách mậu dịch mềm dẻo” có thể xem xét khả năng xây dựng quan hệ mậu dịch với bất

kỳ quốc gia nào trong phe Liên Xô.”

Hoạt động lôi kéo Đài Loan của Liên Xô bộc lộ ý đồ của họ muốn nhanh chóng câu kết với Đài Loan; Nhưng xét về các mặt chính trị, quân sự và kinh tế, Đài Loan chưa thể tách ra không dựa vào Mỹ, mà Mỹ cũng không thể bỏ mặc Đài Loan ngay. Sau khi Tưởng Giới Thạch chết, Tưởng Kinh Quốc cũng cần có một thời gian để ổn định tình hình, củng cố địa vị thống trị của mình. Về vấn đề câu kết với Liên Xô, trong nội bộ Quốc dân đảng cũng có những lực lượng ngăn cản. Từ “Trung Hoa tạp chí” do Ủy viên lập pháp Hồ Thu Nguyên chủ trì, đầu năm 1975 đã công khai công kích “liên Nga” là “ảo tưởng”, là “tự thiêu”. Trong tình hình đó mặc dù Tưởng Kinh Quốc hô hào cần đẩy mạnh “ngoại giao mềm dẻo”, nhưng vẫn không dám phá vỡ hiện trạng của Đài Loan, không dám phiêu lưu mạo hiểm, không dám công khai câu kết với Liên Xô. Có người đã bình luận như sau: “lời lẽ và điệu bộ lấy lòng Liên Xô của Đài Loan hồi đó, cũng giống như những động tác của họ trước và sau khi Nicholson thăm Trung Quốc năm 1972, đều xuất phát từ một động cơ; sợ bị Mỹ bỏ rơi, muốn dùng thủ đoạn đó để giữ chặt lấy Mỹ, ngăn cản Pho thăm Trung Quốc.” Đúng như bài của “Trung ương nhật báo” đã viết, chủ yếu là muốn đạt được mục đích “dĩ độc trị độc”. Tuy nhiên, Liên Xô đã lợi dụng tâm lý đầu cơ đó của Đài Loan và mâu thuẫn xuất hiện trong quan hệ Mỹ - Tưởng để tăng cường hoạt động của họ, còn Đài Loan vì lợi ích và nhu cầu của mình cũng không từ bỏ việc câu kết ngầm với Liên Xô. Do đó, quan hệ Xô - Tưởng sau này, đặc biệt là động hướng của Liên Xô luôn luôn biểu hiện rất tinh vi.

Liên Xô tìm cách “tiếp cận đa phương” với Đài Loan

Ngày 9 tháng 7 năm 1977, tuần báo “Tân văn thiên địa” của Hồng Công đăng bản tin Tokyo với tiêu đề: “Quan chức Nga ở nước ngoài tìm mọi cách tiếp cận ta” (chỉ Đài Loan), toàn văn như sau:

Năm 1976, một hôm hai quan chức của đại sứ quán Liên Xô ở Nhật Bản đến Hiệp hội quan hệ Á Đông tìm một cán bộ trong Hiệp hội. Khi đó, cán bộ đó đi vắng, hai quan chức nọ để lại danh thiếp rồi đi.

Ngày hôm sau, hai quan chức nọ lại tới và tìm được cán bộ phụ trách kia. Hai quan chức Liên Xô ngỏ ý nhờ đặt mua giúp họ báo chí của ta (chỉ Đài Loan) và đưa luôn tiền trước. Vị cán bộ của Hiệp hội bảo họ: nước tôi là nước tự do dân chủ, bất kỳ ai cũng có thể trực tiếp đặt mua ở tòa báo. Nói xong, vị cán bộ nọ lấy kéo cắt tên báo và địa chỉ tòa soạn đưa cho hai vị kia để họ trực tiếp đến đặt.

Song hai vị quan chức kia vẫn muốn nhờ đặt hộ. Cán bộ của Hiệp hội quan hệ á Đông cảm thấy kỳ quặc, tại sao có việc đặt báo cũng cứ phải nhờ? Qua vặn hỏi mới biết hai vị này là người Liên Xô.

Rõ ràng hai quan chức Liên Xô này nói muốn “đặt báo” chỉ là cái cớ mà thôi. Chẳng qua họ chỉ muốn thăm dò thái độ của ta, và tìm cách tiếp cận với người của ta.

Các quan chức Liên Xô làm việc ở nước ngoài rất thận trọng khi hoạt động nơi mình cư trú, đặt biệt là đối với những nước chưa có quan hệ ngoại giao. Lần này họ mượn cớ nhờ đặt báo để đến Hiệp hội quan hệ á Đông, có thể là do dự của cấp trên họ. Đủ thấy Liên Xô đã hao tổn tâm trí để tìm cách tiếp cận chúng ta.

Những năm gần đây, quan chức Liên Xô làm việc ở nước ngoài đã dùng mọi cách để tiếp cận với quan chức của ta làm việc ở đây. Phương pháp thường nghe nói nhất là lợi dụng các dịp tiệc tùng ngoại giao để tìm cách tiếp cận với người của ta, nhưng người của ta giữ vững nguyên tắc, lập trường, vẫn không để ý tới.

Qua đó việc làm của Liên Xô đủ thấy giữa Liên Xô và Trung Cộng mâu thuẫn nhau rất sâu sắc, nếu không chắc họ không thể tùy tiện tiếp xúc với “kẻ thù” của cộng sản. Lý do thứ hai là Liên Xô mưu toan phát triển thế lực ở Thái Bình Dương. Trước kia nghe nói Liên Xô rất muốn sử dụng các căn cứ của ta để tăng cường sức mạnh của họ.

Ta là nước tự do dân chủ, không đội trời chung với cộng sản, càng không thể thoả hiệp và giao thiệp với họ. Chính phủ đã nhiều lần tỏ rõ lập trường đó. Liên Xô liếc mắt đưa tình, ta không cần ngó ngang tới. Có điều, là một nước dân chủ, Mỹ càng cần phải cảnh giác hơn, đó là việc Liên Xô đang ra sức mở rộng thế lực ở Thái Bình Dương. Nếu để họ thực hiện được điều đó sẽ là mối đe dọa lớn sau này đối với Mỹ và thế giới tự do.

Khi giải quyết vấn đề chính sách đối với Trung Hoa, Mỹ càng cần phải xem xét thận trọng, phải xét tới nhân tố Liên Xô phát triển thế lực ở Thái Bình Dương. Nếu Mỹ vì chuyện “bình thường hoá quan hệ” với Trung Cộng mà rút quân khỏi Trung Hoa Dân Quốc, thậm chí xé bỏ Hiệp ước phòng thủ chung Trung - Mỹ, khiến khu vực Đài Loan trở thành khoảng trống trong thế cân bằng quốc tế, rất có thể Liên Xô sẽ tìm cách lấp chỗ trống đó. Đến khi đó chẳng những làm cho khu vực Thái Bình Dương càng trở nên căng thẳng, mà còn có thể trực tiếp đe dọa cả Mỹ và Trung Cộng, lúc đó Mỹ có hối cũng đã muộn!

Không khí “liên Nga” làm cho nội bộ Đài Loan rối loạn

Hạ tuần tháng 4 năm 1977, Đài Loan thông qua báo chí tiếng Anh một lần nữa tạo ra không khí muôn câu kết với Liên Xô. ý đồ của họ là muốn dùng nó gây áp lực với Mỹ, ngăn cản cuộc đàm phán bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ. Nhưng việc đó lại gây hỗn loạn trong nội bộ Quốc dân đảng. Bị đủ mọi sức ép, Tưởng Kinh Quốc, Thẩm Xương Hoán không thể không ra mặt phủ nhận, nhắc lại “lập trường cơ bản” của chính sách đối nội đối ngoại của họ.

Ngày 21 tháng 4 năm 1977, hãng UPI đưa tin: Tờ “Trung Quốc tự do” một tờ báo tiếng Anh chuyên phản ánh quan điểm của Quốc dân đảng tỏ ý: một khi “Hiệp ước phòng thủ chung” Mỹ - Tưởng bị huỷ bỏ giữa chừng, “nước Trung Quốc tự do...khi cần thiết cũng có thể thiết lập quan hệ bè bạn kỳ quặc với Đảng Cộng sản” Liên Xô “chắc chắn sẽ nhúng tay vào”, “có thể sẽ rất tự hào hứng trong việc xây dựng căn cứ hải quân ở eo biển Đài Loan.” Ngày 22 tháng 4, tờ báo tiếng Anh “Trung Quốc nhật báo” chuyên phản ánh ý kiến của Bộ ngoại giao Đài Loan, cũng ra ngay xã luận nói: “Chúng ta không đe dọa ai. Nhưng... (Mỹ) nếu thực sự công nhận Bắc Bình chúng ta sẽ bảo lưu mọi biện pháp lựa chọn của chúng ta. Trong những biện pháp đó có cả việc nghiên cứu chế tạo vũ khí nguyên tử hợp tác với những người chống Trung Cộng, tiến hành phản công tự vệ đối với Trung Quốc đại lục”, “chúng ta quyết sẽ ngồi chờ”. Tuần báo “Tân văn Hoa thiên địa” ở Hồng Công ngày 7 tháng 5 đăng một bài ký tên Hạ Đức Khải cổ vũ Đài Loan thêm một bước: “vì sự sống còn”, “khi vạn bất đắc dĩ, sẽ không ngần ngại tạm thời cho Liên Xô sử dụng căn cứ hải quân không quân Bành Hồ đối lấy việc Liên Xô phòng thủ eo biển Đài Loan”. Tiếp đó, các báo “Tin nhanh”, “Đài thiên văn” của Hồng Công liên tiếp đăng bình luận, trắng trợn khuyến khích Đài Loan “có thể lợi dụng Liên Xô để kiểm chế Mỹ và Trung Cộng”. Ngày 2 tháng 5, Tưởng Kinh Quốc và “Thứ trưởng ngoại giao” Dương Tây Côn trong cuộc gặp gỡ với Đoàn đại biểu báo chí phái hữu của Hồng Công đã tiết lộ, Liên Xô trong 6 năm qua nhiều lần công khai đề nghị thiết lập quan hệ ngoại giao với Tưởng. Tưởng Kinh Quốc cũng là người đầu tiên chứng kiến “mặt sử” Liên Xô Vichito Lui đến Đài Loan. Đình Trung Giang, thân tín của Tưởng Kinh Quốc, cũng hò hét “chúng ta không thể để mặc cho người khác quyết định số phận của chúng ta”, “đứng trước sự phiêu lưu và huỷ diệt, chúng ta buộc phải phiêu lưu để sống còn, quyết không thể ngồi chờ để bị huỷ diệt”. Kể từ năm 1971 khi Đài Loan tung ra câu “ôm hôn ma quỷ” đến nay, chưa khi nào những lời hô hào “liên Nga”, kêu gào tiếp xúc với Liên Xô lại âm ỹ, trắng trợn như vậy. •

Trong thời gian này, Đài Loan liên tục khuấy động bầu không khí “muốn bắt tay với Liên Xô”, đồng thời gây áp lực với các phía (chủ yếu là Mỹ), mưu toan dùng mọi biện pháp để đạt được mục đích ngăn cản cuộc đàm phán Trung - Mỹ, hoặc ít nhất là “trường kỳ hoá” cuộc đàm phán đó. Đài Loan cho rằng, sau khi Cato lên cầm quyền đã quyết định tiếp tục dựa vào thông cáo Thượng Hải để “chỉ đạo” chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc. Đặc biệt là từ cuối tháng 3 năm 1975, cuộc đàm phán hạn chế vũ khí chiến lược gặp trở ngại, đại diện Mỹ Oenxơ gặp trắc trở ở Mátxcova, Mỹ đã có một số động tác trong quan hệ đối với Trung Quốc nhằm gây áp lực với Liên Xô. Theo tin của “Liên hợp báo” cục Đông Á - Thái Bình Dương của Quốc vụ viện Mỹ ngày 12 tháng 3 năm 1975 đã có một cuộc họp bí mật, nghiên cứu về chính sách Đông Á của Mỹ. Nội dung chính là thảo luận chính sách đối với Trung Quốc. Đa số người dự họp nghiêng về biện pháp dùng “kiểu Nhật Bản” để giải quyết việc bình thường hoá quan hệ Trung-Mỹ. Sau cuộc họp bí mật này ít lâu, một đoàn đại biểu nghị sĩ Mỹ (có cả con trai của Cato) ngày mồng 7 tháng 7 sang thăm Trung Quốc. Theo “Trung ương nhật báo của Đài Loan, chuyến đi này của Đoàn đại biểu nghị sĩ Mỹ nhằm “nhanh chóng tìm kiếm bước tiến triển cho quan hệ với Trung Cộng”. Tiếp đó, trung tuần tháng 4 lại tung ra những tài liệu về “những lời cam kết của Níchson” về quốc vụ viện Mỹ năm 1949 đã tính đến chuyện khi cần thiết sẽ bỏ rơi Đài Loan. Cũng trong thời gian này, thông tin chính thức của Chính phủ Mỹ và dư luận bên ngoài về quan hệ Trung - Mỹ cũng tăng lên.

Những tình hình đó làm cho Đài Loan lo lắng, cho rằng Mỹ đang có những tính toán về vấn đề Đài Loan và đang bắt tay với Trung Cộng để kiểm chế Nga Xô. Đặc biệt là sau khi người phát ngôn của quốc vụ viện Mỹ ngày 2 tháng 5 tuyên bố từ tháng 2 hai bên Trung - Mỹ đã đàm phán về vấn đề phong tỏa tài sản khiến Đài Loan càng thêm lo lắng gấp bội. Người phát ngôn của Bộ ngoại giao Đài Loan ngày mồng 4 vội vã trình trọng nhắc lại rằng “hoàn toàn không thừa nhận bất cứ một hiệp nghị nào công khai hay bí mật giữa Trung Cộng và Mỹ”. Từ “Liên hợp báo” ngày mồng 5 tháng 5 ra xã luận kêu gào: “Trước tình thế mới đã xuất hiện công khai đó, chúng ta cần phải có phản ứng thoả đáng nhất, đồng thời cũng cần phải tính đến khả năng xấu nhất”, “cần phải tìm cách trường kỳ hoá cuộc đàm phán Mỹ - Phi, và trong thời gian đó chúng ta phải tìm ra một giải pháp đối phó có hiệu quả.”

Thời gian này, Quốc dân đảng tỏ ra rất bất mãn với thái độ lạnh nhạt của ông chủ Mỹ thể hiện trong quan hệ Mỹ, - Tưởng. Sau khi Oenxơ nhậm

chức Quốc vụ khanh, đại sứ Đài Loan ở Mỹ Thẩm Kiếm Hồng nhiều lần xin gặp nhưng đều bị từ chối. Đài Loan van nài Mỹ cung cấp cho những vũ khí tiên tiến như máy bay chiến đấu F-16, Mỹ chẳng những không cung cấp mà còn cấm Israen bán cho Đài Loan máy bay chiến đấu “Su tử con” lắp động cơ của Mỹ. Mỹ còn dự định đổi tên “Đoàn cố vấn viện trợ quân sự” ở Đài Loan thành “văn phòng hợp tác về phòng thủ”, chỉ bố trí 6 nhân viên làm việc. Hạ tuần tháng 4, Mỹ liên tiếp cử Panit nghiên cứu viên cao cấp của sở nghiên cứu Bruckin, Xpacnan chủ tịch uỷ ban đối ngoại Thượng viện và Hônbrúc trợ lý Quốc vụ khanh phụ trách các vấn đề về Châu á di công cán Đài Loan. Nhà cầm quyền Đài Loan chẳng những không cảm thấy “yên lòng” mà còn “ngghi ngờ (Mỹ) phải chăng đang áp ủ một chủ trương hoặc những quyết định quan trọng gì đó nên muốn đi thăm dò và du thuyết trước khi thực hiện?” Trong thời gian ở Đài Loan, Panit và các “học giả” Đài Loan tranh luận suốt 3 tiếng đồng hồ về vấn đề phải chăng Mỹ bất chấp Hiệp ước Mỹ- Tưởng thiết lập quan hệ ngoại giao với cộng hoà Nhân dân Trung hoa. Tờ “Trung ương thời báo” và tờ “Trung Quốc thời báo” còn viết bài, ra xã luận chỉ trích những quan điểm của Panit. “Trung Quốc thời báo” ngày 12 tháng 4 ra xã luận tố cáo Vônphơ đã nói với phóng viên ở Đài Bắc rằng việc “bình thường hoá” “cần phải có bước tiến triển”, (duy trì) hiện trạng có thể là chưa đủ”, điều đó chứng tỏ “vấn đề bình thường hoá đã được Mỹ- Phỉ bắt đầu thương thuyết và đang tiếp tục, điều này trước đây chưa hề được tiết lộ rõ ràng, hơn nữa Oasinhton và Đài Bắc cũng chưa bao giờ bàn bạc với nhau về chuyện đó.”

Tờ báo đó “ngghiêm khắc cảnh cáo” Mỹ phải nhớ rằng “Chính phủ và nhân dân Đài Loan vui buồn an nguy cùng chia sẻ”, giữa Mỹ và Tưởng “quan hệ ngoại giao là chính, hiệp ước và đóng quân là phụ, da không còn thì lông bám vào đâu?”

Tháng 4, từ Oasinhton lại truyền đi cái gọi là “mô thức Mỹ”- “kế hoạch khu hoà bình” và “kế hoạch kiểu Việt Nam”- trong việc giải quyết vấn đề bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ, đã gây ra sự chú ý của Đài Loan. Theo “Nhật báo phố Uôn Châu á” một số quan chức có hiểu biết của Đài Loan tin chắc rằng Chính phủ Cator đang nghĩ cách áp dụng một “phương án Mỹ” hoặc một phương án Nhật Bản cải tiến” để thoát khỏi Đài Loan. Đại sứ Đài Loan ở Mỹ Thẩm Kiếm Hồng ngày 27 tháng 4 đã lên tiếng phản đối cái gọi là “mô thức Mỹ” nói trên, tuyên bố rằng “Hiệp ước phòng thủ chung” Mỹ - Tưởng “không gì có thể thay thế được kể cả cái gọi là tuyên ngôn an ninh phiên diện của Mỹ”.

Xã luận của “Trung Quốc thời báo” cảnh cáo: Mỹ “không nên cố moi từ chính quyền Bắc Bình ra cái (phương án) thoả hiệp hoà bình cho eo biển Đài Loan”.

Tờ “Tuần báo tin tức” của Mỹ số ra ngày 9 tháng 5 trong tin “Đài Bắc có thể đang trông chờ sự ủng hộ của quốc tế, thiết lập một quan hệ mới với Bắc Kinh, có lẽ với địa vị là một tỉnh tự trị”. Báo này viết “lâu nay báo chí Đài Loan bị khống chế rất ngặt, nay bỗng nhiên lại đăng hàng loạt bài của phái bố câu, làm cho người ta phải nghi ngờ”, “lời giải cho sự nghi ngờ đó có thể là, các yếu nhân của Chính phủ Đài Loan đã bắt đầu trông về tương lai sau khi mất đi sự công nhận của Mỹ.” Điều này có thể là sự phối hợp với cái gọi là “kế hoạch hoà bình” của Mỹ?

Tình hình kể trên chứng tỏ Đài Loan rõ ràng không thể dự đoán nổi hành động của Mỹ đối với Trung Quốc, lo ngại với chính sách “liên Phỉ chế Nga”, Mỹ có thể “giải quyết cái gọi là “vấn đề Đài Loan” theo một kiểu nào đó”. Thêm vào đó là lập trường kiên định của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, về vấn đề bình thường hoá, cho nên nhà cầm quyền Đài Loan cho rằng “cần phải nắm lấy vấn đề cốt lõi là Mỹ muốn “liên Phỉ chế Nga” lợi dụng việc Mỹ lo ngại Liên Xô nhảy vào eo biển Đài Loan có thể dẫn tới nổ ra chiến tranh ở đây để gây sức ép với Mỹ, và ngăn cản triển khai cuộc đàm phán về bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ. Việc Đài Loan dấy lên bầu không khí câu kết với Liên Xô đã gây náo loạn trong nội bộ họ. Theo “Trung ương nhật báo” tiết lộ, hành động câu kết với Liên Xô của Đài Loan đã nhiều lần bị giới báo chí chất vấn. Trong một bài viết, tờ “Vạn nhân nhật báo” của Hồng Công trách cứ Đài Loan rằng: “Trên thực tế đó là một quan điểm lệch lạc mù quáng thay đổi cả quốc sách”, “không có lí do để hi vọng Liên Xô nhúng tay vào công việc nội bộ của Trung Quốc”, “đừng có đại đánh bạn với quỉ. Hứa Hiếu Viêm - “uỷ viên lập pháp”, “bình luận viên trung ương” nguyên giám đốc “Hồng Công thời báo” đã chất vấn bằng văn bản viện lập pháp về việc đó.

Dưới đủ mọi sức ép, Thẩm Xương Hoán ngày mồng 1 tháng 5 phải lập liêm: “Quan điểm của “Trung Quốc tự do” cũng như của tờ “Trung Quốc nhật báo” không phải là quan điểm chính sách của Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc, cũng không phải là thái độ đối với Mỹ.” Tờ “Trung ương nhật báo” ngày 13 tháng 5 đăng bài nói của Tưởng Kinh Quốc, trong đó ông ta khẳng định Quốc dân đảng “có khí phách, có cốt cách của một chính đảng”, “tuyệt nhiên không hề có giao thiệp tiếp xúc với bè lũ cộng sản do Liên Xô cầm đầu”, “cũng tuyệt nhiên không hề có tiếp xúc và đàm phán gì với chính quyền Trung cộng” “chỉ có vấn đề Trung Quốc, không có “vấn đề Đài Loan”! Ông

ta còn chỉ trích nội bộ Đài Loan “có một số ít kẻ mượn gió bẻ măng” cần phải lời ra ánh sáng.

Mỹ cũng rất nhạy cảm với quả khí cầu thăm dò do Đài Loan thả ra. Theo tờ “Vạn nhân nhật báo” ra ngày 30 tháng 4, “những tin tức của Đài Loan đã làm cho cơ quan Mỹ (ở Hồng Công) lúc đó chú ý, đặc biệt là lãnh sự Mỹ và phòng báo chí Mỹ, họ đã điều tra nghiên cứu nguyên nhân đích thực và động cơ của những tin tức đó.”

III. “DUƠNG ĐÔNG KÍCH TÂY” VÀ CHUYẾN TAI HOA

Tin giật gân ở phương Tây

Trong khi phía Đài Loan liên tục tung tin về khả năng “tiếp xúc” với Liên Xô thì các công cụ tuyên truyền phương Tây cũng xôn xao chuyện Liên Xô chỉ vài tháng nữa sẽ tấn công Trung Quốc.

Haison Xonxbori phóng viên tờ “Thời báo Niuoóc” cho xuất bản một cuốn sách có nhan đề cuộc chiến tranh Nga - Trung trong tương lai. Tác giả cuốn sách kể rằng năm 1959 khi ông ta đi du lịch ở Mông Cổ phát hiện có quân nhân Liên Xô đã nghĩ đến chuyện đánh nhau với Trung Quốc, và năm 1969, cũng trong chuyến du lịch Mông Cổ ông ta lại tận mắt thấy quân đội Liên Xô đang gấp rút xây dựng căn cứ quân sự. Phân tích tình hình và những vấn đề tồn tại giữa Trung Quốc và Liên Xô, ông ta cho rằng chiến tranh không phải là không thể tránh được, nhưng nếu tình hình quân sự cứ tiếp tục diễn biến như hiện tại thì chiến tranh là điều khó tránh. Thời kỳ đó, rất nhiều người quan tâm thảo luận về vấn đề chiến tranh Trung-Xô với những động cơ khác nhau, có người thực sự lo lắng cho hoà bình thế giới, có người muốn tìm hiểu nghiên cứu nó từ góc độ quân sự, nhưng cũng có người muốn qua đó mưu tính chuyện nọ chuyện kia.

Những bài viết về khả năng xảy ra chiến tranh Trung - Xô một phần khá lớn có xuất xứ từ Liên Xô. Ngày 9 tháng 8 năm 1973, tờ “Tin điện hàng ngày” của Anh đưa tin, từ Liên Xô chuyển đến phương Tây một tài liệu ký tên Abdray Xamôkhin trong đó nêu lên một loạt sự việc chứng tỏ Liên Xô đang chuẩn bị một cuộc “chiến tranh mang tính chất rắn đe” chống Trung Quốc, rằng mục tiêu cấp bách nhất, chủ yếu nhất trong chính sách đối ngoại của Liên Xô là tiến hành thắng lợi cuộc chiến tranh đổ máu với Trung Quốc”. Trước những tin tức đại loại như vậy, Liên Xô có khi lấy danh nghĩa Bộ ngoại giao hoặc cơ quan của họ ở nước ngoài để phủ nhận hoặc bác bỏ, có khi im

lặng không nói gì.

Trung Quốc đương nhiên không thể làm ngơ. Hồi đó Mao Trạch Đông đã dùng hai câu để nói về tình hình đó. Câu thứ nhất: “hoạ thuỷ đông dẫn”⁽¹⁾ ý ông muốn nói có một số kẻ ở phương Tây có ý mong muốn hướng sự xâm lược của Liên Xô về phía Trung Quốc. Câu thứ hai: “duyên đông kích tây”⁽²⁾ ý ông muốn nói, Liên Xô khi thế hung hăng xem chừng muốn đánh Trung Quốc, nhưng trên thực tế trọng điểm chiến lược của họ vẫn là phương tây. Mao Trạch Đông nhìn xa trông rộng, phân tích thấu triệt toàn bộ tình hình quốc tế, phán đoán rất tinh tế xác đáng. Để phá vỡ ý đồ “hoạ thuỷ đông dẫn”, Trung Quốc phải cảnh giác với ý đồ tiến xuống phía nam bao vây Trung Quốc của Liên Xô, quan hệ Trung - Xô vẫn rất căng thẳng.

Tháng 11 năm 1974, Brêgionep kiên quyết từ chối đề nghị của Trung Quốc về việc ký một hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau, điều kiện tiền đề cho hiệp ước này là Liên Xô rút quân ra khỏi những vùng biên giới còn có tranh chấp. Cùng lúc đó, cuộc khẩu chiến giữa hai bên tiếp tục leo thang. Trung Quốc phê phán những hành động bá quyền của Liên Xô, lên án Liên Xô can thiệp vào Angola và miền nam châu Phi. Phía Liên Xô trong khi tỏ ra muốn xúc tiến việc bình thường hoá quan hệ Trung - Xô, lại luôn luôn công kích Trung Quốc, đe dọa Trung Quốc, muốn thiết lập lại “hệ thống an ninh tập thể Châu á” nhằm bao vây Trung Quốc.

Hoà hoãn Mỹ - Xô có chiều hướng xấu đi

Khi Phô vào làm chủ nhà Trắng, sự hoà hoãn giữa Mỹ và Liên Xô luôn đứng trước những thử thách nghiêm trọng. Vụ “Oatoghet” chắc chắn là đòn đả kích nặng nề vào sự hoà hoãn. Chính phủ của Đảng Cộng hoà sau vết thương “Oatoghet” đã mất đi địa vị chính trị mạnh mẽ cần thiết để thực hiện chính sách hoà hoãn.

Chính sách hoà hoãn đứng trước một thách thức to lớn khác là thế lực chống đối hoà hoãn trong nội bộ nước Mỹ đang ngày càng lớn mạnh. Những việc làm của Liên Xô ở Angola, Trung Đông và tình trạng bế tắc trong cuộc đàm phán về vũ khí chiến lược đã làm giảm uy tín của chính sách hoà hoãn,

⁽¹⁾ Nghĩa đen: Dẫn dòng nước tại hoạ chảy về phía đông.

⁽²⁾ Nghĩa đen: Mồi nôi đánh bên đông, thực ra lại đánh bên tây

và chính sách đó bị phê phán ngày càng gay gắt trong nội bộ nước Mỹ. ở Quốc hội, phái điều hâu đại diện là thượng nghị sĩ Giắcson kiên quyết đòi gấn việc trao cho Liên Xô quyền tối huệ quốc với việc nói rộng di dân cho người Do Thái, đã phủ mây đen lên bầu trời hoà hoãn. Trong nội bộ Chính phủ, thế lực chống đối hoà hoãn đại diện là Bộ trưởng quốc phòng Slesinhgiơ cường điệu sự đe dọa của Liên Xô, đòi phải có lập trường cứng rắn trong cuộc đàm phán về vũ khí chiến lược.

Năm 1975, làm một bộ phận của cuộc tranh luận xoay quanh vấn đề hoà hoãn, nội bộ nước Mỹ đã diễn ra một cuộc tranh cãi về vai trò của Trung Quốc trong chiến lược của Mỹ đối với Liên Xô trong đó vấn đề then chốt là quan hệ hợp tác quân sự Trung - Mỹ. Phái điều hâu đại diện là Giắcson và Slesinhgiơ chủ trương liên kết với Trung Quốc để đối phó lại Liên Xô. Theo họ việc xây dựng quan hệ hợp tác quân sự với Trung Quốc bao gồm cả bán vũ khí tiên tiến, có thể gây sức ép đối với Liên Xô trong những hành động quốc tế, buộc Liên Xô phải nhượng bộ trong cuộc đàm phán về hạn chế vũ khí chiến lược và trong các mối quan hệ song phương khác, qua đó làm cho quan hệ Trung - Xô thêm căng thẳng, càng nghi ngờ nhau, Trung Quốc sẽ phải thực thi chính sách ngả về phía Mỹ, ngăn ngừa Trung - Xô hoà hiếu. Họ còn cho rằng, bán một số vũ khí tiên tiến hoặc chuyển nhượng một số kỹ thuật quân sự tiên tiến cho Trung Quốc có thể tăng cường sức mạnh quân sự của Trung Quốc, giúp Trung Quốc nâng cao khả năng ngăn chặn Liên Xô, thì kiểm chế có hiệu quả hơn lực lượng quân đội thường trực của Liên Xô ở Viễn Đông giảm bớt sức ép đối với NATO ở tuyến phía tây. Nhưng phái hoà hoãn đại diện là Kítsinhgiơ nắm công việc ngoại giao của nước Mỹ lại giữ thái độ thận trọng đối với việc phát triển quan hệ hợp tác quân sự với Trung Quốc. Với chủ trương chính trị của Kítsinhgiơ, Mỹ phát triển quan hệ với Trung Quốc chủ yếu xuất phát từ nhu cầu đối phó lại mối đe dọa từ phía Liên Xô, tức là muốn lợi dụng sự lo ngại của Liên Xô cho rằng Trung - Mỹ liên kết với nhau chống lại họ, để ép Liên Xô phải thoả hiệp. Do đó, việc phát triển quan hệ hợp tác quân sự với Trung Quốc phải giúp Mỹ tăng cường được địa vị của nó trong quan hệ với Liên Xô, chứ không phải là kích thích quá mức Liên Xô làm cho Liên Xô cứng rắn hơn với Mỹ, mà gây nguy hại cho sự hoà hoãn giữa Mỹ và Liên Xô. Nói cách khác, theo phái điều hâu, chống đối Liên Xô chiếm vị trí hàng đầu; còn theo Kítsinhgiơ, hoà hoãn với Liên Xô là lợi ích quan trọng hơn, phát triển quan hệ với Trung Quốc phải phục tùng lợi ích đó.

Dưới sức ép của phái điều hâu, Pho và Kítsinhgiơ cũng không thể

không hành động theo hướng xây dựng lực lượng quan hệ hợp tác quân sự với Trung Quốc. Đương nhiên, đối với Chính phủ Phô làm như vậy không phải không có lợi. Chính phủ Phô có thể qua đó tác động đến hành động của Liên Xô ở Angola, nâng cao vị thế của Mỹ trong cuộc đàm phán về hạn chế vũ khí chiến lược, hơn nữa vẫn có thể làm cho quan hệ Trung - Mỹ tiếp tục được cải thiện trong khi việc bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ đang gặp khó khăn. Tháng 12 năm 1975, khi sang thăm Bắc Kinh, Phô và Kítsinhơ đã tỏ ý như vậy. Họ tán thành việc Anh bán cho Trung Quốc động cơ máy bay phản lực và xây dựng nhà máy chế tạo động cơ ở Tây An.

Năm 1976, do việc Liên Xô tăng cường can thiệp vào Angola, quan hệ hoà hoãn giữa Mỹ và Liên Xô trục trặc, bắt đầu đi xuống. Đồng thời, tình trạng bế tắc không sao gỡ nổi trong đàm phán Xô- Mỹ về hạn chế vũ khí chiến lược đã trở thành một vấn đề nổi bật trong quan hệ hoà hoãn. Những tiếng hò hét phê phán cuộc đàm phán hạn chế vũ khí chiến lược ở nước Mỹ ngày càng mạnh mẽ, khiến đường lối hoà hoãn của Phô và Kítsinhơ đứng trước một thách thức nghiêm trọng.

Năm 1976 là năm bầu tổng thống Mỹ. Ngay từ đầu năm, tình hình phát triển đã không có lợi cho việc tranh cử của Phô. Trong cả hai đảng, phái bảo thủ liên kết với những phần tử "bảo thủ mới" thuộc phái tự do công kích chủ trương hoà hoãn. Thế là, Chính phủ Phô buộc phải có thái độ thận trọng hơn đối với cuộc đàm phán về hạn chế vũ khí chiến lược. Đến tháng 3 năm 1976, hiệp ước về hạn chế vũ khí chiến lược trên thực tế đã bị gác lại. Ngày mùng 5 tháng 3, trong một cuộc du thuyết Phô tuyên bố "chúng ta sẽ quên đi và không dùng từ "hoà hoãn" nữa. Từ đó, Chính phủ Phô bắt đầu tuyên truyền cho chính sách "dùng thực lực để mưu cầu hoà bình" thay chính sách đó cho chủ trương hào hoãn, đồng thời có lập trường cứng rắn hơn trước trong các mối quan hệ Mỹ- Xô.

Lui lại dọa Trung Quốc

Năm 1976, tình hình chính trị của Trung Quốc có những thay đổi to lớn. Tháng 1, thủ tướng Chu Ân Lai qua đời. Tháng 4, Đặng Tiểu Bình bị cách chức lãnh đạo. Đến tháng 9, chủ tịch Mao Trạch Đông tạ thế.

Liên Xô coi việc Mao Trạch Đông tạ thế là một cơ hội. Liên Xô đã có một số động tác tỏ ý muốn hoà giải, chờ đợi sự thay đổi trong bộ phận lãnh đạo của Trung Quốc sẽ dẫn đến sự thay đổi trong chính sách đối với Liên Xô,

nhưng 14 tháng 10, “nhà báo” bí hiểm của Liên Xô Vichto. Lui đăng bài ở Pari dọa rằng, trừ phi Trung Quốc nội trong một tháng thực thi chính sách hoà giải với Liên Xô, nếu không sẽ buộc những người lãnh đạo Liên Xô phải đưa ra một số “quyết định không thể đảo ngược được”. Sau khi yêu cầu cải thiện quan hệ bị Trung Quốc từ chối, Liên Xô quay sang thực hiện chính sách cứng rắn hơn đối với Trung Quốc. Chính phủ Pho theo dõi sát sao diễn biến chính trị ở Trung Quốc, lo ngại sau khi Mao Trạch Đông qua đời quan hệ Trung - Xô có thể hoà hoãn, tình hình chính trị Trung Quốc có thể phát triển theo chiều hướng bất lợi cho Mỹ. Vì thế, Mỹ tiếp tục ủng hộ Trung Quốc phản đối sự đe dọa của Liên Xô, tăng cường hợp tác quân sự với Trung Quốc, muốn qua đó tỏ rõ lập trường của mình đối với quan hệ Trung - Mỹ. Tháng 10 năm 1976, sau khi đi thăm Trung Quốc, cựu Bộ trưởng quốc phòng Slesinghior trong một cuộc nói chuyện đã đề cập đến mối đe dọa của Liên Xô đối với Trung Quốc. Theo ông ta Liên Xô mà tấn công Trung Quốc thì được ít mất nhiều. Ngày 15 tháng 10, Kítsinghơ nói “lãnh thổ toàn vẹn và chủ quyền của Trung Quốc rất quan trọng đối với thể cân bằng của thế giới”, do vai trò của Trung Quốc trên bàn cờ quốc tế nếu Trung Quốc “bị một nước lớn bên ngoài đe dọa” Hoa Kỳ cho rằng đó sẽ là “sự kiện nghiêm trọng”. Trong một lần đàm đạo Kítsinghơ nói thẳng với Vichto. Lui với giọng đe dọa, mọi âm mưu muốn thông qua việc phát động chiến tranh đại qui mô với Trung Quốc để đảo lộn bàn cờ quốc tế, Hoa Kỳ đều phải có thái độ đối xử đích đáng”. Ngày 12 tháng 10, Ủy ban An ninh quốc gia phê chuẩn cho phép bán cho Trung Quốc hai máy tính điện tử Cyper - 72 dùng cho quân sự, được xem như là một bước tiến về mặt hợp tác quân sự Trung - Mỹ.

Tuy vậy, Chính phủ Mỹ vẫn rất thận trọng đề dặt trong việc ủng hộ Trung Quốc chống lại sự đe dọa của Liên Xô. Sự ủng hộ này chủ yếu trên lời nói, và cũng nhằm xoa dịu sự bất mãn của Trung Quốc đối với sự hoà hoãn Mỹ - Xô. Sự ủng hộ đó không có nghĩa là Mỹ sẽ áp dụng phương châm “liên Hoa phản Xô”. Ngược lại, Chính phủ Pho không muốn vì sự phát triển quan hệ Trung - Mỹ đặc biệt là sự hợp tác quân sự giữa 2 nước mà dẫn tới những phản ứng mạnh mẽ của Liên Xô, làm nguy hại quan hệ Mỹ - Xô. Về mặt này, Mỹ luôn chịu sức ép của Liên Xô. Trong một lần nói chuyện vào tháng 9 năm 1976, Kítsinghơ đã phủ nhận tin Slesinghior đề nghị bán vũ khí cho Trung Quốc. Ông ta nói: “Chúng tôi chưa hề thảo luận với Trung Quốc về vấn đề phòng thủ, tôi nghĩ rằng sau này cũng sẽ không có cuộc thảo luận đó”. Chính sách của Mỹ đối với Liên Xô và chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc rằng

buộc lẫn nhau, buộc Chính phủ Phô phải hết sức thận trọng, kết quả là cả hai mối quan hệ - quan hệ với Liên Xô và quan hệ với Trung Quốc - đều khó có những bước tiến triển quan trọng. Dưới thời Phô, quan hệ Trung - Mỹ có hiện tượng dậm chân tại chỗ, đặc biệt là việc bình thường hoá quan hệ chưa có bước đột phá. Ngoài nguyên nhân chính trị trong nội bộ nước Mỹ, sự ràng buộc của quan hệ Mỹ - Xô cũng là một nhân tố quan trọng.

IV - TRUNG QUỐC VÀ HOA KỲ THIẾT LẬP QUAN HỆ NGOẠI GIAO

Người Liên Xô bị cụt hứng.

0 giờ 10 phút ngày mồng 9 tháng 9 năm 1976, lịch sử chứng kiến sự qua đời của một vĩ nhân sau khi đã hoàn thành cuộc hành trình cuối cùng trong cuộc đời mình. Mao Trạch Đông ung dung nhắm mắt, lặng lẽ đi vào giấc ngủ vĩnh hằng, từ nay ông không bao giờ còn phải khổ sở vì khó ngủ nữa. Ông vĩnh viễn đi vào thế giới xa xăm tĩnh lặng, tranh cãi và đấu tranh, dự vọng và lợi lộc, tất cả ông đều bỏ lại phía sau. Trên chiếc giường nằm rộng quá khổ, vóc người cao lớn trước đây của ông hình như nhỏ đi rất nhiều. Đôi mắt nhắm nghiền, miệng hơi hé mở, ông dường như đang mỉm cười, như đang than thở, lại như đang trầm tư siêu thoát. Một thời đại sắp kết thúc, nằm trong chiếc quan tài thủy tinh, Mao Trạch Đông lặng lẽ chờ mọi người đang lao xao quanh ông đánh dấu chấm hết cho một thời đại.

Cả thế giới chăm chú nhìn về Bắc Kinh đang trong cảnh sắc mùa thu.

Chiều ngày 9 tháng 9 năm 1976, Bộ ngoại giao Liên Xô nhận được bức điện của đại sứ quán Liên Xô ở Trung Quốc: "Ngày mồng 9 tháng 9 năm 1976, Mao Trạch Đông đã tạ thế." Bộ ngoại giao Liên Xô gọi điện đến Bắc Kinh hỏi lại cho chính xác, sau đó báo gấp cho người lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô và Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô nhớ lại chuyện năm 1975 khi tiếp đại thần ngoại giao Anh, Mao Trạch Đông đang bị tuổi tác già nua và bệnh tật giày vò vẫn nhỏ nhẹ, chậm rãi từng tiếng một thốt ra một câu:

- Sự bất đồng giữa Trung Quốc và Liên Xô sẽ kéo dài đến một vạn năm.

Vị khách hỏi tiếp:

- Việc bình thường hoá quan hệ kinh tế giữa hai nước cũng phải mất một thời gian dài như vậy sao?

Mao Trạch Đông trả lời:

- Có lẽ phải 9 năm.

Quan hệ Trung - Xô sau thập kỷ 50 đã trải qua những bước đường gian

nan khó khăn, Mao Trạch Đông đã trở thành biểu tượng của đường lối độc lập tự chủ không khuất phục trước sức ép của Liên Xô .

Quan hệ Trung - Mỹ sau chuyến thăm Trung Quốc của Nicholson năm 1972 đã bước đầu được cải thiện, nhưng Trung Quốc và Hoa Kỳ vẫn chưa thiết lập được quan hệ ngoại giao” Mỹ vẫn đóng quân ở Đài Loan. Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai các nhà lãnh đạo nhà nước tiền bối này đã làm rất nhiều việc cho quan hệ Trung - Mỹ, nhờ họ mà quan hệ Trung - Mỹ được khôi phục và cải thiện. Nhưng quan hệ Trung - Mỹ muốn phát triển còn phải trải qua rất nhiều chặng đường. Chu Ân Lai rồi Mao Trạch Đông kế tiếp nhau qua đời, bộ máy quyền lực cao nhất của Trung Quốc được sắp xếp lại đang đánh một dấu hỏi cho quan hệ Trung - Mỹ trong tương lai.

Giữa hai siêu cường Trung Quốc ngả về cực nào cũng sẽ làm thay đổi thế cân bằng cũng sẽ ảnh hưởng toàn diện đến cục diện quốc tế... Mỹ phải đối mặt với thế tấn công hung hăng của Liên Xô, Liên Xô cũng phải đối chọi với sức ép nặng nề của Mỹ, ở Trung Quốc một thời đại đang kết thúc, lời kéo Trung Quốc, chơi “con bài Trung Quốc” là việc làm cấp bách của cả hai siêu cường Hoa Kỳ và Liên Xô. Nhân cơ hội Mao Trạch Đông qua đời, họ đều muốn quay trở lại Trung Quốc và cuộc chiến giành giật Trung Quốc đã diễn ra trên vũ đài quốc tế.

Mao Trạch Đông qua đời hôm trước, hôm sau các nhà lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô triệu tập cuộc họp bất thường bàn về việc đó. Trong hội nghị, Brêghionép phân tích tình hình trước mắt, ảnh hưởng cái chết của Mao Trạch Đông đối với quan hệ Trung - Xô, quan hệ Trung - Mỹ và cục diện thế giới. Ông yêu cầu tất cả các thành viên trong Bộ chính trị đều phát biểu ý kiến của mình.

Sau một hồi tranh luận, Bộ trưởng Ngoại giao Grômico nhà ngoại giao, nhà chính trị kỳ cựu phát biểu kiến giải của mình:

- Tôi cho rằng Mao Trạch Đông qua đời, chính sách của Bắc Kinh chắc chắn sẽ thay đổi, nhưng thay đổi thế nào còn phải xem ai là người kế tục Mao Trạch Đông. Hiện nay ai có thể kế tục ông? Tình hình chưa rõ ràng, chúng ta phải chờ xem.

Grômico còn nêu ra mấy kiến nghị:

Một tăng cường công tác tình báo về Trung Quốc, theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình ở Trung Quốc.

Hai phản ứng của phía nhà nước phải bình tĩnh, giữ đúng lễ tiết.

Ba tăng cường tiếp xúc riêng với các quan chức Trung Quốc, tăng

cường liên hệ với Trung Quốc, tranh thủ thời cơ này cải thiện quan hệ với Trung Quốc.

Tuy phía nhà nước Liên Xô tỏ ra bình tĩnh và đúng mực, nhưng thực ra việc Mao Trạch Đông qua đời đã gây sự xúc động và hy vọng trong tâm trạng những người lãnh đạo Liên Xô. Quan chức Liên Xô ở Liên Hợp Quốc đã nhận được một số chỉ thị cụ thể từ Bộ ngoại giao Liên Xô, trong đó có yêu cầu Giacôp Malich tăng cường hoạt động.

Ngày hôm sau, theo chỉ thị của Bộ Ngoại giao Liên Xô, Malich đến nơi ở của Đoàn đại biểu Trung Quốc thường trú tại Liên Hợp Quốc. Ông tới trước bàn thờ đứng mặc niệm, vái lạy trước ảnh Mao Trạch Đông, sau đó đến ký tên vào sổ tang. Ông bước đến bắt tay Hoàng Hoa đại sứ Trung Quốc ở Liên Hợp Quốc. Thay mặt Chính phủ Liên Xô, ông bày tỏ lòng tiếc thương Chủ tịch Mao Trạch Đông và nói với Hoàng Hoa: “Tôi biết, rất nhiều bạn Trung Quốc vẫn còn nhớ những năm tháng hữu nghị giữa chúng ta trước kia, nay đã tới lúc phải kết thúc những oán thù giữa hai nước!”

Ít lâu sau, Malich được Grômicô triệu về gặp. Grômicô hỏi cặn kẽ tình hình Malich đến viếng tang, thái độ và phản ứng của phía Trung Quốc. Ông hỏi:

- Đồng chí nhận xét thế nào về Hoàng Hoa, đại sứ Trung Quốc ở Liên Hợp Quốc?

- Ông ấy là một người nghiêm túc, thận trọng và rất lão luyện.

- Ông ta không có cử chỉ gì khác thường ư? Grômicô nghĩ một lát rồi hỏi thêm - Sau khi Mao qua đời ông ta có thay đổi không?

- Không có biểu hiện gì rõ ràng.

Nghe trả lời xong, Grômicô trầm tư khá lâu, rồi không biết ông nói với Malich hay nói với chính mình:

- Sau bao nhiêu năm rồi ren, nay mong muốn chính sách của Trung Quốc có sự gì thay đổi lớn ngay là quá sớm, song nhất định sẽ thay đổi. Tôi quyết định trong diễn văn sắp tới đọc trước Đại hội đồng Liên Hợp Quốc sẽ nhấn mạnh Liên Xô xưa nay coi trọng và tiếp tục coi trọng việc bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, diễn văn sẽ không có ý gì phê phán cả.

Quả nhiên, hàng loạt bài chống Trung Quốc trên báo chí Liên Xô chỉ một đêm đã biến mất tăm mất tích.

Ngày 30 tháng 9, Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô và Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô gửi điện cho Ủy ban thường vụ Quốc hội và Quốc vụ viện nước cộng hòa Nhân dân Trung Hoa chúc mừng Quốc khánh Trung Quốc lần thứ 27,

và tỏ ý muốn bình thường hoá quan hệ giữa hai nước.

Sau khi “bè lũ 4 tên” bị đập tan, Liên Xô lấy danh nghĩa Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô gửi điện chúc mừng Hoa Quốc Phong đảm nhiệm chức Chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhưng do không nghĩ đến chuyện Trung Quốc và Liên Xô không còn quan hệ về đảng nên bức điện bị trả lại.

Ngày 18 tháng 10, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô Brêgionep mở tiệc chiêu đãi nhà lãnh đạo Mông Cổ Sêđenban. Trong diễn văn, Brêgionep không nói thẳng về quan hệ Trung - Xô, nhưng tỏ ý chỉ cần kiên trì dựa vào nguyên tắc láng giềng hữu nghị, xây dựng quan hệ dần từng bước một, tiến hành đối thoại thẳng thắn, sẽ có thể thông cảm lẫn nhau.

Ngày 21 tháng 10, Hãng TASS đưa tin Bắc Kinh tổ chức diễu hành lớn chúc mừng thắng lợi đập tan “bè lũ 4 tên”.

Ngày 25 tháng 10, khi nói chuyện ở Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô Brêgionep nói: “Trung Quốc đang trong một tiến trình chính trị phức tạp, phương châm chính trị trong tương lai của Trung Quốc sẽ ra sao bây giờ còn rất khó nói, mong muốn cải thiện quan hệ với Trung Quốc là chính sách nhất quán của Liên Xô. Trong quan hệ Trung - Xô, không có vấn đề nào không giải quyết được bằng tinh thần láng giềng hữu nghị, vấn đề được quyết định bởi lập trường của đối phương.”

Đặng Tiểu Bình nói: Dứt khoát là ba điều.

Tháng 1 năm 1977, gió mùa chính trị 4 năm một lần lại thổi bên kia bờ đại dương.

Giêrôn Pho, vị tổng thống thứ 38 của Hoa Kỳ rời vũ đài. Tổng thống mới Catơ lên chấp chính, chống chọi lúng túng trước khí thế hung hăng của Liên Xô, muốn mượn sức mạnh của Trung Quốc để “cân bằng” về chiến lược chống lại Liên Xô.

Trung Quốc lúc đó vừa mới đập tan “bè lũ 4 tên”, tình hình chính trị trong cả nước ổn định đoàn kết, nền kinh tế quốc dân được khôi phục và phát triển dần từng bước, chuẩn bị tốt điều kiện để toàn Đảng chuyển trọng tâm công tác sang xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa.

Do sợ bị hất ra khỏi thị trường Trung Quốc to lớn giàu tiềm lực, một số nhà tư bản Mỹ ở Hồng Công liên tiếp đưa đơn yêu cầu Catơ quyết tâm bình tường hoá quan hệ Trung - Mỹ.

Ít lâu sau, Tổng thống Catơ tuyên bố quan hệ Trung - Mỹ là “một nhân tố trung tâm trong chính sách toàn cầu của Mỹ” nhấn mạnh phải thực hiện

bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ trên nguyên tắc “một nước Trung Quốc” của “thông cáo Thượng Hải”.

Để bày tỏ sự quan tâm của cá nhân mình đối với quan hệ Trung - Mỹ, Tổng thống Mỹ Carter tháng 4 năm 1977 cho con trai mình theo Đoàn nghị sĩ Mỹ sang thăm Trung Quốc.

Tháng 8, Quốc vụ khanh Oenxơ tới Bắc Kinh. Ông ta nhắc lại lập trường nói trên của Carter, nhưng nói thêm rằng, sau khi bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ phải bảo đảm không để ảnh hưởng đến các quan hệ mậu dịch, đầu tư, du lịch, giao lưu khoa học... giữa Mỹ và Đài Loan, và cho phép quan chức Chính phủ Mỹ tiếp tục ở lại Đài Loan theo sự “dàn xếp phi chính thức”, Oenxơ còn tỏ ý, chừng nào thấy thích hợp Chính phủ Mỹ sẽ ra tuyên bố nhắc lại sự quan tâm và mong muốn của Mỹ được thấy người Trung Quốc tự mình giải quyết hoà bình vấn đề Đài Loan, hy vọng Chính phủ Trung Quốc không ra tuyên bố phản đối tuyên bố đó của Chính phủ Mỹ và không được nhấn mạnh vấn đề giải quyết bằng vũ lực. Theo Oenxơ “nếu Trung Quốc chấp nhận những điều kiện đó, Hoa Kỳ sẽ công nhận Chính phủ nước cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc, quan hệ ngoại giao cũng như Hiệp ước phòng thủ chung giữa Mỹ Đài Loan sẽ được huỷ bỏ, Mỹ sẽ rút hết nhân viên quân sự và thiết bị quân sự ra khỏi Đài Loan.”

Khi tiếp Oenxơ ở Điều Ngự Đài, Phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình nói:

- Nếu muốn giải quyết, dứt khoát phải là 3 điều: huỷ bỏ hiệp ước, rút quân, cắt đứt quan hệ ngoại giao. Chiều cố đến hiện thực, chúng tôi đồng ý duy trì đi lại phi Chính phủ giữa Mỹ và Đài Loan. Còn vấn đề thống nhất giữa Đài Loan với Trung Quốc hãy để cho người Trung Quốc tự giải quyết. Người Trung Quốc chúng tôi có khả năng giải quyết được vấn đề này, xin các bạn Mỹ không phải lo thay cho chúng tôi.

Bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ

Oenxơ đi thăm Trung Quốc tuy chưa đạt được thoả thuận về bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ, nhưng đã giúp cho Chính phủ Carter hiểu rõ hơn lập trường kiên định của Trung Quốc về vấn đề này. Liên Xô tiếp tục đưa ra những thách thức mới với Mỹ, Trung Quốc quyết định đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tất cả những nhân tố đó thúc đẩy Chính phủ Carter càng cảm thấy sớm thực hiện bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ là phù hợp với lợi ích chiến lược và lợi ích kinh tế của Mỹ.

Tháng 4 năm 1978, Tổng thống Carter công khai tuyên bố: Hoa Kỳ thừa nhận khái niệm một nước Trung Quốc, thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức với Trung Quốc là phù hợp với lợi ích của Hoa Kỳ. Quốc vụ khanh Oenxơ cũng tỏ ý mong muốn thực hiện được mục tiêu bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ trước khi kết thúc nhiệm kỳ.

Tháng 5 năm 1978, Brêdinski - trợ lý an ninh quốc gia của Tổng thống Mỹ tới Bắc Kinh. Ông nói với các nhà lãnh đạo Trung Quốc: “Tổng thống Carter cho rằng Trung Quốc đóng vai trò trung tâm giữ thế cân bằng của thế giới. Trong một thế giới đa nguyên hoá, một nước Trung Quốc lớn mạnh, độc lập, chung sống hoà bình, sẽ đóng vai trò xây dựng trong việc giải quyết những vấn đề của thế giới.” Brêdinski còn nhấn mạnh: Chính phủ Mỹ cho rằng quan hệ Trung - Mỹ có tầm quan trọng đặc biệt trong chính sách toàn cầu của Mỹ. Tổng thống Mỹ quyết tâm bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, đồng ý chấp nhận ba nguyên tắc thiết lập quan hệ ngoại giao do Trung Quốc nêu ra, nhưng “hy vọng (không phải là điều kiện) khi Hoa Kỳ tỏ thái độ mong muốn vấn đề Đài Loan, một vấn đề thuần tuý thuộc công việc nội bộ của Trung Quốc, được giải quyết hoà bình thì lúc đó sẽ không bị Trung Quốc công khai phản bác. Như vậy những khó khăn trong nội bộ nước Mỹ sẽ giải quyết dễ dàng hơn.” Ông cho biết Hoa Kỳ đã uỷ quyền cho útcôc, Chủ nhiệm Văn phòng liên lạc của Mỹ ở Trung Quốc, đàm phán cụ thể với Trung Quốc về vấn đề thực hiện bình thường hoá quan hệ hai nước.

Phía Trung Quốc đã có phản ứng tích cực với những tin tức do Brêdinski mang tới. Đầu tháng 7, tại Diếu Ngư Đài, Hoa Kỳ và Trung Quốc bắt đầu đàm phán về việc lập quan hệ ngoại giao. Đại diện cho phía Trung Quốc là Ngoại trưởng Hoàng Hoa. Phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình cũng có lần trực tiếp gặp chủ nhiệm útcôc.

Trong đàm phán, phía Trung Quốc nêu rõ:

1. Vấn đề Đài Loan là vấn đề then chốt cản trở viện bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ, vấn đề này gây ra bởi Hoa Kỳ đưa quân xâm chiếm Đài Loan lãnh thổ của Trung Quốc, can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc, “người buộc chuông phải cời chuông”.

2. Muốn bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ, Hoa Kỳ phải thực hiện 3 nguyên tắc: cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan, rút quân ra khỏi Đài Loan, huỷ bỏ hiệp ước phòng thủ Mỹ - Đài Loan.

3. Sau khi thực hiện bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ, Hoa Kỳ vẫn được đặt các tổ chức Chính phủ ở Đài Loan, nhưng không được tiếp tục bán

vũ khí cho Đài Loan.

4. Giải phóng Đài Loan là công việc nội bộ của Trung Quốc, nước khác không có quyền can thiệp.

Sau nửa năm đàm phán khó khăn, phía Mỹ đã chấp nhận 3 nguyên tắc “cắt đứt quan hệ ngoại giao, rút quân, huỷ bỏ hiệp ước” do Trung Quốc đưa ra. Hai bên đã đạt được những thỏa thuận:

1. Hoa Kỳ thừa nhận lập trường của Trung Quốc là chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc; thừa nhận Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc, trong khuôn khổ đó, nhân dân Mỹ chỉ duy trì các quan hệ phi Chính phủ về văn hóa, thương mại v.v. với nhân dân Đài Loan.

2. Khi quan hệ Trung - Mỹ đã bình thường hoá, Chính phủ Hoa Kỳ tuyên bố, cắt đứt ngay quan hệ ngoại giao với Đài Loan, rút toàn bộ lực lượng vũ trang và thiết bị quân sự ra khỏi Đài Loan và eo biển Đài Loan trước năm 1979, thông báo chấm dứt “Hiệp ước phòng thủ chung” với chính quyền Đài Loan.

3. Bắt đầu từ mồng 1 tháng 1 năm 1979, Trung Quốc và Hoa Kỳ công nhận lẫn nhau và thiết lập quan hệ ngoại giao; mồng 1 tháng 3, hai nước lập đại sứ quán và trao đổi đại sứ.

Trên cơ sở những thỏa thuận đó, chiều ngày 16 tháng 12 năm 1978 hai bên công bố “Thông cáo chung về việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và hợp chúng quốc Hoa Kỳ”. Hai bên nhắc lại những nguyên tắc đã cùng xác nhận trong “Thông cáo Thượng Hải”. Cũng trong ngày mồng 1 tháng 1 năm 1979, ngày thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Chính phủ Cáo tuyên bố cắt đứt quan hệ ngoại giao với Đài Loan chính thức chấm dứt “Hiệp ước phòng thủ chung” tháng 4 cùng năm, rút toàn bộ quân Mỹ khỏi Đài Loan. Các công việc giữa Hoa Kỳ và Đài Loan sẽ do hai cơ quan phi Chính phủ - “Hiệp hội Mỹ tại Đài Loan” của Hoa Kỳ và “Ủy ban phối hợp Bắc Mỹ” của Đài Loan đảm trách.

Khi thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ vẫn còn một số vấn đề chưa giải quyết được.

Vấn đề trước tiên là Mỹ muốn Trung Quốc chỉ dùng phương thức hoà bình giải quyết vấn đề Đài Loan trong khi Trung Quốc lại nhấn mạnh phương thức giải quyết vấn đề Đài Loan là công việc nội bộ của Trung Quốc không cho phép người khác can thiệp. Cuối cùng hai bên đều ra tuyên bố riêng về vấn đề này. Trong tuyên bố của mình, Mỹ tỏ ý mong muốn nhân dân Đài

Loan sẽ có một tương lai hoà bình, và rất quan tâm đến việc nhân dân Trung Quốc giải quyết hoà bình về vấn đề Đài Loan. Tuyên bố của phía Trung Quốc nêu rõ: phương thức giải quyết để Đài Loan trở về với Tổ quốc, hoàn thành thống nhất đất nước, hoàn toàn là công việc nội bộ của Trung Quốc.

Vấn đề thứ hai là sau khi bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ, Mỹ vẫn giữ chủ trương tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan, mà theo họ đó là những vũ khí “mang tính chất phòng thủ” còn phía Trung Quốc thì kiên quyết phản đối vì như vậy là không phù hợp với nguyên tắc của việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước, bất lợi cho việc giải quyết hoà bình vấn đề Đài Loan, có thể ảnh hưởng xấu đến an ninh và ổn định của khu vực Châu á, Thái Bình Dương.

Mặc dù khi thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, Trung - Mỹ vẫn còn có những vấn đề chưa giải quyết được và Mỹ cũng chưa hoàn toàn từ bỏ âm mưu can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc, nhưng đó thực sự là bước ngoặt lịch sử to lớn trong quan hệ hai nước. Quan hệ Trung - Mỹ từ đó bước vào một giai đoạn mới, là cầu nối giữa hai nước với nhau, giúp nhân dân hai nước hiểu biết và xích lại gần nhau hơn, mở ra một viễn cảnh mới rộng lớn để phát triển giao lưu và hợp tác trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật v.v.... Đồng thời, quan hệ Trung - Mỹ được cải thiện cũng có lợi cho hoà bình và ổn định ở khu vực Thái Bình Dương có lợi cho Trung Quốc phát triển quan hệ với các nước khác và mở ra một cục diện mới trong công tác ngoại giao của Trung Quốc. Tình trạng quan hệ giữa một số nước với Trung Quốc phát triển không được tốt đẹp do thái độ của Mỹ trước đây theo đó cũng sẽ thay đổi.

V. VỊ ĐẠI SỨ ĐẦU TIÊN CỦA TRUNG QUỐC Ở MỸ

Sài Trạch Dân

Ngày 21 tháng 5 năm 1993, khi tiếp Giám đốc chi nhánh Bắc Kinh của công ty truyền hình cáp Mỹ, Chủ tịch Giang Trạch Dân nói: Hai nước lớn Trung Quốc và Hoa Kỳ duy trì được quan hệ bình thường, tốt đẹp, là phù hợp với nguyện vọng và lợi ích thiết thân của nhân dân hai nước, và cũng có lợi cho hoà bình, ổn định ở khu vực Châu á - Thái Bình Dương, thậm chí cả thế giới nữa.

Sau khi Liên Xô cũ giải thể, mối quan hệ thân thiện giữa nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đất rộng người đông và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đang cân bằng thế giới, đang thực hiện lời tiên đoán của vị Tổng thống năm đó:

“Trên những con đường khác nhau cùng đi tới một mục tiêu, mục tiêu đó là xây dựng một cơ cấu thế giới hoà bình và chính nghĩa.”

Chim bồ câu trắng tung bay giữa bầu trời xanh, cây ôliu vươn cành trong nắng đẹp. Ôi hoà bình! Thế giới đại đồng là nguyện vọng cao nhất của loài người. Trong số những người được nhân dân Trung Quốc biết ơn có ông đại sứ Sài Trạch Dân.

Sài Trạch Dân người dân tộc Hán, sinh năm 1916 trong một gia đình bình dân, huyện Văn Hỉ tỉnh Sơn Tây. Năm 1933, khi học ở trường trung học Văn Hỉ ông tham gia cách mạng, cũng trong năm đó ông vào Đảng Cộng sản Trung Quốc. Năm 1934, ông học trường sư phạm Vạn Thanh. Năm 1935, ông đi Tây An vào học lớp đào tạo quân y của tướng Dương Hổ Thành, học Quốc tế ngữ, làm báo tuyên truyền cho Đội du kích chống Nhật. Trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật và chiến tranh giải phóng, Sài Trạch Dân từng đánh du kích ở vùng núi Trung Điều, lần lượt đảm nhiệm các chức vụ bí thư huyện uỷ, tư lệnh và chính uỷ phân khu v.v...

Đầu thập niên 50, ông làm bí thư khu uỷ khu ngoại thành Bắc Kinh và trưởng ban ban công nghiệp giao thông thành uỷ, trưởng ban thư ký Uỷ ban nhân dân thành phố, kiêm nhiệm chức chủ nhiệm “Ban chỉ đạo công tác quốc tế” của Bắc Kinh. Ngoảnh đầu nhìn lại những việc đã qua, đối với một ông già tuổi tác đã đến lúc thu tàn lá rụng, điều gì được ông trân trọng nhất trong ký ức của mình những năm tháng khi làm đại sứ ở năm nước? Trong gian phòng khách hơi chật chội, với chất giọng Sơn Tây, ông đưa khách trở về với những năm tháng khó khăn phải vượt qua. Những chuyện trước kia ở Mỹ bỗng chốc cứ lần lượt hiện ra trước mắt chủ và khách.

Duyên nợ ban đầu với nước Mỹ không phải là năm 1979 khi ông trở thành vị đại sứ đầu tiên của nước Trung Quốc mới ở Mỹ, cũng không phải là năm 1978 khi ông là chủ nhiệm Văn phòng liên lạc ở Mỹ, mà còn sớm hơn nữa, bắt đầu từ đầu thập niên 70, khi cao trào sôi sục của Cách mạng văn hóa vừa mới lắng xuống. Nhớ khi đó ông là vị đại sứ được “giải phóng” ở tốp cuối cùng vừa mới được buông dây chối dọn nhà vệ sinh của Bộ ngoại giao, đang chuẩn bị đi lao động ở trường cán bộ tỉnh Giang Tây. Vợ ông về Giang Tây trước, còn ông ở lại thu xếp hành lý, bao tải và dây thừng buộc đồ đạc để sẵn trong phòng, những thứ không mang đi được đã gửi dưới tầng hầm của toà nhà Bộ ngoại giao. Đang rối rít với những công việc đó thì đột nhiên ông nhận được thông tri lệnh cho ông lập tức chuẩn bị đi Ba Lan.

Ba Lan từng là địa điểm trung gian cho cuộc đàm phán Trung - Mỹ. Từ

năm 1954 đến năm 1968, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã họp tất cả 134 phiên, kết quả duy nhất là một thỏa thuận về hồi hương tù binh ở Triều Tiên. Sau một thời gian khá lâu ngừng đàm phán, đại sứ Mỹ ở Vacsava Stôsen trong một bữa tiệc đã chạy theo bắt tay Lôi Dương đại diện của Trung Quốc. Vị đại diện cẩn trọng lùi ra phía nhà vệ sinh, nhưng vị đại sứ Mỹ kia vẫn cứ đuổi theo tới tận nhà vệ sinh để trao đổi với Lôi Dương về chuyện Mỹ yêu cầu khôi phục lại cuộc hội đàm Trung - Mỹ. Thông tin đó được lãnh đạo của Trung Quốc coi trọng và tiếp nhận, và thế là Sài Trạch Dân, vị đại sứ đã ở Hunggari và Kênia trước đây được nghĩ tới. Ông được triệu về học ở Bộ, vừa nghiên cứu các biên bản hội đàm Trung - Mỹ trước đây, vừa sắm sửa quần áo chuẩn bị đi Vacsava hội đàm với người Mỹ. Tất cả đều đã xong xuôi, sắp sửa lên đường thì đột nhiên nổ ra cuộc đảo chính ở Cămpuchia. Được Mỹ ủng hộ, LonNon lên thay Xihanúc người đi theo con đường hoà bình trung lập. Thế là một cuộc biểu tình 100.000 người ở quảng trường Thiên An Môn đã lên án mạnh mẽ đế quốc Mỹ. Cuộc đảo chính ở Cămpuchia rút cuộc không trở thành vật cản cuộc hội đàm Trung - Mỹ, nhưng cuộc đảo chính này đã làm cho Sài Trạch Dân chuyển sang làm đại sứ Trung Quốc ở Ai Cập khi đó tình hình khá căng thẳng, do đó việc giao thiệp của ông với Mỹ bị lùi lại 8 năm sau.

“Quái chiêu”

Đi trọn 30 mùa xuân, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa mới bắt đầu có ở Mỹ một khoảnh đất nhỏ thuộc về mình, đó là đại sứ quán. Suốt quá trình đó Đài Loan là trở ngại chính trong lịch sử thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ. Người Mỹ một mặt muốn bắt tay với Bắc Kinh đang ngày một lớn mạnh để cùng nhau cân bằng thế giới, mặt khác cũng không vứt bỏ được Đài Loan nơi người Mỹ đã kinh doanh mấy chục năm nay. Ngay cả việc còn con là giao đất để làm sứ quán cũng vi phạm thông lệ quốc tế, mặc cho Chính phủ Trung Quốc phải lo liệu lấy. Dùng một cái, Đài Loan đem toà nhà sứ quán lẽ ra phải chuyển giao cho nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa “bán” cho một tổ chức “những người bạn ở Trung Quốc” với giá 10 đô la Mỹ. Câu chuyện hoang đường nực cười này hồi đó cũng làm tốn biết bao sức lực và nước bọt của Sài Trạch Dân. Những tín đồ của chủ nghĩa cộng sản từng bị coi là những con ngáo ộp khi mới bước vào đất nước luôn cường điệu nhân quyền tự do dân chủ này đương nhiên cảm thấy giữa họ có khoảng cách và sự khác biệt nhau. Tuy nhiên, không phải do khái niệm triết học hoặc phương thức sống hay tình thân thiết mà là vì an ninh của quốc

gia, hiện trạng của thế giới, Trung Quốc và Hoa Kỳ đã vượt qua Thái Bình Dương đến với nhau, bước qua và xoá bỏ những trở ngại của tinh thần ngăn cản tình thân thiện, đó chính là công việc mà năm ấy những nhân vật đó cố gắng làm.

Cuối tháng 1 đầu tháng 2 năm 1979, thành công của Đặng Tiểu Bình trong chuyến sang thăm Mỹ đã khiến cho người Mỹ ở xa tít bên kia đại dương hiểu về Trung Quốc nhiều hơn.

Không có ai, sau này cũng sẽ không có ai coi nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là con quái vật núp sau tấm màn che nữa. Buổi đầu lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ cũng chính là lúc quốc gia đông dân nhất thế giới này xuất hiện trước mắt mọi người với bộ mặt cải cách hoàn toàn mới mẻ. Là một đại diện ngoại giao được nước cộng hoà nhân dân cử ra nước ngoài, mỗi hành động đều phải giữ được hình ảnh của Tổ quốc và xây dựng được uy tín cho Tổ quốc.

Trước tiên là vấn đề Đài Loan. Hơn nữaa thế kỷ ở trong trạng thái mâu thuẫn, chiến tranh và đối địch, thậm chí cả bộ lịch sử cận đại Trung Hoa cũng của ai nấy viết. Thái độ của Chính phủ Mỹ đối với Bắc Kinh và Đài Bắc tất nhiên là vô cùng quan trọng. Năm 1980, khi ra tranh cử Tổng thống Rigan đã công kích Trung Quốc và có ý đồ khôi phục lại quan hệ ngoại giao với Đài Loan. Khi làm lễ nhậm chức Rigan mời một đoàn đại biểu Đài Loan tham dự, do Tưởng Ngạn Sĩ Bí thư trưởng Ban thường vụ Trung ương Quốc dân đảng dẫn đầu. Hành động đó rõ ràng vi phạm tinh thần của thông cáo chung Trung - Mỹ. Sài Trạch Dân gặp Quốc vụ viện Mỹ có ý kiến về việc này, nhưng Quốc vụ viện trả lời việc đó không do họ quản. Ông lại tới Nhà Trắng, câu trả lời vẫn là không do họ quản, khách do Quốc hội mời. Mấy trăm nghị sĩ của Quốc hội Mỹ, mỗi người đều có quyền mời đoàn đại biểu, tìm sao ra được do ai mời. Nhưng khó khăn không làm ông chùn bước, ông quyết tâm bám lấy Quốc vụ viện, tuyên bố với họ rằng nếu có mặt Đoàn đại biểu Đài Loan ông sẽ không dự. “Quái chiêu” này làm cho Quốc vụ viện Mỹ bối rối. Đường đường là Đại sứ Trung Quốc mà không dự lễ nhậm chức của Tổng thống, vấn đề trở nên nghiêm trọng rồi. Quả nhiên, cuối tháng 1 năm 1981, trong buổi chiêu đãi lớn tổ chức trước lễ nhậm chức của Rigan hai hôm, bà Trầm Hương Mai báo cáo với Sài Trạch Dân một tin vui, Đoàn đại biểu Đài Loan vì trường đoàn “ốm” nằm viện nên không tham dự được lễ nhậm chức của Tổng thống.

Năm 1982 Sài Trạch Dân rời chức vụ về nước. Trong thời gian làm nhiệm vụ, ông đã có lần tranh luận với Tổng thống Rigan về vấn đề Đài Loan.

Câu chuyện xảy ra khi Ký Triều Chú, Vụ trưởng vụ châu Mỹ Bộ ngoại giao Trung Quốc đến thăm Mỹ, bữa đó có mặt cả Phó Tổng thống Buser, cả cố vấn an ninh và quốc vụ khanh Riggs cho rằng Đài Loan là bạn cũ của Mỹ và cũng không bao giờ nên quên bạn cũ. Sài Trạch Dân trả lời ngay rằng Mỹ đã lập quan hệ ngoại giao với nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa thì phải giao thiệp với người bạn mới, và lại Trung Quốc không hề phản đối những quan hệ phi Chính phủ giữa Mỹ và Đài Loan, nhưng không được gọi Đài Loan là Trung Hoa Dân Quốc, càng không được có quan hệ ngoại giao giữa hai Chính phủ, vì như vậy không phù hợp với những nguyên tắc nêu trong thông cáo thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ.

Cuộc tranh luận giữa Tổng thống và Đại sứ khiến Phó Tổng thống Buser đứng ngồi không yên. May sao ông chợt nhớ tới câu chuyện thú vị xảy ra khi Sài Trạch Dân và Ký Triều Chú ăn cơm tối cùng với gia đình ông, mới tìm được lý do hướng chuyển cuộc tranh luận sang một đề tài khác.

Sài Trạch Dân kể ông đã không ít lần phải “đấu” với người Mỹ về vấn đề Đài Loan. Có một lần, vì việc Chính phủ Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan, ông đã tranh cãi với người Mỹ ở Quốc vụ viện gay gắt đến mức gần như phải đập bàn đập ghế.

Nhưng xin đừng cho rằng ông là con người tính khí nóng nảy, quyết liệt. Trong nhiều trường hợp ông đã phải dùng đến đùa vui hài hước để giải quyết công việc. Có lần ông đến diễn giảng ở bang Tennessee, lúc ra về thấy một đám trẻ con Hoa kiều gốc Đài Loan vây kín ở cổng, chúng vừa vẫy cờ Đài Loan vừa hô những khẩu hiệu không thân thiện. Ông ngẩng đầu lên nhìn những giọt mưa bay lất phất trên trời rồi nói một cách hài hước với bầy trẻ: “Các em vất vả quá! Phải mang ô đi hô khẩu hiệu chứ!”

Tất nhiên, ngoài vấn đề Đài Loan còn rất nhiều vấn đề khác thường xuyên thử thách khả năng ứng phó, mức độ nhạy cảm và linh hoạt của vị đại sứ ngoại giao này.

Trong nhiệm kỳ ở Mỹ, Sài Trạch Dân đã để lại dấu chân ở hầu khắp đại lục nước Mỹ, gần 100 thành phố của hơn 30 bang trong 50 bang nước Mỹ đã mời ông đến diễn giảng ở trường đại học, câu lạc bộ và các tổ chức quần chúng. Mỗi lần như vậy quả không phải việc dễ dàng, từng câu từng chữ phải đại diện cho Tổ quốc, đại diện cho khuynh hướng, lập trường và hình ảnh của Tổ quốc. Ông gắng hết sức không từ chối những lời mời đó, vì đó là dịp tốt để người Mỹ hiểu Trung Quốc hơn, tăng cường tình hữu nghị Trung - Mỹ.

Đại sứ toát mồ hôi

Một lần ông đến diễn giảng ở trường đại học Nam Carinô thì vừa hay Liên Xô đưa quân vào Apganixtan. Chính phủ Mỹ có phản ứng ngay, tuyên bố tẩy chay không cử vận động viên tham gia Olympic sắp tổ chức ở Mátxcova. Vấn đề này rõ ràng trở thành đề tài nóng hổi phải đề cập tới. Nhưng lúc đó Sài Trạch Dân chưa biết rõ thái độ trong nước ra sao, bèn lập tức đánh điện khẩn về nước xin chỉ thị, nhưng chẳng biết vì sao không thấy trong nước trả lời. Cho đến lúc đứng trên bục giảng, ông biết không có cách gì lảng tránh được, bèn căn cứ vào thái độ và chính sách ngoại giao nhất quán của Chính phủ Trung Quốc nói với thính giả của mình rằng: “Chính phủ Trung Quốc kiên quyết phản đối Liên Xô xâm lược Apganixtan. Theo ý kiến cá nhân tôi, Trung Quốc có thể tẩy chay, không tham gia Olympic tổ chức ở Mátxcova” Ai ngờ mấy ngày sau, ông đọc báo thấy tin nói rằng các vận động viên Trung Quốc sẽ tham gia Olympic Mátxcova. Tin đó làm ông toát mồ hôi hột. May sao sau đó mấy hôm, Trung Quốc chính thức tỏ thái độ phản đối việc Liên Xô đưa quân vào Apganixtan, tuyên bố không tham gia Olympic Mátxcova để phản kháng. Lúc đó ông mới trút được nỗi lo canh cánh trong lòng.

Khi đến Xan Phranxicô chủ trì lễ khai mạc thành lập lãnh sự quán Trung Quốc, ông lại gặp một sự việc tương tự. Lần này là vụ Cao Hùng ở Đài Loan, tức vụ “Hòn đảo Mỹ lệ”. Tạp chí “Hòn đảo Mỹ lệ” là của những phần tử đòi Đài Loan độc lập chủ trì, khi họ phát động quần chúng biểu tình không hiểu vì sao bị nhà cầm quyền đàn áp. Sài Trạch Dân vừa đến Xan Phranxicô thì lập tức có Hoa kiều gốc Đài Loan tìm đến yêu cầu đại sứ Trung Quốc tỏ thái độ về vụ này. Theo lệ thường ông một mặt nghiên cứu tính chất của sự kiện. Ông nghĩ rằng quần chúng tham gia biểu tình có những người chủ trương thống nhất Tổ quốc, hơn nữa sự kiện này tác động rất mạnh đến nhân dân Đài Loan, không tỏ thái độ không được, thế là ông dự định nói 3 ý lớn: “Chúng tôi rất quan tâm đến sự kiện Cao Hùng; chúng tôi phản đối hành động bạo lực của nhà đương cục; hi vọng họ không làm những việc bất lợi cho nhân dân.” Giờ họp đã đến mà vẫn chưa nhận được chỉ thị trong nước, ông đành phải dùng 3 ý trên để bày tỏ thái độ. Hôm sau, tất cả các báo tiếng Trung ở Mỹ đều đăng ba câu nói đó với dòng tít lớn trên trang nhất, phản ứng của toàn thể người Hoa trên đất Mỹ đều rất tốt. Ông toát hết cả mồ hôi. Mãi một tháng sau, Đặng Dĩnh Siêu trong một cuộc hội nghị cũng nói với tinh thần giống như cách suy nghĩ của ông, ông mới cảm thấy thư thái.

VI. PHÓ THỦ TƯỚNG TRUNG QUỐC ĐƯỢC ĐÓN TIẾP VỚI NGHỈ LỄ CAO NHẤT CỦA HOA KỲ.

Người làm cuộc viễn du vào đúng mồng một Tết âm lịch

Bắc Kinh tháng 1 đang vào kỳ rét đậm.

Tuy nhiên, năm 1979 mọi người dường như quên mất cái rét của tháng này mà chỉ cảm thấy xung quanh tràn ngập ý xuân.

Đây là năm thứ 4 sau “Cách mạng văn hóa”, mọi người có lí do để vui cười thoải mái hơn trước kia.

Ngay những đêm trước năm mới từ Nhân dân Đại lễ đường trạng nghiêm đồ sộ - nơi mà nhiều năm trước đã làm cho những người dân bình thường cảm thấy thần bí khó hiểu, đã thổi tới một luồng gió xuân ấm áp rạo rực lòng người. Tại đây, Đảng Cộng sản Trung Quốc họp Hội nghị toàn thể Ban chấp hành Trung ương lần thứ 3 khoá 11, quyết định từ năm 1979 chuyển trọng tâm công tác của Đảng vào sự nghiệp xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa.

Ngày mồng 1 năm mới, hai nước Trung - Mỹ thù địch nhau đối chọi nhau hơn 20 năm trời cuối cùng đã kết thúc tình trạng không bình thường trong quan hệ hai nước, đã công nhận lẫn nhau và lập quan hệ ngoại giao với nhau.

Cùng ngày hôm đó, Uỷ ban thường vụ Quốc hội Trung Quốc công bố “Thư gửi đồng bào Đài Loan” Kêu gọi mau chóng thực hiện các kênh giao lưu giữa Đại lục và Đài Loan.

Cũng vào ngày đó, Đặng Tiểu Bình nói chuyện ở Uỷ ban toàn quốc Hội nghị chính trị hiệp thương, đã tuyên bố vấn đề hoà bình thống nhất Đài Loan với Đại lục của Tổ quốc đã được đưa vào một lịch trình cụ thể.

Những sự kiện này 10 năm trước không thể nào hình dung ra nổi. Tình lúc đó là lấy đấu tranh giai cấp làm cương lĩnh, đánh đổ đế quốc Mỹ, giải phóng Đài Loan.

Tất cả những điều đó rõ ràng chứng tỏ thời đại đã thay đổi.

Song, sự kiện có ý nghĩa tượng trưng hơn cả, khiến cho năm 1979 trở thành năm biến đổi Trung Quốc, trước hết phải kể đến chuyến thăm Mỹ của Đặng Tiểu Bình vào mồng một Tết âm lịch (ngày 28 tháng 1 dương lịch).

Trong quá trình đàm phán thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ, Tổng thống Carter có ngỏ lời mời Đặng Tiểu Bình sang thăm Mỹ. Thời điểm đi vào mồng một Tết của Trung Quốc là chủ ý của Đặng Tiểu Bình.

Theo phong tục một số nơi ở Trung Quốc, ngày mồng một Tết âm lịch

không được mang quà đến xông nhà người khác, thậm chí nước rửa bát, nước canh thừa, nước uống thừa đều thành nước vàng nước bạc, hôm đó không được mang đi đổ chỗ khác. Nếu không, vận may và tiền của năm đó sẽ mất hết. Đương nhiên, chỉ là một tập tục. Trong dân gian còn có một truyền thuyết phổ biến hơn: Mong một Tết nói lời tốt lành, làm điều tốt lành, thì suốt cả năm gặp toàn chuyện tốt lành.

Đặng Tiểu Bình có lẽ dựa vào truyền thuyết sau để mang lại chuyện tốt lành cho đất nước chăng ?! Nếu đi vào ngày mồng một Tết, ngày tốt lành, ngày vui mừng của muôn người này mà tranh thủ được tình hữu nghị, củng cố được an ninh quốc gia, làm cho đất nước đi theo con đường mở cửa thì hà cớ gì không đi vào ngày đó?

Sáng sớm ngày mồng một Tết, những người đi tiễn Đặng Tiểu Bình đã tụ tập ở nhà đợi của sân bay. Trong những người đi tiễn có các lão chiến hữu của Đặng Tiểu Bình như Đặng Dĩnh Siêu, Lý Tiên Niệm, Vương Trấn, ngoài ra còn có hai vợ chồng chủ nhiệm Văn phòng liên lạc của Mỹ ở Trung Quốc, vợ chồng đại sứ Nhật Bản ở Trung Quốc .

Khoảng 8 giờ, Đặng Tiểu Bình và phu nhân Trác Lâm lần lượt bắt tay tạm biệt người ra tiễn, ôm hôn đứa cháu gái nội còn nhỏ của ông, rồi với những bước chân khoẻ khoắn bước lên chiếc Bònh 707 của Công ty Hàng không dân dụng Trung Quốc trong những tiếng chúc “lên đường thuận lợi”.

Tháp tùng Đặng Tiểu Bình trong chuyến đi này còn có Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Phương Nghị và phu nhân Ân Lâm, Bộ trưởng Ngoại giao Hoàng Hoa và phu nhân Hà Lý Lương, chủ nhiệm văn phòng thường trực của Trung Quốc ở Mỹ Sài Trạch Dân và phu nhân Lý Hữu Phong, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Chương Văn Tấn, trợ lý đặc biệt Lăng Vân, Bồ Thọ Xương, chủ nhiệm “Văn phòng Đặng Tiểu Bình” Vương Thụy Lâm, Trợ lý báo chí Bành Dịch, Vụ trưởng vụ Lễ tân Bộ Ngoại giao Vệ Vĩnh Thanh, Cục trưởng Ủy ban khoa học nhà nước Ngô Minh Du, v.v...

Đây là chuyến thăm Mỹ đầu tiên của nhà lãnh đạo Trung Quốc từ sau khi nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa thành lập, cũng là lần đi thăm Mỹ đầu tiên của người cộng sản Trung Quốc kể từ thời chiến tranh chống Nhật khi bắt đầu có quan hệ với Mỹ.

Cuối năm 1944, để phát huy vai trò tích cực của Mỹ trong tiến trình hoà bình dân chủ của Trung Quốc sau chiến tranh, Mao Trạch Đông định đích thân đi Oasinhton thăm Rudoven.

Nhưng hồi đó Tổng thống Mỹ tập trung chú ý vào Tưởng Giới Thạch,

không có phản ứng gì đối với ý định đó của Đảng Cộng sản Trung Quốc .

Tháng 3 năm 1959, khi tiếp Anna Lui Xtorông và hai vợ chồng người bạn da đen Đuyboa ở Vũ Hán, Mao Trạch Đông nửa đùa nửa thật tỏ ý mình muốn làm một khách du lịch đi bơi ở sông Mixixipi, nhân tiện ghé xem Aixenhao đánh gôn, tới bệnh viện thăm tiên sinh Đalét một tay chống cộng kỳ cựu. Đương nhiên, nói đùa cũng được, nói thực cũng chẳng sao, hồi đó Mao Trạch Đông không thể thực hiện ý muốn của mình. Sau đó, Chu Ân Lai, Nicholson, Kítsinhơ cùng nhau mở ra một cục diện mới trong quan hệ Trung - Mỹ, ông không thể chờ được đến ngày lập quan hệ ngoại giao đã mãi mãi xa thế giới này. Nhiệm vụ thúc đẩy mối quan hệ Trung - Mỹ và làm cho nó ngày càng đi vào chiều sâu, lịch sử đã giao phó cho tập thể lãnh đạo thế hệ thứ hai của Đảng Cộng sản Trung Quốc với hạt nhân là Đặng Tiểu Bình.

Các đồng chí chia quân đi theo hai đường, cùng một lúc bay thử đến Niu oóc

Với Đặng Tiểu Bình đây là lần thứ hai ông đặt chân lên đất Mỹ.

Tháng 4 năm 1974, Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc quyết định Đặng Tiểu Bình làm Trưởng đoàn Đoàn đại biểu Trung Quốc đi dự Hội nghị đặc biệt khóa 36 Đại hội đồng Liên Hợp Quốc. Trong cuộc họp bàn công tác chuẩn bị tổ chức sau đó ít lâu, Thủ tướng Chu Ân Lai đã thu xếp rất chu đáo mọi vấn đề có liên quan đến chuyến đi của Đoàn. Thủ tướng nhìn khắp hội trường một lượt rồi trịnh trọng nói:

- Đồng chí Đặng Tiểu Bình đại diện cho nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa tham dự Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, chúng ta mở đường và trải thảm đỏ để đồng chí hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ ...

Thủ tướng giơ tay phải lên và làm động tác trải thảm.

- Các đồng chí bên Hàng không dân dụng phải dốc toàn lực vào đây, bảo đảm chuyến bay an toàn

- Ông vừa nói vừa đưa mắt nhìn mấy vị đại diện Hàng không dân dụng ngồi dự họp, rồi nói tiếp:

- Bắt đầu từ hôm nay, phải chuẩn bị cho chuyến bay thử. Các đồng chí chia quân ra làm hai đường, cùng bay thử đi Niu oóc. Một đường bay theo tuyến phía Tây, từ Bắc Kinh qua Carasi của Pakixtan đến Pari, qua Đại Tây Dương đến Niu oóc. Đường kia bay theo tuyến phía đông, từ Bắc Kinh qua Nhật Bản, quần đảo Haoai, đến Xan Phranxixcô rồi bay đến Niu oóc...

Chu Ân Lai tính toán công việc xưa nay đều rất chu đáo cặn kẽ. Ông bảo bên Hàng không chia quân làm hai đường cùng bay thử để nhờ khi một

đường có chuyện thì còn đường kia, hệ số an toàn lớn hơn.

Về đến Tổng cục Hàng không dân dụng, Tổng cục trưởng Mã Nhân Huy truyền đạt chỉ thị của Thủ tướng Chu Ân Lai với các cán bộ, quyết định nghiên cứu và chuẩn bị ngay việc bay thử sang Niu ôc.

Tuyến đường bay phía tây trước kia Trung Quốc chưa hề bay, các tư liệu cần thiết như vị trí các sân bay, các tư liệu cần thiết như vị trí các sân bay trên đường bay, tần số làn sóng các đài dẫn đường bay, những khu cấm bay khi bay qua các nước, hành lang trên không v.v..., các nhân viên Trung Quốc đều không nắm được. Khi Trương Thụy ái Phó Tổng cục trưởng Hàng không dân dụng, Cục trưởng Cục quản lý Bắc Kinh báo cáo vấn đề đó với Chu Ân Lai, Thủ tướng suy nghĩ giây lát rồi bảo:

- Thế này đi, đồng chí tìm Văn phòng công ty Hàng không Pháp ở Bắc Kinh nhờ họ giúp.

Theo ý kiến của Thủ tướng, Trương Thụy ái tìm đến Công ty Hàng không Pháp và được họ giúp giải quyết rất nhanh chóng. Về sau, khi máy bay của Trung Quốc hạ cánh tiếp đầu ở sân bay quốc tế Pari, công ty Hàng không Pháp lại cử ba nhân viên dẫn đường cho máy bay Trung Quốc.

Chu Ân Lai quan tâm đến Đặng Tiểu Bình như vậy đủ thấy ông kỳ vọng ở Đặng Tiểu Bình, biết bao. Đặng Tiểu Bình cũng đã không phụ lòng tin cậy của nhân dân Trung Quốc. Trong hội nghị đó, ông đã lần đầu tiên giới thiệu với toàn thế giới học thuyết chia ba thế giới của Mao Trạch Đông. Cho đến nay, hai khái niệm “Thế giới thứ nhất” và “Thế giới thứ hai” rất ít gặp trong các trước tác lý luận chính trị quốc tế, nhưng khái niệm “Thế giới thứ ba” vẫn được dùng rộng rãi trên chính trường quốc tế, ở đây đương nhiên có một phần công lao của Đặng Tiểu Bình.

Khi Đoàn đại biểu Trung Quốc từ Đại hội đồng Liên Hợp Quốc trở về, Chu Ân Lai nhắc Trương Thụy ái: - Đồng chí ái này người ta nhiệt tình giúp mình như vậy, chúng ta cũng phải biết điều chứ. Đồng chí thay mặt tôi, mời họ ăn cơm để cảm ơn họ, thế nào?

- Tất nhiên là rất tốt, có điều tôi thay mặt Thủ tướng sao được?

- Đồng chí cứ nói là Chu Ân Lai cảm ơn họ.

Theo chỉ thị của Thủ tướng Chu Ân Lai, Trương Thụy ái mời Giám đốc chi nhánh công ty Hàng không Pháp ở Bắc Kinh và một số nhân viên có liên quan, đến hiệu vịt quay ở Vương Phủ Tỉnh đãi họ một bữa vịt quay đặc sản của Bắc Kinh và chuyển tới họ lời cảm ơn của Thủ tướng Chu Ân Lai.

Khi rời Mỹ, trên đường về qua Pari, Đặng Tiểu Bình mua một trăm

chiếc bánh sừng bò mang về biếu các bạn ngày xưa từng vừa học vừa làm với nhau ở Pháp, như Chu Ân Lai, Nhiếp Vinh Trăn v.v... Sau đó hai năm, ông không may lại bị cách chức một lần nữa, Trung Quốc cũng một lần nữa lâm vào khủng hoảng nặng nề.

Tháng 7 năm 1977 Đặng Tiểu Bình lại được phục hồi chức vụ cũ. Từ đó ông và các nhà cách mạng lão thành tiếp tục cống hiến rất nhiều cho đất nước, làm cho Trung Quốc bắt đầu bước vào quỹ đạo xây dựng hiện đại hoá.

Có điều thực hiện hiện đại hoá là một quá trình rất lâu dài, cần phải dựa vào đôi cánh cải cách và mở cửa, không thể thiếu cánh nào được. Đối với trong nước, cần phải cải cách thể chế kinh tế và thể chế chính trị không hợp lý, thay đổi cách tư duy và kiểu làm ăn cũ kỹ. Đối với bên ngoài, cần phải mở rộng cửa, qua đó chẳng những tìm kiếm tình hữu nghị mà còn tìm kiếm vốn, nhân tài, kinh nghiệm quản lí tiên tiến và sự an ninh cho đất nước. Tất cả những cái đó chính là mục đích thực sự của Đặng Tiểu Bình trong chuyến bay ngày đầu năm mới sang bờ bên kia Thái Bình Dương.

Lễ đón tiếp trọng thể ở Nhà Trắng.

Sáng ngày 29 tháng 1, toà Nhà Trắng với 179 năm lịch sử hôm nay thật phong quang sạch sẽ, bãi cỏ phía nam được trang hoàng như trong ngày hội. Đập vào mắt mọi người là trên hàng cột cờ trước Nhà Trắng, lá cờ đỏ năm sao phấp phới bay giữa quốc kỳ Mỹ và cờ của đặc khu Oasinhton- Côlômbia. Cứ nghĩ tới lịch sử đối kháng lâu dài đầy mùi thuốc súng giữa hai quốc gia này không thể không khiến người ta buồn tiếng thở dài về sự đổi thay của thời đại. Chính vì lợi ích của quốc gia và cũng là lợi ích của hoà bình thế giới, hai lá cờ đó đã bay bên nhau.

10 giờ đúng, Tổng thống Cato cử hành lễ đón tiếp chính thức Đặng Tiểu Bình thăm Hoa Kỳ ở bãi cỏ phía nam Nhà Trắng.

Rất nhiều quan chức cao cấp trong Chính phủ và hơn 1.000 quân chúng vẫy quốc kỳ hai nước tham gia lễ đón tiếp. Tiếng vỗ tay, tiếng hoan hô luôn luôn vang lên trong đoàn người dự lễ.

Cato và phu nhân tháp tùng Đặng Tiểu Bình và phu nhân bước lên lễ đài phủ thảm đỏ. Đoàn quân nhạc tấu quốc thiều hai nước, 19 phát đại bác nổ vang. Tất cả những nghi thức đó chứng tỏ Chính phủ Mỹ đã đón tiếp Đặng Tiểu Bình như một vị tướng nguyên thủ quốc gia thân thiện vậy. Là một quốc gia chống cộng số 1 trong thế giới tư bản, trong lịch sử của mình hình như nước Mỹ rất ít dành cho người lãnh đạo của một nước xã hội chủ nghĩa nghi

lễ đón tiếp trọng thể như vậy. Nghe nói, năm Khorutsôp muốn đến Niu oóc tham dự Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, Cục di dân của Mỹ dứt khoát bắt ông phải lăn vắn tay mới được nhập cảnh. Liên Xô cho như vậy là làm nhục người khác, Mỹ thì cho đó là nguyên tắc, hai bên găng nhau không ai chịu ai. Cuối cùng Khorutsôp cũng buộc phải lăn vắn tay mới vào được trụ sở Liên Hợp Quốc. Nhưng nay, Đặng Tiểu Bình đến đã làm cho Chính phủ Mỹ phá bỏ thông lệ đó đối với lãnh tụ cộng sản.

Duyệt đội danh dự xong, Cator đọc diễn văn chào mừng:

“Hôm nay là một ngày rất có ý nghĩa, ngày bắt đầu bình thường hoá quan hệ giữa hai nước chúng ta. Chúng ta lại tiến thêm được một bước.

Chúng tôi kỳ vọng rằng việc bình thường hoá này giúp chúng ta cùng nhau bước vào một thế giới hoà bình đa dạng hoá.

Thưa ngài Phó Thủ tướng, hôm qua là ngày Tết âm lịch, ngày đầu tiết xuân của các ngài, là ngày truyền thống bắt đầu một lịch trình mới của nhân dân Trung Quốc. Tôi nghe nói, trong dịp năm mới, các ngài mở toang tất cả các cửa hướng về các vị thần linh giấu lòng từ bi. Đó là thời khắc mọi người quên đi mọi chuyện cãi cọ trong gia đình, là thời gian người ta đi thăm người thân và bạn bè, và cũng là lúc đoàn tụ và hoà giải với nhau.

Đối với hai nước chúng ta, hôm nay là thời khắc đoàn tụ và bắt đầu một chặng đường mới, là thời khắc hoà giải, là thời khắc mở toang cánh cửa đã đóng kín lâu ngày.”

Tiếp đó, Đặng Tiểu Bình đọc đáp từ. Ông đánh giá rất cao ý nghĩa của việc bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ, ca ngợi hai quốc gia vĩ đại và nhân dân vĩ đại của hai quốc gia. Ông nói một cách thâm thúy rằng: “Nhiệm vụ cấp bách của nhân dân thế giới là cố gắng gấp bội để duy trì hoà bình, an ninh và ổn định của thế giới. Hai nước chúng ta có trách nhiệm không thể chối từ được là chung sức đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp đó.”

Hồi đó, Chính phủ Mỹ đang cùng Liên Xô đàm phán về hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn 2, không tiện công khai lên án chủ nghĩa bá quyền của Liên Xô trước mặt người Trung Quốc. Nhưng Đặng Tiểu Bình trong lời đáp vẫn dạn dạc chạm đến vấn đề đó một cách tế nhị.

Sau nghi lễ đón tiếp, Đặng Tiểu Bình và Cator đi vào phòng bầu dục trong Nhà Trắng bắt đầu cuộc họp thượng đỉnh giữa hai nước. Lúc đó các phóng viên nhiếp ảnh ủa vào phòng họp tranh nhau bấm máy ghi lại khoảnh khắc lịch sử đó.

Trước khi hội đàm Cator và Đặng Tiểu Bình hàn huyên chiếu lệ với nhau

dăm ba câu.

Cato:

- Tháng 4 năm 1949, tôi là một sĩ quan tàu ngầm trẻ đã có thời gian ở Thanh Đảo.

Đặng Tiểu Bình:

- Bộ đội chúng tôi khi ấy đang bao vây thành phố đó.

- Thế ra các ngài đã gặp nhau từ trước? Brêdinki nói chen vào.

Đặng Tiểu Bình cười:

- Đúng vậy.

Chỉ qua tiếp xúc ngắn ngủi, Cato thấy có cảm tình với Đặng Tiểu Bình. Ông cảm thấy trong con người vóc dáng thấp lùn khoẻ mạnh đó hội đủ các đức tính tốt đẹp: Cơ trí, thẳng thắn cởi mở, có khí phách, phong độ, tự tin, thân thiện.

Sau 1 tiếng 20 phút, hội đàm kết thúc. Đặng Tiểu Bình do Oenxơ tháp tùng, sau khi ăn cơm trưa xong đến phòng nghỉ của Quốc vụ viện. Một tốp phóng viên ủa vào phỏng vấn Đặng Tiểu Bình đã bàn với Cato những vấn đề gì. Đặng Tiểu Bình trả lời với giọng khôi hài kiểu phương Đông độc đáo của ông:

- Chúng tôi không có gì là không bàn, trên thì chuyện thiên văn, dưới thì chuyện địa lý.

Các câu hỏi của các phóng viên tuy bị câu trả lời đó chặn lại, nhưng họ vẫn rất vui vẻ vì mục kích phản ứng nhanh nhạy, sự hài hước và trí tuệ của Đặng Tiểu Bình.

Chiều 29 tháng 1, hai bên tiến hành buổi hội đàm thứ hai. Tình tiết của buổi hội đàm theo Cato nhớ lại:

Đặng nói, ông không phản đối hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai, vì cho rằng cái đó có thể cần thiết. Nhưng ông cảm thấy kết quả cuộc hội đàm thứ tư hiện cũng như ba lần trước không thể hạn chế được lực lượng quân sự của Liên Xô. Đặng nói, Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa không mong muốn xảy ra chiến tranh, người Trung Quốc cần có hoà bình lâu dài để thực hiện toàn diện hiện đại hoá...

Chúng tôi đều cho rằng, nếu chúng tôi liên kết nhau lại chống Liên Xô, thì sẽ phạm sai lầm lớn làm như vậy sẽ đẩy Liên Xô đi xa hơn. ý kiến của tôi, tốt nhất là thi hành một chính sách khi Liên Xô có thái độ tích cực thì hợp tác, bằng không thì phải chạy đua với họ. Chúng tôi muốn tránh chiến tranh lâu dài, không phải chỉ đẩy nó lùi lại 22 năm mà thôi.

Nhận được thư của Mao Trạch Đông ở Oasinhton

Trong thời gian ở Oasinhton, Đặng Tiểu Bình lần lượt hội kiến với Nicholson, Hoàng thân Xihanúc, cựu chủ nhiệm Văn phòng liên lạc của Mỹ ở Trung Quốc Busow và phóng viên nổi tiếng Hêlen. Ông biếu quà cho Nicholson và nhận hai bộ phim hoạt hình của Busow tặng cho hai đứa cháu nội của ông.

Nhưng thực sự đáng nói là cuộc gặp với Hêlen. Hêlen là người vợ thứ nhất của Etga. Xnâu, bà là phóng viên Mỹ thường trú ở Trung Quốc trong thập kỷ 30. Năm 1937, bà một mình từ Tây An đến thăm Diên An. Khi đó Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đang họp, nên bà vinh hạnh được gặp Mao Trạch Đông, Chu Ân Lai, Chu Đức và hơn 40 vị lãnh đạo của Đảng Cộng sản Trung Quốc, nhưng đáng tiếc là bà chưa được gặp Nhiệm Bất Thời và Đặng Tiểu Bình. Khi đó, hai ông đã đưa bộ đội đến thị trấn Vân Dương đợi lệnh ra mặt trận đánh Nhật. Bà không cam chịu, với tính cách xông xáo đã làm là làm đến cùng của một phóng viên phương Tây, bà chạy đi tìm Mao Trạch Đông đề nghị nghĩ cách giúp bà. Thế là, Mao Trạch Đông viết ngay một bức thư giới thiệu bà với Bất Thời và Tiểu Bình. Bức thư vắn vắn mấy dòng:

Kính gửi hai đồng chí Bất Thời và Tiểu Bình!

Phu nhân Xnâu đi cùng với bộ đội ra mặt trận để làm phóng viên mặt trận, đưa tin đi các nước. Đề nghị các đồng chí giúp đỡ và quan tâm phu nhân trong công tác, sinh hoạt và mọi mặt.

Ngày 19 tháng 8 năm 1937

Kính chào

Mao Trạch Đông

Nhưng khi Hêlen cầm thư đuổi theo đến Vân Dương thì Bất Thời và Tiểu Bình đã lại đưa bộ đội đi rồi. Hêlen không biết làm thế nào, chỉ than thở một mình “khó tìm quá!”

Sau năm 1949, hai nước Trung - Mỹ rơi vào tình trạng đối địch khá lâu, Đặng Tiểu Bình cũng mấy lần chìm nổi. Nhiệm Bất Thời ốm rồi qua đời tháng 10 năm 1950. Trước tình hình đó, Hêlen vẫn không nản lòng, bà quyết định có một ngày nào đó đưa được bức thư giới thiệu của Mao Trạch Đông tới tận tay Đặng Tiểu Bình. Sau khi Đặng Tiểu Bình đến Oasinhton, Hêlen rất mừng, lập tức từ bang Connëcticot quê hương tới Oasinhton xin Quốc vụ viện cho gặp Đặng Tiểu Bình. Cuối cùng bà toại nguyện. Khi gặp Đặng Tiểu Bình, câu đầu tiên bà nói là: “Tìm ngài khó quá đi mất!” Đặng Tiểu Bình

nhiet tình nắm tay bà, thân mật nói: “Bà là một nhà báo nổi tiếng, tôi đã được nghe danh, đáng tiếc hôm nay mới được gặp.” Sau đó, Helen xúc động giao bức thư tay của Mao Trạch Đông viết trước đó 42 năm cho người nhận. Các phóng viên nhiếp ảnh lập tức chớp lấy cảnh vô cùng quý báu đó trong lịch sử tình hữu nghị Trung - Mỹ, sau đó rất nhiều tờ báo đều đăng tin đầy ý nghĩa này dưới những hàng lớn chạy suốt nhiều cột báo.

“Thời gian Đặng Tiểu Bình” trên mạng truyền hình của nước Mỹ.

Sáng ngày mồng 5 tháng 2 năm 1979, Đặng Tiểu Bình, phu nhân Trác Lâm và Đoàn đại biểu Trung Quốc kết thúc 8 ngày thăm chính thức nước Mỹ, lên chuyên cơ rời Sittom bay qua Nhật Bản về nước.

Utcốc thay mặt Tổng thống Cator tiễn Đặng Tiểu Bình và Đoàn đại biểu Trung Quốc. Ông ta bày tỏ: “Hy vọng các ngài một ngày không xa lại đến thăm Mỹ.”

Chiều mồng 6 tháng 2, Đặng Tiểu Bình và đoàn đến Tôkyô, bắt đầu chuyến thăm không chính thức Nhật Bản.

Ngày 7 tháng 2, Đặng Tiểu Bình lần lượt hội kiến với Phuanda và cựu Thủ tướng Ôhira Masyôsi, các cựu Thủ tướng Tanca, chủ tịch Nghị viện isutôsi mời họ sớm sang thăm Trung Quốc.

Trong những cuộc gặp gỡ đó, hai bên đã trao đổi ý kiến về quan hệ Trung - Nhật, quan hệ Trung - Mỹ tình hình bán đảo Triều Tiên và Đông Dương.

Sáng mồng 8 tháng 2 năm 1979, Đặng Tiểu Bình kết thúc chuyến thăm Nhật Bản, chiều hôm đó về đến Bắc Kinh. ở sân bay, ông được các nhà lãnh đạo Đảng và nhà nước Hoa Quốc Phong, Diệp Kiếm Anh, Lý Tiên Niệm, Đặng Dĩnh Siêu, Vương Trấn, Hồ Diệu Bang cùng người trong gia đình ra đón rất nồng nhiệt. Đứa cháu gái nội của Đặng Tiểu Bình chạy đầu tiên tới cầu thang máy bay ôm hôn ông nội, chào đón ông nội trở về.

Chuyến thăm Mỹ của Đặng Tiểu Bình đã gây ra “con sốt Trung Quốc” trên cả nước Mỹ. Trong suốt 8 ngày di thăm và làm việc, Đặng Tiểu Bình không biết mệt mỏi, tranh thủ từng giây từng phút hội đàm với Tổng thống Cator và các quan chức Mỹ khác. Ông đã gặp hàng trăm nghị sĩ, thống đốc bang, thị trưởng, cùng những nhân vật nổi tiếng trong giới doanh nghiệp và giới văn hóa giáo dục. Ông nói chuyện với hàng ngàn người trong những trường hợp khác nhau, trả lời các câu hỏi của hết tốp nhà báo này đến tốp nhà báo khác. Trong những ngày đó, hơn 2000 nhà báo phỏng vấn ông và đưa tin về sự kiện lịch sử này. Thời gian vàng của mạng truyền hình lớn trên cả nước

biến cả “thời gian Đặng Tiểu Bình”. ở các nơi Đặng Tiểu Bình đến thăm như Atlanta, Haoston, các báo chí địa phương đều dùng tit lớn chạy suốt đầu trang đưa tin về hoạt động của ông. Có thể nói trong lịch sử quan hệ Trung - Mỹ, “bằng phương thức có hiệu quả đó đã được trực tiếp làm cho công chúng Mỹ hiểu được sâu sắc lập trường của Trung Quốc về quan hệ Trung - Mỹ và các sự kiện quốc tế hiện nay, đây là điều xưa nay chưa từng có”. Phóng viên “Tân hoa xã” phóng viên “Nhân dân nhật báo” đã bình luận như vậy. Đặng Tiểu Bình với cuộc đời từng trải đầy màu sắc truyền kỳ với phong độ của một nhà chính trị và tính cách đáng mến của ông đã lôi cuốn mạnh mẽ nhân dân Mỹ. Một hạ nghị sĩ bang Niu oóc nói: “Phó Thủ tướng chắc chắn đã để lại ấn tượng sâu sắc cho nước Mỹ”, “ông chẳng những chân thành, thẳng thắn, mà còn hiền hoà, dễ gần.” Một thượng nghị sĩ bang Oasinhton nói: “Ông trầm tĩnh và có khả năng tự kiểm chế.” Một giáo sư của Đại học Oasinhton nói: Phó Thủ tướng Đặng “kiên cường, có nghị lực, lời lẽ tinh tế sâu sắc, giản dị dứt khoát, cơ trí lão luyện.” Một bình luận viên thời sự của Oasinhton nói, Đặng Tiểu Bình nói năng mạnh mẽ, giàu tính hài hước, ông ta sẽ buộc anh không thể không có phản ứng.

Đúng vậy, Đặng Tiểu Bình tới đâu là đem lại cho dân chúng nơi đó niềm hân hoan. Ai cũng muốn gặp ông, xin ông chữ ký làm kỷ niệm.

Những cảnh tượng đó đã làm cho các nhà báo và các quan chức Mỹ đi theo rất xúc động. Dư luận thế giới phổ biến cho rằng Đặng Tiểu Bình đi thăm Mỹ lần này được nghênh đón và tiếp đãi trọng thể chưa từng có trong nền ngoại giao Mỹ gần 20 năm nay, một minh chứng cho tình hữu nghị vĩ đại giữa nhân dân hai nước Trung - Mỹ.

Chương XII

Gặp gỡ ở viên Cato - Brêgionép ký hiệp ước nữ thần báo thù" ra oai ở Grênađa. Libi - tại hạ từ trên trời giáng xuống

I. MỸ - XÔ KÝ HIỆP ƯỚC VIÊN

Mục tiêu và phép mầu của Cato.

Năm 1977, khi Giêm Cato nhậm chức Tổng thống thì đã hình thành những hội nghị cấp cao nhất giữa các thế lực phương Đông phương Tây, tiến trình hoà hoãn đang được tiếp tục phát triển, hầu hết nội dung của Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai đã đàm phán xong. Trong bài diễn văn nhậm chức, Cato đã bảo đảm thực hiện mục tiêu cuối cùng là xóa bỏ hết "vũ khí hạt nhân trên trái đất". Nhưng ông chẳng có phép thần nào để thực hiện mục tiêu này, vì thế ông phải quyết tâm hoàn thành mục tiêu này trên cơ sở những thành quả hiện đã có do các bậc tiền nhiệm tạo ra. Vào ở Nhà Trắng không lâu, Tổng thống Cato liền chỉ thị cho Ủy ban An ninh quốc gia thảo phương án làm cho việc hạn chế trang thiết bị vũ khí hạt nhân được thành công. Ông tiếp tục phân hữu dụng của lập trường chiết trung trong kiến nghị của Tổng thống Pho (lập trường chiết trung nói ở đây là chỉ nội dung hợp nhất mà hai bên đồng ý ở hội nghị Vladivôstốc; nếu cần thiết thảo luận lâu dài vấn đề đã nêu về máy bay ném bom và tàu tuần dương mang tên lửa đạn đạo, đồng thời yêu cầu soạn thảo Hiệp ước về vũ khí hạt nhân giai đoạn ba, chuẩn bị cắt giảm lớn các tên lửa tầm xa và hạn chế chặt chẽ tên lửa tầm gần của châu Âu.

Muốn hoàn thành hiệp nghị về vũ khí hạt nhân mang tính chất tiến công hãy còn để ngỏ chưa quyết định, tất phải tiếp tục tiến hành cuộc mặc cả gay go trong mấy trường hợp ngoại giao. Cato đã áp dụng phương pháp hiệp thương cấp cao nhất, tiếp tục giữ vững mối liên hệ thông tin với Brêgionép. Vào năm 1977, Brêgionép đã nhậm chức Chủ tịch Xô - viết tối cao, nhưng vẫn giữ chức vụ Tổng bí thư Đảng Cộng sản. Cato còn hội kiến với Grômico và Đôbrônin. Quốc vụ khanh Sêlet Wanxơ đã đi Mátxcova hội kiến với các

nhà lãnh đạo Điện Kremli và tiến hành hội đàm với Ngoại trưởng và Đại sứ Liên Xô. Cố vấn an ninh quốc gia Pugosinski cũng đã thảo luận với Đại sứ Đôbrônin. Các vấn đề chi tiết thì chủ yếu giao cho các đại biểu đàm phán ở Gionevơ xử lý.

Các bước phát triển trước khi tổ chức hội đàm cấp cao nhất có thể chia thành ba giai đoạn:

Giai đoạn thứ nhất, Tổng thống Cato bày tỏ một cách rõ ràng rằng ông nóng lòng mong mỏi tiếp tục tiến hành hội đàm về hạn chế trang bị vũ khí hạt nhân, định ra được hiệp ước về cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện, xác định mục tiêu bố trí vũ khí hạt nhân tương lai (bao gồm việc cắt giảm rộng rãi toàn bộ vũ khí hạt nhân trong tình hình có thể tiến hành kiểm tra được sự cân bằng lực lượng giữa Liên Xô và Mỹ). Tháng 3 năm 1977, Cato phái Quốc vụ khanh Wanxơ đi Mátxcova, đề xuất hai phương án để lựa chọn khi đàm phán: một là, ký kết một hiệp ước mới trên cơ sở phương án Vadivôstốc, đồng thời cắt giảm 10% vũ khí hạt nhân; hai là, ký kết một hiệp ước mới cắt giảm toàn diện, quy mô lớn các vũ khí hạt nhân. Hai phương án này đều bị Liên Xô cự tuyệt.

Tháng 9, Grômicô đi Oasinhton hiệp thương với Cato, họ nhất trí đồng ý: các điều khoản trong hiệp nghị đã ký kết về hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn một sẽ hết hạn vào tháng 10, vẫn tiếp tục được tuân thủ trước khi hiệp ước mới về vũ khí chiến lược có hiệu lực. Hai bên còn đồng ý với một phương án đàm phán cơ bản do Nhà Trắng đưa ra. Phương án này nêu ra ba biện pháp giải quyết lần lượt. Hiệp nghị về hạn chế trang bị hạt nhân có hiệu lực đến năm 1985; một hiệp ước thích hợp với giai đoạn hai cho vấn đề tranh cãi về hệ thống hạt nhân còn lại; một hiệp định bao gồm nguyên tắc cơ bản cho hiệp ước giai đoạn ba, cắt giảm với quy mô lớn các vũ khí các vũ khí hạt nhân. Cùng với việc tiếp thu sự sắp đặt đó, Ngoại trưởng Liên Xô đồng ý trong điều kiện hạn chế thêm số danh mục các địa điểm phóng tên lửa đạn đạo mặt đất, sẽ cắt giảm số lượng các bộ phóng tên lửa đạn đạo và tên lửa đạn đạo nhiều đầu. Ông còn nêu ra, Brêgionép rất muốn hội kiến với Tổng thống Mỹ Cato nhưng cần phải bảo đảm cho cuộc hội kiến này có thể thu được kết quả đáng kể. Như vậy Chính phủ này trong năm đầu tiên phải tạo cơ sở cho chính sách hạt nhân và trình tự các cuộc hội đàm.

Giai đoạn thứ hai, Quốc vụ khanh Wanxơ và Grômicô trong tháng 5 và tháng 9 năm 1978 lần lượt gặp nhau ở Niu oóc và Gionevơ nhưng chưa có tiến triển gì lớn. Tháng 9 năm đó, Tổng thống Cato và Ngoại trưởng Liên Xô đến Mỹ tham dự hội nghị thường niên Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, tiếp tục tiến

hành hiệp thương. Hai bên đồng ý giải quyết vấn đề bằng hai bước, trước hết ký kết một hiệp ước về vũ khí hạt nhân toàn diện. Catơ còn biểu đạt một cách rất rộng mở ý nguyện hoà giải. Lần hội đàm này đã xác lập nguyên tắc cơ bản cho cuộc đàm phán Gionevo. Catơ ca ngợi lần hội đàm này là một hội nghị thành công nhất của ông, ông quả quyết nói rằng chỉ cần có quyết sách khả thi thì có thể đạt được ý kiến nhất trí về hiệp nghị vũ khí chiến lược, những bất đồng nhỏ tức khắc sẽ hạn chế được tất cả những vấn đề còn lại đều có thể do hội nghị cấp cao giải quyết. Vấn đề trung tâm trong hội nghị cấp cao Xô - Mỹ lần sau là xem xét hiệp ước này, tới mùa thu năm 1978, hai bên đều có tiến triển đáng kể về mặt chuẩn bị cụ thể cho hội nghị này.

Giai đoạn cuối cùng, nhiệm vụ hội đàm giao cho Quốc vụ khanh Wanxơ và các đại biểu đàm phán ở Gionevo. Mùa thu năm 1978, Wanxơ đã gặp gỡ Grômícô ở Mátxcova. Cuối năm đó lại lần lượt hiệp thương với Grômícô, Đôbrônin ở Gionevo và Oasinhton. Nhưng một số vấn đề kỹ thuật cho hiệp ước giai đoạn hai và vấn đề cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện vẫn như trước không được giải quyết. Catơ hiểu rõ rằng rằng Kremli cố tình kéo dài hội đàm mưu đồ buộc Mỹ phải nhượng bộ thêm. Trước khi được bảo đảm chắc chắn về thời gian, địa điểm, lịch trình hàng ngày cho hội nghị cấp cao, đối với những vấn đề cần phải giải quyết hàng đầu, phía Liên Xô đều kiên trì không chịu lùi một bước nào.

Quan hệ Trung - Mỹ ảnh hưởng tới cuộc gặp gỡ cấp cao Mỹ - Xô.

Thời gian này còn có một số nhân tố không liên quan đến hội nghị cấp cao Mỹ - Xô nhưng lại có ảnh hưởng đến sự tiến triển của hội nghị. Tháng 9 năm 1978, Tổng thống Catơ đích thân tham dự hội đàm Ai Cập - israen. Đầu năm 1979, ông tham gia hội nghị những người đứng đầu Chính phủ bốn nước phương tây ở Goadolúp. Quan hệ Trung - Mỹ được bình thường hoá và đầu năm 1979, Phó thủ tướng nước cộng hoà Nhân dân Trung Hoa Đặng Tiểu Bình chính thức đi thăm Mỹ, đã có ảnh hưởng rất lớn lao đối với quan hệ Mỹ - Xô.

Quan hệ Trung - Mỹ bình thường hoá không lâu, Phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình đã đi thăm chính thức nước Mỹ. Lần đi thăm này là thăm đáp lễ năm 1972 tổng thống Nichson và năm 1975 tổng thống Pho đến thăm Trung Quốc. Trước khi Đặng Tiểu Bình đi Mỹ, Trung Quốc đã phát trên đài truyền hình bài nói chuyện của Tổng thống Catơ trong một chuyến đi thăm. Trong bài nói chuyện này, Catơ đã nhấn mạnh đến giá trị của quan hệ mới Trung - Mỹ và Mỹ nhiệt tình chào đón các nhà lãnh đạo Trung Quốc đến thăm Mỹ.

Đúng như báo chí đã công khai đưa tin, nhà lãnh đạo Trung Quốc đến thăm Mỹ lần này với mục đích chủ yếu là tiến hành hiệp thương với Tổng thống Cato và tìm hiểu về người Mỹ và lối sống của họ. Đặng Tiểu Bình và Cato cùng các cố vấn đã tổ chức ba lần hội nghị làm việc lớn. Vấn đề thảo luận là: Thế lực Liên Xô mở rộng; nỗi lo lắng về chiến tranh bùng nổ giữa các nước lớn chủ yếu; năm 1949 cách mạng Trung Quốc tịch thu tài sản dẫn đến việc đòi hỏi của cải lẫn nhau; mậu dịch và đối đãi tối huệ quốc; nhân quyền; trao đổi lưu học sinh và phóng viên báo chí cùng những vấn đề Đài Loan, Đông nam Á, Triều Tiên và Trung Đông v.v...

Trong thời gian hội nghị cấp cao, hai nước Mỹ - Trung đã ký kết năm hiệp định kỹ thuật chuẩn bị trước, chứng tỏ quan hệ hai nước đã có tiến triển thực tế.

Trong nghi lễ ký kết tổ chức tại sảnh phía Đông Nhà Trắng, Tổng thống Cato đã ca ngợi cuộc thảo luận ba ngày này là điều “thực sự hiếm có”. Sau lễ ký kết, Phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình nói với giọng vui vẻ:

- Chúng ta đã tìm được một con đường mới không thể đảo ngược, dẫn đến quan hệ hai nước càng vững chắc, càng xây dựng, càng có nhiều hy vọng.

Tất cả các văn kiện ký kết đều là hiệp định hành chính, không cần phải thông qua Nghị viện phê chuẩn chính thức. Họ đã mở ra một tiền lệ cho sự bình thường hoá quan hệ giữa hai bên. Trong sáu năm sau đó, hai bên còn ký kết gồm 30 hiệp ước và hiệp định, trong đó bao gồm một hiệp nghị về lãnh sự, hiệp nghị về mậu dịch toàn diện và xử lý việc đòi của cải lẫn nhau, đánh thuế hai lần, tiêu thụ ngũ cốc, kiểm chứng, vận chuyển đường biển, an toàn hạt nhân, bưu chính, du lịch và các hiệp định hành chính khác.

Thông cáo chung của hội nghị gọi cuộc hội đàm này là “chân thành, mang tính xây dựng và có kết quả đáng kể”. Thông cáo còn chỉ ra, sự khác biệt về chế độ xã hội giữa hai nước không hề cản trở việc tăng cường quan hệ hữu hảo và hợp tác.

Mọi người nói chung đều cho rằng hội nghị cấp cao lần này là thành công. Phó thủ tướng Đặng Tiểu Bình khi nói tới “tuần trăng mật vẫn tiếp tục” đã biểu lộ rõ niềm vui vẻ sung sướng. Ông nhấn mạnh lần đi thăm này đã mang lại “lợi ích đều nhau” cho cả hai nước, việc này để lại cho những người lãnh đạo chính trị và giới thực nghiệp Mỹ một thứ tình cảm vui sướng gần như phát cuồng lên. Tổng thống Cato trong hồi ký của mình cũng thừa nhận, cuộc viếng thăm của ông Đặng là “một trong những sự nếm trải sung sướng nhất trong nhiệm kỳ Tổng thống của tôi”. Ông có ấn tượng tốt đối với vị khách quý Trung Quốc này, còn

phát hiện ra có thể nói chuyện thẳng thắn với ông ta được, Nhà trắng vốn lo ngại Trung Quốc sẽ giữ thái độ không thoả hiệp về vấn đề Đài Loan, sẽ xuất hiện những rắc rối không lường trước ở những vùng khác của Châu á, có thể nảy ra những đối kháng lớn lao nào đó, hoặc giả gặp phải sự phản đối từ Quốc hội Mỹ v.v... Sự những cái đó làm phiền phức trở ngại cho việc thực hiện hội nghị cấp cao lần này và công cuộc hoà giải với nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Nhưng Cator đã nhận thấy tình hình còn tốt hơn nhiều so với dự kiến. SucXiti nói, xem ra người lãnh đạo hai nước đều cảm thấy có chút kinh ngạc trước những hiệp nghị đã đạt được về những vấn đề được nhiều người quan tâm. Cator đã kể lại với giọng nói tràn đầy nhiệt tình, ông thừa nhận rằng bây giờ mới hiểu rõ "vì sao có một số người lại nói người Trung Quốc là người văn minh trên thế giới".

Chuyến đi Mỹ của Đặng Tiểu Bình đã kết hợp việc đi thăm và hội nghị cấp cao làm một. Nó khác với hội nghị phương Đông phương Tây bao gồm cả chuyến thăm Bắc Kinh của Nicholson và Pho. Nếu như chuyến đi này chỉ là dự hội nghị thì những nghi thức và sự sắp đặt khác làm cho người ta vui vẻ đều phải bãi bỏ. Còn nếu như chỉ là một cuộc đi thăm chính thức thì cuộc hiệp thương giữa Cator và Đặng Tiểu Bình sẽ bị những hoạt động nghi lễ và khung cảnh đón tiếp trang trọng tước đi vẻ rạn rỡ. Không kết hợp hai cái đó làm một thì sẽ hy sinh mất một số lợi ích to lớn. Có người nói, do hiệp định chính thức đã được ký kết, các hiệp định thứ yếu có thể bàn bạc trong những trường hợp khác, cho nên không cần thiết phải tổ chức hội nghị. Cách nói này cũng không thể phủ định được những điểm hay Chính phủ hai nước suy nghĩ tới. Biết rằng nhân dân hai nước đang ngóng đầu trông đợi, muốn xem người lãnh đạo của họ đã có lòng tin và hợp tác với nhau như thế nào mà trong hội nghị Cator và Đặng Tiểu Bình đã nắm tay nhau một cách hài hoà như vậy để cùng tiến tới, vì thế, hội nghị rất đáng được tổ chức. Ngoài cái đó ra, ảnh hưởng của hội nghị còn vượt xa mối quan hệ giữa hai nước.

Sự tiến triển của cuộc hội nghị này rõ ràng là có ảnh hưởng tới sự hợp tác Mỹ - Xô. Lúc đầu, thái độ cá nhân của Borègionep đối với cuộc hội nghị này là im lặng và tiêu cực, nhưng khi công khai phản đối thì rất kịch liệt. Sau khi quan hệ Trung - Mỹ tuyên bố bình thường hoá, Kremli biểu thị rõ ràng, trước khi Phó thủ tướng Trung Quốc kết thúc chuyến thăm Mỹ, sẽ không xem xét kế hoạch cho hội nghị cấp cao Mỹ - Xô. Hiển nhiên Mátxcova cần có thời gian để phán đoán về kết quả của hội nghị cấp cao Trung - Mỹ và xác định xem giữa Trung Quốc và Mỹ có thiết lập quan hệ liên minh hay không.

Những nhân tố khác có ảnh hưởng tới cuộc gặp gỡ.

Một số sự kiện khác nảy sinh trong thời kỳ này cũng đã ảnh hưởng tới quan hệ Mỹ - Xô trong chặng đường cuối cùng ở hội nghị Viênnơ. Tổng thống Cato tham gia cuộc hội đàm Ai Cập - israen, tham dự thảo ra hiệp nghị Đavít và Hiệp ước hoà bình tháng 3 năm 1979. Đúng lúc đó, địa vị của Mỹ ở Iran bỗng nhiên bị tổn thất, Quốc vương Môhamét Risa Palêvi, người bạn cũ của Chính phủ Mỹ bị bỏ mạng ở Ai Cập vào trung tuần tháng 1 năm 1979; cùng tháng đó, kẻ tử thù của nước Mỹ là Ruhôla Khômêni quay trở về Têhêran, trở thành lãnh tụ tinh thần và chính trị của nước iran. Nước Mỹ mất đứt hai trạm giám sát đặt ở Iran có thể theo dõi được sát sao các cuộc thử tên lửa đạn đạo ở miền nam Liên Xô, vai trò phòng ngự vũ khí hạt nhân bị suy yếu.

Trước hội nghị Viên, Tổng thống Cato đã bàn bạc kỹ lưỡng với các quan chức chủ chốt của Chính phủ có liên quan đến chính sách vũ khí chiến lược và các nghị sĩ Quốc hội. Ông lớn tiếng nói:

- Lập trường của nước ta, sau khi trải qua hiệp thương rộng rãi, mới xác định ra được, không có điều khoản bí mật nào cả, đây là lần đầu tiên vậy.

Ông thừa nhận trình tự này đã tốn thời gian cũng lâu dài như cuộc đàm phán với Liên Xô. Ông còn thừa nhận vấn đề mấu chốt là điện Kremli nghi ngờ phía Mỹ công khai nêu ra quan điểm của mình là cốt để ra sức tuyên truyền chứ không phải một dạ chân thành cùng trao đổi. Trình tự này có chỗ thiếu sót nghiêm trọng. Nếu như một chính sách ở trong nước được đông đảo ý kiến nhất trí, thì nói chung nó cũng bị những yêu cầu và sự thoả hiệp của bộ máy quan liêu làm cho mờ nhạt đi, địa vị lãnh đạo của Cato cũng bị tổn hại. Nếu như trước hội nghị cấp cao mà tiết lộ tỉ mỉ lập trường chính sách, thì Chính phủ lại sẽ trói buộc chân tay mình, càng khó đạt được thoả hiệp. Trình tự này vì tất có thể bảo đảm được đàm phán thành công. Quá trình và kết quả thảo luận về trang bị hạt nhân ở Viên đã nói lên điều này.

Một số chính sách của Mỹ đã có ảnh hưởng tới cuộc hội đàm giữa Nhà trắng và Điện Kremli. Để tăng cường an toàn cho nước Mỹ, Cato đã đề xuất tăng thêm ngân sách cho quân sự. Ông hy vọng làm như vậy sẽ không ảnh hưởng gì tới thanh danh của mình là người đề xướng đường lối hoà bình và cũng không làm cho Ktemli cảm thấy kinh hãi. Nhưng trong hội nghị, Brêgionép lại đề xuất một vấn đề, nói rằng do Mỹ tăng ngân sách cho chi phí quân sự, Liên Xô tất cũng phải tăng ngân sách chi phí quân sự để đáp lại. Sau đó hai bên phải tranh luận kịch liệt xem nước nào tiêu tốn tiền nhiều hơn cho vũ khí. Tổng thống Cato còn đem vấn đề nhân quyền ở nước ngoài, bao gồm

cả Liên Xô đặt thành vấn đề quan trọng hàng đầu. Liên Xô phản ứng kịch liệt chuyện này, cho đó hoàn toàn là công việc nội bộ của một nước. Ngoài ra Nhà trắng còn tuyên bố bãi bỏ nguyên tắc “liên hệ”, không coi nó là một vấn đề chiến lược cơ bản, đem hội đàm về vũ khí hạt nhân và những cuộc hội đàm khác, như ngân sách quân sự, nhân quyền, quan hệ mậu dịch, chủ nghĩa phiêu lưu của Liên Xô ở Châu Phi v.v... tách riêng ra để xử lý. Brègionép nóng lòng đạt được một hiệp định về vũ khí hạt nhân nên đã ủng hộ quan điểm này. Nhưng khi hai nước cho rằng sự việc đó có lợi cho mình hoặc giả xuất hiện chuyện gì vi phạm nghiêm trọng tinh thần hoà hoãn thì lại đều lợi dụng nguyên tắc liên hệ. Ví như năm 1979 khi Liên Xô xâm nhập Apgnistan, Cato trong khi phê chuẩn Hiệp ước về hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai, đã vận dụng nguyên tắc liên hệ này.

Mặc dù có nhiều thứ trở ngại, người lãnh đạo hai nước vẫn trông mong ký kết được Hiệp ước về vũ khí chiến lược. Đầu mùa xuân năm 1979, thời gian và địa điểm tổ chức hội nghị cấp cao giữa hai nước đã đạt thành hiệp nghị. Cato đã có sự chuẩn bị cẩn thận cho hội nghị, ông nghiêm túc nghiên ngẫm tài liệu về bối cảnh hội nghị đầy tới 3 tác Anh do các nhân viên công tác cung cấp; hội kiến với các thành viên Uỷ ban an ninh quốc gia; tiến hành bàn luận với các Tổng thống trước đây Nicholson, Pho; xem lại các băng ghi hình những lần hội đàm trước; Bắt đầu cổ xúy Nhà trắng và nhân dân, giới thiệu nội dung hội nghị. Ngày 25 tháng 4, trong địa hội của giới “báo chí” và xuất bản, Cato tuyên bố: Hiệp ước hạn chế vũ khí hạt nhân “không phải là chúng ta giúp Liên Xô” mà là “phù hợp với lợi ích an toàn của nước Mỹ”, trải qua đàm phán tỉ mỉ lâu dài mới đạt thành hiệp nghị. Ngày 9 tháng 5, ông nói với một nghị sĩ Quốc hội:

-Tôi chỉ có thể nói một lần, cũng chỉ có một cơ hội phục vụ đất nước trong cương vị cao nhất được bầu ra... Sau này tôi cũng chẳng còn cơ hội lần thứ hai để đàm phán về hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai và nhìn thấy nó được phê chuẩn, cống hiến quan trọng cho nền hoà bình trên thế giới...

Cato công khai nói về những lý do mà ông tham gia hội nghị cấp cao: đạt được sự hiểu biết lẫn nhau, nói lên nguyện vọng đối với hoà bình, ngăn chặn bạo lực và xâm lược; giữ lập trường bình đẳng đối xử với Liên Xô; xác nhận bất cứ quốc gia nào cũng không được giành ưu thế hạt nhân để gây ra một cuộc tiến công hạt nhân trong tình hình bản thân nước đó không bị đe doạ huỷ diệt; chứng tỏ với thế giới rằng các nước lớn siêu cường có thể cùng tiến hành làm việc vì hoà bình và khống chế binh bị. Ông chuẩn bị ký kết

Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai, ông cũng hy vọng có thể thuyết phục Brêgionép bắt đầu ngay cuộc hội đàm về hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn ba. Khi rời Oasinhton, để giảm thiểu sự trông chờ của công chúng đối với hội nghị, ông còn nhắc nhở rằng, cân nhắc xem hoà bình có tiến triển hay không là phải “dùng tắc Anh chứ không phải dùng dậm Anh làm đơn vị đo lường”.

Nếu như hội nghị có thể ký kết một hiệp nghị chính thức, Brêgionép đáng lẽ nên đến Oasinhton để tham dự hội nghị nhưng Kremli đòi tổ chức hội nghị tại một nước trung lập. Nhà lãnh đạo Liên Xô viện cớ vì lý do sức khoẻ. Theo phỏng đoán của giới báo chí. Liên Xô làm như vậy thực tế là do Cato đang đối mặt với những khó khăn và Nghị viện có thể phủ quyết hiệp ước, nên muốn giữ một khoảng cách với nước Mỹ. Thành phố Viên là một địa điểm có thể tiếp nhận hội nghị. Là nước chủ nhà, Chính phủ áo quyết tâm tạo nên bầu không khí thích hợp cho hội nghị, ra sức làm cho hội nghị được tiến hành thuận lợi. Nước áo đã huy động một lực lượng an ninh 6000 người để bảo vệ cho Cato và Brêgionép, dù rằng các ông này đã có đội cảnh vệ riêng của mình; huy động một đoàn xe ô tô mới để phục vụ hội nghị; sắp xếp chu đáo mọi thiết bị phục vụ cho 2000 phóng viên. Để đề phòng bất trắc, các quan chức áo còn ra lệnh cho mấy bệnh viện tăng thêm phòng, chuẩn bị tốt các thiết bị cấp cứu.

Phía Mỹ đặt thêm vấn đề nhân quyền

1 giờ chiều ngày 14 tháng 6 năm 1979, sau chuyến bay dài hơn 8 tiếng đồng hồ, Tổng thống Mỹ - Cato dắt tay phu nhân Rôsalin và con gái Êmi 11 tuổi đặt chân tới thành phố Viên. Cùng đi theo còn có Quốc vụ khanh Wanxơ, Bộ trưởng Quốc phòng Halôt Brăng, Cố vấn an ninh quốc gia Pugơsinski, Chủ tịch hội đồng Tham mưu trưởng liên quân tướng Đavít Giôn, Trưởng ban tài giám quân bị Paolô Vôinkhơ và bốn trợ lý Nhà trắng. Chuyến đi của Cato được Tổng thống áo Rôđônphơ Kirslugơ nhiệt liệt chào đón. Chuyến đi này của Cato về mặt ngoại giao là độc nhất vô nhị. Theo cách nói của Quốc vụ khanh Mỹ Wanxơ là dung hợp cuộc thăm viếng nhà nước ở Viên với hội nghị cấp cao Xô - Mỹ làm một. Trong bài phát biểu tại sân bay, Cato nói rằng nhà lãnh đạo hai nước Mỹ - Xô sẽ ký kết hiệp nghị hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai, cũng không thể giải quyết được tất cả các bất đồng giữa hai siêu cường.

Chủ tịch Liên Xô Brêgionép cùng Ngoại trưởng Grômucô bay tới Viên sáng ngày 15. Cùng đi còn có Bộ trưởng Quốc phòng Liên Xô Đ.F. uslinốp, Tổng Tham mưu trưởng quân đội Liên Xô và các quan chức Cục chính trị. Tại

sân bay, Brègionép cũng có bài phát biểu. Ông nói:

- Mục tiêu chủ yếu của cuộc gặp mặt thượng đỉnh Xô - Mỹ ở Viên là tăng cường hoà hoãn, chung sống hoà bình giữa hai nước là con đường hợp tình hợp lý duy nhất trên thế giới, một thế giới đang trong bóng đen của một cuộc chiến tranh hạt nhân.

Hôm đó, hai nhà lãnh đạo đã đến thăm xã giao tổng thống áo, hội kiến với Thủ tướng áo Brunô Kraiski tại sảnh Hoa Hồng, điện Hôpbua của Vương triều Hapsbua trước kia. Tối hôm đó, Cato và Brègionép cùng các trợ lý đã tổ chức hội đàm trừ bị tại điện Hôpbua. Họ ngồi trên những chiếc ghế dựa phủ gấm đỏ tua bạc mà cách đây 18 năm Tổng thống Kennơđi và Thủ tướng Khorútsoố đã từng uống trà và nước cam vừa xác định lịch trình cuộc gặp gỡ cấp cao trong ba ngày, bắt đầu từ ngày mai.

Tuần báo "Thời đại" đưa tin, Tổng thống Cato khi rời khỏi cung điện tỏ ra phấn chấn vô cùng, vui vẻ vẫy tay chào mọi người.

Trong ba ngày sau đó, họ cùng các cố vấn chuyên môn đã tổ chức năm lần hội nghị toàn thể, ba lần hội đàm cá nhân và một lần làm lễ ký kết chính thức.

Ngày 16 tháng 6, tại phòng họp Đại sứ quán Mỹ, Cato và Brègionép tổ chức cuộc hội đàm thật sự lần thứ nhất, Cato chủ trì hai buổi thảo luận và bữa ăn trưa. Ngày 17 tháng 6, Cato dự lễ ở nhà thờ Hôpbua, sau khi xem xong tiết mục đọc thư của nhi đồng Viên liền đi thẳng tới Sứ quán Liên Xô dự cuộc họp. Hai vị nguyên thủ hai nước đã có cuộc gặp gỡ riêng, buổi chiều mới tổ chức hội nghị toàn thể.

Mặc dù Kremlin muốn thảo luận chủ yếu về vấn đề hạn chế vũ khí hạt nhân, nhưng trình tự hội nghị cũng chẳng có khác gì với các cuộc hội đàm Mỹ - Xô trước đây. Cũng bao gồm các vấn đề như trang bị vũ khí hạt nhân, cắt giảm cân bằng số quân đóng ở Châu Âu, mậu dịch, Trung Quốc, kể cả quan hệ Arập - Israen, vùng đất nóng bỏng có vùng Vịnh Iran trong đó v.v... Trong kế hoạch cũ lại tăng thêm vấn đề tranh luận chủ yếu nữa: nhân quyền, đã dẫn tới tranh cãi kịch liệt, nhưng vẫn chưa thảo luận được triệt để. Theo tin tức báo chí, Cato nêu ra vấn đề nhân quyền khiến cho Brègionép vô cùng tức giận. Ông chỉ ra, cho dù ông không phản đối thảo luận vấn đề này trên cơ sở ý thức hệ, nhưng ông không muốn gắn nó với quan hệ mậu dịch, hoặc gắn quan hệ mậu dịch với chính sách di dân của Liên Xô.

Hai bên tranh luận về vấn đề Trung Quốc

Vấn đề Trung Quốc là một trong những lĩnh vực nhạy cảm của cuộc thảo luận. Brègionép công kích rằng Trung Quốc đã xâm phạm lãnh thổ một

nước láng giềng như Việt Nam lại còn có mưu đồ gây ra một cuộc chiến tranh thế giới giữa phương Tây và phương Đông để mình sung sướng mà “ngồi trên núi xem các con hổ đánh nhau.” Ngày cuối cùng của hội nghị, tại Đại sứ quán Mỹ đã diễn ra một cuộc họp kín, Brêgionép đã nói nhiều về vấn đề này. Ông đòi Catơ bảo đảm nước Mỹ không lợi dụng việc Bắc Kinh chống Kremli để làm tổn hại đến Liên Xô. Ông nhấn mạnh: Việc cải thiện quan hệ Trung - Mỹ “quyết không được làm tổn hại đến quan hệ Xô - Mỹ”. Khi Catơ tuyên bố, việc hòa hoãn với Bắc Kinh đều có lợi cho Mỹ, Liên Xô và toàn thế giới, thì Brêgionép khẳng định chẳng có điều gì hay đối với Liên Xô!

Hội nghị toàn thể lần thứ hai và lần thứ ba tập trung thảo luận vấn đề hạn chế vũ khí hạt nhân, đã đề cập đến nhiều vấn đề khác. So với Tổng thống Pho năm 1974, Catơ vận dụng lập trường tiến công mạnh hơn. Ông nói với nhà lãnh đạo Liên Xô:

- Chúng ta phải đạt được tiến triển ở mức độ cao nhất. Sai lầm trong việc đánh giá cũng như sai lầm trong việc lý giải sẽ dẫn đến thảm họa.

Còn trong hội nghị lần thứ nhất, Brêgionép đã đưa ra dự báo “nếu như chúng ta không thể có được thành công, thượng đế sẽ không tha thứ cho chúng ta.” Những vấn đề mà hai vị lãnh đạo đặc biệt tập trung thảo luận gồm có: Tên lửa đạn đạo, máy bay ném bom hạng nặng, cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện, phòng ngừa Mỹ dùng mặt mã thu lượm tình báo khi Liên Xô thử nghiệm tên lửa, ngân sách quân sự, hệ thống vũ khí hạt nhân mới v.v...

Hiệp định năm 1972 cho phép mỗi bên sản xuất một loại tên lửa đạn đạo kiểu mới. Nước Mỹ đang chế tạo tên lửa đạn đạo vượt đại châu MX, nghiên cứu để biến nó thành đạn đạo tự động, mỗi tên lửa đạn đạo dùng tới mấy bộ phóng để đề phòng bất chợt bị đánh phá huỷ hoại. Phía Liên Xô phản đối việc một tên lửa đạn đạo dùng tới mấy bộ phóng, Catơ đáp lại rằng, dự thảo hiệp ước hiện có cho phép đạn đạo tự động MX dùng nhiều bộ phóng. Bất cứ hệ thống nào do Mỹ thiết kế đều được Liên Xô xem xét thực tế căn cứ vào những qui định của hiệp nghị song phương.

Hai bên còn nghiên cứu vấn đề thực hiện hiệp ước vũ khí hạt nhân như thế nào, trong trường hợp hiệp ước có hiệu lực tức khắc hay sau khi hai bên phê chuẩn mới có hiệu lực. Trong tình hình bình thường, hiệp ước trước khi được phê chuẩn không bị ràng buộc bởi pháp luật. Nhưng trước mắt nếu như Chính phủ hai bên đồng ý họ có thể cùng chấp hành các điều khoản hiệp nghị trước khi Hiệp ước được phê chuẩn. Sau đó nếu như Chính phủ một bên nào vi phạm hoặc phủ nhận hiệp ước thì Chính phủ bên kia không còn chịu sự ràng

buộc của hiệp ước. Cuối cùng nhà lãnh đạo hai nước thảo luận từng bước hội đàm về từng điểm mấu chốt, mở đầu cho lần sau là hội đàm về cắt giảm vũ khí hạt nhân cùng vấn đề bố trí lực lượng hạt nhân trong tương lai, bao gồm những nước lớn có vũ khí hạt nhân khác. Cator rút ra một bản kiến nghị tổng hợp, tóm tắt quan điểm của ông về những vấn đề thảo luận về việc thông báo trước các cuộc thử nghiệm đạn đạo và diễn tập máy bay oanh tạc chiến lược; hạn chế vũ khí tầm trung và vũ khí hạt nhân khu vực khác; đình chỉ sản xuất mọi thứ đầu đạn hạt nhân và bộ phóng; không thử nghiệm tên lửa đạn đạo chống vệ tinh hoặc chống hệ thống vệ tinh; các nhà lãnh đạo quân sự định kỳ hiệp thương và các nhà lãnh đạo cấp cao nhất đi thăm lẫn nhau. Bản kiến nghị rõ ràng này khiến cho phía Liên Xô hiểu ra rằng, thái độ của Cator đối với việc cắt giảm số lượng lớn kho vũ khí hạt nhân của hai nước và cuối cùng xóa bỏ tất cả các thứ vũ khí hạt nhân là rất nghiêm túc.

Lãnh đạo hai nước ra Thông báo chung

Ngày 18 tháng 6, tại vũ sảnh dát vàng trong cung Hôpbua treo đầy thảm quý, Cator và Brêgionép đã ký Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai. Ngày 14 tháng 6, các đại biểu đàm phán ở Gionevơ đã bàn bạc xong chi tiết cuối cùng của bản Hiệp ước để ngày 15 chuẩn bị văn bản gửi tới Viên. Khi Cator và Brêgionép bắt đầu cuộc hội đàm ba ngày thì bản hiệp ước dùng cho lễ ký kết đã chuẩn bị xong xuôi. Các đại biểu đàm phán ở Gionevơ đã chuẩn bị bốn văn bản hiệp ước dày 78 trang, hai bản tiếng Anh, hai bản tiếng Nga. Theo nguyên tắc ngoại giao thì luân phiên ký vào văn bản, mỗi nước sẽ ký trước vào văn bản bằng tiếng nước mình, có thể ký vào chỗ mình lựa chọn. Ngược lại, đối phương cũng được hưởng quyền này trên văn bản bằng tiếng của họ. Như vậy mỗi nước có một văn bản khác nhau để ký kết nhưng không ai được hưởng quyền ký trước vào cả hai văn bản. Brêgionép ngồi cạnh Cator ký trước. Văn bản của Mỹ có bìa màu xanh, văn bản của Liên Xô có bìa màu đỏ. Có khoảng 200 quan khách cao cấp và 250 phóng viên tham dự lễ ký kết. Cator sau này kể lại, ký kết xong hai nhà lãnh đạo bắt tay nhau, “thật làm cho người ta kinh ngạc vì tôi nhận ra rằng chúng tôi đã theo tập quán của Liên Xô là ôm nhau nồng nhiệt, cùng hôn lên má nhau.”

Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai bao gồm các văn kiện: Hiệp định cơ bản có 19 điều. Nghị định có 42 điều, bị vong lục gồm 100 điều khoản phụ và thông cáo chung. Hiệp ước có hiệu lực đến cuối năm 1985 Hiệp ước quy định hạn ngạch cao nhất cho các bộ phóng tên lửa mặt đất, trên biển và máy bay

oanh tạc hạng nặng của hai bên. Trong hạn ngạch đó lại quy định hạn ngạch cho đầu đạn hạt nhân và máy bay oanh tạc mang tên lửa đạn đạo tầm xa; hạn chế chặt chẽ số lượng đầu đạn của mỗi bộ phóng tên lửa và số lượng tên lửa trang bị trên máy bay oanh tạc; cho phép mỗi bên chỉ được bố trí một loại tên lửa vượt đại châu kiểu mới. Hiệp ước còn giám sát một số thử nghiệm, cấm bố trí bộ phóng trên mặt biển và trên quỹ đạo trái đất, việc kiểm tra vũ khí hạt nhân. Điều khoản cuối cùng của Hiệp ước ghi rõ, chờ sau khi hiệp ước có hiệu lực. Chính phủ hai nước sẽ tiến hành hội đàm soạn phụ thêm hiệp nghị về hạn chế và cắt giảm vũ khí hạt nhân. Hiệp nghị chưa có sự hạn chế chặt chẽ đối với loại máy bay oanh tạc chống tên lửa của Liên Xô. Ngày 16 tháng 6, Hội nghị cấp cao xem xét thêm những việc này, phía Mỹ kiên trì đòi Liên Xô mỗi năm sản xuất loại máy bay này với số lượng không quá 30 chiếc, Brègionép nói đại để sẽ bảo đảm chuyện này.

Khi kết thúc hội nghị, lãnh đạo hai nước ra thông cáo chung. Thông cáo bao gồm bốn phần: phần thứ nhất đề cập đến các mặt nói chung về quan hệ Xô - Mỹ, xác nhận ý nghĩa của hội nghị cấp cao, đồng ý trên nguyên tắc việc lãnh đạo hai nước tổ chức gặp mặt định kỳ, mở rộng hoạt động hiệp thương và giao lưu. Phần thứ hai nói tới vũ khí hạt nhân và vũ khí thông thường, biểu thị một sự cố gắng để có thêm hiệp định trong đó bao gồm cả cấm thử hạt nhân toàn diện. Phần thứ ba là những sự vụ quốc tế, chỉ nêu rõ việc trao đổi quan điểm của hai bên đối với vấn đề Châu Phi, Châu á và Trung Đông. Phần cuối cùng đề cập đến nhiệm vụ của hai bên, hai bên bảo đảm tiếp tục giữ gìn và mở rộng hợp tác nhưng chưa nói tới hiệp ước mậu dịch toàn diện và quy chế tối huệ quốc.

Cato “cảm thấy hài lòng” đối với cuộc gặp gỡ

Hội nghị cấp cao lần này được miêu tả là một hội nghị mang tính sự vụ bình thường, trước sau giữ được bầu không khí nhẹ nhàng. Tuy đôi lúc cũng xuất hiện cách nhìn hoàn toàn khác nhau nhưng không có “mùi vị thuốc súng”. Có thể nói, hội nghị không có đối kháng, cũng chẳng có gì đáng ca ngợi. Cho dù hội nghị tạm thời tăng cường được không khí hoà hoãn nhưng cũng chưa có thể đạt được hiệp nghị gì khác trong quan hệ Xô - Mỹ. Ngoài việc thông qua bốn dự thảo hiệp nghị mà Chính phủ Cato đề xuất trước hội nghị, cuộc gặp gỡ này cũng chưa ký kết thêm được một hiệp định kỹ thuật nào khác. Ba trong bốn hiệp định đề cập đến việc xây dựng một sứ quán càng to đẹp hơn ở thủ đô hai nước, đặc quyền và miễn trừ của quan chức ngoại giao cùng gia đình, bảo đảm vận chuyển hàng hoá bằng đường biển. Thứ tư là hiệp

định cùng chung hưởng tin tức trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật, thay thế cho hiệp định năm 1972 về vấn đề này.

Có thể thấy rằng, ngoài việc ký kết Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai và cam kết tiếp tục hội đàm cùng tổ chức hội nghị cấp cao ra, hội nghị này trên thực tế về mặt xúc tiến hoà hoãn hầu như chưa có sự tiến triển nào. Trong bảy năm, từ hội nghị Mátxcova 1972 đến hội nghị Viên, Mỹ - Xô cùng ký kết khoảng 45 hiệp ước và hiệp định, còn trong nhiệm kỳ đầu của tổng thống Rigan chỉ ký kết được 8 hiệp định kỹ thuật. Điều đó nói lên rằng tiến trình hoà hoãn đã suy yếu.

Trong hồi ký, Cator đã thuật lại chính sách hạt nhân của mình, ông hy vọng cuối cùng sẽ xoá bỏ được vũ khí hạt nhân. Điều này làm cho người ta nhớ lại kiến nghị của Toruman năm 1945 đề xuất nào là cấm toàn diện vũ khí hạt nhân, nào là thông qua Liên Hợp Quốc thành lập một tổ chức quốc tế để giám sát. Kết quả là đã bị Liên Xô từ chối. Cator cho rằng có thể dễ dàng thực hiện mục tiêu này nên khẩn thiết đòi hỏi đạt được một “hiệp nghị thứ hai trước”, hiệp nghị này yêu cầu hai bên duy trì “lực lượng hạt nhân quy mô nhỏ, cân bằng, không dễ bị công kích, giới hạn những tàu ngầm đầu trong cảng an toàn, phải giới hạn các tên lửa đạn đạo bố trí trên các bệ phóng; như vậy kể tấn công ngoài việc đọc toàn bộ kho vũ khí hạt nhân ra thì không thể huỷ diệt được đối phương”. Ông cho rằng những thứ vũ khí này “chỉ có thể dùng để ngăn chặn chiến tranh chứ không thể dùng để mở cuộc tiến công trước nhằm răn đe chế ngự người”. Cator còn kể lại ba giai đoạn để đạt được mục tiêu này: Theo quy định của Hiệp ước, lập tức thì hành hạn chế vũ khí chiến lược giai đoạn hai; trong năm năm Hiệp ước có hiệu lực, quy định mỗi năm cắt giảm 5 % hạn ngạch; trong lần hội đàm giai đoạn sau, bảo đảm lượng vũ khí hạt nhân giảm xuống còn 50%. Những quy định này cũng áp dụng đối với vũ khí hạt nhân tàng ẩn ở Châu Âu. Hiệp ước ký kết ở Viên với dung lượng của nó chẳng qua mới là bước thứ nhất - mặc dù là bước quan trọng, nó chỉ là màn giáo đầu chuẩn bị cho mục tiêu thứ hai mà thôi.

Trong hội nghị cấp cao, nhà lãnh đạo hai nước đã trao đổi quan điểm về một số vấn đề. Theo cách nói của Cator, là chứng tỏ với thế giới “hai nước lớn có thể cùng nỗ lực vì hoà bình”. Hội nghị tỏ rõ, cho dù Liên Xô đang chơi canh bạc, cho dù quan hệ Mỹ - Trung đã xuất hiện cục diện mới vào giữa năm 1979, xu thế hoà hoãn giữa phương Đông phương Tây vẫn có sức sống. Đối với Kremli mà nói, hội nghị một lần nữa xác nhận địa vị bình đẳng của Liên Xô - bất luận là trên ý nghĩa tượng trưng hay là trên ý nghĩa thực tế. Về mặt giám sát các cuộc thử

nghiệm hạt nhân và số lượng sản xuất máy bay ném bom hạng nặng của Liên Xô, nước Mỹ đã nhận được một số nhượng bộ từ phía Liên Xô. Sau hội nghị không có cổ xúy gì cho “tinh thần Viên” cả; trên thực tế từ này chưa từng xuất hiện. Phần lớn các điều khoản trong Hiệp ước giai đoạn hai đã từng đạt được từ trước hội nghị, vì không kỳ vọng vào hội nghị này có thể thay đổi những chính sách cơ bản của hai bên. Khi rời Viên Cator có phần thất vọng vì hội nghị chưa có thể đạt được nhiều kết quả, nhưng đều làm cho ông vui vẻ là ông biết được Chính phủ hai nước đều muốn tránh cuộc chiến tranh giữa hai nước. Theo cách nói của tuần báo “Thời đại” là “mỗi lần hội nghị cấp cao đều là một sự kiện trọng đại” thì hội đàm Cator - Brêgionép lần này cũng không phải là ngoại lệ. Nó đã kết thúc trọn vẹn cuộc hội đàm dai dẳng kéo dài đến bảy năm.

Cator nói trên máy bay trên đường về nước, ông “cảm thấy hài lòng” về cuộc gặp gỡ ở Viên. Nhưng dư luận Mỹ thì cho rằng tình hình Trung Đông, Châu Phi và Nam Á sẽ làm cho quan hệ giữa hai nước Mỹ - Xô lại nhanh chóng rơi vào trạng thái căng thẳng.

II “NỮ THẦN BẢO THỦ” HÀNH ĐỘNG

Tiểu quốc Lựu Đạn - Mưa gió dập vùi

Grênada là một phần của vùng Caribê, nằm ở đầu cực nam quần đảo Ăngti trên biển Caribê, gồm đảo chính Grênada và một số đảo nhỏ hợp thành. Trên đảo chính có nhiều núi đồi, sông ngòi kể có hàng trăm, lại có hồ do miệng núi lửa tạo thành. Tiểu quốc Lựu Đạn này⁽¹⁾ có diện tích 344 kilômét vuông, dân số hơn 10 vạn người, phong cảnh tươi đẹp, khí hậu rất thích hợp với con người.

Năm 1967, Grênada giành được địa vị nước tự trị. Ngày 7 tháng 2 năm 1974, tuyên bố độc lập sớm nhất trong cộng đồng ở khu vực này, trở thành nước tự trị trong khối liên hiệp Anh.

Năm 1972, Môris Bisôp lãnh đạo thành lập “Phong trào tân bảo thạch” chủ trương thành lập nhà nước “nhân dân tham chính”. “Phong trào tân bảo thạch” có ảnh hưởng rất lớn trong lớp trí thức thanh niên, đối ngoại, có liên hệ mật thiết với Cuba.

⁽¹⁾ Năm 1498 Cristôp Côlông trên đường thám hiểm đã đến đây và lấy tên thành phố Grênada ở miền nam Tây Ban Nha để đặt tên cho đảo này. Grênada trong tiếng Tây Ban Nha - Granada, tiếng Pháp - Grenade có nghĩa là quả “thạch lựu”, còn có ý nghĩa là “quả lựu đạn” nữa. ND

Từ những năm 70 trở đi, cục diện chính trị trên đảo quốc Lựu Đan này luôn sôi động. Bãi công, thị uy, tuần hành, xung đột, náo loạn, liên tiếp xảy ra không ngừng, đất nước lâm vào cảnh tai ương. Sau khi độc lập, tình hình dần dần hoà hoãn, nhưng mâu thuẫn vẫn sâu sắc. Lực lượng phe chống đối mà cốt cán là “Phong trào tân bảo thạch” tiếp tục công kích mãnh liệt ở trong nước và ngoài nước đối với Chính phủ airichs Sanli đã xâm phạm nhân quyền và duy trì nền thống trị áp bức nặng nề. Trong cuộc bầu cử năm 1976, Phong trào này cùng với hai đảng đối lập đã lập ra Liên minh nhân dân, đưa ra cương lĩnh chính trị là bảo đảm ổn định vật giá, tăng mạnh sản xuất, tạo ra càng nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm. Ngày 13 tháng 3 năm 1979 trong dịp Airich Sanli đi thăm Niu Oóc, người lãnh đạo “Phong trào Tân bảo thạch” Mórís Bisóp đã làm cuộc đảo chính, lật đổ Chính phủ Airich Sanli và ngày 25 tháng 3 thành lập Chính phủ mới, giành quyền cai trị đất nước.

Bisóp đã thiết lập quan hệ mật thiết với Cuba, Liên Xô tháng 1 năm 1980, Grênađa và Cuba đã bỏ phiếu chống lại quyết nghị của Liên Hợp Quốc chỉ trích Liên Xô xâm lược Apganistan. Năm 1980, cố vấn quân sự Cuba và mấy trăm công nhân xây dựng Cuba đã sửa chữa và xây dựng mới một sân bay du lịch ở Grênađa. Ngày 27 tháng 10 năm 1980, Bộ trưởng quốc phòng Grênađa và Liên Xô đã ký kết tại Havana thủ đô Cuba, một hiệp nghị viện trợ vũ khí quân sự chủ yếu. Một hiệp nghị khác được ký kết vào ngày 27 tháng 6 năm 1982. Sau đó, Grênađa còn ký hiệp nghị buôn bán với Liên Xô, Bulgari, Tiệp Khắc và Cộng hoà Dân chủ Đức.

Người Mỹ cảm thấy không yên tâm trước việc Grênađa ngày một thân cận với Liên Xô. Người Mỹ thường nhận vai trò “sen đầm quốc tế”, nhúng tay vào công việc của nước khác trên phạm vi toàn cầu, ngang nhiên can thiệp, lấy lợi ích của mình và nguyên tắc giá trị của mình làm tiêu chuẩn để đánh giá nước khác. Tất nhiên họ không thể chấp nhận được Grênađa dưới mắt mình, lại không tuân theo chiếc còi chỉ huy của mình.

Người Mỹ lo lắng, tìm cơ hội để thay đổi nền cai trị ở Grênađa. Tháng 10 năm 1983, Grênađa nổ ra cuộc đảo chính lật đổ Thủ tướng đương nhiệm Bisóp. Đảo Cuộc nhỏ bé lại bị mưa gió đập vùi, lòng người lo sợ.

Tại Grênađa, Bisóp phải đối mặt với sự thách thức chính trị của Phó thủ tướng Côtơ. Côtơ là người lãnh đạo cấp tiến của “Phong trào Tân bảo thạch”, được coi là “nhà lý luận mác - xít” kiên trì đường lối cứng rắn. Ông ta tìm cách làm suy yếu quyền lực của Bisóp trong Ủy ban trung ương, tố cáo Bisóp không tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế nước nhà, không cùng

cố cách mạng lại còn sử dụng thủ đoạn chuyên quyền độc đoán. Suốt mùa hè năm 1983, Ủy ban trung ương “Phong trào Tân bảo thạch” chỉ tranh luận về vấn đề này. Ngày 27 tháng 9, Bisóp rời Grênađa, có ý đồ nắm chắc quyền lãnh đạo “Phong trào Tân bảo thạch”. Nhưng ngày 12 tháng 10, Ủy ban trung ương thông qua nghị quyết quản thúc Bisóp. Ngày 14 tháng 10, Bisóp bị khai trừ khỏi Đảng.

Nhưng Côtơ không thể khống chế tình thế, những người ủng hộ Bisóp đã cấp tốc hành động, tổ chức biểu tình phản đối, yêu cầu khôi phục vai trò Thủ tướng của Bisóp, trừng trị nghiêm khắc những người làm đảo chính.

Sáng sớm ngày 19 tháng 10, mấy ngàn quần chúng tụ tập tại thành phố Xanh Gióc (thành phố lớn nhất, thủ đô của Grênađa). Đám đông quần chúng đã băng qua trái núi nhỏ đi tới dinh Thủ tướng, cùng hô lớn “chúng tôi cần Môri Bisóp!” “không có Bisóp, không có cách mạng!” Lính bảo vệ dinh thủ tướng nổ súng nhưng rõ ràng là có do dự, không quyết. Đám đông đẩy lùi một xe thiết giáp, theo cửa sau tràn vào dinh, phát hiện thấy Bisóp và phu nhân Giắcôlin Colip bị trói ở trên giường. Vì bị giam cầm và tinh thần rối loạn nên Bisóp thân hình ốm yếu tiêu tụy vô cùng. Đám người rất xúc động liền đem một chiếc xe ô tô loại nhỏ đến đưa Bisóp và Colip đi. Đám đông người tụ tập ở quảng trường trung tâm chờ đợi sự xuất hiện của Bisóp, nhưng chiếc xe con lại chạy tới căn cứ Rôbe ở ngoài cảng. Qua một trận hỗn chiến ngắn ngủi, đội quân bảo vệ bị đánh lui. Bisóp tiến vào Phòng tác chiến ở một căn lầu.

Xế trưa, ba chiến hạm loại BTR- 60 do Chính phủ cách mạng chỉ huy, xuất hiện ở căn cứ Phrêđêrich phía đông thành phố Xanh Gióc. Khi vừa tiến đến gần căn cứ Rôbe liền dùng súng hạng nặng và tên lửa RPG 7 bắn vào. Vestơ Lô, nhà lãnh đạo Công hội bị chết trước doanh trại. Trong cuộc chiến với những người ủng hộ Bisóp ít nhất cũng có 4 binh sĩ bị chết. Nhiều người bị bắn chết hoặc bị thương trong khi rút chạy.

Bisóp phải thét lên:

- Trời ơi! Bọn chúng ngang nhiên nổ súng vào quần chúng nhân dân. Đám lính ngừng bắn, ra lệnh cho Bisóp và những người đi theo phải ra khỏi doanh trại. Khi họ ra ngoài, bọn lính lại buộc một số người quay trở lại doanh trại trong đó có Bôrit Bisóp. Chúng đã dùng vũ khí tự động để hành quyết họ trong doanh trại.

Phái cấp tiến đứng đầu là Côtơ đã giết chết Bisóp, vì Bisóp là người đức cao vọng trọng, đe dọa thế lực của chúng. Ngày hôm sau, Cục chính trị bộ đội vũ trang tuyên bố cuộc đấu tranh dẹp bỏ “phần tử phản cách mạng”, “kẻ phản

bội nhân dân”, “phản tử cơ hội chống chủ nghĩa xã hội” đã giành được thắng lợi quyết định.

Trên thực tế, cuộc tranh chấp bè phái vẫn tiếp tục dưới mọi hình thức - Chiều tối ngày 19 tháng 10, tư lệnh vũ trang Grênađa là Khôđecsan Ôđin ra lệnh giới nghiêm 24 giờ, ai không tuân thủ lệnh giới nghiêm sẽ bị bắn. Tình hình Grênađa vẫn căng thẳng.

Giải cứu "con tin"

Nước Mỹ theo dõi chặt chẽ các sự việc ở Grênađa. Trong thực tế ngay từ khi Bisôp lên nắm quyền, cơ quan tình báo Mỹ và bên quân đội đã hết sức chú ý đến mảnh đất lằng giằng không chịu yên phận này. Bộ trưởng quốc phòng Ônbecơ là một nhân vật thuộc phái điều hâu nổi tiếng ở Mỹ, điên cuồng chống cộng sản, ông cho rằng chỉ có thể dùng biện pháp quân sự mới có thể đem lại hoà bình thế giới. Ông coi những sự việc đã làm ở Grênađa là sự thách thức to lớn đối với nước Mỹ. Ông thường thu thập tin tức tình báo về tình hình Grênađa. Ông cho rằng những tin tức tình báo đã chứng tỏ rằng trên hòn đảo nhỏ ở phía đông biển Caribê này, người ta đang xây dựng một sân bay cỡ lớn mới, công nhân xây dựng chủ yếu là người Cuba. Diện tích sân bay đã vượt quá xa nhu cầu mở rộng du lịch, từ đường băng máy bay, cả thiết bị kỹ thuật hay từ quy mô của sân bay, đều có thể thấy rõ ràng đây không chỉ để dùng cho mục đích thương mại. Ônbecơ trao cho Tổng thống Rigan các bức ảnh chụp công trình xây dựng. Ngày 23 tháng 3 năm 1983, trong một lần nói chuyện trên vô tuyến truyền hình Tổng thống Rigan đã trình bày với công chúng Mỹ các bức ảnh này và nói tới vấn đề Grênađa không úp mở gì. Ông nói:

Grênađa, hòn đảo nhỏ này nằm ở cực nam chuỗi đảo trên biển Caribê. Được sự viện trợ về tài chính và kỹ thuật của Liên Xô, người Cuba đã xây dựng ở đây một sân bay có đường bay dài một vạn thước Anh. Grênađa không có lấy một đơn vị bộ đội không quân, vậy xây dựng sân bay lớn này để làm gì? Biển Caribê là tuyến giao thông quan trọng nhất về vận chuyển quân sự và buôn bán quốc tế của Mỹ, quá nửa số xăng dầu vận chuyển vào Mỹ là đi qua biển Caribê. Grênađa là một đảo quốc chỉ có 10 vạn nhân khẩu, sự phát triển tiềm lực quân sự nhanh chóng này không tương xứng với mục tiêu họ muốn chống lại sự uy hiếp nào đó, hơn nữa đối với các nước khác ở quanh vùng Caribê mà nói, cũng không thích đáng vì những nước này phần lớn không có quân đội. Tóm lại là Grênađa do Liên Xô và Cuba vũ trang cho, hoàn toàn có thể coi là chủ nghĩa bá quyền đã lan

tới vùng này.

Hai tuần trước cuộc nói chuyện này, ngày 10 tháng 3, Tổng thống Rigân cũng đã từng nói Grênađa rõ ràng đã thành một căn cứ quân sự khiến cho dư luận Mỹ chú ý.

Thứ sáu ngày 21 tháng 10, Tổng thống Rigân cùng phu nhân đáp máy bay đi nghỉ cuối tuần ở sân gôn quốc gia Augusta bang Giêoócgia để chơi gôn. Cùng đi còn có Quốc vụ khanh Sunxow, Chủ nhiệm văn phòng Nhà trắng Recan, cựu Nghị sĩ Mỹ Nicôla Prônđi và các phu nhân. Tổng thống Rigân mong muốn có được một hai ngày nghỉ ngơi thư giãn.

Thứ bảy mới quá 4 giờ sáng, Rigân và Nanxy đã bị đánh thức bởi hồi chuông điện thoại của Bado Mécphrăng - Bado là thành viên của tổ hậu cần lo liệu các chuyến đi của Nhà Trắng đã tới Augusta. Ông ta nói, có việc khẩn cấp muốn được gặp Rigân. Rigân vẫn còn mặc quần áo ngủ, nằm nghiêng nghe họ nói: Tổ chức các quốc gia Đông Caribê yêu cầu Mỹ tiến hành can thiệp quân sự vào Grênađa!

Can thiệp vào công việc của Grênađa, giúp đỡ nuôi dưỡng tay chân thù tạc ở Grênađa, đó thật là cơ hội ngàn năm có một của Mỹ.

Lúc đó, còn có 800 sinh viên Mỹ theo học tại một học viện Y khoa ở Grênađa. Đó cũng thành một cái cớ để Mỹ xuất quân - họ có thể bị bắt làm con tin, Chính phủ Mỹ không thể ngồi yên trước hiểm họa này.

Rigân cùng các trợ thủ đã nhanh chóng có chủ định: để đáp ứng yêu cầu tổ chức các nước Đông Caribê, để giải cứu các sinh viên Mỹ phải sử dụng mọi hành động có thể có được.

Lời yêu cầu chính thức của tổ chức các nước Caribê phát đi vào ngày 23 tháng 10. Nhưng theo lời của Lari Spikhot, người phát ngôn của Tổng thống Mỹ, thì Chính phủ Mỹ trước khi xảy ra sự việc này đã phái cựu Đại sứ Mỹ ở Costa Rica là Lep Phrăng Maiconua tới Brigiotôn thủ đô Brabadốt⁽¹⁾ phụ cận Grênađa dừng lại chờ lệnh.

Tại cứ điểm Phulac ở Carôlai Bắc và cứ điểm Camben ở Carôlai Nam còn bố trí bộ đội cảnh giới và sư đoàn lính nhảy dù, những đơn vị này phải sẵn sàng nghe lệnh của tổng thống Rigân.

Hội nghị Tham mưu trưởng liên quân đã sửa chữa, bổ xung phương án

⁽¹⁾ Barbados, một nước trong dãy đảo Ăngti (Antilles) trở thành nước độc lập từ năm 1966. Diện tích 431 km², dân số 300.000 người, thủ đô là Brigetôn (Bridgetown) sử dụng ngôn ngữ Anh ND

đưa quân vào Grênađa. Mục đích xâm nhập không những chỉ cần đóng cửa sân bay Trân Châu ở phía Đông đảo mà còn phải nhanh chóng đóng cửa sân bay mới ở mũi Salin, đồng thời phải hộ tống an toàn sinh viên Mỹ ở Học viện Y khoa tại Tây - Nam đảo về nước, cứu nguyên toàn quyền Grênađa và các tù chính trị khác ra khỏi nhà ngục.

Trong thời gian Tổng thống Rigân ở Augusta bang Giêoocgia, Phó Tổng thống Bus vào hồi 4 giờ 45 phút sáng sớm thứ năm ngày 20 tháng 10 đã chủ trì cuộc họp của Tổ tình hình đặc biệt trong Ủy ban an ninh quốc gia, quyết định theo nguyên kế hoạch, ra lệnh đặt quân đội trong trạng thái chuẩn bị chiến đấu.

Tướng Vixay lập tức thông báo cho Tổng tư lệnh hạm đội Đại Tây Dương chuẩn bị sẵn sàng làm thế nào để đi di tản được công dân Mỹ ra khỏi Grênađa trong tình hình đối địch lúc đánh nhau.

Phương án của kế hoạch này bao gồm đơn vị thủy quân lục chiến đổ bộ lên mạn Đông bắc cảng thương mại gần sân bay Trân Châu, còn đội đột kích sẽ nhảy dù xuống sân bay mới có đường băng mười ngàn thước Anh ở phía đông - nam Grênađa, sau khi hai cánh quân này gặp nhau sẽ cấp tốc tiến lên phía bắc, phía tây đi giải cứu sinh viên Mỹ, sau đó đơn vị đặc chủng đi giải cứu toàn quyền chiếm lĩnh điện đài, phóng thích các tù chính trị khác bị giam trong căn cứ Rôbe và trong núi Riximontê.

Không nghi ngờ gì nữa, lần hành động này đòi hỏi phải làm một khối lượng lớn công việc chuẩn bị hậu cần. 2 giờ sáng ngày 22 tháng 10 (thứ bảy) Ônbécgơ và tướng Vixay nói chuyện điện thoại với tổng thống ở Augusta bang Giêoocgia, bàn về vấn đề chưa thu thập kịp tin tức tình báo ở Grênađa. Để tránh cho bên ngoài quá chú ý, Rigân không rời khỏi Augusta ngay.

9 giờ sáng thứ bảy, Phó tổng thống Bus chủ trì cuộc họp tổ kế hoạch thuộc Ủy ban an ninh quốc gia tại phòng tin tức. Hội nghị đồng ý cử một đội hỗn hợp đặc biệt hải lục không quân đi nắm tin tức tình báo cần thiết cho việc đổ bộ, để tiếp tục bổ sung sửa chữa phương án tỉ mỉ cho việc đưa quân vào Grênađa. Đội hỗn hợp đặc biệt này dùng để thực hiện nhiệm vụ trinh sát trước khi đổ bộ, hoàn thành các kế hoạch hành động đặc biệt khó khăn, được huấn luyện chuyên môn nghiêm khắc, có thể gánh vác được các nhiệm vụ quan trọng nhưng nguy hiểm. Lúc đó, Tổng thống Rigân còn đồng ý với kế hoạch viện trợ Grênađa do hội nghị đề ra, còn nghĩ cách giúp đỡ Grênađa lập lại cái gọi là Chính phủ "dân chủ".

Sau hội nghị kế hoạch của Ủy ban an ninh quốc gia, Bộ trưởng quốc

phòng Ônbecơ quay trở về phòng họp ở Lầu Năm Góc hội kiến với các thành viên trong Hội đồng Tham mưu trường liên quân. Mọi người lại thẩm định một lần nữa toàn bộ gấp đôi binh lực. Sĩ quan chỉ huy lực quân cho rằng đó là cần thiết.

Tháng 10, đối với Tổng thống Rigan quả là một tháng lắm chuyện. 2 giờ 30 phút sáng sớm ngày 23 tháng 10, Rigan lại bị chuông điện thoại đánh thức, ông nhận được báo cáo rằng một sát thủ quyết tử lái xe ô tô chở đầy thuốc nổ vượt qua trạm gác quân Mỹ, lao thẳng vào doanh trại đơn vị thủy quân lục chiến ở sân bay Báyruýt gây ra một vụ nổ hiểm thấy. Sau này thống kê cho biết vụ nổ này đã làm chết 241 binh sĩ thủy quân lục chiến Mỹ.

Rigan không sao ngủ được nữa. Ông gọi điện thoại cho Lầu Năm Góc yêu cầu áp dụng mọi biện pháp có thể, bảo vệ an toàn cho các binh sĩ thủy quân lục chiến còn lại ở Báyruýt. Tiếp đó, Rigan cấp tốc gặp gỡ với người cùng đi Sunx, Maicophrăng, bàn luận mấy tiếng đồng hồ.

Lúc trời gần hừng sáng, tin tức từ Báyruýt đưa tới càng làm cho Rigan buồn bã. 6 giờ phút sáng, Rigan ra sân bay, bước lên một máy bay của không quân bay về Oasinhton.

8 giờ 40 phút sáng, Rigan về tới Oasinhton liền lập tức thông báo triệu tập cuộc họp tổ kế hoạch Ủy ban an ninh quốc gia. Rigan bước vào phòng họp, nói ngay với Bộ trưởng Quốc phòng Ônbecơ:

- Xin nhớ là tôi cũng không muốn rời khỏi chỗ này, tôi muốn biết mọi điều đã xảy ra.

Mọi người thảo luận về sự kiện Báyruýt và vấn đề nguy cơ Grênađa.

Thứ tư, 4 giờ chiều, các thành viên trong tổ kế hoạch Ủy ban an ninh quốc gia lại một lần nữa gặp nhau ở phòng kế hoạch, đưa ra hai quyết định bí mật và rất quan trọng: Chuẩn bị thực thi kế hoạch Grênađa và tiến hành oanh tạc Báyruýt. Sau cuộc họp, Rigan ký mệnh lệnh, phê chuẩn hành động "Nữ thần báo thù" - Xâm nhập Grênađa. Hội đồng Tham mưu trường liên quân đưa phương án hành động cho tư lệnh hạm đội Đại Tây Dương. Thượng tướng Uyliam Mêkhdonat, sau đó hạ lệnh chính thức hành động.

Chiều thứ hai, Ônbecơ lại một lần nữa gặp tướng Vixay. Ônbecơ giọng tin tưởng nói với Vixay:

- Tin rằng chúng ta có đầy đủ sức mạnh.

Rồi trao quyền cho Vixay, nếu như kẻ địch chống trả mạnh hơn so với dự kiến thì có thể điều động sư đoàn dù 82 đến tăng viện.

Sau đó hai người cùng đến gặp Tổng thống Rigan và các thành viên.

Mọi người đều lo ngại thời gian quá gấp gáp, chưa có nhiều tin tức tình báo, cũng chưa tiến hành diễn tập, như vậy sẽ có những khó khăn nhất khi hành động. Qua cách hỏi và nói chuyện của Tổng thống Rigân, rõ ràng có thể thấy ông đã sớm quyết định đưa quân vào Grênađa, họ phải dùng tới biện pháp sức mạnh bảo đảm sự an toàn cho các sinh viên Mỹ.

Sau đó, ngay buổi chiều, Rigân chính thức thông báo cho Ônbécgơ, ông quyết định hành động. Trên thực tế, phía quân đội sớm đã ra lệnh chuẩn sẵn sàng, bao gồm việc ra lệnh thay đổi nhiệm vụ trước đó của quân đội, như kéo dài thời gian luân chuyển của đơn vị thủy quân lục chiến ở Libăng; để đơn vị quân tiếp phòng đang trên đường đến Libăng chuyển hướng sang Grênađa; chuẩn bị chu đáo công việc chi viện, hậu cần.

Cuối cùng Tổng thống Rigân nói, ông sẽ thông báo cho các vị lãnh đạo quốc hội và các nước Đồng minh, nhưng quan trọng là chỉ trước khi đổ bộ mới tiết lộ tình hình này.

Ônbécgơ nhận thấy cách làm của Tổng thống là đúng, vì hành động này cần phải tuyệt đối bí mật. Một là, các nước Đồng minh sẽ lo ngại trước sự việc này. Hai là, phải hết sức nhanh chóng giải cứu sinh viên, không có thể tiến hành trước những hoạt động trinh sát trên bộ, cũng không dám để lộ bất cứ tin tức mà hoặc các dấu vết chứng tỏ đơn vị thủy quân lục chiến đang tiến sang Trung Đông đã chuyển hướng đi, để tránh làm cho quân đội Liên Xô, Cuba và các nước khác phải bước vào trạng thái chuẩn bị chiến đấu. Ba là, cùng từ nguyên nhân trên, cũng không thể đưa đơn vị cảnh giới lên máy bay để thực hiện hành động. Nhưng cho dù đã ra sức giữ bí mật, đài truyền hình Mỹ vẫn đưa tin đơn vị thủy quân lục chiến trên đường sang Trung Đông đã chuyển hạm đội tiến xuống phía Nam.

Ônbécgơ chỉ thị Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân khi thực hiện kế hoạch tác chiến cần phải nhanh chóng suy nghĩ việc bảo đảm an toàn ở mức độ cao nhất, bảo đảm binh lực và quân dụng, vật chất cần thiết cho lần hành động này thành công. Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân, tướng Vixay kiến nghị thống nhất hạ lệnh sáng sớm ngày 25 tháng 10 (thứ ba) bắt đầu hành động.

Trung tướng hải quân Giôsep Maidôcap, được cấp trên trực tiếp là Thượng tướng Uyliam Mécôđônát tư lệnh hạm đội Thái Bình Dương ủng hộ, đã đưa ra một yêu cầu mạnh mẽ: khi đổ bộ lên Grênađa, không cho bất cứ một phóng viên và nhân viên tương tự nào được đi theo. (Thông thường sau khi đã đến địa điểm đổ bộ thì các phóng viên ký giả được phép đến phỏng vấn). Ônbécgơ hiểu được rằng quyết định không cho phép các phóng viên đi

theo sẽ làm mất hứng thú, nhưng ông thấy nên ủng hộ viên tư lệnh chỉ huy đợt hành động này, nên đồng ý với yêu cầu của ông ta, sẽ chỉ để các phóng viên đến tiến hành phỏng vấn sau khi ngày hành động thứ nhất kết thúc. Ônbécgơ nói, chúng ta tin tưởng rằng vị chỉ huy sẽ giành được thắng lợi trong lần hành động này. Ông nghĩ, nếu như từ chối yêu cầu của viên chỉ huy thì có nghĩa là một sự mở đầu không hay, còn viên chỉ huy muốn làm như vậy hẳn ông ta có lý do chính đáng của mình.

Tổng thống Rigân quyết định sẽ đưa kế hoạch hành động ở Grênađa thông báo cho nhà lãnh đạo Quốc hội biết vào tối thứ hai. Để cố tránh những lời dị nghị gây ra bởi việc triệu tập cuộc họp Quốc hội và các thủ lĩnh quân sự, Rigân yêu cầu mọi người đến dự họp tại phòng khách gia đình ở trên lầu Nhà Trắng. Đây là một căn phòng trang hoàng lộng lẫy với sắc vàng là chủ đạo. Mọi người ngồi trên hai dãy ghế sofa - pha đối diện với lò sưởi. Đi qua căn phòng, từ trên ban công có thể nhìn thấy Nhà lưu niệm Oasinhton và những đường phố lớn rợp bóng cây. Trong đêm lạnh tháng 10 này ở Oasinhton ngọn lửa trong lò sưởi thật đáng giá. Tổng thống các thành viên Ủy ban an ninh quốc gia. Quốc vụ khanh, cố vấn an ninh quốc gia, Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân, Bộ trưởng quốc phòng đều ở đây chờ các nhà lãnh đạo Quốc hội tới. Ônbécgơ một lần nữa trình bày tóm tắt phương án hành động dự định xuất quân vào ngày hôm sau, đề cập đến khả năng giành thắng lợi và một số nguy hiểm có thể vấp phải của quân đội.

Ônbécgơ báo cáo với Tổng thống đã phái đội đặc vụ Hải quân đi trinh sát trước vùng bờ biển đã chọn để đổ bộ và đã dặn dò cẩn thận bọn họ phải hết sức chú ý không để bị phát hiện hoặc để người khác nắm bắt được ý đồ của mình. Trên thực tế, lúc này họ đang hành động, chỉ cần sau mấy giờ nữa là có thể biết được tình hình hoạt động của họ. Tổng thống Rigân rất thích thú với việc này.

Lát sau, một số vị lãnh đạo Quốc hội bước vào. Họ cảm nhận thấy mọi người đang bàn luận một vấn đề trọng đại. Buổi tối mà họp mặt tại phòng khách gia đình ở Nhà Trắng, quyết không phải chuyện bình thường. Tổng thống Rigân nói tóm tắt nhưng đầy đủ về tình hình, nhấn mạnh đến hoàn cảnh nguy hiểm của sinh viên Mỹ, lo lắng họ có thể bị bắt làm con tin hoặc xảy ra những chuyện còn tồi tệ hơn. Tổng thống nói tới những lời kêu gọi tha thiết của các nước láng giềng Đông Caribê - Ông nói:

- Tôi cho rằng chúng ta phải đáp ứng lời thỉnh cầu đó, không có cách

lựa chọn nào khác. Không hành động còn mạo hiểm hơn là hành động.

Sau đó, ông để cho Ônbegơ trình bày vắn tắt kế hoạch quân sự. Tướng Vixay miêu tả tỉ mỉ nhưng dứt khoát và có sức mạnh về bản án hành động này. Rigân thông báo với các nhà lãnh đạo Quốc hội thời gian đổ bộ trong ngày hôm sau, tất nhiên cũng yêu cầu họ phải nghiêm túc giữ bí mật.

Các nhà lãnh đạo Quốc hội rất ít phát biểu ý kiến. Viện trưởng Hạ nghị viện Ônin ngậm ngùi một lát rồi nói:

- Thưa Ngài Tổng thống, tôi chỉ nói một câu, thượng đế luôn ở bên Ngài, cầu mong cho mọi người chúng ta gặp may mắn.

Lãnh đạo đảng Dân chủ ở Thượng nghị viện Bintơ đề xuất mấy vấn đề đối với phương án hành động xuất quân như đưa đi bao nhiêu quân, sẽ phải đối chọi với bao nhiêu quân Grênađa và Cuba, người Liên Xô có ở đấy không. Các câu hỏi đều được giải đáp, những người khác không nói gì.

Sau khi các nhà lãnh đạo Quốc hội ra về, tổng thống nói, lúc này ở Luân Đôn cũng đã rất khuya, ông thấy cần phải thông báo cho bà Thatcher biết. Cuộc gặp mặt với các nhà lãnh đạo Quốc hội vừa kết thúc thì Tổng thống Rigân đã nhận được điện báo của bà Thủ tướng Thatcher, chứng tỏ bà "quan tâm sâu sắc" đến hành động diễn ra ngay trước mắt bà.

Tổng thống Rigân bước sang phòng bên cạnh, Luân Đôn truyền đến giọng nói không vui vẻ của bà Thatcher. Tổng thống Rigân thuật lại nghiêm túc nội dung tỉ mỉ của phương án, kế hoạch và những sự việc làm người ta đau đầu, nhắc tới Grênađa hiện nay không có một Chính phủ có thể không chế được tình thế, toàn quyền Pôn Skhoin đại diện cho Nữ hoàng Anh cũng đã bị cầm tù (bản thân ông ta cũng thỉnh cầu viện trợ). Tổng thống Rigân nhấn mạnh, đứng trước yêu cầu của các nước láng giềng và số phận chưa biết thế nào của các công dân Mỹ, ông không có cách lựa chọn nào khác.

Bà Thatcher rất tức giận, bà nói bà cũng vừa nhận được tin (có lẽ các quan chức người Anh ở Grênađa biết tin này) và tỏ thái độ kiên quyết đòi huỷ bỏ hành động này. Bà nhắc nhở một cách không khách sáo gì với Rigân rằng Grênađa là một bộ phận của Liên hiệp Anh, nước Mỹ không có quyền can thiệp vào công việc của họ.

Thái độ cứng rắn của bà Thatcher làm cho Tổng thống Rigân lo ngại, ông biết rằng không thể đáp ứng được yêu cầu của bà Thatcher vì vào lúc này đã bắt đầu hành động.

Tổng thống Rigân nói chuyện điện thoại xong, nét mặt buồn bã nhưng hành động của "Nữ thần báo thù" vẫn tiến hành theo kế hoạch.

Sáng sớm ngày 25 tháng 10 năm 1983, Lầu Năm Góc nhận được báo cáo đầu tiên là đơn vị nhảy dù đã đổ bộ, tiến đến là đơn vị bộ binh. Bộ đội thủy quân lục chiến và đội quân liên hợp đến từ các đảo vùng Caribê cũng triển khai thuận lợi. Họ đã di chuyển với tốc độ rất nhanh từ mục tiêu này sang mục tiêu khác, cuối cùng đã tới cổng Học viện Y khoa đang bị bao vây. Ngày hôm sau đã cứu được gần 1000 sinh viên Mỹ và công dân Mỹ, không một ai bị thương.

Để che mắt mọi người, các tiểu quốc Caribê như Antigua, Bacbadốt, Đôminica, Giamaica, Xanh Luxia cũng huy động vài trăm binh lính, như vậy có thể nói là nước Mỹ đã “đến theo yêu cầu”.

Hành động của “Nữ thần báo thù” đối với nước Mỹ mà nói, đã “thành công”. Một nước Mỹ to lớn giàu có đem quân xâm nhập một nước nhỏ như quả lựu đạn khác gì đưa đội bóng rổ nhà nghề “áo đỏ” của Oasinhton đến đấu với đội bóng của một trường trung học nào đó.

Con số thương vong cuối cùng của quân Mỹ là: 18 người chết, 93 người bị thương, 16 người mất tích.

Phía Grênađa, 45 người bị bắn chết, 337 người bị thương, trong số người chết và bị thương có 24 người là dân thường, 21 người trong đó đã bị chết trong một bệnh viện tâm thần ở gần trận địa quân sự phòng không bị đánh tan tấu. Huỷ diệt trận địa quân sự này là một bước trong kế hoạch hành động của Mỹ.

Cuba có 25 người chết, 59 người bị thương, ngoài ra còn có khoảng 600 “công nhân xây dựng” Cuba bị bắt.

Sau khi cuộc xâm nhập thành công, Tổng thống Rigan mừng vui sung sướng, ông viết trong nhật ký:

Xem ra, thắng lợi đang rơi chiếu vào chúng ta. Vì thế tôi phải cảm ơn Thượng đế, Người đã nắm chặt tôi trong bàn tay của Người.

Điều làm Rigan cảm động nhất là 800 sinh viên Mỹ. Khi máy bay đưa họ trở lại nước Mỹ, vừa xuống máy bay một số người trong họ đã cúi xuống hôn lên mặt đất nước Mỹ. Mắt Rigan như bị nhoe đi vì nước mắt.

Nhưng dư luận công chúng Mỹ lại có thái độ hoài nghi đối với hành động xâm nhập này, người ta cho rằng sinh viên Mỹ ở Grênađa chẳng có sự nguy hiểm thật sự nào cả.

Người phụ trách mục “Ngày nay” của hãng truyền hình là Bôlat Camben cũng giữ quan điểm này. Dưới đây là phần trích dẫn cuộc phỏng vấn trên truyền hình ngày 26 tháng 12.

Bôlat Camben: Tuần này, quân nhân Mỹ lần thứ hai lại bị chết, bị thương ở nước ngoài. Sáng nay, nhiều người Mỹ tự hỏi: vì sao sự chết chóc này lại phát sinh ở một hòn đảo nhỏ tại Caribê có tên là Grênađa? Sau đây xin mời Bộ trưởng Quốc phòng Ônbecơ giải đáp vấn đề này. Sáng nay ông vừa từ Lầu Năm Góc đến đây để tham gia cuộc phỏng vấn trên truyền hình.

Bộ trưởng Quốc phòng Ônbecơ: Chào buổi sáng tốt lành.

Hỏi: Thưa ngài Bộ trưởng, Tổng thống Rigan nói rằng chúng ta không thể không tiến quân vào Grênađa để bảo vệ những người Mỹ ở đây. Ngài có thể đưa ra một số chứng cứ có sức thuyết phục để nói lên rằng những người Mỹ này quả thực đang ở trong hoàn cảnh nguy hiểm được không?

Đáp: Được. Khi các ông ở trong cảnh bị canh giữ 24 giờ đồng hồ, lại được cảnh báo rằng không nên đi ra phố, nếu không sẽ bị bắn không cần phân biệt xanh đỏ trắng vàng, tôi thấy trường hợp này ít ra cũng làm cho người ta khó chịu. Trong hoàn cảnh đó, các ông có lẽ cũng không thể không lo lắng sẽ bị bắt làm con tin. Trước đây không lâu, chúng tôi đã trải qua thể nghiệm này, con tin bị bắt đi, qua mấy trăm ngày mới được tự do. Cho nên, theo tôi, hầu như hoàn toàn có thể coi rằng 1000 người Mỹ đang ở trong cảnh nguy hiểm.

Hỏi: Trước khi chọn cách dùng quân đội can thiệp, vì sao chúng ta không ra sức thông qua con đường ngoại giao để giải quyết sự việc?

Đáp: Một số nước láng giềng của đảo quốc này đã nỗ lực tiến hành công việc ngoại giao, họ không có quân đội, trên thực tế cũng tự coi mình là một bộ phận của quần đảo này. Những nước láng giềng này đã buộc phải và hầu như là tuyệt vọng, thỉnh cầu chúng ta tiến hành can thiệp, giúp đỡ họ lập lại Chính phủ dân chủ ở Grênađa.

Hỏi: Thưa ngài Bộ trưởng, chúng tôi vừa nghe ngài Andrây Misen nói chuyện, chúng tôi nghe được cụm từ “buôn bán chiến tranh”. Từ lâu, trong một thời gian dài không có ai nói tới, nay lại bắt đầu xuất hiện trở lại. Tôi nghĩ, trong mấy tháng tới, chúng tôi sẽ được nghe nói tới rất nhiều lần cụm từ này. Khi chúng ta đang ngồi ở đây thì chúng ta có quân đội ở Grênađa. Sáng hôm nay, có rất nhiều người Mỹ hỏi chúng tôi: rút cục đường biên giới của nước Mỹ ở chỗ nào? Đối với những người Mỹ này, ngài sẽ trả lời họ ra sao?

Đáp: Tôi trả lời rằng, nếu như các vị là một trong số sinh viên đó đang bị bạo loạn, khủng bố đe dọa, hoặc giả là gia đình thân thuộc của những sinh viên này, thế thì hãy để bộ binh, đơn vị thủy quân lục chiến và

không quân Mỹ dẹp bỏ những nỗi lo lắng cho các vị, bảo vệ công dân Mỹ ở bất cứ nơi nào, đó không phải là một chủ ý xấu. Tôi nghĩ rằng, đây không phải là “buôn bán chiến tranh”, nhất là khi chúng ta không chỉ nhận được lời mời mà còn nhận được rất nhiều lần khẩn cầu tiến hành can thiệp để giữ được tình thế trên hòn đảo đó, lập lại Chính phủ dân chủ ở đấy. Một khi Chính phủ do dân bầu bắt đầu điều hành chính quyền thì chúng ta không ở lại đấy thêm một phút nào nữa.

Bộ trưởng Ônbecơ luôn là một nhân vật đại biểu cho phái cứng rắn trong Lầu Năm Góc, ông tin tưởng rằng phương thức tốt nhất trong đối thoại trên phạm vi thế giới là dùng vũ lực, ông hy vọng dùng vũ lực để lấy lại thế mạnh cho nước Mỹ.

Nhưng bất luận giải thích như thế nào, công nhiên xâm nhập một quốc gia có chủ quyền, đó là điều thế giới văn minh không thể chấp nhận được, cũng sẽ là một vết thương nhỏ không sao xoa được trong lịch sử nước Mỹ.

III. TẬP KÍCH ĐƯỜNG KHÔNG VÀO LIBI

Không chiến trên vịnh Sidra

Đầu tháng 8 năm 1981, một vị tướng lĩnh cao cấp của Hải quân Mỹ đến Nhà trắng, ông ta cần phải báo cáo với Tổng thống Rigan và Nội các tình hình dự định diễn tập quân sự tại vịnh Sidra vào cuối tháng này.

Đối với các nhà hoạch định chính sách ở Lầu Năm Góc thì vịnh Sidra rõ ràng là một địa điểm lý tưởng đối đầu với Libi của Caraphi. Vịnh Sidra thuộc vùng biển Địa Trung Hải nằm giữa Toripôli và Bengazi ở bắc bộ Libi. Năm 1973, Caraphi đã cảnh cáo người Mỹ rằng, cho dù quốc tế công nhận giới hạn lãnh hải là 3 hải lý hoặc 12 hải lý, trong một văn kiện đệ trình lên Liên Hợp Quốc, Libi đã nêu lên tính đặc thù của vịnh Sidra và kẻ một đường thẳng từ vùng phụ cận Bengazi của Libi, đi ngang qua Địa Trung Hải tới tận đầu mỏm phía tây của vịnh Sidra. Chống lại lời cảnh cáo của Libi, nước Mỹ tỏ rõ thái độ, họ cho rằng tại vùng Vịnh ngoài 13 hải lý trở ra là hải phận quốc tế, vùng biển trong vịnh Sidra mà Libi cấm vào cũng không phải là ngoại lệ.

Trong mấy năm từ 1976 trở đi, máy bay của hải quân Mỹ và máy bay phản lực của Libi đã nhiều lần nảy sinh xung đột khá nguy hiểm, máy bay Libi có một số do phi công Syri và Palestin điều khiển. Tháng 9 năm 1980, Tổng thống Mỹ Catơ ra lệnh cho Hạm đội 6 không được tiến vào vịnh Sidra, vì ông lo ngại rằng bất chợt bùng nổ xung đột nghiêm trọng thì sẽ nguy hiểm

cho con tin Mỹ ở Iran. Catơ hy vọng Libi có thể ghé vai giúp sức cho vấn đề con tin.

Sau khi Rigân nắm quyền, vấn đề con tin ở Iran đã được giải quyết, liền chuẩn bị khôi phục lại cuộc diễn tập ở vịnh Sidra.

Chính quyền Rigân tựa như còn có sức đe dọa hơn so với thời Catơ đã tạo dựng lại hình tượng người cầm đầu quyền uy, dám làm mọi thứ trên thế giới của nước Mỹ. Đó cũng là ý nguyện của Rigân vì vậy Rigân mới nắm quyền chưa lâu đã mở ra tiền lệ, không úp mở gì gọi Caraphi là kẻ thù chung số một thế giới, công khai bàn luận về “thời cục bất ổn” của Libi, lại còn đưa ra tin đồn Cục tình báo trung ương âm mưu sát hại vị tướng lĩnh này.

Hội nghị về việc khôi phục lại cuộc diễn tập của hải quân ở vịnh Sidra đang được tiến hành tại Nhà Trắng.

Tướng lĩnh cao cấp của hải quân báo cáo rằng, máy bay Libi đã quấy rối lung tung các hạm tàu và máy bay Mỹ trên vùng biển Địa Trung Hải ở phía bắc vịnh. Một khi diễn tập bắt đầu thì quy mô quấy rối có thể sẽ mở rộng lớn hơn. Ông mong Tổng thống cho chỉ thị, nếu như máy bay Libi nổ súng vào máy bay hoặc quân hạm Mỹ, hoặc giả họ dùng các phương thức khác can thiệp vào hoạt động tự do của chúng ta trên hải phận công cộng, thì hải quân cần có phản ứng như thế nào?

Tổng thống Rigân trả lời rất đơn giản, ông nói: Nếu chiến hạm và máy bay Mỹ bị bắn ở hải phận quốc tế, hoặc họ dùng phương thức khác để tước đoạt quyền lợi đáng có của một quốc gia có chủ quyền thì hải quân cũng phải dùng phương thức đó để phản ứng lại.

Rigân quả quyết:

- Bất kể vào lúc nào, nếu chúng ta đưa một người Mỹ đến bất cứ nơi nào mà anh ta hoặc chị ta có thể bị bắn thì họ đều có quyền đánh trả.

Một thành viên Nội các hỏi:

- Có thể truy kích không?

Ông ta muốn biết nếu như máy bay Libi vi phạm luật quốc tế, quấy rối máy bay hoặc chiến hạm Mỹ thì cần phải cho phép máy bay Mỹ truy đuổi máy bay Libi đến góc độ nào.

Viên tướng hải quân nói xong, hắng giọng, nhìn Rigân chờ Tổng thống trả lời. Căn phòng bỗng nhiên lặng lẽ như tờ.

Rigân nói:

- Phải truy đuổi đến hầm chứa máy bay.

Viên tướng hải quân lộ rõ vẻ tươi vui trên nét mặt:

- Vâng, thưa Tổng thống.

Ý kiến của Bộ trưởng Quốc phòng Ônbecơ và Tổng thống Rigan không hện mà giống nhau. Ông cho rằng, hạm đội của Mỹ ở Địa Trung Hải, đã nhiều năm luôn tiến hành diễn tập quân sự ở vùng biển này, hiện nay càng cần phải tiếp tục, không cần phải để ý tới yêu cầu của Libi về quản lý vùng Vịnh này. Nếu như thừa nhận họ thì như thế có nghĩa là mở ra một tiền lệ đáng lo ngại về các vùng biển quốc tế khác trên thế giới. Còn nếu như Mỹ không tiến vào vùng biển này thì có nghĩa là yêu cầu vô lý của Caraphi đã được coi trọng.

Trong cuộc họp Hội đồng Tham mưu trường liên quân một tuần một lần sau đó, cũng như khi trao đổi riêng với Chủ tịch Hội đồng, Ônbecơ đều nhiều lần nói rõ rằng ông không trông đợi việc thay đổi kế hoạch này vì sự đe dọa của Caraphi hay vì nguyên nhân nào khác.

Ít lâu sau, Caraphi đưa ra lời cảnh cáo rõ ràng: Nếu như chiến hạm hoặc máy bay của quân đội Mỹ tiến vào vùng biển, vùng trời vịnh Sidra từ phía nam vĩ tuyến 32°30' thì ông sẽ ra lệnh tiêu diệt các chiến hạm và máy bay đó. Nhưng người Mỹ quyết định không đếm xỉa gì đến lời tuyên bố này, vẫn để quân Mỹ tiếp tục tiến hành diễn tập ở khu vực này. Caraphi bèn quyết định áp dụng các biện pháp tích cực để ngăn cản người Mỹ tiến hành diễn tập và tự do đi lại ở vùng biển này, không thể để dư luận quốc tế coi rằng ông chẳng qua chỉ là người nói suông, viễn vông, thích dọa nạt chứ không dám hành động.

Vịnh Sidra căng thẳng, ngọn lửa chiến tranh chỉ cần chạm nhẹ vào là bùng cháy.

Chiều ngày 18 tháng 8 năm 1981, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Ônbecơ vừa từ Rôsanchi trở về. Trên máy bay, ông đã trình bày tỉ mỉ với Tổng thống Rigan nên giữ vững ngân sách quốc phòng. Khi đó ngân sách này đang bị Cục quản lý ngân sách và các chức Nhà Trắng công kích. Thảo luận xong ông cùng ăn trưa với Rigan, rồi đến 11 giờ lại bay trở lại Andrô. Tổng thống Rigan tiếp tục ủng hộ tăng ngân sách quốc phòng, và ngay trong ngày sinh nhật của mình đã ở trên máy bay cùng bàn luận trao đổi với Ônbecơ khiến Ônbecơ cảm thấy được cổ vũ và rất phấn chấn. Ônbecơ cũng cảm thấy vui mừng và sung sướng trước việc các nhân viên công tác trên máy bay đã chuẩn bị chu đáo bánh gatô mừng sinh nhật Tổng thống.

Ônbecơ lên giường ngủ đã là gần 1 giờ sáng, vì ông còn phải làm một số việc chuẩn bị cho chuyến thăm Luân Đôn. Lần viếng thăm này đã được sắp xếp từ trước rất lâu và tối hôm sau ông sẽ lên đường. Ông vừa đi nằm thì

nhận được điện thoại của tướng Fiel Gastor báo cáo về hành động ở Địa Trung Hải. Fiel Gastor là võ quan chỉ huy hành động trong Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân. Đêm hôm đó, Ônbecgo còn mấy lần bị đánh thức bởi chuông điện thoại.

Xung đột quân sự không tránh khỏi giữa Mỹ và Libi cuối cùng đã bùng nổ trên vịnh Sidra.

Ngày 18 tháng 8, Hạm đội 6 mà trung tâm là hàng không mẫu hạm nguyên tử Nimixur theo quyết định của Lầu Năm Góc bắt đầu cuộc diễn tập ở Địa Trung Hải bao gồm cả vịnh Sidra. Máy bay tiêm kích Libi liền xuất kích. Máy bay Libi bay tuần tiểu phần lớn là hai chiếc một tốp, bao gồm các máy bay chiến đấu MIG 23, MIG 25 và mấy loại máy bay khác. Máy bay Libi cất cánh từ các căn cứ khác nhau ở phía nam, phía đông và phía tây ào ào tập kết tại vùng trời khu vực này. Có sáu chiếc tiến vào khu vực diễn tập.

Ngày 18 đó, trong khu vực diễn tập hầu như không có máy bay chở khách hoặc tàu biển đi qua, cũng không có tàu thuyền đánh cá hoạt động.

Sáng sớm ngày 19 tháng 8, máy bay Libi nhiều lần bay vào khu vực này. 7 giờ 15 phút sáng, Trung tá Mỹ Henri. M. Khoriman và Thượng uý Laorenxơ Mackinski lái hai chiếc máy bay chiến đấu F - 14 tuần tra trên không, cách hàng không mẫu hạm Nimixur 2 vạn thước Anh về phía Nam, bỗng nhiên phát hiện trên màn rada hai chiếc "máy bay đường bay không rõ ràng". Hai máy bay đều là loại máy bay chiến đấu, ném bom SU - 22. Lúc này chiếc Nimixur đang lượn lờ ngoài khơi cách bờ biển Libi khoảng 100 hải lý, liền lập tức ra lệnh cho hai phi công hải quân chuyển phạm vi tuần tra chiến đấu xuống hướng nam, chặn hai máy bay Libi lại, đuổi chúng ra khỏi khu vực. Khoriman và Mackinski đã xác định chuẩn xác phương vị của hai chiếc máy bay SU. Khoriman đưa chiếc máy bay F - 14 của mình nghiêng sang trái 90 độ, dự định bay vòng sang trái 150 độ, bay tới biên đội máy bay Libi. Khi anh bay ở độ cao trên chiết SU 500 thước Anh, cự ly 1000 thước Anh thì máy bay Libi đột nhiên phóng từ dưới cánh ra một quả tên lửa. Tên lửa không phóng trúng mục tiêu, bay vọt qua phía dưới máy bay của Khoriman. Một máy bay SU khác lượn gấp sang phải vọt lên. Khoriman chuyển đầu máy bay chúc xuống. Chờ lúc phi công Libi đối diện với mặt trời, Khoriman không bị chói mắt nữa, liền phóng đi một quả tên lửa đối không 9 - i (Rắn đuôi) bắn trúng đuôi chiếc máy bay chiến đấu SU. Viên phi công Libi lập tức phải nhảy dù ra ngoài. Cùng lúc đó, Mackinski bám chặt đuôi một chiếc máy bay chiến đấu SU khác, từ phía sau phóng đi một tên lửa nữa. Tên

lửa bắn trúng ống xả máy bay SU làm nổ tung phần đuôi máy bay. Phi công cùng khoang máy bay rơi xuống, sau được đội tìm kiếm Libi cứu thoát.

Trận chiến đấu kết thúc. Tư lệnh Hạm đội 6, Trung tướng hải quân Rôden đã khẳng định hành động của hai viên phi công, buộc phải tự vệ mà bắn rơi hai chiếc máy bay đến xâm phạm kia. Phi công đang hoạt động trên không, vì tự vệ mà tiến hành phản kích là không có lỗi. Họ cũng không yêu cầu hoặc thỉnh thị tư lệnh hạm đội đặc nhiệm, thiếu tướng Giemy Sêvêin hoặc một người nào khác phê chuẩn tha thứ cho họ.

Sau này, Khoriman nói lại:

- Tôi đã nổ súng không hề do dự mặc dù lúc đó tôi đã nghĩ rằng làm như thế có thể dẫn đến một cuộc tranh chấp.

Địa điểm nổ ra trận không chiến cách bờ biển Libi khoảng 30 hải lý. Libi cổ phản ứng tức thì, đài phát thanh Tripôli nói, “đế quốc Mỹ” đã phát động “cuộc tiến công hèn hạ”, làm “nguy hại cho hoà bình”.

Hai tuần lễ sau đó, cũng là ngày kỷ niệm Cách mạng mồng 1 tháng 9, Caraphi cảnh cáo rằng, nếu như còn phát sinh những sự kiện tương tự, ông sẽ lập tức tiến hành trả đũa vào các căn cứ quân sự của Mỹ ở vùng Địa Trung Hải, lại còn cố ý thổi phồng lên rằng ông đang suy nghĩ tới việc ký kết một hiệp ước với Liên Xô.

Đại đa số người Mỹ ở trong nước tỏ ý tán thành hành động kiên quyết ở vịnh Sidra, một số ít người cảm thấy lo ngại vì chuyện độ súng này.

7 giờ 45 phút ngày 19, trong buổi chiều đài giới báo chí tổ chức ở phòng phát tin Lầu Năm Góc, Ônbegơ đã đưa ra toàn bộ tư liệu mà ông có trong tay.

Vấn đề thứ nhất mà các nhà báo nêu ra là:

- Chúng ta diễn tập ở đây có phải là một sự khiêu khích đối với Libi không?

Ônbegơ trả lời:

- Không phải... Chúng ta diễn tập ở vùng biển quốc tế,

Vấn đề thứ hai là:

- Ngài vừa nói, phi công Mỹ đã hoàn thành nhiệm vụ khá tốt, hình như ngài cảm thấy rất hài lòng về việc này....

Ônbegơ trả lời:

- Tôi cảm thấy lúc này không cần thiết phải làm việc phân tích tinh thần gì cả... Nhiệm vụ chuyển bay của máy bay là trinh sát, một khi gặp phải tập kích thì cần phải đánh trả, sự việc xảy ra là như vậy. Tôi xin nhắc lại lần

nữa, tôi không có ý gì khác, chỉ cảm thấy nhiệm vụ của họ đã được hoàn thành khá tốt.

Ngày 19 tháng 8, Ônbegơ tham dự đại hội quân nhân xuất ngũ trước có chiến đấu ở nước ngoài, tổ chức mỗi năm một lần ở thành phố Philadenphia. Mặc dù truyền hình, báo chí đã đưa tin bài nói chuyện của ông trong cuộc họp báo sáng nay, nhưng trong số quân nhân xuất ngũ đến dự họp còn có rất nhiều người chưa biết chuyện này. Vì vậy, Ônbegơ thông báo lại mọi việc đã xảy ra.

Trong cuộc nói chuyện, Ônbegơ còn nhắc tới hai bài học rút ra từ chiến tranh Việt Nam:

- Nếu chúng ta không thật sự giành được phần thắng trong một cuộc chiến tranh thì đừng để phải cuốn hút vào cuộc chiến tranh đó. Tôi hy vọng và cũng tin tưởng rằng chúng ta không còn bị lôi cuốn vào chiến tranh, trừ phi chúng ta có thể giành phần thắng. Trước đây, chúng ta kêu gọi thanh niên tham gia cuộc chiến tranh mà chúng ta không thể đánh thắng, kết quả là làm cho họ chịu nhiều nỗi đau khổ to lớn.

Quan điểm này được các cựu binh tham dự cuộc họp nhiệt liệt hoan nghênh.

Nhưng cuộc nói chuyện của Cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Harôn Brao với một nhà văn phụ trách chuyên mục ở Oasinhton lại hoàn toàn trái ngược với niềm tin vững chãi của Ônbegơ. Ông nói:

- Trên thực tế, Chính phủ đang nói với mọi người, chúng ta yếu hơn người Nga, nhưng lại mạnh hơn Libi.

Nhà văn này viết:

- Điều cần chỉ ra là, Chính phủ đặc biệt của khoá này rút cục muốn được chúc mừng, đây không phải là tiêu chuẩn để đánh giá sức mạnh của Mỹ.

Mặc dù như vậy, Tổng thống Rigan mới nhậm chức ít lâu đã dùng hành động để báo cho Caraphi biết rằng: Nhà Trắng đã có người mới cai quản, động chạm đến lợi ích của nước Mỹ, Mỹ sẽ hành động ngay không một chút do dự.

Thực hiện trả đũa có mục tiêu

“Rút cục tất có một cái gì mới sẽ xuất hiện ở Libi”. Nhà tiên tri vĩ đại aristốt đã nói như vậy trong cuốn “Lịch sử động vật”. 1300 năm sau, từ trong những hố sâu mà các nhà địa chất lục đào bởi trên mảnh đất mịt mù cát bụi quả nhiên có dầu mỏ trào lên.

Trước đây, trên giải đất châu Phi từ ven bờ Địa Trung Hải chạy thẳng xuống phía nam tới hoang mạc Sahara như hình một chiếc nêm dài, chỉ có thể sinh trưởng một vài loại đại mạch, tiểu mạch hạt cứng và cỏ an - pha, chung quanh nơi đầm nước cũng chỉ có một số cây trám, cọ dầu và dừa. Năm 1969, tức mười năm sau khi phát hiện ra một lực lượng lớn dầu mỏ, Libi lại sản sinh một sự lạ thứ hai: Thượng tá Caraphi 27 tuổi làm cuộc đảo chính vũ trang, bước lên sân khấu chính trị.

Năm 1942, Muamma Caraphi sinh ra trong một lều cỏ của người Bétuin ở sa mạc Sartơ nước Libi. Cậu có ba chị gái, vì vậy cậu được bà mẹ trăm mặc ít lời và người cha luống tuổi mới có con trai, vô cùng yêu dấu. Caraphi chân cừu và lạc đà, những vật này là của cải của gia đình. Cho tới lúc tám tuổi cậu vẫn là một chú bé hoang dã, cho tới khi gặp một vị giáo đồ dạy đọc “kinh Côran” cậu mới sống có qui củ. Thời kỳ học Trung học, Caraphi bỗng nhiên nảy sinh hứng thú sâu sắc đối với chính trị, đối với những lãnh tụ cách mạng đương thời như Natse, Ben Bela, anh hết sức sùng bái. Năm mười bảy tuổi, anh đã nghĩ tới việc lật đổ Chính phủ Libi đương thời.

Khi đó, quyền thống trị Libi thuộc về idris i-người Sênasi islam giáo được nước Anh nuôi dưỡng. Chính phủ dưới quyền của ông ta, thiếu pháp luật nghiêm minh, chia nhau đất đai, quan chức lớn nhỏ tham nhũng vô độ, cảnh sát mặc sức trấn áp học sinh. Nhờ phát hiện được dầu mỏ - kho của quý to lớn, xã hội trung cổ và kết cấu kinh tế của nó tan rã nhanh chóng. Emin idris trong chớp mắt trở thành Caliphi⁽¹⁾ phong phá vô độ. Nhưng đây cũng là mảnh đất mà Caraphi phát động cuộc cách mạng. idris trong vương cung có nằm mơ cũng chẳng nghĩ tới rằng có người đang dùng cửa để cửa chân ngai vàng của ông ta.

Caraphi có niềm tin vững chắc, cảm hoá những người bạn cùng chung chí hướng, theo học ở Học viện quân sự Bancasi, lập ra đoàn thể bí mật ở đây, 12 sĩ quan đã tổ chức thành Ủy ban trung ương sĩ quan liên hợp tự do do Caraphi đứng đầu.

Ngày 1 tháng 9 năm 1969, khi Idris đang nghỉ ngơi tại một vùng điều dưỡng ở Thổ Nhĩ Kỳ thì thượng tá Caraphi đã cho bao vây đài phát thanh và trại lính, bắt năm người đứng đầu. Chỉ trong một đêm, Caraphi 27 tuổi, đã trở thành người chủ mới trên đất đai Livi. Mục tiêu cách mạng đầu tiên của Caraphi là phải chấn hưng đất nước đã nhiều lần bị nước ngoài chiếm đóng

¹ Caliphi: Tên gọi chỉ Quốc Vương nước Islam giáo ND

đánh đuổi bè lũ bán nước cuối cùng, quốc hữu hoá các xí nghiệp, A Rập hoá và Islam hoá đất nước. Ông nghiền ngẫm lâu dài về nguồn gốc và lịch sử thế giới A Rập, cho rằng những chuẩn mực của nhà tiên tri Môhamét cần phải trở thành ngọn nguồn cho sự tái sinh tinh thần nhân loại. Nhân dân Libi chịu đủ khổ đau dưới thời idric thống trị đã rung động vì lý tưởng của Caraphi, họ nổi bước theo sau, khát vọng thực hiện những gì họ mong muốn.

Từ ngày 1 tháng 9 năm 1969, Caraphi vùng gươm đứng dậy, giành được quyền thống trị Libi, đất nước rộng tới 1.759.540 km² Caraphi và nhân dân của ông đang sống trong một quốc gia rõ ràng khác với trước kia.

Năm 1974, nhà báo Mỹ nổi tiếng Giôhan Côli đã đến thăm Libi. Khi đó, cuộc cách mạng xanh do Caraphi phát động đang phát triển không ngừng. Người hướng dẫn trẻ tuổi nói với nhà báo:

- Cảm tạ thánh ala, giờ không còn người nghèo nữa, mỗi người đều có một căn nhà để ở hoặc một gian phòng khu chung cư để sống. Tôi đã có một chiếc xe hơi, vì tôi có việc làm, có lương. Mười năm thậm chí năm năm về trước, chẳng ai dám nghĩ rằng tôi lại có thể có đủ mọi thứ. Bây giờ thì bảo đảm cho mọi người đều có những thứ đó.

Giọng nói của hướng dẫn viên không giấu được niềm tự hào. Vì rằng trước năm 1969, Libi là một trong những quốc gia nghèo khổ nhất trên thế giới. Một số rất nhỏ tầng lớp trên quyền quý dựa vào dầu lửa mà bốc lên. Họ ngồi trên những chiếc xe hơi Cadilac sang trọng phóng đi trên đường phố lớn ở Toripôli hoặc Bengazi, chẳng thèm để mắt đến những chiếc xe ngựa, những con lạc đà chở hàng ở hai bên đường và những căn nhà nhỏ của đông đảo dân chúng chen chúc ở các phố nghèo. Những người cùng khổ xin lau rửa xe hơi kiếm chút tiền, những người ăn mày xin ăn dọc phố, những tên cò mồi dắt khách cho gái làng chơi và những quân trộm cắp lang thang khắp nơi trong thành phố, mong sao kiếm được chút tiền thừa của người nước ngoài hoặc tình cờ được một người Libi nào đó rộng lòng bố thí. Trong những năm tháng đó, các khu chợ trong các thành phố Libi là nơi trú ngụ của dân nghèo, về mặt nào đó chẳng khác gì với Cairô, Casablanca hoặc Angiê.

Giôhan Côli ra khỏi sân bay, nhìn thấy những toà nhà chung cư cao tầng màu vàng sẫm hoặc màu xám nhạt mới xây dựng và những căn nhà ở riêng biệt bốn hộ một đơn nguyên mà trước kia nơi đây chỉ là sa mạc hoang vu không một bóng người. Những kẻ ăn xin và người cùng khổ không còn bóng dáng trên đường phố. Trên sân bay, bốn xe ô tô hoặc ở khách sạn, khách đều phải tự mang sách hành lý vì lời kêu gọi cách mạng của Caraphi là xoá bỏ

việc phục vụ kiểu hầu hạ.

Nguồn của cải giàu có về dầu lửa và cuộc cách mạng văn hóa của Caraphi đã đem lại sự biến đổi vật chất khiến mọi người phải chú ý. Nhà nhân loại học Mỹ Giôhan Maisen đã nhận thấy sâu sắc điều đó. Trước cách mạng không lâu, ông đến ở vùng cây xanh Aughira thuộc tỉnh Syrênaica, đây là nơi cư trú của người Bécbe A Rập hoá một nơi yên lành tĩnh mịch. Từ năm 1968 đến năm 1970, Maisen đã tiến hành khảo sát thực địa ở Libi kiêm làm giảng viên. Trong khoảng thời gian đó, ông cảm thấy cuộc sống thật nghèo khổ. Chỉ có một đường giao thông, vận chuyển thô sơ và những nhà ở như tổ chim dùng những thiết bị máy móc cũ nát để cải thiện đời sống gian khổ thường ngày và giảm nhẹ cường độ lao động trong việc trồng trọt những loại cây xanh như cà chua, khoai tây, cải bắp, dưa. 7 năm sau tháng 6 năm 1977, Maisen trở lại Aughra. Ông kinh ngạc nhận ra vùng đại xanh của những người chăn nuôi xưa kia “trong một đêm đã biến thành một đô thị đông đúc nhộn nhịp”. Những chung cư mới, những đền thờ mới xây dựng hoặc trùng tu mọc lên san sát cùng với những rặng dừa chen nhau lấp lánh, tạo thành một bức tranh phong cảnh đẹp kiểu như Caliphoonia.

Caraphi thông hiểu tâm lý dân tộc mình, có niềm tin kiên định, được miêu tả thành một nhân vật siêu phàm ở Libi. Ông đã khôn khéo sử dụng con bài chính trị dầu lửa và rất được lòng dân, làm cho vương quốc sa mạc của ông được xuất dầu lộ diện, thoát được địa vị im hơi lặng tiếng; cũng làm cho nhân dân của ông thoát khỏi cảnh bần cùng, thoát khỏi bóng đêm trì trệ. Nhưng tấm lòng nhiệt thành của ông cũng khiến cho ông có nhiều kẻ thù trên thế giới. Trong đám kẻ thù này, nước Mỹ đứng đầu thế giới phương Tây, nước được gọi là “cảnh sát quốc tế”, là nỗi ám ảnh rất lớn trong lòng Caraphi. Tuy rằng Caraphi chưa từng thấy các tổng thống Mỹ qua các khoá từ năm 1968 đến năm 1988: Risac Nicholson, Giêrôn Pho, Giemi Cato, và Rônan Rigân, nhưng từ đáy lòng mình ông vẫn coi họ là kẻ thù không đội trời chung với dân tộc ông và bản thân ông.

Không lâu sau trận kịch chiến không ở vịnh Sidra, Chính phủ Mỹ liên lộ ra tin tức nói rằng, ít ra có tới 14 sát thủ Libi đã đột nhập vào nước Mỹ, bọn họ rõ ràng có âm mưu ám sát Tổng thống Rigân, Quốc vụ khanh Tlâygo hoặc quan chức cao cấp khác. Từ đó, trên nóc Nhà Trắng ở Oasinhton luôn có đội tuần tra mai phục để đối phó với những kẻ sát thủ liều mạng. Tổng thống Rigân và Phó tổng thống Bus ra vào đều được sắp xếp cực kỳ cẩn thận, thiết lập nhiều vòng bảo vệ. Ví như, cho chạy một xe con cao cấp làm mục tiêu

giả, lại có đội xe mô tô làm như đi hộ tống để nhử cho “nhóm ám sát” trong tưởng tượng này mắc bẫy. Trong trường hợp Tổng thống Rigan phải xuất hiện công khai, các vệ sĩ phải để ông mặc áo chống đạn. Tổng thống đi máy bay trực thăng đến nơi nào, lộ trình chỉ được xác định trước khi cất cánh vài phút, vì cơ quan tình báo, báo cáo rằng, các sát thủ Libi vào nước Mỹ đều mang theo tên lửa cầm tay hạng nhẹ điều khiển bằng tia hồng ngoại, mưu đồ bắn rơi chiếc máy bay trực thăng của Tổng thống từng được gọi là “Đội thủy quân lục chiến số 1”

Rút cục thật sự có hay không có sát thủ xâm nhập khiến cho tất cả các nhân viên tình báo Mỹ đều phải ra quân? Điều này chưa được chứng thực, khiến cho các nhà phân tích nước ngoài cũng khó mà tin được, nhưng Oasinhton lại hết sức coi trọng chuyện này. Để tiến hành báo thù, Tổng thống Mỹ đã ra lệnh rút 1500 đến 2000 người Mỹ ra khỏi Libi, phần lớn trong số đó là công nhân dầu khí. Thế là đám đông người Mỹ mang vali túi xách ra về chẳng vui vẻ gì.

Cái nhìn thù địch giữa Mỹ và Libi tiếp tục phát triển, hai bên đều không nhượng bộ, việc tuyên truyền về mối đe dọa của đối phương ngày một gia tăng.

Ngày 28 tháng 3 năm 1986, Chính phủ Libi ra tuyên bố chính thức, kêu gọi “toàn thể nhân dân ARập hãy tẩy chay hàng hoá Mỹ”

Tháng 3 năm 1986, Caraphi nêu lại chủ trương phong toả vùng biển quốc tế ở vịnh Sidra mà ông đã đề xuất từ năm 1981. Caraphi gọi vùng Vịnh Sidra và không phận ở đó là “vùng chết”, và thề rằng nhất định sẽ bắn phá quân hạm và máy bay Mỹ đi qua khu vực này. Ông cho bố trí tên lửa phòng không tầm xa SA - 5 và tên lửa SA 2 do Liên Xô chế tạo. Những tên lửa này có thể bắn trúng máy bay Mỹ hoạt động trên không phận vùng biển quốc tế từ phía nam vĩ tuyến 32°30’.

Từ năm 1981 trở đi, Mỹ tiếp tục tiến hành diễn tập hải quân theo dự định, để hải quân có khả năng thích ứng với mọi tình huống có thể xảy ra. Trong kế hoạch diễn tập có một số tiết mục đòi hỏi quân hạm và máy bay Mỹ phải bất chợt tiến hành diễn tập ở “vùng chết”.

Ngày 14 tháng 3 năm 1986, tại cuộc họp tổ kế hoạch Uỷ ban an ninh quốc gia, Tổng thống Rigan quyết định cuộc diễn tập quân sự tiến hành như thường lệ, bao gồm trong đó cả vùng Vịnh Sidra ở phía nam vĩ tuyến 32°30’.

Ngay sau đó, Mỹ ra thông báo về cuộc diễn tập hải không quân, chỉ định cụ thể khu vực diễn tập. Ngày 21 tháng 3 năm 1986, với danh nghĩa Chính phủ, chính thức ra thông báo cho hải quân và không quân, tiếp theo là

bắt đầu làm kế hoạch sớm cho cuộc diễn tập quân sự. Từ năm 1981 đến nay, đây là cuộc diễn tập hải quân lần thứ 19 của Mỹ tiến hành tại vùng biển này và là lần diễn tập thứ 8 ở đây sau khi Caraphi tuyên bố về “vùng chết”.

Những quy định mới về nguyên tắc hành động đã được giao cho thượng tướng Phrăng Kiensu, tư lệnh Hạm đội 6 Địa Trung Hải của Mỹ. Trên thực tế đây là “nội quy” cho các hạm trưởng quân hạm và cơ trưởng máy bay khi hoạt động trên vùng biển nước ngoài. Người Mỹ cho rằng, tên lửa Libi hoặc Liên Xô chỉ trong vài giây là phủ kín mấy dặm Anh, sĩ quan chỉ huy tại chỗ cần phải áp dụng những biện pháp phòng bị cần thiết dựa theo phương châm chỉ đạo cơ bản chính xác để bảo đảm chắc chắn hoàn thành nhiệm vụ diễn tập. Họ có thể tự mình thực hiện hành động đánh trả, không nhất thiết phải thỉnh thị trước Tổng tư lệnh ở Oasinhton hoặc các Bộ tư lệnh khác.

Những nguyên tắc hành động này đã được tổng thống Rigan phê chuẩn. Nguyên tắc quy định, sau khi Mỹ đã thông báo cho Libi và các nước khác biết quân Mỹ sắp tiến hành diễn tập quân sự, nếu như tàu chiến hoặc máy bay của Libi ở khu vực này có hành động đối địch, tàu chiến và máy bay Mỹ sẽ nổ súng công kích.

Bộ trưởng Quốc phòng Ônbegơ nói lần này Libi sẽ có mưu đồ thực thi kế hoạch của họ. Ônbegơ cho rằng nguyên tắc hành động cho dù đã định ra tỉ mỉ đến như vậy nhưng vẫn còn có các cách giải thích khác nhau. Vì vậy, ông quyết định phải thảo luận thêm với thượng tướng Kiensu. Họ gặp nhau trong một nhà khách ở Luân Đôn, lúc đó Ônbegơ vừa dự xong cuộc họp chuẩn bị cho hội nghị khối Hiệp ước Bắc đại Tây Dương.

Vừa gặp mặt, Ônbegơ đã nói:

- Chào Thượng tướng, tôi biết cho dù chúng ta định ra nguyên tắc hành động tỉ mỉ đến như thế nào vẫn cứ còn những cách hiểu khác nhau, thậm chí sẽ áp dụng các thủ đoạn và phương pháp khác nhau. Cho nên tôi muốn để ông hiểu rõ những nguyên tắc tỉ mỉ cụ thể mà tôi suy nghĩ là gì, và cũng nhân dịp thảo luận này, hai chúng ta phải giữ được sự nhất trí về quan điểm.

- Điều đó không bình thường, nhưng tôi rất vui lòng - thượng tướng Kiensu nói.

Ônbegơ tiếp tục giảng giải:

- Trước hết, chúng ta cần phải tự do ra vào vùng biển quốc tế mà chúng ta muốn đến, nhưng Libi công khai ngăn trở chúng ta như vậy, hơn nữa Caraphi còn nói phải tập kích chúng ta. Bây giờ công bố những nguyên tắc mới này chính là để cho ông mang hết sức lực làm cho chúng ta có thể tự do

qua lại vùng biển quốc tế này.

Thượng tướng Kiensu gật gật đầu, suy nghĩ một lát, nói:

- Tôi nghĩ nếu như trong lúc diễn tập, máy bay của ta bay vượt qua “vùng chết” Caraphi, Libi sẽ dùng tên lửa SA - 5 bắn vào chúng ta. Tôi cho rằng như thế là có “ý đối địch”.

- Đúng là như vậy - Ônbegơ đáp - không nghi ngờ gì nữa, đó chính là dấu hiệu “đối địch” mà ông có được.

Ônbegơ nói tiếp:

- Vì thế, trong tình huống đó, ông có thể theo ý mình tiến công quân đội Libi ở vùng biển quốc tế, đây là nội dung mới bổ sung trong bản nguyên tắc hành động. Ngoài ra, thưa thượng tướng, tôi cần để ông hiểu rõ vì sao tôi lại đến gặp ông ở đây, đó chính là tôi hoàn toàn ủng hộ ông, nghĩ rằng ông sẽ áp dụng mọi hành động cần thiết.

Ônbegơ bổ xung thêm:

- Tôi biết quân ta có thể gặp tổn thất, nhưng mong rằng ông sẽ gắng hết sức để giảm nhẹ thương vong. Tuy nhiên, điều trọng yếu nhất tôi muốn ông hiểu rõ là quyết không để cho Caraphi hù dọa chúng ta, quyết không thể để cho ông ta thực thi kế hoạch uly hiếp.

Cuối cùng ông sắp bước vào một nơi gian nan nguy hiểm, ý của tôi cũng như ý định trong bản nguyên tắc hành động là ông sẽ áp dụng những biện pháp mà ông cho là cần thiết để hoàn thành kế hoạch diễn tập. Không ai có thể ngăn cản cuộc diễn tập này. Tôi sẽ hoàn toàn ủng hộ ông sử dụng mọi biện pháp trong tình huống có đối địch. Một khi phát hiện có tình huống, ông thấy làm thế nào là thích hợp thì cứ theo quyết định của mình mà làm. Bây giờ hãy nói cho tôi biết, ông còn cần gì không?

- Không còn cần gì nữa - Kiensu trả lời. Tôi nghĩ rằng, những cái tôi cần đều đã có. Chỉ thị của ngài rất bổ ích, cuộc nói chuyện như thế này thật là tuyệt.

Ý đồ cuộc nói chuyện của Ônbegơ với Thượng tướng Kiensu thật rõ ràng, nước Mỹ quyết ra tay với Caraphi.

7 giờ 52 phút sáng ngày 24 tháng 3 năm 1986, khi máy bay Mỹ đang bay tuần tiễu trên không phận vịnh Sidra ở nam vĩ tuyến 32°30', phối hợp với hoạt động của hạm đội thì Libi phóng đi hai quả tên lửa SA - 5 do Liên Xô cung cấp về phía họ, nhưng không bắn trúng,

Buổi sáng, trước khi Mỹ bắt đầu tiến hành phản kích, hai máy bay Libi MGI - 25 (máy bay chiến đấu do Liên Xô chế tạo) đã bay lại gần máy bay

trình sát của Mỹ, nhưng bị phi công Mỹ chặn lại nên phải quay về.

Khoảng 2 giờ rưỡi chiều ngày 24 tháng 3, người Mỹ đã ra tay. Một tàu sân bay loại A6 của họ đã bắn chìm một tàu tuần tra có mang tên lửa cực nhanh của Libi khi chiếc tàu này đang tiến gần tới một số tàu Mỹ.

4 giờ 15 phút chiều cùng ngày, quân Mỹ nổ súng tấn công một tàu chiến khác có mang tên lửa của Libi (do Liên Xô chế tạo). 7 giờ tối, quân Mỹ phát hiện một bộ phóng tên lửa SA 5 có giàn ra - da đang hoạt động để theo dõi máy bay Mỹ. Hai tàu sân bay khác của Mỹ đã phá huỷ trận địa này.

Hành động quân sự của Mỹ đã khiến cho nhân dân Libi phẫn nộ, Caraphi nhân thế cổ vũ nhân dân xây dựng niềm tin, kiên trì cuộc chiến đấu với Mỹ.

Ngày 28 tháng 3, Caraphi ra tuyên bố chính thức, khuyến khích “toàn dân Arập” đánh phá mọi thứ của Mỹ “bất kể đó là tài sản, hàng hoá, tàu thuyền, máy bay hay chính là người Mỹ”

Ngày 5 tháng 4, trong một hộp đêm ở Tây Beclin tràn đầy tiếng cười, lời hát, đèn mầu, rượu mạnh, mọi người đang tận hưởng niềm vui cuộc sống. Bỗng nhiên vang lên một tiếng nổ lớn, phá tan niềm vui cuộc sống như mộng của họ. Một trái bom đã phát nổ. Chết tại chỗ một quân nhân Mỹ, một phụ nữ Thổ Nhĩ Kỳ, làm bị thương 230 người trong có 50 quân nhân Mỹ.

Nhân viên tình báo Mỹ tuyên bố, kết quả điều tra chứng tỏ gây ra vụ khủng bố này là do Libi chỉ đạo, chứng cứ rõ ràng, Libi phải chịu trách nhiệm về việc này.

Phía Libi cự tuyệt lời chỉ trích của Mỹ và vạch ra Mỹ đang tạo dựng âm mưu, tiến hành đe dọa không biết xấu hổ đối với Libi.

Vụ nổ trong hộp đêm ở Tây Beclin đã đem lại cho Mỹ một cái cớ tuyệt hảo để đối phó với Caraphi. Oasinhton đang khẩn trương nhưng rất bí mật tiến hành một việc làm trọng đại.

Tiếng bom nổ trong hộp đêm ở Tây Beclin đã làm Tổng thống Mỹ và phu nhân Nanxi tỉnh mộng. Khi đó, họ đang nghỉ ngơi trong một trang trại bang Caliphocnia. Vào lúc này, các công nhân dầu mỏ Mỹ ở Libi đã rời khỏi nơi này, thế là trong đầu Rigân đã định sẵn chủ ý phải để cho Caraphi ở Toripôli ném thử quả bom sát của người Mỹ.

Rigân khinh thường gọi Caraphi “không chỉ là một kẻ dã man mà còn là một kẻ không kham nổi một quả bom”. Rigân yêu cầu. Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân định ra một kế hoạch, phải cho Caraphi một bài học thích đáng nhưng không làm thương tổn đến dân thường vô tội.

Khi ấy, một số người, nhất là những người trong Nội các gọi là đánh trả “không mục tiêu” đòi phải dùng hành động “trả đũa” ngay. ý kiến của họ là, nếu biết phần tử khủng bố ở một thành phố nào đó tại Syri hoặc Iran thì có thể ném bom thành phố đó. Một số người khác trong đó có Tổng thống Rigan, phản đối biện pháp trả đũa đơn giản đó, họ đồng ý một khi phát hiện và tìm thấy phần tử khủng bố thì phải giáng trả “có mục tiêu”, tức là dùng cách đánh trả tương ứng với hành động của phần tử khủng bố, đánh vào những nước duy trì hoạt động khủng bố, ngăn chặn sự việc này xảy ra một lần nữa.

Ngày 7 tháng 4 năm 1986, trong một cuộc họp của Ủy ban an ninh quốc gia, Tổng thống Rigan đã nghiên cứu bản đồ và ảnh chụp ở Libi, lựa chọn, kể cả việc tập kích vào một số địa điểm ở Toripôli có thể gây ra thương vong cho dân thường.

Người Mỹ nhấn mạnh rằng kế hoạch này cần phải làm tỉ mỉ chu đáo, cần hiệp đồng hành động. Nhiệm vụ tập kích chính sẽ giao cho máy bay ném bom F-111 đang đỗ ở Anh và các máy bay trên hàng không mẫu hạm ở Địa Trung Hải đảm nhiệm. Mỹ còn phái đến máy bay làm nhiệm vụ trinh sát, tìm kiếm và cứu hộ (những máy bay này bay đến từ hàng không mẫu hạm của hạm đội hải quân). Các máy bay của hạm đội Địa Trung Hải cần phải làm cho các trạm ra - đa của Libi mất sức chiến đấu, trước khi các máy bay ném bom bay tới. Cuộc tập kích như vậy cần đến sự hợp tác và chi viện hậu cần lớn lao. Mỹ sẽ có hơn 100 máy bay tham gia chiến đấu, nhiều máy bay sẽ phải bay từ rất xa đến đây. Những hành động này cần phải phối hợp hết sức chặt chẽ, không để một chút sai sót, khi các máy bay ném bom từ Luân Đôn vừa đến thì máy bay hải quân phải bất ngờ, chớp nhoáng huỷ diệt các trạm ra - đa của Libi.

Trước khi xảy ra sự kiện này, rất nhiều báo chí đã tiết lộ, cuộc gặp gỡ tại một hộp đêm ở Beclin, đang chuẩn bị cho việc ném bom Libi để thực hiện hành động trả đũa, nhưng người Mỹ vẫn hy vọng nắm được yếu tố bất ngờ.

7 giờ ngày 13 tháng 4, sáng sớm chủ nhật, Bộ trưởng quốc phòng Ônbecơ quay về Andrs. Kể từ lúc máy bay cất cánh cho tới trước khi hạ cánh, ông giành hầu hết thời gian để suy nghĩ về kế hoạch tập kích Libi, suy nghĩ về các tình huống có thể xảy ra ngoài ý muốn và cách xử lý phải như thế nào, suy nghĩ xem đã dự liệu đầy đủ mọi tình huống khẩn cấp hay chưa. 3 giờ chiều Ônbecơ và Uôn tap cùng các cấp chỉ huy quân đội triệu tập cuộc họp ở Lâu Năm Góc, xét duyệt lần nữa phương án hành động quân sự.

Cuối cùng, tổng thống Rigan đã chọn ra năm mục tiêu chiến lược cũng

nghĩa về mặt đạo lý đều có thể đánh mà không phải bắn khoản gì. Năm mục tiêu đó là:

1. Cơ sở thiết bị bơi lội ở Môrats Hit Pila. Mỹ cho rằng đây là một trường học nổi tiếng để đào tạo vận động viên bơi lội hoặc huấn luyện biệt kích.

2. Trại lính Asisya. Mỹ cho rằng đây là trung tâm liên lạc, kiểm soát và chỉ huy mọi hoạt động của các nhóm khủng bố Libi.

3. Sân bay quốc tế Toripôli. ở đây có các máy bay vận tải hạng nặng IL - 76/ CAN - DID của Libi.

4. Trại lính Penkhax. Mỹ cho rằng đây là nơi đóng quân của đơn vị bộ đội tinh nhuệ của Caraphi và một số đơn vị chuyên hoạt động khủng bố.

5. Sân bay Bênila. Mỹ cho rằng nơi đây tuy không trực tiếp tham dự vào các hoạt động khủng bố nhưng vẫn là mục tiêu ném bom cốt để các đơn vị phòng không không thể ngăn cản được máy bay Mỹ.

Mục tiêu đã xác định, việc ném bom đặt sát trước mắt.

Tổng thống Rigan đích thân gọi điện thoại cho Thủ tướng Anh quốc, đề nghị Anh đồng ý cho quân Mỹ sử dụng máy bay ném bom F - 111 ở căn cứ tại nước Anh.

Bà Thatcher hăng hái nhận lời khiến cho Mỹ hân hoan phấn khởi. Nhưng tổng thống Pháp Phrăngxoa Mitorăng từ chối không cho máy bay ném bom F - 111 của Mỹ bay qua không phận nước Pháp. Sự bất hợp tác giữa Pháp và Mỹ đã có truyền thống lịch sử. Thời Đờ Gôn là thời kỳ đối kháng nghiêm trọng ở đỉnh cao. Từ chối hợp tác với Mỹ, Tổng thống Pháp còn đưa ra lời khuyến cáo với Mỹ cần áp dụng hành động tập kích như thế nào, kiến nghị giáng cho Caraphi một đòn nặng nề mà “không cần phí sức”. Bộ trưởng quốc phòng Ônbegơ rất bức mình với người Pháp, coi đây là “sự việc điển hình khiến người ta tức giận”. Tổng thống Rigan cũng rất khó chịu với cách làm của Pháp. Ông nghĩ rằng: “Trong vấn đề chống các hoạt động khủng bố, tất cả các quốc gia văn minh đều ngồi chung trên một con thuyền. Thế mà, chỉ ít là ở nước Pháp, xem xét tác dụng chủ yếu về mặt kinh tế: nước Pháp bề ngoài thì chế trách các hoạt động khủng bố, nhưng Pháp lại buôn bán không phải là ít với Libi, cho nên hai bên đều phải chiếu cố tới nhau, đó là đặc điểm của Pháp”.

Italia cũng từ chối yêu cầu của Mỹ xin bay qua không phận của họ. Như vậy máy bay ném bom F - 111 bay từ Anh buộc phải bay thêm một số giờ, đi vòng hơn 1000 dặm Anh, hơn nữa suốt buổi tối không thể sử dụng các thiết bị thông tin vô tuyến để liên hệ với nhau. Trong chuyến bay lạng lẽ đó, máy bay

phải bốn lần tiếp dầu bắt đầu ở gần tuyến bờ biển nước Pháp, rồi ở Tây Ban Nha, sau đó ở một vùng thuộc Bắc bộ Angiêri, lần cuối cùng là ở Bắc bộ Tuynidi. Mặc dù, không quân coi việc đó là chuyện cực kỳ bình thường, nhưng việc tiếp dầu cho máy bay quả thực là chuyện rất mạo hiểm, nhất là trong tình hình không được phép tiến hành thông tin liên lạc, chấp hành nhiệm vụ như vậy trong đêm tối rõ ràng là không dễ dàng gì.

7 giờ chiều ngày 14 tháng 4, giờ Oasinhton, tức 2 giờ sáng ngày 15 theo giờ Libi, không quân Mỹ theo kế hoạch đã định, bắt đầu ném bom xuống Toripôli Thủ đô Libi, nơi được coi là căn cứ của bọn khủng bố.

Máy bay Mỹ bay trên mục tiêu khoảng 11 phút, trái bom đầu tiên phát nổ đúng vào lúc 2 giờ sáng theo giờ Libi.

Tại phòng tin tức ở Lầu Năm Góc, Ônbecơ, Thượng tướng hải quân Uyliam Cơ lao, chủ tịch hội đồng Tham mưu trưởng liên quân đang ngồi chờ tin mới nhất từ tiền phương báo về.

Tổng thống Rigan đã trình bày với người đứng đầu Quốc hội những sự việc sắp xảy ra. Đêm khuya trở về khu gia đình ở Nhà Trắng, Rigan ngồi vào bàn làm việc ghi vào nhật ký tình hình trận tập kích:

Theo báo cáo bước đầu, toàn bộ máy bay đã rút ra hết, nhưng có hai chiếc F - 111 không có tin tức. Có thể do vô tuyến điện trực trực, cũng có thể đã bị bắn rơi. Tình hình lúc này chưa rõ ràng. Nhưng khẳng định một điều là lần tập kích này đã thành công.

9 giờ 15 phút tối, Bộ trưởng quốc phòng Ônbecơ và Quốc vụ khanh Sunxơ cùng tới cơ quan báo chí ở Nhà trắng, giới thiệu tóm tắt tình hình.

Không quân Mỹ đã chụp ảnh trận ném bom này. Các bức ảnh đã hiện rõ khu vực máy bay siêu tốc bay qua, khiến người ta cảm thấy rõ ràng rằng, bay đêm cách mặt đất 200 thước Anh với tốc độ 500 dặm Anh một giờ thực là cực kỳ khó khăn. Khi phi công phát hiện được mục tiêu - những chiếc máy bay vận tải quân dụng hạng nặng do Liên Xô chế tạo nằm trên bãi đỗ, máy ảnh nhanh chóng nhằm đúng mục tiêu, có thể nhìn thấy rõ ràng, tia sáng điều khiển quả bom tự động bay tới mục tiêu, cùng với những tiếng nổ của máy bay vận tải Liên Xô, toàn bộ sân bay bị chìm trong làn khói đen dày đặc.

Trong trận tập kích đường không này, Mỹ mất một chiếc máy bay F - 111, hai phi công mất tích.

Người Mỹ cảm thấy vừa lòng với kết quả trận tập kích quân sự của mình. Ônbecơ thậm chí cho rằng "Tổng thống Rigan đã nâng cao mạnh mẽ uy tín và thanh danh ở trong nước và ngoài nước." còn ông ta thì "cảm thấy

hết sức vui sướng trước biểu hiện kiệt xuất của quân ta”

Điều làm cho người ta khó hiểu là, trước sự vui mừng điên cuồng của người Mỹ, Caraphi lại giữ vẻ im lặng hiếm thấy. Đương nhiên, ông chưa người mới thù với nước Mỹ, ông vẫn xây dựng lực lượng để thực hiện niềm tin của mình. Huy động vũ trang rút cục không phải là phương pháp có hiệu quả cuối cùng để giải quyết các vấn đề. Chỉ có điều một số tin tức của giới báo chí đưa ra sau đó hầu như bất lợi cho hình ảnh của ông từng được coi là siêu nhân ở Libi. Nghe nói sau trận tập kích đường không, Caraphi đã huỷ bỏ nhiều kế hoạch vốn đã định để ông xuất hiện công khai, ông đã ở lì một thời gian dài trong sa mạc, và hầu như mỗi tối ông đều ngủ ở một địa điểm khác nhau.

IV-CATƠ KÝ “PHÁP LỆNH VỀ QUAN HỆ VỚI ĐÀI LOAN”

Quá trình nảy sinh “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan”

Tháng 12 năm 1978, Chính phủ hai nước Trung - Mỹ ký kết hiệp định và tuyên bố với toàn thế giới: hai nước công nhận lẫn nhau và kiến lập quan hệ ngoại giao bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 1979, Chính phủ chấp nhận ba nguyên tắc trong quan hệ ngoại giao mà Chính phủ Trung Quốc đã chủ trương công khai lâu dài, tức là Mỹ cắt đứt quan quan ngoại giao với Đài Loan, đình chỉ “Hiệp ước phòng thủ chung” Mỹ - Đài Loan, rút các nhân viên quân sự khỏi Đài Loan. Trong “Thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ” ngày 1 tháng 1 năm 1979, nước Mỹ “công nhận Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất, trong phạm vi này, nhân dân Mỹ sẽ duy trì quan hệ văn hoá, buôn bán và các quan hệ phi chính phủ với nhân dân Đài Loan”. Thông cáo chung này đã mở một trang mới trong lịch sử quan hệ Trung Mỹ.

Khi có được hiệp nghị kiến lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ. Chính phủ Cato từ từ biểu thị sẽ “điều chỉnh” pháp luật Mỹ để phù hợp với tình hình mới sau khi bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ, giải quyết quan hệ phi chính phủ giữa Mỹ với Đài Loan. Ngày 26 tháng 1 năm 1979, Chính phủ Cato đệ trình với quốc hội Mỹ bản dự thảo “pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan”. Hai viện trong quốc hội đã thảo luận khoảng hai tháng. Ngày 28 và 29 tháng 3 lần lượt thông qua văn bản cuối cùng, ngày 10 tháng 4 Tổng thống Cato ký vào sắc lệnh.

“Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” được định ra ngay sau khi công bố “Thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ” mà theo các quan

chức Mỹ giới thiệu là để giải quyết quan hệ Mỹ - Đài Loan trong tình hình mới khi Trung - Mỹ đã đặt quan hệ ngoại giao. Vì thế, pháp lệnh này cần phải tuân thủ nghiêm ngặt và thể hiện đầy đủ những nguyên tắc cơ bản mà nước Mỹ đã xác nhận trong “Thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ”, thích ứng thật sự với tình hình mới sau khi Trung - Mỹ đặt quan hệ ngoại giao. Nhưng khi Tổng thống Cator đệ trình với quốc hội bản dự thảo “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” thì ngay trong lời thuyết minh của các quan chức cao cấp Chính phủ soạn thảo bản dự thảo đệ trình Quốc hội này, cũng đã bao hàm một số nội dung nào đó trái với hiệp nghị thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ. Trong quá trình thảo luận ở Quốc hội, tuy các nghị sĩ nói chung không phản đối việc đặt quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ, cho rằng điều đó phù hợp với lợi ích của nước Mỹ, nhưng không ít nghị sĩ công kích Chính phủ Cator đã “nhượng bộ quá nhiều” đối với Trung Quốc khi thực hiện bình thường hóa quan hệ Trung - Mỹ, muốn ra sức đưa thêm điều khoản này, điều khoản nọ vào trong “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” trái với “Thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ”, đưa lập trường về vấn đề Đài Loan để kéo dài hiệp nghị về thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ. Kiến nghị của họ chủ yếu xoay quanh hai vấn đề lớn sau đây:

Một là vấn đề “bảo đảm an ninh cho Đài Loan” sau khi chấm dứt “Hiệp ước phòng thủ chung” Mỹ - Đài Loan. Trong bản dự thảo “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” mà Chính phủ Cator đệ trình trước Quốc hội, không có quy định về mặt này. Nhiều nghị sĩ Quốc hội còn cho rằng đây là “thiếu sót lớn” của bản dự thảo. Không ít nghị sĩ chủ trương nước Mỹ cần phải gánh vác rõ ràng nghĩa vụ “bảo vệ Đài Loan khỏi bị Trung Hoa đại lục tấn công”. Một số nghị sĩ thậm chí yêu cầu đưa nguyên một số điều khoản trong “Hiệp ước phòng thủ chung” chuyển sang “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan”. Còn một bộ phận nghị sĩ thì chủ trương quy định bằng văn bản, nếu như Trung Quốc sử dụng vũ lực với Đài Loan, nước Mỹ lập tức xoá bỏ sự công nhận đối với Trung Quốc kể cả việc cắt đứt trao đổi kinh tế qua lại với Trung Quốc. Hoặc yêu cầu Chính phủ Mỹ đòi Chính phủ Trung Quốc bảo đảm không dùng vũ lực tấn công Đài Loan. Hoặc kiến nghị, trong điều khoản Mỹ tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan thì cần ghi chú rõ ràng bao gồm những trang bị quân sự tiên tiến nhất v.v... Đa số nghị sĩ tuy không đồng ý với cách làm quá lộ liễu đó nhưng cũng cho rằng, Tổng thống Cator tuyên bố trong khi thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ chỉ tỏ ý rằng nước Mỹ “quan tâm giải quyết hoà bình vấn đề Đài Loan” như vậy là không đủ, trong “Pháp lệnh về quan hệ với

Đài Loan” cần phải quy định một số điều khoản “bảo đảm an toàn cho Đài Loan”. Chỉ có rất ít nghị sĩ vạch ra rằng, nước Mỹ một mặt kiến lập quan hệ mới với Trung Quốc, đình chỉ “Hiệp ước phòng thủ chung” Mỹ - Đài Loan, mặt khác lại tỏ ra không thể chấp nhận Trung Quốc dùng vũ lực đối với Đài Loan, thế là tự mâu thuẫn với mình. Nói tóm lại, Quốc hội Mỹ lúc đó tranh luận về vấn đề này, đúng như trên tập san của Quốc hội “Thông cáo hàng tuần” đã viết, chủ yếu là trong “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan”, cần hay không cần đưa thêm vào điều khoản “Bảo đảm an toàn cho Đài Loan” mà nước Mỹ về phương diện này, đã có nghĩa vụ phải đảm nhiệm, “rút cục cần phải mạnh mẽ đến mức độ nào, chính thức đến mức độ nào”. Nói theo cách nói của Chủ tịch uỷ ban ngoại giao thượng nghị viện là “làm sao khắc hoạ được sự bảo đảm này một cách tốt nhất”.

Hai là vấn đề tính chất của cơ quan hành sự mà Mỹ và Đài Loan đã thiết lập, trên thực tế cũng là vấn đề tính chất của mối quan hệ Mỹ - Đài Loan. Chính phủ Cator vốn có kiến nghị với Quốc hội, để xử lý mối quan hệ phi chính phủ giữa nước Mỹ và Đài Loan, Mỹ sẽ thành lập ở Đài Loan “Hiệp hội Mỹ ở Đài Loan”, về mặt pháp luật, chỉ là một hội đoàn có tính chất dân gian; Đài Loan cũng thiết lập một cơ quan tương tự như vậy ở Mỹ (tức cái gọi là “Ủy ban điều hành sự vụ Bắc Mỹ”). Nhưng trong quá trình thảo luận ở Quốc hội, không ít nghị sĩ muốn ban cho những cơ quan này có tính chất, của chính phủ, tính chất nhà nước rõ ràng. Có người chủ trương phải bổ nhiệm người phụ trách “Hiệp hội Mỹ ở Đài Loan” giống như bổ nhiệm quan chức cao cấp trong Chính phủ và Đại sứ ở nước ngoài. Có người chủ trương viên chức làm việc trong “Hiệp hội Mỹ ở Đài Loan” cần được xếp vào danh sách hưởng lương của viên chức làm việc trong Chính phủ. Có người chủ trương viên chức làm việc ở “Ủy ban điều hành sự vụ Bắc Mỹ” được hưởng tất cả đặc quyền và miễn trừ ngoại giao như quan chức ngoại giao. Khá nhiều nghị sĩ thậm chí yêu cầu thiết lập “Phòng liên lạc” qua lại ở Mỹ và ở Đài Loan giống như “Phòng liên lạc” thiết lập giữa Mỹ và Trung Quốc trong thời kỳ trước khi có quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ. Đa số nghị sĩ tuy phủ quyết những “điều sửa đổi” này nhưng vẫn thông qua mấy nghị quyết tương đối hàm súc cho cơ quan hành sự thiết lập ở Mỹ và Đài Loan trên thực tế có tính chất là cơ quan ngoại giao.

Từ đó có thể thấy tư tưởng chỉ đạo giữ vai trò chi phối của Quốc hội Mỹ khi thông qua “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan”, không phải là thông qua “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” như thế nào để quán triệt được các nguyên tắc cơ bản của “Thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại

giao Trung - Mỹ" mà Mỹ vừa ký kết với Trung Quốc, mà là phải dùng "Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan" như thế nào để hạ thấp và phủ định từng phần những nguyên tắc đó. Một thượng nghị sĩ thừa nhận: Điều mà Quốc hội Mỹ tìm kiếm khi thông qua "Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan" là ra sức duy trì hiện trạng, giữ quan hệ như cũ với Đài Loan, hầu như sau khi kiến lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ, quan hệ giữa Mỹ và Đài Loan chẳng có thay đổi gì.

Tổng thống Cator đã có những nỗ lực đáng quý để thực hiện bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ. Đối với những kiến nghị vi phạm lộ liễu, trắng trợn "Thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ" xuất hiện ở Quốc hội, ông đã tỏ ý phản đối, có khi thậm chí đe dọa dùng quyền phủ quyết, nhưng đối với một số "điều sửa đổi" gắn gủi với "Thông cáo chung" thì ông tỏ ý đồng tình. Khi ký "Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan" ông nói dứt khoát, pháp lệnh này và hiệp nghị đạt được trong quá trình thực hiện bình thường hoá quan hệ Trung - Mỹ là nhất trí, chỉ có bảo lưu vài vấn đề cá biệt. Ông bày tỏ muốn sử dụng "quyền thêm bớt" trong "Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan" mà Quốc hội giao cho ông giống như cách đã sử dụng "quyền thêm bớt" trong "Thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ"

Vi phạm hiệp nghị thiết lập quan hệ ngoại giao và luật pháp quốc tế.

Như đã nói ở trên trong ""Thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ", Mỹ cuối cùng đã công nhận Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc, chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận Trung Quốc. Đã như vậy, Mỹ cũng cần phải công nhận: Trung Quốc dùng phương thức gì để hoàn thành việc thống nhất đất nước hoàn toàn là công việc nội bộ của Trung Quốc; căn cứ vào nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, Mỹ hoặc bất cứ nước ngoài nào khác đều không được can thiệp.

Nhưng "Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan" lại quy định rõ ràng bằng chữ nghĩa:

.....

Nước Mỹ quyết định kiến lập quan hệ ngoại giao với nước cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là trên cơ sở tương lai của Đài Loan sẽ thông qua phương thức hoà bình để quyết định nguyện vọng của mình.

Cho rằng mọi cố gắng dùng phương thức phi hoà bình bao gồm cả việc hạn chế hoặc cấm vận để quyết định tương lai của Đài Loan là đe dọa đến

hoà bình và an toàn ở khu vực Thái Bình Dương, cũng là điều mà nước Mỹ đặc biệt quan tâm.

Nước Mỹ phải duy trì được khả năng để chế ngự được các hành vi dùng vũ lực hoặc các hình thức cưỡng chế khác có nguy hại cho sự an toàn hoặc nhiệm vụ kinh tế xã hội của nhân dân Đài Loan và cũng do đó mà nảy sinh những nguy hiểm đối với lợi ích của nước Mỹ. Tổng thống và Quốc hội cần phải dựa vào trình tự hiến pháp để quyết định hành động thích đáng ứng phó với bất cứ loại nguy hiểm nào.

.....

Điều cần phải chỉ ra là, “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” đã đặc biệt quy định Mỹ sẽ tiếp tục cung cấp cho Đài Loan “vật tư phòng thủ” và “dịch vụ phòng thủ”. Ai cũng biết rằng, nhà đương cục địa phương Đài Loan nhận vũ khí do Mỹ chế tạo là để chống đối với Chính phủ trung ương Trung Quốc là Chính phủ hợp pháp duy nhất, còn Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc. Vậy theo luật pháp quốc tế đã được công nhận, nước Mỹ sao lại có thể đem vũ khí chỉ viện cho nhà đương cục địa phương của một quốc gia để đối đầu với Chính phủ trung ương của quốc gia đó?

Có một vị Thượng nghị sĩ phản đối “thừa nhận Chính phủ nước cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất của Trung Quốc” cũng đã nêu ra câu hỏi trong Quốc hội .

- Sau khi chúng ta đã công nhận Bắc Kinh là Chính phủ duy nhất của Trung Quốc, tại sao chúng ta lại có thể bán trang thiết bị quân sự và vũ khí cho người Đài Loan? Chẳng phải là chúng ta đã bán vũ khí cho một tình huống loạn đó sao?

Điều đó đã chứng minh rõ mặt trái của nó: bán vũ khí cho Đài Loan với “công nhận Chính phủ hợp pháp duy nhất” là không thể dung hoà với nhau.

“Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” quy định: “Phạm khi luật pháp Mỹ có đề cập hoặc nhắc tới nước ngoài, hoặc dân tộc, nhà nước, Chính phủ hoặc một thực thể tương tự, thì trong hàm nghĩa các từ nói ở trên cần bao gồm cả Đài Loan”. Một vị Phó Quốc vụ khanh Mỹ lúc đó cũng thừa nhận: Một trong những mục đích chủ yếu của “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” là nhìn nhận Đài Loan như một “quốc gia”.

“Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” tuy có nói từ nay về sau quan hệ Mỹ - Đài Loan cần được giải quyết thông qua các “tổ chức phi Chính phủ”, nhưng lại quy định “Hiệp hội Mỹ ở Đài Loan” khi ký kết hiệp định hoặc giao dịch với “nhà đương cục Đài Loan hoặc tổ chức do họ lập ra” đều phải tuân thủ quy định và

trình tự báo cáo Quốc hội, được Quốc hội thẩm tra và phê chuẩn”, giống như của cơ quan Chính phủ Mỹ ký kết những hiệp định và giao dịch này.

Pháp lệnh còn quy định nhân viên công tác trong cơ quan làm việc thiết lập giữa Mỹ và Đài Loan, cần được hưởng “đặc quyền và miễn trừ cần thiết để thực hiện có hiệu quả chức trách của họ”. Theo cách giải thích của Chính phủ Cator, sau này “Hiệp định đặc quyền và miễn trừ” ký kết giữa “Hiệp hội Mỹ ở Đài Loan” và “Ủy ban điều hành sự vụ Bắc Mỹ” thì những đặc quyền và miễn trừ này hầu như đã bao quát toàn bộ đặc quyền và miễn trừ ngoại giao. Nói theo cách nói của cố vấn pháp luật Hansen, đó là “thứ đồng đẳng” với đặc quyền và miễn trừ ngoại giao.

“Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” quy định: các “điều ước” và “hiệp định” giữa Mỹ và Đài Loan có hiệu lực trước cuối năm 1978, ngoài “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” cùng hiệp định có liên quan ra, thì nhất loạt đều tiếp tục có hiệu lực. Như thế có nghĩa là hàng loạt “điều ước” và “hiệp định” ký kết trước đây với danh nghĩa “quốc gia” giữa Mỹ và Đài Loan, vẫn được giữ lại không sửa một chữ. Mọi người đều biết rằng chỉ có quốc gia mới có quyền và tư cách để ký kết các điều ước và hiệp định quốc tế. Các nhà đương cục địa phương, trừ phi được Chính phủ trung ương đồng ý hoặc ủy quyền, đều không có tư cách ký kết các hiệp nghị quốc tế với nước ngoài. Điều này trong Hiến pháp nước Mỹ cũng quy định thành văn rõ ràng: Bất cứ bang nào được ký kết hiệp ước với nước ngoài, đều không được lập ra các hiệp nghị với nước ngoài mà chưa được Quốc hội đồng ý. Nước Mỹ sau khi thừa nhận Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc thì mọi “hiệp ước” và “hiệp định” vốn có giữa Mỹ và Đài Loan lẽ ra phải tuyên bố là không còn hiệu lực. Một vị Thượng nghị sĩ Mỹ cũng không kìm được phải hỏi: Sau khi Mỹ thừa nhận Đài Loan là một tỉnh của Trung Quốc, vì sao những “hiệp ước” và “hiệp định” vốn có giữa Mỹ và Đài Loan vẫn có thể tiếp tục có hiệu lực? Chẳng lẽ nước Mỹ lại có thể không cần sự đồng ý của Chính phủ Canada mà giữ được quan hệ hiệp ước với tỉnh “Britten Cólombia” của Canada hay sao?

Chỉ qua một phần nội dung nói trên của “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” có thể thấy rõ ràng rằng: mục đích trung tâm của pháp lệnh này, đúng như một vị nghị sĩ Mỹ đã nói là muốn “bảo đảm cho quan hệ của Mỹ với Đài Loan được tiếp tục duy trì trong tình hình không có gì biến đổi thật sự”.

Trở ngại trong quan hệ Trung - Mỹ

Năm 1972 Nicholson thăm Trung Quốc, năm 1979 Trung - Mỹ đặt quan

hệ ngoại giao, từ đó cho đến nay, trong phái cầm quyền ở nước Mỹ có một bộ phận người một mặt muốn cải thiện quan hệ với Trung Quốc, mặt khác lại mưu đồ duy trì sự khống chế đối với Đài Loan. Họ đã tốn nhiều tâm lực cho công việc này, sau nhiều tính toán không thành, họ lại muốn biến Đài Loan thành một “thực thể chính trị độc lập” nào đó, giành được “địa vị quốc tế” nào đó. Đó chính là kịch bản mới của một phương án cũ “một Trung Quốc, một Đài Loan”. “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” chính là một biểu hiện tư tưởng của chính sách này, nhưng giữa việc phát triển quan hệ với Trung Quốc và duy trì khống chế Đài Loan tồn tại một mâu thuẫn không sao điều hoà được, hai cái đó không thể cùng có được một lúc.

Vấn đề Đài Loan đã từng là vấn đề then chốt khiến cho hai nước Trung - Mỹ một thời kỳ dài không thể thực hiện được quan hệ bình thường hoá. Chỉ sau khi Mỹ tiếp nhận ba nguyên tắc thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ mà phía Trung Quốc kiên trì nhất quán nêu ra, công nhận Chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa là Chính phủ hợp pháp duy nhất và Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc, thì hai nước Trung - Mỹ cuối cùng mới đạt được hiệp nghị thiết lập quan hệ ngoại giao. Theo lý mà nói, “Thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ” được công bố, làm cho vấn đề Đài Loan đã được giải quyết giữa Trung Quốc và Mỹ. Nhưng “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” ra đời lại làm cho vấn đề Đài Loan trở thành vật cản rất lớn cho sự phát triển đi lên của quan hệ Trung - Mỹ 30 năm qua, hai nước Trung Quốc và Mỹ đã tiến hành đấu tranh gay gắt và phức tạp xung quanh vấn đề Đài Loan, thể hiện rõ ở lập trường và quyết tâm thực hiện thống nhất đất nước, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Nhân dân Trung Quốc là kiên định không thay đổi. Nếu như Mỹ ngoan cố thực hiện theo “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” thì giữa Trung Quốc và Mỹ khó mà kiến lập được quan hệ bình thường, tất sẽ chịu những tổn hại nghiêm trọng.

Khi Quốc hội Mỹ thảo luận “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” Chính phủ Trung Quốc đã từng nêu lên với Chính phủ Mỹ: Quốc hội Mỹ sắp biểu quyết thông qua văn bản pháp luật này, đã vi phạm nguyên tắc được hai bên đồng ý khi thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ, rất có hại cho mối quan hệ mới mà hai nước vừa thiết lập”. Sau khi Mỹ đã ban hành “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan”, Chính phủ Trung Quốc lại nêu lên với Chính phủ Mỹ: Về vấn đề Đài Loan nếu như phía Mỹ không tuân thủ hiệp nghị khi lập quan hệ ngoại giao, thì chỉ làm tổn hại cho quan hệ Trung - Mỹ, đều không mang lại lợi ích trên bất cứ phương diện mà đối với Trung Quốc và Mỹ, mong Chính phủ Mỹ

coi việc lớn quan hệ Trung - Mỹ làm trọng, thiết thực tuân thủ những nguyên tắc trong hiệp nghị khi lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ.

Quan hệ Trung - Mỹ đã trải qua chặng đường dài quanh co, hiện giờ đang ở trong thời khắc then chốt mới. Theo phương hướng mà "Thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ" đã vạch ra để tiếp tục tiến lên, hay là chịu để "Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan" kéo lùi lại sau? Điều này phải xem các nhà quyết sách của nước Mỹ có thể tiếp thụ đúng đắn những bài học kinh nghiệm lịch sử, đánh giá tình táo toàn bộ cuộc đấu tranh quốc tế trước mắt, xoá bỏ sự gây rối của "Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan" có được sự lựa chọn sáng suốt hay không.

V. THÔNG CÁO CHUNG "17.8" RA ĐỜI

Thương thuyết nhiều lần đạt thành hiệp nghị.

Sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ, quan hệ giữa hai nước đã có một giai đoạn phát triển, được nhân dân hai nước hoan nghênh. Nhưng cùng lúc đó, quan hệ hai nước cũng bao trùm một đám mây đen dày đặc. Một trong đó là vấn đề Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan.

Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan là một vấn đề có quan hệ tới chủ quyền của Trung Quốc. Ngay ở thời kỳ đàm phán thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ trong năm 1978, Trung Quốc đã biểu thị rõ ràng phản đối Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan. Do lúc đó chưa thể giải quyết vấn đề này, phía Trung Quốc đã đề xuất hai bên sẽ tiếp tục thương thuyết sau khi đặt quan hệ ngoại giao.

Tháng 10 năm 1981, trong thời gian hội nghị Cancôm ở Mêhicô Thủ tướng tiền nhiệm của Trung Quốc đã tiến hành hội đàm về vấn đề này với Tổng thống Rigan. Sau đó Phó thủ tướng kiêm Ngoại trưởng Hoàng Hoa cũng tiếp tục tiến hành hội đàm với Quốc vụ khanh Hays ở Oasinhton.

Từ tháng 12 năm 1981, tại Bắc Kinh, hai bên thông qua con đường ngoại giao, bước vào hội đàm những vấn đề cụ thể. Thời gian đó, Phó tổng thống tiền nhiệm Bus được Tổng thống Rigan uỷ thác, đến thăm Trung Quốc vào tháng 5 năm 1982, đã thương thuyết cùng các nhà lãnh đạo Trung Quốc. Ngày 17 tháng 8 cùng năm, Chính phủ hai nước Trung - Mỹ ra thông cáo chung, tuyên bố hai bên đã đạt được hiệp nghị từng bước để cuối cùng giải quyết triệt để vấn đề Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan, tức Thông cáo chung 17.8". Thông cáo chung này đã quy định những nguyên tắc và các bước đi để giải quyết vấn đề Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan.

Căn cứ vào nguyên tắc liên quan tới việc chỉ đạo quan hệ giữa hai nước, việc Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan vốn sớm cần phải đình chỉ hoàn toàn. Do cân nhắc đây là một vấn đề lịch sử, trên cơ sở kiên trì nguyên tắc, Chính phủ Mỹ hứa rằng việc bán vũ khí cho Đài Loan về số lượng và tính năng không vượt quá mức trung bình của mấy năm gần đây kể từ khi hai nước đặt quan hệ ngoại giao, rồi từng bước giảm dần, qua một thời gian cuối cùng giải quyết triệt để vấn đề này.

Tuyên bố của Tổng thống Rigan

Vào ngày Trung - Mỹ ra “Thông cáo chung 17.8”, Tổng thống Mỹ Rigan đã đưa ra một bản tuyên bố. Ông nói: Thông cáo chung Trung - Mỹ đã thể hiện một biện pháp được hai bên vui lòng để xử lý vấn đề Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan do lịch sử để lại.”

Rigan cho rằng, văn kiện này đã “duy trì được nguyên tắc của hai bên”, lại nói thêm nó “sẽ xúc tiến phát triển thêm một bước quan hệ hữu hảo giữa Chính phủ hai nước Trung - Mỹ, và giữa nhân dân hai nước. Nó còn góp sức làm dịu đi một bước tình hình căng thẳng ở khu vực Châu á - Thái Bình Dương, góp phần duy trì lâu dài nền hoà bình ở khu vực.”

Rigan nói “thiết lập quan hệ vững chắc và lâu dài với Trung Quốc là mục tiêu của chính sách đối ngoại quan trọng trong suốt bốn khoá liên tục của Chính phủ Mỹ. Quan hệ này hết sức trọng yếu đối với lợi ích lâu dài của nền an ninh quốc gia hơn nữa còn góp phần làm ổn định khu vực Đông á.” Ông gọi quan hệ này là “quan hệ chiến lược trọng yếu phù hợp với lợi ích quốc gia của Mỹ”. Lại nói, có được thông cáo này sẽ có khả năng thực hiện lợi ích quốc gia đó phù hợp với “nghĩa vụ giúp đỡ nhân dân Đài Loan” của Mỹ .

Trong bài nói chuyện, Rigan nhiều lần nhấn mạnh đến “tình hữu nghị lâu dài” giữa cá nhân ông với nhân dân Đài Loan, tỏ rõ “sự quan tâm sâu sắc của ông đối với phúc lợi của họ là kiên định không gì thay đổi”. Rigan tỏ ý sẽ duy trì và phát triển “các dạng tiếp xúc phi Chính phủ giữa nhân dân Mỹ và nhân dân Đài Loan về văn hóa, buôn bán và tiếp xúc giữa người dân với người dân” và “sẽ tiến hành với phương thức trang trọng thích hợp với người bạn cũ”.

Khi nói tới vấn đề Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan, Rigan lại gắn vấn đề này với “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” do Mỹ đơn phương thảo ra, rằng Mỹ “bán vũ khí cho Đài Loan sẽ tiếp tục tiến hành theo pháp lệnh này”.

Chính phủ Trung Quốc nhấn mạnh phải tuân thủ hiệp ước.

Để thúc đẩy cho Thông cáo chung phát huy được tác dụng cần có, Bộ

ngoại giao Nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ngày hôm đó cũng ra tuyên bố. Bản tuyên bố chỉ rõ, “Bản thông cáo này dựa vào nguyên tắc trong thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước và những chuẩn tắc cơ bản trong quan hệ quốc tế làm căn cứ, không có chút quan hệ nào với “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan”. “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” đã vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc trong Thông cáo chung thiết lập quan hệ ngoại giao hai nước, Chính phủ Trung Quốc kiên quyết phản đối. Bất cứ ý đồ nào nhằm giải thích mối liên hệ giữa bản thông cáo chung với “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” đều là chống lại tinh thần và thực chất của bản Thông cáo chung, đều không thể chấp nhận được.”

Bản tuyên bố viết “Chính phủ hai nước Trung - Mỹ đạt được hiệp nghị về vấn đề Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan, chỉ là bước mở đầu để giải quyết vấn đề. Điều quan trọng là những quy định có liên quan trong Thông cáo chung có được thi hành nghiêm túc không để sớm có ngày giải quyết triệt để vấn đề Mỹ bán vũ khí cho Đài Loan. Đó là điều không thể thiếu được đối với việc duy trì và phát triển quan hệ Trung - Mỹ.

Nhà đương cục Mỹ không thể nói hay cho mình

Sau khi Thông cáo chung “17-8” ra đời, tuy kim ngạch bán vũ khí cho Đài Loan của nhà đương cục Mỹ không vượt quá tổng số của năm 1982, nhưng chất lượng vũ khí thì không ngừng xu thế tăng lên. Đối với việc này, không những Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra kháng nghị mạnh mẽ, nhà đương cục Mỹ cũng không thể nói hay cho mình.

Ngày 4 tháng 11 năm 1993, Quốc vụ khanh Mỹ Cristôphơ đã phát biểu tại Quốc hội rằng, chính sách Trung Quốc của Mỹ được chỉ đạo bằng “bản thông cáo chung” và “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan”, chẳng có lý do gì để phán định về hiệu lực của “Thông cáo” với “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” cái nào thuộc vấn đề ưu tiên hơn.

Trước hôm đó, Critôphơ khi trình bày về chính sách ngoại giao của Mỹ tại Ủy ban đối ngoại của Thượng viện đã bị nghị sĩ Đảng Cộng hoà Mônôpski chất vấn về vấn đề “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” phải chăng cao hơn thông cáo “17-8”. Mônôpski nói, “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” là luật pháp được Quốc hội Mỹ thông qua, còn Thông cáo chung “17-8” chỉ là một thứ “Tuyên bố chính sách”, vì thế hiệu lực của “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” bảo đảm việc Mỹ cung cấp đầy đủ vũ khí phòng thủ cho Đài Loan phải chăng cao hơn hiệu lực của Thông cáo chung “17-8” về chất và lượng vũ khí

bán cho Đài Loan.

Sau khi trả lời vấn đề nêu ở trên, Cristôphơ cho rằng trước đây không lâu, Mônscôpski đưa ra đề án sửa đổi, nhấn mạnh “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan” phải cao hơn Thông cáo chung 17-8”, sẽ có thể làm cho chính sách Trung Quốc của Mỹ “nảy sinh vấn đề không có ích lợi gì.

Ông lại chỉ ra, nước Mỹ sẽ “tiếp tục ý đồ cung cấp vũ khí cho Đài Loan để duy trì sức mạnh quân sự của họ”, nhưng nếu như họ muốn lấy hình thức pháp luật để “cân đong tỉ mỉ” giữa “Thông cáo” và “Pháp lệnh về quan hệ” với lập trường đặc biệt (cái nào ưu tiên hơn) thì Cristôphơ tỏ ý không tán thành. Ông nói: “Tôi cho rằng giữa hai cái đó có thể điều hoà lẫn nhau được.”

Chương XIII

Rigân lần đầu đến “đế quốc quái ác” Goócbachốp sáu lần gặp gỡ nguyên thủ Mỹ. Quan hệ Trung - Xô đổi dào xuân sắc, “đồng chí” từ lâu xa cách gặp lại nhau ở Bắc Kinh.

I RIGÂN NĂM LẦN GẶP GOÓCBACHỐP

Mỹ - Xô gặp lại nhau ở Gionevo.

Từ ngày 19 đến ngày 21 năm 1985, nguyên thủ Mỹ - Xô gặp lại nhau tại Gionevo sau 6 năm gián đoạn.

So với cuộc gặp gỡ giữa Cato và Brêgionép năm 1979, trong cuộc gặp gỡ lần này, quan hệ Mỹ - Xô đã có thay đổi, cuộc chạy đua quân sự đã leo thang. Nước Mỹ từ chỗ vốn giữ thế thủ đã chuyển sang vừa công vừa thủ, nhất là trong cuộc chạy đua về vũ khí vũ trụ đã đi trước một bước. Sau khi Goócbachốp lên nắm quyền, Rigân đã thay đổi biện pháp phản đối tổ chức các cuộc gặp gỡ cấp cao bằng cách nhiều lần gửi công hàm cho Goócbachốp, đưa ra đề nghị tổ chức gặp gỡ và đã được Goócbachốp tích cực hưởng ứng.

Trước khi gặp gỡ, Tổng thống Rigân đã 74 tuổi, sắm vai một bậc trưởng lão. Ông nói:

- Tham gia cuộc gặp mặt này, những người lãnh đạo Mỹ đều lớn tuổi hơn so với đối phương, đây là lần đầu tiên. Tôi có thể dùng lời khuyên bảo chân thành của bậc cha chú để giúp đỡ những người trẻ tuổi này.

Đồng thời, ông cũng thừa nhận “tổ chức gặp gỡ không thể khinh suất, dễ dàng”.

Thế là việc đầu tiên ông ra lệnh cho các thuộc hạ đưa các tài liệu liên quan, các bản lý lịch cá nhân tóm tắt của đối phương, các băng ghi âm và phim ảnh Nga ra tiến hành nghiên cứu kỹ càng. Ông còn gọi điện thoại tới các cựu Tổng thống, cùng ăn trưa với các chuyên gia về Liên Xô để tìm hiểu nhiều mặt về đối thủ. Khi tham dự cuộc gặp gỡ, ông lại đến Gionevo

trước, để phu nhân Nanxy có dịp gặp Goócbachốp, tiến hành chuẩn bị cho cuộc gặp mặt.

Ngày 19 tháng 11 đó, Rigân đến trước 15 phút tại lầu đài “Hoa trong nước” trên hồ Gionevo. Khi Goócbachốp đến Rigân bước xuống mười bậc thang, đưa tay đón chào. Sau đó hai người tiến hành 4 lần hợp kín (9 tiếng đồng hồ). Ngoài ra còn gặp gỡ riêng trước sau tổng cộng 5 tiếng đồng hồ nữa, đó chính là cái gọi là “tản bộ trong rừng đi tới phòng giải trí”.

Hội đàm bắt đầu không bao lâu, Rigân đã nói với Goócbachốp vấn đề lớn nhất của hai bên là không tin lẫn nhau. Goócbachốp không tỏ rõ thái độ. Sau đó, hai người chuyển sang các vấn đề đàm phán về vũ khí, kế hoạch phòng thủ chiến lược và khả năng công kích đầu tiên, hai bên đều miệng lưỡi sắc như gươm đao tranh cãi đến đỏ mặt tía tai.

Goócbachốp nói:

- Xem ra chúng ta không trụ nổi nữa rồi.

Họ bắt đầu im lặng hồi lâu.

Cuối cùng Rigân phá tan không khí im lặng:

- Tại sao chúng ta lại không đi tản bộ nhỉ?

Goócbachốp đáp:

- Một ý kiến hay, không khí trong lành có thể giúp nảy sinh cách suy nghĩ mới.

Thế là Rigân cùng Goócbachốp rời khỏi phòng họp, đi tới một căn phòng giải trí biệt lập. Trên con đường nhỏ, họ dùng lời nói khá mềm mỏng thảo luận về kế hoạch chiến tranh các vì sao, nhưng Goócbachốp vẫn chưa bị thuyết phục. Hai người tuy chưa thể rút hẹp những bất đồng, nhưng đều thừa nhận “cuộc gặp gỡ hết sức bổ ích”, và cùng có lời mời đi thăm lẫn nhau.

Kết quả của lần gặp mặt này đã được nêu lên trong bản tuyên bố chung ngày 21. Tuyên bố chung viết, hai bên đã có được cách nhìn nhất trí trên một số vấn đề cụ thể, từng bước đối thoại, ngừng mở rộng vũ khí hạt nhân, giữ an ninh, hội đàm về hạt nhân và vũ trụ, môi trường, trao đổi chuyên gia, cùng cắt giảm đều lực lượng, hội nghị tài giảm quân bị Châu Âu v.v..., khẳng định tính chất quan trọng của việc duy trì đối thoại, cuối cùng cũng thừa nhận “trên một số vấn đề mấu chốt còn tồn tại những bất đồng nghiêm trọng.”

Dư luận thế giới cho rằng, về vấn đề không chế trang bị quân sự, ở cuộc gặp gỡ này, hai bên vẫn giữ ý kiến riêng của mình, thái độ chưa thay đổi, nhưng đã tăng cường hiểu biết lẫn nhau, duy trì thế đối thoại, có lợi cho việc làm dịu tình hình căng thẳng. Đó là cái gọi là “tinh thần Gionevo”. Thực tế

sau này chứng tỏ tinh thần Gionevơ quả thật đã mở rộng tấm màn cho các cuộc gặp gỡ hàng năm của người đứng đầu hai nước Mỹ và Liên Xô.

Cuộc gặp gỡ ở Ráycojavíc

Thượng tuần tháng 10 năm 1986, Thủ đô Băng Đảo (Aixoten) là Ráycojavíc với hơn 8 vạn nhân khẩu, ngày thường lặng lẽ tĩnh mịch hôm nay bỗng nhiên náo nhiệt hẳn lên. ở đây đang tiến hành chuẩn bị khẩn trương, bận rộn cho cuộc gặp gỡ của nguyên thủ hai nước Mỹ - Liên Xô. Hàng nghìn công nhân và người tình nguyện ngày đêm liên tục làm việc lắp đặt đường giây điện thoại, san bằng những chỗ lồi lõm trên mặt đường. Đột nhiên có tới hơn 3000 phóng viên và nhân viên kỹ thuật ào ào kéo đến khiến cho giao thông và nhà nghỉ ở Ráycojavíc gặp nhiều khó khăn. 700 chiếc xe hơi trong cả nước đã được thuê hết với giá rất cao. Những phóng viên đến muộn đành phải thuê mô tô mà đi. 9 khách sạn trong thành phố cũng đều chật cứng, nhiều trường học, trụ sở làm việc, thậm chí nhà ở tư nhân cũng được đem cho thuê làm nhà nghỉ. Do khan hiếm chỗ ở, nhà lãnh đạo Liên Xô Goócbachốp và phu nhân phải ở trên du thuyền, Tổng thống Rigan và phu nhân nghỉ tại Đại sứ quán Mỹ.

Cuộc gặp gỡ nguyên thủ lần này là cuộc gặp trừ bị, chuẩn bị cho việc Goócbachốp đi thăm nước Mỹ. Sự chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ chính thức của nguyên thủ hai nước như thế này là lần đầu tiên chưa từng có trong lịch sử hội đàm của nguyên thủ Mỹ - Xô. Những vấn đề thảo luận chủ yếu trong cuộc gặp gỡ nguyên thủ lần này là khống chế trang bị quân sự, nhân quyền, quan hệ hai bên và xung đột trong thế giới thứ ba.

Cuối cùng còn là xác định ngày tháng cụ thể cho chuyến thăm Oasinhton của Goócbachốp.

Sáng ngày 11 tháng 10, lãnh đạo hai nước tổ chức hội đàm lần thứ nhất tại Nhà khách Hopti, 5 phút trước lúc khai mạc hội đàm, Rigan đã tới Nhà khách. Các quan chức đều mặc quần áo dày sụ chống lại gió Bắc cực dữ dội từ vịnh Ráycojavíc thổi tới, riêng Rigan 75 tuổi vẫn không mặc áo khoác ngoài. Khi Goócbachốp đến, Rigan nồng nhiệt bắt tay Goócbachốp trên bậc thềm, hai người đều tươi cười vui vẻ để các phóng viên chụp ảnh.

Hai ngày trên Băng Đảo, hai nguyên thủ đã tiến hành hội đàm 4 lần cộng là 11 tiếng đồng hồ, lần cuối cùng kéo dài tới 4 giờ đồng hồ. Khi Rigan và Goócbachốp kết thúc hội đàm, bước ra ngoài, Nhà khách Hopti đã trùm trong sắc đêm. Hai vị lãnh đạo mặt trắng như nước, chẳng ai có được nụ cười.

Cuộc hội đàm này rất giàu kịch tính. Theo tiết lộ của hai bên ngày gặp

gỡ thứ hai chấm dứt vào lúc 6 giờ chiều, hai bên đã đạt được nhất trí trên mấy vấn đề trọng yếu: cắt giảm lớn vũ khí hạt nhân tầm trung mà hai bên bố trí ở châu Âu; 10 năm sau, hai nước sẽ tiêu huỷ toàn bộ vũ khí hạt nhân chiến lược; trước hết giảm thiểu số lần và tầm cỡ các cuộc thử vũ khí hạt nhân, cuối cùng hoàn toàn đình chỉ các cuộc thử nghiệm.

Nhìn bề ngoài, chỉ trong thời gian chưa tới hai ngày đã đạt được hiệp nghị mà 4 năm qua không làm được, đây thật là một kỳ tích lớn trong lịch sử tài giảm binh bị của hai nước. Nhưng trên thực tế, tất cả đều là hoa trong gương, mặt trăng dưới nước. Vì cuối cùng trong vấn đề chiến tranh các vì sao, hai bên chưa đạt được nhất trí, Goócbachốp đòi Mỹ bãi bỏ kế hoạch chiến tranh các vì sao, còn Rigân thì một bước cũng không lùi. Kết quả là toàn bộ cuộc đàm phán bị phá vỡ, cuối cùng ngay thời gian thăm Mỹ của Goócbachốp cũng chưa thể xác định được.

Goócbachốp lần đầu thăm Mỹ

Ngày 8-10 tháng 12 năm 1987, Tổng thống Mỹ Rigân và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goócbachốp đã tổ chức cuộc gặp gỡ lần thứ ba giữa hai người tại Oasinhton. Lần gặp gỡ này được tổ chức vào thời khắc mà nền kinh tế hai nước đều lâm vào hoàn cảnh khó khăn, hai bên đều cảm thấy “lực bất tòng tâm”. Địa vị của Mỹ và Liên Xô trên thế giới bắt đầu từ đỉnh cao trượt xuống, hai bên đều cần phải nghỉ ngơi. Tình thế buộc hai nước không thể không thu hẹp về mặt quân sự.

Để cho cuộc gặp gỡ lần này thành công, Mỹ và Liên Xô đều chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi họp.

Rigân nói:

- Gặp mặt lần này quan trọng hơn bất cứ lần nào khác, vì chẳng những là cuộc hội ngộ của các đối thủ mà còn là bạn đồng minh nữa.

Vì thế, ngày nghỉ cuối tuần ông đã phá lệ, vẫn ở lại Nhà Trắng tìm đọc những tài liệu có liên quan tới cuộc hội đàm với Goócbachốp. Để chào đón trong bữa tiệc chiêu đãi, ông còn kiên trì học nói một câu tiếng Nga “Chúc ngài mạnh khỏe!”

Phía Liên Xô cũng đặc biệt phái một “tổ công tác” tới Mỹ để tiến hành tuyên truyền, còn tổ chức cuộc triển lãm “Liên Xô”: Cá nhân, gia đình và xã hội.

Ngày 8, Tổng thống Rigân và phu nhân đã tổ chức nghi lễ long trọng đón tiếp Goócbachốp và phu nhân tại thăm cỏ phía nam Nhà Trắng. Nghi lễ kết thúc, hai vị nguyên thủ Mỹ - Xô liền bước tới phòng bầu dục ở Nhà Trắng

bắt đầu lần hội đàm thứ nhất.

Vừa bắt đầu, Rigan liền nói:

- Thưa ngài, khi chúng ta tiến hành hội đàm riêng như thế này, xin gọi tên thân mật của tôi là Rôman.

Goócbachốp trả lời ngay:

- Còn tên thân mật của tôi là Mikhain.

Trong không khí nhẹ nhõm cởi mở, hai bên đã bỏ qua chuyện xã giao ban đầu, nhanh chóng có được ý kiến thống nhất về huỷ bỏ tên lửa tầm trung.

Cùng ngày, tại Nhà trắng đã ký kết Hiệp ước tên lửa tầm trung có ý nghĩa rất lớn lao. Hai bên quy định trong 3 năm, tiêu huỷ toàn bộ tên lửa đạn đạo tầm trung và tầm gần của mình. Nhưng ngày thứ hai, khi thảo luận về vấn đề Apganistan và nhân quyền ở Liên Xô thì hai bên Mỹ - Xô nảy sinh ý kiến bất đồng rất lớn.

Buổi tối, khi trả lời các nhà chất vấn về vấn đề nhân quyền ở Liên Xô, Goócbachốp đã tức giận nói:

- Tôi đã nói với Tổng thống, ngài không phải là nguyên cáo, tôi cũng chẳng phải là bị cáo. Tôi không phải trả lời thẩm vấn.

Ngày 10, hai bên lại tranh luận rất lâu về những từ dùng trong bản tuyên bố chung có liên quan đến hai vấn đề nêu trên, khiến cho cuộc hội đàm lần thứ tư giữa nguyên thủ hai nước vốn định tổ chức vào 11h30 sáng phải đẩy lui lại 90 phút lại 90 phút, rút cục hai cuộc hội đàm lần thứ tư và lần thứ năm đành phải tổ chức gộp lại làm một. Cuối cùng vào hồi 8 giờ 20 phút tối, Rigan và Goócbachốp ra tuyên bố chung, chủ trương phát triển thêm một bước quan hệ giữa Liên Xô và Mỹ, kết thúc cuộc hội đàm 3 ngày. Goócbachốp lên luôn máy bay II - 62, bay mất hút trong đêm mưa rơi giăng giăng.

Cuộc gặp gỡ này tuy còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết, nhưng đã tăng cường địa vị chính trị của Rigan và Goócbachốp. Thu hoạch lớn nhất của họ là đã chính thức ký kết được Hiệp ước về vũ khí hạt nhân. Hiệp ước này được các nước trên thế giới hoan nghênh và đánh giá tích cực. Nhưng đồng thời dư luận thế giới vẫn cho rằng tên lửa đạn đạo tầm trung chỉ chiếm khoảng 4 % số lượng tên lửa trong kho vũ khí hạt nhân của Mỹ và Liên Xô, Hiệp ước này chỉ là một bước mở đầu tốt đẹp, về cơ bản, chưa hoà hoãn được cục thế căng thẳng trên thế giới.

Rigan đặt chân lên mảnh đất "quái ác"

Ngày 29 tháng 5 năm 1988, Tổng thống Mỹ Rigan cùng phu nhân

Nanxy xuống máy bay ở sân bay quốc tế Mátxcova, đặt chân lên mảnh đất từng bị ông gọi là “đế quốc quái ác”, để tiến hành cuộc gặp cấp cao lần thứ tư với Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goócbachốp. Đoàn Mỹ đã được Chủ tịch Chủ tịch đoàn Xô viết tối cao Liên Gromicô đón tiếp tại sân bay.

Goócbachốp và phu nhân tổ chức nghi lễ đón tiếp tại đại sảnh Thánh Gióoc trong điện Kremli.

Để thay đổi cách nhìn của Rigân đối với “đế quốc quái ác” Liên Xô, trong lời chào mừng, Goócbachốp đã dẫn một câu cách ngôn Liên Xô:

- Tôi biết rằng Ngài rất thích thú với cách ngôn Nga, tôi xin được đưa thêm vào trong bộ sưu tập cách ngôn của ngài một câu là “Trăm nghe không bằng một thấy”.

Trong lời đáp, Rigân cũng nói:

- Các Ngài có một câu cách ngôn cổ “Mười tháng mang thai mới có thể sinh nở, làm việc không thể hấp tấp vội vàng”.

Rõ ràng Rigân có ý nói tình hữu nghị và tin cậy giữa hai nước cần phải nuôi dưỡng dần dần. Việc “trao tặng” cách ngôn giữa hai người dự báo rằng cuộc đàm phán về những vấn đề quan trọng không phải là thuận buồm xuôi gió, muốn đạt được hiệp nghị có tính thực chất quả là không phải chuyện dễ dàng.

Rigân và Goócbachốp đều hết sức coi trọng lần gặp mặt này. Rigân muốn trong lúc còn đương chức làm một cuộc “đột phá” cuối cùng để tỏ rõ cho phái bảo thủ biết rằng, điều chỉnh chính sách đối với Liên Xô sẽ mang lại lợi ích cho nước Mỹ, chẳng những có thể để lại một di sản quý báu cho Chính phủ khoá sau mà cũng còn lưu lại một kỷ niệm ngọt ngào cho mình. Goócbachốp lại càng cần đến cuộc gặp gỡ này. Ông hy vọng đối thoại thành công để chứng tỏ với Đại hội Đảng sẽ họp vào tháng 6 này rằng ông có thể đối phó có hiệu quả với lãnh tụ chống cộng đứng đầu thế giới phương tây. Từ đó tăng cường thực lực địa vị của ông. Cuộc gặp gỡ nguyên thủ Mỹ - Xô lần này chú trọng thảo luận vấn đề khống chế trang bị quân sự, nhân quyền, quan hệ hai bên và vấn đề mang tính khu vực.

Hôm tối Mátxcova, Rigân đã vội vã có cuộc gặp gỡ ngay với Goócbachốp. Sau khi kết thúc hai lần hội đàm khẩn trương, hai vị nguyên thủ cùng xuất hiện công khai, phong thái ung dung, nói cười vui vẻ. Nhưng trên thực tế, khi hội đàm về một số vấn đề trọng yếu, hai bên chĩa mũi nhọn vào nhau, mâu thuẫn sâu sắc, có lúc tranh cãi đến đỏ mặt tía tai.

Trong hội đàm, hai bên đã tiến hành thảo luận kiểu maratông các vấn đề khống chế trang bị quân sự và cắt giảm quân bị ở Châu Âu, do cò kè mặc

cả nên tiến triển không nhiều.

Cuộc gặp gỡ nguyên thủ Mỹ - Xô lần này tuy chưa đạt được sự “đột phá trọng đại” trên vấn đề khống chế trang bị quân sự, nhưng hai bên đã trao đổi thư phê chuẩn Hiệp ước tên lửa đạn đạo tầm trung, còn ký kết được mấy hiệp định về giao lưu văn hoá và khoa học kỹ thuật. Về vấn đề xung đột khu vực và nhân quyền, hai bên vẫn giữ lập trường của mình. Điều quan trọng là Mỹ và Liên Xô vẫn giữ được thế đối thoại.

Goócbachốp thăm Mỹ lần thứ hai.

Sau hội đàm Mátxcova của nguyên thủ hai nước Mỹ - Liên Xô tháng 5 năm 1988, quan hệ giữa ba nước Trung Quốc, Liên Xô, Mỹ đã có những biến chuyển mới. Đầu tháng 12 năm đó, Ngoại trưởng Trung Quốc Tiền Kỳ Tham đã đi thăm Liên Xô, nửa năm đầu năm 1989 Goócbachốp đi thăm Trung Quốc cũng đã được xác định thời gian. Sau bầu cử ở Mỹ, Tổng thống Rigan sẽ nghỉ việc, Tổng thống mới đắc cử Bus sẽ thực hiện chính sách ngoại giao như thế nào vẫn chưa thể biết được. Trong tình hình đó, để thăm dò thái độ của Mỹ, ngày 13 tháng 11 năm 1988 Liên Xô chủ động đề xuất Goócbachốp sẽ hội đàm với tổng thống Rigan sau khi đọc diễn văn tại Đại hội đồng Liên Hợp Quốc ngày 7 tháng 12. Vì thế mọi người hầu hết cho rằng đây là lần gặp gỡ tiếp trước nối sau, một cuộc gặp gỡ kiểu giao ban.

Khoảng 3 giờ chiều ngày 6 tháng 12 năm 1988, nhà lãnh đạo Liên Xô Goócbachốp và phu nhân Raisa có Ngoại trưởng Sêvatnatze đi cùng đã dùng chuyên cơ bay đến sân bay Kennodí ở Niu Oóc, Goócbachốp phát biểu ý kiến ngắn gọn tại sân bay rằng, ông đến Liên Hợp Quốc khi thế giới đang trải qua một sự thay đổi có tính chất máu chột. Ông rất vui sướng có thể hội đàm với Tổng thống Rigan và Phó tổng thống Bus, và tin tưởng rằng hội đàm “sẽ tăng thêm sức sống tiềm ẩn thúc đẩy đối thoại Xô - Mỹ và mở rộng hợp tác giữa hai bên”.

Lần đi thăm này của Goócbachốp là cuộc đi thăm Niu Oóc đầu tiên của nhà lãnh đạo Liên Xô kể từ sau khi Khorutsốp thăm Mỹ năm 1959. Ông đã có bài phát biểu tại Liên Hợp Quốc ở Niu Oóc với hai tư cách là Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô và là Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô, vì vậy sự có mặt của ông dù là ở Liên Hợp Quốc hay ở nước Mỹ đều được hết sức coi trọng. Sở cảnh sát Niu Oóc đã huy động tới 6600 viên cảnh sát để bảo vệ an ninh cho Goócbachốp, chỉ tiền phụ cấp thêm cho cảnh sát đã lên tới 1 triệu đô la.

Sáng ngày 7 tháng 12, trong bài diễn văn đọc ở Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, Goócbachốp tuyên bố Liên Xô sẽ đơn phương cắt giảm quân số 50 vạn

người. Sau đó là cuộc gặp gỡ với tổng thống Rigán, ngoài Bus tham dự với tư cách Phó Tổng thống ra, hai bên không có quan chức nào tham gia. Cuộc hội đàm vốn định tổ chức tại Bảo tàng lớn Niu Oóc nhưng vì lý do an ninh chuyển đến tổ chức tại đảo Tổng Trấn trong cảng Niu Oóc. Sau hội đàm Rigán đã mở tiệc chiêu đãi Goócbachốp. Cuộc hội đàm kín và gặp gỡ trong bữa tiệc, thời gian tổng cộng không đến 3 giờ đồng hồ.

Trong cuộc gặp gỡ không có chương trình nghị sự chính thức, hai bên đã xem xét sự phát triển của quan hệ giữa hai nước hai năm gần đây và tiến hành thảo luận không chính thức về tài giám quân bị, nhân quyền, xung đột khu vực và quan hệ hai bên. Do ácmenia bị động đất lớn lớn, Goócbachốp buộc phải ngừng cuộc viếng thăm, vội vã lên đường về nước ngay trưa ngày 8 tháng 12. Tại sân bay, Goócbachốp nói, tuy ông chưa hoàn thành cuộc thăm viếng Niu Oóc như đã định nhưng cuộc gặp gỡ giữa ông với Rigán và Bus làm cho hai bên tràn đầy niềm tin đối với việc mở rộng và cải thiện quan hệ trên cơ sở hợp tác giữa hai nước, tin rằng quan hệ Mỹ - Xô sẽ phát triển thêm một bước.

Rigán cho rằng lần hội đàm này là thẳng thắn và thân thiết nhưng bất đồng đương nhiên vẫn còn. Bus tỏ ý sẵn sàng duy trì tính liên tục trong chính sách đối với Liên Xô. Rigán đã trao chiếc gậy chạy tiếp sức cho Bus như vậy đó.

Cuộc gặp gỡ “chóp nhoáng” của Bus

Ngày 2 tháng 12 năm 1989, thời tiết ở Địa Trung Hải đột nhiên biến đổi, gió thổi dữ dội làm mặt biển cuộn lên những lớp sóng lớn. Tổng thống Mỹ Bus và nhà lãnh đạo Liên Xô Goócbachốp vốn định tiến hành cuộc gặp gỡ nguyên thủ luân lưu trên hạm tàu hai nước đậu trên biển Manta, nhưng trong vịnh Masasen lúc sóng to gió lớn nguy hiểm, tàu nhỏ không sao đến gần quân hạm được nên đành phải tổ chức trên chiếc tàu khách viễn dương “Gorki” của Liên Xô đang neo đậu tại bến cảng.

Khi đón Bus bước lên chiếc tàu khách tráng lệ, Goócbachốp nói đùa với Bus:

- Việc cần làm đầu tiên là huỷ bỏ những quân hạm mà Ngài không có cách nào leo lên được trong điều kiện thời tiết như thế này.

Những quân hạm mà Goócbachốp nói ở đây là chỉ hai quân hạm vốn định dùng để đón tiếp cuộc gặp gỡ nguyên thủ hai nước được trang bị rất hoàn hảo, rất hiện đại: tuần dương hạm mang tên lửa đạn đạo “Becna” của Mỹ và tuần dương hạm mang tên lửa đạn đạo “Slava” của Liên Xô.

Cuộc gặp gỡ nguyên thủ hai nước trong ngày đầu tiên kéo dài 3 tiếng đồng hồ. Tổng thống Bus đưa ra 16 kiến nghị với Goócbachốp. Trong hai

ngày hội đàm tổng cộng 8 tiếng đồng hồ, nguyên thủ hai nước đã thảo luận các vấn đề: cục diện Đông Âu, không chế trang bị quân sự, tình hình Trung - Mỹ và cải cách ở Liên Xô. Trong hội đàm, Goócbachốp đã trải ra trước mặt Bus tám bản đồ quân sự chỉ rõ căn cứ hải quân Mỹ ở thế bao vây Liên Xô, yêu cầu Mỹ cắt giảm lực lượng hải quân, nhưng Bus từ chối kiến nghị đưa vấn đề hải quân vào chương trình nghị sự đàm phán về cắt giảm quân đội thường trực ở châu Âu. Về vấn đề Trung - Mỹ, hai bên cũng tồn tại những bất đồng lớn. Tuy vậy, Tổng thống Bus vẫn đưa ra cho Goócbachốp một “cảnh ô liu”. Ông bảo đảm: một khi quyền tự do di dân được Chính phủ Liên Xô chính thức thừa nhận, Mỹ sẽ đối đãi với Liên Xô theo diện tối huệ quốc. Vị tân Tổng thống Mỹ này còn đưa ra ân huệ không ngờ: ông sẽ ủng hộ Liên Xô tham gia Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch với tư cách quan sát viên. Sau khi hội đàm kết thúc, cuộc họp báo được tổ chức ngay Goócbachốp “nói tóm lại” tỏ ý vừa lòng với kết quả hội đàm. Bus thì nói: Thông qua hội đàm hai bên đã “đi sâu tìm hiểu quan điểm của nhau”.

Hội đàm nguyên thủ lần này thực chất là một cuộc hội đàm không chính thức. Vì vào tháng chín, hai nước đã đồng ý với nhau sẽ tổ chức cuộc gặp gỡ chính thức vào cuối xuân đầu hạ năm 1990 tại Mỹ. Bus sở dĩ phải vội vã tăng thêm một cuộc gặp gỡ không chính thức “chớp nhoáng”, là đầu mùa thu năm 1989, cục diện Đông Âu và Liên Xô đã nảy sinh những thay đổi khiến mọi người phải chú ý, nhà lãnh đạo hai nước đều muốn thăm dò thái độ đối phương.

Bus nói thẳng:

- Tôi không mong muốn hai hạm tàu lớn này khi chạy trong đêm lại va phải đối phương vì thông tin không chính xác.

Cuộc gặp gỡ nguyên thủ tổ chức trong gió to sóng lớn này không thu được kết quả gì lớn lao, nhưng dư luận phương Tây cho rằng, cuộc gặp gỡ nguyên thủ ở Manta đã chấm dứt cuộc chiến tranh lạnh giữa phương Đông phương Tây kéo dài từ sau Đại chiến thế giới lần thứ hai.

Tờ tạp chí hàng quý “Oasinh-ton” của Mỹ số mùa xuân đã đăng bài “Kết thúc chiến tranh lạnh chứ không phải cuộc chung kết lịch sử”, xin trích dẫn dưới đây:

Cuộc gặp gỡ Địa Trung Hải của Chủ tịch Liên Xô. Goócbachốp với Tổng thống Mỹ Bus là một sự tiến triển trọng đại trong việc hoà giải Xô - Mỹ.

Hội đàm giữa các nhà lãnh đạo Xô - Mỹ đã trở thành một cột mốc quan trọng trong quan hệ hai bên. Hội đàm Manta đã thúc đẩy mạnh mẽ việc giải quyết vấn đề không chế trang bị quân sự và những vấn đề khác. Hội đàm

Manta cũng thúc đẩy mạnh mẽ cơ chế ngoại giao của hai nước, làm cho hai nước đã xuất hiện tình hình cùng dốc sức thúc đẩy giải quyết chương trình nghị sự với phạm vi rộng lớn giữa Liên Xô và Mỹ.

Các nhà chính trị và nhà bình luận Liên Xô đều nhất trí cho rằng, hội đàm Manta đã biến đổi trên cơ bản lập trường của Chính phủ Bus đối với Liên Xô: từ cách nhìn bàng quan tiêu cực trở thành ra sức thúc đẩy để sớm đi tới thành công. Trước mùa thu năm 1989, đối với công cuộc cải cách của Liên Xô và quan hệ Mỹ - Xô, Chính phủ Bus chỉ có thái độ đứng ngoài quan sát. Trải qua suy ngẫm lâu dài, Nhà Trắng đã nhận thức được rằng nước Mỹ cần phải quan tâm đến công cuộc cải cách của Liên Xô vì nó có quan hệ tới lợi ích của chính nước Mỹ, cải cách của Liên Xô có đặc điểm là tính công khai, dân chủ và pháp chế. Cải cách nhấn mạnh càng nhiều đến đâu, khí đốt chứ không phải là súng đạn.. Như vậy giúp cho Liên Xô giảm bớt được gánh nặng quân sự to lớn để tập trung vào việc xây dựng kinh tế. Nếu như cải cách của Liên Xô thất bại, thì chính sách ngoại giao của họ tất sẽ bị gác lại, vì thế nó có tương quan mật thiết với chủ trương giảm thiểu ngân sách quân sự và xây dựng lại nền kinh tế của nước Mỹ. Suy nghĩ này khiến cho Bus sau khi thăm Hungari, nhanh chóng rút ra kết luận: nước Mỹ cần phải tích cực giúp đỡ Liên Xô thực hiện cải cách, giúp đỡ Liên Xô chính là tự giúp mình.

Bus cho rằng, xây dựng quan hệ Mỹ - Xô tích cực, phi đối kháng là cực kỳ trọng yếu. Nhà lãnh đạo hai nước hiện nay đã dốc sức để hiểu biết lẫn nhau và hợp tác song phương, tìm những hình thức và phương pháp cao hơn để cùng giải quyết các vấn đề quốc tế ví như vấn đề môi trường và đe dọa chiến tranh v. v...

Hiện nay, Liên Xô và Mỹ xuất phát từ chỗ hiểu biết lẫn nhau, đang hiệp đồng hành động trên các lĩnh vực thuộc quan hệ quốc tế và quan hệ đôi bên. Mấy năm gần đây, đối kháng Xô - Mỹ với thế giới thứ ba rõ ràng đã giảm thiểu rất nhiều: quân đội Liên Xô đã rút khỏi Apganistan, hai bên đã có nhiều cố gắng để giải quyết hoà bình những xung đột ở Angola, Libăng, Sahara cho tới Campuchia, đã thúc đẩy cuộc tuyển cử tự do ở Namibia. Còn sẽ cùng hợp tác hành động về vấn đề Palestin.

Trước mắt, thách thức lớn nhất về mặt hiểu biết và hợp tác là ở châu Âu. Mọi người lo lắng, một nước Đức độc lập thống nhất thì nguy cơ dân tộc chủ nghĩa càng lớn. Châu Âu hiện nay đã thành nơi thử nghiệm để xây dựng trật tự quốc tế mới thật sự sau chiến tranh.

Ở Châu Á, đối kháng Xô - Trung được xoá bỏ, Nhật Bản, Ôstrâylia, Ấn

Độ, các nước Đông Dương tham gia xúc tiến hợp tác khu vực Thái Bình Dương, Ấn Độ Dương, những việc đó đã thúc đẩy xu thế hoà hoãn toàn cầu.

Ký kết Xô - Mỹ có ảnh hưởng đặc biệt trên phạm vi thế giới, do vai trò siêu cường của hai nước, họ cần phải cùng chung sức thực hiện các mục tiêu để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến tranh lạnh.

II. “NGOẠI GIAO TANG LỄ”

Đàm phán về quan hệ Trung - Xô

Ngày 15 tháng 5 năm 1989, sau 30 năm Điều Ngự Đài lại lần nữa chào đón vị nguyên thủ nước láng giềng lớn nhất, Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Góócbachốp đến thăm Trung Quốc.

Mọi người xem truyền hình thấy Đặng Tiểu Bình nắm chặt tay Góócbachốp, chính thức tuyên bố “bình thường hóa quan hệ hai nước Trung - Xô và “bình thường hoá quan hệ giữa hai Đảng”.

Đặng Tiểu Bình nói:

- Ý nghĩa chính của lần hội kiến này là “kết thúc quá khứ, mở hướng tương lai”.

Sau ba ngày, Góócbachốp vui vẻ ra về. Hai bên Trung - Xô ra “Thông cáo chung” chính thức chấm dứt quan hệ không bình thường kéo dài đến 30 năm.

Đây là một mốc quan trọng trong lịch sử quan hệ Trung-Xô. Người có vai trò chính đứng đằng sau thúc đẩy công việc này là Đặng Tiểu Bình.

Ngày 3 tháng 10 năm 1949, Trung Quốc - Liên Xô thiết lập quan hệ ngoại giao. Ngày 14 tháng 2 năm 1950, tại Matxcova ký kết “Hiệp ước hữu nghị đồng minh hỗ trợ Trung - Xô ” có hiệu lực trong 30 năm. Hiệp ước quy định, trước khi hết hiệu lực một năm, nếu như bất cứ bên ký kết nào không có đề xuất chấm dứt hiệp ước thì hiệp ước này mặc nhiên được kéo dài thêm 5 năm. Vì thế , đến năm 1979, Trung Quốc là một bên ký hiệp ước tất phải có quyết định có kéo dài thời hạn của hiệp ước hay không.

Đầu những năm 50, “Hiệp ước hữu nghị đồng minh hỗ trợ Trung - Xô, phát triển tình hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước, duy trì hoà bình khu vực Viễn Đông và thế giới. Nhưng tới cuối những năm 70, việc tiếp tục kéo dài hiệp ước này đã không còn cần thiết và cũng không còn khả năng nữa..

Trước hết, từ đầu những năm 60, quan hệ hai nước dần dần xấu đi, Liên Xô đưa đồng đảo quân đội đến đóng dọc biên giới phía Bắc Trung Quốc và trong lãnh thổ nước Cộng hoà Nhân dân Mông Cổ, uy hiếp nghiêm trọng nền

an ninh của Trung Quốc, từ đó làm cho nền tảng của “Hiệp ước hữu nghị đồng minh hỗ trợ Trung - Xô ” nảy sinh những rạn nứt cơ bản, bản thân hiệp ước cũng sớm thành hữu danh vô thực.

Sau nữa, 30 năm qua tình hình quốc tế đã có những biến đổi lớn lao, đặc biệt là Trung Quốc với Nhật Bản và Mỹ đã thực hiện bình thường hoá quan hệ và đã chính thức đặt quan hệ ngoại giao. Điều đó chứng tỏ rằng nhiều điều khoản quan trọng trong hiệp ước đã thành lỗi thời.

Thứ ba là, sau Hội nghị Trung ương lần thứ ba khoá XI, chính sách ngoại giao của Trung Quốc bắt đầu có những điều chỉnh lớn, tuyên bố rõ ràng thực hiện chính sách ngoại giao độc lập, tự chủ hoà bình, Trung Quốc không kết đồng minh với bất cứ nước lớn hoặc tập đoàn nước lớn nào. Vì thế, nếu kéo dài thêm “Hiệp ước hữu nghị đồng minh hỗ trợ Trung - Xô ” thì sẽ đi ngược lại chính sách ngoại giao cơ bản của chính Trung Quốc.

Do đó, căn cứ vào những quy định có liên quan trong hiệp ước này, ngày 3 tháng 4 năm 1979, Hội nghị lần thứ bảy Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá V nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đã ra quyết định không kéo dài thêm Hiệp ước sau khi hết thời hạn.

Cùng ngày, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Hoàng Hoa đã đến gặp Đại sứ Liên Xô ở Trung Quốc Sebacôp nhờ ông chuyển công hàm của Chính phủ Trung Quốc gửi Chính phủ Liên Xô, thông báo cho phía Liên Xô biết quyết định trên của Uỷ ban thường vụ Quốc hội Trung Quốc. Xuất phát từ lợi ích cơ bản của hai nước và nhân dân hai nước, phía Trung Quốc mong rằng hai nước láng giềng lớn vẫn duy trì và phát triển quan hệ quốc gia bình thường trên cơ sở nguyên tắc chung sống hoà bình, cho rằng sau khi hiệp ước hết hiệu lực, nên cùng xác định lại lần nữa chuẩn tắc với việc tuyên bố không kéo dài “Hiệp ước hữu nghị đồng minh hỗ trợ Trung - Xô, Chính phủ Trung Quốc kiến nghị với Chính phủ Liên Xô: hai bên tiến hành đàm phán về quan hệ giữa hai nước, giải quyết những vấn đề còn mắc mớ trong quan hệ Trung - Xô , xoá bỏ những cản trở trong việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước, để quan hệ Trung - Xô được cải thiện hơn.

Từ đó trở đi, thông qua con đường ngoại giao, hai bên đã nêu ý kiến của mình về mục đích, nội dung và nhiệm vụ của cuộc đàm phán. Phía Trung Quốc biểu thị sẵn sàng đàm phán với phạm vi rộng cùng Liên Xô: ngoài cuộc đàm phán về biên giới Trung - Xô cần tiếp tục tiến hành và sớm được tiến triển ra, còn cần xoá bỏ những trở ngại trong việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước, xác định chuẩn mực cho quan hệ giữa hai nước, tiến hành đàm phán về

các vấn đề phát triển mậu dịch, khoa học, kỹ thuật, giao lưu văn hóa trên cơ sở bình đẳng hai bên cùng có lợi. Dựa vào kết quả đàm phán, hai bên ký kết những văn kiện tương ứng. Hai bên thoả thuận vào cuối tháng 9 năm 1979, bắt đầu đàm phán về quan hệ nhà nước Trung - Xô ở cấp thứ trưởng Ngoại giao luân phiên tại thủ đô hai nước.

Từ ngày 25 tháng 9 đến 30 tháng 11 năm 1979, đoàn đại biểu Chính phủ Trung Quốc do Thứ trưởng Ngoại giao Vương ấu Bình dẫn đầu đến Mátxcova, cùng phía Liên Xô đàm phán về quan hệ Trung - Xô vòng một.

Đoàn đại biểu Trung Quốc đưa ra "Kiến nghị về cải thiện quan hệ hai nước Trung - Xô" Văn kiện này xuất phát từ tình hình thực tế về quan hệ giữa hai nước, vạch ra những cản trở trong việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước, đề ra những biện pháp cụ thể để thực thi chuẩn mực này. Trong đó bao gồm các mục: Yêu cầu phía Liên Xô chấm dứt đe dọa quân sự đối với Trung Quốc, giảm thiểu số quân đội trú ở biên giới Trung - Xô, rút quân khỏi lãnh thổ nước Cộng hoà Nhân dân Mông Cổ.

Đoàn đại biểu Liên Xô đưa ra "Tuyên bố Trung - Xô về nguyên tắc quan hệ qua lại giữa hai nước" (Dự thảo). Bản dự thảo chỉ nêu ra nguyên tắc chung chung, xa rời thực tế về quan hệ Trung - Xô, lảng tránh những vấn đề mấu chốt cản trở việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước, chẳng đưa ra được biện pháp cụ thể để giải quyết những vấn đề trên.

Do lập trường hai bên còn những bất đồng về nguyên tắc, cuộc đàm phán vòng thứ nhất chưa thể đạt được hiệp nghị. Hai bên thoả thuận vòng đàm phán thứ hai sẽ tổ chức ở Bắc Kinh. Nhưng cuối năm 1979 nảy sinh sự kiện quân đội Liên Xô tiến vào Apganistan.

Apganistan là nước láng giềng của Trung Quốc, quân đội Liên Xô tiến vào Apganistan rõ ràng là làm cho tiến trình bình thường hoá quan hệ Trung - Xô vốn đã vô cùng khó khăn lại tăng thêm những nhân tố phức tạp mới. Ngày 10 tháng 1 năm 1980, người phát ngôn báo chí của Bộ ngoại giao Trung Quốc tuyên bố: Liên Xô đưa quân vào Apganistan, đe dọa hoà bình thế giới, cũng đe dọa an ninh của Trung Quốc, đã tạo thành vật cản mới trong việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước. Trong tình hình trước mắt, tiến hành đàm phán Trung - Xô rõ ràng là không thích hợp, đề nghị lui cuộc đàm phán lại. Từ đó, cuộc đàm phán bình thường hoá quan hệ Trung - Xô phải gác lại hơn hai năm trời.

Đặc sứ Chính phủ hai nước cùng thương thuyết

Ngày 24 tháng 3 năm 1982, Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô Brêgionép

nói chuyện tại Tasken. Cùng lúc với việc công kích chính sách của Trung Quốc, ông tỏ ý vui lòng, thực hiện các “biện pháp cải thiện quan hệ Trung - Xô để đạt thành hiệp nghị”.

Người phát ngôn Bộ ngoại giao Trung Quốc đã phát biểu ý kiến về việc này, kiên quyết bác bỏ những lời công kích Trung Quốc trong bài nói chuyện của Brêgionép. Đồng thời chỉ ra, phía Trung Quốc chú ý tới bài nói chuyện về quan hệ hai nước Trung - Xô của Brêgionép ở Tasken, trong quan hệ hai nước Trung - Xô và tình hình quốc tế hiện nay, điều mà Trung Quốc coi trọng chính là hành động thực tế của Liên Xô.

Ít lâu sau, trong báo cáo tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng nêu ra, phía Trung Quốc chú ý tới việc các nhà lãnh đạo Liên Xô một lần nữa biểu thị sẵn sàng cải thiện quan hệ với Trung Quốc. Nhưng điều quan trọng không phải là ngôn từ mà là hành động. Nếu như nhà đương cục Liên Xô quả có thành tâm cải thiện quan hệ với Trung Quốc, thực hiện từng bước thực tế xoá bỏ sự đe dọa đối với an ninh của Trung Quốc thì quan hệ hai nước Trung - Xô hẳn có khả năng đi tới bình thường hoá.

Tháng 8 cùng năm, phía Trung Quốc thông qua kênh ngoại giao bày tỏ với phía Liên Xô rằng các nhà lãnh đạo Trung Quốc rất quan tâm đến việc cải thiện quan hệ Trung - Xô, bây giờ là lúc có khả năng thực sự bắt đầu làm một số công việc thực tế về phương diện này. Hai bên cần phải ngồi lại, bình tâm tĩnh chí thảo luận, cùng chung sức tìm cách xoá bỏ những chướng ngại cản trở sự phát triển quan hệ giữa hai nước. Qua hiệp thương, hai bên quyết định bắt đầu từ tháng 10 năm 1982, Đặc sứ Chính phủ hai nước (cấp thứ trưởng Ngoại giao) sẽ tiến hành thương thuyết về vấn đề cải thiện quan hệ giữa hai nước luân phiên tại Bắc Kinh và Mátxcova.

Ngày 5 tháng 10 năm 1982, đoàn đại biểu Liên Xô do Thứ trưởng Ngoại giao Ilisep dẫn đầu đến Bắc Kinh cùng đoàn đại biểu Trung Quốc do Thứ trưởng Ngoại giao Tiền Kỳ Tham dẫn đầu, tiến hành cuộc thương thuyết vòng đầu giữa Đặc sứ Chính phủ hai nước Trung - Xô. Hai bên đã thẳng thắn bình tĩnh trao đổi ý kiến về vấn đề quan hệ hai nước.

Từ tháng 10 năm đó đến tháng 6 năm 1988, Đặc sứ Chính phủ hai nước đã tiến hành thương thuyết 12 vòng, kéo dài gần 6 năm. Trong thương thuyết, phía Trung Quốc nhiều lần bày tỏ, tình hình không bình thường trong quan hệ Trung - Xô đã tồn tại gần 20 năm, điều này đã không phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước Trung - Xô mà cũng chẳng phù hợp với lợi ích hoà

bình của Châu Á và thế giới. Hai bên Trung - Xô cần phải cùng chung sức thiết thực làm một số công việc để xoá bỏ những cản trở trên bước đường cải thiện quan hệ giữa hai nước. Phía Trung Quốc cho rằng phía Liên Xô nếu như thành thật muốn cải thiện quan hệ giữa hai nước thì cần phải có những hành động thực tế, rút quân khỏi Mông Cổ và trên vùng biên giới Trung - Xô, rút quân khỏi Apganistan v.v...

Phía Liên Xô trong một khoảng thời gian dài từ sau khi bắt đầu thương thuyết đã lảng tránh thảo luận những vấn đề thực chất cản trở đến việc bình thường hoá quan hệ giữa hai nước. Lấy cớ phía Trung Quốc đề xuất xoá bỏ ba trở ngại lớn là đề ra điều kiện tiên quyết cho việc cải thiện quan hệ hai nước, lại can thiệp vào lợi ích của nước thứ ba, là cho cuộc thương thuyết có lúc rơi vào bế tắc.

Năm 1985, sau khi Goócbachốp giữ chức Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô đã tỏ ra có thái độ tích cực hơn đối với việc cải thiện quan hệ hai nước Trung - Xô. Tháng 4 năm 1986 trong cuộc họp vòng thứ 8, phía Liên Xô lần đầu tiên tỏ ý có thể coi vấn đề Campuchia là xung đột khu vực để tiến hành thảo luận với phía Trung Quốc. Ngày 28 tháng 7 cùng năm, trong cuộc nói chuyện ở Vladivostok, Goócbachốp tỏ ý vui lòng sẵn sàng thảo luận với Trung Quốc vào bất cứ lúc nào, ở bất kỳ cấp bậc nào về vấn đề tìm thêm biện pháp để tạo ra bầu không khí hữu nghị giữa hai nước láng giềng. Đồng thời cũng tuyên bố: Liên Xô đang cùng với nhà lãnh đạo Mông Cổ nghiên cứu vấn đề rút một bộ phận lớn quân đội ra khỏi Mông Cổ; Liên Xô cũng sẽ rút quân từng đợt khỏi Apganistan, đến cuối năm 1986 có 6 Trung đoàn quân đội Liên Xô rời khỏi Apganistan. Đây là lần đầu tiên phía Liên Xô tỏ rõ thái độ đối với việc xoá bỏ những trở ngại cho việc bình thường hoá quan hệ Trung - Xô.

Ngày 8 tháng 2 năm 1988, Goócbachốp tuyên bố về vấn đề Apganistan rằng bắt đầu từ 15 tháng 5 năm 1988 sẽ rút quân khỏi Apganistan, trong vòng 10 tháng rút hết toàn bộ.

Tháng 6 cùng năm, trong cuộc họp vòng 12 giữa Đặc sứ hai Chính phủ Trung - Xô, hai bên tập trung thảo luận về vấn đề Campuchia, mỗi bên đã trình bày tỉ mỉ lập trường của mình về vấn đề này. Trong cuộc họp lần này, phía Liên Xô đề nghị hai bên Trung - Xô sẽ tổ chức một cuộc thường nghị chuyên về vấn đề Campuchia.

"Ngoại giao tang lễ" màu nhiệm

Tháng 11 năm 1982, cuộc thương thuyết vòng đầu của đặc sứ hai Chính

phủ Trung - Xô kết thúc chưa được bao lâu thì Tổng bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô Brêgionép qua đời. Chính phủ Trung Quốc cử Ủy viên Quốc vụ viện kiêm Bộ trưởng Hoàng Hoa làm đặc sứ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đi dự lễ tang và đã hội kiến với Ngoại trưởng Gromia.

Tháng 2 năm 1984, nhà lãnh đạo Liên Xô Andrôpốp qua đời, Chính phủ Trung Quốc cử Phó thủ tướng Quốc vụ viện Vạn Lý dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ đến Mátxcova tham gia lễ tang. Nhà lãnh đạo Liên Xô Aliép đã hội kiến với Trưởng đoàn đại biểu Trung Quốc. Những cuộc tiếp xúc cao cấp đó đã phá vỡ trạng thái đóng băng làm gián đoạn việc giao lưu chính trị hơn 20 năm qua giữa hai nước Trung - Xô, phát huy được tác dụng quan trọng trong việc cải thiện quan hệ giữa hai nước.

Tháng 3 năm 1985, Secnencô qua đời, Goócbachốp lên làm Tổng Bí thư. Trung Quốc có ấn tượng tốt với Goócbachốp, người có ý nguyện muốn cải thiện quan hệ với Trung Hoa nên đã cử Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Lý Bằng dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ đến Mátxcova viếng tang. Lần đi thăm này, trọng điểm là thăm dò chính sách đối với Trung Quốc của Liên Xô, vì sau khi Secnencô qua đời, Goócbachốp được hội nghị Ban chấp hành trung ương bầu làm Tổng bí thư, đã có bài nói chuyện tỏ ý hy vọng quan hệ Trung - Xô có thể được cải thiện nhiều hơn nữa. Lời nói này là công thức nhậm chức hay thật sự có ý chân thành?

Trung Quốc đưa Lý Bằng lên tuyến một trong việc ngoại giao với Liên Xô cũng là do lịch sử tạo nên. Quan hệ Trung - Xô lâu nay không tốt, không thể tiến hành những cuộc gặp gỡ ở cấp càng cao hơn. Giao thiệp với Liên Xô cần phải có nhân vật thông minh nhanh nhẹn, có kinh nghiệm, giàu tính sáng tạo. Lý Bằng thông thạo về Liên Xô, biết tiếng Nga, chính là nhân vật lý tưởng để tuyển chọn.

Khi Lý Bằng đến Mátxcova, Goócbachốp bận rộn vì quốc tang nên chưa thể tiếp kiến, nhưng ông biết rõ ràng tác dụng của “ngoại giao tang lễ”, nên ngày buổi chiều ngày 13 tháng 3 Goócbachốp đã cùng với Tikhônốp Gromicô, Kuzonetsốp hội kiến với Lý Bằng tại điện Kremlin, cảm ơn Lý Bằng đã đến dự lễ tang Secnencô. Đầu tiên Lý Bằng chúc mừng Goócbachốp đảm nhiệm chức Tổng Bí thư, sau đó nói:

- Chúc các đồng chí giành được những thành tựu to lớn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trung Quốc từ lâu đã không còn khẳng định Liên Xô là nước xã hội

chủ nghĩa. Goócbachốp rất nhạy cảm chính trị, lập tức ra sự khác nhau trong cách nói của người Trung Quốc. Ông giỏi nắm bắt mọi cơ hội có trước mắt. Thêm một người bạn rõ ràng là tốt hơn thêm một kẻ thù. Lý Bằng chẳng những biết tiếng Nga, còn biết tiếng Anh tiếng Đức, lại là một kỹ sư điện lực. Lý Bằng hơn Goócbachốp 3 tuổi, gia nhập Đảng Cộng sản trước Goócbachốp 6 năm. Lý Bằng rõ ràng là chuyên gia về vấn đề Liên Xô, còn Goócbachốp thì chưa phải là chuyên gia về vấn đề Trung Quốc. Xem ra Goócbachốp đối phó với Lý Bằng chẳng phải dễ dàng, nếu như đấu trí với Đặng Tiểu Bình thì càng tốn nhiều công sức. Tuy vậy, Goócbachốp có khuynh hướng hoà giải, ông đã nhiều lần qua lại công tác với Lý Bằng, ông hy vọng qua Lý Bằng tìm ra những cơ hội đối thoại với Trung Quốc.

Ngay tối hôm đó, các nhà lãnh đạo Liên Xô đã nghiên cứu đối sách, nhân dịp tiếp đãi Lý Bằng khuấy động lại quan hệ Trung - Xô. Goócbachốp quyết định ngày hôm sau sẽ nói chuyện kỹ hơn với Lý Bằng.

Trưa ngày 14, Goócbachốp, Rómucô hội kiến một lần nữa với Lý Bằng tại điện Kremli. Lý Bằng làm theo quyết sách của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc, trước hết chuyển lời chúc mừng chân thành và cầu mong tốt đẹp của Tổng bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Hồ Diệu Bang. Lý Bằng nói:

- Trong bài nói chuyện tại Hội nghị Trung ương bất thường, đồng chí tôi ý mong muốn quan hệ Trung - Xô có thể được cải thiện mạnh mẽ, chúng tôi tán thành ý kiến đó. Chúng tôi vui lòng làm hết sức mình để phát triển quan hệ giữa hai nước trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa.

Goócbachốp giải bày, Liên Xô hy vọng rằng quan hệ Trung - Xô sẽ được cải thiện mạnh mẽ. Ông nói: Liên Xô và Trung Quốc cần tiếp tục tiến hành đối thoại, nâng cấp đối thoại lên cao hơn, thu hẹp những bất đồng.

Tháng 12 năm 1985, Lý Bằng và phu nhân Chu Lâm đi thăm Tiệp Khắc và Bungari, khi trở về đi qua Mátxcơva, Goócbachốp đột nhiên yêu cầu được gặp ông bàn tiếp về vấn đề quan hệ Trung - Xô. Đây là cuộc gặp gỡ “thăm dò lẫn nhau”. Lý Bằng thẳng thắn nói với phía Liên Xô, “ba cản trở lớn” không xoá bỏ, phía Liên Xô không hành động, thì đối thoại Xô - Trung rất khó mà nâng lên cấp cao hơn. Trao đổi kinh tế có thể phát triển, quan hệ chính trị vẫn không được cải thiện.

Khi đó, Goócbachốp đang bị Mỹ dồn ép, phải nhanh chóng tạo được quan hệ chính trị tốt với Trung Quốc để giành ưu thế chiến lược. Ông ta một lần nữa tỏ ý nguyện phát triển quan hệ láng giềng, giảm bớt bất đồng, mong có cuộc gặp gỡ giữa nhà lãnh đạo hai nước.

Cuộc gặp gỡ lần này đã trực tiếp dẫn tới việc Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Talôxin đi thăm Trung Quốc, đẩy mạnh việc phát triển quan hệ kinh tế, mậu dịch, văn hóa, giáo dục. Đồng thời hai bên đều đã thúc đẩy quan hệ với Trung Quốc, nhưng gặp rất nhiều khó khăn. Ông mới nhậm chức chưa lâu, không ít người trước đây dưới thời Brêgionép kiên trì đường lối chống Trung Quốc, nay họ chịu thừa nhận sai lầm thì có nghĩa là sinh mệnh chính trị của họ chấm dứt. Những người này một ngày còn giữ chức thì không thể tán thành một bước ngoặt lớn đối với Trung Quốc được.

Nhưng đường lối ngoại giao thời Gromicô cuối cùng đã kết thúc. Tư tưởng chủ đạo trong đối ngoại của Gromicô là ưu tiên giải quyết quan hệ với siêu cường - tức quan hệ Mỹ - Xô. Các nước khác, bao gồm Tây Âu, Nhật Bản, Trung Quốc, đều là thứ yếu. Gromicô rời khỏi Bộ Ngoại giao, Goócbachốp mới có cơ hội áp dụng hoạt động ngoại giao đa nguyên hoá, giàu sức sống.

Cuối tháng 7 năm 1986, thời cơ để Goócbachốp thúc đẩy quan hệ Trung - Xô di lên đã chín muồi, ông đi thị sát 7 ngày ở vùng Viễn Đông, tại Vladivôstôc ông đã có bài nói chuyện về chính sách của Liên Xô đối với vùng Châu á - Thái Bình Dương, tạo nên hình ảnh hoà bình và lắng giềng thân thiện cho Liên Xô.

Trong bài nói chuyện, Goócbachốp đã đánh giá cục diện Viễn Đông:

- Xét về mặt kinh tế, khu vực Châu á Thái Bình Dương đã tiến vào thời kỳ phục hưng. Xét về cục diện chính trị, khu vực này chưa có sự chuyển biến theo hướng tốt hơn. Nửa sau những năm 70, nước Mỹ đã mở rộng lực lượng quân sự ở Thái Bình Dương, bắt đầu xuất hiện đối kháng nhưng không theo kiểu quân sự hoá như ở châu Âu. Liên Xô chuẩn bị cải thiện quan hệ song phương với các nước Châu á - Thái Bình Dương. Liên Xô, bản thân cũng là một nước Châu á - Thái Bình Dương, không thể hy sinh nước khác để tăng cường an ninh cho riêng mình, không mưu cầu địa vị đặc quyền và đặc thù nào cả.

Trọng tâm bài nói chuyện của Goócbachốp là muốn cải thiện quan hệ chính trị với Trung Quốc, tỏ ý sẵn sàng thảo luận với Trung Quốc về vấn đề xây dựng quan hệ lắng giềng vào bất cứ lúc nào và ở bất cứ cấp bậc nào. Ông cho rằng hai nước đều đang đẩy nhanh xây dựng kinh tế, có thể giúp đỡ và hợp tác với nhau, quan hệ càng tốt càng có thể giao lưu kinh nghiệm nhiều hơn. Ông nhận định kinh tế mậu dịch của hai nước (bao gồm cả buôn bán ở vùng biên giới) rất giàu tiềm lực, liên hợp khai thác Hắc Long Giang, lấy

dòng chảy chính trên sông làm đường biên giới chính thức, xây dựng đường sắt nối liền Tân Cương với Cazácstan cùng hợp tác về kỹ thuật hàng không vũ trụ, Trung Quốc và Liên Xô cùng giảm số lượng bộ binh.

Về vấn đề “ba cản trở lớn” trong quan hệ Trung - Xô, Goócbachốp đã nói tới vấn đề quân đồn trú ở biên giới Trung - Xô, đề cập tới vấn đề Apganistan. Qua bài nói chuyện có thể thấy, chính sách của Liên Xô đã có thay đổi, đương nhiên như mọi người thường nói, kết quả thực tế còn phải nhìn vào việc làm đã.

Hai ngày trước khi Goócbachốp có bài nói chuyện này, Liên Xô đã “kính mời” Tổng bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Mông Cổ Patmonkhơ và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Trường Chinh đến Mátxcova “nghỉ mát”

Ngày 26 tháng 7 là ngày Trường Chinh đến “nghỉ mát ở Mátxcova, hãng TASS từ Hà Nội đưa tin về bài nói chuyện của Trường Chinh tại Hội nghị cán bộ thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông nói:

- Đại gia đình xã hội chủ nghĩa đã trở thành hệ thống thế giới và không ngừng tăng thêm sức mạnh, chúng ta cần phải tận dụng sự viện trợ cực kỳ quý báu của các nước anh em, trước hết là Liên Xô.

Cùng lúc đó, Goócbachốp lại hội kiến với Tổng bí thư Mông Cổ Patmonkhơ. Patmonkhơ biết được sau này viện trợ phải giảm nhiều, nên vừa về tới Mông Cổ đã sửa đổi cung cách tuyên truyền trên báo chí, không còn nhắc tới “Liên Xô luôn luôn viện trợ kinh tế kỹ thuật khẳng khái vô tư cho Mông Cổ”. Trong các cuộc nói chuyện, nhà lãnh đạo Mông Cổ lại nhắc đến “khai thác với mức độ cao nhất tiềm lực kinh tế quốc dân của nước ta” và “mở rộng phát triển các xí nghiệp liên doanh Mông Cổ - Liên Xô”.

Người Việt Nam cũng đã hiểu rõ. Liên Xô đang gặp khó khăn về kinh tế, không thể để họ thêm gánh nặng được nữa.

Nước cờ hay của Đặng Tiểu Bình

Đặng Tiểu Bình đánh giá đúng tình hình, ông lập tức đi một nước cờ rất tinh vi về quan hệ Trung - Xô và Trung - Mỹ.

Đặng Tiểu Bình đồng ý để quân hạm Mỹ đến thăm quân cảng Thanh Đảo của Trung Quốc, còn về chuyện quân hạm có mang vũ khí hạt nhân hay không thì đứng trên lập trường “mơ hồ” mà cả hai bên Trung - Mỹ đều có thể chấp nhận được, có nghĩa là phía Trung Quốc bày tỏ không hoan nghênh cuộc viếng thăm của quân hạm có mang vũ khí hạt nhân, còn phía Mỹ thì không tuyên bố

quân hàm có mang vũ khí hạt nhân hay không. Đồng thời Đặng Tiểu Bình lại thu xếp để Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Ônbegơ đến thăm Trung Quốc ngày 7 tháng 10 để đàm phán về vấn đề hợp tác quân sự Trung - Mỹ.

Mặt khác, vào đầu tháng 9, khi tiếp Oalét phóng viên hãng truyền hình Mỹ Còlômbia, Đặng Tiểu Bình nêu ý kiến nếu Liên Xô tiến một bước thực sự trong việc xoá bỏ những cản trở trong quan hệ Trung - Xô, ông sẽ gặp gỡ với nhà lãnh đạo Liên Xô Goócbachốp. Trái bóng đã được đá sang phía Liên Xô khiến cho Goócbachốp lúng túng.

Chính sách ngoại giao của Liên Xô đang thay đổi. Sau bài nói chuyện ở Vladivôstốc, Goócbachốp lại cử Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Talôixin đi thăm Trung Quốc. Cùng đi có hai nhân vật quan trọng, một là Rôgôsinh mới nhậm chức Thứ trưởng Bộ ngoại giao (sau là đại biểu và người tổ chức đàm phán bình thường hoá quan hệ Trung - Xô), hai là Chủ tịch Ủy ban kinh tế đối ngoại Catuseps (ông là người phụ trách thúc đẩy việc hợp tác kinh tế mậu dịch và mở các công ty liên doanh với Trung Quốc). Goócbachốp muốn làm “ấm áp” quan hệ Trung - Xô.

Rất giàu kịch tính đó là tờ “Tin tức Mátxcơva” số tháng 7 năm 1986 đã đưa tin và ảnh nhà ngoại giao Môlôtop dưới thời Stalin hiện đang an hưởng tuổi già. Môlôtop đã 96 tuổi, nhưng bức ảnh chụp gần vẫn làm lộ rõ phong độ chừng chạc, cặp mắt sáng có thần của ông. Môlôtop có thái độ tán thưởng những cải cách của Goócbachốp. Ông nói:

- Tôi cảm thấy được khích lệ trước những biến đổi trong đời sống xã hội Liên Xô; điều tiếc nuối cho tôi là tuổi cao không cho phép tôi được tham gia tích cực vào cải cách.

Ấn ý của Môlôtop là rất muốn lại làm được điều gì đó trên vũ đài ngoại giao. Tàn Hoa Xã lập tức chuyển phát lại bài báo này và có thêm bài giới thiệu về thân thế Môlôtop.

Môlôtop đảm nhiệm chức vụ Ngoại trưởng trong Đại chiến thế giới lần thứ hai, đã tích cực liên hệ với Anh, Mỹ, thúc đẩy Liên Xô kết Đồng minh với Anh, Mỹ chống phát xít. Ông đã tham dự hội nghị Tehêran, Yanta, Pôtsdam của các nước đồng minh, và hội nghị San Franciscô năm 1945, thành lập Liên Hợp Quốc. Năm 1949, ông rời khỏi chức vụ Bộ trưởng Ngoại giao. Sau khi Stalin qua đời, Khorutsốp phát động cuộc đảo chính cung đình, ông và Khorutsốp đối lập nhau về chính kiến, năm 1956 ông bị bãi miễn chức vụ, tháng 11 năm đó do biến đổi về cục diện chính trị, ông đảm nhiệm chức Bộ

trưởng Thanh tra nhà nước. Tháng 6 năm 1957 ông tham gia cuộc đảo chính không thành với ý đồ lật đổ Khorutsốp nên đã mất hết chức vụ trong Đảng và chính quyền. Sau đó, ông làm đại sứ Liên Xô ở Mông Cổ, năm 1960 đến năm 1961 ông là đại diện Liên Xô trong cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế đóng ở Viên cho đến lúc về hưu. Sau khi Brêgionép lên nắm chính quyền, ông bị khai trừ khỏi Đảng, năm 1984 mới được khôi phục Đảng tịch.

Môlôtốp một lần nữa xuất hiện trên báo chí Liên Xô là sự chỉ trích gián tiếp đối với đường lối ngoại giao của Brêgionép, cũng là khôi phục lại đường lối ngoại giao đa phương trước kia, có dấu hiệu tốt hơn với phương Tây, đồng thời cũng tỏ rõ tín hiệu hữu nghị với Trung Quốc. Dưới thời Môlôtốp, Trung Quốc Liên Xô đã từng có những tháng năm quan hệ rất mật thiết.

Sau khi Môlôtốp lại xuất đầu lộ diện, Liên Xô bật đèn xanh cho các nước Đông Âu, các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước Ba Lan, Cộng hoà Dân chủ Đức, Hunggari... đã lần lượt đi thăm Trung Quốc.

Đệ nhất phu nhân tham quan Triển lãm Trung Quốc

Một màn kịch hay nữa là do bà Raisa, phu nhân của Goócbachốp sắm vai chính. Ngày 6 tháng 8 tức là trước lúc Goócbachốp hội kiến với Trường Chinh 6 ngày, đệ nhất phu nhân Raisa nét mặt tươi cười đến tham quan triển lãm kinh tế mậu dịch Trung Quốc tổ chức tại Mátxcova.

Lần này, bà Raisa đến để thắt chặt quan hệ với Trung Quốc. Bà ăn nói giỏi giang khéo léo, dễ làm quen với mọi người. Trong các gian triển lãm Trung Quốc bày rất nhiều sản phẩm điện khí gia đình gồm máy thu hình, thiết bị âm thanh, tủ lạnh, quạt máy, lại còn có quần áo thời trang, giày da tuyệt đẹp, cũng có cả những sản phẩm hiếm hoi về hàng không vũ trụ, tia lade, máy đo điện não... Dưới thời Brêgionép, Trung Quốc được miêu tả thành thô kệch, cuộc triển lãm này đã giới thiệu một cách sinh động bước tiến bộ kinh tế mà Trung Quốc đạt được từ sau cải cách. Đối chiếu với những thứ đó thì các mặt hàng công nghiệp nhẹ của Liên Xô về mẫu mã cũng như chất lượng còn thô kệch hơn nhiều. 33 năm nay, Trung Quốc chưa từng tổ chức triển lãm ở Liên Xô, việc tuyên truyền phiến diện đã lấn át thực tế. Goócbachốp dễ dàng đồng ý cho tổ chức cuộc triển lãm này, bản thân muốn gây mặt chấn động đối với những người bảo thủ chống Trung Quốc.

Raisa tham quan Triển lãm đã gây một tiếng vang trong công chúng. Bà xem tỉ mỉ mỗi một mặt hàng, bất chợt nêu ra những câu hỏi rồi phát biểu cảm tưởng, lại nói đôi câu hóm hỉnh với người Trung Quốc. Khi bà đi đến trước cỗ

máy soi lade hai giải tấn, người thuyết minh Trung Quốc nói với bà toàn bộ cổ máy này là do người Trung Quốc tự thiết kế, chế tạo, bà Raisa liền tươi cười chìa tay ra bắt tay với người Trung Quốc, nói:

- Hay lắm, tự mình chế tạo, thật đáng tự hào.

Sau khi xem các mặt tiêu dùng như thời trang, giấy dép, bình nước nóng, bà Raisa khen:

- Những thứ giấy dép, thời trang này rất được hoan nghênh ở Liên Xô.

Raisa tham quan Triển lãm Trung Quốc hơn một tiếng đồng hồ, trước khi ra về bà nói với Trưởng đoàn triển lãm Trung Quốc:

- Triển lãm này giúp tôi thấy được thành tựu mọi mặt của Trung Quốc, tôi kính chúc nhân dân Trung Quốc lừng lẫy của chúng tôi sau này giành được những thành tựu càng tốt đẹp hơn.

Triển lãm Trung Quốc có tiếng vang lớn. Vào tham quan triển lãm phải mua vé, người Liên Xô phải xếp hàng dài hàng cây số để mua vé, lại phải đứng dưới trời nắng hơn hai tiếng đồng hồ mới có thể tiến vào toà đại sảnh. Phụ nữ Liên Xô thích thú không muốn rời tay khỏi những đồ điện gia dụng và các dụng cụ nhà bếp nhiều hình nhiều vẻ, còn các cô gái Liên Xô thì trầm trồ không ngớt trước những váy áo lụa tơ tằm Trung Quốc. Không ít người Liên Xô đã ghi lại trong sổ cảm tưởng những ý nghĩ và tình cảm của họ đối với Trung Quốc:

- Không khí mới mẻ trong triển lãm đã xoá bỏ những thành kiến coi Trung Quốc là một nước nghèo khổ lạc hậu.

- Người Trung Quốc thật là giỏi!

- Sự phát triển của Trung Quốc những năm gần đây có bí mật gì?

Một chuyên gia Liên Xô đã từng làm việc ở Trung Quốc trước đây 30 năm viết:

- Thành tựu của Trung Quốc hơn 30 năm lại đây thật làm cho người ta khó mà tưởng tượng nổi. Qua sản phẩm trong triển lãm, tôi đã nhìn thấy một nước Trung Quốc đổi mới. Nhân dân Liên Xô luôn luôn tôn trọng nhân dân Trung Quốc.

Công chúng xem triển lãm đã phản ánh có một dòng chảy ngầm đòi hỏi hữu nghị với Trung Quốc. Nhưng dòng chảy ngầm càng lớn hơn đó là dân chúng Liên Xô đòi hỏi cải cách. Trong triển lãm họ thường hỏi về tình hình cải cách của Trung Quốc. Goócbachốp đã khéo léo sử dụng triển lãm này để tăng thêm thanh thế cho công cuộc cải cách ở Liên Xô.

Có thể nói, sự bất đồng về hình thái ý thức và các trở ngại đã được xoá bỏ, giữa

Trung Quốc và Liên Xô chỉ còn lại vấn đề làm thế nào gỡ bỏ được trở ngại trong vấn đề Campuchia.

III. GẶP GỠ CẤP CAO TRUNG - XÔ.

Đề xuất và chuẩn bị cho cuộc gặp gỡ cấp cao Trung - Xô

Tháng 1 năm 1985, Đặng Tiểu Bình bắt tin cho Goócbachốp tỏ ý, nếu như xoá bỏ được ba cản trở lớn, ông sẽ vui lòng hội kiến với Goócbachốp. Ngày 20 tháng 7 năm 1986, trong buổi nói chuyện ở Vladivôstốc, Goócbachốp đã nói tới việc Liên Xô sẵn sàng thảo luận với Trung Quốc về vấn đề xây dựng quan hệ láng giềng vào “bất cứ lúc nào và ở bất cứ cấp bậc nào”. Ngày 2 tháng 9 cùng năm khi xem phỏng vấn của phóng viên Mỹ Oalét trên truyền hình, Đặng Tiểu Bình nói, bài nói chuyện của Goócbachốp ở Vladivôstốc có điểm mới, đối với những điểm mới có mang tính tích cực của ông ta, chúng ta biểu thị sự hoan nghênh thật sự. Nếu như Goócbachốp xoá bỏ được ba cản trở lớn, đặc biệt là tiến thêm một bước thúc đẩy Việt Nam rút quân khỏi Campuchia, bản thân tôi rất vui lòng được hội kiến với Goócbachốp.

Mùa hè năm 1988, trong tình hình đã xuất hiện những tiến triển rõ rệt về phương diện xoá bỏ ba cản trở lớn, hai bên Trung Quốc, Liên Xô quyết định, cùng lúc với việc kết thúc sứ mệnh thương thuyết chính trị của đặc sứ Chính phủ hai nước thì cũng bắt đầu tiến hành chuẩn bị trực tiếp cho việc thực hiện bình thường hoá quan hệ giữa hai nước. Ngày 27 tháng 8 và ngày 2 tháng 9 cùng năm, Phó Ngoại trưởng hai nước Trung - Xô tổ chức gặp gỡ thảo luận chuyên đề về vấn đề Campuchia tại Bắc Kinh. Cuộc hội đàm tiến hành trong bầu không khí nghiêm túc, thẳng thắn, thực sự cầu thị. Hai bên chủ trương vấn đề Campuchia cần thông qua biện pháp chính trị để giải quyết cho công bằng, hợp lý và cùng biểu thị sẽ ra sức thúc đẩy thực hiện mục tiêu này. Cuộc gặp gỡ lần này đã tăng thêm những điểm nhất trí về vấn đề trên nhưng vẫn còn những bất đồng nghiêm trọng. Ngày 28 tháng 9, Ngoại trưởng Trung Quốc Tiền Kỳ Tham và Ngoại trưởng Liên Xô Sevacnatze tham gia cuộc họp Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, đã hội đàm cùng nhau. Hai bên cho rằng cần tiếp tục thảo luận về vấn đề Campuchia. Hai bên thương nghị, Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham sẽ đi thăm Liên Xô trong năm nay.

Từ ngày 1 đến ngày 3 tháng 12 năm 1988, Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham sẽ đi thăm Liên Xô. Đây là cuộc thăm chính thức đầu tiên của Ngoại trưởng Trung Quốc sau gần 30 năm. Trong thời gian đi thăm, Tiền Kỳ Tham và

Ngoại trưởng Liên Xô Sêvatnatze đã tiến hành thảo luận rộng rãi về quan hệ hai bên và những vấn đề hai bên cùng quan tâm. Về vấn đề Campuchia, phía Trung Quốc nêu lại lập trường nguyên tắc để giải quyết vấn đề, phía Liên Xô cũng bày tỏ, trong tình hình mọi mặt hiện nay, vấn đề Campuchia đã đến lúc phải giải quyết. Cùng lúc, phía Trung Quốc còn đề ra hy vọng Liên Xô sẽ rút hết quân đội khỏi Mông Cổ và sẽ giảm bớt số quân đóng ở biên giới Trung - Xô xuống mức thấp nhất tương ứng với quan hệ láng giềng thân thiện bình thường giữa hai nước; mong muốn Liên Xô nghiêm túc rút hết quân đội đúng thời hạn theo Hiệp nghị Gionevơ về Apganistan. Kết thúc cuộc viếng thăm, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô, Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô Goócbachốp đã tiếp Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham. Hai bên đồng ý, sau khi chuẩn bị nghiêm túc, cuộc gặp gỡ cấp cao nhất giữa hai nước Trung - Xô sẽ tổ chức vào nửa năm đầu năm 1989.

Trong cuộc tiếp xúc với giới báo chí, Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham nói: Từ mấy năm nay, chúng tôi luôn chủ trương xoá bỏ trở ngại thực hiện bình thường hoá quan hệ Trung - Xô. Trải qua nỗ lực lâu dài, công việc đã bắt đầu tiến triển theo hướng xoá bỏ trở ngại, giải quyết vấn đề, tiến trình này sẽ tiếp tục tiến hành. Thành quả đạt được trong chuyến thăm Liên Xô của Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham chứng tỏ rằng đã bắt đầu một tiến trình mới cho việc bình thường hoá quan hệ hai nước Trung - Xô.

Tháng 2 năm 1989, Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô Sêvacnatze đã đi thăm chính thức Trung Quốc coi như đáp lễ Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham. Chủ tịch Quân uỷ Trung ương Đặng Tiểu Bình và Thủ tướng Quốc vụ viện Lý Bằng đã lần lượt hội kiến với Sêvacnatze. Ngày 4 tháng 2, khi hội kiến với Ngoại trưởng Liên Xô, Đặng Tiểu Bình đã nói, chúng ta đang đứng trước nhiệm vụ chấm dứt quá khứ, mở hướng tương lai. Cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi và nhà lãnh đạo Liên Xô sẽ phải giải quyết vấn đề này. Ngoại trưởng Sêvacnatze trao cho Đặng Tiểu Bình bức thư của nhà lãnh đạo Liên Xô Goócbachốp gửi cho Chủ tịch Đặng Tiểu Bình. Trong thư viết, quan hệ Trung - Xô “đã đi tới điểm mấu chốt quan trọng để thực hiện bình thường hoá hoàn toàn”, “giữa Liên Xô và Trung Quốc không có vấn đề gì không tìm được biện pháp giải quyết, những biện pháp giải quyết đó sẽ phù hợp với lợi ích của nhân dân hai nước về những công việc trong nước và trên quốc tế”.

Trong thời gian viếng thăm, Ngoại trưởng Sêvacnatze cùng với Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham đã thảo luận giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia một cách công bằng, hợp lý; đàm phán về biên giới Trung - Xô, Liên Xô rút

quân khỏi Mông Cổ cùng những vấn đề liên quan đến cuộc gặp gỡ cấp cao Trung - Xô, đều được thảo luận nghiêm túc, thẳng thắn.

Ngày 6 tháng 2, kết thúc chuyến đi thăm Trung Quốc của Ngoại trưởng Liên Xô, hai bên đã ra tuyên bố 9 điểm về giải quyết vấn đề Campuchia. Ngoại trưởng hai nước Trung - Xô thăm viếng lẫn nhau và tuyên bố chung Trung - Xô về vấn đề Campuchia, chứng tỏ rằng hai bên trong vấn đề thực hiện bình thường hoá quan hệ hai nước, xoá bỏ ba cản trở lớn ảnh hưởng tới quan hệ hai nước đã có những tiến triển quan trọng. Hai bên tuyên bố, Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô Goócbachốp sẽ đi thăm Trung Quốc từ ngày 15 đến ngày 18 tháng 5 năm 1989 cùng với nhà lãnh đạo Trung Quốc tiến hành cuộc gặp gỡ cấp cao.

Gặp gỡ cấp cao

Ngày 15 tháng 5 năm 1989, Goócbachốp đến Bắc Kinh thăm chính thức Trung Quốc. Cùng đi, có Ủy viên bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô kiêm Bí thư Trung ương Đảng Yakốplep, Ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, Phó chủ tịch thứ nhất Hội đồng Bộ trưởng Maslucốp.

Chủ tịch Nhà nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa Dương Thượng Côn, Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Diển Kỷ Văn, Ngô Học Khiêm, Phó Ủy viên trưởng Ủy ban Thường vụ Quốc hội Bành Xung, Bộ trưởng Ngoại giao Tiền Kỳ Tham, Bộ trưởng kinh tế mậu dịch Trịnh Thác Lâm, Đại sứ Trung Quốc ở Liên Xô Vu Hồng Lượng đã ra sân bay chào đón.

Tại sân bay, Goócbachốp đã có bài phát biểu ngắn. Ông nói:

- Chúng tôi cùng các nhà lãnh đạo Trung Quốc tổ chức gặp gỡ và đàm phán về quan hệ Xô - Trung, sự phát triển thêm một bước mối quan hệ được xây dựng trên cơ sở láng giềng thân thiện và giao lưu giữa các quốc gia đã có ý nghĩa vạch thời đại... Sự phát triển của quan hệ Trung - Xô đã phản ánh trung thực lợi ích cơ bản của hai bên, tương ứng hài hoà với sự thay đổi tích cực xuất hiện trên thế giới... Liên Xô luôn theo dõi sát sao với niềm hứng thú sâu sắc những biến đổi đang tiến hành ở Trung Quốc. Nhưng chẳng có gì hơn là tự mình đến thăm viếng đất nước này, tiếp xúc trực tiếp với người lãnh đạo và nhân dân ở đây.

Chủ tịch nước Dương Thượng Côn đã hội kiến với Goócbachốp tại Đại lễ đường Nhân dân. Chủ tịch Dương Thượng Côn thay mặt Chính phủ và nhân dân Trung Quốc nhiệt liệt hoan nghênh Goócbachốp, nhà lãnh đạo cao nhất Liên Xô lần đầu tiên đến thăm Trung Quốc sau 30 năm gián đoạn tiếp xúc

qua lại giữa các nhà lãnh đạo cấp cao, và nói, thực hiện chuyến thăm Trung Quốc lần này là kết quả của sự nỗ lực của cả hai bên. Chủ tịch Dương Thượng Côn nhắc lại tình hữu nghị truyền thống sâu đậm giữa nhân dân hai nước Trung - Xô, nêu lên chuyến thăm Trung Quốc của Chủ tịch Goócbachốp có một ý nghĩa rất quan trọng, không những được nhân dân hai nước Trung - Xô coi trọng mà dư luận quốc tế cũng rất coi trọng.

Ngày thứ hai trong chuyến viếng thăm, Chủ tịch Quân uỷ Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Đặng Tiểu Bình đã tiến hành cuộc gặp gỡ cấp cao có tính lịch sử với Goócbachốp. Đặng Tiểu Bình nhắc lại 3 năm trước ông đã nhờ người đưa tin miệng về mong muốn xoá bỏ ba cản trở lớn giữa Trung Quốc - Liên Xô, sớm thực hiện cuộc gặp gỡ và đối thoại với Goócbachốp. Goócbachốp tỏ ra vẫn nhớ rõ việc này, nói:

- Đó là một sự thúc đẩy cho chúng tôi suy nghĩ.

Đặng Tiểu Bình nói, vấn đề mấu chốt là giữa các quốc gia phải bình đẳng. Trung Quốc không xâm phạm nước khác, không tạo thành mối đe dọa với bất cứ nước nào khác. Ông nhắc lại lịch sử cũ, các cường quốc đã xâm lược, áp bức và bóc lột Trung Quốc, cho đến chuyện quan hệ giữa hai nước, hai Đảng đã trải qua một chặng đường gầy khúc trước đây, nhấn mạnh đến lịch sử là để tiến lên phía trước trên cơ sở càng vững chắc hơn. Ông nói, cuộc gặp gỡ cấp cao lần này có thể khái quát thành tám chữ: chấm dứt quá khứ, mở hướng tương lai. Goócbachốp tỏ ý tán đồng và nói, đối với lịch sử quan hệ giữa hai bên ngày một xấu đi trước đây, phía Liên Xô cho rằng về phía mình cũng có sai lầm. Còn một số vấn đề lịch sử, tình hình rất phức tạp, cho dù cách nhìn của Chủ tịch Đặng không phải là không có căn cứ, nhưng phía Liên Xô vẫn có cách nhìn khác. Hai vị lãnh đạo cho rằng, việc đã qua thì đã qua rồi, điểm quan trọng là phải nhìn về phía trước, làm nhiều việc thiết thực để phát triển quan hệ giữa hai nước.

Cùng ngày, Thủ tướng Quốc vụ viện và Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc cũng đã lần lượt hội kiến và hội đàm với Goócbachốp.

Cuộc gặp gỡ cấp cao của người lãnh đạo hai nước Trung - Xô ở Bắc Kinh có một ý nghĩa lịch sử trọng đại. Hai nước láng giềng lớn Trung - Xô thực hiện bình thường hoá quan hệ, chẳng những phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước mà còn có lợi cho hoà bình và ổn định ở Châu á và thế giới.

Thông cáo chung Trung - Xô

Kết thúc chuyến viếng thăm, hai bên Trung - Xô đã ra "thông cáo

chung” tại Bắc Kinh, Thông cáo nêu rõ:

Lãnh đạo hai nước Trung - Xô cho rằng những ý kiến trao đổi về vấn đề quan hệ hai nước Trung - Xô là bổ ích. Hai bên nhất trí cho rằng, gặp gỡ cấp cao hai nước Trung - Xô đánh dấu sự bình thường hoá quan hệ quốc gia giữa hai nước Trung Quốc - Liên Xô. Việc này phù hợp với lợi ích và nguyện vọng của nhân dân hai nước, giúp ích cho việc duy trì hoà bình và ổn định trên thế giới. Việc bình thường hoá quan hệ Trung - Xô không đối đầu với nước thứ ba, không làm tổn hại đến lợi ích của nước thứ ba.

Hai bên tuyên bố, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô viết sẽ phát triển quan hệ giúp đỡ lẫn nhau trên cơ sở nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và lãnh thổ toàn vẹn của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp và công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, hai bên cùng có lợi chung sống hoà bình giữa các nước.

Hai bên Trung - Xô đồng ý thông qua đàm phán hoà bình để giải quyết mọi tranh chấp giữa hai nước, không dùng bất cứ hình thức nào bao gồm việc không lợi dụng lãnh thổ, lãnh hải và lãnh không của nước thứ ba ở liền kề với đối phương để sử dụng vũ lực hoặc dùng vũ lực để đe dọa lẫn nhau.

Hai nước Trung - Xô cho rằng, nghiêm túc làm được những điểm kể trên là có lợi cho việc tăng thêm tin cậy lẫn nhau và xây dựng được quan hệ láng giềng hữu hảo giữa hai nước.

Người lãnh đạo hai nước Trung - Xô xác nhận ngày 6 tháng 2 năm 1989 Ngoại trưởng hai nước đã ra tuyên bố về vấn đề Campuchia đã trao đổi ý kiến sâu sắc toàn diện để giải quyết vấn đề Campuchia.

Hai bên đồng ý áp dụng các biện pháp giảm bớt lực lượng quân sự ở vùng biên giới hai nước đến mức thấp nhất tương ứng với quan hệ láng giềng thân thiện bình thường giữa hai nước, cùng ra sức cố gắng tăng cường tin cậy, bảo đảm an ninh cho vùng biên giới.

Phía Trung Quốc biểu thị sự hoan nghênh Liên Xô tuyên bố rút 75% số quân Liên Xô khỏi nước Cộng hoà nhân dân Mông Cổ, mong rằng số quân Liên Xô còn lại cũng sẽ rút hết toàn bộ trong một kỳ hạn tương đối ngắn.

Hai bên chủ trương lấy Hiệp ước về biên giới Trung - Xô trước mắt làm cơ sở, dựa theo những chuẩn tắc pháp luật quốc tế đã được công nhận, với tinh thần bình đẳng hiệp thương, cùng nhân nhượng để giải quyết một cách công bằng hợp lý vấn đề biên giới Trung - Xô do lịch sử để lại.

Căn cứ vào nguyên tắc nói trên, lãnh đạo hai nước Trung - Xô thoả thuận thảo luận ngay những đoạn biên giới Trung - Xô mà bàn bạc chưa được

nhất trí, đặt ra biện pháp mà hai bên đều có thể tiếp thu để giải quyết vấn đề hai đoạn biên giới Đông Tây. Hai vị uỷ thác cho Ngoại trưởng hai nước khi cần thiết sẽ chuyên thảo luận về vấn đề biên giới.

Hai nước Trung - Xô trên cơ sở nguyên tắc bình đẳng hai bên cùng có lợi, tích cực và có kế hoạch phát triển quan hệ các lĩnh vực kinh tế, mậu dịch, khoa học kỹ thuật và văn hóa v.v... tăng cường hiểu biết và giao lưu giữa nhân dân hai nước.

Hai bên cho rằng, trao đổi tình hình và kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội và cải cách, trao đổi ý kiến về quan hệ hai bên và những vấn đề quốc tế mà hai bên cùng quan tâm là rất bổ ích. Sự bất đồng giữa hai bên về một số vấn đề không được làm cản trở đến sự phát triển quan hệ giữa hai nước.

Hai bên Trung - Xô đồng ý, Đảng Cộng sản Trung Quốc và Đảng Cộng sản Liên Xô sẽ tiến hành tiếp xúc và giao lưu dựa trên nguyên tắc độc lập tự chủ, hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Phía Trung Quốc xin nhắc lại: Đài Loan là một bộ phận lãnh thổ không thể chia cắt của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. Phía Trung Quốc kiên quyết phản đối mọi mưu đồ tạo ra “hai nước Trung Quốc”, “một Trung Quốc, một Đài Loan” hoặc “Đài Loan độc lập”.

Phía Liên Xô ủng hộ lập trường này của Chính phủ Trung Quốc. Hai bên tuyên bố, hai nước Trung - Xô bất cứ bên nào cũng đều không được mưu cầu bá quyền dưới bất kỳ hình thức nào ở vùng Châu á và Thái Bình Dương cũng như ở các vùng khác trên thế giới. Hai nước Trung - Xô cho rằng, trong quan hệ cần phải loại bỏ mưu đồ và hành động của bất cứ nước nào áp đặt ý muốn của mình lên người khác và mưu cầu bá quyền dưới bất kỳ hình thức nào ở bất cứ nơi nào.

Hai bên cho rằng, hoà bình và phát triển đã trở thành hai vấn đề trọng đại nhất trên thế giới hiện nay. Hai bên tỏ ý hoan nghênh sự hoà hoãn đã xuất hiện trong tình hình quốc tế căng thẳng, và đánh giá tích cực những đóng góp nỗ lực của các nước trên thế giới để tài giảm binh bị hoà hoãn các đối kháng quân sự, cùng những tiến triển có được trong việc giải quyết những xung đột ở mỗi khu vực.

Hai bên Trung - Xô chủ trương đề cao uy tín của Liên Hợp Quốc, ủng hộ Liên Hợp Quốc phát huy được tác dụng càng lớn hơn trong các công việc quốc tế, tài giảm binh bị, giải quyết những vấn đề có tính toàn cầu cùng những xung đột khu vực. Tất cả các nước trên thế giới không kể nước lớn nhỏ, mạnh yếu đều có quyền bình đẳng tham dự sinh hoạt quốc tế.

Hai bên bày tỏ sự quan tâm sâu sắc đến tình hình kinh tế thế giới, đặc biệt là tình trạng kinh tế của các nước phát triển đang xấu đi, khoảng cách Nam - Bắc càng mở rộng, vấn đề nợ trở nên nghiêm trọng hơn. Hai bên cho rằng, trên cơ sở xem xét lợi ích của nhân dân các nước và nguyên tắc bình đẳng cùng có lợi phải xây dựng một trật tự mới cho nền kinh tế thế giới.

Hai nước Trung Quốc - Liên Xô cho rằng cần thiết phải xúc tiến lành mạnh hoá cơ bản các quan hệ quốc tế. Vì thế, phía Trung Quốc chủ trương xây dựng một trật tự mới trong nền chính trị quốc tế trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hoà bình. Phía Liên Xô chủ trương phải xác lập tư duy về chính trị trong các quan hệ quốc tế. Nhận thức về quan hệ quốc tế trước mắt của hai bên đã được thể hiện trong các chủ trương và ý tưởng nói ở trên.

Hai bên cho rằng, tiếp xúc và đối thoại giữa người lãnh đạo hai nước là quan trọng, dự định sau này sẽ tiếp tục.

Thông cáo chung Trung - Xô đã đặt cơ sở pháp lý cho việc thiết lập quan hệ quốc gia kiểu mới, là bảo đảm tin cậy sự phát triển ổn định lành mạnh về quan hệ giữa hai nước.

Quan hệ nhà nước kiểu mới

Quan hệ hai nước Trung Quốc - Liên Xô sau khi bình thường hoá không giống như quan hệ liên minh vào những năm 50, cũng chẳng giống với quan hệ đối kháng lạnh băng trong những năm 60, 70, mà là quan hệ láng giềng thân thiện, hợp tác cùng có lợi thiết lập trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hoà bình.

Xác lập năm nguyên tắc chung sống hoà bình làm cơ sở cho quan hệ Trung - Xô kiểu mới là kết luận rút ra được từ những bài học kinh nghiệm lịch sử mà hai nước Trung - Xô đã tổng kết qua hơn 40 năm quan hệ Trung - Xô, là sự lựa chọn lịch sử. Mọi người đều biết, từ 40 năm nay, quan hệ Trung - Xô đã trải qua chặng đường không bằng phẳng, khúc khuỷu quanh co, đầy những biến đổi khôn lường. Nguyên nhân thật là phức tạp chằng chéo, nhưng một trong những nguyên nhân cơ bản là đã từ lâu không giải quyết vấn đề quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa cần phải thiết lập trên cơ sở nào. Cụ thể mà nói, năm nguyên tắc chung sống hoà bình phải chăng cũng thích ứng với quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa? Đối với vấn đề này, các nhà lãnh đạo Trung Quốc từ lâu đã có câu trả lời khẳng định. Tháng 11 năm 1956, Chính phủ Trung Quốc ra tuyên bố, nêu lên năm nguyên tắc chung sống hoà bình "cần trở thành nguyên tắc chuẩn mực để các nước trên thế giới thiết lập

và phát triển quan hệ qua lại với nhau”, “quan hệ tương hỗ giữa các nước xã hội chủ nghĩa càng cần phải thiết lập trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hoà bình”. Nhưng trong khoảng thời gian rất dài, chủ trương này không được các nhà lãnh đạo Liên Xô tiếp nhận. Họ cho rằng, năm nguyên tắc chung sống hoà bình chỉ thích ứng với quan hệ giữa các nước không cùng chế độ xã hội, còn giữa các nước xã hội chủ nghĩa cần phải tuân theo nguyên tắc “càng cao hơn”. Vào nửa sau những năm 80, nhà lãnh đạo mới Liên Xô cũng bắt đầu nhận thức được rằng, giữa các nước xã hội chủ nghĩa cũng cần phải tuân thủ nghiêm túc nguyên tắc chung sống hoà bình. Như vậy vấn đề hai nước Trung - Xô thiết lập quan hệ quốc gia dựa trên cơ sở nào đã đạt được nhận thức chung, và khi thực hiện bình thường hoá quan hệ Trung - Xô, cũng nhất trí đồng ý lấy năm nguyên tắc chung sống hoà bình xác định chính thức làm cơ sở cho quan hệ Trung - Xô. Sau khi bình thường hoá quan hệ, thực tiễn phát triển của quan hệ giữa hai nước đã chứng minh đầy đủ rằng, quan hệ quốc gia kiểu mới thiết lập trên cơ sở này mới có thể thực sự trụ vững được trước những biến cố quốc tế và tình hình nội bộ của hai nước mà vẫn giữ được sự phát triển lành mạnh, ổn định. Nói một cách khác, chính vì hai nước Trung - Xô thiết lập được quan hệ quốc gia kiểu mới lấy cơ sở là năm nguyên tắc chung sống hoà bình, mới có thể làm cho sự bất đồng về quan điểm và lập trường trên một số vấn đề nào đó vẫn không cản trở tới sự phát triển bình thường trong quan hệ giữa hai nước.

Khôi phục toàn diện quan hệ Trung - Xô

Năm 1989 là năm bản lề trong quan hệ Trung - Xô. Sau khi tổ chức cuộc gặp gỡ cấp cao, thực hiện bình thường hoá quan hệ giữa hai nước, các cuộc giao lưu chính trị, kinh tế, mậu dịch, khoa học kỹ thuật, văn hóa và giáo dục giữa hai bên đã bắt đầu khôi phục toàn diện và có những bước đi mới.

Đầu tiên là các nhà lãnh đạo quốc gia qua lại viếng thăm tăng lên nhiều. Sau chuyến thăm Trung Quốc của Gorbachốp, Phó Chủ tịch thứ nhất Xô viết tối cao Liên Xô Rôkiannốp thăm Trung Quốc vào tháng 9. Phó thủ tướng Quốc vụ viện Trung Quốc Điền Kỳ Văn dẫn đầu phái đoàn Trung Quốc đến Liên Xô tham dự cuộc họp của Ủy ban hợp tác kinh tế, mậu dịch, khoa học kỹ thuật Trung - Xô. Phó Ủy viên trưởng Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chủ tịch hội Liên Hiệp phụ nữ Trung Quốc Trần Mộ Hoa và Phó Ủy viên trưởng Ủy ban cũng lần lượt dẫn đoàn đại biểu đi thăm Liên Xô. Theo thống kê chưa đầy đủ, năm 1989 có hơn 100 cuộc thăm viếng từ cấp Thứ trưởng trở lên,

trong đó các cuộc thăm viếng từ cấp Bộ trưởng trở lên chiếm khoảng một phần tư.

Thứ nữa là lãnh vực giao lưu Trung - Xô bắt đầu mở rộng. Sau gặp gỡ cấp cao, quan hệ giữa hai Đảng Trung - Xô sau hơn 20 năm gián đoạn cũng đồng thời được thực hiện bình thường hoá, từng bước khôi phục việc qua lại thăm viếng lẫn nhau. Năm này, Bộ trưởng Bộ liên lạc đối ngoại Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc Chu Lương và Bộ trưởng Bộ quốc tế Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô Phêlin đã đi thăm lẫn nhau. Báo Đảng của hai nước “Nhân dân nhật báo” và báo “Sự thật” cũng bắt đầu trao đổi qua lại. Trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật quân sự hai nước cũng bắt đầu tiến hành tiếp xúc mang tính nghiệp vụ. Tháng 9 năm 1989 Bộ trưởng Bộ hàng không Trung Quốc đã dẫn tổ chuyên gia khảo sát hàng không Trung Quốc đi Liên Xô khảo sát kỹ thuật hàng không quân sự và dân dụng. Đoàn đại biểu Liên Xô do Phó tổng tư lệnh hải quân Liên Xô dẫn đầu đã đến tham dự “Hội thảo kỹ thuật quân sự trên biển lần thứ năm” và triển lãm tổ chức tại Thượng Hải, trong thời gian này đã có cuộc tiếp xúc với các nhà lãnh đạo hải quân Trung Quốc. Tháng 10, đoàn đại biểu kỹ thuật hàng không Trung Quốc do Uỷ ban khoa học công nghệ quốc phòng và Bộ Hàng không tổ chức đã đi thăm Liên Xô. Hai bên đã ra “Kỷ yếu hội nghị giữa đoàn đại biểu Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và đoàn đại biểu Liên bang Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Xô viết thảo luận tiến hành hợp tác về phương diện nghiên cứu và sử dụng không gian vũ trụ vào mục đích hoà bình. Ngoài ra, ngành Công an, giám sát cũng đã khôi phục việc viếng thăm qua lại.

Sau khi bình thường hoá quan hệ Trung - Xô, một đặc điểm quan trọng trong lãnh vực hợp tác kinh tế mậu dịch là việc buôn bán ở biên giới và ở địa phương hai nước Trung - Xô phát triển nhanh chóng. Theo thống kê, năm 1989, tổng hạn ngạch buôn bán địa phương và buôn bán ở vùng biên giới đã đạt tới 28 tỷ Frăng Thụy sĩ, vượt quá nửa tổng hạn ngạch buôn bán giữa Chính phủ hai nước.

IV. MỘT MÙA ĐÔNG SÔI ĐỘNG, BECCƠ ĐI THĂM LIÊN XÔ.

Châu Âu sôi động. Mỹ - Xô thỏa hiệp

Ngày 7 tháng 2 năm 1990, Mátxcova vừa kết thúc hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô sau một cuộc tranh cãi kịch liệt nhất chưa từng có trong lịch sử Đảng thì Quốc vụ khanh Mỹ Beccơ liền bắt đầu cuộc thăm chính

thức Liên Xô.

Sự phát triển của tình hình nội bộ Châu Âu và Liên Xô khiến cho hai bên Xô-Mỹ đều cần phải hiểu biết thêm và điều chỉnh lẫn nhau. Vì thế khi Beccơ đến thăm Liên Xô lần này, đối với nhiều vấn đề như Apganistan, vấn đề thống nhất nước Đức, hai bên đều có thái độ linh hoạt hơn nhiều so với trước.

Liên Xô đang ở trong tình trạng bất ổn, rất khó khăn về nội chính, ngoại giao, cho nên mức độ thoả hiệp lần này càng lớn hơn so với Mỹ, đặc biệt là trên vấn đề cắt giảm vũ khí hạt nhân chiến lược đã có những nhượng bộ mang tính then chốt, đồng ý không còn yêu cầu Mỹ thủ tiêu kế hoạch "Chiến tranh các vì sao" làm điều kiện tiền đề để hai bên ký kết hiệp nghị.

Về vấn đề kiểm tra tên lửa đạn đạo chưa bố trí, vấn đề hạn chế sử dụng tín hiệu mật mã khi thí nghiệm phóng tên lửa đạn đạo cùng vấn đề cắt giảm quy mô lớn các vũ khí hóa học, hai bên đã đạt được hiệp nghị. Trong vấn đề căn cứ không quân và căn cứ hải quân, tàu tuần dương chở tên lửa đạn đạo, cũng đã đạt được tiến triển nhất định.

Nước Mỹ tin chắc rằng chủ trương của Goócbachốp và việc thực hiện của ông ta là có lợi cho phương Tây nên cần phải hết sức giúp đỡ Goócbachốp triệu tập hội nghị nguyên thủ bàn về an ninh Châu Âu vào cuối năm 1990. Chuyển đi của Beccơ còn đưa đến một loạt hiệp nghị về hợp tác kinh tế mậu dịch giữa hai bên thật là hấp dẫn đối với Liên Xô, biểu thị phải sớm giải quyết vấn đề đãi ngộ tối huệ quốc đối với Liên Xô.

Dư luận phương Tây cho rằng. Beccơ cùng Sêvatnatze hội đàm trong bầu không khí hoà hoãn chưa từng có trước đây, những điểm đồng ý với nhau nhiều hơn điểm bất đồng, đạt được thỏa thuận nhiều hơn cũng là điều hiếm thấy trong các lần hội đàm trước đây của Ngoại trưởng hai nước. Hai bên còn đồng ý trong thời gian ba, bốn tháng lại gặp gỡ nhau một lần. Nhưng bản chất là đối thủ của nhau thì chưa biến đổi, vẫn có những ý kiến đối nghịch trên một số vấn đề.

Đối với kiến nghị của Bus về việc giảm quân đội Mỹ - Xô đóng giữ ở Trung Âu xuống còn 19,5 vạn người. Goócbachốp đưa ra kiến nghị phản đối Bus: giảm quân đội Mỹ-Xô đóng giữ ở toàn Châu Âu xuống 19,5 vạn người, nếu như Mỹ không đồng ý thì hai bên cứ giữ cho mình 22,5 vạn quân đóng giữ. Bus liền dứt khoát phản đối.

Dư luận phương Tây cho rằng. Khi hội nghị Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô vừa bế mạc, tình hình Châu Âu tiếp tục sôi động, tiến trình thống

nhất hai nước Đức phát triển nhanh vùn vụt thì Beccơ đi thăm Liên Xô chứng tỏ tình hình phát triển đã vượt khỏi dự tính của hai bên Mỹ-Xô, hai nước cần nâng cao tần suất đối thoại, hiểu cho rõ đường lối và con chủ bài của đối phương, ra sức làm cho mọi thứ tình hình đi vào quỹ đạo phát triển có lợi cho lợi ích của riêng mình. Có tờ báo cho rằng Mỹ-Xô đang đứng trước “sự phân phối lại quyền lực kiểu Yanta” sau Đại chiến thế giới lần thứ hai.

Nhiều dư luận phương Tây còn chú ý tới việc trước khi Beccơ đi thăm Liên Xô, các Ngoại trưởng Liên bang Đức, Anh, Pháp đã nối gót nhau đến thăm Mỹ, thương nghị với Beccơ. Thủ tướng Liên bang Đức Henmut Kôn tiếp theo sau Beccơ, đã có một ngày thăm Mátxcova rất vừa ý sau đó bay sang trại Đavit gặp gỡ với Tổng thống Bus. Cho nên chuyến đi của Beccơ đã vượt ra ngoài ý nghĩa của mối quan hệ giữa hai nước, cũng chứng tỏ rằng các phe phái thế lực ở Châu Âu đang thay đổi rất nhanh chóng trước thời cuộc, đặc biệt là bước đường thống nhất Đức đột nhiên tăng nhanh khiến một bộ phận hốt hoảng lo lắng cho tình hình sau này của Châu Âu không phù hợp với lợi ích của mình.

Các báo chí nước ngoài hầu hết cho rằng, do sự biến động và điều chỉnh công việc nội chính, ngoại giao của thế lực các phe, hoạt động của Mỹ, Liên Xô và các nước chủ yếu ở Châu Âu sẽ càng thêm nhộn nhịp, chủ động, những mâu thuẫn đã có lúc chìm đi sẽ nhanh chóng biểu hiện ra. Làn sóng sôi động ở đại lục Châu Âu sẽ khó mà dừng lại, hướng đi của nó cũng sẽ khó mà định được bằng ý chí và hành động nhất thời, một nơi, một phương nào đó.

Trong bốn ngày, quan chức hai nước đã hội đàm đi sâu, trong thời gian dài về tái giảm binh bị, quan hệ hai bên và khu vực. Goócbachốp cũng nói chuyện với Beccơ dài hơn 3 tiếng đồng hồ.

Hiệp nghị chưa đựng mầm mống nguy hiểm

Hiệp nghị tái giảm binh bị đạt được giữa Mỹ và Liên Xô đã khiến một bộ phận nhân sĩ Mỹ lo lắng. Ngày 3 tháng 7, hãng Roitơ đã phát đi bài phân tích tin tức của ký giả Ailon Ensnô, bài phân tích viết:

Tháng trước, Mỹ và Liên Xô đã đạt được hiệp nghị về cắt giảm số quân đóng ở Châu Âu mà trước đây được ca ngợi là một thắng lợi lớn của Tổng thống Bus, hiện nay các chuyên gia đã tiến hành đánh giá khá cẩn thận, một số chuyên gia gọi đó là một sai lầm lớn.

Hiệp nghị quy định, Mỹ Xô sẽ giảm bớt số quân của mình đóng ở Châu Âu xuống không quá 19,5 vạn quân.

Ngoài ra, Mỹ còn được phép giữ lại 3 vạn quân đồn trú ở những địa phương khác của châu Âu. Nước lớn siêu cường dự định đưa hiệp nghị này vào trong hiệp ước về lực lượng quân đội thường trực ở Châu Âu bao gồm hai khối liên minh lớn, hy vọng được ký kết vào cuối năm nay.

Một sĩ quan của Sư quán phương Tây ở Oasinhton nói: “Một vấn đề đột nhiên trở nên rõ ràng là nước Đức có khả năng thống nhất, sẽ không bằng lòng để quân đội nước ngoài đóng trên lãnh thổ của họ”.

Ông nói: “Khi đó Oasinhton phải làm gì cho được? Họ đã đồng ý giữ lại 3 vạn quân tại các vùng khác ở châu Âu, nếu như Mỹ muốn duy trì lực lượng của họ ở Châu Âu thì hiển nhiên là không đủ”.

Một số người ở Oasinhton bao gồm cả một số quan chức Chính phủ yêu cầu được giấu tên, ngày càng lo lắng rằng sau khi nước Đức thống nhất thì lực lượng khối Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương sẽ hùng mạnh lên.

Ngày 7 tháng 3 trong cuộc họp một tiểu ban ở Hạ nghị viện, Quốc vụ khanh Beccơ đã bị chất vấn về vấn đề này.

Nghị sĩ Đảng Dân chủ Pôpơ Kan nói, hiện nay có một nguy cơ như thế này: nước Mỹ có thể rơi vào cảnh hầu như không có binh lực đóng giữ ở châu Âu. Ông còn chỉ ra trong một cuộc thăm dò ý kiến dân chúng gần đây thì có tới 71% người dân Liên bang Đức mong muốn quân đội nước ngoài rút hết khỏi nước họ.

Beccơ trả lời có chút nóng nảy: “Tôi cho rằng đây là một hiệp nghị tốt”.

Chủ nhiệm Trung tâm chính sách an ninh cánh hữu Phrancơ Kapni nói: “Nếu như không có hiệp nghị khống chế binh bị mà chỉ có hiệp nghị trong phạm vi nội bộ các nước Đồng minh của chúng ta thì càng tốt hơn”.

“Hiệp nghị này chứa đựng mối nguy hiểm rất lớn: có thể hình thành cục diện binh lực của chúng ta chẳng có bao nhiêu mà nguy cơ chúng ta bị đuổi ra khỏi nước Đức lại càng ngày càng lớn”.

Mỹ Liên Xô tranh nhau bán vũ khí ra nước ngoài

Tờ “Thời báo Niu Oóc” số ra ngày 25 tháng 3 đăng một chuyên luận có nhan đề “Dự định ký kết hiệp ước binh bị đang kích thích việc tiêu thụ vũ khí”, bài báo nêu lên:

Quan chức Mỹ và người quản lý công nghiệp vũ khí nói, Mỹ và Liên Xô trước mắt nhân lúc còn chưa ký kết hiệp nghị mới, quan trọng về hạ thấp mức độ vũ khí trong quân đội thường trực ở châu Âu, đang gia tăng việc tiêu thụ vũ khí ra nước ngoài.

Hai nước lớn siêu cường đang đem một phần vũ khí buộc phải tiêu hủy một khi hiệp ước có hiệu lực để bán ra nước khác. Ngoài ra nếu như hai bên theo kế hoạch trước mắt cắt giảm số quân đóng ở Châu Âu thì một số lượng lớn vũ khí và thiết bị quân sự không nằm trong phạm vi quy định của hiệp ước cũng sẽ đem tiêu thụ ở nước khác.

Các chuyên gia nói, cùng với việc hai nước Mỹ Xô thoát khỏi xung đột khu vực thì các nước thế giới thứ ba cảm thấy càng cần thiết phải tăng cường lực lượng quân sự của mình.

Vì thế, họ nói, việc cải thiện quan hệ Xô-Mỹ lại làm nảy sinh hậu quả là khiến cho các nước khác khát vọng có được những loại tên lửa đạn đạo, xe tăng, máy bay quân dụng, pháo lớn, xem ra có vẻ hoang đường nhưng thực tế lại có lý.

Các quan chức nói, Oasinhton sẽ gia tăng việc bán vũ khí là để tăng cường an ninh cho các nước bạn, một là lấy cái đó để thay cho việc viện trợ, hai là để cho Lầu Năm Góc cắt giảm được ngân sách mà một thời kỳ số tiền dùng trong sản xuất công nghiệp quân sự đã vượt quá xa. Đối với Mátxcova mà nói, tiêu thụ vũ khí quả là một nguồn thu nhập lưu thông hằng hóa đáng kể.

Gần đây Chính phủ đã đệ trình lên Quốc hội một bản báo cáo mật, trong đó liệt kê những loại vũ khí có thể bán cho nước ngoài trị giá 30 tỷ đô la Mỹ.

Báo cáo đã nêu ra việc mua bán có khả năng nhất trong năm nay gồm 56 hợp đồng, tổng hạn ngạch là 9,8 tỷ đôla.

Tư lệnh Bộ Tư lệnh Trung ương Mỹ phụ trách khu vực Trung Đông và Tây Nam á, tướng Norman Suvacóp nói, người Liên Xô cũng có cách suy nghĩ như vậy.

Ông nói: “Nguồn chủ yếu của tiền bán hàng hóa ở Liên Xô hiện nay là tiêu thụ vũ khí. Xem xét tình hình kinh tế của họ, chúng tôi nghĩ rằng cục diện này còn tiếp tục tồn tại. Cho nên tôi có đầy đủ lý do để tin rằng: nếu như trong tay họ có quá thừa trang bị quân sự mà trên thế giới lại có nhiều nước có nhiều tiền sẵn sàng mua trang bị quân sự, người Liên Xô nhất định sẽ bán cho họ.

Một vị quan chức Quốc hội nói, dự tính năm nay đạt được hiệp nghị về vũ khí thông thường thì sẽ nảy sinh một loại “hiệu ứng suối nước chảy” tức là vũ khí từ Mỹ và Liên Xô sẽ ào ạt chảy sang các nước khác. Chẳng hạn. Mỹ có thể không bán những máy bay tối tân bố trí ở châu Âu, mà chuyển chúng sang Thổ Nhĩ Kỳ, Thổ Nhĩ Kỳ liền đưa những chiếc máy bay cũ hơn, tính năng không bằng loại máy bay trên đem ra bán.

Một vị quan chức ở Lầu Năm Góc nói, rất khó thông qua cuộc đàm phán với Liên Xô để đạt được một hiệp nghị ngăn cấm việc bán vũ khí thừa sang các nước thế giới thứ ba, vì Mátxcova đã “đầu tư quá nhiều” vào loại vũ khí này, vì sản xuất những vũ khí này mà đã hy sinh mấy chục năm phát triển kinh tế.

Một quan chức Chính phủ Mỹ nói, cho dù Mátxcova đồng ý quy định hạn chế việc tiêu thụ vũ khí ra nước ngoài thì ông cũng phản đối việc làm như vậy.

V. QUAN HỆ TRUNG - XÔ PHÁT TRIỂN NHANH CHÓNG

Thủ tướng Lý Bằng thăm Liên Xô.

Từ ngày 23 đến ngày 26 tháng 4 năm 1990, Thủ tướng Quốc vụ viện nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa Lý Bằng nhận lời mời của Chính phủ Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết, tới thăm chính thức Liên Xô. Đây là lần Thủ tướng Trung Quốc thăm Liên Xô sau 26 năm liền kể từ năm 1964. Thủ tướng Lý Bằng đã hội đàm với Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng Liên Xô, Rigiơcốp và gặp Tổng thống Gôécbachốp.

Trong thời gian thăm Liên Xô, lãnh đạo hai nước đã trao đổi ý kiến rộng rãi về quan hệ hai nước và những vấn đề quốc tế cùng quan tâm, đồng thời báo cáo nhau tình hình của nước mình, nhấn mạnh các nước phải tìm đường lối xây dựng đất nước theo tình hình của mỗi nước, tôn trọng sự chọn lựa của nhân dân các nước. Hai bên đã kiểm điểm lại tình hình phát triển quan hệ hai nước từ cuộc gặp mặt cấp cao năm 1989, tỏ ý hài lòng về sự trao đổi và hợp tác trên các lĩnh vực của hai bên. Hai bên còn tuyên bố cần tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị láng giềng theo các nguyên tắc cơ bản của “Thông cáo chung Trung - Xô” và trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hoà bình.

Lãnh đạo hai nước đã tiến hành nghiên cứu cụ thể về việc tăng cường quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế mậu dịch, khoa học kỹ thuật. Hai bên tuyên bố, kinh tế hai nước Trung - Xô có tính chất bổ trợ cho nhau, việc triển khai hợp tác có tương lai tốt đẹp. Để phát triển hơn nữa tiềm năng hợp tác kinh tế giữa hai nước, không những phải tăng cường hợp tác các lĩnh vực truyền thống giữa hai nước, mà còn phải khai thác mở rộng lĩnh vực và phương thức hợp tác mới; đồng thời làm cho sự hợp tác này có hiệu quả và tính kế hoạch hơn nữa. Hai bên thỏa thuận chuyển đổi dần dần việc buôn bán truyền thống ghi sổ nợ giữa hai nước thành buôn bán trả tiền mặt. Khi kết thúc chuyến thăm, hai bên đã ký kết bốn văn kiện về tăng cường hợp tác kinh

tế mậu dịch : “Đề cương phát triển hợp tác lâu dài về kinh tế, khoa học kỹ thuật giữa Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết”, “Hiệp định về hợp tác sử dụng và nghiên cứu không gian vũ trụ vì hoà bình giữa Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và Chính phủ Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết”, “Hiệp định về việc Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa cho Liên Xô vay nợ Nhà nước về hàng tiêu dùng hàng ngày”, “Bị vong lục về hợp tác xây dựng nhà máy điện nguyên tử ở Trung Quốc và Liên Xô cho Trung Quốc vay nợ Nhà nước, giữa Chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa và Chính phủ Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết”. Việc ký kết những văn kiện này đã mở rộng cơ sở pháp lý cho quan hệ hợp tác cũng có lợi giữa hai nước.

Chuyến thăm này thúc đẩy hơn nữa quan hệ. Chính phủ hai nước phát triển. Tuân thủ tinh thần nguyên tắc trong “Thông cáo chung Trung - Xô ” về việc “áp dụng biện pháp cắt giảm lực lượng quân sự khu vực biên giới hai nước Trung - Xô tới mức thấp nhất phù hợp với quan hệ láng giềng bình thường giữa hai nước, đồng thời cố gắng hết sức tăng cường tin cậy, giữ gìn an ninh cho khu vực biên giới”, hai bên đã ký kết “Hiệp định nguyên tắc chỉ đạo về cùng nhau cắt giảm lực lượng quân sự và tăng cường tin cậy trong lĩnh vực quân sự ở khu vực biên giới Trung - Xô ”, và đã thoả thuận sẽ tiếp tục đàm phán để thực thi cụ thể hiệp định nguyên tắc chỉ đạo này. Hai bên nhận định, việc ký kết những văn kiện này chẳng những phù hợp với lợi ích căn bản của nhân dân hai nước, mà còn có ý nghĩa quan trọng cho việc củng cố hoà bình và an ninh khu vực Viễn đông và Châu á Thái Bình Dương. Lãnh đạo hai nước đã tổng kết những cố gắng của hai bên mấy năm nay trong việc giải quyết vấn đề biên giới còn lại, bày tỏ sẽ tiếp tục đàm phán dựa trên những nguyên tắc của “Thông cáo chung Trung - Xô ” để tìm ra những giải pháp công bằng hợp lý hai bên đều chấp nhận được. Ngoài ra, hai bên còn thoả thuận được về nguyên tắc sự giao lưu giữa hai nước và việc lãnh đạo ngành quân sự hai nước sang thăm lẫn nhau.

Ngoại trưởng hai nước đã hội đàm cởi mở và đã ký kết nghị định thư trao đổi giữa hai bộ, theo đó giữa Bộ Ngoại giao và ngành trực thuộc bộ của hai nước cũng như giữa các tổ chức đại diện ở nước ngoài của hai nước sẽ thường xuyên trao đổi bàn bạc vấn đề quan hệ hai nước và những vấn đề quốc tế hai bên cùng quan tâm.

Về tình hình quốc tế, phía Trung Quốc nêu ra, tình hình quốc tế hiện nay đang diễn ra những biến đổi quan trọng, làm thế nào thúc đẩy cho tình

hình tiếp tục tiến triển theo hướng có lợi cho hoà bình và phát triển, là một chủ đề quan trọng đặt trước nhân dân thế giới. Phía Trung Quốc hoan nghênh hai nước Xô - Mỹ có những bước tiến triển trong đàm phán tái giảm binh bị. Phía Trung Quốc nhấn mạnh, cần phải dùng biện pháp chính trị để giải quyết hoà bình những tranh chấp khu vực; chủ trương xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế mới trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hòa bình.

Hai bên bày tỏ sẽ nỗ lực thúc đẩy giải quyết một cách toàn diện công bằng hợp lý vấn đề Campuchia bằng biện pháp chính trị, tán thành và ủng hộ Liên Hợp Quốc phát huy vai trò tích cực trong vấn đề này. Hai bên ủng hộ hai miền nam bắc Triều Tiên tiến hành đối thoại, thúc đẩy hoà hoãn và ổn định tình hình bán đảo Triều Tiên, tạo điều kiện cho việc hoà bình thống nhất.

Hội đàm của lãnh đạo hai nước Trung - Xô diễn ra trong không khí hữu nghị, cởi mở và thiết thực. Chuyến thăm đã thành công. Hai bên nhất trí cho rằng, việc lãnh đạo hai nước trao đổi ý kiến về vấn đề quan hệ giữa hai nước và những vấn đề quốc tế trọng đại cùng quan tâm là quan trọng và hữu ích, đồng thời tỏ ý hài lòng về kết quả chuyến thăm này.

Quan hệ Trung - Xô phát triển nhanh chóng.

Năm 1990, trong lịch sử quan hệ Trung - Xô đã có những nét rất đặc sắc. Trên các lĩnh vực quan hệ hai nước thể hiện rõ xu thế tốt đẹp, nhất là trong quan hệ chính trị và kinh tế mậu dịch đã xuất hiện những sự việc mới mẻ.

Về chính trị, cấp cao qua lại thăm nhau tăng cường thêm. Ngoài chuyến thăm Liên Xô của Thủ tướng Lý Bằng lãnh đạo cấp cao nhất hai nước còn nhiều lần gửi thư cho nhau, trao đổi ý kiến về quan hệ hai bên và vấn đề quốc tế trọng đại, mở ra một kênh mới cho cấp cao tiếp xúc với nhau.

Năm đó, ngoại trưởng hai nước đã tiến hành năm lần gặp nhau. Đáng nói là cuộc gặp giữa ngoại trưởng hai nước vào ngày 1 tháng 9 và 23 tháng 11 năm 1990 tại Cáp Nhĩ Tân và Urumqi để trao đổi về vấn đề vùng Vịnh. Tổ chức gặp mặt chỉ để bàn một chuyên đề trong một ngày như thế này, là lần đầu tiên có trong lịch sử ngoại giao Trung - Xô. Ngoại trưởng hai nước đã trao đổi ý kiến rộng rãi về tình hình vùng Vịnh và thông báo tình hình cho nhau. Hai bên nhất trí yêu cầu quân đội Irắc phải lập tức, vô điều kiện và hoàn toàn rút ra khỏi Cô-oét; chủ trương bằng phương thức hoà bình, trên cơ sở chấp hành nghiêm túc, chặt chẽ nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc, Trung - Xô là hai nước uỷ viên thường trực Hội đồng Bảo an, có trách nhiệm lớn đối với việc bảo vệ hoà bình, sẵn sàng cùng các thành viên khác

trong Hội đồng Bảo an tiếp tục cố gắng để giải quyết cuộc khủng hoảng này. Hai bên còn trao đổi ý kiến về vấn đề Campuchia, tình hình bán đảo Triều Tiên và Apganixtan. Trong cuộc tiếp xúc ở Cáp Nhĩ Tân, ngoại trưởng hai nước còn thỏa thuận được vấn đề Trung Quốc nhanh chóng thiết lập Tổng lãnh sự quán tại Khabarôpxkơ (Liên Xô) và Liên Xô nhanh chóng thiết lập Tổng lãnh sự quán tại Thẩm Dương, Trung Quốc.

Năm 1990, Thủ tướng Lý Bằng và Tổng bí thư Giang Trạch Dân đã có những cuộc trả lời phỏng vấn phóng viên báo chí và đài truyền hình Liên Xô, có bài nói chuyện về quan hệ hai nước. Cuối năm 1990, theo yêu cầu của phóng viên báo "Sự thật", Chủ tịch Dương Thượng Côn đã gửi lời chúc mừng năm mới tới nhân dân Liên Xô.

Về kinh tế, kim ngạch mậu dịch hai nước năm 1990 đạt tới mức cao nhất trong lịch sử quan hệ Trung - Xô. Điều quan trọng hơn là hợp tác kinh tế mậu dịch hai nước đã có biến đổi quan trọng, thể hiện chủ yếu trên ba mặt: Một là, phương thức hợp tác. Ngoài việc buôn bán ghi nợ truyền thống ra, các phương thức mới như xí nghiệp hợp doanh, nhận thầu công trình nhận nguyên liệu gia công, hợp tác lao động chính thức được đưa vào lĩnh vực quan hệ kinh tế mậu dịch hai nước; Hai là, kênh hợp tác xóa bỏ cách làm trước kia tất cả thống nhất phải qua Trung ương, nhằm mở rộng các kênh hợp tác kinh tế mậu dịch hai bên. Hai bên cùng lúc có thể tiến hành trực tiếp hợp tác kinh tế ở cả ba cấp theo các dự án, hiệp định giữa các tỉnh thành phố Trung Quốc với các địa phương Liên Xô và giữa các tỉnh thành thị trấn biên giới. Sôi động nhất là hoạt động kinh tế mậu dịch giữa các thành phố thị trấn biên giới; Ba là, ngoài các lĩnh vực cũ như năng lượng, giao thông, luyện kim, nông nghiệp, sản xuất hàng tiêu dùng ra, các dự án hợp tác bắt đầu mở rộng tới các lĩnh vực mới như hàng không vũ trụ, năng lượng nguyên tử.

Nội hàm mới trong quan hệ kinh tế mậu dịch hai nước đã tăng thêm hiệu quả, phát huy được tiềm lực hợp tác kinh tế của cả hai bên.

VI. MỸ-XÔ TRANH QUYỀN Ở VÙNG VINH

Irắc tấn công Côoét

2 giờ sáng giờ địa phương ngày 2 tháng 8 năm 1990, sau nhiều ngày bài binh bố trận trên, biên giới Irắc-Côoét, Irắc đã tung ra 6 vạn quân (sau tăng lên đến 17 vạn), 350 xe tăng, phối hợp với máy bay chiến đấu, bất thần chớp nhoáng tấn công nước láng giềng Côoét chỉ có 2 vạn quân, và nhanh chóng

chiếm đóng nước này. Sau đó, Irắc tuyên bố thành lập “Chính phủ lâm thời Cồoét tự do” gồm 9 thành viên, đổi nước Cồoét thành nước Cộng hoà Cồoét, đồng thời thành lập “Quân đội nhân dân Cồoét” gồm hơn 10 vạn người có người Irắc tham gia. Ngày 8 tháng 8, Irắc lại tuyên bố, theo yêu cầu của “Chính phủ lâm thời Cồoét tự do”, Cồoét và Irắc tiến hành hợp nhất.

Chỉ trong mấy ngày, tình hình vùng Vịnh biến động không thể nào lường được, cả thế giới lo lắng và kinh ngạc.

Quan chức cao cấp Mỹ ý kiến không nhất trí.

9 giờ tối giờ địa phương ngày 1 tháng 8 năm 1990, tại nhà riêng, Bộ Quốc phòng Mỹ Chenni nhận được điện thoại của thiếu tướng Hải quân Ôoen báo cho biết, quân đội Irắc đã từ hai điểm tập kết xe tăng tràn qua biên giới tiến vào Cồoét. Mấy trăm xe tăng chủ chiến đang tiến rất nhanh vào Cồoét theo hai hướng nam và đông.

Cố vấn an ninh quốc gia của Tổng thống Bus, Trung tướng không quân đã xuất ngũ Brunte Scooclop khi nhận được điện thoại thì đã về đến nhà riêng ở ngoại ô Marilen Ông vô cùng kinh ngạc.

Brunte quay lại Nhà Trắng ngay và báo cáo tình hình với Bus. Bus yêu cầu phải có ngay biện pháp cần thiết.

Phó cố vấn an ninh quốc gia Caisi lúc này đang đi nghỉ, Brunte lập tức thông qua hệ thống truyền hình nội bộ triệu tập ngay Hội đồng các phó cố vấn họp khẩn cấp dưới sự chủ trì của ông.

Cuộc họp thảo ngay một bản tuyên bố, Brunte chuyển lên cho Bus phê chuẩn. 11 giờ 20 phút đêm, bản tuyên bố được phát đi đã mạnh mẽ lên án hành động xâm lược của Irắc, đồng thời yêu cầu toàn bộ quân đội Irắc phải rút ngay lập tức và vô điều kiện ra khỏi Cồoét.

Brunte Lui cùng với Grây cố vấn luật pháp của Tổng thống, và các quan chức Bộ tài chính, vạch ra một kế hoạch phong tỏa toàn bộ tài sản của Irắc tại Mỹ, cấm mọi sự giao dịch với kẻ xâm lược. Vì Cồoét bị chiếm đóng đã trở thành sự thực rõ ràng, nên một kế hoạch thứ hai phong tỏa tài sản của Cồoét lại được đưa ra tiếp. Vậy là, Sátđam không tài nào huy động được bất cứ khoản tiền nào trong số 100 tỷ đồng đô la Mỹ của người Cồoét ở nước ngoài. Hai kế hoạch này được viết thành mệnh lệnh hành chính khẩn cấp, do Bus ký.

Trong cuộc họp Hội đồng phó cố vấn, Brunte đòi phải áp dụng nhiều biện pháp cứng rắn hơn nữa để chứng tỏ Mỹ kiên quyết đối phó lại hành động xâm lược của Irắc.

- Huy động quân mặt đất có được không? - Có người hỏi Brunte

Có lẽ ông này cho rằng việc huy động quân mặt đất thể hiện được mức độ “kiên quyết” tột đỉnh của Mỹ.

Brunte trả lời: “Không”.

Quân đội ông ta muốn huy động là như thế này:

1. Có thể cơ động cực kỳ mau lẹ.
2. Không chứng tỏ có sự tổn tại quân sự trực tiếp.

Ông đề nghị điều một trung đội máy bay chiến đấu F-15 (khoảng 24 chiếc) của không quân đến Arập Xêút, nếu Vương quốc này đồng ý.

Những người khác, trong đó có người của Quốc vụ viện, người của Lầu Năm Góc và người của Cục tình báo Trung ương đều tán thành đề nghị này.

Brunte quyết định triệu tập một cuộc họp của Ủy ban an ninh quốc gia thảo luận việc thứ nhất vào sáng hôm ấy. Lầu Năm Góc báo cáo, tướng Shiwazkôp đang ở trong thành phố, ông ta nắm được việc bố trí của tất cả quân đội ở Trung Đông, tham dự cuộc họp có thể cung cấp được nhiều tình hình.

Nhưng Shiwazkôp đã về Bộ Tư lệnh bang Florida rồi. Khoảng 2 giờ 30 phút sáng, Pauoen gọi điện thoại cho Caili, chỉ thị Caili gọi điện thoại cho Shiwazkôp, yêu cầu ông ta về văn phòng vào lúc 7 giờ sáng, vì 8 giờ Nhà trắng họp hội nghị Ủy ban an ninh quốc gia, ông ta phải dự họp.

5 giờ Brunte đến phòng ngủ Tổng thống, đề nghị Tổng thống ký lệnh hành chính phong tỏa tài sản ở nước ngoài của Irắc.

Hội nghị toàn thể Ủy ban an ninh quốc gia họp ở phòng họp nội các lúc 8 giờ sáng. Ngoài Pauoen và Shiwazkôp, Chenni và Thứ trưởng Bộ Quốc phòng phụ trách chính sách Paulô cũng dự họp. Ginmit thay mặt Báykơ tham dự hội nghị, vì Báykơ đang ở Xibêri hội đàm với Bộ trưởng Ngoại giao Liên Xô Sêvacnatde.

Cục trưởng Cục Tình báo Trung ương Vibostơ giới thiệu tình hình trước. Quân đội Irắc định lật đổ Chính phủ Cooét có hơn 10 vạn quy mô này vượt xa sự cần thiết cho hành động xâm lược. Đội quân này đang được bổ sung về quân nhu, điều chỉnh lại việc bố trí, một bộ phận quân đội Irắc chỉ còn cách biên giới Cooét Xêút 10 dặm Anh. Họ có thể dễ dàng tiếp tục tiến xuống phía Nam, phá vỡ phòng tuyến của quân đội Arập Xêút vô cùng yếu kém. Quân đội Xêút chưa tới 7 vạn người, mà giữa quân đội Irắc và giềng dậu Xêút rộng lớn, chỉ bố trí một đội quân nhỏ. Ông cho rằng tình hình là nghiêm trọng, nhưng chưa tới mức cực kỳ nghiêm trọng. Sau đó, Ginmit giới thiệu khái quát tình hình về mặt ngoại giao. Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc hầu như họp suốt cả đêm, đã lên án sự xâm lược của Irắc đối với Cooét. Liên minh

Arập cũng đang họp. Có điều, chưa có nước nào làm theo Mỹ phong tỏa tài sản ở nước ngoài ở Irắc và Côoét:

Tổng thống Bus nói, cần phải xem xét biện pháp trừng phạt kinh tế mạnh hơn nữa. Ông đã cho phong tỏa tài sản ở nước ngoài của hai nước Irắc và Côoét, và rất tự hào nói rằng Sátđam hoặc bất cứ ai khác, chắc rằng không thể ngờ được bộ máy quan liêu nước Mỹ vốn chậm chạp nay lại hành động nhanh chóng đến như vậy.

Tùng là Đại sứ Mỹ ở Liên Hợp Quốc, Bus đang hy vọng nghe được tin tức của Liên Hợp Quốc sẵn sàng có những biện pháp tiếp theo. Đại sứ Mỹ ở Liên Hợp Quốc Tômát Piklin vừa đi chuyến bay 6 giờ 30 sáng từ Niu Oóc đến nói rằng Liên Hợp Quốc đang làm như vậy, Tổng thống và Brunte đã gọi điện thoại cho Giêm Bắkyơ, Bắkyơ cũng đang bàn thảo chuyện này với phía Liên Xô.

Cũng từng là Đại sứ ở Trung Quốc, Bus lại hỏi Trung Quốc có ủng hộ lập trường của Mỹ không. Ông dự đoán Trung Quốc sẽ có sự giúp đỡ nào đó.

Brunte và Quốc vụ viện Mỹ đang cố gắng vì chuyện này.

Bus nói, ông hy vọng Hoa Kỳ có những nỗ lực ngoại giao to lớn. Ông ra lệnh tận dụng mọi khả năng tăng cường gây sức ép với Irắc, động viên dư luận thế giới chống Irắc.

Đến lượt Bộ trưởng Tài chính Nicola Blắyđi trình bày. Theo ông Irắc mỗi ngày có thể thu được 20 triệu đô la Mỹ lợi nhuận từ sản lượng dầu mỏ của Côoét. Hiện nay Irắc chiếm 20% trữ lượng dầu mỏ đã thăm dò được trên thế giới. Nếu Sátđam chiếm được, Arập Xêút, thì ông ta sẽ có trong tay 40% trữ lượng dầu mỏ thế giới.

Chenni nói, việc buôn bán dầu mỏ rất khó ngăn chặn bằng áp lực kinh tế và chính trị. Ông Bộ trưởng Quốc phòng này nói với mọi người, để đáp ứng nhu cầu tình hình quân sự hiện nay, máy bay tiếp dầu trên không cỡ lớn KC-10 của không quân Mỹ đã bay đến Arập Xêút rồi.

Pauoen bổ sung thêm, một lực lượng máy bay tấn công của không quân, tức là trung đội bay F-15, đã sẵn sàng đợi lệnh, chừng nào Xêút cho phép là có thể bay tới đó ngay.

Bộ trưởng năng lượng Giêm Vốtkin thì nhận định Irắc dựa vào các đường ống dẫn dầu, chạy qua Thổ Nhĩ Kỳ và Arập Xêút để chuyển dầu mỏ ra nước ngoài. Theo vị Thượng tướng hải quân đã xuất ngũ này thì có thể "tính chuyện" với những đường ống dẫn dầu này, vì đây là đường huyết mạch kinh tế của Sátđam. Mỹ liệu có thể ném bom những đường ống dẫn dầu này?

Pauoen nói có thể nhưng ông ta không biết Irắc có bao nhiêu dầu chuyển qua hai đường ống này, nói một cách khác, ông ta không biết nếu

ném bom liệu có thể bịt hai đường ống này trong bao nhiêu lâu. Nhìn từ góc độ quân sự, mục tiêu ném bom theo tuyến, như đường bộ, đường sắt, đường ống dẫn dầu rất khó chấp nhận, vì loại mục tiêu này rất dễ dàng sửa chữa, sửa xong có thể đưa vào sử dụng ngay được.

Sau đó, mọi người lại nêu ra khả năng phong tỏa toàn diện việc xuất khẩu dầu mỏ của Irắc, tức là không những “bịt” đường ống dẫn dầu của Irắc mà còn “đóng cửa” luôn cả nhà máy lọc dầu, kho chứa dầu và trạm bơm dầu của Irắc.

Theo Chennai, làm như vậy là không sáng suốt. Một trong những mục đích Sadtam tấn công Côoét là muốn làm đảo lộn việc cung cấp dầu mỏ của thế giới. Mỹ không nên lấy việc ném bom nơi cung cấp dầu mỏ cho thế giới để trả thù Sadtam.

Brunte sợ rằng thảo luận cứ lan man kéo dài mãi, rất dễ xảy ra bàn mà không quyết được gì.

Chennai nói, Irắc có hàng triệu quân, nếu lại chiếm thêm được 20% trữ lượng dầu mỏ thế giới nữa, thì sẽ là một sự đe dọa ghê gớm. Không nên lẫn lộn việc bảo vệ Arập Xêút với việc ép buộc Irắc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Xêút.

Shiwazkôp nói, Mỹ hiện có hai phương án có thể lựa chọn:

Phương án một là chỉ thực thi việc không tập mang tính trả đũa. Đây là một đòn tấn công hạn chế, có tính chất trừng phạt. Loại tấn công này thời gian không dài lắm, xét từ góc độ phá hoại quân sự, kinh tế Irắc, thì ý nghĩa không lớn lắm.

Phương án hai là thực thi kế hoạch tác chiến số 90-1002 bảo vệ Xê út. Việc này cần tới mấy tháng và phải điều động từ các quân chủng tới 10-20 vạn quân. Muốn hoàn thành kế hoạch này, Xêút hoặc quốc gia nào khác phải cho phép Mỹ xây dựng một loạt căn cứ ở đó. Căn cứ vào tình hình các nước Arập trước đây luôn từ chối, thì khả năng này rất là ít ỏi.

Sônunu thì vẫn kiên trì đòi sử dụng biện pháp kinh tế. Liệu có thể tìm được biện pháp nào vừa không để Irắc bán được dầu của Côoét, và cũng không để Irắc bán được dầu của mình không? Ông hỏi: “Irắc sẽ bán dầu cho ai?”

Cục trưởng Cục ngân sách Rì sót Tácman nói, nhìn vào lịch sử thì cấm vận kinh tế chưa bao giờ có hiệu quả. Hệ thống mậu dịch quốc tế không chịu sự tác động của lệnh cấm vận hoặc đóng cửa biên giới. Thị trường chỉ chịu tác động của giá cả, cấm vận chỉ có thể làm giá cả tăng lên, càng kích thích người ta vi phạm quy định của cấm vận.

Tổng thống nói: Thế đấy, Irắc chỉ cần tìm được nhà buôn trung gian là xong. Miễn là kiếm được tiền, thì bao giờ cũng có những anh buôn bán dầu

mỏ, “cũng giống như những ông bạn Téchdát của tôi thôi” (Bus trước kia đã buôn bán dầu mỏ ở Téchdát)

Ginmit nêu ý kiến, việc tránh để các quốc gia Arập ôn hoà trực tiếp cuốn vào cuộc khủng hoảng này là vô cùng quan trọng.

Lại đến Tacman nói. Theo ông, mục tiêu của Mỹ vẫn chưa rõ ràng. Tuy Shiwazkóp đã đưa ra phương án hành động, nhưng quân Irắc đã chiếm đóng Côoét, và ông cũng chưa thấy có biện pháp hữu hiệu nào ngăn chặn được dầu mỏ Irắc đổ vào thị trường.

- Ông định nói gì?- Bus hỏi.

Tacman trả lời Bus về vấn đề dầu mỏ. Ông nói:

- Cấm vận phải đi kèm với biện pháp cưỡng chế. Nghĩa là phải sử dụng tới hành động quân sự như dùng hải quân phong tỏa chẳng hạn, mà những hành động này thì Tổng thống hình như lại không muốn sử dụng.

- Nhưng, chúng ta cũng không thể chỉ vì khó chấp nhận sử dụng một hành động nào đó mà bỏ mặc sự việc đã xảy ra ở Côoét.

Bus nói, vậy, dường như ông ta cũng không tỏ ra vội vã huy động sức mạnh quân sự vào mục đích này nọ.

Tacman:

Chặt đứt ống dẫn dầu có thể làm ảnh hưởng đến kinh tế của Irắc. Muốn như vậy, thì phải hành động ngay.

Pauoen cảm thấy mọi việc vẫn chưa đi đến quyết định. Ông nêu ra một vấn đề.

- Lẽ nào chúng ta không muốn bắt tay với Xéút?

Xéút gần bó chặt chẽ với lợi ích của nước Mỹ.

Piklin bác lại:

Làm như vậy khác nào đẩy Côoét ra một bên, tức là để rơi vào tay người Irắc?

Cuộc họp kết thúc trong khi các ý kiến còn đang nhùng nhằng.

Sau cuộc họp Brunte theo Tổng thống trở về văn phòng hình bầu dục trong Nhà Trắng.

Tacman và những người khác đều thông qua Sônunu bày tỏ mối lo lắng của họ về hậu quả kinh tế do Irắc xâm lược Côoét gây ra.

Trong lúc đó, tại Văn phòng Tổng thống, Brunte nói với Bus:

Cuộc họp vừa rồi dường như đã bỏ sót vấn đề chính sách ngoại giao theo tôi còn quan trọng hơn. Thưa Tổng thống, tôi cho rằng ngài và tôi là hai người duy nhất thật sự quan tâm đến chuyện này. Hai người chưa nói hết được câu

chuyện, thì Bus đã vội vã lên đường đi Aspen bang Côlôradô vì ở đó ông còn có buổi nói chuyện. Có điều, trước khi lên đường Tổng thống đã kịp trao đổi riêng với cố vấn Gray. Bus muốn chứng thực sự bố trí của ông hoặc là sử dụng quyền lực hợp pháp của không quân. Và ông muốn chọn phương án một.

Lúc này đâu có phải là Panama

Chiều hôm đó, trong một buổi họp báo ở Bang Côlôradô, lập trường của Bus đã khác với buổi sáng: “chúng ta vẫn chưa xác định được phương án nào cả, nhưng chúng ta cũng không loại trừ bất kỳ phương án khả thi nào”.

Hai tiếng sau, Bus gọi điện thoại cho Quốc vương Xêút Phahet (Fahd). Khi làm đại sứ Mỹ ở Liên Hợp Quốc và Cục trưởng Cục tình báo Trung ương, Bus đã có quan hệ tốt với các thành viên hoàng gia Trung Đông. Cục tình báo Trung ương luôn gọi là “quý tộc hữu hảo”. Giữa Bus và Phahet lúc nào họ cũng có thể nhắc điện thoại lên nói chuyện được cả.

Năm nay 69 tuổi Phalet thuộc loại giàu có nhất thế giới, là một ông vua hết sức cẩn trọng và có phần thân phương Tây. Bus nói chuyện với ông gần nửa tiếng đồng hồ, Phahet hết sức quan tâm đến ý kiến của Mỹ về hành động tiếp theo của Sadam và Bus sẽ làm gì để giúp Xêút. Họ đều không chấp nhận được việc Irắc xâm lược Côoét, nhưng cả hai đều chưa đưa ra được phương án hành động tiếp sau đó.

Trên đường bay trở về Oasinhton trong chiếc chuyên cơ”, Bus lại nói chuyện điện thoại với Quốc Vương Gioodani Husain và tổng thống Ai Cập Mubarac vừa lúc hai nhà lãnh đạo này đang hội đàm ở Alêchsandơ. Họ thay nhau cầm ống nghe trao đổi ý kiến với Bus. Ý kiến của cả hai là: cho chúng tôi thêm thời gian cố gắng để người Ả-rập tự giải quyết vấn đề này. Về đến Oasinhton, Bus tiếp tục thảo luận với Brunte về vấn đề chưa dứt khoát tại cuộc họp Ủy ban an ninh quốc gia buổi sáng.

Theo Brunte trợ lực thật sự quá lớn vì có người cho rằng việc này rất khó, nó xảy ra ở bên kia bán cầu, khả năng tài chính của quân đội và Chính phủ không đủ; lại cũng có người cho rằng sự việc đâu có nghiêm trọng như vậy.

Bus và Brunte đều nhất trí nhận định tình hình là hết sức nghiêm trọng.

Brunte nói: “Thưa Tổng thống, theo tôi Ngài chưa cần đứng ra làm, trước tiên cứ để tôi đối phó chuyện này đã, sau đó chúng ta tiếp tục xem sự việc phát triển như thế nào.”

Họ quyết định sáng hôm sau lại triệu tập Ủy ban An ninh quốc gia họp lần nữa. Brunte từ biệt Bus về chuẩn bị chỉnh lý những ý kiến của họ thành văn bản.

Hôm sau, ngày 3 tháng 8, Ủy ban An ninh lại họp ở Nhà Trắng. Scao Brunte cầm sổ tay lên bắt đầu phát biểu: “Nếu Irắc xâm nhập và chiếm đóng Côoét đã thành chuyện đã rồi, thì chúng ta phải nghiên cứu lợi ích lâu dài của nước ta và Trung Đông là gì. Không thể chấp nhận tình trạng này, đó là cái gốc để chúng ta xem xét vấn đề. Dĩ nhiên, muốn làm to chuyện cũng rất khó khăn, có nhiều lý do để không hành động, song phải hành động vì đó là trách nhiệm của chúng ta”.

Nghe Brunte trình bày, các cử tọa kể cả những người hôm qua còn có ý kiến phản đối, tất cả hầu như đều bị thuyết phục, nhất khi Tổng thống tỏ ý tán thành quan điểm của cố vấn an ninh quốc gia.

Những người dự họp đã thảo luận các phương án trừng phạt kinh tế và hợp tác với Chính phủ các nước đồng minh cùng Liên Hợp Quốc cô lập Satdam.

Một bản báo cáo của Cục tình báo Trung ương cũng được đem ra thảo luận. Theo báo cáo sự xâm nhập của Irắc là mối đe dọa trật tự thế giới hiện nay, gây ảnh hưởng lâu dài cho kinh tế thế giới và đẩy tính chất tai họa. Satdam có ý đồ biến Irắc thành một siêu cường Arập, một quốc gia ngang sức ngang tài với Mỹ, Liên Xô, Nhật Bản. Nếu kiểm soát được 20% trữ lượng dầu mỏ trên thế giới, ông ta sẽ nắm trong tay sức mạnh ảnh hưởng cần thiết. Cục tình báo Trung ương cho rằng, Satdam rất dễ dàng đưa quân Irắc đang đóng ở Côoét xuống phía nam, và chỉ trong vòng ba ngày sẽ nhanh chóng chiếm được Rosát thủ đô Xêút cách đây 275 dặm Anh.

Brunte nói, phải cùng một lúc làm hai việc, trước tiên Mỹ phải chuẩn bị sử dụng vũ lực chặn đứng Satdam lại, và tỏ rõ thái độ này với nhân dân thế giới. Thứ hai, Mỹ phải lật đổ Satdam, nhiệm vụ này do Cục tình báo Trung ương phải làm bí mật, không được để thế giới biết.

Bus lệnh cho Cục tình báo Trung ương xây dựng một kế hoạch hành động bí mật chao đảo chính quyền Sátđam, lật đổ Sátđam (Bus hy vọng làm được điều này). Ông yêu cầu dốc hết toàn lực từ các phía bóp chết kinh tế Irắc, ủng hộ các tổ chức chống đối Satdam ở trong và ngoài Irắc, tìm người lãnh đạo thay thế Satdam trong giới quân sự hoặc các giới xã hội khác ở Irắc. Bus biết rõ, sử dụng hành động bí mật dù là không phải không có chút khả năng nào, nhưng cũng cực kỳ khó khăn, vì nền thống trị Sátđam là một quốc gia cảnh sát, đàn áp tàn bạo tất cả những người khác chính kiến và phe đối lập. Dù là như vậy, ông vẫn muốn hành động. Ông nói: Nếu như phải hành động bí mật vì lợi ích quốc gia, thì chính là lúc này đây.

1 Bus muốn Chenni, Pauoen và Shiwarzkôp ngày hôm sau đến trại Davit,

báo cáo với ông phương án hành động quân sự khả thi.

Pauoen ra lệnh triệu tập họp Tham mưu trưởng. Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân đã có lực lượng mới, Thượng tướng Maikin Đugon tân Tham mưu trưởng không quân và Thượng tướng Frank Karsô tân bộ trưởng tác chiến hải quân vào Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân mới được một tháng, còn Vônô bên lục quân và Grây bên hải quân lực chiến thì đã có nhiều thâm niên rồi. Vấn đề cần thảo luận rất lớn, đó là: với tư cách một quốc gia, mục đích cuối cùng Mỹ muốn giành được là gì. Nguyên nhân không rõ ràng của vấn đề này rất đơn giản: Tổng thống Bus vẫn chưa có quyết định, hoặc là chưa tuyên bố quyết định của mình.

Pauoen nói: Các Tham mưu trưởng và các quân chủng phải có hành động nhất trí về vấn đề này, phải có ý kiến thống nhất, phải hợp tác với Shiwazkôp; không cho phép dùng phương án giải quyết của riêng từng quân chủng, không được quân chủng nào chỉ làm việc của quân chủng ấy.

Bus đảm bảo với danh nghĩa cá nhân

Chiều hôm ấy, Brunte bố trí cho Hoàng thân Xêút Bandarô đến Nhà Trắng. Khi gặp ông ta, Bandarô tỏ ra rất hồi hộp.

Lúc hội đàm, Scao Brunte nói rằng ông đại diện cho Tổng thống Mỹ đã nêu ra là giúp Xêút một trung đội máy bay chiến đấu F-15, nhưng Xêút vẫn chưa trả lời việc này. Brunte hiểu, không trả lời là cách từ chối kiểu Xêút, ít ra thì cũng tạm thời là thế. Ông nói tiếp Bus muốn tăng thêm viện trợ, lập trường của Bus là nước Mỹ sẵn sàng viện trợ cho Xêút bằng bất cứ phương thức nào có thể làm được.

Bandarô nhắc Brunte:

- Mười năm trước khi Quốc vương Iran bị đổ, Tổng thống Catơ đã nói với người Xêút: "Tôi muốn phái đến Xêút mấy trung đội F-15, để cho họ sáng mắt ra". Quốc vương đã đồng ý. Nhưng khi máy bay còn đang trên đường bay, Catơ lại tuyên bố "chúng không mang theo vũ khí!" Việc này gây một ảnh hưởng rất xấu cho người Xêút, và ảnh hưởng này tới nay vẫn còn. - Bandarô nhấn mạnh - Nói thật lòng, chúng tôi có phần lo ngại, rút cục các ông có gan dám làm hay không? Chúng tôi không muốn để các ông đưa tay ra rồi lại rút vào, cuối cùng để thằng cha lảng giềng của chúng tôi càng ngồng cuồng hơn bây giờ.

- Thừa với ông, chúng tôi chắc sẽ không làm như vậy được - Brunte nói
- Chúng tôi rất nghiêm chỉnh, chúng tôi sẵn sàng có những hành động cần

thiết bảo vệ các ông. Nhưng người Xêút cũng phải chứng tỏ mình là nghiêm chỉnh, và sẵn sàng đón nhận quân đội Mỹ.

Đúng lúc đó, Tổng thống Bus đến văn phòng của Brunte.

Bus nói:

-Côoet đợi tới lúc chỉ còn nửa tiếng, thậm chí chỉ còn mấy phút trước khi Irắc tiến quân vào mới cầu cứu nước Mỹ. Tôi cảm thấy rất không yên lòng vì Xêút rất có thể là mục tiêu tấn công sau của Satdam. Tôi rất lo Xêút yêu cầu giúp đỡ quá muộn, khi ấy Mỹ sẽ không làm gì được.

Bandarơ hỏi:

- Nước Mỹ có thể viện trợ được những gì? Bao nhiêu máy bay? Vũ khí thế nào? Quốc vương chúng tôi nếu xem xét yêu cầu Mỹ viện trợ, thì phải nắm được tình hình chính xác.

Bus và Brunte đều nói, họ không trả lời được vấn đề này, phải để Chennai và Pauoen trả lời.

Bandarơ nhắc lại một cách rất mỉa mai chuyện ông Cato cho máy bay chiến đấu F-15 không mang theo vũ khí đến Xêút. Lòng tự trọng của Bus như bị xúc phạm, hình như người Xêút có ý nghi ngờ, nghi ngờ về quyết tâm của ông, và sự ngờ vực này nhằm thẳng vào cá nhân ông.

- Tôi lấy danh dự đảm bảo với ông. - Cuối cùng Bus nói- Tôi cùng chịu chung số phận với các ông.

Bandarơ vô cùng kinh ngạc. Tổng thống Mỹ đã lời cả danh dự cá nhân ra rồi.

Brunte gọi điện thoại cho Chennai "Tổng thống dự định giúp đỡ Xêút. Cho ông ta xem những thứ tốt nhất của chúng ta. Xem cả bản kế hoạch tác chiến quy mô lớn thứ hai. Đưa Bandarơ đến Bộ Quốc phòng, nói với ông ta chúng ta có thể làm được những gì cho ông ấy".

Bus không muốn đối phó với Bandarơ bằng biện pháp công vụ nên đã đứng ra bảo đảm. Việc này rất nghiêm chỉnh. Để làm cho người Xêút tin phục, Bus sẽ bảo Chennai cho Bandarơ xem cuốn phim tuyệt mật chụp từ vệ tinh. (Chúng sẽ nói rõ tình hình tập kết binh lực của Satdam về phía Xêút).

Chennai bố trí cho Bandarơ tối hôm đó đến Lầu Năm Góc. Nhưng trước tiên Chennai phải trao đổi thật sự cởi mở với Pauoen đã, thảo luận cần phải báo cáo phương án quân sự nào với Tổng thống.

Bộ trưởng Quốc phòng và Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng ngồi trao đổi riêng với nhau. Chennai nói:

- Bây giờ không thể cứ đá bóng sang nhau mãi được, tình hình này

không thể cứ tái diễn mãi. Nhà Trắng bắt đầu nghiêm chỉnh thảo luận khả năng sử dụng vũ lực, họ phải đưa ra phương án quân sự đã lựa chọn. Bây giờ là lúc phải nghiêm chỉnh đưa ra kiến giải quân sự rồi. Kiến giải đưa ra càng nhiều, mới có thể càng phục vụ tốt Tổng thống. Lầu Năm Góc phải cố gắng làm tròn chức trách-Chennai giọng rất kiên quyết.

Pauoen trả lời:

- Không biết phương châm, thì tối làm thế nào.

Chennai giải thích:

- Bây giờ thì biết rồi. Brunte vừa mới gọi điện tối, nói Tổng thống muốn ta giới thiệu với Bandarơ kế hoạch tác chiến số 90-1002. Theo lệnh Tổng thống, Bandarơ được xem cuốn phim vệ tinh tuyệt mật mới nhất.

Không khí căng thẳng giữa hai người tan biến ngay, họ đều biết rõ mình cần đến đối phương. Trước khi giới thiệu tình hình với Bandarơ, Chennai muốn tìm hiểu diễn biến mới nhất. Hôm ấy, Chuyên gia vấn đề Trung Đông của Cục tình báo Quốc phòng Bôtrơ Ran gửi một bức điện báo về, dự đoán xu thế phát triển của cuộc khủng hoảng. Trong đó có một điểm quan trọng là, tuy một nước lớn như Xêút chỉ có không tới 7 vạn quân đội, nhưng họ lại quyết tâm dựa vào nội lực, công khai từ chối tiếp nhận viện trợ nước ngoài. Họ đã từ chối đề nghị cho máy bay quân sự Mỹ bay qua không phận và để máy bay thám thính của Mỹ mở rộng phạm vi hoạt động ở Xêút.

Chennai gọi Bôtrơ Ran đến văn phòng của mình. Dường như chỉ có một mình Bôtrơ Ran nghiêm chỉnh theo dõi việc Irắc tập kết binh lực mấy tuần trước đó và sự thực đã chứng tỏ phân tích của ông ta là rất có giá trị. Chennai nói, ông muốn tìm hiểu người Irắc, vấn đề chính của ông là: “Người Irắc rút cục là người như thế nào?”

Bôtrơ Ran, người mấy năm nay liên tục thu thập tin tình báo về sự đe dọa của Irắc, rất mừng có dịp được thể hiện tài năng. “Người Irắc rất đáng sợ - ông nói - Họ có lực lượng quân sự lớn mạnh và cơ sở công nghiệp phát triển, so với trình độ các nước thế giới thứ ba thì khá hiện đại hóa, ý thức quốc gia rất mạnh, bản tính hiếu chiến”. Ông còn chứng minh quan điểm của mình bằng những con số và tin tức lý thú khác.

Chiều ngày 3 tháng 8, khi Bandarơ đến văn phòng của Chennai thì Chennai và Pauoen đã ngồi bên chiếc bàn tròn hội nghị nhỏ. Bandarơ ngồi trên một ghế dài, Vônphây và chuyên gia vấn đề Trung Đông của Ủy ban an ninh quốc gia Risot Has cũng tham dự cuộc họp.

Chennai bắt đầu:

- Tổng thống chỉ thị cho tôi giới thiệu với ông những biện pháp mà Hoa Kỳ có thể giúp đỡ quý quốc tự vệ. Nếu Hoa Kỳ can thiệp vào, thì sẽ thành quy mô lớn, nếu Hoa Kỳ nhận lời bảo vệ vương quốc Xêút, Hoa Kỳ sẽ hết sức nghiêm chỉnh gánh vác trách nhiệm. Hoa Kỳ hoàn toàn có thể cho máy bay cất cánh từ một tàu sân bay, dội bom xuống đầu Sadtam, nhưng như vậy chỉ làm ông ta thêm tức giận, không giải quyết được bất cứ thực tế nào. Mấu chốt giải quyết vấn đề vẫn là bộ đội mặt đất.

Chennai biết, Bandarơ vừa gọi điện thoại về Xêút, đang chuẩn bị về nước trực tiếp báo cáo tình hình với Quốc vương. Ông muốn bảo đảm cho vị đại sứ này có được những tin tức rõ ràng chính xác.

Để nhấn mạnh vấn đề Xêút đang phải đương đầu, Chennai và Pauoen đưa ra cuốn phim có tỷ lệ phân tích cao, chỉ rõ vị trí của ba sư đoàn tăng thiết giáp Irắc đầu tiên đột nhập Côoét, trong đó một sư đoàn đang xuyên qua Côoét tiến về phía biên cương Xêút, hai sư đoàn kia cũng có thể hành động tiếp ngay sau đó. Sau bộ đội tăng thiết giáp còn một số lượng trang thiết bị nhiều hơn nữa, cách bố trí này giống hệt tình hình xâm nhập Côoét hai ngày trước đó. Quân đội Irắc dần thành một chuỗi, giống như một lưới gươm bén đang nhằm thẳng vào vương quốc Xêút, Xêút thật sự lâm vào tình trạng nguy hiểm trầm trọng.

Pauoen dùng khoảng 10 phút giới thiệu khái quát kế hoạch tác chiến số 90-1002. Ông ta để cho Bandarơ xem qua tập tài liệu về kế hoạch tuyệt mật và sơ đồ trình bày tình hình điều động quân đội trong mấy tháng, rồi nói: "Đây là một lực lượng quân đội quy mô tương đối lớn".

- Lực lượng quân đội các ông nói rút cục là bao nhiêu? - Bandarơ hỏi.

Pauoen:

- Trong khu vực tác chiến có từ 10 đến 20 vạn.

Bandarơ thở phào, người ngồi bên cạnh cũng nghe thấy rõ:

- Được, điều này ít nhất cũng chứng tỏ được là các ông nghiêm chỉnh.

Bây giờ các ông cần hiểu chúng tôi vì sao lúc đầu không muốn nhận trung đội máy bay chiến đấu ấy.

Pauoen khẳng định lại, điều đó thật sự là nghiêm chỉnh.

- Chúng tôi cũng cho rằng các ông đã có thái độ nghiêm chỉnh cần thiết

- Bandarơ nói, giọng muốn nắm quyền chủ động trong hội đàm

- Giá như giờ đây lực lượng quân đội này đã có mặt ở Arập Xêút, thì vương quốc Xêút đã có thể chủ động hành động, chẳng hạn như là cắt đứt đường ống dẫn dầu của Irắc. Không có lực lượng phòng ngự quy mô

lớn như vậy, Quốc vương chúng tôi không dám hành động, vì Satdam có thể tiến thẳng một mạch đánh chiếm Xêút.

Bandarơ đồng ý và tán thưởng kế hoạch này, còn bảo đảm sẽ báo cáo lại quốc vương và thân phụ ông- đại thần quốc phòng Xêút, những biện pháp nước Mỹ có thể áp dụng được.

Bandarơ kể rõ ông và các quan chức Xêút khác đã tìm cách tiếp xúc với Satdam để tìm hiểu ý đồ của ông ta, nhưng không có kết quả. Suốt 10 tiếng đồng hồ sau khi Irắc xâm nhập Cồét. Sau này, họ đã có gặp được nhau, Satdam đã tỏ ra khó chịu nói rằng quân đội ông ta di chuyển về phía biên giới Xêút là để tiến hành diễn tập. Tiếp đó, Phó Chủ tịch Hội đồng cách mạng Irắc đã hội kiến với Quốc vương Pahét, nhưng từ chối nói ra ý đồ của Satdam.

Bandarơ đã mô tả tình trạng hoang mang “có mức độ” trong nước, ông nhấn mạnh “có mức độ”, vì mọi người đều tin tưởng một nước quân chủ không thể xảy ra hoang mang thật sự được.

Ông ta bảo đảm với Chennai sẽ tích cực thúc đẩy việc Mỹ bố trí ngay binh lực.

Vônphây cảm thấy ngạc nhiên trước thái độ của hai bên bỗng trở nên nghiêm túc hẳn lên. Thấy Bandarơ tỏ ra rất hăng hái, Vônphây đề nghị đặt quân đội Mỹ, nhất là lực lượng nhảy dù được huy động đầu tiên vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

Ông ấy nói khoác đấy- Pauoen nói - Tôi cho rằng vẫn chưa tới chưa tới lúc đặt sư đoàn dù 82 vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

Pauoen nói vậy thôi, thực tế thì một lữ đoàn của sư đoàn Mỹ này đã thường xuyên được đặt trong trạng thái đó rồi.

Chennai đã đồng ý, nhưng ông nói với Pauen muốn để Shiwazkôp đưa các sĩ quan chỉ huy chủ yếu các quân chủng đến trại Đa vít. Ông biết Tổng thống rất coi trọng việc trao đổi cá nhân. Chỉ những người Bus trực tiếp gặp mặt mới được coi là người có thực cho nên để Tổng thống đích thân gặp những người sắp chỉ huy hành động tác chiến này là vô cùng quan trọng.

Bandarơ gọi điện thoại báo cáo tình hình với quốc vương Fahét. Fahet muốn biết chính xác sự đe dọa của Irắc là có hay không. Họ biết, Cồét sợ dĩ không cầu viện Mỹ ngay vì người Cồét nghi ngờ Mỹ mượn cớ Irắc đe dọa để thừa cơ đem quân vào đóng trên lãnh thổ Cồét.

Bandarơ nói với Fahet, ảnh vệ tinh đã xác minh Xêút đang lâm vào tình trạng nguy hiểm trầm trọng, mối đe dọa của Irắc là vô cùng rõ ràng.

- Ông nhìn thấy... chính mắt có nhìn thấy ảnh vệ tinh hay không? -

Fahet hỏi.

- Thưa Bệ hạ, cố nhìn thấy.

- Vậy bảo họ đem ảnh đến chỗ ta.

Mãi tới lúc Chennai lên máy bay Pauoen mới biết ông ta đi Xêút. Nhớ lại tất cả những gì đã xảy ra mấy hôm nay, vị Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng này vẫn không thể nào nói ra được chính xác, Tổng thống khi nào mới có quyết định cuối cùng việc ông phải thực hiện kế hoạch quân sự quy mô lớn này. Trên thực tế, chưa hề có văn bản nào nhắc tới quyết định này, hoặc liệt kê ra các phương án chọn lựa, hoặc nói rõ những ảnh hưởng có thể xảy ra. Về mục tiêu kế hoạch này, căn bản không có sự trình bày rõ ràng. Điều duy nhất rõ ràng là Tổng thống tỏ ra quan tâm sâu sắc đối với số phận của Vương quốc Xêút, thậm chí đã hành động theo tình cảm.

Pauoen cho rằng, mình đã làm tốt phần việc được giao, giải thích tất cả những gì cần thiết - bộ đội mặt đất, không quân, kế hoạch hành động số 90-1002. Shiwazkóp đang cùng Chennai trên đường bay sang Xêút, ông ta đã mang theo một bản sao kế hoạch "90-1002", trình bày khái quát kế hoạch bố trí 25 vạn lực hải không quân.

Chiều hôm ấy, Pauoen khi xem chương trình CNN, trông thấy Bus từ trại Đavít trở về Oasinhton, đang từ máy bay trực thăng bước xuống thăm cỏ trước Nhà Trắng. Bus bước tới trước micrô, phát biểu bình luận về hoạt động ngoại giao của mình- ông đã hội đàm với những người lãnh đạo Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Canada, Pháp, Đức như thế nào, và đã gặp mặt Aimia Tổng thống Côoét lưu vong ra sao. Tổng thống nói:

- Tình hình hiện nay là, không một người nào công khai bày tỏ chấp nhận phương án Irắc không rút toàn bộ quân đội ra khỏi Côoét, cũng không có ai đồng ý thành lập chính quyền bù nhìn ở Côoét.

- Ngài có dự định áp dụng hành động quân sự không? - Một phóng viên hỏi.

- Tôi không thể tuyên bố với ông phương án của tôi là gì, hoặc có thể là gì, nhưng khả năng sử dụng hành động quân sự là có, điểm này tôi bảo đảm được với ông. - Giọng Bus rõ ràng đã có phần nổi giận. - Irắc lại đã nói dối. Họ nói hôm nay bắt đầu rút khỏi Côoét, nhưng hiện nay vẫn chưa có chứng cứ nào chứng tỏ họ rút quân.

Khi một phóng viên hỏi tiếp. Bus giận dữ nói:

- Hãy chờ đấy. Các ông sẽ biết thôi.

Tổng thống vung cánh tay lên, xem ra ngày càng xúc động hơn. Ông nói: - Tôi rất coi trọng quyết định của chúng tôi đẩy lùi cuộc xâm lược này... hành vi

xâm lược Côoét là không thể dung thứ được, không thể nào dung thứ được.

Bus đã tuyên bố ra một cách rõ ràng và chắc chắn mục tiêu mới là không những phải ngăn chặn cuộc tấn công Xêút, bảo vệ Xêút, mà còn dùng hành động quân sự chặn đứng cuộc xâm lược Côoét của Irắc. Điều này khiến Pauoen thấy hết sức ngạc nhiên. Tổng thống chưa bao giờ bàn bạc với ông. Từ sau cuộc họp ở trại Đavit buổi sáng hôm kia tới bây giờ ông chưa trao đổi gì với Bus.

Vào hôm sau khi Irắc xâm nhập Côoét, Bus đã nói ông ta ý định phải xoay chuyển tình thế này, nhưng khi đó còn chưa quyết định. Giờ này tại đây, Tổng thống do xúc động đã đích thân tuyên bố quyết định này.

Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng Pauoen không sao hiểu được, vì sao Bus lại nêu ra mục tiêu mới, thay đổi mạnh mẽ định nghĩa của thắng lợi. Ngăn chặn Satdam xâm nhập Xêút là một chuyện, còn đẩy lùi cuộc xâm lược đã thành sự thực lại hoàn toàn là một chuyện khác. Nói về quân sự, điều đó khác hẳn nhau chẳng khác gì ngày và đêm. Bảo vệ Xêút có thể thực hiện được không phải qua chiến đấu. Shiwazkôp đã nói với Bus, muốn bố trí một lực lượng quân sự có thể đuổi được Satdam ra khỏi Côoét, vẫn từ 8 đến 12 tháng. Đẩy lùi xâm lược có lẽ là nhiệm vụ quân sự khó khăn nhất có thể hình dung ra được. Ông là nhân vật số một của giới quân sự, lại không có cơ hội trình bày quan điểm của mình. Lời tuyên bố phấn khích này của Bus thật sự làm Pauoen bất ngờ. Ông vô cùng kinh ngạc trong có ba ngày mà Bus đã có sự chuyển biến tư tưởng lớn đến như vậy.

Bâykr cũng thấy như Pauoen, cũng chưa được thảo luận phương án đưa quân đội đến vùng Vịnh. Đồng thời, cũng chưa thảo luận quy mô việc điều động quân đội. Bố trí binh lực là do Bus quyết định, còn quy mô của việc điều động binh lực lại quyết định ở kế hoạch tác chiến số 90-1002.

Bâykr thích giải quyết sự việc qua đàm phán và trao đổi. Trong quá trình thông qua đàm phán chấm dứt chiến tranh lạnh, ông đã thể hiện tài năng; cũng giống như thế, ông hy vọng chỉ ít lâu sau sẽ xuất hiện cơ hội giải quyết cuộc khủng hoảng mới này bằng biện pháp ngoại giao.

Quốc vương Fahet đứng về phía Hoa Kỳ

Chennai đi trên một máy bay chở khách phản lực hiện đại, rộng rãi thoải mái, rất giống máy bay của Phó Tổng thống. Máy bay cất cánh tại căn cứ không quân Andrus lúc 2 giờ 30 chiều chủ nhật ấy. Tháp tùng Chennai có Thượng tướng Shiwazkôp, Paolô Caisi của Ủy ban an ninh quốc gia, Thứ

trưởng quốc phòng phụ trách chính sách Paulô, Pitor Uyliêm, đại sứ Mỹ ở Arập Xêút Friman và một chuyên gia Cục tình báo Trung ương đến từ trung tâm phân tích ảnh nhà nước, chuyên gia này mang theo ảnh vệ tinh tuyệt mật mới nhất.

Bộ trưởng Quốc phòng Chennai muốn cân nhắc thêm về bài phát biểu của mình. Ông cho mời Caisi Paulô và đại sứ Friman đến khoang máy bay của mình để cùng nghiên cứu. Ba người đều nhấn mạnh rằng, Chennai đang lội ngược dòng, bảo người Xêút mời Hoa Kỳ xuất quân là một việc chưa bao giờ được nghe thấy cả.

Sau khi nghe xong những ý kiến ấy, Chennai yêu cầu họ phải hành động thận trọng. Ông nói, chúng ta đã không biết Satdam liệu có xâm nhập A rập Xêút hay không, thì không cần nói tới việc ấy, chỉ nói khả năng xâm nhập là khó tránh khỏi, hoặc nói chúng ta có tình báo nội bộ. Chennai muốn giải thích thật rõ ràng chính xác với người Xêút là nước Mỹ có thể đưa sang bao nhiêu quân đội và Tổng thống hứa đảm nhiệm nghĩa vụ chính trị, còn về tin tức chỉ cho biết đến đấy thôi. Việc Irắc xâm nhập Côoét đã làm lộ rõ ý đồ nhòm ngó nước láng giềng Arập của Satdam.

Tối hôm đó, Chennai, Caisi, Shiwazhốp, Paulô và đại sứ Friman được mời tới Cung mùa hè Xêút phòng họp riêng của hoàng gia. Fahet, sáu quan chức quan trọng trong Chính phủ Xêút và các thành viên hoàng gia, bao gồm đại thần ngoại giao và phó đại thần Quốc phòng đều có mặt. Thái tử Apđula thì đứng châu ở một bên.

Hoàng thân Bandarơ phiên dịch cho cả hai bên.

Chennai Shiwazkốp ra sức thuyết khách, hy vọng Xêút đồng ý để Mỹ xuất quân cùng Xêút đánh lại cuộc xâm lược của Irắc

Fahet nói:

- Chúng tôi hợp tác với Hoa Kỳ không phải xuất phát từ nhu cầu tấn công nước khác hoặc trở thành kẻ xâm lược. Cơ sở hợp tác của chúng tôi là Arập Xêút đang bị đe dọa và vì lợi ích chung.

Vị Quốc vương này nói tiếp tựa hồ như đang nói với mình:

- Chúng tôi không gây ra rắc rối, mà là người khác đang gây rắc rối cho chúng tôi. Người ta sẽ hỏi, vì sao Satdam lại xây dựng quân đội nhiều như vậy? Satdam dốc hết tiền của vào quân bị, sao không dùng vào sự nghiệp phúc lợi cho nhân dân. Có ai gây rắc rối cho ông ta đâu? Điều này chứng tỏ ông ta thật thiện cận! Ông ta vì sao lại tấn công một nước nhỏ như Côoét, và muốn áp bức họ?

Đây không chỉ là vấn đề xâm lược Côt oét, ông ta còn đang mưu toan thực hiện ý đồ lớn hơn... Ông ta đang tự huyễn hoặc, cho rằng mình hiểu biết tất cả. Nếu ông ta thật sự tin như vậy, ông ta đã mắc sai lầm lớn. Và tôi nghĩ ông ta đã mắc sai lầm này.

Chúng tôi nếu hợp tác với người bạn Mỹ của chúng tôi, cũng chỉ là để tự vệ, chứ không phải làm kẻ xâm lược. Điều này chứng tỏ quan hệ hai nước chúng ta thật là sâu nặng. Bản thân điều đó còn chứng tỏ, cả hai nước này đều quan tâm đến lợi ích và an ninh của nhau.

Chúng tôi làm như vậy không phải là xâm lược. Cả thế giới đều đang hỏi: Nước Mỹ sẽ làm gì cho Ả-rập Xêút? Tôi cảm thấy vui mừng trước tất cả những gì tôi vừa mới nghe được. Để thực hiện mục tiêu này, chúng ta phải hết sức cố gắng, thực hiện những kế hoạch này.

Sau đó, Fahet quay sang phía Chennai:

- Thưa ông Bộ trưởng, chúng tôi đồng ý với nguyên tắc đó. Hãy để chúng tôi tin tưởng đức A-la làm những việc phải làm. Chúng ta hãy bắt đầu nghiên cứu chi tiết.

Ngừng giây lát, vị Quốc vương bổ sung:

- Tôi bất chấp người ta nói gì, điều quan trọng nhất là phải cùng người Mỹ bảo vệ đất nước chúng tôi, còn phải mời cả những người trong các nước Ả-rập hữu nghị với chúng tôi đến nữa.

Chennai:

- Tôi nghĩ, thế thì tốt quá

Fahét:

Rất tốt, trong đó có những nước trước đây họ nói đã có sự chuẩn bị và sẵn sàng đến. Một số nước như Ai Cập, Maroc đều rất thân thiện với các ông và chúng tôi”.

Chennai:

- Bệ hạ đồng ý với kế hoạch của chúng tôi khiến chúng tôi rất vui mừng.

Quốc vương:

Thời gian của chúng tôi không còn nhiều. Đối mặt với nguy hiểm vô cùng cấp bách, những việc phải làm gấp thì phải làm ngay.

Chennai không nín nổi về phần khởi:

- Tổng thống Bus tha thiết mong đợi Quốc vương tới thăm. Đây rõ ràng là một cuộc hội ngộ lịch sử.

Fahet

- Đúng thế, đích thực là như thế.

Vị Bộ trưởng Quốc phòng ngờ ý sẽ lập tức quay về Oasinhton để báo cáo tới Tổng thống tình hình cuộc hội đàm.

- Chúng tôi sẽ để lại một nhóm. Thượng tướng Shiwazkóp sẽ làm việc với quan chức ở đây, giải quyết những vấn đề chi tiết.

- Để lại một nhóm, thế thì hay lắm. Công việc thực thi càng nhanh càng tốt.

Chennie:

- Tôi sẽ báo cáo với Tổng thống, chắc ông sẽ điều động quân đội ngay.

Về đến phòng ở, Chennie nói với các vị trợ lý:

- Họ đã mời chúng ta đến rồi.

Đoạn ông gọi điện thoại cho Tổng thống Bus. Khi ấy đang tiếp Thủ tướng Anh Thatcher tại văn phòng hình bầu dục.

Chenni báo cáo:

- Fahet đã đồng ý kế hoạch của chúng ta.

Giọng Bus trả lời tỏ ra rất vui mừng.

Chenni chính thức đề nghị Tổng thống phê chuẩn việc điều động quân đội.

Bus nói:

- Ông đã được phê chuẩn, làm đi”.

Không quân hành động trước

Chenni gọi điện cho Pauoen, thông báo cho ông ta Tổng thống đã giao quyền cho họ bắt đầu điều động bố trí quân đội.

Pauoen nghe được tin người Xêút đồng ý cho quân Mỹ vào đóng trên lãnh thổ của họ thì rất ngạc nhiên.

Tướng Caily cùng các sĩ quan Tham mưu tác chiến của mình phần lớn thời gian cuối tuần đều có mặt trong toà nhà lớn này - trước là chuẩn bị việc bố trí quân đội, sau là chờ đón. Caily nhận được thông báo sớm nhất, nói rằng cấp lãnh đạo đang tiến hành những hoạt động liên quan, nhưng chưa có quyết định cuối cùng. Vào khoảng 4 giờ chiều, nhiệm vụ đã đến, họ nhận được lệnh đi “bảo vệ” Arập Xêút, ngăn chặn cuộc tấn công của Irắc sẵn sàng chấp hành các nhiệm vụ tác chiến. Lệnh trực tiếp liên quan với việc đó là thực thi kế hoạch tác chiến số 90-1002.

Lực lượng đầu tiên được huy động là 48 chiếc máy bay ném bom chiến đấu phản lực F-15 tiên tiến của Liên đội máy bay chiến đấu chiến thuật số 1 căn cứ không quân Kongli Viéc ghina, sau đó là lữ đoàn trực chiến (tất cả 2.300 người) của sư đoàn lính dù 82, có trình độ chiến đấu cao nhất.

Chenni sau khi rời Xêút đến Cairô từ Cai rô đi một máy bay nhỏ đến Alêchxanda để gặp Tổng thống Mubarắc. Trên đường từ Ai Cập về Mỹ, Chenni nhận được điện thoại trực tiếp của Tổng thống khi đang bay qua không phận Italia, được biết Bus đang bận rộn với việc gọi điện thoại cho nguyên thủ các nước để tranh thủ sự ủng hộ của họ Bus nói với Chenni: "Tôi vừa gọi điện thoại cho Quốc vương Hatsan của Maroc, tôi muốn ông đến Maroc thăm Quốc vương một chút".

Máy bay Chenni lập tức qua Maroc và nhận được chỉ dẫn hạ cánh của Maroc.

Chenni cuối cùng đã bay về đến Oasinhton vào lúc 6 giờ sáng hôm thứ tư, tức là ba tiếng trước khi Bus nói chuyện với dân chúng Mỹ. Trước đó, Chenni đã được đọc bản thảo bài nói chuyện đến qua Fax. Bài phát biểu này đã có những lời lẽ kể về thế chiến thứ hai, nói rằng Irắc đã "chiếm Côoét bằng phương thức chiến tranh chớp nhoáng", "cho nên nhượng bộ không thể giải quyết được gì, kết quả sẽ giống như những năm 30" rằng hành động quân sự lần này hoàn toàn là một cuộc chinh phạt theo nguyên tắc nhân đạo, rằng nhiệm vụ của quân đội Mỹ mang tính chất phòng ngự.

9 giờ sáng ngày 8 tháng 8, trong văn phòng hình bầu dục, Bus xuất hiện trên màn hình ti-vi của cả nước, gương mặt có phần mệt mỏi bơ phờ.

Ông nói: "Sứ mệnh của quân đội chúng ta hoàn toàn mang tính chất phòng ngự. Mong rằng họ không phải ở lại lâu tại đây. Họ sẽ không bao giờ chủ động gây ra hành động đối địch, nhưng họ sẽ bảo vệ mình, bảo vệ Vương quốc A rập Xêút và các nước láng giềng vùng Vịnh Pécxích.

Trong cuộc họp báo vào buổi trưa, Bus lại tuyên bố, sứ mệnh của hành động quân sự không phải là đuổi người Irắc ra khỏi Côoét.

1 giờ chiều, Chenni và Paoen tham gia buổi họp báo tổ chức tại Lầu Năm Góc.

Chenni phát biểu rất kiềm chế: "Trước tiên tôi muốn nhấn mạnh với các ông, nhất là những người còn nhớ như in về hành động xuất quân tới Panama, rằng tình hình bây giờ khác với khi đó". Ông nêu rõ, hành động quân sự lần này còn đang tiến hành, cho nên không trả lời được những câu hỏi về điều động bộ đội nào, khi nào bộ đội xuất phát và binh lực của các quân chủng.

Paoen trực tiếp kêu gọi giới báo chí với một giọng điệu khác thường. Ông nói: "Nếu các ông thu nhận được tin gì, khi xem xét có nên đăng những tin ấy hay không, tôi hy vọng các ông biết tự ràng buộc mình, luôn luôn nghĩ tới nhu cầu giữ gìn bí mật tác chiến an toàn cho quân đội chúng ta. Tôi cho

rằng đối với tất cả chúng ta ở đây, đó là điều quan trọng nhất”.

Khi trả lời câu hỏi về đợt bộ đội đầu tiên rất dễ bị tấn công, Pauoen có phần huyênh hoang. Ông ta nói: “Tôi cho rằng, họ rất an toàn”. Ông nêu ra lực lượng chiến đấu trên không của hai tàu sân bay “Độc lập” và “Aixenhao”, cùng lực lượng quân đội Arập Xêút được trang bị máy bay thám thính và những máy bay chiến đấu loại một.

Vị chủ tịch hội đồng Tham mưu trường này còn nói thêm: “Vì thế, tôi có lý do để tin chắc rằng, chúng ta có thể bố trí bộ đội vô cùng thuận lợi, và không để lộ ra bất cứ nhược điểm nào”. Nhưng thực ra trong lòng Pauoen vẫn lo ngay ngáy cho sự an toàn của lực lượng này. Trong ba bốn tuần đầu, bộ đội của ông ta không có vũ khí gì trong tay, rất dễ bị tấn công. Phải giữ điều bí mật này bằng mọi giá. Mạng sống của binh lính trông chờ vào đó.

Ngày 12 tháng 8, Chennai xuất hiện trong chương trình “gặp gỡ giới báo chí” của đài truyền hình Công ty phát thanh toàn quốc. Vị Bộ trưởng quốc phòng này không để lộ bất kỳ chi tiết nào, chỉ nói “thực tế tình hình là, sáng sớm hôm nay chúng ta đã phái đến vùng đó một lực lượng quân sự to lớn, số lượng binh sĩ đông hơn còn đang trên đường đi”.

Có người hỏi, rút cục thì sẽ huy động đi bao nhiêu quân? Ông ta trả lời: “Tôi không thể nói mức cao nhất số lượng quân đội sẽ huy động... Bất cứ ai cũng đều không nên cho rằng đây là chuyện đơn giản hoặc là chuyện có thể giải quyết chóng vánh hoặc là không đòi hỏi nước Mỹ phải tốn quá nhiều sức lực mà có kết quả”. Dĩ nhiên, ông ta đã nắm chắc lịch thời gian - phải mất 17 tuần bố trí lực lượng phòng ngự, sau đó khoảng từ 8 đến 12 tháng để quân Mỹ giành được khả năng tấn công toàn diện. Nhưng lúc đó chẳng có ai ngờ tới, Mỹ đã bước vào con đường chiến tranh.

Tổng thống Bus muốn để Cục tình báo Trung ương làm .

Bus quyết định đến Lầu Năm Góc một chuyến. Ngày 14 tháng 8, Chennai và Pauoen để chuẩn bị làm tốt việc báo cáo với Tổng thống, đã “diễn thử” một tiếng đồng hồ tại phòng mật ở Lầu Năm Góc. Ngày hôm sau, Bus đến làm việc ở phòng này.

Điều Pauoen cảm thấy ngạc nhiên là chính bản thân ông cũng không biết rõ công việc điều động lực lượng quân sự đến vùng Vịnh đã bắt đầu khởi động rút cục sẽ kết thúc vào lúc nào. Tất cả việc ấy chứng tỏ cái gì?

Từ cái chiều thứ bảy 10 hôm trước, khi Pauoen theo dõi qua màn hình Tổng thống bước xuống máy bay trực thăng và nói rất dứt khoát “Chúng ta

không thể tha thứ được” cho tới nay, vấn đề cứ luẩn quẩn trong đầu ông Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trường. Đối với ông, đây dường như là một thời điểm mấu chốt, có lẽ là thời điểm ông phải có nhận thức rõ ràng về nhiệm vụ mới này. Nếu muốn đánh đuổi người Irắc đã xâm nhập Côoét, thì về quân sự phải làm những gì? Cần bao nhiêu quân đội? Phải xây dựng kế hoạch tác chiến như thế nào? Theo Pauoen bộ máy quân sự nước Mỹ dường như đang leo nhanh trên đường cao tốc, nhưng không biết hãm lại thế nào.

Sau buổi họp ở phòng mật. Bus Chenni và Pauoen đến văn phòng của Chenni.

Pauoen nói với Tổng thống rằng ông ta cần báo cáo về tình hình tập kết của quân đội. Từ ngày có lệnh huy động quân đội, đây là lần đầu ông có dịp nói chuyện với Bus. Ông đưa cho Tổng thống một bản sơ đồ, trên đó dùng hình vẽ ghi rõ tình hình quân Mỹ đến vùng Vịnh hàng tuần. Ngày cuối cùng ghi sơ đồ là ngày 1 tháng 12, tức là thời điểm kết thúc nhiệm vụ này, quân Mỹ tới vùng Vịnh khi đó sẽ lên tới 25 vạn người.

Pauoen nói:

- Nhiệm vụ của chúng ta là tiến hành uy hiếp và thực hiện phòng ngự. Rõ ràng là cuối cùng chúng ta chắc chắn bảo vệ được A rập. Chúng ta không có việc làm nào khác cả. Đó là tình hình khi chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ bố trí vào ngày 1 tháng 12. Hiện giờ chúng tôi có thể gặp rủi ro, nhưng tác dụng uy hiếp không thể phủ nhận là rất lớn.

Nếu Ngài muốn tôi làm nhiều hơn nữa, toàn bộ hoạt động bố trí sẽ phải tăng lên nhanh chóng. Nếu vậy, tôi cần phải biết, theo hướng này tôi còn phải tiến lên 2 dặm hay 3 dặm Anh nữa thì mới có thể dừng lại và rút đi.

Tới lúc nào đó, Shiwazkôp sẽ báo cáo với Ngài, nhiệm vụ đã hoàn thành. Thừa Tổng thống, điều chúng tôi cần là trước khi chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ, Ngài có thể cho chúng tôi biết bước tiếp theo phải làm gì. Có như vậy, chúng tôi sẽ biết, chúng tôi nên ngừng hay tiếp tục chuyển chở vật tư đến vùng Vịnh, hay là phải áp dụng hành động nào khác.

Pauoen đâu có muốn nhận được từ Bus một nhiệm vụ cấp bách mới, ông cũng không thúc dục Bus đưa ra quyết định gì, chỉ là để hỏi Tổng thống, liệu có phải hoặc sẽ chấp hành một nhiệm vụ quân sự mới. Nghe cách nói của Pauoen, người ta có cảm giác như vậy.

Bus không trả lời, nhưng Pauoen cảm thấy ít nhất ông đã làm cho Bus ý thức được phải lập tức có quyết định.

Sau đó, tại cửa tòa nhà nhìn ra dòng sông Pôtômác, Bus đã có bài nói chuyện

với các viên chức Lầu Năm Góc, Chennai và Pauoen đứng sau ông. Bus nói:

- Satdam tuyên bố, đây là một cuộc thánh chiến chống giáo đồ dị giáo của người A rập! Thực chất đây là cuộc chiến tranh dùng hơi độc chống lại tất cả già trẻ trai gái của đất nước mình. Trong một cuộc chiến tranh khác, ông ta đã xâm nhập Iran, cướp đi hơn 50 vạn sinh mạng tín đồ Hồi giáo. Giờ đây ông ta lại cần quét cướp bóc Côoét. Binh lính và tay sai của Satdam đã phạm rất nhiều tội ác tàn bạo. Tin tức từ Côoét đã tố cáo những tội ác dã man ấy.

Chính Sátđam đã lừa dối nước láng giềng A rập của ông ta, chính Satdam đã xâm chiếm một quốc gia A rập khác. Chính ông ta, giờ đây đang đe dọa toàn bộ các dân tộc A rập.

Giọng nói Bus ngày càng cao hơn.

Cuối tuần lễ đó, Bus đã ký vào một bản “báo cáo” tuyệt mật, giao quyền cho Cục tình báo Trung ương sử dụng hành động bí mật lật đổ Satdam, nhưng nói rõ là Cục tình báo Trung ương không được trực tiếp tham gia mưu đồ ám sát, chỉ được thuê những người Irắc bất đồng chính kiến để lật đổ chính quyền Satdam.

Ngày 17 tháng 8, Chennai đến A rập Xê út và đi thăm chớp nhoáng trong 4 ngày các nước trong vùng để tìm kiếm sự ủng hộ nhiều hơn nữa. Đồng thời trong chuyến thăm A rập Xê út, ông ta còn muốn chính quyền địa phương cho phép quân đội Mỹ nhất là cho máy bay chiến đấu, máy bay ném bom và máy bay vận tải được phép hạ cánh và đỗ lại.

Trở về Oasinh-ton, ngày 22 tháng 8 Chennai cùng Pauoen bay đến Kennapangkpot báo cáo tình hình với Tổng thống và thảo luận hành động tiếp tục.

Tại ngôi biệt thự trên bãi biển mũi Woker xinh xắn, ngày hôm ấy trời rất đẹp, Chennai, Pauoen, Bus, Brunte, Sônunu, Caisi, Igonbêch ngồi quanh một chiếc bàn nhỏ ngoài vườn hoa có thể ngắm nhìn bờ biển. Bấy giờ không có mặt, ông đang đi nghỉ ở bang Waiôminh, ông ta tỏ ra vẻ thờ ơ, dường như tháng 8 chỉ là một tháng rất bình thường.

Chennai và Pauoen cuối cùng đã thúc dục được Bus phê chuẩn yêu cầu gọi khoảng 5 vạn quân nhân dự bị.

Vì quyết tâm mở rộng với qui mô lớn các hoạt động quân sự ở vùng Vịnh, cả Bus, Pauoen, Chennai đều hiểu rất rõ việc động viên quân sự bị bắt buộc phải làm và giờ đây, Bus đã trao quyền đó cho bên quân đội.

Mỹ-Xô ngấm ngấm tranh giành bá quyền

Liên Hợp Quốc đã phê chuẩn việc trừng phạt kinh tế Irắc, giờ đang

xem xét thông qua một quyết định phong tỏa Irắc, vấn đề hiện nay là việc cưỡng chế kiểm tra tàu thuyền Irắc chờ Liên Hợp Quốc thông qua nghị quyết hay là đơn phương hành động. Hải quân Mỹ đã chặn mấy tàu hàng của Irắc, nhưng vẫn chưa lên tàu kiểm tra.

Chenni cảm thấy đây là một quyết định quan trọng đối với Tổng thống. Rõ ràng là Bus rất muốn duy trì quyền hành động độc lập, mà muốn chứng tỏ sức mạnh của nước Mỹ, nhưng Chenni lại đề nghị không nên vội vã đưa ra quyết định lên tàu kiểm soát, nên chờ quyết định của Liên Hợp Quốc.

Ngày 25 tháng 8, Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc bỏ phiếu thông qua nghị quyết, trao quyền cho hải quân Mỹ và những nước khác dùng vũ lực ngăn chặn việc buôn bán với bên ngoài của Irắc. Trong 45 năm lịch sử của Liên Hợp Quốc, một nước không treo cờ Liên Hợp Quốc đã được giao quyền thực thi phong tỏa quốc tế, đây là lần đầu tiên.

Thời gian này giữa Mỹ và Liên Xô đã ngầm ngầm diễn ra cuộc giành giật quyết liệt xoay quanh vấn đề thành lập quân đội đa quốc gia và quân đội Liên Hợp Quốc để đưa tới Vịnh Péc xích. Bì điều mà nguyên thủ hai nước trần trối là không muốn giao quyền chủ đạo cho đối phương khi thật sự phải dùng đến vũ lực.

Không ít chuyên gia ngoại giao cho rằng, tuy là thời đại hòa dịu mới, nhưng cuộc tranh giành bá quyền giữa các siêu cường vẫn diễn ra ngầm ngầm. Mục đích thật sự của Mỹ kêu gọi thành lập quân đội đa quốc gia đã vượt ra khỏi yêu cầu ban đầu đòi quân đội Irắc lập tức rút ra khỏi lãnh thổ Cooét vô điều kiện.

Do bão táp của đường lối tự do hóa lan rộng khắp Châu Âu và bức tranh chung về tái giảm binh bị có tiến triển, Mỹ đang mất dần sức mạnh lãnh đạo về chính trị và quân sự đối với các nước Tây Âu. Tổng thống Bus muốn nhân việc này khôi phục lại uy tín và quyền chủ đạo đối với châu Âu, nhất là với các nước thành viên NATO.

Tổng thống Liên Xô Goócbachốp nhìn thấu ý đồ của Tổng thống Bus trong việc hăng hái thành lập quân đội đa quốc gia. Liên Xô cho rằng, sau khi quân đội đa quốc gia trong đó Mỹ là chính được thành lập, Mỹ sẽ nắm quyền tổng chỉ huy, điều này có nghĩa là thừa nhận Mỹ có quyền lãnh đạo trước tình trạng khẩn cấp ở vùng Vịnh hiện nay. Liên Xô lo ngại, như vậy thì cơ cấu bá quyền của hai nước Mỹ Xô tan vỡ và trong quá trình xây dựng lại trật tự mới ở châu Âu, rất có thể sẽ bị Mỹ đi trước một bước.

Điều mà Tổng thống Goócbachốp không mong muốn xảy ra nhất là

Liên Xô không tụt hậu sau Mỹ trong việc tranh giành bá quyền lập lại trật tự mới ở châu Âu. Liên Xô kêu gọi thành lập quân đội Liên Hợp Quốc, mục đích lớn nhất có lẽ vì ý tưởng muốn kiểm chế quân đội đa quốc gia của Mỹ.

Tuy nhiên, ý tưởng về một quân đội đa quốc gia do Tổng thống Mỹ Bus vạch ra ban đầu dùng bộ binh của các nước Âu Mỹ chủ yếu làm nòng cốt đâu có thực hiện được dễ dàng. Đứng trước sự phát triển của tình thế, Chính phủ Mỹ buộc phải xem xét tới đối sách mới. Quốc vụ viện Mỹ với danh nghĩa thực hiện phong tỏa trên biển có hiệu quả hơn đã thảo luận vấn đề thành lập lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên Hợp Quốc.

Mỹ đã đẩy Liên Hợp Quốc lên vũ đài, chuyện mà Mỹ vốn dĩ hết sức muốn tránh. Có thể nói đây là nhượng bộ lớn nhất của Mỹ để kéo Liên Xô vào cuộc chiến vùng Vịnh. Nhưng, nhìn vào quan điểm Mỹ chủ trương lực lượng gìn giữ hoà bình không được áp dụng “hành động cưỡng chế”, có thể thấy rõ ý đồ của Mỹ vẫn không muốn giao quyền chủ đạo cho Liên Xô.

Hai siêu cường Mỹ Xô trước hết chỉ tính toán đến lợi ích quốc gia của mình và hành động bá quyền của họ, khiến cho việc giải quyết tốt đẹp tranh chấp khu vực ngày càng trở nên khó khăn.

Chuyện bất ngờ.

Ngày 1 tháng 9, Tổng thống Bus tuyên bố, ông và Tổng thống Liên Xô Goócbachốp sẽ tiến hành “thảo luận tự do” về cuộc khủng hoảng vùng Vịnh và hiện trạng cuộc đàm phán tái giảm binh bị giữa hai siêu cường tại Hensinky vào ngày 9.

Bus nói, cuộc gặp gỡ cấp cao bất ngờ này sẽ “không có chương trình cụ thể”, nó sẽ là một cuộc thử thách về tinh thần hợp tác sau chiến tranh đã hình thành khi hai ông gặp gỡ nhau trước đây ba tháng tại Oasinhton.

Kế hoạch gặp gỡ đã được xác định sau nhiều cuộc tiếp xúc hậu trường giữa Quốc vụ khanh Bầy cơ và ngoại trưởng Liên Xô Sêvácnaze. Bus nói, qua trao đổi với Bầy cơ, ông cảm thấy. Goócbachốp “rất phấn khởi” về cuộc gặp gỡ này. Bus sẽ bay đến Hensinky vào ngày 8, dự tính phu nhân của hai nhà lãnh đạo sẽ cùng đi. Mátxcova cũng tuyên bố tin tức về cuộc gặp gỡ cấp cao này.

Cổ vấn an ninh quốc gia Brunte phát biểu với các phóng viên, từ cuộc gặp gỡ lần trước giữa Bus và Goócbachốp tới nay, “đã xuất hiện rất nhiều tình huống, và nói thêm, “Hai ông có nhiều việc phải bàn”, trong đó có vùng Vịnh, biện pháp giải quyết nội chiến ở Campuchia do Liên Hợp Quốc đưa ra,

và Mỹ Xô phải cố gắng tìm ra giải pháp chính trị cho vấn đề xung đột ở Apganixtan.

Tuy Brunte cố hết sức giảm nhẹ cảm giác căng thẳng về tình hình Trung Đông, nhưng người ta cho rằng cuộc gặp gỡ Phần Lan lần này là để Bus chứng tỏ các siêu cường kiên quyết nhất trí phản đối việc Tổng thống Irắc Satdam thôn tính Côoét và bắt giữ con tin phương Tây, qua đó tăng cường hành động hơn nữa gây sức ép đối với Satdam.

Bus nói, ông mời Goócbachốp tiến hành gặp gỡ, trên mức độ nhất định là để chứng thực “Chúng tôi đã nhất trí” (về vấn đề khủng hoảng vùng Vịnh) cho dù về vấn đề chiến thuật bao gồm cả vấn đề bố trí và sử dụng vũ lực, còn tồn tại một số bất đồng nhỏ.

Ngày 8 tháng 9, trong thư gửi Tổng thống Mỹ Bus và nhà lãnh đạo Liên Xô Goócbachốp trước ngày diễn ra hội đàm Mỹ-Xô ở Hensinky, Tổng thống Irắc Satdam Husain đã nói: Bus là “tàn nhẫn vô lương tâm”. (Điều ông muốn nói là lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc đối với Irắc).

Satdam một lần nữa tỏ ý từ chối việc rút khỏi Côoét. Theo ông, “Bất cứ ý đồ nào muốn xoay chuyển tình hình trở lại tình trạng trước ngày 2 tháng 8 năm 1990 đều không hiện thực và không có kết quả, sẽ chỉ làm cho khu vực này rơi vào hỗn loạn”.

Ông viết: “Hai nước các Công đều không thể đưa ra được giải pháp thỏa đáng cho vấn đề A rập... Chúng tôi thể Thánh Ala và lịch sử có thể chứng giám cho việc này. Sự can thiệp của nước ngoài đang làm cho việc phức tạp thêm, chứ không thể đưa ra được giải pháp”.

Ông hy vọng, “Vì toàn thể loài người”, cuộc hội đàm cấp cao lần này, sẽ có được quyết định nào đó, để cho một phần ánh sáng dội vào được những trái tim lạnh lùng tàn nhẫn, đặc biệt là Bus”.

Ông kêu gọi Liên Xô “ủng hộ cái đúng, chống lại lập trường của Mỹ.

Tìm kiếm hợp tác chính trị.

Ngày 9 tháng 9, Tổng thống Mỹ Bus và Tổng thống Liên Xô Goócbachốp đã tiến hành cuộc gặp gỡ lần thứ ba giữa hai ông tại thủ đô Phần Lan Hensinky về vấn đề khủng hoảng vùng Vịnh. hội đàm lần này tuy chưa thoả thuận được giải pháp cụ thể cho cuộc khủng hoảng vùng Vịnh, nhưng hai bên đều nhất trí yêu cầu Irắc phải rút quân khỏi Côoét, nên đã có ý nghĩa tượng trưng lớn lao.

Goócbachốp và Bus tổ chức hội đàm tại nhà khách màu vàng đầy vàng

ngọc rực rỡ của dinh tổng thống Phần Lan. Buổi sáng ngày 9, nguyên thủ Mỹ Xô hội đàm cá nhân hai tiếng rưỡi trước, chỉ có phiên dịch và thư ký tham dự. Hội đàm buổi chiều có trợ lý hai bên. Toàn bộ cuộc hội đàm diễn ra trong 7 tiếng.

Kết thúc cuộc hội đàm, hai bên cùng tổ chức một cuộc họp báo và đưa ra một bản tuyên bố chung.

Theo các nhà bình luận, hội đàm Hensinky giữa nguyên thủ Mỹ Xô diễn ra trong không khí nhẹ nhàng, hữu nghị. Từ sau thế chiến hai, đây là lần đầu hai bên siêu cường tiến hành hợp tác chính trị trong khủng hoảng quốc tế.

Sau hội đàm, trên đường bay về Oasinhton, tổng thống Bus nói với các nhà báo rằng ông "tỏ ý hài lòng" về kết quả hội đàm, rằng cuộc hội đàm nay đã cho Sátđam Husain biết một tin vô cùng rõ ràng, tức là Mátxcova và Oasinhton đã đoàn kết nhất trí trong vấn đề yêu cầu Irắc rút quân khỏi Côoét vô điều kiện.

Từ tuyên bố chung hai bên và cuộc họp báo có thể thấy, trong cuộc hội đàm này, nguyên thủ Mỹ Xô đã nhất trí được những vấn đề dưới đây:

1. Lên án Irắc xâm nhập Côoét, nhắc lại lần nữa quân đội Irắc phải rút khỏi Côoét, khôi phục lại chính quyền cũ của Côoét, thả tất cả những người phương tây ở Irắc và Côoét, kiên quyết chấp hành 5 nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc.

2. Nghiêm chỉnh thực hiện lệnh trừng phạt kinh tế toàn diện đối với Irắc. Về đề nghị của một số nước yêu cầu viện trợ nhân đạo cho Irắc, hai phía Xô - Mỹ cho rằng phải nghiêm chỉnh chấp hành những quy định về chuyên chở thực phẩm cho Irắc ghi trong nghị quyết của Hội đồng Bảo an, Mọi việc chuyên chở thực phẩm cho Irắc đều phải xuất phát từ mục đích nhân đạo, và phải qua sự giám sát chặt chẽ của tổ chức quốc tế liên quan, đồng thời bảo đảm chắc chắn những thực phẩm ấy được gửi đến tận tay những đối tượng được chỉ định, đặc biệt ưu tiên đáp ứng nhu cầu của trẻ em.

3. Mỹ cam kết với Liên Xô, Mỹ không có ý định duy trì lâu dài các căn cứ quân sự ở vùng Vịnh cách biên giới phía Nam Liên Xô 1000 dặm Anh. Một khi đã giải quyết cuộc khủng hoảng này, quân đội Mỹ đóng ở khu vực vùng Vịnh sẽ nhanh chóng rút đi. Goócbachốp nói, cam kết này của Bus là: "tuyên bố vô cùng quan trọng".

Hội đàm nguyên thủ Xô - Mỹ lần này về hình thức là một cuộc hội đàm thể hiện sự đoàn kết của hai siêu cường, tuy nhiên vẫn còn tồn tại những bất đồng không nhỏ về một số giải pháp cụ thể cho cuộc khủng hoảng này.

1. Về giải pháp cho cuộc khủng hoảng vùng Vịnh, Liên Xô không chủ

trương giải quyết bằng vũ lực, mà kiên trì giải quyết bằng hoà bình đàm phán. Trong buổi họp báo sau khi kết thúc hội đàm, khi có phóng viên hỏi nếu Irắc không rút quân khỏi Côoét, Liên Xô liệu có cho rằng phải dùng vũ lực hay không, Gorbachốp nói: "Tôi vẫn không chủ trương như thế, theo ý kiến tôi, làm như vậy có thể dẫn tới những hậu quả không thể lường hết được cho chúng ta". Bus trước sau vẫn dứt khoát coi việc sử dụng vũ lực là một biện pháp giải quyết khủng hoảng.

2. Về vấn đề có triệu tập một hội nghị quốc tế để giải quyết khủng hoảng vùng Vịnh hay không, và có gần việc giải quyết khủng hoảng vùng Vịnh với việc giải quyết tranh chấp A rập- Israen hay không, giữa Mỹ Xô khoảng cách khá lớn Mỹ không thích thú chuyện này, cho rằng: "làm như vậy sẽ làm loãng nghị quyết trừng phạt Irắc của Liên Hợp Quốc". Còn Gorbachốp thì nói, khủng hoảng vùng Vịnh với những tranh chấp Trung Đông khác quan trọng như nhau. Sau hội đàm, Chính phủ các nước Pháp, Liên Bang Đức, Tây Ban Nha tỏ ý hoan nghênh kết quả hội đàm nguyên thủ Mỹ Xô, còn Thông tấn xã Irắc lập tức có bài bình luận chỉ trích Tổng thống Mỹ Bus.

Bus quyết tâm đưa quân đến Côoét

Bus kiên nhẫn chờ đợi mãi, cuối cùng Liên Hợp Quốc giao quyền thì vô cùng sung sướng.

Ngày 21 tháng 9, vào tuần thứ sáu sau khi quân Mỹ đã bố trí ở vùng Vịnh, Hội đồng tướng lĩnh của Satdam đưa một bản tuyên bố hùng hồn, nói rõ:

Tuyệt đối không có khả năng rút quân nào... Phải để cho mọi người biết rằng cuộc chiến tranh này sẽ trở thành mẹ của chiến tranh.

Tinh báo của Mỹ cho biết, Satdam có 43 vạn quân ở Côoét và miền nam Irắc. Quân đội ông ta đang đào hầm hào cố thủ, ít lâu nữa sẽ là công sự phòng ngự kiên cố. Xem ra, Satdam ít có khả năng tấn công Xê út. Dù quân Mỹ ở đây về số lượng chưa bằng một nửa quân Irắc, nhưng Chenni và Pauoen vẫn khẳng định với Bus, họ hoàn toàn tin chắc quân đội Mỹ và nước đồng minh bảo vệ được Xêút.

Ngày 28 tháng 9, Bus đã mời Aimia Côoét đang thăm Mỹ lần đầu tiên đến văn phòng hình bầu dục Nhà trắng Côoét để gặp gỡ. Brunte cũng có mặt trong cuộc hội đàm kéo dài 60 phút. Tuy Aimia không trực tiếp đề nghị quân Mỹ đứng ra can thiệp giải phóng Quốc gia khác, nhưng Brunte cảm nhận được nguyện vọng này trong nội tâm ông ta. Bus đã dẫn nhà lãnh đạo lưu vong này gặp mặt các thành viên nội các Chính phủ và tất cả cùng nhau dự

bữa cơm trưa. Chiều hôm ấy, Cenni và Pauoen bí mật hội kiến với Aimia.

Sau đó, Bus nói, phải lập tức đưa quân tới Côoét. Nếu cứ chờ tác dụng của việc trừng phạt. Côoét sẽ bị phá hoại tan nát. Cả Chenni và Pauoen đều nhận thấy, ý kiến của Aimia cũng như những nguồn tin xác nhận Côoét đang bị tàn phá hoại ghê gớm đã để lại ấn tượng sâu sắc cho Tổng thống. Bus rất xúc động. Ông nói. Côoét tất thắng, Irắc nhất định thua.

Cùng lúc đó, Siwazkôp đang ở Xêút ngày càng tỏ ra sốt ruột. Ông ta ngày càng tỏ ra lo ngại trước tốc độ tăng quân của Irắc, và ngày càng thất vọng về mục tiêu và quy mô xuất quân của Mỹ. Dù nhiệm vụ công khai của Siwazkôp vẫn là bảo vệ Xêút, nhưng qua những lời tuyên bố và nói chuyện của Tổng thống, ông ta cảm thấy sứ mệnh của mình đang từng bước gần với việc xuất quân sang Côoét.

Hàng ngày vào lúc gọi điện thoại mật cho Pauoen ở Lầu Năm Góc, Shiwazkôp bao giờ cũng rất hồi hộp chờ đợi những tín hiệu mới. Phải chăng nhiệm vụ của ông vẫn là phòng thủ? Những lần ông xin chỉ thị về hành động tiếp theo, Pauoen lúc nào cũng trả lời ông: “Tôi đang làm kế hoạch cho việc này”.

Trong cuộc họp thường lệ vào 5 giờ chiều hàng ngày, Chenni và Pauoen phần lớn thời gian cũng thảo luận vấn đề trên.

Đầu tháng 10, Pauoen nói với Chenni: “Ông biết chúng ta sắp phải đưa ra quyết định rồi”.

Chả là, ngày 1 tháng 12 là thời hạn cuối cùng phải bố trí xong xuôi quân đội và vật tư hậu cần cần cho tác chiến phòng ngự. Trước đó, Tổng thống phải cho họ biết có tiếp tục điều động quân đội nữa hay thôi.

Pauoen cảm thấy ngăn chặn hay trừng phạt đang phát huy tác dụng. Việc hình thành mối liên kết chính trị và ngoại giao chưa từng có đã khiến Irắc mất hết bạn đồng minh đáng tin cậy. Lệnh trừng phạt trong mấy tuần có thể chưa thấy kết quả, nhưng trong mấy tháng dứt khoát sẽ thấy rõ tác dụng. Rất có thể vào một ngày nào đó trong vòng một tháng hoặc sáu tuần khi Saddam hết sạch đạn được lương thực lệnh trừng phạt sẽ khiến ông ta buộc phải có phản ứng.

Pauoen tìm gặp Chenni nghiên cứu biện pháp ngăn chặn Irắc. Ông nói, chiến tranh sẽ rất khó xảy ra, trừ phi lệnh trừng phạt và việc phong tỏa thất bại.

Chenni trả lời: “Điều đó rất khó nói. Tôi nghĩ Tổng thống không thể đồng ý với nhận định đó”. Theo Chenni, chỉ dựa vào trừng phạt thì chưa đủ, và hiện cũng không có chứng cứ thuyết phục để chứng tỏ việc trừng phạt nhất

định sẽ thành công. Bus dứt khoát muốn chính sách của ông ta giành được thắng lợi. Chỉ ngăn chặn thì sẽ làm cho Cooét tiếp tục bị Satdam chi phối. Điều đó chứng tỏ rằng chính sách của chúng ta thất bại. Đối với Bus, chuyện đó không thể chấp nhận được.

Pauoen muốn cố gắng thêm một lần nữa. Ông lo ngại, không có ai đưa ra cho Tổng thống phương án lựa chọn khác. Điều Bus nghe lọt tai dứt khoát phải là những điều ông ta muốn nghe. Phải đưa ra nhiều loại phương án để lựa chọn.

Sau 12 ngày, Pauoen lại tìm đến Chennai, trình bày thêm với ông ta quan điểm về ngăn chặn. Nhưng Chennai tỏ ra không thấy thích thú. Pauoen lại tìm đến Báykor. Báykor cho biết đã cử một số trợ lý phân tích những ưu điểm về thực thi ngăn chặn. Theo Báykor, việc làm đó sẽ thúc đẩy phe cánh nội bộ của Bus tiến hành thảo luận chính sách ngăn chặn, hoặc tối thiểu cũng đưa vấn đề vào chương trình nghị sự. Nhưng Bus vẫn cứ khăng khăng kiên trì đưa quân vào Cooét.

Hội đồng Bảo an giao quyền dùng vũ lực.

Ngày hôm sau tức là ngày 29 tháng 11, Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc nhóm họp, tiến hành bỏ phiếu biểu quyết về việc ủy quyền sử dụng vũ lực đánh đuổi quân đội Irắc ra khỏi Cooét. Nếu nghị quyết được thông qua, thì đây là một nghị quyết giao quyền tiến hành chiến tranh lớn nhất được Liên Hợp Quốc thông qua kể từ sau chiến tranh Triều Tiên năm 1950 đến nay.

Báykor đi lại như con thoi giữa thủ đô các nước trên thế giới để thuyết phục nguyên thủ các nước cùng hành động với Mỹ, và trao đổi về ngôn từ trong nghị quyết của Liên Hợp Quốc. Ông ta đã bỏ ra 10 tuần, làm một cuộc hành trình dài 10 vạn dặm Anh, tiến hành hơn 200 lần hội đàm với Nguyên thủ và Bộ trưởng ngoại giao các nước.

Chiến lược của Báykor là, trước khi nghị quyết cho phép Chính phủ Mỹ quyền sử dụng vũ lực được công khai thừa nhận, phải bảo đảm chắc chắn giành được sự ủng hộ của các nước thành viên chủ yếu trong Liên Hợp Quốc. Báykor lằng lằng nhắc đi nhắc lại rằng ông đang lắng nghe ý kiến các nước, rằng một nghị quyết như thế còn đang được soạn thảo.

Trong năm nước ủy viên thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc là Mỹ, Trung Quốc, Anh, Pháp, Liên Xô, bất cứ nước nào cũng có quyền phủ quyết nghị quyết này. Trung Quốc cuối cùng đã không phản đối. Trước đó ít lâu Trung Quốc đã tỏ rõ thái độ này Anh xưa nay tích cực ủng hộ Mỹ sử dụng vũ lực. Phía Pháp lúc đầu có vấn đề, quanh co mãi mới đồng ý ủng hộ Mỹ.

Khó xác định nhất vẫn là thái độ của Liên Xô. Từ lúc bắt đầu xảy ra khủng hoảng vùng Vịnh. Goócbachốp đã phản đối sử dụng vũ lực, nhưng cuối cùng ông vẫn đồng ý. Vài ngày trước khi Liên Hợp Quốc bắt đầu bỏ phiếu biểu quyết, Báyơ đã nhiều lần gặp và thảo luận với Sêvacnatze, cuối cùng các câu chữ trong văn bản của nghị quyết cũng được thỏa thuận. Theo Báyơ Chính phủ Mỹ chỉ muốn tránh những lời lẽ không dứt khoát rõ ràng. Người Mỹ rất nhạy cảm với chính sách của Chính phủ đối với vùng Vịnh, vì thế chính quyền Bus không muốn để xảy ra tranh luận về nội dung có nhiều cách giải thích của nghị quyết Liên Hợp Quốc.

Sêvacnatze kiên quyết không chịu nhượng bộ. Cuối cùng Báyơ đành chịu lùi, thỏa thuận dùng cụm từ “mọi thủ đoạn cần thiết”. Tối ngày 15 tháng 1 năm 1991 là thời hạn cuối cùng nghị quyết này qui định, nếu Satdam không rút quân khỏi Côoét, Liên Hợp Quốc sẽ giao quyền cho quân đội đa quốc gia sử dụng “mọi thủ đoạn cần thiết” để đuổi quân Satdam ra khỏi Côoét. Ông ta nói thêm, khi bỏ phiếu biểu quyết, sẽ đến lượt ông làm Chủ tịch Hội đồng Bảo an. Vì thế, biểu quyết xong ông ta sẽ phát biểu nói rõ nghị quyết này rõ ràng giao quyền “sử dụng vũ lực”. Và ý này sẽ được ghi vào văn bản, nếu không ai phản đối. Nó sẽ trở thành cách giải thích cụm từ “mọi thủ đoạn cần thiết”.

“Được thôi!” Sêvacnatze trả lời.

Nghị quyết được thông qua với số phiếu 12/2. Hai nước Yêmen và Cuba bỏ phiếu chống, Trung Quốc thì bỏ phiếu trắng.

Trong bài phát biểu ở Hội đồng Bảo an, Báyơ nói: “Nghị quyết thông qua ngày hôm nay vô cùng rõ ràng đã nêu rõ ý giao quyền sử dụng vũ lực. Nhưng tôi tin rằng, giống như những điều nhiều người đã nói từ trước, mục đích cuối cùng vẫn là giải quyết cuộc khủng hoảng vùng Vịnh bằng phương thức hoà bình”.

11 giờ sáng hôm sau, Tổng thống Bus phát biểu trên truyền hình đã dùng tới 20 đoạn văn để trình bày chính sách vùng Vịnh của ông, đồng thời nói lại toàn bộ những biện pháp ông đã sử dụng. “Tuy nhiên, để tranh thủ hơn nữa giải quyết bằng hoà bình, tôi sẽ gặp ngoại trưởng Irắc Adit ở Oasinhton. Ngoài ra, trong khoảng thời gian từ 15 tháng 12 năm nay tới 15 tháng 1 năm sau, vào lúc nào đó thuận tiện cho cả hai bên, tôi sẽ để Quốc vụ khanh Gin Báyơ đến Batđa gặp Satdam Husain...”

“Hiệu lệnh dự báo” đã phát

Ngày 1 tháng 12, Bus họp với Tham mưu trưởng các binh chủng tại trại

Đavít để đánh giá về tình hình chuẩn bị cho cuộc chiến tranh với Satdam.

Ngày 21 tháng 12, Bus mời các đại sứ của 28 nước thành viên quân đội đa quốc gia đến Nhà Trắng. Sau cuộc gặp mặt, ông mời các đại sứ tham gia Nhà Trắng đã được trang hoàng lại để đón lễ Nôen.

Cùng lúc đó, Cục trưởng Cục tình báo Trung ương Vibastơ đang chỉnh lý một bản báo cáo đặc biệt phân tích các tin tức tình báo nhà nước mới gửi tới, trong đó cung cấp những dự đoán chính xác về việc Satdam liệu có thể rút khỏi Côoét trước thời hạn cuối cùng ngày 15 tháng 1 hay không. Trong cuộc họp của các tổ chức tình báo Vibastơ, Cục tình báo Trung ương và ngành tình báo Quốc vụ viện hầu như đều nhất trí cho rằng, một khi Satdam ý thức được quy mô quân đội đã dàn thế trận trước mặt ông ta và quyết tâm của Mỹ và các nước đồng minh chắc ông ta sẽ rút khỏi Côoét.

Pét Lan thì lại nghĩ sự thực ngược lại vì ông ta tin chắc, Satdam chỉ thấy quy mô quân đội và quyết tâm của mình thôi. Cục trưởng tình báo quốc phòng Sôisơ và bốn người lãnh đạo ngành tình báo quân sự khác nhau đều nhất trí với quan điểm của Pétơ.

Họ kiên quyết đòi viết những ý kiến khác nhau thành mấy điểm “ghi chú” kèm vào bản báo cáo chung. Báo cáo in chụp xong đã được trình lên Tổng thống.

Đêm trước lễ Nôen, Tổng thống Bus nhận trả lời phỏng vấn phóng viên “Tuần báo Thời đại”.

Phóng viên hỏi:

- Liệu có xảy ra chiến tranh hay không?

-Ồ, Thượng đế.

-Bus nghĩ một tý, nói - Lịnh cảm của tôi mách bảo, ông ta sẽ rút khỏi đó.

Câu trả lời của ông đã phản ánh ý kiến của đa số trong báo cáo phân tích tình báo.

Cũng trong đêm đó Chennai, Pauoen từ vùng Vịnh về, bay ngay đến trại Đavít báo cáo tóm tắt với Tổng thống. Burnt và Caisi cũng có mặt.

Theo Chennai trước tháng hai bộ đội mặt đất thật sự khó chuẩn bị tốt, Chennai cảm thấy kế hoạch tác chiến mặt đất giai đoạn bốn không hoàn toàn vừa ý, tuy nhiên mọi chuyện cũng đã đầu vào đấy. Trong khi đó ông lại tỏ ra rất hài lòng về từng chi tiết của kế hoạch chiến tranh bằng không quân.

Chennai và Pauoen đều cho rằng, cuộc chiến tranh bằng không quân hoàn toàn có thể bắt đầu và liên tục tiến hành trước khi bộ đội mặt đất dàn trận xong. Shiwazkôp luôn trông chờ thời hạn cuối cùng ngày 15 tháng 1.

Bus nói, nếu đến ngày 15 tháng 1 Satdam không rút quân, chúng ta phải chọn thời cơ tốt nhất, thật nhanh chóng tiến hành không kích. Ông yêu cầu tất cả đều phải suy nghĩ thật nghiêm chỉnh về việc này.

Mọi người đồng ý giao cho Pauoen và Shiwazkôp. căn cứ vào tuần trăng và dự báo thời tiết đưa ra thời điểm không kích và thời hạn không kích.

Pauoen trong tay đã có một bản “hiệu lệnh dự báo “tuyệt mật, sẵn sàng gửi cho tướng Shiwazkôp. Bản hiệu lệnh này khi đã phát ra có nghĩa là Shiwazkôp phải dốc toàn lực lao vào chuẩn bị thực thi kế hoạch tác chiến.

Qua đường dây mật Pauoen hỏi Shiwazkôp nếu quá thời hạn cuối cùng Liên Hợp Quốc quy định ngày 15 tháng 1 thì chọn ngày giờ nào là thích hợp nhất. Shiwazkôp trả lời 3 giờ sáng ngày 17 tháng 1, giờ Xêút, tức là 7 giờ chiều ngày 16 tháng 1 giờ Oasinhton - đúng 19 tiếng sau thời hạn cuối cùng.

Đấy sẽ là một đêm có trăng. Đây là điều cực kỳ quan trọng đối với máy bay chiến đấu tàng hình F-117 A vì vào đêm trăng ra-đa Irắc không thể nào phát hiện được loại máy nay này. Mọi dấu hiệu cho biết, thời tiết đêm ấy rất đẹp.

“Thần sấm” Nôman nói, một khi cuộc tấn công bắt đầu, ông ta sẽ biến “lá chắn sa mạc” thành “bão táp sa mạc”.

Pauoen đã sửa lại “Hiệu lệnh dự báo”, cụ thể là yêu cầu Shiwazkôp chuẩn bị tốt mọi việc cho hành động “Bão táp sa mạc” vào 3 giờ sáng ngày 17 tháng 1. Tiếp đó, “Hiệu lệnh dự báo” được đưa tới tay mấy quan chức Lầu Năm Góc trung cầu ý kiến. Bản quyết định cuối cùng chuẩn bị chờ Tổng thống phê chuẩn rồi phát đi.

Ngày 29 tháng 12, Pauoen nhận lệnh gửi cho Shiwazkôp “Hiệu lệnh dự báo”, thời gian đúng vào 16 giờ 12 phút ngày 29 tháng 12 theo giờ G, tức là 11 giờ 12 phút sáng giờ Oasinhton.

Tranh thủ Quốc hội giao quyền tấn công

Đêm ngày 6 tháng 1, Bus triệu tập những người thân cận họp ở Nhà Trắng. Bây giờ đi châu Âu, vì Satdam đã đồng ý tổ chức hội đàm ngoại trưởng hai nước ở Thụy Sĩ vào thứ tư.

Tổng thống nói, nếu có thể được, ông sẽ vận động Quốc hội giao quyền sử dụng vũ lực. Đây là cửa ải cuối cùng chưa biết hư thực thế nào, là một khâu còn thiếu trong chiến lược tổng thể của ông.

Chennai nửa tin nửa ngờ việc này. Ông nói, Chính phủ Mỹ, các nước đồng minh và những người lính đã có mặt ở chiến trường chắc không thể bỏ phiếu chống. Theo ông, nếu sử dụng vũ lực mà cuối cùng giành được thắng

lợi, nếu thực hiện được mục tiêu đã định với một giá rẻ nhất và thương vong ít nhất, chắc mọi người sẽ không để ý tới việc Quốc hội sẽ tranh cãi thế nào, bỏ phiếu ra sao. Ngược lại, nếu hành động quân sự lần này bị thảm bại hoặc phải trả giá quá đắt, người ta cũng không thể truy cứu. Vậy ông cho rằng, Tổng thống làm như vậy cũng chẳng được gì, hơn nữa lại quá mạo hiểm.

Chẳng có ai đồng ý với ý kiến bất đồng của Chennai nêu ra. Vấn đề chưa ngã ngũ thì cuộc họp đã tuyên bố nghỉ.

Hôm sau, ngày 7 tháng 1, người phát ngôn của Quốc hội Phery tuyên bố: Hạ nghị viện vào khoảng cuối tuần này sẽ tiến hành thảo luận nghị án có giao quyền sử dụng vũ lực hay không? Người lãnh đạo phe đa số, thượng nghị viện Misen nói: Thượng nghị viện rất có thể cũng sẽ thảo luận vấn đề này.

Tối hôm ấy, Bus gọi điện thoại cho người đảng Cộng hoà ở cả hai viện, tìm hiểu kết quả bỏ phiếu. Ông đích thân viết một lá thư gửi tới Quốc hội, đề nghị hai viện ủng hộ việc sử dụng mọi biện pháp cần thiết” đã nói trong nghị quyết của Liên Hợp Quốc”. Sau đó, ông chỉ thị cho các cố vấn cao cấp, các thành viên nội các cùng luật sư cao cấp của họ và những người phụ trách luật pháp đến gặp ông tại Nhà Trắng vào sáng hôm sau.

11 giờ sáng ngày 8 tháng 1, Bus đến phòng họp nội các. Tham dự họp có Chennai, Brunte, Sônunu, Igobeơ thay mặt Bàykơ, Grây, các luật sư cao cấp của các bộ, Phrét đại diện cho Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân.

Bus mang đến một bản sao lá thư ông đã thảo sẵn, ông nói muốn gửi đi vấn đề là tiếp tục giữ im lặng hay là để Chính phủ đưa ra kiến nghị cụ thể tác động đến kết quả. Ông hỏi những người phụ trách luật pháp của Nhà Trắng, Ủy ban an ninh quốc gia, Quốc vụ viện và Bộ Quốc phòng: Tôi có thể giành được thắng lợi không?

Mọi người nhất trí cho rằng, ông sẽ giành được thắng lợi, nhưng không bảo đảm trăm phần trăm, kết quả bỏ phiếu còn đang kiểm.

Bus lại yêu cầu tiến hành thẩm tra về quyền hạn luật pháp của ông.

Phó quan kiểm tra thứ nhất Uyliam Pan nói, theo ý kiến ông và luật sư cao cấp các bộ, thì dù Quốc hội có bỏ phiếu tán thành hay không, Tổng thống với tư cách là Tổng tư lệnh quân đội có đầy đủ quyền lực chỉ huy quân đội sử dụng hành động quân sự. Ông còn nói, hiến pháp đã trao cho Tổng thống quyền sử dụng quân đội, vai trò của Quốc hội chỉ là cung cấp quân đội, định ra luật pháp về hành động của quân đội, Quốc hội đã làm như vậy rồi.

Các luật sư nói- dù Tổng thống cũng phải chịu sự ràng buộc luật pháp, nhưng ông ta đã có sự hậu thuẫn mạnh mẽ này của hiến pháp. Về cơ bản họ

đã chứng minh quan điểm của Pan là chính xác.

Pan nói thêm Tổng thống nhiều khoá đều đã từng đơn độc ra lệnh sử dụng quân đội, họ đã làm như vậy tổng cộng hơn 200 lần, có 5 lần tuyên chiến. Một trường hợp vô cùng giống với cuộc khủng hoảng hiện nay là chiến tranh Triều Tiên, năm ấy Toruman đã không thông qua Quốc hội, chỉ hành động theo nghị quyết của Liên Hợp Quốc tương tự như bây giờ.

Brunte tán thành việc trình lên Quốc hội một dự án có tính chất kiến nghị. Theo ông dù Tổng thống đã được hiến pháp giao quyền cho, nhưng có sự ủng hộ của Quốc hội quyền lực chính trị của Tổng thống sẽ được tăng cường mạnh hơn. Tổng thống không muốn phát động chiến tranh khi ý kiến của Chính phủ và Quốc hội chưa nhất trí!

Chennai thái độ tỏ ra hết sức thận trọng với việc đệ trình thư kiến nghị lên Quốc hội.

Bus nói, ông nhất định phải thử xem thế nào, sau khi gửi thư đi, họ sẽ tiến hành một cuộc vận động quy mô lớn. Ông không tin rằng Quốc hội không để nước Mỹ hành động ở vùng Vịnh.

“Chúng ta cứ phải thử xem”, Sônunu nói, “Chúng ta sẽ thành công”.

Thế là các luật sư góp sức sửa sang lại bức thư. Chỉ một lát sau, bức thư đã trên đường chuyển tới trụ sở Quốc hội.

Chiều hôm ấy, tại văn phòng hình bầu dục, Bus tiếp tục nghe các quan chức liên quan phân tích về tình hình Irắc.

Ngày 9 tháng 1, Báyơ và Adit tiến hành hội đàm tới 6 tiếng rưỡi tại Khách sạn quốc tế ở Giơnevơ. Quốc vụ khanh chuyển cho đối phương bức thư “Miệng hở chiến tranh” gồm tám đoạn của Tổng thống Bus, Adit đọc xong lại để lên bàn, không chấp nhận điều kiện trong thư, cũng không đồng ý chuyển lá thư này cho Satdam.

Sau hội đàm Giơnevơ Báyơ lại bay đến Ả-rập Xêút gặp Quốc vương Fahet. Căn cứ vào hiệp định bí mật giữa Mỹ và Xêút, phát động bất cứ hành động quân sự mang tính chất tấn công nào từ Xêút, đều phải được Quốc vương phê chuẩn. Mục đích chuyển đi của Báyơ là chuyện đó. Fahet đồng ý ngay, điều kiện là trước lúc khai chiến phải thông báo cho ông.

Báyơ cam kết, trước lúc tấn công ông sẽ đích thân thông báo cho hoàng thân Bandarơ thường trú tại Oasinhton.

Thứ bảy ngày 12 tháng 1, Quốc hội Mỹ sau 3 ngày tranh luận đã giao quyền cho Bus phát động chiến tranh. Nghị quyết do Quốc hội thông qua đã sử dụng từ ngữ “mọi biện pháp cần thiết” trong nghị quyết của Liên Hợp

Quốc, đồng thời cũng nêu rõ có thể “sử dụng lực lượng quân sự”.

Biểu quyết của Thượng viện rất sát sao: 52 phiếu thuận, 47 phiếu chống; Hạ viện thông qua với 250 phiếu trên 183 phiếu.

Chennai gọi điện thoại chúc mừng Tổng thống ông thừa nhận đã không nắm chắc tình hình Quốc hội, Tổng thống đã hiểu rõ Quốc hội hơn ông.

Bus với các nhà báo: “Nghị quyết Quốc hội thông qua tạo ra một cơ hội cuối cùng và tốt nhất cho việc giải quyết một cách hoà bình”.

Khi được hỏi nghị quyết liệu có tất yếu dẫn tới chiến tranh hay không, Bus phủ nhận.

Một nhà báo hỏi: “Phải chăng ông Tổng thống đã quyết định sử dụng vũ lực?”

Bus trả lời: “Không. Tôi vẫn hy vọng có thể hoà bình giải quyết được. Cách duy nhất và tốt nhất tránh được chiến tranh bây giờ là Irắc lập tức rút quân đại quy mô, vô điều kiện và không có bất cứ thỏa hiệp nào. Đương nhiên, đến lúc này tôi buộc phải nói rằng, muốn Irắc chấp hành tuyệt đối Nghị quyết của Liên Hợp Quốc hầu như là điều không thể được nữa.

Vào cuối tuần ấy, Nhà Trắng đã cử Igobec và Vônphây đến Israen. Vì Israen vẫn là một con chủ bài. Tháng trước Thủ tướng Samia đã bất ngờ bảo đảm với Tổng thống Bus rằng Israen quyết không đánh đòn phủ đầu tấn công Irắc.

Bây giờ xem ra Satdam dứt khoát sẽ tấn công Israen. Phía Israen sẽ phản ứng như thế nào, phía Mỹ không biết chắc. Vônphây và Igobec thử đi du thuyết không biết chắc. Vônphây và Igobec thử đi du thuyết người lãnh đạo Israen.

Samia nói, ông không thể hứa hẹn gì về việc Israen sẽ hành động ra sao, vì bất cứ nước nào cũng không thể đưa ra lời cam kết là không phản kích một khi bị tấn công, nhất là với Israen, một nước vốn có truyền thống phản ứng lại với mọi hành động khủng bố. Samia đồng ý trước khi hành động sẽ hỏi ý kiến Mỹ.

Igobec và Vônphây nêu rõ, thông qua phương thức mở rộng bố trí tên lửa “người yêu nước” sẽ cải thiện hệ thống phòng ngự Israen, phương án này đang được thực hiện.

Bus còn phê chuẩn việc thiết lập liên lạc thông tin tuyệt mật giữa trung tâm tác chiến Lầu Năm Góc với Tổng hành dinh bộ Quốc phòng Israen Telavip, đồng thời chính thức sử dụng vào ngày 13 tháng 1.

Tối hôm đó, tại Nhà Trắng, Bus đã gặp Chennai, Brunte và Pauoen. Bấy giờ khi ấy đang đi thăm nước ngoài. Sau khi họ đưa ra quyết định trọng đại

tấn công, liền thực thi cụ thể ngay. Thời gian tấn công mà Shiwazkôp đã đề nghị vẫn phù hợp. Các thành cốt cán của Bus nhất trí cho rằng, phải kịp thời và không quá sớm, đa số tình huống phải thông báo cho họ 1-2 tiếng trước lúc tấn công.

Chenni và Tổng thống thẩm định lại một lần nữa những mục tiêu oanh tạc, để Tổng thống xác định thật chắc mục tiêu còn tranh cãi. Ông hy vọng Tổng thống hài lòng với phương án mục tiêu.

Tổng thống còn thấy bản khoản về một nhóm mục tiêu, ông yêu cầu cắt bỏ, trong đó có tượng Satdam và Khải hoàn môn. Nghe nói với lý do những mục tiêu này là tượng trưng của Nhà nước Irắc, có giá trị tâm lý rất lớn đối với người Irắc.

Ngày 14 tháng 1 (thứ hai) sáng sớm, tại trung tâm tác chiến Chenni và Pauoen duyệt lại lần cuối cùng các mục tiêu không kích trong cả tiếng đồng hồ.

Ngày hôm ấy tại Nhà Trắng, Bus đã mời Tham mưu trưởng không quân Mack Pich, Chenni và Brunte cùng ăn cơm trưa. Mackpich trở về Mỹ sau chuyến thị sát 10 ngày bộ đội không quân đóng ở vùng Vịnh, là một phi công trong thế chiến hai. Bus muốn được nghe những tư liệu “gốc”.

Cũng vào ngày hôm ấy, và cũng tại Nhà Trắng, Tổng thống đã triệu tập cuộc họp khẩn cấp các vị lãnh đạo Quốc hội. Khi được hỏi về thời gian Mỹ phát động tấn công quân sự, Bus trả lời “Thà sớm chứ không để muộn”.

Muộn hơn chút nữa vào buổi chiều, Băykơ và Ginmitơ đến Lầu Năm Góc và tại trung tâm tác chiến đặc biệt họ bỏ ra một tiếng đồng hồ để rà soát các mục tiêu oanh tạc. Chenni muốn Băykơ thẩm tra phương án không kích dưới góc độ chính trị, để đề phòng những hậu quả chưa lường tới. Băykơ không có thay đổi gì về mục tiêu oanh tạc.

Nổ súng

Ngày 15 tháng 1.

6 giờ 30. Bus và Băykơ gọi điện thoại cho nhau, sau đó Bus đi dạo một mình trên bãi cỏ phía nam Nhà Trắng.

10 giờ 30, Bus hội ý với các thành viên cốt cán ở văn phòng hình bầu dục, gồm có Băykơ, Chenni, Brunte, Pauoen, Sonunu, Caisi... Hai trang văn kiện tuyệt mật “Chỉ lệnh an ninh quốc gia” đặt trên bàn của Bus.

Văn kiện này đã được sửa chữa, sau khi kèm thêm hai điều kiện, đã phê chuẩn hành động “Bão táp sa mạc”. Hai điều kiện đó là: Một, cho tới phút chót, về ngoại giao không có bất ngờ nào; thứ hai, đã thông báo Quốc hội

theo phương thức chính đáng.

Tổng thống ký vào tờ chỉ lệnh an ninh quốc gia chưa ghi rõ ngày tháng. Chờ khi hai điều kiện được thoả mãn, sẽ diễn thêm ngày tháng và thời gian.

Bus phê chuẩn cho Chennai chính thức ký một “lệnh thi hành”, và ngay hôm đó gửi cho Shiwazkôp.

5 giờ chiều, Chennai trở về văn phòng của mình. Pauoen mang một kẹp văn kiện tuyệt mật bước vào, trong kẹp có đề “Lệnh thi hành”. Lệnh này do Chủ tịch Hội đồng Tham mưu trưởng liên quân đích thân viết. Pauoen và Chennai cùng xem, trên tờ giấy màu vàng da cam ghi rõ: Lệnh này phê chuẩn cho Shiwazkôp căn cứ vào “Hiệu lệnh dự báo” ngày 29 tháng 12 thực thi hành động “Bão táp sa mạc”.

Nếu là một “Lệnh thi hành” bình thường, Chennai chỉ cần ký chữ cái đầu họ tên lên cột ngoài phong bì để chứng tỏ đã phê chuẩn, sau đó Pauoen sẽ chính thức công bố, theo trình tự quy định truyền đạt lệnh của Bộ trưởng Quốc phòng cho tư lệnh bộ chỉ huy.

Lần này, cả hai đều biết rõ đây là một văn kiện lịch sử quan trọng, vì thế đã ký đầy đủ họ tên.

Pauoen qua tuyến fax tuyệt mật chuyển cho Shiwazkôp bản sao mệnh lệnh có in chữ “đọc xong huỷ ngay”. Chỉ khoảng 26 tiếng đồng hồ sau, hành động “Lá chắn sa mạc” sẽ trở thành hành động “Bão táp sa mạc”.

Sáng hôm sau tức ngày 16 tháng 1, trước khi đến Lầu Năm Góc Chennai đã chuẩn bị một vali đồ dùng. Ông dự tính phải ở lại văn phòng mấy ngày đêm. Để tránh gây nghi ngờ cho lái xe và nhân viên bảo vệ, ông để vali đã chuẩn bị lại nhà. Khi sắp bắt đầu tấn công, ông có thể bảo lái xe về lấy.

Khi Chennai bước vào văn phòng thì máy bay ném bom B-52 đã bắt đầu cất cánh từ căn cứ không quân Pakostay bang Luiziana bay đến vùng Vịnh.

Buổi sáng hôm ấy, Băykơ mời Bandarơ đến Quốc vụ viện cho ông ta biết thời gian ấn định vào 7 giờ tối tức 3 giờ sáng giờ A rập Xêút.

4 giờ 50 phút chiều, tốp máy bay chiến đấu kiểu “Chim ưng” F-15 đầu tiên bay tới mục tiêu đã định. Máy bay tiếp dầu trên không cũng đang bay.

Khoảng cách với ranh giới cuộc chiến tranh trên không ngày càng rút ngắn.

Nhà Trắng chỉ định Chennai thuyết phục Israen ủng hộ, nhưng lại không thể để nước này trở thành nước thành viên của quân đội đa quốc gia. Khoảng 5 giờ chiều, Chennai nhắc máy điện thoại “Hamôrik”, yêu cầu được nói chuyện với Môsi Arônơ Bộ trưởng Quốc phòng Israen và lần đầu tiên thông báo cho ông ta cuộc tấn công đã bắt đầu.

5 giờ 30 phút, tuần dương hạm “Núi Pangkơ” ở Vịnh Ba tư của Mỹ bắn

một quả tên lửa kiểu “Lưỡi búa chiến tranh” vào mục tiêu đã định trên lãnh thổ Irắc. Quả tên lửa tuần tra không người điều khiển này chẳng thể nào thu hồi được nữa. Giờ đây, chiến tranh đã bắt đầu không dừng lại được.

Vào giờ phút bắt đầu tấn công khoảng 20 quả tên lửa “Lưỡi búa chiến tranh” theo kế hoạch đã định bắn vào phủ Tổng thống Sadtam, Tổng cục điện thoại và nhà máy điện Bát-đa. 24 tiếng khởi đầu chiến tranh, 9 tàu chiến hải quân Mỹ được lệnh bắn 106 phát tên lửa “Lưỡi búa chiến tranh”. Trong 24 tiếng không chiến đầu tiên, không quân đã huy động hơn 1000 lượt máy bay, sau đó còn mở rộng nhiều hơn nữa.

5 giờ 31 phút, chiến hạm Uyxconxin của Mỹ đã bắn phát tên lửa “Lưỡi búa chiến tranh” đầu tiên.

Thời điểm tấn công đã đến, Chenni bảo lái xe về nhà lấy giúp vali. Tại văn phòng người phục vụ được lệnh mang bữa ăn sáng nấu theo kiểu Trung Quốc đến cho ông.

Apasi, công kích!

Pauoen không muốn ngồi lì ở trung tâm tác chiến như kiểu túc trực linh cữu. Thời gian đêm quân tới Panama, ông và Chenni đã phải chỉ huy tác chiến đúng như vậy. Giờ đây, Chenni đang ngồi trên văn phòng tầng trên. Trước 7 giờ tối, Pauoen vẫn ngồi cả tiếng đồng hồ lại văn phòng của mình.

Mấy tiếng đồng hồ sau, Pauoen mới được biết mọi thứ đã xảy ra như thế nào. Shiwazkôp phụ trách chỉ huy chiến trường, đã báo cáo tình hình về Oasinhton.

Trong lãnh thổ Irắc sát với đường biên giới Xêút Irắc sắp tới 3 giờ sáng. Một máy bay trực thăng chiến đấu “Apasi” của lục quân Mỹ chỉ còn cách nhà máy điện nằm bên cạnh một trạm ra-đa phòng không bảo vệ Bát-đa 12 cây số. Đây là mục tiêu đầu tiên của cuộc chiến tranh.

Phi công qua bộ truyền cảm tia hồng ngoại nhìn thấy tòa nhà này giống như một vũ trường nhỏ trên đường chân trời. Đồng hồ đo của phi công hiện ra rõ ràng, tên lửa “Lửa địa ngục” của anh ta, bay tới mục tiêu chỉ cần 20 giây. Anh ta bấm nút, mồm nói “Sadtam, cho ông quả tên lửa này!”. Trên màn huỳnh quang, anh ta nhìn thấy tên lửa “Lửa địa ngục” bay tới khoảng không trên công trình kiến trúc, rồi lao xuống như một mũi tên. Vũ trường nhỏ ấy phút chốc tan tành, một khoảng trống hiện ra trên màn huỳnh quang rada của anh ta.

Tại Nhà Trắng, Bus, Brunte, Sônunu... ngồi theo dõi ti-vi trong thư phòng nhỏ cá nhân của Tổng thống sát cạnh văn phòng hình bầu dục. Lăn

trong tiếng la hét của các phòng viên vẫn còn ở lại khách sạn Bat da, có thể nghe thấy liên tiếp những tiếng nổ lớn.

Bus thở một hơi dài khoan khoái, nói: Đúng như đã dự định.

Chiến tranh vùng Vịnh chỉ kéo dài 42 ngày, ba giai đoạn chiến tranh bằng không quân chiếm 38 ngày, chiến tranh mặt đất trước khi Bus tuyên bố ngừng bắn chỉ có 4 ngày. Quân Mỹ và quân đội đa quốc gia tấn công vào Côoét và miền nam Irắc, tiêu diệt quân đội của Saddam, đánh tan lực lượng bảo vệ nước Cộng hòa, áp đặt điều kiện hoà bình, làm chết cả vạn người Irắc Côoét được “giải phóng”.

Tháng 8 năm 1991, Bộ Quốc phòng Mỹ trong một buổi họp báo, đã công bố tình hình thương vong của quân Mỹ trong cuộc chiến tranh này: 148 người chết, 467 người bị thương.

Đây là cuộc chiến tranh đầu tiên dùng oanh tạc trên không để quyết định thắng bại trong lịch sử thế giới.

Chương XIV

“Chiến tranh lạnh” đã phá huỷ bức tường Béc-lin, Liên Xô không còn là nước lớn hùng cường nữa. Phương Tây rêu rao: “Diễn biến hoà bình”, Đặng Tiểu Bình nói: Giữ vững trận địa

L BỨC TƯỜNG BÉCLIN SỤP ĐỔ

Nợ nước ngoài làm nguy ngập chính quyền Đông Béc-lin

Đây là vào lúc 22 giờ 30 phút ngày 9 tháng 11 năm 1989, không biết có bao nhiêu người Béc-lin không hề bị ai ngăn cản đã vượt qua bức tường Béc-lin, say sưa trong không khí ngày hội cuồng nhiệt. Đối với toàn thế giới, ngày hôm nay là một trong những ngày trọng đại của thế kỷ này. Nhưng không ai biết được những hoạt động hậu trường đầy tình tiết lắt léo trước ngày hôm ấy, đàm phán thất bại, một loạt sự hiểu lầm và thành công thật bất ngờ. Ngày 9 tháng 11 năm 1994, tuần báo “Người quan sát mới” của Pháp đã đăng bài viết với nhan đề “16 ngày thay đổi thế giới”. Tác giả Păng-sơ Nô-vin đã thu thập được tình hình về hai tuần đầy nhanh sự tan rã của Liên Xô, từ nhân vật chủ yếu của tấm bi hài kịch lịch sử này, từ phòng lưu trữ hồ sơ của Cộng hòa Dân chủ Đức và từ những chuyên gia về thống nhất nước Đức.

Ngày 24 tháng 10 năm 1989, thượng tá Bộ an ninh quốc gia, Bộ trưởng tài chính giấu mặt, người cung cấp ngoại hối chính của Dân chủ Đức Alếch-xơ-drô Sáccô Glôđrô-cô-p-ski từ Béc-lin đến Bon. Hơn 20 năm nay ông đã bí mật giao dịch với Liên bang Đức. Hôm nay, ông lại càng thích thú, vì chuyển đi này quan hệ đến sự sống còn của chính quyền.

Vào mùa hè năm nay, chính quyền Đông Béc-lin đã chao đảo rệu rã, cách chức Hônêchơ chẳng giải quyết được gì. Dân chủ Đức đã lâm vào hỗn loạn, hàng vạn người Đông Đức thông qua Hungari và sứ quán Liên bang Đức ở Praha trốn sang Liên bang Đức. Cả nước khắp nơi biểu tình tuần hành, yêu cầu bầu cử tự do, nhất là yêu cầu được tự do đi Liên bang Đức. Tình hình chính trị cực kỳ căng thẳng, tình hình kinh tế vô cùng nguy ngập. Chỉ có

Sáccô biết, chỉ mấy tuần nữa thôi Dân chủ Đức không thể nào trả nổi nợ nước ngoài. Để ổn định lòng dân, ngăn chặn làn sóng chạy ra nước ngoài và bổ sung quốc khố, lãnh đạo Cộng hòa dân chủ Đức đã tưởng tìm được cách giải quyết, đồng ý vén một phần “bức màn sắt”. Caren, người kế nhiệm Hônêchơ tuyên bố sẽ đưa ra dự thảo luật tự do du lịch trước lễ giáng sinh. Ông bí mật uỷ thác cho Sáccô thảo luận vấn đề này với Bon.

Tại Phủ Thủ tướng Liên bang Đức, Sáccô nói năng lấp lửng nước đôi. Trước hết ông muốn thăm dò, ý đồ của đối thủ đàm phán. Ông nói với hai quan chức thân tín của Kôn: chi phí du lịch rất cao, nhân dân của ông cần ngoại hối. Vì thế, ông yêu cầu Liên bang Đức cung cấp “Viện trợ tài chính công bằng”. Ông còn nói tới việc “hợp tác kinh tế” hai nước sau này. Xêtét và Sôiplét chăm chú lắng nghe ông nói. Tuy nhiên, họ ra điều kiện: viên chức lưu động hoàn toàn tự do và thừa nhận diễn đàn mới của tổ chức phe đối lập. Nói cách khác, điều kiện là tiến hành cải cách và mở bức tường Beclin. Họ giải thích với Sáccô, về “vấn đề tài chính” họ sẽ xin “ý kiến Thủ tướng” Sáccô quay về Đông Béclin báo cáo với Carenn. Cuộc đọc sức bắt đầu và diễn ra trong 16 ngày.

8 giờ 30 phút, ngày 26 tháng 10, tại văn phòng Tổng bí thư Đảng Cộng sản Đức, Bon vẫn không cho biết ý kiến của Thủ tướng về “vấn đề tài chính”, thế là Caren trực tiếp gọi điện thoại cho Kôn. Đây là lần gọi điện thoại đầu tiên và cũng là lần cuối cùng của họ trước khi bức tường Beclin bị phá bỏ. Kôn nói:

- Tôi cho rằng, điều quan trọng nhất là viên chức lưu động tự do. Caren trả lời:

- Đúng, chúng tôi sẽ khởi thảo một văn bản pháp luật về việc này trước lễ Giáng sinh. Nhưng đây không phải chuyện dễ dàng, còn vấn đề kinh tế quan trọng.

“Kôn không mắc câu. Ông ta chỉ nói, có thể cùng nhau tìm giải pháp nào đó.”

9 giờ ngày 31 tháng 10 tại lầu hai trụ sở Trung ương Đông Béclin. Trong cuộc họp Bộ Chính trị, Sáccô và Suylo - người phụ trách kế hoạch - nộp một bản báo cáo tuyệt mật 22 trang, lần đầu tiên phân tích không hề che giấu về tình hình kinh tế của Cộng hòa Dân chủ Đức. Kết luận là: Muốn trả được nợ nước ngoài, thì phải hạ thấp mức sống của người dân Cộng hòa Dân chủ Đức từ 25-30%, vì vậy đàm phán để Liên bang Đức cho vay nợ. Điều kiện trao đổi là, Cộng hòa Dân chủ Đức sẵn sàng cam kết với Bon “xóa bỏ biên giới hình thức hiện nay trước khi kết thúc thế kỷ này”. Đây là văn bản nhà nước của Dân chủ Đức lần đầu tiên nói tới vấn đề phá bỏ bức tường Béclin, nhưng phải đợi tới năm 2000

Goócbachốp nhắc nhở không được dùng “chủ bài” bừa bãi.

13 giờ ngày 1 tháng 11, nhân vật số một của Cộng hòa Dân chủ Đức, Caren đem theo bản báo cáo đầy tai họa bay tới Mátxcova. Ông định nhân dịp thăm ngày hội của “anh cả” để xin viện trợ. Ông thừa nhận với Goócbachốp đất nước sắp phá sản, Đông Béclin cần tới 12 tỷ Mác. Nguyên thủ điện Kremli cảm thấy kinh ngạc: “Đồng chí có tin chắc con số này không? và ông ta chẳng đáp ứng được gì cả. Liên Xô không có tiền. Goócbachốp nêu ra với Caren hai ý kiến: một, phải nhanh chóng tìm ra giải pháp, “để cho dân Đông Đức đi thăm người thân ở Tây Đức, kết hợp từng bước với sự nhượng bộ cụ thể đối phương”; hai, phải cảnh giác với Kôn, “ông ta không phải là người tài năng xuất chúng, mà là một anh tiểu tư sản, một nhà chính trị giáo quyệt và cố chấp”. Nghĩa là, biên giới và bức tường Béclin là con chủ bài lớn nhất để được viện trợ, không được sử dụng chúng bừa bãi.

Buổi sáng ngày 6 tháng 11, tại văn phòng của nhân vật số một Cộng hòa Dân chủ Đức, Caren ngồi suy đi nghĩ lại mãi. Cộng hòa Dân chủ Đức liệu có thể trông chờ vào sự viện trợ không đáng tin cậy của Kôn được không?. Hai hôm nay, nội chiến như sắp xảy ra đến nơi. Hàng vạn người biểu tình đòi Caren từ chức. Để dẹp cơn thịnh nộ ấy, cuối tuần ông đã đọc diễn văn cho phép dân Đông Đức sang định cư ở Tây Đức với một điều kiện: “Kẻ chạy trốn” phải đi qua Tiệp rồi từ đấy đi vào vùng Baviê. Kể từ đó, mỗi ngày có tới 300 ô tô đi qua trạm gác biên giới Tiệp Khắc. Hôm nay, Caren lại một lần nữa tỏ rõ thái độ, ông công bố dự thảo luật du lịch. Mỗi công dân đều được dễ dàng cấp thị thực, một năm được du lịch ra nước ngoài 30 ngày. Không có ngoại hối, vì “người Liên bang Đức đến Cộng hòa Dân chủ Đức du lịch không đổi nhiều ngoại hối”. ý không nói ra là, nếu Kôn cung cấp viện trợ....

Chiều ngày 6 tháng 11, tại Phủ Thủ tướng Bon. Saccô được cử đến Bon lần này để đưa giấy vay nợ cho người của Kôn: vay 12 tỷ mác và quỹ du lịch 3 tỷ 8 mác. Một con số khổng lồ! Xêtet và Sôylpét rất kinh ngạc, nhưng họ hiểu ra ngay đây là điều kiện trao đổi để Caren chấp nhận tất cả mọi yêu cầu. Thời điểm giáng đòn chí mạng vào đối thủ. Nhưng trước khi hành động, họ phải xin ý kiến Thủ tướng.

Tối ngày 6 tháng 11, tại văn phòng của Saccô. Sau khi trở về Đông Beclin, Saccô nhận được điện thoại của Xêtet. Xêtet nói qua điện thoại: “Tôi đã thảo luận với Thủ tướng Kôn, ông nêu ra ba điều kiện: Thừa nhận mọi chính đảng, từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản và tổ chức bầu cử tự do”. Đương nhiên, tự do du lịch không nằm trong đó. Ông ta nói tiếp: “Về

tình hình chi tiết viện trợ tài chính, phải chờ Thủ tướng từ Ba Lan về vào ngày 14 tháng 11 mới bàn được”.

9 giờ ngày 7 tháng 11, tại lầu hai trụ sở Trung ương Đảng Béclin. Chính quyền Đảng Cộng sản đang phải chịu sức ép nặng nề. Ngày hôm trước, quân chúng ở Laixích biểu tình phản đối dự thảo luật du lịch. Họ không cần biện pháp nửa vời. Ngoài việc quân chúng đòi hỏi tự do và Henmút Kôn đòi hỏi dân chủ ra, Tiệp Khắc đe dọa đóng cửa biên giới với Cộng hòa Dân chủ Đức. Người bạn Praha nhắc đi nhắc lại: “Chúng tôi không muốn bị lấy nhiệm về việc giải thể chính quyền.

Tối ngày 7 tháng 11, tại Bộ ngoại giao Đông Béclin. Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, Bộ trưởng ngoại giao Fisơ mời đại sứ Liên Xô đến. Ông trình bày với đại sứ Liên Xô biện pháp tình thế cần xem xét áp dụng để đáp ứng yêu cầu của Tiệp Khắc. Ông yêu cầu Mátxcova trả lời chậm nhất vào ngày 9 tháng 11. “Đại sứ Liên Xô Côsêmasốp trở về sứ quán lập tức gọi điện thoại cho ngoại trưởng Sêvacnatze. Ngoại trưởng nói: “Nếu bạn của chúng ta cho rằng biện pháp giải quyết này là khả thi, họ là người quyết định duy nhất”. Tuy nhiên, ông cho biết sẽ giao cho cộng sự xem xét vấn đề này, và trả lời chậm nhất vào ngày 9. Ông yêu cầu lãnh đạo sứ quán ngày mồng 8 trả lời ông về ý kiến của sứ quán.

9 giờ ngày 8 tháng 11, tại sứ quán Liên Xô ở Đông Béclin, Đại sứ Côsêmasốp triệu tập cuộc họp nội bộ giải thích về biện pháp giải quyết của Đảng Cộng sản Đức: Mở một lỗ ở “bức màn sắt” nhưng chỉ ở phía tây nam Cộng hòa Dân chủ Đức thôi. Sau khi thảo luận tất cả đều đồng ý, không nên phản đối quyết định của những người bạn Đức. Sứ quán đúng hẹn báo cáo ý kiến này với Mátxcova.

11 giờ ngày 8 tháng 11, tại văn phòng 509 Bộ nội chính Đông Béclin. Đèn đỏ nhấp nháy liên tục. Đây là tín hiệu của Bộ trưởng nội chính Đikơ thông báo khẩn cấp cho Vụ trưởng hộ chiếu Laoton: “Bộ chính trị muốn ngăn chặn người Dân chủ Đức di cư sang Liên Bang Đức qua đường Tiệp Khắc. Vì vậy, Bộ chính trị yêu cầu chúng ta khẩn trương khởi thảo một văn bản pháp lệnh cho phép mọi công dân Dân chủ Đức muốn sang định cư ở Liên Bang Đức được đi qua tất cả các trạm kiểm soát biên giới. Ông chịu trách nhiệm khởi thảo pháp lệnh này. “Bộ trưởng còn nói: 9 giờ sáng mai, hai quan chức Bộ an ninh nhà nước sẽ đến cùng làm việc tại văn phòng của ông. Trung ương sẽ thảo luận pháp lệnh do các ông khởi thảo, không được chậm trễ.

Phát sai tin tức, bức tường Béc lin sụp đổ sớm.

16 giờ ngày 8 tháng 11, tại trụ sở Trung ương Đảng Béc lin, Saccô hết sức xúc động, vì khi Kôn đọc báo cáo về tình hình đất nước trước Quốc hội Liên bang đã bày tỏ: nếu Đảng cộng sản chấp nhận ba điều kiện của ông, ông sẽ “viện trợ kinh tế quy mô lớn”. Saccô từ văn phòng Trung ương nơi đang diễn ra cuộc họp bất thường, gọi điện thoại cho Xétét ở phủ thủ tướng Bon: Điều đó đã được khẳng định, Đảng sẽ đồng ý vào ngày mai. Vì thế, đề nghị ông yêu cầu Kôn ngày 14 trên đường từ Ba Lan trở về dừng lại Đông Béc lin một chút. “20 phút sau, Xétét trả lời qua điện thoại: “Kôn không muốn thế.” “Khi nào ông ấy tới?” Saccô hỏi lại Xétét không trả lời.

9 giờ ngày 9 tháng 11, tại văn phòng 509 Bộ nội chính Đông Béc lin. Hai sỹ quan Bộ an ninh nhà nước và mấy vị chuyên gia pháp luật đã đến văn phòng của Laoton đúng giờ. Họ cặm cụi bàn việc quanh một chiếc bàn hội nghị lớn suốt ba tiếng đồng hồ khởi thảo và sửa chữa pháp lệnh tạm thời về việc các công dân di cư sang Liên bang Đức. Họ đã gặp phải một vài trường hợp khó khăn, Đối với người đi du lịch thông thường thì thế nào? Đối với những người không muốn ra đi mãi mãi thì thế nào? Không cho phép dân thường của Dân chủ Đức xuất cảnh được không? Điều đó không thể được. Vì vậy, họ quyết định vượt quyền hạn, khởi thảo hai điều sẽ làm thay đổi thế giới sau này: “Điều thứ nhất, có thể xin đi du lịch ra nước ngoài vô điều kiện; điều thứ hai, bắt đầu từ bây giờ có thể ra nước ngoài qua tất cả các trạm kiểm soát biên giới giữa Cộng hoà Dân Chủ Đức và Liên Bang Đức kể cả bức tường Béc lin. Họ nói, pháp lệnh này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 11. Trưa ngày 9 tháng 11, tại Bộ ngoại giao Matxcova Ivan Apôymốp, phụ trách khối các nước xã hội chủ nghĩa của Sévanatye, thông báo cho đại sứ Liên Xô ở Dân chủ Đức Kôsemasốp: “đề nghị nói với đồng chí Caren, chúng ta không có ý kiến gì về giải pháp mở một điểm quá cảnh tại phía tây nam Cộng hoà Dân chủ Đức mà đồng chí ấy đã nêu ra.” Kôsemasốp chấp hành ngay.

13 giờ ngày 9 tháng 11, tại lầu hai trụ sở Trung ương Đông Béc lin. “Matxcova có ý kiến thế nào?” Đây là vấn đề duy nhất được các nhà lãnh đạo Đảng cộng sản Đức quan tâm khi Caren triệu tập họp Bộ chính trị và công bố văn bản dự thảo của Laoton. Nhân vật số một của Đảng nói: “Họ không có ý kiến gì.” Những người dự họp đều đồng ý và tỏ ra thờ ơ, vì cho rằng thế giới đã tan rã: bầu cử tự do, phế bỏ vai trò lãnh đạo của đảng....rồi họ sẽ thế nào đây? Caren thì vẫn cho rằng, dù bức tường Béc lin mở ra nhưng có kiểm soát và vẫn là “tạm thời”, ông sẽ nhận được mấy tỷ mác từ Bon, rõ ràng là ông

đúng. Nhưng lịch sử đã có quyết định khác. Sự ngăn trở của bức tường Béclin ngay той hôm đó bị xoá bỏ triệt để vô điều kiện.

17 giờ 45 phút ngày 9 tháng 11, tại phòng họp của Trung ương Đảng Béclin. Caren đưa hai trang giấy cho người phát ngôn của đảng Sapôky: “Lát nữa đồng chí công bố trong cuộc họp báo chí, chuyện này có lợi cho chúng ta.” Dù Sapôky là Ủy viên Bộ chính trị, nhưng ông không biết pháp lệnh này vì suốt ngày ông bận rộn ứng phó với các nhà báo. Trên đường từ trụ sở Ban chấp hành Trung ương đến trung tâm họp báo, ông vội vã đọc hai trang giấy Caren vừa đưa.

18 giờ 42 phút ngày 9 tháng 11, tại trung tâm họp báo chí Đông Béclin. Một phóng viên hỏi: “Pháp lệnh thực thi từ khi nào?” Sapôky trả lời: “Theo tôi biết, bắt đầu thực thi từ bây giờ.” Ông ta nhìn vào trang thứ nhất và nói: “Đúng đấy, lập tức thực thi.” Nhưng, trên trang giấy thứ hai viết: “Tin tức sẽ công bố vào 6 giờ ngày 10 tháng 11”, tức là công bố vào ngày hôm sau. Ông ta chưa đọc câu này. Đây là một sai lầm lớn. Đài truyền hình đã phát đi trực tiếp tại chỗ buổi họp báo có hai trăm phóng viên trong và ngoài nước tham dự. Sapôky đã lầm, sai lầm lần này cực kỳ lớn, vì chỉ trong khoảng mấy tiếng đồng hồ người ta có thể thông báo cho tất cả các trạm kiểm soát biên giới và làm thị thực. Nghĩa là, người ta có thể cho phép hàng loạt dân chúng cộng hòa Dân chủ Đức bỏ ra nước ngoài.

20 giờ 30 phút ngày 9 tháng 11, tại trạm kiểm soát trên đại lộ Bôenhôm Đông Béclin. Dân chúng người đi bộ người đi ô tô đổ xô tới đây, bình tĩnh chờ đợi. Trời đêm gió lạnh thấu xương, mấy trăm con người này đã nghe được tin “bắt đầu bây giờ”. Phụ trách trạm kiểm soát này là Iegơ xin ý kiến cấp trên. Cấp trên trả lời: “Bảo họ mai đến”. Nhưng, đám người không chịu rời đi.

21 giờ 30 phút ngày 9 tháng 11, tại trạm kiểm soát Bôenhôm Đông Béclin. Dưới ánh đèn rực sáng, đám người đổ về đây đã lên tới mấy nghìn. Người phụ trách trạm lại thỉnh thị cấp trên. Để họ quá cảnh từng người một, nhưng phải đóng dấu vào chứng minh thư của họ. Đối với họ, đây là chuyến ra đi mãi mãi, họ không có quyền quay về nữa. Tốp đầu tiên vui mừng như điên vượt qua bức tường Béclin.

22 giờ 30 phút ngày 9 tháng 11, tại trạm kiểm soát Bôenhôm Đông Béclin. Hơn hai vạn người hồ hết liên hồi trước một số ít chiến sỹ biên phòng: “Mở cửa!” Tình hình rất căng thẳng. Iegơ và quân của ông ta sợ bị đánh, yêu cầu cho đi, nhưng cấp trên không đồng ý. Iegơ hoàn toàn tuyệt vọng, ông không chấp hành mệnh lệnh nữa. Ông là người chiến sỹ biên phòng đầu tiên

làm như vậy, nhưng chỉ ít phút sau các chiến sỹ biên phòng khác cũng đều làm thế cả. Nửa đêm, tất cả các trạm kiểm soát đều mở cửa. Dân Đông Béclin không có chứng minh thư, cũng chẳng có thị thực ào ào đổ sang Liên bang Đức, bức tường Béclin sụp đổ.

23 giờ ngày 9 tháng 11, ở Phủ Thủ tướng tại Bon, Bạn của thủ tướng là Akoman gọi điện tới Vacsava. Kôn đang dự bữa tiệc tối do Thủ tướng Ba Lan chiêu đãi. người ta không muốn quấy rầy Kôn, nhưng cuối cùng người ta buộc phải mời ông nhận điện thoại: “Chào ông bạn Kôn! Người Cộng hòa Dân chủ Đức đã phá bức tường Béclin rồi,” Kôn trả lời: “Ông có khẳng định điều đó không?” Ông ta thấy sững sốt. Akoman tả cho Kôn nghe cảnh đã nhìn thấy trên ti vi: dân chúng xếp hàng dài qua trạm kiểm soát, vừa khóc vừa cười.... Ông Thủ tướng, tôi tận mắt nhìn thấy tất cả. Kôn buông một câu “Điều này thật sự không sao hiểu nổi.”

8 giờ ngày 10 tháng 11, tại Bộ ngoại giao Mátxcova. “Vì sao lại xảy ra tình trạng này?” Thứ trưởng Bộ ngoại giao Apôymốp cũng không hiểu. Người ta nói với ông “chỉ mở một trạm kiểm soát ở phía Tây nam thôi mà!” Buổi sáng hôm ấy mọi người nói với ông “Bức tường đổ rồi”. Không được Mátxcova đồng ý! Ông gọi điện thoại cho Đại sứ Kôsemasốp, hỏi về tình hình đã xảy ra. Mấy phút sau, Bộ Ngoại giao Cộng hòa Dân chủ Đức trả lời Đại sứ Kôsemasốp: “Bây giờ còn có gì quan trọng nữa đâu?”

II. LIÊN XÔ VÌ SAO GIẢI THỂ

Phỏng vấn Chủ tịch hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Râygiucốp

Trong bài báo nhan đề “Chính phủ Liên Xô hiện nay nghĩ gì?” ngày 19 tháng 8 năm 1994 của tờ tuần báo Nga “Công khai” đã trích đăng một đoạn trong cuốn sách “Chính phủ khoá cuối của Liên Xô” vừa xuất bản trước đây không lâu. Đó là những câu trả lời của những nhà hoạt động chính trị nổi tiếng trong Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô trước tháng 12 năm 1990 với tác giả cuốn sách, M. Nhenosép.

Hỏi: Nếu thượng đế để Andrôpốp sống thêm 5 - 7 năm nữa, liệu có thể xuất hiện đường lối phát triển khác không, tức là tương tự với đường lối chọn lựa cải cách của Trung Quốc?

Trả lời: Trong sách tôi viết đã hoàn toàn khẳng định về việc này. Tôi cho rằng, cải cách bắt đầu từ năm 1983 khi Andrôpốp bảo chúng tôi- những người lãnh đạo Trung ương đảng Cộng sản Liên Xô (trong đó có tôi và Goochbachốp)

khởi thảo những đề nghị mang tính chất nguyên tắc về cải cách kinh tế. Khi chúng tôi làm công việc này, đã lấy những ý kiến có tính phê phán đối với chủ nghĩa xã hội của Andrôpốp làm xuất phát điểm. Ngài chắc hẳn còn nhớ bài “Học thuyết Các Mác và một số vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội Liên Xô” của ông trong tạp chí “Cộng sản” và bài nói chuyện của ông trong hội nghị toàn thể ban chấp hành Trung ương tháng 6 năm 1983, trong đó ông đã nói rất thẳng thắn rằng cho tới nay, chúng ta chưa có sự nghiên cứu đủ cần thiết đối với xã hội mình đang sống.

Andrôpốp rất thích thú đối với những vấn đề hạch toán kinh tế và độc lập đối với xí nghiệp, xí nghiệp thuê nhượng và hợp tác, hợp doanh và công ty cổ phần. Ông đã yêu cầu chúng tôi sưu tập những bài ở trong nước viết về xí nghiệp thuê nhượng và hợp doanh. Chúng tôi đã làm như vậy. Có điều, những bài bàn về chuyện này quá ít ỏi, chỉ tìm được vài bài và một luận văn tiến sỹ.

Tôi còn cho rằng, dưới sự lãnh đạo của Andrôpốp rất có thể áp dụng phương pháp cải cách kinh tế và xã hội hoàn toàn khác. Có tương tự với Trung Quốc hay không? Nhìn vào sự đánh giá đối với cải cách Trung Quốc của thủ lĩnh phe đối lập Enxin khi thăm Trung Quốc, thì vấn đề này đã được trả lời khẳng định.

Hỏi: Trong sách Ngài đã thành khẩn thừa nhận không thể chống lại sự thoả hiệp của Goócbachốp, hơn nữa ngài còn lấy làm tiếc nói rằng: “khi ấy tôi không phải chỉ có một mình mà còn có cả một ê-kíp, một ê-kíp rất có uy tín và rất mạnh. Vốn là phải đứng lên phản đối, đáng tiếc lại không thành công.” Vì sao lại không thành công?

Trả lời: Nhớ lại khi đó, tôi cho rằng, hành động cần phải áp dụng nhất định sẽ gây được phản ứng mạnh mẽ của xã hội, Thủ tướng phải đứng ra thay mặt Hội đồng Bộ trưởng tuyên bố cứng rắn, chúng tôi không đồng ý với mọi thứ xảy ra ở trong nước. Và đã phải làm như vậy khi cuộc cải cách đang trên con đường cải cách, tức là sau Đại hội đại biểu lần thứ 19 của Đảng. Đúng lúc đó, cùng một lúc đã bắt đầu giải quyết một cách vội vàng, thiếu chu đáo những vấn đề về Đảng, Xô-viết, chế độ nhà nước, quản lý kinh tế. Goócbachốp rất thiếu bình tĩnh, ông luôn tỏ ra nóng vội, kết quả là chưa cân nhắc cẩn thận và nghiên cứu kỹ càng đã vội vã có những quyết định trọng đại. Trong tình hình đó, Chính phủ và Thủ tướng phải nghe theo ý kiến ông, rất có hại cho đất nước. Lẽ ra có sự chuẩn bị sớm hơn đối với cách làm của Goócbachốp có thể bán đứng Chính phủ vào thời điểm then chốt.

Khi ấy đã có rất nhiều quyết định chưa được cân nhắc chu đáo tới hôm

trước thôi mỗi lần đi họp Bộ chính trị, nhận được một tập tài liệu dày 100-200 trang, tài liệu nhiều như vậy thì ngay đọc cũng không hết, nói gì đến suy nghĩ. Tôi đã nhiều lần nói với Goócbachốp, làm gì mà vội vã như vậy, cứ phải suy nghĩ và chờ đợi xem thế nào, đừng có đưa ra hết vấn đề nọ đến vấn đề kia lại như thế này, phải để mọi người có thời gian suy nghĩ, không thể phân tán nhân lực được.

Vì vội vã, đã không suy nghĩ chu đáo về việc thành lập cơ cấu đại hội đại biểu nhân dân, không biết đây là chủ ý của ai, của Lukiannốp hay là của Iacốplép. Sau tôi có hỏi, hai người đều nói không phải họ. Trong việc này có dẫn lời của Lênin ra cũng chẳng có sức thuyết phục, vì năm 1917 ngoài đại hội đại biểu Xô-Viết ra, không có cơ quan quyền lực nào khác. Sau Đại hội đại biểu Đảng lần thứ 19, tổ chức bầu cử đại biểu nhân dân cũng quá vội vàng. Việc soạn thảo điều lệ bầu cử cũng thế. Khi ấy tôi nghĩ, và bây giờ tôi càng cho rằng có thể lùi việc bầu cử lại một năm, để cho Xô-Viết tới cao Liên Xô khoá cũ làm tiếp nửa năm nữa. Thời gian này có thể xây dựng hiến pháp mới đồng thời xác định một cách vững chắc hệ thống pháp luật quan hệ gần bó nhau của ba tổ chức chính quyền là lập pháp, hành pháp và tư pháp. Kết quả là cơ sở của chế độ nhà nước lệch lạc, biến dạng, rồi tới nay chúng tôi cũng không thể sửa lại được nữa.

Sau đại hội Đảng lần thứ 19, ngồi ta cố tình thủ tiêu Đảng Cộng sản. Việc làm này có nguy hại rất lớn đối với đất nước. Không để Đảng Cộng sản tham gia tất cả những vấn đề chính trị và kinh tế, và cũng không tiến hành cải tổ Đảng, điều đó dứt khoát khiến Đảng Cộng sản diệt vong. Đất nước Xô Viết nhiều dân tộc tách rời khỏi Đảng Cộng sản thì không thể tồn tại được, đất nước đó sẽ mất đi cơ chế liên kết cơ bản.

Phỏng vấn Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Abankin

Hỏi: Mọi người đều biết cuộc tranh luận về cương lĩnh Abankin-Râygiucốp, cương lĩnh “500 ngày” của Satalin- Iavlinsky và cương lĩnh Aganbiekian - A bankin - Satalin. Trong các bài phát biểu, ông đã nhiều lần nói tới mọi sự tồi tệ của chúng ta đều do chính trị chi phối kinh tế gây ra cả. Trong tình trạng ấy, thì sự chi phối này có phải càng tỏ ra trắng trợn hay không?

Trả lời: Phải nói thành hai bước. Về phương án kinh tế, tức là đối với người soạn thảo cương lĩnh “500 ngày”, thì đa số họ là người am hiểu chuyên môn, muốn gắng sức thoát ra khỏi sự chèn ép của chính trị. Trong xây dựng cương lĩnh, trên các vấn đề tư hữu hóa, phi lũng đoạn hóa, giá cả, mức độ nhà

nước tham gia vào điều hành kinh tế có bất đồng rất lớn, nhưng đây là bất đồng về phương pháp nghiên cứu khoa học và trường phái.

Về sau, các chính khách vì một mục đích nào đó đã lợi dụng những bất đồng này. Phe ủng hộ cương lĩnh “500 ngày” là thế lực mưu toan làm Liên Xô tan rã. Tôi xưa nay vẫn rất thẳng thắn nói như vậy. Cương lĩnh này vào tháng 8 năm 1991, hoặc là vào tháng 8 năm 1990 đã quyết định liên minh bị tiêu diệt. Tôi ngồi cạnh một chiếc bàn, trực tiếp hỏi người soạn thảo cương lĩnh này: “Khi nói tới “liên minh” các ông viết chữ to, ý là thế nào. Xin hỏi, đây có phải là Nhà nước, Liên bang hay là cộng đồng châu Âu?” Đối phương không trả lời được. Tôi không thể chỉ trích người soạn thảo đang chơi canh bạc chính trị trực tiếp... có lẽ, ở một mức độ nào đó đây là bản tính quen đánh bạc chính trị của Iavlinsky.

Về sau nhiều lần tôi đã thử hỏi người đòi tôi đưa ra sự so sánh về cương lĩnh. Tôi nói: “Xô-viết tối cao Nga chưa đọc hết cương lĩnh “500 ngày” đã thông qua cương lĩnh này vào ngày 4 tháng 9 năm 1990. Vì sao lại thông qua? Nếu như tôi đem cương lĩnh “500 ngày” ra, sau đó không hề sửa chữa một từ, một con số, một dấu chấm, phẩy, chỉ việc ký tên Anbankin và Râygiucốp vào đó rồi lại trình lên Xô-viết tối cao Nga thảo luận, liệu Xô-viết tối cao Nga có thông qua hay không?”. Họ trả lời: “Đương nhiên không thể được”. Xem ra, chẳng ai quan tâm đến nội dung cương lĩnh, đây không phải tranh luận về kinh tế, mà là tranh giành quyền lực.

Hỏi: Ngài muốn chỉ chúng ta phải xây dựng chế độ như thế nào phải không?

Trả lời: Tôi cho rằng tốt nhất là bàn về mô hình kinh tế, chứ không phải chế độ. Tức là bàn luận về nền kinh tế hỗn hợp nhiều thành phần, kết hợp các chế độ sở hữu với phương thức kinh doanh.

Ngoài ra, muốn làm nước lớn, thì phải cùng các nước khác gánh vác trách nhiệm trước vận mệnh của cộng đồng quốc tế. Điều đó đòi hỏi phải giữ vững được thực lực kinh tế và sức mạnh phòng thủ đầy đủ, và phải tham gia vào công việc giữ thế cân bằng với địa vị bình đẳng.

Phải giữ được mức sống cao, đồng thời lại phải có sự phân biệt đối xử tùy theo tài năng, năng lực công tác cũng như tính tích cực làm việc. Sau đó, trên cơ sở hoà hợp xã hội mà xác định các cương lĩnh phát triển khoa học, giáo dục, văn hóa, sinh thái... của đất nước.

Phỏng vấn Bộ trưởng nội vụ Liên Xô Bakachin

Hỏi: Lịch sử nước ta 10 năm lại đây không tách rời tên tuổi hai nhân vật

Goócbachốp và Ensin. Ngài đánh giá thế nào về hoạt động của họ? Có người cho rằng, dù hai ông này là đối thủ của nhau, nhưng số phận lại giống nhau, họ đều là kẻ huỷ diệt đất nước, nên không thể không thất bại. Ngài có đồng ý với ý kiến này không?

Trả lời: Tôi không cho rằng Goócbachốp là người chủ mưu huỷ diệt Liên Xô. Ông ta do dự lẩn tránh, khi tả khi hữu trong một thời gian dài, điều đó đã đẩy nhanh sự huỷ diệt Liên Xô.

Về quan hệ thì hai người đúng là đối đầu. Có điều, nếu nghiên cứu kỹ hoàn cảnh xuất thân, tính cách, nghề nghiệp và địa vị trong đảng của họ, sẽ thấy ở con người họ có những điểm chung cố hữu của người lãnh đạo được đào tạo theo chủ nghĩa độc tài và truyền thống bôn-sê-vích: chỉ tin mình, chỉ làm việc theo ý của mình. Họ đều đã làm Bí thư thứ nhất khu ủy. Đây là môi trường tốt nhất để ra tính cách “lãnh tụ trên hết”. Tôi đã có kinh nghiệm bản thân.

Grômicô tương đối ôn hòa, hiền lành, nhưng ông cũng chỉ tin có mình. Khi ông ta không đồng ý với ý kiến anh, thường không tranh luận, không phản bác, nhưng lại có thể để anh cảm thấy, ông chỉ nghe thế thôi, ông đã quyết định rồi, không hứng thú gì với ý kiến của anh.

Goócbachốp hay Ensin cũng vậy, về lối sống không có các cách nào từ bỏ được kiểu cách cũ kỹ của “lãnh tụ tối cao” đi đâu cũng phải xe con nhãn hiệu Gill sang trọng và đoàn tùy tùng. Họ đều là người bình dân, rất chú ý đến ấn tượng để lại cho người khác nhưng lại ít chú ý đến nội dung phát biểu và hành động. Họ sờ dĩ như vậy, không phải chỉ là vì do điều kiện đấu tranh chính trị, sợ xảy ra chuyện này chuyện nọ, mà ở mức độ cao hơn họ đã cố tình làm như vậy, vì chỉ sợ không tương xứng với chức vụ cao mình đảm nhiệm. Cho nên họ không phải là đang làm Tổng thống của Nga hoặc Liên Xô, mà là như đang diễn vai ấy trên sân khấu.

Phỏng vấn Bộ trưởng liên lạc kinh tế đối ngoại Liên Xô Catusép

Hỏi: Ngài đánh giá thế nào về hoạt động của Andrôpốp? Ngài có đồng ý với ý kiến cho rằng “Nếu Thượng đế để Andrôpốp sống thêm 3-4 năm nữa thì nước ta sẽ đi theo con đường khác?

Trả lời: Nếu Andrôpốp sống thêm mấy năm nữa, tôi tin chắc nước ta sẽ phát triển theo một phương thức khác. Tôi sờ dĩ nói như vậy, là vì ông ta rất có tiềm lực, đánh giá rất khách quan những công việc ông ta đã làm.

Ông biết rất rõ khuynh hướng xấu trong đảng mấy năm cuối cùng thời Brêgionép, nên đã áp dụng ngay một số biện pháp cứng rắn chỉnh đốn Liên

Xô. Chỉ cần nhớ lại việc ông trực tiếp khai trừ Mêtunốp và Sêlokốp trong hội nghị toàn thể ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô cũng đủ rõ ngay. Tinh thần trách nhiệm trước đảng của Andrôpốp cao hơn tất cả mọi người. Ông giữ vững nguyên tắc, ngay cả đối với người cùng ý kiến với mình cũng vậy. Ông là một trong những người lãnh đạo cao cấp của Đảng một lòng một dạ trung thành với tư tưởng xã hội chủ nghĩa, không bao giờ dung thứ cho mọi sự bóp méo xuyên tạc vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện tư tưởng này.

Về đức tin, ông thuộc thế hệ bôn-sê-vích cũ. Dù thử thách nghiêm trọng hay mua chuộc phản bội đều không thể lay chuyển được ý chí của ông. Các ông suốt đời nhiệt thành tin tưởng và lý tưởng cộng sản, chưa bao giờ tính toán cho cá nhân. Cho nên, dù bây giờ người ta phê phán các ông thế nào đi nữa, nói các ông là tội phạm của bao thứ khổ đau đối với tổ quốc chúng ta thế nào đi nữa, thì sớm muộn gì lịch sử cũng sẽ c nững đánh giá công bằng đối với các ông.

Andrôpốp biết phải áp dụng cách làm mới, đưa ra quyết định mới. Ông bắt đầu từ chỗ phải nắm chắc ngay tính tổ chức và tính kỷ luật. Ông cho rằng, để cải thiện không khí xã hội, lúc đầu có thể dùng biện pháp nâng cao tính kỷ luật và yêu cầu nghiêm khắc để khắc phục những hiện tượng cán bộ sa đọa, lạm dụng chức quyền và kinh doanh bất chính. Ông xiết chặt kỷ cương quản lý đã bị Brêgionép buông lỏng, dựa vào những biện pháp kiên quyết và quả đoán trong một năm đã quét sạch kiện tượng vô trách nhiệm và chây lười trong xã hội, chỉ dựa vào tính tổ chức và tính kỷ luật mà năng suất lao động đã tăng được trên 3%.

Đồng thời, Andrôpốp còn rất chú trọng đổi mới cán bộ lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Chính do sự đề bạt của ông, những tài năng như Râygiucốp, Ligasép và Vôrótnicốp mới vào được những chức vụ cao trong chính quyền.

Ông nhìn nhận những thành tựu xã hội chủ nghĩa với thái độ phê phán. Ông là người đề xướng cải cách quan hệ kinh tế xã hội Xô-viết. Ông là người đầu tiên giao nhiệm vụ soạn thảo những kiến nghị về mặt này cho Goócbachốp và Râygiucốp. Có thể khẳng định rằng, Andrôpốp là một người Cộng sản trung thành, không bao giờ từ bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Liên Xô, và khẳng định sẽ dốc hết toàn lực để việc đổi mới Đảng Cộng sản Liên Xô, đi trước mọi biến đổi khác ở Liên Xô.

Cải cách của Andrôpốp có giống với Trung Quốc hay không? Tôi cho

ràng, rõ ràng là không thể nói giống được, vì tình hình rất khác nhau. Nhưng suy diễn cũng hợp lý thôi, vì Andrôpốp tán thành quan điểm tiến trình cải cách xã hội là phải kiểm soát được, ông quyết định không cho phép xuất hiện những hiện tượng không kiểm soát nổi trở thành nguyên nhân chính làm tan rã nhà nước Xô-viết.

Phỏng vấn Bộ trưởng động lực và điện lực Liên Xô Xêmiônốp

Hỏi: Từ những kinh nghiệm của Chính phủ Râygiơcốp, ngài cho rằng Hội đồng bộ trưởng hay Nội các bộ trưởng thích hợp với Nga?

Trả lời: Nếu như đánh giá một cách khách quan kinh nghiệm công tác thời gian ngắn của Nội các Pavlốp, tôi nghĩ, hình thức Nội các này không thích hợp. Không chỉ vì người lãnh đạo Chính phủ này là Goócbachốp và Pavlốp không được đào tạo chuyên môn, không có năng lực lãnh đạo cơ quan thi hành quyền lực. Nếu cho rằng chúng ta nói Hội đồng bộ trưởng có tính hạn chế và không có toàn quyền là đúng, thì tính hạn chế của Nội các còn lớn gấp đôi. Theo tôi, ở một đất nước có tiềm lực kinh tế to lớn, Chính phủ phải được độc lập đưa ra quyết định và sử dụng hành động, thể hiện rõ tinh thần chủ động trong đó bao gồm tính khả năng rộng rãi của tinh thần chủ động lập pháp.

Hiện nay mọi người đều thấy, Tổng thống Nga và Văn phòng của ông ta, Xô-viết tối cao và cơ quan của nó đã tước bỏ mọi quyền tự do của Chính phủ trong việc độc lập đưa ra quyết định và trong hành động. Tôi biết Chécônômuđin là một nhà thực tiễn, am hiểu tình hình sản xuất, nhưng tôi không tin hoạt động của ông thành công, vì ông không có tính độc lập, trong Chính phủ không có ê-kíp của mình.

III. TRỌNG LƯỢNG CỦA TRUNG QUỐC

Động tĩnh của Điều Ngự Đài.

Sau khi Liên Xô cũ trở thành Cộng đồng các quốc gia độc lập, giới dư luận phương Tây luôn theo dõi động tĩnh ở Điều Ngự Đài, cuối cùng đã thốt ra rằng: Trung Quốc quyết tâm đóng vai trò quan trọng trên vũ đài thế giới.

Tiếp sau nhà lãnh đạo Miến Điện Su Mao, Thủ tướng Thái Lan Aman Ban-ya-ra-chuôn, Thủ tướng Lào Khăm Tày Xiphăndon, thì Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười và Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã thăm chính thức Bắc Kinh vào tháng 11 năm 1991. Cùng với việc giải quyết toàn diện vấn đề Campuchia, Trung Quốc và Việt Nam đã chấm dứt đối kháng 10 năm, thay vì

đối đầu bằng máu và súng đạn là bình thường hóa quan hệ hai nước.

Trước khi Thủ tướng Lý Bằng có “cuộc gặp mặt lịch sử” với ấn Độ, ông liên tiếp đi thăm sáu nước như Ai Cập v.v.. Trong 13 ngày, đã bước lên thăm dò trong những lễ đón chào trọng thể cao nhất của các nước Trung Đông.

Việc thiết lập quan hệ ngoại giao với Brunây, đưa số quốc gia có quan hệ ngoại giao với Trung Quốc lên tới 140 nước, khiến cho quan hệ của Trung Quốc với các quốc gia chung quanh đi vào thời kỳ tốt đẹp nhất trong lịch sử.

Trên “Tám bưu thiếp” Điều Ngự Đài lớn nhất Trung Quốc này, đã ký đầy tên tuổi các Nguyên thủ nước ngoài. Hàng chữ ký nối nhau tạo nên quang sáng của hoà bình và hữu nghị luôn luôn chói lọi.

Trong 22 tháng sau năm 1991, Nhà khách Chính phủ Điều Ngự Đài đã tiếp đón tất cả 981 đoàn khách nước ngoài; 62 nguyên thủ Quốc gia và người đứng đầu Chính phủ; 318 ngoại trưởng, quan chức cấp bộ trưởng .

Một vị khách nước ngoài đã từng đến Điều Ngự Đài nói: “Bản thân Nhà khách Chính phủ là một tám bưu thiếp rất đẹp có ý nghĩa giới thiệu của Trung Quốc”.

Từng có một nhà lãnh đạo giàu kinh nghiệm chính trị, ngoại giao nói: Điều Ngự Đài là phong vũ biểu của hoạt động chính trị và ngoại giao Nhà nước. Nếu Điều Ngự Đài quá vắng lặng, thì chứng tỏ toàn bộ cơ chế vận hành Nhà nước có vấn đề. Ngược lại, nếu Điều Ngự Đài cực kỳ sôi động, thì chứng tỏ chính sách Nhà nước vận hành tốt đẹp, thành công.

Dù nhìn theo góc độ nào, thì Điều Ngự Đài sau 37 năm trưởng thành đã trở thành Đàn xã tắc của ngoại giao Trung Quốc.

Những quyết sách chiến lược được định ra trong tình hình mọi thứ biến đổi khó lường thái độ kiên trì bất biến trước sóng gió hãi hùng, tất cả có đem lại cho Điều Ngự Đài ít nhiều dâu bể, nhưng cũng thêm phần chín chắn.

Trong sự đổi thay của Điều Ngự Đài, có lý do để người ta đánh giá cao chiến lược ngoại giao của Trung Quốc. Vì trong Đàn xã tắc ấy, cả thế giới đều cảm nhận thấy của hai chữ vương “Trung Quốc” ngày càng nặng hơn, và cũng ngày càng trang trọng hơn.

Trung Quốc tuyên bố gia nhập Hiệp ước cấm vũ khí nguyên tử.

Ngày 13 tháng 8 năm 1991, Thủ tướng Nhật Bản Kaifu Tosiky đã đến Điều Ngự Đài Bắc Kinh, ở lại nơi ông rất quen thuộc và trần trệ không khí văn hóa mà ông vô cùng ngưỡng mộ này 4 ngày. Dư luận Nhật đã đánh giá cao chuyến thăm Bắc Kinh của ông. Tháng 4 mùa xuân ấm áp năm sau, Tổng

bí thư Đảng Cộng sản Trung Quốc Giang Trạch Dân đi thăm Nhật Bản. Với việc Chính phủ Nhật Bản đón tiếp Giang Trạch Dân theo nghi lễ nguyên thủ quốc gia, giới báo chí cho rằng, quan hệ Trung Nhật đã tiến vào thời đại trắng matter mới.

Kaifu Tosiky thăm Trung Quốc, phía Nhật đã bố trí rất chu đáo, tính toán tới cả những chi tiết như sở dĩ kết thúc thuyến đi vào ngày 13 là để tránh "Ngày tưởng nhớ" 15 tháng 8. Chuyến thăm Trung Quốc của Kaifu đúng vào dịp miền Nam Trung Quốc lụt lớn. Để tạo ấn tượng quan hệ thân mật Nhật Trung ở trong và ngoài nước, trước khi Kaifu lên đường, phía Nhật đưa tin sẽ viện trợ thêm cho vùng bị lụt của Trung Quốc 1 triệu năm trăm ngàn đô la Mỹ. Để bày tỏ lập trường cơ bản của Nhật Bản về quan hệ Nhật Bản về quan hệ Nhật Trung, Kaifu đã thẳng thắn bày tỏ "nỗi ân hận sâu sắc" về hành động chiến tranh Nhật Trung năm nào.

Tổng thống cũng tích cực chuẩn bị cho lần gặp mặt này. Giang Trạch Dân tuyên bố sẽ không có bất cứ sự hạn chế nào về thời gian trong các cuộc hội đàm với Kaifu "Miễn là nói cho thật thoải mái, mấy tiếng đồng hồ cũng chẳng sao".

Ý kiến này làm cho đại sứ Nhật Bản ở Trung Quốc Hasimoto nhất thời không biết đề nghị Kaifu bàn những vấn đề gì. Dương Thượng Côn từ Bắc Đới Hà trở về chỉ để chủ trì bữa tiệc tối, khiến cho phía Nhật cảm thấy đã được đối xử vô cùng nồng hậu.

Trong thời gian Kaphu thăm Trung Quốc, tin từ Điều Ngự Đài cho biết trong cuộc hội đàm giữa hai nguyên thủ Trung Nhật, Trung Quốc tuyên bố tham gia vô điều kiện Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân. Nên nhớ trước đó, đã có 140 nước ký hiệp ước này, Trung Quốc là nước uỷ viên thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc duy nhất không tham gia.

Đối với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai coi chính sách hạt nhân của Trung Quốc là biểu tượng của đường lối hoàn toàn độc lập và tự lực cánh sinh toàn diện. Bắt đầu từ đây, chính sách hạt nhân của Trung Quốc dường như là một chủ đề cấm kỵ. Sự thay đổi thái độ này đã có ảnh hưởng tích cực đối với các nước khác

IV. TRUNG QUỐC, HÀN QUỐC THIẾT LẬP QUAN HỆ NGOẠI GIAO

Đài Bắc kêu la: Chó sói đến rồi!

Ngày 19 tháng 8 năm 1992, các hãng thông tấn thế giới đưa tin từ Đài

Bắc, "Bộ trưởng ngoại giao" Đài Loan Tiền Phục tin cho "Viện lập pháp" biết chính quyền đại lục gần đây đã ký kết hiệp nghị thiết lập quan hệ Ngoại giao với Hàn Quốc, trong một tương lai không xa sẽ công khai tin tức này.

Các phóng viên lập tức khẩn trương hành động, đi tìm bằng chứng từ các phía hữu quan.

Quan chức của tổ chức đại diện Hàn Quốc ở Bắc Kinh cải chính qua điện thoại: "Chẳng có ký kết gì đâu", "Cũng giống như lời đồn đại hồi năm ngoái". Ý muốn ám chỉ, lại do Đài Bắc tung ra và kêu toáng lên một lần nữa: Chớ sói đến rồi!

Quan chức hữu quan của Trung Quốc thì tìm khắp nơi mà không gặp được.

Ngày 20 tháng 8, Bộ ngoại giao Hàn Quốc chính thức cho biết, cuộc đàm phán về thiết lập quan hệ Ngoại giao Trung Hàn đã có tiến triển, nhưng chưa ký kết hiệp nghị bí mật, ngoại trưởng Hàn Quốc Lý Tương Ngọc và ngoại trưởng Trung Quốc Tiền Kỳ Tham khi gặp nhau tại Băng Cốc từ ngày 10 tới 11 tháng 9 sẽ thảo luận vấn đề bình thường hóa quan hệ.

Và ở Đài Bắc, "Ủy viên lập pháp" đã bình luận những chi tiết của cái gọi là hiệp nghị bí mật Trung Hàn.

Theo một số "Nhà quan sát vấn đề Triều Tiên" việc làm này của Đài Loan "có thể là cố tình khiến Hàn Quốc và Trung Quốc chậm thiết lập quan hệ ngoại giao. Thủ đoạn của họ là tố giác với Triều Tiên, sau đó gây áp lực với Bắc Kinh".

Còn ở Bắc Kinh, Bộ ngoại giao Trung Quốc vẫn cứ im lặng một cách khó hiểu.

"Chớ sói" đến rồi chăng?

"Chàng Ali" bỏ Đài Bắc đến Bắc Kinh.

Chớ sói quả đến thật rồi, "chàng Ali" muốn đến Bắc Kinh.

Ngày 21 tháng 8, đài phát thanh Xêun đưa tin: quan chức bộ ngoại vụ Hàn Quốc tuyên bố: Hàn-Trung ngày 24 sẽ chính thức lập quan hệ Ngoại giao, ngoại trưởng hai nước ngày 24 sẽ ký kết hiệp định thiết lập quan hệ ngoại giao Bắc Kinh, đồng thời công nhận tất cả những văn bản về quan hệ ngoại giao đã được xác định, và tuyên bố, Lu Thai-yu sẽ sang thăm Trung Quốc sau khi hai nước lập quan hệ ngoại giao.

Cùng ngày, "Hãng thông tấn liên hiệp" của Hãng Thông tấn quốc gia Hàn Quốc còn đưa tin, một vụ trộm đã đánh cắp văn kiện và mấy trăm đôla

Mỹ của văn phòng thương mại Trung Quốc ở Xê-un khiến cho quyết định tuyên bố lập quan hệ ngoại giao phải lùi lại gần 3 tuần lễ, và "Đại sứ quán" Đài Loan ở Xêun bị tình nghi về vụ án này.

Mấy mù bị xua tan, "Chó sói" quả nhiên đã đến: "Chàng Ali" của Xêun sắp tới Bắc Kinh rồi.

Đài Bắc khóc

Dù đã sớm biết đó là xu thế của thời cuộc, dù sớm có sự chuẩn bị về mặt tâm lý, nhưng một khi việc thiết lập quan hệ ngoại giao Trung Hàn trở thành sự thực, nhà cầm quyền Đài Loan vẫn không thể chấp nhận được. Họ vô cùng tức giận.

Ngày 20 tháng 8, tại Đài Bắc. Khoảng 20 người kháng nghị biểu tình ngồi trước Đại sứ quán Hàn Quốc cầm phan hô to khẩu hiệu "Người Hàn Quốc, cút đi" và đốt một lá cờ Hàn Quốc.

Ngày 22 tháng 8, tại Đài Bắc. Triệu Phục người bị giới báo chí Đài Loan gọi diều là "ngoại trưởng chi tiền", còn chưa hết về dắc ý về những kết quả ngoại giao ở Nigiê nhờ việc chi tiền buộc phải giận dữ tổ chức họp báo tuyên bố, kể từ ngày Hàn Quốc và Trung Quốc lập quan hệ ngoại giao, Đài Loan lập tức cắt đứt quan hệ ngoại giao với Hàn Quốc; từ chối đoàn đặc sứ Hàn Quốc đầu tháng 9 đến Đài Loan giải thích lý do cắt đứt quan hệ ngoại giao, xóa bỏ mọi ưu đãi trong buôn bán với Hàn Quốc; trước khi thành lập khung cơ cấu quan hệ mới Đài Loan - Hàn Quốc, hiệp định hàng không dân dụng hai bên ngừng thi hành kể, từ ngày 15 tháng 9.

Chiều ngày 24 tháng 8, tại Xêun. "Đại sứ quán" Đài Loan ở Hàn Quốc tổ chức lễ hạ cờ. 3 giờ 30 phút, vợ chồng Kim Thụ Cờ "Đại sứ" Đài Loan ở Hàn Quốc, về mặt đau khổ, từ từ bước xuống thềm văn phòng tòa Đại sứ.

Họ đau lòng như vậy cũng thật dễ hiểu. Lịch sử "bang giao" hữu nghị 44 năm với Hàn Quốc bắt đầu từ những năm 30 khi Lý Thừa Vãn thành lập Chính phủ lưu vong tại Thượng Hải, Quốc dân đảng, vẫn tích cực ủng hộ Hàn Quốc độc lập. Trong Hội nghị Cai-rô, Tưởng Giới Thạch đã dựa vào đó ra sức đấu tranh với nguyên thủ Mỹ Anh. Tháng 11 năm 1948, sau khi Đại Hàn dân quốc thành lập, quan hệ lợi ích của hai nước gần bó với nhau, lập trường nhất trí với nhau, họ là "chiến hữu chống Cộng thân thiết nhất của nhau. Nhưng thời thế mạnh hơn con người, cùng với sự đổi thay của thế sự rút cục đành phải mỗi bên một ngã theo trào lưu của thời đại.

Trào lưu thời đại.

Việc thiết lập quan hệ ngoại giao Trung Hàn là kết quả của sự gặp gỡ giữa phương châm chính sách cải cách mở cửa, phát triển kinh tế của Trung Quốc làm nảy sinh nhu cầu mở rộng quan hệ bạn bè rộng rãi với các nước và chính sách" ngoại giao phương Bắc "của Tổng thống Hàn Quốc Lu Thaiyu.

Cái gọi là "ngoại giao phương Bắc", khái quát bằng một câu, tức là "từ Mátxcova qua Bắc Kinh đến Bình Nhưỡng". ý đồ là muốn thông qua việc thiết lập quan hệ với hai đồng minh lớn của Triều Tiên là Liên Xô cũ và Trung Quốc để thay đổi cục diện chiến tranh lạnh ở bán đảo Triều Tiên, tiến tới thống nhất giữa hai miền Nam Bắc.

Tháng 9 năm 1991, Liên Xô cũ và Hàn Quốc đã thiết lập quan hệ ngoại giao. Bây giờ, nếu Trung Hàn thiết lập quan hệ ngoại giao thì chính sách "Ngoại giao phương bắc" của Hàn Quốc sẽ tiến lên một bước lớn có ý nghĩa quyết định.

Dư luận thế giới đã vạch rõ, trên thực tế, trước khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao mối liên hệ kinh tế hai bên đã vô cùng mật thiết rồi. Giờ đây Trung Quốc đại lục là bạn hàng lớn thứ ba của Hàn Quốc. Bộ thương mại Hàn Quốc dự tính, tới cuối năm 1996, mức buôn bán Trung Hàn sẽ đạt tới 20 tỷ đô la Mỹ. Hiện nay Hàn Quốc đã xây dựng 500 xí nghiệp liên doanh ở Trung Quốc, đại lục rõ ràng, Trung Hàn thiết lập quan hệ ngoại giao sẽ tạo ra bước phát triển nhảy vọt trong quan hệ kinh tế hai nước.

Dư luận quốc tế còn cho rằng, xét về cán cân lực lượng chính trị quốc tế, Trung Hàn thiết lập quan hệ ngoại giao sẽ tăng cường địa vị của hai nước tại khu vực Đông á. Mấy năm gần đây, Nhật Bản với hậu thuẫn của lực lượng kinh tế lớn mạnh, đã không ngừng mở rộng ảnh hưởng trên thế giới và khu vực Châu á. Sau khi Trung Hàn lập quan hệ ngoại giao, hai nước đẩy mạnh hợp tác, tất sẽ tăng cường ảnh hưởng của mỗi nước ở Châu á nhất là ở khu vực Đông Bắc á. Như vậy, ảnh hưởng của Nhật Bản đối với kinh tế Trung Quốc và chính trị Hàn Quốc sẽ bị hạn chế.

Tín hiệu nhấp nháy

Việc Trung Hàn thiết lập quan hệ ngoại giao, kỳ thực từ sớm đã nhấp nháy tín hiệu rồi.

Tháng 4 năm 1991, ngoại trưởng Hàn Quốc đến Bắc Kinh với danh nghĩa tham dự hội nghị quốc tế, đã được Thủ tướng Trung Quốc Lý Bằng tiếp kiến. Theo tin nước ngoài, một số câu nói của Lý Bằng được Xê Un hiểu là ông ta mong muốn trong thời gian ngắn có sự gặp mặt giữa cấp cao hai nước.

Dù Bắc Kinh đã phủ nhận điều này, nhưng trong tâm trạng nơm nớp lo âu Đài Bắc đã rất nhạy cảm nhận ra tín hiệu nhấp nháy ấy rồi.

Một nhà hoạch định chính sách đại lục của Đài Loan, ông Mã Anh Cửu đã phát biểu với các nhà báo: "Chúng tôi đã nhìn thấy tín hiệu nhấp nháy: "Thậm chí ông ta còn cho rằng, giữa Trung Quốc và Hàn Quốc "sự việc dường như đã thoả thuận rồi".

Vào tháng 6, trong hội nghị nguyên thủ toàn cầu tổ chức tại Rêô Đờsannêrô, Thủ tướng Lý Bằng đã thân thiện bắt tay với Thủ tướng Hàn Quốc Trảng Ưen Trư. Dưới con mắt các nhà báo phương Tây, cảnh bắt tay này thêm một tín hiệu nữa về việc hai nước sắp sửa thiết lập quan hệ ngoại giao.

Trên thực tế, những tin tức phía Chính phủ Hàn Quốc đưa ra sau này chứng tỏ tới Hội nghị Quốc tế tổ chức tại hai nước mới thật sự đồng ý thiết lập quan hệ ngoại giao. Tại đây, BăngCốc vào tháng 4, Ngoại trưởng hai nước đã có cuộc gặp mặt và nhất trí đồng ý lập quan hệ chính thức cấp đại sứ. Tiếp đó, hai bên đã có những cuộc hội đàm bí mật lần lượt tại Xoun và bắc kinh, lần hội đàm cuối cùng vào ngày 29 tháng 7 tại Bắc Kinh .

Nỗi lo sợ của Đài Bắc

Liên tục có những tín hiệu về việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Trung - Hàn đã khiến Đài Bắc vô cùng hoảng sợ.

Ngày 6 tháng 5, "đặc sứ Tổng thống" Đài Loan Tường Nhan Sĩ mang theo thư mật của Lý Đăng Huy dẫn đầu phái đoàn đến Xê-un.

Ngày 7 tháng 5, Lu Thai Yu tiếp Tường Nhan Sĩ trao tặng ông ta "Huân chương Quang Hóa", "Đại sứ" Đài Loan ở Hàn Quốc Kim Thụ Cơ nhấn mạnh về ý nghĩa chuyến thăm Hàn Quốc của đặc sứ như sau: "Trong khi Hàn Quốc tăng cường phát triển quan hệ với Trung Cộng, chuyến đi này một lần nữa thể hiện nước chúng ta với thế chủ động ngoại giao, đã tranh thủ được không gian ngoại giao có lợi cho chúng ta giữa Xêun và Bắc Kinh, giữa Xêun và Đài Bắc". Ngày 8 tháng 5 "Trung ương nhật báo Đài Loan nhận định "Cuộc hội đàm giữa vị đặc sứ Tường với Li Xiang Yu đạt được nhận thức chung, cho rằng tăng cường quan hệ giữa hai nước". Ngày 10 tháng 5, Tường Nhan Sĩ thăm Hàn Quốc trở về đã phát biểu trong cuộc họp báo ở sân bay: "Trong chuyến đi này, tôi đã cảm nhận sâu sắc tình hữu nghị và thiện chí của phía Hàn Quốc, hai bên đều có chung nhận thức là phải tăng cường hợp tác trên cơ sở mỗi bang giao hữu nghị truyền thống vốn có".

Tuy nhiên, về chuyến thăm Hàn Quốc của đặc sứ, tờ "Tin kinh tế của

Nhật Bản lại cho rằng, vấn đề chỉ nhằm vào việc trao đổi ý kiến nên giữ vững quan hệ song phương như thế nào sau khi cắt đứt quan hệ ngoại giao. Ngày 8 tháng 5, tờ "Liên hiệp báo" Đài Loan đăng bài nhan đề "Lu Thai Yu gặp Tướng Nhan Sĩ đã tránh bàn về quan hệ "ngoại giao". Ngày 7 tháng 2, phóng viên tờ "Trung Quốc thời báo" Đài Loan phỏng vấn thứ trưởng Bộ ngoại vụ Hàn Quốc Lu Chang Xi, đã có mấy đoạn hồi đáp rất có ý nghĩa:

Hỏi: Chính phủ nước tôi đã bày tỏ, Hàn Quốc mong muốn thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Cộng là việc của Chính phủ Hàn Quốc, lập trường của chúng tôi là Đài Loan Hàn Quốc phải duy trì quan hệ bang giao hiện có. Xin cho biết ý kiến của ông về việc này?

Trả lời: Hàn Quốc mong muốn thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Cộng. Đồng thời chúng tôi cũng mong muốn duy trì được các quan hệ rất tốt đẹp với Đài Loan. Hiện tại chúng tôi thực sự đang muốn tìm ra phương án giải quyết, bảo đảm các bên đều hài lòng.

Hỏi: Ngài vừa nói là mong muốn duy trì "các quan hệ rất tốt đẹp với Đài Loan", chứ không phải là quan hệ ngoại giao...

Trả lời: Tôi không có ý gì đặc biệt cả, tôi nói các quan hệ nghĩa là không loại trừ quan hệ ngoại giao.

Hỏi:.... Hàn Quốc liệu có thể áp dụng lập trường cứng rắn hơn công nhận đồng thời cả Trung Hoa Dân Quốc"?

Trả lời:

Nước tôi không loại trừ khả năng này. Có điều, mỗi sự việc đều là khả năng cả. Xêun: Đáng tiếc chân thành

Giữa Đài Loan và Hàn Quốc trước đây có mối quan hệ chặt chẽ về chính trị, kinh tế, 44 năm "quan hệ ngoại giao" đột ngột chấm dứt cùng với việc đoạn giao. Việc giao lưu kinh tế với những điều kiện ưu đãi lẫn nhau cũng bị bỏ lửng.

Theo Hiệp định thiết lập ngoại giao Trung Hàn, Hàn Quốc từ chối yêu cầu cho phép Đài Loan treo cờ Quốc dân đảng tại Văn phòng đại diện của họ ở Xê-un và dùng tên gọi "Trung Hoa Dân Quốc". Đồng thời Hàn Quốc từ chối yêu cầu của Đài Loan được bảo lưu tài sản sứ quán, với lý do sứ quán là do Chính phủ nhà Thanh xây dựng, giá trị tài sản 250 triệu đôla Mỹ này phải thuộc về sở hữu của nhân dân Trung Quốc, và phải trả về cho nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

Về việc này, Hàn Quốc bày tỏ "đáng tiếc chân thành" với Đài Loan. Ngày 28 tháng 8, Đài phát thanh Xoun đưa ra bình luận, cảm thấy đau lòng

đối với việc "cắt đứt quan hệ ngoại giao" Hàn Quốc -Đài Loan. Bình luận còn nói, để thực hiện thống nhất đất nước, thúc đẩy hòa bình và ổn định khu vực Đông Bắc á, Hàn Quốc buộc phải đưa ra sự chọn lựa này, mong muốn được Đài Bắc hiểu cho.

Ngày 24 tháng 8, trong bài phát biểu về việc thiết lập quan hệ ngoại giao Hàn- Trung, Tổng thống Lu Thai Yu nói: "Trong quá trình hiệp thương thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, Chính phủ đã cố gắng không làm tổn thương tới quan hệ thực chất của nước ta với Đài Loan, và khẳng định rằng sau khi cắt đứt quan hệ Chính phủ vẫn duy trì ở mức tốt nhất các mối quan hệ phi Chính phủ.

Sự chọn lựa của Hàn Quốc là sáng suốt, điều đáng tiếc của Hàn Quốc như vậy cũng là chân thành.

V. ĐỘI QUÂN "VIỆT NAM" ĐẦU TIÊN CỦA TRUNG QUỐC

Liên Hợp Quốc gửi lời mời

Bắc Kinh, tháng 4 năm 1992.

Một toán sĩ quan và binh lính, đầu đội bê-rê, mình mặc quần áo rằn ri, đeo quân hàm Trung Quốc, ngồi xe chạy trên đường phố, người đi đường nào nhìn theo với ánh mắt ngạc nhiên. Chiếc xe chỉ huy "213" màu trắng có ghi chữ V đột nhiên bị cảnh sát chặn lại, họ nghi nghi hoặc hoặc hỏi lái xe:

- Xe các anh ghi ký hiệu gì thế?"

Lái xe trả lời :

- Chúng tôi là lực lượng duy trì hoà bình của Liên Hợp Quốc, đây là viết tắt của Liên Hợp Quốc.

Nghe xong, cảnh sát chào, vẫy tay cho đi...

Ngoại ô phía tây Bắc Kinh, sân bay Nam Uyển. Khoảng sau hai chiếc máy bay vận tải hai tầng cỡ lớn IL 96 từ từ mở ra những chiếc ô tô màu trắng có ghi chữ "VN" (Liên Hợp Quốc) nối nhau chui vào. 30 quân nhân đầu đội mũ nổi xanh, mình mặc quần áo rằn ri, đeo phù hiệu quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc bước lên thang máy bay. Trong chốc lát, động cơ nổ máy, máy bay lướt khỏi đường băng, bay lên trời xanh...

Cùng ngày, 370 lính "mũ nổi xanh" chia nhau đi trên 4 chuyến tàu đặc biệt ngày đêm mãi miết chạy về hướng Tân Thành, Trạm Giang phía nam...

Cũng vào lúc đó, người phát ngôn báo chí Bộ ngoại giao nước Cộng hoà

Nhân dân Trung Hoa tuyên bố với toàn thế giới: Thể theo yêu cầu của Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, Chính phủ Trung Quốc quyết định cử 47 quan sát viên quân sự và đại đội công binh gồm 400 người tới Campuchia, tham gia hành động duy trì hoà bình của cơ quan quyền lực Liên Hợp Quốc ở Campuchia trong thời kỳ quá độ.

Lịch sử sẽ ghi nhớ ngày tháng khác thường này ngày 16 tháng 4 năm 1992. Ngày hôm ấy, đại quân "mũ nổi xanh" đầu tiên của Trung Quốc - đại đội công binh Trung Quốc tới Campuchia tham gia lực lượng duy trì hoà bình Liên Hợp Quốc, chính thức tuyên bố thành lập, đánh dấu việc quân đội Trung Quốc bắt đầu bước lên vũ đài quốc tế duy trì hoà bình thế giới.

Campuchia chiến tranh liên miên hơn 20 năm, nhân dân đã chịu bao đau khổ, khao khát hoà bình và yên ổn. Cùng với sự thay đổi của tình hình Liên Xô cũ, Việt Nam và sự hoà giải không ngừng của các tổ chức quốc tế của Liên Hợp Quốc, bốn bên trong nước Campuchia cuối cùng đã bắt tay nghị hoà.

Ngày 23 tháng 10 năm 1991 tại Pari nước Pháp, đại diện của 19 nước đến từ Mỹ, Liên Xô cũ, Pháp, Việt Nam, Campuchia, Nhật Bản, Trung Quốc "cùng nhau ký vào Hiệp định hoà bình giải quyết toàn diện cuộc xung đột Campuchia. Để bảo đảm hiệp định này thực thi thuận lợi, Liên Hợp Quốc quyết định phái đến Campuchia" Cơ quan quyền lực Liên Hợp Quốc ở Campuchia thời kỳ quá độ". Thế là, trong lịch sử Liên Hợp Quốc bắt đầu một đợt hành động duy trì hoà bình quy mô lớn nhất, tốn kém nhiều nhất.

Từ năm 1956, tới nay, Liên Hợp Quốc trước sau đã 8 lần thành lập lực lượng duy trì hoà bình, huy động tới hơn 5 vạn binh lính, tốn phí hơn 4 tỷ đô la Mỹ. Lần này, để dập tắt ngọn lửa chiến tranh ở Campuchia, Liên Hợp Quốc lại chi ra hơn 4 tỷ đô la Mỹ, tập kết 15.900 quân nhân; trong đó có 2.230 nhân viên công trình do Trung Quốc, Ba Lan, Thái Lan đảm nhiệm.

Quá trưa ngày 16 tháng 4 năm 1992, 30 đội viên tiền trạm của đại đội công binh Trung Quốc do đại đội trưởng Lý Kim Dũng chỉ huy đi máy bay đợt đầu đến sân bay Pôchentông Phnôm Pênh, thủ đô Campuchia. Trước đông đảo các nhà báo phương Tây, họ tỏ rõ vẻ ung dung, tự tin và thoải mái...

So với Lý Kim Dũng, bộ dạng Cao Quân, cũng là người phụ trách đại đội công binh, nom rất kỳ cục. Theo quy định của Liên Hợp Quốc, tất cả 370 anh em do Cao Quân chỉ huy đều thống nhất phải đội mũ nổi xanh, quần khăn xanh và mang phù hiệu xanh, mặc thì mặc quân phục nước mình, đeo quân hàm nước mình, vai trái đeo phù hiệu đỏ có ghi chữ "Chi Na" (Trung

Quốc). Họ chịu trách nhiệm áp tải thiết bị các loại xe có ký hiệu "VN", theo tín hiệu đèn xanh thẳng tới Trạm Giang.

Cấp tốc thành lập đội quân mạnh.

Dãy núi Yến Sơn dưới chân Trường Thành. 400 sĩ quan và binh lính đại đội công binh đang khẩn trương huấn luyện trên bãi tập, đội ngũ chỉnh tề, tinh thần hăng hái, nhìn là biết ngay đây là một đội ngũ chỉnh tề, tinh thần hăng hái, nhìn là biết ngay đây là một đội quân tổ chức chất khá cao.

Tuần đầu tháng 3 năm 1992, các nhà báo đến thăm doanh trại của họ. Một nhà báo hỏi trung tá đại đội trưởng Lý Kim Dũng:

- Đại đội công binh "Mũ nổi xanh" này toàn là người ưu tú chọn lọc từ lính công binh toàn quân phải không anh?

Đại đội trưởng Lý Lắc đầu:

- Không phải. Đơn vị của chúng tôi vẫn biên chế cũ, chỉ điều thêm một số cán bộ chuyên môn như phiên dịch, thông tin từ đơn vị khác đến thôi. Mấy năm nay, chúng tôi tăng cường xây dựng chất lượng theo phương châm tinh nhuệ, sức chiến đấu của bộ đội đều nâng cao, tổ chức của các đơn vị chẳng chênh lệch là bao, không cần phải chọn lựa riêng những người - xuất sắc. gương mặt Đại đội trưởng Lý đầy vẻ tự tin.

Trong phòng truyền thống của đơn vị treo đầy mấy chục lá cờ thi đua và bằng khen lồng trong khung kính. Đơn vị ra đời vào những năm tháng chiến tranh, lập công nhiều lần, là một phân đội lính công binh ứng cứu có khả năng phản ứng nhanh.

Ra khỏi phòng truyền thống, nhà báo này gặp một binh nhất, hỏi:

- Anh làm công tác gì?

- Tôi là lái xe trinh sát nguồn nước. Người chiến sĩ trả lời.

Theo yêu cầu của chúng tôi, anh đã lái chiếc xe "trinh sát nguồn nước", trình diễn rất đẹp mắt trên con đường núi gồ ghề lở lĩm cho chúng tôi xem. Khi chúng tôi khen kỹ thuật tuyệt vời của chàng trai, trung tá chính uỷ đại đội nói xen vào:

- Đơn vị này đã được thử thách trong chiến tranh, sĩ quan và chiến sĩ đều có trình độ, trên 80% cán bộ tốt nghiệp cao đẳng đại học và chuyên ngành, trên 90% chiến sĩ đều tốt nghiệp cấp 3 trở lên. Binh sĩ có 130 người rất giỏi về kỹ thuật, bản lĩnh vững vàng; cán bộ đều am hiểu 8 kỹ thuật chuyên ngành lớn như xây thành lũy, bắc cầu, làm đường, biết điều khiển xe cộ và máy móc thiết bị, biết bảo dưỡng sửa chữa... hoàn toàn có khả năng tác

nghiệp trong môi trường mới ở nước ngoài.

Việc quân quý ở thần tốc, chỉ trong 6 ngày sau khi nhận được lệnh, đơn vị này đã biến chế thành đại đội công binh "mũ nổi xanh" đầu tiên của Trung Quốc.

Tại đại đội, các nhà báo nhìn thấy hàng loạt phương án huấn luyện của họ, trên ghi rõ lịch huấn luyện 7 khoa mục lớn như cứu hộ chiến trường, sửa chữa khẩn cấp, cần vụ chiến đấu, leo núi việt dã. Các nhà báo tận mắt chứng kiến chiến sĩ ngày đêm huấn luyện việt dã hơn 10 tiếng đồng hồ, mệt đến mức lưng mỗi chân đau, liền hỏi đại đội phó Điều chỉ huy đội hình huấn luyện:

- "Cường độ tập huấn luyện của các chiến sĩ có quá căng không?"

Đại đội phó Điều giải thích:

- Thời tiết ở Campuchia hiện nay nóng tới trên 40⁰, hàng năm có 4 tháng lượng mưa lớn hơn lượng bốc hơi. Hiện đang có bệnh sốt rét kháng thuốc cực mạnh. Môi trường địa lý cũng vô cùng phức tạp, rất nhiều nơi còn đầy mìn. 60 ngày đầu phải tự lo việc ăn ở, chùng nào hệ thống cung cấp của Liên Hợp Quốc bắt đầu làm việc mới thôi. Hoàn thành nhiệm vụ bảo đảm công trình trong môi trường gian khổ như vậy, không có sức khoẻ và giỏi chịu đựng thì mà sao hoàn thành được. Nói xong, ông vội vã chạy theo đội ngũ huấn luyện việt dã.

Các nhà báo còn được biết, quân đội còn tiến hành giáo dục cho tất cả sĩ quan binh lính đi Campuchia về "Hiến chương Liên Hợp Quốc", "Hiệp định Pari", chính sách, kỷ luật công tác ở nước ngoài và tình hình Campuchia. Nhà báo đến trung đội hai, hỏi một hạ sĩ tên là Châu Tân Trung:

- Sau khi đến Campuchia, anh phục tùng sự lãnh đạo của ai?

Anh ta nói ngay:

- Kiên quyết phục tùng sự lãnh đạo của cơ quan quyền lực Liên Hợp Quốc ở Campuchia, hoàn thành mọi nhiệm vụ giao cho chúng tôi.

Lực lượng duy trì hoà bình của Liên Hợp Quốc tới nay đã có 378 sĩ quan và binh lính bị thương vong khi thi hành nhiệm vụ, anh suy nghĩ gì trong chuyến đi Campuchia này? Anh ta đứng nghiêm trả lời:

- Hiến thân mình cho sự nghiệp hoà bình thế giới là quang vinh, tôi sẽ làm tròn trách nhiệm phải hoàn thành của một người lính Trung Quốc, thể hiện hình ảnh tốt đẹp của quân đội văn minh.

Nghe nói, trước lúc lên đường, Bộ Tổng Tham mưu trưởng Trì Hạo Điền cùng các vị lãnh đạo trong tổng Tham mưu đã tới duyệt đơn vị này. Cán bộ chiến sĩ chỉnh tề, tư thế nghiêm trang, tinh thần hăng hái, để lại ấn tượng đẹp đẽ cho các vị tướng lĩnh. Tổng Tham mưu trưởng đánh giá cao những kết

quả huấn luyện họ đã đạt được chỉ trong vòng 20 ngày ngắn ngủi.

Các nhà báo thấy sĩ quan và chiến sĩ đều mang súng tiểu liên hạng nhẹ và súng ngắn, liền hỏi đại đội trưởng Lý Kim Dũng:

- Các đồng chí đến Campuchia làm nhiệm vụ vẫn phải mang theo vũ khí sao?

Đại đội trưởng Lý trả lời:

- Liên Hợp Quốc quy định, nhân viên bảo đảm hậu cần quân sự tham gia hành động duy trì hoà bình, được mang vũ khí hạng nhẹ, nhưng chỉ dùng để tự vệ thôi.

Câu trả lời của đại đội trưởng Lý khiến cánh nhà báo xua tan được mọi lo âu thắc mắc.

Đường biển xuyên quốc gia

Ngày 18 tháng 4 năm 1992, 4 chuyến tàu đặc biệt lần lượt đến Trạm Giang. Từ đây, lính “Mũ nổi xanh” sẽ đi tàu biển đến Campuchia. Dưới ánh nắng đẹp, lá cờ đỏ năm sao và lá cờ Liên Hợp Quốc màu xanh có in phù hiệu trái đất và bông lúa mì, song song từ từ kéo lên một buồm chính trên tàu.

12 giờ 36 phút ngày 19 tháng 4 năm 1992, tại Trạm Giang thành phố ven biển miền nam. Biên đội tàu Trịnh Hoà gồm tàu Trịnh Hoà, tàu 831 và tàu 3 vạn tấn “Xích phong khẩu”, bắt đầu cuộc hành trình xanh, lần đầu tiên trong lịch sử nước Cộng hoà chuyên chở lực lượng duy trì hoà bình của Liên Hợp Quốc.

Đêm trước khi lên đường, quân đội và địa phương cùng đứng ra tổ chức bữa tiệc tiễn đưa rất thịnh soạn. Không may là có mấy chục sĩ quan chiến sĩ bận việc chuyển dẫu lên tàu nên không tới dự được. Tổng giám đốc đại sảnh Tân Viên biết tin lập tức ra lệnh: “Phải tổ chức bù cho họ theo đúng tiêu chuẩn bữa tiệc, không được thiếu một món nào.” Các thủ tướng cũng theo đúng quy định, lại tới trình trọng chúc rượu họ.

Đối với người lính Trung Quốc, đây là một tuyến đường bí ẩn, lạ lẫm, gian nan: mấy chục năm đã chiến tranh loạn lạc, khiến một bán đảo nằm chót vót phía nam lục địa trở thành một “bãi mìn” không ai muốn đặt chân tới. Tuy nhiên, trong cuộc trường chinh xanh hơn 1300 hải lý này, điều họ cảm nhận được nhiều nhất lại là giai điệu chính của hoà bình thế giới.

Biên đội tàu Trịnh Hoà theo hàng dọc tiến xuống phía nam, vòng qua Việt Nam và Vịnh Thái Lan, cuối cùng tới cửa biển duy nhất của Campuchia-cảng Côngpong Xom. Cả tuyến đường giống hệt hình chữ “J” khổng lồ.

Người lính khi đã bước lên vũ đài lớn hành động vì bảo vệ hoà bình thế giới, họ cũng đối xử tử tế hữu nghị. Đại dương dường như cũng hiểu điều đó nên suốt dọc đường trời yên biển lặng. Rất ít người bị say sóng nôn mửa. Trong lịch sử chín lần xuống Thái Bình Dương của tàu Trịnh Hoà, chưa lần nào may mắn gặp được cảnh “thái bình” như thế này. Trời xanh biển biếc, nắng dịu gió nhẹ. Biển cả thơ mộng. Những người lính Trung Quốc lần đầu tiên thực hiện sứ mệnh duy trì hoà bình thế giới đã được tận hưởng hương thơm và vị ngọt của “hoà bình” trên đường viễn hành vượt đại dương. Chiến hạm dựng bạt che, treo đèn màu nhấp nháy, sĩ quan chiến sĩ cất cao giọng hát thanh xuân, trình diễn đáng múa khoẻ đẹp. Họ hát múa, vui liên hoan trên biển cả.

Hành trình đến ngày thứ ba, biên đội tiến vào vùng biển phía nam quần đảo Côn Lôn Việt Nam, tiếp cận tuyến vĩ độ thấp nhất của tuyến đường hình chữ “J”. Gần trưa, đột nhiên 38 sĩ quan chiến sĩ “Mũ nổi xanh” lăn ra ốm: tất cả đều bị viêm phế quản cấp tính, sốt cao 38⁰- 41⁰c. Quân y đi theo tàu tít tít cả lên. Cách ly tất cả, biện pháp vật lý để hạ sốt, tiêm kháng sinh liều cao. Thật là kỳ tích: chữa trị trên đất liền thì ít nhất phải 3-6 ngày mới khỏi, nhưng ở đây chỉ trong một đêm tất cả lại khoẻ như thường.

370 lính “mũ nổi xanh” hoan hô nhảy nhót, kéo nhau lên boong, đất nước Campuchia đã hiện ra trước mắt....

Bức đồ trang thiết bị.

Đúng 15 giờ Phnômpenh ngày 24 tháng 4 năm 1992. Biên đội tàu Trịnh Hoà lại kéo lên một lá cờ xanh nữa - cờ của Uỷ ban tối cao toàn quốc Campuchia. Trong tiếng máy sinh sịch, những chiếc mỏ neo khổng lồ của biên đội tàu Trung Quốc lần đầu tiên thả xuống vùng cảng Côngpôngsom Campuchia.

Cảng Côngpôngsom, cửa biển duy nhất của Campuchia, do người Pháp xây dựng năm 1964 trong cảng có 3 cầu tàu bằng bê tông cốt thép, cầu chính dài 550 mét, rộng 23 mét, nước sâu 9,4 mét, neo đậu được 4 tàu cấp vạn tấn hoặc 6 tàu cấp 4000 tấn.

8 giờ sáng giờ Phnômpenh ngày 24, nhân viên hoa tiêu phía Campuchia đi canô ra tàu Trịnh Hoà và tàu 831, hướng dẫn tàu vào cảng. Trên bến tàu, các quan chức đại diện của Trung Quốc ở Uỷ ban tối cao toàn quốc Campuchia và cơ quan quyền lực của Liên Hợp Quốc ở Campuchia đã ra đón.

- Các đồng chí vất vả quá!

- Vì hoà bình thế giới!

370 sĩ quan chiến sĩ “Mũ nổi xanh” tư thế hùng dũng, tinh thần phấn chấn.

Trên đất khách, đại diện Phó Học Chương lần đầu tiên duyệt lực lượng duy trì hoà bình từ Trung Quốc đến, ông rất xúc động:

- Các đồng chí là đội quân đầu tiên đeo huy hiệu Liên Hợp Quốc đến từ Trung Quốc, nhân dân Tổ quốc trông chờ các đồng chí, cả thế giới đang dõi theo các đồng chí!”

“Dem lại vinh quang cho tổ quốc!” “làm vẻ vang cho lá quân kỳ!” Tiếng hô dậy đất, âm vang trên bầu trời cảng Côngpôngsom. Phóng viên các nước liên tục bấm máy, ghi lại những cảnh đẹp mắt này.

“Tình hình sức khoẻ binh lính Trung Quốc thế nào? Có cần nghỉ ngơi lại sức không? Khi nào có thể bốc dỡ hàng?” Biên đội tàu Trịnh Hoà vừa mới vào vùng neo đậu cảng Côngpôngpôm, cơ quan quyền lực Liên Hợp Quốc ở Campuchia đã gửi lời thăm hỏi. Sau trưa hôm ấy, lính “Mũ nổi xanh” Trung Quốc đã trả lời bằng hành động dưới trời nắng như thiêu đốt, nhiệt độ ngoài trời lên tới 48⁰, họ bắt đầu bốc dỡ trang thiết bị. Các quan chức Liên Hợp Quốc cứ tưởng quân “Mũ nổi xanh” Trung Quốc phải nghỉ ngơi mấy ngày, thấy vậy không khỏi khâm phục tinh thần chiến đấu của người Trung Quốc.

Tàu vận tải “Xích phong khẩu” mở rộng tám cửa bụng thép khổng lồ, hơn 200 ô-tô, máy ủi, máy đào, xe lu nối đuôi nhau theo cầu thép chạy ra khỏi khoang tàu. Chiếc cần cẩu cao vút cầu từng côngtenơ to dùng chứa đầy thiết bị công trình, thực phẩm, thuốc men đặt lên bến. Mổ hôi trên mặt các bộ chiến sĩ dỡ hàng tồn đến đâu khô đến đó, chỉ còn lại một lớp bụi muối đầy cội; trên quần áo hiện ra những vết trắng loang lổ như những chùm hoa hải thạch đang nở rộ...

Nước, binh sĩ “Mũ nổi xanh” lúc này cần nhất là nước! Thứ thiếu nhất trên tàu là nước! Campuchia bị chiến tranh tàn phá, hệ thống cung cấp nước trong toàn quốc bị huỷ hoại tan hoang. Không những cảng Côngpôngsom thiếu nước, ngay thủ đô Phnôm-pênh cũng thiếu nước. Thành phố Côngpôngsom giờ đây, một thùng nước giá tới 5 đô la Mỹ, tương đương một tháng lương của một lính Campuchia. Đại diện Phó Học Chương cho biết, cách đây không lâu, một nhà buôn Đông Nam á chở đến Phnôm-pênh thiết bị lọc nước sạch, bán ra chỉ một thời gian ngắn đã phát to. Tàu “Xích phong khẩu” hào phóng mở “hầu bao”, điều tới 400 tấn nước ngọt. Viên chỉ huy biên đội Trịnh Hoà ra lệnh chia cho sĩ quan binh sĩ “Mũ nổi xanh” mỗi người một

tắm nước, để họ uống cho đã đời, tắm rửa thoải mái!

Dưới ánh chiều tà, gió biển hiu hiu, lính “Mũ nồi xanh” Trung Quốc tắm rửa xong đi ra khỏi bến tàu thăm phong cảnh nước người. Lính gác Campuchia tỏ ra rất lễ phép với đội quân giữ hoà bình có đeo phù hiệu UN, nên để họ tự do, không hề can thiệp. Phía Bắc cảng là thành phố lớn thứ hai Campuchia - thành phố Côngpôngsom. Côngpôngsom tên cũ là Xi-ha-nu-oc, nhìn toàn cảnh chỉ thấy cây xanh bao quanh thành phố, không có một toà nhà cao tầng nào. Ba mặt là núi, một mặt là biển, khiến cho thành phố bờ biển đầy cảnh đẹp thiên nhiên này trở thành chốn Đào nguyên dưới trần thế duy nhất của Campuchia không bị chiến tranh tàn phá. Campuchia xứ sở của xoài, nhưng xoài Côngpôngsom lúc này hãy còn xanh, quả lúc lỉu trên cành, chưa tới mùa thu hoạch. Để cho cán bộ chiến sĩ được thưởng thức đặc sản địa phương, Văn phòng đại diện Trung Quốc tại Ủy ban tối cao toàn quốc Campuchia đã đưa từ Phnôm-pênh tới mấy thùng xoài to chín vàng ươm. Số lượng có hạn, nên mỗi sĩ quan hoặc hai lính được chia một trái, nhưng họ đều dành lại không ăn, nhờ các bạn biên đội tàu Trịnh Hoà đem về Tổ quốc, coi như món quà quý giá gửi tặng những người thân thiết nhất của mình.

Việc bốc dỡ tàu “Xích phong khẩu” kéo dài mãi tới chiều tối ngày 25 tháng 4 mới xong. Khoảng 11 giờ trưa hôm ấy, trong lúc đang khẩn trương bốc dỡ, chiến sĩ Cung Viễn Bình không may bị chiếc xe ủi khi lái ra khỏi cửa khoang làm bị thương ở đùi.

- Trên tàu quý quốc đã xảy ra chuyện gì? - Đúng lúc đó một nữ bác sĩ trẻ tuổi người Pháp lái xe cứu thương khám chữa lưu động đến bến tàu, thấy tình hình trên tàu “Xích phong khẩu” khác thường, vội vã xuống xe hỏi Cao Quân mang quân hàm trung tá đang đứng trên bến.

- Một người lính của chúng tôi bị thương ở đùi. - Cao Quân đáp.
- Chúng tôi là đội khám chữa lưu động ở đây, có lên được tàu không?
- Cứu chữa thương binh, dĩ nhiên là được!

Cô gái người Pháp khoác túi thuốc chữ thập đỏ, bước thẳng lên tàu. Cùng lúc ấy, bác sĩ quân y tàu Trịnh Hoà cũng có mặt ở hiện trường. Bác sĩ hai nước Trung Pháp cùng nhau rửa vết thương cho người chiến sĩ rồi băng bó lại.

Trên bến, xe thông tin Ô-ô-trây-li-a làm nhiệm vụ thông tin của lực lượng duy trì hoà bình đã thông báo tin lính Trung Quốc bị thương cho ban chỉ huy cơ quan quyền lực Liên Hợp Quốc ở Campuchia. Chưa đầy 40 phút sau máy bay trực thăng từ Phnôm-pênh đến đổ xuống bãi đỗ máy bay gần cảng

Côngpôngsom. Xe cứu thương của Pháp lập tức chở thương binh chạy ra khỏi khu cảng. Thoáng sau, máy bay trực thăng cất cánh và mất hút trên bầu trời.

Tối hôm ấy, ông Rônây quan chức hậu cần của lực lượng duy trì hoà bình ở Campuchia đến cảng thăm hỏi sĩ quan binh lính đại đội công binh Trung Quốc, chuyện trò thân thiện với trung tá đại đội trưởng Lý Kim Dũng.

Rônây:

- Trước tiên tôi xin thông báo với ông, người lính bị thương chiều nay của quý quân đội đã được đưa đến Thái Lan, nằm ở buồng 114 bệnh viện cảng hàng không Hoàng Gia Băng Cốc. Đây là số điện thoại phòng anh ấy, ông có thể liên hệ thường xuyên được.

Lý Kim Dũng vô cùng ngạc nhiên, ngờ đâu một chiến sĩ chỉ bị thương thế thôi mà đã được “quốc tế” chăm lo đến như vậy.

Rônây nói tiếp:

- Quý quân đội có khó khăn hoặc yêu cầu gì, xin cứ nêu ra, tôi sẽ cố gắng tìm cách giải quyết.”

Ngày 14 tháng 6 Lý Kim Dũng chỉ huy đội tiền trạm 30 người đi máy bay đến Phnômpenh. Trước đó Lý đã được tiếp xúc với Rônây đến từ Canada và rất khâm phục tác phong làm việc nhanh nhẹn tháo vát của ông ta. Mấy hôm trước, Lý Kim Dũng đã thấy một ngôi trường bỏ hoang ở chỗ cách Phnômpenh 15 cây số. Bảy phòng học lớn bỏ trống, mỗi phòng ở được hơn 100 người. Tuy nhà cửa có cũ, nhưng với ở lều bạt theo kế hoạch từ trong nước thì tốt hơn nhiều lần. Nhà cửa sát gần ngôi trường này, lính Indônêxia đến trước đã ở rồi. Lý Kim Dũng chỉ định thăm dò Rônây, đưa ra yêu cầu đóng quân tại nơi này, nào ngờ Rônây đồng ý ngay, giành cho ông ba phòng học.

Từ khi đại đội công binh Trung Quốc cập cảng Côngpôngsom, Rônây hầu như ngày nào cũng “làm việc tại chỗ” ở đây. Khi giải quyết những yêu cầu do phía Trung Quốc nêu ra, ông ta chưa bao giờ nói để “nghiên cứu đã”, mà thường đồng ý ngay. “Rônây làm chức gì thế nhỉ? Sao ông ta hăng thế?” Những “Mũ nổi xanh” Trung Quốc không biết quân hàm nước ngoài, nhìn vào “phù hiệu” trên vai ông ta rồi đoán non, cuối cùng đưa ra kết luận thống nhất: Nhìn vào độ tuổi 20 của ông ta, tối thiểu là “trung sĩ”, tối đa chỉ đến “trung uý” thôi, và cũng chỉ một trợ lý của bộ đội chúng ta.

Lý Kim Dũng tìm hiểu và biết rõ, từ bây giờ cho tới lúc rời khỏi Campuchia, việc bảo đảm hậu cần cho 400 quân nhân của mình đều nằm trong tay Rônây. Hai hôm nay, Rônây có ấn tượng tốt về những người lính Trung Quốc: “Tốc độ nhanh, hiệu suất cao của quý quân đội rất đáng khâm

phục” Tận mắt nhìn thấy Lý Kim Dũng chỉ huy bộ đội bốc dỡ hàng. Rônây “xì xì xỏ xỏ” giơ cao ngón tay cái. Giờ đây, Rônây đã chủ động giúp quân đội Trung Quốc giải quyết khó khăn và Lý Kim Dũng cũng không khách sáo như trước nữa.

Lý Kim Dũng:

- Ông Rônây, ông đã thấy rồi đấy, bộ đội chúng tôi đã đến đủ, liệu có thể chia thêm cho chúng tôi một phòng học nữa để ở hay không?

Rônây:

- Vấn đề này tôi đã xem xét rồi. Không biết ngài đã thông tin liên lạc với bộ đội thế nào?

- Tôi thường xuyên liên lạc với bộ đội của mình.

- Vậy xin ngài hãy thông báo cho bộ đội, căn phòng sát với phòng của ngài sẽ dành cho bộ đội của ngài. Tôi báo cáo ngay với Ban chỉ huy.

- Cảm ơn. Nước uống đối với chúng tôi là vấn đề rất lớn, không biết có giải quyết sớm được không?

- Nước, kể cả nước ăn và nước tắm rửa, chiều mai sẽ giải quyết. Ngài còn vấn đề gì nữa không?

Lý Kim Dũng xoa xoa gáy, hai mắt dán vào đối phương vừa cười vừa nói:

- Hì hì, liệu có thể giúp chúng tôi giải quyết chỗ đi vệ sinh được không?

Sĩ quan phiên dịch lúc đó tức cười trước câu nói của Lý Kim Dũng bụng miệng cười, dịch không rõ ràng. Rônây lại tưởng vấn đề ăn, nghỉ hoặc đưa ngón tay chỉ vào mồm. Chờ phiên dịch nói ra bằng tiếng Anh “WC”, Rônây mới biết mình hiểu lầm, ba người cùng cười phá lên: “Ha ha ha, ha ha ha ha....”

Rônây nín cười:

- Ngày mai cho dân công làm, bảo đảm trong 10 ngày là dùng được.

Dứt khoát, quyết đoán. Lý Kim Dũng lại một lần nữa học được “Tác phong của Rônây”

Trung tướng Sangdosơ đích thân tới thăm

Đúng 9 giờ theo giờ Phnôm-pênh ngày 26 tháng 4 năm 1992. Hơn 100 ôtô, xe cơ giới màu trắng bạc có ký hiệu UN, từng chiếc một nối đuôi nhau chạy ra khỏi hải quan cảng Công-pông-som, xếp thành một hàng dài 4 cây số rầm rộ theo quốc lộ 4 chạy về phía trước. Lính “Mũ nổi xanh” Trung Quốc tiến về Phnôm-pênh.

Campuchia có tất cả sáu đường quốc lộ chính. Quốc lộ 4 từ Công-pông-som tới Phnôm-pênh do người Mỹ xây dựng 20 năm trước, mặt

đường rộng 7 mét, dài 250 cây số là đường giao thông huyết mạch nối liền hai thành phố lớn của Campuchia.

Lính “Mũ nổi xanh” Trung Quốc đi với tốc độ 30 cây số/ giờ. Chẳng mấy lúc, hai bên đoàn xe xuất hiện một đội mô tô mấy trăm chiếc chạy theo. Đây là những người Campuchia nhiệt tình và hiếu kỳ tự phát tổ chức ra, nghiêm nhiên trở thành đội hộ vệ của đoàn xe UN. Nghe nói, về nhiều năm loạn lạc, hải quan không còn, mô tô buôn lậu đầy thị trường, thế là Campuchia tuy không có công nghiệp gì, nhưng mô tô thì hầu như nhà nào cũng có.

Đoàn xe UN Trung Quốc mỗi khi đi qua thị trấn hoặc làng xóm, đều gặp những cảnh dân ông vẫy tay, dân bà mỉm cười, học sinh cất tiếng chào. Sự hoan nghênh và mong đợi chân tình ấy, khiến binh lính Trung Quốc vô cùng cảm kích. Lực lượng vũ trang của các phe phái Campuchia tuy mặc trang phục khác nhau, mang vũ khí các kiểu, nhưng tấm lòng của họ đối với bộ đội gần gũi hoà bình thì giống nhau: có người bỏ mũ che nắng hoặc mũ rộng vành xuống ra sức vẫy; có người chào kiểu nhà binh thực thụ. Trên đất nước Campuchia vừa ngừng nội chiến, trộm cướp hoành hành, nhưng cho tới lúc này vẫn chưa xảy ra một vụ tấn công hoặc cướp phá lực lượng gìn giữ hoà bình quốc tế nào. Xe chạy qua khu rừng rậm dài hơn 100 cây số, họ thường xuyên mục kích cảnh xe đi đường bị “haò hán rừng xanh” bắt chẹt đòi tiền, lúc ấy họ mới tin lời đại diện Phó Học Chương: kể cả xe có phù hiệu đại sứ quán nhất loạt đều phải bỏ ra “tiền mãi lộ”, chỉ riêng xe UN không gặp khó khăn gì.

Đoàn xe “Mũ nổi xanh” Trung Quốc phải qua 24 cây cầu. Trong đó có 6 cầu thép kiểu mái vòm bị chiến tranh tàn phá, chưa kịp sửa chữa, tạm thời phải bắc cầu treo cáp thép, rải ván gỗ để ứng phó. Theo số liệu của tổ chức Liên Hợp Quốc ở Campuchia, trọng tải cao nhất của mỗi cây cầu là 30-40 tấn, lính “Mũ nổi xanh” Trung Quốc có 27 xe cơ giới trọng lượng vừa khớp với cỡ trọng tải này. Vì vậy, mỗi lần qua cầu, toàn bộ đoàn xe lại phải một phen vất vả.

Đây là một cây cầu trên quốc lộ cao 8 mét, rộng 7 mét, dài 27 mét. Đứng tại đầu cầu, Lý Kim Dũng kiểm tra đi kiểm tra lại mãi, vẫn cảm thấy không yên tâm. Ông đi xuống dưới cầu, chuẩn bị kiểm tra thực địa chân cầu và trụ cầu. Đúng lúc ấy, một ông già ngoài 50 tuổi vừa lớn tiếng gọi về phía Lý Kim Dũng, vừa lấy tay ra hiệu. Lý Kim Dũng hiểu ra ngay ý ông già: dưới cầu có mìn! Xuất thân là công binh, Lý Kim Dũng cảm kích nhìn ông già, tỏ ý: Tôi hiểu rồi! Trước lúc lên đường, Lý đã công bố một kỷ luật: dù dừng xe nghỉ hoặc là đại tiểu tiện, hai chân không bao giờ được rời khỏi đường nhựa! Để mọi người ý thức đầy đủ, ông công bố con số thống kê của cơ quan, quyền

lực Liên Hợp Quốc ở Campuchia: Trên đất nước-Campuchia đã chôn mấy triệu quả mìn, bình quân mỗi người Campuchia hai quả!

Lý Kim Dũng trở lại mặt cầu, ông già lập tức đến hỏi:

- Malaixia?

- UN!- Lý Kim Dũng lắc đầu, chỉ vào phù hiệu màu đỏ có in chữ “CHINA” trên hai vai mình.

Ông già nhìn một lúc, mắt chợt sáng lên, lộ rõ vẻ vui mừng. Lý Kim Dũng chưa kịp có phản ứng gì, thì ông già cao chưa tới 1,6mét giang rộng cánh tay ôm chặt lấy ngang lưng Lý Kim Dũng cao 1,8mét mồm kêu lên: “CHINA! CHINA!” Dân chúng hai bên đường cũng kéo đến, cười, nói, ra hiệu. Hai phụ nữ kẻ nói người phiên dịch: “Quân đội Trung Quốc đều giúp Campuchia duy trì hoà bình, khôi phục xây dựng, tận đáy lòng chúng tôi thấy vui mừng và rất hoan nghênh.”

Lính “Mũ nổi xanh” Trung Quốc đã đến Phnôm-pênh rất thuận lợi.

Ráng chiều rực rỡ làm hồng lên gương mặt thủ đô Campuchia. Binh lính Trung Quốc trên người còn vương đầy bụi đường, thì trung tướng Sangdoson tư lệnh tối cao của Liên Hợp Quốc ở Campuchia đã tới thăm. Trước cổng doanh trại, đập vào mắt vị tư lệnh quốc tịch Ô-Strâylia này là hơn 200 ôtô và xe trang bị công trình cơ giới hoá cỡ lớn mới tinh hàng lối gọn gàng chỉnh tề. Ông phấn khởi khoa chân múa tay như không kìm nổi niềm sung sướng, nói với nhân viên tùy tùng: “Tôi biết ngay mà, Trung Quốc không ra quân thì thôi, ra quân là nhất định ra trò mà!”, “ô, các ông nhìn kìa, là hạng thiết bị hạng nhất, bộ đội hạng nhất! Giờ đây, cái chức tư lệnh của tôi lại càng vẻ vang!”

Mười hôm trước, khi đội tiền trạm của Lý Kim Dũng đến Phnôm-pênh trung tướng Sangdoson đã nhiệt tình tiếp ông. Vị tướng nắm chặt tay ông, và bày tỏ lòng vui sướng hoan nghênh quân đội Trung Quốc đã tham gia hành động bảo vệ hoà bình quốc tế.

Tướng Sangdoson nói:

- Tôi rất vui mừng khi làm tư lệnh, Chính phủ Trung Quốc đã cử quân đội tham gia hành động bảo vệ hoà bình quốc tế. Các ông là bộ đội công binh đầu tiên đến Phnôm-pênh gánh vác sứ mệnh xây dựng. Tôi tin rằng, với tinh thần cần cù chịu khó chịu khổ và phẩm chất tận tụy trung thành nổi tiếng thế giới của các ông, các ông nhất định hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ!

Tiếp đó, tướng Sangdoson giao nhiệm vụ cho đại đội công binh Trung Quốc: Trước tiên phải tu sửa lại quốc lộ số 4 Phnôm-pênh - Công-pông-som và

các cây cầu trên đường để đón khối lượng lớn bộ đội Liên Hợp Quốc và trang thiết bị theo con đường này vào Campuchia được thuận lợi. Tiếp đó, tu sửa quốc lộ số 6 từ Phnôm-pênh đi Công-pông Thom đã bị phá hoại vô cùng nghiêm trọng; sau nữa chịu trách nhiệm tu sửa ba sân bay gần Phnôm-pênh. Khi ra về, tướng Sang-đơ-son hứa: “Khi đại quân của các ông đến tôi sẽ đích thân đến thăm hỏi họ.”

Là sĩ quan chỉ huy tối cao của Liên Hợp Quốc ở Campuchia, tướng Sang-đơ-son đã giữ lời hứa

Ngày 5 tháng 5 năm 1992 buổi sáng. Đại đội lính “Mũ nổi xanh” Trung Quốc đã tổ chức lễ chào cờ trang nghiêm tại doanh trại vừa được sửa chữa lại như mới. Trung tướng Sang-đơ-son tư lệnh lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên Hợp Quốc ở Campuchia đã đến dự đại diện của 5 nước thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc trong Uỷ ban tối cao toàn quốc Campuchia, đại sứ Thái Lan, MaLaixia, Đức, Nhật Bản ở Campuchia cũng đều có mặt.

Lễ chào cờ bắt đầu.

Bốn sĩ quan chiến sĩ đầu đội “Mũ nổi xanh”, vai đeo phù hiệu “UN” cầm bốn góc lá cờ Liên Hợp Quốc màu xanh, từ từ tiến vào. Tất cả đều im lặng. Toàn thể quân nhân trang nghiêm giơ tay chào....

Trung tướng Sang-đơ-son lên chào mừng:

- Từ giờ phút này, công cuộc tái thiết Campuchia lại thêm một lực lượng khá mạnh. Tôi đã từng là một người lính công binh, tôi rất hoan nghênh các bạn.

Đại diện Trung Quốc ở Campuchia, Phó Học Chương trong bài phát biểu đã liên tiếp ba lần dùng từ “mong muốn”: Mong muốn các đồng chí không lúc nào quên mình là quân đội của Liên Hợp Quốc; mong muốn các đồng chí luôn không quên phát huy tác phong tốt đẹp của dân tộc Trung Hoa; mong muốn các đồng chí cố gắng sức mình cho công cuộc tái thiết Campuchia!

Sau lễ chào cờ, đại đội công binh Trung Quốc chia thành bốn trung đội: đại đội chỉ huy hai trung đội chuyển đến sân bay Pô-chê-nông cách Phnôm-pênh về phía tây 10 cây số; hai trung đội kia chuyển đến Sô-kôn cách Phnôm-pênh về phía bắc 80 cây số; còn đội tiền trạm hơn 40 người làm nhiệm vụ sửa lại cầu trên đường Công-pông-som - Phnôm-pênh

Kỳ tích

Mé đông sân bay quốc tế Pô-chê-nông có một sân bay quân sự cần sửa

gấp. Hơn 30 máy bay quân dụng của Liên Hợp Quốc đổ ở đây.

Nhiệm vụ đặt ra cho 200 cán bộ nhân viên công trình Trung Quốc là: đường băng và đường đi ngang dọc đầy những “ổ voi” phải san sửa lại cho bằng phẳng. Đồng thời, căn cứ theo sơ đồ Liên Hợp Quốc đưa ra, phải dựng bãi lắp đặt rada và bãi để xăng dầu cho lính “Mũ nổi xanh” Pháp ở Campuchia.

Tháng 6 mùa mưa ở Campuchia. Sân bay thấp trũng chất đất vốn đã mềm, cứ đọng nước là lầy lội, gây rất nhiều khó khăn vất vả cho việc thi công.

Nhưng các chàng trai Trung Quốc chỉ mất một tháng đã sửa xong phần phía đông sân bay, lập kỷ lục “Tốc độ Trung Quốc” khiến mọi người kinh ngạc.

Đoạn Sôkôn - Côngpôngsom dài 92 cây số trên quốc lộ 6 bị chiến tranh tàn phá nặng nề. Theo kế hoạch, đại đội công binh Trung Quốc phải sửa xong đoạn đường này vào trước cuối tháng 8

Trung tuần tháng 6, trung tướng Sangđơson với sự tháp tùng của sĩ quan liên lạc đại đội công trình Trung Quốc đến thăm hiện trường thi công trên quốc lộ 6. Một cảnh tượng như thế này đã hiện ra trước mắt ông:

- Vì nơi đây là vùng rừng rậm, chỗ nào cũng toàn là rễ cây chằng chịt quấn chặt lấy nhau, không triển khai được máy móc công trình hiện đại, nhân viên công trình đành phải bỏ chặt bằng cuộc chim, mồ hôi vã ra như tắm.

- Đắp sửa đường cần dùng tới loại đất đỏ đặc biệt, để lấp được một hố có khi phải kéo về mấy xe lớn đất đỏ từ một vùng mỏ cách đây mười mấy cây số.

- Campuchia vào mùa mưa hầu như cứ hai ba ngày lại một trận mưa rào lớn. Đoạn đường tốn bao công sức vừa sửa chữa xong, một trận mưa lại trôi hết hoặc biến thành bãi lầy. Mặc dù vậy, nhân viên công trình vẫn không ca thán, không nản lòng, lại xoay tròn ra làm lại, vẫn tiến lên với tốc độ bình quân 400-500 mét một ngày. Một đoạn đường dài 20 cây số đã được họ tu sửa hoàn hảo như là một chuyện thần kỳ.

Trung tướng Sangđơson rất cảm động, khác với mọi lần, ông đã cùng nhân viên công trình Trung Quốc ăn cơm trưa, dí dỏm và thâm trầm nói: “Không ăn cơm Trung Quốc thì làm sao hiểu được những “hào hán” Trung Quốc”

Quốc lộ 4 Côngpôngsom - Phnôm-pênh dài 240 cây số, trong 24 chiếc cầu có 6 chiếc bị phá hoại nặng. Hồi tháng 4, khi đoàn xe UN của đại đội công binh Trung Quốc theo đường này vào Phnôm-pênh đã trải qua bao gian nan vất vả. Bây giờ, tuyến tiếp tế đường biển của Liên Hợp Quốc phải vươn dài theo tuyến đường này. Chỉ riêng ô tô của tuyến vận tải biển Liên Hợp

Quốc qua đây đã có tới 8400 xe chạy trên đường này.

Ngày 20 tháng 6, 40 đội viên được đại đội lựa chọn đã nhận nhiệm vụ then chốt trên con đường quan trọng tu sửa những cây cầu bị phá hoại nặng. Trong đó có một chiếc cầu vốn đã được công binh nước nọ có trang bị hiện đại sửa chữa nhưng không được Liên Hợp Quốc nghiệm thu, bây giờ lại giao cho nhân viên công trình Trung Quốc.

Hơn 40 chàng trai gang thép Trung Quốc đã xung trận. Họ chẳng hùng hồn tuyên bố gì, nhưng hành động đã khiến mọi người cảm động: hôm nay một cầu sửa xong, ngày mai lại một cầu nữa hoàn thành, trong vòng 10 ngày đã có 5 cầu tu sửa xong với chất lượng cao. Sau khi tu sửa xong chiếc cầu nhận làm lại của người khác, họ đã quét sơn trắng cây cầu kể cả lan can. Ngày hôm sau, đoàn xe Liên Hợp Quốc 600 chiếc đều chạy qua cây cầu này với tốc độ 80 cây số/ giờ. Thượng tá Pivô, Cục trưởng liên lạc và kế hoạch lực lượng gìn giữ hoà bình Liên Hợp Quốc ở Campuchia phải thốt lên: “Kỳ tích! thật là kỳ tích”.

Đợt “Mũ nổi xanh” thứ hai đến Phnôm-pênh

12 giờ 40 phút ngày 11 tháng 2 năm 1993, hai chú “quạ sắt” sơn màu đỏ trắng lại một lần nữa cất cánh rời sân bay Nam Uyển, Bắc Kinh. Đây là hơn 200 cán bộ chiến sĩ thuộc đội 1 đại đội lính công trình đợt hai Trung Quốc đến Campuchia.

Máy bay qua Viêng Chăn, Băng Cốc thủ đô Thái Lan, đến sân bay Pôchentông Phnôm-pênh. Nhiệt độ cao 43⁰c khiến sĩ quan binh lính như đi vào vùng núi lửa.

Đoàn xe tiến vào doanh trại sở chỉ huy “Đại đội lính công trình Trung Quốc ở Campuchia”. Một người lính Phi châu da đen bóng tay cầm súng trường tự động đứng ngay cổng vào chặn đoàn xe lại xem xét, nói một tiếng “China”, sau đó lùi lại một bước, vẫy tay cho qua. Một người lính khác đứng nghiêm, chào kiểu quân sự rất duyên dáng. Đại đội trưởng Lý Kim Dũng giới thiệu, trung đội bộ binh làm nhiệm vụ cảnh vệ là lính Gana, họ rất thân thiện.

Chuyến luân phiên thay quân bằng đường hàng không nước ngoài lần này, bộ đội và trang thiết bị phân tán ở 4 địa điểm Phnôm-pênh, Sôkôn, Côngpôngsom và chung tin, cách nhau hơn 200 cây số. Trước đây không lâu, tình hình Campuchia đột ngột thay đổi, năm tỉnh 10 huyện kể cả Côngpôngsom, đều có xung đột vũ trang quy mô lớn. Về việc này, bộ tư lệnh tổ chức Liên Hợp Quốc ở Campuchia đã có chỉ thị an toàn trong tình trạng khẩn cấp cho tất cả lực lượng

gìn giữ hoà bình ở Campuchia. Trong thời gian luân phiên thay đổi bộ đội ở Campuchia, hai máy bay trực thăng của quân đội nước ngoài do sự cố đã bị rơi, xác máy bay hiện vẫn còn trong rừng cỏ rậm rạp.

Đêm hôm ấy, một kế hoạch chu đáo chặt chẽ đã được hình thành. Công việc giao nhận thay phiên triển khai tại bốn địa điểm, nhân viên cấp tốc lên đường.

Đường quốc lộ 5 cát bụi mù mịt đường đã chật hẹp lại lối lổm gổ ghề xe của Liên Hợp Quốc, xe tải cũ nát chờ hàng của địa phương, xe lam chật ních người, tất cả chen chúc nhau trên đường, xe rất dễ xảy ra bất ngờ. Xe xuống phà tại bến đông Tònglê-sáp, đi sang quốc lộ 6 bờ bên kia. Những căn nhà sàn cũ nát lụp xụp lấp ló dưới những lùm cây ven đường, những cánh đồng rộng bỏ hoang thê lương. Từng tốp thương binh hai, ba người chống gậy ăn xin dọc đường. Chỉ có những ngôi chùa tháp cổ là còn tồn tại, dường như còn giữ lại được vẻ huy hoàng xưa kia.

Cảnh điêu tàn thê lương sau hơn 20 năm chiến tranh loạn lạc, khiến những quân nhân Trung Quốc đến từ hoàn cảnh hoà bình bị xúc động sâu sắc. Họ lặng lẽ cầu mong hoà bình sớm trở lại vùng đất này.

Giao nhận xong, trên đường trở lại Phnôm-pênh lính công binh Trung Quốc dừng xe nghỉ ngơi. Hai cô gái bán dừa chạy tới hai tay chấp lại người cúi xuống, đầu ngón tay đưa đưa lên sát mũi (một kiểu chào lễ phép nhất) mời họ vào lán. Một cô gái tên là Amua vội vã phật dừa, không may cửa phải ngón tay, máu ứa ra, nhưng cô cứ để mặc thế, cầm ống hút vào quả dừa, nhìn lính Trung Quốc uống dừa rồi cô mới buộc chỗ bị thương lại. Lúc sắp đi, một cô gái khác tên là Chiang Thao lại vác một chùm dừa to đưa lên xe. Đưa tiền, cả hai cô gái đều từ chối, nói rằng đây là quà tiễn quân đội Trung Quốc lên đường. Xe đã đi rất xa, các cô vẫn còn vẫy tay chào, miệng reo to: "Mao kơ bi bây, sabai! (Lính Trung Quốc, tốt lắm!)"

Ngày 16 tháng 2, nhân viên giao nhận chia thành hai nhóm, máy bay trực thăng và ô-tô chở họ đến khu doanh trại Côngpôngsom cách Phnôm-pênh hơn 200 cây số. Mé phải trong cổng khu doanh trại, một công sự tường bê tông gạch dày 80cm vừa xây xong. Sân sau còn hai công sự nửa chìm nửa nổi nữa. Trung tá Cao Quân đang tổ chức giao nhận ở đây nói với mọi người, khu vực Côngpôngsom thường xuyên có súng nổ, 5 giờ chiều hôm qua, nơi cách doanh trại chừng 30mét còn bị ném lựu đạn, sau đó cả hai phía đều nổ tiểu liên bắn nhau. Ông nhắc nhở, vũ khí chỉ dùng để tự vệ bảo đảm an toàn cho mình thôi. Những công sự này chỉ là biện pháp đề phòng, mong rằng không bao giờ phải sử dụng đến chúng.

Chập choạng tối thì quay về đến khu đóng quân Phnôm-pênh. Nghe nói hai sĩ quan chỉ huy đại đội ở Phnôm-pênh mất tích, mọi người rất lo lắng. Điện báo vô tuyến lập tức gọi đi các nơi. Nửa tiếng sau, qua báo cáo điện thoại vô tuyến được biết, hai đại đội trưởng khi đi xe đến bến phà Tông-lê-sáp, thì quan sát viên quân sự đi một xe con chạy ngược lại cho họ biết, trên đường cái phía trước có một tốp người không rõ lai lịch dùng súng tiểu liên và ống phóng rốc - két đang chặn các xe lại, khuyên họ không nên mạo hiểm đi tiếp. họ đành phải quay lại Sô-kôn theo đường cũ, hôm sau họ an toàn trở về Phnôm-pênh, mọi người mới thực sự yên tâm. Thật là hủ vía.

Việc giao nhận ở 4 địa điểm làm rất chu đáo. Vật tư trang bị hơn 2000 loại với hơn một triệu chiếc và các nhiệm vụ thi công đều được bàn giao rõ ràng rành mạch, mức hoàn hảo của trang thiết bị xe cộ đạt 100%, mức hoàn hảo của máy móc đạt 94%. Khi bàn giao công tác vệ sinh phòng dịch, được biết trong 31 đơn vị lính “Mũ nổi xanh” ở Campuchia đã có hơn 1000 người bị sốt rét, đại đội lính công binh Trung Quốc tới lúc này chưa ai mắc bệnh này:

Đại đội lính công binh đợt hai không đợi đến đủ đã lao ngay vào việc làm đường và sân bay ngay...

Ngày 22 tháng 2, những cán bộ chiến sĩ cuối cùng của đại đội đến Campuchia đợt hai đã tới Phnôm-pênh. Đại đội lính “Mũ nổi xanh” đến Campuchia đợt một lên máy bay trở về nước.

Tới lúc này, việc luân phiên thay thế quân đội Trung Quốc đến Campuchia đợt một kết thúc.

Tổ chức Liên Hợp Quốc ở Campuchia, bốn bên Campuchia và quân đội các nước bạn đã đánh giá cao lính mũ nổi xanh Trung Quốc. Trung tướng Sang-đô-sôn - tư lệnh quân đội Liên Hợp Quốc ở Campuchia nói: “Lính công binh Trung Quốc làm việc rất tích cực, rất có tinh thần xây dựng, chúng tôi rất hài lòng”.

Ngày 8 tháng 3 năm 1993, Bộ Tổng Tham mưu quân giải phóng nhân dân Trung Quốc tổ chức Đại hội mừng công, ghi chiến công hạng nhất tập thể cho đại đội công binh Trung Quốc đợt một đi Campuchia tham gia lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên Hợp Quốc, ghi chiến công hạng hai, chiến công hạng ba cho 47 sĩ quan chiến sĩ.

Trong lễ mừng công, ban tổ chức tuyên đọc thông lệnh do Tổng Tham mưu trưởng Trương Vạn Niên ký. Thông lệnh nói, đại đội công binh đi Campuchia đợt một, từ trung tuần tháng 4 năm 1992 đến thượng tuần tháng 2 năm 1993, đại diện cho quân đội Trung Quốc tham gia lực lượng gìn giữ hoà

bình của Liên Hợp Quốc, trong hoàn cảnh đặc biệt cách xa tổ quốc, độc lập thi hành nhiệm vụ, qua thử thách trong mọi tình huống phức tạp, đã được Bộ tổng chỉ huy Liên Hợp Quốc ở Campuchia, quân đội bạn và nhân dân Campuchia khen ngợi, đã phát huy ảnh hưởng của quân đội Trung Quốc, đóng góp cho tiến trình tái thiết và hoà bình ở Campuchia.

Công binh Trung Quốc đổ máu ở Campuchia

Đêm ngày 21 tháng 5 năm 1993, thị trấn Sôkôn tỉnh Côngpông chàm yên lặng như tờ.

Thị trấn nằm giữa vùng rừng dừa này, cách Phnôm-pênh về phía đông khoảng 100 cây số. Một bộ phận lính “Mũ nổi xanh” Trung Quốc đóng tại đây.

22 giờ 40 phút, lính gác chợt phát hiện một khối lửa bay tới theo hướng nam bắc, và loáng một cái phát tiếng nổ đĩnh tai trong khu nhà ở của lính công binh Trung Quốc.

Tiếng nổ làm thức tỉnh mọi người đang ngủ mê mệt. Cùng với khẩu lệnh “Di chuyển nhanh”, toàn trung đội trong đêm tối di chuyển xuống hầm ngầm. Trần Tri Quốc bị thương nặng được diu vào hầm. Khi lãnh đạo trung đội đếm số người, thấy còn thiếu một; “Dư Sĩ Lợi... còn Dư Sĩ Lợi nữa, đâu rồi?” Nghe nói vậy trung đội phó Tôn Tự Ba dẫn hai chiến sĩ quay người nhảy ra khỏi hầm lao về doanh trại. Mấy phút sau, họ trở về nhưng không có Dư Sĩ Lợi. Thấy ba người khóc, mọi người hiểu cả - Quả đạn nổ đã làm Dư Sĩ Lợi hy sinh.

Điều không may vẫn còn, tin đau lòng đưa tới: “Trần Tri Quốc vì bị thương quá nặng, cũng đã mãi mãi ra đi. Trước lúc lâm chung, anh chỉ nói một câu: “Tôi muốn uống nước...”

Tiếc khóc đau thương tràn ngập căn hầm.

Vào khoảng 0 giờ ngày 22 tháng 5, nhận được báo cáo khẩn cấp của đại đội trưởng Mã Kế Đông Bộ tư lệnh quân Liên Hợp Quốc ở Campuchia lập tức cho máy bay trực thăng tới đưa mấy người lính Trung Quốc bị thương đến bệnh viện dã chiến “UN” ở Phnôm-pênh chữa trị, sau đó đưa thi hài hai liệt sĩ đến nhà lạnh Phnôm-pênh.

Thì ra muốn có được một môi trường hoà bình đều phải đổi lại bằng máu!

Để một đất nước đã bị khủng hoảng và nội chiến bao trùm suốt 23 năm sớm có được hoà bình, quả không phải dễ dàng.

Từ 23 đến 28 tháng 5 năm 1993, là ngày tổng tuyển cử ở Campuchia. Để thắng cử lần này, 20 chính đảng đã sử dụng tất cả mọi thủ đoạn, có đảng

dùng cả khủng bố và bạo lực. Ngay cả nhân viên của tổ chức Liên Hợp Quốc ở Campuchia cũng trở thành mục tiêu tấn công của bọn khủng bố. Từ tháng 6 năm 1992 đến nay, 44 nhân viên của tổ chức Liên Hợp Quốc bị thương vì những hành động đối địch, 14 người thiệt mạng. Vụ doanh trại công binh Trung Quốc "5-21" ở Campuchia bị tấn công là một trong những hành động bạo lực ấy.

Ngày 22 tháng 5 năm 1993, người phát ngôn Bộ ngoại giao Trung Quốc cực lực lên án hành động bạo lực nghiêm trọng tấn công và gây thương vong doanh trại công binh Trung Quốc ở Campuchia. Chiều cùng ngày, Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc triệu tập hội nghị khẩn cấp, thảo luận vụ pháo kích doanh trại công binh Trung Quốc ở Campuchia và thông qua một bản tuyên bố. Bản tuyên bố cảnh cáo: Hội đồng Bảo an sẽ "áp dụng biện pháp mạnh hơn" đối với bất cứ bên nào không tuân thủ nghĩa vụ. Trong thời gian hội nghị, đại diện của Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Gali là Calahan và đại sứ 14 nước thành viên Hội đồng Bảo an thông qua đại sứ Lý Triệu Tinh đại diện của thường trú của Trung Quốc tại Liên Hợp Quốc gửi lời chia buồn tới Chính phủ Trung Quốc và gia đình những người bị sát hại.

Ngày 22 tháng 5, Hoàng thân Xihanúc từ Bắc Kinh bay về Phnôm-pênh. Xuống máy bay, ông đã viết thư ngay cho Phó Học Chương đại diện Trung Quốc tại Ủy ban tối cao toàn quốc Campuchia, nêu rõ kẻ pháo kích đã gây ra tội ác một cách nhục nhã, đồng thời thành thực xin lỗi Chính phủ Trung Quốc, và bày tỏ lòng thương tiếc với gia đình người bị sát hại.

Trung tướng Sangdon tư lệnh lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên Hợp Quốc cũng gửi thư chia buồn tới gia đình hai liệt sĩ.

Ngày 28 tháng 5 năm 1993, Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Gali gửi thư cho Đại sứ Trung Quốc ở Liên Hợp Quốc Lý Triệu Tinh, bày tỏ sự thương tiếc đối với hai người lính công binh Trung Quốc bị sát hại cùng gia đình họ, cảm ơn sự đóng góp của Trung Quốc cho hành động gìn giữ hoà bình.

Từ ngày 22 tháng 5 năm 1993, cả ba doanh trại lính mũ nổi xanh Trung Quốc ở Campuchia đều treo cờ rủ.

11 giờ 40 phút ngày 26 tháng 5 năm 1993, đơn vị đã làm lễ truy điệu trọng thể tại sân bay quốc tế Pôchentông để tưởng niệm hai liệt sĩ Trần Tri Quốc, Du Sĩ Lợi đã hiến thân cho hoà bình.

Tham dự lễ truy điệu có Chủ tịch tổ chức Liên Hợp Quốc của Campuchia Minsikan, Phó tư lệnh lực lượng gìn giữ hoà bình của Liên Hợp Quốc ở Campuchia Riđiơ, chủ nhiệm văn phòng hoàng thân Xihanuc, đại

diện Trung Quốc ở Campuchia đại diện lực lượng gìn giữ hoà bình. Các nước của Liên Hợp Quốc ở Campuchia. Ban bí thư Ủy ban tối cao toàn quốc Campuchia, chính quyền Phnôm-pênh, Chủ tịch đảng Phunxipêch Ranarit, Chủ tịch Đảng Phật giáo dân chủ tự do Xôn Xan, cũng cử đại diện đến tham dự lễ truy điệu. Trong sổ tang, Hoàng thân Xi-hanuc viết: “Đối với sự hy sinh của hai chiến sĩ Trung Quốc, những người Khome yêu nước chân chính chúng tôi, ngoài việc khắc ghi tên tuổi của họ vào lịch sử Campuchia, không còn cách nào báo đáp được ân tình của họ.”

VI. THỦ TƯỚNG ĐỨC HENMUT KÔN THĂM TRUNG QUỐC

Không bỏ lỡ thời cơ.

Một nhà bình luận thời sự quốc tế nổi tiếng nhận xét: Chuyển hướng quan trọng trong chính sách “hướng sang phương đông” của nước Đức và sự thành công trong chuyến thăm Trung Quốc của Kôn, có giá trị tham khảo rất lớn đến với việc nhận thức đặc điểm cơ bản tình hình thế giới sau khi Liên Xô giải thể, đối với việc nhận thức thành tựu kinh tế Trung Quốc và ảnh hưởng của nó đối với tình hình thế giới, và việc đối với việc nhận thức về kinh tế nước Đức.

Dù cho người Đức có nhiều điều dự nghị về vị chủ nhân của phủ thủ tướng này, nhưng tất cả đều không phủ nhận ông là người rất chăm lo chính sự. Hàng ngày vào lúc sáng sớm, ông đã bắt đầu đọc báo. Tất cả những tri thức về chính sách của đảng cầm quyền và đảng đối lập những tin tức quan trọng trong và ngoài nước trên báo chí, ông đều đọc rất kỹ một lượt; sau đó cứ mỗi tiếng đồng hồ ông lại xem một lần bản tin điện của thông tấn xã Đức để kịp thời tìm hiểu động thái trong ngoài nước và có phản ứng về một vấn đề nào đó.

Tám giờ sáng, ông hội ý với các trợ lý chính, lắng nghe những sự kiện lớn trong ngày và nghe giới thiệu bối cảnh các sự kiện, sau đó tất cả bàn bạc trao đổi thoải mái không đưa ra kết luận, các ý kiến chỉ để tham khảo. Ngoài ra, buổi hội ý còn thảo luận những vấn đề cần giải quyết trong ngày, rà soát tình hình chấp hành nghị quyết trước đó để đưa ra những văn bản cần thiết. Từ 9 giờ 30, ông tiếp khách trong ngoài nước, trả lời phỏng vấn của nhà báo, đọc các văn kiện và giải quyết thư từ, ra chỉ thị miệng, tham dự một số cuộc thảo luận quan trọng, ký các văn kiện. Nếu là vào những ngày lễ, ngày kỷ niệm trọng đại, ông đích thân đến dự và đọc diễn văn. Trong khoảng thời gian

này, có khi ông tìm gặp trao đổi trò chuyện với các bộ trưởng, bí thư quốc vụ, người chủ quản ngành nào đó hoặc bạn bè giới báo chí để tìm hiểu tình hình chỉ đạo công việc. Từ 13 giờ, ông tiếp tục đọc các văn bản và điện báo. Ông không bao giờ muốn để công việc đọng lại, cố gắng ngày nào giải quyết hết công việc ngày đó, tất cả những việc tự mình có thể và phải làm, ông luôn luôn một mình làm. Để buổi chiều làm việc được sung sức, buổi trưa ông nghỉ ngơi một lúc. Buổi tối ông thường làm việc tới khuya.

Nhà lãnh đạo nước Đức cao 1,93 mét, nặng 118 kilôgam này, ngoài niềm đam mê công việc cuộc sống đời thường cũng vô cùng phong phú. Ông ham đọc sách và sưu tầm sách, đó là một bộ phận quan trọng trong đời sống hàng ngày của ông, sách trong tủ kê ở đầu giường loại nào cũng có, từ truyện ký nhân vật đến lịch sử, tác phẩm khoa học đến tiểu thuyết, không thiếu loại nào.

Sáng sớm, để cho tinh thần thư thái, tập trung được tư tưởng vào công việc, bao giờ ông cũng nghe nhạc cổ điển hoặc nhạc jazz. Buổi tối, cũng có lúc ông xem ti vi. Ông còn yêu thích thể thao, rất mê môn bóng đá, môn ăn Trung Quốc và ý là thứ ông đặc biệt thích thú. Về mặt thưởng thức rượu nho, ông là một người sành sỏi.

Cứ đến cuối tuần, Kôn rất thích cùng gia đình đi chèo thuyền hoặc bơi lội, hay đi dạo trong rừng ngoại ô thành phố.

Kôn cho rằng, động lực cơ bản của lịch sử phát triển xã hội loài người, nhân tố kinh tế vĩnh viễn đóng vai trò quyết định. Sau khi Liên Xô tan rã (suy thoái kinh tế là nguyên nhân chính) “Nhân tố kinh tế” lập tức khiến thế giới phương Tây đứng trước thử thách gay gắt, đặc biệt là Mỹ, Bus vì “Kinh tế sa sút” đã ngậm ngùi rời Nhà Trắng. Tình hình thế giới sau chiến tranh lạnh cho thấy Mỹ không còn đủ sức bá quyền thế giới, cục diện thế giới đi theo hướng “Đa cực hoá” là không thể đảo ngược được; tầm quan trọng quyết định sức mạnh nhà nước của “Nhân tố kinh tế” luôn được thế giới khẳng định, chấp nhận. Vì vậy trong giao lưu quốc tế từ nay về sau phải lấy “Ngoại giao kinh tế” làm chủ đạo. Bất cứ nền ngoại giao nào đều phải lấy thực lực kinh tế làm hậu thuẫn mới có thể ứng phó được thuận lợi và có được uy lực ở mọi nơi.

Tình thế thúc ép, thời cơ không thể bỏ lỡ. Hai nước Mỹ, Đức bằng các phương thức khác nhau, tiến vào khu vực Châu á Thái Bình Dương nơi kinh tế đang phát triển mạnh mẽ. Nhất là Đức, nhằm vào thị trường Trung Quốc đã đưa ra việc điều chỉnh quyết sách quan trọng “Hướng sang phương đông”, rõ ràng là kịp thời và chính xác.

Giai đoạn mới của quan hệ Trung - Đức

Kinh tế là nhân tố quyết định, Trung Quốc đã sớm thấy, sớm biết hành động và sớm giành được hiệu quả. Trước khi Liên Xô tan rã, Trung Quốc đã tổng kết những kinh nghiệm được mất của nước mình và quốc tế. Hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương Đảng khóa 11 năm 1978 đã quyết đưa ra việc chuyển dịch quốc sách “Xây dựng kinh tế là trung tâm của toàn đảng toàn quốc”, mở ra con đường sáng sửa chấn hưng Trung Hoa, dân giàu nước mạnh.

Về thành tựu xây dựng kinh tế giành được từ ngày Trung Quốc cải cách mở cửa tới nay, Chủ tịch nhà nước Giang Trạch Dân ngày 17 tháng 11 năm 1993 tại SanFrancisco (Mỹ) đã nói với toàn thế giới: 15 năm nay, tổng giá trị sản phẩm quốc dân của Trung Quốc hàng năm bình quân tăng trưởng 8,9% năm ngoài tăng trưởng 12,8%, mức tăng trưởng năm nay dự tính có thể đạt 13%. Ông còn nói: “Tốc độ phát triển như vậy, nhân dân vui mừng, thế giới quan tâm”

Triển vọng tương lai trong giao lưu quốc tế, tất phải là cuộc đọ sức bằng sức mạnh tổng hợp lấy thực lực kinh tế và tiến bộ khoa học kỹ thuật làm nòng cốt. Về vấn đề này, Trung Quốc đã có đầy đủ quyền chủ động không chịu sự chi phối của người khác, viễn cảnh sẽ rất hấp dẫn, điều này có thể tin tưởng có thể kỳ vọng.

Hiện thực và viễn cảnh tương lai của tình hình phát triển kinh tế Trung Quốc, tất khiến “Thế giới quan tâm”. Thủ tướng Đức, Henmút Kôn mấy năm nay đã nghiên cứu và tìm hiểu Trung Quốc qua tình hình chính trị ổn định, kinh tế phát triển và ảnh hưởng đối với quốc tế, đưa ra kết luận chính xác “phải nhằm vào các nước Châu á”, trên cơ sở đó kiên quyết điều chỉnh quốc sách hướng sang phương đông” và nhanh chóng tới thăm Trung Quốc trước khi có cuộc gặp gỡ thượng đỉnh Trung - Mỹ, thể hiện rõ tầm nhìn, tầm hiểu biết và khí phách của một chính trị gia lão luyện.

Đặng Tiểu Bình khi tiếp Kôn sang thăm Trung Quốc tháng 7 năm 1987 đã nói: “Quan sát, xem xét vấn đề quan hệ hai nước Trung - Đức, tầm mắt phải xa rộng, không những phải nhìn vào thế kỷ này, mà còn phải nhìn vào thế kỷ sau.” Chuyến thăm này của Kôn đã thành công tốt đẹp, ứng nghiệm với lời Đặng Tiểu Bình.

Chuyến thăm Trung Quốc tháng 11 năm 1993 của Kôn đã thu được kết quả lớn. Tại Đại lễ đường nhân dân, Thủ tướng Lý Bằng và Thủ tướng Kôn đã tham dự lễ ký kết hơn 20 hiệp nghị và bản ghi nhớ với tổng kim ngạch là 2,8 tỷ đô la Mỹ, trong đó có những hạng mục quan trọng mà nhiều tập đoàn tài

chính quốc tế thêm muốn như tàu điện ngầm Quảng Châu, máy bay chở khách lớn, điện lực, gang thép, ôtô. Tính cạnh tranh của những hạng mục này rất gay gắt. Hợp đồng tàu điện ngầm Quảng Châu làm nhiều nước tranh giành nhau. Chỉ cần nước nào nhanh chân đến trước, đưa thiết bị vào sử dụng, lập một tủ kính quảng cáo mẫu cho sản phẩm đó, lập tức sẽ có lợi cho sản phẩm của họ giành được hợp đồng đấu thầu tại các thành phố khác của Trung Quốc. Các thành phố Trung Quốc đang có phong trào xây dựng sân bay kiểu mới, nhu cầu về máy bay dân dụng vô cùng lớn, công ty hàng không nói chung đều muốn sử dụng cùng một hệ thống máy bay để tiện cho việc sửa chữa duy tu, tiết kiệm giá thành bảo dưỡng, thế là máy bay Boeing sớm đã có mặt ở thị trường Trung Quốc, sau đó là công ty Mác Đônan. Bây giờ thì máy bay của Đức cũng chen vào được thị trường máy bay chở khách miền nam Trung Quốc. Ngoài ra, Đức còn chuyển nhượng cho Trung Quốc công nghệ chế tạo tàu hoả khách chở hàng trên đường sắt, ký kết cả những hạng mục hợp tác trong lĩnh vực hàng không vũ trụ.

Khi các nước phương tây đang tranh nhau khai thác thị trường Trung Quốc, thì Đức đã trở thành nhà đầu tư số một ở đây. Điều đó không thể không khâm phục tầm nhìn xa trông rộng và vai trò quyết đoán của Thủ tướng Kôn. Khi các nước phương Tây còn đang “trùng phạt” Trung Quốc, thì năm 1991 Đức đã khôi phục quan hệ chính trị và giao lưu trao đổi kinh tế thương mại hai nước. Năm 1992 Đức đã mời Phó Thủ tướng kiêm ngoại trưởng Tiễn Kỳ Tham thăm chính thức nước Đức, tiếp đó Đức lại cho Trung Quốc vay nợ lãi thấp và mở rộng viện trợ, thôi việc hạn chế xuất khẩu sang Trung Quốc; năm 1992 xuất khẩu của Đức sang Trung Quốc tăng vọt 32%, kim ngạch buôn bán hai nước lên tới 6,4 tỷ đô la Mỹ; năm đó, số các nhà kinh doanh Đức đến Trung Quốc đầu tư tăng vọt lên 50%. Trong lúc một số nước Tây Âu bán vũ khí cho Đài Loan, thì quốc hội Đức cho nghị quyết cấm bán vũ khí cho Đài Loan; cuối mùa hè năm 1993, Thủ tướng Kôn đi đầu trong việc đến thăm Trung Quốc, chứng tỏ ông đã thấy xu thế mới của tình hình thế giới. Cho nên việc giành được hợp đồng hệ thống tàu điện ngầm Quảng Châu, đâu phải chuyện ngẫu nhiên. Hiện nay, nửa số máy móc nhập của Trung Quốc là từ nước Đức, 10% nguyên vật liệu thép cũng mua của Đức, năm 1993 kim ngạch thương mại Trung Đức tăng vọt lên 50%.

Xét trong một thời gian ngắn việc buôn bán của Trung Quốc với Đức chắc bị nhập siêu. Nhưng Trung Quốc không chỉ xuất phát từ lợi ích trước mắt nhất thời để xem xét quan hệ hai nước, tính toán thiệt hơn. Chủ tịch Giang Trạch Dân

khi hội đàm với Thủ tướng Kôn, đã nhấn mạnh Trung Quốc và Đức là hai nước có ảnh hưởng lớn trên thế giới, phát triển quan hệ hai nước phải có tầm hiểu biết và dũng khí của một chính trị gia nhìn xa trông rộng, phải nắm bắt thời cơ. Giang Trạch Dân cũng nêu lại câu nói của Đặng Tiểu Bình: “Quan sát, xem xét vấn đề quan hệ hai nước Trung - Đức, tầm mắt phải xa rộng, không những phải nhìn vào thế kỷ này, mà còn phải nhìn vào thế kỷ sau.”

Tới nửa thế kỷ sau, Trung Quốc sẽ có vai trò thế nào ở phương Đông? Nước Đức sẽ phát huy ảnh hưởng thế nào ở châu Âu? Đây là những vấn đề đang để mọi người suy nghĩ. Khi hai nước này tăng cường hợp tác chặt chẽ, thì rõ ràng là đã tăng cường ảnh hưởng của mỗi bên. Nước Đức đang tranh thủ sự ủng hộ của các nước để trở thành nước thành viên thường trực Hội đồng Bảo an, đánh dấu sự xuất hiện thế giới đa cực hoá sau chiến tranh lạnh. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc và Đức kịp thời nắm bắt cơ may lịch sử phát triển kinh tế của mình. Rõ ràng là, thị trường tiêu thụ ra nước ngoài sản phẩm hàng dệt công nghiệp nhẹ của Trung Quốc sẽ đa nguyên hoá, Đức sẽ là đối tác thương mại quan trọng của Trung Quốc. Và Trung Quốc sẽ là thị trường xuất khẩu to lớn đầy tiềm năng cho sản phẩm máy móc điện tử kỹ thuật cao của Đức.

Thủ tướng Kôn thăm Trung Quốc thành công, đánh dấu quan hệ Trung - Đức tiến vào giai đoạn mới, đồng thời cũng thúc đẩy quan hệ kinh tế mật dịch của Trung Quốc với cộng đồng Châu Âu phát triển theo hướng tích cực.

Quan hệ Trung - Đức phát triển, cũng có ảnh hưởng quan trọng cho sự ổn định của thế giới. Càng nhiều nước sẽ nhận thấy, các quốc gia có chế độ khác nhau không nên nghi ngờ nhau, càng không nên can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, mà phải xoá bỏ ngăn cách, giảm bớt những rắc rối không cần thiết, việc đó chẳng những có lợi cho hoà bình thế giới, mà cũng có lợi cho sự phát triển kinh tế của cả hai bên.

Đức là nước lớn ở Tây Âu ngay năm 1993 đã có kế hoạch để người đứng đầu nhà nước sang thăm Trung Quốc, sau chuyến thăm Trung Quốc của các nước lớn khác cũng sẽ điều chỉnh công tác ngoại giao, tăng cường hợp tác kinh tế mật dịch với Trung Quốc.

Tin của phóng viên Tân Hoa Xã

Quan hệ giữa Trung Quốc và Liên bang Đức thành lập vào đầu những năm 70.

Tháng 9 năm 1969, Đảng xã hội dân chủ đã thắng lợi trong cuộc bầu

cử, cùng với Đảng Dân chủ Tự do thành lập Chính phủ liên hợp, làm cho Liên minh Dân chủ cơ đốc giáo và Liên minh xã hội cơ đốc giáo cầm quyền suốt 20 năm kể từ năm 1949, lần đầu tiên trở thành đảng đối lập. Thủ tướng Bran, người của Đảng xã hội dân chủ đã thay đổi chính sách phương Đông xơ cứng của đảng Liên minh trước đây, thi hành chính sách phương Đông mới, thừa nhận hiện thực sau chiến tranh, cải thiện quan hệ với Liên Xô và các nước Đông Âu.

Trung Quốc và Liên bang Đức không có xung đột về lợi ích, dù là đảng cầm quyền hay đảng đối lập đều sẵn sàng phát triển quan hệ với Trung Quốc, không có chia rẽ bất đồng gì cả. Nhưng khi ấy, Chính phủ đảng xã hội dân chủ rất lo ngại việc phát triển quan hệ với Trung Quốc sẽ ảnh hưởng tới việc thực hiện chính sách phương Đông mới của họ, ảnh hưởng tới việc cải thiện quan hệ của họ với Liên Xô và các nước Đông Âu, vì thế từ ngày lên cầm quyền, trong tuyên bố về chính sách ngoại giao của họ có nhắc qua loa đến Trung Quốc còn trong tất cả các tuyên bố và phát biểu đều không nói tới quan hệ với Trung Quốc. Đảng đối lập đã gây khó khăn cho Chính phủ về vấn đề này, cho rằng chính sách phương đông phải bao gồm cả Trung Quốc.

Trong những năm 1971 và 1972, một loạt sự kiện quan trọng trong và ngoài Trung Quốc, kể cả “ngoại giao bóng bàn Trung - Mỹ” chiếc ghế hợp tác của Trung Quốc ở Liên Hợp Quốc được khôi phục, Trung Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước, Nicholson thăm Trung Quốc, đã gây ra chấn động lớn ở Liên bang Đức. Đảng đối lập và báo chí càng công khai chủ trương phát triển quan hệ với Trung Quốc. Phó chủ tịch Liên minh dân chủ cơ đốc giáo, Chủ tịch uỷ ban đối ngoại của quốc hội Srôđơ trong năm 1971 và đầu năm 1972 đã hai lần phát biểu ý kiến với các nhà báo, tỏ ý muốn đến Trung Quốc để trao đổi ý kiến với các nhà lãnh đạo Trung Quốc về vấn đề quan hệ hai nước. Chủ tịch Liên minh xã hội cơ đốc giáo Storao cũng phát biểu với các nhà báo, cho rằng phải phát triển quan hệ với Trung Quốc, “Kẻ thù của kẻ thù là bạn”, chủ trương chính sách phương đông của Chính phủ không nên chỉ dừng lại ở Mátxcova mà phải vươn tới Bắc Kinh. Sau đó, phóng viên tờ “Kỳ hoa” đến thăm và mời com Vương Thù- phóng viên Tân Hoa Xã Trung Quốc thường trú tại Bon đã giới thiệu quan điểm của Storao và tỏ ý nếu Stonao thăm Trung Quốc thì không những có lợi cho việc hai bên hiểu biết quan điểm của nhau, mà còn gây phản ứng mạnh trên thế giới.

Chính phủ Đảng xã hội dân chủ một mặt bày tỏ muốn phát triển quan hệ với tất cả các nước kể cả Trung Quốc, mặt khác giải thích là Chính phủ đang bận đàm phán với Liên Xô và các nước Đông Âu để cải thiện quan hệ.

Người phát ngôn Chính phủ còn cho biết tới năm 1974 Chính phủ mới xem xét quan hệ với Trung Quốc. Kế đó, tại Quốc hội Liên bang, giữa Đảng đối lập và Đảng xã hội dân chủ đã diễn ra cuộc tranh cãi gay gắt. Thủ lĩnh đảng xã hội dân chủ khẳng định trong lời phát biểu của mình: “Không thể tìm được chìa khoá thống nhất nước Đức ở Trường thành”. Xem ra, tuy Đảng đối lập gây áp lực khá mạnh, Chính phủ Đảng Xã hội dân chủ vẫn không muốn thay đổi chủ trương cũ đặt quan hệ với Trung Quốc sau quan hệ với Liên Xô và các nước Đông Âu.

Trong tháng 4 năm 1972, phóng viên Tân Hoa Xã ở Bon Vương Thù trong buổi tiệc chiêu đãi của đại sứ Rumani ở Liên bang Đức, đã gặp Srôđơ hỏi về việc ông ta đã hai lần nói với các nhà báo là muốn đến Bắc Kinh cùng các nhà lãnh đạo Trung Quốc bàn thảo về quan hệ hai nước. Srôđơ trả lời, chỗ này đông người, không tiện nói nhiều. Ông sẵn sàng hẹn Vương Thù đến văn phòng ông ở quốc hội để trao đổi.

Khoảng 10 ngày sau, tức là vào đầu tháng 5, thư ký của Srôđơ gọi điện thoại hẹn ngày Vương Thù đến. Trong chính quyền đảng Liên minh trước đây. Srôđơ đã giữ những chức vụ quan trọng Bộ trưởng ngoại giao, Bộ trưởng quốc phòng, rất giàu kinh nghiệm ngoại giao. Ông nói chuyện với Vương Thù khoảng hai tiếng, từ tình hình quốc tế đến cục diện Tây Âu cuối cùng mới đến chuyện muốn thăm Trung Quốc vào dịp Quốc hội nghỉ hè. Vương Thù hứa sẽ nhanh chóng báo cáo về nước, có trả lời sẽ báo cáo cho ông ngay.

Hôm sau, Vương Thù tới sứ quán Trung Quốc ở Cộng hòa Dân chủ Đức, báo cáo việc này với Bộ ngoại giao. Theo Vương Thù, Chính phủ Đảng xã hội dân chủ chỉ quan tâm tới việc đàm phán với Liên Xô và các nước Đông Âu, không tích cực lắm trong việc phát triển quan hệ với Trung Quốc, bây giờ lợi dụng việc mời nhà chính trị đảng đối lập sang thăm Trung Quốc rất có thể sẽ có tác dụng thúc đẩy đối với Chính phủ. Hơn nữa, tiếng tăm của Srôđơ ở trong nước khá cao, lại là Chủ tịch uỷ ban đối ngoại của Quốc hội, khá thuận lợi cho Trung Quốc, cũng không làm méch lòng đảng cầm quyền, vì thế đề nghị Chính phủ mời Srôđơ sang thăm Trung Quốc càng sớm càng tốt. Sau hai tuần, Bộ ngoại giao trả lời, để “Học hội ngoại giao” mời Srôđơ thăm Trung Quốc hai tuần vào tháng 7. Thời gian này, thủ lĩnh đảng đối lập chủ tịch Liên minh dân chủ cơ đốc giáo Bade, thông qua một nhà báo nói với Vương Thù là muốn đến thăm Trung Quốc; Phó chủ tịch Liên minh xã hội cơ đốc giáo, cựu bộ trưởng nội chính, Hoxia cũng bảo thư ký của mình tìm Vương Thù bày tỏ hy vọng sớm được đến thăm Trung Quốc; Bôrone chủ nhiệm căn phòng của

Bộ trưởng ngoại giao Seros, Chủ tịch Đảng Dân chủ tự do một đảng nhỏ tham gia Chính phủ thông qua quan chức cục báo chí đã gặp Vương Thù, đề nghị quan chức ngoại giao hai nước ở Gionevơ tiến hành bàn thảo về quan hệ hai nước; Kingơ chủ nhiệm văn phòng của Kensơ, Bộ trưởng mời hai nhà báo thể thao Trung Quốc sang thăm Liên bang Đức (Bộ nội chính kiêm quản lý thể thao). Chỉ có Đảng xã hội Dân chủ không có thái độ gì. Những việc này, Vương Thù đều báo cáo về nước, nhưng vì đã quyết định mời Srôđơ thăm Trung Quốc, trong nước không có ý kiến gì.

Nhận được lời mời, Srôđơ rất vui, ngay hôm đó đã tuyên bố với giới báo chí và lập tức gây sự chú ý ở trong và ngoài nước. Rất nhiều tờ báo, nhân sĩ tỏ ý hoan nghênh, cho rằng chuyến thăm này “Sẽ là một sự kiện trọng đại”, “Quan hệ hai nước đang mở ra một trang mới”. Nhiều nhà báo viết thư hoặc gọi điện thoại đến Srôđơ và Vương Thù xin được cùng đi thăm Trung Quốc. Một số nhân sĩ và báo chí xã hội lên tiếng thanh minh, nhấn mạnh rằng Chính phủ Đảng xã hội Dân chủ khi lên cầm quyền trong tuyên bố của mình đã bày tỏ thái độ muốn phát triển quan hệ với tất cả các quốc gia kể cả Trung Quốc. Thậm chí có tờ báo châm chọc rằng Srôđơ “đâu có thể đại diện được cho Chính phủ”, còn dả kích ông có ý đồ “Kiểm soát vốn liếng chính trị” cho cuộc bầu cử vào cuối năm. Còn một số thì lật tẩy đảng đối lập, nói rằng trong thời gian cầm quyền họ đã thương thuyết với phía Trung Quốc tại Bucaret về vấn đề quan hệ hai nước, sau do sức ép của Mỹ nên đã buông xuôi, rằng khá nhiều người lãnh đạo của đảng đối lập đã đi thăm Đài Loan v.v... Báo chí và các nhân sĩ của đảng đối lập cũng công kích đảng cầm quyền đã khuất phục trước sức ép của Liên Xô. Khi ấy, hoàn cảnh của đảng cầm quyền trong quốc hội cực kỳ khó khăn. Vì có sáu nghị sĩ của đảng cầm quyền cũng chống lại nên đảng cầm quyền mất đa số trong quốc hội, chỉ ngang bằng với đảng đối lập. Ngày 27 tháng 4, đảng đối lập đề nghị bỏ phiếu bất tín nhiệm đối với Thủ tướng Brant, nhờ có hai nghị sĩ Đảng đối lập giờ què ông mới thoát được hiểm với hai phiếu đa số. Đảng cầm quyền quyết định giải tán quốc hội tiến hành tổng tuyển cử sớm trước cuối năm. Trước sự phê phán ở trong và ngoài nước, Srôđơ giữ thái độ thận trọng và nín nhịn, với các nhà báo ông nhiều lần bày tỏ là ông đi thăm Trung Quốc với tư cách Chủ tịch Ủy ban đối ngoại của quốc hội, và sẽ cùng trao đổi ý kiến với người lãnh đạo Trung Quốc theo tinh thần “siêu đảng phái”. Trước lúc lên đường, ông đã có chuyến viếng thăm Thủ tướng Brant và ngoại trưởng Seros, trao đổi ý kiến về vấn đề quan hệ hai nước.

Srôđơ đã đem “mưa lành” đến

Srôđơ và phu nhân đến Bắc Kinh ngày 15 tháng 7. Ông đã hội đàm bốn lần với Kiều Quán Hoa hồi đó là Hội trưởng học hội ngoại giao, Thứ trưởng Bộ ngoại giao, cuối cùng đạt được một văn bản ghi nhớ. Theo đó hai bên cho rằng việc hai nước sớm thiết lập quan hệ ngoại giao là có thể được và về mặt này không có khó khăn gì. Buổi tối hôm trước khi ông rời Bắc Kinh đi thăm các nơi khác, Thủ tướng Chu Ân Lai tiếp ông tại Đại lễ đường Nhân dân. Ông nói với Thủ tướng Chu khi đón ông ở cửa phòng khách: “Tôi mang tới ngài lời chúc mừng tốt đẹp nhất của Liên bang Đức”. Thủ tướng Chu cười trả lời: “Tôi cảm ơn ông đã đem mưa lành đến”. Chả là Bắc Kinh lâu này không mưa, trước lúc tiếp kiến thì lại mưa một trận to!. Thủ tướng Chu hỏi ông mấy hôm nay để tham quan những đâu, ông nói Cố Cung và Trường Thành. Thủ tướng Chu lại hỏi ông đã leo lên độ cao nào của Trường Thành, ông nói tới đỉnh cao nhất. Thủ tướng Chu khen: “Vậy là ông đã cao gấp đôi Nicholson, và cũng cao hơn cả ngoại trưởng Pháp Suman mới đến thăm Trung Quốc tuần trước.” Sau khi kể chuyện ông đã tới nước Đức vào đầu những năm 20 và hỏi thăm những thay đổi ở Bon Kôn, và Chu Ân Lai đã trả lời những câu hỏi của 15 nhà báo cùng đi với Srôđơ. Cuối cùng, khi nói tới chuyện bia Đức và Trung Quốc, Thủ tướng bảo nhân viên phục vụ biếu mỗi nhà báo hai chai bia Thanh Đảo, và nói vui với họ “các ông không được uống trước một mình, nhất định phải đem về nước cùng uống với các phu nhân đấy.” Sau những câu chuyện xã giao, cuộc hội đàm chính thức diễn ra suốt ba tiếng rưỡi, tới tận sáng sớm hôm sau. Thủ tướng Chu cảm thấy hài lòng khi trao đổi với Srôđơ, nhất là khi nghe ông ta nói cần an ninh thật chứ không phải an ninh giả.

Ngày 29 tháng 7 sau khi trở về Bon, trong vòng chưa đầy 24 tiếng, Srôđơ đi chuyên cơ của không quân Liên bang sang nước áo báo cáo tình hình chuyến thăm Trung Quốc với Ngoại trưởng Serơ đang nghỉ ở đây, mấy tiếng sau lại đi máy bay về Bon. Hôm sau, Srôđơ tổ chức họp báo phóng viên và biên tập đến rất đông, chật ních cả hội trường, nhận nhíp chưa từng có. Ông nói, ông có ấn tượng rất sâu sắc về tầm quan trọng và sự phát triển của đất nước Trung Quốc này. “Xét về tầm quan trọng của Trung Quốc trong nền chính trị thế giới ngày nay, tôi cho rằng chuyến đi này vô cùng cần thiết. Tầm quan trọng này nhắc nhở chúng ta phải bình thường hoá quan hệ với quốc gia dân số đông đảo này. Tôi còn muốn nói rằng, Trung Quốc rất chú ý tới sự phát triển của Cộng đồng Châu Âu đang ngày một lớn mạnh”. Theo ông, “Thời cơ đã chín mùi, Liên bang Đức cần nhanh chóng lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc, không nên để có bất cứ khó khăn

nào.” Thái độ này của Srôđơ được nhiều nhân sĩ và báo chí trong ngoài Liên bang tán thành và ủng hộ.

Vương Thù không đi cùng Srôđơ thăm Trung Quốc. Mấy hôm sau nhận được điện báo của Tổng giám đốc Tân Hoa Xã bảo trở về Bắc Kinh ngay, nhưng vé máy bay rất khó mua, tới khi Vương Thù đi đường vòng qua Hà Lan, Pakistan về đến Bắc Kinh thì đã là buổi tối ngày 20 tháng 7, phái đoàn Srôđơ đã đi thăm nơi khác rồi. Cán bộ ban ngoại vụ Tân Hoa Xã, rất khen công việc của ông, và nói với ông có thể vào tối nay Thủ Tướng sẽ gặp. Chiều hôm ấy, Vương Thù được thông báo Thủ tướng sẽ gặp ông vào lúc 7 giờ tối. Vương Thù đến sớm 15 phút trước giờ hẹn. Ông bước vào phòng khách mé trái cửa phía đông Hội trường nhân dân. Bên trong chưa có ai, đèn chưa bật sáng hết, ông ngồi xuống một chiếc ghế mây tròn. lát sau, Chu Ân Lai một mình bước vào phòng khách. Từ sau “Cách mạng văn hóa” đến nay, Vương Thù lần đầu tiên mới gặp lại Thủ tướng, ông trông già yếu hơn trước, nhưng ánh mắt vẫn sáng ngời. Sau khi hỏi tên Vương Thù, thấy Vương Thù mặc quần áo thường, đi giày vải liền hỏi:

- Ô Bon anh mặc quần áo gì, sao không mặc như vậy?”

Vương Thù đáp:

Ô Bon tôi mặc âu phục, về nước thì thay ngay, cho thoải mái hơn.

Chu Ân Lai bảo:

- Thế thì cứ mặc. Tôi đâu có trách gì anh.

Ông bảo Vương Thù ngồi xuống bên cạnh, hỏi Vương Thù trước đây học ở trường nào, vào làm ở Tân Hoa Xã lúc nào, đến Bon công tác lâu chưa. Chu Ân Lai tỏ ra hài lòng về cuộc trao đổi với Srôđơ:

- Tôi đã tiếp Srôđơ hai hôm trước đây, nói hay lắm, ông ta nói phải an ninh thật, hoà bình thật, tuyệt lắm.

Rồi ngoảnh mặt nói với Vương Thù: “ Srôđơ sang thăm Trung Quốc, lẽ ra anh nên đi cùng ông ta về, khi ấy chúng tôi không nghĩ ra chuyện ấy, nên thông báo cho anh chậm mấy ngày.”

Khi Chu Ân Lai đang trao đổi với Vương Thù về tình hình Liên bang Đức thì Cơ Bằng Phi, Kiều Quán Hoa và các cán bộ ở Bộ ngoại giao khác lần lượt vào phòng khách.

Thủ tướng hỏi ý kiến của Vương Thù về tình hình châu Âu. Vương Thù nghĩ bụng, Thủ tướng và các đồng chí trước đây đã nhiều năm làm công ta công tác ngoại giao, giờ đưa ra nhận xét của mình có khác gì múa rìu qua mắt thợ. Thấy anh có vẻ ngại ngùng, Chu Ân Lai động viên: *

- Cứ nói đi, có ý kiến gì cứ nói cho hết.

Vương Thù : Tôi trước đây công tác ở thế giới thứ ba. Lần đầu tiên đến Tây Âu nên biết quá ít về tình hình châu Âu, nhất là vấn đề Đức. Mới đầu đến Bon, đúng vào lúc sự kiện đảo Trần Bảo xảy ra chưa lâu, giới chính trị và giới báo chí phương tây bàn luận rất nhiều về chính sách đối ngoại của Liên Xô, trong đó vấn đề lớn nhất là mục đích chính sách đối ngoại của Liên Xô rút cục là hướng sang phương tây hay là phương đông. Đa số cho rằng, lợi ích căn bản của Liên Xô ở Châu Âu thì trọng điểm, chính sách là hướng sang tây chứ không phải sang đông. Nhưng khá nhiều người có ý kiến khác, cho rằng việc chuẩn bị chiến tranh của Liên Xô có thể là chuyển sang đông, có người còn hí hửng ảo tưởng trước tai hoạ của người khác, đẩy "Tai hoạ" sang phía đông. Tôi đương nhiên rất thích thú vấn đề này, đã điều tra nghiên cứu, biết được ít nhiều về ý kiến của phe đa số và phe thiểu số. Trình độ và hiểu biết hạn chế, tôi không thể đưa ra kết luận chính xác về vấn đề trọng đại này, chỉ qua các nguồn tin rồi phân tích khách quan ý kiến của phe đa số, chỉ ra sự tranh giành quyết liệt của hai bá quyền, trọng điểm chiến lược là châu Âu, chiến lược của Liên Xô là nhằm hướng Tây, không thể là hướng Đông được.

Sau khi nghe Vương Thù trình bày ý kiến, Chu Ân Lai nói:

- Những thông tin của anh, nhất là ý kiến về sự tranh giành quyết liệt và trọng điểm tranh giành của hai bá quyền là ở châu Âu, rất có giá trị tham khảo.

Ông nói, Châu Âu với nền kinh tế kỹ thuật phát triển là trọng điểm tranh giành của hai bá quyền, đại quân của hai bên đối địch nhau ở châu Âu, chẳng ai chịu nhượng bộ. Tây Âu và Đông Âu đều bị đe dọa, họ mong muốn hoà bình và an ninh.

Chu Ân Lai lại hỏi Vương Thù tình hình họp của Cộng đồng Châu Âu ở Pari, Vương Thù hình như không tìm hiểu việc này nên không trả lời được. Thủ tướng nói:

- Nhà báo các đồng chí đều chỉ thích săn những tin tức sốt dẻo. Vấn đề sốt dẻo dĩ nhiên phải nghiên cứu rồi, nhưng phải chú ý những gì có tính chất phổ biến. Đối với những vấn đề trước mắt chưa phải sốt dẻo nhưng rất quan trọng cũng phải nghiên cứu.

Chu Ân Lai lại hỏi Vương Thù về quan hệ Trung Quốc với Liên bang Đức. Vương Thù cho rằng, hai nước cần thiết và có thể nhanh chóng thiết lập quan hệ ngoại giao, nhất là việc Trung Quốc mời Srêđơ sang thăm đã gây chấn động ở Bon. Dự đoán sau khi về nước, Srêđơ sẽ cố gắng cho việc phát triển quan hệ hai nước:

Thủ tướng dặn:

- Khi ở Bắc Kinh, Srôđơ hứa khi về nước sẽ cố gắng làm việc này. Sau khi trở về Bon, anh đến tìm ông ta hỏi xem ông ta suy nghĩ thế nào về quan hệ hai nước. Với các nhân vật chính trị khác, anh cũng gần gũi nhiều hơn nữa, lắng nghe ý kiến họ - Nhưng một lát, ông nói:

- Nếu hai nước đi tới hiệp định lập quan hệ ngoại giao, có thể mời ngoại trưởng Serơ đến Bắc Kinh ký kết thông cáo chung.

Vương Thù còn nhắc tới việc sau khi Trung Quốc mời Srôđơ, khá nhiều nhân sĩ trong giới chính trị và kinh tế, kể cả Chủ tịch Liên minh xã hội cơ đốc giáo Storaơ cũng muốn được sang thăm Trung Quốc. Chu Ân Lai lại nói ngay:

- Ai muốn sang thăm cũng được, kể cả Storaơ cũng có thể mời được.

8 giờ 30 phút tối ngày 24 tháng 7, Vương Thù ăn cơm ở nhà bạn xong lên xe buýt đi về nhà. Vừa xuống xe thì một cán bộ ban ngoại vụ Tân Hoa Xã đang đương chờ ở bến mừng quýnh kéo tay Vương Thù bảo, may quá tìm được anh đây rồi! Hoá ra họ vừa nhận được thông báo qua điện thoại: Có một việc quan trọng, yêu cầu Vương Thù đến cổng Bộ ngoại giao vào lúc 9 giờ để lên xe cùng đi. Lên xe rồi Vương Thù mới biết Mao Chủ tịch muốn gặp anh. Vương Thù cảm thấy rất xúc động và hồi hộp. Anh mới chỉ được thấy Mao Chủ tịch trên ti vi và trong phim, chưa bao giờ được gặp trực tiếp. Vương Thù đến nhà ở Mao Chủ tịch tại Trung Nam Hải, được mời vào thư phòng. Khi anh bước vào, Mao Trạch Đông đã ngồi trên chiếc ghế bành mây quen thuộc đặt bên trái, đang trò chuyện với Chu Ân Lai và Cơ Bằng Phi, Kiều Quán Hoa. Vương Thù nồng nhiệt bắt tay Mao Chủ tịch. Chu Ân Lai giới thiệu với Mao Trạch Đông là trước đây Vương Thù học ở đại học Phúc Đan, Thượng Hải, thông thạo mấy thứ tiếng nước ngoài, làm phóng viên nhiều năm ở nước ngoài. Mao Trạch Đông cười bảo:

- Tôi cũng đã làm phóng viên, chúng ta cùng nghề.

Vương Thù ngồi xuống chiếc ghế mây đối diện với Mao chủ tịch, trong lòng rất xúc động, anh bật khóc. Mao Trạch Đông rút một điếu thuốc đưa cho Vương Thù :

- Tiếp đó, Mao Trạch Đông nói tình hình Châu Âu và thế giới, giọng Hồ Nam rất nặng. Lúc đầu, có những câu Vương Thù không nghe được hết, không ghi lại được. Chu Ân Lai thấy Vương Thù ghi rất vất vả, liền bảo chú ý thôi, đừng ghi nữa. Mao Trạch Đông nói tới việc phương Tây nhiều người đang thảo luận chiến lược của Liên Xô là hướng sang Tây hay hướng sang Đông, hay dương Đông kích Tây, có người lại còn ảo tưởng rằng tai hoạ đang

dồn sang hướng đông. Sau khi nêu những thí dụ về chiến lược trong đông kích tây trong lịch sử Trung Quốc và nước ngoài, Mao Trạch Đông nêu rõ Châu Âu ví như miếng thịt ngon, ai cũng muốn ăn, trọng điểm giành giật giữa Mỹ Xô là ở châu Âu, đại quân của hai bên dàn ra ở khu vực châu Âu, chỉ ra ở Tây Âu quốc gia quá nhiều, quá phân tán, quá yếu, bị cuộc tranh giành của hai bá quyền đe dọa phải liên hiệp lại, bảo vệ hoà bình và an ninh.

Chu Ân Lai giới thiệu ngắn gọn với Mao Trạch Đông tình hình thăm Trung Quốc của Srôđơ. Mao Trạch Đông nói, có thể mời một số người đến, cánh hữu cũng mời, tôi nói chuyện với họ được. Nicholson sang đây, ngay tại căn phòng này chúng tôi nói chuyện với nhau rất thú vị. Theo Mao Trạch Đông, Châu Âu mâu thuẫn rất nhiều, tình hình rất phức tạp không có ngọn đèn sáng nào, chỉ toàn nói lung tung. Có thể mời một số người đến đây, cũng có thể cử một số người sang bên đó, phải điều tra nghiên cứu, tình hình phải nắm chắc hơn.

Mao Trạch Đông nói từ ngoài nước đến trong nước gần ba tiếng. Sau đó, tại căn phòng bên ngoài thư phòng, Chu Ân Lai còn tiếp tục trao đổi thêm một tiếng nữa. Ông cho biết, Mao Chủ tịch đã phê chuẩn báo cáo xin ý kiến về việc đàm phán quan hệ ngoại giao với Liên bang Đức, yêu cầu Vương Thù mau chóng trở về Bon, tìm hiểu tình hình tiếp xúc của Srôđơ sau khi về nước, dặn nhớ mang theo hai bản mẫu “Thông cáo chung” thiết lập quan hệ ngoại giao của Trung Quốc với những nước khác. Thủ tướng còn thông báo Thủ tướng Nhật Tanaka và Đại thần ngoại giao Ahira sắp sang thăm Trung Quốc, nếu sớm đạt được hiệp nghị thành lập quan hệ ngoại giao với Liên bang Đức đó cũng sẽ là một sức ép đối với họ. Sau này Vương Thù mới biết, chính Chu Ân Lai trong báo cáo xin ý kiến đã đề nghị Mao Trạch Đông gặp anh.

Rời Trung Nam Hải, trời đã tờ mờ sáng.

Nhà báo làm đại diện đàm phán

Sáng sớm ngày 3 tháng 8, trước khi Vương Thù đáp máy bay đi Bon bí thư của Kiều Quán Hoa gọi điện thoại đến báo Vương Thù đến ngay Bộ ngoại giao gặp ông ta, sau đó đi thẳng ra sân bay. Kiều Quán Hoa báo Vương Thù, nửa đêm Thủ tướng nhận được điện báo của phân xã Tân Hoa Xã Bon nói chủ nhiệm văn phòng của Bộ trưởng nội chính Liên bang Đức Kensơ gọi điện thoại đến báo muốn gặp ngay Vương Thù, mấy nhân vật sĩ trong giới chính trị và kinh tế cũng gọi điện thoại muốn gặp Vương Thù. Thủ tướng nhận định rất có thể Kensơ muốn bàn vấn đề quan hệ hai nước nên yêu cầu Vương Thù về tới Bon sau khi

gặp Srôđơ thì đi gặp Kenơ. Nếu bàn về quan hệ hai nước, thì nói với Kenơ có thể đàm phán vấn đề thiết lập quan hệ ngoại giao, và mời Bộ trưởng Serơ đến Bắc Kinh ký thông cáo chung. Nếu Serơ muốn gặp trực tiếp cũng có thể tới gặp và nói với ông ta những ý kiến trên. Thủ tướng còn dặn, các nhân sĩ khác muốn gặp cũng gặp, càng nghe được nhiều ý kiến của họ.

Vương Thù về đến Bon, Srôđơ đang đi nghỉ ở một đảo nhỏ tại Biển Bắc. Sáng sớm hôm sau, Vương Thù đáp máy bay đến đó. Srôđơ rất cảm ơn việc Vương Thù bố trí cho ông thăm Trung Quốc và về tới đây lại tìm gặp ông ngay. Ông nói, chuyến thăm Trung Quốc đã thành công lớn, tin tức và bình luận trên báo chí rất nhiều và đều tích cực cả; mấy chục nhà báo trong ngoài nước đã phỏng vấn ông, ông đều nói rằng việc kiến lập quan hệ ngoại giao hai nước là hợp thời. Ông cho biết đã nói với ngoại trưởng Serơ về chuyến thăm Trung Quốc, đề nghị Vương Thù trực tiếp trao đổi với Serơ. Theo ông, để tiện cho việc đàm phán thông cáo chung càng đơn giản càng tốt. Hôm sau, Vương Thù đi gặp Kenơ. Ông ta tỏ ra rất vui, nói là định cùng Vương Thù bàn vấn đề quan hệ hai nước, nhưng được Serơ cho biết hôm trước Vương Thù đã bàn với Srôđơ rồi, nếu chẳng còn gì để nói nữa, ông sẽ bố trí để Vương Thù gặp Serơ. Mấy hôm sau Serơ tiếp Vương Thù, cho biết Srôđơ đã nói với ông mọi chuyện rồi, tỏ ý hy vọng hai nước nhanh chóng đàm phán vấn đề thiết lập quan hệ ngoại giao và nhận lời mời của Trung Quốc đến Bắc Kinh ký thông cáo chung.

Mấy hôm sau, Bộ ngoại giao Trung Quốc điện sang đề nghị tiến hành đàm phán tại Bon, nhưng Vương Thù không ngờ anh lại làm đại diện đàm phán. Bộ ngoại giao Liên bang Đức đồng ý, cử vụ trưởng chính trị Staden làm đại diện đàm phán. Bộ ngoại giao cử Vương Diên Nghĩa sang làm phóng viên phân xã, lại điều một số cán bộ từ sứ quán ở Dân chủ Đức và sứ quán ở Tiệp đến hỗ trợ. Đàm phán bắt đầu từ 19 tháng 8, trải qua 40 ngày, công báo thiết lập quan hệ ngoại giao được ký tắt ngày 29 tháng 9. Giữa Trung Quốc và Liên bang Đức không có quan hệ ngoại giao với Đài Loan, nên phía Trung Quốc chẳng có vấn đề gì đáng phải bàn, còn sở dĩ kéo dài ngày như vậy, chủ yếu là đối phương cứ mắc mứu về vấn đề Tây Béc - lin ý đồ của họ là muốn Trung Quốc trên thực tế thừa nhận lập trường "Tây Béc - lin là một bộ phận của Liên bang Đức", phía Trung Quốc không đồng ý, giằng co mãi cuối cùng đối phương "đọc" một bản tuyên bố miệng, nhưng không đưa vào biên bản. Khi kết thúc, hai bên thoả thuận: ngày 10 tháng 10, Serơ sau khi tham dự Đại hội đồng Liên Hợp Quốc sẽ qua Nhật Bản đến Bắc Kinh; ngày 11, Ngoại trưởng

hai nước ký Thông cáo thiết lập quan hệ ngoại giao.

Đầu tháng 10, trước khi Vương Thù rời Bon về Bắc Kinh để chuẩn bị cho Ngoại trưởng Serơ thăm Trung Quốc, thì mấy quan chức ngoại giao nước bạn gửi đến cho Vương Thù những tấm giấy mời của “Phòng báo chí Viễn Đông” - một tổ chức của Đài Loan ở Bon, mời họ tham dự buổi chiêu đãi chúc mừng quốc khánh Đài Loan ngày 10 tháng 10 như để nhắc Vương Thù phải chú ý. Trước đây “Phòng báo chí” cũng đã tổ chức lễ chúc mừng này, nhưng quy mô rất nhỏ, chỉ có một số ít Hoa kiều và người Đức tham dự. Sau này Vương Thù mới biết, quy mô lần này rất lớn, giấy mời được gửi đi rất nhiều tới các quan chức Chính phủ, nghị sĩ, quan chức ngoại giao các nước. Rõ ràng là một hoạt động khiêu khích. Phía Trung Quốc hết sức bất bình. Coi đây là một hành động thiếu thiện chí của Bon vì đã dung túng cho việc làm này. Hai tiếng trước khi lên máy bay, Vương Thù hẹn gặp vụ trưởng Staden, trao đổi thật sự nghiêm chỉnh về chuyện này.

Lúc đầu ông ta mượn cớ đây là hoạt động của những “tổ chức phi Chính phủ, nhưng cuối cùng phải đồng ý dẹp bỏ buổi chiêu đãi của Phòng báo chí Viễn Đông”.

Ngoại trưởng hai nước ký thông cáo về việc thiết lập quan hệ ngoại giao.

Ba ngày trước khi Serơ đến, Đại lễ đường nhân dân, ngoại giao và các ngành hữu quan báo cáo công tác chuẩn bị đón tiếp Vương Thù cũng tham dự. Thủ tướng muốn trong buổi dạ hội đón chào Serơ có tiết mục trình diễn nhạc giao hưởng của Bêtôven. Ông đề nghị vụ lễ tân đi hỏi Lý Đức Luân người chỉ huy đoàn nhạc trung ương. Lý Đức Luân nói, đoàn nhạc Trung ương kể từ khi “cách mạng văn hóa” không luyện tập nhạc khúc của Bêtôven nữa, trong vòng mấy ngày để trình diễn được nhạc giao hưởng thì rất khó khăn, nhưng ông đề nghị, trong bữa tiệc chào mừng Serơ có thể trình diễn nhạc khúc ngắn của Bêtôven và các nhạc sĩ Đức khác được. Thủ tướng đồng ý với đề nghị này.

Ngày 11 tháng 10, cũng tại Đại lễ đường nhân dân, Ngoại trưởng Cơ Bằng Phi và Ngoại trưởng Serơ đã ký kết Thông cáo chung về việc lập quan hệ ngoại giao hai nước. Đúng như một số báo chí Liên bang Đức nói, lễ ký kết chỉ diễn ra trong vòng 10 phút, nhưng là kết quả của bao nhiêu nỗ lực, căng thẳng, phức tạp thậm chí mang nhiều kịch tính suốt hơn một năm nay.

Trong bữa tiệc đón tiếp tối hôm ấy, đoàn nhạc trình diễn nhạc khúc ngắn của Bêtôven và của các nhạc sĩ Đức khác, khiến phái đoàn Liên bang Đức và quan chức Ngoại giao sứ quán các nước ở Trung Quốc rất ngạc nhiên và hoan nghênh.

Xong tiệc, Ngoại trưởng Serơ cùng đi với Ngoại trưởng Cơ Bằng Phi tới trước đoàn nhạc, nâng cốc tỏ ý cảm ơn họ. Các nhà báo trong đoàn cũng như nhiều nhà báo nước ngoài ở Bắc Kinh đã đưa tin về sự kiện này, khiến dư luận có phản ứng rất tốt. Từ đó, mỗi khi có phái đoàn nước ngoài đến thăm, đoàn nhạc đều trình diễn một số nhạc khúc của nước họ. Nhưng, điều đó cũng khiến cho “lũ bốn tên” ganh ghét và căm giận, sau đó nhân danh phê phán nhạc không lời, bọn họ đã sẵn bầy công kích Chu Ân Lai.

Sau khi hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao, Vương Thù được điều về công tác ở bộ ngoại giao. Một tháng sau hai nước thành lập sứ quán, và cử những đại sứ đầu tiên dày dặn kinh nghiệm. Đại sứ Trung Quốc là Vương Vũ Điển, Đại sứ Liên bang Đức là Bôn.

VII. TRANH CẢI VỀ VẤN ĐỀ HẠT NHÂN GIỮA MỸ VÀ TRIỀU TIÊN

Clinton cảnh cáo Triều Tiên

Ngày 7 tháng 11 năm 1993, Tổng thống Mỹ Clinton đã có bài nói chuyện dài một tiếng tại văn phòng hình bầu dục.

Theo tin tức của hãng Roitor hôm đó, thì Clinton nói: “không thể để Triều Tiên nghiên cứu chế tạo bom hạt nhân được. Về việc này, thái độ của chúng ta là phải vô cùng kiên định. Chúng ta đang bàn bạc với các nước đồng minh của chúng ta, Hàn Quốc và Nhật Bản, vì dù chúng ta làm gì và làm như thế nào, họ đều là những nước chịu ảnh hưởng trực tiếp nhất.”

Clinton còn nói, Oasinhton cũng “hợp tác với người Trung Quốc, vì dù giữa chúng ta có những bất đồng khác, nhưng họ đã từng giúp đỡ chúng ta tìm cách giải quyết vấn đề này.”

Clinton không chịu nói rõ liệu Mỹ có phát động cuộc tập kích phủ đầu hay không, nhưng ông cảnh cáo nếu Triều Tiên tấn công Hàn Quốc, Mỹ sẽ trả đũa. Ông nói: “Chúng ta có quân đội đóng tại đó. Việc này thì họ biết. Họ biết, tấn công Hàn Quốc là tấn công với Mỹ.”

Khi Clinton đưa ra bài nói chuyện này, ông đang nỗ lực thu góp đủ số phiếu để giành thắng lợi khi công bố một vấn đề nữa có ảnh hưởng tới chính sách trong nước vào ngày 17 tháng 11 trước quốc hội - Hiệp định tự do Bắc Mỹ.

Cùng ngày, tờ Thời báo chủ nhật của Anh đăng bài “Mỹ dự định hướng tên lửa tuần tra vào Triều Tiên” của Giêm Adam phóng viên báo này ở Oasinhton và Join- Swen- phóng viên báo này ở Hồng Công hợp tác viết.

Bài báo nói rằng, sự đối kháng của Mỹ với Triều Tiên đã tạo ra sự thách

thức nghiêm trọng đối với chính sách ngoại giao của Clinton, Mỹ đã khởi thảo một chương trình dùng tên lửa tuần tra tấn công cơ sở bí mật chế tạo bom hạt nhân của Triều Tiên.

Nhà lãnh đạo Triều Tiên Kim Nhật Thành đã bố trí 70% trong số một triệu quân của ông ta tại gần biên giới Triều Tiên và Hàn Quốc. Oasinhton lo ngại ông ta có thể ra lệnh tấn công bằng tên lửa trước.

Tuần trước vệ tinh đã cung cấp tin tức tình báo về những hoạt động quân sự gần đây nhất của Triều Tiên, điều này càng khiến Mỹ lo ngại thêm. Tư liệu do vệ tinh cung cấp chứng tỏ, Kim Nhật Thành đã tập kết 80 vạn quân ở khu vực giữa Bình Nhưỡng và khu phi quân sự đồng thời bố trí cả xe tăng và đại pháo.

Nhà đương cục quân sự Hàn Quốc cũng đưa tin, Triều Tiên đã tăng cường binh lực ở các căn cứ không quân, và dùng tên lửa đất đối không SAS tăng cường khả năng phòng không chung quanh căn cứ hạt nhân NingBian.

Ngày 5 tháng 11, Ban chấp hành trung ương Đảng lao động Triều Tiên triệu tập cuộc họp khẩn cấp, và ra lệnh cho một triệu quân sẵn sàng chiến đấu ở cấp cao hơn. Tin tức cho biết, quân đội Hàn Quốc cũng đã ở vào trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

Một quan chức cao cấp Mỹ đi cùng Bộ trưởng quốc phòng Asepın sau khi thăm khu vực này trở về đã nhận định Triều Tiên rất có thể sẽ phát động tấn công bằng vũ khí thông thường vào phía bên kia khu phi quân sự.

Một quan chức Lầu Năm Góc nói, bán đảo Triều Tiên đang "lún vào tình trạng nguy hiểm". Một số quan chức ngoại giao Oasinhton tỏ ý kinh ngạc trước lời bình luận "giật gân" của ông này.

Bất cứ sự tấn công nào của Triều Tiên đối với Hàn Quốc, đứng về phía lực lượng phòng vệ của Hàn Quốc mà nói sẽ là tấn công mang tính huỷ diệt. Nhưng hành động trả đũa đối với Triều Tiên, với Triều Tiên mà nói cũng sẽ mang tính huỷ diệt. Tổng thống Clinton từng cảnh cáo rằng "đấy sẽ là ngày tận thế của đất nước họ".

Mấy hôm nay Lầu Năm Góc và Nhà Trắng tiến hành một loạt cuộc họp khẩn cấp, thảo luận kế hoạch đối phó vấn đề Hàn Quốc, trong đó bao gồm cả việc dùng tên lửa tuần tra tấn công hạn chế vào căn cứ hạt nhân của Triều Tiên.

Các nhà phân tích cho rằng, Oasinhton không thể trong tương lai gần bằng biện pháp ngoại giao thuyết phục được Triều Tiên từ bỏ chương trình hạt nhân, mở cửa căn cứ hạt nhân Ning Bian để quốc tế thanh tra.

Thời cơ đối thoại càng ít đi, thì khả năng thực hiện lệnh trừng phạt kinh

tế của Liên Hợp Quốc đối với Triều Tiên càng tăng thêm. Một số chuyên gia Châu á cho rằng, sự phát triển của tình hình này chứa đầy tính chất nguy hiểm. Họ lo ngại, trừng phạt kinh tế có thể dẫn đến những phản ứng quyết liệt của Triều Tiên, còn có thể gây ra tình trạng suy sụp về kinh tế. Cả hai đều dẫn tới sự không ổn định cho toàn bộ bán đảo Triều Tiên, vì vậy đều sẽ là tai họa cả.

Lập trường của Triều Tiên về vấn đề hạt nhân.

Ngày 12 tháng 11 năm 1993, sau 8 tháng trời, Trưởng phái đoàn Triều Tiên tham dự Hội đàm Triều Tiên - Mỹ, thứ trưởng thứ nhất Bộ ngoại giao Cheng Xi Tru đã phát biểu một bài dài về vấn đề hạt nhân của Triều Tiên.

Ông Cheng nói, gần đây đã xuất hiện những biểu hiện không tốt nhằm phá hoại triển vọng giải quyết vấn đề bán đảo Triều Tiên. Một số người muốn làm cho sự việc thêm căng thẳng tuyên bố việc thanh tra về hoạt động hạt nhân ở Triều Tiên đã lâm vào ngõ cụt. Họ chủ trương, nếu trong mấy ngày nữa Triều Tiên vẫn không chấp nhận việc “thanh tra toàn diện” của Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế, thì sẽ thực hiện “lệnh trừng phạt của Liên Hợp Quốc” đối với Triều Tiên.

Điều đặc biệt không thể coi thường là, để biến chủ trương này thành hiện thực, họ đã bóp méo sự việc, che dấu bản chất của vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên; Tung dư luận sai trái, tuyên bố rằng Triều Tiên chơi trò ú tim để phát triển vũ khí hạt nhân, rằng Triều Tiên đã dùng lá bài hạt nhân để mặc cả, nhằm đạt những mục đích có lợi cho mình.

Mọi người đều biết, hai phía Triều Tiên đã thảo luận những nguyên tắc để giải quyết vấn đề hạt nhân, và đã đạt được thoả thuận, ra được tuyên bố chung, sau đó đã tiến hành hội đàm trên cơ sở này. Trong quá trình hội đàm cho đến lúc này, Triều Tiên đã đưa ra những biện pháp thực tế và tỏ rõ hành động tín nghĩa nhằm giải quyết vấn đề hạt nhân. đồng thời với việc công bố Thông cáo chung Triều Mỹ, Triều Tiên đã đơn phương tuyên bố tạm thời chưa rút khỏi hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân, khôi phục lại việc hiệp thương với tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế và đối thoại Bắc Nam.

Trong tình hình đặc biệt này, để thực hiện cam kết bảo đảm tính công khai của hoạt động hạt nhân, Triều Tiên đã ngừng hẳn việc di chuyển vật chất hạt nhân ở trong nước, và cho phép kiểm tra để bảo đảm tính liên tục. Nhưng, tất cả các nỗ lực thiện chí ấy không được sự hưởng ứng thực tế của Mỹ. Sự thể gần đây phát triển theo chiều hướng ngược lại. nguyên nhân là do phía Mỹ

không có thái độ đối thoại trung thực.

Sự thực đã chứng tỏ, suốt 5 tháng kể từ khi bắt đầu Hội đàm Triều - Mỹ, chỉ có chúng tôi đơn phương hành động thực hiện những thoả thuận đã cam kết, về phía Mỹ họ chẳng làm gì cả.

Triều Tiên đã thực sự thực hiện những cam kết đối với Mỹ, tức là trước khi hoàn toàn giải quyết vấn đề hạt nhân, để bảo đảm việc nghiên cứu hạt nhân của Triều Tiên không bị sử dụng vào mục đích quân sự, Triều Tiên cho phép Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế sửa chữa, thay thế máy móc kiểm tra giám sát, và giữ y nguyên những trang thiết bị theo dõi có niêm phong của Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế bố trí tại căn cứ nguyên tử hạt nhân của Triều Tiên.

Nhưng, phía Mỹ và Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế lại gây áp lực với Triều Tiên, tuyên bố rằng để bảo đảm cho tính liên tục của việc kiểm tra, Triều Tiên phải chấp nhận việc thanh tra toàn diện của Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế, coi việc đó làm điều kiện tiên quyết cho cuộc Hội đàm Triều - Mỹ lần thứ ba. Những đòi hỏi của Mỹ và Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế, thực tế là đòi Triều Tiên thực hiện toàn diện và ngay lập tức Hiệp định an toàn hạt nhân.

Thực hiện toàn diện Hiệp định an toàn hạt nhân, có nghĩa là Triều Tiên hoàn toàn trở lại Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân. Trong tình hình đặc biệt Triều Tiên tạm thời chưa rút khỏi Hiệp ước, thì việc bảo đảm tính liên tục của kiểm tra và việc thực hiện toàn diện Hiệp định an toàn hạt nhân phải tách riêng ra.

Việc thực hiện toàn diện Hiệp định an toàn hạt nhân là vấn đề mà Triều Mỹ từ nay về sau sẽ hội đàm để giải quyết, nó liên quan trực tiếp với việc Mỹ từ bỏ chính sách bóp chết và đe dọa hạt nhân đối với Triều Tiên. Trong tình hình hiện nay vẫn còn tồn tại những nhân tố chính trị khiến Triều Tiên rút ra khỏi Hiệp ước không phổ biến vũ khí hạt nhân, nếu cố tình quy kết vấn đề hạt nhân của Triều Tiên thành vấn đề thi hành Hiệp định an toàn hạt nhân như vậy, thì vấn đề hạt nhân mãi mãi không thể giải quyết được. Trước khi Mỹ có hành động bảo đảm rằng họ không bóp chết chế độ nhà nước của Triều Tiên, Triều Tiên không thể thi hành toàn diện Hiệp định an toàn hạt nhân. Vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên không thể giải quyết bằng áp lực.

Việc giải quyết vấn đề hạt nhân sở dĩ không tiến triển được, có một nguyên nhân quan trọng là giữa Triều và Mỹ thiếu sự tin cậy nhau. Do đó, Triều Tiên nêu ra cho Mỹ một phương án giải quyết trọn gói.

Nếu tổ chức được hội đàm lần thứ ba Triều - Mỹ, và thoả thuận được phương án giải quyết trọn gói này, thì tương lai của việc giải quyết vấn đề hạt nhân sẽ được bảo đảm. Theo phương án giải quyết trọn gói, Mỹ phải có hành động thực tế từ bỏ đe dọa hạt nhân và chính sách thù địch đối với Triều Tiên, Triều Tiên sẽ tiếp tục ở lại trong Hiệp ước, và thực hiện toàn diện Hiệp định an toàn hạt nhân, từ đó vấn đề sẽ được giải quyết một cách tốt đẹp. Trước khi thoả thuận phương án giải quyết trọn gói, Triều Tiên bảo đảm tính liên tục của việc thanh tra. Lập trường này không thay đổi.

Vấn đề hiện nay quyết định ở chỗ Mỹ có từ bỏ chính sách thù địch và bóp chết Triều Tiên hay không, và có thái độ như thế nào với phương án giải quyết trọn gói ca Triều Tiên. Nếu Mỹ không hưởng ứng tích cực đối với đề nghị của Triều Tiên, Triều Tiên sẽ buộc phải cho rằng Mỹ không có muốn đối thoại thật sự giải quyết vấn đề hạt nhân. Đồng thời, Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế nếu như không coi trọng đề nghị hiệp thương thiện chí do phía Triều Tiên nêu ra nhằm bảo đảm tính liên tục của thanh tra, cứ tiếp tục gây rắc rối, vu khống Triều Tiên phá hoại tính liên tục của thanh tra, thì Triều Tiên coi việc đó là tín hiệu để Triều Tiên sớm rút ra khỏi hiệp ước.

Tổng thư ký Liên Hợp Quốc hoà giải khẩn cấp.

Trước với thái độ cứng rắn của phía Triều Tiên, khẩu khí của Mỹ cũng sắc mùi thuốc súng. Hãng Roitoer đưa tin, người phát ngôn quốc vụ viện Mỹ Maikoli nói, nếu Triều Tiên không để quan chức thanh tra quốc tế tới tham quan hai căn cứ hạt nhân đã bị nghi ngờ, thì Mỹ có khả năng trong vòng mấy tuần sẽ thúc giục Liên Hợp Quốc thực thi lệnh trừng phạt Bắc Triều Tiên.

Maikoli còn nói: “vấn chưa xác định cụ thể thời hạn cuối cùng nhưng rõ ràng là, nếu bản thân tính liên tục của biện pháp bảo đảm hạt nhân bị phá hoại...thì chúng tôi buộc phải lại đưa vấn đề này ra Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc bàn bạc thêm và trực tiếp sử dụng hành động.”

Ông ta còn nói: Nếu Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế cho rằng biện pháp bảo đảm hạt nhân đã bị phá hoại, Mỹ sẽ buộc phải ngừng đối thoại với Triều Tiên.

Tờ “Tin hàng ngày” của Nhật Bản cho biết, Mỹ dự định trong hội đàm cấp cao Trung Mỹ tổ chức vào tháng 11 năm 1993, sẽ yêu cầu Trung Quốc đứng về phía Mỹ trong vấn đề thực hiện lệnh trừng phạt kinh tế đối với nước Cộng hoà dân chủ Nhân dân Triều Tiên, đối lại Mỹ sẽ khôi phục việc cung

cấp kỹ thuật quân sự cho Trung Quốc Mỹ đã cho Nhật Bản và Hàn Quốc. biết điều này và yêu cầu hai nước làm “công tác” với Trung Quốc.

Nếu Trung Quốc không sử dụng quyền phủ quyết tại Hội đồng Bảo an, thì thực thi được việc trừng phạt. Tuy nhiên, vấn đề mấu chốt trong việc trừng phạt kinh tế đối với Triều Tiên có hiệu quả hay không lại ở chỗ Trung Quốc có cung cấp dầu thô và thực phẩm cho Triều Tiên hay không. Trên thực tế, mấu chốt của vấn đề trừng phạt Triều Tiên là Trung Quốc có đồng ý với yêu cầu của Mỹ về vấn đề này hay không.

Tin tức cho biết, giới quân sự Trung Quốc rất ác cảm với “chủ nghĩa bá quyền” của Mỹ. Vì thế, vào cuối tháng này Mỹ sẽ cử trợ lý Bộ trưởng quốc phòng Furiman thăm Trung Quốc, có ý nói với Trung Quốc là sẽ khôi phục lại việc trao đổi kỹ thuật quân sự đã bị gián đoạn để làm dịu quan hệ Mỹ Trung.

Ít lâu sau, Nhật Bản cũng công khai tỏ ý quan tâm vấn đề hạt nhân của Triều Tiên.

Triều Tiên lập tức có phản ứng trước sự đe dọa của Mỹ, Nhật: “Nếu Nhật Bản và các thế lực đối địch khác dám có hành động trừng phạt quốc tế như vậy, chúng tôi không còn cách chọn lựa nào khác ngoài biện pháp tự vệ thích đáng.”

Tờ “Tin tức lao động” Triều Tiên viết, con đường duy nhất giải quyết khủng hoảng là trực tiếp hội đàm với Oasinhton. “Vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên chỉ có thể giải quyết giữa nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Triều Tiên và nước Mỹ, vì người khơi ra vấn đề và ngăn trở việc giải quyết là nước Mỹ”.

Tờ Nhật báo này còn nói, khi Mỹ đưa vũ khí hạt nhân vào Hàn Quốc thì vấn đề hạt nhân này xuất hiện. “Bất cứ bên thứ ba nào cũng không thể thay thế được nước Mỹ”.

Để làm dịu tình hình căng thẳng khiến cả thế giới phải quan tâm này, Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Gali ngày 24 tháng 12 năm 1993 đã vượt qua khu phi quân sự giữa Triều Tiên và Hàn Quốc đến thăm Triều Tiên, và đã hội đàm ba tiếng đồng hồ với người lãnh đạo Triều Tiên về vấn đề khủng hoảng hạt nhân.

Hãng thông tấn xã Triều Tiên nói, Gali đã hội đàm “chân thành và hữu nghị” với Chủ tịch Kim Nhật Thành ngay hôm tới Triều Tiên, nhưng không cung cấp chi tiết cuộc hội đàm.

Một quan chức Liên Hợp Quốc cho biết, Gali trước đó ít lâu đã gặp Phó

Thủ tướng kiêm ngoại trưởng Triều Tiên, Kim Yong Nan bày tỏ, Liên Hợp Quốc có thể giúp đỡ giải trừ khủng hoảng hạt nhân. Nhưng Kim Yong Nan nói, vì Triều Tiên và Mỹ đã hội đàm về vấn đề này, cho nên không cần Liên Hợp Quốc đứng ra hoà giải.

Tối 24, Kim Yong Nan trong buổi tiệc chiêu đãi Gali nói: “Lập trường nhất quán của chúng tôi là thông qua đàm phán hoà bình giải quyết vấn đề hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên.”

Ông còn nói: “Nhưng, nếu Liên Hợp Quốc gây áp lực khó bề chấp nhận đối với Cộng hoà Nhân chủ Triều Tiên, không coi trọng những cố gắng chân thành của Triều Tiên một mực sử dụng chính sách thù địch, thì chúng tôi không còn sự chọn lựa nào khác ngoài sử dụng biện pháp kiên quyết để bảo vệ chủ quyền quốc gia”

Chiều ngày 26 tháng 12 năm 1993, Thủ tướng Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa Lý Bằng khi gặp Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Gali tại Đại lễ đường nhân dân đã nói, Trung Quốc chủ trương thông qua đối thoại và hiệp thương tìm cách giải quyết thoả đáng vấn đề hạt nhân ở bán đảo Triều Tiên, sớm thực hiện phi hạt nhân hóa bán đảo Triều Tiên, không tán thành phương thức gây áp lực và trừng phạt. Gali tỏ ý tán thành thái độ của Trung Quốc về vấn đề Triều Tiên.

Thoả thuận phá vỡ bế tắc.

Hãng AFP ngày 4 tháng 1 năm 1994 đưa tin, Mỹ và Triều Tiên đã phá vỡ được bế tắc kéo dài mấy tháng, thoả thuận được một vấn đề tranh chấp hạt nhân. Bản tin này đã dẫn lời của người phát ngôn quốc vụ viện Mỹ, Maikoli nói rằng, sau gần một năm đứt đoạn, Triều Tiên về nguyên tắc đã đồng ý khôi phục việc thanh tra bảy căn cứ hạt nhân của mình.

Người phát ngôn Nhà Trắng Đích Maico thì ám chỉ: Chúng tôi đã nói rất rõ ràng, thanh tra toàn diện là yêu cầu tối thiểu của chúng tôi. Nhưng, hiệp nghị được thoả thuận này rất hạn chế, nó bảo đảm chỉ thanh tra một lần, để xoá bỏ sự lo lắng của mọi người về việc Triều Tiên đang nghiên cứu chế tạo hoặc đã nghiên cứu chế tạo được bom hạt nhân.

Để đáp lại, cuộc diễn tập quân sự “Tinh thần đồng đội” mỗi năm một lần của Mỹ-Hàn Quốc sẽ được huỷ bỏ. Đây là đòi hỏi từ lâu của phía Triều Tiên.

Cũng theo bản tin, cuộc hội đàm cao cấp vòng ba mà mọi người chờ đợi sẽ được tái nhóm để thảo luận những vấn đề như việc thanh tra tới các căn cứ hạt nhân khác, khôi phục lại đối thoại gồm cả mở rộng thanh tra tới các căn

cứ hạt nhân trên bán đảo Triều Tiên và an toàn chung.

Tổng thống Hàn Quốc Kim Chang Sun đã phát biểu vào 3 tháng 1 năm 1994, ông hy vọng vấn đề Triều Tiên có thể được giải quyết vào đầu năm nay. Người lãnh đạo Bộ ngoại vụ Hàn Quốc Han Sheng Tru nói: Để phá vỡ sự bế tắc này, Bộ ngoại vụ đang chuẩn bị những khả năng để Triều Tiên và Tokyo công nhận với nhau.

Kết quả của sự tranh chấp khiến quan chức Mỹ lại xảy ra bất đồng: Theo Cục tình báo trung ương, Triều Tiên đại thể đã nghiên cứu chế tạo được một quả bom nguyên tử, còn chuyên gia tình báo Quốc vụ viện lại cho rằng không phải như vậy.

Tháng 3 năm 1993, Triều Tiên nói, họ sẽ rút ra khỏi Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân. Động tác này khiến quan chức Mỹ lo lắng: Triều Tiên có thể đã sản xuất được đầu đạn hạt nhân.

Một vấn đề gai góc trong cuộc tranh cãi tiến hành thanh tra hạt nhân như thế nào giữa hai bên là, Mỹ muốn việc tiến hành dưới sự chủ trì của Tổ chức Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân, nhưng Triều Tiên một mực giữ ý kiến họ đã rút khỏi Hiệp ước rồi, vì vậy yêu cầu bất cứ sự thanh tra nào cũng chỉ là thanh tra theo chuyên mục, không chịu sự ràng buộc của Hiệp ước.

Cuối năm 1993, nhà lãnh đạo Triều Tiên Kim Nhật Thành nói, Bình Nhưỡng và Oasinhton đã nhất trí về một bản tuyên bố chung. Ông nói, tuyên bố chung này chứng tỏ, cuộc tranh chấp có lẽ đã được “giải quyết công bằng”.

Theo tin tức của báo “Bưu điện Oasinhton”, ngày 4 tháng 1 năm 1994, hiệp nghị này đã được Chính phủ Clinton phê chuẩn nhưng việc thực thi hiệp nghị đã bị kéo dài do Bình Nhưỡng và Tổ chức năng lượng hạt nhân quốc tế đã tranh cãi về vấn đề địa điểm hội đàm ở Bình Nhưỡng, còn Tổ chức năng lượng hạt nhân quốc tế thì khẳng khái đòi hội đàm tại Viên nơi đặt trụ sở của tổ chức.

Chính phủ Mỹ dự đoán, Bình Nhưỡng sẽ nhanh chóng đồng ý tổ chức hội đàm ở địa điểm ngoài Bình Nhưỡng vì họ mong muốn bước đi này sẽ gạt bỏ được những rắc rối trong việc thanh tra và làm dịu cuộc tranh cãi về vấn đề hạt nhân.

Người phát ngôn Quốc vụ viện Mỹ Maikili nói: “chúng tôi hy vọng không lâu nữa sẽ tiếp xúc thêm nữa với Bình Nhưỡng.”

Tại Niuoóc, một quan chức ngoại giao cấp cao của Bình Nhưỡng tham gia hội đàm với Mỹ ngày mồng 3 đã xác nhận, Triều Tiên cho phép Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế tiến hành thanh sát để “giữ gìn tính liên tục”

của biện pháp bảo đảm không được nghiên cứu chế tạo bom nguyên tử.

Cùng ngày, người phát ngôn của Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế lại tuyên bố, ông không muốn nói tổ chức của ông liệu có chấp nhận hiệp nghị mới này hay không, nhưng phía Triều Tiên vẫn tiếp tục từ chối thừa nhận về mặt pháp luật họ có trách nhiệm tạo điều kiện để Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế xem xét nhiều địa điểm hơn nữa, kể cả việc thanh tra nhiều lần tất cả 7 căn cứ hạt nhân, “điều này khiến chúng tôi không yên tâm.”

Đại diện đàm phán Triều Tiên cho rằng, Tổ chức năng lượng hạt nhân quốc tế đòi tiến hành thanh tra hai căn cứ quân sự khác bị nghi ngờ đang nghiên cứu chế tạo vũ khí hạt nhân. Việc này hoàn toàn không thể được”.

Báo chí Anh bình luận: Chính phủ Mỹ bỏ cuộc.

Tờ “Tin nhanh chủ nhật” của Anh ngày 2 tháng 11 năm 1994 đăng bài viết có nhan đề “Chính phủ Clinton đã bỏ cuộc trong vấn đề hạt nhân ở Triều Tiên” vạch rõ Chính phủ Clinton sau 10 tháng hung hăng trong việc làm dịu cuộc đối kháng nguy hiểm với Chính phủ Triều Tiên, nay đã không còn kiên trì chủ trương tiến hành thanh sát quốc tế định kỳ các căn cứ hạt nhân của Bình Nhưỡng nữa.

Theo bài báo, các quan chức ngành tình báo Mỹ nói Chính phủ Clinton đã từ bỏ hy vọng ngăn chặn Triều Tiên có vũ khí hạt nhân. Dù rằng cuộc hội đàm với Chính phủ Bình Nhưỡng vào tuần trước đã có tiến triển rõ rệt, nhưng các quan chức Mỹ nói, người Triều Tiên vẫn không cho phép tiến hành thanh tra toàn diện hai cơ sở hạt nhân đang gây tranh cãi.

Nhà Trắng đã ngầm chấp nhận đề nghị của Triều Tiên nêu ra là tiến hành thanh tra một lần đối với 7 căn cứ hạt nhân đã công bố và tạm thời gác lại vấn đề kiểm tra hai địa điểm khác nghi ngờ có căn cứ hạt nhân. Đổi lại, Mỹ sẽ tạm ngừng cuộc tập trận chung với Hàn Quốc năm nay. Có điều, theo như các quan chức Mỹ nói, một hiệp nghị như vậy phải được sự đồng ý của Tổ chức năng lượng nguyên tử quốc tế.

Mỹ sở dĩ rút lui về chiến lược, cũng theo quan chức Mỹ cho biết, là vì nếu tiến hành thanh tra một lần thì sẽ ngăn được việc Tổ chức năng lượng nguyên tử sắp ra một tuyên bố với nội dung: Tính liên tục của việc tiến hành giám sát hoạt động hạt nhân ở Triều Tiên đã bị phá hoại. Một tuyên bố như vậy có khác gì đã khẳng định Mỹ phải yêu cầu Liên Hợp Quốc thực thi lệnh trừng phạt đối với Triều Tiên, và điều này sẽ khiến đối kháng tăng lên, có nguy cơ bị Trung Quốc phủ quyết, khó tránh khỏi hiểm họa Triều Tiên tấn

công Hàn Quốc!

Nhà Trắng cũng hy vọng thoả thuận này sẽ dọn đường cho vòng hội đàm cấp cao mới nhằm giải quyết toàn bộ cuộc tranh chấp với Triều Tiên.

Nhưng nếu làm như vậy, Chính phủ sẽ bị cánh hữu phê phán. Brunte - nguyên cố vấn an ninh quốc gia của cựu Tổng thống Bus cảnh báo, nếu Mỹ đồng ý không để quan chức thanh tra quốc tế tiến hành thanh tra định kỳ và đầy đủ tất cả những địa điểm nghi ngờ có căn cứ hạt nhân của Triều Tiên, thì sẽ phạm phải "sai lầm nghiêm trọng."

Chương 15

Từ “Lãng quên” đến thức tỉnh, ánh mắt người Nga liếc về phương Đông. Tácchin” trở lại Đài câu cá, khách khứa tấp nập ra vào lầu số 18

I. CHIẾN LƯỢC NGOẠI GIAO CỦA NƯỚC NGA THAY ĐỔI

Nước Nga nhiều lần “lãng quên” Trung Quốc

Sau khi Liên Xô giải thể, nước Nga trở thành nước láng giềng lớn nhất của Trung Quốc. Cuối năm 1991, sau khi ký kết kỷ yếu hội đàm quan hệ 2 nước Trung-Nga, quan hệ song phương không ngừng tiến triển thuận lợi. Lãnh đạo 2 nước nhiều lần trao đổi thư từ về những vấn đề quan hệ đôi bên. Ngày 21-1-1992 Thủ tướng Lý Bằng lần đầu tiên hội kiến với Tổng thống Nga Enxin trong thời gian tham dự Hội nghị cấp cao Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc tại Niu-Yoóc, hai bên đã trao đổi ý kiến về những vấn đề quan hệ hai nước.

Tuy vậy, ông Enxin rất ít nói tới Trung Quốc trong mọi sinh hoạt chính trị của mình.

Trong khi quan hệ Trung-Xô rạn nứt, ông Enxin cũng không giống như một số người lãnh đạo Liên Xô lúc bấy giờ, dùng lời lẽ công kích Trung Quốc để được lòng Brêgionhép.

Song, cũng chẳng phải vì ông ta có tình cảm sâu sắc gì đối với Trung Quốc; chủ yếu là vì công việc của ông rất ít liên quan đến vấn đề này.

Là một thủ lĩnh phái phản đối chính trị, lần đầu tiên ông Enxin nói tới Trung Quốc, với góc độ chính trị vào năm 1989. Giữa xuân hè năm ấy, làn sóng chính trị gợn lên ở Trung Quốc gây xôn xao dư luận thế giới. Với tư cách là nhân sĩ “phái dân chủ”, lập trường của Enxin trước sự kiện ấy có thể thấy là giống hệt lời lẽ phương Tây.

Thậm chí trong một thời gian khá dài, sau khi nắm quyền, ông Enxin rất ít nói tới quan hệ Trung-Nga. Có thời kỳ do quan hệ hình thái ý thức, cũng do tính phức tạp của cục diện Liên Xô, quan hệ Trung-Nga bị quan hệ Trung-

Xô làm mờ nhạt. Tháng 5-1991, người lãnh đạo cao nhất nước Nga có nguyện vọng muốn gặp người lãnh đạo Trung Quốc; song vì nhiều nguyên nhân, cuộc gặp mặt không được thực hiện.

Sau khi Liên Xô giải thể, nước Nga trở thành quốc gia độc lập, Trung Quốc đã sớm công nhận và đặt quan hệ ngoại giao.

Nhưng điều đáng nói là, quan hệ Nga-Trung trong chiến lược ngoại giao của chính quyền Enxin chỉ chiếm địa vị thứ yếu trong một thời gian khá dài.

Phái chủ nghĩa Châu Âu đứng đầu là Ngoại trưởng Nga Kerelencô có tác dụng quan trọng trong việc chế định chính sách đối ngoại của Nga.

Nét đặc trưng cơ bản về tư tưởng của chính sách đối ngoại nước Nga là nghiêng về thân phương Tây. Phái chủ nghĩa Châu Âu cho rằng, mục tiêu trước mắt của chính sách ngoại giao Nga là tranh thủ viện trợ kinh tế của Mỹ, Tây Âu, Nhật Bản, tranh thủ sự ủng hộ của phương Tây; còn mục tiêu lâu dài là làm cho nước Nga hội nhập xã hội phương Tây, quay về với châu Âu, trở thành một thành viên của thế giới văn minh phương Tây, nhất thể hóa với phương Tây về chính trị và kinh tế.

Trong bài phát biểu của Ngoại trưởng Nga đăng trên “báo Độc lập” ngày 1 tháng 4 năm 1992 có đoạn như sau:

“Liên bang Nga cần phải gia nhập câu lạc bộ những quốc gia dân chủ phát triển nhất; nước Nga đối với các nước láng giềng - Mỹ, Nhật và tây Âu không hề có sự phân kỳ và xung đột lợi ích nào mà không thể khắc phục được; vì vậy hoàn toàn có thể kiến lập quan hệ hữu hảo với các nước đó, tương lai còn có thể kiến lập quan hệ liên minh bạn bè”

Sau khi Liên Xô giải thể, phương Tây đã có lúc muốn giúp đỡ nước Nga phục hồi kinh tế, đã lập định cái gọi là kế hoạch (Mác san), tuyên bố mỗi năm cung cấp cho nước Nga 20- 30 tỷ USD, trong vòng 10 năm, chuẩn bị giúp Nga 200 tỷ USD để nước Nga hoàn thành bước quá độ từ nền kinh tế kế hoạch sang kinh tế thị trường. Song, để được như vậy nước Nga phải chấp nhận những điều kiện cơ bản của cộng đồng châu Âu, Ngân hàng thế giới, nêu ra; nghĩa là thực hành giá cả tự do, thay đổi đồng rúp và kinh tế tư hữu.

Chính phủ Gaida của ông Enxin trong khi hoạch định phương châm chiến lược quá độ sang kinh tế thị trường cũng phải đắn đo suy nghĩ về việc lấy khoản viện trợ lớn của phương Tây làm nhân tố cơ bản. Cho nên Enxin đã mấy lần mạo hiểm vượt qua luồng gió đối kháng về chính trị để cho ông Gaida thực hiện được nhiệm vụ của Chính phủ: một trong những nguyên nhân chủ yếu là ở chỗ chiến lược cải cách kinh tế của ông Gaida được giới ngân

hàng phương Tây ủng hộ.

Bản thân ông Gaidar đã thể hiện rõ thái độ đối với Trung Quốc; ông ta tỏ ra khâm phục trước những thành tựu mà Trung Quốc giành được; nhưng đồng thời kiên quyết cự tuyệt cách nói có chỗ tương tự về cải cách của Trung Quốc đối với nước Nga. Ngày 6-10-1992 ông ta nói trước Quốc hội rằng:

- “Nước Nga không phải là Trung Quốc, chúng ta không thể vận dụng kinh nghiệm thành công của Trung Quốc từng bước thực thi cải cách kinh tế, không thể thực hành cơ chế song song trong quản lý kinh tế. Trong cơ chế ấy, kỷ cương Nhà nước phải kết hợp với hoạt động kinh doanh. Trung Quốc không tồn tại chế độ phân quyền; ngoài ra, Trung Quốc cũng không phải là nhà nước liên bang; có nghĩa là muốn đi con đường của Trung Quốc thì phải chế định một chiến lược chính trị khác; chiến lược ấy hoàn toàn khác với chiến lược đã được xác định khi nước Nga đã lựa chọn phương pháp chống trị suy thoái (liệu pháp sốc) - Một bước là tới đích”.

Vì vậy, tháng 10-1992 khi nói tới cải cách ngoại giao của nước Nga, ông Enxin lại một lần nữa nhấn mạnh.

- “Nước Nga không có lựa chọn nào khác, mà cần phải kiến lập quan hệ bền lâu dài, thậm chí là quan hệ liên minh hữu nghị với các quốc gia dân chủ phát triển phương Đông và phương Tây”.

Cũng giống như những bài nói nhắc tới quan hệ ngoại giao trước đây không hề có một chữ nào mà Tổng thống Nga nhắc tới Trung Quốc một nước láng giềng có đường biên giới chung dài nhất với nước Nga và có số dân đông nhất thế giới.

Trung Quốc - nước láng giềng lớn nhất của nước Nga đã bị Tổng thống và Ngoại trưởng Nga nhiều lần “quên lãng”. Thậm chí, khi nhắc tới bạn bè chủ yếu ở Châu á như Nhật Bản, Hàn Quốc khu vực Đài Loan, ông Enxin cũng không hề nói Trung Quốc.

Nhưng thực tiễn ngoại giao và tình hình thực tế cải cách kinh tế cùng với cuộc đấu tranh chính trị trong nước buộc Tổng thống Enxin không thể không sửa đổi và điều chỉnh phương châm Ngoại giao “xem nhẹ Trung Quốc”.

Kết thúc quan hệ tuần trăng mật giữa nước Nga và phương Tây

Năm 1992 có nhiều sự việc thúc đẩy đi đến thay đổi. Đầu tiên, là trong quan hệ giữa Nga và các nước phương Tây xuất hiện mâu thuẫn.

Nước Nga đã từng ôm ấp đầy hy vọng đi với phương Tây, mong chờ các nước phương Tây có thể vượt qua nhận thức chung về “giá trị tự do dân

chủ” mà viện trợ cho Nga.

Nhưng khoản viện trợ ấy vẫn còn chưa có được nhân tố cơ bản về phương pháp chữa trị suy thoái của Chính phủ Nga (biện pháp sốc) là trông vào khoản vay lớn ở phương Tây; trong năm 1992 viện trợ của phương Tây chủ yếu là viện trợ nhân đạo: thuốc men, thực phẩm; còn phần lớn khoản cho vay đã hứa hẹn thì chưa có được xu nào. Nguyên là 7 nước lớn ở phương Tây hứa giúp Nga 24 tỷ đôla Mỹ, song trên thực tế chỉ quyết định cho trước 1 tỷ. Giả sử 24 tỷ đô la được trao tận tay thì ngoài nghĩa vụ trả nợ ra, thực tế nước Nga chỉ được 12 tỷ, với đất nước Nga rộng lớn mênh mông, đây quả là quá ít, huống hồ với 1 tỷ nhỏ nhoi! Khác nào tế cho những người thân phương Tây một bốn nước lạnh.

Ngoài ra, về mặt ngoại giao chính trị, nước Nga đã từng theo đuổi phương Tây, nhưng phương Tây chưa bao giờ coi Nga là người bạn bình đẳng. Ngay cả đến Nhật Bản trước kia luôn luôn tôn kính Liên Xô cũng dám nêu ra những yêu sách cứng rắn đòi hỏi Nga phải giải quyết nhanh chóng vấn đề lãnh thổ 4 đảo phía bắc.

Điều đó, khiến chính quyền Enxin phải rà soát điều chỉnh chính sách thân phương Tây của họ.

Ngoài ra, trong sự cố tháng 8, tuy ông Enxin được báo chí phương Tây coi là “Anh hùng”, song thực tế phương Tây đối với ông vẫn còn có tâm lý hoài nghi và lo lắng, không thể hữu hảo như đối với ông Goócbachốp.

Quan chức của Chính phủ Hoa Kỳ đối với ông Enxin thì khi đậm khi nhạt. Buts khâm phục dũng khí và quyết tâm của ông Enxin đứng trên xe tăng diễn thuyết, nhưng lại không ưa khi ông lãng nhục Goócbachốp một cách thô bạo. Có một số quan chức Hoa Kỳ coi Enxin là một con người hám quyền lực và rất tự phụ.

Kítsinhgơ,- một quan chức ngoại giao nổi tiếng của Mỹ nói với các nhà báo rằng:

“Tính chất quan trọng của ông Enxin đáng đề cao, nhưng đối với tính cách của ông ta và khi giao tiếp cần phải chú ý”. Cựu Thủ tướng Anh Thatcher... hồi tháng 8-1991 với cách nói không được hữu nghị rằng:

“Nhiều người cho rằng ông Enxin là một nhà khiêu khích, chứ không phải là nhà chính trị; do đó tháng 4-1990, khi tôi gặp ông Enxin tại London đã có thể khẳng định ông ta là nhà khiêu khích, tôi thấy thỏa mãn về điều đó. Tôi thẳng thắn nói với ông ta:

- Tôi có thể nói chuyện với ông một cách chân thành cũng như với tất cả những người mà tôi đối thoại, ông biết rằng, tôi ủng hộ ông Goócbachốp,

ca ngợi sự nghiệp của ông ta bởi ông ta đã lãnh đạo công cuộc cải cách ở Liên Xô tốt đẹp như thế nào; song, như vậy không hề phương hại đến bản thân tôi là người bạn của những người lãnh đạo khác của Liên Xô...

Ông ta nói với tôi là sẽ tham gia tranh cử Tổng thống Nga... Sau đó chẳng bao lâu, tôi thông báo cho Tổng thống Buts và bạn bè tôi ở Mỹ, để họ không nên mạo hiểm đối với bản thân ông Enxin”.

Năm 1992, ông Enxin nhiều lần đi thăm phương Tây, tuy được đón tiếp rất thịnh tình và hữu nghị, nhưng ông vẫn cảm thấy phương Tây đối với nước Nga có một ý tình thiếu tin cậy.

Phương Tây không muốn nhìn thấy một Liên Xô cộng sản hùng cường, và cũng không muốn nhìn thấy một nước Nga giàu mạnh.

Ngoài Chính phủ Đức viện trợ một khoản lớn cho Nga do Liên Xô giúp họ thực hiện thống nhất đất nước, còn các nước lớn khác ở Tây Âu đều giữ thái độ bàng quan.

Vì vậy, chính quyền Enxin cũng dần dần thay đổi chính sách thân phương Tây. Đương nhiên, phương Tây vẫn là nhân tố trọng yếu về ngoại giao của Enxin, nhưng cũng dần dần tạo ra một cự ly nhất định.

Tháng 9-1992, Tổng thống Enxin đột nhiên hoãn chuyến thăm Nhật Bản, đã cho Nhật “một cái tát thô bạo”. Đồng thời, phái chống đối trong Quốc hội cũng gây áp lực đối với chính quyền Enxin, về vấn đề Nam Tư, vấn đề Nga bán vũ khí, yêu cầu Nga phải thay đổi cách làm theo sức ép của Hoa Kỳ.

Cuối 1992 và đầu 1993, Nga bất chấp Mỹ phản đối, đã ký Hiệp nghị bán kỹ thuật phóng vệ tinh cho Ấn Độ; về vấn đề Irắc, Nga đã phê phán Mỹ ném bom xuống mục tiêu dân thường ở Bátđã, về vấn đề Nam Tư, Nga giữ lập trường phê phán mãnh liệt quân đội Corôatchia được phương Tây giúp đỡ tiến công khu vực dân tộc Sécbi; ngày 25-1 Tổng thống Enxin chỉ trích “Hoa Kỳ có khuynh hướng ra lệnh cho Tổng thống Irắc Sắtdam Hút xen và Tổng thống Sécbi Milôxêvích, còn công khai nói rõ “về vấn đề Nam Tư, chúng ta và Hoa Kỳ luôn luôn tồn tại ý kiến khác nhau”, và chỉ rõ, “nước Nga bắt đầu thi hành chính sách độc lập tự chủ”. Phó Tổng thống A.rútxcôi còn nói, nếu Mỹ lại sử dụng quân đội tiến công Irắc thì nước Nga sẽ sử dụng quyền phủ quyết tại Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc.

Tháng 2-1993, trong văn kiện đề xuất chính sách ngoại giao của Bộ Ngoại giao Nga thể hiện rõ: “Chúng ta không thể loại bỏ khả năng sau đây: Mỹ có ý đồ dùng chiêu bài hoà giải và duy trì hoà bình để thay nước Nga”, “Chúng ta cũng không cho phép phương Tây gạt bỏ Nga ra khỏi phạm vi thế

lực Đông Âu”.

Trong bài nói của Thủ tướng mới nhậm chức Checnômudin ngày 13-2 có nói, “phương Tây chẳng có mấy nước quan tâm tới sự hùng mạnh và thống nhất của nước Nga”. Còn Bộ trưởng an ninh Nga Bavannicốp thì chỉ trích cơ quan bí mật Tây Âu lập ra tổ chức bí mật chống Chính phủ phá hoại nước Nga bằng thủ đoạn trao đổi, buôn bán vũ khí và hàng độc hại.

Tất cả những điều đó chứng tỏ quan hệ tuần trăng mật giữa Nga và phương Tây được hình thành sau sự biến thái 8 đang đi đến kết thúc.

Quan hệ quá thân thiện với phương Tây, quá dựa dẫm vào phương Tây đang chuyển sang quan hệ ngoại giao độc lập tự chủ, với chính sách dựa vào nội lực nước Nga để khắc phục tình trạng khủng hoảng. Tháng 12-1992 Tổng thống Enxin khi nhắc tới sự chuyển biến ấy đã nói:

“Hấp thu quan niệm giá trị văn minh phổ biến cần phải suy nghĩ trên phạm vi lớn nhất về đặc điểm của nước Nga”;

“Sớm làm cho chính sách của chúng ta, tất cả mọi hoạt động của chúng ta có chuyển biến mạnh mẽ, thật sự hướng vào nước Nga; hướng vào truyền thống Nga, thật sự hướng vào quá khứ, hiện tại và tương lai của nước Nga”;

“Trong mọi cải cách, cái mà chúng ta cần dựa vào ngay trước mắt và tương lai, trước tiên là nguồn vốn vật chất và tri thức của nội lực chính mình”.

Những thay đổi chính sách đối với phương Tây tất nhiên sẽ dẫn đến thay đổi quan hệ Nga-Trung.

Nhân tố thứ hai ảnh hưởng tới quan hệ Nga-Trung là tình hình kinh tế của nước Nga.

Ngày 2-1-1992, Chính phủ Nga bắt đầu thực thi kế hoạch (biện pháp sốc) lấy thả nổi vật giá làm tiêu chí, nhưng kế hoạch đó chẳng những không làm cho tình hình như ông Enxin tuyên bố hồi tháng 9 có chuyển biến tốt, ngược lại tình trạng kinh tế ngày một xấu hơn.

Trước hết biểu hiện ở mức độ sản xuất suy giảm. Tình hình sản xuất của Nga năm 1992 so với 1991 giảm chừng 25-30%. Ngoài ra, mậu dịch bán lẻ giảm xuống tới 20%.

Nghiêm trọng hơn là mức sống của dân giảm sút nhanh chóng. Tăng lương không đuổi kịp vật giá leo thang. Mức độ vật giá tăng trong năm 1992 là 700 đến 900%, mà lương chỉ tăng 4 lần. Điều đó làm cho trong 160 triệu dân Nga có tới 70% tức là gần 100 triệu người sống cảnh nghèo khổ, trong đó có tới 50% là quá nghèo khổ, ngay cả đến nhu cầu sinh hoạt cơ bản nhất cũng rất khó khăn.

Tháng 3-1993, mức thu nhập bình quân hàng tháng của người dân

Mátxcova là 5.000 rúp. Với đồng lương ấy chỉ đủ mua 2kg cà chua hoặc 2kg xúc xích ngoài chợ đen. Hối suất giữa đồng đôla Mỹ và đồng rúp lên tới mức 1 đôla đổi được 700 rúp.

Nhân dân khắp nơi kêu ca oán thán, sự ủng hộ đối với chính quyền Enxin giảm sút nghiêm trọng.

Khủng hoảng kinh tế của Nga, tuy ở mức độ nhất định nào đó là do khủng hoảng kinh tế của Liên Xô để lại, không phải tất cả đều qui về chính quyền Enxin đã làm theo *phương pháp chống suy thoái* được chế định từ lý luận của học phái giá cả tự do, chính đó là nguyên nhân quan trọng. "*Phương pháp chống suy thoái*" bắt nguồn từ Mỹ. Năm 1958, Sác - một giáo sư trẻ ở trường Đại học Havót chế định giúp Chính phủ Bôlivia "*Phương pháp chống suy thoái*" giải quyết nguy cơ giá hàng tăng vọt và khủng hoảng nợ nước ngoài, đã giành được thành công nhất định; năm 1989 Chính phủ công đoàn đoàn kết Ba Lan cũng đã thực hành *Phương pháp chống suy thoái* với sự giúp đỡ của giáo sư, làm cho, giá hàng thông thường từ 900% trong vòng hơn 1 năm của năm 1989 giảm xuống tới 200% năm 1991, năm 1991 lại giảm thấp tới mức 80%.

Nhưng nước Nga là một nước lớn, điều kiện khác xa với Ba Lan và Bôlivia, do vậy *Phương pháp chống suy thoái* không đạt được hiệu quả ở nước Nga. Trên thực tế có thể nói giai đoạn bị lật đổ cũng là một tiêu chí thể hiện nước Nga thất bại. Tháng 12-1992 Chénômưđun lên giữ chức Thủ tướng Chính phủ, tuyên bố chính sách kinh tế ưu tiên giá hàng của Gaidar được chuyển sang chính sách ưu tiên sản xuất, và tăng cường bảo hộ xã hội đối với người lao động.

Chính trong bối cảnh ấy, một số người lãnh đạo nước Nga chủ trương đánh giá lại các nước phương Đông, kể cả những thành công trong cải cách kinh tế của Trung Quốc.

Quan hệ Trung - Nga phát triển ổn định

Tháng 3-1992, Ngoại trưởng Nga Karalencô nhận lời mời của Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham sang thăm Trung Quốc. Đây là lần đầu tiên Ngoại trưởng Nga thăm Trung Quốc. Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham đã hội đàm với Ngoại trưởng Nga Karalencô, Thủ tướng Lý Bằng đã hội kiến với ông Karalencô. Hai bên chủ yếu thảo luận về vấn đề quan hệ hai nước, đồng thời cũng trao đổi ý kiến về những vấn đề quốc tế trọng đại mà đôi bên cùng quan tâm. Phía Trung Quốc nói rõ, Trung-Nga là hai nước láng giềng lớn, nhân dân

2 nước có tình hữu nghị truyền thống, hai bên có lịch sử giao hữu lâu đời. Chính phủ Trung Quốc xưa nay vẫn chủ trương, quan hệ quốc gia không nên chịu ảnh hưởng khác nhau về hình thái ý thức chi phối. Bất luận tình hình nước Nga thay đổi như thế nào, Trung Quốc đều mong muốn tiếp tục giữ gìn và phát triển quan hệ láng giềng hữu nghị với nước Nga, trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hòa bình. Hai nước Trung-Nga đều là nước Thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc, cần phải phát huy tác dụng to lớn hơn trong công cuộc phát triển và bảo vệ hòa bình thế giới. Phía Trung Quốc còn nhấn mạnh lập trường nguyên tắc về vấn đề Đài Loan.

Ngoại trưởng Nga nêu rõ: Tình hình nước Nga có thay đổi rất lớn, song phát triển quan hệ hợp tác hữu nghị với Trung Quốc không hề thay đổi. Nước Nga coi trọng quan hệ với Trung Quốc, tôn trọng quá khứ, chú trọng tương lai, chính sách kiên định bất di bất dịch của nước Nga là: vừa phát triển quan hệ tốt đẹp với phương Tây vừa giữ gìn quan hệ láng giềng hữu nghị với phương Đông, đặc biệt là Trung Quốc. Phía Nga khẳng định lập trường về vấn đề Đài Loan là không thay đổi.

Về quan hệ mậu dịch kinh tế hai nước, đôi bên nhất trí cho rằng: Kinh tế hai nước Trung-Nga có tính bổ trợ cho nhau, quan hệ phát triển mậu dịch kinh tế có tiềm lực to lớn. Đôi bên có thể vận dụng phương thức hợp tác đa dạng, phát triển hợp tác kinh tế trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi. Hơn một chục quan chức địa phương và các nhà quản lý các xí nghiệp thuộc vùng Viễn Đông và Xibêri của Nga cùng đi với Ngoại trưởng Nga đã hội đàm trực tiếp với các nhân vật hữu quan miền đông bắc Trung Quốc, bàn bạc các vấn đề cụ thể tăng cường hợp tác kinh tế giữa các địa phương của hai nước.

Trong thời gian thăm Trung Quốc Ngoại trưởng hai nước đã trao đổi thư phê chuẩn hiệp định về đoạn biên giới phía đông Trung-Xô; hiệp định ấy được ký kết trước khi Liên Xô giải thể. Sau khi Liên Xô giải thể, phía Nga hứa thực hành nghĩa vụ và quyền lợi mà Liên Xô gánh trách nhiệm trong hiệp định (thực tế đoạn biên giới phía đông ấy cũng chỉ liên quan đến hai nước Trung-Nga). Hai bên đồng ý tiếp tục đàm phán về đoạn đường biên giới Trung-Nga chưa được bàn bạc nhất trí, để cuối cùng giải quyết vấn đề biên giới hai nước. Hai bên còn đồng ý tiếp tục đàm phán vấn đề giảm lực lượng quân sự khu vực biên giới Trung-Xô bắt đầu từ năm 1989. Trong thời gian đi thăm, hai bên còn bàn tới cuộc gặp gỡ cấp cao; phía Trung Quốc tỏ ý hoan nghênh Tổng thống Enxin sang thăm Trung Quốc vào thời gian thuận lợi cho cả hai bên. Phía Nga đã nhận lời và hy vọng chuyển thăm

được tiến hành trước cuối năm 1992.

Ngày 3 đến ngày 5 tháng 6 năm 1992, Phó Thủ tướng Nga Saoxin sang thăm Trung Quốc, đã hội đàm với Phó Thủ tướng Điền Kỳ Vân. Hai bên căn cứ vào quan hệ hai nước, chủ yếu là trao đổi ý kiến về vấn đề hợp tác mậu dịch kinh tế; và đã đạt được hiệp nghị về công tác của Ủy ban hợp tác khoa học kỹ thuật, mậu dịch kinh tế Phó Thủ tướng Điền Kỳ Vân chỉ rõ: quan hệ hai nước bình ổn, sự trao đổi qua lại song phương trên mọi lĩnh vực mọi cấp bậc đang được mở rộng tích cực; quan hệ hợp tác trong lĩnh vực mậu dịch kinh tế giữa hai nước Trung Nga có cơ sở tốt đẹp. Chính phủ Trung Quốc sẽ tích cực thúc đẩy và ủng hộ sự hợp tác cùng có lợi trên các lĩnh vực mở rộng mậu dịch kinh tế khoa học kỹ thuật giữa các ngành, các vùng của hai nước. Phó Thủ tướng Saoxin nói rõ, Chính phủ Nga và Tổng thống Enxin hết sức quan tâm tăng cường quan hệ với Trung Quốc, phát triển quan hệ mậu dịch kinh tế với Trung Quốc là một hướng ưu tiên truyền thống trong chính sách kinh tế đối ngoại của nước Nga. Phía Nga mong muốn khai thác nguồn tiềm lực to lớn của sự hợp tác kinh tế hai nước, phát triển hơn nữa quan hệ hợp tác trên mọi lĩnh vực cụ thể. Phó Thủ tướng. Saoxin còn nói rõ, chuyến thăm của ông là bước chuẩn bị cho Tổng thống Enxin sang thăm Trung Quốc. Trong thời gian thăm, hai bên đã ký tuyên bố chung về hợp tác lao động xã hội trong các ngành lao động hai nước.

Năm 1992, quan hệ mậu dịch Trung-Nga phát triển tương đối mạnh mẽ. Theo thống kê của ngành Hải quan, tổng ngạch mậu dịch song phương trong 1 năm đạt tới 4 tỷ 6273 USD. Trong đó, Trung Quốc xuất khẩu là 2 tỷ 938 USD nhập khẩu là 2 tỷ 433.536 USD. Con số ấy đã vượt qua mức mậu dịch Trung-Xô 1991: 3 tỷ 904.71usd

Quan hệ trao đổi trên các lĩnh vực quân sự, khoa học kỹ thuật, văn hóa giáo dục, thể dục thể thao và y tế đang được phát triển tích cực.

Tình chất hỗ trợ giữa hai nước Trung - Nga rất to lớn

Do các nước phương Tây xa lánh, do quan hệ Trung-Nga phát triển ổn định, khiến nước Nga phải coi trọng mối quan hệ giao hữu với Trung Quốc; tăng cường mở rộng sự tiếp xúc với Trung Quốc. Chính sách đối ngoại mà trước đây vẫn được nhấn mạnh là ưu tiên phát triển quan hệ bạn bè thậm chí là quan hệ đồng minh của Nga đối với phương Tây cũng chưa bao giờ đạt được như thế.

Vì vậy, trong năm 1992, trong giới lãnh đạo Nga, lần đầu tiên xuất hiện

quan điểm của phái “chủ nghĩa Á-Âu”. Quan điểm của phái “chủ nghĩa á-âu” cho rằng, chính sách Ngoại giao ngà theo phương Tây bắt đầu từ thời kỳ Goócbachốp và được Bộ Ngoại giao Nga kế thừa là không có căn cứ. Đó là vì:

- Nước Nga phải qua nhiều năm mới có thể trở thành người bạn bình đẳng của các nước phương Tây phát triển, mà trước đây, nước Nga chỉ có thể là một người bạn thấp hèn của phương Tây.

- Nước Nga là quốc gia lớn ở Á-Âu, nếu tất cả theo kiểu phương Tây là không phù hợp với tình hình nước Nga, “nếu để cho người nông dân Nga sức dài vai rộng khoác bộ lễ phục đuôi én kiểu tây thất thêm cái nơ bướm, thật là hoàn toàn không có ý nghĩa và đáng buồn cười”.

- Phương Tây có thật lòng mong muốn nước Nga trở thành một nước phát triển hay không cũng đáng nghi ngờ.

Do đó, phái chủ nghĩa “Á - Âu đứng đầu là cố vấn ngoại giao Xđankêvích của ông Enxin và Đại sứ Nga tại Mỹ cho rằng, nước Nga cố nhiên phải duy trì quan hệ hữu hảo và bạn bè với phương Tây, song quyết không thể coi nhẹ phương Đông, “Á - Âu đều phải coi trọng, cần giữ gìn quan hệ tốt đẹp với Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Ấn Độ và Trung Quốc.

Ngoài quan điểm “Á - Âu đều trọng” ra, còn có một bộ phận chủ trương đặt mối quan hệ giữa Nga với Trung Quốc, Nhật Bản, Đông Nam Á, Hàn Quốc và các nước theo đạo Itslam ở vị trí quan trọng hơn.

Họ cho rằng lợi ích của nước Nga đòi hỏi phải coi trọng quan hệ với Trung Quốc và khu vực theo đạo Itslam; quan hệ đồng minh với phương Tây sẽ dẫn đến liên minh giữa thế giới Mosline với Trung Quốc, mà sự đối kháng ấy sẽ dẫn nước Nga tới đỉnh điểm của đối kháng toàn cầu, làm tổn hại đến lợi ích của nước Nga.

Một số nhà Hán học thì phê phán gay gắt hơn chính sách Nga-Trung của chính quyền Enxin, cho rằng quan hệ Nga với phương Tây được ưu tiên hơn quan hệ với phương Đông, trong các nước phương Đông thì quan hệ Nga-Triều, Nga-Nhật được ưu tiên hơn quan hệ Nga-Trung, về mặt phát triển quan hệ với Trung Quốc, nước Nga còn lạc hậu xa so với các nước Cadacxtan- Tuyéc Mênixtan, Ucraina; Đây là một “Cách nhìn sai lệch”. Trung Quốc chính là là một nước lớn, kinh tế đang tăng trưởng nhanh, là một trong những người bạn kinh tế của Nga quan trọng nhất trên thế giới. Một số phái phương Đông nay xuất phát từ phân tích lịch sử của nước Nga cho rằng, trong lịch sử nước Nga luôn luôn muốn tiến vào cổng lớn châu Âu, nhưng rốt cuộc không lọt vào được. Ngày nay, đã phải chuyển trọng

điểm ngoại giao về Châu Á rộng lớn.

Trong giới lãnh đạo cao cấp của Nga, có không ít nhân vật chủ trương phát triển hơn nữa quan hệ Nga-Trung, họ cho rằng nước Nga cần phải đánh giá lại kinh nghiệm của Trung Quốc.

Ngày 6-11-1992 Phó Chủ tịch Xô Viết tối cao Nga Vôrônin khi trả lời phóng viên “Báo sự thật” có nói:

“Kinh tế, Trung Quốc có phần giúp đỡ chúng ta. Garda thì phủ nhận điều này. Làm như vậy là vô dụng. Đương nhiên không nên vận dụng sống sượng máy móc, nhưng phải thấy được rằng, người Trung Quốc trước đây đi cùng một con đường với chúng ta, mà hiện nay họ đi lên thị trường không quá chật vật. Tổng giá trị sản xuất quốc dân tăng trưởng trong phạm vi 10%. Mức sống của dân không hề giảm sút, trái lại còn được cải thiện. Còn ông Gaidar nêu ra với chúng ta là kinh nghiệm làm kinh tế của tổ chức vốn tiền hàng quốc tế ở Mêhicô (Mécxich) và Ba Lan, mặc dầu vậy nền kinh tế của hai quốc gia này cũng chưa được thời gian thử thách... Trên thế giới chưa có một nước lớn nào có thể dựa vào ngoại viện mà thoát khỏi khủng hoảng, chỉ có dựa vào nội lực của mình mà phát huy tác dụng, dựa vào sức mạnh của nhân dân mình mới có thể thành công”. R.Khabulatốp trong bản báo cáo tại Quốc hội ngày 1-12-1992 cũng đã khẳng định “Mô hình hướng tới kinh tế thị trường xã hội” mà Trung Quốc, Hàn Quốc và quốc gia Ảrập phương Đông lựa chọn, đồng thời phê phán chính sách “thị trường tự do” kiểu Mỹ của Chính phủ Gaidar

W.Orski, người lãnh đạo Liên minh công dân cũng chủ trương đánh giá lại những điểm thành công của Trung Quốc.

Đương nhiên, chưa có ai cho rằng làm theo cải cách của Trung Quốc có thể đạt được thành công ở nước Nga. Nước Nga phải đi theo con đường cải cách của mình, nhưng phát triển hơn nữa quan hệ Nga-Trung chắc chắn là có lợi cho công cuộc cải cách của hai nước.

Trước hết là vì hai nước Trung-Nga cùng là nước láng giềng lớn nhất, có đường biên giới dài nhất; thứ nữa là nền kinh tế hai nước Trung-Nga mang tính bổ trợ lẫn nhau rất lớn, có tiền đề rộng lớn hợp tác cùng có lợi.

Chính trong bối cảnh ấy, ngày 17-12-1992 Tổng thống Liên bang Nga Enxin lần đầu tiên đã sang thăm Trung Quốc.

II. CUỘC HÀNH TRÌNH TỚI BẮC KINH CỦA ÔNG ENXIN

Lực lượng an ninh nghiêm mật sẵn sàng

9 giờ 15 phút sáng (giờ Bắc Kinh) ngày 17-12-1992, chiếc máy bay “kiểu

Nga” chở Tổng thống Enxin như một con chim bạc gấm rú từ không trung rồi hạ cánh an toàn trên bãi phẳng phía nam sân bay Quốc tế Thủ đô Bắc Kinh.

Đồng thời, trong khoảnh khắc một tấm thảm đỏ tươi rộng 3m dài 30m được trải suốt từ chân cầu thang máy bay đến tận trước đội quân ký giả được lực lượng bảo vệ quây gọn thành một góc. Trên giá sắt hình thang cao 5 mét, hàng chục máy nhiếp ảnh cùng các loại “Đại pháo”, “Đoản thương” đủ cỡ nhằm thẳng vào cửa máy bay còn đóng kín: các nhà báo chen chúc từng đoàn, máy ghi âm xách tay đủ loại đã khai mở sẵn sàng chờ đợi.

Sau 10 giây, cửa máy bay đã mở, vài nhân viên lực lưỡng kiểu cận vệ nhanh nhẹn bước xuống cầu thang. Tiếp theo là Tổng thống Enxin dáng vóc cao to, mái tóc bạc phơ xuất hiện trước mọi người. Ông giơ tay vẫy chào đoàn người ra đón, nụ cười tươi tắn rạng rỡ và ấm áp như bầu trời Bắc Kinh hôm nay. Đây là nụ cười từ Mátxcova mang tới. Đệ nhất phu nhân Naia khoác tay Enxin sóng đôi từ từ bước xuống.

Trường đoàn đón tiếp của Chính phủ Trung Quốc, Chủ nhiệm Ủy ban cải cách thể chế nhà nước Trần Cẩm Hoa bắt tay thân thiết Tổng thống Enxin. Hai thiếu nữ Trung Quốc tặng Tổng thống và phu nhân những bó hoa tươi thắm.

Lúc này, đoàn nhà báo xôn xao náo động; trong đám đông bỗng vang lên một giọng Nga: “Paolixư. Nicôlaiép, mau lại đây!” như nhắc nhở phóng viên người Nga ấy hiểu rõ tính cách của vị Tổng thống: ông Enxin có một đặc điểm là bỏ qua mọi sắp xếp nhật trình, sẵn sàng ứng khẩu vui vẻ trả lời câu hỏi của phóng viên báo chí. Vì vậy ông rất có duyên với họ.

Trên chiếc xe chống đạn đặc biệt của nước Nga chế tạo

Câu nói đầu tiên của ông Enxin khi đặt chân lên đất nước Trung Quốc không chỉ là ngôn từ ngoại giao câu nói ấy đã tạo nên điệu nhạc du dương cho cuộc hành trình đầu tiên đến Trung Quốc của Tổng thống nước Nga.

“Hai nước Nga-Trung cần mở ra một kỷ nguyên mới cho quan hệ chúng ta. Hai dân tộc vĩ đại có chung đường biên giới 4.000 km đã từng hừng hờ quan hệ suốt mấy chục năm trường, thậm chí còn thiếu sự hợp tác. Điều đó thật không bình thường. Chuyến thăm Trung Quốc lần này là cuộc đột phá thứ 2 ở Châu Á sau Hàn Quốc”.

Tổng thống Enxin liên tiếp trả lời 3 câu hỏi của nhà báo. Cuối cùng, ông đã bước vào chiếc xe “Đajin” giữa âm thanh vang dội “Xin cảm ơn, chúc ngài mạnh khỏe!”.

“Đajin” là chiếc xe đặc biệt chở Tổng thống Enxin, nặng 3,5 tấn, ngoại hình duyên dáng hào hoa, nước sơn đen bóng loáng, khiến mọi người không thể tin rằng đây là loại xe do “Người anh cả” chế tạo. Tính năng chống đạn quả là độc nhất vô nhị. Người có nhận thức đều hiểu rằng đạn súng trường bay trong cự ly mục tiêu 20 mét có khả năng sát thương mạnh nhất. Giả dụ bạn dùng loại súng trường nổi tiếng “Karsnikew” bắn cách khoảng 20 mét, thì trên thành xe - cũng chỉ sây sát một vết bằng hạt tằm mà thôi. Thiết bị thông tin hiện đại trên xe vẫn còn đáng dấp “Đế quốc Liên Xô” ngày trước, “nút thông tin đặc biệt” như 2 chiếc hộp giấy có thể bảo đảm cho Tổng thống liên hệ điện thoại với mọi nơi trên thế giới trong suốt 24 giờ hàng ngày, còn dây ăngten hình mỏ neo được lắp đặt dưới lầu số 18 trong nhà khách quốc gia ở Đài câu cá luôn phát sóng tầm xa vài nghìn km.

Ngay từ 10-12, đích thân Phó cục trưởng cảnh vệ của Tổng thống đã chuyển 3 chiếc xe hiệu “Đajin” tới Bắc Kinh qua đường hàng không và cho chạy thẳng vào Đại sứ quán Nga tại Trung Quốc. “Đajin” hơn hẳn loại xe Cadácxtan. Nhớ lại trước đây, thời Brêgionhép, Andorôpốp Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô và một vài Ủy viên Bộ Chính trị mới đủ tư cách hưởng dụng loại xe này. Trên lãnh thổ mệnh mông ấy “Đajin” tượng trưng cho quyền lực và vinh dự. Năm xưa Goócbachốp sang thăm Nhật Bản cũng ngồi xe “Đajin” chuyển qua đường không vận, giới báo chí Nhật Bản nhất thời xôn xao bình luận châm-biếm, coi đây là sự thiếu tin tưởng đối với nước Nhật.

Những bí mật khó giải thích nhất

Trong chiếc xe thứ 2 đi sát liền xe Tổng thống có 2 chàng trai lực lưỡng suốt ngày đêm ngồi canh giữ hộp “nút bấm trung tâm”. Đó là một trong những bí mật khó giải thích nhất trên thế giới.

10 giờ 15 phút, Chủ tịch nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa Dương Thượng Côn hân hoan chờ đợi tại phòng lớn chính diện Đại lễ đường nhân dân, đón nhận cái bắt tay đầu tiên trong lịch sử của Nguyên thủ hai nước.

10 giờ 20 phút, trong tiếng rền vang của 21 phát đại bác đón chào, Tổng thống Enxin đi duyệt đội quân danh dự Quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc. Bước chân đều tắp, đội ngũ chỉnh tề, diễu hành nghiêm trang trước Nguyên thủ 2 nước.

10 giờ 30 phút, sảnh đường tỉnh Hà Bắc trong Đại lễ đường nhân dân sáng lòa ánh điện, trong không khí hân hoan sôi động, Tổng thống Enxin và Chủ tịch Dương Thượng Côn tươi cười xiết chặt tay nhau hồi lâu trước hàng

trăm ký giả các nước. Ngày hôm sau, báo chí các nước đều đăng tải hình ảnh mang ý nghĩa lịch sử ấy nổi bật ở vị trí quan trọng.

11 giờ 10 phút, sau khi hội kiến, Tổng thống Enxin cùng phu nhân về phòng nghỉ nhà khách Chính phủ tại Đài câu cá. Tổng thống Nga Enxin với ánh mắt sâu thẳm của mình lần đầu tiên được thấy hành cung của Kim đại Hoàng đế cách đây hơn 800 năm; những tuyết tùng, rừng trúc và bãi cỏ vẫn xanh tốt xum xuê giữa mùa đông giá lạnh; say sưa thưởng ngoạn nơi lầu cao viện hát cùng lâm viên cổ đại phương Đông với suối khe róc rách suốt đêm ngày.

Hơn 10 cận vệ theo sát Tổng thống

Quá trưa, từng đoàn xe tải chở hàng nghìn cảnh vệ ra ngoại ô tới đường ven Vạn lý trường thành. Cứ cách 20 mét lại có một người lính đứng nghiêm trang canh gác.

Theo sự thỏa thuận của hai phía Trung-Nga, mỗi bên chỉ được chọn 5 ký giả thân cận đi theo, có đeo phù hiệu “Đặc chủng” màu đỏ do Cục Thông tin Bộ Ngoại giao cấp phát. Còn những ký giả khác chỉ được đứng yên tại 3 địa điểm cố định trên “đường ven” Trường thành. Đúng 3 giờ chiều, chiếc xe “Đajin” bon nhanh tới chân Trường thành. Ông Enxin trong bộ áo khoác dạ đen bước ra khỏi xe, say sưa phấn khởi ngắm nhìn một vùng núi non uốn lượn chập chùng.

Ông Enxin trước tiên đi tới cây tháp lửa thứ nhất, mười mấy lính cảnh vệ Nga luôn vây quanh Tổng thống chừng 10 mét đan thành một hàng lưới cách ngăn.

Ông Enxin là một sinh viên xuất sắc, trước đây, đã tốt nghiệp khoa Kiến trúc Học viện công nghệ Ural, đối với kiến trúc là ông thông thạo. Trước tiên ông hỏi Thường thành cao bao nhiêu rộng bao nhiêu. Người hướng dẫn hiển nhiên chưa hiểu hết ý của Tổng thống. Loay hoay trả lời tường cao thấp là tùy theo địa thế. Đôi lông mày ông Enxin lần đầu tiên nhíu lại, nét mặt tỏ vẻ hơi khó chịu:

- “Nơi cao nhất là bao nhiêu?” giọng ông hơi cứng lại.
- “Nơi cao nhất là 8 mét”.

Với con số cụ thể mà người hướng dẫn trả lời xem ra đã giải tỏa thắc mắc của ông Enxin.

Thế là ông nắm tay phu nhân, quay lưng về dãy trường thành điệp trùng vạn dặm ghi lại một tấm hình tràn trề tình cảm êm ái ngọt ngào. Hôm sau, trong giờ phút chia tay ông Enxin tại vườn hoa Đài câu cá, Chủ tịch Dương Thượng Côn chỉ vào tấm hình trong tập ảnh nói:

- “Này, tấm hình hai ông bà Tổng thống đã được đăng trên tờ “nhân dân nhật báo” rồi nhé!”

Tấm ảnh tràn đầy không khí gia đình kia làm cho khách và chủ cùng vui chung cạn chén tươi cười.

Với hàng trăm ký giả người Nga và phương Tây bay tới Bắc Kinh, ông Enxin tới đâu cũng đều là “con mối” của họ. Tại Trường thành Tổng thống Enxin chỉ vào Trần Cẩm Hoa đứng bên cạnh và nói với các phóng viên:

- “Mô hình Trung Quốc rất quan trọng, nó bao quát phương pháp cải cách không xáo động. Trung Quốc cải cách đã qua 14 năm, có lẽ còn cần một thời gian dài như vậy nữa. Đại hội lần thứ 14 của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã xác định mô hình kinh tế Trung Quốc là nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa mà quan trọng nhất là thị trường. Các bạn muốn tìm hiểu cải cách của Trung Quốc, ông Trần Cẩm Hoa có thể trả lời các bạn”.

Giang Trạch Dân hội kiến và mời cơm Enxin

Đúng 12 giờ Tổng Bí thư Giang Trạch Dân hội kiến và mời cơm Tổng thống Enxin. Lần đầu tiên Tổng Bí thư Giang Trạch Dân dùng tiếng Nga “chào các bạn” ký giả Nga tới thăm Trung Quốc tại sảnh đường trước lầu số 15 Đài câu cá.

Trong bữa cơm, bằng khẩu khí thăm dò, ông Giang Trạch Dân hỏi Tổng thống Enxin xem có muốn thưởng thức rượu Mao đài của Trung Quốc hay không; khách trước đây đã từng dùng rượu Mao đài của Đại sứ Trung Quốc biểu tặng, nên đã được thưởng thức và rất thú vị. Cốc thứ nhất, chủ nhà và khách một hơi là cạn. Khi ông Giang Trạch Dân giới thiệu với khách rượu Mao đài là 50⁰ Tổng thống Enxin cao hứng nói, trong tiếng Nga có một câu ngạn ngữ là “kiểm tra xong mới tin tưởng được”. Rõ ràng, văn hóa rượu đúng là cuộc chuyện trò vui vẻ nhất trong bữa cơm của những người lãnh đạo quốc gia.

Ông Enxin thử nghiệm và bình luận về rượu Mao đài

Ông Enxin rút ra một que diêm to dài hai tấc, quẹt lửa đặt lên miệng chai, que diêm cháy hết cũng chẳng thấy phản ứng gì. Ông lắc lắc đầu không hiểu nổi. Tổng Bí thư Giang Trạch Dân cười và gợi ý nên đổ rượu vào hộp tàn thuốc lá rộng miệng. Ông Enxin lại quẹt một que diêm nữa, vẫn không kết quả. Lúc này, bà Enxin nhắc đấng phu quân của mình hãy gi sát ngọn lửa vào miệng hộp mới được. Đến que diêm thứ 3 thì miệng

hộp vút lên một ngọn lửa xanh đậm. Ông Enxin giảng giải một cách rất chuyên môn, phương pháp đánh giá nồng độ rượu: có 3 cách sau đây: rượu trên 55⁰ bốc lửa màu xanh; dưới 55⁰ thì ngọn lửa vừa xanh vừa đỏ; dưới 40⁰ thì lửa đỏ hoàn toàn.

14 giờ 30 phút, Tử Cấm Thành (cung vua) đón tiếp những người khách đến từ nước Nga xa thăm. Trước đó vài phút một phóng viên Hợp chúng xã tại Bắc Kinh có hỏi người Trung Quốc tại nơi đây rằng:

- “Nước Nga là một thành viên của Liên quân 8 nước tiến công Bắc Kinh phải không?”

Hai nước cùng coi nhau là quốc gia hữu hảo

Hoàng thành ngày xưa, nơi khiến mọi người run sợ, ông Enxin rất hứng thú về những công trình kiến trúc bằng gỗ cổ đại của Trung Quốc ở nơi đây. Khi ông được biết giá vé vào cửa Cố Cung là 8 đồng, bất giác ông buột miệng thốt lên: “Khoảng 1,5 đôla Mỹ”.

Đúng 16 giờ, chưa kịp nghỉ ngơi, ông Enxin tiếp tục hội kiến với các nhân vật nổi tiếng của Trung Quốc. Với phong cách dí dỏm châm biếm, bài nói hào hứng của ông luôn bị ngắt quãng bởi những trận cười khoái chí:

- “Tổng Bí thư Giang Trạch Dân và Thủ tướng Lý Bằng đều nói giỏi tiếng Nga, ngày nay sự nghiệp cải cách mở cửa của Trung Quốc đã giành được những thắng lợi quyết định. Cơ hội học tiếng Hán đã chín mùi”.

Một học giả cùng tham gia hội kiến tán thưởng thêm về khẩu khí của ông Enxin, một câu nói chọc cười “Đạo lý Trung Dung của Trung Quốc làm cho hội nghị Quốc hội lần thứ 7 không bị thất bại”, khiến mọi người càng tin tưởng vào đạo lý Nho học uyên thâm của đất nước Trung Hoa.

17 giờ 30 phút, một khoảnh khắc mang ý nghĩa lịch sử. Tổng thống Enxin và Chủ tịch Dương Thượng Côn chính thức ký “Bản tuyên bố chung về cơ sở quan hệ hai nước”. Câu thứ nhất trong văn kiện ghi rõ: “Hai nước cùng coi nhau là quốc gia hữu hảo”. Đồng thời hai nước đã ký kết 24 văn kiện, ông Enxin nói: “Có thể nói là kỷ lục trên thế giới”.

Ông Enxin trích dẫn lời nói nổi tiếng của Đặng Tiểu Bình

18 giờ 15 phút, hơn 200 phóng viên báo chí tụ tập tại phòng tiệc tầng một khách sạn...

Công tác “kiểm tra an toàn” nghiêm ngặt được thông báo trước một tiếng, mọi người tranh nhau tìm chọn địa hình có lợi nhất. Khi nói tới công

cuộc cải cách của Trung Quốc, ông Enxin đã trích dẫn câu nói nổi tiếng của ông Đặng Tiểu Bình: “Bất kể mèo trắng hay mèo đen, hễ bắt được chuột đều là mèo quí”, cả hội trường đều cười ồ lên. Ông Enxin nói tiếp: “Tôi nhờ Chủ tịch Dương Thượng Côn chuyển tới ngài Đặng Tiểu Bình lời chúc mừng tốt lành nhất; ngài Đặng Tiểu Bình cũng nhờ chuyển đến tôi lời thăm hỏi. Vì sức khỏe không cho phép, nên không thể gặp gỡ”. Các báo chí hải ngoại đã xôn xao dư luận thăm dò câu nói “sức khỏe không cho phép”; người phát ngôn Bộ Ngoại giao kịp thời giải thích.

9 giờ 15 phút sáng ngày 19 -12-1992, do nước Nga có nguy cơ lâm vào tình trạng khủng hoảng nội các; Tổng thống Enxin phải hủy bỏ chuyến thăm Thân Quyển về nước trước thời gian. Chiếc chuyên cơ “nhãn hiệu Nga” như một tia chớp vút tạt không trung, hướng thẳng về Mátxcova phủ đầy băng tuyết. Tuy vậy, trong 48 tiếng đồng hồ ngắn ngủi tại Bắc Kinh, ông Enxin đã để lại một cái mốc hướng tới tương lai trong lịch sử quan hệ hai nước Trung-Nga.

III. TRUNG - NGA MỞ CỬA BIÊN GIỚI

Ăn cơm, tắm hơi

Hai nước Trung-Xô (nay là Nga) đã hàng chục năm ngăn cách, có lẽ rất ít ai nghĩ đến có được như hôm nay; quân đội đã từng đối địch nhau lại có thể trở thành khách trong doanh trại của mình; những đồn biên đã từng là thần bí của hai nước đã có thể cùng mở cửa.

Sau năm 1986, nguyên quân đội biên phòng Liên Xô trong nhiều lần gặp gỡ hội đàm, đều bày tỏ mong muốn mở rộng quan hệ quân đội hai nước, tăng cường thăm viếng lẫn nhau, phát triển quan hệ bình thường giữa hai nước và hai quân đội.

Sau này, trong một lần tham gia hoạt động liên hoan ngày lễ của đối phương, bộ đội Trung Quốc đã tới một đồn canh của quân đội biên phòng Liên Xô. Thật khác lạ và thần bí.

Mà lần đầu tiên ấy lại mang tính ngẫu nhiên và kịch tính.

“Đoàn đại biểu một cơ quan biên phòng chúng tôi tham dự hoạt động ngày lễ ở thành phố bên kia biên giới, người sĩ quan của đối phương ra đón tiếp, khi giới thiệu về chương trình đã đề nghị tất cả khách Trung Quốc tham gia tắm hơi, mà địa điểm là đồn biên phòng phía tây thành phố.

Người đại diện bộ đội biên phòng của chúng tôi đã từng làm công tác ngoại giao quân sự nhiều năm, dày dặn kinh nghiệm. Anh rất nhạy bén, trong

khi chưa kịp tỉnh thì và được cấp trên đồng ý, đã tùy tiện sang đồn biên phòng đối phương là không ổn. Anh khéo léo dùng lời lẽ ngoại giao:

- “Hôm khác thì có thể, còn hôm nay không thuận tiện lắm”.

Bình thường, được trả lời như vậy, thì đối phương hiểu ý ngay, thấy vậy là tôn trọng. Song, hôm ấy đối phương cố chấp nói rõ ý đồ, như đối với người nhà:

- “Tôi hiểu ý các bạn, nhưng các bạn phải biết là ngay cả lãnh đạo của các bạn cũng đã tới đó, không phải một lần, các bạn đừng phiền ngại”.

Người đại diện phía Trung Quốc mỉm cười hữu nghị, nhưng không trả lời là đồng ý.

Có lẽ đối phương đã sắp xếp trước tất cả, người sĩ quan đón tiếp tuyên bố, bữa chiều nay ăn cơm tại đồn, người sĩ quan ấy hình như hiểu được rằng một quân nhân có tinh thần kỷ luật cao cũng không thể từ chối đi dự tiệc. Nếu không sẽ tạo ra sự căng thẳng trong quan hệ ngoại giao.

Phía Nga không hề đòi hỏi cân bằng

Trong tình hình đặc biệt như vậy, người đại diện quân Trung Quốc đã suy nghĩ rất thận trọng, và tham gia bữa tiệc tại đồn biên.

Đương nhiên, nói là đi dự tiệc, thực ra đây là lần đầu tiên bộ đội Trung Quốc tham quan liên đội quân biên phòng của nước láng giềng. Sau sự việc đó, theo qui định người đại diện đã báo cáo lên cấp trên. Cách làm đúng đắn của anh đương nhiên được khẳng định. Nó trở thành tiền lệ, Trung Quốc tham quan quân đội láng giềng.

Về sau, quân đội nước láng giềng nhiều lần mời đại diện quân Trung Quốc tham quan. Kiểu tham quan ấy có thể nói là tương đối rộng mở; hình như họ cho mở cửa tất cả doanh trại liên đội, đồn biên, kể cả mọi thiết bị vũ khí, chỉ một điểm đó thôi cũng làm cho lính Trung Quốc kinh ngạc. Mà trước khi làm việc đó, họ đã nhiều lần tuyên bố: “Chúng tôi mở cửa là đơn phương, không đòi hỏi cân bằng, không hề có ý tứ muốn tham quan liên đội của các bạn, về điểm này xin các bạn tuyệt đối yên tâm”.

Bây giờ chúng ta hãy theo dòng hồi ức của người đại diện bộ đội biên phòng Trung Quốc, “xuất dương” tham quan đồn biên phòng ở khu vực Viễn Đông của nước Nga mà mọi người lâu nay thấy xa lạ và thần bí.

Quân đội biên phòng và quân đội chính quy của Liên Xô trước đây và của nước Nga hiện nay là 2 binh chủng khác nhau. Quân đội biên phòng được đãi ngộ cao hơn quân đội chính qui.

Năm 1990, đại biểu quân đội biên phòng Trung Quốc chính thức tham

quan đồn biên phòng đối diện biên giới Trung Quốc, ở trong một khu rừng. Nhà ở của binh lính và sĩ quan kề sát nhau. Có lẽ là để tăng thêm không khí thân mật gia đình và bè bạn, phía Nga mời lính Trung Quốc đến chơi nhà sĩ quan.

Phòng bí mật cũng được công khai

Súng ống đạn dược không đặt tại phòng ở, mà đều được bảo quản ở nơi cửa vào tầng một, có cửa sắt khóa kín, xếp đặt trật tự dễ đếm; tất cả đều do binh lính trực ban trực tiếp trông coi; nếu có nhiệm vụ, người trực ban sẵn sàng mở cửa sắt, binh lính khẩn cấp hành động, vừa mặc quần áo vừa nhận súng ống. Đối diện với buồng đồn trưởng là phòng tác chiến. Quân Nga cũng không coi đó là cấm địa. Họ mời bộ đội Trung Quốc vào tham quan. Đứng trước phòng tác chiến ấy mà xưa kia, hôm nay và sau này vẫn là đối thủ chủ yếu của mình, binh lính sĩ quan Trung Quốc tới tham quan bất giác thấy rất cảm khái.

Trong phòng tác chiến có đủ cả điện thoại, bản đồ, sa bàn, có một lính trực ban đứng trước sa bàn. Người sĩ quan Nga đi theo hướng dẫn tham quan chỉ lên những tiêu chí phía trên nói, đây là vị trí phòng thủ của chúng tôi; trước đây chúng ta đối lập nhau, bây giờ thì đến được với nhau rồi.

Nói tới đây, mọi người có mặt đều cười ồ lên.

Có lẽ để tỏ rõ sự chân thành, ngay cả phòng lau súng, nhà hầm, phòng phục vụ đều được mở rộng cửa. Kiến trúc kiểu Nga rất coi trọng giữ ấm. Từ trong nhà ngầm có thiết bị hơi nóng dẫn ra thật ấm áp.

Quân Nga mong muốn mở rộng giao lưu

Những năm gần đây, đồn biên phòng liên đội quân Nga trên vùng biên giới nhiều lần mở cửa. Họ cũng nhiều lần đề xuất mở rộng quan hệ giao lưu giữa hai quân đội, để phát triển quan hệ hữu nghị bình thường hai bên, để phục vụ cho sự nghiệp xây dựng kinh tế mỗi nước. Người phụ trách quân khu Viễn Đông của Liên Xô trước đây, trong thời gian sang thăm Trung Quốc đã từng nhiệt tình đề nghị, không chỉ nên mở rộng giao lưu bộ đội biên phòng hai bên, mà còn có thể giao lưu quân khu cấp tỉnh, cấp đại quân khu, các đoàn thể thao văn hóa quân đội cũng có thể thăm viếng lẫn nhau, thậm chí ông ta còn mong muốn có sự giao lưu giữa các cơ quan lãnh đạo trong quân đội hai nước.

Được cơ quan cao nhất của quân đội Trung Quốc phê chuẩn, tháng 8-1992, đợt đầu các đồn biên phòng của Trung Quốc ở Hắc Long Giang và Cát

Lâm, mở cửa với quân Nga, đón đợt khách đầu tiên. Người khách nhận lời từ Hắc Hà vượt qua đường biên giới Trung-Nga là Thượng tá Augiochépsốp, ông là đại diện biên phòng của một quân khu Viễn Đông Nga. Ông dẫn đầu một đoàn năm người kể cả 1 nhân viên chụp ảnh. Đón biên phòng mà họ tham quan là liên đội 7 của đơn vị giải phóng quân đóng tại thành cổ ái Hồn. Xuống đón khách Nga vừa cập bến, đại diện quân biên phòng Trung Quốc bước ra trước đón chào. Chiếc xe con đưa khách vào thẳng khu doanh trại gọn gàng sáng sủa của liên đội .

Chương 16

Tư duy “Chiến tranh lạnh”, lò gạch bá quyền. Đạn cũ của Oasinton thay thuốc mới “Yang chũlao” quay hòng súng.

L QUAN HỆ TRUNG-MỸ LẠI LÂM VÀO TÌNH TRẠNG BẾ TẮC

Chính phủ Mỹ trừng phạt Trung Quốc

Sau cuộc sóng gió xuân hè năm 1989 tại Bắc Kinh, Mỹ thi hành chính sách trừng phạt đối với Trung Quốc.

Ngày 5-6 Tổng thống Bút trong bài nói chuyện về tình hình Trung Quốc, tuyên bố những biện pháp trừng phạt như sau:

1- Tạm ngừng việc bán các loại vũ khí và xuất khẩu thương mại giữa Chính phủ với Chính phủ.

2- Tạm ngừng việc thăm viếng lẫn nhau của những người lãnh đạo quân sự giữa nước Mỹ và Trung Quốc.

3. Đối với yêu cầu kéo dài thời gian, lưu học tập tại Mỹ của sinh viên Trung Quốc cho được suy nghĩ thỏa thuận.

Ngày 20-6 Tổng thống Bút chỉ thị cho Chính phủ Mỹ thi hành những biện pháp như sau:

1. Tạm ngừng việc thăm viếng lẫn nhau với tất cả mọi quan chức cao cấp Chính phủ của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

2. Mỹ sẽ ra sức trì hoãn dần do việc cơ quan tiền tệ quốc tế cung cấp cho Trung Quốc những khoản vay mới.

Chẳng bao lâu, Quốc hội Mỹ chuẩn bị và thông qua văn kiện xét lại chính sách trừng phạt Trung Quốc. Tổng thống Bút đã tranh luận và thỏa hiệp với Quốc hội: ngày 16-2-1990 đã ký “pháp lệnh uỷ quyền quan hệ ngoại giao năm tài chính 1990 và 1991” bao hàm cả việc xét lại chính sách trừng phạt Trung Quốc. Pháp lệnh này một mặt qui định biện pháp trừng phạt đối với Trung Quốc trên phương diện pháp luật, để cuối cùng xóa bỏ một số phương sách làm tăng thêm khó khăn; mặt khác để cho Tổng thống được quyền xử trí

linh hoạt, như là có thể báo cáo với Quốc hội nói rõ những tiến triển về cải cách chính trị Trung Quốc, hoặc vượt trên yêu cầu lợi ích nước Mỹ, có thể bỏ một phần hoặc toàn bộ chính sách trừng phạt đối với Trung Quốc.

Phương án xét lại của Quốc hội Mỹ đối với sự trừng phạt kinh tế Trung Quốc bao gồm 7 nội dung sau đây:

1. “Công ty đầu tư tư nhân hải ngoại” cần tiếp tục ngừng đầu tư bảo hiểm hoặc trợ giúp vốn đối với Trung Quốc.

2. Trung ương Đảng cần đình chỉ nguồn vốn được cung cấp theo “Luật ngoại viện” dùng vào các hoạt động của “Phòng phát triển mậu dịch” có liên quan tới Trung Quốc.

3. Tiếp tục ngừng việc xuất khẩu vũ khí đạn dược sang Trung Quốc, bao gồm cả máy bay trực thăng và các linh kiện.

Các khoản cũ hạn chế sử dụng vào cả hệ thống và từng bộ phận, đặc biệt là thiết kế sản xuất hàng dân dụng, và chỉ được sử dụng vào hệ thống hoặc bộ phận sản phẩm phục vụ quốc phòng có khống chế xuất khẩu đến một quốc gia nhất định.

4. Ngừng xuất khẩu trang bị cảnh sát đối với Trung Quốc.

5. Tiếp tục đình chỉ việc cung cấp hỏa tiễn phóng vệ tinh do Mỹ chế tạo.

6. Ngừng hoạt động hợp tác năng lượng hạt nhân Trung-Mỹ.

7. “Ba tum” hạn chế xuất khẩu:

1. Tổng thống cần đàm phán với các nước thành viên “Ba tum” để thực hiện đa phương ngừng mở rộng giới hạn xuất khẩu đối với Trung Quốc.

2. Trong vòng 6 tháng kể từ ngày lệnh này được công bố, Tổng thống phản đối bất cứ cách làm mở rộng giới hạn xuất khẩu nào của “Ba tum” đối với Trung Quốc.

Ngày 30-11-1989 Tổng thống Bút quyết định thêm một loạt biện pháp sau đây:

1. Những người lưu học của Trung Quốc xóa bỏ mọi ký kết trao đổi nghiên cứu học tập phải trở về nước phục vụ hai năm.

2. Đối với những cá nhân cư trú hợp pháp trên đất Mỹ từ ngày 5-6 - 1989 được bảo đảm tiếp tục hưởng quyền cư trú hợp pháp.

3. Đối với công dân đã ở tại nước Mỹ từ ngày 5-6-1989 có quyền làm việc tại Mỹ.

4. Đối với những người di cư bất hợp pháp đã hết hạn có đề nghị kéo dài thời gian, chỉ cần thông báo thời hạn đã hết mà không thực thi trục xuất.

Ngày 6-4-1990, Tổng thống Bút lại chính thức công bố mệnh lệnh hành

chính qui định rõ như sau:

1. Những học sinh Trung Quốc ở tại Mỹ từ ngày 5-6-1989 có thể kéo dài thời gian xuất cảnh đến ngày 5-6-1994.

2. Miễn trừ qui định có liên quan, để cho những học sinh Trung Quốc có hộ chiếu quá hạn hoặc bị hủy bỏ có thể thay đổi tư cách pháp nhân.

3. Tiếp tục chấp hành biện pháp hành chính đã được thực thi từ ngày 30-11-1989.

Ngày 16-6-1991 với lý do là công ty Trường Thành và công ty xuất nhập khẩu máy móc tinh vi của Trung Quốc tham gia hoạt động nghiên cứu đạn đạo và phổ biến kỹ thuật đạn đạo, Mỹ tuyên bố thi hành 3 biện pháp trừng trị Trung Quốc.

1. Hạn chế bán cho công ty máy móc tinh vi và công ty trường Thành của Trung Quốc bất kỳ sản phẩm gì có liên quan với đạn đạo;

2. Hạn chế xuất khẩu cho Trung Quốc trạm công tác máy tính cao tốc;

3. Tạm ngừng xuất khẩu vệ tinh hoặc linh kiện vệ tinh cho Trung Quốc (kể cả tên lửa Trung Quốc phóng vệ tinh của Mỹ).

Sau cuộc sống gió chính trị giữa xuân hè năm 1989 ở Bắc Kinh quan hệ Trung-Mỹ gặp những khó khăn nghiêm trọng. Bắt đầu từ cuối năm 1990 mới từng bước được phục hồi và cải thiện.

Thời cơ mới của quan hệ Trung-Mỹ

Ngày 2-5-1990, trong khi trả lời phỏng vấn của Babala Uontơ người phụ trách chương trình phát thanh truyền hình Mỹ, Tổng Bí thư Giang Trạch Dân chỉ rõ: “Chính sách trừng phạt của Mỹ đối với Trung Quốc trước hết là không sáng suốt bởi vì quan hệ giao lưu trên các lĩnh vực kinh tế, mậu dịch, kỹ thuật, văn hóa... phù hợp với lợi ích căn bản của nhân dân hai nước. Về lâu dài mà nói, những trừng phạt Trung Quốc không chỉ là Trung Quốc tổn thất, đối với lợi ích của Mỹ cũng có tổn thất. Do đó, hy vọng Chính phủ Mỹ thực hành những biện pháp sáng suốt hơn; chúng ta cùng cố gắng, phát triển tốt đẹp hơn quan hệ giao lưu kinh tế văn hóa giữa hai nước chúng ta”. Ngày 11-6 năm ấy, trong thư trả lời 9 sinh viên trường Đại học Tổng hợp ở Califoócni-a, khi đề cập tới quan hệ Trung-Mỹ Tổng Bí thư Giang Trạch Dân nói: “Quan hệ Trung-Mỹ sau bao năm ngăn cách do con người gây nên được khôi phục và phát triển, không phải vì quan niệm giá trị song phương tương đồng, mà là vì có lợi ích chung to lớn. Một là, phát triển quan hệ hai nước Trung-Mỹ, là nhu cầu gìn giữ hòa bình thế giới và đặc biệt là khu vực Châu á Thái Bình Dương.

Hai là, Mỹ là nước phát triển mạnh nhất, Trung Quốc là nước lớn nhất đang phát triển, phát triển mau dịch kinh tế, hai nước đều có lợi, hơn nữa còn có lợi cho việc cải thiện quan hệ Nam Bắc và thúc đẩy kinh tế quốc tế phồn vinh. Ba là, nhân dân hai nước Trung-Mỹ đã có lịch sử quan hệ hữu hảo với nhau lâu dài, và mong muốn tiếp tục phát triển quan hệ hữu nghị; mặc dù thế giới có những biến đổi lớn lao, nhưng lợi ích chung giữa hai nước Trung-Mỹ vẫn luôn luôn tồn tại. Những người có hiểu biết đều sáng suốt nhận thức rằng, lợi ích chung tồn tại giữa chúng ta còn quan trọng hơn nhiều so với sự khác biệt về quan niệm giá trị". Ngày 13-11 năm ấy Thủ tướng Lý Bằng hội kiến với đoàn đại biểu nghị sĩ Hạ viện Quốc hội Mỹ do nghị sĩ Mai Korau Kesila dẫn đầu, khi nói tới quan hệ Trung-Mỹ, đã nói rõ chế độ xã hội, truyền thống văn hóa hai nước Trung- Mỹ khác nhau, nhưng điều đó không hề ảnh hưởng tới sự phát triển quan hệ hai nước trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hoà bình.

Tháng 7 và tháng 12-1989 Tổng thống Bút đã cử đặc phái viên Tổng Skaucôlufutơ hai lần sang thăm Trung Quốc.

Từ ngày 30-11 đến 1-12-1990, Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham nhận lời mời của Quốc vụ khanh Mỹ Bắcyơ đi thăm chính thức Hoa Kỳ. Chuyến thăm lần này là sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong quan hệ Trung-Mỹ. Đó là chuyến thăm Mỹ đầu tiên của quan chức cấp cao Trung Quốc kể từ tháng 6-1989 đến nay. Trong thời gian sang thăm Mỹ Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham đã hội kiến với Tổng thống Bút, Quốc vụ khanh Bắcyơ, Bộ trưởng Thương vụ Mosibakơ và nhiều nghị sĩ Quốc hội Mỹ. Hai bên cho rằng, Trung-Mỹ có lợi ích chung về nhiều mặt, gần đây quan hệ hai nước đã có nhiều cải thiện: Hai bên biểu thị sẽ cùng cố gắng thúc đẩy sự khôi phục và phát triển quan hệ Trung-Mỹ. Cuối năm 1990 và năm 1991, Phó Quốc vụ khanh Mỹ Chimitơ, Basialomu và các trợ lý Quốc vụ khanh XieFutơ, Solomen lần lượt sang thăm Trung Quốc. Năm 1990 và 1991 Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham nhiều lần hội đàm với Quốc vụ khanh Bắcyơ ở Pa ri, Cairô và Niu Oóc.

Từ ngày 15 đến ngày 11-11-1991, Quốc vụ khanh Bắcyơ chính thức đi thăm Trung Quốc. Hai bên Trung - Mỹ đã đạt được hiệp nghị hoặc hiểu rõ về nhiều vấn đề. Cuộc hành trình tới Bắc Kinh của Quốc vụ khanh Bắcyơ được thế giới quan tâm theo dõi, ngoài những ấn tượng sâu sắc đối với người lãnh đạo Trung Quốc ra, bao dư vị cảm quan còn để lại chính là niềm tâm sự giải bày tại nhà khách quốc gia Đài cầu cá.

- Một khách sạn thần bí và đặc thù trên thế giới.

II. “SỰ KIẾN LẠC ĐẠN PAKIXTAN”

Mỹ tự ý đơn phương trừng phạt Trung Quốc

Tháng 8-1993 Chính phủ Clinton đơn phương chỉ trích Trung Quốc “vi phạm chế độ không chế kỹ thuật đạn đạo”, bán “kỹ thuật linh kiện đạn đạo M-11” cho Pakixtan. Họ bất chấp sự phản đối của Chính phủ Trung Quốc và Pakixtan, gây thêm trở lực cho quan hệ Trung-Mỹ.

Cái gọi là “sự kiện lạc đạn Pakixtan” xuất phát từ cơ quan tình báo, Mỹ vu khống Trung Quốc “vi phạm” hiệp nghị theo sự tiết lộ của những nhân vật thông thạo tin tức của Mỹ, thì tiêu điểm tranh luận là ở tầm bay của đạn đạo M.11, phía Mỹ cho rằng tầm bay của loại đạn đạo này vượt quá 300 km. Phía Pakixtan thì nói, loại mua từ Trung Quốc là “đạn đạo tầm ngắn”, không hề vi phạm hiệp nghị hữu quan. Trung Quốc và Pakixtan cực lực phản đối sự trừng phạt của Mỹ.

Nhưng cách làm của Oasinhton lại một lần nữa bày tỏ trước mọi người: Phía Mỹ tự ý đơn phương hành động trong những vấn đề có tính tranh luận, tùy tiện áp đặt trừng phạt đối phương theo ý của mình, đã biểu hiện đầy đủ phong thái của chủ nghĩa bá quyền. Từ sự kiện ấy, mọi người có thể dự báo rằng, trong những vấn đề mang tính chất tranh luận khác, Mỹ sẽ còn tiếp tục múa may chiếc gậy cường quyền, lấn át Bắc Kinh, làm cho quan hệ Mỹ-Trung thêm căng thẳng.

Quan hệ mậu dịch kinh tế song phương gặp cơ may

Nội lực Trung Quốc ở những năm 90 không thể so sánh được với thập kỷ 50, 60, đặc biệt là thành tựu về kinh tế 10 năm gần đây. Không phải chỉ mọi người đều thấy rõ mà ngay cả các nhân sĩ Mỹ cũng đều kinh ngạc. Dựa vào phương châm tài chính ngoại giao “an toàn kinh tế” mà Clinton nhấn mạnh, nước Mỹ không dễ từ bỏ thị trường Trung Quốc có tiềm năng to lớn, để mở đường ra cho hàng hóa của Mỹ. Đồng thời, những người quyết sách của nước Mỹ cũng dự báo được sự phát triển của nền kinh tế Trung Quốc sẽ làm thay đổi tính chất xã hội Trung Quốc. Với sự suy nghĩ về hai nhân tố ấy, Mỹ không thể tự cắt đứt quan hệ mậu dịch kinh tế với Trung Quốc. Đó cũng là nguyên nhân chủ yếu mà Chính phủ Clinton không xóa bỏ sự ưu đãi đối với Trung Quốc từ tháng 6-1993.

Mỹ không muốn dao động cơ sở mậu dịch kinh tế

Hành động trừng phạt lần này của Chính phủ Clinton, nhìn qua ngạch mậu dịch hai nước, sự ảnh hưởng chỉ chiếm khoảng 5% tổng ngạch xuất khẩu sang

Trung Quốc hàng năm của Mỹ, còn toàn bộ giới hạn tăng diện các sản phẩm khoa học kỹ thuật cao cấp như vệ tinh, thông tin, điện tử thì cơ sở quan hệ mậu dịch kinh tế Trung-Mỹ không hề dao động cho nên quan chức trong Chính phủ gọi là trừng phạt “không mãnh liệt”. Cứ chỉ ấy chứng tỏ Oasinhton không muốn phá vỡ quan hệ mậu dịch kinh tế Trung-Mỹ tăng trưởng mạnh mẽ, được các xí nghiệp của Mỹ gửi gắm vào đó bao nhiêu khát vọng, bởi vì quan hệ ấy phù hợp với lợi ích trước mắt và lâu dài của Mỹ. Đặc biệt là Chính phủ chọn thời gian Quốc hội Mỹ nghỉ để tuyên bố quyết định này, ngoài sự cố gắng nhấn nại ra, còn có ý vị để cho Chính phủ Clinton tự mình tìm cách “xuống thang”; vì Chính phủ đã sớm công bố trước Quốc hội, hơn nữa trước 3 tháng đã nêu ra cái gọi là chứng cứ, chỉ trích Bắc Kinh “vi phạm” hiệp nghị hữu quan.

Mũi tên nhắm vào Hàng không và Quốc phòng Trung Quốc

Mức độ trừng phạt của Mỹ, những người có tri thức đều hiểu được rằng là nhắm vào công nghiệp hàng không và công nghiệp Quốc phòng. Trong vòng 2 năm, Trung Quốc không mua được vệ tinh của Mỹ, cũng không thể thay nước ngoài phóng vệ tinh nhân tạo chế tạo bằng kỹ thuật của Mỹ, ngoài ra các thứ thiết bị điện tử tinh vi khác của Mỹ có thể dùng trong quân sự cũng bị cấm xuất khẩu cho Trung Quốc.

Tại sao mục tiêu cấm vận của Mỹ lại nhắm vào công nghiệp hàng không Trung Quốc?

Bởi vì Mỹ cho rằng, công nghiệp hàng không Trung Quốc phát triển rất nhanh. Hai năm gần đây càng tranh thủ giao dịch buôn bán vệ tinh phi quân sự do Mỹ chế tạo, mà xu hướng này trong các nước - ngoài Mỹ ra, ngày một rõ ràng. Ngoài việc giao dịch buôn bán ra, công nghiệp hàng không và công nghiệp quốc phòng hiện đại có quan hệ rất chặt chẽ. Bất kỳ sự việc nào có lợi cho Trung Quốc phát triển hệ thống quốc phòng mũi nhọn, Mỹ đều cực lực phản đối. Nghe nói, nhiều cơ quan phía Mỹ đã từng nêu vấn đề “Trừng phạt Trung Quốc như thế nào”, vấn đề ấy đã được nghiên cứu một thời gian; ngày 24-8, Quốc vụ viện vẫn còn họp bàn.

Hết sức phòng ngừa Trung Quốc về mặt quân sự

Những trở ngại trong quan hệ Trung-Mỹ, có một số vấn đề xuất phát từ sự không tín nhiệm lẫn nhau, nhưng cũng có những vấn đề lại có liên quan đến sự tín nhiệm. Mỹ xưa nay vẫn dựa vào lợi ích chiến lược thực tế để chế định ra chính sách ngoại giao, đặc biệt là quân sự, có thể nói là vô đạo đức, đạo lý hoặc tín nhiệm.

Sau khi Liên Xô giải thể, Mỹ tuy muốn phát triển quan hệ mậu dịch

kinh tế với Trung Quốc, là dựa vào yêu cầu lợi ích quốc gia, nhưng đồng thời cũng giả vờ coi Trung Quốc là “Kẻ thù”, ít nhất cũng là một “Kẻ thù tiềm ẩn”. Nhiều nhân sĩ chính giới học thuật đều cho rằng trong dự kiến tương lai, ở Châu á chỉ có Trung Quốc mới có thể trở thành nước quân sự lớn tầm cỡ thế giới, có tiềm lực gây chiến với Mỹ. Không phải chỉ chính khách bảo thủ “Phái điều hâu” có cách nghĩ như vậy, mà ngay cả đến những học giả “Phái tự do” và dư luận cũng đều chủ trương đề phòng Trung Quốc. Họ thường xuyên tuyên bố, chỉ trích Trung Quốc “Bành trướng ra ngoài”.

Nguyên nhân chính của sự không ổn định trong quan hệ Mỹ-Trung

Mặc dù Chính phủ Trung Quốc luôn luôn phủ nhận có ý đồ bành trướng ra ngoài, nhưng phương châm ngoại giao của Mỹ không bao giờ tin vào sự giải thích và đáp ứng, mà chỉ chủ quan coi nội lực, điều kiện, thay đổi khách quan, chiến lược ngoại biên và chế độ xã hội của Trung Quốc làm nhân tố suy nghĩ chủ yếu. Tổng những nhân tố ấy bất luận là phái bảo thủ hay phái tự do đều tự nhận có đầy đủ lý do, thậm chí tìm ra được cái gọi là chứng cứ, để quyết đoán Trung Quốc sẽ trở thành cường quốc quân sự. Xuất phát từ quan điểm chủ nghĩa bá quyền, bất cứ một cường quốc quân sự nào độc lập tự chủ mà không phù hợp với lợi ích của Mỹ, đều trở thành đối tượng chèn ép.

Những năm 90 chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc rõ ràng là tự mâu thuẫn:

Một mặt đòi hỏi phát triển quan hệ mậu dịch kinh tế Mỹ-Trung, nhưng một mặt khác lại không ngừng muốn phòng ngừa sự vươn lên của sức mạnh Trung Quốc. Cách trừng phạt Trung Quốc lần này của Chính phủ Clinton, chẳng qua chỉ là một tiền lệ mới nhất của chính sách mâu thuẫn ấy. Mọi người có đủ lý do tin chắc rằng chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc, có thể trong một thời gian dài còn bị mắc trong mâu thuẫn, từ đó làm cho quan hệ Mỹ-Trung không ổn định.

III. ĐẦU ĐUÔI SỰ KIỆN TÀU “NGÂN HÀ”

Sự kiện tàu chở hàng

Ngày 4-9-1993, tại cảng Đaman ập Xêút, các thành viên tổ kiểm tra của Trung Quốc, ập Xêút và chuyên gia Mỹ với tư cách cố vấn kỹ thuật cho phía ập Xêút tham gia kiểm tra tàu chở hàng “Ngân Hà” của Trung Quốc, quá 10 ngày làm việc vất vả, đã hoàn thành công việc kiểm tra toàn bộ hàng hóa trên tàu “Ngân Hà”, tổ trưởng kiểm tra của Trung Quốc Sa Tổ Khanh, đại diện ập Xêút Abudula và cố vấn kỹ thuật Mỹ Maikiuen thay mặt Chính phủ nước

mình, vẫn mang tâm trạng hoàn toàn khác nhau, ký tên vào biên bản kết quả kiểm tra cuối cùng. Trong biên bản báo cáo kiểm tra có ghi: "Thông qua việc kiểm tra triệt để toàn bộ các kiện hàng trên tàu "Ngân Hà", kết quả cho biết trên tàu không chở hóa chất.

Chính phủ Mỹ hứa sẽ thông báo kết quả kiểm tra kể trên đến chính phủ các nước có cảng mà tàu "Ngân Hà" Trung Quốc sẽ cập bến và cố gắng bảo đảm cho tàu "Ngân Hà" ra vào các cảng hữu quan bốc dỡ hàng hóa.

Đến đây thì chân tướng của sự kiện gọi là tàu chở hàng "Ngân Hà" chuyên chở chất liệu vũ khí hóa học nguy hiểm đến Iran cuối cùng đã sáng tỏ.

Nguyên do là ngày 23-7, quan chức sứ quán Mỹ tại Trung Quốc đột nhiên hẹn gặp quan chức Vụ quốc tế Bộ Ngoại giao Trung Quốc và tuyên bố phía Mỹ nhận được tin tức tình báo xác thực, ngày 15-7 tàu "Ngân Hà" Trung Quốc xuất phát từ cảng Đại Liên chở chất liệu vũ khí hóa học đang chạy về cảng A.Bas của Iran. Chính phủ Mỹ yêu cầu Chính phủ Trung Quốc sử dụng ngay mọi biện pháp đình chỉ hoạt động xuất khẩu này, nếu không Mỹ sẽ trừng trị Trung Quốc theo pháp luật của mình. Ngày 3-8 trong lần gặp gỡ mới với Bộ Ngoại giao Trung Quốc, phía Mỹ đã coi thường nguyên tắc cơ bản là không được xâm phạm quốc gia có chủ quyền, không được can thiệp vào công việc nội bộ nước khác, yêu cầu Chính phủ Trung Quốc ra lệnh cho tàu "Ngân Hà" phải quay về điểm xuất phát; hoặc để người Mỹ lên tàu kiểm tra hàng hóa, để xác minh trên tàu có chở chất liệu hóa học nói trên không hoặc dừng tàu ngay tức khắc tại một địa điểm bất kỳ.

Trên thực tế, bắt đầu từ ngày 1-8, hai quân hạm của Mỹ đã bắt đầu bám sát tàu "Ngân Hà" khoảng 2 hải lý, máy bay Mỹ cũng liên tục tiến hành trinh sát chụp ảnh trên bầu trời tàu "Ngân Hà". Hành vi quấy nhiễu của máy bay và tàu chiến Mỹ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hành trình của tàu "Ngân Hà". Ngày 3-8, tàu "Ngân Hà" buộc phải ngừng chạy, thả neo tại vùng biển quốc tế cách eo biển Hoắc Mốt 10 hải lý.

Đồng thời, Mỹ đã phát tán tin tức "tình báo" rùng rợn nói trên đến các nước vùng Vịnh. Mọi giới tin tức phương Tây cũng tỏ vẻ thêm đối với những "phát hiện" của Mỹ bắt đầu nói tàu "Ngân Hà" vận chuyển hóa chất nhạy cảm, lại nói thêm là chứa đầy vũ khí hóa học, thậm chí có cả vũ khí hạt nhân. "Ngân Hà" hình như trở thành một con tàu "dịch bệnh".

Xé toang mặt nạ: Phù trợ chính nghĩa

Để phòng ngừa Mỹ lại sinh sự thêm, xóa bỏ kết quả kiểm tra, người phụ

trách tổ kiểm tra của Trung Quốc yêu cầu ba phía ký xác nhận biên bản hóa nghiệm từng ngày. Dưới áp lực của chính nghĩa, Mỹ không thể không tiếp thu kiến nghị trên. Sau đó, hàng ngày dưới cột mục hai hóa chất là một dãy số không ngay ngắn; hàng cuối cùng là chữ ký của ba bên với những văn tự khác nhau.

Ngày 4-9, chữ số thứ 782 trên tàu “Ngân Hà” cũng chính là kiện hòm cuối cùng được kiểm tra hoàn tất. Kết quả kiểm tra kiện hàng ấy và kiện hàng thứ nhất hoàn toàn giống nhau. Mỹ trưng chiều bài ngăn ngừa khuyếch tán vũ khí hóa học hồng tóm được bằng chứng, nhưng tia hy vọng cuối cùng bởi nhọ danh dự Trung Quốc đã hoàn toàn tắt ngấm.

Cùng ngày, đại diện ba phía Trung Quốc, ảp Xêút và Mỹ đã ký vào biên bản kiểm tra toàn bộ hàng hóa.

IV. SỰ KIỆN CHẠM TRÁN CỦA HẢI QUÂN TRUNG-MỸ TRÊN BIỂN HOÀNG HẢI

Bám sát ba ngày, vô cơ nhiều sự

Ngày 27-10-1994, một tàu ngầm nguyên tử đang làm nhiệm vụ tuần tra bình thường trên mặt biển Hoàng Hải.

Cuối thu, sóng gió trên biển Hoàng Hải nhẹ nhàng, tầm nhìn xa khá tốt. Đột nhiên, có tiếng máy bay náo động bầu trời, trong nháy mắt xuất hiện hai máy bay tiêm kích chống trình sát ngầm kiểu “hải tặc” 5-3A sơn nền xanh nhàn hiệu sao trắng của Hải quân Mỹ bay vào không phận tàu ngầm hạt nhân của Trung Quốc. Máy bay Mỹ khi lượn vòng khi lướt qua, và thả máy thăm dò thu âm. Đứng trước sự gây rối đột ngột ấy tàu ngầm hạt nhân của Trung Quốc nhanh chóng chuẩn bị, tất cả sẵn sàng đối phó....

Do đó phát sinh ra sự kiện “gặp gỡ tao ngộ” lịch sử giữa hải quân hai nước khiến mọi người quan tâm.

Trong thời gian ba ngày, máy bay cất cánh từ hàng không mẫu hạm “Tiểu Ưng” của hải quân Mỹ không ngừng bám sát gây nhiều tàu ngầm hạt nhân của Trung Quốc.

Đến ngày 26-10 hai máy bay tiêm kích siêu âm của Trung Quốc bay tới hiện trường, tham gia bảo vệ tàu ngầm và cảnh cáo phía Mỹ, nếu vẫn vô cơ quấy nhiễu như vậy, thì đạn sẽ lên nòng “Nhằm thẳng tử thù nổ súng”. Đến lúc này máy bay Mỹ mới rút chạy.

Vì sự kiện ấy phát sinh tại vùng biển Hoàng Hải, thuộc về hành động quân sự, nên hai bên Trung-Mỹ vẫn im hơi lặng tiếng. Cho đến-trung tuần

tháng 12-1995, “thời báo Roshafan” của Mỹ lần đầu tiên tiết lộ ra được dư luận quốc tế hết sức quan tâm.

Tự thấy đuối lý, ra sức xoa dịu

Hàng không mẫu hạm “Tiểu Ưng” gây hấn lần này thuộc hạm đội 7 Thái Bình Dương của hải quân Mỹ, căn cứ của nó ở Hoành Tu Hạ thuộc Nhật Bản. Khi phát sinh sự việc, “Tiểu Ưng” cách hiện trường vài trăm hải lý. Máy bay cất cánh từ đây làm nhiệm vụ bám sát thăm dò.

Chạy tới cửa nhà người khác gây rối, Mỹ tự thấy đuối lý, thế là ra sức làm dịu tính chất nghiêm trọng của sự kiện, hồng dả thông dư luận.

Một quan chức Mỹ nói là: Máy bay cất cánh từ hàng không mẫu hạm “Tiểu Ưng” phát hiện ra tàu ngầm hạt nhân của Trung Quốc, lúc ấy tàu ngầm này vừa mới lặn xuống, nhưng kính viễn vọng còn lộ trên mặt nước, máy bay Mỹ đầu tiên xác định rõ xem có đúng là tàu ngầm không và vị trí của nó ở đâu, thế là mới có hành động theo sát và thả máy thăm dò ghi âm.

Quan chức Bộ Quốc phòng Mỹ còn biện bạch: “Lúc ấy tàu ngầm ở tầm sâu của kính viễn vọng, phát ra tạp âm rất lớn. Nếu khi các ông làm nhiệm vụ nghe thấy tạp âm lớn như vậy thì các ông cũng sẽ đuổi theo xem xét: khi phát hiện có tàu ngầm ở một vùng nào đó, Mỹ và nhiều nước khác có hải quân mạnh đều cùng tiến hành kiểm tra thường lệ.

Ngày 14-12 tại Nhà trắng, phóng viên các nước liên tục phỏng vấn về sự kiện Trung-Mỹ lần này. Maikeli người phát ngôn Quốc vụ viện Mỹ cố làm ra vẻ bình tĩnh ôn hòa, chứng tỏ đang làm dịu tính nghiêm trọng của sự kiện. Ông ta cố gắng muốn làm cho phóng viên có mặt ở đây tin tưởng rằng: “sự kiện phát sinh tại vùng biển này là công việc chung thường lệ của hải quân Mỹ”, và thuần túy là “tình huống ngẫu nhiên”, nhưng đồng thời ông ta cũng thừa nhận, Mỹ rất coi trọng lợi ích và an ninh vùng này ở Châu á.

Ngày 22-12, tại phòng Tù Hạc câu lạc bộ quốc tế Bắc Kinh, ông Trần Kiến người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc đã nói rõ về sự kiện này, Chính phủ Trung Quốc rất quan tâm theo dõi: Trung Quốc hy vọng Mỹ xử trí tốt quan hệ song phương theo tinh thần ba bản tuyên bố chung giữa Trung Quốc và Mỹ là cùng tôn trọng toàn bộ chủ quyền lãnh thổ của nhau, không hoạt động can thiệp lẫn nhau.

Ông Trần Kiến nói đoạn này chậm và mạnh mẽ, hứa sau đây sẽ vui vẻ nói rõ kết quả điều tra sự kiện này với các vị ký giả.

Dư luận phương Tây thừa cơ tố vẽ thêm

Sau khi xảy ra sự kiện, hai bên Trung-Mỹ đều xử trí nhẹ nhàng. Xuất phát từ sự hợp tác lâu dài và lợi ích chung, quyết định như vậy là sáng suốt, nhưng một số dư luận phương Tây lại cố ý phóng đại sự việc: Tờ “Thời báo ngày chủ nhật” của Anh tố vẽ rằng: Máy bay chiến đấu phản lực của Trung Quốc vội vàng cất cánh, uy hiếp máy bay của Mỹ đang theo sát tàu ngầm hạt nhân của Trung Quốc, từ đó gây ra cuộc đụng độ quân sự... Cuộc đụng độ ấy khiến mọi người càng lo lắng thêm về hai nước Trung-Mỹ đang đi tới xung đột.

Mặc dù như thế nào đi nữa, thời gian phát sinh sự kiện này làm cho người ta suy nghĩ sâu xa và dễ dàng liên tưởng. Trên thực tế, quân đội Mỹ thừa nhận, hơn một năm nay hải quân Mỹ đã nhiều lần “đụng độ” với hải quân Trung Quốc. Tháng 9-1994, có một chiến hạm của Mỹ không hẹn mà gặp tàu ngầm Trung Quốc.

Một số người phương Tây xuất phát từ động cơ không thiện chí, vẫn muốn nhân việc nhỏ nhặt giữa hai nước Trung-Mỹ mà thổi phồng lên, đứng ngoài vỗ tay, mục đích không thể chấp nhận được.

Chuyện tưởng còn như mới đó là: trước đây mọi người thường nghe thấy những sự kiện Mỹ và Liên Xô đụng độ săn đuổi nhau trên lãnh hải quốc tế, thường được nhìn thấy bức tranh sống động “đọ cánh trên không” “tranh tài trên biển” của máy bay tàu chiến hai nước lớn; đó là cuộc đọ sức thâm lặng kinh sợ trong thời kỳ hòa bình.

Hiển nhiên, một Trung Quốc hướng tới hùng mạnh đang được người ta coi là đối thủ không thể xem thường, đồng thời có một điểm mà chúng ta cũng không thể xem thường, đó chính là Hoàng Hải nằm ngay cửa ngõ Trung Quốc, lại cách xa Mỹ 10 vạn 8 nghìn cây số; cho nên ở đây khác hẳn với những cuộc đụng độ Mỹ-Xô trên Đại Tây dương, ấn Độ Dương ngày ấy.

“Tiểu Ưng” bám trụ chỉ huy

“Tiểu Ưng” là hàng không mẫu hạm công dụng đa năng của Mỹ, bắt đầu đưa vào sử dụng từ tháng 4-1961. “Tiểu Ưng” lúc đầu là loại hàng không mẫu hạm được chế tạo theo kiểu công kích, sau những năm 70 có cải tiến lớn, có thêm trung tâm chỉ huy chống tàu ngầm và máy bay. Từ đó trở thành hàng không mẫu hạm công kích chống tàu ngầm đa năng.

Trang bị vũ khí trên tàu “Tiểu Ưng” khá đầy đủ, bao gồm cả hệ thống điện tử tiên tiến, hệ thống đạn đạo và pháo hạm, có chứa 80 máy bay các loại. Máy cảnh báo không trung “mắt chim ưng” E-2 dùng để thăm dò và phát hiện

mục tiêu, có thể đồng thời xử lý mọi tin tức của hàng loạt mục tiêu trong phạm vi bán kính 250 km.

Trong sự kiện lần này, Mỹ sử dụng loại máy bay chống tàu ngầm kiểu “hải tặc” S-3A. Loại này tốc độ nhanh, bay xa, khả năng chống ngầm mạnh và có thể tác chiến trong mọi thời tiết, chủ yếu dùng để tìm kiếm, giám sát và công kích tàu ngầm.

S-3A trong khi thăm dò tàu ngầm có thể sử dụng hệ thống phao nổi thu âm, sau khi phao thu thanh tiếng máy bay đã ngầm nước, phao có thể phát sang máy truyền cảm, máy truyền cảm chìm vào trong nước đến độ sâu nhất định, sẽ truyền tin tức trở về.

Thái Bình Dương mà không thái bình, Hoàng Hải sâu mà không yên tĩnh. Ngày nay các nước trên thế giới không thể không quan tâm đến đại dương, đại dương là kho báu lớn nhất trên trái đất, là vũ đài lớn nhất để các nước giao lưu đọ sức về chính trị, quân sự, kinh tế.

Từ trên ý nghĩa ấy, từ ngày 27 đến 29-10-1994 “Sự kiện Hoàng Hải” có lẽ là cuộc thử thách đối với Trung Quốc bảo vệ quyền lợi trên biển.

V. CUỘC ĐÀM PHÁN VỀ QUYỀN SẢN NGHIỆP TRUNG-MỸ LỘ RÕ CHÂN TUỞNG

Đại biểu Mỹ vô cơ bỏ cuộc

Trước bữa cơm trưa ngày 15-12-1994, đoàn đại biểu tham gia đàm phán Quyền sản nghiệp tri thức Trung-Mỹ đánh diện cho sứ quán Mỹ tại Trung Quốc, thông báo cho đại biểu Mỹ biết 3 giờ chiều tiếp tục thương lượng về những vấn đề đàm phán lần này chưa nhất trí.

Lúc này, trong tay đại biểu Trung Quốc còn giữ bản thảo mới nhất vừa hình thành sau một buổi chiều khẩn trương sửa chữa. Trong bản khởi thảo “về những điểm chính thực thi tăng cường kiểm tra và giám sát chỉ đạo chấp hành pháp luật quyền sản nghiệp tri thức” mà văn phòng xử lý Quyền sản nghiệp tri thức thuộc Quốc vụ viện, đã cố gắng tiếp thu nội dung hữu quan của văn bản phía Mỹ.

Đoàn đại biểu Trung Quốc không bao giờ nghĩ rằng, sứ quán Mỹ lại phúc đáp như thế này:

- Đại biểu cao nhất của Mỹ Lisentr lúc này đang trên đường ra sân bay Bắc Kinh. Bởi vì sáng nay không nhận được thông báo của Trung Quốc, lại nữa vì bận việc hệ trọng tại hội nghị nhóm công tác “Phục quan” Trung Quốc

hợp tại Gionevơ hiện đã thay đổi kế hoạch đàm phán tại Trung Quốc mà trước đây định từ ngày 12 đến ngày 18-12, đã ra sân bay đi chuyến 1 giờ chiều, qua Hương Cảng sang Gionevơ.

“Không một tiếng gọi qua điện thoại, quả thật hết sức vô lý!” thành viên đoàn đại biểu Trung Quốc không hề chuẩn bị tư tưởng, nên không thể không phẫn nộ.

Chiều hôm đó, Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại và đoàn đại biểu Trung Quốc lập tức hẹn gặp Tham tán kinh tế Sứ quán Mỹ tại Trung Quốc, biểu thị thái độ đáng tiếc trước hành vi vô cớ bỏ cuộc của đoàn đại biểu Mỹ, và chỉ rõ Mỹ không thiện cảm, thô bạo và thiếu lịch sự.

Chiều hôm sau Tham tán kinh tế Sứ quán Mỹ gặp đoàn đại biểu phía Trung Quốc, nói dối là Lisentrư vẫn còn ở Hương Cảng, nếu đàm phán còn hy vọng tiến triển, thì ông sẽ quay về Bắc Kinh ngay.

Về việc này, đoàn đại biểu Trung Quốc trả lời rất rõ ràng.

Bản thân ông Lisentrư có muốn về Bắc Kinh đàm phán hay không thì ông, tự quyết định. Trở lại đàm phán chúng tôi hoan nghênh, không thì sau này đàm phán cũng được.

Nhưng Lisentrư vừa xuống máy bay đến Hương Cảng đã phát biểu công khai với ký giả Pháp đơn phương công bố hai bên Trung - Mỹ đã cắt đứt cuộc đàm phán về Quyền sản nghiệp tri thức ngày 14-12, và nói Trung-Mỹ đã đàm phán qua 18 tháng “hiện tại đã đến giờ phút quyết định rồi”. Trong lời lẽ của ông ta mang khẩu khí uy hiếp. “Trước mắt cách cuộc đàm phán Quyền sản nghiệp tri thức Trung-Mỹ chỉ còn lại hai tuần lễ; nếu Trung Quốc không từ bỏ hành vi xâm phạm Quyền sản nghiệp tri thức, thì sẽ chuốc lấy sự trừng phạt mậu dịch của Mỹ, và sẽ nguy hại tới viễn cảnh của hiệp định Trung Quốc gia nhập Tổng mậu dịch”. Ông ta còn tiết lộ, Kantor đại diện Mậu dịch Mỹ sẽ quyết định vào ngày 31-12, trừng phạt mậu dịch đối với Trung Quốc.

Liên sau đó, Lisentrư bay thẳng đi Gionevơ.

Mỹ trừng phạt vượt kế hoạch dự định

Hành động ấy đã tuyên án cuộc đàm phán lần thứ 7 về quyền sản nghiệp Trung-Mỹ hoàn toàn tan vỡ.

Cuộc đàm phán Quyền sản nghiệp tri thức Trung Quốc bắt đầu từ tháng 6-1986 triển khai đã hơn 8 năm, người Mỹ lần này không phải chỉ uy hiếp, mà là trả đũa hành động chống trả sự kiện “Hoàng Hải”.

Quả đúng như vậy, ngày cuối cùng của năm 1994, Kantor đại biểu mậu

dịch của Mỹ đơn phương tuyên bố, trước ngày 4 tháng 2 năm tới nếu không thỏa mãn yêu cầu về bảo vệ quyền sản nghiệp tri thức mà Mỹ nêu ra, thì Mỹ sẽ thi hành trừng phạt mậu dịch đối với Trung Quốc. Đặc biệt Kantor còn tuyên bố đơn phiếu thương phẩm của Trung Quốc tổng giá trị khoảng 2,8 tỷ USD sẽ bị đình chỉ; con số ấy so với ngạch mà người bình thường tính toán trước đã xuất vượt gần 1,8 tỷ đô la Mỹ.

Chính phủ Trung Quốc đã biểu thị thái độ cứng rắn, Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại ra thông báo: Căn cứ điều số 7 “Luật mậu dịch đối ngoại của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa qui định, so sánh với việc Mỹ phản đối thông báo, thì rõ ràng là phản đối thực thi điều 7 của thông báo”.

Tin tức về hai bên Trung-Mỹ sẽ thi hành “thông báo” và “chống thông báo” được công bố ngày đầu tiên của năm mới, cả nước đều quan tâm theo dõi. Đối với công chúng Trung Quốc, đây là bản tin mới quan trọng hơn bất cứ một tin tức nào từ đầu năm. Mọi người đều trông mắt nhìn thấy thời hạn cuối cùng “trung cầu ý kiến” được xác định trong công báo.

Công chúng Trung Quốc không kiềm chế nổi mà đặt câu hỏi là: Cuộc đàm phán Quyền sản nghiệp tri thức Trung-Mỹ cuối cùng là như thế nào? Tại sao lại tan vỡ? ý nghĩa của nó đối với tương lai Trung Quốc ra sao?

8 giờ tối một ngày cuối cùng của năm 1994, nhà báo Tại Tương đã tìm được ông Cao Lăng Hàn Phó vụ Trưởng Vụ Bản quyền Bộ Bản quyền quốc gia vừa từ Hải Nam về Bắc Kinh trong ngày hôm đó qua đường điện thoại.

Tan vỡ là trách nhiệm thuộc về phía Mỹ

Ông Cao Lăng Hàn là người đã từng làm công tác ngoại giao và văn hoá, đã tham dự toàn bộ công việc soạn thảo đàm phán từ chế định đến thực thi luật quyền xuất bản của Trung Quốc, bắt đầu từ năm 1993 ông làm chuyên gia về quyền xuất bản, bắt đầu tham gia công tác đàm phán Quyền sản nghiệp tri thức Trung-Mỹ. Bản thân ông đã trải qua suốt quá trình cuộc đàm phán về Quyền sản nghiệp tri thức Trung-Mỹ lần thứ 7 được tiến hành năm 1994.

“Tình hình đàm phán về Quyền sản nghiệp tri thức Trung-Mỹ trước đây, phía Trung Quốc vì không muốn ảnh hưởng đến cuộc đàm phán, nên nói chung ít nói ra ngoài. Nhưng, chúng tôi cũng đã thấy được cách làm của người Mỹ khác hẳn. Mỗi lần họ đi qua Hương Cảng, đều phát biểu ý kiến, mà báo chí Hương Cảng đều đăng. Lần này cuộc đàm phán Quyền sản nghiệp tri thức Trung-Mỹ tan vỡ, nếu chúng tôi cứ giữ thái độ im lặng thì sẽ cho mọi

người có một ấn tượng sai lầm cho rằng trách nhiệm thuộc về một phía - Trung Quốc. Chúng tôi muốn thông qua sự thực để công chúng thấy được cuộc đàm phán Trung-Mỹ không đạt kết quả, trách nhiệm hoàn toàn thuộc về phía Mỹ.

10 giờ 30 phút ngày 3-1-1995 tại lầu 7 Sở Xuất bản tin tức quốc gia, ông Xiexiang là ký giả đầu tiên được nghe nội tình của sự tan vỡ cuộc đàm phán Sản quyền tri thức Trung-Mỹ do ông Cao Lăng Hàn thông báo. Lisentrư vô cơ bỏ đi, nhưng lúc đầu có thể là có chuẩn bị.

Ngày 30-6-1994, phía Mỹ lấy lý do là “Luật Sản quyền bất lực, hành vi xâm phạm mất sự khống chế”, liệt kê Trung Quốc vào loại “quốc gia trọng điểm” với kỳ hạn là 6 tháng.

Thật rõ ràng, đây là gây áp lực mạnh hơn đối với Trung Quốc về vấn đề Sản quyền tri thức của Mỹ.

Năm 1993, Mỹ đã liệt Trung Quốc vào danh sách quan sát trọng điểm của “điều khoản 301 đặc biệt” của họ.

Cái gì gọi là “điều khoản đặc biệt 301”? Đó là điều thứ 301 trong luật mậu dịch nước Mỹ. Nội dung chủ yếu của điều khoản này, khái quát lại là, phạm là xâm phạm đến Quyền sản nghiệp tri thức của Mỹ, thì đại biểu mậu dịch của Mỹ sẽ nghiên cứu sử dụng biện pháp trả thù mậu dịch cứng rắn hơn.

Sản quyền tri thức tạo thành cơ mới

Họ qui định ra một loạt trình tự, phạm là đối với việc bảo vệ quyền sản nghiệp tri thức của Mỹ có vấn đề họ đều liệt kê vào danh sách, lại còn phân chia thành 3 cấp khác nhau: đầu tiên là quan sát, sau đó là quan sát trọng điểm, loại nữa liệt vào quốc gia trọng điểm. Ví dụ: quan sát: có nhiều quốc gia phát triển được liệt kê vào đây như Đức, Nhật Bản; còn có một số quốc gia phát triển kinh tế tương đối nhanh trong các quốc gia đang phát triển cũng được liệt kê.

Lần này Mỹ xếp Trung Quốc lên hàng cao nhất, liệt vào loại quốc gia trọng điểm. Cùng được xếp vào danh sách quốc gia trọng điểm với Trung Quốc còn có ấn Độ và Áchentina.

Những tháng 4 trước đây là thời gian rất mấu chốt. Theo qui định bình thường tháng 4 hàng năm Mỹ đều phải công bố một danh sách liệt kê các nước trọng điểm.

Nhưng tháng 4-1993, Mỹ chỉ tuyên bố “chuẩn bị” xếp loại liệt kê danh sách 3 nước trọng điểm: Trung Quốc, ấn Độ, áchentina; còn thời gian chính

thức công bố đẩy lùi đến cuối tháng 6. Bởi vì đầu tháng 6 sẽ giải quyết vấn đề đăi ngộ Trung Quốc, nước được ưu tiên nhất. Clinton công khai tỏ thái độ: giải quyết vấn đề đăi ngộ Trung Quốc nước ưu tiên nhất không cùng móc kích vấn đề nhân quyền, số ngân phiếu mà Mỹ chế ước Trung Quốc ít đi, thế là vấn đề Quyền sản nghiệp tri thức lại là một cái cớ rất tốt. Nhìn từ những văn kiện phi chính thức mà Mỹ đưa ra, thì nội dung phá đám cũng không ngừng gia tăng. Cuối năm 1993 những văn kiện phi chính thức cho phía Trung Quốc, tổng số chỉ có 7 bản; nhưng đến cuối năm 1994 đã tăng đến 20 bản rồi.

Dự cảm phía Mỹ vẫn còn leo thang

Tháng 4-1994, đoàn đại biểu phía Trung Quốc đang ở Oasinhton, không khí lúc đó làm cho đoàn có một dự cảm, bất kể phía Trung Quốc cố gắng như thế nào, trong năm ấy sẽ không thể thuận buồm xuôi gió. Quả vậy đến cuối năm, người Mỹ khẳng định không thể tuyên bố kết thúc điều tra, nhất định phải nêu ra một đơn cớ đền bù.

Quả nhiên, sát đến những ngày cuối năm, khi Trung Quốc bước vào giờ phút quan trọng của cuộc đàm phán “phục quan”, phía Mỹ nêu ra vấn đề Sản quyền tri thức và “phục quan” gắn liền với nhau, để cùng uy hiếp mật dịch; và trăm phương nghìn kế gây bao trở ngại, tạo áp lực toàn diện cho cuộc đàm phán.

Cuộc đàm phán lần này khởi điểm hai bên khác nhau, căn cứ khác nhau, mục tiêu mong muốn cũng khác nhau, không dựa trên một cơ sở hoàn toàn bình đẳng.

Mỹ muốn lấy pháp luật của họ làm khởi điểm

Theo nhận thức của phía Mỹ, cuộc đàm phán Sản quyền tri thức lần này lấy “điều khoản đặc biệt 301” của luật mật dịch nước Mỹ làm xuất phát điểm. Phía Trung Quốc thì cho rằng, cuộc đàm phán phải lấy bản “bị vong lục thương lượng Quyền sản nghiệp tri thức Trung-Mỹ” được ký kết giữa hai nước, không phải là luật quốc tế, làm căn cứ đàm phán, không thể lấy luật pháp nước mình làm căn cứ đàm phán với một nước khác trong khi bản thân nó cũng không hợp lý.

Trong suốt thời gian hơn hai năm từ khi bản bị vong lục thương lượng chính thức có hiệu lực, đối với những công việc mà phía Trung Quốc phải làm trong bị vong lục, phần lớn Trung Quốc đã hoàn thành: Trung Quốc đã sửa chữa “luật chuyên lợi”, “luật nhãn hiệu”, mở rộng sự bảo hộ của người có

quyền lợi. Chỉ một năm sau khi “luật quyền sáng tác” và thực thi điều lệ có hiệu lực, Trung Quốc đã gia nhập “Công ước Bécno”, “Công ước bản quyền thế giới”, sau đó lại gia nhập “Công ước chế phẩm ghi âm”. Với thời gian ngắn trong vài năm Trung Quốc đã đi qua lịch trình mà nhiều quốc gia phải đi hàng trăm năm, đó kể cả Mỹ. Nước Mỹ tham gia “Công ước Bécno” từ năm 1988, cũng có nghĩa là họ phải mất 104 năm; quãng thời gian hơn một thế kỷ. Mỹ xuất phát từ lợi ích của mình, chờ đợi pháp luật về bản quyền của Trung Quốc vừa được ban bố, liền yêu cầu Trung Quốc phải cấp bách gia nhập tổ chức quốc tế bảo vệ bản quyền; và đòi hỏi phải thực thi. Cách làm của Mỹ thật không công bằng!

Hàng loạt những yêu cầu vô lý của Mỹ

- Yêu cầu Trung Quốc sửa đổi luật tố tụng dân sự và luật sản quyền tri thức, rút ngắn kỳ hạn kết án, hạ thấp tiêu chuẩn thu phí tố tụng, thủ tiêu chế độ đại lý thủ tục đăng ký nhãn hiệu,

- Yêu cầu Toà án nhân dân tối cao của Trung Quốc bắt đầu từ ngày 1-1-1995 phải công bố giải thích tư pháp xử phạt hình sự về xâm phạm quyền sáng tác.

- Yêu cầu thi hành biện pháp đình chỉ và xây dựng chế độ thực thi hữu hiệu đối qui định hành động chấp hành luật mà Chính phủ Trung Quốc đã và sẽ thi hành thành sự thừa nhận đối với Mỹ.

Đòi hỏi Trung Quốc phải dựa theo yêu cầu tổ chức “lực lượng hiệp đồng trừng trị”; ở trung tâm thương nghiệp chủ yếu, một tuần tra xét một lần, ở những khu vực khác mỗi tuần một lần. Mỗi quĩ, Chính phủ Trung Quốc cần phải cung cấp cho Mỹ những căn cứ số liệu thống kê kiểm tra, có phân loại khu vực và sản quyền tri thức...

Họ đề xuất hàng loạt yêu cầu vô lý về các mặt chế độ lập pháp, tư pháp, tố tụng đặc biệt là vấn đề thâm nhập thị trường, đòi hỏi Trung Quốc mở rộng thị trường toàn diện về các chế phẩm băng hình của Mỹ. Thái độ cơ bản của Trung Quốc là Trung Quốc đòi hỏi một phần chế phẩm băng hình của Mỹ chỉ cần thông qua thủ tục thông thường là có thể được sản xuất và phát hành ở Trung Quốc. Nhưng Mỹ không muốn vậy, mà đòi hỏi độc chiếm đầu tư.

Họ chỉ trích Trung Quốc bất lực trong việc chống hàng giả, là ý muốn của Chính phủ.

Trung Quốc đã nhiều lần tỏ rõ lập trường cơ bản về việc Trung Quốc bảo hộ sản quyền tri thức, đã nhấn mạnh thực tế hệ thống pháp luật hữu quan

dần dần hoàn bị, tình hình thực thi không ngừng được cải thiện, tuyên bố nghiêm trị đối với hành vi hàng giả.

Đứng trước tình hình tương đối nghiêm trọng về hàng giả CD ở khu vực ven biển, cục bản quyền nhà nước Trung Quốc cùng 57 đơn vị ra “thông tri khẩn cấp về quản lý sự gia tăng phức chế đĩa hát phát quang, băng hình phát quang”, toàn quốc thu hồi được hơn 2.000.000 đĩa hát phát quang là hàng lậu. Chính phủ trực tiếp ra lệnh đình chỉ, chính đốn 4 tuyến sản xuất CD tại Quảng Đông và bắt đầu từ 1-10 thực thi “Điều lệ quản lý chế phẩm băng đĩa hình” do Quốc vụ viện ban hành; các tuyến sản xuất CD trong cả nước phải đăng ký lại, và yêu cầu tất cả các xưởng sản xuất từ cuối năm 1994 nhất loạt sử dụng kỹ thuật chuyên lợi nguyên mẫu mã (SIR) do công ty Feilipu cung cấp. Để tăng cường khả năng chấp hành pháp luật từ tháng 7-1994, Quốc vụ viện còn xây dựng chế độ họp bàn xử lý sản quyền tri thức.

Để ngăn chặn hành vi làm giả, Chính phủ Trung Quốc đã mất rất nhiều công sức, nhưng không thể trong một ngày giải quyết được tất cả mọi vấn đề. Song người Mỹ thì nói: “Chúng tôi không thể nhẫn nại, chúng tôi chỉ quan tâm thành quả”. Đối với vấn đề này, mọi người buộc phải nêu câu hỏi. ý nguyện của Chính phủ Mỹ trừng trị hành vi buôn bán độc hại như thế nào?

Phía Trung Quốc đã từng nêu những bản dự thảo tuyên bố

Có một đại biểu trong đoàn đàm phán của Mỹ thái độ trịch thượng buột miệng nói rằng: “Những xí nghiệp có làm đĩa giả ấy không phải là xí nghiệp quốc doanh của các ông chăng? Chính phủ các ông tại sao không ra lệnh đóng cửa quách đi?” Đóng cửa nhà máy phải có căn cứ pháp luật, phải có chứng cứ. Nếu không nhà máy có quyền yêu cầu bồi thường. Đại biểu Mỹ còn ngang nhiên chỉ trích chế độ tư pháp của Trung Quốc, nào là “Chế độ tư pháp của các ông không đáng tin cậy”, “thị trường không khống chế được; cơ quan hành pháp bất lực; không xây dựng một cơ quan hành pháp thống nhất”.

Đoàn đại biểu Trung Quốc lẽ đương nhiên là bác bỏ cách nói vô lý ấy. Ngày 13-12-1994 để thể hiện thiện chí của mình phía Trung Quốc đã cung cấp cho phía Mỹ (sơ thảo) “tuyên bố chung” theo tinh thần của hội nghị xử lý sản quyền tri thức của Quốc vụ viện.

Bản tuyên bố căn cứ vào điều 5 “Tìm hiểu bị vong lục” có quy định “Chính phủ hai nước thi hành những biện pháp hữu hiệu ở trong nước và vùng biên giới của mình, để tránh và ngăn chặn hành vi xâm phạm sản quyền tri thức, và chặn đứng hành vi xâm phạm lấn tới”. Tổng kết thực tế thi hành bản

“tìm hiểu bị vong lục” của phía Trung Quốc, đáp ứng những biện pháp trọng yếu mới được thi hành về việc tăng cường bảo hộ sản quyền tri thức; đồng thời theo những nguyên tắc nhất trí về quyền lợi và nghĩa vụ, đòi hỏi phía Mỹ đáp ứng theo yêu cầu TRIRS, sửa đổi luật chuyên lợi và các luật khác. Theo yêu cầu của phía Mỹ đối với Trung Quốc, bản thân Chính phủ Mỹ cũng nên đáp ứng việc xây dựng chế độ xử lý quyền sáng tác ở chính quốc; đối với việc xuất khẩu hàng hóa tại hải quan, thi hành biện pháp bảo vệ quyền sản nghiệp tri thức và các biện pháp khác. (Hiện tại hải quan Mỹ chỉ xử lý hàng nhập khẩu, không thẩm tra vấn đề sản quyền tri thức về mặt xuất khẩu hàng hóa).

Hai phát tín hiệu bắn lên không trung

Tối hôm ấy Lisentrư hẹn gặp đại biểu đàm phán phía Trung Quốc, nói là không thể tiếp nhận văn kiện đòi hỏi phía Mỹ thay đổi chế độ, “văn bản tiếng Trung sẽ kích nộ Đại sứ Kantơ và các giới Mỹ”.

Phía Trung Quốc bác bỏ luận điệu ngang ngược đó, kiên trì hiệp nghị song phương, đòi bên đồng thời cùng hưởng quyền lợi cùng gánh trách nhiệm nghĩa vụ, phía Trung Quốc quyết không tiếp nhận một “hiệp nghị” ngang ngược chỉ dồn về một phía.

Sau khi cuộc đàm phán bế tắc, Lisentrư lại nói: Hội nghị xử lý sản quyền tri thức của Quốc vụ viện Trung Quốc đã có một văn bản “thực thi yếu điểm”, không thể không bổ sung những yêu cầu hữu quan của phía Mỹ vào trong đó, sau đó thông qua chính thức trao đổi văn kiện kết thúc đàm phán.

Phía Trung Quốc đồng ý, đồng thời kiến nghị vấn đề thâm nhập thị trường không bàn bạc thương lượng trong phạm vi sản quyền tri thức.

Ngày thứ 2. Trong lúc hai bên gặp nhau, phía Mỹ trao cho phía Trung Quốc bản dự thảo bổ sung “thực thi yếu điểm”. Không ngờ, đối phương hình như đã nhét toàn bộ những yêu cầu vô lý trong sơ thảo hiệp nghị của họ vào trong đó và với thái độ như tối qua, tuyên bố thâm nhập thị trường cần phải đạt tới hiệp nghị trong đàm phán về sản quyền tri thức.

Phía Trung Quốc tỏ rõ sự cố gắng tối đa, chậm nhất là sáng ngày 16-12 đưa ra văn bản sửa đổi.

Ngày hôm đó, các đại biểu bận rộn khẩn trương suốt buổi sáng, cơm không kịp ăn. Nhưng Lisentrư lại rất nhàn rỗi.

Hai phát tín hiệu “thông báo” và “phản thông báo” Trung-Mỹ đã bay tới không trung nhưng xung đột tình cảm quyết không thể thay thế cho tư duy lý tính. Cả hai phía Trung-Mỹ đều hiểu được rằng, một khi vấn đề đã đẩy tới

cực đoan, thì chỉ có thể là hai bên đều tổn thất. Theo thống kê, ngạch mậu dịch Trung-Mỹ năm 1994 đạt được 35,4 tỷ đôla, Trung Quốc đã trở thành người bạn lớn thứ 6 về mậu dịch của Mỹ; Mỹ thì là người bạn lớn thứ 3 của Trung Quốc về mậu dịch, lợi ích kinh tế đôi bên đã đan xen nhau phức tạp. Do vậy đều chưa có thể đóng cánh cửa đàm phán lại được, qua thương lượng, quyết định mở lại cuộc đàm phán vào ngày 18 đến 20-1-1995. Vòng đàm phán mới vẫn không có kết quả.

Ngày 4-2-1995, phía Mỹ lại công bố một bản thông báo có liên quan đến giá trị thương phẩm nguyên là từ 2,8 tỷ đô la giảm xuống còn 1,08 tỷ; thời gian thông báo lùi tới 26-2.

Bắt đầu từ 23-2, đại biểu tham gia đàm phán Sản quyền tri thức Trung-Mỹ tiến hành thương lượng từ trong 22 điểm bất đồng lại có thêm 5 điểm bất đồng nữa. Tối ngày 24 khi hai bên trao đổi văn kiện, Mỹ vẫn nêu ra nhiều yêu cầu vô lý. Ngày 25, phía Trung Quốc gửi văn kiện cho Mỹ, hai bên đều có nhượng bộ đạt tới hiệp nghị. Ngày 26, phía Mỹ lại gai ngạnh sinh sự, chỉ muốn ký vào bản tiếng Anh, sau đó qua trao đổi kỹ mới đồng ý ký văn bản tiếng Trung Quốc.

Hai bên bắt đầu thương lượng cấp Bộ trưởng

Ngày 15-6-1996, Trung-Mỹ lại một lần nữa vì vấn đề Sản quyền tri thức mà phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Vào hồi 23 giờ tối hôm ấy, văn phòng của đại biểu mậu dịch Mỹ, với lý do là "không thi hành hiệp nghị năm 1995, tuyên bố trưng thu thuế quan trừng phạt 100% đối với hàng dệt hàng may, điện tử trị giá 3 tỷ đô la của Trung Quốc, và kỳ hạn cuối cùng là ngày 17-6; 3 phút sau Trung Quốc công bố chống thông tri, đề nghị thu thêm thuế quan đặc biệt 100% đối với nông sản, xe cộ và linh kiện phụ tùng, thiết bị thông tin, phim ảnh của Mỹ, tạm ngừng nhập khẩu chế phẩm băng hình của Mỹ, tạm ngừng thụ lý thẩm phê các cơ quan xí nghiệp mậu dịch nội ngoại của Mỹ tại Trung Quốc đầu tư vào thương nghiệp, du lịch.

Tất cả sự việc ấy làm cả thế giới xôn xao, phần lớn dư luận cho rằng, đại chiến mậu dịch một khi đã bùng nổ, thì kết quả chỉ có thể là đôi bên đều thiệt hại.

Hiệp hội những người bán lẻ, dệt tơ lụa lần lượt gửi thư đến Chính phủ Clinton, chỉ rõ chiến tranh mậu dịch nổ ra sẽ ảnh hưởng đến quần chúng nước Mỹ, nhất là lợi ích của tầng lớp có thu nhập dưới mức trung bình. Các công ty Futur, Boyin, Tongyong, Motuoluola của Mỹ cũng quan tâm sâu sắc, bởi vì họ

lo lắng thị trường Trung Quốc đối với họ sẽ là “cửa chắc đường dài, luỹ thép”. Còn đối thủ Nhật Bản và Châu Âu sẽ thừa cơ thâm nhập, về phía Hương Cảng cũng chẳng hy vọng Trung-Mỹ tranh chấp “cháy thành vạ lây”, mà làm cho mức mậu dịch đối ngoại, cơ hội kiếm nghề giảm sút. Hội buôn bán xuất nhập khẩu hàng điện cơ, hội buôn bán xuất nhập khẩu hàng dệt may, tổng hợp dệt may của Trung Quốc cũng lần lượt kháng nghị Chính phủ Mỹ.

Thị dân và thương gia Bắc Kinh thì tỏ ra ủng hộ hành động phản thông báo của Nhà nước.

Trung-Mỹ có thể lại sẽ giải toả nguy cơ được không? Lúc này ai dám bảo đảm.

Chiến tranh mậu dịch bắt đầu, hai bên Trung-Mỹ hiển nhiên không muốn nhìn thấy cục diện ấy. Sau 20 ngày, trợ lý đại diện mậu dịch Mỹ Lisentrư đến Bắc Kinh, thương lượng không chính thức với Vụ trưởng Vụ điều pháp Bộ Mậu dịch đối ngoại Trung Quốc trong hai ngày, có tiến triển nhất định nên trong tuyên bố của Đại sứ quán Mỹ có nói: “Cuộc đối thoại thẳng thắn làm cơ sở tốt cho cuộc thương lượng tuần sau”.

Sau đó Lisentrư đi luôn Quảng Đông nơi mà Mỹ gọi là có hàng lậu nghiêm trọng để khảo sát tình hình bảo vệ Sản quyền tri thức.

Qua khảo sát, phía Mỹ không thể không thừa nhận phía Trung Quốc đã có nhiều cố gắng bảo vệ Sản quyền tri thức.

Ngày 13-6-1996, cuộc thương lượng chính thức về sản quyền tri thức được bắt đầu tại Bắc Kinh, trong không khí hữu hảo tích cực. 10 giờ sáng trong hội trường Bộ Mậu dịch đối ngoại, đôi bên vui vẻ tươi cười, trước khi họp, thành viên đôi bên trong khi trò chuyện đều mong cuộc hội đàm “thu được thắng lợi”. Tối hôm ấy, người phát ngôn Bộ Kinh tế đối ngoại cho biết Baxépki đại diện mậu dịch Mỹ sẽ thăm Bắc Kinh.

22 giờ 30 phút đêm 14 Baxépki xuất hiện tại sân bay quốc tế với bài nói thận trọng, qua hai phút thừa nhận rằng Trung Quốc đã bắt đầu thi hành hiệp nghị năm 1995, và nói cần phải khảo sát tình hình thực tế hiệp nghị. Những người hiểu biết cho rằng, người đại diện mậu dịch mới nhậm chức chưa đầy hai tháng mang theo sứ mệnh của Tổng thống Clinton đến Trung Quốc.

Sáng ngày 15, trước cửa Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại tại Bắc Kinh, kể ra người vào tập nập, cuộc hội đàm thương lượng cấp Bộ trưởng về sản quyền tri thức Trung-Mỹ được mọi người quan tâm sắp bắt đầu.

9 giờ 30 phút, chiếc xe màu trắng chở đoàn đại biểu Mỹ chạy vào Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại. Đám đông ký giả phỏng vấn, Baxépki, Lisentrư

không trả lời câu nào, đi thẳng lên gác, tiến hành hội đàm phạm vi nhỏ trong vòng 2 giờ 15 phút với Thứ trưởng Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại Thạch Quảng Sinh, trợ lý Bộ trưởng Long Vĩnh Đồ tại phòng họp lầu 2.

11 giờ 45 phút, thành viên chính của hai đoàn đàm phán Trung-Mỹ sòng hàng đi xuống theo cầu thang trải thảm đỏ, trong đám đông có người phát hiện ra là các thành viên phía Trung Quốc tinh thần phấn chấn, phía Mỹ Baxépxki mặc áo lụa vạch đôi kiểu Trung Quốc nền đen hoa đỏ.

Hình thức cuộc thương lượng cấp Bộ trưởng hiển nhiên là “hào hoa” hơn hai ngày trước, phía Trung Quốc các quan chức đứng đầu có Thạch Quảng Sinh, Long Vĩnh Đồ và Trương Nguyệt Giảo đại diện đàm phán cấp công tác; các nhân vật hữu quan của Hội nghị xử lý sản quyền tri thức thuộc Quốc vụ viện, Vụ Xuất bản tin tức, Bộ Văn hóa, Bộ Công an, Hải quan Trung Quốc đều có mặt, họ đối đáp bằng tiếng Anh như gió. Phía Mỹ nhiều người cũng rất “thông thạo tiếng Trung Quốc”. Trong buổi khai mạc hội đàm, Thạch Quảng Sinh nhấn mạnh: Trừng phạt không giúp cho giải quyết vấn đề, giải quyết bất đồng đòi hỏi song phương đều cùng hành động cụ thể. Baxépxki tỏ ý hy vọng chuyến đi Bắc Kinh thu nhiều thành quả, hai bên cần ủng hộ lẫn nhau trên lời nói và hành động. Lời lẽ nghiêm túc, song không khí thì tích cực.

Từ thời điểm ấy, hai bên Trung-Mỹ bắt đầu đàm phán chính thức cấp Bộ trưởng và cấp công tác xen kẽ nhau định kỳ 3 ngày; đôi bên đều giữ kín như bưng với giới tin tức nhưng đôi bên không kể đêm ngày làm việc chạy đua với thời gian, đủ để thấy rõ rằng quá trình đàm phán khẩn trương quyết liệt như thế nào. Hai bên muốn đạt tới nhận thức chung trước hạn cuối cùng vào ngày 17, vấn đề rất nhiều, thời gian lại không chờ đợi.

Ngày 16 ở Bắc Kinh một trận mưa đầu hè ào tới, oi ả tiêu tan nhưng trong lòng mỗi người vẫn nóng như lửa đốt. Ba bốn chục phóng viên vẫn chờ đợi trước cổng Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại để ngóng tin, nhưng vẫn chẳng nhận được gì. Cho đến 21 giờ 15 phút đêm, sau 2 tiếng nghỉ hợp, họ thấy xe của đoàn Mỹ lại đến Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại, liền đó Tân Hoa xã phát đi bản tin:

- Cuộc đàm phán có thể phải tiếp tục đến ngày mai.

Ngày mai? Ngày mai lúc nào? Qua 3 tiếng nữa là ngày mai rồi, thế là suốt một đêm mưa rào rích, họ quyết định chờ cho đến tinh mơ ngày 17. Nhân viên đàm phán còn rất căng thẳng. Cuộc đàm phán từ ngày 15 kéo suốt đến 9 giờ đêm, phía Mỹ định đến trước 23 giờ 30 phút sáng. Người phiên dịch số

một là Tiểu Vương đang ngủ say bị gọi dậy, phiên dịch suốt đêm thận trọng từng chữ, công việc vừa xong, phương đông chân trời đã sáng dần. Những thành viên đoàn Trung Quốc, người lớn tuổi nhất chưa quá 50, người trẻ nhất ngót 20 tuổi, thứ vũ khí có sức mạnh mà họ học được từ bậc tiền bối của mình là: Giữ vững trận địa, không chiến đấu khi chưa chuẩn bị.

Phía Trung Quốc đã chuẩn bị đầy đủ, trước khi đàm phán đã họp trù bị mấy lần, kiên định lập trường: trên nguyên tắc không lùi một tấc, ngoài nguyên tắc thì tỏ ra linh hoạt.

Vấn đề nguyên tắc, không lùi một phân

Trên tinh thần đó, trong cuộc đàm phán 2 ngày 15-16 mang tính chất quan trọng, về những yêu cầu vô lý mà phía Mỹ vượt lên chủ quyền Trung Quốc, đòi Trung Quốc sửa đổi pháp qui theo nguyện vọng của Mỹ, định kỳ thông báo cho Mỹ về tình hình tiến triển từng trị hàng lạng; cho công ty của Mỹ mua nhà máy đĩa quang của Trung Quốc, để họ hợp tác đầu tư hoặc đơn độc đầu tư, Trung Quốc kiên quyết phản đối bỏ về.

Trương Nguyệt Giảo đại biểu dẫn đầu đàm phán cấp công tác sau sự việc đó đã cho biết, phía Mỹ đưa ra một “danh sách đen” gồm 13 nhà máy, yêu cầu Trung Quốc đóng cửa. Trung Quốc giữ nguyên tắc lấy sự thực làm căn cứ, lấy pháp luật làm chuẩn mực; với những nhà máy đang có hành vi trốn lậu thì cho đóng cửa, đối với những nhà máy không trong danh sách của Mỹ, chỉ cần rõ có hành vi, Trung Quốc cũng sẽ xử lý nghiêm túc. Trung Quốc không thể làm việc theo ý nguyện của người khác: “Chúng tôi biết quản lý đất nước của mình như thế nào”. Còn về sản phẩm văn hóa không phải là giản đơn, Trung Quốc không thể tùy tiện mở rộng thị trường. Kể từ khi bắt đầu đàm phán, Trung Quốc đã nói với Mỹ: vấn đề này không có thêm trong đàm phán, không nên hy vọng Trung Quốc sẽ nhượng bộ trong giây phút cuối cùng.

Cuộc đàm phán ngày 16, vì Mỹ yêu cầu quá cao đòi hỏi Trung Quốc mở rộng thị trường văn hóa, mà đi vào bế tắc, mãi cho đến 0 giờ ngày 17, lập trường hai bên đã xích lại gần. Baxépxki than phiền: “Hai ngày qua quá vất vả, e rằng đêm nay tôi ngủ không được”. Thạch Quảng Sinh cười: “Không ngủ cũng tốt, ngày mai ngài về Mỹ rồi không cần phải chỉnh sai giờ”. Cả hội trường cười ồ thân thiện, làm cho không khí thêm thoải mái vì cuộc đàm phán quá căng thẳng khẩn trương.

“Lợi ích quốc gia trên hết”

Vòng chiến 2 ngày, thành viên đoàn Trung Quốc làm sao được chút thành thoi? “Lợi ích quốc gia trên hết”, câu nói luôn luôn trong tâm trí mọi người, giờ đây sao mà lại thiết tha gắn bó với từng câu nói từng hành động của mỗi thành viên như vậy. Thạch Quảng Sinh, vị Thứ trưởng ở tuổi 50, mưu lược chuyển xoay, trên bàn đàm phán, trí lực dồi dào, trong phòng nghỉ ngơi mệt mỏi tưởng chừng không mở được mắt. Long Vĩnh Đồ, người đã từng lưu học tại Anh, trưởng đoàn đại biểu “phục quan” Trung Quốc, giao thiệp với người Mỹ nhiều năm, lần này phò tá chủ soái, tự nhiên rất thuận tay ăn ý. Trương Nguyệt Giảo một chuyên gia pháp luật lưu học tại Pháp nhiều năm, trong công việc tỏ ra vững vàng, là một cao thủ hội đàm như kim găm trong lụa; vì cuộc đàm phán lần này bà đã 3 ngày liền không chịu về nhà.

Tướng soái làm sao, sĩ tốt cũng vậy. Tiểu Trương ở vụ điều pháp Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại nói rằng, mấy ngày liền anh không chớp mắt. 2 giờ 30 phút sáng ngày 17, khi các quan chức Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại bước ra cổng, mưa vừa tạnh, không khí trong lành thổi nhẹ qua những khuôn mặt mệt mỏi gian truân, nhưng đầu óc họ vẫn rất sáng suốt tinh tường: sáng hôm nay tiếp tục đàm phán.

Một lần nữa tránh khỏi cuộc chiến tranh Mậu dịch bùng nổ

Sáng ngày 17, cuộc đàm phán đang tiếp tục, buổi trưa có tin đồn, Phó Thủ tướng Lý Lam Thanh buổi chiều sẽ hội đàm với Baxépki. 12 giờ 40 phút Thứ trưởng Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại Thạch Quảng Sinh ra khỏi phòng hội đàm, nét mặt tươi cười, Chủ nhiệm Văn phòng hội đồng xử lý sản quyền Quốc vụ viện Đoàn Thụy Xuân vẫy tay chào các phóng viên đang chờ ngoài cổng. Qua gương mặt thoải mái nhẹ nhàng của quan chức Trung Quốc họ đoán rằng: cuộc đàm phán tiến triển tốt. Nhưng vẫn chưa có dấu hiệu xác đáng.

5 giờ chiều ngày 17 giờ phút cuối cùng đã đến. Lần đàm phán cuối cùng định bắt đầu vào hồi 17 giờ. Thời gian cứ trôi đi, 18 giờ... 18 giờ 30... 19 giờ... chiếc xe chở đoàn Mỹ vẫn chưa xuất hiện, có lẽ Baxépki đang thỉnh thị lần cuối cùng về Oasinhton. 19 giờ 15 phút Baxépki, trên chiếc xe sơn trắng đã vào Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại, Hai bên tươi cười vui vẻ hàn huyên. Thạch Quảng Sinh nói với ông ta: “Tôi hết sức khâm phục tinh thần làm việc của ngài, nhưng cơm vẫn phải ăn. ở Trung Quốc người xưa có câu “người là sắt, cơm là gang...”. Lời thăm hỏi thú vị làm cả hội trường đều cười

vui vẻ thông hiểu. Lúc này, mấy chục ký giả ồa vào hội trường, trong giây lát một rừng “pháo” vượn nòng, nhấp nhòang chớp điện, 5 phút sau, những ký giả được mời ra, và họ vẫn còn đang ngóng đợi.

Quá 20 giờ, Tân Hoa Xã, Đài truyền hình Trung ương, Đài phát thanh nhân dân Bắc Kinh, các cơ quan tin tức lớn nhất Trung Quốc, trong giờ phút đầu tiên tuyên bố trước thế giới: vấn đề sản quyền tri thức Trung-Mỹ đã được nhất trí, lại một lần nữa, trong giây phút cuối cùng đã tránh khỏi bùng nổ cuộc chiến tranh mậu dịch. Giờ này không biết có bao nhiêu người đang chúc mừng, thở phào nhẹ nhõm.

VI. CUỘC ĐÀM PHÁN PHỤC QUAN MẮC KẾT NỘI TÌNH

Võ mộng Gionevo

Sáng tinh mơ ngày 21-12-1994, trước giờ phút tiếng chuông năm mới sắp điểm hồi, Tổ chức Mậu dịch thế giới sắp được thành lập, hội nghị lần thứ 19 tổ công tác Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan của Trung Quốc chưa đạt được sự nhất trí về cuộc đàm phán phục quan⁽¹⁾ Trung Quốc. Tiếng chuông cuối cùng của Hội nghị Gionevo tuyên cáo sự cố gắng tiến hành “phục quan” của Trung Quốc suốt 8 năm nay hoàn toàn vụt xuống biển Đông.

Được tin ấy, người Trung Quốc cảm thấy đáng tiếc. Nhưng họ không kinh sợ mà lại bình tĩnh tiếp nhận sự thực này. Bởi vì từ bên kia đại dương đã sớm đưa tin: Chỉ cần người Mỹ phản đối, thì vấn đề phục quan Trung Quốc trong năm không được giải quyết.

Trung Quốc tại sao cần vào cửa? Mỹ vì sao phản đối?

Trước khi trả lời câu hỏi này, chúng tôi xin xoay ống kính lịch sử hướng về 48 năm trước đây.

Lúc ấy, làn khói của cuộc chiến tranh thế giới lần thứ 2 chưa tan hết, nền kinh tế thế giới đứng trước hai nhiệm vụ nặng nề phục quan và phát triển, đa số quốc gia vừa quân tâm theo dõi vừa bế quan toả cảng, tiếp tục bảo vệ hàng rào thuế quan, ràng buộc chặt chẽ sự phát triển kinh tế và mậu dịch ngoại thương. Do các nước thi nhau nâng mức thuế quan, chế định mọi biện pháp hạn chế nhập khẩu, nên cuộc đại chiến kinh tế đột nhiên bùng nổ, chủ nghĩa bảo vệ buôn bán lan khắp toàn cầu. Trong tình thế nghiêm trọng ấy,

(1) Hội nghị đàm phán khôi phục vị trí của Trung Quốc trong Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan. Hiệp định này giành sự giảm thuế quan cho các nước chậm và đang phát triển.

khế ước “Liên Hợp Quốc kinh tế” một trong ba trụ cột lớn kinh tế ngày nay được cấu thành cùng với tổ chức tiền hàng quốc tế, Ngân hàng thế giới, đó là Tổng hiệp định thuế quan - Thương mại (GATT) dưới sự chủ trì của Mỹ, ngày 30-10-1947 do 23 nước ký kết thành lập tại Gionevơ, tức là “Hiến chương Lahavanna” ngày nay. ý định muốn Trung Quốc trở thành con rồng phương Đông cũng là một trong 23 nước định lập điều ước để lại một nét bút hoạch định thời đại trong khế ước ấy.

Tôn chỉ của “Liên Hợp Quốc kinh tế” là: Các nước tính ước cùng nâng cao mức sống, bảo đảm đủ việc làm, bảo đảm thu nhập tăng trưởng theo yêu cầu ngày càng lớn và ổn định, sử dụng đầy đủ nguồn vốn thế giới, mở rộng sản xuất và trao đổi hàng hóa, thúc đẩy mục tiêu phát triển kinh tế để xử lý quan hệ tương hỗ về buôn bán và phát triển kinh tế giữa các nước, giảm thu thuế quan, hủy bỏ hàng rào mậu dịch và ưu đãi khác nhau về mậu dịch quốc tế, trên thế giới xây dựng một đại gia đình kinh tế, phá bỏ hàng rào ngăn cách, với mục đích phát triển kinh tế chính quốc, tạo thuận tiện cho người và cho mình, thúc đẩy thị trường quốc tế phồn vinh cùng giàu có.

Trung Quốc là một trong 23 nước sáng lập đính ước Tổng hiệp định thương mại (mậu dịch) thuế quan, ngay từ năm 1947, Chính phủ Quốc Dân Đảng Trung Quốc với tư cách nước Thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc, trở thành nước sáng lập đính ước của Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan. Nhưng ngày 6-3-1950 nhà cầm quyền Đài Loan tuyên bố rút khỏi Tổng hiệp định.

Thế là, Trung Quốc một thành viên trong năm nước Thường trực Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc, không thể không đứng ngoài cửa “Liên Hợp Quốc kinh tế”

Trung Quốc không tách rời thế giới, thế giới cũng không rời Trung Quốc. Ngày 10-7-1986, Trung Quốc sau gần 40 năm lang thang ngoài “cửa”, chính thức trình trọng gửi đơn tới Denger Đại biện Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan tại Gionevơ đề nghị phục hồi địa vị nước sáng lập đính ước Tổng hiệp định của Trung Quốc, và mong muốn đàm phán với các nước đính ước Tổng hiệp định miễn giảm thuế quan. Từ đây tấm màn phục quan của Trung Quốc đã được mở ra.

Thái độ của Trung Quốc về phục quan rất tích cực và chân thành. Từ tháng 10-1987 đến tháng 2-1992, Chính phủ Trung Quốc đã 10 lần cử đoàn tham gia hội nghị tổ công tác GATT của Trung Quốc, nghị trình gồm gần 200 vấn đề có liên quan đến bị vong lục đề nghị theo thể chế ngoại thương của

Trung Quốc và trả lời nước định ước.

Năm 1990, Thủ tướng Lý Bằng trực tiếp gửi công hàm đến những người đứng đầu các nước định ước Tổng hiệp định thuế quan mậu dịch, thay mặt Chính phủ Trung Quốc trang trọng hứa rằng: Trung Quốc một khi đã phục quan, sẽ gánh vác nghĩa vụ quốc tế tương ứng đồng thời với những quyền lợi được hưởng.

Giảm nhẹ thuế quan, mở rộng thị trường trong nước, xóa bỏ nhiều nguyên tắc buôn bán quá quen thuộc, một số sản nghiệp đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt “Gánh vác nghĩa vụ quốc tế tương ứng” có nghĩa là Trung Quốc sẽ phải gánh chịu trận bão táp thị trường to lớn.

Ngày 13-2-1992 GATT tuyên bố cơ bản là kết thúc thẩm nghị thể chế ngoại thương đối với Trung Quốc.

Tháng 2-1992 đến tháng 10-1993, tổ công tác Trung Quốc tiến hành hội nghị lần thứ 8 đến lần thứ 15, lập định hiệp nghị thư phục quan và vấn đề giảm nhượng thuế quan mậu dịch và thông lệ quốc tế. 5 năm qua thể chế ngoại thương Trung Quốc đã tiến hành hai lần cải cách quan trọng, Chính phủ Trung Quốc hai lần ra quyết định riêng về cải cách thể chế có liên quan đến thương mại; theo nguyên tắc độ thông suốt của Tổng hiệp định thuế quan mậu dịch; Trung Quốc công bố 47 văn kiện nội bộ có liên quan, tuyên bố 122 văn kiện hết hiệu lực, công bố rõ pháp qui ngoại thương Trung Quốc. Chính phủ Trung Quốc tôn trọng nguyên tắc giảm dần đường ngăn mậu dịch của Tổng hiệp định thuế quan mậu dịch; “lấy việc giảm thuế quan làm lời hứa, và từ đó được hưởng sự đãi ngộ quốc gia trong phát triển”. Năm 1992 xóa bỏ thuế điều tiết nhập khẩu. Ngày 2-1-1993 có 3.200 mặt hàng được hạ thấp thuế quan, bình quân thuế quan thấp xuống 7,7%. Ngày 17-11-1993, Ủy ban thuế quan Quốc vụ viện quyết định, kể từ ngày 31-12-1993, sẽ điều chỉnh hạ thấp thuế suất thuế quan hàng hóa nhập khẩu với 2.898 thuế hạng, bình quân thuế giảm 8,8%. Đồng thời Trung Quốc thực hiện một loạt những biện pháp lớn về các mặt “điều chỉnh chính sách sản nghiệp quốc nội, tăng cường hiệp đồng giữa các ngành, cơ cấu tổ chức điều chỉnh rộng rãi, xí nghiệp quốc doanh hướng tới thị trường, tìm tòi chính sách bảo vệ sản nghiệp”. Tất cả điều đó chứng minh rằng, Trung Quốc đang dựa theo các qui định quốc tế hiện hành bổ sung vận dụng các thủ đoạn kinh tế như hối suất, thu thuế và tín dụng để điều tiết hoạt động kinh tế đối ngoại. Thúc đẩy kinh tế Trung Quốc tiếp cận kinh tế thế giới đẩy mạnh tiến trình tự do hóa mậu dịch thế giới. Trung Quốc đang tới gần Tổng hiệp định thuế quan mậu dịch quốc tế.

Cuộc xung đột “94”

Năm 1994 là năm rất không bình thường đối với “phục quan” Trung Quốc. Qua 8 năm cố gắng gian nan, đã đến tới đỉnh điểm căng thẳng của cuộc xung đột cuối cùng.

Ngày 21-1, Ủy ban kinh tế hỗn hợp kinh tế Trung-Mỹ tiến hành hội nghị lần thứ 8 tại Bắc Kinh. Đây là hội nghị đầu tiên của Ủy ban kể từ khi gián đoạn, năm 1988. Hội nghị được khôi phục do phía Mỹ đề nghị. Tình hình chấp hành tìm hiểu bị vong lức và cơ cấu khai thác đa phương, như khôi phục địa vị nước đính ước Tổng hiệp định thuế quan mậu dịch của Trung Quốc, đãi ngộ nước ưu tiên và sản quyền tri thức Trung-Mỹ, sản phẩm lao cải và thâm nhập thị trường.

Ngày 21-2, Trung-Mỹ cử hành thương lượng song phương vòng thứ 8 về vấn đề “phục quan” của Trung Quốc, ngày 22 tháng 2 kết thúc. Đây là cuộc thương lượng song phương lần thứ nhất về vấn đề này của hai bên Trung-Mỹ sau cuộc hội đàm Uruguay kết thúc. Đoàn đại biểu hai bên đã trao đổi ý kiến một cách rộng rãi và sâu sắc hàng loạt vấn đề cụ thể có liên quan đến việc khôi phục địa vị nước đính ước Tổng hiệp định của Trung Quốc.

Sau khi kết thúc, Ngô Nghi trong lúc hội kiến với đoàn đại biểu Mỹ có nói: Về mặt cải cách thể chế mậu dịch kinh tế Trung Quốc đã thi hành nhiều biện pháp lớn, có nhiều cố gắng tích cực trong đàm phán. Trên những vấn đề quan tâm về mặt đính ước mà Trung Quốc chuẩn bị đều thể hiện tinh thần linh hoạt.

Từ ngày 15 đến ngày 18-3, tổ công tác của Trung Quốc về Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan đã họp hội nghị lần thứ 16 tại Gionevơ, thảo nghị vấn đề phục hồi địa vị nước đính ước tổng Hiệp định quan mậu.

Đoàn đại biểu Trung Quốc do Thứ trưởng Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại Cốc Vĩnh Giang làm trưởng đoàn và Phó Chủ nhiệm Ủy ban kinh tế mậu dịch nhà nước Du Hiểu Tùng làm phó đoàn đã tham gia hội nghị.

Trong hội nghị lần một của tổ công tác Cốc Vĩnh Giang nói, điều kiện Trung Quốc trở thành nước thành viên sáng lập Tổ chức mậu dịch thế giới đã chín muồi. Qua 15 năm cố gắng, Trung Quốc đã tiến hành một loạt cải cách về thể chế xây dựng thị trường, gần đây lại thực hiện mấy biện pháp lớn, làm cho thể chế mậu dịch đối ngoại của Trung Quốc về cơ bản phù hợp với phạm vi qui định quốc tế của Tổng hiệp định thuế quan mậu dịch.

Ngày 9-5 nhận lời mời của Bộ trưởng Kinh tế đối ngoại Ngô Nghi, đại biện Tổng hiệp định thuế quan mậu dịch Bide Chanselan tới thăm Trung

Quốc. Khi nhận lời phỏng vấn của phóng viên Tân Hoa xã, ông nói Trung Quốc phải trở thành một bộ phận của thể chế mậu dịch đa phương của thế giới mới, mà không thể bị gạt ra ngoài.

Ông còn nói, tính chất quan trọng của Trung Quốc với chính trị và kinh tế thế giới là rõ ràng và dễ thấy; Trung Quốc gia nhập tổ chức mậu dịch đa phương, có tác dụng quan trọng đối với sự phát triển mậu dịch toàn cầu.

Theo với thời gian, nhiều kiểu đàm phán phục quan cũng được tiến hành chặt chẽ, người Trung Quốc đã nhìn thấy tia sáng vào cửa, song lúc ấy vẫn còn gặp nhiều trở lực của một số ít quốc gia.

Ngày 19-7, trong lúc hội kiến Thứ trưởng Bộ Thương vụ Mỹ Giắc Foli Caton, Thứ trưởng Bộ Mậu dịch đối ngoại nói: Trung Quốc quyết không thể vì khôi phục địa vị nước đánh ước Tổng hiệp định thuế quan mậu dịch mà trả bất cứ giá nào, hy vọng Mỹ trong vấn đề phục quan của Trung Quốc, với thái độ hiện thực thúc đẩy tiến trình đàm phán.

Ngô Nghi nói: Mỹ đầu tiên nêu ra cái giá mà Trung Quốc khó có thể tiếp nhận, vì phục quan Trung Quốc mà tạo ra nhiều trở ngại. Mỹ kiên trì đòi hỏi Trung Quốc phải xóa bỏ tỷ lệ suất quốc hóa xí nghiệp nước ngoài đầu tư, còn trong một năm văn kiện của Urugoay thì yêu cầu quốc gia phát đạt trong vòng 2 năm, quốc gia đang phát triển trong vòng 5 năm phải hoàn thành công việc này. Do đó, Mỹ yêu cầu đối với Trung Quốc là không có đạo lý.

Ngày 14-10, Phó Thủ tướng Chu Dung Cơ trong hội nghị thường niên của tổ chức Quỹ tiền tệ thế giới và Ngân hàng thế giới có nói: kể từ năm 1986 đến nay Trung Quốc chính thức yêu cầu khôi phục địa vị nước đánh ước Tổng hiệp định thuế quan mậu dịch. Để tiến gần quỹ đạo qui định của kinh tế mậu dịch quốc tế, Tổng hiệp định quan mậu, Trung Quốc đã thực hiện hàng loạt cải cách to lớn, bao gồm giản hóa thể chế quản lý mậu dịch kinh tế đối ngoại, hạ thấp biên độ đối với thuế quan, xóa bỏ chế độ song quỹ hối suất, thực hiện trao đổi có điều kiện đồng nhân dân tệ với hạng mục thông thường, từng bước mở rộng thị trường mậu dịch phục vụ trong nước. Ông chỉ rõ: “Trước mắt thể chế mậu dịch Trung Quốc đã cơ bản phù hợp với yêu cầu của Tổng hiệp định quan mậu. Do vậy, việc khôi phục địa vị nước đánh ước Tổng hiệp định quan mậu của Trung Quốc không nên kéo dài. Phục quan Trung Quốc không chỉ có lợi cho Trung Quốc, mà lợi cả cho thế giới. Gạt Trung Quốc ra ngoài thì tính chất rộng rãi của Tổng hiệp định quan mậu và Tổ chức mậu dịch quốc tế sắp được thành lập sẽ chịu ảnh hưởng to lớn”.

Ngày 5-10 Ngô Nghi trong thời gian tham gia hội nghị Bộ trưởng Mậu

dịch luận bàn về hợp tác kinh tế Châu á Thái Bình Dương ở Indônêxia, khi hội kiến với bà Baxépxki trưởng đoàn đại biểu Mỹ đã nói rõ: Cuộc đàm phán về vấn đề phục quan Trung Quốc nên hoàn thành trước khi thành lập Tổ chức mậu dịch thế giới, để Trung Quốc có thể trở thành nước thành viên sáng lập của tổ chức mậu dịch thế giới.

Ngô Nghi còn nói: Tháng 8 năm nay, Trung Quốc căn cứ vào hiện trạng mức phát triển kinh tế trong nước sẽ đề ra một loạt phương án giảm nhượng về thuế quan phi thuế quan hàng hóa công nghiệp và thương mại dịch vụ, Trung Quốc đã cố gắng rất lớn trong các phương án ấy. Bà trưởng đoàn Mỹ nói, hạ tuần tháng 9, hai bên Trung-Mỹ đã thương lượng về các phương án này, đàm phán đã có tiến triển nhất định.

Bà ta nhấn mạnh: “Cái giá mà Mỹ đòi hỏi trong vấn đề phục quan Trung Quốc khi đạt tới mức độ thích đáng thì thời; không phải để cho Chính phủ và nhân dân Trung Quốc cho rằng Mỹ đang đi đầu trong việc cản trở phục quan Trung Quốc”. Ngô Nghi chỉ rõ: về vấn đề phục quan, Trung Quốc không thể hy sinh lợi ích căn bản của Tổ quốc. Bà ta nói: “Nếu Trung Quốc không được phục quan kịp thời, thì tất cả những điều đáp ứng trong 8 năm đàm phán và mọi đáp ứng đã đạt được trong 3 bản giảm nhượng cùng nghị định thư nêu ra gần đây nhất cũng đều vô hiệu. Trung Quốc còn một ngày chưa được phục quan, thì không thể nói tới Trung Quốc thi hành văn kiện cuối cùng Urugoay và các loại nghĩa vụ”.

Bà ta nói: Tháng 11 khi tiến hành hội nghị Tổ chức hợp tác kinh tế Châu á Thái Bình Dương tại Indônêxia, còn phải thảo luận mục tiêu tự do hóa mậu dịch khu vực Châu á Thái Bình Dương. Nếu Trung Quốc không phục quan, thì việc thực hiện mục tiêu ấy cũng chỉ là câu nói trống rỗng.

Thời gian đàm phán chuyển tới ngày 28-11, trong tình trạng không chịu đựng nổi, Chính phủ Trung Quốc nêu ra thời hạn cuối cùng kết thúc cuộc đàm phán thực chất.

Cái giá cực đại của người Mỹ

Mùa hè năm 1994, trời Gionevơ nóng nực không mưa, oi ả khác thường. Trong đại lầu Tổng bộ Tổng hiệp định thuế quan mậu dịch bên hồ Laimen không khí hội nghị tổ công tác Trung Quốc lần thứ 17 khàn trương căng thẳng.

ở hội nghị lần này, bài nói của trưởng đoàn Trung Quốc Cốc Vĩnh Giang ngôn từ chặt chẽ. Vị Thứ trưởng Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại cảnh báo phía

đính ước hữu quan: “Sự nhần nại của các giới công chúng Trung Quốc đối với phục quan đang đứng trước sự thách thức nghiêm trọng”.

Thái độ nghiêm túc của ông Cốc Vĩnh Giang không phải là cử chỉ không có mục đích. “Bão ngày mai là gió nổi hôm nay”, qua một thời gian thích đáng, cái giá quá lớn của phía đính ước hữu quan với sự nỗ lực phục quan Trung Quốc đã hình thành một áp lực to lớn. Hiển nhiên, cuộc đàm phán bên hồ Laimen phải chăng là hình ảnh thu nhỏ của cuộc đấu tranh lâu dài của lực lượng chính trị kinh tế thế giới.

Ngày 24-6-1994, trong lúc đoàn đại biểu Trung Quốc sắp lên đường đi tham gia hội nghị tổ công tác Trung Quốc, thì một văn kiện không chính thức của Chủ tịch Tổ công tác Trung Quốc gửi đến Bắc Kinh. Do nhận được quá muộn, quan chức đoàn Trung Quốc chỉ có thể phân tích và nghiên cứu trên máy bay.

Tập văn kiện dài đến 20 trang đã tổng hợp giá cả của phía đính ước đối với phục quan Trung Quốc. Trong đó, rất nhiều giá đã vượt quá nghĩa vụ qui định của Tổng hiệp định quan mậu và của mậu dịch thế giới, thậm chí tước đoạt cả quyền lợi cần được hưởng của quốc gia đang phát triển mà Trung Quốc được hưởng.

Bài nói nghiêm túc chặt chẽ của Cốc Vĩnh Giang chính là đòn phản kích nhanh nhẹn mạnh mẽ đối với sự bất hợp lý ấy. Đồng thời Trung Quốc còn nêu ra kiến nghị dùng “một mớ phương thức” giải quyết vấn đề phục quan Trung Quốc. Điều đó có nghĩa là phương án tổng hợp nêu ra đối với Trung Quốc, hoặc là phải tiếp nhận toàn bộ, hoặc là cự tuyệt hoàn toàn không được lựa chọn.

Trên thực tế, bất luận là biện pháp “phương thức cả mớ” hay là “kết thúc thời hạn đàm phán thực chất”, trong đàm phán quốc tế với qui mô rộng lớn, nội dung phức tạp cũng không hiếm thấy.

Ngày 19-7-1994, trước khi tổ công tác Trung Quốc tiến hành hội nghị lần thứ 18 về Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan được coi là phiên đàm phán cuối cùng, Bộ trưởng Bộ Mậu dịch đối ngoại Ngô Nghi vẫn trầm tĩnh nói với Thứ trưởng Bộ Thương nghiệp Mỹ Chielifu: “Trung Quốc quyết không thể vì phục quan mà trả bất kỳ giá nào, hy vọng Mỹ cần có thái độ thực tế”.

Lúc này, đã tròn 8 năm Trung Quốc đề nghị phục quan. Do đó, Ngô Nghi nói: “Nếu phục quan Trung Quốc không thỏa đáng, thì tất cả mọi cố gắng trong 8 năm đàm phán đều đổ xuống sông xuống biển, mọi hứa hẹn đều vô hiệu”.

Ngày 17-7, người phát ngôn tin tức của Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại

Trung Quốc Niều Phục Xuân trong hội nghị thông báo tin tức nhấn mạnh, Mối phục quan không kết quả thì mọi hứa hẹn đều vô hiệu.

Với lập trường trên nguyên tắc kiên quyết của Trung Quốc, các nước thì nhau đưa tin và bình luận; thăm dò, cạ ngợi, kinh ngạc, mê hoặc, phản ứng v.v...

Trung Quốc tuyên bố rõ ràng: nguyên nhân trực tiếp của lập trường ấy là, văn kiện phi chính thức được nêu ra lấy kiến nghị của Mỹ làm cơ sở tại hội nghị thứ 17 của tổ công tác Trung Quốc trong Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan hồi cuối tháng 8. Văn kiện ấy nêu ra những điều kiện hết sức khắc nghiệt mà Trung Quốc không thể tiếp nhận được. Vì nó đại biểu cho lợi ích của Mỹ, nên coi đó là “văn kiện của Mỹ”.

Hạt nhân của “văn kiện của Mỹ” là yêu cầu Trung Quốc gia nhập Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan với tư cách là “quốc gia phát triển”. Như mọi người đều biết, để bảo vệ sự ổn định và phát triển nền kinh tế của nước đang phát triển, Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan có một loạt qui định có liên quan đến sự ưu đãi các nước đang phát triển, trên thực tế chính là muốn tước đoạt quyền lợi đáng được hưởng đồng thời với nghĩa vụ gánh vác, rõ ràng không được Trung Quốc tiếp thu.

Trung Quốc là một nước đang phát triển chỉ có thể gánh vác nghĩa vụ tương ứng với trình độ phát triển kinh tế của mình. Trung Quốc kiên trì nguyên tắc công bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ.

Việc khôi phục địa vị nước chính thức Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan của Trung Quốc được phần lớn các nước đang phát triển trên thế giới kể cả nhiều nước phương Tây ủng hộ.

Thượng tuần tháng 9, Hội nghị Bộ trưởng Thương mại 4 bên: Liên minh châu Âu, Canada, Nhật và Mỹ họp tại Lótangiolét. Bộ trưởng Liên minh châu Âu, Canada, Nhật Bản đều tỏ rõ thái độ ủng hộ Trung Quốc phục quan chỉ riêng Mỹ cho rằng “Trung Quốc còn cách xa điều kiện phù hợp”. Phải đến một thời gian nào đó mới giải quyết được vấn đề phục quan Trung Quốc.

Về vấn đề phục quan Trung Quốc, tại sao Mỹ lại gây trở ngại như vậy? Mục đích cuối cùng của Mỹ là thông qua đàm phán Mỹ giành được lợi ích lớn nhất từ Trung Quốc, để các công ty Mỹ trực tiếp đi vào chiếm lĩnh thị trường đầy tính hấp dẫn của Trung Quốc, mà không để cho các ngành công nghiệp non trẻ của Trung Quốc có cơ hội trưởng thành. Do đó, Mỹ kiên trì đòi hỏi Trung Quốc phục quan với tư cách quốc gia phát triển; và yêu cầu Trung Quốc ngay từ khi phục quan phải huỷ bỏ mọi chính sách phi thuế quan,

kể cả yêu cầu về kiểm tra nhập khẩu, giấy phép, phổi ngạch, thậm chí còn ngặt nghèo hơn so với các nghị định thư phục vụ có hiệu lực. Trung Quốc phải huỷ bỏ ngay yêu cầu tỷ suất quốc sản hóa xí nghiệp có nước ngoài đầu tư. Điểm này trong văn kiện gói gọn ở Uruguay đối với các nước đính ước đều có một thời gian quá độ, các nước phát triển là 2 năm, Mỹ lại đòi Trung Quốc phải thủ tiêu ngay.

Nếu xử lý theo kiểu ấy thì Trung Quốc khó có thể làm chủ được vận mệnh kinh tế của mình, thậm chí khó giữ nổi cả vận mệnh chính trị. Tham tán thương vụ Đại sứ quán Trung Quốc tại Mỹ Vương Thiên Minh trong khi nhận lời phỏng vấn của phóng viên “Tuần báo á Âu” đã chỉ rõ: “Mỹ vẫn tìm mọi biện pháp làm ảnh hưởng đến Trung Quốc, vấn đề tăng hiệp định mậu dịch thuế quan là một trong những thủ đoạn mới nhất của Mỹ, hòng gây ảnh hưởng đến Trung Quốc”.

Trợ lý Bộ trưởng Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại, trưởng đoàn đại biểu đàm phán phục quan của Trung Quốc Long Vĩnh Đề nói thẳng thắn rằng: “Trung Quốc có thể phục quan được trong năm nay hay không, là quyết định ở ý đồ chính trị của Mỹ”.

Lập trường nói trên của Mỹ thể hiện rõ ràng trong vòng đàm phán song phương lần thứ 10 về vấn đề phục quan Trung Quốc kết thúc vào ngày 23-9. Lần thương lượng ấy, điểm quan tâm chủ yếu của Mỹ là lợi ích thương nghiệp của mình, với điều khoản cụ thể trong nghị định thư đàm phán phục quan Trung Quốc, thái độ là tiêu cực. Một quan chức của Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan có nói: Mỹ muốn nhìn thấy rõ “màu sắc của đồng tiền”, sau đó mới quyết định cuối cùng là có để cho Trung Quốc phục quan hay không.

Trước khi thương thuyết nghị định thư phục quan Trung Quốc, hai bên Trung-Mỹ đã tiến hành đàm phán một tuần về vấn đề thuế quan và phi thuế quan hàng công nghiệp, nông nghiệp; thảo luận một loạt phương án thâm nhập thị trường mà Trung Quốc nêu ra. Nhưng sau khi bắt đầu đàm phán nghị định thư, phía Mỹ có ý đồ đưa thêm vào vấn đề còn lại trong đàm phán thâm nhập thị trường để mặc cả (mạ cả) giành cho mình nhiều lợi ích thương nghiệp.

Tuyên ngôn cuối cùng của người Trung Quốc

Với đà phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc, Trung Quốc ngày càng giữ vai trò quan trọng trong lĩnh vực mậu dịch kinh tế thế giới. Đưa nền kinh tế Trung Quốc hoà nhập vào quỹ đạo lớn của kinh tế thế giới, đó là tất yếu của lịch sử. Do đó, mặc dù Trung Quốc trên con đường gia nhập

Tổ chức mậu dịch thế giới tạm thời chịu thua thiệt nhưng hình thái phát triển của lịch sử không thể bị ý chí của bất cứ ai xoay chuyển. Thử xem, ngày nay trong cuộc đại hòa nhập kinh tế thế giới, thiếu Trung Quốc một nước kinh tế đang vững bước đi lên, chiếm 1/5 dân số thế giới, thì Tổ chức mậu dịch thế giới còn phù hợp với thực tế hay không?

Lý Quang Diệu Nguyên Thủ tướng Singapo tại Hội nghị cấp cao kinh tế Đông á - Châu Âu lần thứ 3 gần đây đã nói: “Đứng từ góc độ ổn định và an toàn mà nói, để Trung Quốc hoà nhập vào xã hội quốc tế không chỉ là vấn đề lựa chọn, mà là tính tất yếu”.

Một chuyên gia về vấn đề Trung Quốc của Nhật Bản chỉ rõ rằng: “Gạt bỏ Trung Quốc - một nước có qui mô kinh tế to lớn ra ngoài thể chế Tổng hiệp định quan mậu⁽¹⁾ là không thực tế. Không chỉ có vậy, để Trung Quốc gia nhập thể chế Tổng hiệp định quan mậu, đối với bản thân tổng hiệp định quan mậu mà nói không chỉ là một cách bảo đảm an toàn, mà cũng là một phương sách mạnh mẽ từ bên ngoài ủng hộ Trung Quốc trong “bước đi mềm mại” thực hiện kinh tế thị trường”.

Như mọi người đều biết, qua 15 năm cải cách mở cửa, mối quan hệ giữa phát triển kinh tế Trung Quốc với phát triển kinh tế thế giới ngày càng mật thiết. Xuất khẩu mậu dịch đối ngoại của Trung Quốc đã đạt tới trên 20% giá trị tổng sản lượng quốc dân. Từ 1980-1992, mức tăng trưởng xuất khẩu mậu dịch đối ngoại của Trung Quốc bình quân năm tăng trên 13%, tăng cao hơn mức tăng trưởng kinh tế quốc dân cùng kỳ. Năm 1993, về mặt xếp thứ bậc trong khu vực và các quốc gia xuất khẩu chủ yếu trên thế giới, Trung Quốc từ vị trí thứ 15, năm 1990 đã vươn tới thứ 11. Nếu coi khối thị trường chung Châu Âu là một chỉnh thể thì Trung Quốc là nước đứng thứ 6.

Qua hơn 10 năm cải cách, thể chế mậu dịch kinh tế đối ngoại của Trung Quốc thống nhất với những nguyên tắc của Tổng hiệp định quan mậu, điều kiện phục quan Trung Quốc đã hoàn toàn chín muồi. Người phát ngôn Bộ Mậu dịch kinh tế đối ngoại, sau khi hội nghị lần thứ 19 tổ công tác Tổng hiệp định quan mậu kết thúc đã chỉ rõ: vì một nước đích ước rất cá biệt, xuất phát từ mục đích chính trị của mình không chịu nhìn vào thực tế, càng không chú ý đến mọi cố gắng của đoàn đại biểu Trung Quốc trong một tháng nay để đàm phán đi đến kết thúc, ngang nhiên đi ngược lại những lời hứa hẹn của họ là “kiên định ủng hộ Trung Quốc giành được địa vị nước đích ước Tổng hiệp

(1) Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan.

định quan mậu”, sử dụng phương thức đòi giá cực đại, cố ý ngăn cản quá trình đàm phán phục quan Trung Quốc, làm cho hội nghị lần này không đi tới thống nhất ý kiến, kết thúc đàm phán mang tính thực chất về vấn đề phục quan Trung Quốc; nó hoàn toàn phản ánh hành động bá quyền trong lĩnh vực mậu dịch đa phương. Trung Quốc biểu thị sự phẫn nộ trước hành vi phá hoại nghiêm trọng nguyên tắc phổ biến của thể chế mậu dịch đa phương và trật tự thông thường về đàm phán mậu dịch đa phương, đồng thời, đối với Tổ chức mậu dịch thế giới có thể phải cảm thấy lo ngại trước hành động gây rối tùy tiện của một thành viên cá biệt.

Kiên trì sự cân bằng giữa quyền lợi và nghĩa vụ là nguyên tắc cần phải tuân theo, trước hết trong đàm phán phục quan của Trung Quốc. Trong vấn đề có liên quan đến lợi ích căn bản, Trung Quốc xưa kia chưa bao giờ và tương lai cũng sẽ không bao giờ chịu khuất phục trước bất kỳ áp lực ngoại lai nào.

Trung Quốc đòi hỏi phục quan và được trở thành một thành viên sáng lập Tổ chức mậu dịch thế giới, là nhu cầu để Trung Quốc thực hành cải cách mở cửa. Cho dù Trung Quốc lúc nào gia nhập Tổ chức mậu dịch thế giới, Trung Quốc đều kiên trì cải cách mở cửa, và trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi, tiếp tục mở rộng hợp tác mậu dịch với các nước trên thế giới, góp phần cố gắng của mình cho sự phát triển mậu dịch kinh tế thế giới.

Chúng ta tin chắc rằng, sự nghiệp xây dựng công nghiệp hóa không vì gặp khó khăn mà phát sinh ảnh hưởng; xây dựng kinh tế của Trung Quốc vẫn cứ phát triển lên phía trước nhanh chóng và mạnh mẽ, không ai ngăn cản nổi đoàn “tàu phương Đông” thẳng tiến.

Thế kỷ 21, Trung Quốc sẽ chứng minh trước thế giới lời kết luận ấy.

Phục quan đàm phán trở lại

Mặc dù Chính phủ Trung Quốc nhiều lần nhấn mạnh lập trường nguyên tắc về vấn đề phục quan, nêu ra điều kiện phục quan Trung Quốc đã chín muồi, yêu cầu trọng hội nghị lần thứ 19 tổ công tác Trung Quốc về mậu dịch thuế quan cử hành tại Gionevơ ngày 20-12-1994 đạt được hiệp nghị đàm phán thực chất phục quan Trung Quốc, để Trung Quốc trở thành thành viên sáng lập Tổ chức mậu dịch thế giới được thành lập ngày 1-1-1995, nhưng vì thiếu số phía đính ước thiếu thiện chí, cố ý cản trở nên, hội nghị lần cuối cùng vẫn không đạt tới hiệp nghị phục quan Trung Quốc.

Bởi vì Tổ chức mậu dịch thế giới và Hiệp định mậu dịch thuế quan thời gian tiến hành trong một năm, nên lúc ấy có một số bình luận cho rằng: nếu

Trung Quốc được phục quan trong năm 1995, thì về mặt lý luận vẫn có khả năng trở thành nước đích ước gia nhập Tổ chức mậu dịch thế giới. Do đó, năm 1995 Trung Quốc chỉ tiến hành ba lần thương lượng phi chính thức với phía đích ước về vấn đề phục quan và gia nhập Tổ chức mậu dịch quốc tế.

Ngày 9-5-1995, cuộc đàm phán phục quan Trung Quốc gián đoạn gần 5 tháng được khôi phục lại tại Gionevơ.

Cuộc đàm phán phục quan lần này được khôi phục là do Chủ tịch tổ công tác phục quan Trung Quốc khởi xướng với sự yêu cầu nhiều lần của một số nước đích ước chủ yếu. Kể từ sau khi vấn đề phục quan Trung Quốc chưa đạt được hiệp nghị, nhiều nước đích ước nêu yêu cầu khôi phục đàm phán thật sớm; đặc biệt là Mỹ, liên minh Châu Âu và Nhật Bản liên tiếp cử đoàn đại biểu cấp cao tới thăm Trung Quốc, tiến hành bàn bạc với Trung Quốc về vấn đề khôi phục cuộc đàm phán.

Tháng 3, Kantơ đại diện mậu dịch Mỹ ra tuyên bố tỏ rõ, một khi khôi phục đàm phán, Mỹ sẽ cử đoàn đại biểu có mặt đầu tiên và hứa sẽ tham gia đàm phán với thái độ tích cực, linh hoạt và sát thực.

Tháng 4, Briten Phó Chủ tịch mậu dịch quốc tế chủ quản Hội đồng liên minh Châu Âu sang thăm Trung Quốc. Ông ta tuyên bố Liên minh Châu Âu đã có quyết định chính trị, cho rằng Trung Quốc trở thành thành viên Tổ chức mậu dịch thế giới sẽ làm cho tổ chức này được tăng cường. Ông còn nói rõ, Liên minh Châu Âu sẽ thúc đẩy cuộc đàm phán phục quan Trung Quốc nhanh chóng đạt kết quả với thái độ linh hoạt. Với sự yêu cầu mãnh liệt của các bên đích ước, Chủ tịch tổ công tác phục quan Trung Quốc gửi thư mời đến Trung Quốc và các nước đích ước, kiến nghị khôi phục đàm phán.

Xét tình hình kể trên, Trung Quốc quyết định cử đoàn tham gia hội nghị lần này, cùng các bên đích ước tiến hành vòng thương lượng mới không chính thức.

Long Vĩnh Đồ Trợ lý Bộ trưởng Mậu dịch kinh tế đối ngoại - trưởng đoàn đại biểu Trung Quốc đã có bài nói ngay giờ đầu ngày mồng 9, mong muốn các bên đích ước, nhất là các nước chủ yếu tham gia đích ước, sau khi đã suy nghĩ qua mấy tháng, thật sự nhận thức được Trung Quốc tham gia Tổ chức mậu dịch thế giới có lợi cho sự phát triển mậu dịch kinh tế các nước trên thế giới. Tổ chức mậu dịch thế giới và Trung Quốc có quan hệ tác động lẫn nhau, và đều lấy nhận thức chung ấy làm cơ sở, nghiêm túc thực hiện điều hứa hẹn của họ với thái độ linh hoạt, thiết thực, và chỉ có như vậy, cuộc đàm phán phục quan Trung Quốc mới có thể tiến triển thật sự. Long Vĩnh Đồ còn nói: "Phía Trung

Quốc đã chuẩn bị đầy đủ cho đàm phán lần này, và cùng cố gắng với các bên đính ước góp phần củng cố hiến của mình để tăng cường thể chế mậu dịch đa phương trên thế giới”.

Trong hai tuần, Trung Quốc đã tiến hành đàm phán với gần 20 đoàn đại biểu các nước về vấn đề thâm nhập thị trường, thương nghiệp dịch vụ song phương, với sự chủ trì của Chủ tịch tổ công tác, tiến hành thương lượng về Nghị định thư phục quan Trung Quốc.

Những gay cấn về cuộc đàm phán phục quan vòng 2

Ngày 11-7-1995, cuộc đàm phán phục quan Trung Quốc vòng 2 bắt đầu, vòng đàm phán này đầu tiên thương lượng cụ thể song phương. Tham gia đàm phán song phương với Trung Quốc lần này có 25 nước đính ước. Theo thống kê chính thức công bố của Tổ chức mậu dịch thế giới, cho đến lúc này có tất cả 100 nước đính ước chính thức, song chỉ có 25 nước giữ quan điểm này hoặc quan điểm khác về vấn đề phục quan Trung Quốc, hoặc ít nhiều vấn đề cần thương lượng thêm với Trung Quốc.

Theo qui định của Tổng hiệp định quan mậu - Tổ chức mậu dịch thế giới, khi kết nạp một thành viên phải là những nước đính ước chính thức có nghi vấn này nọ đối với thành viên được kết nạp đều có quyền thương lượng với nước ấy, còn các nước đính ước chính thức không đề xuất thương lượng thì cứ tự động nói rõ với thành viên kết nạp là không có nghi vấn gì; chỉ có 1/4 tổng số các nước đính ước chính thức cần thương lượng với Trung Quốc. Bản thân con số ấy đã thể hiện rõ ràng chính xác đại đa số bên đính ước không tồn tại vấn đề gì về phục quan Trung Quốc. Qua hai tuần đàm phán song phương tích cực, lại có 7 nước đính ước có nhận thức chung trên mọi vấn đề phục quan Trung Quốc, đạt tới hiệp nghị. Như vậy là vấn đề phục quan Trung Quốc, trong 100 nước đính ước chính thức có tới 82 nước ủng hộ Trung Quốc. Trong 18 nước còn lại, thông qua vòng thương lượng song phương, nhiều lắm cũng chỉ còn lại mấy vấn đề chờ đàm phán thêm để giải quyết. Vì vậy, có thể nói thành tích thương lượng song phương của cuộc thương lượng vòng 2 là rất rõ ràng.

Ngày 24-7, cuộc đàm phán phục quan vòng 2 của Trung Quốc năm 1995 bước vào giai đoạn thương lượng đa phương. Trong cuộc thương lượng giai đoạn này đoàn đại biểu Trung Quốc chủ động đề xuất một loạt kiến nghị mang tính xây dựng, trong đó bao gồm việc thông qua một thời gian quá độ hữu hạn để xóa bỏ chế độ thẩm phê quyền kinh doanh ngoại thương, nhằm đạt được mục đích từng bước mở rộng thứ bậc kinh doanh ngoại thương, về

ng nghị định như hỗ trợ nông nghiệp, và 6 văn bản phụ của nghị định thư phục quan Trung Quốc như là: thanh đơn hàng hóa do nhà nước định giá, thanh đơn giấy phép phối ngạch xóa bỏ từng phần, thanh đơn kiểm nghiệm hàng hóa cần được luật định hiện tại v.v... Những kiến nghị của Trung Quốc vừa nêu ra đã được Liên minh châu Âu, Nhật Bản, Canada và các nước đính ước tham dự đàm phán đồng tình và hoan nghênh, thậm chí ngay cả đến đại biểu Mỹ có lập trường đối lập cũng không thể không thừa nhận Trung Quốc cố gắng tích cực cho vấn đề phục quan.

Do những nỗ lực của Trung Quốc hầu như được tất cả các bên đính ước tham dự đàm phán đáp ứng, vì vậy, sau cuộc đàm phán đa phương qua hai buổi với sáu tiếng đồng hồ, Đại sứ Thụy Sĩ Chủ tịch tổ công tác Trung Quốc của Tổng hiệp định quan mậu phụ trách đàm phán phục quan Trung Quốc nêu ra đề nghị, điều kiện khởi thảo nghị định thư phục quan Trung Quốc đã chín muồi, đề nghị có thể bắt đầu công việc dự thảo văn kiện.

Như mọi người đều biết, nghị định thư phục quan là văn kiện quan trọng về phục hồi địa vị nước đính ước Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan của Trung Quốc, vì vậy, đề nghị của ông Chủ tịch tổ công tác trên thực tế mang ý nghĩa đột phá về vấn đề phục quan Trung Quốc. Nhưng ngay lúc ấy, đồng thời với việc thừa nhận Trung Quốc đã cố gắng tích cực về phục quan, thì Mỹ lại ngang ngạnh nêu ra Chế độ quyền kinh doanh ngoại thương trước mắt của Trung Quốc là trái ngược với nguyên tắc cơ bản về đãi ngộ quốc dân của Tổng hiệp định quan mậu. Còn hiện tại đoàn đại biểu Trung Quốc nêu ra kiến nghị về thời kỳ quá độ xóa bỏ quyền kinh doanh ngoại thương, đoàn đại biểu Mỹ không được đưa kiến nghị quyền trong nước ra thảo luận đề nghị này, cũng không được đưa vào việc khởi thảo văn bản nghị định thông qua. Cuối cùng những thắc mắc chất vấn mà Mỹ nêu ra gọi là: Trung Quốc vi phạm Tổng hiệp định quan mậu về đãi ngộ quốc dân, đối với những người có chút hiểu biết thường thức về mậu dịch quốc tế mà nói thì không chịu nổi, bởi vì đãi ngộ quốc dân chính là nói đến hàng hóa, chứ không phải nói tới xí nghiệp. Còn Mỹ đang sinh sự ở giờ phút quan trọng nhất về phục quan Trung Quốc trên những vấn đề không phải là nghi vấn mà mọi người đều rõ cả, không thể không phản ánh ý đồ của Mỹ cố ý cản trở phục quan Trung Quốc.

Ngày 8-12, Tổ công tác Trung Quốc của Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan sau khi Trung Quốc tiến hành thương lượng không chính thức vòng cuối cùng với bên đính ước, được đổi tên là Tổ công tác Trung Quốc gia nhập tổ chức mậu dịch thế giới.

Triển vọng tương lai đất trời rộng mở

Phục quan, phải chăng một “trận đánh lâu dài”? Qua cuộc thương lượng đa phương không chính thức tiến hành tại Gionevơ cuối năm 1995 của Tổ công tác phục quan Trung Quốc, tiến triển tích cực, quan chức Mỹ cho rằng hội đàm lần này “mang nhiều tính tích cực”. Hạ tuần tháng 3-1996 lại bắt đầu một năm cuộc đàm phán song phương Trung-Mỹ; nghe “phong thanh” qua hội đàm, thời gian phục quan Trung Quốc không còn xa vời. Nhưng, ai dám bảo đảm ngày ấy sắp đến. Bởi vì khả năng tráo trở của một số nước dính ước ở phương Tây rất lớn. Đúng như Bộ trưởng Bộ mậu dịch kinh tế đối ngoại Ngô Nghi nhân mạnh, nếu Trung Quốc bị gạt ra ngoài Tổng hiệp định quan mậu và Tổ chức mậu dịch thế giới “thì chúng ta sẽ đá bóng theo qui tắc của mình”.

Cần phải thấy rằng, trong thế kỷ này Trung Quốc trở thành thành viên Tổ chức quan mậu, không chỉ là nguyện vọng của Trung Quốc, mà còn là nguyện vọng của phần đông nước dính ước. Bởi vì Tổ chức mậu dịch thế giới không có Trung Quốc - một quốc gia có 1,2 tỷ người tham gia là thiếu vô tư; cũng tất nhiên sẽ giảm tính chất tiêu biểu và đối tác thuận lợi. Một khi Trung Quốc đứng ngoài Tổ chức mậu dịch thế giới và đi một mình, thì với các nước dính ước do Mỹ cầm đầu sẽ không thấy được cái “có lợi” ra sao. Trung Quốc cần Tổng hiệp định quan mậu, Tổng hiệp định quan mậu cũng cần Trung Quốc. Nhất là trong xu thế hiện tại mậu dịch kinh tế toàn cầu phát triển tới các nước đang phát triển có tiềm lực thị trường rộng lớn, mới có thể thúc đẩy kinh tế thế giới phát triển một cách nhanh chóng, lành mạnh, cân bằng hữu hiệu. Từ sự phân tích rõ ràng ấy, phục quan không thể còn xa vời. Đúng như cựu Thủ tướng Singapo Lý Quang Diệu đã nói: “Từ sự ổn định và an toàn của thế giới mà nói kết nạp Trung Quốc vào xã hội quốc tế không phải là một vấn đề lựa chọn mà là tính tất yếu”.

Trung Quốc có đủ niềm tin và đủ lý do cầm tấm “thẻ hội viên” của Tổ chức mậu dịch thế giới.

VII. MUỘN CÓ NHÂN QUYỀN CHỐNG TRUNG QUỐC

Trung Quốc sáu lần chiến thắng mưu đồ của phương Tây

Ngày 23-4-1996, hội nghị lần thứ 52 Ủy ban nhân quyền Liên Hợp Quốc thông qua một nghị quyết hành động với đa số phiếu: phủ quyết cái gọi là kiến nghị “Tình trạng nhân quyền Trung Quốc” mà Mỹ và thiểu số các

nước phương Tây nặn ra; từ đó làm cho mưu đồ lợi dụng vấn đề nhân quyền để can thiệp vào tình hình chính trị Trung Quốc lại một lần nữa phá sản.

Mỹ kích động một số nước làm văn bản phản đối Trung Quốc tại Hội đồng nhân quyền. Cũng chẳng có gì mới mẻ. Trước đó, họ đã năm lần đưa ra và ý đồ thông qua quyết nghị phản đối Trung Quốc tại Ủy ban nhân quyền Liên Hợp Quốc; song mỗi lần đều bị đa số thành viên phản đối và chịu thất bại. Trước Hội nghị Ủy ban nhân quyền lần này, Mỹ vẫn công bố cái gọi là “báo cáo nhân quyền nước khác”, tăng cường bôi nhọ và gây khó khăn cho Trung Quốc, ngoài ra còn liên tiếp dựng đứng và phát tán đủ loại “tin tức” ghê rợn về vấn đề nhân quyền ở Trung Quốc, để hòng làm xấu xa hình ảnh của Trung Quốc với quốc tế. Trong thời gian triệu tập hội nghị, để đạt được mục đích thông qua quyết nghị chống Trung Quốc, Mỹ và thiểu số các nước phương Tây tuyên truyền khắp nơi, gây áp lực nhiều phía, thậm chí thao túng một số tổ chức phi Chính phủ tăng cường hoạt động gọi là toàn cầu phản đối Trung Quốc, thật là, dùng hết mọi thủ đoạn. Nhưng đa số thành viên vượt qua áp lực đó, kiên trì lập trường nguyên tắc của mình, làm cho bản kiến nghị chống Trung Quốc lại một lần nữa thất bại. Sự thật đã được chứng minh, mượn cớ nhân quyền can thiệp vào nội bộ nước khác là không được lòng người.

Mưu đồ thao túng cơ quan Liên Hợp Quốc thông qua quyết nghị chống Trung Quốc liên tục sáu lần thất bại, quyết không phải là ngẫu nhiên. Bởi vì nó chống lại tôn chỉ và nguyên tắc của Liên Hợp Quốc. Không nhìn thẳng vào tình hình thực tế của Trung Quốc và cũng đi ngược lại trào lưu phát triển của thời đại nhất định sẽ không đạt được mục đích.

Mấy năm gần đây là thời kỳ lịch sử trọng đại, nền kinh tế quốc dân và xã hội Trung Quốc phát triển mạnh mẽ cùng sự nghiệp dân quyền tiến bộ toàn diện. Trước mắt, tình hình chính trị Trung Quốc ổn định, kinh tế phát triển, xã hội tiến bộ, dân tộc đoàn kết, nhân dân làm chủ, an cư lạc nghiệp, mức sống không ngừng được nâng cao, tình hình nhân quyền có xu hướng cải thiện toàn diện tốt đẹp hơn. Đó là sự thật mà nhân dân thế giới đều thấy rõ. Mỹ và số ít các nước phương Tây không để ý đến thực tế ấy, bất chấp nhiều lần phủ quyết của Ủy ban nhân quyền Liên Hợp Quốc, chủ quan cố chấp, liên tiếp đề nghị phản đối Trung Quốc; điều đó nói rõ lòng lang dạ thú thật khó đo lường. “Hạng Trang múa kiếm, ý tại Bái Công”, họ năm này qua năm khác mượn cái gọi là vấn đề nhân quyền Trung Quốc khuyếch đại ngôn từ, tỏ rõ không ngoài mục đích là mượn cớ hòng gây áp lực chính trị với Trung Quốc, phá hoại sự ổn định của Trung Quốc, hạn chế sự phát triển và lớn mạnh của

Trung Quốc. Biện pháp lợi dụng vấn đề nhân quyền, ngang nhiên can thiệp nội bộ Trung Quốc, lẽ đương nhiên vấp phải sự kiên quyết cự tuyệt của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc, cũng như sự chống trả quyết liệt của đại đa số nước trong Ủy ban nhân quyền.

Thực ra, căn bản Mỹ không đủ tư cách làm “quan tòa nhân quyền”. Cách đây không lâu, Trung Quốc đã công bố một văn bản “so sánh nhân quyền hai nước Trung-Mỹ” trước sự chỉ trích của Mỹ, từ 24 phương diện, về cơ bản nhân quyền được bảo đảm bình đẳng rộng rãi ở Mỹ kém xa với thực tế cơ bản Trung Quốc. Thật đáng châm biếm là đầu tháng 4-1996 đúng lúc Mỹ nêu đề án kích động chống Trung Quốc tại Hội nghị nhân quyền, thì tại nước Mỹ lại xảy ra sự kiện xâm phạm nhân quyền nghiêm trọng là cảnh sát Mỹ đàn áp người Mêhicô di cư, khiến cả thế giới quan tâm theo dõi, mọi dư luận đều xôn xao.

Mượn cớ nhân quyền chống lại Trung Quốc căn bản đi ngược lại tôn chỉ và nguyên tắc “Hiến chương 13” của Liên Hợp Quốc. Tôn chỉ Hiến chương Liên Hợp Quốc qui định “thúc đẩy hợp tác quốc tế... tăng cường khích lệ sự tôn trọng nhân quyền và tự do cơ bản đối với toàn nhân loại”. “Bản tuyên bố Viên và cương lĩnh hành động” được Đại hội nhân quyền thế giới thông qua năm 1993 cũng yêu cầu Liên Hợp Quốc lấy tôn chỉ của Liên Hợp Quốc làm “mục tiêu hàng đầu” xúc tiến nhân quyền. Nó phản ánh nguyện vọng chung của nhân dân các nước trên thế giới. Cơ quan nhân quyền của Liên Hợp Quốc cần là nơi mở rộng hợp tác quốc tế và đối thoại giữa các nước, không nên trở thành nơi đối kháng chính trị, càng không nên trở thành công cụ thực hành chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền của một đại siêu cường đối với các quốc gia đang phát triển. Đáng tiếc là Ủy ban nhân quyền của Liên Hợp Quốc trong một thời gian dài bị bao trùm bởi không khí cuộc chiến tranh lạnh đối kháng chính trị. Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, nhân dân thế giới đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, mong muốn lĩnh vực nhân quyền quốc tế thoát khỏi ám ảnh của cuộc đối kháng chính trị trong thời kỳ chiến tranh lạnh, đi lên con đường thật sự hợp tác bình đẳng. Nhưng, Mỹ là một đại siêu cường duy nhất trên thế giới hiện nay vẫn ngoan cố duy trì phương thức tư duy thời kỳ chiến tranh lạnh, tăng cường chính trị hóa vấn đề nhân quyền. Nhân quyền trở thành thủ đoạn gây áp lực chính trị, can thiệp nội bộ nước khác của Mỹ và một số nước phương Tây; làm cho khuynh hướng đối kháng chính trị trên lĩnh vực nhân quyền ngày càng nổi cộm. Với nghị đề “Nhân quyền nước khác” tại Hội nghị nhân quyền năm 1996, đại biểu các nước

phương Tây công kích đích danh hơn 60 nước Châu Á, châu Phi, Trung Đông, Mỹ La Tinh và Đông Âu, ra sức phê phán công việc nội bộ của những nước này. Theo thống kê, từ 1992 trở lại đây, dưới sự kích động và thao túng của Mỹ, Ủy ban nhân quyền Liên Hợp Quốc lần lượt thông qua 58 quyết nghị nhân quyền can thiệp nội bộ nước khác, hầu như đều nhằm vào các nước đang phát triển. Trung Quốc càng là trọng điểm công kích của họ. Tuy rằng sáu lần thất bại liên tiếp, Mỹ và các nước phương Tây vẫn không cam chịu. Tại Hội nghị nhân quyền lần này Mỹ và phương Tây lại một lần nữa tung ra đề án chống Trung Quốc.

Những hành vi trái ngược của Mỹ tại vũ đài nhân quyền quốc tế gây nên sự công phẫn và phản đối quyết liệt của quảng đại quốc gia đang phát triển. Tại Hội nghị lần này, các nước đang phát triển kể cả Trung Quốc trong bài phát biểu của mình đều phê phán các nước phương Tây gây đối kháng, áp lực và can thiệp vào công việc nội bộ nước khác; đề xướng đối thoại hợp tác và hiệp thương nhất trí; nêu ra ý kiến chất vấn và cải cách đối với phương hướng công tác của Ủy ban dân quyền. Đây là đặc điểm của Hội nghị dân quyền lần này, nó phản ánh tiếng nói mạnh mẽ của các nước đang phát triển, đoàn kết đấu tranh với sự đối kháng chính trị. Ngoài ra, trong Hội nghị nhân quyền năm 1996, giữa Mỹ và một số nước Châu Âu cũng bắt đầu xuất hiện một số ý kiến bất đồng về vấn đề chống Trung Quốc; có nước trong Liên minh Châu Âu biểu lộ nguyện vọng muốn thay thế sự đối kháng trong Hội nghị nhân quyền bằng phương thức đối thoại mang tính xây dựng. Bản thân sự việc nói lên: ngày càng có nhiều người nhận thức được rằng, cách làm của thiểu số quốc gia ra quyết nghị gây áp lực đối với nước khác đã đi vào đường hầm không lối thoát. Đề án chống Trung Quốc của phương Tây sở dĩ khó thoát khỏi số phận thất bại là ở chỗ lợi dụng nhân quyền gây đối kháng chính trị, đi ngược lại tôn chỉ và nguyên tắc "Hiến chương Liên Hợp Quốc", đi ngược lại lòng người và xu thế lớn của xã hội quốc tế.

Đề án chống Trung Quốc của phương Tây bị phủ quyết, không phải chỉ là thắng lợi của Trung Quốc mà cũng là thắng lợi của quảng đại các nước đang phát triển và sức mạnh quốc tế bảo vệ tôn chỉ nguyên tắc "Liên Hợp Quốc". Trung Quốc trước sau như một cùng các nước và mọi nhân sĩ ủng hộ chính nghĩa trên thế giới ra sức bảo vệ tôn chỉ nguyên tắc của Liên Xô, kiên quyết phản đối lợi dụng nhân quyền thi hành chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền; tích cực thúc đẩy hoạt động nhân quyền quốc tế phát triển lành mạnh.

- Đại biểu Trung Quốc bác bỏ nghị án chống Trung Quốc.

Ngày 23 trường đoàn đại biểu Trung Quốc tham gia Hội nghị lần thứ 52 Ủy ban nhân quyền Liên Hợp Quốc Ngô Kiến Dân đã phát biểu ý kiến trước khi hội nghị biểu quyết về nghị án chống Trung Quốc của Mỹ và Liên minh Châu Âu tung ra, ông phê phán nghiêm khắc nghị án này đồng thời bày tỏ lập trường kiên định của Trung Quốc phản đối nghị án ấy.

Ngô Kiến Dân nói: Mỹ và thiếu số quốc gia phương Tây gần đây không ngừng phát tán luận điệu gọi là “Chính phủ Trung Quốc không quan tâm đến nhân quyền”, “tình hình nhân quyền Trung Quốc rất tệ hại”; đó là sự vu khống.

Ông nêu ra những sự thực sau đây: Trước năm 1943, dân số Trung Quốc khoảng 500 triệu, có 400 triệu người đói ăn; ngày nay Trung Quốc có 1,2 tỷ người, cơ bản vấn đề ăn mặc đã được giải quyết. Trước 1949, bình quân tuổi thọ của người Trung Quốc là 35 tuổi, ngày nay đạt tới 70 tuổi. Năm 1949, tỷ lệ mù chữ cao tới 80%, ngày nay hạ thấp xuống còn 12,1%; tỷ lệ trẻ em đến trường là 98,7%. 100 năm trước năm 1949, nhân dân Trung Quốc chịu nhục cùng cực dưới ách của bọn đế quốc, chỉ là thứ dân trên đất nước của mình; công dân Trung Quốc ngày nay là người chủ của đất nước, được hưởng mọi quyền lợi do hiến pháp và pháp luật bảo hộ.

Ngô Kiến Dân chỉ rõ: Trước sự thực kể trên bất kỳ ai không có thiên kiến đều phải thừa nhận, tình trạng nhân quyền Trung Quốc không phải là tồi tệ, mà là tiến bộ rất lớn. Đó không chỉ là hạnh phúc của nhân dân Trung Quốc, mà còn là sự cống hiến lớn lao của Trung Quốc đối với sự nghiệp nhân quyền thế giới.

Ngô Kiến Dân còn nói: Từ 1990 lại đây, Mỹ đồng lõa với thiếu số quốc gia phương Tây liên tục sáu lần trưng chiều bài “quan tâm đến tình hình nhân quyền Trung Quốc”, nêu đề án chống Trung Quốc tại Ủy ban nhân quyền. Mà sáu năm ấy chính là sáu năm mà Trung Quốc tiến bộ rất nhanh trên nhiều mặt, kể cả lĩnh vực nhân quyền. Về mặt hưởng thụ quyền lợi kinh tế, xã hội, văn hóa của nhân dân Trung Quốc đã có sự tiến triển to lớn, đồng thời về quyền lợi chính trị công dân cũng tiến bộ rõ rệt. Tỷ lệ tham gia tuyển cử là thước đo chỉ tiêu tình trạng quyền lợi chính trị công dân của một nước: tỷ lệ tham gia tuyển cử của Trung Quốc đạt tới 93,58%. Ngoài ra, tháng 10-1990 Trung Quốc bắt đầu thi hành Luật tổ tụng hành chính. Tháng 5-1994 lại chế định Luật bồi thường quốc gia. Đây là hai bộ luật quan trọng bảo vệ giữ gìn quyền lợi của công dân. Nhân dân Trung Quốc gọi là, Luật dân “cáo

quan”, điều ấy chưa bao giờ có trong lịch sử Trung Quốc. Cuối năm 1993, lúc ấy ông Ruxiaochen Đại sứ Mỹ tại Trung Quốc trong khi trả lời phỏng vấn của phóng viên “Thời báo Niu Oóc” đã nói, tình trạng nhân quyền Trung Quốc hiện nay là thời kỳ tốt đẹp nhất trong hơn 100 năm nay.

Ngô Kiến Dân chỉ rõ: Trong sáu năm qua nước công kích tình trạng nhân quyền Trung Quốc dữ nhất, lại chính là nước đã chà đạp nhân quyền Trung Quốc ghê gớm nhất và mắc nhiều nợ với nhân dân Trung Quốc về lĩnh vực nhân quyền trong lịch sử. Họ công kích Trung Quốc bằng mọi cách, nói cho cùng là họ không ưa con đường phát triển mà nhân dân Trung Quốc lựa chọn. Ngô Kiến Dân nói thẳng với những người kiên trì đề án chống Trung Quốc rằng: Không cần nói là họ đã sáu lần nêu đề án chống Trung Quốc, mà là đến 60 lần, thì nhân dân Trung Quốc vẫn cứ đi theo con đường của mình.

Ngô Kiến Dân còn nói: Trên lĩnh vực nhân quyền có hai loại chủ trương đối lập nhau: một loại là hợp tác, loại kia là đối kháng. Loại đối kháng là biểu hiện của tư duy chiến tranh lạnh. Ông nói: Bất kể là văn minh phương Tây hay văn minh phương Đông, bất kể là cách nhìn nhân quyền bằng giá trị của quốc gia phát triển hay là của quốc gia đang phát triển đều có nguồn gốc lịch sử và xã hội sâu xa, không nên tồn tại vấn đề ai là tốt đẹp ai là xấu xa. Nhân quyền mang tính phổ biến, song nguyên tắc của tính phổ biến không có nghĩa là một bộ phận quốc gia phải tiếp thu quan điểm hoặc phục tùng quan điểm của một bộ phận quốc gia khác. Thế giới ngày nay, nhân dân mỗi nước đều có quyền lợi riêng của họ; nhân dân Trung Quốc, nhân dân Châu á, nhân dân các nước đang phát triển có quyền, cũng có khả năng theo phương thức tự chọn để sống và quản lý quốc gia trên đất nước của mình. Thực chất gây đối kháng chính là thi hành chính trị cường quyền, mặt sau của đối kháng là ham muốn thống trị, căn bản không phải là thúc đẩy nhân quyền, mà là coi rẻ nhân quyền. Ông nói, nghị án chống Trung Quốc mà Mỹ và một số nước phương Tây dựng nên vì mục đích chính trị, mũi nhọn ấy không chỉ nhằm vào Trung Quốc mà còn nhằm vào tất cả các nước đang phát triển.

Ngô Kiến Dân nhấn mạnh: Nếu Mỹ và một số nước phương Tây thực lòng có ý thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền thì nên kiên quyết từ bỏ đối kháng, và hưởng ứng lời kêu gọi của các nước đang phát triển bằng hành động thực tế.

Nhân dân Trung Quốc được hưởng đầy đủ nhân quyền

Cuốn sách trắng “Những tiến triển của sự nghiệp nhân quyền Trung Quốc” của Văn phòng tin tức Quốc vụ viện Trung Quốc công bố cuối tháng

12-1995 đã giới thiệu toàn diện những tiến triển và thành tựu mới của sự nghiệp nhân quyền Trung Quốc giành được trong 4 năm qua. Đó là một văn kiện quan trọng thể hiện toàn diện những tiến triển to lớn giành được trong sự nghiệp nhân quyền của Trung Quốc sau 4 năm, tiếp sau bài phát biểu về “tình hình nhân quyền Trung Quốc” hồi tháng 11-1991, lại một lần nữa chứng minh rõ lập trường nguyên tắc và quan điểm cơ bản của Trung Quốc trong vấn đề nhân quyền. Cuốn sách có đầy đủ chứng cứ bác bỏ mọi chỉ trích và công kích của các nước phương Tây, đặc biệt là Mỹ đối với sự nghiệp nhân quyền Trung Quốc; cũng là bản báo cáo chân thực về tình hình nhân quyền Trung Quốc.

Gọi là “nhân quyền” là chỉ quyền lợi cơ bản của mọi người về vật chất và tinh thần cần được hưởng trên cơ sở bình đẳng. Quyền lợi ấy ở nội bộ một nước phải lấy sự bình đẳng giữa người với người làm cơ sở, trên quốc tế phải tôn trọng bình đẳng chủ quyền các nước, là nói tới tự do dân chủ. Không có bình đẳng chủ quyền giữa các nước với nhau, thì tất nhiên sẽ dẫn tới dân tộc này áp bức dân tộc khác, tất nhiên sẽ xuất hiện chính trị cường quyền và chủ nghĩa bá quyền.

Khái niệm nhân quyền sinh ra sớm nhất ở sơ kỳ của chủ nghĩa tư bản, những nhà tư tưởng ban đầu của giai cấp tư sản vô luận là chủ trương “nhân quyền trời cho” (gọi là “nhân sinh và tự do bình đẳng”), hay là chủ trương “dân ước luận” cũng vậy, đều lấy bình đẳng của các thành viên trong xã hội làm điểm xuất phát. Lúc ấy nội dung chủ yếu của nhân quyền là quyền lợi công dân và quyền lợi quốc gia, mũi nhọn chĩa vào đặc quyền quý tộc phong kiến và giáo hội thần quyền, đó gọi là nhân quyền thời đại thứ nhất. Đến thế kỷ 19, do phong trào công nhân phát triển, nhân quyền lại thêm nội dung mới, đó là quyền lợi về kinh tế, xã hội và văn hóa, thế là nhân quyền thời đại thứ 2 ra đời. Sau khi đại chiến thế giới thứ 2 kết thúc, các nước thế giới thứ 3 trỗi dậy, đứng trước tình trạng kém phát triển và lạc hậu do chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc để lại, họ nêu ra quyền sinh tồn và quyền phát triển là nhân quyền tập thể, mũi nhọn hướng vào tất cả thực dân. Đây là thời đại 3. Quá trình phát triển của khái niệm nhân quyền chứng tỏ nội dung nhân quyền hết sức phong phú, nó hầu như liên quan tới mọi lĩnh vực xã hội, kinh tế, chính trị, pháp luật và văn hóa, còn theo đà phát triển của khoa học kỹ thuật, khái niệm nhân quyền cũng không ngừng phát triển.

Theo quá trình phát triển kể trên, có thể thấy được rằng, tại sao một số nước phương Tây chỉ nói tới quyền lợi công dân và quyền lợi chính trị mà

không nói hoặc nói rất ít đến quyền lợi kinh tế, xã hội văn hóa và quyền sinh tồn, quyền phát triển. Bởi vì những nước ấy không thích thú gì với việc nâng cao quyền lợi kinh tế, xã hội, văn hóa của nhân dân lao động và thúc đẩy quyền lợi ấy là mâu thuẫn với lợi ích căn bản của tập đoàn thống trị của họ.

Mọi người đều biết rằng ở Trung Quốc cũ do sự áp bức của đế quốc phong kiến và bọn quan liêu, nhân dân Trung Quốc ngay cả quyền sinh tồn cũng không được bảo đảm, còn đâu mà nói tới “nhân quyền”? Sau khi nước Trung Quốc mới ra đời, Chính phủ Trung Quốc rất coi trọng và bảo vệ nhân quyền. Hiến pháp Trung Quốc qui định: “Tất cả mọi quyền lực của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa đều thuộc về nhân dân”. Theo hiến pháp, nhân dân Trung Quốc được hưởng quyền lợi công dân và quyền lợi chính trị rộng rãi cùng các quyền lợi về kinh tế xã hội và văn hóa. Đặc biệt là từ khi cải cách mở cửa đến nay, nền kinh tế Trung Quốc phát triển mạnh mẽ. Trước mắt cục diện chính trị Trung Quốc ổn định, kinh tế phồn vinh, các ngành nghề thịnh vượng, nhân dân an cư lạc nghiệp. Ngày nay ở Trung Quốc, chỉ cần không có hành vi phạm pháp, phạm tội, bất cứ ai cũng đều có thể phát biểu những ý kiến bất đồng trên mọi vấn đề, nó trở thành một nếp sống. Điều đó nói lên; nhân dân Trung Quốc được hưởng đầy đủ nhân quyền.

Ngày nay, trên thế giới có một nước nào đó, mỗi năm đều công bố “báo cáo nhân quyền”, nhưng một số nước chỉ trích và xuyên tạc đối với tình hình nhân quyền nước khác, song không bao giờ nói tới tình hình nhân quyền nước mình. Lẽ nào tình hình nhân quyền của nước ấy đều tốt cả? Nhà luật học Mỹ Luisi Hangien trong “Nhân quyền quốc tế và nhân quyền tại Mỹ” có viết: “Hầu như không cần phải nói, ở Mỹ quyền lợi cá nhân còn lâu mới hoàn thiện được. Trước kia, mọi hành vi phạm tội ở Mỹ cực kỳ nghiêm trọng và lan truyền khắp nơi, như thực hành sát hại và tiêu diệt chủng tộc đối với thổ dân châu Mỹ, thi hành cưỡng bức chế độ nô lệ đối với người da đen, cách ly chủng tộc và đánh dấu lên người nô lệ, thực hành kỳ thị chủng tộc dân tộc và tôn giáo đối với các màu da: bao gồm cả việc di chuyển và tập trung qui mô lớn đối với những người Mỹ gốc Nhật, tiến hành hoạt động bài xích Hoa kiều, thực thi luật di dân chủng tộc trong suốt thời kỳ Đại chiến thế giới thứ 2. Sau chiến tranh lại tiến hành bắt bớ chống phá cộng sản, mặc sức chà đạp lên tự do chính trị của công dân. Những tội ác ấy tuy đã đều trở thành quá khứ, nhưng vẫn chưa phải kết thúc toàn bộ”. Là bởi vì hiện nay Mỹ “vẫn còn có hiện tượng kỳ thị chủng tộc và mất bình đẳng, đối với người cộng sản, nhân sĩ phái tả, những người khác với quan điểm chính thống và những người ngoại

lai thì cự tuyệt cung cấp trình tự tố tụng công bằng và bảo hộ; cảnh sát bạo ngược hoành hành, điều kiện nhà tù khắc nghiệt, Chính phủ cùng các phương tiện kỹ thuật tối tân được sử dụng tiến hành theo dõi kín đáo mọi nơi đối với những cá nhân trọng yếu, bản cùng, thất nghiệp (chủ yếu rơi vào người da đen và dân tộc thiểu số), thiếu nhà ở và thiếu biện pháp bảo vệ sức khỏe, thậm chí đói rét, mất công bằng và mất bình đẳng mọi nơi về kinh tế” còn đang tồn tại phổ biến trên đất Mỹ, (Molon chủ biên: “Vấn đề nhân quyền trong luật quốc tế, pháp luật và chính sách”). Nhưng trước mắt, Mỹ vẫn trăm phương nghìn kế mượn cơ nhân quyền hoạt động chống Trung Quốc và các nước thuộc thế giới thứ 3, nhất là các nước Châu á. Một chuyên gia chỉ rõ, Mỹ trước hết cần làm tốt vấn đề nhân quyền ở nước mình, sau đó mới có tư cách bàn luận đến nước khác.

Trước mắt, vấn đề nhân quyền phải do các nước trên thế giới thông qua đối thoại bình đẳng trong phạm vi Liên Hợp Quốc, để cùng nhau bảo vệ và thúc đẩy, tuyệt nhiên không nên để cho số ít quốc gia dùng phương thức “đánh khắp thiên hạ”, đem chế độ chính trị, mô hình kinh tế, quan niệm giá trị của mình bao gồm cả quan niệm nhân quyền cưỡng ép mọi người, càng không được phép dùng chuẩn mực của mình để phán xét tình trạng nhân quyền nước khác, đem nhân quyền gắn vào viện trợ đối ngoại, hợp tác kinh tế kỹ thuật, làm thủ đoạn trừng phạt và gây áp lực chính trị. Về phương diện này phải tôn trọng đầy đủ chủ quyền các nước, chống lại bất cứ nước nào mượn cơ nhân quyền để, phủ định chủ quyền, thực hành phương châm bá quyền. Chỉ có như vậy, mới thật sự thực hiện tôn chỉ và nguyên tắc của “Hiến chương Liên Hợp Quốc”, làm cho nhân quyền và tự do cơ bản của toàn nhân loại được bảo đảm đầy đủ.

Tóm lại, vấn đề nhân quyền không chỉ có tính phổ biến, mà còn tồn tại tính đặc thù. Mỗi nước đều có đặc điểm khác nhau về chính trị, kinh tế, văn hóa. Cần phải căn cứ vào tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội của các nước mà sử dụng phương pháp khác nhau giải quyết vấn đề nhân quyền; không thể dựa theo cái gọi là tiêu chuẩn giá trị phổ biến mà Mỹ nêu ra để đo lường và chỉ huy tất cả.

Làm chính trị cường quyền thì không đủ tư cách nói nhân quyền

Từ những năm 70 của thế kỷ này, nước Mỹ với tư cách “cảnh sát nhân quyền thế giới”, ra sức bán rao quan niệm nhân quyền và quan niệm giá trị của mình. Trước tiên họ đề ra chiến lược mới “Ngoại giao nhân quyền”, tiếp

đến lại nêu ra khẩu hiệu” “Dân chủ hóa quốc tế”, sau đó thì phát động thế tiến công nhân quyền mọi hướng. Mỹ coi vấn đề nhân quyền là thủ đoạn xử lý quan hệ kinh tế, chính trị, khoa học, văn hóa quốc tế, can thiệp vào công việc nội bộ các nước đang phát triển, xâm phạm chủ quyền quốc gia các nước đang phát triển, coi nhân quyền là công cụ tiến hành chiến tranh lạnh, tăng cường áp lực kinh tế chính trị, thâm nhập văn hóa tư tưởng, thực hành chiến lược “diễn biến hoà bình” đối với các nước xã hội chủ nghĩa. Họ bôi nhọ Trung Quốc, nước chuyên chính dân chủ nhân dân: nào là “nước nô dịch nhân dân”, “Chính phủ cực quyền”, “nền thống trị độc tài quan liêu quân sự”; gây áp lực về các mặt kinh tế chính trị, tư tưởng văn hóa, hòng chèn ép thúc đẩy thay đổi; áp đặt quan niệm nhân quyền, quan niệm giá trị cho nhân dân Trung Quốc. Đứng trước “thế tiến công nhân quyền” do Mỹ khởi phát liên tục, đồng chí Đặng Tiểu Bình với tài thao lược và nghệ thuật đấu tranh siêu phàm của một nhà cách mạng vô sản vĩ đại, không sợ áp lực, không tin tà đạo trực tiếp vạch trần mưu đồ “Ngoại giao nhân quyền”, bảo vệ chủ quyền quốc gia, phát triển lý luận nhân quyền của chủ nghĩa Mác.

Ngày 23-11-1989, bài nói của đồng chí Đặng Tiểu Bình trong khi hội kiến Chủ tịch Ủy ban phương Nam, Chủ tịch Đảng cách mạng Tangania Nierore đã chỉ rõ: “Các nước phương Tây nói chúng ta xâm phạm nhân quyền, kỳ thực họ mới chính là xâm phạm nhân quyền. Mỹ giúp Tưởng Giới Thạch gây nội chiến, Trung Quốc thương vong biết bao nhiêu người? Mỹ ủng hộ Nam Triều Tiên tiến hành chiến tranh, Quân Chí nguyện nhân dân Trung Quốc thương vong bao nhiêu? Còn chưa nói tới, hơn thế kỷ qua cuộc xâm lược của thực dân đế quốc (kể cả Mỹ) làm cho nhân dân Trung Quốc chịu tổn thất bao nhiêu? Cho nên, họ nói tới nhân quyền là không đủ tư cách” (Văn tuyển Đặng Tiểu Bình quyển 3). Ngày 1-12-1989 trong bài nói khi hội kiến các thành viên chủ yếu của Đoàn văn hóa hiệp hội xúc tiến mậu dịch quốc tế do Giôngnêixion dẫn đầu, đồng chí Đặng Tiểu Bình lại nhấn mạnh: “Nước ấy chính trị cường quyền làm căn bản không có tư cách nói nhân quyền, họ đã làm phương hại đến nhân quyền của bao nhiêu người trên thế giới! Hội nghị đứng đầu 7 nước tại Pari muốn trừng phạt Trung Quốc, có nghĩa là họ tự cho rằng có quyền lực tối thượng, có thể trừng phạt nhân dân các nước không nghe lời họ. Họ không phải là Liên Hợp Quốc, quyết nghị của Liên Hợp Quốc phải được đại đa số đồng ý mới có hiệu lực, họ căn cứ vào đâu mà can thiệp vào nội bộ Trung Quốc? Ai cho họ quyền lực ấy? Bất kỳ hành động nào chống lại chuẩn mực quan hệ quốc tế, nhân dân Trung Quốc không bao giờ tiếp thu và cũng không

chịu khuất phục dưới mọi áp lực”.

Mỹ tự xưng là một nước tự do có “truyền thống nhân quyền”, song sự thực đâu có như vậy. Bất luận là trong lịch sử hay trong thực tế họ vẫn tồn tại vấn đề lớn về nhân quyền, nhân quyền của họ rất không sáng sủa.

Vấn đề kì thị chủng tộc ở Mỹ hết sức nghiêm trọng. Dân tộc thiểu số ở nước Mỹ có tới 50 triệu, bao gồm người Indian, người da đen, người Mỹ La Tinh, người Châu á. Đối với người Indian, Mỹ luôn thi hành chính sách cách ly tiêu diệt chủng tộc, đến nỗi người Indian gần như diệt vong. Người da đen là dân tộc thiểu số hàng đầu, có tới 27 triệu người. Trong lịch sử nước Mỹ đã có kỷ lục bán nô lệ người da đen, thực hành lâu dài chế độ nô lệ. Ngày nay chế độ nô lệ tuy đã xoá bỏ, song sự kỳ thị người da đen vẫn còn tồn tại. Sự kỳ thị thể hiện rõ nét trong các mặt chính trị, sinh hoạt xã hội, giáo dục v.v... Địa vị kinh tế, chính trị của người da đen thấp kém, có tỷ lệ thất nghiệp, bần cùng, bệnh tật và tử vong cao nhất, tình trạng giáo dục khắc nghiệt. Đúng như một nhà bình luận Mỹ đã nói, ngày nay người da đen ở Mỹ đang “đứng trước tình thế tự tiêu diệt”. Năm 1992 vì cuộc xung đột chủng tộc với quy mô lớn do một cảnh sát ở Lốtangiôlet điên cuồng đánh đập người da đen gây ra, đã trở thành một nguồn tin xấu trong lịch sử nhân quyền nước Mỹ, làm kinh động thế giới. Năm 1994 Mỹ cho xuất bản một cuốn sách gọi là “Đường thẳng gấp khúc”, công khai thổi phồng sự ưu việt chủng tộc của người da trắng, cho trí thông minh của người da đen kém hơn người da trắng. Tình trạng phạm tội bạo lực ở Mỹ cũng rất nghiêm trọng. ở Mỹ bình quân hàng năm có 35 triệu lần hoạt động tội phạm, tội phạm bạo lực có 2 triệu vụ, với 6 triệu người bị hại do tội phạm bạo lực gây ra, có 24 vạn người bị mưu sát. Năm 1993 số người bị mưu sát ở Mỹ đạt tới kỷ lục 2 triệu 45 vạn người. Oasinhton trở thành “thủ đô hung sát” nổi tiếng, bang Florida được gọi là “bang tội phạm”. Trong bản báo cáo năm 1994 của Cục Điều tra Liên bang Mỹ công bố, không thể không thừa nhận “tội phạm mưu sát tuỳ ý lựa chọn mục tiêu sát hại, khiến mỗi người Mỹ đều có nguy cơ bị ám sát”. Một chế độ nhà nước như vậy, trên thế giới đếm được trên đầu ngón tay, còn có gì nhân quyền mà nói !

Tù phạm nước Mỹ nhiều nhất thế giới. Theo tài liệu của tổ chức kế hoạch xét xử của Mỹ công bố năm 1994, thì tù nhân của Mỹ có tới 1,3 triệu, đứng đầu thế giới, tỷ lệ tù giam trong mấy năm qua tăng lên 22 % . Theo Bộ Tư pháp Mỹ tiết lộ, năm 1995 số tù nhân trong trại là 1,1 triệu, vẫn liệt vào hàng đầu thế giới.

Nhà tù nước Mỹ đen tối nhất: người tù đầy lo âu, quản lý hỗn độn, đối

xử hà khắc, hành vi xâm phạm quyền lợi thân thể và nhân quyền thường xuyên xảy ra. Theo báo cáo của Liên minh tự do công dân Mỹ, quan sát nhân quyền năm 1994 và bài viết của quân toà khu vực Niuooc cho biết, ở Mỹ có một số nhà lao bẩn thỉu, đổ nát không còn ra nơi ở của con người. Nơi chữa bệnh quả là hang ổ của con vật thời Trung cổ đại. Giám thị có người cưỡi ngựa quan sát phạm nhân giống như người chăn dắt gia súc. Nhiều phạm nhân bị giam ở phòng riêng, quanh năm không thấy ánh sáng. Còn đánh chửi ngược đãi, lừa dối cướp giật tù nhân thì đã quá quen thuộc.

Số người nghèo khổ và không có nhà ở nước Mỹ nhiều nhất. Theo báo cáo của Cục điều tra rộng rãi của Mỹ, số người nghèo khổ trong 4 năm liên tục gia tăng, năm 1993 đạt tới kỷ lục 39,3 triệu người, chiếm 15,3% dân số Mỹ. Chính phủ Mỹ thừa nhận, năm 1994 số người không có nhà là 7 triệu người, trong đó có 2 đến 3 triệu người ở đầu đường xó chợ.

Việc coi thường phụ nữ ở Mỹ cũng nghiêm trọng. Số nữ nghị sĩ chỉ chiếm 10%, tiền lương của phụ nữ Mỹ chỉ bằng nửa lương nam giới, thời gian nữ giới được giáo dục không bằng 1/3 nam giới trong những người trưởng thành từ nghèo khổ thì phụ nữ chiếm 2/3. Phụ nữ Mỹ thường bị bạo lực, ngược đãi, quấy rối tình dục. Theo thống kê của phía chức trách Mỹ, trong 5 năm qua có 1,9 triệu phụ nữ Mỹ bị cưỡng dâm, 7,6 triệu phụ nữ trở thành nạn nhân của những cuộc mưu sát, cướp bóc hoặc đánh đập.

Những ghi chép về nhân quyền của Mỹ trên quốc tế thì như thế nào? Càng không sáng sủa. Theo thống kê của một nhà sử học, trong 200 năm kể từ năm lập quốc (1776) đến nay, Mỹ đã phát động hơn 70 cuộc chiến tranh và xâm nhập nước ngoài, những dân thường vô tội chết dưới bàn tay của bọn xâm lược Mỹ không sao kể xiết. Sau đại chiến lần hai. 40 năm kể từ năm 1950, Mỹ trực tiếp can thiệp vũ trang và xâm nhập quân sự hơn 20 lần đối với các nước thế giới thứ 3; lần nào cũng tàn bạo, trà đạp chủ quyền và nhân quyền nước khác. Ngoài ra, Mỹ cũng là nước duy nhất bất chấp luật lệ quốc tế, liêu lĩnh bắn phá phủ Tổng thống Liberia và bắt trói Tổng thống Panama xét xử theo pháp luật của Mỹ. Mỹ thường xuyên chỉ trích nước này nước kia không tham gia và thi hành Công ước quốc tế nhân quyền, xâm phạm nhân quyền nước họ, song, bản thân Mỹ cho đến nay vẫn cự tuyệt ra nhập mấy Công ước quốc tế nhân quyền quan trọng mà Liên Hợp Quốc đã thông qua, trong đó bao gồm "Công ước quốc tế về quyền lợi kinh tế, xã hội và văn hoá", "Công ước quốc tế xoá bỏ tất cả mọi hình thức phân biệt chủng tộc", "Công ước quốc tế cấm chỉ và trừng trị tội ngăn cách chủng tộc", "Công ước xoá bỏ

coi thường phụ nữ” và “Công ước cấm có hình phạt khốc liệt hoặc tàn nhẫn vô nhân đạo hay làm nhục nhân cách”. Còn “Công ước quốc tế về quyền lợi công dân và chính trị”, thì mãi đến năm 1992 sau 26 năm các Công ước được thông qua, Mỹ mới cực chẳng đã phải ra nhập, lại còn liên tục bảo lưu, đặt sự hạn chế thực thi nghiêm khắc vào phạm vi luật pháp hiện hành của nước Mỹ, thái độ thực hiện hoàn toàn là “thực dụng chủ nghĩa”.

Chương 17

Đồng minh cũ lại chơi “ván bài Đài Loan” Lý Đăng Huy thừa cơ mượn sức mạnh bên ngoài. Giải phóng quân nhân dân Đại Diện tập ở miền duyên hải Đông nam hàng không mẫu hạm Mỹ lại xuất hiện ở eo biển.

L MÀN KỊCH LÝ ĐĂNG HUY ĐI THĂM MỸ

Con số nhẹ của chính sách đối với Đài Loan

Clinton nhậm chức chưa lâu, giới chính trị và giới học thuật tranh luận một trận kịch liệt xoay quanh vấn đề chính sách của Mỹ đối với Đài Loan.

Tiêu điểm của đôi bên không phải là muốn hay không muốn mối quan hệ tốt với Đài Loan, mà là quan hệ tốt như thế nào: có người chủ trương thi hành chính sách hiện nay là “Hai Trung Quốc” hoặc “Một Trung Quốc một Đài Loan”, rõ ràng là phản đối “Đài Loan độc lập”, cho rằng như vậy có thể bảo đảm ổn định tình hình khu vực Châu á Thái Bình Dương lại có thể tránh được sự rạn nứt quan hệ Trung-Mỹ. Một quan điểm khác thì cho rằng Mỹ nên thật sự ủng hộ Đài Loan độc lập, họ thời phỏng “Đài Loan là cái đòn bẩy quan trọng thúc đẩy Trung Quốc cải thiện tình trạng nhân quyền”, Mỹ nên ủng hộ Đài Loan gia nhập Liên Hợp Quốc, thậm chí có người đề xuất Mỹ nên “đặt quan hệ ngoại giao” ngay với Đài Loan. Nhưng kết quả thảo luận cuối cùng phía chủ trương thi hành chính sách hiện hành đối với Đài Loan rõ ràng chiếm ưu thế. Điều khiến mọi người chú ý là ngay cả một số “chuyên gia về vấn đề Trung Quốc” cũng chủ trương cải thiện quan hệ với Đài Loan.

Năm 1993, sau khi hai nước Trung-Mỹ trải qua đựng độ sự kiện “tàu Ngân Hà và vấn đề đái ngộ mậu dịch tối ưu đối với Trung Quốc”, quan hệ hai bên càng nghiêm trọng. Do đó, nội bộ nước Mỹ yêu cầu nâng cao quan hệ đối với Đài Loan và lời hô hào lấy việc đó làm kế hoạch quan trọng tăng áp lực đối với Trung Quốc ngày càng mạnh mẽ.

Đầu năm 1994, các quan chức hữu trách Quốc vụ viện, Hội đồng tư vụ an ninh quốc gia và chủ quản tư vụ Ngoại giao Thượng viện cùng soạn thảo

báo cáo nghiên cứu “Điều chỉnh chiến lược khu vực đông á”. Phần chính sách đối với Trung Quốc trong “Báo cáo” đặc biệt nói tới việc Trung Quốc có vũ khí nguyên tử và khinh khí, thêm vào đó là những năm gần đây kinh tế phát triển rất nhanh, thực lực hải quân cũng đang lớn mạnh, sức mạnh tổng hợp đã tăng cường mạnh mẽ. Với tình hình đó, Trung Quốc trong 10 năm tới sẽ trở thành lực lượng uy hiếp quan trọng đến an toàn quốc gia của Mỹ, do đó Mỹ cần phải kịp thời điều chỉnh chiến lược Đông Á, để lợi ích của Mỹ ở các nước Châu Á không bị thiệt hại.

Chiến lược Châu Á mà những người ấy thiết kế cho Mỹ là:

Một là, tiếp tục giữ gìn sự tồn tại quân sự của Mỹ tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương, tức là thông qua Điều ước an ninh Mỹ-Hàn Quốc và Nhật-Mỹ duy trì 100.000 quân Mỹ tại khu vực Châu Á Thái Bình Dương.

Hai là, tiếp tục lợi dụng thủ đoạn dân chủ, nhân quyền và mậu dịch “đẩy mạnh diễn biến hoà bình ở Trung Quốc”, “đưa Trung Quốc trên chính sách, biến thành quốc gia dân chủ (kiểu phương Tây)”.

Ba là, gây quan hệ tốt với các nước xung quanh Trung Quốc, đồng thời thông qua vấn đề Đài Loan, Tây Tạng làm sức ép với Chính phủ Trung Quốc, để rồi từ 3 mặt đó “Sức chế Trung Quốc phát triển”.

Bản báo cáo ấy còn viết: “Chính sách của Chính phủ Mỹ đối với Trung Quốc từ nay về sau phải là: Tiếp tục duy trì tiếp xúc với Trung Quốc về mặt kinh tế, cố gắng thông qua thủ đoạn mậu dịch thương mại thúc đẩy cục diện Trung Quốc thay đổi. Đồng thời, về vấn đề Đài Loan, Tây Tạng thậm chí cả Nam Sa thì ủng hộ và kích động khuynh hướng chia cắt”. Báo cáo cuối cùng còn nói: “Chính phủ Mỹ cần điều chỉnh ngay chính sách đối với Đài Loan, để dùng “con bài Đài Loan” làm thủ đoạn quan trọng ức chế Trung Quốc”. Trong bối cảnh ấy, chính sách của Mỹ đối với Đài Loan vẫn không ngừng leo thang.

11 giờ trưa ngày 7-9-1994, trợ lý Quốc vụ khanh của Mỹ Uyxton Lốt gặp đại diện Đài Loan Đinh Mậu tại Mỹ. Ngay khi gặp Đinh Mậu Uyxton nói: Mỹ đã đồng ý đổi tên cơ quan đại diện của Điều Ngự Đài tại Mỹ “Phòng làm việc của Uỷ ban hiệp điều Tư vụ Bắc Mỹ” thành “Phòng đại diện kinh tế văn hóa Đài Bắc tại Hoa Kỳ”. Đồng thời còn tuyên bố chính sách mới của Mỹ đối với Đài Loan: Chính phủ Mỹ sẽ tiến hành gỡ gỡ nhà đương cục Đài Loan ở cấp cao hơn; Mỹ mong muốn đối thoại kinh tế với Đài Loan ở cấp Bộ trưởng nội các; cho phép quan chức Mỹ và Đài Loan gặp gỡ nhau, trừ các cơ quan Nhà Trắng và Quốc vụ viện Mỹ, ngoại trừ quá cảnh cần thiết, Mỹ sẽ không cho phép người lãnh đạo cấp cao của Đài Loan (bao gồm Tổng thống,

Phó Tổng thống và Viện trưởng, Phó Viện trưởng viện hành chính của Đài Loan) sang thăm Mỹ, Bộ trưởng Ngoại giao Đài Loan vẫn không được tới Oasinhton, "Bộ trưởng Quốc phòng không được đến thăm Mỹ. Mỹ cho phép quan chức cao cấp của Chính phủ Mỹ thuộc cơ quan kinh tế và kỹ thuật được tới thăm Đài Loan. Nhưng, người lãnh đạo cấp cao hoặc quan chức cấp Bộ trưởng không đảm nhiệm chức vụ ở cơ quan kinh tế kỹ thuật cũng không được đến thăm Đài Loan. Mỹ ủng hộ Đài Loan gia nhập Tổng hiệp định mậu dịch thuế quan, và cố gắng thúc đẩy Đài Loan được gia nhập tổ chức quốc tế tương tự như Tổng hiệp định quan mậu, nhưng phản đối Đài Loan gia nhập các tổ chức quốc tế mà chỉ quốc gia có chủ quyền mới được tham gia.

Cùng ngày hôm đó Uyxtơn với tư cách quan chức cao cấp Mỹ không xưng rõ họ tên đã tổ chức họp báo, giải thích rõ nguyên nhân Chính phủ Mỹ điều chỉnh chính sách đối với Đài Loan.

Có một nhà báo hỏi: "Mỹ điều chỉnh chính sách đối với Đài Loan lần này có phải là Chính phủ Mỹ đã thay đổi chính sách một nhà nước Trung Quốc?"

Uyxtơn Lốt ngay biện rằng: "Điều chỉnh chính sách của Mỹ đối với Đài Loan không một chút thay đổi sự thừa nhận cơ bản lập trường của Mỹ đối với Trung Quốc, tức là chỉ có một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc?"

Lốt nói tiếp: "Mỹ và đương cục Đài Loan tiến hành tiếp xúc ở cấp cao hơn, mục đích là để giải quyết những vấn đề thực tế trong quan hệ song phương và nhu cầu tương hỗ qua lại mậu dịch kinh tế đôi bên, không nên hiểu lầm rằng Mỹ và Đài Loan phát triển quan hệ rộng rãi".

Những giải thích ngay biện của Lốt vô luận thế nào đều tỏ ra nhạt nhẽo yếu ớt. Ba bản tuyên bố chung hai Chính phủ Trung-Mỹ cùng ký kết đã ghi rất rõ ràng: "Nước Mỹ thừa nhận một nước Trung Quốc, Đài Loan là một bộ phận của Trung Quốc", giấy trắng mực đen, không thể phủ định. Nhưng điều chỉnh chính sách lần này lại công nhiên cho phép "Bộ trưởng nội các" của Đài Loan được sang thăm Mỹ, là hành động chính trị tạo ra "hai nước Trung Quốc" hoặc là "Trung Quốc Đài Loan", do vậy lẽ đương nhiên gây nên sự phản đối mạnh mẽ của phía Trung Quốc.

Ngay sau khi Lốt tuyên bố điều chỉnh chính sách lần này của Chính phủ Mỹ, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Lưu Hoa Thu đã thừa lệnh gặp Rui Xiaochien Đại sứ Mỹ tại Trung Quốc, nghiêm khắc trao đổi và kháng nghị phía Mỹ. Lưu Hoa Thu cảnh cáo rằng: Vấn đề Đài Loan nếu xử lý không

thỏa đáng, quan hệ Trung-Mỹ không những phải ngừng trệ mà còn có thể bị thụt lùi.

Nhưng, lập trường của Chính phủ Mỹ đối với vấn đề Trung Quốc vẫn không đổi. Họ tự xưng trong lúc này nêu ra chính sách mới đối với Đài Loan là đã kinh qua "suy nghĩ kỹ càng".

Kỳ thực, ngay từ mùa đông năm 1993, nội bộ Chính phủ Mỹ đã có người yêu cầu Clinton điều chỉnh chính sách đối với Đài Loan. Nhưng, tháng 5-1994, do Chính phủ Mỹ không cho "Tổng thống" Đài Loan Lý Đăng Huy trên đường đi Trung-Mỹ nghỉ qua đêm tại Hawaii, sự kiện ấy qua môi giới tin tức tô vẽ phóng đại thêm lên ghê gớm, nên ở Đài Loan nổi lên sóng kháng nghị mãnh liệt. Một số cơ quan trí tuệ của Mỹ bắt đầu bày mưu tính kế cho Clinton, để ra một loạt chủ trương cải cách chính sách đối với Đài Loan.

Một bản báo cáo có liên quan đến vấn đề Đài Loan được công bố đầu tháng 9-1994 của "Hội tiền vốn truyền thống" thuộc cơ quan trí tuệ, chịu ảnh hưởng của Đảng Cộng hòa chỉ rõ: "Chính quyền Clinton nên để Đài Loan gia nhập Liên Hợp Quốc và nâng cao địa vị quốc tế phát huy tác dụng tích cực hơn, nên tăng cường quan hệ Mỹ-Đài Loan trong tình hình "không là kẻ thù với Trung Quốc". Thậm chí họ còn nói: "Trung Quốc Đài Loan tăng cường quan hệ kinh tế, do sự việc ấy dẫn tới về lâu dài mà nói sẽ làm yếu dần nền thống trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc".

Kiến nghị thứ nhất mà bản báo cáo đề ra là "ủng hộ Đài Loan gia nhập Liên Hợp Quốc", bởi vì nó "tượng trưng cho chiến tranh lạnh kết thúc"; về mặt tiền vốn cũng có lợi đối với Liên Hợp Quốc, mà với hành động ấy sẽ làm cho tốc độ tiến triển của phong trào đòi Đài Loan độc lập chậm lại; hòa hoãn quan hệ Trung Quốc - Đài Loan cũng sẽ gia tăng cơ hội tiếp xúc không chính thức về hiệp thương song phương Trung Quốc - Đài Loan.

Kiến nghị thứ hai là, Trung Quốc - Đài Loan đồng thời gia nhập Tổng hiệp định thuế quan mậu dịch. Cái hay của nó là: Đài Loan gia nhập Tổng hiệp định quan mậu có thể giải quyết hữu hiệu cái án treo đối với sự mất cân bằng mậu dịch và bảo vệ sản nghiệp đối với Mỹ. Trung Quốc - Đài Loan gia nhập Tổng hiệp định quan mậu có thể làm suy yếu sự chi phối của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với thể chế kinh tế và mậu dịch.

Kiến nghị thứ 3 mà bản báo cáo nêu ra là: Mỹ tiếp tục bán vũ khí cho Đài Loan để "duy trì khả năng kiểm chế của Đài Loan đối với hiện đại hóa quân sự của Trung Quốc". Báo cáo chỉ rõ: "Đối với Mỹ mà nói, lợi ích lâu dài lớn nhất là Đài Loan sẽ phát huy tác dụng tích cực đối với sự phát triển của

giai cấp chủ xí nghiệp quốc nội Trung Quốc, với mối liên hệ kinh tế giữa Trung Quốc - Đài Loan tăng lên, giá trị và ảnh hưởng của chủ nghĩa tư bản dân chủ sẽ làm suy yếu sự thống trị của Đảng Cộng sản Trung Quốc đối với kinh tế và chính trị".

Chính vì những nguyên nhân kể trên, cho nên sự cảnh cáo và lập trường nghiêm chỉnh của Chính phủ Trung Quốc không thể làm cho phía Mỹ coi trọng đầy đủ, ngược lại về vấn đề Đài Loan, Mỹ ngày càng đi xa. Sau khi Chính phủ Clinton tuyên bố điều chỉnh chính sách đối với Đài Loan không lâu, một số thế lực chống Trung Quốc trong Quốc hội Mỹ lại vẽ ra hành động quan trọng là mời Lý Đăng Huy sang thăm Hoa Kỳ.

Tạo thế cho Lý Đăng Huy thăm Mỹ

Với tác động "Ngoại giao bằng viên đạn bạc" của chính quyền Đài Loan, những thế lực chống Trung Quốc ở Mỹ luôn tạo ra rắc rối về vấn đề Đài Loan. Mục tiêu trước mắt là thực hiện chuyến đi thăm của Lý Đăng Huy, còn mục tiêu lâu dài thì là buộc Chính phủ Mỹ phải công khai thi hành chính sách "hai Trung Quốc". Mặc dù Chính phủ Mỹ luôn công khai thể hiện vẫn giữ nguyên chính sách "một nước Trung Quốc", nhưng trong thực tế lại thi hành chính sách "hai Trung Quốc" hoặc "một Trung Quốc một Đài Loan". Cho nên từ khi đặt quan hệ ngoại giao hai nước đến nay, vẫn phát sinh sự việc phản bội 3 bản tuyên bố chung, đặc biệt là quan chức cấp cao luôn đi thăm Mỹ một cách công khai.

Theo phóng viên thời sự xã của Nhật Bản tại Oasinhton tiết lộ, tháng 2-1993, Liên Chiến "Viện trưởng hành chính" Đài Loan sau khi nhậm chức đã hai lần thăm Mỹ. "Bộ trưởng Ngoại giao" Tiền Phúc hầu như năm nào cũng đi Mỹ thăm các bang Boston và Cólôrdô. Ngoài ra, cựu "Viện trưởng hành chính" Du Quốc Hoa từ 1984 đến 1989 trong thời gian làm "Viện trưởng" cũng nhiều lần đi thăm Mỹ, đã qua Niuioóc, Lótangiolét, Chicagô. Họ đều đi thăm không chính thức với "tư cách cá nhân". Nhưng những chuyến thăm của các "quan chức Chính phủ" cũng giống như Lý Đăng Huy thăm Mỹ lần này, đều được Chính phủ Mỹ cấp giấy đi du lịch chính thức, và trong thời gian tại Mỹ đã hội đàm với các quan chức Quốc vụ viện Hoa Kỳ. Còn Lý Đăng Huy năm 1985 thời kỳ làm "Phó Tổng thống" cũng đã thăm Mỹ, hội đàm với Lý Khiết Minh trợ lý Quốc vụ khanh lúc ấy (phụ trách Đông á và Thái Bình Dương) tại Niuoóc, còn tham quan Trường Sĩ quan Lục quân miền Tây Niuoóc, được đón tiếp như một nhân vật quan trọng.

Vào niên đại 90, thế lực chống Trung Quốc ở Mỹ cảm thấy “chuyến thăm” bí mật ấy chưa thoả mãn nhu cầu chống Trung Quốc của họ, họ muốn gán cho Lý Đăng Huy một “chức danh”, và rùm beng tạo thế cho Lý Đăng Huy “sang thăm” nước Mỹ. Đương nhiên, mưu đồ ấy sớm muộn sẽ vấp phải sự phản đối mãnh liệt của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc. Tháng 5-1994, khi Lý Đăng Huy “đi thăm” Nicaragua đã có ý đến Hawai để được “tiếp sức”, nhưng vì Chính phủ Trung Quốc biết trước mọi sự việc và đã nghiêm khắc trao đổi với Mỹ, mưu đồ ấy không được thực hiện. Khi Lý Đăng Huy nghỉ chân ở Hawai nhận được thông báo của Quốc vụ viện Mỹ, ông ta ngăn ra ngay tại sân bay. Ngoài nhân viên phụ trách Hiệp hội Đài Loan của Mỹ tại Oasinhton Natê Baileji ra không hề có một quan chức nhà nước hoặc Bộ Ngoại giao Mỹ đón tiếp.

Chuyến “vượt cửa” của Lý Đăng Huy lần này làm cho những thế lực chống Trung Quốc của Mỹ hết sức bức tức, họ một mặt thông qua mỗi giới tin tức kịch liệt công kích Chính phủ Mỹ chịu “quỳ gối đầu hàng” trước mặt Trung Quốc, mặt khác tăng cường hoạt động khắp nơi, hồng thông qua mọi thủ đoạn đạt được mục đích mời Lý Đăng Huy thăm Mỹ. Ngày 12-8-1994, liên danh 37 nghị sỹ hai Đảng hạ viện Quốc hội Mỹ do Cát Giản Sinh (gechianseng), Chủ tịch nhóm chính sách kinh tế quốc tế của Ủy ban Ngoại giao hạ viện cầm đầu gửi công hàm cho Lý Đăng Huy và chính thức mời Lý Đăng Huy sang thăm Mỹ. Cát Giản Sinh trong khi họp báo đã giải thích như sau:

- “Chúng tôi biết rằng việc này không thể một sớm một chiều mà đạt được, điều mà chúng tôi muốn để đạt với sự kiện này chính là, chính sách của Mỹ đối với Đài Loan cần phải thay đổi”.

Họ còn nói: “Sở dĩ chúng tôi phải liên danh gửi công hàm mời Lý Đăng Huy thăm Mỹ, không chỉ vì chúng tôi cũng như 76 nghị sỹ đều muốn nhân đây biểu lộ (tình cảm hữu nghị) đối với Lý Đăng Huy, mà còn vì chúng tôi đã từng đi thăm Đài Loan, chúng tôi ngày càng nhận thức được tính chất quan trọng của việc giữ gìn quan hệ mật thiết giữa Mỹ với nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.”

Đương nhiên, lực lượng chống Trung Quốc ở Mỹ cũng hiểu được rằng bất kỳ cuộc đi thăm Mỹ nào của Lý Đăng Huy đều sẽ gặp phải sự phản đối kịch liệt của Chính phủ Trung Quốc, do đó phải tìm được cớ gì cho thích hợp, thậm chí phải thông qua một pháp lệnh đặc biệt để đạt được “Danh chính ngôn thuận”, mà lúc này nếu sửa đổi “luật quan hệ với Đài Loan” sẽ có thể tạo nên làn sóng dữ dội, vì vậy chỉ có thể chuẩn bị dọn đường, đi ngang về tắt.

Qua mấy tháng bày mưu tính kế, cuối cùng họ tìm được một đột phá khẩu, đó là thông qua phương án sửa đổi “Luật di dân” để tìm ra điểm tựa hợp pháp cho Lý Đăng Huy thăm Mỹ. Ngày 6-10-1994, Thượng nghị viện Mỹ thông qua phương án sửa đổi Luật di dân và thay đổi kỹ thuật quốc tịch, người nêu đề án ban đầu là thượng nghị sỹ Bulan (Đảng Cộng sản), nội dung như sau:

Tổng thống quan chức cao cấp Đài Loan khi đề nghị thăm Mỹ để thảo luận với quan chức nhà nước liên bang hoặc chính quyền các bang về các sự việc sau đây, phải được phép vào nước Mỹ; Trừ phi quan chức ấy bị cấm nhập cảnh bởi Luật di dân

- 1- Trao đổi với mậu dịch hoặc thương vụ Đài Loan muốn giảm thiểu ngạch số vượt mức mậu dịch của Mỹ đối với Đài Loan;
- 2- Ngăn cấm khuyếch tán hạt nhân;
- 3- Đề dọa an ninh quốc gia đối với Mỹ;
- 4- Bảo vệ môi trường toàn cầu;
- 5- Tai hoạ khu vực.

Tuyệt chỉ đạo ngoại giao nước Mỹ vốn nắm trong tay Tổng thống, mà trong văn bản này lại nói nếu bị cấm nhập cảnh bởi “Luật di dân”, thì quan chức cao cấp Đài Loan vẫn sẽ không được vào cửa. Còn trong “Luật di dân” có một điều quy định đặc biệt, nếu Chính phủ Mỹ căn cứ vào yêu cầu của chính sách ngoại giao và có lý do hợp lý tin rằng khả năng nhập cảnh của một nhân sĩ ngoại tịch nào đó có hậu quả bất lợi nghiêm trọng đối với chính sách ngoại giao của Mỹ, thì có thể cấm nhập cảnh. Cho nên nếu Chính phủ Mỹ có ý muốn ngăn trở Lý thăm Mỹ, hoàn toàn có thể không chịu ảnh hưởng của “tam quyền phân lập”. Nhưng, đúng như phân tích ở trên, việc Mỹ điều chỉnh chính sách đối với Đài Loan đã được cân nhắc chuẩn bị từ lâu, mà chính sách đó cũng được hai đảng Cộng hoà và Dân chủ hoàn toàn ủng hộ. Cho nên về vấn đề này, ý kiến của Tổng thống Mỹ và Quốc hội là nhất trí, do đó Tổng thống Clinton ngày 25-10 chính thức ký luật này cũng không lấy gì làm lạ.

Đương nhiên, Clinton là Tổng thống một nước, lời nói và việc làm của ông ta không thể tùy tiện như nghị sỹ Quốc hội, tuy rằng ông ta muốn nâng cấp quan hệ ngoại giao với Đài Loan, nhưng cũng không thể không suy nghĩ tới phản ứng của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc. Do vậy, khi phê chuẩn luật này, cũng đã chỉ thị cho Quốc vụ khanh Corittópphor suy nghĩ về việc quan chức Đài Loan thăm Mỹ, cần phải cân nhắc hết sức thận trọng về lợi ích chính sách ngoại giao của Mỹ. Những lợi ích ấy bao gồm: duy trì sự ổn định và phồn vinh của hai bờ eo

biển cùng toàn cục quan hệ với Đài Loan và Trung Quốc, cố gắng tìm ra điểm cân bằng trong những quan hệ đó. Với từ ngữ ẩn ý trong cách nói ấy có nghĩa là, chỉ cần có lợi đối với Mỹ, thì Mỹ sẽ phê chuẩn cho Lý Đăng Huy thăm Mỹ. Qua một thời gian, chính sách của Mỹ đối với Đài Loan vẫn không ngừng thay đổi, cuối cùng là đi ngược lại tinh thần 3 bản thông báo chung Trung-Mỹ, chuyến đi Mỹ của Lý Đăng Huy được phê chuẩn.

Theo văn bản sửa chữa “Luật di dân” mà Quốc hội Mỹ thông qua, thì việc Lý Đăng Huy thăm Mỹ khác nào cung đã giương, tên đã hẹn giờ. Nhưng, Lý Đăng Huy đi Mỹ dĩ nhiên là thuộc về “chuyến đi riêng”, vẫn phải tìm được một người đón tiếp; còn phải kiếm được lý do quang minh chính đại để Chính phủ Mỹ “khó mà từ chối”. Và lúc này, một nhân vật được gọi là “thông hiếu Trung Quốc”, nguyên Đại sứ Mỹ tại Trung Quốc Lý Khiết Minh bay tới Đài Loan, hiến “diệu kế” cho Lý Đăng Huy sang thăm nước Mỹ.

Một viên đá ném hai con chim hay là chim bay trúng võ

Chính phủ Mỹ tự nuốt lời mình, lật lọng toàn bộ vấn đề Đài Loan làm tổn hại to lớn đến tình cảm của nhân dân Trung Quốc, do vậy lẽ đương nhiên dẫn đến phản ứng mãnh liệt và kháng nghị nghiêm khắc của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc.

Ngày 23-5, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Tiền Kỳ Tham triệu kiến khẩn cấp Đại sứ Mỹ tại Trung Quốc, Ruixiaochen, nêu kháng nghị nghiêm khắc phía Mỹ đã cho phép Lý Đăng Huy sang thăm Mỹ.

Phó Thủ tướng Tiền Kỳ Tham nói: “Vấn đề Đài Loan đã từng là vấn đề mấu chốt ngăn trở bình thường hóa quan hệ Trung-Mỹ, chỉ có sau khi Mỹ thừa nhận rõ ràng vấn đề Đài Loan thì hai nước Trung-Mỹ mới đặt quan hệ ngoại giao. Trung-Mỹ đặt quan hệ ngoại giao đã 16 năm nay, Chính phủ Mỹ lần lượt đều thi hành chính sách “một nước Trung Quốc”, xử lý vấn đề Đài Loan tuân theo hai bản thông báo chung”.

Phó Thủ tướng Tiền Kỳ Tham nói tiếp: “Mỗi khi Mỹ vi phạm nguyên tắc 3 bản thông báo chung về vấn đề Đài Loan, quan hệ Trung-Mỹ sẽ nảy sinh khó khăn, trì trệ không phát triển được, thậm chí còn tụt lùi. Trong một thời gian gần đây, phía Mỹ bất chấp sự trao đổi của Trung Quốc, về mặt nâng cấp quan hệ Mỹ Đài-Lan, ngày càng xa hơn, hiện nay đã phát triển đến mức độ cho phép Lý Đăng Huy đi thăm Mỹ. Xét về tư cách Lý Đăng Huy, bất kể đi thăm Mỹ với danh nghĩa gì và hình thức nào đều là vấn đề chính trị nghiêm trọng, đều không thể làm thay đổi một sự thật là Mỹ dung túng và ủng hộ chính quyền Đài Loan, tạo ra “hai nước Trung Quốc” hoặc “một

Trung Quốc một Đài Loan”.

Cuối cùng ông Tiền Kỳ Tham nói: “Chính phủ Mỹ trước đây mấy hôm còn trịnh trọng nói là không cho phép Lý Đăng Huy sang thăm Mỹ, nhưng hiện nay lại đi ngược lại lời hứa của mình, thực thi hành động phá hoại nền tảng quan hệ Trung-Mỹ, hậu quả sẽ rất nghiêm trọng. Vấn đề Đài Loan có liên quan đến chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và sự nghiệp hoà bình thống nhất của Trung Quốc, có đụng chạm tới tình cảm 1,2 tỷ nhân dân Trung Quốc. Bất kỳ hành động nào tổn thương đến lợi ích căn bản của dân tộc Trung Hoa, thì Chính phủ và nhân dân Trung Quốc đều kiên quyết không thể đáp ứng.

“Chính phủ Mỹ phải suy nghĩ nghiêm túc đến hậu quả việc cho phép Lý Đăng Huy thăm Mỹ, phải sửa chữa ngay những sai lầm. Chúng tôi mặc dù trân trọng quan hệ Trung-Mỹ, nhưng sự phát triển của tình hình buộc chúng tôi phải phản ứng mãnh liệt, phía Mỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm”.

Ngày 24-5 Bộ Ngoại giao Trung Quốc ra thông báo, kịch liệt lên án Chính phủ Mỹ phản bội tín nghĩa, cho phép Lý Đăng Huy thăm Mỹ.

Bản thông báo nêu rõ:

“Đối với Trung Quốc, không có gì quan trọng hơn chủ quyền quốc gia và thống nhất Tổ quốc. Để bảo vệ chủ quyền quốc gia, thực hiện thống nhất Tổ quốc, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc sẵn sàng ứng đối với bất cứ hành động khiêu chiến nào!”

Sau đó, Chính phủ Trung Quốc liền trao đổi nghiêm khắc với phía Mỹ về việc Lý Đăng Huy sang thăm Mỹ, và phản nộ thi hành một loạt biện pháp:

Chính phủ Trung Quốc sau khi được tin phía Mỹ cho phép Lý Đăng Huy sang thăm Mỹ, ngay lập tức chỉ thị cho Vu Chấn Vũ Tư lệnh không quân Trung Quốc đang thăm Mỹ ngừng ngay chuyển di, và quyết định hủy bỏ và trì hoãn kế hoạch giao lưu song phương với Mỹ, bao gồm cả việc hủy bỏ chuyến thăm Mỹ của Bộ trưởng Quốc phòng Trung Quốc Trì Hạo Điền, trì hoãn cuộc hội đàm về “chế độ đạn đạo, không chế đạn đạo” và hoạt động thương lượng chuyên gia về lợi dụng năng lực hạt nhân trong hoà bình; chuyến thăm Trung Quốc của quan chức phụ trách tài giảm quân bị của Mỹ cũng tạm thời huỷ bỏ. Ngày 17-6 Đại sứ Trung Quốc tại Mỹ Lý Đạo Dự được triệu hồi về nước. Vì trước đó, Đại sứ Mỹ tại Trung Quốc cũng hết nhiệm kỳ về nước, do đó, một thời kỳ, hai nước Trung-Mỹ đều không có Đại sứ tại đối phương, đây cũng là lần đầu tiên xảy ra kể từ ngày hai nước đặt quan hệ ngoại giao.

Chương 18

Không chế Trung Hoa, phải không chế Tây Tạng trước, bàn tay ác là vươn qua nóc nhà thế giới. Gió bão trên cao nguyên đầy tuyết nổi lên, tráng sĩ Hoàng Qua bảo vệ thống nhất.

LNUỐC MỸ NHÒM NGÓ TÂY TẠNG TỪ LÂU

Lần đầu Mỹ lập kế “Tây Tạng độc lập”

“Ai thống trị được Tây Tạng nóc nhà thế giới, thì người ấy sẽ giành được ưu thế đối với địch thủ”. Nêru nguyên Thủ tướng ấn Độ đã hình dung vị trí chiến lược của Tây Tạng như vậy.

Mặc dù luận điểm của Nêru còn thiếu căn cứ, nhưng hàng loạt các nước mạnh ở phương Tây từ lâu đã nhòm ngó lợi ích Tây Tạng là thực tế lịch sử không cần tranh cãi. Trong số nhiều nước, thì hai nước Anh-Mỹ can thiệp sâu nhất. Cùng với sự bành trướng thế lực trong đại chiến thế giới lần thứ 2, sự hào hứng của Mỹ đối với Tây Tạng từ chỗ thăm dò kín đáo, phát triển tới can thiệp ngang nhiên với qui mô lớn.

Ngay từ thời kỳ chiến tranh chống Nhật, suy nghĩ tới lực ly tâm của Anh hoạt động ở Tây Tạng dần tới, Chính phủ Quốc Dân Đảng đã từng có kế hoạch tiến quân vào Tây Tạng, để thu được hiệu quả thực tế thống nhất Trung Quốc. Nhưng vì Mỹ theo lời đề nghị của Anh, cực lực phản đối chính quyền Quốc Dân Đảng Trùng Khánh dùng vũ khí viện trợ của Mỹ để đối phó với Tây Tạng, nên Tưởng Giới Thạch dừng lại. Đó tuy là việc nhỏ, nhưng lại tăng thêm sự hứng thú của Mỹ đối với Tây Tạng. Đến mùa hè 1942, Mỹ xa lánh Chính phủ Quốc Dân Đảng là nước đương sự, từ Cục chiến lược họ cử hai đặc công, được sự giúp đỡ của người Anh, mùa đông năm ấy đã tới Lạp Tát. Họ làm như vậy nhằm mục đích là muốn liên hệ trực tiếp với chính quyền Lạp Tát.

Hai người đặc công ngoài việc mang thư riêng của Tổng thống Rugioven tới Đạt Lai Lạt ma còn mang theo nhiều lễ vật. Khi từ biệt đặc công Mỹ ngoài việc nhận cung cấp cho Tây Tạng thiết bị thông tin ra, còn hứa sau khi về nước sẽ du thuyết Chính phủ, để Tây Tạng được tham gia hội nghị hòa

dầm sau chiến tranh, với tư cách quốc gia độc lập. Phía Tây Tạng nhân dịp này chính thức tuyên bố độc lập trước thế giới, Đại biểu đứng đầu của Anh tại Lạp Tát là Lulau không những phụ hoạ với đặc công Mỹ về hội nghị này, mà còn thể hiện muốn dốc toàn lực thúc đẩy cho công việc đó.

Lúc này Trung Quốc đi vào cuộc chiến tranh chống Nhật gian khổ, còn hai nước đồng minh Anh - Mỹ thì đang bàn mưu chia cắt Trung Quốc như thế nào.

Mỹ tranh luận “Hộ chiếu” lại lộ ý đồ

Sau chiến tranh thắng lợi, được Anh-Mỹ dung túng, cái gọi là Tổ chức đoàn đại biểu mậu dịch của Tây Tạng cầm hộ chiếu của chính quyền địa phương Tây Tạng, muốn mượn danh nghĩa buôn bán, để biểu thị Tây Tạng độc lập, nằm bên ngoài Trung Quốc. Song về pháp lý, Mỹ- Anh đều thừa nhận Trung Quốc có chủ quyền chính đối với Tây Tạng, chính quyền địa phương Tây Tạng không có quyền phát hành hộ chiếu, Mỹ-Anh đều rất rõ điểm này, càng không được chứng nhận. Do vậy, chứng nhận trên hộ chiếu của chính quyền Tây Tạng cấp cho Mỹ chỉ giới hạn đến Hương Cảng mà thôi. Đoàn đại biểu này dùng một văn kiện khác do lãnh sự quán Trung Quốc tại Ấn Độ cấp được phép tới Nam Kinh đến tháng giêng năm 1946.

Sau khi “Đoàn đại biểu mậu dịch” tới Nam Kinh, chính quyền Quốc Dân Đảng phát hiện mục đích của đoàn này không phải là mậu dịch, mà là tìm sự phân biệt về mặt pháp lý, bèn khéo léo khẩn thiết khuyến cáo Hoa Kỳ; nếu được chứng nhận cho vào Mỹ thì sẽ làm cho Chính phủ Quốc Dân Đảng khó chịu, và hình thành cục diện hỗn loạn giữa Bộ Ngoại giao và Viện Lập pháp. Đồng thời, chính quyền Quốc Dân Đảng cho người tới khuyên giải “đoàn đại biểu mậu dịch Tây Tạng” từ bỏ kế hoạch thăm Mỹ.

Song, được Mỹ-Anh tiếp tục dung túng, “Đoàn đại biểu mậu dịch Tây Tạng” cuối cùng nhận được chứng nhận hộ chiếu của Chính phủ địa phương Tây Tạng từ Lãnh sự quán Mỹ tại Hương Cảng, lập tức đi Mỹ vào ngày 1 tháng 7 năm 1946.

Hành động ấy của Mỹ, trên thực tế thừa nhận Tây Tạng là một thực thể chính trị độc lập, khiến Chính phủ Quốc Dân Đảng vô cùng kinh ngạc. Vì tình thế nghiêm trọng, ngoài việc Bộ Ngoại giao triệu kiến Đại sứ quán Mỹ tại Trung Quốc ở Nam Kinh để kháng nghị, còn cử Cố Duy Quân Đại sứ Trung Quốc tại Mỹ gửi bị vong lục tới Quốc vụ viện Mỹ, nghiêm khắc chất vấn dụng ý của Mỹ về việc này? Phải chăng Mỹ đã thay đổi lập trường của mình là thừa nhận Trung Quốc có chủ quyền ở Tây Tạng?

Căn nhắc tình hình, Chính quyền Mỹ cho rằng lúc này không thể vì việc đó mà trở mặt tới Tưởng Giới Thạch, thế là Quốc vụ viện Mỹ dùng thủ đoạn lừa bịp, nói với Cố Duy Quân là dấu xác nhận của Lãnh sự quán Mỹ tại Hương Cảng không bao giờ đóng lên hộ chiếu của Chính phủ Tây Tạng cấp phát (thực tế đã đóng rồi), mà là đóng dấu xác nhận vào một bản khác. Lúc này Quốc Dân Đảng đang bận nội chiến, yêu cầu đối với Mỹ rất nhiều, sự việc này cũng bỏ qua cho xong chuyện. Thông qua sự kiện này, càng bộc lộ rõ ý đồ của Chính phủ Mỹ.

“Sự kiện xua đuổi người Hán”

Ngày 8-7-1949, đầu mùa hạ trời Lạp Tát mát mẻ dễ chịu, trên đường Bát Giác đoàn người truyền kinh triều bái thong thả di chuyển như dòng chảy. Đột nhiên, một đội quân người Tạng trang bị đầy đủ, khí thế hùng hổ xông vào một cửa hàng đầu phố, chạy tới trước một công trình kiến trúc kiểu Tây Tạng cao ba tầng, khấn trương vọi vàng canh phòng kiểm soát, bao vây chặt chẽ nơi làm việc của cơ quan Chính phủ Quốc Dân Đảng tại Lạp Tát.

Người cầm đầu hùng hổ xông vào trong sân, nêu yêu cầu đòi gặp Trần Tích Chương Chủ nhiệm phòng Biện sự của Chính phủ Quốc Dân Đảng đại Tây Tạng.

Trần Tích Chương được tin hết sức trấn tĩnh nói với người đứng đầu:

“Xin hỏi, các ông nhận chỉ thị của ai, chưa được phép đã xông vào Phòng biện sự của Chính phủ Trung ương?”

“Đừng có nhiều lời, tôi chấp hành mệnh lệnh của Cát Hạ Chính phủ địa phương Tây Tạng thông báo cho các ngài biết: Tất cả người Hán và nhân viên cơ quan tại Lạp Tát phải rời ngay khỏi Lạp Tát, định kỳ trở về nội địa!”

“Cái gì” - Trần Tích Chương ngớ ra, căn bản ông ta chưa nghĩ tới Chính phủ Tây Tạng đã ra lệnh trục xuất đối với mình như vậy.

“Mệnh lệnh của Cát Hạ, không được chống lại!”, người cầm đầu quân Tạng nói đoạn quay ra đi thẳng. Trần Tích Chương chưa biết nên làm như thế nào, đứng ngẩn ngay tại đó...

Cùng lúc đó tại nơi ở của những quan chức người Hán, nhân viên tình báo Quốc Dân Đảng và một vài dân buôn người Hán, cũng bị quan quân Tây Tạng xông vào. Sau khi những người khách không mời mà đến ấy khám xét tra hỏi một cách thô bạo, không chút khách khí liền ra thông điệp: ngay lập tức rời Lạp Tát quay về nội địa!

Chính phủ Quốc Dân Đảng cũng đã coi trọng Tây Tạng

Phòng biện sự của Chính phủ Quốc Dân Đảng tại Tây Tạng được trù lập từ năm 1934. Trước đó, Chính phủ Quốc Dân Đảng chưa hề thiết lập cơ quan chính thức. Dân quốc năm thứ nhất, Đạt Lai Lạtma đã có một thời thân nước Anh, xa lánh quan hệ với Chính phủ nội địa. Đến năm 1925, do Đạt Lai Lạt ma tranh quyền với Ban Thiên, Ban Thiên bị trục xuất lưu vong tại Bắc Kinh, và được Chính phủ Bắc Dương bảo hộ. Đạt Lai Lạt ma rất lo ngại về việc đó, để hạn chế Ban Thiên, ông ta khôi phục lại quan hệ với nội địa. Năm 1927 sau khi Chính phủ Nam Kinh được thành lập, thiết lập Ủy ban Mông Cổ Tây Tạng, đã nhiều lần quan hệ với Tây Tạng. Đạt Lai thứ 13 mới cử đại diện thường trú tại Nam Kinh để làm liên lạc. Còn việc nội chính Tây Tạng, Đạt Lai vẫn tự quản lý, không chịu mệnh lệnh của Trung ương.

Năm 1934 Đạt Lai thứ 12 qua đời, Chính phủ Quốc Dân Đảng liền cử Hoàng Mộ Tùng Ủy viên trưởng Ủy ban Mông-Tạng đi viếng, quan chức cao cấp hai bên mới có dịp tiếp xúc. Qua thương lượng, phía Tây Tạng đồng ý để Hoàng Mộ Tùng để Lưu Phác Thâm tham dự đoàn đại biểu và một tùy viên ở lại thường trú tại Lạp Tát, làm nơi tiếp xúc hai bên, ngoài ra còn lập đặt một trạm đài vô tuyến tại nơi thường trú của đoàn để tiện liên lạc với nội địa.

Về vấn đề tìm kiếm một linh đồng Đạt Lai thứ 14, Chính phủ Quốc Dân Đảng lợi dụng cuộc đấu tranh giành quyền giữa các tập đoàn tăng lữ thượng tầng của Tây Tạng lúc này, dựa vào Phật sống nhiếp chính thân Quốc Dân Đảng, do ông ta đích thân tới vùng sông Hoàng Thanh Hải tiếp nhận một linh đồng, nói là tư cách của linh đồng hoàn toàn phù hợp với di ngôn của Đạt Lai thứ 13 trước lúc qua đời, sau đó Chính phủ Trung ương lại uỷ phái Ngô Trung Tín Ủy viên trưởng Ủy ban Mông Tạng mới nhận chức tới Lạp Tát, rút thăm lọ vàng tại Cung Beđala, đã quyết định linh đồng này làm Đạt Lai Lạt ma thứ 14 (tức là Đạt Lai hiện nay lưu vong tại Ấn Độ). Lễ toạ vị được cử hành ngày 23-2-1940 do Ngô Trung Tín trực tiếp chủ trì. Sau đó, Ngô Trung Tín được phía Tây Tạng đồng ý, chính thức thiết lập phòng biện sự của Chính phủ Quốc Dân Đảng thường trú tại Tây Tạng ở Lạp Tát, trực thuộc Ủy ban Mông - Tạng, do Khổng Khánh Tông làm trưởng phòng. Lúc này cơ quan thường trú của Chính phủ Quốc Dân Đảng tại Tây Tạng chính thức được thành lập.

Thời gian này giao thông giữa nội địa và Tây Tạng hết sức khó khăn, nội địa không có một con đường nào có thể thông tới Lạp Tát. Khang Định tới Xương Đô chỉ có một con đường bộ nhưng cũng không thông suốt, còn Tây Khang lại nằm trong tay Lưu Văn Huy quân phiệt Tứ Xuyên. Ngọc Thụ ở

Thanh Hải vốn cũng là một lối vào Tây Tạng nhưng lại bị quân của Mã Bộ Phương “vua Tây bắc” cắt cứ, không cho người ngoài qua lại. Nói tới vùng này có nhiều dân tộc sống xen kẽ, tranh chấp thường xuyên, mà khí hậu thì khắc nghiệt, đồi núi gập ghềnh. Cho dù người có thể đi lại được cũng gian khó trùng trùng, vì vậy thời ấy từ Trùng Khánh đi Lạp Tát, chỉ có thể mượn đường ấn Độ. Nhưng, mượn đường ấn Độ lại còn phải được Đại sứ Anh tại Trung Quốc chứng thực. Như vậy, phía Anh không những nắm được mọi động thái của quan chức Trung Quốc ra vào Lạp Tát, mà thậm chí có lúc còn mượn cơ Tây Tạng không đồng ý để gây khó khăn. Bản thân quan lại của Chính phủ Trung Quốc muốn tới một vùng đất khác thuộc Trung Quốc, lại phải vòng qua nước khác và bị kiểm chế, thật khó mà nhẫn nhục.

Tháng 2-1942 sau khi Tưởng Giới Thạch đi thăm ấn Độ trở về, thấy nước Anh đang bận đối phó với phong trào ấn Độ độc lập ở Châu á, lại càng không đủ lực lượng để can thiệp vào công việc của Tây Tạng, nhân thời cơ có lợi Tưởng Giới Thạch muốn đặt lại quan hệ với Tây Tạng.

Đến năm 1944, tình hình quốc tế có nhiều thay đổi. Tưởng Giới Thạch quyết định lựa chọn một quan chức mà mình tin nhiệm hoàn thành sứ mệnh nói trên. Qua nhiều lần suy nghĩ Tưởng đã nhằm trúng Thẩm Tông Liêm bí thư tổ 4 Phòng thị tùng.

Thẩm Tông Liêm năm xưa tốt nghiệp ở Trường Đại học Thanh Hoa, đã từng lưu học tại Mỹ. Trong ấn tượng của Tưởng Giới Thạch, Thẩm thông minh tài cán, nhiều mưu lược. Khi Quách Thái Kỳ làm Bộ trưởng Ngoại giao, thì Thẩm làm trưởng Phòng tổng vụ. Cuối năm 1941, Quách vì tác phong bất chính bị Tưởng Giới Thạch miễn chức. Chức Bộ trưởng tạm thời do Tưởng kiêm nhiệm. Được Trần Bối Lôi chứng nhận, Lý Duy Quả là Bí thư Phòng Thị tùng được điều làm Trưởng phòng Tổng vụ Bộ Ngoại giao, còn Thẩm Tông Liêm thì được điều vào làm Bí thư tổ 4 Phòng Thị tùng.

Thẩm Tông Liêm sau khi đã lọt vào dinh phủ của Tưởng Giới Thạch chuyên tâm nghiên cứu nhiều vấn đề, mấy năm liền bày mưu hiến kế cho Tưởng, có nhiều thành tích, được Tưởng ca ngợi, trong đó có một bản ý kiến thư, bàn luận với Tưởng Giới Thạch lợi dụng thời cơ trước mắt, tăng cường quan hệ với Tây Tạng. ý kiến ấy đánh trúng suy nghĩ của Tưởng. Ngoài ra, trong khi làm Bộ trưởng Ngoại giao Thẩm Tông Liêm đã từng cùng đặc sứ Đối Quí Đào đi thăm Miến Điện và ấn Độ, tương đối hiểu biết về tình hình ấn Độ. Đối cũng đã từng tán dụng Thẩm Tông Liêm là suy nghĩ kín kẽ, mạnh dạn và có hiểu biết ngay trước mặt Tưởng Giới Thạch. Điều đó đã gây cho

Tưởng những ấn tượng tốt đẹp. Cho nên lần này uỷ thác cho Thẩm Tông Liêm đi sứ Tây Tạng, cũng có duyên cớ.

Mùa xuân 1944, Chính phủ Quốc Dân Đảng sau khi công bố việc uỷ thác Thẩm Tông Liêm nhận sứ mệnh làm trưởng phòng biện sự thường trú tại Tây Tạng, Tưởng liền triệu kiến Thẩm Tông Liêm bàn bạc kỹ càng. Trong lúc chuyện trò, Tưởng đặc biệt nhấn mạnh chuyển đi công cán Tây Tạng lần này nhiệm vụ nặng nề, sứ mệnh trọng đại, mong muốn trong điều kiện không làm cho chính quyền Anh-án nghi ngờ, Thẩm cố gắng hoàn thành tốt đẹp 4 nhiệm vụ sau đây:

- Một là, tuyên truyền thực lực và quyết tâm hoà bình thống nhất Trung Quốc của Trung ương. Chỉ rõ, Trung, Mỹ, Anh, Xô đã kết thành đồng minh, kháng Nhật tất thắng. Trung Quốc đã trở thành một trong bốn cường quốc trên thế giới ngày nay. Trên cơ sở ấy, nói rõ với Chính phủ địa phương Tây Tạng về ý chí kiên định thống nhất Trung Quốc và niềm tin đạt được mục đích ấy của Tưởng Giới Thạch.

- Hai là, khẳng định tình cảm hữu thiện và thái độ tôn trọng của Chính phủ Trung ương đối với nhân dân Tây Tạng. Chỉ rõ là Anh đang bị khốn quân về phong trào ấn Độ độc lập, hiện nay không còn đủ sức phù trợ Tây Tạng. Tây Tạng chỉ có tăng cường liên hệ với nội địa, hợp thành một khối thống nhất mới có được tiền đồ sáng sủa.

- Ba là, mong muốn phía Tây Tạng đồng ý thực hiện sửa chữa tuyến đường mà trước đây phái viên Chính phủ Trung ương đã xem xét, công lộ Khang-Tạng, hễ chiến tranh kết thúc là tu bổ ngay, nhanh chóng mở mang cục diện giao thông ách tắc giữa nội địa và Tây Tạng.

- Bốn là, để tăng cường hợp tác hữu hảo song phương, có kế hoạch xây dựng Cục Điện báo, ngân hàng, bệnh viện, và mở rộng hoặc bổ sung qui mô số lượng trường tiểu học hiện có.

Ngoài ra, Tưởng Giới Thạch đáp ứng sẽ rút ra một khoản đặc biệt tính bằng vàng, ngoại tệ làm kinh phí hoạt động cho Thẩm Tông Liêm về những công việc này. Phàm khi gặp những công việc quan trọng cơ mật, Thẩm có thể trực tiếp điện xin chỉ thị Tưởng Giới Thạch, không cần qua Uỷ ban Mông-Tạng. Vì vậy, tổ cơ yếu Phòng Thị từng cấp riêng một bản mật mã để Thẩm sử dụng.

Từ đây có thể thấy được, Thẩm Tông Liêm đi sứ khác với nhiệm vụ bình thường. Tuy nhiên về danh nghĩa vẫn gọi là Trưởng phòng Biện sự thường trú tại Tây Tạng như trước đây, sợ rằng, gọi là đặc phái viên sẽ làm cho chính quyền

Anh-Ấn và Chính phủ địa phương Tây Tạng nghi ngờ mà thôi.

Trung tuần tháng 4-1944, chuyến đi của Thẩm Tông Liêm chia làm hai nhóm đi máy bay khách từ Trùng Khánh tới Cancútta Ấn-Độ. Tiếp theo, Thẩm Tông Liêm dẫn một tuý viên đi thăm Niudêli, lúc này Ấn Độ làm thay công việc Đại sứ quán tại đây. Khi Thẩm Xương Hoán Bí thư thứ 2 công thực cùng với Thẩm Tông Liêm tới hội kiến Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Anh-Ấn Sir Caroe được đón tiếp rất ân cần. Khi bàn tới địa vị của Tây Tạng Caroe thừa nhận Trung Quốc có chủ quyền chính đối với Tây Tạng, còn Thẩm Tông Liêm thì nhấn mạnh Trung Quốc sử dụng với Tây Tạng là chủ quyền lãnh thổ, không phải là chủ quyền chính.

Lúc này Trung Quốc là một trong bốn nước đồng minh lớn chống phát xít, thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Nhật mà Trung Quốc sẽ giành được, tất nhiên sẽ ảnh hưởng to lớn trực tiếp đối với phong trào độc lập của Ấn Độ và tình hình toàn Châu Á. Cho nên lúc này Chính phủ Anh-Ấn liền thay đổi thái độ lạnh nhạt trước đây, rất coi trọng việc Chính phủ Quốc Dân đảng cử Thẩm Tông Liêm tới thường trú tại Lạp Tát.

Thẩm Tông Liêm rời Niudêli trở về Cancutta không lâu, qua thành Cátluân liền trở về Lạp Tát.

Dưới sự hướng dẫn của Lý Quốc Lâm trưởng khoa tiếng Tạng Phòng biện sự thường trú tại Tây Tạng hơn 10 năm, Thẩm Tông Liêm lần lượt tới chào các quan chức của Chính phủ địa phương Tây Tạng gọi là Cát Hạ, Kham bố chùa Tam Đại và thượng hạ mật viện (tức là sư chủ quản trong chùa Lạt ma), cùng các Phật sống lớn nhỏ; tặng họ nhiều lễ vật, cá biệt còn mời dự tiệc. Ngoài ra lại ban phát bố thí cho các hoà thượng chùa Tam Đại và hai mật viện. Cuối cùng hẹn ngày đi yết kiến Đạt Lai. Lúc này Thẩm Tông Liêm hoạt động ở Tây Tạng rất mạnh mẽ, võ nghệ thật cao cường, khiến các nhân vật cao cấp Lạp Tát phải có cách nhìn khác trước, tình cảm giữa Hán và Tạng cũng do đó mà tốt đẹp hơn xưa.

Còn có một việc cần phải nhắc tới: Thẩm Tông Liêm đến năm thứ 2 sau khi nhậm chức, chính là thời kỳ ông ta thúc đẩy quan hệ giữa nội địa Tây Tạng đạt tới đỉnh cao. Ngày 14-8 đài phát thanh truyền báo tin vui Nhật đã đầu hàng, cuộc kháng chiến của Trung Quốc thắng lợi, Phòng Biện sự pháo nổ rền vang, quốc kỳ bay cao trên đỉnh ốc, bốn bể cờ các nước và cờ màu rợp trời. Hơn 400 người dân tộc Hán Hồi sống ở Lạp Tát rầm rập loan báo cho nhau, tự động tụ tập trước sân phòng biện sự hoan hô chúc tụng và tổ chức nước được điều hành. Ngày hôm sau, Thẩm Tông Liêm mở tiệc ăn mừng, các

kham bố Phật sống của những chùa lớn, cát luân, đại diện Chính phủ địa phương Tây Tạng đều tới tham dự; đại biểu Anh-ấn, Nêpan thường trú tại Lạp Tát cũng đến chúc mừng.

Đương khi đắc chí, Thẩm Tông Liêm lại nhớ tới câu nói của Caroe về vấn đề chủ quyền, càng thấm thía nhận ra dư vị trong đó. Do vậy, ông ta quyết tâm nắm chắc thời cơ nhân đà tiến tới. Chẳng bao lâu, một bức điện tuyệt mật đích thân ông ta thẩm duyệt gửi Tưởng Giới Thạch đã được phát từ Lạp Tát về Phòng Thị tùng Tàng Gia Nham Trùng Khánh.

Qua suy nghĩ kỹ càng, trong bức điện Thẩm Tông Liêm đã mạnh dạn nêu ra hai ý kiến quan trọng.

Thứ nhất: Để tăng cường quan hệ với Tây Tạng, phải khống chế thật chặt Tây Tạng, để Tây Tạng không ngã theo phía Anh - ấn. Việc làm cấp bách là phải nhanh chóng tu sửa quốc lộ Khang-Tạng tương tự như con đường Diên-Miến; mà muốn tiến hành công trình to lớn này, trước hết phải xóa bỏ cục diện cát cứ Tây Khang của Lưu Văn Huy, và trên cơ sở cải tổ triệt để chính quyền Tứ Xuyên, sẽ sát nhập tỉnh Tây Khang vào Tứ Xuyên; cử một đại diện Trung ương (như Ngô Trung Tín), dẫn một đội quân (ông ta kiến nghị sử dụng một bộ phận quân lực của Hồ Tông Nam) trấn giữ một vùng Thành Đô, Tây Xương, Khang-Định sẽ dựa vào lực lượng quân ấy nhanh chóng sửa thông quốc lộ này.

+ Thứ hai. Lợi dụng ảnh hưởng chuyển thăm ấn Độ lần trước của Tây Tạng, Liên Hợp Quốc ủng hộ ấn Độ độc lập đồng thời hội đàm giữa phái viên Trung ương Quốc Dân Đảng với Đảng Quốc đại ấn Độ, đính ước hiệp định không chính thức, làm rõ mối quan hệ giữa ấn Độ sau khi độc lập, với Tây Tạng, phải thừa nhận Tây Tạng là một bộ phận lãnh thổ của Trung Quốc.

Tưởng Giới Thạch xem xong, trao bức điện cho Trần Bối Lôi, yêu cầu Trần Hội Quân nghiên cứu cẩn thận. Sau đó, khi Tống Tử Văn đi London tham gia Hội nghị Ngoại trưởng 4 nước Trung, Mỹ, Anh, Xô, thừa cơ thăm dò thái độ của Anh đối vấn đề Tây Tạng. Còn nước Anh chỉ biểu thị vấn đề ấn Độ độc lập là vấn đề trọng đại họ đang phải đối mặt, không có thời gian quan tâm đến việc khác.

Đồng bào Tây Tạng mong chờ giải phóng

Hành động đi ngược trào lưu lịch sử, âm mưu gọi là “Tây Tạng độc lập” trái với nguyện vọng nhân dân Trung Quốc bị nhân dân các dân tộc Triều Tiên lên án và trừng phạt.

Những người bất bình phần nộ đầu tiên với âm mưu “Tây Tạng độc lập” đó là các tầng lớp nhân sĩ yêu nước, các dân tộc Tây Tạng và nhân dân các tỉnh đồng dân tộc Tạng như Cam Túc, Thanh Hải, Tứ Xuyên.

Ngày 1-10-1949, ngày thành lập nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Ban Thiển một trong hai đại giáo chủ Hoàng giáo Tây Tạng, từ Thanh Hải gửi điện mừng tới Chủ tịch Mao Trạch Đông và Tổng tư lệnh Chu Đức, “Chính phủ nhân dân Trung ương thành lập, những người có tâm huyết cùng nhau cố vũ. Từ nay về sau nhân dân có thể đón chờ an lạc, đất nước có hy vọng phục hưng. Tây Tạng giải phóng sắp được thực hiện. Ban Thiển xin thay mặt nhân dân Tây Tạng gửi tới các ngài lời chào cao cả, và bày tỏ lòng nhiệt thành ủng hộ và kính trọng”.

Một ngày cuối tháng giêng năm 1950 đang độ tuyết rơi, Văn phòng hội nghị Kham Bố Ban Thiển lại một lần nữa thay mặt Nhân dân Tây Tạng yêu nước gửi điện tới Chính phủ nhân dân Trung ương:

Được tin chính quyền phản động Lạp Tát ở Tây Tạng, lấy danh nghĩa là “Đoàn đại biểu thân thiện”, cử đại biểu phi pháp đi vận động các nước Anh-Mỹ, biểu thị “Tây Tạng độc lập”, ý đồ cấu kết với đế quốc, chống lại Chính phủ Nhân dân Trung Quốc, để đạt tới âm mưu chia cắt Trung Quốc bán rẻ Tây Tạng. Tây Tạng gắn liền với lãnh thổ Trung Quốc, được thế giới công nhận, nhân dân Tây Tạng cũng tự nhận mình là một trong các dân tộc Trung Hoa. Ngày nay chính quyền Lạp Tát hành động như vậy, thực là phá vỡ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ quốc gia, đi ngược lại ý chí nhân dân Tây Tạng. Xin thay mặt nhân dân Tây Tạng, kính mong sớm cử nghĩa binh giải phóng Tây Tạng, củng cố quốc phòng Tây nam, giải phóng nhân dân Tây Tạng. Chúng tôi nguyện lãnh đạo nhân dân yêu nước, kêu gọi nhân dân Tây Tạng phối hợp cùng quân Giải phóng phấn đấu đến cùng cho nhân dân và Tổ quốc.

Ích Tây Sở thân thay mặt cho thế lực yêu nước “nóng bỏng” trước đây chạy khỏi Tây Tạng lưu vong trong nội địa, tới bãi kiến đại biểu Trung ương ở Tây Ninh, nhiều lần khóc lóc “chân thành đề nghị quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc nhanh chóng tiến vào Tây Tạng, cứu đồng bào trong nước sôi lửa bỏng, để Tây Tạng được trở về trong lòng Tổ quốc!”

Ngày 21-11-1949, Chủ tịch Mao Trạch Đông, Tổng tư lệnh Chu Đức điện trả lời Ban Thiển, trong điện văn có nói:

Nhân dân Tây Tạng yêu Tổ quốc mà phản đối nước ngoài xâm lược, họ không vừa lòng với chính sách của Chính phủ phản động Quốc Dân Đảng, mà mong muốn trở thành một thành viên trong đại gia đình Trung Quốc mới,

thống nhất giàu mạnh, các dân tộc hợp tác với nhau bình đẳng, Chính phủ Nhân dân Trung Quốc và quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc nhất định làm thỏa mãn ý nguyện ấy của nhân dân Tây Tạng.

Trước mùa xuân 1950, với khí thế ngọn cờ của quân Giải phóng nhân dân các khu vực dân cư người Tạng trong 5 tỉnh Tứ Xuyên, Thanh Hải, Cam Túc, Tây Khang và Vân Nam đã hoàn toàn được giải phóng, chính quyền mới của nhân dân tiếp tục được xây dựng.

Tiếp theo sự kiện “xua đuổi người Hán”, bọn gián điệp Mỹ vào Tây Tạng hoạt động bí mật, kích động Tây Tạng thành lập một đội quân kỹ thuật. Tiếp nhận bọn chúng huấn luyện, cản trở quân Giải phóng tiến vào Tây Tạng. Chính quyền Tây Tạng đề nghị Mỹ “viện trợ” một tỷ đôla và cung cấp loại vũ khí sử dụng trong đại chiến thứ 2. Tiếp đó, chuyển vũ khí đầu tiên của Mỹ đã qua Cancúttá ấn Độ chuyển tới Lạp Tát, tư lệnh quân Tây Tạng đích thân dẫn người tới doanh trại quân ấn tại Giang Tư để huấn luyện...

II. QUÂN GIẢI PHÓNG NHÂN DÂN TIẾN VÀO TÂY TẠNG

Viên ngọc sáng ở biên thùy tây nam

Chỉ sau tháng thứ 2 sau ngày thành lập nước, vị thống soái nước cộng hoà mới ra đời chuẩn bị hành trang cho một chuyến thăm đầu tiên.

Ngày 16-12-1949, đoàn xe đặc biệt chở Mao Trạch Đông đi Liên Xô bắt đầu xuất phát. Đoàn xe mang biển hiệu 9002 gồm 3 toa, toa đầu là đại đội cảnh vệ, toa sau là hậu cần, Mao Trạch Đông và những người cùng đi ở toa giữa. Cùng đi với Chủ tịch Mao Trạch Đông có Trần Bá Đạt uỷ viên dự khuyết Trung ương Đảng Thư ký chính trị của Chủ tịch nước, Sư Triết là phiên dịch, Diệp Tử Long Thư ký cơ yếu, Uông Đông Hưng Phó Chủ nhiệm văn phòng Trung ương kiêm trưởng đoàn cảnh vệ Trung ương, Còvalép Tổng cố vấn Liên Xô đang công tác giúp đỡ Trung Quốc cũng đi theo. Phụ trách công tác bảo vệ tuyến đường Trung Quốc có Đảng Đại Viễn Bộ trưởng Bộ Đường sắt, Dương Kỳ Thanh Thứ trưởng Bộ Công an, Phùng Kỷ Cục trưởng Cục công an đường sắt. Từ Bắc Kinh đến Mãn Châu Lý, dọc theo đường sắt cứ 1 km bố trí một trạm canh. Thủ tướng Chu Ân Lai kêu gọi GGăng, chính quyền, quân đội các địa phương dọc đường, nhất định phải bảo đảm an toàn tuyệt đối cho Chủ tịch Mao Trạch Đông, không để xảy ra chuyện gì đáng tiếc.

5 giờ chiều, đoàn xe đặc biệt dừng tại ga Sơn Hải quan, trước cảnh

“Thiên hạ đệ nhất quan” hùng vĩ, Mao Trạch Đông khoan khoái hít thở không khí trong lành, quyết định xuống ngắm cảnh.

Ông khoác áo dạ, chân đi giày vải mũi vuông, tay kẹp thuốc lá thơm, từ trong toa bước tới Thứ trưởng Dương Kỳ Thanh khiêm tốn tươi cười nói: “Công an đại thần, tàu dừng tại đây bao lâu!”

“Thưa, nửa giờ ạ” Dương Kỳ Thanh trả lời.

“Ồ, xuống tham quan một chút được không?” Mao Trạch Đông nói với giọng thương lượng.

Dương Kỳ Thanh thấy Mao Trạch Đông xuống tàu, liền nói với Uông Đông Hưng ngồi cạnh: “Ngoài trời gió to, anh đưa thêm áo cho Chủ tịch!”, sau đó vẫy gọi Đảng Đại Viên, Phùng Kỳ trong toa rồi bước xuống trước.

Tại ga vì có chuyến tàu đặc biệt dừng bánh, bỗng rộn rã hẳn lên.

Các nhân viên trực ban trên ga, trong phòng đợi, chợt nhìn thấy một thủ trưởng đi giữa gât đầu chào mọi người. A, Mao Trạch Đông! Đúng Mao Chủ tịch rồi! Một dòng chảy ấm áp hạnh phúc bỗng trào dâng trong tim họ, họ đang muốn hoan hô vang dậy, song nhìn qua ánh mắt bình tĩnh nghiêm nghị của người cảnh vệ đứng trước và đôi môi mím chặt của anh ta, họ hiểu ý đành nén lại trong lòng; chỉ bằng ánh mắt của mình biểu lộ tình cảm tôn kính chân thành hướng về lãnh tụ...

Mao Trạch Đông đứng cạnh đường mời các đồng chí phụ trách địa phương lên tàu, làm việc điều tra nghiên cứu.

Với phong độ vui vẻ sinh động, Người bỏ qua mọi nguy hiểm cá nhân!

Ngày 9-12, đoàn tàu đặc biệt của Mao Trạch Đông tới thành phố Mãn Châu Lý, dừng ngay tại vùng thảo nguyên mênh mông; vì đường sắt Trung Quốc cỡ hẹp, đường sắt Liên Xô cỡ rộng, cho nên phải chuyển tàu.

Ngay tại ga biên giới Liên Xô, đã có một đoàn tàu cao cấp, đặc biệt chờ sẵn đón tiếp Mao Trạch Đông, một đoàn xe trang bị khá đầy đủ. Trên xe có đủ phòng họp, phòng ngủ, phòng nghỉ và phòng tắm, không khí thoáng rộng đường hoàng. Những người lãnh đạo Đảng, chính quyền quân đội ở Chăuchita thuộc Liên Xô và Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Liên Xô ra tận biên giới đón tiếp Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông bước tới lần lượt thân thiết bắt tay những người ra đón, sau giây phút thăm hỏi, lại tiếp tục lên tàu Liên Xô.

Vùng hàn lưu Xibêri thật nổi tiếng, những người khách Trung Quốc lần đầu tiên tới đây không để ý trên nóc tàu, cửa tàu đã bắt đầu treo những chuỗi hoa sương trong suốt, lấm tấm long lanh rung động.

Nhìn ngoài trời tuyết rơi trắng xóa, Mao Trạch Đông búng nhẹ đầu tàn

thuốc lá, tự như : “Xibêri.... băng tuyết muôn trùng Tây Tạng có lẽ cũng như vậy...”

Mao Trạch Đông suy nghĩ từ Mãn Châu Lý cho tới dãy Himalaia như một đường chéo góc trên bản đồ Trung Quốc.

Tây Tạng - viên ngọc sáng của biên thùy Tây nam Tổ quốc.

Đối với những người chưa hiểu biết gì về nó: Tây Tạng đi liền với những ngọn từ đất trời băng tuyết, cây cỏ hoang vu, thâm nghiêm giá lạnh, rừng rợn thê lương. Thực ra là một “ngoại thế đảo nguyên” muôn màu muôn vẻ, cảnh sắc mê người.

Nhìn về thế hình địa lý và điều kiện khí hậu, cao nguyên Tây Tạng 1 triệu 20 vạn km², có thể chia ra vùng núi Himalaia, cao nguyên bắc Tạng, thung lũng nam Tạng, cao nguyên miền tây và lưu vực Tam Giang miền đông... Mỗi vùng đều có cảnh quan tự nhiên khác lạ, tình cảm hứng thú đặc thù.

Ở vùng ven phía nam Tây Tạng, dãy núi Himalaia sừng sững khí thế chập chùng. Trong 14 ngọn núi cao trên 8000 m thì tập trung tại đây 9 ngọn. Trong đó có ngọn Trômôlungma (núi Thánh mẫu) cao nhất thế giới, lừng danh thiên hạ.

Thảo nguyên bắc Tạng mệnh mông cao từ 4500 đến 4800m so với mặt biển. Thảo nguyên bát ngát, hoang mạc mệnh mông cùng các loài dê cỏ và ly ngư chỉ có ở Tây Tạng. Độ cao ấy cũng tạo ra mùa đông dằng dặc và “ngày hạ chết non”. Trong 6 tháng mùa hè, mà cũng thường thấy đôi lúc tuyết rơi.

Thảo nguyên bắc Tạng là một vùng nhiều đầm hồ thuộc cao nguyên nổi tiếng trên thế giới, có tới hơn 30 hồ có diện tích 400 km²; còn các đầm hồ nhỏ không sao kể xiết. Những đầm hồ ấy đều cao hơn mặt biển tới hơn 4000 mét. Vì vậy cũng là khu cao nguyên cao nhất hành tinh.

Tây Tạng cổ đại gọi là Thổ Phồn. Từ pháp luật Thổ Phồn cho tới “Thập tam pháp điển”, “Thập lục pháp điển” pháp luật phong kiến lịch đại ngày xưa đều qui định:

“Con người có 3 bậc thượng, trung, hạ, mỗi bậc lại chia thành 3 cấp thượng, trung, hạ”. Trong đó bậc thượng đẳng bao gồm vua Tạng, Phật sống lớn nhỏ và quý tộc; bậc trung bao gồm thương nhân, chủ chăn nuôi và viên chức; bậc hạ đẳng gồm nông dân, thợ rèn và thợ sát sinh.

“Người có phân chia đẳng cấp, vì vậy giá nhân mạng cũng có thấp cao”. Giá nhân mạng của ông vua do pháp luật qui định: “Người Hồ giết hại Nhã Tư Vương, giá mạng tính bằng vàng theo thi thể; nông dân sát hại Cát Tát Vương, bồi thường tính không rõ”, giá mạng người bậc trung qui định “300

lạng đến 400 lạng vàng”. Cấp hạ đẳng, pháp luật qui định: “Người đi săn, thợ rèn, người sát sinh, bị hại giá mạng là một sợi dây thừng”.

Về mặt quan hệ pháp luật hình sự, “Người thấp hèn và người quyền quý tranh chấp thì bị bắt” (Điều 3 “thập tam pháp điển”) “Người bị thương cao thấp có phân biệt: dân làm cho quan thương tích, xem xét tình trạng gãy chân tay; chủ quá tay gây nô bộc thương tích, chữa khỏi không phải xét tội. Chủ đánh nô bộc bị thương không phải bồi thường” (Điều 8 “thập tam pháp điển”). Trong “thập tam pháp điển” điều 4 về luật trọng tội nhục hình qui định gồm có: móc mắt, chặt chân, cắt lưỡi, bẻ tay, đẩy xuống vực, dìm chết đuối, xử tử. Những nhục hình tàn khốc này dùng chấn áp nông nô và nô lệ. Ai qua vùng Tây Tạng, có dịp sẽ thấy những mặt trống bịt bằng da người, cái dao (tịch) làm bằng xương chân nữ nô lệ, cái bô bịt vàng làm bằng xương sọ nô lệ.

Theo thống kê của nhà nước Quốc Dân Đảng trước đây, Tây Tạng có khoảng một triệu dân, chia ra hai giai cấp đối lập: một là giai cấp chủ nô chiếm khoảng 5% dân số, tức là ba loại đại lãnh chúa quan gia (Chính phủ phong kiến địa phương), đền chùa và quý tộc, 3 loại lãnh chúa ấy xây dựng hàng nghìn nông trang, mục trường trên cao nguyên mênh mông của Tây Tạng, chiếm hữu toàn bộ đất đai đồng cỏ, tuyệt đại đa số súc vật và toàn bộ nô lệ; hai là nông nô chiếm khoảng 90% dân số và nô lệ khoảng 5%, nông nô không có ruộng đất, chỉ có dựa vào đất đai của chủ nô, bắt buộc phải lao động nặng nhọc cho chủ nô, chịu tạp dịch và tô thuế nặng nề; nô lệ thì không những không có ruộng đất và gia súc, mà còn không có cả quyền lợi con người.

Chủ nông nô sử dụng một phần đất đai phì nhiêu làm “đất tự doanh”, lợi dụng sức lao dịch không công để tiến hành canh tác, hoặc do nô lệ cấy trồng; còn một phần ruộng đất nữa gọi là “sai địa” dùng hình thức địa tô hiện vật và địa tô lao dịch cho nông nô thuê cấy trồng. Người nông nô bị ràng buộc vào ruộng đất của chủ nô, ngoài việc nộp tô hiện vật hàng năm cho chủ nô ra, còn phải gánh chịu sai dịch và thuế khóa nặng nề, nhiều nông nô và nô lệ chịu không nổi áp bức bóc lột đã chạy trốn tháo thân, khi họ bị bắt thì phải chịu bao cực hình, cắt tay, chặt chân, khoét mắt, rút não.

Vay nợ lãi ở Tây Tạng hết sức ghê người. Theo điều tra ở Lạp Tát, Sơn Nam, Hắc Hà, Xương Đô, Giang Tư thì 70% đến 80% nông nô mắc nợ, có nơi tới trên 90%. Đền chùa là chủ nợ lớn nhất, lãi suất thường là vay 4 trả 5 (25%).

Chế độ chính trị kinh tế ở Tây Tạng như thế nào. Chế độ nông nô phong kiến

đã man lạc hậu cực đoan ấy còn có thể cho phép tiếp tục tồn tại nữa không? Không! Mao Trạch Đông lắc đầu kiên quyết. Sự kiện xua đuổi người Hán ở Tây Tạng mấy tháng trước, giờ đây lại lớn vồn trong đầu óc Người.

Mao Trạch Đông chỉ đạo từ xa

Do thế lực phản động quốc tế can thiệp, vấn đề Tây Tạng ngay từ đầu đã rối ren phức tạp, mà lại bức thiết phải giải quyết ngay trước mắt. Tàu vẫn lấn bành ẩm ẩm rung chuyển, Mao Trạch Đông thì luôn tay búng thuốc gạt tàn. Ông lật từng trang tập tài liệu về Tây Tạng mang theo, trầm tư suy nghĩ về bức thư gửi Trung ương Đảng: “Để không lỡ thời cơ giải phóng Tây Tạng, đánh tan dã tâm mở rộng xâm lược của bọn đế quốc, thúc đẩy Tây Tạng chuyển hóa theo nội địa, tiến quân vào Tây Tạng nên sớm, không nên muộn, càng sớm càng có lợi, nếu không thì, đêm càng dài mộng càng nhiều”.

Thư nhanh chóng được gửi tới Bành Đức Hoài Phó tổng Tư lệnh ở quân khu Tây Bắc.

Bành Đức Hoài hết sức sốt ruột. Bởi vì trước khi đi thăm Liên Xô (23-11) Mao Trạch Đông đã điện hạ lệnh cho ông tiến quân vào Tây Tạng: giải quyết vấn đề Tây Tạng cần tranh thủ hoàn thành vào mùa thu hoặc mùa đông năm tới. Căn cứ tình hình hiện tại, nên yêu cầu Cục tây bắc gánh trách nhiệm chủ yếu, còn Cục tây nam thì gánh trách nhiệm thứ yếu. Bởi vì tây bắc kết thúc chiến tranh sớm hơn tây nam, đường từ Thanh Hải đi Tây Tạng nghe nói bằng phẳng dễ đi, Ban Thiển và tùy tùng lại ở Thanh Hải. Giải quyết vấn đề Tây Tạng không xuất binh là không thể được, xuất binh đương nhiên không chỉ là một đường tây bắc, còn phải có một đường tây nam... Đánh Tây Tạng phải cần tới 3 quân đoàn, phân phối như thế nào ai chỉ huy hiện nay vẫn còn khó quyết định. Nhưng Cục tây bắc cần gấp rút vạch kế hoạch về vấn đề chuẩn bị của cán bộ nhân dân Tây Tạng và những vấn đề khác cần chú ý hiện nay.

Sau khi nhận được điện báo, Bành Đức Hoài, con người quả cảm đã từng tham gia không biết bao nhiêu trận đánh lớn ác liệt, nhìn thấy mà không tiến lên được. Ông không bao giờ sợ khó khăn gian khổ, cũng không có thói quen che giấu tâm tư. Khi ông đã tức giận thì mọi người xung quanh nhón chân mà đi và nên tránh xa ánh mắt của ông khi ấy. Sau khi được Bộ trưởng liên lạc Phạm Minh đi điều tra ông càng tin tưởng hơn, trước kia quân đội từ tây bắc tiến vào Tây Tạng chưa hề thành công, vậy trong điều kiện gấp gáp, chúng ta nắm chắc được bao phần thắng lợi?

Bức điện của Mao Trạch Đông còn nóng bỏng trong tay, Bành Đức

Hoài sùi bọt mép. Ông chấp tay sau lưng đi đi lại lại trong phòng. Ngày 30-12 ông báo cáo thực tế:

Báo cáo Trung ương cùng Mao Chủ tịch:

.....Từ Bu Điền, Hòa Điền vượt qua núi Côn Luân đến Hắc Hà biên giới Tây Tạng qua Diêm Hồ cần 17 ngày, toàn đường nhỏ, la ngựa không đi được, vắng bóng người đi. Nghe nói từ Hắc Hà qua Diêm Hồ đến Lạp Tát đi ngựa phải 40 ngày, nói gọn cần 2 tháng. Từ Nam Cương vào Tây Tạng rất khó khăn. Máy bay vượt qua núi Côn Luân cũng phải có thiết bị đặc biệt. Riêng con đường ruột Kasigơ qua Puli, phía đông cao nguyên Pamia thổ ngựa đi được, nhưng phải qua đất ấn Độ từ phía đông vào Tây Tạng. Phía Bắc đường đi tốt. Nhưng vì hạn chế về chính trị nên không có khả năng... nếu nhiệm vụ vào Tây Tạng qui về tây bắc, thì phải trú quân trữ lương thực tại Hoà Điền, Vu Điền, Ngọc Thụ, tu sửa đường sá, hoàn thành việc chuẩn bị vào Tạng, cần phải hai năm...

Mao Trạch Đông ở Mátxcova, vì không thông với cách suy nghĩ của Stalin, tinh thần không thoải mái, ông trút nỗi bực dọc với liên lạc viên Liên Xô, nói là các bạn mời tôi tới Mátxcova, mà chẳng được việc, tôi đến để làm gì? Lẽ nào tôi tới đây để ăn uống, tiêu hóa, ngủ nghỉ? Thông tấn xã Anh còn rêu rao là Stalin đã giam lỏng Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông nhận được điện của Bành Đức Hoài, xem đi xem lại nhiều lần, lòng ông nặng trĩu. Những việc mà Bành Đức Hoài đã điều tra kỹ lưỡng, ông tin là không sai, từ tây bắc đi vào Tây Tạng là không thể được, chỉ có thể tiến quân từ phía tây nam. Nhưng Lưu, Đặng vào đóng giữ tây nam, trụ chân chưa vững, trước mắt lại bận tiểu phi. Nhưng địa vị quốc tế của Tây Tạng cực kỳ quan trọng, cần phải giải phóng, chỉ có nhờ tới Lưu, Đặng, Hạ thôi. 4 giờ sáng ngày 2-1, khi người cảnh vệ đi ra đổ tàn thứ hai đẩy áp những mẫu thuốc, Mao Trạch Đông vươn vai thư giãn, trao bức điện cho thư ký hoá tốc chuyển về nước.

Điện gửi cho Trung ương, Bành Đức Hoài, và chuyển tiếp tới Tiểu Bình, Bá Thừa và Hạ Long, nội dung như sau:

Từ Thanh Hải và Tân Cương tiến quân về Tây Tạng khó khăn rất lớn, nhiệm vụ tiến quân vào Tây Tạng và trừ liệu mọi việc ở Tây Tạng cần xác định do Cục tây nam đảm nhận.

... ý tôi là nếu không còn khó khăn nào mà không khắc phục được nữa thì nên tranh thủ bắt đầu tiến quân vào Tây Tạng ngay trung tuần tháng 4 năm nay, giải phóng Tây Tạng trước tháng 10. Vì vậy tôi kiến nghị: 3 đồng chí Lưu, Đặng, Hạ Long trong thời gian sắp tới (ví dụ trung tuần tháng 10) họp

bàn một lần, quyết định các vấn đề cán bộ phụ trách bộ đội vào Tây Tạng và lo liệu công việc ở Tây Tạng, đồng thời bắt đầu bố trí ngay mọi việc...

Mao Trạch Đông cũng cảm thấy còn khiêm khuyết, sau bức điện, lại ghi thêm:

Tây nam vừa mới giải phóng, công việc của các đồng chí Cục Tây nam rất bận rộn, hiện tại lại trao thêm nhiệm vụ vào Tây Tạng, nhưng vì nhiệm vụ quan trọng, lại mang tính chất thời gian, cho nên phải làm theo kiến nghị trên. Những kiến nghị trên có tiến hành được hay không, đề nghị Cục Tây nam tính đoán rồi điện trả lời cho biết.

Đặng Tiểu Bình chỉ định Trương Quốc Hoa

„ Tại Tăng Gia Nham Trùng Khánh, Lưu Bá Thừa và Đặng Tiểu Bình nhận được điện của Mao Trạch Đông, xem đi xem lại vài lần. Lưu Bá Thừa có vẻ “văn” hơn, lúc nghỉ ngơi tay không rời sách, tựa vách đá xem tới vài giờ. Có người gọi vui là “bà mẹ già” đương nhiên là chỉ nhìn bề ngoài thôi, còn cái tên gọi “thần chiến chột mắt” từ xưa đã nổi tiếng gần xa; còn Đặng Tiểu Bình một dũng khí anh tài rất bản khoả không biết nên cử ai xuất binh Tây Tạng đây?

Bộ đội tập đoàn 2 đã chiến đúng là không thiếu: 3 binh đoàn, 9 quân đoàn. Nhưng trước mắt đã chiếm lĩnh tỉnh Tây Khang yên ổn, chẳng phải là bộ đội cũ của tập đoàn 2 đã chiến, mà là quân đoàn 62 của Hạ Long. Nhìn về vị trí địa lý, kinh tế và thời gian, thích hợp nhất là quân đoàn này. Song hai ông đã thoáng bỏ qua suy nghĩ ấy, công việc gian khổ nhất vẫn phải là do bộ đội của mình chấp hành. Họ lại lần lượt rút ra chín quân đoàn của mình, cho rằng khả năng chiến đấu của quân đoàn 10 mạnh nhất, cử đi là thích hợp. Đáng tiếc là Đỗ Nghĩa Đức, quân đoàn trưởng sức khỏe gần đây giảm sút, vào Tây Tạng sẽ rất khó khăn.

“Cho địa chủ đi vậy nhé!”, Đặng Tiểu Bình hút thuốc đã tẽ lưỡi, dúi tắt mẩu thuốc, xua làn khói bay nói một câu “lạ tai”. Lưu Bá Thừa nghe nói mập mờ, vội hỏi: “Ai?”

“Trương Quốc Hoa”

Lưu Bá Thừa cười vui vẻ: “Tôi cũng đang dự định ông ta, được, hãy để ông ta đi”.

Tham gia Hồng quân vừa tròn 15 năm, đã kinh qua trường chinh, đã từng quần đảo với quân Tưởng Giới Thạch đông gấp 10 mình, chiến công hiển hách, là quân đoàn trưởng quân đoàn 18, lại có kinh nghiệm phong phú

mở mang khu mới, Trương Quốc Hoa sao lại là “địa chủ” được?

Cần phải nói tới đội ngũ cán bộ của quân đoàn 18. Quân đoàn này, có không ít cựu Hồng quân và dũng sĩ kháng chiến tương đối nhiều, còn có không ít cán bộ đã kinh qua công tác địa phương lại có cả một số trí thức. Nam Kinh sau khi giải phóng, đòi hỏi một loạt cán bộ đi tiếp quản, nhưng đa số bộ đội còn đang đánh giặc, không tìm được người. Lưu, Đặng, quyết định các trường của các quân đoàn đi tiếp quản Nam Kinh. Tại hội nghị phân công, khi Hiệu uỷ quân đoàn 18 Lâm Lượng nói là nhân viên nhà trường có hơn 4.500 người, cả hội trường ồ lên. Bởi vì con số này đã vượt quá tổng số người của các quân đoàn. Có người thì thăm: “Quân đoàn trưởng Trương giàu quá, đúng là “địa chủ!” cho nên quyết định nhiệm vụ tiếp quản Nam Kinh do trường của quân đoàn 18 đảm nhiệm. Tuy vậy sau đó, lại có thay đổi, trường đó được biên nhập vào binh đoàn 5 đi Giang Tây, Hồ Nam, Quý Châu thu mua lương thực, nhưng biệt danh địa chủ Trương Quốc Hoa đã lan truyền khắp nơi, ngay đến khi Đặng Tiểu Bình nói tới vấn đề cán bộ, cũng nói vui: “Cán bộ của quân đoàn 18 chẳng cần phải lo, Trương Quốc Hoa là địa chủ mà!”

Nhưng hình như Trương Quốc Hoa đang lãnh đạo bộ đội mở mang Tân khu Xuyên Nam, số đông cán bộ đã được cử về các vùng Xuyên Nam làm lãnh đạo huyện thị. Chính uỷ Đàm Quán Tam đã uống rượu tiễn chân của quân đoàn 18, sắp đi thị xã Tự Cống làm Bí thư thị uỷ. Trương Quốc Hoa cũng đã nhận làm Chủ nhiệm thứ nhất hành sở Xuyên Nam. Bộ đội đang đóng quân giữ đất. Ngày 8-1, Thủ trưởng Lưu, Đặng đánh điện ra lệnh: Quân đoàn 18 đóng quân chờ lệnh, Trương Quốc Hoa và các cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp sư đoàn đến ngay Trùng Khánh.

Trương Quốc Hoa giật mình, ông nghĩ ngay rằng: nhiệm vụ có thay đổi!

Ông lên xe hoả tốc đi Trùng Khánh, suốt dọc đường suy nghĩ: Đi đâu nhỉ? Vân Nam chăng? Đây là địa bàn binh đoàn 4. Hay Tây Khang? Binh đoàn 18 đã đóng quân. Hay là đánh Đài Loan? Đã có tập đoàn 3 đã chiến, xem ra 8-9 phần là đi Tây Tạng, bởi vì chỉ có ở đây là trống. Đánh giá của ông quả không sai. Vừa tới Tăng Gia Nham, Lưu, Đặng liền nói với Trương Quốc Hoa về việc Mao Trạch Đông yêu cầu tập đoàn đã chiến 2 tiến quân vào Tây Tạng. Trong thời gian này Lưu, Đặng cũng thấy rằng quân đoàn trưởng của quân đoàn 10 không đi Tây Tạng được, mà để cho Trương Quốc Hoa lãnh đạo bộ đội quân đoàn 10 đi Tây Tạng, kế hoạch không thay đổi, đã quyết định rõ ràng rồi: để Trương Quốc Hoa tuỳ ý chọn 3 sư chủ lực trong tập đoàn đã chiến 2, tổ chức thành 1 sư 3 vạn quân.

Lưu Bá Thừa thấy Trương Quốc Hoa im lặng, liền hỏi:

“Ý kiến của anh thế nào?”

Trương Quốc Hoa trầm tư suy nghĩ. Ông hiểu rất rõ, lực lượng chiến đấu của một quân đoàn tổ chức như vậy không thành vấn đề, nhưng vào Tây Tạng không chỉ có đánh trận, lớn hơn là đấu tranh chính trị, nên đối với một quân đoàn mới chưa quen biết mà nói là đáng lo nhất. Nhưng uẩn khúc tư tưởng quân đoàn 18 của mình cũng không dễ xoay chuyển. Vốn là phải đi Quý Châu, Lưu, Đặng suy nghĩ là quân đoàn 18 sau khi vượt sông bị điều động đi lại nhiều nhất, gian khổ lớn nhất; nửa chừng lại chuyển hướng tiến vào Xuyên Nam đất nước của sự giàu có. Quan quân chưa được phấn chấn, lại phải quay đi 180°, từ mảnh đất thiên phủ mưa thuận gió hoà giàu có phì nhiêu lại đi tới Tây Tạng thần bí, băng tuyết đầy trời. Song, ông càng tin tưởng hơn một đội quân kỳ cựu vẫn luôn theo sát ông cho tới cả sau khi trở về xây dựng tập đoàn dã chiến 2. Ông hạ quyết tâm, ông ngừng cao đầu, ánh mắt ông nhìn thẳng vào Lưu, Đặng: “Tôi vẫn sẵn sàng để quân đoàn 18 làm nhiệm vụ tiến vào Tây Tạng”

Lưu Bá Thừa đưa mắt thăm dò ý kiến của Đặng Tiểu Bình. Đặng Tiểu Bình quay sang hỏi Trương Quốc Hoa:

“Anh cảm thấy đã chắc chắn chưa?”

“Vấn đề không lớn”.

Đặng Tiểu Bình liếc sang Lưu Bá Thừa, Lưu Bá Thừa cười và im lặng. Đặng Tiểu Bình biết cũng đồng tình, liền chỉ thị cho Trương Quốc Hoa: “Chúng tôi định như thế này: báo cáo ngay về Trung ương. Anh còn có khó khăn gì nữa không?”

“Bây giờ thì tôi chưa nghĩ ra”.

Lưu Bá Thừa dặn dò: “Có khó khăn thì phải nói. Cả tập đoàn dã chiến 2 sẽ ủng hộ viện trợ các anh”.

Sau khi Trương Quốc Hoa đi ra, Lưu Đặng điện gấp cho Mao Trạch Đông. Mao Trạch Đông cũng điện trả lời ngay:

Hoàn toàn đồng ý với kế hoạch tiến quân vào Tây Tạng của các đồng chí Đặng, Lưu trong bức điện ngày 7-1. Hiện giờ Anh, ấn và Pakixtan đều thừa nhận chúng ta, tiến quân vào Tây Tạng là có lợi. Theo thời gian tiến quân mà đồng chí Bành Đức Hoài nói là 4 tháng, từ trung tuần tháng 5 (bức điện trước tôi viết 3 tháng là viết nhầm) chỉ cần các đồng chí Lưu, Đặng, Hạ tăng cường đồn đốc Trương Quốc Hoa và quân đoàn 18, trong thời gian này tiến hành được rồi đấy...

Mỹ lợi dụng Liên Hợp Quốc can thiệp vào Tây Tạng

Tháng 1-1950, Cục Tình báo Trung ương Mỹ cử tên gián điệp Laowei Tômát cùng với Sácsun, Đại Trát nhiếp chính Tây Tạng bí mật thương lượng thành lập một “Đoàn đại biểu thân thiện” phi pháp, dự định lần lượt đi Mỹ, Anh, ấn Độ, Nê Pan cầu viện, nghiêm nhiên tô vẽ cho Tây Tạng sớm trở thành dáng vẻ “một nước độc lập”.

Để tăng cường sức mạnh tuyên truyền, Hợp chúng xã của Mỹ phát tin điện khắp thế giới: “Tây Tạng sắp cử đoàn sứ giả thân thiện lần lượt tới Anh, Mỹ, ấn Độ, Nê Pan và Bắc Kinh tuyên bố độc lập”.

Ngày 20-1-1950 Tân Hoa xã đăng bài nói của người phát ngôn Bộ Ngoại giao của Chính phủ Trung ương, nghiêm chỉnh nêu rõ Tây Tạng là một sự thực thiêng liêng bất di bất dịch của lãnh thổ Trung Quốc, nói rõ Tây Tạng không có quyền cử riêng bất cứ một đoàn sứ giả nào, càng không có quyền tuyên bố cái gọi là “độc lập”.

Khi đoàn đại biểu này cử trước nhân viên tới Giang Tư, do Bộ Ngoại giao Trung Quốc nêu kháng nghị: Anh Mỹ không thể không điện yêu cầu Chính phủ địa phương Tây Tạng rút đoàn đại biểu trở về.

Đầu năm 1950, Mỹ định hợp tác với Anh, ấn, hy vọng có thể cung cấp vũ khí cho Chính phủ địa phương Tây Tạng. Nhưng ấn Độ đã độc lập tự chủ, nên do dự trong việc đóng vai làm phúc phải tội cho người khác như trước đây. Tháng 3, lãnh sự Mỹ tại Căncutta lần đầu tiên tiếp xúc với Sacaba nhân vật cấp cao Tây Tạng, do Mỹ cung cấp vũ khí, lập kế bí mật tàng trữ ở Sikkin, Nêpan và Butan sát gần Tây Tạng, để Tây Tạng thuận tiện sử dụng. Vì phía Mỹ ngại can thiệp, sợ can thiệp quá lộ liễu có thể làm bằng cớ cho Trung Quốc phản kháng, cho nên trước sau hy vọng nhờ bàn tay Chính phủ ấn Độ. Về điểm này có thể qua Quốc vụ khanh Aichixu, thế là ngày 29-4 trong chỉ lệnh Đại sứ thường trú tại ấn Độ và nhân vật Tây Tạng vẫn thực thi chỉ tiết viện trợ quân sự. Đến ngày 18-6 sứ quán Mỹ báo cáo Quốc vụ viện, đại ý là mọi suy nghĩ cho quá trình quyết sách cần bao gồm nội dung sau:

1- Viện trợ quân sự cho Tây Tạng cần phải có khả năng chống cự thành công Trung cộng.

2- Đường vận chuyển khó khăn, về phương diện này phải xem xét thái độ của Chính phủ ấn Độ.

3- ảnh hưởng của sự việc có thể thúc đẩy Trung cộng tiến quân vào Tây Tạng và gây ra hậu quả ngược lại hay không?

Nhưng không vì vậy mà bỏ qua ý định, sau khi cuộc chiến tranh Triều

Tiền bùng nổ, Quốc vụ viện Mỹ tiếp tay với Cục Tình báo Trung ương, qua sứ quán Mỹ, nhiều lần thăm dò khả năng Chính phủ ấn Độ thay đổi thái độ, nhưng vẫn không có được đầu mối mà tiến hành.

III. PHẬT SỐNG CÁCH ĐẠT BỊ HÂM HẠI

Đường vào Tây Tạng vất vả gian gian

Bộ đội càng tiến vào sâu, vận chuyển và cung cấp càng khó khăn vất vả. Trên những con đường ngọt ngào của cao nguyên, đoàn người đi mãi đi mãi, có người bỗng ngã xuống và không bao giờ tỉnh lại. Có những con ngựa mất vằn mớ, miệng và mũi cứ sùi bọt trắng đúng sừng sừng bỗng đổ kênh ra, trong khoảnh khắc không còn thở nữa. Đầu tháng 7, quân đoàn 18 đã tới Cam Tư một vùng tương đối giàu có. Tại một địa phương cách thành phố Cam Tư khoảng 35 km có chùa Bạch Lợi nổi tiếng gần xa, nằm giữa cánh rừng thông rậm rạp. Trương Quốc Hoa liền vào chùa bái kiến Phật sống Cách Đạt.

Cách Đạt là một vị Phật sống yêu nước xuất thân từ nghèo khổ. Năm xưa trên đường trường chinh khi Hồng quân qua đây, vị Phật sống ấy đã làm Phó Chủ tịch Chính phủ Xô viết người Tạng, đã đặt quan hệ hữu nghị với Tổng tư lệnh Chu Đức.

Nghe tin Trương Quốc Hoa tới, Phật sống Cách Đạt mặc bộ cà sa mới ra đón từ xa rồi mời bộ đội vào tận kinh đường, và cử ngay người đi chuẩn bị lương thảo. Vị Phật sống tự giới thiệu là anh em thân thiết của Chu Đức, nghe nói Trương Quốc Hoa khi tham gia trường chinh cũng đã qua đây, không khí càng sôi nổi, nói rất rõ ràng: “Các ông những người vô thần đã tới, nhưng tôi là người theo hữu thần luận, phải nhiệt tình đón tiếp các ông, ủng hộ các ông”. Trương Quốc Hoa ngược lên, thấy tấm “bản đồ chiến đấu của Bát lộ quân tại Sơn Tây” vẫn còn treo toạ giữa kinh đường. Cách Đạt còn lấy ra bản bố cáo và biểu ngữ của Hồng quân mà bao năm vẫn cất giấu trân trọng trong khám thờ Phật, nói lên cuộc sống dân chủ trong giai đoạn ấy, vừa nói vừa khóc: “Mao Chủ tịch không cho bộ đội tới, các dân tộc Tây Tạng chúng tôi sắp bị diệt chủng rồi”. Nói đoạn lấy áo cà sa lau nước mắt, chấp tay hướng về đông đọc kinh cầu khẩn.

Trương Quốc Hoa nói với Phật sống Cách Đạt rằng, Chính phủ đã nhiều lần thông báo cho chính quyền Lạp Tát cử đại biểu về kinh đàm phán, nhưng họ không đếm xỉa tới. Phật sống Cách Đạt xin tự nguyện đi Lạp Tát khuyên giải.

Cảnh ngộ của ba đoàn hoà giải

Những người lãnh đạo của nước Trung Hoa mới trước sau như một kiên trì chờ đợi sự thức tỉnh của chính quyền Tây Tạng, hy vọng giải phóng mảnh đất cuối cùng của Đại lục Trung Quốc bằng phương thức đàm phán hoà bình. Vì vậy đã hết sức cố gắng về nhiều mặt.

Ngay từ mùa xuân năm 1950, trên những con đường rừng núi khúc khuỷu quanh co, một đoàn người ngựa vẫn lần mò dò dẫm, được một vị pháp sư khoác áo cà sa đi giữa hộ vệ, ngồi trên lưng ngựa lắc lư tụng kinh cầu nguyện. Pháp sư Mật Ngộ nổi tiếng ấy dẫn đầu đoàn hoà giải. Khi khởi hành từ Thành Đô, đoàn khuyến hoà này gồm năm người, Mật Ngộ cùng với hai đồ đệ là Như ý và Thắng Hưng; cùng với Giả Đề Thao, A-Vượng Gia Thế.

Đoàn khuyến hoà đã liên hệ được với một nhóm thương nhân có ngựa cùng đi, tới Cam Tư phải vượt sông Kim Sa, họ đều không có giấy tờ, không đi được, liền dưng lều chờ đợi bên bờ sông.

Lúc này, đoàn khuyến hoà thứ hai do Phật sống Cách Đạt ở chùa Bạch Lợi Cam Tư dẫn đầu cũng tới đây. Cách Đạt có uy tín lớn ở Tây Khang, việc qua sông Kim Sa thuận lợi. Đoàn của pháp sư Mật Ngộ không đi được, đành nhìn sông nước than phiền.

Đoàn khuyến hoà thứ 3 là đoàn Thanh Hải được tổ chức vào tháng 5-1950, do Phật sống Dương Tài anh trai của Đạt Lai dẫn đầu, còn Phật sống Hạ Nhật Thương Hô, Đồ Khắc Đồ ở Châu Hoàng Nam Thanh Hải và Phật sống Tiên Linh ở huyện Đại Thông làm đại biểu.

Đoàn khuyến hoà Thanh Hải, tháng 7 chia làm 2 đồng khởi hành từ Tây Ninh và Nhân Đông, đến tháng 8 gặp nhau tại Đại Hà Bắc thuộc vùng lòng chảo Sài Đạt Mộc cùng vào Tây Tạng. Sau khi đến Đạt Na Khúc thì bị giam giữ, Trị Ngọc Nhuệ và bốn cán bộ người Hán bị quân Tạng giải về Sơn Nam giam lỏng.

Trong các đoàn khuyến hoà trên đường vào Tạng, có ảnh hưởng lớn nhất là đoàn do Phật sống Cách Đạt ở chùa Bạch Lợi Cam Tư.

Để Tây Tạng nhanh được hoà bình giải phóng, Phật sống Cách Đạt gửi điện cho Tổng Tư lệnh Chu Đức, yêu cầu tới Lạp Tát xúc tiến hoà đàm. Tổng tư lệnh điện trả lời, hoan nghênh nhiệt tình yêu nước của Phật sống Cách Đạt.

Ngày 10-7 Phật sống Cách Đạt với tư cách là Ủy viên Ủy ban quân chính tây nam, phó Chủ tịch chính quyền nhân dân tỉnh Tây Khang xuất phát từ Cam Tư vào Tạng. Hôm ấy đông đảo quần chúng nhân dân địa phương tụ tập tiễn đưa, các cụ già còn đi theo hoan hô chúc tụng. Ngờ đâu tới Xương

Đồ, Phật sống Cách Đạt đã bị hãm hại!

Nguyên do là, ngày 24-7 vừa tới Xương Đồ, Phật sống Cách Đạt đã tiếp xúc rộng rãi với các tầng lớp nhân sĩ tăng ni, với sự nhận thức hiểu biết của bản thân mình đã giới thiệu là quân Giải phóng đóng tại Cam Tư rất tôn trọng quần chúng dân tộc Tây Tạng. Bọn phân biệt thân đế quốc ở Xương Đồ vừa căm tức vừa sợ hãi. Đặc vụ đã bỏ thuốc độc vào nước uống của Phật sống Cách Đạt. Phật sống trúng độc, đau bụng, nhức đầu, nôn ra nước vàng, thổ huyết; ngày hôm sau- 22-8 Cách Đạt đã viên tịch. Sau khi tắt thở toàn thân tím đen, thịt da nhũn mủn.

IV. GIẢI PHÓNG XƯƠNG ĐỒ

Cuộc khiêu chiến mới

Phật sống Cách Đạt bị hại làm cho nhân dân các dân tộc cực kỳ phẫn nộ.

Sĩ quan binh lính quân đoàn 18 càng sục sôi căm giận, cùng giờ tay nguyên rửa quân Tạng cách đối bên sông.

Tiếp theo lại một cuộc khiêu chiến nữa. Bộ đội của Trương Quốc Hoa tiến đến khu vực Trúc Khánh Khang Bắc, các chùa Lạt ma quanh vùng bỗng nổi chuông hồi, một đoàn người ngựa súng ống tụ tập theo một người mặc áo hồng bào đầu đội mũ lông cáo xông lên đỉnh núi, thổi kèn hiệu, tức thời một đoàn quân chúng Lạt ma không rõ từ đâu tới xả súng vào quân Giải phóng. Trương Quốc Hoa cho bộ đội ngừng tiến, dẫn phiên dịch tới nói chuyện với người ngăn đường đã ngừng nổ súng. Đến tối, đoàn người ấy lại cuộn cuộn xông tới. Trương Quốc Hoa tức điên người, ông chau mày: “Ta sẽ bắt tên cầm đầu kia!”

Các chiến sĩ sau một lát đã bắt được tên chỉ huy mặc áo cà sa đỏ. Khi thẩm vấn, tên đầu sỏ ăn mặc kiểu Lạt ma cao cấp ấy lại là người Hán thân tín Trần Lập Phu. Hắn công nhận: mùa đông năm 1949 đã có một số người Mỹ và người Anh dưới sự bảo vệ của lực lượng vũ trang thường phục vượt bão tuyết, vượt sông Kim Sa. Họ đã lợi dụng tiếng chuông tiếng trống của chùa Lạt ma kích động quần chúng chặn đường Giải phóng quân vào Tạng. Ngày nay bọn phản động Tây Tạng dưới sự chỉ đạo trực tiếp của đế quốc, đã phát triển lực lượng từ 14 đại bản (nhỏ hơn Trung đoàn) lên tới 17 đại bản, vận chuyển từ ngoài vào một lượng lớn vũ khí, đạn dược của Mỹ, mời sĩ quan huấn luyện, điều động huấn luyện quân Tạng các địa phương. Đồng thời ra lệnh chùa chiền tụng kinh thoá mạ quân Giải phóng. Không những đóng cửa

hòa đàm, lại còn mưu đồ dùng sông Kim Sa làm đất hiểm, buộc quân đoàn 18 phải dừng bước tại đó.

Tướng lĩnh quân đoàn 18 đều cho rằng, nếu không đánh thì khó mà tiến lên được. Căn cứ theo báo cáo của Trương Quốc Hoa, Cục tây nam tỉnh thị Trung ương thực thi chiến dịch Xương Đô. Sau ba ngày Mao Trạch Đông điện báo: Nước Anh vốn không cho phép đoàn đại biểu Tây Tạng về kinh, hiện đã cho phép. Nếu quân ta chiếm lĩnh Xương Đô trong tháng 10, có khả năng thúc đẩy đoàn đại biểu Tây Tạng về kinh đàm phán, giải quyết hòa bình (đương nhiên cũng có khả năng khác nữa)... sau khi chiếm lĩnh Bình Xương Đô, chỉ để lại đây 3000 quân qua mùa đông; mùa đông năm nay không vào Lạp Tát, mà rút chủ lực về Cam Tư; về phía Tây Tạng, có khả năng cảm thấy đây là một phương sách mà chúng ta tỏ rõ thiện chí với họ. Mao Trạch Đông còn hỏi han cặn kẽ tất cả mọi sự việc hữu quan: Các đồng chí gồm 16.000 người từ Cam Tư tiến vào Xương Đô, lương thực toàn dựa vào sức người và trâu bò vận chuyển, trong đó có 3000 người cần có lương ăn qua mùa đông, 13.000 quân chủ lực chuẩn bị rút về, chỉ ít cần có lương thực ba tháng trong thời gian vắng phẫn, bộ đội và trâu bò có đủ sức vận chuyển một lượng lớn như vậy không, vẫn phải xem xét báo cáo...

Ngày 25 Quân uỷ Trung ương phê chuẩn kế hoạch chiến dịch Xương Đô, ngày 26 quân khu tây nam truyền “mệnh lệnh cơ bản chiến dịch Xương Đô”.

Lưỡi gươm chính nghĩa, cái thần của chiến tranh sắp vạch ra tia lửa điện chói ngời.

Ngày 28-8, Trương Quốc Hoa dẫn một đội quân chủ lực đầu tiên hơn 3800 người, mang theo trang thiết bị và lương thực của đội quân tiên phong xuất phát từ Tân Tân. Cuộc sống hành quân của họ hết sức giản đơn: một cốc nước sôi, vài thanh lương khô là xong một bữa. Một giấc ngủ ngay trên sườn đồi. Gặp chùa chiền không ngại khó khăn tìm vào thăm hỏi, gặp đồng bào Tạng, họ có thể chuyện trò bằng những câu vừa học được...

Trên đường đi, bộ đội sĩ quan đối diện là người, họ than thở với Trương Quốc Hoa. Không nỡ nhìn cấp dưới chịu đói, ông tuyên bố mỗi người mỗi ngày tăng thêm hai lạng lương thực. Nhưng Dư Thu Lý Bộ trưởng Hậu cần quân khu tây nam lại buồn, ông lấy đâu ra được hai lạng lương thực, bắt đặc dĩ mọi người đành phải thắt lưng buộc bụng, ăn rút đi hai lạng. Khi tới Lạp Tát, đại quân chỉ còn đủ ăn ba ngày, Trương Quốc Hoa ngửa mặt lên trời than rằng: “Thảo nào thủ trưởng Lưu, Đặng đã nói người không ăn cơm sẽ chết đói, cái chân lý giản đơn ấy lại linh nghiệm như vậy!”

Tổng quản mới A Bái A Vương Tấn Mĩ

Xương Đô ở vào khu vực hội tụ của hai chi lưu lớn Trát Khúc và Ngan Khúc thuộc hạ lưu sông Lan Thương miền đông Tây Tạng, thời gian ấy cư dân có hơn 3000 người, trấn giữ nơi xung yếu của ba con đường Trung, Nam, Bắc đi vào Tây Tạng. Cát Hạ xây dựng phủ tổng quản ngay tại đây, chỉ huy 9 đại bản (Trung đoàn) và hơn 8.000 người dân binh chiếm 2/3 tổng binh lực quân Tạng. Hơn 8000 được phân bố dọc theo phòng tuyến chính diện hơn 1000 dặm ven sông và khu vực tung thâm rộng hơn 700 dặm phụ cận Xương Đô.

Khi quân Giải phóng tiến gần sát bờ đông sông Kim Sa, nguyên chuyên viên Tổng quản Xương Đô là Lạp Lỗ sắp hết nhiệm kỳ, Thượng thư Cát Hạ thỉnh cầu chuẩn cho về Lạp Tát. Theo lệ cũ, Tổng quản Xương Đô cần phải do một Cát Luân đương chức xuất nhiệm. Nhưng ba vị Cát Luân đang ở Lạp Tát không ai muốn đi nhiệm chức ở Xương Đô lúc này. Các quan văn võ càng sợ sệt hơn. Thế là, Nhiếp chính Đạt Trát quyết định, phá vỡ định chế của nhà Thanh cho Tây Tạng thiết lập bốn vị Cát Luân, đề cử Tư bản (quan thẩm kế nhân sự) A Bái làm thêm ngạch Cát Luân, đi Xương Đô thay tiếp Lạp Lỗ. A Bái 42 tuổi thọ mệnh lâm nguy, hiên ngang nhậm chức mang theo ý vị bi tráng.

Năm 1911 vua Thanh thoái vị, ở Giáp Mã Cầu cách Lạp Tát về phía đông hơn 100 dặm, có một gia đình quý tộc sinh công tử, chính là A Vương Tấn Mĩ. A Vương Tấn Mĩ từ nhỏ đã thông minh hơn người. ở vào tuổi trẻ con khác vẫn còn chơi bịt mắt bắt dê, thì A Vương Tấn Mĩ đã được đi học tiếng Tạng tại một trường tư ở Lạp Tát. Năm 14 tuổi, được nhận làm môn hạ của đại sư Phật học Hỷ Nhiên Gia Thế; học văn Pháp, thi học, lịch sử và triết học. Đại sư Hỷ Nhiên Gia Thế học văn uyên bác, yêu cầu học sinh rất nghiêm khắc, đối với mọi người cương trực như cây thanh phong, nổi tiếng ở vùng Tạng. A Vương Tấn Mĩ đi theo đại sư, đêm ngày chuông trống khổ học ba năm, lại nhận Phật sống Đại Thương phái hồng giáo khu vực Tam Nham - vùng đất linh thiêng thần bí phía đông Tạng làm thầy, học tụng kinh niệm Phật, qua hai mùa nóng lạnh. Năm 20 tuổi trở về quê hương Giáp Mã Cầu, đã nổi tiếng thông thuộc kinh luân.

Giáp Mã Cầu là một làng đồi núi có khoảng 140-150 hộ dân vừa trồng trọt vừa chăn nuôi. A Vương Tấn Mĩ 20 tuổi thay mẹ quản lý điền trang gia đình. Ngoài giờ đọc sách thường cùng nông nô gặt hái, chăn nuôi. Hiện thực buồn thương khiến con người ấy sớm nảy sinh tư tưởng dân chủ, ngày càng nhận thức rõ chế độ Tây Tạng cần phải cải cách...

Đối với sứ mệnh ấy, có người cho rằng lành ít dữ nhiều, thực tại chẳng phải là công việc dễ dàng, nhưng A Vương Tấn Mỹ vẫn cứ thần nhiên, tiếp kiến nhiếp chính Đạt Trát, ngang nhiên trình bày ý kiến khiến cả triều đình đều kinh ngạc:

“Quan trên để cử tôi, uỷ nhiệm trọng trách, tôi nguyện thi hành nhưng hiện nay quân Giải phóng nhân dân đã tiến về hướng Xương Đô, có lẽ cũng sắp tới nơi. Chúng ta sớm muộn gì cũng phải tiếp xúc với quân Giải phóng, vẫn phải đàm phán. Xin quan trên trao quyền cho tôi, sau khi đi Xương Đô tôi tạm thời không nhận chức Tổng quản, mà trực tiếp đi tìm quân Giải phóng đàm phán. “Muốn tìm nguồn nước, phải lên núi tuyết. Tôi quyết đi về phía đông, tìm bằng được quân Giải phóng mới thôi”.

Nhiếp chính Đạt Trát kinh hãi hồi lâu không nói, triều đình vẫn vô mặt mày tái xanh, mỗi người một cách suy nghĩ. Quan chức sau khi họp mở rộng, đề đơn kiến nghị lên Cát Hạ, ủng hộ yêu cầu của A Bái. Đúng như luồng gió thổi 2 trên thảo nguyên. Trần khắp đất Lạp Tát, nhưng gió mạnh hơn thì cuốn bụi mịt mù tạo nên dòng xoáy phản hồi trở lại. Trong kiến nghị thư của hội nghị quan chức mở rộng gửi Cát Hạ lại cho rằng, A Bái đã là Cát Luân đường hoàng, không nên quá dễ dãi đàm phán với quân Giải phóng. Hãy để cho Tư Bốn Hạ Cách Ba ở ẩn Độ tiếp xúc trước với cộng sản, chờ thời cơ chín muồi sẽ cho A Bái ra mặt đàm phán Cát Hạ và Đạt Trát đã phê chuẩn thư kiến nghị của hội nghị quan chức mở rộng.

Ngày 28-8 tới Xương Đô, A Bái hai vai nặng gánh phong trần quên rồi nhọc nhằn, tự mình đi kiểm tra công việc phòng vệ ven sông, khảo sát dân tình, những tùy tùng và vệ sĩ thường thấy ông chau mày không nói năng gì. Sau một tuần ông điện cho Cát Hạ: “Vì thời thế hỗn loạn, dân không chịu nổi số mệnh, vùng này có huyện chỉ 7-8 hộ dân còn bột cám ăn, đại bộ phận toàn ăn rau dại, hành khát từng đoàn, cảnh tượng thê lương”. Đúng trước sự việc Cát Hạ ra lệnh cho ông tấn công Ngọc Thu, ông kiến nghị “ngừng tấn công, hai bên Hán - Tạng tốt nhất là hoà bình giải quyết, nếu không được, cũng nên rút hết quân đội ra khỏi biên cảnh”.

Đáng tiếc, Cát Hạ không tiếp thu ý kiến của ông.

Mao Trạch Đông quan tâm tới động tĩnh ở Tây Tạng

Về chiến dịch Xương Đô, Mao Trạch Đông đã có sẵn ý định, ông đã từng chỉ thị “tập trung binh lực ưu thế tuyệt đối bao vây kẻ địch từ bốn phía, cố gắng tiêu diệt toàn bộ, không để lọt lưới”. Ông muốn tiêu diệt toàn bộ

sinh lực trong tình trạng quân Tạng tâm lý chưa chuẩn bị tốt, tránh sau này lại phải đánh du kích và tiêu hao lực lượng quân Tạng rải rác khắp nơi. Ông muốn làm cho Cát Hạ mất hết khả năng đề kháng.

Ngày 31-8, Mao Trạch Đông phê chuẩn: “Mua 30 máy bay vận tải tầm cao, chi viện tiến quân Tây Tạng”.

Hồi đó, nước Cộng hoà nhân dân mới ra đời được 10 tháng, Bành Đức Hoài dẫn đầu xuất quân sang chiến trường Triều Tiên đang chiến đấu khói lửa mịt mù bên sông áp Lục. Nhưng, Mao Trạch Đông vẫn phải cẩn rằng giành 30 máy bay cấp cho bộ đội tiến quân vào Tây Tạng. Còn Tây Tạng trong con mắt của Mao Trạch Đông, đâu phải là chỉ 30 máy bay vận tải tầm cao đã có thể đảm đương được cả!

Sau đó Thủ tướng Chu Ân Lai lại phê chuẩn giành ra 200 xe vận tải zin-150 mua từ Liên Xô về chuyên dùng vào việc sửa chữa sân bay Cam Tư.

Ngày 7-10, trung đoàn 154 sư đoàn 52 bộ đội cánh phải chấp hành nhiệm vụ bao vây yểm trợ vụ hồi vượt sông Kim Sa, ngược dòng đi lên bắt đầu ào ạt vượt suối.

Do không khí trên cao nguyên mỏng loãng, ánh nắng chói chang phản chiếu lên băng tuyết làm lóa mờ đôi mắt của các chiến sĩ khiến cho có tới một nửa số người tạm thời không nhìn thấy gì, hai mắt sưng tấy nhức nhối khó chịu, mọi người đành nổi những cuộn băng gạc lại thành từng chuỗi dây dài lẫn dất nhau đi. Lợi qua sông nước càng khó khăn hơn. Bao dãy núi bao suối khe chắn ngang đường tiến, dòng nước chảy xiết cuốn cuộn, những tảng băng như những mũi dao sắc nhọn xiên nát da thịt mọi người. Có những chiến sĩ chân đau chưa đỡ, lại thêm hành quân cấp tốc và khí hậu nghiệt ngã, đã hoại tử cả một bắp chân đành phải tháo khớp.

Đói khát cũng uy hiếp cực kỳ nghiêm trọng, tất cả bộ đội đều bị đói khát dày vò, trung đoàn 154 đã ăn hết số lương thực được bổ sung từ Ngọc Thụ. Tại Trùng Khánh Trung ương cho sản xuất bánh bột trứng, dinh dưỡng cao thay thế lương khô, vì nhà tư bản giảm ngày công, bột nguyên liệu nên chất lượng giảm nhiều, theo chỉ tiêu qui định mỗi ngày 12 lạng thì đủ bổ sung năng lượng một ngày, nhưng phát đến tay chiến sĩ 12 lạng chỉ đủ ăn trong một bữa. Gạo được vận chuyển từ Tứ Xuyên tới vì đường đất khó khăn, mưa gió dầm dề, sớm bị mốc, men biến chất. Thiếu đói, đường dài lại trập trùng băng tuyết, cũng không có khoai dại rau rừng, có chiến sĩ đã ăn cả ruột bông trong áo rét, cả đất bột cho đến xương trâu, sừng bò đốt cháy thành than.

Thương tâm nhất là những chiến mã, ngựa thồ hành quân theo bộ đội.

Những “chiến hữu không biết nói” ấy giương mắt nhìn theo núi non vô tận âm đạm mịt mù, có “chiến hữu” không còn đôi mắt nữa - vì băng tuyết đã chọc mù đôi mắt. Đôi quá chúng đành “lắc cắc, lắc cắc” gặm nhai cả những cục băng. Đêm khuya những con ngựa đói gầy, rét mướt chui đầu vào lán bộ đội, rúc mõm vào bụng chiến sĩ, tỉnh giấc, người chiến sĩ ấy đã bớt một phần ăn của mình cho ngựa, vuốt vuốt đầu những con ngựa ngã xuống dọc đường hành quân hàng trăm dặm, đã trở thành những cột mốc vô tình. Khi tới Xương Đô, chiến dịch kết thúc, hàng nghìn trâu ngựa, sống sót chẳng được là bao, những con người đói khát cồn cào ăn thịt những con vật chết đói chết rét, ngựa chết đổ xuống, người mổ ra ăn, ăn cả máu cả thịt, ăn cả da, ngay xương ngựa cũng nướng thành than để ngốn vào bụng.

Trên hàng nghìn cây số hành quân cấp tốc, Trung đoàn 154 và đội kỵ binh Thanh Hải có tới 1 phần 3 hoặc nhiều hơn nữa đã xa lìa đồng đội. Ngày 16-10, đoàn quân đi trước chỉ còn lại hơn trăm kỵ binh và hơn 100 bộ binh, họ chạy với tốc độ kinh người một ngày 170 dặm đến trước kẻ địch 4 giờ để chiếm lĩnh Ân Đạt, cắt đứt đường rút của quân Tạng ở Xương Đô về hướng tây.

Tuyến phía nam 2 Trung đoàn quân Giải phóng tiến công Diêm Tĩnh, Ninh Tĩnh, Bang Đạt, chặn đứng đường quân Tạng chạy về Sát Ngung.

Quân Giải phóng đánh chiếm Xương Đô

Thời điểm này Xương Đô đang trong tình trạng hỗn loạn.

Tin quân Giải phóng vượt sông lan truyền khắp thành phố: binh lính, lạ ma, nhân dân tụ tập từng đoàn ven sông Ngạn Khúc. Binh sĩ vác súng chạy tán loạn, không biết trốn đi đường nào.

Ngày 12-10, từ Ninh Tĩnh (huyện Mang Khang) phía nam Xương Đô đồn rằng đại bản doanh số 9 quân Tạng do Đức Cách dẫn đầu hơn 300 quân tuyên bố khởi nghĩa. Tinh thần quân Tạng hoang mang tan rã.

Đêm 16-10, Tổng quân A Bái được tin quân Giải phóng đã đến sát Xương Đô, cả một vùng hậu phương Lâyuxi xuất hiện một đội quân người Hán khi ẩn khi hiện. Tổng quân từ lâu đã không muốn chống cự, ra lệnh: sớm mai bỏ thành rút về phía tây. Ngày 17, kho súng đạn cháy nổ rung chuyển đất trời Xương Đô. Sau đó, quan chức Chính phủ Tây Tạng, binh lính cùng bầu đoàn thể tử hốt hoảng dắt díu nhau theo đường núi phía tây chạy khỏi Xương Đô. Lính tráng tranh nhau chạy trốn, vì quân Giải phóng đã tràn khắp phố phường.

Trong quá trình chiến dịch Xương Đô, quân Giải phóng chỉ gặp sự chống cự tại ba điểm ở Tiểu Ô Lạp và Cương Thác. Tại bến đò Cương Thác, tiến công

vào đại bản doanh số 10 của quân Tạng là do cánh quân bên trái gồm tiểu đoàn công binh, tiểu đoàn trinh sát và pháo binh sư đoàn 52. Ngày 7-10, quân Giải phóng ở bờ đông sông Kim Sa bắt đầu vượt sang. Trong chốc lát trọng liên, pháo tầm gần đồng loạt nhả đạn vào quân Tạng bên kia sông; toàn trận địa như một biển lửa, quân Tạng nấp trong khe đá ngoan cố chống cự. Thuyền giấy dầu của quân Giải phóng chạy theo dòng thác, tiến sang bờ bên kia. Trên sông lưới lửa đan xen dày đặc, có chiếc thuyền bị súng đạn và dòng chảy lật nhào; trong nháy mắt, thuyền và người bị nhấn chìm dưới đáy nước.

Sau hai giờ, thuyền bị sóng nước đẩy xuống cuối dòng và cập bờ bên tây, quân Giải phóng vượt lên bờ đá sỏi lởm chởm, bắt đầu tiếp cận trận địa quân Tạng trước mặt. Đồng thời, pháo binh và hỏa lực xối xả nã vào đội ngũ quân Tạng sau núi. Quân Giải phóng trên thuyền và hai bên bờ thét lớn, quân Tạng bỏ trận địa rút lui, tháo chạy về hướng tây...

Với những sĩ quan binh lính quân Tạng bị thương, quân Giải phóng thu nhận và điều trị. Với bọn đầu hàng và thân nhân của họ, mỗi người được cấp 8 đồng để đi đường; cứ 3 người phát cho 1 ngựa. Sau khi lương thực được chuyển tới, quân Giải phóng còn cấp phát thêm, để họ có tiền, có thức ăn và có ngựa vận chuyển trở về quê hương. Bọn nhân viên được phóng thích đều cảm ơn chính sách khoan hồng của quân Giải phóng, có tên đã cúi đầu rơi lệ, nói với cán bộ quân Giải phóng rằng: Giải phóng quân các ông là lính của Bồ Tát, là ân nhân cứu mạng, sau khi về quê hương, chúng tôi sẽ không bao giờ bán mình cho Cát Hạ nữa.

Ngày 24 chiến dịch Xương Đô thắng lợi kết thúc cuộc chiến kéo dài 18 ngày.

Qua hơn 20 trận chiến đấu lớn nhỏ, tiêu diệt toàn bộ tổng bộ quân Tạng cùng các đại bản doanh 3, 7, 8, 10 và phần lớn lực lượng của đại bản doanh 2, 4, 6; lại thêm đại bản số 9 khởi nghĩa, tổng cộng là hơn 5.700 tên chiếm 1/3 tổng số quân Tạng lúc ấy bị tiêu diệt. Trong đó còn bắt sống 18 tên quan chức văn võ ở các đại bản doanh, có cả 4 tên thuộc đặc vụ Anh-ấn, thu 3 khẩu sơn pháo, 9 trọng liên, 48 tiểu liên, hơn 3.000 súng trường súng ngắn các loại và quân trang quân dụng khác.

Chiến dịch Xương Đô thắng lợi, đúng như Lưu Thiếu Kỳ đã nói: “Là chiến dịch Hoài Hải giải phóng Tây Tạng”. Toàn bộ Tây Tạng được giải thoát khỏi sự dè khàng về tâm lý và hành động, chỉ còn một con đường, đó là đàm phán hoà bình.

Đặt Lại lại ma chấp chính

Chiến dịch Xương Đô, đã giáng cho quân Tạng một đòn hủy diệt. Lúc này Mỹ không cam chịu thất bại ở Trung Quốc, âm mưu lợi dụng Liên Hợp Quốc can thiệp vào việc Trung Quốc giải phóng Tây Tạng. Chúng một mặt sai khiến “Đoàn đại biểu Tây Tạng” gửi “thư kêu gọi” Liên Hợp Quốc; mặt khác lại thúc giục đại biểu Chính phủ Xanvado tại Liên Hợp Quốc ngày 15 tháng 11 đưa ra đại hội đồng một bản đề án can thiệp vào vấn đề Tây Tạng; vụ không hành động của Trung Quốc là “nước ngoài xâm lược”, yêu cầu Đại hội đồng “thành lập Ủy ban ủy quyền nghiên cứu thảo luận từng bước thích đáng có thể thực hiện được về việc này của Đại hội đồng”. Ngày 1-11 năm ấy, Quốc vụ khanh Mỹ Aichinxun trong cuộc họp báo tại Oasinhton đã công khai vụ không nhân dân Trung Quốc giải phóng Tây Tạng lãnh thổ của mình là “xâm lược”, và nói bừa “Mỹ cho rằng đây là một sự kiện bất hạnh nhất, nghiêm trọng nhất”.

Ngày 15-11, đại biểu Xanvado tại Liên Hợp Quốc đưa ra đề án gọi là vấn đề “xâm nhập Tây Tạng” với Tổng thư ký Liên Hợp Quốc Lain. Theo Thành Công Hồ “Trung ương xã” Quốc Dân Đảng đưa tin ngày 15, thì Thành Công Hồ cũng cho rằng đề án của Xanvado là xuất phát từ Mỹ- “kẻ chủ mưu”. Ngày 22-11, “nhân dân nhật báo” có bài bình: “Bài xích âm mưu của Mỹ đối với Tây Tạng”.

Cuối cùng chính nghĩa buộc kẻ ngang ngược phải lùi bước - ngày 24-11 Ủy ban Tổng vụ Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thảo luận quyết định: kéo dài thời hạn thẩm lý đề án này.

Tình hình chiến sự Xương Đô truyền tới Lạp Tát, Cát Hạ vội vàng triệu tập đại hội quan chức trọng yếu và khám bố ba chùa lớn tham gia. Người tham dự phần lớn đều cúi đầu buồn bã, tỏ ý bất lực với quân Giải phóng. Quân Tạng thất bại hoàn toàn, đánh thì không đánh nổi, giảng hòa lại không cam tâm, cuối cùng thì đi theo cách nào? Mọi người dự họp tranh cãi om sòm mà không đề ra được một đối sách khả thi. Sắc mặt nhiếp chính Đạt Trát mỗi lúc một tái dần, cuối cùng đã phải than phiền, rồi quyết định mời Nãi Cùng, Cát Đông là hai vị thần hộ pháp chỉ lối đưa đường.

Ở dưới chùa Triết Bạng phía tây Lạp Tát, có một ngôi chùa Nãi Cùng chuyên cung cấp thần hộ pháp. Đó là “đảo nhỏ diệu ngôn vĩnh hằng bất biến”, phụng thờ “Bộiagiáp bố” thần hộ pháp chủ yếu của Tây Tạng. Còn Nãi Cùng Khúc quân tức là sứ giả của thần hộ pháp dự báo tương lai. Khúc quân ở chùa Cát Đông cũng là sứ giả như vậy. Hàng nghìn năm nay, Tây Tạng mỗi

lần có quyết sách trọng đại, đều phải nhờ những thần vu dự đoán tương lai ấy chỉ giáo. Lần này tất nhiên càng cần họ dạy bảo.

Trong không khí trang nghiêm thần bí, Khúc quân của hai chùa Nãi Cùng và Cát Đông được mời tới phật điện. Nãi Cùng Khúc quân mặc quần gấm hồng, trong ngoài 8 bộ y bào nặng dư trăm cân, chân đi giày da đen mũi cong, trước ngực đeo một tấm gương hộ dân bằng vàng xung quanh trang trí đá xanh. Một vòng tròn làm nổi bật khối thủy tinh màu tím, giữa khối thủy tinh tím là một viên bạc lông lạnh, trên có khắc chữ khăn cầu thần bí.

Nghi lễ bắt đầu.

Khúc quân Nãi Cùng nhảy nhót một hồi, chỉ phán chung chung vài câu: phải thành tâm lễ bái, chăm chỉ đọc kinh, mới có thể bảo vệ dân an.

“Thưa, bước sau nên hoà hay nên chiến ạ? Nên để ai nắm giữ đại quyền chính giáo toàn Tây Tạng?” Các quan chức ngồi châu trong phật điện Đạt Lai khẩn thiết hỏi vậy.

“Vẫn phải chăm chỉ đọc kinh, thành tâm lễ bái”. Khúc quân Nãi Cùng vẫn hàm hồ nói vậy.

“Thưa Nãi Cùng tôn kính, vì đại nghiệp chính giáo Tây Tạng, xin ngài cho biết là chiến hay là hòa? Ai ra chấp chính đại quyền?” Các quan lớn đều nhón nhác nhìn mặt Khúc quân Nãi Cùng. Khúc quân Nãi Cùng trán vã mồ hôi, lần tránh ánh mắt chăm chăm của mọi người, cuối cùng thừa nhận “hết thiêng rồi”. Xem ra, chỉ còn thỉnh giáo Cát Đông thần.

Cát Đông thần uốn éo hồi lâu, nhân mọi người không chú ý định chuồn, bí thư trưởng Quân Bồi Thổ Đăng bước lên ngăn lại. Quân Bồi Thổ Đăng cảm động nói: “Lần này xin ngài chỉ giáo cho, công việc đại sự liên quan tới tồn vong của chính giáo Tây Tạng và sinh mệnh của chúng sinh, chúng con người trần mắt thịt khó quyết định được, thánh thần nhìn xa thấy rộng xin chỉ giáo cho, từ nay về sau nên làm thế nào mới được. Khúc quân Cát Đông quay ngoắt người nhảy thót lên, rút kiếm bên hông đâm trái chém phải, Cát Luân vây quanh sợ hãi chạy dạt sang một bên, bỗng “Thần” lại nhảy tiếp cát bụi mù mịt. Cuối cùng, đột nhiên thần quì xuống trước mặt Đạt Lai Lạt ma, khóc thút thít nói: “Đạt Lai Lạt ma là trí tuệ là báu vật của toàn thể nhân dân Tây Tạng, chỉ cần người đích thân ra chấp chính, thì có thể mang lại nguồn hạnh phúc cho chúng sinh Tây Tạng”. Nhiếp chính Đạt Trát ngồi bên nghe vậy, mặt mày tái nhợt, tinh thần hoảng hốt.

Ngày 8-10-1950 (lịch Tây Tạng) Đạt Lai Lạt ma làm lễ chấp chính. Vì Đạt Lai Lạt ma 17 tuổi ấy gánh vác trọng trách quản lý công việc chính giáo

toàn Tây Tạng.

V. KÝ KẾT HIỆP NGHỊ HOÀ BÌNH GIẢI PHÓNG TÂY TẠNG

Tín sử A Bái vội đi Lạp Tát

Sau một trận đại chiến, dòng sông Kim Sa lại phẳng lặng như thường, dưới trời thu xanh thẳm, giống như một sợi dây trong suốt.

Giờ phút này, A Bái đang ở trong cơ quan chỉ huy của quân Giải phóng tại Xương Đô, trước mắt ông có cái gì mờ ảo mênh mông. Ông sống một mình không có lính gác và người phục vụ ở tầng dưới một nhà lầu kiểu Tạng, không hề mặc quan phục nhung lụa, mà toàn thân là trang phục bằng lông thú màu đen kiểu Tây Tạng.

Trong con mắt ông, kết cục như hôm nay, kỳ thực ngay từ khi gánh vác nhiệm vụ cũng đã dự cảm thấy rồi. Nếu không như vậy thì tại sao ngay từ đầu ba vị Cát Luân đương nhiệm tại Lạp Tát dù sống chết cũng không chịu đi. Nhưng khi dự cảm đã thật sự trở thành hiện thực rồi, ông vẫn còn cảm thấy rùng mình, đau khổ, hoảng hốt, miên man. Nghĩ tới vận mệnh Tây Tạng đầy băng giá dữ lạnh chưa rõ, lòng ông thấy nhức nhối bốn chồn.

Thành phố Xương Đô sau cuộc chiến lại trở về tĩnh lặng. Đặc biệt là đêm khuya và sáng tinh mơ. Hơn một năm nay, thành phố nổi tiếng vùng Đông Tạng này đã chịu nhiều cảnh cùng quần huyện náo, suốt ngày đến đêm chấn động vang trời, bây giờ đây, tất cả đều tĩnh mịch. Sau những trận pháo kích kinh thiên, mọi âm hưởng hỗn tạp đều lùi về yên tĩnh.

Sáng hôm thấy ông đi tới, Bình Thố Vượng Giới chàng trai Khang Ba 28 tuổi ấy tới đây sau khi Xương Đô giải phóng 13 ngày đã vui vẻ đón tiếp. Trước đây một năm trong cuộc xua đuổi người Hán, Cát Hạ xem anh là tội danh cũng bị trục xuất; con người ấy hôm nay đã trở thành đại quan của Cộng sản rồi, anh ta còn có thể găm một mũi tên báo thù để phục thù nữa chăng? Không thể không cảnh giác!.

Anh chàng Bình Thố Vượng Giới lúc này là Ủy viên Ủy ban quân chính Tây nam, Bộ trưởng dân vận quân đoàn 18, phó Bí thư công ủy Xương Đô; so với bước đường năm trước bị áp giải rời khỏi Tây Tạng thật là một trời một vực. Người Khang Ba hung tợn hiếu chiến, ưa thích phục thù. Để phục thù, không quản gì đời con đời cháu. Bình Thố Vượng Giới nếu muốn phục thù đối với A Bái một nhân vật chính yếu của Cát Hạ thật chẳng khó khăn gì. Nhưng lần này, con người Khang Ba Bình Thố Vượng Giới thái độ khiêm

nhường, anh mời Cát Luân A Bái từ phòng nhỏ tầng dưới đến ở lầu hai của nhà tầng đối diện.

Trên tầng cao rộng sạch sẽ, cửa sổ sáng thoáng mát. Nhìn rõ gần xa non xanh nước biếc, khiến tâm hồn rộng mở thênh thang.

Chẳng bao lâu, quan phục nhung lụa trước đây A Bái vẫn mặc lại được mang tới. Gần 40 võ quan các cấp đầu thú trong chiến dịch Xương Đô đều đã mặc những bộ quan phục của họ.

Vương Kỳ Mai Phó Chính uỷ quân đoàn 18 và các tướng lĩnh khác của Giải phóng quân cũng thường tới thăm hỏi A Bái. Có một lần Vương Kỳ Mai trò chuyện với A Bái khá lâu, nói tới trận đụng độ hai bên lần ấy, súng đạn tàn khốc, đôi bên đều thương vong rất nhiều, bao nhiêu anh em Hán, Tạng đã ngã xuống chiến trường. chuyện trò mãi, Vương Kỳ Mai không cầm nổi nước mắt, giọng nói lạc đi. A Bái hiểu rõ hơn hoàn cảnh hiện nay của họ.

Đối chiếu với những luận điệu hoang đường về quân Giải phóng của Cộng sản đã gieo rắc khắp vùng Tây Tạng như một đại dịch, A Bái càng cảm kích, làn khói hoài nghi đã tan dần đi trong tâm trí của mình.

Trên tầng gác của A Bái suốt đêm điện sáng. Người lãnh đạo cộng sản ngồi với A Bái trò chuyện tới tận khuya.

Không còn nhớ được đã bao nhiêu đêm, trên tầng lầu ấy ánh điện vẫn sáng như vậy. Những người lính gác chỉ nhớ được rằng, vào quãng nửa đêm, người cấp dưỡng vẫn còn bung lên gác khay trà sữa và bữa ăn khuya.

Hàng ngày ánh nắng ban mai soi những tia ấm áp dễ chịu vào trong phòng của tầng cao ấy. Khi thế lực chớp bu thân đế quốc ở Lạp Tát xúi giục Đạt Lai chạy ra nước ngoài, tình hình hỗn loạn; A Bái cử các Tùy viên Kim Trung, Kiên Tấn Bình Thổ và Cát Chuẩn Lang Lâm từ Xương Đô đêm khuya cấp tốc đưa thư tới Lạp Tát. Họ tranh thủ thời gian ngày đêm lặn lội. Khi ngựa đã kiệt sức, sợ không bảo đảm thời gian tới trạm, họ phải vác yên ngựa, chạy bộ đường dài. Hơn 2000 dặm họ chỉ đi trong 16 ngày đêm là tới nơi.

Kim Trung và Tang Lâm đã chuyển thư của A Bái Tổng quản Xương Đô đệ trình Cát Luân tới Đạt Lai Lạt ma và Cát Hạ. Các Cát Luân vội vàng hỏi thăm tình hình Xương Đô, đường lối của Giải phóng quân và số lượng binh lính. Khi hai vị sứ giả báo là quân Giải phóng cách Xương Đô còn 3 ngày đường nữa ba vị Cát Luân đứng đầu tỏ ra kinh ngạc: “A chà chà! A chà chà!” và than rằng “Kẻ thù cứng rắn như gang thép, còn chúng ta thì mềm nát như tương”. Cát Luân Sách Khang hỏi han về tình hình gần đây của toàn thể quan quân ở Sở Tổng quản Xương Đô, rồi nói tiếp: “A Bái vất vả quá, chúng tôi

không bao giờ trách móc ông ta. Quân đội chúng ta rất tồi tệ, sự thực không thể ra trận được. Giờ đây đành phải kiên trì chờ đợi, tình hình thế giới vẫn còn thay đổi”.

Khi Xương Đô thất thủ Kim Trung và Tang Lâm chuyển tới Lạp Tát bức thư của A Bái A Vương Tấn Mỹ và 40 quan chức khác cho Đạt Lai Lạt ma. Đây là một văn kiện rất quan trọng. Nó đảm bảo quá trình thất bại của cuộc chiến Xương Đô và mọi sự đả ngộ tốt đẹp mà tất cả quan chức binh lính sau khi đầu thú được hưởng. Đoạn cuối như sau:

Tại hạ cùng 40 quan chức văn võ của Chính phủ, đứng đầu là Cát Luân A Bái Tổng quản Xương Đô, 3 vị kham bố lớn nhỏ tại chức và các đại bản số 3, 8, 9, 10 xin cúi đầu khấu bái, tam môn kiến thành đảm bảo:

...

Trước mắt là thời cơ để tiến hành hoà đàm Hán-Tạng. Cách làm cơ bản mà Chính phủ Cộng sản quy định là đoàn kết 5 dân tộc; các dân tộc lớn nhỏ tự lập Chính phủ tự trị, các nhân viên công tác được xác định theo số lượng nhiều ít của dân tộc và đa dạng dân tộc; dân tộc lớn tuyệt đối không được áp bức dân tộc nhỏ, đặc biệt là phải thực hiện chính sách đặc thù đối với Tây Tạng, trước hết là đại cứu chủ đoàn tri Phật vương Đạt Lai từ nay về sau vẫn chủ trì chính giáo. Cứu chủ nhiếp chính Phật sống và các quan chức tăng tục nhận chức như thường lệ; bảo vệ tôn giáo, chùa chiền và kinh đường; chế độ chính trị và quân sự hiện hành ở Tây Tạng đều không thay đổi; quân đội cải biên vào vũ trang Quốc phòng; giúp đỡ nhân dân Tây Tạng phát triển văn hóa giáo dục và nông mục, công thương nghiệp. Từ nay về sau, tất cả mọi chính sách biện pháp nhằm phát triển chính trị mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân khi cần cải cách đều phải hiệp thương với nhân dân và những người lãnh đạo chủ yếu, được quyết định theo nguyên tắc mọi người đều đồng ý; tôn trọng tôn giáo tín ngưỡng và phong tục tập quán địa phương, tất cả mọi quan hệ với hai nước Anh-Mỹ và Quốc Dân Đảng trước đây đều không bị truy cứu... Trước mắt nếu cuộc hòa đàm Hán-Tạng được tiến hành sớm, trong các điều khoản mà Chính phủ Hán nêu ra có điểm nào không thích hợp với tình hình Tây Tạng thì có thể nói rõ tường tận mọi khía cạnh lợi hại của nó, phía Chính phủ Cộng sản tuyệt nhiên không bảo lưu những biện pháp uy hiếp vũ lực, cưỡng bức kiểm chế, không được trình bày lợi hại, tất cả có thể bình tĩnh ôn hòa thương lượng quyết định. Tôi suy nghĩ kỹ càng xem xét cẩn thận, hoàn toàn không có cách nghĩ cách làm cưỡng bức, mệnh lệnh. Sự việc này bao gồm cả Chính phủ Cộng sản và 40 quan chức tăng tục văn võ tại hạ bảo đảm...”

40 quan chức văn võ đứng đầu là Cát luân A Bái A Vương Tấn Mỹ có thể nói đều là trọng thần tướng giỏi. Cuộc chiến Xương Đô, tất cả đều đã qui thuận theo quân Giải phóng và được xếp đặt thỏa đáng. Bản thân A Bái càng được coi như là thượng khách. Việc này khiến Cát Hạ hoàn toàn dao động. Suốt mấy ngày qua đầu đường cuối phố Lạp Tát đều bàn tán xôn xao sự kiện ấy. Xem ra những Giải phóng quân người Hán này, khác với quân đội Lưu Văn Huy Chủ tịch tỉnh Tây Khang của Quốc Dân Đảng, cũng không giống những binh lính của Triệu Nhĩ Phong Tổng đốc Thanh Xuyên Biên trước đây, càng khác với bọn lính Tây của Vinh Hách Bằng Anh quốc... Rốt cuộc họ là những con người như thế nào? Trong nội dung bức thư của A Bái có thật đáng tin cậy không?

Kim Trung và Tang Lâm là hai sứ giả truyền tin tại Lạp Tát. Nhưng vì đường xa vất vả gian khổ khôn lường, họ chỉ muốn được nghỉ ngơi.

Không ngờ, vài hôm sau, vào một buổi sáng sớm, hai vị sứ giả vừa tỉnh giấc, bỗng nhận được một tin kinh hãi: “Viên ngọc như ý” Đạt Lai Lạt ma đã ăn mặc thường phục cưỡi ngựa ra đi ngay trong đêm tối, chạy đi Đông Á rồi! Theo Tạng lịch đó là ngày 11-11-1950.

Đạt Lai Lạt ma sẽ từ Á Đông chạy sang Ấn Độ!

Đạt Lai thụ quyền cho đoàn đại biểu 5 người

Đạt Lai Lạt ma đang trú ngụ tại “Chùa Đồng Cát” Á Đông trên biên giới ấn Độ, suốt ngày sống vất vưởng trong cảnh cùng quần tiến thoái lưỡng nan.

Ngày 11-1-1951, Cát Hạt tại Á Đông triệu tập hội nghị quan chức. Đó là một hội nghị quan trọng của Chính phủ địa phương Tây Tạng. Trong một thị trấn nhỏ bé trên biên giới Himalaia, họ cân đi nhắc lại những sự thiệt hơn, gửi tới Đạt Lai Lạt ma một bản công văn, trong đó dẫn dụng câu nói của nhà ngoại giao ấn Độ tại Niudêli thủ đô ấn Độ khi hội kiến đại biểu Tây Tạng: xem ra Chính phủ Tây Tạng thông qua đàm phán hoà bình là thượng sách...

Những người “bạn Tây” của Cát Hạ Tây Tạng này hình như đều cùng có hai lời khuyên Cát Hạ, lại không hẹn mà cùng ra tay đẩy họ tới bàn đàm phán. Nhìn lại hơn một năm về trước, những người “bạn Tây” ấy đã ra sức cổ động Cát Hạ, xua đuổi người Hán; và không tiếc sức ủng hộ Cát Hạ ngoan cố chống cự tại sông Kim Sa; giờ đây Cát Hạ không thể không cảm thấy sự mất mát và cô độc.

Ngày 18-1-1951 phái viên của Đạt Lai Lạt ma gửi tới Viên Trịnh Hiền Đại sứ Trung Quốc tại Niudêli quà tặng và một bức thư. Trong thư nói:

“Trước đây, trong thời gian còn nhỏ tôi chưa nắm quyền hành, quan hệ hữu hảo giữa Hán và Tạng luôn bị rạn nứt, thật đáng tiếc... Gần đây đã thông báo cho A Bái cùng tùy viên khẩn trương lên đường đi Bắc Kinh. Song vì đường sá xa xôi, không dễ dàng đến kịp, để tranh thủ thời gian chúng tôi lại cử thêm người hỗ trợ A Bái qua ấn Độ về Bắc Kinh. Hiện giờ cử đi 2 sứ giả tin cậy là Trát Tát Sách Khang Tô Ba và Kham Trọng Khúc Phối Thổ Đằng mang theo báo cáo tỉ mỉ của đoàn thể Cát Luân, hội đồng Tây Tạng cùng nhân dân, trình báo tới ngài, xin chuyển tới Mao Chủ tịch kính yêu những nguyện vọng tốt đẹp chân thành muốn tăng cường quan hệ hữu hảo Tạng-Hán.

Mong sớm được phúc đáp, để tôi yên lòng.

Xin gửi tặng 1 tấm khăn màu, 1 thảm đệm cao cấp”.

Đồng thời, đại hội quan chức Tây Tạng cũng gửi thư cho Đại sứ Viên Trọng Hiền nội dung tương tự như trên.

Vì lần này thái độ của Đạt Lai Lạt ma và hội nghị quan chức Tây Tạng rất thành khẩn, hành động cũng tích cực, nên sớm nhận được hồi âm miễn nguyện. Chỉ có 13 ngày, Khúc Phối Thổ Đằng và Trát Tát Sách Khang đi Niudeli đã mang về thư trả lời của Đại sứ Viên Trọng Hiền gửi Đạt Lai Lạt ma và đại hội quan chức Tây Tạng.

Trong thư của Đại sứ Viên bày tỏ “yên tâm vui mừng” khi nhận được thư và tặng phẩm của Đạt Lai Lạt ma và nói là “Mao Chủ tịch cho tôi được thay mặt người chúc mừng Đạt Lai chấp chính”, “Trung ương đồng ý và hoan nghênh việc cử thêm đại biểu qua ấn Độ đáp máy bay tới Hương Cảng đến Quảng Châu rồi về Bắc Kinh. Đại sứ quán Trung Quốc tại ấn Độ sẽ tạo mọi thuận lợi và giúp đỡ chuyến đi này”.

Bầu trời Himalaia “nhiều mây mát mẻ”. Gió xuân ấm áp bắt đầu thổi nhẹ nhàng qua cao nguyên băng tuyết. Tại chùa Đông Cát á Đông Đạt Lai Lạt ma gieo quẻ khấn cầu phật tổ, cuối cùng được phép cử một đoàn đại biểu 5 người đi Bắc Kinh tiến hành đàm phán. Đạt Lai Lạt ma phê chuẩn Cát Hạ cử A Bái A Vượng Tấn Mỹ dẫn đầu đoàn đại biểu, cử Kham Cùng (quan tứ phẩm) Thổ Đằng Liệt Môn, Đại Bồn Tang Pha Đằng Tăng Đốn Châu làm đại biểu: ba người đi đường nội địa về Bắc Kinh; cử Tổng tư lệnh quân Tạng tại á Đông Khải Mặc Sách An Vượng Đồi và tăng quan bí thư trưởng Thổ Đan Đấn Đạt làm đại biểu, từ ấn Độ, ghi rõ họ tên chức vị 5 người trong đoàn đại biểu toàn quyền đàm phán của Tây Tạng. Trong đó có nội dung thừa nhận Tây Tạng là lãnh thổ của của Trung Quốc, có thể đáp ứng hàng năm biếu tặng Chính phủ Trung ương, ngoài ra không phải làm bất kỳ hình thức đáp ứng nào. Người

đại diện ký kết của đoàn là Cát Luân Chính phủ địa phương Tây Tạng - Tổng quản quân chính Xương Đô- A Bái A Vượng Tấn Mỹ.

Ngày 29-3-1951, A Vượng Tấn Mỹ dẫn đầu đoàn đại biểu lên đường đi Bắc Kinh. Hàng nghìn binh lính và nhân dân Xương Đô ra đường hoan tiễn.

A Bái cổ quàng khăn trắng. Từ trên lưng ngựa, ông lưu luyến nhìn theo đồng bào ra tiễn, ung dung yên ngựa thong thả ra đi. Người đại biểu toàn quyền đứng đầu 42 tuổi ấy đôi khoé mắt rướm lệ long lanh.

Chu Ân Lai, Chu Đức đón mừng khách quý

Trùng Khánh thành phố núi sáng mùa xuân che phủ sương mù. Sáng sớm ngày 20-4 sương đã tan dần, một chiếc máy bay vút tận trời xanh, đưa A Bái vượt qua Tây An đi thủ đô Bắc Kinh.

Chính phủ nhân dân Trung ương theo dõi chiếc chuyên cơ đang chở một sứ mệnh trọng đại. 12 giờ 15 phút trưa, máy bay hạ cánh xuống sân bay Tây An nạp thêm nhiên liệu. Lý Duy Hán Chủ nhiệm dân uỷ Trung ương thông báo qua điện thoại: Vì trời Bắc Kinh gió lớn, đề nghị đoàn đại biểu hòa đàm Tây Tạng chuyển sang xe lửa về Bắc Kinh. Uông Phong phó Chủ nhiệm dân uỷ Trung ương chờ sẵn ở đây, đã bố trí thật chu đáo để đại biểu Tây Tạng có ngày nửa thăm thành phố cổ kính này, tổ chức tiệc đêm thịnh soạn. Trong bữa tiệc, các đại biểu đoàn hoà đàm Tây Tạng không ngờ được gặp một người đó là đại sư Hỉ Nhiêu Gia Thố ở Thanh Hải, nguyên là thầy dạy của A Bái hồi còn theo học, hiện giờ là Phó Chủ tịch Chính phủ nhân dân tỉnh Thanh Hải. Hỉ Nhiêu Gia Thố là đại sư Phật học nổi tiếng, lừng danh khắp vùng Tây Tạng và cả nước. A Bái được gặp thầy học của mình tại đây, vừa kinh ngạc vừa vui mừng. Đại sư Hỉ Nhiêu là một Phật sống yêu nước, để khuyên giải chính quyền địa phương Tây Tạng sớm hòa đàm với Chính phủ nhân dân Trung ương, đã từng phát biểu bằng tiếng Tạng trên đài phát thanh. Do vậy, Đại sư hết sức khen ngợi A Bái một người đệ tử đắc ý của mình đã dẫn đoàn đại biểu Trung Quốc về Bắc Kinh, tiến hành hòa đàm. Trong bữa tiệc Đại sư nói cười sôi nổi, động viên A Bái mọi người cũng cố vũ A Bái.

Hồi 11 giờ 35 phút dưới sự hướng dẫn của Mông Phong, A Bái và một số đại biểu Tây Tạng lên tàu rời Tây An.

Chiều ngày 22-4-1951, trên thềm nhà khách tại ga Bắc Kinh hàng trăm quần chúng nhân dân tập trung đón khách. 19 giờ 10 phút, khi A Bái và các đại biểu Tây Tạng xuống tàu, trong khoảnh khắc các cháu nhi đồng với những bó hoa tươi thắm vây quanh đoàn đại biểu. Người dẫn các cháu tặng hoa,

chính là Chu Ân Lai Thủ tướng Quốc vụ viện Chính phủ nhân dân Trung ương và Chu Đức Tổng Tư lệnh quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc, cùng một số Bộ trưởng và chủ nhiệm các bộ ngành Trung Quốc. Thủ tướng nước cộng hoà mắt sáng như sao. Tổng tư lệnh quân Giải phóng uy nghiêm mà hoà nhã, đã siết chặt bàn tay từng đại biểu hoà đàm tới đây từ cao nguyên băng tuyết. Những tiếng cười cởi mở, những lời thăm hỏi thân tình, xua tan làn gió lạnh đêm xuân. Đoàn đại biểu A Bái vừa đặt chân lên mảnh đất Bắc Kinh mà đã cảm thấy hương vị của hoa xuân và ấm áp của trời xuân.

Đoàn tàu như một con rồng lượn đang chuyển bánh trên đường Trường An dưới trời sao lấp lánh, các đại biểu Tây Tạng được đưa tới khách sạn Bắc Kinh mũ lệ hào hoa.

Tối 28 -4, Thủ tướng Chu Ân Lai, Phó Chủ tịch Lý Tế Thâm, Phó Thủ tướng Trần Vân và Hoàng Viêm Bồi mở tiệc chiêu đãi các đại biểu hoà đàm Tây Tạng. Thủ tướng Chu Ân Lai trong bộ trang phục dạ màu ghi, nét mặt tươi cười cởi mở đón tiếp mọi người.

Kỷ sự lịch sử

Ngày 29-4, cuộc đàm phán phiên đầu tiên của Chính phủ nhân dân Trung ương và Chính phủ địa phương Tây Tạng được cử hành tại phòng giao tế của Ủy ban quân quản Bắc Kinh.

Đoàn đại biểu toàn quyền của Chính phủ nhân dân Trung ương gồm 4 người: đại biểu đứng đầu là Lý Duy Hán, còn các đại biểu khác là Trương Kinh Vũ, Trương Quốc Hoa và Tôn Chí Viễn.

Lý Duy Hán là người cộng sản lâu năm, nổi tiếng trong ngoài nước, một chuyên gia về vấn đề Mặt trận dân tộc thống nhất và dân tộc của Đảng, có thời kỳ làm Bộ trưởng Mặt trận dân tộc thống nhất Trung ương kiêm Chủ nhiệm Ban dân tộc Trung ương. Trương Kinh Vũ là sư trưởng hồng quân thời kỳ tỉnh Cương Sơn, là Chủ nhiệm văn phòng Quân uỷ Trung ương sau ngày thành lập nước, đồng thời kiêm nhiệm Bộ trưởng Bộ vũ trang nhân dân thuộc Quân uỷ Trung ương. Tướng trẻ Trương Quốc Hoa lúc ấy chưa tới Bắc Kinh, ngày 15-5 ông mới đến được. Tôn Chí Viễn là thư ký trưởng Ủy ban quân chính Tây Nam, đeo cặp kính nhiều đi-ốp, trông ra dáng, một giáo sư văn nhã.

Đại biểu Chính phủ địa phương Tây Tạng có 5 người: Đứng đầu là A Bái A Vượng Tấn Mỹ, và các đại biểu Khải Mặc Sách An Vượng Đồi Thổ Đàm Đán Đạt, Thổ Đăng Liệt Môn, Tang Pha. Đăng Tăng Đốn Châu

Ngoài A Bái ra, Khải Mặc Sách An Vượng Đồi là một nhân vật có thực

lực nhất trong các đại biểu Tây Tạng. Ông là Tổng tư lệnh quân Tạng, nắm giữ binh quyền lại là chú của Cát Luân Sách Khang và thân cận với Đạt Lai ở ẩn Độ vừa tới. Cát Hạ truyền cho ông những phương pháp cơ mật, quyền uy của ông không dễ coi thường. Thổ Đam Đán Đạt là một tăng quan làm thư ký trưởng dịch thương, tính nết cương trực, có uy tín ở Tây Tạng. Thổ Đẳng Liệt Môn là phó trưởng quan của nhiếp chính Trát Đạt, một nhân vật thuộc phái thực quyền; một số quan chức lớn của Cát Hạ gặp ông đều đón tiếp niềm nở, khúm núm nhún nhường. Tang Pha Đẳng Tăng Đốn Châu, là công tử quý tộc, một trung đoàn trưởng đại bản 2 của quân Tạng.

Ngoài ra còn có hai cán bộ cùng tham dự đàm phán, đó là Bình Thổ Vượng Giới và Lạc Vu Hoàng. Lạc Vu Hoàng về sau làm Bộ trưởng Tuyên truyền công uỷ Tây Tạng. Bằng Triết cán bộ dân uỷ Trung ương làm công tác phiên dịch, vì ông ta nói ngữ âm Thanh Hải hơi nặng nên sau đó Bình Thổ Vượng Giới cùng hỗ trợ phiên dịch.

Không khí đàm phán buổi đầu thoải mái và suôn sẻ. Sau khi đôi bên xem xét giấy tờ xác nhận của nhau, chưa bàn vấn đề cụ thể, chỉ mới bàn trình tự, bước đi, Lý Duy Hán nói: “Chúng ta là một gia đình, mọi người thương lượng làm tốt công việc”. Trên bàn đàm phán được phân phát văn bản 10 điều kiện về đàm phán hoà bình của Chính phủ nhân dân Trung ương, tức là “công ước 10 điểm” của Cục Tây nam chế định cho bộ đội vào Tây Tạng để các đại biểu tham khảo. Đồng thời còn nghiên cứu vấn đề mời A Bái và Ban Thiên lên đài Chủ tịch Thiên An Môn dự lễ “1-5”. Cuối cùng trưởng đoàn A Bái đề xuất, quân Giải phóng ở Hắc Hà, Tân Cương đều đang tiến quân, Đạt Lai có thể không ở lại Tây Tạng đã trở thành vấn đề. Mong muốn quân Giải phóng tạm ngừng, nên dùng danh nghĩa đoàn đại biểu điện báo cho Đạt Lai, đề nghị không nên đi ẩn Độ. Trưởng đoàn Lý Duy Hán đồng ý thỉnh thị Trung ương.

Chiều ngày 2-5 tiếp tục đàm phán.

Đại biểu Chính phủ nhân dân Trung ương và Chính phủ địa phương Tây Tạng kiên trì nỗ lực để tìm ra một điểm chung.

Đại biểu Tây Tạng tỏ ý tiếp nhận 10 điều kiện hòa đàm của Trung ương, nhưng cho rằng vấn đề tiến quân là tiêu điểm. Bởi vì Chính phủ Cát Hạ đã từng nêu ra mà không được đáp ứng, cho nên điều kiện này không thể tiếp thu.

Lý Duy Hán chỉ rõ: Tiến quân vào Tây Tạng là phương châm đã định của Trung ương, Chính phủ nhân dân Trung ương giúp đỡ dân tộc thiểu số giải phóng Tây Tạng, tránh được sự xâm lược của đế quốc, Tây Tạng là trận địa tiền tiêu bảo vệ Tây nam của Tổ quốc, càng đòi hỏi quân đội bảo vệ quốc

phòng mạnh mẽ.

Trong hai ngày tạm nghỉ, các đại biểu Chính phủ Trung ương và cán bộ công tác thận trọng kiên nhẫn giới thiệu tôn chỉ của quân Giải phóng và tác phong đáng quý của họ, đồng thời đưa ra những văn kiện lịch sử thời nhà Thanh để chứng minh Trung ương có quyền đưa quân đội vào Tây Tạng, và đã sớm thành tiền lệ. Giải thích rõ việc củng cố quốc phòng là nhiệm vụ chung của các dân tộc trong cả nước, hy vọng các đại biểu Tây Tạng từ bỏ mọi nỗi băn khoăn, tích cực hỗ trợ vấn đề tiến quân vào Tây Tạng sớm đạt tới hiệp nghị.

Trưởng đoàn Tây Tạng A Bái trải qua trần trở suy nghĩ, trước hết tiếp thu ý kiến của đại biểu Chính phủ nhân dân Trung ương, ông khuyên giải các đại biểu khác cũng dần dần tiếp thu ý kiến đó.

Ngày 7-5, hội đàm tiếp lần thứ 3, đại biểu đôi bên cùng xác định phương châm tiến quân vào Tây Tạng, hoà bình giải phóng Tây Tạng.

Tiếp tục đi sâu vào đàm phán hòa bình, mọi vấn đề khó khăn lần lượt được giải quyết, đại biểu hoà đàm Trung ương một lần nữa nêu vấn đề duy trì địa vị vốn có và quyền chức của Ban Thiễn vào chương trình nghị sự. Nhưng đại biểu hoà đàm Tây Tạng cho rằng lần này là bàn bạc sự việc để giải phóng bằng hòa bình chứ không phải là vấn đề Ban Thiễn: mà Chính phủ hợp pháp Cát Hạ của Ban Thiễn vẫn còn chưa được thừa nhận.

Lý Duy Hán đại biểu Chính phủ Trung ương đưa ra bản sắc phong của Lý Tông Nhân quyền Tổng thống Chính phủ nhân dân Trung ương Quốc Dân Đảng cấp cho Ban Thiễn đời thứ 10, có cả một số ảnh chụp Ban Thiễn làm lễ tại chùa Tháp Nhĩ ở Thanh Hải. Cuối cùng Đại biểu Tây Tạng đã công nhận địa vị hợp pháp của Ban Thiễn.

Đã thừa nhận đại sư Ban Thiễn, thì phải khôi phục địa vị vốn có và chức quyền của Ban Thiễn, và tất nhiên phải pháp định hóa điều này trong “Hiệp nghị”. Đại biểu hoà đàm Tây Tạng tỏ ý cần phải gửi điện thỉnh thị Đạt Lai Lạt ma tại á Đông.

Mãi đến ngày 28-5, đoàn đại biểu hoà đàm mới nhận được điện trả lời của Đạt Lai, bày tỏ hoàn toàn đồng ý vấn đề Ban Thiễn được đưa vào hiệp nghị. Đến đây gánh nặng đè trên vai mỗi thành viên của đoàn đại biểu mới được trút bỏ.

Hơn 20 ngày đêm, Chu Ân Lai chăm chú theo dõi toàn bộ tiến triển của cuộc đàm phán hoà bình. Người lắng nghe từng chi tiết cụ thể của báo cáo, tự bản thân bố trí hoạt động tham quan của đoàn đại biểu hoà đàm Tây Tạng,

dặn dò phải dịch thật tốt văn bản hiệp nghị bằng tiếng Tạng...

Sóng gió Trường Giang và Hoàng Hà ghi tạc mãi trang sử giải phóng Tây Tạng Trung Quốc .

Ngày 23-5-1951

4 giờ chiều tại Hoài Nhân Đường Trung Nam Hải đã cử hành lễ ký kết “Hiệp nghị về biện pháp hòa bình giải phóng Tây Tạng”. Chu Đức, Lý Tế Thâm, Trần Vân, những người chủ trì lễ ký đứng nghiêm trang dưới lá quốc kỳ 5 sao cỡ lớn, đứng bên trái là Lý Duy Hán cùng 4 đại biểu của đoàn hòa đàm Trung ương. Ngồi ký tên trước bàn dài là A Bái A Vương Tấn Mỹ cùng 5 đại biểu hoà đàm Tây Tạng. Họ dùng cây bút tre riêng biệt để viết chữ Tạng.

Tối 24-5, để chào mừng hiệp nghị được ký kết, Chủ tịch Mao Trạch Đông mở tiệc chiêu đãi, có mặt trong bữa tiệc có đại sư Ban Thiễn và các thành viên đi theo; 5 đại biểu toàn quyền trong đoàn Chính phủ địa phương Tây Tạng cùng các tùy viên; 4 đại biểu toàn quyền của đoàn Chính phủ nhân dân Trung ương và các nhân vật hữu quan. Nhận lời mời tối dự còn có Phó Chủ tịch Chính phủ nhân dân Trung ương Chu Đức, Lưu Thiếu Kỳ, Lý Tế Thâm; Phó Thủ tướng Quốc vụ viện Đồng Tất Vũ Trần Vân, Quách Mạt Nhược, Hoàng Viêm Bồi, và hơn 180 nhân sĩ có tiếng tăm của các ngành giới thủ đô Bắc Kinh.

Trong không khí vui mừng náo nhiệt, Mao Trạch Đông, Ban Thiễn và A Bái đều phát biểu ý kiến. Mao Trạch Đông nói rất nhiệt tình, người nhấn mạnh phải tăng cường đoàn kết. Người nói “Mấy trăm năm nay, các dân tộc Trung Quốc không được đoàn kết, nội bộ dân tộc Tạng cũng không đoàn kết, đó chính là kết quả sự thống trị của Chính phủ Mãn Thanh và Chính phủ Tưởng Giới Thạch, cũng là kết quả gây chia rẽ của bọn đế quốc. Giờ đây, lực lượng do Đạt Lai Lạt ma lãnh đạo, lực lượng do Ban Thiễn lãnh đạo cùng với Chính phủ nhân dân Trung ương đã đoàn kết lại... từ nay về sau trên cơ sở đoàn kết ấy, giữa các dân tộc chúng ta, trên tất cả mọi mặt, về chính trị kinh tế, văn hóa sẽ được phát triển và tiến bộ.

Ngày 28-5, “Nhân dân nhật báo” đăng toàn văn hiệp nghị bằng hai thứ tiếng Hán-Tạng, có xã luận và thông báo quá trình đàm phán. Trên đất nước Trung Quốc bao la, tại nhiều địa phương quần chúng nhân dân tổ chức mít tinh diễu hành, nhiệt liệt chúc mừng Đại lục của Tổ quốc được hoàn toàn giải phóng. Đại sư Ban Thiễn cũng ra tuyên bố ủng hộ “17 điều hiệp nghị”.

Sáng ngày 13-7-1951, tại cửa hàng San Nai Tui La vùng biên giới cách

á Đông nửa ngày đường, xuất hiện một đoàn người quần áo đủ màu. Đi đầu là một trung niên dáng mảnh mai trong trang phục màu tro. Con người ấy, xuất phát từ Bắc Kinh, bay qua Hương Cảng, Singapo, Niudêli đi suốt đêm ngày tức tốc tới đây, đó là Tướng Quân Trương Kinh Vũ đại biểu toàn quyền của Chính phủ nhân dân Trung ương thường trú tại Tây Tạng. Ông cầm thư tay của Chủ tịch Mao Trạch Đông gửi tới Đạt Lai Lạt ma. Với những lời khuyên thiết tha của tướng Trương Kinh Vũ, đồng thời được sự chỉ lối của Hộ thần Cát Tường Thiên Nữ, Đạt Lai Đan Tăng Gia Thố thứ 14 đã lên đường trở về Lạp Tát vào ngày 21-7.

Sau khi hiệp nghị được ký kết, tuân theo chỉ thị của Mao Trạch Đông, quân Giải phóng nhân dân chia làm 4 đường thẳng tiến vào Tây Tạng. Ngày 12-10-1951, lần lượt tới thành cổ Lạp Tát và các vùng trọng điểm Giang Tư, Nhật Khách Tắc, á Đông, A Lý, cờ đỏ 5 sao được cắm trên đỉnh dãy Himalaia. Từ đây Đại lục Trung Quốc hoàn toàn giải phóng.

VI. NGUỒN LỬA ÁC TÀ

Bọn quyền quý phản động chống đối chấp hành hiệp nghị

4 giờ chiều ngày 23-5-1951, tại Hoài Nhân Đường Trung Nam Hải đã cử hành lễ ký kết “Hiệp nghị về biện pháp hoà bình giải phóng Tây Tạng”. Lễ ký kết vừa kết thúc tốt đẹp, có tiếng nổ giòn vang dội: “ùng ùng...” đã có một bức điện do Chính phủ nhân dân Trung ương phát thông báo tin vui á Đông miền tây Trung Quốc nơi giáp ranh giữa Tây Tạng và Ấn Độ xa xôi, bay tới chùa Đông Cát nơi có một vị Đạt Lai Lạt ma 18 tuổi.

Sáng hôm sau, khi ánh nắng mặt trời tỏa sáng không gian, điện báo tin vui của A Bái A Vượng Tấn Mỹ từ Ấn Độ truyền về. Đạt Lai Lạt ma vừa nhận được điện liền triệu tập hội nghị toàn thể thành viên “Cát Hạ Á Đông” bàn bạc nghiên cứu chấp hành hiệp nghị.

Đạt Lai Lạt ma vừa công bố bản tin ký kết “Hiệp nghị”, thì Tư Bốn Láng Sắc Lâm Ban Giác Tấn Mỹ liền đứng dậy phát biểu đầu tiên, ông nói: “Hiệp nghị được ký kết, sau đây cảnh ngộ của Cát Hạ chắc chắn rất khó khăn, mọi việc nhất nhất đều phải nghe theo Chính phủ Trung ương, tương lai Phật giáo Tây Tạng ắt sẽ bị tổn thất nặng nề, ký hiệp nghị này là sai lầm, không thể chấp hành được”.

Tiếp đó, một số quan chức đứng đầu có Xích Giang Lạc Tạng ích Tây, Sách Khang Vượng Thanh Cách Lan, Bạc Lạp Thổ Đăng Vi Đăng và Lạc

Tang Tam Đán liền lên tiếng phụ hoạ, ủng hộ quan điểm của Láng Sắc Lâm Ban Giác Tấn Mỹ, kiên quyết phản đối chấp hành hiệp nghị, đòi đệ đơn yêu cầu Đạt Lai chạy sang ấn Độ.

Trọng Dịch Khâm Ba Quân Bối Thổ Đăng liền đứng dậy nói: “Hiệp nghị này rất hay, nó hoàn toàn thích hợp với yêu cầu phát triển tôn giáo và chính trị của Tây Tạng, nó thể hiện tập trung đúng hướng nhân dân của quảng đại dân chúng tăng tục; các đại biểu hoà đàm mà chúng ta cử đi đều là những người có uy tín trong Cát Hạ, hoàn toàn không phải vì một cốc rượu, mà đem đại quyền chính giáo Tây Tạng làm hàng hóa trao đổi. Vì vậy, hiệp nghị 17 điều được ký kết rồi, chúng ta nên chấp hành vô điều kiện; càng không nên để nghị Đạt Lai chạy trốn, làm như vậy là phỉ báng Tây Tạng, phỉ báng Đạt Lai Lạt ma, là phỉ báng tôn giáo Tây Tạng”.

Tắc Hiệp Tuyết Khang Đốn Chu Đa Cát thì kiên quyết ủng hộ ý kiến của Quân Bối Thổ Đăng. Tắc Hiệp Tuyết Khang Đốn Chu nói: “Sự phát triển tôn giáo Tây Tạng nên dựa vào đại gia đình nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, không thể dựa vào nước ngoài, chuyện xa không nói chuyện xưa không nói, hãy lấy chuyện gần mà nói nhé. Từ Bốn Hạ Cát Ba vẫn nói, chúng ta sang ấn Độ sẽ được đón tiếp nhiệt tình như thế nào vậy mà, nay chúng ta đến cửa ngõ ấn Độ đã phải đứng ngây ra bao lâu ở đó, tại sao không nhìn thấy hành động của họ. Dựa vào người nước ngoài giúp đỡ phát triển tôn giáo là không dựa được, trong lịch sử đã có nhiều bài học kinh nghiệm. Ý của tôi là kiên quyết chấp hành quyết nghị, dựa vào Tổ quốc của mình để phát triển tôn giáo. Tôi kiến nghị ngay lập tức đệ trình Đạt Lai Lạt ma, nên nhanh chóng trở lại Lạp Tát, tôi nói dứt khoát như vậy, dù có phải mặc quần đùi mà đi tôi cũng trở về Lạp Tát. Tôi tin tưởng rằng trong đại gia đình nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, tôn giáo Tây Tạng sẽ được phát triển, nhân dân Tây Tạng sẽ đi tới hạnh phúc”.

Hai bên tranh luận với nhau như vậy mãi cho đến đêm vẫn chưa ngã ngũ, qua liền mấy ngày đầu khẩu, Tắc Hiệp Tuyết Khang Đốn Chu Đa Cát đã có ưu thế, “Cát Hạ Á Đông” quyết định Đạt Lai trở về Lạp Tát, nhưng hiệp nghị có được chấp hành hay không vẫn chưa quyết định được, đôi bên nhất trí: chờ đợi sau khi xem xét nội dung hiệp nghị sẽ quyết định. Ngày 28 Cát Hạ báo với Chính phủ nhân dân Trung ương, chỉ nói là hoàn toàn đồng ý vấn đề Ban Thiển đưa vào hiệp nghị, còn xử lý hiệp nghị như thế nào thì tuyệt nhiên không nhắc tới.

Trương Kinh Vũ thuyết phục Đạt Lai trở về Lạp Tát

Tháng 6-1951, Trung ương uỷ nhiệm tướng quân Trương Kinh Vũ làm đại biểu toàn quyền thường trú tại Tây Tạng, và yêu cầu nhanh chóng đi Tây Tạng. Sau khi nhận lệnh, Trương Kinh Vũ chuẩn bị hành trang gọn nhẹ lên đường, từ Bắc Kinh qua Hương Cảng theo đường biển tới ấn Độ, rồi từ ấn Độ đến Tây Tạng. Ngày 15-7 tới á Đông trên biên giới Tây Tạng. Sáng hôm sau Trương Kinh Vũ tới chùa Đông Cát bái kiến Đạt Lai Lạt ma. Đạt Lai sợ Trương Kinh Vũ nêu vấn đề chấp hành hiệp nghị nêu trong giao tiếp, mỗi khi đụng chạm tới gần nội dung “Hiệp nghị”, lập tức Đạt Lai lẩn tránh. Trương Kinh Vũ đều cảm thấy được tất cả, biết rằng Đạt Lai có ý tránh xa sự kiện này, cho nên ông không gạn hỏi và càng không truy bức Đạt Lai biểu thị thái độ đối với “hiệp nghị”, ông chỉ dựa theo chỉ thị của Mao Trạch Đông, để Đạt Lai tự nêu ra là tốt hơn. Để có thời gian suy nghĩ trước khi nói với Trương Kinh Vũ về thái độ đối với “Hiệp nghị”, trong sinh hoạt, Đạt Lai hết sức quan tâm tới Trương Kinh Vũ; nên khi Trương Kinh Vũ đi Lạp Tát, Đạt Lai đưa ngựa cho Trương Kinh Vũ sử dụng.

Tất cả mọi hành động của Đạt Lai và Cát Hạ, Trương Kinh Vũ hoàn toàn biết rõ dụng ý, nhưng không bao giờ ông nói ra, tự mình nghiêm túc kiểm chế chờ đợi.

Ngày 8-8, Trương Kinh Vũ tới Lạp Tát. Ngày 17-8 Đạt Lai Lạt ma dẫn các quan chức Cát Hạ tại á Đông trở về Lạp Tát. Vì khi đón Đạt Lai Lạt ma, trong vấn đề tọa vị, Chính phủ địa phương Tây Tạng không làm rõ quan hệ giữa địa phương và Trung ương, nên căn cứ theo chỉ thị của Mao Trạch Đông, Trương Kinh Vũ không đi đón, chỉ cử Bộ trưởng tuyên truyền quân đoàn 18 Nhạc Vu Hoàng làm đại biểu đi đón Đạt Lai, và qua lễ đón thăm dò thái độ Lạt ma đối với hiệp nghị. Nhưng trong lễ đón, Đạt Lai Lạt ma không hề có một chữ nào nhắc tới “Hiệp nghị”.

Để thúc đẩy Cát Hạ sớm chấp hành “Hiệp nghị”, Trương Kinh Vũ sử dụng thế công ngoại vi, cử Nhạc Vu Hoàng hàng ngày tới thăm nom các quan chức trọng yếu; sau đó còn thay mặt Trương Kinh Vũ gửi biếu tặng phẩm.

Mặc dầu Trương Kinh Vũ đã làm công việc thăm hỏi biếu tặng, nhưng Cát Hạ vẫn không tỏ thái độ là có chấp hành “Hiệp nghị” hay không. Trương Kinh Vũ ông không hề nóng vội, vẫn kiên trì thái độ chờ đợi, chỉ là tăng cường công tác mặt trận ở trên từ một phía khác, lại tiếp tục bái kiến các quan chức cao cấp của Cát Hạ.

Phải thực lực chân chân không chịu tỏ rõ thái độ đối với Trung ương

Ngày 7-9, Phó chính uỷ quân đoàn 18 Dương Kỳ Mai dẫn một chi đội tiên phong đi tới Lạp Tát, báo một tin cho Cát Hạ biết là đại quân quân Giải phóng sắp vào Tây Tạng.

Chính phủ Cát Hạ không hề ngó tới cánh quân nhỏ bé này, khi đội tiên phong trụ lại, họ liền đem quân chân giữ 3 mặt nơi chi đội ở; dùng lực lượng 3 đại bản quân Tạng vây quanh chi đội tiên phong, nghiêm cấm nhân dân tới thăm quân Giải phóng. Quân Tạng ngày ngày xếp hàng khua chiêng gõ trống, gào gáy những ca khúc lưu hành nội địa trong niên đại 30: “Phòng Mĩ nhân trên Đào hoa giang”, “Mạnh Khương Nữ khóc trường thành”... tạo ra thế bốn bề địch hãm, hồng làm rã rời ý chí của cán bộ chiến sĩ chi đội tiên phong, đồng thời không cho chi đội ra mua lương thực, ý đồ muốn ép chi đội tiên phong ra khỏi Tây Tạng.

Xét về tình hình Chính phủ Cát Hạ Tây Tạng không tỏ ý kiến đối với “Hiệp nghị” và thái độ của họ đối với chi đội tiên phong, Trương Kinh Vũ cảm thấy không chờ đợi được nữa, bèn đề xuất hỏi Chính phủ Cát Hạ chấp hành “Hiệp nghị” như thế nào, yêu cầu cho Trung ương biết rõ thái độ. Cát Hạ nói lảng (đỡ) là phải đợi sau khi A Vương Tấn Mỹ thông báo quá trình ký kết “Hiệp nghị” sẽ trả lời sau.

Trương Kinh Vũ lại phải kiên nhẫn chờ đợi A Bái A Vương Tấn Mỹ trở về.

Ngày 13-9 A Bái về đến Lạp Tát, liền thông báo với Cát Hạ về quá trình ký kết hiệp nghị, và thông báo trực tiếp với Đạt Lai Lạt ma. Song Cát Hạ vẫn không tỏ thái độ có chấp hành “Hiệp nghị” hay không.

Trương Kinh Vũ cử Nhạc Vu Hoàng nhiều lần thúc giục Chính phủ Tây Tạng tỏ rõ thái độ với Trung ương về việc chấp hành “Hiệp nghị”. Chính phủ Cát Hạ nói lảng là tháng 8 đã qua rồi, tháng 9 không tốt lành, không thể bày tỏ thái độ đối với Trung ương. Để tỏ ra tôn trọng Cát Hạ, Trương Kinh Vũ lại phải kiên trì thái độ chờ đợi. Nhạc Vu Hoàng và Từ Đàm Lô ở quân đoàn 18, Vương Kỳ Mai, phó chính uỷ quân đoàn lại tới bãi kiến quan chức cao cấp Cát Hạ, đồng thời lần lượt trao cho họ từng bản “Hiệp nghị”, mở rộng hơn nữa uy thế của mặt trận thống nhất. Uy thế của Trương Kinh Vũ không xoay chuyển được thái độ của Cát Hạ, Cát Hạ chẳng những không tỏ thái độ chấp hành “Hiệp nghị”, mà còn tiến hành uy hiếp chi đội tiên phong, buổi tối hàng ngày từ vùng xung quanh họ nã súng vào khu doanh trại chi đội, tạo nên không khí căng thẳng, tình hình nghiêm trọng. Ngày 19-9, tiểu đoàn 3 trung đoàn 154 và đại đội cơ pháo của đơn vị nhận lệnh của Trương Quốc Hoa tiến vào Lạp

Tất, tăng cường lực lượng cho chi đội tiên phong, ngọn lửa chiến tranh mới tạm xẹp xuống, nhưng với “Hiệp nghị” vẫn không tỏ rõ thái độ. Với sự truy hỏi nhiều lần của Trương Kinh Vũ, họ không thể thoái thác, đành phải nêu ra 3 vấn đề với Trương Kinh Vũ:

1- Vấn đề chức quyền của Ủy ban quân chính, bao gồm cả vấn đề địa vị và chức quyền của Đạt Lai.

2. Vấn đề quân đội, bao gồm vấn đề cải biên quân trang.

3. Vấn đề thống nhất toàn bộ khu vực dân Tạng, bao gồm vấn đề khu vực Xương Đô qui về Chính phủ địa phương Tây Tạng.

Về những vấn đề Cát Hạ nêu ra, Trương Kinh Vũ chỉ đạo Nhạc Vu Hoàng đến tận Chính phủ Cát Hạ giải đáp cụ thể từng vấn đề trước Tư Tào Lỗ Khang Oa Sách Khang và toàn thể Cát Luân, cùng quan chức trọng yếu.

Trương Kinh Vũ nói: “Ủy ban quân chính là một cơ quan thay mặt Chính phủ nhân dân Trung ương cần phải có ở Tây Tạng, quân khu Tây Tạng chỉ là một cơ quan quân sự, nó sẽ có quan hệ thường xuyên với Chính phủ địa phương Tây Tạng, Ủy ban Quân chính có thể quản lý công việc cả hai phía Chính phủ địa phương Tây Tạng và quân Giải phóng nhân dân. Quân Giải phóng nhân dân chỉ tới đây một quân đoàn, khoảng hai vạn người, đóng giữ khu vực biên phòng Giang Tư, Nhật Khách Tắc A Lý và Lâm Chi, chỉ đóng ở Lạp Tát chừng 4.000 quân, lương thực bộ đội không cần nhân dân Tây Tạng đảm nhiệm, Trung ương dùng tiền bạc mua dùng, những thứ khác do nội địa chuyển tới. Quân Tạng có thể biên theo thứ bậc giải phóng quân, hưởng đãi ngộ như giải phóng quân. Vấn đề thống nhất toàn bộ dân tộc Tạng do nhân dân các tỉnh Xuyên, Cam, Diên, Khang, Thanh bỏ phiếu biểu quyết, chỉ cần nhân dân tán thành là được, nhưng trước mắt vừa mới giải phóng, tất cả chưa thể làm rộng được, có một số khu vực đã giải phóng sớm, công tác tiến triển nhanh, nhưng hiện tại vẫn không thể bàn việc thống nhất được. Về khu vực Xương Đô, qua Trung ương phê chuẩn là có thể qui về Tây Tạng, vấn đề này xem ra không có vấn đề gì. Còn về chức vị của Đạt Lai Lạt ma, chức vị không thay đổi, Trung ương muốn Đạt Lai ra làm Chủ tịch Ủy ban Quân chính”.

Mặc dầu Trương Kinh Vũ đã trả lời những vấn đề Cát Hạ nêu ra, nhưng Cát Hạ vẫn không chịu đáp ứng lại thái độ đối với “Hiệp nghị”. Chẳng bao lâu Đạt Lai Lạt ma lại yêu cầu A Bái A Vương Tấn Mỹ nêu ra 6 vấn đề với Trương Kinh Vũ:

1. Về “Hiệp nghị” không thể không thật sự thi hành.

2. Vấn đề địa vị của bản thân ông ta.

3. Thời gian Ban Thiện về Tạng.
4. Quân đội phải vào ít, không thể vào nhiều.
5. Bản thân ông ta muốn vào nội địa.
6. Quân đoàn trưởng Trương Quốc Hoa khi nào vào Tạng?

Trương Kinh Vũ lần lượt giải đáp từng vấn đề, về việc Đạt Lai muốn đi nội địa, ngay hôm đó Trương Kinh Vũ đã thỉnh thị Trung ương, Trung ương bố trí ngay, và trả lời Đạt Lai muốn đi lúc nào cũng được. A Bái đã chuyển nội dung trả lời của Trương Kinh Vũ tới Đạt Lai, Đạt Lai rất toại nguyện, nhưng việc chấp hành “Hiệp nghị” vẫn chưa được Cát Hạ trả lời.

Ngày 26-9, theo sáng kiến của A Bái A Vương Tấn Mỹ, Đạt Lai triệu tập “Đại hội toàn Tạng”; để A Bái truyền đạt nội dung toàn văn “Hiệp nghị” và cả quá trình ký kết “Hiệp nghị” với toàn thể quan chức Cát Hạ, sau đó toàn thể quan chức tiến hành thảo luận về “Hiệp nghị”. Qua hai ngày tranh luận kịch liệt, phái chấp hành “Hiệp nghị” chiếm ưu thế, quyết định tới ngày quốc khánh sẽ điện về Trung ương biểu thị ủng hộ “Hiệp nghị”. Nhưng sau quốc khánh đã mấy ngày, phái thực quyền vẫn không chịu chấp hành quyết nghị của đại hội, trì hoãn không điện về Trung ương.

A Bái cùng năm đại biểu hoà đàm nhiều lần thúc giục, phái thực quyền Cát Hạ vẫn không tỏ rõ thái độ. A Bái và năm đại biểu bàn bạc, để A Bái trực tiếp trao đổi với Cát Hạ, nếu việc chấp hành “Hiệp nghị” đối với Cát Hạ có khó khăn, đề nghị triệu tập đại hội toàn khu Tây Tạng, chúng ta có thể tới hội nghị trình bày giải thích rõ ràng tỉ mỉ. Thế là ngày 20-10, đại hội được triệu tập có hơn 300 người tham gia, bao gồm toàn thể quan chức tăng tục, các lĩnh, giáp bản trong đại bản, cửu lã, kham bố chùa Tam đại, thảo luận vấn đề chấp hành hay không chấp hành “Hiệp nghị”. A Bái lại một lần nữa thông báo nội dung “Hiệp nghị” và quá trình ký kết. 5 đại biểu lại nói rõ nguyện vọng đem tính mạng gia đình bản thân và tài sản bảo đảm, “Hiệp nghị” có lợi cho sự nghiệp của Đạt Lai Lạt ma, cho chính giáp Tây Tạng, cho lợi ích dân chúng trăm họ toàn Tây Tạng. Để đại hội phát biểu ý kiến tự nhiên, A Bái cùng năm đại biểu tự động rút ra ngoài, để quan chức nói hết những điều mong muốn. Sau khi A Bái và đại biểu ra khỏi, hội nghị nhằm vào vấn đề chấp hành hay không chấp hành “Hiệp nghị” và chia làm hai phái, tranh luận gay gắt, khẩu chiến liên tục ba ngày liền, phái chấp hành lại chiếm ưu thế. Thế là ngày 22 Cát Hạ đã viết một bản kỷ yếu hội nghị trình báo Đạt Lai Lạt ma. Sau khi nghiên cứu, Đạt Lai đồng ý gửi điện về Trung ương bày tỏ sự ủng hộ “Hiệp nghị”, và chỉ thị cho Cát Hạ điện trả lời ngay.

Ngày 22 Cát Hạ căn cứ theo chỉ thị của Đạt Lai, yêu cầu A Bái chuẩn bị nội dung điện báo, giao cho Cát Hạ thẩm định. A Bái mấy đêm liền viết xong điện văn trao cho Cát Hạ Lỗ Khang Oa lấy cớ là nội dung chuẩn bị của A Bái không được, không phát điện báo, nhưng không để A Bái sửa lại, mà lại bỏ đi.

Trương Quốc Hoa kiên nhẫn tuyên truyền 17 điều

Ngày 12-10-1951 Trương Quốc Hoa dẫn đầu trung đoàn 154 trực thuộc quân đoàn 18 tới Lạp Tát. Lỗ Khang Oa thấy lực lượng hùng hậu của quân Giải phóng tiến vào, nếu không tỏ thái độ chấp hành “Hiệp nghị” thì sẽ rơi vào tình trạng bị động, ngày 24-10 mới lấy danh nghĩa Đạt Lai Lạt ma gửi điện tới Mao Trạch Đông tỏ rõ thái độ kiên quyết ủng hộ và chấp hành Hiệp nghị 17 điều.

Mao Trạch Đông sau khi nhận được điện đã điện trả lời Đạt Lai Lạt ma. Đạt Lai sau khi nhận được điện của Mao Trạch Đông, chiều ngày 5-11 liền cử một kham bố linh lợi là Ngang Vượng Lang Cát mang theo một số lớn tặng phẩm thăm hỏi cán bộ chiến sĩ vào Tạng, và chuyển 100 bao gạo, 10.000 lạng vàng bạc; yêu cầu Trương Quốc Hoa gửi tới cán bộ chiến sĩ quân đoàn 18. Trương Quốc Hoa uỷ nhiệm cho Tham mưu trưởng chi đội tiên phong, Đội trưởng công tác dịch vận của quân đoàn 18 Trần Cảnh Ba thay mặt nhận tặng phẩm. Hôm đó, Trương Quốc Hoa và Chính ủy quân đoàn 18 Đàm Quán Tam thay mặt toàn thể cán bộ chiến sĩ quân đoàn gửi thư tới Đạt Lai Lạt ma cảm ơn sự quan tâm động viên đối với bộ đội. Sau khi Cát Hạ gửi điện tới Mao Trạch Đông, Trương Quốc Hoa thay mặt Lưu Bá Thừa Chủ tịch Uỷ ban quân chính Tây nam đã gửi tặng phẩm tới Đạt Lai Lạt ma.

Những ngày này, bầu trời Tây Tạng mây đen che phủ, không khí nặng nề rơi xuống thành chấn phổ phùng. Khắp nơi người ta truyền nhau ca rằng: “Giải phóng quân tới nơi, Đạt Lai Lạt ma đã chết. Tiểu Lạt ma nhảy xuống sông, ngâm nước chết chìm rồi”. “Tại Cung Bố Đạt Lạp, tượng Phật lệ tuôn rơi” Bọn phản động đứng trên các tầng lầu ném đá xuống đội quân vào phố và quần chúng nhân dân; chửi rủa đội trống đi đầu là “ma quỷ”. Cát Hạ bố trí cho đội quân của Trương Quốc Hoa đóng tại bãi cát bên bờ sông phía Bắc. Lạp Tát Trương Quốc Hoa, Đàm Quán Tam ở trong viện Vũ Thỏa. Quân Tạng xây dựng doanh trại ba phía xung quanh quân đội của Trương Quốc Hoa, thâm ý đặt chủ lực quân đoàn 18 trong sự khống chế của họ. Trương Quốc Hoa tùm tùm cười, chỉ ra lệnh cho bộ đội chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, tranh

thủ thời gian nghỉ ngơi. Ông đi tìm gặp những người chấp chính Cát Hạ như vua Tạng Lỗ Khang Oa và Lạc Tang Trát Tây, nhờ họ mua lương thực giúp quân Giải phóng. Lỗ Khang Oa khắ khắ mũi, quay ngoắt người đi nói: “Ngày xưa Mãn Thanh có một đại thần vào Tạng cũng là họ Trương (chỉ Trương Mạnh Đường) chỉ dựng một nha môn tại Lạp Tát, không mang theo lính tráng, cứ gì mà ông đưa vào nhiều quân như vậy!”

Trương Quốc Hoa cười nhạt: “Thiên hạ nhiều người họ Trương nhưng họ Trương ấy khác họ Trương này. Chúng tôi tới đây là chấp hành Hiệp nghị 17 điều, mong các ông cùng phối hợp, trước tiên là vấn đề lương thực”.

Lỗ Khang Oa lần tràng hạt cười nói: “Thua trận tuy rằng khó chịu, nhưng đói bụng còn khó chịu hơn thua trận?!”

Trương Quốc Hoa và Đàm Quán Tam liếc mắt nhìn nhau, hỏi: “Ngài đã đọc hiệp nghị hoà bình giải phóng Tây Tạng chưa?”

Lỗ Khang Oa nhún vai, nhìn các quan chức quý tộc tả hữu, ánh mắt dữ tợn, lạnh tỉnh.

“Hiệp nghị do đại biểu đôi bên cùng ký, giấy trắng mực đen rõ ràng, các ngài nên giúp đỡ Giải phóng quân vào Tây Tạng, củng cố quốc phòng. Nhưng các ngài thực thi hành động như thế nào?”, Trương Quốc Hoa nói vậy, rồi bảo tùy viên lấy văn bản “Hiệp nghị 17 điều” bằng tiếng Tạng đặt ngay trước mặt Lỗ Khang Oa.

Lỗ Khang Oa định cầm lại thôi, miệng ngập ngừng: “A Bái đi, Bắc Kinh, không bao giờ được quyền bàn quân sự, “Hiệp nghị 17 điều” thật đột ngột... bà con cũng không vừa lòng, cần phải sửa chữa...”. ánh mắt Lỗ Khang Oa lướt qua những người cùng đi với Trương Quốc Hoa, liền nảy ra một suy nghĩ, chỉ tay vào Trương Quốc Hoa nói: “Này ông Trương, ông thật to gan, dám đem quân tới đây!”

Trương Quốc Hoa vẫn cố nhịn, kiên trì giảng giải về chính sách tôn giáo của Đảng, cuối cùng ông nhấn mạnh: Chống lại sự nghiệp thống nhất Trung Quốc kết quả sẽ thất bại. Hy vọng Cát Hạ cùng hợp tác, Chính phủ Tây Tạng cũng phải treo quốc kỳ...

Lỗ Khang Oa không chịu nhượng bộ, nét mặt tối sẫm: “Tây Tạng là một nước Phật độc lập, không phải treo quốc kỳ Trung Quốc, treo lên rồi lại hạ xuống cũng khó coi!”

Đặt Lại lại ma buồng rèm xem kịch

Trương Quốc Hoa về tới doanh trại, tức đến sôi máu. Ông vốn đã biết

ăn bánh chay, uống trà béo, ăn tái bò, nhưng đến mỗi bữa bụng măm lên không sao nuốt nổi. Một là bữa nào cũng món thịt dê, ăn mãi cũng chán. Hai là có ngày liền hai bữa đều ăn cháo, không chịu được.

“Không ổn, xem ra ta phải đi gặp Đạt Lai Lạt ma thôi!”

Trương Quốc Hoa bàn với Trương Kinh Vũ đại biểu của Trung ương, quyết định ngày 30-10 với danh nghĩa thay mặt Chủ tịch Ủy ban quân chính Tây nam Lưu Bá Thừa tặng quà Đạt Lai Lạt ma, chính thức bãi kiến Đạt Lai Lạt ma.

Nhưng Chính phủ Cát Hạ lại muốn nhân việc này làm giảm uy thế của Trương Quốc Hoa. Từ Đàm Lô Hoà Bình Cượng được Trương Quốc Hoa cử đi bàn bạc chi tiết nội dung bãi kiến. Chính phủ Cát Hạ đề xuất, khi Trương Quốc Hoa bãi kiến Đạt Lai, phải theo đúng lễ tiết truyền thống, làm lễ khấu đầu, gọi là triều bái. Từ Đàm Lô Hoà Bình Vượng đương nhiên là không đồng ý, nói rõ về phong tục tập quán và đôi bên đều phải chiều cố, tôn trọng lẫn nhau, quân Giải phóng không ưa thích gì việc khấu đầu, nhưng nhất định phải tôn trọng Đạt Lai. Chính phủ Cát Hạ nghĩ rằng binh hùng tướng mạnh không ngăn nổi đường đi của Trương Quốc Hoa, về nghi thức bãi kiến đành phải nhượng bộ.

Hai người trở về vừa nói, Trương Quốc Hoa suy nghĩ một hồi, rồi bố trí, 9 giờ rưỡi sáng hôm sau, dẫn một đoàn đông người mang lễ vật tấp nập kéo tới trước chùa Đại Chiêu. Trương Quốc Hoa dẫn Từ Đàm Lô, Trần Cảnh Ba, Nhạc Vu Hoàng, Bình Thố Vượng Giai cùng một đội quân khiêng gánh 13 kiện tặng phẩm biểu Đạt Lai đi trước, đội quân nhạc của quân đoàn 18 tiếp bước đánh trống thổi kèn, đội văn công múa ương ca nhịp nhàng đi sau, trước chùa rộn ràng như ngày hội. Để giữ đúng nghi lễ, Trương Quốc Hoa dẫn đội ngũ đi quanh chùa Đại Chiêu một vòng theo đúng hướng như dân Tạng chuyển kinh, sau đó đi về La Bố Lâm Ca là Hạ cung của Đạt Lai Lạt ma. Trương Quốc Hoa dâng lễ tới Đạt Lai, và bắt đầu làm nghi thức tôn giáo. Đạt Lai bước lên bệ ngọc, Trương Quốc Hoa lần lượt dâng 5 kiện lễ phẩm gồm bảo tháp, kinh Phật, khăn Cáp Đạt. Từ Đàm Lô cũng dâng khăn tới Đạt Lai. Trương Quốc Hoa liếc mắt sang Bình Thố Vượng Giai. Bình Thố Vượng Giai tuy tham gia công tác Chính phủ, nhưng Trương Quốc Hoa vẫn để ông ta mặc trang phục dân Tạng, vẫn muốn ông khấu đầu sau khi tới Lạp Tát, hội kiến Đạt Lai, nếu Đạt Lai gợi ý xoa đầu, có thể không chịu sự ràng buộc của kỷ luật quân đội, để cho Đạt Lai xoa đầu. Khi Bình Thố Vượng Giai bước lên phía trước khấu đầu, Đạt Lai giơ tay xoa đầu ông ta. Vị Đạt Lai trẻ tuổi ấy

sau khi nhận lễ tỏ ra rất cảm động, nói nhỏ với người dẫn lễ câu tiếng Tạng. Người dẫn lễ liền dùng tiếng Hán chuyển lời thăm hỏi của Đạt Lai: “Hán quan trên đường đi vất vả quá!”

Nghi thức kết thúc, phía Tạng mời cơm có trà sữa và bánh cuốn. Sau bữa ăn mọi người đều đi ra, chỉ còn lại Trương Quốc Hoa và Bình Thổ Vương Giai theo Đạt Lai vào phòng, nghỉ ngơi ít phút, lại cùng Đạt Lai lên lầu ca vũ. Trước lầu ghép kính pha lê có buồng bức màn mỏng, đoàn văn công quân đoàn 18 bắt đầu biểu diễn ngay trước sân khấu. Trương Quốc Hoa liếc nhìn Đạt Lai, thấy tay Đạt Lai cầm kính viễn vọng, vội vàng điều chỉnh tiêu cự. Xem ra Đạt Lai đã bị cuốn hút vào những tiết mục mới lạ này. Sau đó người thợ ảnh loay hoay định chụp, Đạt Lai hình như quên mất cương vị của mình, tự đứng dậy khênh giùm chiếc ghế...

Trở về nhà ở, Trương Kinh Vũ hỏi về cuộc bá kiến hôm nay, Trương Quốc Hoa đặt mũ xuống bàn, vui vẻ nhưng khiêm tốn: “Mang theo đoàn văn công thể mà lại hay, Đạt Lai lạt ma mặc dầu buồng rèm xem kịch, nhưng rất say sưa chăm chú, Đạt Lai còn trẻ thế, mà xem ra cũng hiểu biết cả!”

Trương Kinh Vũ gật gật đầu: “Tôi cũng thấy thế, ông ta là một thanh niên thuần phác. Anh xem vấn đề lương thực thế nào?”

Trương Quốc Hoa đập vào lòng bàn tay Trương Kinh Vũ, cười nhếch mép.

Ngày hôm sau, A Bái phán khởi nói với mọi người, Đạt Lai đã ra lệnh cho 13 huyện chuẩn bị 1 vạn đấu lương thực, ngoài ra sẽ xuất kho của Cung Bố Đạt Lạp 5 nghìn đấu...

Trương Quốc Hoa tươi tỉnh chưa được vài ngày, bỗng nét mặt lại tối sầm. Các huyện đều vấp phải sự cản trở của bọn phân liệt thân đế quốc, quyết không chuyển giao lương thực cho quân Giải phóng, còn lương thực xuất ra từ kho Cung Bố Đạt Lạp, kiểm tra lại, đều đã lên men mốc, không sử dụng được nữa. Lỗ Khang Oa và Lạc Tang Trát Tây không những không giúp đỡ quân Giải phóng mà còn dựng lên cái gọi là “Hội đồng nhân dân Tây Tạng” do bọn thương nhân và lưu manh vô nghề làm nòng cốt gây rối loạn, tình hình càng thêm xấu hơn...

Trương Kinh Vũ trước hết chú ý tới cung Bố Đạt Lạp

Tháng 3-1952 là thời gian hội đại pháp truyền thống, mấy kẻ giương ngọn cờ “Hội đồng nhân dân” đã trình cái gọi là “Thư đề nghị của nhân dân Tây Tạng” lên cung Bố Đạt Lạp, yêu cầu sửa đổi 17 điều, nhằm xua đuổi

quân Giải phóng. Sáng ngày 1-4, vài Cát luân dẫn 3 đại biểu “Hội đồng nhân dân” tới nơi ở của Trương Kinh Vũ; đệ trình “thư đề nghị” với thái độ ương ngạnh. Buổi tối, hàng nghìn quân Tạng và Lạt ma có vũ trang đột nhiên bao vây công uỷ Tây Tạng và nơi ở của Trương Kinh Vũ, đặt súng máy trên tường, trên mái nhà chĩa thẳng vào quân Giải phóng. Trước đó, Lỗ Khang Oa, Lạc Tang Trát Tây tự ý ra lệnh điều đại bản pháo binh Nhật Khách Tắc vào Lạp Tát, bọn phản động còn âm mưu cướp kho vũ khí của quân Tạng trong cung Bồ Đạt Lạp... Thị dân thấy vậy xôn xao tích trữ lương ăn nước uống, hiệu buôn đóng cửa, dân tình hoang mang.

Với trách nhiệm là Tư lệnh quân khu Tây Tạng Trương Quốc Hoa lòng như lửa đốt, ra cổng tìm không thấy lái xe, ông bực tức tự dặn ga nổ máy cho xe chạy... Mao Trạch Đông tại Bắc Kinh và Lưu, Đặng, Hạ ở cục Tây nam luôn luôn theo dõi mọi việc xảy ra ở đây, ngày mấy lần điện hỏi tình hình.

Mao Trạch Đông hạ quyết tâm: “Cần phải trừng trị bọn phản động, nếu không thì tình hình chính trị Tây Tạng không ổn định, người yêu nước không ngóc lên được; công tác sản xuất, mậu dịch, y tế, sửa đường, mặt trận thống nhất đều không phát huy được, chúng ta sẽ luôn luôn lâm vào tình thế bị động...”

“Với mọi hành động gây hấn của tập đoàn phản động chớp bu Tây Tạng, Công uỷ Tây Tạng phải chuẩn bị thật tốt lãnh đạo tăng lữ yêu nước và nhân dân tiến hành đấu tranh có lý, có lợi”.

Trương Kinh Vũ, Trương Quốc Hoa nhận được chỉ thị, bàn bạc kỹ lưỡng đối sách. Các ông triệu tập các Cát luân, Trương Kinh Vũ quay ra cửa sổ, chỉ tay xuống dưới lầu nói: “Chúng tôi nhân nhượng nữa thì sẽ hồng hết, 2 Tư tào (Lỗ Khang Oa và Lạc Tang Trát Tây) làm bao nhiêu việc xấu xa, chúng tôi đã nắm chắc mọi chứng cứ, đến giờ chúng tôi không còn cách nào hợp tác với 2 Tư tào được nữa, đề nghị chuyển lời của chúng tôi Đạt Lai Lạt ma, đề nghị xử lý”.

Các Cát luân nhìn nhau, nói gở cho 2 Tư tào: “Họ không biết nói năng, tuổi đã già, đầu óc thủ cựu, cách nói không rõ, xin ông Trương lượng thứ cho...”

Trương Quốc Hoa nghiêm sắc mặt, bình tĩnh với giọng oai phong, ông nói: “Chúng tôi không hề có bất cứ tư thù nào với cá nhân họ, vấn đề là ở chỗ thân với đế quốc hay là ủng hộ Tổ quốc? chấp hành hiệp nghị hay là tổ chức vũ trang phiến loạn, phá hoại hiệp nghị? Đối với nội bộ các ông vô luận vấn đề gì, chúng tôi đều có thể bỏ qua, nhưng về nguyên tắc đúng hay sai thì phải làm rõ!”.

Các Cát luân đành phải đồng ý cách chức 2 vị Tư tào.

Trương Quốc Hoa quyết định đích thân tới cung Bồ Đạt Lạp, hội kiến Đạt Lai. Trong tình thế bức xúc này, đi tới cung Bồ Đạt Lạp rõ ràng là mạo hiểm khôn lường.

Chiều tối, các tướng lĩnh đã ngồi tường tượng ra những khả năng của cuộc hội kiến.

Trương Quốc Hoa và các cán bộ lãnh đạo đều cho rằng: nếu họ tăng cường gây khó khăn cho đại biểu Trung ương, triệt để quyết liệt với Trung ương, thì chúng ta có đầy đủ lý do chinh phạt họ, nhưng khả năng không lớn; nếu họ giam lỏng đại biểu Trung ương, buộc chúng ta nhượng bộ, đòi quân Giải phóng rút khỏi Tây Tạng, chúng ta sẽ cực lực đấu tranh, khả năng này tồn tại; nếu họ tuân theo ý kiến của Trung ương, nghiêm túc xử lý “Hội đồng nhân dân” giả tạo, sự rối loạn sẽ được giải quyết hòa bình, chúng ta hy vọng như vậy.

Các tướng lĩnh đều tìm cách phòng ngừa khả năng thứ nhất, sẵn sàng ứng phó với khả năng thứ 2, tranh thủ khả năng thứ 3 xuất hiện.

Ngày 4-8, Trương Quốc Hoa tiễn Trương Kinh Vũ đi ra gặp Đạt Lai, hai người lặng lẽ xiết chặt tay nhau, Trương Kinh Vũ động viên Trương Quốc Hoa: “Xem chừng họ cũng không dám quá mạo hiểm mà giết chúng ta, tôi cân nhắc khả năng giam lỏng nhiều hơn, nếu một khi tôi không trở về được, tôi sẽ tới đỉnh lâu cung Bồ Đạt Lạp cùng Đạt Lai xem xét tình hình phản kích tự vệ của các đồng chí chúng ta. Tôi sẽ chúc các đồng chí chiến đấu phản kích thắng lợi. Các đồng chí thắng lợi càng nhanh, khả năng tôi bình yên trở về càng lớn”. Trương Quốc Hoa gật đầu, quay trở lại ngay phòng tác chiến. Ông làm việc tỉ mỉ chu đáo và tính toán cả khả năng xấu nhất, ra lệnh cho cơ quan bộ đội trong quân khu chuẩn bị tốt sẵn sàng chiến đấu, chỉ cần tình hình thay đổi, là có thể kịp thời xuất kích.

Xung quanh trong ngoài cung Bồ Đạt Lạp lính tráng bố phòng cẩn mật, dọc hai bên đường bậc thang từ chân núi lên tới đỉnh cao cứ 3, 4 bước lại có trạm gác canh phòng, toàn lính Tạng trang bị súng ống đầy đủ. Trương Kinh Vũ chỉ mang theo hai lính canh vệ và một phiên dịch viên người Tạng, thông thả ung dung đi trước hàng trăm họng súng, nhẹ nhàng bước lên cung Bồ Đạt Lạp...

Tại phòng tác chiến quân khu hết sức khẩn trương. Ngoài Trương Quốc Hoa ra, các cán bộ lãnh đạo khác đều có mặt. Không một ai nói chuyện ồn ào, chỉ có điện thoại viên giọng nhỏ nhẹ truyền báo tin tức. Mấy người nghiện thuốc phiện hết điều này lại điều khác. Đồi mồi Trương Quốc Hoa vì khói thuốc cay sẽ nhức nhối, chốc chốc ông lại gọi tham mưu đi quan sát.

Tham mưu trưởng Lý Giác đã cho tham mưu tác chiến Dương Nhất

Chân mang theo một kính viễn vọng tốt nhất ra bờ sông quảng trường phía Tây quân khu quan sát tình hình cung Bồ Đạt Lạp. Nếu Trương Kinh Vũ có xảy ra chuyện gì, thì người cán sự bảo vệ đi theo sẽ từ trong cửa sổ phía nam trên đỉnh nóc cung Bồ Đạt Lạp vẫy vẫy cờ đỏ hoặc bắn ba phát tín hiệu, báo cho bộ đội xuất kích.

Không khí lúc này cứng như những tảng đá, các tướng lĩnh thấy ngột ngạt khó chịu, vừa nhìn đồng hồ ngừng lên, lại vội cúi xuống xem giờ...

Bỗng có tiếng “báo cáo” phá tan yên tĩnh. Dương Nhất Chân vội bước vào cửa báo cáo: “Đại biểu Trương vừa ra khỏi cung Bồ Đạt Lạp!”

“Chính xác chứ?”

“Chính tôi nhìn thấy, ông đã bước ra, lên ngựa đi xuống núi mà”.

Trương Quốc Hoa thở phào, quay sang Đàm Quán Tam cười cùng hiểu ý; sau khi bố trí xong bộ đội tiếp tục duy trì cảnh giác, ông thẳng người lên, gọi các trợ lý: “Đi, ta ra ngoài hít vài hơi trong lành, trong này chết ngột mất thôi!”. Liền sau đó, Đạt Lai tuyên bố cách chức 2 Tư tào.

Ngày 1-5, Cát Hạ tuyên bố “Hội đồng nhân dân” giả danh là tổ chức phi pháp, cho giải thể. Song con đường phân liệt chưa ngừng ở đó.

Ngày 28-7, “Hội đồng nhân dân” thay hình đổi dạng, lại thành lập “Hội Cộng tế giáo hữu” và bí mật cử ba đại biểu mang theo văn kiện đã chuẩn bị trước, ý đồ vượt qua biên giới đi đến Liên Hợp Quốc thỉnh cầu, muốn nhờ thế lực nước ngoài trợ giúp, đuổi toàn bộ quân Giải phóng ra khỏi Tây Tạng. Nhưng ngày 13-9 họ đã bị bắt ngay tại biên giới. Đạt Lai ra lệnh tra khảo tội trạng. Tuy đã qua hai lần thẩm xét, cuối cùng vẫn được phóng thích.

VII. MAO TRẠCH ĐỒNG GẶP ĐẠT LAI, BAN THIÊN

Đạt Lai, Ban Thiên cùng nhau về kinh

Tháng 9-1954, Hội nghị đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc lần thứ nhất khóa 1 cử hành tại Bắc Kinh. Đạt Lai và Ban Thiên là đại biểu của khu vực Tây Tạng cùng về kinh họp bàn quốc gia đại sự.

Trong lịch sử, Đạt Lai thứ 5, Đạt Lai thứ 13, Ban Thiên thứ 6, và Ban Thiên thứ 9, đã lần lượt về Bắc Kinh, song Đạt Lai và Ban Thiên cùng đi với nhau thì là lần đầu.

Trung ương Đảng rất coi trọng chuyến về kinh lần này của Đạt Lai và Ban Thiên, đã tổ chức hẳn một ban đón tiếp và phát riêng những văn bản, sắp xếp cụ thể những vấn đề có liên quan.

Lúc này đường sá vẫn chưa thông xe được, ngày 11-7-1954 Đạt Lai xuất phát từ Lạp Tát đi đường Khang Tạng; ngày 1-7 Ban Thiền khởi hành từ Nhật Khánh Tắc, đi lối Thanh Tạng. Ngày 1-9, hai vị Phật sống gặp nhau tại Tây An, cùng nhau đi Bắc Kinh. Ngày 4-9 tới thủ đô Bắc Kinh, các vị lãnh đạo Chu Ân Lai, Chu Đức, ra tận sân ga đón tiếp.

Theo chỉ thị của Mao Trạch Đông, Trung ương đã bố trí rất chu đáo cho Đạt Lai, Ban Thiền và những người cùng đi về mặt sinh hoạt hàng ngày. Đạt Lai nghỉ tại Ngự Hà Kiều, Ban Thiền nghỉ tại Sướng Quan Lâu, đó là 2 khách sạn tốt nhất Bắc Kinh lúc bấy giờ.

Mao Trạch Đông hội kiến hai vị Phật sống

Ngày 11-9, tại Cấn Chính điện Trung Nam Hải, Mao Trạch Đông thân mật hội kiến hai vị Phật sống. Đây là lần đầu tiên Mao Trạch Đông hội kiến Đạt Lai thứ 14, cũng là lần đầu tiếp kiến hai vị Phật sống.

Theo cách nói của các nhân sĩ tôn giáo Tây Tạng, Mao Trạch Đông là hóa thân của Bồ Tát Văn Thà, Đạt Lai là hóa thân của Quan Thế Âm Bồ Tát, Ban Thiền là hóa thân của Vô Lượng Quang Phật. Ba người là hóa thân của bồ tát chí thánh chí tôn tại thế nhân gian, có thể gặp nhau, tự nhiên trở thành một sự kiện đặc biệt khác thường, tượng trưng cho sự hưng vượng của Tổ quốc và hạnh phúc của chúng sinh. Quảng đại quần chúng tăng tục Tây Tạng cảm động muôn phần, họ nhảy múa truyền tin cho nhau, tin vui ấy nhanh chóng lan truyền từ Bắc Kinh đến Lạp Tát cho tới khắp cao nguyên vạn dặm, mọi người phấn khởi bàn tán xôn xao: Thật là điềm tốt lành trọn vẹn. Dân tộc chúng ta, đất nước chúng ta, như vùng hồng mới mọc, như ánh trăng thượng huyền, từ nay về sau sẽ phát đạt hưng vượng hơn, phồn vinh hơn.

3 giờ chiều ngày 15-9, Hội nghị lần thứ nhất Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 1 khai mạc tại Hoài Nhân Đường Trung Nam Hải. Đạt Lai và Ban Thiền đều được bầu làm Ủy viên đoàn Chủ tịch. Trước khi khai mạc, trong giờ nghỉ, Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Chu Đức đều thân mật gặp hai vị, thăm hỏi tình hình mấy ngày về Bắc Kinh. Sinh hoạt có quen không? Mấy ngày qua đi tham quan những nơi nào? Có những hoạt động gì? Xem tiết mục gì biểu diễn? Đạt Lai, Ban Thiền vui vẻ trả lời, tỏ ý vừa lòng về sự bố trí các hoạt động ấy; tỏ lòng cảm ơn Mao Trạch Đông và các vị lãnh đạo. Mao Trạch Đông gật gù gật đầu: “Vừa lòng là rất tốt, vừa lòng là rất tốt” và chỉ về phía Chu Ân Lai, nói: “Các vị có khó khăn gì, có thắc mắc gì, có chỗ nào sắp xếp chưa chu đáo đều có thể tìm gặp Chu Ân Lai là người

quản gia của đại gia đình chúng ta, là một quản gia cỡ lớn rất giỏi, công việc đại gia đình chúng ta đều do người quản gia ấy lo liệu. Các ngài có việc gì cứ tự nhiên tìm đến, sẽ được giúp đỡ”.

Hôm ấy, Đạt Lai, Ban Thiền vô cùng phấn chấn, hai vị đều trong bộ áo dài vải đoạn màu vàng cam. Trong tất cả các vị Phật sống họ là trẻ nhất, được mọi người chú ý nhất. Hai vị tới đầu là ở đó vỗ tay vang dội.

Mao Trạch Đông chủ trì phiên khai mạc, và phát biểu bài nói quan trọng. Người tin tưởng nói rằng: “Chúng ta đang tiến hành một sự nghiệp vô cùng vinh quang và vĩ đại mà ông cha ta từ xưa tới nay chưa làm được. Mục đích của chúng ta nhất định phải đạt được, mục đích của chúng ta nhất định có thể đạt tới”.

Đạt Lai và Ban Thiền không hiểu được tiếng Hán, đại hội đã chuẩn bị đồng thời phiên dịch cho các đại biểu dân tộc thiểu số. Đạt Lai và Ban Thiền đều đeo máy nghe Hai vị đều bị cuốn hút vào không khí đoàn kết sôi động trong hội trường, lòng tràn đầy xúc động tiếp thu nhận biết được nội dung phong phú, hàm nghĩa sâu sắc trong bài nói của Mao Trạch Đông, cùng giá trị lịch sử vĩnh cửu và sức mạnh tinh thần vĩ đại.

Ngày 28-9 hội nghị bế mạc. Tại đại hội lần này, Đạt Lai được bầu làm Phó ủy viên trường đại học đại biểu nhân dân toàn quốc, năm ấy vừa 19 tuổi. Sau đó không lâu, trong Hội nghị Chính trị Hiệp thương toàn quốc khoá 2, Ban Thiền được bầu làm Phó Chủ tịch lúc mới có 16 tuổi. Thời gian này, Mao Trạch Đông nhiều lần động viên: “Các ngài là những người lãnh đạo nhà nước trẻ nhất, gánh vác trách nhiệm hết sức nặng nề. Hai vị còn trẻ, tương lai còn dài, cần phải đoàn kết tốt, cố gắng học tập, mạnh dạn công tác; chúng ta cùng cố gắng làm tốt mọi công việc của Tây Tạng, làm tốt công việc trong cả nước. Như thế thì nhân dân Tây Tạng mới được phấn khởi, nhân dân các dân tộc trong cả nước cũng sẽ thấy phấn khởi”.

Ngày Tết của người Tạng tại kinh đô

Sau Hội nghị Đại hội đại biểu Nhân dân toàn quốc và hội nghị Chính trị Hiệp thương, Đạt Lai, Ban Thiền đi tham quan nhiều nơi trong toàn quốc, cuối tháng 2 năm sau thì trở lại Bắc Kinh đúng vào Tết Mọc dương lịch Tạng.

Nhưng, chính quyền phản động Tây Tạng đã mê muội vì tiền, lạc đường quên lối. Pháp danh tĩnh lặng trên một vùng băng tuyết, các Lạt ma niệm đọc thần chú thoả mạ Giải phóng quân; nam giới từ 16 tuổi đến 60 tuổi lần lượt bị gọi nhập ngũ, quân Tạng nhanh chóng bành trướng lên gấp bội, lính các binh

chúng và xe cộ ùn ùn chuyển về miền đông Tây Tạng. Phuter báo vụ viên của Anh không ngừng phát sóng bí mật lên không trung ngay tại doanh trại quân Tạng ở vùng này...

Ngày 23-2-1955, trong ngày cuối cùng năm lịch Tạng, buổi chiều và buổi tối, Mao Trạch Đông hội kiến Đạt Lai và Ban Thiền ngay tại vườn Phong Trạch nơi ở của người. Đạt Lai và Ban Thiền báo cáo với Mao Trạch Đông về những thu hoạch tâm đắc của mình trong quá trình tham quan thị sát nhiều nơi nội địa của Tổ quốc. Hai vị đều nói: mới giải phóng vài năm mà Tổ quốc phát triển khá nhanh. Chúng tôi thấy rất phấn khởi.

Mao Trạch Đông nói: “Trên đất nước chúng ta nhiều nơi còn rất lạc hậu, Tây Tạng cũng lạc hậu, ta phải thừa nhận. Chúng ta thừa nhận là tốt, chúng ta học tập các nước tiên tiến, học tập Liên Xô. Như vậy, chúng ta học tập các quốc gia các dân tộc tiên tiến, chúng ta học tập lẫn nhau giữa các dân tộc trong nước, đoàn kết thân mật, cùng nhau xây dựng, thì các dân tộc chúng ta đều có triển vọng, toàn quốc đều có triển vọng”.

Ngày 24-2 là ngày 1-1 lịch Tạng, Đạt Lai và Ban Thiền báo lên Chu Ân Lai là họ muốn vui tết đón xuân long trọng ngay tại Bắc Kinh, xin mời Chủ tịch Mao Trạch Đông, các vị lãnh đạo Trung ương và các nhân sĩ hữu quan cùng đón mừng năm mới. Chu Ân Lai vui vẻ nói: “Chúng tôi nghĩ rằng đã cùng đi với nhau rồi, Trung ương cũng đang chờ đợi sau khi các ngài về sẽ bàn chuyện đón Tết. Trung ương Đảng, Quốc vụ viện xin gửi tới hai vị, và qua hai vị gửi tới toàn thể đồng bào dân tộc Tạng lời chúc mừng năm mới”.

Chiều ngày 24, Đạt Lai, Ban Thiền tới Trung Nam Hải rất sớm, chờ đón khách tại cửa phòng nghỉ. Hai vị Phật sống mặc áo dài vải đoạn màu vàng, nét mặt rạng rỡ vui vẻ tươi cười hơn hờ. Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ và Chu Ân Lai đều đến sớm hơn thời gian dự định, trao đổi chuyện trò với Đạt Lai, Ban Thiền tại phòng nghỉ. Đạt Lai, Ban Thiền chờ đợi khá lâu, không thấy Tổng tư lệnh Chu Đức tới. Hai vị mong muốn Tổng tư lệnh Chu Đức tới cùng đón năm mới. Đạt Lai trò chuyện cùng với Mao Trạch Đông, nhưng ánh mắt luôn liếc nhìn ra phía cửa. Chu Ân Lai hiểu ý, khiêm tốn nói: “Tổng tư lệnh Chu Đức trước đây hai hôm đã đi thị sát rồi, không thể cùng các vị vui tết được, Tổng tư lệnh nhờ tôi chuyển tới các vị lời thông cảm và chúc mừng năm mới”.

Hôm ấy, trên hàng ghế sa lông, Mao Trạch Đông ngồi giữa, Đạt Lai, Ban Thiền, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai ngồi hai bên, trên bàn trà bày nhiều thứ bánh trái, hoa quả, các hiện vật tốt lành, sắp đặt hoàn toàn theo tập quán

truyền thống dân tộc Tạng.

Mao Trạch Đông nói với Đạt Lai, Ban Thiền: “Lát nữa, tôi sẽ nói vài lời chúc mừng ngày tết, được không?” Đạt Lai, Ban Thiền đồng thanh: “Hoan nghênh!, hoan nghênh! Mao Chủ tịch có dạy bảo gì, chúng tôi rất sẵn sàng lắng nghe”.

Mao Trạch Đông nói: “Không phải là dạy bảo, mà là chúc mừng”, nói đoạn lấy từ trong túi ra 1 tờ giấy đã gấp sẵn trao cho Lưu Thiếu Kỳ, nói: “Đồng chí xem xem, được không?”

Lưu Thiếu Kỳ nhìn lướt, trao ngay cho Chu Ân Lai. Chu Ân Lai xem xong chuyển tới Đạt Lai, và nhảm trong miệng “rất tốt, rất tốt!”

Đạt Lai nhận tờ giấy từ Chu Ân Lai, chuyển tới Mao Trạch Đông rồi học khẩu khí của Chu Ân Lai nói bằng tiếng Hán: “Rất tốt! Rất tốt!” nói đoạn, Đạt Lai cười. Mao Trạch Đông cũng cười theo sáng khoái.

Đạt Lai, Ban Thiền cùng chuyện trò vui vẻ với lãnh tụ đất nước, thân thiết vô cùng. Mọi người có mặt hôm ấy đều rất phấn khởi và cảm động. Các phóng viên liên tục hướng ống kính theo năm vị lãnh tụ, ghi lại hình ảnh mang ý nghĩa lịch sử này.

Mấy chục năm đã trôi qua, tấm ảnh Mao Trạch Đông, Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai cùng Đạt Lai, Ban Thiền vui tết Mộc dương, lịch Tạng tại Bắc Kinh thủ đô của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa được in ra không biết bao lần, cho đến hôm nay vẫn còn là báu vật thân thiết nhất của nhân dân Tây Tạng.

Mở đầu bữa tiệc, Đạt Lai lại phát biểu trước tiên, ông nhiệt liệt hoan nghênh và chân thành cảm ơn Chủ tịch Mao Trạch Đông kính mến, Ủy viên trưởng Lưu Thiếu Kỳ, Thủ tướng Chu Ân Lai, các vị khách quý tới dự chiều dài và đồng bào Tạng đang ở Bắc Kinh đón năm mới lịch Tạng; đồng thời gửi lời chúc mừng tới Chủ tịch Mao Trạch Đông và các vị khách quý, cầu mong được “Trát tây đức lạc” - Tốt lành như ý!

Sau đó, Đạt Lai mời Chủ tịch Mao Trạch Đông phát biểu ý kiến. Hôm ấy Đạt Lai, Ban Thiền là chủ, dự kiến không có Mao Trạch Đông nói chuyện nhưng ngày đầu tiên trò chuyện cùng hai vị Phật sống đã rất vui vẻ chan hòa, lòng đầy phấn khởi, nên đã tùy hứng ứng xử như vậy.

Trước tiên, Mao Trạch Đông gửi lời chúc mừng năm mới tới Đạt Lai, Ban Thiền cùng toàn thể đồng bào Tây Tạng. Sau đó Người nói: “Tất cả chúng ta đều phải cố gắng, tăng cường và củng cố hơn nữa tình đoàn kết giữa các dân tộc, tăng cường và củng cố hơn nữa tình đoàn kết giữa dân tộc Hán và Tạng cũng như nội bộ dân tộc Tạng, cùng nhau xây dựng Tổ quốc vĩ đại của chúng ta”.

Bài nói của Mao Trạch Đông tại bữa tiệc được mọi người hoan nghênh nhiệt liệt; nhiều nhân sĩ Tây Tạng vây quanh Chủ tịch, chúc rượu và tặng khăn Người. Các đại biểu học sinh chen nhau tới bắt tay Chủ tịch, gửi tới Người lời chúc mừng năm mới với tấm lòng tôn kính mến yêu.

Thượng tuần tháng 3-1955, Đạt Lai, Ban Thiền chuẩn bị trở về Tây Tạng. Sau tết Tạng lịch, hai vị lần lượt tới Trung Nam Hải từ biệt Mao Trạch Đông.

Ngày 8-3 Mao Trạch Đông tới nhà nghỉ của Đạt Lai tại Ngự Hà Kiều tiền chân, nói chuyện thân mật hồi lâu. Cùng tham dự tiếp kiến có Tướng quân Trương Kinh Vũ đại biểu Chính phủ Nhân dân Trung ương thường trú tại Tây Tạng, Thứ trưởng bộ Mặt trận thống nhất Trung ương, Phó Chủ nhiệm dân ủy Trung ương Lưu Cách Bình và Mông Phong.

Ngày 9-3, Mao Trạch Đông tới Sương Quan Lâu thăm Ban Thiền, câu đầu tiên Mao Trạch Đông nói: “Hôm qua tôi tới thăm Đạt Lai hôm nay tới thăm ngài, tiền chân ngài lên đường”. Cùng tham gia hội kiến có Uông Phong và Phó Chủ nhiệm dân ủy Trung ương Lưu Xuân.

Mao Trạch Đông hỏi han cận kề mọi sự chuẩn bị cho chuyến về và chỉ thị cho Uông Phong, Lưu Xuân, Kế Tấn Mỹ (người phụ trách phòng hội nghị kham bố của Ban Thiền) phải làm tròn trách nhiệm, tận tâm tận lực để Phật sống về quê bình an vô sự.

Ban Thiền cảm động và một lần nữa tỏ lời cảm ơn.

Lúc này, Mao Trạch Đông châm điếu thuốc “Trung hoa”, hít một hơi dài, nhẹ nhàng nhả khói, suy nghĩ giây lát, nói: “Hôm qua tôi có nói với Đạt Lai, bản thân tôi thu nhập không lớn, chi tiêu không nhỏ. Một là hút thuốc, hai là uống trà, ba là mua sách báo. Như vậy dư dật chẳng được mấy đồng. Các ngài sắp ra về rồi tôi cũng chẳng có gì làm quà, tôi biếu các ngài 8 chữ: Đoàn kết tiến bộ, phát triển mạnh mẽ. Đó là vài lời tiền chân”.

Ban Thiền nói: “Lời chỉ bảo của Mao Trạch Đông hết sức quan trọng. Tôi nhất định ghi mãi trong lòng, cố gắng quán triệt”.

Mao Trạch Đông lại nói: “Năm kia tôi đã nói với các bạn trong đoàn dự lễ quốc khánh (Tây Tạng) ý này, hôm nay nhắc lại lời cũ, cốt là để mọi người chú trọng, đoàn kết tốt hơn nữa giành tiến bộ và phát triển”.

Mao Trạch Đông lại hỏi: “Ông có mong muốn tiến bộ không?”

Kế Tấn Mỹ nói: “Tấn thành”.

Mao Trạch Đông lại hỏi: “Ông có mong muốn tiến bộ không?”

Kế Tấn Mỹ trả lời “Mong muốn”.

Mao Trạch Đông bỏ nửa điếu thuốc đang cháy dở xuống, dang đều 2 tay

ra, ngừng trước mặt mọi người, sau đó lại từ từ khép lại, nhìn Ban Thiển với ánh mắt hiền từ, nói: “Tốt, chúng ta đã muốn cùng đi với nhau. Đoàn kết rồi, tiến bộ rồi, cũng sẽ phát triển. Hiện nay chúng ta còn rất nghèo, rất lạc hậu, Tây Tạng phải phát triển, nội địa phải phát triển, toàn quốc đều phải phát triển”.

Đạt Lai đột nhiên đòi gặp Mao Trạch Đông

Ngày 10-3-1955, Chu Ân Lai mở tiệc trọng thể để tiễn Đạt Lai, Ban Thiển lên đường. Trong bữa tiệc, Chu Ân Lai và Đạt Lai, Ban Thiển đều có bài nói dạt dào tình hữu nghị, cảm động sâu sắc.

Theo kế hoạch, ngày 12-3 Đạt Lai lên đường, có Lưu Cách Bình, Trương Kinh Vũ đi theo; qua Vũ Hán, Tam Hiệp rồi từ Tứ Xuyên vào Tây Tạng. Cùng đi với Ban Thiển có Lưu Xuân qua Tây An rồi từ Thanh Hải về Tây Tạng.

Đạt Lai và Ban Thiển tính cách có khác nhau. Ban Thiển hướng ngoại, tính tình thẳng thắn. Đạt Lai tương đối hướng nội, tình cảm ít biểu lộ ra ngoài, tính nết ôn hòa. Nhưng sau khi vui tết lịch Tạng, đặc biệt là trong những ngày sắp rời khỏi Bắc Kinh, Đạt Lai luôn trong tình trạng phấn chấn, tình cảm xúc động. Chuyến đi lần này, kể từ khi được chọn làm linh đồng chuyển thế của Đạt Lai thứ 13 tới nay, là lần đầu tiên xa Tây Tạng, được nhìn thấy thế giới bên ngoài của một vùng tuyết phủ, mở rộng tầm mắt, hiểu biết thêm kiến thức, tiếp xúc với nhiều lớp người, quan hệ không ít bạn bè, đều có ảnh hưởng to lớn đến con đường tương lai lâu dài của vị Phật sống. Nhưng ông cho rằng, ấn tượng sâu sắc nhất, có ý nghĩa nhất, vẫn là cuộc gặp gỡ Mao Trạch Đông.

Ngày hôm sau đã sắp xa Bắc Kinh rồi, Trung ương có nói là hàng năm đều họp Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc, từ nay về sau thường hay qua lại đi về. Tuy là nói vậy, song từ Bắc Kinh tới Lạp Tát, núi non hiểm trở, xa cách muôn trùng, mỗi lần ra đi không phải là dễ; lần này vừa đi vừa về, mất ngót một năm. Lần sau, chưa biết khi nào về được, Đạt Lai đột nhiên nảy sinh một nguyện vọng mạnh mẽ: muốn gặp thêm Chủ tịch Mao Trạch Đông một lần nữa.

Ông không nén được tình cảm xúc động, sau khi bàn bạc công việc với Lưu Cách Bình, Trương Kinh Vũ, Bình Thế Vượng Giai (Ủy viên công uỷ Tây Tạng của Trung ương 1) đề nghị Lưu Cách Bình ở lại gặp riêng, ông nói: “Chủ nhiệm Lưu ơi, hôm nay tôi muốn đi gặp Mao Chủ tịch, đề nghị ông báo với Trung ương bố trí”.

Lưu Cách Bình giật mình, mấy hôm trước, chả đã gặp rồi là gì?, liền hỏi: “Hay là có việc gì quan trọng?”

“Không”.

“Thế...” Lưu Cách Bình do dự, hỏi tiếp: “Thế đi làm gì?”

“Đi chia tay”, Đạt Lai trầm ngâm giây phút, nói: “Tôi muốn gặp Mao Chủ tịch một lần nữa.”

Lưu Cách Bình thấy khó xử; từ khi Đạt Lai tới Bắc Kinh, Trung ương đã chỉ định ông đi theo, cùng bên nhau suốt nửa vòng đất nước, đã hiểu biết nhau nhiều. Lưu Cách Bình biết rằng Đạt Lai đề xuất muốn gặp Mao Trạch Đông, chắc chắn là rất sát thực, đã được suy nghĩ cẩn thận. Làm sao có thể dễ dàng cự tuyệt được? Nhưng Đạt Lai, Ban Thiền hoạt động tại Bắc Kinh, đều phải qua Trung ương thảo luận quyết định, và do Chu Ân Lai bố trí. Việc lớn như vậy làm sao có thể quyết định ngay được thêm nữa, Mao Trạch Đông rất bận, mọi hoạt động của Người, Trung ương có qui định chặt chẽ, phải sắp xếp sớm, có khi bản thân Mao Trạch Đông cũng không chủ động được. Không thỉnh thị không được, thỉnh thị rồi cũng không được. Người có trách nhiệm sẽ chất vấn: Ông Lưu Cách Bình, bản thân ông là Thứ trưởng Bộ Mật trện thống nhất Trung ương, Trung ương trao cho ông công việc trọng đại như vậy, lẽ nào ngay một điều thuộc về kỷ luật của Đảng ông cũng không hiểu?!

Nhìn Đạt Lai lạt ma trước mặt, thái độ thành khẩn như vậy kiên nhẫn như vậy, không hề tỏ ý từ bỏ yêu cầu của mình, Lưu Cách Bình thấy không thể khước từ.

Làm thế nào bây giờ? Lưu Cách Bình con người có cá tính rất rõ, dám nghĩ dám làm, suy nghĩ một lát, ông nói với Đạt Lai: “Xin ngài đợi một chút, tôi đi thỉnh thị ngay”. Ông quyết định trực tiếp thỉnh thị văn phòng Trung ương, mọi hậu quả bản thân ông phải gánh chịu.

Cơm trưa xong, văn phòng Trung ương vẫn chưa trả lời, sau bữa tối, cũng không có động tĩnh gì. Theo kế hoạch đã định, mỗi hoạt động của Đạt Lai đều bình thường. Đến hơn 11 giờ đêm vẫn không có tin vui.

Đạt Lai hơi thất vọng, không được mãn nguyện, còn có đôi phần hối hận, hôm nay hơi đường đột làm khó cho Trung ương.

Lưu Cách Bình, càng cảm thấy không yên tâm, ông suy nghĩ rất nhiều, cảm thấy sự việc chưa xử lý tốt.

Đạt Lai nói: “Lưu Chủ nhiệm ơi, Mao Chủ tịch rất bận, hôm nay xem ra không thể tiếp kiến được. Ông không cần chờ đợi nữa, sớm mai tôi đã đi, ông nên về sớm nghỉ ngơi đi!”. Đạt Lai tự an ủi mình: “Thực ra tôi cũng không có công việc gì. Sau đây nhờ ông chuyển lời chào của tôi tới Mao Chủ tịch”.

Lưu Cách Bình hiểu rất rõ qui định của Trung ương, theo thường lệ, đến

giờ này không có tin gì, chắc chắn là Mao Chủ tịch không tới được, ông thật lòng khuyên Đạt Lai nên đi nghỉ sớm, rồi cáo từ ra về.

Tiền chân Lưu Cách Bình đi ra, Đạt Lai thấp hương cầu khẩn, ngồi tĩnh tại tụng kinh - đó là tập quán từ lâu rồi, cũng là điều qui định mà Phật sống phải tuân theo. Lúc này trong phòng của Đạt Lai, ngoài ông ra, chỉ còn hai người, một người là “Tắm quan” chuyên lo công việc ăn nghỉ, tiếng Tạng gọi là “Thân bản”; còn một người nữa là trưởng phòng bảo vệ được Công ủy Tây Tạng cử đi, cũng là người dân tộc Tạng. Theo qui định, chờ cho Đạt Lai lên giường nghỉ ngơi, tắt đèn rồi mới được đi khỏi.

Đột nhiên người gác cổng vội vàng chạy tới kêu: “Mao Chủ tịch tới rồi!”

“Cái gì!” Đạt Lai quả thật không còn tin vào tai mình.

Người gác cổng không còn giữ được lễ phép thường ngày, vội vàng nói: “Mao Chủ tịch đến rồi”.

Đạt Lai nhanh nhẹn ra cổng đón tiếp. Mao Trạch Đông đã đi vào phòng khách chỉ có hai nhân viên công tác cùng đi, ngoài ra không có đồng chí lãnh đạo nào khác, Mao Trạch Đông nắm tay Đạt Lai cùng ngồi xuống ghế. Không có phiên dịch, đành phải nhờ trưởng phòng bảo vệ làm thay. Lúc này tầng trên tầng dưới đèn điện sáng trưng, cả khu vực sôi động tấp nập. Đạt Lai vội nói: “Nhanh đi tìm phiên dịch! Tìm Chủ nhiệm Lưu”.

Chờ mọi người yên lặng, Mao Trạch Đông nói với Đạt Lai: “Thật thà xin lỗi, để Phó Ủy viên trưởng chờ lâu quá. Tôi vừa nhận được báo cáo, nói là Đạt Lai muốn tới thăm tôi. Tôi bảo là đi sao được? Ngày mai đã phải về rồi, lẽ ra tôi phải tới tiễn chân. Khuya lắm rồi, có ảnh hưởng gì đến tụng kinh không? Nếu không ảnh hưởng thì Đạt Lai hãy đi nghỉ!”

Đạt Lai lòng dạ không yên, xúc động nói: “Thưa Mao Chủ tịch, tôi thật sự xin lỗi, quá làm phiền Chủ tịch”. Đến lúc này Đạt Lai mới chú ý tới Mao Trạch Đông đang mặc áo ngủ hơi dài. Lẽ nào Chủ tịch đã đi nghỉ rồi?

Nhìn ánh mắt ngạc nhiên của Đạt Lai, nhân viên công tác bên cạnh Chủ tịch nói: “Chủ tịch đã đi nghỉ rồi, đang nằm trên giường xem báo, nhận được báo cáo, liền dậy đi ngay”.

Đôi mắt Đạt Lai rơm rớm lệ. Và suy nghĩ xa xôi, suy nghĩ rất nhiều.

Năm xưa Đạt Lai thứ 5 về kinh, Vua Thuận Trị muốn đi ra khỏi thành đón tiếp, nhưng văn võ bách quan phản đối, nói rằng Hoàng đế thiên quốc là Thiên tử, làm sao mà có thể ra khỏi thành đón khách được, mặc dù là khách rất quý trọng. Sau đó Vua đã ra khỏi thành với danh nghĩa “Đi săn” để “hội ngộ” Đạt Lai thứ 5 ở ngoại thành, vừa tỏ ý hoan nghênh đón tiếp, vừa không

mất vẻ tôn kính của Thiên tử, câu chuyện ấy trở thành giai thoại một thời.

Đầu thế kỷ này, Đạt Lai Lạt ma về Bắc Kinh muốn gặp Hoàng thượng, Hoàng Thái hậu; Tây thái hậu, muốn Đạt Lai phải khấu đầu, cử hành đại lễ, không như vậy thì không gặp.

Ban Thiền thứ 6 vào nội địa, Hoàng đế Càn Long hội kiến tại biệt thự nghỉ mát, cũng đã coi là “Ôn vua trời biển”! Còn Ban Thiền thứ 9 thì lưu lạc giang hồ mấy mươi năm, gặp cảnh quân phiệt hỗn chiến, hỗn quân hỗn quan, chịu mọi gian truân, đủ điều khổ nhục.

Mà hôm nay, Mao Chủ tịch quan tâm đến ta quí mến ta như vậy, làm sao mà không xúc động muôn phần? Mao Chủ tịch so với Thuận Trị, Càn Long, Tây Thái hậu, như đại dương với giọt nước, như non cao với cát bụi, như mặt trời với đom đóm.

Con người tụng kinh niệm Phật thường dễ có ảo giác. Đạt Lai Lạt ma cảm thấy ngồi trước Mao Chủ tịch, như không phải trước một con người, mà là một pho bia lịch sử, là một vùng dương.

Theo hồi ức của Lưu Cách Bình sau này, thì sáng ngày 11, sau khi Đạt Lai nêu nguyện vọng muốn gặp Mao Trạch Đông, ông đã thỉnh thị ngay về văn phòng Trung ương, không hiểu mắc mớ ở chỗ nào. Mãi đến đêm khuya mới báo cáo lên Chủ tịch. Lưu Cách Bình lúc đó rất lo lắng: một là Đạt Lai không gặp được Mao Trạch Đông, e rằng ông ta không phấn khởi; hai là gây lộn xộn việc bố trí của Trung ương, sợ bị phê bình, cả hai đều khó xử. Ông sẵn sàng chuẩn bị tư tưởng chịu phê bình và viết kiểm thảo.

Lưu Cách Bình yên tâm mừng rỡ: “Chủ tịch đã tới, cũng giải thoát được cho mình”. Ông còn kể rằng: “Như chúng ta biết, Mao Chủ tịch từ năm 1949 về Bắc Kinh, chỉ có hai lần mặc áo ngủ ra khỏi Trung Nam Hải, một lần là năm 1972 đi dự lễ truy điệu Nguyên soái Trần Nghị người bạn chiến đấu của Mao Trạch Đông, một lần nữa là tiễn chân Đạt Lai Lạt ma”.

Sự kiện này khiến Đạt Lai Lạt ma cảm động sâu sắc. Trong thời gian rời Bắc Kinh đi tham quan thị sát, Lưu Cách Bình thường giảng giải cho Đạt Lai về lịch sử phát triển xã hội và lịch sử cách mạng Trung Quốc, Đạt Lai tỏ ra rất hứng thú khi học tập chủ nghĩa Mác. Sau khi về Lạp Tát, Đạt Lai đã sáng tác một chùm thơ “ca ngợi Mao Trạch Đông” với tấm lòng tôn kính.

Ôi! Mao Trạch Đông! ánh hào quang và sự nghiệp của người

Như trời Phật tạo lập nên thế giới

Từ thiện căn mới nảy sinh một lãnh tụ thiên tài

Như vùng hồng tảo sáng khắp nơi nơi

*Trước tác của Người như Ngọc châu bảo bối
Như sóng biển dập dờn dữ dội
Qua trùng dương lan tỏa tận chân trời.*

VIII. NGON LỬA ÁCLAN TỎA

Trung ương phong quân hàm cho quân Tạng

Theo “Hiệp nghị 17 điều” quy định: “Quân đội Tây Tạng phải từng bước cải biên thành quân Giải phóng nhân dân, trở thành một bộ phận của lực lượng Quốc phòng nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa”.

Nhưng do thế lực chớp bu ở Tây Tạng và bọn theo chủ nghĩa phân biệt trong ngoài nước ra sức gây cản trở, kế hoạch cải biên ấy vẫn chưa được thực hiện.

Tháng 12-1952, Chính phủ địa phương Tây Tạng tự ý cắt giảm lực lượng già yếu dư thừa trong quân đội Tây Tạng, giữ lại biên chế 5 trung đoàn với 3.200 người, trong đó có 178 sĩ quan. Chính phủ địa phương Tây Tạng ra sức khống chế đội quân vũ trang này trong tay của họ, với mục đích rất rõ ràng và dễ hiểu.

Tháng 10-1955, Trương Quốc Hoa, Trương Kinh Vũ, Đàm Quán Tam, A Bái A Vượng Tấn Mỹ được Trung ương phong quân hàm Trung tướng để tỏ rõ thiện chí của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Mặc dầu chưa được cải biên, tháng 4-1956, khi quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc ban bố quân hàm, Tướng Trương Quốc Hoa Tư lệnh quân khu Tây Tạng vẫn tổ chức lễ phong hàm long trọng đối với quân Tạng và đãi ngộ như sĩ quan quân Giải phóng.

Cách Tang Vượng Đồi trong cuộc khởi nghĩa chiến dịch Xương Đô được phong quân hàm Đại tá và được tặng Huân chương Giải phóng hạng 2. Ngoài ra, sáu sĩ quan trong năm trung đoàn quân Tạng, lúc này đều được phong quân hàm Trung tá và Thượng tá.

Sau khi thực hiện chế độ quân hàm, công tác tư tưởng trong bộ đội vào Tây Tạng phức tạp thêm. Vì vậy Công uỷ Tây Tạng đã phải làm nhiều công việc. Qua sự so sánh, rất nhiều chiến sĩ đã nghe theo cách nói của Trương Quốc Hoa, có sức thuyết phục mọi người: “Tư tưởng trường kỳ xây dựng Tây Tạng có cần phải xác lập hay không, quả không đơn thuần. Nó biểu hiện trong thời hạn ở lại Tây Tạng 10 năm 20 năm hoặc suốt đời, thậm chí không hề nghĩ tới nội địa đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng không nghĩ tới quê hương nơi mình sinh ra và trưởng thành, cũng không nghĩ tới gia đình cha mẹ vợ con, nếu đòi hỏi như vậy là một sai lầm lớn đối với sự nghiệp lâu dài xây

dựng Tây Tạng. Bởi vì nghĩ như vậy, tức là đã quên đi Tây Tạng là một bộ phận thống nhất của sự nghiệp xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, sẽ không có quyết tâm và dũng khí biến Tây Tạng lạc hậu trở thành Xêbêria của Tổ quốc chúng ta...”

Có người cho rằng cách nói này đối với bộ đội là quá mức cầu toàn, tuy vậy Trương Quốc Hoa vẫn kiên trì: “ở Tây Tạng, chịu gian khổ thậm chí phải hy sinh, điều ấy không có gì cần bàn cãi. Nhưng cần phải xuất phát từ trình độ giác ngộ hiện thời của bộ đội chúng ta. Trước mắt chỉ cần có được một nhận thức đúng đắn về chính trị”.

Có người còn cho rằng, kiểu cách điệu này quá thấp. Trương Quốc Hoa đã lần lần giải thích: “Vẫn không thể nói ở Tây Tạng là không gian khổ?, tư tưởng con người là phức tạp, có chỗ thuộc về vấn đề trường kỳ xây dựng Tây Tạng, có vấn đề không phải như vậy, cần phân tích cụ thể, giải quyết khác nhau, không thể tổng quát lại nói là tư tưởng trường kỳ xây dựng Tây Tạng không thông suốt, cũng không thể nêu lên những khẩu hiệu mang tính kích thích. Có một số đồng chí nghĩ về nội địa, nhớ quê hương nhớ người thân; chỉ cần không ảnh hưởng tới công tác, không nên phản đối tất cả điều đó”.

Thành lập Ủy ban trừ bị khu tự trị Tây Tạng

Tháng 4-1956, Ủy ban trừ bị khu tự trị Tây Tạng chính thức được thành lập. Đạt Lai làm Chủ nhiệm, Ban Thiền làm Phó Chủ nhiệm thứ nhất, Tư lệnh Trương Quốc Hoa làm Chủ nhiệm thứ 2. Trung ương cử một đoàn đại biểu do Trần Nghị làm trưởng đoàn tại Tây Tạng, đặc biệt giải quyết một loạt công việc ở cấp cao, công tác Tây Tạng xuất hiện cục diện mới.

Nhưng trước tình hình sáng sủa của buổi đầu, vẫn còn thấp thoáng những bóng đen lẫn khuất, trên con đường đi lên còn không ít khúc khuỷu gian nan.

Bọn phản động trong Chính phủ địa phương Tây Tạng và giai cấp chủ nô bắt đầu có sự chống đối từ bí mật đến công khai đối với “Hiệp nghị 17 điều”. Chúng dùng trăm phương nghìn kế cản trở Tây Tạng tiến hành cải cách xã hội cần thiết, mặc dầu những cải cách này lúc ấy Trung ương vẫn rất khẳng định và thận trọng.

Bọn cầm đầu phản động trong giai cấp chủ nô vẫn cố tình duy trì chế độ nông nô “tốt đẹp và thiêng liêng”. Còn những hoạt động của bọn “Tây Tạng độc lập” được thế lực đế quốc ra sức cổ động vẫn khi ẩn khi hiện, chưa lúc nào lắng xuống. Nhất là có một số người công khai trương chiêu bài “bảo vệ chính giáo”

mang rõ tính chất bịp bợm và kích động không thể xem thường.

Bộ đội vào Tạng tuân theo chỉ thị của Trung ương Đảng, luôn luôn cảnh giác với mọi thủ đoạn thâm hiểm của thế lực bên ngoài đối với Tây Tạng sau khi hòa bình giải phóng, và kiên trì khuyên ngăn những nhân vật cấp cao Tây Tạng không nên làm những việc gì bất lợi cho sự nghiệp thống nhất Trung Hoa; không thì hậu quả hồi hận không kịp.

Cùng với thời gian, cuộc đấu tranh giữa phân biệt và chống phân biệt ngày càng gay gắt và phức tạp. Bọn theo chủ nghĩa phân biệt được thế lực đế quốc bí mật thao túng, âm mưu lại một lần nữa tạo ra sự bất hòa giữa hai người Đạt Lai và Ban Thiền, từ đó lật đổ Ban Thiền, một đại sư kiên định lập trường yêu nước chống đế quốc ủng hộ Trung ương, gây nên cuộc đại loạn sau khi giải phóng Tây Tạng.

Màn kịch Ban Thiền giả

Mùa xuân 1955, một quan chức tình báo Mỹ không rõ họ tên đóng vai “Du khách” đi du lịch thành Cát Luân, đặc biệt đã hội kiến với Patesen một giáo sĩ người Scotlan thuộc lĩnh vực chính trị. Đạt Lai lật ma có uy tín và thông hiểu tình hình Tây Tạng. Vị “du khách” ấy trước đây có tham gia hội nghị những phần tử cao cấp chạy trốn của Chính phủ địa phương Tây Tạng, và đã mời Patesen làm phiên dịch bốn ngày. Người Mỹ này nêu ra một phương án viện trợ 10 năm, âm mưu lật đổ sự thống trị của Trung Quốc ở Tây Tạng, và sẽ cử một nhân viên đặc công Mỹ chuyên nghiệp không có quan hệ với Đại sứ quán Mỹ đặc trách công việc Tây Tạng, được Lạp Gia Bang Đạt Xương đại biểu Tây Tạng dự hội nghị gặt đầu đồng ý. Hội nghị này do Patesen làm phiên dịch đã thay mặt Cục Tình báo Trung ương Mỹ quyết định cuối cùng về Tây Tạng.

Mùa thu năm 1955, bọn chủ nghĩa phân biệt bắt đầu trình diễn màn kịch dựng lên Ban Thiền giả.

Năm 1927, sau khi Ban Thiền thứ 9 qua đời tại Thanh Hải, phòng Hội đồng Kham bố Ban Thiền đã tìm thấy Cung Bảo Linh đồng nổi ngôi tại Tuân Hóa Thanh Hải, và đã được Chính phủ Trung ương lúc ấy chính thức phê chuẩn, xác lập Ban Thiền thứ 10, tất cả đều phù hợp với thông lệ lịch sử Tây Tạng và trình tự tôn giáo.

Đồng thời, Chính phủ Cát Hạ Tây Tạng cũng tìm được một Linh đồng tại Lý Đường Tứ Xuyên, nhưng chưa được xác nhận, mà lại không muốn từ bỏ; thế là họ tìm cách giữ linh đồng ấy tại thôn Giáp Khang thuộc chùa Trát

Thập Luân Bồ ở Nhật Khách Tắc, được coi là “Liệt dương Phật sống”. Hiện tại bọn phân biệt lại đề cao Phật sống này, nói là “Ban Thiền thứ 10” thật sự lên thay thế.

Thế là, lời đồn đại lan truyền khắp vùng Tây Tạng, có người còn tô vẽ thêm rằng: “Ban Thiền do quân Giải phóng đưa về là Ban Thiền giả, là người Hán áp đặt cho Tây Tạng. Ban Thiền thật là Liệt dương Phật sống”....

Đến đầu tháng 10-1955, dư luận đồn đại ấy trở thành cao trào. Nhưng chính trong thời điểm ấy, vị Liệt dương Phật sống Ban Thiền giả ấy đã mất tích tại chùa Trát Thập Luân Bồ và đi đâu không rõ.

Tại văn phòng Công ủy Tây Tạng, tướng Trương Kinh Vũ triệu tập hội nghị khẩn cấp, bàn bạc cùng các lãnh đạo ban ngành hữu quan về tình hình đột biến vừa qua.

Theo sự phân tích tình hình, vị Ban Thiền giả này rất có thể bị ép buộc chạy ra nước ngoài, bọn phân biệt có ý đồ dựng nên “Ban Thiền thật tại nước ngoài”. Hội nghị phân tích rằng:

“Đây rất có thể trở thành một sự kiện chính trị đã có mưu đồ từ lâu, chúng ta nhất định không thể để cho âm mưu của họ thực hiện được!”

“Nếu Ban Thiền giả chạy thoát, thì sẽ tổn thất nghiêm trọng tới uy tín của đại sư Ban Thiền trong lòng nhân dân Tây Tạng, gây ảnh hưởng bất lợi, thật nghiêm trọng cho đoàn kết dân tộc và tình hình Tây Tạng”.

Mọi người tham gia hội nghị ai nấy đều hết sức sốt ruột, đều xôn xao đề nghị Công ủy Tây Tạng và bộ đội quân Giải phóng vào Tây Tạng thực hiện biện pháp kiên quyết ngăn chặn âm mưu chính trị của các phần tử phân biệt.

Qua bàn bạc khẩn trương, lãnh đạo Công ủy Tây Tạng đã thỉnh thị Trung ương, quyết định thông báo điện, hạ lệnh cho các cửa khẩu, hải quan, yêu cầu quân đội tại các cửa khẩu, các trạm gác hải quan tổ chức lực lượng, kiểm soát nghiêm ngặt, một khi phát hiện thấy tông tích Ban Thiền giả, thì lập tức thực hiện mọi hình thức thích đáng, kiên quyết can ngăn hành động trốn ra nước ngoài.

Mọi tuyến đều phát lệnh, các cửa khẩu trạm canh đều tăng cường cảnh giới.

Sáng ngày 24-10, tại phía đông đầu cầu thôn Thanh Phi ở cửa khẩu biên giới Trung Quốc, trước cửa phòng ngoại sự á Đông ồn ào huyền não, người qua lại tấp nập không ngừng.

Thương nhân, lái xe, dân vùng biên giới chen chúc đứng chờ bên cửa sổ chờ thị thực xuất nhập cảnh, có 3 người dân Tạng trang phục kiểu thương nhân tỉnh lặng chờ đợi không vội vã chen chúc, nét mặt thiếu tự nhiên.

Mọi hành vi của họ khiến nhân viên biên phòng chú ý. Đến hơn 12 giờ trưa, người thừa thốt hơn, họ đi tới làm thủ tục thị thực, hai chiến sĩ quân Giải phóng hoà nhã tới gần.

“Xin lỗi các ông, chúng tôi có chút việc muốn gặp các ông”.

“Việc gì vậy, chúng tôi chờ chuyển hàng hóa mà”

Ba người ấy miễn cưỡng theo vào phòng, ngồi xuống ghế.

Qua trò chuyện thiện chí nhiệt tình khoảng mười phút của Ca Đạt trạm trưởng biên phòng người Tạng, tất cả đều lộ rõ nguyên hình...

Một trong ba người ấy có một thanh niên ngoài 20 tuổi người tầm thước, mặt mũi trắng trẻo, thái độ ngưng ngưng đã lộ rõ tư cách đóng giả dân buôn, ngưng ngưng nói: “Tôi chính là Liệt dương Phật sống Ban Thiền giả mà người ta đặt cho, lần này họ bố trí cho tôi bí mật vượt biên ra nước ngoài”.

Qua giải thích tuyên truyền về chính sách của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Liệt dương Phật sống đồng ý không ra nước ngoài nữa. Để đề phòng bất trắc, trạm biên phòng đồng ý để anh ta tạm trú tại á Đông; sau đó Công uỷ Tây Tạng sẽ cử người tới, đưa Liệt dương Phật sống trở về Nhật Khách Tắc thật chu đáo, thỏa mãn nguyện vọng của vị Phật sống này.

Sự kiện Ban Thiền giả được dựng nên do bọn phản loạn trước đây tạo ra đã phá sản...

Chu Ân Lai gặp Đạt Lai và Ban Thiền tại Niu Đêli

Tháng 11-1956, Đạt Lai lạt ma, Đại sứ Ban Thiền nhận lời mời của Thủ tướng Ấn Độ Nê Ru, tới Niu Đêli tham gia kỷ niệm 2500 năm Thích Ca Mâu Ni niết bàn.

Mấy ngày trước khi Đại sứ của vị phật ấy sắp tới, không khí chính trị khác thường, tổ chức “Hội đồng nhân dân” của thế lực phân liệt đã đi vào bí mật, bỗng lại phục hồi hoạt động công khai. Họ tụ tập gây rối, gửi thư kiến nghị, tung tin đồn nhảm; ngang nhiên kêu gọi phản đối Uỷ ban trừ bị khu Tự trị Tây Tạng, phản đối cải cách dân chủ. Một thời gian khắp vùng Lạp Tát mây gió mịt mờ, tưởng chừng bão tố...

Một ngày cuối năm 1956, lãnh đạo của quân Giải phóng nhận được báo cáo cho biết tình hình thế lực phân liệt định bí mật gây bạo loạn vũ trang tại Tây Tạng, đồng thời âm mưu bao vây Đạt Lai và Ban Thiền ở Ấn Độ, yêu cầu hai vị ở lại Ấn Độ, công khai tuyên bố “Tây Tạng độc lập” đẩy Đạt Lai và Ban Thiền đến bước đường cùng.

Trong tình thế cấp bách ấy, tướng Trương Quốc Hoa và Trương Kinh

Vũ khản trương quyết định thỉnh thị ngay Trung ương, đồng thời tổ chức lực lượng đấu tranh trực diện với thế lực phản động và bọn phân liệt.

Để tỏ rõ thiện chí lớn nhất, Trung ương lại một lần nữa quyết định nhượng bộ một bước quan trọng với tôn chỉ “Muốn tiến hành cải cách bằng phương thức thương lượng hòa bình” theo tình hình cụ thể ở Tây Tạng.

Trung ương quyết định:

Ra sức thuyết phục quảng đại quần chúng dân tộc Tây Tạng đã giác ngộ mong muốn nhanh chóng cải cách dân chủ, đồng thời công bố rõ ràng: Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ 2, Tây Tạng không tiến hành cải cách dân chủ, trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ 3 có cải cách hay không, cũng phải đến lúc đó xem xét tình hình sẽ quyết định...

Như vậy có nghĩa là để đẩy mạnh cải cách dân chủ theo phương thức hòa bình, Trung ương kiên nhẫn kéo dài thời gian chờ đợi cho mãi tới 1967.

Nhưng những nhân vật phản động chớp bu ở Tây Tạng ngày càng làm cho tình hình thêm phức tạp, cục diện Lạp Tát ngày càng mất ổn định, lúc này Đạt Lai và Ban Thiền đều đang ở ẩn Độ, tình hình Tây Tạng có nguy cơ không khống chế được. Do đó, Trung ương điện cho Trương Kinh Vũ và Trương Quốc Hoa:

Bộ đội và sĩ quan quân Giải phóng ở Tây Tạng, đồng thời với việc chuẩn bị sẵn sàng ứng phó khi cần thiết, phải cố gắng đoàn kết quần chúng Tây Tạng và lực lượng yêu nước cấp cao, đi vào cuộc sống đấu tranh chính trị khó khăn hơn.

Thủ tướng Chu Ân Lai đang thăm ẩn Độ cùng lúc nhận thêm một nội dung mới trong chương trình của mình là hội kiến Đạt Lai và Ban Thiền đang ở thăm Ấn Độ.

Tại Niu Đêli Thủ tướng Chu Ân Lai gặp gỡ trao đổi với Đạt Lai và Ban Thiền trong thời gian khá lâu, lần lượt truyền đạt quyết định của Trung ương sẵn sàng kéo dài thời gian cải cách dân chủ ở khu vực Tây Tạng, hy vọng các vị cùng nhau đoàn kết góp phần cống hiến của mình vào sự nghiệp xây dựng Tây Tạng.

Qua ý kiến trao đổi của Thủ tướng, Đạt Lai nói là: “Nhất định nghiên cứu nghiêm túc ý kiến của Trung ương”.

Ban Thiền thì khẳng định với Thủ tướng Chu Ân Lai: “Kiên quyết ủng hộ quyết định của Trung ương, nguyện toàn tâm toàn lực chấp hành tốt chỉ thị của Trung ương, đã theo con đường quang minh chính đại yêu nước thương dân!”

Với tấm lòng rộng mở và thái độ chân thành Thủ tướng Chu Ân Lai đã thuyết phục hai vị thần vương Tây Tạng, góp phần cống hiến to lớn làm xoay chuyển tình hình Tây Tạng. Ngay cả một số người có cách nhìn sai lệch cũng phải thừa nhận: “Cuộc trao đổi của Thủ tướng Chu Ân Lai với Đạt Lai và Ban Thiền trong thời gian sang thăm Ấn Độ có tác dụng không nhỏ...”

Đại sư Ban Thiền trước tiên bằng hành động của mình đã tỏ rõ lập trường yêu nước kiên định, không sợ mọi trở ngại của thế lực phân liệt trong ngoài nước, mưu trí dũng cảm gạt bỏ mọi rối ren, quyết tâm trở về Tây Tạng.

Sau đó ít lâu, Đạt Lai cũng rời Ấn Độ về nước...

Âm mưu của thế lực chia cắt lại một lần nữa bị đập tan.

Cục tình báo Trung ương Mỹ bày kế cho Đạt Lai đi khỏi Tây Tạng

Mọi người thường nghĩ rằng hoạt động của Cục Tình báo Trung ương Mỹ chỉ tiến hành sau khi Đạt Lai và Trung ương công khai xảy ra xung đột, đặc biệt không hiểu rõ được trước khi sự việc đó phát sinh, việc kích động bạo loạn đã được tiến hành rất sớm. Ví như chuyện hồi ức của một người Tây Tạng có tên là Vương Đới: Năm 1956 ông ta đã rời khỏi Tây Tạng, do đặc vụ Mỹ đưa ra nước ngoài huấn luyện, sau này bí mật nhảy dù về Tây Tạng tham gia hoạt động quân sự, qua khoảng 10 năm, mãi đến 1966 mới về định cư tại Nê Pan, quá trình ấy thần bí mà quanh co, giống như chuyện tiểu thuyết gián điệp điển hình. Tốp gián điệp đầu tiên được Cục Tình báo Trung ương Mỹ huấn luyện do Gia Lạc Đôn Chu tổ chức gồm 6 người. Lúc đầu đi bộ khỏi thành Cát Luân nằm trên biên giới Ấn-Tạng, sau đó Đôn Chu đưa xe chở họ tới Siligauri, cấp thêm la bàn, tiếp tục đi bộ tới Đông Ba (biên giới Bengal ngày nay) do đặc vụ Mỹ đón tiếp. Sau khi đã cải trang triệt để, lại đi bộ tới Đạt Ca. Sau đó bay hơn 5 giờ nữa, hình như là tới Đài Loan, thay mặc quân phục, cùng với anh cả của Đạt Lai được huấn luyện đặc vụ. Trong vòng 4 tháng học phân biệt địa hình, sử dụng vô tuyến điện và thao tác vũ khí. Mùa thu 1957, nhóm của họ nhảy dù xuống Tây Tạng bằng máy bay quân sự Mỹ. Ngoài trang bị vũ khí, tiền bạc và máy vô tuyến ra, mỗi người còn được cấp hai lọ thuốc độc, phòng khi bị bắt thì tự sát. Để xóa dấu vết, họ bỏ hết mọi nhãn hiệu trên các trang bị kể cả thuốc. Nhiệm vụ chủ yếu của họ là tới Lạp Tát chống đối Đạt Lai, khiến Đạt Lai cắt đứt quan hệ với Trung ương công khai yêu cầu Mỹ viện trợ.

Đáng tiếc là nhiệm vụ lần này không thể hoàn thành được. Thủ lĩnh của bọn họ đã gặp được Bạc Lạp Sĩ Đăng Duy Đăng thư ký của Đạt Lai, nhưng

sau đó lại khuyến khích đồng bọn từ bỏ kế hoạch và cự tuyệt gặp lại. Sau khi thất bại, Cục Tình báo Trung ương Mỹ quyết định đến cuối năm 1958 thả dù một lượng vũ khí lớn cho những người Khang Ba hiếu chiến trong nội địa Tây Tạng, gồm 100 khẩu súng trường kiểu Anh, 2 moóc chèo và một số lựu đạn và đạn dược. Đồng thời chuyển doanh trại huấn luyện đặc vụ từ Đài Loan tới đảo Seban, rồi lại đưa về Camp Hale nước Mỹ (nguyên là vùng này địa thế cao thích hợp với dân tộc Tạng để có thể luyện tập võ nghệ Tây Tạng).

Tháng 3 -1959, trước khi xảy ra xung đột trực diện giữa chính quyền Tây Tạng và Trung ương, theo hồi ức của C.Patterson người Mỹ đã từng tham gia công việc cơ mật ở Cục Tình báo Trung ương Mỹ, cục này đã thực hiện kế hoạch lừa dối Đạt Lai rời khỏi Lạp Tát. Thợ nhiếp ảnh và báo vụ vô tuyến sớm được bố trí theo sát Đạt Lai, do đó giữa đường khi chạy sang Ấn Độ Cục tình báo đã bố trí cả máy bay đặc biệt thả xuống những đồ dùng cần thiết, máy bay vận tải C130 bay trong điều kiện bầu trời Tây Tạng không khí loãng mỏng, đồng thời Cục Tình báo tại căn cứ Đạt Ca kịp thời nhận được sự liên lạc chặt chẽ với chuyến đi của Đạt Lai. Đúng như R.Bisell nhân viên công tác tham dự kế hoạch này nói, không có kế hoạch và sự theo sát của nhân viên Cục tình báo Trung ương Mỹ thì Đạt Lai không thể ra đi thuận lợi. Song do diễn biến của thời cuộc, máy bay gián điệp U2 bị bắn rơi trên lãnh thổ Liên Xô, cuộc xâm nhập Cu Ba thất bại, lại thêm cuộc chiến bán đảo Đông Dương ngày càng xấu đi, khiến cho Cục tình báo Trung ương phải bỏ dở kế hoạch quân sự, tiếp tục hoạt động mạnh mẽ tại vùng Tây Tạng và Thanh Hải.

Bọn phiến loạn xây dựng căn cứ địa vũ trang

Ngày 20-4-1958, “Tứ thủy lục cương” đã tổ chức thống nhất hơn 5.000 phần tử phiến loạn từ các tỉnh phụ cận và vùng Xương Đô tập hợp lại, bí mật ký kết đồng minh với quân Tạng và chùa Tam Đại.

Ngày 15-6, bọn phiến loạn xây dựng căn cứ địa vũ trang tại Triết Cổ Tông Sơn Nam.

Mao Trạch Đông hết sức chú ý tới tình hình phát triển này, trong bản chỉ thị ngày 24-6 ghi rõ: “Tây Tạng phải sẵn sàng chuẩn bị đối phó với cuộc phản loạn toàn diện tại đó,... Chỉ cần bọn phản động Tây Tạng dám phát động cuộc phản loạn toàn diện, thì nhân dân lao động ở đó có thể được giải phóng ngay, không chút nghi ngờ”.

Tới tháng 7, “Tứ thủy lục cương” lại tổ chức “quân vệ giáo”, nêu khẩu hiệu “Chống cộng sản, bảo vệ tôn giáo, Tây Tạng độc lập”. Mà tập đoàn phản

động chớp bu Tây Tạng lại giúp đỡ lương thảo súng ống và con người, làm cho tình hình Tây Tạng như đạn đã lên nòng, bóp cò là nổ.

Ngày 14-7, Trung ương chỉ thị cho Công uỷ Tây Tạng, ứng phó với các Cát luan, tỏ rõ lập trường nghiêm chỉnh, nói với họ rằng: Thái độ dung túng của Cát Hạ đối với bọn phiến loạn Tây Tạng và ở vùng Giang Đông (Kim Sa) chạy vào Tây Tạng là hoàn toàn sai lầm. Nếu bọn phản động nhất định vũ trang phản loạn, thì Trung ương dứt khoát thực hiện vũ trang dẹp phiến loạn.

Đặng Tiểu Bình phân tích thêm tình hình chỉ rõ: “Chính quyền Tây Tạng căn bản không chịu từ bỏ lập trường. Hiện tại không cần phát động quần chúng, chỉ cần chỉnh đốn đội ngũ, giao hữu và học tập. Về mặt xã hội cũng không cần thiết tăng cường giáo dục xã hội chủ nghĩa, vũ trang phiến loạn Tây Khang tới Tây Tạng, ngoài bản thân Cát Hạ ra, chúng ta không cử quân đi đánh”.

Trương Quốc Hoa chỉ huy bộ đội cố gắng cụm lại các tuyến điểm giao thông, cố đơn vị được điều về nội địa. Nhưng có sự giúp đỡ của thế lực phản động nước ngoài và mưu đồ của Cát Hạ, cuộc phiến loạn trong vùng Tây Tạng không ngừng leo thang. Quân phiến loạn đã đào địa đạo tới sát khu vực cơ quan ngân hàng nơi vợ Trương Quốc Hoa công tác. Nhưng trước mọi sự cố xảy ra đều có tình báo chính xác, nên nhân viên và tiền bạc đều di chuyển an toàn.

Ngày 18-7, Trương Kinh Vũ, Trương Quốc Hoa hội kiến Đạt Lai, nói rõ lập trường của Trung ương. Đạt Lai không thể hiện rõ ràng. Trương Kinh Vũ hơi lo, nhưng nói rất thành khẩn: “Ngài có thể không vui vẻ với cá nhân tôi, nhưng Trung ương không cử ai tới nữa đâu, vũ trang phiến loạn sẽ dẫn tới hậu quả nghiêm trọng!”

Đặng Tiểu Bình chỉ thị “cách mạng hai tay”

Sau đó, Trương Quốc Hoa về Bắc Kinh báo cáo.

Ngày 9-8 Đặng Tiểu Bình mời Trương Quốc Hoa tới Trung Nam Hải, một lần nữa nói rõ chính sách và sách lược của Trung ương. Trương Quốc Hoa hỏi thăm về nguyên tắc quan trọng nhất: “Thưa Tổng Bí thư, đồng chí xem giới hạn giữa đánh và không đánh...”

Đặng Tiểu Bình hình như đã suy nghĩ trước: “Phiến loạn uy hiếp cơ quan Đảng, chính quyền và đường giao thông quan trọng thì đánh, nắm chắc đánh, không nắm chắc thì không đánh”.

“Đồng chí nói đánh thì đánh phải thắng, về quân sự thực hành thế thủ, về chính trị thực hành thế công?”

“Đúng, hai việc đều quan tâm, trước tiên phải bảo vệ giao thông huyết mạch”.

“Chúng ta vẫn nêu vấn đề (6 năm không cải cách)?”

Đặng Tiểu Bình gật đầu và bổ sung: “6 năm không cải cách, nhưng gây loạn là do họ chịu trách nhiệm!”

Sau 10 ngày, Đặng Tiểu Bình lại triệu kiến Trương Quốc Hoa và Phó Tư lệnh quân khu Đặng Thiệu Đông sắp trở lại Tây Tạng. Đặng Tiểu Bình nhìn lại hai cựu chiến sĩ Hồng quân lâu năm, sau khi hỏi han về việc bố trí quân sự trở lại Tây Tạng, dặn dò: “Họ không xâm phạm ta, ta không xâm phạm đến họ. Cũng cố trận địa của mình, bảo vệ giao thông, nắm chắc thì đánh. Quân Giải phóng không nên tùy tiện xuất trận, không nên tùy tiện điều động bộ đội”. Đặng Tiểu Bình dụi tắt điếu thuốc cháy dở trên tay, ngược lên không trung, nói tiếp: “Hiện giờ cần chủ động. Tăng cường cứ điểm nhỏ, đề cao cảnh giác, lúc tăng gia, súng để cạnh người”.

Trương Quốc Hoa nói: “Có một số đồng chí hiểu sai về chính sách cụm lại, cho rằng chính chúng ta cụm lại rồi rồi cụm lại nữa, nhấn nạy và nhấn nạy nữa, mới làm cho bọn phi được đảng chân lân đảng đầu”.

“Cụm lại là đối đầu. 6 năm không cải cách, phương châm cụm lại không thay đổi”.

“Bọn thống trị muốn biến thành một sự việc khác, điều ấy không quan hệ gì đến ta. Họ muốn thay đổi thì chúng ta phát động quần chúng. Tóm lại, phương châm cải cách hoà bình không thể thay đổi nhưng hoàn toàn bằng phương pháp hoà bình là không được, chúng ta phải sẵn sàng chuẩn bị”.

• Trương Quốc Hoa và Đặng Thiệu Đông giải thích chính sách đó là: “Cách mạng hai tay, chúng ta tăng cường chuẩn bị”.

Sau khi “Tứ thủy lục cương” ký kết kế hoạch phản loạn với ba chùa Triết Bạng, Sắc Lạp, Cam Đan và bọn đầu sỏ quân Tạng, các nơi phát động nổi loạn, từ đây những hoạt động tội ác cùng các sự kiện đẫm máu bắt đầu.

Tháng 7 bọn phản loạn phục kích đoàn xe vận tải của quân Giải phóng gần chùa Tranh Mạc phía tây Cách Tạng, gây ra nhiều tổn thất.

Ngày 17-9, quân phản loạn lại phục kích đội xe quân y của quân khu Tây Tạng tại Ma Giang, giết hại 16 y bác sĩ và nhân viên.

Ngày 18-12, bọn chúng lại phục kích đội xe của quân Giải phóng Cống Cát, sát hại 37 sĩ quan và bộ đội, làm bị thương 22 người. Ngày 19 phục kích phân đội hậu cần của quân giải phóng tại Trát Lang, sát hại trung đoàn phó Căn Xuân cùng 96 sĩ quan binh lính, làm bị thương 13 người, gây nên một cuộc hành hung đẫm máu hiếm có.

Tháng 1-1959, quân phiến loạn vây hãm huyện ủy Sở Mộc của Trung ương, quân phản loạn tới đâu đều đốt phá giết chóc và hãm hiếp, chúng không từ hành vi tàn bạo nào. Chỉ riêng khu vực Mặc Trúc Nhị Ca đã có tới 84 gia đình dân Tạng bị cướp bóc và giết hại. Chúng hãm hiếp hầu hết phụ nữ trong một thôn ở gần Trạch Đường, cả người già và trẻ con cũng không thoát nạn. Tại Nãi Đông, bọn phản loạn đã moi tìm dân bản để thị uy quân chúng...

Hành động tàn khốc đẫm máu ấy từ khu Tạng Khang Ba cứ lan rộng ra, một số người bị lừa bịp được bọn chủ nô khuyến khích cùng tham gia vũ trang.

Đường quân Giải phóng vừa sửa chữa bị phá hoại.

Phần lớn hàng quân dụng dân dụng đưa vào Tây Tạng bị cướp đi hoặc đốt phá...

Các cầu mới bắc cũng bị hủy hoại...

Nơi đóng quân và chỗ ở của các đội quân công tác bị tập kích...

Thậm chí, một số chiến sĩ đi làm nhiệm vụ riêng lẻ, viên chức nông trường quốc doanh, đội viên công tác và cả quân chúng, cũng bị quân phiến loạn bắt cóc, vây bắt, giết hại. Với những người bị bắt chúng dùng những hình phạt cực kỳ khốc liệt, hãm hại họ với nhiều phương thức hết sức dã man như moi tim, thiêu đốt, lột da vô cùng tàn nhẫn, tội ác khiến mọi người kinh hãi...

Tội ác cứ lan tràn mở rộng.

Trước thái độ nghiêm chỉnh của ta, Đạt Lai chỉ thị cho quan chức Chính phủ Cát Hạ hiệp đồng với Ủy ban trừ bị khu tự trị đến khu vực Khang Ba làm việc. Quan chức Chính phủ trấn an bọn phiến loạn tại Xương Đô.

Trong Chính phủ Cát Hạ, có người là đầu sỏ xúi giục ủng hộ phiến loạn. Tư Bản Lãng Sặc Lâm phụ trách Thường vụ Chính phủ Cát Hạ đã câu kết với bọn phản loạn, cung cấp kinh phí cho phần tử phiến loạn với tư cách hoạt động Phật giáo. Đến cuối năm sau, phản loạn bắt đầu từ Khang Ba đã lan rộng tới vùng Sơn Nam.

Đạt Lai chỉ thị cho Chính phủ Cát Hạ thỉnh thị Trung ương thông qua Công ủy Tây Tạng: “Xin đề nghị Trung ương trực tiếp xử lý vấn đề phiến loạn ở Khang Ba”.

Trung ương điện trả lời ngay: “Nếu bọn phiến loạn ngang nhiên tiến công cơ quan Chính phủ, trường học, phá hoại đường giao thông, thì quân Giải phóng nhân dân tại Tây Tạng, vẫn phải do Chính phủ địa phương Tây Tạng tự giải quyết”.

Đạt Lai trao cho Cục cải cách Chính phủ Cát Hạ, quan chức Chính phủ và “Hội đồng trị an” chủ yếu là sĩ quan quân Tạng thành lập một tổ chức

“Giải quyết vấn đề này”.

Trong phòng họp của Chính phủ Cát Hạ đèn đóm sáng trưng, quan chức tập nập đi vào, nhưng đều là những đại biểu thuộc thế lực phân biệt. Hội nghị bàn bạc kín đáo bí mật, nhiều vấn đề cụm lại, hội nghị bàn bạc “Vấn đề trị an” đã trở thành hội nghị ủng hộ phiến loạn ép buộc Trung ương.

“Để cho Chính phủ địa phương chúng tôi dẹp bọn phiến loạn cũng được, nhưng Trung ương phải cho tiền cho vũ khí, có vũ khí sẽ làm được tất cả.”

“Để Trung ương giúp đỡ súng đạn, càng nhiều càng tốt, không thì mượn cũng được, chúng ta cần rất nhiều vũ khí”.

“Nên để quân Giải phóng đàm phán với bọn phản loạn, để họ cũng được nếm trải sự ghê gớm của người Khang Ba, còn nói tới vũ khí, chỉ cần vào tay chúng ta, sử dụng như thế nào họ không quản nổi”.

“Đúng, có súng là có chỗ sử dụng, sau khi đã nắm được vũ khí, sẽ thấy được tình hình”.

Điều đáng kinh ngạc là, khi “Hội đồng trị an” họp xong mọi người đều nhận được chỉ thị “Bảo mật nghiêm ngặt, nội dung hội nghị không được tiết lộ ra ngoài, tất cả mọi người phải bảo đảm bằng tính mạng của mình...”

Sự kiện “cướp kho vũ khí” ở chùa Cam Đan Khúc Quách

Đồng thời với việc triệu tập “Hội nghị trị an”, cùng một ngày của tháng 6-1958, thủ lĩnh phiến loạn khu vực Sơn Nam là Cống Bố Trát Tây dẫn hơn 1000 kỵ binh, giương ngọn cờ “Quân chí nguyện bảo vệ tôn giáo” đột nhập huyện Nam Mộc Thôn bao vây chùa Cam Đan Khúc Quách, đề dăng “Chiếm đoạt” kho vũ khí bí mật của Chính phủ Cát Hạ “Vơ sạch” hơn 500 súng trường Anh, 2 khẩu pháo, một số súng máy và súng trường Đức cùng số đạn được, đàng hoàng chuyển đi.

Sau đó, Cống Bố Trát Tây công khai tuyên bố: “Phạm những ai tham gia quân ngũ, đều được cấp ngay 1 khẩu súng trường và 52 lạng bạc, đồng thời gia đình còn được ghi công khen thưởng”.

Ngày hôm sau, Công ủy Tây Tạng nắm được tình hình, bằng nhiều chứng cứ tỏ rõ sự kiện “Cướp kho vũ khí” là một màn kịch do Chính phủ Cát Hạ và phần tử phiến loạn trong ngoài câu kết với nhau biểu diễn, đã kịp thời trao đổi nghiêm chỉnh với họ. Nhưng đối phương lấp liếm, coi là chuyện đã rồi.

Mặc dù Công ủy Tây Tạng và quân Giải phóng nhiều lần nghiêm khắc cảnh cáo những phần tử có âm mưu mù quáng ấy, nhưng bọn phản động chớp bu trông chờ ngoại viện vẫn cố hành động.

Thế là, một sự kiện chính trị đẫm máu đã xảy ra...

Bí mật về đồ “Tây Tạng độc lập” của Mỹ bị tiết lộ

Ngày 7-12-1961, Cục Tình báo Trung ương Mỹ đưa một đội quân phản loạn Tây Tạng đã được huấn luyện từ căn cứ Haier, xuất phát trong đêm, dự định từ tinh mơ, khi dân chúng còn đang ngủ say, tới căn cứ không quân Peter Sen. Nhưng ý muốn lại trái với sự việc. Vì đường núi cao thấp quanh co, xe quân sự sa vào hố tuyết, nên không khớp với thời gian. Kết quả là người Tây Tạng khi tới căn cứ trời đã sáng bạch. Chuyện bí mật của một mưu đồ thận trọng đã bị bại lộ, vì có nhiều người dân đến xem.

Lúc này những người Tạng được huấn luyện bí mật dự định đi trên chiếc máy bay C.124, khi kiểm tra máy bay tại sân bay, lính Mỹ chĩa súng vào đám đông 47 người dân đến xem, yêu cầu họ đi khỏi, chúng nói với mọi người: “Vì an toàn quốc gia, không được ra ngoài bàn tán chuyện này, nếu không là vi phạm pháp luật nhà nước”.

Không ngờ ngày hôm sau, sự việc đó lại đăng trên tờ “Koroladochue”. Theo luật an ninh nước Mỹ, Cục Tình báo Trung ương không được phép hành động quân sự trong nước, đồng thời cũng không có quyền bắt giữ công dân dù mang tính đề phòng, vì vậy sự kiện hỗn loạn, tại sân bay Petersen, buộc Cục Tình báo phải ngừng kế hoạch hành động đen tối khác.

Trong thực tế, Mỹ đã hoạt động ngầm ngầm ở Tây Tạng từ lâu, ngay từ năm 1951 đã có quan hệ với Gia Lạc Đồn Chu, anh thứ 2 của Đạt Lai Lạt ma, lập kế Tây Tạng tách khỏi Trung Quốc, chỉ huy bọn phản động chớp bu Cát Hạ nổi loạn.

Năm 1959, Doures để cho Bizer trở thành chủ quản các kế hoạch hành động của Cục Tình báo Trung ương, thực tế là để cho hắn phụ trách mọi hành động bí mật toàn cầu. Trong đó có kế hoạch hành động của người Tạng ở Haier.

Ngày 22-1 và ngày 3-3 năm 1959 Doures gửi bị vong lục về vấn đề Tây Tạng cho Tổng thống Aixenhao. Đại sứ Mỹ tại Đài Loan Banke luôn luôn cho Oasinh-ton biết rõ tình hình Tây Tạng, còn các tin tức khác đều từ Cục Tình báo Trung ương cung cấp.

Quyền cục trưởng Cục Tình báo Trung ương Mỹ Kabeir và Cục trưởng phân Cục Viễn đông Peiclade thời gian này hầu như ngày nào cũng liên lạc điện thoại với Gray, họ còn bố trí một báo vụ viên vô tuyến cùng theo Đạt Lai đi “Du lịch”. Nhân viên đặc công này có thể luôn luôn làm chỉ điểm thả dù đồ dùng sinh hoạt, còn có thể nhận được liên hệ của “quân tự vệ dân tộc” gần đó,

đồng thời lại có thể cung cấp tin tức cho Cục Tình báo Trung ương hàng ngày.

Ngày 2-4-1959 tập đoàn phiến loạn Tây Tạng yêu cầu Oasinhton “Các ngài cần phải nhanh chóng giúp đỡ chúng tôi, vận chuyển vũ khí đủ cho 30000 quân sử dụng”.

Ngày 23-4, Ủy ban An ninh quốc gia của Mỹ mở hội nghị, Cục Tình báo Trung ương đã trình bày một bản báo cáo mật, một lá thư của Doures gửi Aixenhao và bức điện báo cáo về quan điểm của Đạt Lai Lạt ma. Trong thư của Cục trưởng Tình báo chủ yếu viết về quyết tâm của Đạt Lai Lạt ma muốn tiếp tục chống lại Trung Quốc. Tháng 5-1959 Chính phủ Aixenhao quyết định tiếp tục hành động, bắt đầu huấn luyện “Đội du kích” Tây Tạng ngay trên đất Mỹ.

Căn cứ của Mỹ huấn luyện “Đội du kích” Tây Tạng đặt tại doanh trại Hair thuộc Koroladuochue, căn cứ này nằm trên cao nguyên hơn 3.000 mét, không khí loãng, tương tự như vùng Tây Tạng là cơ sở lý tưởng nhất của Cục Tình báo Trung ương. Khi người Tạng được đưa tới đây huấn luyện, nhiều người vẫn không biết mình trên đất Mỹ. Họ được phân nhóm huấn luyện, kế hoạch huấn luyện khoảng 500 người, chia làm 5 nhóm. Sau khi huấn luyện lại bí mật đưa về Tây Tạng, Tây Khang.

Năm 1959 trong khi đang bí mật huấn luyện, Đạt Lai Lạt ma đã tới Liên Hợp. Lúc này Mỹ sợ mọi người chú ý tới vấn đề Mỹ nhúng tay vào Tây Tạng, do vậy nấp sau tấm màn, kiến nghị nhẹ nhàng đánh động Trung Quốc, có một “Khiến trách ôn hòa”. Do Mỹ và tập đoàn phản động đầu sỏ Tây Tạng không nhất trí, ngày 21-10-1959, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua quyết nghị, chỉ tỏ ý quan tâm tới vấn đề “Nhân quyền” ở Tây Tạng, còn về “Độc lập” và “chủ quyền” mà người Tạng yêu cầu, Đại hội đồng chỉ ghi nhận chứ chưa nêu ra.

Dùng Tây Tạng khống chế Trung Hoa gây ra hàng loạt sự kiện hỗn loạn

Quân Giải phóng nhân dân giành được thắng lợi triệt để trong cuộc dẹp loạn Tây Tạng, rõ ràng là một đòn nặng nề giáng xuống đầu bọn Mỹ và những kẻ âm mưu Tây Tạng độc lập, song chúng chưa chịu cam tâm. Sau đó Mỹ lại lấy cớ gọi là quan tâm tới “Tự do” “Nhân quyền” Tây Tạng, ủng hộ huấn luyện số ít phần tử phân liệt Tây Tạng, gây nên hỗn loạn hồng phá hoại sự nghiệp thống nhất dân tộc Trung Hoa, can thiệp vào công việc nội bộ Trung Quốc.

Ngày 21-8-1987, Đạt Lai Lạt ma được sự ủng hộ của một số nghị sĩ Quốc hội Mỹ, trong hội nghị nhóm nhân quyền do Hạ viện triệu tập, đã nêu ra vấn đề cái gọi là “Địa vị Tây Tạng” căn bản không tồn tại và nêu ra “Kế hoạch 5 điểm”, yêu cầu biến Tây Tạng thành cái gọi là “Khu vực hoà bình”, đồng thời còn dựng chuyện, yêu cầu, “Từ bỏ chính sách di dân Tây Tạng tại Trung Quốc”, “Tôn trọng nhân quyền cơ bản và tự do dân chủ của nhân dân Tây Tạng”. Một số nghị sĩ Mỹ lại không đếm xỉa tới những chuẩn mực quan hệ quốc tế, công khai ủng hộ Đạt Lai kích động hoạt động chính trị “Tây Tạng độc lập”, phá hoại thống nhất Trung Quốc. Tiếp đến quốc khánh 1-10-1987 tại Lạp Tát đột nhiên xảy ra sự kiện bạo loạn do bọn côn đồ kêu gọi “Tây Tạng độc lập”, và cướp bóc đốt phá chém giết. Ngày 6-10, Thượng viện Mỹ thông qua một đề án có sửa chữa về cái gọi là “Vấn đề Tây Tạng” do Pier nêu ra, phải trái lẫn lộn, vu cáo Trung Quốc “Xâm phạm nhân quyền” ở Tây Tạng, và ngang nhiên yêu cầu cơ quan hành chính Mỹ can thiệp vào công việc ở Tây Tạng và nội bộ của Trung Quốc. Ngày 13-12, hai viện của Mỹ đã mở hội nghị liên tịch, thông qua cái đề án gọi là “Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa xâm phạm nhân quyền, vu khống và nói xấu Chính phủ và nhân dân Trung Quốc.”

Ngày 5-3-1988 do hoạt động của chính quyền Mỹ và sự can thiệp đen tối của bọn gián điệp, một số ít phần tử phân liệt Tây Tạng nhân cơ hội nghị lễ hội nghị cầu đảo đại pháp ở Lạp Tát sắp kết thúc lại gây ra sự kiện hỗn loạn. Ngày 10-12, mấy chục Lạt ma, ni cô cũng tuần hành gây sự tại Lạp Tát, cổ động “Tây Tạng độc lập”. Ngày 10-3-1989 Đan Tăng Đức đại diện đặc biệt của Đạt Lai thông qua hội nghị báo cáo do “Hữu hội Tây Tạng ở thủ đô” nước Mỹ triệu tập, công khai kêu gọi công chúng Mỹ viết thư gửi các nghị sĩ mở rộng hoạt động du thuyết. Đồng thời với sự giúp đỡ của “Ủy ban giành tự do Tây Tạng ở Mỹ” lại tổ chức gây rối trước cổng trụ sở Liên Hợp Quốc, và biểu tình thị uy trước nơi ở của đoàn đại biểu Trung Quốc.

Lại thêm một sự kiện nghiêm trọng can thiệp nội chính của Trung Quốc

Ngày 13-9-1995 bất chấp việc Chính phủ Trung Quốc kiên quyết phản đối sự vu cáo và yêu cầu trao đổi nghiêm chỉnh, phía Mỹ lại bố trí Clinton hội kiến với Đạt Lai. Đó là một sự kiện nghiêm trọng mà Chính phủ Mỹ cố ý gây nên can thiệp vào nội chính của Trung Quốc. Trước đó tổng thống Mỹ Clinton đã từng hai lần hội kiến với Đạt Lai vào năm 1993 và 1994.

Gần một năm sau quan hệ Trung - Mỹ trong tình trạng vướng mắc. Đó là Chính phủ Mỹ chơi “Con bài Đài Loan”, cho phép Lý Đăng Huy đi thăm

Mỹ tạo ra “Hai nước Trung Quốc”, “Một Trung Quốc một Đài Loan”. Chính phủ Mỹ vốn sử dụng hành động thực tế, bỏ qua hậu quả tai hại mang lại cho quan hệ Trung - Mỹ do chuyến thăm của Lý Đăng Huy gây ra, song chẳng những không nhận thức rõ việc làm ấy, trái lại còn sử dụng “Con bài Tây Tạng”, dung túng ủng hộ Đạt Lai hoạt động chia rẽ Trung Quốc. Trong quan hệ Trung - Mỹ lại thêm rắc rối mới.

Chính phủ Mỹ trong vấn đề Tây Tạng, Đài Loan đã can thiệp vào chủ quyền lãnh thổ Trung Quốc, luôn luôn nói một đằng làm một nẻo. Chính phủ Mỹ đã nhiều lần công khai thừa nhận lãnh thổ của Trung Quốc, không thừa nhận “Tây Tạng độc lập”, không thừa nhận Tây Tạng là “Quốc gia có chủ quyền”, không thừa nhận cái gọi là “Chính phủ lưu vong” của Đạt Lai. Nhưng Chính phủ, Quốc hội Mỹ trong thâm tâm lâu dài ủng hộ Đạt Lai hoạt động chia cắt Trung Quốc. Mấy năm nay Tổng thống, Phó Tổng thống Mỹ nhiều lần hội kiến với Đạt Lai, đặc biệt là chuyến thăm Mỹ lần này của Đạt Lai, Chính phủ Mỹ chẳng những đón tiếp với nghi thức cao, mà còn để Đạt Lai được diễn đàn chính trị, nghe cổ động “Tây Tạng độc lập”. Khi gặp gỡ các nhân vật đứng đầu trong Thượng hạ viện của Đảng Cộng hoà, Đạt Lai cảm động đến rơi nước mắt trước những hoạt động nhiều năm mà Quốc hội Mỹ đã ủng hộ “Tây Tạng độc lập”.

Trước đây không lâu Quốc hội Mỹ đã tuyên bố, Tổng thống Clinton không chuẩn bị gặp mặt Đạt Lai. Nhưng Phó Tổng thống Gon khi gặp Đạt Lai tại Nhà trắng, lại để cho Clinton gọi là “Gặp mặt dễ dàng” Đạt Lai. Điều đó làm cho mọi người nghĩ lại trước đây không lâu Chính phủ Mỹ lên tiếng là không đồng ý Lý Đăng Huy thăm Mỹ, sau đó lại đột nhiên tuyên bố cho phép ông ta “Thăm Mỹ, với tư cách cá nhân”. Từ đó thấy rằng, vô luận là Clinton gặp mặt Đạt Lai, hay là Lý Đăng Huy được phép thăm Mỹ, trên thực tế đều là do Chính phủ Mỹ đã có kế hoạch chu đáo và sắp xếp sẵn từ trước. Cuộc gặp mặt được tính toán cẩn thận, được nguy biện là “Gặp mặt thuận tiện”, chẳng qua chỉ là lời lẽ ngoại giao che đậy dung túng Đạt Lai hoạt động chia cắt Trung Quốc mà thôi.

Chính phủ Mỹ biện bạch rằng, những người lãnh đạo nước Mỹ gặp Đạt Lai vì ông ta là “Lãnh tụ tôn giáo”, không phải là “Người lãnh đạo chính trị”, “Cũng không phải là nhân sĩ chính giới”. Cái đó hoàn toàn là lời lẽ lấp liếm lừa mình dối người. Như mọi người đều biết, mấy chục năm qua Đạt Lai chẳng phải hoạt động tôn giáo, mà là mưu đồ hoạt động chính trị tách Tây Tạng khỏi Trung Quốc. Trong bản tuyên bố phát biểu tại Mỹ, Đạt Lai kêu gọi

Mỹ hãy gây sức ép với Trung Quốc về “Vấn đề Tây Tạng”, yêu cầu Mỹ “Phát huy tác dụng quan trọng” để giải quyết vấn đề Tây Tạng, nói là “Giải quyết vấn đề Tây Tạng là phù với lợi ích bản thân nước Mỹ”. Trong bài phát biểu tại trường đại học Harvard, Đạt Lai thậm chí còn yêu cầu Mỹ và các nước phương Tây giúp ông ta “Giải phóng Tây Tạng khỏi bàn tay Trung Quốc”. Lời nói kể trên của Đạt Lai đâu có liên quan tới hoạt động tôn giáo? Sự thực Đạt Lai cũng như Lý Đăng Huy đều là chính khách, dựa vào thế lực bên ngoài, chiếc áo khoác tôn giáo của ông ta đã bị hành vi chính trị của chính mình lột trần. Về việc này, Chính phủ Mỹ không phải không biết.

Chính phủ Mỹ luôn miệng nói, quan hệ Trung - Mỹ rất quan trọng, hai nước “Có nhiều việc quan trọng cần phải cùng nhau làm”, mong muốn cải thiện quan hệ hai nước. Nhưng đồng thời Chính phủ Mỹ lại tìm mọi cơ hội luôn luôn tạo ra những rắc rối mới trong quan hệ Trung - Mỹ, sau khi chơi “Con bài Đài Loan” lại đánh tiếp “Con bài Tây Tạng” làm cho vết thương cũ trong quan hệ Trung - Mỹ chưa lành lại thêm tổn thương mới. Trung Quốc chưa bao giờ làm một việc gì ảnh hưởng xấu tới nước Mỹ, mà trên vấn đề mẫn cảm Đài Loan, Tây Tạng liên quan đến chủ quyền của Trung Quốc, Mỹ lại liên tiếp làm phương hại tới nhân dân Trung Quốc. Mọi người buộc phải hỏi rằng, trong vấn đề cải thiện quan hệ Trung - Mỹ, nước Mỹ thật sự có thiện chí hay không?

Về phía Trung Quốc, xưa nay luôn coi trọng cải thiện và phát triển quan hệ Trung - Mỹ, chủ trương “tăng thêm tín nhiệm, giảm bớt phiền hà, phát triển hợp tác, không gây đối kháng”. Tiếng nói của Trung Quốc đáng tin cậy. Chính phủ Mỹ nếu thật sự không có ý thực hành chính sách “ức chế” lỗi thời đối với Trung Quốc, thật lòng mong muốn cải thiện quan hệ Trung - Mỹ, thì hãy nên xem xét lại những hành động thực tế, ngừng can thiệp vào công việc nội bộ của Trung Quốc, không tạo nên những khó khăn vướng mắc mới.

Chương 19

“Bá chủ” đánh thiên trượng, giông tố ngoài tầng mây, ngăn chặn sự uy hiếp của hạt nhân, cây nấm vươn lên bầu trời La Bốt Bạc.

LỄ ĐỂ CHO THẾ GIỚI TIẾN TỚI HOÀ BÌNH.

Trung Quốc tuyên bố ngừng thử hạt nhân

Ngày 29-7-1996 sẽ trở thành một ngày không thể quên của các nhà sử học khi nghiên cứu về lịch sử hoà bình thế giới, Chính phủ Trung Quốc trình trọng tuyên bố trước thế giới:

Ngày 29-8-1996, Trung Quốc lần đầu tiên thành công thử nghiệm hạt nhân. Kể từ ngày 30-7-1994 lần đầu tiên thử nghiệm hạt nhân, suốt hơn 3 năm cố gắng, Trung Quốc đã xây dựng được một lực lượng tự vệ hạt nhân tinh nhuệ, hữu hiệu. Công dân Trung Quốc, những người làm công tác khoa học kỹ thuật, cán bộ chiến sĩ quân Giải phóng nhân dân Trung Quốc, cùng tất cả các nhân viên công tác xây dựng Quốc phòng, trong điều kiện hết sức khó khăn đã phát huy tinh thần tự lực cánh sinh phấn đấu vươn lên, không sợ hy sinh, phấn đấu gian khổ, lập nên những công tích lịch sử bất hủ để nghiên cứu chế tạo và phát triển vũ khí hạt nhân, nâng cao chí khí dân tộc Trung Hoa, tăng cường thực lực bảo vệ hoà bình của Trung Quốc. Chính phủ và nhân dân Trung Quốc gửi tới họ lời thăm hỏi ân cần và lời chào cao cả!

Chính phủ Trung Quốc kiên trì thi hành chính sách ngoại giao hoà bình độc lập tự chủ, luôn luôn chủ trương cấm toàn diện và triệt để thử tiêu vũ khí hạt nhân. Trung Quốc phát triển vũ khí hạt nhân là một quyết định bất buộc vạn bất đắc dĩ, trong điều kiện lịch sử đặc biệt. Trong thời kỳ cận đại hơn 100 năm, dân tộc Trung Hoa đã từng bị kìm hãm, bị nước ngoài xâm lược và chà đạp, chịu đựng bao tai hoạ của chiến tranh. Nước Trung Quốc mới sau khi thành lập vẫn bị chiến tranh đe dọa, kể cả sự uy hiếp của vũ khí hạt nhân. Trung Quốc muốn tồn tại và phát triển, không còn cách lựa chọn nào khác là phải nghiên cứu chế tạo và phát triển một số vũ khí hạt nhân, không để uy

hiếp người khác mà hoàn toàn vì yêu cầu phòng ngự, là để tự bảo vệ mình, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ cuộc sống hoà bình ổn định của nhân dân. Trung Quốc phát triển vũ khí hạt nhân cũng là để bảo vệ hòa bình thế giới, để dập tan sự lừa bịp và đe dọa hạt nhân, phòng ngừa chiến tranh hạt nhân, cuối cùng là huỷ bỏ vũ khí hạt nhân.

Kể từ khi Trung Quốc có vũ khí hạt nhân, đã trình trọng tuyên bố: Trung Quốc không bao giờ sử dụng trước vũ khí hạt nhân trong bất cứ thời gian nào hoàn cảnh nào. Trung Quốc còn hứa hẹn vô điều kiện không bao giờ sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân đối với những quốc gia và khu vực không có vũ khí hạt nhân. Trung Quốc là nước có vũ khí hạt nhân duy nhất trên thế giới nêu ra tôn trọng và lời hứa đó. Trung Quốc sẽ không bao giờ đưa vũ khí hạt nhân ra nước ngoài, cũng không bao giờ sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân đối với nước khác.

Trung Quốc là nước yêu chuộng hoà bình, là lực lượng quan trọng bảo vệ hoà bình và ổn định thế giới. Trung Quốc tán thành thực hiện toàn diện cấm thử vũ khí hạt nhân trong quá trình đi tới triệt phá mục tiêu quân sự hạt nhân. Trung Quốc tích cực tham gia đàm phán hiệp ước cấm thử toàn diện hạt nhân tại Gionevo, tranh thủ thông qua hiệp thương nhất trí ký kết điều ước công bằng, hợp lý, có thể kiểm tra, tham gia rộng rãi và có hiệu lực lâu dài. Trung Quốc nguyện cùng các thành viên quốc tế tiếp tục cố gắng vì sự nghiệp đó.

Trung Quốc là nước đầu tiên ký kết điều ước cấm thử hạt nhân toàn diện

Sáng ngày 24-9-1996, Trung Quốc cùng các nhà lãnh đạo 16 quốc gia đã ký Điều ước cấm thử hạt nhân toàn diện tại trụ sở Liên Hợp Quốc ở Niuôoc.

Thư ký Liên Hợp Quốc Cali trong bài phát biểu tại lễ ký kết có nói: Trước đây hai tuần Điều ước cấm thử hạt nhân toàn diện của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã được thông qua với đa số phiếu tuyệt đối sẽ thực hiện một mục tiêu lâu dài của quốc tế. Ông nói: "Hôm nay là giờ phút lịch sử mà chúng ta đã trải qua bao nỗ lực hướng tới cắt giảm quân sự và phổ biến rộng rãi hạt nhân".

Tổng thống Mỹ Clinton, Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Tiền Kỳ Tham, Ngoại trưởng Pháp Deshalette, Ngoại trưởng Nga Pulimakef và Ngoại trưởng Anh Lifu chinde thay mặt các nước Nhật Bản, Hà Lan, Đức, Đan Mạch, Italia, Canada, áo, Aisolen, Nam Phi và Chi Lê.

Thử nghiệm hạt nhân là một thủ đoạn không thể thiếu được trong khả năng phát triển hạt nhân, nó là chỗ dựa khoa học để cải tiến thiết kế, định hình

sản xuất, sử dụng phòng hộ vũ khí hạt nhân. Sau lần thử nghiệm hạt nhân đầu tiên trên thế giới năm 1945 của Mỹ, Liên Xô và nước Anh cũng đã thử nghiệm hạt nhân lần đầu của mình vào năm 1949 và 1952, Pháp năm 1960, ba nước Mỹ, Anh, Liên Xô chiếm vị thế lũng đoạn hạt nhân trên thế giới.

Tính chất phá huỷ cực đại của vũ khí hạt nhân đã làm kinh động thế giới, nhiều nước đã kêu gọi cấm thử nghiệm hạt nhân. Năm 1954 tại Hội nghị Liên Hợp Quốc lần đầu tiên ấn Độ nêu yêu cầu ký kết một Hiệp nghị quốc tế cấm thử nghiệm hạt nhân.

Trước áp lực của quốc tế, hai nước Mỹ-Xô có hạt nhân đã phải tạm ngừng thử nghiệm hạt nhân một thời gian từ 1958 đến 1961. Bắt đầu từ tháng 9-1961 họ lại thử nghiệm hạt nhân nhiều lần trên tầng khí quyển, gây nên sự bất nghiêm trọng trong dư luận quốc tế. Mỹ, Xô, Anh sau khi cơ bản đã nắm được căn cứ liệu số hiệu ứng nổ hạt nhân trên tầng khí quyển và đầy đủ kỹ thuật thử nghiệm hạt nhân dưới đất, tháng 8 năm 1963 đã ký “Hiệp ước cấm thử từng phần”. Điều ước cấm thử nghiệm bất cứ một loại vũ khí hạt nhân nào hoặc bất cứ một vụ nổ hạt nhân nào trên tầng khí quyển ngoài không gian và dưới nước. Lúc đó Mỹ tuyên bố công khai rằng, ký kết điều ước này không có nghĩa là Mỹ không sử dụng, sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và phát tán vũ khí hạt nhân.

Sau khi “Hiệp ước cấm thử từng phần” có hiệu lực, Mỹ-Xô tăng cường thử nghiệm hạt nhân dưới đất. Sau khi họ tiến hành thử nghiệm với số lượng đầy đủ, tháng 7-1974 đã ký kết “Hiệp ước quy định bắt đầu từ 31-3-1976 cấm thử tất cả các vũ khí hạt nhân ở dưới đất ở mức 150000 tấn trở lên”. Tháng 5-1976, Mỹ - Xô lại ký “Điều ước nổ hạt nhân hoà bình”, quy định lượng vụ nổ riêng lẻ không vượt quá 150000 tấn.

Thời kỳ từ 1977 đến sau những năm 80, Mỹ-Xô đối lập gay gắt với nhau về vấn đề cấm thử toàn diện. Liên Xô liên tục tạo thế tấn công cắt, giảm quân sự hạt nhân với nội dung cấm thử toàn diện để mưu cầu địa vị cân bằng hạt nhân nhằm hạn chế nước Mỹ phát triển kỹ thuật vũ khí hạt nhân. Mỹ thì kiên quyết phản đối cấm thử toàn diện. Năm 1981 và 1983 lần lượt đề ra kế hoạch tăng cường toàn diện vũ khí hạt nhân chiến lược cải tiến và “Kế hoạch phòng ngự chiến lược”. Phản đông các nước không có hạt nhân, bao gồm cả các nước không có hạt nhân phương Tây, đòi hỏi cấp thiết ký kết Điều ước cấm thử hạt nhân toàn diện. Với áp lực của quốc tế, Mỹ không thể không thay đổi chính sách “Không đàm phán” bằng đối thoại hữu hạn, Mỹ - Xô - Anh một mặt thì ký kết Điều ước cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện tiến hành đàm phán nửa vời,

mặt khác, đều tăng cường hoàn thiện các kho vũ khí hạt nhân của mình.

Những năm 90 tình hình quốc tế có nhiều thay đổi. Sau khi Liên Xô giải thể, nước Mỹ mất đi một đối thủ cạnh tranh quân bị hạt nhân; trên thế giới bắt đầu xuất hiện một số quốc gia tiến gần “Ngưỡng cửa hạt nhân”, nắm vững kỹ thuật vũ khí hạt nhân. Mỹ và một số quốc gia phát triển đã nắm được phương pháp mới về mặt kỹ thuật hạt nhân dùng thử nghiệm hạt nhân trong phòng thí nghiệm thay thế cho vụ nổ thực tế. Do đó, về kế hoạch vũ khí hạt nhân và chính sách cấm thử Mỹ đã phải điều chỉnh, tháng 7-1993 Mỹ tuyên bố tán thành sớm bắt đầu đàm phán đa phương và sớm ký kết Điều ước cấm thử hạt nhân toàn diện. Cuộc đàm phán Điều ước cấm thử toàn diện cũng được bắt đầu vào đầu năm 1994.

Đàm phán cấm thử hạt nhân toàn diện chỉ trong vấn đề không phát tán vũ khí hạt nhân và thực hiện giảm bớt quân bị hạt nhân. Hàng chục năm qua, việc đàm phán về cấm và hạn chế thử nghiệm hạt nhân cũng như một số điều ước, hiệp nghị được ký kết đều không phương hại gì tới việc thay thế, cải tiến vũ khí hạt nhân của nước lớn siêu cường; thế giới ngày nay vẫn tồn tại những kho vũ khí hạt nhân khổng lồ, siêu cường quốc hạt nhân lớn nhất thế giới không bao giờ từ bỏ chính sách đe dọa hạt nhân. Có cường quốc hạt nhân cho đến hôm nay vẫn không muốn nêu ra lời hứa không sử dụng trước vũ khí hạt nhân, còn có ý đồ thông qua cấm thử nghiệm mà duy trì ưu thế hạt nhân. Đồng thời, nước Pháp cũng chỉ sau khi tăng cường tiến hành hàng loạt thử nghiệm hạt nhân gần một năm nay mới tỏ thái độ tương đối tích cực đối với Điều ước cấm thử nghiệm hạt nhân toàn diện. Ấn Độ được coi là nước “Ngưỡng cửa của hạt nhân” đã bày tỏ, trừ phi trong điều ước ghi rõ nội dung các quốc gia có hạt nhân trong một thời hạn nhất định triệt tiêu vũ khí hạt nhân, không thì sẽ cự tuyệt ký tên vào Điều ước cấm thử toàn diện.

Ngày 24-9, Điều ước cấm thử hạt nhân toàn diện đã đưa ra rộng rãi cho tất cả các quốc gia ký kết, ngày ấy có 65 quốc gia ký kết điều ước này. Điều ước sẽ có hiệu lực ngày thứ 180 kể từ ngày trao đổi thư phê chuẩn của 44 nước thành viên Hội nghị đàm phán giảm Hải quân bị.

Lập trường nguyên tắc và chủ trương của Chính phủ Trung Quốc

Ngày 24 Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Tiền Kỳ Tham sau khi thay mặt Chính phủ Trung Quốc ký Điều ước cấm thử hạt nhân toàn diện đã ra tuyên bố, trình bày đầy đủ rõ ràng lập trường nguyên tắc và chủ trương của Chính phủ Trung Quốc về vấn đề cấm thử hạt nhân cất,

giảm quân bị hạt nhân.

Tuyên bố chỉ rõ: Trung Quốc chủ trương nhất quán cấm thử toàn diện và tiêu huỷ triệt để vũ khí hạt nhân, thực hiện không có vụ nổ thử nghiệm vũ khí hạt nhân. Trung Quốc tin tưởng sâu sắc rằng, cấm thử hạt nhân toàn diện sẽ thúc đẩy việc cắt giảm quân bị hạt nhân, ngăn ngừa phát tán hạt nhân. Vì vậy Trung Quốc ủng hộ thông qua đàm phán ký kết một điều ước công bằng hợp lý, có thể kiểm tra, tham gia rộng rãi và có hiệu lực lâu dài, nguyên tắc cực thúc đẩy tiến tới hiệp ước được phê chuẩn và có hiệu lực.

Đồng thời Chính phủ Trung Quốc còn trình trọng kêu gọi:

1. Cường quốc hạt nhân hãy từ bỏ chính sách đe dọa hạt nhân của họ. Các nước có kho vũ khí hạt nhân khổng lồ tiếp tục tiêu giảm với mức độ lớn.

2. Các nước có đặt vũ khí hạt nhân ở nước ngoài hãy chuyển toàn bộ vũ khí về nước mình. Tất cả các nước có vũ khí hạt nhân đều đảm bảo trách nhiệm không sử dụng vũ khí hạt nhân trước, bất cứ lúc nào và trong bất cứ điều kiện nào, đều hứa vô điều kiện không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ khí hạt nhân đối các quốc gia và khu vực không có hạt nhân; đồng thời sớm ký kết văn bản pháp luật quốc tế về vấn đề này.

3. Tất cả các nước có vũ khí hạt nhân đều đáp ứng ủng hộ chủ trương xây dựng khu vực không có vũ khí hạt nhân, tôn trọng vị thế khu vực không có vũ khí hạt nhân và chịu trách nhiệm tương ứng.

4. Các nước không phát triển, không bố trí hệ thống vũ khí ngoài không gian và hệ thống phòng ngự đạn đạo phá hoại an toàn và ổn định chiến lược.

5. Đàm phán ký kết Công ước quốc tế cấm thử toàn diện và tiêu huỷ triệt để vũ khí hạt nhân.

Tuyên bố chỉ rõ, Chính phủ Trung Quốc tán đồng biện pháp kiểm tra hạt nhân phù hợp với quy định của điều ước, để đồng thời kiên quyết phản đối bất kỳ quốc gia nào lạm dụng quyền kiểm tra hạt nhân, bao gồm cả việc chống lại nguyên tắc pháp luật quốc tế công nhận, sử dụng tình báo gián điệp, xâm phạm chủ quyền của Trung Quốc, làm phương hại lợi ích an toàn chính đáng của Trung Quốc.

Tuyên bố nhấn mạnh, thế giới ngày nay vẫn đang tồn tại những kho vũ khí hạt nhân khổng lồ, vẫn tồn tại chính sách đe dọa hạt nhân, lấy sử dụng vũ khí hạt nhân trước tiên làm cơ sở. Trước khi thực hiện mục tiêu triệt huỷ toàn bộ vũ khí hạt nhân, bảo đảm an toàn, đáng tin cậy và có hiệu lực vũ khí hạt nhân của mình là lợi ích quốc gia cao nhất của Trung Quốc.

Cuối cùng bản tuyên bố nhắc lại, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc

mong muốn cùng Chính phủ và nhân dân các nước tiếp tục nỗ lực phấn đấu để sớm thực hiện mục tiêu cao cả cấm thử toàn diện và triệt để tiêu huỷ vũ khí hạt nhân.

Ở đây không phải là núi thẳm rừng sâu, mà là một vùng bình nguyên mênh mông ở miền Tây Bắc Mỹ.

Đường rộng thênh thang xuyên qua đồng nội, dấp dấp như một dải bạc khảm trên tấm thảm lụa màu xanh. Khi bạn ngồi trên xe cao tốc, phóng tầm mắt tới tận chân trời, ngẫu nhiên nhìn thấy những hàng giậu thông thường vây quanh các công trình kiến trúc nhỏ thấp. Song, chính ở dưới các công trình ấy, tàng ẩn kho vũ khí hạt nhân của một quốc gia siêu cường được coi là đứng hàng đầu trên thế giới ngày nay. Trung tâm khổng lồ chế phóng đạn đạo Mainuste.

Đội quân đóng tại căn cứ đạn đạo Mainuste là liên đội đạn đạo chiến lược 91 không quân chiến lược, đó là liên đội 1 đạn đạo III dân binh. Bộ tư lệnh liên đội đặt tại thành phố Mainuste, thông qua sư đoàn 47 của căn cứ không quân Feirchairde thuộc bang Oasinhton; nhận nhiệm vụ theo bộ tư lệnh đội hàng không 15. Toàn bộ căn cứ có 150 đạn đạo III dân binh chiếm diện tích 78 km².

Liên đội đạn đạo 91 quản lý các trung đội đạn đạo 740, 741, 742 và trung đội bảo dưỡng. Trung đội đạn đạo do phòng tác chiến chỉ huy, trung đội bảo dưỡng do phòng bảo dưỡng quản lý. Mỗi trung đội đạn đạo được trang bị 50 đạn đạo III dân binh. Cứ 10 đạn đạo hợp thành một nhóm, tạo nên phổ trí biên hình 10, ở giữa là trung tâm khổng lồ chế phát xạ. Để tránh đạn đạo đối phương cùng lúc phá huỷ 10 đạn đạo này, nên giãn cách giữa các giếng không nhỏ hơn 9 km.

Giếng phát xạ là một kết cấu như cái thùng tròn, mỗi giếng chỉ phóng một đạn đạo. Trong thành giếng có ghép bản thép với độ dày nhất định, mặt ngoài đúc một lớp bê tông cốt thép dày 46 mm, nắp giếng theo kiểu hoạt động trượt khỏi động nhanh bằng máy thuốc nổ, nặng 80 tấn. Trung tâm khổng lồ chế do hai phòng khổng lồ chế, phòng thiết bị và một công trình kiến trúc dưới đất hợp thành.

Toàn bộ cơ quan biện chế liên đội đều phục vụ cho bảo dưỡng và tác chiến đạn đạo, gồm 3700 quân nhân và 450 viên chức, mỗi trung đội đạn đạo có 42 nhóm cần vụ tác chiến, mỗi nhóm cần vụ có 2 sĩ quan. Họ lần lượt trực ban trong 5 trung tâm khổng lồ chế phát xạ của trung đội mình.

Phòng khổng lồ chế của trung tâm khổng lồ chế phát xạ cách mặt đất khoảng

60m, xung quanh là từng phòng hộ dày 2m.

Sĩ quan trực ban xuất phát từ căn cứ, ngồi xe đi tới trung tâm khống chế phát xạ. Sau khi họ đi bộ vào công trình kiến trúc kiểu thấp trong hàng giậu vây thì đi vào phòng khống chế nằm dưới đất bằng thang điện. Bước xuống thang điện phải qua hàng loạt hành lang, cửa chống nổ và thiết bị đóng khoá. Đi vào cửa cuối cùng của phòng khống chế, chỉ có thể do hai sĩ quan trực ban mở ra, nhóm tiếp nhận mới được đi vào. Việc giao nhận phải theo đúng trình tự quy định và chấp hành nghiêm ngặt. Điều quan trọng trước tiên là kiểm tra văn bản trong tủ bảo hiểm xem có phù hợp với mệnh lệnh mà họ tiếp nhận không. Mỗi người đều giữ một chùm chìa khoá, không mở hết mọi khoá thì tủ bảo hiểm không thể khởi động. Sau khi nhóm trực ban đi ra, nhóm tiếp nhận phải kiểm tra toàn diện thiết bị trong phòng khống chế, nội dung có 246 hạng mục.

Phòng khống chế nằm sâu dưới mặt đất, nhưng không khí trong phòng lại đầy đủ. Đây là một gian phòng rộng khoảng 26m², trong phòng có thiết bị lọc không khí và máy điều hoà cấp tính. Từ giường nằm, tủ lạnh, và bếp ăn chẳng khác gì chỗ ở của một người độc thân. Cạnh giường có bảng điện tự động và đài khống chế. Bên phải đài khống chế là máy xử lý chữ số và máy xử lý tin tức chỉ huy. Trong phòng còn có một máy truyền điện cao tốc, máy nhận tin và điện thoại thông suốt trực tiếp với Bộ Tư lệnh không quân chiến lược. Đài khống chế của hai sĩ quan trực ban cách rất xa, cự ly tới 4 mét, một người dang hai tay ra cũng không tới, đó là để bảo đảm cho có hai người đồng thời thao tác mới có thể phóng được đạn đạo.

Trên đài khống chế có lắp đặt bảng hiển thị cỡ lớn, hiện rõ trạng thái 10 đạn đạo của tiểu đội mình, đạn đạo ở trong trạng thái chờ phóng hay là có sự cố đều thấy rõ ràng. Nếu như trong tình trạng sự cố, thì bộ phận hồng học và nguyên nhân cũng được hiện rõ. Trên đài khống chế còn lắp đặt một bảng khống chế phát xạ, thiết bị cảnh báo và hệ thống thông tin.

Nhân viên cần vụ làm việc 12 giờ tại phòng khống chế.

Nếu như 8 giờ sáng vào vị trí làm việc thì 8 giờ chiều hết ca, lên thang điện về buồng nghỉ. Nhóm thứ nhất trực hết ca, thì ở lại 36 giờ trên trận địa, trong đó có 24 giờ làm việc đúng vị trí. Sau khi họ về nghỉ một ngày tại căn cứ, thì lại bắt đầu quay lại một vòng trực ban khác. Đối với sĩ quan trực ban mà nói, khó khăn lớn nhất không phải là sợ chết mà là tĩnh lặng và vô vị. Họ nhờ có tivi, điện thoại từ gia đình để tiêu khiển thời gian, nếu không như vậy thì lao vào học tập, không thể, họ quả là khó khăn thích ứng với cuộc sống như “Chuột rũi”.

III. ĐỘNG THÁI HẠT NHÂN MỚI NHẤT CỦA NƯỚC MỸ

Ômaca một công việc cơ mật cao độ

Từ những năm 40 trở lại, các siêu cường hạt nhân đã tiến hành bao nhiêu lần thử nghiệm hạt nhân bí mật? Sau khi chiến tranh lạnh kết thúc, mục tiêu đầu đạn hạt nhân của các nước được điều chỉnh như thế nào? Tàu ngầm nguyên tử của Mỹ có tác dụng to lớn như thế nào? Trong khi nhân loại đang bước vào kỷ nguyên mới, Oasinhton đã theo đuổi chính sách hạt nhân như thế nào? Cùng với sự không ngừng đưa ra ánh sáng của những hộp đen vũ khí nguyên tử nước Mỹ, thì những điều cơ mật cũng đã được công bố với quần chúng.

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, mục tiêu của Bộ Tư lệnh chiến lược nước Mỹ đã xác định vấn đề bức thiết nhất, trước mắt các chuyên gia là hướng các đầu đạn hạt nhân nhằm vào kho hạt nhân và căn cứ quân sự của Liên Xô.

Tuy quy mô các kho hạt nhân của Mỹ, từ những năm 80 trở lại đã giảm đi hàng nghìn đầu đạn, căn cứ vào điều ước về vũ khí mà thời kỳ Tổng thống Bus đã ký thì còn phải tiếp tục giảm bớt. Nhưng, trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, thì “Nguyên tắc Tổng thống chỉ đạo” đối tượng tấn công và ứng dụng vũ khí hạt nhân từ năm 1981 đến nay vẫn chưa có gì thay đổi.

Do đó, kế hoạch và thụ lý thao tác chính thức vũ khí hạt nhân của Mỹ và căn cứ vào con số 13 “An toàn quốc gia” mà Tổng thống đã ký. Trong khi ký và phát mệnh lệnh này, Mátxcova có quân đóng ở ápganistan, Beclin vẫn còn là thành phố bị chia cắt. Nguyên tắc của mệnh lệnh này tức là một khi chiến tranh nổ ra, sẽ phá huỷ nền công nghiệp và thiết chế quân.

Nhưng thời gian gần đây, một số sĩ quan chỉ huy trung tâm Ômaca lại làm một công việc cơ mật khác: Tìm phương pháp làm chệch hướng hàng trăm mục tiêu đầu đạn trong kho vũ khí của nước Mỹ đang nhằm vào nước Nga.

Ngày 6-12-1993 Thời báo Niuoóc Mỹ đăng toàn văn bài báo với hàng tin lớn: “Nước Mỹ đang suy nghĩ đặt chệch hướng các mục tiêu tấn công bằng tên lửa nhằm vào nước Nga.” Bài báo ấy tiết lộ:

Lầu Năm Góc đã dự thảo một kế hoạch, hướng các đầu đạn tên lửa của họ ra biển không có người ở, đồng thời đang thảo luận với Nga làm thế nào để việc cam kết cùng nhau “Thủ tiêu mục tiêu” có hiệu lực. Hành động có ý nghĩa tượng trưng to lớn này có thể làm giảm nguy cơ tấn công ngoài ý muốn.

Một vị tướng Mỹ tham gia quy hoạch nói: “Nếu vì nguyên nhân nào đó, một đầu đạn hạt nhân phát nổ ngoài ý muốn, cách suy nghĩ của chúng ta là nó sẽ rơi xuống Bắc cực hoặc Bắc Đại Tây Dương. Sự lo lắng chủ yếu của chúng ta là nó có

thể đánh trúng vào những đàn cá voi ở nơi đó.”

Một giải pháp đã được vạch ra là xác định 24 mục tiêu trên đại dương.

Một quan chức Chính phủ Mỹ nói, biện pháp này khó mà kiểm tra và hạn chế hạt nhân khi nguy cơ xuất hiện, thì chỉ vài phút là có thể thay đổi hoàn toàn. Nhưng đây vẫn là một động thái rất quan trọng.

Một quan chức cao cấp Mỹ tham gia giải pháp ấy nói: “Chúng ta cố gắng xây dựng niềm tin giữa chúng ta với các nước khác. Chúng ta lo lắng vì những tên lửa hạt nhân của Pháp và Anh nhằm vào đâu. Chúng ta có thể làm như vậy là vì không cần phải có trạng thái vừa chạm đến là đã có sự phản ứng đối với người Nga.”

Quy mô thay đổi mục tiêu mà quân Mỹ thực hiện đều được bảo mật, mục đích là dọn đường cho Bin Clinton có thể tham gia cuộc gặp cấp cao tổ chức ở Mátxcova vào tháng 1 năm 1994 hoặc để tuyên bố rùm beng trong các cuộc gặp ngoại giao sau này.

Cách suy nghĩ, thay đổi mục tiêu kho vũ khí của các siêu cường là do Tổng thống Nga ensin đề xuất. Tháng 1 năm 1992 ông tuyên bố: Tên lửa vượt đại dương của Nga không nhằm vào các thành phố của nước Mỹ. Điều đó làm cho Chính phủ Bus bấy giờ và nhiều quan chức trong quân đội Mỹ vô cùng kinh ngạc.

Tuy về mặt chính trị Chính phủ Bus hoan nghênh quan điểm đó, nhưng các chuyên gia của Mátxcova và Oasinhton chưa thấy hết giá trị trên bên ngoài về lời nói của Ensin.

Anbatốp chuyên gia phụ trách quân bị của Nga nói: Tên lửa tầm xa của Nga chưa bao giờ nhằm vào các thành phố của Mỹ, mà là nhằm vào tên lửa, cơ sở quân sự và tập đoàn công nghiệp của nước Mỹ.

Albatốp nói: Dù Ensin đã có lời bảo đảm nhưng lực lượng tên lửa chiến lược của Nga vẫn chưa thay đổi mục tiêu nhằm tới.

Phương pháp suy nghĩ thay đổi mục tiêu đã có lực hấp dẫn nhất định đối với Bộ Tư lệnh chiến lược Mỹ. Bộ Tư lệnh chiến lược điều khiển tên lửa tầm xa của Mỹ, bắt đầu suy nghĩ đến quan điểm này vào mùa hạ năm 1992.

Bộ Tư lệnh chiến lược do tướng Batherler lãnh đạo. Tướng Batherler đã từng giữ chức Chủ tịch Hội nghị liên tịch Tham mưu trưởng, trợ lý cấp cao của tướng Bao Weir. Tướng Batherler chỉ định thiếu tướng Robot - Lincater phụ trách phần lớn công tác kế hoạch. Hiện nay Lincater là Trưởng phòng kế hoạch và chính sách Bộ Tư lệnh chiến lược. Trước kia ông ta là uỷ viên Uỷ ban an toàn quốc gia Chính phủ, là sĩ quan đã có hiến kế quan trọng trong vấn đề quân bị.

Mùa xuân năm 1993 tướng Lincater nói: “Sau cuộc đấu tranh tương đối lâu dài giữa hai siêu cường có vũ khí tinh xảo, chúng ta cho rằng việc xử lý mà chúng ta gánh vác hiện nay là nhiệm vụ quân sự quan trọng, tách rời khỏi thời kỳ tiếp xúc”.

Đồng thời, họ cũng đề xuất một số biện pháp như: giảm bớt số đầu đạn hạt nhân, đồng thời cất những đầu đạn ấy đi. Điều đó đã vượt quá mức độ chuẩn bị tiếp thu của đại đa số các tướng lĩnh và những giải pháp hiện nay.

Một sĩ quan cao cấp tham gia hoạch định kế hoạch nói: “Chúng tôi đã từng mong muốn được thấy mỗi phương án lựa chọn có thiết thực không, về chính trị có được hoan nghênh không, về tài chính có vấn đề gì không, cũng tức là nói, xoay chuyển tiến hành này sẽ phải trả giá quá lớn”.

Mùa xuân năm 1993 tướng Batherler kiến nghị chọn ít nhất 3 bước đi thận trọng, nếu quan hệ giữa Mỹ và Nga lại trở lại đối kháng thì có thể nhanh chóng thay đổi những bước đi ấy.

Những quan chức ấy nói: “Chúng tôi có thể nói thế này, tháng 2 năm ngoái, nếu anh muốn thực thi những bước đi ấy, thì chúng tôi có thể làm được. Tất cả công việc hoạch định kế hoạch đều do chúng tôi làm.”

Có một số quan chức cấp cao của Chính phủ Clinton nói: Chỉ có trong điều kiện nhất định họ mới đồng ý thực thi kế hoạch ấy. Những điều kiện ấy là:

Thứ nhất: Người Nga cũng phải đồng ý xác định lại mục tiêu mà các tên lửa của họ nhằm tới và giải thích sẽ làm như thế nào?

Thứ hai: Thay đổi mục tiêu phải làm dịu đi quan hệ căng thẳng về vấn đề vũ khí hạt nhân, mà một phần của hàng loạt biện pháp đã được lựa chọn. Điều đó phản ánh mọi người đã nhận thức được: Kiến nghị này, trên đại thể, chỉ mang tính tượng trưng. Các quan chức nói, mục tiêu không những làm cho tên lửa không nhằm vào nước Nga nữa, mà còn không nhằm vào các nước còn lại của Liên Xô trước kia, cuối cùng cũng không nhằm vào một số nước khác nữa.

Thừa nhận bí mật tiến hành thử vũ khí hạt nhân

Theo một bức điện ngày 07 tháng 12 năm 1993 tiết lộ: Bộ Năng lượng của Mỹ hôm nay thừa nhận, Chính phủ liên bang đã giấu giếm việc bí mật tiến hành 252 lần thử vũ khí nguyên tử từ những năm 40 trở lại đây, trong đó bao gồm một số phóng xạ được phóng ra môi trường xung quanh.

Bộ Năng lượng đã công bố hàng loạt văn kiện làm cho kế hoạch vũ khí hạt nhân bước đầu mang tính công khai. Văn kiện nói: Ở địa điểm Nevada đã

tiến hành thử nghiệm 204 lần nhưng không tiết lộ ra ngoài. Bởi vì Chính phủ sợ người Liên Xô sẽ được tin tình báo có liên quan.

Ngoài ra còn 48 lần thử nghiệm bí mật được tiến hành ở Thái Bình Dương từ năm 1945 đến năm 1990. Nó tương đương với 1/5 tổng số lần thử nghiệm.

Nhưng con số mà Bộ Năng lượng nêu ra còn lớn hơn nhiều so với mọi người tưởng. Một số năm gần đây, các quan chức tuyên bố, từ năm 1945 đến nay đã tiến hành 826 lần thử hạt nhân.

Haize Ôliri Bộ trưởng Bộ Năng lượng nói: Một số tư liệu thử nghiệm hạt nhân đó chỉ là sơ kế hoạch vũ khí hạt nhân của Bộ Năng lượng trước kia bảo mật, đã được công bố để mở đầu những văn kiện và tài liệu của hàng trăm kế hoạch.

Bộ Năng lượng chuẩn bị công bố số liệu Chính phủ còn tồn trữ bao nhiêu Pluton để sản xuất vũ khí nguyên tử, đồng thời công bố: Hơn 40 năm trước thử nghiệm bức xạ Pluton đã làm trên cơ thể con người.

Ôliri trong một lần nói chuyện với công ty phát thanh toàn quốc đã nói, tài liệu công bố lần này "Là cử động quan trọng, nhưng, đương nhiên đó chỉ là mới bắt đầu."

Ông ta nói: Bộ Năng lượng có khoảng 3200 vạn trang tài liệu bảo mật, có liên quan đến việc thử nghiệm và sản xuất vũ khí hạt nhân, khoảng tháng 6 năm 1994 Bộ Năng lượng sẽ công bố một loạt văn kiện thứ 2.

Ôliri nói, tài liệu công bố lần này, có thể nói rằng đã tìm được biện pháp giải quyết công bằng, "Dù chiến tranh lạnh đã kết thúc, cũng phải nói với họ những sự việc mà công chúng cần biết". Đồng thời không để cho những quốc gia chưa ký hiệp ước hạt nhân "Thu được những tư liệu đầy đủ để sản xuất tên lửa của họ."

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, Bộ Năng lượng phụ trách nghiên cứu và sản xuất tên lửa hạt nhân của Mỹ do sợ tiết lộ bí mật, cho nên hầu như bảo mật nghiêm ngặt tất cả kế hoạch vũ khí.

Rất nhiều năm gần đây, các nhân viên nghiên cứu gặp không ít khó khăn để nắm được tình hình ô nhiễm những tư liệu có liên quan đến sức khỏe do các nhà máy chế tạo vũ khí gây nên và số lần thử vũ khí hạt nhân bí mật và số lượng sản xuất đầu đạn.

Những tư liệu đã công bố có thể giúp cho các nhân viên nghiên cứu và các học giả đánh giá được kế hoạch thử nghiệm vũ khí hạt nhân của nước đó. Bởi vì những tư liệu ấy đã đề cập đến số lần thử nghiệm bí mật ở cơ sở thử nghiệm Nevada.

Nhân viên Chính phủ tuyên bố, từ năm 1945 đến nay đã có 826 lần thử nghiệm vũ khí hạt nhân nhưng nhân viên nghiên cứu hạt nhân cho rằng con số này phải vượt quá 940 lần, thậm chí có thể còn nhiều hơn.

Sự chia rẽ giữa Chính phủ và Quốc hội

Ngày 6 tháng 12 năm 1993 Nhật báo phổ Hoar đăng bài của nhà báo Giôn Feiaca với tiêu đề “Cuộc chạy đua quân bị mạnh mẽ ở Châu Á đã làm cho Nhà trắng và Quốc hội chia rẽ” giữa Quốc hội và Chính phủ Clinton. Chính phủ hy vọng khi tìm cách phát triển vũ khí huỷ diệt hàng loạt sẽ có thái độ tương đối linh hoạt. Các quan chức nói, nếu Tổng thống ở một nơi nào đó không bị ràng buộc, tiến hành một số giao dịch nhỏ với các quốc gia khác nhau, thì cơ hội thành công của ông ta sẽ lớn hơn nhiều.

Nhưng Quốc hội tán thành việc trừng phạt một số trường hợp ngang ngược, không cung cấp cho họ về số liệu viện trợ của Mỹ, hoặc không để cho chúng vào thị trường của Mỹ. Về vấn đề phát triển vũ khí của Hạ nghị viện và Thượng nghị viện, các chuyên gia lo lắng, để cho Tổng thống Clinton linh hoạt tăng cường xuất khẩu kỹ thuật cao, chứ không phải tìm kiếm sự ngăn chặn việc phát triển vũ khí.”

Bài báo ấy cho rằng: Một số nước Châu Á ngay lập tức đã có vũ khí huỷ diệt hàng loạt và đề cập với họ một số biện pháp của vũ khí. Xenli Xukensrji cảnh cáo: “Nếu chúng ta để cho sự việc này tiếp tục phát triển không bị hạn chế, như vậy, chúng ta sẽ mất cơ hội. Lý do là tình hình chính trị thời kỳ này quá miễn cảm, không có cách xử lý”.

Bài viết ấy đã công kích Trung Quốc và Ấn Độ là những nước dẫn đầu về chạy đua quân bị ở Châu Á. Họ nói hai nước này đều mua kỹ thuật tên lửa của Nga để xây dựng kế hoạch không quân. Kỹ thuật không gian rất khó khống chế. Bởi vì tầng trên của hỏa tiễn, vệ tinh thông tin phát nổ và các kỹ thuật có liên quan mà sự lắp đặt yêu cầu, cũng đều là mẫu chốt siêu chuẩn xác của đường đi tên lửa và rất nhiều đầu đạn tên lửa.

Bài viết ấy còn nói, các dấu hiệu gần đây cho thấy Trung Quốc đang nghiên cứu chế tạo những vũ khí ấy. Vũ khí ấy có thể đánh trúng và phá huỷ bất cứ thiết chế Quốc phòng nào mà nó biết. Do đó khiến người ta lo lắng, đặc biệt là dẫn đến sự lo lắng của mọi người ở Châu Á. Giôn Fliaca cho rằng, Ấn Độ sẽ bị áp lực lớn, người làm công tác khoa học vũ khí của Ấn Độ và Nga thường xuyên có sự tiếp xúc, Pakistan và Đài Loan là một phần thứ yếu vũ khí của họ. Cùng với sự chạy đua quân bị không ngừng tăng lên, Nhật Bản,

Hàn Quốc và Indônêxia sẽ có thể nhận thấy ngày càng khó tìm thấy thái độ bàng quan của nước ngoài. Những quốc gia này hiện nay đều có tiền và cơ sở công nghiệp, làm cho nơi đó càng trở nên nguy hiểm.

Các quan chức Chính phủ Mỹ hình như nhìn thấy một cơ hội của cách làm tương đối linh hoạt đối với Ấn Độ và Pakistan. Gần đây hai nước đó đã thông báo với Mỹ, nếu đối phương đi xa hơn một bước, họ sẽ tiến hành cuộc hội đàm ngăn chặn vũ khí mới. Một quan chức của Chính phủ Clinton nói: “ở mặt này, chúng ta có một sự mở đầu mới mẻ. Chúng ta muốn xem trong mấy tháng sau, chúng ta có thể lợi dụng tình hình này được không. Nhưng, nếu mục tiêu của pháp luật chỉ là sự hạn chế vũ khí hẹp hòi thì không thể làm như vậy”.

Thượng nghị sĩ Lali Fulâystor trong lá thư viết cho Tổng thống Clinton phàn nàn rằng: “Tôi không cho phép dưới chiêu bài viện trợ nước ngoài cải cách, đã vứt bỏ đề án sửa đổi của tôi.” Đề án sửa đổi của Fulâystor là chấm dứt viện trợ đối với Pakistan vào năm 1990. Ông ta nói, trừ phi Tổng thống tuyên bố Pakistan không chế tạo vũ khí hạt nhân nữa.

Giôn Fliaca cho rằng, phương pháp của Chính phủ và Quốc hội có thể đều có ưu điểm nhưng không có thời gian tranh luận. Pakistan và khảo nghiệm cách làm của Clinton với một kế hoạch có sức hấp dẫn. Mục đích của kế hoạch ấy là mua 66 chiếc máy bay F-16. Số máy bay ấy trị giá 1 tỷ bốn trăm nghìn đô la Mỹ. Nhưng cuối cùng do đề án sửa đổi của Fulâystor nên đã dừng lại. Lần mua bán này có lợi lớn. Nhưng, khuyết điểm là, máy bay chiến đấu F-16 có thể sẽ trở thành công cụ vận chuyển vũ khí hạt nhân của Pakistan. Bán linh kiện vũ khí hoá học, vũ khí sinh vật, vũ khí hạt nhân và những công cụ để vận chuyển những vũ khí đó, không phải chỉ cơ hội làm ăn, nó còn có thể tiêu diệt hàng trăm sinh mạng.

Bài viết ấy cuối cùng nói: Điều mà nước Mỹ cần thiết bây giờ là cơ chế chính trị - đề án sửa đổi của Rigan, đồng thời thúc giục đồng minh cũ, mới có cách làm và quyết tâm giống nhau.

Mục tiêu khống chế quân bị

Cần phải ngăn chặn phát triển vũ khí hạt nhân, tên lửa và vũ khí thông thường cùng với việc phát triển kỹ thuật nghiên cứu chế tạo những vũ khí nói trên. Để thực hiện mục tiêu trên, đầu tiên đòi hỏi phải có sự tham gia toàn cầu, đồng thời tích cực phát triển ngoại giao lấy thực lực của nước Mỹ làm hậu thuẫn và do nước Mỹ lãnh đạo. Ngoài ra là người ủng hộ mục tiêu đó, Mỹ đã chuẩn bị viện trợ thích đáng cho các nước hữu quan.

Đó là điểm cốt lõi trong bài nói chuyện về điều khiển mục tiêu quân bị nước Mỹ, trong Hội nghị Ngoại giao của hạ nghị viện ngày 10/11/1993 của Chilien Đavít Phó Chủ tịch phụ trách các vấn đề an toàn quốc gia của Mỹ. Đavít cho rằng, ngăn chặn phát triển hạt nhân là trọng điểm khống chế quân bị thế giới sau chiến tranh lạnh. Sự uy hiếp an toàn nghiêm trọng nhất mà nước Mỹ phải đối mặt là sự phát triển vũ khí hạt nhân huỷ diệt hàng loạt, sự phát triển tên lửa và vũ khí thông thường cùng với việc phát triển kỹ thuật và nghiên cứu chế tạo những vũ khí cần thiết. Do đó, Chính phủ Clinton rất coi trọng đến vấn đề ngăn chặn mở rộng.

Nhà đương cục Mỹ cho rằng, mở rộng vũ khí hạt nhân, hiển nhiên họ đã đối mặt với một sự nguy hiểm khắc nghiệt nhất. Chính phủ Clinton đang làm hết sức để ngăn chặn phát triển hạt nhân trên phạm vi toàn thế giới. Những hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân là cơ sở để thực hiện mục tiêu đó. Mục tiêu quan trọng đầu tiên của nước Mỹ là hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân mà các nước trên thế giới đều tham gia. Họ đang thúc giục các nước đã ký hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân cùng nỗ lực với họ để yêu cầu trong năm 1995 kéo dài Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân vô điều kiện và vô thời hạn.

Nhà đương cục Mỹ nói rằng họ đang cố gắng bảo đảm cơ cấu nguyên tử quốc tế có sự giúp đỡ của quốc tế, họ còn có trách nhiệm nặng nề về khả năng chấp hành thực thi bảo vệ. Sự việc xảy ra ở Irắc làm một bài học quan trọng.

Họ phải đối mặt với sự uy hiếp của một số quốc gia quay lưng lại với nghĩa vụ được quy định trong hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân. Chính phủ Clinton đã nêu ra hai kiến nghị quan trọng để ủng hộ toàn diện chiến lược cấm phổ biến vũ khí hạt nhân: Một là hiệp ước cấm thử toàn diện; Hai là cấm sản xuất loại vật chất có khả năng phân rã để dùng cho vũ khí hạt nhân.

Nhà đương cục Mỹ tuyên truyền, dù người Trung Quốc đã tiến hành thử vũ khí hạt nhân, họ vẫn cố gắng thực hiện mục tiêu cấm phổ biến vũ khí hạt nhân, đồng thời không ngừng nỗ lực để đạt được Hiệp ước cấm thử toàn diện. Dù 4 siêu cường hạt nhân khác đã tạm ngừng sản xuất vũ khí hạt nhân, Trung Quốc vẫn quyết định tiến hành thử nghiệm. Họ công khai nói rằng phải cố gắng để đạt được hiệp ước cấm thử toàn diện trước năm 1996. Nước Mỹ và rất nhiều nước khác đang khuyến người Trung Quốc không nên thử nghiệm.

Đavít nói, thông qua nhiều diễn đàn, như tập đoàn ôstralyia, nước Mỹ đang tăng cường xuất khẩu sự khống chế để ngăn chặn mở rộng sản xuất vũ khí hoá học và sinh học, đã có sự tiến triển. Họ đang cố gắng triển khai công

việc tranh thủ giành được sự tuân thủ rộng rãi đối với các Hiệp ước vũ khí hoá học và vũ khí sinh học. Nước Mỹ đang làm công việc chuẩn bị ở Lahay, để làm cho công ước về vũ khí hoá học sớm có công hiệu vào năm 1995. Như Tổng thống Clinton đã nói ở Liên Hợp Quốc: Nước Mỹ kêu gọi tất cả các nước trong đó có nước Mỹ nhanh chóng phê chuẩn công ước về vũ khí hoá học. Để tăng cường hiệp ước vũ khí sinh học, Chính phủ Clinton đang sửa đổi cách làm của Chính phủ nhiệm kỳ trước, thi hành một số biện pháp mới, từ đó tăng thêm niềm tin tuân thủ hiệp ước.

Trong cuộc chiến tranh vùng vịnh, Irắc sử dụng tên lửa “Con sóc” đã làm cho thế giới cảm thấy sâu sắc sự nguy hiểm của việc mở rộng tên lửa đạn đạo. Davít nói, thử nghĩ xem, nếu tên lửa “Con sóc” mang theo vũ khí có tính huỷ diệt hàng loạt, như vậy sẽ có hậu quả thế nào? Tên lửa của nhiều bên và chế độ không chế kỹ thuật vẫn sẽ là công cụ chủ yếu của chính sách ngăn chặn phát triển tên lửa của nước Mỹ. Tên lửa nhiều bên và chế độ không chế kỹ thuật đã có tác dụng. Họ muốn mở rộng phương châm chỉ đạo của tên lửa nhiều bên và chế độ không chế kỹ thuật trở thành quy luật ngăn chặn phát triển tên lửa mang tính toàn cầu, để bạn bè của họ cùng nỗ lực, thúc đẩy các nước chưa gia nhập chế độ đó, dù là người mua hay người bán kỹ thuật tên lửa đều phải có trách nhiệm về hành vi của mình.

Davít nói, nhà đương cục Mỹ bắt đầu điều chỉnh không chế xuất khẩu vũ khí ra thế giới sau chiến tranh lạnh, cùng với việc tiến hành nghiên cứu toàn diện những người bạn trong Ủy ban trù tính thống nhất mậu dịch Đông Tây. Ủy ban trù tính thống nhất mậu dịch Đông Tây nên dần dần từng bước thủ tiêu hiệp ước Nga và Vacsava và nên hợp tác với Nga cùng các quốc gia mới độc lập khác trong một thể thống nhất mới. Quan hệ hợp tác này sẽ lấy việc tuân thủ không chế xuất khẩu và tiêu chuẩn rõ ràng về nguyên tắc. Mỹ và các nước đồng minh đang thảo luận làm thế nào để xây dựng tốt nhất quan hệ hợp tác với Nga và các nước mới độc lập khác, để tăng cường hạn chế xuất khẩu vũ khí. Kiến nghị gồm:

- Phương án nhiều bên, nếu không có sự giúp đỡ của người bán thương phẩm mẫn cảm, thì nhà đương cục Mỹ không thể hoàn toàn thành công. Nhưng, nếu người bán lợi dụng nước Mỹ hạn chế xuất khẩu để buôn bán, thì không thể công bằng đối với việc Mỹ xuất khẩu thương phẩm. Dù sao, nước Mỹ vẫn phải đơn phương hành động. Mục tiêu phương án của họ là gộp Nga, Trung Quốc và các nước mới thành lập khác vào một hệ thống các quốc gia có tiến hành buôn bán loại đó.

- Đối với Trung Đông, Nam á và nguy hiểm mới của những nơi nguy hiểm lớn khác, đặc biệt là i Ran, i Rắc, Libia và Triều Tiên cần chú ý.

- Mở ra các ngành như máy tính. Về mặt này, nước Mỹ đang hành động, như ngày 29 tháng 9 đưa ra kiến nghị bãi bỏ việc hạn chế xuất khẩu máy tính và vi tính sang phần lớn các quốc gia khác.

- Thông qua đào tạo và hoạt động khác, cải thiện cơ chế xuất khẩu với các nước mới độc lập.

- Tuần thủ 2 hạng mục có liên quan và xuất khẩu vũ khí đã trở thành trình tự và chính sách nhất quán.

- Các nước đồng minh nói chung tán thành kiến nghị của Mỹ. Nhưng, kiến nghị này trước khi được Ủy ban trừ tính thống nhất mậu dịch Đông Tây tiếp thu và công nhận, vẫn còn rất nhiều công việc phải làm và đàm phán. Công việc này sẽ kéo dài đến đầu năm 1994. Chính phủ Mỹ vẫn sẽ liên tục thông báo với Quốc hội về tình hình cố gắng đó.

Davít cho rằng, trong hoàn cảnh an toàn quốc tế mới, nước Mỹ cần phải thực hiện mục tiêu ngăn chặn sự mở rộng của họ, tức là phải có sự suy nghĩ toàn diện bằng tư duy mới, cần phải có công cụ thực hiện mục tiêu của họ. Tính phức tạp của nhiệm vụ phòng trừ mở rộng mà họ giải thích là: Nó không chỉ đơn giản dừng lại ở kỹ thuật, vũ khí và lưu thông phần cứng, mà đề cập đến một vấn đề khó khăn phức tạp đan xen về buôn bán và an toàn, kinh tế, việc làm; còn đề cập đến quyền lợi cơ bản của quốc gia: chủ quyền quốc gia.

Ngăn chặn mở rộng vũ khí hạt nhân cần phải có sự tham gia toàn cầu. Chính phủ Mỹ cho rằng, họ có cơ cấu và hiệp nghị quốc tế sẵn có, họ sẽ tiếp tục mở rộng, không chỉ yêu cầu toàn cầu tham gia, mà chiến lược khu vực phải thích ứng với những vấn đề cụ thể mà các nước quan tâm. Ví dụ, để thúc đẩy các nước Ucraina, Cadăxtan và Nga tiêu huỷ vũ khí hạt nhân, trở thành nước thành viên không có vũ khí hạt nhân thì nước Mỹ chuẩn bị phải bảo vệ sự an toàn cho họ. Đồng thời trong tiến trình lịch sử đã tạo ra khả năng mới để ngăn chặn quân bị ở Trung Đông. Mỹ đang vận dụng việc khống chế quân bị và công việc an toàn khu vực để tổ chức, thúc đẩy biện pháp tăng cường niềm tin, một khi thực hiện giải quyết toàn diện, thì biện pháp ấy sẽ là cơ sở của kế hoạch to lớn.

Chính phủ Clinton nói: Sự thành công của cấm phổ biến vũ khí hạt nhân phải do Mỹ lãnh đạo về mặt thúc đẩy việc cấm phổ biến, đặc biệt có lợi cho quan hệ giữa Mỹ và các nước khác. Nước Mỹ mong được sự hợp tác trên mục tiêu cấm phổ biến vũ khí hạt nhân, làm một phần hữu quan liên minh an

toàn của họ. Ngăn chặn sự mở rộng hạt nhân là trung tâm của quan hệ hợp tác chiến lược mới họ lập ra với các nước mới độc lập. Mỹ sẽ hợp tác không gian với Nga, Trung Quốc và Ấn Độ tuân thủ việc liên hệ cùng nhau khống chế tên lửa và kỹ thuật của nó.

Đa-vít nói cho rằng cấm phổ biến vũ khí hạt nhân phù hợp với lợi ích an toàn của các quốc gia trên thế giới.

Là người ủng hộ mục tiêu cấm phổ biến vũ khí hạt nhân, nước Mỹ chuẩn bị viện trợ thích đáng cho các nước khác, để có thể giảm nhẹ phần lớn sự đe dọa lợi ích an toàn của nước Mỹ bởi buôn lậu hoặc sách lược sai lầm về khu vực. Những viện trợ ấy là cái giá nhỏ bé để ngăn chặn nguy hiểm to lớn, nhỏ hơn nhiều so với chi phí cho việc mở rộng bổ sung sức mạnh và hệ thống phòng ngự quân sự. Mỹ cho rằng mình phải đứng đầu, nhưng họ cũng nhận thức được rằng họ không thể gánh nổi trách nhiệm toàn bộ cấm phổ biến vũ khí hạt nhân. Để thành công, họ cần có sự giúp đỡ của người khác, trước hết là khống chế sự mua bán vũ khí nguy hiểm và kỹ thuật có thể xảy ra trên thế giới. Những người bạn đồng minh hiện có của Mỹ rất quan trọng trong việc tạo ra động cơ giảm bớt sự mở rộng làm ổn định khu vực. Mỹ vẫn phải xây dựng đồng minh mới để đón nhận sự khiêu chiến của việc mở rộng ấy.

Kho vũ khí hạt nhân của Mỹ tiêu tốn tiền của lớn nhất

Đầu năm 1996, báo chí thế giới đều tiết lộ một tin rùng rợn, đó là trong thời gian đại chiến thứ 2 các nước đồng minh đã chuẩn bị một kho vũ khí hoá học và sinh học, dự định tiêu diệt tất cả sinh mệnh động thực vật của Đức và Nhật.

Những tin này là tài liệu trong văn kiện bí mật được bảo vệ nghiêm mật 50 năm trong hồ sơ tuyệt mật của Anh. Những tài liệu bí mật này gần đây mới được công bố.

Có lẽ, năm mươi năm qua, có người trong khi thanh lý văn kiện bí mật của một số siêu cường ngày nay, cũng sẽ có sự phát hiện giống như cha mẹ ông bà họ. Họ cũng thấy được rằng trái đất họ đang sinh sống suýt nữa bị huỷ diệt.

Mọi người đều biết, trong kho vũ khí của các cường quốc đã có đủ vũ khí, có thể hai lần huỷ diệt trái đất tươi đẹp của chúng ta, căn bản không cần có vũ khí “siêu bí mật” nào nữa. Những vũ khí hiện có ngày nay đã đủ lắm rồi.

Theo tài liệu thống kê của các chuyên gia, trước mắt thế giới có khoảng hơn 3600 quả bom nguyên tử, sức công phá gấp 65000 lần quả bom nguyên tử Mỹ ném xuống Hirôshima Nhật năm 1945. Quả bom nguyên tử mà đến nay vẫn là hiểm hoạ đối với sinh mệnh của nhân dân Nhật Bản.

Mặc dù Quốc hội Mỹ đã phê chuẩn Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược hạt nhân, Mỹ vẫn có hơn 9000 vũ khí tên lửa. Vũ khí ấy đủ để huỷ diệt mấy lần trái đất. Sau Hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược hạt nhân, thế giới vẫn còn hơn 2 vạn vũ khí tên lửa. Sức công phá của nó mạnh gấp 40 vạn lần quả bom nguyên tử Mỹ ném bom xuống Hirôshima.

Đó là chưa kể đến vũ khí hoá học, sinh học và những vũ khí khác, được xếp trong kho vũ khí bí mật của một số nước.

Bộ Quốc phòng Mỹ tiết lộ, trong kho vũ khí hoá học của họ có 360 vạn kiện vũ khí hoá học, trong đó bao gồm 330 vạn đầu đạn có thành phần hoá học đơn nhất và 315.683 kiện vũ khí có thành phần hóa hợp nhị nguyên.

Đương nhiên, đây không phải là một tin quan trọng đối với nhân dân lao khổ. Như Chủ tịch Phiden Catstorô nói: nguyên tử chính là nghèo khổ, bởi vì nghèo khổ đang đe dọa cuộc sống của họ. Mỗi ngày nước Mỹ chỉ cho vũ khí nguyên tử là 8000 vạn đô la Mỹ. Trong khoản thời gian từ năm 1940-1945, nước Mỹ chỉ cho vũ khí hạt nhân là 400 tỷ đô la. Thế mà năm 1945 chỉ 27 tỷ đô la để giải quyết vấn đề nghèo khổ của thế giới thứ 3 thì đã kết thúc sự nghèo đói của hàng triệu con người.

Công tác tình báo tuyệt vời

Mỹ đánh giá là Liên Xô trong thời gian ngắn chưa thể tạo được bom nguyên tử, lý do chính là như thế này: Mỹ đã tập trung khống chế được Uranium trong phạm vi thế giới. Vì họ đã đánh giá sai như vậy nên những nhà chính trị Mỹ luôn luôn coi thường Liên Xô, vấn đề trước tiên mà họ suy nghĩ là: Trái bom nguyên tử đầu tiên của Liên Xô là “Ăn cắp” được! Thế là một cao trào chính trị quét sạch gián điệp Liên Xô trên nước Mỹ được triển khai. Nhưng kết quả thanh tra cho thấy, uranium tồn kho của Mỹ giảm đi có 4 gam. Mặc dù vậy, để xoa dịu dư luận công chúng, Chính phủ Mỹ vẫn khoác lác về tác dụng của gián điệp nguyên tử trong việc Liên Xô chế tạo vũ khí hạt nhân.

Giờ đây, trang sử gian nan khó nói ấy đã lật qua mặc dầu những người ra sức hạ thấp thành tựu của Liên Xô hồi đó cũng không thể không thừa nhận: Các nhà khoa học Liên Xô thực sự dựa vào trí tuệ của mình để phá thế lũng đoạn hạt nhân của Mỹ. Nhưng mọi người không vì vậy mà quên đi ngành tình báo Liên Xô đã thu được thành quả tuyệt vời về mặt này.

Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ 2, cơ quan tình báo Liên Xô đã lần lượt mua được những chuyên gia vật lý hạt nhân và các nhân viên liên quan tiếp xúc với bom nguyên tử của Anh, Mỹ và Canada.

Nhà vật lý người Đức quốc tịch Anh Ai.K. Ch.Fox từ năm 1942 đến năm 1949 trong thời gian nghiên cứu phương pháp phân lý thể khí chất đồng vị U tại Anh và Mỹ, đã cung cấp cho tình báo Liên Xô những bí mật về bom nguyên tử, về kết quả tính toán thu được theo nguyên lý của phương pháp khuếch tán thể khí và những tin tức tình báo về chất lượng đồng vị U sản xuất bằng phương pháp này có thể chế tạo được bom nguyên tử.

Fox đã từng nhận lời mời của Aubenheisi làm công tác nghiên cứu tại Losialamosi. Vì hồi đó thiếu người, Fox lại tham gia vào kế hoạch nguyên tử của Anh, cho nên mời ông ta tham gia công việc là lẽ đương nhiên. Nhưng sau này sự việc ấy đã trở thành một tội lớn của Aubenheisi. Điều kỳ lạ là, bản thân Aubenheisi luôn luôn bị thẩm tra bảo vệ nghiêm ngặt, còn gián điệp thật sự dễ dàng lừa dối lọt qua.

Cuối tháng 6- 1944, Fox cung cấp cho Liên Xô tin tức tình báo kế hoạch thực tế về bom U. Năm sau lại trao cho ngành tình báo Liên Xô một cuốn nhật ký quan trọng, trong đó ghi chép đầy đủ tỉ mỉ về bom Plutoni (Pu), kể cả tình hình về thiết kế, phương pháp và chế tạo Plutoni trong kho nguyên tử Hanfude ở Oasinhton. Ngày 2-6-1945, Fox đã cung cấp cho Liên Xô một bản báo cáo về những tiến bộ to lớn thu được trong công tác tại Losialamosi ở Mỹ, và trao đổi với tình báo Liên Xô về cuộc thử nghiệm nổ bom nguyên tử sẽ tiến hành vào tháng sau. Ngày 16-9 lại cung cấp cho Liên Xô tin tức tình báo về quy cách, hàm lượng vật chất và chế tạo bom như thế nào, làm sao sẽ dẫn đến gây nổ. Fox còn cho cơ quan tình báo Liên Xô biết, để gây nổ Pu phải lắp đặt mười mấy thấu kính nội phá. Còn người lính Mỹ Đaoai Glinglais (Em một người phụ nữ Lucxambua), thì cung cấp cho nhân viên tình báo Liên Xô tám bản đồ về thấu kính nội phá lấy trộm được từ Losialamosi.

Những tình hình ấy, Fox đã công nhận sau khi bị bắt tại Anh. Vì ông ta trong chiến tranh đã cung cấp tin tức tình báo cho nước đồng minh, bị xét xử nhẹ tù 14 năm, thực tế chỉ giam có 7 năm.

Còn có một nhà vật lý tên là Brunơ Pentaikrwo đã có một thời gian mất tích kỳ lạ. Năm 1943 ông tham gia nhóm nghiên cứu “Anh- Canada” Mentori, làm việc một thời gian dài tại kho nước nặng Chicokrigei. Tháng 2-1949 làm Chủ tịch quản lý công tác khoa học ở Hawaii. Về sau người ta mới phát hiện ra, Brunơ đã chạy sang Liên Xô. Ông ta được bố trí công tác tại phòng nghiên cứu vật lý hạt nhân thuộc Viện khoa học Liên Xô, Đúpna cách Matxcova 130 km. Vì ông “Góp phần cống hiến to lớn về vật lý học”, nên đã được bầu làm viện sĩ viện khoa học Liên Xô.

Bom nguyên tử của tử Liên Xô hoàn toàn không phải là “lấy cấp” song công tác tình báo xuất sắc ấy quả thật chưa từng thấy.

Đứng trước sự lừa bịp về hạt nhân

Ngày 16-7-1945, “Ba bộ não” nổi tiếng một thời, gặp nhau tại Potsdam.

Chiều 16, Bộ trưởng Lục quân Mỹ Stinsen tại Béclin mừng rỡ chuyển tới Tổng thống Toruman một bức điện.

Bức điện ấy là của tướng Gorufus đánh đi từ Oasinhton nội dung báo tin trái bom nguyên tử đầu tiên đã thử nghiệm thành công tại bang Ximoxigơ.

Ngày 21-7 Stinsen khi nhận được báo cáo tỷ mỉ về cuộc thử bom, phấn khởi đến nỗi đọc không ra lời. Toruman nghe xong sắc mặt rạng rỡ hẳn lên.

Ngày 24-7 hội đàm “3 đầu não” vừa kết thúc, Toruman cố ý bệ vệ đi tới trước mặt Stalin: “Thưa đại Nguyên soái, tôi muốn báo tin với ngài”, ông ta dương dương tự đắc nói: “Nước Mỹ chúng tôi chế tạo được một loại vũ khí mới”. Toruman ngừng lại một chút, với ánh mắt giảo hoạt theo dõi phản ứng của Stalin. Nào ngờ con người cương nghị không chút động tĩnh, chỉ thấy ánh mắt của ông lướt qua Toruman rồi hướng tới phương xa. “Loại vũ khí này”, Toruman cho rằng Stalin chưa hiểu được ý mình nên dần giọng chậm rãi nói thêm, “Nó có sức phá hoại khác thường khó mà tưởng tượng nổi.” Cho rằng câu nói ấy đủ để Stalin run sợ, liền dừng lại ở đây, chỉ có cặp kính cận thị dán nhìn vào khuôn mặt Stalin, hy vọng thấy được sự kinh sợ không dấu diếm nổi. Nhưng Stalin lại rất lạnh nhạt buông ra một câu: “Xin cứ sử dụng nó đối phó với kẻ thù!”

Có thể coi đây là hành vi lừa bịp lần đầu tiên về vũ khí hạt nhân. Toruman muốn dùng bom nguyên tử đe dọa Stalin, buộc phải nhượng bộ; nhưng Stalin không hề lay chuyển. Song hậu quả mà Toruman không mong muốn đó là kích động Stalin quyết tâm đuổi kịp nước Mỹ. Về điểm này, Stinsen đâu có thể nghĩ tới. Sau khi Toruman khoác lác và đe dọa Stalin, phải nói thẳng thắn rằng mặc dù bom nguyên tử của Mỹ đã làm thay đổi thực lực của người Nga trên đại lục châu Âu, nhưng phải khẳng định rằng Liên Xô sẽ ra sức phát triển bom nguyên tử của họ. Do vậy, đi với người Nga cần phải thận trọng, phải tránh mọi hành vi quá mức, nếu không thì người Nga sẽ vì kích thích mà cố gắng vươn lên đuổi kịp nước Mỹ.

Song mọi hối hận đều đã muộn, Stalin thực sự bị kích động quá mạnh. Sau khi ông bình tĩnh lại, trái tim ông vẫn như dồn dập sóng cồn. Nhưng ông là một vĩ nhân biết tự kiểm chế và che dấu được, đã dễ dàng lừa được đôi mắt của

Toruman. Sau khi ra khỏi phòng họp, Stalin như trở thành một con người khác, ông vội vàng nhắc người lái xe khẩn trương nổ máy lên xe, đến nỗi quên cả chiếc tẩu thuốc mà thường ngày không phút nào ông rời bỏ nó. Trong đầu óc ông luôn tràn trề suy nghĩ một vấn đề: Phải nhanh chóng vạch kế hoạch chế bom nguyên tử, phải khẩn trương hơn! Bất luận như thế nào trong vòng 4 - 5 năm phải có trong tay. Đây là cuộc thách thức đối với vị thế một cường quốc. Trong chiến tranh việc này chưa được quan tâm, thật sự là sai lầm lớn, sau chiến tranh phải dốc vốn đầu tư, để có được trái bom nguyên tử!

Chiếc xe con vừa dừng bánh, ông vội bước vào phòng nghỉ trong nhà khách, gọi thư ký quay điện thoại để ông gặp người phụ trách công trình chế bom nguyên tử Kurchiatốp.

Gặp được Kurochiatốp, Stalin cầm ống nghe, nói giọng thân thiết: “Xin chào. Tôi là Stalin. Cần dùng mọi biện pháp khẩn trương tiến hành công việc của chúng ta. Tình hình đòi hỏi chúng ta như vậy. Ông có hiểu ý tôi không? Tìm mọi biện pháp! Ông hãy nghiên cứu xem chúng ta cần những gì, sau đó cho tôi được biết yêu cầu Chính phủ và Trung ương Đảng giúp đỡ ông như thế nào...”

“Chóp điện” loé lên từ một vùng băng giá

Hội nghị Potsdam vừa kết thúc, Stalin liên triệu tập hội nghị những người lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các nhà khoa học hạt nhân tại nơi nghỉ mát ở Lý Hải miền nam Liên Xô, nghiên cứu khả năng có thể nhanh chóng trong một thời gian ngắn phá tan thế lũng đoạn hạt nhân của Mỹ. Stalin hiểu rất rõ về quả bom nguyên tử của Mỹ ném xuống Hiroshima, nó dự báo trước chính sách ngoại giao của Mỹ sẽ ra đời coi Liên Xô là đối thủ. Vì vậy Stalin muốn chế định một kế hoạch đối phó về bom nguyên tử thật nhanh chóng bằng bất cứ giá nào.

Cuối năm 1945, Stalin đặt tên cho hạng mục công trình hạt nhân của Liên Xô là “Barôkinốp”- chiến trường xưa, xảy ra cuộc chiến tranh giữa Napolêông với người Nga năm 1812, và chỉ định Bộ trưởng Nội vụ, Ủy viên hội đồng an ninh quốc gia Bêria phụ trách toàn diện kế hoạch này, Bộ trưởng Ngoại giao Molôtốp phụ trách công tác chính trị, Malencốp phụ trách công tác nhân sự, Kurchianốp vẫn phụ trách nhóm các nhà khoa học. Để đạt được mục đích chế tạo bom nguyên tử trong thời gian ngắn bằng bất cứ giá nào, Stalin thực hiện lời hứa của mình- đáp ứng mọi yêu cầu cần thiết cho Kurochiatốp.

Chế độ tập quyền cao độ của Trung ương lúc này phát huy tác dụng

chưa từng có, động viên mọi lực lượng các cơ sở nghiên cứu, trường đại học, xí nghiệp khai khoáng đều tham gia “Công trình. Chẳng bao lâu, phản ứng dây chuyền đã thành công.

Để tăng nhanh tiến độ công trình Liên Xô đã dùng 2 biện pháp lớn: Một là, bắt đầu từ tháng 4-1946 tăng cường gấp 3 lần số cán bộ nghiên cứu trước đây, đồng thời cho họ được hưởng chế độ đãi ngộ đặc biệt như, tiền thưởng bảo mật, được cấp xe con và biệt thự; hai là, bắt đầu xây dựng một mạng lưới hệ thống thực nghiệm hạt nhân tại vùng Trung á, để tập trung lực lượng tiến hành, mặc dù lúc này Liên Xô sau chiến tranh gặp muôn vàn khó khăn xây dựng lại đất nước, nhưng mạng hệ thống “Khu V” vẫn từng bước được hình thành, được bảo đảm là công trình trọng điểm. Trong đó xây dựng một phòng thực nghiệm mới tại Ôbonin, tập trung những cốt cán nghiên cứu nguyên tử, còn phần lớn các nhà khoa học bị bắt từ Đức về thì được tập trung về phòng thực hiện thực nghiệm tổng hợp tại Matxcova làm công việc nghiên cứu. Còn Kurochiatốp làm nhiệm vụ tổng chỉ huy ở đại bản doanh Matxcova

Tháng 12-1946 Kurochiatốp đã thu được phản ứng không chế dây chuyền trong là phản ứng hạt nhân, rõ ràng Liên Xô đã có thể chế tạo được bom nguyên tử.

Để thu được lượng lớn nhiên liệu uranium, Liên Xô tăng cường mở rộng khai thác trong nước. Đến năm 1947 Liên Xô lại xây dựng hơn 30 giếng khai khoáng tổng hợp cỡ lớn. Đồng thời bắt tay vào xây dựng 3 lò phản ứng hạt nhân, để tạo nguyên tố đồng vị uranium thành Polutonium chế tạo ra bom nguyên tử.

Mùa xuân 1948, Liên Xô bắt đầu xây dựng căn cứ bí mật gần núi uran. Nhân dân cả vùng này đều cho sơ tán đi hết, dành cho những nhân viên, cán bộ trung thành đáng tin cậy và gia đình họ ở đó, đồng thời chọn 70.000 người trong 13 trại lao động cải tạo tập trung làm “Công nhân lao động rẻ mạt”. Diện tích thi công chiếm 2700 km², bao gồm cả 8 đầm hồ thông suốt liên hoàn. Những người xây dựng đã tát cạn nước ở một hồ trong số đó, rồi đào sâu xuống dưới đáy khoảng 30 - 40 mét, dùng xi măng nhựa cao su và chì xây dựng thành công trình hiểm cố, sau đó lại vẫn chứa nước vào. Đây thật sự là một nhà máy hạt nhân ngầm dưới nước. Mùa hè năm ấy, các nhà khoa học Liên Xô đã nắm được kỹ thuật phân lý Polutonium, và sau một năm họ đã có đủ lượng Polutonium để chế tạo một quả bom nguyên tử.

Theo kế hoạch của Liên Xô, tháng 6- 1949 tiến hành thử bom nguyên tử có chứa Polutonium. Quả thứ nhất được gọi là quả “Bí ngô”. Công tác tổ chức

thử nghiệm tuyệt đối bí mật, chọn một địa điểm ở vùng Cadăcxtan, với biệt hiệu là “Chớp điện đầu tiên”.

4 giờ sáng ngày 29-8-1949, trên vùng “Băng giá” nước Nga- nơi đội quân xâm lược của Napôlêông và Hít le đại bại, đã vụt lên tia “Chớp điện” làm rung trời chuyển đất- quả bom nguyên tử đầu tiên của Liên Xô đã thử nghiệm thành công. Tia “Chớp điện” ấy xuyên qua lớp lớp từng mây trên bầu trời Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, sang tận phương Tây, giáng một đòn trí mạng cho những kẻ mơ mộng lũng đoạn độc quyền vũ khí hạt nhân trên thế giới. Sau đó, cuộc cạnh tranh phát triển vũ khí hạt nhân, sức mạnh hạt nhân giữa 2 siêu cường Xô-Mỹ đi vào thời kỳ quyết liệt chưa từng thấy.

Chương 20

Chính quyền Hồng Kông cầu viện Oasinhton, “Bá chủ thế giới” tiếng chuông đơn độc. Đường về đây mưa gió, Chính phủ Trung Quốc đã có dự tính trước.

I. MỞ RA BỨC MÀN ĐÀM PHÁN

Bà Thatcher thăm Trung Quốc

Ngày 22-9-1982. Bầu trời mùa thu ở Bắc Kinh trong xanh, yên tĩnh.

Lá cờ có chữ “MỀ” lần đầu tiên cùng với lá cờ đỏ 5 sao vàng tung bay trên nhà khách Chính phủ Điều Ngự Đài.

1 giờ 20 chiều, chiếc chuyên cơ của không quân Hoàng Gia Anh từ từ hạ xuống sân bay Bắc Kinh. Bà Thatcher Thủ tướng Anh bước xuống thang máy bay. Ra sân bay đón đoàn có Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Trương Văn Tấn và phu nhân, Vụ trưởng vụ Tây Âu, Vương Bản Tộ, Tổng đốc Hồng Kông Long Đức, “Vua tàu thủy” Bao Ngọc Cương v.v...

Bà Magorets Thatcher sinh ngày 13-10-1925 tại quận Ingleen.

Năm 1951 bà kết hôn với ông Daniks-Thatcher. Năm 1943 bà vào học khoa hoá trường đại học oxford, đã giành các học vị cử nhân khoa vật lý, thạc sĩ khoa văn. Trong những năm học đại học bà gia nhập Đảng Bảo thủ và làm Chủ tịch hiệp hội Đảng Bảo thủ trường đại học oxford. Từ năm 1947-1951 bà làm công tác nghiên cứu hoá học ở công ty hàng không. Năm 1953 bà đỗ luật sư. Từ năm 1959 trở đi bà là đại biểu nghị viện Đảng Bảo thủ. Từ 1961 đến 1964 bà giữ việc phụ trách chính trị Bộ Bảo hiểm quốc dân. Năm 1964 sau khi Đảng Bảo thủ thất bại, bà lần lượt là người phát ngôn về vấn đề nhà cửa, ruộng đất, tài chính, nhân lực và giáo dục của Đảng Bảo thủ. Từ năm 1970 đến năm 1974 bà là người phát ngôn về tài chính trong nội các hậu trường của Đảng Bảo thủ. Năm 1975 bà được bầu làm lãnh tụ của Đảng Bảo thủ, trở thành một lãnh tụ nữ đầu tiên trong lịch sử chính đảng nước Anh. Năm 1979 bà giữ chức Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trong những ngày bà Thatcher thăm Trung Quốc, báo chí phương tây đều đăng tin: “Đúng vào dịp kỷ niệm 2.533 năm ngày sinh của Khổng Tử -

nhà tư tưởng vĩ đại thời cổ đại Trung Quốc - người chủ trương “Dĩ hoà vi quý”; bà (chỉ bà Thátchơ) đã đến Trung Quốc, một đất nước có 5 nghìn năm lịch sử dưới sự thắp bùng của ông Đanis cùng các quan chức trong Chính phủ hoàng gia và 16 nhà báo.

Mục đích chuyến thăm này của bà Thátchơ là để tăng cường quan hệ Trung-Anh, mở rộng buôn bán giữa hai nước. Ngoài ra còn một việc lớn mà cả thế giới đều biết. Đó là: Tiến hành hội đàm với những nhà lãnh đạo Trung Quốc về vấn đề Hồng Kông.

Thời cơ giải quyết vấn đề Hồng Kông đã chín muồi

Từ những năm 70, theo sự phát triển thay đổi của tình hình trong và ngoài nước, thời cơ để Trung Quốc giải quyết vấn đề Hồng Kông đã chín muồi.

Ở trong nước, sau Hội nghị toàn thể Trung ương 3 khoá 11 Đảng Cộng sản Trung Quốc, do hoàn thành nhiệm vụ lịch sử dẹp loạn, công việc cải cách mở cửa ở các lĩnh vực đều không ngừng thay đổi sâu sắc; Tình hình chính trị toàn quốc ổn định, kinh tế phát triển. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, hiện đại hoá đã tiến vào một giai đoạn lịch sử mới..

Về quốc tế, kết cấu chiến tranh lạnh được hình thành sau đại chiến thế giới thứ 2 đã bắt đầu tan rã. Mâu thuẫn giữa các quốc gia không cùng chế độ đi vào hoà dịu. Hoà bình và phát triển đã trở thành trào lưu của thế giới. Qua nhiều năm cố gắng, địa vị quốc tế Trung Quốc được nâng cao chưa từng thấy, đã thiết lập quan hệ Ngoại giao với 130 nước trên thế giới.

Căn cứ vào các mặt thay đổi của tình hình, ngày 16 tháng 01 năm 1980, ông Đặng Tiểu Bình đại diện Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc nêu lên 3 nhiệm vụ lớn trong thập niên 80. Đó là gấp rút xây dựng hiện đại hoá xã hội chủ nghĩa, giữ gìn hoà bình thế giới, thực hiện thống nhất Tổ quốc. Trong đó một nhiệm vụ tối quan trọng để thực hiện thống nhất Tổ quốc là khôi phục chủ quyền đối với Hồng Kông và áo Môn.

Nói về Hồng Kông, đến ngày 30-6-1997, Hiệp ước thuê “Tô Giới” hết hạn, nước Anh sẽ chấm dứt quản lý “Tô Giới” Hồng Kông. Chính phủ Anh không có lý do gì không thực hiện qui định thuê “Tô Giới”, Chính phủ Anh cũng rất hiểu rằng “Tô Giới” chiếm 92% tổng diện tích Hồng Kông. đã trở thành một bộ phận không thể tách rời của Hồng Kông. Đảo Hồng Kông và đoạn phía nam của đảo Cửu Long mà cách rời “Tô Giới” thì căn bản không thể tồn tại. Lập trường của Chính phủ Trung Quốc trước sau như một. Trung Quốc không thừa nhận một hiệp ước bất bình đẳng của chủ nghĩa đế quốc đề

lên đầu nhân dân Trung Quốc. Như vậy Trung Quốc phải thu về không chỉ là “Tô Giới” mà phải bao gồm toàn bộ khu vực Hồng Kông, trong đó có đảo Hương Cảng và đảo Cửu Long.

Phía Anh ném đá hỏi đường, phía Trung Quốc vưng vàng chủ động

Đối với nước Anh, Hồng Kông có lợi ích về kinh tế và chính trị vô cùng to lớn, là một “con gà biết đẻ trứng vàng”, là “viên ngọc trên vương miện” của nữ hoàng. Về kinh tế, trong ngân hàng nước Anh ở Hồng Kông, có số lượng lớn vàng và ngoại hối dự trữ, trở thành sức mạnh quan trọng của đồng bảng Anh. Hàng năm, nước Anh thu về những con số khổng lồ bằng sự buôn bán vô hình (như tiền tệ, cổ phiếu, vận tải đường thủy, bảo hiểm và thu nhập của công nhân viên v.v...) đủ để bù vào khoản nhập siêu về mậu dịch mà có dư.

Về chính trị, Hồng Kông có giá trị chiến lược đặc biệt đối với nước Anh. Có thể tăng cường mối liên hệ giữa các nước trong Liên hiệp Anh như   tr  lylia, Niudilon và quần đảo Thái Bình Dương. Vì thế, nước Anh muốn kéo dài   ch thống trị thực dân đối với Hồng Kông.

Năm “97”    đến gần,   nh h  ng của n   đối với Hồng Kông ngày c  ng r   r  ng, trở thành căn bệnh đau tim của nước Anh. Trước hết là những nhà đầu tư trong và ngoài Hồng Kông không còn hứng thú đối với những hợp đồng       ký với Hồng Kông. Bởi vì Chính phủ Anh ở Hồng Kông không c   quyền ký những hợp đồng vượt qua năm 1997. Những nhà đầu tư vào lĩnh vực nhà đất ngày c  ng   t. Chính phủ Anh cảm thấy cần phải giải quyết nhanh chóng vấn đề Hiệp ước “T   Giới” Hồng Kông, nếu không sẽ không thể lấy lại niềm tin của các nhà đầu tư. Vì thế, từ năm 1979, nước Anh    nêu lên phương   n quyết tâm của mình, đồng thời liên tục cử người đến Trung Quốc thăm dò đường đi nước bước, muốn m   ra con bài trong vấn đề Hồng Kông của Chính phủ Trung Quốc .

Đầu năm 1979, Ngoại trưởng Anh nêu lên cái gọi là “Phương   n bằng văn châu   u”. Nội dung chủ yếu là trước năm 1997, nước Anh sẽ nhượng lại chủ quyền danh nghĩa toàn bộ khu vực Hồng Kông. Trên danh nghĩa Hồng Kông trở thành lãnh thổ của Trung Quốc. Nhưng Trung Quốc phải ký với Anh một điều ước mới, c   hiệu lực về luật pháp quốc tế, làm cho nước Anh c   thể kéo dài quyền quản lý đối với Hồng Kông. Phương   n   y không nghi ngờ g  , vừa muốn Trung Quốc thừa nhận cắt nhượng đảo Hương Cảng và Nam Cửu Long cho nước Anh, vừa đồng ý cho nước Anh kéo dài thuê “T   Giới”; thực chất là “Lấy chủ quyền đổi trị quyền”, làm cho nước Anh được

phép tiếp tục tiến hành ách thống trị thực dân đối với Hồng Kông.

Tháng 3 năm 1979, Tổng đốc Hồng Kông Mailphơ thăm Bắc Kinh, đi theo còn có cố vấn chính trị Tổng đốc Ngụy Đức Ngụy (sau này giữ chức Tổng đốc Hồng Kông thứ 27, đổi tên thành Dịch Tín).

Ngày 29, Đặng Tiểu Bình tiếp Mailphơ. Căn cứ vào chỉ thị của Bộ Ngoại giao Anh Mailphơ, đề xuất với Đặng Tiểu Bình, mong Chính phủ Trung Quốc đồng ý hợp đồng thuê đất “Tô Giới” vượt qua ngày 30-6-1997; đồng thời đổi quy định thời hạn Hiệp ước thuê đất (27/6/1997) thành “có hiệu lực trong thời gian vương quốc Anh quản lý ở khu vực đó”, hòng đạt mục đích là làm cho người ta hiểu không rõ ràng về “thời hạn 97”. Đặng Tiểu Bình nói với Mailphơ: Việc kéo dài niên hạn hợp đồng thuê đất, dù bằng bất cứ ngôn từ gì, cũng đều phải tránh đề cập đến vấn đề “quản lý của Anh quốc”. Từ đó mà cự tuyệt yêu cầu của phía Anh. Đặng Tiểu Bình đề xuất: Hồng Kông là một bộ phận của lãnh thổ Trung Quốc, nhưng “Chúng tôi coi Hồng Kông là một khu vực đặc biệt, một vấn đề đặc biệt để xử lý. Đến năm 1997 vấn đề Hồng Kông dù có giải quyết thế nào, thì địa vị đặc biệt của nó cũng đều được bảo đảm. Đó là trong thời gian tương đối dài ở thế kỷ này và đầu thế kỷ sau, Hồng Kông có thể làm theo chế độ tư bản chủ nghĩa, chúng tôi làm theo xã hội chủ nghĩa của chúng tôi. Vì thế, mong các nhà đầu tư của các nước hãy yên tâm.”

Từ ngày 10 đến 12 tháng 5 năm 1980, Thủ tướng Anh Karahan thăm Trung Quốc. Sau khi gặp các nhà lãnh đạo Trung Quốc, ông ta đã họp báo, nhắc đến việc thảo luận về vấn đề Hồng Kông. Nhưng ông ta thấy Trung Quốc không hề nóng nùng về vấn đề đó, không coi vấn đề Hồng Kông là một vấn đề bức thiết hoặc xếp vào việc được ưu tiên xử lý. Các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã từng nhấn mạnh với ông rằng, các nhà đầu tư có thể yên tâm đầu tư vào Hồng Kông. Vấn đề Hồng Kông sau này dù có giải quyết bằng phương thức nào thì cũng đều không thể làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư. Ông cho rằng vài ba năm sau sẽ là thời cơ giải quyết vấn đề Hồng Kông và tin tưởng rằng sẽ đạt được một hiệp nghị.

Ngày 3 tháng 4 năm 1981 Kalinton một quan chức của Bộ Ngoại giao Anh thăm Trung Quốc, hội kiến thảo luận với Đặng Tiểu Bình về vấn đề Hồng Kông. Sau cuộc gặp, Kalinton đã tổ chức họp báo nói: Đặng Tiểu Bình “một lần nữa nhấn mạnh với tôi rằng các nhà đầu tư Hồng Kông có thể yên tâm. Ngữ điệu nhấn mạnh của ông ấy có trọng lượng hơn khi nhấn mạnh với Tổng đốc Hồng Kông hai năm trước đây”. Kalinton nói: “Điều quan trọng

nữa là tôi tin tưởng Chính phủ hai nước sẽ tiến hành những cuộc tiếp xúc”.

Sau khi Đặng Tiểu Bình hội đàm với Kalinton thì ngân hàng khổng lồ Hội Phong tập trung vốn để chuẩn bị mua lại ngân hàng “Lão Gia”. Điều đó khiến cho những người mẫn cảm phiền muộn.

Khi đó, Mailphơ Tổng đốc Hồng Kông trong cuộc gặp với Kalinton một quan chức Bộ Ngoại giao Anh quốc đã báo cáo khẩn cấp: Luật quốc tịch mới của nước Anh đã khiến cho Hồng Kông dấy lên những làn sóng khủng hoảng. Là người tin cẩn trong nội các của bà Thatcher, Kalinton báo cáo ngay với Thủ tướng: Nước Anh cần phải nhanh chóng giải quyết vấn đề Hiệp ước “Tô Giới”, như thế mới có thể lấy lại lòng tin của các nhà đầu tư. Khi bà Thatcher xuất hiện trên quần đảo Manvinát với tư thế anh hùng được dân chúng hoan hô, thì có nhiều người Anh lại tập trung nhìn về Hồng Kông.

Giải quyết vấn đề Hồng Kông đã ở ngay trước mắt rồi! Nhưng phía Bắc Kinh vẫn chưa có động tĩnh gì.

Đối thủ tranh cử của bà Thatcher, ông Karahan đã từng gặp ông Đặng Tiểu Bình. Ông thấy đối phương không hề sốt ruột đối với vấn đề Hồng Kông. Ông Đặng nói: “Trong nước chúng tôi còn phải đối phó với nhiều vấn đề quan trọng hơn điều đó”.

Đoàn đại biểu Quốc hội Anh thăm Trung Quốc. Phó Thủ tướng Đào Y Lâm, Ủy viên trưởng Bành Xung Phúc tiếp đón ông, chậm rãi nói trong khi phía Anh đang nóng lòng đề nghị rằng: “Hồng Kông là vấn đề lịch sử để lại, hiện nay chưa cấp thiết, phải có thời gian thích hợp, giải quyết bằng phương thức thích hợp.”

Vậy thì, lúc nào mới là lúc thích hợp?

Đặc phái viên của Thủ tướng Anh đến Trung Quốc thăm dò

Nhằm mò ra ý đồ của các nhà lãnh đạo Trung Quốc, ngày 6-4-1982, bà Thatcher cử đến Trung Quốc một đặc phái viên.

Hôm đó, gió cát bay mù mịt cả thành phố Bắc Kinh. Cũng là lúc một chiếc máy bay màu én bạc nhẹ nhàng đáp xuống sân bay Thủ đô. Cửa máy bay vừa mở, một người Anh mặc bộ âu phục hiện ra với thân hình cường tráng khỏe mạnh, đôi mắt xanh trong và mái đầu chải mượt; dáng vẻ ấy chỉ có được của lớp người vào tuổi trung niên.

Ông chính là Cheotruixien đặc phái viên của bà Thatcher.

Lúc đầu ông đề bạt bà Thatcher, nhưng chính ông lại là người bị đánh bại. Đó là những giờ phút nhục nhã nhất trong đời ông.

Nhưng, giờ đây ông lại đến Bắc Kinh với trọng trách do bà Thủ tướng Thatcher giao cho.

Ông Cheotruixien sinh năm 1916, ông có tinh thần chắc chắn thận trọng của một người thợ thủ công ưu tú, đôi lúc tỏ ra lạnh lùng. Bố ông lúc đầu là thợ mộc, sau này trở thành nhà thầu xây dựng số một nước Anh.

Trong Ngoại giao Xien tỏ ra quá cẩn thận và nhút nhát, không hề có bản lĩnh khéo léo gần gũi như các chính trị gia khác. Cá tính ấy của ông lại làm cho ông luôn có thái độ thoải mái trong bất cứ trường hợp nào.

Cũng chính vì cá tính ấy của ông, nên Thủ tướng Thatcher mới mời ông xuất ngoại, làm người thăm dò phá vỡ bế tắc Trung-Anh. Để phối hợp với cuộc viếng thăm của Xien, tờ “Báo bưu điện” của Anh đưa tin: “Mong muốn của Chính phủ Anh hiện nay là một sự sắp xếp an toàn làm cho Trung Quốc kéo dài thời hạn cho thuê đất 50 năm chẳng hạn (tuy nhiên chúng ta không được dùng từ thuê đất). Điều kiện trao đổi là chúng ta thừa nhận Trung Quốc có chủ quyền đối với toàn bộ Hồng Kông không chỉ là Tô Giới. Hồng Kông trong con mắt chúng ta, sẽ trở thành một thành phố cảng tự do và trung tâm thương mại, do Chính phủ Anh quốc quản lý, nhưng chủ quyền lại thuộc về Trung Quốc. Chủ trương ấy trên thực tế là phiên bản của “Phương án văn âu”....đã đem chủ trương “Lấy chủ quyền đổi lấy trị quyền” để thăm dò các nhà lãnh đạo Trung Quốc.

Ông ta không thể không nghĩ tới những khó khăn to lớn khi làm việc đó. Người mà ông ta phải đối ra mặt là nhân vật hàng đầu của nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa - Đặng Tiểu Bình. Ông ta không khỏi lo lắng khi đối mặt với con người gang thép “ba chìm bảy nổi này.”

Tại Trung Nam Hải Thủ tướng Trung Quốc và Chủ tịch Đặng Tiểu Bình đã hội kiến với Xien. Thủ tướng Trung Quốc giới thiệu với quý khách nước Anh những thành tựu trong 5 năm cải cách mở cửa của Trung Quốc. Trung Quốc lúc này đang dần dần thoát khỏi nghèo đói, đã xuất hiện xu hướng của một nền kinh tế nhảy vọt, nhất là tình hình phấn khởi nức lòng người của 4 đặc khu kinh tế Thâm Quyến, Chu Hải, Sơn Đầu, Hạ Môn.

Xien ca ngợi những thành tựu mà Trung Quốc đã giành được trong cải cách mở cửa, rồi nêu lên vấn đề tương đối nhạy cảm- tương lai của Hồng Kông.

Xien nói: “Năm 1997 đã gần đến, 5 triệu dân Hồng Kông đang lo lắng không yên về tương lai sau này của Hồng Kông, các nhà đầu tư cũng vô cùng khủng hoảng. Vì sự phồn vinh và ổn định của Hồng Kông, chúng tôi cần phải công khai bày tỏ thái độ, tiến hành đàm phán để đạt một hiệp định mới.

Đặng Tiểu Bình nói: “Cho dù sau này địa vị chính trị của Hồng Kông thế nào, thì hiện trạng nền kinh tế của Hồng Kông vẫn giữ nguyên không có gì thay đổi, các nhà đầu tư có thể yên tâm.”

Xien nghe câu nói ý tại ngôn ngoại của Đặng Tiểu Bình: Hồng Kông phải trở về Trung Quốc, nhưng chế độ kinh tế vẫn có thể giữ nguyên hiện trạng, có nghĩa là chế độ Tư bản của Hồng Kông có thể không thay đổi.

“Thưa ngài Đặng, lời bảo đảm của ngài khiến tôi yên tâm. Nhưng người Hồng Kông mong muốn có một cái gì đó cụ thể, như hiệp nghị...”

Xien mềm mỏng khéo léo bày tỏ hết ý đồ của phía Anh.

Đặng Tiểu Bình nói dứt khoát: “Nếu có thể chúng tôi đồng ý có những cuộc tiếp xúc chính thức với Chính phủ, thông qua đàm phán để giải quyết vấn đề này.”

Xien hỏi: “Phải chăng ngài cảm thấy đàm phán bây giờ là vội vã?”

Đặng Tiểu Bình nói: “Không! Chúng tôi đã có kinh nghiệm làm ở đặc khu kinh tế; Chúng tôi đã có quan hệ quốc tế ngày càng tốt đẹp. Bây giờ là lúc cần phải suy nghĩ để giải quyết vấn đề Hồng Kông rồi”

Tổng đốc Hồng Kông vội vã trở về Anh

Xưa nay, luôn có một bức bình phong làm cản trở đàm phán về vấn đề Hồng Kông. Cuộc viếng thăm của Xien đã lật bỏ bức bình phong ấy.

Cuộc viếng thăm Trung Quốc của Thủ tướng Thatcher vào hạ tuần tháng 9 đã làm cho Tổng đốc Hồng Kông mới bổ nhiệm Lontơ thêm bận rộn.

Lontơ sinh năm 1924 đã từng làm việc trong Bộ Ngoại giao Anh quốc, đã 4 lần làm nhân viên Đại sứ quán Anh quốc tại Trung Quốc. Từ năm 1974 đảm nhiệm chức Đại sứ quán Anh tại nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, thông hiểu tiếng Trung Quốc, là người “thông thạo Trung Quốc” chính hiệu.

Ngày 20-5, ông ta vừa nhận chức Tổng đốc Hồng Kông lần thứ 26 thì gặp phải sự kiện lớn hiếm thấy trong vòng một trăm năm?

Chiếc ghế Tổng đốc Hồng Kông ngồi chưa nóng chỗ, thậm chí chưa kịp đi thăm Hồng Kông một vòng để nắm bắt toàn cảnh khu vực sẽ quản lý một chút, thì lại vội vàng đáp máy bay trở về Luânđôn. Vào ngày 2 tháng 7, ngày 28 gặp Thủ tướng Thatcher.

Bà Thatcher tiếp Tổng đốc Hồng Kông vừa lật đặt trở về tại dinh Thủ tướng, số 10 phố Tannin, hỏi thăm tình hình Hồng Kông.

Lontơ trình lên hai bản báo cáo của chính quyền Hồng Kông, điều tra ý dân đối với vấn đề tương lai: “Nhìn từ ý dân, họ có một chút lo sợ về tương lai, đặc biệt là giới buôn bán. Họ đầu tư vào đó sẽ được bảo đảm, nhưng

tương lai Hồng Kông một ngày chưa được sáng sủa, thì các thương gia vẫn chưa yên tâm đầu tư.”

“Đúng, đó là tất nhiên. Có ai muốn ném tiền xuống biển?”, Bà Thatcher nói.

“Vì vậy việc đi Bắc Kinh lần này của Thủ tướng vô cùng quan trọng”. Lontơ chia sẻ sự lo lắng. “Ông có ý kiến gì về vấn đề này?”, Bà Thatcher hỏi. “Tôi thấy, các nhà lãnh đạo Trung Quốc không thể không có thái độ về tương lai Hồng Kông, có thể là kiên trì nguyên tắc giữ vững chủ quyền lãnh thổ Trung Quốc”.

“Tôi nghĩ Đặng Tiểu Bình sẽ không vượt qua. Việc này rất khó làm”, Bà Thatcher thừa nhận. “ý kiến của bà thế nào? Bà đã chuẩn bị đàm phán với Đặng Tiểu Bình chưa?”.

Bà Thatcher im lặng một lát rồi nói: “Không còn cách nào để giữ chủ quyền Hồng Kông, nhưng có thể dùng chủ quyền đổi lấy trị quyền, do Chính phủ ta quản lý.”

Lontơ bổ sung: “Tốt nhất nên có sự sắp xếp, để làm cho Chính phủ Trung Quốc kéo dài thời hạn thuê đất Tô Giỏi.”

Bà Thatcher đứng dậy, quả quyết nói: “Được chúng ta sẽ lấy đó làm mục tiêu để đàm phán với Đặng Tiểu Bình”.

Lontơ cáo từ Thủ tướng, rồi lại vội vàng đáp máy bay trở về Hồng Kông. Nhưng chưa được nửa tháng, ngày 9 tháng 8 ông ta lại vội vàng đến Bắc Kinh, thăm Quảng Châu, Thâm Quyến, gặp hội đàm với Bí thư tỉnh uỷ Quảng Đông Nhiệm Trung Di, Phó Chủ tịch Quảng Đông Tăng Hữu Thạch, Phó Chủ tịch tỉnh kiêm Bí thư thành phố Thâm Quyến Lương Tương v.v... Hiển nhiên đây là một lần ngoại giao bí mật có liên quan đến giải quyết tương lai Hồng Kông.

Ngày nay Trung Quốc không phải là thời kỳ của thập niên 45. Nước Anh ngày nay không thể coi Trung Quốc như áchentina, uy hiếp bằng súng gươm được nữa.

Hai đội quân đối mặt nhau, thì kẻ yếu sẽ phải lo sợ.

Tháng 9, Lontơ lại trở về Luânđôn. Cùng đi với ông còn có 5 người của Cục hành chính và Cục lập pháp. Sau khi hội kiến với họ, bà Thatcher bày tỏ thái độ: Khi hội đàm với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, bà sẽ phản ánh đầy đủ nguyện vọng và lợi ích của 5 triệu dân Hồng Kông.

Giới bình luận Hồng Kông đã bình luận: “Đã từ lâu, Chính phủ Hồng Kông đều nhấn mạnh rằng, người Anh sẽ tiếp tục ở lại Hồng Kông, có sự trợ giúp thu nhập ngoại hối và phát triển kinh tế của Trung Quốc, đến khi bà Thatcher trước lúc

thăm Trung Quốc tiếp các quan chức ở Hồng Kông trở về, càng tỏ vẻ thêm ý nguyên và luận điệu của người Hồng Kông thực ra là giới chức.”

Xien Tổng đốc Hồng Kông vừa mới nhận chức được mấy tháng đã hai lần trở về nước Anh gặp Thủ tướng, rồi lại đến Quảng Châu, Thâm Quyến, bận đến nỗi trở tay không kịp.

Cuộc đàm phán Trung - Anh

4 giờ chiều ngày 22, Thủ tướng Trung Quốc và Thủ tướng Anh gặp nhau trong sự vây quanh của đoàn người đi theo.

Đội thiếu niên tiên phong tặng bà Thatcher và ngài Daniks những bó hoa tươi thắm, “Người đàn bà thép” nổi tiếng trên chính trường chính trị thế giới, đã đi vào sử sách, vì một Thủ tướng đương nhiệm nước Anh lần đầu đến thăm nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Đoàn quân nhạc cử quốc ca hai nước.

Bà Thatcher đi duyệt đội danh dự hải, lục, không quân dưới sự hướng dẫn của Thủ tướng Trung Quốc.

Các cháu thiếu niên Thủ đô đánh trống vẫy hoa chào đón các vị tân khách nước Anh đến thăm. Bà Thatcher tươi cười đáp lại.

Các nhà báo trong và ngoài nước bấm máy lia lịa ghi lại những giây phút lịch sử này. Đi sau Thủ tướng Trung Quốc là Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Trung Quốc Hoàng Hoa và phu nhân, Thứ trưởng Chương Văn Tấn, Đại sứ Trung Quốc tại Anh Hà Hoa và phu nhân.

Cùng đi với bà Thatcher ngoài ngài Daniks Thatcher phu quân của bà Thatcher, còn có huân tước Lontơ Tổng đốc Hồng Kông, Thư ký Thủ tướng Batơơ, Thứ trưởng Bộ thương mại Guankơlây và các quan chức nước Anh.

Daniks Thatcher là một nhân vật đặc biệt. Ông tháp tùng bà Thatcher, song công việc bận rộn nhiều so với Thủ tướng phu nhân. Điều đó chứng tỏ ông không muốn an nhàn nơi nhung lụa, mà vì ông muốn giúp bà. Bà Thatcher cũng luôn coi trọng ông. Trong hội nghị của nội các, tất cả tuyên bố của bà, bà đều trung cầu ý kiến của ông Daniks.

Năm 1982 là năm bà Thatcher bốn ba vất vả. Nhưng đi miền viễn đông lần này là lần duy nhất bà cảm thấy mệt mỏi trong 4 năm chấp chính của bà. Trong lúc này, đối với bà, Daniks không thể thiếu được. Ông cần phải giúp đỡ bà về mặt tâm lý.

Bà Thatcher ở phòng số 12 Điều Ngự Đài. Phòng số 13 có phòng ngủ của Tổng thống và phu nhân, đều ở tầng 2. Mỗi phòng rộng 50 mét. Bà

Thátsơ không giống như những phụ nữ khác; Bà thích ở trong căn phòng mang phong cách của nam giới. Bà để cho tuý tùng của bà ở trong phòng nghỉ mang đậm màu sắc nữ giới. Bà không thích màu sắc nhạt, nhẹ nhàng nữ giới. Bà thích ở trong căn phòng có chạm khắc 116 hình thù khác nhau trên chiếc long sàng nặng 1,2 tấn. Long sàng này được phục chế phỏng theo long sàng hoàng cung đời Đường.

Bà không hổ thẹn với danh hiệu là người “đàn bà thép”. Vừa kết thúc chuyến thăm Nhật Bản 6 ngày, bà lại với tinh thần tràn đầy đến đàm phán với Thủ tướng Trung Quốc.

Vị lãnh đạo nước Anh ngồi đối diện với Thủ tướng Trung Quốc bên chiếc bàn dài phủ vải màu xanh lục.

Ai cũng đều biết mục tiêu lần đi này của người “đàn bà thép”. Họ mong chờ hai nước Trung-Anh sẽ tiến hành hội đàm hữu nghị về vấn đề Hồng Kông. Nhưng, người “đàn bà thép” lúc này lại tránh nói đến điều đó, mà trước hết giới thiệu với Thủ tướng Trung Quốc về tình hình đường ống dẫn khí thiên nhiên của Liên Xô và lập trường của Anh phản đối Mỹ.

Người “Đàn bà thép” tỏ vẻ “Thẹn thùng” “Ôm đàn che nửa mặt”. Vì vậy Thủ tướng Trung Quốc không tiện đi thẳng vào vấn đề. Thế là, ông giới thiệu với bà Thátsơ về quan hệ Trung - Mỹ và Trung-Xô, đồng thời nhấn mạnh Trung Quốc ủng hộ chính sách ngoại giao độc lập tự chủ. Ông nói: “Chúng tôi phản đối chủ nghĩa bá quyền, ủng hộ hoà bình thế giới. Chúng tôi luôn luôn chủ trương phát triển quan hệ với tất cả các quốc gia trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hoà bình. Chúng tôi không dựa vào bất cứ một nước lớn nào. Chúng tôi không dùng chiêu bài Liên Xô để đối phó với nước Mỹ, không dùng chiêu bài của Mỹ để đối phó với Liên Xô và cũng không cho phép bất cứ nước nào dùng chiêu bài Trung Quốc.

Bà Thátsơ ca ngợi chính sách Ngoại giao của Trung Quốc. Bà nói: “Người ta không quên vấn đề Ápganistan, Liên Xô can thiệp vào Ápganistan, đó là một sai lầm.

Hội nghị kéo dài 2 tiếng. Trên phương diện lớn hai vị lãnh đạo đều được hội nghị nhất trí.

Sau hội nghị hai bên đều tuyên bố: “Chúng tôi cho rằng đây là một sự mở đầu tốt đẹp.”

Buổi tối hôm đó, trong lễ đường lớn rực rỡ ánh đèn, Thủ tướng Trung Quốc mở tiệc chiêu đãi chào mừng Thủ tướng Magarét Thátsơ.

Theo tập quán của Trung Quốc, trong bữa tiệc có rượu Mao Đài - một

loại rượu nổi tiếng của Trung Quốc.

Thủ tướng Trung Quốc đã lên án chủ nghĩa bá quyền Mỹ cùng hàng loạt cảnh chết chóc đổ máu của nhân dân Palestin bất hạnh.

Ông cho rằng, cuộc viếng thăm lần này của bà Thatcher là một sự kiện trọng đại trong quan hệ hai nước, là một mốc quan trọng trong sự phát triển của quan hệ hai nước.

Ông tin tưởng, với sự nỗ lực chung của cả hai bên, chuyến thăm này sẽ thu được kết quả to lớn. Nền kinh tế, vũ khí hạt nhân và sự hợp tác khác sẽ được tăng cường thêm một bước.

“Đương nhiên trong quan hệ hai bên chúng ta vẫn còn một vấn đề do lịch sử để lại cần có sự bàn bạc giải quyết. Nhưng, hai bên chúng ta phải có cách nhìn với quan điểm chiến lược lâu dài để phát triển quan hệ Trung - Anh, xử lý vấn đề giữa hai nước chúng ta phải dựa trên cơ sở 5 nguyên tắc chung sống hoà bình. Tôi tin rằng, vấn đề này không khó giải quyết.”

Vấn đề Hồng Kông mãi cảm sau hàng trăm năm với nhiều biến cố, cuối cùng đã được bày ra trong bàn hội nghị sau câu nói ấy của Thủ tướng Trung Quốc.

II. ĐẶNG TIỂU BÌNH HỘI ĐÀM VỚI NGƯỜI “ĐÀN BÀ THÉP”

Trung Quốc một đất nước giàu có, do những nguyên nhân của lịch sử, xưa nay rất ít đón những nguyên thủ nước ngoài. Năm 1972 nhân dân Đại lục Trung Quốc đã chào đón Níchson Tổng thống Mỹ đến thăm. Nhưng giờ đây, những người nông dân mù chữ cũng được biết đến tên của người đàn bà không bình thường của một nước khác đến thăm: Margarét Thatcher.

“Bà là một đầu sĩ hung hãn, điên cuồng của giai cấp tư sản. Bà ta lạnh lùng, cứng rắn như một bướm thép bay lượn khắp nơi, không được lòng người.” Trên làn sóng đài phát thanh của các nước xã hội chủ nghĩa đã bình luận như thế về bà Thatcher.

Trước khi bà đến Bắc Kinh không lâu, nước Anh đã thắng trong cuộc chiến tranh chấp quần đảo Manvinát với áchentina. Điều đó làm cho địa vị của bà càng được củng cố và có ảnh hưởng lớn ở trong nước.

Đi Bắc Kinh lần này, bà ta mang theo dư vị chiến thắng quần đảo Manvinát, ngấm nói lên rằng nước Anh luôn luôn bảo vệ thuộc địa của họ, thậm chí sẵn sàng lao vào cuộc chiến.

Bà hy vọng thừa thắng xông lên, tranh thủ lấy lại uy tín cho mình. Nhưng đối mặt với bà lúc này là một người có nhiều kinh nghiệm trong việc đối phó với

chủ nghĩa đế quốc.

Việc công bố quyết định Trung Quốc thu hồi Hồng Kông bên ngoài bàn đàm phán khiến bà trở tay không kịp. Mặc dù bà đã dự đoán trước được điều kiện tiên quyết này của Trung Quốc.

Nhưng phong cách đàm phán ấy của các nhà lãnh đạo Trung Quốc khiến bà không thích ứng ngay được. Bà cũng cảm thấy khó mà đối phó lại với phía Trung Quốc.

Bà ta biết rằng cố giữ lấy chủ quyền của Hồng Kông là không hiện thực. Bà cũng chưa tính đến điều này. Nhưng, thứ nhất bà muốn Chính phủ Trung Quốc phân biệt “Tô Giới” và Hồng Kông. Thứ 2, bà ta muốn lấy chủ quyền đổi lấy trị quyền của nước Anh đối với Hồng Kông.

Bà ta hỏi Thủ tướng Trung Quốc: “Nếu Trung Quốc thu hồi Hồng Kông, thì nhất định sẽ phải tìm hàng loạt biện pháp để giữ vững Hồng Kông giàu có và ổn định.”

Bà ta lại hỏi: “Nếu hơn năm triệu người dân Hồng Kông cảm thấy không yên tâm về tương lai của mình, thì làm thế nào?”

Thủ tướng Trung Quốc trả lời: “Tôi cho rằng người Hồng Kông không cần phải lo lắng về tiền đồ... Có điều gì làm cho họ cảm thấy không yên?”

Bà cũng đã trình bày với Thủ tướng Trung Quốc về những ý kiến của nước Anh đối với việc giải quyết vấn đề Hồng Kông. Bà hy vọng có biện pháp giải quyết từng bước nào đó để làm tốt công việc chuẩn bị.

Đây là lần đầu 2 nước Trung-Anh thảo luận vấn đề Hồng Kông. Bà biết rằng không thể đi sâu hơn nữa. Trung Quốc thực hành chế độ dân chủ tập trung. Có rất nhiều vấn đề mang tính thực chất, không phải một mình Thủ tướng quyết định. Vấn đề then chốt là ở ngày mai.

Cuộc hội đàm ngày mai với Đặng Tiểu Bình nhất định sẽ gian khổ hơn nhiều. Bà Thatcher biết rõ rằng “Đặng là nhà chính trị. Tổng công trình sư của tất cả chính sách và phương châm, có ảnh hưởng lớn nhất ở Trung Quốc hiện nay”.

Bà Thatcher cố gìm nén sự hồi hộp lo lắng trong lòng, cố gắng tỏ ra vẻ nhẹ nhõm thoải mái, không để cho các nhà báo nắm bắt được bất cứ một thay đổi nhỏ nhất nào trong bà.

Buổi chiều hôm đó, bà mang theo đoàn tùy tùng trung thành rời khỏi Điều Ngự Đài đến Học viện âm nhạc Trung ương và Viện mỹ thuật giàu màu sắc Trung Quốc. Tiếp đó, bà đi tham quan triển lãm tranh ảnh do Hội văn hoá Trung-Anh tổ chức tại Bắc Kinh. ở đó, bà đã nói chuyện thân mật với thiếu nhi Trung Quốc và chụp ảnh lưu niệm.

Bà đi đến đâu, đều có hàng đoàn ký giả theo sau. Bà cảm thấy rất khó chịu.

Bà còn đến chợ mua bán hàng nông nghiệp khu Hải Điện, ở đó, bà mua một túi to nhỏ...

Và giờ phút then chốt cuối cùng đã đến.

Sáng ngày 24 tháng 9 năm 1982, bà cho gọi thợ đến sửa đầu tóc.

Làm xong đầu tóc, dùng bữa sáng, bà nhìn đồng hồ: Chỉ còn nửa tiếng nữa là đến cuộc hội đàm rồi, liền thông báo cho Đại sứ Anh tại Trung Quốc và Tổng đốc Hồng Kông, cùng đến Đại lễ đường Nhân dân.

Lúc này, trước Đại lễ đường Nhân dân, người đông như trẩy hội.

Cửa lớn của Đại lễ đường Nhân dân được mở ra, bà Thatcher, “người đàn bà thép” tươi cười bước lên bậc thềm.

Bà mặc bộ comlê gíp màu xanh, chân đi giày đen cao gót, xách túi màu đen, cổ đeo một vòng trai, rực rỡ, ung dung và sang trọng.

Trước tiên bà đến chào và nói chuyện với bà Đặng Đình Siêu ở dinh Tân Cương, rồi bà cáo từ, đi sang dinh Phúc Kiến tiến hành hội đàm với Đặng Tiểu Bình.

Đặng Tiểu Bình: Chúng tôi nhất định phải thu hồi Hồng Kông

Trước khi Đặng Tiểu Bình bước ra đón “Người đàn bà thép”, các nhà báo đã chen chúc, cố gắng chiếm một chỗ có lợi để chụp hình.

Lúc này một phóng viên truyền hình nước ngoài bị ống kính máy ghi hình của một phóng viên Trung Quốc vô ý động phải; Anh ta giật mình quay lại đá vào mạng sườn đồng nghiệp. Người bị đá cũng không chịu. Hầu như đã mất hết lý trí, họ sẵn sàng ẩu đả. Đúng lúc đó, cửa lớn ở dinh Phúc Kiến mở ra. Đặng Tiểu Bình bước ra đón “Người đàn bà thép”. Sự chú ý của mọi người lập tức tập trung vào hai vị lãnh đạo, một làn sóng người bỗng nhiên trở nên phẳng lặng.

Khi các nhà báo quan sát thấy “Người đàn bà thép” đi từ dinh Tân Cương đến dinh Phúc Kiến, được một nửa đường mà vẫn chưa nhìn thấy bóng dáng Đặng Tiểu Bình. Cửa lớn dinh Phúc Kiến vẫn đóng im ỉm, khác hoàn toàn với cảnh bà Đặng Đình Siêu đón tiếp lúc trước. Bà ta bước đi, vẻ lo lắng hiện lên trên nét mặt. Có lẽ bà hồi hộp lắm. Chà chà, chủ nhà sao lại vắng?

Chính lúc bà hốt hoảng đi đến cách cửa lớn chừng 20 bước, thì cánh cửa mở ra. Đặng Tiểu Bình tươi cười bước ra, bắt tay bà Thatcher...

Các nhà báo vội cướp thời gian quay ống kính vào hai người; ánh sáng magiê loé sáng không ngớt.

Bà Thátchơ nói: “Là một Thủ tướng đương nhiệm đến thăm Trung Quốc, tôi vô cùng vui sướng được gặp ngài.”

Không ngờ, Đặng Tiểu Bình lại nói “Vâng, tôi có quen biết mấy vị Thủ tướng Anh, nhưng những người mà tôi quen biết hiện nay đều không còn đương nhiệm. Hoan nghênh bà đã đến với chúng tôi.”

Đó là một câu nói rất thật. Song người giàu óc suy đoán ý tại ngôn ngoại của câu ấy không khỏi suy diễn ra nhiều khía cạnh. Cho nên có một số nhà báo vừa nghe thấy đã cười thầm. Chẳng biết lúc đó “Người đàn bà thép” cảm thụ thế nào về câu nói đó!

Sau đó, hai bên chủ khách đều vào dinh Phúc Kiến. Hai người ngồi đối diện nhau. Đặng Tiểu Bình ngồi dựa trên salon, thanh thản thoải mái. “Người đàn bà thép” ngồi ngay ngắn chỉnh tề, hai tay đặt lên đầu gối. Vì có rất nhiều nhà báo chụp ảnh, quay phim nên câu chuyện của họ chỉ dừng lại ở những câu thăm hỏi xã giao và bà Thátchơ nói: “Được biết ngài vừa mới có một chuyến công du trở về.”

Đặng Tiểu Bình tiếp lời: “Tôi cùng với Chủ tịch Kim Nhật Thành đi Tứ Xuyên” “Lần đi này chắc vui lắm, thưa ngài?” Bà Thátchơ hỏi sâu thêm một chút.

“Rất thú vị! Chúng tôi được ăn những món ăn của Tứ Xuyên. Tôi rất thích món ăn Tứ Xuyên. Món ăn Tứ Xuyên và Quảng Đông, Quảng Tây rất nổi tiếng ở Trung Quốc”.

Nói đến đây, Đặng Tiểu Bình quay sang hỏi Tổng đốc Hồng Kông thích món ăn Tứ Xuyên hay Quảng Đông.

Tổng đốc nói: “Cả hai loại tôi đều thích. Song, cuộc đời ngoại giao của tôi bắt đầu từ Tứ Xuyên.”

Đặng Tiểu Bình nói: “Như vậy ông cũng là người Tứ Xuyên rồi.”

Ngồi bên cạnh, bà Thátchơ thú vị nói: “Huân tước Lontơ nói rất có phong cách ngoại giao”. Không khí lắng đi một lát bà lại nói về nhận xét của mình: “Tôi cảm thấy món ăn Tô Châu rất tuyệt.” Đó là vì vào khoảng 5 năm trước bà đến thăm Trung Quốc với tư cách lãnh tụ của Đảng Bảo thủ, đã từng đến tham quan Tô Châu, nên mới có nhận xét như vậy.

Đặng Tiểu Bình không đồng ý với nhận xét của Thátchơ, cười nói: “Là lũ khách, đến đâu cũng thấy có món ăn ngon.”

Câu chuyện đến đó, các nhà báo được mời ra ngoài. Cửa đóng lại, cuộc hội đàm chính thức được tiến hành.

Đội hình của hai bên được sắp xếp như sau: Phía Trung Quốc có Đặng Tiểu Bình, Hoàng Hoa, Chương Văn Tấn, Kha Hoa.

Phía Anh: Thátchơ, Lontơ, Batolơ Horlita.

Cuộc đàm phán vừa mới bắt đầu, “Người đàn bà thép” phát biểu trước. Bà ta ngạo mạn cho rằng muốn duy trì được sự giàu có phồn vinh của Hồng Kông thì người Anh phải ở lại. Vấn đề Hồng Kông nếu không xử lý tốt, sẽ có hậu quả tai hại.

Tất nhiên vấn đề đặt ra, thì cần phải trả lời. Câu trả lời này, quan hệ đến sự tôn nghiêm và uy tín của dân tộc Trung Hoa, quan hệ đến Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ giải quyết thế nào đối với một sự việc to lớn mà lịch sử đã giao cho.

Đặng Tiểu Bình trả lời bằng hai câu như đinh đóng cột: “Hồng Kông là lãnh thổ của Trung Quốc, chúng tôi nhất định phải thu hồi.” Câu nói ấy có một ý nghĩa to lớn, quyết không thỏa hiệp, quyết không nhân nhượng.

Tiếp đó, Đặng Tiểu Bình nói: “Chúng tôi đã chờ đợi 33 năm, lại thêm 15 năm nữa, tức là 48 năm, Chỉ có trên cơ sở của một niềm tin tràn đầy, chúng tôi mới có thể chờ đợi trường kỳ như thế. Nếu sau 15 năm vẫn chưa thu hồi, thì nhân dân không có lý do gì để tín nhiệm chúng tôi, bất kỳ Chính phủ Trung Quốc nào cũng phải giải thể, tự giác rời bỏ vũ đài chính trị, không có cách lựa chọn nào khác.”

Đặng Tiểu Bình nhấn mạnh, Trung Quốc tin rằng, thu hồi Hồng Kông sẽ không có hậu quả tai hại. Nếu có người Trung Quốc sẽ sẵn sàng dũng cảm đối mặt với chúng.

Sau đó, Đặng Tiểu Bình thân nhiên nói với Thátchơ rằng, vấn đề Hồng Kông rất đơn giản, theo tôi có thể giải quyết trong một hai năm. Đồng thời nói với Thátchơ 3 ý kiến có tính nguyên tắc của Chính phủ Trung Quốc. Đó là:

Thứ nhất: Không dễ dàng thảo luận về chủ quyền. Hồng Kông vốn là đất của chúng tôi. Nhưng xuất phát từ hiện thực, có thể đàm phán về “vấn đề Hồng Kông”, mà không thể thảo luận về chủ quyền.

Thứ hai: hy vọng một hai năm nữa sẽ giải quyết xong vấn đề Hồng Kông. Nếu không đến khi đó, Trung Quốc sẽ đơn phương tuyên bố chính sách của mình về giải quyết vấn đề Hồng Kông.

Thứ ba: Giải quyết vấn đề của nó sau này, không giống giải quyết hiện nay. Giả sử Hồng Kông xuất hiện cục diện không thể thu hồi, thì chúng tôi sẽ suy nghĩ lại thời gian và phương thức thu hồi Hồng Kông.

Ba ý kiến của Đặng Tiểu Bình có một trọng lượng tương đối. Lúc đó, Thátchơ đang mang theo dư vị chiến thắng ở quần đảo Manvinát đến đàm phán vấn đề Hồng Kông với Trung Quốc, ảo tưởng rằng có thể tiếp tục duy trì

3 hiệp ước bất bình đẳng để nước Anh xâm chiếm Hồng Kông. Nhưng Trung Quốc không phải là áchentina; Hồng Kông cũng không phải là quần đảo Phukerlan.

Cuối cùng Đặng Tiểu Bình còn nói với Thatcher rằng, Trung Quốc mong muốn đàm phán không xong, Trung Quốc cũng phải thu hồi Hồng Kông.

Về cuộc hội ngộ lần này, hãng thông tin nước ngoài bình luận: Bà Thatcher dù có chịu sự ảnh hưởng lớn của Sôcsin, có biệt danh là người “Người đàn bà thép”, dù bà ta có kiên trì “chủ nghĩa triết học bảo thủ truyền thống và chính sách kinh tế cứng nhắc”, thì trước mặt Đặng Tiểu Bình, bà ta vẫn còn là một con người non trẻ...

Về nội dung cụ thể và kết quả cuộc hội đàm lần này, khi trả lời nhà báo, các quan chức nước Anh không đưa ra được bất cứ tình hình gì. Chỉ nói: Cuộc hội đàm “làm cho người ta rất hài lòng”, không khí “hữu hảo”.

Buổi chiều hôm đó, khi trả lời các nhà báo, bà Thatcher nói: “Hôm nay trong không khí hữu hảo, lãnh đạo hai nước đã tiến hành đi vào thảo luận vấn đề tương lai của Hồng Kông. Những người lãnh đạo của hai bên đã nói lên lập trường của mình về vấn đề này.

Hai bên đều có mục đích chung là duy trì sự phồn vinh và ổn định của Hồng Kông, đồng ý sau cuộc viếng thăm này, sẽ tiến hành đàm phán thương lượng bằng con đường Ngoại giao.”

Trên thực tế, chỉ có 2 câu:

1. Hai bên đều mong muốn Hồng Kông giàu có và ổn định.
2. Sau này sẽ tiếp tục đàm phán.

Tân Hoa xã Trung Quốc đồng thời phát đi bản tuyên bố chung, còn phát thêm một đoạn tuyên bố cứng rắn của phía Trung Quốc.

Lập trường của Chính phủ Trung Quốc về việc thu hồi toàn bộ khu vực Hồng Kông, thì mọi người đã đều biết.

Khi rời Bắc Kinh đi Thượng Hải, bà Thatcher đã nói chuyện với phóng viên công ty phát thanh Anh quốc:

Hỏi: “Thưa Thủ tướng, tuy trước kia bà đã đến Bắc Kinh, nhưng lần này là lần đầu bà với tư cách là Thủ tướng đến tham gia hội đàm cấp cao với các nhà lãnh đạo Trung Quốc, vậy không khí cuộc hội đàm của các ngài diễn ra như thế nào?”

Trả lời: “Cuộc hội đàm giữa tôi với Thủ tướng Trung Quốc và Chủ tịch Đặng diễn ra trong bầu không khí hữu hảo. Chúng tôi thừa nhận có sự ngăn cách. Nhưng chúng tôi cho rằng cái chung, mục đích chung lớn hơn sự ngăn

cách của chúng tôi”.

Hỏi: “Bây giờ nói đến vấn đề Hồng Kông. Tuyên bố chung có nói, bây giờ bắt đầu đàm phán thông qua con đường Ngoại giao. Mục đích chung là giữ vững sự ổn định và phồn vinh trên lãnh thổ này. Bà có thấy các nhà lãnh đạo Trung Quốc tin tưởng mạnh mẽ rằng duy trì sự ổn định và phồn vinh của Hồng Kông là phù hợp với lợi ích của mỗi con người, bao gồm lợi ích của họ.”

Trả lời: “Trước khi tôi đến Trung Quốc, một số người từ Hồng Kông đến nói: Vấn đề quan trọng là ổn định và phồn vinh. Phải ổn định, đó không phải là ngoài ý muốn. Không có sự ổn định, người ta không làm nổi nhiều việc, mà phồn vinh là điều họ đã từng xây dựng nên...”

Sáng ngày 25 tháng 9 năm 1982, bà Thatcher đáp chuyên cơ rời khỏi Bắc Kinh.

“Người đàn bà thép” cố ôm những hiệp ước cũ

“Người đàn bà thép” đã bị vấp ngã ở Bắc Kinh. Trên nét mặt tuy lạnh lùng, nhưng sau khi kết thúc cuộc hội đàm vẫn hăng hái đi dạo ở Di Hoà Viên. Trong lời đáp từ bữa tiệc tối hôm đó, bà vẫn cao giọng ngâm câu thơ cổ Trung Quốc. Nhưng trong lòng bà như đang có lửa đốt.

Đến Thượng Hải, bà tham quan Viện khoa học Trung Quốc, sở nghiên cứu sinh vật học Thượng Hải, chủ trì lễ khởi công đóng tàu ở nhà máy đóng tàu Thượng Hải Giang Nam đóng con tàu chở hàng có trọng tải 27 vạn tấn cho Hồng Kông...

Sau khi rời Thượng Hải, bà lại đáp máy bay đi Quảng Châu dự lễ ký kết của Tổng công ty phục vụ liên hợp dầu mỏ Nam Hải Trung Quốc, sở quản lý bưu điện tỉnh Quảng Đông và Công ty trách nhiệm hữu hạn Cục điện báo Đại Đông Luânđôn Anh Quốc.

Ngày 26-9-1982, bà Thatcher đáp chuyên cơ ghé qua Hồng Kông rồi về nước. ở đó, bà đã bàn bạc với nhà đương cục Hồng Kông những vấn đề khó khăn của Tô Giới Anh khi đã mãn hạn.

Bà không bỏ sót một cơ hội nào để gặp những người dân ở nơi đó. Bà đã tổ chức chiêu đãi các nhà báo và nói: “Lập trường của Anh là căn cứ vào 3 hiệp ước: Trong đó có Tô Giới chiếm 92% diện tích Hồng Kông sẽ đến hạn trả lại Trung Quốc vào năm 1997. Hai hiệp ước khác là chủ quyền đối với đảo Hồng Kông và bán đảo Cửu Long, chiếm 8% toàn bộ diện tích. Nước Anh tuân thủ những hiệp ước đó, bởi vì đến năm 1997 sẽ hết hạn thuê đất, chủ quyền sẽ thuộc về Trung QuốcChúng ta tuân thủ hiệp ước của chúng ta.

Nếu có người không thích những hiệp ước đó, thì cách giải quyết là do hai bên bàn bạc, được cả hai bên đồng ý, nhưng không thể huỷ bỏ hiệp ước. Nếu có một bên không đồng ý những hiệp ước đó, muốn huỷ bỏ nó, thì bất cứ một hiệp ước mới nào cũng không thể thực hiện...”

“3 hiệp ước mà bà Thatcher nói đến tức là: “Hiệp ước Nam Kinh” năm 1842, cắt nhượng đảo Hương Cảng; “Hiệp ước Bắc Kinh” năm 1960, cắt nhượng bán đảo Cửu Long, “Hiệp ước triển khai chỉ giới Hồng Kông” kéo dài việc quản lý 235 hòn đảo lớn nhỏ thuộc khu vực Hồng Kông đến năm 1999.

Ba hiệp ước không bình đẳng này đều là những hiệp ước cắt đất, bồi thường chiến tranh do Chính phủ Mãn Thanh ký với nước Anh dưới sự đe dọa của pháo hạm Anh Quốc. Dựa vào nó mà nước Anh đã thực hành ách thống trị thực dân ở Hồng Kông hơn 100 năm.

12 năm sau, trong hồi ký của mình, bà Thatcher đã viết về cuộc hội đàm với Đặng Tiểu Bình: “Tuy không dễ dàng thông hiểu nhau, toàn bộ cuộc hội đàm cuối cùng thất bại không theo ý muốn. Tuy không đạt được mục tiêu ban đầu, tôi vẫn thuyết phục Đặng Tiểu Bình có một thông cáo chung ngắn gọn, tuyên bố: Trong cuộc hội đàm bước đầu hai bên đã đạt được sự hiểu biết chung về giữ gìn ổn định và phồn vinh cho Hồng Kông. Để lấy lại niềm tin cho người dân Hồng Kông, một thông cáo như thế là vô cùng quan trọng. Nhân dân Hồng Kông và tôi cũng đều chưa đạt được yêu cầu gì, nhưng tôi cho rằng chí ít cũng đã đạt được cơ sở bàn bạc kỹ càng hợp lý. Chúng ta đã có thể biết được lập trường của đối phương.”

III. CON ĐƯỜNG TRỞ VỀ ĐẦY MƯA GIÓ

Không thể chấp nhận hiệp ước xâm lược

Ngay buổi chiều ngày Thatcher nói về “Ba hiệp ước không bình đẳng” sinh viên trường đại học Trung Văn và Hoa Viên vật lý công nghiệp Hồng Kông đã giương cao biểu ngữ “Phản đối hiệp ước bất bình đẳng” và “Không thể chấp nhận hiệp ước xâm lược” kéo đến kháng nghị bên ngoài cuộc chiều dãi các nhà báo.

Bản kháng nghị nêu rõ: “Chúng tôi không chấp nhận hiệp ước “Sửa đổi” của Thủ tướng Anh. Thừa nhận những hiệp ước đó, Trung Quốc lại một lần nữa bị tổn thất”.

Họ còn nói: “Hiện trạng Hồng Kông là vấn đề lịch sử để lại. Nước Anh không thể mượn cớ “Có trách nhiệm với 5 triệu dân Hồng Kông” để vĩnh viễn

thống trị Hồng Kông là vấn đề nguyên tắc, là vấn đề lớn giữ vững sự tôn nghiêm của dân tộc.”

Năm 1972, một số uỷ viên của Liên Hợp Quốc đã trưng cầu hai nước Trung-Anh có nên trưng cầu danh sách các thuộc địa không. Lúc đó Hoàng Hoa đã khẳng định lập trường của Trung Quốc là: Trung Quốc có chủ quyền đối với Hồng Kông. Vấn đề Hồng Kông là một vấn đề lịch sử. Khi nào thích hợp sẽ giải quyết bằng phương pháp thích hợp. Đồng thời nên để Hồng Kông ra ngoài danh sách thuộc địa.

Phản ứng của Trung Quốc lúc đó là bảo lưu ý kiến, nhưng không tranh luận về hiệu lực của 3 hiệp ước.

Một ngày trước khi bà Thatcher đưa ra luận thuyết “3 hiệp ước có hiệu lực”, trong tuyên bố của sinh viên Hồng Kông nêu rõ: 3 hiệp ước đó là những hiệp ước bất bình đẳng mà thời đó nước Anh đã áp đặt lên nhân dân Trung Quốc bằng chính sách pháo hạm, cần phải bãi bỏ. Thông báo còn nêu rõ: “Hồng Kông là một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Trung Quốc” “Thu hồi Hồng Kông là trách nhiệm thiêng liêng của nhân dân Trung Quốc.”

Tờ “Tình báo” Hồng Kông bình luận “Trung Quốc lấy lại chủ quyền đối với Hồng Kông là điều đã dự đoán từ trước, mà chuyện không ngờ tới là việc cố giữ lấy hiệp ước của nước Anh. Bởi đó là những hiệp ước bất bình đẳng, mà đa số người dân Anh đều cho rằng đó là kết quả của cuộc chiến tranh nha phiến không về vang gì. Đó là sự thực mà mọi người đều biết.

Trong bài xã luận của tờ “Hổ báo” tiếng Anh viết: “Lập trường của nước Anh khư khư giữ lấy những hiệp ước đã ố vàng xưa kia là ngoan cố và không hợp thời.”

Thạc sĩ Trịnh Vu Trường Đại học Hành chính Hồng Kông nói: “Bất cứ một hiệp ước quốc tế nào được ký kết dưới sức ép bằng vũ lực hoặc sức ép chính trị đều không được luật pháp quốc tế thừa nhận.

Ba hiệp ước “Mà bà Thatcher nêu ra, truyền đến Bắc Kinh, các nhà lãnh đạo Trung Quốc vô cùng phẫn nộ; Ngay hôm đó, họ đã tuyên bố về lập trường của họ:

Ba hiệp ước bất bình đẳng này đều là những hiệp ước của bọn xâm lược khoác lên đầu nhân dân Trung Quốc. Vì thế hoàn toàn vô hiệu.

Những hiệp ước bất bình đẳng này không thể đem ra bàn bạc lại.

Toàn bộ Hồng Kông đều là lãnh thổ của Trung Quốc, nhất định phải trở về với Trung Quốc.

Trên bản đồ Trung Quốc sau sự kiện Hồng Kông, quyết không thể lại

ghi dòng chữ “Thuộc địa Anh”.

“Sóng gió cải cách hành chính” của Bành Định Khang

Trước tình thế không thể tiếp tục kéo dài ách thống trị thực dân, các cơ quan nước Anh khi rút khỏi Hồng Kông đã chọn một loạt hành động có mục đích rõ ràng. Đầu tiên là dùng con bài “Dân chủ” trong chính trị, thúc đẩy cái gọi là “Cải cách thể chế hành chính”, mưu đồ trước khi chuyển giao chính quyền, xây dựng một số cơ cấu quyền lực do người Anh khống chế và “Thể chế chính trị dân chủ” do trực tiếp người Anh “lựa chọn” sinh ra, trở thành một Chính phủ đặc biệt sau này, để sau “97” thực hiện ách thống trị của nước Anh không có người Anh.

Trong hơn 100 năm nước Anh thực hành ách thống trị thực dân đối với Hồng Kông, vốn không có dân chủ thể mà khi sắp đi khỏi Hồng Kông lại gấp rút tiến hành “Dân chủ hoá”.

Chính phủ Trung Quốc chủ trương thực hiện dân chủ ở Hồng Kông là căn cứ vào tình hình thực tế của Hồng Kông mà tuân tự tiến hành, hợp với luật pháp cơ bản của Hồng Kông. Như thế mới có lợi cho việc giữ gìn ổn định xã hội và kinh tế phồn vinh của Hồng Kông, phù hợp với lợi ích của nhân dân Hồng Kông.

Ngày 9-7-1992, Bành Định Khang nhận chức Tổng đốc Hồng Kông thứ 28, thì ngày 7 tháng-10 ông ta đọc báo cáo “Tương lai Hồng Kông: Kế hoạch 5 năm” đề xuất phương án “Cải cách hiến chế” (còn gọi là phương án cải cách hành chính). Trước khi phát đi bản báo cáo, Bành Định Khang không trao đổi với phía Trung Quốc, chỉ thông báo mang tính xã giao. Sau khi phía Trung Quốc biết được nội dung của nó, ngày 3/10 Lỗ Bình Chủ nhiệm những vấn đề Hồng Kông thông báo cho Bành Định Khang, hy vọng không nên công bố bản báo cáo đó, đợi sau khi 2 bên bàn bạc kỹ hãy công bố để bảo đảm thuận lợi cho việc chuyển giao chính quyền, giảm bớt sự xáo động chính trị không cần thiết. Nhưng Bành Định Khang không nghe, vẫn công bố bản báo cáo ấy.

Trước khi công bố “Phương án cải cách hành chính” Bành Định Khang không bàn bạc với phía Trung Quốc, đi ngược lại với tuyên bố Trung - Anh về giai đoạn quá độ của Hồng Kông. Hai bên Trung - Anh phải tăng cường hợp tác cùng bàn bạc nêu lên những quy định tìm biện pháp thuận lợi vượt qua năm 1997. Điều 3 trong tuyên bố Trung - Anh quy định: Hiện trạng xã hội, chế độ kinh tế của Hồng Kông không thay đổi, cuộc sống không thay

đổi. Điều 5 luật pháp Hồng Kông cũng quy định: Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông vẫn giữ nguyên chế độ và cuộc sống hiện có trong vòng 50 năm không thay đổi. Phương án cải cách Hành chính của Bành Định Khang đã sửa đổi lớn chế độ hiện hành, trực tiếp vi phạm những quy định trên.

Vì vấn đề phát triển chế độ chính trị ở Hồng Kông, hai phía Trung-Anh đã nhiều lần bàn bạc. Phía Anh thừa nhận đã làm cho chế độ chính trị của Hồng Kông phát triển cùng với sự nối tiếp của luật pháp cơ bản, đồng thời đạt được sự thoả thuận và thông cảm đối với bộ phận lập pháp năm 1995. Phương án cải cách hành chính mà Bành Định Khang nêu ra ở nhiều chỗ đã đi ngược lại quy định của luật pháp cơ bản, cũng đi ngược lại sự thông hiểu lẫn nhau mà hai nước Trung - Anh đã đạt được. Trước hết, điều thứ 55 luật pháp cơ bản quy định, thành viên của Hội nghị hành chính Hồng Kông là do sự uỷ nhiệm của các quan chức chủ yếu của cơ quan hành chính, của Uỷ viên hội nghị lập pháp và các nhân sĩ xã hội. Nhưng Cục hành chính mà Bành Định Khang nêu ra hoàn toàn tách ra khỏi Cục lập pháp thành lập Chính phủ và Uỷ ban sự vụ Cục lập pháp, tổ chức này đều không có trong thể chế hành chính hiện hành và luật pháp cơ bản. Thiết lập một tổ chức có khả năng trở thành cục hành chính siêu việt hoặc một trung tâm quyền lực mới, không chỉ là cải biến thể chế chính trị hiện có, mà sẽ tạo thành một cục diện không có sự nối tiếp với pháp luật cơ bản.

Hai là, quan hệ giữa hành chính và lập pháp. Luật pháp cơ bản thể chế hành chính có, vai trò chủ đạo trong chế độ chính trị Hồng Kông.

Bành Định Khang đã cố lờ quy định của luật pháp cơ bản, mưu đồ thông qua hai cục tách rời nhau trong phương án cải cách hành chính, thiết lập Chính phủ và Uỷ ban sự vụ cục lập pháp, thúc đẩy chế độ của lập pháp và Uỷ ban thực hành, thay đổi tính chất của Cục lập pháp, ban ra một quyết sách cho cục lập pháp sửa đổi hành chính, chen vào quyền lực của quyết sách thực tế, biến thể chế hành chính chỉ đạo thành thể chế lập pháp chủ đạo.

Ba là, biến chức năng tuyển chọn của các đoàn thể thành trực tiếp tuyển chọn của từng bộ phận. Chức năng tuyển chọn của các đoàn thể là bộ phận tương đối đặc biệt của chế độ Hồng Kông, có thể bảo đảm sự tham gia tương đối nhiều của giới công thương và nhân sĩ chuyên nghiệp đối với hội lập pháp và sự vụ công cộng, để củng cố hiến tương đối nhiều cho xã hội Hồng Kông. Cho nên luật pháp cơ bản quy định tổ chức của hội lập pháp 3 khoá đầu, sau khi thành lập đặc khu vẫn được giữ lại các nghị sĩ đã được đoàn thể tuyển chọn ra. Một bộ phận nghị sĩ này là do các đoàn thể cử ra, rõ ràng đó là tuyển

cử gián tiếp mà không phải là tuyển cử trực tiếp. Phương án cải cách hành chính của Bành Định Khang, thực tế là làm tuyển chọn trực tiếp phân chia riêng biệt, vi phạm những quy định hữu quan của luật pháp cơ bản và nhân dân toàn quốc....

Ngày buổi tối hôm Bành Định Khang phát đi bản báo cáo, Thủ tướng Anh Hây- giơ đã tuyên bố ca ngợi báo cáo của Bành Định Khang là “phương án tốt nhất để đưa Hồng Kông tiến lên”, thể hiện sự ủng hộ đối với Bành Định Khang. Nhiều nhân sĩ và báo chí Hồng Kông đã lên tiếng phê phán phương án cải cách hành chính của Bành Định Khang, vạch ra thực chất và nguy hiểm của nó. Những người có liên quan của Trung Quốc cũng lên tiếng, chỉ rõ trước khi công bố phương án cải cách hành chính, Bành Định Khang không trao đổi với phía Trung Quốc là rất vô trách nhiệm. Đặc khu hành chính Hồng Kông sẽ được thiết lập dựa trên pháp luật cơ bản và quyết định hữu quan của tuyệt đại đa số nhân dân toàn quốc...

Ngày 21-10-1992, Bành Định Khang thăm Bắc Kinh. Lỗ Bình Chủ nhiệm những vấn đề Hồng Kông đã hội đàm với Bành Định Khang 6 tiếng đồng hồ. Lỗ Bình đã thẳng thắn chỉ rõ phương án cải cách hành chính của Bành Định Khang đã vi phạm tuyên bố chung Trung - Anh, vi phạm nguyên tắc tiếp nối của luật pháp cơ bản Hồng Kông, vi phạm sự thoả thuận đã đạt được của hai Chính phủ Trung - Anh. Bành Định Khang không tiếp thu ý kiến của phía Trung Quốc ; Vì vậy cuộc hội đàm không thu được kết quả. Ngay hôm đó, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Tiền Kỳ Tham gặp Bành Định Khang nghiêm khắc chỉ rõ: Thay đổi lớn về thể chế chính trị của Hồng Kông là khiêu chiến đối với hợp tác Trung Anh. Chúng tôi mong muốn hợp tác, không mong muốn đối kháng. Ngày 23 tháng 10, Bành Định Khang rời Bắc Kinh trở về Hồng Kông. Sau khi Bành Định Khang rời Bắc Kinh, Lỗ Bình đã tiến hành họp báo, giới thiệu tình hình cuộc hội đàm giữa ông và Bành Định Khang. Lỗ Bình chỉ rõ, thực chất sự khác nhau của hai bên, không phải là vấn đề đẩy nhanh bước đi dân chủ mà rốt cuộc cần phải hợp tác hay đối kháng. Nếu đối phương cứ muốn đối kháng thì chúng ta cũng chỉ có thể làm như vậy.

Ngày 12 tháng 3 năm 1993, Bành Định Khang bất chấp sự phản đối mạnh mẽ của Trung Quốc đơn phương công bố “Phương án cải cách dân chủ”. Ngày 15 tháng 3 Thủ tướng Lý Bằng đọc báo cáo của Chính phủ trong buổi khai mạc kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá 8 chỉ rõ: “Phía Anh đã gây trở ngại cho sự hợp tác. Do đó mà mọi hậu quả nghiêm trọng phía Anh phải hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Đồng thời chỉ rõ “Thực chất của cải cách thể chế

chính trị là vấn đề chủ quyền. Chính phủ Trung Quốc quyết không thể đem nguyên tắc ra buôn bán. Trung Quốc không chịu nhượng bộ thêm nữa.

Ngày 14 tháng 4 năm 1993, Chính phủ hai nước Trung - Anh cùng tuyên bố ngày 22 cùng tháng sẽ tiến hành hội đàm. Đại biểu Trung Quốc có Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Khương Ân Trụ, phía Anh có Đại sứ quán Anh tại nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa Mai Zelin....

Suốt cả cuộc hội đàm phía Anh không có thành ý, luôn giữ lập trường “3 vi phạm”. Mặc dù phía Trung Quốc đã cố gắng làm cho cuộc hội đàm đạt được một hiệp nghị biểu hiện ở sự thành ý và kiên nhẫn xuất phát từ lợi ích cơ bản là thực hiện ổn định Hồng Kông, giúp đỡ người Hồng Kông. Phía Anh luôn nảy sinh những sự việc mới, đưa ra nhiều miếng đòn ngầm, gây trở ngại cho cuộc hội đàm.

Sự thực đã chứng minh, để tiến hành cải cách thể chế “3 vi phạm”, phía Anh đã không muốn hợp tác với Trung Quốc, hòng tạo thành sự thực ép Trung Quốc phải tiếp thu.

Tháng 2 năm 1994, phía Anh công bố sách trắng “Chế độ chính trị đại nghị Hồng Kông”, đơn phương công bố nội dung cuộc hội đàm Trung - Anh, trở mặt công kích lập trường của phía Trung Quốc. Ngày 28 tháng 2, người phát ngôn Bộ Ngoại giao Trung Quốc công bố sự thật của những vấn đề xếp sắp cuộc tuyển cử ở Hồng Kông vào năm 1994-1995 trước dư luận.

Tháng 9 năm 1995, nhà đương cục Anh ở Hồng Kông tiến hành tuyển chọn Cục lập pháp theo kế hoạch đã định của phương án cải cách chính quyền.

Chính phủ Trung Quốc đã nhiều lần tuyên bố: “Trong tình hình cuộc hội đàm Trung Anh chưa đạt được một hiệp nghị, nhiệm kỳ cơ cấu chính quyền 3 cấp phía Anh chủ trì, chỉ có thể đến ngày 30 tháng 6 năm 1997.

IV. MỸ NHÚNG TAY VÀO CÔNG VIỆC HỒNG KÔNG

Mỹ lợi dụng Hồng Kông làm bót gác đầu cầu

Piazza Anh sở dĩ không hợp tác với phía Trung Quốc trong thời kỳ quá độ, thậm chí có lập trường đối kháng, ngoài việc ý thức có thể đưa ra “Con bài dân chủ”, “Dân ý”, “Kinh tế”, ngoài ra còn ý thức vào con bài khác như “Át chủ bài” và “Con bài quốc tế”. Phía Anh cho rằng Mỹ và các quốc gia phương Tây khác sẽ cùng chung một lập trường với Anh trong vấn đề Hồng Kông biến vấn đề Hồng Kông thành “Quốc tế hoá”, kéo đồng minh phương Tây thành mặt trận giúp đỡ và tăng cường tư bản cho họ để đối kháng với Trung Quốc.

Do yêu cầu chiến lược lâu dài với Trung Quốc, Mỹ đặc biệt “Quan tâm” đến Hồng Kông. Ngày 20 tháng 9 năm 1991, thượng nghị sỹ Mác đô nan đã trình bày trước Quốc hội, “Nước Mỹ - Dự luật 1991 chính sách Hồng Kông” kiến nghị thông qua “Thông cáo chung Trung - Anh” những điều khoản liên quan đến việc Hồng Kông thực hành tự trị cao độ đưa vào phạm vi luật pháp của nước Mỹ. Đồng thời hàng năm phải do Quốc vụ viện và Bộ Thương mại Mỹ kiểm tra, rồi báo cáo với Quốc hội. Đối với địa vị Hồng Kông, một nguyên tắc quan trọng là kiến nghị phân biệt đối xử giữa lợi ích của Hồng Kông và Trung Quốc. Trong đãi ngộ tối huệ quốc, hạn ngạch nhập khẩu, Hồng Kông đều có thể có địa vị độc lập.

Chính sách Viễn Đông của nước Mỹ, xưa nay đều chọn thái độ hiện thực chủ nghĩa. Bây giờ chính là lợi dụng Hồng Kông làm bót gác đầu cầu, thúc đẩy “diễn biến hoà bình” ở Trung Quốc.

Trung tuần tháng 11 năm 1991, Quốc vụ khanh Playơ Mỹ đến thăm Trung Quốc. Sau 18 tiếng đàm phán, hai bên đã đạt được hiệp định trong một số vấn đề. Song vẫn còn bất đồng ở vấn đề lớn. Hai bên đều cho rằng, những bất đồng ấy sẽ được bàn bạc sau này.

Chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc đương nhiên là một quá trình lâu dài, một vài lần đàm phán không thể thay đổi cục diện.

Trước khi thăm Trung Quốc Playơ đã có bài đăng trên “Tập chí Ngoại giao” nói rằng Mỹ sẽ thường xuyên tiếp xúc với Trung Quốc, mục đích cuối cùng là làm cho Trung Quốc “thay đổi lớn”. Mọi người đều biết rằng “Thay đổi lớn” cũng chính là “diễn biến hoà bình”.

Trong buổi họp báo với các nhà báo trong thời gian thăm Trung Quốc, Playơ nói rằng nội dung đàm phán giữa ông và Trung Quốc phạm vi rất rộng, bao gồm nhân quyền, mua bán vũ khí, cấm phổ biến vũ khí hạt nhân, bản quyền Hiệp định mậu dịch thuế quan, và “Điều khoản 301” của Luật thương mại. Ông nói: Bởi vì mục tiêu của nước Mỹ rất lớn, nên một số vấn đề bất đồng lớn, còn phải đợi sau này bàn thêm”.

Mỹ đã hứa thi hành ở Hồng Kông, một chế độ Tư bản trong vòng 50 năm, đương nhiên sẽ gắn toàn bộ điều đó với chính sách đối với Trung Quốc. Thực tế trước khi Mácđô nan đề xuất “Dự án” với Quốc hội, Mỹ đã tích cực tiến hành chính sách khác nhau giữa lợi ích của Hồng Kông và Trung Quốc. Đồng thời bảo vệ lợi ích quốc tế của Mỹ ở Hồng Kông.

Do Mỹ và Anh có quan hệ đặc biệt, sau đại chiến thế giới 2, qua nhiều năm làm ăn buôn bán, nước Mỹ đã có ảnh hưởng lớn đối với Hồng Kông trong các

lĩnh vực tư tưởng, chính trị, văn hóa, giáo dục và tuyên truyền dư luận.

Ngày 7 tháng 5, Ủy ban ngoại giao Thượng nghị viện Mỹ phê chuẩn “Nước Mỹ- chính sách Hồng Kông”. Dự án này yêu cầu nêu lên được “tình hình lợi ích của Mỹ ở Hồng Kông”. Nó còn nói rõ: Sau năm 1997 nước Mỹ sẽ tiếp tục giúp đỡ dân chủ hoá ở Hồng Kông, quá độ tuyên bố chủ quyền cần phải bảo vệ nhân quyền, v.v...

Dự án này sau khi thông qua Quốc hội sẽ được tổng thống Bush ký vào ngày 05 tháng 10 năm 1992.

Theo “Nước Mỹ chính sách Hồng Kông” thì sau năm 1997 sẽ coi Hồng Kông là một thực thể cá biệt để duy trì quan hệ độc lập giữa Mỹ và Hồng Kông. Do đó một số chuyên gia về những vấn đề Châu á đã lên tiếng cảnh cáo đối với hành động đó.

Ngày 23 tháng 12 năm 1992 Clinton tổng thống kế nhiệm của nước Mỹ trong một buổi họp báo nói: “Trung Quốc đã kiếm được lợi nhuận lớn từ trong buôn bán với Mỹ. Số thâm hụt thương mại của Mỹ đối với Trung Quốc đạt tới 15 tỷ Mỹ kim.” Ông ta cho rằng, đó là ân huệ của nước Mỹ ban cho một nước Cộng sản.

Lời nói ấy của Clinton, rõ ràng ông ta đang chuẩn bị gán thương mại với chính trị. Nếu Trung Quốc tiếp tục có thị trường thương mại của Mỹ để thu được ngoại hối, thì phải điều chỉnh lại chính sách đối với nhân dân trong nước tiến tới đối với Hồng Kông. Những yêu cầu ấy của Clinton phải chăng là những luận điệu cũ như “Cải thiện nhân quyền” và “Dân chủ hoá” v.v...

Trung Quốc là một nước có chủ quyền. Vấn đề chủ quyền trong nước và cải cách chế độ hành chính ở Hồng Kông đều là công việc nội bộ của Trung Quốc, không cho phép nước ngoài can thiệp. Clinton chưa lên nắm chính quyền đã lộ rõ sự quan tâm của ông ta đến vấn đề này, đồng thời đã thể hiện sách lược gán thương mại với chính trị không thể không tránh khỏi sự phản ứng mạnh mẽ của Chính phủ và nhân dân Trung Quốc .

Trung- Anh trở lại bàn đàm phán

Trước sự phản đối của dư luận thế giới, dư luận trong nước Anh đã bắt đầu nhen nóng, cho rằng: “Hai nước Trung - Anh thực ra không có xung đột lợi ích cơ bản. Nước Anh nên thu lợi từ nền kinh tế cất cánh của Trung Quốc. Trước đêm lễ Phục sinh, tướng Héc-tơ gửi thư cho Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Tiền Kỳ Tham, yêu cầu mở lại cuộc đàm phán bàn về vấn đề tuyển cử ở Hồng Kông năm 1994-1995. Ông ta không giữ lại chủ trương, chính quyền

Hồng Kông phải là phía thứ 3 trong cuộc đàm phán mà chỉ đề xuất cuộc hội đàm nên tiến hành giữa đại biểu của hai Chính phủ.

Thư của Hectơ nhanh chóng nhận được hồi âm tích cực. Trước ngày lên đường về nước nhận nhiệm vụ mới, Đại sứ Anh tại Trung Quốc Maizelin đã cùng với phía Trung Quốc đạt được sự hiểu biết lẫn nhau trước khi trở lại cuộc hội đàm.

Cuộc đàm phán này được tiến hành ở cấp Đại sứ ngoại giao, có thể tránh được sự tiếp xúc khó xử giữa Lỗ Bình và Bành Định Khang.

Ngày 14 tháng 4, Chính phủ hai nước Trung - Anh tuyên bố: Ngày 22 đại biểu hai bên bắt đầu cuộc hội đàm bàn về thể chế chính trị của Hồng Kông tại Bắc Kinh.

Đó là một tin vui mà nhân dân Hồng Kông đã chờ đợi từ lâu.

Cuộc đàm phán định tiến hành vào ngày 22 tháng 4, thì ngày 16 từ Bộ Ngoại giao Anh phát đi một tín hiệu cứng rắn, nói nước Anh sẽ giữ các thành viên Cục lập pháp trúng tuyển năm 1995, bao gồm các nhân sĩ tiến bộ. Đến năm 1997 khi Hồng Kông bàn giao cho Trung Quốc họ không thể giải chức.

Trước ngày Hectơ nói những điều đó, phía Trung Quốc đã nghiêm khắc cảnh cáo, yêu cầu các ông nghị lập pháp muốn làm cái gọi là “tàu chạy thẳng”, chỉ là sự ảo tưởng mê muội của Luân đôn.

Nước Anh còn tỏ rõ, phương án cải cách hành chính có sự tranh luận mà Bành Định Khang đề xuất sẽ là lập trường mà nước Anh cần phải lựa chọn ngay khi bắt đầu cuộc đàm phán.

Đó là nỗ lực của nước Anh thể hiện rõ lập trường đàm phán cứng rắn của họ từ ngày 22 đến ngày 24 tháng 4 năm 1993 vòng đàm phán thứ nhất của hai nước Trung - Anh về vấn đề Hồng Kông được tiến hành ở Bắc Kinh.

Vòng đàm phán này, hai bên chỉ dùng hết 3 tiếng đồng hồ trong 3 ngày thì tuyên bố kết thúc hội nghị.

Hai bên đều tránh nói đến bất cứ sự tiến triển nào. Maizelin nói với các nhà báo: “Chúng tôi đều đồng ý giữ bí mật nội dung hội đàm, cho nên tôi không đưa ra bình luận gì. Điều quan trọng là chúng tôi đang đàm phán.”

Cuộc đàm phán sẽ còn tiếp tục, hai bên đều phải báo cáo lên cấp trên và chờ chỉ thị.

Vòng đàm phán thứ hai chỉ kéo dài hai ngày. Thời gian đàm phán của mỗi ngày là 4 tiếng. Nhìn từ nhiều khía cạnh, tiến triển tốt hơn vòng trước.

Trước khi vào hội nghị, để các nhà báo chụp ảnh ghi hình 6 phút. Sự “hàn huyên” và “ngôn ngữ” của hai bên đều tỏ ra tốt đẹp.

Maizelin nói với Khương Âu Trụ: “Trận mưa đêm qua ở Bắc Kinh là một điềm báo trước sự tốt đẹp”.

Khương Âu Trụ tỏ vẻ tán thành.

Đại biểu hai bên đều thoải mái mỉm cười dưới ống kính của các nhà báo.

Sau khi hội nghị kết thúc Khương Âu Trụ nói các nhà báo “Cuộc đàm phán đang được tiến hành bình thường, hy vọng cuộc hội đàm sẽ thu được kết quả tích cực hai bên đã khôi phục sự hợp tác mật thiết trong vấn đề Hồng Kông.”

Maizelin rất tán thành với nhận định ấy.

Đương nhiên, đó không có nghĩa là cuộc hội đàm không có khó khăn, không có bất đồng, không có tranh chấp.

Bành Định Khang thăm Mỹ

Trong một loạt cuộc tranh luận, cuối cùng Bành Định Khang đã lên đường thăm Mỹ và ngày 3 tháng 5 năm 1993 đã được Clinton tiếp kiến.

Các nhà phân tích chính trị phương Tây cho rằng, Bành Định Khang đi phương Tây lần này để tranh thủ kéo dài dài ngò tối huệ quốc cho Trung Quốc; tranh thủ sự ủng hộ của Clinton đối với phương án cải cách hành chính của ông ta.

Trước hết nói về tranh thủ Mỹ tiếp tục dài ngò tối huệ quốc đối với Trung Quốc với tư cách là một Tổng đốc, Bành Định Khang bản thân khó có tác dụng trong việc hoà giải giữa hai nước lớn Trung-Mỹ. Thái độ của Clinton đối với vấn đề đó là: “Đây là một vấn đề rất phức tạp”, “Hiện nay cách lập pháp hữu quan vẫn còn 1 tháng, chưa thể đưa ra quyết định cuối cùng”.

Sau đó Bành Định Khang cũng thừa nhận từ trong cuộc nói chuyện với Clinton chưa thể dự đoán được nước Mỹ sẽ chọn quyết sách nào trong vấn đề dài ngò tối huệ quốc với Trung Hoa. Các nhân sĩ giới thương mại Mỹ chỉ rõ, về vấn đề này, ảnh hưởng của Bành Định Khang với Clinton không đáng kể. Sự suy nghĩ cơ bản về quyết sách của Clinton còn là quan hệ chiến lược toàn cầu Mỹ - Trung là lợi ích kinh tế chính trị của nước Mỹ cùng với tiềm lực phát triển và thị trường to lớn của Trung Quốc.

Về chế độ chính trị Hồng Kông, trên thực chất là mấu chốt chuyển thăm Mỹ của họ Bành. “Chơi con bài Mỹ để ép Bắc Kinh” đã từng là sự tính toán béo bở của một số quan chức cao cấp chính quyền Hồng Kông. Điều đáng chú ý là trước cuộc hội ngộ Clinton và Bành, thì Clinton và người phát ngôn của Nhà Trắng chỉ nói chuyện về quan hệ Trung-Mỹ. Clinton nói: Tôi mong muốn Mỹ và Trung Quốc “giữ quan hệ tốt đẹp với mức độ lớn nhất.”

Và nói rõ “Tôi không có ý cô lập Trung Quốc”. Ông nói, ông cảm thấy được khích lệ đối với cải cách kinh tế của Trung Quốc. Nhưng cho rằng đồng thời phải có “hành vi trách nhiệm, tôn trọng nhân quyền và chiều hướng phát triển dân chủ”. Ông lưu ý trong thời gian qua Trung Quốc có sự phát triển đáng khích lệ trong nhiều mặt. Ông lại nói: “Tôi vẫn cho rằng cần phải làm thật nhiều, và cũng mong muốn như thế.”

Các nhà lý luận chính trị phương Tây còn chỉ ra, Clinton đã đặc biệt chú ý trong giờ phút này nhắc lại chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc. Đồng thời cho người phát ngôn của mình thuật lại tỉ mỉ, mong muốn để cho Bắc Kinh có ấn tượng rằng nhà đương cục Mỹ đã đứng cùng chiến tuyến với Bành Định Khang, và cũng ám chỉ cuộc du thuyết của Bành Định Khang quyết không đủ để ảnh hưởng đến chính sách của Mỹ đối với Trung Quốc. Clinton đã nói khi được các nhà báo chất vấn và ý kiến của mình đối với phương án cải cách hành chính của Bành Định Khang. Ông ủng hộ Hồng Kông thúc đẩy dân chủ. Nhưng ông mong muốn kiến nghị của Bành Định Khang không thể có lỗi với bất cứ người nào, ông lại nói: Hồng Kông có dân chủ càng nhiều là rất tốt, mà Trung - Anh bắt đầu hội đàm cũng là một sự kiện tốt. Ông cho rằng, sau năm 1997 Hồng Kông vẫn tiếp tục giữ vững mở rộng tự do, sẽ rất có lợi ích của Trung Quốc.

Các nhà phân tích cho rằng, câu nói của Clinton đáng được chú nhất không phải là ý kiến của ông ta đối với nguyên tắc dân chủ, mà là ông ta hết sức cẩn thận, vô cùng rõ ràng né tránh bất cứ câu chữ nào khi bình luận đến phương án của Bành gây nên sự phản ứng mạnh mẽ của Bắc Kinh.

Họ chỉ ra, lập trường của Mỹ đối với vấn đề Hồng Kông đến nay vẫn là “Chấp hành tuyên bố chung Trung- Anh là vấn đề của hai nước Trung - Anh. Mỹ cũng như các quốc gia khác luôn quan tâm và hy vọng vấn đề này có thể được giải quyết trọn vẹn.

Bành định khang tuyên bố chuyến thăm Mỹ đã đạt được mục tiêu

Tối ngày 9 tháng 5 năm 1993, Bành Định Khang từ Niueốc trở về Hồng Kông, ông nhắc lại với các nhà báo ở sân bay rằng chuyến đi Mỹ vừa mới kết thúc là có tác dụng và có hiệu quả.

Bành Định Khang nói, ông rất phấn khởi được gặp các nghị sĩ Quốc hội, các nhân sĩ giới thượng mại cùng rất nhiều nhân sĩ trực tiếp quan tâm đến công việc Mỹ - Trung và Mỹ Hồng Kông ở Oasinhton và Niueốc, để ông có cơ hội nói rõ thêm lập trường trong thương mại của Hồng Kông, nhất là giải

thích lập trường trọng vấn đề có thể tiếp tục kéo dài đải ngộ tối huệ quốc đối với Trung Quốc không.

Ông nêu ra một điểm rất quan trọng là thường xuyên đưa tình hình của Hồng Kông sang Oasinhton và Niu oóc.

Đó cũng là công việc mà ông ta sẽ phải làm sau này.

Bành Định Khang nêu ra, trong nhiều ngày qua và nhiều tuần là sau này, khi nước Mỹ xem xét chính sách đối với Trung Quốc sẽ nghiêng cứu đến lập trường của Hồng Kông. Và nếu sau này không tiếp tục đải ngộ tối huệ quốc với Trung Quốc, thì sẽ ảnh hưởng đến Hồng Kông.

Không thể chờ đợi dành tỏ rõ lập trường

Theo thời hạn “97” đã đến gần, Chính phủ Mỹ ra tay điều chỉnh lại chính sách đối với Hồng Kông. Từ trên hình thái ngoại giao, quân sự và ý thức đều được coi trọng. Mượn danh nghĩa bảo vệ lợi ích kinh tế của Hồng Kông Mỹ càng nhúng tay thô bạo vào vấn đề Hồng Kông.

Xưa nay thái độ của Mỹ tương đối thận trọng với vấn đề Hồng Kông. Nói về báo chí Hồng Kông, Mỹ chỉ đóng vai “người quan sát hứng thú”, luôn chọn chính sách né tránh đối với cử chỉ và chính sách đối với giải quyết vấn đề Hồng Kông và các loại tranh chấp Trung- Anh.

Nhưng, các chính trị gia ở Hồng Kông đã nhạy cảm nhận thấy, lập trường ấy của Mỹ từ sau đầu năm 1995 đã có thay đổi rõ ràng. Đặc điểm chủ yếu của nó là từ im lặng sang luận bàn, cho thấy họ lo lắng về tiến độ của Hồng Kông

Tháng 3 năm 1995, chính quyền Clinton thành lập một tổ chuyên môn phụ trách xử lý vấn đề Hồng Kông. Quốc vụ viện Mỹ quyết định tháng 3 năm 1996 sẽ công bố báo cáo định kỳ về vấn đề Hồng Kông nửa năm một lần sớm hơn trước kia. Một chuyên gia Mỹ nói, từ năm 1995 trở lại, chính sách của Mỹ đối với Hồng Kông “trên cơ bản từ chỗ không nhúng tay chuyển sang nghiêng về nhằm trúng những vấn đề có khả năng xuất hiện”, “Trên mức độ lớn, Mỹ chuẩn bị ủng hộ dân chủ, đồng thời phê bình người Trung Quốc không thực hiện lời hứa của họ.” Nghe nói, Chính phủ Mỹ đang xem xét đến chọn chính sách nào trước năm 1997. Có người nhấn mạnh: “Hồng Kông phải chiếm địa vị quan trọng trong chính sách đối ngoại của Mỹ.”

Theo quan chức Mỹ ở Hồng Kông tiết lộ, Hạ nghị viện Mỹ đang dùng sức ép với Chính phủ, ép họ phải tăng cường ảnh hưởng” và tác dụng trong vấn đề Hồng Kông. Tổng Lãnh sự quán Mỹ tại Hồng Kông Milor nói: Sau

“97”, chế độ chính trị tự trị, pháp trị và dân chủ v.v... “không thể bị ảnh hưởng và nhấn mạnh “Chính phủ Mỹ đang quan tâm chặt chẽ đến tất cả sự phát triển của các mặt”. Ông ta còn công bố “Nước Mỹ sẽ tiếp tục giúp đỡ Hồng Kông tham gia các tổ chức quốc tế và ủng hộ các hiệp nghị song phương”. Vì vậy, “cần phải cho phép Hồng Kông sau năm 1997 vẫn giữ được nền tự trị chân chính”. “Người lãnh đạo và cơ cấu của Hồng Kông cần phải tự đưa ra quyết định”.

Tại sao Mỹ phá vỡ sự im lặng trong vấn đề Hồng Kông và không thể chờ đợi dành tỏ rõ lập trường và thái độ của họ. Hội trưởng Hội thương mại Mỹ tại Hồng Kông Tô mát đã nói thẳng: “Chỉ còn hơn 800 ngày, tốt nhất là bây giờ phải nói.... nếu không sẽ muộn”.

Hạ nghị viện Mỹ yêu cầu Chính phủ “giám sát” tình hình Hồng Kông

Tháng 6 năm 1996, Hạ nghị viện Mỹ đã thông qua một dự thảo điều lệ, quy định Tổng thống Clinton phải tăng cường giám sát những việc làm của Trung Quốc đối với Hồng Kông trước thời kỳ quá độ của Hồng Kông, để có những tài liệu chính xác cho Quốc hội khi cần thiết sẽ xem xét trừng phạt Trung Quốc, bảo vệ quyền lợi của Hồng Kông.

Bản dự thảo này quy định Chính phủ Mỹ đặc biệt chú ý tình hình chính trị ở Hồng Kông, và mỗi năm báo cáo trước Quốc hội một lần. Nội dung của bản dự thảo dựa trên chính sách của Mỹ với Hồng Kông năm 1992, làm cho Chính phủ Mỹ phải cố gắng thúc đẩy nền tự chủ, tự do, pháp trị và tự trị chính đáng của Hồng Kông sau năm 1997. Theo quy định của dự thảo thì Tổng thống Clinton phải nộp báo cáo trước Quốc hội vào cuối tháng 3 - 1997.

Sự sắp xếp này, sẽ tạo cho Quốc hội nắm được đầy đủ tư liệu để hoạch định chính sách đối với Trung Quốc và Hồng Kông, bao gồm khi cần thiết Quốc hội sẽ đưa ra sự trừng phạt để bảo đảm nền “tự do tự trị” của Hồng Kông sau khi chuyển giao cho Trung Quốc vào năm 1997.

V. DỰ ĐỊNH XÂY DỰNG KHU HÀNH CHÍNH ĐẶC BIỆT.

Mời bốn lượt cố vấn về công việc Hồng Kông

Điều thứ 3 trong Thông cáo chung Trung - Anh năm 1984 tuyên bố: “Để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, đồng thời xem xét tình hình lịch sử và hiện thực của Hồng Kông, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa quyết định khi khôi phục chủ quyền đối với Hồng Kông, căn cứ vào quy định của điều 31 Hiến

pháp nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, thiết lập Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông.” Ngày 4 tháng 4 năm 1990, kỳ họp thứ 3 Đại hội Đại biểu nhân dân toàn quốc khoá 7 thông qua “Quyết định của đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc về việc thiết lập Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông.” Quyết định thiết lập Khu hành chính đặc biệt có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 1997, khu vực Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông gồm Đảo Hồng Kông, Cửu Long, ba khu “Tân giới” cùng những đảo to nhỏ và hải vực phụ cận đang quản lý. Nghị quyết Đại hội quyết định trong năm 1996, Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc sẽ thiết lập Ủy ban trừ bị Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông, phụ trách trừ bị sắp xếp những công việc có liên quan để thành lập Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông. Trước khi bắt tay chuẩn bị thành lập Khu hành chính đặc biệt, để thu thập rộng rãi những ý kiến và kiến nghị của người Hồng Kông, Chính phủ Trung Quốc quyết định mời văn phòng Quốc vụ viện Hồng Kông, Ma Cao và Tân Hoa xã tại Hồng Kông làm cố vấn về công việc Hồng Kông. Khi mời cố vấn về những công việc Hồng Kông, Chính phủ Trung Quốc giới thiệu rõ ràng với tính chất tư vấn phi tổ chức, chúng tôi phía Trung Quốc nghiêm khắc tuân thủ Tuyên bố chung Trung - Anh và sự hợp tác ủng hộ đối với Chính phủ Anh đối với việc thực thi có hiệu quả chế độ quản lý của Hồng Kông. Những người được mời làm cố vấn công việc Hồng Kông, đều là những nhân sĩ đã từng cống hiến cho sự phồn vinh và ổn định của Hồng Kông, đồng thời có tiếng nói và ảnh hưởng nhất định. Họ có sự hiểu biết sâu sắc về công việc Hồng Kông, có thể đưa ra được nhiều ý kiến tư vấn tốt cho thời kỳ quá độ ở Hồng Kông. Tháng 3 năm 1992, có 44 người được mời làm cố vấn. Sau đó, tháng 5 năm 1994, mời đợt 3 là 49 người. Tháng 4 năm 1995, mời đợt 4 là 45 người. Những cố vấn sau khi được mời đã bằng nhiệt tình yêu nước cao độ, đề xuất rất nhiều ý kiến và kiến nghị đối với những vấn đề quan trọng của thời kỳ quá độ và sự thuận lợi chuyển giao chính quyền bình ổn năm 1997 của Hồng Kông; trong đó có rất nhiều ý kiến được phía Trung Quốc tiếp nhận, có tác dụng rất tốt để phía Trung Quốc xử lý tốt một loạt công việc thời kỳ quá độ của Hồng Kông sau này.

Thành lập Ủy ban trừ bị

Ngày ký kết Hồng Kông trở về đã gần đến. Để thực hiện quá độ ổn định và chuyển giao chính quyền thuận lợi của Hồng Kông, sẽ có rất nhiều công việc chuẩn bị cụ thể và phức tạp phải hoàn thành. Vì vậy, trước khi chính thức thành lập Ủy ban trừ bị Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông, năm 1996 sẽ thành lập cơ quan công tác chuyên môn dưới Ủy ban thường vụ Đại hội đại

biểu nhân dân toàn quốc, vô cùng bức thiết và khẩn cấp. Các nhân sĩ các ngành trong xã hội Hồng Kông cũng đều kiến nghị sớm thiết lập một cơ quan như thế. Ủy viên Ủy ban trừ bị gồm 57 người, trong đó 30 ủy viên là người Hồng Kông, chiếm hơn 1/2, do Phó Thủ tướng Quốc vụ viện kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Tiền Kỳ Thạm làm Chủ nhiệm, An Tử Giới, Hoắc Anh Đông, Lỗ Bình, Chu Nam, Khương Ân Trụ, Trịnh Nghĩa, Lý Phúc Thiện làm phó chủ nhiệm, thư ký trưởng do Lỗ Bình kiêm nhiệm, Trần Văn Tuấn, Trần Từ Anh làm phó thư ký. Ngày 12 tháng 5 năm 1994, hội nghị lần thứ 7 Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 8 quyết định bổ sung thêm 13 ủy viên Ủy ban trừ bị.

Chức trách công tác của Ủy ban trừ bị là:

1. Đề xuất ý kiến về những công việc hữu quan của ủy viên Ủy ban trừ bị Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông.

2. Nghiên cứu và nêu kiến nghị về quyền khoá 1 và những biện pháp phát sinh cụ thể của Hội lập pháp Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông.

3. Nghiên cứu tăng cường mở rộng và tuyên truyền cho luật pháp cơ bản của Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông.

4. Đề xuất ý kiến xử lý đối với những điều khoản có sự động chạm giữa luật pháp hiện hành của Hồng Kông với luật pháp cơ bản của Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông.

5. Nghiên cứu và đề xuất ý kiến về việc vượt qua năm 1997, có thể phát sinh những sự kiện to lớn ảnh hưởng đến lợi ích của Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông.

6. Nghiên cứu và đề xuất ý kiến về việc Trung Quốc khôi phục chủ quyền thực hiện những công việc khác có liên quan đến quá độ bình ổn của Hồng Kông.

Để thực hiện chức trách trên, Ủy ban trừ bị quyết định thiết lập 5 tổ chuyên đề chính vụ, kinh tế, pháp luật, văn hoá, xã hội và an ninh, các chuyên đề tiến hành nghiên cứu có hệ thống và toàn diện...

Nhà đương cục Anh tại Hồng Kông không thừa nhận hợp tác với Ủy ban trừ bị, gây nhiều trở ngại cho công tác của Ủy ban trừ bị. Ủy ban trừ bị giương cao ngọn cờ yêu nước, đoàn kết quảng đại đồng bào Hồng Kông, nghiêm chỉnh làm việc theo Tuyên bố chung Trung-Anh và luật pháp cơ bản của Hồng Kông, làm công tác chuẩn bị lớn trước khi thành lập Ủy ban. Trong vòng 2 năm rưỡi, sau khi thành lập Ủy ban trừ bị, 6 hội nghị đã được triệu tập tại Bắc Kinh; 5 tổ chuyên đề đã triệu tập 89 cuộc họp. Các ủy viên ở Hồng Kông và Đại lục đã hợp tác chặt chẽ. Trên cơ sở trung cầu rộng rãi ý kiến của

các ngành hữu quan ở Hồng Kông và nội địa đã đề xuất 46 ý kiến và kiến nghị tương đối hệ thống bằng văn bản về xây dựng chính quyền, phát triển kinh tế văn hoá và dân chủ, v.v... Có một số đã thành văn kiện chính thức, từ đó mà hình thành một khuôn mẫu hoàn chỉnh cho khu đặc biệt tương lai, làm cơ sở tốt cho việc chính thức thành lập Ủy ban trú bị. Có được thời gian quý báu bảo đảm quá độ bình ổn của Hồng Kông năm 1997.

Ủy ban trú bị bắt đầu vận hành

Trong Hội nghị toàn thể lần thứ 5 của Ủy ban trú bị họp ngày 24 tháng 6 năm 1995 đã thông qua “Kiến nghị về việc thành lập Ủy ban trú bị Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông” sẽ thành lập vào tháng 01 năm 1996. Số người trong Ủy ban từ 120 đến 150 người. Trong đó các uỷ viên Hồng Kông chiếm 50% trở lên. Ủy ban trú bị đặt ở Bắc Kinh, đồng thời đặt trụ sở cơ quan làm việc ở Bắc Kinh và Hồng Kông.

Qua nhiều lần nghiên cứu và hiệp thương, Hội nghị uỷ viên trưởng Ủy ban thường vụ Quốc hội đã đưa ra dự kiến danh sách 150 nhân viên của Ủy ban trú bị Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông để trình lên Hội nghị lần thứ 17 Ủy ban thường vụ Quốc hội họp tại Bắc Kinh ngày 28 tháng 12 năm 1995. Hội nghị đã thảo luận và thông qua danh sách đó. Tiền Kỳ Tham giữ chức chủ nhiệm Ủy ban.

Trong 150 thành viên, có 56 uỷ viên Đại lục chiếm 37%, 94 người ở Hồng Kông chiếm 63%. Các uỷ viên được tuyển chọn ở Đại lục chủ yếu là những người phụ trách các ngành ở Trung ương và địa phương cùng các chuyên gia có liên quan tương đối nhiều đến công việc của Hồng Kông. 94 uỷ viên Hồng Kông đều là những cư dân lâu đời ở đó. Trong đó, giới công thương có 34 người, gồm những đại biểu nổi tiếng trong giới công thương nghiệp. Giới chuyên nghiệp có 33 người, gồm hiệu trưởng của 5 trường đại học Hồng Kông và các nhân sĩ trí thức chuyên nghiệp nổi tiếng.

Ngày 26 tháng 01 năm 1996, Ủy ban chính thức thành lập và triệu tập Hội nghị toàn thể lần thứ nhất. Hội nghị thảo luận thông qua quy tắc công tác của Ủy ban trú bị. Trong thời gian hội nghị còn triệu tập Hội nghị chủ nhiệm, quyết định tuyển chọn 6 tổ chức triển khai công việc gồm trường hành chính, tổ lập pháp lâm thời, tổ pháp luật, tổ hoạt động khánh chúc v.v... Đồng thời xác định lựa chọn người thành lập các tổ đó.

Ủy ban trú bị khu hành chính đặc biệt Hồng Kông là một cơ quan công tác, cũng là một cơ quan quyền lực tối cao toàn quốc. Nó không giống như

Ủy ban trừ bị, nhưng lại có sự tiếp nối công việc của Ủy ban dự bị. Ngày 28 tháng 01 năm 1996 việc xây dựng cơ sở quân đội đóng ở khu hành chính đặc biệt Hồng Kông do Chính phủ Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa cử đến đã hoàn thành. Quân đội đóng ở Hồng Kông gồm có hải lục, không quân, thuộc sự lãnh đạo của Ủy ban quân sự Trung ương Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa. 0 giờ ngày 01 tháng 7 năm 1997 đơn vị quân đội này sẽ chính thức tiến vào Hồng Kông gánh vác nhiệm vụ bảo vệ Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông.

Từ ngày 23 đến 24 tháng 3 năm 1996 Ủy ban trừ bị khu hành chính đặc biệt Hồng Kông đã mở hội nghị lần thứ 2 tại Bắc Kinh, thảo luận và thông qua “Quyết định thành lập Hội lập pháp lâm thời Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông”, “Quyết định sắp xếp những ngày nghỉ của công chức Hồng Kông nửa năm cuối 1997 và cả năm 1998”, “Quyết định Ủy ban hoạt động của các ngành giới Hồng Kông mừng Hồng Kông trở về với Tổ quốc”, “Kiến nghị giải thích việc thực thi Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông (theo luật quốc tịch nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa)”.

Ngày 24, 25 tháng 5 năm 1996, Hội nghị toàn thể lần thứ 3 Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông được tiến hành tại thành phố Chu Hải tỉnh Quảng Đông. Hội nghị đã thông qua 3 quyết định: “Quyết nghị nguyên tắc suy nghĩ về những biện pháp phát sinh khi lựa chọn uỷ viên Ủy ban”, “Quyết nghị lập bia kỷ niệm Hồng Kông trở về với Tổ Quốc”, “Quyết nghị về vấn đề sách giáo khoa”.

Ngày 9, 10 tháng 8 năm 1996, Hội nghị lần thứ 4 của Ủy ban trừ bị Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông họp tại Bắc Kinh. Hội nghị đã thông qua “Những biện pháp phát sinh cụ thể của việc lựa chọn các uỷ viên chính quyền khoá một khu hành chính đặc biệt Hồng Kông nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.” “Những biện pháp tạm thời sử dụng cờ, huy hiệu của khu hành chính đặc biệt Hồng Kông nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Từ ngày 15 tháng 9 đến ngày 14 tháng 10 năm 1996, Hội nghị báo cáo công tác tuyển chọn uỷ viên chính quyền khoá 1 khu hành chính đặc biệt Hồng Kông tiến hành tại Hồng Kông.

Ngày 04 - 05 tháng 10 năm 1996, Hội nghị toàn thể lần thứ 5 Ủy ban trừ bị Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông họp tại Bắc Kinh. Hội nghị thông qua “*Những biện pháp phát sinh của hội lập pháp lâm thời Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa*” và “*Những biện pháp phát sinh của việc tuyển chọn những quan chức đứng đầu nhiệm kỳ 1 Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.*”

Ngày 01 -02 tháng 11 năm 1996, Hội nghị toàn thể lần thứ 5 Ủy ban trừ bị Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông họp tại Bắc Kinh, Hội nghị Ủy viên chủ nhiệm cũng được triệu tập trong thời gian họp, thông qua “Quyết định thiết lập tổ phát sinh biện pháp của Hội lập pháp khoá 1 Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông”, “Danh sách những người được chọn đứng đầu hành chính nhiệm kỳ 1 Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông” và “Quyết định về những công việc hữu quan, những biện pháp tuyển chọn người đứng đầu cơ quan Khu hành chính đặc Hồng Kông.

Theo sắp xếp của Ủy ban trừ bị, ngày 11 tháng 12 đã bầu ra những quan chức đứng đầu cơ quan hành chính Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông, Ngày 21 tháng 12 bầu ra uỷ viên Ủy ban lập pháp lâm thời Khu hành chính đặc biệt Hồng Kông.

Giờ đây Hồng Kông trở về với Tổ quốc, lại bước vào một giai đoạn lịch sử mới.

Chương 21

Không chế Trung Quốc - Thể chế tám lá chắn an toàn Nhật-Mỹ. Sóng dữ bão điều ngư lại nổi lên, người Trung Quốc căm thù kẻ địch.

I. TĂNG CƯỜNG ĐỒNG MINH MỸ - NHẬT

Những thay đổi mới về thể chế an ninh Nhật - Mỹ

Những người quan tâm đến vấn đề Nhật-Mỹ đều biết rằng, Nhật Bản sau chiến tranh là “Thành lũy ngăn ngừa Cộng sản” của mặt trận phương Tây. Sự thành lập thể chế tám lá chắn an toàn Nhật-Mỹ, làm cho Nhật tích cực tham gia chiến lược chống Liên Xô của Mỹ (Đặc biệt là chiến lược hạt nhân chống Liên Xô ở Đông Nam Á và Thái Bình Dương). Bước vào năm 1980, khi Liên Xô tiến vào Nam Châu á từng tác đất một, thì thể chế an toàn ấy đã bắt đầu thay đổi.

Một hiện tượng kỳ lạ là, cùng với sự kết thúc của chiến tranh lạnh, “Luận thuyết rắn đe Liên Xô” cũng tiêu tan, thay vào đó là “luận thuyết rắn đe Trung Quốc” và “luận thuyết rắn đe Triều Tiên”. Căn cứ của phòng vệ Nhật Bản cũng vì thế mà phát triển quân sự.

Quan hệ đồng minh quân sự Mỹ-Nhật được tăng cường. Quân sự hoá nước lớn, luận thuyết rắn đe Trung Quốc (hoặc Triều Tiên) vô cùng ngang ngược, có thể nói là “ba ngôi một thể” để thúc đẩy chính trị, ngoại giao quốc tế của Nhật Bản trong những năm 90 phát triển. Nhưng động lực này không phải là động lực hoà bình. Rất dễ thấy Nhật Bản sau này có thể chiến đấu giỏi, nhưng đầy tính nguy hiểm.

Chúng ta cùng lưu ý đến phái Điều hầu ra sức ca ngợi “thuyết tăng cường phòng vệ tự chủ”. Một số lãnh tụ chính giới Nhật còn mang tư tưởng “Clinton Mỹ”, tức là Nhật không thể cứ chỉ đầu đánh đấy, tất nhiên chẳng sớm thì muộn sẽ ngang bằng phải lứa với chú Sam, thậm chí còn nói thẳng ra rằng, không cần khách khí với Mỹ. Càng không thể nghĩ tới là Nhật Bản đã có Fluton nhiên liệu hạt nhân vượt qua mức cho phép. Từ đó mà có thể sử dụng nguyên liệu ấy để chế tạo đầu đạn hạt nhân.

Tháng 02 năm 1995, Mỹ công bố chiến tranh thế giới mới. Trọng điểm 1 là các siêu cường vẫn tiếp tục duy trì căn cứ quân sự và số binh lính đã được bố trí ở các nơi trên thế giới. Các tài liệu cho thấy Mỹ đứng đầu về số nhân viên quân sự đóng ở Đức, đạt tới 10,32 vạn người, sau đó là Nhật (4,48 vạn người), Hàn Quốc (3,625 vạn người) Anh (1,455 vạn người), ý (1,26 vạn người)... Từ đó có thể thấy rõ, với chú Sam, thì tính chất quan trọng của căn cứ quân sự Nhật Bản được xếp số 1 hoặc 2, không thể thiếu. Trọng điểm 2 về chiến lược thế giới mới của Mỹ là yêu cầu Nhật và các đồng minh khác tăng cường lực lượng quân sự và gánh vác kinh phí lưu trú cho quân đội Mỹ. Gần đây nhân dân Nhật oán trách, dự toán cho phúc lợi của người già không ngừng giảm bớt, dự toán cho quân đội Mỹ đóng ở Nhật lại liên tục tăng lên. Đối thật không công bằng.

Cuối năm 1995 trong cuộc bầu cử thủ lĩnh của đảng cầm quyền, phái điều hâu đã đánh bại phái khiêu chiến. Điều đó chứng tỏ Nhật sẽ tích cực “cống hiến quân sự” trên toàn cầu và khu vực.

Trong một bài báo đăng ngày 05 tháng 01 năm 1996 của tờ “Báo liên hợp buổi sớm” Singapo viết: “Nhật Bản sau này sẽ trở thành một đất nước quân sự hoàn toàn xa cách với ý nguyện của nhân dân Châu á. Đương nhiên, quan hệ an ninh Nhật - Mỹ lúc đó sẽ có một định nghĩa mới.”

Mục đích thể chế an ninh Nhật-Mỹ

Quả không ngoài dự đoán, ngày 17-4-1996 sau khi mật đàm giữa cơ quan đầu não, Mỹ-Nhật đã ký “Tuyên ngôn tám lá chắn an ninh Nhật-Mỹ”. “Tuyên ngôn” ấy đặt ra một định nghĩa mới đối với “Hiệp ước an ninh Mỹ-Nhật”. Chuyển trọng điểm từ bảo vệ an toàn của Nhật Bản mở rộng thành giữ gìn sự an toàn của Nam á Thái Bình Dương, thậm chí bao gồm cả Đông Nam á. Mặc dù Nhật đã cố gắng phân biệt việc đó nhưng các quan chức Chính phủ đều muốn chỉ ít cũng phải kéo đến vành đai Philippin.

Đối với tuyên ngôn chung, khi Đông Nam Á phát sinh vấn đề thì đội tự vệ Nhật Bản sẽ phối hợp hành động quân sự với quân Mỹ. Cục pháp chế nội các Nhật Bản chỉ rõ: “Đây thuộc về quyền tự vệ tập đoàn, không thể thừa nhận.”

Nói về đội tự vệ chủ trương liên minh quân sự với Mỹ, một giáo sư của một trường đại học nói: “Nói quyền tự vệ tập đoàn vi phạm điều 9 của hiến pháp, là vì trong điều 9 ghi rõ: Không sử dụng sức mạnh quân sự làm thủ đoạn giải quyết tranh chấp quốc tế. Chúng tôi phản đối quyền tự vệ tập đoàn.

Phái ủng hộ Hiến pháp của Nhật Bản, phản đối Nhật Bản kết thành đồng minh quân sự với nước ngoài. Nhưng đội tự vệ và một bộ phận chính

đảng (Như đảng Tân tiến) lại cho rằng “20 năm sau Trung Quốc trở thành một nhân tố bất ổn định lớn của Châu Á. Cho nên từ bây giờ trở đi phải kể vai sát cánh với Mỹ để giữ sức mạnh cân bằng với Trung Quốc.”

Phòng phòng vệ muốn xây dựng quân sự ngày càng mạnh đã cường điệu lên rằng “Trung Quốc là mối đe dọa đang tiềm ẩn” để tìm lý do cho liên minh quân sự Nhật Mỹ. Một giáo sư trường đại học Phòng vệ Nhật Bản nói: “Quyền tự vệ tập đoàn sớm được hình thành ở Nhật, do hiến chương liên hợp quốc mang lại. Những quy định trước kia bây giờ không thể thay đổi không tránh khỏi quá cứng nhắc. Ngày nay không có quyền tự vệ tập đoàn, tấm lá chắn an toàn Nhật Bản cũng không thể nói đến” Ông còn so sánh: “Một bé gái 10 tuổi thể thốt với bé trai rằng sau này nhất định sẽ không lấy chồng. Nhưng khi cô ta đã 25 tuổi, biết đâu cô ta lại muốn lấy chồng”.

Nhưng sửa đổi Hiến pháp không thể thành hiện thực. Do đó ông chủ trương giải thích điều thứ 9 của Hiến pháp để cơ quan đầu não của Nhật Bản có quyền quyết định lớn hơn, mà sau sự việc Quốc hội truy nhận là được.

Tờ “tin mới” Nhật ngày 18-4 bình luận:

“Tấm lá chắn an ninh Nhật- Mỹ, đặt trọng điểm trên tấm lá chắn an toàn của khu vực Châu Á Thái Bình Dương. Bối cảnh của nó là hông giữ thế quân bình với Trung Quốc hùng mạnh sau này. Nhưng khi sự răn đe “của Trung Quốc được thể hiện rõ ràng bằng hình thức cụ thể, thì Nhật-Mỹ sẽ phải ứng phó như thế nào, để giữ sự ổn định và phồn vinh của khu vực, Trung Quốc phát huy tác dụng tích cực và có tính xây dựng là vô cùng quan trọng. Tiến thêm một bước quan hệ hợp tác với Trung Quốc phù hợp với lợi ích của Mỹ- Nhật.”

Có thể cho rằng đoạn nói trên là tham khảo ý kiến của Phó Thủ tướng Trung Quốc kiêm ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham. Đầu tháng, vị ngoại trưởng này sang thăm Nhật đã nói: “Tấm lá chắn an ninh Nhật-Mỹ nếu vượt qua phạm vi hai nước, ảnh hưởng đến lợi ích của nước khác, sẽ có thể dẫn đến nhân tố phức tạp mới.”

“Nếu trực diện chỉ ra sự uy hiếp từ phía Trung Quốc sẽ kích động Trung Quốc, làm cho Trung Quốc cô lập, đồng thời phá vỡ thế cân bằng ở Đông Nam Á. Điều này sẽ làm trở ngại cho sự tăng trưởng kinh tế ở khu vực này.”

Có thể nói, đưa ra những suy nghĩ này từ đó chọn từ ngữ thoả đáng, hy vọng Trung Quốc phát huy tác dụng có “tính xây dựng”.

Song, đối với khó khăn mà Trung Quốc sẽ gặp sau này được hình thành cùng với bán đảo Triều Tiên, không còn nghi ngờ, là một nhân tố bất ổn định ở Đông Nam Châu á. “Tập trung khối lượng lớn quân sự trong đó bao gồm vũ khí hạt nhân” mà tuyên bố chung đã nói, hiển nhiên là chỉ Trung Quốc.

Chương 22

Quan hệ Trung - Mỹ ngày càng gay gắt. Hai bên Nga - Mỹ không nhân nhượng. Chiến tranh lạnh đã chấm dứt hay chưa? Thời báo Newoóc- những chất vấn và nghi ngờ.

I. CUỘC CHIẾN THƯƠNG MẠI TRUNG - MỸ

5 năm trác trở

Từ năm 1991 đến nay, do có sự lục đục chính trị trong nội các Mỹ, quan hệ kinh tế hai nước Trung - Mỹ luôn rạn nứt và có những mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân chính của sự bất đồng tập trung chủ yếu vào hai vấn đề là bảo vệ bản quyền trí tuệ và Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới. Do vậy đã vài lần Mỹ tung đòn trả đũa tuy nhiên vẫn chưa đủ mạnh nhưng cũng làm cho quan hệ hai nước ngày càng sa sút.

Ngày 26 tháng 4 năm 1991 Chính phủ Mỹ đã dựa vào điều 301 trong “Luật Thương mại năm 1974” đã tuyên bố: Trung Quốc là “Nước được hưởng ưu đãi nhất”. Trong điều này hàm ý chủ yếu là bảo vệ quyền lợi của mình trên thương trường quốc tế. Còn với những điều khác thì Mỹ trả đũa và cho là những nước làm ăn “không hợp lý”, “không chính đáng”. Căn cứ vào điều này Mỹ có thể tiến hành điều tra đối với những nước mà Mỹ cho là làm ăn “không chính đáng”, hơn nữa còn phải có sự thương lượng với các nước có liên quan và cuối cùng sẽ do Tổng thống quyết định thực thi nâng cao mức thuế, hạn chế nhập khẩu và chấm dứt những thoả hiệp có liên quan.

Vào ngày 27 tháng 5 Mỹ bắt đầu tiến hành điều tra vấn đề bản quyền trí tuệ đối với Trung Quốc. Về sau, hai bên đàm phán và chưa đi đến một thoả thuận nào, Mỹ tuyên bố trả đũa bằng việc thực hiện thuế quan đối với một số mặt hàng của Trung Quốc. Đêm ngày 17 tháng 1 năm 1992, trải qua 6 vòng đàm phán gay gắt, cuối cùng hai bên đã nhất trí về vấn đề bảo vệ bản quyền trí tuệ, đồng thời cũng vào đêm 17 tại Oasinhton đã diễn ra lễ ký bản ghi nhớ thông cảm lẫn nhau, cuối cùng Mỹ điều tra Trung Quốc theo “khoản 301 đặc biệt” và không còn xếp Trung Quốc là “Quốc gia trọng điểm” nữa. Từ đó để tránh một cuộc chiến trả đũa thương mại.

Bảo vệ bản quyền trí tuệ phù hợp với quốc sách phát triển cơ bản của Trung Quốc, là lợi ích của sự tiến bộ khoa học kỹ thuật và phát triển ngày nay, cũng là nhu cầu cấp bách của Trung Quốc trong việc phát triển hợp tác kinh tế kỹ thuật quốc tế. Kể từ tháng 7 năm 1993 trải qua 9 vòng bàn bạc kỹ lưỡng trong suốt 20 tháng. Đêm ngày 26 tháng 2 năm 1995 hai bên Trung - Mỹ đã đi đến thoả thuận về vấn đề bảo vệ bản quyền trí tuệ, nhằm tránh một cuộc chiến thương mại khốc liệt ngay trước mắt. Sau đó, Chính phủ Trung Quốc đã đề ra, chấp hành đầy đủ “Kế hoạch hành động bảo vệ và thực thi bản quyền trí tuệ”, hệ thống luật bản quyền trí tuệ của Trung Quốc đã được thế giới công nhận.

Mấy năm trở lại đây, Trung Quốc còn thành lập ban chấp pháp về bản quyền trí tuệ, đã thiết lập nên toà án xét xử và bảo vệ bản quyền. Căn cứ vào luật pháp đã xét xử một loạt vụ án, đã đóng cửa một số cơ sở sản xuất lậu và đã thiêu huỷ hàng triệu băng đĩa lậu. Tất cả những điều này thì ai ai cũng biết.

Tuy nhiên, đầu năm 1996, Thượng nghị viện Mỹ đã chỉ trích, hàng năm Trung Quốc đã đưa băng đĩa lậu trị giá 8 tỷ USD qua Ma Cao và qua các cửa khẩu sang Mỹ, làm tổn hại đến lợi ích của ngành thương mại Mỹ. Ngày 30/4 Chính phủ Mỹ lại vô cớ trách móc Trung Quốc không nghiêm chỉnh thực hiện những thoả thuận đã ký kết về vấn đề bản quyền năm 1995, coi Trung Quốc là một trong 35 quốc gia được hưởng “Điều khoản 301 đặc biệt”. Ngày 13 và 14 tháng 5, đàm phán về luật bản quyền giữa 2 bên Trung - Mỹ một lần nữa tan vỡ. Ngày 15, Văn phòng đại diện thương mại Mỹ đã đơn phương tuyên bố: Kể từ ngày 17/6 các mặt hàng điện tử và dệt may của Trung Quốc xuất khẩu sang Mỹ phải chịu mức thuế nhập khẩu 100%. Cùng lúc đó Chính phủ Trung Quốc cũng gay gắt tuyên bố nhằm trả thù Mỹ, đối với các sản phẩm nông nghiệp, thức ăn gia súc, ô tô, và các linh kiện điện tử của Mỹ phải đánh thuế đặc biệt 100%. Và lại, Mỹ đã trả đũa lại ngay bằng những đơn hàng kế tiếp. Cuộc chiến thương mại Trung - Mỹ lại sắp được châm ngòi.

Chính sách: cây gậy và củ cà rốt

Một nhà báo nổi tiếng Mỹ nói: “Nước Mỹ cần phải áp dụng cách làm của Níchxơn đối với Trung Quốc, tăng cường đi lại, tiếp xúc và áp dụng những thủ đoạn kích động và đe dọa bằng vũ lực. Cách làm đó đã được Mỹ thực hiện suốt trong 20 năm, đến nay vẫn phát huy được tác dụng”. Thế là dãi ngộ tối huệ quốc trở thành củ cà rốt mê hoặc con người. Hạm đội 7 và “Điều khoản 301 đặc biệt” đã trở thành cái gậy trong tay Mỹ hua lên.

Theo các chuyên gia phân tích, trong vấn đề bảo vệ bản quyền trí tuệ,

Chính phủ Mỹ vẫn rơi vào lập trường mâu thuẫn đã công khai thừa nhận lập pháp bản quyền trí tuệ của Trung Quốc là hay nhất Châu á, nhưng lại không có đủ những bằng chứng thuyết phục.

Ngày 15 tháng 6 sau khi Mỹ khẳng khái đòi công bố xử lý Trung Quốc đối với đơn hàng trị giá 3 tỷ đô la, chẳng những gặp phải sự phản đối gay gắt từ phía Trung Quốc, mà còn dẫn đến việc các quan chức trong giới thương mại Mỹ trên toàn thế giới phải quan tâm, lo lắng.

Dư luận hầu như nhất trí rằng, nếu 2 bên Trung - Mỹ để xảy ra cuộc chiến thương mại thì người tiêu dùng của cả 2 nước sẽ gánh chịu sự thiệt thòi. Mức buôn bán 2 chiều sẽ giảm mạnh, nền kinh tế 2 nước sẽ chịu nhiều ảnh hưởng ở những mức độ khác nhau. Một vài nhà kinh tế Mỹ cho rằng, cuộc chiến thương mại này sẽ không làm cho bên nào giành được phần thắng nhưng “Mỹ sẽ mất đi mấy chục ngàn cơ hội việc làm”.

Có dư luận đưa ra, nếu Mỹ vẫn kiên quyết trừng phạt Trung Quốc, thì nhìn về lâu dài, Mỹ sẽ để tuột mất thị trường Trung Quốc lớn nhất.

Thực tế đã chứng minh, nền kinh tế Trung Quốc vẫn duy trì, tăng trưởng, phát triển lành mạnh, hơn nữa, thị trường ngày càng được mở rộng. Đến năm 2000 tổng trị giá kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc sẽ đạt và vượt với mức 4 tỷ đô la. Giới kinh tế Thương mại Mỹ sẽ đứng trước một cơ hội hợp tác và phát triển thương mại mang tính lịch sử tại Trung Quốc. Một vài chính trị gia và dư luận Châu á phê phán Mỹ trong việc tiến hành trừng phạt thương mại đối với Trung Quốc. Chính là nhằm vào khu vực này “làm 1 nền chính trị cường quyền”, và đối với khu vực này tạo thành hậu quả không lường”, đồng thời “tổn hại đến nền kinh tế thế giới”. Họ đều nhất trí kêu gọi 2 bên Trung - Mỹ nên thông qua đàm phán để giải quyết vấn đề tranh chấp này.

Kể từ ngày 13 tháng 6 năm 1996 hai bên Trung- Mỹ đã bắt đầu chính thức đi vào đàm phán trong vòng 5 ngày, nét chủ yếu của vòng đàm phán này là ép buộc Trung Quốc đóng cửa tất cả các xưởng sản xuất băng đĩa lậu và mở cửa thị trường ngành băng hình. Hai cái gọi là “đóng cửa” và “mở cửa” này của Mỹ rõ ràng là cái gậy treo củ cà rốt.

Cũng như thế, trên phương diện ủng hộ Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, Mỹ cũng thể hiện là không muốn quan tâm, nhưng lại lo lắng Trung Quốc sẽ rút khỏi vòng đàm phán mà mất đi thị trường Trung Quốc. Cho nên, Mỹ buộc Trung Quốc phải giải quyết các tranh luận trong quan hệ kinh tế, thương mại với Mỹ, để cho Mỹ củng cố thêm quyền chính trị và lợi ích kinh tế. Mặc dù, Chính phủ Mỹ có thiện ý, và đối thoại mang tính

xây dựng, Mỹ không muốn “đi lên bằng con đường cũ” và “trở lại thời kỳ chỉ trích và cô lập lẫn nhau”, nhưng đa số các chuyên gia về vấn đề quốc tế cho rằng cái cốt lõi của nó vẫn là vì “thúc đẩy lợi ích của Mỹ”.

Hòa hoãn hai bên đều có lợi, đối đầu hai bên đều thiệt hại

Trong sự phát triển quan hệ kinh tế thương mại Trung - Mỹ đang ở giữa ngã ba đường, các chuyên gia và các ngành có liên quan đã chỉ rõ, 2 bên Trung - Mỹ “hòa hoãn thì 2 bên đều có lợi, đối đầu thì cả hai đều thiệt hại”. Nếu Trung - Mỹ tiến hành trả đũa lẫn nhau, thì Trung Quốc sẽ phải chịu sự tổn thất nhất định, mà Mỹ cũng phải gánh chịu sự thiệt hại, mà tổn thất 2 bên thì cũng không bên nào hơn bên nào.

Chính phủ 2 nước Trung-Mỹ đã ký Hiệp định thương mại vào ngày 7 tháng 7 năm 1979 hai nước đã được ưu đãi, tối huệ quốc. Từ đấy, con đường thương mại 2 nước đi trên một bước phát triển mới. Vào những năm 90, quan hệ kinh tế 2 nước Trung - Mỹ đã xuất hiện những mặt tích cực và cải thiện. Nhất là, khi Tổng thống Bin Clinton tuyên bố vô điều kiện kéo dài việc cho Trung Quốc tối huệ quốc vào năm 1994, 1995 và thoát khỏi cái móc nhân quyền, quan hệ kinh tế thương mại.

Đương nhiên, trên con đường phát triển quan hệ kinh tế thương mại Trung - Mỹ không phải lúc nào cũng thuận buồm xuôi gió, trong thời gian đó cũng gặp phải không ít khó khăn. Nhưng trong mọi cố gắng của cả hai bên, thì sự hợp tác thương mại kinh tế của hai nước Trung - Mỹ đã giành được những thành tích đáng kể. Theo thống kê của phía Trung Quốc, kim ngạch thương mại 2 bên đã tăng từ 2 tỷ rưỡi đô la năm 1979 lên 40,8 tỷ đô la năm 1995, tốc độ tăng trưởng bình quân năm là 20% cho đến cuối năm 1996. Mỹ đã đầu tư hơn 20.000 hạng mục tại Trung Quốc, trên thực tế đã vượt mức 10 tỷ đô la, Mỹ trở thành bạn hàng lớn thứ ba của Trung Quốc, Trung Quốc là bạn hàng lớn thứ sáu của Mỹ, mà từ tình hình xuất khẩu hàng hóa phân tích, thương mại 2 bên có tính tương hỗ rất mạnh. Trong lĩnh vực đầu tư, đầu tư cho nhau không những đã tạo rất nhiều cơ hội việc làm cho các nước mà còn thúc đẩy giao lưu về văn hóa, kỹ thuật giữa hai bên. Công bằng mà nói, sự lâu bền của hai bạn hàng kinh tế mậu dịch Trung - Mỹ ngày càng lớn.

Trung Quốc không muốn châm ngòi chiến tranh - không sợ đòn trừng phạt

Là một quốc gia có chủ quyền, lập trường của Trung Quốc rất rõ ràng đúng đắn. Vụ trường Vụ tư pháp Bộ Thương mại với nước ngoài Trương

Nguyệt Giao đã nhiều lần cho biết: Trung Quốc bảo vệ thành quả bản quyền trí tuệ, Mỹ không dễ dàng phủ nhận, nên tách riêng hiện tượng xâm phạm bản quyền với hành động của Chính phủ. rất nhiều nước đang dốc sức chống lại tệ nạn buôn lậu ma túy, nhưng cũng không hoàn toàn diệt được tận gốc như các loại tội phạm. Đồng thời, cũng phải thừa nhận rằng, Trung Quốc là một quốc gia lớn với 1,2 tỷ dân, nếu muốn cho mỗi người dân hiểu được và chấp hành pháp luật thì cần phải có một thời gian. Hiện nay, Trung Quốc đang chống lại việc ăn cắp bản quyền, và sức ép bên ngoài càng lớn. Như vậy là không công bằng.

Đối với những nét chính trong đàm phán là mở rộng thị trường băng đĩa, Trương Nguyệt Giao cho biết: Còn lại 22 doanh nghiệp sản xuất đĩa CD thì chỉ có doanh nghiệp là của Trung Quốc tự đầu tư sản xuất, tất cả các doanh nghiệp khác đều là xí nghiệp liên doanh. Ngay cả “thời báo Niueoc” cũng đưa ra kết luận sau khi Chính phủ Bin Clinton tiến hành điều tra các nhà máy của Trung Quốc: Các nhà máy của Trung Quốc ăn cắp bản quyền bắt nguồn từ nước ngoài: Theo báo cáo điều tra, hầu như tất cả các doanh nghiệp đều có một bộ phận kinh doanh ở nước ngoài. Trong đó có một vài công ty là bạn hàng và các nước đồng minh thân cận với Mỹ tiến hành hoạt động. Vì vậy, tờ báo này đưa ra chất vấn: Trung Quốc phải chăng chịu trách nhiệm trong việc ăn cắp bản quyền sản phẩm Mỹ?

Trước vòng đàm phán 5 ngày vào ngày 13 tháng 6 Chính phủ Trung Quốc một lần nữa nhấn mạnh, Trung Quốc không muốn nổ ra cuộc chiến thương mại, nhưng Trung Quốc cũng không sợ đòn trừng phạt, đồng thời Trung Quốc cũng không sợ áp lực và sức mạnh quyền lực. Để mà uy hiếp và trừng phạt lẫn nhau đối với việc giải quyết những tranh chấp thì không mang lại lợi ích gì, ngược lại sẽ làm cho sự chia rẽ càng thêm phức tạp, giải quyết sự chia rẽ giữa các quốc gia thì chỉ có một con đường duy nhất là bình đẳng thỏa hiệp.

Quyết tâm bảo vệ bản quyền trí tuệ của Trung Quốc là rất cương quyết, hành động thiết thực, đây là nhu cầu thiết yếu của chính mình, và không có sự cường ép.

II. QUAN HỆ TRUNG-NGA KIỂU MỚI

Quan hệ Trung-Nga phát triển vững chắc

Trung Quốc và Nga là hai nước láng giềng, có chung 4.000 km biên giới. Nhân dân hai nước đã có truyền thống hữu nghị. Sau khi Nga độc lập,

qua sự cố gắng chung của hai bên, quan hệ hai nước Trung - Nga phát triển ổn định, tràn đầy sức sống. Trong các lĩnh vực chính trị, thương mại, khoa học, văn hóa và quân sự vv... đều thiết lập sự hợp tác có hiệu quả chưa từng có, đặc biệt là chuyến viếng thăm Trung Quốc của Tổng thống Ensin tháng 12 năm, 1992 và trong thời gian thăm Nga tháng 9 năm 1994 của Chủ tịch Giang Trạch Dân. Hai bên đã ký "Tuyên bố chung Trung-Nga" và một loạt văn kiện quan trọng khác, nhắc lại Trung-Nga không sử dụng vũ khí hạt nhân đầu tiên, tuyên bố hai bên không dùng tên lửa chiến lược để nhắm vào đối phương, đặt nền móng vững chắc cho xây dựng tình hữu nghị lâu dài hướng tới thế kỷ 21.

Tháng 5 năm 1995, Chủ tịch Giang Trạch Dân lại đến Mátxcova dự lễ kỷ niệm 50 năm thắng lợi của cuộc chiến tranh chống phát xít, đã gặp Tổng thống Ensin, hai bên nhất trí tiếp tục nỗ lực chung để xây dựng quan hệ hợp tác hữu hảo lâu dài và ổn định. Tiếp đó, Thủ tướng Lý Bằng đã chính thức thăm Nga vào tháng 6. Sự thường xuyên tiếp xúc và gặp gỡ của những người lãnh đạo hai nước Trung-Nga đã thúc đẩy hai nước phát triển "quan hệ bạn bè có tính xây dựng" hướng tới thế kỷ 21.

Borít Ensin thăm Trung Quốc

2 giờ 40 phút chiều ngày 24 tháng 4 năm 1996, chiếc chuyên cơ màu bạc từ từ đáp xuống sân bay Nam Ninh. Tổng thống Borít Ensin và phu nhân Lana bước xuống cầu thang máy bay, bước lên tấm thảm đỏ. Ra đón đoàn có bộ trưởng Bộ Lao động Lý Bá Dũng, Thứ trưởng Bộ ngoại giao Trương Đức Quảng, Đại sứ quán Trung Quốc tại Nga Lý Phong Lâm.

Hai thiếu nữ Trung Quốc và hai thiếu nữ Nga chạy lên tặng hoa cho Tổng thống Ensin và phu nhân.

Sau đó Tổng thống Ensin cùng đoàn đi đến phía đội danh dự đã chờ sẵn từ trước.

Đoàn mô tô hộ tống đưa đoàn đi về phía thành phố.

Đây là lần thứ hai Ensin đến thăm Trung Quốc trong vòng hơn 3 năm lại đây. Trong thời gian ở thăm, Chủ tịch Giang Trạch Dân đã tiến hành hội đàm với ông. Thủ tướng Quốc vụ viện Lý Bằng và Ủy viên trưởng Ủy ban Thường vụ Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc Kiều Thạch đã lần lượt hội kiến với ông.

Chuyến thăm Trung Quốc lần này của Ensin, ngoài việc cùng với Chủ

tịch Giang Trạch Dân ký “Tuyên bố chung Trung-Nga ở Bắc Kinh ra, hai nước Trung-Nga còn ký mười mấy văn kiện khác. ở Thượng Hải, Chủ tịch Giang Trạch Dân và Tổng thống Ensin cùng với Tổng thống của các nước Cadăxtan, Tátgikixtan và Kirgidixtan đã cùng nhau ký kết Hiệp định tín nhiệm tăng cường lĩnh vực quân sự ở biên giới.

Sáng ngày 27 tháng 7 Borit Ensin đã kết thúc tốt đẹp chuyến thăm Trung Quốc 3 ngày, đáp chuyên cơ rời Thượng Hải bay về hướng thủ đô Cadăxtan.

Lợi ích của quan hệ Trung-Nga

Ngày 25 tháng 4 năm 1996 hai nước Trung-Nga công bố Tuyên bố chung. Tân Hoa xã có bài bình luận “Lợi ích của quan hệ Trung-Nga”.

Bài bình luận đã chỉ rõ:

Có thể tin tưởng, mối quan hệ Trung - Nga kiểu mới sẽ mang lại điều tốt đẹp cho nhân dân hai nước, mang lại hòa bình và sự phát triển cho cả loài người.

Cuộc đến thăm tiếp sau của Tổng thống Nga Borit Ensin cùng cuộc gặp gỡ chính thức lần thứ 3 giữa các nhà lãnh đạo tối cao của 2 nước và những lời phát biểu chung của hai nước Trung - Nga không chỉ đánh dấu mối quan hệ láng giềng hữu hảo Trung - Nga trước thềm thế kỷ 21 đã bước sang giai đoạn mới, mà còn xây dựng được mối quan hệ đúng đắn, lành mạnh, gọi mở hướng có lợi giữa các nước mạnh hiện nay trên thế giới. Trung-Nga với tư cách là quốc gia mạnh đã quyết tâm mở rộng mối quan hệ hợp tác bạn bè chiến lược trước thềm thế kỷ 21. Mối quan hệ quốc gia kiểu mới không liên kết - không đối kháng - không chỉ trích đối với nước thứ 3 này đã phù hợp với lợi ích cơ bản của nhân dân 2 nước và cùng có lợi đối với sự phát triển hòa bình, ổn định cộng đồng ở khu vực Âu, Á và toàn thế giới.

Trong cuộc hội đàm, Tổng thống Bô rít Ensin và Chủ tịch Giang Trạch Dân cùng nhấn mạnh cần phải từ chiến lược toàn cục và tầm nhìn vươn tới của thế kỷ 21 để xây dựng và phát triển mối quan hệ Trung - Nga trước mắt và tương lai.

Thông cáo chung Nga - Trung được công bố ngày 25 tháng 4 là tuyên bố chung lần thứ 3, tiếp theo tuyên bố chung trên cơ sở quan hệ hai nước khi tổng thống Ensin thăm Trung Quốc tháng 12 năm 1992 đã ký với các nhà lãnh đạo Trung Quốc và tuyên bố chung của các nhà lãnh đạo hai nước đã ký kết khi Chủ tịch Giang Trạch Dân thăm Nga. Tuyên bố này rất phong phú và mở rộng. Hai nước đã xây dựng các nguyên tắc của quan hệ hữu hảo, tín

nhệm có tính chất lâu dài, ổn định và xây dựng. Chúng tôi hai nước quyết tâm phát triển quan hệ bạn bè hợp tác chiến lược tín nhiệm bình đẳng hướng tới thế kỷ 21.

Trên thực tế, hai nước Trung - Nga đã xây dựng quan hệ trên mô hình mới, xây đắp nên một nền tảng chính trị tốt đẹp.

Trong nhiều lần tuyên bố chung, hai bên đều nhấn mạnh cùng nhau tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm phạm và can thiệp vào nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi, cùng nhau tôn trọng sự lựa chọn con đường phát triển của mỗi nước. Sự khác biệt về chế độ xã hội và ý thức hình thái, không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ hai nước. Không mưu cầu bá quyền khu vực và phản đối chủ nghĩa bá quyền, chính trị cường quyền với bất kỳ hình thức nào. Những nguyên tắc đã được xác lập này là sự bảo đảm có hiệu quả cho sự củng cố và phát triển quan hệ hai bên.

Những hiểu biết chung trong rất nhiều vấn đề quốc tế, cùng với hiệp thương hợp tác trong giải quyết công việc ở Liên Hợp Quốc của hai nước Trung-Nga rất có lợi cho sự phát triển hòa bình thế giới.

Về mặt quân sự, hai nước Trung-Nga cam kết không sử dụng vũ lực. Nghĩa vụ đặc biệt hai bên là không sử dụng vũ khí hạt nhân trước tiên. Hai bên đều không được sử dụng vũ khí hạt nhân chiến lược nhằm vào đối phương. Tuyệt đại bộ phận tuyến biên giới Trung-Nga dài 4.300 km đã được cố định bằng luật pháp để tạo điều kiện xây dựng tình "láng giềng hữu hảo, hòa bình, an ninh" cho khu vực biên giới.

Về phát triển quan hệ hai bên, trong việc phát triển quan hệ song phương hai nước Trung-Nga tăng cường buôn bán, hợp tác kinh tế khoa học kỹ thuật được đặt vào vị trí hết sức quan trọng. Trung-Nga đã ký kết hàng loạt các hiệp nghị hợp tác, giúp cho sự bổ sung ưu thế của hai nước Trung-Nga biến thành hiện thực.

Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới ngày càng có khuynh hướng quốc tế hóa tập đoàn hóa, sự hợp tác kinh tế, bình đẳng cùng có lợi của hai nước lớn Trung-Nga giúp sức xây dựng trật tự mới nền kinh tế thế giới và sự phát triển chung của các nước trên thế giới

Nga tiến xuống phía nam

Trước khi Ensin thăm Trung Quốc, Tổng thống Mỹ Bin Clinton đã sang thăm Nhật Bản và Hàn Quốc để tăng cường "Hệ thống an ninh Nhật - Mỹ".

Xưa kia hai nước bá chủ thế giới vung roi tiến về phía Đông. Sự thật làm cho người ta có cảm giác rằng thế giới nay đang ở trong trạng thái “Hòa bình lạnh”.

Tổng thống Nga Ensin mang theo chính sách phương Đông của ông đến Trung Quốc. Một quan chức trong Bộ Ngoại giao Nga giải thích chính sách này là “Phương hướng Trung Quốc” của nền ngoại giao Nga. Đó là một cách giải thích mới. Như vậy đối với Đông á nó có hàm ý gì?

Chính sách phương Đông của Nga có thể khái quát bằng hai mặt: Một là ổn định Trung Á; Hai là phát triển phát triển về phía Nam. Chính sách này mang nội dung truyền thống chính sách phương Đông của dân tộc Nga, bây giờ nó được nhắc lại, không có gì mới. Có ý mới là bối cảnh hiện thực của nó.

Trong mấy năm trước khi bầu cử Nghị viện năm 1995, Nga luôn theo đuổi chính sách hợp tác với phương Tây. Nhưng chính sách này hiện nay đã vấp phải những lời kêu ca của nhiều cử tri.

Do sức ép của hiện thực này, buộc nước Nga phải phát triển về phía Đông.

Sau khi Liên Xô giải thể, các nước Trung á trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền. Khu vực Trung Á cùng các nước Ixlam ở miền Nam đều có chung hình thái văn hóa và ý thức. Những quốc gia này tồn tại và chuyển mình về phía Nam, sẽ hình thành một vành đai nhạy cảm cực mạnh. Hình thế này, tất nhiên làm cho vành đai này càng thêm tan rã. Bởi vậy sự ổn định của Đông Á đã trở thành đề tài chiến lược to lớn của nước Nga. Trong tình thế này, nước Nga không thể né tránh việc hợp tác với Trung Quốc. Do hai nước lớn bất tay nhau, cân bằng lực lượng ở khu vực này, tổ chức lại vành đai biên giới. Khi Bôrit Ensin thăm Trung Quốc đã ký 5 hiệp ước với Trung Quốc và 3 nước Trung Á. Đây có thể xem như nước Nga mong muốn có một kết quả cụ thể của sự ổn định miền Trung á.

Trong tình thế NATO mở rộng về phía đông, thế quân bình ở Đông Á có thay đổi, Nga có cảm giác bị thất bại và căng thẳng. Tuy Đông Á không phải là con đường chủ yếu để Nga tiến xuống phía Nam. Trên ý nghĩa truyền thống nhưng tình thế hiện nay đã thay đổi. Nền kinh tế của các quốc gia Đông Á đã tăng trưởng ổn định. Trước mắt là thị trường sôi động nhất của toàn cầu. Đồng thời ưu thế đất đai của Đông Á không ngừng phát triển. Nếu nói thế kỷ 21 sẽ là thế kỷ của Thái Bình Dương, như vậy, Đông Á sẽ là mảnh đất chiến lược, nhạy cảm nhất của khu vực Thái Bình Dương.

Sau đại chiến thế giới 2, Mỹ giữ vai trò chủ đạo ở khu vực này. Những năm 60, sau khi Trung-Xô chia tay, nước Nga hầu như bị ra khỏi Đông Á;

Sau chiến tranh lạnh lại bị trục xuất ra khỏi Đông Á, trong bối cảnh này, tiến vào Đông Á là một bộ phận hợp thành quan trọng trong chiến lược toàn cầu của Nga.

Vì thế, Nga coi việc phát triển quan hệ với Trung Quốc làm “bốt gác đầu cầu” để tiến vào Đông Á, cũng có thể nói là chơi con bài “Trung Quốc”. Trong tình hình Mỹ tăng cường tồn tại với các nước Đông Nam Á và tăng cường quan hệ với Nhật Bản, Nga thực thi chính sách tiến xuống phía Nam, có thể nói là không có lựa chọn nào khác.

Đương nhiên, Trung Quốc không nên đánh giá quá cao chính sách phương Đông của Nga, mà cần phải nhìn thấy, nước Nga thực hiện chính sách phương Đông là đã để mắt đến một hành động có tính chiến lược của thế kỷ 21. Trung Quốc cần phải nghiên cứu kỹ đối với sự tồn tại và ảnh hưởng, trong khu vực này của Nga. Trước hết phải xem xét đến ảnh hưởng to lớn của Nga đối với Đông Á.

Nếu quá tin tưởng vào dư luận chung nói rằng Nga chỉ là động cơ của chủ nghĩa cơ hội thì sẽ dẫn đến sai lầm trong việc đánh giá tình hình.

III. SỰ BẤT ĐỒNG GIỮA NGA VÀ MỸ VỀ VẤN ĐỀ BOSNIA

Tình hình trước đây và hiện nay của vấn đề Bosnia

Nước Cộng hoà Bosnia và Hécscôvina (gọi tắt là Cộng hoà Bosnia) nằm ở phía tây bán đảo Bancăng, vốn là 1 trong 6 nước cộng hoà của Nam Tư cũ. Diện tích 51.129 km² với dân số hơn 4 triệu người, do 3 dân tộc Ixlam Xécbia và Croatia hợp thành.

Năm đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Nam Tư và Nguyên soái Titô, 4 năm đổ máu chống phát xít đã đánh đổi 170 vạn sinh mạng lấy nước Cộng hòa liên bang Nam Tư, một trận khá quyết liệt, chấn động toàn thế giới.

Nhưng sau này, do tác động của một số nhân tố trong và ngoài nước, chủ nghĩa dân tộc và tôn giáo mâu thuẫn, dẫn đến mất cân đối. Tháng 4 năm 1992, 3 dân tộc của Bosnia đã xảy ra tranh chấp, tranh cãi về vấn đề: Liệu có tách khỏi Nam Tư cũ hay không, đồng thời tạo thành cuộc nội chiến lớn nhất Châu Âu kể từ sau chiến tranh thế giới thứ 2.

Trong thời gian nội chiến, Slovakia, Croatia và Bosnia, các nước phương Tây được thừa nhận độc lập một cách vội vàng đã đưa ra người hòa giải, phương án hoà bình mà họ đưa ra đều không được chấp nhận bởi các bên đều kiên định lập trường của mình.

Tháng 11 năm 1995, dưới áp lực của Mỹ, Tổng thống của 3 nước Cộng hoà Bosnia, nam liên minh Xecbia và Croatia đã đạt được hiệp nghị hòa bình.

Ngày 14 tháng 12 năm đó, hiệp nghị này được chính thức ký kết tại cung điện phủ Tổng thống Pháp. Đến đây tuyên bố kết thúc 3 năm 8 tháng nội chiến Bosnia.

Chiến tranh Bosnia, vì sao khó kết thúc

“Báo Hồng Tinh” của Nga khi nói về cuộc chiến tranh đau thương đã khiến 250 nghìn người chết và 2 triệu người trở thành vô gia cư này đã viết: “Bi kịch của Nam Tư, sở dĩ kéo dài như vậy là do các nước lớn khi hòa giải đều muốn xác lập địa vị của mình trong tương quan lực lượng của thế giới mới và châu Âu”

3 dân tộc chính của Bosnia là Ixlam, Xécbia, và Croatia lần lượt theo đạo Ixlam, và đạo Thiên Chúa giáo Truyền thống văn hóa và phong tục tập quán của họ không giống nhau, trong lịch sử có một số ân oán không rõ ràng. Đặc biệt là trong đại chiến lần 2, Bosnia đã từng xảy ra bi kịch 3 dân tộc tàn sát lẫn nhau, khi Nam Tư cũ bắt đầu giải thể, giữa các nhà lãnh đạo của 3 dân tộc Bosnia bắt đầu nảy sinh sự bất đồng. Hai dân tộc Ixlam và Croatia chủ trương Bosnia độc lập, nhưng dân tộc Xécbia kiên quyết phản đối, vì vậy thời kỳ đầu của nội chiến xuất hiện cục diện 2 dân tộc Ixlam và Croatia liên kết phản đối dân tộc Xécbia. Nhưng về vấn đề thể chế nhà nước. Ixlam chủ trương Bosnia duy trì thống nhất để có tác dụng chi phối Bosnia, nhưng 2 dân tộc Xécbia và Croatia không đồng ý liệt vào các dân tộc thiểu số. Vì vậy yêu cầu chia Bosnia làm 3 sau đó hợp thành liên bang. Sự chia rẽ này lại dẫn đến 2 dân tộc Ixlam và Croatia sau này trở mặt thành thù, quyết sống mái với nhau.

Ý đồ của các nước phương Tây là lợi dụng cuộc nội chiến ở Bosnia để làm suy yếu Xécbia do người của Đảng Cộng sản cũ nắm quyền. Vì vậy cố gắng thi hành phương châm chiến lược lấy 2 dân tộc Ixlam và dân tộc Croatia đánh dân tộc Xéc.

Nga cố gắng ủng hộ nước đồng minh truyền thống của mình là Xécbia để tăng cường địa vị của các nước lớn và tranh giành ảnh hưởng trên bán đảo Bancăng. Mỹ xuất phát từ lợi ích của chiến lược Trung Đông, luôn đồng tình với nước Ixlam ủng hộ yêu cầu của Ixlam. Đồng thời, Mỹ còn lợi dụng nội chiến có Bosnia để kiểm chế các nước đồng minh Tây Âu nhằm duy trì ảnh hưởng của mình ở châu Âu, vì vậy mà không thể giải quyết hòa bình trong xung đột Bosnia, chính là do cuộc tranh giành cấu xé lẫn nhau ở Bosnia của

các nước lớn cộng đồng quốc tế vẫn chưa áp dụng hành động thiết thực có hiệu quả nào để kết thúc nguy cơ Bosnia.

Đối đầu và đối thoại giữa Nga và Mỹ

Đầu tháng 9 tháng 1995, NATO tiến hành oanh tạc liên tiếp trận địa Xéc trong vòng 2 tuần. Nga đã đưa ra tuyên bố về vấn đề này, nghiêm khắc lên án NATO “mưu đồ biến Bosnia thành chiến trường thử nghiệm để chứng minh “tác dụng mới” của mình trong công việc của Châu Âu và Quốc tế”, thi hành chính sách hủy diệt sắc tộc đối với dân tộc Xéc, đe dọa sự an toàn của Nga và Châu Âu, đồng thời đưa ra lời cảnh báo, nếu tình hình tiếp tục diễn biến, Nga sẽ thi hành biện pháp tương ứng, tăng cường viện trợ cho dân tộc Xéc, xem xét lại “quan hệ bạn hàng hữu nghị với khối NATO” và Điều ước quân sự Quốc tế. Đồng thời Nga cũng vẫn tiến hành những nỗ lực ngoại giao yêu cầu NATO ngừng ném bom oanh tạc dân tộc Xéc, kêu gọi các bên xung đột ngừng chiến, kiến nghị lập tức triệu tập Hội nghị quốc tế và Hội đồng bảo an Liên Hợp Quốc, tìm biện pháp giải quyết về mặt chính trị.

Nhưng Mỹ không những không quan tâm tới lập trường của Nga mà còn dùng máy bay tuần tra, oanh tạc trận địa Xéc, đồng thời phao tin rằng trước khi dân tộc Xéc chưa chấp nhận hoàn toàn điều kiện của các nước phương Tây thì NATO quyết không thay đổi lập trường của mình, đó là dùng vũ lực đối phó với dân tộc Xéc. Quan hệ giữa Nga, Mỹ và khối NATO cũng vì thế mà ngày càng căng thẳng.

Oasinhton một mặt áp dụng chính sách lạm dụng vũ lực, tăng cường tấn công và ném bom oanh tạc. Mưu đồ dùng biện pháp phá huỷ lực lượng quân sự để bắt buộc dân tộc Xéc phải chấp nhận phương án mới của Mỹ. Mặt khác lại cử trợ lý Quốc vụ khanh Hoorbok tích cực ngoại giao hoà giải ở khu vực Nam Tư cũ, thúc đẩy các bên xung đột ngồi vào bàn đàm phán. Thế là, Mỹ đã tấn công dân tộc Xéc, lại tăng cường ảnh hưởng và địa vị của mình ở bán đảo Bancăng, còn ngăn chặn ảnh hưởng của Nga.

Điều khiến Nga tức giận là NATO khi quyết định ném bom oanh tạc dân tộc Xéc, ký “những ghi nhớ và thông cảm lẫn nhau” với Liên Hợp Quốc đều không bàn bạc với Nga.

Ngoài ra, Nga và dân tộc Xéc vốn có quan hệ truyền thống trong lịch sử, các nước phương Tây dùng vũ lực tấn công dân tộc Xéc khiến cộng đồng Nga hoàn toàn không đồng ý. Các lực lượng xã hội tăng thêm áp lực đối với nhà lãnh đạo Mátxcova yêu cầu áp dụng biện pháp cứng rắn đối với các nước

phương Tây. Trước khi nghị viện Nga tiến hành tổng tuyển cử, các nhà lãnh đạo không thể không nghĩ tới tình hình, xã hội.

Ngày 14 tháng 9 năm 1995, phó Quốc vụ khanh Mỹ nhận lệnh của Tổng thống Clinton đi thăm Mátxcova “định giải quyết những bất đồng sâu sắc về vấn đề Bosnia giữa Nga và Mỹ”.

Hai bên đã bàn bạc, cùng nhau tìm ra một phương án giải quyết chính trị tình hình Nam Tư cũ. Sau khi phó Quốc vụ khanh Mỹ và Ngoại trưởng Nga tiến hành hội đàm “thẳng thắn và mang tính xây dựng”, Nga vẫn kiên trì yêu cầu NATO ngừng không kích, thực hiện ngừng chiến ở Bosnia, Mỹ đồng ý thay đổi tình hình hiện tại “từ chiến tranh hướng tới hoà bình”. Hai bên còn đồng ý lợi dụng ảnh hưởng của các bên xung đột ở Bosnia để đẩy mạnh việc giải quyết về mặt chính trị.

Thực ra trước khi phó Quốc vụ khanh Mỹ đến thăm Nga, Tổng thống 2 nước đã trao đổi thư từ, tỏ ý nỗ lực để lập trường của 2 bên tiến gần nhau hơn. Ngày 14, Tổng thống Enxin còn phủ quyết 2 quyết định của Đuma quốc gia Nga về việc xóa bỏ chế tài quốc tế đối với Nam Tư. Do xung đột Bosnia mà quan hệ Nga và Mỹ vốn căng thẳng này xuất hiện dấu hiệu dịu lại.

Có dư luận phân tích rằng, Nga và Mỹ đều có lợi ở Bancăng và châu Âu, khó có thể giải quyết được bất đồng nghiêm trọng giữa 2 bên, nhưng trong tình thế hiện nay, Nga và Mỹ đều có những nhân tố chính trị, quân sự, để chế ước đối phương, hai bên đều không muốn tiếp tục đối kháng. Vì vậy 2 nước sẽ cùng mưu cầu hợp tác. Mục đích của ông chính là “phải ngăn chặn 2 nước xảy ra xung đột chiến lược”.

Nga và Mỹ tranh nhau quyền chỉ đạo quân đội đa quốc gia Bosnia

Cùng với việc xung đột Bosnia dần dần được giải quyết về mặt chính trị, sự tranh giành giữa Nga và Mỹ trong vấn đề giành quyền chủ đạo quân đội đa quốc gia đóng ở Bosnia ngày càng rõ rệt.

Ngày 8 tháng 10 năm 1995 Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ và Bộ trưởng Quốc phòng Nga, đã tổ chức cuộc hội đàm căng thẳng, kéo dài 1 ngày ở Gionevơ, dự định xóa bỏ bất đồng giữa 2 nước, đạt được tiếng nói chung. Nhưng 2 bên, ngoài nhất trí cho rằng cần phải cử một đội quân đa quốc gia đến Bosnia để giám sát các bên xung đột, thực hiện hiệp nghị hòa bình ra, “vẫn tồn tại những bất đồng sâu sắc” về hàng loạt vấn đề như quyền chỉ huy quân sự, tên gọi quy mô, phân công nhiệm vụ và phân chia kinh phí... của quân đội đa quốc gia.

Kiến nghị cử 1 đội quân đa quốc gia đến Bosnia là do Mỹ đề ra. Mỹ và các nước đồng minh NATO tỏ ý hoan nghênh Nga, một nước bạn truyền thống của Bosnia, cử binh lính tham gia vào đội quân đa quốc gia để tỏ rõ sự công bằng và trung lập của đội quân này. Nga cùng đồng ý tham gia vào đội quân này để khỏi bị Mỹ và các nước phương Tây loại ra trong tiến trình hòa bình ở Bosnia và khỏi bị mất đi thế lực truyền thống và ảnh hưởng của mình ở khu vực Bancăng. Nhưng vấn đề nan giải là đội quân đa quốc gia này nên tổ chức như thế nào quyền chỉ huy và khống chế nên do ai nắm giữ.

Trước tình thế giằng co giữa 2 bên, Mỹ buộc phải đưa ra một phương án trì hoãn: Chia quân đội đa quốc gia làm 2, quân đội NATO chủ yếu thi hành nhiệm vụ quân sự mang tính cưỡng chế, quân đội Nga và các nước khác thì chủ yếu phụ trách việc giúp Bosnia xây dựng lại đất nước. Hai bộ phận lập riêng 2 hệ thống chỉ huy, nhưng Nga cho rằng phương án mang “sự kỳ thị rõ rệt này” không những sẽ làm giảm nhanh tác dụng hòa giải ở Bosnia mà còn dễ gây ra sự chia rẽ nội bộ. Thực ra Mátxcova lo lắng nhất là quân đội Nga bị đặt vào vị trí phụ.

Mặt khác về vấn đề quy mô của quân đội đa quốc gia Nga, Mỹ cũng còn tồn tại những bất đồng lớn, Nga yêu cầu cử 1 sư đoàn tăng cường và 2 trại lính tham gia quân đội đa quốc gia ở Bosnia, tổng binh lực lên tới hơn 20.000 người, nhưng Mỹ mong rằng Nga chỉ cử nhiều nhất là mấy trại lính. Mỹ sợ rằng lực lượng của Nga và Mỹ trong quân đội đa quốc gia tương đương nhau sẽ cản trở hành động của quân đội Mỹ và toàn bộ đội quân NATO. Điều càng lo lắng hơn là quân đội Nga thừa cơ đóng quân lại Bosnia, gây nên cục diện giống như Liên Xô và các nước phương Tây ở Béclin bị chia cắt sau đại chiến lần thứ 2. Có thể nói Mỹ yêu cầu Nga tham gia vào đội quân đa quốc gia Bosnia chỉ là để làm đẹp cục diện, không hề mong muốn Nga tham gia một cách thực chất về vấn đề phân chia kinh phí của quân đội đa quốc gia Bosnia, chủ trương của Nga & Mỹ cũng khác nhau rất xa. Mỹ đề ra kinh phí của quân đội đa quốc gia do các nước thành viên tự chịu hoặc cùng góp. Nhưng Nga lại yêu cầu Liên Hợp Quốc hoặc các tổ chức Quốc tế có liên quan giúp đỡ.

Do hàng loạt những mâu thuẫn và bất đồng trên, khi xây dựng quân đội đa quốc gia gặp rất nhiều khó khăn. Trong tranh luận của Nga và Mỹ về vấn đề này đã phản ánh rõ suy nghĩ của 2 nước lớn trong việc tranh giành lợi ích khác nhau ở khu vực Bancan. Cùng với việc quyết tâm đến tiến trình hoà bình Bosnia, sự xung đột lợi ích của 2 bên cũng ngày càng rõ ràng hơn.

Mỹ đưa ra chủ trương mở rộng NATO

Từ 1995 đến nay, Nga tích cực thi hành chiến lược ngoại giao “Nhiều mặt” (đa phương vị)

Chiến lược ngoại giao “Đa phương vị” chủ yếu bao gồm 3 phương diện tìm hợp tác trong đấu tranh, tăng cường địa vị chủ đạo mở rộng quan hệ với các nước Châu á Thái Bình Dương, vấn đề chủ yếu là tiếp tục khôi phục địa vị nước lớn của Nga, giành lấy quyền chủ đạo trong các công việc quốc tế.

Để thực hiện được mục đích chiến lược ngoại giao “Đa phương vị”, Nga ngoài “vừa đấu tranh vừa hợp tác” với các nước phương Tây với việc giải quyết xung đột Bosnia ra, còn thương lượng với các nước phương Tây về vấn đề mở rộng khối NATO.

Quan hệ với khối NATO luôn là đề tài quan trọng và chính sách đối ngoại của Nga, nó quyết định tính chất của mối quan hệ thế giới giữa Nga và phương Tây mà Mỹ đứng đầu.

Sau khi hiệp ước Vácsava giải tán và Liên Xô giải thể, Nga vẫn hy vọng rằng NATO là sản phẩm của “chiến tranh lạnh” cũng theo đó mà giải thể để xóa bỏ sự đối kháng chính trị và quân sự của châu Âu. Nhưng liên minh châu Âu, NATO, liên minh Tây Âu và “7 nước lớn” luôn phản đối Nga đứng ngoài cuộc. Hơn nữa, Mỹ còn nhân cơ hội điều chỉnh chiến lược của mình ở châu Âu, đề ra chủ trương mở rộng các thành viên của NATO, dự định chuyển phạm vi thế lực của phương Tây ở Châu Âu sang phía Đông, để củng cố hậu quả của chiến tranh lạnh, cô lập Nga.

Kế hoạch mở rộng NATO về phía Đông bị Nga kịch liệt phản đối. Nga từ tháng 12 năm 1994 trong hội nghị cấp cao Budapét của Tổ chức An ninh châu Âu, Mỹ- Nga đã có giao chiến kịch liệt về vấn đề mở rộng NATO về phía Đông. Tổng thống Nga Enlxin kiên quyết phản đối mở rộng NATO về phía Đông, NATO không thể mở rộng phạm vi trí lực của mình đến biên giới của Nga, Tổng thống Mỹ Clinton nhấn mạnh NATO nên là trụ cột của an ninh châu Âu, Nga không có quyền phủ quyết việc mở rộng NATO về phía Đông.

Từ sau hội nghị lần này, lập trường của Nga về vấn đề mở rộng NATO về phía Đông không có gì thay đổi. Nga đã từng có lần đề ra, phải xây dựng lại Hiệp ước Vácsava hoặc đồng minh về quân sự, chính trị, ở tuyến phía Tây, bố trí lại vũ khí hạt nhân và quân đội, sau này do một số nước khác phản đối việc này, thực lực của đất nước về tổng thể không bằng trước kia, đồng thời cũng không muốn tiếp tục đối kháng với các nước phương Tây nên phương án này không được thực thi.

Nga yêu cầu không xâm phạm biên giới

Nga đương nhiên hiểu rõ, bất luận nói về thực lực hay là luật quốc tế đều không thể phủ quyết mở rộng NATO về phía Đông. Ngoại trưởng Nga cho rằng, mở rộng NATO về phía Đông có thể trở thành hiện thực, vì vậy mà phải tiêu diệt (loại bỏ) các nhân tố tiêu cực do đó mà nảy sinh.

Xem xét những điều khó tránh khỏi khi mở rộng về phía Đông, Nga yêu cầu chỉnh lý lại hiệp ước năm 1990 về trang bị quân sự của châu Âu, lấy Hiệp ước Vácava và NATO làm cơ sở. Vùng phụ cận biên giới Nga không thuộc diện tích của NATO, bảo đảm không xâm phạm biên giới Nga.

Đồng thời, Nga đang cố gắng chấn hưng kinh tế và thúc đẩy cải cách quân sự. Báo Pravda của Nga bình luận rằng, chỉ có như vậy, mới có thể đảm bảo chắc chắn an ninh quốc gia, Nga mới có thể có những người bạn trung thành đáng tin cậy, bao gồm những bạn bè ở châu Âu.

Hội nghị Lisbon

Từ ngày 02 đến 03 tháng 12 năm 1996, Hội nghị cấp cao của Tổ chức an ninh và hợp tác Châu Âu đã họp tại Lisbon thủ đô Bồ Đào Nha. Các nguyên thủ quốc gia, các nhà lãnh đạo Chính phủ cao cấp, các đại biểu của 54 nước thành viên Tổ chức hợp tác và an ninh châu Âu, đã bàn bạc các vấn đề trọng đại về an ninh châu Âu, đã đưa những văn kiện như “Tuyên ngôn Lisbon về kiểu mẫu an toàn, toàn diện chung của Châu Âu trong thế kỷ 21” v.v... Nhưng về vấn đề mở rộng NATO về phía Đông, Nga-Mỹ vẫn tiếp tục, mâu thuẫn vẫn chưa được giải quyết.

Trong phát biểu của mình, Thủ tướng Nga nhắc lại, Nga phản đối NATO kéo dài đến biên giới Nga. Ông chỉ rõ, việc mở rộng NATO là muốn xây dựng một “giới tuyến Châu Âu phân biệt mới”. Điều đó chỉ làm cho tình hình chính trị thế giới xấu đi. Mục tiêu chung của các nước Châu Âu là xây dựng một Châu Âu hòa bình. Mục tiêu này không thể đạt được bằng phương thức mở rộng Tổ chức quân sự.

Thủ tướng Nga còn nói, Nga mong rằng tổ chức an ninh Châu Âu sẽ phát huy vai trò chủ đạo về quân sự và chính trị của Châu Âu sau này.

Đánh thẳng vào lập trường của Nga, Phó Tổng thống Mỹ Igo nói: Mở rộng NATO sẽ “giúp cho an toàn của tất cả các quốc gia”; Ông còn nói, trong hội nghị đứng đầu khối NATO năm 1997, sẽ quyết định kết nạp thành viên mới. Thư ký khối NATO Xulana còn nói, Hiệp ước NATO không đe dọa bất cứ một quốc gia nào. NATO mong muốn hợp tác với Nga.

Tuy Thủ tướng Pháp Sirác và Thủ tướng Đức Soaidơ tham gia hội nghị tỏ ra hiểu biết đối với đề xuất của Nga về chủ trương Tổ chức an ninh Châu Âu, phải phát huy, vai trò chủ đạo ở Châu Âu. Nhưng phần lớn các quốc gia tham dự hội nghị đều lo lắng Nga sẽ giành quyền phủ quyết đối với vấn đề xây dựng an toàn Châu Âu.

Thực ra, Nga đã lường trước lập trường cứng rắn của Mỹ thực hiện kế hoạch mở rộng NATO về phía Đông. Hơn nữa, mấy năm gần đây, một số thành viên của khối Vácsava trước đây yêu cầu gia nhập NATO, mở rộng NATO về phía Đông đã là một xu hướng. Cho nên, đối với Nga, trong lúc khẩn cấp này bàn, làm thế nào để đồng thời với việc NATO mở rộng về phía Đông tranh thủ được một chút đền bù trên vấn đề định vị trong kết cấu an toàn tự thân và an toàn Châu Âu sau này. Trong vòng đàm phán này về việc cắt giảm vũ khí thông thường ở Châu Âu mà các vị đứng đầu quốc gia đã đạt được, theo nhiều nhân sĩ phương Tây thì Nga sẽ yêu cầu Mỹ nhượng bộ để “cân bằng” lực lượng. Thủ tướng Nga cho rằng hiệp nghị này là “thắng lợi to lớn” đối với an toàn Châu Âu.

Các nhà quan sát phương Tây cho rằng, trong vấn đề an toàn châu Âu, Mỹ Nga tuy có chung một điểm, nhưng khi đề cập đến vấn đề thực chất của lợi ích chiến lược to lớn của mỗi bên thì họ đều không thể nhượng bộ. Vì vậy, trong vấn đề trọng đại, xây dựng một Châu Âu an toàn sau này, Mỹ - Nga vẫn phải giữ quan hệ ngăn ngừa và phản ngăn ngừa. Công cuộc xây dựng một Châu Âu an toàn vẫn sẽ là một quá trình phức tạp, gian khổ và lâu dài.

Chính sách của Bin Clinton đối với Trung Quốc, không ổn định

Ngày 5 tháng 11 năm 1996, cuộc bầu cử của nước Mỹ với hình thức chạy maratông vừa mới hạ màn, Bin Clinton vẫn ngồi vững trên ghế Tổng thống. Trên bàn làm việc của Tổng thống chông chất điện chúc mừng của lãnh đạo các nước. Trong đó có một bức đến từ nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ở bên kia bờ đại dương.

Về việc tái đắc cử của Bin Clinton, đương nhiên Trung Quốc thấy bất ngờ, vì đối thủ của ông ta quá yếu. Theo Đại sứ Mỹ ở Trung Quốc tiết lộ, ngay từ tháng 3 năm 1996, các quan chức Trung Quốc đã dự đoán Bin Clinton nhất định thắng lợi. Ông ta ca ngợi Trung Quốc có sự tiên tri sáng suốt.

Trong nhiệm kỳ thứ nhất của Bin Clinton, quan hệ Trung - Mỹ đã khiến cho người ta không hài lòng. Bin Clinton là Tổng thống Mỹ trong nhiệm kỳ của mình không đến thăm Trung Quốc sau khi hai nước lập quan hệ ngoại

giao. Tháng 10 năm 1995 Giang Trạch Dân đến trụ sở Liên Hợp Quốc tại Niueoóc để dự lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Liên Hợp Quốc, cũng do bóng đen trong quan hệ hai nước mà không thăm Mỹ.

Sau khi Liên Xô cũ tan rã, Trung Quốc trở thành một nước lớn xã hội chủ nghĩa. Các nhà lãnh đạo mới của Trung Quốc đứng đầu là Giang Trạch Dân tiếp tục đẩy mạnh chính sách cải cách mở cửa. Hiện thực tồn tại của nước Trung Quốc xã hội chủ nghĩa có chính trị ổn định, khiến các nước phương Tây và Mỹ không thể không tiếp tục đặt quan hệ ngoại giao với Trung Quốc.

Thất bại trong cuộc bầu cử năm 1992 của Bus, đã làm chậm tiến trình hữu hảo giữa hai nước, Bin Clinton nhận chức Tổng thống không lâu, thì cũng nhận ra được tầm quan trọng trong việc giữ quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Vì thế, ông ta gác lại vấn đề nhân quyền và lấy tối huệ quốc làm phương châm chủ yếu trong chính sách đối với Trung Quốc.

Tuy nhiên, Clinton không có chính sách đối với Trung Quốc rõ ràng, có thái độ giao động không ổn định trong quan hệ với Trung Quốc, thậm chí còn nhượng quyền chủ đạo của Tổng thống cho Quốc hội, dẫn đến những phiền phức lớn. Tháng 5 năm 1995 đoàn du thuyết của Đạt Lai ở Quốc hội Mỹ đã thể hiện sự ảnh hưởng lớn sau khi cắt đứt quan hệ ngoại giao, khiến cho nhà đương cục chính quyền Clinton lặt lọng không giữ lời hứa với Trung Quốc về việc không cấp thị thực cho Lý Đăng Huy.

Từ ngày 19 đến ngày 21 tháng 11 Quốc vụ khanh Mỹ đã đến thăm Trung Quốc 3 ngày, đã tiến hành cuộc gặp với phía Trung Quốc, bàn bạc tương đối toàn diện về quan hệ hai nước.

Cuộc gặp gỡ lần thứ tư giữa các nhà lãnh đạo cao cấp Trung-Mỹ

Ngày 24 tháng 11 năm 1996, tại phòng họp báo Ngân hàng Trung ương Manila Philippin, Giang Trạch Dân Chủ tịch Trung Quốc và Bin Clinton tổng thống Mỹ tham gia Hội nghị không chính thức các nhà lãnh đạo hợp tác kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, đã tổ chức cuộc gặp gỡ cả thế giới đều biết. Đây là cuộc gặp lần thứ 4 giữa các nhà lãnh đạo Trung-Mỹ. Ngày 19 tháng 11 năm 1993, trong thời gian Chủ tịch Giang Trạch Dân tham gia Hội nghị phi chính thức những người lãnh đạo tổ chức hợp tác kinh tế Châu á Thái Bình Dương, đã có cuộc gặp gỡ với Bin Clinton ở Oasinhton. Ngày 14 tháng 11 năm 1994, Giang Trạch Dân và Clinton đã gặp nhau trong Hội nghị không chính thức những người lãnh đạo hợp tác kinh tế Châu á Thái Bình Dương ở

Indônêxia. Ngày 24 tháng 10 năm 1995, chủ tịch Giang Trạch Dân trong thời gian dự lễ kỷ niệm 50 năm thành lập Liên Hợp Quốc Xô đã chính thức gặp gỡ Tổng thống Bin Clinton tại trung tâm Lincôn Niuoóc.

Giới báo chí đã dùng những cụm từ “hữu hảo” “tích cực” “có tính xây dựng” để hình dung không khí cuộc gặp gỡ ở Manila. Hai nhà lãnh đạo của hai nước cũng nhất trí cho rằng, lần gặp gỡ này có ý nghĩa quan trọng nối tiếp trước sau.

Khi hai bên gặp mặt, trước tiên Chủ tịch Giang Trạch Dân chúc mừng Tổng thống Bin Clinton đã tái đắc cử trong cuộc bầu cử lần này. Clinton đã cảm ơn những lời chúc mừng tốt đẹp đó. Giang Trạch Dân nói: Trung-Mỹ là hai nước có ý nghĩa to lớn trên thế giới. Mỹ là một quốc gia phát triển nhất thế giới. Trung Quốc là một quốc gia đang phát triển lớn nhất thế giới. Tình hình xấu, trong quan hệ Trung-Mỹ, không chỉ quan hệ đến lợi ích cơ bản của nhân dân hai nước Trung-Mỹ mà tất nhiên sẽ ảnh hưởng đến hoà bình, ổn định và phát triển của thế giới. 3 năm gần đây, quan hệ hai nước là phát triển theo hướng từng bước cải thiện, đặc biệt là nửa năm nay do sự cố gắng của hai bên, các cuộc viếng thăm và tiếp xúc cấp cao hai bên đã được tăng cường, hợp tác kinh tế thương mại phát triển ổn định. Vấn đề làm trở ngại quan hệ hai nước tiếp tục được giải quyết. Những cuộc đối thoại trực tiếp giữa các nhà lãnh đạo hai nước có lợi cho việc rút ngắn khoảng cách hai bên.

Tổng thống Bin Clinton nói, ông nhớ rất rõ, khi cuộc gặp lần thứ nhất giữa ông và Tổng Bí thư Giang Trạch Dân, ở Oasinhton, Giang Trạch Dân nêu lên hai nước Trung-Mỹ có trách nhiệm đưa đối thoại chiến lược tới thế kỷ sau. Mỹ cũng mong rằng tiếp tục đối thoại với Trung Quốc, cùng cố gắng để giải quyết bất đồng trên một số vấn đề của hai nước, từ đó làm tròn trách nhiệm của mỗi bên. Phía Mỹ muốn thấy một Trung Quốc hùng mạnh, ổn định và an ninh. Hai nước Trung-Mỹ đều có lợi ích chiến lược chung trên rất nhiều vấn đề. Bin Clinton còn nói, ông rất vui mừng thấy, gần đây hai nước Trung-Mỹ có tiến triển trên nhiều vấn đề. Nước Mỹ muốn xây dựng tình bạn hợp tác với Trung Quốc.

Về vấn đề Trung Quốc gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới, hai bên đều đồng ý tăng cường tiến trình đàm phán bằng thái độ, linh hoạt thực tế. Chủ tịch Giang Trạch Dân nói Trung Quốc từ trước tới nay đều giữ thái độ tích cực đối với việc tham gia Tổ chức Thương mại thế giới.

Hai bên đã bàn bạc và đi đến quyết định, nguyên thủ hai nước sẽ tiến hành thăm viếng lẫn nhau vào năm 1997-1998. Hai bên còn quyết định, Phó

Tổng thống Igo sẽ sang thăm Trung Quốc năm 1997, sớm hơn một chút để cùng trao đổi với Phó Thủ tướng Lý Bằng về những vấn đề quốc tế mà hai bên cùng quan tâm; Hai bên còn trao đổi ý kiến về bảo vệ môi trường và nguồn năng lượng.

Chủ tịch Giang Trạch Dân nhấn mạnh, tăng cường đi lại hữu hảo giữa hai nước, đặc biệt là thực hiện những cuộc viếng thăm cấp cao, đến Trung Quốc và trực tiếp quan sát, sẽ tăng thêm sự hiểu biết lẫn nhau.

Các nhà lãnh đạo hai nước Trung - Mỹ đã trao đổi quan điểm đối với các vấn đề an toàn toàn cầu phổ biến vũ khí hạt nhân. Hai bên cho rằng, hai nước còn tồn tại một số bất đồng trong một số vấn đề. Hai bên nên đối thoại bình đẳng, tăng cường tiếp xúc, hiểu biết hơn nữa để tìm cách giải quyết một số vấn đề này. Chủ tịch Giang Trạch Dân còn thông báo với Tổng thống Bin Clinton về tình hình gần đây ở khu vực Quảng Tây đã phát hiện xác máy bay và hài cốt phi công Mỹ trong đại chiến thế giới 2. Tổng thống Clinton đã cảm ơn về sự kiện này. Ông cho rằng đây là vấn đề vô cùng quan trọng đối với quân đội và nhân dân Mỹ.

Trung- Mỹ còn tồn tại một vấn đề lớn

Trong sự bất đồng Trung-Mỹ có một vấn đề cũ tồn tại từ những năm 70 và một số vấn đề mới phát sinh gần đây. Mâu thuẫn và tranh chấp sẽ là tồn tại lâu dài. Mấu chốt ở chỗ, những người lãnh đạo nước Mỹ như Nichxon, Kítsinhơ phải hiểu rằng cần tôn trọng lợi ích của đối phương, tìm ra được những chỗ giống nhau và bảo lưu được những chỗ khác biệt, khống chế tất cả những xung đột trong phạm vi hai bên có thể chịu đựng. Những cuộc tiếp xúc cấp cao định kỳ là tiến thêm một bước quan trọng thiết lập và duy trì quan hệ lâu dài, 4 năm qua, Clinton và Giang Trạch Dân ngoài việc hội đàm hai bên nhân dịp tham gia hội nghị quốc tế ra thì không tiến hành thêm một cuộc tiếp xúc nào. Trong 4 năm tới, hai bên phải xây dựng một đường lối để cho các quan chức cấp cao duy trì những cuộc tiếp xúc thường xuyên.

Trong con mắt của Mỹ, 3 vấn đề Đài Loan, vấn đề nhân quyền cùng vấn đề xuất khẩu vũ khí và kỹ thuật quân sự là cần thống nhất Phía Trung Quốc, ngoài coi trọng nhất vấn đề Đài Loan, vấn đề can thiệp nội chính ra, còn quan tâm xem trong hành động Mỹ có lập Trung Quốc hay là đối xử công bằng với Trung Quốc.

Về vấn đề Đài Loan, Clinton có thể có hai sự lựa chọn. Một là yêu cầu Trung Quốc không giải quyết bằng vũ lực như trước kia, xúc tiến đối thoại hai

bờ và cải thiện quan hệ. Còn hai bờ vẫn giữ nguyên hiện trạng hay đi vào hòa bình thống nhất là chuyện của nhân dân hai bờ Trung Quốc. Ngoài ra lại khuyến khích xây dựng “hai nước Trung Quốc” hoặc “một nước Trung Quốc, một nước Đài Loan”, Trung Quốc đã tỏ rõ lập trường kiên định là nếu Đạt Lai tuyên bố “Độc lập” thì sẽ sẵn sàng dùng vũ lực. Bất cứ nhà lãnh đạo nào của Mỹ cũng không được lầm tưởng rằng Trung Quốc chỉ giương oai. Dù sự lựa chọn ấy phù hợp với lợi ích của nước Mỹ, nhưng Clinton phải có sự tính toán kỹ lưỡng.

Về vấn đề nhân quyền, Bin Clinton cũng có hai loại lựa chọn: Một là nói rõ với Trung Quốc về tình hình nhân quyền mà các nước quan tâm là “sự hiểu biết chung của người Mỹ”, Chính phủ không thể không tỏ thái độ. Trong xây dựng pháp chế, phía Mỹ có thể góp kinh nghiệm hỗ trợ, nếu Trung Quốc có thái độ khiêm nhường đối với những người bất đồng ý kiến thì sẽ có lợi nhiều hơn đối với Trung Quốc. Mặt khác Mỹ sẽ làm lẫn lộn giữa chính trị và kinh tế để răn đe trừng phạt Trung Quốc. Đối với một số nước vừa và nhỏ, Mỹ có thể mặc sức làm tên sen đầm quốc tế. Nhưng với một nước lớn như Trung Quốc, thì sự răn đe khó mà thực hiện.

MỤC LỤC

<i>Lời dẫn</i>	Trang 3
Chương một	
I. Âm hồn số lỏng	5
II. Nhà Trắng mưu biến	44
III. Khởi đầu cuộc chiến tranh lạnh	80
Chương hai	
I. Bóng đen tái hiện	125
II. Cuộc chiến tranh lạnh Mỹ-Liên Xô chính thức bắt đầu.	134
Chương ba	
I. “Gây dựng cơ đồ mới”	147
II. Mátxcova lúc nóng lúc lạnh	158
III. Nỗi bi ai của “Quốc gia ẩn sĩ”	189
IV. Khách sạn Bulơ ra quyết định	196
V. Tổng thống Toruman dùng con bài Liên Hợp Quốc.	204
VI. Cuộc chiến tranh Triều Tiên nổ ra toàn diện.	208
VII. Quân Chí nguyện vượt sông Áp Lục	216
VIII. Khẩu chiến ở Bản Môn diêm	233
IX. Chiếm đoạt tù binh Quân Chí nguyện	241
Chương bốn	
I. Mỹ - Tưởng bàn tính ký kết Hiệp ước phòng thủ chung	266
II. Smít mất mặt ở Gionevơ	269
III. Trận đánh lớn trên biển đầu tiên giữa hai bờ eo biển	285
IV. Giải phóng đảo Nhất Giang Sơn	288
V. Làm dịu tình hình căng thẳng ở eo biển Đài Loan	296
VI. Trung-Mỹ hội đàm ở Gionevơ	299

Chương năm

I. Hai lần gặp gỡ giữa người đứng đầu hai nước Trung-Xô	327
II. Mao Trạch Đông thăm Liên Xô lần thứ hai	334
III. Khorútsốp thăm Trung Quốc lần thứ hai	361
IV. Một hoạt động quân sự đặc biệt	368

Chương sáu

I. Hội Đàm trại đa Vít	396
II. Mao Trạch Đông gặp Khorútsốp lần thứ tư	420

Chương bảy

I. Sự mất tích bí ẩn tên gián điệp trên không của Mỹ.	426
II. Cuộc gặp gỡ ở Viên	432
III. Khủng hoảng tên lửa Cuba	433
IV. Đặng Tiểu Bình khẩu chiến với Khorútsốp	439
V. Đại luận chiến Trung-Xô	464
VI. Mỹ có ý đồ phá hủy kho vũ khí hạt nhân của Trung Quốc	469
VII. Cầu mong hòa bình của “Chú em” thất bại	473

Chương VIII

I. Từ hậu trường bước ra sân khấu	488
II. Tổng thống Kennơđi lúng túng	495
III. Chủ nhân thực sự của “vương quốc đảo chính”	499
IV. Mỹ bước vào trạng thái chiến tranh bí mật	505
V. Tổng thống Giônson di tới chiến tranh	509
VI. Ngăn chặn móng vuốt của đế quốc Mỹ	523

Chương XIV

I. Hội nghị ở Glasbáu	537
II. “Mặt sử” từ Liên Xô tới	540
III. Tưởng Kinh Quốc - thống nhất cách giải thích	556
IV. Đặc sứ Tưởng - Xô tái họp ở Viên	563
V. Đàm phán biên giới kiểu Maratông	589
VI. Một cuộc gặp mặt quan trọng đã chết yểu	592
VII. Tái ngộ ở Viên	600
VIII. Mao Trạch Đông chia ba thế giới	614

Chương X

I. Vị khách bí ẩn của Điều ngư đài	618
II. Bản thông cáo làm thế giới kinh ngạc	624
III. Pari Bí mật chỉ ba người biết	631
IV. Mao Trạch Đông cử “Ông lớn Kiều” đi làm đại sứ ở Liên Hợp Quốc	637
V. Vị nguyên thủ phương Tây đầu tiên trong lầu nguyên thủ	646
VI. Toàn thế giới đổ dồn con mắt vào Điều ngư đài	651
VII. Công bố “Thông cáo chung”	660

Chương XI

I. Thuận gió giương buồm	666
II. Cuộc “tiếp xúc” mới giữa Đài Loan - Liên Xô	675
III. “Dương đông kích tây” và chuyển tại họa đi	685
IV. Trung Quốc và Hoa Kỳ thiết lập quan hệ ngoại giao.	690
V. Vị đại sứ đầu tiên của Trung Quốc ở Mỹ	697
VI. Phó Thủ tướng Trung Quốc được đón tiếp với nghi lễ cao nhất của Hoa Kỳ	703

Chương XII

I. Mỹ-Xô ký hiệp ước Viên	713
II. “Nữ thần báo thù” hành động	726
III. Tập kích đường không vào Libi	738
IV. Cờ ký “Pháp lệnh về quan hệ với Đài Loan”	754
V. “Thông cáo chung 1718” ra đời	761

Chương XIII

I. Rigid năm lần gặp Góócbachốp	765
II. “Ngoại giao tang lễ”	775
III. Gặp gỡ cấp cao Trung - Xô	787
IV. Một mùa đông sôi động, Beccơ đi thăm Liên Xô.	795
V. Quan hệ Trung - Xô phát triển nhanh chóng	800
VI. Mỹ - Xô tranh quyền ở Vùng Vịnh	803

Chương XIV

I. Bức tường Beclin sụp đổ	842
II. Liên Xô vì sao giải thể	848

III. Trọng lượng của Trung Quốc	854
IV. Trung Quốc - Hàn Quốc thiết lập quan hệ ngoại giao	856
V. Đội quân "Việt Nam" đầu tiên của Trung Quốc	862
VI. Thủ tướng Đức Henmút Kôn thăm Trung Quốc	881
VII. Tranh cãi về vấn đề hạt nhân giữa Mỹ và Triều Tiên	896

Chương XV

I. Chiến lược ngoại giao của nước Nga thay đổi.	906
II. Cuộc hành trình tới Bắc Kinh của ông Enxin	916
III. Trung - Nga mở cửa biên giới	922

Chương XVI

I. Quan hệ Trung - Mỹ lại lâm vào tình trạng bế tắc	926
II. "Sự kiện lạc đạn Pakixtan"	930
III. Đấu đũa sự kiện tàu "Ngân Hà"	932
IV. Sự kiện chạm trán của hải quân Trung - Mỹ trên biển Hàng hải.	934
V. Cuộc đàm phán về quyền sản nghiệp Trung - Mỹ lộ rõ chân tướng	937
VI. Cuộc đàm phán phục quan mắc kẹt nội tình	950
VII. Mượn cố nhân quyền chống Trung Quốc	964

Chương XVII

I. Màn kịch Lý Đăng Huy đi thăm Mỹ	977
------------------------------------	-----

Chương XVIII

I. Nước Mỹ nhòm ngó Tây Tạng từ lâu	986
II. Quân giải phóng nhân dân tiến vào Tây Tạng	995
III. Phật sống cách đạt bị hãm hại	1005
IV. Giải phóng Xương Đô	1007
V. Ký kết hiệp nghị hoà bình giải phóng Tây Tạng	1016
VI. Nguồn lửa ác tà	1026
VII. Mao Trạch Đông gặp Đạt Lai, Ban Thiền	1038
VIII. Ngọn lửa ác lan toả	1048

Chương XIX

I. Để cho thế giới tiến tới hoà bình	1065
II. Động thái hạt nhân mới nhất của nước Mỹ	1072

Chương XX

I. Mở ra bức màn đàm phán	1088
II. Đặng Tiểu Bình hội đàm với người "đàn bà thép"	1098
III. Con đường trở về đầy mưa gió	1105
IV. Mỹ nhúng tay vào công việc Hồng Kông	1110
V. Dự định xây dựng khu hành chính đặc biệt	1117

Chương XXI

I. Tăng cường đồng minh Mỹ - Nhật	1123
-----------------------------------	------

Chương XXII

I. Cuộc chiến thương mại Trung - Mỹ	1126
II. Quan hệ Trung - Nga kiểu mới	1130
III. Bất đồng giữa Nga và Mỹ về vấn đề BOSNIA	1135

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

62 Bà Triệu, Hà Nội - ĐT (8404) 8229413. Fax: 04.8229078

CN: 270 Nguyễn Đình Chiểu - Quận III, TP Hồ Chí Minh - ĐT: (08) 8222262

TRUNG - XÔ - MỸ

CUỘC ĐỐI ĐẦU LỊCH SỬ

Chịu trách nhiệm xuất bản:

MAI THỜI CHÍNH

BIÊN TẬP: KHÁNH VÂN

BÌA: TRỌNG KIẾN

TRÌNH BÀY: QUỐC ĐẠI

In 800 cuốn. Khổ 16 x 24 cm. Tại Công ty in Nguyễn Lâm.

Giấy đăng ký kế hoạch xuất bản số: 253-2008/CXB/896-08/TN

In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2008.